# Từ Điển Thiền Tông Hán Việt (Hân Mẫn và Thông Thiền biên dịch)

*Từ điển — tra cứu lẻ*

PL. 2544–2001

TỪ ĐIỂN THIỀN TÔNG
HÁN-VIỆT

(CHÌA KHÓA THIỀN TẠNG)
HÂN MẪN & THÔNG THIỀN BIÊN DỊCH

CHỨNG MINH Hòa thượng Thích Thanh Từ

CỐ VẤN CÔNG TRÌNH
Thượng tọa Thích Đắc Pháp
Thượng tọa Thích Đắc Giác
Đại đức Thích Phước Cẩn
Cư sĩ Định Huệ
Cư sĩ Lê Chí Hùng
MỤC LỤC
Lời đầu sách.
Thể lệ chung.
Chính văn
Chỉ mục:
Thuật ngữ
Nhân danh
Địa danh
Tác phẩm
Thư mục tham khảo
Lược đồ sử II Trung Quốc
Lược đồ sử II Việt Nam
LỜI TỰA

Thiền tông – Căn cứ vào lịch sử hình thành và phát triển của nó, bằng vào rất nhiều truyền thuyết sinh động và thiền ngữ kì dị tuyệt vời, cộng với ảnh hưởng dài lâu sâu sắc của nó đối với văn hóa Đông phương, cùng sự xâm nhập không ngừng của nó vào nền văn hóa Tây phương hiện nay đã tạo thành một thế giới Thiền sâu xa và rộng lớn. Trong thế giới thiền ấy, có lúc như hoa đỏ liễu xanh (Hoa hồng liễu lục), mắt ngang mũi dọc (Tỵ thụ nhãn hoành) rất phổ thông, rất bình thường; đôi khi như bụi hồng đáy biển (Hải để hồng trần), tuyết trắng trong lửa (Hỏa trung bạch tuyết) thật đặc biệt, thật lạ lùng khiến mọi người vừa sợ vừa ngờ. Thiền quả là cao xa khó hiểu nhưng lại gần gũi giản dị, vừa bình thường thực tế vừa siêu hình thần bí, khó nắm bắt, không thể nghĩ

bàn, đầy ắp những câu đố khó hiểu. Song càng khó hiểu càng gợi cho người đọc, người nghe bao niềm say mê, bao nỗi thắc mắc.... Nhằm giải đáp những thắc mắc đó và đáp ứng yêu cầu của số đông độc giả về một quyển sách công cụ thực dụng cho việc nghiên cứu, cho những ai muốn đọc và hiểu được các sách vở Thiền tông bằng chữ Hán, chúng tôi cho ra đời quyển Từ điển Thiền tông Hán-Việt này. Trong khi soạn dịch, chủ yếu chúng tôi dựa vào quyển Thiền Tông Từ Điển nguyên tác Hán văn do Viên Tân chủ biên. Riêng ⅓ số mục từ thuộc phần thuật ngữ, chúng tôi chọn lấy định nghĩa của sách trên rồi thay phần thí dụ trích dẫn của sách thiền Trung Quốc bằng các đoạn trong văn bản Thiền tông Việt Nam, mục đích giới thiệu các tác phẩm Thiền tông của các bậc tiền bối nước ta không hề thua kém của nước người. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo một số tài liệu khác có liệt kê phía sau sách này. Trước hết chúng tôi xin thành kính tri ân quý Hòa thượng, Thượng tọa đã dày công dạy dỗ, dẫn dắt chúng tôi và đặc biệt ghi ân quý vị học giả, giáo sư của các sách chúng tôi tham khảo. Thứ đến, trong quá trình biên dịch, chúng tôi nhận được sự giúp đỡ tích cực của Đại đức Nguyên Chơn, Nhuận Châu, Sư cô Hạnh Huệ, cư sĩ Định Huệ đã đọc và chữa bản thảo; cư sĩ Đỗ Quốc Bảo đã hỗ trợ về mặt kỹ thuật, chế bản chữ Hán rất công phu trong quyển sách này; nhân đây chúng tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn thật chân thành. Do tính phức tạp của thuật ngữ Thiền tông trong các tác phẩm chữ Hán về văn học Thiền, do điều kiện biên dịch và khả năng của dịch giả còn có hạn, Từ Điển Thiền Tông Hán-Việt khó tránh khỏi những sơ suất này hay khác. Với lòng biết ơn sâu sắc, chúng tôi mong muốn quý độc giả cao minh chỉ giáo để sách này trong lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Hân Mẫn – Thông Thiền Kính ghi

LỜI TỰA

THỂ LỆ CHUNG I. NỘI DUNG: Sách này gồm có 5 phần: 1. Thuật ngữ: Trên 1.000 mục từ, bao gồm các loại: — Các thiền lâm phương ngữ: Văn toản thiết ngưu, Bả kế đầu nha, Đạc lạc toản... — Các điển cố ngữ: Mạc-da kiếm, Hoàng diện lão tử, Một huyền cầm... — Các khẩu ngữ của Thiền sư: dũ ma, tác ma sinh, di, đốt, khả trung, ni. — Các thành ngữ của dân gian Trung Quốc được Thiền sư thường sử dụng: Tác tặc nhân tâm hư, Lưỡng thái nhất tái, Nhất bão vong bách cơ.. — Các Hành nghiệp ngữ (ngôn ngữ trong nghề): Hắc tất dũng, Ha Phật mạ Tổ, Mại tử miêu đầu, Pháp khí, Pháp hiệu, Điển tọa, Tạng chủ, Thái đầu, Tổ ấn trùng quang... 2. Nhân danh: Mở đầu ghi rõ mục từ thuộc loại nào: Thiền tăng, cư sĩ, học giả... 3. Địa danh: Mở đầu ghi rõ mục từ thuộc loại nào: Chùa, tháp, núi... chỉ chọn những địa danh thường gặp trong sách Thiền thuộc đời Đường, Tống, Trung Quốc và những ngôi chùa Việt Nam do các vị Thiền sư đắc đạo xây cất hoặc trụ trì 4. Tác phẩm: Mở đầu ghi rõ mục từ thuộc loại nào: đăng lục, ngữ lục, bút ký, nghị luận, thi ca, sơn chí. 5. Phụ lục: 11 đồ biểu về pháp hệ Thiền tông Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản trong đó có 4 đồ biểu liên hệ đến Thiền tông Việt Nam. Bốn phần trên được xếp xen lẫn nhau theo thứ tự A, B, C... còn phần phụ lục được để riêng. Như thế, Từ Điển Thiền tông Hán Việt tính chung có khoảng 5000 mục từ và những mục từ nào thuộc thuật ngữ trích dẫn thơ, hoặc thuộc về ngữ pháp, thí dụ như những hư tự: HẢO, HOÀN, KHỨ, SINH... sẽ có kèm Hán âm trong phần trích dẫn. II. CÁCH TRÌNH BÀY: Các

mục từ được xếp theo thứ tự mẫu tự tiếng Việt: A, B, C, C, D, Đ, G, H, K, L, M, N, Ô, P, Q, S, T, U, V, X, Y. Dấu giọng theo bộ ký tự tiếng Việt: Ngang, sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng. Mỗi một mục từ được trình bày như sau: — Tên mục từ bằng âm Hán Việt, kèm chữ Hán phồn thể. — Còn gọi: Tức là các từ đồng nghĩa. — Phần định nghĩa — Phần giải thích — Phần thí dụ

LỜI TỰA — Theo: Liệt kê tài liệu tham khảo dẫn chứng (Phần lớn các mục từ không nêu phần này là căn cứ vào Thiền Tông Từ Điển của nhóm Viên Tân). — Xem: Mời xem các mục từ có liên quan. III. KÝ HIỆU: (Đại 48, 113 trung): Đại Tạng tập 48, trang 113 phần giữa. (Vạn Tục 148, 256 hạ): Tục Tạng chữ tập 148, trang 256 phần dưới. » «: Phần trích dẫn bằng Hán âm (): Lời bình của các Thiền sư xen kẽ trong các đoạn văn được trích dẫn. (...): Lược bỏ khoảng giữa. » «: Phần Việt dịch các đoạn văn được trích dẫn. Thí dụ: NHẤT CÚ ĐẠO TẬN Chỉ cần dùng một câu mà thông suốt được cốt tủy của Phật pháp. Tắc 76, Bích Nham lục (Đại 48, 203 trung) ghi: » (
) – Bảo Phúc nói: Người cho, người nhận cả hai đều mù (Theo mệnh lệnh mà thi hành, chỉ cần nghe một câu mà thông suốt cốt tủy Phật pháp, ít gặp được người như thế)«. Trong một thuật ngữ của Thiền sư dùng thường có 2 nghĩa: — Nghĩa đen, tức nghĩa bình thường của thành ngữ mà mọi người dân Trung Quốc đều có thể hiểu. — Nghĩa bóng, tức là nghĩa hợp với ý của Thiền sư muốn nói. — Tùy trường hợp, trong phần Việt dịch của phần trích dẫn, chúng tôi có khi dùng nghĩa bóng để phù hợp với văn cảnh. Thí dụ: 1. Nghĩa đen: DŨNG ĐỂ THOÁT Cái thùng bị lủng đáy. (Nghĩa đen) Thiền tông mượn từ này để chỉ cho trạng thái không còn mảy may nghi hoặc, không lưu lại bất cứ vật nào trong tâm. (Nghĩa bóng) Tắc 22, Bích Nham lục (Đại 48, 162 hạ) ghi: » –
Về sau, ta đến Đức Sơn hỏi: Việc trong Tông thừa xưa kia, người học có phần chăng? Sơn đánh cho một gậy, bảo: Nói cái gì? Lúc ấy ta như thùng lủng đáy«. 2. Nghĩa bóng: BÁT THẢO CHIÊM PHONG Vạch cỏ đón gió. (Nghĩa đen)

LỜI TỰA

Thiền tông mượn từ này để chỉ cho việc đoạn trừ vọng tưởng, tham cứu đến chỗ huyền diệu. (Nghĩa bóng)

Động Sơn ngữ lục (Đại 47, 507 trung) ghi: »

– Ngươi đi đến Lễ Lăng ở huyện

Du, nơi các thất đá liền nhau có một đạo nhân tên Vân Nham. Nếu người trừ được vọng tưởng, tham cứu đến chỗ huyền diệu, chắc chắn sẽ được y ta quý trọng.«

— Ngoài ra, các thuật ngữ Hán Việt đồng nghĩa được giải thích qua một thuật ngữ mà soạn giả cho là tiêu biểu nhất, sẽ được xếp trong phần còn gọi.

Thí dụ:

THÂN TÂM NHẤT NHƯ

Còn gọi: Sắc tâm bất nhị, Tính tướng bất nhị.

IV. VIẾT TẮT:

Tên tác phẩm:

— CĐTĐL: Cảnh Đức Truyền Đăng lục

— CTTNL: Cổ tôn túc ngữ lục
— ĐQMT: Đại quang minh tạng
— DTNL: Duy Tắc ngữ lục
— GTPĐL: Gia Thái Phổ Đăng lục
— HĐNL: Hư Đường ngữ lục
— HSLNMDT: Hám Sơn Lão Nhân Mộng Du tập
— KTTQTĐL: Kiến trung tịnh quốc tục đăng lục
— LĐHY: Liên Đăng Hội Yếu
— LSPGĐT: Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong
— MANL: Mật Am ngữ lục
— MBTL: Minh Bản Tạp lục
— MGNL: Minh Giác ngữ lục
— NĐHN: Ngũ Đăng Hội Nguyên
— NGCTT: Ngũ Gia Chính Tông Tán
— NHQL: Nguyên Hiền quảng lục
— NLNL: Nguyên Lai ngữ lục
— NTNL: Như Tịnh ngữ lục
— PDNL: Pháp Diễn ngữ lục
— PDNL: Phần Dương ngữ lục
— PKNL: Phạm Kỳ ngữ lục
— PQĐTĐ: Phật Quang Đại Từ Điển
— TBCTT: Tăng Bảo Chính Tục truyện
— TLTBT: Thiền Lâm Tăng Bảo truyện.
— ThQST: Thiền Quan Sách Tiến
— TĐT: Tổ Đường tập
— TCTT: Tống Cao Tăng truyện
— TTĐL: Tục Truyền Đăng lục
— ThMMBTSTL: Thiên Mục Minh Bản Thiền sư tạp lục
— VHVNTH 1989-1995: Văn hóa Việt Nam Tổng Hợp 1989-1995
Chữ viết tắt:
— k. ng.: khẩu ngữ
— X.: xem.
CHÍNH VĂN

trong »Trung Hoa Ngũ Sơn«. Niên hiệu Đại Khang thứ 3 (282) đời Tấn, Lưu Tát Ha (pháp danh Huệ Đạt) được một tháp xá- A lợi ở nơi đây, tương truyền là một trong 84. 000 tháp do vua A-dục xây cất, bên trong A A A! chứa di cốt của Phật Thích-ca sau khi niết bàn. Lưu Tát Ha xây cất tinh xá ngay chỗ A ha ha! Thán từ thường được dùng trong có bảo tháp để tu trì hành đạo. Niên hiệu thiền ngữ. Tiết Lang Nha Vĩnh Khởi Thiền Nghĩa Hy thứ 1 (405) đời Đông Tấn xây sư trong NĐHN q. 19 ghi: »

tháp đình để cung phụng bảo tháp. Niên hiệu Nguyên Gia thứ 2 (425) đời Lưu – Sư thượng đường Tống, tăng nhân đạo hữu xây cất thêm điện lặng lẽ hồi lâu rồi vỗ tay một cái, nói: Ối vũ. nay Niên hiệu Phổ Thông thứ 3 (522) chà chà! Ối chà chà! Có lãnh hội chăng? đời Lương vua ban tấm biển »A-dục Hết thảy các pháp xưa nay vẫn là pháp«. Vương Tự«. Vốn là Luật viện, niên hiệu A DA HẠ HÀM Đại Trung Tường Phù thứ 1 (1008) đời Còn gọi: A gia hạ hàm. Vốn chỉ xương Tống, vua Tống Chân Tông ban cho tấm hàm dưới của cha. Hình dáng yên lừa biển »Quảng Lợi Thiền Tự« liền trở thành giống như cây cầu, cho nên gọi là cầu yên. Thiền tự. Niên hiệu Hồng Vũ thứ 15 Đứa con ngu si khi đi tìm hài cốt của cha (1382) đời Minh, đặt tên là »Dục Vương chết nơi chiến trường, nhận lầm cái cầu Thiền Tự«, tục gọi là »A-dục Vương Tự«. yên lừa cho là xương hàm dưới của cha Từ trăm ngàn năm, chùa này được sự sùng mình, rồi cẩn thận mang về. Mẫu chuyện bái của rất nhiều vua chúa và sự hộ trì các này về sau trở thành từ ngữ để mắng người bậc cao tăng. Vua Tống Cao Tông đích ngu si, không phân biệt được chân, giả. thân viết »Phật Đảnh Quang Minh Chi Tắc 78, Thung Dung lục (Đại 48, 252 Tháp«, vua Tống Hiếu Tông viết »Diệu trung) ghi: » Thắng Chi Điện«. Tô Đông Pha làm văn bia về Thần Khuê Các trong chùa, bia – Nhận giặc là con, cho dựng bên điện Xá-lợi. Thời vua Tống Anh tớ là chủ. Nhận lầm cái gáo bể là đầu lâu Tông (1064-1067) Đại Giác Hoài Liễn trụ của tổ tiên, cái cầu yên lừa là hàm dưới trì chùa này, nêu cao tông phong, sau đó của cha mình«. kinh qua sự tổ chức của các vị Thiền sư như Tông Cảo, Giới Kham, Đức Quang, A-DỤC VƯƠNG TỰ Sư Phạm đạo tràng Lâm Tế hưng thịnh Chùa nằm ở trấn Bảo Tràng, huyện Ngân, một thời. Kiến trúc chủ yếu của A-dục thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, Vương Tự có Xá-lợi điện, Đại hùng bảo Trung Quốc. Bởi trong chùa có cất giữ xá- điện, Thần khuê các, Vân thủy đường, lợi Phật Thích-ca và bảo tháp xá-lợi xinh Tàng kinh lâu hơn 600 gian. Điện vũ trong xắn tinh vi cho nên nổi tiếng trong ngoài, chùa hùng vĩ, khí thế nguy nga, mái cong là chùa Thiền tông nổi tiếng, còn là một cao vút, lưu ly che đỉnh xanh vàng rực rỡ.

A-DỤC VƯƠNG TỰ THÁP Xung quanh chùa núi non trùng điệp, tùng Long môn bị điểm trán« bách cao vút, quang cảnh núi sông làm nổi bật ngôi cổ sát ngàn năm. A LỘC LỘC ĐỊA Chữ Lộc cũng viết . 1. Trạng thái tự do A-DỤC VƯƠNG TỰ THÁP tự tại. Tắc 53, Bích Nham lục q. 6 ghi: » Tháp ở phía tây chùa A-dục Vương thuộc trấn Bảo Tràng, huyện Ngân, thành phố – ›Vừa rồi tôi khóc, bây giờ lại cười‹. Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Xem ông ta (Bách Trượng) sau khi ngộ tự Được xây cất vào đời Đường, được xây lại do tự tại, không ai khống chế được, tự vào niên hiệu Chí Chính thứ 25 (1365) đời nhiên linh hoạt«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Nguyên. Tháp làm bằng gạch cao 36m, Từ Di. hình lục giác bảy tầng theo kiểu lâu các, là 2. Trạng thái mềm và ướt, dùng để hình một kiến trúc điển hình đời Nguyên. Mỗi dung thiền tăng căn cơ chậm lụt. Tiết Bảo tầng đều có khám thờ tượng Phật đắp trên Phong Khắc Văn Thiền sư trong NĐHN q. vách, hiện nay không còn nữa. Trong tháp 17 ghi: » có đường đi lên đỉnh tháp. Một tòa trên núi – Các gọi là »Thượng tháp«, một tòa dưới núi gọi vị tôn túc môn hạ Mã Tổ, ai nấy cũng chậm là »Hạ tháp«. Hai tòa này đứng cao vút

lụt, chỉ có Quy Tông là khá hơn một chút«. giữa rừng rậm trúc dài cùng núi non xinh Theo: TTTĐ của nhóm Viên Tân. đẹp, điện vũ nguy nga tạo thành một quang cảnh tùng lâm của cổ sát hạng nhất Nam A SƯ Quốc. Tiếng thân thiết để gọi một vị tăng. A là phát ngữ từ (từ đầu). Tiết Đạo Nhất, đời A GIÁC NỮ thứ 2 dưới Đại Giám trong CTTNL q. 1 Cô con gái nhỏ tuổi. Chữ a () còn đọc là ghi: » – Sư bảo: nha có nghĩa là xòe ra thành hai góc. A Cái ông tăng chậm lụt này!« giác chỉ tóc các cô gái còn nhỏ tuổi tết thành hai trái đào trông như hai cái sừng. A THỈ TỐNG NIỆU Tiểu truyện Thiền sư Giác Hải trong Khi đi tiêu gọi là a thỉ, đi tiểu gọi là tống TUTA ghi: niệu. Lâm Tế Huệ Chiếu Thiền sư ngữ lục (Đại 47, 458 thượng) ghi: » A giác nữ đầu bạch – Đi tiêu đi tiểu, mặc Báo nhĩ tác giả thức áo ăn cơm, mệt mỏi thì nằm nghỉ, kẻ ngu Nhược vấn Phật cảnh giới cười ta, người trí biết ta«. Long môn tao điểm ngạch Đây là thuật ngữ thường dùng trong nhà »Bé gái đầu bạc phơ Thiền để biểu thị mọi sinh hoạt hàng ngày Bảo khách thiền kiệt xuất đều là việc làm của Phật, hạnh của Phật. Cảnh giới Phật hỏi bàn Lâm Gian lục, q. thượng (Vạn Tục 148,

AI TẠT 301 thượng) ghi: » ghi: »

– – Từ Minh mắng rằng: Mặc áo ăn Vị Thủ tọa lên thiền đường thắp nhang, cơm chẳng phải là cứu cánh, đi tiêu đi tiểu khua hộp nhang phát ra tiếng, thình lình chẳng phải là cứu cánh«. ông ›ồ‹ lên một tiếng, biết ra được chính mình.« Á 1. Thuật ngữ này được dùng trong trường Á TỬ ĐẮC MỘNG hợp người học tuy muốn biểu hiện sở đắc Còn gọi: Á tử khiết hoàng liên, Á tử khiết của riêng mình, nhưng khi ấy tận cùng khổ qua, lãnh noãn tự tri. Vốn có nghĩa là ngôn ngữ cũng không cách gì biểu đạt; người câm chẳng thể đem cảnh chiêm bao hoặc là thuật ngữ dùng để biểu thị chân lý của mình kể cho người khác nghe. Thiền Phật pháp mà không dùng lời nói. Phần tông dùng thuật ngữ này để chỉ cho cảnh Khám Biện trong Lâm Tế lục (Đại 47, 504 giới thể ngộ của người học, cảnh giới này thượng) ghi: » không thể dùng lời nói để nói với kẻ khác. Trong Vô Môn Quan, Thiền sư Vô Môn – Sư hỏi Hạnh Sơn: ›Thế nào là con phê bình rằng (Đại 48, 293 thượng): » trâu trắng sờ sờ?‹ Sơn đáp: ›Hồng! Hồng!‹ Sư nói: ›Á‹«. 2. Biểu thị tiếng cười, tiếng quạ kêu, còn gọi: Á á. Tắc 14, Bích Nham lục (Đại 48, l54 hạ) ghi: » – Hãy tham chữ Vô, ngày đêm đề – khởi, chớ có hiểu như hư vô, chớ có hiểu Dưới cội Diêm Phù cười ha hả, đêm trước như hữu vô, giống như người nuốt phải rồng đen bị gãy sừng. (Chẳng phải cấm một hoàn sắt nóng muốn mửa ra cũng rồng đen gãy sừng, có ai thấy chăng? Có chẳng được. Quét sạch các ác tri ác giác chứng minh được chăng? Á!)«. từ trước, lâu ngày thuần thục, tự nhiên trong ngoài kết thành một khối, như người Á (HỌA) câm nằm mộng, chỉ tự biết mà thôi«. Chỉ cho tiếng kéo thuyền hoặc tiếng la lên Bởi vì đây là biểu thị lấy tâm truyền tâm, ý khi tìm được món đồ rơi mất. Trong nhà thức và lời nói chẳng đạt đến được. Thiền dùng để chỉ tiếng »Ồ« khi hốt nhiên đại ngộ. Điều Trường Sa Cảnh Sầm trong AI TẠT Thiền tông Cổ Tụng Liên Châu Thông tập »Ai« là đẩy mạnh, »Tạt« nghĩa là đẩy. q. 16 (Vạn Tục 115, 96 hạ) ghi: » Thiền tông

dùng từ này để chỉ cho việc dùng ngôn ngữ và động tác nặng nhẹ để – Ông dùng như thế nào?‹ Sư thộp ngực thử nghiệm lẫn nhau giữa Thiền sư và đạp cho một đạp. Sơn nói: ›Ồ!‹«. người học đạo. Phần lời dẫn trong tắc 23 Thiền Quan Sách Tiến (Đại 48, 1099 hạ) của Bích Nham lục q. 3 (Đại 48, 164

ẢI TỬ KHÁN HÝ, TÙY NHÂN THƯỢNG HẠ thượng) ghi: » vỗ tay tán thưởng, ba mươi năm sau vẫn còn buồn cười mãi. Thử hỏi cười cái gì? Cười mây trắng ngàn dặm«.

AM – Lấy lửa thử ngọc, Ngôi nhà nhỏ để thờ Phật, thường có một lấy đá thử vàng, dùng lông thử kiếm, dùng hai vị tăng ở ẩn tu. Từ kết hợp đứng sau gậy dò nước. Còn như đối với thiền tăng danh từ để tạo thành tên gọi chỗ ở của các dùng một lời một câu, một cơ một cảnh, Thiền sư. một ra một vào, một xô một đẩy, muốn Bạch Am: x. Vạn Kim thấy sâu cạn, mặt trái mặt phải của y thì Bàn Am: x. Kế Thành phải lấy cái gì để khám nghiệm đây? Xin Biệt Am: x. Tính Thống thử nêu ra xem!« Bồ Am: x. Lai Phục Phần giải thích cũng trong tắc này (Đại 48, Bồng Am: x. Đức Hội 164 trung) ghi: » Cập Am: x. Tông Tín Cụ Am: x. Như Tỵ Chỉ Am: x. Đức Tường – Bảo Phúc, Trường Khánh, Chiếu Am: x. Tông Tĩnh Cảnh Thanh đều là những vị kế thừa Tuyết Dị Am: x. Như Thông Phong. Ba người đồng đắc đồng chứng, Độc Am: x. Tự Minh đồng kiến đồng văn, đồng niêm đồng dụng, Giác Am: x. Tông Diệu một ra một vào thay nhau khám nghiệm«. Giới Am : x. 1. Phụ Lương; 2. Ngộ Tiến Giản Am: x. Sư Trách ẢI TỬ KHÁN HÝ, TÙY NHÂN Hoặc Am: x. Sư Thể THƯỢNG HẠ Hối Am: x. 1. Di Quang; 2. Huệ Quang Người lùn đi xem hát, chẳng trông thấy gì Hưu Am : x. Khả Thọ nhưng cũng bắt chước người khác vỗ tay Lại Am: x. Đỉnh Nhu tán thưởng, dụ chỉ người tu thiền pháp Liễu Am: x. Thanh Dục nhãn chẳng sáng, chỉ làm theo người khác Luân Am: x. Văn Quả một cách máy móc, còn bị người ta khống Mật Am: x. Hàm Kiệt chế. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » Mộc Am: x. Tính Thao Mông Am: x. Nguyên Thông Mục Am: x. Pháp Trung Nam Am: x. Đại Y Ngẫu Am: x. Chân Diễn – Chợt có một vị tăng bước ra Ngoan Am: x. Đắc Thăng nói: Thưa trưởng lão, ông nói thế ấy cũng Ngốc Am: x. Phổ Trang là mây trắng ngàn dặm! Lời nói này còn Ngu Am: x. 1. Trí Cập; 2. Minh Vu gọi là người lùn đi xem hát, chẳng trông Nhất Am: x. Nhất Như thấy gì nhưng cũng bắt chước người khác Nhật Am: x. Đàm Húc

AN THIỀN (?-?) Nhược Am: x. Thông Vấn Sư hành hóa ở đất Bắc, hoặc là chốn thành Phùng Am: x. Đoan Dụ thị, hoặc là nơi gò mả, lắc một cái linh Suất Am: x. Phạm Tông nói: Chỗ sáng đến thì đánh bên chỗ sáng, Tây Am: x. Đàm Ngạc chỗ tối đến thì đánh bên chỗ tối, tám mặt Thả Am: x. Thủ Nhân đến thì xoay vần mà đánh, hư không đến Thúc Am: x. Chính Nham thì đánh cả hư không«. Thủy Am: x. 1. Sư Nhất; 2. Thủ Quí Thử Am: x. Cảnh Nguyên AN BAN THỦ Ý KINH Tiếu Am: x. Liễu Ngộ Kinh căn bản của Thiền tông, do An Thế Tịnh Am: x. Trí Tố Cao dịch từ Phạn ra Hán, Trần Tuệ chú Triệt Am: x. Đạo Nguyên giải, thiền tăng Khương Tăng Hội (?-280) Trúc Am: x. 1. Sĩ Khuê; 2. Hoài Vị; 3. Khả bổ túc và viết bài tựa. Đây là một trong Túc Am: x. Trí Giám những bộ kinh Phật được chú giải đầu tiên Tuyết Am: x. Tùng Cẩn ở Giao Chỉ trong thời

Phật giáo mới du Tức Am: x. Đạt Quán nhập vào Việt Nam. Nội dung dạy cách tọa Quán thiền đếm hơi thở, quán niệm hơi thở để giữ tâm ý không bị tán loạn. Ứng Am: x. Đàm Hoa Vạn Am: x. Đạo Nhan AN LẠC ĐƯỜNG Văn Am: x. Tự Tông Nhà để dành riêng cho các vị tăng già yếu Vân Am: x. Khắc Văn trong các chùa thời xưa. Viên Am: x. Cư Đảnh Vũ Am: x. Tổ Uyên AN LĂNG NGHIÊM Y Am: x. Hữu Quyền. Thiền tăng Ngộ An đời Tống, thường xem kinh Thủ Lăng Nghiêm nên được người đời ÁM CHỨNG THIỀN SƯ gọi là An Lăng Nghiêm. X. Ngộ An. Còn gọi: Manh thiền giả, Ám thiền Tỳ kheo. Là lời chế giễu thiền giả của các tông AN ỔN TỰ phái ngoài Thiền tông như Giáo môn X. Tĩnh Cư tự chẳng hạn, nhất là chỉ các vị thiền sinh ưa chấp trước thiền định, không nghiên cứuAN TÂM giáo pháp, hiểu biết lờ mờ, lại kiêu mạn tự Có ý, cố tình. Hám Sơn Lão Nhân Mộng cho mình là đúng. Du tập, q. 2 ghi: »
ÁM ĐẦU – Nếu cố tình trước cầu diệu quả, tức Trong bóng
tối, chỗ tối tăm. Tiết Trấn có tâm mong cầu chính là cội rễ sinh tử, Châu Phổ Hóa Hòa thượng trong NĐHN q. chướng ngại chính tri kiến.« 4 ghi: »
AN THIỀN (?-?) Còn gọi: Hòa thượng Phúc
Điền. Thiền – tăng đời Nguyễn, thuộc tông Lâm Tế đời

AN TRƯỚC thứ 42, họ Võ, quê ở Sơn Minh (Hà Nội), trui qua luyện lại ngàn muôn lần, hết sức Việt Nam. Sư hoằng hóa ở chùa Đại Giác sạch sẽ thì mới nhảy ra được.« trên núi Đồ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Sư biên soạn, chú giải, dịch nôm và ấn tống các tác ÁI TRƯỚC phẩm: Đạo Giáo Nguyên Lưu, Đại Nam Nổi bật, vẻ vang (thanh danh). Tiết Sở Thiền Uyển Truyền Đăng tập lục, Sa-di Thạch Hòa thượng hành trạng trong PKNL Luật Nghi Giải Nghĩa, Thiền Gia Kinh Chú q. 20 ghi: » Các Khoản,
Thiền Uyển Truyền Đăng lục, Thiền Lâm Bảo Huấn Quốc Âm
Bản, Kế – Khi ấy (Phạm Kỳ) phong thái Đăng lục (in năm 1859). sáng rực, tiếng tăm vẻ vang, những bậc thiền đức của các danh sơn ở vùng Lưỡng AN TRƯỚC Chiết tranh nhau muốn thu nhận sư về Sắp đặt, xếp gọn. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: dưới tòa mình.« » ÁN HẮC ĐẬU – Mười
phương trống hoang hoác, Án: ăn cơm bốc (tay) hoặc ngậm cơm toàn thể bày rõ ràng, tham sân si từ nơi trong miệng. Hắc Đậu: đậu đen, chỉ cho đâu đến được? Giới định huệ nhằm chỗ văn tự. Thiền tông dùng từ này để trách nào sắp đặt?«. người chỉ căn cứ vào văn tự của kinh điển để lý giải mà lơ là chân ý bao hàm bên AN Ý trong. Yên lòng, yên trí, yên tâm. Nguyên Hiền quảng lục q. 30 ghi: » ÁP LƯƠNG VI TIỆN
Còn gọi: Yếm lương vi tiện. Ép tốt thành
– xấu. Thiền tông dùng cụm từ này dụ cho Lẽ thường tình của con người là thích việc chẳng có thể giúp cho người học chân buông lung mà sợ kiềm chế, lại còn chẳng tham thật ngộ mà còn khiến cho họ tu hành chịu yên lòng ở đây, nên luật học vốn rất tạp hạnh của phàm phu. Tắc 6, Vô Môn dễ trái lại trở thành rất khó.« Quan (Đại 48, 293 hạ) ghi: » ÁC THỦ ĐOẠN – Lão Cồ-
Chỉ thủ đoạn hiểm ác, dữ dội của thiền sư đàm mặt vàng không coi ai ra chi, ép tốt cao minh khi tiếp dẫn người học. Khai thị thành xấu, treo đầu dê bán thịt chó, tưởng thiền nhân Bỉnh trong MANL ghi: » đâu là hay lắm!«.
– Quả tình trèo non ÁT NẠI lội suối đi tìm bậc thiền sư cao minh, sẽ Ngăn cản, đè

nén. Thư Đáp Trịnh Côn cùng ông ta gây oán thù hoặc là thâm sâu Nham Trung thừa trong HSLNMDT q. 1 giao kết, chịu đựng được những trận đòn ghi: »
rất ác, chịu nổi cái vô vị trong lò rèn lớn,

ẤN CHỨNG = TRUYỀN TÂM ẤN lời nói hàm ý chê bai.
Pháp Diễn ngữ lục – Bởi q. thượng ghi: » vì tâm trôi
nổi hư vọng vốn không có gốc gác, nhất định ôm giữ chẳng nên
chấp nó là có thật, chất chứa trong lòng. Lúc nó – Vào
cửa Lâm Tế liền bị khởi lên liền quở, quở nó liền tiêu mất. hét, là tiếng khua bát? Vào cửa Đức Sơn Nhất định chớ nên đè nén, cứ theo dõi nó liền bị đánh cũng là bày vẽ lắm việc; Vân một cách tự nhiên như quan sát trái bầu Môn tam cú, Tào Động ngũ vị cũng là mở nổi trên mặt nước«. to mắt mà nằm mộng«.

ẢI SƯ THÚC ÂM KHẢ Thiền tăng Khuông Nhân sống vào đời Thiền tăng đời
Minh, họ Đặng, tự Nguyên Ngũ Đại, bởi thân thể sư lùn thấp nên bị Bạch, người xứ Vũ Cương (nay thuộc Hồ gọi là »Ải sư thúc« (Sư thúc lùn). X. Bắc) Trung Quốc. Sư nối pháp ngài Thiên Khuông Nhân. Đồng Mật Vân. Tác phẩm: Tập Viên Thông quảng sám, Lặc Đàm Huệ Sơn ngữ ẢI TỬ KHÁN HÝ, TÙY NHÂN lục và phần phụ về sự nghiệp của sư.
THƯỢNG HẠ Người lùn đi xem hát, chẳng trông thấy gì ÂN TÙY (thế
kỷ XVII) nhưng cũng bắt chước người khác vỗ tay Thiền tăng thời Trịnh Nguyễn phân tranh, tán thưởng, dụ chỉ người tu thiền pháp khai sơn chùa Vạn Thiện ở trên núi Hoàng nhãn chẳng sáng, chỉ làm theo người khác Ngưu, cạnh suối Đổ, thuộc thôn Phúc một cách máy móc, còn bị người ta khống Trạch, huyện Diên Khánh, phủ Khánh chế. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » Hòa.
ẤN CHÍNH (1617-1694) Thiền tăng đời Thanh, họ Khương,
tự Đạo Chính, hiệu Liên Nguyệt, người xứ Nhạc – Chợt có
một vị tăng bước ra Trì (nay thuộc Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư nói: Thưa trưởng lão, ông nói thế ấy cũng nối pháp Thiền sư Hải Minh ở Phá Sơn, là mây trắng ngàn dặm! Lời nói này còn tông Lâm Tế. Tác phẩm: Liên Nguyệt gọi là người lùn đi xem hát, chẳng trông Thiền sư ngữ lục 6 quyển, Ngọc Tuyền thấy gì nhưng cũng bắt chước người khác Liên Nguyệt Chính Thiền sư ngữ lục 2 vỗ tay tán thưởng, ba mươi năm sau vẫn quyển. còn buồn cười mãi. Thử hỏi cười cái gì? Cười mây trắng ngàn dặm«. ẤN CHỨNG = TRUYỀN TÂM ẤN ẢO KHÚC TÁC TRỰC Ấn là con dấu, chứng là chứng
nhận. Tâm Từ trước vốn cong queo, nay muốn uốn lại của trò đã ngộ rồi mới nhờ tâm của bậc cho thẳng; ý chỉ bày vẽ lắm việc. Đây là thầy kiến tính giám định, chứng minh cho,

ẤN GIẢN (1202-1257) giống như việc dùng con dấu đóng vào Ingen). Thiền tăng đời
Nguyên họ Đằng, giấy tờ để xác nhận nội dung thật sự của người Tương Châu, Nhật Bản. Đời Nguyên giấy tờ ấy. Tiết Hoa Tạng An Dân Thiền niên hiệu Diên Hựu thứ 5 (1318) sư vào sư trong NĐHN q. 19 ghi: » Trung Quốc, lần lượt tham học nơi Cổ
Lâm Thanh Mậu, Vô Kiến Tiên Đổ, kế
thừa Trung Phong Minh Bản và đắc pháp. – Niên hiệu Thái
Định thứ 3 (1326), sư cùng Bỗng gặp vị tăng thưa hỏi về Thập huyền với 5 người khác

như: Nguyên Hối v.v... đàm, sư mới nhân đó đặt câu hỏi: ›Tâm ấn vâng lời ngài Thanh Chuyết Trừng sang của Ngài có tướng mạo gì?‹ Viên Ngộ gắn Nhật Bản hoằng hóa. Sư từng trụ các ngôi giọng, nói: ›Văn vẻ đã bày‹. Sư nghe qua chùa lớn nổi tiếng bên Nhật. Theo phả hệ, liền có tỉnh nên cầu Viên Ngộ ấn chứng«. sư là Tổ Thiền tông đời thứ 30, Nam Tông đời thứ 25, hệ Nam Nhạc đời thứ 24, tông ẤN GIẢN (1202-1257) Lâm Tế đời thứ 20, phái Dương Kỳ đời thứ Thiền tăng sống vào khoảng đời Kim đến 13, phái Mật Am đời thứ 7, tông Lâm Tế đời Nguyên, họ Tống, tự Hải Vân, người Nhật Bản đời thứ 7. xứ Lam Cốc (nay là huyện Lam, tỉnh Sơn Tây) Trung Quốc. Sư nối pháp ngài Khánh ẤN THUẬN (1906-?) Thọ, tông Lâm Tế. Vua ban hiệu Quang Thiên Trấn Quốc Đại Sĩ. Thụy hiệu Phật Tăng nhân hiện đại, họ Trương, hiệu Nhật Viên Minh Đại Sư. Thạnh Chính, người Hải Ninh, Chiết Giang, Trung Quốc. Sư từng tham vấn các ẤN HẢI (1927-) vị: Hư Vân Hòa thượng, Từ Hàng Luật sư, Tăng nhân hiện đại, họ Lưu, hiệu Viên Tu, Thái Hư Đại sư. Sư sở trường về Trung người xứ Như Cao, Giang Tô, Trung Quán và nghiên cứu sâu về Phật giáo Quốc. Sư y chỉ với Pháp sư Từ Hàng. Tác nguyên thủy, Lịch sử Thiền tông Trung phẩm: Trung Ấn Thiền tông sử, Trung Quốc. Tác phẩm: Diệu Vân tập 24 tập. Quốc Tịnh Độ giáo lý sử, Phật Giáo Duy Tâm luận khái luận. ẤN TIỀN KHÔI KHUẾCH ẤN KHẢ Thiền sư chứng minh và thừa nhận chỗ Trước máy in rộng lớn. Thiền tông dùng NGỘ của người học thiền là đúng. cụm từ này để chỉ cho cảnh giới khoáng đạt của tự tâm, vượt ngoài ngôn ngữ văn ẤN LĂNG tự. Tắc 44, Thung Dung lục (Đại 48, 285 Pháp danh của thiền tăng Tông Ngưỡng hạ) ghi: » đời cận đại. – Dưới khung cửi dày đặc, tự có kim ẤN NGUYÊN (1295-1374) vàng (chỉ ngọc). Trước máy in rộng lớn, Gọi đủ: Cổ Tiên Ấn Nguyên, (J: Kosen vốn không có văn tự ngữ ngôn«.

BA TRUNG THỦ NGUYỆT ẤN TÔNG (627-713) Tây) Trung Quốc. Sư nối pháp La Sơn Đạo Thiền tăng đời Đường, họ Ấn, người xứ Nhàn, được Nam Đường Trung Chủ ban Ngô (nay là huyện Ngô, tỉnh Chiết Giang) hiệu »Huyền Tịch Đại Sư«. Trung Quốc. Sư học thiền nơi Ngũ tổ Hoằng Nhẫn và là người truyền giới cho ÂU ĐẠO HUỆ (?-1172) Lục tổ Huệ Năng. Tuy nhiên, sư vẫn xem Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Lục Tổ là người truyền pháp cho mình. Thông đời thứ 9, nối pháp Quốc sư Thông Tác phẩm: Tâm Yếu tập (ngữ lục của các Biện. Sư họ Âu, quê ở Chân Hộ, lộ Như bậc đạt đạo từ đời Lương đến đời Đường). Nguyệt (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), Việt Nam. Sư ở chùa Quang Minh, núi Thiên ẨN KHÔNG (thế kỷ XIII) Phúc, Tiên Du (thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày Thiền tăng đời Trần, quê ở huyện Na nay). Theo: Thiền Uyển Tập Anh. Ngạn, phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc, nên người đời gọi sư là Đại sư Na Ngạn, nối pháp Thiền sư Thần Nghi, thuộc dòng Vô Ngôn Thông đời thứ 14. B Sư đã dựa vào Nam Tông Tự Pháp Đồ và Chiếu Đối Bản để biên soạn tiếp phần đăng BA LĂNG HẠO GIÁM lục của Việt Nam, để rồi sau này một vài Thiền tăng Hạo Giám đời Ngũ Đại ở chùa Thiền sư khác tiếp tục biên soạn lại thành Tân Khai tại Ba Lăng, Nhạc Châu, người sách Thiền Uyển Tập Anh vào năm 1337. đời gọi là Ba Lăng Hạo Giám. X. Hạo Theo: Thiền Uyển Tập Anh. Giám.

ẨN NGUYÊN BA TIÊU AM CHỦ Hiệu của thiền tăng Long Kỳ đời Thanh. Thiền tăng đời Tống, tên Cốc Tuyền ở am X. Long Kỳ. Ba Tiêu, nên người đời gọi sư là

»Ba Tiêu am chủ«. X. Cốc Tuyền. ẨN NGUYÊN HÒA THƯỢNG NGỮ LỤC BA TRA X. Phổ Chiếu Quốc sư ngữ lục. Nguy nan, khốn đốn. Từ dịch âm tiếng Phạn. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng: » ẨN PHONG (?-?) – Thiền tăng đời Đường, họ Đặng, người Chớ hỏi bà mẹ chồng, khỏi khó khăn khốn huyện Thiệu Vũ (nay thuộc Phúc Kiến) đốn trên đường«. Trung Quốc. Sư nối pháp Mã Tổ Đạo Nhất thuộc hệ Nam Nhạc. BA TRUNG THỦ NGUYỆT ẨN VI (886-961) Còn gọi: Ba trung tróc nguyệt . Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Dương, người Mò trăng đáy nước; dụ chỉ hành vi hư xứ Tân Kiềm (nay là Tân Can tỉnh Giang vọng, nhọc công. Tiết Ấu Chương Thiền

BA TỰ sư trong CĐTĐL q. 20 ghi: »

»Như thế anh nhi, ngũ tướng hoàn cụ – Nếu là bọn học ngữ, chẳng tự xét Bất khứ bất lai, bất khởi bất trụ biết lỗi của mình, còn muốn tìm hoa đốm Bà bà hòa hòa, hữu cú vô cú trong hư không, mò trăng đáy nước thì có Chung bất đắc vật, ngữ vị chính cố«. tiết kiệm được tâm lực hay không?«. »Như trẻ trong nôi, năm tướng đầy đủ Chẳng đến chẳng đi, chẳng ngồi chẳng BA TỰ đứng Vốn có nghĩa là nắm chặt lỗ mũi, ẩn dụ Oa oa! Oe oe! Có câu không câu dùng sợi dây xỏ mũi dắt trâu. Nghĩa mở Rốt cuộc không nghĩa, vì chưa thành lời«. rộng là chỗ ra tay lãnh ngộ thiền pháp, cũng chỉ thiền cơ, cơ phong. Pháp Diễn BẢ BẢN TU HÀNH ngữ lục q. trung ghi: » Nghĩa là thiền tăng bởi dính kẹt vào giáo pháp mà tu hành nên chưa thể vượt lên cảnh giới khoáng đạt tự tại. Hư Đường Hòa thượng ngữ lục q. 1 (Đại 4, 997 hạ) ghi: » – Xưa nay nương tựa vào giáo pháp – Sư không dám coi thường nhân quả«. thượng đường, dộng cây gậy xuống một cái rồi giơ lên, nói: Cây gậy ơi, dám hỏi BẢ BỔNG HOÁN CẨU ngươi: Có nói được Như lai thiền chăng? Nguyên ý là cầm gậy gọi chó, đây không Sư tự đáp: Không nói được. Có nói được phải là cử chỉ bình thường mà bao hàm Tổ sư thiền chăng? Sư tự đáp: Không nói tính cách nguy hiểm là gọi lại để đánh. được. Đã không nói được thì Bạch Vân tôi Thiền tông dùng cụm từ này để chỉ bậc hôm nay sẽ đưa ra ý của mình. Đưa ra ý Thầy sử dụng cơ pháp dữ dội hiểm ác khi của mình khác nào trò đùa của con nít. Ở dẫn dắt người học. Tắc 41, Thung Dung trước trời người, tìm xem cơ phong gì?« lục (Đại 48, 254 thượng) ghi: »

– BÀ BÀ HÒA HÒA Nếu ông phân biệt được thì ta trao cho cái Oa oa, oe oe là tiếng kêu không rõ ràng của đãy đựng bát (Cầm gậy gọi chó)«. trẻ con. Thiền tông dùng từ này dụ cho ngôn hạnh của Như Lai không thiên lệch. BẢ CHÂM Thuật ngữ này đồng nghĩa với từ »Anh Nhi May vá áo quần. Trong tùng lâm thời xưa, Hạnh« trong Kinh Niết-bàn 18 (bản Nam). tăng chúng thường tự may vá pháp phục, Thụy Châu Động Sơn Lương Giới Thiền sư áo quần... vào những khi nhàn rỗi, ngoài ngữ lục (Đại 47, 526 thượng) ghi: lúc tu tập tọa thiền. Bách Trượng Quy Thắng Tụng trong Thiền Uyển Thanh Quy q. 10 (Vạn Tục 111, 468 thượng) ghi: »

BẢ THỦ CÁNH DỮ TRƯỢNG chỉ cho việc giữ chặt giáo điều nên không thể giác ngộ. Tiết Đâu Suất Tùng Duyệt –

Hoặc may vá, cạo tóc, cắt giấy, làm Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: » thuốc hoặc phơi giày, giặt áo, rửa tọa cụ, – đều ở nơi hậu liêu vắng vẻ!«. Thời nay, người ta còn ưa thích nắm giữ giáo điều nên không thể giác ngộ«. BẢ ĐỊNH PHONG CƯƠNG BẢ MAO CÁI ĐẦU Còn gọi: Bả đoạn phong cương, Bả đoạn Chỉ cho thiền tăng trụ trì tự viện. Lương yếu tân, Bả đoạn nhân hầu. Nghĩa đen là Giới ngữ lục ghi: » giữ vững biên giới của một nước. Thiền tông mượn cụm từ này chỉ cho việc lập bày – một loại cơ duyên đốn ngộ: Chẳng lập văn Vân Cư hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ tự, chặt đứt đường ngôn ngữ, không cho sang? Sư đáp: Xà-lê! Mai kia mốt nọ, ông suy nghĩ, nhằm quét sạch mọi học giải tri làm Trụ trì, nếu có người hỏi ông thì làm kiến, vọng tình tục niệm. sao đối đáp?«.

BẢ KẾ ĐẦU NHA BẢ PHÓNG TRƯỚNG Nguyên ý là chỉ cho sự cúi đầu tạ tội. Còn gọi: Vô lậu quan, xuân thu bả phóng Thiền tông dùng cụm từ này để chỉ cho sự trướng. Bả là thu nhập. Phóng là chi xuất. ngu xuẩn của thiền tăng, đến nỗi hoàn toàn Tức là sổ sách dùng để ghi chép việc thu không tự biết hành động của chính mình. xuất tiền bạc trong Thiền viện. Tắc 81, Bích Nham lục (Đại 48, 207 trung) ghi: » BẢ THỦ Tay nắm tay. Vô Môn Quan ghi: » – Tăng hỏi Dược Sơn: Đồng bằng cỏ thưa, hươu nai – Người nào qua được cổng không cửa của họp bầy, làm sao bắn được con nai chúa? Thiền tông, không những thấy được Triệu (Thật ngu xuẩn, đầu sừng giơ ra, nhổ tên Châu, mà còn nắm tay lịch đại Tổ sư cùng sau ót). Dược Sơn bảo: Xem tên đây! Tăng đi.« ngã nhào«. BẢ THỦ CÁNH DỮ TRƯỢNG BẢ LÃM PHÓNG THUYỀN Đã đưa tay nâng đỡ còn đưa thêm cái nạng. Còn gọi: Bảo kiều trụ tháo tẩy. Bả lãm Tỷ dụ thiền sư khải thị người học bằng lời phóng thuyền nghĩa là nắm chặt dây neo nói trùng lặp, rườm rà, không có thủ đoạn mà đẩy thuyền đi. Bảo Kiều Trụ Tháo Tẩy xuất sắc. Tiết Từ Vân Ngạn Long Thiền sư nghĩa là hai tay ôm chặt trụ cầu mà muốn trong NĐHN q. 18 ghi: » cọ rửa. Thiền tông dùng hai thí dụ này để

BẢ THỦ DUỆ BẤT NHẬP – Sư thượng đường, cử – Một người đi công án Huyền Sa thị chúng rằng… Sư dưới đáy biển sâu, bụi tung mù mịt; một nói: Chư thiền đức, công án này được gọi người đứng trên đỉnh núi cao, sóng bủa là nhai cơm mớm cho trẻ nít, chẳng phải là ngất trời. Bả định phóng hành, mỗi người thủ đoạn xuất sắc. Có hội chăng? Nếu đưa ra một tay, nâng đỡ Thiền tông«. chưa hội, thì phải giam mình lại mà tham cứu«. BÁC ĐỊA PHÀM PHU

BẢ THỦ DUỆ BẤT NHẬP Người thường. Tiết Phần Dương Đại Đạt Vô Nghiệp Quốc sư trong LĐHY q. 5 ghi: » Tuy được dẫn dắt nhưng không có cách gì – Chư để xông vào. Thiền tông mượn từ này để Thánh thập địa, há chẳng thông Phật lý? chỉ cho không có pháp để cứu độ. Hư Vì sao chẳng bằng một người thường? Đường Hòa thượng ngữ lục q. 2 (Đại 47, Thật không có lý này.« 1001 trung) ghi: » BÁC HÍ – Tăng hỏi: Chẳng hay

lúc Nhị Lâm gặp Tăng, dẫn dắt ra sao? Sư nói: Được Cờ bạc, đánh bạc. Pháp Diễn ngữ lục q. dẫn dắt nhưng không vào được«. trung ghi: »
BẢ TRÓC Nắm bắt. Lâm Tế lục ghi: » –
Nếu luận về việc này thì giống như người đánh bạc. Bỗng nhiên thắng được, thân tâm vui mừng, gia nghiệp –
Tìm kiếm mọi nơi đều thịnh vượng, phúc ấm cho con cháu; còn chẳng thấy có sinh có tử, chỉ có tên rỗng, như thua cuộc thì tự nhiên phải sầu như mộng huyễn, như hoa đốm giữa hư muộn«. không, không nhọc nắm bắt, được mất phải quấy, buông xuống một lượt.« BÁC SƠN ĐẠI NGHĨ HÒA THƯỢNG QUẢNG LỤC BẢ TRỤ PHÓNG HÀNH
Còn gọi: Bả định phóng hành. Phương X. Vô Dị Nguyên Lai Thiền sư quảng lục. thức hoặc phong cách chẳng đồng khi lập bày cơ duyên. Bả trụ: Chặt đứt đường ngôn ngữ khiến đối phương bặt dứt mọi suy BÁC SƠN THIỀN SƯ nghĩ, Phóng hành: Buông thả hơn, giúp Thiền tăng Nguyên Lai đời Minh sau khi cho người học có phương tiện vào cửa. Vô đắc pháp trụ Bác Sơn, người đời gọi là Bác Môn Quan ghi: »
Sơn Thiền Sư. X. Nguyên Lai.

BÁCH NẠP Y BÁCH LÂM TỰ thanh đỡ mái che tòa bằng. Trên tòa bằng Chùa nằm ở huyện Triệu, tỉnh Hà Bắc. Ban khắc thành lan can, trên lan can điêu khắc đầu tên là »Quán Âm Viện«, Triệu Châu các loại đồ án hoa văn. Đặc điểm của tháp Tùng Thẩm từng ở nơi đây. Thời Nam là thanh đỡ mái che hùng vĩ, vành mái thấp Tống đổi tên là »Vĩnh An Viện«, đến đời ló ra xa, điêu khắc và trang trí phong phú, Kim mới gọi là »Bách Lâm Tự«. Trong đây là một kiệt tác trong các tháp đời chùa có linh tháp của Triệu Châu Tùng Nguyên. Thẩm, là tháp gạch bảy tầng hình bát giác, cho nên còn có tên »Bạch Tháp Tự«, »Cổ BÁCH LIỄU THIÊN ĐÁNG Phật Tự«. Ngoài ra còn có bia trùng tu do Nguyên Phong soạn vào niên hiệu Gia Chỉ cho trạng thái sau khi giác ngộ triệt để. Tĩnh thứ 18 (1539) đời Minh, bia linh tháp Chương Phong Huyệt Diên Chiểu Thiền sư ký do Huệ Cảo soạn vào niên hiệu Thành trong CĐTĐL q. 13 ghi: » Hóa thứ 16 (1480) đời Minh. – Hỏi: Khi đã giác ngộ một BÁCH LÂM TỰ THÁP cách triệt để thì thế nào? Sư nói: Ban đêm Nguyên là »Chân Tế Thiền sư tháp«, nằm không cho đi, sáng ngày bắt buộc phải ở phía đông bắc nội thành huyện Triệu, đến«. tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc. Chùa Bách Lâm được xây cất vào cuối đời Đông Hán; đời BÁCH NẠP Y Tùy, Đường gọi là viện Quán Âm; đời Còn gọi: Tệ nạp y, Đàn nạp y. Chỉ cho y Kim, Nguyên đổi lại là Thiền viện Bách vá, tứ y của Tăng, dùng vải củ rách, sửa Lâm. sang may lại mà thành. Vì thường dùng 5 Trong chùa có một bảo điện thờ Thiền sư màu hoặc nhiều màu hỗn hợp may thành, Chân Tế, có bích họa do Ngô Đạo Tử vẽ, nên còn gọi là Ngũ nạp y. hiện nay chùa không còn nữa, chỉ còn một Tăng lữ do đắp mặc nạp y nên cũng tự tòa cổ tháp. Tháp được xây vào niên hiệu xưng là Nạp tăng, Lão nạp, Bố nạp, Dã Thiên Lịch thứ 3 (1330) đời Nguyên, là nạp, Chuyết nạp v.v... Theo Thích Thị một tòa tháp gạch mái kín, hình bát giác Yếu Lãm, q. thượng: Nạp y vốn có 5 loại: bảy tầng, cao khoảng 40m. Dưới tháp là 1. Hữu thí chủ y (y do thí chủ cúng). cái bệ xây bằng đá, trên bệ có phủ một lớp 2. Vô thí chủ y (y không do thí chủ cúng). gạch. Phần dưới tháp là một tòa Tu-di bằng 3. Vãng hoàn y (y may bằng vải liệm gạch, có thắt lưng hai lớp, điêu khắc rất người chết). đẹp, có các hoa văn như: kỹ

nhạc, Kim 4. Tử nhân y (y may bằng áo quàng người cang lực sĩ, rồng, voi, sư tử, nai, hoa mẫu chết). đơn v.v... Đồ án kết cấu sống động, hình 5. Phấn tảo y: Chỉ cho y may bằng vải rách tượng chuẩn xác, kỹ thuật khéo léo, mang thành từng mảnh bị vất bỏ. Có thể chia phong cách dân gian sâu đậm, là một tác làm: phẩm nghệ thuật điêu khắc bằng gạch tuyệt — Đạo lộ khí y (y may bằng vải vất bỏ đẹp. Phần trên của tòa dùng gạch làm ngoài đường).

BÁCH TẠP TOÁI — Phấn tảo xứ y (y may bằng vải bị quăng quang độc diệu... tức như như Phật«. Từ vào rác rưởi). những ngữ cú này chúng ta có thể nhận ra — Hà biên khí y (y may bằng vải bỏ bên đặc điểm thiền học của Bách Trượng Hoài bờ sông). Hải, đó là chủ trương tâm tính chúng sinh — Nghị xuyên phá y (y may bằng vải bị xưa nay thành tựu viên mãn, chỉ cần chẳng trùng kiến cắn). bị vọng tưởng trói buộc liền chẳng khác — Phá toái y (y may bằng vải rách nát). với chư Phật. Nhưng sau khi Phật giáo thịnh hành, y phục của Tăng Ni không còn dùng các loại BÁCH TRƯỢNG SƠN vải này. Còn gọi: Đại Hùng sơn. Núi nằm ở phía bắc Tây thành gần Đông Sơn huyện Phụng BÁCH TẠP TOÁI Tân, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Thác Lúng túng vô cùng. Tắc 16, Bích Nham lục nước từ trên núi cao rót xuống cao hơn (Tục 117, 146, thượng) ghi: » ngàn thước, nên gọi là Bách Trượng. Hơn – Lúng túng vô nữa, vì thế núi vượt hẳn các núi lân cận cùng, tâm lão bà tha thiết xin chớ nhận nên còn gọi là »Đại Hùng Sơn«. lầm«. Niên hiệu Hưng Nguyên thứ 1 (784) đời Đường, Thiền sư Hoài Hải vào núi, coi BÁCH THIÊN NIÊN HẬU việc xây cất Pháp đường, Tăng đường, sáng lập chùa Bách Trượng (còn gọi là Một trăm năm sau, ý nói lãnh ngộ thiền Hương Dị Am), xiển dương Thiền tông. nghĩa còn đợi một trăm năm sau. Đây là lời Có các thiền tăng tụ hội về đây như: Hoàng nói mà thiền sư thường dùng để quở trách Bá Hy Vận, Quy Sơn Linh Hựu. Sau khi những người chưa tỉnh ngộ. Minh Giác Tổ Bách Trượng thị tịch, Thiền sư Niết- ngữ lục ghi: bàn nối tiếp trụ trì. Ít lâu sau, Đường – Tăng lại Tuyên Tông sắc đổi tên chùa thành »Đại hỏi tiếp: Không những một mình con mà Trí Thánh Thiền Tự«. tứ chúng cũng được nhờ. Sư (Triệu Châu) Đời Tống có các vị thiền sư kế tiếp trụ trì nói: Một trăm năm sau. như: Minh Chiếu, Đạo Hằng, Bảo Nguyệt, Duy Chính, Nguyên Túc, Duy Cổ, Tịnh BÁCH TRƯỢNG HOÀI HẢI Ngộ... THIỀN SƯ NGỮ LỤC Vào niên hiệu Chí Thuận thứ 1 (1330) đời Nguyên, Đông Dương Đức Huy trùng tu Còn gọi: Hồng Châu Bách Trượng Sơn Pháp đường, trên ấy xây cất gác Thiên hạ Đại Trí Thiền sư ngữ lục. Ngữ lục, 1 sư biểu, để thờ tượng ngài Hoài Hải. quyển, do Bách Trượng Hoài Hải soạn vào Niên hiệu Chí Nguyên thứ 1 (1335), biên đời Đường, được xếp vào Tục Tạng kinh tập lại »Bách Trượng Thanh Quy«, ban tập 118, trang 161. hành đến các Thiền viện toàn quốc. Núi Nội dung gồm có những cơ duyên ngữ cú Bách Trượng nhờ bản thanh quy này mà của Bách Trượng Hoài Hải như: »Linh nổi tiếng khắp nơi. Niên hiệu Chính Thống

BẠCH CƯ DỊ (772-846) thứ 7 (1442) đời Minh, Trung Trí biên tập bản thanh quy này lần nữa. BẠCH AM THIỀN SƯ Hiệu của thiền tăng Lực Kim sống vào đời cuối Nguyên đầu Minh. X. Lực Kim BẠCH ẨN HUỆ HẠC – Bạch chùy, theo luật nghi của

Thế (1686-1769) Tôn, muốn làm Phật sự, trước hết phải (J: Hakuin Ekaku), Thiền tăng sống vào thưa bạch, là phép hòa chúng vậy. Ngày thời đại Đức Xuyên, hiệu Hộc Lâm, người nay trong Thiền tông, bạch chùy ắt phải Tuấn Hà (Suruga), thuộc tông Lâm Tế nhờ vị tôn túc biết pháp tắc đảm nhiệm Nhật Bản. việc ấy. Vị Trưởng lão vừa lên tòa xong, Năm 15 tuổi sư xuất gia ở chùa Tùng Âm, trình bạch rằng: »Pháp diên long tượng nối pháp Tín Thọ lão nhân ở Phan Sơn, chúng, đương quán đệ nhất nghĩa (Pháp làm Đệ nhất tọa ở chùa Diệu Tâm. Sư hội của hàng Đại thừa, phải nên quán đệ được gọi là Tổ trung hưng tông Lâm Tế. nhất nghĩa). Khi pháp hội xướng đáp đã Ngoài việc trùng tu chùa Tùng Âm, sư còn xong, Trưởng lão lại trình bạch rằng: Đế khai sáng chùa Quan Âm, chùa Tân Vô quán Pháp vương pháp, Pháp vương pháp Lượng ở núi Diệu Trí, chùa Long Trạch ở như thị (quán kỹ pháp của Phật, pháp của Tam Đảo. vv… Phật như thị). Đây là khuôn phép chân thật Thụy hiệu: Thần Cơ Độc Diệu Thiền sư, của Tiên đức, đều không sai ý Phật. Lại Chính Tông Quốc Sư. thấy trong tùng lâm phần nhiều cử bài Thế Tác phẩm: Ngữ lục 103 quyển, Hoè An Tôn thăng tòa, Văn-thù bạch chùy«. Theo: Quốc Ngữ, 7 quyển, Tức Canh lục 1 PQĐTĐ của nhóm Từ Di. quyển, Viễn La Thiên Phủ, Dạ Thuyền Nhàn Ngữ và Bích Sinh Thảo Tự truyện BẠCH CƯ DỊ (772-846) đều gom vào Bạch Ẩn Thiền sư toàn tập 6 Cư sĩ đời Đường, tự là Lạc Thiên, về già quyển, trong đó cũng có chép thi văn, thư lấy hiệu »Hương Sơn Cư sĩ«. Trước ở Thái họa. vv… Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Nguyên (nay thuộc Sơn Tây), sau dời về Hạ Khuê (nay là đông bắc huyện Vị Nam, BẠCH CHÙY tỉnh Thiểm Tây), Trung Quốc. Bạch là cáo bạch, chùy là cái dùi. Bạch Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 16 (800), ông chùy là dùng dùi đánh lên tấm bảng để báo đỗ Tiến sĩ, lần lượt nhậm các chức: Hàn cho đại chúng giữ yên lặng. Người giữ việc lâm học sĩ, Tả tháp di, Tả tán thiện đại phu. bạch chùy gọi là Bạch chùy sư, phần nhiều Bởi đắc tội với bậc quyền quý, ông bị biếm do các vị tôn túc rành phép tắc đảm nhiệm. làm Tư mã Giang Châu, rồi nhậm chức Tổ Đình Sự Uyển q. 8 (Vạn Tục 113, 118 Thứ sử Hàng Châu, Tô Châu; sau cùng làm hạ) ghi: »
Hình bộ Thượng thư. Về già sống ở Hương Sơn, Lạc Dương, lấy
thơ, rượu làm niềm

BẠCH HOA SƠN vui. Ông là thi nhân nổi tiếng vào đời 13, Bích Nham lục (Đại 48, 153 hạ) ghi: Đường, sáng tác »Trường Hận Ca«, »Tỳ » Bà Hành«
được truyền tụng đã hơn ngàn – Vị Tăng năm nay. Ông chịu ảnh
hưởng Phật giáo hỏi Ba Lăng: Thế nào là tông chỉ của Đề rất sâu, khi nhậm chức Thứ sử Hàng Châu Bà? (Ngựa trắng vào rừng hoa lau làm sao từng bái phỏng Thiền sư Điểu Khòa Đạo phân biệt?)«. Lâm, và còn làm bạn với các vị tăng: Như Mãn, Pháp Ngưng cùng tu tập Thiền pháp. BẠCH MÃ THIỀN SƯ Ông lấy bổng lộc của mình tu bổ
lại cổng Thiền tăng Đàm Chiếu đời Đường ở chùa chùa Hương Sơn. Bạch Mã, Kinh Nam, người đời gọi là Về già, ông nương gá tinh thần vào tư Bạch Mã Thiền Sư. X. Đàm Chiếu. tưởng Phật giáo; hễ có sáng tác văn BẠCH NIÊM TẶC chương liên quan đến
việc giáo hóa là khen ngợi Phật giáo. Tác phẩm: Bạch Cư Dị tập. Gọi tắt: Bạch Niêm. Bạch là rỗng không, Niêm là dùng đầu ngón tay nhón lấy đồ BẠCH HOA SƠN vật.
Tức là không lấy tay cầm vật mà chỉ X. Phổ-đà sơn. lấy đầu ngón tay nhón lấy trộm, không lưu lại dấu vết. Ý chỉ cho kẻ trộm giỏi. BẠCH LONG TỔ SƯ Có thuyết cho

rằng Bạch có nghĩa là ban Thiền tăng Đạo Hy đời Ngũ Đại ở viện ngày, tức giữa ban ngày trước mắt nhìn Bạch Long tại Thăng Sơn, người đời gọi là lom lom đồ vật của mọi người mà nhanh »Bạch Long Tổ Sư«. X. Đạo Hy. khéo nhón lấy (cái tài khéo léo của kẻ trộm). BẠCH MÃ HÒA THƯỢNG Thiền tông mượn từ Bạch Niêm Tặc để chỉ cho bậc Tông sư kiến tính dùng thủ đoạn Thiền tăng Hành Ái đời Tống ở núi Bạch khéo léo để tiếp dẫn người học. Liên Đăng Mã, Tương Châu (nay là Tương Phàn, Hà Hội Yếu q. 9 (Vạn Tục 136-289 hạ) ghi: bắc), người đời gọi là Bạch Mã Hòa » thượng. X. Hành Ái. – BẠCH MÃ NHẬP LÔ HOA Tuyết Phong nghe được, nói: Lâm Tế giống hệt tay trộm giỏi (...) Tuyết Đậu nói: Bạch mã (ngựa trắng) cùng với Lô hoa Nếu là tay trộm giỏi thì quỷ thần cũng (hoa lau) đều sắc trắng, cho nên khi ngựa chẳng hay. Nay đã bị Tuyết Phong biết hết trắng vào trong rừng hoa lau thì cùng với nên Lâm Tế chẳng phải là tay nhà nghề«. hoa lau đồng một màu khiến cho mắt BẠCH QUANG thường không thể nào phân biệt được. Hiệu của Thiền tăng Đức Minh đời Thanh. Thiền tông mượn cụm từ này để chỉ cảnh X. Đức Minh. giới siêu việt tất cả kiến giải phân biệt nhân ngã, lớn nhỏ, cao thấp, tốt xấu. Tắc

BẠCH VÂN THƯỢNG NHÂN BẠCH THÁNH (1904-1989) Sư truyền dạy các pháp: Thiền tâm yếu của Tăng nhân hiện đại, họ Hồ, tự Khiết Nhân, Thiền sư Đạo Nguyên tức »Chỉ quản đả người xứ Ứng Thành, Hồ Bắc, Trung tọa« và pháp yếu của tông Lâm Tế là Quốc. Sư từng thân cận Thiền sư Lai Quả »Công án và tọa thiền«. ở chùa Cao Mân và là người sáng lập Ngoài việc tổ chức hoạt động »Tiếp tâm« ở Trung Quốc Phật Giáo Tam Tạng Học Nhật Bản, sư còn diễn giảng thiền học tại viện, Viện Nghiên cứu Phật giáo Trung các nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức. Quốc. Tác phẩm: Học Thiền Phương Tiện Tác phẩm: Sư có chú thích về Công án tập Đàm, Thiền tông sử luận tập, Duy-ma-cật như: Vô Môn Quan, Bích Nham lục, Thung kinh giảng lục. Dung lục, Truyền Quang lục, Động Sơn Ngũ vị. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di BẠCH VÂN Chỉ cho sự hoàn toàn không dính mắc, tự BẠCH VÂN HƯU do vô ngại giống như mây trắng đến đi tự Thiền tăng Vô Hưu đời Ngũ Đại ở chùa tại. Cảnh Đức Truyền Đăng lục q. 14 (Đại Bạch Vân tại Kinh Triệu, người đời gọi là 51, 309 hạ) ghi: » Bạch Vân Hưu. X. Vô Hưu. BẠCH VÂN THỦ ĐOAN THIỀN – Đạo Ngộ hỏi: SƯ QUẢNG LỤC Thế nào là đại ý của Phật pháp? Sư đáp: Không thể không biết! Đạo Ngộ hỏi: Còn gọi: Bạch Vân Đoan Hòa thượng ngữ Hướng lên còn có chỗ nào chuyển không? lục. Ngữ lục, 4 quyển, do Bạch Vân Thủ Sư đáp: Không gian nào ngại mây trắng Đoan soạn vào đời Tống, nhóm ông Xử bay«. Ngưng biên tập, được xếp vào Tục Tạng kinh, tập 120, trang 400. Nội dung bao BẠCH VÂN AN CỐC gồm các ngữ lục do đệ tử của Thủ Đoan (1885-1973) biên tập tại 6 nơi: Thiền viện Viên Thông Hakuun Yasutani (jap). Thiền tăng, sống Sùng Thắng ở Giang Châu; Thiền viện vào cuối thời đại Minh Trị đến thời đại Đại Thừa Thiên; Thiền viện Chứng Đạo, núi Chính Chiêu Hòa, pháp danh Bạch Vân, Pháp Hoa ở Thư Châu; Thiền viện Càn cũng gọi là Tổ Nhạc, thuộc tông Tào Động Minh ở núi Long Môn; Thiền viện Hưng Nhật Bản. Hóa; Thiền viện Hải Hội ở núi Bạch Vân; Sư xuất gia lúc 11 tuổi, 13 tuổi đã trở cho đến các kệ tụng, 100 tắc tụng cổ và bài thành vị tân học tăng của tông

Tào Động. tựa Tổ Đường Cương Kỷ. Sư học ngành giáo dục sư phạm và từng làm giáo chức. Năm 15 tuổi mới tập tọa BẠCH VÂN THƯỢNG NHÂN thiền, ngoài 40 tuổi mới chính thức trở thành vị tăng ở chùa, rồi được Nguyên Thiền tăng Mãn Khởi đời Minh, người đời Điền Đại Vân nhận làm môn đệ, đến năm gọi là Bạch Vân Thượng nhân. X. Mãn 58 tuổi được ngài ấn khả. Khởi.

BẠCH VÂN TỰ BẠCH VÂN TỰ hôm nay chỉ thấy lão này lải nhải một 1. Chùa nằm ở đỉnh hồ, góc phía nam Sơn mình. Nếu nói nhiều người là ồn, một Tây, cách thành phố Triệu Khánh tỉnh người là lặng, chính là mây trắng ngàn Quảng Đông, Trung Quốc 18km về hướng dặm! Rốt cuộc thế nào? Một người thì ồn đông bắc. Chùa được xây dựng bởi sư Trí ào, nhiều người thì vắng lặng, chẳng bằng Thường, đệ tử của Lục tổ Huệ Năng. trở về nhà uống trà còn hơn«. Đương thời từng có 30 ngôi chùa phân bố khắp núi. Khoảng niên hiệu Vạn Lịch BẠCH Y BÁI TƯỚNG (1573-1619) đời Minh, chùa được xây Trong Phật giáo, bạch y thường dùng để dựng lại. Vào khoảng niên hiệu Hàm chỉ cho người tại gia, nhưng ở đây chỉ Phong (1851-1861) và Quang Tự (1875- chung cho hạng dân dã không địa vị quan 1908) đời Thanh, chùa được trùng tu hai chức. Bạch Y Bái Tướng, nghĩa là một kẻ lần. Trong chùa có Niết-bàn đài, dưới Đài bình dân không có địa vị nào hết, bỗng có khắc 8 chữ lớn »Chính pháp nhãn tạng, nhiên được phong chức Tể tướng. Thiền Niết-bàn diệu tâm«, tương truyền là thủ bút tông mượn từ này để chỉ cho người hoát của ngài Trí Thường. Ngoài ra còn có các nhiên đốn ngộ, chuyển phàm thành Thánh. di tích: Dược Long am (am rồng quẫy), Hư Đường Hòa thượng ngữ lục q. 1 (Đại La-hán kiều (cầu La-hán), Thánh tăng 47, 990 thượng) ghi: » kiều, Điếu ngư đài (Đài câu cá), Tiên kỳ thạch, Thạch thành môn. – Kẻ đại trượng Gần đó còn có các cảnh lạ như: Lão long phu, họ cũng là người, sao không bảo họ đàm, Tam-muội đàm, Dục Phật trì, Thủy cởi bỏ lồng chậu đồ mang vác đi, giống liêm động thiên. Thủy liêm động thiên là như hạng bình dân được phong chức Tể khe núi có dòng thác từ trên cao hơn 30m tướng«. rót xuống, bụi nước tung lên phản chiếu ánh sáng mặt trời thành một cầu vòng, BÀI trông thật ngoạn mục. Là thẻ gỗ dùng để thông báo các thứ việc 2. X. Phong Huyệt tự. cho đại chúng trong các chùa. Thông thường thẻ dài khoảng 48cm, rộng hơn BẠCH VÂN VẠN LÝ 38cm. Còn gọi: Bạch Vân thiên lý vạn lý. Mây Tùy theo công việc được thông báo mà có trắng ngàn dặm, ý nói cùng với Thiền pháp các loại bài: 1. Giới lạp bài: Sắp xếp vị trí cách nhau rất xa. Pháp Diễn ngữ lục q. hạ theo số năm thụ giới của tăng chúng; 2. ghi: » Xướng y bài: Thông báo về việc rao bán di vật của vị tăng quá cố; 3. Thượng đường bài: Treo ở Pháp đường để thông báo thời ! khắc thượng đường; 4. Tọa thiền bài: Treo ở trước Thiền đường để thông báo giờ giấc – Từ ngày 19 đến ngày 23, ngồi thiền; và Tiểu tham bài, Phóng tham hơn muôn người đến dự hội thật rộn rịp, bài, Phổ thỉnh bài, Khai dục bài (tắm),

BÃI THAM Phóng sinh bài v.v... Theo: PQĐTĐ của chẳng bằng ít đặc«. nhóm Từ Di BÃI GIẢNG TRAI BÀI ĐIỆP Phần đông, người theo Giáo môn khi tham Còn gọi: Bài phê . Sắp đặt, lo liệu. thiền có sự tỉnh ngộ, liền bãi giảng và thiết Tiết »Phổ Hóa

Hòa thượng« trong TĐT q. lập trai đàn cúng dường Tăng chúng, nghi 17 ghi:
thức ấy gọi là Bãi giảng trai. Hư Đường Hòa thượng
ngữ lục q. 1 (Đại 47, 989 hạ) – Không bao lâu thì Phổ Hóa lên ghi: »
đến viện Lâm Tế. Lâm Tế (Nghĩa Huyền) liền sắp đặt cơm
nước và cùng ngồi ăn.« BÀI KHIỂN
Ứng phó, đối phó. Tiết Vân Môn Văn Yển – Tọa
chủ Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: Lương Toại đến tham kiến Ma Cốc. Cốc
thấy sư đến liền lấy cào đi cào cỏ. Ngày kế – Hỏi: Sinh tử
đến, làm sư lại đến, Cốc lại đóng cửa. Nhân đó Toại sao đối phó? Sư liền giơ tay, nói: Trả sinh khế ngộ, liền nói: Hòa thượng chớ lừa tử lại cho ta. Lương Toại lắm! Nếu không đến tham kiến Hòa thượng thì hầu như tôi suốt đời bị 12 BẠI KHUYẾT phần giáo làm lầm. Rồi Toại bán tài sản để 1. Bị thua, bị đánh bại. Tiết Lâm Tế Nghĩa thết bày một Bãi giảng trai«. Huyền Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: » BÃI
THAM – Sư lấy tay chỉ và nói: Lão già này Nghỉ việc tham thiền. Trong Thiền lâm, lúc hôm nay bị thua rồi!«. người tham học khai ngộ, hiểu rõ đại sự, 2. Thất bại. Tiết Nam Viện Huệ Ngung không cần tu đạo, tham thiền nữa. Tắc 96, Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: » Bích Nham lục (Đại 48, 21 thượng) ghi: – »
Tăng đến tham vấn, sư giở phất tử, tăng – Nếu ngươi thấu đáo
được ba bài tụng nói: Hôm nay thất bại«. này thì cho ngươi nghỉ việc tham thiền«. Cảnh Đức Truyền Đăng lục q. 8 (Đại 51, BÃI ĐỘNG 262 thượng) ghi: » Phấn
chấn tinh thần. Tiết Vân Môn Văn – Từ khi nghỉ việc tham thiền nơi Yển Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: » ngài Đại Tịch, liền đi đến Hải Xương«.
— Bãi tham trai: Sau khi tham thiền đã – được liễu ngộ, thiết trai
cúng dường đại Nếu là hàng hậu học sơ tâm cần phải phấn chúng. chấn tinh thần. Đừng luống công ghi nhớ — Bãi tham hội: Hoàn thành sự tham vấn những điều người khác nói. Nhiều rỗng ở các nơi, hoặc đạt đến kiến giải của bậc

BÁN CÁ THÁNH NHÂN khai ngộ. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. về một mối nào.
Minh Giác Thiền sư ngữ lục q. 2 (Đại 47, 679 trung) ghi: » BÁN CÁ THÁNH NHÂN
Bán cá là chỉ số ít, hiếm có. Bán Cá Thánh
Nhân nghĩa là một vị Thánh nhân hiếm có. – Gươm Long Tiết
Thạch Củng Huệ Tạng trong TĐT q. Tuyền và dao búa đều bằng sắt, bén lụt 14 ghi: »
khác nhau xa (…) Liệu đấy! Liệu đấy! Một – xuất
một nhập, nửa úp nửa mở, một loại Sư liền vất cung tên xuống đất, nói rằng: ngang nhau, thử phân biệt xem đâu là đạo, Ba mươi năm ở đây, ngày nay chỉ bắn tục«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. được một vị Thánh nhân hiếm có«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. BÀN BẠC Nương tựa, nương theo một người nào đó BÁN ĐỀ để tu học. Tiết Nham Đầu Hòa thượng Thiền pháp được nêu ra không hoàn toàn trong TĐT q. 7 ghi: »
… triệt để. Mật Am ngữ lục ghi: » – Sau đó, sư
tham vấn Đức Sơn …. nương theo ngài được vài
năm, lãnh ngộ hết huyền chỉ.« BÀN BẠC
1. Xoay tít, vòng vèo. Bích Nham lục q. 1 ghi: »
–

– Cứ theo lời tụng Khắp đất trời thế giới gọi là một câu thì công án này của Tuyết Đậu giống như đội gông mang xiềng, chẳng gọi là một câu người giỏi múa kiếm Thái A, huơ xoay tít thì nghiệp thức mang mang, hai đầu đều vòng vèo trong hư không một cách tự thông suốt, toàn thể lộ bày không thể nắm nhiên mà không chạm đến lưỡi bén.« bắt, một tông Đạt-ma đều bị quét sạch. Thế 2. Tìm xét nhiều lần. Bích Nham lục q. 1 nên Đại sư Vân Môn nói: Đất trời thế giới ghi: » đều không lầm lẫn mảy may cũng là chuyển cú, chẳng thấy một vật mới là bán đề; còn phải biết có thời tiết toàn đề nữa«. BÁN KHAI BÁN HỢP – Tuyết Đậu tụng một trăm tắc công án, mỗi tắc đều phải thắp hương tụng Còn gọi: Bán hợp bán khai. Nguyên là ra, vì thế được thạnh hành ở đời. Sư đã dụng ngữ của Phán Thích Giáo Tướng thông hiểu văn chương lại thấu triệt công Phật Học. Khai có nghĩa là bày nói ra (biểu án, tìm xét nhiều lần thật chín chắn mới hạ thuyên), hợp có nghĩa là trừ bỏ (giá bút. Tại sao như thế? Vì rắn rồng dễ biện, thuyên). Trong Thiền tông thường dùng lời thiền tăng khó lừa.« lẽ ấy để biểu thị trạng thái không nghiêng

BẢN LAI DIỆN MỤC BÀN ĐẠI TỬ Am«. Về sau trải qua nhiều lần xây cất trở Còn gọi: Bát đại tử, Bàn đại nhi. Bậc siêu thành ngôi chùa lớn thứ hai Vân Nam có phàm, người thường không thể dùng kiến Phật điện, Thiền đường, Khách đường, thức thông thường mà biết hoặc đo lường Tăng xá. Niên hiệu Ung Chính thứ 1 sự khác biệt về cái biết của họ được. Trúc (1723) tăng chúng ở xứ ngoài lại thỉnh về Thiên Hòa thượng ngữ lục q. trung (Đại một bộ »Nam Tạng Kinh« cất giữ trong 80, 377 hạ) ghi: » Tàng kinh lâu. Hiện còn những kiến trúc như Nhị đạo môn, Bất nhị điện, Đại hùng bảo điện, Tổ sư điện, Dược sư điện, Ngọc – Có người hỏi: Khi ấy có vị hoàng các. Trong chùa có một tấm bia« tăng nói: Trâu đực sinh con vì sao không Đại Bàn Long Am Đại Giác Thiền Sư Bảo nói? Sơn đáp: Đem đèn lại! Đem đèn lại, Vân Tháp Minh« ghi lại sự tích của Thiền là cái gì? Đáp: Như Bàn đại tử«. sư Liên Phong.

BÀN HOÀN BẢN DỰ (?-1646) Tình ý ân cần sâu nặng. Mật Am ngữ lục Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu ghi: » đời Thanh, họ Trần, tự Lâm Cao, hiệu Hối Phu, người xứ Côn Sơn (nay thuộc Giang Tô) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Bàn Sơn Tu, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Tông – Chợt được thư Tứ Môn Giới Phạm. Minh lời lẽ rất ân cần, pháp tịch Thiên Đồng trống, khiến huynh phải băn khoăn. BẢN LAI (1355-1422) Xa xôi nhắn chuyên sứ (người đưa thư), Thiền tăng đời Minh, họ Bùi, hiệu Tây chẳng hỏi đường khó khăn. Sơn tăng đến Trúc, người xứ Sùng Nhân (nay thuộc vãn cảnh, chẳng dám lừa dối huynh. Đánh Chiết Giang) Trung Quốc. Sư nối pháp trống mừng đưa tiễn, bốn chúng cũng hân Thiền sư Từ Chu Tế. hoan.« BẢN LAI DIỆN MỤC BÀN LONG TỰ Còn gọi: Bản địa phong quang, Bản phận Chùa ở núi Đông Kiều, huyện Tấn Ninh, điền địa, Tự kỷ bản phận. Mặt mũi xưa tỉnh Vân Nam, Trung Quốc do Thiền sư nay. Chỉ cho tự tính chẳng mê chẳng ngộ Liên Phong xây cất. Liên Phong (1298- mà mọi người đều sẵn có, chỉ hiện tiền khi 1364) họ Đoàn, người Tấn Ninh thuộc con thân tâm tự nhiên rỗng rang. Đồng nghĩa cháu họ Đoàn nước Đại Lý.

Năm 29 tuổi với Bản giác của Hiển giáo, Bản sở của xuất gia pháp danh Sùng Chiếu. Sư từng Mật giáo. Kinh Pháp Bảo Đàn (Đại 48, vân du bảy năm qua các danh sơn cổ sát, 349 trung) ghi: » bái sư học tập thiền pháp. Niên hiệu Chí Chính thứ 7 (1347) đời Nguyên, sư xây cất – Huệ Năng nói: Không nghĩ chùa nơi đây, ban đầu tên là »Bàn Long thiện, không nghĩ ác, chính lúc đó cái gì là

BẢN LAI VÔ NHẤT VẬT mặt mũi xưa nay của Thượng tọa Minh?«. trong Sơn Cư Bách Vịnh của Thiền sư Bích Nham lục q. 10 (Đại 48, 223 trung) Tông Bản ghi: ghi: » – Cần phải bày lồ lộ, sạch trọi trơn, không có một vật khá được, mới là mặt mũi xưa nay«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. »Sơn cư phu tọa nhất bồ đoàn Nhật dụng công phu tại phản quan BẢN LAI VÔ NHẤT VẬT Bản Mạng Nguyên Thần tri lạc xứ Thiệt đầu bất bị biệt nhân man«. Tự tính vốn thanh tịnh, nào có vật gì. »Ở non ngồi vững một bồ đoàn Thuật ngữ này xuất phát từ Lục Tổ Đàn Hằng dụng công phu tự phản quan Kinh (Đại 48, 349 thượng): Đến nay không bị ai lừa nữa Vì ngộ bản tính thật rõ ràng«. »Bồ-đề bản vô thụ, minh kính diệc phi đài BẢN MẬT (1606-1665) Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?« Còn gọi: Hành Mật. Thiền tăng đời Thanh, »Bồ-đề vốn không cây, họ Kim, hiệu Nhị Ẩn, người xứ Cổ Du Gương sáng cũng chẳng đài, Xương Châu, Trung Quốc, nối pháp Mật Xưa nay không một vật, Vân Viên Ngộ, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Chỗ nào lấm trần ai?«. Nhị Ẩn Mật Thiền sư ngữ lục, 10 quyển. Ý nói tất cả đều vắng lặng, không còn một vật nào, đó là cảnh giới giác ngộ sáng suốt. BẢN NGUYÊN CHÂN TÍNH PHẬT BẢN LAI VÔ SỰ Tính giác sẵn có nơi mỗi người, xưa nay là Còn gọi: Bản vô sự nhi vong tình, hưu tâm Phật. Uyển Lăng lục ghi: » bất khởi. Vốn không có tạo tác. Đây là đường lối tu hành của phái Thiền Ngưu Đầu. Phái này cho rằng Tâm cảnh vốn không có, tâm tạo tác đều là mê vọng, cho – Nay ngươi nghe nói phát tâm nên phải tan mất vọng tình của mình đi thì Bồ-đề liền tưởng rằng đem tâm để học cảnh sẽ không có chỗ nương tựa. Theo: Phật, chỉ mong làm Phật. Mặc cho ngươi PQĐTĐ của nhóm Từ Di. tu ba kỳ kiếp, cũng chỉ được Phật báo hóa, cùng với Bản nguyên chân tính Phật có gì BẢN MẠNG NGUYÊN THẦN dính dáng.« Bản Mạng, Nguyên Thần đều là những vì BẢN NGUYỆT (1602-1676) sao chi phối vận mệnh con người. Thiền Thiền tăng đời Minh, họ Tôn, tự Lữ Am, tông dùng từ Bản Mạng Nguyên Thần để người Tú Thủy (nay là huyện Gia Hưng, dụ cho bản tính của chính mình. Bài 60 tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Thuở bé

BẢN PHẬN SỰ xuất gia, đầu tiên tham học nơi ngài Thông tăng thật xuất sắc quả còn cách xa lắm Tú nhưng chưa triệt ngộ; về sau sư tham vậy«. yết ngài Đạo Mân được nối pháp ngài. Sư phụng sắc trụ trì các chùa: Thiện Hưng, BẢN PHẬN KIỂM CHÙY Phụng Thánh, Long Trì. Về già, sư ở chùa Chỉ thủ đoạn mạnh bạo của thiền sư bản Cửu Phong tại Tùng Giang. Người đời gọi sắc khi tiếp dẫn người học. Kiểm chùy: sư là Lữ Am Nguyệt, có ngữ lục lưu hành Kìm và búa là dụng cụ của người thợ rèn, ở đời. dụ chỉ thủ đoạn mạnh bạo để tiếp dẫn Theo phả hệ sư là Tổ Thiền tông đời thứ người học. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: » 42, Nam Tông đời thứ 37, hệ Nam Nhạc đời thứ 36, tông Lâm Tế đời thứ 32, phái Dương Kỳ đời

thứ 25, phái Mật Am đời – Sau khi phát thứ 19. minh còn phải vào lò rèn
của người thợ giỏi, để ông ta dùng thủ đoạn mạnh bạo, BẢN NHƯ (695-750) trui
luyện một phen, không còn một chút rò Thiền tăng đời Đường, họ Kim, người rỉ nào
mới chịu cho rằng ngươi đã thoát nước Tân La (nay là Triều Tiên). Khi vua khỏi mọi
dính mắc.« Huyền Tông lên ngội, sư theo sứ giả nước Tân La (sang chúc mừng vị vua
mới đăng BẢN PHẬN NHÂN quang) vào Trung Quốc. Qua sự giới thiệu Chỉ thiền
nhân lão luyện. Bích Nham lục q. sư đến Nam Nhạc thờ ngài Hoài Nhượng 1 ghi: »
làm thầy, hầu hạ cho đến khi thầy mất. Sư đi thưa
hỏi các bậc danh túc các nơi. Niên – Nếu là hiệu Thiên Bảo thứ 6
(747) sư về nước, thiền nhân lão luyện đến chỗ nầy cần phải hoằng truyền tâm pháp
Tào Khê. có thủ đoạn đuổi trâu của người cày, đoạt cơm của kẻ đói, mới thấy được chỗ
vì BẢN PHẬN người của Mã đại sư.« 1. Phần bên trong của chính mình. Tiết Điểu
Khòa Hòa thượng trong TĐT q. 3 BẢN PHẬN SỰ ghi: » 1. Việc
quan trọng bên trong bản thân của – Mặc thiền nhân, chỉ cho việc
đạt được thiền dù như thế, xuất gia tự có việc bản phận. ngộ, siêu thoát sinh tử.
Chương Điểu Khòa Thế nào là việc bản phận của Hòa Hòa thượng trong TĐT q. 3 ghi:
» thượng?«. 2. Quen tay thạo việc, lão luyện. Minh
Giác ngữ lục q. 1 ghi: »
– Nếu nói trong
lời có vang, trong câu trình cơ, cũng còn là hàng trung hạ, đối
với nạp – Xá nhân (chỉ Bạch Cư Dị) trở về

BẢN PHẬN THẢO LIỆU kinh, vào chùa vãn cảnh, thấy tăng tụng mạnh tiến
bước, dũng mãnh một phen, làm kinh, liền hỏi: Sư được bao nhiêu tuổi? Vị đến chỗ suy
nghĩ chẳng được. Lúc suy nghĩ tăng đáp: Tám mươi lăm. Lại hỏi: Tụng chẳng được
chính là chỗ dụng tâm tốt kinh được mấy năm. Vị tăng đáp: Sáu nhất. Bị bức ngặt thế
ấy, thực hành thế ấy mươi năm. Bạch Cư Dị nói: Rất hay! Rất một thời gian lâu, chỉ lo
giữ tâm không liền hay! Mặc dù như vậy, xuất gia tự có bản được đỗ đạt.« phận sự. Cái
gì là bản phận sự của Hòa thượng? Tăng không đáp được.« BẢN SẮC KIỀM CHÙY
2. Thiền sư tài giỏi dùng pháp nhãn chọn Chỉ cho sự tiếp dẫn, truyền thụ của Thiền
lấy thủ đoạn tiếp dẫn người học. Bích sư chính tông. Kiềm chùy: Cái búa, cái Nham lục
q. 1 ghi: » kềm, dụ cho thủ đoạn mạnh mẽ của thiền
sư khi tiếp hóa người học đạo. Thiền Lâm – Đây là bậc Thiền sư Tăng Bảo
truyện q. 22 ghi: » cao thủ, không bàn luận huyền diệu, cơ
– cảnh với người mà chỉ một bề dùng Bản Huệ Nam là người có năng lực để kiến phận
sự để tiếp dẫn người.« tính, nhưng tiếc là chưa gặp được sự tiếp dẫn của Thiền sư
chính tông«. BẢN PHẬN THẢO LIỆU Giở ngón sở trường. Phần Bình của tắc 15
BẢN TÀI trong Vô Môn Quan ghi: » Thiền tăng đời Tống,
họ Diêu, hiệu Phật – Vân Môn bấy Tâm, người đời thường gọi »Phật Tâm
Bản giờ giở ngón sở trường, khiến Động Sơn Tài«, nối pháp Thiền sư Linh Nguyên Duy
mở riêng được con đường sống, tông môn Thanh, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Phật Tâm
không đến nỗi đìu hiu«. Tài Hòa thượng ngữ yếu, 1 quyển.

BẢN PHẬT BẢN TÂM Mọi người vốn có Phật tính, xưa nay là Tâm cội nguồn, tâm giác ngộ, tức chỉ Phật Phật, gọi là bản Phật. Đoạn Tế Tâm Yếu tính của mọi người sẵn có xưa nay. Đàn ghi: » Kinh bản Đôn Hoàng ghi: »
– Nói Bảo sở đó, là cái quý báu – Không biết bản tâm, học của tự tính, của nhân tâm bản Phật.« Pháp vô ích.« BẢN SẮC ĐẠO NHÂN Chỉ thiền tăng chân chính. Khai thị Bản sắc BẢN THIỆN (?-1482) đạo nhân trong Minh Bản tạp lục q. trung Thiền tăng đời Minh, họ Ngô, hiệu Độc ghi: » … Phong, người xứ Phong Dương (nay thuộc – Cần làm thiền tăng chân chính, An Huy) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư đặc biệt chớ dùng phương tiện nào khác, Nguyệt Khê Trừng. Tác phẩm: Độc Phong chỉ cần mỗi một việc là chẳng quản thân ngữ lục.

BẢN TỊNH BẢN THIẾP (1517-1570) Nguyên Chứng Thiền sư ngữ lục. Thiền tăng đời Minh, họ Dương, hiệu Định 2. Thiền tăng đời Lý (?-1139), thuộc dòng Đường, người xứ Tầm Điện (nay thuộc Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 13, nối pháp đông bắc Tung Minh, Vân Nam) Trung Thiền sư Thuần Chân ở chùa Hoa Quang. Quốc, nối pháp Hòa thượng Bạch Trai. Sư họ Nguyễn quê, ở làng Tây Kết, miền Bắc Việt Nam. Sư trụ trì chùa Chúc Thánh BẢN THỤY ở làng Nghĩa Trú, huyện Bình Lạc (nay Thiền tăng đời Minh (1433-1513), họ thuộc tỉnh Hưng Yên). Theo: Thiền Uyển Giang, tự Thiên Kỳ, người xứ Chung Lăng Tập Anh. (nay là Nam Xương, Giang Tây) Trung Quốc. Người đời gọi sư là »Quỳnh Tuyệt BẢN TIÊN (942-1008) Lão Nhân«, nối pháp Thiền sư Bảo Phong Thiền tăng đời Tống, họ Trịnh, người xứ Minh Tuyên, tông Lâm Tế đời thứ 29. Tác Ôn Châu (nay thuộc Chiết Giang) Trung phẩm: Tuyết Đậu Tụng Cổ Trực Chú, Quốc. Sư nối pháp Thiên Thai Đức Thiều Thiên Đồng Tụng Cổ Trực Chú. Quốc sư, tông Pháp Nhãn. Tác phẩm: Trúc Lâm tập, 10 quyển. BẢN TỊCH 1. Thiền tăng đời Đường (840-901), họ BẢN TÍNH Hoàng, người Bồ Điền, Phúc Kiến, Trung Tính có sẵn, tức Phật tính mà mọi người Quốc. Thuở bé sư theo nghiệp Nho, văn từ đều sẵn đủ. Đàn Kinh bản Đôn Hoàng: » vững chải, thanh nhã, lấy bút hiệu là Tiểu – Bản tính tự thanh Tắc Hạ. Năm 19 tuổi, sư xuất gia ở chùa tịnh tự yên định.« Tiết Ô Cự Hành Thiền Vân Danh, Phúc Châu. Đến 25 tuổi sư thụ sư trong NĐHN q, 20 ghi: » giới cụ túc, mỗi hành vi sư đều (thận trọng – Thấy thì thấy tự bản tính.« như bậc thầy mô phạm). Về sau sư tham học nơi ngài Động Sơn Lương Giới và đắc BẢN TỊNH pháp, nối tiếp tông phong của ngài, cuối 1. Thiền tăng đời Lý (1100-1176), thuộc cùng diễn hóa thành một tông phái lớn là dòng Vô Ngôn Thông đời thứ 9, nối pháp Tào Động. Sư trụ trì chùa Tào Sơn ở Lâm Thiền sư Mãn Giác. Sư họ Kiều, quê ở Phù Xuyên (nay là huyện Nghi Hoàng, tỉnh Viễn, Vĩnh Khương (nay thuộc phủ Hoài Giang Tây). Người đến cầu pháp nơi sư rất Đức, tỉnh Hà Đông) miền Bắc Việt Nam. đông. Sư từng chú thích »Hàn Sơn Tử Sư trụ chùa Càn An ở kinh thành Thăng Thi«, hạng văn nhân rất quý trọng sư. Khi Long. Về sau, sư ở am Bình Dương, núi sư tịch rồi, đệ tử xây tháp, ngài Huyền Kiết Đặc, huyện Chí Linh, trấn Hải Dương. Thái ở Nam Nhạc làm bài minh thụy: Theo: Thiền Uyển Tập Anh. Nguyên Chứng Thiền sư. Theo phả hệ sư 2. Thiền tăng đời Đường (676-761) họ là Tổ Thiền tông đời thứ 12, Nam Tông Trương, người xứ Giáng Châu (nay là Tân đời thứ 7, hệ Thanh Nguyên đời thứ 6, Giáng tỉnh Sơn Tây) Trung Quốc. Một Tông Tào Động đời thứ 2. Tác phẩm: Hàn thuyết khác nói Sư là người xứ

Đông Bình Sơn Tử Thi chú, Phủ Châu Tào Sơn (nay là phía đông huyện Đông Bình, tỉnh

BẠN CHÂN THANG Sơn Đông). Xuất gia từ thuở bé, sư đi tham đây một đêm, ngày mai ra đi (không về học và đắc pháp nơi Lục tổ Huệ Năng. Đầu nữa), cho nên ân cần cúng dường. Các sư niên hiệu Khai Nguyên (713) sư trụ chùa tăng vây quanh trọn đêm không ngủ, nên Vô Tướng núi Tư Không. Trong niên hiệu gọi là Bạn Dạ, đêm ấy chỉ đánh khánh và Thiên Bảo, sư được Dương Đình Quang tụng Kinh Kim Cang. tiến dẫn về kinh để cùng các hàng Danh tăng Thạc đức biện nạn, cuối cùng họ đều BẠN HẠC TÙY PHONG ĐẮC TỰ bị Bản Tịnh chiết phục. Thụy hiệu: »Đại DO Hiểu Thiền sư«, và sư cũng lấy chỗ ở làm Làm bạn với hạc theo gió rong chơi. Thiền hiệu là Tư Không Sơn Thiền sư. tông dùng cụm từ này để dụ cho cảnh giới giải thoát của Thiền giả cũng như mây hạc BẠN CHÂN THANG tự do tự tại không chướng ngại. Tắc 19, Món xúp (thang) mà vị Trụ trì mời các vị Thung Dung lục (Đại 48, 239 trung) ghi: Tây đường, Lưỡng tự (Bạn chân) dùng » trước bàn Phật hay trước tượng Tổ sư sau – Biển xanh bát ngát, mây trắng lễ cúng kỵ vị thầy mà Trụ trì nối pháp. lang thang (Làm bạn với hạc theo gió rong Theo điều Tự Pháp Sư Kị trong Sắc Tu chơi)«. Bách Trượng Thanh Quy q. 2 (Đại 48, 1119 thượng): » BẠN NGÃ TỊNH LỮ THIỀN SƯ – Nếu đặc Thiền tăng Tịnh Lữ đời Thanh, người đời biệt thỉnh hai vị: Tây đường và Lưỡng tự, gọi sư là Bạn Ngã Tịnh Lữ Thiền Sư. X. thì gọi là Bạn chân thang. (Thọ trai xong, Tịnh Lữ. Tri khách của phương trượng mời các Tây đường, Lưỡng tự, buổi chiều tối ở trước BẠN TĂNG tượng cùng nhau dùng xúp)«. 1. Còn gọi: Dịch tăng. Trong Tịnh Độ Chân Tông ở Nhật Bản, Bạn Tăng là vị BẠN DẠ tăng giúp sức cho vị Trụ trì trong các pháp Còn gọi: Vãn dạ, Đại dạ, Thông dạ (gọi vụ như: Đọc kinh v.v... theo thế tục). Trong các tự viện Thiền 2. Còn gọi: Tòng tăng. Vị tăng đi theo vị tông, một đêm trước khi đem vong tăng (vị Trụ trì. tăng đã mất) làm lễ trà tỳ, các sư tăng thức 3. Là vị tăng siêng năng hành đạo, theo sát suốt đêm ở một bên làm bạn với vong tăng vị Đạo sư trong nghi thức tu của Mật giáo. và cúng dường. Căn cứ theo Đại Giám Thanh Quy được dẫn trong môn Tiết Thời BẠN THIỀN thứ 4, Thiền Lâm Tượng Khí Tiên, thì đêm Còn gọi: Bồi Thiền. Canh năm, Trụ trì sau thị tịch của người chết gọi là Đương Dạ, khi hành hương lên Tăng đường giúp đỡ đêm thứ hai gọi là Vãn Dạ, ngày thứ ba là đại chúng tọa thiền. Theo điều Trụ Trì lễ Trà Tỳ. trong Tiểu Tùng Lâm Lược Thanh Quy q. Vãn Dạ còn gọi là Đại Dạ, bởi chỉ lưu lại thượng (Đại 81, 690 trung) ghi: »

BẢNG TRẠNG BÀI THỊ – Vị Trụ Hành Dương, Hành Châu (nay thuộc Hồ trì nào giúp đỡ đại chúng tọa thiền gọi là Nam), Trung Quốc. Ông xuất thân từ Nho Bồi Thiền«. nghiệp; lúc niên thiếu ngộ trần lao, chí cầu chân đế. Ban đầu ông yết kiến Thạch Đầu BÀNG CƯ SĨ NGỮ LỤC Hy Thiên, chợt có tỉnh, kết bạn với Đan Hà Thiên Nhiên. Sau đó tham vấn Mã Tổ Đạo Ngữ lục 3 quyển, do Bàng Uẩn soạn vào Nhất, ngay dưới lời dạy liền lãnh hội đời Đường, Vu Địch biên tập, được xếp huyền chỉ, và ở lại tham học hai năm. Do vào Tục Tạng kinh tập 120, trang 55. cơ phong lanh lẹ này khiến ông được mọi Quyển 1: Cơ duyên đối thoại giữa Bàng người chú ý. Niên hiệu Nguyên Hòa (806- Uẩn với các vị Mã Tổ, Thạch Đầu Hy 820), ông bắc du Tương Dương (nay thuộc Thiên, Đan Hà Thiên Nhiên, Phổ Tế, Tùng Tương Phàn, tỉnh Hồ Bắc) dắt

theo vợ con Sơn, Đại Mai; hiển thị cơ dụng Không làm ruộng dưới chân núi Lộc Môn. Ngày Không vô tướng, vô vi, vô ngã của ông. nào cũng có người đến hỏi đạo, những lời Quyển 2, 3: Thơ ngũ ngôn, thất ngôn và đáp của ông đều là lời cơ phong, nhân đây các lời nói vụn vặt, đáng làm tấm gương vợ con của ông đều được triệt ngộ. cho người học tu tập. Niên hiệu Thái Hòa (827-835), ông lìa đời, còn để lại Bàng Cư Sĩ ngữ lục 3 quyển.

BÀNG GIA HÀNH CƯỚC BẢNG TRẠNG BÀI THỊ Chư tăng hành cước đến các Thiền viện Trong tùng lâm, mỗi khi làm việc phải tri khác để tham bái. Văn Ích ngữ lục ghi: » đơn, thiết bảng, thư trạng, bài thị v.v… để làm phương tiện thông tri cho đại chúng. Như khi vị Trụ trì mời trà nước Thủ tọa – Các Thượng tọa hành cước đến các hoặc các vị tôn túc từ xa đến đều dùng Thiền viện khác để tham bái, cũng phải xét bảng liệt kê danh sách do thị giả báo cho kỹ, phải có chút đỉnh xuất sắc, chớ ỷ vào biết, gọi là Tri đơn. một ít trí huệ mà bỏ mất thời gian«. Lại, Trụ trì, Tri khố thỉnh mời chiêu đãi trà nước đại chúng thì dùng bảng, Thủ tọa mời BÀNG MIẾT NGỮ thì dùng trạng. Lời dạy thêm, nói thoáng qua để thổ lộ yếu Địa điểm dán trạng, bảng, mỗi cái cũng chỉ của thiền sư đối với người học. Tắc 30, không giống nhau: Phương trượng thỉnh Bích Nham lục (Đại 48, 169 hạ) ghi: » Thủ tọa thì dán bảng ở trên tấm thẻ bên – Viễn Lục phía đông trước nhà Tăng. Tri khố mời Công nói: Đây là lời nói thoáng qua để thổ Thủ tọa thì đem bảng dán ở trên tấm thẻ lộ yếu chỉ«. bên phía tây. Thủ tọa thỉnh Hạ đầu, Thủ trà, thì đem trạng dán trên tấm ván gian BÀNG UẨN dưới trước nhà Tăng. Cư sĩ đời Đường, tự là Đạo Huyền, người Còn sự thông tri hành chính trong tùng lâm đời gọi là Bàng cư sĩ, Bàng ông; người đất đều dùng phương thức treo thẻ để truyền

BẠNG CÁP THIỀN đạt, gọi là Bài thị. BÁO ÂN TỰ Địa điểm treo thẻ, tùy theo công việc mà Còn gọi: Bắc Thiền Tự. nơi treo khác nhau. Như các thẻ báo tin về 1. Chùa nằm ở đường Nhân Dân, Bắc kiết hạ, tụng giới, thỉnh thức, thiếp đan, thành, Tô Châu, tỉnh Giang Tô, Trung phổ Phật v.v… đều treo ở trước Trai Quốc; được xây dựng vào khoảng niên đường. Thượng đường, bỉnh phất, cầu hiệu Xích Ô (238-251), triều Đông Ngô, thỉnh, cầu mưa v.v… treo thẻ ở trước Đại đời Tam Quốc, ban đầu lấy tên »Thông điện. Khởi thất, giải thất v.v… treo thẻ ở Huyền Tự«. trước Thiền đường. Thăng tòa, miễn lễ Niên hiệu Khai Nguyên thứ 26 (738) đời v.v… treo thẻ ở phía trong trước điện Vi Đường, chùa được đổi tên là Khai Nguyên Đà. Tự. Về sau bị phá hủy. Niên hiệu Đồng Quang thứ 3 (925) đời Hậu Đường, Ngô BẠNG CÁP THIỀN Việt Vương Tiền Mục đổi tên chùa là Báo Thiền pháp nêu rõ chân diện mục của bậc Ân Tự. Đời Tống, Vua ban cho tên khác là pháp sư Thiền tông, giống như thấy rõ ruột »Vạn Thọ Báo Ân Quang Hiếu Tự«. gan của con sò (Bạng cáp: con sò). Tắc 18, Khoảng niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) Vô Môn Quan (Đại 48, 295 trung) ghi: » đời Minh, chùa được đổi tên là Bắc Thiền – Ông già Tự, gọi tắt là Bắc Tự. Từ đời Minh Thanh Động Sơn, tham được chút ít Bạng cáp về sau, nơi đây là một đại thiền lâm ở miền thiền«. Đông nam, sản xuất nhiều bậc Thiền sư kiệt xuất. Trong khuôn viên chùa có một BÁO ÂN cái tháp cao 76 m, rộng lớn tráng lệ, đứng Thiền tăng đời Tống, họ Lưu, người xứ Lê đầu các tháp ở Tô Châu và được khen là Dương (nay ở hướng đông nam huyện Hưu »Giang Nam đệ nhất tháp«. Ninh, tỉnh An Huy) Trung Quốc. Sư nối Điện Quán Âm được

xây vào niên hiệu pháp Thiền sư Nghĩa Thanh ở núi Đầu Tử. Vạn Lịch thứ 32 (1604) đời Minh, trong Tác phẩm: Tào Động Tông Phái lục, Thọ điện có tượng »Quán Âm bất nhiễm trần« Bồ Đề Tâm Giới Văn, Lạc Phát Thụ giới cao vài trượng, nên gọi là »Bất nhiễm trần Nghi Văn. Quán Âm điện«; lại do các cấu kiện chủ yếu được sử dụng là cây Nam Mộc nên BÁO ÂN HỒNG TẾ TỰ người đời gọi là »Nam Mộc Quán Âm điện«. Điện này là một ngôi kiến trúc đời Minh hoàn chỉnh nhất hiện còn. Trong điện Chùa Quảng Tế ở đời Nguyên được gọi là còn có 10 bức họa, vẽ về người vật, hoa cỏ, Báo Ân Hồng Tế tự. X. Quảng Tế tự. chim muông, núi sông... Trong chùa vẫn còn các di vật văn hóa cổ như: Bia ghi BÁO ÂN QUANG HIẾU THIỀN TỰ công của Trương Sĩ Thành, Tàng kinh lâu... X. Hạc Lâm tự. 2. Chùa ở góc đông bắc Quan thành, huyện

BẢO CẢNH TAM MUỘI CA Thọ, tỉnh An Huy, Trung Quốc, tương hùng bảo điện, Thất Phật điện, Tàng kinh truyền do ngài Huyền Trang phụng sắc xây lâu, từng bước lên cao kiến trúc càng hùng dựng vào khoảng niên hiệu Trinh Quán vĩ, khí thế hiên ngang, tượng Phật ở mỗi (627-649) đời Đường. Vốn có tên là »Sùng điện ánh vàng rực rỡ chói mắt. Cửa nẻo Giáo Thiền Viện«, »Đông Thiền Viện«, của điện vũ trong chùa điêu khắc tinh xảo »Đông Thiền Tự«. Khoảng niên hiệu Hồng đẹp đẽ, đồ án sinh động, phong cách thuần Võ (1368-1398) đời Minh, chùa được đổi phác cổ xưa tráng lệ. Dưới Tàng kinh lâu tên là »Báo Ân Tự«. Các điện đường hiện có một tượng Phật bằng sứ cao 3,4m được còn là kiến trúc đời Thanh, chủ yếu có: nung vào niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 13 (1415) Sơn môn, Thiên vương điện, Đại hùng bảo đời Minh tạo dáng tự nhiên, dáng vẻ sinh điện, Thiền đường, Khách đường. Đại động. Trong chùa còn có một tháp Hoa hùng bảo điện màu sắc rực rỡ, hùng tráng. Nghiêm bằng đồng được đúc vào đời Minh Trong điện có sắp bày các pho tượng điêu cao 7m, chia làm 3 đoạn 14 tầng, trên tháp khắc từ gỗ, đồng, đất nung. Các tượng lớn có khắc hơn 4700 tượng Phật nhỏ và toàn đời Đường dáng vẻ trang nghiêm, nét mặt bộ văn kinh Hoa Nghiêm, tạo dáng mạnh đầy đặn. Các tượng lớn đời Tống có dáng mẽ đẹp đẽ. Ngoài chùa trên lầu Phượng ngồi yên nhìn xuống, biểu lộ vẻ sống động. Hoàng có một ngôi đình trên treo một đại Các pho tượng đồng đúc vào đời Minh thì hồng chung bằng đồng của trụ trì chùa đơn giản, trong sáng, hồn hậu, có vẻ như Thánh Tích vào khoảng niên hiệu Gia Tĩnh sống. (1522-1566) đời Minh về sau dời đến đây. Các pho tượng đất cuối đời Minh đầu đời Chuông cao 2,3m nặng 2,5 tấn. Trong Thanh, tư thái khác nhau, 18 vị La-hán ngoài chuông có khắc danh tính của vua được tạo hình rất lạ, có thể nói là những tác chúa, bá quan văn võ, cao tăng, cư sĩ cùng phẩm nghệ thuật quý báu. văn bia và hơn 61000 chữ kệ Phật.

BÁO QUỐC TỰ BẢO CẢNH TAM MUỘI BẢN Chùa nằm trên sườn núi Nga My tỉnh Tứ NGHĨA Xuyên, Trung Quốc. Tiền thân tên là »Hội Sách, 1 quyển, do Hành Sách soạn vào đời Tông Đường«, địa chỉ ở cạnh sông Du Già Thanh, được xếp vào Tục Tạng kinh tập bên phải chùa Phục Hổ thờ cúng bài vị 111, trang 267. Sư dùng 6 thứ sách tranh: bằng gỗ của Phổ Hiền Phật gia, Quảng Bảo Cảnh Tam muội, Thiên Chính hồi hỗ, Thành Tử Đạo gia, Sở Cuồng Nho gia, ý Tam điệp phân quái, Ngũ biến thành vị, nghĩa dung hợp tam giáo. Khoảng niên Nhị dụ hiển pháp, Lục hào nhiếp nghĩa để hiệu Thuận Trị (1644-1661) đời Thanh nêu lên tinh nghĩa Trùng ly lục hào, Chính Thiền sư

Văn Đạt dỡ bỏ ngôi đường xây thiên hối hỗ và giải thích cặn kẽ thuyết ngũ cất chùa trên nền cũ để thờ Phật tượng. vị. Niên hiệu Khang Hy thứ 42 (1703) trùng tu, vua ban tên »Báo Quốc Tự«. Chùa dựa BẢO CẢNH TAM MUỘI CA vào thế núi mà xây cất, trên tuyến trục giữa theo thứ lớp có Sơn môn, Di Lặc điện, Đại Còn gọi: Động Sơn Lương Giới Thiền sư

BẢO CẢNH TAM MUỘI HUYỀN NGHĨA Bảo Cảnh Tam Muội, Bảo Cảnh Tam kinh tập 111, trang 279. Muội. Sách, 1 thiên, do Động Sơn Lương Tịnh Nột trình bày và phân tích bản nghĩa Giới soạn vào đời Đường. Bảo Cảnh Tam-muội, giải thích Trùng ly — Thiên này ghi lại huyền chỉ chính thiên lục hào, Chính thiên hồi hỗ của Vân Nham. hồi hỗ của tông Tào Động bằng thể ca Trình bày và giải thích về việc lấy: Chính ngâm. Thuyết Chính thiên hồi hỗ thật ra thiên của Động Sơn Lương Giới làm căn bắt nguồn từ Tham Đồng Khế do Thạch bản để lập Ngũ vị Công huân, Công huân Đầu Hy Thiên soạn. Sau đó Thạch Đầu của Tào Sơn Bản Tịch làm căn bản để lập truyền cho Dược Sơn, Dược Sơn truyền Ngũ vị quân thần, Chính thiên Công huân cho Vân Nham, Vân Nham truyền cho của Thạch Sương làm căn bản để lập Ngũ Động Sơn. Đến đời Động Sơn mới tập đại vị Vương tử, mục đích nhằm hiển bày ý thành thuyết ngũ vị, nên thiên này và Tham chỉ của »Bảo Cảnh Tam Muội Ca«. Đồng Khế đồng là sách căn bản của tông Tào Động, do đó rất được xem trọng. Toàn BẢO CÔNG VIỆN thiên làm theo thể tứ ngôn, gồm 94 câu, 1. Chùa Linh Cốc vào đời Đường gọi là 376 chữ, được xếp vào Quân Châu Động Bảo Công viện. X. Linh Cốc tự. Sơn Ngộ Bản Thiền sư ngữ lục, và Nhân 2. Đời Đường, vào niên hiệu Càn Phù Thiên Nhãn Mục q. 3. (874-879), chùa Khai Thiện vâng lệnh vua Các sách chú thích có: đổi tên là Bảo Công viện. X. Khai Thiện — Bảo Cảnh Tam Muội Huyền Nghĩa. tự. — Bảo Cảnh Tam Muội Bản Nghĩa. — Bảo Cảnh Tam Muội Nguyên Tông BẢO ĐÀM (1129-1197) Biện Mậu. Còn gọi: Thiếu Đàm. Thiền tăng đời Tống, họ Hứa, hiệu Thiếu Vân, người đời gọi sư BẢO CẢNH TAM MUỘI HUYỀN là »Cát Châu Chí Nhân«, người xứ Long NGHĨA Du (nay là Đông Sơn, Tứ Xuyên) Trung Sách, 1 quyển, do Vân Ngoại Vân Tụ soạn Quốc. Sư nối pháp Thiền sư Đại Huệ Tông vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh Cảo. Tác phẩm: Đại Quang Minh Tạng, 3 tập 111, trang 222. quyển. Vân Tụ đem Bảo Cảnh Tam Muội Ca chú thích tỉ mỉ để giải thích nguyên nghĩa vi BẢO GIÁC THIỀN SƯ diệu của nó. Sách này được phụ lục ở Thụy hiệu của Thiền tăng Tổ Tâm đời quyển hạ của Trùng Biên Tào Động Ngũ Vị Tống. X. Tổ Tâm. Hiển Quyết. BẢO GIÁC THIỀN TỰ BẢO CẢNH TAM MUỘI NGUYÊN Chùa nằm ở thành phố Đài Trung, tỉnh Đài TÔNG BIỆN MẬU Loan, Trung Quốc. Năm 1917 Phương trượng chùa Hậu Quả tỉnh Phúc Kiến là Sách, 1 quyển, do Vân Tông Tịnh Nột soạn Hòa thượng Lương Đạt sáng lập. Năm vào đời Thanh, được xếp vào Tục Tạng 1963 khởi công xây dựng một tượng Phật

BẢO HOA SƠN CHÍ Di Lặc cao gần 30m (88 xích) và bắt đầu Phúc quận Mỹ Lương thọ giáo xuất gia với lập ra tạp chí »Tân Giác Sinh« cùng nhà Thiền sư Đa Vân. Tạng kinh trong chùa xuất bản Văn Hóa Phật Giáo Quốc Tế. Đây này do chính tay sư chép lại. Đến khi là một chùa nổi tiếng ở Trung bộ Đài Loan. Thiền sư Đa Vân tịch, sư kế tiếp trụ trì chùa này. Đời sống của sư rất đạm bạc, BẢO GIÁC TỔ TÂM THIỀN SƯ suốt năm chỉ mặc áo gai thô sơ, trong mình NGỮ LỤC không dính một sợi tơ.

Công việc tu trì thì Còn gọi: Hoàng Long Hối Đường Tâm không bao giờ trễ nãi. Hòa thượng ngữ lục, Hoàng Long Am Chủ Kệ thị tịch: ngữ lục, Hối Đường Hòa thượng ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển do Hối Đường Tổ Tâm soạn vào đời Tống, Tử Hòa ký lục, Trọng Giới trùng biên. Nội dung gồm có: Những lời thượng đường của Tổ Tâm, Hỏi đáp »Trí giả do như nguyệt chiếu thiên thay trong thất, Cử cổ tắc trong thất, Kệ Quang hàm trần sát chiếu vô biên tụng. Sách này được xuất bản vào niên Nhược nhân yếu thức tu phân biệt hiệu Nguyên Phong thứ 1 (1078) đời Tống Lãnh thượng phù sơ tỏa mộ yên«. và được xếp vào Hoàng Long Tứ Gia lục, »Người trí khác nào trăng rọi không q. 2. Chiếu soi khắp cõi sáng khôn ngần Nếu người cần biết, nên phân biệt BẢO GIÁC TỰ THÁP Khói mù man mác phủ non chiều«. Tháp nằm ở thành phố Đài Trung, tỉnh Đài Loan, Trung Quốc. Năm 1928 tháp do BẢO HẠNH Pháp sư Lương Đạt một Thiền tăng tông Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông Lâm Tế xây cất. Điện vũ trong chùa hùng Lâm Tế đời thứ 35, nối pháp thiền sư Minh vĩ tráng lệ. Tháp hình tròn, bảy tầng, mỗi Hoằng Tử Dung. Sư húy là Thiệt Vinh, tầng có thờ một tượng Phật Như Lai bằng hoằng hóa ở chùa Viên Tịnh, Khánh Hòa bảy báu. thuộc Đàng Trong, Việt Nam. Theo: Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong của Nguyễn BẢO GIÁM (?-1173) Hiền Đức. Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Thông đời thứ 9, nối pháp Thiền sư Đa BẢO HOA NGỌC THẠCH THÁP Vân. Sư họ Kiều Tên Phù, quê ở làng Trung Thụy miền Bắc Việt Nam (nay X. Đại Bảo Quang tháp. thuộc huyện Đan Phụng, tỉnh Hà Đông). Thuở nhỏ học Nho, thông hiểu Thi, Thơ, BẢO HOA SƠN CHÍ Lễ, Dịch, chữ viết rất đẹp. Sư làm quan Chí, 15 quyển, do Lưu Danh Phương soạn đến chức Cung hậu xá nhân đời Lý Anh vào đời Thanh. Núi Bảo Hoa nằm ở huyện Tông. Cú Dung, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Năm 30 tuổi, sư bỏ quan đến chùa Bảo Tương truyền nơi đây là đạo tràng của

BẢO KIM (1308-1372) Thiền sư Bảo Chí, do vì lâu đời nên bị tập, Tục Pháp truyện, Quang Xán lục, Lịch hoang phế. Mãi đến niên hiệu Vạn Lịch Đại Pháp Bảo ký, chủ trương có sự truyền (1573-1619) đời Minh, thiền sư Diệu thừa của 28 vị Tổ. Sau đó còn có: Tổ Phong xây điện bằng đồng đặt tên là Đường tập, Cảnh Đức Truyền Đăng lục, »Thánh Hóa Long Xương Tự«. Khoảng nhằm xác định chỗ truyền của thuyết 28 vị niên hiệu Khang Hy (1662-1722) đời Tổ. Thanh, được sắc tứ là »Huệ Cư Tự«, do Trí Cự viết sách này nhằm mục đích luận đây mà nổi tiếng ở đời. Khi ấy có Lưu giải rõ ràng về sự quan hệ giữa Tôn giả Sư Danh Phương soạn sơn chí, chia làm 24 Tử và Bồ-đề Đạt-ma. Thế nên, khi sách loại: Sơn đồ, hình thắng, tinh dã, sơn thủy, này ra đời thì bị các thiền sư đời sau viết kiến trí, cổ tích, linh dị, cao tăng, luật sư, sách chê trách. bi minh, bi ký, tháp minh, chiếu sắc, tấu sớ, công di, ký, phú, tự, truyện, tán, khảo, BẢO LÂM TỰ thư, khải, thi. X. Nam Hoa Tự. Tuy sách này có tên là Sơn chí nhưng kỳ thực vì Huệ Cư Tự mà làm, có khắc bản BẢO LIÊN TỰ vào đời Thanh. Chùa nằm lưng chừng núi Đại Dữ, Hồng Kông, Trung Quốc. Xung quanh có núi BẢO KIM (1308-1372) Phụng Hoàng, Di Lặc, Liên Hoa, Mộc Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên-đầu Ngư, Sư Tử Đầu. Vốn được gọi »Hồng đời Minh, họ Thạch, người xứ Vĩnh Thọ Kông Đệ Nhất Thiền Lâm«. Khoảng niên Càn Châu (nay thuộc Thiểm Tây) Trung hiệu Tuyên Thống (1909-1911) đời Thanh Quốc. Vua nhà Nguyên ban cho sư hiệu hai vị Thiền sư Đại

Duyệt và Đốn Tu từ »Tịch Chiếu Viên Minh«. Sư nối pháp Kim Sơn, Giang Tô đến đây khai sơn. Năm Thiền sư Như Hải. 1924 Hòa thượng Kỷ Tu chùa Giang Thiên, Kim Sơn đến đây đảm nhiệm trụ trì, BẢO LÂM TRUYỆN đặt tên là »Bảo Liên Tự«, năm sau khởi Còn gọi: Đại Đường Thiều Châu Song công xây dựng Đại điện. Năm 1930 Hòa Phong Sơn Tào Khê Bảo Lâm truyện, Tào thượng Phiệt Khả kế nhiệm trụ trì mở rộng Khê Bảo Lâm truyện, Song Phong Sơn Tào xây dựng trước sau hoàn thành Địa Tạng Khê Bảo Lâm truyện. Truyện, 10 quyển, do điện, Tổ đường, Ngũ quán đường, Bát nhã Trí Cự soạn vào niên hiệu Trinh Nguyên thiền đường. Năm 1969 khánh thành Đại thứ 17 (801) đời Đường, được xếp vào hùng bảo điện, khí thế hào hùng. Đây là »Tống Tạng Di Trân«. một ngôi chùa nổi tiếng ở Đông Nam Á. Chùa Bảo Lâm ở Tào Khê, Thiều Châu là đạo tràng của Tổ Huệ Năng tuyên dương BẢO NHẬM Thiền pháp nên lấy đây làm tên sách để Sau khi ngộ thiền, còn cần phải gìn giữ, làm sáng tỏ pháp thống của Ngài. bảo vệ gọi là Bảo nhậm. Tiết Hoa Dược Nội dung gồm có những tác phẩm về lịch Trí Bằng Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: sử Thiền tông như: Đàn Kinh, Ngũ Minh »

BẢO QUANG TỰ Lâm Yên Tử, đời thứ 2, Việt Nam. Sư là người phụ giúp Giác Hoàng trong việc tổ chức và xây dựng phái thiền Trúc Lâm khi – Sư liền khế ngộ và nói: Hóa ra thế mới thành lập. Sau được vua Trần Anh ấy. Thành (chỉ thiền sư Khô Mộc Thành) Tông phong làm Quốc sư. Theo: Thiền bảo: Ngươi hội cái gì? Sư đáp: Mùa xuân Uyển Tập Anh. gieo hạt, mùa hạ lớn lên, mùa thu gặt hái, mùa đông cất chứa. Thành bảo: Nhất thiết BẢO PHÚC TỰ phải bảo nhậm. Sư ứng thanh: Dạ.« Chùa ở núi Đại Mai, huyện Ngân, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Niên hiệu Khai BẢO NINH TỰ Thành thứ 1 (836) đời Đường, Thiền sư Chùa nằm trong thành phố Nam Kinh, tỉnh Pháp Thường kết am tranh ở nơi đây, về Giang Tô, Trung Quốc. Được xây cất vào sau dần dần trở thành thiền vũ, ban đầu tên niên hiệu Xích Ô thứ 4 (241) đời Đông là »Kim Văn Viện«. Thời Tống Nhân Ngô thời Tam Quốc. Thời Nam triều Lưu Tông xây cất lại đổi tên là »Huệ Chiếu Tống chùa tên »Kỳ Viên Tự«. Khoảng Tự«. Thời Nam Tống còn gọi là »Bảo niên hiệu Khai Nguyên (713-741) đời Phúc Tự«. Đường đổi tên là »Trường Khánh Tự«. Khoảng niên hiệu Bảo Đại (943-957) đời BẢO PHÚC VIỆN Nam Đường lại đổi tên là »Phụng Tiên Nằm trong núi Bảo Phúc, huyện Long Khê, Tự«. Khoảng niên hiệu Thái Bình Hưng tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Niên hiệu Quốc (976-984) đời Tống vua ban cho tấm Trinh Minh thứ 3 (917) đời Hậu Lương, biển »Bảo Ninh Tự«, đương thời trong Thứ sử Chương Châu là Vương Công chùa có những kiến trúc như Phụng hoàng Khâm sáng lập. Tổ sư khai sơn là ngài đài, Bạch tháp, Quán Âm điện, La hán Tùng Triển, pháp tự của Tuyết Phong đường, Thủy lục đường, tăng chúng ước Nghĩa Tồn trụ ở núi này hơn 12 năm, kẻ khoảng 500 người. Niên hiệu Chính Hòa học đạo tụ tập thường hơn 700 người. Niên thứ 7 (1117) vua ban sắc đổi tên là »Thần hiệu Thiên Thành thứ 3 (928) Tùng Triển Tiêu Cung«. Niên hiệu Kiến Viêm thứ 1 thị tịch. Về sau lần lượt có các vị cao tăng (1127) khôi phục tên cũ. Niên hiệu Kiến trụ trì như Siêu Ngộ, Khả Trù, Thanh Viêm thứ 3 (1129) vua Cao Tông làm Khoát hoằng dương tông môn. thành hành cung, chùa bị phá hủy. Pháp Dung, Tổ của tông Ngưu Đầu đời Đường BẢO PHƯƠNG đã

từng trụ ở chùa này hưng thịnh một Thiền tăng đời Minh, đắc pháp nơi Thiền thời. Về sau các vị cao tăng trụ trì có sư Di Phong Ninh, cơ phong bén nhạy. Phụng Tiên Huệ Đồng, Bảo Ninh Nhân Dũng, Cổ Lâm Thanh Mậu. BẢO QUANG TỰ Còn gọi: Bảo Quang Thiền Viện. Chùa BẢO PHÁC (Thế Kỷ XIV) nằm ở phía Bắc trung tâm huyện Tân Đô, Thiền tăng đời Trần, thuộc Thiền phái Trúc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. Tương truyền

BẢO SÁT (THế Kỷ XIV) được xây cất vào thời Đông Hán, đời Tùy tâm được như thế thì gần đến Bảo sở, tên là »Đại Thạch Tự«. Niên hiệu Quảng quyết chẳng dối gạt nhau«. Minh thứ 2 (881) đời Đường, vua Đường Hy Tông vì tránh nạn Hoàng Sào khởi BẢO THANH (1752-1859) nghĩa mà chạy đến Tứ Xuyên dừng chân Thiền tăng đời Nguyễn, thuộc tông Lâm Tế nơi đây, ở phía sau chùa tu tạo hành cung, đời thứ 40, nối pháp Thiền sư Tính Thông sai Quốc sư Ngộ Đạt trùng tu tự viện và Giác Ngộ. Sư húy Hải Chính, người Việt tháp xá-lợi, đổi tên là »Bảo Quang Tự«. Nam. Sư lập chùa Vân Sơn, trông coi chùa Đến đời Tống khi Thiền sư Viên Ngộ trụ Long Bàn (Bà Rịa) và chùa núi Chứa Chan trì thì tăng chúng có trên 3000 người. Đây (Long Khánh). Theo: LSPGĐT của là thời kỳ hưng thịnh nhất từ khi cất chùa Nguyễn Hiền Đức. đến nay. Cuối đời Minh chùa bị binh lửa thiêu hủy. Niên hiệu Khang Hy thứ 9 BẢO THÔNG (1670) đời Thanh xây dựng lại. Từ đây về Hiệu của Thiền tăng Đại Điên đời Đường. sau trải qua 200 năm lần lượt xây dựng mở X. Đại Điên. rộng, tự viện điện đường càng thêm hùng vĩ tráng lệ xanh vàng rực rỡ. Chiếm diện BẢO THÔNG TỰ tích 9 ha, trong đó diện tích kiến trúc hơn 2 Chùa nằm ở phía nam sườn núi Vũ Xương ha. Trên tuyến trục giữa y theo thứ lớp có Hồng Sơn, thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ những kiến trúc như Bức tường bình phong Bắc,Trung Quốc. Là một trong bốn đại chữ »Phúc«, Sơn môn điện, Xá-lợi tháp, tùng lâm ở Vũ Hán. Nguyên tên là »Sùng Thất Phật điện, Đại hùng bảo điện, Tàng Ninh Vạn Phật Thiền Tự«, được xây cất kinh lâu. Hai bên có lầu chuông trống, nhị vào khoảng niên hiệu Đoan Bình (1234- bài phòng, hành lang tả hữu, phương 1236) đời Tống. Khoảng niên hiệu Đại trượng bảo đông tây; ngoài ra còn có 16 Đức, Chí Thuận (1297-1333) đời Nguyên tòa Tứ hợp viện liên tiếp với nhau. Nghi từng nhiều lần mở rộng xây dựng. Niên quỹ Thiền tông đầy đủ như Thiền đường, hiệu Hồng Vũ thứ 6 (1373) đời Minh vua Giới đường, Pháp đường, Trai đường, là Sở Chiêu Vương sửa sang xây cất lại. Niên nơi tập trung hiển bày phong cách cùng hiệu Thành Hóa thứ 21 (1485) đời Minh, diện mạo thiền tự. đổi tên là »Bảo Thông Thiền Tự«. Nhân Đại sư Từ Nhẫn cúng dường »Phật BẢO SÁT (thế kỷ XIV) túc«(Bàn chân đức Phật) cho chùa đem từ Thiền tăng đời Trần, thuộc thiền phái Trúc núi Đại Hồng, Tùy Châu sang nên còn gọi Lâm Yên Tử, đời thứ 2, Việt Nam. »Hồng Sơn Tự«. Niên hiệu Khang Hy thứ 15 đến 30 (1676-1691) mô phỏng theo các BẢO SỞ chùa lớn ở Tây Sơn, Bắc Kinh mà xây cất Dụ chỉ cảnh giới cao tột của Đại thừa, tức lại hùng vĩ tráng lệ, được coi là giàu có và thành Phật. Tiết Tục Nghệ Ngôn trong đẹp đứng vào bậc nhất thiên hạ. Niên hiệu NHQL q. 30 ghi: » Hàm Phong thứ 2 (1852) bị phá hủy bởi – Nếu dụng binh lửa. Hiện chỉ còn kiến trúc vào niên

BẢO ỨNG THIỀN SƯ hiệu Quang Tự thứ 5 (1879) xây cất lại, huyện Lâu Duy Tung mời tăng nhân Phổ chủ yếu có Sơn môn, Ao phóng sinh, Cầu Tĩnh tu sửa lại và

đem những cây bách khô thánh tăng, Điện tiếp dẫn, Điện thờ phụ hai còn sót lại sau hỏa hoạn do ngài Phật Ấn bên, Đại hùng bảo điện, Tổ sư điện, Thiền trồng mà điêu khắc thành tượng Tam Hiền. đường, Thiết Phật điện, Tàng kinh các. Đời Thanh thi nhân Uông Ứng Triệu có Những kiến trúc này vừa hiên ngang vừa làm thơ vịnh về việc này như sau: »Cổ tự tĩnh mịch nhấp nhô theo thế núi ẩn hiện tự vân phong trụ Liễu Nguyên. Tô, Hoàng lưu nhiên. Văn vật còn lại trong chùa gồm có ngụ đáo kim truyền, cố nhân khởi ý nạp y một đại hồng chung đúc vào khoảng niên tặng, kỷ ảnh ưng thiêm bách tử thiền« hiệu Gia Hy đời Tống (1237-1240), một (Mây phủ chùa xưa trụ Liễu Nguyên. Tô, đôi sư tử bằng đá điêu khắc vào đầu đời Hoàng lưu ngụ đến nay truyền, cố nhân Minh. Phía sau chùa có tháp Hồng Sơn đâu muốn nạp y tặng, kỷ ảnh những thẹn thấp thoáng giữa tùng bách xanh tươi. bách tử thiền). Chùa chiền đã bị phá hủy, hiện nay chỉ còn ba tấm bia đá khắc sự tích BẢO TÍCH Phật Ấn và chùa Bảo Tích. Thiền tăng đời Đường, nối pháp Mã Tổ 2. Chùa nằm ở phía bắc Tào Sơn, huyện Đạo Nhất, thụy hiệu »Ngưng Tịch Đại Nghi Hoàng, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Sư«. Khoảng niên hiệu Càn Ninh (894-897) đời Đường Tào Sơn Bản Tịch sáng lập, bản BẢO TÍCH TỰ danh »Hà Ngọc Quán«, biệt danh »Sùng 1. Chùa nằm ở thị trấn Cảnh Đức, tỉnh Thọ Viện«. Đời Tống vua ban cho tấm Giang Tây, Trung Quốc. Khoảng niên hiệu biển »Bảo Tích Tự«. Đệ tử nối pháp của Đại Trung (847-859) đời Đường tăng nhân Bản Tịch là Huệ Hà cũng trụ ở chùa này. U Công sáng lập. Thiền tăng Liễu Nguyên đời Tống xuất gia nơi đây, sau khi vân du BẢO TÍNH (?-1034) đến Kinh Sư, vua Tống Thần Tông ban Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn hiệu »Phật Ấn«. Từng kết thi thiền xã với Thông đời thứ 7, nối pháp Thiền sư Định Tô Thức, Hoàng Đình Kiên, tình giao hảo Hương. Sư họ Nghiêm, quê ở Châu Minh, rất đậm đà. Hai họ Tô, Hoàng cũng từng đi miền Bắc Việt Nam. Sư hoằng hóa ở chùa lại chùa Bảo Tích. Phật Ấn có làm thơ Cảm Ứng trên núi Ba Sơn, phủ Thiên Đức rằng: »Dữ quân cộng kết thi thiền xã, hà (nay thuộc tỉnh Hà Bắc). Theo: Thiền Uyển nhật tùng quan thoại thử tâm« (Cùng anh Tập Anh. đồng kết thi thiền xã, thoải mái ngày nào nói về tâm. ) Người đời sau xây cất »Tam BẢO TRIỆT Hiền Đường« ở phía sau chùa để thờ cúng. Thiền tăng đời Đường, trụ núi Ma Cốc, nối Cuối đời Nguyên chùa bị phá hủy, niên pháp Mã Tổ Đạo Nhất. hiệu Hồng Vũ thứ 17 (1384) đời Minh được trùng tu. Cuối đời Minh binh loạn BẢO ỨNG THIỀN SƯ tăng tán, chùa chiền bị sụp lở. Niên hiệu Thiền tăng Huệ Ngung đời Ngũ Đại trụ Thuận Trị thứ 7 (1650) đời Thanh, Tri viện Bảo Ứng, người đời gọi là Bảo Ứng

BẢO VĂN ĐẠI SƯ Thiền sư. X. Huệ Ngung. BÃO TÙNG LÂM Đối lại: Thiếu tùng lâm. Còn gọi: Cửu BẢO VĂN ĐẠI SƯ tham, lão tham, cựu tham. Hiệu của Thiền tăng Duy Kính đời Ngũ 1. Người tham thiền học đạo lâu năm (d. Đại. X. Duy Kính. từ); 2. Tham thiền học đạo một cách lâu dài (đ. từ). Cổ Tôn Túc ngữ lục q. 39 (Vạn BÃO KIỀU TRỤ THÁO TẨY Tục 118, 332 hạ) ghi: » (1)

Còn gọi: Bão Xuân đả phách phù (2) – Sở dĩ ngài Triệu Châu 80 1. Hai tay ôm chặt cột cầu mà muốn cọ tuổi vẫn còn hành cước, chỉ vì muốn tham rửa, thiền tu tập một cách lâu dài và để cái thấy 2. Hai tay ôm chặt cây Xuân mà muốn đi của mình không còn bị giới hạn«. chơi. Giống như người muốn được lãnh ngộ tự BÁT tâm mà cứ chấp chặt giáo điều. Xấu xa, hư hỏng. Từ phản nghĩa của chữ Hảo . Tiết Thái

Dương Huyền Thiền sư BÃO PHÁC (?-1629) trong NGCTT q. 3 ghi: » Thiền tăng đời Minh, họ Lạc, người xứ Lâm An (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) – Trong Trung Quốc. đống thanh sắc cố nói có con đường xuất Năm 15 tuổi, sư đến chùa Diệu Nghiêm thân. Nếu không phải là giảng sư dở dở cạo tóc làm tăng. Năm 22 tuổi đến chùa ương ương thì ai làm cho ngươi phải chịu Vân Thê thọ giới Cụ túc. Ít lâu sau sư ở ẩn rách giày hư áo? (Hành cước vất vả). «. trong núi Kính Sơn. Một hôm, sư bỗng rỗng rang thấu suốt, liền đến Kinh Khê, BÁT BẢO NGỌC THẠCH THÁP thưa hỏi thiền sư Chính Truyền nhờ ngài ấn chứng; làm truyền nhân tông Lâm Tế. Tháp nằm trong khuôn viên Thảo Đường Tác phẩm: Thiền tông hải ông. Thiền Tự cách trung tâm huyện Hộ, tỉnh BÃO TANG KHIẾU KHUẤT Thiểm Tây, Trung Quốc 20km về phía đông nam. Tháp do ngọc thạch tám màu trắng, xanh, đen, vàng,hồng, lam, tía, xám Tay ôm tang vật mà miệng kêu oan. Thiền điêu khắc khảm nạm làm thành, ngọc bóng tông dùng dụ này để chỉ cho sự chối cãi và lóa mắt, ánh sáng có thể soi người cho nên biện giải hết sức vụng về, đáng buồn cười. gọi là »Bát Bảo Ngọc Thạch Tháp«. Thân Tiết Trí Hải Đạo Bình Thiền sư trong tháp tổng cộng cao 2,33 m hình bát giác 1à NĐHN q. 12 ghi: » tầng. Tầng đáy tháp là tòa núi Tu-di có – Người xưa nói như thế khắc nổi. Thân tháp điêu khắc ô cửa sổ, thật đáng buồn cười vì giống như sự chối cửa hai cánh. Dưới mái che đỉnh tháp có cãi và biện giải hết sức vụng về«. khắc chìm nhiều tượng Phật đường nét thô thiển. Tháp này tạo dáng xinh xắn kì đặc,

BÁT-NHÃ QUÁN CHIẾU toàn thân tháp được khắc hoa văn, Phật – tượng cũng rất tinh mỹ. Tương truyền xá- Song thâu song phóng làm tông yếu (Có lợi của ngài Cưu Ma La Thập được đặt mấy người biết ông ta có thủ đoạn chu dưới tháp. toàn khéo léo, sẽ cho rằng thật sự có việc như thế!)«. BÁT BỔNG Tám thứ gậy: BÁT HỎA MÍCH PHÙ ÂU 1. Giải lệnh chỉ huyền bổng: Gậy phạt. 2. Tiếp cơ tùng chính bổng: Gậy tiếp cơ, đáng đánh thì đánh. Bươi trong than lửa tìm bọt nước. Dụ cho 3. Khảo huyền thương chính bổng: Gậy việc làm điên đảo hoang đường. Tiết Tư phạt người học ưa việc lạ lùng, dựa vào Không Bản Tịnh Thiền sư trong NĐHN q. huyền diệu làm tổn thương chính lý. 2 ghi: » 4. Ấn thuận tông chỉ bổng: Gậy thưởng – Tính người học tương ưng với tông chỉ của đạo như hư không, hư không làm sao tu? Thầy. Xem thấy kẻ tu đạo đang làm việc điên đảo 5. Thử nghiệm hư thực bổng: Gậy không hoang đường«. thưởng không phạt, vừa thấy liền đánh để thử sự tu hành của người học xem hư hay BÁT MY thực. Còn gọi: Bát my kích mục. Vén lông mày, 6. Manh gia hạt bổng: Gậy đánh bậy vì là cách thị cơ trong nhà Thiền, là động thái không sáng mắt. Đây là lỗi của Tông sư. ngữ khi ứng cơ của thiền tăng. Tiết Long 7. Khổ trách ngu si bổng: Gậy trách mắng Quang Hòa thượng trong TĐT q. 12 ghi: người học ngu si. » 8. Tảo trừ phàm thánh bổng: Gậy đánh để – Hỏi: Người xưa quét sạch phàm thánh. thấy sao được ngộ, là ý làm sao? Sư lấy tay vén lông mày«. BÁT CHỈ ĐẦU ĐÀ (1851- 1912) BÁT-NHÃ QUÁN CHIẾU Thiền tăng cận đại, họ Hoàng, tên Kính An, tự Ký Thiền, người xứ Tương Đàm, Hồ Nam, Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Dùng trí huệ Phật pháp để xem xét, nhận Hằng Chí. Tác phẩm: Bát Chỉ Đầu-đà thi thức mọi sự lý. Đàn Kinh bản Đôn

Hoàng tập, 8 quyển; Tước Mai Ngâm Cảo, 1 ghi: » quyển.

– Nếu ngươi chẳng được BÁT DIỆN LINH LUNG tự ngộ, cần dùng trí huệ Phật pháp để xem Thủ đoạn chu toàn khéo léo. Trong bài xét, nhận thức tất cả sự lý. Trong khoảng tụng tắc 68 của Bích Nham lục q. 7: » sát-na, vọng niệm đều diệt, trí huệ đó chính là bậc Thầy chân chính của mình.«

BÁT-NHÃ TRỰC GIẢI BÁT-NHÃ TRỰC GIẢI chỉ cho việc vạch cỏ đón gió. Thiền tông Kinh sớ, 1 quyển, do Thanh Đàm Minh mượn cụm từ này để chỉ cho việc trừ dẹp Chính (Thiền sư Việt Nam) giải, Thanh cỏ hoang vô minh, ngưỡng vọng huyền Thành sao, Thanh Đức chép. Nội dung bao phong của Phật Tổ. Nghĩa là đoạn trừ vọng gồm: tưởng, tham cứu đến chỗ huyền diệu. Động — Lời tựa khắc kinh của Hội Phật Giáo Sơn ngữ lục (Đại 47, 507 trung) ghi: » Bắc Kỳ năm 1943.

— Lời tựa dẫn của Tỳ kheo Thanh Hanh vào năm thứ 9 (1933) Hoàng triều Bảo – Từ đây đến Lễ Lăng ở huyện Đại. Du, nơi các thất đá liền nhau có một đạo — Tựa của ngài Minh Chính. nhân tên Vân Nham. Nếu ngươi có khả — Phần trực giải. năng đoạn trừ vọng tưởng, tham cứu đến — Phần Kệ tụng gồm: Mười tắc cương chỗ huyền diệu, chắc chắn sẽ được y ta quý lĩnh; bốn phần »Tín, giải, hạnh, chứng« để trọng«. chỉ dạy phương pháp tu trì chính pháp; hai mươi thiên hậu bạt để xiển dương công BÁT THIÊN năng chí cực đốn liễu; bốn câu kệ Bát-nhã Từ hình dung cái rất to, rất nhiều. Tiết Tây của Cổ đức; Duy tâm thức quán tứ trí luận Thiền Thủ Tịnh Thiền sư trong NĐHN q. của Bồ Tát Mã Minh; kệ Sáu căn bảy đại 20 ghi: » của Tổ Trúc Lâm Điều Ngự để diễn rộng tông chỉ của Tâm Kinh. – Trên đỉnh đầu của Phật Tổ, có rất — Phần phụ lục: Huệ Năng Đệ lục tổ Lạc nhiều đại lộ. (Nếu) chưa thấu qua ải sinh Đạo Ca. tử làm sao dám bước lên?«. Sách này được khắc bản vào niên hiệu Thành Thái thứ 15 (1903). BÁT THIÊN CHÍ KHÍ Hình dung chí khí rất cao, chí khí ngất trời. BÁT QUÁI THIỀN TỰ Tiết Thị Nghiệp Hải Tịnh Thiền sư trong Thiền tự nổi tiếng, nằm bên núi Bát Quái, MBTL q. trung: » làng Đào Nguyên, thành phố Chương Hóa, tỉnh Đài Loan, Trung Quốc. Năm 1947 Dương Kim Đới cất am tranh năm gian nơi – Bậc đại trượng phu đây, gọi là »Phúc Hàm Đường«. Năm sau mang một chí khí ngất trời, bỏ trần lao, lìa ông mất, trưởng tử Dương Đắc Ý kế nhiệm lưới ái, ra khỏi tùng lâm, vào bảo xã, chỉ vì trụ trì đổi tên là »Bát Quái Tự«. Năm 1954 một việc rất lớn là sinh tử vô thường«. đổi tên là »Bát Quái Thiền Tự«. Năm 1966 xây cất mở rộng đại điện và chái nhà. BÁT TRƯỚC TIỆN CHUYỂN BÁT THẢO CHIÊM PHONG Một khi được thiền sư khải phát (khêu gợi), người học lập tức lãnh hội. Tiết Thị Còn gọi: Bát thảo tham huyền. Nghĩa đen Dục Tạng Chủ trong DTNL q. 3 ghi: »

BẮC GIẢN CƯ GIẢN THIỀN SƯ NGỮ LỤC BÁT VU TRƯỚC BÍNH Lắp thêm tay cầm vào chiếc bình bát; tỷ dụ việc làm dư thừa, phiền phức, rất đáng tức – Nếu ngươi là cười. Tiết Long Môn Thanh Viễn Thiền sư hạng căn cơ linh lợi, một khi được khải trong NĐHN q. 19 ghi: phát lập tức lãnh hội, như sư tử bên vực

thẳm muôn trượng, bị bức bách liền biết phóng mình, rống lên một tiếng, trăm thú »Bát vu trước bính tân phiên dạng. đều nhức óc, mới có chút ít khí khái của Ngưu thượng kỵ ngưu tiếu sát nhân«. nạp tăng«. »Bình bát thêm quai đổi kiểu mới, Cưỡi trâu tìm trâu đáng tức cười« BÁT TỰ ĐẢ KHAI Mở toang ra như hình chữ Bát; Không dấu BẠT BẢN diếm, che đậy. Bát-nhã trực giải, phần thứ 1. Vớt vát lại tiền vốn. nhất ghi: 2. Cứu vãn tổn thất. Bích Nham lục q. 1 ghi: » – Bên phía đông bất lợi, bên phía tây cứu vãn tổn »Bát tự đả khai phân phó liễu thất«. Cánh vô dư sự khả trình quân«. »Tất cả mở toang giao phó hết BẠT KHẾ TRỪU ĐINH Còn gì đâu nữa để trình anh«. Nhổ đinh tháo chốt, dụ cho việc trừ bỏ tục tình mê chướng, lóng lặng vọng tưởng. BÁT VÔ NHÂN QUẢ Mật Am ngữ lục ghi: » Phủ định lý thuyết nhân quả báo ứng. Phật giáo cho rằng đây là một loại tà kiến; nhà thiền cho lý thuyết nhân quả báo ứng chỉ là – Vào cõi bụi giáo thuyết thích ứng với cơ nghi nhất thời, hồng, trong chốn thuận nghịch, cùng với pháp môn phương tiện của Phật, chứ mọi người hòa bùn hợp nước, nhổ đinh không phải pháp môn căn bản triệt ngộ. tháo chốt, khiến họ từ chỗ chẳng tỉnh Nhưng nếu chấp cố định không nhân quả chẳng biết chợt thấy suốt bản tâm, ngộ thì cũng bị xem là chấp trước vọng tâm. được bản tính«. Bài tháp minh của Phụ Cát Tất trong MANL q. cuối ghi: » BẮC GIẢN CƯ GIẢN THIỀN SƯ NGỮ LỤC – Tiếp lấy sự lý hư huyễn Còn gọi: Bắc Giản Hòa thượng ngữ lục, chẳng thật, lầm nhận thoại đầu, phủ định Bắc Giản ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do lý thuyết nhân quả báo ứng, sinh đại ngã Bắc Giản Cư Giản soạn vào đời Tống, Vật mạn, lại rơi vào tà kiến, rõ ràng chẳng tự Sơ Đại Quan biên tập, được xếp vào Tục hay biết.« Tạng kinh tập 121, trang 128. Nội dung bao gồm ngữ lục của Cư Giản tại viện Bát-

BẮC KINH THIÊN NINH TỰ nhã ở Đài Châu, chùa Thiết Quan Âm ở BẰNG NGẠN (913-961) Hồ Châu, chùa Viên Giác ở An Kiết Châu, Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Thái, người xứ chùa Huệ Nhật ở phủ Bình Giang, và các Vĩnh Gia (nay là Ôn Châu, Chiết Giang) phần Tiểu tham, Bỉnh phất, Cáo hương phổ Trung Quốc, nối pháp Thiên Thai Đức thuyết, Tụng cổ, Kệ tụng, Tiểu Phật sự. Có Thiều Quốc sư. Thụy hiệu »Quảng Pháp phụ lục lời tựa của các vị Thạch Khê Tâm Thiền sư«. Nguyệt… BẦN TỬ Y CHÂU BẮC KINH THIÊN NINH TỰ Kẻ nghèo khổ cùng quẫn trên thân tự có ngọc quý, dụ chỉ chúng sinh vốn có Phật Chùa nằm ngoài cửa Quảng An, khu tính. Tiết Pháp Xương Ỷ Ngộ Thiền sư Tuyên Vũ, thành phố Bắc Kinh, Trung trong NĐHN q. 10 ghi: » Quốc. Sáng lập vào thời kỳ vua Hiếu Văn Đế (471-499) đời Bắc Ngụy. Ban đầu tên – Tổ sư từ là »Quang Lâm Tự«. Niên hiệu Nhân Thọ phương Tây đến, đặc biệt đề xướng việc thứ 2 (602) đời Tùy đổi tên là »Hoằng nầy, chỉ cần người đương thời biết rõ là họ Nghiệp Tự«. Khoảng niên hiệu Khai giống như kẻ nghèo khổ cùng quẫn trên Nguyên (713-741) đời Đường đổi tên là thân tự có ngọc quý, chẳng từ người khác »Thiên Vương Tự«. Niên hiệu Đại Định mà được.« thứ 21 (1181) đời Kim lại gọi là »Đại Vạn An Thiền Tự«. Vào cuối đời Nguyên chùa BẤT CẬP bị thiêu hủy bởi binh lửa, điện vũ không Không được, không bằng. Đặt sau động từ còn. Chỉ còn một tòa tháp gạch đặc ruột nhằm nhấn mạnh giải thích hành vi

động xây dựng vào đời Liêu. Vào đầu đời Minh tác không có cách hoàn thành, hoặc không xây cất lại tự viện, niên hiệu Tuyên Đức có cách đạt đến mục đích. Tiết Thanh thứ 10 (1435) đổi tên gọi như ngày nay. Lương Hưu Phục Thiền Sư trong NĐHN q. Niên hiệu Chính Thống thứ 10 (1445) mở 8 ghi: » giới đàn nơi đây, gọi là »Quảng Thiện Giới – Đàn« mời thỉnh mười vị Tông sư. Mỗi năm Tăng hỏi: Thế nào là chỗ xuất thân của vào hạ tuần tháng tư tập hợp tăng chúng học nhân? Sư đáp: Ngàn thứ so chẳng thọ giới thuyết pháp, gọi là viên giới. được, muôn thứ sánh không bằng.« Tương truyền lúc ấy tụ tập tăng ni gần một vạn người. Hiện còn điện vũ được trùng tu BẤT DĨ NHI DĨ vào niên hiệu Càn Long thứ 21 (1756) đờiBất đắc dĩ mà làm. Tiết Ba Tiêu Kế Triệt Thanh. Thiền sư trong NĐHN q. 9 ghi: » BĂNG BÍCH LÃO NHÂN – Ngày xưa Đức Phật ở tại nước Ba-la-nại, Phạm Hiệu của thiền tăng Duy Tắc đời Nguyên. Vương thỉnh Phật thuyết pháp, Đức Phật X. Duy Tắc. bất đắc dĩ mà làm. Vì thuyết pháp về Tứ

BẤT KHẢ TƯ NGHỊ Đế thì chưa đúng với Tông chỉ của Thiền«. BẤT GIẢ Không cần, không phải. Uyển Lăng lục BẤT DỊ ghi: » – Hỏi thăm, lời nói an ủi, tương đương với Bản thể xưa nay là Phật, không cần tu mới »Tân khổ liễu« (vất vả quá), »Chân tân thành.« khổ« (thật là nhọc nhằn). Tiết Hoằng Nhẫn Hòa thượng trong TĐT q. 2 ghi: » BẤT GIẢO ĐA Na ná, chẳng khác mấy. Tiết Quế Sâm – Sư lại đi xuống nhà giã Thiền sư trong CĐTĐL q. 21 ghi: » gạo, lúc thuận tiện hỏi hành giả: Thật là … nhọc nhằn! Hành giả, gạo đã trắng chưa?« – Sư hỏi tăng: Từ đâu đến đây? BẤT ĐA AN LẠC Đáp: Từ Tần Châu đến …. Sư lại hỏi: Tần Khó ở, bị bệnh. Tiết Ngạc Châu Vô Đẳng Châu há không phải là nơi có nhiều chim Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: » vẹt sao? Tăng thưa: Chim vẹt sản suất ở Lũng Châu. Sư bảo: Cũng na ná.« – Hai ba bữa rày lão tăng bị bệnh, Đại đức có mang BẤT HỨA DẠ HÀNH, ĐẦU MINH theo bên mình thuốc men gì cho lão tăng TU ĐÁO xin một ít.« Không cho đi đêm, trước khi trời sáng phải BẤT ĐẢO ĐƠN đến. Đây là lời nói lạ lùng mà thiền sư Ban đêm không ngủ, ngồi kiết già một chỗ, thường dùng. Tiết Phong Huyệt Diên hoặc niệm Phật hoặc tham thiền hoặc khán Chiểu Thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: thoại đầu, bất kể ngày đêm. Đây là hạnh tu » thiết yếu để liễu sinh thoát tử, chóng chứng – Hỏi: Khi đã Niết-bàn. triệt ngộ thì thế nào? Sư đáp: Ban đêm không cho đi, trước khi trời sáng phải BẤT ĐIỆT đến«. Không ngớt, không dứt, đặt ở sau động từ. Tiết Phù Dung Đạo Giai Thiền sư trong BẤT KHẢ TƯ NGHỊ NĐHN q. 14 ghi: » Sự lý tột cùng vi diệu, không thể tưởng tượng, khó dùng lời nói để diễn đạt. Tiết Huệ Trung Quốc Sư trong TĐT q. 3 ghi: – Nếu nói rằng tôi phải có đủ bốn » sự cúng dường rồi mới phát tâm tu hành, chỉ e làm chuyện phi pháp không dứt thì đã chết đi rồi. Thời giờ nhanh chóng tợ tên – Cổ đức nói: Xanh bay, thật là đáng tiếc.« xanh trúc biếc đều là chân như, rực rỡ hoa vàng không gì chẳng phải là Bát-nhã. Có

BẤT LẠC DANH NGÔN người không chịu cho là tà thuyết, cũng có lời nói nơi cửa miệng. Tiết Long Hoa Hiểu người tin, bảo là ›Bất khả tư nghị‹. Con Ngu Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » không biết làm sao đây?« – Một câu không rơi vào môi mép làm sao nói?« BẤT LẠC DANH NGÔN Chỉ thiền pháp cùng danh từ khái niệm BẤT LẬP NGHĨA GIẢI không có gì liên hệ, chẳng thể dùng ngôn Chỉ thiền pháp vượt khỏi lời nói, ý nghĩa, ngữ văn tự để biểu đạt. Phần »Nghệ ngôn« không cần so sánh, giải thích. Bài tựa của trong NHQL q. 29 ghi: » Bùi Hưu trong Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » – Thể tính vắng lặng không liên hệ gì đến danh từ khái niệm. Hễ có giải thích đều trái với bản sắc.« – Chứng đó, như không có mới cũ, không có sâu cạn. Nói đó, thì vượt khỏi lời BẤT LẠC GIAI CẤP nói ý nghĩa, không cần so sánh giải thích, Không mắc kẹt vào thứ tự đẳng cấp, chỉ chẳng lập tông chủ, chẳng mở cửa nẻo, cho sự giác ngộ tức thì. Tiết Phù Dung ngay bản thể thì phải, động niệm liền trái, Đạo Giai Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: rồi sau mới là bản Phật.« » BẤT LẬP VĂN TỰ –
Phải biết có một người Chỉ cho việc lấy tâm truyền tâm, chứ chẳng nhờ chỉ dạy mà biết, chẳng nhờ không dùng chữ nghĩa. Theo Ngũ Đăng sách vở mà rõ, mà ngay đó liền giác ngộ. Hội Nguyên, tắc 6 Vô Môn Quan, Đức Thế Có thể nói người này một đời tham học đã Tôn đem pháp môn vi diệu, chính pháp xong«. nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, trực tiếp phó chúc cho ngài Ca- BẤT LẠC HỮU VÔ diếp qua tâm tính chứ không truyền qua Chẳng sa vào trong nhận thức đối lập giữa kinh điển. hữu và vô, tức không phân biệt sự vật là hữu hay vô. Đây là phản ảnh tư tưởng BẤT LIỄU BẤT ĐƯƠNG »Vạn pháp nhất như« của Phật giáo. Tiết Sự việc không thành tựu, phần lớn chỉ cho Tư Quốc Đạo Ban Thiền Sư trong NĐHN việc tham thiền chưa thành công. Tiết Đãi q. 8 ghi: » Chế Phan Lương Quý Cư sĩ trong NĐHN – (Tăng) hỏi: Chẳng sa vào trong q. 20 ghi: » nhận thức đối lập giữa hữu và vô, thỉnh sư nói cho.«
BẤT LẠC THẦN VẪN – Đã lâu Không rơi vào môi mép.
Chỉ cho muốn mà không khế hợp nên thưa rằng: Lúc tôi lãnh ngộ thiền pháp thì chẳng nên sa vào muốn chết đi thì sao. Đăng (tức Phật Đăng

BẤT MẬU Thiền sư) nói: Có tấm thân tốt, hãy lưu lại Như đá lửa nháng, để dùng. Nhưng nay việc tham thiền chưa Như ánh điện bay. thành công, nếu như chết đi, rốt cuộc Chẳng rời tại chỗ, không có chỗ chỉnh lý«. Trước mặt nhận ngay.

BẤT LIỄU NGHĨA GIÁO BẤT LY VỤ THỊ GIẢ Nhà thiền lấy thiền giáo chẳng lập ngôn Thị giả danh dự. Tuy có chức vụ nhưng ngữ văn tự làm Liễu nghĩa giáo, và cho sự thật sự không làm nhiệm vụ thị giả. Khô truyền dạy thông qua ngôn ngữ văn tự của Nhai Mạn lục, q. thượng ghi: » các giáo phái khác là Bất liễu nghĩa giáo.
Tiết Ngữ Chi Dư, đời thứ ba dưới Đại – Thiền sư Thiết Tiên Thiều ở Mật Giám trong CTTNL q. 2 ghi: » Am nhận chức Bất ly vụ thị giả được 6 – Hễ có lời nói năm«. đều thuộc về Bất liễu nghĩa giáo.« BẤT MẬU
BẤT LIỄU NGHĨA GIÁO NGỮ Chẳng hổ là, không thẹn là. Chương Đan Hà Thiên Nhiên Thiền Sư trong CĐTĐL q. Nhà thiền đề xướng không cần chữ nghĩa 14 ghi: »

lời nói biểu đạt và cho kinh điển Phật giáo là Bất liễu nghĩa giáo ngữ (Lời dạy, không phải pháp cứu cánh). Tiết Ngữ Chi Dư, đời thứ ba dưới Đại Giám trong CTTNL q. 2 ghi: » – Phật ra đời độ – Một chúng sinh gồm 9 bộ (thể loại) kinh điển, hôm, sư đến yết kiến Quốc sư Huệ Trung. là lời dạy chứ không phải pháp cứu cánh.« Đầu tiên hỏi thị giả: Quốc sư có ở chùa không? Đáp: Ở thì ở mà không tiếp khách. BẤT LY ĐƯƠNG XỨ Sư nói: Thật sâu xa thay! Thị giả nói tiếp: Ý nói thiền pháp gần sát chỗ bản thân mỗi Mắt Phật nhìn còn chẳng thấy. Sư nói: người, không cần chạy đến nơi khác tìm Rồng sinh rồng con, Phụng sinh phụng cầu. Bài Tháp minh do Phụ Cát Tất viết con. Quốc sư thức dậy, thị giả thưa lại trong MANL q. cuối ghi: chuyện vừa rồi, Quốc sư liền quất cho thị giả hai mươi gậy, đuổi ra. Sau đó, Đan Hà nghe việc này, liền nói: Chẳng hổ là Nam Dương Quốc sư.« Tiết Thạch Thê Hòa thượng trong NĐHN Giọt nước Tào Khê, q, 4 ghi: » Nguồn sâu dòng dài. Đến nơi Lâm tế, Đạo ấy hoằng khai.

BẤT NHỊ trong Kinh Duy Ma nói có 33 cách giải thích về Bất Nhị Pháp Môn. – Một hôm Sư thấy BẤT PHẪN thị giả bưng bát đi ăn cơm, liền gọi: Thị Không phục, không chịu, ấm ức. Bích giả! Thị giả: Dạ! Sư hỏi: Ngươi đi đâu đó? Nham lục q. 1 ghi: » Thị giả: Đến trai đường ăn cơm. Sư bảo: Ta há không biết ngươi lên trai đường ăn – Pháp Nhãn cơm sao? Thị giả thưa: Ngoài điều này ra, nói: Giám Viện quả nhiên hiểu lầm rồi! còn hỏi gì khác? Sư bảo: Ta hỏi ngươi về Tắc (tức Giám viện) không phục, liền từ việc bên trong bản thân ngươi. Thị giả giã thiền viện, sang sông.« thưa: Nếu Hòa thượng hỏi việc bên trong bản thân, thì chính là con đang lên trai BẤT PHƯƠNG đường ăn cơm đây. Sư bảo: Ngươi không 1. Quả thật, thật là, rất. Phó từ. Bích Nham thẹn là thị giả của ta!« lục q. 1 ghi: » – Đến chỗ nầy, Tuyết BẤT NHỊ Đậu quả thật hết lòng vì người.« Đồng nghĩa với Vô Trụ. Chẳng phải cái 2. Cố nhiên, tự nhiên, biểu thị khẳng định nhị của tương đối mà cũng chẳng phải là có điều kiện. Tiết Ứng Am Hoa Thiền sư một. trong GTPĐ q. 26 ghi: » – Vân BẤT NHỊ HUYỀN CHỈ Môn nói được, cố nhiên là xác đáng, Đồng nghĩa »Bất nhị pháp môn nhưng lại rơi vào nghĩa thứ hai.« «. Minh Chơn Tụng trong PKNL q. 18 ghi: » BẤT QUY Bất định. Tiết Kiếm Môn An Phần Am Chủ trong NĐHN q. 20 ghi: » – Thuở xưa đại sĩ Duy-ma-Cật nhuốm bệnh nằm trong thành Tỳ-da. Ba mươi hai vị Bồ Tát, mỗi mỗi nói về pháp – Sư liền theo đường môn bất nhị - Bồ Tát Văn-thù thưa hỏi ngài tắt trở về Tây Thiền. Lại Am ra đón sư trao Duy-ma về vấn đề nầy, ngài chỉ một bề im cho y Tăng-già-lê. Sư theo ý mình không ở lặng mà thôi.« nơi nào nhất định. Về sau cất am ở Kiếm Môn, sư giáo hóa bao trùm Linh Biểu, BẤT NHỊ PHÁP MÔN được người học nghe theo.« Giáo pháp hiển bày chân lý bình đẳng tuyệt đối, vượt ra ngoài tất cả đối đãi sai BẤT TÀI TỊNH biệt. Tức ngay nơi 84.000

pháp môn của Còn gọi: Bất tài bất tịnh. Thiền tông dùng Phật giáo thường nhận ra chân lý bình từ này để chỉ cho ngôn ngữ văn tự bình đẳng tuyệt đối. Phẩm Bất Nhị Pháp Môn thường là lời nói chết, câu chết, chỉ gây

BẤT THUỘC TIỆM THỨ thêm rối rắm. Phần Thị Chúng trong Lâm BẤT THIỆP GIAI THÊ Tế lục (Đại 47, 502 thượng) ghi: » Còn gọi: Bất lịch giai thê. Thiền pháp chỉ thẳng tâm người, lập tức giác ngộ, không – Hôm nay, có đẳng cấp thứ lớp. Mật Am ngữ lục ghi: Sơn tăng cực chẳng đã mới nói ra lắm lời » rối rắm, các ngươi chớ lầm«. – Khai thị thiền nhân Bính rằng: Hàng đệ tử Tổ sư dứt khoát BẤT THẨM tỉnh ngộ, không trải qua thứ lớp, lập tức 1. Chẳng biết. Tào Khê Đại Sư Biệt truyện thành Phật«. ghi: » Vô Môn Quan ghi: » – Lúc ban đầu phó – Đi chúc, chẳng biết Hòa thượng còn có dạy trên kiếm bén, chạy trên băng mỏng, chẳng lời gì? Con cúi mong được Ngài chỉ bảo«. trải qua thứ lớp, buông tay nơi vực thẳm«. 2. Còn gọi: Vấn tấn. Nghĩa là: Chào thầy. Tiết Tiệm Nguyên Trung Hưng Thiền sư BẤT THIỆP TRÌNH ĐỒ trong NĐHN q. 5 ghi: » Không can hệ đến quá trình tu tập tiến triển dần dần trong việc tỏ ngộ Thiền. Thư đáp – Về sau, sư trụ Tiệm Trịnh Côn Nham Trung Thừa trong Nguyên. Một hôm Sư đang ngồi trong HSLNMDT q. 1 ghi: » trướng, có vị tăng đến vén màn nói: Chào thầy!«. – Tóm BẤT THỊ TÂM, BẤT THỊ PHẬT, lại, Thiền pháp vi diệu của Phật Tổ không can hệ đến quá trình tu tập tiến triển dần BẤT THỊ VẬT dần. Chỗ này là chỗ tu tập, cần phải từ chỗ này thấu qua«. Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật. Ý nói đạo pháp không thể nói, BẤT THỈNH siêu việt tất cả danh từ khái niệm. Thuật Xin đừng, không cần phải. Minh Giác ngữ ngữ này là cách nói khác đi của cụm từ lục, q. 2 ghi: » »Tức tâm tức Phật«. Vô Môn Quan ghi: – Sau nầy có gặp các » bậc Trưởng lão ở nơi khác, xin Học sĩ đừng giới thiệu ông ấy.« – Nhân có BẤT THUỘC TIỆM THỨ vị tăng hỏi Hòa thượng Nam Tuyền rằng: Ý nói thiền pháp cần lập tức lãnh ngộ, Còn có pháp gì đừng nên nói cho người không cần phải từ từ tu hành, trong ấy chăng? Nam Tuyền bảo: Có. Tăng thưa: cũng không có trình tự thứ lớp. Uyển Lăng Pháp đừng nên nói cho người là pháp gì? lục ghi: » Tuyền bảo: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.« – Tổ sư chỉ thẳng bản tâm bản thể

BẤT THUYẾT THUYẾT, BẤT VĂN VĂN của tất cả chúng sinh xưa nay là Phật, BẤT TÍCH MY MAO chẳng nhờ tu hành mới thành, không cần Chẳng tiếc lông mày. Ý nói không tiếc lời phải từ từ, cũng không có trình tự, thứ nói và bất chấp bị trừng phạt. Tiết Huệ lớp.« Lâm Tông Bản Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » BẤT THUYẾT THUYẾT, BẤT VĂN – Hôm nay Sơn tăng không VĂN tiếc lời nói và bất chấp bị trừng phạt, sẽ Chẳng nói mà nói, chẳng nghe mà nghe. nói toạc ra cho ông biết«. Chỉ cho việc tiếp nhận pháp Thiền không phải nơi tai mà là ở nơi tâm. Mật Am ngữ BẤT TIỄN GIAI THÊ lục ghi: » Không theo cấp bậc (của cây thang), dụ chỉ – Chư không cần trải qua các cấp

giai vị trung Phật chẳng nói mà nói, Tổ sư chẳng nghe gian mà trực tiếp lãnh ngộ thiền pháp. Bài mà nghe, để lại một chuyển ngữ, ngàn đời tựa của Dương Ức trong CĐTĐL ghi: » trấn giữ trời đất«. – Chẳng lập văn tự, chỉ BẤT THỨC LÔ SƠN CHÂN DIỆN thẳng nguồn tâm, không theo cấp bậc, MỤC thẳng lên đất Phật.« Thành ngữ này bắt nguồn từ bài thơ »Đề Tây lâm bích« của Tô Thức, nhà thơ đời BẤT TÍN ĐẠO Tống. Toàn bài thơ miêu tả tác giả đi chơi Nói mà không chịu tin. Tắc 8, Bích Nham cảnh núi Lô, đứng ở các vị trí khác nhau lục (Tục 117,137, thượng) ghi: » mà nhìn cảnh núi này. Do núi Lô suốt năm mây mù bao phủ, hơn nữa, tác giả đứng ở – Nói mà không chịu tin đây quả là kì trong núi không sao nhìn thấy toàn cảnh đặc. Nếu là người như thế mới biết nói như Lô Sơn, do đấy mới cảm khái thốt lên: » thế«.

BẤT TRANH ĐA – Trông ngang thành dãy, xéo thành tòa, Xấp xỉ, chẳng khác mấy. Tiết Linh Yểm nơi nơi cao thấp khác nhau xa, chẳng biết Hòa thượng trong CĐTĐL q. 23 ghi: Tăng Lô Sơn toàn cảnh thật, chỉ do thân ở núi hỏi: » non này«. Tô Thức tức Tô Đông Pha từng kết bạn với – Việc thiền sư Phật Ấn ở Vân Cư và về già, ông mình không sáng, lấy cái gì để nghiệm? Sư để tâm nghiên cứu kinh Phật – phải chăng bảo: Gương gỗ chiếu hình rỗng. Hỏi: Sau họ Tô có ngụ Thiền ý trong bài thơ? khi nghiệm thế nào? Sư đáp: Chẳng khác Theo Thiền tông, bài thơ nhằm diễn tả tình mấy.« huống của một người bị mê hoặc bởi hiện tượng bề ngoài, không nhận thức rõ bản BẤT TRIỆT chất của sự vật. 1. Không ngừng, không dứt. Đặt sau động

BẤT TỨC LƯU từ, bổ sung cho hành vi hoặc động tác cần bực Thánh với kẻ phàm. Đây là phản ánh giải thích. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: tư tưởng »Vạn pháp nhất như« của Phật » – giáo. Trấn Châu Đại Bi Hòa thượng trong Chim quốc kêu không dứt, máu chảy tre NĐHN q. 11 ghi: » núi nứt«. – Chẳng dính vào kiến giải phân biệt 2. Không bằng, không kịp. Đặt sau động bậc Thánh với kẻ phàm, thỉnh Sư đáp cho«. từ, nhấn mạnh hành vi không có cách gì để hoàn thành. Tiết Hương Nghiêm Hòa BẤT TRƯỚC THỊ PHI thượng trong TĐT q. 19 ghi: » Còn gọi: Bất lạc thị phi. Đối với sự vật – Mau không phân biệt phải và chẳng phải. Tiết ra sức, gắng chịu đựng, vô thường đến rồi Song Phong Cổ Thiền sư trong NĐHN q. 9 cứu không kịp«. ghi: »

BẤT TRÚNG – Tăng hỏi: Ngay lúc Không đúng, không hợp. Chương Nam Hòa thượng giã từ Thạch Sương, Thạch Nhạc Hoài Nhượng trong CĐTĐL q. 5 ghi: Sương nói thế ấy, ý thế nào? Sư nói: Chỉ là » dạy ta bất trước thị phi«. – Tổ hỏi: Từ đâu BẤT TRƯỚC TIỆN đến? Sư đáp: Từ Tung Sơn đến! Tổ hỏi: Chẳng được tiện lợi, chẳng gặp may, xui Vật gì đến như thế? Sư đáp: Nói giống một xẻo, không hợp thời cơ. Lâm Tế ngữ lục vật thì chẳng đúng.« ghi: » Tiết Đầu Tử Nghĩa Thanh Thiền sư trong NĐHN ghi: »

– Sư đi đến Kim Ngưu, Ngưu thấy sư đến liền đặt gậy nằm ngang rồi ngồi xổm ngay cửa… sư bèn đánh, Ngưu làm bộ – té ngã. Sư lại đánh, Ngưu nói: Hôm nay (Thiền sư Viên

Thông) liền xách gậy vào xui xẻo«. tăng đường, thấy sư đang ngủ, liền gõ vào giường, quở rằng: Ở đây, ta không có dư BẤT TỪ cơm để cho Thượng tọa ăn no rồi ngủ! Sư Không quản ngại, không từ chối. Phần lớn thưa: Hòa thượng dạy tôi làm gì? Thông nằm ở phân câu phía trước trong câu phức nói: Sao chẳng tham thiền đi? Sư đáp: chuyển chiết. Tiết Đại Dương Cảnh Huyền Thức ăn ngon chẳng hợp với người no Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » bụng.« – Sư bảo: Nói thì không quản ngại, chỉ e còn trên giấy bút.« BẤT TRƯỚC THÁNH PHÀM BẤT TỨC LƯU Không dính vào kiến giải phân biệt đối đãi 1. Không thể dùng được, không thu hoạch.

BẤT TƯƠNG VI SỰ Vân Môn quảng lục, q. hạ ghi: » thì chẳng phải không, có điều là chưa từng nói đến câu thứ nhất (Đệ nhất cú).«

– Nhân thỉnh đại chúng làm việc BẤT Ý công cộng như khuân vác gạo thóc, Tọa Không đồng ý, không chịu, ấm ức. Tông chủ nói: Gần đây không thu hoạch, chỉ Môn Võ Khố ghi: » khuân được một đấu gạo, chẳng bằng mau buông xuống đi!«. 2. Ngây ngô. Trung Phong quảng lục q. 4 ghi: »

– – Thiền sư Bảo Ngay đầu gậy lãnh hội ý chỉ, nơi tiếng hét Ninh Dũng, người Tứ Minh. Ban đầu sư thấu rõ tông chỉ, đây đã là kẻ ngây ngô thay y phục đến nương bạn đồng đạo là đần độn hạng nhất.« thiền sư Tuyết Đậu Hiển. Tuyết Đậu quở sư là tọa chủ ỉu xìu. Dũng không chịu, cứ BẤT TƯƠNG VI SỰ ấm ức. Nghi thức thượng đường vừa mãn, Chẳng muốn làm việc (Tham thiền). Đoạn sư liền rời khỏi thiền viện, hướng về núi Tế Tâm Yếu ghi: » Tuyết Đậu lễ bái, thề rằng: Đời này hành cước tham thiền, nếu tôi tiếng tăm về đạo – Nếu chẳng pháp không bằng Tuyết Đậu, nhất định muốn tham thiền thì có ngày bị tai ương! không trở về quê.« Cho nên nói: Ngày nay nỗ lực cho liễu BẾ NHÃN TÁC DẠ ngộ, ai là người chịu tai ương trong nhiều Nhắm mắt lại rồi cho đó là màn đêm, tỷ dụ kiếp?«. tư tưởng hành vi tự lừa dối, ngu mê vô lý. BẤT VONG THIỀN Chương Nguyên Nghiễm Thiền sư trong CĐTĐL q. 19 ghi: » Loại thiền định luyện tập trí nhớ. Kinh Xá- lợi-phất vấn ghi: » – (Tăng) hỏi: – A-nan tu thiền định luyện Lâu nay ở trong thất tối, chưa đạt cội tập trí nhớ, được Phật giác tam-muội«. nguồn hôm nay đến đây xin Thầy tiếp cho. BẤT VÔ Sư bảo: Đừng nhắm mắt lại rồi cho đó là màn đêm nhé!« Chẳng phải không. Đặt ở cuối phân câu phía trước trong câu phức chính phụ, biểu BẾ QUAN thị quan hệ chuyển ý, khẳng định có điều Sau khi ngộ rồi (phá được trùng quan), kiện. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » muốn bảo nhậm bản lai diện mục nên mới cần phải bế quan (đóng cửa yên tu). Bài 8 trong Sơn Cư Bách Vịnh của Thiền sư – Hai mươi lăm năm ngồi giường dây Tông Bản ghi: (làm trụ trì) nói về chuyện xưa, chuyện nay

BÌ ĐẠI »

« »Sơn cư mao ngõa trúc vi duyên Thủ đạo an bần lạc tự nhiên – Hòa thượng Bí Ma Nham ở núi Tận nhật bế quan vô biệt sự Ngũ Đài thường cầm một chiếc nạng gỗ, Trường thân lưỡng cước chẩm vân miên«. mỗi khi thấy tăng đến lễ bái mình

sư liền »Ở non tre lá kết am thiền chỉa chiếc nạng vào cổ tăng bảo: ›Ma quỉ Cam nghèo giữ đạo thật an nhiên nào dạy ông xuất gia, Ma quỉ nào dạy ông Đóng cửa suốt ngày không việc khác hành cước? Nói không được sẽ chết dưới Gối đầu, duỗi cẳng ngủ bình yên«. chiếc nạng này, nói được cũng chết dưới chiếc nạng nầy. Nói mau! Nói mau!‹«

BỆNH TĂNG KHẨU TỪ Người học đạo ít có ai đáp được. Trong tùng lâm, khi bệnh tình của vị tăng Nhấc chiếc nạng chỉa vào cổ tăng là thủ ngày càng nặng e khó sống, lúc sắp mạng đoạn tiếp dẫn người học rất mạnh mẽ, để chung nói lời di chúc gọi là Bệnh tăng cắt đứt con đường suy nghĩ, nói năng khiến khẩu từ. Khẩu từ này phần đông các bệnh họ thoát khỏi vọng tưởng phân biệt. Đời tăng nói về dòng dõi quê quán của mình, sau, trong thiền lâm thường niêm đề công người ghi chép phải ghi chép hết thảy án nầy. những gì được dặn dò về cách chỉnh lý, xử trí để làm bằng. Theo: PQĐTĐ của nhóm BÍ MẬT Từ Di. Thiền pháp sâu kín khó hiểu, chẳng rơi vào ngôn ngữ văn tự, vượt khỏi ý thức phân BỆNH TĂNG NIỆM TỤNG biệt. Cách nói này biểu thị sắc thái tôn giáo thần bí của Thiền. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Còn gọi: Bệnh tăng giải thích. Trong tùng lâm, khi có một vị tăng bệnh nặng, nếu trên ba ngày không bớt thì phải dời vị ấy qua Diên thọ đường (nơi chăm lo trị bệnh và – Không hình dưỡng bệnh). Lúc ấy, các vị tăng đồng không tướng, không gốc không rễ, không hương quen biết cũ và cả chúng vì vị tăng chỗ trụ, thật là linh hoạt: ứng ra muôn thứ bệnh ấy mà cầu nguyện cho bệnh nhân lập bày, chỗ dùng chỉ là không có chỗ. Thế mau lành. Mọi sự niệm tụng, tán Phật, hồi nên tìm đó thì càng xa, cầu đó thì càng hướng này gọi là Bệnh tăng niệm tụng. trái, gọi đó là Bí mật«.

BÍ MA KÌNH XOA BÌ ĐẠI Công án này được thấy ghi nơi tiết Ngũ Tức là chỉ cái thân thịt. Thân thể này như Đài Bí Ma Nham Hòa Thượng trong Ngũ cái túi da, chứa đựng tất cả thịt xương, ngũ Đăng Hội Nguyên q. 4 như sau: » tạng v.v... nên còn gọi là Xú bì đại (túi da

BÌ HẠ HỮU HUYẾT thối), Xú bì nang (đãy da hôi). Tắc 18, là tiết ra phân, nước tiểu. Tắc 98, Bích Thung Dung lục (Đại 48, 238 trung) ghi: Nham lục (Đại 48, 222 thượng) ghi: » »

– Tăng hỏi Triệu Châu: Con – Nếu muốn được hoạt bát, chỉ chó có Phật tính không? Châu đáp: Có. tham Bì xác lậu tử thiền, leo thẳng lên núi Tăng hỏi: Đã có, tại sao còn chui vô cái cao té xuống, cũng không bể, cũng không túi da?«. hư«.

BÌ HẠ HỮU HUYẾT BỊ ĐẦU ĐÀ Có tâm huyết, có khí phách. Mật Am ngữ Thiền tăng Sư Bị đời Ngũ Đại, tu hạnh lục ghi: » đầu-đà: mặc áo vải mang dép cỏ, ăn ít, suốt ngày ngồi yên, người đời gọi sư là »Bị Đầu-đà«. X. Sư Bị. – Nếu là bậc đại trượng phu có khí BỊ VỊ phách không bao giờ ăn cơm thừa canh Chỗ ngồi của mỗi vị tăng trong Tăng cặn của người khác, ngay tức thì tự mình đường thuộc tự viện Thiền tông. Ngoài ra, phấn chấn tinh thần, lập định chí hướng vị trí ngồi lúc thọ thực gọi là Bát vị. Bát là giống như núi bạc vách sắt, ở trong tất cả vật dụng đựng thức ăn. Trong

tùng lâm, cảnh giới thiện ác, thuận nghịch không hề thông thường Bát vị (chỗ ngồi ăn) có để lay động«. tên, nhưng Bị vị thì không.

BÌ HẠ VÔ HUYẾT BÍCH CHI THÁP Không có tâm huyết, không có khí phách. Còn gọi: Linh Nham Tự Tháp. Tháp nằm Tông Môn Võ Khố ghi: » phía Tây bắc điện Thiên Phật, chùa Linh Nham, huyện Trường Thanh, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Được xây cất vào niên – Bọn người gièm pha tiên thánh, hiệu Thuần Hóa thứ 5 (994) đến niên hiệu làm mù điếc con cháu, không năng nổ, Gia Hựu thứ 2 (1057) hoàn thành. Cao không có khí phách, thuận theo thói quen 52,4m, chu vi đáy tháp 48m, đây là kiến điên đảo, thờ ơ chẳng tỉnh, thật đáng trúc theo kiểu lâu các bát giác 9 tầng. Nền thương xót!«. tháp bằng đá xung quanh khắc nổi những cảnh cực hình nơi âm tào địa phủ. Thân BÌ XÁC LẬU TỬ THIỀN tháp xây gạch từ dưới lên trên thu hẹp dần biểu hiện sự hùng vĩ mạnh mẽ. Cửa sổ theo Còn gọi: Bì khả lậu tử thiền, Thiền pháp tự phong cách thuần phác cổ xưa, cửa sổ giả tại. Bì xác lậu tử đồng nghĩa với Bì đại (túi trang sức tỉ mỉ, đấu củng hoa lệ, mái tháp da), dụ cho sự không vỡ, cứng chắc. Xác là giàu biến hóa, mang đậm màu sắc hương vỏ trứng, dụ cho thân xác con người. Lậu vị cổ xưa, trang nghiêm tự nhiên. Đỉnh

BÍCH LẬP VẠN NHẪN tháp là một tháp bằng sắt hợp thành bởi Hoa Đề Cương và Bát Nhã Trực Giải. phúc bát, tướng luân, viên quang, ngưỡng Trong khuôn viên chùa có tháp thờ Thiền nguyệt, bảo châu và có tám đoạn xích sắc sư Đạo Nguyên (Khoan Dực Thanh Minh) do tám thần Kim Cang kéo ra gia cố trên và Minh Chính Thanh Đàm. mái tầng 9. Tầng đáy có thiết kế trụ giữa tháp có bậc thềm xây bằng gạch đi lên BÍCH GIÁC LẠC ĐẦU tháp. Tháp đứng sừng sững ở lưng chừng Chốn hoang vu hẻo lánh; xó xỉnh. Tiết Thị núi, Tống Tằng Củng có thơ rằng: » Pháp Bản Sắc Đạo Nhân trong MBTL q. trung định thiền phòng lâm tiếu cốc, Bích chi ghi: » linh tháp quán tằng loan« (Thiền phòng Pháp định gần hang núi, linh tháp Bích chi giữa tầng non).

– Thiền tăng chân chính đã không BÍCH ĐỊNH phụng dưỡng cha mẹ, không nuôi nấng vợ Định như tường vách; ác giác dụ như gió. con, không nhọc nhằn vì quân dịch, không Bích định kiên cố nên 8 gió (lợi, suy, hủy, tốn tiền của để nuôi thân miệng, chỉ còn có dự, xưng, cơ, khổ, lạc) chẳng xâm nhập tính mạng của mình. Việc cần làm trước được. hết là tìm một chỗ hẻo lánh để giải quyết vấn đề sinh tử«. BÍCH ĐỘNG TỰ Còn gọi: Bích Sơn tự. Chùa ở thôn Đan BÍCH LẠC Khê, xã Ninh Hải, huyện Gia Khánh, tỉnh Tường vách, hàng rào. Chương Phần Châu Bắc Ninh, Việt Nam. Đời vua Lê Dụ Tông, Vô Nghiệp Thiền sư trong CĐTĐL q. 8 khoảng năm 1705-1719, hai thiền sư Trí ghi: » Kiên và Trí Thế đến núi Bích Động lập – Vàng làm thế chùa để tu. Đến đời vua Lê Hiển Tông giới, bạc làm tường vách, đây là chỗ của (1740-1786) chùa được xây dựng bằng đá người nào ở?«. và có đủ 3 cấp như hiện nay, gồm có chùa thượng, chùa trung và chùa hạ. BÍCH LẬP VẠN NHẪN Vua Tự Đức tuần du Bắc Thành, khi đến Vách đứng muôn trượng. Hình dung khí Bích Động thấy cảnh trí tươi đẹp và hùng khái cùng cảnh giới thấy rõ tự tâm, tự ngã vĩ, chỉ kém động Hương Tích (chùa là chủ, hoàn toàn không nương tựa, siêu Hương) nên đề bút »Nam

Thiên Đệ Nhị thoát trần tục. Tiết Khai thị cho Thiền nhân Động«. Quang trong MANL ghi: » Sau 2 vị khai sơn trên, các vị Trụ trì kế tiếp là các Thiền sư thuộc phái thiền Tào Động ở Đàng Ngoài, trong đó có 2 vị nổi danh là Đạo Nguyên và Minh Chính.

Tại viện Liêm Khê ở chùa Bích Động, – Hàng thiền tăng trong Thiền sư Minh Chính đã biên soạn Pháp 24 giờ đi đứng nằm ngồi như lửa đốt băng.

BÍCH NHAM LỤC Chớ khoe tráng niên, đừng luận lão thành, và sau đó không ít tác phẩm mô phỏng một chỗ thấu thì ngàn chỗ muôn chỗ đồng sách này liên tiếp ra đời. Nhóm chê bảo thời thấu, như sư tử chúa đuôi dựng đứng rằng sách này thuộc loại trau chuốt văn rống một tiếng, như vách đứng muôn chương làm xiếc câu chữ, trái với tông chỉ trượng, há chẳng thư thái cả đời sao!« »trực chỉ nhân tâm« của Thiền tông, khiến người học thiền chạy theo hình thức mà BÍCH NHAM LỤC không thật ngộ, cho nên Thiền sư Đại Huệ Gọi đủ: Phật Quả Viên Ngộ Thiền sư Bích Tông Cảo vì cứu tệ nạn này mà cương Nham lục, còn gọi: Bích Nham tập. Lục, quyết thiêu hủy kiệt tác của Thầy mình và 10 quyển, do Tuyết Đậu tụng cổ, Viên Ngộ cấm chỉ lưu truyền. Khắc Cần bình xướng vào đời Tống, Phổ Bích Nham lục sau khi bị thiêu hủy hơn Chiếu biên tập, được xếp vào Tục Tạng 100 năm, đến niên hiệu Đại Đức thứ 1 kinh tập 117, trang 251. (1297) đời Nguyên Thành Tông, cư sĩ Từ trong ngữ lục Thiền tông, Tuyết Đậu Trương Minh Viễn ở Hàng Châu sưu tập Trọng Hiển tuyển ra 100 tắc công án (lấy các bản còn sót lại ở các nơi, giảo chính rồi tông Vân Môn làm trọng điểm), sau mỗi cho tái bản. Quyển lục này là mẫu mực của công án Ngài dùng thơ để bình thuyết Tông môn, là kim chỉ nam đi biển, là sao (Tụng), nhằm chỉ dạy cho người học thiền. Bắc Đẩu trong đêm tối. Về sau gọi sách này là »Tụng Cổ Bách Tắc« (100 tắc Tụng cổ). Khoảng đầu niên BÍCH QUÁN hiệu Chính Hòa (1111) đời Tống, Viên Ngồi xoay mặt vào vách, quán tâm như Ngộ Khắc Cần trụ trì viện Linh Tuyền ở vách, để mọi suy tư lắng đọng, xả vọng về Giáp Sơn, thể theo lời yêu cầu của Trương chân. Bài tựa sách »Lược biện Đại thừa Thương Anh, thuyết giảng về 100 tắc tụng nhập đạo tứ hạnh« của Đàm Lâm trong cổ, đệ tử của sư là Phổ Chiếu ghi chép, CĐTĐL q. 30 ghi: » biên tập lại thành sách. Vì trong thiền lâm gọi Giáp Sơn là Bích Nham, nhân đó gọi

– Đây là sách này là Bích Nham lục. pháp an tâm của Đại thừa khiến cho không Bích Nham lục lấy »Tụng Cổ Bách Tắc« có sai lầm, an tâm như thế là Bích quán, của Thiền sư Tuyết Đậu làm căn bản, phát hạnh như thế là Tứ hạnh«. Thiền sư Viên Ngộ giảng một đoạn »Thùy BIẾM BÁC thị« trước mỗi tắc công án, trong mỗi tắc công án, tụng cổ đều có hạ »trước ngữ« và Phê bình, bác bỏ. Lâm Tế ngữ lục ghi: » sau đó lại »bình xướng« để dẫn đường mở lối cho người học đạo.

– Trong tất cả thời, chớ Quyển lục này sau khi được xuất bản, dư loạn thương lượng. Hội cùng chẳng hội, luận chốn Thiền lâm khen chê chẳng đồng. thảy đều là lầm lẫn. Rõ ràng nói thế ấy, Nhóm khen cho rằng sách này có giá trị rất mặc cho người trong thiên hạ bác bỏ«. cao, bảo là »Tông môn đệ nhất thư« (Quyển sách hạng nhất trong Thiền tông),

BIỆN HUỆ BIẾN THAM trong TĐT q. 6 ghi: » Chỉ tăng lữ đi khắp nơi tham học với thiện – Nếu có con mắt tri thức để thêm sự hiểu biết cho

mình (xét trí huệ này, quả tình phân biệt được tông thấu mê với ngộ, chân với vọng của việc đảng tà chính.« lớn sinh tử). BIỆN ĐẠO BIỂN CỤC 1. Làm xong đạo nghiệp. Đồng nghĩa với Nhỏ hẹp, hẹp hòi Bích Nham lục q. 1: » Thành biện. Thiền tông vào đầu đời Đường chưa có danh từ Biện đạo. Đến giữa đời – Khí lượng hẹp hòi tự mình Đường, sau khi Ngũ gia thất tông hình không chịu đựng nổi, tranh nhau hãm hại, thành thì danh từ này được sử dụng rộng nhiều lần đánh thuốc độc«. rãi. Chương Quốc sư Đại Đạt Vô Nghiệp trong CĐTĐL (Đại 51, 444 hạ) ghi: » BIỂN ĐỘN (?-1563) Thiền tăng đời Minh, họ Trần, hiệu Vô Không, người xứ Vũ Châu (nay là huyện – Lại mưu toan cái gì? Các huynh đệ Vũ, Hà Nam) Trung Quốc. chỉ vì tham dục thành tính nên bị 25 hữu trói buộc, không biết lúc nào đạo nghiệp BIỂN KHÁNH mới xong«. Một loại pháp khí làm bằng đá, hình thể 2. Chỉ cho sự tu hành theo lối tọa thiền. giống như hình đám mây, treo ở ngoài hành lang Phương trượng. Nếu có khách BIỆN ĐÍCH đến muốn gặp thầy Trụ trì, vị Tri khách Làm cho rõ ràng, phân biệt rõ. Tiết Hoàng liền đánh biển khánh 3 tiếng. Long Tổ Tâm Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: » BIỆN 1. Chuẩn bị, thu xếp. Chương Tổ 13, Ca- – Hòn bọt chưa nổi, tỳ-ma-la trong CĐTĐL q. 2 ghi: » buồm xưa chưa giương. Chiều gió chẳng đến không có người giở chèo. Việc cần làm – Dù cho ngươi không nói, khi ấy là làm sao phân biệt rõ được luồng ta đã biết rồi. Cứ chuẩn bị xuất gia đi, lo nước?«. gì ta chẳng phải thánh?« 2. Hoàn thành, thành công. Bài thơ »Tự BIỆN HUỆ thuật chân tán« trong PDNL q. hạ ghi: » Có tài biện luận. Khả năng khéo giảng nói – Công án sẵn nghĩa của các pháp. Chương Bát-nhã Đa-la sàng ngay trước mắt, không việc gì chẳng trong CĐTĐL q. 3 ghi: » hoàn thành.« BIỆN Phân biệt. Tiết Hoàng Bá Hòa thượng

BIỆN LONG – Đây là của báu thế Thiền lâm như: Liêu nguyên, Liêu chủ, gian chưa đủ làm tột, trong các thứ báu Phó liêu, Diên thọ đường chủ, Tịnh đầu, chỉ có pháp bảo là tột. Đây là ánh sáng Hóa chủ, Viện chủ, Ma chủ, Thủy đầu, của thế gian chưa đủ làm tột, trong các thứ Thán đầu, Trang chủ, Giám thu v.v... ánh sáng chỉ có ánh sáng trí huệ là tột. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Đây là trong sạch của thế gian chưa đủ làm tột, trong các thứ trong sạch chỉ có BIỆN TÀI (thế kỷ XVI) tâm trong sạch là trên hết... Tôn giả khen Thiền tăng Việt Nam đời Lý, nối pháp ngợi tài biện luận của Bồ-đề-đa-la«. Quốc sư Thông Biện, thuộc thế hệ thứ 9 dòng Vô Ngôn Thông. Sư trụ trì chùa Vạn BIỆN LONG Tuế (Vạn Niên) ở Kinh đô Thăng Long và Thiền tăng đời Tống, người xứ Minh Châu vâng lệnh vua nhà Lý sửa lại sách Chiếu (nay là Ninh Ba, Chiết Giang) Trung Quốc, Đối Bản của Quốc sư Thông Biện thành nối pháp thiền sư Linh Ẩn Thanh Tủng, sách Chiếu Đối lục. Theo: Thiền Uyển Tập tông Pháp Nhãn. Anh.

BIỆN NGỤY LỤC BIỆN VIÊN (1202-1272) Còn gọi: Chí Nguyên Biện Ngụy lục. Lục, Gọi đủ: Viên Nhĩ Biện Viên . 5 quyển, do Tường Mại soạn vào đời Thiền tăng đời Tống, người Tuấn Hà, Nhật Nguyên, được xếp vào Đại Chính Tạng tập Bản. Năm 18 tuổi sư xuất gia ở chùa Viên 52, trang 751. Vào niên hiệu Chí Nguyên Thành (Onjō-ji), Cận Giang (Ōmi). Sư thụ thứ 28 (1291) đời Nguyên, Tường Mại giới ở chùa Đông Đại

(Tōdai-ji), Nại phụng sắc soạn sách này để bài xích ngụy Lương (Nara). Sư theo các đại đức ở Kinh thuyết của Đạo giáo. Bởi vì các vị của phái Đô (Kyōto), Liêm Thương (Kamakura) để Toàn Chân là Khưu Xử Cơ, Lý Chí học giáo lý hiển mật của Tiểu, Đại thừa. Thường cưỡng chiếm 482 ngôi tự viện, phá Niên hiệu Đoan Bình thứ 2 đời Nam Tống, hủy tượng Phật, bảo tháp, xây dựng lại làm Tức niên hiệu Gia Trinh thứ 1 (1235) triều Đạo quán, truyền bá »Lão Tử Hóa Hồ Tứ Điều Thiên Hoàng sư sang Trung Kinh« và »Lão Tử Bát Thập Nhất Hóa Quốc, học giáo nghĩa Thiên Thai với Bách Đồ«, đưa đến chỗ tranh luận kịch liệt giữa Đình Thiện Nguyệt, từng tham học các 2 giáo: Phật và Đạo. nơi: Tật Tuyệt Đạo Xung, Tiếu Ông Diệu Nửa phần trước của Biện Ngụy lục gồm 14 Kham, Thạch Điền Pháp Huân. Sau đó sư thiên bài xích Đạo giáo và sách vở của họ. lên Kinh Sơn nối pháp Thiền sư Vô Chuẩn Nửa phần sau kể lại ngọn nguồn việc triều Sư Phạm. Niên hiệu Thuần Hựu thứ 1 đình nhà Nguyên cho 2 giáo Phật và Đạo (1241) sư trở về nước, có đạo gia Quan biện luận chân ngụy. Phụ lục các văn hiến Bạch Đằng Nguyên đến quy y và sư dựng có liên quan. chùa Đông Phúc (Tofuku-ji) ở đinh Bản, khu Đông Sơn, Kyoto. Nơi đây trở thành BIỆN SỰ cơ sở hoằng pháp thứ hai của tông Lâm Tế. Tên gọi chung cho ban Chức sự trong Biện Viên mang về Nhật Bản vài ngàn

BIỆT TRUYỀN TỰ quyển sách gồm: kinh luận, chương sớ, » ngữ lục, Khổng nho… Đều dâng tặng vào thư khố viện Phổ Môn (Fumon) ở Kyoto. Sư có cống hiến rất lớn về việc xúc tiến phát triển văn hóa Nhật Bản và là người đề « xướng cái học (Giáo Thiền nhất trí). Môn »Thu xếp hành trang ngán sự đời đình của sư rất hưng thịnh, Thiên Hoàng Quay về đâu nhỉ để sinh nhai? ban cho sư hiệu »Thánh Nhất Quốc Sư«. Gã tiều cán mục ngờ không lối Theo phả hệ sư là Tổ Thiền tông đời thứ Ông đạo bầu treo khéo có nơi. 27, Nam Tông đời thứ 22, hệ Nam Nhạc (Riêng có trời đất)«. đời thứ 21, Tông Lâm Tế đời thứ 17, Tông Nếu như hình dung gia phong riêng biệt Lâm Tế Nhật Bản đời thứ 3. không gì có thể so sánh được, gọi là Biệt Thị Nhất Gia Phong . Tắc BIỆT AM 64, Bích Nham lục (Đại 48, 195 trung) ghi: Hiệu của thiền tăng Tính Thống sống vào » đời Thanh. X. Tính Thống. ( BIỆT NGỮ ) – Công án đem ra hỏi Triệu Trong công án được nêu ra đã có lời ứng Châu: Trường An thành ấy mặc ngao du, đối, Thiền sư lại có thêm một lời đáp khác. giày cỏ đội đầu nào ai biết (cũng còn một Tiết Thụy Lộc Bản Tiên Thiền sư trong người ưu tú có gia phong riêng, sáng cũng NĐHN q. 10 ghi: » hợp, tối cũng hợp)«.

BIỆT TRUYỀN TỰ – Nói chung về việc tham Chùa nằm trên bờ cao núi Đan Hà cách học: Không hẳn là học hỏi, không hẳn là trung tâm huyện Nhân Hóa, tỉnh Quảng học phân biệt bình luận công án, không Đông, Trung Quốc 8km về phía Nam. hẳn là học đại ngữ (nói thay), không hẳn Chùa ở nơi cửa ải hiểm yếu đứng sừng là học biệt ngữ«. sững, là cửa ải hàng đầu núi Đan Hà, được BIỆT PHONG gọi là Bách Việt Danh Sát. Núi Đan Hà Hiệu của thiền tăng Đại Đồng sống vào đời vốn gọi là »Trưởng Lão Trại«, đời Đường Nguyên. X. Đại Đồng. đã có cao tăng cư trú. Thời Tống Minh đã có Thiền tông Lục Tổ đường, văn nhân học BIỆT THỊ NHẤT CÀN KHÔN sĩ thường kết am đọc sách, nổi tiếng một thời. Tuần phủ Lý Vĩnh Mậu ở Kiền Châu, Nguyên ý là có trời đất riêng khác, trong Nam Minh bại binh

lui về Trưởng Lão Thiền tông chỉ cho cảnh giới khai ngộ siêu Trại, bởi nham thạch núi này do hồng sa việt tình thức phân biệt. Tắc 92, Thung nham cấu thành rất giống núi Đan Hà ở Dung lục (Đại 48, 287 thượng) ghi: quê hương Đặng Châu, Hà Nam, cho nên gọi là »Đan Hà Sơn«. Đầu đời Thanh, Kim

BIỆT VIỆN Bảo là di thần Nam Minh sáng lập »Biệt Bính Đinh là can Bính, Đinh trong thiên Truyền Tự« tại núi này (Có thuyết cho can phối hợp với ngũ hành thì thuộc về rằng Hòa thượng Đàm Quy sáng lập). Quy hỏa, cho nên dùng Bính Đinh để dụ cho mô rộng lớn, cùng với Thiều Quan Nam lửa. Cảnh Đức Truyền Đăng lục q. 24 ghi: Hoa Tự, Thanh Viễn Giáp Sơn Tự được » người khen ngợi.

( ) (2 ) BIỆT VIỆN – Thiền sư Huyền Tắc

ở Ngoại trừ bản sơn của một tông, các tự viện Báo Ân, Kim Lăng, là người Vệ Nam, viện được thiết lập ở các nơi khác đều Hoạt Châu. Ban đầu sư đến hỏi Thanh được gọi là Biệt viện. Như Phật Quang Phong: Thế nào là Phật? Thanh Phong Sơn ở Cao Hùng Đài Loan có Biệt viện nói: Chú bé coi về việc đèn lửa mà đến xin Phổ Môn Tự ở Đài Bắc, Biệt viện Phổ lửa«. Hiền Tự ở Cao Hùng. BÍNH NGỮ BIỂU HIỂN Một loại sớ của sơn môn để khuyến thỉnh Cái biểu lộ ra ngoài, thường là dấu vết của vị Tân trụ trì nhập tự, hoặc những tựa nhỏ lời nói, tri giải. Lâm Tế ngữ lục ghi: » ở trên đầu bài sớ của các sư đồng môn chúc mừng vị Tân trụ trì. Vì nó là lời cốt

cán nên gọi là Bính ngữ. – Ngay như mười hai

phần giáo đều là lời BÌNH BÌNH THIẾP THIẾP nói biểu hiển. Người học không lãnh hội liền ở trên lời nói sinh hiểu, đều là nương Rất bình thường, rất ổn đáng. Thư đáp tựa, rơi trong nhân quả, chưa khỏi sinh tử Trịnh Côn Nham Trung thừa trong ba cõi.« HSLNMDT q. 1 ghi: » BIỂU TẮC

Kiểu mẫu. Gương Mẫu. Chương Hòa Sơn Vô Điện

Thiền sư trong CĐTĐL q. 17 ghi: – Chẳng được tham cầu »

huyền diệu, bởi việc này xưa nay rất ổn đáng, đầy đủ sẵn

sàng, một mực bình – Người học tụ về, sư từng trình bày thường không có gì huyền diệu. Vì thế 10 thiên răn dạy; các nơi thán phục, thảy người xưa nói: Ngộ rồi vẫn đồng với lúc đều bảo rằng Hòa Sơn có thể làm gương chưa ngộ, y nguyên chỉ là người cũ«. mẫu chốn tùng lâm«. BÌNH CHÙY NGẠNH TỢ THIẾT BÍNH ĐINH ĐỒNG TỬ

Chú bé coi về việc đèn lửa, dụ cho chúng Trái cân cứng như sắt, dụ chỉ cơ phong sinh sẵn đủ Phật tính lại đi tìm bên ngoài. cứng rắn, khó tiếp nhận, ứng đối. Tiết Pháp

BÌNH ĐIỀN THIỀN VIỆN Vân Pháp Tú Thiền sư trong NĐHN q. 16 BÌNH ĐỊA NGẬT GIAO ghi: » Ngã té trên mặt đất bằng. Dụ cho kẻ hồ đồ. Tiết Vân Phong Văn Duyệt Thiền sư trong

NĐHN q. 12 ghi: » – Sư thượng đường, nói: Sơn

tăng chẳng biết nói khéo, phần lớn tùy cơ – Sư đối đáp,

mời nhau thưởng thức chén trà, thượng đường nói: Này các ông! Nhấc lên cũng không có pháp bỉ truyền của Tổ sư. như thế cũng là ngu si, buông xuống như Thiền nhân nếu như chưa hiểu nhau, đạp thế cũng là hồ đồ.«. nhằm trái cân cứng như sắt« BÌNH ĐỊA QUẬT KHANH BÌNH ĐỊA Vô cớ. Tiết Kinh Triệu Phủ Lai Hòa Đất bằng đào xới thành hầm hố. Dụ cho thượng trong NĐHN q. 9 ghi: » việc làm không cần

thiết, uổng công vô – Vô cớ khiến người bảo đảm.« ích. Phần Dương ngữ lục q. thượng ghi: » BÌNH ĐỊA HÃM NHÂN Vô cớ hại người. Mật Am ngữ lục ghi: » – Người không phân biệt tăng hay tục, cùng đến pháp hội, chỗ nào mà chẳng thể lãnh hội? Còn chờ Sơn tăng đề – Nếu bàn cao việc này giống như đất bằng đào xới luận hỏi đáp trong lúc tham thiền thì là thành hầm hố«. thiền cơ khó lãnh ngộ, còn như chẳng bàn luận hỏi đáp thì là vô cớ hại vô số người. BÌNH ĐỊA THƯỢNG CAN QUA Nếu cuối cùng không như thế thì ăn no mích lòng…«. Vô cớ phát động chiến tranh, dụ chỉ hành BÌNH ĐỊA KHỞI CỐT ĐỐNG vi dư thừa, luống công vô ích. Mật Am ngữ lục ghi: » Đất bằng nổi phần mộ. Cốt đống: Ngôi mộ – Đức Sơn vung gậy như mưa rơi, giả, không có chôn người chết. Cả câu dụ Lâm Tế hét vang như sấm rền, chính là vô cho hành vi hư vọng uổng công. Tiết Hoa cớ phát động chiến tranh, lúc thái bình cày Nghiêm Long Thiền sư trong TLTBT q. 20 bừa kỹ.« ghi: » – BÌNH ĐIỀN THIỀN VIỆN Thiền sư Hoa Nghiêm Long nói: Hư không đóng cọc sắt, đất bằng nổi phần mộ. Chớ Thiền tăng Phổ Ngạn tu khổ hạnh ở núi đem sự học hiểu suông để sắp đặt giai vị Thiên Thai vào đời Đường, mọi người lên quả Phật«. ngưỡng mộ đức của sư, xây cất thiền viện Bình Điền để sư trụ trì. Lâm Tế Nghĩa

BÌNH GIAO Huyền có lần đến đây tham vấn ngài Phổ bậc nhất nước ta. Ngạn. Ngôi bảo tháp này được xây bằng gạch đất nung để trần, mặt ngoài viên gạch có hoa BÌNH GIAO văn trang trí đặc sắc, màu nâu thẫm. Việc giao tế bình đẳng, không phân biệt Thời gian đã hủy hoại mất mấy tầng trên trên dưới, hoặc chỉ cho người đồng hàng và chỏm của ngôi tháp, ngày nay chỉ còn với ta về đạo đức, tư cách, tuổi tác v.v… lại 11 tầng và phần bệ ở dưới chân, tất cả Như vị Thủ tọa có tuổi tác, tư cách, đức cao chừng 15m. Quanh bệ tháp có lan can hạnh ngang bằng với mình thì gọi Bình con tiện bằng đất nung, song cũng đã bị giao Thủ tọa. phá hủy từ lâu. Mặt bằng tháp hình vuông, rỗng giữa. Đáy BÌNH HOÀI bệ tháp có các cạnh dài 4,45m, cao l,62m. Tâm bình đẳng tự nhiên, chẳng khởi tư Tầng dưới cùng có cạnh dài 3,30m, cao tưởng đối lập phân biệt. Tín Tâm Minh ghi: 2,72m. Tầng trên cùng cạnh dài 1,55m. » Các tầng tháp xây thon dần và ngắn dần theo chiều cao, bốn mặt có cửa cuốn tò vò – nhỏ dần theo tầng tháp. Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư. Những trận lụt lớn đã làm tháp bị nghiêng Bởi do thủ xả, cho nên bất như. Đừng theo và sụt lở, có nguy cơ đổ hoàn toàn. Để trả nơi Có, chớ trụ nơi Không. Trọn một bình lại vẻ đẹp và độ bền vững cho tháp Bình đẳng, tuyệt nhiên tự sạch«. Sơn, các nhà khoa học, các nghệ nhân đã tháo dỡ rồi lắp ráp, dựng lại theo đúng quy BÌNH NHÂN cách cũ. Người vô tội. Mật Am ngữ lục ghi: » Tháng 10 năm 1974 công việc tu sửa hoàn – Người vô tội bị chết thành, cây bảo tháp vùng đất Tổ được trở chìm trên đất bằng vô hạn.« Trung Phong lại với dáng hình cổ xưa. Quảng Lục, quyển 4 ghi: » Theo: Văn Hóa Việt Nam Tổng Hợp (1989- – Hôm 1995). nay không từ chối nói toạc với ông thì e rằng sau này sẽ liên lụy đến người vô tội.« BÌNH TĂNG Có hai nghĩa: 1. Hạng tăng lữ mới xuất gia BÌNH SƠN THÁP mà chưa được vào đẳng cấp nào; 2. Vị tăng Còn gọi: Tháp Then. Tháp nằm ở

trung chưa được nối pháp. tâm sân trước chùa Vĩnh Khánh, thuộc xã Tam Sơn, huyện Lập Trạch, tỉnh Vĩnh Phú, BÌNH THẬT NGỮ miền Bắc Việt Nam. Lời nói bình thường, chân thật. Pháp Diễn Tháp được tạo dựng vào đời Trần, hình ngữ lục, q. hạ ghi: » khối thanh thoát, đường nét mềm mại, trang trí phong phú điêu luyện, là di tích lịch sử, di tích nghệ thuật có giá trị cao vào

BÌNH TRẦM đêm, vui vẻ không lo«.
– Sư thượng đường, tăng hỏi: Thế BÌNH THƯỜNG TÂM THỊ ĐẠO nào là Phật? Sư nói: Nhiều lúc không biết đi đâu! Rồi sư nói tiếp: Đạt-ma chưa đến, Bản thể của tự tính bình thường cùng khắp đông lạnh hạ nóng. Đạt-ma đến rồi, đêm thời gian không gian, nơi phàm chẳng bớt, tối ngày sáng. Nếu các ông nói được một nơi Thánh chẳng thêm. Tâm này bình lời bình thường chân thật thì ăn muối biết đẳng, chẳng sinh chẳng diệt, chúng sinh y mặn, uống giấm biết chua. Nếu các ông theo tâm này ứng dụng trong cuộc sống nói chẳng được thì còn ở trước cửa của hàng ngày, nên gọi bình thường là đạo vậy. ngài Ca-diếp«. Lâm Tế ngữ lục ghi: » BÌNH THIẾP Bình an, ổn định. Tiết Dục Vương Giới
– Nếu người Thầm Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » tu đạo chỉ nói mà không thực hành, muôn thứ cảnh tà giành nhau sinh. Kiếm trí huệ xuất hiện thì không còn một vật. Sáng dù chưa hiện song tối đã rõ. Cho nên người xưa nói: Tâm bình thường là đạo«. BÌNH TÍNH – Sư thượng nói:
Nếu ta nói có, Bản tính bình đẳng. Minh Châu Tụng trong ngươi sẽ bị có làm ngại; nếu ta nói không, Phạm Kỳ ngữ lục q. 18 ghi: » ngươi sẽ bị không làm ngại. Nếu ta nói – Chư Phật ngang, ngươi lại không vượt qua được. và chúng sinh bản tính bình đẳng, há cùng Nếu ta nói cứng thì ngươi nhảy chẳng ra với ngoại vật tăng trưởng và giảm xuống.« khỏi. Nếu muốn tùng lâm an ổn, mọi người vô sự, chẳng bằng xô ngã Dục Vương (chỉ BÌNH TRẦM ngài Giới Thầm). Thử hỏi làm sao xô ngã 1. Lún xuống. Như Tịnh ngữ lục q. thượng Dục Vương? Sư gọi đại chúng bảo: Nỗ ghi: » lực! nỗ lực!«. – Sư chỉ pháp toà nói: Mặt đất lún xuống, tòa BÌNH THƯỜNG ẨM TRÁC này cao rộng, ngàn biến vạn hóa, không công mà được thưởng.« Ăn uống bình thường. Đây là thái độ sinh 2. Sa sút, suy sụp. Động Sơn Hòa thượng hoạt bình thường nhàn nhã của người ngộ trong TĐT q. 6 ghi: » Thiền. Dục Vương Hoài Uẩn Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: » – Chỉ – Khổ thay! Khổ thay! biết sinh hoạt bình thường trong một ngày Người học đạo ngày nay lệ thường đều

BÌNH TRỊ như thế. Chỉ biết nô lệ người khác cho là BỈNH CỰ nhận thức của mình. Phật pháp suy sụp, Còn gọi: Hạ hỏa, Hạ cự. Một nghi thức chính là ở chỗ này.« hỏa táng trong Thiền lâm. Nghĩa là cầm cây đuốc cử hành lễ Trà tỳ. BÌNH TRỊ BỈNH PHẤT Sửa sang, sắp xếp. Minh Châu Tụng trong Phất, chỉ cho cây phất trần (phủi bụi), là đồ Phạm Kỳ ngữ lục q. 18 ghi: » vật trang nghiêm của Thiền gia. Khi – Sửa sang thượng đường thuyết pháp cho đại chúng, ruộng vườn nhà

mình, dọn sạch ngói gạch vị Trụ trì hay người thay thế cho Trụ trì tay gai góc.« cầm phất tử thì gọi là Bỉnh phất. Tông Môn Võ Khố ghi: » BÌNH XUẤT Tương đương, ngang nhau. Pháp Diễn ngữ – Hai năm sau, cử Hiền Bồng đứng lục, q. trung ghi: » đầu tăng chúng, là vị tăng đứng cầm phất tử, thuyết pháp có chỗ hơn người«. BỈNH PHẤT NGỮ LỤC Gọi đủ: Cổ Sơn Vi Lâm Thiền sư Cư Thủ Tọa Liêu ngữ lục. Còn gọi: Vi Lâm Thiền – Sư thượng đường, tăng sư Bỉnh Phất ngữ lục, Vi Lâm Đạo Bái hỏi: Con nghe sư nói phía trước núi có một Thiền sư Bỉnh Phất ngữ lục. Ngữ lục, 2 mảnh đất để trống. Vậy từ Oai Âm Vương quyển, do Vi Lâm Đạo Bái soạn vào đời về trước, người nào làm chủ đất này? Sư Thanh, Thái Tịnh ghi chép, được xếp vào bảo: Hãy hỏi ông thư ký. Học nói: Vì sao Tục Tạng kinh tập 125. Nội dung gồm có: Hòa thượng nhờ người đáp? Sư bảo: Chỉ Pháp ngữ lúc bỉnh phất, trà thoại, cử cổ, vì ông hỏi giùm người khác! Học nói: Phật sự, kệ, tụng, tán của thiền sư Đại Bái Cùng Hòa thượng ngang nhau rồi! Sư bảo: khi ngài ở Cổ Sơn, Phúc Châu. Còn rất xa«. Quyển cuối là phần phụ lục »Hộc Lâm Ai Khổn« 1 quyển, là bài văn tưởng niệm về Thầy của sư là Vĩnh Giác Nguyên Hiền. BÌNH XƯỚNG Nội dung bao gồm: Tiên Hòa thượng Quy Tuyên thuyết, bàn luận về cơ ngữ hành vi Chân Ký, lời dạy sau cùng, Tế văn, Tháp của người xưa. Bích Nham lục q. 1 ghi: chí, Khởi Khám Cáo văn, Phong tháp cáo » văn, cho đến lời bạt của vị tăng Nhật Bản là Liên Sơn Văn Dị. – Sư (chỉ Phật Quả Hòa thượng) trụ thiền viện Linh Tuyền ở Giáp Sơn, Lễ BỐ ĐẠI HÒA THƯỢNG Châu, bình xướng tụng cổ ngữ yếu của (?-916) Hòa thượng Tuyết Đậu.« Thiền tăng đời Ngũ Đại, tự xưng Khế Thử,

BỒ ĐỀ ĐẠT MA NAM TÔNG ĐỊNH THỊ PHI LUẬN hiệu Trường Đinh Tử, người xứ Phụng Phật giáo: Tiền thân của đức Phật Thích-ca Hóa Minh Châu (nay thuộc Chiết Giang) dâng hoa cúng dường Phật Nhiên Đăng và Trung Quốc. Người đời gọi sư là: Bố Đại khi thấy mặt đất lầy lội, ngài đem tóc của Hòa thượng, Di-lặc Phật, Hoan Hỷ Phật. mình trải lên bùn để Phật Nhiên Đăng Tôn tượng của sư ở Nhật Bản, được thờ bước qua. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » phụng như một trong bảy vị Phúc thần. – Trải tóc lên bùn rốt cuộc vì cái gì?«. BỐ MAO THỊ PHÁP Công án này được thấy ở tiết Điều Khòa BỒ ĐỀ ĐẠT MA (?-528 Hòa thượng trong Tổ Đường tập q. 3 ghi: hoặc 536) »Nhân thị giả từ biệt ra đi, Sư hỏi: Ngươi Tăng nhân Ấn Độ vào Trung Quốc thời đi đâu? Thị giả thưa: Con đi học Phật Nam Bắc Triều, thuộc dòng tộc Bà-la-môn, pháp ở các thiền viện. Sư bảo: Nếu là Phật hoàng tử thứ 3 của vua Hương Chí, là Sơ pháp, ở đây ta cũng có chút ít. Thị giả liền tổ Thiền tông Trung Quốc. Đề xướng hỏi: Phật pháp ở đây là gì? Sư bứt một sợi phương pháp tu hành gồm »Lý nhập« và tơ trên áo vải để khai thị Thị giả liền ngộ. »Hạnh nhập«. Thụy hiệu: Viên Giác Thiền Câu truyện này chủ yếu khơi gợi ý nghĩa sư. Tác phẩm: Thiếu Thất Lục Môn 1 chúng sinh đều có Phật tính, Phật pháp quyển. chính là ở nơi tự thân mỗi người, giống như trên y phục của mỗi người đều có sợi BỒ ĐỀ ĐẠT MA NAM TÔNG tơ.« ĐỊNH THỊ PHI LUẬN BỐ NẠP Luận nghị, không chia quyển, do Thần Hội 1. Áo vá của chư tăng. Bài thơ »Sơn trung thuật vào đời Đường, Độc Cô Bái ghi và tứ oai nghi«

trong PDNL q. hạ ghi: » viết lời tựa. Đây là quyển còn sót lại (mất nửa phần sau) của bản chép tay ở Đôn – Chỉ cần thân tâm đến được chỗ an nhàn, Hoàng, ghi chép lại việc biện luận chính tà, mặc cho chiếc áo vá lâu năm bị rách.« thị phi giữa Thần Hội (đại diện cho Nam 2. Từ gọi tăng nhân. Tiết Dược Sơn Duy Tông) và Sùng Viễn (đại diện cho Bắc Nghiễm trong NĐHN q. 5 ghi: » Tông) tại đại hội Vô Già tổ chức ở chùa Đại Vân, Hoạt Đài, Hà Nam. Toàn thiên sử dụng hình thức vấn đáp. Bài tựa của Độc – Tuân Bố nạp tắm Phật. Sư Cô Bái cũng dùng hình thức vấn đáp, nội bảo: Cái này được ngươi tắm, có tắm được dung chính của nó cũng là ghi chép lại cái kia chăng? Tuân đáp: Xin đem cái kia những lời nói của Thần Hội. lại. Sư liền thôi.« Thiên giữa chỉ ra: »Đạt-ma muốn khai Tri kiến Phật cho là phải thầm khế hợp nên BỐ PHÁT YỂM NÊ truyền một tấm ca-sa, cho là pháp tín nên Trải tóc lên bùn. Theo truyện thần thoại trao cho Huệ Khả, Huệ Khả truyền lại

BỒ ĐOÀN Tăng Xán, Tăng Xán truyền lại Đạo Tín, Hiển Thông, thị trấn Đài Hoài, Ngũ Đài Đạo Tín truyền lại Hoằng Nhẫn, Hoằng Sơn, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc, là một Nhẫn truyền lại Huệ Năng, 6 đời Tổ sư trong năm đại thiền tự ở Ngũ Đài Sơn. truyền nhau, liên tục không dứt. Thần Hội Tương truyền Ngũ Đài Sơn là đạo tràng đã dựng lên ngọn cờ tiên tiến, chứng cứ của Bồ tát Văn-thù. Bồ Tát Đỉnh là chỗ ở xác đáng về thế phổ chính tông của 6 đời của Văn-thù cho nên còn gọi là »Chân Tổ sư Thiền tông Trung Hoa. Việc này đối Dung Viện«, »Văn-thù Tự«. Được xây cất với những vị tự xưng Bắc Tông là Chính vào thời Bắc Ngụy (386-534) trải qua thống chính là một đòn đả kích trí mạng, nhiều đời có tu bổ. Chùa cất trên mỏm núi và có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển địa thế khá cao, trước cổng xây bậc thềm của Thiền tông đời sau. bằng đá gồm 108 bậc, phía trên bậc đá có Sách này được xếp vào »Thần Hội Hòa đền thờ ba gian. Trong sơn môn có Thiên thượng di tập« do Hồ Thích hiệu đính bản vương điện, Chung cổ lâu, Bồ tát điện, Đại Đôn Hoàng (được chép tay vào đời hùng bảo điện. Hai bên có điện thờ phụ, Đường). phía sau có Thiền viện, Hành lang, quy mô hoàn chỉnh, bố cục nghiêm cẩn. Bồ tát điện BỒ ĐOÀN mái chồng đỉnh yết sơn, Đại hùng bảo điện Còn gọi: Viên tòa. Dụng cụ để ngồi bện một mái năm cây đòn tay, câu lan xoay bằng cỏ bồ, hình tròn, hai mặt bằng phẳng. quanh, toàn bộ kiến trúc đều dùng ngói lưu Đây là vật mà Thiền tăng dùng khi tọa ly ba màu lợp phủ. Dù trải qua vài trăm thiền hay lúc quỳ lạy. Về sau, tuy bên năm màu sắc vẫn cứ như mới. trong độn bông hay mousse nhưng vẫn gọi là Bồ đoàn. BỔ ĐẮC LÃO THỬ, ĐẢ PHÁ DU Bài Xuân Văn của Trúc Lâm Đầu-đà ỦNG (Thiền sư Việt Nam) ghi: Bắt được con chuột, đập bể bình dầu, ý nói có được có mất, lợi không bù hại. Tiết Kính Sơn Trí Sách Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: »

»Niên thiếu hà tằng liễu sắc không Nhất xuân tâm tại bách hoa trung … Như kim khám phá Đông hoàng diện Thiền bản bồ đoàn khán trụy hồng«. – Lời nói trong Kinh: Nếu »Tuổi trẻ đâu từng rõ sắc không, dùng sắc tướng để thấy ta, dùng âm thanh Xuân về, hoa thắm vấn vương lòng để tìm ta, người ấy tu hành thiên lệch, Chúa xuân nay đã nhìn tường mặt không thể thấy Như Lai. Mặc dù như thế, Thiền bản, bồ đoàn ngắm đóa hồng«. chính là

bắt được con chuột lại đập bể bình dầu .... . Nếu là Đồ Độc tôi (chỉ pháp BỒ TÁT ĐỈNH hiệu của thiền sư Trí Sách) thì chẳng phải Nằm trên ngọn Linh Thứu, phía Bắc chùa như vậy, dùng sắc để thấy dùng âm thanh

BỔNG HÁT để tìm cũng chẳng ngại, giống như là chim dùng lẽ thường tình của thế tục để hiểu rõ, uyên ương thêu trong bóng trăm đóa hoa.« suy nghĩ về nó thì chẳng được.«

BỔ THIỀN LÂM TĂNG BẢO BỒI THỰC TRUYỆN Có hai nghĩa: 1. Trong Thiền tông, vào Truyện ký, 1 quyển, do Khánh Lão soạn ngày kỵ Sơ Tổ Đạt ma, vị Trụ trì không vào đời Tống. Sách này viết thêm truyện đến Trai đường ăn cháo mà ở Pháp đường ký của 3 người, sau truyện có tán, thể lệ ăn cháo để tiếp đãi Tổ sư. 2. Tiếp đãi giống như »Thiền Lâm Tăng Bảo truyện«, khách ăn uống. văn chương trang nhã, được ra mắt vào đời Tống và phụ vào sau bộ Thiền Lâm Tăng BÔN LƯU ĐỘ NHẪN Bảo truyện. Dòng nước chảy xiết, dụ cho sự việc xảy ra chớp nhoáng, phần lớn chỉ cho pháp nhãn, BỔ XỨ thiền cơ. Tiết Thị Dục Tạng Chủ trong Vị Bồ Tát kế thừa đức Phật trước mình để DTNL q. 3 ghi: » thành Phật, người kế thừa Tổ sư trong nhà thiền. Chương Thích-ca Mâu-ni Phật trong CĐTĐL q. 1 ghi: » – Dạy ngươi một cơ một cảnh, bên xô bên đẩy như đập đá nháng lửa, như ánh điện chớp, như gió – Khi ấy, đức thổi lửa bùng, như dòng nước chảy xiết, Thế Tôn nói kệ này xong, lại bảo Ca-diếp như vòng kim cang, như bánh bò nhưn rằng: Ta đem y Tăng-già-lê của chư Phật sắt«. giao lại cho ngươi, truyền trao bổ xứ, đến lúc Phật Từ Thị ra đời, chớ để hư mất.« BÔN SẤN Chương Hy Thiên truyện trong TCTT q. 9 Đuổi theo, đuổi kịp. Tào Khê Đại Sư Biệt ghi: » truyện: » – Về sau, sư – Huệ Minh nghe Đại sư Năng nghe thiền sư Tư (chỉ Hành Tư) trụ núi (chỉ Huệ Năng) đem y bát đi, liền nhằm Thanh Nguyên ở Lô Lăng được Tào Khê hướng Nam đuổi theo, đến núi Đại Lãnh (chỉ Lục Tổ Huệ Năng) bổ xứ, liền thay đổi thì đuổi kịp.« y phục đi theo ngài.« BỔN BỐC ĐẠC Tất cả những từ bắt đầu bằng xin xem Dùng lẽ thường tình của thế tục để hiểu rõ dưới BẢN. suy nghĩ và chú giải. Tiết »Nghệ Ngôn« trong NHQL q. 29 ghi: » BỔNG HÁT – Dù cho có Đánh hét. Cách tiếp hóa đệ tử của Tổ sư nghĩa hay không có nghĩa, xét đến cùng thì Thiền tông. Bậc thầy giỏi trong nhà Thiền,

BÙI HƯU khi tiếp dẫn người học thường dùng tiếng Thượng thư, đổi sang Thái tử Thiếu sư. hét hoặc dùng gậy đánh để dứt hẳn sự suy Ông tinh thông kinh Phật, từng bàn luận nghĩ hư vọng của họ, hay nhằm khảo Kinh Hoa Nghiêm với thiền sư Tông Mật nghiệm chỗ ngộ của họ. suốt cả đêm. Niên hiệu Hội Xương thứ 2 Tắc 2, Bích Nham lục (Đại 48, 141 trung) (842), ông làm Liêm Trấn (tức Quan sát ghi: » sứ) ở Chung Lăng (nay là Cao An, Giang – Thật Tây), cung thỉnh Thiền sư Hy Vận đến không ngờ, lão già này cả đời chẳng dùng chùa Long Hưng sớm chiều hỏi đạo. Niên đánh và hét để tiếp độ người mà chỉ dùng hiệu Đại Trung thứ 2 (848) Bùi Hưu dời về ngôn ngữ bình thường«. trấn Uyển Lăng (nay là Tuyên Thành, An

— Bổng hát giao trì: Về sau, Thiền sư tiếp Huy), lại cung thỉnh ngài Hy Vận đến chùa dẫn người học, phần nhiều dùng gậy xen Khai Nguyên để tham vấn và ghi chép lại lẫn với hét nhằm mục đích thúc đẩy người những lời dạy, chính là các bộ sách Hoàng học chóng giác ngộ. Tham thiền kệ trong Bá Hy Vận Thiền sư Truyền Tâm Pháp Yếu Thiền Tịnh Hợp Yếu của Thiền sư Phương và Uyển Lăng lục hiện còn lưu hành. Tụ Thành ghi:

BÙI HƯU THẬP DI VẤN »Tham thiền đệ nhất,

tri ân thức đức X. Thiền Môn Sư Tư Thừa Tập Đồ. Bổng hát giao trì, phi đồ thi thiết«. »Pháp tham thiền bậc nhất, biết ơn Thiện BÚT tri thức. Đánh hét xen lẫn nhau, chẳng lập Ghi chép. Tiết Minh Châu Tổ Giám Thiền bày vô ích«. sư trong NĐHN q. 18 ghi: »

— Đương đầu bổng hát: Dùng đánh và hét – Tăng xin được ghi chép những lời để cảnh tỉnh sự mê chấp của người học. nói quan trọng của Sư.« Đòn cảnh tỉnh. BÚT KÝ

BÙI HƯU Thể loại văn xuôi tự sự, ghi lại con người Cư sĩ đời Đường, tự là Công Mỹ, người đất và sự việc trong Thiền lâm. Thí dụ: Tông Tế Nguyên (nay thuộc Hà Nam), Trung Môn Võ Khố của Đại Huệ Tông Cảo, Lâm Quốc. Ông thi đỗ Tiến sĩ, đậu bậc Hiền Gian Lục của Huệ Hồng soạn, La Hồ Dã lương phương chính dị, lần lượt qua các lục của Hiểu Oánh soạn, Vân Ngọa Kỷ dinh phủ được làm Giám sát Ngự sử. Niên đàm do Hiểu Oánh soạn, Tùng Lâm Thịnh hiệu Đại Trung thứ 6 (852) ông được giữ Sự do Đạo Dung soạn, Nhân Thiên Bảo chức Đồng trung thư môn hạ bình chương Giám do Đàm Tú soạn, Sơn Am Tạp lục sự, Thị lang Chuyển trung thư, kiêm Lễ bộ do Vô Uấn soạn đều thuộc thể loại này. Thượng thư, tại chức 5 năm rồi đổi làm Tiết độ sứ ở Chiêu Nghĩa, Hà Đông, BỨC TẠT Phượng Tường, Kinh Nam. Đầu niên hiệu Thiền sư khéo lập phương tiện, chặt đứt Hàm Thông (860-873) ông làm Hộ bộ ngôn ngữ tri giải của người học, khiến họ

CÁ ĐẢO ĐOẠN không suy nghĩ gì được nữa, không còn CÁ đường tiến thoái. Trong cơn quẩn bách đó, 1. Này, ấy, đó, kia. Chỉ thị đại từ. Như người học có khả năng bước vào cảnh giới Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: » NGỘ, đây gọi là »Bức tạt«. Mật Am ngữ lục ghi: »

– Bức tạt lồng đèn cột cái, tất cả – cần tâm không mới đỗ đạt«. Hôm từ chức trụ trì, sư thượng đường nói: BỨC TẮC Nhậm chức trụ trì, trụ được liên trụ. Từ Đầy ắp, sung mãn. Huệ Nam ngữ lục ghi: chức trụ trì, cần đi liền đi, có biết cho » chăng? Cây gậy đen sì nầy, đừng trách nó – Như điếc như câm rất dữ tợn. Sư ném cây gậy, bước xuống đầy ắp hư không, biết đau biết ngứa có tòa.« được mấy người?«. 2. Trợ từ, đặt sau hình dung từ, phó từ, không có thật nghĩa. Tiết Phúc Tiên Chiêu Khánh Hòa thượng trong TĐT q. 13 ghi:

C » – Năm xưa ở sườn núi Ngô

CA ĐẠO khi chưa mở cửa tháp ra, Tống Vân đi Từ gọi chung các loại thi ca cổ điển Nhật ngang Thông Lãnh thấy sư (Tổ Đạt-ma) Bản như: Liên ca, Trường ca, Hài cú. trở về Ấn Độ, tay cầm chiếc dép thật rõ Trong các loại thi ca cổ điển này phảng ràng. Đời sau làm sao mà lãnh hội đây?« phất rất nhiều các ý thơ, tình thơ của Thiền tông. Ca Đạo là một môn nghệ thuật mà CÁ BAN người Nhật đã dựa trên nền tảng của tinh Như thế, như vậy. Như Tịnh ngữ lục q. thần: »Vô sư độc ngộ, lãnh noãn tự tri, đốn thượng: » ngộ trực chứng« của Thiền tông để đặt ra. – Cảnh giới chân thật

như vậy, chỉ có Theo: Triết học Zen của HT. Thiên Ân. được khi đứng dựa lan can.« CA VĂN CÁ ĐẢO ĐOẠN Gọi đủ: Thích Ca Văn Phật. Tức Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Viên Ngộ Phật Quả Cái lộn ngược. Thiền tông dùng để chỉ cho Thiền sư ngữ lục, q. 16 (Đại 47, 786 trung) chỗ chứng ngộ. Kiết hạ khai thị chúng ở ghi: » Thuận Tâm Am trong ThMMBTSTL ghi: » – Ông già Thích-ca im lặng với – Đợi yếu chỉ này, hơn 300 hội bỏ bớt chẳng nói chi đến lúc tay chân rối loạn, ngày nay lúc rõ ra, chỉ tùy cơ cứu vớt, đợi thời tiết đến«. bệnh chưa đến thân hãy sớm tìm lấy chỗ chứng ngộ«.

CÁ LÝ CÁ LÝ nghĩa lý của Phật pháp. Theo điều Kinh Còn gọi: Cá trung. Chỗ này, ở đây, trong Ninh Lăng An Phúc Tử Thắng TTĐL q. 11 đây. Động Sơn Vân Thiền sư trong NĐHN (Đại 51, 539 trung) ghi: » q. 14 ghi: » – Giơ phất trần gõ vào giường thiền giống hệt như gãi ngứa ngoài – Gió thu cuốn bụi đất, mưa đêm quất tung chiếc giày«. trời. Nếu như có mát mẻ chốn khác, chỗ Tựa sách Thiền tông Vô Môn Quan (Đại này lại không nóng bức«. 48, 191 trung) ghi: » – Làm hình thức CÁC CHỦ bên ngoài mà không thực sự thấu rõ nghĩa »Các« là từ được dùng để chỉ cho điện lý Phật pháp thì có dính dáng gì!«. đường của tự viện. Các chủ là chức vụ để gọi người quản lý những kiến trúc quan CÁCH NGOẠI trọng ngoài 7 điện đường chủ yếu (thất Siêu việt tri thức, kiến giải, hoặc vượt ra đường già lam) của đại tự viện, vị này chịu ngoài nguyên tắc, cách thức thông thường. sự giám sát của Duy-na. Điều Duy-na Tiết Lương Sơn Duyên Quán Thiền sư trong Thiền Uyển Thanh Quy q. 3 (Vạn trong NĐHN q. 14 ghi: » Tục 111, 146) ghi: » – Buông câu bốn biển, chỉ câu rồng dữ. Ý chỉ nhiệm mầu vượt mức bình thường vì tìm tri – Như các vị Đường đầu thị giả, kỷ«. Thánh tăng thị giả, Diên thọ đường chủ, Lô đầu, Liêu chủ của các liêu, Thủ tọa, CÁCH NGOẠI ĐÀM Các chủ đều được Duy-na mời«. Câu nói vượt ra ngoài quy phạm và tri kiến thông thường. Tiết Dược Sơn Lợi Dục CÁCH LƯỢNG Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » Quy cách và số lượng. Tiết Bàng Uẩn cư sĩ – Câu nói vượt ra trong NĐHN ghi: » ngoài quy phạm cùng tri kiến xin Thầy chỉ dạy.« – Chỗ đến của cư sĩ các lão túc đa phần qua lại thưa hỏi, CÁCH SONG KHÁN MÃ KỴ ông đều tùy cơ ứng đáp, những trật tự về quy cách và số lượng không thể hạn chế Xem ngựa chạy qua song cửa, tỷ dụ thời được.« gian rất nhanh, chớp mắt là vù qua. Bài tựa của Thiền sư Vô Môn trong Vô Môn Quan CÁCH NGOA TRẢO DẠNG ghi: » Còn gọi: Cách ngoa tao dạng, cách ngoa bà dạng. Nghĩa là chân ngứa mà gãi ngoài chiếc giày, ý nói không thực sự thấu rõ –

CÁI THỰC THUẦN Y Nếu có kẻ gan dạ, không màng chi đến – Huyền Sa và Địa nguy vong, một đao vào thẳng thì Na Tra Tạng nói chuyện với nhau ở phương tám tay giữ lại không nổi, mà dù cho đến trượng. Đến khuya, Huyền Sa nói: Thị giả 28 vị Tổ Tây Thiên và 6 vị Tổ Đông Độ đóng Cách tử môn (cửa cái), ông làm sao cũng chỉ còn cách nép mình xin tha mạng. ra được? Địa Tạng nói: Ông gọi cái gì là Còn cứ chần chờ, khác chi đứng trong nhà cửa chứ?«. xem ngựa chạy qua song cửa, vừa

chớp mắt sớm đã vù qua«. CÁCH XÍCH Tiêu xích (thước ngắm). Pháp Diễn ngữ CÁCH THÂN CÚ lục q. hạ ghi: » Còn gọi: Cách thử cú. Chỉ cho câu nói đặc Trung Quốc với Ấn Độ mỗi nơi đều biệt, dùng để diễn tả ý chỉ cứu cánh, mà lời công khai thước ngắm.« nói bình thường không thể biểu đạt. Tắc 14, Bích Nham lục (Đại 48, 165 trung) ghi: CÁI THIÊN CÁI ĐỊA » Còn gọi: Phổ thiên phổ địa, Tận thập phương thế giới.

– Xem 1. Thuật ngữ để chỉ cho Phật pháp xưa nay hai kẻ kia buông thì cùng buông, nắm thì như thị, bao trùm tất cả. Sự hiển hiện của cùng nắm, tông Quy Ngưỡng gọi là cảnh chân lý này nơi nào cũng có như: tất cả cỏ trí. Những việc nhỏ như gió thổi bụi dấy cỏ cây, núi sông, chim bay thú chạy, cho đến lay cũng nên tham cứu kỹ lưỡng đầu mối 4 oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, sống chết của nó. Đây cũng gọi là Cách thân cú«. vui buồn của chúng sinh. 2. Thuật ngữ chỉ cho trạng thái của người CÁCH THIÊN SƠN tu Thiền sau khi triệt ngộ đi khắp nơi giáo Cùng với thiền ý cách nhau rất xa. Tiết Phổ hóa chúng sinh. Tắc 5, Bích Nham lục q. 1 Hiền Nguyên Tố Thiền sư trong NĐHN q. (Đại 48, 145 thượng) ghi: » 18 ghi: »

– Khi chưa mở miệng

– Nham Đầu quát, bảo: đã trao cho rồi, chỗ định suy nghĩ cùng với Ông chẳng thấy nói ›Từ cửa vào thì chẳng thiền ý cách nhau rất xa. Chớ nói Phật phải của báu trong nhà,‹ phải từ hông pháp không gì nhiều, chưa thấu ải thiền ngực của mình lưu xuất để giáo hóa chúng cũng là rất khó«. sinh ở khắp nơi mới có tương ưng chút ít«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. CÁCH TỬ MÔN Cửa cái của thất vị Trụ trì tự viện, mặt cửa CÁI THỰC THUẦN Y hướng ra sân ngoài. Minh Giác lục q. 4 Ăn xin, mặc đồ cũ rách. Chỉ cho đời sống (Đại 47, 695 hạ) ghi: » nghèo khổ trong sạch của chư tăng. Trung Phong Hòa thượng hành lục trong Trung Phong quảng lục q. 30 ghi: »

CẢI ĐÁN CAM GIÁ SINH Hiệu của thiền tăng Kim Thích đời Thanh. – Nếu không có năng lực lãnh X. Kim Thích. đạo, ngươi buông hết toàn thân, ở nửa gian nhà cỏ, lạnh lùng với mọi sự, ăn xin, CAM LỘ TỰ mặc đồ cũ rách, mong cầu tự độ«. 1. Chùa ở núi Hòa Sơn phía Tây bắc huyện Vĩnh Tân, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. CẢI ĐÁN Lục Triều sáng lập lấy núi làm tên gọi là Ngày mồng một mỗi tháng tính theo âm »Hòa Sơn Tự«. Niên hiệu Đại Trung lịch. Tiết Chân Như Giới Hương Thiền sư Tường Phù thứ 1 (1008) đời Tống đổi tên trong NĐHN q. 18 ghi: là »Cam Lộ Thiền Viện«. Những vị Thiền sư như Sư Dương, Đức Phổ, Tâm Giám lần lượt ở đây, đồ chúng thường lên đến vài ngàn người. »Mạnh đông cải đán hiểu thiên hàn 2. Chùa nằm lưng chừng núi Bắc Bán Lạc diệp quy căn lộ viễn sơn«. thuộc Cửu Hoa Sơn, tỉnh An Huy, Trung Quốc. Là một trong bốn đại tùng lâm ở »Mồng một tháng mười biết trời rét Cửu Hoa Sơn. Niên hiệu Khang Hy thứ 6 Lá rụng về cội bày núi xa«. (1667) đời Thanh, Quốc sư Ngọc Lâm phụng chỉ đi dâng hương Cửu Hoa thấy núi CẢI PHỤC sông bao quanh bèn cất chùa nơi đây. Sửa đổi giáo phái hoặc tông môn. Tiết Ngày khởi công tùng trúc khắp núi đều Thiên Đồng Phổ Giao Thiền sư trong nhỏ giọt cam lộ, lại chịu sự khải phát về NĐHN q. 18 ghi: » cam lộ trong kinh sách Phật giáo bèn gọi là

»Cam Lộ Tự«. Khoảng niên hiệu Đồng Trị (1862-1874) đời Thanh trùng tu. Đại hùng bảo điện mang đậm màu sắc hương vị cổ xưa, đỉnh lợp ngói lưu ly rộng rãi những năm gian, điêu khắc cánh hoa, hạt hoa, – Thuở bé sư thông minh phong cách trang nghiêm thuần phác cổ hơn người, chưa đến tuổi hai mươi đã xuất xưa. Trước điện là khoảng sân rộng gia. Sư đến Nam Bình nghe giáo nghĩa thoáng, đối diện là Khách đường, Vi Đà Thiên Thai, nhân thí chủ xin sư làm lễ sám điện, điện thờ phụ hai bên là Tổ sư điện. hối cho họ. Có người hỏi sư rằng: Cái việc Lầu gác trên dưới phân biệt là Ngọc Phật sám hối của ông là tự sám hay sám hối cho lâu, Thiền đường, Pháp đường, Phương người khác? Nếu tự sám thì tính tội ở đâu? trượng thất và Vân thủy đường nơi tiếp đãi Nếu sám hối cho người khác thì tội đó đâu tăng nhân vân du hành cước. Điện vũ hoàn phải của ông mà sám? Sư không đáp được chỉnh, lầu gác chỉnh tề. Chung quanh rừng nên đổi giáo phái đi du phương đến Lặc trúc xanh biếc che kín mặt trời. Đàm«.

CAN ĐẦU TIẾN BỘ CẢM HÀ với tất cả cảnh duyên, tự nhiên không Cảm tạ, tiếp nhận trong niềm cảm kích. vướng mắc, tự nhiên được hoàn toàn nhẹ Tào Khê Đại Sư Biệt truyện: » nhõm an vui, được tự do tùy ý, thông suốt, – hoạt bát thanh thản.« (Đường Cao Tông) xuống chiếu rằng: … Trẫm cảm tạ ân đức của Đại sư, kính cẩn CAN BỘC BỘC tu hành mãi mãi«. Chỉ cho thiền tăng khô khan, ít nói. Tông Môn Võ Khố ghi: » CẢM THÀNH (?-860) Thiền tăng thời Bắc thuộc, thuộc dòng Vô Ngôn Thông đời thứ 1, nối pháp Thiền sư – Viên Ngộ, Vô Ngôn Thông. Phật Nhãn, Phật Giám cùng ở núi Ngũ Tổ. Sư họ Thị, pháp danh Lập Đức, người Một hôm họ bảo với nhau rằng: Lão Hòa huyện Tiên Du (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) thượng (chỉ Ngũ tổ Pháp Diễn) chỉ là Việt Nam. Thiền sư khô khan ít nói, thường không nói Sư trụ chùa Kiến Sơ ở làng Phù Đổng, được tâm tính«. huyện Tiên Du. Theo: Thiền Uyển Tập CAN ĐẢ HỐNG Anh. Uổng công lên tiếng, phí công dạy dỗ. Tiết CAN BÁC BÁC Quang Hiếu Thâm Thiền sư trong NĐHN Khô khao, không có nước. Như Tịnh ngữ q. 16 ghi: lục q. thượng ghi: » » – Một chiếc lá rơi, trời quạnh quẽ, khắp nơi thu, « vắng vẻ khô khao! Đại chúng, nếu còn ngồi »Long sinh long, phụng sinh phụng ở chỗ này thì đều là những kẻ chết khát«. Lão thử dưỡng nhi duyên ốc đống Đạt-ma đại sư bất hội thiền CAN BÁN Lịch Ngụy du Lương can đả hống«. Phát sinh liên hệ, vướng mắc. HSLNMDT »Rồng sinh rồng, phụng sinh phụng q. 1 ghi: » Xà nhà có mụ chuột nuôi con Đại sư Đạt-ma chẳng ngộ thiền Từ Ngụy qua Lương uổng lên tiếng«. – Chỉ CAN ĐẦU TIẾN BỘ cần trực tâm chính niệm, đứng thẳng Trên đầu sào trăm thước lại tiến thêm một người hướng về phía trước, ắt sẽ sừng bước, dụ cho hành động dũng cảm của sững rực rỡ, chẳng bị các thứ vọng tưởng người tham thiền vượt qua đầu sào ý thức này quấy rầy, như con chim ưng thoát khỏi để đi đến cảnh giới đại ngộ. bàn tay thợ săn. Trong suốt ngày đêm, đối Ngài Huệ Khai (Vô Môn) bình rằng: »

CAN HOÀI sư Trung Phong Minh Bản ghi: »
– Tiến bước được, lộn thân
được, còn ngại chỗ nào chẳng xưng tôn? – Duy có cây gậy Song
dù như thế hãy nói thử coi! Đầu sào chẳng tốt xấu, chẳng đúng sai, toàn thân trăm
thước làm sao tiến bước? A!« Theo: chỉ là đen sì lì, suốt năm dựa bên góc thiền PQĐTĐ
của nhóm Từ Di. sàng«.

CAN HOÀI CAN SÁCH SÁCH Quấy rối, quấy rầy, động lòng. Trong bài Khô
không khốc. Mật Am ngữ lục ghi: » »Hoạch châu ngâm« của Quan Nam
Trưởng lão, trong CĐTĐL q. 30 ghi: – Kính
Sơn (pháp hiệu của Mật Am) khô không khốc, lúc có
thì chẳng giàu chi, lúc không thì chẳng có gì để lấy«. »Bất tọa thiền, bất tu đạo
Nhậm vận tiêu dao chỉ ma liễu CAN TRÚC GIẢO CHẤP Đãn năng vạn pháp bất
can hoài Vắt tre khô tìm nước. Ý nói làm việc uổng Vô thủy hà tằng hữu sinh lão?« công
vô ích. Bài tựa của Tập Ông trong Vô Môn Quan: » »Chẳng tọa thiền,
chẳng tu đạo Mặc tình phóng khoáng thế ấy thôi! –
Gượng thêm vài chú cước Đối với muôn pháp chẳng động lòng giống hệt như trên nón
đội thêm nón, còn Sinh lão từ xưa đâu từng có?« muốn cho Tập Ông khen ngợi chỉ là
uổng CAN MỘC công vô ích«. Còn gọi: Mộc thượng tọa. Cây gậy mà các CÀN HUỆ
Thiền sư thường dùng lúc thượng đường. Không có trí huệ, chỉ chạy theo lời nói tri
Thiền tông còn dùng từ Can Mộc để chỉ giải, chẳng thể chân thật tham học để minh cho
cây gậy nhiệm mầu vô hình trong hông tâm kiến tính, nhà thiền gọi là càn huệ. Tiết
ngực của Thiền sư, tức là uy lực của thiền Động Sơn Lương Giới Thiền sư trong mà các
Thiền sư dùng để tiếp hóa người NĐHN q. 13 ghi: » học, cho nên có cụm
từ: »Can mộc tùy – Thời đại mạt pháp, người ta phần thân« (Cây gậy tùy thân) là dụ
cho cơ dụng lớn chạy theo lời nói tri giải, chẳng thể tự tại vô ngại của thiền sư. Tắc 10,
Thung chân thật tham học để minh tâm kiến tính.« Dung lục (Đại 48, 133 thượng) ghi:
» Căn cứ trong kinh Phật, Càn huệ vốn có nghĩa không trí
huệ và chưa được nước – Có nắm có buông, cây gậy định, chưa được nước lý,
giai vị thấp nhất tùy thân, hay giết hay tha, quyền hành trong các giai vị tu hành của
Bồ Tát Thập trong tay«. địa. Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải của Thiền

CANH HẬU NIÊN CÀN KHÔN ĐỘC BỘ loại quang, cần phải mỗi mỗi thấu
suốt Miêu tả thiền tăng tỏ ngộ không còn mảy mới hiểu được cách về nhà ngồi yên ổn,
may chấp trước nương tựa, vận dụng tự tại nhưng cần phải biết còn có một khe hở vô
ngại. Tựa của Vô Môn Quan ghi: » hướng thượng nữa!«. Theo: PQĐTĐ của
nhóm Từ Di. – Đại đạo không có cửa, thiên sai thì có đường đi. Thấu
qua cửa CÀN THỈ QUYẾT này thì tự tại vô ngại.« Que chùi phân. Công án nổi tiếng,
là cơ ngữ của thiền sư Văn Yển sống vào cuối CÀN PHONG đời Đường – đầu đời Ngũ
Đại. Công án Thiền tăng sống vào cuối đời Đường, nối này thấy chép ở Tiết Vân Môn
Văn Yển pháp Động Sơn Lương Giới, tông Tào Thiền sư trong Ngũ Đăng Hội Nguyên
Động. Sư trụ ở Việt Châu (tỉnh Chiết quyển 15 như sau: » Giang) Trung
Quốc. – Có vị tăng hỏi: Phật là gì? Sư đáp: Que chùi phân«. Lời đáp như CÀN
PHONG NHỊ QUANG TAM thế đã hiển bày cơ dụng chặt đứt đường BỆNH

ngôn ngữ của người học bởi tông Vân Lời thượng đường khai thị của Thiền sư Môn, cũng thể hiện được tác phong quở Càn Phong. Nội dung: Khi đến cảnh giới Phật mắng Tổ của nhà thiền. Thiền lâm đời ngộ cần phải trừ bỏ, thoát khỏi nhị quang sau thường niêm đề công án này. Hiền và tam chủng bệnh. Công Đại Hòa thượng hành nghiệp khúc — Nhị quang (Hai loại quang): ký trong NHQL q. 37 ghi: » 1. Năng thủ quang: Chỉ cho mê hoặc vi tế khởi lên nơi chủ quan.

2. Sở thủ quang: Chỉ cho mê hoặc vi tế khởi lên nơi khách quan. – Năm sau, nhân dịp Hòa thượng — Tam chủng bệnh (Ba loại bệnh): Vô Minh Thọ Xương khai pháp ở Đổng 1. Vị đáo tẩu tác: Ở trước cảnh giới ngộ mà Nham, sư đến yết kiến ngài, thưa đi hỏi lại khởi lên các thứ tâm phân biệt là bệnh. nhiều lần. Xương bảo: Việc này không thể 2. Dĩ đáo trụ trước: Đạt đến cảnh giới ngộ dùng ý để hiểu, cần phải ra sức tham thiền mà sinh tâm bám giữ cũng là bệnh. thì mới khế ngộ. Do đây, sư cố gắng khán 3. Thấu thoát vô y: Đạt đến cảnh giới ngộ, công án ›Càn thỉ quyết‹«. tuy lìa thoát tất cả chấp trước, nhưng không thấu đạt đến chỗ sáng sủa thì vẫn CANH HẬU NIÊN còn là bệnh. NĐHN q. 30 (Vạn Tục 138, Tính từ năm nay trở đi thì năm thứ tư gọi 145 hạ) ghi: » là canh hậu niên. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » – Hòa

– Năm kia, thượng Càn Phong ở Việt Châu thượng năm ngoái cũng như thế, năm sau, năm đường nói: Pháp thân có ba loại bệnh, hai sau nữa, năm sau sau nữa, năm sau sau

CANH NHÂN ĐIỀN BẤT CHỦNG, HÒA THỤC BẤT LÂM TRƯỜNG nữa nữa cũng như thế.« Ích Châu (nay là Thành Đô, Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Vân CANH NHÂN ĐIỀN BẤT CHỦNG, Môn Văn Yển, sáng lập chùa Hưng Phúc ở HÒA THỤC BẤT LÂM TRƯỜNG núi Song Phong, Thiều Châu. Chúa Nam Hán thường triệu hỏi về thiền cơ, sư ứng Người cày không làm ruộng, lúa chín đối nhanh nhẹn. Chúa ban hiệu là Quảng không đem phơi. Chỉ cho thiền nhân quên Ngộ thiền sư. đi cội rễ nhà mình, không thấy được Phật CÁNH NHẬT tính của chính mình. Tiết Kính Sơn Hồng Suốt ngày. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Nhân Thiền sư trong NĐHN q. 9 ghi: » – Suốt ngày Sơn tăng nói toạc ra cho các vị, tại vì các vị chẳng chịu để ý«.

– Tăng CẢNH KHỐI TỬ hỏi: Khi tạ thế như tro tàn thì thế nào? Sư Cách gọi nôm na của chữ »CẢNH«. Lâm đáp: Vẫn là sự tu hành mong cầu phúc báo Tế ngữ lục ghi: » của người đương thời. Tăng hỏi: Sau khi tu hành thì thế nào? Sư đáp: Người cày không làm ruộng. Tăng hỏi: Rốt cuộc như – Như thế nào? Sư đáp: Lúa chín không đem thiện tri thức đưa ra một cảnh, đùa trước phơi.« mặt người học.., người trước mặt biện được đã chẳng làm chủ, chẳng bị cảnh lừa, CANH Y thiện tri thức liền hiện bán thân, người học Còn gọi: Cải phục. Thay đổi giáo phái liền hét«. hoặc tông môn. Tông Môn Vũ Khố ghi: » CẢNH DIÊN (943-1017)

Thiền tăng đời Tống, vốn tên là Cảnh – Quân Châu Hoàng Huyền, họ Trương, người xứ Giang Hạ Bá Tuyền Thiền sư, sơ tập Bách pháp luận, (nay là huyện Võ Xương, tỉnh Hồ Bắc) giảng tứ hữu thinh. Canh y Nam tuần, kiến

Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Lương Sơn Chân Tịnh Hòa thượng ư Động Sơn. – Duyên Quán, tông Tào Động. Thụy hiệu Thiền sư Hoàng Bá Tuyền ở Quân Châu »Minh An Đại Sư«. Tác phẩm: Đại Dương ban đầu học tập Bách pháp luận, nổi tiếng Minh An Đại Sư Thập Bát Ban Diệu Ngữ. về giảng nói Kinh Phật. Sau thay đổi giáo phái học hỏi phương Nam, yết kiến Hòa CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC thượng Chân Tịnh ở Động Sơn.« Gọi tắt: Truyền Đăng lục. Đăng lục, 30 CÁNH KHÂM (910-977) quyển, do Đạo Nguyên soạn vào đời Tống, Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trịnh, người là một trong những bộ sử Thiền tông

CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC Trung Quốc. Vốn có tựa đề là Phật Tổ Nam Tuyền như: Triệu Châu Tùng Đồng Tham tập, được xếp vào Đại Chính Thẩm… Tạng tập 51, trang 196. — Quyển 11: Các đệ tử nối pháp của ngài Sách này sưu tập ghi chép về hành trạng, Quy Sơn Linh Hựu, Tổ tông Quy Ngưỡng. cơ duyên v.v… của 1701, vị bắt đầu từ — Quyển 11: Lâm Tế Nghĩa Huyền, Tổ Đức Phật đời quá khứ đến các vị Tổ thuộc tông Lâm Tế. đời thứ 51 của Ngũ gia tông phái. Trong — Quyển 13: Pháp hệ của tông Hà Trạch. đó, 951 vị có phụ thêm Ngữ lục. Vì bộ Truyện ký về ngài Trừng Quán và ngài sách này được Vua sắc chỉ nhập tạng vào Tông Mật thuộc tông Hoa Nghiêm. niên hiệu Cảnh Đức thứ 1 (1004) nên đặt — Quyển 14: Thạch Đầu Hy Thiên và tên là Cảnh Đức. Về pháp hệ truyền thừa pháp hệ. giữa thầy và trò nối nhau không dứt giống — Quyển 15: Động Sơn Lương Giới. như lửa của ngọn đèn có năng lực phá trừ — Quyển 16: Các đệ tử nối pháp của ngài tối tăm, nối nhau liên tục nên gọi là Truyền Đức Sơn Tuyên Giám. Đăng. — Quyển 17: Pháp hệ tông Tào Động. Đầu quyển có bài tựa do ngài Dương Ức — Quyển 18, 19: Pháp hệ của ngài Tuyết soạn. Nội dung toàn sách nói về sự truyền Phong Nghĩa Tồn. pháp Thiền như sau: — Quyển 10: Pháp hệ của ngài Tào Sơn — Quyển 1 và 1: Bảy đức Phật đời quá Bản Tịch. khứ và Tổ Ca-diếp truyền xuống đến Tổ — Quyển 11: Pháp hệ của ngài Huyền Sa thứ 17 là Bát-nhã-đa-la. Sư Bị. — Quyển 3: Năm vị Tổ Trung Quốc: Đạt- — Quyển 11, 13: Pháp hệ của tông Vân ma, Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín, Hoằng Môn. Nhẫn. — Quyển 14, 15, 16: Pháp hệ của tông — Quyển 4: Pháp hệ chi nhánh của Tứ tổ Pháp Nhãn. Đạo Tín và Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn như: — Quyển 17: Các Thiền sư nổi tiếng Ngưu Đầu Thiền, Bắc Tông Thiền, Tịnh không thuộc bất cứ tông phái nào. Chúng Tông v.v… và truyện ký của các vị: — Quyển 18: Các ngữ lục đặc biệt của 11 Pháp Dung, Thần Tú, Phổ Tịch v.v… vị Thiền sư như: Nam Dương Huệ Trung, — Quyển 5: Huệ Năng và pháp hệ của Hà Trạch Thần Hội v.v… Ngài. — Quyển 19 tựa đề là Tán Tụng Kệ Thi — Quyển 6: Mã Tổ Đạo Nhất và Bách gồm tất cả kệ tụng của 17 vị như: Bạch Cư Trượng Hoài Hải. Dị… — Quyển 7: Nga Hồ Đại Nghĩa và Ma — Quyển 30 tựa đề là Minh Ký Châm Ca Cốc Bảo Triệt. gồm tất cả 13 loại: Tọa Thiền Châm, — Quyển 8: Gồm 54 vị như: Nam Tuyền Chứng Đạo Ca… Phổ Nguyện… Sách này có 1 bản khắc lại: — Quyển 9: Gồm 30 vị nối pháp ngài — Tư Giám Trùng San, khắc lại vào đời Hoài Hải… Nam Tống, năm 1134. — Quyển 10: Gồm các vị nối pháp ngài — Hy Vị Trùng San, khắc lại vào đời

CẢNH GIỚI Nguyên, năm 1316. giả làm thật, uổng công vô ích. Huệ Nam Quyển Đăng lục này là tư liệu căn bản để ngữ lục ghi: » nghiên cứu sử Thiền tông Trung Quốc . – Nếu là rộng tìm văn nghĩa CẢNH

GIỚI thì giống như tìm vật trong gương, còn 1. Đối tượng của cảm giác, nhận thức nhờ ngưng nghỉ ý niệm để quán không thì 6 thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. giống như mò trăng đáy nước«. 2. Cảnh địa đạt đến do nhận thức. 3. Thật tướng của sự vật được bậc tu hành CẢNH NGUYÊN (1094-1146) giác ngộ nhận thức, thể nghiệm. Còn gọi: Thiền tăng sống vào cuối đời Bắc Tống- Chân cảnh giới. đầu đời Nam Tống, họ Trương, hiệu Thử Am, người xứ Vĩnh Gia, Ôn Châu (nay là CẢNH HÂN huyện Vĩnh Gia, tỉnh Chiết Giang) Trung Thiền tăng đời Đường, người xứ Tuyền Quốc. Châu, nối pháp Thiền sư Thạch Sương Năm 18 tuổi, sư nương Thiền sư Linh Sơn Khánh Chư. Hy Củng để cạo tóc xuất gia rồi nghiên cứu kinh điển, trì luật, tự cầu tinh tiến. CẢNH HIẾN (?-1381) Năm kế, sư được thụ giới cụ túc. Ban đầu, Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên, đầu sư tu tập Thiên Thai giáo quán 3 năm. Sau đời Minh, họ Dao, tự Oánh Trung, hiệu đó, vâng lời Thầy, sư đến Giang Tây, Hồ Tiếu Hiên, người xứ Túy Lý (nay là huyện Nam để tìm thầy tham học. Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, Niên hiệu Kiến Viêm thứ 1 (1117) sư lên nối pháp Thiền sư Sở Thạch. núi Vân cư ở Giang Tây, ra mắt Thiền sư CẢNH HUYỀN (943-1017) Viên Ngộ Khắc Cần, được ngài bảo làm thị Thiền tăng đời Tống, họ Trương, người giả. Chưa bao lâu, sư ngay nơi lời nói của Giang Hạ, Hồ Bắc, Trung Quốc, nối pháp ngài liền đại triệt ngộ, được nối pháp ngài, Thiền sư Lương Sơn Duyên Quán, tông thuộc tông Lâm Tế. Từ đó, sư càng cần Tào Động. Sư trụ núi Đại Dương, Hồ Bắc. khổ tu luyện, biện luận tài tình, thời đó Tác phẩm: Đại Dương Minh An Đại Sư không ai địch nổi. Thập Bát Ban Diệu Ngữ, 1 quyển. Sư từng khai pháp ở chùa Kiến Đức tại Nam Minh Sơn, rồi dời sang chùa Hộ CẢNH LONG (1391-?) Quốc ở Thai Châu, hoằng tông truyền giáo, Thiền tăng đời Minh, họ Trần, tự Tổ Đình, pháp hội đại thạnh, tiếng tăm vang dội. hiệu Không Cốc, người xứ Tô Châu, nối Lúc sắp thị tịch, sư gọi sư điệt là Ứng Am pháp Thiền sư Tú An, tông Lâm Tế. Tác Đàm Hoa đến trước mặt, bảo phải làm Tọa phẩm: Không Cốc tập 30 quyển. nguyên, dặn dò hậu sự xong, trong phút chốc nắm tay lại rồi thị tịch. CẢNH LÝ CẦU HÌNH Xem thấy bóng dáng sự vật trong gương CẢNH NHƯ rồi tìm lấy vật đó nơi tấm gương, tỷ dụ lấy Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư

CAO MÂN TỰ Trí Hồng ở núi Đại Long, Đảnh Châu (nay CẠNH ĐẦU là huyện Thường Đức, tỉnh Hồ Nam) Nhộn nhịp, tranh giành nhau. Tiết Sở An Trung Quốc. Huệ Phương Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » CẢNH PHONG

– Ông Cảnh như gió hay làm tâm động. Tiết Bạch Trương biết xem mạch, ông Lý biết hốt Dương Pháp Thuận Thiền sư trong NĐHN thuốc; hai thầy lang giành nhau, tạm thời q. 10 ghi: » dùng chẳng được«.

CAO ĐỆ – Nhiễm duyên Học trò giỏi được vị Thầy ưng ý nhất. dễ dính mắc, đạo nghiệp lại khó thành, Tông Môn Võ Khố ghi: » chẳng rõ cái trước mắt nên muôn duyên – Thiền sư Cốc Sơn Tổ là sai biệt. Chỉ thấy gió cảnh ào ào thổi hư cao đệ của ngài Chân Tịnh«. rừng công đức; lửa tâm hừng hực nên cháy CAO LƯU sạch cội bồ-đề«. Chỉ chung cho hàng sĩ phu cao thượng. Lược Tự Tứ Tông Đốn Tiệm Nghĩa trong CẢNH SẦM Phần Dương ngữ lục ghi: » Thiền tăng đời Đường, pháp danh Chiêu – Nếu Hiền, và sư lấy đây làm hiệu của mình, nối chẳng phải hạng cao lưu có đủ 3 đức và 4 pháp

Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyện. y (4 chỗ nương), đâu được hoằng thông Do vì cơ phong cao vút, và khi ứng cơ sư đại giáo«. thích làm thế cọp vồ nên Ngưỡng Sơn nói sư giống như cọp. Từ đó các nơi gọi sư là CAO MÂN TỰ »Sầm đại trùng« (Con cọp Sầm). Chùa nằm bên bờ phía tây của sông Tam Xoa, ngoài cửa nam của thành phố Dương CẢNH THÔNG Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Đây là l trong 8 ngôi chùa lớn nổi tiếng ở Dương Thiền tăng đời Ngũ Đại. Ban đầu sư tham Châu vào đời Thanh. Tương truyền chùa vấn Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, bị ngài đánh được xây dựng vào đời Tùy, về sau trải cho 4 roi mây, nhân đó sư tự xưng là »Tập qua nhiều phen xây cất lại. Niên hiệu Vân Phong hạ tứ đẳng điều thiên hạ Đại Thuận Trị (1644-1661) đời Thanh, chùa Thiền Phật«. được Tổng đốc Nam Hà là Ngô Duy Hoa xây cất lại. Niên hiệu Khang Hy thứ 38 CẢNH TƯỜNG (1061-1131) (1699), nhờ Lưỡng Hoài Diêm Thương Thiền tăng đời Tống, họ Truyền, người xứ quyên góp xây cất chùa lại. Tương truyền Nam Phong (nay thuộc tỉnh Giang Tây) vua Khang Hy từng lên tháp Trung Thiên Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Đại Quy của chùa này và xây hành cung trong Mộ Triết, tông Lâm Tế. khuôn viên chùa vào năm 1699. Năm

CAO PHONG NGUYÊN DIỆU THIỀN SƯ NGỮ LỤC 1703, Vua ban bảng hiệu »Cao Mân Tự« do chính Vua viết. Chùa có liễn hoành do Còn gọi: Cao Phong Hòa thượng thiền Vua viết, có thơ do Vua làm và tượng Phật yếu. Ngữ lục, 1 quyển, do Nguyên Diệu bằng kim nhũ do Vua vẽ. Chùa có quan hệ soạn vào đời Nguyên, Hồng Kiều Tổ biên mật thiết với nhiều triều đại của nhà tập vào đời Nguyên, được xếp vào Tục Thanh. Pháp hệ chùa này thuộc phái Tạng kinh tập 111, trang 701. Nội dung nói Dương Kỳ tông Lâm Tế, bắt đầu từ ngài rõ yếu chỉ của việc tham thiền học đạo Ngọc Lâm Thông Tú (đệ tử của ngài Thiên gồm: Khai đường phổ thuyết, Pháp ngữ thị Ẩn Viên Tu cuối đời Minh), sau đó truyền chúng, Tiểu tham đêm 30, Thư từ. bốn đời đến ngài Thiên Huệ Thật Triệt, vị này trùng hưng chùa Cao Mân. Chùa này Sách chú thích quyển ngữ lục này có Cao và hai chùa Kim Sơn, Thiên Ninh là ba Phong Hòa thượng Thiền Yếu Tư Ký, 1 tùng lâm lớn của tông Lâm Tế. Năm 1915, quyển, do Bạch Pha Tuyên Truyền (là vị Thiền sư Lai Quả đến chùa này, quyết chí sư người Triều Tiên) soạn. khôi phục quy chế Cao Mân. Sư phái người mộ hóa ở Đông Nam Á, thỉnh được CAO TÂM 78 tượng ngọc Phật, 1 tượng Phật bằng Tự cao tự đại. Đại Châu ngữ lục q. hạ ghi: đồng. Sư còn chấn chỉnh quy củ tòng lâm, » đặt ra »Cao Mân Tự Quy Ước«. – Người tự cao tự đại khinh chê kẻ khác thì tăng thêm ngã chấp, còn người CAO PHONG NGUYÊN DIỆU chấp không chấp có đều ngu«. THIỀN SƯ NGỮ LỤC CAO TÚC Còn gọi: Cao Phong Đại Sư ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Nguyên Diệu soạn vào đời Học trò giỏi. Lời nói kính trọng, nói về học Nguyên, được xếp vào Tục Tạng kinh tập trò của người đối thoại. Vân Cư Sơn Chí 111, trang 653. Nội dung bao gồm: Pháp (134 hạ) ghi: » ngữ thị chúng ở Song Kết Am, Hồ Châu, – Lúc ấy Cổ Công làm Trụ trì, Ngữ yếu khai đường ở chùa Sử Tử Thiền, vốn là cao túc của thiền sư Linh Nguyên«. núi Tây Thiên Mục, Niêm cổ, Bổ di, Kệ tụng, Tán Phật Tổ, Hành trạng, Tháp minh, CÁO BÁO Âm thích. Kể ra, nghị luận. Mật Am ngữ lục ghi: » Dương Nhân Sơn bảo quyển ngữ lục này »Chỉ thẳng cội nguồn, vượt ra khuôn sáo, khiến người phát

nguyện mạnh, lập chí – Người linh lợi lớn«. nghe kể như thế giống như con ngựa giỏi quen chiến trận nghe tiếng chiêng trống CAO PHONG NGUYÊN DIỆU toàn thân ngứa ngáy rần rần, ngàn người THIỀN SƯ THIỀN YẾU muôn người không thể khống chế.«

CÁT ĐẲNG SÀNG TỬ CÁO HƯƠNG gạch chồng diêm nâng đỡ phần trang trí Nghi thức cung thỉnh bậc Thầy khai thị hình răng cưa lăng giác ba tầng. Đấu củng hoặc giảng dạy cho đại chúng bằng cách và mái tháp rất lớn nâng đỡ bó hoa sen người học cắm hương dâng lên Thầy. năm tầng tám cánh. Bó hoa cũng rất to cơ —Cáo hương bài: Tấm bảng treo để thông hồ chiếm 1/3 toàn tháp. Đỉnh tháp dùng báo nghi thức cáo hương cho đại chúng gạch chồng diêm ngược thu lại thành tháp biết, nhưng trước khi treo Cáo hương bài sát. Mặt tiền của tháp trên ngạch cửa có đề phải trình và được sự cho phép của Thầy bài ký, tại mặt bên của tháp có bài minh trụ trì. nói về tháp của Thiền sư Cảo Công. —Cáo hương đồ: Biểu đồ phối trí nhân sự khi cáo hương. Theo: PQĐTĐ của nhóm CÁT ĐẲNG Từ Di Chỉ cho văn tự ngữ ngôn, vốn được dùng để diễn tả giải thích sự tướng, nhưng trái CÁO VÃNG TRI LAI lại, nó cũng thường làm vướng mắc, trói Biết chuyện vị lai, hàm ý nghĩa linh lợi buộc người chưa ngộ, giống như dây leo mẫn tiệp. Tiết Cốc Sơn Hải Thiền sư trong bò lan, đan xen lẫn nhau. Tắc 31, Bích NĐHN q. 19 ghi: » Nham lục (Đại 48, 171 trung) ghi: » – Cát đẳng của cổ nhân, thử nêu ra xem!« Ngoài ra, Cát đẳng còn chỉ cho câu nói khó – Một khi nêu lên không nói lý giải được trong công án và còn chuyển lại thì đã rơi vào đầu thứ 2, thứ 3; gặp thành nghĩa nói về trình độ vấn đáp. Nhàn nhau không nhướng mày thì trở thành tạo cát đẳng: Câu nói bỡn cợt, vô dụng. tác. Cho dù khảy cung biệt khúc, biết được chuyện vị lai, thấy bóng roi liền chạy, xa CÁT ĐẲNG QUẬT trông cột phướn chùa bèn quay về, vẫn bị Lời nói lòng vòng, lải nhải không dứt. Tiết ăn 30 gậy ngay trước mắt.« Bạch Vân Thủ Đoan Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: »

CẢO CÔNG THIỀN SƯ THÁP

Tháp nằm trên đất tháp phía Tây bắc chùa Phật Quang, núi Ngũ Đài, tỉnh Sơn Tây, – Thử hỏi Thiên Thai và Nam Trung Quốc, là mộ tháp của Thiền sư Cảo Nhạc nói pháp môn gì?... Lô Sơn bước ra Công được xây vào niên hiệu Thái Hòa thứ nói: Hai vị ấy Đang lải nhải không dứt! 5 (1205) đời Kim. Tháp cao khoảng 5m, là Chẳng thấy nói: Muốn khỏi nghiệp vương một tòa tháp một tầng xây bằng gạch bông muôn kiếp lụy. Vành xe chính pháp chớ theo kiểu đình các. Phần dưới của tháp là chê cười«. tòa Tu-di, phần trên của tháp là hình bát giác. Trên thân tháp dùng gạch để xây đấu CÁT ĐẲNG SÀNG TỬ củng nâng đỡ mái tháp. Mái tháp dùng Dụ chỉ cho thiền sư nhiều lời. Đây là lời

CÁT ĐẲNG THIỀN nói hàm ý chê cười. Tông Môn Võ Khố ghi: CĂN CƠ » Vì tính là gốc rễ của con người, ví như rễ cây, cho nên gọi là Căn; chỗ phát khởi của căn gọi là Cơ. Là căn tính, tư chất của – Thuấn lão phu ở Vân Cư thường người có năng lực tu hành. Căn cơ quyết chê thiền sư Thiên Y Hoài nói thiền nhiều định sự tiến thoái của đời tu, sự hưng phế lời. Một hôm, ngài nghe Hoài thị tịch, liền của giáo pháp. ở trên Pháp đường chắp

tay nói rằng: May mắn thay, thiền sư nhiều lời ngã xuống CĂN KHÍ rồi!«. Tố chất tiếp nhận và truyền thừa Phật pháp. Duy Tắc ngữ lục q. 3 ghi: » CÁT ĐẲNG THIỀN – Người học đạo ngày Thiền nhiều lời. Tông Môn Võ Khố ghi: nay căn khí không như nhau.« » – Thuấn Lão phu ở Vân Cư CĂN THỨC thường chê thiền sư Thiền Y Hoài nói thiền Căn khí cùng tài năng và kiến thức. Tiết nhiều lời«. Tham chính Lý Bính cư sĩ trong NĐHN q. 20 ghi: » CÁT TIỆT HƯ KHÔNG – Cố Duy căn khí Cắt đứt hư không, ý nói vọng đem chia cắt cùng tài năng và kiến thức tối tăm chậm sự vật vốn chẳng thể chia cắt. Tiết Tục lụt, cả đời học giải hoàn toàn rơi vào tình Nghệ Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » kiến.« CĂN TÍNH

Căn nghĩa là có năng lực phát sinh. Tính là thói quen huân tập. Chúng sinh có thói quen huân tập và làm phát sinh ra nghiệp thiện hoặc ác gọi là căn tính.

– Tuy có 5 tông phái khác CĂN TƯ nhau, kỳ thực đều là một ĐẠO. Vì người Căn khí và ngộ tính. Tiết Phụng Hoàng nào thật biết Lâm Tế chắc chắn là biết Tào Tùng Thâm Thiền sư trong NĐHN q. 8 Động; ai thật biết Tào Động chắc chắn là ghi: » biết Lâm Tế… mới biết ĐẠI ĐẠO công – Người học đạo căn khí và ngộ bằng, pháp không thiên lệch. Người đời tính chậm chạp, trong môn phương tiện xin sau vọng sinh nhân ngã, cắt đứt hư không, Thầy dạy thêm.« người nối pháp Lâm Tế thì chê bai Tào Động, người nối pháp Tào Động thì chê CĂNG THỨC bai Lâm Tế, phá hỏng pháp môn, tự vùi Khuôn phép. Căng nghĩa là kính, thức là chôn huệ mạng, há chẳng đau đớn sao!« pháp tắc. Căng thức có nghĩa mô phạm hay

CÂN ĐẨU khuôn phép. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 1 (Đại 48, 1010 thượng) ghi: » – Có khi cục bông trong khối sắt, có khi tảng đá được bọc gấm; lấy cứng thắng mềm là lẽ đương nhiên, còn việc gặp cứng liền mềm

– Anh Thiệu Vũ nói: là thế nào?«. Phần đạo học của sư huynh Hối Đường được các thiền tăng cho là vào bậc Thầy, CẨM GIANG THIỀN ĐĂNG thế mà ngài còn lấy đức tính tự thắng làm vui, lấy điều chưa thấy chưa nghe làm xấu Đăng lục, 10 quyển và mục lục 1 quyển, do hổ, để làm khuôn phép cho từng người Trượng Tuyết Thông Túy biên soạn vào hoặc khắp cả tùng lâm. Đó há là điều bổ đời Thanh, được xếp vào Tục Tạng kinh ích nhỏ bé sao?«. tập 145, trang 510. Tác giả sưu tập nhiều Sử truyện, ngữ lục CẤM ĐÔNG BẤT CẤM HẠ của các nhà trong nhiều đời, rồi dựa theo thể lệ của bộ Chỉ Nguyệt lục đem các tông Chỉ cho việc tu sĩ Phật giáo thực hành chế họp chung một nguồn mà chẳng chia ngũ độ Đông an cư (từ rằm tháng 10 đến rằm tông thất phái. Chủ yếu gom chép về các tháng 1 năm sau), tu tập ở trong tự viện. Thiền sư xuất thân từ đất Thục nhưng lại hoằng dương Thiền tông ở nơi khác, hoặc CẤM HẠ BẤT CẤM ĐÔNG các vị quê quán ở khắp nơi nhưng thượng đường, tiểu tham, sự nghiệp, tụng cổ và Chỉ cho việc tu sĩ Phật giáo tu tập trong tự dựng cờ pháp ở đất Thục, cho đến các vị viện vào mùa hạ (từ rằm tháng 4 đến rằm cư sĩ hộ pháp trong triều ngoài nội, các tháng 7), không được ra ngoài du phương Cao tăng ở ẩn nơi rừng núi, cơ duyên pháp hành cước. ngữ của các thiền tăng, tính chung có trên 1. 000 vị.

Trong ấy, từ Sơ Tổ Đạt-ma đến CẤM TÚC đời thứ 40 sau ngài Huệ Năng có khoảng 1. Chuyên ở một nơi để tham thiền, không trên 800 vị thiền sư. ra ngoài hành cước du phương. CÂN ĐẨU 1. Theo nông lịch, từ rằm tháng 4 đến rằm tháng 7, các tu sĩ Phật giáo ở trong tự viện Nhào lộn. Thiền tông dùng từ này để hình để tu tập, không được ra ngoài. dung trạng thái NGỘ của người tham thiền. Thiền Quan Sách Tiến ghi: » CẨM BAO ĐẶC THẠCH Dùng tấm gấm để bọc tảng đá. Tỷ dụ ngoài mềm trong cứng, tức chỉ cho cơ pháp của – Nghi tình không dứt, khẩn thiết thiền sư bên ngoài tuy mềm mỏng nhưng dụng tâm, bất giác cất bước, chuyển thân bên trong cứng rắn. Tắc 14, Thung Dung nhào lộn giữa hư không (NGỘ), rồi trở lại lục (Đại 48, 135 hạ) ghi: » đây ăn gậy«.

CÂN THỊ CÂN THỊ bối, đã từng được hun đúc trong các lò rèn Còn gọi: Cân bình. Ông tăng làm thị giả lớn, nên tôi mới co tay«. cho vị Trụ trì. Vì thị giả cần phải để ý đến khăn áo của thiền sư dùng hàng ngày nên CẤP THỊ mới có tên là Cân thị. Tiết Bạch Vân Thủ1. Hầu hạ. Tiết Tín Tương Tông Hiển Đoan Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: »

– Sư hầu hạ Tổ đã lâu, Tổ (Ngũ Tổ – Lúc nhỏ theo việc văn Pháp Diễn) một lòng yêu mến.« chương, khi trưởng thành sư nương nơi 2. Thị giả. Chương Tổ thứ 3 Thương Na thiền sư Trà Lăng Úc xuất gia rồi đến Hòa Tu trong CĐTĐL q. 1 ghi: » tham vấn Dương Kỳ… Trải qua một thời

gian làm thị giả, sư từ giã đi đến Lô Sơn«. – Tôn giả (Thương Na Hòa Tu) CẦN BA TỬ hóa duyên đã lâu, ngài muốn giao phó Còn gọi: Ba Đầu Tử, Xuyên Cần. Chỉ cho chính pháp nên tìm được Ưu Ba Cúc Đa ở Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần (1603-1135), nước Trá Lợi cho làm thị giả.« Cao tăng tông Lâm Tế sống vào đời Tống. CẬT LUẬN Do vì trên đầu của Viên Ngộ có một vết Bàn cãi, luận bàn. Lục Tổ Đại Sư Pháp sẹo hình chữ ba () nên trong nhà Thiền Bảo Đàn Kinh Lược Tự: » gọi sư là Ba Đầu Tử. Có thuyết cho rằng do sư xuất thân ở xứ

– Mùng 8 tháng Ba Tây (Thành Đô), tỉnh Tứ Xuyên, nên giêng, Sư gặp Pháp sư Ấn Tông, luận bàn mới được gọi là Cần Ba Tử, Xuyên Cần. lẽ huyền áo, Ấn Tông khế ngộ được ý chỉ CẦN CỰU của Sư (Huệ Năng)«. Chức sự tăng trong tự viện, như Tri sự, Thị CÂU ĐƯƠNG giả… sau khi nghỉ việc. Thông thường là Giải quyết. Tổ Đường tập q. 6 ghi: » những vị tham thiền đã lâu, có tư cách về tuổi tác. Mật Am ngữ lục ghi: »

– Hòa thượng Động Sơn nói: Sư đến Bách Nhan, Nhan – Sư mới trụ Ô Cự, lên pháp hỏi: Vừa rời chỗ nào? Sư đáp: Vừa rời Hồ tòa thuyết pháp: Tôi tự dắt một người vào Nam. Nhan hỏi: Quan sát sứ họ gì? Sư Phương trượng được năm mươi hôm rồi đáp: Không biết họ ông ta!… Nhan hỏi: mà chưa từng cử chức Phương trượng cho Cùng giải quyết công việc chăng? Sư đáp: ông ta, bởi vì trong đây có vài người cần Tự có phó quan rồi!«. cựu đều đã từng gặp các vị Tôn túc tiền

CHÂN GIÁC THIỀN TỰ CẤU khó xảy ra. Nhà thiền mượn cụm từ này để Thấu suốt, lãnh ngộ. Tiết Huyền Sa Sư Bị chỉ thầy trò nhân duyên khế hợp thật đặc

trong NĐHN q. 7 ghi: » biệt hiếm thấy. Tiểu truyện Thiền Sư Tĩnh Lực trong TUTA ghi: »
– Khi du – Hôm nay tôi phương tiện giúp học, sư được gặp thiền sư Đạo Huệ ở Tiên đỡ ông như thế mà ông còn chưa lãnh ngộ Du, thầy trò nhân duyên khế hợp thật đặc được. Nếu như tôi thuần cử dương Thiền biệt hiếm thấy bèn dốc lòng nương nhờ đất tông thì ông định đặt để vào đâu? Có hội Phật.« chăng?«. CHÂN CẨU TỬ PHẬT TÍNH Chân dung. Tông Môn Võ Khố ghi: » (346) Con chó có Phật tính. Công án nổi tiếng. – Hòa Vào đời Đường, có vị tăng hỏi thiền sư thượng Chân Tịnh có khi vội vã gọi thị giả: Triệu Châu Tùng Thẩm: Con chó có Phật Hãy đem Lão hòa thượng lại! Thị giả đem tính hay không? Triệu Châu đáp: Không. chân dung của Thiền sư Nam bày ra.« X. Triệu Châu cẩu tử. CHÂN BA TỴ CHÂM CHÙY Người thật sự có đủ cái lỗ mũi. Thiền tông Gọi đủ: Đỉnh môn thượng nhất châm chùy. mượn từ này làm thuật ngữ để chỉ cho bậc Lấy cây kim, cây dùi nhọn đâm vào đầu Đại trượng phu thật sự đại triệt ngộ. vào trán, ám chỉ thủ thuật của Thiền sư khám nghiệm học nhân hay đối phương CHÂN DIỄN (1621-1677) xem họ có trình độ lãnh hội thiền chỉ đến Thiền tăng đời Thanh, họ Hứa, tự Trúc đâu. Tiết Hoàng Bá Hy Vận trong NĐHN Am, biệt hiệu Ngẫu Am, người xứ Trường q. 4 ghi: » Châu (nay là Tô Châu) Trung Quốc, nối pháp Mộc Trần Đạo Mân, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Ngữ lục 2 quyển.
–Thuở lão tăng này còn đi hành cước, thảng gặp một người tại chốn cỏ CHÂN ĐẠO VÔ THỂ rậm, thì phải lấy dùi nhọn đâm vào trán Còn gọi: Chân Phật vô hình, chân pháp vô hắn, nếu thấy hắn có cảm giác biết đau tướng. Đạo chân thật, không có hình thể cố ngứa thì mới đội bao tải gạo đến cúng định. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di dường cho hắn.« CHÂN GIÁC THIỀN TỰ CHÂM GIỚI TƯƠNG ĐẦU Nằm ở trung tâm thành phố Bảo Định, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc, tục gọi là »Đại Bi Duyên kim cải, nghĩa là hột cải ném ra Các« do Nhữ Nam Vương Trương Nhu đời ghim trúng đầu mũi kim, là một chuyện Nguyên xây cất. Niên hiệu Khang Hy

CHÂN HÀNH (1662-1722) đời Thanh từng sửa chữa, nhan đề »Chân Hiết Hòa thượng Niêm niên hiệu Càn Long (1736-1795) sau khi bị Cổ«, là loại chú thích sớm nhất trong các hỏa thiêu xây cất lại, đổi tên là »Chân Giác sách chú sớ về Tín Tâm Minh. Cùng thời Thiền Tự«. Sau khi cất lại nền đá cao thêm đại với Thanh Liễu có ngài Đại Huệ Tông 20m, lại thêm lan can bằng đá cẩm thạch. Cảo cực lực đề xướng Khán thoại thiền, Chùa quay lưng về hướng bắc nhìn về chê trách 2 ngài Thanh Liễu và Hoằng Trí hướng nam, phía trước có môn điện ba chủ trương Mặc chiếu thiền. Thế nên, gian, đông tây có lầu chuông trống và hành Thanh Liễu làm Tín Tâm Minh Niêm Cổ. lang gấp khúc lượn vòng quanh đều ba nhằm phát huy huyền chỉ, chống lại sự chê gian. Gác cao 31m, ba mái, đỉnh lợp ngói. bai của ngài Tông Cảo, cùng trình bày Trong gác có khung trang trí, xà nhà đều những sai lầm của người học đương thời có đồ họa màu do Tô Thức vẽ. Văn nhân và răn dạy những hành giả tham thiền mà đời Nguyên là Lưu Nhân, văn nhân đời không hiểu sự lý. Nội dung của ngữ lục Thanh là Cao Quế, Trần Chính đều có đề này trình bày những cổ tắc của Thiền tông, vịnh. không giải thích về ngôn từ.

CHÂN HÀNH CHÂN HÌNH Còn gọi: Thị chân hành giả. Chân: Chân ảnh của Tổ sư. Thị chân: Thị giả phục dịch Hình thể chân thật, chỉ cho thân chân thật ở Chân ảnh đường. Thị chân hành giả là vô tướng của Phật. Lâm Tế lục dẫn bài chức vụ dưới chức Thị chân, là vị cư sĩ tụng của Phó đại sĩ (Đại 47, 550 thượng) phục vụ các việc lặt vặt nơi Chân ảnh ghi: » – đường. Có thân chẳng phải là giác thể, vô tướng mới là Chân hình«. CHÂN HIẾT THANH LIỄU THIỀN SƯ NGỮ LỤC CHÂN HUỆ (1522-1567) Còn gọi: Ngộ Không Thiền sư ngữ lục. Thiền tăng đời Minh, họ Phù, hiệu Ngu Ngữ lục, 2 quyển, do Thanh Liễu soạn vào Xuyên, người xứ Trĩ Thành, Trung Quốc, đời Tống, thị giả Đức Sơ và Nghĩa Sơ cùng nối pháp Thiền sư Ngọc Chi. Tác phẩm: biên tập, được xếp vào Tục Tạng kinh tập Ngu Xuyên Cảo. 124, trang 619. Quyển thượng vốn có nhan đề »Kiếp Ngoại lục«, gọi đủ là »Chân CHÂN KHẢ (1543-1603) Châu Trường Lô Liễu Hòa thượng Kiếp Ngoại lục«. Nội dung gồm có: Các lời Thiền tăng đời Minh, họ Thẩm, tự Đạt thượng đường, pháp yếu thị chúng, cơ Quan, hiệu Tử Bách Lão Nhân, Hám Hám duyên, kệ tụng, »Sùng Tiên Chân Hiết Tử, Hám Hám Đà, người xứ Ngô Giang Liễu Thiền sư tháp minh«. do Hoằng Trí (nay thuộc Giang Tô) Trung Quốc. Tác Chính Giác soạn, Hoa Tạng vô tận đăng phẩm: Tử Bách Tôn Giả Toàn tập 30 ký, Tịnh Độ tông yếu, câu truyện giữa quyển, Biệt tập 4 quyển, Trường Tùng Nhự Thuyền Tử và Giáp Sơn. Quyển hạ vốn có Thoái 2 quyển.

CHÂN KIM PHỐ CHÂN KHẢI ngài ra thất và thành lập thiền viện Chân Thiền tăng đời Minh, nối pháp Thiền sư Không để tiếp độ Tăng Ni... Toàn thể Viên Ngộ, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Tịch khuôn viên nằm trên diện tích khoảng 2 Vọng Cứu Chính. mẫu, hướng đông giáp miếu bà Sùng Chính nhìn xuống mặt đường Lê Lợi, CHÂN KHÔNG (1045-1100) hướng tây giáp rừng đến đỉnh núi tức sau 1. Thiền tăng đời Lý, thuộc thiền phái Tỳ- lưng chùa là vách núi, hướng nam giáp ni-đa-lưu-chi đời thứ 16. Sư họ Vương, tên rừng hoang-đối mặt chênh chếch hướng Hải Thiềm, quê làng Phù Đổng huyện Tiên nam là ngọn núi Nhỏ-hướng bắc giáp vườn Du, miền Bắc Việt Nam. Sư từng trụ các cây và đường lên thiền viện. Từ cổng tam nơi: Chùa Tĩnh Lự núi Đông Cứu, chùa quan bước vào, du khách sẽ gặp ngay thiền Chúc Thánh núi Phổ Lại, chùa Bảo Cảm. viện ni, theo tam cấp của đồi sứ quý vị sẽ Kệ thị tịch: đến Nhà khách. Từ Nhà khách theo đường Tiêu Dao để đến đồi Tự Tại, đứng trên đồi có thể nhìn thấy bao quát thành phố Vũng Tàu; xoay ngược tầm mắt vào núi, du khách sẽ thấy ngôi chính điện sừng sững Diệu bản hư vô minh tự khoa uy nghiêm giữa rừng tràm xanh mát. Qua Hòa phong xuy khởi biến ta bà một khoảng sân hoa kiểng là đến một tòa Nhân nhân tận thức vô vi lạc nhà 2 tầng: Bên dưới là Tổ đường và Trai Nhược đắc vô vi thủy thị gia«. đường, bên trên là Tăng đường và phòng »Diệu tính rỗng rang rõ tự bày của Hòa thượng Viện trưởng. Sau Trai Gió lành chan rãi khắp ta bà đường là nhà bếp. Từ đây có đường Đại Mọi người đều biết vui siêu thoát Mai dẫn lên khu thiền thất. Khu vực này Nếu được vô vi mới phải nhà«. được khởi công xây dựng vào năm 1973, 2. Thiền viện nằm trên sườn ngọn núi Lớn đầu tiên là thất Hòa thượng Viện Chủ (cũ) (Tao Phùng Sơn), thuộc phường 6, thành rồi đến thất của Hòa thượng Bửu Huệ và 5 phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,Việt ngôi thiền thất của chư tăng khóa I & II. Nam. Muốn lên thiền viện du khách từ Hiện tại thiền viện Chân

Không đang trong đường Lê Lợi rẻ lên đường Viba độ 500 m giai đoạn trùng tu, khởi công từ mùng 4 có đường tẻ bên phải đi thêm 700 m đến tháng 8 năm Đinh Hợi (1995) đến nay sắp nơi. Thiền viện mang tên một thiền sư Việt hoàn thành. Nam sống vào đời Lý (thế kỷ XI) và do Hòa thượng Thích Thanh Từ tạo lập vào CHÂN KIM PHỐ tháng giêng năm 1970, là cái nôi của Thiền Tiệm bán vàng ròng. Thiền tông mượn từ tông Việt Nam vào cuối thế kỷ XX. Tiền này làm thuật ngữ để khen ngợi sự mở thân của nó là Pháp Lạc Thất, được xây cất rộng Thiền phong. Tiết Dược Sơn Duy vào tháng 4 năm 1966, toàn bằng cây lá. Nghiễm trong Tổ Đường tập ghi: » Hòa thượng Thanh Từ đã ẩn tu tại đây cho đến ngày mồng 8 tháng chạp năm 1969 thì – Một hôm sư

CHÂN KIM THẤT SẮC viết thư, trong thư nói: Thạch Đầu là tiệm Muôn pháp dọc ngang giác ngộ ngay«. bán vàng ròng, còn Giang Tây là tiệm bán Tác phẩm (Về Thiền) có: tạp hóa«. — Thiền tông Bản Hạnh. — Thiền Tịch Phú. CHÂN KIM THẤT SẮC Vàng ròng mất màu. Thiền tông mượn cụm CHÂN NHẠC từ này làm thuật ngữ để chỉ cho người tu Thiền tăng đời Minh, họ Khổng, tự Ngũ thiền ngộ đạo có huyền cơ diệu dụng linh Phong, người xứ Sơn Đông, Trung Quốc. hoạt, thậm chí có thể làm cho vàng ròng bị mất màu. Người đạt đạo có cơ dụng nhanh CHÂN PHONG ĐỘ THƯỢC khéo, sống động, có thể quở Phật bác Tổ, hoặc nắm chặt một vật, hoặc buông đi tất Ống thụt lửa của thợ rèn. Thiền tông mượn cả, hóa thân vàng một trượng sáu thành cụm từ này làm thuật ngữ để chỉ cho bậc một cọng cỏ. Tắc 31, Bích Nham lục (Đại sư gia sử dụng thủ đoạn khốc liệt, hành vi 48, 170 thượng) ghi: » tàn nhẫn để rèn luyện người học trở thành – Lúc pháp khí, cũng như người thợ rèn dùng ống buông thả thì gạch ngói sáng ngời. Khi thụt lửa để rèn thanh sắt làm thành món đồ nắm chặt thì vàng ròng mất màu«. hữu dụng. Bài tụng trong tắc 86, Thung Dung lục (Đại 48, 283 thượng) ghi: CHÂN NGUYÊN (1647-1726) Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông Lâm Tế đời thứ 36, nối pháp Thiền sư »Cửu bao chi sồ, thiên lý chi câu Minh Lương. Sư họ Nguyễn tên Nghiêm, Chân phong độ thược, linh cơ phát xu« tên chữ là Đình Lân, hiệu Tuệ Đăng, quê ở »Chim đủ lông cánh, ngựa hay ngàn dặm làng Tiền Liệt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, miền Bắc Việt Nam. Sư trụ trì Thủ đoạn bậc thầy, khởi động máy linh«. chùa Long Động và chùa Quỳnh Lâm, là 2 CHÂN QUÁ ngôi chùa lớn của phái Trúc Lâm. Cảnh giới đại triệt đại ngộ. Ai đạt đến cảnh Kệ thị tịch: giới này thì nhất định đã vượt qua cảnh giới của hàng Hữu học Vô học. Tắc 44, Bích Nham lục (Đại 48, 180 hạ) ghi: »

– »Hiển hách phân minh thập nhị thì Hòa Sơn dạy rằng: Tập học gọi là Nghe, Thử chi tự tính nhậm thi vi tuyệt học gọi là Gần, qua được hai thứ đó Lục căn vận dụng chân thường kiến gọi là Chân quá«. Vạn pháp tung hoành chính biến tri«. »Bày hiện rõ ràng được suốt ngày CHÂN THANH (1537-1593) Đây là tự tính mặc phô bày Thiền tăng đời Minh, họ La, tự Tượng Chân thường ứng dụng sáu căn thấy Tiên, người xứ Tương Đàm (nay thuộc Hồ

CHẤN PHONG THÁP Nam) Trung Quốc, nối pháp Hòa thượng CHÂN TRUNG (?-1627) Bảo Châu. Thiền tăng đời Minh, họ Tôn, tự Quýnh Tuyền, người xứ Hải Ninh

(nay thuộc CHÂN THẬT NHÂN THỂ Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Thiên Tùng. Còn gọi: Chân thật thể. Bất cứ ở đâu, lúc nào cũng đều có thể sống hoàn toàn với CHÂN TRUYỀN (1625-1678) bản lai diện mục của chính mình. Thuật Thiền tăng đời Minh, họ Lý, hiệu Mật Ấn, ngữ này còn biểu thị ý nghĩa Phật pháp người xứ Tự Châu (nay là huyện Nghi Tân, hiển bày không giấu giếm. Tiết An Quốc tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối pháp Huệ Cầu trong Cảnh Đức Truyền Đăng lục Thiền sư Linh Ẩn Ấn Văn, tông Lâm Tế. (Đại 51, 372 hạ) ghi: » Tác phẩm: Mật Ấn Thiền sư ngữ lục 12 quyển. – Sư hỏi Viện chủ Liễu: Như Tiên sư nói: Khắp mười CHẤN LÃNG phương thế giới là chân thật nhân thể. Ông Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thạch có thấy tăng đường chăng?«. Đầu Hy Thiên, pháp hệ Thanh Nguyên. Người đời gọi sư là »Tiểu Lãng Thiền sư«. CHÂN THÂU BẤT BÁC KIM CHẤN PHONG THÁP Thau không đổi được vàng. Chân thâu: Tháp nằm trong Nghinh Giang Thiền Tự, Thau, là kim loại có lớp vỏ bên ngoài rất thành phố An Khánh, tỉnh An Huy, Trung giống vàng nhưng giá trị của nó không Quốc, xây dựng vào niên hiện Long Khánh bằng vàng nên không thay thế cho vàng thứ 4 (1570) đời Minh. Tháp là kết cấu được. Thiền tông dùng cụm từ này làm gạch đá bảy tầng theo kiểu lâu các, cao thuật ngữ để chỉ rõ: Trí và ngu, Chính và tà khoảng 70m, mỗi tầng đều có treo linh có giá trị khác nhau và không thay thế cho đồng, gió thổi linh kêu giòn giã vui tai. nhau được. Trong tháp có khắc nổi 600 tượng Phật, bia khắc có 51 tấm. Trong tháp có bậc thềm đi CHÂN THIỀN (1916-) vòng vèo lên đến đỉnh tháp. Cửa mỗi tầng Tăng nhân hiện đại, họ Vương, tên Hạc biến hóa phức tạp, bên ngoài mỗi tầng đều Thọ, người huyện Đông Đài tỉnh Giang có lan can bằng đá bao quanh. Mỗi tầng Tô, Trung Quốc, đệ tử của pháp sư Ứng thân tháp có đặt đèn lồng, giống như một Từ. Tác phẩm: Ngọc Phật Trượng Thất tháp đèn hiệu dẫn đường cho tàu thuyền. tập, Luận văn »Bồ-đề-đạt-ma đích sinh Cổ nhân có làm thơ vịnh tháp này như sau: bình hòa Thiền pháp«. »Bát diện lăng không bát diện song, nguy CHÂN TỊCH (?-820) lan thất cấp mạt tà dương. Điểm nhiên Thiền tăng đời Đường, nối pháp Mã Tổ bách bát đăng khám hỏa, chỉ dẫn thiên Đạo Nhất. phàm dạ cánh hàng.« (Tám mặt chọc trời tám mặt song, lan can bảy cấp xóa tà

CHẤN XÚC dương. Thắp trăm linh tám ngọn đèn tháp, Pháp Nhãn trụ chùa này. Vào niên hiệu dẫn dắt thuyền bè vượt qua đêm. ) Thiệu Hưng thứ 28 (1158) khi Lục Du nhậm chức Chủ bạ ở Ninh Đức cũng đến CHẤN XÚC dạo chơi chùa Chi Đề và có làm bài thơ Còn gọi: Tránh xúc. Đụng phải, chạm phải. »Ung Hy tự dữ tăng dạ thoại Tiết Dược Sơn Duy Nghiễm Thiền sư «: » trong NĐHN q. 5 ghi: »

– Tổ sư chỉ bảo giữ gìn, nếu tham sân si khởi lên thì cần phải đề phòng, Cao chớ cho đụng phải.« danh mỗi quán Tập Tạc Xỉ, cự nhãn thích phùng Hữu Độn Lâm. Cộng thoại bất tri CHẤP PHẤT BÍNH hồng chúc đoản, đối sàng không đàm bạch Chỉ vị Trụ trì tự viện thuyết pháp cho đại vân thâm. Nhãn tiền chung cổ hà tằng ẩn, chúng nghe. Bài »Tự Tự« của bộ Nhân táp địa hào quang bất dụng tầm. Dục thức Thiên Nhãn Mục ghi: » thiên quan chân diện mục, điểu đề viên tiếu tổng tri âm.« (Cao danh thường quen Tập

– Tạc Xỉ, Cự nhãn vừa gặp Hữu Độn Lâm. Nếu sư làm Trụ trì tự viện thuyết pháp cho Cùng nói chẳng hay đuốc hồng ngắn, đôi đại chúng nghe thì y cứ theo thầy của giường nói rỗng mây trắng sâu. Chuông mình. Ngoài ra bởi không phân biệt được trống trước mặt chưa hề ẩn, hào quang tà chính nên hễ người nào học rộng nghe khắp đất chẳng cần tìm. Muốn biết thiên nhiều tất được sư ấn khả«. quan chân diện mục, chim kêu vượn hú thảy tri âm). Đầu nhà Nguyên chùa bị phá CHI CHUẨN hủy bởi binh lửa, Nguyên Thế Tổ sai tăng Còn gọi: Chi nghĩ, chi khiển. Ứng phó, đối trùng tu, trải qua 15 năm mới xong. phó. Tiết Diên Khánh Khả Phục Thiền sư Khoảng niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) trong NĐHN q. 16 ghi: » đời Minh triều đình sai Thái giám Chí Sơn Gian xây cất đại điện, ban cho tấm biển – Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện »Hoa Tạng Tự«. Đời Minh chùa Chi Đề Hán. Chợt khi Hồ Hán cùng đến thì làm đứng dưới 30 tự viện, đây là thời kỳ hưng sao đối phó?« thịnh nhất. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 25 (1597) vua ban tặng một tòa bệ ngàn Phật CHI ĐỀ TỰ Tỳ lô đúc đồng pha vàng đặt giữa đại điện. Còn gọi: Hoa Nghiêm Tự. Chùa nằm ở mặt Bệ Phật hình tròn hai tầng rỗng ruột, cao Tây núi Chi Đề, huyện Ninh Đức, tỉnh hơn 2m, nặng hơn 1000 cân. Tầng đáy Phúc Kiến, Trung Quốc. Niên hiệu Khai xung quanh tòa có 20 vòng, mỗi vòng nở Bảo thứ 4 (971) đời Tống, Ngô Việt ra hoa sen 50 cánh, mỗi cánh khắc nổi một Vương Tiền Thúc sáng lập. Đời Tống gọi tượng Phật nhỏ cao 6 cm. Tầng trên đặt là »Ung Hy Tự«, Thiền sư Biện Long tông tượng Tỳ lô giá na Phật, đầu đội kim quan,

CHÍ tay cầm »Tỳ lô«, là tư thế tọa thiền nhập chấp lấy thân mạng là thật. Chính khi ấy định, đến nay vẫn xanh vàng rực rỡ. Kiến đối phó với cái chết giống như con rùa còn trúc tự viện gồm có Đại hùng bảo điện, sống bị lột mai, rất khổ!«. Thiên vương điện, Tổ sư điện, Già lam từ, Tàng kinh các, Cổâ lâu, Trai đường, Sơn CHI KHIỂN môn. Đại hùng bảo điện do Hòa thượng Ứng phó, đối phó. Tiết Đại Tùy Nguyên Đại Thiên phụng chỉ xây dựng lại vào niên Tĩnh Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » hiệu Vạn Lịch (1573-1620) đời Minh. Đại điện bố cục nghiêm chỉnh đoan trang, – Chợt gặp kẻ giết Phật giết Tổ đến, rường cột khắc họa tinh mỹ tuyệt luân. phải làm sao đối phó?« Trên sơn môn có treo tấm biển »Thiên Hạ Đệ Nhất Danh Sơn«, do vua nhà Minh ban CHI NGÔ tặng. Xung quanh chùa điểm xuyết điện Gắng sức, đối phó. Tiết Long Môn Thanh các môn lâu, đình kiều cung quán, vàng Viễn Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » xanh rực rỡ, rừng núi tôn vẻ đẹp cho nhau. Trong kinh Hoa Nghiêm có câu: »Chưa đến Chi Đề uổng làm tăng«, cho nên tăng lữ khắp mọi nơi đều lên núi chiêm bái, lúc – Sư từng đề lên thịnh nhất chư tăng ở đây hơn ngàn người. vách Diên thọ đường của chùa Long Môn như sau … Kỳ thực là khiến cho người biết CHI ĐƯƠNG rõ chỗ sinh tử, mà kiến giải thì nhiều, giác Ứng phó, gánh vác. Tiết Khai Thiện Đạo ngộ lại ít. Người bệnh nhẹ vào nhà này, Khiêm Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: chẳng ép buộc phải gắng sức, liền có bổ » ích.« – Thiền sư CHÍ Khai Thiện Đạo Khiêm nói: Việc giữa Lời dự đoán. Tiết Long Hưng Tông Tịnh đường có thể thay thế, ta sẽ hết lòng thay Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » cho ông, nhưng có năm việc mà ta không thể

thay cho ông được, ông phải tự mình gánh vác«.

CHI HÀ Còn gọi: Chi khiển.

Ứng phó, đối phó. Tiết – Sư từng ở nơi Huyền Sa Sư Bị Thiền sư trong NĐHN q. pháp đường để lộ cánh tay cuồn cuộn bắp 7 ghi: » thịt, Tuyết Phong nhìn thấy mà thọ ký rằng: Ngươi về sau trụ trì có ngàn tăng – chúng nhưng không có một vị tăng hành Thiền sư Huyền Sa Sư Bị nói: Chợt quỷ vô cước. Sư hối lỗi trở về Chiết Giang, trụ thường giết người đến, tai mắt bị dối lừa, viện Lục Thông, Tiền Vương ra lệnh bảo

CHÍ ÂN sư ở chùa Long Hưng, có hơn ngàn tăng CHÍ MINH chúng, nhưng chỉ có ba người đồ đệ học 1. Thiền tăng đời Nguyên, (1230-1315), họ giảng tụng, quả đúng như lời dự đoán của Hoàng, tự Thiết Cảnh, người xứ Phúc Tuyết Phong.« Đường (nay là huyện Phúc Thanh, tỉnh Phúc Kiến), Trung Quốc, nối pháp Thiền CHÍ ÂN sư Yển Khê Văn. Thiền tăng đời Tống, nối pháp thiền sư 2. Thiền sư Trung Quốc, sống vào đời Bạch Long Đạo Hy. Sư trụ Linh Phong, Kim, người An Châu (nay là huyện An Phúc Châu. Tân, tỉnh Hà Bắc) họ Hác, tự Bá Hôn, hiệu CHÍ CẦN Thác Am, Lạc Chân Tử. Sư xuất gia thụ giới với ngài Hương Lâm Tịnh. Sau, sư Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Hứa, người xứ tham yết ngài Thắng Tĩnh Phổ và được nối Trường Khê (nay là huyện Hà Phổ, tỉnh pháp. Sư trụ chùa Thiếu Lâm, núi Tung Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Trường Sơn, được người đời gọi là Thác Am Chí Khánh Đại An. Sư trụ núi Linh Vân, Phúc Minh. Năm 1125, sư sưu tập những bài Châu nên còn được gọi là Thiền sư Linh tiểu sử nói về công hạnh và đức nghiệp của Vân. Chư gia trong thiền lâm để soạn thành bộ CHÍ CHÂN THIỀN SƯ Thiền Uyển Mông Cầu, còn gọi là Thiền Thụy hiệu của thiền tăng Trí Thường, đời Uyển Dao Lâm (Vườn Thiền Rừng Ngọc) Đường. X. Trí Thường. gồm 3 quyển, là sách tham khảo quan trọng giúp người mới học biết rõ đường CHÍ ĐẠO hướng tu hành. Thiền tăng đời Đường, người xứ Nam Hải (nay là Quảng Châu) Trung Quốc, nối CHÍ NGUYÊN pháp Lục tổ Huệ Năng. Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Thạch Sương Khánh Chư, pháp hệ Thanh CHÍ ĐOAN (892-969) Nguyên. Thụy hiệu »Viên Tịnh Đại Sư«. Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Du, người Phúc Châu, Trung Quốc, nối pháp thiền sư CHÍ NHÂN An Quốc Hoằng Đạo. Sư trụ viện Thụy Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên-đầu Phong núi Lâm Dương. đời Minh, họ Ngô, tự Hành Trung, hiệu Hy Di Tẩu, Đạm Cư Tử, người xứ Bà Dương CHÍ ĐỨC ĐẠI SƯ (nay là huyện Bà Dương, tỉnh Giang Tây) Hiệu của Thiền tăng Quang Tự đời Ngũ Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Hạnh Đại. X. Quang Tự. Đoan, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Đạm Cư Cảo. CHÍ HÃN Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư CHÍ NHÀN (?-895) Chí Nguyên. Thiền tăng đời Đường, họ Sử, người xứ Quán Khê (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) Trung

CHÍ VIỄN HÒA THƯỢNG MỘ THÁP Quốc, nối pháp Thiền sư Nghĩa Huyền, người đích thân ủng hộ và vận động Phật tông Lâm Tế. tử giúp đỡ cho Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học. CHÍ ÔN (1217-1267) Thiền tăng đời Nguyên, họ Hác, tự Kỳ CHÍ TRIỆT Ngọc, hiệu Toàn Nhất, người xứ Hình Thiền tăng đời Đường, họ Trương, tên Châu (nay là huyện Hình Đài, tỉnh Hà Bắc) Hành Xương, nối pháp Lục tổ Huệ Năng. Trung Quốc, nối pháp tông Tào Động. Thụy hiệu: Phật Quốc Phổ An Đại Thiền CHÍ

TRUNG sư. X: Huệ Trung.

CHÍ PHÙNG (909-985) CHÍ VĂN (935-995) Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Dư Thiền tăng đời Đường, họ Hứa, người Hàng (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Thủy Hưng, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư Quốc, nối pháp Quốc sư Đức Thiều, tông nối pháp thiền sư Chí Tường làm truyền Pháp Nhãn. Ngô Việt Vương ban hiệu nhân tông Vân Môn đời thứ 3. »Phổ Giác Thiền sư «. CHÍ VIÊN CHÍ SIÊU Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Cảm Đàm Tư Quốc. Nam Đường Chủ ban Vân Cư Thanh Tích, tông Pháp Nhãn. cho hiệu »Hiển Giáo Đại Sư«.

CHÍ THẦN CHÍ VIỄN (768-844) Chỉ cho tự tính. Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Thiền tăng đời Đường, họ Tống, người Giải của Thiền sư Trung Phong Minh Bản Nhữ Nam (nay là chỗ giáp ranh giữa huyện ghi: » Diệp và huyện Bảo Phong thuộc Lổ Sơn, Hà Nam), Trung Quốc. Sư nối pháp thiền – Sư Khoáng không lỗ tai, Tự tính sư Trí Như, làm truyền nhân tông Hà không bản thể, nguồn linh không có đáy, Trạch đời thứ 4, trụ trì chùa Đại Hoa Đạt-ma truyền tủy đâu thể được«. Nghiêm ở núi Ngũ Đài (tại Sơn Tây)

CHÍ THÀNH CHÍ VIỄN HÒA THƯỢNG MỘ 1. Thiền tăng đời Đường, người xứ Thái THÁP Hòa (nay thuộc Giang Tây) Trung Quốc, Nằm trong quần thể tháp phía sau đại điện nối pháp Lục tổ Huệ Năng. chùa Phật Quang thuộc Ngũ Đài Sơn, tỉnh 2. Thiền tăng thời Pháp thuộc (1861-1933), Sơn Tây, Trung Quốc. Tháp được xây vào thuộc tông tông Lâm Tế. Sư tên Nguyễn niên hiệu Hội Xương thứ (844) đời Đường, Văn Hiển, con của Hộ quốc Công Nguyễn là mộ tháp của Hòa thượng Chí Viễn, đệ tử Công Thành, người xã Viên Sơn, huyện Di của ngài Thần Hội. Tháp xây gạch, phần Xuyên, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam. Sư là dưới là tòa Tu-di hình bát giác cao lớn,

CHỈ CAN CHÂM CHÙY giống như tòa Tu-di cao lớn của tháp Thiền diệu. Song vì sư đã thấy thấu suốt nên đem sư Tịnh Tạng, tháp Thiền sư Phiếm Chu. hết sức bình sinh công phu ra bình nghị«. Trên tòa Tu-di là thân tháp hình chiếc bát úp. Bốn mặt chiếc bát úp đều có xây một CHỈ DOANH ĐẮC NHÃN TÌNH cửa giả, cửa hình vòm, má cửa và ngạch DÃ LẠC ĐỊA cửa làm bằng đá, nay đã bị hư hại. Trên Chỉ còn đôi mắt cũng bị mù. Do chẳng đỉnh thân tháp hình chiếc bát úp vốn có hiểu Phật lý, lầm giảng nói Phật pháp mà tháp sát, hiện đã bị phá hủy, hình thù gốc bị quả báo rụng lông mày, râu ria, hơn nữa, không ai biết rõ. Song sát tòa vẫn còn là đôi mắt cũng bị mù. Tắc 8, Bích Nham lục tòa Tu-di hình bẹt. Tháp cao khoảng 5m (Đại 48, 148 trung) ghi: » tạo dáng trong sáng, hình thể đẹp đẽ thanh tú. Tháp đời Đường này chỉ còn trong nước có giá trị nghiên cứu quý báu. – Cuối hạ, Thúy Nham dạy CHỈ CAN CHÂM CHÙY chúng: Một hạ đã qua, tôi nói cho các Những phương pháp mà bậc thầy sử dụng huynh đệ nghe (Mở miệng đâu biết nói gì?) khi tiếp hóa người học. Đang lúc Thầy chỉ Hãy xem lông mày Thúy Nham ở đâu? dạy, hoặc dùng ngón tay (chỉ) như ngón (Chỉ còn đôi mắt sáng cũng bị mù và lỗ tay của ngài Câu Chi, hay dùng cây sào mũi cũng mất nốt)«. (can) của tông Lâm Tế, hay dùng cây kim (châm) cây dùi (chùy) để đâm vào đầu vào CHỈ ĐẮC NHẤT QUYẾT trán của học nhân nhằm khám nghiệm

trình Chỉ còn một cái chốt cửa. Quyết vốn chỉ độ lãnh hội Phật pháp nơi họ. Phổ Khuyến cho cái chốt cửa bằng gỗ, thông thường Tọa Thiền Nghi (Đại 82, 1 trung) ghi: » muốn gài cửa phải dùng một cặp mới có tác dụng.

Thiền tông dùng cụm từ này làm thuật ngữ – Lại nữa, cách chuyển cơ dùng Chỉ để chỉ cho người mới chứng đắc có một Can Châm Chùy (ngón tay, sào, kim, dùi) nửa, hoặc sự hiểu biết có một nửa, chưa thể hoặc nêu lên sự khế chứng bằng tát, đấm, dùng được. Tắc 6, Thung Dung lục (Đại đánh, hét mà trí suy nghĩ phân biệt chưa 48, 231 thượng) ghi: » thể hiểu biết được«.

– Đường đường CHỈ CHÚ quét sạch nẻo ngữ ngôn (một phen chết đi Chỉ trích, bình nghị. Bích Nham lục quyển chẳng sống lại). Nên cười ông lão thành 1 ghi: »

Tỳ-da (chứng đắc chỉ có một nửa)«.

CHỈ ĐẦU HỮU NHÃN – Nhưng cảnh giới Nhật Diện Phật Đầu ngón tay có mắt. Thuật ngữ hình dung Nguyệt Diện Phật này rất khó thấy được. cho sự khai thị sáng suốt. Tắc 42, Bích Tuyết Đậu đến đây cũng khó tụng ra chỗ kì Nham lục (Đại 48, 178 trung) ghi: »

CHỈ NGUYỆT LỤC Thiên Trúc, Trung Quốc quen gọi những – Mảnh mảnh tuyết trắng, người dị tộc từ hướng tây đến là người Hồ, chẳng rơi đâu khác (tự nhiên sinh sự, Thiền tông cũng nhân đó gọi đùa Tổ Đạt- nhưng vẫn là một cách khai thị sáng ma là lão Hồ. Biết của lão Hồ, tức chỉ cho suốt)«. Trí của Đạt-ma, nhưng ở đây còn có nghĩa thể nhận được chân lý, khế hợp với chân CHỈ ĐÔNG CHỈ TÂY trí. Hiểu của lão Hồ, tức qua tác dụng của Hành động hay lời nói lòng vòng, quanh phân biệt phán đoán mới hội giải chân trí. co. CĐTĐL q. 8 (Đại 51, 258 thượng) ghi: Đối với ý nghĩa cứu cánh của Thiền, phải » dùng chân trí để thể nhập, khế ngộ, mà – Sư (Triệu Châu) nói: Chẳng không cho lấy thế trí biện thông làm công cần nói quanh co, hãy ngay nơi bản phận phu phân biệt phán đoán. Dù cho là Tổ sư sự mà nói coi!« Đạt-ma cũng không dùng thế trí để hiểu được chỗ cứu cánh này. Tắc 51, Bích CHỈ ĐÔNG TÁC TÂY Nham lục (Đại 48, 186 hạ) ghi: » Còn gọi: Chỉ đông hoạch tây. Cho hướng Đông là hướng Tây. Chỉ cho sự hiểu lầm chân lý. Tắc 18, Bích Nham lục (Đại 48,

– Các ông muốn 157 hạ) ghi: » ngộ câu rốt sau không? Chỉ cho lão Hồ biết, không cho lão Hồ hiểu. Từ xưa đến nay, công án sai khác rất nhiều, giống như – Đường Túc rừng gai góc«. Tông hỏi Quốc sư Huệ Trung: Sau khi viên tịch Ngài cần vật gì? (Gãi trước khi ngứa, CHỈ NAM rõ là bày vẽ, thật lẩn thẩn khi nghĩ ra việc Theo một định hướng đã có sẵn. CĐTĐL này. Không thể chỉ đông mà làm tây)«. q. 51, 258 thượng) ghi: »

CHỈ HUNG ĐIỂM LẶC – Vị Còn gọi: Điểm hung điểm lặc. Động tác tăng hỏi: Sư quay về trượng thất, ý chỉ cao ngạo, phách lối. Tự cao tự đại. Lâm Tế hướng điều gì? Sư (Triệu Châu) đáp: Nửa ngữ lục ghi: »

đêm hôm qua mất trâu, rạng ngày bị hỏa – Các ông tự cao tự hoạn.« đại nói mình hiểu thiền hiểu đạo«. CHỈ NGUYỆT LỤC CHỈ HỨA LÃO HỒ TRI, BẤT HỨA Gọi đủ: Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt lục. LÃO HỒ HỘI Đăng lục 32 quyển, do Cù Nhữ Tắc soạn vào đời Minh, được xếp vào Tục Tạng kinh Chỉ cho lão

Hồ biết, chẳng cho lão Hồ tập 143, trang 1. Nội dung tóm lược ngôn hiểu. Lão Hồ tức Sơ tổ Thiền tông Trung hạnh của 650 vị kể từ 7 vị Phật thời quá Quốc Bồ-đề-đạt-ma. Tổ là người Nam khứ đến ngài Đại Huệ Tông Cảo. Quyển 1-

CHỈ NHƯ (K. NG) 3: bảy vị Phật quá khứ đến 28 vị Tổ Ấn – Chẳng hạn như việc Lâm Tế Độ. Quyển 4: Các Tổ sư Đông Độ. Quyển ngộ đó, là do sức của Hoàng Bá hay của 5-30: Đời thứ nhất đến đời thứ 16 sau Huệ Đại Ngu?«. Năng. Quyển 31, 32: ngữ lục của Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo. Đây là tác phẩm của CHỈ QUẢN ĐẢ TỌA một nhà Nho bàn về Thiền, ý chính là Nhất tâm chuyên ý ngồi thiền, chẳng quản muốn dung hợp Thiền và Nho, chẳng đến việc gì khác, mà chỉ tọa thiền trên lập những ghi lại lịch sử truyền pháp của trường vô sở đắc vô sở ngộ. Thiền sư Đạo Thiền tông mà còn muốn cho người xem Nguyên, Khai tổ Tông Tào Động Nhật Bản qua sách này được minh tâm kiến đạo. tiếp nhận truyền thống Thiền Mặc Chiếu Cách sắp xếp tài liệu và ngôn từ biểu đạt của Trung Hoa, nhận lấy ý chỉ »Tham có sức hấp dẫn rất mạnh, là 1 bộ sách thiền tức tọa thiền« của ngài Thiên Đồng Thiền học được 2 giới Tăng Tục cùng Như Tịnh và nhấn mạnh đến pháp môn thưởng thức, được lưu truyền rộng rãi. Đời »Chỉ quản đả tọa«. Chính Pháp Nhãn Tạng Thanh, Niếp Tiên soạn »Tục Chỉ Nguyệt q. 72 (Đại 32, 243 hạ) ghi: » lục« 21 quyển, cũng được xếp vào Tục Tạng kinh tập 143, trang 744. – Cổ Phật tiên sư CHỈ NHƯ (k. ng) nói: Người tham thiền phải quên hết thân 1. Thế thì. Đặt ở đầu câu nghi vấn, biểu thị tâm, nhất tâm chuyên ý ngồi thiền, vô sở ngữ khí thừa tiếp. Ngũ Đăng Hội Nguyên đắc, vô sở ngộ mới được, chẳng cần đốt q. 6 ghi: » hương, lễ bái, niệm Phật, tu sám, xem kinh«.

– Ban đầu Thiền CHIẾT HỢP (252) sư Tịnh Chiếu hỏi Đại sư Lăng Nham: 1. Kết quả. Như Tịnh ngữ lục q. hạ ghi: Trong kinh nói: Nếu chuyển được vật tức » đồng Như Lai, còn nếu bị vật chuyển thì gọi là phàm phu? Thế thì làm sao chuyển – Chư Phật quá được cái gác Thăng Nguyên?« khứ đã bị thua nơi cửa này; chư Bồ tát 2. Ngay như. Đặt ở đầu phân câu chính, có hiện tại đều không có kết quả; người tu tác dụng chỉ ra nội dung chủ yếu của câu học vị lai cần phải tránh sự điên đảo.« nghi vấn. NĐHN q. 16 ghi: » 2. Ứng phó, đối phó. Tiết Minh Chiêu Đức Khiêm Thiền sư trong LĐHY q. 25 ghi: – Ngay như lúc Thánh phàm bặt dứt, » – mê ngộ đều quên làm sao nói lấy một Đánh một gậy vào xương sống để xem ông câu?«. ta làm sao đối phó.« 3. Còn gọi: Thả như (Chẳng hạn như). Đặt ở đầu câu nghi vấn. NĐHN q. 20 ghi: » CHIẾT SÀNG HỘI Thiền tăng Như Hội đời Đường được

CHIÊU PHÚC TỰ THIỀN HÒA THƯỢNG THÁP chúng tăng ngưỡng mộ, chúng tăng yết ban tặng tấm biển »Chiêu Minh Thiền kiến thỉnh ích, cứ mỗi lần chúng đến, thất Tự«. Từ Đường Tống trở đi bao phen hưng không thể chứa đủ, thiền sàng trong tăng phế, sau cùng bị phá hủy bởi binh lửa. đường bị trũng gãy, nên thời ấy gọi ngài là Niên hiệu Hồng Vũ thứ 10 (1377) đời »Chiết sàng Hội« (ông Hội gãy giường). Minh trùng tu. Khoảng niên hiệu Thành X. Như Hội. Hóa (1465-1487) Bảo Phương trụ trì chùa này, khởi công xây dựng Thiên Phật Các, CHIÊU GIÁC TỰ đúc 1000 tượng

Phật bằng đồng. Vô Thú Chùa ở ngoại ô cách thành phố Thành Đô Như Không đời Minh; Độc Siêu, Đạo 5km về phía Bắc, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Nguyên đời Thanh từng trụ chùa này. Niên Quốc, thường gọi là »Tứ Xuyên Đệ Nhất hiệu Hàm Phong thứ 11 (1861) đời Thanh Tùng Lâm«. Được sáng lập vào khoảng chùa bị phá hủy bởi binh lửa. Sau này Trí niên hiệu Trinh Quán (627-649) đời Hải Đốn Giác cùng đệ tử nối pháp là Tịnh Đường. Ban đầu tên là »Kiến Nguyên Tự«, Năng Viên Tham từ phía Tây núi Thiên vua Đường Tuyên Tông ban tên »Chiêu Mục đến đây tổ chức dần dần trở lại kiểu Giác Tự«, đời Tống đổi tên »Lục Tổ Tự«. cũ. Khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1106) Phật Quả Khắc Cần thuyết pháp nơi đây, CHIÊU NHƯ (1246-1312) lại gọi là »Chiêu Giác Tự«. Đầu niên hiệu Thiền tăng đời Nguyên, họ Dương, tự hiệu Thiệu Hưng (1131-1162) vua ra lệnh đổi Hải Ấn, người xứ Tân Cam (nay là huyện Chiêu Giác Tự thành Thiền lâm. Niên hiệu Tân Can, tỉnh Giang Tây) Trung Quốc, nối Thuận Trị thứ 1 (1644) đời Thanh chùa bị pháp Thiền sư Tuyết Nham Tổ Khâm, tông binh lửa phá hủy. Niên hiệu Khang Hy thứ Lâm Tế. Tác phẩm: Hải Ấn Hòa thượng 2 đến thứ 26 (1663-1687) do Trụ trì ngữ lục. Trượng Tuyết chủ trì trùng tu. Điện vũ viên lâm chiếm 2,2 ha quy mô rộng lớn, CHIÊU PHÚC TỰ THIỀN HÒA cây cối xanh biếc, là một ngôi cổ sát nổi THƯỢNG THÁP tiếng Thành Đô. Hiện còn những kiến trúc Nằm trong chùa Chiêu Phúc, thành phố chủ yếu như Đại sơn môn, Bát giác đình, Vận Thành, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc, Thiên vương điện, Tiên giác đường, Phổ xây cất vào đời Đường. Dưới tháp là tòa đồng tháp và mộ Thiền sư Viên Ngộ. Tu-di khá cao, trong tòa có khảm cửa hình cung, trên tòa là lan can, trên nữa là kiến CHIÊU MINH THIỀN TỰ trúc xây gạch theo kiểu đình các. Đỉnh tháp dùng gạch nhiều lớp chồng lên nhau, mái Chùa ở ngọn Ngọc Bình, phía Đông núi tháp rộng lớn. Đầu mái tháp điêu khắc Thiên Mục, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. thành dáng hình cây rui và ngói diềm mái. Vào đời Lương Nam Triều Thái tử Chiêu Tháp sát là hình cây kim ngân hai tầng to Minh tu thiền mà sáng lập chùa này, khi ấy mập có hoa văn hoa núi lá chuối, phía trên gọi là »Chiêu Minh Viện«. Khoảng niên đựng hoa sen. Các bộ phận tỉ lệ cân xứng, hiệu Đại Thông (527-528) đời Lương vua giàu cảm giác tiết tấu là tác phẩm tinh hoa

CHIÊU SƠN của những tháp đời Đường. rộng mới đến chùa. Kiến trúc chùa gồm có: — Tiền đường: Tòa nhà rộng 5 gian, thờ CHIÊU SƠN các tượng Kim Cang và Hộ pháp. Núi nằm bên bờ đông Tương Giang, cách — Chính điện: Tòa nhà rộng 5 gian, thờ thành phố Tương Đàm, tỉnh Hồ Nam, nhiều tượng Phật, Bồ Tát, Kim Cang. Trung Quốc 20km về phía đông bắc, là nơi — Hậu cung hay Điện thánh, hình vuông giáp giới giữa ba thành phố Trường Sa, gồm 3 gian, thờ tượng thiền sư Từ Đạo Tương Đàm, Chu Châu. Tương truyền Chu Hạnh và vua Lý Thần Tông. Chiêu Vương khi đi tuần tra phía nam có — Phía sau điện Thánh có 1 sân nhỏ, tiếp đến nơi này, nên gọi là »Chiêu Sơn«. Đại đến là nhà khách và Tăng đường. họa gia đời Tống là Mễ Phất dựa vào cảnh quan núi này vẽ thành bức tranh » Sơn Thị CHIẾU CỐ Tình Lam«, Chiêu Sơn từ đây nổi tiếng Coi chừng, chú ý. »Thư của Dương Ức gởi như cồn. Đỉnh núi có Chiêu Sơn Thiền Tự Lý Duy« ở phần phụ cuối quyển trong được xây cất vào đời Đường, đời Tống gọi CĐTĐL q. 30 ghi: » là » Chiêu Dương Điện«, niên hiệu Càn Long thứ 23 (1758) đời Thanh trùng tu. Trong chùa có Huyền Đế

cung, Ngọc Hoàng các, Quán Âm đường, Quan Thánh điện. Mỗi khi có lễ hội hương khách bốn – Nói chung kẻ tham học trong 24 giờ phải phương vân tập, khói hương sơn tự lượn luôn luôn chú ý, không nghe Nam Tuyền lờ, âm thanh chuông khánh không bao giờ nói sao: Ba mươi năm chăn một con trâu ngớt. đực, nếu nó xâm phạm lúa mạ của người thì liền nắm mũi kéo lại, ngày nay đã biến CHIÊU THIỀN TỰ thành con trâu trắng lồ lộ đuổi nó không Còn gọi: Chùa Láng. Chùa ở làng Yên chịu đi.« Lãng (làng Láng), huyện Hoàn Long (sau là huyện Từ Liêm), kinh đô Thăng Long CHIẾU ĐƯỜNG (nay thuộc quận Đống Đa, thủ đô Hà Nội) Khoảng giữa cửa sau của Tăng đường và Việt Nam. Chùa được lập từ thế kỷ XII, chỗ rửa mặt rửa tay có một hành lang, mái thờ thiền sư Từ Đạo Hạnh. Tương truyền nhà che nơi ấy rất cao, thiếu ánh sáng, nên vị thiền sư này tu hành và đắc đạo ở đây, phải mở cửa sổ trên mái nhà, gọi là Chiếu hóa kiếp ở chùa Thầy (Quốc Oai, Hà Sơn đường. Về sau, trong Thiền viện thường Bình) tức Lý Thần Tông. Theo tục cổ, cứ đặt một cái ghế ngồi thiền dưới Chiếu mười hai năm mở hội lớn một lần, nên ca đường, là chỗ vị Thủ tọa thay thế Trụ trì dao có câu: thuyết pháp, chỉ dẫn chúng tăng. Nhớ ngày mồng bảy tháng Ba, Trở vào hội Láng, trở ra hội Thầy. CHIẾU Y (1605-1673) Chùa được xây cất theo kiến trúc cung Thiền tăng đời Thanh, họ Hùng, hiệu Huệ đình nên theo thứ tự có 3 cổng lớn và 3 sân Giác, người xứ Kỳ Giang (nay thuộc tỉnh

CHÍNH GIÁC (1091-1157) Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư CHÍNH ĐỊNH KHAI NGUYÊN TỰ Phá Sơn Hải Minh. Tác phẩm: Huệ Giác Y THÁP Thiền sư ngữ lục 3 quyển. Nằm trong khuôn viên Khai Nguyên Tự trong thành huyện Chính Định, Tỉnh Hà CHÍNH ÁN BÀNG ĐỀ Bắc. Chùa sáng lập vào niên hiệu Hưng Cơ pháp biến hóa. Chính án: Ghìm kiếm Hòa thứ 2 (540) đời Đông Ngụy, niên hiệu đối mặt nhau; Bàng đề: Giơ đao tấn công ở Càn Ninh thứ 5 (898) đời Đường trùng tu, mặt bên. Thiền tông mượn cụm từ này để trải qua nhiều đời đều có sửa chữa. Trong chỉ cho cơ pháp biến hóa tự tại của thiền sư chùa hiện còn lầu chuông, tháp gạch. Tháp khi tiếp hóa người học, có lúc thì công kích cao 48m xây bằng gạch hình vuông, chín mặt chính để chỉ bày đệ nhất nghĩa đế; có tầng mái kín. Tầng thứ nhất khá cao có cửa lúc lại dùng phương thức đánh úp ở mặt động tròn nhưng không thể trèo lên. Tầng bên khiến cho người trong khoảng tiến thứ hai đến tầng thứ chín đều có mở cửa sổ thoái, tự nhiên hướng về chính đạo. Tắc nhỏ. Trên góc nền tháp có tượng Thiên 66, Bích Nham lục (Đại 48, 196 trung) ghi: vương lực sĩ khắc bằng đá. Mỗi tầng tháp thu nhỏ dần theo chiều cao, tạo dáng rất đẹp. Dù được tu sửa vào đời Minh Thanh »Đương cơ địch diện, nhưng phong cách kiến trúc đời Đường Đề hãm hổ chi cơ. vẫn còn. Chính án bàng đề, Bố cầm tặc chi lược«. CHÍNH ĐƯỜNG »Đối mặt đương cơ, Còn gọi: Tẩm đường. Nhà phương trượng Giăng bẫy bắt cọp. trong Thiền viện, tức là chỗ ở của vị Trụ Cơ pháp biến hóa, trì. Chương Quy Dương Sơn Vô Liễu Thiền Bày mưu bắt giặc«. sư trong CĐTĐL ghi: » – Làm CHÍNH ẤN kệ xong, sư an nhiên thông báo mình sẽ thị Thiền tăng đời Nguyên, họ Lưu, hiệu tịch, rồi sư ngồi sững nơi chính đường đến Nguyệt Giang, tự xưng là Tùng Nguyệt 20 năm«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Ông, người xứ Liên Giang (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư CHÍNH GIÁC (1091-1157) Hổ Nham Tịnh Phục.

Thiền tăng đời Tống, họ Lý, tự Hoằng Trí, người xứ Thấp Châu (nay là huyện Thấp, CHÍNH CHÂN (1780-1861) tỉnh Sơn Tây), Trung Quốc, nối pháp Thiền tăng đời Thanh, họ Hà, tự Đạt Tông, Thiền sư Đan Hà Tử Thuần. Tác phẩm: hiệu Tây Trai, người xứ Tương Đàm tỉnh Thiên Đồng Bách Tắc Tụng Cổ, Hoằng Trí Hồ Nam, Trung Quốc. Sư nối pháp Thiền quảng lục 9 quyển, Hoằng Trí Giác Thiền sư Bảo Lâm Đạt Trân, đời thứ 44 hệ Nam sư ngữ lục 4 quyển, Hoằng Trí Hòa Nhạc. Sư trụ trì chùa Thứu Phong. Tác thượng ngữ yếu 1 quyển. phẩm: Tây Trai tập.

CHÍNH HỐI (1545-1628) CHÍNH HỐI (1545-1628) CHÍNH NGUYÊN (792-869) Thiền tăng đời Minh, họ Lưu, hiệu Vô Thiền tăng đời Đường, họ Thái, người xứ Tích, người xứ Đương Dương (nay thuộc Tuyên Châu (nay là Tuyên Thành, tỉnh An tỉnh Hồ Bắc) Trung Quốc, nối pháp Hòa Huy) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Ngũ thượng Thiên Trụ. Tác phẩm: Bát Thức Tiết Linh Mặc. Thụy hiệu: Tính Không Quy Củ Tụng Lược Thuyết, Trang Tử Chú. Đại Sư.

CHÍNH NGUYÊN (1290-1361) CHÍNH HỮU (1285-1352) Thiền tăng đời Nguyên, họ Âu Dương, tự Thiền tăng đời Nguyên, họ Vu, hiệu Cổ Trúc Viễn, người xứ Nam Khang (nay Mai, người xứ Quảng Tín (Thượng Nhiêu, thuộc tỉnh Giang Tây) Trung Quốc, nối Giang Tây) Trung Quốc. Sư nối pháp pháp Thiền sư Hư Cốc Hy Lục. Thiền sư Tuyệt Học Thế Thành, đời thứ 24 hệ Nam Nhạc. CHÍNH NGUYÊN LƯỢC TẬP CHÍNH LỆNH Đăng lục, 16 quyển, do Đạt Trân soạn vào Chính lệnh đương hành: Đạo Phật Tổ lưu đời Thanh, được xếp vào Tục Tạng kinh hành ở đời. Tắc 63, Bích Nham lục (Đại tập 145, trang 301. Đạt Trân tiếp tục công 48, 194 hạ) ghi: » tác biên tập của Bái Lâm Tế Nguyên đời thứ 39 và của Chiêu Nguyệt Liễu Trinh đời thứ 40 dưới Nam Nhạc, cùng chép thêm – Lấy một câu Chính lệnh đương liệt truyện của 2 vị sư này để thành sách, hành, thập phương tọa đoạn để chỉ cho song mất quyển 1, bài tựa và bài bạt. ngoài việc đánh hét chẳng lập một pháp Quyển 2 đến quyển 16: gom chép tên họ và nào khác mới là tông chỉ giáo ngoại biệt cơ duyên ngữ yếu thiền sư từ đời thứ 34 truyền«. đến đời thứ 40 dưới Nam Nhạc, đời thứ 3 (Tông Cảnh) đến đời thứ 13 dưới Thanh Nguyên và 8 vị cư sĩ, tính chung có 405 vị. CHÍNH LỆNH TOÀN ĐỀ Đạt Trân còn soạn 1 quyển Chính Nguyên Thiền cơ lập bày mang sắc thái chính tông, Lược Tập Bổ Di, tiếp tục bổ sung 28 vị. cũng là giáo pháp gợi ý triệt để hoàn toàn. Mật Am ngữ lục nghi: » CHÍNH NGƯNG (1191-1274) Thiền tăng đời Tống, họ Lý, người xứ Thái Hồ, Thư Châu (nay thuộc tỉnh An Huy) – Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Cô Phong Chính lệnh toàn đề quét sạch mười Tú. phương, ngàn muôn sai khác một câu gồm thông. Phật và chúng sinh đều là pháp dư CHÍNH NHAM thừa. Hiểu được như thế thì toàn khách là 1. Thiền tăng đời Thanh (1597-1670), họ chủ, toàn chủ là khách.« Quách, tự Khê Đường, hiệu Tùy Sơn, Thúc

CHÍNH PHÁP NHÃN TẠNG Am, Ngẫu Dư, Ngẫu Ngư. Về già sư lấy CHÍNH PHÁP LUÂN hiệu là Nam Bình Ẩn Tẩu, nối pháp Thiền Chỉ cho Phật pháp. Minh Giác ngữ lục q. 1 sư Tam Phong Pháp Tạng. ghi: » 2. Thiền tăng đời

Thanh, họ Lý, ban đầu – Muốn không bị chiêu nghiệp hiệu Kim Nham, sau ký tên là Tế Nham, tự vô gián thì đừng phỉ báng chính pháp luân Sơn Phẩm, người xứ Phiên Ngu (nay thuộc của Như Lai.« tỉnh Quảng Đông) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Kế Khởi Trữ. CHÍNH PHÁP NHÃN TẠNG CHÍNH NHÃN 1. Còn gọi: Thanh Tịnh Pháp Nhãn. Kho Còn gọi: Chính pháp nhãn. tàng con mắt chính pháp. Kho tàng này dụ 1. Giống như »Chính pháp nhãn tạng«. cho tự tính. Tự tính khi khởi dụng, quán Tựa CĐTĐL của Dương Ức ghi: » sát căn cơ của chúng sinh (dụ như con mắt) rồi tùy duyên hóa độ họ. Những lời thuyết – Bởi vì ý chỉ pháp này từ tự tính lưu xuất nên gọi là phó chúc của bậc Đại hùng, con đường lưu chính pháp. Theo Liên Đăng Hội Yếu q. 1: thông chính pháp nhãn tạng, riêng thực » hiện ngoài giáo điển không thể nghĩ bàn.«
2. Ánh mắt trí tuệ quan sát sự vật, nhận thức chân lý của thiền giả. Tiết Hoa Tạng Hữu Quyền Thiền sư trong NĐHN q. 20 – ghi: » Trong hội Linh Sơn, Đức Thế Tôn đưa cành hoa sen lên trước mặt đại chúng, đại – Ba vị đại lão này chúng đều ngơ ngác, chỉ có ngài Ca-diếp làm công việc trước khi lên tiếng, vận dụng mỉm cười. Đức Thế Tôn nói (Vạn Tục 136, sự nhạy cảm tránh khỏi tai ương, nếu dùng 221 thượng): Ta có Chính Pháp Nhãn chính nhãn để xem xét thì chẳng phải Tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô không có hơn kém.« tướng, pháp môn vi diệu, không lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo, phó chúc cho Ma- CHÍNH NHÂN (1213-1297) ha Ca-diếp«. Thiền tăng đời Nguyên, họ Du, người xứ 2. Niêm tụng biệt tập, 6 quyển, do Đại Huệ Nhân Hòa (nay thuộc Hàng Châu) Trung Tông Cảo soạn vào đời Tống, được xếp Quốc, nối pháp Thiền sư Dục Vương vào Tục Tạng kinh tập 118, trang 1. Nội Kham. dung gồm những cơ duyên pháp ngữ của CHÍNH NIỆM (1215-1289) các bậc tôn túc xưa, tổng cộng hơn 100 Thiền tăng đời Nguyên, hiệu Đại Hưu, thiên, mỗi thiên có phụ thêm lời bình ngắn người xứ Vĩnh Gia (nay thuộc Ôn Châu, của soạn giả. Vào niên hiệu Thiệu Hưng Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền thứ 11 (1141) đời Nam Tống, ngài Tông sư Thạch Khê Tâm Nguyệt. Cảo mắc tội bị đày đến Hành Dương. Trong thời gian này, những pháp ngữ đối

CHÍNH QUỲ đáp giữa Ngài với chư Đại đức các nơi, CHÍNH TÔNG TỰ được thị giả Xung Mật Huệ Nhiên ghi chép Chùa ở núi Thiên Mục, tỉnh Chiết Giang. lại đầy đủ, hoàn tất và ấn hành vào niên Vào cuối đời Nam Tống Thiền sư Cao hiệu Thiệu Hưng thứ 17 (1147), gọi là Phong Nguyên Diệu vào núi bế quan, »Đại Huệ Chính Pháp Nhãn Tạng«. Năm người học theo sư cất am bèn thành thiền 1616 đời Minh, sa môn Huệ Duyệt ở am vũ, ban đầu goi là »Sư Tử Viện«. Niên Phổ Thiện phụ thêm lời tựa của các vị hiệu Diên Hựu thứ 6 (1319) đời Nguyên Viên Trừng, Lý Nhật Hoa và thêm bức thư vua ban tặng tấm biển »Sư Tử Chính Tông của ngài Tông Cảo đáp lời Thị lang Tự« Niên hiệu Thái Định thứ 3 (1326) Trương Tử Thiều rồi khắc bản in lại. Thiền sư Liễu Nghĩa trụ trì chùa này. Lúc ấy chùa nổi tiếng hải ngoại, các tăng nhân CHÍNH QUỲ Nhật Bản, Ấn Độ, Triều Tiên cũng đến Thiền tăng đời Nguyên, họ Phương, tự chùa này vân du triều bái và mang về nước Nhất Quan, người xứ Bà Dương (nay là những bức họa tượng của các vị Thiền sư huyện Ba Dương, tỉnh Giang Tây) Trung như Tuyết Nham,

Cao Phong, Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Kính Sơn Hạnh Phong. Cuối đời Nguyên chùa bị phá hủy Đoan. bởi binh lửa, niên hiệu Hồng Vũ thứ 4 (1371) đời Minh, Thiền sư Tùng Ẩn xây CHÍNH TÂM (1836-1906) cất lại, về sau trở thành tùng lâm. Cuối đời Thiền tăng Việt Nam, húy Hải Lương, hiệu Minh lại bị binh lửa phá hủy. Đầu đời Chính Tâm, thuộc tông Lâm Tế đời thứ 40, Thanh, Thiền sư Ngọc Lâm thi công lại từ là vị Tổ khai sáng chùa Kim Cang ở Thủ đầu, đổi tên là »Khai Sơn Lão Điện«, Thừa Long An. Sư là người chỉ đạo công chẳng bao lâu lại bị hỏa tai. Khoảng niên tác khắc bản gỗ các loại kinh điển như: hiệu Ung Chính (1723-1735) sửa chữa lần Luật Tứ Phần, Bồ Tát Giới Kinh, Kim nữa, đổi tên là »Thiền Nguyên Tự«. Những Cang Chư Gia, Phật Thuyết Tam Thế năm đầu của niên hiệu Hàm Phong (1851- Nhân Quả Kinh.. 1861) lại bị binh lửa phá hủy chỉ còn một CHÍNH THÀNH (1872-1947) cái điện. Khoảng niên hiệu Đồng Trị Cao tăng Việt Nam, tên Phạm văn Vịnh, (1862-1874) sửa sang lại, có điện liêu hơn con của một nhà nho kiêm y sĩ, nối pháp 2000 gian, là một chùa lớn trong núi. Thiền sư Liễu Ngạc Phổ Minh, thuộc đời Trong thời kỳ kháng chiến chùa bị máy thứ 38 của Lâm Tế chính tông, đời thứ 40 bay quân Nhật phá hủy, sau khi kiến quốc của Lâm Tế gia phổ (nối pháp Thiền sư lại phải thi công lại từ đầu. Hải Huệ Minh Thông). Tác phẩm: Kinh Di CHÍNH TRI KIẾN Đà Sớ Sao, Phật Tổ Tam Kinh, Pháp Bảo Đàn, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Quy Trí tuệ Phật có thể thức tâm kiến tính, thấy Nguyên Trực Chỉ, Long Thơ Tịnh Độ, Đại rõ chân thật tướng của các pháp. Hậu tự học hoằng giới (diễn nôm) . của Lưu Phỉ ở phần phụ lục cuối quyển trong CĐTĐL q. 30 ghi: »

CHU TƯỜNG QUANG (1919-1963) Lăng khắc kinh xứ. Ngài Trí Húc cho rằng »Dịch« là chí lý của trời đất, là nguồn gốc – Cho nên của vạn vật, rộng lớn tinh vi, không chỗ Đ t-ma chỉ thẳng không lập văn tự, nơi nào không đầy đủ. Nếu như dùng tư tưởng Thiếu Lâm chín năm nhìn vách mà thôi. của cá nhân ngài để xem xét thì nó là Cho dù Nhị Tổ đứng dưới tuyết và chặt »Dịch« của Nho gia; lấy thuật số mà luận cánh tay, nhưng một chữ cũng không chịu thì nói là »Dịch« của Phệ gia; lấy nhân nói ra, đây chỉ là ngăn chặn tri kiến sai duyên để giải thích thì nó là »Dịch« của lầm của ông ta, Nhị Tổ nhân đây được Thích gia. Trong sách này, Trí Húc trưng chính tri kiến, bỗng nhiên đại ngộ.« dẫn thuyết của Nho gia rồi quy về tông thú của Phật giáo Thiền tông, nêu lên chỗ chưa CHÍNH TRUYỀN (1549-1614) kịp phát huy về chí lý của 2 nhà Trình và Thiền tăng đời Minh, họ Lữ, tự Nhất Tâm, Chu, và xiển dương toàn thể đại dụng của hiệu huyễn hữu, người xứ Lật Dương, tỉnh thái cực. Giang Tô, Trung Quốc. Sư nối pháp Thiền sư Tiếu Nham Đức Bảo, đời thứ 33, hệ CHU LƯƠNG (1480-1564) Nam Nhạc. Sư trụ trì chùa Long Trì ở Kinh Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Sách Ngạn Khê. Tác phẩm: Huyễn Hữu tập, Chính Chu Lương, sư hai lần sang nhà Minh Truyền ngữ lục. (Trung Quốc), là đệ tử của Liễu Am Quế Ngô, đời thứ 31 hệ Nam Nhạc, đời thứ 14 CHÍNH TRỪNG (1274-1339) tông Lâm Tế Nhật Bản. Trụ trì chùa Thiên Thiền tăng đời Nguyên, họ Lưu, hiệu Long. Tác phẩm: Nhập Đường (Minh) Ký Thanh Chuyết, người xứ Liên Giang, Phúc Sơ Độ tập, Tái Độ tập, tổng cộng 5 quyển. Châu (nay thuộc Phúc Kiến) Trung Quốc. Tác phẩm: Lược Thuật Lâm Tế Tông Tăng CHU LÝ (1591-1647) Đoàn Sinh Hoạt Chi Đại Giám Thanh Quy,

Thiền tăng sống vào cuối đời Minh đầu đời ngữ lục 7 quyển. Thanh, họ Đỗ tự Triệt Dung, Nhất Triệt, người xứ Tường Vân (nay thuộc tỉnh Vân CHU CẬP (1320-1390) Nam) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Ngu Trung Lãng Mục Bản Trí, tông Lâm Tế. Tác Chu Cập, vào niên hiệu Chí Chính thứ 1 phẩm: Cốc Hưởng tập, 1 quyển, Vân Sơn (1341) sư sang nhà Nguyên (Trung Quốc). Mộng Ngữ Trích Yếu, 1 quyển. Sư nối pháp Thiền sư Nguyệt Giang Chính Ấn, đời thứ 24 hệ Nam Nhạc, đời thứ 7 CHU TƯỜNG QUANG tông Lâm Tế Nhật Bản. Sư trụ trì chùa (1919-1963) Phật Thông. Học giả Phật giáo hiện đại, người Hoàng Nhan, Chiết Giang, Trung Quốc. Ông từng CHU DỊCH THIỀN GIẢI theo Cung Vân Bạch học Phật. Về sau đến Sách, 3 quyển, do Trí Húc soạn vào đời học tại Đại học Calcutta và Delhi (Ấn Độ) Minh, có bản in vào năm 1915 của Kim đỗ bằng Tiến sĩ, lần lượt nhận chức giáo sư

CHỦ BÍNH TẠI THỦ Đại học Quốc Tế Ấn Độ, Đại học Allaha-
– Như bad. Ông rất sùng tín Phật giáo, chuyên thiện tri thức không đưa ra vật gì, tùy chỗ nghiên cứu Triết học Ấn Độ, ông rất am hỏi của người học liền đoạt, người học bị hiểu về Phật học. Tác phẩm: Trung Quốc đoạt thà chết không chịu buông. Đây là Thiền tông Phát Triển Sử, Trung Quốc chủ khán khách.« Phật Giáo Sử, Ấn Độ Triết Học Sử, Chân Lý Chi Quang. CHỦ NHÂN ÔNG Năm 1963, ông bệnh rồi mất tại Ấn Độ. Nghĩa đen là ông chủ. Thiền tông mượn từ này dùng để chỉ cho Phật tính mà mọi CHỦ BÍNH TẠI THỦ người vốn có. Tắc 20, Vô Môn Quan (Đại Bính: Cái cán, cái chuôi nắm của đồ vật; 48, 294) ghi: » Chủ bính tại thủ: Cầm cán trong tay, ngụ ý – Hòa thượng nắm chắc chủ quyền trong tay. Thiền tông Thụy Nham Ngạn hằng ngày tự gọi: Ông mượn cụm từ Chủ Bính Tại Thủ làm thuật chủ. Rồi tự trả lời«. ngữ chỉ cho việc nắm được trọng tâm của sự việc và tùy ý tự tại. CHỦ PHÁP Trụ trì. Thiền Lâm Bảo Huấn (Đại 48, CHỦ KHÁN CHỦ 1032 trung) ghi: » Là một trong »Tứ tân chủ« của Thiền sư – Lâm Tế Nghĩa Huyền, chỉ cho cơ phong Đời gần đây, người Chủ pháp thì không ai khế hợp giữa người học đã lãnh ngộ thiền được như Chân Như Triết, kẻ giúp đỡ tùng pháp với Thiền sư đắc đạo. Lâm Tế ngữ lục lâm, chẳng ai bằng Dương Kỳ«. ghi: »

CHỦ SƠN KỴ ÁN SƠN, CHỦ SƠN CAO ÁN SƠN ĐÊ – Như có Núi chúa
cưỡi núi mâm, núi chúa cao, núi người học đưa ra một cảnh thanh tịnh mâm thấp. Thuật ngữ này biểu thị cho thế trước mắt thiện tri thức, thiện tri thức biết giới sai biệt giữa chủ và khách, bao hàm lý là cảnh liền ném vào hầm sâu, người học chân như bất biến. Theo: PQĐTĐ của nói: Rất tốt! Thiện tri thức liền nói: Ngốc nhóm Từ Di. thay! Chẳng biết tốt xấu! Người học liền lễ bái. Đây gọi là chủ khán chủ.« CHỦ SỰ Còn gọi: Tri sự. Tên một chức sự trong CHỦ KHÁN KHÁCH (169) Thiền viện. Theo Thiền Uyển Thanh Quy, Là một trong »Tứ tân chủ« của Thiền sư ban đầu lấy 4 chức: Giám tự, Duy-na, Điển Lâm Tế Nghĩa Huyền, chỉ cho Thiền sư tọa, Trực tuế làm Chủ sự. Về sau thêm 2 đắc đạo gặp phải kẻ học đạo si mê bất ngộ. chức Đô tự và Phó tự cộng chung là Lục Lâm Tế ngữ lục ghi: » chủ sự. Như ngài Phật Giám làm Chủ sự dưới hội của Thiền sư Pháp Diễn ở chùa

CHÚC PHÓ Ngũ Tổ. Ngộ Bản ngữ lục có ghi: » nhưng quy mô nhỏ hơn, tục gọi là »Tiểu Khai Nguyên Tự«. Được xây cất vào niên hiệu Khang Hy thứ 1 (1662) đời Thanh. – Dưới hội Hiện còn Đại điện, Giới đàn là những kiến Diêm Quan có một vị tăng chủ sự, chợt trúc đời Thanh. thấy quỷ sứ đến tìm bắt mình. Vị tăng bảo rằng: Thân tôi bận làm chủ sự, chưa rảnh CHÚC để tu hành, xin gia hạn cho tôi bảy ngày Việc truyền trao đạo pháp trong nhà thiền. được chăng?«. Tào Khê Đại Sư Biệt truyện ghi: » CHỦ TÂN Tông Lâm Tế thị cơ ứng cơ, tiếp dẫn người – Nhẫn học, chú ý biện minh chủ với khách. Đại (chỉ Ngũ tổ Hoằng Nhẫn) Đại sư gọi Năng để chủ chỉ cho Thiền sư đắc đạo, khách chỉ (chỉ Lục tổ Huệ Năng) bảo rằng: … Nay ta cho kẻ hậu học tham thiền hoặc người muốn thị tịch nên truyền trao đạo pháp lại chưa sáng tỏ thiền lý. Như Tịnh ngữ lục q. cho ngươi. Ngươi cần phải giữ gìn, chớ để hạ ghi: » dứt mất!«. – Hét một tiếng có chủ có khách, có chiếu có dụng, CHÚC PHẠN CHỦ NHÂN có biết ý nghĩa chăng?«. X. »Tứ tân chủ«. Ông chủ lo việc cơm cháo. Chỉ Hòa CHỦ TRUNG CHỦ thượng trụ trì tự viện. Tiết Bảo Ninh Nhân Tân: Chỉ cho người học, đồ đệ. Chủ: Chỉ Dũng Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » cho bậc thầy. Khi tiếp hóa người học, vị Thầy đứng ở vị trí của mình triển khai độc lập, hoạt bát (không câu nệ theo các phương pháp thông thường) giúp họ trở về tự kỷ bản phận, đây gọi là Chủ trung chủ và được Thiền tông khen là vị Thầy có lỗ – Nghĩ cũng đáng mũi. Trái lại, nếu vị Thầy không khéo phá tội, tôi bị gió nghiệp thổi đến phủ Giang trừ chỗ chấp trước của người học thì gọi là Ninh, vô cớ bị người đưa lên làm Chúc Chủ trung tân, trong trường hợp này bị phạn chủ nhân, trụ cái viện đổ nát ở ngã tư Thiền tông gọi là vị Thầy không có lỗ mũi. đường, để tiếp đãi người nam kẻ bắc, thật Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. là việc bất đắc dĩ. Tùy phận có muối có dấm, đủ cơm đủ cháo, tạm sống qua ngày. CHUẨN ĐỀ THIỀN LÂM Nếu là Phật pháp, chưa từng mộng thấy«. Nằm phía đông trong chùa Khai Nguyên, thành phố Tuyền Châu, tỉnh Phúc Kiến, CHÚC PHÓ Trung Quốc, phỏng theo hình dáng và cấu Việc truyền trao đạo pháp trong nhà thiền. tạo quần thể kiến trúc theo tuyến trục giữa Tào Khê Đại Sư Biệt truyện ghi: »

CHÚC THÁNH TỰ 428 thượng) ghi: » – Như Lai lấy tâm – Tri truyền tâm, chúc phó cho Ca-diếp. Từ ngài khách ra lệnh cho Chung đầu đánh 3 tiếng Ca-diếp lần lượt truyền trao cho đến Tổ chuông để Tri khách thắp nhang«. Đạt-ma«. CHUNG HẠ CHÚC THÁNH TỰ Qua hết thời kỳ an cư, ở trọn hạ. Mật Am 1. Nằm ở phố đông thị trấn Nam Nhạc, ngữ lục ghi: » huyện Hoành Sơn, tỉnh Hồ Nam, Trung – Mùa Quốc. Hòa thượng Thừa Viễn đời Đường hạ năm nay, Thượng tọa Hàm Kiệt đến thiết lập Bát Chu đạo tràng nơi đây siêng Tưởng Sơn kiết hạ, ngài Bao Thiền phá hạ, tu niệm Phật. Niên hiệu Trinh Nguyên còn Ngài Hoa Tạng ở trọn hạ«. (785-804) vua ban tên »Di Đà Tự«. Sau đổi tên là »Thắng Nghiệp Tự«. Niên hiệu CHUNG NAM SƠN Khang Hy thứ 53 (1714) đời Thanh lại đổi tên là »Chúc Thánh Tự«. Những bậc cao Còn gọi: Trung

Nam Sơn, Thái Ất Sơn, Địa tăng Thiền tông như Nam Nhạc Hoài Phế Sơn. Gọi tắt: Nam Sơn. Núi ở tỉnh Nhượng, Huyễn Hữu Chính Truyền, Mật Thiểm Tây, Trung Quốc, cách huyện Vân Viên Ngộ từng cư ngụ nơi này, vào Trường An độ 29km về phía tây. Trải dài đời Đường thời kỳ hưng thịnh nhất có hơn 40 dặm, phía đông bắt đầu từ huyện khoảng ngàn tăng nhân ở đây. Hiện còn Lam Điền đến phía tây huyện Mi, là một kiến trúc chủ yếu như Sơn môn, Thiên phần của dãy núi Thái Lãnh. vương điện, Đại hùng bảo điện, Dược Sư Khoảng giữa thế kỷ V và VI, có các vị cao điện, Thuyết pháp đường, La hán đường, tăng đến ở núi này rất đông. Như vào năm Phương trượng đường, Quán ngạn thất. 574, vua Vũ Đế đàn áp Phật giáo, hơn 30 Trong La hán đường có 500 tượng La hán vị cao tăng ở kinh đô và các nơi khác vào do vị tăng trong chùa tên Tâm Nguyệt khắc trong núi này để tự nạn. Người đời thường nạm hai bên vách chùa, có giá trị nghệ lấy tên núi để gọi các đại sư như: thuật nhất định. —Chung Nam Pháp Thuận (Tổ thứ 1 tông 2. Nằm dưới núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam, Hoa Nghiêm) Trung Quốc. Đại sư Hư Vân dùng ngân lượng tích chứa trong thời gian quyên góp —Chung Nam Đại sư (Tổ Thiện Đạo). ba năm để khởi công xây cất trên nền cũ —Nam Sơn Luật sư (ngài Đạo Tuyên). của Bát Vu Am trong thời gian mười năm. Chùa tháp nổi tiếng ở núi Chung Nam gồm Kiến trúc hùng vĩ, tượng đắp đoan trang. có mộ tháp của ngài Huyền Trang ở chùa Hưng Giáo, tháp Từ Ân và tháp Viên Trắc CHUNG ĐẦU ở chùa Tây Minh, hai tháp gạch lớn nhỏ ở Tên gọi chức vụ của vị tăng coi việc đánh chùa Hưng Tích, các tháp ở chùa Bách chuông ở Thiền viện. Bách Trượng Thanh Tháp. Ngoài ra trên núi này còn có rất Quy Chứng Nghĩa Ký q. 8 (Vạn Tục 111, nhiều bi minh (bài văn khắc trên bia đá).

CHƯ PHƯƠNG CHUNG SƠN chùa, đổi tên là »Linh Nham Tự«. Sau khi Tôn Trung Sơn đem về an táng nơi đây, Nằm ngoài cửa Trung Sơn, thành phố Nam Chung Sơn bèn trở thành khu nghĩa trang Kinh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Núi để cho người chiêm ngưỡng và du lãm. nằm theo hướng đông tây dài khoảng 7km, ngang hướng nam bắc rộng chừng 3km, CHÚNG LIÊU chu vi 30km. Chỉnh thể có hình vòng cung Tức là phòng xá của chúng tăng nghỉ ngơi hướng về phía nam. Xa trông giống như ở Tăng đường trong Thiền viện. Trong con rồng uốn lượn quanh co cho nên Gia phòng liêu có các chức vụ: Liêu nguyên, Cát Lượng có thuyết »Chung Sơn long Liêu chủ, Phó liêu, Vọng liêu và Chúng bàn« (rồng cuộn Chung Sơn). Tôn Quyền liêu hành giả. thời Tam Quốc vì tránh tên húy tổ phụ Tôn CHÚNG TỪ Chung, mượn cớ Mạt Lăng Úy Tưởng Tử Xưng hô đối vơi tăng chúng. Minh Giác Văn tử nạn nơi đây mà đổi tên là »Tưởng ngữ lục q. 1 ghi: » Sơn«. Núi này cao hơn những ngọn núi khác ở Nam Kinh. Có ba ngọn bày ra như giá bút. Ngọn thứ nhất là Bắc Cao Phong cách mặt biển 448m, ngọn thứ hai là Tiểu Chẳng hạn như Mao Sơn, cách mặt biển 350m, phía tây là viện này ở một góc vắng vẻ, nếu không ngọn thứ ba Thiên Bảo Sơn, cách mặt biển nghĩ đến việc báo ân Phật thì không để tứ 250m. Vào thời Lục Triều, Chung Sơn là chúng đến ở nơi này. Sợ sơn tăng sau khi thánh địa Phật giáo, phân bố xung quanh xuất phát, pháp tịch trống trơn, cho nên có hơn 70 ngôi chùa am lớn nhỏ, có thể gọi hôm nay sai khai sĩ Tố Công tiếp tục trụ là chùa chiền thành rừng, Thích tử thành trì, hi vọng chúng từ đồng lòng khuyên bảo hàng, âm thanh chuông khánh như tơ mời thỉnh.« không đứt.

Đời Tống Thiền sư nổi tiếng Mật Am Hàm Kiệt từng trụ trì Thái Bình CHƯ PHƯƠNG Hưng Quốc Thiền Tự ở Tưởng Sơn, pháp Thiền sư ở các nơi, hoặc chỉ cho các Thiền ngữ dạy chúng của ngài được ghi trong viện. Tiết Tuyết Phong Huệ Không Thiền Mật Am Hòa Thượng ngữ lục. Tháng 9 sư trong NĐHN q. 18 ghi: » niên hiệu Hồng Vũ thứ 1 (1368) đời Minh, vua bảo mười vị cao tăng mở Đại pháp hội tại Tưởng Sơn Thiền Tự để siêu độ thần – Thiền sư Tuyết Phong dân tướng sĩ đã tử vong trong chiến tranh. Đông Sơn Huệ Không ở Phúc Châu, con Thiền sư nổi tiếng Sở Thạch Phạm Kỳ nhà họ Trần tại quận nhà. Sư xuất gia năm thăng đường thuyết pháp nơi pháp hội, 14 tuổi, liền đi đến các Thiền viện, yết kiến quan trong triều tâu bày pháp ngữ này lên các thiền sư, sau cùng ở chỗ Thảo Đường, vua, Thái Tổ rất vui. Về sau vì xây lăng sư khế ngộ«. Minh Hiếu cho nên tất cả tự miếu đều di dời sang sườn núi đông nam, hợp làm một

CHƯ SẮC CHƯ SẮC nhiều câu lại để chú thích, bình luận và Chỉ cho các thứ việc, các thứ vật. Điều phụ thêm bài tụng. Sách được ấn hành vào Nguyệt Phân Tu Tri trong Sắc Tu Bách niên hiệu Chí Nguyên thứ 1 (1341) đời Trượng Thanh Quy q. 7 (Đại 48, 1155 Nguyên và được xếp vào Tục Tạng kinh thượng) ghi: » tập 114, trang 904. « »Cuối năm tổng kết, báo cáo các thứ sổ CHỨNG KHÔNG ĐẠI SƯ sách, giấy tờ«. — Chư sắc nhàn nhân: Chỉ cho người vô Hiệu của Thiền tăng Cư Độn, đời Đường. dụng. X. Cư Độn.

CHỨNG CHÂN TỰ CHỨNG NGỘ X. Vân môn tự. Còn gọi: Triệt ngộ, Triệt chứng. Chỗ viên mãn công phu tu tập, an trụ tính giác trọn CHỨNG ĐẠO CA CHÚ vẹn. Đây là cảnh giới tự tâm do công phu 1. Sách, 1 quyển, do Phạm Thiên Ngạn Kỳ tu hành phát ra, không phải là sự chỉ dạy soạn vào đời Tống, đệ tử là Huệ Quang của thầy bạn, nên cũng gọi là Trí vô sư. Trí biên tập. Tác giả đem »Chứng Đạo Ca« này tương đương với Huệ trong ba môn của ngài Huyền Giác đời Đường giải thích »Giới, định, huệ«. Thiền Quan Sách Tiến rõ từng câu để chỉ cho người học con (Đại 48, 1101 thượng) ghi: » đường tắt tham thiền ngộ đạo. Sách được ấn hành vào niên hiệu Gia Định thứ 12 (1219), được xếp vào Tục Tạng kinh tập 111, trang 357. – Chư 2. Sách, 1 quyển, do Diệu Không Tri Nột đại đức! Trong 90 ngày qua đã được soạn vào đời Tống, đệ tử là Đức Tối biên chứng ngộ hay chưa? Nếu như chưa ngộ tập. Tác giả cho rằng Phật pháp tuy chẳng thì thêm một mùa đông đã luống qua vô phải do tìm kiếm trong văn tự ngữ ngôn ích… Đâu quản ba đời, năm đời, mười đời, mà được, nhưng người độn căn vẫn cần một trăm đời, nếu chưa triệt ngộ quyết phải nhờ sự giải thích của ngôn ngữ văn tựđịnh không thôi«. để tìm hiểu yếu chỉ Phật pháp, cho nên Thiền Uyển Mông Cầu (Vạn Tục 148, 97 ngài soạn ra sách này. Sách được ấn hành thượng) ghi: » vào niên hiệu Thiệu Hưng thứ 16 (1146) – đời Tống, và được xếp vào Tục Tạng kinh Sư ở Hương Lâm Tịnh Công thụ giới cụ tập 114, trang 890. túc. Về sau sư tham vấn nới Thắng Tịnh 3. Sách, 1 quyển, còn gọi: Chứng Đạo Ca Phổ mà triệt chứng«. Theo: Yếu Chỉ Thiền chú tụng, do Trúc Nguyên Vĩnh Thịnh tông của HT. Thanh Từ. soạn vào đời Nguyên, Đức Hoằng biên tập. Dưới mỗi câu của Chứng Đạo Ca, ngài CHƯỚC NHIÊN Vĩnh Thịnh có làm lời bình ngắn, hợp Thực sự. Vân Môn quảng lục

q. trung ghi:

CHỦY THƯỢNG GIA CHỦY » khi chúng tăng tề tựu đông đảo, vị Duy-na dùng chùy gõ vào châm để khiến đại chúng lặng lẽ, nghiêm túc. – Nêu ra Chùy: Cái dùi để gõ đánh; Châm: Cái đài việc Trường Khánh hỏi Tú Tài: Phật giáo nhỏ bằng cây. Cả hai đều có hình bát giác nói chúng sinh dùng hằng ngày mà không tượng trưng cho 8 hướng của núi Tu Di biết. Sách Nho cũng nói dùng hằng ngày trong Vũ trụ quan Phật giáo. Thông mà không biết. Vậy không biết cái gì? Tú thường, ở Trai đường khi chư tăng tề tựu Tài nói: Không biết đại đạo. Sư nói: Thực để thọ thực thì sử dụng đến chùy châm. sự ông không biết.« CHÙY TẨN CHƯƠNG KỈNH TỰ Chùy: Chiếc roi; Tẩn: Đuổi đi. Đối với vị Chùa ở ngoài cửa Thông Hóa, Đông thành, tăng nào phạm việc ác một cách nghiêm huyện Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung trọng thì lấy roi đánh đuổi đi. Đây là hình Quốc. Dưới triều vua Đường Đại Tông, phạt nặng trong các tự viện Thiền tông. quan Nội thị Ngư Triều Ân vì Hoàng thái hậu Chương Kỉnh mà xây cất. Ngài Pháp CHỦY ĐÔ LÔ Khâm ở Kính Sơn thuộc tông Ngưu Đầu Nói nhiều lời. Truyện Thiền sư Bội nhận lời mời của vua Đại Tông, về trụ trì Chương Hoàng trong Vân Cư Sơn Chí ghi. chùa này và được Vua ban hiệu là Quốc Nhất Quốc Sư. Thiền sư Hoài Uẩn, nối pháp Mã Tổ Đạo Nhất cũng từng ở chùa »Cẩu tử Phật tính vô này. Triệu Châu bất tự hô Nương sinh kim khám phá CHÙY Phật Tổ chủy đô lô« 1. Bạch chùy , tương đương với việc »Con chó không Phật tính xướng tăng bạt. X. Bạch chùy, Kiền chùy. Chẳng phải Triệu Châu nói 2. Châm chùy : Cái dùi, chiếc kim Nay nhìn tận mặt mẹ dùng đâm lên đầu lên trán thiền tăng để Phật Tổ nói nhiều lời«. khảo nghiệm trình độ tu hành của họ đến CHỦY THƯỢNG GIA CHỦY đâu. X. Châm chùy. 3. Kiềm chùy : Búa kìm là các khí cụ Trên mỏ lại gắn thêm mỏ, nghĩa là việc trong lò rèn. Nhà thiền dùng để dụ cho thủ làm dư thừa. Uyển Lăng lục ghi: » đoạn, phương tiện rèn đúc thiền tăng nhằm giúp họ trở thành bậc tông tượng trong thiền môn. X. Kiềm chùy.
– Nói nín động tịnh, tất cả thinh sắc CHÙY CHÂM đều là Phật sự, còn tìm Phật ở chốn nào? Chẳng thể trên đầu chồng thêm đầu, trên Còn gọi: Chùy tĩnh, Truy châm, Chùy đôn. mỏ lại gắn thêm mỏ«. Ở trong Luật viện hoặc trong Thiền đường,

CHUYÊN TÍN CHUYÊN TÍN CHUYỂN NGỮ Trong Thiền viện, người được phái đi xử Lời lẽ sắc bén tùy cơ nghi mà chuyển biến lý một việc gì đặc biệt, gọi là Chuyên sứ. một cách tự do tự tại. Lúc thiền giả (người Văn thư mà Chuyên sứ cầm đi gọi là học Thiền) mê lầm không hiểu, tiến thoái Chuyên tín. Thiền Uyển Thanh Quy q. 6 lưỡng nan, vị sư gia tức thì xoay chuyển cơ (Vạn Tục 111, 455 hạ) ghi: » phong hạ ngay chuyển ngữ để giúp hành giả khai ngộ. Phần Giải thích của tắc 96, Bích Nham lục q. 10 (Đại 48, 219 thượng) ghi: » – Chuyên sứ đến trước mặt vị Trụ – Triệu Châu dạy trì trình bày 2 lần, mỗi lần 3 lạy. (Một lần ba chuyển ngữ này xong, cuối cùng còn trình bày nói: Kẻ đưa văn thư này muốn nói: Chân Phật ngồi trong nhà«. được hầu hạ ngài, ý nguyện của kẻ này hết sức chiêm ngưỡng ngài. Một lần nữa trình CHUYỂN THÂN bày thì hàn huyên tâm sự rồi lạy ba lạy)«. Xoay mình. Thiền tông

dùng từ này để chỉ cho trạng thái đốn ngộ của hành giả tham CHUYỂN thiền. Tham thiền kệ trong Thiền Tịnh Hợp 1. Tụng đọc kinh Phật. Tối Thượng Thừa Yếu của Thiền sư Phương Tụ Thành ghi: luận ghi: » – Mười hai phần giáo thường tụng trong mỗi niệm«. 2. Càng thêm, lại còn. Tiết Nhữ Châu Nam Tham thiền đệ nhất Viện Ngung Thiền sư trong LĐHY q. 1 Đoan tu tự quyết ghi: » – Điệu tý chuyển thân Vàng ròng đã được trui luyện trăm lần nên Bất giả tha lực«. bỏ vào lửa càng thêm tươi sáng«. »Pháp tham thiền bậc nhất CHUYỂN MÊ KHAI NGỘ Thẳng thắn tự giải quyết Khi vung tay xoay mình Còn gọi: Chuyển phàm thành Thánh. Ra Chẳng nhờ sức người khác«. khỏi sinh tử mê vọng trong ba cõi, đạt đến cảnh giới Niết-bàn giác ngộ. Giáo pháp nói CÔ MINH về chuyển mê khai ngộ, trong đạo Phật có Vầng sáng riêng lẻ, chỉ cho thật tướng của thể chia làm các loại: Phật tính, hoặc Tự tâm, hoặc Chân ngã. Tổ — Thánh Đạo môn: Chứng nhập ở cõi Đường tập q. 5 ghi: » này. — Tịnh Độ môn: Chứng đắc ở cõi khác. – Nghĩ điều trong sạch người ít lo — Tiệm giáo: Nhiều kiếp tu hành. buồn, phong cách quy củ tự nhiên đầy đủ. — Đốn giáo: Thành Phật ngay thân này. Pháp trần tụ lại ở nơi tiếng nói và dáng người, cô minh bặt mọi dính mắc«.

CỔ DẪN CÔ NGẠNH Tôi từ xa đến chỉ để cầu pháp, không cần y Người cứng cỏi hoặc cơ phong cứng rắn. áo.« Tiết Thiên Đồng Hàm Kiệt trong NĐHN q. CỐ TẤT 10 ghi: » Phép tắc cố định chẳng thay đổi. Tiết – Sư không ngại đi xa, Lương Sơn Sư Viễn Thiền sư trong NĐHN tham khắp các bậc tri thức, về sau yết kiến q. 10 ghi: » Ứng Am ở Minh Quả, Cù Chi. Cơ phong – của Ứng Am cứng rắn khó vào, sư nhiều Có một bọn chỉ nói rằng bậc Tông sư lần bị quở trách«. không có phép tắc cố định, hễ có ai hỏi điều chi, thuận miệng đáp ngay«. CÔ TỨC CỔ CHÙY »Cô« là cẩu thả, »Tức« là nghỉ ngơi. Nghĩa Cái dùi xưa, dụ chỉ cho cơ phong cơ ngữ. là cái đạo của tiểu nhân thì cẩu thả tạm yên Bài ›Lệ giác ngâm‹ của Hòa thượng vậy. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 1 (Đại 48, Hương Nghiêm Trí Nhàn trong CĐTĐL q. 1018 thượng) ghi: » 30 ghi: » « »Nhật lý ngữ, ám tha thiết – Nhưng có một điều: Nếu tâm mình Khoái ma cổ chùy tịnh khiêu yết«. tính đến lợi hại, so sánh hơn thua, thì sa »Trong ngày nói ra lời tha thiết đọa vào lỗi lầm cầu an và cẩu thả. Vả lại, Mài nhọn dùi xưa sạch xoi mói«. thân đã bất chính thì đâu thể học đạo được!«. CỔ CHUYẾT Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên đầu CÔ XƯỚNG đời Minh, hiệu Tổ Đình, người xứ Tô Đánh giá kêu bán. Chương »Trùng San Châu, Trung Quốc, nối pháp thiền sư Trí Cảnh Đức Truyền Đăng Lục Trạng« của Độ, tông Lâm Tế. Hy Vị trong CĐTĐL q. đầu ghi: » CỔ DẪN Cổ động, đưa đường dẫn lối. Phần thượng Bèn vào ngày của Trung Phong quảng lục q. 4 ghi: » 10 tháng 1 năm Bính Thìn đem y bát đánh giá kêu bán tất cả được hơn một vạn hai ngàn xâu tiền, ngày hôm nay sai thợ khắc – Đối với bản lưu hành với đời, truyền bá đạo của người có tri giải tà vạy, thiền sư dùng ngôn Tổ.« ngữ kỳ đặc, khen chê, thưởng phạt đánh hét để đưa đường dẫn lối cho họ; từ xưa CỐ tới nay các ngài đều làm như vậy«. Cố tình, chỉ để. Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: »

–

CỔ ĐÌNH THIỀN SƯ NGỮ LỤC TẬP LƯỢC CỔ ĐÌNH THIỀN SƯ NGỮ LỤC Đức Thiền Tự«. Năm 1921 lại xây cất TẬP LƯỢC thêm. Hiện còn kiến trúc chủ yếu như Ngữ lục, 4 quyển, do Đào Diên biên soạn Thiên vương điện, Đại hùng bảo điện, theo nội dung bộ ngữ lục của thiền sư Cổ Huyễn giác xá, Quán Âm đường, Tàng Đình Thiện Kiên. Nội dung gồm: kinh lâu. Đại hùng bảo điện xây dựng mô — Quyển 1: Hành cước, Pháp ngữ, Thuyết phỏng theo kiểu chùa A-nan-đà ở Mianma. giới, Tâm yếu, Tam-muội, Huyễn chương, Hình dạng phần đỉnh có 9 tòa Phật tháp Cảnh đồ (Răn nhắc đệ tử), Huấn đồ (Dạy »cửu long bái thánh«, 96 cái bệ chín hoa bảo đệ tử). sen, 24 chư thiên Bồ Tát, bố cục khéo léo, — Quyển 2: Tam-muội, Thiền định, Hoa kết cấu nghiêm cẩn. Cửa cái, cửa sổ, tường Nghiêm Huyễn Trụ Lược tích, Hoa vách được thiết kế tỉ mỉ, trang sức hoa lệ Nghiêm đại ý, Thị Nhất Tông Đầu-đà, Vô hiển bày phong cách đặc biệt trong nghệ Tự trực thuyết, Hỏa lô đầu thoại, Ngưu thủ thuật kiến trúc. nhật lục. — Quyển 3: Luận, Thư, Bạt, Tụng. CỔ ĐƯỜNG TỰ — Quyển 4: Kệ tán, Ca, Thất tuyệt, Ngũ Chùa ở ngoại ô phía Đông bắc thành phố luật, Thất luật, Tạp thể v.v… Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Sách này được khắc bản lưu hành năm Được xây dựng vào niên hiệu Thần Long 1633. thứ 1 (705) đời Đường, ban đầu gọi là »Phúc Tiên Tự«. Võ Tắc Thiên từng soạn CỔ ĐỨC văn bia Phù Đồ cho chùa, Ngô Đạo Tử có Chỉ các bậc Cao tăng thời xưa, bậc Cao vẽ bức Địa ngục biến đồ. Niên hiệu Khai tăng đã qua đời. Phần giải tụng của tắc 59, Nguyên thứ 21 (733) tăng nhân Nhật Bản Bích Nham lục q. 6 (Đại 48, 191 thượng) là Vinh Duệ và Phổ Chiếu sang Trung ghi: » Hoa, vua Đường Huyền Tông bảo hai vị – ngụ ở chùa Phúc Tiên và nhờ trụ trì chùa Chẳng thấy tăng hỏi Cổ đức: Thế nào là này là Đại sư Định Tân truyền giới cho hai Phật? Cổ đức đáp: Đầu dài ba thước người. Ba năm sau, Vinh Duệ và Phổ (0,9m), cổ dài hai tấc (0,06m)«. Chiếu cầu thỉnh tăng nhân chùa Phúc Tiên là Đạo Tuyền sang Nhật Bản hoằng pháp CỔ ĐỨC THIỀN TỰ truyền giáo, về sau trở thành truyền nhân Chùa nằm ở Đông Đoan, đường Giải đời thứ hai của Thiền tông Nhật Bản. Chùa Phóng, Hán Khẩu, thành phố Vũ Hán, tỉnh này chiếm địa vị trọng yếu trong quan hệ Hồ Bắc, Trung Quốc. Do Hòa thượng Phật Giáo Trung Nhật. Niên hiệu Thiên Long Hy sáng lập vào niên hiệu Quang Tự Khải thứ 2 (1622) đời Minh tháp cao trong thứ 3 (1877) đời Thanh, ban đầu gọi là »Cổ chùa sụp đổ, chùa Phúc Tiên bị phá hủy. Đức Mao Bồng« (Lều tranh Cổ Đức). Niên Dân làng đem những phần di vật dời về hiệu Quang Tự thứ 31 (1905) đời Thanh phía Bắc vài dặm xây dựng lại tự viện. mở rộng xây dựng. Năm 1914 đến năm Năm 1922 trùng tu, đề tên là »Cổ Đường 1919 cải tạo và xây dựng lại đổi tên là »Cổ Tự«. Chùa quay lưng về hướng nam nhìn

CỔ MAI về hướng bắc, lưng tựa Lạc Hà, mặt đối không gian. Viên Thông Đại Ứng Quốc Sư diện Mang Sơn. Hiện còn bốn lớp kiến trúc ngữ lục, q. thượng (Đại 80, 95 hạ) ghi: » là Sơn môn, Thiên vương điện, Bạch y điện, Lập Phật điện. – Cổ đức nói: Nếu như chỉ nói về Tông thừa, CỔ HOÀNG thì các ông lãnh hội ở chỗ nào? Vì lẽ, chân Lung lay như cái lưỡi gà trong ống sáo, chỉ lý Phật giáo không bị hạn cuộc bởi thời cho lời nói khéo léo. Thư đáp Đổng Văn gian và không gian«. Thừa Thiền nhân trong HSLNMDT q. 1 ghi: » CỔ KIM

TIỆP LỤC X. Phật Tổ Chính Truyền Cổ Kim Tiệp lục.

– 1.700 vị thiền sư dùng lời nói khéo léo để truyền bá, cũng CỔ KÍNH chẳng qua là giúp nhau phát minh pháp Gương xưa, dụ cho Chân như Phật tính, nó môn tâm địa này, há ngoài tâm này mà tìm tuy có khả năng chiếu soi khắp không gian diệu ngộ nào khác được sao?«. thời gian, nhưng không có ý niệm chiếu soi. Bài thứ nhất trong Sơn Cư Bách Vịnh CỔ HỢP của Thiền sư Tông Bản ghi: Cổ động. Bài thơ »Phổ Hóa« trong NTNL q. hạ ghi:

»Sơn cư cổ kính cửu mai trần »Giả hán tẩu tùng hà xứ lai? Kim nhật trùng ma khí tượng tân Cổ hợp Lâm Tế-Bạch niêm tặc Ngân cấu tịnh trừ quang thủy hiện Đạc thanh diêu hám động phong lôi Phân minh diện kiến bản lai nhân«. Chí kim đại địa câu lang tạ«. »Ở núi gương xưa dính bụi trần »Gã này từ đâu lại đến đây? Nay được chùi lau, dáng mới tinh Cổ động (cho) Lâm Tế-tay trộm giỏi. Tiếng linh chấn động gió và sấm Bợn nhớp sạch rồi, gương lấp lánh Đến nay thế giới còn bừa bộn«. Chiếu soi diện mục thật phân minh«.

CỔ KIM ĐỘC LỘ ẨN HIỂN VÔ CỔ LÂM PHƯƠNG Hiệu của Thiền tăng Cơ Như đời Thanh. Cổ kim: Biểu thị thời gian; vô phương: X. Cơ Như. Biểu thị không gian. Một mình hiển bày trong xưa nay, không nhất định. Thiền tông CỔ MAI dùng cụm từ này để chỉ cho chân lý Phật Hiệu của Thiền tăng Chính Hữu đời giáo không hạn cuộc trong thời gian và Nguyên. X. Chính Hữu.

CỔ NGUYỆT (1843-1919) CỔ NGUYỆT (1843-1919) CỔ TẮC Thiền tăng cận đại, họ Chu, tự Viên Lãng, Câu nói dạy chúng của Cổ đức. Bao gồm người xứ Phúc Châu, Trung Quốc, nối các câu nói của Phật Tổ và thiền sư, các pháp tông Tào Động. Sư trụ chùa Dũng công án ngộ đạo của Cổ đức, những lời hỏi Tuyền ở Cổ Sơn. đáp để khám nghiệm nhau của các sư gia. Những câu nói này được nhiều người tham CỔ NHAM thiền đời sau tôn là pháp tắc khuôn mẫu Hiệu của Thiền tăng Phổ Tựu, đời Nguyên. nên gọi là Cổ tắc, hay Cổ tắc công án. X. Phổ Tựu. Cổ cách = Cổ nghi = Cổ triệt: Chỉ cho phong cách gương mẫu về ngôn hạnh của CỔ NIỆM (1841-1916) Cổ đức. Thiền tăng cận đại, họ Thư, tự Thanh Nhất, hiệu Huyễn Ảnh, người xứ Chung Tường CỔ THANH QUY (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) Trung Quốc, nối Còn gọi: Cổ quy, Bách Trượng thanh quy. pháp Thiền sư Quảng Phúc Thanh, tông 1. Chỉ cho Thanh quy do Thiền sư Hoài Lâm Tế. Tác phẩm: Tông Cảnh Tiệp Yếu, 4 Hải ở núi Bách Trượng biên soạn vào đời quyển. Đường. CỔ QUÂN TỲ KHEO 2. Tự tính. Kiết hạ khai thị chúng ở Thuận Tâm Am trong Thiên Mục Minh Bản Thiền Thiền tăng Đức Dị đời Nguyên, người đời sư tạp lục (Vạn Tục 111, 364 hạ) ghi: » gọi là Cổ Quân Tỳ-kheo. X. Đức Dị.

CỔ SƠN THẦN YẾN THIỀN SƯ – Chỉ như NGỮ LỤC các ông, trong lòng mỗi người đều có một bản cổ thanh quy, chẳng nên phạm vào lúa Gọi đủ: Cổ Sơn Tiên Hưng Thánh Quốc mạ của người«. Sư, Hòa thượng Pháp Đường Huyền Yếu Quảng tập. Còn gọi: Hưng Thánh Quốc Sư CỔ THOẠI Huyền Yếu Quảng tập. Ngữ lục, 1 quyển, Công án thời cổ đại. Pháp Diễn ngữ lục q. do Thần Yến soạn vào đời Đường, được trung ghi: » xếp vào Cổ Tôn Túc ngữ lục quyển 37, và Tục Tạng kinh tập 118, trang 619. Nội dung gồm có: Các ngữ yếu thượng đường, lời của sư khám

nghiệm tăng, lời đàm đạo với bậc Lão túc các nơi, lời thăm hỏi các – Bạch Vân (là pháp hiệu của bậc Đế vương, kệ tụng, sau cùng có lời bạt thiền sư Pháp Diễn) còn có một cổ thoại. của Sĩ Khuê. Ông già Thích-ca nhập Niết-bàn ở bên bờ CỔ SƠN VI BÁI THIỀN SƯ HOÀN sông Bạt-đề; ngài Ca-diếp mới đến, đi vòng quanh kim quan buồn khóc. Khi ấy SƠN LỤC Thế Tôn vì ngài thò hai bàn chân ra ngoài. X. Hoàn Sơn lục. Đại chúng! Hãy nói lúc nhập Niết-bàn là

CÔNG ÁN phải, hay lúc thò hai bàn chân ra ngoài là Tác phẩm: Lục Ba Tỵ Ca. phải?«. CÔN CẦU CỔ TÔN TÚC NGỮ LỤC Lăn trái cầu. Công án, sự việc thấy ở tiết Tuyết Phong Nghĩa Tồn Thiền sư trong Ngữ lục, 48 quyển, do Trách Tạng Chủ NĐHN q. 7 ghi: »Một hôm sư thăng tòa, (Tăng Dĩnh Thủ Trách) soạn vào đời Tống, tăng chúng tập họp đầy đủ. Sư lăn quả cầu sư Tịnh Giới chùa Lan Cốc hiệu đính lại, gỗ, Huyền Sa bèn lượm lại đặt vào chỗ được xếp vào Tục Tạng kinh tập 118, trang cũ.« Đây là sự thi thiết vô nghĩa của Thiền 157. Bộ ngữ lục này căn cứ theo bộ Cổ gia, ý nghĩa quét sạch ngôn ngữ ý thức của Tôn Túc Ngữ Yếu 4 quyển, khắc bản vào người học đạo, không thể dựa vào tình khoảng năm 1141-1167 cũng do chính ngài thức ý tưởng để suy đoán lý giải. biên soạn. Nội dung sưu tập ngữ lục của Tiết Thiềm phán Lưu Kinh Thần cư sĩ hơn 40 vị danh đức trong Thiền tông, từ trong NĐHN q. 16 ghi: » Nam Nhạc Hoài Nhượng đến Mã Tổ, Bách … Trượng, Lâm Tế, Vân Môn, Chân Tịnh, – Phật Nhãn, Đông Sơn. Những ngữ lục này Chia tông tách phái đều có môn đình… phần lớn không thấy ghi trong Cảnh Đức hoặc cầm chỉa giương cung, lăn cầu múa Truyền Đăng lục. hốt, hoặc khuân đá gánh đất, đánh trống thổi lông.« CỐC ẨN SƠN Khoảng 7km phía Đông nam Tương Phàn, CÔN LUÂN TƯỚC SINH THIẾT Hồ Bắc, Trung Quốc. Đời Tấn, Tập Tạc Xỉ ẩn cư nơi đây. Trong núi có chùa Cốc Ẩn Nhai nguyên cả thỏi sắt, vốn đã không nhai sáng lập vào đời Tấn, ngài Đạo An từng ở được mà cũng chẳng có mùi vị. Thiền lâm nơi đây. Trí Tĩnh thuộc tông Tào Động, đệ dùng nhóm từ này để chỉ trạng thái không tử nối pháp của Trí Tĩnh là Tri Nghiễm, đệ còn phân biệt suy nghĩ. Hư Đường Hòa tử nối pháp của Tri Nghiễm là Khế Sùng thượng ngữ lục q. 1 (Vạn Tục 111, 330 hạ) đều trụ trì chùa này. ghi: » CỐC ĐẦU – Tăng hỏi: Như sự trao truyền bí Người trông nom lúa thóc trong chùa. mật ở Linh Sơn, có cho người học thưa hỏi Chức vụ này đứng dưới Điển tọa. hay không Sư đáp: Nhai nguyên cả thỏi CỐC TUYỀN sắt«. Thiền tăng đời Tống, hiệu Đại Đạo, người CÔNG ÁN xứ Tuyền Châu, nối pháp Phần Dương Thiện Chiêu, tông Lâm Tế. Người đời gọi Là một chuyện tích hoặc là phần ghi chép sư là »Ba Tiêu Am Chủ«, »Tuyền Đại về những sự kiện hỏi đáp, thương lượng Đạo«. chí lý trong nhà Thiền. Nó thường mang tính phi lý, chẳng thể dùng bộ óc để lý giải,

CÔNG BẤT LÃNG THÍ làm cho Thiền giả cảm thấy thắc mắc mà NĐHN q. 9 ghi: » phát khởi nghi tình, từ đó mới có cơ hội ngộ đạo. Tựa thứ 4 của Bích Nham lục (Đại 48, 139 trung) ghi: » – Tăng hỏi: Khi luyện được – Từng bảo sách của thân tâm lặng lẽ như tro thì sao? Sư đáp: Thiền tông là công án, xướng từ đời Vẫn còn là người tu tập mong cầu dẫn đến Đường nhưng thạnh ở đời

Tống, cho đến phúc báo. Tăng hỏi: Trải qua ngàn năm nay vẫn còn«. sau thì thế nào? Sư đáp: Giống như người cày mà ruộng chẳng gieo. Hỏi: Rốt cuộc CÔNG BẤT LÃNG THÍ thế nào? Sư đáp: Lúa chín mà không đem Công phu không phải vô ích. Mật Am ngữ đến sân phơi.« lục ghi: »

CÔNG DỤNG

Tác dụng, vận dụng. Lâm Tế lục ghi: »

– Trăm vị đầy đủ, trong đó chỉ thiếu một vị, thử hỏi là dầu hay là tương? Nếu phân biệt được thì Hoa Tạng (pháp hiệu Thiền sư Mật Am) ra công không phải vô ích; nếu chưa được như thế thì hãy lắng nghe ta chú cước thêm lần nữa.« – Các ngươi muốn được như Phật Tổ, chỉ đừng tìm bên CÔNG BIỆN TƯ BIỆN ngoài. Trên một niệm tâm sáng suốt thanh Giải quyết toàn bộ, tất cả đều thành công. tịnh của các ngươi là ngôi nhà Phật pháp Pháp Diễn ngữ lục q. thượng: » thân. Trên một niệm tâm sáng suốt không phân biệt là ngôi nhà Phật báo thân. Trên một niệm tâm sáng suốt không sai biệt là ngôi nhà Phật hóa thân. Ba thứ thân nầy là – Sư thượng người nghe pháp hiện nay. Có điều là đường, cử: Lúc Bảo Thọ vào chợ xin vật không nên dong ruỗi tìm bên ngoài thì mới thực, thấy hai người đang cãi nhau. Một có tác dụng nầy.« người tát người kia một cái, nói: Mày đúng CÔNG ĐỨC là thằng không có mặt mũi! Bảo Thọ nhân Công nghiệp đức hạnh dẫn đến quả báo tốt đây lãnh ngộ. Nếu ai biết được ý này, có lành. Truyện Huệ Năng trong Tống Cao thể nói rằng người đó đã thành công«. Tăng truyện q. 8 ghi: »Hoằng Nhẫn hỏi: CÔNG CAN Ngươi làm công đức gì? Huệ Năng đáp: Xin hết lòng đeo đá giã gạo cho đại chúng Hành vi tu tập mong cầu dẫn đến phúc báo. mà thôi.« Tiết Kính Sơn Hồng Nhân Thiền sư trong

CÔNG KHUY NHẤT QUỸ Xét ý nghĩa của từ ngữ »công đức« có liên Tháp trong Thiền Uyển Thanh Quy q. 1 quan với thuyết nhân quả báo ứng, thiền (Vạn Tục 111, 440 hạ) ghi: » gia cho đây là pháp môn phương tiện, chẳng phải là pháp triệt ngộ trực chỉ nhân tâm. Cho nên Thiền sư có khi mượn dùng – Người mới đến phải lễ vị Trụ trì và pháp từ »công đức« với ý nghĩa trái ngược quyến hai lần, mỗi lần 3 lạy để trả ân vị thường tình, chỉ cho triệt ngộ tâm địa. Tiết Trụ trì có công quản lý công giới (Vật Sơ Tổ Bồ Đề Đ t-ma Đại Sư trong thường trụ)«. NĐHN q. 1 ghi: »

CÔNG HUÂN BIÊN SỰ

Thuộc về việc tích lũy công đức dẫn đến việc hưởng phúc báo về sau. Đối với Thiền tông, đây chỉ là pháp môn phương tiện, bởi vì việc làm này chẳng thể khiến người học triệt ngộ tâm địa, siêu việt sinh tử. Tiết Động Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 ghi: – Một ngày tháng 10 sư đến » Kim Lăng. Vua Lương Võ Đế hỏi: Trẫm từ khi lên ngôi đến nay cất chùa in kinh độ – Hỏi: Lúc tất cả chỗ chẳng tăng không sao kể xiết, có công đức gì trái nghịch thì sao? Sư đáp: Đây cũng còn không? Tổ nói: Hoàn toàn không công là công huân biên sự. Có công đức »vô đức. Vua hỏi: Vì sao không công đức? Tổ công« sao ngươi chẳng hỏi?«. nói: Đây chỉ là quả nhỏ thuộc hàng

trời người, là nhân hữu lậu, như bóng theo CÔNG KHÓA hình, tuy có mà không thật. Vua hỏi: Vậy Công phu tu hành của chư tăng. Tiết Vân như thế nào là công đức chân thật? Tổ nói: Nham Hòa thượng trong TĐT q. 5 ghi: » Tịnh trí kì diệu tròn đầy, thể tự vắng lặng, công đức như thế không thể đem thế gian cầu được.« – Tôi hết sức thiết tha căn dặn là chớ nên thông CÔNG ĐỨC TÙNG LÂM qua ngôn ngữ mà tham cứu thiền pháp. Ghi nhớ lời nói của người đã triệt ngộ có Chỉ cho Thiền pháp. Vì Thiền pháp có dùng được chỗ nào? Công phu tu hành này năng lực phát khởi trí huệ, thần thông, nên không từ người khác mà được, chẳng do công đức vô lượng. thông minh nhớ dai mà được.«

CÔNG GIỚI CÔNG KHUY NHẤT QUỸ Vật công cộng. Trong Thiền lâm dùng từ này để chỉ cho vật thường trụ, là của cải Thiếu một tí mà bỏ dở. Theo Thượng Thư chung của mười phương Tăng. Điều Quải Lữ Ngao: »Đắp núi cao 72 thước, chỉ thiếu

CÔNG NGHIỆM một sọt đất«. Quỹ là sọt đất đá, đắp một CÔNG TÀO trái núi đã rất cao, nhưng thiếu một sọt đất, Vốn chỉ cho một chức quan đời Hán, trông núi sẽ không đắp thành. Đời sau dùng coi việc xét xử, dưới quyền Quan huyện, thành ngữ này để chỉ cho khi làm việc gì, nó tương đương với chức Thẩm phán ngày đôi khi thiếu một chút sức lực cũng không nay. Trong Phật giáo, mượn dùng để chỉ hoàn thành được công việc. cho cái ngu tối nguyên thủy hay khởi lên bao điều phiền não. Kinh Tứ Nhập Nhị CÔNG NGHIỆM Chương (Đại 17, 713 trung) ghi: » Giấy chứng minh Tu sĩ do quan địa phương cấp cho các vị tăng du phương vào đời Đường, Tống. Vân Môn quảng lục, q. – Phật bảo người trung ghi: » – Tôi ấy rằng: Đoạn âm không bằng đoạn tâm. có giấy chứng minh Tu sĩ bỏ theo bên Tâm như vị Thẩm phán. Thẩm phán nếu mình«. nghỉ, thì kẻ tùng sự đều nghỉ. Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì?«. CÔNG PHU CÔNG VỊ TIỂU TUYỆT Có 1 nghĩa: Công vị: Địa vị sai khác trong giai đoạn tu 1. Dụng công tu tập một pháp môn có hành của sơ tâm; Tiểu tuyệt: Dứt hết. Công đường lối rõ ràng. Đại Huệ thư, q. thượng Vị Tiểu Tuyệt là công phu tu hành đã tiến (Đại 47, 916 trung) ghi: » vào cảnh giới cao tột, tức không còn những giai vị sai biệt như sơ tâm, hậu tâm. – Tâm này dù chưa có một niệm lui sụt, nhưng tự biết công phu chưa được thuần CỐT ĐỂ CỐT ĐỔNG nhất«. Còn gọi: Cốt đổng . Người cổ lỗ, đồ ngoan cố, hàm ý khinh bỉ. Tiết Tịnh Cư Ni 2. Rảnh rang. Triệu Châu lục, q. trung Diệu Đạo Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: (Vạn Tục 118, 160 thượng) ghi: » » – Hỏi: Thế nào là – Ni hỏi: Thế nào là Phật? Sư tướng đại nhân? (…) Sư đáp: Lão tăng đáp: Chẳng phải Phật. Ni hỏi: Thế nào là không có rảnh rang như người nhàn hạ«. đại ý Phật pháp? Sư đáp: Đồ ngoan cố.« CÔNG PHU THÀNH PHIẾN CỐT ĐỔNG Đồ lặt vặt đã cũ, không có giá trị bao Tham thiền dụng công đề câu thoại đầu nhiêu. Đồ lạc xon. Vân Môn quảng lục q. phát khởi nghi tình, ngày đêm 24 giờ thượng ghi: » chẳng có phút giây gián đoạn tức là công phu thành phiến, cũng gọi là đi đến thoại đầu. X. Đả thành nhất phiến. – Nếu người giống như đồ giả

CƠ DUYÊN hiệu, ăn đàm dải của người, nhớ được một thoát hẳn phương tiện, cơ cơ khế hợp, lời đống một gánh đồ lạc xon, chạy đến đến lời khớp nhau«. nơi nào cũng bàn luận khoe khoang. Khoe ta nói được năm, mười chuyển ngữ.« CƠ DỤNG Phương pháp siêu việt ngôn thuyên (dùng CƠ lời nói để giải thích). Cơ dụng mà các thiền 1. Căn cơ của mọi người, năng khiếu trời sư đại triệt đại ngộ thường dùng như: Gậy sinh. X. Cơ duyên, Cơ khí. và thủ thế, hoặc gậy và hét, nhằm giúp 2. Sự lý vi diệu sâu kín, không để lại dấu người học tiến sâu vào cảnh giới Thiền. vết. Hễ lơi lỏng thì trượt qua mất, ngôn Các bậc »Thầy« của phương pháp này là ngữ không cách gì biểu đạt được. Tiết Tín Mã Tổ, Bách Trượng, Hoàng Bá và Lâm Tương Giới Tu Thiền sư trong NĐHN q. Tế. Lâm Gian lục, q. thượng (Vạn Tục 20 ghi: » 148, 194 hạ) ghi: »

– Hai vầng (mặt

trời, – Chỉ có từ mặt trăng) vận chuyển khói bụi dấy, điện Mã Tổ và

Thạch Đầu trở xuống, các đại chớp sao xẹt làm sao dừng? Trước mắt Tông sư mới dùng phương pháp vượt thoát không ngại cơ qua lại, chính lệnh thi hành ›cách giải thích bằng lời nói‹ để tiếp độ không trong ngoài.« người. Những cách vấn đáp ấy, khiến người không phải đương cơ mờ mịt, khó CƠ BIẾN hiểu«. Thiền cơ biến hóa, cơ phong biến hóa. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: » CƠ DUYÊN

1. Căn cơ chúng sinh và nhân duyên ngộ – Nhổ đinh trong mắt, rút tên sau ót, pháp. Nếu hai thứ này khế hợp thì mới xưa nay không có khuôn mẫu, phải biết được tỉnh ngộ. Tiết Tín Tương Tông Hiển thiền cơ biến hóa.« Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » Bích Nham lục q. 1 ghi: » – Hai phen

hét cùng ba lần gọi, bậc thầy tài giỏi biết cơ phong

biến hóa.« – Hôm sau, Tổ (chỉ Ngũ Tổ Pháp Diễn) đến

CƠ CƠ thành Thư Châu, sư cùng Ngộ (chỉ Viên Còn gọi: Cơ cơ tương ứng, cơ cơ tương Ngộ) cũng đến đấy may mắn gặp nhau ở phó, cơ cơ đầu hợp. Cơ của bậc thầy và cơ Hưng Hóa. Tổ hỏi sư: Có nhớ từng gặp của người học. Tâm địa thiền sư và của nhau ở đâu không? Sư đáp: Toàn là các người học thầm khế hợp nhau. Tắc 50, bậc lão luyện. Tổ xoay lại nhìn Ngộ nói: Bích Nham lục (Đại 48, 185 trung) ghi: Gã này lắm mồm! Từ đó cơ duyên Thầy trò » khế hợp.« – Vượt qua thứ bậc,

2. Lời hỏi đáp, cử chỉ, hành vi của thiền sư

CƠ GIÁO kịp thời ứng phó với nhân duyên ngộ pháp – Sư từ Hồ

của người học. Nghĩa Huyền Thanh trong Bắc Hồ Nam đến Vạn Niên yết kiến ngài Lâm Tế ngữ lục q. cuối ghi: » Tuyết Sào, khế hợp thiền cơ và vâng lời

ngài trông coi việc thư từ.« – Ban đầu sư tham vấn ngài Tiết Vĩnh Phong Huệ

Nhật Am chủ trong Hoàng Bá. Kế đó yết kiến ngài Đại Ngu. NĐHN q. 18 ghi: »

Cơ duyên ngữ cú của sư đầy dẫy ở trong Hành lục.«

– Sư xuất CƠ GIÁO gia từ thuở bé, được độ làm

tăng ở chùa Căn cơ của chúng sinh và sự giáo hóa của Minh Tâm. Từ khi sư lãnh ngộ thiền pháp Phật pháp. Truyện Thần Tú trong Tống Vân Cư, thường tới lui vùng Tương, Hán. Cao tăng truyện q. 8 ghi: » Đến khi trở về Vĩnh Phong, hoặc ở trong

hang đá, hoặc ở chốn chợ búa, khiến dân – Lương

Võ làng gọi sư là ›Khâu sư bá‹« Đế nhắm vào việc hữu vi, còn Đạt-ma thì muốn truyền

pháp môn tâm yếu thẳng tắt, CƠ KHÍ căn cơ trái ngược với sự giáo hóa như tưới Căn cơ tài năng của con người. Tiết »Nghệ nước vào lửa.« Ngôn« trong NHQL q. 29 ghi: » CƠ HOẠCH Khéo léo biết dự
tính. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: »
– Các thiền tăng là những người – Có người nói nên xem kinh, có
thanh tịnh, mới có thể đủ khéo léo biết dự người nói chẳng nên xem kinh, việc này tại tính.« cơ khí chẳng đồng, không thể giữ khăng khăng một mực. Nếu là kẻ sáng suốt đâu CƠ HỢP cần xem kinh mới có thể tham thiền? Còn Còn gọi: Kịp hợp ( ), Cơ hồ.
Động như hàng ngu độn, xem kinh còn e khó Sơn ngữ lục ghi: » thông,
huống là tham thiền ư?« – Nguyên (chỉ cho CƠ
NGỮ Nam Nguyên Hòa thượng) nói: Tâm tâm Lời nói thăm dò, trao đổi thiền pháp hoặc không gián đoạn, chảy vào trong biển tính. là khơi gợi người học ngộ được ý chỉ thiền. Sư bảo: Cơ hồ vuột qua rồi!«. Có vài cơ ngữ rất thông thường, như: »Cơ lai tắc thực, khốn thời tắc miên« (Đói ăn, CƠ KHẾ mệt ngủ), Hàn thời hướng hỏa, nhiệt thời Khế hợp thiền cơ, lãnh hội thiền pháp. Tiết thủ lương (Lạnh thì sưởi ấm, bức thì hóng Báo Ân Pháp Thường Thủ tọa trong mát). Có vài cơ ngữ thật đặc biệt, lạ lùng, NĐHN q. 18 ghi: » như: Thạch thượng liên hoa (Hoa sen trên

CƠ QUAN

đá), Trương công ngật tửu Lý công túy không kém Anh Thiệu Vũ«. (Ông Trương uống rượu, Ông Lý say). Cơ phong tiễu tuấn : Thuật ngữ Những lời này cùng với chỉ ý Thiền Tông, hình dung cơ phong bén nhạy lanh lợi đặc điểm phong cách của các nhà các phái khiến người kính sợ. Thạch Khê Tâm Thiền Tông cho đến hoàn cảnh cơ ngữ cụ Nguyệt Thiền sư ngữ lục q. thượng (Vạn thể v. v... đều có liên hoan. Tiết Giáo Tục 113, 11 hạ) ghi: » Trung Di Quang Thiền sư trong NĐHN q.
20 ghi: » – Nếu làm bậc chỉ dạy cho người thì
phải có chỗ thấy hiểu sâu xa, cơ phong bén – Sư liền ra khỏi núi, yết kiến thiền nhạy, chính là thầy thuốc giỏi trị được sư Viên Ngộ ở Vân Cư, kế đó tham vấn bệnh nặng«. Hoàng Bá Tường, Cao Am Ngộ, cơ ngữ đều khế hợp.« CƠ QUAN Mưu chước, cơ pháp mà vị Thầy tùy theo CƠ NHƯ (1632-?) căn cơ lập ra, giúp cho người học khai ngộ Thiền tăng đời Thanh, họ Phan, hiệu Cổ và chỉ phù hợp với căn bản của từng người Lâm, người Thượng Hải, Trung Quốc, nối thôi. Cơ pháp ấy có thể là: Công án, thoại pháp Trúc Am Chân Diễn, tông Lâm Tế. đầu, đánh và hét. Tắc 41, Bích Nham lục Tác phẩm: Liên Hoa Cổ Lâm Thiền sư ngữ (Đại 48, 179 hạ) ghi: lục 4 quyển.
CƠ PHÁP Cách thức khám phá và chuyển hóa căn cơ
người học của các bậc thầy kiến tính, và cách thức này rất được người học tin nhận. »Tuyết đoàn đả, tuyết đoàn đả CƠ PHONG Bàng lão cơ quan một
khả bả Chỗ vi diệu sâu kín, sắc sảo của thiền cơ. Thiên thượng nhân gian bất tự tri Tính cách sắc bén của thiền sư khi tiếp hóa Nhãn lý nhĩ lý tuyệt tiêu sái người học, hoặc của thiền tăng khi khảo Tiêu sái tuyệt! nghiệm lẫn nhau. Đặc điểm của nó là: Bích nhãn Hồ tăng nan biện biệt«. »Vo hòn tuyết, vo hòn tuyết — Thường dùng ý sâu sắc mà không để lại Mưu chước Bàng lão không nắm được dấu vết. Thiên thượng nhân gian chẳng tự hay — Dùng lối nói vô lý để biểu hiện cảnh Nơi mắt nơi tai hết thong dong giới của

riêng mình. Lâm Gian lục, q. hạ Thong dong tột! (Vạn Tục 148, 317 hạ) ghi: » Bồ-đề-đạt-ma khó giải phân«. – Vân Am rất khen ngợi, cho rằng cơ phong

CƠ TẮC NGẬT PHẠN, KHỐN TẮC ĐẢ MIÊN, HÀN TẮC HƯỚNG HỎA, NHIỆT TẮC THỪA LƯƠNG CƠ TẮC NGẬT PHẠN, KHỐN TẮC »Niết trụ càn khôn phấn nhất đoàn ĐẢ MIÊN, HÀN TẮC HƯỚNG Đại nhân cương bị tiểu nhân man HỎA, NHIỆT TẮC THỪA LƯƠNG Cơ tiên nhược cụ cơ tiên nhãn Tẩu sát tùng giao khởi hấn đoan«. »Bóp nát đất trời vò một hòn Đại nhân chỉ bị tiểu nhân lờn Đói thì ăn, mệt thì ngủ, lạnh thì sưởi ấm, Cơ tiên nếu có cơ tiên nhãn nóng thì hóng mát. Là một cách nói mà Mặc cho đem giết khởi căm hờn«. thiền gia đề xướng »bình thường tâm thị đạo«, cùng tự tâm là Phật, mọi người sẵn CƠ TƯ có không cần khổ hạnh tu luyện, làm nhiều Cơ phong tài trí. Tông Môn Võ Khố ghi: việc và chấp trước ngữ ngôn tri thức; phản » ánh đặc điểm bất đồng giữa Thiền tông với – Sau đó vài ngày cử ra vị những tông phái Phật giáo khác. Mật Am tăng thay thế Trụ trì nói pháp cho đại ngữ lục ghi: » chúng, nhưng vì cơ phong tài trí chậm lụt nên khiến đại chúng cười ồ lên.« CƠ YẾU

Còn gọi: Yếu cơ. Then máy quan trọng. – Bậc đại trượng phu ánh Phần giải tụng của tắc 68, Bích Nham lục mắt lanh lợi, có khí phách hơn người, q. 7 (Đại 48, 198 trung) ghi: » trong 24 giờ chỉ ở chỗ nhàn rỗi, đói thì ăn, mệt thì ngủ, lạnh thì sưởi ấm, nóng thì – Câu ›Cưỡi cọp xưa nay cần bản hóng mát. Trên không có chư Phật để cầu, lãnh‹ có phong cách vượt bậc như thế, là dưới không có chúng sinh để độ, nhân then máy quan trọng hơn hết«. cùng phi nhân tính tướng bình đẳng.« CÚ LÝ TRÌNH CƠ CƠ TIÊN Trong lời nói hiển bày cơ phong. Bích Còn gọi: Cơ tiền, Thiên địa vị khai chi tiền. Nham lục q. 1 ghi: » Trước khi thiền cơ phát ra, siêu việt thiền – Trong lời cơ. Thiền tông mượn từ Cơ tiên để chỉ cho bày cơ vỡ mặt ra, con mắt hư không sạch trạng thái một niệm chưa khởi, một lời bụi nhỏ«. chưa nói ra. Như Tịnh Hòa thượng ngữ lục, q. hạ (Đại 48, 131 thượng) ghi: CÚ TRUNG HỮU CƠ Trong lời nói có hàm chứa cơ phong. Bích Nham lục q. 1 ghi: »

CỤC KHÚC – Ông tăng này dám vuốt râu cọp, đặt ra câu hỏi rất giống như vô sự sinh sự, không ngờ trong lời nói có hàm chứa cơ phong. Ông ta đã trình cơ rồi, Triệu Châu cũng không muốn làm ông ta thất vọng nên – Máu bắn tung tóe nơi cõi dùng cơ phong đáp lại«. Phạm thiên, còn ở bốn cõi trời Dục giới máu me tràn ngập. Ngọc Hoàng Đại đế nổi CÙ NHỮ TẮC (?-?) giận đuổi bắt Đông Hải Long Vương đem Còn gọi: Bàn Đàm. Cư sĩ Trung Quốc, lên đỉnh núi Kim Luân để thẩm vấn. Trong sống vào đời Minh, tự Nguyên Lập, hiệu khoảnh khắc lùa các ông đến chứng kiến. Na-la-quật Học Nhân, người huyện Xin mời mỗi vị y sự thật trình bày, rất kỵ Thường Thục, tỉnh Giang Tô. Làm quan giấu giếm.«. Chủ sự bộ hình, Trường Lô viêm Vận sứ, Thái bộc thiếu Khanh. Tác phẩm: Thạch CỤC CỤC Kinh Đại Học Chất Nghi,

Chỉ Nguyệt lục Câu nệ, trói buộc. Tiết Tục Nghệ Ngôn 30 quyển, Quýnh Hương tập v.v... trong NHQL q. 3 ghi: » CỤ NHÃN GIẢ

Còn gọi: Cụ nhãn nạp tăng. Người có pháp nhãn. Thiền tông mượn từ này để chỉ cho – người có khả năng thấy suốt nguyên tắc Thiên Đồng kính cẩn noi theo vết xưa, của vũ trụ và Thật tướng của tất cả hiện bước đi rập khuôn mà xuất kỳ thần biến tượng. Tắc 68, Bích Nham lục (Đại 48, 198 chưa thấy sở trường. Chân Hiết lời nói thượng) ghi: » vượt mức tầm thường, ý thú tự tại, phát huy con đường tỉnh giác mà chẳng phí khí lực. Tuy chẳng câu nệ ở pháp mà thực chẳng trái nơi pháp«. – Ngưỡng Sơn cười CỤC KHÚC to ha hả (đáng bảo là cái thời tiết này, trên Câu nệ, quanh co. Tiết Tục Nghệ Ngôn gấm thêu hoa, mọi người chẳng biết chỗ trong NHQL q. 30 ghi: » cứu cánh. Vì sao? Đất rộng người thưa, ít gặp được người. Giống như Nham Đầu cười, lại chẳng phải Nham Đầu cười, một kiểu cười này sao lại chia làm hai phần? Người có pháp nhãn thử định xem!)« – Nay có bọn người giả dối, theo tình CÚC KHÁM buông lung, đoạn tuyệt với lễ pháp, họ Thẩm vấn. Tiết Thiên Đồng Đàm Hoa cười người giữ luật nghi là câu nệ, như vậy Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » họ là người tâm địa ra sao? Xưa kia ngài

CUNG CA (1140-1210) Đại Giác Liễn lúc động hay tĩnh đều tôn tự nói hiểu kinh hiểu luận, nhưng căn cứ nghiêm, ngài Viên Thông Nột vừa gặp một theo Thiền tông thì (những sự hiểu biết đó) lần liền biết là pháp khí; ngài Hoàng Long đều không có dính dáng«. Nam tiến dừng đều có chừng mực, ở trong 2. Người có tay nghề giỏi. Nghệ nhân. Đàn thất thường ngồi ngay thẳng, y áo chỉnh tề.Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » Hai vị này há là người câu nệ sao?«. – Lúc trời hừng đông, Ngũ Tổ gọi CUNG CA (1140-1210) nghệ nhân họ Lư đến hành lang phía nam Thiền tăng đời Tống, tên chữ là Tự Ngộ, để vẽ bức tranh Lăng già biến tướng«. có lần lấy tên nầy làm pháp danh, người Lạc Xương, Quảng Đông, Sư là người sau CUNG THÔNG cùng hoằng pháp tông Vân Môn, đời thứ Trình bày, trần thuật. Tiết Thiên Đồng 11. Đàm Hoa Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » CUNG CHÚNG

Cung cấp lương thực nuôi dưỡng tăng chúng trong tự viện. Huệ Năng truyện khắc lùa các ông đến làm. Xin mời mỗi vị y trong TCTT q. 8 ghi: » theo sự thật mà trình bày, rất kỵ giấu giếm. – Nguyện hết sức đeo Nếu như chẳng thật thì các vị tự vùi chôn đá giã gạo để cung cấp lương thực nuôi tính mạng!« dưỡng tăng chúng trong tự viện mà thôi«. CUNG TRIÊU TỊCH CUNG ĐẦU HÀNH GIẢ Việc chi dụng hàng ngày. Tiết Bàng Uẩn Còn gọi: Cung quá hành giả. Gọi tắt: Cung Cư sĩ trong NĐHN q. 3 ghi: » đầu, cung tư. Người chuyên coi về việc – Ông phân phối cơm canh, trà quả và việc đốt có người con gái tên Linh Chiếu, thường đèn, sắm đặt hương hoa, đánh chuông bán trúc bện sáo để chi dụng hàng ngày«. trong Tăng đường, Phật đường và Từ đường. CÚNG DƯỜNG CHỦ Từ ngữ Cung quá, chỉ cho chức làm việc ở Còn gọi: Hóa chủ. Vị tăng trong chùa Quá đường. chuyên môn làm việc quyên góp tài vật ngoài chợ búa.

Tiết Trường Khánh Hòa CUNG PHỤNG thượng trong TĐT q. 10 ghi: » 1. Chức quan quản lý Phật giáo, do vị tăng – Ngày mai, Cúng dường chủ vừa có học thức vừa có đức hạnh đảm thiết trai«. nhiệm. Tiết Huệ Trung Quốc Sư trong TĐT q. 3 ghi: »

CÙNG TRÚC TỰ Chùa nằm trên núi Ngọc Án cách thành – Các vị tăng phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc quan nói: Chúng con dối làm Cung Phụng, về phía Tây bắc 12km. Được xây dựng vào

CƯ HỐI (837-903) niên hiệu Trinh Quán thứ 12 (638) đời CƯ CHÚNG Đường. Niên hiệu Chí Nguyên thứ 17 Thân làm một vị tăng cùng theo đại chúng (1280) Hòa thượng Hùng Biện xây cất lại trong thiền viện tham thiền. Tông Môn Võ thành tự viện Thiền tông, là chùa đầu tiên Khố ghi: » truyền nhập Thiền tông vào Vân Nam. Khoảng niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) đời Minh chùa bị thiêu hủy, niên hiệu – Thái Lưu là vị tăng đất Thục, theo đại Tuyên Đức thứ 9 (1434) xây cất lại, đến chúng tham thiền, thường than Phật pháp triều Thanh lại được nhiều lần sửa chữa. rối loạn, dị kiến đua nhau phát sinh, nên Chùa quay lưng về hướng bắc nhìn về nói rằng: Tôi tham thiền nếu có tri kiến hướng nam, dựa vào thế núi mà xây cất, chân chính, sẽ chẳng tiếc khẩu nghiệp«. điện vũ chủ yếu có Sơn môn, Thiên vương điện, Đại hùng bảo điện, Hoa nghiêm các, CƯ ĐẢNH (?-1404) Phạm âm các, Thiên thai các và Hành lang. Thiền tăng đời Minh, họ Trần, tự Viên Hiện còn Tam Thế Phật được đắp vào đời Cực, hiệu Viên Am, người xứ Hoàng Nguyên đặt chính giữa Đại hùng bảo điện, Nham (nay thuộc Chiết Giang) Trung ở góc điện có bia Thánh chỉ lập vào niên Quốc, nối pháp Thiền sư Thứ Trung Vô hiệu Diên Hựu thứ 3 (1316) đời Nguyên. Uẩn, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Linh Cốc Bia khắc nổi Hán văn, khắc chìm Mông Viên Cực Cư Đảnh Thiền sư Viên Am tập văn, nội dung sắc phong ngài Huyền Kiên 10 quyển, Tục Truyền Đăng lục 36 quyển. trụ trì chùa làm »Đầu Hòa Thượng«, yêu cầu quan dân bảo hộ và ban tặng »Đại tạng CƯ ĐỘN (835-913) kinh«. Hai bên đại điện và Vi Đà điện có Thiền tăng đời Đường, họ Quách, người xứ 500 tượng đất La hán. Trong Khách đường Nam Thành, Phủ Châu (nay thuộc tỉnh có gìn giữ 500 tượng đất La Hán, bích họa Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền sơn thủy và cặp đối liễn của Hòa thượng sư Lương Giới, tông Tào Động. Thụy hiệu Đảm Đang: »Thác bát quy lai bất vi chung »Chứng Không Đại Sư«. minh cổ ám; kết trai tiện khứ dã tri diêm tận thán vô.«(Bưng bát trở về không bị CƯ GIẢN (1164-1146) chuông kêu trống ám; ăn xong liền đi cũng Thiền tăng đời Tống, họ Vương, hiệu Kính biết muối hết than không). Tẩu, về già hiệu Bắc Giản, nối pháp Thiền sư Đức Quang ở chùa Dục Vương, tông CUỒNG KHUYỂN TRỤC LÔI Lâm Tế. Tác phẩm: Bắc Giản tập 19 THINH quyển, Tục tập 1 quyển, Bắc Giản Hòa Còn gọi: Mê viên tróc thủy nguyệt (con khỉ thượng ngữ lục 1 quyển. ngu khờ mò trăng đáy nước). Chó điên sủa CƯ HỐI (837-903) theo tiếng sấm. Thiền tông mượn cụm từ Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người này để chỉ cho sự nỗ lực phí công hoặc xứ Lạc Dương, nối pháp Thiền sư Thạch chấp trước hư vô là thật có. Sương Khánh Chư.

CƯ HÚ CƯ HÚ sơn danh đức, đắc pháp nơi Thiền sư Sĩ Thiền tăng đời Tống, họ Chu, người xứ Ôn Đàm, thuộc đời thứ 23 hệ Nam Nhạc, đời Châu (nay thuộc Chiết Giang) Trung Quốc, thứ 6 tông Lâm Tế Nhật Bản. Sư trụ trì nối pháp Thiền sư Vân Cư

Đạo Tề, tông chùa Kiến Trường. Tác phẩm: Đại Nguyên Pháp Nhãn. Thiền Học Cầu Mông.

CƯ NỘT (1010-1071) CỨ HỢP Thiền tăng đời Tống, họ Kiển, tự Trung Đây là thúc lược ngữ (lời nói lược bớt), có Mẫn, người xứ Tử Châu (nay là huyện nghĩa là »Cứ theo tình hình này thì Tam Đài tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối phải….«. Minh giác ngữ lục q. 2 ghi: » pháp Thiền sư Diên Khánh Tử Vinh, tông Vân Môn.
Sư được vua Nhân Tông ban hiệu »Tổ Ấn Thiền sư«. Sau sư trụ chùa Viên Thông Lô Sơn nên được gọi là »Viên – Lại hỏi Thông Nột«. người thứ ba: Hai người vừa rồi bị thất bại, còn ngươi thì thế nào? Tăng do dự, sư CƯ SĨ ĐỖ TỪ liền hét rồi bảo: Qua bên này! Lại nói: Cứ Cư sĩ im lặng. Điển cố: Ngài Văn-thù hỏi theo tình hình này thì phải chôn vùi ngay cư sĩ Duy-ma-cật về pháp môn bất nhị, cư một lúc, nhưng nghĩ lại ngươi từ xa đến, sĩ đáp lại bằng cách im lặng. thôi thì hãy tham đường đi!«

CƯ SĨ PHẦN ĐĂNG LỤC CỨ KHOẢN KẾT ÁN Theo các dữ kiện mà kết thúc công án. Phần lời bình của tắc 1 trong Bích Nham Đăng lục, 1 quyển, do Châu Thời Ân soạn lục (Vạn Tục 117, 119 thượng) ghi: » vào đời Minh. Thể lệ soạn sách này phỏng theo Thiền tông Truyền Đăng lục, gom – Phàm tụng cổ chỉ giảng chép các việc tham thiền biện đạo của các về thiền một cách vòng vo, nêu lên ý chính cư sĩ tại gia, được xếp vào Tục Tạng kinh của vấn đề xưa rồi theo các dữ kiện mà kết tập 147, trang 857. Nội dung bao gồm: Cư thúc công án mà thôi«. sĩ Duy-ma của Ấn Độ, Phó đại sĩ đời Nam triều, Bàng cư sĩ và Hàn Dũ đời Đường; CỪ Chu Hy và Tô Đông Pha đời Tống; Tống Hắn, nó, va. Nhân xưng đại từ ngôi thứ ba. Liêm và Lữ Nham Chân Nhân đời Minh, Động Sơn ngữ lục ghi: tổng cộng gồm 110 vị. Sách hoàn thành vào niên hiệu Sùng Trinh thứ 5 (1631).

Thiết kỵ tùng tha mịch CƯ TRUNG (1289-1359) Điều điều dữ ngã sơ Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Tung Sơn Ngã kim độc tự vãng Cư Trung. Hai lần sang nhà Nguyên Xứ xứ đắc phùng cừ«. (Trung Quốc) tham học với các bậc danh

CỬ NHẤT MINH TAM »Rất kỵ tìm nơi khác Đường đầu quy tịch, theo lý phải cử ai. Xa xôi bỏ lãng ta Sau khi làm Phật sự xong, cử ai ba tiếng, Ta nay riêng tự đến Đại chúng đồng khóc, các Tiểu sư (Đệ tử Chỗ chỗ đều gặp va«. của Hòa thượng Đường đầu) ngồi xếp hàng dưới màn buồn khóc«. CỬ 1. Tiến cử, suy cử. Tông Môn Võ Khố ghi:
CỬ HÁT » Cách ứng cơ tiếp vật của Thiền tông. Thiền –
Thật Thủ tọa là người thông đạt, sư dùng tiếng quát, tiếng hét để phá trừ tư nhanh chóng, sao chẳng tiến cử ông ta thủ tưởng sai lầm của người học, giúp họ khai chúng.« ngộ mà không dùng ngôn ngữ văn tự bình 2. Kể lại. Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: »
thường . – Ngày sau có gặp Trưởng lão ở nơi CỬ HƯỚNG khác, xin Học sĩ đừng kể lại với vị ấy.« Còn gọi: Cử thị, Cử tợ, Cử xướng, Cử tắc. 3. Cách thức ghi chép ngữ lục của thiền sư, Chỉ cho việc nêu lên, đưa ra các công án tỏ ý kể lại công án nào đó. Đ i Hu trong ngữ lục của Tổ sư. Theo chương ng l c q. 7 ghi: »
Xuyên Hòa thượng trong CĐTĐL q. 8 ghi: »
– Cư sĩ quát lớn:

Lão già không biết lễ nghi này, – Sư thị chúng, nêu lên công án: đợi ta mỗi mỗi nêu lên giúp cho người ›Tăng hỏi Vân Môn: Thế nào là lời nói sáng mắt«. siêu Phật vượt Tổ? Môn đáp: Bánh mè‹. Sư bảo: Vân Môn đích thực có cái bánh mè CỬ MỤC DƯƠNG MY ngon, nhưng mà không có đạo lý siêu Phật Ngước mắt nhướng mày, đều là hình thái vượt Tổ.« thị cơ, ứng cơ của thiền gia, phiếm chỉ thiền cơ tác lược. Tiết Trường Thủy Tử CỬ AI Toàn Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » Còn gọi: Cử ai Phật sự. Trong tự viện Thiền tông, gặp trường hợp Hòa thượng thị tịch, sau khi Phật sự xong rồi, chúng tăng – Gõ vào hư không phát ra tiếng, đồng thinh xướng lên 3 tiếng »Ai! Ai! Ai« đánh vào gỗ không phát ra tiếng, vẫn còn trước bàn thờ của vị Hòa thượng này. kẹt trong nơm; ngước mắt nhướng mày đã Chương Trụ Trì trong Sắc Tu Bách Trượng thành do dự. Trừ bỏ hai con đường này Thanh Quy q. thượng (Đại 48, 1118 trung) mới khế hợp ý chỉ.« ghi: » CỬ NHẤT MINH TAM Nêu một biết ba. Thiền tông mượn thành – Vị chủ tang bạch rằng: Hòa thượng ngữ này làm thuật ngữ để hiển bày cơ dụng

CỬ TẮC linh lợi. Tắc 1, Bích Nham lục (Đại 48, 140 »Khê thinh tiện thị quảng trường thiệt thượng) ghi: » Sơn sắc khởi phi thanh tịnh thân Dạ lai bát vạn tứ thiên kệ – Cách núi thấy khói tức Tha nhật như hà cử tự nhân«. biết có lửa, cách tường thấy sừng liền biết »Tiếng suối chính là Phật diệu âm có trâu. Đây là cơ dụng linh lợi, vừa thấy Mầu non há chẳng phải Pháp thân liền có thể đánh giá được sự việc«. Đêm làm tám muôn bốn ngàn kệ Mai kia làm sao dạy học nhân.«. CỬ TẮC Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Còn gọi: Cử cổ. Cử nghĩa là nêu lên. Tắc: 2. Thuật lại y hệt hồi trước. Truyện Thiền Bản tắc, công án. Khi pháp chiến, vị Thủ sư Đại Xả trong TUTA ghi: » tọa xướng bản tắc gọi là Cử tắc. CỬ THỂ LỘ ĐƯỜNG ĐƯỜNG – Ngày xưa Lương Vũ Đế từng hỏi Thiền sư Bảo Chí, Toàn thể hiển lộ rõ ràng, thanh tịnh vô ngài cũng trả lời như thế. Nay (bần đạo) nhiễm. Đây là sự thể nghiệm và nắm lấy trộm phép thuật lại y hệt cho Bệ hạ nghe.« tổng thể tính thế giới vạn vật của thiền giả CỬ XƯỚNG tỏ ngộ. Tiết Quang Hiếu Đức Chu Thiền sư Nói ra, tuyên bày. Minh Giác ngữ lục, q. 1 trong NĐHN q. 18 ghi: » ghi: » – Tông thừa hướng thượng, mời thầy nói ra«. Như Tịnh ngữ lục, q. thượng ghi: » – Sư thượng đường nói: – Thần tăng ở chốn Toàn thể hiển lộ rõ ràng mười phương tùng lâm, làm sao tuyên bày?«. không chướng ngại. Ngàn thánh không thể CỰ LINH truyền, mọi loài đều kính ngưỡng. Toan Hiệu của Thiền tăng Tự Dung đời Thanh. muốn cùng thương lượng, mở miệng lúng X. Tự Dung. túng vô cùng. Thế thì trước khi chưa mở miệng như thế nào? Một tiếng quát!« CỰ PHƯƠNG (647-717) CỬ TỰ (TỢ) Thiền tăng đời Đường, họ Tào, người xứ 1. Chữ Tự giống như chữ Thị. Cử tự là An Lục (nay thuộc Hồ Bắc) Trung Quốc, dùng lời nói để nêu lên cổ tắc, hay dùng nối pháp Thiền sư Phúc Viện Lãng. vật để chỉ bày cho người. Thi sĩ Tô Đông CỰ TÁN (1908-1984) Pha có bài thơ (Vạn Tục 137, 159 hạ): Tăng nhân hiện đại, họ Phan, tên Sở Đồng, người huyện Giang Âm, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Sư từng là Chủ biên nguyệt san Sư Tử Hống

và là người sáng lập Phật học viện, nhận chức Phó viện trưởng viện

CƯỚC CAO CƯỚC ĐÊ Phật học Trung Quốc cùng Phó hội trưởng CỰC TẮC Hội Phật giáo Trung Quốc. 1. Tiêu chuẩn. Phần giải tụng tắc 17, Bích Nham lục q. 3 (Đại 48, 168 thượng) ghi: CỰC LẠC TỰ » Chùa nằm trên phố Đông Đại thuộc Nam – Bình thường Vân Môn dùng ba Cương, thành phố Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Hắc câu để tiếp hóa người học, đây là tiêu Long Giang, Trung Quốc. Năm 1924 đệ tử chuẩn của sư vậy«. đời thứ 44 tông Lâm Tế sáng lập. Chùa 2. Cứu cánh. Thiền Quan Sách Tiến (Đại chiếm diện tích 2,6 ha là tự viện Phật giáo 48, 1104 thượng) ghi: » lớn nhất tỉnh Hắc Long Giang. Chùa chia làm ba phần Chủ viện, Đông khóa viện, – Từ Thiên Như đến ngày Tây khóa viện. Chủ viện chiếm diện tích 1. này không ai bằng ngài Sở Thạch, lời của 800, chia làm bốn lớp đại điện: Thiên Ngài đều chỉ bày việc cứu cánh chí cực vi vương điện, Đại hùng bảo điện, Tam thánh diệu«. điện, Táng kinh lâu. Điện thờ phụ và đông tây khóa viện là Thiền đường, Kinh đường, CỰC TRÍ Trai đường, Phương trượng viện, Tăng xá. Diệu lý tột cùng. Tiết Đề hình Ngô Vĩ

CỰC LẠC TỰ THÁP Minh cư sĩ trong NĐHN q. 20 ghi: » Tháp ở Đông viện chùa Cực Lạc thuộc – Tham học đã lâu với Thiền sư Nam Cương, thành phố Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Chân Yết Liễu, ông được tam muội tự thọ Hắc Long Giang, Trung Quốc. Do đệ tử dụng, là diệu lý tột cùng.« đời thứ 44 tông Lâm Tế xây cất vào năm 1924. Bởi tháp có bảy tầng cho nên cõn gọi CƯỚC BANH là »Thất cấp phù đồ tháp«, là tháp gạch bát Còn gọi: Hành triền, Hĩnh y, Hĩnh càn, Hộ giác theo kiểu lâu các duy nhất hiện còn tại bạc y. Thường gọi: Cước bạn. Miếng vải vùng Đông Bắc. Mặt nam của tháp tiếp dùng để chống lạnh, khi đi đường dùng để liền điện Địa Tạng, hai bên thông nhau. che chở bắp chân của các vị tăng hành Các mặt đều nhú ra khám thờ, bên trong có cước. Trong luật gọi là Hộ thuyễn y. 30 tượng La hán khắc nổi. Trong tháp có cầu thang bằng gỗ để lên đỉnh tháp nhìn ra CƯỚC CAO CƯỚC ĐÊ xa. Dưới mái tháp và điện có khắc nổi Chân cao chân thấp. Dụ cho sự tỉnh ngộ rồng, phụng, sư tử, hạc, hình tượng sinh không triệt để. Tiết Trường Lô Thanh Liễu động, đây là kiệt tác của nghệ thuật phù Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » điêu. Cấu kiện và trang sức của bộ phận tháp hấp thu phong cách kiến trúc phương Tây. Lầu chuông trống hai bên đông tây cũng tạo cho hình thức tháp là Phật tự – Lên đỉnh núi cao, qua cầu độc mộc trong nước hiếm thấy. giống như người lúc chưa triệt ngộ. Nếu đã triệt ngộ thì không ra khỏi cửa mà thân

CƯỚC CÂN đi khắp mười phương, chưa vào cửa mà NĐHN q. 10 ghi: » thân thường ở trong nhà«. CƯỚC CÂN Cái gót chân, chỉ cho sự giác ngộ. Phần – Nếu luôn luôn vướng vào giải tụng của tắc 1, Bích Nham lục (Đại 48, ngôn giáo, dùng ý thức để hiểu thì cho dù 141 trung) ghi: » Thượng tọa tu hành trải qua trần sa kiếp cũng không thể triệt ngộ. Đây gọi là tri – Thôi nhớ nhau, gió mát kiến điên đảo, nhận tâm làm kế sống và khắp nơi bao giờ ngừng! Đã thôi

nhớ không có chỗ đắc lực, do vì chưa tỏ ngộ nhau, việc giác ngộ của ông thì thế nào?«. được bản tính của mình.« — Cước cân vị điểm địa, hay Cước hạ vị ổn tạo (gót chân chưa chấm đất, hay đặt CƯỚC CÂN HẠ SỰ () chân chưa vững): Chỉ cho người tu hành Bản phận sự của thiền tăng, tức là việc chưa thuần thục. minh tâm kiến tính, ngộ nhập tức thì. Mật — Cước cân hạ dĩ thâm sổ trượng (Dưới Am ngữ lục ghi: » gót chân bùn sâu mấy trượng), hay Cước – Việc minh tâm kiến tính của ngươi hạ thái nê thâm (dưới chân bùn rất sâu): như thế nào?« Người còn mê vọng rất nhiều. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. CƯỚC CÂN VỊ ĐIỂM ĐỊA 1. Ý nói chưa ngộ tâm tính. Tông Môn Võ CƯỚC CÂN ĐIỂM ĐỊA Khố ghi: » Gót chân chấm đất. Dụ cho sự giác ngộ một cách triệt để. Tông Môn Võ Khố ghi: » – Mừng cho lão ta đã triệt ngộ«. – Từ Sư Xuyên cùng với Phật Quả đến liêu Thư ký, thấy bức chân dung của CƯỚC CÂN HẠ Phật Quả. Sư Xuyên lấy tay chỉ và nói: Ở bên mình, ở trước mặt. Phương Hội ngữ Ông già này còn chưa ngộ tâm tính. Quả lục ghi: » nói: Trong lu con ba ba đâu thể chạy thoát? Xuyên nói: Mừng cho ông già đã – Chư Phật ba đời ở trước mặt triệt ngộ.« các ông diễn nói đạo pháp, nếu hiểu được 2. Ý nói trong tâm chẳng sáng, làm việc hư như thế thì chẳng uổng công«. vọng. Tiết Hoàng Long Đạo Chấn Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » CƯỚC CÂN HẠ BẤT MINH () Chỉ cho chưa tỏ ngộ bản phận sự, cũng tức là chưa hiểu biết bản tính của mình. Tiết – Sư thượng Thiên Thai Đức Thiều Quốc sư trong đường nói: Thiếu Lâm (Tổ Đạt-ma) ngồi

CỨU BAN THƯỢNG TRÙNG THIÊM NGÃI TRỤ lạnh lùng. Đệ tử mỗi vị nói lời dị đoan Giáo Giới Bộ trong Nghĩa Sở lục thiếp q. giống như bọn mù sờ voi. Thần Quang lạy 6: » ba lạy rồi đứng vào vị trí của mình. Đạt- – Cương duy tức chỉ cho: Chủ chùa, ma nói: Ngươi được tủy của ta. Lão Bà-la- Thượng tọa, Duy-na. Các vị còn lại chỉ gọi môn mặt đen này cũng còn chưa triệt ngộ là Tri sự«. Theo đây, Tam cương của chùa đấy.« vào thời Ngũ Đại gọi là Cương duy.

CƯỚC HẠ YÊN SINH CƯƠNG TÔNG Từ dưới chân sinh ra khói đen. Thiền tông Cương yếu của Thiền tông. Tiết Lâm Tế dùng cụm từ này để chỉ cho việc hướng Hòa thượng trong TĐT q. 19 ghi: » ngoại tìm cầu Phật pháp, càng tìm càng không thấy rõ. Tắc 58, Thung Dung lục – (Đại 48, 163 hạ) ghi: » Đại đức! Sơn tăng vì các ông đại khái nói toạc ra cương yếu của Thiền tông, rất cần – Diễn-nhã-đa xem phải tự khán, thời gian đáng tiếc, mỗi gương thấy mất đầu liền hoảng chạy. người hãy tự nỗ lực«. (Hướng ngoại tìm cầu Phật pháp). Phá Táo Đọa một gậy đập vỡ lò. (lúng túng vô CƯỠNG SINH TIẾT MỤC cùng)«. Vốn không việc mà bày ra lắm việc. Vô sự CƯƠNG sinh sự. Tiết Thị Dục Tạng chủ trong Thật ra là, lại cứ. »Thị Phi Ca« trong Phần DTNL q. 3 ghi: » Dương ngữ lục q. hạ ghi: » – Nghe – Diệu đạo vô nói việc tốt thì tâm vui mừng; nghe nói việc thượng của Phật Tổ, ban đầu chẳng phải xấu thì buồn vô cùng. Tốt xấu đều chỉ là do cưỡng sinh tiết mục,

cũng chẳng phải trò tự tâm, lại cứ nhằm trong đó tìm đạo lý.« dị đoan, hoang đường, cũng chẳng phải việc cao tột khó làm, chỉ là trong việc CƯƠNG ĐỊA thường làm hằng ngày của ngươi sẵn sàng Còn gọi: Cương nhiên. Lại cứ (phó từ: cố ý thọ dụng«. làm trái yêu cầu). Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » CỨU BAN THƯỢNG TRÙNG – Sư liền giơ THIÊM NGÃI TRỤ pháp y lên, nói: Cái này thật là màu đỏ, lại cứ nói là lụa đào«. Còn gọi: Cứu sang ban thượng cánh trước ngãi tiêu, Chích ban thượng cánh trước CƯƠNG DUY ngãi tước. Nghĩa là trên vết bỏng đốt thêm Chức tăng lãnh đạo, phụ trách duy trì các ngãi cứu, dụ cho vốn đã sai lầm lại tiếp tục việc ở các tự viện Phật giáo. Theo Sư Đồ những hành vi và lời nói hư vọng thì đã sai

CỨU CHỈ càng thêm sai. »Tông Thừa Yếu Nghĩa« CỬU BÁI trong Duy Tắc ngữ lục q. 9 ghi: » Chín lạy. Quỳ lạy 3 lần, mỗi lần ba lạy, là nghi lễ long trọng của nhà thiền. Trong Bách Trượng Thanh Quy q. 1 ghi chép về nghi thức cửu bái vào ngày giỗ Tổ Đạt-ma như sau: Trụ trì dâng hương xong lạy 3 – Nếu gặp lạy, để nguyên tọa cụ; dâng nước rồi trở người không có mặt mũi thì phải lật úp xuống lạy 3 lạy. Đi lên phía trước lần nữa giường thiền, nện cho một trận đau điếng, để thăm hỏi, châm thêm nước, trở về chỗ để cho mọi người biết rằng trong những cũ lạy 3 lạy. Xong cất tọa cụ. Tiết Long người mạnh có kẻ mạnh hơn, Phật pháp Tường Sĩ Khuê Thiền sư trong NĐHN q. chưa hề ngưng trệ một bên. Trong chúng 20 ghi: » có người này chăng? Nếu như không thì sơn tăng nhằm trên vết bỏng đốt thêm ngãi cứu.« – Khoảng niên hiệu Thiện Hưng, Sư CỨU CHỈ (Sĩ Khuê) được lệnh vua đi khai sơn chùa Năng Nhân ở Nhạn Đãng. Khi ấy Chân Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Hiết đang ở Giang Tâm nghe sư đến, vì lo Thông đời thứ 7, nối pháp Trưởng lão sợ pháp duyên lợt lạt, nên đặc biệt sang Định Hương. Sư họ Đàm, quê ở làng Phù sông nghênh tiếp sư về phương trượng, tỏ Đàm, phủ Chu Minh, miền Bắc Việt Nam. lòng tôn trọng lạy 9 lạy. Sư dùng lời ôn Sư từng trụ các nơi: chùa Quang Minh núi tồn, êm dịu để dạy dỗ người, do sư lời nói Tiên Du (Bắc Ninh), chùa Diên Linh núi đi đôi với việc làm nên mọi người kính Long Đội (Yên Lãng). ngưỡng theo về.«

CỬU BÁCH CỬU ĐỚI Chín bộ môn mà Thiền sư Pháp Viễn ở Lờ mờ, si mê. Mật Am ngữ lục ghi: » Phù Sơn lập ra tiếp dẫn người học. Đệ tử của Ngài biên tập những lời dạy về Thiền Đạo của thầy mình thành sách gọi là Phật Thiền tông Giáo Nghĩa Cửu Đới tập, gọi – Ngày giỗ của tắt là Phù Sơn Cửu Đới. Hoà thượng Ứng Am (là Thầy của Thiền sư Mật Am), Sư (Mật Am) thượng CỬU HẬU THIỀN TỰ đường… Người xưa nói, phận làm con Chùa ở dưới »Quán Âm Tam Bảo Thạch« không bàn đến đức của cha. Mặc dù vậy, núi Cửu Hậu cách trung tâm huyện Chiếu chuyện xấu trong nhà cũng cần cho người An, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc về phía ngoài biết. Việc trong đời của Lão Hoà Tây bắc 10km. Được xây cất vào đời thượng này cũng còn lờ mờ quá chừng.« Đường, niên hiệu Thuần Hựu thứ 5 (1245)

CỬU HOA SƠN đời Tống, Tăng Tư Pháp quyên tiền xây Diêu vọng Cửu Hoa phong cất lại. Niên hiệu Càn Long thứ 9 (1744), Thiên hà quải lục thủy niên hiệu Quang Tự (1875-1908) đời Tú xuất cửu phù dung«. Thanh qua nhiều lần tu sửa nên cực kỳ hoa »Xưa trên giòng nước Cửu Giang lệ. Trước chùa tại sơn môn có tấm biển Xa xa ngắm Cửu Hoa Phong chập chùng khắc chữ »Đại Danh Sơn«, có cặp đối liễn Sông trời một dải xanh trong trên hai trụ: »Tự thử danh sơn năng hữu Mở ra chín đóa phù dung tuyệt vời«. kỷ? Tuy hữu du tăng bất toán đa.« (Giống (Hạnh Huệ dịch). danh sơn này được mấy ngôi? Dù có du Tương truyền, tên gọi »Cửu Hoa Sơn« bắt tăng chẳng coi nhiều). Nơi chính điện có nguồn từ đó. Niên hiệu Long An thứ 5 treo tấm biển »Tẩy Tâm Tam Tạng« do (401) đời Đông Tấn, có vị tăng xứ Thiên Hoàng Đạo Chu đích thân viết. Trước điện Trúc là thiền sư Bôi Độ đến núi Cửu Hoa bên phải có »Vọng Hải Lâu« có thể lên cao hoằng pháp. Đời Đường có Kim Địa Tạng nhìn ra xa. Bên trái cửa chùa có khe sâu kiền thành khổ tu ở trong hang Đông ngàn trượng, giữa có hòn đá lớn giống cá Nham, trải qua 75 năm. Trong đời Minh và lý ngư cao vài mươi trượng, có khắc chữ Thanh là thời kỳ thịnh vượng, toàn núi có »rửa sạch phiền não«, »Tùng giản tuyền«. trên 300 ngôi chùa Phật, hơn 4000 vị tăng, Nước khe trong vắt thấy đáy, uống vào trải qua nhiều năm khói hương nghi ngút, thơm ngọt như rượu tinh chất, người đời được gọi là chốn tiên cõi Phật. Từ chân núi khen ngợi nơi đây là thắng cảnh »cầu vồng lên đến tận đỉnh, nơi nào hễ có đường đi, rủ xuống suối ngọc«. có hang động là có chùa. Hình thái các chùa lớn nhỏ, cao thấp khác nhau, số lượng CỬU HOA SƠN rất nhiều, phân bố trong rừng rậm của cả Núi nằm ở phía tây nam huyện Thanh nhóm núi. Dương tỉnh An Huy, Trung Quốc. Là l Các chùa trên núi Cửu Hoa phần lớn là đạo trong 4 ngọn núi lớn nổi tiếng của Phật tràng của tông Lâm Tế, cũng có một ít của giáo (núi Cửu Hoa, núi Ngũ Đài ở Sơn tông Tào Động. Các danh tăng trụ trì núi Tây, núi Nga My ở Tứ Xuyên, núi Phổ-đà này vào đời Đường có: Thắng Du, Đạo ở Chiết Giang). Diện tích toàn dãy hơn Minh, Trí Mỹ, Đạo Tế, Siêu Vĩnh. Các thi 100, gồm có 99 ngọn, trong đó có 9 tăng có: Thần Dĩnh, Ứng Vật, Tề Kỷ đều ngọn được xem là hùng vĩ nhất: Thiên nổi tiếng một thời. Đời Nam Đường, Thiền Thai, Liên Hoa, Thiên Trụ, Thập Vương... sư Viên Chứng ở am Ngọa Vân. Đời Tống, Thập Vương là ngọn núi chính cách mặt tại núi này các thi tăng rất nhiều, Hòa biển 1341m, được khen là núi đứng nhất thượng Thanh Túc sáng lập Cửu Hoa thi xã miền Đông Nam. Khoảng niên hiệu Thiên để vừa bàn thiền vừa ngâm thơ, cùng Bảo (741-755) đời Đường, nhà thơ Lý xướng họa với các văn nhân nhã sĩ... Các Bạch đến núi này có làm thơ như sau: vị nổi danh hơn cả là: Hy Thản, Hàn Bích, Liễu Cơ. Hy Thản có tác phẩm »Cửu Hoa thi tập«. Các danh tăng chuyên tu thiền có: »Tích tại Cửu Giang thượng Ngọc Điền, Tịch Tổ, Vân Dịch, Hoằng Tế,

CỬU KHÚC THIỀN SƯ Duy Chính, Quảng Tông, Thiện Tu. Một Qua cuộc đối đáp, nhận thấy không khế cơ, trong 4 bậc cao tăng đời Minh là ngài Trí Tổ liền từ giã, cõi cành lau sang sông đến Húc trụ núi này, soạn thuật »Phạm Võng Lạc Dương, dừng lại ở chùa Thiếu Lâm Hiệp Chú«. Cận đại có cao tăng Nguyệt Hà núi Tung Sơn. Tổ cả ngày tọa thiền, xoay lập ra Đại học Hoa Nghiêm, Hòa thượng mặt vào vách suốt 9 năm liền. Hư Vân cũng từng tham học ở núi này. CỬU NIÊN DIỆN BÍCH NHÂN CỬU KHÚC

THIỀN SƯ Thiền tăng Khánh Tường, đời Đường, trụ Người chín năm ngó vách, chỉ Tổ Bồ-đề Cửu Khúc Quan Âm Viện ở Hàng Châu, Đạt-ma. X. Cửu niên diện bích. Tiết Đạo nên có hiệu là Cửu Khúc Thiền Sư. X. Tràng Huệ Lâm Thiền Sư trong NĐHN q. Khánh Tường. 18 ghi: » CỬU LẬP Phiền đứng lâu. Lời nói lễ phép, hàm ý an – Sư thượng ủi trước khi thiền sư kết thúc thời thuyết đường nói: Hữu lậu là cây vợt tre, vô lậu pháp cho đại chúng nghe. Lâm Tế ngữ lục là cái thìa gỗ. Trước sân bụi mẫu đơn, bờ ghi: » giậu đám thược dược. Do nhớ đến người chín năm ngó vách, rốt cuộc chẳng biết một việc này. Thử hỏi cái gì là một việc này?« – Sư nói: ... Vì ông không tin, cho nên hôm nay tôi nói dài dòng e rằng trói CỬU PHONG KIỀN buộc Thường thị cùng các quan chức, mê Thiền tăng Đại Kiền ở núi Cửu Phong, muội Phật tính, chẳng bằng hãy lui ra! Hét Thụy Châu, đời Ngũ Đại, được người đời một tiếng, sư nói tiếp: Người ít có lòng tin gọi là »Cửu Phong Kiền«. X. Đạo Kiền. thì không có ngày liễu ngộ. Phiền đứng lâu, xin tạm biệt«. CỬU PHONG TỰ X. Sùng Phúc Tự CỬU NGŨ Chỉ ngôi vua. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng CỬU THAM SỰ ghi: » – Lúc Chỉ việc thuộc bên trong của thiền nhân, Hoàng tử chưa lên ngôi vua thì thế nào?« tức minh tâm kiến tính, siêu thoát sinh tử. Minh Giác ngữ lục ghi: » CỬU NIÊN DIỆN BÍCH – Xin hỏi các vị đang Chín năm xoay mặt vào vách tọa thiền. nghe đạo, cửu tham sự là gì?« Theo điển tích của Tổ Bồ-đề-đạt-ma (Sơ tổ Thiền tông Trung Quốc): Vào triều Lương CỬU THAM THƯỢNG ĐƯỜNG Võ Đế, năm 510, Tổ vượt biển đến Kim Lăng và có yết kiến vua Lương Võ Đế. Trong các tự viện Thiền tông, 1 tháng có 9

DÃ HỒ TINH MỊ lần thượng đường, nghĩa là cứ 3 ngày Lão tăng ở đâu Tam Tạng mờ mịt. Sư quát: thượng đường tham vấn 1 lần. Đồ chồn tinh ranh! Tha tâm thông ở chỗ — Tham: Thưa hỏi đạo lý để được thiền nào?«. sư chỉ dạy. DÃ HỒ TINH KIẾN GIẢI CỬU TRÙNG NHAM SƠN Núi Kê Túc nhiều ngọn chập chùng giống Con đường không chính đáng. Đây là lời như chín cánh sen, nên còn được gọi »Cửu nhà thiền quở trách. Mật Am ngữ lục ghi: Trùng Nham Sơn«. X. Kê Túc sơn. » – Ô Cự tôi (Pháp D hiệu của Hòa thượng Mật Am là Ô Cự, ở đây ngài tự xưng) nói như thế không phải là chê Tuyết Phong đâu, mà cốt để thiền DÃ CAN MINH tăng trong thiên hạ sau nầy mỗi người tự Chồn hoang kêu. Dã can minh dụ cho giáo có con đường sống, chứ đừng đi theo con pháp của bàng môn tả đạo. Cảnh Đức đường không chính đáng này.« Truyền Đăng lục q. 13 ghi: » – Tông Môn Võ Khố ghi: » Hỏi: Thế nào là sư tử rống? Sư đáp: Ai cần ông làm chồn hoang kêu!« – Viên Ngộ hỏi: Đ t- ma từ Ấn Độ sang, đem cái gì để truyền DÃ HỒ DIÊN THÓA trao? Sư đáp: Không thể đi theo con Đàm dãi con chồn. Chỉ cho lời nói của bọn đường không chính đáng.« thiền sư giả mạo, nói được mà làm không được. Khai thị thiền nhân Khả Ông Nhiên DÃ HỒ TINH MỊ ở Hải Đông trong ThMMBTSTL ghi: » Thiền gia quen gọi bàng môn tả đạo hoặc – Đó là đàm những kẻ theo kiến giải bàng môn tả đạo là dãi con chồn

hay khiến cho người ta mắt dã hồ tinh mị. Lâm Tế ngữ lục ghi: » thấy hoa đốm giữa hư không, si cuồng chạy bên ngoài, không giúp gì được cả«.

DÃ HỒ TINH – Này đạo lưu,

Phật chân Đồ chồn tinh ranh. Tiết Đại Nhĩ Tâm thật vô hình, pháp chân thật vô tướng, các Thông trong NĐHN q. 2 ghi: » ngươi chỉ ở trên chỗ huyễn hóa làm ra vẻ ta đây; dù cho cầu được cũng đều là bàng môn tả đạo, chẳng phải Phật chân thật, – Sư hỏi tiếp: Ông nói bây giờ đây là kiến giải của người ngoại đạo«.

DÃ KHAI (1852-1922) DÃ KHAI (1852-1922) trong đó tìm tòi, trông mong nắm bắt được Thiền tăng cận đại, họ Hứa, tên Thanh then máy ngộ đạo, chỉ là phí công vô ích Dung, người xứ Giang Đô (nay thuộc tỉnh mà thôi. Tắc 7, Bích Nham lục (Đại 48, Giang Tô) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư 147 hạ) ghi: Định Niệm. Tác phẩm: Dã Khai Dung Thiền sư ngữ lục, 3 quyển. DẠ BÁN CHÍNH MINH, THIÊN »Tam cấp lãng cao, ngư hóa long, HIỂU BẤT LỘ Si nhân du hổ dạ đường thủy«. »Ba cấp sóng cao, cá hóa rồng, Nửa đêm sáng tỏ, bình minh tối mò. Biểu Người ngu còn tìm cá trong ao« thị trạng thái giao xen, dung nhiếp lẫn nhau giữa pháp tính chân như cùng sum la vạn tượng. Thuật ngữ này được mượn dùng từ DẠ TỌA bài cổ thi Tham Đồng Khế của Thiền sư Còn gọi: Hoàng hôn tọa thiền, Sơ dạ tọa Thạch Đầu Hy Thiên (Đại 51, 459 trung): thiền. Tọa thiền vào lúc mặt trời lặn, là cách thức tu hành trong Thiền viện. »Dạ bán chính minh, thiên hiểu bất lộ DANH Vi vật tác tắc, dụng bạt chư khổ«. Danh từ khái niệm. Lâm Tế ngữ lục ghi: »Nửa đêm sáng tỏ, bình minh tối mò » Vì vật làm phép (tắc), dùng nhổ các khổ«. Câu »Dạ bán chính minh« chỉ cho đang lúc – Người họ ckhông liễu ngộ là vì chấp vào tối có sáng. Câu »Thiên hiểu bất lộ« chỉ danh cú, bị danh từ khái niệm phàm thánh cho đang lúc sáng có tối. Hơn nữa, theo làm trở ngại cho nên che chướng đạo nhãn »Ngũ Vị Quân Thần« của ngài Động Sơn của họ mà không được thấy rõ.« Lương Giới, thì Dạ Bán, Bất Lộ tương đương với Chính vị, là thể tính bình đẳng. DANH CÚ Còn Chính Minh, Thiên Hiểu thì tương đương với Thiên vị, có nghĩa tướng dụng Danh từ ngữ cú và ý nghĩa khái niệm của sai biệt. nó. Lâm Tế ngữ lục ghi: » DẠ ĐƯỜNG THỦY

Nghĩa đen là trong bóng đêm xuống, người – ngu vào ao nước trong vốn không có cá, để Chẳng hạn như mười hai phần giáo đều là bắt cá. Thiền tông mượn từ này để chỉ cho lời nói biểu lộ ra ngoài, người học không lời nói hư vọng, nội dung rỗng tuếch. Vì biết mà nhằm trên danh từ ngữ cú biểu lộ lời nói hư vọng vốn thiếu sót nghĩa lý quan ra ngoài để tìm hiểu, đều là nương tựa, rơi trọng thiết thực để nhập lý, mà người ngu vào nhân quả chưa ra khỏi sinh tử của ba chẳng phân biệt được thật, giả, lại còn ở cõi«.

DANH VĂN DANH ĐỨC TÂY ĐƯỜNG dính dáng!« Danh đức, chỉ cho người có đức hạnh, DANH MÔ danh dự. Trong Thiền viện có Đông đường Còn gọi: Danh mạo , danh mạc (nhà Đông), Tây đường (nhà Tây), chư . Gọi tên sự vật, miêu tả. NĐHN quyển tăng chọn các vị trong Tây đường, vị nào 5 ghi: » có danh dự, đức hạnh để làm Trụ trì, vị đó – Một vật linh thiêng ông không được gọi là Danh

đức Tây đường. Điều thể tạo tác miêu tả được«. Trụ Trì Nhật Dụng trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy q. 2 (Đại 48, 1119 DANH NGÔN trung) ghi: »
Danh từ ngôn cú và ý nghĩa khái niệm của – Hoặc có bậc Danh nó. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » đức Tây đường trụ trì các chùa, sắp đặt ngồi bên phải«. DANH ĐỨC THỦ TỌA
Trong các vị Thủ tọa của Tiền đường ở Thiền viện, đại chúng chọn ra vị nào có – Chư Phật và tất cả chúng danh dự và đức hạnh để lãnh chức vụ Trụ sinh chỉ là nhất tâm, không còn có pháp trì thì gọi vị đó là Danh đức Thủ tọa. Điều nào khác. Tâm này từ vô thủy đến nay Thỉnh Lập Tăng Thủ Tọa trong Sắc Tu chưa từng sinh cũng chưa từng diệt, không Bách Trượng Thanh Quy q. 4 (Đại 48, xanh không vàng, không hình không tướng, 1133 hạ) ghi: »
chẳng thuộc hữu vô, chẳng kể cũ mới, – Như chẳng dài chẳng ngắn, chẳng lớn chẳng các vị Tây đường, Danh đức Thủ tọa ở các nhỏ, vượt lên trên tất cả hạn lượng, danh nơi, nếu hạnh giải tốt thì được đại chúng ngôn, tông tích, đối đãi.« suy tôn«. DANH VĂN DANH MẠC 1. Danh tiếng. Danh dự. Duy Tắc ngữ lục Còn gọi: Danh mô, danh mạo. Gọi tên, q. 2 ghi: » miêu tả. Bích Nham lục q. 1 ghi: »
– Cho nên người tham thiền – Thử trước tiên phải đem những điều mắt thấy hỏi ý của Tuyết Đậu ở chỗ nào? Đến chỗ tai nghe, những sự hiểu biết cả đời tận tình này gọi con lừa là phải, hay gọi con ngựa treo lên vách, lại đem những sự lợi dưỡng là phải, hay gọi Tổ sư là phải? Làm sao danh tiếng, tâm ân ái tham dục cả đời tận gọi tên đây? Người tu thường cho rằng tình để qua một bên.« Tuyết Đậu sai khiến Tổ sư, may thay không 2. Danh xưng, danh từ. Chương »Nhất bát

DẪN DẪN ca« trong CĐTĐL q. 30 ghi: » Tiên sư chỗ nào tìm linh cốt?«.
Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thích – Thanh Từ. Chân thật đế vốn không phải chân thật, chỉ là danh từ, tức là trần. Nếu ngay trong DI BÀN NGẬT PHẠN trần mà hiểu được cái chân thật thì đường Các vị tăng hành cước đến các chùa lẽ ra đường là kẻ xuất thế«. để tham học, trái lại chỉ lo ăn uống. Đây là lời chê trách. Cảnh Đức Truyền Đăng lục DẪN DẪN q. 26 ghi: »
Lặng lẽ, âm thầm. Tông Môn Võ Khố ghi: »
– Chư Thượng tọa! Phải làm sáng cho được đạo – Khi ấy có nhãn là bản phận của người hành cước. Thủ toạ Yên là người phương Bắc, tính Nếu đạo nhãn chưa sáng nào có ích gì? tình cứng cỏi, thích tự lập. Sư tham vấn hai Chỉ là qua lại các chùa để lo ăn uống«. ngài Hối Đường và Chân Tịnh, thật có chỗ khế ngộ, nhưng khi ở trong chúng sinh DI QUANG (?-1155) hoạt, Sư vẫn lặng lẽ âm thầm nên không ai Thiền tăng đời Tống, họ Lý, tự Hối Am, biết Sư«. biệt hiệu Thiền Trạng Nguyên, Quang Trạng Nguyên, người xứ Trường Lạc (nay DI thuộc tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc, nối Ối, Ơ, Ủa, Chao. Lời nói làm cho người ta pháp Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo, tông tức cười. Đây là khẩu ngữ của Thiền tông. Lâm Tế. Sư trụ chùa Giáo Trung ở Tuyền Trong lúc thiền sư giáo hóa người học, có Châu. Tác phẩm: Hối Am Quang Trạng vài việc nào đó khó biểu đạt, thiền sư Nguyên

Hòa thượng Ngữ Yếu. thường dùng từ này với ý giễu cợt. Phật Tâm Ca trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ DI TẮC lục có đoạn: X. Duy Tắc. DĨ CUNG HẠ SỰ Còn gọi: Dĩ thân đại sự. Việc bản phận của thiền tăng: Minh tâm ngộ tính, siêu việt »Di di di, Đốt đốt đốt sinh tử. Phần Khai thị thiền nhân Đổng văn Đại hải trung âu nhàn xuất một Thừa trong HSLNMDT q. 1 ghi: » Chư hành vô thường nhất thiết không Hà xứ Tiên sư mịch linh cốt«.

– Vào núi »Ối! ối! ối! Thiên Mục cùng với các vị như Thủ tọa Chà! chà! chà! Tính Dung kết am để ở, cùng nhau miệt Bọt trong biển cả luống chìm nổi mài việc minh tâm ngộ tính, kiên nhẫn Muôn pháp vô thường hết thảy không trong vài năm«.

DIÊN CHIỂU (896-973) DĨ GIẢ (1268-1336) biến hình của chữ Tất Đàm (chữ i). Nhưng Thiền tăng đời Nguyên, họ Diệp, tự Không xét theo chữ nghĩa thông thường thì nó Trung, người xứ Lệ Thủy (nay thuộc tỉnh chẳng phải chữ »Dĩ« () cũng chẳng phải Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền chữ »Bát« (). Thiền tông mượn cụm từ sư Cao Phong Nguyên Diệu, tông Lâm Tế. này làm thuật ngữ để chỉ cho sự khó khăn Sư trụ viện Phúc Lâm núi Bạch Vân. rất mực khi diễn đạt về chân lý.

DĨ KÊ VI PHƯỢNG DỊ AM Cho gà là phượng. Gà: Loại chim thường. Hiệu của Thiền sư Như Thông đời Minh. Phượng: Loại chim linh. Cho chim thường X. Như Thông. là chim linh cũng giống như cho ngói gạch là châu ngọc. Thiền tông dùng từ này để DỊCH KHỞI MY MAO chỉ cho trường hợp người mê cho tà kiến là chính kiến, nhận vọng tưởng làm Phật tính. Dựng đứng lông mày, ý nói phấn chấn tinh thần để lãnh ngộ thiền chỉ. Nhà thiền hay DĨ TÂM TRUYỀN TÂM dùng lời nói này để khuyên răn người học. Lấy Tâm để truyền Tâm, có 2 nghĩa: Tiết Vạn Thọ Niệm Thiền sư trong NĐHN 1. Thiền tông chẳng lập văn tự, chẳng mắc q. 18 ghi: » kẹt nơi kinh điển, Thầy trò trực tiếp trao truyền bằng cách lấy chỗ ngộ của Thầy để – Hai vị thiền sinh Chính và ấn chứng chỗ ngộ của trò. Thiền tông căn Nguyên, buồn tẻ lãnh đạm không mùi vị. cứ vào câu truyện: »Đức Phật thuyết pháp Triệu châu mời hai vị uống trà để phấn ở núi Linh Thứu, Ngài giơ cành sen để dạy chấn tinh thần mà lãnh ngộ.« chúng. Trong tám vạn người chỉ có Ca- diếp lãnh hội được ý chỉ của Phật và mỉm DIÊM MAI cười« để lập ra Tông phong chẳng lập văn Thiền tăng đời Minh, người xứ Hải Ninh tự mà truyền đại pháp. (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, 2. Lời truyền đạt cảnh giới ngộ. Huyết nối pháp Thiền sư Thiên Đồng Ngộ. Sư trụ Mạch luận của Đại sư Đạt-ma (Vạn Tục chùa Phổ An. Tác phẩm: Tế Tông Đảnh 110, 405 thượng) ghi: » Thiền sư ngữ lục.

– Tam giới lao xao đều quy về nhất tâm. Phật trước Phật sau lấy tâm DIÊN CHIỂU (896-973) truyền tâm, chẳng lập văn tự«. Thiền tăng đời Tống, họ Lưu, người xứ Dư Hàng (nay ở phía tây Hàng Châu) Trung DĨ TỰ BẤT THÀNH BÁT TỰ PHI Quốc, nối pháp Thiền sư Nam Viện Huệ Ngung, tông Lâm Tế. Sư khai pháp ở chùa Chữ »Dĩ« chẳng thành, chữ »Bát« chẳng Phong Huyệt tại Nhữ Châu (nay là huyện phải. Chữ »Dĩ« () chỉ cho chữ () viết Lâm An tỉnh Hà Nam). Tác phẩm: Phong trên đầu lá bùa (để đeo trên người), là chữ Huyệt Thiền sư ngữ lục.

DIÊN HỰU TỰ  DIÊN HỰU TỰ  hiệu Hàm Bình thứ 5 (1002) hoàn thành. Còn gọi: Chùa Một Cột. Chùa ở thôn Ngọc Tháp cao 70m, là tháp cao nhất Chiết Thanh, khu Ngọc Hà, Hà Nội, Việt Nam. Giang. Hình lục giác 7 tầng, kết cấu bằng Theo truyền tụng, vào năm 1049, sau khi gạch gỗ theo kiểu lâu các. Đỉnh tháp dùng vua Lý Thái Tông nằm mộng thấy Bồ tát gạch chồng khít lên nhau thu nhỏ mà Quán Âm dắt đi lên tòa sen ngự tọa, quần thành. Trên tường của tháp có ghi lại đề thần cho là điềm gở, xin Vua cho xây chùa khắc và bích họa nhiều đời. như bông sen nở trên mặt nước để cầu phúc lành dài lâu (Diên hựu). Quy mô chùa DIÊN KHÁNH TỰ XÁ LỢI THÁP  không nhỏ như hiện nay mà to lớn, lộng  lẫy hơn nhiều. Trên một tấm bia ở chùa Tháp nằm trong khuôn viên chùa Diên Long Đọi (Hà Nam Ninh) dựng năm 1121 Khánh, huyện Tế Nguyên, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Được xây vào niên hiệu Cảnh có ghi rõ điều đó. Sự độc đáo của kiến trúc chùa Một Cột là toàn bộ ngôi chùa được Hựu thứ 3 (1036) đời Tống. Tháp gạch đặt trên một cột đá cao. Ở đây, có sự kết hình lục giác 7 tầng theo kiểu mái kín, cao hợp táo bạo của trí tưởng tượng lãng mạn khoảng 26m. Mặt tường mỗi tầng bên đầy thi vị qua hình tượng bông sen và ngoài tháp có khảm tượng Phật xây bằng những giải pháp hoàn hảo về kết cấu kiến gạch hoặc thiết kế cửa tháp hình khuê. Mái trúc gỗ, bằng hệ thống mộng giằng và đặc tháp dùng gạch xếp chồng khít nhau trông biệt là sử dụng các cột chống chéo lớn từ ngắn gọn thô kệch. Đường viền của thân cột đến sàn, vừa tạo thế vững chắc, vừa tháp hơi bày hình parabol hùng vĩ sừng mang lại hiệu quả thẩm mỹ như đường sững, đẹp đẽ hùng tráng. Bên trong là tháp tâm thất hình lục giác, trong thất có một lượn của cánh sen, thiết lập sự hài hòa giữa mái và sàn bởi một đối xứng ảo. Khối kiến tấm bia đời Tống »Tế Nguyên Huyện Long trúc được phụ trợ bởi cảnh quan, có ao, cóĐàm Diên Khánh Thiền Viện Tân Tu Xá- cây cối, đã tạo nên sự gần gũi, tinh khiếtlợi Tháp Ký«, thư pháp tinh mỹ, chữ cũng mà vẫn thanh tịnh. Theo: Nguyễn Hùng rõ ràng. Phía tây tháp có suối phun tập họp trong Văn Hóa Việt Nam Tổng Hợp 1989- thành đầm, gọi là »Long Đàm«là nguồn 1995. phía tây sông Tế Thủy. Ban đêm bóng tháp rọi xuống đầm đẹp như một bức tranh, DIÊN KHÁNH TỰ THÁP  được ca ngợi là »Long đàm dạ nguyệt«. Tháp nằm dưới núi Vân Long, phía tây thị trấn Tây Bình, huyện Tùng Dương, tỉnh DIÊN PHÚC TỰ  Chiết Giang, Trung Quốc. Niên hiệu Đoan Còn gọi: Chùa Keo Giao Thủy. Chùa ở ấp Cũng thứ 2 (989) đời Tống, Thiền sư Đạt Giao Thủy (tên nôm là làng Keo), thuộc Hạnh đem 8 bộ kinh luận, 49 hạt xá-lợi từ hương Hải Thanh đời Lý, nay là thôn Hành Trung Ấn Độ về chùa Diên Khánh, phát Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Thủy, nguyện xây tháp cúng dường. Kinh qua tỉnh Hà Nam Ninh, Việt Nam. Chùa do vua mười năm trù hoạch, vào niên hiệu Hàm Lý Nhân Tông giao cho Thiền sư Giác Hải Bình thứ 2 (999) phá thổ động công, niên khởi dựng vào năm 1121 và để vị này làm

DIÊN ỨNG TỰ  Trụ trì. Năm 1138, Lý Nhân Tông sắc cho thọ đường để nghỉ ngơi«. quan địa phương trùng tu. Năm 1167 lại trùng tu, và Vua đổi tên là chùa Viên DIÊN THỌ TỰ  Quang (hiện còn bia »Viên Quang tự bi X. U Thê Tự. minh tinh tự« do Dĩnh Đạt soạn). DIÊN TỘ TỰ  DIÊN QUY  Chùa thuộc thành phố Nam Kinh, tỉnh Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Giang Tô, Trung Quốc. Đời Đường Thiền Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp Nhãn, sư Pháp Trì tông Ngưu Đầu trụ trì chùa trụ

viện Trường Khánh ở Lô Châu (nay là này, Thiền sư Trí Oai nối pháp ngài Pháp huyện Hợp Phì, tỉnh An Huy) Trung Quốc. Trì cũng trụ chùa này và thị tịch nơi đây. Phụ cận chùa này là chùa Phổ Giác núi DIÊN SAN (1005-1065) Ngưu Đầu, là cái nôi của tông Ngưu Đầu. Thiền tăng đời Tống, họ Ngu, người huyện Ngô, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc nối pháp DIÊN ỨNG TỰ Thiền sư Linh Ẩn Văn Thắng, tông Pháp Còn gọi: Pháp Vân Tự, Chùa Dâu. Chùa ở Nhãn. thôn Khương Tự, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc, Việt DIÊN THỌ (904-975) Nam. Chùa ở vào một vị trí đặc biệt, tọa Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Vương, tự lạc trên giao điểm những con đường lớn Trọng Huyền, hiệu Bão Nhất Tử, người xứ của thời xưa, có thể coi là trung tâm của thị Tiền Đường (nay thuộc Hàng Châu), tứ Luy Lâu. Dấu tích của chốn đô hộ xưa Trung Quốc, nối pháp Quốc sư Đức Thiều, kia, nay là những xóm làng Lũng Khê, tông Pháp Nhãn. Tác phẩm: Tông Cảnh lục Khương Tự, Đại Tự Công Hà, Văn 100 quyển, Vạn Thiện Đồng Quy tập 6 Quán… liên tiếp thiết lập theo chiều Bắc quyển, Thần Thê An Dưỡng Phú 1 quyển, Nam, dọc theo con sông Dâu. Đây là ngôi Duy Tâm Quyết 1 quyển. chùa đầu tiên của Việt Nam, được khởi dựng vào đầu thế kỷ III, là chốn tu trì và DIÊN THỌ ĐƯỜNG đạo tràng thuyết pháp của các vị danh tăng Còn gọi: Diên thọ liêu, Tương tức liêu, như: Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Pháp Hiền và Quan Diên thọ viện. Ngôi nhà dùng để chứa Duyên. Chùa Diên Ứng hiện tại còn thờ những vị tăng bị bệnh, những vị tăng cần tượng Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi, nên nơi đây nghỉ ngơi dưỡng sức. Điều Tương Tức chính là Tổ đình của thiền phái Tỳ-ni-đa- Tham Đường trong Thiền Uyển Thanh Quy lưu-chi. Quần thể kiến trúc được sắp đặt q. 6 (Vạn Tục 111, 456 hạ) ghi: » theo kiểu »Nội công ngoại quốc«: Tăng xá và các nhà phụ thuộc mái ngói tường đất lập thành một khu riêng kề bên vách hữu – Như Khố ty, Tri sự và các vị Đầu thủ có của chùa. Còn phần chính của chùa là một bệnh đều nhờ vị cư sĩ phụ trách quá đường khu vũ, hình chữ nhật rộng hơn 30m, dài bạch với Duy-na, cho phép họ xuống Diên 80m, gồm trước mặt là tiền đường, sau

DIỄN HOÁ ĐẠI SƯ lưng là hậu đường, hai bên là hành lang đối lập. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: thật dài. Những ngôi nhà tường gạch lợp » ngói làm bắt vần quây bọc một sân gạch – Nói không rộng và ba tòa điện chính nối liền với nhau chẳng phải không, nói có chẳng phải có. Ở thành hình chữ công (). Cuối cùng có phía đông mà nhìn thấy Tây-cù-da-ni, mặt một ngôi miếu nối vào hậu đường và ở xoay hướng nam mà thấy sao Bắc đẩu«. giữa sân chùa có dựng cây tháp tên »Hoa Phong«, tương truyền được Mạc Đĩnh Chi DIỆN TIỀN NHẤT TY xây dựng vào cuối thế kỷ XIII và được xây Chỉ cho một cảnh, một vật ở trước mắt. dựng lại vào niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 4 Tắc 90, Bích Nham lục (Đại 48, 214 hạ) (1738). ghi: » – Một câu khi chưa DIỄN HOÁ ĐẠI SƯ nói, ngàn Thánh chẳng truyền. Một vật ở Hiệu của thiền tăng Trí Viễn đời Ngũ Đại. trước mắt, hằng không gián cách«. X. Trí Viễn. DIỆN TƯỜNG ĐẢM BẢN DIỆN CHỬY Mặt mũi, bộ mặt. Hàm ý chế giễu. Tiết Khi ngồi xoay mặt vào vách thì chỉ thấy »Xuất sơn tướng« trong NTNL q. hạ ghi: một khoảng ngắn trước mắt, khi vác bảng » sau lưng mà đi thì chẳng thể thấy mé sau – Rét không chết, đói không chết, từ lưng. Thiền tông dùng từ này làm thuật trong núi sâu xuất hiện bộ mặt này.«

ngữ để chỉ cho cái thấy sai lệch. Tắc 7, Thung Dung lục (Đại 48, 272 thượng) ghi: DIỆN MÔN Khuôn mặt, nét mặt. Pháp Diễn ngữ lục q. hạ ghi: » »Mai một tự kỷ dã, ẩm khí thôn thinh, – Tách khuôn mặt thì hình tướng của Đới lụy tiên tông dã, diện tường đảm bản«. tiên sư hiện ra«. »Chôn vùi tự kỷ đó, nén giận mà nuốt lời, Liên lụy đến Tổ tông, do kiến giải sai DIỆN MỤC LIỆT KHAI lệch«. Diện mục: Tâm tính mà mỗi người sẵn có. Liệt khai: Mở bày. Diện Mục Liệt Khai chỉ DIỆT DIỆT KHIẾT KHIẾT cho khi đoạn trừ xong Kiến hoặc thì được Pháp nhãn thanh tịnh. Dung tục thấp hèn. Bích Nham lục q. 1 ghi: »

DIỆN NAM KHÁN BẮC ĐẨU

Mặt xoay hướng nam mà thấy sao Bắc đẩu. – Hãy xem người xưa: thấy đến, nói là câu nói kỳ đặc của thiền gia, là cảnh giới đến, làm đến, dùng đến, quả thật là bậc thiền ngộ tiêu trừ hết vọng tâm phân biệt anh linh… Hãy xem Đức Sơn Quy Sơn như

DIỆU DẬN thế, há là kiến giải dung tục thấp hèn ư?«.

– Việc DIỆT HỒ CHỦNG TỘC này như lửa nháng, tợ ánh điện chớp, một Cắt đứt pháp mạch của Phật giáo. Phần lớn chút xíu cũng chẳng để rơi vào tâm cơ, ý được dùng làm lời chê bai những kẻ mê thức, tình tưởng. Các ông làm sao mở chấp chẳng ngộ. Bích Nham lục q. 1 ghi: miệng được! Khi vừa tính toán thì thiền cơ » chớp nhoáng đã qua đi xa lơ xa lắc«.

DIỆU ẤN (1187-1255) Thiền tăng đời Tống, họ Vạn, hiệu Trúc Nham, người xứ Tiến Hiền (nay thuộc tỉnh Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp Nguyệt Lâm Sư Quán, tông Lâm Tế, phái Dương Kỳ.

– Nêu lên công DIỆU CAO (1219-1293) án: Cuối hạ, Thúy Nham dạy môn đồ như Thiền tăng đời Nguyên, họ Thẩm, tự Vân sau: một hạ đã qua, tôi đã khai thị cho Phong, người xứ Trường Khê (nay là phía huynh đệ, hãy xem lông mày của Thúy nam Hà Phố, tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc, Nham tôi có còn không? Thúy Nham trong nối pháp Thiền sư Yển Khê Văn. Sư trụ đấy quả độc đáo, xem ông ta nói như thế, chùa Đại Lô, Tuyên Hưng (nay thuộc tỉnh thử hỏi ý ở chỗ nào? Người xưa nói pháp Giang Tô) Trung Quốc. giống như buông câu, không bày chuyện vô ích, phải có đạo lý cho người. Phần lớnDIỆU CHỨNG người ta hiểu lầm rằng: Giữa ban ngày Lãnh ngộ thiền pháp vi diệu. Tục Nghệ ban mặt nói không gì đáng nói, đương Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » không bày ra lắm việc, cuối hạ trước tiên ông ta tự nói lỗi, trước tiên tự trách cứ để – Nương khỏi bị người khác trách cứ. May thay vào người khác để hiểu là lấp bít cửa ngộ không dính dáng! Thứ kiến giải này được của mình. Kiến giải đó nếu giúp cho việc gọi là cắt đứt pháp mạch Phật giáo.« tranh chấp cãi cọ thì hay hơn những hiểu biết nông cạn. Phát triển trí thông minh DIÊU TỬ QUÁ TÂN LA tuyệt vời rốt cuộc khó mà diệu chứng trọn ven được.« Chim cắt bay qua Tân La. Chỉ cho thiền cơ chớp nhoáng đã qua đi xa lơ xa lắc. DIỆU DẬN Thường dùng khi ứng cơ đối cơ, chỉ rõ đối Thiền tăng đời Nguyên, hiệu Thiền Biệt Truyền, phương đã vuột mất thiền cơ. Lời nói ngụ nối pháp Thiền sư Hư Cốc Hy Lăng, tông ý chê bai. Bích Nham lục q. 1 ghi: » Lâm Tế. Khoảng niên hiệu Chí Chính (1341-1368) đời Nguyên, sư nhận lời mời

DIỆU DỤNG của dòng họ Túc Lợi sang Nhật Bản hoằng ngộ, làm Tỳ-kheo ni, trụ trì chùa Tịnh Cư dương tông phong ở chùa Kiến Nhân. tại Ôn Châu (tỉnh Chiết Giang), nổi tiếng một phương. Theo phả hệ ni sư là Tổ: DIỆU DỤNG Thiền tông đời thứ 23, Nam Tông đời thứ 1. Thiền tăng đời Minh (1587-1642) họ 18, hệ Nam Nhạc đời thứ 17, tông Lâm Tế Trịnh, tự Huyền Vi, hiệu Uyên Hồ, người đời thứ 13, phái Dương Kỳ đời thứ 6. xứ Hải Diêm (nay thuộc Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Nam Minh DIỆU HẠNH THIỀN SƯ Huệ Quảng, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Hiệu của Thiền tăng Thanh Hộ, đời Ngũ Huyền Vi Hòa thượng tụng chỉ 1 quyển. Đại. X. Thanh Hộ. 2. Năng lực biến hóa khó lường lưu xuất từ tự tính, khi người tu đã triệt ngộ, Lục Tổ DIỆU HIỆP Lạc Đạo Ca ghi: Phối hợp một cách vi diệu, chỉ Thiền cơ khế hợp. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: » – Con cháu thiền cơ khế hợp thì bao trùm cả ông cha«. »Bất trích diệp, bất tầm chi DIỆU HIỆP TỊNH KHẢI THIỀN SƯ Đa thiểu diệu dụng thức giả hy Mạc tương thử sự vi đoan đích Thiền tăng Tịnh Khải đời Đường, người Bất tri bất ngộ hựu huyền vi«. đời gọi sư là »Diệu Hiệp Tịnh Khải Thiền »Không lặt lá, chẳng tìm cành sư«. X. Tịnh Khải. Diệu dụng thế nào ít kẻ rành Chớ đem việc ấy làm cứu cánh DIỆU HỶ AM Chẳng ngộ, chẳng tri lý diệu huyền«. Am ở núi Kính Sơn, huyện Dư Hàng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Vốn được gọi là DIỆU ĐẠO Minh Nguyệt Đường. Niên hiệu Thiệu 1. Thiền tăng đời Nguyên (1257-1345), họ Hưng thứ 31 (1161) đời Tống, Đại Huệ Trần, hiệu Trúc Nguyên, người xứ Ninh Tông Cảo là cao tăng của tông Lâm Tế lui Hải, Thai Châu (nay thuộc tỉnh Chiết về ở ẩn nơi Minh Nguyệt Đường và ngài Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư mất vào niên hiệu Long Hưng thứ 1 Hoành Xuyên Như Cung, tông Lâm Tế. Sư (1163), Vua thụy hiệu là Diệu Hỷ, nên trụ chùa Hồng Phúc ở Hoàng Nham (nay Thừa tướng Trương Thương Anh đặc biệt thuộc Chiết Giang), được Vua ban hiệu gọi Minh Nguyệt Đường là Diệu Hỷ Am. »Định Huệ Viên Minh Thiền sư«. 2. Ni sư đời Tống (1100-1170), vốn là con DIỆU KHAM (1177-1248) gái của quan Thượng thư bộ Lễ Hoàng Thiền tăng đời Tống, họ Mao, hiệu Tiếu Thường, người xứ Diên Bình (nay là Nam Ông, người xứ Từ Khê (nay thuộc tỉnh Bình, tỉnh Phúc Kiến), Trung Quốc. Ni sư Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền tham vấn thiền sư Tông Cảo và được triệt sư Tùng Nguyên Sùng Nhạc. Sư trụ chùa

DIỆU THINH Diệu Thắng ở Minh Châu (nay là huyện miền hữu ngạn Chiết Giang. Cuối cùng Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. đến Long Môn, sư đem sở chứng lúc bình Tác phẩm: Thi Văn tập, Ngữ lục. thường ra bạch cùng Phật Nhãn. Nhãn nói: Những thứ này đều là học giải, chẳng DIỆU KHẾ phải việc cứu cánh. Muốn liễu thoát sinh Minh ngộ tự tâm, khế hợp thiền lý. Tục tử phải cầu diệu ngộ. Sư giật mình và tin Nghệ Ngôn trong Nguyên Hiền quảng lục tưởng một cách cung kính chí thành«. q. 30 ghi: » DIỆU NHÂN (1041-1113)

Ni sư đời Lý, thuộc thiền phái Tỳ-ni-đa- lưu-chi đời thứ 17, nối pháp Thiền sư Chân – Trong 3 tông, Không. Bà tên Ngọc Kiều, trưởng nữ của khó nhất là thiền, kế đến là giáo, sau nữa Phụng Càn Vương, Việt Nam. Ni sư ở viện là luật. Do vì THIỀN thì siêu tình lìa kiến, Hương Hải, làng Phù Đổng, Tiên Du. minh ngộ tự tâm ở ngoài lời nói chữ nghĩa, chẳng phải như GIÁO có thể nghiền

ngẫm DIỆU QUANG (985-1050) tìm tòi mà được, nghiên cứu học tập mà Thiền tăng đời Tống, họ Tạ, tự Vân Phúc, thông, nên nói riêng khó vậy«. người Ông Nguyên, Quảng Đông, Trung Quốc. Thuở nhỏ sư xuất gia ở ấp nhà, rồi DIỆU KHÔNG THIỀN SƯ đến núi Bạch Vân tham học nơi thiền sư Đạt Chân và nối pháp ngài. Niên hiệu Thiên Hựu thứ 5 (1021), Tống Chân Tông Hiệu của thiền tăng Thủ Nột đời Ngũ Đại. ban cho sư hiệu Diệu Quang Đại Sư, ra X. Thủ Nột. lệnh cho sư kế vị Trụ trì thiền viện Diên DIỆU LUÂN (1201-1261) Thọ, núi Bạch Vân. Danh thần Dư Tĩnh đời Tống có ghi sư là vị trụ trì thứ 5 của Thiền tăng đời Tống, họ Từ, tự Đoạn Kiều, viện Diên Thọ. Theo phả hệ sư là Tổ: hiệu Tùng Sơn Tử, người xứ Hoàng Nham Thiền tông đời thứ 17, Nam Tông đời thứ (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, 12, hệ Thanh Nguyên đời thứ 11, tông Vân nối pháp Thiền sư Vô Chuẩn Sư Phạm, Môn đời thứ 5. tông Lâm Tế, phái Dương Kỳ. Tác phẩm: Đoạn Kiều Hòa thượng ngữ lục. DIỆU TẾ ĐẠI SƯ Thụy hiệu của thiền tăng Hồng Cứu đời DIỆU NGỘ Ngũ Đại. X. Hồng Cứu. Lãnh ngộ thiền pháp vi diệu, minh ngộ tự tâm. Tiết Vân Cư Pháp Như Thiền sư trong DIỆU THINH NĐHN q. 20 ghi: » Thiền tăng đời Minh, tự Cửu Cao, người huyện Ngô (nay thuộc Tô Châu) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Cổ Đình. Tác phẩm: Đông Cao tập 7 quyển. – Sư tham học đủ bậc Tông tượng ở

DIỆU THỦ VÔ ĐA TỬ DIỆU THỦ VÔ ĐA TỬ sư Tông Cảo thuyết pháp nên ni sư lãnh Diệu thủ: Thủ đoạn rất khéo, pháp rất hay. hội huyền chỉ, khăng khăng quy y cửa Vô đa tử: Không có nhiều. Diệu Thủ Vô Phật. Tông Cảo đặt pháp hiệu cho ni sư là Đa Tử nghĩa là tuy có thủ đoạn rất khéo Vô Trước, có bài kệ như sau: nhưng không có nhiều. Tắc 71, Bích Nham lục (Đại 48, 200 thượng) ghi: »

Tận đạo sơn tăng ái mạ nhân

Chỉ hữu Vô Trước mạ bất động –Trên trận Long xà xem »Mọi người đều nói sơn tăng thích mắng mưu lược, khiến người nhớ mãi Lý tướng người, chỉ có Vô Trước chẳng động khi bị quân. (Thủ đoạn rất khéo nhưng không có mắng«. nhiều, một thương một ngựa, đi ngàn muôn Một hôm, trong lúc đang tĩnh tọa, chợt đại dặm để đánh với ngàn muôn người)«. ngộ, Tông Cảo ấn khả cho ni sư, và sau đó xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, trụ trì viện Tư DIỆU TÍNH Thọ phủ Bình Giang (tại Tô Châu, Giang Bản tính của chúng sinh, cũng là Phật tính. Tô). Ni sư nhắm vào câu nói của Vân Môn Kệ thị tịch của Thiền sư Ngộ Ấn (Việt Văn Yển »Ngày nào cũng là ngày tốt« để Nam): dạy hàng đệ tử rằng: »Ngày nào cũng là ngày tốt, Phật pháp thế pháp thảy đều tốt đẹp, Chẳng tìm huyền chỉ nào khác, Chỉ cần ướt át hai đầu bát«. Ni sư tiếp đãi người học một cách hòa nhã, thiền ngữ »Diệu tính hư vô bất khả phan hàm súc. Khi ra hoằng pháp nổi tiếng bốn Hư vô tâm ngộ đắc hà nan phương. Theo phả hệ, ni sư là Tổ Thiền Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận! tông đời thứ 23, Nam Tông đời thứ 18, hệ Liên phát lô trung thấp vị càn«. Nam Nhạc đời thứ 17, tông Lâm Tế đời »Diệu tính rỗng không chẳng thể vin thứ 13, phái Dương Kỳ đời thứ 6. Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin Tươi nhuần sắc ngọc trong núi cháy DIỆU TỔNG THIỀN SƯ Lò lửa hoa sen nở thật xinh«. Hiệu của Thiền tăng Đạo Tiềm do Vua Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Tống Triết Tông ban cho. X. Đạo Tiềm. Từ. DIỆU TỪ HOẰNG

TẾ ĐẠI SƯ DIỆU TỔNG (1120-1185) Ni sư đời Tống, cháu của Thừa tướng Tô Hiệu của Thiền tăng Nhất Ninh do Vua Tụng, con của Tô Tốn, tên Thông Huệ, Nguyên Thành Tông ban cho. X. Nhất người xứ Đan Đồ, Giang Tô, Trung Quốc. Ninh. Tuy được sinh trong dòng dõi quý tộc, nhưng từ nhỏ ni sư đã kính tin Phật pháp, DIỆU VIÊN không chịu lập gia đình. Nhờ nghe Thiền Tốt đẹp tròn đầy. Tiết »Thị Tính Không

DUNG DỊ Đạt Thiền nhân« trong Duy Tắc ngữ lục q. DỤC ĐẦU 3 ghi: » Còn gọi: Dục đầu hành giả. Trong Thiền – Tính giác tốt đẹp viện, vị này đứng dưới và chịu sự sai khiến tròn đầy, vốn tự rỗng lặng, bình đẳng của Tri dục (Dục chủ), đôi khi thay thế Tri thanh tịnh, rộng như hư không«. dục để lo các việc của nhà tắm. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. DU CHÂU LIỆP HUYỆN Vị tăng tuy nói là hành cước mà thật sự là DỤC TỰ đi chơi. Vân Môn quảng lục q. thượng ghi: Nghĩa giống như chữ Tự . Chữ »Dục« » đứng trước không có nghĩa. – Mỗi người hãy tự tìm chỗ thác sinh, chớ đi chơi vô ích«. DUNG DỊ 1. Coi thường. Huệ Tịch ngữ lục ghi: » DỤC CHỦ Còn gọi: Tri dục, Dục ty. Một trong 6 vị – Một Đầu thủ của ban Tây (Tây tự), là chức vụ hôm, nhân lúc đang trò truyện cùng sư liền trông coi nhà tắm trong Thiền viện. Gần khuyên rằng: Sư huynh cần phải siêng học, đến thời điểm cho đại chúng tắm thì Dục Phật pháp chẳng được coi thường.« chủ treo »Khai dục bài« (Thẻ báo cho tắm) 2. Cẩu thả. Chương Phật Nhãn Viễn Thiền ở trước Trai đường (nhà ăn), rồi bày biện sư trong GTPĐL q. 25 ghi: » phòng tắm, kiểm xem than, than đá, củi lửa... Bên dưới Dục chủ có Dục đầu hành giả (Vị cư sĩ túc trực ở buồng tắm) phụ – giúp về công việc này. Xưa kia, các vị như Nam Tuyền, Quy Tông mới được gọi có kiến giải không mê không DỤC CỔ ngộ. Người học ngày nay cũng ghé miệng Trống dùng để đánh lên thông báo giờ tắm. nói không mê không ngộ nhưng đâu từng Cách đánh trống này là: Ban đầu đánh đến được trình độ ấy? Không được nói thong thả rồi nhặt dần, sau cùng 1 tiếng rồi năng cẩu thả.«. dừng. Thông thường, vị Tri dục (Dục chủ) 3. Lơ mơ, mơ hồ. Chứng Đạo Tụng trong đánh trống này. Theo phép tắc thời xưa, PDNL quyển hạ ghi: » lúc nghe tiếng trống, trước tiên là chúng – Cắt đứt tăng vào tắm, kế là Dục đầu hành giả, sau dây thân ái để nhập thánh siêu phàm, cùng là Trụ trì, Tri sự vào tắm. Về sau sửa không phải mơ mơ qua ngày tháng mà đổi: được!«. — Hội thứ nhất: Trụ trì vào tắm. — Hội thứ hai: Chúng trong Tăng đường 4. Thô lỗ, vô phép. Chương Nhất Túc Giác vào tắm. Hoà thượng trong TĐT q. 3 ghi: » — Hội thứ ba: Những vị công quả và những người còn sót lại vào tắm. – Lão túc vào phòng. Cô gái bước ra chào nói: Em của

DUNG THÔNG (1866-1928) con vô phép, xin lão túc đừng trách«. thành phố Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Theo »Cổ Sơn Chí« ghi rằng DUNG THÔNG (1866-1928) nơi đây vốn là một đầm sâu có chứa rồng Thiền tăng cận đại, họ Lữ, pháp danh Ấn độc. Quan tùng sự Bùi Vị thỉnh ngài Linh Triệt, biệt hiệu Phạm Liên, người huyện Kiêu vào núi, ở bên cạnh đầm tụng kinh Vô Tích, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, nối Hoa Nghiêm, rồng liền rời khỏi đầm, pháp Thiền sư Ẩn Nhu. Sư trụ chùa Kim không

quay lại phá hại nữa. Niên hiệu Sơn. Khai Bình thứ 2 (908) đời Hậu Lương, Mân Vương là Vương Thẩm biết lấp đầm DŨNG ĐẦU để xây chùa, thỉnh ngài Thần Yến trụ trì, Vị tăng trông coi về các thùng gánh nước, đồ chúng tụ hội hơn 1000 vị, hưng thạnh thùng cơm canh của Thiền viện. Tiết một thời. Niên hiệu Hàm Bình thứ 2 (999) Huyền Sa Sư Bị trong CĐTĐL q. 18 (Đại đời Tống, nhân trước chùa có tượng La- 51, 345 trung) ghi: » hán từ dưới suối nổi lên nên Tống Chân Tông ban hiệu là »Dũng Tuyền Thiền Viện«. Niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) – Có vị Dũng đầu tên đời Minh chùa được đổi tên. Từ đó về sau, Văn xuống núi. Sư hỏi: Dũng đầu xuống chùa được xây cất lại nhiều phen. Trong 2 núi, bao giờ thì về? Đáp: Ba hoặc năm đời Minh và Thanh từng có cao tăng Vĩnh ngày. Sư hỏi: Lúc trở về có một cái thùng Giác Nguyên Hiền và Vi Lâm Đạo Bái trụ không đáy, có gánh về được chăng? Văn trì. Phần lớn kiến trúc hiện còn là của đời không đáp được«. Thanh. Đời cận đại sửa sang các kiến trúc: Thiên vương điện, Đại hùng bảo điện, DŨNG ĐỂ THOÁT Pháp đường, Chung cổ lâu, Bạch vân Còn gọi: Thoát để dũng. Thùng lủng đáy. đường, Minh nguyệt lâu, Thánh tiễn Thiền tông mượn từ này làm thuật ngữ để đường, Tàng kinh điện, Hồi long các, quy chỉ cho cảnh giới đại ngộ, hết sạch các điều mô hùng vĩ, là 1 trong 5 ngôi Thiền tự lớn nghi ngờ, giống như thùng lủng đáy, các ở Phúc Châu. Trong chùa có rất nhiều tạng vật trong thùng đều rơi sạch. Tắc 7, Bích kinh, là điều hiếm thấy trong các thiền viện Nham lục, quyển 1 ghi: » lớn ở Giang Nam. Trong Tàng kinh điện có chứa Nam Bắc Tạng đời Minh, Long Tạng đời Thanh, 9000 bộ kinh Phật, hơn – Chỉ như vị Thiền khách Siêu ngay đó mà 20. 000 quyển sách, còn có các vị tăng khổ ngộ thì đó là công phu tham cứu hằng hạnh chích máu chép 675 quyển kinh Phật. ngày của ông ta – chính vì thế nên khi Chùa này bắt đầu việc khắc kinh vào đời nghe câu nói ấy, ông ta tương tự như một Tống, đến niên hiệu Khang Hy (1622- cái thùng lủng đáy«. 1722) đời Thanh là thời kỳ toàn thạnh, có thể các kinh Phật được khắc này đã phát DŨNG TUYỀN TỰ hành toàn quốc. Hiện nay chùa vẫn còn giữ Chùa ở dưới chân ngọn Bạch Vân, Cổ Sơn, lại hơn 10. 000 bản kinh đời Minh Thanh.

DUY HÀN (1410-1495) DŨNG TUYỀN TỰ THIÊN PHẬT Hương, tỉnh Cam Túc) Trung Quốc, nối THÁP pháp Thiền sư Diên Quy, tông Pháp Nhãn. Nằm trong khuôn viên chùa Dũng Tuyền, Sư trụ núi Đông Bình ở Thiều Châu. núi Cổ Sơn, thành phố Phúc Châu, tỉnh DUY AN (?-1625) Phúc Kiến, Trung Quốc. Tòa mặt đông gọi là »Trang Nghiêm Kiếp Thiên Phật Bảo Thiền tăng đời Minh, họ Hề, hiệu Phổ Tháp«, tòa mặt tây gọi là »Hiền Kiếp Môn, người My Huyện (nay là huyện My, Thiên Phật Bảo Tháp« dùng đất sứ nung tỉnh Thiểm Tây) Trung Quốc, nối pháp thành vào niên hiệu Nguyên Phong thứ 5 Thiền sư Lễ Không. Tác phẩm: Hành Tích (1082) đời Tống, năm 1973 dời tháp về 2 quyển. chùa Long Thụy phía nam ngoại ô thành phố Phúc Châu. Tháp cao 7m hình bát giác DUY BẠCH chín tầng, đáy tòa là bệ bằng xây bằng đá. Thiền tăng đời Tống, họ Nhiễm, người xứ Những bộ phận nhỏ của thân tháp phỏng Tĩnh Giang (nay là huyện Quế Lâm, tỉnh theo kiểu lâu các bằng gỗ, mỗi tòa thân Quảng Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền tháp có đắp 1038 tượng Phật cho nên gọi là sư Pháp Tú, tông Vân Môn. Tác phẩm: »Thiên Phật Tháp«. Mái tháp hình bát giác Kiến Trung Tịnh Quốc Tục Đăng lục

30 có đắp 72 tượng Phật và treo 72 cái chuông quyển, Tạng Kinh Cương Mục 8 quyển. bằng gốm. Trên tòa tháp có đắp cánh sen, sư tử múa, người lùn và khắc bài minh ghi DUY CHÍNH (986-1049) lại tên họ người thợ cùng năm tháng xây Thiền tăng đời Tống họ Hoàng, người xứ dựng tháp. Hai tòa tháp cao lớn tinh tế mỹ Hoa Đình (nay là Tùng Giang, Thượng quan này dù bị gió mưa bão táp trải qua Hải), Trung Quốc. Thuở bé sư theo nghiệp hơn 900 năm vẫn hiên ngang vô sự, thật là Nho, lớn lên học Thiền. Sau khi xuất gia, một văn vật quý báu hiếm có. sư đến các danh sơn, tham vấn Thiền sư Duy Tố ở viện Tịnh Độ, Hàng Châu và đắc DỤNG ĐẠI OẢN pháp, kế vị Trụ trì viện này. Cả đời sư giới Dụng bát lớn, chỉ cho Thiền sư Dụng Điệt, hạnh tinh nghiêm, hành vi cao khiết, bốn làm chức Giám tự trong pháp hội của ngài chúng đều sợ phục. Sư làm thơ hay, viết Cao Am. Tắc Đức Dụng Đại Oản trong chữ khéo, bút pháp tuyệt vời. Tác phẩm: Thiền Uyển Mông Cầu Thập Di (Vạn Tục Cẩm Giang tập 30 quyển. Theo phả hệ sư 148, 151 hạ) ghi: » là Tổ: Thiền tông đời thứ 18, Nam Tông
– Dụng Giám tự đời thứ 13, hệ Thanh Nguyên đời thứ 12, không thắp đèn dầu của thường trụ, mua tông Pháp Nhãn đời thứ 4. bát lớn để đựng thức ăn cúng dường đại chúng«. DUY HÀN (1410-1495) Thiền tăng đời Minh. Họ Ngô, tự Thiết DỤNG THANH (?-996) Nhiêm, tự hiệu Tuyết Khê Hòa thượng, Thiền tăng đời Tống, họ Triệu, người xứ người xứ Liên Giang Phúc Kiến, Trung Hà Châu (nay ở phía tây nam huyện Đông Quốc. Thuở nhỏ sư học theo khoa cử, làm

DUY KHOAN (755-817) thơ vẽ tranh đều hay, nghiên cứu rất nhiều. Cù Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trong lần thi đầu tiên, sư than rằng: Trung Quốc, nối pháp Mã Tổ Đạo Nhất »Chẳng qua như thế mà thôi!«, thấu rõ thuộc hệ Nam Nhạc. Thụy hiệu: Đại Triệt được con đường làm quan sư bèn trốn vào Thiền sư. chùa. Sau khi thụ giới, sư đi bốn phương, lên núi Thiên Mục, đến chỗ Thiền sư DUY KIẾN Nguyệt Giang Giác Tĩnh, sư theo hầu ngài Thiền tăng đời Đường, nối pháp Mã Tổ vài năm, tham ngộ thiền lý, giúp ngài Đạo Nhất, thuộc hệ Nam Nhạc. Sư trụ Lặc chỉnh lý »Nguyệt Giang Ngoại tập«. Sau Đàm ở Hồng Châu (nay là huyện Nam khi được tâm ấn của Thầy, Sư chưa vội ra Xương tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. hoằng pháp mà cất am ở Tuyết Khê, người học tìm đến rất nhiều, số tiền bán các bức DUY KÍNH tranh do Sư họa đều dùng cứu tế dân Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Trường chúng. Vua Hiến Tông nghe danh của sư, Khê (nay thuộc Hà Phụ, tỉnh Phúc Kiến) nên vào niên hiệu Thành Hóa (1465) sắc Trung Quốc, nối pháp Tuyết Phong Nghĩa cho sư trụ chùa Thiên Đồng. Vào năm Tồn. Thự hiệu: Bảo Văn Đại Sư. Tác 1468 có vị họa tăng Nhật Bản là Tuyết Chu phẩm: Giám Đăng Ngũ Tự Tụng, Tục Bảo được sắc làm Thủ tọa chùa Thiên Đồng, vị Lâm truyện, Nam Nhạc Cao Tăng truyện, này nhìn thấy các bức họa của vị Trụ trì Phòng Tà luận, Thích tán, Tượng Cốt kệ. đạt đến mức tuyệt diệu, mỗi mỗi đều thể hiện được thiền ý nên thành tâm bái phục DUY NA sư. Năm kế, Thiên Hoàng hối Tuyết Chu Người hướng dẫn các buổi lễ, điều khiển trở về Nhật Bản, thầy trò lưu luyến không các nghi thức tụng niệm, điều hòa chúng nỡ chia ly. Câu chuyện »Tuyết Khê độ tăng. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 3 (Đại 48, Tuyết Chu« này vẫn còn lưu truyền trong 1029 thượng) ghi: »
giới tu thiền và giới hội họa mãi đến ngày nay. Danh tiếng
của sư càng thêm rực rỡ, – Tuyết Đường nói: Khi vì chẳng chịu nổi sự phiền

toái do nhiều Cao Am trụ trì Vân Cư (...) Thông Ô Đầu người đến thăm viếng, sư bèn từ chức trụ làm Tri khách, Hiền Chân Mục làm Duy- trì chùa Thiên Đồng để đi du lịch, hành na«. tung bất định, nhưng tiếng tăm đồn khắp nên đến đâu cũng được nể trọng. Tác DUY NGHIỄM (751-834) phẩm: Tuyết Khê Ngoại tập. Theo phả hệ Thiền tăng đời Đường, họ Hàn, người xứ sư là Tổ: Thiền tông đời thứ 35, Nam Tông Giáng Châu (nay là huyện Tân Giáng, tỉnh đời thứ 30, hệ Nam Nhạc đời thứ 29, tông Sơn Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Lâm Tế đời thứ 25, phái Dương Kỳ đời thứ Thạch Đầu Hy Thiên. Thụy hiệu: Hoằng 18, phái Mật Am đời thứ 12. Đạo Đại Sư.

DUY KHOAN (755-817) DUY NHÂN (1914-1990) Thiền tăng đời Đường, họ Chúc, người xứ Thiền tăng hiện đại, họ Lê, tự Tri Quả,

DUY THANH (?-1117) người xứ Phiên Ngộ, Quảng Đông, Trung Động, Lâm tế đời thứ 46. Quốc. Tuổi trẻ chịu khó đọc sách, đến tuổi trưởng thành từng làm giáo viên tiểu học, DUY NHẤT nhân viên thuế vụ. Năm 1940, sư xuất gia 1. Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư ở Nam Hoa Thiền Tự, nhờ pháp sư Linh Thê Hiền Trừng Đề, tông Pháp Nhãn, trụ Diệu tế độ. Sau khi thụ giới, sư trụ thiền viện Hưng Giáo, Nam Sơn, Hàng Châu. đường hai năm rất được ngài Trụ trì Hư 2. Thiền tăng sống vào cuối đời Tống-đầu Vân ưng ý, sư theo hầu ngài mỗi khi ngài đời Nguyên (1202-1281), họ Cổ, hiệu đến các nơi hoằng pháp, dự tính trùng tu Hoàn Khê, người xứ Tư Châu (nay thuộc ngôi Nam Hoa Thiền Tự. Năm 1946, sư huyện Tư Trung, tỉnh Tứ Xuyên) Trung đến Đông Giang du lãm thỏa thích rồi trở Quốc, nối pháp Vô Chuẩn Sư Phạm, tông về Quảng Châu. Năm 1949, Sư lại quay về Lâm Tế, phái Dương Kỳ. Tác phẩm: Hoàn Tổ đình Nam Hoa. Năm 1953 sư đến núi Khê Duy Nhất Thiền sư ngữ lục 2 quyển. Vân Cư ở Giang Tây bái yết ngài Hư Vân, chính thức trở thành đệ tử nối pháp của DUY TẮC ngài, được truyền »Động Vân Tông Pháp 1. Thiền tăng tông Ngưu Đầu sống vào đời Quyển« rồi trở về. Từ năm 1956 đến 1958, Đường (751-830), họ Trường Tôn, người sư nổ lực học tập tại Trung Quốc Phật Học xứ Tây An, nối pháp Thiền sư Huệ Trung. Viện Bắc Kinh. Năm 1980 sư được chọn Tác phẩm: Bảo Chí Thích Đề, Vô Sinh làm Hội trưởng Hội Phật Học Trung Quốc. Đẳng Nghĩa (1311-1393). Năm 1982 được suy tôn làm trụ trì Nam 2. Thiền tăng đời Nguyên, họ Đàm, hiệu Hoa Thiền Tự, phó hội trưởng Hội Phật Thiên Như, người xứ Kiết An (nay thuộc Học Quảng Đông. Đầu năm 1983, sư bố trí huyện Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp lớp bồi dưỡng chư tăng, từ lâu sư đã mang Thiền sư Trung Phong Minh Bản, tông hoài bảo mở lớp giảng sư, nhiệt tình tiếp Lâm Tế. Tác phẩm: Tịnh Độ Hoặc Vấn, đãi tăng tục trong và ngoài nước. Năm Thiền tông ngữ lục, Thập Phương Giới Đồ 1984, sư làm Hòa thượng Đàn đầu trong 2 Thuyết, Lăng Nghiêm Kinh Hội Giải 20 năm liên tiếp. Năm 1986 sư được chọn làm quyển, Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Sớ Hội trưởng Hội Phật học thành phố Thiều 10 quyển. Quan. Năm 1989 sư lại mở thêm lớp 3. Thiền tăng đời Nguyên (1303-1373), họ Nghiên cứu Thiền học tại chùa, đích thân Phí, tự Thiên Chân, hiệu Băng Bá Lão sư giảng kinh »Pháp Bảo Đàn« và các kinh Nhân, người xứ Hàng Châu, nối pháp luận chủ yếu của Thiền tông. Sau khi sư Thiền sư Vô Cực Chí Nguyên, tông Lâm tịch, tháp được dựng trong khuôn viên Tế. chùa. Tác phẩm: Thiền Thất Khai Thị, Duy Nhân Hòa thượng Pháp Ngữ. Giống như DUY THANH (?-1117) ngài Hư Vân, sư cũng kế thừa 2 hệ Thiền Thiền tăng sống vào đời

Bắc Tống, họ tông Nam Tông, sư là Tổ: Thiền tông đời Trần, hiệu Phật Thọ, người xứ Vũ Ninh, thứ 56, Nam Tông đời thứ 51, hệ Thanh Nam Châu (nay là huyện Vũ Ninh, tỉnh Nguyên, Nam Nhạc đời thứ 50, tông Tào Giang Tây) Trung Quốc. Xuất gia từ thuở

DUY TỐ bé, mới 17 tuổi, sư đã được thụ giới Cụ túc pháp ngài Hà Trạch Thần Hội. Có vài phả thành đại tăng và du phương tham học. hệ Thiền tông xếp đặt Thiền sư Trí Như ở Đến Diên An, sư ra mắt ngài Pháp An; phía sau sư, làm đảo lộn mối quan hệ thầy ngài rất vừa ý và xem trọng sư. Ngài gọi sư trò, sư sửa lại cho đúng. Sư đến núi Hoàng là »Thuyền pháp trong biển khổ« đặt hy Long cất am cỏ để ở. Núi nầy vốn có nhiều vọng vào sư nên dạy dỗ cẩn thận rồi bảo sư chương khí, sau ngày sư đến tĩnh tu ra nên đến ở núi Hoàng Long thuộc Giang công khai phá, chướng khí hết sạch. Người Tây. Đến nơi, sư được nhận làm thị giả cho dân vùng đó đổi tên núi thành Phục Long Thiền sư Hối Đường Tổ Tâm. Sư hầu Tổ Sơn. Đời sau có Thiền sư Hốt Cơ dựng Tâm lâu ngày, quan sát lắng nghe nên gặt chùa Diên Hy nơi núi này. Theo phả hệ sư hái được nhiều điều hay tốt và được khai là Tổ Thiền tông đời thứ 8, Nam Tông đời ngộ, nối pháp ngài thuộc tông Lâm Tế. thứ 3, tông Hà Trạch đời thứ 2. Khoảng niên hiệu Nguyên Hựu (1086- 1093) đời Tống, sư dời sang ở Vân Cư, DUYÊN ĐỨC (898-977) được Thiền sư Phật Ấn Liễu Nguyên (đang Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Hoàng, người là Trụ trì) mời làm Tọa Nguyên. Sư an xứ Lâm An (nay là Hàng Châu tỉnh Chiết nhiên nhận chức rồi quảng bá pháp đạo của Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Thiền sư Hoàng Long Tổ Tâm, trở thành Thanh Khê Hồng Tiến, trụ chùa Viên bậc tông sư của một thời. Về già, sư kế vị Thông. Thụy hiệu: Đạo Tế Thiền sư. trụ trì chùa Vĩnh An núi Hoàng Long, hoằng dương pháp môn thiền của Hoàng DUYÊN MẬT (905-980) Long, tiếp độ vô số, đạo đức vang khắp Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Tạ, người Ích gần xa. Dương, Hồ Nam, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Vân Môn Văn Yển, trụ trì chùa DUY TỐ Đức Sơn ở Đỉnh Châu (nay là miền núi Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Thường Đức, Hồ Nam). Thê Hiền Trừng Đề, tông Pháp Nhãn. Sư làm Sơn chủ Định Sơn ở Chân Châu (nay DUYÊN MỘC CẦU NGƯ là Nghị Chinh, tỉnh Giang Tô) Trung Leo cây tìm cá. Tề Tuyên Vương thời Quốc. Chiến Quốc định xưng hùng xưng bá, nhưng cách làm không hợp pháp. Mạnh Tử DUY TÚC liền bảo Tề Tuyên Vương rằng: » Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư – Vân Cư Đạo Tề, tông Pháp Nhãn, trụ Xử Dĩ nhược sở vi, cầu nhược sở dục, do Châu (nay là huyện Lệ Thủy, tỉnh Chiết duyên mộc nhi cầu ngư dã«. Giang) Trung Quốc. Nghĩa là: Lấy việc mình làm để thỏa mãn nguyện vọng của mình thì chẳng khác nào DUY TRUNG (735-782) trèo lên cây bắt cá vậy! Thiền sư dùng Thiền tăng đời Đường, người Thành Đô, thành ngữ Duyên Mộc Cầu Ngư để chỉ Tứ Xuyên, Trung Quốc. Sư là người nối phương pháp làm sai, tốn công vô ích,

DƯƠNG CHÂU THIÊN NINH TỰ hoặc chỉ sự việc không thể làm được. DỰ TAO ĐÃI DẠNG Chưa ngứa mà đã gãi. Dụ cho hành vi ngu DUYÊN QUÁN (920-990) si đáng chê cười. Tiết Tịnh Từ Sư Nhất Thiền tăng đời Tống, họ Võ, người Lương Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Sơn, Tứ Xuyên nối pháp Thiền sư Đồng – Người An Chí, tông Tào Động, trụ Lương Sơn, xưa nói như thế giống như chưa ngứa mà Đảnh Châu (nay là huyện Thường Đức, đã gãi«. tỉnh Hồ Nam),

Trung Quốc. DƯỢC BỆNH ĐỐI TRỊ DUYỆT CHÚNG Còn gọi: Dược bệnh tương trị . Phạn: Karmadāna. Hán âm: Yết-ma Đà-na. Nhân bệnh mà cho thuốc, thuốc do bệnh Còn gọi: Tri sự. Người biết việc của mình mà lập ra, dụ cho quyền nghi giáo hoá, và làm vui lòng đại chúng. Tên gọi chức pháp môn phượng tiện, không phải là pháp vụ của người trông nom các công việc căn bản. Tiết Y Khuyết Tự Tại Thiền Sư trong Tăng đoàn. Theo: PQĐTĐ của nhóm trong NĐHN q. 3 ghi: » Từ Di.

DƯ NHỊ – Sư thượng Còn lại, cái khác. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: đường nói: Tức tâm tức Phật là câu không » – Chỉ bệnh mà cầu thuốc; phi tâm phi Phật là có con đường nhất thừa, còn những cái câu thuốc bệnh trị nhau.« khác thì không phải chân thật«. DƯỢC HỐNG NGÂN THIỀN DỮ MA Còn gọi: Nhậm ma, Dị một, Y ma, Thập Thiền thủy ngân. Thiền bắt chước hình ma. Như thế, Thế ấy. Vốn là tục ngữ đời thức bên ngoài của thiền chân chính, mà Tống, dùng để chỉ trạng thái của sự vật đã không nắm được thực chất, cũng như thủy được thực hiện và đang tiếp diễn. Vô Môn ngân bề ngoài giống như bạc, nhưng không Quan q. 23 (Đại 48, 295 hạ) ghi: » phải là bạc thật. Tắc »Lặc Đàm Dược Hống« trong Thiền Uyển Mông Cầu Thập – Chẳng nghĩ Di ghi: »Vân Môn như đơn sa đã luyện thiện, chẳng nghĩ ác, ngay lúc ấy cái gì là được 9 lần, đem nhỏ vào sắt, sắt biến bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?«. thành vàng; còn Hoài Trừng như thủy ngân nhìn thấy tuy đẹp mắt, nhưng để vào DỮ PHÀM DỮ THÁNH lò liền chảy!«. Không luận là phàm nhân hay thánh nhân. Tiết Mông Sơn Quang Bảo Thiền sư trong DƯƠNG CHÂU THIÊN NINH TỰ NĐHN q. 2 ghi: » – Không luận là phàm nhân hay Chùa ở phía bắc thành Dương Châu, tỉnh thánh nhân đều bình đẳng như huyễn.« Giang Tô, Trung Quốc, đứng đầu trong tám đại danh sát ở Dương Châu vào đời

DƯƠNG DIỆM BA TRỪNG Thanh, dân gian có lời ca ngợi »Nhất miếu trượng lâu phân bố thành trục đối xứng, bố ngũ môn thiên hạ thiểu, lưỡng lang thập cục nghiêm cẩn, ngay ngắn có trật tự. Là điện thế gian hy« (Thiên hạ ít có một miếu quần thể kiến trúc tự miếu theo hình thức năm cửa, thế gian hiếm thấy hai lang mười tứ hợp viện truyền thống Trung Quốc. điện). Nền chùa nguyên là biệt thự của Thái Truyền Tạ An đời Đông Tấn. Niên DƯƠNG DIỆM BA TRỪNG hiệu Nghĩa Hy thứ 14 (418) đời Đông Tấn có tăng thỉnh Tư Không Tạ Diễm xây cất Vào đầu mùa Xuân, ánh mặt trời chiếu rọi »Hưng Nghiêm Tự«. Niên hiệu Chứng bụi trần bay đi khắp nơi, từ xa trông hiện Thánh thứ 1 (695) đời Đường xây cất tượng bụi bay này giống như sóng nước. »Chứng Thánh Tự«. Vào niên hiệu Chính Đây chỉ là cảm giác sai lầm mà thôi. Hễ Hòa (1111-1117) đời Tống vua ban tên sóng nước biến mất thì cảm giác sai lầm »Thiên Ninh Thiền Tự«. Khi vua Tống cũng hết. Thiền tông dùng thí dụ này để Cao Tông đi về nam từng dừng chân nơi chỉ cho việc loại trừ ý thức hư vọng. Thư chùa này, về sau bị phá hủy bởi binh lửa. đáp Trịnh Côn Nham Trung thừa trong Vào niên hiệu Hồng Vũ (1368-1398) đời HSLNMDT q. 1 ghi: » Minh trùng tu. Niên hiệu Khang Hy thứ 23 đến thứ 46 vua Khang Hy sáu lần nam hạ đều dừng chân nơi chùa này. Niên hiệu Càn Long thứ 22 (1757) ban tặng Thiên – Dụng công Ninh Tự là đứng đầu các chùa ở

Trường như thế, tự nhiên thấy được tin tức tốt. Nếu Giang và Hoài Hà. Trong chùa xây cất bức bách một niệm vỡ được thì tất cả vọng Hành cung, Ngự hoa viên; trước chùa xây niệm đồng thời rơi rụng như không hoa Ngự mã đầu. Trong Ngự hoa viên có xây ảnh lạc, như dương diệm ba trừng. Một Đại quán đường, Văn hối các, vua ban tặng phen qua được chỗ này liền được vô lượng »Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành«, »Tứ Khố khinh an, vô lượng tự tại«. Toàn Thư« mỗi thứ một bộ. Tào Dần từng nhận lệnh vua thiết kế thư cục, chủ trì in DƯƠNG DIỆM KHÔNG HOA khắc »Toàn Đường Thi«, soạn »Bội Văn Vận Phủ«. Đầu nhà Thanh đại họa gia Dương diệm: Vào đầu mùa Xuân, ánh mặt Thạch Đào, cho đến Trịnh Bản Kiều, Kim trời chiếu rọi bụi trần bay đi khắp nơi, từ Nông, Lý Thiện trong »Dương Châu Bát xa trông hiện tượng bụi bay này giống như Quái« từng làm khách nơi tăng xá chùa sóng nước. Không hoa: Hoa đốm trong hư Thiên Ninh. Khoảng niên hiệu Hàm Phong không mà người bị hoa mắt nhìn thấy. (1851-1861) bị phá hủy bởi binh lửa. Niên Cả 2 thí dụ đều chỉ cho giả tướng hư huyễn hiệu Đồng Trị thứ 4 đến niên hiệu Tuyên do vọng tâm sinh ra. Thống thứ 3 (1865-1911), nhiều lần xây dựng lại. Hiện còn Sơn môn, Thiên vương DƯƠNG HÓA điện, Đại hùng bảo điện, Hoa nghiêm các, Hoằng dương giáo hóa. Pháp Diễn ngữ lục Đông tây lang phòng, Phối điện, Phương q. thượng ghi: »

DƯƠNG KỲ TỰ 118, trang 398. Nội dung gồm 5 thiên:

– Thích-ca, Di- 1. Ngữ lục của Hòa thượng Phương Hội lặc thuyết pháp vang động khắp nơi; Văn- khi ở Thiền viện Phổ Thông núi Dương Kỳ thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí chia Viên Châu, do đệ tử là Nhân Dũng ở Thiền nhau mỗi vị ở một phương để giúp Phật viện Bảo Ninh, phủ Giang Ninh ghi chép. hoằng dương giáo hóa«. 2. Ngữ lục của Hòa thượng Phương Hội khi trụ trì chùa Hải Hội núi Vân Cái Đàm DƯƠNG HỒNG PHI (1918-) Châu, do đệ tử là Thủ Đoan ở Bạch Vân Cư sĩ hiện đại, người xứ Nam Thông, Phong, Thư Châu ghi chép. Giang Tô, Trung Quốc. Năm 12 tuổi bắt 3. Ngữ yếu của Thiền sư Đạo Ngô Chân ở đầu ăn chay học Phật. Năm 20 tuổi giã từ Đàm Châu. cha mẹ thụ giới cụ túc, pháp hiệu Viên 4. Khám biện. Minh, từng theo học với các vị đại sư: Ấn 5. Kệ tụng, gồm 9 bài kể từ Quy Sơn Thủy Quang, Thái Hư… Lần lượt giữ chức cổ ngưu trở xuống và bài tụng Tam Diệu Giảng sư Phật học viện Mân Nam ở Amoy, Tam Quyết. Sách này bị nghi là phần trích chủ nhiệm Giáo vụ Phật học viện Thiên riêng ra từ quyển 19 của Cổ Tôn Túc ngữ Ninh ở Thường Châu, sáng lập tạp chí lục. Ngoài ra còn có Dương Kỳ Phương »Học tăng« ở Phật học viện Tĩnh An. Sau Hội Hòa thượng Hậu lục (1 quyển, cũng khi đến Đài Loan, ông lại sáng lập tạp chí được xếp vào Đại Chính Tạng tập 47), nội »Nhân sinh«. Lúc 34 tuổi, ông sang Nhật dung gồm 30 điều bao quát những pháp học tại Đại học Rishō, Kyūshū, đỗ bằng ngữ lúc nhập viện khai đường ở Hưng Hóa Thạc sĩ, Tiến sĩ. Về sau hiện thân cư sĩ, thiền tự, Đàm Châu, cho đến những bài sáng lập học viện Trung Văn Đại Bản, pháp ngữ thượng đường, khám biện 7 điều kiêm giảng sư bộ môn Văn học thuộc Đại và bài chân tán tự thuật. Sách này cũng bị học Đồng Chí Xã ở Kinh đô. Ông còn cực nghi là phần trích riêng ra từ Tục Cổ Tôn lực tuyên dương văn hóa Phật giáo Trung Túc ngữ yếu do sư Minh đời Tống biên tập. Quốc, được mời làm Trưởng ban Phật học Nhật Bản của hội Tu Đính Đại Tạng Kinh DƯƠNG KỲ TỰ Trung Hoa. Ông hết lòng tìm hiểu tư tưởng Chùa dưới đỉnh Thọ Đào, núi

Dương Kỳ, Hà Trạch Thần Hội và có viết luận văn tỉnh Giang Tây, Trung Quốc, cách thành »Người trứ tác và niên đại của Vĩnh Gia phố Bình Hương 35km về hướng bắc, Chứng Đạo Ca«. được xây dựng vào khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-741) đời Đường, do Thiền sư DƯƠNG KỲ PHƯƠNG HỘI HÒA Thừa Quảng chủ trì, ban đầu lấy tên là THƯỢNG NGỮ LỤC Quảng Lợi Tự. Đầu niên hiệu Khánh Lịch (1041-1048) đời Tống, thiền sư Phổ Huệ Ngữ lục, 1 quyển, do Dương Kỳ Phương trụ chùa này đổi tên là Phổ Thông Thiền Hội soạn vào thời Bắc Tống, nhóm Bảo Tự. Ngài Phương Hội ở đây hoằng dương Ninh Nhân Dũng và Bạch Vân Thủ Đoan Thiền tông, sáng lập phái Dương Kỳ của biên tập, được xếp vào Tục Tạng kinh tập tông Lâm Tế. Đời Nguyên chùa bị phá

DƯƠNG MY THUẦN MỤC hủy. Đầu đời Minh, có vị tăng tên Tự Quan Đường. xây dựng lại. Niên hiệu Càn Long thứ 1 2. Do Vương Quan viết tên là »Chân Thúc (1736) đời Thanh, chùa được sửa sang. Thiền sư tháp minh«, dựng vào niên hiệu Niên hiệu Đạo Quang thứ 23 (1843), các Thái Hòa thứ 6 (832) đời Đường. Trước người trong ấp như: Cam Bảo Hiền... tiếp chùa có tháp của Thiền sư Thừa Quảng, tục sửa sang. Quy mô toàn chùa rất khả trong chùa vốn có tượng Như Lai, Bồ tát quan như hồi đời Đường. Theo »Chân Quán Âm, Hộ pháp Vi Đà, 18 tượng La- Thúc Đại sư tháp minh« của Đường hán. Hiện chỉ còn các bức phù điêu: Sư tử, Vương Quan ghi: hoa Mẫu Đơn, Phù Dung trên 2 cánh cửa gỗ. DƯƠNG MY THUẦN MỤC Đỉnh Dương Kỳ một mình cất bước Còn gọi: Thuấn mục dương my, Cử mục Thấy cung hoa đẹp vượt cõi tiên dương my. Nhướng mày chớp mắt. Dụ cho Lâu đài sừng sững vút lên sự suy nghĩ trong một thoáng. Tiết Khai Cờ ma xe quỷ hết còn dương uy. Tiên Thiện Xiêm Thiền sư trong NĐHN q. (Hạnh Huệ dịch) 15 ghi: »

Đến đời Tống, chùa này trở thành tự viện – Một gậy một Thiền tông quan trọng, quy mô càng hùng hét còn là trói buộc, một thoáng suy nghĩ vĩ. Trong bài thơ »Phổ Thông Tự« của vị liền rơi vào cửa phương tiện«. tăng tên Đức Huệ ghi:

DỮU SƠN (532) Nhà ngàn gian dựa núi Hiệu của Thiền tăng Tư Học đời Minh. X. Lầu trăm thước vờn mây. Tư Học. Trịnh Cường, một thi nhân đời Tống cũng có bài thơ »Phổ Thông Tự« như sau: Đ ĐA BẢO Núi tạnh nhuộm màu xanh thẫm xanh Thiền tăng cuối đời Lê đầu đời Lý, thuộc Viện nằm giữa lớp núi vây quanh dòng Vô Ngôn Thông đời thứ 5, nối pháp Dữu lãnh chọc trời mây mịt mịt Thiền sư Khuông Việt. Về sau, sư trụ trì Tào Khê phun đất nước lan man. chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng (nay thuộc (Hạnh Huệ dịch) huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội), Việt Trong chùa còn lại 2 tấm bia đời Đường: Nam. 1. Do Lưu Vũ Tích vì Thiền sư Thừa Quảng soạn văn bia, bia được dựng vào ĐA ĐA niên hiệu Nguyên Hòa thứ 2 (807) đời Rất nhiều. Mật Am ngữ lục ghi: »

ĐẢ BẢN – Còn rất nhiều ĐA TIỂU lời nói rối rắm không muốn nói hết.« Còn gọi: Đa thiểu . Bao nhiêu? Tiết Huệ Trung Quốc sư trong TĐT q. 3 ghi: ĐA ĐA HÒA HÒA » 1. Bô lô ba la cái miệng mà trong lòng

không hiểu gì cả. Tiết Huyền Sa Sư Bị – Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » Quốc sư lại hỏi: Biết tính không? Tăng nói: Biết. Sư hỏi: Ba lần bảy là bao nhiêu? Tăng nói: Hòa

thượng đùa với đệ tử. Ba lần bảy là hai mươi mốt.«

– Này nhân giả! Chớ nên ghi ĐÀ NÊ ĐỚI THỦY nhớ ngôn ngữ, giống như niệm kinh Đà la, »Nói năng, văn viết« lôi thôi dài dòng, chân bước tới trước, trong miệng thì bô lô rườm rà. Tiết Tịnh Từ Huệ Huy Thiền sư ba la, khi bị người nắm lại vặn hỏi chỗ đi trong NĐHN q. 14 ghi: » đến thì nổi giận nói rằng Hòa thượng không trả lời cho ta, việc học đạo phải khổ – Vân Môn bình thường khô như thế.« không khốc, dùi đâm chẳng thủng, đến chỗ 2. Lúng ba lúng búng, ăn nói vụng về. này mới hiểu các lời chỉ dạy là lôi thôi dài Hàm ý nghĩa lãnh ngộ diệu nghĩa thiền dòng«. pháp, không chấp trước ngôn cú tri giải. Mật Am ngữ lục ghi: » ĐẢ (k. ng) 1. Đặt trước động từ, thường không có thật – nghĩa. Những động từ mang chữ »đả« ở Này đại chúng! Chẳng phải văn chương tứ trước đều biểu thị hành vi, động tác của lục, cũng chẳng phải Thiếu Thất riêng người ấy. Tiết Vân Phong Văn Duyệt truyền, lúng ba lúng búng như tỉnh ngộ Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » được thì nhất loạt xỏ mũi Tổ sư.« – Lúc đói hãy ăn cơm, khi mệt hãy đi ngủ«. ĐA KHẨU A SƯ 2. Đánh cướp, trộm cướp. Hoa Nghiêm Chỉ cho thiền tăng lắm lời, nhiều chuyện. Hòa thượng trong TĐT q. 8 ghi: » Tắc 50, Bích Nham lục (Đại 48, 185 trung) – Cướp không đánh nhà ghi: nghèo«. ĐẢ BẢN »Bát lý phạn, dũng lý thủy, Đánh vào tấm bảng cây phát ra tiếng để Đa khẩu a sư nan hạ chủy«. thông báo cho đại chúng biết lúc nào là đến »Cơm trong bát, nước trong thùng, giờ ăn, giờ tắm, giờ làm việc công cộng, Thiền tăng lắm lời khó ghé mỏ«. giờ thượng đường. Điều Dục Chủ trong Thiền Uyển Thanh Quy q. 4 (Vạn Tục 111,

ĐẢ BIỆN 448 hạ) ghi: » loanh quanh, tự tìm trên văn tự ngữ ngôn«.

– ĐẢ CUNG Sắp đặt chỗ tắm cho chư tăng, sửa soạn Cúng dường, cung phụng. Tông Môn Võ khăn sạch, hương hoa, đèn đuốc cùng với Khố ghi: » thuốc phong, ẩm trù. Sau giờ ăn thì đánh bảng«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. – Đến khi Minh An thị tịch có di chúc rằng: Ẩn giấu toàn thân mười năm không ĐẢ BIỆN có tai nạn, nay nên cúng dường cho núi Phấn chấn tinh thần. Tiết Thần Đảnh Hồng Đại Dương.« (Núi Đại Dương là chỗ ở của Nhân Thiền sư trong LĐHY q. 12 ghi: » thị giả Bình, đệ tử của thiền sư Minh An). – Các huynh đệ cần phải phấn chấn ĐẢ DÃ TRAI tinh thần truy tìm tận cùng căn nguyên.« Còn gọi: Đả dã thái. Du phương hành cước. Tắc 48, Bích Nham lục (Đại 48, 183 ĐẢ CÁT ĐẰNG hạ) ghi: » : Trói buộc, vướng mắc, giảng nói. Tiết – Minh Thiên Đồng Phổ Giao Thiền sư trong Chiêu nói: Thượng tọa Lãng ăn cơm của NĐHN q. 18 ghi: » Chiêu Khánh xong, rồi đi du phương hành – cước«. Sơn tăng không có rảnh môi mép như thế Ngoài ra, từ »Đả Dã Trai« theo ngạn ngữ để cùng ông giảng nói, sao chẳng ngưng Phúc Châu có nghĩa là tụ tập nhiều người dứt đi!«. và làm ồn náo.

ĐẢ CẤP ĐẢ ĐỊA Cấp: Cung cấp, cấp cho. Chỉ cho việc cung Công án. Sự việc được thấy trong tiết Đả cấp cơm cháo cho đại chúng. Tiết Khố Đầu Địa Hòa thượng, NĐHN q. 3 ghi: » trong Thiền Uyển Thanh Quy q. 4 (Vạn Tục 111, 448

thượng) ghi: » – Như gặp phải lúc cung cấp cơm cháo cho đại chúng, liền sẵn sàng làm ngay«. – Hòa thượng Đả Địa ở Hân Châu từ Giang Tây lãnh chỉ, thường ĐẢ CHI NHIỄU không rõ tên họ. Hễ người học có hỏi gì thì Đi loanh quanh. Tiết Kính Sơn Biệt Phong chỉ lấy chiếc gậy đập xuống đất, cho nên Khâu Thiền sư trong PĐL q. 25 ghi: » thời ấy gọi sư là Hòa thượng Đả Địa. Một hôm bị ông tăng giấu đi chiếc gậy, sau đó tăng hỏi, sư chỉ biết há miệng.« – Việc quan trọng này vốn Phương sách »đả địa« ẩn ý thiền pháp thẳng tắt, giản dị, rõ ràng mà các ông tự đi không thể dùng ngôn ngữ để bày tỏ, cũng

ĐẢ NGẠNH thể hiện thiền ngộ như người uống nước ĐẢ HÓA lạnh nóng tự mình biết. Tiết Long Môn Khất hóa, mộ hóa (xin bố thí). Tông Môn Thanh Viễn Thiền sư trong NĐHN q. 19 Võ Khố ghi: » ghi: » – Giơ cây xiên, đập gậy xuống đất, dựng phất tử, gõ giường thiền.« – Uyên Thủ tọa trụ chùa Huệ An mỗi ngày đi khất thực. Khi có tăng ĐẢ ĐIỆP đến tạm trú sư mời về nghỉ ngơi trong viện để cho sư cúng dường. Ba mươi năm như Quét sạch, thu dọn. Minh Giác ngữ lục q. 2 thế, dù cho mưa gió cũng không thay đổi.« ghi: » – ĐẢ HỐNG Dọn dẹp sạch sẽ rồi thì trước mắt đến tìm Rắc rối. Tiết Tiến Phúc Hưu Thiền sư ta, ta sẽ cho ngươi một gậy vào xương trong NĐHN q. 20 ghi: » sống.«

ĐẢ GIAO CỔN – Trung Quốc với Tây Thiên toàn một lũ ngu si. Dối gạt kẻ thế gian, sắp diệt Vướng mắc. Chương »Thư đáp Trung thừa mất pháp mạch Phật giáo. Sơn tăng không Trịnh Côn Nham« trong HSLNMDT q. 1 thể làm gì, đuổi theo sau càng rắc rối.« ghi: »

ĐẢ MÔ HOẠCH DẠNG Mô phỏng (bắt chước). Phương Hội Hậu lục ghi: »

– Lão Thích-ca lúc mới sinh bước đi bảy bước, – Những kẻ tu hành ngày nay không mắt nhìn bốn phương, một tay chỉ trời, một biết tự tâm vọng tưởng vốn là hư vọng, tay chỉ đất. Hôm nay nạp tăng hết sức bắt Lầm nhận vọng tưởng này là chân thật nên chước, bèn nói trên trời dưới trời chỉ có ta chuyên chỉ đối đầu với nó giống như trẻ tôn quý«. con đùa với cái bóng trước ánh đèn, càng đùa càng không dính dáng, đùa lúc lâu thì ĐẢ NGẠNH sinh ra sợ hãi. Lại có loại người sợ vọng 1. Cố chấp, bướng bỉnh. Bài tán của Thiền tưởng, chỉ tiếc không nắm bắt nó được để sư Xiển Đề Chiếu trong GTPĐL q. 29 ghi: ném qua một bên, đây giống như bắt gió » – Từ chụp bóng, suốt ngày vướng mắc phí tổn nhỏ đã bướng bỉnh, Phật Tổ cũng đầu hơi sức và lại không có một niệm ngơi hàng«. nghỉ.« 2. Gắng gượng. Tiết Đức Sơn Tuyên Giám

ĐẢ NGÕA TOẢN QUY Thiền sư trong LĐHY q. 20 ghi: » đông chư tăng đắp y 5 điều để ngủ. Về sau, mới thay bằng tấm vải trực chuyết gọi là Đả niêm y. – Ngươi bị lão trọc các nơi lừa bịp, nên tự nói rằng mình là người tu ĐẢ PHÁ TẤT DŨNG hành, gắng gượng ra vẻ kiểu cách, giống Tất dũng: Thùng sơn, chỉ cho hầm sâu vô như bộ mặt của người đắc đạo«. minh.

Đả Phá Tất Dũng là đập vỡ thùng sơn, là dụ cho phá được vô minh, nói khác ĐẢ NGÕA TOẢN QUY đi là kiến tính. Như Tịnh ngữ lục, q. hạ có Dùi rùa đập ngói. Thiền tông mượn từ này ghi: để chỉ cho việc làm tốn công vô ích. Trong bài Tự Thuật của Trần Thánh Tông (Thiền sư Việt Nam) có ghi: »Đả phá hắc tất dũng Thập phương không sách sách Bất thọ Linh Sơn ký An cư đại viên giác«. »Đập vỡ thùng sơn đen »Tự tòng quán giốc nhập thiền lưu Mười phương trống hoang hoác Đả ngõa toản quy một ngoại cầu Chẳng nhận Linh Sơn (thọ) ký Nhận đắc bản lai chân diện mục Ở yên (trong) đại viên giác«. Đáo đầu hà xứ bất hưu hưu«. »Từ phen để chỏm nhập làng Thiền ĐẢ PHẠN Tốn công vô ích hướng ngoại tìm, Đả: động từ, có nghĩa là làm thành, làm ra. Một khi nhận rõ chân diện mục Đả phạn tức là nấu cơm. Theo môn Phạn Đến đâu mà chẳng thấy hồn nhiên«. Phần trong Thiền Lâm Tượng Khí Tiên: » ĐẢ NHAI – Hạc Lâm Ngọc Lộ nói: Gia Xin ăn ở ngõ phố. Tông Môn Võ Khố ghi: nhân của Lục Tượng Sơn tính số người ăn » để nấu cơm«. Ngoài ra, từ ngữ Đả Phạn còn có nghĩa là ăn cơm. – Bấy giờ Trạm Đường làm Tọa nguyên hỏi Uyên Thủ tọa: Ông đi trụ ĐẢ THÀNH NHẤT PHIẾN trì như thế nào? Uyên đáp: Tôi vô phúc, đang kết duyên với mọi người, tự mang cái Nhồi thành một khối. Trong sách vở Thiền sọt đi xin ăn ở ngõ phố để cúng dường tông thường dùng thuật ngữ này để biểu thị tăng chúng.« trạng thái của tâm khi sạch hết quan niệm đối lập, hoặc tham cứu thoại đầu đến trình ĐẢ NIÊM Y độ thoại đầu luôn luôn hiện tiền, không bị Áo ngủ của thiền tăng. Thời xưa, phần cảnh duyên cướp đoạt. Phần Bình Tụng

ĐẢ TỌA của tắc 6 trong Bích Nham lục (Đại 48, 146 Thủ Chứng trong Tu Tây Tập Yết của ngài hạ) ghi: » Tín Am (Vạn Tục 110, 206 hạ) ghi: » – Dài ngắn tốt xấu, nhồi thành một khối, mỗi mỗi nêu ra, – Muốn được trọn không có kiến giải khác«. Phần Bình nhất tâm cần phải kiết thất. Gần đây, Xướng của tắc 19 trong Bích Nham lục người ta lấy phương pháp Niệm Phật trong (Đại 48, 157 trung) ghi: » 7 ngày để làm kỳ hạn, phần nhiều thành – Hương Lâm ưa tựu được nhân duyên tán thiện«. nói: Đến 40 năm, tôi mới nhồi thành một khối«. ĐẢ TĨNH Đối lại: Khai tĩnh. Nghĩa là mới bắt đầu ĐẢ THẢO KINH XÀ ngủ hay tọa thiền. Huấn Đồng Hạnh trong Đập cỏ làm rắn kinh sợ. Theo Tây Dương Thiền Uyển Thanh Quy q. 9 (Vạn Tục 111, Tạp Trở của Đoàn Thành Thức: Vương Lỗ 44 thượng) ghi: » đời Đường từng làm huyện lệnh huyện Đồ, tính hay lừa lọc mưu lợi, tham nhũng bậy – Sau khi đả tĩnh và bạ. Có người viết đơn tố cáo ông, chẳng dè trước khi khai tĩnh, trừ những việc của đơn ấy lại lọt vào tay ông, ông vừa xem Thường trụ, tất cả mọi người không được vừa run, cuối cùng ông phê vào lá đơn: nói chuyện trong Tăng đường và nói »Mi đã đập cỏ, ta như rắn giật mình« (Nhữ chuyện gần Đồng hạnh đường (nhà ở của tuy đả thảo, ngô dĩ kinh xà). Đời sau rút các chú điệu mới vào chùa)«. gọn lời phê thành »Đả thảo kinh xà«, ý nói không giữ được bí mật khi bắt đầu làm ĐẢ TỊNH việc gì, khiến đối phương kinh động và Sắp xếp, sửa soạn. Mật Am ngữ lục: » phòng bị trước. Phần Niêm thuộc Công án thứ 28 trong Khóa Hư lục của Trần Thái

– Một Tông ghi: hôm Ứng Am quát Thượng tọa Cung:
Thường ngày ở đây ông làm gì? Thượng »Phần sơn tu hổ tỵ, đả thảo yếu xà kinh«.
tọa Cung phiền não, sắp xếp rời khỏi »Đốt núi khiến hổ lánh, đập cỏ cốt rắn chùa«. sợ«.
ĐẢ TỌA ĐẢ THẤT Tức chỉ cho việc ngồi thiền. Đả: Động tác, Còn gọi: Kiết thất.
Chỉ cho việc tu hành hành vi. Đả tọa: Chư tăng hoặc Đạo nhân đặt ra quy định là phải có kết quả trong thực hành phương pháp ngồi ngay ngắn để thời gian 7 ngày. Như trong 7 ngày đó, tư duy thâu liễm tâm thần, hoặc để tu pháp người chuyên tu niệm Phật thì gọi là Đả quán của Tông Thiên Thai hoặc pháp quán Phật thất, gọi tắt là Phật thất, người chuyên Du-già của Mật Tông... Viên Ngộ Phật tu về Thiền tông thì được gọi là Đả Thiền Quả Thiền sư ngữ lục q. 14 (Đại 47, 779 thất, gọi tắt là Thiền thất. Điều Khắc Kỳ hạ) ghi: »

ĐẢ VIÊN CẦU – Đầu đà Ca-diếp gian, các ông không có đồ quý làm sao
suốt đời tọa thiền, Thiếu Lâm Đạt-ma chín đựng?« năm ngó vách«. ĐÀI NAM KHAI
NGUYÊN TỰ ĐẢ VIÊN CẦU Còn gọi: Đả cầu tử. Cuộn bong bóng nước, Chùa
ở thành phố Đài Nam, tỉnh Đài Loan, sủi bọt nước. BNL q. 1 ghi: Trung Quốc.
Nguyên là »Bắc Viên Biệt Quán« do Trịnh Kinh con của Trịnh
Thành Công, xây cất để phụng dưỡng mẫu thân là
Đổng Thị. Vào niên hiệu Vĩnh Lịch (1647- — Có vị tăng đến hỏi ngài
1661) đời Minh sáng lập. Niên hiệu Khang Triệu Châu: Trẻ em mới sinh có đủ sáu Hy
thứ 28 (1689) xây cất lại thành chùa, thức chăng? Triệu Châu đáp: Trên dòng khi ấy gọi
là »Hải Hội Tự«. Vào niên hiệu nước chảy xiết làm bọt bong bóng nước sủi Càn Long
(1736-1795) trùng tu, mở rộng tuôn. Sau vị tăng ấy đến hỏi ngài Đại Đồng xây dựng, đổi
tên chùa là »Lựu Hoàn Tự«, Đầu Tử: Trên dòng nước chảy xiết làm bọt »Lựu Thiền Tự«,
»Hải Tình Tự«, cuối bóng bóng nước sủi tuôn, ý nghĩa thế nào? cùng quyết định gọi là
»Khai Nguyên Tự«. Sư đáp: Niệm niệm chẳng tạm dừng. Trụ trì khai sơn là Pháp sư Chí
Trung, đời sau các vị trụ trì càng nổi tiếng hơn như ĐẠC LẠC TOẢN Thiền sư Vinh
Phương, Truyền Phương, 1. Cái dùi lớn. Theo điển tích: Lúc vua Tần Huyền Tinh. Hiện
chùa có mở Viện Thiền Thủy Hoàng xây cất cung A-phòng (có học Khai Nguyên. thuyết
nói xây dựng Vạn Lý Trường Thành) đã cho thợ làm cái dùi rất lớn để ĐÃI khoan vật.
Về sau chiếc dùi này không Đối đãi, đối nhau. Tiết »Nghệ Ngôn« trong dùng được nữa.
Thiền tông mượn từ này NHQL q. 29 ghi: » để chỉ cho kẻ vô dụng, cơ
phong chậm lụt. Cảnh Đức Truyền Đăng lục q. 12 (Đại 51,
291 trung) ghi: »
– Một chữ ngộ là đối lại chữ mê – Có vị tăng gõ cửa. Sư hỏi: Ai đó?
mà có tên. Người thời nay đều lầm nhận Tăng đáp: Tôi đây. Sư bảo: Đồ chậm lụt!«. chữ
ngộ này, tưởng rằng có đạo lý khả tri 2. Một loại dùi có cán xoay, dụ cho thiền mới gọi
là ngộ. Không biết rằng đã có đạo ngữ cơ phong. Tiết Hà Sơn Thủ Tuần lý khả tri thì cái
biết đạo lý là vọng thức, Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: đạo lý bị biết là vọng cảnh,
không phải mê » lầm là gì?« –
Cái dùi cơ phong, ĐÃI NGỘ THIỀN chiếc búa trụ sơn, Phật Tổ ra đời không Thiền
đợi ngộ. Lời phê phán của tông Tào dám xem thường. Giả sử đề hồ đầy thế Động Nhật
Bản đối với pháp môn tham

ĐẠI AN TỰ thiền của tông Lâm Tế. Bởi tông Lâm Tế rất thạnh hành vào cuối đời Tống. Thiền – pháp của họ lấy sự chứng đắc làm mục Muốn sáng được việc của mình, cần phải đích để tu, cũng tức là xem việc tọa thiền có thủ đoạn nhanh chóng mới có thể phóng là phương pháp khai ngộ. Từ ngữ này hàm mình từ đỉnh núi cao ngất, đến chỗ mây ý chê bai. Vĩnh Bình quảng lục q. 8 ghi: trắng xa xôi, được hoàn toàn yên lành, » hoàn toàn nghỉ ngơi. ĐẠI AN LẠC – Các Tông phái tọa thiền lấy sự Hoàn toàn yên lành, vui sướng, là cảnh trông chờ chứng đắc làm quy tắc. Ví như giới của người ngộ thiền. Tiết Giáo Trung nhờ thuyền bè để qua biển lớn, tưởng rằng Di Quang Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: qua biển rồi có thể vứt bỏ thuyền đi! Tọa » tiền của Phật Tổ ta chẳng như thế mà nói toạ thiền ấy là làm Phật!«.

ĐẠI Quá, rất, thật. Phó từ biểu thị trình độ. Đàn – Huệ (chỉ Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » Hòa thượng Đại Huệ) dời qua am Vân Môn, sư đi theo hầu. Một hôm sư hỏi rằng:

– Con đến chỗ này chẳng thể thấu triệt được, Pháp đốn giáo là từ Ấn Độ mang đến, cứu bệnh ở chỗ nào? Huệ bảo: Ngươi mắc độ người đời phải tự tu. Nay báo cho chứng ham mê vô cùng, thầy thuốc thế người học đạo ở thế gian rõ, đối với kiến gian cũng chịu thua. Sao vậy? Vì người giải này không được quá lơ mờ.« khác chết rồi, sống lại chẳng được; còn Lâm Tế ngữ lục ghi: » ngươi bây giờ sống mà chưa hề chết. Muốn – Ngươi thật không biết tốt xấu.« đến cảnh giới hoàn toàn yên lành, vui sướng, cần phải chết một phen mới được.« ĐẠI AN (793-883) Thiền tăng đời Đường, họ Trần, hiệu Lại ĐẠI AN TỰ An, người xứ Phúc Châu, Trung Quốc, nối 1. Chùa nằm trên đường Dự Chương Hầu, pháp Thiền sư Thạch Củng Huệ Tạng. Sư trong cửa Đức Thắng, thành phố Nam trụ Quy Sơn. Thụy hiệu »Viên Trí Đại Xương, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Tăng Sư«. nhân Tây Vực là ngài An Thế Cao sáng lập vào niên hiệu Kiến Ninh thứ 3 (170) đời ĐẠI AN CƯ Đông Hán. Khoảng niên hiệu Vũ Đức Hoàn toàn yên lành, hoàn toàn nghỉ ngơi, (618-626) đời Đường đổi tên là »Tuyên cũng chính là tỉnh ngộ đến cùng. Tiết Cố Minh Tự«, khoảng niên hiệu Đại Trung Sơn An Vĩnh Thiền sư trong NĐHN q. 20 (847-860) đổi tên là »Phổ Tế Tự«. Thiền ghi:

sư nổi tiếng Hoàng Bá Hy Vận đến chùa

ĐẠI ÂM này cử dương tông phong, xây cất Đại »Từ Ân Tinh Trung Tự«. Đầu đời Minh bị thiền uyển, học giả bốn phương tụ hội, lửa thiêu hủy. Niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 10 Tướng quốc Bùi Hưu cũng thờ sư làm (1412) vua Minh Thành Tổ quyết định xây thầy. Đầu đời Minh gọi lại là »Đại An cất lại tự tháp tại nền cũ, lấy tên là »Đại Tự«. Trong chùa có lư hương lớn bằng sắt Báo Ân Tự«. Công trình trải qua 19 năm, do tín đồ đệ tử thời Tam Quốc quyên góp đến niên hiệu Tuyên Đức thứ 6 (1431) sắt đúc thành, cao 8 thước Tàu, trên có hoàn thành. Đại hùng bảo điện, Thiên khắc bài minh. vương điện đều dùng đá cẩm thạch xây 2. Chùa thuộc nam bộ Thiên Sơn, cách nền, thợ khéo chạm khắc thành hoa văn. thành phố Yên Sơn, tỉnh Liễu Ninh, Trung Đấu củng điện vũ đồ họa màu, mái tỏa góc Quốc 20km về phía đông, là một trong vênh trông như chim sải cánh; ngoài ra còn năm đại thiền lâm ở Thiên Sơn. Chùa xây có Phật điện, Quán Âm

điện, Tổ sư đường, cất vào đời Minh, đến đời Thanh được tu Pháp đường, Thiền đường. Vào khoảng bổ thêm. Hiện còn Thích-ca điện, Vi Đà niên hiệu Hàm Phong (1851-1861) chùa bị điện. Trong điện treo một chiếc chuông sắt phá hủy bởi binh lửa. Hiện còn một dãy được đúc vào niên hiệu Gia Tĩnh thứ 9 nhà điện vũ, một tấm bia Đại Báo Ân Tự. (1530) đời Minh. Đỉnh núi phía bắc chùa có »Thạch động tàng vân« là một trong 16 ĐẠI BẢO QUANG THÁP cảnh đẹp ở Thiên Sơn. Thạch động dài hơn 20m, trong có đắp 18 tượng La hán, cho Còn gọi: Bảo Hoa Ngọc Thạch Tháp. Nằm nên cũng gọi là »La Hán Động«. trong chùa Bảo Hoa sơn huyện Cán, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Theo »Cán Châu ĐẠI ÂM Phủ Chí«, tháp này được vua Đường Mục Thiền tăng đời Minh, họ Diêu, tự Cửu Tông xây cho Thiền sư Đại Giác vào Mặc, người xứ Trường Hưng (nay thuộc khoảng niên hiệu Trường Khánh (821-824) tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp đời Đường. Đến đời Vũ Tông phá hủy. Thiền sư Minh Tuyết ở Thiết Bích. Niên hiệu Đại Trung thứ 7 (853) Vua ra lệnh xây lại. Tháp có 7 tầng cao hơn ĐẠI BÁO ÂN TỰ (29) trượng, trong tháp có tượng Bồ Tát, đỉnh Chùa ở làng Cổ Trường Can bên ngoài cửa tháp dùng đá Đại Lý điêu khắc thành, trang Trung hoa, thành phố Nam Kinh, tỉnh nhã mỹ quan. Vào khoảng niên hiệu Giang Tô, Trung Quốc. Được xây cất vào Nguyên Phong (1078-1085) đời Tống xây niên hiệu Xích Ô (247) thời Đông Ngô cất lại mới hoàn toàn. Tam Quốc, gọi là »Kiến Sơ Tự« và xây tháp A-dục Vương. Nam Triều gọi là ĐẠI CHÚNG »Trường Can Tự«. Đời Đường gọi là 1. Chỉ cho chúng tăng học Phật pháp trong »Phụng Tiên Tự«. Đời Tống gọi là »Thiên tự viện. Lâm Tế lục ghi: » Hy Tự«, các bậc cao tăng Thiền tông – Khuông Dật, Huyền Tắc, Pháp An từng ở Sư nói: Đại chúng! Muốn biết câu chủ chùa này hoằng pháp. Đời nguyên gọi là khách của Lâm Tế, hãy hỏi hai vị Thủ tọa

ĐẠI CƠ ĐẠI DỤNG trong Tăng đường.« 2. Đại sư. Đối với các vị Thượng tọa, Trưởng lão, thì tăng nhân nhỏ tuổi, hạ lạp thấp, đặc biệt gọi tôn trọng họ là đại chúng.

Tiết Lặc Đàm Pháp Hội Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: » – Sư liền tham yết thiền sư Pháp Diễn ở Phù Sơn, thỉnh ích công án đã tham từ trước. Viễn nói: Ta có một thí dụ nói cho ngươi nghe. Ngươi giống như gã nhà quê đi bán củi, mang tấm bảng đến ngã tư đường rồi hỏi mọi người: Hôm nay trong nhà quan Tể tướng – Pháp Hội hỏi Mã Tổ: Thế nào là ý (Trung thư) có bàn bạc việc gì? Sư lặng Tổ sư từ Ấn Độ sang? Tổ quở: Nói khẽ yên ngẫm nghĩ rồi thưa: Nếu như thế, quả chứ! Ngươi xích lại gần đây ta nói cho thật là con chưa lãnh ngộ.« nghe. Sư liền bước tới gần, bị Mã Tổ vả vô miệng bảo: Nơi đông người không thể nói ĐẠI CƠ bàn gì được. Ngươi hãy tạm lui ra, ngày Thiền nghĩa mầu nhiệm, vi tế, sâu kín, mai hãy đến. Đến ngày mai, sư một mình không để lại dấu vết. Tiết Hoài Hải trong vào thưa: Xin Hòa thượng chỉ dạy. Tổ nói: CTTNL q. 1 ghi: » Ngươi hãy tạm lui ra, đợi khi lão tăng ta đây thượng đường có đông người hãy bước – Mã Tổ sản xuất ra 84 vị Thiện tri ra mà hỏi, chừng đó ta sẽ chứng minh cho. thức. Có bao nhiêu người được đại cơ? Sư bỗng tỉnh ngộ thưa: Tạ ơn đại sư đã Bao nhiêu người được đại dụng? chứng

minh!« ĐẠI CƠ ĐẠI DỤNG ĐẠI CHỨNG (1297-1361) Thiền pháp vi diệu cực kỳ thực tiễn, vận Thiền tăng đời Nguyên, họ Sử, tự Vô Ấn, dụng và trao nhận. Tiết Hoài Hải trong người xứ Bà Dương (nay là huyện Ba CTTNL q. 1 ghi: » Dương, tỉnh Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Vân Ngoại Vân Tụ, tông Tào Động. Sư trụ chùa Nam Thiền ở Cù – Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: Bách Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang), sau dời Trượng tái tham Mã Tổ về nhân duyên giơ về chùa Quang Hiếu. Sư được Vua ban phất tử, ý chỉ của 2 vị tôn túc này ra sao? hiệu »Phật Nhật Viên Minh Huệ Biện Ngưỡng Sơn nói: Đây là 2 ngài hiển đại cơ Thiền sư«. đại dụng«. Cũng trong tiết Hoài Hải trong CTTNL q. ĐẠI CỐ 1: » Quả thật, chắc chắn là. Tiết Ngũ Tổ Pháp – Hôm nay nhờ Hoà thượng nêu ra Diễn Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » con được thấy đại cơ đại dụng của Mã

ĐẠI DỤNG Tổ.« – Này các ông, mỗi người có mỗi một việc là đại dụng hiện tiền mà không tốn ĐẠI DỤNG một mảy khí lực, liền cùng Phật Tổ không Chỉ cho Thiền pháp thực tiễn, thiền pháp khác«. vận dụng, thiền pháp trao và nhận. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: » ĐẠI DỤNG HIỆN TIỀN, BẤT TỒN QUỸ TẮC – Khắp cả trời người hợp lại, lọt qua Đại dụng hiện tiền, chẳng còn phép tắc. cửa ải thiền ngộ, phát đại cơ, hiển đại Trước mắt chính tự mỗi người phải thực dụng.« tiễn vận dụng thiền pháp không bị lệ thuộc Tiết Thủ Sơn Tỉnh Niệm Thiền sư trong vào các phép tắc hạn định và ràng buộc, NĐHN q. 11 ghi: » cũng chính là ý nghĩa vận dụng thiền pháp – Đại dụng không phải nhướng tự do tự tại. Bích Nham lục q. 1 ghi: » mày, gậy đánh cần phải thấy máu.« ĐẠI DỤNG ĐƯỜNG ĐƯỜNG – Đại dụng hiện tiền, chẳng còn phép tắc, có khi đem một cọng cỏ làm Ý nói tính thực tiễn và trao nhận thiền thân vàng một trượng sáu, có khi đem thân pháp đâu đâu cũng thế cả, vôn công khai vàng một trượng sáu làm thành một cọng không giấu giếm. Tiết Văn Định Hồ An cỏ.« Quốc Cư sĩ trong NĐHN q. 18 ghi: ĐẠI DỮU LÃNH Còn gọi: Dữu Lãnh, Lãnh Sơn, Mai Lãnh. Núi Đại Dữu. Vị trí ở phía nam huyện Đại Dữu tỉnh Giang Tây, phía bắc huyện Nam »Thủ ác càn khôn sát hoạt cơ Hùng tỉnh Quảng Đông. Xưa gọi là Tái Tung hoành thi thiết tại lâm thời Thượng. Đời Đường Huyền Tông, sau khi Mãn đường thố mã phi long tượng ngài Huệ Năng được Ngũ Tổ mật truyền y Đại dụng đường đường tổng bất tri«. bát để làm Tổ thứ 6, suốt đêm Lục Tổ »Nắm chặt càn khôn tung bẫy rập mang y bát rong ruổi về Nam. Bạn đồng Ra tay ngang dọc chỉ tuỳ thời môn là Huệ Minh cùng 10 người khác đuổi Đầy nhà nào phải hàng long tượng theo Ngài để đoạt lại y bát. Khi đến Đại Đại dụng đường đường trọn chẳng hay«. Dữu Lãnh, Huệ Năng để y bát trên tảng đá rồi ẩn mình trong đám cỏ rậm. Huệ Minh ĐẠI DỤNG HIỆN TIỀN dở y bát lên chẳng nổi rồi xin Lục Tổ khai Ý nói ngay bây giờ thực tiễn trao và nhận thị cho, cuối cùng được đại ngộ. Lục Tổ thiền pháp. Tiết Vân Môn Văn Yển Thiền tiếp tục đi đến chùa Pháp Tính ở Quảng sư trong NĐHN q 15 ghi: » Châu. ĐẠI DỮU LÃNH ĐẦU ĐỀ BẤT

ĐẠI ĐOẠN KHỞI Bảo Thông, tự hiệu Đại Điên Hòa thượng, Ở núi Đại Dữu giở lên chẳng nổi. Câu người xứ Dĩnh Châu (nay thuộc huyện Hứa truyện của Thiền Tông. X. Đại Dữu lãnh. Xương, tỉnh Hà Nam) Trung Quốc, nối Pháp Diễn ngữ lục, q. thượng ghi: » pháp Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên. Tác phẩm: Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh – Đã là ở núi Đại Dữu giở lên chẳng Thích Nghĩa, Kim Cang Kinh Thích Nghĩa. nổi, vì sao lại ở nơi đây?« ĐẠI ĐIÊN THIỀN SƯ THÁP ĐẠI DỮU LÃNH ĐẦU NHẤT PHỐ CÔNG ĐỨC Còn gọi: Thiệt cảnh tháp. Nằm ở phía sau Núi Đại Dữu-một tòa công đức, chỉ cho chùa Linh Sơn, làng Đồng Vu, huyện Triều việc tham thiền ngộ pháp. Dùng điển cố tại Dương, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Là núi Đại Dữu, Lục tổ Huệ Năng khải phát mộ tháp của Thiền sư Đại Điên, một cao cho Huệ Minh được lãnh ngộ thiền pháp. tăng đời Đường. Mộ tháp xây bằng đá hình Mật Am ngữ lục ghi: » chuông cao 2,8 mét, thân tháp thẳng đứng cao ngoài 1,8m. Trong khám thờ chính diện khắc năm chữ »Đại Điên Thiền sư – Thạch Đầu hỏi Trường Thử: Từ Tháp«. Dưới khám thờ là hình hoa sen nở đâu đến đây? Thử đáp: Từ Lãnh Nam đến. bằng đá, dưới hoa sen nở là bệ tháp. Chung Thạch Đầu hỏi: Núi Đại Dữu-một tòa công quanh bệ tháp chạm trỗ đồ án hoa văn theo đức đã thành tựu hay chưa?«. phong cách thuần phác cổ xưa trang nhã. Trước tháp có lư hương, bó đuốc bằng đá ĐẠI ĐỊA MỘT NHÂN PHÙNG được điêu khắc giản dị trong sáng mang đậm màu sắc hương vị cổ xưa. Khắp nơi trên trái đất không tìm thấy một ĐẠI ĐỊNH (1824-1906) người để vá may lại. Thiền tông mượn từ này làm thuật ngữ để chỉ cho cảnh giới bất Thiền tăng cận đại, họ Đặng, tên Đại Đảnh, khả đắc, không, siêu việt mọi thấy biết tự Mật Nguyên, người xứ Hoàng Pha, Hồ phân biệt. Nếu dùng trí thông minh thì Bắc, Trung Quốc, nối pháp Hòa thượng không thể nào đạt đến cảnh giới này. Đổng Quán Tâm ở chùa Kim Sơn, Trấn Giang. Thượng Cổ Triệt, q. thượng (Vạn Tục 125, Sư trụ trì chùa Kim Sơn. 358 thượng) ghi: ĐẠI ĐOẠN 1. Hết sức, quả là, rất. Phó từ. Tông Môn »Thạch nhân sam tử phá, Võ Khố ghi: » Đại địa một nhân phùng«. »Người đá mặc áo rách, – Ông ấy quả là lãnh hội được Khắp nơi không người vá«. ngay lời nói, còn lúc nói với bọn tôi thì tốn biết bao là công sức. Ông ấy chỉ nghe một ĐẠI ĐIÊN (732-824) hai câu liền hiểu rõ ràng.« Thiền tăng đời Đường, họ Trần, pháp hiệu

ĐẠI ĐÔ 2. Nói chung, đại khái. Thư đáp Trung hiệu »Từ Tế Đại Sư«. thừa Trịnh Côn Nham trong HSLNMDT q, 2. Thiền tăng đời Nguyên (1289-1370), họ 2 ghi: » Vương, tự Nhất Vân, hiệu Biệt Phong, người xứ Thượng Ngu (nay thuộc tỉnh – Nói Chiết Giang) Trung Quốc. Sư tham học với chung hai nẻo Thánh phàm chỉ là hai 2 vị: Hối Cơ Hy Công và Trung Phong đường mê ngộ trong tự tâm. Tất cả thiện Minh Bản. Tác phẩm: Bảo Lâm Tạp Biên, ác nhân quả nếu ngoài tâm này thì không Thiên Trụ Thi Cảo. thể lập. Tấu đối cơ duyên ghi: » ĐẠI GIÁC Sách »Trung Dung« nói tâm Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư tính rồi quy về thiên mệnh cùng với kiến Lâm Tế Nghĩa Huyền, tông Lâm Tế. Sư trụ giải của Lão, Trang đại khái đều giống Ngụy Phủ (nay là huyện Đại Danh, tỉnh Hà nhau.« Bắc) Trung Quốc.

ĐẠI ĐÔ ĐẠI GIÁC KIM TIÊN 1. Quả thật là. Tiết Thắng Nhân Hàm Tĩnh Chỉ cho Đức Phật. Nguyên do là vua Tống Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » Huy Tông hạ chiếu bắt buộc phải đổi tên gọi Phật. Theo Huy Tông Kỷ trong Tống Sử: Ngày Ất mão, tháng giêng năm 1119, – Ông già Thích-ca lúc mới thành Vua hạ chiếu đổi hiệu Phật thành Đại Giác Phật đạo, quả thật là việc bất đắc dĩ. Vừa Kim Tiên, các vị Bồ Tát là Tiên nhân Đại mới thành xong cái Bảo xã liền sinh tâm sĩ, Tăng là Đức sĩ, ni là Nữ đức, Nữ quan rút lui.« (Nữ đạo sĩ) là Nữ đạo. 2. Đại khái, nói chung. Tiết Ô Cự Đạo Hành Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » ĐẠI GIÁC THIỀN SƯ NGỮ LỤC Còn gọi: Lan Khê Hòa thượng ngữ lục, – Mưa ở Hoàng Mai khiến mùa Kiến Trường khai sơn Đại Giác Thiền sư gặt lúa mì lạnh lẽo. Làm sao hội được lời ngữ lục, Đại Giác lục. Ngữ lục 3 quyển, do nói ấy, thật là kỳ cục. Muốn biết nghĩa Lan Khê Đạo Long soạn vào đời Tống, các Phật tính, thời tiết nhân duyên, đại khái vị: Trí Giác, Viên Hiển biên, được xếp vào phải là cái đầu lâu rỗng.« Đại Chính Tạng. Vào niên hiệu Thuần Hựu thứ 6 (1246) đời Tống, Đạo Long đi sang ĐẠI ĐỒNG Nhật Bản hoằng pháp, nên ngữ lục này 1. Thiền tăng đời Đường (819-914), họ được biên soạn bởi các vị đệ tử nối pháp Lưu, người xứ Hoài Ninh, Thư Châu (nay của ngài Đại Giác ở hai nước Trung Hoa thuộc huyện Tiềm Sơn, tỉnh An Huy) và Nhật Bản. Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Thúy Nội dung bao gồm ngữ lục (tiểu tham) ở Nham Vô Học. Sư trụ núi Đầu Tử. Thụy các chùa tại Nhật Bản như: Thường lạc,

ĐẠI HẠN Kiến Thường, Kiến Ninh. Riêng có các chú nguyện khi dùng cháo mỗi ngày, Thí phần: Phổ thuyết, Pháp ngữ, Tụng cổ, Kệ thực, Chúng tăng trong tăng đường cần tụng, Phật Tổ tán, Tiểu Phật sự. Quyển biết, Bảng nơi liêu thị giả, Thưa hỏi xin ở cuối phụ lục 1 thiên » Phổ thuyết bổ di«. trọ, Tuần đường lễ bái trong 4 mùa, Nghi thức dâng trà nơi tăng đường trong 4 mùa, ĐẠI GIÁC TỰ Bảng nơi liêu Tạng chủ, Cách thăng tòa 1. Chùa trên ngọn Liên Hoa, núi Thiên thuyết pháp, Khuyên tinh tấn. Mục, phía tây tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Gọi đủ là »Đại Giác Chính Đẳng ĐẠI GIÁO Thiền Tự«. Niên hiệu Chí Nguyên thứ 29 Chỉ Phật giáo, thiền giáo. Tiết Nham Đầu (1292) đời Nguyên, tăng nhân phái Dương Hòa thượng trong TĐT q. 7 ghi: » Kỳ tông Lâm Tế là Cao Phong Nguyên Diệu sáng lập. Sau khi Nguyên Diệu tịch thì Đại Giác Tổ Ung quyền nhiếp việc – Ta tưởng đâu mai kia mốt nọ ngươi chùa, sau đó Vĩnh Thái trụ trì chùa này. lên đỉnh núi vắng kết am cỏ ở, xiển dương Trong chùa có Ngũ phụng lâu, Chư thiên thiền giáo, dè đâu còn nói lời này!« các, Tàng kinh khả quan lâu. Cuối đời Nguyên gặp binh lửa. Niên hiệu Hồng Vũ ĐẠI HÁC (1576-1627) thứ 10 (1377) đời Minh, Long Tiềm xây Thiền tăng đời Minh, họ Tiết, tự Huyền cất lại. Niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 1 (1403) bị Tân, Nguyên Tân, người xứ Tiền Đường hồng thủy hủy hoại. Năm thứ 12 (1414) (nay thuộc Hàng Châu) Trung Quốc, nối Tông Cố di dời nền chùa đến chỗ hiện nay. pháp Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, trụ Niên hiệu Hoằng Trị thứ 7 (1494) Tri phủ chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu. Tác phẩm: Lương Vạn Chung khôi phục lại nền cũ, Tịnh Từ Tự Chí 10 quyển, Vĩnh Minh Đạo xây cất lại Đại điện và Thiền đường. Cuối Tích. đời Minh lại bị phá hủy. 2. Xem »Vân Môn Tự«. ĐẠI HÀM (1736-1820) Thiền tăng đời Thanh, họ Phan, tự

Nhạn ĐẠI GIÁM THIỀN SƯ TIỂU Hoàng, hiệu Nghiết Tuyết Tử, người xứ THANH QUY Ngô Giang, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Còn gọi: Đại Giám Tiểu Thanh Quy. Sách, Sư nối pháp Thiền sư Lĩnh Vân Triện 1 quyển, do Chính Trừng soạn vào đời Ngọc, đời thứ 38 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì Nguyên, được xếp vào Đại Chính Tạng tập chùa An Quốc ở Ninh Hải. Tác phẩm: Nam 81, trang 619. Sau khi đi Nhật Bản về, Tham tập, Trang Du Thảo, Đàn Chỉ tập. Chính Trừng dùng »Bách Trượng Thanh Quy« làm lam bản để soạn sách này, cốt ĐẠI HẠN thích ứng với các chùa chiền Nhật Bản. Ngày tận số. Tiết Động Sơn Hòa thượng Nội dung gồm có hơn 10 điều: Cách niêm trong TĐT q. 6 ghi: » hương lưỡng ban, xuất ban, Cách trải tọa cụ lễ bái, Phép tắc Duy-na cần biết, Văn –

ĐẠI HẢO Trong pháp hội Diêm Quan có một vị tăng hội thì liền lãnh hội, ngọc vốn không có tì biết Phật pháp, thân mắc bận làm chủ sự vết. Nếu nói rằng chẳng lãnh hội thì miệng chưa rảnh để tu hành. Ngày tận số sắp cối giã gạo trổ hoa. Hỏi thử chín năm ngó đến, quỷ liền đến bắt ông ta.« vách, sao bằng đại hội niêm hoa?«

ĐẠI HẢO ĐẠI HUỆ PHỔ GIÁC THIỀN SƯ Hay lắm! Khi lặp lại lời nói của đối NGỮ LỤC phương có tính châm biếm, phía trước Gọi tắt: Đại Huệ lục. Ngữ lục, 30 quyển, thêm vào từ »Hảo nhất cá«. Tiết Ôn Châu do Đại Huệ Tông Cảo soạn vào đời Tống, Tịnh Cư Ni Huyền Cơ trong NĐHN q. 2 Tuyết Phong Uẩn Văn biên tập, được xếp ghi: Phong (chỉ thiền sư Tuyết Phong) hỏi: vào Tục Tạng kinh tập 121, trang 47. » Quyển l-9: ngữ lục (theo thứ tự là ngữ lục ở Thiền viện Năng Nhân, Kính Sơn; ngữ lục ở Dục Vương Quảng Lợi Thiền Tự; ngữ lục ở Thiền Viện Năng Nhân, Kính Sơn lần 2; ngữ lục ở am Vân Môn, Giang – Nhà ngươi tên gì? Ni sư Tây; ngữ lục ở am Dương Dư, Phúc Châu; đáp: Huyền Cơ. Phong hỏi: Mỗi ngày dệt Bỉnh phất ngữ lục ở liêu Thủ tọa, Vân Cư. được bao nhiêu? Ni sư thưa: Tấc tơ chẳng Quyển 10 : Tụng cổ. Quyển 11: Kệ tụng. mang. Nói xong, Huyền Cơ lễ bái rồi lui. Quyển 12: Tán Phật Tổ. Quyển 13-18: Phổ Vừa đi chừng năm, ba bước, Phong gọi lại, thuyết. Quyển 19-24: Pháp ngữ Quyển 25- bảo: Chéo áo ca-sa quét đất. Ni sư xoay 30: Thư từ. Trong một lần xuất bản, Quảng đầu lại nhìn. Phong bảo: Hay lắm! Tấc tơ Văn Xương biên tập lại phần Thư từ, gọi chẳng mang!« tắt là »Đại Huệ Thư« gồm 53 bức thư. Nội dung là lời hỏi đáp giữa sư và hạng đệ tử ĐẠI HÂN (1284-1344) quan lại, cư sĩ theo hình thức thư từ để Thiền tăng đời Nguyên, họ Trần, tự Tiếu thuyết minh yếu chỉ Thiền tông. Ẩn, người xứ Nam Xương (nay thuộc tỉnh Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền ĐẠI HUỆ PHỔ GIÁC THIỀN SƯ sư Bách Trượng Hối Cơ. Sư trụ chùa Báo PHỔ THUYẾT Quốc. Tác phẩm: Tứ Hội ngữ lục, Bồ Thất Gọi tắt: Đại Huệ Phổ Thuyết. Ngữ lục, 5 tập. quyển, do Đại Huệ Tông Cảo soạn vào đời Tống, các vị Huệ Nhiên, Uẩn Văn, Đạo ĐẠI HỘI NIÊM HOA Tiên biên tập vào đời Tống. Chỉ câu truyện Phật Thích-ca-mâu-ni ở Nội dung biên chép lời giảng của thiền sư pháp hội Linh Sơn giơ cành hoa để khai thị Đại Huệ Phổ Giác về tông chỉ của các bậc môn đồ. Tiết Ô Cự Hành Thiền sư trong thiền sư đời Tống. Quyển đầu: Câu hỏi của NĐHN q. 20 ghi: » các vị. Quyển 2-4: Ghi chép tỉ mỉ về Thiền phong Lâm Tế, cuối quyển phụ phần – Lãnh Thang Thừa tướng thỉnh Thiền sư Đại Huệ

ĐẠI KINH thăng tòa, sớ ngữ và phần pháp ngữ của ngài Đại Huệ. Quyển 5: Phần trùng biên – Nếu chẳng dùng Bát Nhã để của cư sĩ Tịnh Trí Hoàng Văn Xương. thực hiện công phu thì đâu thể đối trị vô Sách này được ấn hành vào niên hiệu minh, đạt đến chỗ sạch hết mọi suy nghĩ Thiệu Hy thứ 1 (1190), tức là sau khi ngài phân biệt, thoát khỏi mê vọng, trụ ở cảnh Đại Huệ thị tịch 27 năm. Đây là một tư liệu giới đại an lạc?«. rất quý để nghiên cứu về thiền cơ tông Lâm Tế. ĐẠI KHÍ Người có nhiều tài năng hay gánh vác ĐẠI HƯU được việc lớn. Nguyên Hiền quảng lục q. Hiệu của Thiền tăng Chính Niệm đời 30 có ghi: » Nguyên. X. Chính Niệm. – Thuở xưa ngài Đại Giác Liễn có cử chỉ tôn ĐẠI HƯU ĐẠI HIẾT nghiêm trong lúc động cũng như lúc tĩnh, Ý chỉ trừ sạch vọng niệm vọng thức, triệt nên Thiền sư Viên Thông Nột thoạt thấy để lãnh hội thiền pháp, chấm dứt sinh tử. liền đem lòng kỳ vọng Ngài sẽ là bậc tài Khai thị thiền nhân Lâm trong Mật Am ngữ năng hay gánh vác được việc lớn«. lục ghi: »

ĐẠI KHINH AN Hoàn toàn nhẹ nhõm an vui, là cảnh giới của người ngộ thiền. Thư đáp Trung thừa – Trịnh Côn Nham trong HSLNMDT q. 1 Đúng lúc vào trong lò rèn lớn để rèn ghi: » – Chỉ cần trực tâm chính niệm, đứng luyện, bất cứ tình phàm lượng thánh đều thẳng người hướng về phía trước, ắt sẽ quét sạch tới tận cùng. Muốn thấu suốt sừng sững rực rỡ, chẳng bị các thứ vọng được công án ngữ cú của cổ nhân, tiêu tưởng này quấy rầy như chim ưng thoát dung hết những chấp trước mê lầm, đạt khỏi bàn tay của thợ săn. Trong một ngày đến chỗ trừ sạch vọng niệm vọng thức, đêm ở tất cả cảnh duyên tự nhiên không triệt để lãnh hội thiền pháp thì thân tâm vướng mắc, tự nhiên được hoàn toàn nhẹ phải như cây khô tro lạnh, dù cho đánh nhõm an vui, được tự do tùy ý, thông suốt, thật đau cũng chẳng xoay đầu, dù cho hoạt bát thanh thản.« ngàn muôn người khống chế cũng chẳng nổi.« ĐẠI KINH Kinh điển chính của Phật giáo. Truyện ĐẠI HƯU YẾT ĐỂ Đàm Thôi trong TCTT q. 8 ghi: » Còn gọi: Đại hưu đại yết chi địa. Trạng thái của tâm khi quét sạch mọi suy nghĩ phân biệt, thoát khỏi mê vọng, trụ ở cảnh – Sư tinh giới đại an lạc. Tu Tâm Quyết (Đại 48, thần dồi dào, sáng suốt vốn sẵn, dần dần 1007 hạ) ghi: » có nhân duyên gặp được Phật pháp liền cố

ĐẠI KỲ gắng trong sự việc xuất trần, gởi tâm ĐẠI LÝ ngoài sự vật. Đối với kinh Phật quý giá, Chỉ cho thiền lý, thiền pháp. Tiết Tông mỗi ngày sư đọc đến muôn lời, mặc dù còn Giáo đáp hưởng, Tịnh Độ phẩm đệ nhị ít tuổi song với những kinh điển chính của trong Nguyên Hiền quảng lục q. 2 ghi: » Phật giáo sư đều thông hiểu sâu xa.« ĐẠI KỲ – Nếu phát minh thiền pháp thì chẳng ngại niệm Phật. Chuyện thế Hạn chết. Phần »Di giới« trong Vân Môn gian còn chẳng ngại nói, huống là niệm quảng lục q. hạ ghi: » Phật? Cõi trược còn chẳng ngại sinh vào, huống là vãng sinh về cõi Cực Lạc?« ĐẠI MAI SƠN – Núi thuộc tỉnh Chiết Giang Trung Quốc, Nếu hay tuân hành lời ta răn dạy thì có thể nằm cách huyện Ngân 40km về hướng khiến cho Phật pháp được truyền bá, thiên đông nam. Vì trên núi có nhiều cây mai, thần bảo vệ, chẳng phụ bốn

ân, hữu ích nên gọi là Đại Mai. Niên hiệu Trinh cho đời. Nếu như làm trái lời này thì chẳng Nguyên thứ 12 (796) đời Đường, Thiền sư phải quyến thuộc của ta. Cố gắng! Cố Pháp Thường từ trên núi Thiên Thai đến gắng! Hạn chết gần kề, Ta sắp ra đi nói đây ở ẩn, người đời sau gọi sư là »Đại Mai vắn tắt vài lời để lại. Nỗ lực! Nỗ lực! Hãy Pháp Thường«. Đời Nguyên có thiền tăng ở lại!« Văn Thuật đến trụ trì chùa Hộ Thánh ở núi nầy, sửa đổi các việc suy đồi, chấn chỉnh ĐẠI LÃNG lại thanh quy. Thiền tăng Huệ Lãng đời Đường, được ĐẠI MÃN THIỀN SƯ THẠCH người đời gọi là »Đại Lãng«. X. Huệ Lãng. THÁP Tháp nằm trên ngọn Bạch Liên dãy Đông ĐẠI LÃO Sơn, cách thành phố huyện Hoàng Mai, Từ xưng hô đối với thiền sư tuổi cao, có tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, về phía đông đức độ được mọi người kính trọng và nổi 12km. Tháp xây theo kiểu Lạt-ma, cao 5 tiếng. Tông Môn Võ khố ghi: » mét, thân tháp rêu xanh phủ kín mang một dáng dấp riêng biệt. Tương truyền tháp này là mộ tháp mai táng hài cốt của Ngũ tổ – Hoằng Nhẫn. Ngọn Bạch Liên đứng sừng Tạng chủ Tự Khánh là người xứ Thục, nổi sững một mình, trên đỉnh có ao Bạch Liên, tiếng khắp tùng lâm, tham vấn các bậc đại tương truyền là nơi trồng hoa sen trắng của lão như: Chơn Như, Hối Đường, Phổ Ngũ tổ Hoằng Nhẫn. Giác. Sư đi đến Lô Phụ, vào kinh đô, gặp thiền sư Viên Thông chùa Pháp Vân.« ĐẠI NAM THIỀN UYỂN TRUYỀN

ĐẠI NHÂN ĐĂNG TẬP LỤC hai bên cửa điêu khắc Kim Cang Lực sĩ, hai góc trên cửa chạm trổ phi thiên, kỹ Đăng lục, do Hòa thượng Phúc Điền (Việt nhạc; hình tượng rất sinh động. Đỉnh tháp Nam) thực hiện bằng cách tập đại thành 3 hình nhọn tứ giác. Đây là tháp tứ giác một tác phẩm: Thiền Uyển Tập Anh, Tam Tổ tầng có hoa rừng lá chuối, không có ngọc Thực lục, Kế Đăng lục và một số tài liệu báu, sát can; có một phong cách riêng biệt. khác mà HT Phúc Điền »Ngoại khoa Tạp ĐẠI NGỮ lục«. Sách được ấn hành vào năm 1859. Đây là tư liệu qúy giá mở ra cho chúng ta Có 2 nghĩa: thấy chặng đường lịch sử phát triển Phật 1. Thiền sư hỏi rồi bảo chúng hạ ngữ, giáo Việt Nam trong cộng đồng văn hóa chúng chẳng khế ngộ, Thiền sư thay chúng dân tộc. mà hạ ngữ. 2. Cử một cổ tắc mà cổ nhân không có ĐẠI NIÊN TAM THẬP NHẬT LÂM ngữ, ta bèn thay cổ nhân mà hạ ngữ. HÀNH CHI TẾ ĐẠI NGHI Đại tiện (đi ỉa). Tiết Triệu Châu Tùng Ra đi vào ngày 30 cuối năm, chỉ cho lúc Thẩm Thiền sư trong NĐHN q. 4 ghi: sắp chết. Thư đáp Bốc Viễn Thuộc trong » MANL ghi: »

– Hỏi: Khi người học có nghi phải làm sao? Sư đáp:

– Nếu Đại nghi hay tiểu nghi? (Đi ỉa hay đi đái) muốn ngộ được việc trước khi cha mẹ chưa Đáp: Đại nghi. Sư bảo: Đi ỉa thì ra mé sinh ra ta và muốn đắc lực lúc sắp chết đông bắc, đi đái thì ra sau tăng đường.« chẳng bị hai chữ sinh tử quấy nhiễu thì Trong thí dụ trên đây, thiền sư dùng từ mỗi người cần phải hồi quang phản chiếu, (nghi: chỉ việc tiểu, đại tiện) đồng âm với nhằm nơi gót chân của mình luôn luôn xem từ (nghi: chỉ cho nghi tình).« xét, khán coi nó là cái gì?«. ĐẠI NGHĨA (746-818) ĐẠI NGU THIỀN SƯ THÁP Thiền tăng đời Đường, họ Từ, người xứ Cù Châu, Thuận Giang (nay là huyện Giang Tháp nằm trên sườn núi phía đông chùa Sơn, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, nối Khai Hóa, đông bắc thành phố huyện Cao pháp Thiền sư Mã Tổ

Đạo Nhất. Sư trụ núi Bình, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Nga Hồ. Thụy hiệu »Huệ Giác Đại Sư«. Được xây vào niên hiệu Đồng Quang thứ 3 (925) đời Hậu Đường. Một tầng, hình ĐẠI NHÂN vuông, xây bằng đá xanh. Tầng dưới nền 1. Từ xưng hô đối với bậc bề trên, bậc tháp là bệ đá chồng khít, tầng trên là tòa thầy. Chương Giang Tây Mã Tổ trong sen. Mặt nam thân tháp là một cửa vuông, TĐT q. 14 ghi: »

ĐẠI PHÁC BẤT DIỆU người đương thời chưa biết được sư«. ĐẠI PHẠM TỰ

Chùa thuộc huyện Khúc Giang, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Vào đời Đường tăng nhân Tông Dương sáng lập, ban đầu gọi là – Có Hoàng Tam Lang ở »Khai Nguyên Tự«, sau đổi tên là »Đại Tây Xuyên dạy hai đứa bé trai theo Mã Tổ Phạm Tự«. Thứ sử Vi Cừ từng thỉnh Lục xuất gia. Được một năm, hai chú về thăm Tổ Huệ Năng tuyên giảng pháp Ma-ha Bát- nhã. Đại nhân vừa thấy hai vị tăng, xem nhã ba-la-mật nơi đây, truyền Vô tướng như Phật sống, nói rằng: Người xưa nói: giới (Bút lục lần thuyết pháp này hình Sinh ta ra là cha mẹ, làm thành ta là bạn thành quyển Đàn Kinh nổi tiếng). bè. Hai vị tăng này chính là bạn bè của ta, giúp đỡ người già. Một trong hai ông tăng ĐẠI PHÁP nói: Đại nhân dù đã già, nếu có tâm này Chỉ Phật pháp, thiền pháp. Tiết Khai thị thì có gì khó?« Duy-na Như trong DTNL q. 3 ghi: » 2. Từ xưng hô đối với người phi phàm, người căn khí thượng đẳng. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: » – Nói tóm lại, chỉ vì kiến địa chưa thấu suốt, việc của – Nhắm con mắt duy nhất trên trán mình chưa ổn nên xem nhẹ đạo niệm vậy. (con mắt trí huệ), người căn khí thượng Đạo niệm là gì? Là niệm liễu thoát sinh tử, đẳng có tầm nhìn rộng rãi. Mở nắp ra thì tỏ ngộ thiền pháp đó.« thấy trời trong hủ, bậc đại trí thì có đại cơ. Tiết Huệ Trung Quốc sư trong TĐT q. 3 ĐẠI PHÁP NHÃN ghi: » Huyền chỉ Thiền tông giáo ngoại biệt

Đây có lẽ truyền tức chính pháp nhãn tạng. Tiết Huệ là cảnh giới của bậc phi phàm như Phổ Khả Thiền sư trong TĐT q. 2 ghi: » Hiền, Văn-thù. Chẳng phải hạng phàm phu, tiểu thừa mà tin nhận nổi.« – Như Lai đem huyền chỉ Thiền tông trao cho Ca-diếp, lần lượt truyền trao ĐẠI PHÁC BẤT DIỆU như thế cho đến tay ta.« Ngọc còn ở trong đá chưa thể phát ánh sáng, tỉ dụ cho người có tài năng lớn mà ĐẠI PHÁP NHÃN TẠNG chưa phát lộ ra ngoài. Truyện Thần Hội trong TCTT q. 9 ghi: » Chỉ huyền chỉ Thiền tông giáo ngoại biệt truyền. Chương Tổ thứ 9, Phục-đà-mật-đa – Thần Hội thấu rõ bản tính, trí sáng trong CĐTĐL q. 1 ghi: » bên trong đã có giống như viên ngọc còn ở – Huyền chỉ trong đá chưa thể phát ánh sáng, nên Thiền tông của Như Lai giao lại cho

ĐẠI QUANG MINH TẠNG ngươi, ngươi phải khéo giữ gìn.« Thiền sư trong TĐT q. 18 ghi: » ĐẠI PHONG (1039-1125) – Chẳng ở chính vị, há rơi vào Thiền tăng đời Tống, tên Linh Ngạc, tự là nẻo tà? Chẳng đi trên đường cái, đâu thể Thông Tẩu, người xứ Vĩnh Gia (Ôn Châu rảo bước trên lối nhỏ?«. Chiết Giang) Trung Quốc. Xuất thân tiến sĩ, sư bỏ quan để xuất gia. Sư đến Trấn ĐẠI PHƯƠNG GIA Giang, Giang Tô thờ Thiền sư Hoài Hiền ở Bậc tu hành cao thủ. Tiết Hiền Công Đại

chùa Kim Sơn làm thầy và đắc pháp. Sư từ Hòa thượng hành nghiệp khúc ký trong Mân (Phúc Kiến) đến Hồ Dương, ở bên NHQL q. 3 ghi: cạnh Linh Tuyền Cổ Tự cất nhà sơ sài để ở. Trước tiên là chuyên tâm tĩnh tu, sau đó
sư thấy sự qua lại của dân hai bên bờ sông »Đại phương gia chi thủ đoạn quá bất tiện nên sư quyên tiền và động viên Ngộ vật nhất đao lưỡng đoạn dân chúng xây bắc cầu. Niên hiệu Tuyên Triệu Châu cứu đắc thử miêu Hòa thứ 2 (1120), sư bắt đầu chủ trì việc Vị miễn nhiệt man nhất thượng«. xây dựng cầu đường. Nhờ có kiến thức »Thủ đoạn của bậc (tu hành) cao thủ chuyên môn nên cuối cùng hoàn thành. Gặp việc giải quyết dứt khoát Cây cầu này dài 30 trượng (90m) rộng 9 Triệu Châu cứu được con mèo thước (2,7m), có tên là »Hồ Dương Hòa Chưa khỏi một phen dối gạt«. Bình«. Hai bên đầu cầu đều có bia đá lớn trên khắc chữ »Hòa Bình Lý« và »Hòa ĐẠI QUAN (1201-1268) Bình Kiều« do chính tay Văn Thiên Tường Thiền tăng đời Tống, họ Lục, hiệu Vật Sơ, cuối đời Tống viết. Ngoài việc làm cầu ra, người xứ Ngân Huyện (nay thuộc tỉnh sư còn giỏi trị bệnh cho người. Nếu kể về Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền thiền tăng có tài giám sát việc xây dựng sư Bắc Giản Cư Giản, tông Lâm Tế. Sư trụ cầu đường và giỏi trị bệnh thì như đếm Quảng Lợi Thiền Tự ở núi A-dục Vương. trên đầu ngón tay. Đại Phong là một vị Tác phẩm: Vật Sơ Hòa thượng ngữ lục 1 tăng có tinh thần khoa học. Theo phả hệ sư quyển, Vật Sơ Thặng Ngữ 25 quyển. là Tổ: Thiền tông đời thứ 19, Nam Tông đời thứ 14, hệ Nam Nhạc đời thứ 13, tông ĐẠI QUANG MINH TẠNG Lâm Tế đời thứ 9. Gọi đủ: Truyền Đăng Đại Quang Minh ĐẠI PHƯƠNG Tạng. Đăng lục 3 quyển, do ngài Bảo Đàm 1. Đất đai, thế giới. Tiết Ngọc Tuyền Tông biên tập vào đời Tống. Từ trong bộ Cảnh Liễn Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Đức Truyền Đăng lục ngài sao lục các – Một mình phần cơ duyên ngộ pháp của chư Tổ được bước đi trong thế giới, dang thân nơi vũ truyền thừa và thêm lời bình, được xếp vào trụ«. Tục Tạng kinh tập 137, trang 769. Nội 2. Đường cái. Tiết Tiến Phúc Đạo Anh dung bao gồm 7 vị Phật, 28 vị Tổ Ấn Độ,

ĐẠI SÁT các vị Tổ Trung Quốc, các đại sư Đạo ngộ hoàn toàn thiền pháp, siêu thoát sinh Nhất, Hoàng Bá và các vị nối pháp, tính tử. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: » chung được 190 vị. Sách được xuất bản vào niên hiệu Hàm Thuần thứ 1 (1265) đời Tống. Các quyển chú thích sách này gồm có: Đại Quang Minh Tạng Sự Uyển, 1 quyển, do ngài Đạo Luân soạn; Đại Quang Minh Tạng Miệt Mông, 3 quyển, do ngài – Cư sĩ Trương Vô Tận lúc Thử Sơn Huyền Uyên soạn. ấy khối nghi càng thuần thục, ở bên hiên nhà khách đứng ngồi không yên, vừa xoay ĐẠI SÁT mình muốn lên giường, bỗng nhiên rỗng Thật là. Quả thật. Phó từ. Chương Động rang, liền chạy lên phương trượng. Khi đó Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 ghi: » Hòa thượng Đâu Suất Duyệt biết trước Vô Tận sẽ đến nên chuẩn bị nhang đèn, mở – Có vị tăng cửa tiếp đón. Ngài nói: Mừng cho Tướng hỏi Động Sơn: Luôn luôn siêng lau chùi, công, việc lớn đã xong«. thật là hay, vì sao chẳng được y bát?« Vân Môn quảng lục q. trung ghi: » ĐẠI TÁC PHẬT SỰ
– Phật pháp quả Làm Phật sự với quy mô lớn. Hoằng thực có, hiềm vì trên vết bổng lại đốt thêm dương Phật pháp với quy mô lớn. Truyện ngải cứu.«

Hoằng Nhẫn trong Tống Cao Tăng truyện ghi: » ĐẠI SỰ
Việc lãnh ngộ thiền pháp, siêu thoát sinh tử, nhà
thiền cho đây là việc lớn bên trong – Đây chẳng phải là đứa bé của mỗi người.
Tiết »Nghệ Ngôn« trong tầm thường! Trên thân thể của nó chỉ thua NHQL q. 29 ghi: »
đức Phật có 7 tướng. Nếu cho nó gia nhập hàng ngũ
chư tăng, 20 năm sau nhất định là nó sẽ hoằng dương Phật
pháp với quy – Vọng mô lớn còn hơn những gì ta gửi gắm«. tâm
phân biệt chưa hết thì kiến giải do trí ĐẠI TÂM (1652-1728) thông minh của thế tục
sẽ luôn phát sinh. Thiền tăng đời Thanh, họ Tống, người đời Đây gọi là cảnh giới của trí
thông minh, thường gọi »Hằng Đào Đại Tâm Thiền cũng gọi là quân ma dưới cội cây, dễ
dàng sư«, người xứ Cổ Điền (nay thuộc tỉnh cho ngươi tiêu diệt thỏa sức. Con đường
Phúc Kiến) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư tiến lên này sẽ có ngả chuyển biến và việc
Vi Lâm Đạo Bái, tông Tào Động. Sư có lãnh ngộ thiền pháp mới có hy vọng.« các bài
tụng Niêm Cổ, Hoài Cổ lưu hành ở ĐẠI SỰ LIỄU TẤT đời. Việc lớn đã xong, tức
chỉ cho việc lãnh

ĐẠI THỦ TÔNG SƯ ĐẠI TẬN – Nếu người không có Tháng đủ theo
âm lịch. Mật Am ngữ lục khả năng tự ngộ, cần tìm bậc cao tăng ghi: »
Thiền tông dạy cho cách kiến tính. Sao gọi là đại thiện tri
thức? Đó là người hiểu – Chỉ là tùy theo pháp tối thượng thừa, chỉ thẳng
con đường thời tiết không làm mất chỗ thích nghi, chính.« tháng đủ ba mươi ngày,
tháng thiếu hai mươi chín ngày, đói ăn khát uống, mặc ĐẠI THỌ tình tự tại.« Hiệu
của Thiền tăng Hoằng Chứng đời Minh. X. Hoằng Chứng. ĐẠI THÀNH (1609-1666)
Thiền tăng đời Minh, họ Long, tự Trúc ĐẠI THỌ DỤNG Am, người xứ Trường Sa,
Hồ Nam, Trung Vận dụng thiền pháp và hưởng thọ thiền Quốc. Nối pháp Thiền sư Ẩn
Trí Ngân, đời duyệt tự tại vô ngại. Chương »Khai thị thứ 36 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì
chùa Duy-na Tín« trong DTNL q. 3 ghi: » Quảng Tế ở Giả Sơn, Tác phẩm: Trúc Am
tập, Đại Thành Thiền sư ngữ lục.
ĐẠI THIÊN Gọi tắt của từ »Đại thiên thế giới
«. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: »
– Có vị tăng – Giơ lên thì cõi đại thiên cao
ngất, hỏi ngài Quy Tông: Thế nào là Phật? Quy buông xuống thì phàm thánh cùng
nguồn.« Tông bảo: Ta nói với ngươi, ngươi có tin Bài »Nhất bát ca« trong CĐTĐL q. 30
ghi: không? Tăng thưa: Lời Hòa thượng quan » trọng, con đâu
dám không tin? Quy Tông – Cũng không nhơ, cũng không sạch, bảo: Ngay nơi ngươi
chính là Phật. Tăng đại thiên cùng một tính chân như.« thưa: Làm sao bảo nhậm? Quy
Tông nói: Một khi mắt bị màng che sẽ thấy hoa đốm ĐẠI THIỆN rơi loạn trong hư
không. Có thể bảo vị Thiền tăng đời Đường, nối pháp Mã Tổ tăng này có niềm tin rất
mạnh, vừa nghe Đạo Nhất. Sư trụ núi Thạch Sơn ở Đàm nêu lên liền lập tức thừa
đương, được đại Châu (nay là huyện Trường Sa, tỉnh Hồ thọ dụng vậy.« Nam) Trung
Quốc. ĐẠI THỦ TÔNG SƯ ĐẠI THIỆN TRI THỨC Thiền sư có thủ đoạn cao
siêu để tiếp dẫn Chỉ bậc cao tăng Thiền tông. Đàn Kinh bản người học. Bích Nham lục
q. 1 ghi: » Đôn Hoàng ghi: »

– Đây là thiền sư có thủ đoạn cao siêu,

ĐẠI THỪA BẮC TÔNG LUẬN chẳng bàn luận huyền diệu, nói cơ nói Nhà thiền cho rằng chẳng rơi vào tình cảnh với ngươi, xưa nay chỉ đem việc bản lượng chỗ nơi, vượt khỏi ngôn ngữ tri giải, phận để tiếp dẫn người«. thân tâm tự nhiên đạt đạo là »Đại thừa tâm«. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » ĐẠI THỪA BẮC TÔNG LUẬN Còn gọi: Bắc Tông Luận. Luận, 1 quyển, không rõ tác giả. Là sách thiền Bắc Tông – Đạo không có nơi lưu hành vào đời Đường, được xếp vào Đại chốn gọi là Đại thừa tâm. Tâm này chẳng Chính Tạng tập 85 . ở trong, ngoài, chặng giữa, thật không có Dưới đầu đề của sách này có 3 chữ nhỏ chỗ nơi. Thứ nhất là chẳng được khởi tri »Đại thừa Tâm«, toàn văn chỉ có 469 chữ giải, chỉ nói với ngươi là chỗ tình lượng làm theo hình thức kệ tụng, đứng từ lập hiện nay nếu hết thì tâm không có nơi trường của Bắc Tông để bàn luận về Đại chốn.« thừa Tâm và thế đối lập giữa sinh tử cùng Niết-bàn. Chẳng hạn như: »Ta còn chẳng ĐẠI TIỂU khởi tâm Đại thừa, huống là tâm Thanh Còn gọi: Đại tiểu đại . 1. Lớn như văn?... Ta còn chẳng khởi tâm Niết-bàn, thế, lớn thế ấy. Theo sau cụm từ này phần huống là tâm sinh tử?« Trong ấy chủ lớn là danh hiệu các nhân vật nổi tiếng. trương »Quên tâm«. Tiết Tịnh Từ Ngạn Sung Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » ĐẠI THỪA KHÍ Đồng với »Đại thừa căn khí «. Chương »Tổ thứ tám Phật-đà-nan-đề trong CĐTĐL q. 1 ghi: » – Sư thượng đường nêu công án Tuyết Phong dạy môn đồ rằng: Khắp thế giới là cửa giải thoát, vì sao được dẫn dắt nhưng không vào được? Sư nói: Tuyết – Sau đấy Tổ thống lãnh Phong lớn như thế mà đi nói lời mâu đồ chúng đi hóa đạo đến thành Đề-ca- thuẫn, đã nói khắp thế giới là cửa giải quốc, trước nhà Tỳ-xá-la. Tổ thấy trên nóc thoát còn dùng dẫn dắt làm gì?« nhà có một luồng ánh sáng trắng xông lên Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » liền bảo môn đồ rằng: Nhà này đang có thánh nhân, miệng không thốt lời nào, thật là căn khí đại thừa, chẳng đi vào bốn nẻo, vì biết là dơ uế.« – Thiền sư Pháp Diễn thượng đường nêu công án Vân Môn ĐẠI THỪA TÂM có lời dạy chúng rằng: Cổ Phật cùng cây Vốn là thuật ngữ của giáo môn, ý nói theo cột cái làm bạn với nhau là cơ thứ mấy? giáo pháp Đại thừa là cầu Phật ở nơi tâm. Rồi tự đáp thay: Núi nam nổi mây, núi Bắc

ĐẠI TRÍ HUỆ NHÂN DIỆC HỮU TAM XÍCH ÁM mưa. Sư (Pháp Diễn) nói: Đại sư Vân Môn Dám chết mới được sống lớn như thế, té ra lá mật lại nhỏ.« Phá chấp có, chấp không 2. Đặt ở cuối câu, biểu thị nghi vấn, có Hết sạch mọi nghi hoặc«. nghĩa là bao lớn? bao nhiêu? Tiết Huyền Sa Sư Bị Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: ĐẠI TỬ ĐỂ NHÂN » Chỉ cho người chết hết vọng niệm. Những – Có người hỏi: Thế nào là hạng người này đã xa lìa tất cả sự thấy tháp vô phùng (tháp không có mối nối)? Sư nghe hiểu biết tình thức phân biệt; chẳng bị hỏi lại: Một mối nối này được bao lớn?« hạn cuộc trong kiến giải tương đối như: Tiết Chiêu Khánh Tỉnh Đăng Thiền sư Thế và xuất thế, thuận và nghịch... Tắc 41, trong NĐHN q. 8 ghi: »

Bích Nham lục (Đại 48, 178 hạ) ghi: » –
Triệu Châu – Sư hỏi tăng: Vừa hỏi Đầu Tử: Người chết hết vọng niệm, thì
rời chỗ nào? Tăng đáp: Báo Ân. Sư bảo: lúc sống lại ra sao?«. Tăng đường bao lớn? Tăng
nói: Hòa thượng thử nói xem.« ĐẠI TỬ NHẤT PHIÊN Chết hết một phen. Người
tu theo Phật ĐẠI TU (1826-1899) giáo, muốn đạt được chân lý chẳng phải là Thiền
tăng đời Thanh, họ Thái, hiệu Giới tự hủy diệt thân xác của mình, mà là xả bỏ Hàng, tự
hiệu Bất Bất Đầu Đà, người xứ tất cả chấp trước của thân tâm. Tắc 41, Diêm Thành,
Giang Tô, Trung Quốc. Nối Bích Nham lục (Đại 48, 179 thượng) ghi: pháp Thiền sư Ngộ
Xuân, đời thứ 47 hệ » – Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Định Huệ ở Cần
phải chết hết một phen, thì mới được Tiêu Sơn. Tác phẩm: Giới Hàng tập, Bất sống«. Bất
Đầu Đà ngoại lục. ĐẠI TỰ TẠI ĐẠI TỬ ĐẠI HOẠT Tự do tùy ý, không bị sự
vật câu thúc, mọi Còn gọi: Tuyệt hậu tái tô. Trạng thái bặt nơi đều thông suốt, hoạt bát
thanh thản, là hết tình thức như người chết, để rồi sau đó cảnh giới sau khi thiền ngộ.
Vô Môn Quan sống lại với cái tâm chân thật bất sinh bất ghi: » diệt
sẵn có của mình. Trong 108 bài kệ của – Được đại Thiền sư Phương Tụ
Thành có ghi: tự tại ở bên bờ sinh tử; du hí tam muội trong sáu nẻo bốn
loài.« Tham thiền đệ nhất ĐẠI TRÍ HUỆ NHÂN DIỆC HỮU Đại tử đại
hoạt TAM XÍCH ÁM Phá hữu phá không Tuyệt nghi tuyệt hoặc«. »Pháp
tham thiền bậc nhất Trên mặt của bậc đại trí huệ cũng có chỗ tối tăm. Tông Môn Võ
Khố ghi: »

ĐẠI TRÍ THƯỢNG CĂN pháp. Thế nên siêu phàm vượt
thánh, thoát sinh lìa tử, lìa nhân lìa quả, siêu Tỳ-lô,
vượt Thích-ca, chẳng bị phàm thánh nhân quả đánh
lừa, mọi nơi không ai biết nổi ngươi.«
ĐẠI TRƯỢNG PHU TẤT HẠ HỮU – Khi Trần
HOÀNG KIM Quán đang làm quan, tính tình cứng cỏi và Dưới đầu gối
của bậc đại trượng phu có ngay thẳng, có phong cách lẫm liệt của vàng ròng, nghĩa là
bậc đại trượng phu người xưa, để tâm nơi nội điển, luận nghị xem trọng danh dự,
không dễ gì quỳ gối luôn dành phần thắng ở pháp tòa. Riêng về trước mặt mọi người.
Tông Môn Võ Khố việc tham thiền chưa có đại phát minh. ghi: »
Các cơ duyên Thiền tông phần lớn ông – Đại trượng phu xem dùng ý thức để
lãnh hội, rất thích ngữ lục trọng danh dự, đâu chịu lễ bái các hạng của thiền sư Huệ
Nam, giải thích rõ ràng trưởng lão không mắt (không ngộ)«. gần hết, chỉ có kinh Kim
Cang là không hợp với người trệ ngại, nên ông chú giải ĐẠI VÂN VIỆN chẳng
được. Ông thường nói với mọi Trong núi Long nhĩ cách huyện Bình người: Điều này ắt
có lý do, nhưng chưa Thuận, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc 23km về có người biết đến. Tục
ngữ nói: Trên mặt phía Tây bắc. Được xây dựng vào niên của bậc đại trí huệ cũng có
chỗ tối tăm. hiệu Thiên Phúc thứ 3 (938) đời Ngũ Đại Quả nhiên không sai vậy«. Hậu
Tấn, ban đầu gọi là »Tiên Nham Viện«. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc ĐẠI TRÍ
THƯỢNG CĂN thứ 8 (983) phụng sắc đổi tên là »Đại Vân Trí huệ lớn và căn khí
bậc thượng. Đàn Thiền Viện«. Hiện còn Sơn môn, Thiên Kinh bản Đôn Hoàng ghi: »
vương điện, Hậu điện và hai nhà vu, đều là – Đây là những kiến

trúc đời Thanh. Đại Phật điện pháp tối thượng thừa, vì người có trí huệ là kiến trúc thời Ngũ Đại cột tròn ngạch lớn và căn khí bậc thượng mà nói.« vuông, đấu củng làm theo kiểu ngũ phố, mái tỏa vênh ra, 9 cây đòn tay được ngói ĐẠI TRIỆT ĐẦU lưu ly che phủ, nguy nga tráng lệ, trong Triệt để tỉnh ngộ thiền pháp. Tiết Huyền Sa chùa có khắc rất nhiều bia qua nhiều đời. Sư Bị Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » Hậu điện và hai nhà vu, đều là những kiến trúc đời Thanh. Đại Phật điện là kiến trúc thời Ngũ Đại cột tròn ngạch vuông, đấu củng làm theo kiểu ngũ phố, mái tỏa vênh – ra, 9 cây đòn tay được ngói lưu ly che phủ, Biết được (tự tính) tức là người triệt để nguy nga tráng lệ, trong chùa có khắc rất vượt thoát trần tục, triệt để tỉnh ngộ thiền nhiều bia qua nhiều đời.

ĐÀM CHÁ TỰ ĐẠI VIÊN GIÁC tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Giác ngộ đầy đủ, hoàn toàn. Như Tịnh ngữ Thiền sư Tung Nhũ Đạo Mật, tông Tào lục q. hạ ghi: » Động. Sư có ngữ lục, thi văn tập hơn trăm quyển lưu hành ở đời. – Đập vỡ thùng sơn đen, mười phương trống hoang hoác, chẳng nhận ĐẠI Ý Linh Sơn thọ ký, ở yên trong đại viên 1. Ý chính của bài thơ, bài văn. Đàn Kinh giác.« bản Đôn Hoàng ghi: » ĐẠI VIÊN THIỀN SƯ NGỮ LỤC – Đồng tử dẫn Năng X. Quy Sơn Linh Hựu Thiền sư ngữ lục. (tức Huệ Năng) đến hành lang phía nam. Năng liền lễ bái bài kệ này, vì không biết ĐẠI XẢ (1120-1180) chữ nên bảo một người đọc giùm. Huệ Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Năng nghe xong, liền biết ý chính của bài Thông đời thứ 10, nối pháp Thiền sư Đạo kệ.« Huệ. Sư họ Hứa, quê ở phường Đông Tác 2. Tông chỉ thiền pháp. Đàn Kinh bản Đôn (nay thuộc huyện Hoàng Long, Hà Đông), Hoàng ghi: » miền Bắc Việt Nam. Sư ở chùa Báo Đức, núi Vũ Ninh (tức Trâu Sơn, Bắc Ninh hiện nay). – Chẳng biết bản tâm, học pháp ĐẠI XUẤT THOÁT vô ích. Biết tâm thấy tính, tức là ngộ tông Triệt để siêu thoát trần tục. Tiết Huyền Sa chỉ thiền pháp. Lại: (Thiền sư Hoằng Sư Bị Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » Nhẫn) bảo các môn đồ, mỗi người tự làm một bài kệ trình lên, nếu Tổ thấy ngộ được tông chỉ thiền pháp sẽ giao cho y pháp, vâng mệnh là Tổ đời thứ sáu.« – ĐÀM CHÁ TỰ Biết được tức là triệt để siêu thoát trần tục, Chùa ở lưng chừng núi Đàm Chá, khu vực là người triệt để tỉnh ngộ do đó siêu việt Môn Đầu Câu, thành phố Bắc Kinh, Trung phàm thánh, xuất ly sinh tử, lìa nhân lìa Quốc, bởi phía sau chùa có đầm rồng, quả, siêu Tỳ-lô, vượt Thích-ca, chẳng bị nhân quả phàm thánh lừa gạt, tất cả chỗtrong núi có cây chá nên có tên này. Được không người biết được«. xây cất vào đời Tấn, ban đầu gọi là »Gia Phúc Tự«, là tự viện có sớm nhất ở Bắc ĐẠI Y (1617-1683) Kinh. Ngạn ngữ nói: »Trước có chùa Đàm Thiền tăng đời Thanh, họ Ngô, hiệu Nam Chá, sau có thành U Châu«. Đời Đường Am, người đời gọi sư là »Nam Am Đại Y gọi là »Long Tuyền Tự«, đời Kim gọi là Thiền sư«, người xứ Bồ Điền (nay thuộc »Vạn Thọ Tự«, niên hiệu Thiên Thuận thứ

ĐÀM CHIẾU 1 (1457) đời Minh lại gọi là »Gia Phúc Thiệu Long, tông Lâm Tế. Tự«, niên hiệu Khang Hy thứ 31 (1692) đời Thanh vua ban cho tấm biển »Tụ Vân ĐÀM HOA ĐẠO NHÂN Thiền Tự«. Trải qua nhiều thời đại đều có Thiền tăng đời Thanh, tên Tính Độn, tự xây cất lại, hiện còn là những kiến trúc vào xưng »Đàm Hoa Đạo Nhân«. X. Tính Độn. đời Minh Thanh. Chùa chia làm ba lộ trung đông tây. Trung lộ có Bài lâu, Sơn môn, ĐÀM HÚC (1371-1437) thiên vương điện, Đại hùng bảo điện, Tỳ lô Thiền tăng đời Minh, họ Lâm, tự Đán Sơ, các. Đông lộ có Phương trượng viện,Diên hiệu Nhật Am, người xứ An Cố (nay thuộc thanh các, Vạn tuế cung, Thái hậu cung. huyện Thụy An, tỉnh Chiết Giang) Trung Tây lộ có Lăng nghiêm đàn, Giới đàn, Quốc; tham học với Thiền sư Kính Trung. Quán Âm điện. Trong chùa mái ngói xanh, Sư trụ chùa Diên Khánh, Tô Châu. lan can đỏ, rừng trúc xanh tươi, suối trong ĐÀM KHÔNG róc rách, u nhã khác thường, phong cách thuần phác cổ xưa đặc biệt. Ngoài chùa có Thiền tăng đời Đường, người xứ U Châu tháp viện chia làm hai chỗ trên dưới, tổng (nay là Bắc Kinh) Trung Quốc, nối pháp cộng có 72 ngôi tháp các đời Kim, Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền. Người đời Nguyên, Minh, Thanh, lung linh nhiều gọi sư là »U Châu Không«. hình dáng, là hiện vật quý báu để nghiên ĐÀM MẬT (1116-1184) cứu Phật giáo và kiến trúc cổ. Thiền tăng đời Tống, họ Lô, hiệu Hỗn ĐÀM CHIẾU Nguyên, người xứ Thiên Thai (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền tăng đời Đường, là học trò giỏi của Thiền sư Hối Cơ Di Quang, tông Lâm Tế. Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyện, ở chùa Tác phẩm: Hỗn Nguyên Mật Hòa thượng Bạch Mã, Kinh Nam, Trung Quốc. Người Ngữ Yếu 1 quyển. đời gọi sư là »Bạch Mã Thiền sư«. ĐÀM NGẠC (1285-1373) ĐÀM DĨNH (989-1060) Thiền tăng đời Nguyên, họ Vương, tự Vô Thiền tăng đời Tống, họ Khâu, hiệu Đạt Mộng, hiệu Tây Am, Mộng Đường, người Quán, người xứ Hàng Châu, Trung Quốc; xứ Từ Khê (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) nối pháp Thiền sư Cốc Ẩn Uẩn Thông, Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Nguyên tông Lâm Tế. Sư trụ chùa Long Du ở Kim Tẩu Hạnh Đoan, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Sơn. Ngữ lục, Thi tập và Lục Học Tăng truyện. ĐÀM HOA (1103-1163) ĐÀM PHƯƠNG Thiền tăng đời Tống, họ Giang, tự Ứng Thiền tăng đời Nguyên, hiệu Thủ Trung. Am, người xứ Tô Châu (nay là huyện Kỳ X. Thủ Trung. Xuân, tỉnh Hồ Bắc) Trung Quốc, có thuyết nói là huyện Huỳnh Mai (nay thuộc tỉnh ĐÀM TẠNG (758-827) Hồ Bắc), nối pháp Thiền sư Hổ Khâu Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư

ĐẢM CHIẾT Thạch Đầu Hy Thiên. Sư trụ Tây Viên ĐÀM THẠNH (782-841) Tinh xá. Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người xứ Chung Lăng (nay thuộc phía tây bắc ĐÀM TẮC (1311-1393) huyện Tiến Hiền, tỉnh Giang Tây) Trung Thiền tăng đời Minh, người xứ Nam Hải Quốc, nối pháp Thiền sư Dược Sơn Duy (nay thuộc tỉnh Quảng Châu) Trung Quốc, Nghiễm. Sư trụ núi Vân Nham ở Đàm tham học với Thiền sư Nguyên Tẩu Hạnh Châu (nay là huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Đoan. Minh Thái Tổ ban cho sư hiệu Nam). Thụy hiệu »Vô Trụ Đại Sư«. »Hoằng Giáo Đại Triệt Thiền sư« ĐÀM THỌ (1785-1865) ĐÀM TÂN VĂN TẬP Thiền tăng đời Thanh, họ Đinh, tự Hương Luận nghị, 19 quyển, do Khế Tung soạn Sơ, người xứ Hương Sơn (Trung Sơn, vào đời Tống được xếp vào »Tứ Bộ Tùng Quảng Đông) Trung Quốc. Nối pháp Thiền San« và Đại Chính Tạng tập 52, trang 646. sư Nhạn Hoàng Đại Hàm, đời thứ 39 hệ Đàm Tân (nay là

huyện Đằng tỉnh Quảng Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Hải Tràng, Tây) là sinh quán của ngài Khế Tung nên Quảng Châu. Sư là họa tăng nổi tiếng phái lấy đó làm tên của Văn Tập. Tác giả tinh Lĩnh Nam. thông cả Phật lẫn Nho nên phản bác lại luận thuyết bài xích Phật giáo của hạng ĐẢM BẢN HÁN Nho gia đương thời, đề xướng học thuyết Đồ cố chấp. Chỉ người đàn ông lưng mang Nho Phật nhất trí, có ảnh hưởng rất lớn đối bảng cây. Gã chỉ thấy trước mắt mà chẳng với đời sau. Quyển 1-3: Phụ giáo thiên. thấy hai bên, nên Thiền tông thường dùng Quyển 4: Hoàng cực luận và Trung dung để tỉ dụ người có kiến giải thiên chấp, giải. Quyển 5-7: 40 thiên Luận nguyên. chẳng dung thông được toàn thể. Ngũ Đứng trên lập trường Phật giáo, tác giả Đăng Hội Nguyên q. 4 ghi: » luận về lễ nhạc, tứ đoan, nhân hiếu... của Nho gia.
Quyển 8: 6 thiên viết linh tinh và thư từ. Quyển 9,10: Thu thập
thư từ của Hoàng đế Nhân Tông. Quyển 11: Thu thập
23 thiên về bài tựa của »Lục Tổ Pháp Bảo – Thiền sư Triệu Châu
Tùng Ký Tự«. Quyển 12: Ghi lại những văn bia Thẩm hỏi vị tăng mới đến tham vấn rằng: kỷ niệm. Quyển 13: Thu thập 7 thiên bi ký Từ đâu đến? Đáp: Từ phương nam đến. Sư minh biểu từ và 12 thiên bình luận về tựa nói: Phật pháp đều ở tại phương nam, ông sách cùng tán truyện. Quyển 14-16: Có đầu đến đây làm gì? Tăng nói: Phật pháp há đề là »Phi Hàn«, tức phản bác lại luận có nam bắc sao! Sư bảo: Dù cho ông từ thuyết bài xích Phật giáo của các vị như: Vân Phong, Vân Cư đến, cũng chỉ là đồ cố Hàn Dũ... Quyển 17, 18: 129 bài thơ Cổ chấp« luật. Quyển 19: Thu thập thơ văn của các thiền sư như: Thạch Môn, Huệ Hồng... ĐẢM CHIẾT Sợ đến vỡ mật. Thư gởi Lân Thủ toạ ở

ĐẢM ĐƯƠNG (1593-1673) Định Thuỷ trong MANL ghi: »
Xúc tuyết lấp giếng. Tỷ dụ lời nói và việc làm chẳng hợp
tình lý, ngu muội, luống – Đánh một gậy công. Tiết Tịnh Nhân Kế Thành
Thiền sư hằn một vết sẹo, tát một tát in cả bàn tay. trong NĐHN q. 12 ghi: »
Không phải cơ quan hướng thượng cũng chẳng phải diệu quyết
riêng truyền. Phật Tổ thấy liền nhíu mày, tà ma ngoại đạo
nghe liền vỡ mật.«
ĐẢM ĐƯƠNG (1593-1673) – Sư thượng đường, cử công án Phần Thiền tăng đời Thanh, họ Đường, tên Thái, Dương giơ gậy dạy chúng: ›Ba đời chư tự Đại Lai, người xứ Tấn Ninh (nay thuộc Phật đều ở chỗ này, vì các ngươi không có tỉnh Vân Nam) Trung Quốc, nối pháp mắt để thấy nên chạy đến cây gậy của sơn Thiền sư Trạm Nhiên, tông Lâm Tế. Tác tăng. Vốn không có việc lại sinh ra lắm phẩm: Tu Viên tập, Quyết Am tập, Niêm việc‹. Sư nói: Phần Dương dạy chúng thế Hoa Tụng Bách Vận. ấy giống như xúc tuyết lấp giếng, không coi ai ra chi. Hôm nay sơn tăng (Kế Thành ĐẢM PHẬT BÀNG GIA TẨU tự xưng) vì các ngươi mà mở miệng.« Gánh Phật chạy sang nhà láng giềng.
Chỉ ĐẠM CƯ tăng hành cước chưa ngộ đi đến các nơi Hiệu của Thiền tăng Pháp Khải đời Minh. tham học cầu Phật. Đây là lời nói hàm ý X. Pháp Khải. châm biếm. Bởi vì Thiền tông cho rằng »Tự Tâm là Phật« mà phần đông tăng sĩ lại ĐẠM CƯ TỬ chẳng ngộ lý này, bôn ba chạy tìm Phật ở Hiệu của Thiền tăng Chí Nhân đời cuối các nơi. Tiết Trường Khánh Đại An Thiền Nguyên đầu Minh. X. Chí Nhân. sư trong NĐHN q. 4 ghi: » ĐẠM ĐƯỜNG Hiệu

của Thiền tăng Đức Bằng đời Tống. X. Đức Bằng. –
Các ngươi ĐAN HÀ TỬ THUẦN THIỀN SƯ cùng đến với An (An: Thiền sư Đại An tự NGỮ LỤC xưng) để tìm cái gì? Nếu muốn làm Phật Còn gọi: Tùy Châu Đại
Hồng Sơn Thuần thì các ngươi tự là Phật. Còn như gánh Thiền sư ngữ lục; Diệu Tục Đại Sư ngữ Phật chạy sang nhà láng giềng, giống hệt lục. Ngữ lục, 2 quyển, do Đan Hà Tử như con nai khát đuổi theo sóng nắng, Thuần soạn vào đời Tống, Khánh Dự khảo chừng nào mới được tương ưng!« đính, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 124, ĐẢM TUYẾT ĐIỀN TỈNH trang 486. Quyển thượng là ngữ lục của Sư

ĐÀN KINH ở núi Đại Hồng 1 quyển, do người cháu Bát-nhã Ba-la-mật Kinh Lục Tổ Huệ Năng đời thứ 13 là Đại Dung Phạm Thanh sao Đại Sư Vu Thiều Châu Đại Phạm Tự Thí chép. Nội dung bao gồm: Pháp ngữ thượng Pháp Đàn Kinh. Gồm có 57 tiết, chẳng đường, các bài chân tán. Quyển hạ biên tập chia phẩm mục, chữ nghĩa chất phác, được thêm ngần ấy pháp ngữ thượng đường, cử xem là bản có sớm nhất. cổ cho đến các bài tụng cổ của sư về cơ 2. Bản của Huệ Hân, tên Lục Tổ Đàn Kinh, duyên ngữ cú của các vị: Thanh Nguyên, chia làm 2 quyển thượng và hạ, gồm 11 Dược Sơn, Đạo Ngô, Vân Nham, Động môn, khoảng hơn 14.000 chữ, ít hơn bản Sơn, Tào Sơn, Huyền Sa, Đầu Tử, Đạo Đôn Hoàng 1.000 chữ. Giai. Bài tựa của Huệ Hân viết: »Bản xưa văn rườm rà được đệ tử xem qua, trước vui sau ĐAN TIÊU ĐỘC BỘ chán«. Có thể thấy rằng bản
này đã được Một mình bước đi tự tại giữa hư không. lược bớt chút ít. Chỉ cho cảnh giới siêu thoát, tự do sau khi 3. Bản của Khế Tung, gọi đủ là Lục Tổ Đại đã ngộ Thiền. Bích Nham lục q. 1 ghi: » Sư Pháp Bảo Đàn Kinh Tào Khê Nguyên
Bản, gọi tắt là Tào Khê Nguyên Bản, gồm 1 quyển, 10 phẩm,
hơn 20.000 chữ, do sư Khế Tung biên sửa lại vào khoảng niên
– Tuyết Đậu nói: ›Gió xuân nhẹ lướt hiệu Chí Hòa (1054-1056) đời Tống. Giang Nam, Đa Đa ríu rít trong lùm hoa 4. Bản của Tông Bảo, gọi đủ là Lục Tổ Đại xinh.‹ Từ chỗ này lãnh hội mới có thể rảo Sư Pháp Bảo Đàn Kinh, 1 quyển, 10 phẩm, bước tự tại. Nếu ông khởi ý thức phân biệt hơn 20.000 chữ, do sư Tông Bảo biên tập để tìm hiểu thì cho ông mò đến ba đời sáu lại vào niên hiệu Chí Nguyên thứ 28 mươi kiếp« . (1291) đời Nguyên, đây là bản thường thấy lưu hành, được xếp vào Đại Chính Tạng ĐÀN KINH tập 48 trang 845. Các bản ở trên không ghi Kinh, 1 quyển, do Lục tổ Huệ Năng thuyết, chép trung thực về lời giảng ban đầu của nên còn gọi là »Lục Tổ Đàn Kinh«. Lúc Tổ Huệ Năng mà có sự trộn lẫn, sửa đổi về Lục tổ Huệ Năng ở chùa Bảo Lâm, Tào cuộc đời của Tổ cho đến những lý giải về Khê có Thứ sử Thiều Châu là Vi Cừ thỉnh Thiền tông. Nội dung chủ yếu của Đàn ngài vào chùa Đại Phạm để diễn giảng Kinh bản Đôn Hoàng, đại khái chia làm 3 pháp Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật. Bài giảng phần: của Huệ Năng được đệ tử của ngài là Pháp — Phần I: Thuật lại quá trình Ngũ tổ Hải ghi lại thành sách, về sau gọi là Đàn Hoằng Nhẫn trao truyền y pháp cho Huệ Kinh. Trải qua nhiều lần sửa chữa thêm Năng. thắt, xuất hiện hơn 10 bản khác nhau, — Phần II: Huệ Năng giảng pháp cho đệ nhưng đại khái có thể phân làm 4 bản quan tử và các lời ứng đối của Ngài với người trọng hơn cả: hỏi pháp. 1. Bản Đôn Hoàng, gọi đủ là Nam Tông — Phần III: Những lời dặn dò đệ tử trước Đốn Giáo Tối Thượng Đại Thừa Ma-ha khi Tổ Huệ Năng thị tịch.

ĐÀN VIỆT Kinh này nói về pháp Ma-ha Bát-nhã và quá liêu rồi mới lên chào vị Trụ trì. Theo phát triển thành Đốn giáo »Nhất siêu trực PQĐTĐ của nhóm Từ Di. nhập«. Đem lý luận »Vô niệm«, »Vô tướng« và »Vô trụ« trong Kinh Kim Cang ĐÁN QUÁ TĂNG kết hợp lại, rồi đề xướng »Vô niệm là Vị tăng ở trọ qua đêm, tức chỉ cho các vị tông«, »Vô tướng là thể«, và »Vô trụ là Thiền tăng hành cước. bản«, làm phương pháp thực tu của Thiền tông. Lại có cách giải thích mới về thiền ĐÃN (k. ng) định: »Ngoài lìa các tướng là thiền, trong 1. Chỉ, chỉ cần. Phó từ đặt ở đầu câu biểu không loạn là định«, tức là chỉ cần đạt đến thị phạm vi được hạn định. Phẩm Hành Do vô niệm thì chính đó là thiền định. trong Đàn kinh, bản của Tông Bảo ghi: » Tóm lại Thiền tông sau Lục tổ Huệ Năng phát triển rất nhiều tư tưởng đặc sắc, như:

Tự tính cụ túc, Kiến tính thành Phật, Tự tâm đốn ngộ, Trực chỉ nhân tâm, và đều – Bọn thợ săn thường bảo Huệ Năng phản ánh ở trong Đàn Kinh. Có thể nói tôi giữ lưới, mỗi khi thấy cầm thú lọt vào Đàn Kinh đặt nền tảng cho sự phát triển tôi đều thả ra hết. Tới bữa ăn, tôi gởi rau của Thiền tông Nam Tông. trong nồi thịt, có người hỏi thì tôi trả lời: Chỉ ăn rau luộc bên cạnh thịt mà thôi«. ĐÀN VIỆT Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » Thí chủ. Từ dịch âm tiếng Phạn Dānapati. – Ngươi chỉ cần Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » ở hai cực biên tình phàm lượng thánh sạch – hết thì tự nhiên không có vọng.« Đàn việt hồ Động Đình tranh nhau với 2. Cứ... đi! Nữa đi! Trợ từ đặt ở đầu câu chuyên sứ (tỉnh) Minh Châu rối bời chẳng biểu thị ngữ khí yêu cầu. Lâm Tế ngữ lục dứt«. ghi: » ĐÀN XẢ THÍ

Bố thí của cải vật chất cho người. Chương Bồ-đề-đạt-ma lược biện Đại thừa nhập đạo – Phong hỏi: Hoàng Bá có chỉ dạy tứ hạnh trong CĐTĐL q. 30 ghi: » cho người ta lời gì? Sư đáp: Hoàng Bá không có dạy lời nào. Phong hỏi: Vì sao – Pháp thể vốn không keo kiệt, cho lại không? Sư thưa: Giả sử có cũng không nên thân mạng của cải thực hành việc bố chỗ để kể? Phong bảo: Cứ kể ra đi! Sư thí, tâm không xẻn tiếc«. đáp: Một mũi tên bay qua Ấn Độ«. Lâm Tế ngữ lục ghi: » ĐÁN QUÁ LIÊU Phòng để cho các vị tăng hành cước tối đến ngủ trọ sáng lại ra đi. Các vị tăng du

– Thủ tọa phương đến mỗi chùa, trước hết vào Đán nói: Ngươi hỏi thế nào? Sư nói: Con hỏi

ĐẢNH MÔN CHÍNH NHÃN chưa dứt lời, Hòa thượng đánh con liền. ấy đi!«. Con không hiểu nổi? Thủ tọa nói: Đi hỏi nữa đi! Sư lại đi hỏi và bị Hoàng Bá đánh ĐẢNG LÝ BẤT ĐẢNG TÌNH nữa«. Nghĩa đen là trụ nơi lý chứ chẳng theo ĐÃN HÁCH nhân tình; nghĩa mở rộng là nương nơi Sáng rực rỡ, lấp lánh. Nhân thấy bài Ngoạn pháp mà quên đi cái tình của con người. Châu Ngâm của cổ đức liền làm Ngoạn Tắc 67, Bích Nham lục (Đại 48, 197 Châu Ca trong Phần Dương ngữ lục ghi: thượng) ghi: »

( ) ( )

– Lương Võ Đế thỉnh Phó đại sĩ Rộng rãi, tinh xảo hạt châu này giảng Kinh Kim Cang, Đại sĩ đang ở trên Người ngu chẳng biết ở Phật tính tòa dùng cây thước (Thủ xích) vỗ xuống Thật tròn trặn, rất trong suốt bàn một cái rồi bước xuống tòa. Võ

Đế rất Hiền thánh xưa nay đều mân mê ngạc nhiên. Ngài Chí Công hỏi: Bệ hạ hiểu Bốn hướng tám mặt hiện linh quang chăng? (Bênh lý chẳng bênh tình, cánh tay Lấp lánh, rờ rỡ không nặng nhẹ. không thể co ra ngoài cũng đáng cho 30 gậy!). Vua đáp: Chẳng hiểu! (Đáng tiếc) ĐÃN MẠC (k. ng) Chí Công nói: Đại sĩ giảng kinh xong«. Xin đừng. Biểu thị ngữ khí khuyên răn. Hoàng Bá Thiền sư Truyền Tâm Pháp Yếu ĐẢNH ĐỚI ghi: » Kính lễ. Tào Khê Đại sư biệt truyện ghi: – Mỗi ngày » trong lúc đi, đứng nằm ngồi, tất cả lời nói, xin ông đừng dính mắc vào pháp hữu vi«. – Nhẫn (chỉ Hoằng Nhẫn) Đại sư tức tương sở truyền ca sa phó Năng (chỉ Huệ ĐÃN THỊ (k. ng) Năng), Đại sư toại đảnh đới thọ chi. – Đại Phàm là, phàm, tất cả. Ngữ Chi Dư trong sư Hoằng Nhẫn bèn đem ca sa truyền cho Cổ Tôn Túc ngữ lục q. 2 ghi: » Huệ Năng, Sư liền kính lễ nhận lấy.« – Phàm một vọng niệm, một sự vật đều là một vị Phật«. ĐẢNH MÔN CHÍNH NHÃN ĐÃN … THỦ (k. ng) Còn gọi: Đảnh môn nhãn chính, đảnh môn Hãy… đi. Biểu thị ngữ khí cầu khiến. Tông cụ nhãn. Thiên thần Ma Hê Thủ La trong Môn Võ Khố ghi: » thần thoại Phật giáo có ba con mắt, ở giữa – Thủ tọa, hãy tham cứu mùi khai trán mọc một con mắt gọi là đảnh môn

ĐẢNH MÔN NHÃN nhãn, có thị lực thần kỳ. Trong thiền ngữ Thích-ca-mâu-ni, là l trong 32 tướng của dùng từ này để chỉ cho ánh mắt trí huệ đặc Phật. Tất cả trời và người đều không thể biệt quan sát sự vật của người đã ngộ thiền, nhìn thấy đảnh tướng này. tức là pháp nhãn. Tiết Thượng Phong Bản 2. Trong nhà thiền gọi bức ảnh bán thân Tài Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » của Tổ sư là »Đảnh tướng«. Tông Môn Võ Khố ghi: » – Từ Sư Xuyên cùng – Người nào thấy liền lập tức Phật Quả đến liêu Thư ký, thấy bức ảnh lãnh ngộ, kẻ nào nghe thì minh tâm kiến bán thân của Phật Quả«. tính, mỗi người đều có pháp nhãn, có lá bùa linh trong tay.« ĐAO ĐAO Còn viết . (Chỉ người) nói lải ĐẢNH MÔN NHÃN nhải. (Chỉ vật) tiếng kêu không dứt. Vân Con mắt nằm dọc trên trán, giữa 2 chặn Môn quảng lục q. thượng ghi: » mày, tượng trưng cho trí huệ. Tắc 35, phần lời dẫn, Bích Nham lục ghi: » – Nếu nói được một lời khế hợp cũng còn là nhiều lối, hà huống lải – Nếu không phải là người trên nhải mãi có ích lợi gì?« trán có mắt, trong tay có lá bùa thì luôn bỏ Tiết Long Môn Thanh Viễn Thiền sư trong lỡ việc trước mắt«. NĐHN q. 19 ghi: » Các Thánh Kinh gọi đó là con mắt Toàn – Ríu rít chim rừng kêu, mặc áo Tri, con mắt thứ ba, con mắt của thần suốt đêm ngồi.« Shiva, con mắt trực giác… ĐAO ĐAO ĐÁT ĐÁT ĐẢNH NINH Nhiều lời. Lải nhải. Tiết »Tuyết Phong Tư Đỉnh đầu. Tiết Dục Vương Giới Thầm Huệ Thiền sư« trong NĐHN q. 16 ghi: » Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » – Giẫm lên đỉnh đầu Thích-ca, gõ trán thánh tăng.« – Hiện tại mỗi ngày đánh trống thăng đường để ĐẢNH PHONG lải nhải, người hỏi miệng tợ máy dệt, Nhục kế (cục thịt hình búi tóc) nhô ra trên người đáp lưỡi như sấm sét. Cứ như hôm đỉnh đầu. Tiết Đan Hà Hòa thượng trong nay huệ mạng Phật Tổ nguy như chỉ mành TĐT q. 4 ghi: » treo chuông, môn phong nhà thiền bấp – Trên đầu sư bỗng có cục thịt mọc vun

bênh như trứng để đầu đẳng«. cao lên«. ĐÀO HOA NGỘ ĐẠO ĐẢNH TƯỚNG Thấy hoa đào liền ngộ đạo. Công án này 1. Nhục kế trên đỉnh đầu của đức Phật được thấy nơi tiết Linh Vân Chí Cần Thiền

ĐẢO LÝ MÔN NGHÊNH sư trong NĐHN q. 4 như sau: » sao? Giàu chê ngàn miệng hãy còn ít, nghèo hận một thân đã quá nhiều«. ĐÁO GIA Đến nhà, dụ chỉ tỏ ngộ tự tâm. Tiết Nghệ – Thiền Ngôn trong NHQL q. 29 ghi: » sư Chí Cần ban đầu ở Quy Sơn, do thấy hoa đào mà ngộ đạo, có làm bài kệ: ›Ba – Tham thiền cần mươi năm tìm trang kiếm khách, bao phen ngộ tự tâm, niệm Phật cũng cần ngộ tự lá rụng lại đâm chồi. Từ khi nhìn thấy hoa tâm, vào cửa tuy khác, đến nhà thì giống đào nở, cho đến hôm nay chẳng còn nghi.‹ nhau«. Quy Sơn xem kệ, hỏi lại chỗ ngộ của sư rồi cho rằng sư đã khế hợp.« Công án này ĐẢO DỤNG HOÀNH NIÊM phản ánh rõ tư tưởng nơi nơi đều có thiền, mọi việc đều là đạo. Tùy ý nói ra một cách tự tại, không chịu bất cứ một sự câu thúc nào; phần lớn chỉ ĐÀO PHONG PHÓ HÁC cho thủ đoạn tiếp dẫn người học của các Đứng núi này trông núi nọ. Nghĩa đen là thiền sư cao minh, không bó buộc bởi một bỏ đỉnh núi này để chạy đến hang núi khác, cách thức nào mà vẫn khế hợp với thiền dụ cho hình thức tuy có thay đổi song nội chỉ. Mật Am ngữ lục ghi: » dung thì giống nhau, và chưa buông bỏ được những gì cần buông bỏ. Tiết Hoa Tạng An Dân Thiền sư trong NĐHN q. 19 – Tự mình chẳng ghi: » phải là bậc tông sư mắt sáng, chỗ thấy rõ ràng, chỗ bước đi thật sự vững chắc thì làm sao có thể tùy ý nói ra một cách tự tại, được đại tổng trì, rèn đúc kẻ hậu học đều trở thành pháp khí?«. ĐẢO LÝ MÔN NGHÊNH – Mọi người bán hoa, ta bán Vì gấp rút ra cửa để tiếp khách nên xỏ tùng. Màu xanh chẳng bằng sắc đỏ hồng. ngược dép. Mật Am ngữ lục ghi: »Lý thị Tính ra quả chẳng hợp thời lắm. Chi bằng lang nhập sơn, thượng đường: về vui với cỏ xanh. Nực cười người xưa nói thế ấy, rất giống đứng núi này trông núi nọ, tránh chết chìm lại gặp chết cháy. Đâu bằng tùy phận, đến bên cây cuốc dài 1,2m, tìm lấy một người nửa người. Mặc dù như U cầm táo phá Na-già định thế, Bảo Ninh (là pháp hiệu của Thiền sư Tiện kiến Văn tinh nhập tự lai An Dân) nửa người cũng chẳng cần. Vì

ĐẢO NHẤT THUYẾT Đảo lý môn nghênh khai tiếu diện Hồ, người xứ Tấn Giang (nay thuộc tỉnh Lâm tuyền đẩu giác khởi phong lôi«. Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư »Lý thị lang vào núi, thượng đường: Vĩnh Giác. Sư có ngữ lục lưu hành ở đời. Chim kêu khuấy phá Na-già định 3. Tăng nhân hiện đại (1907-1977), người Liền thấy Văn tinh đến cửa thiền xứ Kỳ Dương, Hồ Nam, Trung Quốc. Sư Xỏ ngược dép ra cười rạng mặt lần lượt trụ trì các chùa: Chúc Thánh, Phần Suối rừng bất chợt nổi sấm rền«. Sơn, Thiện Đạo, Huyền Trang. Tác phẩm: Trung Quán Sử Luận Cập Kỳ Triết Học, ĐẢO NHẤT THUYẾT Càn Khôn Vạn Cổ Nhất Hoàn Nhân, Nhị Lời nói ngược. Chỉ cho đức Thích Tôn Lực Thất Văn tập. thuyết pháp 49 năm, kỳ thật không có nói một chữ. Tắc 15, Bích Nham lục (Vạn Tục ĐẠO ẨN 117, 144 thượng) ghi: » : 1. Thiền

tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Tử Lăng Khuông Nhất, tông Tào Động. : – Công án: Tăng hỏi ngài 2. Thiền tăng đời Nguyên, hiệu Linh Sơn, Vân Môn: Chẳng phải là cơ trước mắt, người Hàng Châu, nối pháp Thiền sư cũng chẳng phải sự việc trước mắt là như Tuyết Nham Tổ Khâm, tông Lâm Tế, phái thế nào? Vân Môn đáp: Lời nói ngược«. Dương Kỳ.

ĐẢO THOÁI TAM THIÊN ĐẠO BÀ Từ dùng để gọi các tăng nhân phái nữ, Sư cô. Tiết »Vong danh Đạo bà« trong NĐHN Còn gọi: Thoái đảo tam thiên. Thối lui ba q. 6 ghi: » ngàn dặm. Thiền tông mượn từ này làm thuật ngữ để chỉ cho cơ phong bén nhạy – Sư cô họ Trần ở Ôn Châu, từng của bậc thầy, người học sợ, chẳng dám tham học với các bậc danh túc khắp nơi, đương đầu và bỏ chạy. Phần Thùy thị của sau ở nơi lời nói của Trưởng lão là Hòa tắc 85, Bích Nham lục q. 9 (Đại 48, 210 thượng Sơn Tịnh mà phát minh«. trung) ghi: »

ĐẠO BÁI (1615-1702) – Tự dưng làm líu lưỡi mọi người Thiền tăng đời Thanh, họ Đinh, tự Vi Lâm, trong thiên hạ khiến họ không nói được và hiệu Lữ Bạc, Phi Gia Tẩu, người xứ Kiến thối lui ba ngàn dặm, là phong thái của An (nay là huyện Kiến Âu, tỉnh Phúc Kiến) Thiền tăng«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Vĩnh Giác Di. Nguyên Hiền, tông Tào Động. Tác phẩm: Nhân Vương Bát-nhã Kinh Hợp Sớ 3 ĐẠO AN quyển, Hoa Nghiêm Kinh Sớ Luận Toản 1. Thiền tăng đời Minh (1340-1416), nối Yếu 120 quyển, Lữ Bạc Am Cảo 4 quyển, pháp Thiền sư Tùng Ẩn Nhiên, tông Lâm Thiền Hải Thập Trân 1 quyển, Vi Lâm Đạo Tế. Bái Thiền sư Bỉnh Phất ngữ lục 2 quyển. 2. Thiền tăng đời Thanh (1617-1688), họ

ĐẠO DƯ LỤC ĐẠO BÌNH (?-1127) Trượng Thanh Quy q. hạ có nêu ra 13 món Thiền tăng đời Tống, họ Hứa, hiệu Phổ đạo cụ là: Dung, người xứ Tiên Đô, nối pháp Thiền — Bay-Quần sư Đại Quy Mộ Triết, tông Lâm Tế. Sư trụ — Cây phất-Tọa cụ chùa Trí Hải ở Đông Kinh. — Cây gậy-Chuỗi — Áo thiên sam- Tích trượng ĐẠO CHÂN (thế kỷ XVII) — Tịnh bình-Áo trực chuyết Thiền tăng đời Lê trung hưng, không rõ — Bát-Đãi lọc nước thuộc hệ phái nào tục danh Vũ Khắc Minh, — Con dao người xã Gia Phúc, huyện Phúc Khê, Bắc Việt. Sư theo học với Hòa thượng Đạo ĐẠO CỰU Long, người xã Thạch Lỗi, huyện Đông Từ dùng để gọi bạn cũ trong nhà chùa. Sơn, phủ Thiệu Thiên (nay thuộc tỉnh Như Tịnh ngữ lục ghi: » Thanh Hóa). Sư trụ trì chùa Pháp Vũ, cũng tên là chùa Thành Đạo, địa phương gọi là – Bạn cũ chùa Đậu (nay thuộc thôn Gia Phúc, xã khắp nơi đến, sư thượng đường: … Ối! Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Mọi người múa loạn dưới gió xuân, sợ Sơn Bình). Sư còn để lại nhục thân được rụng hoa thơm bay bụi hồng«. tôn thờ ở chùa Đậu. ĐẠO DIÊN (?-922) ĐẠO CHU (1585-1655) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lưu, người xứ Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu Trường Lạc (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến) đời Thanh, họ Trịnh, tự Cổ Hàng, người xứ Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Tào Sơn Tấn Giang (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến) Bản Tịch, tông Tào Động. Sư trụ Động Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Nguyên Sơn, đời thứ 4. Thụy hiệu »Hồng Quả Đại Lai, tông Tào Động. Sư«.

ĐẠO CHƯƠNG (1635-1734) ĐẠO DUNG Thiền tăng đời Thanh, họ Cố, tự Duyệt Thiền tăng đời Tống, tự Cổ Nguyệt, nối Phong, ban đầu tên Pháp Hiền, người xứ pháp Thiền sư Đồ Độc Trí Sách, tông Lâm Tiền Đường (nay thuộc tỉnh Hàng Châu) Tế, phái Hoàng Long. Tác phẩm: Tùng Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Nhật Bản Lâm Thạnh Sự 2 quyển. Độc Trạm Tính Oánh. Tác phẩm: Duyệt Phong Thiền sư ngữ lục 3 quyển. ĐẠO DƯ LỤC Lục, 1 quyển, do Diêu Quảng Hiếu (tức ĐẠO CỤ Đạo Diễn) soạn vào đời Minh, được xếp Những đồ dùng mà người tu hành Phật đạo vào »Hàm Phân Lâu Bí Cấp«. Mục đích và phải có đủ. Thông thường thì có 3 y, 6 vật, ý chính của sách này nhằm phản bác lại 18 vật, 101 vật... cũng là vật mà tăng ni luận thuyết bài xích Phật giáo của Lý học mang theo bên mình. Theo Sắc Tu Bách đời Tống, tác giả cho rằng »Do không

ĐẠO ĐOAN nghiên cứu sách Phật nên chẳng biết chỗ Giai Thiền sư ngữ yếu 1 quyển. uẩn áo của Phật«. Tác giả đứng trên lập trường Hoa Nghiêm Tông, Thiền tông để ĐẠO GIẢN (868-950) Thiền tăng đời cuối Đường đầu Ngũ Đại, triển khai phê bình các ông Trình Di, Trình Hạo và Chu Hy. họ Lô, người Ích Dương (nay là huyện Trác, tỉnh Hà Bắc), Trung Quốc. Sư nối ĐẠO ĐOAN pháp Thiền sư Đạo Ưng, thuộc tông Tào Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Động đời thứ 3, trụ Vân Cư kế thừa sự Linh Ẩn Thanh Tủng, tông Pháp Nhãn. Sư nghiệp của Thầy. trụ viện Quang Hiếu ở Hàng Châu. ĐẠO GIAO ĐẠO ĐỘC (1600-1661) Căn lành của chúng sinh phát khởi gọi là Thiền tăng đời Thanh, họ Lục, hiệu Tông Cơ. Tâm đại bi cảm lại gọi là Ứng. Cơ ứng Bảo, biệt danh Không Ẩn, người xứ Nam tương xứng gọi là Đạo giao. Pháp Hoa Hải (nay là Quảng Châu) Trung Quốc, nối Văn Cú Ký q. 1, thượng (Đại 34, 155 pháp Thiền sư Bác Sơn Vô Dị Nguyên Lai. thượng) ghi: » Sư trụ các chùa: Trường Khánh, Ứng Hồ, – Chư Giới Am, Hải Tràng. Tác phẩm: Trường Phật chẳng đến, chúng sinh chẳng đi, cơ Khánh Tông Bảo Độc Thiền sư ngữ lục 6 ứng tương xứng nên gọi là đạo giao«. quyển. ĐẠO GIỚI Còn gọi: Đạo thanh. Danh tiếng về đạo ĐẠO GIẢ pháp của nhà thiền. »Bài minh viết trên Người tu theo đạo Phật. Về sau, từ này tháp« của Phụ Cát Tất trong Mật Am ngữ được dùng để chỉ cho hành giả trong nhà lục quyển cuối ghi: » Thiền hoặc những người vào chùa xin xuất – Từ đây danh tiếng đạo gia nhưng chưa được cạo tóc. pháp của nhà thiền càng vang xa, trời người đều tôn sùng«. ĐẠO GIÁC (1490-1568) Thiền tăng đời Minh, họ Trương, tự Thiên ĐẠO HẠNH Chân, người xứ Kiến An (nay thuộc tỉnh 1. Thiền tăng đời Lý (?-1115), thuộc thiền Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 12 tục danh Cổ Âm, tông Lâm Tế. Sư trụ trì chùa Đẩu Từ Lộ, người làng Yên Lãng, Bắc Việt Phong ở Kiến Ninh (nay thuộc tỉnh Phúc Nam. Sư trụ trì chùa Thiên Phúc (chùa Kiến) Trung Quốc. Thầy) ở núi Phật Tích (nay là núi Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Sơn Bình). ĐẠO GIAI (1043-1118) Kệ thị tịch: Thiền tăng đời Tống, họ Thôi, người xứ Chiết Thủy (nay thuộc tỉnh Sơn Đông) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Đầu Tử Nghĩa Thanh. Tác phẩm: Phù Dung Đạo

ĐẠO KHÂM Phan, người xứ Tiên Du (nay thuộc tỉnh Thu lai bất báo nhạn lai quy Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Lãnh tiếu nhân gian tạm phát bi Thiện Bản, tông Vân Môn. Vị báo môn nhân hưu luyến trước 2. Thiền tăng đời Thanh

(1634-1707), họ Cổ sư kỷ độ tác kim sư. Phương, tự Hát Thiền, hiệu Tại Điềm, »Thu về chẳng hẹn nhạn cùng bay người xứ Hải Trừng (nay thuộc tỉnh Phúc Cười lạt người đời luống xót vay Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Mộc Thôi! Hỡi môn đồ đừng lưu luyến Am Tính Oánh. Sư là người khai sáng Thầy xưa mấy lượt hóa Thầy nay«. chùa Thiện Phúc. 2. Thiền tăng đời Đường (741-835), họ Mai, người xứ Cối Kê, Việt Châu (nay ĐẠO HÓA thuộc huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giáo hóa bằng đạo pháp. Tiết Hoài Giang) Trung Quốc, nối pháp Mã Tổ Đạo Nhượng, đời thứ 1 dưới Đại Giám trong Nhất. CTTNL ghi: » 3. Thiền tăng đời Đường (752-820), họ Dương, người xứ Quế Dương (nay thuộc – Từ đời ta trở về tỉnh Hồ Nam) Trung Quốc, nối pháp Mã sau chớ truyền y này, chỉ dùng pháp Tổ Đạo Nhất. truyền. Nếu truyền y này thì nguy đến tính 4. Thiền tăng đời Tống (1089-1151), họ mạng của người được trao cho, nên chỉ Diệp, người đời thường gọi »Tuyết giáo hóa bằng đạo pháp«. Đường«, người xứ Kiền Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp ĐẠO HƯNG thiền sư Phật Nhãn Thanh Viễn, tông Lâm Thiền tăng đời Tống, vốn tên là Nguyên Tế, phái Dương Kỳ. Tác phẩm: Tuyết Tĩnh, về già đổi tên là »Đạo Hưng«. X. Đường Hạnh Hòa thượng ngữ lục, 1 Nguyên Tĩnh. quyển, Tuyết Đường Hạnh Hòa thượng Thập Di lục, 1 quyển. ĐẠO HY 5. Còn gọi: Đạo nghiệp. Chỉ cho sự tu Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Phúc hành Phật đạo. Châu, nối pháp Thiền sư Huyền Sa Sư Bị. Sư trụ viện Bạch Long nên người đời gọi ĐẠO HẰNG (?-991) sư là »Bạch Long Tổ Sư«. Còn gọi: Đạo Thường. Thiền tăng đời Tống, họ Kha, người xứ Ngạc Châu nối ĐẠO HY pháp Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Nhãn. Sư trụ núi Bách Trượng, Hồng Châu Bảo Phúc Tùng Triển. Sư trụ viện Báo Ân (nay là huyện Nam Xương, tỉnh Giang ở Chương Châu (nay là huyện Chương Tây) Trung Quốc. Phố, tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc.

ĐẠO HÒA ĐẠO KHÂM 1. Thiền tăng đời Tống (1057-1124), họ 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền

ĐẠO KHUÔNG (900-966) sư Chiêu Khánh Đạo Khuông. Sư trụ núi Phúc. Hưng Dương ở Sính Châu (nay là huyện Kinh Sơn, tỉnh Hồ Bắc) Trung Quốc. ĐẠO LÂM 2. Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Thái 1. Thiền tăng cuối Lê đầu Lý (?-1023), Nguyên (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), nối thuộc dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 16, pháp Thiền sư Thanh Lương Văn Ích, tông nối pháp Thiền sư Pháp Dung. Sư họ Tăng, Pháp Nhãn. Sư trụ chùa Thê Hiền ở Lô quê ở Cửu Cao, Chu Diên, Việt Nam. Sư Sơn. X. Pháp Khâm. trụ trì chùa Long Vân, làng Siêu Loại, Long Phúc. ĐẠO KHUÔNG (900-966) 2. Thiền tăng đời Đường (741-824), họ Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lý, người xứ Phan, tên Hương Quang, nối pháp Thiền Hồ Châu (nay thuộc tỉnh Quảng Đông) sư Tông Chiếu Đạo Khâm, tông Ngưu Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Huệ Lăng Đầu. Người đời thường gọi sư là »Điểu ở Tuyền Châu. Khòa Hòa thượng«, thụy hiệu »Viên Tu Thiền sư«. ĐẠO KIÊN Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư ĐẠO LIÊN (1346-1409) Pháp An, tông Pháp Nhãn. Sư trụ chùa Thê Thiền tăng đời Minh, họ Lục, tự Tổ Hiền ở Lô Sơn. Phương, hiệu Chuyết Dật Tẩu, người huyện Ngân (nay là huyện Ninh Ba, tỉnh ĐẠO KIỀN Chiết Giang) Trung Quốc. Tác phẩm: 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại (?-923), họ Lưu, Chuyết Dật ngữ lục. người Phúc Châu, Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Thạch Sương Khánh

Chư. Người ĐẠO LONG (1213-1278) đời gọi sư là »Cửu Phong Kiền« vì sư trụ Thiền tăng sống vào cuối đời Tống-đầu đời Cửu Phong ở Thụy Châu. Thụy hiệu »Đại Nguyên, họ Nhiễm, tự Lan Khê, người xứ Giác Thiền sư«. Bồi Lăng (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên) Trung 2. Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Quốc, nối pháp Thiền sư Vô Minh Huệ Kê Sơn Chương, tông Tào Động. Sư trụ Tính. núi Song Tuyền, Tùy Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc), sau dời về viện Pháp Vân, An ĐẠO LUÂN (898-958) Châu (nay là huyện An Lục, tỉnh Hồ Bắc). Thiền tăng đời cuối Đường đầu Ngũ Đại, họ Lô, người Tân Châu (nay là Tân Hưng, ĐẠO KIỂU (1298-1378) Quảng Đông), Trung Quốc. Sư nối pháp Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Nguyệt thiền sư Văn Yển, thuộc tông Vân Môn đời Lâm Đạo Kiểu, vào niên hiệu Chí Trị thứ 2 thứ 2, trụ trì viện Pháp Tướng ở Long (1322) sang nhà Nguyên (Trung Quốc). Cảnh Sơn. Hiệu: Tán Thánh Đại Sư. Nối pháp Thiền sư Cổ Lâm Thanh Mậu, đời thứ 23 hệ Nam Nhạc, đời thứ 6 tông ĐẠO LƯỢNG (1608-1691) Lâm Tế Nhật Bản. Trụ trì chùa Trường Thiền tăng đời Thanh, họ Trần, tự Trừng

ĐẠO NGỘ Nhất, người xứ Hàng Châu, nối pháp Bản trụ Mông Sơn ở Viên Châu (nay là huyện Am Tính Đạo. Nghi Xuân, tỉnh Giang Tây). 2. Thiền tăng đời Đường, nối pháp Mã Tổ ĐẠO LƯU Đạo Nhất, trụ Nam Nguyên ở Viên Châu Từ dùng để gọi thiền nhân. Lâm Tế ngữ lục (nay là huyện Nghi Xuân, Giang Tây). ghi: » 3. Thiền tăng đời Đường, họ Trần, người đời thường gọi Trần Tôn Túc, nối pháp Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận. Lời dạy của – Đạo lưu! Chân Phật vô hình, sư rất hiểm hóc, khó lãnh hội, chỉ có bậc chân pháp vô tướng, các ông chỉ muốn ở huyền học bén nhạy mới biết và khâm trên huyễn hóa làm dáng làm điệu, đủ thứ phục. Do sư đan giày cói để nuôi mẹ nên mong cầu, dẫu cho cầu được cũng là dã hồ người đời thường gọi sư là »Trần Bồ Hài«. tinh, chẳng phải là chân Phật«. ĐẠO NGÔ SƠN ĐẠO MÂN (1047-1114) Núi nằm ở làng Tập Lý, cách Bắc thành Thiền tăng đời Tống, họ Lê, người đời gọi huyện Lưu Dương, tỉnh Hồ Nam, Trung là »Cổ Phật«, người xứ Tiên Du (nay thuộc Quốc 10km về phía bắc, là một nhánh tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp trong dãy Mạc Phụ Sơn, cách mặt biển Thiền sư Lặc Đàm Ứng Can, tông Lâm Tế, khoảng 800m. Vua Đường Văn Tông từng phái Hoàng Long. Sư trụ Quán Khê, thụy xuống chiếu chỉ xây dựng »Hộ Quốc Hưng hiệu »Viên Cơ Thiền sư«. Hoa Đại Thiền Tự« quy mô lớn, cảnh tượng hùng tráng, từng có: Liên Hoa Phật ĐẠO MÂN (1596-1674) điện, Thủy Các hương đình, Phi khứ tháp, Thiền tăng đời Thanh, họ Lâm, tự Mộc Long tỉnh, 100 gian phòng. Trong chùa thờ Trần, hiệu Sơn Ông Mộng Ẩn, người xứ rất nhiều tượng Như Lai, Bồ tát Quan Âm, Triều Dương (nay thuộc Quảng Đông) Quan thánh đế. Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Mật Vân Thiền sư Tông Trí là Tổ khai sơn. Về sau, Viên Ngộ, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Hoằng ngài Tuy Kỷ trùng tu lại chùa, nhưng theo Giác Mân Thiền sư ngữ lục 20 quyển, Tấu năm tháng trôi đi, đến nay chẳng còn gì. Thọ lục 3 quyển, Bố Thủy Đài Văn tập 32 quyển, Bắc Du tập 6 quyển. ĐẠO NGỘ 1. Thiền tăng đời Đường (738-819), họ ĐẠO MINH (630-718) Thôi, người xứ Chử Cung (nay là huyện 1. Còn gọi: Huệ Minh. Thiền tăng đời Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc) Trung Quốc, nối Đường, họ Trần, là cháu của Trần Tuyên pháp Mã Tổ Đạo Nhất. Thường được gọi Đế, người xứ Bà Dương (nay là huyện Ba »Thiên Vương Đạo Ngộ« Dương, tỉnh Giang Tây) Trung Quốc, từng 2. Thiền tăng đời Đường (748-807),

họ nhận tước »Tứ Phẩm Tướng quân« nên có Trương, người xứ Đông Dương, Vụ Châu hiệu là Tướng quân. Sư nối pháp Lục tổ (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, Huệ Năng, trụ Bố Thủy Đài ở Lô Sơn, sau nối pháp Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên.

ĐẠO NGUYÊN Sư trụ chùa Thiên Hoàng ở Kinh Châu ĐẠO NGUYÊN (nay là huyện Uông Lăng, tỉnh Hồ Bắc) Thiền tăng đời Tống, nối pháp Quốc sư nên được gọi là »Thiên Hoàng Đạo Ngộ«. Đức Thiều, tông Pháp Nhãn. Sư trụ viện Thừa Thiên Vĩnh An ở Tô Châu. Tác ĐẠO NGUYÊN phẩm: Cảnh Đức Truyền Đăng lục, 30 1. Thiền tăng đời Tống, họ Đặng, hiệu quyển. Triệt Am, vốn tên là Ngũ Đẩu, người xứ Miên Châu (nay là huyện Miên Dương, ĐẠO NGHĨA (760-835) tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối pháp Thiền tăng đời Đường, họ Thôi, người Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần, tông Lâm nước Tân La (nay là Triều Tiên). Niên hiệu Tế, phái Dương Kỳ. Sư trụ trì chùa Chiêu Hưng Nguyên thứ 1 (784) sư vào Trung Giác. Quốc. Sư nối pháp thiền sư Tây Đường Trí 2. Còn gọi: Vĩnh Bình Đạo Nguyên (1200- Tạng và được ngài Hoài Hải trao cho Bách 1253). Tổ khai sáng phái thiền Tào Động, Trượng Thanh Quy. Năm 821 sư trở về Nhật Bản, họ Nguyên, tên Hy Huyền. Sư nước, trụ Ca Trí Sơn và làm Tổ đời thứ 1 ở xuất gia với ngài Lương Hiển ở núi Tỉ Duệ đây, thuộc hệ Nam nhạc đời thứ 4. học tập giáo nghĩa Thiên Thai. Năm 1214 sư đến chùa Kiến Nhân ở Kinh Đô yết kiến ĐẠO NGHIỄN (?-999) ngài Vinh Tây. Năm 1223, sư cùng với Thiền tăng đời Tống, họ Lưu, người xứ Lô ngài Minh Toàn (đệ tử của Vinh Tây) sang Châu (nay là huyện Hợp Phì, tỉnh An Huy) Trung Quốc, đến núi Thiên Đồng Tây Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Quang Minh, lần lượt tham lễ các vị Vô Tế Liễu Hiếu Huệ Giác. Sư trụ viện Trường Khánh Phái, Triết Ông Như Diễm... nhưng không ở Thăng Châu (nay là huyện Nam Kinh, khế hợp. Sau đó, sư yết kiến ngài Trường tỉnh Giang Tô). Ông Như Tịnh, bỗng nhiên đại ngộ, được ngài ấn khả và trao ca-sa, trúc bề, bạch ĐẠO NGHIỆP phất, sách Bảo Cảnh Tam Muội, Ngũ Vị Sự nghiệp tu tập đạo pháp. Tiết »Bạch Hiển Quyết do ngài Phù Dung Đạo Giai Dương Pháp Thuận Thiền sư« trong truyền lại. Sau khi trở về Nhật Bản, sư đến NĐHN q. 20 ghi: » Sơn Áo thuộc Việt Tiền, sáng lập chùa – Nhiễm duyên dễ theo,
đạo nghiệp Vĩnh Bình, xiển dương thiền Tào Động, đề khó thành«. xướng pháp môn Chỉ quản đả tọa, đời sau gọi là phái thiền Mặc Chiếu. Thụy hiệu: ĐẠO NHAN (1094-1164) Phật Tính Truyền Đông Quốc Sư, Thừa Thiền tăng đời Tống, họ Tiên Vu, hiệu Vạn Dương Đại Sư. Tác phẩm: Chính Pháp Am, người xứ Đồng Xuyên (nay là huyện Nhãn Tạng 95 quyển, Vĩnh Bình Thanh Tam Thai, tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, Quy 2 quyển, Học Đạo Dụng Tâm tập, nối pháp Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo, tông Vĩnh Bình quảng lục 10 quyển, Phổ Lâm Tế. Sư từng trụ các chùa: Tiến Phúc, Khuyến Tọa Thiền Nghi, Tùy Văn Ký.v.v... Báo Ân, Bạch Dương, Đông Lâm.

ĐẠO SINH ĐẠO NHÀN Giang) Trung Quốc. Sau khi xuất gia, sư Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ du phương đến đất Mân, tham vấn Tuyết Trường Khê (nay là huyện Hà Phố, tỉnh Phong Nghĩa Tồn, rất được ngài xem Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư trọng. Khi ra hoằng pháp, sư trụ chùa Cảnh Nham Đầu Toàn Khoát. Thanh, Việt Châu (nay là huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang). Ngô Việt Võ Túc ĐẠO NHÃN Vương rất kính mộ, thỉnh sư trụ chùa 1. Sự thông suốt của mắt do tu đạo mà có. Thiên Long và ban cho hiệu »Thuận Đức Còn gọi: Thiên nhãn thông; 2. Chỉ cho con

Đại Sư«. mắt quán sát đạo. ĐẠO PHỔ ĐẠO NINH Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trịnh, người 1. Thiền tăng đời Tống, (1053-1113), họ xứ Phúc Đường (nay là huyện Phúc Thanh, Chú, người xứ Vụ Nguyên (nay thuộc tỉnh tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Sư trụ sư Pháp Diễn ở núi Ngũ Tổ, tông Lâm Tế, núi Thùy Long, Tuyền Châu. phái Dương Kỳ. Tác phẩm: Khai Phúc Ninh Thiền sư ngữ lục. ĐẠO QUẢ 2. Thiền tăng đời Thanh (1598-?), họ Lý, Quả báo thu được khi tu tập đạo nghiệp. hiệu Thể Tông, người xứ Lô Châu (nay Chương »Ma-noa-la, Tổ thứ 22« trong thuộc tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối CĐTĐL q. 2 ghi: » pháp Thiền sư Phá Sơn Hải Minh, tông Lâm Tế. Tác phẩm: Vân Phong Thể Tông – Ninh Thiền sư ngữ lục, 1 quyển. Khi ấy sư đốt hương từ xa bảo Tỳ-kheo Hạc-lặc-na ở nước Nguyệt Thị rằng: ĐẠO PHẠM Ngươi ở nước ấy, dạy dỗ bầy hạc chứng Phong độ của đạo pháp hoặc phong độ của được đạo quả, nên tự biết đó«. nhà thiền. ĐẠO QUẢNG (675-743) ĐẠO PHI Thiền tăng đời Đường, họ Chu, người Sâm Thiền tăng đời Đường, người xứ Hồng Châu, Hồ Nam, Trung Quốc. Sư là đệ tử Châu (nay thuộc huyện Nam Xương, tỉnh của Lục Tổ Huệ Năng khi ngài về già. Sư Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền tạm ngụ ở Nhân Thọ Đài (nay là chùa sư Vân Cư Đạo Ưng, tông Tào Động. QuangVận thuộc thành phố Thiều Quan). Sư trụ viện Đồng An, núi Phong Thê, Do đời sư có nhiều điều linh dị nên người Hồng Châu. đời gọi sư là Phật sống, vua ban thụy là Chứng Thệ Đại sư. ĐẠO PHÓ (868-937) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ ĐẠO SINH Vĩnh Gia (nay là Ôn Châu tỉnh Chiết Thiền tăng đời Tống, hiệu Tào Nguyên,

ĐẠO TÂM (THế Kỷ XVII) người Nam Kiếm Châu (nay là huyện Nam quyển. Bình, tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Mật Am Hàm Kiệt, tông ĐẠO TỀ Lâm Tế. Sư trụ chùa Quy Phong ở Tín 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại (929-997), họ Châu (nay thuộc huyện Thượng Nhiêu, Kim, người Hồng Châu (Nam Xương, Giang Tây). Tác phẩm: Tào Nguyên Hòa Giang Tây) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền thượng ngữ lục, Tào Nguyên Sinh Thiền sư sư Thái Khâm ở viện Thanh Lương, thuộc Ngữ Yếu. tông Pháp Nhãn đời thứ 3, trụ chùa Vân Cư Sơn, Hồng Châu (tại huyện Vĩnh Tu, ĐẠO TÂM (thế kỷ XVII) Giang Tây). Tác phẩm: Sưu Huyền, Niêm 1. Thiền tăng đời Lê trung hưng, không rõ Cát, Đại Biệt. thuộc hệ phái nào, tục danh Vũ Khắc 2. Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Trường, người xã Gia Phúc, huyện Phúc Kim Sơn Thiện Ninh, tông Vân Môn. Sư Khê (nay là thôn Gia Phúc, xã Nguyễn trụ chùa Lộc Uyển ở Tú Châu (nay thuộc Trãi, tỉnh Hà Sơn Bình) Việt Nam, cháu huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang). kêu thiền sư Đạo Chân bằng chú. Sau thay chú trụ trì chùa Đậu vào năm 1639. Sau ĐẠO THÀNH khi thị tịch sư cũng để lại nhục thân và Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư được tôn thờ ở chùa này. Báo Ân Huệ Minh, tông Pháp Nhãn. Sư trụ 2. Tâm tham ngộ đạo pháp. Minh Chân viện Bảo Minh, Phúc Châu. Thụy hiệu Tụng trong Phạm Kỳ ngữ lục q. 18 ghi: »Thông Pháp Thiền sư«. » ĐẠO THÀNH (1352-1432) – Chớ bảo rằng một niệm sân khởi lên là Thiền tăng đời Minh, họ Triệu, tự Thứu không hề gì. Nó có khả năng diệt hết đạo Phong, hiệu Tuyết Hiên, người xứ Bảo tâm rộng lớn đấy«. Định (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Thu Giang Khiết, tông ĐẠO TẾ Tào Động. Tác phẩm: Đạo Thành ngữ lục. 1. Thiền tăng đời Tống

(1148-1209) họ Lý, tên Tâm Viễn, tự Hồ Ẩn, hiệu Phương ĐẠO THẠNH (1592-1659) Viên Tẩu, người xứ Lâm Hải (nay thuộc Thiền tăng đời Thanh, họ Trương, hiệu tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Người đời Giác Lãng, biệt hiệu Trượng Nhân, người thường gọi sư là »Tế Điên«, nối pháp xứ Phố Thành (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến) Thiền sư Hạt Đường Huệ Viễn, tông Lâm Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Vô Minh Tế, phái Dương Kỳ. Huệ Kinh, tông Tào Động. Tác phẩm: Phật 2. Thiền tăng đời Minh (1487-1560), họ Tổ Đạo Lưu Tán, Truyền Đăng Chính Trương, tự Pháp Chu, người xứ Gia Hưng Tông, Thiên Giới Giác Lãng Thiền sư Toàn (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, lục 33 quyển, Thiên Giới Giác Lãng Thiền nối pháp Thiền sư Cát Am Tộ, tông Lâm sư Gia Hòa ngữ lục 1 quyển. Tế. Tác phẩm: Pháp Chu ngữ lục 3 quyển, Pháp Chu Hòa thượng Thượng Ngữ 1

ĐẠO TÍN (580-651) ĐẠO THÂM Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Huệ X. Định Thâm. Môn.

ĐẠO THẬT (1620-1692) ĐẠO THUẬT Thiền tăng đời Thanh, họ Trịnh, tự Tính 1. Kỹ thuật của đạo pháp, là pháp thông cả Nhất, nối pháp Thiền sư Ẩn Nguyên Long nội ngoại, thế và xuất thế gian. Kỳ, trụ trì chùa Trấn Hải. Tác phẩm: 2. Chỉ cho các pháp thuật làm ra lúc cầu Huyễn Cư Thảo 1 quyển. phúc, hàng ma, làm cho hết tai nạn... của Đạo giáo. ĐẠO THIỀN (thế kỷ V) Thiền tăng thời Bắc thuộc người Giao Chỉ, ĐẠO THUYÊN (930-985) sớm xuất gia lập hạnh tinh nghiêm, giới Thiền tăng đời Tống, họ Lưu, người xứ An luật trong sạch, chẳng kém các bậc cao Phúc, Kiết Châu (nay thuộc tỉnh Giang đức. Sư giảng dạy kinh điển rất thông, năm Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Diên 483 đến kinh đô ở chùa Vân Cư Hạ tại Thọ Huệ Luân. Sư trụ viện Long Tế ở Cửu Chung Sơn, Trung Quốc, vâng lệnh Vua Phong. điều khiển tăng chúng, nổi tiếng vì rộng dùng Luật Thập Tụng... Sư thích sống ĐẠO THƯỜNG đạm bạc, miệng không bao giờ nói chuyện X. Đạo Hằng phù phiếm. Năm 527, sư mất ở chùa núi, thọ 70 tuổi. ĐẠO TIỀM ĐẠO THỌ (734-825) 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại (?-961), họ Vũ, Thiền tăng đời Đường, họ Văn, người xứ người xứ Hà Trung (nay là huyện Vĩnh Tế, Đường Châu (nay thuộc huyện Bí Dương, tỉnh Sơn Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền tỉnh Hà Nam) Trung Quốc, nối pháp Đại sư Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp Nhãn. sư Thần Tú, Thiền tông Bắc Tông. Sư cất Sư trụ chùa Huệ Nhật Vĩnh Minh ở Hàng am tranh trên núi Tam Phong, Thọ Châu Châu. (nay là huyện Thọ, tỉnh An Huy). 2. Thiền tăng đời Tống, hiệu Tham Liêu Tử, nối pháp Thiền sư Đại Giác Hoài Liễn, ĐẠO THÔNG (731-813) tông Vân Môn. Tác phẩm: Tham Liêu Tử Thiền tăng đời Đường, họ Hà, người xứ Lô Thi tập 12 quyển. Giang (nay thuộc tỉnh An Huy) Trung Quốc, nối pháp Mã Tổ Đạo Nhất. Sư trụ ĐẠO TÍN (580-651) núi Tử Ngọc. Vị Tổ thứ 4 của Thiền tông Trung Quốc, họ Tư Mã, người xứ Hà Nội (nay là huyện ĐẠO THU (1634-1666) Sấm Dương, tỉnh Hà Nam) Trung Quốc, Thiền tăng đời Thanh, họ Lâm, tự Thao nối pháp Tam tổ Tăng Xán. Tổ trụ núi Huyền, hiệu Hiểu Đường, người xứ Hưng Song Phong. Đệ tử: Hoằng Nhẫn, Pháp Hóa (nay thuộc huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Dung. Thụy hiệu »Đại Y Thiền sư«.

ĐẠO TOÀN (?-894) ĐẠO TOÀN (?-894) ĐẠO TRĂN (1014-1093) Thiền tăng đời Đường, họ Tuyên, người xứ Thiền tăng đời Tống, họ Đới, tự Bá Tường, Thường Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tô) người xứ Cổ Điền (nay thuộc tỉnh Phúc Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Động Sơn Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Phù Lương Giới, tông Tào Động. Sư trụ Trung Sơn Pháp Viễn, tông Lâm Tế. Sư trụ trì Sơn ở Tuyển Châu (nay thuộc tỉnh Hồ chùa Nhân Thánh, chùa Tịnh Nhân ở Đông Bắc) Trung Quốc, nên được gọi là »Trung Kinh (nay là huyện Khai Phong, tỉnh Hà Sơn Hòa thượng«. Nam). ĐẠO TÔNG (1629-1709) Thiền tăng đời Thanh, hiệu Duyệt Sơn, ĐẠO TRỪNG (1616-?) người xứ Tấn Giang (nay thuộc tỉnh Phúc Thiền tăng đời Thanh, họ Dương, hiệu Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Ẩn Không Cốc, người xứ Trung Nam (nay Nguyên Long Kỳ. Tác phẩm: Nam Nhạc thuộc tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối Duyệt Sơn Thiền sư ngữ lục, Hoàng Bá pháp Thiền sư Mẫn Thọ Như Tướng, tông Duyệt Sơn Thiền sư ngữ lục. Lâm Tế. Sư trụ chùa Tam Thánh ở Nội Giang (nay thuộc Tứ Xuyên). Tác phẩm: ĐẠO TỒN (1660-1735) Không Cốc Đạo Trừng Thiền sư ngữ lục Thiền tăng đời Thanh, họ Thạch, tự Lôi 20 quyển. Nham, hiệu Thạch Đầu Hòa Thượng, người xứ Giang Ninh, Giang Tô, Trung ĐẠO TUÂN (895-976) Quốc. Nối pháp Thiền sư Thạch Liêm Sán, đời thứ 36 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì am Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người Đào Hoa ở Dương Châu. Tương Đàm, Hồ Nam, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Văn Yển, làm truyền nhân ĐẠO TRÀNG tông Vân Môn đời thứ 2, trụ trì viện Thủy Đạo tràng có đến 6 nghĩa, đây nói 1 nghĩa Tây Nam Đài, Đàm Châu (nay là Trường theo Thiền tông. Theo tông Lâm Tế, đạo Sa, Hồ Nam). Thụy hiệu: Pháp Vân Đại tràng là nơi tu hành của chư tăng hành Sư. cước. ĐẠO UYÊN (1400-1470) ĐẠO TRÀNG TỰ Chùa nằm trong núi Đạo Tràng (tên cũ là Thiền tăng đời Minh, họ Đậu, tự Long Vân Phong), phía Tây nam thành phố Hồ Thất, tên Nhật Bản là Long Thất Đạo Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Uyên, người xứ Ninh Ba, Chiết Giang, Khoảng niên hiệu Trung Hòa (881-885) Trung Quốc. Nối pháp Thiền Sư Vĩnh Từ đời Đường, Như Nột sáng lập. Còn gọi là chùa Đông Minh, Nam Xương, Giang Tây, »Chân Chính Thiền Viện«, »Diệu Giác đời thứ 29 hệ Nam Nhạc, đời thứ 12 tông Tự«, »Hộ Thánh Vạn Thọ Tự«. Lâm Tế Nhật Bản. Trụ trì chùa Thiên Long. Tác phẩm Long Thất Quốc Sư ngữ lục.

ĐẠP PHÁ THẢO HÀI ĐẠO ƯNG (848-902) Trung Quốc. Tác phẩm: Vô Văn Ấn (Thi Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người Văn tập) 20 quyển. Vô Văn Hòa thượng xứ Ngọc Điền (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) ngữ lục 1 quyển. Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Động Sơn Lương Giới, tông Tào Động. Sư trụ chùa ĐẠO XƯƠNG (1089-1171) Chân Như ở núi Vân Cư nên người đời gọi Thiền tăng đời Tống, họ Ngô, hiệu Nguyệt Sư là »Vân Cư Đạo Ưng«. Thụy hiệu Đường, người xứ Bảo Khê (nay thuộc tỉnh »Hoằng Giác Thiền sư«. Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Diệu Trạm Tư Huệ. Sư trụ trì chùa Đại ĐẠO VỊ Cát, Quy Sơn, Tưởng Sơn, Kính Sơn, Linh Chỉ cho giai vị tu đạo, như 52 vị của Đại Ẩn. thừa Bồ tát: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, ĐẠO XUYÊN Diệu giác. Thiền tăng đời Tống, họ Địch, người xứ Ngọc Phong, Tô Châu, nối pháp Thiền sư ĐẠO VIÊN Đông Trai Khiêm, tông Lâm Tế. Tác Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Quốc sư phẩm: Xuyên Lão Kim Cang Kinh Chú. Đức Thiều, tông Pháp Nhãn. Sư trụ viện Thanh Thái ở Việt Châu (nay là huyện ĐẠO YẾU

Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) Trung Yếu chỉ thiền pháp. Tiết Bác Sơn Hòa Quốc. thượng truyện trong NLQL q. 35 ghi: » ĐẠO VỌNG
Danh tiếng về thiền pháp. Tiết Hộ Thánh – Sư chạy tìm
Thọ Cư Tĩnh Thiền sư trong NĐHN q. 27 ghi: Xương; khi ấy Thọ Xương đã từ Nga »
Phong dời sang Bảo Phương. Một hôm – Năm 14
tuổi, bàn luận thấy được thể dụng chẳng hợp, sư Sư lễ Bạch Mã An Huệ làm thầy. Sư nghe liền ở lại Bảo Phương, nỗ lực cầu yếu chỉ danh tiếng thiền pháp của ngài Nam thiền pháp«. Đường (là pháp hiệu của thiền sư Đại Tùy Nguyên Tĩnh), liền đi đến để y chỉ với ĐÁP HƯƠNG Ngài«. Còn gọi: Hoàn hương. Trong Thiền viện, khi có khách đến viếng, vào Thiền đường ĐẠO XÁN (?-1271) đốt hương cắm vào lư hương, ta cũng vì họ Thiền tăng đời Tống, hiệu Vô Văn, người mà cắm hương. Đây là quy tắc trong Thiền xứ Thái Hòa (nay thuộc tỉnh Giang Tây), viện. Theo PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Tiếu Ông Diệu Kham, tông Lâm Tế, phái Đại Huệ. ĐẠP PHÁ THẢO HÀI Sư trụ Tiến Phúc Thiền Tự ở Nhiêu Châu Đi rách giày cỏ. Chỉ cho việc hành cước (nay là huyện Ba Dương, tỉnh Giang Tây) tham vấn các nơi của các thiền tăng. Tiết

ĐẠT Trí Môn Quang Tộ Thiền sư trong NĐHN Bổn, làm truyền nhân tông Vân Môn đời q. 15 ghi: » thứ 4, trụ trì thiền viện Diên Thọ ở núi
Bạch Vân, Thiều Châu. – Như có
ĐẠT CƯƠNG (1609-1669) bốn hạng tùng lâm, các ông ở trong tùng Thiền tăng đời Thanh, họ Tiếu, hiệu Mật lâm nào để an thân lập mạng? Nếu không Nham, người xứ Trà Lăng (nay thuộc tỉnh có chỗ an thân lập mạng thì uổng công Hồ Nam) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư hành cước tham vấn, có ngày vua Diêm La Sơn Tỳ Thông Tế, tông Lâm Tế. Sư cất sẽ tính tiền giày cỏ với ông«. chùa Tử Vân ở Bảo Khánh (nay thuộc huyện Thiệu Dương, tỉnh Hồ Nam) Trung ĐẠT Quốc. Thông đạt, lãnh ngộ. Chương »Nhất bát ca« trong CĐTĐL q. 30 ghi: » ĐẠT-MA MÔN HẠ TỨ THẦN TÚC
– Nói thẳng với anh anh chưa lãnh ngộ, lại làmChỉ cho 4 vị: Đạo
Phó, ni Tổng Trì, Đạo trường ca ca về một bát.« Dục, Huệ Khả. Chương Bồ-đề Đạt-ma trong CĐTĐL q. 3 (Đại 51, 219 trung) ghi: ĐẠT BẢN HƯƠNG »
Về đến quê hương, dụ chỉ kiến tính minh tâm, nhận thức
được lý tự tâm là Phật. Chương Thập Huyền Đàm trong CĐTĐL
– Một hôm, Tổ Đạt-ma q. 29 ghi: bảo các vị học trò rằng mỗi vị hãy trình
bày chỗ tâm đắc của mình. Họ đều lần lượt đưa ra kiến giải và
bốn vị học trò này được gọi là Đạt-ma môn hạ tứ đại thần túc; trong
ấy Huệ Khả là vị Tổ thứ hai của »Vật ư trung lộ sự Không Vương Thiền tông Trung Quốc«. Sách trụ hoàn tu đạt bản hương… Tán thủ đáo gia nhân bất thức ĐẠT NGẠN (918-978) Cánh vô nhất vật hiến Tôn đường«. Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lương, tự Chí »Chớ thờ Không Vương ở giữa đường Tịnh, người xứ Khúc Giang (nay thuộc Chống gậy cần về đến quê hương… tỉnh Quảng Đông) Trung Quốc. Sư trụ Buông tay đến nhà người chẳng biết chùa Bảo Quang. Cũng không một vật hiến tôn đường«. ĐẠT NHƯ (1761-1840) ĐẠT CHÂN (960-1020) Thiền tăng đời Thanh, họ Hà, tự Hằng Trí, Thiền tăng đời Tống, họ Khổng, tự Vân hiệu Chuyết Am, người xứ Nam Hải, Đoan, người Lạc

Xương, Quảng Đông, Quảng Đông, Trung Quốc. Nối pháp Thiền Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Khế sư Liễu Nguyệt chùa Thiên Ninh, đời thứ

ĐẮC 43 hệ Nam Nhạc. Trụ trì chùa Thiên Ninh. Quyền, người xứ Sở Bắc, nối pháp thiền sư Tác phẩm: Chuyết Am tập, Đạt Như ngữ Nguyệt Tràng Thiệt Liễu. Sư trụ chùa Vạn lục. Thọ ở An Nam. Tác phẩm: Thiện Quyền Vị Thiền sư ngữ lục, 2 quyển. ĐẠT QUÁN 1. Thiền tăng đời Tống (1138-1212), họ ĐẮC Triệu, hiệu Tức Am, người xứ Nghĩa Điều (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; 1. Được, bị. Tiết »Thính tùng phong bố nối pháp Thiền sư Thủy Am Sư Nhất, tông đại« trong Như Tịnh ngữ lục q. hạ ghi: » Lâm Tế, phái Dương Kỳ. 2. Thiền tăng đời Tống, hiệu Đàm Dĩnh. X. – Đàm Dĩnh. Gió tùng reo, hãy lắng nghe. Để tay lên bụng mà cười, khôn ghê, khôn ghê! Ối! ĐẠT QUÁN THIỀN SƯ Ngàn đời muôn đời bị người ghét«. Hiệu của Thiền tăng Trí Quân đời Ngũ 2. Đặt ở trước từ ngữ chỉ thời gian, biểu thị Đại. X. Trí Quân. thời gian đã trải qua. Tiết »Bồ-đề-đạt-ma Hòa thượng« trong Tổ Đường tập q. 2 ghi: ĐẠT SĨ » Người thông đạt linh ngộ. Minh Giác ngữ – Từ năm lục q. 1 ghi: » Bính thìn đời Ngụy, Tổ thị tịch đến nay là năm Nhâm tý đã được 413 năm« 3. Biểu thị ngữ khí nghi vấn, tương đương – Người thông đạt gặp gỡ, chẳng với chẩm (= sao?). Tiết Trường Sinh Hạo phải lưu lại để mục kích. Nếu nói rằng Nhiên Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » trong lời có tiếng vang, trong câu có cơ phong vẫn là phương tiện tiếp dẫn căn cơ – Sư lấy ôm đầu, nói: Ông tăng này trung hạ, đối với thiền tăng lão luyện thì làm sao mà người ta phiền não như thế?« còn cách xa lắm.« 4. Lại, vậy mà. Tông Môn Võ Khố ghi: » ĐẠT TÔN (1609-1664) Còn gọi: Nhĩ Chiêm. Thiền tăng đời Thanh, họ Đường, người Trịnh Huyện (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Sơn Tỳ Thông Tế, tông – Tịch Thọ đạo nhân liền hỏi Phật Lâm Tế. Sư trụ am Lục La ở Hành Sơn. Quả rằng: Ngoài cái này ra, còn có Tác phẩm: Nhĩ Chiêm Tôn Thiền sư ngữ phương tiện nào khác khiến tôi hội được lục 2 quyển. chăng? Quả đáp: Có phương tiện là chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải ĐẠT VỊ (1618-1684) vật? Thọ ngay nơi lời này có tỉnh, liền nói: Thiền tăng đời Thanh, họ Cù, tự Thiện Té ra lại gần như thế!«

ĐẮC BÂN (1002-1072) ĐẮC BÂN (1002-1072) cho rằng đây là lời nói không có cách gì để Thiền tăng đời Tống, họ Ngô, người Hóa biểu đạt. Tiết Bách Linh Hòa thượng trong Châu, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư nối NĐHN q. 3 ghi: » Pháp thiền sư Văn Tụ, làm truyền nhân tông Vân Môn đời thứ 5, trụ trì chùa Chính Giác, núi Đông Bình, Thiều Châu.

ĐẮC CHỈ Đạt được thiền pháp. Bích Nham Lục q. 1 ghi: »

Một hôm sư gặp Bàng cư sĩ trên – Quốc sư đường. Sư hỏi: Câu đắc lực của Nam Nhạc Đức Thiều từ lâu nương Sơ Sơn, tự bảo đạt ông đã từng nêu ra cho người chưa? Cư sĩ được thiền pháp, liền thu thập các văn tự, đáp: Đã từng. Sư hỏi: Nêu ra cho người đảnh tướng của Sơ Sơn lúc còn sinh

thời, nào? Cư sĩ tự chỉ vào mình nói: Tôi đây. rồi lãnh chúng hành cước đến đạo tràng Sư nói: Đúng là Diệu Đức, Không Sinh của Pháp Nhãn.« cũng phải khen ngợi! Cư sĩ hỏi lại: Câu đắc lực của Thầy kẻ nào được biết? Sư đội ĐẮC ĐẮC nón lá bỏ đi. Cư sĩ nói: Đi đường bảo Riêng, chuyên, đặc biệt. Bích Nham Lục q. trọng nhé! Sư cũng không nhìn lại.« 1 ghi: » ĐẮC NHẪM NHUYỄN NGOAN

– Tổ Đ t-ma từ xa xem thấy cõi này có căn khí đại thừa nênĐồ nhút nhát. Đây là lời trách mắng những đặc biệt vượt biển mà đến, riêng truyền vị tăng tu hành thiếu kém khí phách. Tắc tâm ấn, khai thị những kẻ mê muội.« 80, Thung Dung lục (Đại 48, 278 trung) ghi: » ĐẮC ĐƯƠNG – Long Nha nói: Khế hợp thiền pháp. Tiết Huyền Sa Sư Bị Đánh thì cứ đánh, nhưng vẫn không có ý trong NĐHN q. 7 ghi: » Tổ sư. (Đồ nhút nhát!)«.

– Lại nói: Thế thì thể tính kim ĐẮC NHÂN TẮNG XỨ cang có phàm phu, có chư Phật không? Có Chỉ cho cảnh giới của người ngộ. Vì người tâm hành của ông không? Có thể nói đã ngộ có cái nhìn khác hẳn người thường, không gì mà chẳng khế hợp với thiền nên người thường dễ sinh lòng chán ghét pháp.« họ.

ĐẮC LỰC CÚ ĐẮC NHẤT VỌNG NHỊ Lời nói then chốt để lãnh ngộ thiền pháp. Tuy đã sở hữu được một vật, nhưng chưa Đây là lời nói siêu việt ngôn ngữ, nhà thiền cho thế là đủ, trong lòng còn mong cầu

ĐẶC ĐỊA một vật khác nữa. Thiền tông mượn từ này Mục Minh Bản Thiền sư tạp lục (Vạn Tục làm thuật ngữ để chỉ cho hạng người phàm 122, 375 thượng) ghi: » phu tham lam mê tình không chán. – Bản phận của người xuất gia là phải chân ĐẮC TÂM (518) thật tu hành mới đáng thọ nhận trời người Lãnh ngộ thiền chỉ. Tiết Thiên Hoàng Đạo cúng dường«. Ngộ Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » ĐẮC Ý Lãnh ngộ thiền ý. Tiết Nham Đầu Hòa – Sư từ đây đốn ngộ, hết lòng hầu hạ thượng trong TĐT q. 7 ghi: » Mã Tổ, Thạch Đầu, ngay nơi lời nói sư lãnh ngộ được thiền chỉ.« – Nếu là người lãnh ngộ thiền ý thì tự biết vận dụng thực ĐẮC THĂNG (1096-1169) tế thiền pháp. Mỗi hành động đều nhanh Còn gọi: Đức Thăng. Thiền tăng đời Nam nhẹn dứt khoát, lúc nào cũng điềm tĩnh.« Tống, họ Hà, hiệu Ngoan Am, người xứ Hán Châu (nay là huyện Quảng Hán, tỉnh ĐẶC ĐỊA Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư xuất gia đắc 1. Trái lại, biểu thị ngữ khí chuyển chiết. giới ở ấp nhà. Ban đầu tu tập theo Thanh Cảnh Thanh Đạo Mân Thiền sư trong Văn, lâu ngày sinh chán nản liền đến yết NĐHN q. 7 ghi: » kiến Thiền sư Văn-thù Tâm Đạo, nhưng không khế hợp. Về sau, sư đến chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sơn thuộc đất Mân để tham – Hôm nay việc bất đắc dĩ, tôi nói với các vấn Trúc Am Sĩ Khuê, được ngài chấp vị mỗi người hãy tự nhìn lại cái thật gần nhận cho nối pháp, thuộc tông Lâm Tế. gũi. Đã gần gũi như thế, trái lại đến phần Khoảng niên hiệu Thiệu Hưng thứ 25 các vị sao mà cách xa?« (1155), sư nhậm chức trụ trì Thiền viện 2. Càng thêm. Tiết »Cổ Sơn Hòa thượng« Chân Như trên núi Vân Cư. Hơn 10 năm trong Tổ Đường tập q. 10 ghi: nhậm chức, sư chỉ dùng vô vi mà an chúng, nghiêm khắc với bản thân, giữ vững thành quả của các vị Trụ trì trước »Trực hạ do nan hội, như: Viên Ngộ Khắc Cần, Đại Huệ Tông Tầm ngôn

chuyển tiện xa. Cảo… Số chúng thường trụ lên đến một, Nghĩ luận Phật dữ Tổ hai ngàn người, chẳng kém các đại đạo Đặc địa cách thiên nhai« tràng ở phương nam. »Ngay đó còn khó hội, Tìm lời liền cách xa ĐẮC TỌA PHI Y Định bàn Phật với Tổ Được ngồi mặc áo. Thiền tông dùng từ này Càng thêm cách chân trời«. để chỉ cho việc tu hành một cách chân thật. 3. Cố tình theo ý riêng, thừa thải. Bài thơ Khai thị thiền nhân Chính Văn trong Thiên »Đô tụng« của Thiền sư Thường Tổng

ĐẶC NGƯU SINH NHI Chiếu Giác trong Kiến Trung Tịnh Quốc
– Quan Kế Đăng lục ghi: Lang trung Tiền Dặc đến hỏi đạo ngài
Chân Tịnh, bàn chuyện hồi lâu, ông muốn đi vào nhà xí. Tịnh sai hành giả dẫn ông đi từ bên phía tây« . »Thanh Lương hải ngạn hưu tha mịch,
ĐĂNG LAI (1614-1685) Hoa Tạng, Nga My mạc ngoại tầm, Thiền tăng đời Thanh, họ Tằng, tự Vi Độ, Đàn chỉ viên thành do đặc địa, hiệu Tam Sơn, người xứ Điểm Giang (nay Na kham nghĩ nghị cách thiên phong«. thuộc tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc; nối »Bờ biển Thanh Lương thôi hỏi kiếm pháp Thiền sư Thiết Bích Huệ Cơ, tông Hoa Tạng, Nga My chớ tìm ngoài Lâm Tế. Tác phẩm: Tam Sơn Lai Thiền sư Phút chốc viên thành còn thừa thải ngữ lục 16 quyển, Ngũ Gia Tông Chỉ Toản Yếu 3 quyển, Cao Phong Tam Sơn Thiền Đâu cho do dự cách nghìn trùng«. sư sớ ngữ 3 quyển. ĐẶC NGƯU SINH NHI
ĐĂNG LỤC Trâu đực sinh con. Đặc ngưu là con trâu đực. Chỉ sự việc không thể có. Thiền tông Gọi đủ: Truyền Đăng lục. Sách có nội thường dùng câu »Ta có một câu, đợi khi dung ghi chép về lịch sử truyền thừa thiền nào trâu đực sinh con, thì ta sẽ nói cho pháp. Mục đích của Đăng lục là trình bày ngươi nghe ( sự phát triển lịch sử Thiền tông thông qua )« để tỷ dụ cho then chốt việc ghi chép ngôn hạnh của các nhân vật của Thiền mà chẳng rơi vào ngôn thuyên. và việc sắp xếp các thế hệ truyền pháp theo thứ tự; thường chú trọng đến cơ ngữ và ĐĂNG ĐẦU hành vi của Thiền sư trong khi khải phát Tên gọi chức vụ của vị trông coi đèn đuốc tiếp dẫn người học. Ví như bộ Ngũ Đăng trong Thiền viện. Điều Tứ Nhai Phường, Hội Nguyên, nội dung gồm có: Thủy đầu, Thán đầu, Hoa Nghiêm đầu Quyển 1, 2: Ghi chép theo thứ tự: Bảy đức trong Thiền Uyển Thanh Quy q. 4 ghi: » Phật, 28 vị Tổ Ấn Độ, 6 vị Tổ Trung Hoa và các vị nối pháp thuộc dòng phụ của các Tổ Đạo Tín, Hoằng Nhẫn, Huệ Năng. – Thái Các quyển sau ghi chép về hai hệ phái lớn nhai phường, Y nhai phường, Thủy đầu, là Nam Nhạc và Thanh Nguyên. Dưới Đăng đầu (…), ngoài thì khuyến hóa đàn Nam Nhạc lại chia làm tông Quy Ngưỡng việt tăng trưởng phúc điền, trong thì trợ và tông Lâm Tế, dưới Thanh Nguyên còn giúp chư tăng tu trì Đạo quả«. chia làm tông Pháp Nhãn, tông Tào Động và tông Vân Môn. Dưới tông Lâm Tế còn ĐĂNG HỖN chia làm 2 phái: Hoàng Long và Dương Vào nhà xí. Tông Môn Võ Khố ghi: » Kỳ. Các thế hệ được ghi chép theo thứ tự rõ ràng, chi phái sáng sủa, từ Ấn Độ đến

ĐĂNG TÂM TẠO GIÁC PHỐ Trung Hoa (chú trọng về phần Trung Hoa), hiện được tầm nhìn rộng rãi của Thiền tăng nói lên được nguồn gốc và sự phát triển về xã hội nhân văn. Nó có ảnh hưởng rất Thiền tông ngày càng nhiều thêm. lớn đến học thuật và trứ thuật của đương Nhìn chung, các bộ Đăng lục của nhà thiền thời và đời sau, như Chu Hy viết »Y Lạc có thể chia làm 6 loại như sau: Uyên Nguyên Lục« vào đời

Nam Tống, 1. Loại ghi chung tất cả pháp thống, như: Hoàng Tông Hi viết »Minh Nho Học Án« Ngũ Đăng Hội Nguyên, Tục Truyền Đăng vào đời Minh và Vạn Tư Đồng viết »Nho lục. Loại này xuất hiện rất sớm. Lâm Tông Phái« vào đời Thanh đều phỏng 2. Loại nêu riêng tông chỉ, như: »Thủy theo thể lệ các bộ Đăng lục của Thiền tông. Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt lục«, không chỉ trình bày rõ về lịch sử truyền thừa thiền ĐĂNG LUNG pháp mà còn có ý muốn độc giả nhân xem Cây đèn lồng đặt trong các tự viện để chiếu sách này được kiến tính minh tâm. sáng ban đêm giúp chư tăng tới lui dễ 3. Loại thiên về hệ phái, như »Nam Nhạc dàng. Nó có thể được làm bằng gỗ, tre, Đơn Truyền Ký« chuyên ghi về lời nói, mây, giấy v. v... và thường được đặt trên hành vi của các thiền sư cùng thể hệ truyền một cái trụ bằng gỗ hay gạch. Thiền tông thừa của tông Lâm Tế. »Động Thượng Tổ dùng từ Đăng lung để biểu thị cho vô tình Hiến Lục« chuyên ghi về lịch sử phát triển, hoặc phi tình. Nhưng khi ghép với từ Lộ cuộc đời và pháp ngữ của các thiền sư trụ (cây cột) thì hàm ý chỉ cái trình hiện ra thuộc tông Tào Động. Bản lai diện mục, tức bản tướng biểu thị 4. Loại thiên về nhân vật, như »Cư Sĩ Phần chân lý của vạn vật tự nhiên vô sinh diệt. Đăng Lục« chuyên ghi chép về việc tu tập Chương Truyền Ân Thiền sư trong thiền pháp, sự trao truyền có căn cứ của CĐTĐL q. 14 ghi: »

hàng Cư sĩ. 5. Loại thiên về khu vực, như »Cẩm Giang

Thiền Đăng« ghi chép về sự nghiệp, pháp –

Vị ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của việc tăng hỏi: Thấy sắc liền thấy tâm. Đèn lồng truyền thừa của các thiền sư giáo hóa tại là sắc, vậy cái gì là tâm? Sư nói: Ngươi đất Thục hoặc sinh tại đất Thục mà giáo không hiểu ý của Cổ nhân rồi. Tăng hỏi: Ý hóa nơi khác. cổ nhân thế nào? Sư nói: Đèn lồng chính 6. Loại thiên về gia phổ: Là loại Đăng lục là tâm.« đặc biệt dùng đồ biểu để ghi lại hệ thống ĐĂNG TÂM TẠO GIÁC PHỐ truyền thừa thiền pháp, như »Thiền Đăng Thế Phổ«, »Phật Tổ Tông Phái Thế Phổ«. Các bộ Đăng lục không chỉ ghi chép về Cửa hàng (tiệm) bán tim đèn, xà bông. Tạo thiền tăng mà còn chép cả cư sĩ tại gia bao giác: Tức cây Bồ Kết, trái của nó được gồm những người có tiếng tăm trong xã dùng để chế thành chất liệu gội đầu, giặt hội như: các vị Đế vương, Tể tướng, văn đồ, giống như xà bông bây giờ) Tiết sĩ... và phản ánh khách quan lịch trình Trường Lô Thủ Nhân Thiền sư trong phát triển của Thiền tông, cũng như biểu NĐHN q. 20 ghi:

ĐĂNG THỜI ĐẰNG ĐẰNG HÒA THƯỢNG Thiền

tăng Nhân Kiệm đời Đường phóng khoáng đồng ruộng ngoại thành, người đời

»Khai cá đăng tâm tạo giác phố. gọi là »Đằng Đằng Hòa thượng«. X. Nhân Nhật cầu thăng họp độ triêu hôn Kiệm. Chỉ nhân phong vũ liên miên cửu, Bản lợi nhất không sầu ỷ môn«. ĐẰNG ĐẰNG NGỘT NGỘT »Tiệm tim đèn xà bông vừa mở Chỉ cần

bán chác sống qua ngày. Tùy ý tự nhiên, vô sự vô vi, có dáng điệu Cũng bởi gió mưa sụt sùi mãi như người buồn ngủ. Phần Dương ngữ lục Tựa của buồn trông sạch vốn lời«. q. hạ ghi: » – Duy có ẩn dật là thú ĐĂNG THỜI thanh cao,

tùy ý tự nhiên sống qua ngày«. Ngay lúc đó, lúc bấy giờ. Tiết Ngũ Tiết Hòa thượng trong NĐHN q. 15 ghi: » ĐẰNG ĐẰNG NHẬM VẬN

Tự tại vô vi, mặc tình tự nhiên. Tiết Đằng – Về sau có người

Đằng Hòa thượng trong Tổ Đường tập q. 3 thuật lại với Động Sơn, Động Sơn nói: ghi:

Ngay lúc đó nếu chẳng phải là Ngũ Tiết, rất khó nhận lấy. Mặc dù như thế, ông ta vẫn còn phải lặn lội (hành cước)!« »Thìn thời dĩ chúc sung cơ ĐẲNG ĐẲNG Trọng thời cánh san nhất đốn Tự tại vô vi. Tiết Thường Am Sùng Thiền Kim nhật nhậm vận đẳng đẳng sư trong GTPĐL q. 30 ghi: Minh nhật đẳng đẳng nhậm vận«. »Sáng sớm dùng cháo đỡ dạ, Giữa trưa lại ăn một bữa Hôm nay tự tại vô vi Ngày mai vô vi tự tại«. »Hữu thời hướng nhật nham tiền tọa, ĐẲNG NHÀN Hữu thời thừa khốn nhật cao miên, Rảnh rang, dễ dãi. CĐTĐL q. 12 ghi: » Bất học thiền, bất tu đạo, Chỉ ma đẳng đẳng tứ điên đảo«. – Này các ngươi, sinh »Có khi cả đêm ngồi trước động tử là chuyện lớn, hãy mau lo tiến thủ, đừng Có khi mệt mỏi ngủ đến trưa vì dễ dãi mà để nghiệp thức mù mịt«. Chẳng học thiền, chẳng tu đạo, Cứ muốn vô vi mặc điên đảo«. ĐẶNG ÚY SƠN Núi ở phía Tây nam thị trấn Quang Phúc,

ĐẦU (K. NG) huyện Ngô, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, ĐÂU nhân Thái úy Đặng Vũ đời Đông Hán ẩn Gõ, đánh, vỗ. Mật Am ngữ lục ghi: » cư núi này mà đặt tên. Trên núi trồng nhiều mai, lúc hoa nở rộ hương thơm bay khắp chốn, trông như biển tuyết nên còn gọi núi – Những que này là »Hương Tuyết Hải«. Khoảng niên cứt trong nhà xí ùn ùn chui vào trong tám hiệu Thiên Bảo (742-755) đời Đường sáng mươi bốn ngàn lỗ chân lông của các ông, lập Thiên Thọ Thiền tự. Khoảng niên hiệu đụng nhằm Thần ngũ tạng liền nôn ra, hai Bảo Hựu (1253-1258) đời Tống lại xây tay vỗ liên tục đến nỗi máu bắn tung toé Thánh Ân Thiền am. Cuối đời Nguyên đến Phạm thiên.« chùa hủy, am còn. Đầu đời Minh có Thiền sư Vạn Phong khai san thuyết pháp tại đây, ĐẦU (k. ng) từ đây cổ đức hướng về đều truyền pháp 1. Hậu tố danh từ: a) Tiếp sau từ căn danh tông Lâm Tế, sinh khởi các bậc long tượng từ, như: Thạch đầu: đá, Cốt đầu: xương, cho thiền môn. Hiện còn Thiên Thọ Thánh Thiệt đầu: lưỡi, Xích đầu: thước, Quán Ân tự. đầu: hộp, Miêu đầu: mạ, Lộ đầu: con đường; b) Tiếp sau từ căn động từ: Niệm đầu: ý nghĩ, Khấu đầu: tiền khấu trừ, Tiếp ĐẶNG ÚY SƠN THÁNH ÂN TỰ đầu nhi: chỗ tiếp nối, Thính đầu nhi: chỗ CHÍ đáng nghe; c) Tiếp sau từ căn hình dung từ: Hữu chuẩn đầu: có chỗ đúng, Thường Chí, 18 quyển, do Chu Vĩnh Niên soạn vào liễu điểm đầu nhi: nếm vị ngọt. đời Minh. Khoảng niên hiệu Gia Tĩnh 2. Hậu tố phương vị từ: Thượng đầu: trên, (1522-1566) đời Minh, Thẩm Nhuận Hạ đầu: dưới, Tiền đầu: trước, Hậu đầu: Khanh soạn »Đặng Úy Sơn Chí«. Khoảng sau, Lý đầu: trong, Ngoại đầu: ngoài. niên hiệu Sùng Trinh (1628-1644), Chu 3. Đồng hành ngữ, biểu thị các chức vụ của Vĩnh Niên đem bộ chí của họ Thẩm bổ chư tăng tại thiền viện: Mễ đầu: Người coi sung thêm và biên tập thành »Đặng Úy sóc việc xay xát lúa gạo; Thủy đầu: Người Sơn Thánh Ân Tự Chí«, chia làm 22 mục, coi sóc việc gánh nước; Sài đầu: Người coi lấy nhân vật, nghệ văn làm chính. Sau đó sóc việc bổ củi; Điền đầu: Người coi sóc từng được biên tập thêm các sự kiện xảy ra việc làm ruộng; Khố đầu: Người coi sóc trong khoảng niên hiệu Thuận Trị và việc kho lẫm; Dũng đầu: Người coi sóc Khang Hy (1644-1722). Sau niên hiệu việc chế tạo thùng chứa nước; Dục đầu: Khang Hy chưa nghe ai biên chép tiếp tục Người coi sóc việc tắm rửa; Tịnh đầu: bộ chí này. Năm 1930, vị Trụ trì chùa Người coi sóc việc quét dọn; Cung đầu: Thánh Ân là Trung Thứ căn cứ vào bản in Người coi sóc việc cung cấp nhu yếu vào

niên hiệu Sùng Trinh đời Minh đến phẩm; Viên đầu: Người coi sóc việc trồng Khang Hy đời Thanh mà ảnh ấn (in chụp), rau; Hỏa đầu: Người coi sóc việc bếp núc; và được xếp vào Trung Quốc Phật Tự Sử Phạn đầu: Người coi sóc việc nấu cơm. Chí Vựng San tập 1.

ĐẦU ĐẦU mọi vật đều từ chân tâm hiện ra, tất cả Tìm đến, trước khi, sắp sửa. Tiết Trường hoàn toàn chẳng gây trở ngại.« Lô Đạo Hòa Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » ĐẦU ĐẦU THỊ ĐẠO – Không cho đi đêm, trước khi Ý nói mỗi chỗ đều có đạo pháp, mọi việc trời sáng phải đến, ý chỉ như thế nào?« hiển bày thiền cơ. Bích Nham lục q. 1 ghi: » ĐẦU CƠ Còn gọi: Đậu cơ. Ăn ý thiền cơ, khế ngộ thiền pháp. Tiết Huệ Hải Nghi Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » – – ›Chí đạo không khó, ngôn Trong hội Linh Sơn ngài Đại Ca Diếp thấy ngữ vẫn đúng, một có nhiều thứ, hai không Phật giơ cành hoa, khế ngộ thiền pháp liền hai loại‹, câu này dạy người không nên mỉm cười.« nhiều việc khi mà ở chân trời mặt trời mọc — Đầu cơ kệ: Qua sự khải phát của bậc mặt trăng lặn, khi mà ở trước thềm núi sâu Thầy, người học nhân đó mà khai ngộ. Về suối lạnh. Đến cảnh giới ấy, lời cũng đúng, sau, người ấy đem chỗ cảm ngộ vào lúc đó nói cũng đúng, mỗi chỗ đều có đạo pháp, biểu thị ra bằng bài kệ. Bài kệ này được vật vật toàn chân, há chẳng phải công phu gọi là Đầu cơ kệ. tâm cảnh đều quên, nhồi thành một — Đầu cơ tụng: Bài tụng được làm ra khối?‹«. nhằm biểu thị tâm cảnh triệt để đại ngộ của người học khế hợp với yếu cơ của Phật Tổ. ĐẦU GIÁC SINH Trong các tự viện Thiền tông từ xưa đến Trên đầu mọc sừng. Thiền tông dùng từ giờ, có thể thấy rất nhiều loại Đầu cơ kệ,này để chỉ cho việc khởi lên ý niệm phiền Đầu cơ tụng trong các sách Thiền như: Tổ não, hoặc phàm phu khởi tâm »hữu sở Đường tập, Chỉ Nguyệt lục, Chư Truyền đắc«. Tắc 95, Bích Nham lục (Đại 48, 218 Đăng lục. Có thể cường điệu rằng đây là thượng) ghi: » một điểm nổi bật của văn học Thiền Trung Quốc. Theo: Nhân Thiên Nhãn Mục quyển – Phần lời dẫn: Chỗ 2. có Phật chẳng được dừng lại, nếu dừng lại thì trên đầu mọc sừng. Chỗ không có Phật ĐẦU ĐẦU hãy chạy qua cho mau, nếu chẳng chạy Mọi việc, mọi nơi, tất cả. Phần »Tụng Vân mau thì cỏ mọc dày một trượng«. Môn Tam ngữ cú – Hàm cái càn khôn« của Đức Sơn Duyên Mật phụ lục trong quyển ĐẦU THỦ cuối sách Vân Môn quảng lục q. hạ ghi: Trong Thiền viện, chức sự tăng được chia » làm hai ban đông tây; những vị đứng đầu – Đất trời ban Tây gọi là Đầu thủ. Tông Môn Võ Khố cùng vạn vật, địa ngục với thiên đường, ghi: »

ĐẦU TỬ SƠN ĐẦU TỬ ĐẠI ĐỒNG THIỀN SƯ NGỮ LỤC Còn gọi: Từ Tế Thiền sư ngữ lục, Đầu Tử Hòa thượng ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Đầu Tử Đại Đồng soạn vào đời Đường, được biên định vào niên hiệu Kiến Long thứ 2 (961) đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 118, trang 620. Nội dung – Viện gồm: Những ngữ yếu thị chúng, thượng Huệ An nằm ở bên trái đường Môn Lâm, đường của Thiền sư Đại Đồng ở viện Tịch huyện Phụng Tân, Hồng Châu. Chư tăng Trụ, núi Đầu Tử, huyện Đồng Thành, Thư muốn đến núi Hoàng Long, Lặc Đàm,

Châu. Các ngữ yếu của Thúy Vi tham vấn Động Sơn, Hoàng Bá không thể không đi với sư. Những cơ phong vấn đáp của sư ngang đó. Bất chợt thấy ngôi đạo tràng với các vị: Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Triệu nầy từ lâu không có người coi sóc nên viên Châu Tùng Thẩm, Thái thú Y Kiến Phong. Thái thú liền gửi công văn đến thiền sư Chân Tịnh ngỏ ý này với đại chúng thì các ĐẦU TỬ NGHĨA THANH THIỀN bậc kỳ túc, Thủ tọa, Tri sự đều sợ phải SƯ NGỮ LỤC hành đạo nơi ấy. Lúc đó có Thủ tọa Uyên Còn gọi:
Thư Châu Đầu Tử Thanh Thiền là người phương Bắc, tính tình cứng cỏi sư ngữ lục, Đầu Tử Thanh Hòa thượng lục, thích tự lập, tham vấn các ngài Hối Diệu Tục Đại Sư ngữ lục. Ngữ lục, 2 Đường, Chân Tịnh đã có chỗ khế ngộ, quyển, do Đầu Tử Nghĩa Thanh soạn vào nhưng khi cùng chúng sinh hoạt sư vẫn đời Tống, Tự Giác Trọng biên tập, được giấu kín nên không ai biết. Sư nghe các vị xếp vào Tục Tạng kinh tập 124, trang 479. Đầu thủ, Tri sự từ chối chẳng vâng lời Nội dung gồm có: ngữ lục ở Thiền viện ngài Chân Tịnh đi trụ trì, sư liền thưa với Hải Hội núi Bạch Vân, ngữ lục ở Thiền ngài: Huệ Uyên đi được chăng? Chân Tịnh viện Thắng Nhân núi Đầu Tử, Sư đáp 10 nói: Ngươi đi được.« câu hỏi của Đồng Lâm, Bài tựa Ngũ Vị Tụng, Bài vè về Ngũ Vị Thiên Chính, Tứ ĐẦU THƯỢNG AN ĐẦU tân chủ, kệ, 100 tắc công án tụng cổ. Ngoài ra còn có Thư Châu Đầu Tử Sơn Còn gọi: Tuyết thượng gia sương (trên Diệu Tục Đại Sư ngữ lục của Đạo Giai tuyết thêm sương). Trên cái đầu sẵn có đặt biên tập 1 quyển, còn gọi là Đầu Tử Nghĩa thêm một cái đầu khác nữa. Ý nói làm việc Thanh Thiền sư ngữ lục. Sách này chỉ gom trùng lặp, quá dư, không cần thiết. Tắc 34, chép 25 điều ngữ yếu thượng đường thị Bích Nham lục (Đại 48, 173 thượng) ghi: chúng và 1 thiên »Nghĩa Thanh lược » (
truyện« do Đan Hà Tử Thuần soạn. ) – Mây trắng lớp lớp. (Trăm vòng
ngàn lớp, trên đầu đặt thêm đầu!)«. ĐẦU TỬ SƠN Núi nằm ở huyện Tiềm Sơn tỉnh An Huy,

ĐẦU TỰ Trung Quốc. Đời Đường, Tống, nơi này gọi là Thư
Châu. Trong núi có chùa Đầu – Hòa thượng Ngũ Tổ Pháp Diễn Tử, thiền sư Đại Đồng ở đây vào đời theo Hòa thượng Bạch Vân Thủ Đoan học Đường, cử dương tông phong hơn 30 năm. hỏi giải quyết đại sự, thâm triệt cốt tủy. Niên hiệu Hy Ninh thứ 8 (1075) đời Tống, Thủ Đoan sai sư làm người trông coi việc Thiền sư Nghĩa Thanh ở viện Thắng Nhân xay lúa phía trước núi. Mỗi năm Pháp trong núi nầy, hết sức cử dương tông Diễn lấy tiền bán cám để trừ nợ thu hoạch, phong Tào Động; vào niên hiệu Nguyên trả tiền nhân công và các chi phí khác, tiền Phong thứ 6 (1083), sư thị tịch ở núi nầy. còn dư thì nhập vào thường trụ. Thường bị Đời Tống còn có Thiền sư Liễu Minh ở người ở chỗ Thủ Đoan đặt lời giềm pha thị đây. phi rằng: Pháp Diễn mỗi ngày thường lấy tiền cám để uống rượu ăn thịt và nuôi ĐẦU TỰ dưỡng phụ nữ trong làng, làm cả viện xôn Dụ cho nguyên tắc của sự lý. xao.«

ĐẨU CẤU ĐẨU HỢP THIỀN Xoi mói sinh sự. Nguyên Hiền quảng lục q. 30 ghi:
» Thiền ngữ linh hoạt tập hợp ý riêng biệt của
cả hai bên. Tiết Trường Khánh Hòa thượng trong TĐT q. 10 ghi:
»
– Bạch Vân Đoan ban đầu ở Thừa
Thiên thuộc Cửu Giang, Viên – Hòa Thông Nột nhường Viên Thông

cho Đoan thượng Minh Triêu Sách thượng đường, ở, rồi tự lui về Tây Đường. Dần dà, Quần lên tòa liền gọi sư. Sư bước ra. Hòa Tiểu xoi mói sinh sự, Nột không nhịn nổi thượng bảo: Chuyện hôm qua, đại chúng bèn tố cáo với khách. Quần Tiểu cho rằng còn nghi lời ông nói. Cho rằng: Hai lão Nột không chịu được cảnh vắng vẻ, có ý già đã sắp đặt Thiền ngữ linh hoạt dung trở về Viên Thông, Đoan bèn từ biệt mà hợp ý kiến của cả hai bên. Nếu ông kiến đi«. tính thì hãy nói một câu trước mặt đại chúng xem!«. ĐẨU ĐIỆP Đặt ra lời giềm pha. Tông Môn Võ Khố ĐẨU NGẠCH ghi: »
Gặp nhau, đối mặt nhau. Tiết Vân Phong
Văn Duyệt Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: »
– Cổ Phật cùng cột cái xen
nhau, điện Phật cùng lồng đèn đối nhau«.

ĐẬU ĐẨU TẤU người cô phụ ân đức thế ấy«. Tập hợp, tụ tập. Mật Am ngữ lục ghi: » ĐẬU – Giải hạ, 1. Đi
đến, đến tận nơi. Tiết Thiêm Phán thượng đường nói: Một chiếc hồ lô vừa lật Lưu Kính Thần cư sĩ trong NĐHN q. 16 ngã, mọi chiếc hồ lô đều lật ngã. Muốn ghi: »
biết Thiền trực chỉ đơn truyền, hôm nay tụ tập rất đúng
lúc«. ĐẨU TẨU
Kể chuyện. Mật Am ngữ lục ghi: » – Ông ngủ vùi một giấc
– Cả đời lận đến canh năm, tỉnh dậy liền nhớ lại câu đận, tận tình kể ra hết rồi«.
hỏi, thấy các thứ tướng lạ, trong ngoài thông suốt, sáu căn rung động, đất trời ĐẨU TẨU MY MAO xoay chuyển, như mây tan trăng hiện, vui Còn gọi: Trát thượng my
mao, Dịch khởi mừng quá đỗi, ông liền đi đến ngài Minh my mao. Có ba nghĩa: Xu Trí Hải đem hết sở đắc trình với ngài.« 1. Suy nghĩ một chút. Ngũ Đăng Hội Nguyên q. 15 ghi: » 2. Ăn khớp, phù hợp. Tiết Vân Cư Đạo – Luận về việc
này, Ưng Thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: » nếu có một chút suy nghĩ là sớm đã vượt
qua«. – Đem thân tâm 2. Phấn chấn lên. Tổ
Đường tập q. 10 ghi: hữu hạn để dùng vào việc vô hạn giống »
như muốn cho cây vuông ăn khớp với lỗ – Sao chẳng phấn chấn lên để xuất sắc hơn tròn, thật là lầm lẫn biết bao!« Tiết Khai một chút?«. Nguyên Tử Kỳ Thiền sư trong NĐHN q. 3. Dựng đứng lông mày, hàm nghĩa phấn 17 ghi: » chấn
tinh thần. Đây là lời thiền sư quen dùng. Thung Dung Am lục q.
1 ghi: » – Dựng đứng lông
mày, phập phồng lỗ mũi«. – Thiền sư Ngũ Tổ Diễn vâng lệnh phân tòa (để thuyết pháp), Tử Kỳ ở ĐẨU TẨU THỈ TRÀNG trong thất rủ lòng dạy rằng: ›Một người có Vắt óc suy nghĩ, vắt óc tìm mọi cách. Đây miệng mà nói chẳng được chữ Tính (họ) là là lời nói thô tục. Tông Môn Võ Khố ghi: ai‹. Sau đó, lời nói này được truyền đến » Đông Lâm, Thiền sư Tổng khen rằng: Thủ
– tọa Tử Kỳ như núi sắt muôn trượng, rốt Bà già mắng rằng: Tuyết Đậu đã tìm mọi cuộc khó mà phù hợp với câu nói của ông cách nói thiền để tiếp dẫn người, vậy mà ta.«

ĐẬU TẤU ĐẬU TẤU ấy, ngày đêm đề khởi, chớ có hiểu như hư Tụ tập, góp nhặt. Tiết »Thư đáp Trung vô, chớ có hiểu như hữu vô«. thừa Trịnh Côn Nham« trong HSLNMDT q. 1 ghi: » ĐỀ XƯỚNG Đưa ra

tông chỉ thiền pháp hoặc cơ duyên công án rồi thêm phần trình bày, bình luận. Minh Giác ngữ lục ghi: »

– Đưa ra tông chỉ thiền pháp – Quan sát sâu xa như thế, hễ một của Phật Tổ rồi bình luận, chê trách hoặc niệm khởi lên phải quyết định tìm cho ra khen ngợi xưa nay«. tăm tích của nó, cấp thiết không được ĐẾ CẦU khinh thường bỏ qua, cũng không thể bị nó Tìm kiếm lẽ thật. Uyển Lăng lục ghi: » dối gạt. Tu hành như thế chút ít được gần rõ ràng xác thực. Ngoại trừ việc này, chớ nên tụ tập nói về xảo pháp tri kiến huyền – Từ Phật đến Tổ đều không diệu, hoàn toàn không dính dáng.« bàn việc gì khác, chỉ bàn về Nhất tâm, ĐẬU TIẾP cũng gọi là Nhất thừa. Thế nên tìm kiếm lẽ thật ở mười phương mà không có thừa nào Tiếp dẫn. Tựa của Pháp Anh trong TĐSU khác«. ghi: »

– Sau Đ t-ma ĐẾ ĐÁNG 500 năm mới sinh Vân Môn, tùy cơ trả lời Xác đáng, thỏa đáng, thích hợp, hay. Mật tiếp dẫn người học.« Am ngữ lục ghi: »

ĐỀ TÊ 1. Nêu lên, đưa ra, khêu gợi. Phần Dương – Nhân dịp sư xem ngữ lục của ngài Huyền ngữ lục q. thượng ghi: » Sa, rất thích đoạn Ngài khám phá Linh Vân và nói: Hay thì thật hay, nhưng dám bảo đảm là lão huynh còn chưa triệt ngộ. Đáng gọi là như vách cao muôn trượng«.

– Hỏi: Cất bước vượt ngàn khe, tìm nguồn chuyển nẻo mê, ĐẾ ĐÁNG HÁN một câu nói trong đây, thỉnh sư phương Người đã lãnh ngộ thiền pháp. Tiết Pháp tiện nêu ra! Sư đáp: Ngàn năm cây không Luân Ngạn Tư Thiền sư trong NĐHN q. 12 bóng, hôm nay thấy được cành, nếu chẳng ghi: » đưa ra câu hỏi này, đâu thấy được cơ của – Nếu sư?« là người đã lãnh ngộ thiền pháp thì toàn 2. Đề khởi, tham cứu. Vô Môn Quan ghi: thân không chướng ngại, hành động không » sai sót, nắm tay ra khỏi cõi bụi hồng«. – Tham một chữ Vô

ĐỆ CÔN (287) ĐẾ QUÁN Tâm Yếu ghi: » Xem kỹ, Quán sát lẽ thật. Tiết Pháp Nhãn Hy Minh Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: – Về sau nếu có nói nhiều lời, đều là » – lời nói ứng phó, không từng có thật pháp Điều này cũng cần các ông lưu ý, mỗi để cho người«. người phải xem kỹ«. ĐỂ ĐỊCH SINH TỬ ĐẾ TÍN Đối phó sinh tử luân hồi, siêu việt sinh tử. Tin tưởng một cách cung kính và chí Tiết Hòa Sơn Huệ Phương Thiền sư trong thành. Tiết Vân Cư Pháp Như Thiền sư NĐHN q. 18 ghi: » trong NĐHN q. 20 ghi: »

– Nhưng đối với ngũ gia tông phái, việc môn đình thi thiết – Sư tham học đủ bậc tông thì chẳng phải không, dù cho biện được tượng ở miền hữu ngạn Chiết Giang. Cuối thoải mái rõ ràng đi, cũng là việc hư huyễn cùng đến Long Môn, sư đem sở chứng lúc không thật. Nếu muốn đối phó sinh tử luân bình thường ra bạch cùng Phật Nhãn. hồi thì cách xa như trời với đất«. Nhãn nói: Những thứ này đều là học giải, chẳng phải việc cứu cánh. Muốn liễu thoát ĐỂ NGHĨ sinh tử phải cầu diệu ngộ. Sư giật mình và Còn gọi: Để ngô. Ứng phó, đối phó. Ngộ tin tưởng một cách cung kính chí thành«. Bản ngữ lục ghi: »

ĐỂ Nào? Gì? Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi:
– Dưới » hội Diêm Quan có 1 vị tăng chủ sự,
chợt – Hỏi: Trải tóc lót bùn do việc thấy một gã quỷ sứ đến tìm bắt mình… gì? Thí thân lấy (nửa) kệ là vì ai?« Trải qua 7 ngày quỷ sứ đến tìm vị tăng ấy, tìm mãi mà không được. Nếu lúc bị nó tìm ĐỂ CÁ được thì làm sao đối phó đây?«. Trợ từ song âm, tương đương với chữ »đích« có nghĩa là »của«. Tiết Trường Lô ĐỂ TỬ Thanh Liễu Thiền sư trong NĐHN q. 14 Liều chết. Mật Am ngữ lục ghi: » ghi: »
– Vất bỏ thân mạng, – Của sơn tăng thì liều chết tham
cứu«. sơn tăng tự biết, của các ông thì các ông tự nói«. ĐỆ CÔN (287) Huynh đệ (anh em trong đạo). Tông Môn ĐỂ ĐỊCH NGỮ Võ Khố ghi: » Lời nói ứng
phó, lời nói biện bác. Đoạn Tế

ĐỆ ĐẠI – Thiền sư Bảo Ninh nghĩa huyền diệu tột cùng. Mật Am ngữ lục
Dũng đến Trường Sa Vân Cái tham kiến ghi: » – Diễn Hòa thượng
Dương Kỳ Hội, cùng Hòa bày đệ nhất nghĩa, đề khởi tối thượng thượng Bạch Vân làm huynh đệ.« thừa.«

ĐỆ ĐẠI ĐỆ NHỊ CÚ Đời này tiếp nối đời trước, mỗi đời tiếp nối Đối lại »đệ nhất cú«, chỉ cho ngữ cú biểu nhau. Khai thị Thiền nhân Đổng Văn Thừa đạt ý nghĩa thông thường. Tiết Quy Tông trong HSLNMDT q. 1 ghi: » Chính Hiền Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » – Đầu-đà Ca-diếp
rạng mặt mỉm cười cho đến 28 vị Tổ, đời này tiếp nối đời
trước trao tay«. – Rốt cuộc đệ nhất cú làm sao nói? Nếu các
ông đối với lúc thế giới ĐỆ NHẤT CÚ chưa thành lập, lúc cha mẹ chưa sinh, lúc Chỉ cho ngữ cú biểu đạt thiền nghĩa huyền Phật chưa ra đời, lúc Tổ sư chưa từ Ấn Độ diệu. Tiết Quy Tông Chính Hiền Thiền sư sang mà nói được cũng đã là đệ nhị cú.« trong NĐHN q. 20 ghi: » ĐỆ NHỊ ĐẦU – Rốt cuộc đệ nhất cú
làm sao Còn gọi: Đệ nhị, đệ tam thủ. Chỉ cho sự lý nói? Cho dù ngươi hoàn toàn nói được ngoài thiền pháp huyền diệu. Tiết Huệ cũng không khỏi bị chi phối.« Thông Thanh Đán Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » ĐỆ NHẤT ĐẠO
Diệu đạo vô thượng, chỉ cho thiền pháp. Tối
Thượng Thừa Luận ghi: » – Nói về Phật Tổ
giống như trên da thịt lành lặn khoét vết thương; nêu công án
cổ nhân cũng như ăn cơm thừa canh cặn; một khi nghe liền
ngộ – Hãy nỗ đã rơi vào đệ nhị đầu; một khi nêu lên liền lực! Hãy nỗ
lực! Khuyên nhau cầu bản tâm làm sớm bỏ lỡ thời cơ rồi.« chớ theo vọng tưởng. Quá khứ không biết, việc đã qua cũng không bằng, nay thân ĐỆ NHỊ NGHĨA hiện tại may có được và nghe diệu pháp. Đối lại »đệ nhất nghĩa«, chỉ cho nghĩa lý Rõ ràng khuyên bảo nhau, nhất quyết giải ngoài thiền nghĩa huyền diệu. Đệ nhị nghĩa cho được lời này, biết giữ gìn tâm, là đệ là những điều không khế hợp thiền pháp. nhất đạo.« Chương Nam Thiền Khế Phồn Thiền sư trong CĐTĐL q. 19 ghi: » ĐỆ NHẤT
NGHĨA Chỉ cho chân lý tối cao của Phật giáo, thiền

ĐÍCH ĐÍCH – Khi ấy có vị tăng hỏi: Thế thừa thiền pháp đời thứ ba. Tiết Đạo Quân nào là đệ nhất nghĩa? Sư nói: Sao chẳng Pháp Như Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: hỏi đệ nhất nghĩa? Tăng nói: Hiện đang » hỏi. Sư nói: Đã rơi vào đệ nhị nghĩa rồi.« , « ĐỆ NHỊ NGUYỆT »Viên Cực Thường tán chi viết: Mặt trăng thứ hai, chỉ cho hình tượng hư Sinh thiết diện bì nan tấu bạc vọng. Bài thơ gởi Diệu Quả Chính Trưởng Đẳng nhàn cử bộ động càn khôn lão trong MGNL q. 2 ghi: » Hí niêm Thập Trí Đồng Chân thoại – Du lịch Bất phụ Hoàng Long đích cốt tôn«. không biết tham phỏng ai, từng nói bầu »Ngài Viên Cực Thường khen sư như sau: trời không có mặt trăng thứ hai.« Nhân cách lạnh lùng khôn ghé hợp Bình thường cất bước động càn khôn ĐỆ TƯƠNG ›Thập trí Đồng Chân‹ nêu tông chỉ Tiếp tục theo thứ tự, lẫn nhau. Tiết Dược Chẳng phụ Hoàng Long cháu đích tôn«. Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 4 ghi: » – Từ đây Thầy ĐÍCH ĐÁNG trò giúp đỡ lẫn nhau«. 1. Thích hợp, thỏa đáng. Đại Châu ngữ lục q. hạ ghi: » ĐỊA ĐẦU Điểm cuối cùng, mục đích. Tiết Trường Lô – Vừa rồi Thiền sư nói Chân như Thanh Liễu Thiền sư trong NĐHN q. 14 có biến đổi, bây giờ lại nói không biến đổi, ghi: » thế nào mới thỏa đáng?«. – Biết 2. Cứu cánh, rốt cuộc (Biểu thị ngữ khí được chiếc gậy vẫn còn là chuyện trên nghi vấn). Tiết Đại Hồng Thủ Toại Thiền đường đi, vậy thế nào là một câu đến điểm sư trong NĐHN q. 14 ghi: » cuối cùng?«. ĐÍCH Đích xác, xác thực. Tiết Tục Nghệ Ngôn – Thứ sử họ Lý hỏi Dược Sơn: Họ trong NHQL q. 30 ghi: » gì? Sơn đáp: Vừa đúng lúc? Lý mờ mịt, liền hỏi Viện chủ: Vừa rồi tôi hỏi Trưởng lão họ gì, ngài đáp rằng Vừa đúng lúc. Rốt – Hồng Giác Phạm viết có 6 loại… cuộc là họ gì?«. Chữ nghĩa già giặn này xác thực là của hàng danh gia, trong chư tăng ít có. Nếu ĐÍCH ĐÍCH luận về Phật pháp thì nửa ưu nửa khuyết«. 1. Xác thực, chân thiết. Tiết Tô Châu Tây Thiền Hòa thượng trong NĐHN q. 4 ghi: ĐÍCH CỐT TÔN » Cháu đích tôn, chỉ cho người được truyền – Tăng hỏi: Ba

ĐÍCH TỰ thừa, mười hai phần giáo thì chẳng hỏi, « thế nào là ý xác thực của Tổ sư từ Ấn »Tào Khê nhất trích, Độ?«. Nguyên viễn lưu trường 2. Chỉ dạy một cách thiết thực. Như Tịnh Chí ư Lâm Tế ngữ lục q. hạ ghi: » Kỳ đạo ích trương Như kích thạch hỏa Như thiểm điện quang – Tăng hỏi Thiền sư Đương Bất ly đương xứ Sơn Khải: Nãy giờ người học đứng đợi, Địch diện thừa đương«. thỉnh Thầy chỉ dạy một cách thiết thực? »Giọt nước Tào Khê, nguồn xa giòng dài Khải nói: Trong đây ta vừa đi tiêu xong, có Đến nơi Lâm Tế, đạo ấy hoằng khai cái gì là cao siêu thiết thực?«. Như lửa đá nháng, như ánh điện chớp Chẳng rời nơi đây, trước mặt nhận lấy«. ĐÍCH TỰ Nối pháp dòng chính. Tông Môn Võ Khố ĐỊCH DIỆN TƯƠNG TRÌNH ghi: » – Hòa thượng Trạm Đường Trình ra trước mặt. Huệ Tịch ngữ lục ghi: Chuẩn, người phủ Hưng Nguyên, nối pháp » dòng chính của ngài Chân Tịnh Khắc – Trình ra trước mặt vẫn còn là kẻ Văn«. độn căn thì đâu thể so sánh với sự biểu ĐỊCH DIỆN PHÂN PHÓ hiện trên giấy mực«. Tận mặt giao phó, trước mặt dặn

dò. Tiết ĐỊCH LUẬN Hưng Thánh Trọng Mãn Thiền sư trong Biện luận. Tiết Báo Ân Huệ Minh Thiền sư NĐHN q. 8 ghi: » trong NĐHN q. 10 ghi: »
, – Tận mặt
– Sư tìm giao phó, chẳng đợi nói rõ bằng chữ cách dời sang am Bạch Sa Trác núi Thiên nghĩa; trước mắt hợp cơ gọi là tham Thai. Thượng tọa Hữu Bằng Ngạn học huyền. Bậc thượng sĩ nếu được như thế sẽ rộng hiểu nhiều, đến thăm sư biện luận khiến cho tông phong chẳng suy sụp«. tông thừa.« ĐỊCH DIỆN THỪA ĐƯƠNG ĐỊCH SINH TỬ Siêu việt sinh tử, là cảnh giới của người Trước mặt nhận lấy, khế hợp thiền cơ. thiền ngộ. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng »Bài minh viết trên tháp« của Phụ Cát Tất ghi: » trong Mật Am ngữ lục q. cuối ghi: –
Không biết được cây khúc lục thì làm sao biết ăn quả của nó? Không qua được cửa ải Tổ sư thì làm sao hiểu được cảnh giới

ĐINH SÁT CƯỚC CÂN thiền ngộ.« Tích, Giang Tô, Trung Quốc. Năm 22 tuổi ông học tập ở Giang Âm Nam Thanh Thư ĐINH CHỦY THIẾT THIỆT Viện. Niên hiệu Quang Tự thứ 27 (1901) đời Thanh, đến Đông Ngô đại học đường ở Miêu tả cơ ngữ sắc bén cứng rắn. Tiết Tô Châu học y khoa. Năm 1903 nhậm Trường Lô Ứng Phu Thiền sư trong chức Giáo sư Toán học và sinh lý học tại NĐHN q. 16 ghi: » Đại học Kinh Sư, trở lại nhậm chức Giáo sư lớp phiên dịch. Năm 1905, ông đọc ngữ lục Thiền tông, trích lục một số lời viết làm bài minh. Còn kết bạn với học giả Dương Nhân Sơn. Năm 1908 ông hành – Sư thượng đường nhìn nghề y tại Thượng Hải và sáng lập Y Học đại chúng nói: Cái gì mà ôm không tụ, gạt Thư Cục. Năm 1916 ông sùng tín Phật chẳng tan, gió thổi không vào, nước rước giáo, năm sau biên ấn Phật học thư tịch. Có chẳng dính, lửa thiêu chẳng được, dao trứ thuật 34 sách Phật học như »Phật Học chặt không đứt? Là cái gì vậy? Trong Đại Từ Điển«, »Lục Tổ Đàn Kinh Tiên chúng có thiền tăng cơ ngữ sắc bén cứng Chú« v.v… rắn không, thử vì sơn tăng phân biệt rõ xem? Có hay không?«. ĐINH QUYẾT KHÔNG TRUNG ĐINH NINH Còn gọi: Hư không đinh quyết. Đóng cọc Cẩn thận, rõ ràng. Phạm Kỳ ngữ lục q. 7 vào hư không. Chỉ cho hành vi hư vọng, ghi: không thể làm được. Ngũ Đăng Hội Nguyên q. 20 ghi: » – Đóng vào hư không đâu thể so sánh với việc ra vào ngôn ngữ rối rắm«. Sơn tăng nhất phiến nhàn điền địa ĐINH SÁT CƯỚC CÂN Xoa thủ đinh ninh vấn Tổ ông Triệt ngộ thiền chỉ, hoàn thành bản phận Kỷ độ mại lai hoàn tự mãi đại sự. Tiết Tín Tương Tông Hiển Thiền sư Vị lân tùng trúc dẫn thanh phong. trong NĐHN q. 18 ghi: » Một khoảnh đất hoang trước núi xanh, Chắp tay cẩn thận hỏi cha ông, Bao phen bán đi rồi mua lại Vì thương tùng trúc gió trong lành. Đến quy y với ngài Chiêu Giác được xuất gia, thọ đầy đủ ĐINH PHÚC BẢO (1874- giới, sau đó theo chúng thưa hỏi tham 1952) thiền. Một hôm Giác hỏi sư: Đứng trên Học giả Phật giáo hiện đại, tự là Trọng ngọn núi cao ngất, đi dưới đáy biển sâu Hữu, biệt hiệu Trù Ẩn Cư sĩ, người đất Vô thẳm. Ngươi hiểu như thế nào? Ngay lời

ĐÌNH TIỀN BÁCH THỤ TỬ này sư chợt ngộ, nói: Con đã triệt ngộ sự hiểu biết sâu rộng của sư. Sư yết kiến thiền chỉ.« Tiếu Ẩn Đại Tố ở Thiên Trúc. Đại Tố khen rằng: »Ông là dòng dõi Hoàng Long, Phật ĐÌNH TIỀN BÁCH THỤ TỬ Ấn.« Khi Đại Tố trụ trì chùa Long Tường, chùa Tập Khánh ở Nam Kinh đều mời sư Cây bách trước sân, là cơ ngữ của Hòa làm Đệ nhất tọa. Về sau sư lần lượt trụ các thượng Triệu Châu đời Đường, cũng là chùa Long Phong, Thụy Nham, Trung công án nổi tiếng được thấy nơi tiết Triệu Thiên Trúc, Tịnh Từ. Niên hiệu Hồng Võ Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong NĐHN q. thứ 1 (1368) đời Minh sư thị tịch ở Chung 4 như sau: » Sơn.
Tác phẩm: Ký Xuyên Tập, Ngũ Hội ngữ lục.

ĐỊNH – Tăng hỏi: Thế 1. Tâm chuyên chú một cảnh mà không tán nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? Sư đáp: loạn. Chương Tổ thứ 16 La-hầu-la-đa trong Cây bách trước sân. Tăng thưa: Hòa CĐTĐL q. 2 ghi: » thượng chớ đem cảnh dạy người. Sư bảo: Ta chẳng đem cảnh dạy người. Tăng hỏi lại: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? Sư – Tôn giả lãnh đạo các học đáp: Cây bách trước sân.« chúng theo ngược dòng mà lên, khi đến Mũi nhọn của công án này ở chỗ gợi ý thấy Tăng Già Nan Đề ngồi yên nhập định, người học chớ nên tìm tòi câu nệ trên ngôn Tôn giả cùng học chúng đợi chờ. Trải qua ngữ, không nên rơi vào tri thức kiến giải, 21 ngày mới xuất định.« tình niệm ý tưởng, cần phải thoát khỏi tất 2. Cân lường. Tiết Hoàng Long Tử Tâm cả, lập tức ngộ nhập. Tân Thiền sư trong GTPĐL q. 25 ghi: » ĐÌNH TÙ TRƯỜNG TRÍ – Cân đong đo đếm giống như người mở Biện pháp trì hoãn để tìm cách đối phó. tiệm tạp hóa.« Nam Tống Nguyên Minh Thiền Lâm Tăng 3. Phân biệt rõ. Chương Pháp Đăng Thái Bảo truyện q. 1 ghi: » Khâm Thiền sư trong CĐTĐL q. 25 ghi: – Chẳng được trì hoãn, hãy » nói mau đi!«

– Hôm nay các ông thử nói đạo lý xem đây là Như ĐÌNH TUẤN (1299-1368) Lai Thiền hay là Tổ Sư Thiền? Có phân Thiền tăng đời Nguyên, họ Đổng, tự là biệt được chăng?« Dụng Chương, hiệu là Lại Am, Lại Ông, Ký Xuyên, người xứ Phàn Dương (Ba ĐỊNH BÀN TINH Dương, Giang Tây). Thuở nhỏ xuất gia, Còn gọi: Định bàn tử. Định bàn: Cái cân. học rộng nhớ dai, rất am tường những sự Tinh: Cái khía (trên cân xách), con số (trên thật triều Tống, bậc túc nho đều khâm phục cân đồng hồ). Thông thường dùng Định

ĐỊNH HIỀN (1860-1941) Bàn Tinh làm dụ để chỉ cho tiêu chuẩn của ĐỊNH ĐỊNH một sự việc. Thiền tông dùng từ này để chỉ Chắc chắn, nhất thiết phải. Phạm Kỳ ngữ cho kiến giải chủ quan. Vô Môn Quan ghi: lục q. 3 ghi: » »

– Đại Mai khiến cho bao nhiêu người nhận lầm theo kiến giải chủ quan, đâu biết nói một – chữ Phật thì phải súc miệng đến ba ngày«.
Kiết hạ, nhằm lúc tiểu tham… Sư nói: Hôm Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. nay cột miệng túi vải lại, có cũng bị túi vải bao trùm, không cũng bị túi vải bao trùm, ĐỊNH CHẤP chung quy chưa có phần thoát ra. Nếu Chấp trước, câu nệ. Tiết Huệ Trung Quốc muốn miệng túi vải mở ra, nhất thiết phải sư trong TĐT q. 3 ghi: » là 90 ngày, bớt một ngày cũng chẳng được«.

ĐỊNH ĐỘNG 1. Chớp mắt. Tiết Phật
Giám Thiền sư – Lúc chúng sinh mê thì đóng cứng trong GTPĐL q. 25 ghi: »
tính trở thành tâm; khi chúng sinh ngộ thì tan chảy tâm trở
thành tính. Nếu ngươi chấp trước loài vô tình không có Phật
tính thì lẽ ra Kinh không nên nói: Tam giới duy –
Muốn biết việc này tâm, vạn pháp duy thức, nên kinh Hoa thì phải tận mặt trình nhau,
còn việc về Nghiêm nói: Tất cả pháp trong tam giới, trước chưa nói mà sớm đã lỡ qua.
Giống chỉ do tâm tạo«. như chim đại bàng chúa vào biển lớn A-lô, vỗ cánh rẽ sóng để
bắt rồng ăn thịt. Trong ĐỊNH CHIẾU THIỀN SƯ khoảng chớp mắt sớm đã bỏ
thân mất Hiệu của Thiền tăng Đạo Giai đời Tống. X. mạng«. Đạo Giai. 2. Do dự, ngờ vực.
Tiết Tam Giao Trí ĐỊNH ĐÁNG Tung Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: » Còn gọi:
Định thủ. Nhận biết, phân biệt rõ. – Cần Tiết Chân Tịnh Khắc Văn
Thiền sư trong dùng thì dùng ngay, tâm ý chớ có ngờ LĐHY q. 14 ghi: »
vực«. ĐỊNH ĐƯỜNG – Chư Thiền đức, hãy nói
là Ninh vui vẻ có giống như Tam Thiền tăng đời Minh, tên Bản Thiếp, hiệu Thánh vui
vẻ hay không? Không có gã nào Định Đường. X. Bản Thiếp. vui vẻ sao? Hãy bước ra
phân biệt rõ ĐỊNH HIỀN (1860-1941) xem«. Tăng nhân hiện đại, họ Hoàng, tên Duy

ĐỊNH HUỆ Tiền, tự Lễ Xướng, người xứ Tấn Giang, chế độ truyền cho kẻ hiền ở mọi
nơi, chấn Phúc Kiến; tham học với Bát Chỉ Đầu Đà. hưng tông phong Tào Động, cùng
với Cổ Sư trụ trì chùa Nhất Phiến ở Nam An. Sơn Tự ở Phúc Châu là đạo tràng chủ yếu
của tông Tào Động thời cận đại Trung ĐỊNH HUỆ Quốc. Tự viện kiến trúc hùng vĩ,
phía 1. Thiền tăng cuối Lê đầu Lý, thuộc thiền trước có Thiên vương điện, ở giữa là Đại
phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 12, nối pháp hùng bảo điện, phía sau là Tàng kinh lâu,
Thiền Ông Đạo Giả. Sư họ Khúc, quê ở ngoài ra còn có Trai đường, Đại liêu, Niệm Cẩm
Điền, Phong Châu, Việt Nam. Sư trụ Phật đường, Phương trượng thất. trì chùa Quang
Hưng, làng An Trinh, phủ Thiên Đức. ĐỊNH HUYỆN KHAI NGUYÊN TỰ 2. Thiền tăng đời
Ngũ Đại (900-960), họ THÁP Phổ, tên Huân, người Thủy Hưng, Quảng Còn
gọi: Liệu Địch Tháp. Tháp nằm trong Đông, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư nối Khai
Nguyên Thiền Tự, huyện Định, tỉnh pháp thiền sư Long Cảnh Đạo Luân thuộc Hà Bắc,
Trung Quốc. Niên hiệu Hàm Bình tông Vân Môn đời thứ 3, trụ trì chùa Ông thứ 4 (1001)
đời Tống vua Tống Chân Sơn ở núi Linh Trì tại Ông Nguyên. Nam Tông hạ chiếu xây
tháp, niên hiệu Chí Hòa Hán Chủ ban hiệu Định Huệ Đại Sư. thứ 2 (1055) hoàn thành,
vì trải qua 55 năm xây dựng nên có lưu truyền truyền ĐỊNH HUỆ THIỀN SƯ
thuyết »chặt sạch cây trên núi Gia Sơn để 1. Thụy hiệu của Thiền nhân Tông Mật đời
làm thành tháp Định Châu«. Huyện Định Đường. X. Tông Mật. thời Tống cùng với nước
Khiết Đan sát 2. Thụy hiệu của Thiền tăng Huyền Ứng nhau là yếu điểm quân sự, Tống
vương đời Ngũ Đại. X. Huyền Ứng. triều lợi dụng tháp này để dò xét tình hình quân
địch cho nên gọi là »Liệu địch tháp«. ĐỊNH HUỆ TỰ Tháp xây trên đài cao, bằng
gạch hình bát Chùa ở núi Tiêu Sơn, thành phố Trấn giác, 11 tầng, cao 84,2m, là tháp cao
nhất Giang, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Tương hiện còn ở Trung Quốc. Mỗi tầng thẳng
truyền được xây cất khoảng niên hiệu đứng và tỉ lệ cao độ cân xứng, kết cấu Hưng
Bình (194-195) đời Đông Hán ban nghiêm cẩn. Tháp được tô màu trắng. Tầng đầu gọi là

»Phổ Tế Am«, đời Tống đổi tên thứ nhất khá cao, trên có mái tháp tòa là »Phổ Tế Thiền Tự«, có các vị Thiền sư bằng; các tầng còn lại chỉ có mái tháp mà như Viên Ngộ Khắc Cần, Khô Mộc Pháp không có tòa bằng. Hình thức mái tháp là Thành, Phật Ấn Liễu Nguyên từng hoằng dùng gạch chồng khít nhau để gánh lấy pháp tại chùa này. Đời Nguyên đổi tên là mái ngắn, mặt cắt của nó hiện ra đường »Tiêu Sơn Tự«, đời Thanh vua Khang Hy cong lõm rõ ràng. Tháp phân làm hai lớp đi tuần tra phía nam có đến nơi đây, ban trong ngoài, xung quanh có hành lang bao cho tên »Định Huệ Tự«. Về sau có Cổ quanh, trong cột hình bát giác trung tâm có Tiểu Trí Tiên trụ chùa này đến 40 năm bậc thềm bằng gạch đi lên đỉnh tháp. Trong thay đổi chế độ con cháu xuất gia thành tháp hai vách đều có Bích Phật khám

ĐỊNH TRƯỚC (khám thờ Phật trên vách), trong Phật sau chùa dần dần hoang phế. Niên hiệu khám nguyên có bích họa và tượng đắp. Hoằng Trị thứ 5 (1492) đời Minh xây cất Trên vách hành lang gấp khúc bao quanh lại mỗi tầng lung linh ngập mắt những tấm bia khắc và những đề vịnh của danh nhân qua ĐỊNH PHẬN nhiều đời. Gần đây nhất trong tường kép Danh phận đã được xác định, kết quả tất của tầng thứ hai phát hiện tranh màu và nhiên. Tiết Khai thị Như Duy na trong tranh tường sắc thái như mới, là nguyên tác DTNL q. 3 ghi: » thời Bắc Tống. Lên đỉnh tháp trông ra xa thấy bờ ngang bờ dọc bình nguyên phía bắc Trung Hoa, ruộng vườn như tranh vẽ; Sa hà, Đường hà sóng biếc cuồn cuộn như – trong gang tấc; núi Thái non Hành nhấp Đang nghĩ về duyên vui cảnh khổ, cũng nhô uốn lượn nhìn thấy hết trơn. không phải ngẫu nhiên mà là do túc nghiệp chiêu cảm, ấy là định phận, không phải ĐỊNH KHÔNG (730-808) muốn cầu mà được, muốn tránh mà khỏi. Thiền tăng thời Bắc thuộc, thuộc thiền phái Lại đang nghĩ về gặp khổ gặp vui, tuy Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 8. Sư họ Nguyễn, thuộc định phận song cũng là hư huyễn quê ở làng Cổ Pháp, miền Bắc Việt Nam. không thật, tạm có rồi không.« Sư trụ các nơi: Chùa Quỳnh Lâm, chùa ĐỊNH QUANG Thiền Chúng ở làng Dịch Bảng, phủ Thiên Đức, Bắc Ninh. Danh hiệu Phật, tức Phật Nhiên Đăng. Tiết Tây Thiền Thủ Tịnh Thiền sư trong NĐHN ĐỊNH LÂM TỰ q. 20 ghi: » – Ngặt vì vẫy tay Chùa ở làng Tưởng Lăng, dưới núi Chung giã từ cõi Phật Định Quang, ngài Trí Giả Sơn, thành phố Nam Kinh, tỉnh Giang Tô, ở Giang Lăng thầm gật đầu«. Trung Quốc. Niên hiệu Nguyên Gia thứ 1 (424) đời Lưu Tống, Huệ Giác sáng lập. ĐỊNH SÂM (1632-1689) Năm thứ 13 (433) Đàm Ma Mật Đa trụ tích Còn gọi: Đạo Sâm. Thiền tăng đời Thanh, nơi đây, bởi tính ngài thích tĩnh nhã nên họ Trương, tự Từ Nhạc, hiệu Vô Hà Minh cất một ngôi chùa ở phía tây núi gọi là Trí, người xứ Vĩnh Xuân (nay thuộc tỉnh »Thượng Định Lâm Tự«, chùa gốc thì gọi Phúc Kiến) Trung Quốc, là người nối pháp là »Hạ Định Lâm Tự«. Các bậc cao đức tông Hoàng Bá Nhật Bản. Tác phẩm: Vĩnh thạc học đến ở rất đông như Pháp Vân, Trí Thánh Thiền Cư Thảo 3 quyển. Tạng, Tăng Mân, Tăng Nhu. Đầu đời Lương, Pháp Thông vào ở Thượng Định ĐỊNH TRƯỚC Lâm Tự hơn 30 năm chỉ dạy đệ tử tọa Đình đốn, dừng lại. Chương Nhất bát ca thiền, lễ sám. Niên hiệu Đại Thông thứ 2 trong CĐTĐL q. 30 ghi: (528) Tổ Đ t-ma thị tịch an táng tại núi Hùng Nhĩ, xây tháp tại chùa Định Lâm. Về

ĐIỂM ĐIỂM HUNG Dùng tay chỉ vào giữa ngực. Tiết Tuyết Phong Nghĩa Tồn Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: »

– Sư tự lấy tay chỉ »Bản lai vô tính diệc vô danh vào ngực rồi nói: Tôi trong đây chưa ổn, Chỉ ma đằng đằng tín cước hành chẳng dám tự dối«. Hữu thời triền thị tinh đồ tứ 2. Vỗ ngực. Động tác cao ngạo, khoe Nhất đóa hồng liên hỏa thượng sinh khoang. Tiết Chư Phương Quảng Ngữ, Dã tằng sách trượng du kinh lạc Nhân Vương Khâm Thiền sư trong NĐHN Thân tợ phù vân vô định trước«. q. 25 ghi: »

»Xưa nay không họ cũng không tên Cứ thế vô vi bước nhẹ tênh Khi thì chợ búa khi hàng thịt – Các Trên lò lửa nở một cành sen giòng như thế, đều là tạo tác, chợt một mai Cũng từng chống gậy chơi Kinh Lạc được chút phúc duyên làm nên danh phận Thân như mây nổi mãi bồng bềnh«. liền khoe khoang tự phụ, tranh nhân tranh ngã, tranh hơn tranh thua, phóng túng càn ĐIỂM bậy, chê bai các thiền sư khác«. 1. Châm trà, rót nước. Mật Am ngữ lục ghi: » ĐIỂM KIỂM – Sơn tăng rót một ly nước bạc hà, cùng 1. Kiểm tra. Tiết Lương Sơn Sư Viễn ông nhấm nháp.« Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » 2. Dính đến, chạm đến. Tiết Huyền Sa Sư Bị Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » – Lão Hòa thượng gót chân chưa chạm đất.« – Tắm Phật xong, sư thượng đường nêu ra công ĐIỂM ĐỐI án tắm Phật của Dược Sơn, bình rằng: Kiểm tra, so sánh. Lời bạt của Bạch Vạn Câu hỏi của vị tăng kia mang máng Việt Sơn trong NTNL ghi: »Tái triển lưỡng Quốc, na ná Dương Châu; lời đáp của bổn, trầm tư điểm đối, tả thủ bất đồng, hỗ Dược Sơn, mắt như sao băng, cơ như điện hữu đắc thất. – Giở hai bản ra xem lại, chớp. Kiểm tra lại thì cả hai đều không trầm tư so sánh thấy bản chép tay không hiểu.« giống nhau cho nên có chỗ hay chỗ dở.« 2. Phân biệt rõ. Pháp Diễn ngữ lục q. ĐIỂM HIÊN TẨU thượng ghi: » Hiệu của Thiền tăng Tông Tĩnh đời Minh. X. Tông Tĩnh.

– Thượng

ĐIỂM TRƯỚC TIỆN HÀNH đường nêu công án Pháp Nhãn nói: Biết Tâm không, thi đậu về. được quả cam thì xung quanh có dư. Vân Thế nào mới được chấm đậu? Môn nói: Biết được quả cam thì trời đất Sư đáp: Uổng bị điểm trán (chấm trượt)«. khác nhau xa. Sư nói: Hai người này, một người qua bằng thuyền, một người lội qua ĐIỂM NHÃN sông, nếu phân biệt được thì ta chấp nhận Vạch mắt mở ra, tức làm cho người thấu rõ ngươi có con mắt chính pháp.« được Thiền pháp giáo ngoại biệt truyền 3. Trách móc. Bích Nham Lục q. 1 ghi: » (Kiến tính). Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: » – Tịnh Từ mượn thi ca để chỉ dạy, cốt muốn cho các thiền tăng được kiến tính«.

– Nêu công án, Thúy Nham cuối hạ dạy chúng: Từ đầu hạ đến ĐIỂM TỨC BẤT ĐÁO nay ta vì các huynh đệ nói pháp, các ông Đối lại: Đáo tức bất điểm. Lúc tăng chúng xem lông mày của ta còn chăng?... Lúc tụ tập để điểm danh, vị nào vắng mặt sẽ cuối hạ trước tự nói lỗi của mình ra, trước được ghi một chấm ngay tên người đó, gọi tự trách móc để khỏi bị người khác trách là Điểm tức bất đáo. Còn những vị có mặt, móc.« trên tên của họ chẳng ghi dấu, gọi là Đáo tức bất điểm. Nghĩa mở rộng là trong ĐIỂM

NGẠCH Thiền tông, người nào lãnh hội được yếu Điểm trán, thông thường dùng để chỉ cho chỉ thì ít nói ra, còn người không lãnh hội người đi thi trượt. Theo Thủy Kinh Chú, được lại la lối om sòm. Ngoài ra, »Đáo tức hàng năm vào tháng 3, cá từ các nơi về bất điểm« còn chỉ cho người học đã đạt Long Môn nhảy thi. Con nào nhảy qua đến cảnh giới ngộ nên chẳng cần Thầy chỉ được cửa ấy thì hóa rồng, không nhảy qua điểm nhiều. được thì bị chấm trán trở về. Thiền tông mượn từ này để chỉ cho những thiền tăng ĐIỂM TRÀ, ĐIỂM THANG chưa kiến tính (bị người chấm trán). Minh Giác ngữ lục q. 1 có ghi: » Còn gọi: Điện trà, điện thang. Châm trà, châm xúp. Trong Thiền tự dùng nghi thức này để cúng dường Phật, Tổ sư và đại « chúng. Từ nghĩa cúng dường này mở rộng »Thập phương đồng tụ hội ra chỉ cho việc châm trà, châm xúp trước Cá cá học vô vị hương linh của người đã mất thì gọi là Thử thị tuyển Phật trường Điện trà thang. Theo: PQĐTĐ của nhóm Tâm không cập đệ quy. Từ Di. Như hà đắc cập đệ khứ? Sư vân: Đồ tao điểm ngạch«. ĐIỂM TRƯỚC TIỆN HÀNH »Mười phương đồng tụ hội Đây là nơi tuyển Phật Một phen chạm phải liền hành động, chỉ

ĐIỀN KHỐ NÔ người tham thiền căn cơ bén nhạy, một ĐIỂN TỌA phen được khơi gợi lập tức lãnh ngộ. Tiết Chức vụ phụ trách công việc tạp sự về cơm Tuyết Phong Huệ Không Thiền sư trong cháo cho đại chúng. Đây là 1 trong 6 vị Tri NĐHN q. 18 ghi: » sự ở Đông tự (ban Đông). Tuy là việc lặt vặt về ăn uống, nhưng từ xưa chức vụ này rất được coi trọng. Thông thường chỉ đề cử vị tăng nào có chí nguyện thanh cao liêm – Sư thượng đường nói: Tính linh lợi là khiết, xem việc làm này như một cách tu một phen chạm phải liền hành động, còn hành, như ngài Quy Sơn giữ chức Điển tọa tính si độn là dù kéo đẩy cũng chẳng nhúc dưới hội Tổ Bách Trượng. Các chức vụ nhích. Liền hành động thì mọi người hoan bên dưới, do Điển tọa sai khiến gồm: Phạn hỷ. Chẳng nhúc nhích thì ai ai cũng ghét. đầu, Chúc đầu, Mễ đầu, Sài đầu, Viên đầu. Hôm nay sơn tăng chuyển tính si độn này Thiền Uyển Mông Cầu Thập Di (Vạn Tục thành tính linh lợi.« 148, 150 hạ) ghi: » ĐIỀN KHỐ NÔ – Tuyết Phong mang Đồ nhà quê. Tắc 57, Bích Nham lục ghi: cái vợt cán gỗ hành cước đến chỗ nào » cũng làm Điển tọa«.

ĐIỆN CHỦ Còn gọi: Tri điện, Điện ty. Chức vụ trông – Tăng hỏi Triệu Châu: Chí coi các món trên điện Phật như: Đèn đóm, đạo không khó chỉ đừng phân biệt. Thế nào hương hoa và làm các việc lau rửa bàn thờ, là không phân biệt? Triệu Châu đáp: Trên tượng Phật. Một trong 6 vị Đầu thủ của trời dưới đất chỉ có mình ta tôn quí. Tăng Tây tự (ban Tây). nói: Vẫn là phân biệt. Triệu Châu nói: Đồ nhà quê, phân biệt chỗ nào? Tăng không đáp được.« ĐIỆN QUANG THẠCH HỎA

ĐIỂN KHÁCH Điện chớp, đá nháng. Tỷ dụ Thiền cơ rất là Còn gọi: Tri khách, Điển tân. Vị tăng có nhanh chóng, hễ chậm thì chết. Lâm Tế lục nhiệm vụ tiếp khách tăng tục nơi tùng lâm. ghi: » Đây là 1 trong 6 vị Đầu thủ của Tây tự (ban Tây). Khi có khách đến, vị này phải đem hương trà để tiếp đãi và tùy lúc phái – Đại đức, đến chỗ người đi thông báo cho vị Trụ trì biết (nếu này là chỗ người học ra sức mà chẳng lộ là các bậc tôn túc, quan

chức) rồi sau mới tin tức, chỉ có Thiền cơ thật nhanh chóng đưa đến yết kiến vị Trụ trì. Như ngài mới vượt qua được. Nếu người học do dự Ngưỡng Sơn làm Điển khách dưới hội Tổ thì chẳng dính dáng, dùng tâm suy nghĩ Quy Sơn. liền sai, động niệm liền trái«.

ĐIỂU SÀO THƯƠNG HẢI ĐỂ, NGƯ DƯỢC THẠCH SƠN ĐẦU ĐIỀU CHẾ thấu qua được thì việc một đời đã xong. Điều tiết và chế phục (vọng niệm tà kiến). Nếu như chưa được như thế thì lại chia ra Chương Chứng Đạo Ca trong CĐTĐL q. mười môn cho ngươi, mỗi người ấn chứng 30 ghi: tự tâm có được thỏa đáng chưa? Một là phải tin có việc truyền ngoài giáo điển. Hai là… Sáu là phải đi con đường huyền diệu linh hoạt kỳ ảo.« ĐIỂU KHÒA XUY BỐ MAO »Ta mạt pháp, ác thời thế Chúng sinh phúc bạc nan điều chế Khứ thánh viễn hề tà kiến thâm Công án. Thiền sư Điểu Khòa người Chiết Ma cường pháp nhược đa oán hại«. Giang đời Đường (tên Đạo Lâm) rút từ »Ôi mạt pháp! Ác thời thế! trong áo sợi vải thổi trước mặt thị giả, thị Chúng sinh phúc mỏng khôn điều chế giả lập tức tỏ ngộ. Tiết Đông Lâm Đạo Nhan Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Hiền thánh xa rồi, tà vạy sâu Ma mạnh pháp yếu nhiều ác tệ«. ĐIỂU ĐẠO Đạo pháp của Thiền tông thẳng tắt, không – Sư thượng đường: Một chiếc là rơi lưu lại dấu vết giống như đường chim bay. thiên hạ vào thu, một hạt bụi dấy cả mặt Pháp Diễn ngữ lục q. hạ ghi: » đất toàn thâu. Điểu Khòa thổi sợi vải liền có người tỉnh ngộ. Người học thời nay vì – Sư nói: Đại chúng! sao không biết tự kỷ?« Cần phải qua được Tổ sư quan, biết được ĐIỂU SÀO THƯƠNG HẢI ĐỂ, đạo thiền huyền diệu mới biết được lời nói này«. NGƯ DƯỢC THẠCH SƠN ĐẦU ĐIỂU ĐẠO HUYỀN LỘ Chim làm ổ dưới đáy biển cả, cá nhảy qua Con đường huyền diệu, linh hoạt kỳ ảo, ẩn ngọn núi đá. Cơ ngữ kỳ đặc của nhà Thiền, chỉ cho đạo pháp Thiền tông. Tiết Hộ ý ở chỗ chỉ dạy người học thoát khỏi sự Thánh Cư Tịnh Thiền sư trong NĐHN q. hiểu biết về nghĩa lý, dẹp trừ vọng tâm 20 ghi: » phân biệt. Tiết Đại Quy Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: »

– Tham học rất cần phải như Nam Đường nói: Câu đầu tiên và câu cuối cùng nếu – Sư thượng đường nói:

ĐIỂU TÍCH Mưa xuống ướt thềm nhà, trời tạnh thì khô mắng. Tiết Đạo Ngô Hòa thượng trong Tổ chẳng có nước; chim làm ổ dưới đáy biển Đường tập q. 4 ghi: » cả, cá nhảy qua ngọn núi đá. Trong chúng có nhiều người thương lượng: Hai câu – trước là lời bình thường, hai câu sau là lời Thạch Đầu là tiệm vàng ròng, Giang Tây vượt mức bình thường. Nếu ông hiểu như là tiệm tạp hóa, sư huynh ở trong ấy đào thế, thì chỉ là thấy đá lục cục, chẳng thấy sâu tìm hiểu cái gì? Nhất định cần phải, ngọc sáng ngời. Nếu thấy ngọc sáng ngời đến mau đến mau!«. thì ông mới biết đại đạo thênh thang rộng rãi. Ôi chao!«. ĐỌA KHANH LẠC TIỆM ĐIỂU TÍCH Sa hầm sụp hố, phần lớn chỉ cho việc ứng Dấu vết chim bay, tỷ dụ cho sự vật hư đối, tham tập làm lỡ mất cơ duyên, chẳng huyễn, linh hoạt kỳ ảo. Tiết »Cô tịch khế hợp thiền pháp. Bích Nham lục q. 1 ngâm« của Hòa thượng Đan

Hà trong TĐT ghi: » – Vừa q. 4 ghi: » so đo thì đã sa hầm sụp hố!«. – Cần phải như tìm dấu vết chim bay trong hư không mới được trong ĐOAN DỤ (1085-1150) huyền lại thêm huyền.« Thiền tăng cuối đời Bắc Tống, hiệu Phật Trí, Phùng Am, người xứ Cối Kê (nay là ĐÓA CĂN thành phố Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) Chấp trước, câu nệ vào ngôn cú tri giải. Trung Quốc, vốn là con cháu của Ngô Việt Tiết Đầu Tử Đại Đồng Thiền sư trong Vương Tiền Lưu vào thời Ngũ Đại. Sư NĐHN q. 5 ghi: » bẩm tính thông tuệ, mày mắt đẹp đẽ, xuất thân trong gia đình danh tiếng, có địa vị trong xã hội, nhưng chỉ có mình sư là hâm mộ cửa KHÔNG. Năm 14 tuổi, sư cạo tóc xuất gia tại chùa Đại Thiện trong ấp. Năm – Ta đã già rồi khí lực suy kém, nói 18 tuổi được thụ giới cụ túc và du phương năng chậm lụt cũng không có chuyện tham học, đầu tiên sư nương Thiền sư Tịnh phiếm cho ngươi. Nếu ngươi hỏi ta thì ta Từ Sư Nhất. Ít lâu sau, sư chợt nghe một vị tùy tiện đáp cho. Cũng không có lời huyền tăng gõ cây cột cái phát tiếng kêu boong diệu cho ngươi, cũng không dạy ngươi boong, bỗng nhiên có tỉnh. Sau đó ra mắt chấp trước ngôn cú tri giải. Ta hoàn toàn các vị: Long Môn Thanh Viễn, Mục Lộ không nói hướng thượng hướng hạ, có Thủ Trác, Lặc Đàm Cảnh Tường. Các vị Phật có pháp, có phàm có thánh.« thầm biết sư là pháp khí nên dạy sư đến tham học với ngài Viên Ngộ. Sư liền đến ĐỌA CĂN chùa Thiên Ninh Vạn Thọ ở Kim Lăng ra Đào sâu tìm hiểu, chấp trước, câu nệ ở lời mắt Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần. Khi gặp nói, tri giải, cũng dùng làm từ để quở nhau cả hai đều rất vui vẻ, sư ngay nơi lời

ĐOẠT CẢNH BẤT ĐOẠN NHÂN nói đại ngộ, và nối pháp ngài, thuộc tông Lâm Tế. Ban đầu ngài bảo sư làm Thư ký, ít lâu sau được ngài phân tòa khai pháp. Từ « đó, đạo của sư càng cao, tiếng tăm càng »Bàn luận cao siêu ít người hiểu vang xa. Sư liên tiếp trụ trì khai pháp các Thế trí biện thông chưa phải lạ chùa nổi tiếng như: Đan Hà ở Trịnh Châu, Người trong đạo, luôn tìm nhau Hổ Khâu ở Cô Tô, Kính Sơn ở Dư Hàng, Nhướng mày chớp mắt liền lãnh hội«. Tây Hoa ở Bình Giang, Bảo Ninh ở Kim Lăng, Vạn Thọ ở Cô Tô, Hiền Sa ở Mân ĐOẠN ĐẦU THỦ HOẠT Trung, Tây Thiền ở Thọ Sơn, Linh Ẩn ở Vì muốn tìm sự sống mà lại chặt cái đầu Hàng Châu. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 18 đi, ý nói làm việc si mê ngu xuẩn. Chương (1148), sư phụng chỉ trụ trì chùa Dục Long Cảnh Luân Thiền sư trong CĐTĐL Vương tại Ninh Ba. Sư thần sắc uy q. 22 ghi: » nghiêm, thượng đường xướng đạo không biết mệt mỏi khiến cho tăng chúng rất kính – Mới khai đường, mến, khâm phục. Từ Ninh Hoàng thái hậu sư giơ phất tử lên, nói: Có hiểu không? từng triệu sư vào cung diễn pháp, rất khen Nếu hiểu thì giống như trên đầu chồng ngợi và ban cho sư ca sa Kim Lan. Thụy thêm đầu, nếu chẳng hiểu thì giống như hiệu: Đại Ngộ Thiền sư. chặt đầu mà tìm sự sống«.

ĐOAN ĐÍCH ĐOẠN NHAI 1. Xác thật, chân thật. Phần Bình xướng Hiệu của Thiền tăng Liễu Nghĩa đời của tắc 1, Bích Nham lục (Đại 48, 140 hạ) Nguyên. X. Liễu Nghĩa. ghi: » – ĐOẠN PHẤT Hãy nói Đạt-ma là Quán Âm hay Chí Công Thiền tăng Minh Phương đời cuối Minh là Quán Âm? Người nào mới thật là Quán đầu Thanh tham kiến Viên Trừng, lúc Âm?« truyền pháp

Viên Trừng giao cho sư một 2. Nếu làm phó từ, thì Đoan Đích có nghĩa đoạn phất tử, cho nên có biệt hiệu »Đoạn là hoàn toàn. Tắc 88, Bích Nham lục (Đại Phất«. X. Minh Phương. 48, 212 hạ) ghi: » – Dù học nhân ĐOẠT CẢNH BẤT ĐOẠN NHÂN hoàn toàn mù, nhưng khi Tông sư tiếp vật lợi sinh chưa hẳn là họ chẳng thấy«. Đoạt cảnh chẳng đoạt nhân, là một trong 3. Chỉ rõ, nói rõ. Tiết Phong Huyệt Diên »Tứ liệu giản« của Thiền sư Lâm Tế. Đối Chiểu Thiền sư trong NĐHN q. 11 có ghi: với người học nào còn nặng về » Pháp » – Hỏi: chấp«, thiền sư sẽ chọn biện pháp này để Tổ sư Ấn Độ truyền đến, thỉnh sư chỉ rõ«. tiếp dẫn họ. Lâm Tế ngữ lục ghi: » 3. Lãnh hội, rõ ràng. Tiết Đức Học Ca trong Phần Dương ngữ lục có ghi: »

ĐOẠT NHÂN BẤT ĐOẠT CẢNH – Tăng hỏi: Thế nào là đoạt cảnh chẳng mặt trời mặt trăng tinh tú đều không ngoài đoạt nhân? Sư đáp: Lệnh vua ban truyền tâm ngươi, tam thiên thế giới đều là tự kỷ khắp thiên hạ. Tướng quân biên giới khói của ngươi.« mù tan.« Các thiền sư Tông Lâm Tế về sau thường ĐỒ HỒ vận dụng cách tiếp dẫn này. Giễu cợt, trêu chọc. Tiết Thích-ca Mâu-ni Phật trong LĐHY q. 1 ghi: »Đường đường ĐOẠT NHÂN BẤT ĐOẠT CẢNH như đức Thế Tôn mà còn bị ngoại đạo trêu chọc ngay trước mặt«. Đoạt nhân chẳng đoạt cảnh, là một trong »Tứ liệu giản« của Thiền sư Lâm Tế. Đối ĐỒ Ô với người học nào còn nặng về »Ngã Làm bẩn, bôi bẩn, giễu cợt. Chương Tùng chấp« thiền sư sẽ dùng biện pháp tiếp dẫn Triển Thiền sư trong CĐTĐL q. 19 ghi: này để dìu dắt. Lâm Tế ngữ lục ghi: » » – Đừng đem đồ bất tịnh kia làm bẩn lão tăng nghen!«.

– Có vị tăng hỏi: Thế nào là đoạt ĐỖ BÌ THIỀN nhân chẳng đoạt cảnh? Sư đáp: Mặt trời Thiền một bụng. Chỉ cho thiền pháp cạn ẩn hiện phô gấm vóc. Trẻ thơ rủ tóc trắng cợt, không dứt trừ được gốc rễ sinh tử. như tơ.« Phần giải tụng của tắc 98, Bích Nham lục Phần lớn các thiền sư tông Lâm Tế về sau q. 10 (Đại 48, 222 thượng) ghi: » thường vận dụng cách tiếp dẫn này. – Nực cười cho ông ta lãnh hội thiền một ĐOẠT NHÂN ĐOẠT CẢNH bụng, muốn dùng chút ít cũng chẳng được«. Biện pháp tiếp dẫn người học mà Tông Lâm Tế thường sử dụng để phá trừ »Ngã ĐỖ KHẨU chấp« và »Pháp chấp« cho họ. X. Tứ liệu Còn gọi: Đỗ từ, đỗ mặc. Lặng im chẳng giản. Tiết Tông Thừa Yếu Nghĩa trong nói. Tiết Hoàng Long Pháp Trung Thiền sư DTNL q. 9 ghi: » trong NĐHN q. 20 ghi: »

– Tịnh Danh – Tông Lâm Tế đánh hét xen nhau lặng im ở Tỳ-da. Thích-ca đóng cửa thất giống như sấm nổ điện chớp, đoạt nhân nơi Ma-kiệt.« đoạt cảnh, chiếu dụng cùng thi hành.« Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: »

ĐÔ LAI – Văn-thù biện Còn gọi: Đô lô, đô thông. Tất cả, đều. thuyết, nhận huỳnh hỏa vi thái dương; cư Uyển Lăng lục ghi: » sĩ đỗ từ, chỉ ngư mục đồng minh châu – Văn-thù biện luận, nhận đom đóm là mặt – Núi sông mặt đất, trời. Cư sĩ lặng im, trỏ mắt cá đồng với

ĐỘC LÂU LÝ NHÃN TÌNH minh châu.« Chương Từ Tế Thiền sư trong CĐTĐL q. – Hòa thượng Long 25 ghi: » Đàm thắp đuốc đưa cho sư, sư toan nhận, Như kim Long Đàm lại thổi tắt.« cánh biệt thuyết cá thập ma tức đắc? Nhiên thừa ân chỉ, bất khả đỗ mặc khứ

dã. – Hôm ĐỘ MÔN TỰ nay lại đặc biệt nói cái gì thì được? Nhưng Nằm trên ngọn Lăng Già, huyện Đương vâng theo chiếu chỉ nhà Vua, không thể Dương, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, ngài chẳng nói.« Thần Tú sáng lập vào khoảng niên hiệu Nghi Phụng (676-678) đời Đường, tên ĐỖ SOẠN THIỀN HÒA chùa phát xuất từ kinh Lăng Già »vô lượng Còn gọi: Đỗ thiền hòa. Chỉ cho các thiền độ môn tùy loại phổ hiện«. Niên hiệu Thần sinh chưa chân thật thấu rõ Phật pháp. Long thứ 2 (706) Thần Tú tịch, thụy là Hiệp chú, tắc 63, Bích Nham lục (Đại 48, »Đại Thông Thiền Sư« bèn đổi tên là »Đại 194 hạ) ghi: » Thông Tự«. Vua Đường Duệ Tông ban cho 30 vạn tiền để mở rộng xây dựng trở thành – Đáng tiếc đã bỏ qua, một lũ ngu si đâu đạo tràng trọng yếu của Thiền Bắc tông. thể làm được gì? Thiền sinh chưa kiến tính Sau đó hoang phế. Khoảng niên hiệu Vạn nhiều như mè, như lúa«. Lịch (1573-1619) đời Minh Vô Tích — Đỗ soạn Trưởng lão: Chỉ cho vị Hòa Chứng Hải trùng tu, một lần nữa được thượng không có khả năng thấu rõ chân phục hưng. Khoảng niên hiệu Quang Tự nghĩa Phật pháp hoặc người nghiên cứu tu (1875-1908) đời Thanh vị tăng tên An tập Thiền pháp lâu năm mà không ngộ đạo. Tướng trùng tu và xây cất thêm, chia làm — Đỗ soạn gia, Đỗ gia: Người chẳng am hai chùa Độ Môn và Đại Thông. tường về điển cố mà thích phát biểu dẫn ĐỘC LÂU LÝ NHÃN TÌNH chứng dài dòng. ĐỘ Con mắt trong đầu lâu, ẩn dụ khi diệt hết 1. Thông qua nghi thức nhất định để người các nhiễm tập trần tục, những tình thức hư xuất gia làm tăng. Chương Tổ thứ 5 Đề Đa vọng thì sẽ hiển bày con mắt trí huệ. Đây Ca trong CĐTĐL q. 1 ghi: » là sự thể nghiệm của người tham thiền ngộ đạo. Tắc 2, Bích Nham lục (Đại 48, 142 Di Già Ca trung) ghi: » viết: ……. nguyện sư từ bi, linh ngã giải thoát. Tôn giả (chỉ cho Đề Đa Ca) tức độ – xuất gia. – Di Già Ca nói: …. xin sư từ bi Tăng hỏi Hương Nghiêm: Thế nào là đạo? khiến cho con giải thoát. Tôn giả Đề Đa Sư đáp: Rồng đùa trong cây khô, Thế nào Ca liền độ cho xuất gia.« là người trong đạo? Con mắt trong đầu 2. Giao, đưa. Tiết Đức Sơn Tuyên Giám lâu«. Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: »

ĐỘC NHÃN LONG ĐỘC NHÃN LONG Bỗng nhiên cỡi ngược lừa ba cẳng«. Có 2 nghĩa: 1. Thông thường chỉ cho người chột mắt; 2. Thiền tông mượn từ Độc Nhãn ĐÔI ĐÔI (504) Long để chỉ cho nhân vật có học vấn và Ngồi lâu bất động, đờ đẫn. Tiết »Khai thị đạo đức hơn người. Tiết Minh Chiêu Mục Bính Thiền nhân« trong MANL ghi: » Miễu trong NĐHN q. 13 ghi: » – Ban ngày chỉ ngồi bất động hoàn – Hòa thượng Minh Chiêu Khiêm ở Vụ toàn không biết đạo lý Phật pháp.« Châu bị chột mắt. Trong tùng lâm gọi sư là Độc nhãn long«. ĐÔI TỬ Bánh hấp. Như Tịnh ngữ lục q. hạ: » ĐỘC THAM – Nấu bánh hấp trên đầu Người học một mình đi đến thất của thiền cột phướn«. sư để trình kiến giải của mình về công án đang theo đuổi. Đây là luật lệ của tông ĐÔI VÂN TẨU Lâm Tế: Sau giờ ngọ hoặc sau khóa tu Hiệu của Thiền tăng Tông Diệu đời Minh. buổi sáng hoặc sau buổi ăn cháo chiều, X. Tông Diệu. Thiền sinh nghe tiếng chuông gọi của Thầy để vào thất trình kiến giải. ĐỐI CƠ Có 2 nghĩa: ĐỘC THOÁT 1. Đối là đối đáp. Cơ là căn cơ. Chỉ cho Ngộ. Phần lời dẫn của tắc 51, Bích Nham Thiền sư ứng với căn cơ của người học mà lục q. 6 (Đại 48, 185 hạ) ghi: » đáp.

– Dù 2. Căn cơ của đối thủ. cho ông có ngộ đi nữa, cũng vẫn còn cách — Về mặt Thiền sư: Đối cơ là người học ý chỉ thiền rất xa«. nhận được sự giáo hóa lợi ích. — Về mặt chư Phật: Đối cơ là chúng sinh ĐỘC TÚC QUỲ nhận lấy lời thuyết pháp của chư Phật. Con Quỳ một chân. Quỳ là một loài thú rất Theo môn Tham Thỉnh trong Thiền Lâm đặc biệt, chỉ có một chân mà đi được. Tượng Khí Tiên: Trò hỏi, Thầy đáp gọi là Thiền tông mượn hình ảnh này để nói lên Vấn đáp. Nếu chỉ thuộc về bên Thầy thì điều kỳ diệu. Bài tán của Tông Cảnh trong gọi là Đối cơ. Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: ĐỐI DIỆN THIÊN LÝ Tuy ở ngay trước mặt mà như cách xa ngàn dặm, dụ cho Thiền nghĩa ở sát bên mỗi người mà chúng ta rất khó nhận biết »Thiền thầy ta, con Quỳ một chân được. Ngũ Đăng Hội Nguyên q. 12 ghi: Hố thẳm buông tay tâm như như » Trên đầu cột phướn nấu quả chùy – Hỏi: Chợt gặp kẻ

ĐỐN NGỘ TIỆM NGỘ mau lãnh hội đến, thì làm sao? Sư đáp: (Đại 17, 921 hạ) ghi: » Trước mặt mà như cách xa ngàn dặm«. – Kinh này tên là Đại thừa đốn giáo, chúng ĐỐI NHÃN ĐẦU CƠ sinh đốn cơ theo đây mà khai ngộ«. Hợp ý thiền cơ, ăn khớp với thiền cơ. Tiết Hưng Thánh Trọng Mãn Thiền sư trong ĐỐN GIÁO NĐHN q. 8 ghi: » Giáo pháp của Thiền tông dạy người học giác ngộ tự tâm một cách nhanh chóng,

– Tận cũng gọi là pháp thiền trực tiếp, nay gọi là mặt giao phó, chẳng đợi chữ nghĩa tuyên Tổ sư Thiền. Phần Bồ-đề-đạt-ma Nam bày mà vẫn ăn khớp với thiền cơ, gọi là Tông Định Thị Phi Luận trong Thần Hội huyền tham. Nếu bậc thượng sĩ làm được Di tập q. 2 có ghi: » như vậy thì tông phong mới chẳng bị sa – Chỉ truyền pháp đốn giáo, sút«. ra đời phá tà tông«.

ĐỐI NHẤT THUYẾT ĐỐN NGỘ TIỆM NGỘ Lời nói đúng. Chỉ cho ba tạng kinh, 12 Đốn ngộ: Sự giác ngộ nhanh chóng, ngay phần giáo thảy đều trình bày theo đạo lý tất đó liền vào nơi cứu cánh. Tiệm ngộ: Sự cả chúng sinh đều có Phật tính. Tắc 14, giác ngộ nương theo thứ lớp, dần dần tiến Bích Nham lục (Vạn Tục 117, 143 hạ) ghi: lên đến chỗ cứu cánh. Ở Trung Quốc, » khoảng thế kỷ thứ V có cuộc tranh luận – Công án: Tăng giữa hai thuyết »Đốn ngộ thành Phật« và hỏi ngài Vân Môn: Thế nào là giáo lý một »Tiệm ngộ thành Phật« dựa trên cơ sở là đời? Vân Môn đáp: Lời nói đúng!«. Kinh Niết-bàn. Về sau, thuyết »Đốn ngộ thành Phật« của Đạo Sinh dịch từ Kinh ĐỐI THÙ CHÙY TẠC Niết-bàn (bản 40 quyển) được mọi người Trong khi ứng đối thuyết pháp, thiền ngữ chấp nhận. Thiền tông Trung Quốc, dựa qua lại nhằm khải phát tính linh, khơi mở vào sự sai khác của giáo nghĩa mà phát pháp nhãn. Thiên Đồng Chính Giác Hòa sinh Tông phong khác nhau: Hệ thống Huệ thượng sớ thêm vào ở quyển cuối của Năng thuộc phương Nam (Nam đốn), hệ CĐTĐL q. 30 ghi: » thống Thần Tú thuộc phương Bắc (Bắc tiệm). Phần Thùy thị (lời dẫn) của tắc 38, – Cái diệu của việc ứng tiếp Bích Nham lục q. 4 (Đại 48, 175 hạ) ghi: mài dũa, cách thức đối thù chùy tạc là, cơ » phong như điện chớp, hỏi đáp như gió cuốn«.

– Nếu luận về TIỆM, ĐỐN CƠ thì trái với thông thường mà hợp với đạo, Chỉ cho loại căn cơ nghe pháp Đốn giáo ở trong ồn náo thật tự

tại. Nếu luận về mà chóng ngộ Phật đạo. Kinh Viên Giác ĐỐN thì chẳng để lại dấu vết, ngàn thánh

ĐỘN TRÍ mò tìm chẳng được. Còn như chẳng lập »Sư thượng đường nói: ĐỐN TIỆM thì sao?« Theo: PQĐTĐ của Sơn tăng vốn không chất chứa nhóm Từ Di. May được đủ cơm, đủ cháo Lúc mệt thì đi ngủ ngay ĐỘN TRÍ Mặc cho suy đoán nhiều cách«. Còn gọi: Độn , Độn trí . Giày vò, chọc quê, giỡ trò. Tắc 38, Bích Nham lục ĐÔNG CÁT TÂY CÁT (Tục 117,167, thượng) ghi: » Nói đông nói tây. Lải nhải. Tiết Bạch Vân Thủ Đoan Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: – Một khi chết rồi không sống lại, lão này » (Lô Pha) hay chọc quê người lắm, song – Sau khi khai vấp phải thủ đoạn hiểm độc của Phong đường, Thừa Thiên liền sắp đặt vài lời để Huyệt«. đến Sơn Nam nói đông nói tây«.

ĐÔNG AM ĐÔNG DŨNG TÂY MỘT Hiệu của Thiền tăng Đức Quang đời Tống. X. Đức Quang. Đông nổi tây chìm. Chỉ cho cảnh giới tự do tự tại, thông suốt vô ngại của Thiền gia sau ĐÔNG BÍCH ĐẢ TÂY BÍCH khi ngộ đạo. Tiết Phù Dung Đạo Giai Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » Trong nhà không có một vật. Thiền tông – Cảnh giới sau khi mượn cụm từ này để chỉ muôn vật đều ngộ, co duỗi tự tại«. không. Tiết Tưởng Sơn Toản Nguyên Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » ĐÔNG DƯƠNG Hiệu của Thiền tăng Đức Huy đời Nguyên. – Tăng hỏi: Thế nào là gia phong X. Đức Huy. của Hòa thượng? Sư đáp: Muôn vật đều không«. ĐÔNG HÒA THIỀN TỰ Thuộc thành phố Đài Bắc, tỉnh Đài Loan, ĐÔNG BỐC TÂY BỐC Trung Quốc. Niên hiệu Quang Tự thứ 34 Nhiều cách giải thích, nhiều cách suy đoán. (1908) do Tâm Nguyên, Thiện Huệ, Giác Tiết Đại Quy Mộ Triết Thiền sư trong Lực cùng chung sáng lập. Niên hiệu Tuyên NĐHN q. 12 ghi: » Thống thứ 2 (1910) hoàn thành Quán Âm thiền đường, Tổ đường. Thời kỳ Nhật Bản « thống trị Đài Loan đổi tên là »Tào Động »Thượng đường: Tông Đại Bản Sơn Biệt Viện«. Năm 1923 Sơn tăng bản vô tích súc xây xong Bản đường đại điện. Sau khi Thả đắc chúc túc phạn túc kháng chiến thắng lợi đổi tên là »Đông Khốn lai tức tiện đả miên Hòa Thiền Tự« do Hòa thượng Giác Lực Nhất nhậm đông bốc tây bốc«. trụ trì.

ĐÔNG SƠ (1908-1977) ĐÔNG KHÊ lưỡng mà đã vội tùy tiện ấn chứng cho họ. Hiệu của Thiền tăng Phương Trạch đời Tắc 98, Bích Nham lục (Đại 48, 221 hạ) Minh. X. Phương Trạch. ghi: » ĐÔNG LĂNG – Chỉ muốn được các nơi dùng con Hiệu của Thiền tăng Vĩnh Dư đời Nguyên. dấu bí đao để ấn chứng cho, liền nói: Tôi X. Vĩnh Dư. hiểu Phật pháp một cách đặc biệt, chớ bảo cho người ta biết«. ĐÔNG MINH Ngoài ra, »Đông qua trực lung đồng« Hiệu của thiền tăng Huệ Nhật đời Nguyên. nghĩa là trái bí đao tuy thẳng thớm nhưng X. Huệ Nhật. chưa chín, dùng dụ này để chỉ cho người có bản chất tốt nhưng chưa thành thục ĐÔNG PHA THIỀN HỶ TẬP (Lung đồng, có nghĩa là chưa thành thục). Gọi tắt: Thiền Hỷ tập. Sách, 9 quyển do Tô ĐÔNG QUÂN Đông Pha soạn vào đời Tống, Từ Trường Chúa Xuân. Pháp Diễn ngữ lục q. hạ ghi: Nhụ biên tập. — Quyển 1: Tụng — Quyển 2: Tán — Quyển 3: Kệ »Xuân vũ sái vô nhai —

Quyển 4: Minh Càn khôn dĩ cụ tri — Quyển 5: Ký Đông quân hành chính lệnh — Quyển 6: Thư, bạt. — Quyển 7: Tự, truyện, văn sớ. Mai liễu nhất chi chi«. — Quyển 8: Thiền hỷ kỷ sự. »Mưa xuân gội khắp nơi — Quyển 9: Phật Ấn vấn đáp, ngữ lục. Đất trời đã biết rồi Đời Minh, Trần Kế Nho và Lục Thọ Thanh Chúa Xuân hành chính lệnh viết tựa và lời bạt về văn hiến đời Đường. Một nhánh liễu, cành mai«. Sách này được ấn hành vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 18 (1590) đời Minh, chép 25 điều ngữ yếu thượng đường thị chúng và 1 thiên ĐÔNG SƠ (1908-1977) »Nghĩa Thanh lược truyện« do Đan Hà Tử Tăng nhân hiện đại, họ Phạm, tự Đăng Thuần soạn. Lãng, hiệu Nhân Thự, người huyện Thái, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, nối pháp Hòa ĐÔNG QUA ẤN TỬ thượng Trí Quang, tông Tào Động. Tác Con dấu bằng bí đao. Cắt ngang trái bí để phẩm: Trung Nhật Phật Giáo Giao Thông làm một cái ấn, tuy có giống cái ấn nhưng Sử, Trung Ấn Phật Giáo Giao Thông Sử, chẳng phải ấn thật, Thiền tông mượn từ Trung Quốc Phật Giáo Cận Đại Sử, Phật này làm thuật ngữ để chỉ cho bậc Thầy khi Giáo Nghệ Thuật, Thiền, Tâm Kinh Tư tiếp hóa người học chưa khám nghiệm kỹ Tưởng Sử.

ĐÔNG SƠN PHÁP MÔN ĐÔNG SƠN PHÁP MÔN thăm Chân Tịnh, nói chuyện hồi lâu ông muốn đi nhà xí. Chân Tịnh sai hành giả Ngũ tổ Hoằng Nhẫn hoằng truyền Thiền dẫn ông ta đi hướng tây. Tiền Dặc vội tông tại núi Đông Sơn, nên các tùng lâm vàng nói: Đã là đông ty vì sao lại đi về dùng hai chữ Đông Sơn để ám chỉ pháp hướng tây.« môn của Ngũ Tổ truyền dạy. Hoằng Nhẫn ĐỒNG ĐẦU THIẾT NGẠCH HÁN truyện trong TCTT q. 8 ghi: » Thiền tăng có cơ phong mạnh mẽ, hoặc là – Bạn bè giúp đỡ liên chỉ cho bậc căn cơ linh lợi. Tiết Tục Nghệ tục kéo đến cả lũ, khách buôn chẳng vào Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » Hóa Thành, cô gái nghèo mở rộng cửa Bảo Sở. Cái làm hứng thú người ta có tên gọi Đông Sơn pháp môn chăng?«. – Hòa ĐÔNG TÂY thượng Biện ở chùa Thê Hiền có bài kệ Qua lại thăm viếng, rời bỏ. Tiết Dược Sơn như sau: Hòa thượng trong TĐT q. 4 ghi: » Chớ bảo Thê Hiền nghèo Thân nghèo đạo chẳng nghèo – Sư bảo: Cây gậy như rồng quẫy Ngươi vì ai mà qua lại thăm viếng? Đáp Giày cỏ tợ cọp ngầu rằng: Thay y mà qua lại thăm viếng. Sư Đói ăn cỏ gai góc bảo: Sao chẳng dạy y cùng đi.« Khát uống nước khe Tào Tiết Động Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 4 Hạng căn cơ linh lợi ghi: » Đều ở tại núi ta«. – Gia phong của ta chỉ như thế, chẳng ép ĐỒNG KHÁNH TỰ buộc xà lê chấp nhận hay không chấp Nằm trên sườn nam núi Quy sơn cách nhận, mặc cho ông rời bỏ.« huyện Ninh Hương, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc 70km Dưới về phía tây. Cuối niên ĐÔNG TY hiệu Nguyên Hòa (806-820) đời Đường Tổ Nhà xí, nhà vệ sinh. Tông Môn Võ Khố tông Quy Ngưỡng là Linh Hựu hoằng ghi: » dương thiền pháp tại chùa này. Sau nhờ Lý Cảnh Nhượng tấu thỉnh vua ban cho tấm biển »Đồng Khánh Tự«. Tiền Dặc Trung lang phỏng Chân Tịnh, thuyết thoại cửu, dục đăng hỗn. Tịnh ĐỒNG THAM linh hành giả dẫn tùng tây biên khứ. Tiền Còn gọi: Đồng học. Chỉ cho người cùng cự vân: Ký thị đông ty, vi thập ma hướng theo một thầy để cùng nhau tham thiền. Về tây khứ? – Quan Trung lang Tiền Dặc đến sau trở thành tiếng

xưng hô thông thường

ĐỘNG SƠN NGỘ BẢN ĐẠI SƯ NGỮ LỤC giữa các vị tăng với nhau. Tiết Thiết Phật Trí Tung Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: – Nghe tiếng đàn liền biết rõ điệu » khúc, thấy lá rơi biết mùa thu tới, cơ dụng lanh lợi vừa nhìn thoáng qua đã đánh giá được sự việc«. – Có vị tăng đồng tham đến, sư liền hỏi: Còn nhớ nhau ĐỘNG SƠN chăng? Vị này đang do dự, vị tăng thứ hai Còn gọi: Tân Phong sơn. Núi nằm ở xã đánh y một tọa cụ, rồi nói: Sao chẳng đáp Đồng An, huyện Nghi Phong, tỉnh Giang ngay cho Hòa thượng? Sư nói: Một mũi Tây, Trung Quốc. Chính nơi núi này thân tên trúng hai mục tiêu«. hào Lôi Hành quyên hơn 3.000 mẫu ruộng, lập nên Phổ Lợi Thiền Tự. Khoảng niên ĐỘNG ĐỊA VŨ HOA hiệu Đại Trung (847-859) đời Đường, Chấn động thế giới, trời rải hoa thơm, hình Thiền sư Lương Giới, Tổ tông Tào Động dung lời thuyết pháp rất hay. Pháp Diễn ra sức mở mang thiền học, số người tham ngữ lục q. thượng ghi: » học được vài trăm vị. Niên hiệu Hàm – Thích-ca, Di-lặc thuyết Thông thứ 10 (869), Lương Giới viên tịch pháp rất hay«. ở Động Sơn. Đường Hiến Tông ban cho thụy hiệu »Ngộ Bản Thiền sư« và ra lệnh ĐỘNG HẠ xây »Huệ Giác Bảo Tháp« ở mé sau chùa Chỉ cho ở dưới môn đình tông Tào Động. để thờ Ngài. Tô Triệt sau khi đến viếng Tiết »Tục Nghệ Ngôn« trong NHQL q. 30 Động Sơn, có làm bài thơ như sau: ghi: »

–Vân Môn tuy

thừa kế Tuyết Phong, sau khi Cổ tự y sơn chiếm kỷ phong được thọ ký, ngài lần lượt tham học với Tinh lô phảng phất tự thiên cung các sư ở dưới môn đình tông Tào Động Tam niên dục đáo quan vi ngại như Tào Sơn, Sơ Sơn, Kiền Phong, Cửu Bách lý tương vọng ý tự thông Phong, thảy đều có cơ duyên. Biết rõ đại »Chùa xưa tựa núi dáng vững vàng đạo công bình, pháp không nghiêng lệch Điện đường phảng phất tợ thiên cung về một phía.« Ba năm muốn đến, quan làm ngại Trăm dặm ngóng về ý tự thông«. ĐỘNG HUYỀN BIỆT KHÚC Các vị cao tăng trụ trì chùa này trải qua nhiều đời gồm có: Đạo Toàn, Sư Kiền, Nghe khảy đàn liền biết rõ điệu khúc. Dụ Đạo Diên, Hy Tổ, Huệ Hồng, Tịnh Thông, cho việc khế hợp thiền cơ một cách nhanh Thạch Hiệp... chóng. Tiết Thiên Đồng Hàm Kiệt Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » ĐỘNG SƠN NGỘ BẢN ĐẠI SƯ

ĐỘNG SƠN NGỘ BẢN ĐẠI SƯ NGỮ LỤC NGỮ LỤC — Ngũ Vị Hiển Quyết Tham Chú của Bản Còn gọi: Động Sơn Lương Giới Thiền sư Quang Hạt Đường. ngữ lục. Gọi tắt: Động Sơn lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Động Sơn Lương Giới soạn vào ĐỘNG SƠN THỦ SƠ THIỀN SƯ đời Đường, được xếp vào Đại Chính Tạng NGỮ YẾU tập 47, trang 597. Nội dung gồm có 120 tắc Ngữ lục 1 quyển, do Thiền sư Động Sơn về: Thượng đường thị chúng, cử cổ, vấn Thủ Sơ soạn vào đời Tống. Nội dung gồm đáp; 11 loại ca tụng, được xem là ngữ lục các bài ngữ yếu thượng đường thị chúng và quan trọng nhất của Tông Tào Động, là bài ca, bài tụng, được xếp vào Cổ Tôn Túc một bộ toàn thư có phong cách thiền miên ngữ lục quyển 38, Tục Tạng kinh tập 118, mật, lợi ích rộng lớn cho tông Tào Động. trang 645.

ĐỘNG SƠN NGŨ VỊ ĐỘNG THƯỢNG Còn gọi: Động thượng ngũ vị. Là phương Tức tông Tào Động. Tiết »Tục Nghệ pháp đặc thù tiếp dẫn người học của tông Ngôn« trong NHQL q. 30 ghi: » Tào Động. Tiết Ô Cự Đạo Hạnh Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » – Sau Đầu Tử, Phù Dung, người có thể chấn hưng tông Tào – Tam huyền của Lâm Tế, Động là Thiên Đồng Giác, Chân Yết tam cú của Vân Môn, ngũ vị của Động Liễu.« Sơn, trước mặt kẻ ngu không được nói mộng.« ĐỘNG THƯỢNG CỔ TRIỆT ĐỘNG SƠN NGŨ VỊ HIỂN QUYẾT Còn gọi: Vĩnh Giác Hòa thượng Động Thượng Cổ Triệt. Ngữ lục, 2 quyển, do Ngữ lục, 1 thiên, do Động Sơn Lương Giới Vĩnh Giác Nguyên Hiền thu thập vào đời soạn vào đời Đường, Huệ Hà biên tập vào Minh, Vi Lâm Đạo Bái biên tập lại, được đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập xếp vào Tục Tạng kinh tập 125, trang 401. 111, trang 228. Nội dung nói về Chính Nội dung gồm các ngữ yếu của các cao Thiên Ngũ Vị, là cơ duyên thi thiết quan tăng tông Tào Động. trọng của tông Tào Động. Thiên ngữ lục Quyển thượng: Giải thích Tham Đồng Khế này được xếp vào Phủ Châu Tào Sơn Bản của Thạch Đầu Hy Thiên, Bảo Cảnh Tam Tịch Thiền sư ngữ lục quyển hạ. Những Muội của Động Sơn Lương Giới. Kế là bản chú sớ về thiên này quan trọng hơn cả chia các mục: Động Sơn ngũ vị, Ngũ vị đồ là: thuyết, thu thập nhiều tư liệu liên quan đến — Ngũ Vị Hiển Quyết Nguyên Tự Cước ngũ vị. của ngài Động Thủy. Quyển hạ gọi là »Tiên đức vi ngôn«, nêu — Ngũ Vị Hiển Quyết Canh Vân Chú ra các ngữ yếu về cương tông của chư sư Chủng Nguyệt Quân Lộc Cảo của Kiệt để hiển bày tôn chỉ của tông Tào Động. Đường Năng Thắng.

ĐỐT ĐỘNG THƯỢNG HUYỀN PHONG – Có vị tăng Chỉ cho thiền học môn phong của tông Tào hỏi ngài Vân Môn: Thế nào là Phật? Vân Động. Tiết Động Sơn Lương Giới Thiền sư Môn đáp: Que chùi đít. Vô Môn bình: Có trong NĐHN q. 13 ghi: » thể bảo Vân Môn nghèo đến nỗi không lo được bữa cơm chay, bận rộn đến nỗi không kịp viết thư, động một tí là đem que chùi đít để chống đỡ môn đình, đủ thấy – Từ cuối niên hiệu Phật pháp thịnh hay suy rồi!« Đại Trung (859) đời Đường, thiền sư Giới ĐỘNG TĨNH tiếp dẫn người học ở núi Tân Phong… Cử chỉ, hành vi. Tiết »Tục Nghệ Ngôn« Hơn nữa, Tào Sơn nhận sâu được ý chỉ của trong NHQL q. 30 ghi: » Ngài nên nói về lý thật tướng rất có bài bản: Đạo hợp quân thần, thiên chính hồi hỗ, nhờ đó mà thiền học môn phong của – Ngày tông Tào Động được truyền bá khắp nơi«. xưa Đại Giác Liễn cử chỉ tôn nghiêm, Viên ĐỘNG THƯỢNG TÔNG CHỈ Thông Nột một khi thấy biết là bậc tài giỏi; Hoàng Long Nam tính tình độ lượng, ở đâu cũng ngồi ngay ngắn nghiêm trang. Ý chỉ thiền pháp của tông Tào Động. Tiết Hai lão này đâu thể là kẻ câu nệ?« Hoàng Long Đạo Chấn Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » ĐỘNG TRƯỚC Vọng tưởng. Thiền tông mượn từ này để chỉ cho tâm dao động, khởi lên các thứ vọng tưởng. Tắc 6, Bích Nham lục (Đại 48, – Thuở bé Sư nương thiền sư 146 trung) ghi: » Anh ở chùa Giác Ấn xuất gia làm điệu. Thiền sư Anh dời sang chùa Phổ Chiếu ở – Ngài Tu-bồ-đề ngồi thiền

trong Tứ Chi, vừa gặp lúc bà Vương phi chọn hang đá, trời rải mưa hoa. Trong khoảng lựa Sa-di tuổi nhỏ cho xuất gia, sư được độ thời gian rất ngắn, xót thương cho thần Hư vào dịp này. Về sau, sư giã từ Thầy đến yết Không. Chớ vọng tưởng. Hễ vọng tưởng là kiến thiền sư Đan Hà Tử Thuần. Một hôm, ăn 30 gậy«. sư bàn luận với Ngài về ý chỉ thiền pháp của tông Tào Động«. ĐỐT 1. Hây! Từ biểu thị tiếng quát. Thiền sư ĐỘNG TIỆN thường dùng để kết thúc một bài kệ của Động một tí (thì, là), thường thường. Vô chính mình làm ra. Bài Tán Tuệ Trung Môn Quan ghi: » Thượng Sĩ của Thiền sư Pháp Loa có ghi: »Á!

ĐỚI ĐAO NGỮ Thép ròng rèn được 5. Thôi thôi! Từ biểu thị ý can ngăn hoặc Gang sống đúc thành từ chối. Tín Tâm Minh tịch nghĩa giải của Thước trời tấc đất Hòa thượng Trung Phong Minh Bản ghi: Gió mát trăng thanh » Hây!« 2. Dốt, sai rồi. Lời quở trách đặt ở đầu câu. – Thôi thôi! Đoạn »chấp tất cả vô trước là tâm« trong Động là núi bạc, tịnh là vách sắt. Nếu Kinh Lăng Nghiêm q. 1 có ghi: » chưa từng đập nát mà muốn hai tướng kia không sinh thì còn cách xa quá!«. 6. Hứ! Từ biểu lộ sự bất bình, phản đối. – Tín Tâm Minh tịch nghĩa giải của Thiền sư A-nan nói: Nay Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ Trung Phong Minh Bản ghi: » nào, con dùng tư tưởng suy tìm ấy, con cho – Hứ! là tâm. Phật bảo: Sai rồi, A-nan! Cái ấy Tất cả đều là mở mắt đái dầm, đốt nhang chẳng phải tâm ngươi«. Tắc Ngưỡng Sơn dẫn quỷ, tại sao vậy?«. Xuất Tỉnh trong Thiền Uyển Mông Cầu, q. hạ (Vạn Tục 148, 275 thượng) ghi: » ĐỚI ĐAO NGỮ – Về Trong lời nói ngầm chứa dao bén có thể sau, sư hỏi Đam Nguyên: Người ở dưới cứu sống hoặc giết chết người một cách tự giếng làm sao ra được? Nguyên nói: Dốt tại. Thiền tông mượn từ này làm thuật ngữ quá! Đồ ngốc! Ai mà ở dưới giếng?« để chỉ cho cơ ngữ sắc bén nhằm mở mắt trí 3. Chà! Tiếng thốt ra biểu thị sự ngạc huệ của người học. Phần giải thích trong nhiên, tán thưởng hoặc than phiền. Bài Động Sơn Ngũ Vị Hiển Quyết (Vạn Tục Phóng Cuồng Ca trong Tuệ Trung Thượng 119, 467 hạ) ghi: » Sĩ ngữ lục có ghi: – Câu kiêm đới » hay nhất, không gì bằng cơ ngữ sắc bén – Chà chà! Cảnh giàu sang như của Dược Sơn đối đáp Vân Nham«. mây nổi, ối ối! Thời gian thấm thoát như bóng ngựa qua kẽ vách«. 4. Ủa! Từ biểu lộ sự sửng sốt. Tín Tâm ĐƠN Minh tịch nghĩa giải của Hòa thượng Đặt trước một con số để tạo thành số từ, có Trung Phong Minh Bản ghi: » tác dụng gần giống chữ »linh« (lẻ). Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » – Tịch rằng: Ủa! Nói – Ngày đông chí sư ›Có thể buông bỏ‹ cũng đáng ăn gậy, nói thượng đường, nói: Đại chúng! Từ nay đến ›không thể buông bỏ‹ cũng đáng ăn gậy, 105 ngày nữa mới tới tiết Thanh minh, tại sao? Vì ông chưa thoát khỏi được đắc Thượng nguyên thuộc về nửa tháng thất thị phi vậy!« giêng«.

ĐƠN VỊ ĐƠN ĐỀ một loạt như chém cuộn tơ rối«. Sự tu tập tham thiền của thiền giả không câu nệ vào ngữ ngôn tri giải, chẳng dính ĐƠN TRUYỀN mắc nơi tục tình vọng niệm, chỉ nhắm Còn gọi: Đơn đề. Truyền trao cho nhau thẳng vào cội nguồn bản tâm. Duy Tắc ngữ một cách riêng lẻ, thuần nhất. Chỉ cho cách lục q. 2 ghi: »

truyền giáo của Thiền tông, chẳng dựa vào ngôn ngữ văn tự mà chỉ dùng cách một – người học trò lãnh hội được đại ý Phật Người xuất gia mười ngón tay chẳng dính pháp trước mặt một vị Thầy liền được vị nước, trăm việc chẳng để lòng, dưới 3 cây này truyền cho tâm ấn. Đây gọi là ›Đơn đòn dông, trước cái đơn 7 thước (2,1m), truyền tâm ấn‹. Cảnh Đức Truyền Đăng ngày 3 thời đêm 3 thời, chỉ làm một việc là lục q. 3 ghi: » nhắm thẳng vào bản tâm«.

ĐƠN ĐAO TRỰC NHẬP

– Nghĩa đen là cầm có mỗi một con dao và Trước khi Tổ Đạt-ma sang Trung Quốc, chạy thẳng vào trận địch. Thiền tông dùng Thiền tông tu hành cả giáo thừa của Tam từ này để chỉ cho bậc thầy khi chỉ dạy tạng, đến khi Tổ từ Ấn Độ sang, Thiền tông người học, chẳng dùng trí mưu sách lược, mới dùng cách ›Đơn truyền tâm ấn‹ để phá buông bỏ tất cả lời nói hòa hoãn, xung đột, chấp hiển tông, cũng chính là chủ trương mà trực tiếp nói về vấn đề tâm tính để khai Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực mở tâm nhãn cho họ. Nhân Thiên Nhãn chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật«. Mục q. 2 (Đại 48, 311 hạ) ghi: » Ngoài ra, từ »Đơn truyền« còn được dùng ghép với những từ khác để tạo thành: – Đại dụng như — Đơn truyền trực chỉ. trời xoay, tay không giết người, một dao — Trực chỉ đơn truyền. vào thẳng, nhân cảnh đều đoạt, chiếu dụng — Phật tổ đơn truyền. đồng thời«. — Đơn truyền Phật pháp. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. ĐƠN ĐƠN ĐÍCH ĐÍCH Một cách đơn độc, chân chính. Thư đáp ĐƠN VỊ Trung thừa Trịnh Côn Nham trong Chỗ ngồi của chư tăng tham thiền trong HSLNMDT q. 1 ghi: » Thiền đường. Do vì trên chỗ ngồi của mỗi vị tăng đều có dán tên, nên gọi là »đơn vị«. Tông Môn Võ Khố ghi: » – Chỉ cần đem thân tâm thế giới vứt sang một bên, một mình chân chính đề khởi một niệm này, như múa kiếm báu trong hư – Tự Khánh Tạng chủ cùng Tú không, chẳng kể là Phật hay ma, chém hết Đại sư đi đến chùa Pháp Vân, Tú được cho

ĐỨC vào Tăng đường đem tên của Khánh Tạng Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Chân Hiết chủ trình lên ngài Viên Thông. Thông nói: Thanh Liễu, tông Tào Động. Người đời gọi Chớ có đi nơi khác, sau nhà này còn chỗ sư là »Trúc Giản Hòa thượng«, »Đạm trống, cho vào Thiền đường ngay«. Đường Trúc Giản«. Tác phẩm: Đạm Đường Trúc Giản ngữ lục. ĐỨC Lời tôn xưng các bậc Thiền sư. Tào Khê ĐỨC DỊ (1231-?) Đại Sư Biệt truyện ghi: » Thiền tăng đời Nguyên, họ Lô, hiệu Mông Sơn, người đời thường gọi »Cổ Quân Tỳ- kheo«, người xứ Cao An (nay thuộc tỉnh Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Hoàn Sơn Chính Ngưng, tông Lâm Tế, phái Dương Kỳ. Tác phẩm: Phật Tổ Tam – Vào đầu niên hiệu Thần Long, ngày Kinh Tự, Mông Sơn Hòa thượng Lục Đạo rằm tháng giêng, Vua xuống chiếu rước Phổ Thuyết. đại sư vào cung. Sư từ tạ chẳng đi. Cao Tông Đại đế phê chiếu rằng: Trẫm chí ĐỨC DŨNG (?-1368) thành mộ đạo, khát ngưỡng thiền môn, mời Thiền tăng đời Nguyên, họ Phùng, tự Đông các vị thiền sư các nơi về đạo tràng trong Hải, nối pháp Thiền sư Nguyên Ông Tín. cung để cúng dường, 2 vị thiền sư Huệ An Sư trụ chùa Quảng Đức, Gia

Hưng (nay và Thần Tú là đứng đầu tăng chúng«. thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc.

ĐỨC BẢO ĐỨC DỤNG 1. Thiền tăng đời Minh (1486-1570), họ Thiền tăng đời Tống, họ Đới, người xứ Vụ Lưu, người xứ Dương Tân (nay thuộc tỉnh Châu (nay là huyện Kim Hoa, tỉnh Chiết Sơn Đông) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Văn Tái, tông Tào Động. Sư trụ chùa Yên Cao Am Thiện Ngộ, tông Lâm Tế, phái Nam. Dương Kỳ. Trong thiền lâm thường gọi Sư 2. Thiền tăng đời Minh (1510-1581), họ là »Dụng Đại Oản«. Ngô, hiệu Tiếu Nham, người xứ Kim Đài (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) Trung Quốc, nối ĐỨC HINH (1302-1372) pháp Thiền sư Vô Văn Minh Thông, tông Thiền tăng đời Nguyên, họ Phương, tự Lan Lâm Tế. Tác phẩm: Tiếu Nham tập và Ngữ Thất, người xứ Ô Thương (Nghĩa Ô, Chiết lục. Giang) Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Nguyên Trường, đời thứ 25 hệ Nam Nhạc. ĐỨC BẰNG (?-1167) Trụ trì chùa Thánh Thọ. Có ngữ lục truyền Còn gọi: Đắc Bằng. Thiền tăng đời Tống, lại đời. họ Cố, pháp danh Đạm Đường, người xứ Diêm Quan, Hàng Châu (nay thuộc phía ĐỨC HỘI tây nam huyện Hải Ninh, tỉnh Chiết Giang) Thiền tăng đời Nam Tống, họ Hà, hiệu

ĐỨC NGỌC (1628-1701) Bồng Am, người phủ Trùng Khánh (nay là Châu (nay là huyện Kim Hoa, tỉnh Chiết thành phố Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên) Giang) Trung Quốc. Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Thạch Đầu Tự Hồi, thuộc tông Lâm Tế. Khoảng niên ĐỨC KIẾN (1280-1360) hiệu Gia Định thứ 3 (1210), sư nhậm chức Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Long Sơn trụ trì Thiền viện Chân Như trên núi Vân Đức Kiến, vào niên hiệu Đại Đức thứ 9 Cư. (1305) được phái sang nhà Nguyên (Trung Quốc). Nối pháp Thiền sư Hư Cốc Hy Ẩn, ĐỨC HỒNG (1071-1128) đời thứ 23 hệ Nam Nhạc, đời thứ 6 tông Thiền tăng đời Tống, họ Dụ, tự Giác Lâm Tế Nhật Bản. Trụ trì chùa Đâu Suất ở Phạm, ban đầu tên Huệ Hồng, hiệu Tịch Long Hưng. Âm Tôn giả, người xứ Thụy Châu (nay là huyện Cao An, tỉnh Giang Tây) Trung ĐỨC MINH (thế kỷ XV) Quốc, nối pháp Thiền sư Chân Tịnh Khắc 1. Thiền tăng đời Lê trung hưng, không rõ Văn, tông Lâm Tế, phái Hoàng Long. Tác hệ phái, họ Nguyễn, người làng Bối Khê, phẩm: Lâm Gian Lục 2 quyển, Thiền Lâm huyện Thanh Oai, miền Bắc Việt Nam. Tăng Bảo truyện 30 quyển, Cao Tăng Còn gọi là Thánh Bối. Vua Trần Hậu Đế truyện 20 quyển, Trí Chứng truyện 10 phong sư là »Đại Thánh Khai Sơn Nghĩa quyển, Chí Lâm 10 quyển, Lãnh Trai Dạ Tồn Bình Đẳng Hành Thiện Đại Bồ Tát«. Thoại 10 quyển, Thạch Môn Văn Tự Thiền Sư trụ trì chùa Quảng Nghiêm (chùa Trăm 30 quyển, Pháp Hoa Hợp Luận 7 quyển, Gian, chùa Tiên Lữ) trên núi Tiên Lữ, nay Lăng Nghiêm Tôn Đảnh Nghĩa 10 quyển, thuộc xã Tiên Phương, huyện Hoài Đức, Kim Cang Pháp Nguyên Luận 1 quyển. ngoại thành Hà Nội. 2. Thiền tăng đời Minh, họ Lâm, hiệu Tiền ĐỨC HUY Khê, người xứ Hoàng Nham (nay thuộc Thiền tăng đời Nguyên, hiệu Đông Dương, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. nối pháp Hối Cơ Nguyên Hy, tông Lâm 3. Thiền tăng đời Thanh, họ Ân, hiệu Bạch Tế. Sư là người quản lý »Đại Trí Thánh Quang, người xứ Tráp Xuyên, Trường Thọ Tự« ở núi Bách Trượng và vâng lệnh Hưng (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Vua biên tập lại »Bách Trượng Thanh Quốc, nối pháp Thiền sư Thạch Cổ, tông Quy«. Tào Động. Tác phẩm gồm 2 quyển Ngữ lục. ĐỨC HƯNG Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư ĐỨC NGỌC (1628-1701) Bách Trượng Đạo Hằng, tông Pháp Nhãn. Thiền tăng đời Thanh, họ Vương, hiệu Sư trụ chùa Vạn Thọ, Tô Châu. Thánh Khả, người xứ Doanh Sơn

(nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối ĐỨC KHIÊM pháp Thiền sư Phá Sơn Hải Minh, tông Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư La Lâm Tế. Tác phẩm: Thánh Khả Thiền sư Sơn Đạo Nhàn, trụ viện Minh Chiêu, Vụ ngữ lục 10 quyển, Thiền Lâm Bảo Huấn

ĐỨC NGUYÊN THIỀN TỰ Thuận Chu 4 quyển. Lâm Tế. Tác phẩm: Phật Chiếu Thiền sư Tấu Đối Lục 1 quyển, Phật Chiếu Quang ĐỨC NGUYÊN THIỀN TỰ Hòa thượng Ngữ Yếu 1 quyển. Thuộc làng Trúc Kỳ, thành phố Gia Nghĩa, ĐỨC SƠN tỉnh Đài Loan, Trung Quốc. Niên hiệu Càn 1. Thiền tăng đời Đường, tên Tuyên Giám, Long thứ 5 (1740) đời Thanh do Hòa trụ Đức Sơn 30 năm nên người đời gọi sư thượng Nghĩa Mẫn sáng lập, ban đầu gọi là là »Đức Sơn«. X. Tuyên Giám »Thanh Hoa Sơn Quán Âm Đình«. Năm 2. Thiền tăng đời Minh, hiệu Thúy Phong, 1913 đổi tên là »Thanh Hoa Sơn Đức người xứ Ninh Hạ, nối pháp Thiền sư Bảo Nguyên Thiền Tự«. Năm 1963 Pháp sư Nguyệt Đàm Công. Sư trụ núi Phục Ngưu, Duy Giác nhậm trụ trì, qua ba năm xây chùa Cát Tường ở Kinh Sư. xong Đại hùng bảo điện, Liêu phòng. Tự viện trang nghiêm rộng lớn, nguy nga tráng ĐỨC THANH (1546-1623) lệ. Trong chùa mở thêm Viện Thiền học Thiền tăng đời Minh, họ Thái, tự Trừng Thanh Hoa Sơn Đức Nguyên, bồi dưỡng Ấn, Đăng Ấn, hiệu Hám Sơn, Hám Sơn nhân tài Phật giáo Thiền tông, hoằng Lão Nhân, Hám Sơn Đạo Nhân, người xứ dương tông phong. Toàn Tiêu (nay thuộc tỉnh An Huy) Trung Quốc. Sư chủ trương dung hợp 2 tông ĐỨC PHỔ (1025-1091) »Thiền và Hoa Nghiêm«, 3 giáo: Nho, Thiền tăng đời Tống, họ Bồ, người xứ Đạo, Thích cùng về một thuyết, cho rằng Miên Châu (nay thuộc huyện Miên Dương, »Không biết Xuân Thu thì chẳng thiệp thế, tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối pháp không tinh thông Lão Trang thì chẳng thể Hoàng Long Huệ Nam, tông Lâm Tế, phái quên thế gian; không tham thiền thì chẳng Hoàng Long. Sư trụ Hòa Sơn ở Kiết Châu thể xuất thế«. Tác phẩm: Hám Sơn Lão (nay là huyện Kiết An, tỉnh Giang Tây). Nhân Mộng Du tập 55 quyển, Hám Sơn ngữ lục 20 quyển. ĐỨC PHÚ (1627-1690) Thiền tăng đời Thanh, họ Cung, hiệu Kỳ ĐỨC THÀNH Bạch, người xứ My Châu (nay là huyện Thiền tăng đời Đường, người xứ Toại Ninh My Sơn, tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối (nay là huyện Đồng Nam, tỉnh Tứ Xuyên) pháp Thiền sư Thông Túy, tông Lâm Tế. Trung Quốc, nối pháp Dược Sơn Duy Tác phẩm: Ngọc Tuyền Kỳ Bạch Phú Thiền Nghiễm. Sư ở ẩn bên bờ sông Ngô, chỗ ở sư ngữ lục 3 quyển. gọi là Hoa Đình (nay là huyện Tùng Giang, Thượng Hải), sống bằng nghề đưa đò nên ĐỨC QUANG (1121-1203) người đời gọi sư là »Thuyền Tử Hòa Thiền tăng đời Tống, họ Bành, hiệu Đông thượng«. Am, người xứ Tân Dụ (nay là huyện Tân Dư, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, nối ĐỨC THIỀU (891-972) pháp Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo, tông Thiền tăng đời Đường, họ Trần, người xứ

ĐƯƠNG CƠ Tấn An, Xử Châu (nay thuộc tỉnh Chiết đến lạy Tôn giả cầu xin xuất Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư giả nói: Ngươi sẽ đại ngộ, tâm tự thông Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp Nhãn. đạt. Ngươi nên quy y Phật pháp tăng để Sư có bài kệ nổi tiếng: » tiếp nối dòng thánh.« « 3. Biểu thị ngữ khí nghi vấn, có lúc tương »Thông Huyền phong đỉnh đương như từ »rốt cuộc«. Tiết Giáp Sơn Bất thị nhân gian Thiện Hội Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: Tâm ngoại vô pháp » – Mãn mục thanh sơn«. Người xưa trải tóc lấp bùn rốt cuộc

vì cái »Trên ngọn Thông Huyền gì?« Chẳng phải nhân gian ĐƯƠNG CƠ Ngoài tâm không pháp Có 2 nghĩa: Đầy mắt núi xanh«. 1. Thích ứng với căn cơ trình độ của chúng ĐỨC TƯỜNG sinh. Đồng nghĩa với từ Khế cơ. Như Tịnh Thiền tăng đời Minh, tự Lân Châu, hiệu ngữ lục q. thượng ghi: » Chỉ Am, người xứ Nhân Hòa (nay là Hàng Châu, Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Lâm chùa Tịnh Từ, tông Lâm Tế. Sư trụ trì chùa Tịnh Từ. Tác phẩm: Đồng Dự tập. – Giải hạ, sư thượng đường: Cởi bỏ túi vải Thiền tăng, ĐƯƠNG hư không thênh thang thích phong lưu. Đi 1. Khế hợp, tương xứng. Tiết Thạch Môn cũng được, ở cũng được, đại dụng hiện Quân Thủ tọa trong NĐHN q. 14 ghi: » tiền không còn phép tắc. Các nơi như thế, Tịnh Từ (pháp hiệu tự xưng của Như Tịnh) thì chẳng phải vậy. Ối chao! Đương cơ rất – Một kỵ lầm lưu truyền« hôm sư vác cuốc vào vườn, tăng hỏi: 2. Người đại diện đứng ra thưa hỏi về yếu Trong ba thân thì thân nào làm việc? Sư chỉ kinh điển để đức Phật trả lời cho hội chống cuốc mà đứng. Tăng nói: Chẳng lẽ chúng đều biết. Hoặc chỉ cho người trực việc này khế hợp thiền cơ sao? Sư cầm tiếp thưa hỏi Tổ sư về »việc lớn« mà mình cuốc bỏ đi.« đang thao thức. Tham Thiền kệ trong 2. Sẽ. Phó từ chỉ thời gian. Tiết Tứ Tổ Ưu Thiền Tịnh Hợp Yếu của Thiền sư Phương Ba Cúc Đa Tôn giả trong NĐHN q. 1 ghi: Tụ Thành ghi: »

»Tham thiền đệ nhất – Sau đó có một người Bất khả khinh hốt con của trưởng giả tên là Hương Chúng, Thố quá đương cơ

ĐƯƠNG DƯƠNG Hà thời ngộ nhập?« ĐƯƠNG ĐẦU BỔNG HÁT »Pháp tham thiền bậc nhất Chẳng thể để khinh suất Bổng hát: Gậy và hét, phương thức tiếp Đương cơ nếu lầm qua dẫn giáo hóa đệ tử của các vị Tổ sư Thiền tông. Dùng gậy bắt đầu từ ngài Đức Sơn, Bao giờ mới ngộ nhập?«. hét bắt đầu từ ngài Lâm Tế. Đương Đầu Bổng Hát nghĩa là đòn cảnh tỉnh. ĐƯƠNG DƯƠNG 1. Hiển lộ, minh bạch. Chương La Hán ĐƯƠNG GIA CHỦNG THẢO Quế Sâm Hòa thượng Minh Đạo Tụng trong CĐTĐL q. 29 ghi: » Lựa chọn người kế vị chốn tùng lâm. Thiền Ngã Lâm Bảo Huấn q. 1 (Đại 48, 1019 thượng) tông kỳ đặc, đương dương hiển hách, Phật ghi: » cập chúng sinh, giai thừa ân lực. – Tông ta kỳ đặc minh bạch hiển hách, Phật cùng – Còn như việc chúng sinh đều nhận lấy ân lực.« lựa chọn người kế vị chốn tùng lâm lại cần 2. Trước mặt, tại chỗ, lập tức. Bích Nham phải suy nghiệm cái lý xét kỹ nghe tường Lục q. 1 ghi: » này, có đâu lại dung cho kẻ dối trá, hẹp hòi, phỉnh nịnh mà được sung tuyển vào – Dưới câu nói mà thấy thì lập tức chức đó sao?«. thấu triệt. Còn nếu nhằm dưới câu nói mà cứ tầm tư thì cuối cùng không thể sờ mó ĐƯƠNG NHÂN được.« Tự nơi mỗi người. Trong bài thơ Xuân Cảm của Đại sư Hám Sơn có câu: » ĐƯƠNG ĐẦU Ngay tại chỗ, ngay tức thì. Tiết Hộ Quốc »Nhược tu cánh mích Bồ-đề lộ Cảnh Nguyên Thiền sư trong NĐHN q. 19 Chỉ yếu đương nhân thoái bộ hành«. ghi: »Nếu như muốn tìm về nẻo giác. Chỉ cần tự mỗi người lùi bước«. ĐƯƠNG THỂ TỨC KHÔNG »Ngã hữu minh châu nhất khỏa Thiết kỵ đương đầu sa quá Khi 6 căn tiếp xúc 6 trần

sinh ra 6 thức, Tuy nhiên tảng diện tương trình ngay đó biết được thức vừa khởi vốn là vô thủy vô sinh, vốn tự không tịch, chẳng đợi Dã tu nhất chùy đả phá«. trần cảnh diệt rồi mới không. Nói cách »Ta có một hạt minh châu khác, ngay khi thấy sự vật liền biết cái Rất kỵ tại chỗ bỏ qua niệm vừa khởi đó là không, gọi là Đương Tuy là trước mặt trình nhau thể tức không. Theo: Danh từ Thiền Học Cũng cần một chùy đập vỡ«. Chú Giải của HT. Duy Lực.

ĐƯỜNG ĐƯỜNG MẬT MẬT ĐƯƠNG Ý rộng là vị Trụ trì của các tự viện Thiền
Vừa ý, hợp tâm ý. Tiết Đại Tùy Nguyên tông. Còn gọi là: Đường thượng, Đường Tĩnh
Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » đầu Hòa thượng. Lâm Tế hành lục (Đại 47,
504 hạ) ghi: »
– Thủ tọa nói: Sao ngươi chẳng đi hỏi vị – Niên
hiệu Đường đầu thế nào là đại ý Phật pháp?« Nguyên Hựu thứ 3, sư thông hiểu kinh kệ
Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. được độ, ở lại giảng dạy nhiều năm. Sau đi về phương
nam ban đầu tham kiến Thiền ĐƯỜNG ĐỘ NHỊ TAM sư Vĩnh An Ân, nhờ giai
thoại Lâm Tế ba Sáu vị Tổ Thiền tông Trung Quốc. Pháp lần bị ăn gậy mà sư tỏ ngộ. Kế
nương theo Diễn ngữ lục, q. trung ghi: » các bậc danh túc song không có ai vừa
ý sư cả.« – Từ Phật Oai Âm
ĐƯỜNG BAN Vương về trước cũng thế ấy, từ Phật Oai Vị trí các ban thuộc Đông, Tây
đường ở Âm Vương về sau cũng thế ấy, ba đời chư trong nhà Thiền. Lúc ngồi trên nhà
Thiền, Phật cũng thế ấy, 28 vị Tổ Ấn Độ và 6 vị vị trí của mọi người tùy thuộc vào đạo
đức Tổ ở Trung Quốc cũng thế ấy«. hoặc chức vụ của họ mà quy định. Pháp Diễn ngữ
lục, q. hạ ghi: » ĐƯỜNG CHỦ
Gọi đủ: Diên thọ đường chủ. Chức vụ coi sóc tất cả sự việc trong
phòng bệnh (Diên – Ba đời chư Phật, nếu không thọ đường). Điều Diên Thọ
Đường Chủ có đệ nhất nghĩa thì lấy cái gì để độ chúng Tinh Đầu trong Thiền Uyển
Thanh Quy q. sinh? 28 vị Tổ Ấn Độ, 6 vị Tổ Trung Quốc 4 (Vạn Tục 111, 449 hạ) ghi: »
cho đến các vị Hòa thượng khắp nơi, nếu không có đệ nhất
nghĩa thì lấy cái gì để kiến lập tông phong?«. – Khi chọn
Đường chủ, cần mời người giỏi việc, có lòng lượng thứ,ĐƯỜNG ĐƯỜNG MẬT MẬT
đạo niệm chu toàn, biết an ủi nuôi dưỡng người bệnh, biết rõ nhân quả«. Còn gọi:
Biến giới bất tằng tàng. Chỉ cho lý tuyệt đối bày hiện khắp nơi một cách rõ Từ »Đường
chủ« còn chỉ cho người coi sóc các nhà như: Thủy lục đường chủ, La hánràng. Cảnh
Đức Truyền Đăng lục q. 18 đường chủ. (Đại 51, 348) ghi: »
ĐƯỜNG ĐẦU Vốn chỉ cho chỗ ở của vị Trụ trì trong
– Đôi khi Tuyết Thiền viện (Phương trượng). Nghĩa mở Phong bảo chúng
rằng: Chân lý hiện bày

ĐƯỜNG NHẤT HUYỀN (1892-1988) khắp nơi một cách rõ ràng. Sư bước ra NĐHN
q. 20 ghi: » hỏi: Cái gì là chân lý hiện bày khắp nơi?
Tuyết Phong đứng dậy nói: Nói cái gì? Sư lùi bước rồi đứng«.
– Một hôm sư ĐƯỜNG NHẤT HUYỀN đang
đứng hầu, hỏi rằng: Khi bặt hết đối (1892-1988) đãi thì thế nào? Hòa thượng Phật Nhãn
Học giả Phật giáo hiện đại, người Thanh nói: Giống như ngươi bạch chùy trong Phố,

Thượng Hải, Trung Quốc. Ông tốt tăng đường. Sư mờ mịt. Chiều tối, Nhãn nghiệp Học viện Quốc Phòng Quân Y khóa đến phòng của Duy-na, sư hỏi lại lời 9. Đối với Quốc học và Trung Tây Y học trước. Nhãn nói: Lời nói suông. Sư ngay ông đều học hỏi đến nơi đến chốn. Năm câu nói này liền đại ngộ«. 1929 ông quy y đại sư Thái Hư, từng làm 2. Chức vụ Duy-na. Cùng sách trên ghi: Viện trưởng Cao Hùng Lục Thập Binh »

Công Xưởng Phụ Thiết Y Viện và dạy học ở Đông Phương Phật Giáo Học Viện. Tác – Ban đầu phẩm: Trùng Đính Vô Tướng Tụng Giảng sư đến Long Môn, đem sở đắc thường ngày Thoại, Thiền Môn Thặng Ngữ, Pháp Hoa ra trình với Phật Nhãn. Nhãn nói: Chỗ Kinh Bổ Thuật, Lục Tổ Đàn Kinh Điều hiểu của ngươi đã tột, chỉ thiếu ra sức để Mục, Độc Hoa Nghiêm Kinh, Pháp Hoa ngộ mà thôi! Nhãn dạy sư lãnh chức vụ Kinh Ký Hiệp San, Viên Giác Kinh Giảng Duy-na«. Nghĩa.

ĐƯỜNG ỐC LÝ PHẢN DƯƠNG CHÂU Ngồi ở trong nhà mà có thể buôn bán ở E Dương Châu. Dương Châu: Trung tâm thương nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa ở Ế PHÁT THÁP Trung Quốc vào đời Đường. Thiền tông Tháp ở trước điện Lục Tổ, trong khuôn mượn từ này làm thuật ngữ để chỉ cho diệuviên chùa Quang Hiếu, thành phố Quảng dụng tự tại của nạp tăng. Tắc 30, Thung Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, dưới Dung lục (Đại 48, 247 hạ) ghi: » tháp có chôn cất tóc của Lục Tổ Huệ Năng, – nên gọi là »Ế Phát Tháp«, tục gọi »Lục Tổ Còn thua tôi buôn bán phát đạt (Ngồi ở Phát Tháp«. Niên hiệu Nghi Phụng thứ 1 trong nhà mà có thể buôn bán ở Dương (676) đời Đường, Lục Tổ Huệ Năng tại Châu)«. chùa Pháp Tính (nay là chùa Quang Hiếu) tranh luận gió động phướn động, công khai ĐƯỜNG TY thân phận nối pháp Thiền Tông, dưới cội 1. Căn phòng của Duy-na ở trong Tự viện. bồ đề phía sau đại điện cạo tóc truyền giới, Tiết Long Tường Sĩ Khuê Thiền sư trong vị tăng Trụ trì Pháp Tài ngay lập tức đem

GIA PHONG tóc của Tổ chôn dưới gốc cây và xây tháp – Chợt có người hỏi che lên. Tháp cao 7,8m, mặt bằng hình bát Kính Sơn: Thế nào là con đường đúng? giác 7 tầng. Tháp lấy đá làm cơ bản, dùng Chỉ nói với y: Mỗi nhà đều có con đường vôi cát gạch xây thành. Mỗi tầng của tháp đi đến Trường An«. đều có 8 cái khám Phật, mỗi khám mỗi pho tượng Phật ngồi, tạo dáng sinh động, là GIA HOẠT tinh phẩm đá khắc quý báu vô cùng. Nền Của cải trong nhà. Thiền tông dùng từ này tháp có lan can đá bao quanh, trang trọng để chỉ nhiều thứ: gia nghiệp, gia tư, vật thuần phác cổ xưa. Qua nhiều đời đều có dụng hàng ngày. Pháp Diễn ngữ lục q. sửa chữa. Năm 1954, 1977 lại trùng tu. trung ghi: » Cạnh tháp có bia tượng Lục Tổ và bia tượng Đ t-ma được khắc vào đời Nguyên.

– Mỗi ngày thức dậy, chống gậy Lâm Tế, thổi sáo Vân Môn, gõ nhịp Triệu Châu, vác dá Ngưỡng Sơn, lùa trâu Quy Sơn, cày ruộng Bạch Vân. G Bảy tám năm nay dần dần trở thành gia hoạt«.

GIA GIA NƯƠNG 1. Dùng sau danh từ xưng hô, có nghĩa là Cha mẹ. Chương Vân Môn Văn Yển Thiền bọn, đám. Tiết Pháp Vân Pháp Tú Thiền sư sư trong CĐTĐL q. 19 ghi: » trong NĐHN q. 16 ghi: »

– Bọn thiền tăng kính lễ Thích-ca mà không bái –
Xa cách quê hương, bỏ Di Lặc, chưa phải đặc biệt.« cả cha mẹ già, sư tăng hòa thượng, các lão 2. Dùng sau đại từ nhân xưng. Tiết Hoàng trọc hành cước này có gì mà vội vã đi hành Long Pháp Trung Thiền sư trong NĐHN q. cước!« 20 ghi: » GIA
PHONG – Ngàn vạn lời nói chỉ Tác phong riêng biệt của mỗi Tổ dùng để muốn dạy ông tự mình thôi nghỉ.« phát dương Tông chỉ biệt truyền của Thiền GIA GIA MÔN LÝ THẤU tông. Duyên Quán ngữ lục ghi: » TRƯỜNG
AN – Mỗi nhà đều có con đường đi đến Trường Tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Hòa An (Thủ đô). Thiền tông dùng nhóm từ này thượng? Sư đáp: Sông Ích Dương nước để chỉ cho con đường tỉnh ngộ ở nơi tâm chảy xiết nên cá lội nhọc. Núi Bạch Lộc của mỗi người. Mật Am ngữ lục ghi: » cây tùng cao nên chim đậu khó«.

GIA SỰ GIA SỰ cơm, liền bưng bát, nói: Gia thường!«. Đồ gia dụng. Chương Nam Tuyền Phổ Nguyện Thiền sư trong CĐTĐL q. 8 ghi: GIA TRÂN »
Đồ quý báu trong nhà, phần lớn dụ chỉ cho tự tâm, bản tính.
Bài tựa của thiền sư Vô Môn trong Vô Môn Quan ghi: »
– Khi sư ở am, có một vị tăng đến –
Từ cửa mà vào thì không là đồ am. Sư bảo vị tăng: Ta lên núi, chờ khi đến quý báu trong nhà, nhờ duyên tạo được tất giờ thọ trai, ăn xong ông đem một phần phải có trước sau, có thành hoại«. cơm lên núi cho ta. Không bao lâu vị tăng ăn xong liền nhất loạt đập phá đồ gia dụng GIA TRUNG XẢ PHỤ rồi lên giường nằm.« Bỏ cha trong nhà, tỷ dụ bỏ mất cái rất quan trọng là tự tâm bản tính. Tiết Chính Pháp GIA THÁI PHỔ ĐĂNG LỤC Hy Minh Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: »
Đăng lục 30 quyển, có riêng 3 quyển Mục lục, do ngài Lôi Am Chính Thọ biên soạn – Tính linh sáng rực chẳng vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh chịu nhận lấy; trăng tâm tròn đầy lại tự tập 137, trang 1. Chính Thọ bỏ ra 17 năm xoay lưng. Đâu khác gì kẻ bỏ cha trong để viết tiếp theo sau các bộ Cảnh Đức nhà, kẻ quên hạt châu trong chéo áo«. Truyền Đăng lục, Thiên Thánh Quảng Đăng lục, Kiến Trung Tịnh Quốc Tục GIA VỆ Đăng lục. Ngài gom chép cơ duyên ngữ Phù hộ. Tiết Huệ Khả Thiền sư trong TĐT yếu của 2 giới tu sĩ và cư sĩ trong nhà thiền q. 2 ghi: » như: Tông sư, Vương hầu, Công khanh, Ni
sư. Nội dung bao quát: Cơ ngữ thị chúng, – Cha mất mà chưa Vua thánh tôi hiền, Thánh hiền ứng hóa có con trai, cả nhà nghĩ rằng: Nhà ta toàn (phụ thập di), Quảng ngữ, Niêm cổ, Tụng làm điều thiện mà không có con trí huệ, lại cổ, Kệ tán, trứ tác lặt vặt. Quyển đầu có hết sức ca ngợi việc mình làm thì Phật trời phần hành nghiệp của Thiền sư Lôi Am nào phù hộ?« Thọ. Sách được hoàn thành vào niên hiệu Gia Thái thứ 4 (1204), trình lên vua Ninh GIÁ BIÊN CÚ Tông, phụng sắc nhập Tạng. Câu bên này, chỉ cho lời nói còn nằm trong vọng tâm phân biệt, chưa thể thoát khỏi tri GIA THƯỜNG thức kiến giải. Tiết Linh Tuyền Quy Nhân Lời xin bố thí cơm ăn (khi chư tăng hành Thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: » hóa). Tiết Bảo Phúc Tùng Triển Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: »
– Sư thấy tăng ăn – Ban đầu sư hỏi Sơ Sơn: Cây khô

GIẢ trổ hoa mới hợp với người, là câu bên này Thiên Hoàng Đạo Ngộ Thiền sư trong hay là câu bên kia? Sơn đáp: Cũng là câu NĐHN q. 7 ghi: » bên này«.

– Về sau, sư chọn núi Tử GIÁ CÁ Lăng tại Kinh Châu, người học nườm nượp Giá: này. Cá: lượng từ, nghĩa là cái. Có 2 chẳng dứt, gồm cả nam nữ nghe danh sư nghĩa: mà đến«. Núi Tử Lăng ở Tương Dương, 1. Chỉ thị đại từ có nghĩa là cái này. Phần Kinh Châu. Thượng Đường trong Lâm Tế lục (Đại 47, 96 trung) ghi: » GIÁ LÝ – Sư nói: Cái ông tăng này lại Còn gọi: Thử gian . Nơi đây. CĐTĐL kham bàn luận«. q. 9 ghi: » 2. Lời nhấn mạnh đằng sau để giúp cho lời – Khi nói có tính cụ thể. Chỉ cho bản thân mình, Động Sơn đến lễ bái. Sư (Huệ Siêu) hỏi: chẳng phải sự vật nào khác. Phần Thị Ngươi đã trụ một nơi rồi, còn đến đây để Chúng trong Lâm Tế lục (Đại 47, 497 làm gì?« Chương Hương Nghiêm Trí trung) ghi: » Nhàn Thiền sư trong CĐTĐL q. 10 ghi: » – Là vật rõ ràng trước mắt ông, chớ – Tăng hỏi: Một câu thôi thì đoạn cô minh, cái này biết thuyết pháp thế nào? Sư đáp: Nơi đây một câu cũng nghe pháp«. chẳng có.«

GIÁ CÁ, NA CÁ GIÀ Bên nầy, bên kia. Bên này (giá cá) ám chỉ Tức bây giờ là chữ GIÁ . Mật Am ngữ bờ mê, phương tiện tướng dụng hay thế lục ghi: » giới khái niệm tục đế. Bên kia (na cá) ám chỉ bến giác, phương tiện thể tính hay thế giới chân đế. CĐTĐL q. 14 ghi: »

– Vả lại, muốn cho nạp tăng trong thiên hạ sau này mỗi người đều có con – Sư (Duy Nghiễm) thấy đường sống, chứ đừng khởi kiến giải dã hồ Tuân Bố Nạp tắm tượng Phật, bèn hỏi: tinh này. Lại: Nếu như vào được thì tha hồ Bên nầy để ông tắm, nhưng ông có tắm đi khắp nơi, còn như chưa được thì không được bên kia không? Tuân đáp: Hãy đem nên rời khỏi nơi đây«. bên kia đến đi! Sư đành thôi không nói nữa.« GIẢ Tức là chữ giả () ngày nay, có nghĩa là GIÁ KIÊN TIẾP TÍCH này. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » Chen vai nối gót, hình dung số người qua lại rất nhiều, nườm nượp chẳng dứt. Tiết – Hãy

GIẢ KÊ THANH VẬN nói trong 300 pháp hội như ở Lộ trì, Thứu Giữ tâm bền chặt bướm hoa chi«. lãnh, Hải điện, Am viên v.v... chỗ nào có Theo: Thiền sư Việt Nam của HT Thanh tin tức này?«. Từ. 2. Thiền tăng đời Tống, hiệu Nhã Sung. X. GIẢ KÊ THANH VẬN Nhã Sung. Chỉ cho ý nghĩa bắt chước tiếng gà gáy để ngụy trang gạt người. Điển tích này rút ra GIÁC HẢI THIỀN SƯ từ truyện Sử ký Mạnh Thường Quân, sách Hiệu của Thiền tăng Tán Nguyên đời chép rằng: Nửa đêm Mạnh Thường Quân Tống. X. Tán Nguyên. muốn đi qua cửa ải Hàm Cốc, các môn khách giúp ông bắt chước tiếng gà gáy. Vị GIÁC HẢI TỰ quan giữ cửa ải tưởng gà gáy sáng bèn mở Chùa nằm ở số 345/45 Hùng Vương, cửa, Mạnh Thường Quân an nhiên đi qua, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí không bị toán quân Tần đuổi theo giết hại. Minh, Việt Nam. Chùa được xây cất vào Thung Dung lục q. 2 (Đại 48, 239 hạ) ghi: năm 1887 do bà Trần thị Liễu phát tâm » cúng dường phần tài chính, tên chùa do – Giả tiếng gà gáy khó lừa được Thiền sư Hoằng Ân đặt và giao cho đệ tử ta, chưa cho kẻ giả dạng qua cửa ải«. là Thiền sư Như Nhãn Từ Phong trụ trì. Hiện nay tại

chùa này có thờ tượng của GIÁC CHIẾU THIỀN SƯ ngài Từ Phong là thiền sư thuộc phái Thiền tăng Hoài Hải đời Đường sau khi Nguyên Thiều-Siêu Bạch, đời thứ 39 tông tịch, đời Tống truy thụy »Giác Chiếu Lâm Tế. Thiền sư«. X. Hoài Hải. GIÁC HOA GIÁC HẢI Thiền tăng đời Minh, họ Lưu, tự Đại Huệ, 1. Thiền tăng đời Lý, thuộc thiền phái Vô người xứ Dương Châu (nay thuộc tỉnh Ngôn Thông, đời thứ 10, nối pháp Thiền Giang Tô) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư sư Không Lộ. Sư họ Nguyễn, quê làng Hải Bảo Nguyệt Đàm. Sư trụ chùa Sùng Phúc Thanh, Việt Nam. Kệ thị tịch: ở Nam Kinh. GIÁC HỔ TẬP Sách, 2 quyển,
do Tế Năng biên tập vào đời Thanh, gồm những ngữ yếu về việc Xuân lai hoa điệp thiện tri thì tranh luận giữa Thiền và Tịnh, được xếp Hoa điệp ưng tu cộng ứng kỳ vào Tục Tạng kinh tập 109, trang 499. Hoa điệp bản lai giai thị huyễn Quyển thượng gồm các ngữ yếu của: Mạc tu hoa điệp hướng tâm trì — 14 vị thuộc tông Lâm Tế như: Tử Tâm »Xuân về hoa bướm khéo tri thì Ngộ Tân, Huệ Hải Nghi, Sở Thạch Phạm Hoa bướm phải cần gặp đúng kỳ Kỳ, Trương Thương Anh, Phùng Tế Hoa bướm xưa nay đều là huyễn Xuyên…

GIÁC TỊNH (1401-1479) — 11 vị thuộc tông Tào Động như: Chân GIÁC LÂM TỰ
Hiết Thanh Liễu, Hoằng Trí Chính Giác, Chùa ở số 118 đường Lạc Long Quân, Vạn Tùng Hành Tú, Vạn An Quảng Ân … quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Quyển hạ gồm các ngữ yếu của: Việt Nam. Chùa do người Minh Hương là — 5 vị thuộc tông Tào Động như: Bác Sơn Lý Thụy Long dựng năm Giáp Tý niên Nguyên Lai, Tuyết Quan Trí Lư… hiệu Gia Long thứ 3 (1804). Nơi đây vốn — 9 vị thuộc tông Vân Môn như: Bản là đồi cây phong cảnh tươi đẹp của xã Phú Giác Pháp Chân, Thiên Y Nghĩa Hoài, Mỹ Thọ, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Dương Kiệt, Phạm Trọng Yêm… Định vào thời Nguyễn. Trong chùa có bài — 1 vị thuộc tông Pháp Nhãn là ngài Vĩnh vị của 2 thiền sư: Minh Vi Mật Hạnh và Minh Diên Thọ. Minh Khiêm Hoằng Ân. Nơi khuôn viên — 1 vị thuộc tông Quy Ngưỡng là ngài chùa có tháp Tổ Linh Nhạc-Phật Ý. Văn Hỷ Vô Trước. — 7 vị Tôn túc như: Bạch Cư Dị, Văn GIÁC NGẠN (1286-?) Ngạn Bác… Tăng nhân đời Nguyên, họ Ngô, hiệu Bảo — 11 vị: Lô Sơn Huệ Viễn, Nam Nhạc Châu, người xứ Điểu Trình (nay là Hồ Huệ Tư, Thiên Thai Trí Khải, Viên Hoằng Châu, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Sư Đạo… trụ chùa Bảo Tướng ở Điểu Trình. Tác — Tính chung cả tăng lẫn tục, sách này phẩm: Thích Thị Kê Cổ Lược 4 quyển. gồm có ngữ yếu của 59 vị. Đầu quyển có phụ bài tựa nhỏ được chọn GIÁC THANH (1780-1853) khắc và mục thứ. Cuối quyển có phụ 7 Thiền tăng đời Thanh, họ Du, tự Quảng nghi thức niệm Phật và ngữ yếu, tiểu Phúc, hiệu Cửu Phong, người xứ Trấn truyện của biên giả là Tế Năng. Căn cứ vào Giang, Giang Tô, Trung Quốc. Nối pháp bài tựa nhỏ được chọn khắc thì biết rằng Thiền sư Định Huệ Tri, đời thứ 41 hệ Nam tên sách là do chọn từ bài kệ Tứ liệu giản Nhạc. Trụ trì chùa Long Hoa ở Trường về tham thiền và niệm Phật của ngài Diên Hưng (Chiết Giang). Thọ như sau: » – Có thiền có tịnh độ, giống như GIÁC THUYÊN (1810-1880) cọp thêm sừng«. Thiền tăng đời Thanh, họ Hứa, tự Tính Nguyên, người xứ Hồ Châu, Chiết Giang, GIÁC KHA Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Đảm Vân Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Thanh Cảnh, đời thứ 43 hệ Thanh Nguyên. Quy Tông Nghĩa Nhu, tông Pháp Nhãn. Sư Trụ trì chùa Vân Lâm. Có ngữ lục

truyền trụ viện Công Thần ở Hàng Châu. lại đời.

GIÁC LÃNG GIÁC TỊNH (1401-1479) Thiền tăng đời Thanh, hiệu »Đạo Thạnh«. Thiền tăng đời Minh, họ Thẩm, tự Nguyệt X. Đạo Thạnh. Giang, người xứ Tô Châu, Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Huệ Lãm, tông Lâm Tế.

GIÁC TRÍ VIÊN MINH GIÁC TRÍ VIÊN MINH Giải đạt uẩn không âu bất thật Hiệu của Thiền tăng Văn Thuật đời Phương năng minh kiến bản lai chân«. Nguyên. X. Văn Thuật. »Chỉ biết bọt kia từ nước khởi Nước do sóng bọt kết tinh thành GIÁC TRỪNG (1395-1473) Phù âu, lưu thủy giả danh suông Thiền tăng đời Minh, họ Trương, tự Cổ Bọt nước in tuồng huyễn hoá thân Khê, người xứ Úy Châu (nay là huyện Úy, Thấy suốt thân không, bọt chẳng thật tỉnh Sơn Tây) Trung Quốc; nối pháp Thiền Mới hay bắt gặp bản lai chân«. sư Thiệu Kỳ, tông Lâm Tế. Sư trụ chùa Cao Tòa ở Nam Kinh. Tác phẩm: Vũ Hoa GIẢI HỘI tập. Chấp trước vào sự vật hư huyễn rồi cố đem kiến giải để phân biệt. Tông Môn Võ Khố GIẢI CHỨNG ghi: » Giải ngộ và chứng ngộ, là 2 thứ lãnh ngộ khác nhau. Cái trước là thông qua ngôn – Thiền sư Chiếu Giác cho cái bình ngữ tri giải mà minh tâm. Cái sau là lập tức thường vô sự, chẳng lập tri kiến giải hội là ngộ nhập, thấu suốt tự tâm, là chân tham đạo, lại thêm chẳng cầu diệu ngộ«. thật ngộ. Thư đáp »Trịnh Côn Nham Trung thừa« trong HSLNMDT q. 1 ghi: » GIẢI LỘ Con đường sinh ra nhiều tri kiến tình giải, – Luận thông thường là quá trình tư duy, phân về người tu hành, có người trước ngộ sau tích. Tiết Nghệ ngôn trong NHQL q. 29 tu, có người trước tu sau ngộ, nhưng ngộ ghi: » có giải chứng khác nhau«. X. Giải Ngộ, – Có sư Chứng Ngộ. nói: Tham thiền chẳng cần xem kinh, xem GIẢI ĐẠT kinh e thêm giải lộ, làm chướng ngại cửa ngộ của mình«. Sáng tỏ, tỏ ngộ, thấy suốt. Chương Phù âu ca của Lạc Phổ Hòa thượng trong CĐTĐL GIẢI MIỄN q. 30 ghi: Kinh qua giải thích khỏi phải xử lý. Tông Môn Võ Khố ghi: »

– Phù Sơn Viễn đến, Thủ tọa thưa: Đích thực ông ta »Chỉ tri âu hướng thủy trung xuất, lấy dầu để nấu cháo, tình nguyện xin Hòa Khởi tri thủy diệc tùng âu sinh thượng trách phạt. Hòa thượng Tỉnh bảo Quyền tương âu thủy loại dư thân tính giá trị, đánh giá y bát để trả lại xong, Ngũ uẩn hư toản giả lập nhân đánh 30 gậy rồi đuổi ra khỏi viện. Viễn bỏ

GIẢI TRÍCH vào trong thị trấn nhờ đạo hữu giải thích Huống là đệ nhất nghĩa vốn thanh tịnh, để khỏi bị xử lý, Hòa thượng Tỉnh không chẳng nhiễm các trần, làm sao nói được? đồng ý.« Kẻ đồng đạo mới biết. Hôm nay hãy cởi mở một phen, trong cửa dựng lập tiếp hóa GIẢI NGỘ đặc biệt thông qua lời giải thích để lãnh Do lời nói, chữ nghĩa, tri thức, kiến giải mà hội«. lãnh ngộ tự tâm. Thư đáp »Trịnh Côn Nham Trung thừa« trong HSLNMDT q. 1 GIẢI THOÁT THIỀN SƯ THÁP ghi: »

Tháp nằm ở sườn núi tây bắc chùa Phật – Nếu người nương vào lời dạy Quang huyện Ngũ Đài, tỉnh Sơn Tây, của Phật Tổ được minh tâm, ấy là Giải Trung Quốc. Nơi đây có một số mộ tháp ngộ, phần lớn rơi vào tri kiến, đối với tất của tăng nhân chùa Phật Quang đời Đường cả cảnh duyên không đắc lực«.

đến nay, nên tháp này có niên đại rất sớm. Đây là mộ tháp của Thiền sư Giải Thoát, GIẢI NIỆM KHỬ PHƯỢC một cao tăng đời Đường, xây vào niên hiệu Trường Khánh thứ 4 (824) đời Đường. Đó Gỡ niêm cởi trói. X. Khử niêm giải phược. là một tòa mộ tháp tứ giác một mái bằng gạch cao khoảng 10 mét. Phía dưới là bệ GIẢI TÂM đá hình vuông, phía trên là thân tháp hình Đối với sự vật hư huyễn, cố dùng vọng tâm vuông. Trong thân tháp rỗng, chính diện có để phân biệt, giải thích. Thiền tông chủ cửa vòm cung, phần trên trong tháp là trương chẳng lập tri giải, trừ sạch »giải khung trang trí. Trên thân tháp vươn ra tâm«. Tiết Nghệ ngôn trong NHQL q. 29 vành mái tháp. Trên vành mái tầng thứ ghi: » nhất lại chồng chất bệ vuông hai bực. Trên bệ vuông khắc bằng gạch hai lớp cánh hoa sen to lớn, có ý nghĩa như đài sen. Trên đài – Người nào sen lại có một tòa tháp nhỏ hình vuông. thấu được 3 câu, giải tâm dứt sạch thì Tháp này tạo hình kỳ đặc, độc đáo, dùng ngàn cơ chóng phát, tự nhiên vô ngại, xoay tòa tháp nhỏ giống như thân tháp làm đỉnh trời chuyển đất, không một giọt nước mà tháp, một tình huống ít thấy. Bên cạnh tháp làm dậy sóng, không một tấc tơ mà bủa này còn có một tòa tháp hoa xây vào niên giăng trời đất«. hiệu Thái Hòa thứ 5 (1205) đời Kim, phần trên do năm lớp cánh sen làm thành. GIẢI THOẠI HỘI Thông qua lời giải thích để lãnh hội. Pháp GIẢI TRÍCH Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » Phân tích, giải thích. Tiết Linh Diệu Công Lương Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » – – Có cơ duyên ngữ cú các ông

GIẢI VIỆN CHỦ cùng nhau giải thích xem«. – Hoàng Long nói: Chưa tìm được người làm Giám GIẢI VIỆN CHỦ thu. Hối Đường liền tiến cử Cảm Phó tự. Tên gọi chức vụ chủ quản trong các việc Hoàng Long nói: Cảm còn thô bạo, sợ bị tính toán sổ sách, tiếp đãi... trong Thiền kẻ tiểu nhân mưu hại. Hối Đường nói: Hóa viện. Giải viện là nơi Thiền tông thực hành thị giả là người liêm cẩn. Hoàng Long các công việc trên. bảo: Hóa tuy liêm cẩn nhưng lại không bằng Tú Tạng chủ, có độ lượng và trung GIAM MẶC thực«. Bịt miệng im lặng. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 3 (Đại 48, 1030 hạ) ghi: » GIÁM TÔNG (793-866) Thiền tăng đời Đường, họ Tiền, người xứ – Còn như người làm Hồ Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) chủ tùng lâm mà thích làm theo ý riêng, Trung Quốc; tham học nơi Thiền sư Diêm chỉ chuyện vui buồn theo sự tiến thoái của Quan Ngộ Không. Sư trụ Đông Phong người, thì người hiền phải im lặng, kẻ xấu Kính Sơn ở Thiên Mục. đua nhau tiến lên, làm cho kỷ cương rối loạn, tùng lâm suy vi«. GIÁM TỰ GIÁM CHÂN THIỀN SƯ Còn gọi: Giám viện, Viện chủ, Chủ thủ, Tự Hiệu của Thiền tăng Sư Nãi đời Ngũ Đại. chủ. Chức vụ quản lý mọi mặt trong tự X. Sư Nãi. viện. Tiết Dương Kỳ Phương Hội Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » GIÁM ĐA KHẨU Thiền tăng Hạo Giám giỏi biện luận nên người đời gọi là »Giám Đa Khẩu«. X. Hạo Giám. GIÁM THU – Từ Minh từ Nam Chức vụ quản lý việc thu nhập mọi sở hữu Nguyên dời đến Đạo Ngô, Thạch Sương, của tự viện và các việc tạp như thuế ruộng, sư (Dương Kỳ) đều theo phụ giúp, coi sóc chức

vụ này được lập ra vào đời Nguyên, mọi mặt trong chùa... Một hôm, Từ Minh dưới quyền của Trang chủ. Quyền hành vừa ra khỏi chùa, trời chợt đổ mưa. Sư của Giám thu tương đương với Tri khố. rình ông ta ở con đường tắt. Thấy Từ Minh Thiền Lâm Bảo Huấn q. 1 (Đại 48, 1020 đến, sư liền nắm chặt lại, nói: Ông già trung) ghi: » này, bữa nay phải nói cho tôi nghe, nếu không tôi sẽ đánh ông! Minh nói: Giám tự biết là việc này liền thôi. Minh chưa dứt lời, sư liền đại ngộ«.

GIANG TÂM TỰ GIÁN KHÍ Chỉ cho bậc xuất cách không can dự với – Tâm ấn đời, tức là người anh tài rất hiếm có. Thiền Thiếu Thất há câu nệ vào việc trau chuốt Lâm Bảo Huấn q. 3 (Đại 48, 1029 hạ) ghi: lời nói câu văn? Người xưa tạm vì kế tiếp » – Ta dẫn mà mượn lời nói, nhưng đều hồn hậu, nói: Đức Quán cũng là bậc anh tài hiếm có chất phác, ngắn gọn, chuẩn xác và trong trong hàng ngũ chư tăng«. sáng để dạy người«.

GIẢN CHIẾT KHÁCH GIANG HỒ PHONG NGUYỆT TẬP Thiền tăng đời Tống, tên Thanh Giản, do tính tình giản dị, trong sạch, lại là người xứ Còn gọi: Giang Hồ tập. Thi ca hợp tập, 2 Hàng Châu, nên người đời gọi sư là »Giản quyển, do Tùng Pha Tông Tức biên tập vào Chiết Khách«. X. Thanh Giản. đời Nguyên. Ông sưu tập các kệ tụng do bậc Tôn túc khắp nơi làm ra từ niên hiệu GIẢN THOẠI Cảnh Định, Hàm Thuần đời Tống đến niên Lời phê bình, phân biệt thiền cơ. Đây là hiệu Diên Hựu, Chí Trị đời Nguyên rồi một hình thức vấn đáp trong khi thuyết biên tập thành sách. Nội dung bao gồm pháp của nhà thiền. Thiên Đoan Lộc Bản những điều thu hoạch được trong quá trình Tiên Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » tham học của các bậc Tôn túc khắp nơi, mượn cảnh trí thiên nhiên như gió mát, trăng thanh để bày tỏ cảnh giới ngộ của mình. Sách chia làm 2 quyển thượng và hạ, – Nói chung, không hẳn là học vấn gồm có 76 vị và 270 bài kệ tụng, trong đó thoại, học giản thoại, học đại ngữ, học biệt có 13 bài kệ tụng của Tùng Pha làm. ngữ mới gọi là tham học«. GIANG KHIÊM (1875-1942) GIẢN TRẠCH Cư sĩ hiện đại, tự Dị Viên, hiệu Dương Tức tuyển trạch, tức là dựa vào trí huệ Phục, người Vụ Nguyên, Giang Tây, phán đoán chính xác để bỏ ngụy lấy chân. Trung Quốc. Niên hiệu Quang Tự thứ 28 »Giản« và »trạch« đều có nghĩa là lựa (1902) đời Thanh, ông giữ chức Hiệu chọn, phân biệt. Nhờ sức giản trạch mà trưởng Trường Sư Phạm Thông Châu. được Diệt đế Niết-bàn thì gọi là Trạch diệt. Năm 1914 làm Giám đốc Sở Giáo Dục tỉnh Ngoài ra, vị Thầy lựa chọn phân biệt trong Giang Tô. Năm sau nhậm chức Hiệu hàng đệ tử xem người nào kham nổi giáo trưởng Trường Cao Đẳng Sư Phạm Nam pháp thì gọi là Giản khí. Khí có nghĩa là Kinh. Ông có trứ tác »Đông Pha Thiền căn khí, căn cơ. Học Thi Văn Yếu Giải«.

GIẢN TRỰC GIANG TÂM TỰ Ngắn gọn. Tiết Nghệ ngôn trong NĐHN q. Chùa nằm trên hòn đảo Giang Tâm, thành 29 ghi: » phố Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung

GIẢNG TĂNG Quốc. Được xây cất vào niên hiệu Hàm – Sư thượng đường, Thông (860-873) đời Đường, nguyên có lúc ấy có vị giảng sư đến thưa hỏi.« Đông

tháp Phổ Tịch viện, Tây tháp Tịnh Tín viện. Niên hiệu Kiến Viêm thứ 4 GIẢNG TỊCH (1130) đời Tống đổi làm hai viện Long Còn gọi: Giảng hội. Pháp hội giảng nói Tường và Hưng Khánh. Khoảng niên hiệu kinh Phật, giải thích nghĩa kinh thuộc các Thiệu Hưng (1131-1162) Thục tăng là tông phái Phật giáo ngoài Thiền tông. Tiết Thanh Liễu trụ trì viện Long Tường hợp Huệ Khả Thiền sư trong Tổ Đường tập q. 2 hai viện thành một chùa, gọi là »Giang ghi: » Tâm Thiền Tự«. Cuối đời Tống đầu đời Nguyên, Ngột Am trụ chùa này. Đời – Số người nghe Nguyên Liễu Vạn trụ trì chùa này. Đầu Pháp sư thuyết pháp bị giảm xuống. Biện niên hiệu Hồng Vũ (1368-1398) đời Minh Hòa oán ghét sư nên đến quan huyện Cù xây cất Phật các, Pháp đường, Phương Tông Khản nói rằng: Ông ta (Huệ Khả) là trượng thất, Quan phòng. Niên hiệu Tuyên đạo nhân tà kiến, đến phá rối giảng tịch«. Đức thứ 4 (1429) Đàm Húc trụ trì chùa này. Sau đó trải qua nhiều lần sửa chữa, GIẢNG TỨ đến niên hiệu Càn Long thứ 54 (1789) lại Nơi giảng nói kinh Phật, giải thích nghĩa xây dựng lại mới thành quy mô hiện tại. kinh thuộc các tông phái Phật giáo ngoài Toàn chùa diện tích khoảng 2,8 ha dùng để Thiền tông. Thung Dung Am lục q. 1 ghi: thờ Quán Âm Đại sĩ, 18 vị La hán, Địa » Tạng Vương Bồ Tát. Xung quanh chùa – Giảng tứ gọi việc ấy là Thăng tòa, còn mây nước bao quanh, cổ tùng cao vút, Thiền tông gọi việc ấy là Thượng đường«. phong cảnh thanh nhã u tịch. GIAO GIA GIẢNG TĂNG Lẫn lộn, pha tạp, tổng hợp. Bích Nham lục Còn gọi: Tọa chủ, giảng giả, giảng nhân. q. 1 ghi: » Chỉ Giảng sư giảng thuyết kinh Phật, giải thích nghĩa kinh, thuộc các tông phái ngoài – Có thể nói Tuyết Đậu có thủ Thiền tông. Tiết Đạo Nhất trong CTTNL q. đoạn kiệt xuất khi tổng hợp tụng ra cho 1 ghi: (dùng lại thí dụ có sẵn) ngươi. Mặc dù như thế, đều không có hai Tiết Tây Thục Giám Thiền sư trong thứ«. NĐHN q. 18 ghi: » GIAO KHẨU – Từ đó sư ở ẩn hai Ngậm miệng không nói được. Tiết Tịnh mươi năm, đạo tục hâm mộ tìm đến, sư Nhân Kế Thành Thiền sư trong NĐHN q. vâng lệnh triều đình diễn thuyết Phật 12 ghi: » pháp... Các vị giảng sư vùng Lưỡng Xuyên đua nhau đến nương tựa.« Như Tịnh ngữ lục q, thượng ghi: » (Thiện

GIÁO ĐỐN CƠ TIỆM Hoa Nghiêm) viết: Như hà thị bảo sở? Sư Trường Khánh Hòa thượng trong TĐT q. viết: Phi nhữ cảnh giới. Thiện viết: Vọng 10 ghi: » thiền sư từ bi! Sư viết: Nhậm tùng thương hải biến, chung bất vị quân thông. Thiện giao khẩu nhi thoái. – Thiện Hoa Nghiêm hỏi: Thế nào là bảo sở? Sư đáp: Chẳng – Nhân vị tăng nêu phải cảnh giới của ngươi. Thiện nói: Mong công án Vân Nham đang vá giày, Dược Hòa thượng từ bi chỉ dạy! Sư nói: Bất luận Sơn hỏi: Làm gì thế? Vân Nham đáp: Lấy biển cả biến đổi trọn không vì ông thông bại hoại vá bại hoại. Dược Sơn không suốt. Thiện ngậm miệng không nói được đồng ý, nói: Tức bại hoại, phi bại hoại. Sư mà lui ra.« nói: Dược Sơn nói như thế vẫn còn khác nhau một đoạn.« GIAO NHIỄU 4. Liên tiếp trong câu vị ngữ và bổ ngữ. Vướng mắc, quấy nhiễu. Tiết Khai thị Tính Tiết Quy Phong Huệ Quang Thiền sư trong Không Đạt Thiền nhân trong DTNL q. 3 NĐHN q. 20 ghi: » ghi: »

– – Bồ Đề Từ tình thức mà khởi duyên nghiệp, từ Đ t-ma phiền não chín năm, nếu không duyên nghiệp mà động tình thức, nó vướng được Nhị Tổ chẳng tiếc tính mệnh thì mắc với nhau thay đổi triền miên.« không có con đường chuyển thân, phiền não đến chết.« GIAO QUAN Trao đổi, mua bán. Tiết Tuyết Phong Long GIÁO CHIẾU Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » Giáo dục, chỉ dạy. Tiết Phù Dung Đạo Giai – Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » Của cải bung ra mặc trao đổi, khuyên anh đừng hám lợi nhỏ nhen«. – Phải nên biết có một người không GIÁO nhờ người khác mà đắc, không cần chỉ 1. Thiền tông tự xưng »giáo ngoại biệt dạy, không rơi vào giai cấp. Nếu ai biết truyền«, các tông phái khác của Phật giáo được người này thì việc tham học một đời thì gọi là »giáo«. đã xong.« 2. Những tông phái cùng tồn tại với Thiền GIÁO ĐỐN CƠ TIỆM tông, Luật tông trong Phật giáo. Tiết »Tục Nghệ Ngôn« trong NHNL q. 30 ghi: » Tức là pháp chỉ dạy không theo thứ lớp tu hành mà trực tiếp khai thị chỗ nhiệm mầu – Ba tông Thiền, Giáo, Luật của Phật pháp; song căn cơ của người nhận vốn cùng một nguồn, hậu thế phân chia lãnh là độn căn, thì cần phải theo thứ tự tu làm ba.« hành tích lũy mới được chứng quả. 3. Còn gọi: Giảo, hiệu. Khác nhau. Tiết

GIÁO HANH (1150-1219) GIÁO HANH (1150-1219) hội Linh Sơn giơ cành hoa dạy chúng, Thiền tăng đời Kim, họ Vương, tự Hư chúng đều im lặng, chỉ riêng Ca-diếp rạng Minh, người xứ Nhậm Thành, Tế Châu mặt mỉm cười. Thế Tôn nói: Ta có Chính (nay là huyện Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông) pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Bảo Công. tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, bất lập Sư trụ 5 ngôi chùa lớn: Giới Đàn ở Tung văn tự, giáo ngoại biệt truyền, phó chúc Sơn, Vân Môn ở Thiều Châu, Phổ Chiếu ở cho Ma-ha Ca-diếp«. Trịnh Châu, Đại Giác ở Lâm Khê, Pháp Tắc công án này không những biểu thị Vương ở Tung Sơn. Thiền gia chú trọng Chính pháp tương truyền, mà còn biểu thị ý nghĩa Thiền tông GIÁO MÔN không kẹt vào văn tự ngôn ngữ của giáo 1. Chỉ cho Phật giáo. Tiết Cấp sự Phùng môn, trực tiếp tỏ ngộ thấy suốt tâm địa. Tiếp cư sĩ trong NĐHN q. 20 ghi: » Theo Hoài Thiền sư tiền lục trong Tổ Đình Sự Uyển q. 5 ghi: »Thiền tông truyền pháp, chư Tổ cũng dùng 3 tạng giáo thừa tiếp – Mặc áo mang giày tăng sĩ, ngồi dẫn đệ tử, đến thời đại Tổ sư Đạt-ma mới trên tòa cao, dặn dò các quan sứ và đạo riêng truyền tâm ấn, phá chấp hiển tông, tục, mỗi người nên hướng về đạo, giúp đỡ tức là chỗ gọi rằng ›Giáo ngoại biệt truyền, Phật giáo, dựng lập pháp tràng.« bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tính 2. Giáo phái, pháp môn. Đàn Kinh bản thành Phật‹«. Đôn Hoàng ghi: » 2. Sách, 16 quyển, do nhóm các ông Lê – Cho nên pháp môn này lập vô niệm My (Quách Ngưng Chi)... biên tập vào đời làm tông.« Minh, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 144, trang 1. Tác giả tham cứu sâu lẽ vi GIÁO NGOẠI BIỆT TRUYỀN diệu của Thiền, bản nguyên của Phật Tổ, sưu tập cơ duyên ngữ yếu để cử dương 1. Còn gọi: Đơn truyền. Không nhờ văn tự tông thừa của Tổ sư và nêu ra nguồn gốc ngữ ngôn, trực ngộ cảnh giới Phật đã ngộ của 5 tông phái Thiền, gia phong của mỗi tức là Giáo ngoại biệt truyền. Cho nên phái, khiến cho kẻ sĩ tham thiền học đạo Thiền tông còn gọi là Biệt truyền tông, gọi nhận ra nơi mỗi người đều có bản

lai diện tắt của Giáo ngoại biệt truyền tông. Pháp mục, giơ cao đèn Tổ. Nội dung toàn sách thiền truyền ngoài giáo điển này cũng gồm có cơ duyên của 410 vị, trong đó 38 chính là Tổ Sư Thiền mà Tổ Bồ-đề-đạt-ma vị bị lạc mất tên. Trước sách có lời tựa của truyền thọ. Liên Đăng Hội Yếu q. 1 (Vạn các vị Hán Nguyệt Pháp Tạng, Mật Vân Tục 136, 220 hạ) ghi: » Viên Ngộ, Tuyết Kiệu Viên Tín.

GIÁO NHẤT TIẾT Khác nhau một đoạn, có nghĩa là không khế hợp thiền chỉ. Tiết Trường Khánh Hòa – Đức Thế Tôn trên thượng trong TĐT q. 10 ghi: »

GIẢO TRƯ CẨU THỦ CƯỚC GIẢO TA TỬ

1. Khá hơn một chút. Liên Đăng Hội Yếu q. 10 phần sau ghi: » – Ta thấy trong hơn tám mươi vị Tri thức, chỉ có ngươi là khá hơn một chút.« – Nhân vị tăng nêu công án Vân CĐTĐTL q. 14 ghi: » Nham đang vá giày, Dược Sơn hỏi: Làm gì – Nếu ngay lời nói thế? Vân Nham đáp: Lấy bại hoại vá bại ngươi liền thấy được thì còn khá hơn một hoại. Dược Sơn không đồng ý, nói: Tức bại chút.« hoại, phi bại hoại. Sư bảo: Dược Sơn nói Tiết Ngọc Tuyền Thừa Hạo Thiền sư trong như thế vẫn chưa khế hợp thiền chỉ. Tăng NĐHN q. 15 ghi: » hỏi: Hòa thượng như thế nào? Sư nói: Ngươi vẫn chưa khế hợp thiền chỉ. Tăng – Sư làm một hỏi: Học nhân không khế hợp thiền chỉ như chiếc quần đùi, viết tên các đời Tổ sư lên thế, chẳng hay phải làm thế nào để được đó, rồi nói: Chỉ có Văn-thù, Phổ Hiền là khế hợp thiền chỉ của Hòa thượng? khá hơn một chút. Và sư viết tên hai vị thánh lên thắt lưng.« GIÁO TÍCH Phương thức giáo hóa thông qua ngôn ngữ văn tự, so với Thiền tông bất lập văn tự, GIẢO TRƯ CẨU THỦ CƯỚC tâm tâm tương ấn là có dấu vết có thể tìm. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Còn gọi: Giảo trư cẩu cước thủ. Thiền sư – Chỉ như hữu Tổ kiệt xuất tiếp dẫn người học, hoặc đọ sức hữu Phật, giai thị giáo tích trung sự. – cơ phong không bàn đến tình cảm. Thiền Ngay như có Tổ có Phật đều là việc trong sư có thủ đoạn kỳ đặc. Tiết Vân Môn Văn giáo tích.« Yển Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: » GIÁO TÔNG

Tông phái Phật giáo cùng tồn tại với Thiền tông, Luật tông. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: »

– Nếu chưa có chỗ ngộ nhập, gặp được thiền sư – chính tông kiệt xuất tiếp dẫn chẳng tiếc Vì sao gọi là vô lượng pháp môn? Nói tính mạng, lập bày phương tiện dạy cho, rộng ra thì có tám vạn bốn ngàn thứ. Nói ngươi nên quyết tâm phấn chấn tinh thần, tóm lại thì có ba tông, đó là: giáo tông, treo cao túi bát, bẻ gãy cây gậy; trong 10 thiền tông, luật tông.« năm hoặc 20 năm làm cho thấu triệt, chớ lo không thành công«.

GIÁP SƠN GIÁP SƠN đời Tống. 1. Núi ở huyện Thạch Môn tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, nằm cách trung tâm huyện GIỚI ĐÀI TỰ khoảng 17km về hướng đông nam. Niên Nằm trên sườn núi Mã Yên, khu Môn Đầu hiệu Hàm Thông thứ 11 (870) đời Đường, Câu, thành phố Bắc Kinh, Trung Quốc. Thiền sư Thiện Hội xây dựng thiền viện ở Được xây cất vào niên hiệu Vũ Đức thứ 5 núi này để hoằng dương thiền pháp, nổi

(622) đời Đường, ban đầu gọi là »Huệ Tụ tiếng một thời. Tự«. Hòa thượng Pháp Quân nước Liêu 2. Núi ở huyện Đan Đồ, tỉnh Giang Tô, thiết lập giới đàn tại đây, sau khi bắt đầu Trung Quốc, nằm cách trung tâm huyện truyền giới, tăng chúng bốn phương tìm khoảng 2km về phía nam. Trong núi có đến thọ giới nhộn nhịp, nhân đây mà tiếng chùa Trúc Lâm, Thiền sư Thiện Hội cũng tăm chấn động. Niên hiệu Chính Thống từng thuyết pháp ở nơi đây . thứ 13 (1448) đời Minh đổi tên là »Vạn Thọ Thiền Tự«, vua lệnh cho Như Huyễn GIÁP SƠN TỰ thuyết pháp tại chùa này. Niên hiệu Gia Nằm bên cầu Tam Bản, cách huyện Thạch Tĩnh thứ 29 đến thứ 35 (1550-1556) tiến Môn, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc 15km về hành tu sửa toàn diện ngôi chùa này. Bởi phía Đông nam. Niên hiệu Hàm Thông thứ trong chùa có xây giới đài cho nên tục gọi 11 (870) đời Đường, Thiền sư Thiện Hội »Giới Đài Tự«. Chùa dựa theo thế núi cao kết am tranh ở nơi đây, người học tìm đến thấp mà cất, kiến trúc chủ yếu có Đại hùng bèn trở thành Thiền viện. Quận sử Cử Văn bảo điện, Thiên Phật các, Giới đàn. Giới ban tặng tấm biển »Linh Tuyền Viện«. đàn nằm ở Viện Tây Bắc của chùa, là một Đầu đời Tống là thời kỳ hưng thịnh nhân kiến trúc hình vuông mái chồng đỉnh lợp tài lớp lớp xuất hiện. Sau đó đổi tên chùa ngói lưu ly, trong có giới đài bằng đá cẩm càng thấy hưng thịnh thêm. Viên Ngộ thạch cao hơn trượng, ba bậc, điêu khắc Khắc Cần cũng từng trụ trì chùa này, ở nơi tinh mỹ, là di vật đời Minh. Thiên Phật đây ngài biên tập Bích Nham lục. Thời vua Các mái chồng gác tầng, kiến trúc hùng vĩ, Tống Thần Tông, Nguyên Thế Tổ từng sửa lên cao có thể thấy sông Hồn. Trong chùa chữa. Bởi sơn môn với đại điện cách nhau còn phân bố nhiều đình viện, kết cấu và rất xa, nên có tên gọi »Kỵ mã quan sơn cách thức đẹp đẽ tĩnh mịch khác thường, môn«. Hiện còn Đại hùng bảo điện được có đầy đủ phong cách tự viện Giang Nam. xây cất lại vào đời Thanh, rộng 7 gian, sâuDưới đài cao của Giới đàn Đông Bắc là 5 gian, mái chồng đỉnh yết sơn, mái dưới tháp viện có một tòa Liêu tháp (Tùng Bảo tường ngoài không dùng trụ mà dùng Tháp), một tòa Nguyên tháp. Trong chùa tường gạch, hai cánh vểnh lên không dùng còn có năm cội tùng xanh đều cùng một gỗ mà dùng tường gạch 45o, từ trụ kim xây hình dáng. đến trụ mái, cao ra mái dưới thành đốc nhà hình cung, sáng chế độc đáo. Trong điện GIỚI ĐÀN THẠCH có một cái chuông sắt nặng đến vạn cân Còn gọi: Kiết giới thạch. Bia đá đặt trước đúc vào niên hiệu Đại Quán thứ 3 (1109) cổng tự viện Luật Tông hoặc Thiền tông.

GIỚI KHÔNG Thông thường, trên bia đá khắc dòng chữ: GIỚI ĐỊNH »Cấm người uống rượu ăn thịt vào cổng Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư chùa«. Về nguồn gốc của nó thì không rõ, Lạc Phố Nguyên An. Sư trụ Động Khê ở chỉ thấy trong Hoàng Bá Thanh Quy có Gia Châu (nay là huyện Đông Sơn, tỉnh Tứ ghi: Bia đá cao khoảng 1m8 đến 2m, rộng Xuyên) Trung Quốc. khoảng 0,3m đến 0,4m. GIỚI KHÔNG GIỚI ĐIỆP Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Tỳ-ni-đa- Giấy chứng nhận thụ giới, cấp phát cho lưu-chi đời thứ 15, nối pháp Thiền sư tăng ni xuất gia sau khi đã thụ giới. Theo Quảng Phúc. Sư tục danh là Nguyễn Tuân, Thích Thị Kê Cổ Lược q. 3 ghi: Đời người quận Mãn Đẩu, miền Bắc Việt Nam. Đường Tuyên Tông năm 856, bổ nhiệm Kệ thị tịch: Pháp sư Biện Chưởng làm Thủ tọa tam giáo, thừa lệnh cấp phát giới điệp cho tăng ni thụ giới. Đây là mở đầu việc cấp giới điệp cho tăng ni chính thức thụ giới. Trước đó, vào năm

729, Đường Huyền Tông từng hạ chiếu cứ mỗi 3 năm, tất cả tăng ni phải đăng ký 1 lần; năm 747 hạ lệnh tất cả tăng »Ngã hữu nhất sự kỳ đặc ni phải thuộc lệ Lưỡng nhai công đức sứ, Phi thanh huỳnh xích bạch hắc và do Thượng thư Tỉnh từ bộ cấp giấy Thiên hạ tại gia xuất gia chứng minh gọi là Từ bộ điệp. Vào thời đại Thân sinh ố tử vi tặc Đường, Tống, khi tăng ni xuất gia phải Bất tri sinh tử dị lộ lãnh lấy độ điệp (= Tăng tịch: Giấy chứng Sinh tử chỉ thị thất đắc. minh là tu sĩ), sau khi thụ giới lại lãnh giới Nhược ngôn sinh tử dị đồ điệp đều do quan địa phương cấp phát. Khi Trám khước Thích-ca Di-lặc thụ giới phải trình độ điệp mới được thụ Nhược tri sinh tử, sinh tử giới. Đời Minh vào khoảng năm 1368- Phương hội lão tăng xứ nặc 1424, ba lần cấp cho tăng tục thụ giới sao Nhữ đẳng hậu học môn nhân bạch điệp văn mang theo bên mình để làm Mạc nhận bàn tinh quỹ tắc«. chấp chiếu đi đường. Đời Thanh, vua Ung »Ta có một việc kỳ đặc Chính dẹp bỏ độ điệp, tăng ni xuất gia Chẳng xanh vàng đen đỏ trắng không kiểm soát được, các nơi cũng được Cả người tại gia xuất gia tự do truyền giới, giới điệp do các tự viện Thích sinh chán tử là giặc truyền giới cấp phát. Đến đời Dân Quốc về Chẳng rõ sinh tử khác đường sau, không còn cấp độ điệp nữa, chỉ cấp Sinh tử chỉ là được mất. giới điệp do hội Phật giáo Trung Quốc cấp. Nếu cho sinh tử khác đường Ở Nhật Bản từ khoảng năm 749-756 về sau Lừa cả Thích-ca, Di-lặc mới có cấp phát giới điệp do Tam sư Thất Ví biết sinh tử, sinh tử chứng đứng tên truyền giới. Mới hiểu lão tăng chỗ náu

GIỚI LINH Môn nhân hậu học các ngươi Chớ nhận định theo chủ quan«. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh H Từ. HA PHẬT MẠ TỔ GIỚI LINH Còn gọi: Sát Phật lục Tổ. Nghĩa là quở Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư Phật, mắng tổ, Thiền tông thường dùng từ Vĩnh Thái Linh Thoan. Sư trụ chùa này để phủ định pháp quyền uy, cởi bỏ Thượng Lâm ở Hồ Nam. kiến chấp cho học nhân khiến họ thể đắc cảnh giới tự tại. Bích Nham lục q. 1 ghi: GIỚI THANH (1239-1301) »

Thiền tăng đời Nguyên, họ Vương, hiệu – Quy Long Nguyên, người xứ Trường Khê, Phúc Sơn nói: Gã này về sau leo lên đỉnh núi Châu, Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Tịch chon von, cất am bằng cỏ để rồi quở Phật Song Hữu Chiếu, tông Lâm Tế, phái mắng Tổ«. Dương Kỳ. Sư trụ chùa Thọ Quốc, sau dời về Khai Thọ Phổ Quang Thiền Tự. Sư có HÀ DIỆP ĐOÀN ĐOÀN ngữ lục lưu hành ở đời. Đoàn đoàn: vành vạnh. Cả câu có nghĩa là GIỚI THẨM (1080-1148) tròn như lá sen. Trong Thiền tông, chỉ cho sự viên mãn triệt để. Tiết Giáp Sơn Thiện Còn gọi: Giới Thậm. Thiền tăng đời Tống, Hội trong NĐHN q. 5 (Vạn Tục 138, 94 họ Trương, tự Vô Thị, người Vĩnh Gia thượng) ghi: (nay là Ôn Châu, Chiết Giang) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Thủ Trác, thuộc tông Lâm Tề thứ 12, trụ trì chùa Khánh Nguyên Dục Vương (nay thuộc »Hà diệp đoàn đoàn đoàn tợ cảnh huyện Ninh Ba, Chiết Giang). Lăng giác tiêm tiêm tiêm tợ chùy«. »Lá sen vành vạnh tròn tợ gương GIỚI TỬ NẠP TU DI, TU DI NẠP Củ ấu thon thon nhọn tợ dùi«. GIỚI TỬ HÀ ĐƯƠNG Hột cải chứa Tu-di, Tu-di chứa hột cải. Cái Như thế nào, làm sao. Chương Tổ thứ 24 rất nhỏ chứa cái rất lớn, cái rất lớn chứa cái Sư Tử tỳ kheo trong CĐTĐL q. 2 ghi: » rất nhỏ. Với cái nhìn tương đối thì Tu-di chứa hột cải là việc bình thường, nhưng – Nhân giả đang tập định thì làm hột cải mà chứa Tu-di thì

thật khó hiểu. sao đến nơi này? Đã đến nơi này thì tại Đây muốn chứng tỏ sau khi ngộ rồi chẳng sao bảo đang tập định?« còn phân biệt tương đối nữa, vì trong cảnh HÀ HIỆP giới của người chứng ngộ thì lớn nhỏ có Giúp đỡ. Chương Huyền Sa Tông Nhất đại thể dung hợp lẫn nhau. sư trong CĐTĐL q. 18 ghi: »

HẠC LÂM TỰ nên có tên gọi là »Hà mô thiền«. Vân Môn lục (Đại 47, 549 hạ) ghi: » – Con ễnh ương chết này«. –Nếu là căn cơ chậm lụt cần phải siêng năng nhẫn nại, ngày đêm HÀ TRẠCH ĐẠI SƯ quên ăn bỏ ngủ giống như cha mẹ chết. Thiền tăng Thần Hội đời Đường do trụ trì Cấp thiết như thế đến hết một đời này, lại chùa Hà Trạch ở Lạc Dương, cho nên hiệu được người giúp đỡ, khắc cốt tham cứu là »Hà Trạch Đại Sư«. X. Thần Hội. thực sự thì tự nhiên cũng được lãnh hội.« HẠ BÁT HÀ HỮU Đặt bát xuống. Nghi thức dùng bữa trong Nơi tịch diệt vô vi. Trang Tử nói: »Vô hà chùa. Tăng chúng nghe hiệu lệnh tiếng hữu chi hương«, nghĩa là quê hương không bảng, mọi người đồng thời đặt bát xuống. có nơi chốn. Bài thơ Điệu Tiên sư của Tuệ Phép hạ bát có quy định chắp tay, cúi đầu, Trung Thượng sĩ ghi: vái chào, nâng bát... Điều Phó Chúc Phạn trong Thiền Uyển Thanh Quy q. 1 ghi: » – Trước đến ngồi vào chỗ ăn, chờ đánh bảng 3 tiếng liền »Vừa lúc vô sinh dứt khúc ca đứng dậy đặt bát xuống«. Cầm ngang ống sáo lại quê nhà Vượt qua quê cũ không nơi chốn HẠ BỔNG Cưỡi ngược trâu bùn mặc sức ta«. Trong nhà Thiền, khi Thầy trò cơ phong vấn đáp, vị thầy cho đệ tử hoặc người tham HÀ MÔ KHẨU học ăn gậy, gọi là Hạ bổng. Đây là phương Nói nhiều, nhiều chuyện. Vân Môn lục q. pháp tiếp hóa mà vị Thầy vì lòng từ bi trung (Đại 47, 564 trung) ghi: » dùng khí thế khích lệ đệ tử. Cùng với – Ta không muốn nhiều »Hát« (Hét) gọi chung là »Bổng hát«. X. chuyện«, tức biểu thị đối với sự tu đạo mà Hát. nói nhiều không lợi ích gì. HẠ NGỮ HÀ MÔ THIỀN Còn gọi: Trước ngữ, giản ngữ. Có 3 nghĩa: Từ dùng để châm biếm kẻ tu Thiền bị 1. Trình bày kiến giải của mình đối với ngưng trệ một bên, không thể tự tại hoạt công án hoặc cổ tắc; 2. Pháp ngữ của vị dụng. Có 2 thuyết: Thầy nhằm khai thị cho đệ tử; 3. Lời phê 1. Nghĩa là con ễnh ương chỉ biết nhảy mà bình ngắn đối với kinh luận. không hiểu đường đi nước bước gì cả; cho nên lấy đó tỷ dụ tử thiền không linh hoạt. HẠC LÂM TỰ 2. Chỉ cho kẻ chỉ biết ngồi Thiền, dáng Chùa nằm dưới núi Hoàng Hạc, thành phố ngồi giống con ễnh ương ngồi trên lá sen, Trấn Giang, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.

HẠC LÂM TỰ CHÍ Tên cũ là »Trúc Lâm Tự«. Niên hiệu Đại gian có đổi dời (nhưng) quần vải vẫn sáng Hưng thứ 4 (321) đời Tấn sáng lập. Lúc chói, đừng trách (sao) không giặt (vì) Lưu Tống Vũ Đế chưa đăng cơ từng nghỉ không có gì để thay«. ngơi nơi đây, sau khi lên ngôi vua cho thi công việc lớn, gọi là »Hạc Lâm Luật HÁCH XÍCH CÙNG Viện«. Vào niên hiệu Khai Nguyên, Thiên Nghèo rớt mồng tơi dụ cho tất cả đều Bảo (713-755) Thiền sư Huyền Sách tông không, quét sạch mọi vọng niệm trần tục. Ngưu Đầu trụ trì chùa này, tăng đồ ngày Phần Dương ngữ lục q. hạ: » càng đông mới đổi làm Thiền tự. Còn gọi – »Cổ Trúc Viện«. Khoảng niên hiệu Thiệu Hỏi: Thế nào là việc lớn trong nhà Thiền? Hưng (1131-1162) đời Tống xây cất lại, Sư đáp: Gã nghèo rớt mùng tơi«. đổi tên là »Báo Ân Quang Hiếu Thiền Tự«.

Khoảng niên hiệu Hàm Thuần (1265-1274) HÀI CÚ (HAIKU) tăng Khánh Thanh trùng tu. Các niên hiệu Thể thơ phổ biến và thịnh hành của người Vĩnh Lạc, Hoằng Trị, Vạn Lịch đời Minh Nhật, chỉ gồm có ba câu: 5-7-5 âm, tổng đều có xây cất lại. cộng 17 âm. Haiku không có vần luật, cốt ở thanh điệu và ý. Những Tổ sư của trường HẠC LÂM TỰ CHÍ phái này là Basho (Ba Tiêu, 1644-1694), Chí, 4 quyển, do Minh Hiền soạn vào đời Buson (Vu Thôn, 1716-1784). Bài thơ 38 Minh, được ấn hành vào niên hiệu Vạn trong Hán Tự Hài Cú của Ngô Văn Tao Lịch thứ 10 (1582), và được xếp vào Trung (Bùi Giáng dịch) ghi: Quốc Phật Tự Chí Toàn tập. Vào khoảng »Hạ tinh thiền tự giai niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619) đời Minh, Dương quang trung ngọ tuyệt thiền thanh Hứa Quốc Thành và Cao Nhất Phúc sửa Tịch dương hoàng dực điệp«. quyển »Kinh Khẩu Tam Sơn Toàn Chí«, »Hạ thời thiền tự bực thềm và phụ lục vào phần sau quyển Hạc Lâm Dương quang giờ ngọ im lìm tiếng ve Tự Chí. Cùng lúc ấy, Minh Hiền cũng biên Tịch thường bướm đậu ngàn thâu«. soạn Hạc Lâm Tự Chí, phần sưu tập so ra đầy đủ hơn quyển kể trên. Nội dung chia HÀI PHỦ làm 14 loại: Sơn xuyên, Kiến trí, Sơn giới, Giống như an ủi vỗ về trẻ con. Hàm ý xem Điền thổ, Bi minh, Cổ kiệt, Cao tăng, Nhân thường. Tông Môn Võ Khố ghi: » vật, Kỷ dị (phụ Tạp ký), Ký, Tự, Sớ văn, Thuyết, Thi. Riêng phần Bí minh và Cổ – Pháp Vân kiệt có giá trị sử liệu khá cao.. bình sinh muốn thôn tính các thiền viện, xem thường bọn đương thời, bởi sở đắc có HÁCH XÍCH chỗ hơn người cho nên mới dám như thế.« Sáng chói, có dáng dấp khiến người chú ý. Tiết Ngọc Tuyền Thừa Hạo Thiền sư trong HẢI ÂM (1820-1885) NĐHN q. 15 ghi: » Thiền tăng đời Thanh, họ Ô Nhã Thị, hậu – Thời duệ của Mãn Thanh Chính hoàng kỳ, tự

HẢI HỘI TỰ Mặc Khê. Nối pháp Thiền sư Giác Thuyên, tịnh, giải thoát. Bài Trừu Thần Ngâm trong đời thứ 44 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì am Tuệ Trung ngữ lục có ghi: » Thanh Liên ở Thượng Hải. Tác phẩm: Mặc Khê tập. – Đến khi nào chừ, sự lý rõ HẢI ẤN ràng, cầm nắm buông bỏ chừ cần gì do dự! 1. Tăng nhân hiện đại, họ Lỗ, tự Hàm Hư, Nửa đêm trâu đá chừ, chạy xuống Hải người huyện Nguyên Giang, tỉnh Hồ Nam, Đông, xô vỡ biển san hô chừ, trăng trong Trung Quốc. Sư sang Nhật Bản, ở núi Cao bàng bạc«. Dã, chuyên học Thiền Mật. Lúc 34 tuổi, sư được giai vị A-xà-lê và trở về nước ở chùa HẢI HUỆ (?-1145) Cảnh Hoàng, Nguyên Giang, Hồ Nam. Thiền tăng đời Kim. Thuở bé thông minh Trước sau sư sáng lập: Phật Học Viện, Sở xuất chúng, học chẳng nhờ Thầy, sách vở Nghiên cứu Phật học Phổ thông, Phật giáo đọc qua liền thông suốt. Ban đầu, sư tìm Cư Sĩ Lâm, Hội Niệm Phật… Tác phẩm: đến các pháp hội, đạt đến chỗ cùng cực của Thiền Hải Trân Tham 1 quyển. cái học Tính Tướng. Sau sư vào núi Ngũ 2. Thiền tăng đời Nguyên, tên Chiêu Như, Đài, tọa thiền 15 năm. Sư trụ chùa Đại Trữ tự hiệu »Hải Ấn«. X. »Chiêu Như«. Khánh. Thụy hiệu: »Phật Giáo Hựu Quốc Đại Thiền sư«. HẢI CHU Thiền tăng đời Minh, tên Phổ Từ, hiệu Hải HẢI HỘI Chu. X. »Phổ Từ«. Tụ tập, tụ hội, họp thành. Tiết Báo Từ Hành Ngôn Đạo Sư trong NĐHN q. 10 HẢI CHÚNG ghi: » Chư tăng hoặc tín đồ Phật giáo từ khắp nơi tụ tập lại một chỗ. Minh Giác ngữ lục q. 1 – Quốc chủ Giang Nam dựng ghi: » viện Báo Từ, khiến sư hoằng truyền Thiền tông, tụ tập hơn 2.

000 người được tặng – Đông chí thượng đường, tăng hiệu Đạo sư«. hỏi: Tiếng trống vừa dứt, chư tăng cùng đến tụ tập, thỉnh sư dạy bảo cho một câu HẢI HỘI TỰ nhân tiết mới«. 1. Ở làng Đại Kiều, cách huyện Dương Thành, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc 15km về HẢI ĐÔNG phía Đông. Chùa được xây vào niên hiệu Theo Tống Cao Tăng truyện: Cao tăng Càn Ninh thứ 1 (894) đời Đường, ban đầu Nguyên Hiểu người Hải Đông, nước Tân gọi là »Quách Cốc Viện«, bởi trong chùa La, sang Trung Quốc du học, ông có cốt có suối tên »Long tuyền« nên vua Đường cách khác tục, phong thái siêu thoát, khiến Chiêu Tông đổi tên là »Long Tuyền Thiền ai cũng mến. Do đó, hai thuật ngữ Tân La Viện«. Niên hiệu Đại Định thứ 27 (1187) và Hải Đông dùng để chỉ cảnh giới thanh đời Kim, sau khi tăng nhân Tông Hựu chủ

HẢI LÂM (995-1065) trì trùng tu, đổi tên là »Hải Hội Tự«. Lưng Ấn… Tác phẩm: Phá Sơn Minh Thiền sư tựa Phàn Sơn, mặt đối Đại Xuyên. Điện ngữ lục 12 quyển. đường, Kinh đường 60 gian. Trong chùa có song tháp lưu ly đứng đối mặt, một tháp HẢI QUÝNH-TỪ PHONG xây vào cuối đời Đường, một tháp xây vào (1728-1811) niên hiệu Gia Tĩnh thứ 40 (1561) đời Thiền tăng đời Nguyễn Tây Sơn, thuộc Minh. tông Lâm Tế đời thứ 40, nối pháp Thiền sư 2. Nằm trên sườn núi Bạch Vân cách Bảo Sơn Tính Dược. Sư họ Nguyễn, quê ở huyện Thái Hồ, tỉnh An Huy, Trung Quốc thôn Nghiêm Xá huyện Quế Dương tỉnh 15km về phía đông. Đệ tử nối pháp của Bắc Ninh, miền Bắc Việt Nam. Kệ thị tịch: Dương Kỳ Phương Hội là Bạch Vân Thủ Đoan sáng lập, trong điện có tám biển đề »Hoài Tây Đệ Tam Thiền Sát«. Vào các Chư pháp không tướng niên hiệu Khang Hy, Càn Long, Đạo Bất sinh bất diệt Quang, Đồng Trị, Quang Tự đều có sửa Dĩ vô sở đắc chữa. Hiện vẫn còn hai tòa Phật điện, vũ Thị chân Phật thuyết các hiên ngang rất là tráng lệ. Trước mặt »Các pháp không tướng chùa là sông Ngọc Đái, sau lưng chùa là Chẳng sinh chẳng diệt ngọn Phụng Hoàng, bên phải chùa có Bởi không chỗ được Hưởng Thủy Nhai, ngoài chùa rừng trúc Là thật Phật nói«. cao vút, trong chùa nhiều cội cổ tùng già giặn cứng cáp. HẢI THAM Từ khắp nơi đến tham bái thỉnh ích. Văn HẢI LÂM (995-1065) Ích ngữ lục ghi: » Còn gọi: Huệ Lâm, Lâm Trưởng lão. Thiền tăng đời Tống, họ Đặng, người Khúc Giang Quảng Đông, Trung Quốc. Sư nối – pháp thiền sư Tự Bảo, làm truyền nhân Từ thiền viện các nơi, người còn có tri tông VânMôn đời thứ 5, trụ trì chùa Bạch giải, hợp nhau liền đến. Đầu tiên thì họ có Liên ở Lâm Sơn và ngụ tại tháp Kiến Thọ thái độ hiu hiu tự đắc nhân được sư khai ở phía Tây chùa Phục Sơn. ngộ cho, dần dần họ mới chịu tin phục. Số người từ khắp nơi đến tham bái thỉnh ích HẢI MINH (1597-1666) thường không dưới số ngàn«. Còn gọi: Thông Minh. Thiền tăng đời Thanh, họ Kiển, tự Vạn Phong, người đời HẢI THỌ (1338-1390) gọi là »Phá Sơn Tổ Sư«, người xứ Tây Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Xuân Đình Thục, Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Mật Hải Thọ, vào niên hiệu Chí Chính thứ 23 Vân Viên Ngộ, tông Lâm Tế. Sư trụ Gia (1363) sư sang nhà Nguyên (Trung Quốc). Hòa Đông Tháp, Đại Nga, Vạn Phong, Nối pháp ngài Lại Am Đình Tuấn ở Hàng Trung Khánh, Phong Sơn, Vô Tế, Phật Châu, đời thứ 26 hệ Nam Nhạc, đời thứ 9

HÀM TÌNH tông Lâm Tế Nhật Bản. Sư trụ trì chùa Phúc Xương huyện Ngân, tỉnh Chiết – Kẻ mất được siêu thăng, Giang. người còn được

thịnh vượng, đất nước thái bình, mọi chúng sinh trong pháp giới đều HẢI TRIỀU TỰ thành tựu đạo Giác ngộ«. Nằm ở sườn phía nam Tháp Sơn cách huyện Triều Dương, tỉnh Quảng Đông, HÀM KHẢ (1611-1659) Trung Quốc 2km về phía tây. Niên hiệu Thiền tăng đời Thanh, họ Hàn, tự Tổ Tâm, Đại Lịch thứ 1 (766) đời Đường, Thiền sư hiệu Thặng Nhân, người xứ Bác La ở Huệ Đại Điên đến chùa này lễ Thiền sư Huệ Châu (nay thuộc tỉnh Quảng Đông) Trung Chiếu làm thầy, cạo tóc thọ giới, trong Quốc, nối pháp Thiền sư Tông Bảo Đạo chùa vẫn còn di tích tu thiền vào năm ấy. Độc, tông Tào Động. Sư trụ chùa Thiên Chùa tựa vào núi mà kiến thiết, sân liền Sơn Triêu Dương ở Liêu Dương (nay nhau, đường hẹp quanh co, nhà và hành thuộc Liêu Ninh). Tác phẩm: Thiên Sơn lang nối nhau, tùng xanh trúc biếc, nước Thặng Nhân Hòa thượng ngữ lục 6 quyển. chảy róc rách, tĩnh mịch u nhàn. Trong chùa có giếng Gián Triều sâu hơn 1m, HÀM KIỆT (1110-1186) trong suốt sảng khoái, lúc dâng cao lúc hạ Thiền tăng đời Tống, họ Trịnh, hiệu Mật thấp. Song dù dâng cao cũng không tràn ra Am, người xứ Phúc Thanh (nay thuộc mặt giếng, dù hạ thấp cũng không khô cạn. Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Tương truyền địa mạch nơi này cùng với Đàm Hoa, tông Lâm Tế, phái Dương Kỳ. hải triều tương thông cho nên nước giếng Sư trụ Điều Cự Am, sau trụ các chùa: tùy theo thủy triều lên xuống mà dâng cao Tương Sơn Hoa Tạng, Kính Sơn, Linh Ẩn, hoặc hạ thấp, chùa Hải Hội nhân đây mà Thiên Đồng, A-dục Vương. Tác phẩm: được tên. Mật Am Hòa thượng ngữ lục 1 quyển.

HẢI UYÊN HÀM THỊ (1608-1685) Thiền tăng đời Thanh, tên Thượng Uyên. Thiền tăng đời Minh, họ Tằng, tên Khởi X. Thượng Uyên. Tân, hiệu Hạt Đường, tự Lệ Trung, pháp hiệu Thiên Nhiên, người xứ Nam Hùng, HẢI YẾN HÀ THANH Quảng Đông. Nối pháp Thiền sư Đạo Độc, Sông trong, biển lặng. Ý nói đất nước thái đời thứ 34 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì chùa bình. Theo điển tích: Nước sông Hoàng Hà Báo Ân ở Nam Kinh. Tác phẩm: Hạt thường là đục, bỗng trở thành trong vào Đường thi tập, Lăng Nghiêm Trực Chỉ. năm Giáp Dần, đời vua Tần Trang Vương (247, tr. TL). Chính là năm Lưu Bang sinh HÀM TÌNH ra đời, sau là vua Hán Cao Tổ. Sông Chỉ cho người và tất cả sinh vật có tình Hoàng Hà trong là điềm có Thánh nhân thức. »Huệ Lãng truyện« trong TCTT q. 8 xuất hiện làm cho thiên hạ thái bình. Trong ghi: »
các bài phục nguyện thường có câu: »

HÀM TOAN – Một đêm chợt thấy ánh trong chùa Linh Sơn để kỷ niệm. sáng lạ phóng ra từ trên đỉnh chiếu sáng cả núi sông trải khắp vài mươi dặm, các HÀN KHÔI loài hàm tình không ai không quy y.« Hiệu của Thiền tăng Huệ Hỉ đời Minh. X. Huệ Hỉ. HÀM TOAN Đau buồn. »Đàm Thôi truyện« trong TCTT HÀN LÔ TRỤC KHỐI, SƯ TỬ q. 8 ghi: » GIẢO NHÂN

Chó mực đuổi theo cục xương, còn sư tử

thì cắn người. Hàn lô: Giống chó mực rất – Phút chốc trang nghiêm nhập thông minh của nước Hàn. Có người quăng định đến bảy ngày nhập diệt, thọ 62 tuổi. ra cục xương, con chó mực đuổi theo cục Là ngày mùng 6 tháng 2 năm Thiên Thọ xương mà cắn, sư tử thì phát hiện người thứ 3. Hôm sau y theo pháp Thiên Trúc quăng cục xương mà cắn ngay người đó. hỏa táng, thu nhặt tro di hài xây tháp thờ, Người dụ cho tự tính, cục xương dụ cho lời sĩ thứ đau buồn thảy đều khóc gào thảm nói của chư Phật, chư Tổ.

Nếu hướng vào thiết« lời nói lãnh hội là con chó, còn hướng vào tự tính lãnh hội mới là con sư tử. Niệm HÀM TRẠCH Phật Kệ trong Thiền Tịnh Hợp Yếu của Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Thiền sư Phương Tụ Thành ghi: » Trường Khánh Huệ Lăng. Sư trụ chùa Quảng Nghiêm, núi Linh Ẩn, Hàng Châu,
– Pháp niệm Phật tam-muội, toàn Trung Quốc. thể đều gồm thâu, sư tử thì cắn người, chó đuổi theo cục xương«. HÀN DŨ (768-824) Nhà văn học, nhà triết học đời Đường, tự HÀN SƠN là Thối Chi, người Hà Dương (nay thuộc Còn gọi: Hàn Sơn Tử, Bần Tử. Thi tăng phía tây huyện Mạnh tỉnh Hà Nam) Trung đời Đường. Sư sinh vào đầu niên hiệu Quốc. Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 14 (819) Cảnh Vân (710-711). Khoảng niên hiệu ông dâng biểu can gián vua Hiến Tông Đại Lịch (766-779) sư ở trong hang núi cung nghinh Phật cốt nên bị biếm chức làm vắng vẻ lạnh lẽo núi Thiên Thai, bởi không Thứ sử ở Triều Châu. Ông từng thỉnh biết rõ tên họ nên gọi là Hàn Sơn. Sư làm Thiền sư Đại Điên đến Châu Nha đàm đạo bạn với tăng nhân Thập Đắc chùa Quốc hơn mười ngày, và vì cầu mưa cúng tế thần Thanh. Thập Đắc thường thu nhặt cơm biển mà phải đến Triều Dương, ở lại ngủ thừa canh cặn của tăng trong chùa đựng tại chùa Linh Sơn. Khi Hàn Dũ phụng trong ống trúc, đợi khi Hàn Sơn đến thì mệnh đến nhận chức Thứ sử Viên Châu đưa cho. Hành vi của sư rất quái đản, còn để lại chiếc áo tặng cho Thiền sư Đại giống như điên khùng, đến chùa Quốc Điên. Người đời sau xây cất Lưu Y Đình Thanh, hoặc có khi đi chầm chậm dưới mái

HÀN SƠN TỰ hiên, hoặc có khi quát tháo chửi mắng Đầm xanh trong tinh khiết người, hoặc hướng lên trời chửi đổng, các Không vật nào sánh được ông tăng trong chùa nhịn không nổi bèn Bảo ta nói cái gì? lấy gậy đánh đuổi thì sư lộn nhào vỗ tay cả Trên thực tế là sư đã thi ca hóa các ngữ lục cười mà bỏ đi. Sư ăn mặc rách rưới, hình của nhà thiền. Hàn Sơn Thi rất được mọi hài khô héo, thích ngâm thi xướng kệ người ưa thích, bắt đầu từ đời Tống trải thường khế hợp lý thiền. Theo truyền qua các triều đại đều có bản in mới và thuyết, sư là hóa thân của Bồ tát Văn-thù, được dịch ra nhiều ngoại ngữ, truyền bá cùng với Phong Can (Di Đà hóa thân), rộng rãi ở nước ngoài. Phần phụ sau sách Thập Đắc (Phổ Hiền hóa thân) gọi là »Tam này có trên 50 bài thơ của Thập Đắc, Thánh«, »Tam Ẩn«. Lại do ba vị này ẩn phong cách giống như thơ Hàn Sơn. Thập náu trong chùa Quốc Thanh núi Thiên Đắc là người cùng thời đại với Hàn Sơn, Thai, cho nên còn gọi là »Quốc Thanh cũng là một thi tăng nổi tiếng. Tam Ẩn«. Niên hiệu Ung Chính thú 11 (1733) đời Thanh phong Hàn Sơn làm Hòa HÀN SƠN TỰ Thánh, Thập Đắc làm Hiệp thánh, cùng Còn gọi: Phong Kiều Tự. Nằm bên cầu xưng là »Hòa Hiệp Nhị Thánh«, »Hòa Giang Thôn thị trấn Phong Kiều, bên ngoài Hiệp Nhị Tiên«. Người đời sau tập hợp cổng thành phố Tô Châu, tỉnh Giang Tô, hơn 300 bài thơ của sư đặt tên là »Hàn Sơn Trung Quốc. Được xây cất vào niên hiệu Tử Thi Tập« Thiên Giám (502-519) đời Lương, ban đầu gọi là »Diệu Lợi Phổ Minh Tháp Viện«. HÀN SƠN TỬ THI TẬP Tương truyền vào niên hiệu Trinh Quán (627-649) đời Đường, Hàn Sơn và Thập Còn gọi: Hàn Sơn Thi. Thi ca biệt tập, 1 Đắc kết am cỏ nơi đây, sau đó xây cất tự quyển, do vị tăng đời Đường là Hàn Sơn viện, gọi là »Hàn Sơn Tự«. Thi nhân đời soạn, được xếp vào »Tứ Bộ Tùng San«. Đường là Trương Kế có làm thơ vịnh chùa Về cuộc đời của nhà sư Hàn Sơn không ai này: »Nguyệt lạc điểu đề sương mãn thiên, biết

rõ, sư ra đời khoảng thế kỷ thứ VIII, là Giang Phong ngư hỏa đối sầu miên. Cô Tô vị tăng ở chùa Quốc Thanh, Thiên Thai, thành ngoại Hàn Sơn Tự, Dạ bán chung tỉnh Chiết Giang. Theo mục »Đông độ ứng thinh đáo khách thuyền.« (Chim kêu trăng hóa Thánh hiền« trong NĐHN q. 2 thì sư lặn sương mù khắp, đối diện đèn chài giấc là một vị thi tăng nổi tiếng vào đời Đường. ngủ buồn. Hàn Sơn chùa ở ngoài thành ấy, Sách này thu thập hơn 300 bài thơ của sư, chuông vẳng đến thuyền lúc nửa đêm). phần lớn là thơ ngũ ngôn, một số ít thuộc Vần thơ thanh thoát mọi người đều thích, thể thất ngôn. Lời lẽ phổ thông, không coi chùa Hàn Sơn nhân đây mà nổi tiếng trong trọng cách luật. Nội dung biểu hiện rất thiên hạ. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc phong phú, hoặc tự thuật về thân thế, hoặc thứ 1 (976) đời Tống, Tiết độ sứ Tôn Thừa miêu tả phong tục, hoặc ngâm vịnh về cuộc Hựu xây tháp 7 tầng. Những năm Gia Hựu sống ẩn cư, hoặc giải bày thiền nghĩa Phật (1056-1063) đổi tên là »Phổ Minh Thiền lý. Chẳng hạn như: Tâm ta tợ trăng thu Viện«. Cuối đời Nguyên chùa bị binh lửa

HÀN SƠN TỰ CHÍ phá hủy, khoảng niên hiệu Hồng Vũ thích tựa Hàn Sơn Thi tập, khảo chứng tự (1368-1398) đời Minh trùng tu. Niên hiệu bạt phần thi thoại và thư từ của chư gia. Hàm Phong thứ 10 (1860) lại bị phá hủy bởi binh lửa. Hiện còn những kiến trúc HÀNH ÁI được lần lượt xây lại vào niên hiệu Quang Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Tự thứ 22 đến niên hiệu Tuyên Thống thứ Bạch Triệu Chí Viên. Sư trụ núi Bạch Mã 3 (1896-1911) đời Thanh như đại điện, lầu ở Tương Châu (nay là huyện Tương Phàn, tàng kinh, lầu chuông, lầu Phong Giang, tỉnh Hồ Bắc) Trung Quốc, người đời gọi sư bia đá, hành lang. Sau giải phóng lại trải là »Bạch Mã Hòa thượng«. qua hai lần sửa chữa toàn diện, bên ngoài chùa sông ngòi tôn vẻ đẹp cho nhau, cầu HÀNH BỔNG HÀNH HÁT đá cao vút, bên trong chùa lan can uốn khúc, hành lang lượn quanh, cây xanh Đánh bằng gậy và sử dụng tiếng hét, là tường vàng, có thờ tượng khắc đá Hàn cách ứng cơ, thị cơ mà các thiền sư tông Sơn, Thập Đắc và một đôi tượng đắp » vui Lâm Tế thường dùng. Chỉ chung cho việc đùa khi gặp thần« do họa gia La Sính đời lập bày thiền cơ nhanh chóng và mãnh liệt. Thanh làm ra. Còn có bia đá khắc nét bút Bích Nham lục q. 1: » của những danh nhân Nhạc Phi, Đường – Triệu Châu suốt đời không đánh Dần, Khang Hữu Vi, bia đá khắc kinh Kim bằng gậy và sử dụng tiếng hét«. Cang của người Tống, vài chục tấm bia đá khắc thơ đề vịnh chùa Hàn Sơn qua nhiều HÀNH CƯỚC đời. Chuông cổ được đề vịnh trong thơ Còn gọi: Du phương, Du hành, Vân thủy. Trương Kế đã bị thất lạc. Chuông chùa Nghĩa là tăng lữ không có chỗ ở nhất định, Hàn Sơn đúc vào đời Minh về sau lưu nhập hoặc vì tìm kiếm Danh sư hoặc vì tự mình Nhật Bản. Người Nhật mô phỏng đúc tu trì, hoặc vì giáo hóa kẻ khác, mà chu du chuông theo đời Đường để trả lại, hiện treo bốn phương. Tăng đi du phương gọi là bên trái đại điện. Trên lầu chuông phía sau Hành cước tăng. Tăng hành cước, lúc đi du điện còn có một cái chuông lớn đúc vào phương có thể mang theo bên mình một số cuối đời Minh. vật thường dùng, nhưng số lượng và loại biệt của vật dụng đều có sự hạn chế nhất HÀN SƠN TỰ CHÍ định. Thiền Uyển Mông Cầu Thập Di (Vạn Chí, 3 quyển, do Diệp Xương Sí soạn vào Tục 148, 150 hạ) ghi: » đời Thanh, được khắc bản vào năm 1922, – Nham Đầu được xếp vào Trung Quốc Phật Tự Sử Chí vác cái bừa hành cước đến nơi nào cũng Vựng San tập 1.

Ông bắt đầu biên tập vào chỉ làm Viên đầu«. niên hiệu Tuyên Thống thứ ba (1911) đời Thanh, chia làm 10 loại: Chí kiều, Chí tự, HÀNH CƯỚC NHÃN Chí tượng, Chí chung, Chí bi, Chí tăng, Pháp nhãn. Con mắt trí huệ soi thấy chân Chí sản, Chí du, Chí sự, Chí thi và phụ lục tướng sự vật của người ngộ thiền. Tiết Kim sự tích của Hàn Sơn với Thập Đắc, giải Ngưu Hòa thượng trong NĐHN q. 3 ghi:

HÀNH NHÂN » HÀNH MÃN – Có chỗ hội chăng?
Nếu chưa Thiền tăng đời Tống, người xứ Nam Phố, hội, con mắt trí huệ ở đâu?«. Vạn Châu (nay là huyện Vạn, tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư từng học thiền nơi HÀNH CHỈ Thiền sư Thạch Sương, trụ viện Trí Giả Hành tung, phẩm hạnh. Quy Sơn Cảnh dưới ngọn Hoa Đảnh. Sư có hành tích kỳ Sách ghi: » lạ, thường hiện thân Đại Sĩ Quán Thế Âm. – Phẩm hạnh như thế, thật không uổng mang HÀNH MẬT pháp phục, cũng là thù đáp bốn ơn, cứu x: Bản Mật. vớt ba cõi«. HÀNH MINH (?-840) HÀNH GIẢ Thiền tăng đời Tống, họ Vu, người xứ Hàng Châu, Trung Quốc; nối pháp Quốc 1. Chỉ cho người quán hạnh, hoặc chỉ sư Đức Thiều, tông Pháp Nhãn. Sư trụ trì chung một số người tu hành theo đạo Phật. chùa Lục Hòa, được Tống Thái Tông ban Còn gọi: Hành nhân, Tu hành nhân. Thí hiệu »Truyền Pháp Thiền sư«, và đổi tên dụ: Hành giả niệm Phật, Hành giả Chân chùa thành Khai Hoa. Ngôn, Hành giả Pháp Hoa. 2. Chỉ cho những người làm công quả ở HÀNH NGÔN chùa mà chưa cạo tóc xuất gia (Tịnh nhân), Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư cũng có khi đã được cạo tóc nhưng việc Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp Nhãn. làm của họ còn giống như người thế tục Sư trụ trì viện Báo Từ ở Kim Lăng (nay như: gánh nước, bổ củi, nấu cơm... thuộc Nam Kinh, Giang Tô). Thụy hiệu Hành giả có các loại: Phương hành, Tây »Huyền Giác Đạo Sư«. hành, Hậu hành, Giám hành, Phó hành, Duy hành, Điển hành, Khách hành, Thủ HÀNH NHẠC (1614-1666) hành, Đồng hành. Thiền tăng đời Minh, họ Trầm, tự Thê Vân, người xứ Ô Trình (Hồ Châu, Chiết HÀNH LÂM (910-985) Giang). Nối pháp Thiền sư Thông Tú núi Thiên Mục, đời thứ 36 hệ Nam Nhạc. Trụ Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trương, người trì chùa Báo Ân (núi Vũ Khang phía tây Cát Châu nối pháp Thiền sư Quy Tông bắc huyện Đức Thanh, tỉnh Chiết Giang). Nghĩa Nhu, tông Pháp Nhãn. Sư trụ viện Tác phẩm: Ngữ lục và Ám Hắc Đậu tập. La Hán ở Nam Khang (nay là huyện Tinh Tử, tỉnh Giang Tây), được vua ban hiệu HÀNH NHÂN »Tổ Ấn Thiền sư«. Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Nhạn Môn (nay là huyện Đại, tỉnh Sơn Tây) HÀNH LÝ Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Lộc Môn Hành vi, tác vi. Xử Chân. Sư ở trong động Phật Thủ Nham

HÀNH NHÂN SỰ tại Lô Sơn nên còn có hiệu »Phật Thủ tham học với Hoài Nhượng, đắc pháp, lưu Nham Hòa thượng«. lại di tích »Ma cảnh đài« (Đài mài gương). Niên hiệu Thiên Bảo thứ 1 (742), Hy Thiên HÀNH NHÂN SỰ vào núi này cất am trên tảng đá nên được Đưa lễ vật tặng người. Tiết Ngưỡng Sơn gọi là »Thạch Đầu Hòa thượng«. Từ đó về Hòa thượng trong TĐT q. 18 ghi: » sau, các hoạt động của cao tăng Thiền tông rất nhiều, như đời Tống có Phật Quả Khắc Cần, Vô Chuẩn Sư Phạm từng ở chùa Đạo Lâm, núi Hành Sơn. Có khá nhiều tự viện – Trách Hòa thượng đem lễ vật tặng mọi trong núi như: Đại Miếu, Phúc Thánh Tự, người. Quy Sơn nói: Ông chẳng thấy Đạt- Tàng Kinh

Điện, Phương Quảng Tự, ma từ Ấn Độ sang, cũng đem vật này tặng Thượng Phong Tự, Chúc Dung Điện, Nam người. Các ông đều là người nhận tín vật Đài Tự, Phúc Nghiêm Tự. Hành Sơn Tứ của ngài«. Tuyệt (4 cảnh đẹp của Hành Sơn) là: Độ cao của Chúc Dung Phong, cái đẹp của HÀNH SƠN Tàng Kinh Điện, độ sâu của Phương Còn gọi: Nam Nhạc. Núi thuộc huyện Quảng Tự, cái lạ của Thủy Liêm Động. Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, cách Nếu cộng thêm cái vắng vẻ của Ma Cảnh trung tâm huyện 15km về hướng tây bắc. Đài, cái hiểm trở của Thức Tâm Thạch, cái Thế núi hùng vĩ, chu vi vài trăm dặm, lớn xưa của Đại Vũ Bi, cái hùng của Nam nhỏ gồm có 72 tòa. Trong đó có 5 ngọn nổi Nhạc Miếu thì thành Hành Sơn Bát Tuyệt. tiếng nhất: Chúc Dung, Thiên Trụ, Phù Dung, Tử Cái, Thạch Lẫm. Riêng Chúc HÀNH THAO (?-1652) Dung Phong cao hơn mặt biển 1290 m, Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu đứng trên đỉnh núi này có thể nhìn bao đời Thanh, họ Triệu, vốn tên là Dữu Tiên, quát nhóm núi, thưởng thức vầng đông vừa tự Đại Dữu, người xứ Ngô Giang (nay lố dạng. Ngoài ra còn có: 10 động, 15 thuộc tỉnh Giang Tô) Trung Quốc; nối hang, 38 suối, 25 khe, 9 ao, 9 đầm, 9 pháp Thiền sư Phù Thạch Thông Hiền, giếng. Vào niên hiệu Thái Thủy thứ 4 tông Lâm Tế. Sư trụ chùa Quốc Thanh. (268) đời Tây Tấn, ngài Pháp Sùng đến Tác phẩm: Đại Dữu Thiền sư Trụ Thiên đây khai sơn, sáng lập chùa Lệ Sơn. Niên Thai Cảnh Đức Quốc Thanh Thiền Tự ngữ hiệu Thái Kiến thứ 2 (570) đời Trần, ngài lục 1 quyển. Huệ Tư vào Hành Sơn giảng kinh Bát-nhã, Trung Luận, gọi là Đạo tràng Bát-nhã, nên HÀNH THAO Huệ Tư còn được gọi là »Nam Nhạc Đại x: Linh Thao. Sư«. Vào niên hiệu Tiên Thiên thứ 2 (713) đời Đường, Hoài Nhượng vào Hành Sơn HÀNH TRIỀN trụ ở đài Quan Âm chùa Bát-nhã 30 năm, Còn gọi: Hành tất, cước bán. Thiền tăng hoằng dương thiền pháp, mở ra hệ phái lấy vải quấn quanh chân khi đi hành cước. Nam Nhạc. Mã Tổ Đạo Nhất ở núi này Tiết Vạn Cư Hiểu Thuấn trong LĐHY q.

HẠNH SÂM (1614-1677) 28 (Vạn Tục 136, 454 thượng) ghi: » xứ Tuyền Châu, Trung Quốc; nối pháp – Ban Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Sư trụ đêm cởi vớ đi ngủ, sáng sớm quấn vải vào viện Tiên Cư, Phúc Châu. Thụy hiệu chân«. »Nhân Huệ Đại Sư«.

HÀNH TU HẠNH CỦNG 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại, tự Quang Mục, Thiền tăng Như Củng đời Tống mạt hiệu Huệ Quán, nối pháp Thiền sư Cửu Nguyên sơ, còn gọi là Hạnh Củng. X. Như Phong Đạo Kiền. Sư trụ Nam Nguyên ở Củng. Viên Châu (nay thuộc huyện Nghi Xuân, tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. HẠNH ĐOAN (1253-1341) 2. Thiền tăng đời Ngũ Đại (?-950), do sư Thiền tăng đời Nguyên, họ Hà, tự Cảnh có vành tai dài, lông mày rũ xuống nên Nguyên, hiệu Nguyên Tẩu, người xứ Lâm người đời gọi là »Trường Nhĩ Hòa Hải (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung thượng«. Quốc; nối pháp Thiền sư Tạng Tẩu Thiệu Trân, tông Lâm Tế. Sư trụ Tư Phúc Thiền HÀNH TÚ (1166-1246) Tự ở núi Tường Phong, sau dời về chùa Thiền sư sống vào khoảng hai đời Kim, Linh Ẩn Cảnh Đức. Tác phẩm: Huệ Văn Nguyên, họ Thái, tự Báo Ân, hiệu Vạn Chính Biện Phật Nhật Phổ Chiếu Nguyên Tùng Lão Nhân, người xứ Hà Nội (nay là Tẩu Đoan Thiền sư ngữ lục 8 quyển. phía nam Lạc Dương, tỉnh Hà Nam) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Tuyết Nham HẠNH HẢI Mãn, tông Tào Động. Sư trụ các chùa: 1. Thiền tăng đời Thanh (1604-1670), họ Tịnh Độ, Thê Ẩn. Tác phẩm: Thung Dung Tiễn,

hiệu Đại Phương, người xứ Đồng lục, Vạn Tùng Lão Nhân Bình Xướng Hương, Gia Hưng (nay thuộc tỉnh Chiết Thiên Đồng Giác Hòa thượng Niêm Cổ Giang) Trung Quốc. Sư từng tham học nơi Thỉnh Ích lục, Tổ Đăng lục, Minh Đạo tập, Mật Vân Viên Ngộ, Phí Ẩn Thông Dung Tứ Hội ngữ lục. và trụ am Thiền Đăng ở Lâu Giang tỉnh Giang Tô. Tác phẩm: Đại Phương Thiền HÀNH TƯ (?-740) sư ngữ lục 6 quyển. Thiền tăng đời Đường, họ Lưu, người xứ 2. Thiền tăng đời Thanh, họ Tương, người Lô Lăng Cát Châu (nay thuộc Cát An, đời gọi sư là »Thiết Chu Hạnh Hải Thiền Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp Lục Tổ sư«, người xứ Tân An (nay thuộc tỉnh Hà Huệ Năng. Sư trụ chùa Tĩnh Cư ở núi Nam) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Thanh Nguyên. Pháp hệ hình thành thuộc Nhược Am Thông Vấn, tông Lâm Tế. Sư những đời sau sư gồm có các tông: Tào trụ Long Du Thiền Tự. Tác phẩm: Kim Sơn Động, Vân Môn, Pháp Nhãn. Chí Lược.

HẠNH ĐẠO HẠNH SÂM (1614-1677) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Vương, người Thiền tăng đời Thanh, họ Lê, tự Mao Khê,

HẠNH SÙNG hiệu Từ Ông, người xứ Bác La (nay thuộc Nguyên q. 3 ghi: » Quảng Đông) Trung Quốc; nối pháp Thiền – Trong phòng Trưởng lão có sư Ngọc Lâm Thông Tú, tông Lâm Tế. Sư khách, hãy về đi!« trụ am Long Khê ở Hàng Châu, sau đổi tên b/ Bất như…….. hảo: chẳng bằng…… thành chùa Viên Chiếu. Tác phẩm: Mao nhé! Ngũ Đăng Hội Nguyên q. 15 ghi: » Khê Lâm Thiền sư ngữ lục 1 quyển. – Chẳng bằng ngộ đi nhé!«. c/ Tu… hảo: Ngũ Đăng Hội Nguyên q. 7 HẠNH SÙNG ghi: » – Cũng cần an ủy Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư nhau!«. Bảo Phúc Tùng Triển. Sư trụ viện Báo Ân d/ Bất phòng….. hảo: Cứ….. đi! Cứ…. đi ở Chương Châu (nay là huyện Chương nhé! Ngũ Đăng Hội Nguyên q. 10 ghi: » Phố, tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc. – Nếu cũng biết được thì cứ tham đi!«. HÀO LY MỸ THẮC e/ Mạc….. hảo!: Đừng … nhé! Ngũ Đăng Không có mảy may sai lầm. Chương Hội Nguyên q. 7 ghi: » »Cưu-ma-đa-la« Tổ thứ 19 trong CĐTĐL – Hòa thượng đừng có gạt người q. 2 ghi: » nhé!« 2. Đặt ở đầu câu, biểu thị sự bất mãn. Vô Môn Quan ghi: » – Người đời bình – Hay nhỉ, Thầy lại đi như vậy à!«. thường thấy người làm điều nhân đức lại chết sớm, kẻ làm việc bạo ác lại sống lâu, HẢO KHÁN làm quấy lại gặp tốt lành, làm điều phải lại Chú ý, đề phòng. Tiết Hoàng Bá Hy Vận gặp xấu ác nên bảo là mất nhân quả, trong NĐHN q. 4 ghi; » không tội phúc, mà chẳng biết là chúng – Dưới theo nhau như bóng như vang, không có núi Đại Hùng có một con cọp, các ông mảy may sai lầm, dù trải qua trăm ngàn phải đề phòng!« muôn kiếp cũng chẳng tiêu mất«. HẢO NHỤC UYỂN SANG HÀO NGOA Nhầm lẫn, sai lầm. Tiết Vân Cư Đạo Ưng Da thịt đang lành lặn chợt khoét thành Thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: » thương tích. Tỷ dụ không việc mà bày ra – Như đem việc, hiệu quả hoàn toàn ngược lại. Vô cây vuông tra vào lỗ tròn. Bao nhiêu là Môn Quan ghi: » nhầm lẫn«.

HẢO (k. ng) – Từ cửa mà vào thì không là đồ gia 1. Đặt ở cuối câu, biểu thị ngữ khí cầu bảo, nhờ duyên tạo được tất phải có trước khiến: sau, có thành hoại. Nói như vậy, thiệt a/…… hảo: hãy….. đi! Ngũ Đăng Hội chẳng khác chi khi không gió mà dậy sóng,

HÁT da thịt đang lành chợt khoét thành thương HÁT tích«. Ăn. Tiết Dược Sơn Duy Nghiễm Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: » HẢO THÁI May mà. Tiết Lâm Tế Nghĩa Huyền Thiền – (Tăng hành sư trong LĐHY q. 9 ghi: » cước) nói: Tuy ở lại nơi đó nhưng chưa từng đi lên đến nhà ăn. Sư nói: Vậy ăn – Lâm Tế cũng không có khí sạch«. sơ ý! May mà gặp ông tăng này, nếu như gặp phải nạp tăng hôm nay thì làm sao ra HÁT được?« 1. Tiếng hét. Đời Đường trở đi, thiền sư thường dùng tiếng hét để phá trừ tà chấp HẢO TRỤ của học nhân, hoặc thay cho lời nói, suy Lời dặn dò từ biệt trước khi chết hoặc nghĩ không diễn tả được. Theo Cổ Tôn Túc trước khi ra đi, giống như nói »bảo trọng«. ngữ lục q. 1: Bách Trượng đã từng bị Mã Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » Tổ hét. Đây là sự khởi nguyên sử dụng tiếng hét. Về sau Bách Trượng đề xướng nó, Hoàng Bá thọ lãnh cơ dụng ấy mà đánh bằng gậy, Lâm Tế thì sử dụng cả hét và – Đại sư nói: đánh. Theo phần Khám Biện trong Lâm Tế Các ông hãy bảo trọng! Ta để lại một bài lục, thì tiếng hét của Lâm Tế có 4 tác dụng: tụng gọi là »Tự tính chân Phật giải thoát — Có lúc tiếng hét như gươm báu Kim tụng«, những kẻ si mê đời sau hiểu được ý Cang Vương (phá trừ chấp trước danh nghĩa bài tụng này liền thấy chân Phật tự tướng ngôn cú). tâm tự tính. Cho các ông bài tụng này rồi — Có lúc tiếng hét như sư tử lông vàng ta sẽ từ biệt các ông.« ngồi xổm trên đất (phá tiểu cơ tiểu kiến). HẠO GIÁM — Có lúc tiếng hét như cành trúc thăm dò, như bóng cỏ (nghiệm định học nhân hoặc Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư khám biện Sư gia). Vân Môn Văn Yển, tông Vân Môn. Sư trụ — Có lúc tiếng hét chẳng có tác dụng chùa Tân Khai, Ba Lăng Nhạc Châu (nay tiếng hét (chỉ cho tiếng hét hướng thượng là huyện Nhục Dương, tỉnh Hồ Nam) thâu về tất cả, có đầy đủ mọi tác dụng mà Trung Quốc, người đời gọi sư là »Ba Lăng chưa tác dụng). Hạo Giám«. Do giỏi biện luận nên sư còn có tên »Giám Đa Khẩu«. Đây chính là »Lâm Tế tứ hát«. Nhưng nếu không biết tác dụng mà hét thì gọi là »Hát HẠO XIÊM loạn« (Hét loạn xạ). Pháp ứng cơ tiếp vật Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư này về sau trở thành tông phong của Lâm Công Thần Giác Kha, tông Pháp Nhãn. Sư Tế, thạnh hành ở Trung Quốc, Nhật Bản. trụ Nghiêu Phong, Tô Châu. 2. Nghĩa là »Xướng«. Trong Thiền tông hay dùng đến. »Hát tham« tức là xướng lên

HÁT HỎA rằng mình đã đến rồi; »Hát tán« là tuyên chương Trụ Trì trong Sắc Tu Bách Trượng cáo giải tán mọi người; »Hát hỏa« là Thanh Quy q. thượng (Đại 48, 1122 xướng câu đề phòng hỏa hoạn trước khi đi thượng) ghi: » ngủ. – Tham đầu dẫn chúng đứng thành HÁT HỎA hàng, cắm hương hát tham, ba lạy rồi lui Kêu gọi đề phòng hỏa hoạn. Trong Thiền lại phía sau, theo thứ tự chia ra đông tây tông, trước khi ngủ kiểm tra các liêu, kêu đứng thành hàng«. gọi nhớ tắt đèn đuốc. Kệ tụng của Khai Phúc Đạo Ninh Thiền sư ngữ lục (Vạn Tục HÁT THỰC 120, 239 thượng) ghi: » 1. Trong Thiền viện, đến giờ chư Tăng ăn cơm, hành giả xướng báo cho đại chúng – Đêm khuya nghe tiếng hô đề biết ăn món gì và cách thức ra sao. Như phòng lửa.. Cho nên kinh nói: Tức thời xướng »Tịnh chúc« tức là phân phối cháo; quán xét âm thanh kia mà được giải xướng »Hương thang tịnh« tức là phân thoát«. phối nước nóng; còn như ăn xong, sau khi Lại

theo Oánh Sơn Thanh Quy: Mỗi tối, rửa sạch chân bát thì xướng »Triết thủy«. sau tiếng trống thứ hai của canh hai, đi 2. Gọi tắt của Hát thực hành giả, là chức vụ quanh chùa lắc chuông hô to ›Coi chừng trông coi việc Hát thực. Điều Phó Chúc đèn đuốc, củi lửa‹, đi từ tam quan đến Phạn trong Thiền Uyển Thanh Quy q. 1 ghi phương trượng rồi trở về nhà kho, đúng rằng: Pháp hát thực như sau: »Hát thực tiếng trống thứ ba của canh hai. hành giả« sau khi bước vào Tăng đường, lần lượt vái chào Thánh tăng, Trụ trì, Thủ

HÁT PHẬT MẠ TỔ tọa. Chờ Thủ tọa thí thực xong rồi mới tiến Còn gọi: Ha () Phật Mạ Tổ. Chửi Phật hành Hát thực; lúc xướng cần phải rõ ràng, mắng Tổ. Thiền gia đối với sự vật bên danh mục nếu có sai lầm thì chưa hoàn ngoài tâm không chấp trước, không mê tín, thành phép thọ thực, ắt cần phải xướng lại. chủ trương tự tâm là Phật, tự mình làm Ngoài ra, chức vụ của Hát thực hành giả chủ, thường dùng ngôn cú chửi Phật mắng không những xướng báo đồ ăn uống mà Tổ để khải phát người học đạo. Uyển Lăng còn xướng báo việc tham thiền, như điều Lục ghi: » Đại Tọa Tham, chương Lưỡng Tự trong – Nói thiền nói đạo, Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy q. hạ (Đại chửi Phật mắng Tổ, đến chỗ này đều dùng 48, 1143 hạ) ghi: »Hát thực hành giả đứng không được.« giữa vái chào rồi xướng dài: Phóng tham! Đánh 3 tiếng chuông, mọi người đứng dậy HÁT THAM cùng nhau xướng Hòa nam«. Chức vụ này Trong Thiền viện, người có chức vụ, thân không liên quan đến tuổi tác, song ở Nhật phận thấp hơn, lúc ra đứng trước bậc Tôn Bản gần đây phần lớn giao nhiệm vụ này trưởng phải báo cáo rằng mình đang có cho đứa trẻ khoảng 10 tuổi chưa được cạo mặt tại đây. Điều Huấn Đồng Hạnh, tóc. Còn đối với Sa-di đã cạo tóc mà lãnh

HẮC ĐẬU VỊ SINH NHA THỜI nhiệm vụ Hát thực thì gọi là »Sa hát«, gọi HẮC DIỆN BÀ LA MÔN tắt của »Sa-di Hát thực«. Bà-la-môn mặt đen. Từ để gọi Bồ-đề-đạt- HẠT LŨ SINH ma, hàm ý khinh tiện. Tiết Hoàng Long Đạo Chấn Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: Còn gọi: Hạt lư, Hạt hán, Lũ sinh tử, Độn » lũ sinh, Ngốc lũ sinh. Hạt: mắt mù. Lũ: ngu muội. Sinh: người. Hạt Lũ Sinh nghĩa là người ngu si, người không có kiến thức. Phần Thị Chúng trong Lâm Tế lục (Đại 47, – Sư thượng đường: Thiếu Lâm 501 hạ) ghi: » ngồi trong xó, mỗi vị đệ tử nói mỗi khác, – Đồ ngu si! Ngươi tìm rất giống lũ mù sờ voi. Thần Quang lạy 3 nước gì trên bộ xương khô?« lạy rồi trở về đứng chỗ cũ. Đạt-ma nói: Hư Đường Hòa thượng ngữ lục q. 2 (Đại Ngươi được tủy của ta. Gã Bà-la-môn mặt 47, 997 trung) ghi: » đen này, gót chân còn chưa chấm đất‹«. – Sư nói:

Chứng tỏ việc đó thì bị HẮC ĐẬU PHÁP mù. Tăng đáp: Cảm ơn Thầy chỉ dạy. Sư Phép đậu đen. Thiền tông dùng đậu đen để nói: Đồ ngu si!«. chỉ cho văn tự. Nghĩa là nghiên cứu văn tự, ngôn cú, pháp số trong kinh điển một cách miên mật chi ly, giống như đếm số đậu HẠT LƯ đen; do quá chú trọng mặt chữ nghĩa mà Con lừa mù, chỉ cho người không sáng không thấy được nghĩa chân thật. Thiền được pháp nhãn. Đây là lời chê trách của tông dùng từ này để chê cười thái độ chấp thiền sư. Bài thơ »Nữ tử xuất định« trong chặt vào văn tự, ngôn cú. Hư Đường lục q. MANL ghi: » 8 (Đại 47, 1047 hạ) ghi: » – Xuất (định) được đâu bằng lúc chưa xuất, bọn không có – Sư tổ pháp nhãn vùi

chôn tông chỉ thiền«. Tùng Nguyên trước khi tịch bảo chúng: Các huynh đệ tham cứu lâu nay, mặc dù đi trên đường chính, nhưng không nên chấp HẠT NGỐC TỬ chặt vào văn tự«. Gã mù trọc đầu, chỉ cho thiền tăng không Lại »Án hắc đậu« cũng chỉ cho thái độ sáng được pháp nhãn. Đây là lời chê trách chấp trước kinh văn. Ngoài ra, »Hắc đậu của Thiền sư. Lâm Tế ngữ lục ghi: » khám định« cũng dùng để châm biếm kẻ chỉ nghiên cứu Phật giáo trên văn tự. – Có một bọn mù trọc đầu ăn cơm no rồi ngồi thiền HẮC ĐẬU VỊ SINH NHA THỜI quán hạnh, chụp bắt niệm lậu không cho sinh khởi«. Lúc đậu đen chưa nẩy mầm. Thiền tông

HẮC LUÂN THUÂN dùng cụm từ này để dụ cho dáng dấp xưa cách nào ra được. Tắc 41, Bích Nham lục nay hoàn toàn không hình tướng; tức là (Đại 48, 179 trung) ghi: » mặt mũi lúc cha mẹ chưa sinh. Tào Sơn Nguyên Chứng Sư ngữ lục (Đại 47, 531 hạ) – Núi bạc vách sắt, do dự thì quỷ ghi: » hiện trước mắt, suy nghĩ thì ngồi trong núi – Có lời tối đen«. trong không lời, như nói lúc hạt đậu đen chưa nẩy mầm, là chỗ xuất thân của chư HẮC TẤT CÔN LÔN DẠ LÝ BÔN Phật mười phương«. Một mình, chân trần đi trong đêm tối ở đảo HẮC LUÂN THUÂN Côn Lôn. Côn Lôn là một hòn đảo tối tăm Chỉ cho cây gậy đen bóng, hình vảy cá. mờ mịt và cô quạnh. Một mình đi trong Phá Am Tổ Tiên Thiền sư ngữ lục (Vạn đêm tối ở đó cũng chẳng khác nào người Tục 121, 417 hạ) ghi: » thủy thủ lạc hướng trong biển cả mênh – mông, không biết đâu là bờ bến. Sau khi Muôn ngàn sự biến hóa chỉ có một cây gậy ngài Oánh Sơn tham công án »Bình thường đen bóng hình vảy cá, không có so đo«. tâm thị đạo« được liễu ngộ, ngài đảnh lễ tạ ơn thầy là Thiền sư Triệt Thông Nghĩa HẮC MẠN MẠN Giới. Ngài Triệt Thông liền hỏi: Ngươi đã Nguyên chỉ dòng sông mênh mang đen tối. ngộ được đạo lý gì? – Một mình, chân trần Trong Thiền tông mượn dùng để chỉ trạng đi trong đêm tối ở đảo Côn Lôn. thái vô tri không phân biệt thị phi, thiện ác. Tắc 44, Bích Nham lục (Đại 48, 181 trung) HẮC TẤT DŨNG ghi: » 1. Còn gọi: Tất dũng. Thùng sơn. Vô minh nhiều kiếp của chúng sinh kết tập dính chặt khiến che mất Phật tính sẵn có, giống như – Báo cho ông thùng sơn đen tối thui không thấy một vật. biết, chớ có lỗ mãng. Ngọt thì ngọt còn Tắc 1, Bích Nham lục (Đại 48, 140 trung) đắng thì đắng. (Cảm ơn lời đáp, lầm buông ghi: » lời giải thích bậy, đáng cho 30 gậy, ăn gậy – Một hạng người đả phá được chưa? Liền đánh. Vẫn như lối cũ tối ngôn ngữ song chẳng ngại gì việc Đạt-ma mênh mang)«. đạp vỡ thùng sơn cho họ«. Cũng có người lấy từ »Tất dũng«, »Tất HẮC SƠN dũng bối« để quở mắng bọn ngu độn, Núi tối đen. Luận Câu-xá q. 11 ghi: Phía không hiểu chân lý Phật pháp. bắc Nam Thiệm Bộ châu, ba chỗ đều có ba 2. Nghĩa là đen thui không thấy một vật gì. lớp Hắc sơn. Nơi ấy tối tăm, là chỗ ở của Dụ cho cảnh giới tuyệt đối siêu việt mọi các ác quỷ. Trong Thiền tông mượn từ này sai biệt đối lập. Như Tịnh Hòa thượng ngữ dụ cho sự chấp trước tình thức phân biệt, lục q. hạ (Vạn Tục 124, 487 hạ) ghi: » như sa vào hang tối của Hắc sơn không

HỆ LƯ QUYẾT – Đất bằng nổi phần mộ, hư
không khoét hang lỗ, vượt – qua hai lớp ải, liền vào cảnh giới
tuyệt Các ông làm sao hiểu đây? Bạch Liên (là đối«. pháp hiệu của thiền sư Pháp Diễn)
hôm Lại, nhà thiền dùng từ »Tất dũng bất hội« nay chìu theo kẻ hậu cơ không tiếc lông
cũng có 2 nghĩa, một chỉ cho tâm vọng mày, cũng làm bài tụng: hữu trong hữu, vô
tưởng phân biệt, không rõ sự lý; hai chỉ trong vô, tế trong tế, thô trong thô.« cho vũ trụ
pháp giới siêu tuyệt suy nghĩ phân biệt. Tắc 5, Bích Nham lục (Đại 48, HẬU GIÁ 144
hạ) ghi: » Cái giá để rửa ráy ở phía sau tăng đường
trong tự viện. Tông Môn Võ Khố ghi: » – Tuyết
Phong dạy chúng: Gom cả đất đai rồi vò – Sáng sớm thức dậy, tại hậu giá lại
lớn bằng hạt thóc, ném ra trước mặt, chỉ được lấy một ít nước nóng rửa mặt, lại nếu
không rõ được sự lý thì đánh trống dùng rửa chân.« mời hết đi!«. HẬU TẾ HẰNG
THÔNG (834-905) Đời sau, vị lai. Uyển Lăng Lục ghi: » Còn gọi: Thường Thông.
Thiền tăng đời – Đường, họ Lý, người xứ Bình Ân, Hình Quá khứ
không đi, hiện tại không dừng, vị Châu (nay là phía tây huyện Khâu, tỉnh Hà lai không
đến.« Bắc) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Chiêu Hiền Cảnh Sầm. Sư trụ viện Thụy
Thánh ở HẬU TỬ Tuyên Thành (nay thuộc tỉnh An Huy), sau Bảng chỉ đường (vào
đời xưa). Chương dời về chùa Tuyết Đậu ở Tứ Minh. Vân Đảnh Sơn Tăng Đức Phu trong
CĐTĐL q. 30 ghi: HÂN NGỘ (1337-1391) Thiền tăng sống vào cuối đời
Nguyên đầu đời Minh, họ Nữu, hiệu Không Tẩu, người »Kiến nhân tu khí sao
môn vật huyện Ngô (nay là Tô Châu) Trung Quốc; Tri lộ nhưng vong hậu tử danh«. nối
pháp Thiền sư Ngu Am, tông Lâm Tế. »Gặp được người rồi cần ném đi vật gõ Sư trụ trì
chùa Sùng Ninh ở Chiết Giang, cửa, biết được đường đi rồi phải quên luôn sau trụ trì
chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu. Tác bảng chỉ đường« (Hai câu này tỷ dụ cần phẩm: Tam
Hội ngữ lục. phải »được ý quên lời«).

HẬU CƠ HỆ LƯ QUYẾT Lời xưng hô của Thiền gia đối với những Trụ gỗ bên
đường để cột lừa. Thiền tông kẻ hậu học vãn bối. Pháp Diễn ngữ lục q. 5 dùng hình ảnh
này để dụ cho sự trói buộc ghi: » khi người học chấp trước vào một
kiến giải, dù cho nó có cao siêu đến mấy. Lâm

HỆ NAM (1050-1094) Tế lục (Đại 47, 497 hạ) ghi: » Huy) Trung Quốc; nối pháp
Thiền sư Kim Ngưu Chân, tông Lâm Tế. Người đời gọi – La-hán
Bích-chi giống như phẩn dơ, Bồ- sư là »Vô Dụng Hiền Khoan Thiền sư«. Sư đề Niết-bàn
giống như cọc cột lừa«. trụ chùa Phổ Minh ở Thái Hồ, được vua ban hiệu »Phật Chiếu
Viên Ngộ«. HỆ NAM (1050-1094) Thiền tăng đời Tống, họ Trương, người xứ HIỂN
GIÁO ĐẠI SƯ Đinh Châu (nay là huyện Trường Đinh, Hiệu của Thiền tăng Chí
Viên đời Ngũ tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc; nối pháp Đại. X. Chí Viên. Thiền sư Vân Cư
Nguyên Hựu, tông Lâm Tế. Sư trụ thiền viện La Hán ở Lô Sơn nên HIỂN TÔNG KÝ
người đời gọi là »La Hán Hệ Nam«, hoặc Gọi đủ: Hà Trạch Đại Sư Hiển Tông Ký. gọi là
»Tiểu Nam« để phân biệt với Hoàng Ký, 1 thiên, do Hà Trạch Thần Hội soạn Long Huệ
Nam. vào đời Đường. Toàn thiên chỉ có 660 chữ, kể về tông yếu Thiền tông. Lời đầu
quyển HI DI TẨU là: »Vô niệm là tông, Vô tác là bản, Chân Hiệu của Thiền tăng Chí
Nhân đời Nguyên không là thể, Diệu hữu là dụng«. Từ đó trở mạt Minh sơ. X. Chí Nhân.

đi là giải thích vắn tắt ý nghĩa của chủ trương Vô niệm, Vô tác. Kế đến bàn luận HÍ HẢI NINH LONG, MA THIÊN đến lý Bát-nhã và Niết-bàn cùng về một TUẤN CỐT
mối. Theo các câu truyện truyền y của Rồng dữ đùa biển, diều hâu bay cạm trời.
Thiền tông thì sự truyền thừa rất quan Ninh long: rồng dữ. Tuấn cốt: diều hâu. trọng. Toàn thiên lấy »Bát-nhã KHÔNG »Ninh long, tuấn cốt« dụ cho bậc tài trí TRÍ, ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm« của vượt hơn mọi người. Thiền tông dùng thuật Kinh Kim Cang Bát-nhã làm nền tảng, và ngữ này để chỉ cho người tu hành đã đạt kế thừa tư tưởng: Bát-nhã Vô Tri Luận, đến cảnh giới thênh thang như biển rộng Niết-bàn Vô Danh Luận của Tăng Triệu trời cao, nhậm vận tự tại. Gia Thái Phổ đời Hậu Tần và Định Huệ nhất thể của Đăng lục q. 27 (Vạn Tục 137, 194 hạ) ghi: Đàn Kinh. Lại trình bày về sự truyền y để » chỉ rõ Huệ Năng là người chính thức được
truyền thừa. Thiên này được xếp vào Cảnh – Tâm chính Đức
Truyền Đăng lục quyển 30, Toàn là Phật, trâu sắt không xương, rồng dữ đùa Đường Văn quyển 916, Đại Chính Tạng biển, diều hâu bay cahm trời. Uống cạn tập 51. Tây Giang cũng chưa phải lạ, sen mọc trong lò mùi hương phảng phất«. HIỂN TỪ (1888-1955) Tăng nhân hiện đại, người huyện Hương HIỀN KHOAN (?-1326) Sơn, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Năm Thiền tăng đời Nguyên, họ Chu, người xứ 1922, sư tham thiền ở chùa Cao Mân, giữ Hàm Sơn Hòa Châu (nay thuộc tỉnh An chức Thủ tọa. Năm 1928, sư đến chùa

HIỂN THÔNG TỰ VÔ LƯƠNG ĐIỆN NỘI THÁP Trích Tinh đóng cửa ẩn tu.
Sau khi ra thất, Trong các núi ở Ngũ Đài Sơn, Hiển Thông sư vân du các nơi để hoằng giáo thuyết Tự quy mô rất lớn, lịch sử rất lâu đời, tục pháp. Tác phẩm: Tâm Kinh Quán Châu gọi là »Chùa Tổ«. Những tín đồ lên chùa Giải, Lăng Nghiêm Nghĩa Giải Sớ, Viên dâng hương lễ Phật thì trước hết phải bái Giác Kinh Thích Yếu, Kim Cang Kinh kiến Hiển Thông Tự. Chân Nghĩa Sớ. HIỂN THÔNG TỰ ĐỒNG THÁP HIỂN THÁNH TỰ
Còn gọi: Vân Môn Hiển Sơn Thánh Tự. Tháp ở trong khuôn viên chùa Hiển Thông, Nằm trong núi Vân Môn, thành phố Thiệu thị trấn Đài Hoài, huyện Ngũ Đài, tỉnh Sơn Hưng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Đời Tây, Trung Quốc. Chùa Hiển Thông là Minh Thiền sư Trạm Nhiên Viên Trừng ngôi chùa Phật lâu đời nhất trong lịch sử tông Tào Động ban đầu trụ chùa này. Sau Ngũ Đài Sơn, là một trong năm đại thiền đó các vị Thiền sư tông Tào Động như Nhĩ lâm. Phía sau chùa có ba tòa kiến trúc đúc Mật Minh Phục, Thạch Vũ Minh Phương bằng đồng, chính giữa là một tòa điện trụ chùa này. đồng, hai bên điện đồng có đặt một đôi tháp đồng do Thiền sư Diệu Phong tại Vân HIỂN THÔNG TỰ Nam hóa duyên đúc nên vào khoảng niên Nằm phía Bắc thị trấn Đài Hoài, Ngũ Đài hiệu Vạn Lịch (1573-1620) đời Minh. Sơn, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc, là một Ngoại hình hai tháp gần giống nhau, tạo trong năm đại thiền lâm của Ngũ Đài Sơn. dáng kỳ đặc, do tổ hợp lâu các, đình các, Được xây cất vào niên hiệu Vĩnh Bình (58- bát úp tạo thành. Tháp cao 8m tọa lạc trên 75) đời Đông Hán, ban đầu gọi »Linh bệ đá điêu khắc tinh mỹ, phần dưới tháp là Thứu Tự«. Đời Bắc Ngụy vua Hiếu Văn tòa Tu-di, trên tòa là bát úp, phía trên là Đế ban tên là »Hoa Viên Tự«. Đời Đường thân tháp 13 tầng theo kiểu lâu các. Trên đổi tên là »Đại Hoa Nghiêm Tự«. Vào niên thân tháp lại có đình các mái chồng, trên hiệu Hồng Vũ (1368-1398) đời Minh trùng cùng mới là tháp sát.

Trên dưới thân tháp tu, ban cho tấm biển »Đại Hiển Thông được trang trí hoa văn đúc bằng đồng, so Tự«. Đời Thanh lại trùng tu, hình thành với tháp sắt tinh tế hơn nhiều. Phía đông quy mô hiện hữu. Trên tuyến trục giữa trên tháp có ghi tháp được đúc vào tháng 8 điện vũ bảy tầng không cái nào giống cái niên hiệu Vạn Lịch thứ 38 (1610) đời nào. Phối điện hai bên nghiêm chỉnh đầy Minh. đủ, Trai đường, Thiền viện hoàn hảo. Điện đồng 3 gian đúc rất tinh xảo. Điện Vô HIỂN THÔNG TỰ VÔ LƯƠNG Lượng xây gạch mái chồng đỉnh yết sơn, ĐIỆN NỘI THÁP quy mô hùng vĩ, gạch khắc tỉ mỉ. Lầu chuông trước cửa hùng vĩ tráng lệ, bên Nằm trong điện Vô Lương, chùa Hiển trong treo cái chuông đồng nặng vạn cân, Thông, thị trấn Đài Hoài, huyện Ngũ Đài, khi đánh lên âm thanh vang khắp núi. tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Tháp này là

HIỂN VĂN (1856-1909) tháp trong điện xây trên một cái bệ gạch Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh hình vuông, trên bệ là tòa nền hình bát Từ. giác, trên tòa xây tháp. Toàn bộ tháp dùng gỗ làm thành, là hình bát giác mặt bằng, 13HIỆN THÀNH tầng, cao 15m. Tầng thứ nhất hình trụ có Chỉ cho sự thành tựu ở ngay trước mắt. hành lang bao quanh tám mặt. Mỗi tầng Tức là chân lý tuyệt đối tự nhiên hiện bày đều mở ra cửa ngõ hình vuông. Tháp xây chẳng phải nhờ bàn tay con người sắp đặt cất vào đời Minh, tạo dáng nhỏ mà cao. hoặc làm ra. Tắc 164, Thiền Uyển Mông Thân tháp màu vàng kim phối hợp với tòa Cầu (Vạn Tục 148, 109 thượng) ghi: » nền màu hồng hiển bày sự to đẹp đàng hoàng. – Câu thứ nhất: Hãy tự nhận lấy HIỂN VĂN (1856-1909) chân lý tuyệt đối hiện bày tự nhiên ở trước Tăng nhân cận đại, họ Dương, tự Khôi Ấn, mắt, vì khắp mười phương thế giới không người xứ Hồ Nam, Trung Quốc; nối pháp có ai khác, chỉ là chính ngươi, còn ai thấy Thiền sư Pháp Nhẫn. Sư trụ trì chùa Tỳ Lô nghe?«. ở Nam Kinh. HIẾT HIỆN LƯỢNG Gọi đủ: Hưu hiết . Lãnh ngộ thiền Người tu chính pháp được chứng ngộ, hiển chỉ. Vân Môn quảng lục q. thượng ghi: » hiện bản thể tự tính đầy khắp thời gian, không gian. Cái thật tướng này gọi là Hiện lượng, cái dụng gọi là Hiện lượng trí. HIỆN QUANG (?-1221) – Sư nói: Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Tôi bất đắc dĩ nói với các vị là ngay đây vô Thông đời thứ 14, nối pháp Thiền sư Trí sự, cũng sớm mai một rồi! Nếu như còn Thông. Sư tên Lê Thuần, quê ở thành muốn tiến lên mé trước mà đuổi theo lời Thăng Long, miền Bắc Việt Nam. Kệ thị nói, tìm kiếm tri giải thì khác nhau rất tịch: nhiều. Lập bày nhiều cách thưa hỏi, trách cứ, chỉ là đổi lấy trò chơi trên đầu lưỡi, cách đạo càng xa, bao giờ mới được lãnh Huyễn pháp giai thị huyễn ngộ?« Huyễn tu giai thị huyễn Nhị huyễn giai bất tức HIỂU LIỄU (685-745) Tức thị trừ chư huyễn Thiền tăng đời Đường, họ Đặng, tự Bá Tri, »Huyễn pháp đều là huyễn pháp danh Hiểu Liễu, người Ông Nguyên Huyễn tu đều là huyễn Quảng Đông, Trung Quốc. Sư là đệ tử của Hai huyễn đều chẳng nhận Lục Tổ Huệ Năng, cất am ở núi Biển Đảm Tức là trừ các huyễn«. để hoằng pháp.

HỌC TƯỢNG HIỂU THÔNG (?-1030) Ôn Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Thiền tăng sống vào đầu đời Bắc Tống, họ Trung Quốc; nối pháp Quốc sư Đức Thiều, Đỗ, người xứ Khúc Giang, Thiều Châu tông Pháp Nhãn. Sư trụ chùa Tịnh Phúc ở (nay là huyện Khúc Giang, tỉnh Quảng Phú Dương (nay thuộc Chiết Giang), sau Đông) Trung

Quốc. Sư nối pháp Thiền sư dời về chùa Long Sách ở Hàng Châu. Văn-thù Ứng Chân, thuộc tông Vân Môn. Đầu niên hiệu Hàm Bình (998) đời Tống, HÌNH SƠN sư đến Giang Tây ở Lô Sơn, không có bạn Tức chỉ thân thể. Lại, tâm tính chúng ta ẩn thân. Lúc ấy, pháp hội ở chùa Kiến Xương, núp trong thân thể, cho nên trong sách nhà núi Vân Cư rất hưng thịnh, sư liền đến đó Phật phần nhiều dùng từ »Bí tại hình sơn« xin ở đậu. Trong chúng, sư đáp được câu để chỉ tâm tính chúng ta. Tắc 92, Thung hỏi của chư tăng bằng câu: »Quân tử yêu Dung lục (Đại 48, 286 hạ) ghi: » tiền, nhờ tiền mà có đạo«. Am chủ Tường ở Liên Hoa Phong nghe lời đáp này rất – Đại sư Vân Môn nói: Trong kinh sợ, nói: Con cháu Vân Môn vẫn còn! trời đất, vũ trụ, có một vật báu ẩn náu tại Ngay đêm ấy, ông ta hướng về núi Vân Cư thân thể«. lễ bái. Từ đó tên tuổi sư được xem trọng trong chốn tùng lâm. Khi ở trên núi Vân Cư, sư tự tay trồng muôn gốc tùng ở ngọn HỌC GIẢI núi phía đông và chỉ tụng kinh Kim Cang Tri thức đạo lý thông thường của thế gian. Bát-nhã. Về sau, sư nhậm chức trụ trì chùa Thiền tông cho rằng thiền pháp vi diệu siêu Phổ Sát ở Động Sơn (nay là huyện Nghi việt »học giải«, cần phải bài trừ chướng Phong, tỉnh Giang Tây), phát huy tông ngại của nó thì mới có thể tỉnh ngộ. Tiết phong, pháp hội cực thịnh một thời. Vân Cư Pháp Như Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » HIỂU VÂN (1913-?)

Tăng nhân hiện đại, họ Du, biệt hiệu Thanh Phong, người xứ Quảng Châu, – Sư tham vấn đủ Trung Quốc. Sư tốt nghiệp trường dạy Văn hết bậc tông tượng ở miền hữu ngạn Chiết Quảng Đông, trường Mỹ Thuật Nam Giang. Cuối cùng đến Long Môn, đem sở Trung. Năm 1946 được Đại học Tagore chứng từ trước ra bạch cùng Phật Nhãn. (Ấn Độ) mời làm nghiên cứu viên, dạy Nhãn nói: Đây là học giải, chẳng phải việc môn họa Trung Quốc. Từng dự Hội nghị cứu cánh. Muốn thoát sinh tử phải cầu Chuyên gia Nghệ thuật Phật giáo Thế giới, diệu ngộ«. Hội nghị Học giả Đông Phương lần thứ 28. Tác phẩm: Thiền Lâm Giáo Hóa đối Hiện HỌC TƯỢNG Đại Giáo Dục chi Khải Thị. Thông thường trong Thiền tông gọi bậc HIỂU VINH (920-990) Thầy giỏi là Sư tượng, nên Học tượng là Thiền tăng đời Tống, họ Đặng, người xứ chỉ cho học trò giỏi.

HỌC UẨN (1613-1689) HỌC UẨN (1613-1689) Tam thế Phật, hai bên vách có đắp tượng Thiền tăng đời Thanh, họ Vương, hiệu Tri 500 vị La-hán, mỗi vị đều đủ thần thái. Không, người xứ Đam Hải (nay thuộc Vân Chung quanh chùa là rừng tre tươi tốt, mây Nam) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Mật rừng khói biển, cảnh sắc đẹp rực rỡ. Hạnh Tịch Nhẫn, tông Lâm Tế. Sư trụ Khoảng niên hiệu Gia Tĩnh (1522-1566) chùa Phúc Thành ở Sở Hùng (nay thuộc đời Minh, khi Dương Thận bị giáng chức Vân Nam), chùa Đại Phương Quảng ở núi và đày đến Vân Nam, có làm một cặp đối Cửu Đài. Tác phẩm: Tri Không Uẩn Thiền liễn cho chùa này như sau: Nhất thủy bao sư ngữ lục 2 quyển, Thảo Đường tập. thành Tây, yên ái hữu vô, trụ trượng tăng quy thương mang ngoại. Quần phong triều HOA ĐÌNH TỰ các hạ, vũ tình nùng đạm, ỷ lan nhân tại Chùa ở lưng chừng núi Hoa Đình, công họa đồ trung. »Một con sông bao bọc viên rừng rậm Tây Sơn, thành phố Côn thành Tây, mây mù khi có khi không, Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Vốn là Chống gậy tăng trở về cõi thênh thang, biệt thự của Thiện xiển hầu Cao Trí Thăng nhóm núi chầu dưới gác, mưa tạnh lúc ở nước Đại Lý. Vào niên hiệu

Diên Hựu đậm lúc nhạt, tựa lan (can) người ở trong thứ 7 (1320) đời Nguyên, vị cao tăng nổi bức tranh vẽ«. tiếng của Thiền tông là Nguyên Phong dựng chùa Viên Thông ở đây. Khoảng niên HOA LÂM TỰ hiệu Cảnh Thái (1450-1456) đời Minh, 1. Ở đường Hạ Cửu, thành phố Quảng Trấn thủ Vân Nam là Thái giám Lê Nghĩa Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. trùng tu, đổi tên là Đại Viên Giác Tự. Niên Tương truyền vào niên hiệu Đại Thông thứ hiệu Khang Hy thứ 26 (1687) đời Thanh, 1 (527) đời Lương, nơi đây là chỗ đặt chân Tuần phủ Vương Kế Văn lại trùng tu, đổi đầu tiên của Bồ Đề Đ t-ma khi vượt biển tên là Hoa Đình Tự. Niên hiệu Hàm Phong đến Trung Hoa, cho nên gọi là »Tây Lai Sơ thứ 7 (1857) một phần kiến trúc của chùa Địa«, có cất am Tây Lai. Những năm đầu này bị thiêu hủy bởi nạn binh lửa. Niên niên hiệu Sùng Trinh (1628-1643) đời hiệu Quang Tự thứ 9 (1883) chùa được Minh, Tông Phù lão nhân từ Chương Châu trùng tu không lớn lắm. Năm 1920, Hòa đến Quảng Châu thể theo lời thỉnh của Am thượng Hư Vân trụ trì chùa này, xây dựng chủ mà cất đạo tràng. Niên hiệu Thuận Trị điện đường, công trình kéo dài liên tục thứ 12 (1655) đời Thanh hoàn thành Đại trong 6 năm. Sau khi hoàn thành đổi tên là hùng bảo điện, lâu các, đường vũ, liêu thất, Tĩnh Quốc Vân Thê Thiền Tự. kênh đào dẫn nước gọi là công đức thủy, Kiến trúc trong chùa có: Chung lâu (lầu trồng cây thành Kỳ Viên, bảng đề »Hoa chuông), Thiên vương điện, Đại hùng bảo Lâm Thiền Tự«. Tông Phù trụ trì chùa này điện, Thiền phòng, Khách đường. Điện vũ 17 năm, siển dương tông chỉ Đ t-ma, nguy nga, quy mô rộng lớn, bố cục nghiêm thường dạy Tam quan ngữ (Ba lời then chỉnh. Trong Thiên vương điện có tượng chốt), đạo phong vang xa, người nghe Tứ đại Thiên vương và Phật Di Lặc, Tôn ngưỡng mộ. Hoa Lâm Tự cùng với bốn giả Vi Đà. Nơi Đại hùng bảo điện có tượng ngôi chùa Quang Hiếu, Tịnh Huệ, Hải

HOA NGHIÊM THÁP Tràng, Đại Phật được gọi là »Quảng Phủ truyền bá ở đời. Ngũ Đại Tùng Lâm«. Nguyên quy mô rất lớn, hiện chỉ còn La hán đường. Trong La HOA NGHIÊM TỰ hán đường có thờ 500 pho tượng La hán do Nằm trên sườn núi Na La Diên (cũng gọi tăng nhân bản tự đắp nặn vào niên hiệu núi Hoa Nghiêm) thuộc Đông bộ Lao Sơn, Đạo Quang thứ 25 (1845) đời Thanh, trong thành phố Thanh Đảo, tỉnh Sơn Đông, đó có tượng Mã Khả Ba La. Chính giữa La Trung Quốc, lưng tựa núi mặt hướng biển, hán đường có tháp A-dục Vương đúc bằng là chùa Phật duy nhất hiện còn trong núi đồng nặng 725 kg. Lao Sơn. Vào niên hiệu Sùng Trinh (1628- 2. Nằm trên sườn phía Nam núi Bình Sơn, 1644) đời Minh, Hoàng Tông Xương khu bắc bộ thành phố Phúc Châu, tỉnh quyên tạo, ban đầu gọi là »Hoa Nghiêm Phúc Kiến, Trung Quốc. Niên hiệu Càn Am«, cũng gọi »Hoa Nghiêm Thiền Viện«, Đức thứ 2 (964) đời Tống, Ngô Việt mặt tây của chùa hiện nay sau đó bị chiến Vương họ Tiền chiếm cứ Phúc Châu, bề tranh phá hủy. Đầu đời Thanh, Hoàng tôi Bào Tu Nhượng làm Quận thủ xây chùa Thản giúp Thiền sư Từ Triêm xây cất lại nơi đây, ban đầu gọi là »Việt Sơn (Bình trên nền hiện nay, năm 1931 đổi tên là Sơn) Kiết Tường Thiền Viện«. Khoảng »Hoa Nghiêm Tự«. Trong chùa nguyên cất niên hiệu Chính Thống (1436-1449) đời giữ Phật kinh, Phật tượng, thư họa danh Minh ban cho tấm biển, đổi tên là »Hoa nhân, nhân trải qua nhiều lần chiến tranh Lâm Tự«. Nguyên có Pháp đường, Hoàn nay đã không còn. Tàng kinh các cất phía phong đình, Tuyệt học liêu đều đã hư phế. trên sơn môn, bên ngoài gác có hành

lang Chỉ còn đại điện mái đơn đỉnh có 9 cây bao quanh, lên gác trông ra xa thấy biển cả đòn dông, dù được trùng tu qua hai đời mênh mông, trời nước bao la. Phía tây Minh Thanh nhưng phần chủ yếu như xà chùa một dặm có khối đá lớn nằm nghiêng nhà, đấu củng vẫn là nguyên vật lúc mới như cá, trên có hang nhỏ, dùng tay gõ vào xây cất, gìn giữ phong cách kiến trúc thời tiếng oang oang tợ như trống da cá, cho kỳ Đường Tống, là kiến trúc bằng gỗ cổ nên gọi là »Ngư Cổ Thạch«. Phía tây nam xưa nhất ở Trung Quốc từ Trường Giang chùa có động Na La Diên rộng 7m, cao và xuống phía Nam. Đây là hiện vật quý báu sâu đều 15m, có thể chứa hơn trăm người. dùng để nghiên cứu kiến trúc cổ. Trong động bốn vách nhẵn bóng, đá dưới đáy bằng phẳng giống như gác đá. Tương HOA NGHIÊM TẠNG (740- truyền vào đời Minh Hòa thượng Hám Sơn 835) (tức Thiền sư Đức Thanh) nhân mộ danh Thiền tăng đời Đường, họ Hoàng, pháp động này mà không ngại đường xa ngàn danh Trí Tạng (vì trùng tên với bạn đồng dặm từ Ngũ Đài Sơn đến nơi này. môn, nên mọi người lấy tên chùa sư trụ trì ghép vào để gọi), người Thượng Cao, HOA NGHIÊM THÁP Giang Tây, Trung Quốc. Sư nối pháp Mã Còn gọi: Tùng Ẩn Tháp. Nằm phía đông Tổ Đạo Nhất, thuộc hệ Nam Nhạc đời thứ bắc thị trấn Tùng Ẩn, huyện Kim Sơn, 3, trụ trì chùa Hoa Nghiêm. Có ngữ lục thành phố Thượng Hải, Trung Quốc. Đời

HOA NGHIÊM VIỆN Nguyên Phật giáo đồ sáng lập Tùng Ẩn Hoa phách tông thừa Thiền Viện, tăng nhân trong Thiền viện Thiết hoặc tổng bất nhậm ma, hựu thị quỷ chép tay Kinh Hoa Nghiêm 81 quyển. Vì quật lý tọa«. để gìn giữ kinh văn này tăng nhân quyên »Bàn huyền nói diệu góp tiền bạc xây tháp để cất chứa kinh văn Tung cứt vãi đái trong tháp. Niên hiệu Hồng Vũ thứ 14 Sử dụng đánh hét (1380) đời Minh phá thổ động công, trải Uống muối giải khát qua bốn năm mới xong. Tháp kết cấu bằng Lập chủ lập khách gạch gỗ, 7 tầng hình vuông, theo kiểu lâu Chia cắt tông thừa các, cao khoảng 51m. Vào đời Minh mà Giả sử tất cả chẳng như thế, cũng là ngồi xây tháp vuông bằng gạch gỗ rất là hiếm trong hang quỷ«. thấy. Tháp này dù trải qua bao cuộc bể dâu song vẫn đứng hiên ngang bên bờ sông HOA PHONG SƠN CHÍ Hoàng Phố. Chí, 5 quyển, do Giám Truyền soạn vào đời Thanh. Núi Hoa Phong cách huyện HOA NGHIÊM VIỆN Tăng Thành, tỉnh Quảng Đông, Trung Nằm trên núi Lộc Môn, huyện Tương Quốc 46km về phía nam. Thuở xưa, Dung Phàn, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Khoảng Lão Hòa thượng từ chùa Hoàng Sơn Giang niên hiệu Kiến Vũ (494-498) đời Nam Tề, Tây đi về phía Nam, do mến cảnh đẹp ở Tập Úc lập Thiền từ trong núi, và bố trí hai núi Nam Tiêu, Tăng Thành nên cất am để con nai bằng đá cho nên tục gọi »Lộc Môn ở đấy, chính là Thủy tổ của núi này, sau đó Sơn«. Tù đời Tùy Đường trở đi, kẻ ẩn dật am bị hư hoại. Niên hiệu Khang Hy thứ 21 phần nhiều thích ở nơi này. Hoa Nghiêm (1682) đời Thanh, Hòa thượng Nam Tiêu Viện xây cất vào đời Đường, Thiền sư Xử đến ở núi này, trên Mai Lâm sáng lập Hải Chân hoằng dương thiền pháp ở nơi này Môn Thiền Tự. Khoảng niên hiệu Càn bèn trở thành tùng lâm, đời Minh mở rộng Long (1736-1795) đời Thanh, Thiền sư xây dựng đổi làm Thiền tự. Bản Nguyên phấn chí trung hưng, dời điện xuống Mai Lâm, nhưng vẫn để hiệu Hải HOA PHÁCH Môn Thiền Viện. Khoảng niên hiệu Quang Chia cắt, phân chia. Tiết Tây Thiền Thủ Tự (1875-1908), vị tăng ở chùa là Giám Tịnh Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: Truyền soạn

Sơn chí gồm 5 quyển. Quyển đầu trình bày cảnh đẹp, quyển 2 nói về nhân vật trong viện, quyển 3 nói về tự sớ cùng bia ký trải qua nhiều đời cùng văn thơ của các du khách. »Đàm huyền thuyết diệu Quyển 4: Phụ lục »Hư Chu Di Cảo« của Tản thỉ tản niệu Giác Hải. Hành bổng hành hát Quyển 5: »Tạng Chuyết Đường Thi Tồn« Tương diêm chỉ khát của Giám Truyền. Lập chủ lập tân Quyển chí này, tuy lấy tên núi để đặt tên,

HÓA CHỦ nhưng kỳ thực làm ra vì Hải Môn Thiền đời Đường từng đi dạo chùa này, có soạn Tự và được khắc bản vào niên hiệu Quang »Quảng Châu Bảo Trang Nghiêm Tự Xá- Tự thứ 26 (1900), được xếp vào Trung lợi Tháp Bi Ký«. Niên hiệu Thiệu Thánh Quốc Phật Tự Sử Chí Vựng San tập 1. thứ 4 (1097) đời Tống trùng tu, bên trong thờ phụng Hiền kiếp thiên Phật tượng, gọi HOA TẠNG HẢI THẠCH THÁP là »Thiên Phật Tháp«. Tháp kết cấu bằng gạch gỗ, cao 57m, hình bát giác 9 tầng, Nằm trong khuôn viên Hoa Tạng Hải mỗi tầng đều có tầng ngầm gồm 9 bậc 17 Thiền Tự, núi Ngọc Tuyền, trong Di Hòa tầng, men theo bậc thang lên phía bên phải, Viên, thành phố Bắc Kinh, Trung Quốc. xuống phía bên trái. Bên ngoài mỗi tầng Chùa không còn, chỉ còn thạch tháp. Chùa đều có hành lang gấp khúc bao quanh, có và tháp cùng được xây cất vào khoảng niên thể tựa vào lan can nhìn ra xa thấy phong hiệu Càn Long (1736-1795) đời Thanh. cảnh toàn thành. Đỉnh tháp có trụ đồng Tháp cao 7 tầng hình bát giác, toàn bộ thiên Phật được đúc vào niên hiệu Chí được xây bằng đá cẩm thạch. Hình dáng và Chính thứ 18 (1358) đời Nguyên, thân trụ cấu tạo tháp phỏng theo kiểu mái kín kết khắc nổi dày đặc 1020 tượng Phật. Tháp cấu gỗ, đặc ruột bên trong, không có cửa này vẫn còn giữ hình thức và phong cách sổ. Toàn diện thân tháp điêu khắc Phật kiến trúc đời Tống. tượng, tranh vẽ truyện Phật kinh và các thứ hoa văn. Phần thắt lưng tòa Tu-di khắc HÓA tranh vẽ cốt truyện Phật Thích-ca, thợ khắc 1. Giáo hóa. Hoằng Nhẫn Truyện trong thành thạo tỉ mỉ, là phong cách nghệ thuật Tống Cao Tăng truyện ghi: » điêu khắc của thời kỳ toàn thịnh đời – Liền Thanh. Tháp sát là một tòa tháp Lạt-ma đem pháp phục trao cho Huệ Năng. Huệ nhỏ theo kiểu Suất Đổ Ba, rất thường thấy Năng nhận y đi giáo hóa ở Thiều Dương.« trong những tháp vào thời kỳ Minh Thanh. 2. Đi khất thực, quyên góp. Pháp Diễn ngữ Tháp được bảo tồn hoàn hảo, chỉ có tác lục q. thượng: » phẩm điêu khắc phần dưới thân tháp bị liên quân tám nước đập phá một phần.

– Trong viện HOA THÁP Hải Hội chùa Bạch Vân có đủ nước, củi, Trong khuôn viên chùa Lục Dung, thành than. Chỉ thiếu mè và lúa mạch, mọi người phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung đều thấy hết. Hễ thân quen đi quyên góp Quốc. Hình tháp hoa lệ hùng tráng hệt như của đàn việt, còn không thân thì từ khước trụ hoa mọc thẳng lên trời cho nên mới có cả A-la-hán. Thử hi vọng đức Đại Từ Bi tên gọi Hoa tháp. Nguyên tên là »Xá-lợi cho mỗi người thấy được mặt Phật.« Tháp«, được xây cất vào niên hiệu Đại HÓA CHỦ Đồng thứ 3 (537) đời Lương thời Nam 1. Đồng nghĩa với Giáo chủ, tức là Đức Triều, bên trong cất chứa xá-lợi mà Pháp Thích Tôn. sư Đàm Dụ mang từ Ấn Độ về. Vương Bột

HÓA MẪU 2. Chỉ cho vị Trụ trì. Thiền Uyển Mông Mân ở Dương Châu để tham vấn các bậc Cầu Thập Di (Vạn Tục 148, 151 thượng) Cao tăng Đại đức. Đến Xích Sơn theo

ngài ghi: » – Ai Pháp Nhẫn tụng kinh tập thiền, tỏ thông đã là Hóa chủ thì được ở trong phương pháp yếu. Sư hoằng thiền ở hang Bí Ma trượng«. núi Ngũ Đài. 3. Gọi tắt của từ »Nhai phường hóa chủ«, chỉ cho vị tăng chuyên lo việc đi vào phố HÒA HÒA phường khuyến hóa đàn việt bố thí, giúp đỡ các chùa chiền, tự viện. Còn gọi: Hóa Tiếng oa oa. Tiết Trung Ấp Hồng Ân sĩ, cúng dường chủ. Tiết Chính pháp Hy Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: » Minh Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » – Nhằm – Mỗi khi thấy này chúng tăng tự tứ, hóa chủ trở về núi.« tăng đến, sư vỗ miệng kêu oa oa. Ngưỡng Sơn đến tạ giới sư cũng vỗ miệng kêu oa HÓA MẪU oa.« Kẻ tạo ra vạn vật, nhà Phật dùng nó chỉ cho tâm tính. Thung Dung Am Lục q. 1 HÒA HỢP ghi: » 1. Hỗn hợp, điều hòa. Tiết Tông Thừa Yếu Nghĩa trong DTNL q. 9 ghi: »

– Một đoạn –

Người có chí khí vừa nghe chân phong có thấy chăng? Hóa mẫu luôn lời này liền có thể ở nơi sáu căn, sáu trần, mãi bày khung cửi, dệt thành gấm đẹp sáu thức chiếu phá hư vọng, điều hòa sinh chứa mùa xuân, tiếc rằng sao để lộ chúa tử, biết rõ tình cảnh hoặc nghiệp như mộng xuân... Hóa mẫu là biệt hiệu của hóa công như huyễn, như bóng như vang.« tạo vật. Nho giáo và Đạo giáo đều có tôn chỉ nơi nhất khí; hàng Phật gia lấy nhất 2. Như ý, thuận lợi. Chương Tổ thứ 19 tâm làm căn bản. Khuê Phong nói: Nguyên Cưu Ma La Đa trong CĐTĐL q. 2 ghi: » khí cũng do tâm tạo.«

HÓA TƯỜNG (1866-1922) Tăng nhân cận đại, họ Phương, pháp danh – Cha mẹ ta Diệu Tịch, người huyện Xạ Hồng, tỉnh Tứ rất tin Tam Bảo vậy mà hay bị bệnh và Xuyên, Trung Quốc. Theo Hòa thượng công việc làm ăn không như ý. Còn nhà Tùng Ngạn Công xuất gia năm 26 tuổi, hàng xóm lâu nay tu hạnh Chiên đà la vậy năm sau sư thụ giới Cụ túc ở chùa Vân Tụ mà thân thường khỏe mạnh, công việc làm tại Bắc Kinh. Sư còn đi về phương Nam ăn thuận lợi. Tại sao họ có phúc còn ta lại đến các chùa: Kim Sơn ở Trấn Giang, Cao vô phúc?«

HÒA SƠN ĐỨC PHỔ HÒA LA PHẠN người«. Cơm Hòa-la. Hòa-la tức là bát Hòa-la-phạn (pravara a), Trung Quốc trước đây dịch là HÒA PHU THIẾU MIẾN »Tự thú«, sau này dịch là »Tùy ý«. Vào Đem cám trộn vào bột để bán. Đem giả ngày tự tứ (16 tháng 7 âm lịch), chư tăng tráo thật để lừa người. Tiết Dương Kỳ đều được »Tùy ý« nêu tội lỗi của mình ra Phương Hội Thiền sư trong NĐHN q. 19 để sám hối trước đại chúng. Thiền tông ghi: » mượn thuật ngữ này để chỉ cho cơm Hòa-la hay cơm Tùy ý. Bài Phóng Cuồng Ca – Trong chúng có người chẳng trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục có ghi: chịu bị gạt, liền nói Dương Kỳ đem giả tráo thật. Mặc dù như vậy trong túi vải chứa đầy dùi«. »Cơ tắc xan hề hòa-la phạn Khốn tắc miên hề hà hữu hương«. HÒA QUANG HỖN TỤC »Đói thì ăn hề, cơm tùy ý Mệt thì ngủ hề, nơi vô vi«. Còn gọi: Cộng tục hoà quang. Ẩn giấu tài năng, hòa mình cùng trần tục. Tiết Tính HÒA NAM Không Diệu Phổ Am Chủ trong NĐHN q. Kính lễ, lễ bái. Chương Tăng-già-nạn-đề, 8 ghi: » Tổ thứ 17 trong CĐTĐL q. 2 ghi: »

– Thật là lỗi lạc, không còn bị ngăn ngại. Hơn 60 năm ẩn giấu tài năng – Ngài dùng kệ thưa với cha mẹ hòa mình cùng trần tục. 42 lạp tiêu dao tự rằng: Dập đầu trước cha lành, kính lễ mẹ tại«. hiền, nay con muốn xuất gia, cúi mong thương xót cho« . HÒA SƠN Còn gọi: Thu Sơn. Núi nằm về phía tây bắc HÒA NÊ HỢP THỦY huyện Vĩnh Tân, tỉnh Giang Tây, Trung Còn gọi: Đà nê đới thủy. Dùng phương Quốc. Ngọn cao nhất gọi là Xích diện thức phiền toái như ngôn ngữ v.v... để phong, dưới ngọn núi này có chùa Hòa Sơn khêu gợi, tiếp dẫn người học. Nhìn từ góc (còn gọi chùa Cam Lộ). Xưa nay là một độ không lập văn tự ngữ ngôn của Thiền trong những đạo tràng nổi tiếng của Thiền tông thì đây không phải là cách truyền dạy tông. Các vị như: Huệ Tông, Vô Ân, Đức cao minh, song được phần đông chấp nhận Phổ, Huệ Phương lần lượt hoằng pháp tại vì giúp người học dễ tiếp thu. NĐHN q. 20 đây. Người đời khi gọi Pháp hiệu của các ghi: » vị, thường đặt 2 chữ Hòa Sơn ở trước. – Mở ra một con đường, mười phương cõi HÒA SƠN ĐỨC PHỔ nước đều rung động và phóng quang. Phải Thiền tăng Đức Phổ đời Tống trụ Hòa Sơn thì phải, tiếc rằng sử dụng phương tiện dạy lâu đến 12 năm, người đời gọi là »Hòa Sơn

HÒA TANG TRÓC BẠI Đức Phổ«. X. Đức Phổ. Còn gọi là Du đầu. Hoặc cho rằng người nấu cơm cũng gọi là Hỏa đầu. Chương HÒA TANG TRÓC BẠI Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong Bắt được kẻ trộm cùng với tang vật. Tiết CĐTĐL q. 10 ghi: » Thủ Sơn Tĩnh Niệm Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: » – Sư làm Hỏa đầu, một hôm đóng – Chẳng những hôm qua, cả hôm nay chặt cửa, un khói đầy thất, kêu lên: Cứu cũng bắt được kẻ trộm cùng tang vật«. lửa! Cứu lửa!«.

HÒA THANH TIỆN ĐẢ HỎA LÝ TỨC LIÊU THÔN KHƯỚC Lời nói chưa dứt liền bị đánh. Pháp Diễn HỔ ngữ lục q. hạ ghi: » Trong lửa con thiêu thân nuốt con cọp. Lời nói vô nghĩa trong nhà thiền. Ám chỉ thiền – Nếu là Ngũ tổ thì chẳng như thế. pháp vi diệu hoặc chân như thật tướng Có người hỏi: Khi tất cả chẳng như thế thì không thể dùng ngữ cú thông thường mà sao? Lời nói chưa dứt, liền bị đánh«. biểu đạt. Tiết Tứ Châu Dụng Nguyên HÒA THƯỢNG TỬ Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » Xưng hô đối với tăng đồ. Chương Tuyết – Một hai Phong Hòa thượng trong TĐT q. 7 ghi: ba bốn năm, trong lửa thiêu thân nuốt con » cọp. Sáu bảy tám chín mười, trong nước – Này các Hòa thượng, nếu trâu đất đi trên sóng«. thực sự chưa được ngộ nhập thì cần phải ngộ nhập mới được.« HỎA TRƯỚC HỎA BẢNG Còn gọi: Hỏa trợ. Que cời than. Chương Tấm bảng gỗ treo trên bếp lò nơi Khố ty Nam Tuyền Phổ Nguyện Thiền sư trong trong Thiền viện. Khi cơm đã chín, Phạn CĐTĐL q. 8 ghi: » đầu đánh Hỏa bảng 3 tiếng, Hỏa đầu liền tắt bếp lửa. Đồng thời đại chúng ngưng việc tọa thiền, chuẩn bị ăn cơm. – Sư đang cùng Sam Sơn hơ lửa nơi phương trượng, sư nói: Không cần chỉ HỎA DỤC đông chỉ tây, lập tức nói ra bản phận sự? Còn gọi: Hỏa hóa, hỏa táng. Tông Môn Võ Sam Sơn cắm chiếc que cời than rồi Khố ghi: » khoanh tay mà đứng.« – Bậc tôn túc ở các nơi thị diệt, dùng lửa thiêu toàn

thân thâu HỌA BỈNH SUNG CƠ được xá-lợi rất nhiều.« Theo truyện Lư Dục thuộc Ngụy Thư trong Tam Quốc Chí: Thời Tam quốc, Ngụy HỎA ĐẦU Minh Đế có lần định tuyển chọn một vị Tên gọi chức vụ trông coi việc đèn đuốc. Trung thư lang, nhưng lại sợ người ta tiến

HOÀI CẢM cử những người hữu danh vô thực, liền nói chùa An Lạc, Kim Lăng. Lý do là vì với các hạ thần rằng: »Đừng chọn những Trương cho rằng nếu vẽ mắt thì rồng sẽ người chỉ có danh như vẽ bánh dưới đất, bay mất. Mọi người không tin. Nhưng khi không no bụng được (Họa bính sung cơ)«. Trương vừa lấy bút điểm mắt cho một con Thiền tông mượn từ này để chỉ cho sự vô rồng, thì sấm sét nổi lên, bức vách lung lay dụng của lời nói và chữ viết, muốn thoát và con rồng có mắt vụt bay lên, còn ba con sinh tử không nên mắc kẹt vào đó. Thiền kia vẫn ở yên chỗ cũ. Thiền tông dùng Lâm Bảo Huấn q. 3 (Đại 48, 1034 trung) thành ngữ này để chỉ cho việc nắm lấy chỗ ghi: » trọng tâm của vấn đề. – Biện Công bảo Hỗn Dung rằng:
Rồng giả không thể HỌA XÀ THIÊM TÚC làm được mưa, bánh vẽ sao hay đỡ được Còn gọi: Dữ xà họa túc. Vẽ rắn thêm chân. đói?«. Theo Tề sách trong Chiến Quốc Sách, người nước Sở cho các xá nhân một chén HỌA DẠNG KHỞI MÔ rượu. Họ bàn nhau vẽ rắn thi, ai vẽ xong Lời nói và việc làm giả dối, chỉ bắt chước trước thì được uống rượu. Một người vẽ người xưa làm bộ làm tịch. Tiết Khai Phúc xong trước, thấy các bạn còn đang vẽ, anh Ninh Thiền sư trong TBCTT q. 2 ghi: » cậy tài, ngồi vẽ thêm chân rắn. Vì thế hóa chậm và không được uống rượu. Thiền tông dùng từ này để chỉ việc vốn đơn giản – Bên
thành lại làm cho rối rắm vô ích. Nhàn Thiền sư Câu-thi-na, Phật ló hai bàn chân ra quan ngữ lục ghi: » tài. Trước núi Hùng Nhĩ, Tổ lưu lại một chiếc dép. Nhà thờ Tổ còn chẳng rõ, gây – Sư thượng đường: Ấy là việc bản hoạ đến con cháu, chỉ bắt chước người xưa phận của các ông, nếu bảo lão tăng nói, làm bộ làm tịch cho đến hôm nay«. tức là vẽ thêm chân cho rắn«

HỌA HỔ THÀNH LY HOẠCH THANG LÔ THÁN Vẽ cọp thành mèo. Tỷ dụ muốn khéo thành vụng. Mật Am ngữ lục ghi: » Vạc sôi lò lửa. Hình phạt khốc liệt dưới địa – ngục. Tiết Thị Chân Ngộ Thiền Nhân trong Hai vị lão túc gõ gạch đập ngói, Hòa HSLNMDT q. 2 ghi: » thượng Lang Da vẽ cọp thành mèo«. – Giường sắt cột đồng nhờ vào sức HỌA LONG ĐIỂM TINH huyễn mà lập bày, vạc sôi lò lửa nhờ vào Vẽ rồng điểm mắt. Đi đúng trọng tâm. sức huyễn mà sôi sục«. Theo Lịch Đại Danh Họa Ký của Trương Nham Viên: Thời Nam Bắc Triều có họa sĩ HOÀI CẢM Trương Tăng Do vẽ 4 con rồng nhưng Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư không vẽ con mắt (con ngươi) ở trên vách Thạch Môn Huệ Triệt, tông Tào Động. Sư

HOÀI HẢI (720-814) trụ viện Bắc Thiền ở Đàm Châu (nay là HOÀI NHẠC huyện Trường Sa tỉnh Hồ Nam) Trung Thiền tăng đời Đường, người Tuyền Châu, Quốc. nối pháp Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Sư trụ viện Báo Ân ở Chương Châu HOÀI HẢI (720-814) (nay thuộc huyện Chương Phố, tỉnh Phúc Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người Kiến) Trung Quốc. xứ Trường Lạc, Phúc Châu (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến) Trung

Quốc; nối pháp Mã Tổ HOÀI NHƯỢNG (677-744) Đạo Nhất. Sư trụ núi Bách Trượng ở Tân Thiền tăng đời Đường, họ Đỗ, người xứ Ngô (nay là huyện Phụng Tân, tỉnh Giang An Khang, Kim Châu (nay thuộc tỉnh Tây). Thụy hiệu »Đại Trí Thiền sư«. Tác Thiểm Tây) Trung Quốc; nối pháp Lục Tổ phẩm: Bách Trượng Thanh Quy, Bách Huệ Năng, là học trò giỏi của Ngài. Sư trụ Trượng Hoài Hải Thiền sư ngữ lục, Bách chùa Bát Nhã ở Hành Sơn, hoằng dương Trượng Hoài Hải Thiền sư quảng lục 1 học thuyết của Huệ Năng, dùng cách giáo quyển. hóa cao vút, khó khăn, mở ra 1 phái Nam Nhạc nên người đời gọi Sư là »Nam Nhạc HOÀI HẢI Hoài Nhượng«. Thụy hiệu »Đại Huệ Thiền Hiệu của Thiền tăng Nguyên Triệu đời sư«. Tác phẩm: Nam Nhạc Đại Huệ Thiền Tống. X. Nguyên Triệu. sư ngữ lục.

HOÀI HUY (756-815) HOÀI SỞ Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Còn gọi: Hoài Uẩn. Thiền tăng đời Đường, Bạch Triệu Chí Viên. Sư trụ viện Trúc Càn họ Tạ, người xứ Tuyền Châu, Trung Quốc, ở An Châu (nay là huyện An Lục tỉnh Hồ nối pháp Mã Tổ Đạo Nhất. Sư trụ chùa Bắc) Trung Quốc. Linh Nham rồi dời về chùa Bách Nham. Thụy hiệu »Đại Tuyên Giáo Thiền sư«. HOÀI SƯỞNG (1120-1195) Thiền tăng đời Nam Tống, họ Vạn, tự HOÀI HỰU Nhân Thiền, người xứ Dư Hàng, Chiết Thiền tăng đời Đường, người xứ Tuyền Giang. Nối pháp Thiền sư Thiên Đồng Châu, nối pháp Thiền sư Thạch Sương Tùng Cẩn, đời thứ 19 hệ Nam Nhạc. Trụ Khánh Chư. Sư trụ chùa Thê Hiền ở Lô trì chùa Vạn Niên ở Thiên Đài. Có ngữ lục Sơn. Thụy hiệu »Huyền Ngộ Thiền sư«. truyền lại đời.

HOÀI KHÔNG (704-787) HOÀI THÂM (1077-1132) Thiền tăng đời Đường, họ Thương, người Thiền tăng đời Tống, họ Ưu, tự Từ Thọ, Hà Dương (nay là huyện Mạnh, Hà Nam) người đời gọi là »Từ Thọ Thiền sư«; nối Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Thần pháp Thiền sư Tư Thánh Sùng Tín, tông Hội. thuộc tông Hà Trạch đời thứ 2, cất am Vân Môn. Sư trụ chùa Tư Phúc, Tây Am ở ở núi Định An, An Lạc, Hồ Bắc để ẩn tu. Tương Sơn. Tác phẩm: Từ Thọ Thâm Hòa

HOÀN SƠN LỤC thượng quảng lục. HOÀN (k. ng) Phó từ nghi vấn, tương đương với »khả«, HOÀI TÍN (1280-1357) có nghĩa là »hay không?« Hoài Hải trong Thiền tăng đời Nguyên, họ Khương, hiệu Cổ Tôn Túc ngữ lục q. 1 ghi: » Phu Trung, người xứ Phụng Hóa (nay – Dưới núi có một thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; nối con cọp, ngươi có thấy hay không?« pháp Thiền sư Trúc Tây Diệu Đán, tông Bình Điền Phổ Ngạn Thiền sư trong Lâm Tế. NĐHN q. 4 ghi: » Sư trụ trì chùa Quán Âm ở Minh Châu – Ông có lần nào gặp chị dâu của tôi (nay thuộc huyện Ninh Ba, tỉnh Chiết chưa?« Giang). Ít lâu sau, Sư dời về chùa Phổ-đà. HOÀN CỔ VỊ LIỄU HOÀN KIM HOÀI TRÚ ĐÁO LAI Trở về xưa chưa đến, trở về nay đến rồi. Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Thuật ngữ biểu thị Thật tướng của các Thanh Phong Truyền Sở. Sư trụ chùa Khai pháp không có tướng khứ lai, bởi vì bản Sơn ở Phòng Châu (nay là huyện Phòng, chất và trạng thái chân thật của vạn sự vạn tỉnh Hồ Bắc). vật trong vũ trụ xưa nay là Như thị. HOÀI TRUNG HOÀN PHỔ Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội. Sư trụ núi Tiêu Dao ở Giáp Sơn Thiện Hội. Sư trụ Thiều Sơn ở Phủ

Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tây) Lạc Dương. Thụy hiệu »Vô Úy Thiền sư«. Trung Quốc.

HOÀN SƠN LỤC HOÀI UẨN Gọi đủ: Cổ Sơn Vi Lâm Thiền sư Hoàn Sơn Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư lục. Còn gọi: Vi Lâm Thiền sư Hoàn Sơn Vân Cư Đạo Ưng, tông Tào Động. Sư trụ lục. Ngữ lục, 4 quyển, do Vi Lâm Đạo Bái chùa Quy Tông ở Lô Sơn và còn trụ núi soạn vào đời Thanh, nhóm ông Hưng Bách Trượng. Đăng… biên tập, thu thập các ngữ lục từ lúc sư Đạo Bái trụ Cổ Sơn trở về sau nên HOÀI VỊ (1317-1375) gọi là Hoàn Sơn lục, được xếp vào Tục Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên-đầu Tạng kinh tập 125, trang 921. Nội dung đời Minh, họ Ngụy, tự Thanh Viễn, hiệu bao gồm: Thượng đường, Thị chúng, Phật Trúc Am, người xứ Nam Xương (nay sự, Kệ, Tán, Tự, Đề bạt, Ký. Quyển cuối thuộc tỉnh Giang Tây) Trung Quốc; nối phụ lục 1 thiên »Lữ Bạc Huyễn Tích« là pháp Thiền sư Long Tường Toàn Ngộ. Sư ghi lại phần tự thuật về cuộc đời và tác trụ các chùa: Bảo Tướng, Báo Ân, Tịnh phẩm của Sư. Sách này được ấn hành vào Từ. Tác phẩm: Tứ Hội ngữ lục, Trúc Am niên hiệu Khang Hy thứ 27 (1688) đời Ngoại tập. Thanh.

HOÀN THA HOÀN THA – Hỏi: Thế nào là tự kỷ của học Buông bỏ. Một phần bài tán của Bảo Phác nhân? Sư nói: Hoàng đế ở trong triều, trong Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục ghi: tướng quân ở ngoài biên ải«. HOÁN CHUNG TÁC ỦNG Dục tri diêm vị toàn Hoàn tha lão thử nỉ Nhận lầm cái ly là cái hũ, dụ cho nhầm lẫn Muốn biết toàn vị mặn sự lý. Vô Môn Quan ghi: » Buông bỏ con chuột đi! – Vị tăng này nghe sự (Muốn biết trọn vẹn pháp giải thoát của việc không chính xác cho nên nhận lầm cái Phật thì hãy buông bỏ ý niệm sinh diệt của ly là cái hũ.« thời gian.) HOÁN NÔ TÁC LANG HOÀN TRUNG (780-862) Nhận lầm người tớ là ông chủ, dụ cho Thiền tăng đời Đường, họ Lữ, người xứ nhầm lẫn sự lý, không biết tự tâm là Phật, Phố Bản, Hà Đông (nay là huyện Vĩnh Tế, tự mình là chủ. Mật Am ngữ lục ghi: » tỉnh Sơn Tây) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải. Sư trụ chùa Thường Nhạc ở Hành Sơn. Thụy hiệu »Tính Không Đại Sư«. – Thử nói cái gì là linh giác? Có hạng người đông tây không HOÀN TRUNG HƯ BẠCH rõ, nam bắc chẳng phân, liền nói kinh hành cùng ngồi nằm, ăn cháo ăn cơm là Hoàn trung có nghĩa là trống rỗng; hư bạch đạo. Đây đúng là cho tớ là chủ, nhận giặc là tâm thuần khiết. Chỉ cho cảnh giới tuyệt làm con.« đối siêu việt thiện ác, thị phi, hữu vô, mê ngộ… HOÀNG BÁ ĐOẠN TẾ NGỮ LỤC HOÀN TRUNG THIÊN TỬ, TÁI Còn gọi: Đoạn Tế Thiền sư ngữ lục, Hoàng NGOẠI TƯỚNG QUÂN Bá Hy Vận Thiền sư ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Hoàng Bá Hy Vận soạn vào đời Hoàn trung thiên tử tức là Hoàng đế có Đường, được xếp vào Tục Tạng kinh tập quyền hành tối cao trong nước. Tái ngoại 118, trang 180. Nội dung bao gồm cơ tướng quân tức là vị tướng quân ở ngoài duyên ngữ cú của Hoàng Bá Hy Vận tham biên giới, có quyền xử lý các sự việc một yết ngài Bách Trượng Hoài Hải, cho đến cách tạm thời. Thiền sư thường dùng lời các lời thượng đường, pháp ngữ vấn đáp này để ngầm chỉ dạy người học hãy lãnh thị chúng. ngộ tự tâm là Phật, chính mình là chủ. NĐHN q. 14 ghi: » HOÀNG BÁ HỔ THOẠI Cơ ngữ qua lại giữa Hoàng Bá và Thầy của

HOÀNG BÁ SƠN CHÍ sư là Bách Trượng Hoài Hải. Công án này Tống, Vua Cao Tông ban cho chùa tên được thấy nơi tiết Hoài Hải đời thứ 3 dưới»Báo Ân Quang Hiếu Thiền Tự«, cốt để Đại Giám trong CTTNL q. 1 như sau: » truy niệm chỗ Vua cha xuất gia (Tống Huy Tông). Niên hiệu Trung Hiệp đời Minh, chùa đã bị phá hủy một lần. Về sau, sư Thường Huệ v.v... từng phục hưng lại chùa. 2. Còn gọi: Nam Sơn. Núi thuộc huyện Phúc Thanh, tỉnh Phúc Kiến, nằm cách Tây – Hoài Hải hỏi Hoàng thành 17km. Vì núi sản xuất rất nhiều cây Bá: Ở đâu đến? Bá đáp: Nhổ nấm dưới núi Hoàng Bá nên có tên như thế. Niên hiệu đến. Hải hỏi: Dưới núi có một con cọp Trinh Nguyên thứ 5 (789) đời Đường, ngươi có thấy chăng? Bá liền làm tiếng Thiền sư Chính Can khai sơn cất chùa, tên cọp rống. Hải rút chiếc búa bên lưng làm là Bát-nhã Đường. Về sau bị nạn phá bỏ bộ chém. Bá ra hiệu bảo Hải dừng lại rồi chùa miếu, trải qua 8 năm, chùa đổi tên là tát Hải một tát. Buổi chiều, Hải thượng Kiến Phúc Tự. Thiền sư Hy Vận đến trụ đường nói: Đại chúng, dưới núi có một con núi này, danh tiếng Hoàng Bá nổi lên cọp, các ngươi ra vào phải chú ý, sáng naynhanh chóng. Về sau trở thành đại đạo lão tăng bị nó ngoặm một miếng.« tràng của tông Lâm Tế, rất hưng thạnh vào Công án phản ánh sự tiếp cơ nhạy bén và đời Tống. Sau đó chùa trải qua bao phen tùy chỗ làm chủ của Hoàng Bá Hy Vận thăng trầm. Minh Thần Tông ban cho tấm cùng với sự tán thành của Hoài Hải đối vớibiển »Vạn Phúc Thiền Tự«. Niên hiệu Hoàng Bá. Sùng Trinh thứ 14 (1641) đời Minh, sư Ẩn Nguyên trùng hưng núi này. Về sau, Ẩn HOÀNG BÁ SƠN Nguyên đi sang Nhật Bản, khai sáng Vũ 1. Còn gọi: Thứu Phong Sơn. Núi thuộc Trị Đại Hòa Sơn, phỏng theo quy mô của huyện Nghi Phong, tỉnh Giang Tây,Trung chùa này và đặt tên là »Hoàng Bá Sơn Vạn Quốc, cách trung tâm huyện 57km về phía Phúc Thiền Tự«. (Obaku-san Manpuku-ji) tây. Đời Đường Tống, Thiền sư Hy Vận đến đây khai sơn. Chẳng bao lâu người học HOÀNG BÁ SƠN CHÍ khắp nơi nghe danh Ngài nên tụ hội về, số Chí, 8 quyển, do Tính U biên tập vào đời người vãng lai có hơn ngàn vị. Đường Thanh, Ẩn Nguyên sửa lại, ghi chép lại lúc Tuyên Tông từng đến núi này, cùng với Hy bắt đầu, lịch trình thay đổi và phát triển Vận ngắm thác nước, làm thơ phú. Từ đó, Vạn Phúc Thiền Tự ở núi Hoàng Bá, tông phong Hoàng Bá thạnh hành ở Giang huyện Phúc Thanh, tỉnh Phúc Kiến, Trung Nam. Các vị trụ trì nối tiếp Thiền sư Hy Quốc. Nội dung chia làm 8 loại: Sơn, Tự, Vận gồm có: Pháp Tế, Chí Nhân, Duy Sơ, Tăng, Pháp, Tháp, Ngoại hộ, Văn, Thi kệ Duy Thắng, Đạo Toàn, Vĩnh Thái, núi dật sự. Quyển đầu có phụ bản đồ cảnh càng thêm nổi tiếng. chùa và tháp đài. Hơn nữa còn ghi lại Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 9 (1139) đời nguồn gốc và sự phát triển dòng chính của

HOÀNG BÁ SƠN ĐOẠN TẾ THIỀN SƯ TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận cho đến pháp sơn dự chúc ngữ, Tháp viện quy ước, Cổ hệ của Thiền sư Ẩn Nguyên. Sách được đức tập yếu, Pháp cụ đồ. biên tập xong vào niên hiệu Đạo Quang thứ 4 (1824) và được khắc bản vào niên HOÀNG BẠCH KHÍ VẬT hiệu Đạo Quang thứ 10 (1830) đời Thanh. Chỉ cho vàng bạc. Tông Môn Võ Khố ghi: HOÀNG BÁ SƠN ĐOẠN TẾ » THIỀN SƯ TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU Ngữ lục, 1 quyển, do Hoàng Bá

Hy Vận – Khi nhập soạn vào đời Đường. Vào niên hiệu Đại tháp, môn nhân lo sợ thiền sư Đại Dương Trung thứ 11 (857) đời Đường, Bùi Hưu Bình gây bất lợi cho sư (thiền sư Minh An) ghi chép lại những pháp ngữ của Hy Vận bèn giả vờ đem việc Lý Hòa Văn Đô úy mà ông đích thân nghe được trong những cúng vàng bạc ghi vào tháp minh, nhưng năm tháng gần gũi Ngài. Đầu quyển có bài sự thực là không có.« tựa của Bùi Hưu, cuối quyển có phụ »Uyển Lăng lục«, và được xếp vào Đại Chính HOÀNG BẢNG THỨC Tạng tập 48, trang 379 Cảnh Đức Truyền Thiền viện dùng giấy vàng làm tờ yết thị Đăng lục quyển 9. Các chương đều bỏ bớt thông báo công việc phải làm gọi là Hoàng năm tháng, cuối quyển lại tỉnh lược 1/3 và bảng thức. Như quy định trong chương phụ thêm bằng kệ Truyền Tâm, thể tứ ngôn Chúc Ly, Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, trường thiên của Bùi Hưu. thì vào ngày sinh của Hoàng đế (Thiên thọ thánh tiết) phải thiết lập đạo tràng Kim HOÀNG BÁ THANH QUY Cang Vô Lượng Thọ và viết trên »Tấm giấy vàng« hàng chữ: »Kim Thượng Sách, 1 quyển, do Cao Tuyền Tính Xích Hoàng Đế thánh thọ vạn tuế«, ghi pháp biên tu vào đời Thanh, Mộc Am Tính Đạo hiệu của Trụ trì dán trên miếng gỗ rồi đem hiệu duyệt, được xếp vào Đại chính Tạng gắn lên bên phải cửa chùa. tập 82, trang 766. Sách này phỏng theo thể lệ của »Bách Trượng Thanh Quy«, trình HOÀNG DIỆN LÃO TỬ bày về những quy tắc nghi thức do Ẩn Còn gọi: Hoàng diện Cù-đàm, Hoàng diện Nguyên Long Kỳ chế định. Ẩn Nguyên là lão, Hoàng đầu đại sĩ, Hoàng đầu lão, Trụ trì pháp hội núi Hoàng Bá, sau đó sang Hoàng diện, Hoàng lão, Hoàng đầu. Chỉ Nhật Bản sáng lập ra tông Hoàng Bá, nên Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Thân của Ngài sách này có tên là Hoàng Bá Thanh Quy. là thân kim sắc nên có tên là Hoàng diện Nội dung gồm 10 chương: Chúc hy, Báo (mặt vàng). Lại, thành Ca-tỳ-la-vệ, tên ân, Tôn tổ, Trụ trì, Phạm hạnh, Phúng Phạn là: Kapilavastu, trong đó, Kapila là tụng, Tiết tự, Lễ pháp, Phổ thỉnh, Thiên màu vàng, vastu là thành, trụ sở. Bởi Đức hóa và phụ lục Phật sự Phạm bối tán, Khai Thích-ca sinh ra nơi thành này nên gọi

HOÀNG ĐOAN BÁ (?-1645) Ngài là Hoàng diện lão tử (Ông già mặt Chẳng quản đêm tàn còn mộng mị. Đinh, vàng). Thiền tông dùng từ này chỉ cho cơ đông cửa phượng giục tàn canh«. pháp chửi Phật mắng Tổ. Điều Thế Tôn Niêm Hoa trong Vô Môn Quan (Đại 48, HOÀNG ĐÌNH KIÊN (1045- 293 hạ) ghi: » 1105)

– Ông Cư sĩ đời Tống, tự là Lỗ Trực, hiệu là Sơn già mặt vàng dối gạt nhân gian, nếu nói Cốc Đạo Nhân, Phù Ông, người Phần không truyền thọ tại sao lại riêng trao cho Ninh, Hồng Châu (nay là Tu Thủy, Giang ngài Ca-diếp?«. Tây), Trung Quốc. Niên hiệu Trị Bình thứ 4 (1067) đỗ Tiến sĩ. Lần lượt nhậm chức HOÀNG DƯƠNG MỘC THIỀN Quốc tử giám Giáo thọ, Khởi cư xá nhân, Bí thư thừa. Bởi mắc tội sửa chữa sách Thiền pháp như cây Hoàng Dương. Lời »Thần Tông Thực lục« không chân thật quở mắng kẻ độn căn tham thiền hoài mà nên bị giáng chức làm Biệt giá ở Phù không tỏ ngộ. Tục bảo rằng cây Hoàng Châu. Sau lại phạm tội »Văn chương báng Dương lớn lên rất chậm, nếu gặp năm quốc« nên bị quản thúc ở Nghi Châu. Ông nhuận thì thân bị co rút lại 3cm. Tiết Tẩm có khuynh hướng chính trị cựu đảng, là thực lưỡng vong trong Thiền Quan Sách một nhân vật đại biểu cho phái Thục Học. Tiến ghi: »

Sáng lập »Giang Tây Thi Phái« có ảnh hưởng rất

lớn đối với đời sau. Từng hỏi – Sư đến học với Mật Am đạo với Thiền sư Hối Đường, lại yết kiến Kiệt. Kiệt hỏi đến đâu, Sư trả lời đều thông Thiền sư Tử Tâm, có chỗ tỉnh ngộ. Ngoài suốt cả. Kiệt than: Thiền pháp như cây ra ông còn viết bài tựa các ngữ lục của các Hoàng Dương mà thôi! Sư càng cố gắng Thiền sư Thúy Nham Chân, Vân Cư Hựu, tinh tấn hơn, cho đến quên ăn quên ngủ«. Đại Quy Triết, Thúy Nham Duyệt v.v... lại làm bài minh trên bia tháp của các Đại sư HOÀNG ĐẦU Hoàng Long Tâm, Phúc Xương Tín, Pháp Người vàng, chỉ cho Đức Phật. Bài tụng An, Trí Ngộ. thứ tư trong phần Tụng Cổ của Tuệ Trung Bởi trên đường chính trị ông bị bao nỗi Thượng Sĩ ngữ lục ghi: thăng trầm, nên không những ông thích giáo lý »chư hành vô thường, nhất thiết giai khổ; chư pháp vô ngã, tịch diệt vi lạc«, mà còn say mê cảnh giới tự tại nhất thiết tùy duyên. Tác phẩm: Sơn Cốc tập. »Hoàng đầu nhiêu thiệt trám chúng sinh Xứ xứ niên thời độc tự hành HOÀNG ĐOAN BÁ (?-1645) Bất quản dạ lạn du mộng lý Cư sĩ đời Minh, tự Nguyên Công, hiệu Hải Đinh đông phụng khuyết hiểu thôi canh. » Ngạn Đạo Nhân, người Tân Thành (nay »Người vàng (Phật) khua lưỡi gạt chúng thuộc Giang Tây) Trung Quốc. Niên hiệu sinh, chốn chốn ngủ say – dạo một mình. Sùng Trinh thứ 1(1628) đậu Tiến sĩ, làm

HOÀNG KIM ĐẢM TỬ THIÊN QUÂN TRỌNG quan Lễ bộ lang trung. Sau vì quân lính HOÀNG LONG HUỆ NAM THIỀN nhà Thanh bắt giam, ông bất khuất chịu SƯ NGỮ LỤC chết. Ông rất thích Phật pháp, từng tham Còn gọi: Phổ Giác Thiền sư ngữ lục. Ngữ học với Thiền sư Vô Minh Huệ Kinh tông lục, 1 quyển, do Hoàng Long Huệ Nam nói Tào Động. Ngày đêm tham cứu công án vào đời Tống, Huệ Tuyền biên tập, được »Cây bách trước sân« có chỗ tỉnh ngộ. Tác xếp vào Tục Tạng kinh tập 120 trang 187. phẩm »Di sớ«, »Dao Quang Các tập«. Nội dung bao gồm các ngữ yếu, kệ tụng của Thiền sư Huệ Nam. Đầu tiên là 11 điều HOÀNG KIM ĐẢM TỬ THIÊN Thượng đường ngữ của Hoàng Long buổi QUÂN TRỌNG đầu trụ Thiền viện Đồng An Sùng Thắng. Sau đó theo thứ tự là: Kẻ gánh vàng ròng nặng ngàn cân, Thiền — 13 điều ngữ lục của sư khi đời về chùa tông dùng thuật ngữ này dụ cho khí thế Quy Tông. mạnh mẽ của người ngộ đạo. Hư Đường — 14 điều pháp ngữ lúc ở núi Hoàng Bá, lục q. 9 (Đại 47, 1055 thượng) ghi: » Quân Châu. — 14 điều ngữ lục ở núi Hoàng Long. – Tăng Phần sau có 40 bài kệ tụng. Trong ngữ yếu hỏi: Thế Tôn nói: Ta có Chính pháp nhãn cũng có thu thập các cơ ngữ của những bậc tạng phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp, ý này cổ đức như: Dược Sơn, Hoài Nhượng, Hy thế nào? Sư đáp: Kẻ gánh vàng ròng nặng Vận, Vân Môn, Đại Điên, Nghiêm Dương, ngàn cân«. Lâm Tế, Đức Sơn, Cảnh Thanh, Lặc Đàm, Vĩnh Gia, Bàng cư sĩ, Đại Châu.

HOÀNG KIM TRẠCH HOÀNG LONG HUỆ NAM THIỀN Chỉ cho già lam. Ngày xưa ở Ấn Độ, SƯ NGỮ LỤC TỤC BỔ trưởng giả Tu Đạt muốn mua mảnh vườn của Thái tử Kỳ Đà để xây cất tinh xá. Thái Ngữ lục, do Hoàng Long Huệ Nam soạn tử nói chơi: Nếu lát vàng ròng khắp vườn vào đời Tống, Cao Phong Đông Tuấn ở thì mới chịu bán. Trưởng giả y theo lời cho viện Lưỡng Túc, chùa Kiến Nhân, Kyoto, lát vàng khắp vườn. Thái tử cảm kích lòng Nhật Bản biên tập, được xếp vào Tục Tạng chí thành của ông bèn hiến cúng mảnh kinh tập 120 trang 201. Tác giả thu thập vườn, trưởng giả

liền xây dựng tinh xá Kỳ hơn 50 điều ngữ yếu của Thiền sư Hoàng Viên. Long Huệ Nam từ các sách: Liên Đăng Hội Yếu, Gia Thái Phổ Đăng lục, Tục Cổ HOÀNG LONG ĐẠT Tôn Túc Ngữ Yếu, Thiền Môn Niêm Tụng tập, Vĩnh Bình quảng lục, Vô Thị Giới Thiền tăng đời Tống, tên Kế Đạt, ở Hoàng Kham, Thiền sư ngữ lục và thu thập 12 bài Long, My Châu, người đời gọi là »Hoàng kệ tụng từ các sách: Gia Thái Phổ Đăng Long Đạt«. X. Kế Đạt. lục, Ngũ Đăng Hội Nguyên, Lâm Gian lục,

HOÀNH CAI THỤ QUÁT Vân Ngọa Kỷ Đàm để biên thành sách này của Hòa Sơn Huệ Phương, đệ tử ngài Ngộ . Tân. Huệ Tuyền – người biên tập ngữ lục này – HOÀNG LONG SƠN chính là bạn đồng môn với Hòa Sơn Huệ Núi nằm ở nơi giáp ranh của 3 tỉnh Tương Phương. Quyển đầu có bài tựa do Tiền Mật (Hồ Nam), Ngạc (Hồ Bắc), Cám (Giang viết vào niên hiệu Thiệu Hưng thứ 11 Tây), phía tây huyện Tu Thủy, tỉnh Giang (1141) đời Tống. Tây, Trung Quốc. Là ngọn núi chính trong dãy núi Mạc Phụ, cách mặt biển hơn 1. HOÀNG MẬU LÂM (?- 500m, diện tích khoảng 27 . 1933) Tương truyền trên đỉnh núi có một con Học giả Phật giáo cận đại, người tỉnh rồng vàng có thể kêu gió gọi mưa nên núi Quảng Đông, Trung Quốc. Ông tinh thông này được đặt tên »Hoàng Long«. Đời Anh văn, từng ở Hongkong và nước Anh Đường, ngài Hối Cơ khai sơn, đến đời để nghiên cứu về tư tưởng Tiểu thừa. Sau Tống ngài Huệ Nam hoằng dương thiền ông quy y với đại sư Thái Hư và tin theo pháp ở núi này. Các đời sau kế thừa ngài Đại thừa. Tác phẩm: Ông dịch sang Anh làm thành pháp hệ »Hoàng Long phái«, văn các quyển kinh: Pháp Bảo Đàn, Thập các vị đó là: Tổ Tâm, Ngộ Tân, Duy Thiện Nghiệp Đạo và sáng lập tạp chí Phật Thanh, Trí Minh, Đức Phùng, Đạo Chấn, giáo Trung Quốc. Pháp Trung. Họ nối tiếp trụ trì ở núi này hơn 150 năm, tông phong rất thạnh. HOÀNH BỆNH Dưới núi là chùa Hoàng Long, chỉ còn 2 Bệnh tật bất ngờ. Lâm Tế ngữ lục ghi: » gian điện sót lại, mé bên trái chùa có »Tinh tỉnh« (giếng sao) và Tứ phương Thạch – Tỉnh đình được xây vào đời Minh là vẫn Khi được thiền duyệt pháp hỷ thì hào còn hoàn hảo. quang nơi thân tự chiếu, nghĩ đến mặc liền có muôn lớp lụa là, nghĩ đến ăn liền có đầy HOÀNG LONG TỨ GIA NGỮ LỤC đủ trăm vị, cũng không có bệnh tật bất ngờ«. Ngữ lục, 4 quyển do Huệ Tuyền biên tập vào đời Tống, bao gồm ngữ lục của 4 vị HOÀNH CAI THỤ QUÁT Thiền sư thuộc phái Hoàng Long, tông Lâm Tế, được xếp vào Tục Tạng kinh tập Còn gọi: Hoành cai thụ mạt. Thiền pháp 120. Theo thứ tự là: được lập bày một cách xứng tính (tùy tính 1. Hoàng Long Huệ Nam Thiền sư ngữ lục. nhậm ý), chẳng bị câu thúc mà còn khế 2. Bảo Giác Tổ Tâm Thiền sư ngữ lục của hợp ở mọi chỗ, là thiền pháp được vận Hối Đường Tổ Tâm, đệ tử ngài Huệ Nam. dụng đến cảnh giới cao siêu. Mật Am ngữ 3. Tử Tâm Ngộ Tân Thiền sư ngữ lục của lục ghi: » Tử Tâm Ngộ Tân, đệ tử ngài Tổ Tâm. 4. Siêu Tông Huệ Phương Thiền sư ngữ lục – Ngồi yên thấy

HOÀNH ĐẢM TRỤ TRƯỢNG tiếng hòa vang thuận, muôn pháp không mạt Nguyên sơ. X. Như Củng. khác; căn cơ lanh lợi vừa trông qua sự vật liền phán đoán được; đấy là thiền pháp HOÁT HOÁT được vận dụng đến cảnh giới cao siêu, cho Hiểu rõ, thông đạt. Bài Nhất Bát Ca trong lấy đúng thời«. CĐTĐL q. 30 ghi: »

– Bậc trượng HOÀNH ĐẢM TRỤ TRƯỢNG phu đối với cơ ngữ của

người xưa cần thông đạt, đừng bắt chước kẻ ngu hiểu biết Chư tăng ra ngoài hành cước. Vân Môn qua loa«. quảng lục q. trung ghi: »

HOÁT NHIÊN – Tăng hỏi: Hiểu rõ, rõ ràng. Chương La-hầu-đa-la, Tổ Lúc Đông đi Xuân lại thì thế nào? Sư nói: thứ 16 trong CĐTĐL q. 2 ghi: » Ra ngoài hành cước khắp nơi, mặc cho – Tâm ý Nan-đề ông ra ngoài hành cước«. hiểu rõ liền xin ngài độ thoát«.

HOÀNH MIÊN THỤ TOẠ HOẠT CÚ, TỬ CÚ Còn gọi: Hoạt ngữ, tử ngữ. Hoạt cú là câu Nằm ngang ngồi thẳng, chỉ cho việc bình linh diệu, vượt thoát mọi phân biệt. Tử cú thường, lẽ đương nhiên. NĐHN q. 11 ghi: là câu nói không hoạt dụng. Lâm Gian lục » q. thượng (Vạn Tục 148, 299 hạ) ghi: » – Hỏi: Thế nào là người trong đạo? Sư nói: Nằm ngang ngồi thẳng«. – Thiền sư Động Sơn Thủ Sơ bảo: Trong câu có lời gọi là tử cú, trong câu không lời HOÀNH NIÊM gọi là hoạt cú«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Còn gọi: Hoành niêm thụ phóng, Hoành Từ Di. niêm đảo dụng. Lúc Thiền sư chỉ dạy người học, ngài tùy ý nói một cách vô HOẠT KẾ ngại. Bích Nham lục q. 1 ghi: » 1. Nghề nghiệp mưu sinh, công việc. Trong các trước tác Thiền tông phần nhiều dùng từ này để dụ cho thiền pháp hoặc – hành vi cơ dụng. Mật Am ngữ lục ghi: » Ông già này (Triệu Châu) suốt đời không dùng đánh hét để tiếp người... Bởi vì ông ta (Triệu Châu) cả đời không có nhiều suy – Vuông tròn không cần đến cơ nghĩ so đo, cho nên tùy ý nói làm ngược mưu, dài vắn chớ đem nói nín tìm. Một làm xuôi một cách tự tại«. chiếc búa cũng là nghề nghiệp chân chính, suy nghĩ chỉ làm phí thời gian.« HOÀNH XUYÊN 2. Công cụ, gia sản sinh sống. Chương Hiệu của Thiền tăng Như Củng đời Tống Khuông Ngộ Thiền sư trong CĐTĐL q. 17

HOẰNG GIÁC ĐẠI SƯ ghi: » Đạo Mật, tông Tào Động. Sư trụ trì chùa – Hỏi: Thế nào là Hồng Phúc. đóng cửa tạo xe? Sư đáp: Gia sản không có gì cả.« HOẰNG CHỨNG (1588-1646) Thiền tăng đời Minh, họ Chu, tự Tại Khả, HOẠT NHÂN KIẾM hiệu Đại Thọ, người xứ Vô Tích (nay Đối lại: Sát nhân đao (Đao giết người). thuộc tỉnh Giang Tô) Trung Quốc; nối Gươm cứu sống người; kiếm, đao được pháp Thiền sư Hán Nguyệt Pháp Tạng, dùng để dụ cho trí huệ. Thiền tông dùng từ tông Lâm Tế. Sư trụ chùa Hoa Tạng ở Hoạt nhân kiếm để dụ cho khả năng đánh Lương Khê, chùa Thanh Lương ở Tam thức người học quay về linh tính sẵn có. Phong. Ngược lại, Sát nhân đao để chỉ cho phương tiện làm cho người học mắt kẹt vào tình HOẰNG CHƯƠNG thức phân biệt. Chương Nham Đầu Toàn Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Khoát trong CĐTĐL q. 16 (Đại 48, 152 Hoài Uẩn. Sư kế tiếp thầy, trụ trì chùa Quy hạ) ghi: » Tông. – Thạch Sương tuy có đao giết HOẰNG ĐÀM (1602-1671) người, nhưng không có gươm cứu người«. Thiền tăng đời Thanh, họ Tô, tự Linh Phần Thùy Thị, tắc 12, Bích Nham lục (Đại Thụy, người xứ Chư Thành (nay thuộc tỉnh 48, 152 hạ) ghi: » Sơn Đông) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Tung Nhũ Đạo Mật. Sư trụ các chùa: Báo – Đao giết người, gươm cứu người là quy Ân, Bồ Đề. cách đã có từ xưa, và cũng là chỗ then chốt ngày nay«. Theo: PQĐTĐ của nhóm HOẰNG ĐẠO Từ Di. Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ

Trần, người xứ Tuyền Châu, Trung Quốc; nối pháp Thiền HOẰNG BIỆN sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Sư trụ viện An Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư Quốc, Phúc Châu. Thụy hiệu »Minh Chân Hoài Uẩn, trụ chùa Đại Tiến Phúc ở Thiền sư«. Trường An. Vua ban hiệu »Viên Trí Thiền sư«. HOẰNG ĐẠO ĐẠI SƯ Thiền tăng đời Đường, thụy hiệu Duy HOẰNG CHIẾU ĐẠI SƯ Nghiễm. X. Duy Nghiễm. Thiền tăng đời Đường, thụy hiệu Linh Huấn. HOẰNG GIÁC ĐẠI SƯ 1. Thiền tăng đời Đường, thụy hiệu Đạo HOẰNG CHÚC (610-1683) Ưng. X. Đạo Ưng Thiền tăng đời Thanh, họ Mao, người xứ 2. Thiền tăng đời Thanh, tên Đạo Mân, Sơn Dương (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) Vua ban hiệu Hoằng Giác Thiền sư. X. Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Tung Nhũ Đạo Mân.

HOẰNG GIÁC TỰ THÁP HOẰNG GIÁC TỰ THÁP Tung Nhũ Đạo Mật. Sư trụ chùa Trác Tích, có ngữ lục lưu hành ở đời. Ở núi Ngưu Thủ, thành phố Nam Kinh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Niên hiệu Đại HOẰNG LỄ (1600-1667) Lịch thứ 1 (766) đời Đường vua Đại Tông Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu cảm ứng theo giấc mộng, ra lệnh xây tháp đời Thanh, họ Trương tự Cụ Đức, người tại bên trái điện chùa Hoằng Giác, niên xứ Cối Kê (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh hiệu Đại Lịch thứ 9 (774) xây xong. Tháp Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp Thiền hình bát giác 7 tầng bằng gạch, cao khoảng sư Hán Nguyệt Pháp Tạng. Sư trụ trì chùa 25m. Phần bên trong hình vuông, mỗi tầng Vân Môn Quang Hiếu. Tác phẩm: Cụ Đức không ngay thẳng nhau mà xê xích 45o Lễ Thiền sư ngữ lục 13 quyển. cho nên gọi là »Thác giác kết cấu«, thang lầu nơi trung tâm tháp nay đã hư. Mái tháp, HOẰNG NĂNG đấu củng, tòa bằng đều bằng gỗ. Mỗi mặt Thiền tăng đời Thanh, họ Phan, tự Sơn tháp mở ra ba gian, bốn mặt mỗi tầng đều Dữu; nối pháp Hoà thượng Bồ-Đề Mật, mở ra cửa vòm. Hai bên cửa tháp có khám tông Tào Động. Sư trụ các nơi: Cảnh Hội, đèn hình vuông, vách tường bên trong Giang Phố, Độc Phong. khám đều có làm bích động hình cung tròn để tăng cường hiệu quả phản quang. Đời HOẰNG NHẪN Minh từng đại tu tháp này, ở mặt bên cửa 1. Thiền tăng đời Đường (602-675), tổ thứ tháp có bia khắc vào niên hiệu Sùng Trinh5 của Thiền tông, họ Chu, người xứ Hoàng (1628-1643) đời Minh. Năm 1956 tại giữa Mai, Kỳ Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc) đáy tháp phát hiện địa cung, trong có mộtTrung Quốc; nối pháp Tứ Tổ Đạo Tín. tòa tháp Lạt-ma bằng vàng ròng, bên cạnh Ngài trụ chùa Đông Sơn núi Song Phong huyện Hoàng Mai, nên người đời còn gọi tháp có hộp sứ, bình ngọc, tượng Phật điêu khắc bằng sừng thú. tông phong của Ngài là »Đông Sơn pháp môn«. Tác phẩm: Tối Thượng Thừa luận. HOẰNG GIÁO ĐẠI SƯ 2. Thiền tăng đời Minh (1599-1638), họ Thiền tăng đời Ngũ Đại, hiệu Đạo Phổ. X. Trịnh, tự Đàm Cát, người xứ Tư Châu (nay Đạo Phổ. là huyện Tư Trung, Tứ Xuyên) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Hán Nguyệt Pháp HOẰNG GIÁO ĐẠI TRIỆT THIỀN Tạng, tông Lâm Tế. Sư trụ chùa An Ẩn. SƯ Tác phẩm: Ngũ Tông Cứu 10 quyển, An Ẩn Thiền tăng đời Minh, tên Đàm Tốc được lục, Tẫn Dư Ngoại tập. Minh Thái Tổ ban cho hiệu Hoằng Giáo Đại Triệt Thiền sư«. X. Đàm Tốc. HOẰNG TÁN (1611-1685) Thiền tăng đời Thanh, họ Chu, tự Tại Sám, HOẰNG KẾ (1605-1686) người xứ Tân Hội (nay thuộc tỉnh Quảng Thiền tăng đời Thanh, họ Bộc, người xứ Đông) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Tô Châu, Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Đảnh Hồ Đạo Khâu, tông Tào Động. Ban

HOẰNG TỪ QUẢNG TẾ TỰ TÂN CHÍ đầu sư trụ Bảo Tượng Lâm, sau trụ Đảnh HOẰNG TRÍ THIỀN SƯ Hồ. Tác phẩm: Đảnh Hồ Sơn Mộc Nhân Là thụy hiệu của Thiền tăng Chính Giác Cư Tại Sám Thiền sư Thặng Cảo 5 quyển, đời Tống. X. Chính Giác. Tứ Phần Giới Bản Như Thích 12 quyển, Quy Giới Yếu tập 3 quyển, Tâm Kinh HOẰNG TRIỆT (1588-1648) Luận, Bát Quan Trai Giới. Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu đời Thanh, họ Bách, tự Huyễn Không, hiệu HOẰNG TẾ ĐẠI SƯ Đảnh Mục, người xứ Kim Lăng (nay là Thiền tăng đời Tống, hiệu Trí Hồng. Nam Kinh) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Hán Nguyệt Pháp Tạng, tông Lâm Tế. Sư X. Trí Hồng. kế tiếp Thầy, trụ trì chùa Thanh Lương ở Tam Phong. HOẰNG THÁNH (1581-1658) Thiền tăng đời Minh, họ Vu, tự Thạc Cơ, HOẰNG TRỮ (1605-1672) hiệu Không Phàm, người xứ Kinh Khê Thiền tăng đời Thanh, họ Lý, tự Kế Khởi, (nay là huyện Nghi Hưng, tỉnh Giang Tô) hiệu Thối Ông, người xứ Thông Châu (nay Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Tam là huyện Nam Thông, tỉnh Giang Tô) Phong Pháp Tạng, tông Lâm Tế. Sư trụ Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Hán chùa Tiêu Sơn ở Trấn Giang (nay thuộc Nguyệt Pháp Tạng, tông Lâm Tế. Sư từng tỉnh Giang Tô). Tác phẩm: Nhị Hội ngữ trụ các chùa: Sùng Báo, Bảo Vân, Vân lục. Nham. Tác phẩm: Nam Nhạc Kế Khởi Hòa thượng ngữ lục 10 quyển, Nam Nhạc Lặc HOẰNG THÀNH (?-1641) Cổ 1 quyển, Vân Nham Ký Lược 1 quyển.

Thiền tăng đời Minh, tự Nhất Mặc, người HOẰNG TỪ QUẢNG TẾ TỰ TÂN xứ Tiền Đường (nay thuộc Hàng Châu) CHÍ Trung quốc; nối pháp Thiền sư Hán Chí, 3 quyển, do Trạm Hữu soạn vào đời Nguyệt Pháp Tạng, tông Lâm Tế. Sư trụ Thanh, Nhiên Tùng biên tập, được xếp vào chùa Đâu Suất ở Hoành Sơn, có ngữ lục Trung Quốc Phật Tự Sử Chí Vựng San tập lưu hành ở đời. 1. Hoằng Từ Quảng Tế Tự vào đời Nguyên gọi là Báo Ân Hồng Tế Tự, do các vị Vạn HOẰNG THỪA (1585-1645) Tùng Hành Tú, Lâm Tuyền Tùng Luân nối Thiền tăng đời Minh, họ Hùng, tự Vấn nhau trụ trì. Tên thường gọi hiện nay là Thạch, người xứ Cánh Lăng (nay là Thiên Quảng Tế Tự. Vào khoảng niên hiệu Môn, tỉnh Hà Bắc) Trung Quốc; nối pháp Khang Hy (1662-1722), Trạm Hữu dựng Thiền sư Hán Nguyệt Pháp Tạng, tông đàn Đại Bi, nảy ra sáng kiến sửa lại quyển Lâm Tế. Sư trụ chùa Tiêu Sơn, Trấn Giang chí, mới đưa ra thể lệ chung, sưu tập nhiều (nay thuộc tỉnh Giang Tô) Thụy hiệu »Huệ tư liệu, sau đó được Nhiên Tùng biên tập Chiếu Thiền sư«, có ngữ lục lưu hành ở chỉnh lý làm 3 quyển. Phần đầu là Văn bia đời. Hoằng Từ Quảng Tế Tự do vua ngự chế,

HOẰNG VIÊN (1581-1643) bảng hiệu chùa do vua viết. Phần sau có 4 – Bàn luận cẩu thả«. môn: Kiến trí đồ, Bi minh tụng, Truyện ký — Hồ tham, hoặc Hồ toản loạn tràng: tự, Phú tán bạt. Sách này được khắc bản Tham cứu cẩu thả. vào niên hiệu Khang Hy thứ 43 (1704) đời — Hồ loạn tọa: Ngồi chẳng theo ngôi thứ. Thanh. — Hồ thuyết, Hồ đạo, hoặc Hồ thuyết loạn đạo: Xướng thuyết, nói năng càn. Theo: HOẰNG VIÊN (1581-1643) PQĐTĐ của nhóm Từ Di Thiền tăng đời Minh, họ Chu, tự Đạm Tử, người xứ Ngô Huyện (nay là Tô Châu) HỒ NGÔN HÁN NGỮ Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Hán Nói năng hồ đồ, bậy bạ. NĐHN q. 16 ghi: Nguyệt Pháp Tạng, tông Lâm Tế. Sư trụ » chùa Hiển Ninh ở núi Cao Đình. – Ở đây ông có thể nói năng hồ đồ. Nếu đến Đồng An thì ông làm sao HỒ PHONG KHIẾU CHỈ vượt qua

được?«. Huýt sáo kêu gió. Từ này xuất xứ từ điển HỒ THÍCH (1891-1962) tích danh y Triệu Bỉnh đời Hậu Hán. Ngày nọ, Triệu Bỉnh muốn qua sông, gọi đò mà Học giả Phật giáo hiện đại, tự Thích Chi, không ai đáp lại; ông bèn huýt sáo kêu gió, người Tích Khê, An Huy, Trung Quốc. lấy nón làm thuyền qua sông. Đời sau, Năm 1917 ông tốt nghiệp Đại học Thiền tông dùng điển tích này làm thuật Colombia, đỗ bằng Tiến sĩ Triết học, về ngữ để chỉ cho người học Đạo tham thiền nước làm giáo sư Đại học Bắc Kinh. Năm đã tỏ ngộ, được tự tại giải thoát, xử thế linh 1926, ông phát hiện nhiều sử liệu về Thiền hoạt không bị trói buộc. Hư Đường Hòa tông thời kỳ ban đầu tại Thư viện Quốc thượng ngữ lục q. 8 (Đại 47, 1045 thượng) Lập ở Paris, viện bảo tàng Đại Anh ở ghi: »

London. Năm 1938 nhậm chức Đại sứ Mỹ. – Huýt sáo kêu gió,
Năm 1946 giữ chức Hiệu trưởng trường thản nhiên như không có ai; trăm người Đại học Bắc Kinh. Về già ông ngụ ở Đài họp thành đám đông, không thuộc về sự Loan. Tác phẩm: cai trị của Vua«. — Tùng Dịch Bản Lý Nghiên Cứu Phật Giáo đích Thiền Pháp HỒ BỈNH — Thiền Học Cổ Sử Khảo — Luận Thiền tông Sử đích Cương Lãnh. Bánh mè. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: — Bạch Cư Dị Thời Đại đích Thiền tông »

Thế Hệ – Bồ Tát — Bồ-đề-đạt-ma khảo Quán Thế Âm đem tiền
để mua bánh mè, — Hà Trạch Đại Sư Thần Hội truyện. lúc xoè tay hóa ra là cái bánh bao«. — Đàn Kinh khảo HỒ LOẠN — Lăng-già Sư Tư Ký Tự. — Lăng-già Tông khảo Nghĩa là cẩu thả. Tắc 1, Bích Nham lục — Thần Hội Hòa thượng di tập (Biên tập). (Đại 48, 140 thượng) ghi: »

HỔ BÀO ĐỊNH HUỆ TỰ CHÍ HỒ QUỲ Tự«, tục gọi »Hổ Bào Tự«. Tương truyền Quỳ theo tư thế: chỉ có một đầu gối chạm niên hiệu Nguyên Hòa thứ 14 (819) đời đất. Đây là cách quỳ của người Ấn Độ thời Đường Thiền sư Hoàn Trung cùng với đệ cổ đại và của dân tộc thiểu số ở miền tây tử Tính Không đến đây cư trú, bị khổ vì bắc Trung Quốc. Tiết Huệ Trung Quốc sư không có nước. Một hôm nằm mộng thấy trong TĐT q. 3 ghi: » thần nhân báo rằng »Nam Nhạc có suối
Đồng Tử đang sai khiến hai con cọp dời sang«, sáng ra quả
thấy hai con cọp cào đất – Vua Đại Tông làm huyệt, nước suối phun lên,
nên gọi là hỏi: Sau khi Thầy diệt độ, đệ tử sẽ làm gì »Hổ Bào Tuyền«, nước suối ngọt lạnh, có để nhớ? Sư đáp: Làm cho lão tăng một cái tên gọi »Thiên hạ đệ tam tuyền«. Chùa này tháp vô phùng. Vua liền hồ quỳ và nói: trải qua ba đời Tống Nguyên Minh bao lần Thỉnh Thầy ra kiểu tháp«. phá hủy bao lần xây cất. Niên hiệu Ung Chính thứ 9 (1731) đời Thanh trùng tu, HỒ THÊ niên hiệu Hàm Phong thứ 11 (1861) bị Thang lầu. Tiết Triệu Châu Hòa thượng chiến tranh phá hủy. Niên hiệu Đồng Trị trong TĐT q. 18 ghi: » thứ 6 (1867) xây cất lại. Núi non sừng – Sư làm sa di dìu
Nam sững bao quanh, phong cảnh đẹp đẽ tĩnh Tuyền lên thang lầu.« mịch. Phía tây suối Hổ Bào có tháp viện của cao tăng Đạo Tế (Tế Công) đời Tống, HỒ TÔN hậu sơn có điêu khắc và nặn tượng về 1. Con vượn. Như Tịnh ngữ lục q. hạ ghi: »mộng hổ«. »

– Trên đầu cột phướn chiên bánh, HỔ BÀO ĐỊNH HUỆ TỰ CHÍ
ba con vượn đếm tiền đêm.« 2. Dụ cho cái tâm lăng xăng bất an. Tiết Chí, do Thánh Quang biên soạn vào đời Phá Am Tổ Tiên Thiền sư trong TTĐL q. Thanh, được xếp vào Trung Quốc Phật Tự 35 ghi: » Sử Chí Vựng San tập 1. Hổ Bào

Định Huệ Tự vốn được gọi là Đại Từ Định Huệ – Thiền Tự, người đời gọi là Hổ Bào Tự, Có đạo giả thỉnh ích: Cái tâm lăng xăng nằm dưới chân núi Đại Từ, thành phố tôi nắm không được, xin sư rũ lòng chỉ Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. dạy. Sư bảo: Cần nắm nó làm gì! Như gió Vào niên hiệu Nguyên Hòa thứ 14 (819) thổi thì nước tự nhiên gợn sóng.« đời Đường, Thiền sư Hoàn Trung dừng chân cất am ở đây. Sau đó am trải qua HỔ BÀO ĐỊNH HUỆ TỰ nhiều lần hư hoại và kiến thiết. Tự chí có bản Khang Hy đời Thanh, do Thiền sư Nằm dưới núi Đại Từ, thành phố Hàng Nhiên Thâm soạn bản thảo, Mao Kỳ Linh Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. viết tựa, rất được khen ngợi. Đáng tiếc là Nguyên tên là »Đại Từ Định Huệ Thiền bị binh lửa thiêu hủy vào niên hiệu Hàm

HỔ KHÂU THÁP Phong thứ 11 (1816). Vào năm 1900, Trụ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Hổ Khâu Thiệu trì chùa Thánh Quang cho biên tập lại Tự Long soạn vào đời Tống, nhóm ông Tự chí thành 1 tập bản thảo, chia ra: Thần ân, Đoan… biên tập, được xếp vào Tục Tạng Kiến trí, các loại sơn thủy, sau mỗi loại có kinh tập 120, trang 791. Nội dung bao gồm phụ ghi các bài thơ vịnh chùa trải qua các lời dạy của Sư ở: nhiều đời. — Khai Thánh Thiền Viện tại Hòa Châu. — Chương Giáo Thiền Viện tại Tuyên HỔ KHÂU THÁP Châu. Còn gọi: Vân Nham Tự Tháp. Tháp nằm — Linh Nham Thiền Tự, núi Hổ Khâu tại trên đỉnh núi Hổ Khâu, thành phố Tô phủ Bình Giang, các bài tán Sơ Tổ, bài Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Khởi minh khắc ở tháp tên »Tống Lâm Tế Chính công vào niên hiệu Hiển Đức thứ 6 (959) Truyền Hổ Khâu Long Hòa thượng«. Sách đời Hậu Chu triều Ngũ Đại, hoàn thành này được ấn hành vào niên hiệu Vạn Lịch vào niên hiệu Kiến Long thứ 2 (961) đời thứ 20 (1592). Tống. Là một tòa tháp gạch bảy tầng hình HỔ KHÂU TỰ bát giác, kết cấu theo kiểu lâu các giống như gỗ, cao 47 mét. Thân tháp do ba phần: Chùa nằm ở núi Hổ Khâu ngã tư Sơn vách bên ngoài, hành lang bao quanh và Đường ngoài cổng thành phố Tô Châu, tâm tháp tạo thành, tám mặt đều có làm tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Niên hiệu cửa khổn và dùng gạch để xây những cấu Hàm Hòa thứ 2 (327) đời Đông Tấn, quan kiện giống như gỗ như cửa sổ song chấn, Tư Đồ Vương Tuần và quan Tư Không bình tòa, cột trụ, đấu củng v,v… Tiến vào Vương Mân sửa nhà làm chùa, lấy tên là hành lang và lòng tháp các tầng có thể thấy Hổ Khâu Tự, chia làm 2 chùa đông, tây. cấu trúc tinh mỹ của đấu củng và khung Đời Đường do tránh tên húy mà đổi tên trang trí, cho đến dùng vôi đắp các đồ án thành »Võ Khâu Báo Ân Tự«. Khi gặp quét lên các màu đỏ, đen, trắng, vàng, pháp nạn Hội Xương, chùa cũng bị phá xanh, sáng đẹp lạ thường tràn trề ý xưa. hủy; về sau chùa được dời lên đỉnh núi, Năm 1956, khi tu bổ lại tháp phát hiện nhập hai chùa làm một. Khoảng niên hiệu trong tháp những di vật văn hóa từ đời Ngũ Chí Đạo (995-997) đời Tống, chùa được Đại đến đời Bắc Tống như cái khám bằng xây cất lại và đổi tên là »Vân Nham Thiền gỗ chiên đàn, cái rương kinh bằng gỗ chiên Tự«. Từ đó, Thiền tông đại thạnh, chùa đàn, tháp thiếp vàng, tượng Phật đồng, này trở thành đạo tràng tu hành của thiền gương đồng, pho kinh bằng gấm lụa. Trải tăng. Khi ngài Thiệu Long, phái Dương qua ngàn năm sương gió tháp vẫn đứng Kỳ, tông Lâm Tế trụ trì chùa này, tăng sừng sững, tượng trưng cho cổ thành Tô chúng tụ về đông đảo, tiếng tăm vang dậy, Châu. hình thành phái Hổ Khâu. Khoảng niên hiệu Thiệu Hưng (1131- HỔ KHÂU THIỆU LONG THIỀN 1162) đời Tống,

chùa Vân Nham quy mô SƯ NGỮ LỤC hùng vĩ, có cung ngọc tháp báu, đình các Còn gọi: Hổ Khâu Long Hòa thượng ngữ nhiều tầng cực thịnh một thời. Trong HỒI HOÁN khuôn viên chùa có: Thiên Phật các, biện tài vô ngại, chí nguyện từ bi dìu dắt Chuyển luân đại tạng điện, Thổ địa đường, giúp đỡ, dạy dỗ dặn dò, trong thất mỗi Thủy lục đường, La-hán đường, Già lam ngày đều đầy ắp người nhưng sư không lộ đường, Đại sĩ am, Ngọc Hoàng điện, Hoa chút gì là mệt mỏi«. thần miếu, là một đại tòng lâm của miền Đông Nam, được liệt vào một trong 10 HỐI AM chùa 5 núi (Ngũ sơn thập sát). 1. Thiền tăng đời Tống, tên Huệ Quang, Khoảng niên hiệu Khang Hy (1662-1722) hiệu Hối Am. X. Huệ Quang. đời Thanh, Vua ban cho tấm biển »Hổ Phụ 2. Thiền tăng đời Tống, tên Di Quang, hiệu Thiền Tự«. Chùa Hổ Khâu từ đời Tùy đến Hối Am. X. Di Quang. cuối đời Thanh đã 7 lần hư hoại, các kiến trúc cổ may mắn còn sót lại gồm có: Vân HỐI CƠ Nham Tự tháp được xây vào thời Ngũ Đại Thiền tăng đời Đường, họ Trương, người và Đoạn lương điện được xây vào đời xứ Thanh Hà (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) Nguyên. Còn Sảng các, Lãnh hương các, Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Huyền Ứng thúy sơn trang, Nhị tiên đình đều là Tuyền Sơn Ngạn. Sư trụ núi Hoàng Long ở các kiến trúc đời Thanh. Ngạc Châu (nay là huyện Vũ Hán, Hà Bắc), được vua ban hiệu »Siêu Huệ Đại Sau giải phóng, (1-10-1949) các kiến trúc Sư«. mới được hoàn thành như: Hải dũng kiều, Ngộ thạch hiên, Tôn Võ tử đình, Thông U HỐI ĐƯỜNG hiên, Ngọc Lan Sơn phòng, Vạn cảnh sơn Thiền tăng đời Tống, tên Tổ Tâm, hiệu Hối trang v.v.. Đường. X. Tổ Tâm. HỔ THỊ HỐI PHU Chỉ cha và mẹ. Hổ () là nương nhờ cha, Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu Thị () là nương nhờ mẹ. Tiểu truyện đời Thanh, tên Bản Dự, hiệu Hối Phu. X. Thiền sư Quảng Nghiêm trong TUTA ghi: Bản Dự. »… –Thiền sư họ HỐI SƠN (1610-1672) Nguyễn, người Đan Phượng, từ nhỏ mồ côi Thiền tăng đời Thanh, họ Vương tự cả cha lẫn mẹ, xuất gia và theo học với cậu Nguyện Vân, người xứ Thái Thương (nay là Bảo Nhạc. thuộc tỉnh Giang Tô) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Cụ Đức. Sư trụ trì am Hải HỘ LÝ NHẬT MÃN Tạng, chùa Vân Sơn Chân Như. Tác phẩm: Trong thất mỗi ngày đều đầy ắp người. Thiền Môn Đoạn Luyện Thuyết, Phật Pháp Tiết Trung Phong Hòa thượng Hành lục Bản Thảo, Hiện Quả Tùy lục. trong TPQL q. 30 ghi: » HỒI HOÁN Điều động, biến đổi, lôi cuốn. Lâm Tế ngữ – Pháp lượng của sư mênh mông, lục ghi: » HỒI HỖ Hồi quang phản chiếu tiện quy lai, Quách đạt linh căn phi hướng bối«. – Hiện »Ở thảo am này dứt kiến giải, nay người học chẳng được khai ngộ là Ai hay thuyết pháp để người nghe? bệnh ở chỗ nào? Chính là bệnh ở chỗ Hồi quang phản chiếu liền trở về, chẳng tự tin. Nếu chẳng tự tin, tức thì các Thấu đạt linh căn không thuận nghịch«. ông rộn ràng lan man theo cảnh, bị muôn cảnh lôi cuốn chẳng được tự do«. HỘI 1. Đoàn thể Phật giáo, pháp hội. Lục Tổ HỒI HỖ Đại Sư Pháp Bảo Đàn Kinh Tự của Đức Dị 1. Dung hợp. Tiết Mông Sơn Quang Bảo có ghi: » Thiền sư trong NĐHN q. 2 ghi: » – – Y được truyền Khi tai mắt duyên theo thanh sắc, có phải 3 lần mới đến Hoàng Mai, trong hội có là chống đối lại hay là dung hợp nhau«. 700 Cao tăng nhưng chỉ có cư sĩ giã gạo 2. Châm chước,

do dự. Tiết Linh Nham (tức Huệ Năng) nhờ 1 bài kệ mà được Trọng An Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: truyền y làm Tổ đời thứ 6«. » – Tận mặt 2. Lãnh hội, lãnh ngộ. Lâm Tế ngữ lục có trình nhau, không hề do dự«. ghi: » – Người học chẳng lãnh hội thường là do HỒI QUANG PHẢN CHIẾU tâm điên cuồng«. 3. Hiểu. Tắc Hoa Lâm Nhị Hổ trong Thiền Vốn chỉ ánh nắng phản xạ từ chân trời vào Uyển Mông Cầu (Vạn Tục 148, 208 lúc chiều tối. Thiền tông dùng từ này để thượng) ghi: » chỉ cho việc xoay nhãn quang đang hướng ngoại tìm cầu trở về chiếu soi lại thân tâm của mình. Lâm Tế ngữ lục ghi: » – Bùi Hưu hỏi: Sư làm hạnh nghiệp gì mà cảm hóa được hai con cọp này? Sư – Các ông ngay dưới lời im lặng hồi lâu bảo: Hiểu không? Đáp: nói của ta phải tự hồi quang phản chiếu, Chẳng hiểu. Sư nói: Sơn tăng thường niệm không nên tìm cầu gì khác, phải biết thân Quán Âm«. tâm của mình không khác với Phật, Tổ«. Chương Thạch Đầu Thảo Am Ca trong HỘI THIỆN TỰ CĐTĐL q. 30, (Đại 51, 461 hạ) ghi: Dưới ngọn Tích Thúy, núi Tung Sơn, huyện Đăng Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, là đạo tràng trọng yếu của tông Tào Động. Nguyên là hành cung mùa hè của vua Lý Văn Đế đời Bắc Ngụy, về sau »Trụ thử am, hưu tác giải, quyên góp làm chùa Phật. Khoảng niên Thùy khoa phô tịch đồ nhân mãi? hiệu Khai Hoàng (581-600) đời Tùy đổi HỒN LUÂN tên là »Hội Thiện Tự«. Vào đời Đường – (Tam Tổ Tăng tăng lữ tụ hội về đây càng lúc càng đông. Xán) tập họp người học thuộc mọi thành Đạo An sau khi đắc pháp nơi Ngũ Tổ phần để sư thuyết pháp. Trong hội của Tổ Hoằng Nhẫn lui về ở chùa Hội Thiện. Pháp có một Sa-di tuổi vừa 14.« tự của ngài Thần Tú là Cảnh Hiền đã thị Linh Hựu ngữ lục ghi: » tịch tại chùa này vào niên hiệu Khai – Nguyên thứ 11 (723). Vào đầu đời Đường, Có hai vị Thiền khách đến tại đạo tràng Thiền sư Nhất Hạnh cùng Luật sư Nguyên của Thiền sư Thạch Sương bảo: Nơi này Đồng từng mở giới đàn Ngũ Phật Chính chả có ai hiểu Thiền pháp cả.« Tư Duy tại đây, nghiêm tịnh một thời, sau Chương Hương Nghiêm Trí Nhàn trong đó suy vi. Niên hiệu Đại Lịch thứ 2 (767) CĐTĐL q. 11 ghi: » triều đình ra lệnh kiến lập Giới Đàn Viện – Thiền sư Hương Nghiêm phía tây chùa, mỗi năm có vài ngàn người Trí Nhàn nương thân tu học tại thiền hội đến thọ giới, thiền tăng nổi tiếng Triệu của Quy Sơn.« Châu Tùng Thẩm cũng thọ giới nơi này. Tiết Thanh Nguyên Hành Tư trong NĐHN q. 5 ghi: » – HỘI THÔNG (780-860) Thiền sư Hành Tư nghe tiếng đạo tràng Thiền tăng đời Đường, họ Trịnh, tự Vô Tào Khê, bèn đến tham vấn đạo pháp.« Ngôn, người Hồ Dương, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Bách HỒN Trượng Hoài Hải, hệ Nam Nhạc đời thứ 4, Thực sự, rất. Tiết La Hán Quế Sâm Thiền dòng Vô Ngôn Thông ở Việt Nam sư là Tổ sư trong NĐHN q. 8 ghi: » khai sáng (Sư theo thuyền buôn sang Việt – Hòa thượng nói Nam vào niên hiệu Nguyên Hòa thứ 15 như thế thực sự không từ bi.« (820) để hoằng pháp). X. Vô Ngôn Thông. HỒN LUÂN HỘI THƯỢNG Còn gọi: Hỗn luân, Cốt luân, Hốt luân, Còn gọi: Hội trung, Hội hạ, Thiền hội, Côn luân. Chỉ cho trạng thái hỗn độn, lờ Thiền tịch, Pháp hội, Pháp tịch. mờ giống như một khối vẩn đục, trước khi Nơi tập thể người học Thiền cùng sinh trời đất chưa hình thành, âm dương chưa hoạt học tập, nghe

thuyết giảng đạo pháp, có phân chia rõ rệt. Thiền tông mượn từ tức là đạo tràng vậy. Tiết Thủ Đoan Thiền này để chỉ cho một khối hồn nhiên, hoặc sư trong NĐHN q. 19 ghi: » một vật chẳng thể cắt chia. Đôi khi cũng được dùng để chỉ cho chân tính bình đẳng, – Sư khai đường nói với vô sai biệt. Lâm Tế Huệ Chiếu Thiền sư môn đồ rằng: Khi xưa tại đạo tràng ở Linh ngữ lục (Đại 47, 504 thượng) ghi: » Sơn, đức Thế Tôn giơ cành hoa, ngài Ca- diếp mỉm cười.« Tổ Đường Tập q. 3 ghi: » –Sư thấy một vị tăng đi đến liền dang rộng hai tay, Tăng

HỒNG ANH (1012-1070) không đáp được. Sư hỏi: Hiểu không? Di. Tăng đáp: Chẳng hiểu. Sư nói: Không mở bày được chân tính, cho ngươi hai đồng HỒNG HỒNG tiền«. Tiếng kêu của loài trâu, cọp, biểu thị âm thanh ghê rợn khiến loài khác kinh sợ. Từ HỒNG ANH (1012-1070) này phần nhiều được dùng trong Phật giáo. Thiền tăng đời Tống, họ Trần, người đời Thiền tông thường dùng 2 chữ Hồng Hồng gọi là »Anh Thiệu Vũ«; người xứ Thiệu để biểu thị cảnh giới vô phân biệt không Vũ (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến) Trung thể dùng văn tự ngữ ngôn giải thích được. Quốc, nối pháp Thiền sư Hoàng Long Huệ Phần Khám biện trong Lâm Tế lục (Đại 47, Nam, tông Lâm Tế. Sư trụ chùa Lặc Đàm. 504 thượng) ghi: » Tác phẩm: Lặc Đàm Anh Thiền sư Ngữ

– Sư hỏi Yếu 1 quyển. Hạnh Sơn: Thế nào là trâu trắng lộ thiên? Sơn đáp: Hồng! hồng!«. HỒNG ÂN Thiền tăng đời Đường, nối pháp Mã Tổ HỒNG HỒNG Đạo Nhất, sư trụ Trung Ấp ở Lãng Châu Gào lên lớn tiếng. Chương Chí Công Hòa (nay là huyện Thường Đức, tỉnh Hồ Nam) thượng trong CĐTĐL q. 29 ghi: » Trung Quốc. Người đời gọi sư là »Trung – Người Ấp Ân«. thế gian mê muội hết sức, như chó sủa tiếng sấm ì ầm.« HỒNG CỨU Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư HỒNG LÔ THƯỢNG NHẤT ĐIỂM Nam Tháp Quang Dũng, tông Quy TUYẾT

Ngưỡng. Sư trụ chùa Huệ Lâm ở Thiều Một mảnh tuyết ném vào lò đang rực cháy. Châu (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh Có 2 nghĩa: Quảng Đông) Trung Quốc. Thụy hiệu 1. Vô thường, hư huyễn. Chương Trường »Diệu Tế Đại Sư«. Thử Hòa thượng trong CĐTĐL q. 14 (Đại 51, 413 thượng) ghi: » HỒNG CHÂU TÔNG

Môn phái của Mã Tổ Đạo Nhất (709-788). – Hồng Châu là tên gọi tắt của xứ Nam Thạch Đầu hỏi: Ông thấy đạo lý gì mà lễ Xương, Giang Tây, ở đó có chùa Khai bái? Trường Thử nói: Theo chỗ thấy của Nguyên, nơi Mã Tổ Đạo Nhất ở. Vì Ngài ở con thì như ném mảnh tuyết vào lò đang đấy suốt đời để hoằng dương Thiền tông rực cháy«. nên môn phái của Ngài mới được gọi tên là 2. Không để lại dấu vết. Tắc 69, Bích Hồng Châu Tông. Tông chỉ: Trong mọi Nham lục (Đại 48, 198 hạ) ghi: » sinh hoạt hàng ngày như: Khởi tâm động – niệm, nhướng mày chớp mắt đều là hiển Việc vượt qua rừng gai góc đối với nạp bày Phật tính. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ tăng giống như việc làm không để lại dấu

HỒNG SƠN BẢO THÁP vết«. nhà 19 phố Hàng Than, Hà Nội, hiện là Tổ đình của phái thiền Tào Động, Việt Nam. HỒNG NGHIỄM Đây là ngôi chùa cổ tương truyền có từ đời Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Lý, trải qua nhiều lần sửa chữa lớn vào các Trường Khánh Huệ Lăng. Sư trụ viện năm 1687, 1899, 1952. Phạm vi chùa trước Thủy Lục ở Phúc Châu. kia khá lớn, sang thời Pháp thuộc bị thu lại như hiện nay.

Phía trước là chính điện, HỒNG NHÂN phía sau là nhà Tổ và tăng phòng, xung 1. Thiền tăng đời Đường (828-901), họ quanh là hành lang. Trong chùa có 1 số bia Ngô, người xứ Ngô Hưng (nay là huyện đá, cổ hơn cả là bia dựng năm Chính Hòa Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; thứ 24 (1703) ghi rõ vị trí chùa ở phường nối pháp Thiền sư Linh Hựu, tông Quy Hòe Nhai tại Đông Bộ Đầu tức Bến Đông. Ngưỡng. Sư trụ viện Kính Sơn ở Hàng Trong chùa có nhiều tượng, cổ nhất là Châu. Vua ban hiệu »Pháp Tế Đại Sư«. tượng Cửu Long (Thích-Ca sơ sinh) và đặc 2. Thiền tăng đời Tống, họ Hộ, người xứ sắc nhất là tượng vua Lê Hi Tông để tượng Tương Thủy (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc) Phật trên lưng, rồi nằm phục xuống biểu lộ Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Thủ Sơn vẻ ăn năn sám hối. Tỉnh Niệm. Sư trụ chùa Thần Đảnh ở Năm 1963, Thành hội Phật giáo Hà Nội đã Tương Âm. dựng tại chùa này tháp Ấn Quang để kỷ Tác phẩm: Thần Đảnh Sơn Đệ Nhất Đại niệm Hòa thượng Thích Quảng Đức vì Yên Thiền sư ngữ lục. pháp thiêu thân vào ngày 11. 6. 1963 tại Sài Gòn. HỒNG NHẪN THIỀN SƯ Đây là ngôi chùa có cụ Tổ pháp chủ Thích Đức Nhuận thuộc dòng Tào Động trụ trì và Thiền tăng đời Ngũ Đại, tên Tùng Thâm, viên tịch. hiệu »Hồng Nhẫn Thiền sư«. X. Tùng Thâm. HỒNG QUẢ ĐẠI SƯ Thiền tăng đời Ngũ Đại, tên Đạo Diên, HỒNG NHƯ (1592-1664) thụy hiệu »Hồng Quả Đại Sư«. X. Đạo Thiền tăng đời Minh, họ Đặng, tự Vô Trụ, Diên. người xứ Định Viễn (nay là huyện Mâu Định, tỉnh Vân Nam) Trung Quốc, nối HỒNG QUY pháp Thiền sư Triệt Dung Chu Lý. Sư trụ Tức đại pháp. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 1 chùa Phúc Thành, Định Viễn. Tác phẩm: (Đại 48, 1019 thượng) ghi: » Thương Sơn tập, Không Minh tập, Khổ – Hải Từ Hàng tập, Tông Môn ngữ lục, Nam Cũng như rót nước từ bình này sang bình Đăng Tục Diệm, Kê Sơn ngữ lục. khác, mới hay nối tiếp được đại pháp«.

HỒNG PHÚC TỰ HỒNG SƠN BẢO THÁP Còn gọi: Chùa Hòe Nhai. Chùa thuộc số Còn gọi: Linh Tế Tháp. Bởi tháp nằm phía

HỒNG TẾ ĐẠI SƯ sau Bảo Thông Thiền Tự, núi Hồng Sơn, các tầng lớp một điện rồi một điện. Trong thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ bắc, Trung chùa có một ngọn đèn hoa sen ngàn Phật Quốc, cho nên gọi là »Hồng Sơn Bảo được làm vào cuối đời Minh cao khoảng Tháp«. X. » Linh Tế Tháp.« 1m, đường kính 70 cm, 7 cạnh, trên góc đèn có khắc rồng mây thú lạ, tinh xảo lung HỒNG TẾ ĐẠI SƯ linh. Trên đèn điêu khắc 500 tượng Phật, Thiền tăng đời Ngũ Đại, tên Hành Tư, thụy công nghệ tinh tế, tạo dáng sinh động. hiệu »Hồng Tế Đại Sư«. X. Hành Tư. Xung quanh chùa núi rừng bao bọc xanh um tĩnh mịch. Mây mù trong núi bay bập HỒNG THỌ bềnh, buổi sáng mùa hạ sương mù cuồn Thiền tăng đời Tống, nối pháp Quốc Sư cuộn, là một trong mười cảnh đẹp ở Nga Đức Thiều, tông Pháp Nhãn. Sư trụ chùa My. Hưng Giáo ở Hàng Châu. HỐT HỐT ĐỒNG ĐỒNG HỒNG TIẾN Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Hình dung lời nói vội vàng, không thận Thạch Sương Khánh Chư. Sư trụ núi Phúc trọng, nói bá láp. Vân Môn quảng lục q. Thuyền ở Phúc Châu. Thụy hiệu »Thiệu thượng ghi: » Long Đại Sư«. HỒNG TIẾN Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư La – Đừng Hán Quế Sâm. Sư trụ núi Thanh Khê ở để luống qua, chẳng biết tốt xấu, dụm đầu Tương Châu (nay là huyện Tương Phàn, nói chuyện bá láp. Nếu lão tăng gặp, bắt tỉnh Hồ Bắc) Trung

Quốc. lại khám nghiệm mà nói chẳng được, thì ta đánh cho gãy lưng, chớ bảo ta chẳng nói HỒNG TRIỆU (1586-1632) trước!«. Thiền tăng đời Minh, họ Cao, tự Tấn Vân, người xứ Phùng Châu (nay là huyện Phùng HỐT LUÂN THÔN TẢO An, Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư từng tham Nuốt trộng trái táo. Thiền sư dùng thành học với pháp sư Nhị Lăng Nhất Vũ. ngữ này để chỉ cho việc đọc kinh sách nhưng không hiểu, không tiêu hóa được. HỒNG XUÂN BÌNH Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải của Thiền Dưới ngọn Thiên Trì, núi Nga My, tỉnh Tứ sư Trung Phong Minh Bản ghi: » Xuyên, Trung Quốc. Xưa gọi là »Thiên Phật Am«, Thiền sư Sơ Sơn Tính Nhất đời – Nếu ông nói: Câu phải cũng Minh sáng lập, niên hiệu Càn Long thứ 55 quét, câu chẳng phải cũng quét, chính là (1790) đời Thanh, Thiền sư Nga Vân trùng nuốt trộng trái táo«. tu, bởi trước chùa có cây cổ thụ Hồng Xuân cho nên đổi tên là »Hồng Xuân HỢP Bình«. Tự viện tựa vào núi mà xây cất, lâu Nên, cần phải, có khả năng. Minh Giác

HUỆ AN (582-709) ngữ lục q. 1 ghi: » hạ) ghi: – Trời người tụ hội, nên – Tức thì đặt cái tròng để Đầu Tử phát minh việc gì?«. bước vào«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di HỢP ĐỒNG THUYỀN Còn gọi: Thừa Hợp Thuyền. Nghĩa là đi HỢP SÁT chung một chiếc thuyền mà không phân Kết thúc, cuối cùng. Khắc Văn ngữ lục biệt thân phận khác nhau. Thiền tông dùng trong CTTNL q. 43 ghi: » từ Hợp Đồng Thuyền để chỉ cho cảnh giới – Ngày 28 tháng chạp, »Vô phân biệt«. Chương Nam Dương Huệ sắp kết thúc một năm«. Trung trong CĐTĐL q. 5 (Đại 51, 245 thượng) ghi: HỢP THỦ KHẨU – Dưới cây không bóng, Ngậm miệng. Ý nói không thể dùng lời nói vô phân biệt, trên điện lưu ly không tri để diễn tả nghĩa chân thật của Phật pháp. thức«. Tắc 8, Bích Nham lục (Đại 48, 148 hạ) ghi: HỢP CAN – Cứ lải nhải mãi! Thúy Nham! Có nghĩa là »Quan hệ với... «. Hợp can (Con chồn tinh ranh này hãy ngậm miệng nhân: Người có liên quan đến việc tống lại đi!)«. táng trong chùa. Theo: PQĐTĐ của nhóm HỢP THỦY HÒA NÊ Từ Di Chỉ cho sử dụng ngôn cú khai thị thiền pháp. Đây là pháp môn phương tiện. Tiết HỢP ĐẮC Lâm Tế Nghĩa Huyền Thiền sư trong Khả dĩ, có thể. Tiết Hoàng Long Chí NĐHN q. 11 ghi: » Nguyện Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: » – Y đi – Chiếu dụng không cùng một đường của ngài Ca-diếp, người nào có thể lúc, có hõi có đáp, lập khách lập chủ, sử đắp?«. dụng ngôn cú ứng cơ tiếp vật.« X. Hòa nê hợp thủy. HỢP ĐẦU Tương ứng, phù hợp nhau. Bài Cư Độn HUỆ AN (582-709) Tụng của Hòa thượng Long Nha trong Thiền tăng sống vào khoảng đời Tuỳ- CĐTĐL q. 29 ghi: Đường, họ Tiết, người xứ Chi Giang, Kinh – Hễ người học Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc) Trung Quốc. đạo chớ tìm cầu, muôn việc vô tâm mới Vốn tên là Đạo An, người đời sau gọi lầm hợp (tương ứng với) đạo«. là Huệ An và còn gọi là Đại An, nối pháp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, là 1 trong 10 vị đệ tử HỢP HẠ lớn của Ngài. Người đương thời gọi sư là Còn gọi: Trực hạ. Nghĩa là tức khắc, tức »Lão An Quốc Sư«. thì. Tắc 79, Bích Nham lục (Đại 48, 205

HUỆ CĂN HUỆ CĂN Thanh (nay thuộc Chiết Giang). Tác phẩm: Trí huệ Phật giáo giống như cội rễ hay phát Huệ Chiếu ngữ lục. sinh (nhánh lá) đạo pháp, là 1 trong ngũ

căn (Tín, tấn, niệm, định, huệ căn). Tiết HUỆ CHIẾU THIỀN SƯ Nghệ Ngôn trong NHQL q. 29 ghi: » 1. Thụy hiệu của Lâm Tế Nghĩa Huyền. X. Nghĩa Huyền. 2. Thụy hiệu của Thiền tăng Hoằng Thừa đời Minh. X. Hoằng Thừa. – HUỆ CƠ (1603-1668) Người chưa ngộ mà muốn vãng sinh, cần Thiền tăng đời Thanh, họ La, tự Thiết phải niệm Phật thật thành tâm tha thiết. Bích, người xứ Doanh Sơn (nay thuộc tỉnh Nếu người tham thiền cũng thành tâm tha Tứ Xuyên) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư thiết như người kia thì mặc dù còn ở trong Xuy Vạn Quảng Chân, tông Lâm Tế. Sư vòng trời người, giữ lấy chỗ ngộ; một khi trụ trì chùa Tụ Vân, chùa Khánh Trung. sinh trở lại, huệ căn chóng phát, siêu Tác phẩm: Khánh Trung Thiết Bích Cơ chứng Bồ-đề, không thể lường được«. Thiền sư ngữ lục 20 quyển, Khánh Trung HUỆ CẦN (1059-1117) tập 2 quyển. Thiền tăng đời Tống, họ Giang, tự Phật HUỆ CUNG (820-903) Giám, người xứ Thư Châu (nay là huyện Thiền tăng đời Đường, họ La, người xứ Tiềm Sơn, tỉnh An Huy) Trung Quốc; nối Phúc Châu; nối pháp Thiền sư Đức Sơn pháp Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn, tông Tuyên Giám. Sư trụ viện Thụy Long ở núi Lâm Tế. Sư trụ chùa Hưng Quốc ở núi Tử Ngưng. Thái Bình. HUỆ CƯ HUỆ CẦU (?-913) Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Mân; Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Bồ nối pháp Thiên Thai Đức Thiều Quốc Sư, Điền, Tuyền Châu (nay thuộc tỉnh Phúc tông Pháp Nhãn. Sư trụ chùa Long Hoa ở Kiến) Trung Quốc, còn gọi là »Trung Tháp Hàng Châu. Hòa thượng«; nối pháp Thiền sư Huyền Sa Sư Bị. Sư kế tiếp Huyền Sa trụ trì viện An HUỆ DUNG Quốc ở núi Ngọa Long Phúc Châu. Thụy X. Pháp Dung. hiệu: Tịch Chiếu Thiền sư. HUỆ ĐÀM (1304-1371) HUỆ CHIẾU (1289-1373) Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên-đầu Thiền tăng đời Nguyên, họ Ma, tự Đại đời Minh, họ Dương, tự Giác Nguyên, Thiên, hiệu Mộng Thế Tẩu, người xứ Vĩnh người xứ Thiên Thai (nay thuộc tỉnh Chiết Gia (nay là Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang) Giang) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Hối Cơ Hy Tiếu Ẩn Hân Công. Sư từng trụ các chùa: Công. Sư trụ chùa Minh Khánh ở Lạc Ngưu Thủ, Thanh Lương, Quảng Huệ, Bảo

HUỆ HỶ (1564-1639) Ninh. Giác Bảo Tháp«. Phật giáo đồ xưa nay luôn xem tháp này là thánh vật, đỉnh lễ quỳ HUỆ ĐẠT lễ. Cuối đời Minh, Hòa thượng Tịnh Thông Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiên Thai từng kết am ở nhiều năm dưới tháp. Đức Thiều Quốc Sư, tông Pháp Nhãn. Sư trụ chùa Hoa Nghiêm ở Lộ Thành (nay HUỆ GIÁC ĐẠI SƯ thuộc tỉnh Sơn Tây) Trung Quốc. Thiền tăng đời Đường, thụy hiệu »Đại Nghĩa«. X. Đại Nghĩa. HUỆ ĐỊNH (1310-1378) Thiền tăng đời Nguyên, họ Ngô, tự Tất Dị, HUỆ HẢI người xứ Phần Dương, Sơn Tây. Nối pháp 1. Thiền tăng đời Đường, họ Chu, người Thiền sư Không Tướng Khuê, đời thứ 24 xứ Kiến Châu (nay là huyện Kiến An, tỉnh hệ Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Khai Phúc Kiến) Trung Quốc; nối pháp Mã Tổ Nguyên ở Liêu Châu (huyện Tả Quyền, Đạo Nhất. Người đời gọi sư là »Đại Châu tỉnh Sơn Tây). Hòa thượng«. Tác phẩm: Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận. HUỆ ĐỒNG 2. Thiền tăng đời Thanh (1626-?), họ Tạ, Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trương, người tự Thủy Giám, còn gọi là Sa Ông, Ngụ xứ Ngụy Phủ (nay là huyện Đại Danh, tỉnh Tẩu, Ngụ Nhân, người xứ Ngạc Châu (nay Hà Bắc) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư là tỉnh Vũ Hán) Trung Quốc; nối pháp Long Tế Thiệu Tu. Sư trụ chùa Phụng Tiên Thiền sư Độc

Quan Hành Kính, tông Lâm ở Thăng Châu (nay là huyện Giang Ninh, Tế. Sư trụ các chùa: Thiết Phật, Thiên tỉnh Giang Tô). Vương, Địa Tạng, Hoàng Long, Thê Hiền, Quảng Huệ. Tác phẩm: Thiên Vương Thủy HUỆ GIÁC Giám Hải Hòa thượng Lục Hội lục 10 1. Thiền tăng đời Đường; nối pháp Thiền quyển, Ngũ Hội lục 6 quyển, Thiên Vương sư Triệu Châu Tùng Thẩm. Sư trụ chùa Thủy Giám Hải Hòa thượng Trụ Kim Túc Quang Hiếu ở Dương Châu (nay thuộc tỉnh ngữ lục 3 quyển. Giang Tô) Trung Quốc. 2. Thiền tăng đời Thanh, hiệu là Chiếu Y. HUỆ HUY (1097-1183) X. Chiếu Y. Thiền tăng đời Tống, họ Trương, người xứ Thượng Ngô (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) HUỆ GIÁC BẢO THÁP Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Chân Hiết Còn gọi: Giá Tổ Tháp. Tháp nằm phía sau Thanh Liễu. Sư trụ chùa Tịnh Từ ở Lâm Phổ Lợi Thiền Tự, núi Động Sơn, huyện An (nay là Hàng Châu), được vua ban hiệu Nghi Phong, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. « Tự Đắc Thiền sư«. Tác phẩm: Linh Ẩn Đây là mộ tháp của Động Sơn Lương Giới, Tịnh Từ Tự Đắc Thiền sư ngữ lục. do vua Đường Ý Tông ra lệnh xây cất. Tháp hình lục giác cao vài thước Tàu rêu HUỆ HỶ (1564-1639) xanh phủ kín, chỉ sót lại vài chữ »Sư Huệ Thiền tăng đời Minh, họ Lưu, tự Tâm

HUỆ KHẢ (487-593) Duyệt, hiệu Hàn Khôi, người xứ Bồ Thành »Đại trượng phu cầm kiếm huệ (nay thuộc Hà Bắc) Trung Quốc; nối pháp Ánh Bát nhã hề kim cương lóe Thiền sư Chính Đạo. Sư nối tiếp Thầy, trụ Đã hay ngoại đạo bạt tâm mê trì chùa Thiếu Lâm. Lại khiến thiên ma lùi khiếp vía«. HUỆ KHẢ (487-593) HUỆ KIÊN Thiền sư thời Bắc Ngụy, Bắc Tề, là Tổ thứ Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư hai của Thiền tông, họ Cơ, ban đầu tên Linh Ẩn Quy Nhân, tông Tào Động. Sư trụ Thần Quang, người xứ Hổ Lao (nay là núi Đại Dương ở Sính Châu (nay thuộc Huỳnh Dương, tỉnh Hà Nam) Trung Quốc, huyện Chung Tường, tỉnh Hồ Bắc) Trung nối pháp Tổ Bồ-đề-đạt-ma. Thụy hiệu »Đại Quốc. Tổ Thiền sư«. HUỆ KINH (1548-1618) HUỆ KHAI (1183-1260) Thiền tăng đời Minh, họ Bùi, tự Vô Minh, Thiền tăng đời Tống, họ Lương, tự Vô người xứ Sùng Nhân (nay thuộc tỉnh Giang Môn, người xứ Hàng Châu, Trung Quốc; Tây) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư nối pháp Thiền sư Nguyệt Lâm Sư Quán, Thường Trung, tông Tào Động. Sư trụ tông Lâm Tế. Sư trụ chùa Báo Quốc ở Cát chùa: Bảo Phương, Thọ Xương. Tác phẩm: An (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) sau dời về Vô Minh Huệ Kinh Thiền sư ngữ lục. các chùa: Thiên Vũ, Thúy Nham, Khai Nguyên, Linh Nham, Tiêu Sơn, Bảo Ninh. HUỆ LÃNG Tác phẩm: Vô Môn Quan 1 quyển. 1. Thiền tăng đời Đường (765-835), họ Âu HUỆ KHÔNG ĐẠI SƯ Dương, người xứ Thủy Hưng (nay thuộc tỉnh Quảng Đông) Trung Quốc; nối pháp Thiền tăng đời Ngũ Đại, hiệu »Tồn Đức«. Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên. Sư trụ chùa X. Tồn Đức. Chiêu Đề ở Đàm Châu (nay là huyện HUỆ KIẾM Trường Sa, tỉnh Hồ Nam). Trí huệ Phật giáo dụ như cây kiếm, dùng 2. Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp nó cắt đứt tất cả phiền não và tà thuyết của Trường Khánh Huệ Lăng, tên thường gọi ngoại đạo. Tiết Phổ Hiền Nguyên Tố Thiền là »Lãng Thượng tọa«. Sư trụ viện Báo Ân sư trong NĐHN q. 18 ghi: ở Phúc Châu. 3. Thiền tăng đời Đường (661-725), họ An, người Thuần An, Chiết Giang, Trung Quốc. Sư nối pháp Lục Tổ Huệ Năng, thuộc Thiền tông Nam tông đời thứ 2, trụ »Đại trượng phu, bỉnh huệ kiếm chùa Long Hưng ở Mục Châu (nay là Bát nhã phong hề kim cương diệm huyện Kiến Đức, Chiết Giang). Phi đản năng tồi

ngoại đạo tâm Tảo tằng lạc khước thiên ma đảm« HUỆ LĂNG (854-932) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Tôn, người đời

HUỆ MINH ĐẠI SƯ gọi sư là »Tôn Công«, người xứ Diêm mạng của Phật giáo nên gọi là Huệ mạng. Quan, Hàng Châu (nay ở phía tây nam Tiết Tục Nghệ Ngôn trong NHQL q. 30 huyện Hải Ninh, Chiết Giang) Trung ghi: » Quốc; nối pháp Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Thụy hiệu »Siêu Giác Đại Sư«. HUỆ LIÊM – Đạo lớn công bằng, pháp không Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư thiên lệch. Đời sau vọng sinh nhân ngã, Bảo Phúc Tùng Triển. Sư trụ viện Chương chia cắt hư không, người nối pháp tông Giang ở Hồng Châu (nay là huyện Nam Lâm Tế thì hủy báng tông Tào Động và Xương tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. ngược lại, cả hai đều làm hư mất pháp môn, tự vùi chôn huệ mạng, há không đau HUỆ LONG (1005-1055) xót lắm sao!«. Thiền tăng đời Tống, họ Triệu, tự Tử Năng, người Phượng Tường, Thiểm Tây, HUỆ MINH Trung Quốc. Sư nối pháp đại sư Diệu 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại (895-975), họ Quang, thuộc tông Vân Môn đời thứ 6, trụ Tưởng, người xứ Tiền Đường (nay thuộc thiền viện Diên Thọ, núi Bạch Vân, Thiều tỉnh Hàng Châu) Trung Quốc, nối pháp Châu. Thiền sư Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp Nhãn. Sư trụ núi Đại Mai ở Ngân Huyện HUỆ LUÂN (nay thuộc tỉnh Chiết Giang). Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư 2. Thiền tăng đời Minh (1318-1386), họ Bảo Phúc Tùng Triển. Sư trụ chùa Diên Hạng, tự Tính Nguyên, hiệu Huyễn Ẩn, Thọ ở Đàm Châu (nay là huyện Trường Sa, Huyễn Ẩn Sinh; người xứ Hoàng Nham tỉnh Hồ Nam) Trung Quốc. (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Nguyên Tẩu Đoan HUỆ MÃN Công. Sư trụ trì chùa Kim Sơn ở Trấn 1. Thiền tăng đời Đường, họ Trương, Giang (nay thuộc tỉnh Giang Tô), sau dời người xứ Huỳnh Dương (nay thuộc tỉnh Hà về chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu. Nam) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư 3. Tăng nhân hiện đại (1859-1930), họ Ôn, Tăng Na. Sư trụ chùa Hội Thiện ở Lạc pháp hiệu Viên Chiếu, người xứ Đinh Châu (nay là Lạc Dương). Châu (nay là huyện Trường Đinh, tỉnh 2. Thiền tăng đời Tống (?-1206), hiệu Phúc Kiến) Trung Quốc. Sư trụ chùa Linh Tuyết Nham, người đời gọi sư là »Tuyết Ẩn ở Hàng Châu. Tác phẩm: Huệ Minh Nham Huệ Mãn«; nối pháp Thiền sư Thể, Pháp Sư Khai Thị lục. tông Tào Động. Sư trụ chùa Đại Minh ở HUỆ MINH ĐẠI SƯ Từ Châu (nay là huyện Từ, tỉnh Hà Bắc). Thiền tăng đời Tống, vua Tống Thái Tông HUỆ MẠNG ban cho sư hiệu Hy Biện. X. Hy Biện. Pháp mạch của Phật giáo. Trí huệ là sinh

HUỆ MINH THIỀN SƯ HUỆ MINH THIỀN SƯ HUỆ NGUNG (860-930) Thiền tăng đời Tống, hiệu Diên San. X. Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Hà Bắc, Diên San. Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Hưng Hóa Tồn Tương, tông Lâm Tế. Sư trụ Nam HUỆ MỤC Viện của Bảo Ứng Thiền Viện ở Nhữ Châu Hiệu của Thiền tăng Uẩn Năng đời Tống. (nay là huyện Lâm An, tỉnh Hà Nam) nên X. Uẩn Năng. sư còn có pháp hiệu »Nam Viện«, người đời thường gọi »Bảo Ứng Thiền sư«. HUỆ NAM (1002-1069) Thiền tăng đời Tống, họ Chương, người HUỆ NGUYÊN (1037-1091) Ngọc Sơn, Giang Tây (có thuyết nói là Thiền tăng đời Tống, họ Nghê, người xứ người Thượng Nhiêu, Giang Tây) Trung Hồ Dương, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư Quốc. Sư nối pháp thiền sư Thạch Sương nối pháp thiền sư Huệ Nam làm truyền Sở Viên, làm truyền nhân tông

Lâm Tế đời nhân tông Lâm Tế đời thứ 9, phái Hoàng thứ 8 và là sơ tổ phái Hoàng Long. Sư lần Long đời thứ 2. Sư từng trụ các nơi: Thừa lượt trụ các nơi:Viện Đồng An Sùng Thắng Thiên Vạn Thọ Tự, Ngô Giang Thọ Thánh ở Phúc Kiến, Lô Sơn Tây Thiền viện, Tự, Côn Sơn Huệ Nghiêm Tự, Hồ Châu Hoàng Bá Sơn tự ở Quân Châu (nay là Cao Báo Bản Tự. An, Giang Tây), chùa Sùng Ân trên núi Hoàng Long ở phủ Long Hưng. Có ngữ lục HUỆ NGUYỆT THIỀN SƯ truyền bá ở đời. Thụy hiệu: Phổ Giác Thiền Sư.

Thiền tăng đời Ngũ Đại, hiệu Pháp Đoan. X. Pháp Đoan. HUỆ NĂNG (638-713) Thiền tăng đời Đường, Tổ thứ 6 của Thiền HUỆ NHÂN CAO LY TỰ CHÍ tông, người khai sáng Nam Tông, họ Lư, nguyên quán Phạm Dương (nay là Đại Chí, 12 quyển, do Lý Trợ soạn vào đời Hưng, Bắc Kinh), sinh ở Tân Hưng, Nam Minh, được xếp vào Trung Quốc Phật Tự Hải (nay thuộc Quảng Đông) Trung Quốc; Sử Chí Vựng San tập 1. Vào đời Tống, nối pháp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Ngài chủ Tấn Thủy Tịnh Nguyên trụ trì Huệ Nhân trương tất cả chúng sinh đều có Phật tính, Thiền tự chú thích kinh Hoa Nghiêm. Vị mỗi người đều có thể thành Phật, dùng tăng Cao Ly là Nghĩa Thiên theo ngài Tịnh cách dạy đạo giản dị, chú trọng cải cách lối Nguyên học kinh Hoa Nghiêm, dùng giấy dạy kinh nghĩa lộn xộn rối rắm của truyền xanh giấy vàng để dịch 300 bộ kinh Hoa thống Phật học cũ. Nghiêm, đến nỗi chùa Huệ Nhân có tên là HUỆ NGỘ THIỀN SƯ chùa Cao Ly. Vào khoảng niên hiệu Thiên Hiệu của Thiền tăng Xung Húc đời Ngũ Khải (1621-1627) đời Minh, Lý Trợ nhận Đại. X. Xung Húc. lời yêu cầu của vị tăng trong chùa là Chỉ Thủy, biên tập tự chí, chia làm 10 loại: Nguyên thủy, Cảnh vật, Tổ đức, Đàn-na,

HUỆ PHƯƠNG Cung vũ, Bi ký, Truyện chí, Tạp văn, Đề Vân Tự«. vịnh, Pháp tự. HUỆ NHẬT (1272-1340) HUỆ NHÂN TỰ Thiền tăng đời Nguyên, họ Thẩm, hiệu Bên bờ tây nam Tây Hồ, thành phố Hàng Đông Minh, người xứ Định Hải, Minh Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Niên Châu nay là đông bắc huyện Ninh Ba, tỉnh hiệu Thiên Thành thứ 2 (927) đời Hậu Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp Thiền Đường, Ngô Việt Vương Tiền Lưu sáng sư Trực Ông Đức Cử, tông Tào Động. Tác lập, gọi là »Huệ Nhân Thiền Viện«. Đời phẩm: Tông Môn Vô Tận Đăng Luận, Bạch Tống Tấn Thủy Tịnh Nguyên vào ở chùa Vân Đông Minh Hòa thượng ngữ lục 3 này, tăng người Triều Tiên là Nghĩa Thiên quyển. cũng đến đây học Hoa Nghiêm với Tịnh HUỆ PHONG Nguyên. Thời vua Tống Thần Tông (1068- Gió Phật pháp, Phật pháp và sự giáo hóa 1085) đổi tên là »Huệ Nhân Giáo Viện« và của Phật Tổ như cơn gió bay đi khắp nơi.. xây bia kỷ niệm. Vào niên hiệu Càn Đạo Huệ Nam ngữ lục ghi: » (1165-1173) Viên Trừng Nghĩa Hòa trụ – chùa này soạn »Hoa Nghiêm Niệm Phật Muốn khiến cho Gió Phật pháp và Gió Tam Muội Vô Tận Đăng« 1 quyển, đề (đạo đức) của vua Nghiêu đều được nổi xướng pháp môn niệm Phật viên dung Hoa lên, ngõ hầu mặt trời Phật và mặt trời (trí Nghiêm. Sau khi Viên Trừng dời sang huệ) của vua Thuấn cùng sáng«. chùa Năng Nhân, Bình Giang, đặc biệt có hai Thiền sư Hoài Tường, Nghĩa Tận vào ở HUỆ PHƯƠNG chùa này. Thời Tống Lý Tông (1225-1264) 1. Thiền tăng đời Đường (629-695), họ Pháp sư Dị Am đổi thiền viện thành giảng Bộc; nối pháp Thiền sư Trí Nham, tông đường. Cuối đời Nguyên đại bộ phận kiến Ngưu Đầu. Sư trụ núi Ngưu Đầu 10 năm trúc bị chiến tranh phá hủy. Khoảng niên không xuống núi. hiệu Chính

Đức (1506-1521) đời Minh, 2. Thiền tăng đời Tống (1073-1129), họ Vạn Tùng Huệ Lâm vào ở chùa này, giảng Cung, hiệu Siêu Tông, người xứ Lâm thuyết kinh Hoa Nghiêm, đồ chúng vân tập Giang (nay thuộc tỉnh Giang Tây) Trung vài ngàn người. Cao túc của Huệ Lâm là Quốc; nối pháp Thiền sư Tử Tâm Ngộ Dị Am Như Thông, Ngộ Huyền, Vô Tế Tân, tông Lâm Tế, phái Hoàng Long. Sư Minh Huệ vào ở chùa này. Như Thông xây trụ chùa Hòa Sơn, Kiết Châu (nay là huyện lại Thiên vương điện, Đại hùng điện, Luân Kiết An, Giang Tây). Tác phẩm: Siêu Tông tàng các, Diệu ứng điện, Chung lâu, Thiền Huệ Phương Thiền sư ngữ lục 1 quyển. đường. Minh Huệ kế thừa y bát tông Lâm 3. Thiền tăng đời Tống, họ Hứa, người xứ Tế đời thứ 27, vào niên hiệu Vạn Lịch thứ Đàm Châu (nay là huyện Trường Sa, tỉnh 6 (1578) trùng tu Huệ Nhân Tự cùng lập bi Hồ Nam) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư ký. Pháp tự Nguyệt Ấn khởi công xây Văn-thù Tâm Đạo, tông Lâm Tế. Sư trụ dựng lầu kinh Hoa Nghiêm. Niên hiệu Càn chùa Sở An, Đàm Châu. Long thứ 22 (1757) ban cho hiệu »Pháp

HUỆ QUÁN HUỆ QUÁN Quy Hiểu. Hiệu của Thiền tăng Hành Tu đời Ngũ Đại. X. Hành Tu. HUỆ SẢM (1372-1441) Thiền tăng đời Minh, họ Vương, tự Hư HUỆ QUANG Bạch, người Hồ Quảng, ở Đơn Dương (nay 1. Thiền tăng đời Tống, họ Hạ Hậu, hiệu thuộc Giang Tô) Trung Quốc. Sư nối pháp Tịch Thất, người xứ Tiền Đường (nay thiền sư Phổ Trì, thuộc tông Lâm Tế, trụ trì thuộc Hàng Châu) Trung Quốc; nối pháp Đông Minh thiền tự. Thiền sư Huệ Lâm Hoài Thâm, tông Vân HUỆ SINH (?-1063) Môn. Sư trụ chùa Linh Ẩn, Hàng Châu Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Tỳ-ni-đa- 2. Thiền tăng đời Tống, hiệu Hối Am, lưu-chi đời thứ 13. Sư họ Lâm, tên Khu người xứ Kiến Ninh (nay thuộc tỉnh Phúc Vũ, người làng Đông Phù Liệt, dòng dõi Kiến) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Ô Lâm Phú ở núi An Trà, miền Bắc Việt Cự Đạo Hành, tông Lâm Tế, phái Dương Nam. Bài kệ đáp vua Lý Thái Tông về Kỳ. Sư trụ núi Quy Phong, Tín Châu (nay cách dụng tâm: là huyện Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây). Tác phẩm:
Hối Am Quang Thiền sư Ngữ Yếu 1 quyển. HUỆ
QUANG (1888-1967) Tăng nhân hiện đại, họ Lý, pháp danh
»Pháp bản như vô pháp Thánh Như, biệt hiệu Phục Định, người Phi hữu diệc phi vô huyện Tương Đàm, Hồ Nam, Trung Quốc. Nhược nhân tri thử pháp Sư từng học tại các Phật học viện: Khai Chúng sinh dữ Phật đồng Phúc ở Trường Sa, Vũ Xương ở Hồ Bắc, Tịch tịch Lăng-già nguyệt Trung Hoa ở Bắc Kinh, Báo Ân ở Thất Không không độ hải chu Tháp và có sự thể ngộ khá sâu đối với các Tri không không giác hữu tông: Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Tính, Tam-muội nhậm thông châu« Tướng, Luật, Tịnh, Mật, Thiền. Tác phẩm: »Pháp vốn như không pháp Tông Môn Giảng lục, Thiền Học Chỉ Nam, Chẳng có cũng chẳng không Thiền Học Vấn Đáp. Nếu người biết pháp ấy Chúng sinh cùng Phật đồng. HUỆ QUẢNG (1576-1620) Trăng Lăng-già vắng lặng Thiền tăng đời Minh, họ Hàn, tự Nam Thuyền Bát-nhã rỗng không Minh, người xứ Hải Diêm (nay thuộc tỉnh Biết không, không giác có Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp Thiền Chính định mặc thong dong«. sư Xa Khê. Tác phẩm: ngữ lục 1 quyển. Tác phẩm: Pháp sự trai nghi, Chư Đạo Tràng Khánh Tán Văn : HUỆ QUẢNG ĐẠI SƯ Thiên Phúc, Thiên Khánh, Khai Quốc ở Thiền tăng đời Tống, hiệu »Quy Hiểu«. X. Tiên Du; Diệu Nghiêm, Báo Đức v.v... ở

HUỆ THANH (885-960) Vũ Ninh. Theo: Thiền sư Việt Nam của (nay thuộc Giang Tây) Trung Quốc; nối HT. Thanh Từ. pháp Mã Tổ Đạo Nhất. Sư cất am ở núi Thạch Củng nên người đời gọi sư là HUỆ SÙNG THIỀN SƯ THÁP »Thạch Củng Hòa thượng«. Nằm trong rừng tháp chùa Linh Nham, HUỆ TẾ THIỀN SƯ huyện Trường Thanh, tỉnh Sơn Đông, Hiệu của thiền tăng Pháp An đời Ngũ Đại. Trung Quốc, là mộ tháp của Thiền sư Huệ X. Pháp An. Sùng, cao tăng chùa Linh Nham đời HUỆ TẾ TỰ Đường, được xây vào khoảng niên hiệu Còn gọi: Phật Đỉnh Sơn Tự. Nằm trên núi Thiên Bảo (742-755) đời Đường. Tháp cao Phật Đỉnh, Phổ-đà Sơn, tỉnh Chiết Giang, khoảng 5,3m, toàn bộ xây bằng đá, là tháp Trung Quốc. Nguyên là một thạch đình thờ một tầng mái chồng theo kiểu đình các. Phật. Đời Minh tăng Huệ Viên sáng lập Dưới tháp là tòa Tu-di, trên tòa xây thân Huệ Tế Am. Niên hiệu Càn Long thứ 58 tháp hình vuông. Mặt chính của tháp có (1793) đời Thanh mở rộng thành chùa đổi cửa, ba mặt còn lại khắc cửa giả khép nửa, tên là »Huệ Tế Thiền Tự«. Niên hiệu trên cửa có khắc đồ án Sư đầu, Kỹ nhạc, Quang Tự thứ 33 (1907) Hòa thượng Văn Phi thiên, Võ sĩ, diễn cảm sinh động hoạt Chính xây dựng thêm bèn trở thành chùa bát, điêu khắc khỏe khoắn có lực, là phong lớn, cùng với Phổ Tế Tự, Pháp Vân Tự cách nghệ thuật thời kỳ thịnh Đường. Tháp được coi là ba chùa lớn ở Phổ-đà Sơn. thất cũng hình vuông, đỉnh thất là hình cái Toàn chùa có 4 điện, 7 cung, 6 lầu. Đại đấu úp. Đỉnh tháp hình tứ giác nhọn đầu. hùng bảo điện mái đơn đỉnh yết sơn, rường Mái tháp dùng thạch bản lớp lớp chồng cột khắc họa, chính giữa thờ Phật Thích-ca khít lên nhau. Trên tháp sát có lộ bồn, và hai vị đệ tử, không giống những chùa ngưỡng liên, bảo châu, là hình thức thông miếu thờ Quán Âm ở Phổ-đà Sơn. Chùa ở thường của thạch tháp một tầng đời trên đỉnh núi cao tĩnh mịch tuyệt tục. Tại Đường. Cả tháp tạo dáng vừa mạnh mẽ đây nhìn xuống có thể thấy toàn cảnh Phổvừa đẹp đẽ. đà Sơn và biển cả bao la. Nếu như gặp thời HUỆ TÀI (?-1570) tiết mây mù từng cụm mây trắng như sóng biển cuồn cuộn, lúc thì bồng bềnh trên đầu, Thiền tăng đời Minh, tên đời là Nghiêm lúc thì trôi đi dưới chân, đây là một trong Đường, hiệu Thiên Dục, Tây Chiếu, người mười cảnh đẹp của Phổ-đà. xứ Dương Lâm (nay là huyện Tung Minh, tỉnh Vân Nam) Trung Quốc; nối pháp HUỆ THANH (885-960) Thiền sư Kính Sơn Vạn Tùng. Sư trụ chùa Thiền tăng đời Ngũ Đại, người nước Tân Mã Kỳ ở Tùng Giang (nay thuộc Thượng La; nối pháp Thiền sư Nam Tháp Quang Hải). Dũng, tông Quy Ngưỡng. Sư trụ núi Ba Tiêu ở Sính Châu (nay là Kinh Sơn, tỉnh HUỆ TẠNG Hồ Bắc) Trung Quốc. Thiền tăng đời Đường, người xứ Phủ Châu

HUỆ THÀNH (941-1007) HUỆ THÀNH (941-1007) HUỆ TỊCH (814-890) Thiền tăng đời Tống, họ Thôi, người xứ Thiền tăng đời Đường, là 1 trong 2 vị Tổ Dương Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tô) sư khai sơn tông Quy Ngưỡng, họ Diệp, Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Pháp An, người xứ Hoài Hóa (nay ở phía đông nam tông Pháp Nhãn. Sư trụ trì chùa Quy Tông huyện Phiên Vũ, tỉnh Quảng Đông) Trung ở Lô Sơn. Quốc; nối pháp Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu. Sư trụ Ngưỡng Sơn ở Viên Châu HUỆ THẮNG (thế kỷ V) (nay là huyện Nghi Xuân, tỉnh Giang Tây). Thiền tăng thời Bắc Thuộc, ở chùa núi Người đời gọi sư là »Ngưỡng Sơn Tiểu Tiên Châu, theo Thiền sư nước ngoài là Thích-ca«. Môn phong Ngưỡng Sơn: Dùng Đạt-ma-đề-bà học pháp quán hạnh. Lưu tay vẽ một vòng tròn, rồi vẽ trong ấy 1 chữ Tích ở Bành Thành khi làm Thái Thú ở hoặc 1 bức tranh để

khai thị người học. Nam Hải nghe đạo phong của sư, lúc về nước thỉnh sư cùng đi. Khi về tới Bành HUỆ TÍNH Thành, sư cư trú tại chùa U Thê. Sư giữ Thiền tăng đời Minh, hiệu Tổ Minh. kín chỗ kỳ đặc, thường tỏ ra ngu ngốc, nhưng người ở lâu với sư rất kính trọng, HUỆ TỈNH những học giả về Thiền rất khâm phục. Thiền tăng đời Đường; nối pháp Dược Sơn Duy Nghiễm. Sư trụ viện Ti Thọ ở Tuyên HUỆ THÂM Châu (nay thuộc Tuyên Thành, tỉnh An Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư Huy) Trung Quốc. Chiêu Khánh Đạo Khuông. Sư trụ viện Từ Vân ở Liên Châu (nay thuộc huyện Liên, HUỆ TÔNG tỉnh Quảng Đông) Trung Quốc. Vua ban Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ hiệu »Phổ Quang Đại Sư«. Trường Khê (nay là huyện Hà Phố, tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư HUỆ THIỆP (741-822) Nham Đầu Toàn Khoát. Sư trụ chùa Linh Thiền tăng đời Đường, họ Tạ, là đời sau Nham ở Cát Châu (nay là huyện Cát An, của Tạ An đời Đông Tấn, người xứ Cối Kê tỉnh Giang Tây). (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư HUỆ TRÍ Sơn Trung, tông Ngưu Đầu. Sư trụ chùa Thiền tăng đời Tống, tên Hy Biện. Huệ Trí Trang Nghiêm ở Kim Lăng (nay là Nam là hiệu của sư do Ngô Việt Trung Ý Kinh). Vương ban tặng. X. Hy Biện. HUỆ THÔNG (1431-1501) HUỆ TRIẾT (765-846) Thiền tăng đời Minh, tên đời là Thiệu, tự Đại Xiển, người xứ Chính Hòa (nay thuộc Thiền tăng đời Đường, họ Kim, người tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc; nối pháp nước Tân La (nay là Triều Tiên). Niên hiệu Thiền sư Hội Trung, tông Lâm Tế. Nguyên Hòa thứ 9 (814), sư vào Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Trí Tạng Tây

HÙNG BIỆN PHÁP SƯ ĐẠI TỊCH THÁP Đường, thuộc hệ Nam Nhạc đời thứ 4. nên người trong làng gọi tháp của sư là Niên hiệu Khai Thành thứ 4 sư trở về Thánh Sư tháp. nước, hoằng dương Thiền tông ở chùa Thái 2. Thiền tăng đời Ngũ Đại (912-972), họ An, núi Đồng Lý, là Tổ khai sơn Đồng Lý Long, tự Bảo Hoa, người Hoài Hóa (nay là Sơn Triều Tiên. Hoài Tập, Quảng Đông) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Lãng Thượng, thuộc tông HUỆ TRIỆT Vân Môn đời thứ 3, trụ trì viện Địa Tạng ở Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư Liên Châu (nay thuộc Liên, Quảng Đông). Thạch Môn Hiến Uẩn, tông Tào Động. Sư Hiệu: Minh Thức Đại Sư. kế tiếp Hiến Uẩn trụ trì chùa Thạch Môn ở Tương Châu (nay là huyện Tương Phàn, HUỆ VIÊN tỉnh Hồ Bắc) Trung Quốc. Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp Nhãn. HUỆ TRUNG Sư trụ chùa Thê Hiền ở Lô Sơn. 1. Thiền tăng đời Đường (683-769), họ Vương, người xứ Thượng Nguyên, Nhuận HUỆ VIỄN (1103-0076) Châu (nay là huyện Giang Ninh, tỉnh Thiền tăng đời Tống, họ Bành, tự Hạt Giang Tô) Trung Quốc nối pháp Thiền sư Đường, người My Sơn, Tứ Xuyên, Trung Trí Oai, tông Ngưu Đầu. Sư trụ chùa Diên Quốc. Sư nối pháp thiền sư Khắc Cần, Tộ. thuộc tông Lâm Tế đời thứ 12, phái Dương 2. Thiền tăng đời Đường (690-775), họ Kỳ đời thứ 5. Sư trụ trì chùa Linh Ẩn tại Nhiễm, người xứ Chư Kỵ (nay thuộc tỉnh Hàng Châu, được vua ban hiệu Phật Hải Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp Lục Đại Sư. Tác phẩm: Hạt Đường tập, Phật Tổ Huệ Năng, là 1 trong 5 bậc tông tượng Hải Đại sư ngữ lục. sau Lục Tổ. Thụy hiệu »Đại Chứng Thiền sư«, đời thường gọi »Nam Dương Quốc HÙNG BIỆN PHÁP SƯ ĐẠI TỊCH Sư«. THÁP 3. Còn gọi: Chí Trung. Thiền tăng đời Tháp ở hậu sơn chùa Cùng Trúc, thành phố Đường (817-882), họ Trần, người xứ Côn Minh, tỉnh

Vân Nam, Trung Quốc. Tuyên Du, Tuyền Châu (nay thuộc tỉnh Tháp có 4 phương 8 mặt 12 góc, xây bằng Phúc Kiến) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư gạch, đáy tòa hình vuông, tháp sát hình Thảo Am Pháp Nghĩa. tròn. Bia đá Bảo Vân tháp minh của Pháp sư Hùng Biện lập vào niên hiệu Chí Đại HUỆ TỪ (800-872) thứ 3 (1310) đời Nguyên. Nguyên trước 1. Thiền tăng đời Đường, họ Trần, người khi lập mộ hiện di dời vào trong Hoa Hà Bắc, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Nghiêm các. Pháp sư Hùng Biện họ Lý, Trí Viễn, thuộc tông Hà Trạch đời thứ 6, sinh tại Côn Minh, tịch vào niên hiệu Đại trụ chùa Đại Vân ở Thiều Châu, thu phục Đức thứ 5 (1301) đời nguyên. 23 tuổi xuất một con cọp để cưỡi, người đời gọi sư là gia, từng đi khắp nơi trong nước học Phật Hổ Thiền sư. Có điềm linh dị khi xây tháp pháp 25 năm. Nguyên Thế Tổ ban pháp

HÙNG NHĨ SƠN danh »Hồng Cảnh«. Khi Lương vương làm thiền pháp Tào Khê. vua Vân Nam, Hùng Biện trở về Vân Nam giảng dạy kinh điển Thiền tông, tiếng tăm HUYỀN CHỈ càng nổi, đối với sự phát triển của Phật 1. Ý chỉ huyền diệu, phần nhiều chỉ cho ý giáo Vân Nam và sự khai thác chùa Cùng chỉ Thiền. Tín Tâm Minh (Đại 48, 376 Trúc có nhiều cống hiến. trung) ghi: HÙNG NHĨ SƠN

Núi ở phía nam Lô Chi, Hà Nam, tiếp giáp »Vi thuận tương tranh với Vĩnh Ninh (Nay là huyện Lạc Ninh) Thị vị tâm bệnh Trung Quốc. Vì hai ngọn của rặng núi này Bất thức huyền chỉ dựng đứng lên như tai gấu nên núi được Đồ lao niệm tịnh«. gọi là Hùng Nhĩ Sơn. Tháp của Tổ Đạt-ma »Thuận nghịch tranh nhau được xây tại núi này. Bài Tự Đề của Tuệ ấy là tâm bệnh. Trung Thượng Sĩ có ghi: Chẳng biết huyền chỉ uổng công niệm tịnh«. 2. Thiền tăng đời Tống; nối pháp Thiền sư Bạch Long Đạo Hy. Sư trụ chùa Quảng Bình, Phúc Châu. »Thu quang hữu bút mạc hình dung Khích mục sơn hà xứ xứ đồng HUYỀN ĐỒ Nhất phái Tào Khê hàn trạm trạm Còn gọi: Huyền lưu. Tăng đồ, tăng nhân. Thiên niên Hùng Nhĩ bích tùng tùng« Tiết Đức Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 5 »Sắc thu, bút khó vẽ nên hình ghi: »Hàm Thông sơ niên, Vũ Lăng Thái Sông núi nơi nơi một vẻ thanh thú Tát Đình Vọng, nghinh thỉnh (Đức Sơn Một dải Tào Khê ngăn ngắt lạnh Hòa thượng) thỉ cư Đức Sơn, tự thị tứ hải Nghìn năm Hùng Nhĩ chập chùng xanh«. huyền đồ, đông hạ thường doanh ngũ bách Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di, Thơ văn hĩ. – Niên hiệu Hàm Thông thứ 1, Thái thú Lý Trần của Viện Khoa học Xã hội. Vũ Lăng là Tát Đình Vọng nghinh thỉnh Hòa thượng Đức Sơn về ở Đức Sơn, từ đây HUYỀN BẢN tăng đồ khắp nơi tụ hội về vào mùa đông Thiền tăng đời Tống; nối pháp Thiền sư mùa hạ thường lên đến năm trăm người.« Chi Đề Biện Long, tông Pháp Nhãn. Sư trụ chùa Linh Ẩn, Hàng Châu. HUYỀN GIÁC (665-713) Thiền tăng đời Đường, họ Đới, tự Đạo HUYỀN CƠ (645-720) Minh, người xứ Vĩnh Gia (nay là Ôn Châu, Thiền sư ni đời Đường, họ Tạ, người Dư Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp Lục Hàng, Chiết Giang, Trung Quốc. Sư nối Tổ Huệ Năng. Sư trụ chùa Long Hưng ở pháp Lục Tổ Huệ Năng, Nam tông đời thứ Ôn Châu. Tác phẩm: Vĩnh Gia tập 10 2, trụ Vô Tận Am, Tịnh Cư Am hoằng thiên, Thiền tông Ngộ Tu Viên Chỉ 1

HUYỀN QUANG (1254-1334) quyển, Chứng Đạo Ca 1 thiên. Tất dũng đả thoát Tát thủ huyền nhai HUYỀN GIÁC ĐẠO SƯ Na vấn tử hoạt?« Thiền tăng đời Ngũ Đại, tên Hành Ngôn, »Pháp tham thiền bậc nhất hiệu »Huyền Giác Đạo Sư«. X. Hành Đập thùng sơn lủng đáy Ngôn. Trên vực thẳm buông tay HUYỀN GIÁM Hỏi làm chi sống

chết?«. 1. Gương mầu nhiệm. Chỉ cho chân tâm. HUYỀN NHÂN 2. Thiền tăng đời Nguyên, người xứ Khúc Tĩnh (nay thuộc Vân Nam) Trung Quốc; Chư tăng, tăng sĩ. Tiết Vân Môn Hòa nối pháp Thiền sư Trung Phong Minh Bản, thượng trong TĐT q. 11 ghi » tông Lâm Tế. Sư trụ núi Đại Hoa. – Phật pháp HUYỀN LỮ xế chiều, chư tăng chớ nên rong chơi, lá Chư tăng. Chương Thủ Thanh Thiền sư vàng bọt nước lừa gạt chết người, đợi khi trong CĐTĐL q. 22 ghi: » sắp chết hoảng hốt thì còn nước xuôi tay«. – Sư xuất gia ở núi Nham Bối, HUYỀN NỘT (878-960) sau khi ngộ tâm được mời ở chùa Thanh Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Thôi, người xứ Tuyền, chư tăng kéo đến tụ hội«. Cao Ly; nối pháp Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Sư trụ viện Phúc Thanh, Tuyền HUYỀN NGỘ THIỀN SƯ Châu. Thiền tăng đời Đường, tên là Hoài Hựu, thụy hiệu »Huyền Ngộ Thiền sư«. X. Hoài HUYỀN PHONG (1266-1349) Hựu. Thiền tăng đời Nguyên, họ Chu, vốn là người nước Sở, do đời ông làm quan ở HUYỀN NHAI TÁN THỦ Điền Nam nên bị xóa tên trong sổ ở Côn Minh, nối pháp Thiền sư Trung Phong Trên bờ vực thẳm buông tay. Thiền tông Minh Bản, tông Lâm Tế. Sư trụ Hoa Đình dùng từ này để chỉ cho cảnh giới Ngộ, hình ở Vân Nam. Tác phẩm: Cao Tăng truyện dung việc vượt khỏi tâm ý thức giống như và Ngữ lục. đã leo đến đỉnh núi, bốn bề là vực thẳm mà còn bước thêm một bước và hai tay chẳng HUYỀN QUANG (1254-1334) vịn vào đâu. Tham thiền kệ trong Thiền Thiền tăng đời Trần, thuộc dòng Trúc Lâm Tịnh Hợp Yếu của Thiền sư Phương Tụ Yên Tử, tổ thứ 3, nối pháp Thiền sư Pháp Thành ghi: Loa. Sư tên Lý Tải Đạo, người làng Vạn Tải lộ Bắc Giang, miền Bắc Việt Nam.

Năm 1274, đỗ Trạng Nguyên làm quan ở »Tham thiền đệ nhất viện Hàn Lâm. Năm 1305 xuất gia, thụ giới tại chùa Vĩnh Nghiêm, làm thị giả đức

HUYỀN SA SƯ BỊ THIỀN SƯ NGỮ LỤC Điều Ngự. HUYỀN SÁCH Tác phẩm: 1. Thiền tăng đời Đường (668-746), họ Lý, — Ngọc Tiên tập người xứ Kim Hoa, Vụ Châu (nay thuộc — Chư Phẩm Kinh tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp — Công Văn tập Lục Tổ Huệ Năng. Sư trụ Kim Hoa. — Phổ Tuệ ngữ lục. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh 2. Thiền tăng đời Đường (?-854), họ Lỗ, Từ. người xứ Cối Kê (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; nối HUYỀN SA SƯ BỊ THIỀN SƯ NGỮ pháp Mã Tổ Đạo Nhất. Sư trụ núi Cửu LỤC Tỉnh ở Hoàng Pha (nay thuộc tỉnh Hồ Còn gọi: Phúc Châu Huyền Sa Tông Nhất Bắc). Thụy hiệu »Viên Tịch Đại Sư«. Thiền sư ngữ lục, Huyền Sa Đại Sư ngữ lục, Huyền Sa ngữ lục. Ngữ lục, 3 quyển, HUYỀN TẮC do Huyền Sa Sư Bị soạn vào đời Đường, Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Tiết Lâm Hoằng Viễn biên tập vào đời Minh, Nam, Hoạt Châu (nay là đông bắc huyện được xếp vào Tục Tạng kinh, tập 126, Hoạt, tỉnh Hà Nam) Trung Quốc; nối pháp trang 487. Sách này thu thập những ngữ Thiền sư Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp yếu chưa được đem vào bộ »Quảng lục« Nhãn. Sư trụ Kim Lăng. như: Thượng đường, niêm hương, thùy thị; bao gồm Huyền Sa lược truyện, 3 câu HUYỀN THÁI Cương tông, Huyền Sa phê bình cổ tắc Còn gọi: Thái Bố Nạp. Thiền tăng đời Ngũ công án. Sách này được ấn hành vào niên Đại, nối pháp Thiền sư Thạch Sương hiệu Thiên Khải thứ 6 (1626) đời Minh. Khánh Chư. Sư trụ lan nhã »Thất Bảo Đài« HUYỀN SA SƯ BỊ THIỀN SƯ phía đông Hành Sơn, kết bạn với các vị Quán Hưu, Tề Kỷ. Tác phẩm: Dư Sơn Dao

QUẢNG LỤC 1 bài. Gọi đủ: Phúc Châu Huyền Sa Tông Nhất Đại Sư quảng lục. Còn gọi: Huyền Sa HUYỀN TỊCH ĐẠI SƯ quảng lục. Quảng lục, 3 quyển, do Huyền Sa Sư Bị soạn vào đời Đường, Trí Nghiêm Thiền tăng đời Ngũ Đại, tên Ẩn Vi, hiệu biên tập, sau đó được xếp vào Tục Tạng »Huyền Tịch Đại Sư«. X. Ẩn Vi. kinh tập 126, trang 351. Nội dung bao gồm các lời thượng đường, dạy chúng trong lúc HUYỀN TỐ (663-752) thượng đường, Phương trượng lục, Phật Thiền tăng đời Đường, họ Mã, tự Đạo tâm ấn lục. Quyển cuối có phụ lục »Đường Thanh, người đời gọi sư là Mã Sách, Mã Phúc Châu An Quốc Thiền viện tiên khai Tổ; người xứ Diên Lăng, Nhuận Châu (nay sơn Tông Nhất Đại sư bi văn tinh tự«. là tây nam huyện Đơn Dương, tỉnh Giang Sách này được ấn hành vào niên hiệu Tô) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Trí Nguyên Phong thứ 3 (1080) đời Tống. Oai, tông Ngưu Đầu.

HƯ CỐC HUYỀN TÔNG HUYỄN TRỤ AM THANH QUY Tông chỉ huyền diệu, chỉ cho Thiền tông. Lục tổ Lạc Đạo Ca ghi: Sách, 1 quyển, do Trung Phong Minh Bản soạn vào đời Nguyên, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 111. Minh Bản dựa theo những điều cần biết hàng ngày trong tùng lâm Nhật Bản để chế định, từ đó trở thành »Các môn đồ hèn Thích tử quy củ của gia phong núi Thiên Mục. Nội Chẳng hội Như Lai chân tông thú dung gồm có 10 loại: Nhật tư, Nguyệt tiến, Hết lòng hướng thượng ngộ Thiền tông Niên quy, Thế phạm, Doanh biện, Gia Chẳng luận hiền ngu khuyên tiến thủ«. phận, Danh phận, Tiễn lý, Nhiếp dưỡng, HUYỀN TRÁCH Tân tống. Phần phụ lục gồm: Khai cam lộ môn, Phổ thí pháp thực văn, sớ. Sách được Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người ấn hành vào niên hiệu Diên Hựu thứ 4 xứ Kỳ Huyện (nay thuộc tỉnh Sơn Tây) (1317) đời Nguyên. Trung Quốc, từng theo giúp ngài Huyền Trang dịch kinh; nối pháp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Sư trụ Thọ Sơn ở An Châu (nay là HUYỄN TRỤ ĐẠO NHÂN huyện An Lục, tỉnh Hồ Bắc). Tác phẩm: Lăng-già Nhân Pháp Chí. Thiền tăng Minh Bản đời Nguyên tự xưng là Huyễn Trụ đạo nhân. X. Minh Bản. HUYỀN ỨNG (910-975) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Ngô, người xứ HUYẾT MẠCH Tấn Giang (nay là Phúc Kiến, Tuyền Châu) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Còn gọi: Huyết mạch tương thừa. Huyết Bạch Long Đạo Hy. Sư trụ viện Báo Cù ở mạch nghĩa đen là mạch máu, Thiền tông Chương Châu. dùng từ này để chỉ cho sự tiếp nối. Huyết Mạch Tương Thừa là pháp môn thầy trò HUYỄN ẨN truyền nhau liên tục và rộng khắp giống Hiệu của Thiền tăng Huệ Minh đời Minh. như mạch máu liền lạc trong cơ thể con X. Huệ Minh. người. BNL q. 1 (Đại 48, 142 trung) ghi: » HUYỄN CƯ – Vị tăng này Hiệu của thiền tăng Tịnh Giới đời Minh. lại đến hỏi Tào Sơn: Thế nào là rồng ngâm X. Tịnh Giới. trong cây khô? Tào Sơn đáp: Huyết mạch chẳng dứt«. HUYỄN KHÔNG Hiệu của Thiền tăng Viên Quả đời Minh. HƯ CỐC X. Viên quả. Hiệu của Thiền tăng Hi Lăng đời Nguyên. X. Hi Lăng.

HƯ CHU (1196-1277) HƯ CHU (1196-1277) Tạng kinh tập 124, trang 514. Tùng Luân Thiền tăng sống vào cuối đời Tống đầu đời trích ra 100 tắc tụng cổ từ Đan Hà Tử Nguyên, họ Sử, tên Phổ Độ, người xứ Thuần Thiền sư ngữ lục rồi biên tập lại, Giang Đô (nay là huyện Dương Châu, tỉnh thêm vào phần thị chúng, trước ngữ, bình Giang Tô) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư xướng để biểu đạt kiến giải về Tông thừa Thiết Ngưu.

Sư trụ chùa Bán Sơn ở Kim của sư, trở thành chỉ nam cho người tham Lăng (nay là Nam Kinh) sau dời đến ở các học ngộ đạo. Sách được ấn hành vào niên chùa: Kim Sơn, Lộc Uyển, Thừa Thiên. hiệu Trinh Nguyên thứ 1 (1295) đời Nguyên. HƯ DUNG ĐẠM BẠC Biểu thị trạng thái xa lìa tất cả vọng chấp HƯ HUYỄN TỬ biên kiến, được tự do tự tại. Hiệu của Thiền tăng Vĩnh Ninh đời Nguyên. X. Vĩnh Ninh. HƯ ĐƯỜNG 1. Hiệu của Thiền tăng Trí Ngu đời Tống. HƯ NIẾT QUÁI X. Trí Ngu. Làm việc kỳ lạ, giả dối. Phần Dương ngữ 2. Hiệu của Thiền tăng Vĩnh Ninh đời lục q. thượng ghi: » Nguyên. X. Vĩnh Ninh. – Đời ông cha không tỉnh tỉnh, thì đến đời con cháu sẽ làm việc kỳ lạ, giả HƯ ĐƯỜNG HÒA THƯỢNG NGỮ dối«. LỤC Còn gọi: Hư Đường Trí Ngu Thiền sư ngữ HƯ SINH LÃNG TỬ lục, Hư Đường Thiền sư ngữ lục, Hư Sống luống uổng, chết lãng phí. Tiết Từ Đường lục. Ngữ lục, 10 quyển, do Hư Vân Tu Huệ Thiền sư trong LĐHY q. 28 Đường Trí Ngu soạn vào đời Tống, là ngữ ghi: » lục quan trọng của tông Lâm Tế, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 121, trang 658. Nội dung bao gồm: Pháp ngữ của Hư Đường – Nếu Trí Ngu, Kệ tụng, Thi văn. Từ quyển 7 về thừa đương được thì mỗi chỗ ứng dụng, trước là lúc Hư Đường còn trụ thế, do đệ lấy bỏ tự do, trong 24 giờ thọ dụng chẳng tử của sư ấn hành; còn 3 quyển sau là do hết. Nếu dùng chẳng được, mặc cho mang Diệu Nguyên thu thập, ấn hành vào niên hạt châu trong chéo áo mà vẫn làm kẻ hiệu Hàm Thuần thứ 5 (1269) đời Tống. nghèo khổ tha hương, tìm cầu bên ngoài đi rách giày cỏ, sống luống uổng chết lãng HƯ ĐƯỜNG TẬP phí«. Gọi đủ: Lâm Tuyền lão nhân bình xướng Đan Hà Thuần Thiền sư Tụng Cổ Hư HƯ VÂN (1840-1959) Đường tập. Sách, 6 quyển, do Đan Hà Tử Tăng nhân hiện đại, họ Tiêu, ban đầu tên Thuần soạn vào đời Tống, Lâm Tuyền Cổ Nham, tự Đức Thanh, biệt hiệu Huyễn Tùng Luân bình xướng, được xếp vào Tục Du. Nguyên quán Tương Hương, Hồ Nam,

HƯNG QUỐC THIỀN TỰ sinh ở Tuyền Châu, Phúc Kiến, Trung Đại Sư ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Quốc. Sư từng tham học ở các chùa nổi Hưng Hóa Tồn Tương soạn vào đời tiếng: Cao Mân, Thiên Đồng, Thiên Ninh Đường, được xếp vào Cổ Tôn Túc ngữ lục và trùng tu các ngôi tự viện: Hoa Đình, quyển 5 và Tục Tạng kinh tập 118, trang Nam Hoa, Chân Như. Tác phẩm: Hư Vân 220. Nội dung bao gồm cơ duyên ngữ cú Hòa thượng Pháp Vựng, Hư Vân Hòa của Tồn Tương với Thầy của Sư là ngài thượng Khai Thị lục và trên 300 bài kệ. Nghĩa Huyền, lời đối đáp của sư với vua Trang Tông đời Hậu Đường, pháp ngữ HỨA KHẢ khai đường thị chúng ở chùa Hưng Hóa. 1. Đồng ý cho phép; cho phép. » Cuối quyển có phần phụ lục »Lâm Tế Huệ – Xin Hòa thượng đồng ý cho Nhiên Thiền sư Tháp Ký« do Tồn Tương phép«. khảo đính. 2. Lời nói hoặc hành vi chứng nhận cho đệ tử đã ngộ đạo do Thiền sư nói ra hoặc biểu HƯNG HOÀN (1634-?) lộ ra. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 2 (Đại 48, Thiền tăng đời Thanh, họ Ai, người đời gọi 1027 thượng) ghi: » là »Cổ Nham Hưng Hoan Thiền sư«, người quận Chuẩn, Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Đàn Độ Y, tông Tào Động. Sư trụ chùa Văn-thù, sau dời về chùa Hồ Tâm. Tác phẩm: Tục Cận Đại Tôn Túc lục. – Cao Am là người nghiêm nghị cả bên trong lẫn bên ngoài, phong cách lẫm HƯNG LONG

(1790-1865) liệt. Dù động hay tĩnh sư không quên phép Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu tắc. Trong chúng dù nhiều lần bị hãm hại đời Thanh, họ Trần, người đời gọi là »Biến sư cũng không thèm để ý đến, trọn đời ăn Chiếu Hưng Long Thiền sư«, người xứ Cổ xài rất giản dị. Trong thiền thất, sư không Điền (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến) Trung bao giờ hứa khả một cách lầm lẫn. Nếu có Quốc; nối pháp Thiền sư Văn Giác, tông gì không thích hợp, chắc chắn sư sẽ Tào Động. Sư vâng theo lời di chúc của nghiêm sắc mặt nói thẳng để ngăn cản nên Hằng Trù, trụ Cổ Sơn. các thiền tăng đều tin phục«.

HƯNG PHÁP ĐẠI SƯ HƯNG CỔ Thiền tăng đời Ngũ Đại, tên Thiệu Khanh, Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư hiệu Hưng Pháp Đại Sư. X. Thiệu Khanh. Tân ở núi Điểu Nha. Sư trụ núi Đại An ở An Châu (nay là huyện An Lục, tỉnh Hồ HƯNG QUỐC THIỀN TỰ Bắc) Trung Quốc. Còn gọi: Thiên Phật Tự. Nằm ở lưng HƯNG HÓA TỒN TƯƠNG THIỀN chừng núi Thiên Phật, thành phố Tế Nam, SƯ NGỮ LỤC tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Được xây cất Còn gọi: Hưng Hóa ngữ lục, Quảng Tế vào khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-

HƯNG THÁNH QUỐC SƯ 649) đời Đường, đến đời Tống lại mở rộng đầu trong năm thiền viện lớn ở Giang xây cất. Cuối đời Nguyên bị chiến tranh Nam. Quy mô rộng lớn, tăng chúng hơn phá hủy. Hiện còn kiến trúc chủ yếu được 1700 người. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 7 xây cất lại vào niên hiệu Thành Hóa (1465- (1137) Đại Huệ Tông Cảo nhậm trụ trì, từ 1487) đời Minh, đời Thanh lại trùng tu. Y đây về sau cao tăng lớp lớp xuất hiện như theo núi mà lập chùa, tự viện hướng đông Đại Thiền Liễu Minh, Phật Chiếu Đức tây dài, hướng nam bắc hẹp, gồm 4 thiền Quang, Vô Chuẩn Sư Phạm. Danh tăng viện, trong có Quán Âm đường, Phật gia Nhật Bản đến đây cầu học cũng tấp nập điện, Văn xương các, Thuấn vương điện. không dứt. Bởi do chiến tranh và không tu Tự viện là kiến trúc chủ thể của Thiên Phật sửa nên hiện chỉ còn một tòa lầu chuông, Sơn, ngói xanh trụ đỏ, đấu củng đồ họa ba tượng Phật sắt đời Tống, một tấm bia màu, đình các chằng chịt, thiền viện âm u lịch đại Tổ sư. tĩnh mịch, điện vũ sảnh lang hùng vĩ tráng lệ. HƯNG TRIỆT (1635-?) Thiền tăng đời Thanh, họ Ngụy, người đời HƯNG THÁNH QUỐC SƯ gọi là »Nghĩa Vân Hưng Triệt Thiền sư«, người xứ Tế Nam (nay thuộc tỉnh Sơn Thiền tăng đời Ngũ Đại, tên Thần Yến, Đông) Trung Quốc; nối pháp Hòa thượng hiệu Hưng Thánh Quốc Sư. X. Thần Yến. Đàn Độ Y, tông Tào Động. Sư trụ Kim Phong, sau dời về Thạch Đầu. HƯNG THÁNH VẠN THỌ TỰ HƯNG TRÙ (1639-1695) Thiền tăng đời Thanh, là tổ phái Thọ Còn gọi: Kỉnh Sơn Tự, Năng Nhân Hưng Xương, tông Tào Động Nhật Bản, họ Phù, Thánh Vạn Thọ Thiền Tự, Vạn Thọ Tự. tự Tâm Việt, hiệu Đông Cao, người xứ Trên núi Kính Sơn cách trung tâm huyện Kim Hoa (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Dư Hàng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Thúy Vi 25km về phía tây bắc. Niên hiệu Thiên Bảo Khoát Đường. Sư trụ chùa Vĩnh Phúc ở thứ 3 (744) đời Đường, Thiền sư Pháp Tây Hồ và khai đường ở chùa Kỳ Viên. Khâm vào núi kết am mà ở, Tiền giám hải Tác phẩm: Đông Cao tập. Linh Ngô Mổ cảm mến đức độ, sửa biệt thự trong núi lập thành tinh xá. Pháp Khâm HƯƠNG HẢI (1628-1715) hoằng dương thiền phong tông Ngưu Đầu Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc thiền tại núi này. Khoảng niên hiệu Đại Lịch phái Trúc Lâm. Sư quê ở làng Ấn Độ, (766-779) ban tặng tấm biển »Kỉnh Sơn huyện Châu Phúc, miền Bắc Việt Nam.

Viện«. Khoảng niên hiệu Trường Hưng Năm 18 tuổi đỗ Hương Tiến, được bổ làm (930-933) đời Hậu Đường Ngô Việt Tri phủ phủ Triệu Phong (nay là tỉnh Vương tu sửa lại hoàn toàn mời Thiền sư Quảng Trị). Năm 25 tuổi xuất gia. Bài kệ Toàn Tể trụ trì, đổi tên là »Trấn Quốc dạy vua Lê Dụ Tông: Thiền Viện«. Đời Tống gọi »Hưng Thánh Vạn Thọ Tự«, hương khói cực thịnh, đứng

HƯƠNG NGHIÊM THƯỢNG THỌ Hạnh thị tịch ở Trường An, vua Túc Tông đích thân tống táng, trong núi bỗng có mùi hương nhè nhẹ, trải mấy tháng chẳng dứt, »Phản văn tự kỷ mỗi thường quan nên Vua đặt tên chùa là »Hương Nghiêm Thẩm sát tư duy tử tế khan Tự«. Về sau, Nam Dương Huệ Trung trụ Mạc giáo mộng trung tầm tri thức tích ở đây,người thời ấy gọi là »Hương Tương lai diện thượng đổ sư nhan«. Nghiêm Trường Thọ Tự«, sau khi Huệ »Hằng ngày quán lại nơi chính mình Trung tịch cũng được an táng ở chùa này. Xét nét kỹ càng chớ dễ khinh Thiền sư Trí Nhàn của tông Quy Ngưỡng Trong mộng tìm chi người tri thức cũng trụ trì chùa này. Mặt thầy sẽ thấy trên mặt mình«. Tác phẩm: HƯƠNG NGHIÊM THƯỢNG THỌ 1. Giải Pháp Hoa Kinh. Công án này được thấy nơi tiết Hương 2. Giải Kim Cang Kinh lý nghĩa Nghiêm Trí Nhàn Thiền sư trong NĐHN q. 3. Giải Sa-di Giới Luật 9 như sau: » 4. Giải Phật Tổ Tam Kinh 3 quyển 5. Giải A-di-đà Kinh 6. Giải Vô Lượng Thọ Kinh 7. Giải Địa Tạng Kinh 8. Giải Tâm Kinh Đại Điên 9. Giải Tâm Kinh Ngũ Chỉ 10. Giải Chân Tâm Trực Thuyết 11. Giải Pháp Bảo Đàn Kinh 6 quyển – Hương Nghiêm thượng đường nói: Nếu 12. Phổ Khuyến Tu Hành 1 quyển. luận về việc này thì giống như người leo 13. Cơ duyên vấn đáp tinh giải. cây cao, miệng cắn vào một cành cây, hai 14. Lý sự dung thông chân buông thõng giữa hư không, hai tay 15. Quán Vô Lượng Thọ Kinh quốc ngữ. không vin vào đâu hết. Chợt dưới gốc cây có người hỏi vọng lên: Thế nào là ý Tổ sư HƯƠNG HẢI TỰ từ Ấn Độ sang? Người trên cây không trả Còn gọi: Chùa Linh Ứng. Chùa nằm bên lời thì có lỗi với người hỏi, mà trả lời thì cạnh chùa Kiến Sơ, ở làng Phù Đổng, rơi chết hốt xương. Chính trong hoàn cảnh huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội, Việt ấy phải làm sao? Lúc ấy có Thượng tọa Hổ Nam. Trong chùa có thờ tượng ni sư Diệu Đầu bước ra khỏi chúng nói: Lúc trên cây Nhân. thì chẳng hỏi, lúc chưa leo lên cây thỉnh Hòa thượng nói! Sư liền cười lên ha hả.« HƯƠNG NGHIÊM TỰ Vấn đề do Hương Nghiêm đặt ra không thể Chùa ở núi Bạch Nhai, phía tây bắc thành dùng cách trả lời hợp lý bằng ngôn ngữ phố Đặng Châu, tỉnh Hà Nam, Trung thông thường, ắt cần bỏ hết những tri giải Quốc, được xây dựng bởi ngài Nhất Hạnh tình niệm, thoát khỏi vọng tâm phân biệt, và Hổ Nhân đời Đường. Về sau, ngài Nhất thấy suốt bản lai diện mục mới có thể lập

HƯƠNG NHAM TỰ tức ngộ nhập. cùng với Đan Hà Thiên Nhiên nhiều lần giao du. Bạch Cư Dị từng đem của cải HƯƠNG NHAM TỰ riêng mà trùng tu Hương Sơn Tự. Vào đời Thuộc nam bộ Thiên sơn, cách thành phố Tống chùa vẫn còn, nhưng đến đời Kim Yên Sơn, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc Nguyên bị phá hủy. Niên hiệu Khang Hy 20km về phía đông, là một trong năm đại thứ 47 (1708) đời Thanh xây cất lại nhưng thiền lâm ở Thiên Sơn. Niên đại xây cất không phải trên nền cũ. Niên hiệu Càn không

rõ. Chùa cất trong Song Nhai Giáp Long thứ 15 (1750) vua Càn Long đăng Hộ. Phía trước có Tướng quân phong, bên lâm Hương Sơn Tự và làm thơ khắc vào đá trái có Cẩm tú pha, bên phải là Tiên nhân để kỷ niệm. Hiện còn đại Phật điện, họa tình. Tự viện phân chính điện trước sau, tượng bi, ngự bi đình, y bát tháp. phối điện trái phải. Chính điện nguyên là kiến trúc một tầng kiểu ngạnh sơn, điêu HƯƠNG TÍCH TỰ khắc rất tinh tế, về sau cải tạo nên đã mất đi hình dáng cũ. Còn gọi: Đại Thánh Tự, Phổ Quang Tự. Chùa ở phía tây huyện Túc Thiên tỉnh HƯƠNG NHAM TỰ THÁP Giang Tô, Trung Quốc. Vào khoảng niên hiệu Long Sóc (661-663) đời Đường, chùa Nằm trên núi phía đông Hương Nham được xây dựng, sau đổi tên là Phổ Chiếu Thiền Tự, Thiên Sơn, tỉnh Liêu Ninh, Tự. Niên hiệu Tuyên Hòa thứ 6 (1124) đời Trung Quốc. Tương truyền xây vào đời Tống, Thiền sư Hoằng Trí Chính Giác Đường, chỉ nhìn vào hình thức và cấu tạo nhận lời mời trụ chùa này hoằng pháp. của tháp là biết tháp thuộc kiểu mái kín Niên hiệu Vĩnh Đông thứ 1 (1403-1422) tiêu chuẩn Liêu Kim, được xây vào đời chùa xây dựng lại một lần nữa. Kim, là một tòa kiến trúc cổ nhất hiện còn ở Thiên Sơn. Toàn bộ xây gạch hình bát HƯƠNG TUYỀN TỰ giác 9 tầng, cao 20m. Phần dưới của tháp là tòa Tu-di điêu khắc rất đẹp. Tầng thứ Trên núi Lâm Lạc, huyện Cấp, tỉnh Hà nhất cao lớn hơn cả có khắc đồ án Phật Nam, Trung Quốc. Trong núi có suối từ tượng, Phi thiên, điêu khắc tinh mỹ, hình trong khe đá chảy ra, nước suối trong xanh, tượng sinh động. mùi vị thơm lạnh nổi tiếng từ lâu, vào thời Bắc Ngụy gọi là »Lâm Lạc Tuyền Tự«. HƯƠNG SƠN TỰ Bắc Chu Võ Đế hủy Phật, đổi thành vườn Thuộc Long Môn Đông Sơn (Hương Sơn) chơi. Đời Đường xây cất lại, đổi tên là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, Trung »Hương Tuyền Tự«. Từ Kim Nguyên trở Quốc. Sáng lập vào thời Bắc Ngụy (385- đi là đạo tràng tông Tào Động. Thời kỳ 475), thời kỳ Võ Tắc Thiên (690-704) đời đang thịnh thiền tăng nhiều đến vạn người Đường trùng tu. Vào niên hiệu Nguyên cùng tu phạm hạnh nghiêm chỉnh nổi tiếng Hòa (806-820) Phục Ngưu Tự Tại là pháp bốn phương. Năm 1929 đổi thành trường tự của Mã Tổ Đạo Nhất trụ tích tại đây, học.

HƯỚNG THƯỢNG TOÀN ĐỀ HƯỚNG » 1. Sưởi ấm, hơ lửa. Tiết »Đan Hà Thiên – Đói thì ăn cơm, mệt Nhiên Thiền sư« trong NĐHN q. 5 ghi: thì đi ngủ, lạnh thì hơ lửa, nóng thì hóng » mát.« – Về sau sư đến chùa Huệ Lâm, gặp lúc trời thật giá rét, sư đem HƯỚNG KHỨ tượng Phật gỗ xuống đốt để sưởi ấm«. Còn gọi: Hướng hậu. Về sau, biểu thị thời 2. Giới từ, tương đương với »tùng« (, có gian. Tiết Đức Sơn Tuyên Giám Thiền sư nghĩa là »từ«). Tiết »Động Sơn Lương trong NĐHN q. 7 ghi: » Giới Thiền sư« trong NĐHN q. 13 ghi: » – Từ nay – về sau không còn nghi những lời nói của Hôm qua lão tăng cũng từ mái hiên nhà các Hòa thượng trong thiên hạ.« người ta đến đây«. 3. Giới từ, tương đương với »tại« , biểu HƯỚNG LAI thị thời gian hoặc nơi chốn). Tiết »Động Vừa rồi. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » Sơn Hiểu Thông Thiền sư« trong NĐHN q. 15 ghi: »

– Vừa rồi nhiều lời như vậy đều là những lời ứng phó, đều là chưa từng có thật pháp chỉ dạy người.«

– Thiền sư Hiểu Thông ở Động Sơn HƯỚNG THƯỢNG NHẤT LỘ Thụy Châu, lúc du phương đến ở Vân Cư làm Đăng đầu, gặp một vị tăng nói đại Chỗ thiền pháp

chí cực vi diệu. Bích Nham thánh Tứ Châu xuất hiện ở Dương Châu. lục q. 1 có ghi: » Sư có đặt câu hỏi rằng: Đã là đại thánh Tứ – Chỗ Châu, vì sao lại xuất hiện ở Dương Châu«. thiền pháp chí cực vi diệu, ngàn Thánh chẳng truyền, người học nhọc thân, như HƯỚNG CA SA HẠ vượn bắt bóng«. Núp dưới tấm ca sa. Người xuất gia không sáng được đạo lý, chỉ mượn lốt ca sa để HƯỚNG THƯỢNG QUAN LIỆT sinh sống mà thôi. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 1 (Đại 48, 1021 trung) ghi: » Thiền nghĩa quan trọng vi diệu tột cùng. Phật Quả ngữ lục q. 1 ghi: » – Dù có phải chịu cái khổ ở tam đồ địa ngục cũng chưa – Dù cho ông vung gậy như phải là khổ, mà làm người xuất gia không mưa rơi, tiếng hét tợ sấm rền cũng chưa đả sáng được đạo lý mới thật là khổ vậy«. động gì đến Thiền nghĩa quan trọng vi diệu tột cùng.« HƯỚNG HỎA Hơ lửa để sưởi ấm. Mật Am ngữ lục ghi: HƯỚNG THƯỢNG TOÀN ĐỀ

HƯỚNG THƯỢNG TOÀN ĐỀ HỮU CHƯƠNG (880-950) Nêu ra hoàn toàn triệt để đối với thiền Thiền tăng đời Đường, họ Cung, người pháp vi diệu tột cùng. Như Tịnh ngữ lục q. Ông Nguyên Quảng Đông, Trung Quốc. hạ ghi: » Sư nối pháp thiền sư Văn Yển, thuộc tông Vân Môn đời thứ 2, trụ Lâm Tuyền Sơn – Chưa từng viện ở Thiều Châu hoằng pháp. Thự hiệu: gần gũi sớm cách đại thiên; hướng thượng Thiền Tưởng Thiền sư. toàn đề càng không dính dáng. Đến chỗ này không có người thoát khỏi khuôn mẫu HỮU DUYÊN có sẵn, thấu suốt thể dụng sao?« Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư Cư Hải ở núi Đại Quang. Sư trụ chùa Cốc HƯỚNG THƯỢNG TÔNG THỪA Sơn ở Đàm Châu (nay là huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Nam) Trung Quốc. Ý chỉ Thiền tông chí cực huyền diệu. Bích Nham lục q. 1 ghi: » HỮU HUYỄN Hiệu của thiền tăng Tú Xương, sống vào – Dù cho ông vung gậy như mưa, hét cuối đời Nguyên đầu đời Minh. X. Tú vang như sấm cũng chưa đáng được ý chỉ Xương. Thiền tông chí cực huyền diệu«. HỮU MAI (1286-1366) HƯỞNG ĐƯỜNG Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Tuyết Thôn Ngôi nhà dùng để thờ phụng hình tượng và Hữu Mai, vào niên hiệu Đại Đức thứ 11 bài vị của Tổ sư. Theo: PQĐTĐ của nhóm (1307) sư sang nhà Nguyên (Trung Quốc). Từ Di Nối pháp Thiền sư Kinh Sơn Nguyệt Lâm, đời thứ 24 hệ Nam Nhạc, đời thứ 7 tông HƯU Lâm Tế Nhật Bản. Trụ trì chùa Thúy Vi ở Đồng nghĩa: Tức. Có nghĩa: Lãnh ngộ Trường An. Tác phẩm: Mân Nga thi tập, Thiền chỉ, hoàn thành đại sự. Bảo Cảnh Chân Không Thiền Sư thiền yếu. HƯU AM HỮU QUYỀN (?-1180) Hiệu của Thiền tăng Khả Thọ đời Nguyên mạt Minh sơ. X. Khả thọ. Thiền tăng đời Tống, họ Kỳ, hiệu Y Am, người đời gọi là »Y Am Hữu Quyền«, HƯU PHỤC (?-943) người xứ Lâm An (nay là Hàng Châu) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Vương, người Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Vô Am xứ Bắc Hải (nay là huyện Duy Phường, Pháp Toàn, tông Lâm Tế, phái Dương Kỳ. tỉnh Sơn Đông) Trung Quốc; nối pháp Sư trụ chùa Hoa Tạng ở Thường Châu Thiền sư Quế Sâm, tông Pháp Nhãn. Sư trụ (nay thuộc Giang Tô), sau dời về chùa Vạn chùa Sùng Thọ, viện Thanh Lương. Thụy Niên. hiệu »Ngộ Không Thiền sư«. HỮU THẬM GIAO THIỆP

HY PHỤNG HỰU DÂN TỰ Tức là »Một giao thiệp«. Nào có dính Ở đường Dân Đức, thành phố Nam Xương, dáng. Có nghĩa là căn bản không hợp thiền tỉnh Giang Tây,

Trung Quốc. Đời Đường pháp. Tiết Tôn Thắng Hữu Bằng giảng sư gọi là »Thượng Lam Viện«. X. »Thượng trong NĐHN q. 18 ghi: » Lam Viện«.

– Ngay như Hòa thượng nói như thế nào HY BIỆN có dính dáng? Cần phải tôn trọng người 1. Thiền tăng đời Tống (921-997), còn gọi: mới bắt đầu hành cước tham học.« Phổ Môn Hy Biện, người xứ Thường Thục, Tô Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tô) HỮU THIỀM Trung Quốc; nối pháp Quốc sư Đức Thiều, Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Tiền tông Pháp Nhãn. Sư trụ viện Thanh Thái ở Đường (nay là Hàng Châu) Trung Quốc; Việt Châu (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh nối pháp Quốc sư Đức Thiều, tông Pháp Chiết Giang), sau dời về chùa Phổ Môn ở Nhãn. Sư trụ chùa Phổ Hiền ở Vân Cư, sau Hàng Châu. dời về chùa Bát Nhã ở Đài Châu (nay là 2. Thiền tăng đời Kim (1081-1149), còn huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang). Được gọi: Nhất Biện, họ Hoàng, người xứ Hồng vua ban hiệu là »Từ Ngộ Thiền sư«. Châu; nối pháp Thiền sư Lộc Môn Tự Giác. Sư trụ trì chùa Phổ Giác ở Thanh HỰU Châu (nay là huyện Ích Đô, tỉnh Sơn Nhưng, lại. Biểu thị ngữ khí chuyển chiết. Đông), sau dời về chùa Đại Vạn Thọ. Tác Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » phẩm: Thanh Châu Bách Vấn.

HY LĂNG (1247-1322) Thiền tăng đời Nguyên, họ Hà, tự Tây Bạch, hiệu Hư Cốc, người xứ Nghĩa Điểu

– Duy có một vị tăng, họ Trần tên (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; Huệ Thuận, trước là Tam phẩm tướng nối pháp Thiền sư Tuyết Nham Tổ Khâm. quân, tính hạnh thô ác, chạy theo đến Dữu Sư trụ trì chùa Thái Bình Hưng Quốc ở lãnh thì đuổi kịp Tổ. Huệ Năng liền trả lại Viên Châu (nay là huyện Nghi Xuân, tỉnh y pháp, nhưng Huệ Thuận không chịu lấy, Giang Tây). Tác phẩm: Bộc Nham tập và bảo rằng: Tôi từ xa đến để cầu pháp, ngữ lục. chẳng cần chiếc y kia.« Tiết Đức Sơn Tuyên Giám Thiền sư trong HY PHỤNG NĐHN q. 7 ghi: » Thiền tăng đời Tống, họ Tạ, người Tô Châu, Trung Quốc, nối pháp Thiền sư – Sư sai thị Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp Nhãn. giả gọi Nghĩa Tồn. Tồn lên đến. Sư bảo: Sư trụ viện Chính Cần ở Thường Châu Ta cho gọi Nghĩa Tồn, sao ngươi lại đến? (nay thuộc tỉnh Giang Tô). Tồn không đáp được.«

HY TẨU THIỆU ĐÀM THIỀN SƯ QUẢNG LỤC HY TẨU THIỆU ĐÀM THIỀN SƯ vồ đá nên người đời gọi sư là »Thạch Đầu QUẢNG LỤC Hòa thượng«, hoặc »Thạch Đầu Hy Còn gọi: Hy Tẩu Hòa thượng quảng lục. Thiên«. Tác phẩm: Tham Đồng Khế 1 Ngữ lục, 7 quyển, do Hy Tẩu Thiệu Đàm thiên, Thảo Am Ca 1 thiên. soạn vào đời Tống, thị giả Pháp Trừng HY TỨ (1110-1189) biên tập, được xếp vào Tục Tạng kinh tập Thiền tăng đời Tống, họ Tô, người Trinh 122, trang 187. Nội dung gồm có các lời Dương (nay là Anh Đức, Quảng Đông) dạy của sư Hy Tẩu như: Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Liễu — Tiến sơn ngữ ở Phật Đà Sơn, phủ Nhất, thuộc tông Vân Môn đời thứ 10, trụ Khánh Nguyên. Anh Đức Nam Sơn. Tác phẩm: Thiền Tông — Tiến sơn ngữ ở Pháp Hoa Tự, phủ Bình Mông Cầu, Tróc sắt hiên ký Giang. — Tiến sơn ngữ ở Hiền Thánh Tự, núi HY VẬN (765-850) Tuyết Đậu, phủ Khánh Nguyên, Tiểu tham, Thiền tăng đời Đường, họ Vương người xứ Pháp ngữ, Niêm cổ, Đề bạt, Tụng, Tán, Mân, Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Bách Tiểu Phật sự… Trượng Hoài Hải. Sư trụ núi Hoàng Bá — »Thị Nhật Bản Bình Tướng quân pháp phát huy tâm yếu trực chỉ đơn truyền nên

ngữ« trong quyển 4 là vị tăng Nhật Bản tên người đời gọi sư là »Hoàng Bá Hy Vận«. Đương Khê Đạo Long sai sứ thỉnh Hy Tẩu Thụy hiệu: »Đoạn Tế Thiền sư«. Tác khai thị pháp ngữ, Hy Tẩu do đây gởi cho phẩm: Hoàng Bá Sơn Đoạn Tế Thiền sư Tướng quân Mạc phủ đương thời là Bắc Truyền Tâm Pháp Yếu 1 quyển, Uyển Lăng Loại Thời Tông một số lời dạy. lục 1 quyển. — »Tuấn thị giả tương biệt sơn Tứ hội ngữ lục quy Nhật Bản hành cầu dư tự dẫn« và »Nhật Bản Trừng Thượng nhân (Tối Trừng)« trong quyển 6. — Các bài tụng của Thượng nhân Pháp K Nhiên (Nhật Bản) đều hiển bày mối quan hệ mật thiết giữa Hy Tẩu với các vị tăngKÊ PHONG TỤC DIỆM Nhật Bản đến Trung Quốc. Chỉ cho Sơ Tổ Ma-ha Ca-diếp thừa truyền Nhóm ông Tự Ngộ biên tập 1 quyển Hy thiền pháp. Kê phong tức là núi Kê Túc. Tẩu Thiệu Đàm Thiền sư ngữ lục, được Tiết Nam Phong Vĩnh Trình Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » xếp vào Tục Tạng kinh tập 122, trang 159. HY THIÊN (700-790) – Bắt đầu từ Ca Diếp, Thiếu Thất Thiền tăng đời Đường, họ Trần, người xứ để lại tiếng thơm, trải khắp đám mây từ bi, Cao Yếu, Đoan Châu (nay thuộc tỉnh mở rộng mặt trời trí huệ.« Quảng Đông) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư. Sư đến phía KÊ TÚC SƠN đông chùa Hành Sơn Nam cất am trên một 1. Ở nước Ma-kiệt-đà của Ấn Độ thuở xưa

KẾ ĐĂNG LỤC nhân có 3 ngọn núi hình dáng như chân gà KẾ CHÂU nên được gọi là Kê Túc Sơn. Tương truyền Còn gọi: Kế trung châu . Hạt là chỗ nhập diệt của Sơ tổ Thiền tông Ấn minh châu trên búi tóc, thí dụ cho yếu chỉ Độ, Ma-ha Ca-diếp. Cảnh Đức Truyền vi diệu của thiền pháp. Điển tích rút từ Đăng lục q. 1 ghi: phẩm An Lạc Hạnh trong kinh Pháp Hoa, » trong ấy dùng »Kế châu« để tỷ dụ cho diệu – Nói kệ xong, Ngài bèn cầm y Tăng- nghĩa của kinh Pháp Hoa. Tiết Trí Oai già-lê vào núi Kê Túc«. truyện trong TCTT q. 9 ghi: » 2. Núi thuộc huyện Tân Xuyên, tỉnh Vân – Sư đã được yếu chỉ vi diệu của Nam, Trung Quốc, nằm cách trung tâm thiền pháp nên (tính tình) dửng dưng thanh huyện hơn 50km về phía tây bắc. Núi non thản, dáng vẻ ôn hòa, gương mặt như nhấp nhô giống như chín cánh hoa sen, nên trăng rằm«. còn gọi là »Cửu Trùng Nham Sơn«. Đỉnh bằng hướng về nam, 3 hướng còn lại mỗi KẾ ĐẠT hướng đều có một nhánh núi, giống như Thiền tăng đời Tống; nối pháp thiền sư Hối bàn chân gà các ngón tỏe ra nên gọi là Kê Cơ ở Ngạc Châu. Sư trụ chùa Hoàng Long Túc Sơn. Trên đỉnh núi có »Ca-diếp Thạch ở My Châu (nay là My Sơn tỉnh Tứ Môn Động Thiên«, tương truyền là nơi Xuyên), nên người đời gọi sư là Hoàng Ma-ha Ca-diếp giữ gìn y của Phật để chờ Long Đạt. Đức Phật Di Lặc, nên núi này cũng được xem là đạo tràng của Tổ Ma-ha Ca-diếp, là KẾ ĐĂNG LỤC trung tâm Phật giáo Vân Nam nên chư tăng 1. Ngữ lục, 6 quyển và 1 quyển mục lục, tụ tập rất đông. Thời Tam Quốc có dựng do Vĩnh Giác Nguyên Hiền soạn vào đời am nhỏ, đến đời Đường mở rộng thêm. Minh, được xếp vào Tục Tạng kinh tập Lúc hưng thịnh có hơn trăm ngôi tự viện 147, trang 701. Nguyên Hiền sưu tập nhiều lớn nhỏ, trong ấy có 5 ngôi lớn nhất là sách vở của các thiền sư rồi chọn lựa biên Thạch Tông, Tất Đàn, Đại Giác, Hoa chép cơ duyên lược truyện của 264 vị kỳ Nghiêm, Truyền Y. Ngoài ra các chùa khác túc chốn thiền lâm; pháp ngữ tông thừa, như: Tịch Quang, Chúc Thánh cũng khá trong ấy kể từ Thiên Đồng Như Tịnh đời quy mô. thứ 16 hệ

Thanh Nguyên thuộc tông Tào Động trở xuống gồm có 41 người, kể từ Tịnh Từ Ngộ Minh đời thứ 18 hệ Nam KẾ BIỆN Nhạc thuộc tông Lâm Tế trở xuống gồm có Bím tóc, tóc tết bím. Chỉ cho thiếu niên, 216 người. Còn phụ lục 7 vị không rõ tuổi trẻ. Pháp Khâm truyện trong TCTT q. thuộc pháp hệ nào như: Quy Sơn Thái 9 ghi: »

Sơ… – Ở tuổi thiếu Sách này được ấn hành vào niên hiệu niên, sư thích làm Phật sự, lập tính ôn hòa Thuận Trị thứ 8 (1651) đời Thanh. mềm mỏng, thường thích việc cao thượng«. 2. Gọi đủ: Ngự Chế Thiền Uyển Thống Yếu

KẾ THÀNH Kế Đăng lục. Đăng lục, do Thiền sư Như Chẳng dính đến môi lưỡi Sơn (Việt Nam) soạn tại chùa Hồng Phúc, Người bằng gỗ xướng họa dưới sự bảo trợ của vua Lê Thuần Tông, Người bằng đá lắng nghe«. được khắc bản vào năm 1734. Nội dung sách này phần lớn viết về tiểu sử của các vị KẾ VÃNG KHAI LAI Tổ sư Ấn Độ và Trung Hoa. Về phần Kế thừa người trước, dẫn dắt kẻ sau. Thiền sư Việt Nam, sách chỉ nêu 3 vị thuộc Truyện Thiền sư Đại Pháp trong Vân Cư tông Lâm Tế, 2 vị thuộc tông Tào Động. Sơn Chí trang 155 ghi: » KẾ THÀNH

– Sư Thiền tăng đời Tống, họ Lưu, tự Bàn Am, đem thân làm mẫu mực, nghiêm dạy hàng người xứ Viên Châu (nay là huyện Nghi con cháu trong đạo khiến cho họ vâng theo Xuân, tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. lời giáo huấn phục vụ đạo pháp, kế thừa Khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1106), người trước dẫn dắt kẻ sau, mỗi người đều sư tham thiền sư Ngưỡng Sơn Phổ, được thành tựu sự nghiệp tu hành«. ngài độ, sư còn tham Vân Cái Trí Bản. Về sau đến thiền viện Trí Hải ở Khai Phong KỆ tham Phổ Dung Đạo Bình và nối pháp Gọi tắt của âm chữ Phạn: Kệ-đà, có khi ngài, thuộc tông Lâm Tế. cũng được dịch là tụng, là một thể thơ mà Mùa xuân năm 1124, sư phụng chiếu trụ nhà Phật thường dùng. Thông thường mỗi Hữu Nhai Hiển Trung Tự. Vua Tống Huy bài có 4 câu, mỗi câu có số chữ bằng nhau. Tông xin quy y và ban cho sư hiệu »Phật Pháp Diễn ngữ lục, q. hạ có ghi: » Từ Thiền sư«. Năm 1127, sư lên Hoa Đảnh Phong thuộc núi Thiên Thai. Khoảng niên

hiệu Thiệu Hưng (1131-1162), sư lên ngọn – Sư liền ném cây gậy, Tú Phong ở Phúc Kiến. chắp tay, nói kệ rằng: Hư không thật vô biên, công đức Phật cũng thế. Nếu có thể KẾ TRIỆT đo lường, suốt đời không hết được«. Thiền tăng đời Tống. Sư đến núi Ba Tiêu ở Dĩnh Châu (nay là Đông Sơn tỉnh Hồ Bắc) KẾT để yết kiến thiền sư Huệ Thanh, gặp lúc Tức »kết hạ«. Mật Am ngữ lục ghi: » Huệ Thanh thượng đường cử lời Ngưỡng – Ngày Sơn Huệ Tịch nói: ›Hai cái miệng hoàn rằm tháng tư kết hạ, ngày rằm tháng bảy toàn không có lưỡi, ấy là tông chỉ của ta‹. giải hạ.« Sư hoát nhiên có tỉnh; nối pháp Ngài, thuộc tông Quy Ngưỡng. Về sau, kế thừa KẾT GIAO ĐẦU Ngài trụ trì, có bài kệ rằng: Lúc hoặc thời gian tiếp nối thay thế. Mật Am ngữ lục ghi: »

»Tông chỉ của Ba Tiêu – Một đêm trong năm tiểu tham…. một

KHẢ LẬU TỬ năm có 360 ngày, đêm nay chính là lúc tiếng khắp gần xa. Tác phẩm: Thúy Nham tiếp nối thay thế.« Chân Thiền sư Ngữ Yếu 1 quyển, được xếp vào Tục Cổ Tôn Túc Ngữ Yếu. KẾT THIỆT Ngậm miệng, không nói được. Tiết Hiếu KHẢ HOẰNG Nghĩa Tính Không Thiền sư trong NĐHN Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư q. 5 ghi: » Thiên Thai Đức Thiều, thuộc tông Pháp

Nhãn, trụ viện Đại Đình ở Ôn Châu (nay – Tăng tham vấn, mọi thuộc Chiết Giang) Trung Quốc. Có vị việc đã xong, sư nói: Lui ra như thế có còn tăng hỏi: Thế nào là một con đường chân Phật pháp đạo lý không? Đáp: Con có chính? Sư đáp: Thất điên bát đảo. phần ngậm miệng.« KHẢ HƯU KẾT TÒA Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư Khi Thiền sư thượng đường thuyết pháp Tuyết Phong Nghĩa Tồn, lúc ra hoằng pháp kết thúc, phần nhiều hay nêu ra công án trụ Động Nham Việt Châu (nay là huyện hoặc tụng niệm kệ thi, gọi là »kết tòa«. Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) Trung Tiết Thượng Phong Bản Tài Thiền sư Quốc. trong NĐHN q. 18 ghi: » Có vị tăng hỏi: Thế nào là chủ của Động Nham? Đáp rằng: Mở cửa động. KHẢ HUÂN – Một đêm nọ sư đang quét dọn, Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Chu, người xứ Hòa thượng Hải Ấn đi dạ tham, khi đến Kiến Châu (nay thuộc Kiến Âu, tỉnh Phúc nơi thì gặp kết tòa, liền ném chiếc gậy nói: Kiến) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Liễu ngộ thì đầu sợi lông chứa cả biển lớn, Thanh Lương Văn Ích, thuộc tông Pháp mới biết quả đất trong một hạt bụi. Sư Nhãn. Sư trụ viện Hưng Phúc ở Tuyên bỗng nhiên tỉnh ngộ.« Châu (nay thuộc Tuyên Thành, tỉnh An Huy). KHẢ CHÂN (?-1064) Có vị tăng hỏi: Đạo là gì? Sư đáp: Siêng Thiền tăng đời Tống, người xứ Trường năng mà thực hành đi!. Khê (nay thuộc huyện Hà Phố, tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư KHẢ LẬU TỬ Thạch Sương Sở Viên thuộc tông Lâm Tế. Còn gọi: Xác lậu tử, khả lậu. Phong thư Người đời thường gọi sư là Chân Điểm của các chùa thời xưa. Khả lậu, vốn chỉ vỏ Hung. Sau đó, sư trụ núi Thúy Nham Hồng trứng, nghĩa là thư từ dán kín trong một Châu (nay là huyện Nam Xương, tỉnh ống tre, như côn trùng rút vào vỏ bọc. Giang Tây), rồi dời đến núi Đạo Ngô Đàm Cách thức gửi thư về các sự việc ghi trong Châu (nay là huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy q. 2, q. 3 Nam), nhờ cơ biện nhanh chóng nên nổi như: Nghinh đãi tôn túc, Sơn môn thỉnh

KHẢ QUÁN tân mệnh trai, di thư, phó cáo, tân Thủ tọa KHẢ SÁT đặc vị hậu đường đại chúng trà… đều sử Thật là, thực sự, chân thật, quả tình, thực dụng từ ngữ này, người đời sau dùng vào ra. Bài thơ »Tự Tán« trong NTNL q. hạ văn tế, văn sở, văn khuyến thỉnh. ghi: KHẢ QUÁN 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Tiết, người xứ Phúc Đường (nay thuộc huyện Phúc Thanh, tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Sư ra hoằng pháp trụ viện Kim Luân, Hành »Hành cước đô vô dụng xứ Sơn. Thôi đảo chích hảo tố ngưu 2. Tăng nhân đời Tống (1092-1182), họ Đinh song giác, trừu điều vĩ Thích, có thuyết nói họ Phó, tự Nghi Ông, Lục dương phương thảo xuân phong lý hiệu Giải Không, Trúc Am. Người xứ Hoa Khả sát hữu lực hội canh điền Đình (nay là huyện Tùng Giang, tỉnh Mại dữ Diêm Vương hoàn phạn tiền«. Thượng Hải) Trung Quốc. Năm 16 tuổi thụ »Hành cước đều không có chỗ dùng giới cụ túc rồi sư học giáo pháp Thiên Xô ngã con trâu khỏe to đùng Thai. Ban đầu sư y chỉ với Nam Bình Tinh Nắm hai sừng, kéo cái đuôi Vi, sau nghe Thiền sư Xa Khê Trạch Liễu xanh cỏ thơm đón gió Xuân Khanh nổi tiếng khắp vùng Giang Chiết, Thật là có sức biết cấy cày sư liền mang sách vở theo học và được nối Bán cho Diêm Vương trả tiền cơm«. pháp ngài. Ban đầu, sư trụ trì Thọ Thánh Tự ở Gia Hòa (nay thuộc Gia Hưng tỉnh KHẢ THẬP (1298-1368) Chiết Giang).

Sau đó sư dời sang trụ Đức Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Vật Ngoại Tạng Tự ở Đương Hồ (nay thuộc huyện Khả Thập, vào niên hiệu Diên Hựu thứ 7 Bình Hồ, Chiết Giang). Ngoài lúc giảng (1320) sư sang nhà Nguyên (Trung Quốc). kinh, sư còn chú thích kinh Lăng-già. Sư Nối pháp Thiền sư Thiên Ninh Minh Mục, còn từng trụ các nơi: chùa Tường Phù, am đời thứ 24 hệ Nam Nhạc, đời thứ 7 tông Lâm Trúc, Bắc Thiền Thiên Thai Tự, Nam Lâm Tế Nhật Bản. Trụ trì chùa Sùng Phúc, Hồ Diên Khánh Tự. Thiền sư Đại Huệ chùa Kiến Trường. Tông Cảo từ Kính Sơn đến đây cùng sư bàn luận suốt ngày và khen sư là »Giáo hải KHẢ THỌ (1307-1375) lão long« (Con rồng trong biển giáo pháp). Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên-đầu Tác phẩm: Lăng-già Thuyết Đề tập Giải đời Minh, họ Lý, tự Vô Chỉ, hiệu Hưu Am, Bổ Chú, Kim Cang Thông Luận, Kim Cang người xứ Lâm Hải (nay thuộc Chiết Giang) Sự Thuyết, Viên Giác Thủ Giám, Trúc Am Trung Quốc. Năm 12 tuổi xuất gia ở chùa Thảo lục. Các vị đệ tử nối pháp sư gồm có: Thạch Môn, 19 tuổi thụ giới cụ túc, tham Bắc Phong Tông Ấn, Trí Hành Thủ Mân, học với Thiền sư Phổ Giác ở chùa Linh Ẩn Thần Biện Thanh Nhất. Hàng Châu và đắc pháp. Niên hiệu Chí

KHÁCH TÁC Chính thứ 6 (1346) đời Nguyên, sư ra Hóa thứ 9 (1473), sư thừa kế pháp hội chùa hoằng pháp trụ chùa An Thánh ở Lâm Hải. Thiếu Lâm. Đến năm 1482, sư trụ trì chùa Về sau trụ các chùa: Long Ân, Chân Như, Quán Âm ở Quân Châu (nay là huyện Vũ Long Hoa. Niên hiệu Hồng Võ thứ 6 tỉnh Hà Nam). (1373), sư trụ trì chùa Tịnh Từ Hàng Châu. Về già lui về ở ẩn nơi viện Trúc Hạ, lặng lẽ KHẢ TƯƠNG (1206-1290) thị tịch. Thiền tăng sống vào đời Tống-đầu đời Nguyên, họ Cát, hiệu Tuyệt Ngạn, người KHẢ TÍCH HỨA xứ Ninh Hải Thai Châu (nay thuộc tỉnh Còn gọi: Khả tích hồ. »Hứa« và »Hồ« đều Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp Thiền là ngữ trợ từ. Khả Tích Hứa nghĩa là đáng sư Vô Chuẩn Sư Phạm, thuộc phái Dương tiếc. Tắc 38, Bích Nham lục (Đại 48, 175 Kỳ, tông Lâm Tế. Sư từng trụ các chùa: hạ) ghi: » Lưu Hồng Hưng Thánh Thiền Tự ở Gia ( Hưng (nay thuộc Chiết Giang), Nhạn Sơn ) – Năng Nhân Thiền Tự ở Ôn Châu (nay Huyệt nói: Quen câu cá lớn ở trong chằm, thuộc Chiết Giang), Cửu Nham Huệ Vân không ngờ ếch nhái lại cắn câu. Lô Pha Thiền Tự, Hộ Quốc Quảng Ân Thiền tự, trầm ngâm. (Thật đáng tiếc, cũng có chỗ Sùng Ân Diễn Phúc Thiền Tự, Giang Tâm xuất thân mà lại bỏ qua)«. Long Tường Hưng Khánh Thiền Tự. Năm 1272, sư trụ Sùng Thánh Thiền Tự ở núi KHẢ TRUNG Tuyết Phong Phúc Châu. Tác phẩm: Tuyệt Đồng nghĩa với giả nhược (nếu như), kháp Ngạn Hòa thượng ngữ lục 1 quyển. hảo (vừa mới), hoặc cho rằng giả sử, cũng như... Là phương ngôn của thời đại Đường KHẢ ÚY Tống. Thiền lâm cũng quen sử dụng, là từ Thật là, thật ra, quả tình. Phó từ. Chương thường dùng trong khi trò chuyện giữa các Táo Thọ Hòa thượng (đời thứ 2) trong thiền tăng. Quy Sơn Cảnh Sách (Vạn Tục CĐTĐL q. 24 ghi: » 111, 146 hạ) ghi: »
– Đệ nhất tòa nói: Gần đây Hòa – Nếu như đốn ngộ chính thượng quả tình thiết tha vì người«. nhân mới là nấc thang để ra khỏi trần lao«. KHÁCH ĐẦU HÀNH GIẢ KHẢ TÙNG (1420-1483) Gọi tắt: Khách hành. Cư sĩ phụ giúp vị Tri Thiền tăng đời Minh, họ Hứa, hiệu Vô khách. Trong Thiền tự, vị này lệ thuộc vào Phương, người xứ Lạc Dương (nay thuộc Tri khách (Chức vụ tiếp đãi khách khứa), tỉnh

Hà Nam) Trung Quốc; nối pháp Thiền nhận mệnh lệnh để làm thị giả cho khách. sư Câu Không Khế Bân ở núi Thiếu Thất Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. thuộc tông Tào Động. Ban đầu sư ở ẩn trong chùa Định Quốc, chẳng bao lâu ra KHÁCH TÁC khai pháp ở chùa Bồ-đề. Niên hiệu Thành Người làm thuê, làm khách. Thiền gia

KHÁCH TRẦN thường dùng từ nay để quở trách, ngầm ý – Sau đó, đại sư Huệ Năng ngồi dưới cội nghĩa quên đi chính mình, chạy tìm bên cây nầy, truyền bá pháp môn Đông Sơn ngoài. Tiết Minh Khê Đạo Hạnh thiền sư cho mọi người. Lại: Mồng 8 tháng 4 năm trong NĐHN q. 3 ghi: » ấy, Đại sư vì đại chúng mới truyền bá pháp – môn«. Tăng hỏi: Thế nào là tu hành? Sư nói: Ông sư này chớ nên làm khách.« KHAI CHẨM Còn gọi: Khai bị an chẩm. Nghĩa là dọn KHÁCH TRẦN bày mền gối để ngủ. Trong Thiền môn, sau Chỉ cho các sự vật hư huyễn cho đến Sơ canh (canh một) 5 giờ, »Thần ty« bắt những nghi hoặc phiền não. Chương Bồ đầu báo cáo giờ giấc, kế đó »Đường hành« Đề Đ t-ma »Lược biện Đại thừa nhập đạo ở trước Tăng đường đánh bảng 3 hồi, tiếp tứ hạnh« trong CĐTĐL q. 30 ghi: » theo »Chung ty« đánh chuông 18 tiếng để báo cáo giờ Tọa thiền đã kết thúc, 18 tiếng chuông này gọi là Khai chẩm chung, Thập – Lý nhập nghĩa là nhờ giáo lý mà tỏ bát chung, Định chung, Sơ dạ chung. ngộ tâm tính, tin chắc chúng sinh đồng một Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. chân tính, chỉ vì khách trần vọng tưởng che đậy nên không thể lộ bày.« KHAI DIỄN Tuyên thuyết đạo pháp. Tiết Phúc Tiên KHÁCH TY Chiêu Khánh Hòa thượng trong TĐT q. 13 Chức sự tăng phụ trách tiếp đãi khách. ghi: » Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: » – Thuở xưa trong pháp hội Linh Sơn, vua Ba-tư- nặc thỉnh Phật; hôm nay ở chùa Chiêu Khánh, Thái úy đón rước sư. Trời người tụ – Sư đến Tuyết Đậu, khi đi hội dưới pháp tòa ngưỡng mong rủ lòng ngang Hàng châu Từ Chuyển Vận hỏi sư: thương xót tuyên thuyết đạo pháp«. Danh sơn Tuyết Đậu có nhiều Thiền tăng ngộ đạo, chợt có kẻ đến tiếp cận thì KHAI DỤC Trưởng lão làm sao đối phó? Sư lớn tiếng Mở cửa nhà tắm để vào tắm. Theo điều gọi Khách ty, Khách ty đến gần, sư hỏi: Lưỡng Tự Đầu Thủ, chương Lưỡng Tự Vận sứ hỏi cái gì thế?« trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy q. hạ: »Hễ gặp lúc khai dục thì trước Trai KHAI đường có treo tấm bảng Khai dục. Trời Truyền bá (đạo pháp). Tào Khê đại sư biệt lạnh thì 5 ngày tắm 1 lần, trời nóng thì tắm truyện ghi: » mỗi ngày, khi nghe tiếng trống khai dục, Tăng chúng vào tắm trước, sau cùng đến Tri sự và Trụ trì«, về sau đảo ngược thứ tự

KHAI LÔ này. Phật chế có 2 thứ: Tắm nước nóng, niên hiệu Gia Tĩnh (1522-1566) đời Minh tắm hơi nóng. Thiền tông thì dùng nước chùa bị thiêu hủy, khoảng niên hiệu Vạn ấm để tắm. Cách tắm có 2: Thời xa xưa Lịch (1573-1619) trùng tu trở lại. phần nhiều đứng ngoài bồn múc nước tắm, gọi là Cấp thang thức; về sau vào trong KHAI HUỆ (1824-1906) bồn tắm gọi là Nhập thang thức. Khi tắm Thiền tăng đời Thanh, họ Trương, tên phải im lặng, cấm cười nói. Trước khi tắm, Châu, pháp danh Khai Huệ, hiệu Chân thắp hương hướng về Bạt-đà-bà-la xướng Tịnh, người xứ Trường Sa, Hồ Nam, Trung kệ chú 7 biến (Đại 82, 776 hạ): »Khi rửa Quốc. Nối pháp Thiền sư Giác Thanh chùa chân,

phải nguyện chúng sinh đầy đủ thần Long Hoa, đời thứ 42 hệ Nam Nhạc. Trụ lực; tắm rửa thân thể, phải nguyện chúng trì am Diêm Tràng. Có ngữ lục truyền lại sinh thân tâm không dơ, trong ngoài sạch đời. sẽ. Án, bạt chiếc la não ca tra, tóa ha«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. KHAI KHẨU KIẾN ĐẢM KHAI ĐƯỜNG Một khi mở miệng liền hiển bày mọi ý Trụ trì mới nhận chức, lúc nhập viện phải nghĩ trong lòng. Vô Môn Quan ghi: » khai pháp đường tuyên nói đại pháp. Bích Nham lục q. 1 ghi: » – Vô Môn nói: Triệu Châu mở miệng liền hiển – Lúc bày mọi ý nghĩ trong lòng, vị tăng này Vân Môn khai đường nói pháp, có vị quan phán xét không đúng cho chuông là hũ«. Thường thị họ Cúc bước ra hỏi:Trái Linh KHAI KHOÁCH Thọ đã chín chưa? Vân Môn nói: Ông Nói ra, hoằng dương. Tiết Nam Phong nghe nói chưa chín hồi nào?«. Vĩnh Trình Thiền sư trong NĐHN q. 18 KHAI HÓA TỰ ghi: » Thuộc thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết – Hoặc chiếu dụng Giang, Trung Quốc. Niên hiệu Khai Bảo như sấm nổ, hoặc cơ phong như điện chớp, thứ 4 (971) đời Tống, Vĩnh Minh Diên Thọ chẳng qua là trừ dẹp tà vọng, hoằng dương theo lời mời của Ngô Việt Vương Tiền lẽ huyền vi, lập tức minh tông, đến chỗ Thúc, vì trấn phục thủy triều sông Tiền chân thật«. Đường mà cất chùa, ban đầu gọi là »Thọ Ninh Viện«. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 26 KHAI LÔ (1156) đời Tống, Trí Đàm trụ trì chùa này, Mở cửa lò. Trong chùa gọi ngày mồng một không nhờ sức quan tự bỏ y bát của mình tháng mười là ngày khai lô, kể từ ngày này mà quyên góp tịnh tài để xây tháp bảy mới có thể đốt lò sưởi ấm. Tiết Pháp tầng, thành tựu viện vũ trăm cửa. Niên hiệu Xương Ỷ Ngộ Thiền sư trong NĐHN q. 16 Long Hưng thứ 2 (1164) vua ban cho tấm ghi: biển »Từ Ân Khai Hóa Giáo Tự«. Khoảng

KHAI MINH THIỀN SƯ mớ nữa«. »Pháp Xương kim nhật khai lô, KHAI NHÃN NIỆU SÀNG Hành cước tăng vô nhất cá Duy hữu thập bát cao nhân Mở mắt đái dầm, dụ cho việc làm vô lý Giam khẩu vi lô đả tọa«. đáng chê cười. Mật Am ngữ lục ghi: » »Hôm nay Pháp Xương mở lò – Sử dụng phương Không một vị tăng hành cước tiện đánh hét cũng là vô lý được và đáng Chỉ có mười tám cao nhân chê cười«. Ngồi thiền quanh lò im lặng«. KHAI NHÃN TÁC MỘNG KHAI MINH THIỀN SƯ Hiệu của thiền tăng Nghi Yến đời Tống. X. Mở to đôi mắt mà nằm mơ, tỷ dụ cho trạng Nghi Yến thái lờ mờ, si mê. Mật Am ngữ lục ghi: » KHAI NHÃN KHẠP THỤY – Một bên ra một bên vào, nước cốt trong bánh mè; một bên bắt Ngồi ngủ mà mắt mở trao tráo, dụ cho sự một bên tha mở mắt như mộng«. hồ đồ si mê. NĐHN q. 18 ghi: » – Than ôi, kẻ mê KHAI PHÁP hợp thành bầy mở mắt ngồi ngủ«. Lần nói pháp đầu tiên của vị Trụ trì, sau khi vị này đắc đạo. Tiết Thiên Đồng Hàm KHAI NHÃN MỴ NGỮ Kiệt Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Mở to đôi mắt mà nói mớ, dụ chỉ lời nói lờ mờ si mê. Tiết Thị Dục Tạng Chủ trong DTNL q. 3 ghi: » – Chưa đầy nửa năm ngài Đàm Hoa đã thấu rõ việc sinh tử. Ngài đến yết kiến Thử Am, được phân tòa giáo hóa ở Liên Vân, khai pháp ở Diệu Nghiêm, sau dời – Nếu đến các chùa nổi tiếng«. ngươi chưa có

con mắt siêu tông việt cách, cũng không có thủ đoạn trói cọp bắt rồng, KHAI PHÚC ĐẠO NINH THIỀN chưa khỏi ở mọi nơi mọi lúc thấy sắc bị SƯ NGỮ LỤC sắc làm ngại, nghe tiếng bị tiếng làm ngại, Gọi đủ: Đàm Châu Khai Phúc Thiền sư cho đến mở miệng nói năng đều là giữa Đẳng Thập Cửu Đại Hòa thượng ngữ lục. ban ngày ban mặt mở to mắt mà nói mớ«. Còn gọi: Đàm Châu Khai Phúc Báo Từ Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » Thiền Tự Đạo Ninh Thiền sư ngữ lục, Khai – Nếu Phúc Ninh Hòa thượng ngữ lục. Ngữ lục, 2 là không có vật gì cả thì đâu cần phải quyển, do Khai Phúc Đạo Ninh soạn vào chiếu soi? Ngươi đừng có mở mắt mà nói đời Tống, Nguyệt Am Thiện Quả biên tập,

KHAI THỊ được xếp vào Tục Tạng kinh tập 120, trang nước Hương Chí phụng thờ Phật pháp, tôn 450. Nội dung bao gồm: Pháp ngữ khai trọng cúng dường hết mức và còn ban cho đường tấn viện niêm hương, Thượng viên ngọc vô giá. Bấy giờ vua có 3 người đường, Tiểu tham, Thùy thị, Kệ tụng, Di con, người con út là bậc thông đạt«. giới. Đầu quyển cuối quyển có phụ lục bài 2. Lời Thiền sư gọi các vị tăng tham thiền. tựa và các văn sớ. Sách này được in lại vào Phần Dương ngữ lục q. trung ghi: » niên hiệu Thuần Hy thứ 6 (1179) đời Tống. – Bảo chung cho các vị thiền tăng hãy cùng nhau sáng KHAI PHÚC TỰ (80) tỏ đệ nhất huyền«. Thuộc thành phố Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Thời Ngũ Đại Sở vương Mã KHAI SƠN Ân sáng lập. Con là Mã Hy Phạm lại xây Vốn chỉ cho việc khai núi lập chùa, bởi tự Hội Xuân Viên. Đời Tống Thiền sư Đạo viện thời xưa phần nhiều lập nơi núi non u Ninh ở đây. tịch, và vị Trụ trì đời thứ nhất của tự viện cũng được tôn xưng là Khai sơn. Vân Cư KHAI QUAN Sơn Chí (142, hạ) ghi: » Mở cửa. Quan: Chốt cửa. Chương Già-da-xá-đa Tổ thứ 18 trong CĐTĐL q. 2 ghi: – Sư liền lập chí khai sơn hoằng » pháp, cất chùa truyền giáo, lợi mình lợi – La-đa nghe nói, biết là dị nhân liền người, cứu giúp mọi người«. mở cửa tiếp rước«. KHAI SƠN LÃO ĐIỆN KHAI QUÝNH (1634-1676) X. Chính Tông Tự. Thiền tăng đời Minh, họ Trương, hiệu Huệ Cung, người Thuận Đức, Quảng Đông, KHAI TÂM NHÃN Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Tuyết Duy Mở sáng con mắt pháp, tỏ ngộ đạo lý Phật Thao Pháp, đời thứ 34 hệ Nam Nhạc. Trụ pháp. Tiết Giang Tây Mã Tổ trong TĐT q. trì Nam Hải Bảo Tượng Lâm. Có ngữ lục 14 ghi: » truyền lại đời.

KHAI SĨ – Mã Tổ Giang 1. Người thông đạt, tỏ ngộ. Chương Bát- Tây nối pháp Thiền sư Hoài Nhượng ở nhã-đa-la, Tổ thứ 27 trong CĐTĐL q. 3 Giang Tây. Sư húy là Đạo Nhất, người ghi: » huyện Thập Phương thuộc Hán Châu, họ Mã, xuất gia nơi chùa La Hán. Được Hoài Nhượng mở sáng con mắt pháp, sư đến giáo hóa tại Nam Xương«. – Tổ Bát-nhã Đa-la là người Đông Ấn. Sau khi đắc KHAI THỊ pháp, Tổ đi hóa đạo đến Nam Ấn Độ. Vua Tuyên thuyết (nói pháp). Tiết Lương Sơn

KHAI THỊ NGỘ NHẬP Quán Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » Bình Hưng Quốc thứ 5 (980) cùng với các – Tăng nói: Đại chùa ở Chung Sơn gọi chung là »Thái Bình chúng đã đến đông đủ, thỉnh sư nói pháp«. Hưng Quốc Tự«, chùa này là một viện trong số đó nên tên chùa bị xóa bỏ. KHAI THỊ NGỘ NHẬP Khai là khai phát,

tức phá trừ vô minh, KHAI TIÊN TỰ khai mở Như Lai tạng, thấy lý Thật tướng. Chùa nằm ở chân núi phía nam Lô Sơn Thị là hiện bày; hoặc chướng đã trừ thì Thể tỉnh Giang Tây, Trung Quốc, do Nam tri kiến hiện, pháp giới vạn đức hiện bày rõ Đường Trung Chủ xây dựng. Sau núi có ràng. Ngộ là chứng ngộ, sau khi Chướng những ngọn núi lạ liền lạc như: Quy Bối trừ Thể hiện thì Sự (hiện tượng) Lý (bản (mu rùa), Hạc Minh (Hạc kêu), Song Kiếm thể) dung thông mà có chỗ ngộ. Nhập là (hai cây gươm). Đời Tống có Thiền sư chứng nhập, nghĩa là sự lý đã dung thông Thanh Diệu của tông Vân Môn ở đây. Niên thì có thể tự tại vô ngại, chứng nhập biển hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 2 (977), trí tuệ. Vua hạ chiếu đổi tên chùa »Khai Tiên Hoa Phẩm Cơ Duyên trong Kinh Pháp Bảo Tạng Tự«. Triều vua Nhân Tông, Thiền sư Đàn (Đại 48, 355 hạ) ghi: » Thiện Xiêm mở pháp hội ở đây, đệ tử là Phật Ấn Liễu Nguyên là người kế thừa. Về sau các thiền sư của tông Vân Môn như: – Ngươi nên cẩn Trí Tuần, Hành Anh cùng nhau kế tiếp trụ thận, chớ hiểu lầm ý Kinh, nghe nói: Khai trì. Niên hiệu Thiên Thuận thứ 1 (1457- thị ngộ nhập bèn cho là tri kiến của Phật, 1464) đời Minh, chùa dùng lại tên cũ. Niên còn mình thì chẳng có phần; nếu hiểu như hiệu Khang Hy thứ 16 (1707), Vua ban cho thế là phỉ báng kinh Phật vậy«. bảng hiệu »Tú Phong Tự«.

KHAI THIỆN TỰ KHÁI CỔ LỤC Thuộc núi Chung Sơn, thành phố Nam Còn gọi: Trạm Nhiên Thiền sư Khái Cổ Kinh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Niên lục. Lục, 1 quyển, do Trạm Nhiên Viên hiệu Thiên Giám thứ 13 (514) đời Lương, Trừng soạn vào đời Minh, được xếp vào Bảo Chí thị tịch, vua Võ Đế ra lệnh an táng Tục Tạng kinh tập 114, trang 725. Viên tại nơi này và xây tháp 5 tầng. Vua đích Trừng cảm khái về quy củ tùng lâm thời ấy thân tiến cúng, bỗng thấy vị Đại sĩ trên sao mà lỏng lẻo và dần dần tiến tới chỗ hỗn mây bèn xây cất chùa, sai đệ tử của Bảo loạn, sa đọa. Để ngăn ngừa sự suy sụp Chí là Trí Tạng trụ trì, ban tên là »Khai nhanh chóng của các tùng lâm dẫn đến sự Thiện Tự«. Thời Trần Nam triều, Trí Viễn hủy diệt Phật pháp mà trên lịch sử sẽ xảy cũng từng ở đây. Khoảng niên hiệu Càn ra lần nữa, nên sư đưa ra những ví dụ có Phù (874-879) đời Đường phụng sắc đổi thực, các cơ duyên hoạt bát sinh động từ tên là »Bảo Công Viện«. Khoảng niên hiệu Lục Tổ cho đến thời đại Đường Tống và Khai Bảo (968-975) đời Tống lại gọi khẩn thiết kêu gọi đạo tâm, chấn chỉnh lại »Khai Thiện Đạo Tràng«. Niên hiệu Thái Tông phong. Sách này cho ta thấy được

KHÁM QUÁ tình hình các tùng lâm vào cuối đời Minh. KHÁM Còn gọi: Khám biện, khám nghiệm. Kiểm KHẢI THỈNH tra sự lãnh ngộ sâu cạn giữa các thiền gia. Vô Môn Quan ghi: » Phạn ngữ: adhyesanā, adhyesita. – Chờ ta đi kiểm tra bà già này 1. Trước khi tụng kinh phải phụng thỉnh cho ông.« chư Phật. Trước khi tụng 5 hội của Kinh KHÁM BIỆN Lăng Nghiêm, phải xướng danh hiệu »Lăng Nghiêm Hội Thượng Phật, Bồ Tát«. 1. Thiền nhân thăm dò chỗ lãnh ngộ sâu Người đứng đầu hội Lăng Nghiêm cử cạn của đối phương. Tông Môn Võ Khố xướng »Nam mô Lăng Nghiêm Hội ghi: » Thượng Phật Bồ Tát« và xướng văn gọi là Khải xướng. »Vọng hối lược Bố tát« của Thiền tông là mỗi tháng ngày mùng một, – ngày rằm cử hành lễ Bố tát với nghi thức (Hoà thượng Phúc Nghiêm Trí) ban đầu giản lược, sau bài văn sám

hối phải xướng đến Động Sơn, cơ duyên khế hợp. Ngài lên: »Nam mô quá khứ thất Phật, Nam mô Chân Tịnh bảo sư làm người đại diện Thích-ca Mâu-ni Phật, Nam mô Văn-thù chúng ra thưa hỏi. Ít lâu sau, sư lại đến Bồ Tát, Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát, Nam pháp hội của Tứ Tổ Tuyên, cũng thường mô Quán Thế Âm Bồ Tát, Nam mô Di-lặc đến gặp Ngũ Tổ. Tổ thăm dò trình độ lãnh tôn Phật, Nam mô Lịch đại Tổ sư Bồ Tát«, ngộ sâu cạn của sư quả có chỗ hơn đây là Khải thỉnh, sau đó mới xướng Tứ người«. hoằng thệ nguyện. Nhưng trong nghi thức 2. Một thứ phân loại trong ngữ lục Thiền an táng, lúc tụng chú Lăng Nghiêm không tông, chuyên môn ghi chép những lời thăm cử hành nghi thức khải thỉnh. dò chỗ lãnh ngộ sâu cạn của thiền nhân. Như trong Lâm Tế lục có loại Khám biện. 2. Thưa thỉnh. Lăng Nghiêm Kinh Tông Chữ Biện cũng viết . Thông q. 1 (Vạn Tục 117, 6 thượng) ghi: »» KHÁM PHÁ

Nhìn thấu suốt tâm tư đối phương rồi so sánh, thí nghiệm và chất vấn họ, cũng tức – Gặp Phật, là khám định xem đúng hay sai. Tắc 48, Vô A-nan đảnh lễ rồi buồn thảm rơi lệ, hận Môn Quan (Đại 48, 297 thượng) ghi: » rằng từ trước đến nay chỉ chuyên đa văn nên chưa tu hành để đầy đủ đạo lực, mới – Kiểm điểm khẩn thiết nhiều lần thưa thỉnh về các lại, cả hai đều có lỗi. Thử nói xem, đâu là phương tiện đầu tiên như: Xa-ma-tha, chỗ Triệu Châu khám phá lão bà?«. Tam-ma-đề, Thiền-na mà mười phương Như Lai nhờ đó được thành Chính giác«. KHÁM QUÁ Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Tức là dùng cách xem xét, thử nghiệm,

KHÁN khiến cho chân tướng hiện rõ. Tắc 20, Bích Có, nhưng chẳng tiếp khách«. Nham lục (Đại 48, 160 thượng) ghi: » Vân Môn quảng lục q. hạ ghi: »

( – Khách đến cần phải ) – Long Nha hỏi Thúy Vi: tiếp đãi, trộm đến cần phải đuổi đi«. Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? (Lời 4. Coi sóc, lo liệu. Tiết Động Sơn Hòa nói cũ của các nơi cũng cần xem xét thử thượng trong TĐT q. 6 ghi: » nghiệm)«. KHÁN

1. Chuyên tâm xem xét, nghiên cứu tới lui – Nhân có 2 vị tăng cùng một cơ ngữ nào đó của cổ nhân. Tiết Chân đi đến Động Sơn. Một người bị bệnh nằm Như Phương Thiền sư trong NĐHN q. 12 nghỉ ở Niết-bàn đường, người còn lại coi ghi: » sóc y ta. Một hôm, người bệnh gọi bạn

– đồng hành, bảo: Tôi muốn đi. Khi ấy cả Thiền sư Phương ở viện Chân Như thuộc hai cùng ra đi«. Chân Châu đến tham học nơi ngài Lang 5. Coi chừng, đề phòng, hàm ngữ khí dặn Da, chỉ khán công án ›Cây bách‹«. dò, cảnh tỉnh. Tiết Trung Thừa Lô Hàng 2. Ra mắt, thăm hỏi. Minh Giác ngữ lục q. Cư si trong NĐHN q. 18 ghi: » 2 ghi: »

– Sư ở Minh Châu, có lần ra mắt Học sĩ. – Cư sĩ Trung Đang ngồi, Học sĩ hỏi: Ông thương lượng Thừa Lô Hàng đang ngồi quanh lò sưởi cùng Trưởng lão Thanh về công án ›Triệu với ngài Viên Thông. Cư sĩ bảo: Nhân Châu khám phá bà già‹, quả thật có chỗ duyên của các nhà chẳng nhọc đưa ra. Một khám phá không?« câu thẳng tắt, thỉnh sư chỉ dạy? Thông vái Tiết Động Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 chào và nghiêm giọng bảo: Coi chừng lửa! ghi: » Cư sĩ vội vén áo, chợt đại ngộ«. Tiết

Khâm Sơn Văn Thúy Thiền sư trong – Tăng hỏi: Người chẳng bệnh có LĐHY q. 22 ghi: » hỏi thăm Hòa thượng không? Sư đáp: Ta – Đồng An không có tâm hỏi thăm hắn thì có phần đúng hơn. Hắn tốt, cần phải đề phòng mới được«. nào có ngó ngàng gì đến ta?«. 3. Tiếp đãi, khoản đãi. Tiết Đan Hà Hòa KHÁN ĐÃI thượng trong TĐT q. 4 ghi: » Lo liệu, coi sóc. Tiết Nhất Túc Giác Hòa thượng trong TĐT q. 3 ghi: »Tạc giả mẫu thân hạ thế, chỉ hữu tỉ, độc tự vô nhân khán – Sư đến Lạc Kinh để tham vấn Quốc đãi, tranh phao đắc? – Trước kia mẫu thân sư Huệ Trung. Vừa gặp thị giả, sư liền hỏi: tạ thế, chỉ còn người chị một mình không Hòa thượng có ở nhà không? Thị giả đáp: ai coi sóc, làm sao bỏ được?«

KHÁNG HÀNH KHÁN HẢO TINH THÁI Đại Huệ Tông Cảo cực lực chủ trương Chú ý. Chương Báo Ân Khế Tùng Thiền chuyên môn tham khán một tắc thoại đầu, sư trong CĐTĐL q. 24 ghi: » về sau tông Lâm Tế tôn sùng làm khuôn phép. Càng về sau tông phong càng thịnh, như đời Minh, ngài Trung Phong Minh Bản đặc biệt đề xướng những công án xưa như: Ba cân gai, cây tùng trước sân, núi – Tu-di, tâm bình thường là đạo, chữ »Cố« Ban đầu khai đường, lên tòa sắp ngồi sư của Vân Môn, chữ »Vô« của Triệu Châu... bèn nói: ...Trước tài năng của liệt sĩ ít có Thiền phong ảnh hưởng lớn một thời. Từ người bồi tiếp, đánh trống như sấm dậy đời Minh, Thanh cho đến nay, thiền phong vầng kiếm loang ra, ai là loại sư tử dũng này vẫn chưa dứt. Ngoài ra, từ đời Tống về mãnh mũi nhọn đầy mình hãy bước ra đi! sau, tư trào Thiền Tịnh hiệp tập rất thịnh, Khi ấy có vị tăng bước ra, sư nói: Hãy chú lấy 4 chữ »A-di-đà Phật« làm công án, đây ý! Tăng định hỏi, sư nói: Muốn gì đây?« cũng là một thứ Khán thoại thiền. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. KHÁN KHÁN Ngay tức thì, sắp sửa. Tiết Tiến Phúc Hưu Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » KHÁNG HÀNH – Trung Quốc với Đối lập nhau. Tiết Mông Sơn Quang Bảo Tây Thiên là một lũ ngu si, mê hoặc kẻ thế Thiền sư trong NĐHN q. 2 ghi: » gian sắp diệt mất pháp mạch Phật giáo.«

KHÁN THOẠI THIỀN Đối lại: Mặc chiếu Thiền. Thiền tham cứu công án, là Tông phong của ngài Đại Huệ Tông Cảo, tông Lâm Tế. Khán là tham cứu, thoại là công án. Tức là ở nơi một tắc – Sư nói: Khi mắt tai thoại đầu của người xưa chân thật tham duyên theo thanh sắc là đối lập nhau hay cứu dài lâu cho đến khi được khai ngộ. là dung hợp nhau? Thiền sư Hà Trạch Thiền phong này trước huệ sau định, cùng Thần Hội nói: Đối lập hay dung hợp tạm Mặc chiếu thiền trước định sau huệ khác gác lại, ngươi hãy chỉ xem pháp nào là thể xa về chỉ thú. Nguồn gốc của Khán thoại của thanh sắc? Sư nói: Theo như thầy nói thiền có thể nói bắt đầu từ công án »Con thì không thật có thanh sắc. Hà Trạch nói: chó không Phật tính« của Triệu Châu Tùng Nếu như ngươi biết rõ thể thanh sắc vốn Thẩm đời Đường. Đến cuối đời Đường- không, cũng như các căn mắt tai, cho đến đầu đời Ngũ Đại, việc sử dụng các tắc phàm thánh đều bình đẳng như huyễn thì công án để phá trừ thói quen tình thức đối lập nhau hay dung hợp nhau lý ấy quá phân biệt rất là hưng thịnh. Đến đời Tống, rõ ràng.«

KHÁNH CHƯ (807-888) KHÁNH CHƯ (807-888) Thiền tăng đời Đường, họ Trần, người xứ Tân Cam, Lô Lăng (nay là huyện Tân Can tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. Năm 13 tuổi, »Lao sinh hưu vấn sắc kiêm không sư nương Thiền sư Hồng Tỉnh Tây Sơn Học đạo vô như phỏng Tổ tông Thiệu Giám cạo tóc xuất gia, năm 23 tuổi Thiên ngoại mích tâm nan định thể đến Tung Sơn thụ giới cụ túc, học giới Nhân gian thực quế khởi thành tùng luật. Về sau sư chuyên chí ở Thiền, làm Càn khôn tận thị mao đầu thượng Mễ đầu ở dưới hội của ngài Quy Sơn Linh Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung Hựu, siêng năng phục vụ đại chúng. Sư Đại dụng hiện tiền quyền tại thủ còn đến Vân Nham Đàm Châu (nay là Thùy tri phàm thánh dữ tây đông?« huyện Trường Sa tỉnh Hồ Nam) yết kiến »Uổng công thôi hỏi sắc cùng không Đạo Ngô Tông Trí, ngay nơi lời nói khế Học đạo gì hơn phỏng Tổ tông cơ, từ đây đại ngộ. Ở Trường Sa, sư sống Ngoài trời tìm tâm thật khó thấy lẫn lộn cùng thế tục, mọi người đều chẳng Thế gian trồng quế đâu thành tòng biết. Động Sơn Lương Giới sai tăng đi tìm Đầu lông trùm cả càn khôn thảy, hỏi, sư mới lộ diện, đến núi Thạch Sương Hạt cải bao gồm nhật nguyệt trong. xiển dương Thiền tông, chư tăng tụ hội đến Đại dụng hiện tiền tay nắm vững trên 500 vị. Sư ở Thạch Sơn 20 năm, sớm Ai phân phàm thánh với tây đông«. chiều cùng người học luận bàn vấn đáp. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Thụy hiệu »Phổ Hội Đại Sư«. Từ.

KHÁNH HỶ (1066-1142) KHÁNH KHOÁI Thiền tăng đời Lý, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi Vui mừng, thích thú. Phần nhiều miêu tả đời thứ 14. Sư họ Nguyễn, quê ở Cổ Giao, tâm tình vui vẻ khoan khoái sau khi ngộ Long Biên, miền Bắc Việt Nam. Khoảng thiền. Vô Môn Quan ghi: » niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự (1133- 1138), Vua Lý Thần Tông mời sư vào kinh. Sư ứng đối xứng hợp ý chỉ, vua bái – Ai phong chức Tăng Lục, lại thăng chức Tăng lọt qua cửa này, chẳng những chính mắt Thống. thấy Triệu Châu mà còn thấy hết thảy Tổ Một hôm, đệ tử Pháp Dung hỏi: sư nắm tay chung bước, thâm sâu giao kết, -Liễu đạt sắc không, sắc là phàm hay là cùng một mắt thấy, cùng một tai nghe, há thánh? chẳng thú sao?« Sư ứng thinh đáp bài kệ: KHÁNH KHOÁI BÌNH SINH Cả đời thư thái, hình dung tâm thái vui vẻ thoải mái của người ngộ thiền. Đây là tập ngữ của nhà thiền. Tiết Thượng Phong Bản

KHÁNH TƯỜNG Tài Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » môn hay tông môn, duy chẳng thích nghe nói về tông Thiên Thai.

–Hoặc có một người ưu tú, KHÁNH TÚC chẳng cầu chư thánh, chẳng trọng tính Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Quốc sư linh, đơn độc lao vào chốn hiểm nguy, thật Thiên Thai Đức Thiều, thuộc tông Pháp là thư thái cả đời«. Nhãn. Sư trụ viện Công Thần ở Hàng Châu. Sư có bài kệ: KHÁNH LONG »Công Thần gia phong Thiền tăng Việt Nam, chưa rõ quê quán, Minh ám sắc không tông phái và hành trạng; chỉ biết sư lập Pháp pháp phi dị chùa Khánh Long ở gò Quít huyện Phúc Tâm tâm tự thông Chính, trấn Biên Hòa. Cảnh chùa Khánh Nhậm ma hội đắc Long được du khách đặt bài thơ ca ngợi Chư Phật chân tông«. như sau: »Thói nhà Công Thần ta »Tiêu sơ lãnh thọ quảy tà dương Sáng tối sắc không mà Bộ nhập khê nham phỏng đạo trường Pháp pháp

chẳng phân biệt Chử dánh vô yên sào hạc tĩnh Tâm tâm tự thông ra Khả liên thiền vị chính khê lương«. Làm sao mà hiểu được »Tiêu sơ cây núi bóng tà dương Chư Phật chân tông a!«. Khe suối đi qua viếng đạo trường Không khói đun trà hạc trong ổ KHÁNH TƯỜNG Mến thay thiền vị thật thanh lương«. 1. Thiền tăng đời Tống, người xứ Dư Hàng Sau đó, Thiền sư Khánh Long đến núi (nay ở phía tây Hàng Châu) Trung Quốc; Châu Thới, nơi gò cao, thuộc thôn Long nối pháp Quốc sư Thiên Thai Đức Thiều, Tuy, huyện Long Thành, trấn Biên Hòa lập thuộc tông Pháp Nhãn. Sư biện tài xuất chùa Hội Sơn. Theo: LSPGĐT của Nguyễn chúng, nghe nhiều nhớ giỏi, là người kiệt Hiền Đức. xuất trong hàng đệ tử của Đức Thiều. Sư trụ viện Quán Âm ở Cửu Khúc, Hàng KHÁNH THÔNG Châu. Thiền tăng đời Tống; nối pháp Thiền sư La Có vị tăng hỏi: Lặng lặng tròn sáng, thỉnh Hán Hạnh Lâm thuộc tông Pháp Nhãn. Sư sư nói chắc cho một câu‹. Sư đáp: Mặt hồ trụ viện Đại Đình Hồng Châu (nay là mười dặm, một vầng trăng sáng. huyện Nam Xương tỉnh Giang Tây). Thụy hiệu »Cửu Khúc Thiền sư«. Một hôm có vị tăng hỏi: Ngài Thừa Cổ có 2. Thiền tăng đời Tống; nối pháp Thiền sư nói núi Đông non Tây xanh, chưa biết ý Vĩnh Minh Đạo Tiềm, thuộc tông Pháp chỉ gì? Sư đáp: Núi Đông non Tây xanh, Nhãn. Sư trụ viện Sùng Phúc Minh Châu trời mưa rồi lại tạnh, còn hỏi ý trong đó, (nay là huyện Ninh Ba, Chiết Giang). chim gáy sinh chim nhạn. Có vị tăng hỏi: Cái gì là người xưa nay? Sư giỏi giảng thuyết, chẳng câu nệ giáo Đáp rằng: Đường đường sáu thước thật rõ

KHÁNH VÂN TỰ ràng. ngươi là kẻ ngu si, ta sẽ giúp ngươi hết đần độn«. KHÁNH VÂN TỰ Nằm ở sườn nam núi Đỉnh Hồ, thành phố KHÁT LỘC CHI TƯỞNG Triệu Khánh, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Niên hiệu Sùng Trinh thứ 6 (1633) Cái tưởng tượng của con nai khát nước, là đời Minh xây cất, ban đầu gọi là »Liên cách tưởng hư vọng. Bài »Lục Tổ Năng Hoa Am«, sau đổi thành tên ngày nay. Vào Thiền sư bi minh« của Vương Duy trong khoảng niên hiệu Thuận Trị (1644-1661) Toàn Đường Văn q. 327 ghi: » đời Thanh quy mô dần dần lớn. Vào – Còn ôm cái khoảng niên hiệu Quang Tự (1875-1908) tưởng tượng của con nai khát nước, còn tăng chúng hơn 800 người. Trong chùa tìm kiếm dấu vết chim bay«. điện vũ trùng trùng, đường thất âm u, trang nghiêm điển nhã, diện tích kiến trúc là 1,2KHÁT LỘC SẤN DƯƠNG DIỆM ha. Sau giải phóng sửa sang lại điện vũ trong chùa, đại hùng bảo điện còn giữ Tam Nai khát đuổi theo sóng nắng (vì ngỡ là Thánh Phật Tượng, xây cất thêm Trà hoa nước). Bài »Mê Ngộ Bất Nhị« trong 14 các, Quan cảnh đài. Trong chùa có Thiên khoa tụng của Hòa thượng Chí Công ghi: nhân hoạch, Đại đồng chung, còn có Trà hoa thọ, Xá-lợi tử, Đại tạng kinh, được khen ngợi là »Trấn Sơn Tam Bảo«. Xá-lợi »Dương diệm bản phi kỳ thủy tử do Thiền sư Hám Sơn lấy được từ dưới Khát lộc cuồng sấn thông thông tháp Kim Luân Phong ở Lô Sơn. Tự thân hư vọng bất thật Tương không cánh dục mịch không«. KHÁO »Sóng nắng vốn chẳng phải nước. Thừa thế ứng đối tiếp theo lời nói của kẻ Nai khát lầm đuổi vội vàng khác, là một cách đọ sức bằng cơ ngữ Tự thân hư dối chẳng thật trong nhà thiền. (Hỏi) vặn lại. Tiết Thanh Đem không lại muốn tìm không«. Nguyên Hành Tư Thiền S trong LĐHY q. 19 ghi: » KHẮC CẦN (1063-1135) – Huyền Sa nói: Thiền tăng đời Tống, họ Lạc, tự Vô Trước, Đường đường như

Thạch Đầu mà bị Đại hiệu Phật Quả, người xứ Sùng Ninh Bành Huệ vặn lại, đến nay đứng dậy chẳng nổi«. Châu (nay thuộc phía tây huyện Bành tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư KHẠP THÙY HÁN Ngũ Tổ Pháp Diễn, thuộc tông Lâm Tế.
Kẻ ngu si, lờ mờ. Minh Giác ngữ lục q. 2 Dòng dõi nhà Nho, thuở bé thông minh ghi: »
vượt bậc, cả nhà đều kỳ vọng vào sư. Một –
hôm ngẫu nhiên đến chùa Diệu Tịch thấy Hãy xem bậc tu hành nói về chỗ kiến tính, được kinh Phật như thấy được vật mình rõ ràng ngươi chẳng được như vậy. Nếu từng quen biết, sư liền vào chùa cạo tóc,

KHẮC VĂN (1025-1102) nương ở với thiền sư Tự Tỉnh. Kế đó, sư KHẮC ĐÍCH
từng tham học với các vị: Văn Chiếu, Mẫn Chuẩn xác và trong sáng. Tiết Nghệ Ngôn Hành, Giác Thắng, Kim Loan Tín, Đại trong NĐHN q. 29 ghi: » Quy Triết,
Hoàng Long Tâm. Cuối cùng đến tham vấn Thiền sư Pháp Diễn
ở núi Ngũ Tổ, sư mới triệt ngộ và nối pháp – Tâm ấn Thiếu
Thất há câu nệ vào ngài.Kệ ngộ đạo: việc trau chuốt lời nói câu văn? Người xưa tạm vì kế tiếp dẫn mà mượn lời nói, nhưng đều hồn hậu, chất phác,
ngắn gọn, chuẩn xác và trong sáng để dạy người«. KHẮC KỲ THỦ
CHỨNG »Kim áp hương tiêu cẩm tú vi Khắc kỳ tức là hạn định ngày giờ. Nguyên Sinh ca tòng lý túy phù quy câu nghĩa là hạn định thời gian tu hành Thiếu niên nhất đoạn phong lưu sự biện đạo để mong được Phật quả. Như Chỉ hứa giai nhân độc tự tri«. Kinh Viên Giác ghi: Nếu kiến lập đạo »Lò hương bên trướng khói vừa tan tràng, phải lập kỳ hạn, nếu là kỳ hạn dài thì Say khước dìu về nhạc vấn vương 120 ngày, nếu là kỳ hạn vừa thì 100 ngày, an trí tịnh cư. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Một đoạn phong lưu thời trai trẻ Di. Chỉ có giai nhân mới hiểu chàng«. Sư ra hoằng pháp trụ chùa Chiêu Giác, KHẮC PHÙ xiển dương tông chỉ Lâm Tế. Khi triều Thiền tăng đời Đường; nối pháp Thiền sư Nam Tống đã lập, sư trụ chùa Kim Sơn, Lâm Tế Nghĩa Huyền thuộc tông Lâm Tế. được Tống Cao Tông ban hiệu là Viên Ngộ Về sau sư trụ Trác Châu (nay thuộc Hà Thiền sư, kế đó sư trụ trì Thiền viện Chân Bắc), thường mặc áo giấy, người đời gọi là Như trên núi Vân Cư. Thụy hiệu »Chân Chỉ Y Hòa thượng. Sư làm rất nhiều kệ Giác Thiền sư«. Tác phẩm: Bích Nham lục tụng được người đời ưa thích và truyền bá. 10 quyển, Viên Ngộ Phật Quả Thiền sư Sư thị tịch vào khoảng Đường Chiêu Tông ngữ lục 20 quyển. và Đường Ai Đế (889-907).

KHẮC DO PHẢ NẠI KHẮC VĂN (1025-1102) Thật khó nhẫn chịu, thật là đáng
ghét! Tiết Thiền tăng đời Tống, họ Trịnh, hiệu Vân Quốc Thanh Hành Cơ Thiền sư trong Am, người xứ Thiểm Phủ (nay là Thiểm NĐHN q. 20 ghi: » Huyện tỉnh Hà
Nam) Trung Quốc. Năm 25 tuổi theo Bắc Tháp Quảng Công
– Năm ngày xuất gia, thông nội ngoại điển. Ban đầu sư tham vấn 1 lần, 24
ngày mới phổ thuyết, tự tham học nơi Hoàng Long Huệ Nam chẳng nêu cái xấu nhà mình. Lại còn hỏi sự hỏi khế hợp nên đến Hương Thành (nay là lý, hỏi tâm hỏi tính thì thật là đáng ghét?« Triêu Ấp Thiểm Tây) gặp Hòa thượng

KHẲNG Thuận. Ngài hỏi ngược lại những lời lẽ của Hoàng
Long, Khắc Văn nghe qua và có tỉnh, mới biết dụng ý của

Hoàng Long liền – Nếu nói trở về Hoàng Long và nối pháp Huệ Nam.
được thì Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Sư ban đầu trụ Động Sơn, sau dời đến Bảo Hiền ở ngay trước mặt. Nếu nói không Phong ở Hưng Long. Sư khai đường thuyết được thì cần phải vén quần, cột chặt giây pháp rất siêng năng và dẫn dắt thiền tăng giầy, tham!«. các nơi, được Vua ban hiệu Chân Tịnh. Tác phẩm: Tuyết Am ngữ lục. KHẤU Còn gọi: Khấu địch, khấu kỷ, khấu kích. KHẲNG 1. Thưa hỏi, luận bàn. Tiết Tín Tương Tôn Ca ngợi, tin tưởng người nào đó đã tỉnh Hiển Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » ngộ, hoặc tán đồng ngôn hạnh thiền cơ nào đó. Tông Môn Võ Khố ghi: » – Khi ấy Viên Ngộ làm thị giả, sư đem ý chính – Các bậc của Bạch Vân ra hỏi. Ngộ nói: Ngươi nên Tôn túc dưới trướng lão Nam, Ngũ Tổ chỉ lập tức lãnh hội đi!«. Tiết Lâm An Trí Tài ca ngợi hai vị Hối Đường và Chân Tịnh Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » mà thôi, ngoài ra đều không tin tưởng ai khác«.

– Lạm xưng nạp tăng, treo cao túi KHẲNG TRỌNG bát, một mình đi đến phương xa, giống như Sùng tín, tôn sùng, xem trọng. Tiết Động mãnh hổ ra khỏi đồng hoang, gặp cơ hội Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 ghi: » nên bàn luận, hôm nay có ai chăng?«. 2. Yêu cầu. Lời Bạt phụ sau quyển cuối trong CĐTĐL q. 30 ghi: »

– Tăng hỏi: Hòa thượng ra giáo hóa, có mấy người xem

– Theo lời vị trọng Phật pháp? Sư đáp: Thật không có Tri tạng Tăng Chính ở chùa Đại Trung, người nào xem trọng. Tăng hỏi: Vì sao họ Phúc Châu thì từ khi giặc loạn đến nay, chẳng xem trọng? Sư đáp: Mỗi người kinh sách cũng bị nạn binh lửa nên sư đi trong bọn họ khí chất và thái độ giống như quyên góp in lại sách này để cho 2 giới tại Vua«. gia và xuất gia cùng xem. Sư yêu cầu tôi làm tựa, nhân đó tôi viết sau sách này«. KHẨN TIẾU THẢO HÀI Buộc chặt dây giày. Lời thiền sư khuyên KHẤU ĐỊCH dạy thiền sinh nên tiếp tục hành cước tham Hỏi han, biện luận. Tiết Lâm An Trí Tài học để cầu ngộ đạo. Tiết Khai Nguyên Trí thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » Tư Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: »

KHẨU BIỆN THIỆT ĐOAN người tham thiền vượt qua chỗ hiểm yếu – Rất xứng là thiền tăng treo cao khó khăn để chứng ngộ. Thiền Lâm Bảo đãi bát, một mình đi phương xa giống như Huấn q. 2 (Đại 48, 1027 hạ) ghi: » hổ dữ ra khỏi đồng hoang, đúng thời cần phải biện luận, hôm nay có hay chăng?« – Như Dương Vô Vi đến tham thiền nơi Bạch Vân KHẤU KÍCH Đoan, Trương Vô Tận đến ngài Đâu Suất Thưa hỏi, hỏi vặn. Chương Trần Tôn Túc Duyệt. Cả hai đều được nhắc nhở thông trong CĐTĐL q. 12 ghi: » qua chỗ hiểm yếu khó khăn để chứng ngộ triệt để«.

– Khi có người học đến thưa hỏi, sư đáp ngay theo sau câu hỏi, lời lẽ cao vút, KHẤU THAM không noi theo dấu cũ«. Đến chào để xin chỉ giáo. Tiết Dương Kỳ Phương Hội Thiền sư trong NĐHN q. 19 KHẤU KỶ ghi: » Vặn hỏi chính mình. Tiết Từ Vân Ngạn – Mỗi khi xem kinh, tâm Long thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » thông thần hội, hay trích ra từng đoạn đến chào các bậc lão túc để xin chỉ giáo«. KHẨU BA

BA – Này các thiền đức, Còn gọi: Khẩu tử ba ba. Ăn nói huênh công án này gọi là nhai cơm bón cho trẻ hoang, hàm ý châm biếm. Hư Đường Hòa con, nắm tay còn cho thêm gậy. Có hiểu thượng ngữ lục ghi: » không? Nếu chưa hiểu thì cần vặn hỏi chính mình mà tham cứu. Cần phải chân thật không được nói bậy lung tung.« – Bình thường ăn nói huênh hoang, nói ta hay KHẨU PHÁT buông hay bắt, hay cứu hay giết. Đến khi Hỏi vặn, thưa hỏi. Tiết Phần Dương Thiện bị người khác hỏi ›Pháp sư Viễn do đâu Chiêu Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: mà không bước qua Hổ Khê‹, lại nói chẳng » được. Thử hỏi bệnh tại chỗ nào?«. – Sư được cạo tóc, thụ giới cụ túc, KHẨU BIỆN THIỆT ĐOAN chống gậy du phương, ít dừng lại nơi nào lâu, tùy cơ thưa hỏi, tham vấn trải qua 71 Biện luận khéo léo. Pháp Diễn ngữ lục q. vị tri thức«. trung: » KHẨU QUAN KÍCH TIẾT Gõ cửa đánh xênh. Có nghĩa nhắc nhở – Gió hòa nắng ấm là gia phong của

KHẨU ĐẦU THIỀN cổ Phật, đào đỏ liễu xanh là cơ phong của KHẨU TỰ BIỂN ĐẢM Tổ sư. Nhanh tay lẹ mắt chưa phải là Còn gọi: Khẩu tự tảng bàn . thông minh, biện luận khéo léo cách đạo Miệng giống tấm bảng, dụ cho bị bí lối càng xa. Từ cửa mà vào chẳng phải vật không nói được. NĐHN q. 7 ghi: » báu trong nhà. Thử hỏi rốt cuộc làm sao – gặp nhau?«. Đường đường như Đức Sơn vậy mà bị ông hỏi một câu đành bí lối không nói được«. KHẨU ĐẦU THIỀN Còn gọi: Khẩu đầu tam-muội. Thiền ngoài KHẨU TỰ PHƯỞNG XA miệng, tức là chỉ góp nhặt những lời Thiền Miệng như máy dệt, dụ cho nói liên tục gia thường dùng để trợ giúp việc đàm luận, không ngừng. NĐHN q. 16 ghi: » mà không chịu hạ thủ công phu tu trì. – Người Trong Thái Căn Đàm có câu: Giảng dạy hỏi miệng dường như máy dệt (hỏi tới tấp), học trò mà đích thân không thực hành là kẻ đáp lưỡi như sấm sét (đáp có dũng Khẩu đầu thiền. khí)«. KHẨU NHƯỢC HUYỀN HÀ KHẨU TỰ TẢNG BÀN Miệng như tảng đá, ý nói ngậm miệng Còn gọi: Huyền hà vô trệ. Nói năng lưu không nói được. Tảng bàn: Đá kê chân cột loát. Đời Tấn có học giả Quách Tượng (viên tán). Đại Huệ ngữ lục q. 7 ghi: » chuyên nghiên cứu về học thuyết Lão Trang. Quách Tượng giỏi diễn đạt, ngôn – Trên núi Vân Môn làm ngữ hình tượng sinh động, nói thao thao ruộng để có cơm ăn, khi được hỏi về thiền bất tuyệt. Một học giả khác tên Vương đạo Phật pháp thì miệng như tảng đá (viên Diễn rất khâm phục Quách Tượng, nói: tán)«. »Nghe Quách Tượng nói như sông treo đổ nước xuống (Khẩu nhược huyền hà), KHẾ BẢN (930-1001) không bao giờ khô cạn«. Cốc Tuyền Ba Tỵ Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Hồ, tự Đạt trong Thiền Uyển Mông Cầu (Vạn Tục Chính, người Nhũ Nguyên, Quảng Đông, 148, 132 hạ) ghi: Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Tử Tường, thuộc tông Vân Môn đời thứ 3, trụ trì thiền viện Diên Thọ, núi Bạch Vân. »Tọa chủ Ba Tỵ Hiệu: Cảm Ngộ Đại Sư. Huyền hà vô trệ Địa dũng kim liên KHẾ BÂN (1380-1450) Thủ kình như ý«. Thiền tăng đời Minh, họ Vương, tự Câu »Giảng sư là Ba Tỵ Không, người xứ Thản Khúc (nay thuộc Nói năng thật lưu loát Sơn Tây) Trung Quốc. Thuở nhỏ thông Dưới đất mọc hoa sen sách Nho, lúc trưởng thành thấu suốt kinh Trên tay cầm ›Như ý‹.«. luận. Theo ngài Vô Tướng

ở viện Trùng

KHẾ PHÙ  Hưng cạo tóc xuất gia, tính thích thiền tịch, trưởng lão là Thanh Khoát và Sung Húc khắc khổ tham cứu. Năm 1416, sư đến lập am ở núi Đại Chương, thỉnh sư dời về Thiếu Lâm ra mắt Thiền sư Ngưng Nhiên ở đấy. Liễu Cải cầu chỉ dạy tâm yếu, lâu ngày chẳng khế ngộ. Một hôm chợt nhìn thấy KHẾ NIỆM  tấm biển Cổ Hoè Thọ do Tần Thủy Hoàng Thiền tăng đời Tống. Sư từng đến núi Đại phong liền có tỉnh, nhờ thiền sư ấn chứng, Dương thờ Thiền sư Huệ Kiên và nối pháp nối pháp tông Tào Động. Năm 1448, sư ra Ngài, thuộc tông Tào Động. Sư ở viện Bắc hoằng pháp trụ trì viện Tung Sơn, môn Thiền Đàm Châu (nay là huyện Trường Sa, đình cao vút, trong nước ít có nơi nào sánh Hồ Nam). bằng. Có vị tăng hỏi: Thế nào là nguồn của Đại đạo? Sư đáp: Các dòng sông chảy lẫn lộn KHẾ CƠ  chẳng được. Sự dạy bảo khai thị của Tông sư khế hợp với căn cơ, trình độ của người học. KHẾ NỘT  Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư KHẾ KHÔI  Trường Khánh Huệ Lăng; ra hoằng pháp Thiền tăng đời Tống; nối pháp Thiền sư trụ Đông Thiền viện ở Phúc Châu. Vân Cư Đạo Tế, thuộc tông Pháp Nhãn. Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Đạo Tế trước khi thị tịch, tập hợp đồ chúng Đông Thiền? Sư đáp: Một người truyền bảo rằng: »Sau khi ta đi, sơn môn được dối, muôn người truyền thật. giao cho Khế Khôi khai đường trụ trì,« nên KHẾ ỔN  sư kế thừa pháp hội của Ngài. Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Có vị tăng hỏi: Phật là gì? Sư đáp: Khen Bảo Phúc Tùng Triển, ra hoằng pháp trụ ngợi không đủ. Tăng hỏi tiếp: Đâu riêng Khang Sơn, Phúc Châu. Mân Vương ban cái này mới phải sao? Sư đáp: Không hiệu »Pháp Bảo Thiền sư«. khiến người khen ngợi. KHẾ PHAN  KHẾ NHƯ  Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Phúc Tuyết Phong Nghĩa Tồn, ra hoằng pháp trụ Châu, sư thích ở một mình để tịnh dưỡng, Nam thiền viện ở Phúc Châu. chí ưa tìm tòi đạo pháp của Phật Tổ, vào thất Thiền sư Huyền Sa Sư Bị, đốn ngộ ý KHẾ PHÙ  chỉ sâu kín. Sư chẳng chịu tụ tập đồ chúng, Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư chẳng nuôi tiểu đồng hầu hạ, ở ẩn trong núi Huyền Sa Sư Bị, ra hoằng pháp trụ viện Tiểu Giới, moi ruột gốc đại thụ để làm một Tiên Tông, Phúc Châu. am nhỏ vừa đủ dung thân mà thôi. Hễ có vị Có vị tăng hỏi: Thế nào là cảnh giới chư tăng du phương nào đến, sư tùy theo chỗ Phật trong xứ Mân? Sư đáp: Tạo hóa trọn thưa hỏi mà đáp, những lúc khai thị không khó lường, gió Xuân luống tự nhẹ. nhất định phải theo lệ thường. Hai vị

KHẾ SÙNG  Mân chủ ban hiệu cho sư là »Thanh Pháp nơi Thiền sư Hoàng Long Hối Cơ đã lâu Thiền sư«. mà không khế hội. Về sau sư nối pháp Thiền sư Minh Chiêu Đức Khiêm. Sư trụ KHẾ SÙNG  viện Báo Ân ở Xử Châu (nay là huyện Lệ Thiền tăng đời Tống; nối pháp Thiền sư Thủy tỉnh Chiết Giang). Cốc Ẩn Trí Nghiễm, thuộc tông Tào Động. Sư kế thừa pháp hội của thầy, lãnh đạo chư KHẾ VĂN  (1302-1380) tăng tu hành thanh tịnh, xiển dương Thiền Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Bất Văn tông. Khế Văn, vào niên hiệu Thái Định thứ 3 Có vị tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn (1326) sư sang nhà Nguyên (Trung Quốc). Độ sang? Sư đáp: Người Phiên cởi áo Nối pháp Thiền sư Kính Sơn Đại Tông, đời (lông cừu), người Hồ mặc áo. thứ 24 hệ Nam Nhạc, đời thứ 7 tông Lâm Tế. Trụ trì chùa Viên Giác. KHẾ THUYÊN  Thiền tăng đời Tống; nối pháp Thiền sư KHÍ HỮU TRƯỚC KHÔNG  Thạch Môn Thiệu Viễn, thuộc tông Tào  Động.

Sư ở núi Đạo Ngô Đàm Châu (nay Trải qua thời gian tu tập, sau khi bỏ được ý là huyện Trường Sa tỉnh Hồ Nam). tưởng cho rằng muôn vật là »Hữu« (có), Có vị tăng hỏi: Thế nào là cảnh Đạo Ngô? nhưng lại chấp trước muôn vật đều Đáp rằng: Hoa suối ngậm sương tợ ngọc, »Không«. Nếu chấp cái »Không« này, tức trái trong sân rụng đài như vàng. Tăng còn là trong tâm vẫn còn cái »Có« đối lập, hỏi: Thế nào là người trong cảnh? Sư đáp: chưa phải hoàn toàn giải thoát. Chương Ôm lão thiền sư Lô Pha phơi lưng ra nắng Chứng Đạo Ca của Huyền Giác trong gối đầu lên gốc mũi. CĐTĐL q. 30 ghi: KHẾ TRÙ (?-992) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Cơ người xứ »Khí hữu trước không bệnh diệc nhiên Tuyền Châu; nối pháp Thiền sư Thanh Hoàn như tị nịch nhi đầu hỏa«. Lương Văn Ích, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư »Bỏ có níu không, bệnh vẫn nguyên, ở viện Sùng Thọ, Phủ Châu (nay thuộc Khác nào trốn nước sa vào lửa«. Giang Tây). Có vị tăng hỏi: Một câu vì người của Hòa KHÍ PHÁC thượng là gì? Sư đáp: Quán Âm nêu ra, Khí: Cây cong, cây làm thành vật dụng. Thượng Lam nêu ra. Phác: Cây ngay thẳng, cây gỗ còn nguyên. Niên hiệu Thuần Hóa thứ 3 (992), sư Khí Phác dùng để chỉ cho căn cơ của truyền pháp cho Tư Quốc Viên Tiến rồi thị chúng sinh. tịch. KHIẾP KHẾ TÙNG Xấu, sai lầm. Tiết Ma Cốc Bảo Triệt Thiền Thiền tăng đời Tống. Ban đầu sư tham học sư trong NĐHN q. 3 ghi: »

KHÓA HƯ LỤC gồm: Tựa dẫn, Tựa sách Thiền tông Chỉ – Sư Nam và quyển thượng, hạ. lại hỏi: Lúa bờ trên sao tốt thế, còn lúa bờ 1. Quyển thượng: Kệ bốn núi, Phổ thuyết dưới sao xấu thế? Bà già nói: Tất cả đều bị và sắc thân, Văn khuyên phát tâm, Văn cua ăn hết«. ngũ giới, Luận về Giới Định Huệ, Luận về thụ giới, Luận về niệm Phật, Luận về ngồi KHIẾT LIÊU thiền, Luận về tấm gương Huệ, Tựa kinh Tên gọi dân tộc thiểu số ở phương nam vào Kim Cang Tam-muội, Phổ thuyết về một đời Đường, có quan hệ sâu xa đến dân tộc con đường hướng thượng, Vấn đáp giữa thiểu số phương nam ngày nay là dân tộc Thầy trò, Kệ niệm tụng. Ngật Lão (tỉnh Quý Châu, Trung Quốc). 2. Quyển hạ: Đàn Kinh (bản Đôn Hoàng) ghi: » — Tựa của nghi thức lạy sám hối trong sáu thời. – Đại sư liền trách Huệ Năng — Tựa của văn »Bình đẳng sám hối«. rằng: Ngươi là người Lãnh Nam, lại là — Kệ cảnh sách đại chúng vào buổi sáng. Khiết Liêu, sao làm giống như Phật — Sám hối sáu căn. Mỗi mục này chia ra 4 được!«. phân mục: — Bài dâng hương KHÒA ĐẠO — Khải bạch Khuôn mẫu và con đường. Chỉ cho sự ràng — Văn sám hối buộc của hình thức, khuôn mẫu. Tiết Vân — Kệ vô thường Phong Văn Duyệt Thiền sư trong NĐHN — Kệ khuyên đại chúng. q. 12 ghi: » — Lời bạt sau cùng.

« Xét về nội dung, Khóa Hư lục vừa có giá »Ngữ bất ly khòa đạo trị thiền học, vừa có giá trị văn học, bởi Yên năng xuất cái triền? qua các bài văn, luận, Trần Thái Tông đã Phiến vân hoành cốc khẩu dùng thể biền ngẫu và kệ, thể thơ thất Mê khước kỷ nhân nguyên« ngôn, ngũ ngôn... đều rất giàu hình tượng, »Nói chẳng lìa khuôn mẫu đầy ngữ khí thiền và giàu chất trữ tình để Phiền não thoát được ư? biểu đạt tư tưởng, cảm xúc siêu thoát của Áng mây chắn cửa động mình. Lầm nguồn biết bao người«. Sách này có bản in vào năm 1943 của Tổng Hội Phật Giáo Bắc Kỳ và các bản KHÓA HƯ LỤC dịch sau đây: Lục, 2 quyển, do vị vua Việt Nam đời Trần — Khóa Hư lục do Thiều Chửu dịch. là Trần Thái Tông, vị vua có tâm đắc về — Khóa Hư lục do

Nguyễn Đăng Thục Thiền, biên soạn. dịch 1972. Khóa: Sự hành trì tu tập, Hư: Thái độ — Bản dịch của nhóm KHXH nằm trong không chấp trước vào hình thức giáo điều, Thơ văn Lý Trần tập I, 1989. Lục: Ghi chép thành sách. Nội dung bao — Khóa Hư lục do HT. Thanh Kiểm dịch,

KHỎA TÚC 1992. có thể đại ngộ triệt để. Cho nên từ »khoái — Khóa Hư lục Giảng Giải do HT. Thích mã« còn ám chỉ căn cơ lanh lợi. Tắc 38, Thanh Từ, 1996. Bích Nham lục (Đại 48, 175 hạ) ghi: » – Người ưu tú chỉ KHỎA TÚC cần nghe một lời, ngựa hay chỉ cần đánh Làm vòng vo, vòng vèo. Tông Môn Võ một roi«. Hơn nữa, ngựa hay một khi thấy Khố ghi: » bóng roi liền có thể xét biết mà chạy ngay, gọi là »Khoái mã kiến tiên ảnh«, trong tùng lâm dụ cho người học đạo không chờ – Bị tội ở đây, vị thầy mở miệng khai thị, liền có thể chẳng từng dạy chữ nghĩa cho người. Nay ngầm xét ý thầy mà triệt ngộ. có một câu hỏi hỏi ông, nếu nói được thì làm tháp minh, còn nói chẳng được thì tôi KHOÁI TIỆN NAN PHÙNG cho ông 5 quan tiền để đi vòng vo rồi trở về Đâu Suất tham thiền«. Nghĩa là cơ hội tốt ngàn năm khó gặp. Tắc 54, Bích Nham lục (Đại 48, 188 trung) ghi: KHOÁI DIÊU CẢN BẤT CẬP »

Diêu: Chim cắt nhỏ bay liệng cực nhanh. ( Khoái Diêu Cản Bất Cập nghĩa là chim cắt ) – Vân Môn hỏi tăng: dù bay cực nhanh cũng không thể truy đuổi Vừa rời chỗ nào đến đây? Tăng đáp: Tây kịp. Thiền tông mượn từ này làm thuật ngữ Thiền. Vân Môn hỏi: Gần đây Tây Thiền để chỉ cho Thiền cơ nhanh như chớp. Tắc nói lời gì? Tăng dang 2 tay, Vân Môn tát 1 12, Bích Nham lục (Đại 48, 153 thượng) cái. (Cứ theo lệnh mà làm, đánh hay quá, ghi: » ( cơ hội tốt khó gặp)«. ) ( ) KHÔ MỘC LONG NGÂM – Ngày qua mau (mắt trái nửa cân, thiền cơ nhanh nhạy, nằm ngửa trong Nghĩa là người tham thiền dứt sạch vọng ngọn lửa), tháng qua mau (mắt phải tám niệm, giống như cây khô, thấy rõ chân tính lạng, trong cung Hằng Nga làm hang ổ), dụ như rồng ngâm. Tiết Tào Sơn Bản Tịch nếu khéo ứng phó đâu từng bị khinh dễ xúc thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: » phạm?«. – Rồng ngâm cây khô thật thấy đạo, đầu lâu KHOÁI MÃ không thức mắt mới sáng.« Ngựa hay, tức là ngựa chạy rất nhanh. Những con ngựa giỏi chỉ cần đánh một roi KHÔ NHAI MẠN LỤC là chạy ngay, gọi là »Khoái mã nhất tiên«. Còn gọi: Khô Nhai Hòa thượng Mạn lục. Thiền tông dùng từ này chỉ cho người học Bút ký, 3 quyển, do Khô Nhai Viên Ngộ đạo ưu tú chỉ nghe một lời của vị thầy liền soạn vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng

KHỔ HỒ LIÊN CĂN KHỔ kinh tập 148, trang 143. Mục đích cùng ý Mặc chiếu thiền bị quở trách là tọa thiền chính của sách này nhằm bổ sung phần lặng lẽ giống như cây khô. hành trạng bị thất lạc của các bậc Tôn túc trong các loại Truyền đăng lục như: Cảnh KHỐ CHỦ Đức Truyền Đăng lục, Gia Thái Phổ Đăng Tên gọi chung chức quản lý trong Thiền lục. Bên cạnh đó ghi chép về cơ duyên lâm, cũng là gọi chung ba chức: Đô tự, nhập đạo, pháp ngữ thị chúng, hoặc là Kỷ Giám tự, Phó tự, là Khố chủ. X. Khố đầu, truyện, hoặc là Niêm tán, hoặc là Cảnh Giám tự. ngữ; tùy theo chỗ thấy nghe mà sư ghi chép tản mạn nên không thống nhất và KHỐ ĐẦU không theo thứ tự.

Sách này được ấn hành Còn gọi: Tri khố. Người trông coi việc thu vào niên hiệu Hàm Thuần thứ 8 (1272). xuất trong Thiền viện. Vốn là 1 trong 6 vị Tri sự bên ban Đông, về sau gọi là Phó tự KHÔ QUY TÁNG MẠNG (Còn gọi: Quỹ đầu Tài bạch), địa vị dưới Đô tự, có nhiệm vụ trông coi mọi việc Nghĩa là có chút ít tài năng mà ưa khoe trong chùa, tức quản lý việc xuất nhập thực khoang đến nỗi tan thân mất mạng. Khô phẩm, lúa gạo, tiền bạc, vải lụa... hàng quy tức là con rùa già. Lúc vua Đại Vũ cai ngày. Tuy chức vụ thấp mà nhiệm vụ nặng. trị Hoàng Hà, từ sông Lạc Thủy nổi lên Theo Bách Trượng Thanh Quy Cáo Hương một con rùa thần, do trên lưng rùa có văn Đồ: »Thuở xưa, dưới chức Đô tự có 3 vị tự nên bị giết chết. Thiền lâm bèn căn cứ Phó tự, 1 người địa vị trên Duy-na, 2 điển tích này để chế giễu kẻ thích khoe người địa vị dưới Duy-na, người trên Duy- khoang mà phải gặp nguy hiểm có khi mất na gọi là Thượng phó tự, người dưới Duy- mạng. Tắc 10, Thung Dung lục (Đại 48, na gọi là Hạ phó tự. Dưới chức Phó tự có 233 trung) ghi: » lập riêng chức Tri khố, về sau Phó tự cũng

– Rùa già mất kiêm chức này, trông coi việc thu chi xuất mạng do tranh tượng, ngựa hiền chạy mệt nạp tài chính trong Sơn môn«. Theo: bởi dây cương«. PQĐTĐ của nhóm Từ Di.

KHÔ QUỶ TỬ ĐỂ KHỔ HỒ LIÊN CĂN KHỔ Nghĩa là trạng thái mọi ý thức dứt sạch; hoặc dụ cho Vô tưởng định, Diệt tận định, Trái khổ qua từ rễ đến ngọn toàn là đắng. cả hai gọi là Nhị vô tâm định. Theo: Thiền tông chỉ cho sự vật từ đầu đến đuôi PQĐTĐ của nhóm Từ Di . không biến đổi tính chất. Tiết Vô Trước Văn Hỷ trong NĐHN q. 9 (Vạn Tục 138, KHÔ THIỀN 166 hạ) ghi: » 1. Còn gọi: Khô cảo tọa thiền. Nghĩa là khi tọa thiền buông bỏ tất cả, không tác vi, – Văn-thù bèn nói không đối đãi. kệ rằng: Dưa đắng cả rễ đắng, dưa ngọt 2. Theo lập trường của Khán thoại thiền thì ngọt cả dây. Tu hành ba đại kiếp, lại bị lão

KHÔI ĐẦU tăng rầy«. Trung Quốc. Thuở bé xuất gia chuyên nghiên cứu luật bộ, nghe giáo pháp Thiên KHÔI ĐẦU Thai, gởi lòng nơi Chỉ quán viên đốn. Sau Còn gọi: Lô đầu. Người coi sóc việc sưởi đó xem kinh Lăng Nghiêm nhưng chưa thể ấm cho đại chúng, có nhiệm vụ cung cấp thấu suốt. Một hôm tụng kinh đã lâu, ngồi than, củi, nạo vét khói, làm thông lò sưởi. tựa bàn nghỉ ngơi, trong mộng thấy mặt trời từ trên không rơi xuống, sư há miệng KHÔI ĐẦU THỔ DIỆN nuốt lấy. Từ đó sư phát ngộ, đối với nghĩa Còn gọi: Hòa quang đồng trần, Phù thổ đồ môn sai biệt sư không còn nghi ngờ mảy khôi. Nguyên chỉ cho đầu mặt dính tro bụi. may. Sư tham học theo tông Pháp Nhãn; Thiền tông mượn từ này để hình dung nối pháp Thiền sư Vĩnh Minh Đạo Tiềm, người tu hành sau khi ngộ đạo, vì tế độ được Ngô Việt Trung Hiến Vương tặng chúng sinh mà cam chịu chung đụng với nạp y. Ban đầu sư trụ viện Nghiêm Tịnh ở quần chúng không kể đến những điều ô Hồ Tây, tiếng tăm vang dậy bốn phương. trược của trần thế. Phần giải tụng của tắc Về sau sư dời về chùa Quang Vương ở 43, Bích Nham lục q. 5 (Đại 48, 180 hạ) Hàng Châu. ghi: » – Nếu chẳng xuất thế thì KHÔNG ẨN mắt thấy trời cao. Nếu vào cuộc đời để Biệt hiệu của Thiền tăng Đạo Độc đời giáo hóa chúng sinh thì cam chịu những Thanh. X. Đạo Độc. điều ô trược của trần thế«. Bài tụng thứ 10 trong Thập Mục Ngưu Đồ KHÔNG CHIẾU THIỀN SƯ

ghi: Thụy hiệu của Thiền tăng Sư Ngạn, đời Ngũ Đại. X. Sư Ngạn. KHÔNG CỐC »Lộ hung tiển túc nhập triền lai 1. Hiệu của Thiền tăng Cảnh Long, đời Phù thổ đồ khôi tiếu mãn tai Minh. X. Cảnh Long. Bất dụng thần tiên chân bí quyết 2. Hiệu của Thiền tăng Đạo Trừng, đời Trực giao khô mộc phóng hoa khai«. Thanh. X. Đạo Trừng. »Chân trần bày ngực chốn chợ đời Dù phải trần lao vẫn cứ vui KHÔNG CỐC TẬP Bí quyết thần tiên đâu cần đến Gọi đủ: Lâm Tuyền Lão Nhân Bình Xướng Cây khô cũng khiến nở hoa tươi«. Đầu Tử Thanh Hòa thượng Tụng Cổ Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Không Cốc tập. Lục, 6 quyển. Đây là tập sách được hoàn thành bởi 3 người và trải KHÔI TỈNH (906-972) qua 2 triều đại, được xếp vào Tục Tạng Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trịnh, người kinh tập 117, trang 531. Ban đầu vào đời xứ Ôn Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Tống, Đầu Tử Nghĩa Thanh thu thập 100

KHÔNG HOA DƯƠNG DIỆM tắc cơ duyên của các thiền sư nhiều đời, rồi KHÔNG HOA dưới mỗi tắc sư đều có làm 1 bài tụng. Sau Còn gọi: Không lý hoa. Hoa đốm trong hư đó, Đan Hà Tử Thuần phụ thêm phần thị không. Hư không vốn không có hoa, vì chúng và trước ngữ. Đến đời Nguyên, Lâm mắt bệnh nên lầm thấy có hoa. Nhà Phật Tuyền Tùng Luân còn làm thêm bình dùng để dụ muôn vật trên thế giới vốn xướng rồi họp chung tất cả để ấn hành. không thật tồn tại, chỉ do vọng tâm tục Sách này giống như Thung Dung lục, Bích niệm tạo thành. Điệu Ngũ Tổ Diễn Hòa Nham lục, đều là sách nói về các công án. thượng trong Pháp Diễn ngữ lục q. hạ ghi:

KHÔNG DANH »Bệnh này khiến cho kia viên tịch Muôn sự muôn vật đều hư huyễn chẳng Trong cửa ta nào có được mất thật thì tên gọi của nó cũng không có thực Sinh tử cũng giống như không hoa thể, nên gọi là »Không danh«. Lâm Tế ngữ Đến đi tợ vết nhạn lưng trời«. lục ghi: »

KHÔNG HOA ẢNH LẠC Hoa trong hư không chỉ là bóng huyễn do mắt bệnh mới trông thấy mà thôi, khi mắt

– Hỏi: Thế nào là chân Phật, lành bệnh thì bóng hoa cũng tiêu mất, ý nói chân Pháp, chân Đạo, xin thầy chỉ dạy? Sư vọng tâm tục niệm bị tiêu trừ. Thư Đáp nói: Phật là tâm thanh tịnh, Pháp là tâm Trịnh Côn Nham Trung Thừa trong quang minh, Đạo là nơi nào cũng sáng HSLNMDT q. 1 ghi: » sạch vô ngại. Ba tức là một, đều là không danh mà chẳng thực có«.

KHÔNG DƯỢC – Dụng công như thế, tự nhiên được thấy tin tức tốt. Nếu Thuốc KHÔNG, dụ chỉ Phật giáo đề cập một niệm bức bách bị phá vỡ thì tất cả đến lý luận »muôn vật đều không tịnh« vọng niệm đồng thời rơi xuống, như không không phải là pháp căn bản, nhưng vì hoa ảnh lạc, như dương diệm ba trừng. chúng sinh chấp trước nơi »hữu« (có), nên Một phen thấu qua chỗ này mới được vô mới tùy bệnh cho thuốc mà thôi. Tử Bá lượng khinh an, vô lượng tự tại«. Lão Nhân tập q. 1 ghi: » KHÔNG HOA DƯƠNG DIỆM

– Chúng sinh quen dính chặt vào căn Hoa đốm trong hư không (trọn không phải trần, lâu ngày tích lũy thành kiên cố, đến là hoa thật). Sóng nắng do mặt trời mùa chết cũng chẳng buông được, nên chư Xuân rọi vào bụi trần (trọn chẳng phải là Phật, Bồ Tát trước tiên dùng thuốc không sóng nước). Hai thí dụ trên dùng để

chỉ sự để trị bệnh chấp có này«. vật hư huyễn đều do vọng tâm tục niệm

KHÔNG KHẠP  sinh ra. Bài Minh chân tụng trong Phạm Chấp hữu tức thuộc về Thường kiến ngoại Kỳ ngữ lục q. 10 ghi: »  đạo, chấp vô tức thuộc về Đoạn kiến ngoại  đạo, chấp cũng hữu cũng vô là thuộc về  –
Ví như một khi Biên kiến ngoại đạo, chấp phi hữu phi vô đốt đèn thì ánh sáng phá tan bóng tối ngàn là thuộc về Không kiến ngoại đạo«. năm trong ngôi nhà; thấu rõ thể tính của tham sân như không hoa dương diệm KHÔNG KIẾP DĨ TIỀN  chẳng phải thật«. Còn gọi: Phụ mẫu vi sinh dĩ tiền, Không vương dĩ tiền, Không vương na bạn, Trẩm KHÔNG KHẠP  triệu vị manh dĩ tiền, Bản lai diện mục. Chỉ Cạch cạch, âm thanh phát ra do đục đá. thời đại không không tịch tịch trước khi Tiết Thạch Đầu Tự Hồi Thiền sư trong thành lập thế giới. Trước khi trời đất chưa NĐHN q. 20 ghi: »  sinh, trọn không có sự đối đãi sai biệt như  thiện ác, mê ngộ, phàm thánh, hữu vô… ,  cũng chính là cảnh giới tồn tại tuyệt đối  trước khi sinh khởi sum la vạn tượng.
 – Trong Thiền gia, phần nhiều dùng câu » Sư tay cầm dùi đục mà miệng vẫn tụng  – Thế nào là tự kinh không ngớt. Hòa thượng Đại Tùy thấy kỷ của không kiếp về trước?« làm thoại thế liền nói rằng: Hôm nay cạch cạch, đầu để tham thiền. ngày mai cạch cạch, khi sinh tử đến làm sao đối phó? Sư sửng sốt, buông dụng cụ, KHÔNG KIẾP DĨ TIỀN PHỤ MẪU làm lễ, nguyện nghe pháp cứu cánh rồi theo ngài Đại Tuỳ về phương trượng«. Cha mẹ từ kiếp không trở về trước, chỉ cho bản lai diện mục, Phật tự tâm. Tiết Trung KHÔNG KHOÁT KHOÁT  Nham Uẩn Không Thiền sư trong NĐHN Trống hoang hoác. Như Tịnh ngữ lục q. q. 18 ghi: »  thượng: »  – Đập bể thùng sơn đen, mười  – Trong thất sư hỏi Sùng phương trống hoang hoác«. Chân Chiên Đầu: Thế nào là cha mẹ từ kiếp không trở về trước? Chân lãnh ngộ KHÔNG KIẾN NGOẠI ĐẠO  nói: Hòa thượng nói nhỏ nhỏ«.  Kiến giải chấp trước vào không. nhà thiền KHÔNG KIẾP DĨ TIỀN SỰ  cho rằng đây là một loại bệnh chấp trước,  là tà kiến. Tiết Ngữ Chi Dư, đời thứ 3 dưới Việc từ kiếp không trở về trước, chỉ cho Đại Giám trong CTTNL q. 2 ghi: »  việc minh tâm ngộ tính, siêu việt sinh tử là việc bản phận nhà Thiền. Tiết Tông Thừa  Yếu Nghĩa trong Duy Tắc ngữ lục q. 9 ghi:  – »

KHÔNG NHƯ LAI TẠNG  Quá ngọ tỉnh lai tuyết mãn thuyền«.  – Một phen tận mặt »Muôn dặm sông dài muôn dặm trời trình nhau lại là việc minh tâm ngộ tính, Một làng dâu chá, một làn hơi việc minh tâm ngộ tính tức là việc của Ông chài mê ngủ không người gọi người siêu việt, người siêu việt tức là Tuyết phủ đầy thuyền, tỉnh giấc trưa«. ngươi vậy«. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. KHÔNG LỘ  (?-1119) Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn KHÔNG LÝ THỂ HOA  Thông đời thứ 9. Sư họ Dương, quê ở làng Trong hư không vốn không có hoa mà lại Hải Thanh, miền Bắc Việt Nam. muốn tìm hoa, dụ cho việc nhận giả làm Phong cách sư thoát tục, chỉ tinh chuyên thật, luống công vô ích. Chương Thụy thiền định, trải bao năm tu tập, ăn cây mặc Long viện Ấu Chương Thiền sư trong cỏ, quên cả thân mình. Sau khi đắc đạo, sư CĐTĐL q. 20 ghi: »  có thể bay trên

không hoặc đi trên mặt nước, cọp thấy phải cúi đầu, rồng gặp cũng – nép phục. Nếu là bọn học ngữ, chẳng tự tỉnh ngộ biết
Tác phẩm gồm 2 bài kệ: lỗi mình, còn muốn tìm hoa trong hư 1. Ngôn hoài không, mò trăng trong nước, có phải là hao phí tâm lực hay không?«.
KHÔNG MINH Không lặng, sáng sạch. Chương Đáp »Trạch đắc long xà địa khả cư Hoàng Thái tử vấn tâm yếu của Đại sư Dã tình chung nhật lạc vô dư Trừng Quán ở chùa Trấn Quốc, núi Ngũ Hữu thời trực thướng cô phong đỉnh Đài trong CĐTĐL q. 30 ghi: » Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư«.
»Chọn nơi ẩn dật ở suốt đời – Mê hiện lượng thì hoặc khổ lăng xăng, Cả buổi tình quê những mảng vui ngộ chân tính thì không minh rỗng suốt«. Có lúc thẳng lên đầu núi thẳm Thét dài một tiếng, lạnh bầu trời«. KHÔNG NHƯ LAI TẠNG Ngô Tất Tố dịch.
2. Ngư nhàn: Chỉ Phật tính thanh tịnh giống như hư không, không nhiễm trước, không phân biệt. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: »
– Tất cả »Vạn lý thanh giang vạn lý thiên những chỗ hiểu của mình từ trước cần phải Nhất thôn tang chá nhất thôn yên quét sạch hết, khiến cho rỗng không, không Ngư ông thùy trước vô nhân hoán còn phân biệt, tức là Không Như Lai

KHÔNG QUYỀN CUỐNG TIỂU NHI Tạng«. »Nhất diệp lạc, không sách sách KHÔNG QUYỀN CUỐNG TIỂU Thiên hạ thu, can bác bác«. NHI »Một chiếc lá rơi, sạch sành sanh Nắm tay không mà giả bộ như cầm một vật Khắp nơi thu, vắng vẻ khô khao«. gì, để dỗ con nít, dụ chỉ giáo thuyết quyền nghi phương tiện đều thuộc về hư huyễn KHÔNG SINH không thật. Tức ngài Tu-bồ-đề, một trong 10 vị đại đệ Huệ Tịch ngữ lục ghi: » tử của Phật. Tiết Bảo Ninh Nhân Dũng
Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi:
– Giun đất, cóc nhái đồng thời kêu. Diệu –
Nếu ta nói Thiền Đức, Không Sinh đều chẳng hội«. tông thì lúc cần không có lấy một người bên cạnh, huống là có đến 500, 700 chúng KHÔNG TẨU ư? Nếu ta nói đông nói tây, họ tranh nhau Hiệu của Thiền tăng Hân Ngộ, cuối đời chạy tới lượm lặt, như đem nắm tay không Nguyên-đầu đời Minh. X. Hân Ngộ. mà giả bộ như cầm một vật gì để dỗ con KHÔNG THANH nít, đều không có chỗ thật«. Sự vật được phản ánh qua ngôn từ đều hư KHÔNG QUYỀN HOÀNG DIỆP huyễn chẳng thật thì ngữ âm của ngôn từ cũng chẳng biểu đạt sự vật một cách chân Nắm tay rỗng không (giống như có nắm thật được, nên gọi là »Không thanh«. Lâm lấy vật gì ở trong) và lá vàng (giống như Tế ngữ lục ghi: » tiền vàng), đều được dùng để dỗ dành con nít, dụ chỉ lời dạy quyền nghi, pháp môn phương tiện đều là hư huyễn không thật. Tiết
Nam Tuyền Hòa thượng trong TĐT q. 16 ghi: »
– Nếu ngươi nói 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp là Phật, vậy Chuyển Luân Thánh Vương cũng – Hòa thượng Giang Tây nói tức tâm tức Phật, phải là Phật, vì ông ta cũng có 32 tướng nhưng là lời nói tạm thời, là lời nói ngăn tốt, nên biết tất cả chỉ là huyễn hóa. Người xưa có bài kệ rằng: dứt bệnh tìm cầu bên ngoài, là nắm tay không và lá vàng để dỗ con nít khóc«. Đức Phật hiện thân tướng Vì

thuận tình thế gian KHÔNG SÁCH SÁCH E người sinh đoạn kiến Sạch sành sanh. Như Tịnh ngữ lục q. Phương tiện lập giả danh thượng ghi: Giả nói có băm hai Tám mươi cũng không thanh

KHỞI ĐƠN Có thân phi giác thể pháp«. Không tướng là hình chân«. KHÔNG VƯƠNG KHÔNG THẤT Chỉ cho đức Phật. Chương Đồng An Sát Hiệu của Thiền tăng Vô Uấn, đời Nguyên. Thiền sư trong CĐTĐL q. 29 ghi: » X. Vô Uấn.
– Chớ nên thờ Không vương ở giữa đường, KHÔNG TỊCH chống gậy cần về đến quê hương«. Cảnh giới không có bất cứ tướng trạng nào, không có sinh ra và mất đi, không có KHÔNG VƯƠNG PHẬT sai biệt đối lập, vượt thoát thời gian không Tên Đức Phật đời quá khứ. Tiết Tuyết gian. Đây là nhận thức hoặc thể nghiệm về Phong Huệ Không Thiền sư trong NĐHN chân tướng sự vật của người ngộ thiền. q. 18 ghi: » Tiết Thị Tính Không Đạt Thiền sư trong DTNL q. 3 ghi: » – Dám hỏi các vị – Diệu định làm Phật nào? Không Vương Phật viên giác tính vốn tự không tịch, bình đẳng chăng? Nhiên Đăng Phật chăng? Thích-ca thanh tịnh, lớn như thái hư«. Phật chăng? Di-lặc Phật chăng?«.

KHÔNG TÔNG KHỞI ĐỘNG Chỉ cửa Phật, Thiền tông. Tiết Thạch Đầu Làm phiền, làm giật mình. Tiết Đâu Suất Tự Hồi Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: Huệ Chiếu Thiền sư trong NĐHN q. 18 » ghi: »
– Năm ngày thăng đường một lần làm giật mình rất nhiều thiền tăng kiệt – Thiền sư Tự xuất.« Hồi ở Thạch Đầu Điếu ngư đài thuộc Hợp Châu, người bản quận, làm thợ đục đá, tuy KHỞI ĐƠN chẳng biết chữ nhưng chí mộ Không tông, Còn gọi: Trừu đơn, Tạm hạ. Đứng dậy rời thường nhờ người khác truyền miệng kinh khỏi chỗ tọa thiền của mình, nghĩa rộng là »Pháp Hoa« và sư đọc thuộc kinh này«. Thiền tăng lìa chùa mà đi. Thiền tăng sau khi giải hạ, luôn luôn khởi đơn để đến KHÔNG TƯỚNG Tăng đường nơi khác. Ngoài ra, cũng có Muôn sự muôn vật đều hư huyễn chẳng khi do tính hạnh bất thường của mình hoặc thật nên nhà Phật gọi là »Không tướng«. vị thầy không đủ tài đức nên khởi đơn mà Lâm Tế ngữ lục ghi: » đi. Đời sau có người cho khởi đơn là Thỉnh giá (xin phép nghỉ), đó là giải thích sai. – Dạo qua các quốc độ nơi Trong Thiền lâm, nếu có việc tạm xin phép nơi, vào thế giới Hoa Tạng, thấy hết các ra ngoài, trong thời hạn 15 ngày rồi trở về pháp Không tướng, đều không có thật thì gọi là Thỉnh giá, nếu đi quá 15 ngày thì

KHU CANH PHU CHI NGƯU, ĐOẠT CƠ NHÂN CHI THỰC gọi là Khởi đơn, cần phải cử hành lại nghi thức Quải tháp mới có thể quy sơn.
Theo: – Đạo khó thực hành, việc thế PQĐTĐ của nhóm Từ Di. gian dễ buông lung, mọi sự mọi việc cần thấy rõ, vất vả chạy ngược chạy xuôi, xưa KHU CANH PHU CHI NGƯU, nay xem ra đều bận rộn vô hạn«. ĐOẠT CƠ NHÂN CHI THỰC KHU Y Cướp trâu của người cày, đoạt cơm của Vốn có nghĩa là sửa soạn quần áo để lên người đói. Thiền tông mượn từ này để chỉ đường, biểu thị niềm cung kính ái mộ, cho thiền sư triệt để quét sạch mọi vọng không dám sơ suất. Nghĩa mở rộng là thờ tình tri

giải, không còn mảy may chấp thầy, hầu hạ thầy. Chương Long Nha Sơn trước, không còn có chỗ để nương tựa. Cư Độn Thiền sư trong CĐTĐL q. 17 ghi: BNL q. 1 ghi: »
»
– Nếu thấu được chỗ này mới biết người xưa có thủ đoạn cướp trâu của – Sư dừng bước ở người cày, đoạt cơm của người đói«. Động Sơn, theo chúng thưa hỏi. Một hôm Sư hỏi: Thế nào là ý Tổ sư? Động Sơn KHU KHU đáp: Đợi nước trong động chảy ngược 1. Vất vả chạy ngược chạy xuôi. Tiết Hoài dòng rồi sẽ nói cho ngươi nghe. Sư từ đó Hải, đời thứ 3 dưới Đại Giám trong mới ngộ được ý chỉ ấy, và ở lại hầu hạ CTTNL q. 1 ghi: » Thầy 8 năm«. ?
KHUẤT – Vân Nham hỏi: Mỗi ngày Mời thỉnh. Tiết Túc Giác Hòa thượng Hòa thượng vất vả ngược xuôi là vì ai? Sư trong TĐT q. 3 ghi: » nói: Có một người cần. Nham hỏi: Sao không dạy y tự làm? Sư đáp: Hắn không có gia nghiệp«.
2. Bận rộn. Tiết Vân Nham Hoà thượng – trong TĐT q. 5 ghi: » Một hôm, dưới mái hiên có một vị thiền sư – Sư đang tên là Thần Sách, tuổi hơn 60. Hai chị em quét đất, kêu vị chủ chùa, hỏi: Thầy đâu cách song cửa thấy lão túc ấy, cô chị quay được tự bận rộn«. lại bảo em rằng: Mời lão túc vào phòng uống trà, có được không? Đứa em liền KHU KHU DỊCH DỊCH bước ra mời lão túc ấy«. Vất vả chạy ngược chạy xuôi. Hành cước ca trong Phần Dương ngữ lục q. hạ ghi: KHUẤT TUẦN ??? » Lờ mờ, không rõ ràng. Bài thơ »Phong

KHUÊ PHONG ÔN (818-928) phan« trong GTPĐL q. 28 ghi: Thiều Dương nói: Các lão trọc ở các nơi làm Trụ trì giáo hóa mọi người, cầu danh cầu lợi, hỏi Phật đáp Phật, hỏi Tổ đáp Tổ, »Bất thị phong phan động đi ỉa đi đái, giống như bà già dốt lại nhiều Diệc phi nhân giả tâm chuyện, biết cái gì tốt xấu?«. Tự tòng Hồ loạn hậu Khuất tuần đáo như kim«. KHÚC THUẬN LAI CƠ »Chẳng phải gió phướn động Còn gọi: Khúc thuận nhân tình. Ý nói tạm Chẳng phải tâm các ngài thời tùy thuận người đến hỏi pháp (mà Từ buổi sau loạn Hồ giảng nói thiền pháp cho họ nghe). Thuận Lờ mờ đến hôm nay«. theo nhân tình. Lâm Tế ngữ lục ghi: »
KHÚC LỤC MỘC SÀNG Giường mây khúc lục. 1. Kiểu ghế dựa dài của nhà chùa, vì ghế chạm khắc có dáng hình cong queo nên gọi – Tri phủ Vương Thường Thị là Khúc lục. cùng các quan trong phủ thỉnh sư thăng 2. Loại giường tre mây, chỗ tựa được uốn tòa. Sư thượng đường bảo: Hôm nay, do cong. Tiết Hộ Quốc Thủ Trừng Thiền sư sự bất đắc dĩ, Sơn tăng thuận theo nhân trong NĐHN q. 13 ghi: » tình mới lên tòa này. Nếu theo chiếu theo đệ tử Thiền tông hoằng dương đại sự thực là mở miệng chẳng được, chẳng có chỗ để – Sư thượng đường nói: Bậc Trưởng đặt chân«. lão ở các nơi đều vì mọi người mà ngồi trên ghế dựa. Chỉ thấy mọi người hỏi ý Tổ KHÚC VI TRUNG HẠ sư từ Ấn Độ sang, mà chưa từng thấy vị Ý nói (giảng thuyết đạo pháp) chỉ là nào dám đối diện đáp câu hỏi ấy«. phương tiện tiếp dẫn hạng căn khí trung hạ. Thung Dung Am lục q. 1 ghi: » KHÚC MỘC CỬ VỊ Còn gọi: Khúc mộc thiền sàng.

Nguyên chỉ – Đóng cửa ngủ say là tiếp cơ cho việc ngồi yên trên chiếc ghế các vị thượng thượng; sử dụng ngữ cú để chỉ bày tăng thường dùng, sau chỉ cho nghĩa ngồi (như cố giám) là phương tiện tiếp dẫn chức Trụ trì để chỉ đạo, giáo hóa đại hạng căn khí trung hạ«. chúng. Tổ Đình Sự Uyển q. 3, Tuyết Đậu Tổ Anh tập q. thượng (Vạn Tục 113, 33 hạ) KHUÊ PHONG ÔN (818- ghi: » 928)

Thiền tăng đời Đường, họ Hàn, tên Ôn, người Đại Danh, Hà Bắc, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Tông Mật, thuộc tông Hà – Đại sư Vân Môn ở Trạch đời thứ 6, trụ trì chùa Huệ Nhân ở

KHUÔNG DẬT Khuê Phong. Đại, ban đầu tham học nơi Hương Nghiêm Trí Nhàn, sau yết kiến Thiền sư Lương KHUÔNG DẬT Giới và nối pháp Ngài, thuộc tông Tào Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Minh Động. Sư trụ chùa Kiến Sơ ở Sơ Sơn Phủ Châu (nay là huyện Ninh Ba, tỉnh Chiết Châu (nay thuộc Giang Tây), cử dương Giang) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư tông phong Tào Động. Do vì thân thể sư Thanh Lương Văn Ích, thuộc tông Pháp thấp bé nên bị gọi là Sư thúc lùn, Xà-lê Nhãn. Ban đầu sư ở viện Từ Vân ở Nhuận lùn, nhưng nhờ biện tài vô ngại thường Châu (nay thuộc huyện Trấn Giang, tỉnh khiến người khác không có cơ hội mở Giang Tô). Nam Đường Chủ thỉnh sư trụ miệng nên sư còn có tên »Sơ Sơn nghiết chùa Báo Ân ở Kim Lăng và ban hiệu là thốc« (Sơ Sơn giỏi tranh luận). Ngưng Mật Thiền sư. Có vị tăng hỏi: Nối pháp Tổ Đạt-ma, làm KHUÔNG VIỆT (833-1011) sao tuyên bày? Sư đáp: Chẳng trái với lời Thiền tăng đời cuối Đinh, đầu Lê, thuộc mời. dòng Vô Ngôn Thông đời thứ 4, nối pháp Thiền sư Vân Phong. Sư họ Ngô tên Chân KHUÔNG ĐỒ LÃNH CHÚNG Lưu, quê ở làng Cát Lợi, quận Thường Lạc, miền Bắc Việt Nam. Dẫn đầu, giáo hóa đồ chúng. Huệ Tịch ngữ lục: » KHUYÊN HỘI Chỉ cho vòng vây, cách thức định sẵn, mưu thuật và tính toán, cái bẫy. Thiền tông dùng từ này để chỉ cho bậc Thầy dùng lời – Hoàng Bá dạy chúng rằng: nói, động tác để trắc nghiệm, dẫn dắt người Các ngươi đều là bọn ăn hèm, hành cước học Thiền. Tắc 5, Bích Nham lục (Đại 48, thế ấy, chỗ nào có ngày nay? Có biết trong 145 trung) ghi: » nước Đại Đường không có thiền sư chăng? Khi đó có vị tăng thưa: Các nơi ngoài việc – Được thua phải dẫn đầu giáo hóa đồ chúng, còn làm gì?«. trái đồng thời buông xả triệt để, tự nhiên thoát khỏi bẫy, mới thấy được thủ đoạn KHUÔNG HÓA của sư«. Giáo hóa. Tiết Lâm Tế Hòa thượng trong NĐHN q. 19 ghi: »Tự hậu sư vu trấn phủ KHUYÊN LUYẾN khuông hóa, tuy thừa Hoàng Bá, thường Khuyên: Cái chuồng để nuôi cầm thú. tán Đại Ngu. – Từ đây về sau sư giáo hóa Luyến: Dây trói, hoặc nhợ câu. Thiền tông nơi trấn phủ, mặc dù kế thừa Hoàng Bá dùng từ này để chỉ cho bậc Thầy tiếp dẫn song thường khen ngợi Đại Ngu.« thiền sinh căn cơ bén nhạy, nên ông phải dùng phương pháp đặc biệt khéo léo để câu KHUÔNG NHÂN dắt và bắt giữ y ta, giống như người ta thả Còn gọi: Quang Nhân. Thiền tăng đời Ngũ câu nhử mồi ngon để bắt cá lớn hoặc dùng

KHỨ TỰU chuồng chắc chắn để nhốt mãnh thú. Cơ lừa rồi«. pháp mà bậc Thầy thường dùng là dùng 4. Trợ từ đặt ở giữa câu hoặc cuối câu, biểu tay, phất tử, gậy để vẽ. Tắc 33, Thung thị ý dặn dò. NĐHN q. 10 ghi: » Dung lục (Đại 48, 172 hạ) ghi: »

– Cần phải ngộ triệt để – Khi câu con ba ba phải mới được«. NĐHN q. 3 ghi: » dùng một cái tròng«. – Về sau chớ có đánh lầm Tắc 25, Thung Dung lục (Đại 48, 243 hạ) người, nghen!«. ghi: » – Cây quạt rách, nếu muốn tìm KHỨ DÃ (k. ng) Trợ từ đặt ở cuối câu và dùng cặp với (Bất con tê giác thì trong chuồng vốn có vật mà ông tìm«. khả) ở đầu câu, biểu thị ý khuyên răn: Không nên. NĐHN q. 17 ghi: » KHUYẾT XỈ LÃO HỒ – Không nên mở mắt mà Lão già Hồ sún răng, chỉ cho Bồ-đề-đạt- nói mớ«. ma, Sơ tổ Thiền tông Trung Quốc. Hàm ngữ khí mắng Phật mạ Tổ. Vô Môn Quan KHỨ LAI THA QUỐC TRẦN ghi: » CẢNH – Lão Nghĩa là lìa bỏ cố hương của mình mà lưu già Hồ sún răng mười vạn dặm dong lạc tha phương. Thiền tông dùng cụm từ thuyền vượt biển mà đến, thiệt quả là này để dụ cho việc bỏ lìa tự tâm mà hướng không gió mà nổi sóng«. ngoại cầu Phật.

KHỨ (k. ng) KHỨ TẠI (k. ng) 1. Trợ từ cuối câu, biểu thị hành vi động Trợ từ cuối câu, biểu thị hành động tất sẽ tác sẽ xảy ra. Tiết Hương Nghiêm Trí phát sinh, mang tính báo trước sự việc sắp Nhàn Thiền sư trong NĐHN q. 9 ghi: » xảy ra. NĐHN q. 11 ghi: » – Nếu – Gã này về sau ắt sẽ làm tôi nói cho ông nghe, sau này ông sẽ mắng loạn«. tôi«. Thông thường »khứ tại« được đặt ở cuối 2. Trợ từ đặt ở cuối phân câu trước của câu câu và dùng cặp với trợ từ biểu thị thời phức, thông thường là câu phức giả thiết. gian như: dĩ hậu (về sau), tha thời hậu nhật Tiết Động Sơn Biện Thiền sư trong NĐHN (mai kia mốt nọ), tam thập niên hậu (30 q. 9 ghi: » năm sau), hướng hậu (về sau)… – Giả sử có ngộ được hoàn toàn thì vẫn bị Tổ Đạt-ma cười cho đó«. KHỨ TỰU 3. Trợ từ đặt ở cuối câu chủ của câu phức, 1. Hành vi cử chỉ, ý tưởng tình niệm, hàm thông thường là câu phức giả thiết, biểu thị nghĩa chê bai. Vân Môn quảng lục q. hành vi động tác đã xảy ra. NĐHN q. 30 thượng ghi: » ghi: » – Nếu thấu chẳng được thì ông bị Tổ Phật

KHỬ NIÊM GIẢI PHƯỢC trong NĐHN q. 5 ghi: » –

Châu (chỉ Hòa – Có một bọn giống như thượng Triệu Châu) hỏi: Người đã chết đi, kẻ rảnh rang, dụm đầu lặp lại lời người lúc sống lại thì sao? Sư đáp: Chẳng cho đi xưa, dùng ý thức ghi nhớ, vọng tưởng đoán đêm, sáng mai phải đến«. mò, nói ta đã hội Phật pháp rồi; cứ nói dây dưa, tùy thích qua ngày. Có kẻ cho rằng KHƯỚC QUY chưa phải, nên đi ngàn muôn dặm bỏ cả Còn gọi: Khước hồi, khước hành, khước cha mẹ sư trưởng để thực hiện ý tưởng lai. Trở về. Tiết Giang Tây Mã Tổ trong này. Cái gã du phương này, sao mà nôn TĐT q. 14 ghi: » nóng hành cước đến thế!«.

2. Quy củ, lễ độ. Văn Ích ngữ lục ghi: »

– Có Hoàng Tam Lang ở Tây Xuyên bảo hai đứa con trai theo Mã Tổ xuất gia. Đến một năm kia, hai – Có một hành ông tăng trở về thăm nhà. Người lớn vừa giả theo Pháp sư vào điện Phật. Hành giả nhìn thấy hai ông tăng giống in Phật sống nhổ nước bọt vào tượng Phật. Pháp sư liền lễ bái.« quở: Hành giả thiếu lễ độ, sao nhổ nhằm Phật. Hành giả đáp: Chỗ nào không có KHƯỚC VẤN Phật hãy đem lại đây cho tôi nhổ.

Pháp sư Hỏi lại. Tiết Đạo Nhất, đời thứ 2 dưới Đại không đáp được«. Giám trong CTTNL q. 1 ghi: » KHỬ NIÊM GIẢI PHƯỢC
– Có vị giảng sư đến hỏi rằng: Chẳng hay Thiền Gở niêm mở trói. Thiền tông mượn từ này sư truyền trì pháp gì? Sư hỏi lại rằng: làm thuật ngữ để chỉ cho việc dẹp trừ phiền Giảng sư truyền trì pháp gì?«. não chấp trước nhằm đạt đến cảnh giới tự tại vô ngại. Bài tựa Tam Giáo Lão Nhân KHƯƠNG TĂNG HỘI (thế trong BNL (Đại 48, 139 hạ) ghi: » kỷ III) Thiền tăng người Giao Châu gốc Khương
Cư (Sogdiane). Sư mồ côi cha mẹ từ lúc – Nếu thấy nước bảo là biển,
cho mười tuổi. Sau thời kỳ cư tang, sư xuất gia ngón tay là mặt trăng, thì chẳng riêng Đại chăm học kinh điển, trở thành một tăng sĩ Huệ âu lo, mà Viên Ngộ lại muốn gở niêm nổi danh thời ấy. Sư tính tình chân thật, mở trói cho họ!« hòa nhã và rất thông minh nên thông hiểu tam tạng, lục kinh, toán số, thiên văn, văn KHƯỚC HOẠT chương và chính trị. Sư sang Đông Ngô Sống lại. Tiết Đầu Tử Đại Đồng Thiền sư tuyên dương Phật pháp trong thời Ngô Tôn

KÍCH THẠCH HỎA Quyền (229-252 TL). Ngô Tôn Quyền thấy trong TCTT q. 8 ghi: »(Đạo Tín thiền sư) sư thi thố nhiều phép lạ lấy làm tín phục, cụ cáo sở thân, dụ chi xuất gia. Phụ mẫu xây dựng chùa Kiến Sơ thỉnh sư ở. Từ đấy hân nhiên, nãi viết: Thiền sư Phật pháp đại Phật giáo thạnh hành miền Giang Tả. Sư long, quang bị viễn nhĩ, truy môn tuấn tú, phiên dịch nhiều kinh chữ Phạn ra chữ Hán quy giả như vân. Khởi y (chỉ thiếu niên như: Lục Độ Kinh tập… , viết bài tựa trong Hoằng Nhẫn) tiểu ngốc, na kham kích kinh An Ban Thủ Ý và biên tập chú sớ các huấn? Nhược thùy hư thọ, cố vô lưu lận. – kinh khác. Sư tịch vào khoảng niên hiệu Thiền sư Đạo Tín bày tỏ với cha mẹ sư (chỉ Thiên Kỷ thứ 4 (280) nhà Ngô. Hoằng Nhẫn lúc thiếu niên) xin cho xuất gia. Cha mẹ sư vui mừng nói: Thiền sư KÍCH DƯƠNG Phật pháp cao thâm, tiếng tăm khắp gần Kích phát thiền cơ, xiển dương tông chỉ. xa, là bậc tuấn tú trong cửa thiền, người Tiết Thiên Đồng Đàm Hoa Thiền sư trong quy y nhiều vô số. Con tôi còn nhỏ dại ngu NĐHN q. 27 ghi: » si chắc khó giáo dục? Nếu ngài xót thương
thu nhận thì cố nhiên chúng tôi không tiếc rẻ giữ lại.« –
Năm 17 tuổi, sư xuất gia ở Đông Thiền, ban đầu nương thiền sư Thủy KÍCH NGANG Nam Toại, nếm được chút ít pháp vị. Sư dạo khắp các nơi, cùng chư lão túc kích Kích phát thiền cơ, xiển dương tông chỉ. dương, không ai chẳng khế hợp«. Tiết Pháp Luân Ứng Đoan Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » KÍCH DƯƠNG THÙ XƯỚNG
– Sư đến Vân Cư, gặp lúc Linh Nguyên phân tòa, vì chúng kích Kích
dương: Kích phát thiền cơ và xiển phát thiền cơ, xiển dương tông chỉ«. dương tông chỉ. Thù xướng: Dùng cơ ngữ đối đáp qua lại. Tiết Biện nịnh của Hòa KÍCH THẠCH HỎA thượng Quy Vân Bản trong TLBH q. 2 ghi: » Lửa nháng. Lửa
này do đập 2 viên đá vào nhau chỉ lóe lên rồi mất rất nhanh.
Thiền – Như Thị tông dùng từ này để chỉ cho trong khoảng lang Dương
Đại Niên, Đô úy Lý Hòa Văn thời gian rất ngắn (sát-na) diệt được tư lự được thấy các vị thiền sư như: Quảng Huệ phân biệt, tức chỉ cho người căn cơ rất lanh Liễn, Thạch Môn Thông và Từ Minh. Việc lợi. Tắc 5, Bích Nham lục (Đại 48, 145 khích lệ thiền cơ, xiển dương tông chỉ và trung) ghi: » dùng cơ ngữ đối đáp qua lại. Các việc

này còn thấy chép trong các sách thiền«. – Đầu trâu mất (Dường như điện chớp, trượt qua mất rồi). KÍCH HUẤN Đầu ngựa về (Như lửa nháng), gương Tào Khải phát, giáo dục. »Hoằng Nhẫn truyện« Khê trong suốt chẳng nhơ«.

KÍCH TIẾT LỤC KÍCH TIẾT LỤC người xứ Bảo An, Quảng Đông, Trung Còn gọi: Phật Quả Kích Tiết lục, Viên Ngộ Quốc. Nối pháp Thiền sư Hàm Thị chùa Kích Tiết lục. Lục, 2 quyển, do Tuyết Đậu Hải Tràng, Quảng Châu, đời thứ 35 hệ Trọng Hiển niêm cổ vào đời Tống, Viên Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Hải Vân. Ngộ Khắc Cần kích tiết, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 117, trang 449. Nội dung KIM BIỆN (?-1697) chính là Viên Ngộ bình xướng về 100 cổ Thiền tăng đời Thanh, họ Mạch, tự Lạc tắc đã được Tuyết Đậu Trọng Hiển niêm Thuyết, người xứ Phiên Ngung (nay là đề trước đó, hình thức của nó giống như Quảng Châu), Trung Quốc. Từng học khoa Bích Nham lục. Chỗ gọi rằng Kích Tiết, cử theo Lương Chi Bội, rất nổi tiếng về tức nói đối lại với Niêm Cổ, nghĩa là trong văn chương. Sau khi Bội vào đạo, thường lúc kích tiết (gõ nhịp) thì khiến cho người đem thiền lý sách Phật để dẫn dắt khiến sư ta bất giác múa tay huơ chân. có tỉnh. Nhân theo tăng hành cước đến Lô Sơn, tham vấn thiền sư Thiên Nhiên Thị. KIM ÂM (1614-1661) Năm 1660 thụ giới Cụ túc ở Lôi Phong. Sư Thiền tăng đời Minh, họ Tằng, tự Phạm huynh của sư là Kim Thích mở thiền viện Âm, em họ của Hàm Thị, người xứ Nam Đan Hà đón thiền sư Thị về khai sáng pháp Hùng, Quảng Đông. Do Hàm Thị truyền tịch, Kim Biện đi theo giúp sức và nối trao tâm pháp, đời thứ 35 hệ Thanh pháp Ngài, thuộc tông Tào Động. Tác Nguyên. Trụ trì chùa Hải Vân ở Phiên phẩm: Tứ Hội ngữ lục, Phạm Võng Kinh Ngu. Chú Sớ.

KIM BẤT BÁC KIM KIM CANG Không cần đem vàng để đổi vàng, dụ chỉ 1. Vốn có nghĩa là 1 loại đá quý, thường chẳng làm việc vô nghĩa, uổng công. dùng để hình dung một vật cứng rắn đặc Hoằng Trí quảng lục q. 4 ghi: » biệt. Thư Đáp Trịnh Côn Nham Trung Thừa trong HSLNMDT q. 1 ghi: » – Cầm chày báu Kim cang, đập tan tất cả vật«. – Sư thượng 2. Hộ pháp thiện thần trong thần thoại Phật đường: Nước chẳng rửa nước, vàng chẳng giáo. Tiết Dương Kỳ Phương Hội Thiền sư đổi vàng, mắt chẳng thể thấy mắt, tâm trong NĐHN q. 19 ghi: » chẳng thể dụng tâm. Người có khả năng – Trên đảnh như thế, chẳng rơi vào căn, cảnh, thức; Na Tra nuốt chùy sắt, dưới chân Hộ pháp đâu dính đến quá khứ, hiện tại, vị lai. máu chảy ra«. Trong mê chợt gặp Tổ Đạt-ma, đâu từng chỉ cất ngôi chùa«. KIM CANG ĐỊNH Còn gọi: Kim cang tam-muội. Thiền định KIM BÍCH (1612-1671) thuộc giai đoạn cuối cùng trong lộ trình tu Thiền tăng đời Minh, họ Ôn, tự Nhẫn Kim, tập của Bồ tát, đoạn trừ phiền não cực kỳ

KIM CANG QUYỂN vi tế. Sau định này là tiến vào quả vị Phật. chẳng phải tướng, cho rằng nên lìa tất cả Đàm Thối truyện trong TCTT q. 8 ghi: » tướng và »vô sở trụ« (không dính mắc vào đâu cả) tức đối với thế giới hiện thực – Sư ở ẩn trong Chung chẳng nên chấp trước hoặc lưu luyến. Nam Sơn, đoạn trừ các lậu tập, nuôi Tổ Huệ Năng-đại biểu của Thiền đốn ngộ dưỡng Kim Cang Định, tiến

vào quả vị phương Nam-tôn thờ Kinh Kim Cang làm Phật«. tông, nên tư tưởng chủ yếu của Huệ Năng được biểu hiện trong Đàn Kinh chính là KIM CANG HUỆ pháp Ma-ha Bát-nhã. Vô Tướng Giới được Trí huệ giải trừ chấp trước, liễu ngộ thật Tổ nói, có xuất xứ từ »Vô ngã tướng, nhân tướng. Bài Đốn ngộ Vô sinh Bát-nhã tụng tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng« trong Thần Hội Di tập q. 4 ghi: » trong Kinh Kim Cang. Thiền pháp của Huệ Năng lấy định huệ làm gốc, chính là từ câu – Diệu trong diệu tức diệu pháp »Vô sở trụ sinh kỳ tâm« của Kinh Kim thân, trời trong trời là Kim cang huệ«. Cang mà Ngài ngộ được rồi phát huy thành ý chỉ của Định huệ đẳng học. Có thể nói KIM CANG KIẾM rằng »Kim Cang Kinh« trực tiếp ảnh Gọi đủ: Kim Cang Vương Bảo Kiếm. hưởng đến sự hình thành tư tưởng Thiền Kiếm báu rất bén, dụ chỉ khi tham thiền tông được triệt ngộ thì vận dụng thiền cơ một cách tự tại, không chướng ngại. Như Tịnh KIM CANG NHÃN TÌNH ngữ lục q. thượng ghi: » Con mắt trí huệ của người đã ngộ. Pháp nhãn. Như Tịnh ngữ lục q. thượng: » – Sư thượng đường, dạy chúng: Bánh nhân sắt, kiếm Kim Cang. Nuốt xong, chém xong, đem mạng sống để « nghiệm. Bậc tác gia cùng đưa ra như thế, »Sư thượng đường: vượt qua Phật Tổ càng rực rỡ«. Trời mưa hư không khô không khốc Ban ngày mặt đất tối như bưng KIM CANG KINH Trong đây mở được con mắt huệ Gọi đủ: Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Sinh tử đâu từng có mối manh (nào Kinh. Kinh, 1 quyển, do Phật Thích-ca- khác)?«. mâu-ni thuyết, được xếp vào Đại Chính Tạng tập 8, trang 748. Toàn kinh có trên KIM CANG QUYỂN 5.200 chữ, trước sau có 6 bản dịch từ Phạn Còn gọi: Kim quyển. Vòng kim cang. sang Hán và bản của Cưu-ma-la-thập là Thiền tông dùng từ này để chỉ cơ ngữ nhà thông dụng hơn cả. Nội dung tuyên thuyết thiền. Tiết Dục Vương Đức Quang Thiền tất cả sự vật trong thế giới đều hư huyễn sư trong NĐHN q. 20 ghi: » chẳng thật. Cái gọi là thực tướng tức là

KIM CHIỂU (1620-1696) Bờ bắc sông Vụ Giang, thành phố Kim – Sư thượng đường nói: Nghe Hoa, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tên tiếng ngộ đạo, chẳng phải thiền pháp, thấy cũ là »Đại Tạng Viện«, sáng lập vào sắc minh tâm, thật là lầm lẫn, một con khoảng niên hiệu Đại Trung Tường Phù đường sống, còn ở giữa đường. Hãy nói kẻ (1008-1016) đời Tống, khoảng niên hiệu thấu suốt cơ ngữ nhà thiền, công án của Chính Hòa (1111-1117) ban cho tên người xưa là người nào?« X. Lật Cức »Thiên Ninh Vạn Thọ Thiền Tự«. Niên Bồng. hiệu Diên Hựu thứ 5 (1318) đời Nguyên xây cất lại. Khoảng niên hiệu Chính Thống KIM CHIỂU (1620-1696) (1436-1449) đời Minh từng tu sửa. Năm Thiền tăng đời Minh, họ Tằng, tên Vĩ, tự 1979 lại tu sửa toàn diện. Hiện còn một tòa Tử Chiêu, người xứ Nam hùng, Quảng đại điện mái đơn đỉnh yết sơn, rộng lớn ba Đông, Trung Quốc. Được người bác là gian, kết cấu súc tích, tỉ lệ cân xứng. Trong ngài Hàm Thị truyền pháp, đời thứ 35 hệ chùa có một cái chuông đồng lớn đúc vào Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Hải Vân. niên hiệu Kiến Viêm thứ 2 (1128) đời Tống. KIM CHỬ (1620-1690) Thiền tăng đời Minh, họ Phan, tự Ký Nhữ, KIM KINH BÍ TẠNG người xứ Tân Hội, Quảng Đông, Trung Chỉ cho kinh điển quý báu của Phật giáo. Quốc. Nối pháp Thiền sư Hàm Thị, đời thứ Đàm Thối

truyện trong TCTT q. 8 ghi: » 35 hệ Thanh Nguyên, sư thiết đàn hoằng pháp tại núi Tây Triều. – Sư tiết tháo xuất trần, làm mẫu KIM DIỆU (1615-1678) mực cho mọi người, đọc tụng kinh điển quý Thiền tăng đời Minh, họ Dương, tự Thạch báu của Phật giáo mỗi ngày cả vạn lời, Giám, người xứ Tân Hội, Quảng Đông. không kể năm tháng nên thông suốt kinh Nối pháp Thiền sư Hàm Thị, đời thứ 35 hệ điển«. Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Thê Hiền. Tác phẩm: Tích Phong thi cảo. KIM LAN Gọi đủ: Ca sa kim lan. Pháp Diễn ngữ lục KIM ĐỊA q. trung ghi: » Cõi Phật, chùa Phật. Tiết Tây Thiền Thủ – A-nan hỏi Tịnh Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » ngài Ca-diếp: Đức Thế Tôn ngoài việc truyền ca-sa kim lan, còn truyền vật gì – Tiếc rằng, vẫy tay từ giã cõi khác không?«. Phật Định Quang, ngài Trí Giả ở Giang Lăng thầm gật đầu«. KIM LĂNG PHẠM SÁT CHÍ KIM HOA THIÊN NINH TỰ Chí, 53 quyển, do Cát Dần Lượng soạn vào

KIM LŨ = KIM THẰNG đời Minh, được xếp vào Trung Quốc Phật Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. Tự Sử Chí Vựng San tập 1. Sách này ghi lại 172 ngôi chùa lớn, trung, nhỏ và 15 KIM LIÊN TỰ ngôi chùa bị hư hoại, phỏng theo Lạc Chùa nằm trên một doi đất bằng phẳng Dương Già Lam Ký nhưng thể lệ có chỗ trong làng Nghi Tàm, xã Quảng An, huyện chẳng đồng, chẳng những kể về tự viện mà Từ Liêm, Hà Nội. Bao quanh đất chùa là còn kể cả đền miếu. Quyển đầu có: Ngự gương nước Hồ Tây trong xanh. Thời Lý, Chế tập, Khâm lục tập, từ quyển 3 bắt đầu nơi đây là trại Tàm Tang (trồng dâu, nuôi kể về các chùa. Quyển thứ 49 là Nam Tạng tằm) của vua Lý Thần Tông lập ra cho mục lục. Từ quyển 50, bắt đầu ghi chép Công chúa Từ Hoa. Sau khi Công chúa qua mọi phí tổn về việc công, tài sản của chùa. đời, trên nền cũ của cung điện dựng lên Phần sau phụ lục về thơ văn. Sách này một ngôi chùa. Sang đời Trần, chùa mang được sưu tập đầy đủ, thể lệ nghiêm cẩn, là tên là Đống Long. Đến đời Hậu Lê chùa có tư liệu quan trọng để nghiên cứu về tự viện tên là Đại Bi. Vào năm 1771 chùa được Phật giáo ở Nam Kinh thời cổ đại. Có bản trùng tu và mang tên chữ là Kim Liên Tự. ấn hành của Tăng Lục Ty ở Nam Kinh vào Ngôi chùa hiện nay là di sản nghệ thuật niên hiệu Vạn Lịch thứ 35 (1607) đời kiến trúc thời Tây Sơn (1792). Chùa được Minh. Vào niên hiệu Thiên Khải thứ 7 bố cục đối xứng theo một trục từ Tam quan (1627), còn in thêm lời tựa. đến nhà Tổ, mặt bằng gọn đẹp. Từ Tam quan đi qua một khoảng sân dẫn vào ba KIM LIÊN TỊCH TRUYỀN nếp chùa xếp song song theo hình chữ tam (1745-1816) (). Nếp ngoài là chùa Hạ, nếp giữa là Thiền tăng đời Nguyễn Tây Sơn, thuộc chùa Trung, hai nếp nhà này quay mặt về tông Lâm Tế đời thứ 41. Sư quê ở thôn hướng tây. Riêng chùa Thượng quay mặt Trình Viên huyện Thượng Phúc, Việt về hướng đông. Mái chùa lợp ngói, cấu Nam. Đến năm Bính Tý niên hiệu Gia trúc hai tầng theo kiểu chồng diêm. Mỗi Long thứ 15 (1816), sư gọi đệ tử lớn là nếp tám mái, có tám tàu đao hình rồng uốn Tường Quang đến phó chúc kệ rằng: cong. Chân cột kê trên đá tảng chạm hình hoa sen cách điệu. Trong chùa có nhiều tượng đẹp như: Văn-thù, Xá-lợi, Tôn Ngộ »Tâm vi thiên địa tiên Không, Chúa Trịnh… Theo: VHVNTH Thân vi thiên địa hậu 1989-1995. Thân tâm thiên địa nội KIM LŨ = KIM THẰNG Tuần hoàn vô cùng dĩ«. Sợi tơ vàng = Sợi dây vàng.

Hình ảnh »Tâm là trước đất trời tượng trưng cho đạo Phật. Lý Bạch trong Thân là sau trời đất bài Xuân nhật quy sơn có câu: » Thân tâm trong đất trời – Đạo Phật mở ra con đường giác Tuần hoàn không cùng tận«. ngộ«. Nói xong sư ngồi yên mà tịch, thọ 70 tuổi. Môn đệ hỏa táng, xây tháp tôn thờ. Theo:

KIM MA (1629-1702) KIM MA (1629-1702) anh truyền pháp, đời thứ 35 hệ Thanh Thiền tăng đời Minh, họ Tằng, tên Tông, Nguyên. Trụ trì chùa Quang Hiếu. Có ngữ tự Ha Diễn, con của Hàm Thị, người xứ lục và thi tập truyền lại đời. Nam Hùng, Quảng Đông, Trung Quốc. Đắc pháp nơi cha mình, đời thứ 35 hệ KIM SA ĐỌA NHÃN TRUNG Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Hải Vân ở Lôi Phong. Tác phẩm: Hạc Minh Ha Diễn tạp Mạt vàng rơi trong mắt. Dụ chỉ lý thuyết lục. về Phật pháp đối với thiền ngộ phần lớn là dư, thậm chí nó còn có chỗ chướng ngại. KIM MAO Tiết Hòa Bích thư ký trong MANL ghi: Gọi đủ: Kim mao sư tử. Sư tử lông vàng, chỉ cho đức Phật. Tiết Tri phủ Cát Đàm Cư sĩ trong NĐHN q. 20 ghi: »

»Trịch kiếm huy không bất trụ không

– Ông bỗng nhiên Không luân vô tích kiếm vô phong đốn ngộ, làm tụng rằng:Phi tâm phi Phật Vô phong vô tích bằng thùy hội? cũng phi vật, trước lầu Ngũ Phụng núi cao Hội đắc kim sa đọa nhãn trung«. ngất. Trong nắng mùa xuân tươi chợt lộn »Múa kiếm trong không chẳng trụ không nhào, chồn hoang nhảy vào hang Sư tử«. Vốn không bén nhọn, không vết rồi Không nhọn không vết làm sao hội? KIM NHIỄM (1618-1688) Hội được cũng là chướng ngại thôi!«. Thiền ni đời Minh, họ Tằng, tự Lai Cơ, em gái của Hàm Thị, người xứ Nam Hùng, KIM SÍ Quảng Đông, Trung Quốc. Cô được anh Tức Kim sí điểu, loài chim đại bàng cánh truyền pháp, đời thứ 35 hệ Thanh Nguyên.vàng rất lớn trong thần thoại Phật giáo, Trụ trì am Vô Trước. Tác phẩm: Lai Cơ lông cánh màu vàng, hai cánh giương ra pháp ngữ, Vô Trước tập. dài hàng trăm vạn dặm, bắt rồng làm thức ăn. Đàm Thối truyện trong TCTT q. 8 ghi: KIM NHIẾP (1619-1686) » Thiền tăng đời Minh, họ Thôi, tự Quảng – Kim sí chẳng ăn các loài khác, Đế Thích Từ, hiệu Sào Vân, người xứ Phiên Ngu, không ở chung với quỷ«. Quảng Đông, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Hàm Thị, đời thứ 35 hệ Thanh Nguyên. KIM SÍ ĐIỂU CHÚA Tác phẩm: Sào Vân di cảo. Tức Kim sí điểu vương, con mạnh nhất, to nhất trong loài đại bàng cánh vàng. Tiết KIM OẢN (1612-1690) Thái Bình Phật Giám Cần Thiền sư trong Thiền tăng đời Minh, họ Tằng, tên Khởi GTPĐL q. 25 ghi: » Vân, em trai của Hàm Thị, người xứ Nam Hùng, Quảng Đông, Trung Quốc. Được

KIM SƠN TỰ tràng. Đời Đường đổi tên là Kim Sơn Tự.

– Muốn biết việc ấy, Đời Tống, khoảng năm 1008-1016, Tống tận mặt trình nhau, trước khi chưa nói Chân Tông nằm mộng thấy đến chùa Kim cũng đã vượt qua rồi. Như Kim sí điểu Sơn nên đổi tên là Long Du Tự. Năm chúa vào biển lớn A-lư, quạt cánh rẽ nước 1114, vua xuống chiếu đổi làm Đạo quán, biển, bắt rồng để ăn thịt. Trong khoảng nhưng ít lâu sau phục hồi làm chùa Phật. nháy mắt đã vùi thân mất mạng«. Đời Đường, Tống là thời kỳ cực thịnh của chùa này, chư tăng nội trú trong chùa có KIM SƠN CHÍ LƯỢC trên 3. 000 vị; các vị cao tăng trụ trì như: Còn gọi: Kim Sơn Long Du Thiền Tự Chí Đàm Dĩnh, Hoài Hiền, Phật Ấn Liễu Lược. Chí, 4 quyển, do Hạnh Hải biên soạn

Nguyên, Nghĩa Thiên, Viên Ngộ Khắc vào đời Thanh, được xếp vào »Trung Quốc Cần, Thiện Ninh Liễu Tâm. Thi nhân đời Phật Tự Sử Chí Vựng San« tập 1. Vào Đường có rất nhiều người đề vịnh chùa khoảng niên hiệu Thuận Trị (1644-1661) này, như bài Đề Kim Sơn Tự của Trương đời Thanh, Hạnh Hải nhậm chức Trụ trì Hựu như sau: chùa Kim Sơn và ở đấy hơn 30 năm. Trong »Một tối lên chùa núi những lúc rỗi rãnh, sư biên tập chí lược, Kim Sơn sóng nước vây đem pháp mạch Thiền tông nhiều đời và Sư về thuyền sáng nguyệt phong cách thanh cao siêu thoát của các Rồng hiện cổng vờn mây danh hiền đạt sĩ biên chép lại thành sách. Sóng chảy cây nhòa trắng Nội dung gồm có hơn 10 loại: Sơn đồ, Bờ xa chuông vọng dài Hình thắng, Kiến trí, Tổ đường pháp hệ, Lợi danh buồn thế thái Ký, Kỷ du, Bi, Phú, Sắc thư, Cao tăng, Mê mệt trọn ngày say«. Thi… Sách này có bản ảnh ấn vào năm (Cao Tự Thanh dịch.) 1936. Người đời gọi là »Hạnh Hải Kim Năm 1687, vua Khang Hy tuần du phương Sơn Chí« để phân biệt với các quyển chí Nam, đổi tên chùa là Giang Thiên Thiền khác. Tự, nhưng người đời vẫn gọi là Kim Sơn Tự. Vào đời Thanh, chùa này và chùa Cao KIM SƠN TỰ Mân, chùa Thiên Ninh được gọi là 3 ngôi Chùa nằm trên đỉnh núi Kim Sơn (do núi đại tòng lâm của tông Lâm Tế, riêng Kim mà có tên), ở phía tây bắc thành phố Trấn Sơn Tự là danh thắng bậc nhất Giang Nam. Giang tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Kim Chùa có bố cục tinh xảo: Trên lầu có lầu, Sơn vốn tên là Phù Ngọc Sơn, tương ngoài lầu có gác, trong gác có đình. Mỗi tổ truyền vào đời Đường có Hòa thượng Pháp kiến trúc đã tự thành hệ thống lại liền lạc Hải khai núi lập chùa gặp được vàng nên lẫn nhau, rất là đặc sắc. Trong chùa còn cất đặt tên núi là Kim Sơn. Chùa được bắt đầu giữ ngọc đái của Tô Đông Pha lưu tặng xây dựng vào đời Đông Tấn, vốn có tên Thiền sư Phật Ấn, trên mặt có kết 20 viên »Trạch Tâm Tự«, vào niên hiệu Thiên bạch ngọc hình trạng khác nhau, vật này Giám thứ 4 (505) thời Lương thuộc Nam được xem là quốc bảo. Triều, ở chùa này có thiết lập Thủy lục đạo

KIM SƯ KIM SƯ thiền nói diệu? Đúng là mạt vàng tuy quý, Thợ kim hoàn. Tiết »Tín Tướng Tông Hiển song rơi vào mắt cũng thành bệnh, hạt Thiền sư« trong NĐHN q. 18 ghi: » châu trong chéo áo dính bụi. Thử hỏi phủi – bụi, lấy mạt ra được là người nào?«. Ngưỡng Sơn mang một thoi vàng ra để trả tiền công cho người thợ kim hoàn«. KIM TIẾT TUY QUÝ, NHÃN LÝ TRƯỚC BẤT ĐẮC KIM THÍCH (1614-1680) Thiền tăng đời Thanh, họ Kim, tên Tính Nhân, còn gọi Điềm Nhân, tự Đạm Qui, Mạt vàng tuy quý nhưng con mắt không hiệu Cam Giá Sinh, Mao Bình nạp tăng, Tá dung chứa được. Tiết Bảo Phúc Hòa Sơn dã nạp, đỗ tiến sĩ khoảng niên hiệu thượng trong TĐT q. 11 ghi: » Sùng Trinh (1628-1643) đời Minh. Sau khi nhà Minh mất, liền xuất gia làm tăng, tham – Mạt vàng mạt bạc tuy quý, nhưng vấn Thiền sư Thiên Nhiên Thị và nối pháp con mắt thịt không dung chứa được, huống ngài thuộc tông Tào Động. Sư mặc áo thô, là con mắt pháp!«. ăn rau cỏ, chân chính thoát tục. Đầu tiên sư ở thiền viện Đan Hà. Niên hiệu Khang Hy KIM TÚC NHƯ LAI thứ 17 (1678) sư cất am ở Bình Hồ (nay Theo truyền thuyết, tiền thân của cư sĩ thuộc Chiết Giang). Mùa thu năm 1680, sư Duy-ma-cật là Kim Túc Như Lai. Chương ngồi ngay ngắn nói kệ rồi thị tịch. Đệ tử Chiêu Hóa Thiền sư trong CĐTĐL q. 20 xây tháp thờ xá-lợi sư ở Lô Sơn. Tác ghi: » phẩm: Biến

Hành Đường Chính Tục tập. – KIM TIẾT NHÃN TRUNG Ế Hỏi: Duy-ma đâu chẳng phải là Kim Túc Như Lai? Sư đáp: Phải. Tăng nói: Vì sao Gọi đủ: Kim tiết tuy quý, lạc nhãn thành ế. lại dự pháp hội của đức Thích-ca để nghe Mạt vàng tuy quý, rơi vào mắt cũng thành pháp? Sư đáp: Bởi ông ta chẳng tranh bệnh. Tiết Long Tuyền Mạn Thiền sư nhân ngã«. trong NĐHN q. 17 ghi: » KIM TỬ HÀNG Giới quan lại. Tiết Tả Thừa Phạm Sung Cư sĩ trong NĐHN q. 18 ghi: » – Sư thượng đường, chúng tụ hội, – Ông sư liền nói: Chỉ thế ấy nên giải tán đi, mới qua chùa Viên Thông, yết kiến thiền sư thật là yếu diệu. Mặc dù như thế, sớm đã Mân, khi mãn tiệc trà, ông nói: Tôi sắp già không gió mà nổi sóng rồi, đã đóng đinh rồi lại còn mắt kẹt trong giới quan lại nên trong hư không rồi, huống là dây dưa bàn cách việc này hơi xa«.

KINH SƯ KIM TRẠM (1613-1677) ngại nên bỏ đi mà nương ngài Thảo Thiền tăng đời Minh, họ Lý, tự Hải Vân, Đường, vừa gặp liền khế hợp. Hàng ngày người xứ Tam Thủy, Quảng Đông, Trung sư giữ Tàng Kinh và đọc qua. Một buổi Quốc. Nối pháp Thiền sư Hàm Thị, đời thứ chiều kia, sư nghe tiếng trống tham vấn 35 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Hải buổi chiều, vừa bước ra khỏi Kinh đường, Vân. ngẩng đầu thấy mặt trăng, sư liền đại ngộ«. KIM VÔ (1633-1681) Thiền tăng đời Minh, họ Vạn, tự Trùng KINH LUẬN Mộc, hiệu A Tự, người xứ Phiên Ngu, Chỉ chung sách vở Phật giáo, hoặc chỉ cho Quảng Đông, Trung Quốc. Nối pháp Thiền tạng Kinh và tạng Luận trong sách vở Phật sư Hàm Thị, đời thứ 35 hệ Thanh Nguyên. giáo. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Trụ trì chùa Hải Tràng. Tác phẩm: Quang Tuyên Đài tập. – Ngay như Sơn tăng ngày trước KINH CỨC từng lưu tâm vào Luật tạng, cũng từng tìm Gai góc. Thiền tông dùng từ này để tượng tòi trong Kinh Luận. Về sau mới biết là lời trưng cho sự gian khổ mà người tu hành nói biểu hiển, là phương thuốc cứu đời«. phải trải qua trong quá trình cầu đạo. Tham thiền kệ trong Thiền Tịnh Hợp Yếu của KINH LUẬN GIA Thiền sư Phương Tụ Thành ghi: (Từ mà nhà thiền gọi) những vị tăng tin nhận, thực hành, nghiên cứu tu tập theo Kinh luận Phật giáo. Lâm Tế ngữ lục ghi: »Tham thiền đệ nhất » Hà hữu cố tích Phóng hạ hồn thân – Theo các Kinh Thấu quá kinh cức«. Luận gia thì lấy ba thứ thân làm lý cùng »Pháp tham thiền bậc nhất tột, đại khái theo chỗ thấy của sơn tăng thì Có gì để nuối tiếc không như thế, ba loại thân này là danh tự, Buông quách cả toàn thân cũng như ba loại«. Thấu qua rừng gai góc«. KINH NGHIỆP KINH ĐƯỜNG Dùng kinh Phật làm nội dung của học Ngôi nhà dùng để gởi kinh sách Phật giáo nghiệp. Sùng Khuê truyện trong TCTT ghi: nằm trong khuôn viên tự viện. Tiết Hoàng » – Long Đạo Chấn Thiền sư trong NĐHN q. Đến năm 18 tuổi, kinh nghiệp của sư phát 18 ghi: » triển trôi chảy rồi được độ«. KINH SƯ – Sư tự thấy chướng Vị tăng tinh thông tạng kinh, sở trường về

KINH TẠNG ĐƯỜNG CHỦ tụng giảng kinhvăn. Tiết Dược Sơn Hòa Lương Võ Đế đem việc hữu vi để hỏi, Tổ thượng trong TĐT q. 4 ghi: » Đạt-ma quý trọng việc

truyền Kính môn tâm yếu, nên cơ giáo trái nhau như nước – Kinh sư tự có Kinh sư, đổ đầu vịt«. Luận sư tự có Luận sư, Luật sư tự có Luật sư«. KÍNH SƠN Núi thuộc tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, KINH TẠNG ĐƯỜNG CHỦ nằm cách thành phố Dư Hàng khoảng 29km về phía tây bắc. Cao chừng 960 mét, Tên gọi chức vụ của người trông coi Kinh chu vi độ 29km, nhân có đường tắt thông tạng trong Thiền viện. Trên chức Đường qua núi Thiên Mục nên có tên như thế. chủ có chức Tạng chủ, nhưng Tạng chủ Bốn mặt có các ngọn núi: Lăng Tiêu, Ngự không ở nơi Tạng điện mà do Đường chủ Thọ, Thiên Hiển, Đôi Châu cao vút như giữ kinh. Ngoài việc quản lý Kinh sách, những ngón tay chỉ thẳng lên trời. Dưới Kinh tạng Đường chủ còn có nhiệm vụ cho chân núi có Hưng Thánh Vạn Thọ Thiền Tăng chúng mượn kinh sách, cho nên ông Tự, là ngôi chùa lớn của tông Lâm Tế. Đầu có mặt thường trực tại Tạng điện. Theo: niên hiệu Thiên Bảo (742) đời Đường, có PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Thiền sư Đạo Khâm thuộc tông Ngưu Đầu vào núi này cất am để ở, khiến người học KINH THẾ PHÁP bốn phương tụ hội. Niên hiệu Đại Lịch thứ Đạo lý dùng để sắp đặt, sửa đổi những việc 4 (769), vua Đại Tông kính mộ tính tình ở thế gian. Tiết Nghệ Ngôn trong NHQL q. của sư nên ban cho hiệu »Quốc Nhất Thiền 29 ghi: » sư«, xuống chiếu cho dựng chùa Kính Sơn – trên nền am của sư. Về sau các vị Giám Dù cho Phật ở Trung Quốc, nói đạo lý Tông, Hồng Yên đều trụ ở đây. Đến đời dùng để sắp đặt, sửa đổi những việc ở thế Tống, các bậc cao tăng như: Viên Ngộ gian cũng đâu hơn được Chu Công và Khắc Cần, Duy Lâm, Liễu Nhất cũng ở núi Khổng Tử«. này. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 7 (1137), thiền sư Đại Huệ trụ chùa Kính Sơn, số đệ KÍNH ĐƯỜNG tử vân tập hơn 1. 700 vị. Sau đó, có các vị Hiệu của Thiền tăng Pháp Trung sống vào cao tăng tông Lâm Tế như: Vô Chuẩn Sư đời Minh. X. Pháp Trung. Phạm, Hư Đường Trí Ngu cũng ở đây, có thể bảo rằng trải qua bao đời núi này đều KÍNH MÔN có các vị danh tăng đến ở, đứng đầu các Pháp môn Thiền tông, đề xướng chỉ thẳng tùng lâm trong nước. tâm người, ngộ nhập thẳng tắt, nên có tên gọi này. Kỉnh = Trực (thẳng tắt). Thần Hội KÍNH SƠN CHÍ truyện trong TCTT q. 8 ghi: » Chí, 14 quyển, do Tống Khuê Quang soạn vào đời Minh, được xếp vào Trung Quốc – Phật Tự Sử Chí Vựng San tập 1. Kính Sơn

KÍNH YẾU nằm ở mé đông bắc núi Thiên Mục, do có tổng cộng gồm 238 vị, thuật lại hành trạng con đường tắt qua núi Thiên Mục nên mới và ngữ yếu của họ. Sau khi Chân Tại thị gọi là Kính Sơn. Vào niên hiệu Thiên Bảo tịch, đệ tử của sư là Cơ Vân tiếp tục biên thứ 1 (742) đời Đường, Thiền sư Quốc tập thành sách. Sách này được ấn hành vào Nhất ngụ ở núi này. Về sau do các bậc cao niên hiệu Khang Hy thứ 21 (1682). tăng quản lý nơi đây trải qua các triều đại Tống, Nguyên, Minh nên chùa chiền được KÍNH TIẾN dựng lên rất nhiều, có hơn 10 ngôi nổi Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Quốc sư tiếng hơn cả: Tiếp Đải Tự, Đại An Thiền Thiên Thai Đức Thiều, thuộc tông Pháp Tự, Vạn Thọ Thiền Tự, Kính Sơn Tự, An Nhãn. Sư trụ viện Xưng Tâm ở Việt Châu Lạc Tự, Pháp Hoa Tự, Vạn Thọ Chính Tục (nay thuộc huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Tự, Quảng Hóa Thiền Tự, Thuận Khánh Giang). Về sau sư dời về viện Bảo An ở Thiền Tự, Diệu Tế Thiền Tự. Vào khoảng Hàng Châu rồi thị tịch. niên hiệu Thiên Khải (1621-1627) đời Minh,

Tống Khuê Quang biên Kính Sơn KÍNH TIẾT Chí, chia làm 18 loại: Liệt Tổ, Pháp lữ, Chế sắc, Tự văn, Tháp minh, Bi ký, Du ký, Kiên trì không lơi lỏng. Hương Dục truyện Thư khải, Kệ vịnh, Danh thập, Ngoại hộ, trong TCTT q. 8 ghi: » Điện vũ, Tịnh thất, Danh thắng, Hạ viện, – Sư vào Cổ tích, Tự sản, Kỷ sự. Sách này được núi Đại Phật ở Phú Thủy, an thiền kiên trì biên tập mạch lạc rõ ràng, sưu tập đầy đủ không lơi lỏng, chỉ ăn buổi sáng«. những di tích lịch sử của Phật giáo kể từ niên hiệu Thiên Khải đời Minh trở về KÍNH TRUNG HÒA THƯỢNG trước, có bản ấn hành vào đời Minh. NGỮ LỤC X. Ngốc Am Thiền sư ngữ lục. KÍNH TẨU Hiệu của Thiền tăng Cư Giản sống vào đời KÍNH TUÂN Tống. X. Cư Giản. Thiền tăng đời Tống; nối pháp Thiền sư KÍNH THẠCH TRÍCH NHŨ TẬP Thanh Lương Văn Ích, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư ở chùa Bát-nhã Đài Châu (nay là huyện Lâm Hải, thuộc Chiết Giang). Sách, 5 quyển, do Sơn Phong Chân Tại biên tập vào đời Thanh, Thạch Nguyên Cơ Có vị tăng hỏi: Hoa Ưu Đàm Bát nở mọi Vân tục biên, được xếp vào Tục Tạng kinh người đều thấy, xin ban cho một lời về gia tập 117, trang 902. Sách này là tập truyện phong Bát-nhã. Đáp rằng: Không nhờ chung về đạo mạch truyền thống của Thiền Thượng tọa hỏi thì đâu từng chỉ dạy cho sư Vô Chuẩn Sư Phạm thuộc tông Lâm Tế. người. Thụy hiệu: Thông Huệ Thiền sư. Từ Vô Chuẩn Sư Phạm và Đoạn Kiệu Diệu Luân đệ tử nối pháp đời thứ nhất của sư ở KÍNH YẾU chùa Tịnh Từ Kính Sơn đến đời thứ 17, Chỗ thắng tắt quan trọng. Chỉ cho tâm tính.

KÌNH QUYỀN CỬ CHỈ KÌNH QUYỀN CỬ CHỈ sư trong NĐHN q. 19 ghi: » Đưa nắm tay, giơ ngón tay lên. Đây là động tác thường thấy trong nhà thiền khi – Nghe Dương thị cơ, ứng cơ. Chỉ chung cho sự lập bày Kỳ dời qua Vân Cái để có thể khải phát thiền cơ. Tiết Đáp Phán Lưu Kinh Thần cư người học, liền cất thất, một lời chưa kịp sĩ trong NĐHN q. 16 ghi: » nói lập tức sáng tỏ tâm ấn.« KIỀM NAM HỘI ĐĂNG LỤC Đăng lục, 8 quyển, do vị tăng Thiện Nhất Như Thuần soạn vào niên hiệu Khang Hy thứ 41 đời Thanh (1702), được xếp vào – Sáu cánh đã xòe, ngàn hoa thêm Tục Tạng kinh tập 145 trang 739. Sách này đẹp, phân chia tông phái, riêng có môn thuộc về đăng lục địa phương, gom chép đình. Vì vậy, hoặc nhướng mày chớp mắt, các sách vở của tỉnh Quý Châu hoặc các đưa nắm tay giơ ngón tay lên, hoặc đánh quan hệ về truyền thừa, tóm lược về cuộc hét, giơ chùy dựng phất hoặc trì nghĩa đời, cơ duyên ngữ cú và các trứ tác linh giương cung, ném banh múa hốt, hoặc tinh. Thiền tông vùng Quý Châu hưng khuân đá gánh đất, đánh trống thổi lông, thịnh vào cuối đời Minh, năm tông lúc ấy hoặc lúc nói lúc nín, lúc than lúc cười, cho chỉ còn Lâm Tế và Tào Động, đất Kiềm đến các thứ phương tiện, đều là thân thiết (Quý Châu) lấy tông Lâm Tế làm chính vì người«. nên sách này đa số thu thập lược sử của các vị tăng tông Lâm Tế và vài vị thuộc KIỀM CHÙY tông Tào Động mà thôi. Kiềm: Cái kềm để nhổ đinh. Chùy: Cái búa KIỂM CỬ để tháo chốt. Kiềm chùy là công cụ để tháo nhổ những dính mắc của sự vật, Thiền tông Kiểm sát, vạch trần. Chương »Thiền Môn dùng kiềm chùy để chỉ cho những phương Quy Thức« trong CĐTĐL q. 6 ghi: » tiện chỉ dạy dẫn dắt của thiền sư. Bích Nham lục q. 1 ghi: »

–

– Lúc bình Hoặc có kẻ trộm hình giả hiệu trà trộn vào thường Vân Môn tiếp người phần nhiều thanh chúng, lại còn gây ồn ào náo loạn dùng thủ đoạn của Mục Châu, nhưng rất liền bị Duy na vạch trần, không cho tạm khó khế hợp. Cả đời, sư dùng kiềm chùy để trú, đuổi ra khỏi thiền viện khiến thanh nhổ đinh tháo chốt cho người«. chúng được an ổn.«

KIỂM ĐIỂM

KIỀM KIỆN

X. Điểm kiểm.

Chiếc chìa khóa, hàm ý nghĩa khải phát, khải ngộ. Tiết Bảo Ninh Nhân Dũng thiền

KIẾN HÓA MÔN KIỂM TRÁCH Kiểm sát, trách móc.

Tiết Đại Đồng Tế – Thế nào là gia Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: »

phong của Quán Âm? Sư đáp: Hãy xem – Tăng cháo cơm mặc trước mắt. Hỏi:

Chợt gặp bậc Thầy tài giỏi cho trách móc.« đến làm sao tiếp đãi? Sư đáp: Nhà nghèo chỉ

có thế, chưa chắc ăn nói hoạt bát mà KIÊN CUNG TIỄU LÝ họ quy phục.« Dùng

đòn gánh quải hành lý và treo giày, rồi gánh trên vai; chỉ tăng nhân du phương KIẾN

ĐỊA hành cước. Tiết Thắng Nhân Hoặc Tĩnh Còn gọi: Kiến xứ. Quan niệm, nhận

thức Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » về thiền pháp. Khai thị Duy-na Như trong

DTNL q. 3 ghi: » – Tăng nhân hành cước theo

sở thích mà đi, thăm dò bậc thiện tri thức hễ – Nói tóm lại,

chỉ vì kiến giải chưa khế hợp thì ở«. thấu suốt, lập trường chưa vững đạo niệm ít ỏi nên

mới như thế.« KIÊN HỮU Phần »Tục Nghệ Ngôn« trong NHQL q. 30 Chúng sinh

thâm căn cố đế cho rằng vạn ghi: » vật ở thế gian là có thật, Phật

gia gọi đó là »kiên hữu«, nghĩa là chấp trước vào »hữu«

một cách ngoan cố. Tử Bách lão nhân tập – Sau ngài Đầu Tử và Phù

Dung, q. 1 ghi: »Chúng sinh giao cố vu căn trần người có khả năng làm hưng thạnh

tông chi tập, cửu tích thành kiên, tốt bất dị phá,Tào Động là hai vị Thiên Đồng Giác và

cố chư Phật Bồ tát tiên dĩ không dược trị Chân Hiết Liễu. Nhận thức của hai vị rất kỳ

kiên hữu chi bệnh. – Chúng sinh dính phù hợp, tương ưng với thiền pháp, và có chặt

vào thói quen của căn trần, tích chứa đức hạnh cao thượng không hổ với người lâu

ngày thành cứng chắc, cuối cùng xưa.« không dễ gì phá vỡ, cho nên chư Phật Bồ tát

trước tiên lấy thuốc không để trị bệnh KIẾN HÓA MÔN chấp có.« Pháp môn giáo

hóa của Phật Tổ gây dựng. Nhà thiền cho rằng Kiến hóa môn chẳng KIẾN CÁI phải

là diệu pháp đốn ngộ, mà chỉ là pháp Chỉ cho tà kiến vọng thức, vì nó hay che môn

phương tiện nhằm thích nghi với số đậy chân tính. X. Kiến triền. đông căn cơ trung hạ.

Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » KIẾN ĐÃI

Tiếp đãi, chiêu đãi. Tiết Quán Âm Viện Tùng Hiển Thiền sư trong

CĐTĐL q. 25 – Huống là đệ ghi: Tăng hỏi: » nhất nghĩa

xưa nay thanh tịnh, chẳng dính các trần, làm sao nói được? Chỉ

có kẻ

KIẾN HỶ đồng đạo mới biết. Hôm nay cởi mở một KIẾN THẦN KIẾN QUỶ phen, ở trong Kiến hóa môn thông qua lời Cố làm ra vẻ huyền bí, làm điều giả dối, giải thích để lãnh hội«. xằng bậy. Tiết Kính Sơn Trí Sách Thiền sư trong Tục Truyền Đăng Lục q. 30 ghi: » KIẾN HỶ Vui mừng. Tông Môn Võ Khố ghi: » – (Sư) đến Dự Chương ra mắt Điển Ngưu…. – Sư (chỉ Tông Cảo) khi ở Bảo Vừa mới đến cửa, Điển Ngư chỉ ngay sư, Phong, Nguyên Thủ tọa rất vui mừng.« hỏi: Làm điều giả dối xằng bậy ở đâu rồi đến đây?« KIẾN NGHIỆT KIẾN THỐ PHÓNG ƯNG Chỉ cho tà kiến vọng thức, vì nó làm tổn hại việc tỏ ngộ chân tính. X. Kiến triền. 1. Lúc đi săn thấy dấu vết con thỏ liền thả chim ưng ra đuổi bắt. Thiền tông dùng cụm KIẾN PHẬT TỔ NHƯ SINH OAN từ này làm thuật ngữ để chỉ cho sự khêu GIA gợi chuẩn xác và nhanh chóng của thiền sư trong lúc tiếp hóa người học. Tắc 27, Bích Thấy Phật Tổ như gặp kẻ thù. Nhà thiền Nham lục (Đại 48, 167 trung) ghi: » cho rằng, đối với sự mê tín chấp trước Phật Tổ cần phải phá trừ, vì thế mới có các – Dạy rằng: Hỏi một phương tiện như: không lễ Phật, Tổ, quở đáp mười, nêu một rõ ba, thấy thỏ thả ưng, Phật mắng Tổ. Phần »Năm vị Tỳ kheo nhân gió thổi lửa«. Hành Cái trong pháp hội Phật Hải chùa 2. Chỉ cho sự mắc kẹt vào ngôn từ. NĐHN Linh Ẩn cầu pháp ngữ« trong MANL ghi: q. 12 ghi: » » – Lão – Thấy Phật Tổ như gặp kẻ thù, tăng đã nêu như thế, chỉ sợ các ông mắc nghe Thiền đạo như gió thổi qua cây.« kẹt vào ngôn từ, tốn công vô ích«. KIẾN SƠ TỰ KIẾN TÍNH Chùa ở làng Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Tham thiền đến chỗ cùng tột, »ồ« lên một ngoại ô Hà Nội, Việt Nam. Chùa nằm bên tiếng, trong sát-na tự tính bỗng hiện, liễu phải đền Xung Thiên Thần Vương, tục gọi chứng các pháp vô sinh, gọi là Kiến tính là đền đức Thánh Gióng. Chùa nguyên là thành Phật, cũng gọi là Ngộ pháp vô sinh, gia trạch của một người hào phú họ chẳng phải có năng kiến, sở kiến. Vô Môn Nguyễn ở làng Phù Đổng đem dâng cúng Quan ghi: » làm chùa và rước Thiền sư Cảm Thành đến – trụ trì; không bao lâu Thiền sư Vô Ngôn Hòa thượng Đâu Suất Duyệt lập ra ba cửa Thông đến đây và chùa trở thành Tổ đình hỏi người học, khiến họ đoạn trừ vọng của thiền phái Vô Ngôn Thông. tưởng, tham cứu chỗ huyền diệu để mong

KIẾN VĂN GIÁC TRI họ được kiến tính«. bởi vì nó hay ràng rịt chân tính. Tiết Ngữ chi Dư, đời thứ 3 dưới Đại Giám trong KIẾN TÍNH THÀNH PHẬT CTTNL q. 2 ghi: » Thấy suốt Phật tính của tự tâm, tỏ ngộ tự mình cùng với Phật xem ngang nhau. Đây – Nếu khởi kiến giải về Phật, là tư tưởng nồng cốt của Thiền tông, thể kiến giải về pháp, phàm tất cả những kiến hiện cao độ tinh thần xem trọng tự ngã, giải như kiến giải về hữu vô v.v… gọi là xem trọng đời sông thực tiễn của Thiền nhãn ế (tối mắt) vì còn năng kiến sở kiến, tông. Kiến tính thành Phật cho đến các cũng bị gọi là kiến triền, kiến cái, kiến thuật ngữ có liên hệ mật thiết như: Nhân nghiệt.« nhân cụ túc, Tâm tâm tương ấn, Đốn ngộ, Bình thường tâm …. Do nhà thiền chủ KIẾN TRUNG TĨNH QUỐC TỤC trương để tín đồ Phật giáo tu tập rất đỗi ĐĂNG LỤC giản dị dễ thực hành, bởi vì nó hấp dẫn Đăng lục 30 quyển, có riêng 3 quyển mục đông đảo quần chúng trong mọi tầng lớp

lục, do vị tăng tên Phật Quốc Duy Bạch xã hội, cũng ảnh hưởng rộng rãi, sâu đậm, biên soạn vào đời Tống, hoàn thành vào dài lâu đối với văn hóa Trung Quốc. Bích niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc thứ 1 Nham lục q. 1 ghi: » (1101), nhằm tiếp tục bộ Cảnh Đức Truyền – Tổ Đăng lục, Thiên Thánh Quảng Đăng lục, sư từ Ấn Độ đến, truyền riêng tâm ấn, chỉ được xếp vào Tục Tạng kinh tập 136, trang thẳng tâm người, kiến tính thành Phật.« 38. Sách này dựa vào thứ bậc tiếp nối pháp mạch trong nhà thiền rồi ghi ra vắn tắt lai KIẾN TRI lịch của thầy trò, cơ duyên ngữ cú, cổ tắc Còn gọi: Tri kiến. Sự hiểu biết, kiến thức công án, kệ tụng. Toàn sách chia làm 5 trở thành chướng ngại cho việc ngộ thiền. loại: Chính tông, Đối cơ, Niêm cổ, Tụng Tiết Đại Dương Cảnh Huyền Thiền sư cổ, Kệ tụng. Gom chép ngữ yếu của các trong NĐHN q. 14 ghi: » thiền sư thuộc 2 tông Lâm Tế, Vân Môn tỉ mỉ và đầy đủ hơn các tông khác. – Ngày trước, lúc tôi còn sơ cơ đi học đạo thật sai KIẾN VĂN GIÁC TRI lầm khi vượt ngàn núi muôn sông để tìm Chỉ chung những cảm giác, nhận thức khi kiến tri, phân biệt giải thích việc xưa nay, sáu thức của con người (thấy, nghe, ngửi, rốt cuộc khó lãnh hội được thiền pháp. Nói nếm, cảm giác, nhận thức) tiếp xúc với thế thẳng vô tâm để chuyển đổi cái mê khi giới vạn vật sinh ra. Phật giáo cho rằng xưa.« những cảm giác, nhận thức nay đều là hư huyễn không thật. Mật Am ngữ lục ghi: KIẾN TRIỀN » Còn gọi: Kiến cái, Kiến nghiệt. Chỉ cho tà kiến vọng thức (cái biết hư dối, thiên lệch),

KIỀN CHÙY – Đã vô tâm, lại vô pháp thì núi sông đất tuyên bố: »Ngay lúc bạn đi theo một người đai chỗ nào thành? Kiến văn giác tri lại là nào là bạn thôi đi theo chân lý«. Sau đó, vật gì? Lại: Quét sạch tình trần ý tưởng, ông sống nhiều ở Ấn Độ, ảnh hưởng của chẳng rơi vào Kiến Văn giác tri.« ông ngày càng lan rộng, nhất là trong các trường sư phạm. Trong gần 60 năm, ông đã KIỀN CHÙY đến nhiều nước, nhiều châu lục để tổ chức Khí cụ khi gõ phát ra tiếng, dùng để thông những cuộc nói chuyện và những cuộc đối báo cho đại chúng biết, trong tự viện. thoại, hội thảo. Ông có mặt ở Anh, Pháp, Phạm Kỳ ngữ lục ghi: » Hà Lan, Italia, Nauy, Tân Tây Lan, Hoa – Cột cái mỗi ngày Kỳ, Xri Lan ca, Úc ... có nước ông đến hai khảy đàn tranh, kiền chùy vỗ tay cười nó«. ba lần, có cuộc diễn thuyết kéo dài 17 buổi. Tất nhiên nơi ông nói chuyện nhiều nhất là KIỆN MỤC Ấn Độ, tổ quốc của ông. Tất cả những Khoản hạng các sự việc và tên gọi của nó. cuộc nói chuyện hoặc đối thoại của ông Bài tựa của Trí Chiêu trong Nhân Thiên đều được in thành sách. Ngoài ra ông còn Nhãn Mục ghi: » viết văn, làm thơ. Tác phẩm: Văn xuôi: Dưới chân của Đạo – Lúc tôi Sư (At the feet of the Master), Giáo dục còn du phương, đến nơi nào cũng đều tinh như là một sự phục vụ (Education as thành thưa hỏi các bậc Tôn túc về cương service), Tự dọn mình (Self reparation), yếu của 5 tông, khoản hạng các sự việc và Chiến tranh hòa bình (Peace War), Con tên gọi của nó, luôn luôn có những điều đường (The Path), Vương quốc của Hạnh mà mình chưa biết đến«. phúc (The kingdom of Happiness), Cuộc gặp gỡ của Đông Tây (The meeting of the KIẾT LẬT SẮT NÕA MỤC NHĨ ĐỂ East and the West), Cuộc sống trong tự do (1895-1986) (Life in Freedom), Giá trị của cá tính (The Krishnamurti Ziddu. Thiền sư cư

sĩ của thế Value of Individuality), Mục đích của Giáo kỷ XX, người đời tôn xưng là đấng đạo sư, dục (The purpose of Education), Truyền tên là Ziddu, dòng tộc Bà-la-môn, Ấn Độ. thống đã đánh mất linh hồn (Tradition Năm 15 tuổi, ông được bà chủ tịch Thông which has lost its soul), Giáo dục và ý thiên hội là Annie Besant nhận làm con nghĩa của cuộc đời (Education and the nuôi, bảo trợ cho ông ăn học. Từ năm 1912 Significance of life), Sự tự do đầu tiên và đến 1920, ông sống ở vương quốc Anh, cuối cùng (The first and last Freedom), được các tín đồ của Hội Thần Trí Anh đón Bàn luận về sự sống các loạt 1, 2 và 3 tiếp và mời trú ngụ. Tháng 8 năm 1922 (Commentaries on Living 1st 2nd and 3rd ông bắt đầu nhập định tại California, trải series), Về học tập (On Learning). nghiệm sự thông cảm phổ biến, như là sự Thơ: Tìm kiếm (The search), Những người kết nối tuyệt đối với trần thế. Năm 1929, bạn bất diệt (The Immortal Friends), Tiếng ông công bố sự giải thể của dòng Ngôi sao hát cuộc đời (The Song of life), Đi xa Phương Đông, từ chức ở Hội Thần Trí, (Come Away).

KÝ NHƯỢC Mặc dù mang hình thức cư sĩ và từ bỏ mọi cầm cây cuốc, đi bộ mà cưỡi trâu, người đi nhãn hiệu, song vì những lời nói »tùy trên cầu thấy cầu trôi mà nước chẳng phương cởi mở« và phong cách sống ung trôi«. dung tự tại của ông nên ông vẫn được mọi người xưng tụng là đấng Đạo sư của thế KỊP gian. Còn gọi: Kịp hồ, kịp hiệp. Nghĩa là cơ hồ. Tiết Tuyết Phong Hòa thượng trong TĐT KIẾT VÂN THIỀN TỰ THÁP q. 7 ghi: » – Nếu không phải là ta thì cơ hồ Trong khuôn viên chùa Long Phúc, thị trấn bị ngươi mê hoặc.« Cổ Thanh Long, huyện Thanh Phố, thành phố Thượng Hải, Trung Quốc, nên còn gọi KÝ ›Thanh Long Tháp«. Khi vua Khang Hy đi Đến, tận. Tiết Bác Sơn Hòa thượng truyện Nam tuần, ban cho chùa Long Phúc tên trong NHQL q. 35 ghi: » »Kiết Vân Thiền Tự«, nên tháp này cũng gọi là »Kiết Vân Thiền Tự Tháp«. X. – Bắc đến Yên Đô, Nam tận Giao »Thanh Long Tháp«. Chỉ, số người tưởng nhớ tiếng tăm của sư mà đến trong năm tính tới số ngàn«. KIỆT ĐẨU Bia đá đặt trên dốc đứng, dụ chỉ người linh KÝ lợi. Tiết Đầu Tử Thanh Thiền sư trong Còn gọi: Ký biệt. Lời dự đoán của Phật-đà, NGCTT ghi: » – Tổ sư đối với đệ tử thành Phật, ngộ đạo Núi giáng sinh kẻ xuất chúng, trời sinh ra giáo hóa. Tiết Vĩnh An Thiện Tịnh Thiền bậc linh lợi«. sư trong NĐHN q. 6 ghi: »

KIỀU LƯU THỦY BẤT LƯU

Còn gọi: Đông Sơn thủy thượng hành (2), – Thiền sư Lạc Phố Thanh Sơn vận bộ (3). thượng đường nói với chúng rằng: Đừng Nghĩa đen: coi thường Viên đầu (chỉ Thiện Tịnh) ngày Cầu trôi nước chẳng trôi (1) sau dưới pháp tòa có năm trăm người. Về Ngọn Đông Sơn trôi trên nước (2) sau khi Thiện Tịnh trụ Vĩnh An, tăng chúng Ngọn Thanh Sơn đi trên đất (3) hơn năm trăm người, quả nhiên đúng như Thiền tông dùng những câu nói này để lời dự đoán của Lạc Phố.« hình dung cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, được chuyển đổi từ nhận thức thông KÝ NHƯỢC thường sang sự hiểu biết vượt khỏi ý thức. Đã. Tiết Dược Sơn Hòa thượng trong TĐT CĐTĐL q. 27 (Đại 51, 430 trung) ghi: » q. 4 ghi: » – Đã như thế, lúc – Tay không mà Phật tại thế còn chế ra 250 giới để làm

KỶ KỶ chi?«.

L KỶ KỶ LA HẦU TỰ Mấy cái, mấy người (ngầm chỉ số lượng rất Chùa nằm phía đông Hiển Thông Tự, thị ít). Tiết Phúc Ứng Văn Thiền sư trong trấn Đài Hoài, Ngũ Đài Sơn, tỉnh Sơn Tây, NĐHN q. 14 ghi: » Trung Quốc, là một trong năm đại thiền tự của Ngũ Đài Sơn. Được xây cất vào đời – Chổi lông rùa quét bít Đường, niên hiệu Hoằng Trị thứ 5 (1492) hư không, gậy sừng thỏ chống đỡ môn đời Minh xây cất lại. Đời Thanh trở thành đình. Mặt trời chiếu xuống rừng san hô, kẻ miếu Lạt-ma. Kiến trúc chủ yếu hiện còn biết tâm có được mấy người?«. Thiên vương điện, Văn-thù điện, Đại Phật điện, Tàng kinh các, sương phòng phối điện, lang ốc, thiền viện. KỴ LƯ MỊCH LƯ LA HỒ DÃ LỤC Bút ký, 2 quyển, do Hiểu Oánh soạn vào Còn gọi: Kỵ ngưu mịch ngưu (cưỡi trâu tìm đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập trâu). Cưỡi lừa tìm lừa, dụ cho phàm phu 142, trang 961 và cũng được xếp vào Tứ không thấy Phật tính của chính mình mà Khố Toàn Thư. Tác giả là đệ tử của Thiền hướng ngoại tìm cầu, cũng như cưỡi lừa sư Đại Huệ Tông Cảo, thời trai trẻ từng đi mà tìm lừa, chẳng biết dưới chỗ mình ngồi khắp các tùng lâm, tuổi già trở về nghỉ ở là con lừa mà mình đang tìm. Thanh Viễn La Hồ, Lâm Xuyên (nay thuộc tỉnh Giang ngữ lục trong CTTNL q. 31 ghi: » Tây). Sư thu thập những điều thấy nghe trong tùng lâm, những lời đề xướng của chư Tôn túc các nơi, những lời bàn bạc – Long Môn (là pháp nghị luận của bạn bè. Cũng từ những văn hiệu của thiền sư Thanh Viễn) nói chỉ có bản rất xưa như bia còn sót lại và thẻ tre bị hai thứ bệnh: một là cưỡi lừa tìm lừa, hai mọt, sư gom chép những tư liệu có liên là lỡ cưỡi lừa rồi mà chẳng chịu xuống«. quan rồi biên tập lại thành sách, khoảng gần trăm thiên. Đây là quyển sách ghi chép Tiết Phúc Châu Đại An Thiền sư trong tỉ mỉ về công án Thiền môn đương thời, cơ CĐTĐL q. 9 ghi: » phong ngữ cú, những sự thật về chư tăng có ý nghĩa lịch sử đã qua, có đủ giá trị sử – Sư liệu, được xem là 1 trong 7 bộ sách của liền đến chỗ Bách Trượng, lễ bái rồi hỏi Thiền môn, trong tùng lâm cần phải đọc, rằng: Học nhân muốn biết Phật, làm sao có thể nói là chỉ nam tu đạo của thiền tăng. mới phải? Bách Trượng nói: Rất giống Khi Lệ Ngạc soạn »Tống Thi Kỷ Sự«, cưỡi trâu tìm trâu!«. phần lớn trích tư liệu từ sách này.

LA TRAI LA LA LÝ trở về mới gọi là ngồi an nhàn; Song Lời cảm thán dùng trong thi ca ngâm vịnh Phong thường tới lui mới khế hợp vô để điều chỉnh tiết tấu hoặc bổ túc âm tiết, sinh.« mang sắc thái khẩu ngữ. Tiết Dương Kỳ Phương Hội Thiền sư trong NĐHN q. 19 LA PHÙ SƠN ghi: » Còn gọi: Đông Tiêu Sơn, cùng với Tây Tiêu Sơn ở huyện Nam Hải danh tiếng – ngang nhau. Núi ở phía tây bắc huyện Bắc Sư thượng đường: Phúc mỏng trụ Dương La tỉnh Quảng Đông Trung Quốc. Núi có Kỳ. Mấy năm nay sức suy. Gió Đông tỉa 432 ngọn, nổi tiếng đẹp đẽ lạ thường. Thời trụi lá. Vui thấy bạn cũ về. La la lý! Giơ Lương Nam Triều, Trí Ước sáng lập chùa lên khúc củi khô, rốt cuộc không lửa khói«. Bảo Tích. Ngoài ra còn có các chùa Diên Tường, Nam Lâu, Long Hoa, Tư Phúc, LA LONG ĐẢ PHỤNG Hoa Thủ, Hoa Nghiêm, Đại Từ, Diên Bủa lưới đón rồng bắt phụng, ý nói khống Khánh, các bậc danh tăng Thiền tông nhiều chế người khác. Tiết Tuyết Phong Huệ đời như Hy Thiên, Duy Nghiễm, Đại Điên, Thiền sư trong NGCTT q. 4 ghi: »

Hạnh Minh từng trụ tích nơi này. Đạo giáo gọi núi này là »Đệ Thất Động Thiên«, »Đệ – Bủa lưới Tam Thập Nhị Nguyên Phúc Địa«. đón rồng bắt phụng, lưới tơ sen giăng dày đặc bầu trời. Săn thỏ bắn hoẵng, bẫy nhạy LA QUÝ (852-936) phải đặt đúng cách, tên nhọn phải bắn cho Thiền tăng thời Bắc thuộc, thuộc dòng Tỳ- trúng đích«. ni-đa-lưu-chi đời thứ 10, nối pháp Thiền sư Thông Biện. Sư họ Đinh, quê ở An Chân LA LUNG (tức làng Phù Ninh, huyện Từ Sơn, tỉnh Hà Bao phủ, trói buộc, khống chế. Mật Am Bắc ngày nay) miền Bắc Việt Nam. Sư trụ ngữ lục ghi: » trì chùa Song Lâm, làng Phù Ninh, phủ – Chẳng bị pháp thế gian, xuất Thiên Đức. Sư là người thấu suốt thuật thế gian trói buộc«. Hoặc: » phong thủy và sấm vĩ học, lúc trồng cây – Ngàn người muôn người Miên (để trấn chỗ Cao Biền đào đứt long khống chế chẳng nổi«. mạch), sư có làm bài kệ: »Đại sơn đầu rồng dấy, đuôi to ẩn Chu LA PHÙ Minh Vốn chỉ cho La Sơn và Phù Sơn ở Quảng Thập bát tử định thành, cây gạo hiện hình Đông. Là núi tiên trong truyền thuyết thần rồng thoại, về sau chỉ chung cho thắng cảnh núi Thỏ gà trong tháng chuột, quyết thấy mặt tiên. »Huệ Trung truyện« trong TCTT q. 9 trời lên«. ghi: »Diệc khả La Phù bất qui, phương danh yến toạ; Song Phong trường vãng, thỉ LA TRAI khế vô sinh giả tai. – La Phù cũng không Còn gọi: Thác bát, Hành khất, Khất thực.

LẠC BÁN ĐỒ Có 2 nghĩa: — Đi bốn phương khất thực, tiếp nhận thức ăn của thí chủ cúng dường.
— Đạo sĩ tăng nhân lập hội chúng, đợi – Suốt đời Ngũ Tổ lão sư nghiêm người mời gọi để thiết trai. ngặt ít hứa khả cho ai, lạnh lùng như bức vách, chỉ dựa vào thủ đoạn này. Thường tự LẠC BÁN ĐỒ bảo như tựa vào tòa núi Tu-di, đâu dám Còn gọi: Lạc đồ trung. Bị kẹt ở nửa đường. giả dối khua môi múa mép để gạt người?«. Thiền pháp cần phải lập tức lãnh ngộ, không có trình tự thứ lớp, bị kẹt ở nửa LẠC NHỊ LẠC TAM đường chẳng phải thật ngộ. Tiết Nghệ Rơi vào thứ hai thứ ba. Nhà Thiền cho ngôn trong NHQL q. 29 ghi: » rằng Thiền pháp là pháp thứ nhất, chỉ có một pháp, rơi vào thứ hai thứ ba chẳng phải thiền pháp. Phương Hội ngữ lục trong – Tham thiền cần CTTNL q. 19 ghi: » phải tham câu vô nghĩa, không nên tham câu có nghĩa lý. Vì người tham câu có nghĩa lý phần lớn bị kẹt ở nửa đường, còn người tham câu vô nghĩa mới đến được – Tịnh Hành Đại nhà«. sư bạch chùy rằng: Pháp hội chúng long tượng nên quán nghĩa thứ nhất. Sư nói: LẠC CĂN TRẦN Đại chúng, sớm đã rơi vào nghĩa thứ hai, Rơi vào tình thức tục trần. Tiết Nghệ ngôn thứ ba rồi, các vị sao không mang lấy chí trong NHQL q. 29 ghi: » trượng phu? Nếu không phải thế, có nghi xin hỏi«. LẠC TAM LẠC TỨ
Rơi vào thứ ba thứ tư. Thiền pháp là nghĩa – Tham thiền chẳng thứ nhất, chỉ có một pháp, rơi vào thứ ba quản đến câu có nghĩa, câu vô nghĩa, quý thứ tư đã chẳng phải là thiền pháp và cách ở chỗ mình không chấp trước nghĩa lý mà thiền pháp càng xa. Thung Dung Am lục q. thôi. Như câu ›Linh quang riêng chiếu, 1: » vượt khỏi căn trần‹ của ngài Bách Trượng là câu có nghĩa. Ngươi biết được cái linh – Các vị chưa đến pháp đường,

quang này chăng? Ngươi vừa muốn biết, Vạn Tùng chưa ra khỏi phương trượng, đã sớm rơi vào tình thức tục trần rồi vậy«. nếu khi ấy lãnh hội được, đã là rơi vào thứ ba thứ tư rồi«. LẠC HƯ Giả dối, giả mạo. Tiết Phật Quả Viên Ngộ LẠC TẬN MY MAO Cần Thiền sư trong GTPĐL q. 25 ghi: » Nếu thiền gia hạ ngữ mà chưa hợp tông

LẠC VĂN THÁI chỉ, chẳng khế với cơ phong thì được gọi là Tiết sơn Linh Mặc Thiền sư trong LĐHY Lạc tận my mao (Rụng hết lông mày). Đây q. 4 ghi: » là lời phê bình. Mật Am ngữ lục ghi: » – Lâm Tế tuy là được tiện lợi, nhưng là bất lợi«. LẠC TIẾT – Tiến nói: Ứng Am bảo: Hai cái thùng sơn, Bị thua, chịu thiệt. Pháp Diễn ngữ lục q. mất quách cái lỗ mũi. Lại làm sao?..... thượng ghi: » Tiến nói: Ứng Am chỉ biết người khác mất – Hôm qua ở đó bị thua, hôm đi lỗ mũi, mà chẳng biết nhà mình rụng hết nay ở đây gỡ lại vốn«. lông mày. Sư nói: Chỗ nào là chỗ ông ta rụng hết lông mày?«. LẠC TRƯỚC Rơi vào, thuộc về. Tiết Thị Giác Thiền LẠC THẢO ĐÀM nhân trong Mật Am ngữ lục ghi: » Lời nói quanh co. Lời bàn luận không đạt cứu cánh, thường rơi vào nghĩa thứ hai. Lời này được nói ra bởi tâm từ bi muốn tiếp hóa người học. – Việc cần làm là đặt hai chữ sinh tử lên hàng đầu, lập tức gánh vác, LẠC THẢO HÁN nhảy ra khỏi hang ổ đoạn thường. Biết Vốn có nghĩa là đồ lục lâm (kẻ cướp ở được ruộng vườn của ông cha thuộc về rừng). Thiền tông mượn để chỉ cho gã tăng chính mình, thu thập từng tờ bằng khoán quèn. Tắc 53, Bích Nham lục (Đại 48, 187 cho rõ ràng để không bị người khác giành hạ) ghi: » bờ lấn ranh«. – Mã Đại sư cùng LẠC VĂN THÁI Bách Trượng đang đi, thấy bầy vịt trời bay qua. (Hai gã tăng quèn lăn trong cỏ chợt Câu nệ vào việc trau chuốt lời nói, câu văn. nhìn lại để làm gì?« Tiết Nghệ ngôn trong NHQL ghi: » LẠC THẦN VẪN Rơi vào lời nói giảng thuyết. Tiết Long Hoa Hiểu Ngu Thiền sư trong NĐHN q. 12 – Tâm ấn của Thiếu ghi: » – Thất, há câu nệ vào việc trau chuốt lời nói Chẳng rơi vào một câu giảng thuyết, làm câu văn. Người xưa tạm vì kế tiếp dẫn mới sao nói?«. dùng lời nói, nhưng đều hồn hậu chất phác, ngắn gọn, chuẩn xác và trong sáng LẠC TIỆN NGHI để dạy người chứ chẳng phải khoe hay bày Bị tổn thất, chịu thiệt, bất lợi. Tiết Ngũ khéo, trang sức bề ngoài cho đẹp mà thôi«.

LẠC XỨ LẠC XỨ LAI CƠ Cứu cánh. Bích Nham lục q. 9 (Đại 48, 212 Chỉ cho hàng học nhân đến tham học. thượng) ghi: » Những người đến chỗ thiền sư tham lễ, căn cơ của họ có thượng, trung, hạ sai khác, vì – Thích Ca tự Thích Ca, thế Thiền sư cũng phải tùy theo căn cơ đó Di Lặc tự Di Lặc, người chưa biết cứu mà chỉ dạy giáo pháp không đồng. Cho nên cánh, thường bảo thuốc bệnh hợp nhau«. riêng dùng chữ Lai Cơ để gọi học nhân. 2. Ý. Bích Nham lục q. 1 (Đại 48, 143 Lại nữa, học nhân không đồng căn cơ thì thượng) ghi: » gọi là Lai cơ kính đình. Tắc 2, Thung Dung lục (Đại 48, 228 hạ) ghi: » – Hãy nói lời của Tuyết Đậu, ý tại – Rỗng rang không Thánh, chỗ nào? Phải trở về nhà mình mới có thể căn cơ khác nhau«. Theo: PQĐTĐ của biết được ý

của sư«. nhóm Từ Di.

LẠC Ý LAI DO Gọi đủ: Lạc ý tứ. Sa vào khái niệm, ý Chỉ cho sự thể ngộ đối với thiền pháp. nghĩa. Tiết Bạch Thủy Bản Nhân Thiền sư Chương Ngũ Tiết Hòa thượng trong TĐT trong NĐHN q. 32 ghi: » q. 15 ghi: »
– Hỏi rằng: Ý người này ra sao? Sư đáp: Người
– Đại sư nói: Cách này chẳng sa vào khái niệm, ý nghĩa«. đây bảy trăm dặm có một Thiền sư gọi là Nam Nhạc Thạch Đầu. Nếu ngươi đến đó LAI ắt sẽ thể ngộ thiền pháp.« 1. Từ trước đến nay, Tiết Long Đàm Hòa thượng trong TĐT q. 5 ghi: » LAI PHỤC (1319-1391) – Sư Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên
đầu hỏi ni cô: Ngươi làm ni cô từ trước đến đời Minh, họ Vương, tự Kiến Tâm, hiệu nay bao lâu rồi?« Bồ Am, Trúc Đàm Tẩu, người xứ Phong 2. Đặt ở cuối câu, biểu thị hành vi động tác Thành (nay thuộc tỉnh Giang Tây) Trung đã từng xuất hiện. Mật Am ngữ lục ghi: Quốc. Năm 1342, cạo tóc làm tăng, sư lễ » – thiền sư Nam Sở Sư
Duyệt ở Song Kính Ông ta đã từng gặp Bảo Ninh Dũng, Chân làm thầy. Ít lâu sau sư được ấn chứng nối Tịnh Bối rồi.« pháp Ngài, thuộc tông Lâm Tế. 3. Đặt ở cuối câu, biểu thị ngữ khí nghi Sư từng trụ các chùa: Thiên Ninh ở huyện vấn. Tiết Pháp Xúc Thượng tọa trong Ngân, chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu. Vào NĐHN q. 19 ghi: » khoảng
1368-1398), sư 2 lần đến Nam Kinh, thuyết pháp tại cung đình.
Hai vị – Sư nói: Ta chỉ đem hoa cắm vào lò Vương xứ Thục và xứ Tấn theo sư thưa hỏi hương, Hòa thượng nghi ngờ chuyện gì tâm yếu, đều có chỗ khế hợp. Hàng công nhỉ?« khanh tiếng tăm đều có theo học với sư.

LẠN KHA Tác phẩm: Bồ Am tập. Toản (Toản lười). X. Minh Toản.

LAI QUẢ (1881-1953) LẠI VÂN Thiền tăng hiện đại, họ Lưu, hiệu Tịnh Hiệu của Thiền tăng Trí An đời Minh. X. Như, pháp danh Diệu Thọ, người xứ Trí An. Hoàng Cương, Hồ Bắc, Trung Quốc. Năm 1905, sư đến núi Phổ-đà triều bái, tự mình LAM SÀM xuất gia rồi đến núi Bảo Hoa thụ giới cụ Tướng mạo khó coi. Tiết Bảo Ninh Nhân túc. Năm 1907, sư đến chùa Kim Sơn tập Dũng Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » tham thiền, lấy ngộ làm kỳ hạn, không ngộ thề không ra khỏi thiền
đường. Sư tham – Có một kẻ quái dị lại xấu câu »Người niệm Phật là ai?«. Buổi chiều xí, tướng mạo khó coi, mặt xoay hướng ngày 26 tháng 9 năm 1907, sau cây hương nam mà nhìn sao bắc đẩu.« thứ 6, sư nghe tiếng bảng xả thiền, bỗng LAN tỉnh ngộ. Sau đó, sư trụ trì chùa Cao Mân. Nhằm vào, hướng về. Vô Môn Quan ghi: Sau thời gian làm Ban thủ, sư ẩn nơi động » Tương Tử trong núi Chung Nam.
Năm – Trên đường 1915 trở về chùa Cao Mân và được Trưởng gặp
người đạt đạo, chớ đem nói nín đáp. lão Nguyệt Tổ truyền pháp, tiếp nối trụ trì. Nhằm vào mặt cho một đấm, tức thì nếu Sư chỉnh trị quy củ và chế định »Cao Mân hội liền hội.« tự quy ước«. LẠN KHA LẠI Mục cán búa. Sách Thuật Dị chép: Vương May mà, may phúc. Tiết Thần Đảnh Hồng Chất đời Tấn vào núi hái củi, thấy hai cậu Yên Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: » bé đánh cờ liền đứng xem. Ván cờ xong thì
cán búa của Chất đã mục. Nhân đó, người – Tham sân si, rất vô tri,
may mà ta đặt tên núi là Lạn Kha, ý chỉ chốn thần sáng nay tôi biết được y«. tiên ở. Tắc

57, Thung Dung lục (Vạn Tục 117, 361 thượng) ghi: LẠI AM Hiệu của Thiền tăng Diên Tuấn đời Nguyên. X. Diên Tuấn. LẠI AN »Bất phương tế hạnh thâu tiên thủ Hiệu của Thiền tăng Đại An đời Đường. X. Tự giác thô tâm quý tràng đầu Đại An. Cục phá yêu gian phủ kha lạn Tẩy thanh phàm cốt cộng tiên du«. LẠI TOẢN »Chẳng ngại tế hạnh kém người xưa Thiền tăng Minh Toản đời Đường không Tự biết tâm thô thẹn (với) Thánh hiền chịu lao động nên người đời gọi là Lại

LANG Mới nửa ván cờ rìu đã mục Cốt phàm tẩy sạch hóa thành tiên«. – Động Sơn cùng Mật Sư Bá trở lại tham vấn thiền sư Minh Triết. Sư hỏi: LANG Hai thượng tọa từ đâu đến? Sơn đáp: Hồ Ông chủ. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Nam. Sư bảo: Quan sát sứ họ gì? Đáp: – Tớ chủ chẳng rõ, Không có họ. Sư hỏi: Tên là gì? Đáp: khách chủ chẳng phân«. Không có tên. Sư hỏi: Có giải quyết công việc được không? Đáp: Tự có phó quan LANG DA SƠN GIÁC HÒA rồi«. THƯỢNG NGỮ LỤC LANG MANG Gọi đủ: Trừ Châu Lang Da Sơn Giác Hòa Vội lấy. Vô Môn Quan ghi: » thượng ngữ lục. Còn gọi: Lang Da Giác ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Lang Da – Huệ Giác soạn vào đời Tống, đệ tử là Long Đàm thực như người thương con Nguyên Tụ biên tập, được xếp vào Cổ Tôn không sợ dơ xấu, thấy kẻ kia có đôi chút Túc ngữ lục quyển 46 và Tục Tạng kinh tập lửa, vội lấy nước dơ dập tắt liền«. 118, trang 774. Nội dung gồm có những lời thị chúng, Thượng đường, Tiểu tham, LANG TIÊU Niêm cổ của ngài Huệ Giác. Chỉ cho chiếc gậy thiền tăng hay dùng. Lang tiêu là tên một loại gỗ có thể làm LANG ĐANG thành chiếc gậy. Tiết Tuyết Phong Đạo Nói năng lôi thôi, lải nhải. Vô Môn Quan Viên Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: » ghi: » – Một chiếc gậy mặc tình tung hoành.« – Đạt-ma từ phương Tây đến, chẳng chấp LANG TIÊU HOÀNH ĐẢM văn tự, chỉ thẳng tâm người, kiến tính thành Phật. Nói chỉ thẳng đã là quanh co Chỉ cho tăng nhân đi hành cước. Tiết Tây rồi còn nói thành Phật thật là lải nhải Thiền Thủ Tịnh Thiền sư trong NĐHN q. chẳng ít«. 20 ghi: » LANG MẠC – Chức phó quan phụ trách về hành chính có Hỏi: Trước cổ Phật đường người nào đến liên quan đến việc quân sự. Tiết Bách trước? Sư nói: Già làng không có con mắt. Nham Minh Triết Thiền sư trong NĐHN q. Hỏi: Chẳng biết làm sao tiến tới? Sư nói: 5 ghi: » Hãy vác gậy hành cước đi!« LANG TIÊU VỊ ĐẢM Chỉ cho trước khi đi hành cước. Tiết Thiên

LÃNH CHÚNG Đồng Phổ Giao Thiền sư trong NĐHN q. LÃNH 18 ghi: » 1. Thống lãnh, chủ trì. Tiết Khai Thiện – Hễ sư Đạo Khiêm Thiền sư trong NĐHN q. 20 thấy tăng đến, ắt mắng rằng: Trước khi đi ghi: » hành cước ta đã nói với ngươi rồi!« – Về sau, sư theo ngài Diệu Hỷ ở am tại Tuyền Nam, và khi LÃNG Hỷ chủ trì Kính Sơn, sư cũng đi theo«. 2. Đảm nhận, tiếp thu. Tiết Thượng Phong Rỗng, uổng phí. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: Bản Tài Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » » – Do sư nghi ngờ việc ấy liền phát tâm đảm

nhận chức Tịnh đầu«. – Chợt ba tấc hơi dứt, ánh mắt rơi xuống đất, xương cốt rã rời, mọi LÃNH CẤM CẤM việc đều ngưng, một cái du hồn theo Run lẩy bẩy, dáng điệu sợ hãi phát run, nghiệp thọ báo, há chẳng phải là sống chẳng dám mở miệng. Lâm Tế ngữ lục ghi: rỗng chết uổng cam chịu luân hồi sao?« »

LÃNG ĐÃNG THẬP HOA CHÂM – Đồ ngu si! Cả đời ngươi nếu có kiến giải này thì cô phụ đôi mắt của ngươi, run lẩy bẩy như ngựa lừa Lãng đãng là một loại thuốc độc, kẻ nào đi trên băng mỏng«. uống phải thì mắt nhìn thấy những ảo ảnh của kim và hoa, từ này dụ cho nhận giả LÃNH CHỈ làm thật, làm chuyện uổng công. Tiết Tịnh Lãnh ngộ thiền chỉ. Tiết Linh Nham Trọng Từ Ngạn Sung Thiền sư trong NĐHN q. 20 An Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » ghi: »

– Về sau, sư yết – Chư Phật kiến Viên Ngộ ở Tưởng Sơn; khi ấy Phật ba đời trong không nói có, như uống thuốc Tính đang làm Tọa nguyên, sư thưa hỏi độc nhặt hoa châm. Tổ sư sáu đời trong có ông ta, liền lãnh ngộ thiền chỉ«. tìm không, như khỉ mò trăng đáy nước.« LÃNH CHÚNG LÃNG HUY SỰ (1845-1910) Dẫn đầu chư tăng, thống lãnh tăng chúng. Tông Môn Võ Khố ghi: » Thiền tăng đời Thanh, họ Xử, tên Sự, tự Lãng Huy, người xứ Vĩnh Gia (Ôn Châu, – (Phúc Nham Tân Hòa Chiết Giang). Nối pháp Thiền sư Đức Từ thượng) ban đầu đến Động Sơn, khế hợp Diễn, đời thứ 47 hệ Nam Nhạc. Trụ trì nhau trong thất, ngài Chân Tịnh cử sư làm chùa Thiên Mân, Giang Đô. Có ngữ lục Thủ tọa dẫn đầu chư tăng«. truyền lại đời.

LÃNH ĐỊA LÝ HỌC KHÁCH THUNG LÃNH ĐỊA LÝ HỌC KHÁCH LAO LẠC THUNG Khó khăn, chán nản. Tông Môn Võ Khố ghi: » Bắt chước theo người làm công quả. Lãnh địa: Nơi vắng vẻ. Khách thung: Chỉ cho – Đại Thừa tướng Lục tổ Huệ Năng giã gạo 8 tháng nơi Ngũ Lữ Mông Chính, quê ở Lạc Dương, thuở tổ Hoằng Nhẫn ở núi Hoàng Mai. Cả câu hàn vi cuộc sống khó khăn. Suốt cả tháng có nghĩa: Ở nơi vắng vẻ bắt chước Lục Tổ tuyết rơi nhiều, ông đến khắp nhà bạn bè làm công quả. Tiết Sở Thạch Kỳ Thiền sư giàu có nhưng ít có ai chu cấp.« thị chúng trong ThQST ghi: »

LAO LAO Bận rộn, vất vả. Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: » – Vất vả việc đời theo chìm – Trái lại, nếu thiền giả không nổi, một tính sáng ngời từ xưa nay.« biết ý theo nghĩa lý mà tu hành, không để ý đến bản phận sự, không tham cứu cho rõ LAO LỮ bản lai diện mục, mà chỉ bắt chước theo Chỉ cho người tùng sự tạp dịch trong tự người làm công quả và một lòng mong cầu viện. Tiết Tướng quốc Bùi Hưu cư sĩ trong phúc huệ, tiêu trừ nghiệp chướng thì vẫn NĐHN q. 4 ghi: » còn xa lìa Phật đạo chân chính«. – Thiền LÃNH TRAI DẠ THOẠI sư Hy Vận ban đầu ở núi Hoàng Bá thuộc Sách, 10 quyển, do Huệ Hồng soạn vào đời Lĩnh Nam bỏ chúng mà vào tinh xá Đại Tống. Sách này tạp ghi về những điều thấy An, che giấu tông tích làm lao lữ quét dọn nghe, phần lớn là bàn luận về thơ. Tác giả điện đường.« ghi lại mối quan hệ giữa Thiền cùng thơ LAO SINH ca, thể hiện sự tương quan mật thiết giữa Phật giáo và văn học. Sách này văn 1. Cuộc sống vất vả. Tiết

Khô Mộc Thành chương trong sáng, đậm đà thiền vị, có bản Thiền sư trong GTPĐL q. 26 ghi: »Trần in của Trung Hoa Thư Cục. thế lao sinh tảo vãn hưu? Tùy ba trục lãng mạn du du. Như kim lâm hạ an thiền khách, kỷ cá vô tâm đắc đáo đầu? – Trần LAO CƯỜNG thế lao sinh khi nào ngừng? Theo mòi đuổi Kiên cường, kiên định. Uyển Lăng Lục sóng mãi lênh đênh. Hôm nay dưới cội làm ghi: » thiền khách, mấy kẻ vô tâm được như – vầy?« Hỏi: Thế nào là tinh tấn? Sư nói: Không 2. Chúng sinh lao khổ. Tiết Vân Cư Liễu để ý tới thân tâm, đây là tinh tấn kiên Nguyên Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: cường hạng nhất.« »

LÃO CỔ CHÙY – Mười phương chư Phật lải nhải. Đã là vô môn thì nhân đâu có cửa đều ngồi trước mặt thường vì chúng sinh vào, lòng từ bi tha thiết tiếng xấu lưu lao khổ diễn nói đại pháp.« truyền.«

LAO TỪ LÃO BÀ THIỀN Kiên quyết từ chối. Tiết Thạch Sương Loại Thiền có cách thức dạy người rất thân Khánh Chư Thiền sư trong NĐHN q. 5 thiết, dặn dò người học nhiều lần. Từ ngữ ghi: » này hàm ý chê bai. Phần Khám Biện trong – Vua Đường Hy Tông Lâm Tế lục (Đại 47, 503 trung) ghi: » nghe đạo hạnh của sư bèn ban cho tử y, sư kiên quyết từ chối không nhận.« – Phổ Hóa lấy tay chỉ và nói: Hà LÃO AN QUỐC SƯ Dương là cô dâu, Mộc Tháp lão bà thiền, X. Huệ An. Lâm Tế đứa ở đợ có đủ 1 con mắt«. Ngoài ra, trong Nguyên Khúc, có câu nói LÃO BÀ TÂM trong mộng của Đông Pha: »Cát đằng cắt Tấm lòng từ bi của bà già, chỉ cho sự tận đứt lão bà thiền«. tình khuyên bảo, hướng dẫn người học để giúp họ lãnh ngộ. Việc làm này không hợp LÃO BÀ THUYẾT THOẠI với nguyên tắc mà nhà thiền cung cấp như: Chẳng lập văn tự, đốn ngộ tự tâm… Lòng dạ từ bi nói lắm điều. Vân Môn CĐTĐL q. 21 ghi: » quảng lục q. thượng: » – Vị tăng hỏi: Học nhân căn tính chậm chạp, xin Sư từ bi phương tiện mở ra một con đường! Sư nói: Cái này là lão bà tâm.« – Sư thượng đường nói: Ta với ngươi bình đẳng, gặp người biết người. Tại sao ta vì LÃO BÀ TÂM THIẾT lòng từ bi nói lắm điều mà ngươi tự mình Nghĩa là lòng từ bi tha thiết của Thiền sư, không hiểu, mỗi ngày ăn no đi ra lại đi vào thường dùng ngôn cú để khải phát người tìm kiếm cái bát gì! Một lũ chồn tinh này học tỉnh ngộ. Vô Môn Quan ghi: » nương tựa nơi đây để làm gì! Sư lấy gậy cùng một lúc đuổi hết ra ngoài.« LÃO CỔ CHÙY Còn gọi: Cổ chuỳ thiền. Cái dùi được trui – Đ t-ma từ Ấn Độ sang không già, chỉ Thiền sư già có cơ phong sắc bén. chấp vào văn tự, chỉ thẳng tâm người, thấy Tiết Vân Am Văn Thiền sư trong GTPĐL tính thành Phật. Nói chỉ thẳng đã là quanh q. 26 ghi: » co rồi; còn nói thành Phật thì càng thêm

LÃO CƠ DUYÊN này chưa từng cô phụ người.« LÃO ĐẠI TRÙNG – Nêu công án, Tam Thánh nói: Ta Con cọp già. Dụ cho lão thiền sư tinh gặp người thì đưa ra, đưa ra tức là

không thông về cơ phong. Tông Môn Võ Khố ghi: vì người. Hưng Hóa nói: Ta gặp người thì » chẳng đưa ra, đưa ra tức là vì người. Sư nói: Nhìn xem hai lão Thiền sư cơ phong sắc bén này trộm được chút ít gia sản của – Viên Ngộ nói với Nhị Lâm Tế rồi tự chia cương giới, khí thế Lão rằng: Ông ta (chỉ Hòa thượng Pháp xông khắp vũ trụ.« Diễn) quả thực biết ăn nói, còn bọn ta khi nói phí biết bao công phu! Ông ta chỉ cần LÃO CƠ DUYÊN một hai câu là xong, đúng là con cọp già.« Từ để gọi các thiền sư già tinh tường về cơ phong. Tiết Phù Sơn Pháp Viễn Thiền sư LÃO ĐẢO trong NĐHN q. 12 ghi: » Già yếu. Tiết Phong Huyệt Diên Chiểu thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: » – Thiếu niên từng quyết định trận long xà, – Văn Trung (tức khi già yếu còn nghe bài ca trẻ con.« Âu Dương Tu) càng xuýt xoa, thong thả bảo người bạn đồng liêu rằng: Tôi ban đầu LÃO ĐỐNG NÙNG còn nghi việc ngộ thiền là lời nói dối. Hôm Lão già mũi dãi lòng thòng, hiểu rộng ra là nay xem thấy sở đắc của lão cơ duyên này Lão già trẻ nít, Lão già ngây ngô. Lời (chỉ thiền sư Pháp Viễn), nếu chẳng ngộ mắng yêu các vị Thiền sư già. Tiết Liên minh tâm địa, đâu thể có được diệu chỉ Châu Bảo Hoa Hòa thượng trong NĐHN q. này«. 15 ghi: » LÃO DÃ HỒ Con cáo già. Lời mắng đối với lão thiền sư.

Tiết Đại Điên Bảo Thông Thiền sư trong – Nhân có vị tăng hỏi ngài Đại NĐHN q. 5 ghi: » Dung rằng: Sau khi vua ban cho cái áo 6 thù, sư lấy gì để báo đáp Hoàng ân? Dung đáp: Khi đến mặc áo 3 sự thanh tịnh, lúc về treo áo 6 thù. Sư nghe nói, liền bảo: – Một hôm sư đang cầm đồ gãi ngứa Lão già mũi dãi lòng thòng này nói cái gì đi dưới hành lang, gặp một ông tăng chào thế?«. hỏi, sư lấy đồ gãi ngứa đánh vào miệng ông tăng, hỏi: Hiểu chăng? Tăng thưa: LÃO LƯU Không hiểu. Sư nói: Con cáo già Đại Điên Thiền tăng Chi Thiện đời Tống về già

LÃO THIỀN MA không bao giờ xuống núi, ngày đêm đóng LÃO TAO HỒ cửa ngồi thiền. Bởi sư họ Lưu nên tùng Lão Hồ tanh hôi. Lời chê người Hồ lớn lâm tôn xưng sư là Lão Lưu. X. Chi Thiện. tuổi, phần lớn chỉ Sơ tổ Thiền tông là Bồ- đề-đạt-ma. Tiết Long Tường Nam Nhã LÃO MA VƯƠNG Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Lời mắng các vị thiền sư già. Tiết Tịnh Từ Ngạn Sung Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: – Nhị Tổ lạy 3 lạy rồi trở về chỗ cũ mà đứng, đã là ổn đáng mọi bề. Lão Hồ tanh hôi Đạt-ma còn phân chia da tủy khiến cho một phen rộn ràng«. »Nam Sơn hữu cá lão ma vương LÃO THIỀN Quýnh quýnh song mâu phóng điện quang 1. Lão thiền sư. Lời bổ sung của cư sĩ An Khẩu tợ huyết bồn ha Phật Tổ Vãn trong phần cuối quyển Vô Môn Quan Nha như kiếm thọ mạ chư phương«. ghi: » »Nam Sơn có một lão ma vương Đôi mắt sáng lòe ánh chớp buông – Miệng dường chậu máu quở Phật Tổ Lão thiền sư Vô Môn sáng tác 48 tắc ngữ Răng như kiếm bén mắng chư phương«. phán đoán công án cổ đức, giống như người bán bánh dầu khiến kẻ nào mua ăn LÃO NGỐC NÔ thì nuốt vào hay ói ra cũng không được.« Lão trọc. Lời mắng các vị Hòa thượng già. 2. Hiệu của Thiền tăng Sĩ Khuê

đời Tống. Lâm Tế ngữ lục ghi: »Bất thức hảo ố lão X. Sĩ Khuê. ngốc nô!«. »
– Lão trọc chẳng biết tốt xấu«. LÃO THIỀN MA Lời mắng các vị thiền sư già. Bài thơ Tống LÃO QUÁN HÒA THƯỢNG Ngang Duy-na xuất lãnh trong MANL ghi: Thiền tăng Linh Quán đời Đường, người đời gọi là »Lão Quán Hòa thượng«. X. Linh Quán. »Vân Hoàng sơn hạ lão thiền ma LÃO SƯ Lăng bể tông phong tội quá đa Lão thiền sư. Huệ Tịch ngữ lục ghi: » Quân nhược đáo môn thâm vấn tấn Khán cừ kỹ lưỡng phục như hà?« – »Dưới núi Vân Hoàng lão thiền ma Nham Đầu nói: Cái lão thiền sư này Xúc phạm tông phong tội lỗi nhiều (Thiền sư Huệ Tịch) ta tưởng đâu bị giấy Nếu anh đến cửa siêng thưa hỏi nát chôn vùi rồi, thì ra vẫn còn.« Coi y tử tế được bao nhiêu?«

LÃO TÚC Nhà Thiền thường dùng những lời quở (năm 1603) đời Minh, hưởng thọ 61 tuổi, Phật mắng Tổ, cũng là một thứ cơ phong Tăng lạp 44, Giới lạp 41, Pháp lạp 30«. được lập bày; phần lớn những lời mắng giống nhau, đôi khi chẳng phải thật mắng, LẠP NGUYỆT PHIẾN TỬ đôi khi hàm ngữ khí khen ngợi, thường là lời gọi đùa hàm ý xưng tụng thân mật. Từ Lạp nguyệt là tháng chạp âm lịch, thời gian đó, người ta thấy được ngôn ngữ đặc sắc này không cần đến chiếc quạt, dụ cho ngôn trong nhà thiền. cú tri giải vô dụng, thừa thải. Tiết Tiên Thiên thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: » LÃO TÚC Thiền sư già. Phần Công án của tắc 88, Bích Nham lục q. 9 (Đại 48, 212 hạ) ghi: » – Tăng tham vấn, vừa mới trải tọa cụ, sư nói: Chẳng – Huyền Sa dạy chúng: Các thiền sư cần trò chuyện cùng nhau, hãy trả lại cho già ở khắp nơi đều nói tiếp vật lợi sinh, ta đạo lý lúc vẻ đẹp chưa sinh. Tăng nói: chợt gặp ba loại người bệnh đến, làm sao Con có miệng, nếu câm đi thì thật nhàn mà tiếp?«. rồi, chết khổ sở mà tìm ngôn cú tri giải để làm gì?« LẠP Lượng từ dùng để tính tuổi của người xuất LẠP NGUYỆT TAM THẬP DẠ gia theo đạo Phật. Tùy cách tính theo năm xuất gia, thụ giới, nhập hạ an cư mà có các Đêm ba mươi tháng chạp tức ngày cuối tên gọi khác nhau: cùng của một năm, nhà Thiền dùng để chỉ — Tăng lạp: Số tuổi của người xuất gia đời người sắp hết, giờ chết gần kề. Uyển được tính kể từ lúc cạo tóc vào chùa. Lăng lục ghi: » — Giới lạp = Huệ mạng: Số tuổi của – Từ người xuất gia được tính kể từ lúc được thụ trước nếu chẳng lo tu cho triệt ngộ, thì giới cụ túc. đêm ba mươi tháng chạp đến, tha hồ cho — Pháp lạp = Hạ lạp: Số tuổi của người ngươi rối loạn.« xuất gia được tính sau khi thụ giới và mỗi năm phải có nhập hạ an cư. LĂNG ĐOẠT Truyện Chân Khả Đại Sư trong Vân Cư Xâm nhập, thay thế. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: Sơn Chí ghi: » » 1543 – Cảnh sáng tối tự thay thế 1603 nhau, còn tính hư không bao la, không thay đổi«.
– Sư sinh vào niên hiệu Gia Tĩnh thứ 22 (năm 1543) đời LĂNG-GIÀ KINH Minh, tịch vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 31 Gọi đủ: Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo Kinh.

LĂNG-GIÀ SƯ TƯ KÝ Kinh, 4 quyển, do Phật Thích-ca-mâu-ni LĂNG-GIÀ SƯ TƯ KÝ thuyết tại núi Lăng-già, được xếp vào Đại Còn gọi: Lăng-già Sư Tư Huyết Mạch Ký. Chính Tạng tập 16, trang 480, 514, 587. Ký, 1 quyển, do Tịnh Giác biên tập vào

đời Lăng-già: Tên núi. A-bạt-đa-la: dịch âm Đường, được xếp vào Đại Chính Tạng tập tiếng Phạn, có nghĩa là tiến vào. Toàn câu 85, trang 1283. Sách này ghi chép lại quá có nghĩa là Kinh báu do Đức Phật vào núi trình truyền thừa Kinh Lăng-già trải qua 8 Lăng-già để thuyết. Kinh này tuyên thuyết đời. Tác giả đứng trên lập trường Thiền thế giới vạn vật đều do tâm tạo, đối tượng tông Bắc Tông để soạn thuật lịch sử truyền nhận thức của chúng ta chẳng phải ở ngoại thừa Thiền tông vào thời kỳ đầu. Do vì giới mà ở nội tâm. Đây là kinh điển đại thuở sơ kỳ, các bậc Tông sư truyền pháp biểu tư tưởng Phật giáo Đại thừa. Có 3 bản đặc biệt xem trọng Kinh Lăng-già, nên đặt dịch kinh này từ Phạn sang Hán như sau: tên sách này là »Lăng-già Sư Tư Ký«. 1. Bản thời Lưu Tống do Cầu-na Bạt-đà-la Nội dung theo thứ tự gồm: dịch, còn gọi Tống dịch Lăng-già Kinh, Tứ 1. Cầu-na Bạt-đà-la, dịch giả Kinh Lăng- quyển Lăng-già Kinh. già. 2. Nhập Lăng-già Kinh do Bồ-đề-lưu-chi 2. Bồ-đề Đạt-ma. dịch vào thời Bắc Ngụy, còn gọi: Thập 3. Huệ Khả quyển Lăng-già Kinh, Ngụy dịch Lăng-già 4. Tăng Xán Kinh. 5. Đạo Tín. 3. Đại Thừa Nhập Lăng-già Kinh do Thật- xoA-nan-đà dịch vào đời Đường, còn gọi: 6. Hoằng Nhẫn Thất quyển Lăng-già Kinh, Đường dịch 7. Thần Tú, Huyền Trách, Lão An. Lăng-già Kinh. 8. Phổ Tịch, Kính Hiền, Nghĩa Phúc, Huệ Tứ quyển Lăng-già Kinh được Sơ tổ Bồ-đề Phúc. Đạt-ma phó chúc cho Huệ Khả là bộ sách Tám đời truyền thừa này đều thuộc hệ được Thiền tông đặc biệt xem trọng. Vào thống Thiền tông Bắc Tông. thời Nam Bắc Triều kinh này chưa được Nội dung sách này chẳng những là truyện phổ cập. Đến đời Đường theo đà phát triển ký mà còn là tư liệu bao quát các tư tưởng của Thiền tông, Kinh Lăng-già mới được Thiền tông như: chú ý. Thời ấy cũng thấy xuất hiện các từ — Thuyết »Tứ chủng an tâm« trong truyện Lăng-già Tông, Lăng-già sư. Từ sự ghi Cầu-na Bạt-đà-la. chép các sách »Lăng-già Nhân Pháp Chí«, — Tư tưởng Hoa Nghiêm »Nhất tức nhất »Lăng-già Sư Tư Ký«, người ta có thể thấy thiết« trong truyện Tăng Xán. rằng trong thời gian ấy các sư dùng kinh — Thuyết »Tức tâm tức Phật«, »Nhất này làm tín vật y cứ để truyền thừa, phân hạnh tam muội«, »Thủ nhất bất di« trong chia Thiền ra làm 4 loại: Ngu phu sở hành truyện Đạo Tín. thiền, Quán sát nghĩa thiền, Phan duyên Ngoài ra còn nói đến công phu tọa thiền, như thiền, Như Lai thiền. Kinh này là văn việc Hoằng Nhẫn phó pháp cùng với chỗ hiến đáng được giới nghiên cứu Thiền tông thuật của Đàn Kinh thấy có điểm bất đồng. xem trọng. Sách này là văn hiến quan trọng để nghiên

LĂNG NGHIÊM TỰ cứu lịch sử Thiền tông vào thời kỳ đầu. LÂM CƠ Nguyên bản sách này hiện còn ở Viện Bảo Gặp cơ duyên, đối mặt thiền cơ. Bích Tàng Đại Anh tại London, Thư viện quốc Nham Lục q. 1 ghi: » gia tại Paris.

– Triệu LĂNG NGHIÊM TỰ Châu lâm cơ giống như bảo kiếm Kim Chùa cách thành phố Trạm Giang, tỉnh Cang Vương, ông do dự lập tức lấy đầu Quảng Đông, Trung Quốc 20km về phía ông, luôn luôn ở trước mặt móc mắt ông.« tây nam. Chùa này nguyên là đền thờ Linh Huệ Hầu. Khoảng niên hiệu Tĩnh Khang LÂM DƯƠNG TỰ (1126-1127) đời Tống tăng nhân Tôn Thuộc khu núi Bắc Phong, cách trung tâm Tổâng đổi nó thành thiền am. Niên hiệu thành phố Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, Kiến Viêm thứ 3 (1129) Lý Cương bị Trung Quốc 19km. Là một trong năm đại giáng chức và đày đến Lôi Châu, giao du thiền lâm của Phúc Châu. Theo »Tam Sơn với

Tôn Tổng. Tôn Tổng đem ba chữ »Hồ Chí« ghi thì chùa xây cất vào niên hiệu Quang Nham« do Lý Cương viết khắc vào Trường Hưng thứ 2 (931) đời Hậu Đường, đá nơi đỉnh chùa. Về sau đổi tên là »Lăng ban đầu gọi là »Lâm Dương Viện«. Theo Nghiêm Tự«, còn gọi là »Lăng Nham Tự«. »Mân Đô Ký« thì chùa lập vào niên hiệu Lưng chùa tựa Sư Lĩnh, mặt chùa đối diện Thiên Phúc thứ 1 (936) đời Hậu Tấn. Đầu Hồ Thủy, Phật điện xây dựng dưới mỏm đời Minh chùa bị phá hủy. Niên hiệu Vạn núi, kiến trúc tinh xảo khác thường. Lịch thứ 40 (1612) xây dựng lại, đổi viện thành chùa, sau lại bị phá hủy. Tự vũ hiện LĂNG TẰNG còn là do Cổ Nguyệt, Viên Lãng trụ trì Có cạnh có góc, khí thế oai nghiêm. Tiết chùa Dũng Tuyền, Cổ Sơn quyên góp vật Huệ Lâm Tông Bản Thiền sư trong NĐHN tư xây cất lại vào khoảng niên hiệu Quang q. 16 ghi: »
Tự (1875-1908) đời Thanh, đổi tên là »Lâm Dương Tự«. Quần
thể kiến trúc đại khái mô phỏng chùa Dũng Tuyền, Cổ Sơn,
– Thượng đường: Đầu tròn giống lấy Thiên vương điện, Đại hùng bảo điện, trời, chân vuông tợ đất, dáng dấp oai Pháp đường làm kiến trúc chủ thể trục nghiêm, chí khí trượng phu. Xô ngã núi Tu- giữa, hai bên đứng sừng sững lầu chuông di, đá đổ Hương Thủy, Đế Thích cùng lầu trống, thiền đường bên cạnh, tăng thất, Long vương không có chỗ dung thân«. khách sảnh, quy mô hùng vĩ. Phía tây chùa LĂNG TẰNG có tháp cất giữ xương cốt của Thiền sư Ẩn Cao vút một mình. Phần Dương ngữ lục q. Sơn xây vào niên hiệu Vĩnh Định thứ 4 thượng: » (560) đời Trần Nam Triều.
– Tháp đá cao vút cùng vũ LÂM GIAN LỤC trụ, linh vàng rung lắc động trời người«. Bút ký, 2 quyển, do Huệ Hồng soạn vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập

LÂM TẾ TỰ 148, trang 585. Nội dung gồm có những lời vào đời Đường, do vì Tổ trụ trì thiền viện ứng đối, bàn luận đạo lý của Huệ Hồng với Lâm Tế thuộc Hà Bắc nên gọi là tông Lâm các bậc thắng sĩ trong nhà thiền về: NhữngTế. Môn phong tông này cao vút, tiếp dẫn phẩm hạnh thanh cao của chư Tôn túc, các người học bằng phương pháp đánh và hét loại di huấn trong tùng lâm, ý chỉ vi diệurất mạnh mẽ thẳng thắn, chiếu dụng đều của chư Phật Bồ Tát và sự tích tham thiền thực hành. Con cháu tông Lâm Tế rất đông của các hiền sĩ đại phu. Tổng cộng hơn 100đúc, đến đời Bắc Tống lại phân ra 2 phái là thiên, thường được lưu truyền rộng rãi Hoàng Long và Dương Kỳ, pháp mạch kéo trong tùng lâm. Huệ Hồng còn trứ tác dài mãi đến ngày nay. Pháp Diễn ngữ lục »Lâm Gian Hậu Lục« 1 quyển, chính là q. thượng ghi: » các phần tán,
minh, tự trong »Thạch Môn – Tăng hỏi: Văn Tự Thiền« từ quyển thứ 17
đến quyển Thế nào là tông Lâm Tế? Sư đáp: Kẻ ngũ 20 cũng do sư soạn ra, và sách này cũng nghịch nghe tiếng sấm«. Duy Tắc ngữ lục được xếp vào Tục Tạng kinh tập 148, trang q. 9 ghi: » 648. – Tông Lâm Tế đánh và hét
xen nhau như sấm nổ LÂM HẠ điện chớp, đoạt nhân đoạt cảnh, chiếu Còn gọi: Lâm tuyền. Trong rừng núi, chỉ dụng đồng thời«. cho chỗ tu hành của tăng nhân xa lìa trần tục. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: » LÂM TẾ TÔNG CHỈ – Kẻ
hạ thần Sách, 1 quyển, do Huệ Hồng soạn vào đời làm tăng trong rừng núi cử xướng như thế Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập nào?« 111, trang 171. Tác giả dẫn ra các phần đề xướng của chư Tôn túc, Cổ đức, luận rõ về LÂM TẾ LỤC các pháp yếu:

Thập trí đồng chân, Tứ tân Gọi đủ: Trấn Châu Lâm Tế Huệ Chiếu chủ, Tam huyền tam yếu để hướng dẫn Thiền sư ngữ lục. Còn gọi: Lâm Tế Nghĩa người học ngộ được tông chỉ đặc thù của Huyền Thiền sư ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, tông Lâm Tế. do Lâm Tế Nghĩa Huyền soạn vào đời Đường, Tam Thánh Huệ Nhiên biên tập, LÂM TẾ TỰ được xếp vào Đại Chính Tạng tập 47, trang 1. Còn gọi: Lâm Tế viện. Chùa ở huyện 495. Nội dung thu thập pháp ngữ của thiền Chính Định tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc, sư Nghĩa Huyền, Tổ tông Lâm Tế. Nội được sáng lập vào niên hiệu Hưng Hòa thứ dung phân ra 3 phần: Ngữ lục, Khám biện, 2 (540), đời Đông Ngụy. Khoảng niên hiệu Hành lục. Đại Trung (847-859) đời Đường, Nghĩa Huyền trụ chùa này, hoằng dương Thiền LÂM TẾ TÔNG tông, lập ra tông Lâm Tế, người học bốn Một trong ngũ gia (5 nhà) của Thiền tông phương tụ về. Chùa vốn ở ngoài thành Trung Quốc, thuộc hệ Nam Nhạc. Tổ sáng Chính Định, thôn Lâm Tế, năm 867 Nghĩa lập là thiền sư Nghĩa Huyền (?-867) sống Huyền thị tịch, đệ tử ở trong thành Chính

LÂM TẾ TỰ TRỪNG LINH THÁP Định xây tháp lưu giữ y bát, gọi là »Lâm Định (1161-1189) đời Kim. Tháp cao 33 Tế Tự Trừng Linh tháp«, chùa cũng dời mét, hình bát giác chín tầng mái kín. Tháp vào trong thành. Đời Kim, đời Nguyên đứng trên bệ đá hình vuông, dưới bệ có chùa được trùng tu nhiều lần. Niên hiệu nền đá hình bát giác, trên bệ là tòa Tu-di Thiên Thuận (1457-1464) đời Minh, trong chạm trổ rất đẹp, trên tòa Tu-di có bình tòa chùa có đúc thêm chuông Phạm. Sau đó và lan can, trên nữa là tòa hoa sen. Trên chùa bị phá hủy, hiện đã được sửa lại mới. tòa hoa sen là tầng thứ nhất của tháp. Tầng 2. Chùa ở Viên Sơn thành phố Đài Bắc, thứ nhất rất cao, bốn bên có dùng gạch tỉnh Đài Loan, được sáng lập vào niên hiệu khắc làm cửa sổ, cột trụ; trên củng môn Tuyên Thống thứ 1 (1909) đời Thanh, vốn chính diện đặt tấm biển »Lâm Tế Tự Trừng là đạo tràng quan trọng của tông Lâm Tế Linh Tháp«. Thân tháp gồm 9 tầng mái Nhật Bản. kín, có đấu củng nâng đỡ mái. Tháp này từ Năm 1945, chùa được tiếp quản do Pháp toàn thể đến cục bộ độ tỉ lệ xích rất nhỏ, do sư Bản Viên ở Quán Âm sơn, trải qua đó biểu lộ vẻ xinh xắn tinh tế. Đặc biệt là nhiều đời trụ trì giỏi giang của các vị Pháptrên dưới không có phần rườm rà nên càng sư như: Thạch Mãn, Tâm Ngộ, Bạch thấy thanh tú khả ái. Tháp tạo hình rất đẹp, Thánh, chùa mới có quy mô như ngày nay. kết cấu tinh xảo, điêu khắc tinh mỹ, hình dáng trong sáng, đúng là một kiệt tác trong LÂM TẾ TỰ TRỪNG LINH THÁP các tháp mái liền kề. Tháp nằm trong thành huyện Chính Định, LÂM TẾ TƯỚNG QUÂN tỉnh Hà Bắc Trung Quốc. Do xây bằng Trong lúc hỏi đáp khám nghiệm nhau, gạch màu xanh lam nên gọi là »Thanh Thầy trò của tông Lâm Tế thường dùng cơ Chuyên Tháp« (Tháp gạch xanh). Chùa phong đắp đổi cho nhau, đổi chủ làm Lâm Tế nguyên ở trong thôn Lâm Tế cách khách, nhậm vận tự như, hoạt bát mà thành Chính Định 1km về phía đông nam, nghiêm khắc, phát huy cơ »Sinh, sát, dữ, được xây cất vào niên hiệu Hưng Hòa thứ đoạt« (Cứu sống, giết chết, cho, lấy) giống 2 (510) đời Đông Ngụy, vào cuối đời như sự quát nạt binh sĩ của vị Tướng quân. Đường, ngài Nghĩa Huyền sáng lập tông Đây là thí dụ để chỉ cho phong cách của Lâm Tế ở đây. Đời Nam Tống tông này tông Lâm Tế. truyền vào Nhật Bản tín đồ rất đông. Hiện nay ở Nhật Bản không ít tín đồ Phật giáo LÂM THỜI vẫn xem chùa Lâm Tế ở Chính Định là cái Căn cứ thời cơ, khế hợp thời cơ. Tiết Thiên nôi của tông phái này,

tức là Tổ đình. Niên Đồng Hàm Kiệt thiền sư trong NĐHN q. hiệu Hàm Thông thứ 8 (867) đời Đường, 20 ghi: » – Nghĩa Huyền tịch, đệ tử ngài xây tháp lưu
Như vua cầm gươm giết tha đúng thời.« giữ y bát ở gác đông nam thành Chính Định, chùa Lâm Tế cũng dời vào trong LẬP ĐỊA thành. Chùa sớm hư hủy, còn tháp được Đứng. Tiết Trúc Nguyên Tông Nguyên xây dựng lại vào khoảng niên hiệu Đại Am chủ trong NĐHN q. 20 ghi: »v

LẬT CỨC BỒNG LẬP NGHĨA
Khi biện luận đạo pháp, đọ cơ phong, nếu – Nếu như nói ra trước tiên
gọi là lập nghĩa. Tiết Huệ ông già Thích-ca, đại sư Đ t-ma xuất Trung Quốc sư trong TĐT q. 3 ghi: » hiện cũng khiến các vị ấy khoanh tay đứng sau
lưng ta, cho dù dựng lông gáy cũng – chưa phải đặc biệt.« Sư
đang cùng luận nghĩa với Pháp sư Tử Lân, khi mỗi vị lên ngồi xong, Pháp sư nói: LẬP ĐỊA KHẠP THỤY Mời thầy lập nghĩa, tôi phá cho.« Tuy đang đứng mà giống như ngủ gật, dụ cho sự mơ hồ. Tiết Quy Phong Huệ Quang LẬP TĂNG thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » 1. Thay thế tăng trụ trì tụ tập chúng tăng để
diễn nói đạo pháp, gọi là lập tăng. Người lập tăng phải có
địa vị nhất định trong tự – Các ngươi đến viện (như Thủ tọa) hoặc người
có trình độ chỗ này chớ nên mơ hồ, đâu biết rằng nồi khá cao về đạo pháp, phần nhiều do tăng cơm trong nhà nhất thời bị mất rồi, nếu trụ trì đề cử. Mật Am ngữ lục ghi: »
các ngươi không tin thì trở về nhà kiểm tra – Mời xem!« Hòa thượng
Hạc Lâm Ấn, Thủ tọa Tiền đường lập tăng.« LẬP ĐỊA THÀNH PHẬT 2. Thành lập đoàn thể tăng chúng. Tiết Tục Chúng sinh đều có Phật tính, một niệm Nghệ Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » tỉnh ngộ liền lập tức thành Phật. Đây là
phản ánh tư tưởng đốn ngộ của Thiền tông. Mật Am ngữ lục
ghi: » – Ngộ thì
lập tức thành Phật; mê thì mãi mãi luân hồi.«
– Có LẬP ĐỊA TỬ HÁN một vị tăng xuất gia từ nhỏ, hết lòng tham Tuy đứng mà như người chết, dụ cho kẻ cứu, vượt trên những kẻ thế tục. Sư hơn 20 ngu si chậm lụt. Tiết Phần Dương Thiện năm ở trong núi rừng tịch mịch, được Chiêu trong NĐHN q. 11 ghi: » người khen ngợi. Đến khi cuối đời, chợt
được vài người thế tục quy y liền muốn – Nếu thấy xuất thế, bèn cất
chùa lập tăng, khai đường con người Phần Dương thì có thể làm thầy phó pháp, vì là miễn cưỡng mà làm, cho cùng Tổ Phật. Còn như không thấy con nên thân danh đều mất còn bị thiên hạ người Phần Dương thì đều là những kẻ cười.« ngu si chậm lụt.« LẬT CỨC BỒNG Còn gọi: Lật cức. Hạt có gai. Thiền tông

LẬU ĐẬU dùng từ này để chỉ công án của người xưa. trung) ghi: »
Tiết Khai thị Thiền nhân Lâm trong MANL ghi: »
–
Ông dọn cháo cho ngài Nam Tuyền, thưa rằng: Mời Hòa
thượng niệm tụng. Nam Tuyền bảo: Hành giả Cam Chí đã dọn
– Đúng lúc vào trong lò rèn cháo, mời đại chúng hãy vì mèo nhà, trâu luyện, bảo thẳng rằng tình phàm lượng trắng mà niệm Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật. thánh cần phải

quét sạch triệt để. Thấu Cam Chí liền lễ bái rồi lui ra«. Theo: suốt được cơ ngữ nhà thiền, công án của PQĐTĐ của nhóm Từ Di. người xưa, đến được chỗ hoàn toàn thôi nghỉ, thân tâm như cây khô tro lạnh, dù bị LỆ GIAI đánh chết cũng chẳng quày đầu, ngàn Toàn bộ, tất cả. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » muôn người lôi kéo cũng chẳng được«. X. Kim Cang Quyển.

LẬU ĐẬU – Người xu hướng chẳng dám vào Bày vẽ. Văn »Hướng Thượng Nhất Lộ« cửa này, sợ rơi vào không, không có chỗ trong Khóa Hư lục của Trần Thái Tông nương tựa, trông bờ mà thối lui, tất cả là ghi: » bọn cầu nhiều tri kiến. Thế nên, người cầu – Giả sử tri kiến như lông, người ngộ đạo như Linh Sơn phó chúc chỉ là một phen bày vẽ, sừng«. Thiếu Thất đơn truyền cũng là lời nói lòng vòng«. LỊCH KIẾP Tắc 29, Vô Môn Quan ghi: » 1. Trải qua nhiều kiếp số, chỉ thời gian rất dài lâu. Phần »Tuyết Phong Hòa thượng – Nếu tháp minh tinh tự« trong MGNL q. 1 ghi: thấy chỗ này cho được xác thiết, mới biết » hai ông tăng đổi sắt được vàng. Lục Tổ – Vật gì từ nhịn không được, phải bày vẽ một phen«. duyên mà có thì trước thành rồi sau hoại, vật gì chẳng từ duyên mà được thì trải qua LÊ NÔ BẠCH CỔ thời gian dài lâu vẫn thường bền vững.« Mèo nhà trâu trắng. Lê nô còn gọi là Ly 2. Chỉ thời gian rất dài lâu trước kia. Tiết nô, là con mèo nhà; Bạch cổ là trâu trắng, Vạn Thọ Niệm Thiền sư trong NĐHN q. đều là loài động vật đã được thuần hóa; 18 ghi: » Thiền tông thường dùng để dụ cho những kẻ căn cơ thuần thục, thông hiểu Phật – Nguyên chính đồng nhất, gia pháp. Chương Hành giả Cam Chí ở Trì phong cổ Phật từ đây lưu xuất, không cần Châu trong CĐTĐL q. 10 (Đại 51, 279 vất vả dụng công phu, lịch kiếp đâu từng

LIÊN ĐĂNG HỘI YẾU khác biệt hôm nay.«

LỊCH LẠC – Trước tiếng Còn gọi: Lịch lịch. Rõ ràng phân minh. dù nhận được đã là vướng mắc. Dưới câu Tiết Đầu Tử Đại Đồng Thiền sư trong thừa đương còn là kẻ chậm lụt. Đá nháng NĐHN q. 5 ghi: » điện chớp còn là chần chừ. Chạm vào – Tăng hỏi: Thỉnh sư nói một câu thật chẳng được thì phơi thây muôn dặm«. rõ ràng? «. Chứng Đạo Ca của Đại sư Huyền Giác ở LIÊM KHIÊN ĐÁP TRỆ Vĩnh Gia có ghi: » Dính mắc. Tiết Khai thị cho 3 vị Giảng sư – Gậy giải cọp, bát ở Vân Nam: Phúc, Nguyên, Thông trong hàng rồng, hai hàng khoen sắt rõ ràng kêu Trung Phong quảng lục phần thượng q. 4 vang«. ghi: »

LỊCH LỊCH CÔ MINH

Một mình sáng rỡ, chỉ Phật tính sẵn có của mỗi người. Lâm Tế ngữ lục ghi: »

–

Thực hiện công phu chẳng phải là làm tất cả những điều mà mình nghĩ ra, mà là xa lìa tất cả cảnh giới phân biệt dù lớn hay nhỏ. – Đạo lưu! Ông muốn được như Người xưa đến chỗ này, đều là một đạp pháp thì chớ sinh nghi. Trải ra thì bao thấu đến đáy nên chẳng còn một chút dính trùm pháp giới, thâu lại thì sợi tơ chẳng mắc. Người nay dù trổ hết tài năng mà lập. Một mình sáng rỡ chưa từng thiếu sót, chẳng ra chi, là do: Làm chẳng hết sức, mắt chẳng thấy, tai chẳng nghe. Gọi đó là chí không to tát, tâm không quyết tử,

niệm vật gì? Cổ nhân nói: Nói giống như một không tha thiết mà thôi«. vật thì chẳng đúng«. LIÊN ĐĂNG HỘI YẾU LỊCH NHIÊN Còn gọi: Thiền tông Liên Đăng lục. Đăng lục, 30 quyển, do Hối Ông Ngộ Minh soạn Sáng sủa, rõ ràng. Tiết Tây Lâm Sùng Áo vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » tập 136, trang 515. Toàn sách nêu ra pháp hệ truyền đăng của Thiền tông ngũ gia từ 7 – Một bên hỏi, một bên đáp, chủ vị Phật quá khứ đến các vị nối pháp Thiên khách rõ ràng. Chẳng hỏi chẳng đáp làm Đồng Chính Giác. Dựa theo thứ tự gom sao phân biệt?« chép cơ duyên vấn đáp quan trọng và ghi LIÊM KHIÊN vắn tắt về hành trạng, cuộc đời các thiền sư. Sách này được soạn vào niên hiệu Vướng mắc, làm phiền. Tiết Siêu Hóa Tịnh Thuần Hy thứ 10 (1183). Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: »

LIÊN NGUYỆT LIÊN NGUYỆT LIÊN PHONG Hiệu của Thiền tăng Ấn Chính đời Thanh. Hiệu của Thiền tăng Tông Chiếu đời X. Ấn Chính. Nguyên. X. Tông Chiếu.

LIÊN PHÁI TỰ LIÊN TRÌ (1535-1615) Còn gọi: Chùa Liên Tông. Chùa ở hẻm Tăng nhân đời Minh, họ Thẩm, tên Châu Liên Phái phố Bạch Mai, quận Hai Bà Hoằng, tự Phật Huệ, người xứ Nhân Hòa Trưng, thủ đô Hà Nội, Việt Nam. Chùa do (nay là Hàng Châu) Trung Quốc. Thuở bé, Thiền sư Như Trừng Lân Giác sáng lập. Sự sư theo nghiệp Nho, 17 tuổi làm Chư sinh, tích vị Tổ này như sau: Trịnh Thập là con 32 tuổi xuất gia. Tham thiền với các ngài: trai Tần Quang Vương (người này là cháu Biến Dung, Tiếu Nham đều có sở đắc. nội chúa Trịnh Căn). Thập lấy con gái thứ Năm 1571, sư thuyết pháp ở chùa Vân tư của vua Lê Hy Tông (1676-1705) được Thê, Hàng Châu nên có hiệu là »Vân Thê lập phủ đệ riêng ở phường Bạch Mai. Một Châu Hoằng«, »Vân Thê Đại Sư«. Sư vốn hôm Thập cho quân gia đào đất ở gò cao thuộc Thiền tông nhưng khi giải thích giáo sau nhà để xây bể cạn thì thấy trong lòng lý phần lớn lại dùng tông Hoa Nghiêm. Sư đất có một cái ngó sen. Phò mã cho đó là đề xướng »Thiền Tịnh song tu« và chủ dấu hiệu của Phật và tin rằng mình có trương Nho, Thích, Đạo nhất trí. Tác duyên với đạo này. Chàng bèn biến phủ đệ phẩm: Thiền Quan Sách Tiến, Vân Thê của mình thành chùa, gọi là chùa Liên Pháp Vựng 34 quyển. Tông. Đồng thời chàng cạo tóc đi tu, trở thành Tổ thứ nhất của chùa này. Thiền sư LIỆT TỔ ĐỀ CƯƠNG LỤC Như Trừng Lân Giác (tức Trịnh Thập) mất vào năm 37 tuổi. Hài cốt được táng trong Lục, 42 quyển, do Ngốc Ông Hạnh Duyệt ngôi tháp giữa gò tức tháp Cứu Sinh. Hai biên soạn vào đời Thanh, được xếp vào bên cổng chùa là hai hồ rộng. Ngay ở cổng Tục Tạng kinh tập 112, trang 169. chùa là ngôi tháp Diệu Quang 10 tầng hình Trong 20 năm vân du khắp nơi, Hạnh lục lăng. Tiếp đến là nhà bia, có tấm bia kể Duyệt thu thập nhiều ngôn hạnh đặc biệt lại sự tích chùa. Qua sân rộng tới nhà Bái của các bậc kỳ túc Tổ sư, hoặc từ nơi việc đường. Sau đó là Tam Bảo (nơi thờ Phật). làm, hoặc từ nơi lời nói của họ mà viết Một khoảng sân trồng hoa ngăn cách Tam thành. Sách này giống như loại tùy bút nên Bảo với nhà Tổ. Điều khiến cho chùa Liên không chia ra xưa nay, cao thấp, tông phái. Phái có giá trị là khu vườn tháp sau chùa. Hạnh Duyệt gom chép pháp ngữ của hơn Tại đó trên 1 gò đất cao có 9 ngôi tháp xây 400 vị vừa là chính truyền vừa là chi nhánh thành 3 hàng: hàng thứ nhất có 2 ngôi, xuất hiện trước Ngũ gia tông phái (Lâm hàng giữa có 5 ngôi và hàng sau có 2 ngôi. Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Hàng

giữa choán phần cao nhất là ngôi Pháp Nhãn). Nội dung gồm có: Chúc hy, tháp Cứu Sinh xây bằng đá. Chùa được Nguyên đán, Pháp khí đều căn cứ vào các xây năm 1726. Đến thế kỷ XIX đổi tên là việc gìn giữ hàng ngày trong Sắc Tu Bách Liên Phái. Trượng Thanh Quy, mỗi việc đều chia ra

LIỄU khoa điều, thêm phần giải thích tỉ mỉ, tính LIÊU THIÊN TUẤN CỐT ra có trên 300 sự việc của tùng lâm và hơn 1. Còn gọi: Ma tiêu tuấn cốt. Dụ cho thiền 3000 tắc đề cương Tông Tổ. Sách này giúp tăng lanh lợi. Tiết Dục Vương Phổ Sùng cho người học thấu rõ chỗ nêu lên của Tổ Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » sư, nắm được đường lối tu hành. LIÊU CHỦ

– Chẳng phải Còn gọi: Trực liêu. Chức vụ phụ tá vị Liêu gió chẳng phải phướn không có chỗ để nguyên để sắp đặt công việc giữ gìn y bát chấp trước, là phướn là gió cũng không thể của chúng tăng. Chức này do mọi người chấp trước. Thiền tăng lanh lợi đều lạc trong liêu luân phiên làm theo thứ tự (lớn dấu, sư tử ngồi xổm còn lúng túng. Ha ha trước nhỏ sau). Thời hạn của mỗi vị: 10 ha! Có ngộ không?« ngày, 15 ngày, 30 ngày tùy theo mỗi chùa. 2. Dụ cho cơ phong mau lẹ. Tiết Động Sơn LIÊU KHỞI TIỆN HÀNH Biện Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » Miêu tả tiếp cơ mẫn tiệp, lập tức lãnh hội. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: »

–

Thiền tăng – Thượng đường: Chẳng phải tâm, tài giỏi gặp nhau, một khi bức bách lập tức chẳng phải Phật, chẳng phải vật, cơ phong lãnh hội. Nếu đứng chần chừ, rốt cuộc mò mau lẹ như chim ưng bay qua bầu trời. bắt chẳng được«. Không độ được lửa, không độ được nước, LIÊU NGUYÊN không độ được lò nấu, tên lìa dây cung Còn gọi: Tọa nguyên, Tòa nguyên, Liêu không quay về. Cho dù lãnh hội được hoàn thủ tọa, Đệ nhất tọa. Chức vụ trông coi các toàn cũng bị Tổ Đ t-ma chê cười.« sự việc của chúng liêu. Là 1 trong 6 vị Đầu thủ thuộc ban Tây của Thiền viện. Nhiệm LIÊU XÁ vụ: Coi sóc, cung cấp các học cụ về kinhNhà ở của chư tăng trong tự viện. Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: » điển, nước trà, than củi, nước tắm cho đại chúng. Bên dưới có: Liêu trưởng, Liêu chủ, Phó liêu, Vọng liêu để phụ tá.

– Lại gọi đại LIÊU THIÊN chúng: Tuyết Đậu (pháp hiệu của Thiền sư Còn gọi: Liêu không. Chọc trời, bay vào Minh Giác) hôm nay đổi được con mắt của không trung. Tiết Đề hình Quách Tường các ông rồi. Nếu chẳng tin, các ông hãy Chính cư sĩ trong NĐHN q. 19 ghi: » trở về liêu xá, tự sờ sẫm xem«.

– Mặt trời mọc giữa ban đêm, mặt trăng đuổi LIỄU theo không được.« Tỉnh ngộ, hiểu biết. Minh Châu Tụng trong PKNL q. 18 ghi: »

LIỄU AM (1425-1514) đêm không được một chút lặng yên (nơi – Cách giác ngộ tâm trí) mà muốn hoàn thành việc này (ngộ không gì hơn tự ngộ, Tham thiền chớ tìm ở đạo thành Phật). Điều ấy có thể được người khác.... . Muốn tỉnh hôm nay tỉnh đi, sao?« chưa ngộ ngày nào mới ngộ?« Lâm Tế ngữ lục ghi: »

LIỄU BIỆN Rõ ràng, tỏ ngộ. Khai thị Thiền nhân Ý trong MBTL q. trung ghi: »

– Phật từ Vô y (không nương gá) sinh ra. Nếu ngộ được Vô y thì Phật cũng Vô đắc (không

được). Nếu ai – Nếu thấy được như thế là kiến giải chân chính. ngươi tự chưa đến thời tiết chính ngộ này, Người học chẳng biết vì chấp vào chữ chỉ cần đem tâm ý thức nhằm vào lời nói nghĩa, bị danh từ phàm thánh làm chướng gần giống (như chính ngộ) mà khéo hiểu ngại. Thế nên che chướng đạo nhãn của biết. Dù cho ngươi có hiểu được một gánh ông khiến cho chẳng thấy rõ ràng.« thiền đạo Phật pháp, ấy gọi là hớp lấy đàm dãi của con chồn rừng, muôn kiếp không LIỄU AM (1425-1514) có chỗ cho ngươi tỏ ngộ.« Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Liễu Am Quế Ngô, nối pháp Thiền sư Long Thất LIỄU CẢI (1335-1421) Đạo Uyên, đời thứ 30 hệ Nam Nhạc, đời Thiền tăng đời Minh, họ Nhậm, tự Ngưng thứ 13 tông Lâm Tế Nhật Bản. Trụ trì chùa Nhiên, người xứ Tung Dương (nay là Đông Phúc. huyện Đăng Phong, tỉnh Hà Nam) Trung Quốc. Thuở bé xuất gia ở chùa Thiếu Lâm, LIỄU BẢN 20 tuổi mới mặc tăng phục. Ban đầu yết Nhận rõ tự tâm là gốc. Chương Đại Thừa kiến Nguyệt Ấn ở Hương Sơn, lại tham Tấn của Lương Bảo Chí Hòa thượng trong vấn Tùng Đình Tử Nghiêm ở chùa Thiên CĐTĐL q. 29 ghi: » Khánh và nối pháp Ngài. Năm 1390, sư trụ – Ngộ giải tức là Bồ- trì chùa Thiếu Lâm. Phẩm hạnh đoan trang, đề, nhận rõ tự tâm là gốc thì không còn tứ chúng quý kính. Chu Vương, Y Vương, giai cấp.« Thục Vương, Tần Vương đều lên núi cúng dường sư, chẳng dám sai sứ mời thỉnh. LIỄU BIỆN Hoàn thành, kết thúc. Duy Tắc ngữ lục q. 2 LIỄU DUỆ (1540-1624) ghi: » Thiền tăng đời Minh, họ Trương, người xứ Nội Khâu (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) Trung – Quốc. Thuở bé nương ngài La Hán Giác Bọn ta ở trong đường làm quan, bận rộn Công xuất gia, thưa hỏi nhiều bậc Cao việc nước, chăn giữ muôn dân, cả ngày lẫn tăng, đều được thăng đường nhập thất, đạt

LIỄU ĐƯƠNG đến chỗ tinh vi sâu kín. Sư còn đến Thiếu của nghiệp trần duyên vì Thiền sư Liễu Lâm yết kiến Ấu Hưu Nhuận Hòa thượng Đạt có tướng hảo, có tài thuyết giảng và và nối pháp Ngài. Sư trụ chùa Quảng Từ, khoa ăn nói, lại giảng giải trong nội cung, nổi tiếng thấu Trường An. Về sau trở về gần nhiều với nữ sắc quyền quý. Quả Nội Khâu, sư cất am để ở, hơn 20 năm nhiên, khi Thiền sư Liễu Đạt về trụ trì chùa không bước chân ra khỏi cửa. Từ Ân ở Gia Định thì Hoàng Cô (Cô của vua Minh Mạng)-vốn là đệ tử của sư-từ LIỄU ĐẠT Huế vào để cúng dường chùa Sắc Tứ Từ Biết rõ, thấu rõ. Mật Am ngữ lục ghi: » Ân và chùa Quốc Ân Khải Tường. Thiền sư biết rõ Hoàng Cô có tình cảm luyến ái – Tự mình ngộ lấy, tự mình sâu đậm với mình nên dùng lửa tự thiêu và chứng lấy, thấu rõ ba tăng kỳ kiếp rỗng để lại bài kệ như sau: không, chẳng bị trần cảnh khuấy động.« THIỆT đức rèn kinh vẹn kiếp trần. THÀNH không vẩn đục vẫn trong ngần. LIỄU ĐẠT THẬT (THIỆT) THÀNH LIỄU tri mộng huyễn chân như huyễn. (?-1823) ĐẠT đạo mình vui đạo mấy lần. Còn gọi: Liên Hoa Hòa thượng. Thiền tăng Hay tin Hòa thượng Liễu Đạt-Hoàng đời Nguyễn, thuộc dòng Lâm Tế đời thứ thượng của Hoàng gia, bản sư của Hoàng 35, nối pháp Thiền sư Minh Vật Nhất Tri ở Cô và một số người trong hoàng cung nhà chùa Kim Cang (Bình Thảo, Đồng Nai). Nguyễn-đã viên tịch, các quan tỉnh Biên Trong thời gian Hòa thượng Phật Ý Linh Hòa và các quan thuộc dinh Tổng Trấn ở Nhạc (cũng thuộc phái Thiền Lâm Tế, đời Gia Định phải báo tin về triều và hợp nhau 35) hoằng hóa ở chùa Từ Ân (Gia Định) từ tổ chức tang lễ, Long vị của thiền sư được năm 1744 đến năm 1821, Thiền sư

Liễu thờ ở chùa Sắc Tứ Từ Ân. Các vị đệ tử nổi Đạt Thiệt Thành được cử làm Thủ tọa ở danh của Thiền sư gồm có: chùa này. Niên hiệu Gia Long thứ 16 Thiền sư Tế Chính Bản Giác: Sau là Tăng (1817), vua xuống sắc triệu Thiền sư Liễu cang chùa Thiên Mụ (1823-1825), Tăng Đạt ra kinh đô Huế, cử làm Tăng cang cang chùa Giác Hoàng đứng ra lo trùng tu chùa Thiên Mụ (1817-1823), trong thời chùa Quốc Ân và chùa Từ Ân. gian này sư còn được cử làm Pháp sư để — Thiền sư Tế Bản Viên Thường (1769- thuyết giảng Phật pháp trong nội cung của 1848) trụ trì chùa Long Quang và chùa vua Gia Long, mỗi tháng 8 ngày. Sau đó, Pháp Vân ở Thừa Thiên (Huế), và Tăng vua phong cho sư danh hiệu là Liên Hoa cang chùa Thiên Mụ. Hòa thượng. Trong thời gian Thiền sư Liễu — Thiền sư Tế Tín Chính Trực trụ trì và Đạt hoằng hóa ở kinh đô Huế (vào khoảng trùng tu chùa Sắc Tứ Từ Ân và chùa Quốc năm 1821), Hòa thượng Phật Ý Linh Nhạc Ân Khải Tường. ở chùa Từ Ân (Sài Gòn) nói với đệ tử là Thiền sư Viên Quang Tổ Tông trụ trì chùa LIỄU ĐƯƠNG Giác Lâm là Hòa thượng lo cho sư Liễu 1. Thành công. Tông Môn Võ Khố ghi: » Đạt không tránh khỏi mối dây ràng buộc

LIỄU GIÁC THIỀN SƯ LIỄU HUỆ (1198-1262)

Thiền tăng đời Tống, họ La, hiệu Tây Nham, người xứ Phùng Châu (nay là phía nam huyện Nghi Lũng, tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc. Xuất gia từ nhỏ, 19 tuổi cạo tóc; nối pháp Thiền sư Vô Chuẩn Sư Phạm, thuộc tông Lâm Tế, làm Tri Tạng – Thừa tướng Trương Vô Tận lúc 19 tuổi tòa thứ 2. Lúc ra hoằng pháp, sư trụ chùa vào kinh ứng thí. Nói qua nhà họ Hướng. Định Huệ ở Tô Châu và trải qua các chùa: Họ Hướng đêm nằm mộng thấy thần nhân Năng Nhân, Đông Lâm, Thiên Đồng. Về báo rằng: Ngày mai tiếp rước Tướng công. già lui về ẩn ở am Huyễn Trí. Tác phẩm: Sáng sớm họ Hướng quét dọn nhà cửa Ngữ lục 2 quyển. sạch sẽ để đợi. Đến chiều mới thấy một anh học trò nghèo kiết, mặc đạo phục màu LIỄU HUYỄN vàng, chính là Trương Vô Tận đến. Họ Hiệu của thiền tăng Pháp Lâm, sống vào Hướng chào mời rồi hỏi: Tú tài đi đâu? Vô đời Nguyên. X. Pháp Lâm. Tận kể rõ việc mình. Họ Hướng nói: Tú Tài chưa có gia đình, nay tôi cho con gái LIỄU LÃNG tôi theo hầu hạ. Vô Tận khiêm nhường từ Sáng rỡ. Phần Dương ngữ lục q. thượng chối đôi ba phen. Họ Hướng nói: Nếu việc ghi: » – thi cử chẳng thành công, tôi cũng không Mây xẹt thấy vầng trăng giữa bầu trời sai lời hẹn ước.« xanh, sáng rỡ rất rõ ràng.« 2. Nhà thiền gọi việc tham thiền thành LIỄU LIỄU công, minh ngộ tâm địa là Liễu đương. Rõ ràng, biết rõ. Bài »Lộng Châu ngâm« Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » của Hòa thượng Đan Hà trong TĐT q. 4 ghi: » – Pháp Diễn – Châu này không hình tôi du phương hơn 10 năm, tham vấn nhiều dáng chẳng lớn nhỏ. Ngày đêm tròn sáng nơi gặp được vài vị tôn túc, tự cho là tham biết chiếu soi. Khi sử dụng thì dùng nơi thiền thành công. Kịp đến khi vào Phù Sơn nào cũng được và không để lại dấu vết. pháp hội của ngài Viên Giám, mới biết là Thường rõ ràng trong khi đi đứng.« mở miệng chẳng được.« LIỄU MINH (?-1165) LIỄU GIÁC THIỀN SƯ Thiền tăng đời Tống, họ Lục, ban đầu tên Cận Lễ, thân cao 2.3m, bụng to đến vài Hiệu của thiền tăng Trí Nghiêm, sống vào ôm, người đời gọi sư là »Đại

Thiền«, đời Ngũ Đại, do Nam Đường Trung chủ người xứ Tú Châu (nay là huyện Thiệu ban cho. X. Trí Nghiêm. Hưng, tỉnh Giang Tây) Trung Quốc.

LIỄU NGUYÊN (1032-1098) Nương ngài Đại Huệ Tông Cảo mà tham cứu. Sư tính tình thành thực, cương nghị, được sự khâm phục và kính trọng của tăng – Sư hỏi chúng. Gặp lúc Tông Cảo bị đày đi Mai tăng: Ngươi vừa rời chỗ nào? Tăng đáp: Dương, Liễu Minh cũng theo chân Ngài để Vừa rời Bách Trượng. Sư bảo: Hải (chỉ bảo hộ, suốt 17 năm không hề nản chí. Về Bách Trượng Hoài Hải) sư huynh trong sau ra hoằng pháp sư trụ các nơi: Đầu Tử, suốt một ngày dạy pháp gì cho đại chúng? Trường Lô, Kính Sơn, bạn thiền khắp nơi Tăng đáp: Có khi dạy ngoài ba câu hãy vân tập, pháp duyên hưng thạnh. Tương tỉnh ngộ, có khi dạy ngoài sáu câu hãy truyền sư là hậu thân của Bố Đại Hòa lãnh hội, có khi nói nếu chưa được tông thượng và có hiệu là »Đại Thiền Phật«. chỉ thiền hãy nương vào Liễu nghĩa giáo sẽ có phần gần gũi. Sư nói: Ngoài 3. 000 LIỄU NGHĨA (1263-1334) dặm, may thay được không dính dáng.« Thiền tăng đời Nguyên, họ Dương, ban 2. Nhà thiền đem thiền giáo chẳng lập đầu tên Tùng Nhất, hiệu Đoạn Nhai, người ngôn gữ văn tự gọi là Liễu nghĩa giáo. Tiết xứ Đức Thanh, Hồ Châu (nay thuộc tỉnh Ngữ Chi Dư, đời thứ 3 dưới Đại Giám Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 17 tuổi, sư trong CTTNL q. 2 ghi: » đến núi Thiên Mục yết kiến thiền sư Nguyên Diệu, được Ngài cho theo hầu tả hữu. Một hôm thấy tuyết rơi trên cây tùng – Hễ có lời nói đều thuộc về giáo sư có tỉnh ngộ liền làm tụng trình lên Thầy. pháp không liễu nghĩa. Hễ có lời nói đều Nguyên Diệu đập cho sư một gậy, sư hoát chẳng chấp nhận. Giáo pháp liễu nghĩa nhiên ngộ nhập, được Diệu khen là mẫn còn chẳng phải, còn tìm mật ngữ gì!« tiệp. Sau đó sư vào núi Thượng Bách ẩn cư nuôi mẹ. Ít lâu sau, Nguyên Diệu gọi sư ra LIỄU NGỘ để cạo tóc. Năm 1326, sư ra hoằng pháp Thiền tăng đời Tống, hiệu là Tiếu Am, trụ chùa Chính Tông, núi Thiên Mục. Thụy người xứ Tô Châu, Trung Quốc; nối pháp hiệu: Phật Huệ Viên Minh Chính Giác Phổ Thiền sư Mật Am Hàm Kiệt, thuộc tông Độ Đại Sư. Lâm Tế. Sư trụ chùa Linh Ẩn, Hàng Châu. Tác phẩm: Tiếu Am Ngộ Thiền sư Ngữ Yếu LIỄU NGHĨA GIÁO 1 quyển. Giáo pháp liễu nghĩa. Chỉ cho giáo thuyết có quan hệ đến pháp cứu cánh (pháp căn LIỄU NGỘ THIỀN SƯ bản) trong kinh Phật, phần lớn chỉ giáp Hiệu của thiền tăng Thanh Tủng sống vào pháp Đại thừa. Chương Dược Sơn Hòa đời Ngũ Đại. X. Thanh Tủng. thượng trong TĐT q. 4 ghi: » LIỄU NGUYÊN (1032-1098) Thiền tăng đời Tống, họ Lâm, tự Giác Lão, hiệu Phật Ấn nên còn gọi là »Phật Ấn Liễu Nguyên«, người xứ Phù Lương (nay là trấn

LIỄU NGUYỆT (1731-1812) Cảnh Đức tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. thượng trong TĐT q. 4 ghi: » Thuở bé học sách Nho. Sau xuất gia ở chùa – Bảo Tích, thụ giới cụ túc rồi đi tham vấn Người đời không biết nên bị lầm, ta thì các nơi, nối pháp thiền sư Thiện Xiêm, hiểu rõ tự chẳng mê.« thuộc tông Vân Môn. Năm 28 tuổi trụ chùa 2. Thiền tăng đời Đường, nối pháp thiền sư Thừa Thiên, Giang Châu. Năm 46 tuổi trụ Đại Ngu, ở Cao An, Quân Châu (nay thuộc Kim Sơn, Trấn Giang. Sau đó sư trụ núi Chiết Giang) thuộc hệ Nam Nhạc đời thứ Vân Cư ở quận Nam Khang. Sư trụ trì 9 5, trụ

núi Mạt Sơn hoằng pháp. ngôi đạo tràng, nổi tiếng khắp trong triều ngoài nội. Tư chất thông minh khác LIỄU QUÁN (1673-1753) thường, biết nhiều sách vở trong đạo ngoài Thiền tăng đời Lê trung hưng. Sư là Sơ tổ đời, sở trường về thư pháp, giỏi văn thơ, của phái Liễu Quán, tên Lê Thiệt Diệu, quê khéo biện luận. Vua Thần Tông khâm phục làng Bạch Mã, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú đạo phong của sư, ban riêng cho sư Cao-ly Yên (Sông Cầu, miền Trung Việt Nam bây ma nạp, bình bát bằng vàng và hiệu »Phật giờ); nối pháp Thiền sư Tử Dung Minh Ấn Thiền sư«. Có ngữ lục truyền bá ở đời. Hoằng, thuộc tông Lâm Tế đời thứ 35. Năm 1695, sư ra Thuận Hóa thụ giới Sa-di LIỄU NGUYỆT (1731-1812) với Hòa thượng Thạch Liêm. Năm 1697, Thiền tăng đời Thanh, họ Triệu, tự Tịnh sư thụ giới cụ túc với Lão Hòa thượng Từ Đức, hiệu Hư Kỳ, người xứ Dương Hồ (Vũ Lâm (người Trung Hoa) ở chùa Từ Lâm. Tiến, Giang Tô) Trung Quốc. Nối pháp Năm 1699, sư đi tham lễ khắp thiền lâm Thiền sư Nạp Xuyên Tế Hải, đời thứ 42 hệ trải qua biết bao sự khó khăn khổ nhọc. Nam Nhạc. Trụ trì chùa Thiên Ninh ở Đến năm 1702, sư lại Long Sơn tham yết Thường Châu vào niên hiệu Càn Long thứ Hòa thượng Tử Dung cầu dạy pháp tham 51, chùa Trúc Lâm ở Trấn Giang vào niên thiền. Hòa thượng dạy sư tham câu: hiệu Gia Khánh thứ 4. Có ngữ lục truyền Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ lại đời. (Muôn pháp về một, một về chỗ nào?) Sư ngày đêm tham cứu đến bảy tám năm LIỄU NHẤT (1081-1155) mà chưa lãnh hội, trong lòng tự lấy làm hổ Thiền tăng đời Tống, họ Từ, hiệu Chiêu thẹn. Một hôm nhân đọc Truyền Đăng lục Đường, Chiếu Đường, người Phụng Hóa, đến câu: »Chỉ vật truyền tâm, nhân bất hội Chiết Giang, Trung Quốc. Sư nối pháp xứ«, thoạt nhiên sư được tỏ ngộ. Nhưng vì thiền sư Tuyết Phong Tư Huệ thuộc tông núi sông cách trở, sư không thể đến ngài Vân Môn đời thứ 9, trụ các tự viện: Thạch Tử Dung để trình sở ngộ được. Đến mùa Tuyền (Thiểm Tây), Hoàng Bá (Giang xuân năm 1708, sư trở ra Long Sơn cầu Tây), Vân Môn (Thiệu Hưng), Kính Sơn Hòa thượng ấn chứng, được Ngài hứa khả. (Hàng Châu). Có ngữ lục lưu hành ở đời. Thời ấy, chúa Nguyễn Ninh Vương rất quý mến đạo đức của sư, thường mời vào cung LIỄU NHIÊN đàm đạo, nhưng sư vẫn từ chối không vào. 1. Hiểu rõ. Cô Tịch Ngâm của Đan Hà Hòa Cuối tháng 2 năm 1743, trước mấy ngày

LIỄU THỦ tịch, sư ngồi dậy vững vàng, tự cầm bút – Thị giả chẳng hiểu biết sự viết bài kệ từ biệt rằng: lý.« LIỄU SỰ HÁN Người biết rõ sự lý, người tỏ ngộ thiền pháp. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: » »Thất thập dư niên thế giới trung Không không sắc sắc diệc dung thông

– Chợt Kim triêu nguyện mãn hoàn gia lý phá vỡ thoại đầu, mắt nhìn thông suốt thế Hà tất bôn man vấn tổ tông«. giới, lại chịu nhường cho bọn Phạm Xung, »Hơn bảy mươi năm ở cõi này Vu Địch làm người tỏ ngộ thiền pháp Không không sắc sắc thảy dung thông sao?« Hôm nay nguyện mãn về quê cũ LIỄU THIỀN (1830-1894) Nào phải bôn ba hỏi Tổ tông«. Thiền tăng đời Thanh, họ Lôi, tự Nguyệt Sư là Tổ khai sơn chùa Thiên Thai Thiền Huy, người xứ Bảo Ứng, Giang Tô, Trung tông ở Huế. Sư có 2 bài kệ pháp phái: Quốc. Nối pháp Thiền sư Mặc Khê Hải 1. Thật tế đại đạo Âm, đời thứ 45 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì Tính hải thanh trừng chùa Định Huệ ở Tiêu Sơn. Có ngữ lục Tâm nguyên quảng nhuận truyền lại đời. Đức bản từ phong Giới định phúc huệ LIỄU THOÁT Thể dụng viên thông. Tỏ ngộ siêu thoát. Thư đáp Trung thừa 2. Vĩnh

siêu trí quả Trịnh Côn Nham trong HSLNMDT q. 1 Mật khế thành công ghi: »
Truyền trì diệu lý Diễn sướng chính tông
– Phát tâm hướng về Hạnh giải tương ưng đạo, có nguyện vọng tỏ ngộ siêu thoát sinh Đạt ngộ chân không. tử, thì cần phải đem gốc rễ sinh tử từ vô Theo Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh lượng kiếp đến nay nhổ sạch một loạt, há Từ. là việc nhỏ sao!«

LIỄU QUYỀN (813-861) LIỄU THỦ Thiền tăng đời Đường, họ Phan, người Rõ ràng, thấu rõ. Thủ () là hậu chuyết Bình Sa Phúc Kiến, Trung Quốc. Sư nối từ. Chương »Tông thừa yếu nghĩa« trong pháp thiền sư Hoàng Bá Hy Vận, thuộc hệ DTNL q. 9 ghi: » Nam Nhạc đời thứ 5, trụ chùa Kích Quyết. –
Người đời gọi sư là Tàm Quý Tổ Sư. Hôm nay có một việc trình ra trước mặt, muốn các vị lập tức thấu rõ.« LIỄU SỰ Hiểu biết sự lý. Tông Môn Võ Khố ghi: »

LIỄU TÍNH (1271-1321) LIỄU TÍNH (1271-1321) thuộc tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. Tuổi Thiền tăng đời Nguyên, họ Vũ, tự Đại trẻ theo nghiệp Nho, 16 tuổi xuất gia nơi Lâm. Xuất gia từ thiếu niên. Tính cương Tư Nhân Tôn giả tại viện Thường Lạc, du nghị, thanh cao, thông minh hiếu học, giới phương tham yết Thiền sư Tịnh Từ Trọng hạnh nghiêm minh, được tăng chúng khâm Dĩnh và đắc pháp. Sư trụ chùa Hàn Nham phục. Ban đầu theo Nam Dương Tùng ở Thiên Thai rồi dời sang núi Tử Trạch ở Công tu giáo pháp Hiền Thủ, kế đó yết Tiên Cư. Sau trụ chùa Giang Tâm ở Vĩnh kiến Thiền sư Lũng Để Chân Giác cầu Gia. Về già sư trở về Đông Khê. Tính tình thiền pháp viên đốn và được nối pháp ngài. ngay thẳng, thích dìu dắt đàn hậu học. Có Vào khoảng niên hiệu Chí Đại (1308- ngữ lục truyền bá ở đời. 1311), Hoàng Thái Hậu lập chùa Phổ Ninh LIỆU GIẢN ở núi Ngũ Đài, xuống chiếu vời sư làm Trụ trì. Sư đem thân làm mẫu mực khiến cho Phân biệt rõ. Phân biệt đoán định. Thần kỷ cương của chùa này được chấn chỉnh. Hội Di tập q. 3 ghi: » LIỄU TÔNG ĐẠI SƯ
– Thiền sư Phổ Tịch cùng với Nam Hiệu của Thiền tăng Trí Nhạc, sống vào Tông có khác. Tôi tự phân biệt rõ phải trái, đời Ngũ Đại. X. Trí Nhạc. giữ vững tông chỉ của mình«.

LIỄU TRI LINH ẨN TỰ Đã biết rõ. Chương Nhất Túc Giác Hòa Chùa nằm bên Tây Hồ, thành phố Hàng thượng trong TĐT q. 3 ghi: » Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, là – Từ chùa đứng đầu trong 4 chùa lớn ở Tây Hồ, khi gặp được Tào Khê (tức Lục Tổ Huệ là chùa bậc nhất trong 5 ngôi Thiền Tự lớn Năng) về sau, biết rõ là việc sinh tử chẳng ở Giang Nam, là 1 trong 10 ngôi chùa lớn đáng gì để tâm dính dáng.« nổi tiếng ở Trung Quốc. Vào niên hiệu Hàm Hòa thứ nhất (326) đời Đông Tấn, vị LIỄU TRINH (1728-1785) cao tăng Ấn Độ là Huệ Lý đến nơi này, lên Thiền tăng đời Thanh, họ Dư, tự Chiêu ngọn Phi Lai khen rằng: »Đây là một ngọn Nguyệt, người huyện Bái, tỉnh Giang Tô, núi nhỏ của ngọn Linh Thứu ở Ấn Độ, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Tế Thánh, chẳng biết bay đến đây vào đời nào? Lúc đời thứ 41 hệ Nam Nhạc. Trụ trì chùa Phật còn tại thế, phần lớn là nơi tiên linh ở Thiên Mân. Tac phẩm: Chiêu Nguyệt tập, ẩn«. Sư liền lập chùa ở trước núi, lấy tên là Chính Nguyên lược tập, Liễu Trinh ngữ Linh Ẩn. Đời Đường Túc Tông, tự viện đã lục. gần quy mô. Vào niên hiệu Hội Xương thứ 5 (845) đời Đường, lúc Vũ Tông diệt Phật LIỄU VẠN

(1241-1312) pháp, chùa này bị phá hủy, chư tăng tứ tán. Thiền tăng đời Nguyên, họ Toàn (một Niên hiệu Kiến Long thứ 1 (960) đời Tống, thuyết khác cho là họ Kim), tự Vô Ý, hiệu Ngô Việt Vương mời thiền sư Diên Thọ Nhất Sơn, người xứ Lâm Xuyên (nay đứng ra tổ chức xây cất lại chùa Linh Ẩn.

LINH CỐC TỰ  Theo những tài liệu liên quan chép lại thì Chiết Giang, Phúc Kiến hoạt động Phật sự. đương thời xây dựng chùa này có 9 lầu, 18 Vào thời điểm hưng thịnh, mỗi ngày khách gác, 72 điện đường, trên 1. 300 gian hành hương có hơn 180. 000 người. phòng, cộng thêm hành lang 4 phía từ cổng chùa chạy dài đến phương trượng. Tăng LINH ẨN TỰ THẠCH THÁP  chúng có trên 3.000 vị. Niên hiệu Cảnh  Đức thứ 4 (1007) đời Tống, chùa được Tháp nằm trong đình viện ở hai bên Đại trùng tu, đổi tên là »Cảnh Đức Linh Ẩn điện Nguyệt Đài trong chùa Linh Ẩn, Thiền Tự«. Khoảng niên hiệu Kiến Viêm thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, (1127-1130) chùa bị phá hủy bởi loạn Trung Quốc. Niên hiệu Kiến Long thứ 1 quân. Khoảng niên hiệu Thiệu Hưng (960) đời Tống, Ngô Việt Vương Tiền (1131-1162) chùa mới được trùng tu. Hoằng Thúc vì kỷ niệm Đại sư Vĩnh Minh Khoảng niên hiệu Càn Đạo (1165-1173), mà xây song tháp này. Tháp bằng đá theo thiền sư Huệ Viễn trụ trì chùa này, giáo kiểu lâu các, mặt bằng hình bát giác, 9 hóa rất thạnh. Về sau, chùa đã bao phen bị tầng, cao hơn 10m. Trên thân tháp điêu hủy và được xây dựng. Niên hiệu Thuận khắc cửa cái, cửa sổ, cột cái và các tượng Trị thứ 6 (1649) đời Thanh, bắt đầu xây Phật, Bồ Tát và các hoa văn trang sức. dựng lại toàn diện, đến niên hiệu Khang Dưới mái mỗi tầng khắc ra trùng trùng đấu Hy thứ 1 (1662) thì tiến hành mở rộng củng chống đỡ mái tháp vênh ra xa, xa thêm. Trải qua 18 năm quản lý khó nhọc trông như kiến trúc bằng gỗ. của thiền sư Cụ Đức Hoằng Lễ, chùa Linh Ẩn mới hoàn thành các kiến trúc: 7 điện, LINH CHIẾU (870-947) 12 đường, 4 gác, 3 mái hiên, 3 lầu. Tự viện Thiền tăng đời Ngũ Đại, người nước Cao hiện còn là ngôi chùa được xây dựng lại Ly, đi đến Mân Việt, yết kiến Thiền sư vào thế kỷ XIX. Vào năm 1956, năm 1970 Tuyết Phong Nghĩa Tồn, thầm khế hợp đã được đại tu 2 lần. Chính giữa chùa là huyền chỉ. Tính điềm đạm, tự kềm chế nên Thiên vương điện, bên trên có treo bảng chúng rất kính sợ. Ban đầu sư trụ núi Tể »Vân Lâm Thiền Tự«, là thủ bút của vua Vân, Vụ Châu (nay là Kim Hoa, Chiết Khang Hy đời Thanh. Trong Đại hùng bảo Giang), sau dời về viện Cảnh Thanh, Việt điện có tượng Phật Thích-ca Mâu-ni được Châu (nay là huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết trang sức bằng vàng, cao 9,1m, nếu cộng Giang), thiền chúng vân tập. Sư vâng lệnh thêm tòa hoa sen và hào quang trên đảnh Ngô Việt Trung Hiến Vương trụ trì chùa thì cao đến 19,6m. Hai bên đại điện xếp Long Hoa ở Hàng Châu, nơi thờ linh cốt mỗi bên 12 tượng chư thiên, 12 tượng Bồ Phó đại sĩ. Thụy hiệu »Chân Giác Đại Sư«. tát, thần thái như sống và mỗi tượng đều khác nhau. Trước chùa có các ngôi đình LINH CỐC TỰ  như: Lãnh Tuyền, Thanh Tông, Hách Lôi Còn gọi: Đại Linh Cốc Tự. Chùa nằm cách nằm xen lẫn trong những tàng cây cổ thụ. lăng Trung Sơn,thành phố Nam Kinh, tỉnh Chùa Linh Ẩn là nơi quan trọng để các tín Giang Tô, Trung Quốc 1,5km về phía đồ Phật giáo trong các tỉnh: Giang Tô, đông. Chùa xây vào niên hiệu Thiên Giám

LINH CỐT  thứ 13 (514) đời Lương Nam Triều, ban ở tầng trên hết«. đầu gọi là »Khai Thiện Tinh Xá«, đời Đường gọi »Bảo Công Viện«, đời Nam LINH DƯƠNG QUẢI GIÁC

Đường đổi tên là »Khai Thiện Đạo Tràng«. Khoảng niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc Con linh dương lúc ngủ, treo sừng lên cành (976-984) đời Tống đổi tên là »Thái Bình cây, chân không chạm đất, hoàn toàn Hưng Quốc Tự«,đầu đời Minh đổi tên là không để lại dấu chân. Thiền tông mượn »Tưởng Sơn Tự«. Niên hiệu Hồng Vũ thứ hình ảnh này để chỉ cho việc khai con mắt 14 (1381) Minh Thái Tổ vì xây lăng Minh đạo cho người học mà không nhờ vào ngữ Hiếu đem Tưởng Sơn Tự, Định Lâm Tự, ngôn văn tự, tri thức kiến giải v.v... Tống Hy Tự, Trúc Viên Tự, Ngộ Chân Am CĐTĐL q. 16 (Đại 51, 328) trung) ghi: dời tất cả về đây, gọi chung là »Linh Cốc » Tự«và ban cho tấm biển »Đệ Nhất Thiền Lâm«. Khi ấy điện vũ mọc lên như rừng, – Nếu ta nói đông nói tây thì ông tìm tăng xá rất nhiều có thể chứa ngàn tăng. lời trích cú, nếu ta như con linh dương treo Trải qua nhiều đời đều có cao tăng trụ tích, sừng thì ông sờ mó chỗ nào?«. là chùa nổi tiếng ở vùng Đông Nam. Trong chùa vạn tùng cao chọc trời, một con LINH ĐÀI đường nhỏ thâm u, xưa gọi là »Linh Cốc Phật tính thanh tịnh. Chương Nam Nhạc Thâm Tùng«, là một trong 40 cảnh của Lại Toản Hoà thượng ca trong CĐTĐL q. Kim Lăng. Chùa hiện nay chỉ là một phần 30 ghi: Long vương điện của Linh Cốc Tự, khoảng niên hiệu Đồng Trị (1862-1874) đời Thanh trùng tu, quy mô nhỏ hơn. Nhưng con đường nhỏ bên rặng tùng, sắc núi đẹp đẽ vẫn khiến người người đều hướng về. »Mạc mạn cầu chân Phật Chân Phật bất khả kiến LINH CỐT Diệu tính cập linh đài Còn gọi: Xá-lợi. Phần xương lưu lại của Hà tằng thọ huân luyện Phật hoặc của các vị tăng đắc đạo. Chương Tâm thị vô sự tâm »Tổ Di-giá-ca« trong CĐTĐL q. 1 ghi: » Diện thị nương sinh diện Kiếp thạch khả di động Cá trung vô cải biến«. »Chớ dối cầu chân Phật – Sư nói kệ xong, Chân Phật chẳng thấy được nhập ›Sư tử phấn tấn tam-muội‹, vọt thân Diệu tính cùng linh đài lên hư không cao gấp 7 lần cây Đa-la, rồi Đâu từng chịu huân tập. trở về chỗ ngồi, dùng lửa tam muội để tự Tâm là tâm vô sự thiêu. Bà-tu-mật thu lượm linh cốt cất Mặt là khuôn mặt mẹ trong rương bảy báu, xây bảo tháp và thờ Kiếp thạch có đổi dời

LINH LINH NHIÊN Cái này không thay đổi«. Chân Tụng trong PKNL ghi:
LINH GIÁC Linh tính giác ngộ mà mọi người đều sẵn »Linh không nguyên tự vô tượng có, cũng là Phật tính. Chương Chứng Đạo Bất dụng đoạn trừ vọng tưởng Ca trong CĐTĐL q. 30 ghi: » Vọng tưởng tức thị chân tâm – Tất Hà tu phân nhất tác lưỡng«. cả văn tự chẳng văn tự, cùng linh giác ấy »Linh không vốn không hình tượng nào can dự?«. Chẳng cần đoạn trừ vọng tưởng Vọng tưởng tức là chân tâm LINH HUẤN Đâu nên phân ra hai tướng«. Thiền tăng đời Đường, người Phúc Châu, nối pháp Thiền sư Quy Tông Trí Thường.
LINH KHUÊ Sau trở về Phúc Châu, người trong làng Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư đón sư vào núi Phù Dung. Thụy hiệu Thanh Bình Linh Tuân. Sư ra giáo hóa trụ »Hoằng Chiếu Đại Sư«. núi Tam Giác, Kỳ Châu (nay thuộc Kỳ Xuân, tỉnh Hồ Bắc) Trung Quốc.
LINH HỰU (771-853) Thiền tăng đời Đường, Tổ tông Quy
LINH KIỆU Ngưỡng, họ Triệu, người xứ Trường Khê, Thiền tăng đời Đường, tham học nơi Mã Phúc Châu (nay là Hà Phố, tỉnh Phúc Kiến) Tổ Đạo Nhất, được ngộ và nối pháp Ngài.

Trung Quốc. Năm 15 tuổi theo luật sư Sư ẩn trong hang trước Cổ Sơn. Tương Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện xuất gia. truyền vùng này vốn là cái đầm sâu, dưới Ba năm sau thụ giới cụ túc ở chùa Long có con rồng độc thường nhiễu hại dân Hưng, Hàng Châu, tu học các kinh luật chúng nơi đây. Niên hiệu Kiến Trung thứ 4 Đại, Tiểu thừa. Sư từng đến Thiên Thai. (783) đời Đường, Quận xử lý bằng cách sai Lần lượt gặp 2 ngài Hàn Sơn và Thập Đắc Bùi Trụ thỉnh sư chế phục rồng độc. Linh khải phát cho. Năm 23 tuổi đến Giang Tây Kiệu đến bên đầm tụng kinh Hoa Nghiêm, tham vấn Bách Trượng Hoài Hải, là đệ tử rồng liền bỏ đi. Mọi người cảm mộ ân đức đứng đầu và được nối pháp Ngài. Cuối của sư bèn dựng chùa trên nền đầm rồi niên hiệu Nguyên Hòa (820) sư đến Quy rước sư về trụ trì, vua có ban bảng hiệu Sơn ở một mình suốt 7 năm, về sau được »Hoa Nghiêm« và được gọi là chùa Hoa Tướng quốc Bùi Hưu sùng kính, cất chùa Nghiêm. Linh Kiệu ở chùa này giáo hóa Đồng Khánh, chư tăng theo học rất đông, rộng rãi. Chẳng biết cuối cùng sư thị tịch từ đây thiền phong hưng thịnh. Thụy hiệu ra sao. »Đại Viên Thiền sư«. Tác phẩm: Đàm Châu Quy Sơn Linh Hựu Thiền sư ngữ lục. LINH LINH NHIÊN Hình dung sự giác ngộ sáng suốt, thần LINH KHÔNG thông vô ngại của bản tâm. Chương Cưu- Bản tâm thanh tịnh, không tịch. Bài Minh ma-đa-la tổ thứ 19 trong CĐTĐL q. 2 ghi:

LINH LỢI » 21 tuổi, ông đến Tokyo để học tiếng Anh,

– Tâm rồi đến Kamakura để học thiền tại chùa vốn thanh tịnh, không sinh diệt, không tạo Viên Giác, thọ giáo ngài Kim Bắc Hồng tác, không báo ứng, không hơn thua, lặng Xuyên và Tông Diễn. Trong thời gian tu lẽ, sáng suốt«. học này, ông dịch các sách Phật học sang tiếng Anh. Năm 35 tuổi, ông theo ngài LINH LỢI Tông Diễn diễn giảng ở các vùng miền Nhanh nhẹn, sắc sảo. Nhà thiền gọi những Đông Mỹ. Sau đó, ông du học ở các nước người căn khí tốt, ngộ nhập dễ dàng là Anh, Đức, Pháp, Thụy Sĩ. v.v..., ông trở người linh lợi, nạp tăng linh lợi. Tiết Càn về nước lần lượt làm giáo sư Đại học Đế Nguyên Tông Dĩnh Thiền sư trong NĐHN Quốc và Đại học Ōtani ở Tokyo, biên tập q. 20 ghi: » tạp chí Thiền Đạo. Năm 63 tuổi, ông đạt

– Sư được học vị Tiến sĩ văn học qua luận án dựng cây gậy, nói: Người linh lợi chẳng »Nghiên cứu kinh Lăng-già«. Ông từng nhọc cử công án lại, mà hôm nay không có thiết lập: »Hiệp hội tín đồ Phật giáo Đông người linh lợi sao?«. Phương« ở Đại học Ōtani, « Văn khố Tùng Gia Cương« tại chùa Đông Khánh ở Lâm LINH MẶC (747-818) Thượng. Năm 85 tuổi, ông tổ chức và làm Thiền tăng đời Đường, họ Tuyên, người xứ hội trưởng Hội Nghiên cứu Đại Tạng Kinh Tỳ Lăng (nay là Thường Châu, tỉnh Giang Tây Tạng. Năm 93 tuổi, ông hoàn thành Tô), Trung Quốc. Ban đầu, sư theo nghiệp »Vọng Nguyệt Phật Giáo Đại Từ Điển Bổ nho, chợt gặp Mã Tổ Đạo Nhất, ngay nơi Di« 2 quyển. Ông có cống hiến rất lớn đối lời nói sư liền khế hợp liền được cạo tóc và với tư tưởng Đông phương và sự truyền bá thụ giới cụ túc. Sau yết kiến Thạch Đầu Hy Thiền học vào các nước Âu Mỹ. Tác phẩm Thiên, hoát nhiên tỉnh ngộ, làm thị giả cho (trích): Thiền Luận 1, 2, 3; Nghiên Cứu Ngài trong 20 năm. Đầu niên hiệu Trinh Kinh Lăng-già; Thiền Pháp Nhập Môn; Nguyên (785), sư trụ đạo tràng Bạch Sa Giáo Lý Vô Niệm; Thiền Sinh Hoạt; Thiền núi Thiên Thai. Hai năm sau trụ Phố và Phân Tâm Học; Cốt Tủy của Đạo Phật; Dương. Sư còn ở núi Ngũ Tiết, người học Thiền và Văn Hóa Nhật... Theo:

PQĐTĐ ở khắp nơi tụ về mà sư vẫn thanh bạch của nhóm Từ Di giản dị như thường. Sau khi tịch, Chí Nhàn soạn văn bia cho sư. LINH NGUYÊN 1. Bản tâm là nguồn gốc của vạn vật. Tham LINH MỘC ĐẠI CHUYẾT TRINH Đồng Khế của Thạch Đầu Hy Thiên trong THÁI LANG NĐHN q. 5 ghi: » (1870-1966) – Nguồn linh trong sáng vốn (J: Suzuki, Daisetz Teitaro). Học giả Phật không phải tồn tại đơn độc mà có nhiều chi giáo Nhật Bản, là đệ tử tục gia của tông nhánh như con sông lớn hay cội cây, gọi là Lâm Tế. Ông sinh trong một gia đình Hiệp ›sự lý gồm đủ‹«. sĩ (Samurai). Khi lên 5 tuổi, cha mất. Năm 2. Thiền tăng đời Minh, họ Tiết, tự Bất

LINH PHONG NGẪU ÍCH Nhị, người xứ Phong Dương (nay thuộc 2. Chùa Quảng Hóa vào niên hiệu Thái tỉnh An Huy) Trung Quốc. Ban đầu sư Bình Hưng Quốc thứ 1 (976) đời Tống trở tham học nơi Thiền sư An Nhạc Liễu Ngộ, về trước gọi là »Linh Nham Tự« X. không khế hợp nên yết kiến Thiền sư Vô »Quảng Hóa Tự« Tế, được trao cho thoại đầu chữ VÔ. Linh Nguyên khổ tham lâu ngày, bỗng tỉnh ngộ, LINH NHAM TỰ THÁP được thầy ấn chứng. Sư cất am Tuyết Cốt Nằm bên phải Thiên Phật điện, chếch về ở Quảng An và trụ ở đấy (nay là huyện phía bắc Linh Nham Thiền Tự, huyện Nhạc Trì, tỉnh Tứ Xuyên). Trường Thanh, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. X. »Bích Chi Tháp«. LINH NHAM TỰ 1. Thuộc núi Phương Sơn, huyện Trường LINH NHAM TỰ THÁP LÂM Thanh, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Vào niên hiệu Chính Quang thứ 1 (520) đời Bắc Tháp nằm ở phía tây chùa Linh Nham, Ngụy, Thiền sư Pháp Định sáng lập, từ đây huyện Trường Thanh, tỉnh Sơn Đông, về sau trãi qua nhiều lần hưng phế. Khoảng Trung Quốc, gồm 167 tòa mộ tháp từ đời niên hiệu Trinh Quán (627-649) đời Đường đến đời Thanh. Bởi số lượng lại Đường Huệ Sùng xây dựng lại, đời Tống nhiều, thời gian lâu xa, hình dáng đa dạng, lại trùng tu, hiện còn phần lớn là những tạo hình ưu mỹ nên được xem là rừng tháp kiến trúc đời Tống. Đời Đường là thời kỳ hiếm có trong nước, chỉ có Thiếu Lâm Tự hưng thịnh nhất. Có điện các hơn 40 tòa, Tháp Lâm là có thể so sánh. Trong rừng thiền phòng hơn 500 gian, tăng chúng hơn tháp này, mộ tháp của Thiền sư Huệ Sùng 500 người, đứng đầu trong bốn đại danh được xây sớm nhất vào khoảng niên hiệu sát, cùng với Thiên Thai Quốc Thanh Tự, Thiên Bảo (742-755) đời Đường. Tháp của Nam Kinh Thê Hà Tự, Giang Lăng Ngọc mỗi triều đại đều có điểm đặc sắc riêng. Tuyền Tự được gọi là »Tứ tuyệt« của tự Nói chung tháp tuy nhỏ nhưng hình thức viện trong thiên hạ. Chùa Linh Nham được đa dạng, đa số là tháp hình chuông. Trong tiếng tăm lớn »Tứ tuyệt đệ nhất«. Trải qua rừng tháp có 81 bài minh ghi trên bia cổ, nhiều đời tu sửa xây dựng thêm, bố cục tự trong đó bài minh »Tức Am Thiền sư Đạo viện rộng lớn, văn vật cổ tích phong phú. Hạnh Bi« được khắc vào niên hiệu Chí Hiện còn tấm biển »Ngự Thư Các« viết Chính thứ 1 (1341) đời Nguyên là do tăng chữ triện, tương truyền do vua Đường Thái nhân Nhật Bản là Hòa thượng Thiệu Tông viết. Kiến trúc chủ yếu hiện còn là Nguyên lưu học ở Trung Quốc hơn 20 năm Thiên Phật điện, Đại hùng bảo điện, Chung viết. cổ lâu, Bích chi tháp. Ngoài ra còn có Tích thúy chứng minh khám, Mộ tháp lâm, Ngũ LINH PHONG NGẪU ÍCH hoa điện thạch trụ và những bia đá từ đời Đường Tống đến nay như »Linh Nham Tự Thiền tăng Trí Húc đời Minh hiệu Ngẫu Tụng Bi« do Lý Ung đời Đường viết, có Ích, Về già trụ chùa Linh Phong, nên người giá trị nghệ thuật và giá trị lịch sử rất cao. đời gọi

là Lonh Phong Ngẫu Ích. X. Trí

LINH PHỦ Húc. Người ấy liền dựng một cái miếu con để thờ ngay nơi đào được tượng. Sau đó dân LINH PHỦ làng thấy linh thiêng mới làm thành ngôi Tâm. Thần Hội truyện trong TCTT q. 8 chùa, đón các nhà sư về để cúng bái. Từ đó ghi: »

– có tên là chùa Bà Đá. Nhưng pho tượng đá Trong lúc sư đang nghiên cứu về Lão này đã bị mất trong một vụ chùa bị hỏa Trang, trong tâm bỗng nhiên rỗn lặng«. hoạn vào thời Pháp thuộc. Nay trong chùa có một pho tượng cũng bằng đá nhưng là LINH QUÁN tượng Phật Thích-ca, mới tạc khoảng đầu Thiền tăng đời Đường, sư thờ Hoàng Bá thế kỷ XX. Di vật cổ có hai quả chuông Hy Vận làm thầy. Sau khi đắc pháp, sư trụ đúc vào các năm 1823, 1881 và một cái Tiết Lão Phong trong dãy núi Điểu Thạch, khánh đúc vào năm 1842. Về tượng có Phúc Châu, thường đóng cửa ở một mình, kích thước rất lớn và ở Bái đường không người đời ít thấy sư. Chỉ có một vị thí chủ có tượng Hộ pháp. đến giờ mang cơm đến, Linh Quán cũng chỉ mở cửa vào giờ ấy. Người đời gọi là LINH SẦM »Lão Quán Hòa thượng«. Có công án »Lão Thiền tăng đời Tống, tham học với Thiền Quán bế hộ« (Lão Quán đóng cửa), nội sư Khế Trù và nối pháp Ngài, thuộc tông dung là cơ duyên đối thoại giữa Lão Quán Pháp Nhãn. Sư trụ núi Vân Đài ở Tuyền và Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Châu.

LINH QUANG LINH SIÊU Ánh sáng của tự tâm, ánh sáng của Phật Thiền tăng đời Đường, tham học với Thiền tính. Tiết Bách Trượng Hoài Hải Thiền sư sư Giáp Sơn Thiện Hội và đắc pháp. Sư ra trong NĐHN q. 3 ghi: » hoằng hóa trụ núi Thượng Lam, Thụy Châu (nay thuộc Cao An, tỉnh Giang Tây),

nêu cao đạo pháp của Giáp Sơn, các người – Linh quang riêng học thiền đều hướng về. Về sau, sư sáng chiếu, vượt khỏi căn trần; thể bày chân lập Thiền Uyển ở Hồng Tỉnh và vẫn lấy thường, chẳng câu nệ văn tự. Tâm tính tên là Thượng Lam, truyền bá đạo pháp không nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa càng thạnh. vọng duyên, tức như như Phật«. LINH SƠN LINH QUANG TỰ Pāli: Gijjha-kūta. Hán âm: Kỳ-xà-quật. Còn gọi: Chùa Bà Đá. Chùa ở số 3 phố Còn gọi: Linh Thứu sơn, Thứu phong, Linh Nhà Thờ, Hà Nội, là Tổ đình của phái nhạc. Núi nằm ở phía đông bắc thành thiền Lâm Tế, Việt Nam. Đời Lê Thánh Vương Xá nước Ma-kiệt-đà, trung Ấn Độ. Tông (1460-1497) ở làng Báo Thiên (tức Hình dáng núi giống như chim đại bàng và khu vực quanh Nhà Thờ lớn) có người đào do núi này có nhiều giống chim ấy nên được một pho tượng Phật Bà bằng đá. được gọi là Linh Thứu. Đức Phật từng

LINH TẾ THÁP giảng kinh Đại thừa tại núi này như Kinh (791) đời Đường, gọi là »Linh Sơn Hộ Pháp Hoa, nên núi trở thành thắng địa của Quốc Thiền Tự«. Khi Hàn Dũ bị giáng Phật giáo. Tham Thiền Kệ trong Thiền chức và đày đến Triều Châu, từng mời Tịnh Hợp Yếu của Thiền sư Phương Tụ Thiền sư Đại Điên đàm đạo hơn mười Thành ghi: ngày, sau đó vì cầu mưa tế thần biển mà đến Triều Dương, lưu ngụ tại chùa Linh Sơn. Hiện trong chùa có cất giữ một bộ »Tham thiền đệ nhất »Linh Sơn Chính Hoằng Tập«, ghi chép Siêu quần xuất cách câu chuyện đàm luận văn học và biện luận Phi thuộc Linh Sơn Phật giáo của hai vị. Niên hiệu Nguyên Khởi truyền Thiếu Thất«. Hòa thứ 14 (819) Hàn Vũ phụng mệnh trấn »Pháp tham thiền bậc

nhất nhậm Thứ sử Viên Châu, khi ly biệt ông để Bậc siêu quần xuất cách lại chiếc áo tặng cho ngài Đại Điên, người Chẳng trao tại Linh sơn đời sau xây Lưu Y Đình tại chùa này để kỷ Há truyền nơi Thiếu Thất«. niệm. Tự viện dựa vào núi mà cất, liên tiếp Hồi thứ 100, Tây Du Ký ghi: » ba dãy nhà một tầng. Cửa chùa Kim Thư

– Non Thạch khắc tấm hoành »Linh Sơn Hộ Linh Thứu đỉnh cao đầy ráng đẹp, cõi Quốc Thiền Viện« do Diệp Cung Xước tự nước Cực Lạc rợp mây lành«. tay viết. Ngoài ra còn có các di tích như Trác tích tuyền và Bạch thạch tào phỏng LINH SƠN HUỆ MẠNG chế đời Nguyên. Chỉ Thiền tông truyền thừa pháp tự. Tiết Tuyết Phong Tư Huệ thiền sư trong NĐHN LINH SÙNG q. 16 ghi: » Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Thư Châu (nay là Tiềm Sơn, tỉnh An Huy) Trung Quốc. Sư thờ thiền sư Hoài Nhạc ở

Vân Cư và nối pháp Ngài, thuộc tông Tào – Hiện tại mỗi ngày đánh trống Động. Sư trụ viện Phong Hóa ở Dương thăng đường để lải nhải, người hỏi miệng Châu (nay thuộc Giang Tô). tợ máy dệt, người đáp lưỡi như sấm sét. Cứ như hôm nay huệ mạng Phật Tổ nguy LINH TẾ THÁP như chỉ mành treo chuông; gia phong Còn gọi: Hồng Sơn Bảo Tháp. Tháp ở sau Thiếu Thất bấp bênh như trứng để đầu Bảo Thông Thiền Tự, núi Hồng Sơn, thành đẳng.« phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, được xây vào niên hiệu Đại Đức thứ 11 LINH SƠN TỰ (1307) đời Nguyên, hoàn thành vào niên Chùa nằm trong núi Linh Sơn, làng Đồng hiệu Diên Hựu thứ 2 (1315). Niên hiệu Vu, huyện Triều Dương, tỉnh Quảng Đông, Đồng Trị thứ 4 (1865) đời Thanh trùng tu, Trung Quốc. Do Thiền sư Đại Điên sáng trên vách tường ngoài tháp có khảm bia ký lập vào niên hiệu Trinh Nguyên thứ 7 tháp khắc vào niên hiệu Đại Đức thứ 11

LINH THAM (1307) đời Nguyên. Thân tháp 7 tầng, hình Thế, người Thủy Hưng, Quảng Đông, bát giác, cao khoảng 43 m. Nội tầng tường Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Hồng tháp xây đá, ngoại tầng xây gạch, là phỏng Cứu, thuộc tông Quy Ngưỡng đời thứ 5, theo kết cấu gỗ. Từ dưới lên trên tháp thu trụ các chùa: Linh Thứu, Nguyệt Hoa Sơn nhỏ dần uy vũ cao sừng sững hùng vĩ tráng (ở Thiền Quan, Quảng Đông). Có ngữ lục lệ. Mỗi tầng mỗi mặt đều có Phật khám, lưu hành ở đời. trong khám khắc nổi tượng Bồ tát, La hán, Lực sĩ. Trong tháp có bậc thềm vòng vèo LINH THỨU THÀNH lên đỉnh tháp, đứng trên đỉnh nhìn ra xa (1620-1687) thấy phong cảnh nước non đẹp không kể Thiền tăng đời Thanh, họ Dương, tên xiết. Sau tháp trên mỏm núi có vài chỗ Thành, tự Khởi Kiến, pháp hiệu Liễu khắc tượng Phật trên vách đá, dưới tháp có Tông, người xứ Bảo Để, Thiên Tân, Trung động Hoa Nghiêm, suối Bạch Long cùng Quốc. Nối pháp Thiền sư Nam Cốc Dĩnh với tháp làm nổi bật lẫn nhau. nơi Hoàng Bá sơn tự, đời thứ 38 hệ Nam Nhạc. Trụ trì chùa Linh Thứu ở Bàn Sơn. LINH THAM Có ngữ lục truyền lại đời. Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ An Cát (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. LINH TRI Sư nối pháp Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Trí huệ sẵn có nơi lòng người, cũng chính Tồn, ra giáo hóa trụ núi Thúy Nham, Minh là trí huệ Phật. Chương Pháp Dung Thiền Châu (nay là huyện Ninh Ba tỉnh Chiết sư tâm minh trong CĐTĐL q. 30 ghi: » Giang). Sư mở rộng pháp hội, người học bốn phương tụ về. Sau sư dời về chùa – Bồ Long Sách ở Hàng Châu và thị tịch ở đấy. đề sẵn có chẳng tốn công giữ, phiền não Ngô Việt Vương ban cho hiệu

Vĩnh Minh vốn không chẳng cần diệt trừ. Linh tri tự Hòa thượng. chiếu, muôn pháp trở về như«.

LINH THAO (671-759) LINH TUÂN

1. Thiền tăng đời Ngũ Đại (845-919),

Thiền tăng đời Đường, họ Trương, còn có người xứ Đông Bình (nay thuộc tỉnh Sơn hiệu là Hành Thao. Tham học với Lục tổ

Đông) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Vô

Huệ Năng, gần gũi và hầu hạ Ngài. Sau khi

Học Thúy Nham. Sư ra hoằng pháp trụ Đại

Lục Tổ tịch, sư làm vị tăng giữ tháp. Sư

Thông rồi dời về viện An Lạc, núi Thanh được thụy hiệu là »Đại Hiểu Thiền sư«.

Bình, Ngạc Châu (nay thuộc huyện Võ

LINH THỌ THIỀN SƯ Xương, tỉnh Hồ Bắc). Thụy hiệu »Pháp Hỷ

Thiền sư«.

Thụy hiệu của thiền tăng Như Mẫn đời

2. Thiền tăng đời Ngũ Đại (884-969), họ

Ngũ Đại. X. Như Mẫn.

Linh nối pháp Thiền sư Ba Tiêu Huệ

LINH THỤY (910-970) Thanh, thuộc tông Quy Ngưỡng, tiếp nối

Thầy để trụ trì.

Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trình, tự Dật

LONG ĐÀM HÒA THƯỢNG LINH TUYỀN THIỀN TỰ LOẠN DỮ Nằm ở

núi Nguyệt My, ngoại ô phía đông Hành động tùy tiện. Minh Giác ngữ lục q. thành phố Cơ Long, tỉnh Đài Loan, Trung 2 ghi: » Quốc, là một chiếc nôi của

Phật giáo Đài Loan. Niên hiệu Quang Tự thứ 24 (1898)

đời Thanh, ba vị sư Thiện Trí, Diệu Mật, Thiện

Huệ ở Dũng Tuyền Thiền Tự, Cổ – Sư hỏi Thính đạo giả: Sơn, Phúc Châu nối

tiếp nhau xây dựng Việc cửu tham như thế nào? Đạo giả nói: nên chùa. Những kiến trúc như Phật điện, Ban ngày ban mặt. Sư bảo: Đi lung tung Thiền đường, Thiên vương điện, Khai sơn làm gì? Đạo giả liền hét. Sư bảo: Đáng ăn đường, Linh tháp lần lượt hoàn thành, đầy gậy! Đạo giả định giơ tay, sư đánh cho đủ quy mô một tùng lâm Phật tự. Phật điện một tọa cụ, nói: Các ngươi hãy xem, gã mù thờ các tượng thánh Thích-ca, 18 La hán, 4 này hành động tùy tiện!« đại thiên vương do thợ danh tiếng trong LONG BÌNH NGÕA XƯỞNG TỰ nước là Lâm Khởi Phụng nặn đắp. Trong chùa có xá-lợi

Phật mang từ Ấn Độ về và nhiều tượng Phật cẩm thạch của Mianma. Chùa nằm cách thành phố Tuân Nghĩa, Mục đích chính của chùa là an tăng hoằng tỉnh Quý Châu, Trung Quốc 20km về phía pháp, thành lập Thiền lâm Phật học, Học đông nam, nguyên tên là »Phục Hưng viện Phật giáo để đào tạo nhân tài Phật Thiền Viện«. Được xây cất vào khoảng giáo. Pháp mạch và phân chi tự viện của niên hiệu Chính Đức (1506-1521) đời chùa này được trải khắp Đài Loan. Minh. Đời Thanh lại tu sửa thêm, kiến trúc hiện còn gồm sơn môn, tiền viện, tiền điện, lưỡng lang phối điện, trung viện, đại hùng LINH

VÂN bảo điện, hậu hoa viên, quần thể tăng mộ. Thiền tăng đời Ngũ Đại, tên Chí Cần; nối Đại hùng bảo điện bày trí nhiều trân phẩm pháp Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu, trụ núi điêu khắc gỗ, lấy nhân vật tạo hình làm Linh Vân, Phúc Châu. X. Chí Cần. chủ, có các loại phù điêu, thấu điêu, viên điêu (đều là khắc nổi nhưng mức độ sâu LOA CÂN cạn khác nhau), có nội dung tôn giáo như Thích-ca thuyết pháp, Ngư ông độ Phật, Gân guốc nổi chằng chịt như xoắn ốc. thầy trò Đường Tăng đi Tây Thiên thỉnh Bài tán Thâm Sa Thần trong Phần Dương kinh. Trong đó những hình tượng núi sông, ngữ lục q. hạ ghi: » động vật, hoa cỏ, yêu ma, thần Phật, được
điêu khắc tinh xảo, sinh động. – Cặp mắt tròn xoe như hai tròng kính
vàng, đôi mày LONG ĐÀM HÒA THƯỢNG xếch lên như hình cái xiên. Gân guốc nổi chằng chịt như xoắn ốc, da dẻ toàn thân Thiền tăng Sùng Tín đời Đường trụ Thiền đều nứt nẻ«. viện Long Đàm ở Lễ Châu, nên người đời

LONG HƯNG TỰ gọi là Long Đàm Hòa thượng. X. Sùng Ông cho đó là khí tinh hoa của gươm báu Tín. bốc lên, nên cho đào ở nền ngục thất được một cái hòm đá, bên trong có hai thanh LONG HƯNG TỰ gươm, đều có khắc tên, một đề Long Chùa ở ấp 4, xã Tân Định, huyện Bến Cát, Tuyền, một đề Thái A, lấp lánh mờ mắt. tỉnh Sông Bé, Việt Nam. Chùa do Thiền sư »Thanh gươm Long Tuyền« về sau trở Thiện Hiếu (Tổ Đỉa) dựng lập. thành một văn liệu phổ biến trong văn chương chữ Hán để ví với tài năng, phong LONG KỲ (1592-1673) thái của người anh hùng. Thiền tông dùng Thiền tăng đời Thanh, Tổ tông Hoàng Bá để dụ cho cơ phong bén nhạy của thiền Nhật Bản. Sư họ Lâm, hiệu Ẩn Nguyên, tăng. Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: » người xứ Phúc Châu, Trung Quốc. Năm 1620, cạo tóc ở núi Hoàng Bá, học Pháp
Hoa ở chùa Hưng Thiện, Gia Hưng; học – kinh
Lăng Nghiêm ở chùa Bích Vân. Năm Gươm Long Tuyền và dao búa đều bằng 1624, được Thiền sư Mật Vân Viên Ngộ sắt, bén lụt khác nhau xa (...) Liệu đấy! truyền tâm ấn. Năm 1633, nhận chức Tây Liệu đấy! Một xuất một nhập, nửa úp nửa đường tại Hoàng Bá Sơn. Năm 1637, nhận mở cùng một phẩm loại, thử phân biệt xem lời mời của hội Hoàng Bá, sư sửa sang đâu là đạo, tục«. X. Thái A Kiếm. điện vũ, đại chấn tông phong, phục hưng Cổ đạo. Năm 1654, nhận lời mời của tăng LONG TUYỀN THIỀN TỰ Dật Nhiên, sư sang Nhật Bản trụ chùa Hưng Phúc ở Trường Kỳ. Năm 1661, sư Thuộc khu Cổ Sơn, thành phố Cao Hùng, xây dựng chùa Vạn Phúc ở núi Hoàng Bá, tỉnh Đài Loan, Trung Quốc. Năm 1923 cử dương thiền phong Hoàng Bá. Nhật chùa được xây cất, trụ trì đầu tiên là tăng Hoàng ban hiệu »Đại Giác Phổ Chiếu nhân Nhật Bản Đông Hải Nghi Thành. Quốc Sư«. Tác phẩm: Phổ Chiếu Quốc Sư Năm 1944 Pháp sư Long Đạo tiếp nhậm ngữ lục 2 quyển, Tùng Đường tập 2 quyển, trụ trì. Trong chùa có xây tháp Từ Thọ cao Thái Hòa tập 2 quyển. 5 tầng có thể đặt thờ hơn bốn vạn linh cốt.

LONG NGUYÊN LONG TUYỀN TỰ Hiệu của thiền tăng Giới Thanh đời 1. Chùa nằm dưới núi Liên Hoa, làng Sa Nguyên. X. Giới Thanh. Hưởng, huyện Trường Lạc, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Chùa được xây cất vào LONG TUYỀN KIẾM niên hiệu Thừa Thánh thứ 3 (554) đời Tên một thanh gươm báu đời cổ ở Trung Lương Nam triều. Vào đời Đường có vị Quốc. Tương truyền vào đời Tấn Huệ Đế, tăng Hoài Hải xuất gia tại chùa này. Tương Lôi Hoán làm chức Huyện lệnh ở Phong truyền trụ trì chùa là Hòa

thượng Huệ Thành, Dự Chương, thường thấy luồng khí Chiếu khi sai Hoài Hải giặt khăn, phát hiện màu tía khoảng giữa sao Đẩu và sao Ngưu. trong giếng có hai con rồng vờn bay, vua

LÔ CẤU Đường Hy Tông sau khi nghe chuyện này Sư đáp: Cái đạp của voi chúa, chẳng phải bèn ban tên »Long Tuyền«. Theo Tự chí lừa chịu nổi«. ghi, khi Hòa thượng Huệ Chiếu trụ chùa 2. Thiền tăng kiệt xuất. Sở Thạch Hòa này từng dùng chú ngữ đặt dưới thạch trụ thượng Hành Trạng trong Phạm Kỳ ngữ xây điện. Hiện thạch trụ vẫn còn cao 6m, lục ghi: » rộng 2m, rất là hùng vĩ. Niên hiệu Sùng

Trinh thứ 15 (1642) đời Minh, Thiền sư – Kính Sơn như hang sâu thẳm, Ẩn Nguyên trước khi đi sang Nhật Bản đã Thiên Đồng như núi chọc trời, Tịnh Từ từng trụ trì chùa này. Trong chùa có cặp trong cơ pháp tối có sáng. Mỗi vị đều có đối liễn: »Tự kiến Lương triều, Phật tàng vài trăm Thiền tăng kiệt xuất«. kim túc. Thiền truyền Nhật Bản, tỉnh hiện thanh long.«(Chùa xây vào đời Lương, LÔ CẤU Phật chứa hạt lúa vàng. Thiền truyền vào 1. Lò lửa (lô) và ống thổi lửa (cấu), dụng Nhật Bản, giếng hiện rồng xanh). cụ của thợ rèn, nghĩa đen là lò rèn. Dụ chỉ pháp đường hay pháp hội là nơi rèn đúc 2. Thuộc trung bộ Bắc Câu, núi Thiên Sơn, cách thành phố Yên Sơn, tỉnh Liêu Ninh,các vị tăng thành pháp khí. Mật Am ngữ Trung Quốc 20km về phía đông, là một lục ghi: » trong năm đại thiền lâm ở Thiên Sơn.

Trong chùa có suối núi thường niên nước chảy róc rách, có rồng phun nước như – Vào chùa, trong truyền thuyết nên gọi là »Long sư thượng đường. Tăng hỏi: Giăng lưới to trong biển Hoa Tạng để bắt cá côn, cá Tuyền«. Núi non bao quanh chùa, tùng lâm kình; cầm kềm dùi trên đỉnh Lăng Tiêu để ở giữa khe núi sâu tối, phân nửa tựa vào vách núi, phân nửa cất trên đất bằng. hun đúc người thành Phật Tổ. Hôm nay lò Trong chùa hiện còn 20 tòa điện vũ lớn rèn đã mở, khi một dùi liền thành thì thế nhỏ như Đại hùng bảo điện, Thiên vương nào? « 2. Thủ đoạn của thiền sư khi ứng cơ tiếp điện, Vi Đà điện, Tỳ Lô điện, Long vương miếu, Tàng kinh các. Theo bi ký trong vật, dẫn dắt người học. Tiết Tư Phúc Như chùa, hậu đường của chùa xây vào niên Bảo Thiền sư trong LĐHY q. 11 ghi: » hiệu Gia Tĩnh thứ 37 (1558) đời Minh. Những kiến trúc từ trước niên hiệu Gia

Tĩnh đời Minh còn có Kim Cang điện, Thiền đường. Trong chùa còn có 87 pho – Đại Quy Triết nói: Tư Phúc tuy có Phật tượng lớn nhỏ làm bằng đất, sắt, thủ đoạn đặc sắc, ngặt vì Trần Tháo là đồng, gỗ, đá. vàng ròng đã luyện. Các ông muốn biết Tư Phúc không? nhàn rỗi buông câu làm kinh LONG TƯỢNG động cả đầm Bích Long«. 1. Con voi chúa, voi quý. Phần Đối Cơ 3. (Hành vi) khải phát tiếp dẫn người học trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: của thiền sư. Bài Tháp minh của Phụ Cát » – Tất trong Mật Am ngữ lục q. cuối ghi: »

LÔ SƠN là nơi triệu tập Đại hội Phật giáo thế giới.

– Nếu LỘ tự mình chẳng phải là bậc tông sư mắt Bày tỏ ra, dẫn đến biểu thị tướng trạng của sáng, chỗ thấy rõ ràng, chỗ làm ổn thật thì toàn thể các pháp hiện trước mặt. Ngoài ra, làm sao vận dụng tự tại, được đại tổng trì, là lời cử xướng quen dùng trong Thiền khải phát tiếp dẫn người học trở thành tông, biểu thị sự lý hiển nhiên rõ ràng ngay pháp khí?«. trước mắt, phần nhiều dùng để chỉ

dẫn cách dùng pháp ngữ... LÔ SƠN Núi nằm ở phía nam thành phố Cửu Giang LỘ BỐ tỉnh Giang Tây, Trung Quốc; phía bắc dựa Câu nói, lời nói khế cơ. Tiết Linh Diệu vào Trường Giang, đông giáp hồ Ba Công Lương Thiền sư trong NĐHN q. 16 Dương. Vào niên hiệu Thái Nguyên thứ 11 ghi: » (386) đời Đông Tấn, Huệ Viễn đến núi này – Tôi có một câu nói khế cơ, sẽ dựng chùa Đông Lâm. Khoảng niên hiệu cùng chư vị bàn bạc xem!«. Bảo Lịch (825-826) đời Đường, Thiền sư Trí Thường (nối pháp Mã Tổ Đạo Nhất) LỘ ĐẦU trụ chùa này, số chúng theo sư tham học có Nhà thiền gọi con đường ngộ nhập là lộ đến vài trăm người, Thiền tông được mở đầu. Tiết Thạch Đầu Tự Hồi thiền sư trong rộng. Thời Ngũ Đại, sư Hành Nhân hoằng NĐHN q. 20 ghi: » pháp ở chùa Thê Hiền. Nam Đường Trung Chủ dựng chùa Khai Tiên ở chân núi phía đông nam; Nam Đường Hậu Chủ còn dựng chùa Viên Thông ở chân núi phía tây.

Khoảng niên hiệu Khánh Lịch (1041-1048) – đời Tống, Thiền sư Cư Nột trụ chùa Viên Tham thiền học đạo giống như ở đáy giếng Thông cùng với các vị như Âu Dương Tu mà kêu khát. Đâu biết rằng bịt tai bịt mắt chung nhau lập »Thanh Tùng Xã« để hưng né tránh không kịp. Chẳng hạn như trong long thiền pháp, đệ tử xuất gia có hơn 3. 24 giờ đi đứng ngồi nằm, mọi hành vi là do 000 người. Niên hiệu Nguyên Phong thứ 2 người nào sai khiến? Mắt thấy tai nghe, (1079), Thần Tông ra lệnh đổi tên chùa chỗ nào không phải là con đường ngộ Đông Lâm thành »Đông Lâm Thái Bình nhập? Nếu biết được con đường này thì Hưng Quốc Thiền Viện«, sư Thường Tổng tức là con đường đại giải thoát.« (nối pháp Hoàng Long Huệ Nam) vâng lời Vua vào trụ chùa này để hoằng dương giáo LỘ ĐỊA BẠCH NGƯU pháp... Niên hiệu Vạn Lịch thứ 42 (1614) Con trâu trăng sờ sờ. Thiền tông dùng từ đời Minh, sư Đức Thanh dựng chùa Pháp này để chỉ trạng thái chứng ngộ. Bắc Thiền Vân ở Ngũ Nhũ Phong và trước thuật ở khai thị giữa đại chúng (Vạn Tục 148, 105 trong chùa này. Năm 1924, núi này đã từng hạ): »

LỘC MÔN TỰ không cửa nẻo, bình thản, rỗng lặng, không có tướng trạng«. – Năm lụn tháng tàn ta chẳng có gì cho các ông để đón giao thừa. Các ông LỘ PHÙNG KIẾM KHÁCH TU hãy hầm một con ›trâu trắng sờ sờ‹, thổi TRÌNH KIẾM BẤT THỊ THI NHÂN nồi cơm nếp, nấu canh rau đồng, hát bài MẠC HIẾN THI ca đồng quê bên đống lửa«. »Gặp trang kiếm khách nên trình kiếm. LỘ ĐƯỜNG ĐƯỜNG Chẳng gặp nhà thơ chớ tặng thơ«. Muốn Bình thản, sáng sạch, không che đậy mảy đo lường cơ phong phải chọn tay lão luyện, may, không một chút nhiễm trước, là cảnh gặp được rồi còn phải có cơ ngữ xuất sắc. giới thiền ngộ. Thiền gia sử dụng từ này thường hàm ý 1. Hiện rành rành. Duy Tắc ngữ lục q. 2: chê trách đối phương chưa khế ngộ thiền » cơ. Lâm Tế ngữ lục ghi: »

– Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, – Lâm nói: Mặc đem tấc lưỡi chẳng cùng các trần đối đãi. Mười phương lòe thiên hạ, một lời đúng lúc thử nói xem! sạch sành sinh, toàn thể hiện rành rành. Sư nói: Gặp trang kiếm khách nên trình Tham sân si từ đâu mà có được? Giới định kiếm, chẳng gặp nhà thơ chớ tặng thơ«. huệ đặt để vào đâu?« 2. Sạch làu làu. Pháp Diễn ngữ lục, q. hạ LỘ

TRỤ ghi: » Cây cột lộ thiên, cây cột. Đây là cây cột bốn mặt trơn tru được trồng ngoài trời – Sư thượng trước mặt pháp đường hoặc điện Phật để đường nói: Ý thánh tâm phàm sạch làu làu, định hướng cho chư tăng đến đi đều biết mỗi niệm không lầm tức đạo tràng. Hướng rõ. Khi sư trụ trì ra khỏi chùa thì căn cứ về quá khứ chớ nói chuyện hôm nay. Quán vào mặt lộ trụ mà chỉ cho môn đồ biết Âm tự tại phóng hào quang«. mình đi về hướng nào. Tiết Hưng Hóa, đời thứ 6 dưới Nam Nhạc trong CTTNL q. 5 LỘ KHỎA KHỎA, XÍCH SÁI SÁI, ghi: » VÔ KHẢ BẢ – Sư vào tăng đường thấy Thủ tọa Bình thản, rỗng lặng, thanh tịnh không liền nói: Ta thấy ngươi rồi! Thủ tọa liền nhơ, không có tướng trạng, siêu việt không hét. Sư đánh cây cột một cái rồi đi ra«. gian, là cảnh giới thiền ngộ. Tiết Quán Khê Chí Nhàn Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: LỘC MÔN TỰ » Ở núi Lộc Môn cách trung tâm huyện – Mười Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc phương không có vách che, bốn mé cũng 15km về phía đông nam. Khoảng niên hiệu

LÔI ÂM Kiến Vũ (25-56) đời Đông Hán, Tập Úc trở cho nên còn gọi là »Giải Thoát Am«. lập đền thờ thần ở sườn phía bắc núi, khắc Niên hiệu Vạn Lịch thứ 20 (1592) đời hai con nai đá chen giữa cửa thần đạo, Minh đổi tên »Lôi Âm Tự«. Hiện còn một nhân đó gọi đền thờ này là »Lộc Môn Tự«. viện, đồi Kiêu Ngạo, dốc Lâm Nguy, cây Đời Tây Tấn đổi tên là »Vạn Thọ Tự«. Đời rừng xanh um, khung cảnh u tĩnh. Dưới Đường gọi lại »Lộc Môn Tự«, có nhiều chùa là sườn núi Giải Thoát, dưới sườn núi cao tăng Thiền tông như Xử Chân, Đan Hà có cầu Giải Thoát bắc ngang qua sông Du trụ chùa này, Mạnh Hạo Nhiên, Bàng Uẩn Già. cư sĩ, Bì Nhật Hưu cũng nối tiếp nhau ẩn cư nơi này. Khoảng niên hiệu Chính Hòa LÔI MÔN KHOA BỐ CỔ (1111-1118) đời Tống rất là hưng thịnh, đương thời có Phật điện, Tăng liêu, Trai Đánh trống qua cửa nhà sấm. Tương đường, Phương trượng thất tổng cộng hơn truyền có cái trống lớn treo ở cổng thành 500 gian. Hiện còn đại điện, Phật đường, Cối Kê (Lôi Môn), khi nó được đánh lên, liêu phòng, trai xá đều xây vào cuối đời âm thanh vang xa nghìn dặm. Còn trống Minh. Nai đá vẫn còn một con cũng là tác bằng vải (bố cổ) thì đánh không phát ra phẩm cuối đời Minh. Trong chùa còn có tiếng. Tỷ dụ việc trổ tài trước mặt người Đăng Thiền Sư Tháp Bi niên hiệu Kiến giỏi hơn mình gấp bội. Pháp Diễn ngữ lục Viêm thứ 1 (1127) đời Tống và vài chục q. thượng ghi: » tấm bia khắc đời Minh Thanh ghi chép sự tích cao tăng và sự hưng phế của chùa Lộc Môn. – Tứ Diện (pháp hiệu của Thiền sư Pháp Diễn) tôi hôm nay tạm dùng LÔI ÂM phương tiện để ví dụ, hãy nói là cái gì? Trong kinh cho rằng đức Phật thuyết pháp Một, hai, ba, bốn, năm. Đánh trống qua như tiếng sấm, nhà Thiền cũng dùng từ này cửa nhà sấm, dối nói Tướng quân Lý để dụ cho thiền sư thuyết pháp. Minh Giác Quảng bắn con cọp đá ở Lam Điền«. ngữ lục q. 1 ghi: »

– Hỏi: LỘNG ẢNH Trời người tụ hội, đứng lặng hồi lâu lắng 1. Lắc lư cái bóng của mình. Đong đưa nghe lôi âm, chúng con đến đây nãy giờ bóng hình. Bài thơ Ngũ vị của Thiền sư xin thầy chỉ dạy«. Chân Ý Lan trong GTPĐL q. 27 ghi: » – Thiên LÔI ÂM TỰ trung chính, trăng tỏ xuyên mây bóng hoa Ở núi Nga My, tỉnh Tứ Xuyên, Trung đong đưa«. Quốc. Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 6 (1527) đời 2. Hành vi giả

dối, câu nệ nơi sự vật hư Minh, Thiền sư Vô Hạ sáng lập. Nguyên huyễn. Tiết Phật Giám Cần Thiền sư trong tên là »Quán Âm Đường«. Theo truyền GTPĐL q. 25 ghi: » thuyết nhập sơn nơi đây thì giải thoát thánh phàm, xuất sơn nơi đây thì giải thoát hiểm

LỘNG TINH HỒN – Thế thì chân vọng đồng nguồn, vọng do chân lập, sao ít có người thấu triệt cội nguồn, phần lớn là tìm nhánh lá, trở thành kẻ câu nệ nơi sự vật hư huyễn«. – Tăng hỏi Đại Quang: Trường Khánh nói: Nhân trai chúc mừng, ý chỉ thế LỘNG ẢNH HÝ nào? Đại Quang liền múa. Tăng lễ bái. Đùa giỡn với bóng. Tỷ dụ đời người như Đại Quang nói: Ông thấy cái gì mà lễ bái? bóng chớp, tất cả lời nói, hành vi đều hư Tăng liền múa. (Bắt chước vẽ con mèo, huyễn. Tiết Thắng Nhân Hoặc Tĩnh Thiền quả nhiên hiểu sai, đây là gã đùa với sư trong NĐHN q. 18 ghi: » bóng). Đại Quang nói: Đồ chồn tinh ranh này«. – Về cuối đời, sư ở chùa Thiên LỘNG QUỶ NHÃN TÌNH Ninh của Liên Y, thị hiện có chút bệnh, viết kệ rằng: Bảy mươi mốt năm, đùa giỡn với Hành vi giả dối, cố tình huyễn hoặc mọi bóng. Còn hỏi thế nào. Khi trở lại sẽ bày người. Thung Dung Am lục q. 1 ghi: » keo khác«. LỘNG NIẾT QUÁI

Làm những việc giả dối, quái gở; giảo – Đóng cửa ngủ say là tiếp cơ quyệt khoác lác. Tiết Thị Nhật Bản Không thượng thượng, sử dụng ngữ cú để chỉ bày Thiền nhân trong Trung Phong quảng lục là phương tiện tiếp dẫn căn khí trung hạ. q. 4 ghi: » Đâu kham lên pháp tòa cố tình huyễn hoặc mọi người? Có người bên cạnh chẳng chịu bước ra, trách móc y cũng chẳng được«. – Thân thể lấm lem bụi đất, điên điên khùng khùng, nhận LỘNG TINH HỒN lấy thức thần làm những việc quái gở, cho Hành vi giả dối, cố tình huyễn hoặc người. đến lời nói kỳ diệu, cho lấy khen chê, tiếp Vô Môn Quan ghi: » dẫn người học bằng cách bên đánh bên hét – cũng đều là những thứ tri giải tà vạy«. Niệm khởi liền giác là gã cố tình huyễn hoặc người; ngây ngây tập định là kế sống LỘNG QUANG ẢNH HÁN trong nhà quỷ«. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng: » Gã đùa với bóng. Thiền tông dùng thuật ngữ này chỉ cho kẻ ngu chỉ thấy bên ngoài chứ không thấy được lý thể chân thật. Tắc – Trên là trời, dưới là đất. Nam Bắc Đông 93, Bích Nham lục (Đại 48, 217 thượng) Tây y nguyên vị trí cũ. Lão già Thích-ca cố ghi: » tình huyễn hoặc người, Đạt-ma từ Ấn Độ sang có lắm điều kiêng kị«.

LỘNG VẬT BẤT TRI DANH LỘNG VẬT BẤT TRI DANH

Ngắm vật mà không biết tên. Hình dung – Sư đi giáo hóa đến Nam Ấn phàm phu ngu muội không biết chính mình Độ, vua nước ấy tên là Hương Chí tôn xưa nay sẵn có Phật tính. Tắc 82, Bích sùng Phật thừa, tôn trọng cúng dường, độ Nham lục (Đại 48, 208 trung) ghi: » người xuất gia làm tăng cùng loại, lại còn bố thí châu báu vô giá.«

– Hỏi đã chẳng biết LUẬN LƯỢNG (không phân biệt đông tây, ngắm vật mà Nghị luận, thảo luận. Tiết Bắc Viện Thông không biết tên, mua nón phải xem tướng), Thiền

sư trong NĐHN q. 13 ghi: » đáp còn chẳng hiểu, gió to trăng lạnh, cây lạnh núi xưa« . LỢI DỤC

– Các Thượng tọa Thiền tăng đời Tống; nối pháp Thiền sư có việc gì thì hãy bước ra thảo luận. Nếu Lương Sơn Duyên Quán, thuộc tông Tào là căn cơ thượng thượng thì chẳng cần như Động. Sư trụ Dược Sơn, Lễ Châu (nay là thế; nếu là hạng trung hạ thì cần phải lột huyện Lễ, tỉnh Hồ Nam) Trung Quốc. bỏ từ đầu đến cuối một cách dứt khoát gọn gàng, chớ để mắc kẹt vào ngôn từ nghĩa LỢI TUNG (800-880) lý.« Thiền tăng đời Đường, họ Chu, người xứ Thiền Châu (nay thuộc phía tây huyện LUẬN NGHỊ (Thiền tông) Thanh Phong tỉnh Hà Bắc) Trung Quốc. Thể văn nghị luận điển hình của văn Sư xuất gia ở chùa Khai Nguyên, U Châu chương cổ nhằm trình bày tư tưởng và học (nay là Bắc Kinh), căn cứ vào tuổi mà thụ thuyết của mỗi tông phái. Như Tứ hạnh giới cụ túc. Sau đó vào thất của Thiền sư quán của Bồ-đề Đạt-ma bàn về pháp môn Nam Tuyền Phổ Nguyện và đắc pháp nơi phương tiện để vào đạo là 2 con đường Ngài. Sư đến núi Mã Đề, Hành Châu (nay »Lý« và »Hạnh«, như Tối Thượng Thừa thuộc Chiết Giang) cất am để ở. Vào niên luận của Ngũ tổ Hoằng Nhẫn bàn về việc hiệu Khai Thành thứ hai (837), dân trong tu trì Phật pháp cần phải biết »giữ tâm« ấp cất viện Tử Hồ dưới chân núi để sư trụ làm chính. Cho đến các sách như: Vĩnh trì. Niên hiệu Hàm Thông thứ hai (861), Gia tập của Huyền Giác soạn, Thiền Vua ban bảng hiệu »An Quốc Thiền viện«. Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự của Tông Tác phẩm: Tử Hồ Lợi Tung Thiền sư ngữ Mật soạn, Tông Môn Thập Thắng Luận do lục 1 quyển. Văn Ích soạn, Tông Cảnh lục do Diên Thọ soạn, Ngũ Tông Nguyên do Pháp Tạng LUÂN ĐẲNG soạn, Ngũ Tông Tịch do Đạo Mân soạn Cùng loại, đồng loại. Chương Tổ thứ 27 đều lấy phần nghị luận làm chính. Ngoài Bát Nhã Đa La trong CĐTĐL q. 2 ghi: » các sách chuyên môn kể trên, còn có một

LỤC ĐẦU THỦ số lớn thư tín, Tự bạt và đoản cảo của các thứ 2 (989) xây cất lại, đổi tên là »Tịnh thiền sư cũng thuộc loại này. Huệ Tự«. Niên hiệu Nguyên Phù thứ 3 (1100) Tô Thức đến chùa du lãm, yêu thích LUẬN NGHĨA sáu cây đa già trong chùa nên viết hai chữ Biện luận đạo pháp, đọ cơ phong. Tiết »Lục Dung«, người sau gọi chùa là »Lục Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong Dung Tự«. Niên hiệu Hồng Vũ thứ 24 NĐHN q. 4 ghi: » (1391) đời Minh chia chùa ra phân nửa xây

– Sư kho Vĩnh Dụ. Về sau tăng trong chùa tại đọ cơ phong với Văn Viễn, bảo rằng: Đấu cửa đông xây lại sơn môn điện vũ, vẫn gọi kém chớ chẳng đấu hơn. Người nào hơn là »Tịnh Huệ Thiền Tự«. Kiến trúc chủ yếu phải thua trái cây.« có Lục Tổ điện, Quán Âm điện, Thiên Phật bảo tháp, hành lang đặt bia. Trong điện LUẬT ĐỒNG HÔI Lục Tổ thờ cúng tượng đồng Huệ Năng Thái Ung Nguyệt sai người đốn trúc làm nặng nửa tấn, đúc vào niên hiệu Đoan ống sáo và gọi đó là luật; xong đặt ống sáo Củng thứ 2 (989) đời Bắc Tống, pháp mạo này vào trong nhà kín. Dùng cái mạng trang nghiêm mà nhân cách hóa, thần thái mỏng trong ruột của cây lau làm thành bột sinh động như còn sống, nếp gấp áo, hoa rồi đem nó để trên miệng của ống sáo; gió văn tinh tế, là kiệt tác nghệ thuật Phật giáo. xuân thổi đến làm bay chất bột kia vào Trong điện Quán Âm có tượng đồng Quán trong ruột ống sáo phát sinh ra dương khí. Âm đúc vào niên hiệu Khang Hy thứ 2 Thiền tông mượn từ này để chỉ cho trong (1663) đời Thanh cao 4m,

nặng khoảng 5 cái chết có cái sống, giống như thuật ngữ tấn. Trong chùa còn có ba tượng Phật đồng Tuyệt Hậu Tái Tô. Tắc 72, Thung Dung lớn được đúc cùng thời kỳ, mỗi tượng cao lục (Đại 48, 272 hạ) ghi: 6m, nặng khoảng 10 tấn. Trong hành lang đặt bia bảo tồn hơn 20 tấm bia khắc từ đời Tống đến đời Thanh, có văn, có tranh ghi chép sự phát triển biến đổi lịch sử tự tháp, là sử liệu trọng yếu để nghiên cứu lịch sử »Cuối năm nằm co nhà tuyết lạnh. chùa Lục Dung. Dù ai lay cửa cứ nằm thôi. Vườn rừng ảm đạm cây khô héo, LỤC ĐẦU THỦ Gió xuân thổi đến lại đâm chồi«. Ban chức sự trông coi việc tu hành và giáo dục trong Thiền viện, gồm 6 vị Đầu thủ LỤC DUNG TỰ (102) thuộc ban Tây (Tây tự). Đó là: Chùa ở đường Lục Dung, thành phố Quảng — Theo Tông Lâm Tế: Thủ tọa, Thư ký, Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Ban Tạng chủ, Tri khách, Khố đầu, Dục chủ. đều gọi là »Bảo Trang Nghiêm Tự«, xây — Theo Tông Tào Động: Thủ tọa, Thư ký, dựng vào niên hiệu Đại Đồng thứ 3 (537) Tri tạng, Tri khách, Tri dục, Tri điện. đời Lương Nam Triều. Đầu thời Bắc Tống Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. chùa bị thiêu hủy. Niên hiệu Đoan Củng

LỤC HÒA THÁP LỤC HÒA THÁP mật. Ý nói: Nơi đông người không thể nói Tháp nằm trên núi Nguyệt Luân bên sông bàn gì được. Là tục ngữ dân gian. Tiết Lặc Tiền Đường, thành phố Hàng Châu, tỉnh Đàm Pháp Hội Thiền sư trong NĐHN q. 3 Chiết Giang, Trung Quốc. Niên hiệu Khai ghi: » Bảo thứ 3 (970) đời Tống, Ngô Việt Vương Tiền Hoằng Thúc vì trấn áp thủy triều mới thỉnh thiền sư Diên Thọ chủ trì – Sư xây tháp này. Quy mô rất lớn, thân tháp 9 hỏi Mã Tổ: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ tầng, cao hơn 50 trượng, trên tháp gắn đên sang? Mã Tổ bảo: Khẽ chứ! Đến gần đây hướng dẫn thuyền bè đi ban đêm. Niên ta nói cho nghe. Sư bèn đến gần, Mã Tổ tát hiệu Tuyên Hòa thứ 3 (1121) đời Tống cho một cái và nói: Nơi đông người không chùa bị chiến tranh phá hủy. Niên hiệu tiện bàn bạc, hãy đi đi, ngày mai trở lại!«. Thiệu Hưng thứ 23 (1153) thi công lại từ đầu, trải qua 11 năm mới hoàn thành. Tháp LỤC THỜI chỉ cao 7 tầng. Từ đây về sau đều có tu Nhà Phật thường chia một ngày đêm làm sửa. Hiện còn tháp Lục Hòa hình lục giác, sáu thời đoạn: Sáng sớm, giữa trưa, buổi bên ngoài thấy 13 tầng nhưng bên trong chiều, đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm. Lâm vẫn là 7 tầng cao 59,89m. Thân tháp xây Tế ngữ lục ghi: » gạch, mái hiên bằng gỗ. Trong thân tháp có bậc thềm hình xoắn ốc xuyên vách vòng – Ngủ một mình trên núi vèo đi lên đến tầng đỉnh. Bên trong mỗi vắng, ăn một bữa sáng, ngồi mãi không tầng có tháp thất hình vuông, dùng đấu nằm, sáu thời hành đạo, đều là kẻ tạo củng chống đỡ khung trang trí trên trần. nghiệp.« Trên vách tháp đều khắc đồ án thần nhân, phi thiên, hoa cỏ, chim muông. Hành lang LỤC THÙ bao quanh và mái hiên gỗ bên ngoài tháp Vốn chỉ tăng y mỏng mà nhẹ, chuyển rộng rãi dể chịu, đứng trên này có thể nhìn thành nghĩa tăng y thượng phẩm. Điển tích thấy cảnh sắc xinh đẹp của sông Tiền rút từ phẩm Đao Lợi, kinh Thế Kỷ trong Đường. Trường A Hàm Kinh q. 20, trong đó cho rằng y phục của trời Đao Lợi nặng sáu thù. LỤC MÔN Thù là đơn vị trọng lượng cổ đại, 24 thù Còn gọi: Lục xứ. Chỉ »Lục căn«. Đàn Kinh bằng 1 lượng. Tiết Liên Châu Bảo Hoa bản Đôn Hoàng ghi: » Hòa thượng trong NĐHN q. 15 ghi: » – Giả sử sáu giặc chạy ra từ sáu căn,

ở trong sáu – Tăng hỏi Đại Dung: trần chẳng xa lìa chẳng nhiễm ô.« Sau khi vua ban cho áo lục thù, lấy gì báo đáp hoàng ân?« LỤC NHĨ BẤT ĐỒNG MƯU LỤC TỔ ĐIỆN Ba người ở một chỗ không tiện bàn việc bí Nằm trong chùa Quang Hiếu, thành phố

LƯ NIÊN Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung LUNG LAO Quốc, xây dựng để kỷ niệm Lục Tổ Huệ Trói buộc. Tiết Lạc Phố Hòa thượng trong Năng vào khoảng niên hiệu Đại Trung TĐT q. 9 ghi: » Tường Phù (1008-1016) đời Tống. Niên – Gông xiềng của thức (tình) khó mở, hiệu Hàm Thuần thứ 5 (1269) đời Tống lưới nghi trói buộc«. chùa bị thiêu hủy, vị tăng trụ trì Tổ Trung đi hóa duyên mà xây dựng lại. Niên hiệu LỤY THÙY Thiên Thuận thứ 3 (1459) đời Minh, niên Rủ xuống. Tiết »Đáp Từ Long Đồ Ca« của hiệu Khang Hy thứ 31 (1692) đời Thanh Thiền sư Pháp Xương Ngộ trong GTPĐL hai lần xây cất lại. Mặt điện rộng 5 gian, q. 30 ghi: » vào sâu 4 gian, mái đơn đỉnh yết sơn. – Con lừa kia càng Trong điện thờ tượng Lục Tổ ngồi cao lạ kỳ, hai tai rủ xuống, bốn cẳng chấm 2,5m. Phía đông của điện có hành lang đặt đất.« bia khắc nói về Lục Tổ, là văn vật trọng yếu để nghiên cứu Lục Tổ và Thiền Nam LUYẾN LUYẾN QUYỀN QUYỀN tông. Co lại, thu hẹp. Tiết Đạo Ngô Hòa thượng« LỤC TRI SỰ trong TĐT q. 4 ghi: » Ban chức sự trông coi tạp sự cùng điều – động nhân sự trong Thiền viện, gồm có 6 Thu hẹp lại, mở rộng ra, trăm xấu ngàn vị Tri sự thuộc ban Đông (Đông tự). Đó là: vụng mà luống qua thế ấy«. 1. Đô tự; 2. Giám tự; 3. Phó tự; 4. Duy-na; 5. Điển tọa; 6. Trực tuế. LƯ NGƯU NHỊ NHŨ Sữa lừa và sữa bò, màu sắc tuy giống nhau, LUNG nhưng sữa bò quậy đông lại thì thành bơ, Cái lồng, hoặc cái rương làm bằng tre, còn sữa lừa quậy đông lại thì thành phân. Thiền tăng lúc hành cước khoác sau lưng Thiền tông dùng từ này để chỉ việc dường để đựng đồ vật. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 1 như giống nhau nhưng kỳ thật thì lại khác. (Đại 48, 1020 hạ) ghi: » Như Phật pháp và ngoại đạo tuy cùng có các điều răn (Giới), nhưng vì ngoại đạo

– Hòa thượng Hoàng chấp trước ngã kiến, cùng tận chỗ trở về là Long Nam nói: Ta trước kia cùng Văn hư dối, nên khác với Phật pháp. Duyệt đi đến Hồ Nam, thấy Thiền tăng mang rương đi hành cước«. LƯ NIÊN LUNG LA Năm lừa. Trong 12 địa chi, mỗi địa chi đều Khống chế, trói buộc, bao phủ. Tiết Viên được tượng trưng bằng một con vật, trong Ngộ Cần Thiền sư trong GTPĐL q. 25 ghi: ấy không có con lừa, tức không có năm » – Ngàn thánh khống con lừa. Thiền tông dùng từ này để chỉ cho chế chẳng được«. một thời hạn không bao giờ có. Chương Thần Tán trong CĐTĐL (Đại 51, 268

LƯ THẦN MÃ CHỦY thượng) ghi: » nói một câu xem!«.

LƯ YÊN KIỀU – Một hôm, Thầy của Cầu yên lừa. Cầu yên lừa rất giống xương sư ngồi bên cửa sổ xem kinh. Có một con hàm của người ta nên có người quê mùa ong chui đầu vào giấy để tìm đường ra. Sư nhận lầm cầu yên lừa là xương hàm của nhìn thấy liền nói: Thế giới rộng như vầy cha mình. Thiền tông mượn từ này để chỉ mà chẳng chịu ra, lại chui đầu vào giấy, cho người mê muội không phân biệt được đến năm lừa mới ra được«. sự khác nhau giữa các pháp nghĩa chân, giả. Tiết Cốc Ẩn Uẩn Thông Thiền sư LƯ THẦN MÃ CHỦY

trong NĐHN q. 11 ghi: » Môi lừa mõm ngựa. Lời chê trách các thiền – Chớ nên nhận cầu yên lừa tăng không ngộ tâm mà hay bàn luận khoe làm xương hàm dưới của cha!«. khoang. Vân Môn quảng lục, q. thượng ghi: » LỮ BẠC Hiệu của Thiền tăng Đạo Bái đời Thanh. X. Đạo Bái. – Nếu ngươi LỰC KIM giống như đồ giả hiệu, ăn đàm dãi của Thiền tăng Vạn Kim sống vào đời cuối người, nhớ được một đống một gánh hèm Nguyên đầu Minh, còn được gọi là Lực thì đi đến nơi nào cũng bàn luận khoe Kim. X. Vạn Kim. khoang, khoe ta nói được năm, mười chuyển ngữ. Giả sử ngươi đáp được từ LƯỢC HƯ sáng đến tối, đến suốt đời cũng chưa mộng Không có căn cứ, nói năng bậy bạ. Chương thấy!«. Văn Yển Thiền sư trong CĐTĐL q. 19 ghi: » LƯ TIỀN MÃ HẬU – Ngươi muốn biết Nghĩa đen là kẻ đầy tớ (làm thân nô lệ) chăng, hãy đến chỗ này mà biết. Nếu chạy theo sau đuôi ngựa và chạy trước con không biết thì chớ nói năng bậy bạ.« lừa để làm bản phận hầu hạ cho chủ. Thiền tông mượn từ này để chỉ cho kẻ chạy theo LƯỢC HƯ ĐẦU HÁN lời nói và việc làm của người khác còn Còn gọi: Lược hư hán. Nghĩa là »Đồ giả chính mình thì không có cơ dụng riêng. hiệu«. Phần Tụng Cổ trong Tuệ Trung Thượng Sĩ Lược: Cướp lấy. Hư: Dối trá không thật. ngữ lục: » Thiền tông dùng cụm từ này để chỉ cho đồ giả hiệu, chỉ bắt chước ngôn ngữ và hành – Cử: Trần Tôn vi bên ngoài của thiền sư, chứ tự mình thì Túc hỏi một vị tăng ở đâu đến. Tăng trợn chưa kiến tính. Tắc 10, Bích Nham lục mắt nhìn sư. Sư nói: Cái gã đầy tớ kia, hãy (Đại 48, 150 thượng) ghi: »

LƯỠNG BAN Lợi ở Động Sơn (nay nằm trong địa hạt – Triệu Châu nói: huyện Nghi Phong, tỉnh Giang Tây). Sư Sau khi hét ba bốn lần thì sao? Vị tăng chủ trương: »Người xuất gia tâm chẳng không đáp được. Triệu Châu liền đánh và bám víu vào vật mới là chân tu hành«, bảo: Đồ giả hiệu này«. Theo: PQĐTĐ của xướng thuyết »Ngũ vị quân thần«. Thụy nhóm Từ Di. hiệu »Ngộ Bản Thiền sư«. Tác phẩm: Bảo Cảnh Tam-muội Ca, Huyền Trung Minh. LƯƠNG CỬU Lặng lẽ hoặc thản nhiên một hồi. Nguyên ý LƯƠNG KHUÔNG là thời gian hơi lâu, trong Thiền tông thì Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Kiết chỉ trạng thái vô ngôn vô ngữ. Lúc vị thầy Châu, Trung Quốc; nối pháp Thiền sư tiếp dẫn người học, người học đưa ra nghi Thanh Lương Văn Ích, thuộc tông Pháp vấn, hoặc trình bày kiến giải của mình, Nhãn. Sư trụ Hoàng Sơn, Phủ Châu (nay hoặc trả lời câu hỏi của thầy, thầy thường thuộc tỉnh Giang Tây). dùng thái độ lặng lẽ một hồi để biểu thị sự LƯƠNG TOẠI đồng ý hoặc phản đối. Tắc 65, Bích Nham lục (Đại 48, 195 hạ) ghi: » Thiền tăng đời Đường. Sư hai lần đến núi Ma Cốc để tham vấn Thiền sư Bảo Triệt, Bảo Triệt hoặc là vác cào ra sân cào cỏ, hoặc đóng cửa chẳng nói, khiến Lương – Một tắc công án này bị nhiều Toại hai lần đều chẳng mở miệng được, người dựa trên ngôn ngữ mà hiểu. Có dẫn đến nhân duyên ngộ đạo của sư. Sau người cho là lặng lẽ một hồi, có người cứ cùng Lương Toại đại triệt đại ngộ. Về sau, ngồi hoài, có người lặng yên không đáp. sư trụ Thọ Châu (nay là huyện Thọ, tỉnh May thay chẳng dính dáng. Có mấy ai sờ An Huy). mó đến được?«. LƯỠNG BAN Chức vụ tăng sĩ trong thiền viện, dưới vị LƯƠNG GIỚI (807-869) Trụ trì,

chia làm Đông ban và Tây ban, gọi Thiền tăng đời Đường, Tổ tông Tào Động. chung lại là »Lưỡng ban«. Tây ban còn gọi Sư họ Du, người xứ Chư Kị, Cối Kê (nay là Đầu thủ, gồm có: Thủ tọa, Thư ký, Tri thuộc Chiết Giang) Trung Quốc. Ấu niên tạng, Tri khách, Tri dục, Tri điện. Đông xuất gia, 21 tuổi thụ giới Cụ túc. Yết kiến ban còn gọi là Tri sự, gồm có: Đô tự, Giám Nam Tuyền Phổ Nguyện, thâm lãnh huyền tự, Phó tự, Duy-na, Điển tọa, Trực tuế. chỉ. Tham phỏng Quy Sơn Linh Hựu, (Tên gọi chức vụ tùy theo tông phái, thời chẳng khế hợp. Yết kiến Vân Nham Đàm đại mà có chỗ thay đổi khác nhau). Như Thạnh, hỏi nghĩa công án »Vô tình thuyết Tịnh ngữ lục q. thượng: » pháp«, được ấn tâm rồi trở về. Trên đường – Cảm ơn Lưỡng ban rồi thượng về, lội ngang suối chợt thấy bóng mình in đường«. dưới nước liền đại ngộ ý chỉ trước. Cuối niên hiệu Đại Trung (859) sư trụ viện Phổ

LƯỠNG CHÍCH NHÃN LƯỠNG CHÍCH NHÃN Ánh mắt trí tuệ quán chiếu chân tướng sự Xúm đôi xúm ba. Tắc 18, Bích Nham lục vật. Đối lại với nhất chích nhãn. Chương (Tục 117,147, thượng) ghi: » (Ngữ Chi Dư) đời thứ 3 dưới Đại Giám . trong CTTNL q. 2 ghi: » – Cũng là không thể tự chủ, họ xúm đôi xúm ba để làm gì? Nửa úp nửa mở«. – Thứ nhất cần phải đủ hai con mắt soi thấu cả hai bên, chớ nên chỉ LƯỠNG NHẬN TƯƠNG THƯƠNG đeo một con mắt nhìn về một phía.« Nguyên chỉ cho hai thanh đao bén nhọn LƯỠNG CƯỚC SAO KHÔNG khi va chạm thường bị hư hao. Thiền tông mượn từ này làm thuật ngữ để chỉ cho hai Nguyên ý là hai chân rời mặt đất mà đứng. phe đối lập cùng đưa ra một phương hướng Thiền tông mượn từ này làm thuật ngữ chung để tiến hành giải quyết vấn đề cơ dùng để trách người học chưa thiết thực phong. Tắc 4, Bích Nham lục (Đại 48, 144 quyết tâm tham cứu, chưa dùng định huệ tu trung) ghi: » ( hành thì khó mà thông suốt chân lý, và chỗ đắc chỗ ngộ đều là hư vọng không thật. ) – Trên đảnh cô Chương Nam Tuyền Phổ Nguyện trong Cổ phong, ngồi trong cỏ, ối chao! (Hiểu Tôn Túc ngữ lục q. 12 (Vạn Tục 118, 150 chăng? Hai mũi nhọn cùng hư hao, xúm thượng) ghi: » đôi xúm ba đi đường cũ, kẻ hát người gõ rồi đánh nhau)«. Trong đó, »xúm đôi xúm ba đi đường cũ«, chỉ cho người học không chịu tinh tấn, chỉ – Bậc lão túc ở Giang Tây chỉ nói biết cặp bè cặp bạn, bị hạn cuộc vào cảnh chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng giới đã có mà không có cách nào chặt phá phải vật, cần phải ngay đó thể hội rồi thật gai góc để cầu chứng cảnh giới mới mẻ. sự tu hành (...) nếu không thiết thực tu Ngoài ra, tông Tào Động lúc bàn về hành thì chớ cho là phải, cùng đạo chẳng »Thiên trung chí«, »Kiêm trung chí« của tương ưng«. thuyết Động Sơn Ngũ Vị, cho rằng trong sát na giao nhau giữa minh (Thiên) và ám LƯỠNG ĐƯỜNG (Chính), vẫn chưa khởi tâm động niệm và Trong thiền viện, tăng đường chia ra làm không có mảy may cảnh giới của tác dụng tiền đường (nhà trước) và hậu đường (nhà phân biệt tư lương, gọi là »Lưỡng nhận sau), gọi chung lại là lưỡng đường. Lâm Tế giao phong«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ ngữ lục ghi: » Di. – Hôm ấy lưỡng đường Thủ tọa gặp nhau, đồng thời hét lên«. LƯỠNG PHIẾN BÌ Còn gọi: Lưỡng phiến, lưỡng bì. Miệng. LƯỠNG LƯỠNG TAM TAM Tiết Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền sư trong

LY NGÔN THUYẾT PHÁP LĐHY q. 8 ghi: » theo để làm gì?)«
– LƯU BỐ Vừa thấy ông ta nói ›pháp Ma ha
diễn‹, Truyền bá, lưu truyền. Bài hậu tự của Lưu liền bảo ›câm miệng lại‹. Chẳng những Phỉ trong CĐTĐL ghi: » ngăn dứt những lời nói mớ của Ngưỡng
– Tôi biết Sơn, mà còn tránh cho người đời sau trong chắc sự truyền bá
sách này khiến nhiều mơ nói mớ.« người phát minh tâm địa«.

LƯỠNG THÁI NHẤT TRẠI LƯU NGẠI Đình trệ, trở ngại. Tiết Linh Nham
Trọng Trong một cuộc thi đấu có hai người giành An Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: »
được phần thắng. Thiền tông mượn từ này – để chỉ trong khi
pháp chiến, tỷ thí cơ Tham thiền chẳng tra xét đến nguồn gốc, phong thì kết quả bất phân thắng bại, tức khi gặp việc thường bị trở ngại«. chỉ hai vị thiền giả có trình độ ngang nhau, »kỳ phùng địch thủ«. Lâm Tế hành lục LƯU THIẾT MA (Đại 47, 505
trung) ghi: » Ni sư Thiền tông đời Đường, họ Lưu, do vì
cơ phong cao vút nên người đời gọi là – Quy Sơn hỏi »Lưu Thiết Ma«. Cách
núi Cự Quy 10 Ngưỡng Sơn: Hoàng Bá vào tăng đường, ý dặm, Ni sư có dựng một cái am nhỏ để ở. nghĩa thế nào? Ngưỡng Sơn nói: Kỳ phùng Ni sư nối pháp Thiền sư Quy Sơn Linh địch thủ«. Hựu, cũng từng tham yết thiền sư Tử Hồ Lợi Tung, nhiều lần bàn luận thiền chỉ với LƯỠNG TRÙNG CÔNG ÁN các thiền khách đương thời. Có công án
»Thiết Ma lão tự ngưu« (Thiết Ma con trâu Một công án lặp lại hai lần. Chỉ cho sự giải cái) lưu truyền ở đời. thích nhiều lần đối với một công án, cũng tức là nêu bày nhiều lần một công án nào LƯU THÔNG đó cho người học đạo. Nhưng cũng có khi Truyền bá, lưu truyền. Tựa của Dương Ức là lời chế giễu, chê cười người học Thiền trong CĐTĐL ghi: » không tự mình sáng tạo, trong lúc tham – Ý
chỉ của bậc Đại cứu ý chỉ Thiền chỉ biết bắt chước công án Hùng phó chúc, đạo Chính Nhãn (Thiền kẻ khác, hoặc niêm hoặc bình, nói cười tông) được lưu truyền«. lườm ngó, làm bộ làm tịch, nhưng đều không ngoài đàm dãi của người xưa. Tắc 1, LY NGÔN THUYẾT PHÁP Bích Nham lục (Đại 48, 141 thượng) ghi: » (
Sự biểu đạt và truyền bá thiền pháp vượt ) – Người cả nước mời chẳng lên và xa
lìa ngôn ngữ thông thường. Đoạn trở về (Công án được lặp lại hai lần đuổi Tế Tâm Yếu ghi: »

LY TÂM CẦU PHẬT

– Sư ở đó hơn một năm. Một
hôm, sư xem Truyền Đăng lục – Thừa có đại tiểu, đắc thấy lời Triệu Châu dặn
dò tăng, sư bất có cạn sâu, đều chẳng phải bản pháp, nên giác tỉnh ngộ, chạy đến yết kiến Thọ nói: ›Chỉ có đạo Nhất thừa, có hai chẳng Xương. Khi ấy Thọ Xương đã từ Nga phải chân‹. Nhưng cuối cùng chưa hiển Phong dời sang Bảo Phương rồi. Đang lúc được pháp Nhất tâm nên Phật Thích-ca- trình bày, thể dụng chẳng hợp, nên sư ở lại mâu-ni mới gọi ngài Ca-diếp cùng lên Bảo Phương nỗ lực cầu đạo đến nỗi thân pháp tòa, riêng trao Nhất tâm, là pháp lìa hình khô héo, mặt mũi nám đen, còn da ngôn thuyết. Một nhánh pháp này thực bọc xương mà tinh tấn chẳng lùi«. hành theo lối riêng, nếu người nào khế ngộ được liền thẳng đến Phật địa«. LÝ AN TỰ Chùa ở Thập Bát Giản, Nam

Sơn, thành LY TÂM CẦU PHẬT phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Chẳng biết tự tâm xưa nay là Phật, trở lại Quốc. Xưa gọi là »Dũng Tuyền Thiền Tự«, tìm cầu đạo bên ngoài làm Phật. Đại Châu tên cũ là »Pháp Vũ Tự«. Thời Ngũ Đại, ngữ lục q. hạ: » – Ngô Việt Vương sáng lập, Thiền sư Phục Ly tâm cầu Phật là ngoại đạo«.
Hổ Phùng cư trú chùa này. Thời vua Tống Lý Tông vì muốn quốc thái dân an nên đổi LY TỨ CÚ, TUYỆT BÁCH PHI tên là »Lý An Tự«. Niên hiệu Hoằng Trị thứ 4 (1491) đời Minh bị hồng thủy phá Tứ cú là: Có, không, chẳng có chẳng hủy. Khoảng niên hiệu Vạn Lịch (1573- không, chẳng phải chẳng có chẳng phải 1620) Đại sư Pháp Vũ xây dựng lại. Niên chẳng không. hiệu Khang Hi thứ 51 (1712) đời Thanh do Bách phi: trăm thứ sai lầm. Tất cả tư tưởng tăng chúng quá đông, sản xuất ít ỏi, không đều chẳng ra ngoài tứ cú này, nếu trụ thì đủ chi xuất nên vua phải xuất tiền trong chướng ngại sự dụng của bản thể tự tính kho ra xây lại chùa. Trong chùa nguyên có mà sinh ra bách phi, nếu lìa thì hiển bày cất giữ những văn vật Phật giáo trân quý đại dụng của tự tính mà tuyệt bách phi. như xá-lợi Phật cổ Ấn Độ, bối diệp kinh. Trong viện có Pháp vũ tuyền nước trong LY VI như gương. Nguyên có các kiến trúc Tùng Ly: Thể của pháp tính, do vì lìa các tướng Điên các, Thả Trụ các, Phù Kỳ các lâu năm nên không tịch. Vi: Dụng của pháp tính, do đã hư phế. vì vi diệu nên không thể nghĩ bàn. Bác Sơn Hòa thượng truyện trong Nguyên Lai LÝ CAO (772-841) quảng lục q. 35 ghi: »
Cư sĩ đời Đường, tự là Tập Chi, người đất Lũng Tây, Thành Kỷ (nay ở phía tây Tần

LÝ HỘI An, Cam Túc), một thuyết cho là người đất thông kinh luận, hơn nữa rất thích kinh Triệu Quận (nay là huyện Triệu, tỉnh Hà Hoa Nghiêm. Hằng ngày thường lấy lời Bắc) Trung Quốc. Từ thuở nhỏ học Nho Phật dạy làm gốc mà bàn luận sự việc. uyên bác, hiếu cổ. Niên hiệu Trinh Nguyên Thích giao du với các Thiền sư Phù Dung thứ 14 (798) đỗ Tiến sĩ. Lần lượt nhậm Đạo Giai, Viên Ngộ Khắc Cần, Đại Huệ chức Hiệu thư lang, Quốc tử Bác sĩ, Sứ Tông Cảo. Một buổi chiều nọ, ông đang quán tu soạn, Gián nghị đại phu, Trung thư ngồi trong phủ chợt nghe tiếng động mạnh Xá nhân, Tiết độ sứ Đông Đạo ở Sơn Nam, liền tỏ ngộ, làm kệ trình Tông Cảo, Tông cùng với thầy là Hàn Dũ, văn chương được Cảo ấn khả. Sau khi ông qua đời, mọi đương thời khen ngợi. Theo Thiền sư người đều thương tiếc khóc than, bán hết Dược Sơn Duy Nghiễm học hỏi lý thiền có đồ trang sức nhà quan để cầu siêu truy tiến chỗ tỏ ngộ, sáng tác »Phục Tính Thư«. cho ông. Tác phẩm: Lương Khê tập. Tiếp nhận quan điểm »Kiến tính thành Phật« của Thiền tông, đề xuất nhân tính LÝ HỘI đều thiện, bởi vọng tình mê hoặc nên chia 1. Lý giải, lãnh hội. Pháp Diễn ngữ lục q. ra phàm thánh khác biệt. Chủ trương hạ ghi: » »Chính tư« để tâm đạt đến chỗ chí thành dứt sạch tình dục mà trở về chân tính. Học thuyết này có ảnh hưởng rất lớn đối với Lý học đời sau, gióng lên tiếng chuông báo – Thượng đường nói: Gánh nước đầu trước cho Lý học đời Tống, Minh; dẫn sông đem bán, mọi người đều cười trách. Thiền vào Nho. Hàng ứ đọng không ai ngờ giống như thiếu nợ người. Canh ba nửa đêm hôm qua, gái LÝ CƯƠNG (1083-1140) đá tranh nhau lễ bái. Những lời này chớ Cư sĩ đời Tống, tự Bá Kỷ, người Thiệu Vũ nói ngươi không thể lãnh hội, cả ta cũng (nay thuộc Phúc Kiến) Trung Quốc. Niên không

thể lãnh hội.« hiệu Tuyên Hòa thứ 7 (1125) làm chức 2. Thảo luận, biện luận. Tông Môn Võ Khố Thái thường Thiếu khanh. Khi ấy nhà Kim ghi: » xua quân Nam Hạ vào Trung Nguyên. Ông chích máu viết sớ xin vua Huy Tông truyền ngôi cho Thái tử để hiệu triệu thiên hạ, Tú Viên Thông thời tại hội trung tác Khâm Tông tức vị, ông nhậm chức Binh Duy na, mỗi kiến (Vân Cư Thuấn Hòa bộ Thị lang, cương quyết chủ chiến, phản thượng) ha mạ bất dĩ, nãi vị đồng liệt viết: đối việc dời đô. Giao cho Thượng thư Hữu Ngã tu dữ giá lão hán lý hội nhất thượng! – thừa làm Thân chính Hành doanh sứ cung Lúc Tú Viên Thông ở trong thiền viện làm cấp đầy đủ cho cuộc chiến khiến quân Kim Duy na, mỗi khi thấy (Hòa thượng Vân Cư phải tháo lui. Niên hiệu Kiến Viêm thứ 1 Thuấn) là quở mắng không ngớt, bèn bảo (1127) nhậm chức Thượng thư Hữu bộc xạ với đồng đội rằng: Ta cần phải thảo luận kiêm Trung thư Thị lang, tại chức có 75 cùng lão này một phen!« ngày rồi bị giải chức. Ông tin Phật pháp, 3. Ứng phó, xử trí. Uyển Lăng Lục ghi:

LÝ SỰ » Lãng, biệt hiệu Tịch Quang. Người thành phố Cát Lâm, tỉnh Cát Lâm, Trung Quốc. Ông lần lượt tốt nghiệp Đại học Sư phạm – Có một loại quỉ thần rảnh Đài Loan, Đại học Tokyo (Nhật Bản) và đỗ rỗi, vừa thấy người khác có chút bệnh liền bằng Tiến sĩ Triết học hai đại học Harvard, nói với họ rằng: Ông chỉ cần buông bỏ đi! Cali (Hoa Kỳ). Tuần tự giữ chức giáo sư Đến khi chúng mắc bệnh thì lại ứng phó đại học Michigan, phân hiệu San Francisco không được, tay chân lúng túng.« thuộc Đại học Cali (Hoa Kỳ). Từ nhỏ ông quy y Phật giáo, sau khi đến Đài Loan ông LÝ SỰ quy y Pháp sư Đại Tỉnh, song tu Hiển Mật. Chân lý Phật pháp cùng sự vật thế gian. Thời kỳ ở Nhật Bản chuyên nghiên cứu Tiết Hòa Sơn Huệ Phương thiền sư trong triết học Ấn Độ và tu tập tư tưởng Không NĐHN q. 18 ghi: » quán. Đối với Phạn văn, ông nghiên cứu so sánh các tôn giáo rất sâu, và âm thầm nghiên cứu sự diễn biến hưng suy của Thiền tông Trung Quốc. Trong khi dạy học – ở Hoa Kỳ, ông nhiều lần dùng đề tài »Sinh Thượng đường, giơ phất tử lên nói: Hãy hoạt Thiền viện và xã hội Trung Quốc« để nhìn đây! Chỉ cái này, ở chỗ Lâm Tế thì giới thiệu văn hóa Trung Quốc. Ông là hội chiếu dụng cùng hành, ở chỗ Vân Môn thì viên Học Hội Tư Tưởng Khoa Học Mỹ lý sự đầy đủ, ở chỗ Tào Động thì thiên Quốc. Năm 1971, ông được bầu làm hội chính hiệp thông, ở chỗ Quy Sơn thì ám cơ viên trác việt của Học Hội Logic Mỹ Quốc. viên hợp, ở chỗ Pháp Nhãn thì đâu chỉ duy Tác phẩm: Phật Học Chân Tủy, Thiền Viện tâm.« Sinh Hoạt hòa Trung Quốc Xã Hội, Đối Bách Trượng Thanh Quy đích Nhất Cá LÝ SỰ BẤT NHỊ Hiện Tượng đích Nghiên Cứu. Chân đế Phật pháp cùng với sự vật thế gian không hề đối lập. Bích Nham lục q. 1 ghi: LÝ TIỄN » Chỉ các hành vi như: Tham thiền, tu tập, khế cơ, ngộ đạo. Vô Môn Quan ghi: » – Nói chung dựng lập tông giáo phải là bậc anh linh, có thủ đoạn giết người không chớp mắt mới có thể lập tức thành Phật. Cho nên chiếu – Khởi niệm liền giác dụng đồng thời, co duỗi cùng xướng, lý sự còn là kẻ cố tình huyễn hoặc người, ngây không hai, quyền thật đồng hành.« ngây tập định là kế sống

nhà quỷ. Tiến được thì mê lý, thối lui là trái tông; chẳng LÝ THỤY SẢNG (1931-) tiến chẳng thối, có hơi hám của người Học giả Phật giáo hiện đại, pháp danh Giác chết. Thử hỏi phải có hành vi thế nào?

MA CUNG Nỗ lực đời này cho liễu ngộ Đừng để vĩnh kiếp chịu tai ương«. M LÝ TRƯỞNG TẮC TỰU MA Còn gọi: Lý trưởng tức tựu. Đạo lý người 1. Như thế. Tiết Bảo Phúc Hòa thượng nào hay hơn thì theo người ấy. Tiết Động trong TĐT q. 1 ghi: » Sơn Hiểu Thông Thiền sư trong NĐHN q. – Gần đây tuổi tác già nua, nên 15 ghi: » lỗi thời như thế«. – Hỏi: Thế nào là Phật? Sư 2. Trợ từ cuối câu nghi vấn, tức »(chăng? nói: Đạo lý người nào hay hơn thì theo không?)«. Tiết Huệ Trung Quốc Sư trong người ấy.« TĐT q. 3 ghi: » – Hoàng đế có thấy hư không trước mắt chăng?«. LÝ TUÂN HÚC (988-1038) Cư sĩ đời Tống, ban đầu tên Húc, vua Tống MA CHỦ Chân Tông đổi tên này, tự là Công Vũ, Còn gọi: Ma đầu. Chức vụ trông coi việc người xứ Thượng Đảng Lộ Châu (nay là xay giã các loại ngũ cốc, cây lương thực Trường Trị, Sơn Tây), Trung Quốc. Ông trong Thiền viện. Tông Môn Võ Khố ghi: lấy em vua Chân Tông là công chúa Vạn » Thọ Trường, nhận chức Tả long vũ Tướng quân, phò mã Đô úy. Theo học với Dương – Hòa thượng Ngũ Ức, tinh thông Phật học. Yết kiến Thiền sư Tổ Diễn nương ở nơi Hòa thượng Đoan tại Cốc Ẩn Uẩn Thông thưa hỏi việc tông chùa Hải Hội núi Bạch Vân thuộc Thư môn, Uẩn Thông đem công án »Thôi Triệu Châu, tham cứu việc siêu thoát sinh tử Công hỏi Kỉnh Sơn« để đáp lại. Lý Tuân được ngộ rất sâu. Đoan bảo sư ra trước Húc nhờ đó mà đại ngộ, làm bài kệ: núi làm Ma đầu«.

»Người sắt mới mong học đạo thâm MA CỐC TRIỆT Đặt tay liền biện rõ đầu tâm Thiền tăng Bảo Triệt đời Đường ở núi Ma Cốc thuộc Bồ Châu cử xướng thiền phong, Thẳng về đường Giác cao vô thượng nên gọi là Ma Cốc Triệt. X. Bảo Triệt. Phải quấy màng chi để bận lòng«. MA CUNG Ông thường cùng tăng chúng tụ hội trong Cung điện của ma vương Ba-tuần, ở cõi phủ đàm luận suốt đêm. Về sau, ông biết trời thứ 6 thuộc Dục giới. Chương Ưu-ba- trước giờ lâm chung nên thù xướng kệ tụng cúc-đa Tổ thứ 4 trong CĐTĐL q. 1 ghi: với Thiền sư Từ Minh Sở Viên rồi thong » dong ra đi. Tác phẩm: Thiên Thánh Quảng Đăng lục. – Sư tùy

MA ĐẠO phương đi giáo hóa, đến nước Ma-đột-la, có 3 mắt, con mắt ở giữa nằm dọc trên trán độ được rất nhiều người, do đây mà cung (là con mắt thứ ba) có thị lực thần kỳ, dụ điện của ma vương chấn động, Ba-tuần lo chỉ cho pháp nhãn. Bài thơ Tống Như sợ liền dùng hết sức ma để phá hoại chính Thủy Đầu trong Mật Am ngữ lục ghi: pháp«. MA ĐẠO Đường ma, pháp tà. Nhà thiền nhấn mạnh vào điều gọi là »đối lập giữa Phật đạo và »Như như mới giải thoát ma đạo« cũng là kiến giải hư vọng. Đoạn Thuyết này làm sao thông? Tế Tâm Yếu ghi: » Chọc mù mắt Ma-hê – Người học đạo một niệm Vén mở vũ trụ không«. nghĩ đến sinh tử liền rơi vào ma đạo«. MA KHÔNG TUẤN CỐT MA HA Thiền tăng đời Tiền Lê, thuộc dòng Tỳ-ni- Chim cắt bay cực nhanh, dụ chỉ cho thiền đa-lưu-chi đời thứ 10. Sư người gốc Chiêm tăng căn cơ linh lợi, cơ phong bén nhạy. Thành, sau đổi họ Dương, ở

làng Cổ Miệt Tiết Trường Sinh Sơn Hạo Nhiên Thiền sư (nay thuộc huyện Thanh Hà, tỉnh Hải trong Đại Quang Minh Tạng q. hạ ghi: » Dương), miền Bắc Việt Nam. Năm 24 tuổi, sư trụ trì một ngôi chùa cũ. Một hôm đang – lúc sư giảng kinh bỗng thấy Hộ pháp Thiện Bảo Đàm nói: Trong pháp hội của Tuyết thần xuất hiện quở rằng: »Đâu cần cái học Phong có được kẻ này (chỉ Hạo Nhiên). bên ngoài ấy làm gì? Ắt không thể thông Thế gian có tên gọi »Con chim cắt bay cực lý«. Do đây hai mắt sư bị mù. Sư hết lòng nhanh«. ăn năn hối lỗi, toan gieo mình xuống vực sâu mà chết. Bỗng gặp Đông Lâm Viễn MA-KIỆT-ĐÀ LỆNH ngăn rằng: »Dừng! dừng!«. Sư nghe lời Mệnh lệnh được ban hành từ Ma-kiệt-đà. này liền tỉnh ngộ. Về sau sư đến chùa Cổ Đức Thích-ca sau khi thành đạo, đóng cửa Sơn thụ giới với Thiền sư Đỗ Pháp Thuận. thất ngồi thiền trong 37 ngày ở nước Ma- Năm 1015, sư về núi Đại Vân ở Trường kiệt-đà; ý chỉ cho thiền cơ được biểu đạt An chuyên cần tu tập được »Tổng Trì tam- không nhờ vào lời nói. Tiết Vô Thể Quảng muội« và các pháp thuật, người đời không Trí Thiền sư trong TTĐL q. 11 ghi: » thể lường nổi. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ.

MA HỀ NHÃN – Sư liền nói: Thế Tôn lặng Mắt Ma-hê. Ma-hê là tên vị thiên thần lẽ hồi lâu, Ca-diếp đứng dậy bạch chùy; trong thần thoại Phật giáo. Gọi đủ là Ma- Mã đại sư vừa thăng tòa, Bách Trượng hê-thủ-la, còn gọi là Tự Tại Thiên. Vị này liền bước ra cuốn chiếu. Có thể nói mệnh

MA NGƯU lệnh được ban hành từ Ma-kiệt-đà, chẳng MA MỊ thể bảo Sơn tăng hạ thêm chú cước«. Mê hoặc, đầu độc. Tiết Đức Sơn Tuyên Giám Thiền sư trong LĐHY q. 20 ghi: » MA LA Nghĩa là sỉ nhục, hỗ thẹn. Tắc 1, Bích Nham lục (Đại 48, 140 thượng) ghi: » – Ngươi bị các lão trọc khắp nơi mê hoặc, nên nói ta là người tu hành, gắng gượng làm bộ làm tịch giống – Đạt-ma vượt sông đến nước như bộ mặt của người đắc đạo«. Ngụy (Đồ chồn tinh ranh này, không tránh khỏi một lần hỗ thẹn, từ Tây qua Đông, từ MA NI Đông qua Tây)«. Dịch âm tiếng Phạn Mani, có nghĩa là viên Tắc 7, Thung Dung lục (Đại 48, 231 hạ) ngọc quý. Minh Chân tụng trong Phạm Kỳ ghi: » ngữ lục q. 18 ghi: – Mây lướt trên không, hạc làm tổ dưới trăng (Dưới gốc cây một phen hỗ thẹn)«. »Ngã hữu ma ni nhất khỏa Mai tại ngũ uẩn thân điền MA LUNG Tạc hướng nê trung thủ xuất Mài giũa. Tiết Xiển Đề Chiếu Thiền sư Quang minh chiếu chúc vô biên«. trong GTPĐL q. 27 ghi: » »Ta có một viên ngọc quý – Dao có chất thép tốt tự bén, chẳng cần nhọc công mài giũa«. Vùi ở ruộng thân ngũ uẩn Hôm qua lấy nó từ bùn MA MÊ Hào quang chiếu sáng vô biên«. Mắt lèm nhèm, mắt mù. Ma có nghĩa là không cảm giác; mê là híp mắt, tức là vật MA NGOẠI lạ như cát bụi... rơi vào mắt, khiến không Thiên ma và ngoại đạo. Tiết Tống Lân Thủ thể thấy. Thiền tông mượn từ này làm tọa trụ Định Thủy trong MANL ghi: » thuật ngữ để hình dung trạng thái mơ hồ thấy không rõ ràng, hoặc chế giễu người mù mắt. Tiết Đông Lâm Hòa thượng trong – Một gậy Vân Môn Am Chủ Tụng Cổ (Vạn Tục 118, là hằn một dấu roi, một tát là hằn một bàn 399 thượng) ghi: tay máu. Chẳng phải là cơ quan hướng thượng, cũng chẳng

phải là diệu quyết đơn truyền, Phật Tổ thấy đó liền chau mày, »Á tử đắc mộng dữ thùy thuyết? thiên ma ngoại đạo nghe đó liền rớt mật«. Khởi lai tương đối nhãn ma mê«. MA NGƯU »Kẻ câm nằm mộng nói cùng ai? Thức dậy đối diện với kẻ mù«. Con trâu đang được chăn giữ điều phục. Từ »Ma ngưu« được dùng để chỉ cho hàng

MA QUÂN Tăng Ni tuy mang hình tướng xuất gia MA TÁC nhưng chưa thật sự kiến tính. Hành động tà ma, hành vi của ma quỷ. Tiết Ngữ Chi Dư, đời thứ ba dưới Đại Giám MA QUÂN trong CTTNL q. 2 ghi: » Quân đội của ác ma. Trong các tác phẩm – Nếu như Thiền tông gọi các nhân tố làm phương hại hiện tại đối với tất cả pháp hữu vô còn có đến Phật pháp, Thiền đạo là »ma quân«. mảy may tâm ái nhiễm thì dù cho ngươi có Uyển Lăng lục ghi: » được hoa sen đỡ gót, cũng đồng với hành vi của ma quỷ«.

– Trong cửa Tổ sư chỉ luận về dừng cơ quên kiến. Thế nên quên MA TIÊU TUẤN CỐT cơ thì Phật đạo thạnh, phân biệt thì ma Chim cắt bay cực nhanh, dụ chỉ thiền tăng quân lừng«. căn cơ linh lợi, cơ phong bén nhạy. Tiết Hoàng Long Tổ Tâm Thiền sư trong MA QUYÊN NĐHN q. 17 ghi: » Sự trói buộc của đường ma, pháp tà. Minh Chân tụng trong PKNL q. 18 ghi: »

– Sư thượng đường, – Thế gõ vào giường thiền, nói: Một hạt bụi vừa gian có rất nhiều kẻ ngu si, chạy theo dấy lên chứa cả quả đất. Nếu các ngươi thanh sắc mà chẳng biết muôn cảnh diễn nghe được một tiếng, thì tiếng ấy đều đến ra tưng bừng đều là do tâm linh biến hiện. tai các ngươi. Nếu là con chim cắt bay cực Rơi vào trong biển trần lao, không có cách nhanh liền chộp lấy thời cơ, đúng lúc cá bị nào thoát khỏi sự trói buộc của đường ma, kẹt trong băng nên quắp lấy nó, khỏi phí pháp tà«. công chặn sóng«.

MA TỬ MA SỰ Ma quỷ, ác ma. Phần lớn thường dùng từ Việc làm nhiễu hại Phật pháp. Tiết Tục này để mắng người nhiễu hại Phật pháp, Nghệ Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » thiền pháp. Tiết Đức Sơn Tuyên Giám Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » – Hoằng pháp vào thời mạt, ma sự ắt hẳn là nhiều. Người cầu tiến tất chịu được nhục, kẻ khoác lác tất rước lấy lỗi lầm. Biết được điều này, – Sư chính là kế hay nhất để nhiếp phục ma nghe nói các thiền hội phương nam rất quân«. thạnh nên bất bình, bảo: Người xuất gia

MẠC DA KIẾM ngàn kiếp học oai nghi Phật, vạn kiếp học MÃ TỔ ĐẠO NHẤT THIỀN SƯ tế hạnh Phật còn chưa được thành Phật. QUẢNG LỤC Ma quỷ phương nam dám nói trực chỉ Quảng lục 1 quyển, được xếp vào Tứ Gia nhân tâm, kiến tính thành Phật! Ta cần ngữ lục q. 1 trong Tục Tạng kinh. phải ruồng tận hang ổ, diệt trừ thứ ấy để Nội dung gom chép lược truyện Mã Tổ báo ân Phật«. cùng ngữ yếu cơ duyên mài ngói của Hoài Nhượng và cơ duyên đối thoại với các vị MÃ KỲ như Tây Đường Trí Tạng, Bách Trượng Hoài Hải, Nam Tuyền Phổ Nguyện, Đại Thiền tăng Pháp Ninh đời Tống, trụ núi Châu Huệ Hải, cùng với lời dạy môn đồ v. Mã Kỳ thuộc

Nghi Châu, nên được gọi là v... nêu lên ý nghĩa: »Bình thường tâm thị Mã Kỳ. X. Pháp Ninh đạo«. Riêng có Mã Tổ Đạo Nhất Thiền sư ngữ lục, 1 quyển, còn gọi Đại Tịch Thiền MÃ TỔ (709-788) sư ngữ lục, Mã Tổ ngữ lục, được xếp vào Cổ Tôn Túc Ngữ Lục 1 quyển trong Tục Thiền tăng nổi tiếng đời Đường, họ Mã, Tạng kinh, là từ trong »Quảng Lục« mà tên Đạo Nhất, hoặc được gọi »Mã Tổ Đạo viết về hành nghiệp cơ duyên ngữ yếu của Nhất«, người huyện Thập Phương, Hán Mã Tổ. Châu (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư xuất gia nơi Hòa thượng Đường MÃ TỔ TỨ GIA LỤC ở Tứ Châu, thụ giới cụ túc nơi luật sư Viên X. Tứ gia ngữ lục. ở Du Châu. Sư tập thiền ở viện truyền pháp tại Hành sơn, thờ Thiền sư Hoài MẠC DA KIẾM Nhượng làm thầy, theo hầu suốt 10 năm, Thanh gươm nổi tiếng vào thời cổ đại. Vào được truyền tâm ấn. Sư đến ngọn núi Phật thời Ngô, bên Trung Quốc có một người Tích ở Kiến Dương, Lâm Xuyên, núi Cung thợ chuyên môn rèn gươm nổi tiếng tên là Công ở Nam Khang để hoằng truyền thiền Can Tương, vợ anh ta là Mạc Da. Hai pháp. Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766- người này phụ giúp vua Ngô Hạp Lư, họ 779), sư ở chùa Khai Nguyên tại Chung rèn được 2 thanh gươm: một thanh gươm Lăng, học giả bốn phương vân tập, là 1 thuộc dương tên là Can Tương, một thanh trong những trung tâm truyền bá thiền gươm thuộc âm tên là Mạc Da. Thiền tông pháp lớn nhất trong nước thời ấy. mượn từ này để chỉ cho trí huệ sẵn có của Chủ trương: »Ngoài tâm không có Phật mỗi người, hoặc tri kiến Bát-nhã của Thiền nào khác, ngoài Phật không có tâm nào sư dùng để tiếp hóa người học một cách tự khác«. Thụy hiệu: Đại Tịch Thiền sư. do tự tại. Tắc 9, Bích Nham lục (Đại 48, 149 thượng) ghi: » – MÃ TỔ AM
Gương sáng trên đài soi thấy rõ ràng tốt Chỗ tu hành của Mã Tổ Đạo Nhất nên xấu. Gươm Mạc Da nơi tay tùy thời cứu được gọi là Mã Tổ Am. X. Phật Quang tự sống hoặc giết chết«.

MẠC VỌNG TƯỞNG MẠC VỌNG TƯỞNG dao trên lưng khua vang. Nham nói: Vật gì Chớ vọng tưởng. Đây là lời dùng để ngăn phát ra tiếng? Sư rút dao, ngay lúc đó cản sự chấp trước vào ý thức phân biệt. miệng làm thế đẽo cây«. Không khởi vọng tưởng thì có thể đến được quả Bồ-đề. Thuật ngữ này thịnh hành MẠCH ĐAO trong các Thiền viện đời Đường. Chương Một thứ dao dài được bộ binh đời Đường, Trường Sa Cảnh Sầm trong CĐTĐL q. 10 Tống sử dụng. Tiết Minh Chiêu Đức (Đại 51, 275 hạ) ghi: » Khiêm Thiền sư trong NĐHN q. 8 ghi: »
– Dao dài trong đám – Có vị ưa khoe tất cả uy thế«. tăng hỏi: Con giun bị chặt làm 2 đoạn, 2 đầu đều cử động, không biết Phật tính ở MẠCH TRỰC đầu nào? Sư bảo: Vọng tưởng làm gì?« Thẳng, thẳng tắt, hàm ẩn ý nghĩa dứt khoát Liên Đăng Hội Yếu q. 6 cũng có ghi chép lãnh ngộ, lập tức khế nhập. Như Tịnh ngữ như thế và ở sau cùng nói rằng: » lục q. thượng ghi: » – Mạc vọng tưởng!« (Chớ vọng – Sư tưởng). Theo PQĐTĐ của nhóm Từ Di. chỉ cổng chùa, bảo: Cắt đứt con đường, lập tức khế nhập, đất trời rỗng suốt, cửa MẠCH này mở ra«. 1. Vượt qua, xuyên qua. Tiết Mật Am Khâm Thiền sư trong GTPĐL q. 25 ghi: MẠCH TRỰC NGỘ GIẢI » – Con ễnh ương nhảy lên Dứt khoát minh tâm ngộ đạo, không vướng trời Phạm Thiên, con giun đất vượt qua mắc, không chần chừ, không kẹt ở giữa biển Đông«. đường. Tiết Ngữ Chi Dư, đời thứ 3 dưới

2. Cất bước, di động. Tiết Thiên Bình Khế Đại Giám trong CTTNL q. 2 ghi: » Ngu Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: »

– Nếu như hôm nay muốn được dứt khoát minh tâm ngộ đạo, chỉ cần nhân pháp đều quên, nhân – Cư sĩ Thạch Hàm Trà hỏi: Khi pháp đều bặt, nhân pháp đều không«. Theo pháp không dao động thì sao? Sư bảo: nhà thiền, một từ »Mạch trực« thường Ngươi từ Lộ Phủ đến phải không? Sĩ đáp: dùng trong các ngữ lục ẩn hàm nghĩa dứt Một bước cũng chưa từng cất lên. Sư nói: khoát lãnh ngộ. Vì sao đến đây được?«. 3. Đang, ngay lúc đó. Tiết Dược Sơn Duy MAI AM Nghiễm Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: Am ở Mai Am Cương (đồi Mai Am) thuộc » thành phố Triệu Khánh, tỉnh Quảng Đông,

Trung Quốc. Tương truyền Lục tổ Huệ – Sư cùng Vân Nham đi dạo núi, Năng rất thích hoa mai, khi đến nơi nào

MẠI SINH KHƯƠNG HÁN cũng thường trồng mai để thưởng ngoạn.

Trong thời gian trở về cố hương, lúc đi »Cổ vô Trụ trì sự ngang vùng đất này, Ngài tự tay trồng lấy Đản chỉ truyền pháp chỉ một gốc mai. Đệ tử của Ngài dựng lên một Hữu năng ngộ sắc không cái am tại cội mai này để kỷ niệm. Am Tiện khả siêu sinh tử được xây dựng vào niên hiệu Chí Đạo thứ Dong tăng muội bản lai 2 (996) đời Tống, đến cuối đời Nguyên thì Khởi thức Tây quy lý bị hư hoại. Khoảng niên hiệu Vĩnh Lạc Mãi thiếp tọa thiền sàng (1403-1424) đời Minh, am được cất lại. Phật pháp tương hà thị?« Các kiến trúc chủ yếu gồm có: Sơn môn, »Xưa không chức Trụ trì Tổ sư điện, Đại hùng bảo điện. Cho đến Truyền thọ bằng pháp chỉ nay, Tổ sư điện vẫn còn giữ được phong Ai ngộ được sắc không cách nghệ thuật kiến trúc bằng gỗ đời Liền siêu thoát sinh tử Tống. Trước cổng có »Lục Tổ tỉnh« (giếng Tăng hèn mờ bản lai Lục Tổ), nước giếng mát lạnh. Sao biết Tây quy lý Mua thiếp ngồi giường Thiền MAI ỐC Đạo ta nhờ chi nhỉ?«. Hiệu của Thiền tăng Niệm Thường đời Nguyên. X. Niệm Thường. MẠI PHIẾN LÃO BÀ THỦ GIÀ NHẬT MÃI MẠO TƯỚNG ĐẦU Bà già bán quạt dùng tay che nắng mà không biết dùng đến cây quạt của mình. Mua nón phải xem tướng đầu. Tắc 55, Bích Thiền tông dùng cụm từ này để chỉ người Nham lục (117,182, thượng) ghi: » mê, chẳng ngộ ông Phật tự tâm, lại chạy khắp nơi thưa hỏi, tìm kiếm. Tiết Kính Sơn – Rồng ngâm mây tụ, cọp gầm Tông Cảo Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: gió nổi, mua nón phải xem tướng đầu, tâm » lão bà tha thiết«. – Hỏi: Lúc tâm Phật MÃI THIẾP TỌA THIỀN SÀNG đều quên thì thế nào? Sư nói: Bà già bán quạt dùng tay che nắng«. Mua thiếp ngồi giường thiền, nghĩa là mua MẠI SINH KHƯƠNG HÁN chùa làm Trụ trì hoặc mua cầu sự vinh hoa quyền quý, hoặc mua chuộc người ngồi Gã bán gừng, tức Thiền sư Tự Bảo, pháp trên giường thiền để nói chuyện đạo. Thiền tự của Ngũ Tổ Giới, đời thứ 9 phái Thanh Lâm Bảo Huấn q. 4 (Đại 48, 1039 trung) Nguyên. Thiền sư là người rất nghiêm cẩn, ghi: khi ở với Ngũ Tổ đã từng làm chức coi kho. Nhân khi Ngũ Tổ có bệnh, ngài sai thị giả tới kho lấy gừng để sắc thuốc. Tự Bảo liền trách mắng thị giả. Thị giả bạch lại với

MẠI TỈNH TỈNH Ngũ Tổ. Tổ đưa tiền cho thị giả đem tới MAN kho để mua, lúc ấy Tự Bảo mới chịu đưa Uổng phí, phí công vô ích. Tiết Phù Dung gừng cho thị giả. Thiền

Uyển Mông Cầu Đạo Giai Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: Thập Di (Vạn Tục 148, 151 hạ) ghi: » »

– Về sau ở

– Sư Động Sơn thuộc Quân Châu thiếu người, thượng đường: Mượn lời lúc này lại mắc quan quận viết thư nhờ Tổ tiến cử một vị kẹt. Dù cho người không lưỡi biết nói, Trụ trì. Giới nói: Gã bán gừng trụ được. người không chân lại hay đi nhưng vẫn Tự Bảo liền đi làm Trụ trì Động Sơn«. chưa thể cùng người ấy tương ưng. Có biết chăng? Rồng ngâm luống lắng tai, cọp MẠI TỈNH TỈNH gầm uổng trầm ngâm«. Bán đi sự thông minh.

Tiết Sùng Giác Không Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: MÃN GIÁC (1052-1096) »

Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn – Lão già Quán Khê ở

ngã tư Thông đời thứ 8, nối pháp Thiền sư Quảng đường khoe phong lưu, bán đi sự thông Trí. Sư họ Nguyễn tên Trường, quê ở Lũng minh của mình«. Chiền làng An Cách, miền Bắc Việt Nam. Lúc Lý Nhân Tông lên ngôi, vì có lòng MẠI TỬ MIÊU ĐẦU

mến sư nên ban hiệu là Hoài Tín. Khoảng Bán đầu mèo chết. Đầu mèo khi đã chết thì niên hiệu Anh Võ Chiêu Thắng (1076- tanh hôi lạ thường, nhưng đây lại cốt để tỷ 1084), sư dâng biểu xuất gia, theo học với dụ cho sự việc quý báu hướng thượng. Thiền sư Quảng Trí và được truyền tâm ấn. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 4 (Đại 48, 1039 Sau, sư xem Đại tạng kinh được trí vô sư, thượng) ghi: là bậc lãnh tụ pháp môn trong một thời vậy. Kệ thị tịch: »Viên

Thông bất khai sinh dược phố Đan đan chỉ mại tử miêu đầu Bất tri

na cá vô tư toán »Xuân khứ bách hoa lạc Xuân đáo bách hoa khai Khiết trước thông thân lãnh hãn lưu«. Sự trục nhãn tiền quá »Viên Thông chẳng bán thuốc cứu người, Lão tùng đầu thượng lai Chuyên bán đầu mèo chết mà thôi. Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận Đâu hay cái đó không toan tính, Đình tiền tạc dạ nhất chi mai«. Nuốt nhằm thân thể xuất mồ hôi«. »Xuân đi trăm hoa rụng

MANH QUY TRỊ MỘC Xuân đến trăm hoa cười MANH GIÀ HẠT BỔNG

Trước mắt việc đi mãi Gông mù gậy đui, dụ cho việc trừng phạt Trên đầu già đến rồi cẩu thả. Huệ Nam ngữ lục ghi: » Chớ bảo xuân tàn hoa rụng

hết Đêm qua, sân trước, một cành mai«. – Sư nói:

(Lâm Tế) Nói kệ xong, sư ngồi kiết già thị tịch, thọ hét cũng đánh, lễ bái cũng đánh, vậy có 45 tuổi, được 19 tuổi hạ. Vua ban thụy là thân sơ hay là không? Nếu không có thân Mãn Giác. Theo: Thiền sư Việt Nam của sơ, Lâm Tế không thể trừng phạt cẩu thả HT. Thanh Từ. như thế«.

MÃN KHỞI (?-1562) MANH MANH TƯƠNG DẪN Thiền tăng đời Minh, họ

Ngưu, người đời Người mù dẫn đường cho kẻ đui, tỷ dụ tự gọi là »Bạch Nhân thượng nhân«, người xứ mình chưa ngộ Phật pháp, lại muốn tế độ An Châu (nay là huyện Cao Dương, tỉnh chúng sinh, hậu quả chính mình mới là kẻ Hà Bắc) Trung Quốc; nối pháp Hòa đáng thương. Chép lại phần Duyên khởi thượng Tây Tông ở núi Phục Ngưu. Sau đó Nguyên Bản Tào Khê (Pháp Bảo Đàn ở ẩn tại núi này chẳng muốn ra ngoài. Kinh) do Vương Khởi Long ghi: » Thiền lữ nghe danh kéo đến thưa hỏi. Mãn

Khởi không thích tiếp xúc liền bỏ lên núi Ngũ Đài, vào

Bắc Kinh ở chùa Thiên Khánh, đồ chúng hơn 500 vị, trong

ngoài kinh thành kéo đến cúng dường. Sư giới – Cổ đức hạ lầm một chuyển ngữ bị phạt luật tinh nghiêm, tu trì khổ hạnh, khéo gầy làm chồn hoang, Chiêu Minh phân khoa phúc nghiệp, lần lượt in ra 13 bộ »Long kinh Kim Cang nên thọ khổ địa ngục. Tông Tạng« trưng bày ở các ngôi chùa lớn nổi chỉ của Đàn Kinh không thiếu không dư, tiếng. đâu có gì dư để đáng rút gọn? Đâu có gì thiếu để đáng vẽ vời? Đây cũng là việc làm MANG MANG của người mù dẫn đường cho kẻ đui của Còn gọi: Mang nhiên. Mờ mịt, mơ màng Tông Bảo«. (Tông Bảo: vị tăng đời không ngộ. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Nguyên, từng cải biên Đàn Kinh).

MANH QUY TRỊ MỘC – Đạo Gọi đủ: Manh quy trị phù mộc khổng. Rùa lưu! Phật thật không có hình, đạo thật mù gặp bộng cây. Tiết Phong Huyệt Diên không có thể, pháp thật không có tướng. Chiểu Hòa thượng trong NĐHN q. 11 ghi: Ba pháp trộn lẫn hòa hợp một chỗ. Phân » biệt đã không được, gọi là chúng sinh – Rùa mù gặp bộng cây dù là việc nghiệp thức mờ mịt.« ít có, song cây khô trổ hoa mới là việc ít có

MÃNH HỎA THIẾT SÀNG hơn«.

MÃNH HỎA THIẾT SÀNG – Đức Sơn vốn là một giảng sư, giảng kinh Kim Cang ở Tây Thục. Do Giường sắt rực lửa. Hình phạt tàn khốc ở trong kinh nói: Bậc đắc Kim Cang Dụ chốn địa ngục trong thần thoại Phật giáo. Định, vào Hậu đắc trí còn phải ngàn kiếp Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: » học oai nghi Phật, muôn kiếp học tế hạnh Phật, rồi sau mới thành Phật. Ma quỷ ở – Mở địa ngục hàn băng, phương nam lại nói tức tâm tức Phật, nên miệng là cửa họa; dựng giường sắt rực sư phát phẫn gánh ›sớ sao‹ đi hành cước lửa, thân là đồ khổ«. thẳng đến phương nam để dẹp hết bọn ma quỷ này. Xem ông ta phát phẫn thế ấy cũng MÃNH LIỆT là một người mãnh lợi vậy«. Ý nói phấn chấn tinh thần, siêng năng tu tập. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: MẠNH BÁT LANG

Mạnh là sóng dữ; bát lang là thứ tự xếp hàng. Mạnh Bát Lang chỉ cho người không »Kim triêu cửu ngoạt sơ nhất theo đạo lý mà hành sự. Thiền tông thường Đả bản phổ thỉnh tọa thiền dùng từ này để hình dung gã đàn ông lỗ Đệ nhất thiết kỵ hạt thùy mãng. Chương Nam Tuyền Phổ Nguyện Trực hạ mãnh liệt vi tiên trong CĐTĐL q. 8 (Đại 51, 257 hạ) ghi: Hốt nhiên bộc phá tất dũng » – Gã lỗ mãng Khoát như vân tán thu thiên«. lại đi như thế!«. Theo: PQĐTĐ của nhóm »Sáng nay mồng một tháng chín Từ Di. Đánh bảng phổ thỉnh tọa thiền Rất kỵ ngủ gật mơ màng MẠT Lập tức phấn chấn tinh thần Bỗng nhiên đập vỡ thùng sơn Vượt qua, thấu qua. Tiết Tông thừa Yếu Rộng như trời thu quang đãng«. nghĩa trong DTNL q. 9 ghi: » MÃNH LỢI Nhà Phật gọi người có niềm tin kiên định chẳng đổi, tu hành siêng năng, tiến nhanh – Đã đến cảnh là người »mãnh lợi«. Bích Nham lục q. 1 giới này, còn nghi Thánh kiến (kiến giải về ghi: » Thánh) chưa quên. Thánh kiến chưa quên thì chưa phải cứu cánh, còn cần phải nhảy một cái, vượt qua cửa ải thiền giẫm lên chỗ Phật Tổ đi chẳng đến, mới là chỗ cứu cánh chẳng nghi«.

MẶC CHIẾU THIỀN MẠT ĐẠI Còn gọi: Mạt pháp. Thời đại mạt pháp. Tục Nghệ Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » – Từng thấy sĩ đại phu trước ý học đạo rất – Hoằng nhiều, chỉ sợ ban đầu gặp phải bậc tông sư pháp trong thời đại mạt pháp ma sự ắt đạo nhãn chưa sáng, ăn nói lung tung, đem nhiều, kẻ tham tiến ắt bị nhục, người quá ngôn cú cổ kim suy nghĩ xằng bậy xuyên lãng phí ắt gây sai lầm.« tạc, cho là cực tắc, mưu cầu khen ông ta hiểu thiền, đây là bệnh lớn hạng nhất.« MẠT HẬU CÚ Còn gọi: Mạt hậu nhất cú, Mạt hậu nhất MẠT THƯỢNG TRƯỚC CƯỚC ngôn. Một câu nói sau cùng đạt đến chỗ THỦ XỨ triệt để tỉnh ngộ, cũng là câu nói hết sức Chỗ âm thầm sắp đặt trước tiên, chỉ cho quan trọng, có tác dụng quyết định đến người tham thiền trước hết phải có nền toàn bộ công phu tham thiền. Tiết Hoàng tảng tư tưởng, chuẩn bị tinh thần và Long Pháp Trung Thiền sư trong NĐHN q. phương thức vào đạo. Mật Am ngữ lục ghi: 20 ghi: » » – Ta có một câu rốt sau, chờ trở về muốn ông tuân theo«. MẠT HẬU NHẤT CÚ, THỈ ĐÁO – Người xưa đưa ra một cơ, chỉ LAO QUAN dạy một cảnh, không có cái nào chẳng tinh Câu nói sau cùng hết sức quan trọng, mới tế sâu kín, thấu suốt thánh phàm, giống kẻ đạt đến cửa ải thiền triệt để tỉnh ngộ. Lao tráng sĩ giương cây cung ngàn cân, trăm quan: Đoạn kết những vọng tâm phân biệt, phát trăm trúng Vì người mà âm thầm sắp chẳng chịu bỏ qua. Bích Nham lục q. 1 ghi: đặt chỗ nền tảng ban đầu một cách vững » chắc, dù ngoại vật lung lay cũng chẳng – Một câu cuối cùng mới động; rốt cuộc có thời tiết thành tựu«. đến lao quan, ý tứ chỉ nam, chẳng ở ngôn ngữ«. MẶC CHIẾU THIỀN Phạm Kỳ ngữ lục q. 2 ghi: » Thiền phong do Thiền sư Hoằng Trí Chính Giác của tông Tào Động đời Tống đề – Một câu cuối cùng mới đến lao xướng. Mặc chỉ cho lặng lẽ chuyên tâm tọa thiền. quan, quét sạch địa vị, chẳng thông phàm thánh«. Chiếu tức là dùng HUỆ để chiếu soi tâm tính linh tri bản nguyên thanh tịnh. Chính MẠT THƯỢNG Giác cho rằng: Ban đầu. Thư đáp Bối Vận Thuộc trong — Thật tướng tức là tướng của vô tướng. Mật Am ngữ lục ghi: » — Chân tâm tức là tâm của vô tâm.

— Chân đắc tức là đắc của vô đắc.

MÂN ĐỨC — Chân dụng tức là dụng của vô dụng, MẬT nên chủ trương rằng »Tọa không trần lự« (ngồi không lo toan) để lặng lẽ tịnh chiếu, Thiền pháp được truyền riêng một cách ngây ngây ngồi định, không cần mong cầu cẩn thận nên gọi là »Mật«. Chữ Mật của đại ngộ, chỉ đem thái độ vô sở đắc, vô sở nhà Thiền được thể hiện ở các phương ngộ để tọa thiền. diện: Truyền riêng tâm ấn, chẳng câu nệ Thiền phong này bị Đại Huệ Tông Cảo, là văn tự, tự tâm tự ngộ và lựa chọn người thiền sư tông Lâm Tế cùng thời, đả kích nối pháp một cách nghiêm ngặt. Nhờ vào kịch liệt, chê thiền pháp của sư là: Mặc đặc điểm này mà phân biệt được thiền chiếu tà thiền, Vô sự thiền, Khô mộc tử pháp với pháp khác, đồng thời nó cũng khôi thiền. Bởi vì thiền phong của Tông hiển bày sắc thái thần bí về hành vi tôn Cảo vốn khác xa với thiền phong của giáo của Thiền. Huệ Năng truyện trong Chính Giác, nhấn mạnh đến việc nhờ cổ TCTT q. 8 ghi: » tắc công án để khế nhập tâm tính, gặp cơ duyên

liền triệt ngộ, nên cực lực phê bình phương pháp của các đệ tử của Chính Giác – Ngũ tổ Hoằng Nhẫn là tọa thiền lặng lẽ xoay mặt vào vách, bỏ bí mật lấy pháp y trao cho Lục tổ Huệ mất việc tham ngộ tu chứng. Đối lại, Thiền Năng và nói: Xưa kia, khi Thầy ta sắp thị sư Chính Giác làm 1 bài văn »Mặc Chiếu tịch có đưa cho ta, ta há không đưa cho minh« (Toàn thiên gồm 72 câu thơ mỗi câu ngươi sao? Than ôi! Đời sau, người nào 4 chữ) để phản bác lại, đưa ra tác dụng nhận y của ta thì mạng sống rất bấp bênh, hoạt bát của HUỆ mà Mặc chiếu thiền sử tiểu tử cần biết đó! «. dụng được, tự nhiên có năng lực soi thấu nguồn gốc của tâm tính, là chân thiền MẬT AM HÒA THƯỢNG NGỮ chính truyền của Phật Tổ, mỉa mai thiền LỤC pháp của Tông Cảo chỉ là câu nệ vào »Khán thoại thiền« của công án mà thôi. Còn gọi: Mật Am Hàm Kiệt Thiền sư ngữ Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. lục, Mật Am lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Mật Am Hàm Kiệt soạn vào đời Tống, các vị: MÂN ĐỨC Tùng Nguyên Sùng Nhạc, Tiếu Am Liễu Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư từng đến Ngụy Ngộ biên tập, được xếp vào Tục Tạng kinh phủ (nay là Đại Danh Hà Bắc) để tham vấn tập 121 trang 417. Nội dung gồm có ngữ Hòa thượng Đại Giác và nối pháp ngài, lục trong 7 hội như: Càn Minh Thiền Viện, thuộc tông Lâm Tế. Sư trụ viện Trừng Thái Bình Hưng Quốc Thiền Tự, Hoa Tạng Lâm, Lô Châu (nay là huyện Hợp Phì, An Thiền Tự, Thiên Đồng Cảnh Đức Thiền Huy). Một hôm có vị tăng hỏi: »Thế nào là Tự… cho đến Tiểu tham, Phổ thuyết, Tụng đạo?« Sư đáp: »Lão tăng ở viện Trừng tán, Kệ tụng, Pháp ngữ, Tháp minh. Đầu Lâm đã lâu«. Tăng hỏi thêm: »Thế nào là quyển có lời tựa của Trương Tư. Sách này người trong đạo?« Sư đáp: »Áo rách mặc được ấn hành vào niên hiệu Thuần Hy thứ hoài trải mấy năm«. 15 (1188).

MẬT PHÓ MẬT ẤN cây cột bằng đá mài chống đỡ điện vũ, chu Hiệu của Thiền tăng Chân Truyền đời vi mỗi cây 2 người ôm không giáp. Mặt Thanh. X. Chân Truyền. trong của 4 bức tường, từ chân tường lên đến đầu vách đều được khảm bằng những MẬT ẤN THIỀN SƯ NGỮ LỤC viên gạch đúc, mỗi viên vuông vức, mỗi cạnh 30cm, trên có in hình một tượng Phật Ngữ lục, 12 quyển, do Mật Ấn Chân dáng vẻ sinh động, được trang trí bằng nhũ Truyền sống vào cuối đời Minh-đầu đời vàng, tất cả gồm 12.218 vị khiến cho toàn Thanh soạn, nhóm ông Như Vĩ … biên tập. thể đại điện có màu sắc rực rỡ, không khí Nội dung gồm: Những lời thượng đường, đầy vẻ trang nghiêm thần bí, nên mới có Tiểu tham, Khai thị, Pháp ngữ, Cơ duyên, tên gọi là Vạn Phật điện. Phía sau điện này Khám biện, Niêm vấn đại tụng, Tụng cổ, là Pháp đường, hai bên có hành lang dài ăn Thi, Tụng, Kệ, Tán của Thiền sư Chân thông với hai mái Đông tây phối điện. Truyền. MẬT HẠNH NHẪN THIỀN SƯ MẬT ẤN TỰ NGỮ LỤC Chùa nằm trên núi Đại Qui,cách Tây thành Gọi đủ: Hành Châu Khai Phong Mật Hạnh 90km thuộc huyện Ninh Hương, tỉnh Hồ Nhẫn Thiền sư ngữ lục. Ngữ lục, 3 quyển, Nam, Trung Quốc. Chùa được tướng quốc do Mật Hạnh Tịch Nhẫn soạn vào đời Bùi Hưu xây dựng vào niên hiệu Nguyên Minh, nhóm ông: Minh Quảng… biên tập. Hòa thứ 2 (807) đời Đường, cốt để Thiền — Quyển 1: Những lời thượng đường. sư Linh Hựu có nơi giáo hóa; là cái nôi của — Quyển 2: Cơ duyên, Pháp ngữ, Chức sự tông Quy Ngưỡng, hưng thạnh một thời. bảng, An thiền bảng. Trải qua nhiều phen bị hủy hoại và được — Quyển 3: Tụng cổ, Thi kệ, Tán. sửa sang, hiện còn các kiến trúc như: Vạn Sách này được

ấn hành vào khoảng niên Phật điện, Đông tây phối điện, Pháp hiệu Khang Hy (1662-1722) đời Thanh. đường, Sơn môn (cổng). Trên cổng có bảng đề »Thập Phương Mật Ấn Tự«, hai MẬT NGỮ bên khắc hai câu đối, nét chữ già giặn cứng Lời nói khế cơ của nhà thiền, lời nói đặc cáp như sau: biệt khải thị người học lãnh ngộ thiền »Pháp vũ lai Hoành Nhạc, pháp. Tông phong khải Ngưỡng Sơn«. »Mưa pháp đến Hoành Nhạc MẬT NHAM Gió thiền mở Ngưỡng Sơn«. Hiệu của Thiền tăng Đạt Cương đời Vạn Phật điện được trùng tu vào năm Thanh. X. Đạt Cương. 1933, mái chồng cao tận đỉnh núi, cao khoảng 27 mét. Tầng mái dưới cùng có MẬT PHÓ treo 8 cái phong linh, khi gặp gió thổi vang Trao truyền thiền pháp một cách riêng lên những tiếng leng keng, mái ngói pha lê khác và cẩn thận. Uyển Lăng lục ghi: » sắc vàng sáng rực dưới ánh mặt trời; 38

MẬT TẠI NHỮ BIÊN Ngữ
lục, 13 quyển, do Mật Vân Viên Ngộ soạn vào đời Minh, Sơn Ông Đạo Mân biên tập. Nội dung gồm: Những lời thượng
– Mười đường, Khai thị, Tiểu tham, Cơ duyên vấn phương chư Phật ra đời, chỉ cùng nói pháp đáp, Cơ duyên khám biện, Pháp ngữ, Thư nhất tâm, thế nên Phật mật phó cho Ma ha vấn, Cử cổ, Niêm cổ, Đại cổ, Tụng cổ, Đại Ca-diếp. Pháp thể nhất tâm này tột hư Tán, Kệ, Tháp minh, Hành trạng, Niên phổ không, khắp pháp giới được gọi tên là Chư của Thiền sư Viên Ngộ. Sách này được Phật. Nghị luận về pháp này đâu thể trên khắc bản vào đời Minh. lời nói mà ngươi hiểu được ư? Cũng chẳng phải ở trên một cơ một cảnh mà thấy được, MẬT Ý ý này chỉ là thầm khế hợp mà thôi«. Còn gọi: Mật mật ý. Chỉ Thiền pháp truyền riêng tâm ấn, chẳng câu nệ văn tự, tự tâm MẬT TẠI NHỮ BIÊN tự ngộ. Tiết Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền Bí mật ở bên ông. Nghĩa là pháp của Phật sư trong NĐHN q. 4 ghi: » Tổ truyền dạy chẳng có gì bí mật, nó ở bên cạnh chúng ta mà thôi. Tắc 23, Vô Môn
Quan (Đại 48, 296 thượng) ghi: » – Ni hỏi: Cái gì là ý mật
– Nếu mật? Sư lấy tay cào vào mình cô ni một ông soi lại mặt mũi của chính mình thì bí cái. Ni nói: Hòa thượng còn có cái đó. Sư mật ở bên ông«. nói: Trái lại ngươi mới còn cái đó«.

MẬT TẠNG KHAI THIỀN SƯ DI MẬU CỔ LÂM CẢO Thiền tăng Thanh
Mậu đời Nguyên tự Cổ Sách, 2 quyển, do Mật Tạng Đạo Khai Lâm, người đời gọi là Mậu Cổ Lâm. X. soạn vào đời Minh. Quyển thượng bao Thanh Mậu. gồm những bản thảo của sư dâng lên Từ Thánh Hoàng Thái Hậu để quyên góp tiền MÊ BA THẢO NGUYÊN
khắc Đại TạngVăn, khắc Đại Tạng Nguyện Quên mất cội nguồn tự tâm, ý đồ tìm kiếm Văn tổng cộng là 50 thiên. Quyển hạ gồmcội nguồn bên ngoài. Đây là phương pháp những bản thảo dâng lên Hòa thượng Bản tham thiền sai lầm. Tiết Linh Ẩn Thanh Tủng Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » sư và cư sĩ Từ Hải Thân, tổng cộng là 64 thiên. MẬT VÂN
Hiệu của Thiền tăng Viên Ngộ đời Minh. – Chẳng hạn như hôm nay lập tức X. Viên Ngộ. thừa đương, đốn ngộ bản tâm, rõ ràng không một vật để thấy nghe. Nếu kẻ nào lìa MẬT VÂN THIỀN SƯ NGỮ LỤC tâm mà riêng cầu giải thoát, cổ nhân gọi là

MIẾT ĐỊA mê ba thảo nguyên, rốt cuộc khó tỏ ngộ.« Nghiệp ở phủ Kinh Triệu (nay là Tây An). Có một vị lão túc hỏi: Đoạn dây thừng MÊ ĐẦU NHẬN ẢNH trong đêm trăng, người đời gọi là con rắn; Quên đầu nhận bóng. Kẻ ngu si quên mất chưa biết Thất sư thấy Phật gọi là gì? Sư chân tính chính mình, lại cho giả tướng là đáp: Nếu có Phật kiến tức đồng với chúng thật. Tiết Đại Ngu Thủ Chi Thiền sư trong sinh. NĐHN q. 12 ghi: » Sư giỏi biện tài, nổi tiếng vào thời ấy. – Nếu nhằm trong lời chọn phép tắc, trong câu rõ MỊ NGỮ thiền cơ, cũng giống như quên đầu nhận Nói mớ, nói càn. Lâm Tế ngữ lục ghi: » bóng.« – Lão già này nói mớ làm gì?«. MÊ LÊ MA LA Còn gọi: Mê lý ma la, Di lê ma la, Mê lưu MIỂN MIỂN HIỂN HIỂN một loạn. Nghĩa là con mắt mù mờ. Tắc 51, Bích Nham lục (Đại 48, 186 thượng) Mê mẩn, lờ mờ. Tiết Thê Hiền Trí Thiên ghi: » Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » – Nếu bỗng nhiên con – mắt bị mù mờ, gặp người hỏi liền hỏi, gặp Thiền sư Trí Thiên ở chùa Thê Hiền người đáp liền đáp, đâu biết rằng lỗ mũi thượng đường, nói: Là vật gì mà ngu ngơ ông ta đã nằm trong tay người khác rồi«. lờ mờ như thế?«.

MÊ PHÙNG ĐẠT MA MIẾT ĐỊA Mơ màng thấy Bồ Đề Đ t-ma, dụ cho Còn gọi: Nhất miết, miết nhiên. 1. Cấp tốc, qua nhanh. Miết có nghĩa là chớp nhoáng, lãnh ngộ thiền chỉ. Tiết Đại Hồng Báo Ân Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » chớp mắt; địa là trợ từ. Đại Huệ Phổ Giác Thiền sư ngữ lục q. 25 (Đại 47, 920 trung) ghi: » – Công án của – Thượng đường: Thông qua lời nói mà người xưa, chỗ cũ mờ mịt, thời gian lại qua nhanh, đây không phải tự làm mình mê lãnh hội như thế ai là tri âm? Giả sử ngay muội«. dưới một câu ngàn mắt chợt mở, thật ra có mấy ai lãnh ngộ được thiền chỉ? Các ông2. Lãnh ngộ, triệt ngộ. Tiết Tuyết Phong muốn biết Tổ sư Đ t-ma không?« Khâm Sơn Chủ trong NĐHN q. 15 ghi: » MỄ HÒA THƯỢNG Thiền tăng đời Đường, còn gọi là »Thất – Sư thượng đường sư«; nối pháp Thiền sư Linh Hựu, thuộc nói: Hôm qua là một, hôm nay là hai, khỏi tông Quy Ngưỡng. Sư trở về chùa Thọ cần suy nghĩ mà phải mau mau lãnh ngộ.

MIẾT TỴ Nếu chẳng lãnh ngộ thì luống cả một đời MIỆT MIỆT TIẾT TIẾT không thể nắm bắt. Một tiếng quát«. Lải nhải tự ti (cho rằng mình thấp kém). Tiết La Hán Quế Sâm Hòa thượng trong MIẾT TỴ CĐTĐL q. 28 ghi: » Con rắn lớn, dụ chỉ cơ phong bức bách người học của thiền sư hoặc dụ cho cơ ngữ nghiệt ngã, nghiêm khắc. Tiết Thiện Bản Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » – Ngươi nhằm chỗ nào mở miệng? Thử nói xem. Có pháp nào – Sư thượng đường nói: Trên chẳng thích hợp với ngươi, hay ít thích hợp với thấy trời, dưới chẳng thấy đất, đầy ắp hư ngươi? Có thể giống hay có thể khác với không không có chỗ trốn tránh. Nếu nói ngươi không? Đã như thế, vì sao lại quá công khai cho ngươi thì không trúng. Hay khó khăn? Bởi vì ngươi chẳng có chí là ngươi đến Nam Sơn xem con rắn lớn đi! trượng phu, lải nhải rằng mình thấp kém, Sư ném cây gậy rồi bước xuống tòa.«

không có lấy một chút oai phong, nơm nớp che đậy ý căn, sợ người hỏi đến«. MIỆT KHIẾT Lải nhải rằng mình thấp kém. Tiết Tịnh MIÊU MẠO (506) Đức Trí Quân Thiền sư trong NĐHN q. 10 Miêu tả, thể hiện. Tiết Đề hình Quách ghi: » Tường Chính cư sĩ trong NĐHN q. 19 ghi: »

– Một mảnh hương này đốt trong lò cúng dường Thiền sư Đường đầu pháp huynh của ta, nguyện – Thượng tọa chớ có lải nhải rằng cho trên tòa rộng lớn từ khuôn mặt phóng mình thấp kém như thế. Người xưa nói: ra hình tướng tiên sư để thể hiện cho người Con mắt sa-môn định đoạt thế giới, bao xem.« trùm càn khôn, khít khao chẳng lọt mảy tóc. Thế nên chư Phật tán thán, tán thán MINH AN ĐẠI SƯ chẳng bằng tỷ dụ, tỷ dụ chẳng bằng nói. Thụy hiệu của Thiền tăng Cảnh Diên đời Thượng tọa oai quang sáng ngời, xưa nay Tống. X. Cảnh Diên. còn mãi; may mắn có được gia phong như thế, sao chẳng tiếp tục kế thừa? Vì sao tự MINH BẢN (1263-1323) sinh lòng hèn nhát, uổng chịu vất vả, mà Thiền tăng đời Nguyên, họ Tôn, tự Huyễn không sớm tỉnh?«. Trụ, hiệu Trung Phong, người xứ Tiền Đường (nay là Hàng Châu) Trung Quốc.

MINH ĐẦU Năm 15 tuổi xuất gia, 24 tuổi tham học nơi vị Trụ trì chùa A-dục Vương là Uyển Thiền sư Cao Phong Nguyên Diệu. Một Thuyên sưu tập thêm phần nghệ văn rồi hôm, sư đọc kinh Kim Cang có tỉnh. biên thành Tục chí, gồm có 6 quyển. Vào Nguyên Diệu trao cho sư câu thoại đầu, niên hiệu Càn Long thứ 22 (1757), ông khổ tham trong 10 năm mới được siêu đem phối hợp 2 bản: Chính và Tục để khắc thoát và nối pháp Ngài, thuộc tông Lâm bản, gồm 16 quyển, được xếp vào Trung Tế. Sư đi khắp nơi, không có chỗ ở nhất Quốc Phật Tự Sử Chí Vựng San tập 1. định, hoặc ở trong thuyền, hoặc trụ am thất, tự xưng là »Huyễn Trụ Lão nhân«. Hễ MINH CHÂU NHẠC LÂM TỰ CHÍ có dựng am nào cũng đề tên »Huyễn Trụ«. Sư giỏi làm thơ, từng xướng họa với nhóm Chí, 6 quyển, do Đới Minh Tông soạn vào ông Triệu Mạnh Phủ. Thụy hiệu: Trí Giác đời Thanh, được xếp vào Trung Quốc Phật Thiền sư, Phổ Ứng Quốc Sư. Tác phẩm: Tự Sử Chí Vựng San tập 1. Huyễn Trụ Am Thanh Quy, Trung Phong Chùa Nhạc Lâm ở Phụng Hóa tỉnh Chiết quảng lục. Giang được khai sáng vào khoảng niên hiệu Đại Trung (847-859) đời Đường. Khi MINH CHÂN THIỀN SƯ ấy có vị tăng quải một bao bố đi đến chùa Hiệu của Thiền tăng Hoằng Đạo đời Ngũ này, tự xưng là Trường Đinh Tử, người Đại. X. Hoằng Đạo. thời ấy gọi sư là »Bố Đại Hòa thượng«, hoặc »Hoan Hỷ Hòa thượng«. Về sau, sư MINH CHÂU A-DỤC VƯƠNG ngồi dưới mái phía đông chùa này thị tịch, SƠN CHÍ chư tăng cho là thần dị và bảo sư là Di-lặc. Chí, 10 quyển, do Quách Tử Chương soạn Từ đó trở đi, chùa Nhạc Lâm nhờ đạo vào đời Minh. Vào khoảng niên hiệu Vạn tràng Di-lặc mà nổi tiếng ở đời, là 1 trong Lịch (1573-1619) đời Minh, Quách Tử 3 thánh địa Phật giáo ở Minh Châu. Chương dựa theo thể lệ của »Phổ-đà Sơn Khoảng niên hiệu Khang Hy (1662-1722) Chí« để biên tập »Minh Châu A-dục đời Thanh, Hòa thượng Khải Công xây cất Vương Sơn Chí«, xếp thứ tự theo loại, gồm lại chùa này. Đới Minh Tông nhận thấy tất cả 10 loại, mỗi loại 1 quyển như sau: trước đây chùa không có quyển CHÍ nào 1. Địa dư dung kết. nên ông thu thập tư liệu,

biên tập thành 2. Xá-lợi duyên khởi. sách này. Nội dung gồm có 10 loại: Tự đồ, 3. Tháp miếu quy chế. Phạm vũ, Danh thắng, Cổ tích, Pháp sản, 4. Vương thần sùng sự. Pháp hệ, Nghệ văn, Thi phú, Danh thích, 5. Thần minh hiệu linh. Tháp minh, do thu thập các văn hiến về 6. Thoại ứng nan tư. chùa Nhạc Lâm kể từ niên hiệu Khang Hy 7. Phúc điền thường trụ. đời Thanh trở về trước thành 1 bộ sưu tập 8. Cao tăng truyền pháp. hoàn mỹ. 9. Đề xướng tông thừa. 10. Ngọc cơ xã vịnh. MINH ĐẦU Khoảng niên hiệu Càn Long (1736-1795), 1. Người sáng suốt. Tiết Long Tế Thiệu Tu

MINH ĐỨC (1290-1372) Thiền sư trong NĐHN q. 8 ghi: » Tống. X. Trọng Hiển.

MINH GIÁC THIỀN SƯ NGỮ LỤC –

Tăng hỏi: Thấy sắc liền thấy tâm. Cây cột là sắc, cái gì là tâm? Sư đáp: MayCòn gọi: Tuyết Đậu Minh Giác Thiền sư mà ngươi chưa hội, nhưng chớ có lừa ngữ lục. Ngữ lục, 6 quyển, do Tuyết Đậu người sáng suốt«. Trọng Hiển soạn vào đời Tống, nhóm ông 2. Chỗ sáng sủa. Tiết Trấn Châu Phổ Hóa Duy Cái Trúc ... biên tập, được xếp vào Hòa thượng trong NĐHN q. 4 ghi: » Đại Chính Tạng tập 47, trang 669.

— Quyển 1: Gồm các lời thượng đường ở Thúy Phong Thiền Tự Động Đình Tô – Sư Châu, ở Tư Thánh Thiền Tự núi Tuyết Đậu lắc một cái linh, nói: Sáng đến thì đánh Minh Châu và tiểu tham. — Quyển 2: Cử cổ, Khám biện, Ca tụng. chỗ sáng, tối đến thì đánh chỗ tối, tám mặt đến thì xoay vần đánh, hư không đến thì cả— Quyển 3: 100 tắc niêm cổ. mình đánh«. — Quyển 4: Là »Bộc Tuyền tập«, thu thập các bài thượng đường thị chúng, chân tán. MINH ĐỨC (1290-1372) — Quyển 5, 6: Là »Tổ Anh tập«, gom góp Thiền tăng đời Nguyên, tên tục là Chu các thơ văn của Tuyết Đậu Trọng Hiển. Quốc Xương, hiệu Cô Phong. Năm 15 tuổi xuất gia, ban đầu yết kiến ngài Trúc Tây MINH HÀNH (1596-1659) Thản Công ở chùa Thiên Đồng. Lại tham Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông ngài Hối Cơ Hy Công ở chùa Tịnh Từ Lâm Tế đời thứ 35. Sư pháp hiệu là Tại Hàng Châu. Sau tham Song Lâm Minh Tại, người phủ Kiến Xương, tỉnh Giang Cực Tuấn Công, được bổ làm Tri tạng, ít Tây, Trung Quốc. Sư theo thầy là Thiền sư lâu sau giữ chức Thủ tọa. Sư trụ chùa Chuyết Chuyết sang Việt Nam, đến kinh Đông Thiền ở Tùng Giang (nay thuộc thành Thăng Long năm 1633, là một cánh Thượng Hải), chùa Bảo Ninh ở núi Tập tay trợ giúp thầy giáo hóa. Năm 1644, khi Khánh, chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu. Về Thiền sư Chuyết Chuyết tịch, sư thay thế già, sư trở về am Trúc Lâm ở Hồ Châu trụ trì chùa Ninh Phúc. Đến năm 1659, sư (nay thuộc tỉnh Chiết Giang). Tác phẩm: tịch, thọ 64 tuổi. Môn đồ xây tháp thờ tại Tứ Hội ngữ lục. chùa Ninh Phúc, tháp hiệu Tôn Đức. Sư có hai vị đệ tử là Chân Trù và Diệu Tuệ. Chân MINH GIÁC Trù trụ trì chùa Hoa Yên, núi Yên Tử, còn Thiền tăng đời Thanh, tên Tính Thông, vua Diệu Tuệ trụ trì chùa Phật Tích. Sư có đề Thanh Thế Tổ ban cho hiệu »Minh Giác«. bài kệ truyền pháp như sau: X. Tính Thông.

MINH GIÁC ĐẠI SƯ »Minh chân như tính hải Thụy hiệu của Thiền tăng Trọng Hiển đời Kim tường phổ chiếu thông

MINH KHẾ Chí đạo thành chính quả tông Lâm Tế. Sư cất am ẩn ở Tú Thủy. Giác ngộ chứng chân không«. Năm 1723, vâng lệnh Vua về triều, được Theo: LSPGĐT của Nguyễn Hiền Đức. ban y hồng, và hiệu »Ngộ Tu Thiền sư«. Vua ra lệnh cất chùa rồi đích thân đề 3 chữ MINH HIỂN (?-1415) »Giác Hải Tự« xong bảo Minh Huệ ở đấy. Thiền

tăng đời Minh, họ Trần, tự Tuyết Ít lâu sau lại vâng lệnh về chùa Thánh Tâm, người xứ Túy Lý (nay là huyện Gia Nhân ở Hàng Châu, hoằng dương Phật Hưng tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Xuất pháp, giáo hóa quần mê, một thời thật gia từ thuở bé, 16 tuổi được độ làm tăng. Ít hưng thịnh. Tại kinh sư lúc đó, sư từng lâu sau, sư đến chùa luật Thiệu Khánh thụ thuyết pháp cho Vương Công đại thần giới cụ túc, nối pháp Hòa thượng Hy Di ở nghe, trong Ngự Tuyển ngữ lục có ghi chép chùa Vạn Thọ tại Tô Châu. Sư ra hoằng điều này. pháp trụ chùa Thiên Ninh. Về già, trở về am Phúc Tế, Trường Châu (nay là Tô MINH HỮU Châu) ở ẩn. Mỗi ngày sư lấy thiền tụng tự Thiền tăng đời Minh, họ Dương, tự Cụ vui, hàng trí thức và dân dã quy y rất đông. Túc, người xứ Cối Kê (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. MINH HOÀI (1586-1630) Tráng niên mới xuất gia làm tăng, theo học Thiền tăng đời Minh, tự Tu Trạm, hiệu với Thiền sư Vân Môn Viên Trừng. Một Mạch Lãng, Hắc Lãng. Năm 1601, xuất gia hôm sư đang kinh hành, ngẩng đầu lên làm tăng, năm kế theo ngài Vân Thê Liên thấy núi, hoát nhiên đại ngộ, được Viên Trì thụ giới cụ túc, nối pháp Thiền sư Viên Trừng ấn khả và nối pháp ngài, thuộc tông Trừng, thuộc tông Lâm Tế. Viên Trừng Tào Động. Năm 1624, sư trụ trì am Hương tuổi già, mỗi khi mở pháp hội đều bảo sư Tuyết ở Thượng Ngô (nay thuộc Chiết làm Đệ nhất tọa, xem sư là người trợ thủ Giang). Môn phong cao vút, dè dặt trong đắc lực cho mình. Năm 1619, sư trụ chùa việc ấn chứng cho người. Trong ngày sư Phổ Tế, Đồng Sơn, Minh Nhân. Năm thị tịch, vẫn không có người nối pháp, sư 1624, sư xây cất lại Mai Dã Cổ Di-đà tự. đem như ý và pháp y trao cho Thiền sư Sư tư chất thông sáng, tâm bình khí hòa, Phật Nhật Phương. cơ dụng nghiêm mật, lời lẽ chính đáng, MINH KHẾ việc quản lý thuần hậu khiến đại chúng vui Âm thầm khế hợp. Tiết Bảo Phúc Hòa vẻ, thoải mái. Năm 1630, sư khai pháp ở thượng trong TĐT q. 11 ghi: » chùa Thiên Y, rồi thị tịch trong lúc nói cười. Tác phẩm: Nghệ Ngôn, Ngữ lục. MINH HUỆ (1664-1735) – Tuyết Phong nói: Có chăng? Sư tính lại gần, Tuyết Thiền tăng đời Thanh, người xứ Gia Hưng Phong lấy gậy chặn lại. Sư bỗng tỏ được (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. huyền yếu, trong lòng thanh thản, hễ có cơ Sư giỏi thơ văn, khéo về thư pháp, nối duyên nào, thảy đều âm thầm khế hợp«. pháp Thiền sư Hình Sơn Siêu Bảo, thuộc

MINH KHIÊM HOẰNG ÂN (1850-1914) MINH KHIÊM HOẰNG ÂN định vân du hoằng hóa trong vài năm. Các (1850-1914) nơi sư đến giáo hóa là: Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa Đéc, Long Xuyên và chùa Tây Thiền tăng đời Nguyễn thuộc tông Lâm Tế An ở núi Sam, Châu Đốc. Năm Canh Tuất đời thứ 38, nối pháp Hòa thượng Tiên Giác 1910, sư trở về thăm chùa Giác Lâm và Hải Tịnh. Sư pháp danh Hoằng Ân, húy là Giác Viên rồi tiếp tục vân du. Năm Quý Minh Khiêm, hiệu Diệu Nghĩa, sinh ngày Sửu (1913), sư từ Châu Đốc về Mỹ Tho 15 tháng 7 năm Canh Tuất (1850). Sư quy thăm chùa Bảo Lâm, rồi trụ tại am Viên y thụ giới với Hòa thượng Hải Tịnh từ nhỏ, Giác sắp xếp nhập thất tu thiền lâu dài ở chùa Giác Lâm, tinh tấn tham học kinh trước khi thị tịch. Giờ Thìn ngày 29 tháng sách, học rộng hiểu nhiều. Sư trụ trì chùa 1 năm Giáp Dần (1914), sư cho gọi các đệ Giác Viên khi mới 20 tuổi. Năm 22 tuổi, tử đến đủ mặt rồi chầm chậm đọc 2 câu: sư làm vị Dẫn thỉnh trong Đại giới đàn »Phật pháp miên trường chùa Tây An ở núi

Sam, Châu Đốc (tỉnh Chúng sinh dị độ«. An Giang). Năm 26 tuổi, sư làm Giáo thọ Xong, từ từ nhắm mắt an nhiên thị tịch, thọ trong Giới đàn mở tại chùa Từ Ân (Gia 65 tuổi. Trên bia tháp của sư có bài kệ: Định). Năm Canh Thìn (1880), sư đứng ra »Bản trọng năng phủ chưởng khắc in lại tập truyện thơ »Hứa sử truyện Thạch nữ giải phanh trà vãn« do Thiền sư Toàn Nhựt Quang Đài Thiện Tài tham biến xứ san định lại, bản gỗ khắc in tập truyện này Hắc đậu vị sinh nha còn lưu giữ tại chùa Giác Viên. Năm Quý Vân tán thiên biên nguyệt Tỵ (1893), sư trụ trì cả 2 chùa Giác Lâm và Xuân lai thọ thượng hoa«. Giác Viên. Năm Quý Tỵ (1893), sư trụ trì »Gốc nặng tay thường vỗ cả hai chùa Giác Lâm và Giác Viên, nhưng Gái đá biết nấu trà chùa Giác Lâm là Tổ đình của môn phái Thiện Tài tham khắp xứ nên sư về trụ ở đấy, giao chùa Giác Viên Đậu đen mầm chưa ra lại cho đệ tử là Như Nhu-Chân Không với Mây tan trăng vằng vặc sự phụ giúp của Thiền sư Như Phòng Xuân đến cây nở hoa«. Hoằng Nghĩa. Sư có chú giải bộ Tỳ ni Theo: LSPGĐT của Nguyễn Hiền Đức. Nhật Dụng Yếu Lược bằng chử nôm và được khắc bản in phổ biến vào năm Giáp MINH KHÔNG (1076-1141) Ngọ(1894). Việc khắc bản gổ và in bộ sách Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Tỳ-ni-đa- này được thực hiện ngay tại chùa Giác lưu-chi đời thứ 13. Sư tên Nguyễn Chí Viên, thợ khắc và thợ in được nuôi ăn Thành, quê ở tại làng Đàm Xá, Đại Hoàng trong chùa. Năm Kỷ Hợi (1899), sư trùng (tức xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, tỉnh tu chùa Giác Viên hơn 3 năm mới xong. Ninh Bình ngày nay), miền Bắc Việt Nam. Năm Ất Tỵ (1905), sư nhận thấy 2 vị đệ tử Sư thường cùng với Giác Hải, Đạo Hạnh của mình là Như Phòng và Như Lợi đủ khả làm bạn thân. Năm 29 tuổi, sư cùng hai vị năng hành đạo và gánh vác việc trụ trì hai ấy sang Thiên Trúc học đạo với Thầy Sa chùa Giác Lâm và Giác Viên nên sư quyết Môn, được phép Lục Trí Thần. Trở về quê,

MINH LƯƠNG (?-?) sư tạo ngôi chùa Diên Phúc, ở đó chuyên tuổi đi tham vấn các nơi, từng tham học trì chú Đại Bi. Bấy giờ, sư muốn tạo Đại với: Hán Nguyệt Pháp Tạng, Tuyết Kiệu Nam Tứ Khí (Bốn món: Tượng Phật, hồng Viên Tín, Mật Vân Viên Ngộ, cuối cùng chung, cái đỉnh, cái vạc của nước Đại tham yết Kỳ Nhiên Siêu Trí. Năm 1680, sư Nam) không nệ nhà nghèo sức mọn. Một đến Tương Châu, tiếp nối chủ trì pháp hội hôm, sư suy nghĩ: ›Nước Tống ắt có nhiều chùa Hoàng Long. Có 3 quyển Ngữ lục đồng tốt, có thể dùng đúc được‹. Nghĩ truyền bá ở đời. xong, sư thẳng đường sang Bắc Triều (Trung Quốc). Sau khi xin được đồng rồi, MINH LƯƠNG (?-?) sư trở về nước đến chùa Quỳnh Lâm huyện Thiền tăng Việt Nam, thuộc tông Lâm Tế Đông Triều tỉnh Hải Dương đúc một tượng đời thứ 35. Sư ở núi Phù Lãng, nghe Hòa Phật Di-đà thật cao lớn. Tại kinh đô nơi thượng Chuyết Công từ Trung Hoa sang, tháp Báo Thiên, sư đúc một cái đỉnh. Ở bác thông kinh sử, thấu triệt tâm tông nên Phổ Loại, sư đúc một quả đại hồng chung. sư tìm đến tham vấn. Sư hỏi: Khi sinh tử Tại Minh Đảnh, sư đúc một cái vạc. Phần đến phải làm sao trốn tránh? Chuyết Công còn dư, sư đem về chùa quê làng đúc một đáp: Chọn lấy nơi không sinh tử trốn tránh. đại hồng chung nặng 3.300 cân và một cái Sư hỏi: Thế nào là nơi không sinh tử? khác nặng 3.000 cân để ở chùa Diên Phúc Chuyết Công đáp: Ở trong sinh tử nhận lấy Giao Thủy. Sư có làm bài tán rằng: mới được. Nghe nói thế sư vẫn chưa ngộ. »Lạp phù việt đại hải Chuyết Công bảo: Hãy lui đi, đợi chiều sẽ Nhất tức vạn lý trình đến. Sư giữ đúng hẹn, chiều lại vào Tống đồng nhất

nang tận phương trượng. Chuyết Công bảo: Đợi Phấn tý thiên câu lực«. sáng mai, đại chúng sẽ chứng minh cho »Nón nổi vượt biển cả ngươi. Sư bỗng nhiên tỉnh ngộ, sụp xuống Một hơi muôn dặm đường lạy. Chuyết Công hứa khả và truyền tâm ấn Một đãy sạch đồng Tống cho. Dang tay sức ngàn ngựa«. Sau khi đắc pháp, sư trở về trụ trì chùa Cuộc đời sư có nhiều thần biến lạ thường, Vĩnh Phúc núi Côn Cương ở Phù Lãng để như trị bệnh cho vua Lý Thần Tông (mắc truyền bá chính pháp. Đến khi sắp tịch, sư bệnh hóa thành cọp) vào năm 1136. Đến truyền pháp cho Thiền sư Chân Nguyên, năm Đại Định thứ hai (1141) sư quy tịch. nói kệ rằng: Hiện nay tại quận Hoàn Kiếm, thủ đô Hà Nội, trong chùa Lý Quốc Sư vẫn còn tượng »Mỹ ngọc tàng ngoan thạch sư và có bia ký. Theo: Thiền sư Việt Nam Liên hoa xuất ứ nê của HT. Thanh Từ. Tu tri sinh tử xứ MINH LÂM (1614-?) Ngộ thị tức Bồ-đề«. Thiền tăng đời Thanh, họ Chu, hiệu Tú Dã, »Ngọc quý ẩn trong đá người xứ Thành Đô. Lúc 8 tuổi sư lễ ngài Hoa sen mọc từ bùn Tinh Thiên chùa Cửu Long làm thầy, 20 Nên biết chỗ sinh tử

MINH MÔNG Ngộ vốn thiệt bồ-đề«. Tăng không đáp được. Tuyền bảo: Ông hỏi Trao kệ xong, sư bảo đệ tử: »Nay ta trở đi, ta nói cho ông nghe. Tăng hỏi: Dùng về«. Nói dứt lời, sư thị tịch. Đệ tử xây tháp tay hay dùng chân giăng? Tuyền đáp: Về ở núi Phù Lãng thờ sư. Theo: LSPGĐT của sau gặp người mắt sáng sẽ chỉ dạy cho Nguyễn Hiền Đức. ông«.

MINH MÔNG MINH PHÚC (1591-1642) Tối tăm, không rõ ràng. Lạc Đạo Ca của Thiền tăng đời Minh, họ Vương, tự Nhĩ Hòa thượng Lại Toản trong TĐT q. 3 ghi: Mật, hiệu Tán Y, người Cối Kê (nay là » Thiệu Hưng, Chiết Giang) Trung Quốc. Sư – Đem công dụng nối pháp thiền sư Vân Môn Viên Trừng, công, càng thêm tối tăm. (Chấp) Giữ thì làm Truyền nhân tông Tào Động, trụ chùa chẳng được, chẳng (chấp) giữ tự thông«. Quốc Khánh ở Đông Sơn. Tác phẩm: Ngữ lục 10 quyển. MINH NGỘ Thiền tăng đời Minh, họ Mạc, hiệu Vô Tế, MINH PHƯƠNG (1593-1648) người xứ An Nhạc (nay thuộc tỉnh Tứ Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu Xuyên) Trung Quốc. Năm 12 tuổi bỏ nhà đời Thanh, họ Trần, tự Thạch Vũ, người đi tập thiền định, tham vấn Thiền sư Lâu đời gọi là »Thạch Vũ Minh Phương Thiền Sơn Thanh, có tỉnh. Một hôm đang ngồi, sư«, người xứ Gia Hưng (nay thuộc tỉnh sư thấy ánh sáng chiếu thấu suốt, hoát Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 22 tuổi nhiên đại ngộ. Sư lễ Thiền sư Cổ Chuyết xuất gia, nối pháp Thiền sư Trạm Nhiên Tuấn và nối pháp ngài, thuộc tông Lâm Tế. Viên Trừng, thuộc tông Tào Động. Ban Về sau, sư trụ trì Chiêu Minh Thiền Tự ở đầu sư trụ chùa Tượng Điền, sau đó trụ các núi Đông Thiên Mục. ngôi: Thiên Hoa, Hiển Thánh, Quang Hiếu, Tuyết Phong, Linh Sơn, Phổ Minh, Linh MINH NGỘ THIỀN SƯ Phong, Ngộ Không, Quảng Phật, Phật Hiệu của Thiền tăng Tử Hưng đời Tống. Nhật. Tính sư nhân từ, dung mạo và cử chỉ X. Tử Hưng. tao nhã, khi ứng cơ tiếp vật, khéo dẫn dắt từng bước. Đệ tử của sư là Viễn Môn Tịnh MINH NHÃN NHÂN Trụ có biên »Thạch Vũ Thiền sư Pháp Người mắt sáng, chỉ cho Thiền giả có pháp Đàn« 20 quyển. nhãn. Phần Dương ngữ lục q. trung: » MINH QUẢNG Thiền tăng đời Thanh, họ Cao, người đời gọi »Viên Thông Minh Quảng Thiền sư«.

Thuở bé đã có chí xuất gia. Năm 16 tuổi, – Nam Tuyền hỏi tăng: Ở đâu đến? cha mẹ lần lượt qua đời, sư liền cạo tóc, Tăng đáp: Từ Thần Sơn giăng lưới rồi đến. tham học nơi Thiền sư Hải Hội Minh Ba, Tuyền hỏi: Dùng tay hay dùng chân giăng? được ngài ấn chứng và nối pháp ngài,

MINH TRÍ (?-1196) thuộc tông Lâm Tế. Sư có Ngữ lục truyền thưa hỏi khắp nơi. Tham cứu 4 câu kệ của bá ở đời. Phật Đại Thông Trí Thắng được vài năm. Một hôm, sư chợt nghe tiếng ngựa kêu liền MINH SƯU tỉnh ngộ, nối pháp Thiền sư Thiên Kỳ Bản Suy nghĩ, tìm tòi. Tiết Vĩnh An Thiện Tĩnh Thụy, thuộc tông Lâm Tế. Sư ra hoằng Thiền sư trong NĐHN q. 6 ghi: » pháp trụ chùa Long Tuyền, Tùy Châu (nay thuộc Hồ Bắc), học lữ bốn phương vân tập.

MINH TÍN (1512-1574) – Một hôm, có vị tăng giã từ Thiền tăng đời Minh, tự Vô Cực, người xứ Lạc Phố, Phố hỏi: Bốn phía đều là núi, Thuận Đức (nay thuộc tỉnh Quảng Đông) Xà-lê định đi đâu? Tăng không đáp được. Trung Quốc. Tám tuổi xuất gia, 13 tuổi Phố bảo: Tôi kỳ hạn cho ông 10 ngày, nếu hành cước đến Ngưu Sơn, tinh cần khắc hạ ngữ trúng được tôi sẽ cho ông đi. Vị khổ, ngày đêm rèn luyện. Ẩn cư ở Trung tăng ấy vừa tản bộ vừa suy nghĩ tìm tòi«. Phong, Ngân Sơn, ban ngày lượm hạt dẻ làm thức ăn, chuyên chú thiền quán. Một MINH THỌ (1682-1744) hôm chợt cảm ngộ, sư nối pháp Hòa Thiền tăng đời Thanh, họ Thẩm, tự Văn thượng Thúy Phong tại Kinh Sư, thuộc Huệ, người xứ Giang Đô (nay thuộc tỉnh tông Lâm Tế. Sư ở Thiền viện Cát Tường Giang Tô) Trung Quốc. Năm 10 tuổi xuất tại Kinh Tây, học giả các nơi ngày càng gia, 20 tuổi thụ giới cụ túc, sư đến núi Bảo kéo đến đông, đạo phong hưng thịnh. Hoa theo ngài Tùng Ẩn học luật, sau đến núi Thiên Mục tham thiền, nối pháp Thiền MINH TOẢN sư Hối Thạch Siêu Kỳ, thuộc tông Lâm Tế. Thiền tăng đời Đường. Ban đầu tham Tung Năm 1731, khai pháp ở núi Thiên Mục, trụ Sơn Phổ Tịch, thầm chứng tâm khế, nối tích trong 10 năm, rồi lui về ở ẩn tại am pháp Ngài. Sư sống an nhàn ở Hành Nham. Dịch Đăng. Trước sau khoảng 40 năm sư Trong khi tăng chúng làm lụng, Minh Toản không ra khỏi núi Thiên Mục. Sau khi sư lại rảnh rang nên bị chỉ trích, nhưng sư thị tịch, Ngô Thọ Hư soạn bài tháp minh. không có chút gì buồn giận, người đời gọi Có Ngữ lục truyền bá ở đời. sư là »Lại Toản« (Ông Toản lười), và vì thích ăn các món thừa của chư tăng nên MINH THÔNG (1480-1543) còn có tên »Lại Tàn«. Những điều sư nói Một thuyết khác gọi là Chính Thông. ra đều hợp với Phật lý nên người đời nghi Thiền tăng đời Minh, họ Hề, tự Vô Văn, sư là ứng thân của Phật Di-đà. Lý Bật lúc hiệu Tuyệt Học, người xứ Quang Trạch ẩn cư ở Hành Sơn từng đến lễ bái sư. Thụy (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc. hiệu »Đại Minh Thiền sư«. Tác phẩm: Năm 17 tuổi cạo tóc làm tăng; 20 tuổi sư Nam Nhạc Lại Toản Hòa thượng ca. thụ giới cụ túc. Sư tinh thông giới luật kiêm tu Chỉ Quán, nghiên cứu sâu Duy MINH TRÍ (?-1196) Thức. Về sau sư chuyên mộ thiền pháp, Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn

MINH TRIẾT Thông đời thứ 10, nối pháp Thiền sư DDạo Không không tầm hưởng thinh«. Huệ, họ Tô tên Thiền Trí, quê ở làng Phù »Theo gió trăng nước sáng Cầm (thuộc huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Không bóng cũng không hình Ninh), miền Bắc Việt Nam. Tư chất thông Sắc tướng chỉ thế ấy minh, đọc khắp sách vở ngoài đời. Lúc trẻ Trong không tìm tiếng vang«. gặp Thiền sư Đạo Huệ liền xả tục xuất gia. Nói xong, sư lặng lẽ thị tịch.

Theo: Thiền Theo hầu Đạo Huệ, sư thấu đạt lý huyền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. diệu của Thiền, trực nhận ý chỉ các bộ kinh Viên Giác, Nhân Vương, Pháp Hoa và MINH TRIẾT sách Truyền Đăng. Do chuyên cần đọc Thiền tăng đời Đường; nối pháp Thiền sư tụng quên cả nhọc nhằn, nên nhà vua ban Dược Sơn Duy Nghiễm. Sư ra hoằng pháp hiệu cho sư là Minh Trí, thuộc dòng Vô trụ Bách Nham ở Ngạc Châu (nay là Vũ Ngôn Thông đời thứ 10. Sau sư trụ trì chùa Xương, tỉnh Hồ Bắc), được nổi tiếng một Phúc Thánh, tăng chúng theo học đông phương. đảo. Một hôm sư đang bàn luận với một vị tăng, MINH TRIỆT có vị tăng bên cạnh nói: Nói là Văn-thù, 1. Thiền tăng đời Minh, họ Ứng, tự Chỉ nín là Duy-ma. Sư bảo: Không nói, không Nam, người xứ Kim Hoa (nay thuộc tỉnh nín đâu chẳng phải là ông? Vị tăng ấy liền Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 26 tuổi chấp nhận. Sư bảo: Sao chẳng hiện thần xuất gia, khổ hạnh tham thiền mà không có thông? Vị tăng thưa: Chẳng từ chối hiện chỗ vào nên chặt 2 ngón tay để sách tấn thần thông, chỉ sợ Hòa thượng thâu vào mình, nối pháp Thiền sư Viên Trừng ở Mai giáo. Sư bảo: Ngươi chưa phải là người có Dã, thuộc tông Tào Động. Ra hoằng pháp con mắt giáo ngoại biệt truyền. sư trụ Thiều Khê rồi tịch. Sư bèn nói kệ: 2. Thiền tăng đời Minh (1526-1601), họ »Giáo ngoại khả biệt truyền Phan, người xứ Đồng Châu (nay là huyện Hy di Tổ Phật uyên Đại Lệ, tỉnh Thiểm Tây) Trung Quốc, nối Nhược nhân dục biện đích pháp Thiền sư Thiết Sơn, thuộc tông Lâm Dương diệm mích cầu yên«. Tế. »Ngoài giáo khá riêng truyền Về sau, sư đến núi Nga My cất am Viên Lâu xa Tổ Phật riêng Giác, suốt ngày tọa thiền, bạn lứa cùng gấu Nếu người cầu phân biệt vượn, láng giềng là khói ráng. Niên hiệu Ánh nắng tìm khói mây«. Vạn Lịch thứ 15 (1587), vua Thần Tông Đến niên hiệu Thiên Tư Gia Thụy thứ 11 ban cho sư y hồng, tự tay viết bảng hiệu (1196) sư sắp thị tịch, nói kệ: »Hộ Quốc Thảo Am Tự«.

MINH TRUNG (1696-1776) »Tùy phong thủy nguyệt minh Thiền tăng đời Thanh, họ Thi, tự Đại Vô ảnh diệc vô hình Hằng, hiệu Triệm Hư, người xứ Đồng Sắc tướng giá cá thị Thành, An Huy, Trung Quốc. Nối pháp

MINH VẬT NHẤT TRI (?-1786) Thiền sư Thượng Chí, đời thứ 39 hệ Nam ngài vì ngài có những vị đệ tử và pháp tôn Nhạc. Lần lượt trụ trì các chùa Tây Hồ, rất nổi tiếng như sau: Thiên Trúc, Tịnh Từ. Tác phẩm: Triệm Hư 1. Hòa thượng Liên Hoa, tức Thiền sư thi sao, ngữ lục. Thiệt Thành Liễu Đạt, là Tăng cang chùa Thiên Mụ (Đô thành Phú Xuân), sau trụ trì MINH TUYÊN (?-1472) chùa Sắc Tứ Từ Ân (ở Gia Định); Hòa Thiền tăng đời Minh, họ Phạm, người đời thượng Liên Hoa có các đệ tử cũng là Tăng gọi là »Bảo Phong Minh Tuyên Thiền sư«, cang chùa Thiên Mụ là Tế Chính Bản người xứ Ngô Giang (nay thuộc tỉnh Giang Giác, Tế Bản Viên Thường. Tô) Trung Quốc. Khi vào chùa, sư giữ 2. Thiền sư Thiệt Thoại Tính Tường khai chức Hỏa đầu. Một hôm trong lúc chăm sơn chùa Hoa Nghiêm (Thủ Đức, Gia hẳm tham cứu, chợt bị lửa cháy sém lông Định) và chùa Long Thọ (xã Phú Cường, mày, mặt như dao cắt, lấy gương soi mặt, Thủ Dầu Một), có đệ tử nổi danh là Tế hoát nhiên đại ngộ. Về sau, sư trụ chùa Giác Quảng Châu trụ trì chùa Giác Lâm Cao Phong ở Kim Lăng (nay là Nam (Gia Định), Tế Vĩnh Quảng Nhân và Tế Lý Kinh). Sư thị tịch vào niên hiệu Thành Hóa Quảng Đức trụ trì chùa Hoa Nghiêm (Huê thứ 8 (1472). Nghiêm) ở Thủ Đức. 3. Thiền sư Phật Chí Đức Hạnh khai sơn MINH TUYẾT (1584-1641) chùa Long Nhiễu (Thủ Đức Gia Định). Thiền tăng đời Minh, họ

Dương, tự Thụy Đặc biệt, các đệ tử của Hòa thượng Minh Bạch, người xứ Đồng Thành (nay thuộc Vật Nhất Tri truyền thừa theo bài kệ truyền tỉnh An Huy) Trung Quốc. Sư vào am Tụ pháp khác nhau, trong đó Thiền sư Thiệt Long núi Cửu Hoa cạo tóc làm tăng, nối Thoại Tính Tường truyền theo bài kệ pháp Thiền sư Vân Môn Trừng. Sau khi »Thiệt Tế Đại Đạo, Tính Hải Thanh Trừng Công mất, sư tiếp nối trụ trì. Ít lâu Trừng… « mà nhiều người cho là bài kệ do sau, sư dời đến Tinh Sơn, Hồ Châu rồi Thiền sư Thiệt Diệu-Liễu Quán đặt ra (?). Không Động ở Chương Châu. Sư nhận lời — Thiền sư Thiệt Thoại Tính Tường khai mời của Kiến An Vương, trụ trì Bách sơn chùa Huê Nghiêm (Thủ Đức, Gia Trượng Thọ Thánh Thiền tự. Định) có truyền thừa theo bài kệ »Thiệt Tế Đại Đạo… « ở các chùa Đức Lâm (Gia MINH VẬT NHẤT TRI Định), Linh Sơn (Bà Đen), ở chùa Huê (?-1786) Nghiêm lại truyền theo bài kệ của Tổ Vạn Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông Phong »Tổ Đạo Giới… Siêu Minh Thiệt Lâm Tế đời thứ 34, nối pháp Thiền sư Tế Liễu Đạt Ngộ Chân Không«. Nguyên Thiều Siêu Bạch. Sư trụ trì chùa — Thiền sư Phật Chí Đức Hạnh khai sơn Kim Cang ở Đồng Nai, miền Nam Việt chùa Long Nhiễu (Thủ Đức) truyền theo Nam. Hiện chưa biết rõ về hành trạng của bài kệ của Tổ Đạo Mân »Đạo Bản Nguyên Hòa thượng Minh Vật Nhất Tri, nhưng có Thành Phật Tổ Tiên…« Theo: LSPGĐT thể đoán biết Hòa thượng là bậc cao tăng của Nguyễn Hiền Đức. tài đức đúng theo ý nghĩa pháp danh của

MINH VI ĐẠI SƯ MINH VI ĐẠI SƯ Hải Tịnh viên tịch tại chùa Giác Lâm, thọ Hiệu của Thiền tăng Nghĩa Sơ đời Ngũ 88 tuổi, Thiền sư Mật Hạnh mới thật sự Đại. X. Nghĩa Sơ. chính thức trụ trì chùa Giác Lâm. Sư rất quan tâm đến việc tu học của tăng chúng, MINH VI MẬT HẠNH thấy sư đệ là Thiền sư Hoằng Ân trụ trì (1828-1898) chùa Giác Viên có đủ tài đức giáo hóa chư Thiền tăng đời Nguyễn, thuộc tông Lâm tăng nên sư cho tăng chúng chùa Giác Lâm Tế, đời thứ 38, nối pháp Thiền sư Tiên xuống tham học giáo lý với Thiền sư Giác Hải Tịnh ở chùa Giác Lâm miền Nam Hoằng Ân. Việt Nam. Năm Canh Tuất (1850), Hòa Năm Quý Tỵ (1893), sư thấy sức khỏe thượng Hải Tịnh cho đổi viện Quan Âm mình quá yếu kém, không thể kham nổi thành chùa Giác Viên. Năm Nhâm Tý việc chùa, nên trao quyền trụ trì chùa Giác (1852) ông Hương đăng trụ trì chùa Giác Lâm cho sư đệ Hoằng Ân, và nguyện nhập Viên (chưa rõ pháp danh) quy tịch, Hòa thất tu thiền cho đến ngày quy tịch (14 thượng Hải Tịnh cử Thiền sư Mật Hạnh tháng 11 năm Mậu Tuất 1898). Theo: thay thế trụ trì chùa Giác Viên. Theo sự tổ LSPGĐT của Nguyễn Hiền Đức. chức phân công của Hòa thượng Hải Tịnh: chùa Giác Lâm chuyên lo phần giáo pháp, dạy kinh điển Phật pháp cho tăng chúng và MINH VIỄN thuyết pháp cho Phật tử, chùa Giác Viên Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư chuyên lo phần Ứng phú (cầu an, cầu siêu, Trường Khánh Huệ Lăng. Sau khi từ biệt trai tăng…). Với nhiệm vụ Ứng phú này thầy, sư cất am ở Thứu Lãnh, Tương Châu khiến cho bản đạo của chùa Giác Viên (nay là huyện Tương Phàn, tỉnh Hồ Bắc), ngày càng đông, sinh hoạt chùa phát triển tự canh tác để sống. Mọi người cảm đức mạnh; trong khi đó Phật tử đến chùa Giác của sư nên lập tinh xá, tăng chúng ở Kinh Lâm ít hơn, chỉ có những tín đồ thâm hiểu Châu và Dĩnh Châu tôn sư làm mẫu mực. Phật pháp và chí tâm tham học kinh điển mới đến viếng lễ cúng dường và quy y thụ MINH VU (1599-1665) giới, do đó kinh tế chùa Giác Lâm kém sút, không đủ đài thọ cho chư tăng

tu học ở Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu đây. Chùa Giác Viên phải trợ duyên. Năm đời Thanh, họ Đinh, tự Ngu Am, hiệu Tam Kỷ Tỵ (1869), Hòa thượng Hải Tịnh đã Nghi, người xứ Tiền Đường (nay là Hàng quá lớn tuổi (82 tuổi), nên cử đệ tử kế thế Châu) Trung Quốc, 23 tuổi xuất gia ở viện trụ trì: Chân Tịch, nối pháp Thiền sư Trạm Nhiên — Thiền sư Minh Vi Mật Hạnh trụ trì Viên Trừng, thuộc tông Tào Động. Năm chùa Giác Lâm, phụ giúp có Tri khách 1635, sư trụ Long Môn, sau dời đến Hóa Minh Lý Quảng An. Sơn. Năm 1643, kế tục thầy trụ trì chùa — Thiền sư Minh Khiêm Hoằng Ân trụ trì Hiển Khánh. Trong cuộc cách mạng Minh- chùa Giác Viên. Thanh, sư cũng từng lăn lộn nơi chiến Năm Ất Hợi (1875), Hòa thượng Tiên Giác trường cứu giúp chúng sinh.

MÔN ĐÌNH THI THIẾT MỖ GIÁP không biết tự tâm đều gọi là tà hạnh.« 1. Tự xưng, tương đương với »tôi«. Tiết Bách Trượng Hoài Hải Thiền sư trong MÔN ĐỊA NĐHN q. 3 ghi: » Môn đệ, học trò. Tiết Pháp Khâm truyện trong Tống Cao Tăng truyện q. 9: » – Sư bảo chúng rằng: Ta cần một người truyền lời đến Tây đường, ai đi đây? Ngũ Phong nói: Tôi đi.« – Thích Pháp Khâm, họ 2. Thay thế tên người. Động Sơn ngữ lục Chu, người xứ Côn Sơn, quận Ngô, là môn ghi: » đệ của nhà Nho, ông cha đều đạt đến chỗ – Sư hỏi tăng: Ngươi tên gì? Tăng sâu xa của đạo Khổng, nhưng thích ở ẩn thưa: Mỗ giáp.« chẳng ra làm quan«.

MỘC HOẠN TỬ MÔN ĐÌNH Vốn là tên một loại cây, cũng gọi là Vô Tông phái, lưu phái. Tiết Tục Nghệ Ngôn hoạn tử, Bồ-đề-tử v.v... Quả thật của nó có trong NHQL q. 30 ghi: » thể dùng làm hạt chuỗi (tràng hạt), nên – mộc hoạn tử cũng chỉ cho hạt chuỗi. Tiết Việc trong Tông môn, quý ở chỗ hợp nhau kính Sơn Tông Cảo Thiền sư trong NĐHN nơi tâm tủy, chứ chẳng phải ở chỗ tiếp nối q. 19 ghi: » của môn đình«. – Đem hạt chuỗi đổi lấy con mắt của thiên hạ.« MÔN ĐÌNH THI THIẾT Thủ đoạn tiếp dẫn người học và phương MỘC NHÂN, THẠCH NỮ thức truyền thừa thiền pháp theo đặc điểm của mỗi tông phái. Tiết Hòa Sơn Huệ Chàng người gỗ, cô gái đá. Phổ thuyết Phương Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: hướng thượng nhất lộ trong Khoá Hư lục » của Trần Thái Tông ghi: » – Trên sóng gái múa điệu bà sa, người gỗ thổi sáo ca bài khoản đãi«. MỘC THỰC THẢO Y – Sư thượng Lượm trái cây làm thức ăn, đan cỏ làm áo đường đưa phất tử lên nói: Hãy xem! Chỉ chỉ cho đời sống giản dị, ẩn cư trong núi cái này, ở Lâm Tế thì chiếu dụng cùng rừng. Uyển Lăng lục ghi: » hành, ở Vân Môn thì lý sự đều đủ, ở Tào Động thì thiên chính hiệp thông, ở Quy – Nếu Ngưỡng thì ám cơ viên hợp, ở Pháp Nhãn chẳng hiểu ý này, dù cho ngươi học nhiều, thì đâu chỉ có duy tâm. Nhưng môn đình cần cù tu hành, ăn trái cây mặc áo cỏ mà thi thiết của ngũ gia tông phái thì chẳng

MÔN KHÔNG TRUY HƯỞNG phải không, dù cho ông biện được rõ ràng phóng khoáng đi nữa, cũng là sự hư huyễn – Chẳng đợi trời

chẳng thật«. sáng liền đến gõ cửa chùa Khai Nguyên. Người giữ cửa bảo: Ông là ai? Đáp: Trụ MÔN KHÔNG TRUY HƯỞNG trì chùa Thái An đến thăm Đại sư. Người ấy liền mở cửa«. Mưu tính mò mẫm trong hư không để tìm tiếng vang (dội), tỷ dụ cho hành vi giả dối MÔNG ĐỔNG TAM BÁCH ĐẢM luống công. Tiết Đức Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 5 ghi: » Mông Đổng nghĩa là lý sự không phân, phải trái tà chính chẳng hiểu. Tam Bách Đảm nghĩa là gánh vác nặng nhọc. Cả câu dụ cho sự quê kệch si độn. Tắc 25, Bích – Ngày mùng 3 tháng 12 năm Ất Nham lục (Đại 48, 166 trung) ghi: » Dậu, niên hiệu Hàm Thông thứ 6 (866), sư chợt bảo đồ chúng: Mưu tính mò mẫm trong hư không để tìm tiếng vang (dội), lao – Bụi bặm trong mắt, đất trong tai nhọc tâm thần của ngươi vậy! Mộng tỉnh (Quê kệch si độn, ngây ngây ngốc ngốc, rồi mới giác biết việc trong mộng là không biết đến bao giờ mới có được người như phải, và giác biết thật ra có việc gì đâu! thế?)«. Nói xong, sư ngồi an tường rồi bỗng nhiên thị tịch«. MÔNG SƠN Hiệu của Thiền tăng Đức Dị đời Nguyên. MÔN PHONG X. Đức Dị. Chỉ cho phong cách tư tưởng, giáo học và khuôn phép riêng của mỗi lưu phái. Pháp MỘNG ĐƯỜNG Diễn ngữ lục q. trung ghi: » Hiệu của Thiền tăng Đàm Ngạc đời Nguyên. X. Đàm Ngạc. – Việc tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang MỘNG SONG SƠ THẠCH lâu ngày có nhiều thay đổi. Con cháu đời (1275-1351) sau môn phong vô hạn, phá rối thân tâm (jap. Musō Soseki) Thiền tăng sống vào khiến cho hỗn loạn, Bạch Vân tôi (pháp cuối thời đại Liêm Thương đầu thời đại hiệu của Thiền sư Pháp Diễn) hôm nay đều Thất đinh, họ Nguyên, tự Mộng Sơn, chặt đứt hết«. người xứ Y Thế (Ise), Nhật Bản. Năm 9 tuổi, sư theo ngài Không A ở chùa Bình MÔN SĨ Diên Sơn học nội ngoại điển, đến năm Người giữ cửa. Tiết Giang Tây Mã Tổ 1292 cầu ngài Ngưng Nhiên ở viện Giới trong TĐT q. 14 ghi: » Đàn xuất gia, thụ giới, đồng thời đi khắp nơi tu học Hiển giáo và Mật giáo . Sau, sư

MỘT HUYỀN CẦM biết được Phật pháp vốn chẳng phải Nghĩa MỘT ĐỂ THUYỀN học, nên chuyển qua tham thiền, thờ các vị Còn gọi: Vô để thuyền. Nguyên chỉ cho Nhất Sơn Nhất Ninh, Cao Phong Hiển chiếc thuyền không đáy. Thiền tông dùng Nhật làm thầy và được ngài Hiển Nhật ấn từ này chỉ cho Thiền cảnh xa lìa mọi chấp khả. Sư từng trụ các chùa: Viên Giác ở trước hướng đến chỗ giải thoát. Tắc 63, Kamakura, Nam Thiền ở Kyōto, Thiên Thung Dung lục (Đại 48, 266 trung) ghi: Long (Tenryūji) ở Kyoto-một ngôi chùa » được xếp vào Ngũ Sơn, và trở thành một – Trên cân không khía hai đầu trong những tác giả đứng hàng đầu của (cân) bằng, trong thuyền không đáy (chở) phong trào Ngũ Sơn văn học (Gosan một xứ qua sông«. Bungaku). Lúc sinh tiền, sư được vua ban các hiệu: Mộng Song Quốc Sư, Chính Giác MỘT GIAO THIỆP Quốc Sư, Tâm tông Quốc Sư. Đời sau truy Còn gọi: Vô giao thiệp. Không dính dáng. tặng các hiệu: Phổ Tế Quốc Sư, Huyền Du Chỉ cho hai sự việc trái nghịch không Quốc Sư, Phật Thống Quốc Sư, Đại Viên tương ứng, cũng như hỏi Đông mà đáp Quốc, cũng có tên gọi Thất Triều Đế Sư. Tây. Trong Thiền lục phần nhiều sử dụng Tác phẩm: Mộng Trung Vấn Đáp tập 3 từ ngữ này, như »Thả hỷ một giao thiệp«. quyển, Lâm Xuyên Tự Gia Huấn, Ngữ lục (Thật tức cười không dính dáng). Hám Sơn 3

quyển. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Lão Nhân mộng du tập q. 1 ghi: »
MỘNG THẾ TẨU – Ngoài việc này ra, không cần lưu tâm
đến tri kiến huyền diệu nào Hiệu của Thiền tăng Huệ Chiếu đời khác, bởi vì hoàn toàn
không dính dáng«. Nguyên. X. Huệ Chiếu. MỘT HUYỀN CẦM MỘT BA TỴ
Nguyên chỉ cho chiếc đàn cầm không dây không âm. Trong Thiền tông mượn từ này
Còn gọi: Vô ba tỵ, Một khả bả. Nghĩa là làm thuật ngữ để chỉ cho tiếng vang nhiệm
không có tay để gãi, tức là không thể nắm mầu vô thinh, hoặc ý chỉ sâu xa ngoài ngôn
bắt. Ba, như chữ »Bả« trong từ Bả kính ngữ. Lại thường dùng để biểu thị tông (căn cứ).
Ba tỵ có nghĩa là buộc mũi trâu, phong đặc biệt của Thiền gia: »Không lập còn gọi là Bả
tý. Thiền tông dùng từ này văn tự, truyền ngoài giáo điển«. Từ ngữ làm thuật ngữ để
chỉ cho nghĩa không có này xuất xứ từ điển tích Đào Uyên Minh cách gì để nắm bắt. Đại
Huệ Phổ Giác dùng chiếc đàn cầm không dây không trục Thiền sư thư (Đại 47, 934
trung) ghi: » trong tiệc rượu đãi người bạn, chỗ gọi rằng: »Đản
thức cầm trung thú, hà lao – Khán tới huyền thượng thinh« (Chỉ cần
thưởng thức khán lui, cảm thấy không sao nắm bắt chiếc đàn, cần gì âm thinh trên dây
đàn) được, không có mùi vị, trong tâm buồn Bàng Cư Sĩ ngữ lục q. thượng (vạn tục bực,
chính khi ấy mới đắc lực«. 120, 28 thượng) ghi: »

MỘT HỨNG – Cư sĩ nói: Loại đàn ngộ thiền siêu việt số lượng phân biệt,
cầm không dây, chỉ có thiền sư đàn mới cũng chính là Phật tự tâm. Tiết Tông Thừa
tuyệt«. Yếu Nghĩa trong DTNL q. 9 ghi: » MỘT HỨNG
Rủi ro, xúi quẩy. Tiết Thiên Đồng Đàm – Duy có
Hoa Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Phật tự tâm, một vị thiên chân tự tại,
không suy tư không tạo tác, há không biết – Cả đời xúi quẩy, gặp phải lão
Hòa trong nước có hoàng đế; chẳng trị chẳng thượng vô ý trí này.« loạn, đâu không
nghe ngoài biên ải có tướng quân.« MỘT LƯỢNG Còn gọi: Vật lượng. Từ hình dung
một cái MỘT TUNG TÍCH gì to lớn, không thể đo lường. Còn gọi: Một trẩm tích,
Đoạn tiêu tức. — Một lượng hán: Nhân vật thực sự có Không để lại dấu vết ngôn ngữ và
hành vi. tầm cỡ, mang khí phách siêu việt. Thiền tông dùng từ này làm thuật ngữ để —
Một lượng đại nhân: Người đại triệt đại chỉ cho người đại ngộ triệt để. Những ngộ, vượt
khỏi các tình chấp phân biệt của người triệt ngộ này, không luận là nói nín phàm phu
như: Đắc thất, hữu vô, mê ngộ, động tĩnh đều thể hiện được phong cách tự phàm
thánh. do tự tại, rỗng rang vô ngại. Tắc 74, Thung — Một lượng đại sự: Việc lớn Phật
pháp, Dung lục (Đại 48, 274 thượng) ghi: » siêu việt phàm thánh mê ngộ.
Tắc 18, Thung Dung lục (Đại 48, 238 – Bậc triệt ngộ thật tự tại giống như
trung) ghi: » mây trắng không dấu vết, thật rỗng rang
giống như gió mát đâu có màu sắc gì!«. – Không thể do vô tâm mà được, không
thể do hữu tâm mà biết, người đại MỘT Ý TRÍ triệt đại ngộ ngay nơi câu hỏi liền
đáp Một có nghĩa là không (vô), ý trí có nghĩa được«. là tư lương. Chỉ cho trí huệ không
còn tác Phạm Kỳ Sở Thạch ngữ lục q. 7 ghi: » dụng tư lương phân biệt.
— Một ý trí hán: Gã không có phân biệt, chỉ cho tự
tính. – Muốn làm người siêu việt, cần phải Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải của Thiền
chân tham thật ngộ mới được. Mai kia mốt sư Trung Phong Minh Bản ghi: » nọ,

chẳng bị sinh tử trói buộc, sẽ tự do sống hoặc chết«.

– Đụng nhằm gã không có phân biệt, móc MỘT LƯỢNG ĐẠI NHÂN xiềng xích, mở thắt kết, muôn mắt nhìn thẳng, muốn mở mà chẳng mở; trăm người Còn gọi: Một lượng đại hán. Chỉ cho tâm giơ tay muốn tát mà chẳng tát«. Phẩm

MY MAO DỊCH KHỞI Hành Do trong Lục Tổ Đàn Kinh (Đại 48, lượng rất nhỏ, tức là một khi thấy liền biết 349 thượng) ghi: » nặng nhẹ. Thiền tông mượn từ này để ám – Bậc hạ hạ có trí chỉ người học thiền cần phải là hạng căn cơ thượng thượng, bậc thượng thượng có trí lanh lợi vừa nhìn sơ qua đã đánh giá được không phân biệt«. sự việc. Phần thùy thị của tắc 1 trong Bích Nham lục (Đại 48, 140 thượng) ghi: » MỤC AM Hiệu của Thiền tăng Pháp Trung đời Tống. – Hạng căn cơ lanh lợi mắt nhìn X. Pháp Trung. qua liền biết phân lượng, đây là việc tầm thường như cơm nước trong nhà thiền«. MỤC CHÂU BẢN Đây là 1 trong 3 câu: »Hàm cái càn khôn, Công án này được thấy nơi tiết Mục Châu Mục cơ thù lượng, Bất thiệp vạn duyên« Trần Tôn Túc trong NĐHN q. 4 như sau: mà Thiền sư Vân Môn Văn Yển, Tổ của » tông Vân Môn sử dụng khi tiếp hóa người học. – Bình thường khi thấy thiền tăng đến, sư liền đóng cửa. MỤC TRỪNG KHẨU KHỨ Nhưng nếu gặp giảng tăng đến, sư liền gọi: Tọa chủ! Tọa chủ ứng thinh: Dạ! Sư Trợn trừng, há miệng, dáng vẻ sợ hãi, bảo: Kẻ vác bảng (Đồ cố chấp).« không biết xử trí ra sao. Viên Ngộ ngữ lục Câu »kẻ vác bảng« có nghĩa trách cứ người q. 12 ghi: » chỉ chấp trước về một mặt nào đó, không thể thông ngộ. – Ba đời chư Phật, sáu đời Tổ sư, cho đến các lão Hòa thượng trong MỤC CHÂU ĐẠO MINH THIỀN nước, chỉ được nín hơi nuốt tiếng, trợn mắt SƯ NGỮ LỤC há miệng«. Còn gọi: Trần Tôn Túc ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Đạo Minh soạn vào đời Đường, MUỘN MUỘN được xếp vào Cổ Tôn Túc ngữ lục và Tục Bồn chồn. Tông Môn Võ Khố ghi: » Tạng kinh tập 118, trang 223. Nội dung gồm các mục: Thượng đường đối cơ, khám – Kẻ phá vị tăng xem kinh, khám biện vị tọa chủ trộm con ở trong tủ tự nói một mình rằng: giảng kinh luận. Cuối quyển có phụ 1 thiên Tại sao cha ta làm như thế? Đang khi bồn tựa nhỏ. Qua những câu vấn đáp giữa Mục chồn liền nghĩ ra một kế.« Châu và đương cơ, chúng ta thấy được cơ phong dữ dội của Ngài. MY MAO DỊCH KHỞI Dùng tay vén lông mày, là động thái ngữ MỤC CƠ THÙ LƯỢNG của thiền gia thị cơ, ứng cơ; hàm ý nghĩa Mục cơ là dùng con mắt đo lường biết phấn chấn tinh thần đốn ngộ thiền chỉ. Tiết trọng lượng. Thù lượng chỉ cho trọng Đại Quy Pháp Thái Thiền sư trong NĐHN

MY MAO TƯƠNG KẾT q. 19 ghi: » để chỉ cho nghĩa »đương nhiên«. Tắc 30, Bích Nham lục (Đại 48, 169 hạ) ghi: »

– Tăng hỏi Triệu Châu: Nghe – nói Hòa thượng từng được ngài Nam Thượng đường: Gươm báu giơ lên liền sử Tuyền đích thân chỉ giáo phải không? dụng đâu thể chần chừ? Vén lông mày lên (Ngàn lần nghe chẳng bằng một lần thấy, liền thực hành không hề do dự. Tất cả chỗ chậc! Lẽ đương nhiên rồi)«. vượt nay sáng xưa, tất cả chỗ dứt hết trói buộc. Chẳng phạm mũi nhọn cũng

không phải sử dụng ngữ cú. Riêng vượt trên MY TU ĐỌA LẠC người khác hãy tạm gác lại, khi muôn cơ mất sạch thì như thế nào? Trời thu tháng tám làm sao nóng được?« Râu mày đều bị rơi rụng. Thiền tông dùng từ này để chỉ cho việc bị trừng phạt do nói MY MAO TƯƠNG KẾT năng, suy xét sai lầm. Huệ Nam ngữ lục Còn gọi: My mao tư kết. Giao kết cùng ghi: »Giá cá thị thập ma? Nhược hoán tác nhau. Vô Môn Quan ghi: » nhất thừa pháp, my tu đọa lạc«. »

– Cái này là cái gì? Nếu gọi là pháp Nhất thừa thì sẽ bị trừng phạt do nói năng, suy xét sai lầm«. – Có vị tăng hỏi MỸ THỰC BẤT TRÚNG BÃO Hòa thượng Triệu Châu: Con chó có Phật NHÂN KHIẾT tính không? Triệu Châu đáp: Không. Vô Môn bình: ...Chỉ một chữ không này vốn là cửa ải của tông môn, cho nên sách này đềThức ăn dù có ngon đến mức nào đi nữa là Vô Môn Quan. Ai đã lọt qua được, vẫn không cần thiết đối với người đã no. chẳng những chính mắt thấy Triệu Châu, Thiền tông mượn thành ngữ này làm thuật mà còn cùng với Tổ sư nắm tay chung ngữ để chỉ cho cảnh giới của người đã tu bước, thâm sâu giao kết, cùng một mắt chứng viên mãn. Tắc 61, Bích Nham lục thấy, cùng một tai nghe, há chẳng thú (Đại 48, 193 hạ) ghi: » sao?«

– Để mặc lão quê mày ủ dột MY PHÂN BÁT TỰ (ngoài ba ngàn dặm có một kẻ đối với thức Lông mày hình chữ bát () là điều mà ai ăn ngon cảm thấy không cần thiết vì đã no cũng thừa nhận. Thiền tông mượn từ này bụng)«.

NA NHÂN

N NA (k. ng) »Vạn duyên tiệt đoạn nhất thân nhàn 1. À? Dùng ở cuối câu. Từ biểu thị ý hỏi Tứ thập dư niên mộng huyễn gian thân mật để lựa chọn hoặc thăm dò. Vân Trân trọng chư nhân hưu tá vấn, Môn quảng lục, q. hạ ghi: » Na biên phong nguyệt cánh man khoan«. – Sư »Muôn duyên cắt đứt, một thân nhàn hỏi tăng: Người xuất gia ở Hồ Nam à? Hơn bốn mươi năm mộng đã tàn Tăng đáp: Phải«. Tạm biệt các ngươi thôi chớ hỏi 2. Hả? Dùng ở cuối câu. Từ biểu thị ý hỏi Bên kia trăng gió rộng thênh thang«. thân mật nhằm xác định thêm điều mình đang nghi vấn. Lâm Tế Nghĩa Huyền NA BIÊN CÚ Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: » Câu bên kia. Chỉ cho lời nói vượt thoát trần tục, trừ sạch vọng tưởng phân biệt, cũng là lời nói của người triệt ngộ. Tiết

– Một hôm sư cùng Linh Tuyền Quy Nhân Thiền sư trong đại chúng đang cuốc đất, chợt thấy Hoàng NĐHN q. 13 ghi: » Bá đến, sư liền chống cuốc, đứng. Bá hỏi: Gã này mệt hả? Sư thưa: Cuốc còn chưa dở lên, mệt cái gì?« 3. Đâu, làm sao? Phó từ nghi vấn. Phần Dương ngữ lục q. trung ghi: » – Ban đầu Sư hỏi Sơ Sơn: Cây khô trổ hoa – Trời người không mới hợp với người khác, là câu bên này lường được, phàm thánh đâu biết nổi?« hay câu bên kia? Sơn đáp: Cũng là câu Cũng đồng sách trên, q. thượng ghi: » bên này. Sư hỏi: Thế nào là câu bên kia?

– ... Huống hồ Sơn Sơn đáp: Trâu đá nhả mây mù tiết ba xuân tăng mỗi mỗi việc gì cũng bừa bãi thì làm Chim thần chẳng đậu rừng cây không sao lên được địa vị đó??« bóng.« 4. Nào? Phó từ nghi vấn, tức »«. Tiết NA NHÂN Gián nghị Bành Như Lâm Cư

sĩ trong NĐHN q. 18 ghi: » Người ấy, chỉ cho bậc triệt để đại ngộ. Tắc – Văn thư mới viết là chữ, cái nào là 49, Thung Dung lục (Đại 48, 258 thượng) kinh?« ghi: » – Phổ NA BIÊN Hóa thì lộn ngược, Long Nha thì để lộ nửa Bên kia, chỉ cảnh giới thiền ngộ siêu việt thân, rốt cuộc người ấy thuộc về loại trần tục, vượt thoát không gian. Kệ Thị nào?«. Tịch của Thiền sư Pháp Loa ghi:

NA NHẤT BẢO NA NHẤT BẢO ghi: » Còn gọi: Na nhất cú, Na nhất khúc. Một – Sư thượng vật báu kia. Tỷ dụ Phật tính hoặc Tông đường: Suốt ngày luôn bận rộn, cho rằng phong của Phật Tổ. việc ấy không sao cả … Cái gì là việc ấy?« — Na nhất cú: Ngôn ngữ mà Phật Tổ cử NÃ VÂN dương. Cưỡi mây, vút lên mây xanh. Bích Nham — Na nhất khúc: Tức là khúc nhạc hài hòa Lục q. 1 ghi: » vui tai mà có thể thay đổi phong tục, dụ cho tông phong mà Phật Tổ cử dương. Phổ Tế Thiền sư ngữ lục q. thượng (Đại 82, 502 – Mùng ba tháng ba khi hoa đào nở, do sự thượng) ghi: » cảm ứng của trời đất, có một chú cá nhảy – Tông phong của Phật Tổ cử qua khỏi long môn, lập tức trên đầu mọc dương, làn điệu cao thấu đến thế giới đại sừng, ở cổ có bờm, nơi đuôi có lông biến thiên«. thành rồng bay lên mây.« NA NHẤT QUYẾT NAM AM Một then chốt kia. Chỉ cho cơ pháp linh Hiệu của Thiền tăng Đại Y đời Thanh. X. hoạt thích hợp được Thiền sư sử dụng Đại Y. nhằm đánh trúng vào những mối nghi, các chấp trước của người học khiến cho nó vỡ NAM BÌNH ẨN TẨU ra như băng tan ngói bể. Hiệu của Thiền tăng Chính Nham đời Quyết, nguyên chỉ cho cái chốt cửa bằng Thanh. X. Chính Nham. gỗ. Trong Thiền tông, chỉ cho chỗ then chốt, chỗ quan trọng. Phần giáp chú của NAM CỐC DĨNH (1616tắc 14, Bích Nham lục (Đại 48, 154 hạ) 1673) ghi: » Thiền tăng đời Minh, họ Lâm, tự Nam – Đức Sơn, Lâm Cốc, hiệu Tính Nguyện, người xứ Giang Tế cũng phải thoái lui 3.000 dặm. Còn một Âm, Giang Tô, Trung Quốc. Nối pháp then chốt kia thì thế nào?«. Thiền sư Thê Vân Hành Nhạc, đời thứ 37 hệ Nam Nhạc. Trụ trì Hoàng Bá sơn tự. Có NA NHẤT THỦ ngữ lục truyền lại đời. Còn gọi: Na nhất trước. Một thủ đoạn kia. Nghĩa là mưu lược hoặc thủ đoạn, phương NAM DƯƠNG QUỐC SƯ pháp đặc biệt. Nhất thủ là người bản lãnh trong cuộc chơi cờ. Thiền tăng Huệ Trung đời Đường trường kỳ ở trong hang Đảng Tử, núi Bạch Nhai NA SỰ thuộc Nam Dương, nên người đời gọi là Việc ấy. Ẩn ngữ của nhà Thiền, chỉ cho Nam Dương Quốc Sư. X. Huệ Trung. việc ngộ đạo thành Phật. Tiết Tuyết Phong Huệ Trung Thiền sư trong NĐHN q. 18

NAM MINH (1576-1620) NAM ĐÀI TỰ Đường Nguyên Tĩnh. X. Nguyên Tĩnh. Chùa nằm dưới chân núi Trịch Bát trong rặng Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. NAM HOA TỰ Khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-519) Chùa ở huyện Khúc Giang, tỉnh Quảng nhà Lương thuộc Nam Triều, Thiền sư Hải Đông, Trung Quốc. Chùa nằm trên núi cao, Ấn mến cảnh núi non đẹp đẽ nên xây dựng lưng tựa vào núi, trước mặt là sông, cảnh trí rất đẹp, được khen là ngôi chùa đứng chùa này. Niên hiệu Thiên Bảo thứ 2 (743) đời Đường, Thạch Đầu Hy Thiên thấy nhất ở Đông Việt. Niên hiệu Thiên Giám thứ 1 (501) nhà Lương, Trí Dược đầu tiên cảnh sắc nơi đây rất đẹp, cảnh trí u tịnh xây dựng, có tên là Bảo Lâm Tự. Khoảng nên đổi làm đạo tràng, đặt tên là »Nam Đài Tự«.

Niên hiệu Càn Đạo thứ 1 (1165) đời niên hiệu Nghi Phong (676-678) đời Tống, Hòa thượng Vô Ngại đến đây lễ Đường, Lục tổ Huệ Năng khai pháp tại Phật và xây dựng thêm. Trong 2 đời đây, mở rộng chùa, người học thiền tụ hội, Nguyên và Minh, chư tăng trong chùa tự pháp đạo hưng thạnh. Hai vị Hoài Nhượng và Nam Nhạc nối pháp của Tổ ở chùa này. phân chia ra Tự miếu và Tây lang và gọi là »Lão Nam Đài«, »Tân Nam Đài«. Chùa Niên hiệu Thần Long thứ 1 (705), đổi tên Nam Đài hiện còn chính là chỗ Hòa chùa là Trung Hưng Tự. Niên hiệu Cảnh thượng Đàm Vân cất am ở, vào niên hiệu Long thứ 2 (708), chùa được xây dựng lại, Quang Tự (1875-1908) đời Thanh, trải quađổi tên là Pháp Tuyền Tự. Đời Ngũ Đại, nhiều năm gầy dựng, tiếp tục mở rộng tự chùa dùng tên cũ là Bảo Lâm Tự. Khoảng niên hiệu Khai Bảo (968-975), đời Tống, viện. Kiến trúc hiện còn có: Đại hùng bảo chùa được đổi tên là Nam Hoa Tự. Đời điện, Tàng kinh lâu (lầu chứa kinh), Phật đường, Tổ đường, Thiền đường, Vân thủy Minh, đại sư Hám Sơn Đức Thanh nhận lời đường, còn có tấm đá khắc chữ »Thích-ca mời vào núi, hết sức phục hưng. Trong chi Phật« do Thạch Man Khanh đời Tống Thiền tông gọi chùa này là Tổ đình. Trong viết và »Kiến Tướng Tháp« tức là mộ thápchùa có Lục tổ điện, trong điện thờ tượng của ngài Hy Thiên. Tông Tào Động của Lục tổ, tương truyền là nhục thân của Huệ Phật giáo Thiền tông Nhật Bản xem Nam Năng. Ngoài ra còn có 500 tượng La-hán Đài Tự là Tổ đình của họ. bằng gỗ, vẻ linh hoạt như người thật. Chùa lưu trữ di vật văn hóa như: Thánh chỉ của NAM ĐƯỜNG các bậc Đế vương, Ca sa thêu hình ngàn Hiệu của Thiền tăng Thanh Dục đời đức Phật, Bát thủy tinh, Đại tạng kinh. Nguyên. X. Thanh Dục. Chùa còn có tháp Linh Chiếu của đời Tống xây dựng. NAM ĐƯỜNG NGUYÊN TĨNH NAM MINH (1576-1620) Thiền tăng Nguyên Tĩnh đời Tống sau khi Thiền tăng đời Minh, họ hàn, người Diêm tham vấn Ngũ Tổ Pháp Diễn đắc pháp, Quan (nay làHải Ninh, Chiết Giang) Trung sáng lập Nam Đường tại núi Đại Tùy, Quốc. Sư nối pháp thiền sư Xa Khê, làm Bành Châu nên người đời gọi là Nam truyền nhân tông Lâm Tế. Khi ra hoằng

NAM NHẠC ĐƠN TRUYỀN KÝ pháp sư làm Thủ tọa Kính Sơn. thành thắng cảnh Phật giáo Mân Nam. Có những kiến trúc như Tiền điện, Đại hùng NAM NHẠC ĐƠN TRUYỀN KÝ bảo điện, Đại Bi điện, Tàng kinh các. Đại Bi điện hình bát giác 3 tầng theo kiểu nhảy Ký, 1 quyển, do Hoằng Trữ biên soạn vào tường vượt nóc, toàn bộ dùng đấu củng đời Thanh, Nam Tiềm bình, được xếp vào chống đỡ, khung trang trí trên trần rất là Tục Tạng kinh tập 146, trang 893. Sách mỹ quan. Đại hùng bảo điện, Tàng kinh này thuộc pháp thống tông Lâm Tế. Nội các tam bảo, Thiên Thủ Quán Âm, tạo dung bao gồm lược truyện của các vị được tượng trang nghiêm sinh động như sống. truyền riêng trải qua nhiều triều đại kể từ Tàng kinh các chứa giữ Phật kinh, chuông đức Thích Tôn đến đời thứ 69 là Thiền sư đời Tống. Hai bên là lầu chuông trống, Tổ Ông Hoằng Trữ, mỗi truyện đều có phụ Thiền đường, Khách đường. Còn có Phật theo biểu, bình. học viện Mân Nam do Pháp sư Thái Hư lập ra lúc nhậm chức trụ trì chùa này. NAM NỮ Con cái. Tiết Long Tường Sĩ Khuê Thiền NAM SƠN ĐẢ CỔ, BẮC SƠN VŨ sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Núi Nam đánh trống, núi Bắc múa. Nghĩa – Ba mươi năm sau là sự cảm ứng giữa thầy và trò. Vân Môn chớ nói Năng Nhân (pháp hiệu của Thiền lục, q. hạ (Đại 47, 569 trung)

ghi: » sư Sĩ Khuê) làm hư con cái nhà người.« –
Sư hỏi tăng: NAM PHỔ ĐÀ TỰ Chẳng đụng đến bùn nước, nói thế nào? Nằm dưới ngọn Ngũ Lão, thành phố Hạ Đáp thay rằng: Núi Nam đánh trống, núi Môn, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, là một Bắc múa«. trong bốn đại thiền lâm ở Phúc Kiến. Được xây vào đời Đường, ban đầu gọi là »Phổ NAM SƠN KHỞI VÂN, BẮC SƠN Chiếu Tự«. Tăng nhân đời Ngũ Đại cải tạo HẠ VŨ và xây dựng lại thành »Tứ Châu Viện«. Núi Nam tụ mây, núi Bắc mưa. Núi Nam Khoảng niên hiệu Trị Bình (1064-1067) cùng núi Bắc không phải là nghĩa đối lập; đời Tống, sau khi xây cất lại thì gọi lại là việc tụ mây rồi mưa xuống là quy luật tự »Phổ Chiếu Tự«. Cuối đời Nguyên bị nhiên của vũ trụ. Đây là lấy hiện tượng chiến tranh phá hủy. Đầu đời Minh tăng hiện có trước mặt để chỉ bày đương thể cổ nhân Giác Quang xây dựng lại, sau đó lại Phật. Tắc 31, Thung Dung lục (Đại 48, 248 bị chiến tranh phá hủy. Khoảng niên hiệu thượng) ghi: » Khang Hy (1662-1722) đời Thanh, Tướng quân Tịnh Hải là Thi Lang xây dựng lại. – Bởi trong chùa có thờ Bồ tát Quán Âm và Vân Môn dạy rằng: Cổ Phật cùng cây cột địa điểm ở phía nam núi Phổ-đà cho nên cái tương giao là cơ thứ mấy? Mọi người đổi tên là »Nam Phổ-đà Tự«, từ đây trở không đáp được. Sư tự đáp thay: Núi Nam

NAM THIÊN THIỀN TỰ tụ mây, núi Bắc mưa«. kinh, Phương trượng trà hoa thọ, Bối diệp kinh, Tạng kinh. »Bát Thắng« là Đại hùng NAM SƠN MIẾT TỴ bảo điện, Ngọc Phật điện, Thạch Phật các, Công án nổi tiếng này được thấy nơi tiết Thái phó từ, Tu chân tịnh thất, Mai hoa Tuyết Phong Nghĩa Tồn thiền sư trong viên, Túc viên, Cô nương mộ. Ngoài ra NĐHN q. 7 ghi: » còn có Thiên vương điện, Tàng kinh lâu. Trong Đại hùng bảo điện có treo một đại đồng chung nặng khoảng 700 kg đúc vào khoảng niên hiệu Diên Hựu (1314-1320) – Tuyết Phong thượng đời Nguyên. Trong Ngọc Phật điện thờ đường, nói: Nam Sơn có con rắn to các một tượng Phật bằng ngọc cao 2m. Trong ngươi cần phải chú ý! Trường Khánh bước Thạch Phật các có một tượng Phật Di Đà ra nói: Trong thiền đường hôm nay có lớn bằng đá cao 1 trượng 8 xích, điêu khắc nhiều người bỏ mạng, Vân Môn lấy chiếc tinh xảo tỉ mỉ, hình thái rất giống, là tượng gậy ném trước mặt Tuyết Phong rồi làm bộ được khắc vào đời Đường. Trong chùa có sợ hãi.« Miết tỵ gọi đủ là miết tỵ xà (con đền thờ Trần Thái phó, sau đền có Kim rắn có mũi con ba ba) ẩn chỉ cơ phong Hoa sơ trang các, bởi Kim Hoa đã cạo tóc nhanh nhẹn, hiểm ác. tu hành nơi đây nên còn gọi »Tu Chân Tịnh Thất«. Bên ngoài tường có Kim Hoa NAM SƠN TỰ Mộ, người đời gọi là »Cô Nương Mộ«. 1. Nằm dưới núi Đan Hà, thành phố 2. Nằm trong công viên Nam Sơn, huyện Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quý, khu tự trị dân tộc Tráng, tỉnh Quảng Quốc. Được xây dựng vào khoảng niên Tây, Trung Quốc. Xây dựng vào đầu đời hiệu Khai Nguyên (713-741) đời Đường. Bắc Tống, vua Tống Thái Tông từng ban Tương truyền nguyên là phủ đệ của Thái tử ngự thư, vua Tống Nhân Tông ban tặng Thái phó Trung Thuận Vương Trần Ung. tấm biển »Cảnh Hựu Thiền Tự«. Trước khi Bởi cung điện quy mô quá lớn nên có kẻ vua Nguyên Văn Tông tức vị đã từng hai mật cáo rằng ông có hiềm nghi tiếm việt, lần trụ tại chùa, đề »Nam Sơn Tự«, xưng là tai họa sắp đến thân. Trần Ung có con gái chính mạch Nam

tông. Chùa y núi cứ động tên Kim Hoa khuyên cha nên hiến nhà làm mà xây dựng, ngoài cổng có cây Bồ đề, chùa, Kim Hoa cũng cạo tóc làm ni, mới trong chùa đường hẹp quanh co tĩnh mịch. khỏi được tai họa. Ban đầu gọi là »Diên Còn có văn vật lịch sử như những tấm đá Phúc Thiền Tự«, sau đổi tên là »Nam Sơn khắc đời Tống trở đi và cái chuông sắt lớn Tự«. Trải qua nhiều đời đều có tu sửa. đúc vào niên hiệu Thiên Thánh thứ 3 Những kiến trúc hiện còn là được trung tu (1025) đời Bắc Tống. vào niên hiệu Quang Tự (1875-1908) đời Thanh, điện vũ rộng rãi, hùng vĩ tráng lệ, NAM THIÊN THIỀN TỰ tượng khắc tinh xảo, phong cách đặc biệt, Trên núi Đại Sơn cách thành phố Thạch có tên là »Ngũ Bảo«, »Bát Thắng«. »Ngũ Sư, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc 16km về Bảo‹ là Đại chung, Huyết thư Hoa Nghiêm phía tây nam. Bởi chùa có ba tượng đá Di

NAM THIỀN TỰ Đà, Quán Âm, Thế Chí khắc trên vách núi niên hiệu Kiến Trung thứ 3 (782). Do vì nên vốn gọi là »Thạch Phật Tự«. Chùa xây chùa Nam Thiền ở nơi hẻo lánh nên vào dựng vào niên hiệu Gia Định thứ 9 (1216) pháp nạn Hội Xương chùa khỏi bị phá đời Tống do tăng Thủ Tịnh quyên góp khởi hoại, trở thành kiến trúc bằng gỗ đời công xây dựng. Niên hiệu Càn Long thứ 38 Đường rất cổ hiện còn. (1773) đời Thanh xây cất lại, đổi tên là 2. Chùa Thừa Thiên ban đầu có tên là »Nam Thiên Thiền Tự«. Toàn chùa có sơn »Nam Thiền Tự«. X. Thừa Thiên Tự. môn, tiền điện, hậu điện, lang viện chiếm diện tích hơn 1000. Đại điện là kiến trúc NAM TỐNG NGUYÊN MINH chủ thể theo kiểu mái chồng đỉnh yết sơn, THIỀN LÂM TĂNG BẢO TRUYỆN hiên ngang hùng vĩ. Ba pho tượng Phật cao lớn tựa vào núi phía sau đại điện đều cao Truyện,
15 quyển, do Tự Dung soạn vào 6m trở lên, thân rộng khoảng 3m, ngồi xếp đời Thanh, Tính Lỗi biên tập bổ sung, bằng trên đài sen, đoan trang nghiêm túc, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 137, trang béo tốt đẹp đẽ, màu đá trắng tinh như mới, 626. Sách này nhằm tiếp tục bộ »Thiền đáng gọi là kiệt tác. Chính giữa là Phật Di Lâm Tăng Bảo truyện« của Huệ Hồng soạn Đà, hai bên là Quán Âm và Thế Chí, người vào đời Tống, thu thập truyện ký của các đời gọi là »Tây Phương Tam Thánh«. Hai thiền tăng nổi tiếng từ niên hiệu Kiến bên tượng đá còn có một đôi thạch trụ khắc Viêm thứ 1 (1127) đời Tống đến niên hiệu nổi rồng xanh quấn quanh vươn nanh vờn Thuận Trị thứ 4 (1647) đời Thanh, tổng bay, tư thế giống như lao nhanh tới. Trên cộng là 94 thiên. Mỗi thiên là hợp truyện vách đá bên phải chùa khắc bốn chữ lớn của 2 người hoặc 3 người, tất cả là 97 »Tuyền Nam Phật Quốc«, mỗi chữ cao 2m người. Sự sắp đặt của truyện ký chẳng do Thái thú Tuyền Châu là Vương Thập nương theo tông phái pháp hệ mà căn cứ Bằng viết, nét chữ mạnh mẽ mà thanh tú vào niên đại. Bắt đầu từ Thiền sư Phật bay bướm. Chùa gần biển phong cảnh u Đăng Tuần, kết thúc nơi Thiền sư Xuy Vạn nhã. Chân ở Trung Châu, là sử truyện Thiền tông từ thời Nam Tống đến cuối đời Minh. NAM THIỀN TỰ Quyển thủ có lời tựa của Lâm Hữu Vương, 1. Chùa nằm ở mé tây Lý gia trang, cách Tồi Bỉnh Cảnh cho đến bài tựa tự kể lý do huyện Ngũ Đài 22km về phía tây nam, làm sách của Tự Dung. Quyển cuối có Hậu thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Chùa tọa tự của Tính Lỗi viết vào năm Khang Hy lạc ở phía bắc Hồ Nam, quy mô chẳng lớn, thứ 3 (1664) đời Thanh cho đến lời ký ghi do sơn môn, Long vương điện, Bồ tát điện, khắc lại vào năm Khang Hy thứ 24 (1685). Đại Phật điện quanh vây thành một »Tứ hợp

viện«, mé đông viện là tăng phòng. NAM TUYỀN SƠN Chùa được sáng lập vào niên đại nào chẳng Núi nằm ở huyện Quý Trì, tỉnh An Huy, rõ, mé dưới đòn dông của Đại điện còn giữ Trung Quốc. Vào đời Đường, Thiền tăng một quyển sách ghi chép có thể chứng Phổ Nguyện tham vấn nơi Mã Tổ Đạo minh được rằng chùa được xây cất lại vào Nhất; sau khi đắc pháp sư trụ núi này, hơn

NAO 30 năm chưa từng xuống núi. Về sau, nhận lấy Nam Viện làm hiệu. X. Huệ Ngung. lời mời của Thái thú Tiền Trì Dương là Lục Công Thần, Hộ quân Bành thành là NAN DỊ Lưu Công, sư xuống núi xiển dương tông Trói buộc, giày vò. Tiết Chương Nghĩa phong, tăng tục tụ hội, số chúng thường Đạo Khâm Thiền sư trong CĐTĐL q. 25 theo sư khoảng vài trăm người. ghi: » NAM TUYỀN THIỀN SƯ Thiền tăng Phổ Nguyện đời Đường hoằng pháp ở núi Nam Tuyền, Trì Dương, nên – Các người đời gọi là Nam Tuyền Thiền sư. X. ông đến đây đứng để làm gì? Thiện tri thức Phổ Nguyện. nhiều như cát thường làm bạn với ông, đi đứng ngồi nằm không hề xa lìa, chỉ cần NAM TUYỀN TRẢM MIÊU ngồi yên trên giường thiền thì thiện tri thức ở mười phương tự đến tham vấn. Vì sao Nam Tuyền chém mèo. Công án nổi tiếng Thượng tọa không chịu tin mà để có nhiều này được thấy nơi tiết Nam Tuyền Phổ trói buộc như vầy?« Nguyện thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi như sau: » NAN PHÙNG KHOÁI TIỆN Cơ duyên ngộ nhập khó được, cơ hội khó gặp. Tiết Thái phó Vương công Diên Bân trong LĐHY q. 26 ghi: » – Trong pháp hội Nam Tuyền, do nhà đông tranh con mèo với nhà tây, sư bắt gặp cảnh này, liền bảo với chư tăng rằng: Nói được thì cứu con mèo, bằng không nói được thì – Đại Quy Triết nói: Vương sư sẽ chém con mèo. Trong chúng không Thái phó giống như Tương Như chiếm lại có ai nói được, sư liền chém con mèo. viên ngọc, nổi giận tóc dựng lên chạm mũ; Triệu Châu từ ngoài bước vào, sư kể lại Minh Chiêu cũng chẳng nhẫn nhịn nổi. Cơ chuyện ấy cho Triệu Châu rõ. Châu bèn duyên ngộ nhập khó được. Đại Quy nếu là cởi chiếc giày đội trên đầu đi ra. Sư bảo: Thượng tọa Lãng, đương thời bị hỏi, chỉ Nếu có ngươi ở đây thì cứu được con mèo cười to ha hả. Sao vậy? Thấy mà chẳng rồi.« Công án này ẩn dụ cần phải cắt đứt nhận lấy, ngàn năm khó quên«. vọng niệm phân biệt. NAO NAM VIỆN Uốn nắn, kiếm chuyện. Tiết Bách Nham Thiền tăng Huệ Ngung đời Ngũ Đại trụ Minh Triết Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: Nam Viện trong Thiền viện Bảo Ứng, nên »

NẠP – Dược Sơn đang xem kinh, Sư nói: Thượng đường, cử công án ›Bà già đốt Hòa thượng thôi uốn nắn người đi!«. am‹, sư nói: Công án này, trong tùng lâm ít có người niêm đề. Thượng tọa Kiệt xé NẠP toạc da mặt, chẳng khỏi bị thua một phen, Còn gọi: Nạp tử, nạp tăng. Tiết Đâu Suất cũng cần các nơi kiểm điểm«. Tùng Duyệt Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: » NẠP PHẠN A SƯ – Ban đầu đứng đầu chúng Thầy chùa ăn hại, là lời trách mắng các tăng nơi Đạo Ngô, lãnh đạo vài Thiền tăng tăng sĩ giống như cái thùng cơm. Vân Môn yết kiến Hòa thượng Vân Cái Trí.« quảng lục q. thượng ghi: » NẠP BẠI

KHUYẾT – Bọn phá hoại Thiền tông Bị thua, làm cho khổ. Tiết Hoa Tạng Trí chính là bọn thầy chùa ăn hại ngồi trên Thâm Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » giường thiền, đâu có gì đáng nói với bọn họ«.

– Đâu NẠP TĂNG (NẠP TỬ) ( ) Suất giáng sinh, Song Lâm thị tịch, đào đất Người xuất gia, Tăng hành cước. Minh tìm trời, đóng đinh vào hư không. Bốn Giác ngữ lục q. 1 ghi: » mươi chín năm vãi đất tung bụi, hơn ba trăm hội bị thua mất rồi«. – Nếu nói trong lời có vang, trong câu hiện cơ, còn NẠP KHOẢN là phương tiện tiếp dẫn hàng trung hạ, đối Hàng phục. Tiết Thị Dục Tạng Chủ trong với tăng hành cước lão luyện còn cách xa Duy Tắc ngữ lục q. 3 ghi: » lắm vậy!«.

NẠP TĂNG BA TỴ – Nếu ngươi có tài thao lược, quản lý chư Chỉ cho đạo pháp, cơ phong nhà thiền. Tiết Phật chư Tổ. Các ngài có phần bị hàng Kiền Phong Huệ Viên Thiền sư trong phục trước mặt ngươi, các ngài xin tha NĐHN q. 18 ghi: » mạng trong tay ngươi mà không biết tại – sao!«. Chính tông Đ t-ma, đạo pháp nhà thiền, hởi ôi kẻ mê cả bầy, mắt mở mà ngủ gật!« NẠP KHUYẾT Gọi đủ: Nạp bại khuyết. Bị thua. Tiết NẠP TĂNG HÀNH CƯỚC SỰ Thiên Đồng Hàm Kiệt Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » Còn gọi: Nạp y hạ sự, Nạp tăng bản phận sự. Thiền tăng hành cước lấy sự tham vấn làm việc tu học căn bản, và lấy việc giải – thoát sinh tử làm mục đích cho cuộc đời tu

NĂNG GIẢI của mình. Cho nên nạp tăng hành cước sự, tức chỉ cho việc lớn giải thoát sinh tử. – Chính tông Đạt-ma đạo pháp của nhà Thiền. Than ôi! Kẻ mê thành bầy, mở NẠP TĂNG MÔN HẠ mắt ngủ gục!«. Chỉ cho môn đình thiền tông, nhà thiền. Tiết Bắc viện Thông Thiền sư trong NẠP Y HẠ SỰ NĐHN q. 13 ghi: » Chỉ cho việc lớn trong nhà thiền, minh ngộ tâm địa, siêu thoát sinh tử. Phần Dương – Khẩn cấp hơn cả là phải bỏ bớt việc, dứt ngữ lục q. thượng ghi: » khoát phải vô tâm đi. Học được ngàn vạn – Hỏi: Thế điều cũng là tri giải, cùng với nhà thiền có nào là việc lớn trong nhà thiền? Sư đáp: gì dính dáng!« Gã nghèo rớt mùng tơi.«

NẠP TĂNG NHÃN TÌNH NĂNG Như thế, vậy mà như thế, hàm ngữ khí Con mắt trí huệ của thiền tăng có thể thấy nhấn mạnh. Tiết Quán Khê Hoà Thượng rõ tự tâm bản tính. Tiết Định Sơn Duy Tố trong NĐHN q. 3 ghi: » sơn chủ trong NĐHN q. 10 ghi: »

– Có vị tăng từ ngoài cửa bước vào, sư liền hét. Tăng nói: Lý do hay nhỉ! Sư nói: Cũng còn cần cây gậy. – Nếu Tăng cáo từ rồi bước ra. Sư nói: Sao mà tự muốn tiết kiệm sức lực để dễ lãnh hội, chỉ tại như thế!«. cần biết giữ quê cha đất tổ thì có thể nối được nghiệp nhà, giải thoát mọi nơi, ứng NĂNG GIẢI dụng hiện tiền, trời đất đồng cội nguồn, vạn vật cùng một thể, gọi là con mắt trí Bản lĩnh. Tiết Nam Tháp Quang Dũng huệ của thiền tăng nối liền không lọt mảy Thiền sư trong TLTBT q. 8 ghi: » tóc. Giả sử nơi đây không rõ, chỉ tự đắng cay một mình.«

NẠP TĂNG TỴ KHỔNG – Năm lên bảy, sư thuộc Còn gọi: Nạp tăng đỉnh môn, Nạp tăng lòng kinh Thi, Lễ, hiểu được đại ý. Mười nhãn tình. Lỗ mũi của nạp tăng. Chỉ cho ba tuổi, hễ sư học tập kinh luận nhất định vật rất quan trọng của người tu hành Phật là giảng giải được. Chùa Khai Nguyên có đạo, tức là cơ phong đạo pháp của nhà 1 vị tôn túc, sử quên mất tên, thấy Dũng có Thiền. Tiết Càn Phong Huệ Viên Thiền sư bản lĩnh khác thường, mới khen rằng: Đây trong NĐHN q. 18 ghi: » là bậc tài giỏi trong đạo pháp!«.

NĂNG HẢI (1886-1967) NĂNG HẢI (1886-1967) (502-519) nhà Lương thuộc Nam Triều, Thiền tăng hiện đại, họ Cung, tên Học ban đầu chùa có tên là »Thượng Lam Tự«, Quang, tự Tập Hy. Người xứ Miên Trúc, sau đổi thành »Đại Phật Tự«... Khoảng Tứ Xuyên, Trung Quốc. Năm 1924, sư đến niên hiệu Khai Nguyên đời Đường (713- chùa Thiên Bảo huyện Bồi Lăng theo ngài 741) được đổi tên là »Khai Nguyên Tự«. Phật Nguyên xuất gia, rồi đến nương Hòa Bắt đầu vào niên hiệu Đại Lịch thứ 4 thượng Quán Nhất thụ giới cụ túc. Năm (769), vị thiền sư nổi tiếng là Mã Tổ Đạo 1935 nhận chức phương trượng Quảng Tế Nhất đã ở chùa này tiếp hóa người học, Mao Phùng ở núi Ngũ Đài. Về sau, sư lập thiền tăng tấp nập kéo đến khiến chùa này pháp hội ở các nơi: Bắc Kinh, Võ Hán, trở thành đạo tràng nổi tiếng hoằng dương Thượng Hải, núi Ngũ Đài để giảng kinh thiền phong của Mã Tổ Đạo Nhất. Khoảng hoằng pháp. Năm 1953, sư được chọn làm niên hiệu Đại Trung (847-860), chùa đổi Phó hội trưởng Hội Phật Giáo Trung Quốc. tên là »Thượng Lam Viện«. Niên hiệu Về già sư an cư ở cầu Thanh Lương, núi Hàm Bình (998-1003) đời Tống, chùa lại Ngũ Đài, dẫn đầu tăng chúng phát huy đổi tên là »Thừa Thiên Tự«. Khoảng niên truyền thống »Một ngày không làm, một hiệu Chính Hòa (1111-1118) lại đổi tên là ngày không ăn« của Tổ Bách Trượng. Sư »Năng Nhân Tự«. Niên hiệu Cảnh Thái vừa trồng rừng quanh chùa vừa giảng kinh (1450-1456) đời Minh, chùa được đổi tên hoằng pháp, giữ gìn nông thiền và chú »Hựu Thanh Tự«. Năm 1929, đổi tên là trọng đến quy củ của Thiền tông. »Hựu Dân Tự«. Kiến trúc hiện còn là do đời Thanh trùng tu. Trong chùa có tượng NĂNG NHÂN TỰ Phật to bằng đồng, thân cao 5,4m nặng 18 1. Chùa nằm dưới ngọn Đơn Phương trong tấn, còn có một Đại đồng chung cao 2,1m hang phía tây cửa núi Nhạn Đãng thuộc nặng độ 5 tấn, được đúc vào niên hiệu tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tương Cảnh Đức đời Đường (967), được treo trên truyền Nặc-cự-na là Tổ khai sơn núi này. lầu 4 của Hoa Nham Thạch Phương, lầu Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 1 này nằm bên phải chùa. (976) đời Tống, có vị tăng tên Toàn Liễu 3. X. Thừa Thiên Viện. vào núi cất am để ở, đề tên là »Phù Dung Am«. Niên hiệu Hàm Bình thứ 2 (999) mới NĂNG SỞ bắt đầu xây cất điện vũ, chư tăng trong Năng chỉ cho pháp tự động, là hướng chủ chùa dâng tháp Bá Bảo, được vua ban hiệu động. Sở chỉ cho pháp bất động, là hướng là »Thừa Thiên Tự«. Niên hiệu Thiệu bị động. Hai hướng đối đãi này gọi là Hưng thứ 12 (1142), Quận thú là Diêm »Năng sở«. Nhà thiền cho rằng thứ đối đãi Khâu Hân vâng lệnh vua đổi tên là »Năng này là do vọng tâm phân biệt tạo thành. Nhân Thiền Viện« và trở thành đại đạo Đoạn Tế Tâm Yếu: » tràng của núi Nhạn Đãng. 2. Chùa ở đường Dân Đức thành phố Nam Xương tỉnh Giang Tây, Trung Quốc, được – Thân tâm trong ngoài tất cả đều xây dựng khoảng niên hiệu Thiên

Giám buông bỏ, giống như hư không, không có

NÊ NGƯU NHẬP HẢI chỗ để nắm bắt, sau đó tùy phương ứng hơn, chỉ cái ấy mà bao nhiêu kẻ dò tìm vật, năng sở đều quên, ấy là đại xả«. chẳng được. Nước dâng thì thuyền lên, đất nhiều thì Phật to)«. NĂNG SỞ SONG TUYỆT NÊ ĐOÀN Quét sạch cả hai bên chủ động (năng) lẫn Nguyên chỉ cho cục đất, nắm đất; Thiền thụ động (sở), cũng chính là dẹp trừ tâm tông dùng từ này để chỉ cho tình hình đối đãi phân biệt. Chương Thiên Thai sơn người học Thiền không đủ trí tuệ sáng suốt Trấn Quốc Đại sư Trừng Quán »đáp để phá trừ phiền não vọng chấp. Ngoài ra, Hoàng thái tử vấn tâm yếu« trong CĐTĐL nắm nặn cục đất gọi là Lộng nê đoàn; q. 30 ghi: » Thiền tông dùng từ Lộng Nê Đoàn để chỉ tình hình quở trách Thiền tăng vướng mắc – Không trụ không trước, phiền não vọng chấp. Tắc 82, Bích Nham chẳng nhiếp chẳng thâu, phải trái cùng lục (Đại 48, 208 hạ) ghi: » mất, năng sở đều hết. Cái hết này cũng vắng lặng thì trí huệ hiện tiền.« – Chẳng đập nát vụn thì càng thêm tỳ vết (Vướng mắc làm gì? Còn NĂNG TÔNG lải nhải nữa, tội lỗi đầy trời)«. Chỉ cho Thiền tông Nam tông của Lục tổ Lại, kẻ nắm nặn cục đất gọi là Lộng nê Huệ Năng sáng lập. Thần Tú truyện trong đoàn hán; trong Thiền lâm dùng từ này để TCTT q. 8 ghi: » trách mắng người học Thiền dùng tình – Thiên hạ thức để phân biệt tư lương, tính toán tư lự: loan truyền đạo Thiền, cho rằng Tú Tông ở Đồ chậm lụt. Hư Đường lục, q. 6 (Đại 47, phương bắc, còn Năng Tông là ở phương 1026 trung) ghi: » nam«.

– Chiêu nói: Muốn biết nửa người chăng? Cũng chỉ là NÊ ĐA PHẬT ĐẠI đồ chậm lụt«. Còn gọi: Thủy trưởng thuyền cao. Nê (bùn đất) dụ cho chúng sinh, người học đạo. NÊ NGƯU NHẬP HẢI Phật, dụ cho cơ lược tác dụng của bậc thầy, Con trâu đất chìm xuống biển. Dụ cho mất thiện tri thức. Tỷ dụ người phụ giúp càng dấu vết, không tin tức; có nghĩa là một đi đông thì sự thành tựu càng lớn. Thiền tông không trở lại. Nê Ngưu (trâu đất) dụ cho mượn từ này để chỉ cho cơ dụng của bậc tác dụng suy tư phân biệt. Hải (biển): Pháp thầy ứng với căn cơ chúng sinh, học nhân, tính bình đẳng. Thiền tông dùng cụm từ mà tự tại tiếp hóa. Tắc 29, Bích Nham lục này để chỉ cảnh giới của người khai ngộ: (Đại 48, 169 thượng) ghi: » Vọng tình hòa tan vào chân tâm. Chương ( Long Sơn Hòa thượng trong CĐTĐL q. 8 ghi: » ) – Đại Tùy nói: Mặc kệ nó!

(Mũi tên trước còn cạn, mũi tên sau sâu –

NÊ THẦN THIỆT Động Sơn hỏi Hòa thượng Long Sơn: Ông – Sư thấy đạo lý gì mà trụ núi này? Sư đáp: Tôi hỏi Hoàng Bá: Chiếc nón nhỏ quá? Hoàng thấy hai con trâu đất chọi nhau rồi chìm Bá nói: Tuy nhỏ nhưng chứa cả tam thiên xuống biển, đến nay không có tin tức«. đại thiên thế giới. Sư nói: Vậy Vương lão sư hả? Hoàng Bá không đáp được.« NÊ THẦN THIỆT Câu nệ vào ngôn từ. Bài thơ »Tiễn Thủ tọa NỄ KHÁN GIẢ HẠT HÁN Lân đi trụ Định Thủy« trong MANL ghi: »

Nễ, là chỉ đại chúng trong pháp hội. Giả, đồng nghĩa với chữ »Giá« (nầy). Hạt hán, – Kiến lập cương chỉ cho kẻ mù. Là thuật ngữ mang ý nghĩa tông này, trước mặt quý dứt khoát. Lân chế giễu, có nghĩa là các ông nhìn xem cái hầu ta mười năm, phong thái quá siêu gã không rõ tông chỉ

này. Theo: PQĐTĐ tuyệt. Tiện tay đẽo vuông tròn, không mắc của nhóm Từ Di. kẹt chữ nghĩa.« NGA MY SƠN NÊ TRUNG TẨY THỔ Núi nằm trong địa phận huyện Nga My Còn gọi: Nê lý tẩy thổ khối, Nê tẩy nê. Rửa tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc; bao gồm Đại cục đất trong nước bùn, càng rửa càng Nga Sơn, Nhị Nga Sơn, Tam Nga Sơn. thêm đục; dụ cho sự vướng mắc vào ngôn Trong ấy Đại Nga Sơn là núi chính, cách từ lý giải, không thể đạt đến mục đích giác mặt biển 3.099m, cao lớn hùng vĩ. Chu vi ngộ. Mật Am ngữ lục ghi: » khoảng vài trăm dặm, núi non trùng điệp.
Thế núi uốn lượn quanh co như mày ngài – Sử dụng việc đánh hét như mở mắt nhặt mà dài nên được gọi là Nga My. đái dầm, cử xướng các công án xưa nay Tương truyền nơi đây là đạo tràng thuyết như rửa cục đất trong nước bùn«. pháp linh hiển của Bồ Tát Phổ Hiền. Theo Phật Quả ngữ lục q. 2 ghi: » lịch sử ở núi Nga My, những vị được – Trên lời nói truyền pháp phần lớn là thiền tăng. Các vị mà hiểu biết như rửa cục đất trong nước như: Triệu Châu Tùng Thẩm, Hoàng Bá bùn«. Hy Vận, Nam Tuyền Phổ Nguyện đều có NĐHN q. 16 ghi: » đến núi này. Những năm cuối đời Đường, – Giơ chùy, dựng phất như lấy bùn rửa Thiền sư Huệ Thông trụ núi này, sáng lập bùn«. chùa Hắc Thủy, còn trùng tu vài ngôi chùa Phật, khiến cho Phật giáo tại núi Nga My NỄ hưng thạnh trở lại. Vào triều vua đời Tống Hả. Là ngữ khí từ nghi vấn đặt cuối câu, rất xem trọng sự phát triển Phật giáo núi tức nay là chữ »ni «. Tiết Nam Tuyền Nga My, ra lệnh dựng tượng Bồ Tát Phổ Hòa thượng trong TĐT q. 16 ghi: » Hiền bằng đồng, hiện còn đặt trong chùa Vạn Niên, vua còn ban cho ca sa, chuông đồng, bình bát. Trong 2 đời Minh và

NGÂN SƠN THIẾT BÍCH Thanh là thời kỳ Phật giáo Thiền tông phát – Phổ Hóa nhắc triển tột bực. Đời Minh xây cất xong: Hội cánh cửa ra, nói: Ngày mai trong viện Đại Tông Đường, Đại Nga Tự, Tiên Phong Tự, Bi có trai tăng. Thị giả trở về thuật lại việc Kim đảnh Hoa Tạng Tự. Đầu đời Thanh, ấy với sư. Sư nói: Ta từ lâu đã nghi gã ấy Quán Chi và Khả Văn, cùng với Thầy của (không phải là nhân vật tầm thường)«. họ là Phá Sơn Hải Minh sáng lập chùa Phục Hổ. Núi Nga My vốn có hơn 70 ngôi NGẠN TÂN tự viện. Về sau trải qua bao phen hưng Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư thờ Thiền sư phế, hiện còn vài ngôi thiền tự nổi tiếng Lạc Phố Nguyên An. Khi Nguyên An tịch, hơn cả là: Báo Quốc Tự, Vạn Niên Tự, chúng thỉnh sư kế tiếp trụ trì. Sau sư dời Hồng Xuân Bình. đến núi Điểu Nha, Kỳ Châu (nay là huyện Kỳ Xuân, tỉnh Hồ Bắc), sư truyền pháp NGA VƯƠNG TRẠCH NHŨ cho ngài Đại An Hưng Cổ rồi thị tịch. Còn gọi: Nga vương cật nhũ. Ngỗng chúa NGAO NGAO HƯỚNG NHÂN biết lựa chọn sữa trong hỗn hợp sữa pha nước. Tỷ dụ cho bậc kiến tính biết phân Hay nhiều lời với người khác. Tiết Tục biệt rõ chân giả, thánh phàm. Phần Dương Nghệ Ngôn trong NHQL q. 37 ghi: » ngữ lục, q. thượng ghi: » – Sư thượng đường nói: Ngỗng chúa biết lựa chọn sữa, vốn – Chỉ nên nín hơi chốn núi sâu, không phải là loại vịt«. cam chịu như con ve mùa đông. Vì lẽ gì hay nhiều lời với người khác? Nếu được NGÃ TRÁNG biện tài của Mạnh Kha thì cũng chịu nỗi Tâm ngã chấp dồi dào. Đại Châu ngữ lục đớn đau của Giả Nghị«. q. hạ ghi: » – Tâm cao ngạo khinh NGAO NGOA

người gọi là ngã tráng, chấp không chấp Lầm lẫn, sai lầm. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: có đều là ngu si.« » – Toàn thân không có chủ tể, tùy chỗ có lầm NGÃ TÙNG LAI NGHI TRƯỚC lẫn«. GIÁ HÁN Ta từ trước đến nay đã hoài nghi gã ấy NGÂN SƠN THIẾT BÍCH (không phải là nhân vật tầm thường). Không tầm thường có nghĩa là siêu việt Còn gọi: Bích lập vạn nhẫn (vách đứng thiện ác và không thể lấy giá trị hoặc tiêu muôn thước), Châm trát bất nhập (kim chuẩn thông thường để đánh giá cảnh giới đâm chẳng thủng). Có 2 nghĩa: phi phàm. Phần Khám Biện trong Lâm Tế 1. Hình dung cái linh tính sẵn có đứng lục ghi: » sừng sững như núi bạcvách sắt, không ai leo lên được. Bài tựa của Phổ Chiếu trong

NGẬT KHẨN Bích Nham lục (Đại 48, 139 thượng) ghi: NGẬT LẠO THIỆT ĐẦU » Lời trách mắng của thiền sư. Vân Môn quảng lục q. thượng: » – Núi bạc vách sắt ai dám nghiền dùi? Con muỗi đốt trâu sắt, không có chỗ – Hỏi: Cội nguồn cắm mỏ; không gặp bậc thầy giỏi đâu thấu sinh tử thì chẳng hỏi, thế nào tam-muội được chỗ huyền vi«. trước mắt? Sư đáp: Cái miệng lanh lanh, 2. Tỷ dụ cho hành giả tu Thiền đến cảnh cách đạo rất xa«. giới tột cùng của ý thức, cảm giác được chỗ cùng đường nhưng không có cách gì NGẪU ÍCH để thoát ra, giống như bị nhốt vào núi bạc Hiệu của Thiền nhân Trí Húc đời Minh. X. vách sắt. Bài kệ thứ 17 trong 108 bài kệ Trí Húc. Tham Thiền của Thiền sư Phương Tụ Thành như sau: NGHI SÁT Nghi là nghi tình, sát là giết chết mạng căn của sinh tử (tức là ý thức), nên phương tiện »Tham thiền đệ nhất của chư Tổ dùng để dẫn dắt kẻ hậu học gọi Vạn quân nỗ lực là Nghi sát thiên hạ nhân (Giúp cho mọi Xung khai ngân sơn người khai ngộ). Tràng đảo thiết bích«. »Pháp tham thiền bậc nhất NGHI TÌNH Như sức mạnh ngàn cân Là trạng thái khi ở trong tâm đề câu thoại Núi bạc đụng vỡ toang đầu hoặc công án, tự hỏi mà tự sinh khởi Xô ngã phăng vách sắt«. cái cảm giác không hiểu, muốn hiểu mà Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. không hiểu nổi, cũng chẳng lọt vào tư duy. Phần lời bình của thiên Kính Sơn Đại Huệ NGẬT KHẨN Cảo Thiền sư Đáp Vấn trong TQST ghi: Nhấn mạnh, xem trọng. Tiết Nghệ Ngôn » trong NHQL q. 2 ghi: »

– Sư tự nói: Người khác chủ trương trước định sau huệ, còn tôi chủ trương trước huệ – Xem kỹ sau định, bởi vì nghi tình trên câu thoại ý của ngài Trung Phong cũng chẳng phải đầu vỡ thì chẳng cầu ›Thôi nghỉ‹ mà vẫn Ngài hoàn toàn không cho tiệm tu. Khi anh tự được ›Thôi nghỉ‹«. theo học với thiện tri thức, vừa được chỗ vào liền bảo triệt chứng, nhưng đối với tập NGHI YẾN (876-990) khí thì chưa trừ, trở về nơi tiệm tu thì chưa Thiền tăng đời Tống, họ Hứa, người xứ đến, nên ngài Trung Phong mới nhấn Ngô Hưng (nay thuộc Hồ Châu, tỉnh Chiết mạnh lời nói này«. Giang) Trung Quốc. Sư du phương tham

NGHĨA HẢI vấn khắp nơi, cuối cùng nối pháp Thiền sư ra sức mà chẳng lộ tin tức, như đá nháng Cảnh Thanh Đạo Phô. Sư ở chùa Điều Cự, điện chớp mà còn vuột qua. Nếu người học Hành Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang), do dự thì chẳng dính dáng. Vừa khởi suy được Ngô Việt Trung Ý Vương rất khâm nghĩ đắn đo là đã trái với thiền

pháp«. kính ban hiệu »Khai Minh Thiền sư«. Tống Thái Tông xuống chiếu mời sư vào

NGHĨA DOÃN (1220-1275) cung, thưa hỏi về thiền định. Sư đối đáp Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Hàn Sơn ngắn gọn, khế hợp với ý Vua. Sau đó sư Nghĩa Doãn, đệ tử của Hy Huyền Đạo được rước về núi, xe cộ hộ tống đầy nghẹt Nguyên. Vào niên hiệu Bảo Hựu thứ 1 cả đường. (1253) sang nhà Tống (Trung Quốc) theo ngài Thiên Đồng Nghĩa Viễn học thiền NGHĨ BẤT NGHĨ pháp. Vào niên hiệu Cảnh Định thứ 5 Còn gọi: Nghĩ nghị, nghĩ nghĩ. Do dự, chần (1264) lại sang Tống, đắc pháp nơi Thiền chừ. Tiết Thái Bình Huệ Cần Thiền sư sư Tịnh Từ Trí Ngu, đời thứ 19 hệ Thanh trong NĐHN q. 19 ghi: » Nguyên, đời thứ 3 tông Tào Động Nhật Bản. Niên hiệu Hàm Thuần thứ 3 (1267) trở về nước, khai sáng chùa Đại Từ nỗ lực – Ở trong thất, sư dùng con hoằng dương tông Tào Động. xúc xắc 6 mặt, mỗi mặt đều viết chữ . Tăng vừa vào cửa, sư liền ném con xúc xắc NGHĨA GIỚI (1225-1280) ra, hỏi: Hiểu không? Tăng do dự, sư liền Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Triệt Thông đánh rồi đuổi ra«. Nghĩa Giới. Niên hiệu Khai Khánh thứ 1 (1259) sư cùng với Thiệu Minh Đồng Kỳ NGHĨ HÀN SƠN THI sang nhà Tống (Trung Quốc) tham yết các Thi ca biệt tập, 1 quyển, do Trung Phong thiền lâm nổi tiếng như Kính Sơn, Thiên Minh Bản soạn vào đời Nguyên, được xếp Đồng, đắc pháp nơi Thiền sư Hành Tú, đời vào Trung Phong quảng lục tập 17. Minh thứ 20 hệ Thanh Nguyên, đời thứ 3 tông Bản phỏng theo Hàn Sơn Thi làm 100 bài Tào Động Nhật Bản. Niên hiệu Cảnh Định thơ luật, trình bày về chỉ yếu tâm tính tham thứ 3 (1262) cùng với Tịnh Chiếu Nhất thiền, khải phát sơ tâm của người học. Đạo trở về nước. Trụ trì chùa Vĩnh Bình.

NGHĨ TÂM TỨC SAI, ĐỘNG NGHĨA HẢI NIỆM TỨC QUAI Thiền tăng đời Tống, người xứ Tráp Xuyên (nay là huyện Ngô Hưng, tỉnh Chiết Vừa khởi suy nghĩ đắn đo là đã trái với Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư thiền pháp. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Đạo Tế, thuộc tông Pháp Nhãn. Ban đầu sư trụ chùa Báo Ân. Về sau, sư dời đến Minh Châu (nay là huyện Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang) ở chùa Thụy Nham. – Đại đức, đến đây là chỗ người học Có vị tăng hỏi: »Thế nào là gia phong của

NGHĨA HOÀI (993-1064) Hòa thượng?«. Sư đáp: »Không giấu Huệ Chiếu Thiền sư ngữ lục (người đời gọi giếm«. là Lâm Tế ngữ lục) 2. Thiền tăng đời Minh (1526-1605), họ NGHĨA HOÀI (993-1064) Cổ, hiệu Cổ Cảnh, người xứ Vân Trung Thiền tăng đời Tống, họ Trần, người xứ (nay thuộc huyện Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây) Đông Thanh (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Xuất gia từ bé, sau đến Bắc Trung Quốc. Sư xuất gia ở chùa Cảnh Đức, Kinh thụ giới cụ túc. Sư ngưỡng mộ thiền Kinh Sư. Khoảng đầu sư tham Kim Loan pháp, tham yết các thiền sư trong nước, Thiện, còn yết kiến Diệp Huyện Tỉnh đều phát minh tâm địa. Sư nghĩ phúc huệ chưa chẳng khế. Cuối cùng nối pháp Thiền sư tròn, công hạnh chưa đủ nên trở về quê Tuyết Đậu Trọng Hiển, thuộc tông Vân rộng làm Phật sự. Sư còn sáng lập Thiền Môn. Sư ra hoằng pháp trụ chùa Thiết viện Phổ Hưng, làm vị Trụ trì khai sơn đời Phật, sau dời về chùa Thiên Y ở Việt Châu thứ nhất. (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) sư 5 phen dời chỗ, nhưng đến nơi NGHĨA KHÔNG nào cũng làm hưng thạnh tông Vân Môn. Thiền tăng đời Đường. Sư thờ Thiền sư Tề Thụy hiệu »Chấn Tông Thiền sư«. Tác An ở Diêm Quan làm

thầy, thấu suốt áo chỉ phẩm: Thiên Y Nghĩa Hoài Thiền sư ngữ thiền Nam Tông, được Ngài cho làm lục 1 quyển. Thượng thủ. Khi ấy (839) Quất Hoàng hậu (Nhật Bản) nghe đồn nước Đại Đường có NGHĨA HUYỀN  Phật Tâm Tông nên sai sứ sang Trung Hoa 1. Thiền tăng đời Đường (787-867), Tổ yết kiến ngài Tề An. Sứ giả truyền đạt ý tông Lâm Tế, họ Hình, người xứ Nam của Hoàng hậu. Tề An sai Nghĩa Không và Hoa, Tào Châu (nay là huyện Đông Minh, Đạo Phưởng sang Nhật Bản. Quất Hoàng tỉnh Sơn Đông) Trung Quốc. Thuở bé có hậu rất vui, triệu vào cung hỏi thiền. Sư tấu chí xuất gia, sau khi cạo tóc thụ giới sư đối nhằm tuyên dương tông chỉ. Hoàng hậu nghiên cứu Kinh, Luật, Luận. Ban đầu sư cho xây chùa Đàn Lâm và mời Nghĩa sang núi Hoàng Bá yết kiến Thiền sư Hy Không khai sơn. Quan chức trong triều Vận, rồi yết Đại Ngu, tái tham Quy Sơn tham vấn Sư rất đông. Sau vài năm, đáp lời Linh Hựu, sau đó trở về chỗ Hy Vận núi mời của đàn việt ở Trung Quốc, sư liền trở Hoàng Bá, ngộ được bản nguyên, được ấn về nước. Năm sinh năm mất không rõ. khả và nối pháp Hoàng Bá. Năm 854 lập viện Lâm Tế ở Trấn Châu, hoằng dương NGHĨA NĂNG  thiền pháp, hình thành tông Lâm Tế, người Thiền tăng đời Tống, nối pháp Đạo sư Báo đời gọi là Lâm Tế Nghĩa Huyền, thiền Từ Hành Ngôn, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư phong thẳng tắt, cơ phong cao vút. Sư đưa trụ núi Vân Cư quận Nam Khang (nay là ra phương pháp chỉ dạy và nguyên tắc huyện Tinh Tử, tỉnh Giang Tây). nhận thức gồm có: Tứ liệu giản, Tứ tân Có vị tăng hỏi: »Thế nào là Phật?«. Sư chủ, Tứ chiếu dụng. Thụy hiệu »Huệ Chiếu đáp: »Tức Tâm tức Phật«. Lại hỏi: »Học Thiền sư«. Tác phẩm: Trấn Châu Lâm Tế nhân chẳng hội, thỉnh Thầy phương tiện

NGHĨA TỒN  (882-908) chỉ dạy«. Sư đáp: »Phương tiện gọi là Phật, học mà đi, thưa hỏi nơi các thiền sư. Sư hồi quang phản chiếu xem, thân tâm là vật nối pháp Thiền sư Đại Dương Cảnh gì?«. Huyền, thuộc tông Tào Động. Sư còn yết kiến Viên Thông Pháp Tú, ý khí hợp nhau. NGHĨA NHU  (?-993) Từ đây, tiếng tăm của sư vang xa. Ban đầu Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư sư trụ núi Bạch Vân, Kiến Châu, sau dời Thanh Lương Văn Ích, thuộc tông Pháp về viện Thắng Nhân, núi Đầu Tử ở Thơ Nhãn. Sư trụ chùa Quy Tông, Lô Sơn. Một Châu, cử dương tông phong của Đại hôm có vị tăng đang xem kinh Bảo Tích. Dương Cảnh Huyền, người đời gọi là Đầu Nghĩa Nhu hỏi: Đã là sa môn, vì sao xem Tử Nghĩa Thanh. Thụy hiệu: »Từ Tế«. Tác kinh Bảo Tích? Tăng không đáp được. phẩm: Đầu Tử Nghĩa Thanh Thiền sư ngữ Nghĩa Nhu nói: Xưa nay dùng chẳng hết. lục.

NGHĨA PHÚC  (658-736) NGHĨA THÀNH  Thiền tăng đời Đường, họ Khương, người Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Lộ Châu (nay là Trường Trị, Sơn Tây) Thạch Môn Huệ Triệt, thuộc tông Tào Trung Quốc. Sư nối pháp ngài Thần Tú, Động. Sư ở Thanh Phong, Phong Tường thuộc Thiền tông Bắc tông đời thứ 2, trụ (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây). các chùa: Phúc Tiên ở Tây Kinh, Nam Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Long Hưng, được vua ban hiệu »Đại Trí Thanh Phong? Sư đáp: Sưởi ấm, ăn dưa Thiền Sư« ngọt.

NGHĨA SƠ  (895-951) NGHĨA TỒN  (882-908) Thiền tăng đời Đường, họ Tằng, người xứ Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Giang, người Nam An, Tuyền Châu (nay thuộc tỉnh

Phúc Kiến Châu nối pháp Thiền sư Nam Tháp Kiến) Trung Quốc. Năm 12 tuổi xuất gia ở Quang Dũng ở Ngưỡng Sơn, thuộc tông chùa Ngọc Giản, sau đi đến chùa Bảo Sát Quy Ngưỡng. Sư ở núi Hoàng Liên, Thiều thụ giới cụ túc, nối pháp Thiền sư Đức Sơn Châu (nay thuộc huyện Thiền Quan, tỉnh Tuyên Giám. Năm 865, sư sáng lập viện Quảng Đông). Chúa Nam Hán nghe sự Quảng Phúc ở núi Tượng Cốt (Tuyết giáo hóa của sư nên mời vào trong phủ Phong) nên người đời gọi là Tuyết Phong thuyết pháp và ban cho Sư hiệu »Minh Nghĩa Tồn. Chư tăng vân tập lên đến 1500 Triệt Đại Sư«. vị. Thiền phong chú trọng chỗ tất cả sẵn NGHĨA THANH (1032-1083) sàng, phản đối việc dùng ngôn ngữ, khái niệm để lý giải giáo nghĩa Thiền tông, Thiền tăng đời Tống, họ Lý, người xứ nhấn mạnh công phu nội tỉnh thể nghiệm; Thanh Đỗ (nay là huyện Yển Sư tỉnh Hà có ảnh hưởng rất lớn đến 2 tông Vân Môn Nam) Trung Quốc. Năm 7 tuổi, sư xuất gia và Pháp Nhãn. Đường Hy Tông ban cho sư ở chùa Diệu Tướng, học Luận Bách Pháp, hiệu »Chân Giác Đại Sư«. sau chuyển sang học Hoa Nghiêm, thấy câu »Tức tâm tự tính«, bỗng có tỉnh liền bỏ

NGHĨA TRUNG NGHĨA TRUNG Đông Sơn luôn có cơ phong hỏi đáp mau Thiền tăng đời Đường, họ Dương, người lẹ, kích dương huyền áo«. xứ Phúc Châu. Ban đầu sư tham vấn Thạch Củng, Củng giương cung để tiếp, hỏi đáp NGHINH GIANG TỰ khế hợp, Củng khen sư rằng: »30 năm Chùa ở ngoài cửa Tùng Dương, thành phố giương cung tiếp người, đến nay chỉ bắn An Khánh, tỉnh An Huy, Trung Quốc. được nửa người thánh«. Sau sư tham Đại Được xây dựng vào niên hiệu Khai Bảo Điên Bảo Thông, ngộ được áo chỉ. Sư ra thứ 7 (974) đời Tống tên gọi »Vĩnh Xương hoằng pháp trụ núi Tam Bình ở Chương Thiền Tự«, »Thập Phương Vĩnh Xương Châu (nay là huyện Chương Phố, tỉnh Phúc Thiền Tự«, »Cổ Vạn Phật Tự«. Niên hiệu Kiến), hóa duyên rất thạnh, là người xứng Thái Xương thứ 1 (1620) đời Minh, Quang đáng làm gương mẫu cho một phương. Tông ban tên »Hộ Quốc Vĩnh Xương Tự«. Niên hiệu Thuận Trị thứ 7 (1650) đời NGHĨA VÂN (1253-1333) Thanh đổi tên »Sắc Kiến Nghinh Giang Thiền tăng đời Nam Tống, họ Du, người Thiền Tự«. Niên hiệu Đồng Trị thứ 1 xứ Lạc Dương, Hà Nam, Trung Quốc. (1862) đổi tên »Nghinh Giang Tự«. Những Theo cha sang Nhật Bản và lưu lại Nhật kiến trúc hiện còn được thi công vào Bản làm cao đồ của Nghĩa Doãn. Vâng khoảng niên hiệu Đồng Trị (1862-1874) lệnh thầy vượt biển sang Tống, đắc pháp đời Thanh, gồm ba dãy nhà một tầng, có nơi Thiền sư Phúc Dụ, đời thứ 21 hệ Thiên vương điện, Đại hùng bảo điện, Thanh Nguyên, đời thứ 4 tông Tào Động Chấn phong tháp, Tỳ lô điện, tàng kinh lâu. Nhật Bản. Sau sư trở về nước trụ trì chùa Phía tây chùa còn có Từ Vân các, Đại sĩ Vĩnh Bình núi Kiết Tường. các.

NGHĨA VIÊN NGỌA LONG Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Hiệu của Thiền tăng Viên Xuất đời Minh. Thiên Thai Đức Thiều, thuộc tông Pháp X. Viên Xuất. Nhãn. Sư trụ chùa Khai Thiện, Ngư Phố, Việt Châu (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh NGỌA LONG TỰ Chiết Giang). Có vị tăng hỏi: »Thế nào là Ở phố Bách Thọ Lâm, thành phố Tây An, thuở xưa sư tử rống, hôm nay tượng vương tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Được xây mới trở về?« Sư đáp: »May thay không cất vào đời Tùy, ban đầu gọi là »Phúc Ứng dính dáng«. Thiền Tự«. Bởi họa gia đời Đường là Ngô Đạo Tử từng vì tự viện mà vẽ tượng Quán NGHIẾT THỐC Âm, nên còn gọi »Quán Âm Tự«. Đầu đời Dùng

miệng ngậm đầu mũi tên bắn ra, dụ Tống cao tăng Huệ Quả vào viện làm trụ cho cơ phong hỏi đáp mau lẹ của nhà thiền. trì, suốt ngày nằm dài nên người đời gọi là Chương Quang Nhân Thiền sư trong »Ngọa Long Hòa Thượng«, tự viện cũng CĐTĐL q. 17 ghi: » được gọi là »Ngọa Long Tự«. Từ đời Tống – Pháp hội Nguyên trở đi đã trở thành thập phương

NGỌC PHONG THÁP thiền lâm. Đời Minh Tần vương Phiên Phủ Thiền đường. Kết cấu tinh xảo, hùng vĩ từng bỏ của cải ra duy tu, cho nên hàng tráng lệ. Ngọc Phật lâu thờ tượng ngồi ngàn năm qua hương khói không dứt. ngọc Phật cao 1,9m dùng cả khối đá cẩm Những vị trụ trì nhiều đời đều là đại đức thạch đúc thành, chất liệu thuần tịnh, màu cao tăng, nhất là thích sưu tập trân vật Phật sắc sáng long lanh, thần thái trang nghiêm. môn. Tự viện cất giữ bối diệp kinh Ấn Độ, Ngọa Phật đường thờ tượng ngọc Thích-ca bia chữ ÁN, tượng Phật đá đời Bắc Ngụy, nhập niết bàn thần thái an tường, dáng vẻ đều có giá trị lịch sử. Ngoài ra còn có rất thật. chuông sắt đúc vào khoảng niên hiệu Hàm Bình (998-1003) đời Tống và lư hương NGỌC PHONG THÁP bằng đá Đại Lý do Lạt-ma Tây Tạng lưu Tháp trên đỉnh núi Ngọc Tuyền, trong Di tặng, đều là những trân phẩm hiếm có. Hòa Viên, thành phố Bắc Kinh, Trung Quốc. Tương truyền vua Càn Long trong NGỌA VÂN lúc xuống Giang Nam lần thứ nhất bị khắc Hiệu của Thiền tăng Viên Hiển đời Minh. sâu ấn tượng đối với phong cảnh không núi X. Viên Hiển. không chùa, không chùa không tháp. Sau khi trở về kinh, bắt chước xây sơn tháp NGỌC LÂM QUỐC SƯ trong viên lâm Hoàng gia ở phía tây kinh Thiền tăng Thông Tú đời Thanh tự là Ngọc thành là cảnh sắc Giang Nam tô điểm cho Lâm, người đời gọi là Ngọc Lâm quốc sư. phong cảnh miền Bắc, Ngọc Phong Tháp X. Thông Tú. là một trong số đó. Tháp này phỏng theo hình dáng và cấu tạo của tháp Từ Thọ, NGỌC PHẬT TỰ Kim Sơn Thiền Tự ở Trấn Giang mà kiến Nằm trên đường An Viễn, thành phố tạo, nhưng phong cách kiến trúc lại không Thượng Hải, Trung Quốc. Niên hiệu giống tháp Từ Thọ lung linh cao vút, còn Quang Tự thứ 8 (1882) đời Thanh, tăng tháp Ngọc Phong thì sừng sững vững vàng. nhân Phổ-đà Sơn là Huệ Căn mang từ Tháp Ngọc Phong là tháp xây bằng gạch Mianma về 5 tượng ngọc Phật, để lại 2 đá, hình bát giác 7 tầng phỏng theo kết cấu tượng tại Giang Loan xây chùa thờ, gọi là gỗ theo kiểu lâu các, cao 30m. Mỗi tầng »Ngọc Phật Tự«. Sau cách mạng Tân Hợi tháp tám mặt đều có cửa sổ. Vách tháp rất chùa bị chiến tranh phá hủy. Năm 1918 dày, trong có cầu thang đá vòng vèo đi lên tăng nhân tông Lâm Tế là Khả Thành xây tới đỉnh. Cầu thang đá bằng phẳng rộng rãi, cất chùa mới trên nền hiện nay, đến năm người tham quan lên xuống thuận tiện dễ 1928 hoàn thành, đặt tên là »Ngọc Phật dàng. Mỗi tầng tháp mở ra động khám thờ Thiền Tự«. Tự viện phỏng theo kiến trúc tượng Phật đồng, hiện nay không còn. Mỗi đời Tống, trên tuyến trục giữa theo thứ lớp động khám đều có đôi liễn khắc đá được có Bức tường bình phong trước cổng, Sơn làm vào thời kỳ Càn Long, phần lớn vẫn môn, Thiên vương điện, Đại hùng bảo còn. Hình ảnh tháp Ngọc Phong là một điện, Ngọc Phật lâu. Hai bên có Ngọa Phật cảnh đẹp trong vườn Tĩnh Minh, núi Ngọc đường, Di Đà đường, Quán Âm đường, Tuyền.

NGỌC TUYỀN TỰ NGỌC TUYỀN TỰ là kiểu mái kép yết sơn, cao 21m, bề mặt rộng 7 gian, trong ngoài gồm 72 cây cột, Nằm ở phía đông chân núi Ngọc Tuyền, xà nhà

đấu củng dùng toàn vật liệu to lớn, cách thành phố 15km thuộc huyện Đương dù trải qua nhiều triều đại sửa sang mà vẫn Dương, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Núi còn giữ được phong cách đời Nguyên. Ngọc Tuyền do có suối ngọc châu báu nên Những điện đường lầu gác còn lại hình mới có tên như thế. Hơn nữa, núi còn có thức giản dị, thủ pháp thuần nhất, được hình dáng giống như chiếc thuyền úp nên trang trí bởi nhiều sắc thái, thể hiện rõ kiến còn có tên »Phúc Thuyền Sơn«. Chùa lấy trúc cổ Tam Sở đặc sắc. Trong chùa có một tên núi, bắt đầu được xây dựng vào niên cái vạc bằng sắt lớn đời Tùy, chuông sắt hiệu Kiến An (196-220) đời Đông Hán, đời Nguyên, cái nồi sắt... Ở mé sân trước Thiền sư Phổ Tịnh cất am ở đây. Khoảng của điện Tỳ-lô có dựng một tấm bia tượng niên hiệu Tuyên Đế (555-562) nhà Lương, Quán Âm được khắc bằng đá, bút lực khỏe Nam Triều, vua sắc xây dựng »Phúc khoẳn, đường nét mềm mại, tương truyền Thuyền Sơn Tự«. Đầu niên hiệu Khai do Ngô Đạo Tử, một đại họa gia đời Hoàng (581) đời Tùy, Tấn vương là Dương Đường vẽ. Phía đông chùa có Như Lai xá- Quảng xuống chiếu thỉnh Đại sư Trí Giả lợi thiết tháp, được dựng vào niên hiệu Gia vào chùa này giảng pháp, đổi tên là »Ngọc Hựu thứ 6 (1061) đời Tống, tháp 3 tầng Tuyền Tự«. hình bát giác. Bên cạnh chùa có giếng trân Chùa này cùng với chùa Quốc Thanh núi châu, thường nhả ngọc phun châu, suối Thiên Thai Chiết Giang, chùa Thê Hà Nam phun từ trong vách đá, được gọi bằng mỹ Kinh Giang Tô, chùa Linh Nham Trường danh »Kim Long Trì« (Ao rồng vàng). Thanh Sơn Đông được gọi chung là »Thiên hạ tùng lâm tứ tuyệt«, »Thiên hạ tứ đại NGÔ DI (1939-) tùng lâm«. Niên hiệu Trinh Quán (627- Học giả Phật giáo hiện đại, người Thanh 649) đời Đường, tăng Pháp Chân còn xây Điền, Chiết Giang Trung Quốc. Tốt nghiệp dựng thêm. Sau đó quốc sư Thần Tú trụ Đại học Sư phạm Đài Loan, Sở nghiên cứu chùa này, sáng lập Thiền tông Bắc Tông. Triết học thuộc Đại học Văn hóa Trung Cuối niên hiệu Thiên Hy (1021) đời Tống, Quốc, đỗ bằng Tiến sĩ quốc gia. Từng giữ Minh Túc Hoàng hậu cho xây dựng tại núi chức Chủ nhiệm hệ Triết học Đại học Văn này trước sau có 9 lầu, 18 điện, 3. 700 gian hóa, Giám đốc Sở nghiên cứu Triết học. tăng xá; chư tăng thường trụ gần ngàn Sau sang Hoa Kỳ giảng dạy. Tác phẩm: người, sửa bảng hiệu là »Cảnh Đức Thiền »Công Án Thiền Ngữ«... , dịch phẩm có Tự«, được khen là »Kinh Sở tùng lâm chi »Thiền Học đích Hoàng Kim Thời Đại«. quan« (Đứng đầu các tùng lâm vùng Kinh Sở). Các đời Nguyên, Minh, Thanh sau NGÔ KINH HÙNG (1899- này đều có trùng tu. Chùa hiện còn các 1966) kiến trúc: Thiên vương điện, Đại hùng bảo Học giả Phật giáo hiện đại, tự Đức Sinh, điện, Tỳ-lô điện, Đông đường, Tây đường, người huyện Ngân, tỉnh Chiết Giang, Tàng kinh lâu, trong đó Đại hùng bảo điện Trung Quốc. Ông chuyên học về pháp luật,

NGỘ CHÂN triết học, lại sở trường về nghiên cứu Thiền giới cụ túc, chuyên học hai bộ kinh Viên tông. Tốt nghiệp khoa Pháp luật Đại học Giác và Pháp Hoa, nghĩa lý thông suốt. Sư Đông Ngô. Sau đó ông đỗ bằng tiến sĩ Luật theo học với Thiền sư Quảng Trí ở chùa khoa tại Đại học Michigan (Hoa Kỳ), nhận Quán Đảnh và được ngài truyền tâm ấn. chức giáo sư Luật học tại Đại học New Có người đến hỏi: Jersey, chủ nhiệm ban tiến sĩ sở nghiên — Thế nào là Phật, Pháp và Thiền? cứu Triết học thuộc Đại học Văn hóa Sư đáp: Trung Quốc. Tác phẩm: — Đấng Pháp Vương vô thượng, ở thân là — Triết Học Dữ Văn Hóa. Phật, ở miệng là Pháp, ở tâm là Thiền. Tuy — Pháp Luật Triết Học Nghiên

Cứu. có ba thứ, kỳ thật là một. Ví như nước của — The Golden Age of Zen (Thiền Học 3 con sông, tùy chỗ đặt tên tuy chẳng đồng, đích Hoàng Kim Thời Đại), tác phẩm này mà tính nước không khác. được Ngô Di dịch sang Trung văn. Kệ thị tịch: NGỘ AN

1. Thiền tăng đời Tống (?-992), họ Thẩm, người xứ Tiền Đường.

Xuất gia từ thuở bé, nối pháp Quốc sư Thiên Thai Đức Thiều, »Diệu tính hư vô bất khả phan thuộc tông Pháp Nhãn. Khoảng năm 963- Hư vô tâm ngộ đắc hà nan 967, sư trụ viện Khuynh Tâm ở Bắc Quan, Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận rồi dời đến chùa Quang Khánh, Hàng Liên phát lô trung thấp vị càn«. Châu. Năm 978, sư được Tống Thái Tông »Diệu tính rỗng không chẳng thể vin triệu kiến ở điện Tư Phúc, ban cho y hồng Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin và hiệu »Thiện Trí Thiền sư«. Tươi nhuần sắc ngọc trong núi cháy 2. Thiền tăng đời Tống (924-995), người Lò lửa hoa sen nở thật xinh«. xứ Phúc Châu, nối pháp Quốc sư Thiên Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Thai Đức Thiều, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư Từ. trụ chùa Thụy Lộc ở Ôn Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang). Sư thường xem kinh NGỘ BẢN THIỀN SƯ Lăng Nghiêm nên được gọi là An Lăng Thụy hiệu của Thiền tăng Lương Giới đời Nghiêm. Đường. X. Lương giới.

NGỘ ẤN (1019-1088) NGỘ CHÂN

Thiền tăng đời Tống. Tham vấn Thạch

Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn

Sương Sở Viên khai ngộ, nối pháp làm

Thông, đời thứ 8. Sư họ Đàm tên Khí, quê truyền nhân tông Lâm Tế. Trụ trì chùa ở Tư Lý làng Kim Bài, miền Bắc Việt

Hưng Hóa núi Đạo Ngô thuộc Đàm Châu.

Nam. Năm sư lên mười, sư được nhà sư

Tác phẩm: Đàm Châu Đạo Ngô Chân

Chiêm Thành cho theo học Nho, học vấn

Thiền Sư ngữ yếu, 1 quyển.

ngày càng tiến. Sư thông cả hai thứ chữ

Hán và Phạn. Năm 19 tuổi, sư xuất gia thụ

NGỘ CHÂN ĐẠI SƯ NGỘ CHÂN ĐẠI SƯ NGỘ MÔN Hiệu của Thiền tăng Sư Úc đời Ngũ Đại. Con đường lãnh ngộ thiền pháp. Bài tựa X. Sư Úc. của Lưu Phi Hậu trong CĐTĐL ghi: » NGỘ DUYÊN

– Cho nên Linh Vân thấy hoa Thiền tăng đời Tống, người xứ Chiết đào mà ngộ đạo, Huyền Sa dùng bữa tiệc Giang. Trung Quốc. Thuở bé xuất gia, sau vị ngữ mà bàn luận sâu sắc về thật tướng, thờ Thiền sư Cảnh Thanh Đạo Phô và đắc nhưng cả đại địa đều là con đường lãnh pháp. Sư hành cước tham vấn chẳng ngại ngộ thiền pháp thì cái gì chẳng phải là đường xa, người đời gọi sư là »Thiết đạo?« Cước«. Về sau, sư ở chùa Nam Thiền, Hành Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang). NGỘ NGUYÊN (1615-1678) Thiền tăng đời Thanh, họ Tào, hiệu Nhất NGỘ HIỀN (922-1009) Sơ, người xứ Đương Hồ (nay thuộc tỉnh Thiền tăng đời Tống, họ Lâm, người xứ Chiết Giang) Trung Quốc. Lúc 10 tuổi sư Trường Châu (nay là Tô Châu) Trung đã hiểu được nghĩa lý kinh Phật.

Lúc sư 18 Quốc. Sư xuất gia nơi ngài Vĩnh An Khả tuổi, cha mẹ qua đời, sư nương Hòa Y, 30 tuổi cạo tóc thụ giới cụ túc, nối pháp thượng Uyên Hồ Diệu Dụng ở am Đồng Thiền sư Long Hoa Ngạn Châu ở Tiền Nguyệt xin xuất gia. Về sau, theo lời dặn Đường. Sư ở viện Minh Giác, thường ca dò của Diệu Dụng, sư đến yết kiến ngài tụng đức uống rượu để cảnh giới đạo tục, Thạch Vũ Minh Phương ở chùa Bảo Thọ, người đời gọi sư là »Tửu Tiên«. Khoảng thỉnh Ngài viết lời tựa cho quyển ngữ lục niên hiệu Kiến Long (960-963), sư dựng của Diệu Dụng. Sư còn yết kiến ngài Tuyết chùa chiền, nhưng không ai thấy sư quyên Kiệu Viên Tín ở Đông Tháp, mời ngài biên góp và không biết được nguồn gốc về tiền khắc quyển ngữ lục cho Diệu Dụng. của bỏ ra xây cất. Những hành vi lạ lùng loại này của sư rất nhiều. NGỘ NINH Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư NGỘ KHÔNG ĐẠI SƯ Linh Ẩn Thanh Tủng, thuộc tông Pháp 1. Thụy hiệu của Thiền tăng Tề An đời Nhãn. Sư trụ viện Tây Sơn Bảo Thanh ở Đường. X. Tề An. Hàng Châu. 2. Thụy hiệu của Thiền tăng Trí Tĩnh đời NGỘ TÂN (1043-1115) Ngũ Đại. X. Trí Tĩnh. Thiền tăng đời Tống, họ Hoàng, người Khác Giang, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư NGỘ KHÔNG THIỀN SƯ nối pháp thiền sư Hoàng Long Tổ Tâm, thuộc tông Lâm Tế đời thứ 10, phái Hoàng Hiệu của Thiền tăng Hưu Phục đời Ngũ Long đời thứ 3, kế tiếp trụ trì chùa Sùng Đại. X. Hưu Phục. Ân trên núi Hoàng Long ở phủ Long

NGÔN ĐOAN NGỮ ĐOAN Hưng. Tự hiệu: Tử Tâm Tẩu, người đời Nguyên. thường gọi là Hoàng Long Tử Tâm. NGỐC AM NGỘ TIẾN (1612-1673) Hiệu của Thiền tăng Phổ Trang đời Minh. Thiền tăng đời Thanh, họ Trương, hiệu X. Phổ Trang. Giới Am. Thuở bé sư theo ngài Uyên Hồ Diệu Dụng ở am Đồng Nguyệt xuất gia. NGỐC AM TRANG THIỀN SƯ Nửa năm sau, sư theo học thiền với ngài NGỮ LỤC
Vạn Như Thông Triệt, bỏ ngủ quên ăn, Còn gọi: Kính Trung Hòa thượng ngữ lục. khắc khổ ngồi thiền tham cứu. Một hôm, Ngữ lục, 8 quyển, do Kính Trung Phổ sư nghe tiếng búa đẽo cây cổ thụ liền có Trang soạn vào đời Minh, nhóm ông Huệ tỉnh, mới đến Kiến Ninh tái tham Diệu Khải... biên tập, được ấn hành vào niên Dụng, hoát nhiên đại ngộ và nối pháp hiệu Sùng Trinh thứ 3 (1630) đời Minh và Ngài, thuộc tông Lâm Tế. Sau đó, sư từng được xếp vào Tục Tạng kinh tập 123, trang trụ điện Quán Âm ở Kính Sơn và chùa 965. Kim Minh ở Gia Hưng xiển dương thiền Kính Trung Phổ Trang là đệ tử nối pháp phong. Tác phẩm: Giới Am Tiến Thiền sư của Liễu Đường Duy Nhất thuộc tông Lâm ngữ lục 10 quyển, Giới Am Hòa thượng Tế, từng trụ trì: chùa Bắc Thiền tại Phủ Nguyên Lưu Tụng. Châu, Chân Như Thiền Tự núi Vân Cư Nam Khang tại Giang Tây, Vạn Thọ Thiền NGỘ TRĂN Tự Kính Sơn tại Hàng Châu để hoằng Thiền tăng đời Tống, họ Dương, người xứ dương thiền pháp, tiếp hóa người học. Nội Việt Châu (nay là huyện Thiệu Hưng tỉnh dung sách này gồm ngữ lục của sư khi ở 3 Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Quốc chùa kể trên, bao gồm các việc thượng sư Thiên Thai Đức Thiều, thuộc tông Pháp đường, Tiểu tham, Niêm cổ, Tụng cổ, Kệ, Nhãn. Sư trụ núi Tề Vân, Vụ Châu (nay Thi, Tán, Tháp minh. thuộc huyện Kim Hoa, Chiết Giang). Sư giỏi về thi ca, gặp việc là thành thơ, được NGỐC LŨ SINH hơn 300 bài truyền bá ở đời. Sư thị tịch Còn gọi: Ngốc tử, ngốc nô. Này lão trọc. trong khoảng niên hiệu Chí Đạo (995-997). Lời quở mắng đối với tăng nhân. Lâm Tế ngữ lục ghi: » NGỘ TU THIỀN SƯ – Này lão Hiệu của Thiền tăng Minh Huệ đời Thanh. trọc!

Có việc gì mà vội vã thế? Mang hình X. Minh Huệ. tướng sư tử mà lại kêu tiếng của dã can.«

NGỘ XUÂN (1835-1895) NGÔN ĐOAN NGỮ ĐOAN Thiền tăng đời Thanh, họ Hàn, tự Lưu Trường, người xứ Giang Đô, Giang Tô, Nghĩa là ngôn ngữ vẫn đúng, trực tiếp hiển Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Thiền hiện diệu lý chí đạo; đây là lời cảnh tỉnh Liễu ở Tiêu Sơn, đời thứ 46 hệ Thanh dùng để chống lại những ai bài xích ngữ

NGÔN THƯỢNG SINH NGÔN, CÚ THƯỢNG SINH CÚ ngôn văn tự. Bởi Thiền tông lấy »Bất lập Nếu nhằm trên lời sinh lời, trên câu sinh văn tự, minh tâm kiến tính« làm tông câu, trên ý sinh ý, giải thích tìm hiểu thì phong, cho rằng giải bày bằng ngữ ngôn không những liên lụy lão tăng mà còn cô văn tự thì không đạt đến diệu lý chí đạo và phụ cả Tuyết Đậu.« không thể đến chỗ cứu cánh của bản nghĩa, nên có chủ trương hoàn toàn bài trừ ngôn NGỘT AM (1197-1276) ngữ văn tự. Nhưng nếu không phải căn cơ Thiền tăng sống vào cuối đời Tống-đầu đời bậc thượng thì dễ sinh tà kiến hoặc tệ đoan, Nguyên, pháp danh Phổ Ninh, người xứ cho nên các thiền sư chính thống một mặt Tây Thục. Trung Quốc. Thuở bé xuất gia ở nhấn mạnh đến sự hữu hạn và chướng ngại Tưởng Sơn, ban đầu học Duy Thức, sau du của ngôn ngữ văn tự, một mặt cũng không phương tham khắp các bậc lão túc chốn bỏ ngôn ngữ văn tự, mượn nó để tiến hành thiền lâm, nối pháp Thiền sư Vô Chuẩn Sư tham tập, khai thị, khám nghiệm người học Phạm, thuộc tông Lâm Tế, phái Dương Kỳ. Thiền và khi cần thiết dùng Ngôn Đoan Sư Phạm viết 2 chữ »Ngột Am« để tặng sư Ngữ Đoan để đánh thức kẻ »Dã hồ thiền« nên sư lấy đó làm hiệu. Về sau, sư dời đến xưa nay chỉ biết bài xích ngữ ngôn văn tự, núi Linh Ẩn, núi Thiên Đồng làm Đệ nhất thực tế ngu tối vô tri, in tuồng phải mà tọa. Sau đến chùa Linh Nham ở Mông Sơn chẳng phải. Tắc 2, Bích Nham lục (Đại 48, để hoằng pháp. Năm 1260, sư nhận lời mời 142 thượng) ghi: sang Nhật Bản, đến chùa Thánh Phúc (Shōfuku-ji) ở Bác-đa để chỉnh lý thiền quy.
Sư còn trụ trì chùa Kiến Trường »Chí đạo vô nan (Kenchū-ji) ở Liêm Thương. Năm 1265 sư Ngôn đoan ngữ đoan trở về nước theo đường biển, trụ chùa Nhất hữu đa chủng Song Lâm ở Vụ Châu. Thụy hiệu »Tông Nhị vô lưỡng ban«. Giác Thiền sư«. Tác phẩm: Ngữ lục 3 »Chí đạo không khó quyển. Ngôn ngữ vẫn đúng Một có nhiều thứ NGỘT AM PHỔ NINH THIỀN SƯ Hai không hai loại«. NGỮ LỤC Còn gọi: Tông Giác Thiền sư ngữ lục, Ngột NGÔN THƯỢNG SINH NGÔN, Am Ninh Hòa thượng ngữ lục, Ngột Am CÚ THƯỢNG SINH CÚ Hòa thượng ngữ lục, Ngột Am lục. Ngữ lục, 3 quyển, do Ngột Am Phổ Ninh soạn Xưa nay vốn có ngôn cú (công án cổ tắc) vào đời Tống, nhóm ông Tịnh Thiều... lại còn bình luận giải thích thêm nữa, hàm biên tập, được ấn hành vào khoảng niên ý nghĩa vướng mắc trói buộc. Bích Nham hiệu Hàm Thuần (1265-1274) đời Tống và Lục q. 1 ghi: » được xếp vào Tục Tạng kinh tập 123, trang 1. Nội dung thu thập các ngữ lục của Phổ
– Ninh khi ở: Linh Nham Quảng Phúc Thiền

NGŨ ĐÀI SƠN Viện tại Tượng Sơn phủ Khánh Nguyên, Nở tung năm cánh hoa Kiến Trường Hưng Quốc Thiền Tự tại Cự Vui gặp các bạn đạo Phúc Sơn và các pháp ngữ, Phật Tổ tán, Đồng cưỡi xe bạch ngưu«. Tiểu Phật sự... thu thập các pháp ngữ của

sư khi ở: chùa Thánh Phúc, chùa Kiến NGŨ DIỆP THIÊN ĐĂNG Trường tại Nhật Bản. Sách này dùng làm tư liệu tham khảo để biết được mối quan hệ Ngũ diệp: Năm cánh, chỉ cho năm tông giữa thời kỳ Tống Nguyên Minh với Bắc phái Thiền. Thiên đăng: Ngàn ngọn đèn, Điều Thời Lại, chính quyền Thời Tông cho chỉ cho rất nhiều đệ tử của 5 tông phái. Cả đến mối quan hệ giữa Thiền với các võ sĩ câu có nghĩa là Thiền tông phát triển, môn thời đại Liêm Thương. phong hưng thịnh. Bài thơ Tống Tôn Thị Giả trong Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: NGU AM Hiệu của thiền tăng Trí Cập đời Nguyên. X. Trí Cập. NGŨ DIỆP »Như tư khảng khái phi hy kí, Năm cánh hoa, chỉ cho 5 phái của Thiền Hạo hạo thanh phong vô xứ tỵ tông: Quy Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Động, Thiên thượng thiên hạ tri bất tri Vân Môn, Pháp Nhãn. Mật Am ngữ lục Ngũ diệp thiên đăng phục hà xí?« ghi: » – Năm »Khảng khái như thế, chẳng mong mỏi, cánh hoa xòe nở, ngàn ngọn đèn mồi Gió mát thênh thang không chỗ tránh, nhau«. Mọi người trong nước có biết không, NGŨ DIỆP HOA Há chỉ Thiền tông mới phát triển?«. Đóa hoa có 5 cánh, tỷ dụ cho thiền pháp do NGŨ ĐÀI SƠN Bồ-đề-đạt-ma truyền đến cuối đời Đường sang đời Ngũ Đại thì xuất hiện 5 tông phái, Núi nằm ở góc đông bắc huyện Ngũ Đài, khiến Thiền tông tiến vào thời kỳ hưng tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Chu vi 250km thịnh. Đây là một cách nói khác của câu do 5 ngọn núi bao vây mà thành. Năm »Nhất hoa khai ngũ diệp« trong bài kệ phó ngọn núi cao vút, trên đỉnh bằng phẳng pháp của Tổ Đạt-ma. Pháp Diễn ngữ lục, rộng rãi, giống như cái đài xếp trên đất nên q. thượng ghi: gọi là Ngũ Đài. Năm ngọn của Ngũ Đài, mỗi ngọn đều có tên riêng: ngọn phía đông là Vọng Hải Phong; ngọn phía tây là Quải »Cộng xướng Hồ gia khúc Nguyệt Phong; ngọn phía nam là Cẩm Tú Phân khai ngũ diệp hoa Phong; ngọn phía bắc là Hiệp Đẩu Phong; Hỷ phùng chư đạo hữu ngọn ở giữa là Thúy Nham Phong. Ngọn Đồng thượng bạch ngưu xa«. phía bắc và ở giữa là cao nhất, độ cao »Cùng thổi ống sáo Hồ 3058m so với mặt biển. Vào tháng nóng nhất mùa hạ, nơi đây khí hậu mát mẻ nên

NGŨ ĐĂNG HỘI NGUYÊN gọi là Thanh Lương Sơn. Trên núi có rất đối tập trung, sắp xếp có thứ tự, mạch lạc nhiều chùa miếu nằm chen lẫn trong non lớp lang rất tiện cho người đọc. Hơn nữa xanh nước biếc. Thời Bắc Ngụy đã có xây sách được trình bày sáng sủa dễ tra cứu. chùa Phật, đến thời Bắc Tề số lượng chùa Về chiều rộng thời gian của nội dung sách phát triển có trên 200 ngôi. Từ niên hiệu này gồm thời kỳ phát triển Thiền tông Khai Nguyên (713-741) đời Đường về sau Trung Quốc từ sơ kỳ đến lúc cực thịnh và là thời kỳ Phật giáo phát triển cực thịnh, có cũng phản ánh chỗ dần dần tiến đến suy vi. trên 300 ngôi tự viện trong núi. Núi Ngũ Lấy việc ghi chép pháp ngữ của thiền sư Đài có các thiền tự như: Hiển Thông Tự, làm chính, tinh hoa thiền ngữ phần lớn Tháp Viện Tự, Văn-thù Tự, La Hầu Tự. Có được thu vào sách này. Ngôn ngữ trong rất nhiều bậc cao tăng Thiền tông đã từng sách thông suốt tự nhiên, tươi tắn hoạt bát, hoạt động Phật sự tại núi này, như vào cuối đơn giản cô đọng. Công án, ngữ lục tràn đời Đường có thiền sư Triệu Châu Tùng đầy thú vị khiến cho kẻ tăng người tục đều Thẩm nổi tiếng đã 9 phen hành cước Ngũ thích đọc. Thế nên từ đời Nguyên, Minh Đài. cho đến nay giới trí thức yêu thích thiền học, không ai không có sách này, cũng là NGŨ ĐĂNG HỘI NGUYÊN phương tiện thẳng tắt giúp cho tăng chúng tham thiền

được ngộ. Do vì bị lược bỏ khá Đăng lục, 20 quyển, do Phổ Tế soạn vào nhiều nên tài liệu được trích dẫn chẳng đầy đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập đủ như sách Cảnh Đức Truyền Đăng lục, 138, trang 1. Ngũ đăng là: Cảnh Đức đó là khuyết điểm của sách này. Sách được Truyền Đăng lục, Thiên Thánh Quảng Tô Uyên Lôi hiệu đính, Trung Hoa Thư Đăng lục, Kiến Trung Tịnh Quốc Kế Đăng Cục xuất bản vào năm 1984. lục, Liên Đăng Hội Yếu, Gia Thái Phổ Đăng lục, mỗi bộ gồm 30 quyển, số lượng NGŨ ĐĂNG HỘI NGUYÊN TỤC bề bộn, nhiều chỗ trùng lặp. Phổ Tế bỏ LƯỢC rườm rà lấy tinh giản, gom 5 bộ lại thành Gọi tắt: Ngũ Đăng Tục Lược. Đăng lục, 4 một nên gọi là Ngũ Đăng Hội Nguyên. quyển, có riêng 1 quyển thủ, do Viễn Môn Nguyên 5 bộ (Ngũ Đăng) gồm 150 quyển, Phổ Trụ biên soạn vào đời Minh, được trong khi »Ngũ Đăng Hội Nguyên« chỉ có biên tập xong vào niên hiệu Sùng Trinh 20 quyển, số quyển phần lớn được rút thứ 17 (1644) đời Minh, sau đó được xếp ngắn, nội dung thực tế chỉ giảm đi khoảng vào Tục Tạng kinh tập 138, trang 833. phân nửa. Ngũ Đăng vốn chỉ phân biệt 2 Sách này thu thập ngữ lục của các bậc Đại hệ phái lớn là Nam Nhạc và Thanh đức, Cao tăng Thiền tông kể từ bộ »Ngũ Nguyên, từ đó trở xuống không chia tông Đăng Hội Nguyên« về sau. Tác giả là lập phái nữa. Nhưng thế hệ càng lâu xa thì người nối pháp của Thạch Vũ Minh chi phái càng nhiều thêm, pháp tự rải rác, Phương, thuộc tông Tào Động. Xem lời rất khó nắm được tất cả, nên tác giả cùng tựa và phần phàm lệ chúng ta có thể biết với việc rút gọn đã chỉnh lại đầu mối, dưới được sách này biên soạn nhằm xác định hệ hệ chia tông, dưới tông chia phái, tương phổ của tông Tào Động trải qua 3 triều đại

NGŨ GIA BIỆN Tống, Nguyên, Minh. Nội dung bao gồm được xếp vào Tục Tạng kinh tập 139, trang lược truyện của hơn 400 vị thiền tăng chia1044. Các thiền sư của tông Tào Động viết ra như sau: những bài văn như: Minh Tông Chính — Đời thứ 15 đến đời thứ 36 thuộc tông Ngụy, Trích khi thuyết, Tịch liêu thuyết Tào Động hệ Thanh Nguyên. cho rằng trong quyển »Ngũ Đăng Nghiêm — Đời thứ 16 đến đời thứ 34 thuộc tông Thống« của Thông Dung soạn, đem Thiên Lâm Tế hệ Nam Nhạc. Vương Đạo Ngộ quy về pháp hệ Nam Trong ấy, thiền tăng thuộc tông Lâm Tế Nhạc là sai lầm và khuyên nên sửa đổi. Bởi chiếm đa số. lý do đó, Thông Dung soạn »Giải Hoặc Sách này là tư liệu quan trọng để nghiên Thiên« để phản bác lại, có kèm phụ lục lời cứu về sự phát triển Thiền tông. đáp của Thông Dung về những lời phê bình sư hoặc những lời thẳng thắn khuyên NGŨ ĐĂNG NGHIÊM THỐNG sư. Đăng lục, 25 quyển, có riêng 2 quyển mục NGŨ ĐĂNG TOÀN THƯ lục, do Phí Ẩn Thông Dung và Bách Si Nguyện Công cùng soạn vào đời Minh, Đăng lục, 120 quyển, có riêng 16 quyển được xếp vào Tục Tạng kinh tập 139, trang mục lục, do Siêu Vĩnh soạn vào đời Thanh, 80. Tác giả vì muốn sửa lại những sai lầm được ấn hành vào niên hiệu Khang Hy thứ của bộ »Ngũ Đăng Hội Nguyên Tục 36 (1697) và được xếp vào Tục Tạng kinh Lược«, nên hiệu đính kỹ lưỡng khiến cho tập 140, trang 151. đạo thống được truyền thừa từ trước không Từ trong các bộ Truyền đăng lục như: Ngũ có tạp loạn nên sách này được gọi là »Ngũ Đăng Hội Nguyên v.v.. Siêu Vĩnh trích ra Đăng Nghiêm Thống«. Toàn sách thu thập những vị quan trọng và thêm phần sửa sự truyền thừa của: Bảy đức Phật đời quá chữa lại. Ông còn đích thân đến các địa khứ, Tổ sư Ma-ha Ca-diếp đến vị Tổ thứ phương sưu tập tư

liệu, trước sau bỏ ra hơn 27 ở Ấn Độ, Tổ Bồ-đề Đạt-ma đến vị thứ 6 30 năm mới biên thành sách này. Ngoài ở Trung Hoa, Pháp hệ truyền đăng dưới bảy đức Phật, các vị Tổ Ấn Độ Trung Hoa ngài Nam Nhạc và Thanh Nguyên, đem ra, nội dung sách này gồm các vị Tổ sư, Thiên Hoàng Đạo Ngộ xếp vào hệ Thanh Kỳ túc, Cư sĩ của »Ngũ Đăng Hội Nguyên, lượt bỏ cơ ngữ 18 đời dưới hệ Nguyên« trở về sau, không kể là hệ phái Thanh Nguyên đã được ghi trong »Ngũ chính hay phụ, các ngữ lục và truyện ký Đăng Hội Nguyên Tục Lược«. của họ đều được gom chép, tính ra có trên 7.000 vị, được khen là một bộ sưu tập NGŨ ĐĂNG NGHIÊM THỐNG Truyền đăng lục hoàn mỹ. Quyển thủ có GIẢI HOẶC THIÊN lời tựa, tấu sớ, phàm lệ v.v.. Trong sách có một số ít thiền tăng bị trùng lặp. Sách, 1 quyển, do Phí Ẩn Thông Dung soạn vào đời Minh, được ấn hành vào niên NGŨ GIA BIỆN hiệu Thuận Trị thứ 11 (1654) đời Thanh và Sách, 1 quyển, do Hổ Quan Sư Luyện (vị

NGŨ GIA BIỆN CHÍNH tăng tông Lâm Tế Nhật Bản) soạn. Nội NGŨ GIA CHÍNH TÔNG TÁN dung sách này nhằm trình bày hệ thống pháp mạch Ngũ gia của Thiền tông Trung Còn gọi: Chính Tông Tán. Sách, 4 quyển, Quốc, giải thích về lai lịch của Thiền sư do Hy Tẩu Thiệu Đàm soạn vào đời Tống, Tuyết Phong Nghĩa Tồn và các tông Vân được ấn hành vào niên hiệu Bảo Hựu thứ 2 Môn, Pháp Nhãn thuộc hệ Thanh Nguyên (1254) đời Tống, sau đó được xếp vào Tục đều xuất phát từ cửa của Mã Tổ Đạo Nhất Tạng kinh tập 135, trang 903. Nội dung (hệ Nam Nhạc), Thiền sư Dược Sơn Duy gồm có lược truyện của chư Tổ từ Bồ-đề Nghiễm và pháp hệ đời sau của ngài là Đạt-ma đến Tuyết Phong Nghĩa Tồn cho tông Tào Động cũng thuộc về Mã Tổ Đạo đến hơn 70 vị kỳ túc của 5 tông phái Thiền Nhất. (Thiền tông ngũ gia). Sau mỗi truyện đều có phụ 1 bài tán làm theo thể đối ngẫu tứ Ngũ gia (năm nhà) của Thiền tông đều lục để miêu tả hình dáng và tác lược của thuộc pháp hệ của Mã Tổ Đạo Nhất, đến thiền sư. nỗi các pháp hệ đời sau của Thanh Nguyên Hành Tư chẳng còn ai cả. NGŨ GIA NGỮ LỤC Còn gọi: Ngũ Tông lục. Ngữ lục, 5 quyển, NGŨ GIA BIỆN CHÍNH do Quách Ngưng Chi soạn vào đời Minh. Nội dung thu thập 7 loại ngữ lục của 5 Sách, 1 quyển, do Đức Nghiêm Dưỡng tông phái Thiền (Thiền tông ngũ gia): Tồn (vị tăng Nhật Bản) soạn, là tác phẩm 1. Trấn Châu Lâm Tế Huệ Chiếu Thiền sư trình bày về hệ thống Thiền tông Trung ngữ lục, 1 quyển của tông Lâm Tế. Quốc, được ấn hành vào khoảng niên hiệu 2. Đàm Châu Quy Sơn Linh Hựu Thiền sư Nguyên Lộc (1688-1703) triều vua Đông ngữ lục, 1 quyển của tông Quy Ngưỡng. Sơn Nhật Bản, sau đó được xếp vào Tục 3. Viên Châu Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền Tạng kinh 147, trang 691. sư ngữ lục 1 quyển của tông Quy Ngưỡng. 4. Thụy Châu Động Sơn Lương Giới Thiền Do các vị như: Hổ Quan Sư Luyện cho sư ngữ lục 1 quyển của tông Tào Động. rằng 5 tông phái: Lâm Tế, Quy Ngưỡng, 5. Phủ Châu Tào Sơn Bản Tịch Thiền sư Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn đều thuộc ngữ lục 1 quyển của tông Tào Động. một pháp hệ của Mã Tổ Đạo Nhất, thuyết 6. Vân Môn Khuông Chân Thiền sư quảng này trải qua vài trăm năm đến nay vẫn còn lục 1 quyển của tông Vân Môn. ảnh hưởng. Dưỡng Tồn rất hoài nghi lập 7. Kim Lăng Thanh Lương Viện Văn Ích luận này nên chịu khó tìm cho ra lẽ. Đến Thiền sư ngữ lục 1 quyển của tông Pháp khi gặp quyển »Pháp Môn Sừ Quỹ« của Nhãn. Bạch Nham Tịnh Phù soạn vào đời Thanh Ngoài 2 quyển ngữ lục của tông Lâm Tế và truyền vào Nhật Bản, đủ để sửa

lại những Vân Môn, 5 quyển ngữ lục còn lại đều mới ngộ nhận của Hổ Quan Sư Luyện, Dưỡng được biên tập lần đầu. Tồn liền soạn sách này và phụ lục »Pháp Môn Sừ Quỹ« phía sau. NGŨ GIA THAM TƯỜNG YẾU LỘ

NGŨ PHÁI NHẤT TRÍCH ĐỒ MÔN — Chính thiên tương tư của tông Tào Sách, 5 quyển, do Đông Linh Viên Từ (vị Động. tăng Nhật Bản) soạn, được ấn hành vào — Sư tư xướng họa của tông Quy niên hiệu Thiên Minh thứ 8 (1788) Nhật Ngưỡng. Bản, sau đó được xếp vào Đại Chính Tạng — Xuất ngữ cao cổ của tông Vân Môn. tập 81. Tác giả cho rằng Tông phong của 5 — Kiến sắc minh tâm của tông Pháp tông phái Thiền (Thiền tông ngũ gia) tuy Nhãn. khác nhau, nhưng đều lấy việc tham cứu — Các pháp môn (Phương pháp tu thiền) cho thấu suốt lẽ sinh tử làm chính, chỉ sai của các nhà như sau: khác ở nơi yếu môn mà thôi. Nhân đây tác — Tứ tân chủ, Tứ liệu giản, Tam huyền giả thu thập những điểm đặc sắc về môn tam yếu của tông Lâm Tế. phong của 5 tông phái để soạn thành sách — Chính thiên ngũ vị, Tứ tân chủ của tông này. Nội dung bàn về chỗ thân sơ: Tào Động. — »Cơ phong pháp chiến« của tông Lâm Dưới mỗi pháp môn, tác giả đều có lược Tế. giải và kèm theo bài tụng. — »Chọn lựa lời nói« của tông Vân Môn. Sách này giúp cho người mới học hiểu — »Tham cứu tâm địa« của tông Tào được pháp yếu của thiền môn, được ấn Động. hành vào niên hiệu Khang Hy thứ 42 — »Tiên lợi tế« của tông Pháp Nhãn. (1703) đời Thanh. — »Minh tác dụng« của tông Quy Ngưỡng và tìm hiểu tỉ mỉ về hành tích cùng ngữ lục NGŨ PHÁI NHẤT TRÍCH ĐỒ của mỗi Tổ sư. Phụ lục: Thị chúng vào ngày mồng 8 tháng Sách, 1 quyển, do Nhật Am Nhất Đông (vị chạp, Khán kinh bảng. thiền tăng Nhật Bản) soạn, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 147, trang 697. Từ đời NGŨ GIA TÔNG CHỈ TOẢN YẾU Tống trở đi có thuyết về nguồn gốc và sự phát triển việc truyền thừa 5 tông phái Còn gọi: Tam Sơn Lai Thiền sư Ngũ Gia Thiền (Thiền tông ngũ gia) của các vị: Đạt Tông Chỉ Toản Yếu. Sách, 3 quyển, do Quan Đàm Dĩnh, Giác Phạm Huệ Hồng, Tam Sơn Đăng Lai soạn vào đời Thanh, Mộng Đường Giác v.v... Nhưng Hổ Quan Tính Thống biên tập, được xếp vào Tục Sư Luyện là 1 vị thiền tăng Nhật Bản, Tạng kinh tập 114, trang 507. Toàn sách không đồng với các ý kiến trên, viết 1 trình bày về pháp môn quan trọng và tông quyển »Ngũ Gia Biện«, chủ trương rằng 5 phong đặc biệt của 5 tông phái Thiền tông đều thuộc về 1 hệ phái của Mã Tổ. (Thiền tông ngũ gia), đặt nặng ở tông Lâm Vì thế, Nhất Đông liệt kê Cảnh Đức Tế và tông Tào Động. Còn phụ lục thuyết Truyền Đăng lục của Đạo Nguyên, »Trùng Tam thân tứ trí, niêm bình về Bát thức. Hiệu Ngũ Gia Tông Phái Tự« của Mộng Chỗ trình bày về tông phong của các nhà Đường, »Ngũ Gia Biện« của Hổ Quan Sư như sau: Luyện, rồi so sánh những điểm dị đồng, — Toàn cơ đại dụng của tông Lâm Tế. cuối cùng kết luận rằng thuyết của Hổ

NGŨ PHÚC TỰ THÁP Quan là rất chính xác. — Thiên Ninh Vạn Thọ Vĩnh Tộ, Chiết Giang. NGŨ PHÚC TỰ THÁP — Hộ Thánh Vạn Thọ, Chiết Giang. Còn gọi: Văn Phong Tháp. Nằm trong — Thái Bình Hưng Quốc, Giang Tô. khuôn viên Văn Phong Thiền Viện, đường — Báo Ân Quang Hiếu, Giang Tô. Văn Phong, thành phố Nam Thông, tỉnh — Tư Thánh, Chiết Giang. Giang Tô, Trung Quốc. Xây dựng vào niên — Long Tường, Chiết Giang. hiệu Vạn Lịch thứ 46 (1618) đời Minh, — Sùng Thánh, Phúc Kiến. khoảng niên hiệu Gia Khánh (1796-1820) — Bảo Lâm, Chiết Giang. đời Thanh trùng tu.

Tháp kết cấu bằng — Vân Nham, Giang Tô. gạch gỗ, 5 tầng, hình bát giác theo kiểu lâu — Quốc Thanh, Chiết Giang các. Thân tháp xây gạch, mái tháp, tòa 2. Nhật Bản: bằng, lan can làm bằng gỗ. Cửa tháp mỗi Gồm hai loại: Ngũ sơn thập sát ở Kinh đô tầng có 4 cái giả thật đan xen trên dưới. (Kyōto) và Liêm Thương (Kamakura). Đỉnh tháp hình bát giác nhọn đầu, tháp sát a. Kinh đô: nhỏ dài, trên chiếc bát úp là tướng luân 7 Ngũ Sơn: Thiên Long, Tướng Quốc, Kiến lớp. Tháp cao 39m, mái vươn ra khá dài, Nhân, Đông Phúc, Vạn Thọ. Thập sát góc mái vểnh ngược lên trời, cổ xưa thuần (Mười chùa): Đẳng Trì, Lâm Xuyên, Chân phác ưu mỹ, đây là một tòa tháp kiểu lâu Như, An Quốc, Bảo Tràng, Phổ Môn, các bằng gạch gỗ điển hình ở Giang Nam Quảng Giác, Diện Quang, Đại Đức, Long đời Minh. Bởi trên tháp sát trang sức 5 con Tường. dơi lớn, nên mọi người quen gọi thiền viện b. Liêm Thương: là »Ngũ Phúc Tự«, gọi tháp là »Ngũ Phúc Ngũ sơn: Kiến Trường, Viên Giác, Thọ Tự Tháp«. Phúc, Tịnh Trí, Tịnh Diệu. Thập sát: NGŨ SƠN THẬP SÁT Thiền Hưng, Thụy Tuyền, Đông Thắng, Vạn Thọ, Đông Tiệm, Vạn Phúc, Thái Còn gọi: Ngũ nhạc thập sát. Năm ngôi Khánh, Hưng Thánh, Pháp Tuyền, Trường chùa bậc nhất và 10 ngôi chùa bậc nhì Lạc. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. thuộc Thiền tông trong các ngôi chùa Sắc tứ ở Trung Quốc và Nhật Bản. NGŨ TỔ SƠN 1. Trung Quốc: Còn gọi: Phùng Mậu Sơn, Đông Sơn. Núi Vua Tống Ninh Tông chế định như sau: nằm ở phía đông bắc huyện Huỳnh Mai Ngũ sơn (Năm chùa đều thuộc tỉnh Chiết tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, vì Ngũ tổ Hoằng Giang): Nhẫn hoằng dương Thiền tông ở núi này — Hưng Thánh Vạn Thọ . nên mới có tên như thế. Sau khi Hoằng — Cảnh Phúc Linh Ẩn . Nhẫn thị tịch, Thần Tú còn ở núi này mai — Tịnh Từ . táng di hài của ngài. Về sau, các vị: Sư — Cảnh Đức . Giới, Tú Thiền sư, Pháp Diễn nối tiếp — Quảng Lợi . thuyết pháp ở núi này. Trong số đó, Pháp Thập sát (Mười chùa): Diễn đã lập một đại tòng lâm tại núi Ngũ

NGŨ TÔNG NGUYÊN Tổ và phát triển mạnh môn phong Dương may sai biệt cũng không thể có.« Kỳ thuộc tông Lâm Tế, môn đồ rất đông. Lưng chừng núi có chùa Chân Huệ do Ngũ NGŨ TÔNG NGUYÊN tổ Hoằng Nhẫn sáng lập. Luận nghị, 1 quyển, do Hán Nguyệt Pháp Tạng soạn vào đời Minh, được ấn hành vào NGŨ TÔNG niên hiệu Sùng Trinh thứ 1(1628) đời Còn gọi: Ngũ gia. Năm tông. Chỉ năm tông Minh và được xếp vào Tục Tạng kinh tập phái Thiền tông Trung Quốc, đó là: Quy 114, trang 201. Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn và Pháp Tạng phản đối lại tăng nhân tông Tào Pháp Nhãn. Môn phong của năm tông đều Động, mạt sát tông chỉ 5 tông phái Thiền, có sắc thái đặc biệt, truyền thừa tự thành hệ chủ trương chỉ có 1 việc Đức Thích-Ca giơ thống. Việc sáng lập trước sau vào khoảng cành hoa truyền riêng thiền pháp cho Ca-nửa cuối đời Đường đến đời Ngũ Đại, diếp, nên phê bình việc thầm trao trong trong đó ba tông: Quy Ngưỡng, Pháp Nhãn thất là pháp chết (tử pháp). Ông còn nói và Vân Môn đến thời đại Tống – Nguyên quá rằng: Từ Phật Oai Âm Vương về sau, thì sự kế thừa dứt mất, hai tông Lâm Tế và không có 1 lời pháp nào mà chẳng phải là Tào Động thì kéo dài mãi đến ngày nay. dấu ấn của Ngũ gia tông chỉ. Vì để sửa lại Phần »Tông Thừa Yếu Nghĩa« trong những sai lầm của tăng nhân tông Tào DTNL q. 9 ghi: » Động mà sư làm ra sách này. Sau khi sách này viết xong, pháp đệ của sư là Mộc Trần – Đạo Mân viết quyển »Ngũ Tông Tịch«

quở Nhưng điều mà Đạt-ma truyền, vẻn vẹn chỉ trách sư. Đệ tử của sư là Đàm Kiết Hoằng là một pháp lấy tâm ấn tâm mà thôi. Sau Nhẫn lại soạn »Ngũ Tông Cứu« để chê đó sự truyền bá được rộng rãi mới có chi trách Mộc Trần, hết sức biện hộ cho Thầy nhánh là năm tông, và mỗi tông đều có mình. Thầy của Hán Nguyệt là Mật Vân đường lối và mục đích của nó.« Viên Ngộ chê sư là »Đứa học trò theo danh Phần »Tông Thừa Yếu Nghĩa« trong lợi« nên soạn bộ »Tịch Vọng Cứu Lược DTNL q. 9 ghi: »
Thuyết« gồm 10 quyển. Vua Ung Chính đời Thanh cũng soạn
»Giản Ma Biện Dị Lục« để bác »Ngũ Tông Cứu« của Đàm
Kiết. Thế là, Ngũ Tông Nguyên trở thành quyển
sách gây ra việc tranh luận trong – Đưa ra nhận xét về chốn thiền môn, do
đây chúng ta có thể những điều tóm tắt quan trọng của Năm thấy một mảng nhỏ thiền
phong của đời tông như trên đều là lược nêu một vài Minh. Nội dung sách này gồm 8
chương: phương diện. Nơi dụng thì có muôn vàn sai Lâm Tế tông, hai dòng hợp thành
một tông khác nhưng thể thì không hai mối. Thấy đến nay là có căn cứ, Vân Môn tông,
Quy được như thế liền biết tất cả pháp đồng dị, Ngưỡng tông, Pháp Nhãn tông, Tào
Động tất cả cơ chết sống, cho đến chỗ các ông tông, Tổng pháp, Truyền y pháp chú và
thông suốt, đều thờ một nhà, dù tìm mảy phụ lục phần Tụng ngữ.

NGŨ VỊ QUÂN THẦN NGŨ VỊ QUÂN THẦN Thiền
pháp được trình bày thành hệ thống và cũng là phương pháp
đặc biệt để tiếp – Tam huyền tam yếu (Ba dẫn người học của tông Tào Động, do
2 vị huyền ba yếu, Ngũ vị quân thần (Năm vị Tổ là Lương Giới và Bản Tịch chế ra. vua
tôi), Tứ chủng tạng phong (Bốn thứ Tổ sư phối hợp Quân vị (Chính vị) và tạng phong),
Bát phương châu ngọc (Tám Thần vị (Thiên vị) thành 5 vị để giải thích hướng châu
ngọc), 30 năm trước mỗi vị sự nhận thức về thiền pháp và tình huống tranh nhau thi
triển cơ phong mà nay nói tham thiền. Theo lời nói đầu của Tào Sơn thái bình tức là
mỗi người trở về nguồn Bản Tịch trong Ngũ vị quân thần trong của chính mình vậy«.
sách Nhân Thiên Nhãn Mục q. 3 thì 5 thứ NGŨ VỊ THIỀN tình huống này là: 1.
Quân (vua) là Chính vị, thuộc Không giới, xưa nay không một Thiền pháp theo thứ bậc
từ cạn đến sâu, vật; 2. Thần (tôi) là Thiên vị, thuộc sắc gồm có 5 loại: Thiền ngoại đạo,
Thiền giới, có muôn hình tượng; 3. Thần hướng phàm phu, Thiền Tiểu thừa, Thiền Đại
quân (bầy tôi theo vua) là Thiên trung thừa, Thiền Tối thượng thừa. Tiết Quy chính, bỏ
sự vào lý; 4. Quân thị thần (vua Tông Trí Thường Thiền sư trong NĐHN q. xem lấy bầy
tôi) là Chính trung thiên (còn 3 ghi: » gọi Chính trung lai), trái lý theo
sự; 5. Quân thần đạo hợp (vua tôi hợp nhau), là
kiêm đới ngữ, thầm ứng các duyên, không – Tăng từ biệt, Sư hỏi: Đi đâu?
Tăng phi nhiễm phi tịnh, phi chính phi thiên, hết thưa: Đi đến các nơi học ngũ vị thiền.
Sư sức huyền diệu. Cùng trong quyển sách bảo: Các nơi có ngũ vị thiền, ta ở đây chỉ này
còn có Ngũ vị công huân đồ (biểu đồ có nhất vị thiền«. về năm vị công huân). Thuật
ngữ trong ấy sử dụng hơi có chỗ khác nhau. Đó là: NGUYÊN AN (834-898) 1. Chính
trung thiên là địa vị Vua. Thiền tăng đời Đường, họ Đàm, người xứ Lân Du (nay thuộc
tỉnh Thiểm Tây) Trung 2. Thiên trung chính là địa vị bầy tôi. Quốc. Năm 20 tuổi sư xuất
gia ở chùa Hoài 3. Chính trung lai là Vua xem thấy bầy tôi. Ân, thụ giới cụ túc và thông

hiểu kinh 4. Kiêm trung chí là bầy tôi theo Vua. luận, hỏi đạo ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền và 5. Kiêm trung đáo là Vua tôi hợp nhau. làm thị giả Ngài. Về sau tham Giáp Sơn Bộ thuật ngữ này cùng với Ngũ vị quân Thiện Hội, dưới lời nói liền tin phục Ngài, thần tụng của Động Sơn Lương Giới ghi nương ở giáp năm, ngộ được tâm yếu. Sư trong Ngũ Đăng Hội Nguyên q. 13 hợp dời đến núi Lạc Phố, Lễ Châu rồi dời đến nhau, có thay đổi chút ít, ý tứ đại khái Tô Khê (nay thuộc Hà Nam), tiếp hóa tăng giống nhau. Ngũ vị quân thần là công án chúng bốn phương, thù đáp thỉnh ích. Lời nổi tiếng, trong thiền lâm thường niêm đề. nói hoa mỹ, có rất nhiều câu nói cảnh sách Huệ Nam ngữ lục ghi: »
được lưu truyền rộng rãi. Có công án »Lúc lâm chung
tiếp hóa Thượng tọa Ngạn

NGUYÊN LAI (1575-1630) Tùng« rất nổi tiếng. thụ giới đông đến vạn người. Thụy hiệu »Phổ Minh Quảng Tế Thiền sư«. Tác NGUYÊN CẢNH (1577-1630) phẩm: Cao Phong Diệu Thiền sư ngữ lục, Thiền tăng đời Minh, họ Mã, tự Hối Đài, Cao Phong Hòa thượng Thiền Yếu. hiệu Kiến Như, Trạm Linh, người xứ Kiến Dương (nay thuộc Phúc Kiến) Trung NGUYÊN HIỀN (1578-1657) Quốc. Thiền tăng đời Minh, họ Thái, tự Vĩnh Năm 1064, sư cạo tóc làm tăng, đọc kinh Giác, người xứ Kiến Dương, Phúc Kiến, Lăng Nghiêm có sở đắc nên đến chùa Thọ Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Huệ Kinh Xương yết kiến ngài Huệ Kinh, phấn chí chùa Đổng Nham, đời thứ 32 hệ Thanh tham cứu. Một hôm, sư đọc Duy Ma Cật Nguyên. Trước trụ chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sở Thuyết Kinh hoát nhiên đại ngộ, đọc lại Sơn, sau trụ chùa Khai Nguyên ở Tuyền Kinh Viên Giác nghi tình hết sạch. Sư từng Châu. Tác phẩm: Bổ Đăng, Kế Đăng, trụ chùa Đông Uyển núi Vũ Di. Năm 1620, Thiền Dư, Nguyên Hiền quảng lục. sư khai pháp ở Nhất Chi Am, rồi quay về ẩn nơi hang Thạch Bình, núi Vũ Di. Tác NGUYÊN HỐI (1292-1372) phẩm: Phác Viên tập, Ngữ lục, mỗi thứ 1 Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Vô Ẩn quyển. Nguyên Hối, vào niên hiệu Chí Đại thứ 3 (1310) sư sang nhà Nguyên (Trung Quốc). NGUYÊN CHÂN THIỀN SƯ Đắc pháp nơi Thiền sư Minh Bản, đời thứ 24 hệ Nam Nhạc, đời thứ 7 tông Lâm Tế Thụy hiệu của Thiền tăng Linh Siêu, đời Nhật Bản. Lần lượt trụ các chùa Thánh Đường. X. Linh Siêu. Phúc, Viên Giác, Kiến Trường.

NGUYÊN DIỆU (1238-1295) NGUYÊN KHUÊ (644-716) Thiền tăng sống vào cuối đời Tống-đầu đời Thiền tăng Bắc Tông sống vào đời Đường, Nguyên, họ Từ, tự Cao Phong, người xứ họ Lý, người xứ Y Khuyết (nay là huyện Y Ngô Giang Tô Châu (nay thuộc Giang Tô) Xuyên, tỉnh Hà Nam) Trung Quốc. Xuất Trung Quốc. 15 tuổi xuất gia, 17 tuổi thụ gia từ thuở bé, đến năm 683 Sư thụ giới cụ giới cụ túc, 18 tuổi học giáo Thiên Thai túc, đến chùa Nhàn Cư ở Tung Sơn nghiên được ý chỉ. Sư chuyên mộ thiền pháp, cứu giới luật. Sau đó tham yết Quốc sư tham vấn ngài Đoạn Kiều Diệu Luân, sau Huệ An, đốn ngộ huyền chỉ, rồi dời đến yết kiến Tuyết Nham Tổ Khâm và được Bàng Ổ. Cuộc đời giáo hóa của Sư từng ngài truyền tâm ấn. Năm 1269, khi bạn gặp phải vài việc lạ như: thần nhân xin quy đồng tham chợt đẩy cái gối rơi xuống đất, y thụ giới, giúp sư sửa chùa khiến sư càng sư nghe tiếng động này mà triệt ngộ. Năm thêm nổi tiếng. 1279, sư dựng một thất nhỏ ở hang Sư Tử núi Thiên Mục đề tên là »Tử Quan«, trong NGUYÊN LAI (1575-1630) 15 năm không bước ra khỏi cửa, tiếng tăm Thiền tăng đời Minh, họ Sa, tự Đại Nghĩ, vang xa, số người tham học và tăng tục đến hiệu Vô Dị, người đời gọi là

»Bác Sơn

NGUYÊN MẬT (1579-1649) Thiền sư«, người xứ Thơ Thành (nay thuộc NGUYÊN QUY tỉnh An Huy) Trung Quốc. Thuở bé học Con rùa lớn. Ngày xưa thường dùng mai Nho, giỏi văn chương, đến Nga Hồ yết rùa để bói việc cát hung. Ở đây chỉ cho kiến Thiền sư Huệ Kinh. Một hôm, sư đi khuôn phép muôn đời vậy. Thiền Lâm Bảo cầu xí thấy người leo cây bèn ngộ chí đạo, Huấn q. 1 (Đại 48, 1021 thượng) ghi: » đối đáp không trệ ngại, được truyền tâm ấn và nối pháp Huệ Kinh, thuộc tông Tào – Thiện Động. Năm 1602, sư ra hoằng pháp trụ ác cùng một loại, chính xác như xâu hạt Bác Sơn, từng trụ các chùa: Đổng Nham, chuỗi. Thịnh suy theo phép tắc tuần hành, Đại Ngưỡng, Ngọc Cổ Sơn, Thiên Giới. tỏ rõ như xem mặt trời vậy. Đó là khuôn Tác phẩm: Quảng lục 35 quyển, Tập Yếu 1 phép muôn đời mà người làm Trụ trì cần quyển, Bác Sơn Tham Thiền Cảnh Ngữ 2 phải biết«. quyển. NGUYÊN SÙNG (713-777) NGUYÊN MẬT (1579-1649) Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu xứ Lâm Chiết (nay thuộc tỉnh Sơn Đông) đời Thanh, họ Hồ, tự Nhiên, Kiến Như, Trung Quốc. Sư mồ côi từ bé. Năm 15 tuổi người xứ Nam Thành (nay thuộc tỉnh làm đạo sĩ, sau đó trở về với đạo Phật. Giang Nam) Trung Quốc. Năm 21 tuổi Năm 741, sư theo Thiền sư Toàn ở chùa theo cha đến chùa Bảo Phương yết kiến Ngõa Quan thưa hỏi về tâm yếu. Năm 757, ngài Huệ Kinh, xin xuất gia nhưng cha du lịch các danh thắng trong nước. Sư kết chẳng cho, liền nương với Thiền sư Kim bạn với Vương Duy, Tiêu Hân, suốt ngày Sơn xuất gia. Năm kế trở về yết kiến Huệ bàn luận cao xa, việc gì khó và sâu kín Kinh được ngài bảo làm Hỏa đầu. Một cũng tìm ra mà chẳng biết mệt mỏi. Về già hôm đẩy cối xay bị trượt tay, sư có chỗ sư ẩn núi Chung Nam, Kim Lăng (nay là tỉnh ngộ. Về sau, sư vào ngọn Kim Lâu, Nam Kinh) hơn 20 năm rồi thị tịch. nghe ếch kêu liền triệt ngộ. Sau khi Huệ Kinh tịch, sư kế tiếp trụ trì chùa Thọ NGUYÊN TẾ (1620-1707) Xương. Tác phẩm: Chỉ Cứ tập. Thiền tăng đời Minh, họ Chu, tự Thạch Đào, hiệu Hạt Tôn Giả, Khổ Qua Hòa NGUYÊN QUANG (1290-1367) Thượng, con của Vân Sở Vương hoặc Tịnh Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Tịch Thất Giang Vương đời Minh, người xứ Tịnh Nguyên Quang, họ Đằng Thị. Vào niên Giang, Giang Tô, Trung Quốc. Nối pháp hiệu Diên Hựu thú 7 (1320) sư sang nhà Thiền sư Bản Nguyệt, đời thứ 37 hệ Nam Nguyên (Trung Quốc). Nối pháp Thiền sư Nhạc. Trụ trì Đại Địch Đường ở Dương Cổ Mai Chính Hữu, đời thứ 25 hệ Nam Châu. Tác phẩm: Khổ Qua Hòa Thượng Nhạc, đời thứ 8 tông Lâm Tế Nhật Bản. họa ngữ lục Trụ trì chùa Vĩnh Nguyên. Có ngữ lục truyền lại đời. NGUYÊN THIỀU (1631-1721) Thiền tăng đời Minh, họ Tạ, hiệu Hạnh

NGUYÊN TRƯỜNG (1284-1357) Đoan, người xứ Triều Châu, Quảng Đông, Kê (Thiệu Hưng, Chiết Giang). Thuở nhỏ Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Thông xuất gia tại chùa Đại Báo Ân, lại đến chùa Hiền, đời thứ 36 hệ Nam Nhạc, Sơ Tổ phái Tập Khánh ở Hổ Lâm theo Pháp sư Thiên Thiền Nguyên Thiều Việt Nam. Vào niên Ngạn Tế tu tập giáo nghĩa Thiên Thai. hiệu Khang Hy thứ 4 sư theo thuyền buôn Niên hiệu Chí Chính thứ 4 (1338) đời đến vùng Quy Ninh, tỉnh Bình Định, Trung Nguyên, đến Kính Sơn tham vấn Nguyên bộ Việt Nam. Tại đây sư sáng lập Phật Học Tẩu Đoan Công, sư vừa vào cửa, Nguyên Viện, xây cất chùa Di-đà Thập Tháp, sau Tẩu hét một tiếng, Nguyên Tịnh nghe

như đó lần lượt cất chùa Hà Trung ở Thừa tiếng sấm nổ hoát nhiên khai ngộ liền cúi Thiên, chùa Quốc Ân ở Thuận Hóa. Sư trụ đầu làm lễ. Lại hỏi ba bốn chuyển ngữ đều trì chùa Hà Trung. Triều Lê Việt Nam ban rất hợp ý Nguyên Tẩu liền thâu làm đệ tử, thụy là Hạnh Đoan Đại Sư. sai giữ chức ký thất. Niên hiệu Chí Chính thứ 16 (1356) sư trụ trì chùa Trường NGUYÊN THÔNG (1136-1209) Khánh ở Hội Kê, người hỏi đạo bốn Thiền tông đời Nam Tống, họ Chu, tự Phật phương nghe tiếng tìm đến. Niên hiệu Trí, người xứ Trường Lạc, Phúc Kiến, Hồng Võ thứ 1 (1368) đời Minh theo chiếu Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Phúc vua sư đến Nam Kinh. Năm thứ 9 (1376) Nham Văn Diễn, đời thứ 17 hệ Nam Nhạc. sư trụ trì chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu. Về Trụ trì Mông Am Kính Sơn, Hàng Châu. sau sư tịch tại chùa Ninh Quốc. Tác phẩm: Phác Viên tập, Tam Hội ngữ lục. NGUYÊN TĨNH (1065-1135) Thiền tăng đời Tống. Về già đổi tên là Đạo NGUYÊN TRIỆU Hưng, họ Triệu, tự Nam Đường, người xứ Thiền tăng đời Tống, họ Phan, hiệu Hoài Lãng Châu (nay là huyện Lang Trung tỉnh Hải, người Tĩnh Hải, Thông Châu (nay là Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư bác thông Nam Thông, Giang Tô) Trung Quốc. Sư Kinh truyện, giỏi văn chương. Xuất gia nối pháp ngài Chiết Ông Như Diễm, làm năm 23 tuổi, nối pháp Thiền sư Ngũ Tổ truyền nhân tông Lâm Tế, trụ trì các chùa: Pháp Diễn, thuộc tông Lâm Tế, phái Báo Ân Quang Hiếu Thiền tự ở Thông Dương Kỳ. Sư khai sáng viện Nam Đường Châu, Thanh Nguyên Quảng Huệ Thiền tự, ở núi Đại Tùy, Bành Châu (nay là huyện Vạn Niên Báo Ân Quang Hiếu Thiền tự, Bành, tỉnh Tứ Xuyên) nên được người đời Vạn Thọ Báo Ân Quang hiếu Thiền tự, gọi là »Nam Đường Nguyên Tĩnh«. Sư Giang Tâm Long Tường Hưng Khánh từng trụ các chùa Chiếu Giác, Năng Nhân. Thiền tự, A-dục Vương Sơn Quảng Lợi Bậc thức giả cho rằng Nguyên Tĩnh truyền Thiền tự. Tác phẩm: Hoài Hải Ngoại Tập, đạo pháp Đông Sơn sâu sắc và rõ ràng. Hoài Hải Nã Âm, Ngữ lục.

NGUYÊN TĨNH (1312-1378) NGUYÊN TRƯỜNG (1284- Thiền tăng đời cuối Nguyên đầu Minh, họ 1357) Nghê, tự là Thiên Cảnh, Thiên Giác, hiệu Thiền tăng đời Nguyên, họ Đổng, tự Vô là Phác Ẩn, Cối Kê Sơn Tiêu, người Cối Minh, hiệu Thiên Nham người xứ Tiêu

NGUYỆN CHIÊU Sơn (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung THIỀN SƯ NGỮ LỤC Quốc. Thuở bé xuất gia, 19 tuổi thụ giới cụ túc, nối pháp Thiền sư Trung Phong Minh Còn gọi: Nguyệt Giang Hòa thượng ngữ Bản. Năm 1327, Sư trụ chùa Thánh Thọ lục, Nguyệt Giang Ấn Thiền sư ngữ lục. núi Phục Long ở Nghĩa Điểu, người học Ngữ lục, 3 quyển, do Nguyệt Giang Chính khắp nơi vân tập, sư thuyết pháp chẳng Ấn soạn vào đời Nguyên, nhóm ông Cư ngừng. Thụy hiệu: Phật Huệ Viên Giám Giản... biên tập, được xếp vào Tục Tạng Thiền sư. kinh tập 123, trang 217. Nội dung thu thập các lời thượng đường và tiểu tham của NGUYỆN CHIÊU Thiền sư Chính Ấn tại chùa Bích Vân, Thiền tăng đời Tống, người xứ Tiền chùa Đạo Tràng cùng với các phần: Niêm Đường, nối pháp Thiền sư Linh Ẩn Thanh cổ, Tụng cổ, Phổ thuyết, Pháp ngữ, Tán... Tủng, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư trụ viện La Hán, Tú Châu (nay là huyện Thiệu NGUYỆT HÀ (1858-1917) Hưng, tỉnh Chiết Giang). Sau trụ chùa Tăng nhân cận đại, họ Hồ, tên Hiển Châu, Hương Nghiêm, Hàng Châu. người huyện Hoàng Cương, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Năm 19 tuổi sư xuất gia ở NGUYỆN HỌC (?-1174) chùa Quán Âm,

Nam Kinh, rồi đến chùa Thiền tăng đời Lý, dòng Vô Ngôn Thông Đại Thông Liên Hoa thụ giới cụ túc. Sư cất đời thứ 10, nối pháp Thiền sư Viên Trí. Sư am tĩnh tu ở núi Chung Nam, vừa khai họ Nguyễn, quê ở làng Phù Cẩm, miền Bắc khẩn vừa tu thiền. Sư đến núi Thái Bạch Việt Nam (tức làng Phù Cẩm, huyện Yên nương Thiền sư Liễu Trần học thiền 3 năm Phong, tỉnh Bắc Ninh ngày nay). xem như một ngày, nghe giảng kinh Duy-ma, sư ngộ nhập pháp môn Bất nhị, rất NGUYỆN TỀ được Liễu Trần khen ngợi, và nối pháp Thiền tăng đời Ngũ Đại. Tề còn gọi là Tế. ngài, thuộc tông Lâm Tế. Năm 1914 sư Họ Giang, người Tiền Đường (nay là Hàng sáng lập Đại học Hoa Nghiêm ở Thượng Châu). Thuở nhỏ xuất gia nơi chùa Thủy Hải, còn xây thiền đường, giảng đường ở Tâm, sau khi thọ giới cụ túc sư tu tập giáo Viên Trung, hằng ngày tọa thiền và giảng pháp Thiên Thai, chuyên nghiên cứu chỉ kinh luận Đại Tiểu thừa. Một đời sư tuy quán. Sư đắc pháp nơi Quốc sư Thiên Thai lấy việc hoằng dương tông Hoa Nghiêm Đức Thiều làm truyền nhân tông Pháp làm nhiệm vụ, song căn bản của sư vẫn là Nhãn. Vào núi Nhạn Đãng ẩn tu. Ngô Việt Thiền tông, điều đáng nói là không ngày Vương xuống chiếu thỉnh trụ trì chùa Tiêm nào sư không tọa hương tham thiền, không Khánh ở cửa tây Hàng Châu, không bao năm nào sư không đả thiền thất. lâu sư từ chối trở về núi. Thị tịch vào khoảng niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc NGUYỆT LÃNG TOÀN (976-983) đời Tống. (1855-1915) Thiền tăng đời Thanh, họ Đan, tên Toàn, NGUYỆT GIANG CHÍNH ẤN tự Nguyệt Lãng, người xứ Thái Hưng,

NGỮ LỤC Giang Tô, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư lung quá. Vô thường nhanh chóng nghen! Lãng Huy Sự, đời thứ 48 hệ Nam Nhạc. Sư bất giác ra mồ hôi đầm đìa«. Trụ trì chùa Cao Mân (Giang Đô, Giang Tô). Có ngữ lục truyền lại đời. NGUYỆT QUANG TỰ Chùa ở phường Đông Khê, quận Ngô NGUYỆT LUÂN Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam, 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại (854-925), họ do Thiền sư Như Hiện trụ trì. Hứa, người xứ Phúc Đường (nay là huyện Phúc Thanh, tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc, NGƯ MỤC HỖN CHÂU nối pháp Thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội, Mắt cá lẫn lộn với trân châu. Theo »Ngọc nương thầy 7 năm. Sau chúng thỉnh trụ Thanh Kinh« ghi chép: Thời xưa có một Hoàng Sơn Hàng Châu (nay thuộc Chiết người tên là Mãn Nguyện, rất thích trân Giang). châu (tức ngọc trai). Một hôm đi chợ, ông 2. Thiền tăng đời Thanh, họ Dị, người xứ phát hiện ra một hạt trân châu rất đẹp, ông Mã Long (nay thuộc Vân Nam) Trung bỏ món tiền lớn để mua về. Ông hàng xóm Quốc. Năm 18 tuổi xuất gia, thụ giới cụ túc tên là Thọ Lượng cũng là người rất thích xong, sư tham vấn Thiền sư Chân Viên trân châu. Một lần trên đường đi nhìn thấy Nguyệt Đàm và nối pháp ngài, thuộc tông một mắt cá to, tưởng là trân châu, liền nhặt Lâm Tế. Sư còn tham vấn các bậc danh túc về nhà cất đi. Về sau có người bị ốm, cần nam bắc, 20 năm ở kinh sư, số người đến có trân châu để chữa bệnh. Mãn Nguyện và thọ giáo xa gần rất nhiều, nổi tiếng ở triều Thọ Lượng đều mang trân châu của mình đình, 2 lần được ban cho y hồng, Long ra, mọi người so sánh, phát hiện ra trân tạng. Về già, sư trở về Vân Nam, trụ 2 ngôi châu của Thọ Lượng là mắt cá. Thiền tông chùa lớn nổi tiếng: Hoa Đình và Hoa mượn cụm từ này để chỉ cho việc nhận Nghiêm, chấn chỉnh lại môn phong. Sư có định, đánh giá sai lầm. Tiết Lang Sơn Huệ Ngữ lục truyền bá ở đời. Ôn Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » NGUYỆT NHẬT – Nhận Tháng. Trong

phức từ này, chỉ riêng chữ lầm Phật ý với Tổ ý như cho mắt cá là Nguyệt là có nghĩa, còn chữ Nhật là chữ minh châu, hiểu sai Tiểu thừa với Đại thừa đệm. Tông Môn Võ Khố ghi: » như cho vỏ quít là lửa đỏ«.

NGỮ LỤC Sách có nội dung gồm những lời khai thị, thuyết pháp của các bậc Tổ sư trong Thiền – Lúc sư ở Bảo Phong, Thủ tọa tông. Phần lớn nó gồm những pháp ngữ và Nguyên rất vui. Một hôm,sư xin phép đến do thị giả hoặc các vị theo tham học với yết kiến Lý Thương Lão và nói: Một tháng các ngài sưu tập, ghi chép lại thành sách. sẽ trở về! Sau 40 ngày sư mới trở về. Thủ Từ đời sơ Đường bắt đầu có ngữ lục như: tọa Nguyên gặp lại sư, liền nói: Ôi! Buông Pháp Bảo Đàn Kinh của Lục tổ Huệ Năng.

NGỰ CHẾ GIẢN MA BIỆN DỊ LỤC Từ đời Ngũ Đại, Triệu Tống về sau, Thiền NGỰ TUYỂN NGỮ LỤC tông thành lập chế độ tùng lâm và phần lớn Còn gọi: Ung Chính Ngự Tuyển ngữ lục. các vị Trụ trì là các thiền sư nổi tiếng nên ngữ lục, 19 quyển, do Vua Ung Chính biên ngôn hạnh của các ngài đều được các vị tập vào đời Thanh và được xếp vào Tục chức sắc bên dưới như Thư ký, Chức ty ghi Tạng kinh tập 119, trang 357. chép lại. Chẳng hạn: Mã Tổ Đạo Nhất Vua Ung Chính bất mãn »Cổ Kim Tiệp Thiền sư ngữ lục, Triệu Châu Tùng Thẩm Lục« nên biên tuyển lại thành sách này. Thiền sư ngữ lục. Nội dung bao gồm thiền ngữ của các thiền — Ngữ yếu: Ghi chép những phần quan tăng, cư sĩ và của cả Vua Ung Chính. Gồm trọng trong ngữ lục, như: Bách Trượng có: 12 quyển Chính tập, 1 quyển Ngoại Hoài Hải Thiền sư ngữ yếu. tập, 2 quyển Tiền tập, 3 quyển Hậu tập, 1 quyển Đương kim pháp hội. Chính tập — Biệt tập: Chỉ sưu tập pháp ngữ của một gồm những thiên ngữ yếu ngắn của 15 vị vị thiền sư. như: Tăng Triệu, Vĩnh Gia Huyền Giác, — Thông tập: Sưu tập pháp ngữ của nhiều Hàn Sơn, Thập Đắc, Quy Sơn Linh Hựu, vị thiền sư. Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, Triệu Châu Tùng Thẩm, Vân Môn Văn Yển, Vĩnh Minh NGỰ CHẾ GIẢN MA BIỆN DỊ LỤC Diên Thọ, Tử Dương Chân Nhân Trương Bình Thúc, Tuyết Đậu Trọng Hiển, Viên Ngộ Khắc Cần, Ngọc Lâm Thông Tú, Còn gọi: Giản Ma Biện Dị lục. Lục, 8 Cùng Khê Hạnh Sâm và Thạc Ung Thân quyển, do Vua Ung Chính soạn vào đời Vương Viên Minh Cư sĩ (tức Vua Ung Thanh, được ấn hành vào niên hiệu Ung Chính). Chính thứ 11 (1733), sau đó được xếp vào Ngoại tập gồm »Tịnh Độ vấn đáp« của Tục Tạng kinh tập 114, trang 379. ngài Vân Thê Châu Hoằng. Tiền tập, Hậu Vào đời Minh, thiền tăng tông Lâm Tế là tập đều là ngữ lục của nhiều đời thiền sư. Pháp Tạng soạn 1 quyển sách là »Ngũ Sách này được nhập tạng vào tháng giêng Tông Nguyên«, và đệ tử của sư là Đàm niên hiệu Càn Long thứ 1 (1736) đời Kiết Hoằng Nhẫn cũng soạn »Ngũ Tông Thanh, được Kim Lăng Khắc Kinh Xứ Cứu« 1 quyển, bài bác chủ trương của tông khắc bản vào niên hiệu Quang Tự thứ 4 Tào Động, đưa đến cuộc tranh luận trong (1878) đời Thanh. thiền lâm thời bấy giờ, ảnh hưởng còn lan rộng đến đời Thanh. Vua Ung Chính đời NGƯNG MẬT THIỀN SƯ Thanh soạn sách này cho rằng chủ trương Thiền tông của Pháp Tạng và Hoằng Nhẫn Hiệu của Thiền tăng Khuông Dật đời Ngũ là tà ma dị thuyết và nêu ra ngữ lục của 2 Đại. X. Khuông Dật. vị làm, rồi bài xích từng cái một. Vua còn bảo học trò của Pháp Tạng ăn thịt uống NGƯNG MÂU rượu, phá hoại giới luật, nguy hại đến cửa Vốn có nghĩa là con ngươi của mắt chẳng Phật, cần phải dẹp trừ. chuyển động, trong lúc tập trung chú

ý.

NHẠC LÂM TỰ Thiền tông mượn từ này để chỉ cho thái độ chần chừ, đắn đo suy nghĩ. Tiết Phù Dung Đạo Giai Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » »Phương sơn đỉnh thượng nhất xung điền – Vừa bước lên tòa Tiểu tiểu kiết sơn ngũ cá tiêm này đã dính vào trần lao, lại còn chần chừ Tổ đường hữu tọa vô lượng điện tự bày khuyết điểm«. Ngưu Thủ sơn thượng xuất thần tiên«. Trên đỉnh Phương Sơn mảnh ruộng cao NGƯNG TỊCH ĐẠI SƯ Năm ngọn núi lành bé tẻo teo Thụy hiệu của Thiền tăng Bảo Tích đời Tổ đường có đến vô lượng điện, Đường. X. Bảo Tích. Thần tiên Ngưu Thủ dáng tiêu dao«. NGƯỠNG SƠN HUỆ TỊCH THIỀN (Hạnh Huệ dịch) Trên núi này có rất nhiều tự viện. Pháp SƯ NGỮ LỤC Dung, Tổ tông Ngưu Đầu khai thiền tại Ngữ lục, 1 quyển, do Ngưỡng Sơn Huệ đây, nên núi này là cái nôi của tông Ngưu Tịch soạn vào đời Đường, Ngữ Phong Đầu. Phía nam núi có chùa Phổ Giác, động Viên Tín và Quách Ngưng Chi cùng biên Bích Chi, động Văn-thù. Phía đông nam tập vào đời Minh, được xếp vào Tục Tạng núi có đền Thanh Đạo Nhân, suối La hán, kinh tập 119, trang 860. Nội dung: Đầu bia đá trên vách núi. Trong thời gian kháng tiên kể về hành trạng của Thiền sư Huệ chiến, rừng cây trên núi bị đốn sạch, rất Tịch, kế đến trình bày về cơ ngữ vấn đáp nhiều chùa miếu bị thiêu rụi. Hiện chỉ còn giữa Huệ Tịch với các vị: Bàng cư sĩ, Tam ngôi tháp chùa Hoằng Giác và phần tượng Thánh, Nhũ Nguyên, Bách Trượng, Hoàng tạc trên vách đá. Vào tháng 3 mùa xuân, Bá, Nam Tuyền và khoảng 70 điều về pháp trên núi hoa nở rất đẹp, đặc biệt có »Ngưu ngữ lúc thượng đường, thị chúng. Cuối Thủ Yên Lam« (khói ngút trên núi Ngưu cùng ghi tóm tắt việc thị tịch của ngài Đầu) là 1 trong 48 cảnh đẹp của Kim Lăng. Ngưỡng Sơn. NHẠ NÊ THỦY NGƯU ĐẦU SƠN Gọi đủ: Nhạ nê đới thủy. Lời nói lề mề, Còn gọi: Ngưu Thủ Sơn. Núi thuộc thành chậm chạp. Vân Môn quảng lục ghi: » phố Nam Kinh, tỉnh Giang Tô, Trung – Chẳng phải là Quốc, nằm ngoài Trung Hoa môn 15km. lời nói lề mề chậm chạp, làm sao nói Cao hơn mặt biển 242,9m, do 2 ngọn núi đây?«. đứng cạnh nhau, hình dáng như đầu con Phần Dương ngữ lục q. thượng ghi: » trâu nên gọi là Ngưu Đầu. Niên hiệu Thiên Giám thứ 2 (503) đời Lương (Nam Triều) – Cắt đứt hai đầu, cũng là lời nói lề mề chậm chạp«. trong hang đá Tây Phong của núi này có dựng »Tiên Quật Tự«. Có bài ca dao dân NHẠC LÂM TỰ gian như sau: Chùa ở thành phố Phụng Hóa tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Chùa được bắt đầu

NHAI PHƯỜNG HÓA CHỦ xây dựng vào niên hiệu Đại Đồng thứ 2 tiền và vật thực cho đại chúng. (536) nhà Lương thuộc Nam Triều. Ban đầu nền chùa ở phía tây suối, gọi là Sùng NHAI NGHIỆP Phúc Viện, bị phá hủy vào niên hiệu Hội Gia tài sản nghiệp. Tiết Tưởng Sơn Phật Xương (841-846) đời Đường. Niên hiệu Huệ Cảo Thiền sư trong GTPĐL q. 25 ghi: Đại Trung thứ 3 (849), Thiền sư Nhàn » Khoáng xây dựng lại ở phía đông suối, đổi tên là Nhạc Lâm Tự. Cuối đời Đường, cao tăng Thiền tông là Hòa thượng Bố Đại ở chùa này. Sau đời Ngũ Đại, niên hiệu Trinh Minh thứ 3 (917) đời Lương, ngài – Tưởng mất ở dưới mái đông của Đại điện và do vì Sơn thí dụ cho ngươi biết: giống như gia nơi đây là đạo tràng của ngài

lưu ngụ nên đình nọ, tổ tiên có gia tài sản nghiệp rất người thời ấy vẽ bức tượng toàn thân ngài lớn để lại từ trước đến giờ. Trong nhà có 2 treo ở Đông đường Đại điện. Niên hiệu Đại anh em, mỗi người đều dùng đấu (dụng cụ Trung Tường Phù thứ 8 (1015) nhà Tống, đo lường) để đong tiền xài. Người anh vua ban bảng hiệu »Đại Trung Nhạc Lâm dùng đấu 500 điếu tiền, người em dùng Thiền Tự«. Thiền sư Văn Nhạc từng ở đấu 1 quan. Ngày qua tháng lại, tiêu dùng chùa này, xây gác Sùng Ninh. Hậu điện mãi chẳng thôi, nên gia tài sản nghiệp của còn được xây cất lại. ông cha hết sạch, làm lụy đến con cháu Niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 21 (1423) đời không có chỗ an thân lập mạng«. Minh, bị hủy hoại do nạn binh lửa. Khoảng niên hiệu Chính Đức (1506-1521) mới NHAM TUẤN (882-966) được sửa sang lại. Khoảng niên hiệu Vạn Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Liêm, người Lịch (1573-1615) lại bị phá hủy do nạn xứ Hình Đài (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) binh lửa, rồi đại điện được xây dựng lại. Trung Quốc. Sau khi xuất gia, sư giữ giới Khoảng niên hiệu Sùng Trinh (1628-1644) rất nghiêm. Từng đi qua các núi: Hành cất lại gác Sùng Ninh. Niên hiệu Khang Hy Sơn, Lô Sơn, Dẫn Sơn, nối pháp Thiền sư thứ 12 (1673) đời Thanh, Hòa thượng Khải Đại Đồng Đầu Tử. Sư ra hoằng pháp trụ Am làm hưng thịnh tông phong tại chùa viện Quán Âm ở Biện Kinh (nay thuộc này, xây Thiên Vương điện, Phương huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam), đồ trượng, Đông Tây lang, tháp Phổ Đồng chúng thường vào khoảng vài trăm, tông quy mô rộng lớn; sau đó bị hoang phế. phong hưng thịnh. Lúc Chu Cao Tổ, và Niên hiệu Quang Tự thứ 14 (1888), ngài Thế Tông chưa lên ngôi thường lên Văn Quả tái thiết, đến nay chỉ còn một tòa phương trượng để thi lễ. Đến khi Vua tức Đại điện. vị, có ban cho sư y hồng và hiệu »Tịnh Giới Đại Sư«. NHAI PHƯỜNG HÓA CHỦ NHÀN NGÔN NGỮ Vị tăng có nhiệm vụ đi vào chợ búa để xin Còn gọi: Nhàn ngôn trường ngữ. Lời nói

NHÃN MỤC không có gì quan trọng hoặc là lời nói dư mắt lanh lợi, dụ cho sắc mặt năng nổ khí thừa. Tiết Đầu Tử Đại Đồng Thiền sư khái. Thiền tông mượn từ này để chỉ cho trong NĐHN q. 5 ghi: » nghĩa biện biệt rõ phải trái, được mất. Tắc 93, Thung Dung lục giải thích là biện biệt thị phi, minh liễu đắc thất. Tắc 66, Bích Nham lục (Đại 48, 196 hạ) ghi: »

– Các ông đến đây –

Khi ấy nếu ánh mắt của y có định tìm lời nói hay đẹp, góp nhặt văn hoa chút linh lợi, lập tức hiểu thấu; há chẳng trong miệng ta nói ra. Lão già này khí lực thích lắm sao?«. yếu kém, môi lưỡi chậm lụt, cũng không có lời gì quan trọng để cho các ông. Nếu các NHÃN HOÀNH TỴ TRỰC ông hỏi ta, ta tùy câu hỏi mà đáp, cũng không có huyền diệu để cho các ông«. Mắt nằm ngang, mũi đứng thẳng, tỷ dụ cho mặt mũi xưa nay bình thường tự nhiên, tức NHÀN TRẦN CẢNH chỉ cho Phật tính, Bản tính. Duy Tắc ngữ Chỉ cho các điều kiện ở bên ngoài đều lục q. 1 ghi: » không có ý nghĩa, không có giá trị, cũng chỉ cho sự vô dụng của văn tự, ngôn ngữ. – Phật pháp vốn không có huyền diệu, chỉ Phần Thị Chúng trong LTL (Đại 47, 499 cần các ông, mỗi người biết được mắt nằm thượng) ghi: » ngang, mũi đứng thẳng liền thôi«. NHÃN LÝ TRỪU ĐINH, NÃO HẬU – Hiện nay, người học BẠT TIỄN đạo cần phải tự tin, chớ có tìm bên ngoài. Nhổ đinh trong mắt, rút tên sau ót, tỷ dụ Bởi vì tất cả cái

bên ngoài đều vô giá trị, dẹp trừ tục tình mê chướng, lắng trong đều chẳng phân biệt được tà chính. Như có vọng tưởng ngờ vực lo nghĩ. Như Tịnh ngữ Phật có Tổ đều là việc trong giáo tích«. lục q. thượng: » NHÃN

Chỉ cho pháp nhãn, tức là ánh mắt trí huệ – Chỉ Phật điện, nói: ›Mở rộng điện của thiền giả quán chiếu sự vật, nhận thức này, đích thân thấy được một mặt phải làm chân lý. Linh Hựu ngữ lục ghi: » sao?‹ Nhổ đinh trong mắt, nhổ tên sau ót

– Chỉ trông xưa nay không có hình tượng thông cơ mong con mắt ông chân chính, không nói biến«. đến hành vi của ông.« NHÃN MỤC NHÃN CÂN 1. Pháp nhãn thiền tăng. Bích Nham lục q. Còn gọi: Nhãn lý hữu cân (Trong mắt có 1 ghi: » gân). Đối lại: Nhãn lý vô cân. Chỉ cho ánh

NHÃN QUANG LẠC ĐỊA – Nói chung, nếu người nào muốn đỡ nâng Thiền và Giáo thì cần phải có pháp nhãn – và cử chỉ hành vi ứng cơ tiếp vật của bậc Ngay lúc ấy nó hiển hiện trước mặt các Thiền sư lão luyện«. ông. Nếu nhanh tay lẹ mắt lập tức nhận lấy 2. Ngôn hạnh ứng cơ, lập bày thiền cơ. thì các ông mới có khả năng che chở ba Tiết Vân Sơn Hòa thượng trong NĐHN q. cõi, nâng đỡ bốn loài«. 11 ghi: » Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: »

– Sư thấy tăng đến, liền làm thế đứng dậy; tăng liền bước ra. Sư nói: Được linh lợi như thế! Tăng liền hét, nói rằng: Lập bày Thiền cơ thế ấy mà kế thừa Lâm Tế, thật là oan uổng thay a!«. »Sư thượng đường nói: NHÃN QUANG LẠC ĐỊA Gió hòa nắng ấm thói nhà Cổ Phật Đào đỏ liễu xanh cơ phong Tổ sư Chết đi. Tiết Vân Phong Văn Duyệt Thiền Nhanh tay lẹ mắt chưa phải tỉnh tỉnh sư trong NĐHN q. 12 ghi: » Nói năng lưu loát cách đạo càng xa Từ cửa đem vào chẳng phải của báu – Chớ đợi một khi chết Thử hỏi cuối cùng làm sao gặp nhau?«. đi, mới biết rằng mình tu hành không có một chút công đức gì, và bị chịu khổ nơi NHÃN TÌNH ĐỊNH ĐỘNG địa ngục«. Còn gọi: Nhãn mục định động. Mắt nhấp NHÃN THÁP SI nháy. Ý nói do dự, mờ mịt không hiểu. Nguyên chỉ cho cục ghèn đóng trong mắt. Tiết Tưởng Sơn Pháp Tuyền Thiền sư Thiền tông mượn từ này làm thuật ngữ để trong NĐHN q. 16 ghi: » chỉ cho sự chấp trước ngã kiến, không bỏ kiến chấp hẹp hòi. Gia Thái Phổ Đăng lục – Người giỏi một lời, ngựa hay q. 15 (Vạn Tục 137, 119 hạ) ghi: » một roi; nếu còn do dự thì không tránh – Khi khỏi bị vướng mắc chữ nghĩa«. khuấy nước sông thành sữa ngọt thì cá tôm bị đóng ghèn«. NHẬM CHÂN Tùy ý tự nhiên, thành thực, thuận chân NHÃN THÂN THỦ BIỆN như. Tiết Giang Tây Mã Tổ trong TĐT q. 14 ghi: » Còn gọi: Nhãn biện thủ thân. Nhanh tay lẹ mắt. Tăng Bảo Chính Tục truyện q. 6 ghi:

– » Hoàng tam lang nói: Nếu không gặp Hòa

NHÂN thượng, luống qua một đời; sau khi gặp q. 3 ghi: » Thầy, con như cầm dao phân định hư không. Sư bảo: Nếu thật như thế, tùy chỗ – Lúc sư thuận chân như đi! «. ở hang Đảng Tử, có Ma Cốc đến viếng, đi nhiễu sư ba vòng, dộng tích trượng một NHẬM KẾ DŨ (1916-?) cái. Sư bảo: Đã được như thế, đâu cần Học giả Phật giáo hiện đại, người xứ Bình phải gặp

bần đạo?« Nguyên, Sơn Đông, Trung Quốc. Năm 1934, ông thi đỗ vào phân khoa Triết học 2. Làm thế nào? Thế nào là? Chương Pháp Đại học Bắc Kinh. Năm 1938 sau khi tốt Nhãn Văn Ích Thiền sư trong CĐTĐL q. nghiệp khoa Triết, ông lại thi đỗ vào lớp 28 ghi: » Nghiên cứu sinh, sở nghiên cứu Văn học – Tăng thuộc Đại học Bắc Kinh, đến năm 1941 thì hỏi: Làm thế nào để khỏi rơi vào nhân tốt nghiệp. Ông lần lượt nhậm chức Giáo quả? Sư đáp: Đừng làm chồn hoang kêu.« sư Đại học Bắc Kinh, Giám đốc sở nghiên CĐTĐL q. 20 ghi: » cứu Tôn giáo Thế giới thuộc viện Khoa – Thế nào là chỉ học Xã hội Trung Quốc, Hội trưởng hội một vầng trăng treo cao mà muôn nước Tôn giáo Học Trung Quốc, Quản thủ Thư cùng ngắm?«. viện Bắc Kinh. Ông trường kỳ theo đuổi việc nghiên cứu lịch sử Triết học Trung NHẬM VẬN Quốc, lịch sử Phật giáo, lịch sử Đạo giáo và trứ thuật rất nhiều. Ông còn chủ trì công Mặc tình. Bản tính của mọi sự mọi vật vận tác biên tập xuất bản »Trung Hoa Đại Tạng động tự nhiên, chẳng dính dáng với sự tạo Kinh« (bộ phận Hán văn). Đối với Thiền tác của tâm thức. Lâm Tế ngữ lục ghi: » tông, ông nghiên cứu sâu xa, cho rằng sự hình thành và phát triển của Thiền tông là cao trào thứ hai của sự phát triển văn hóa Trung Quốc, sau thời Xuân Thu Chiến – Nếu là đạo nhân chân chính thì Quốc. Tác phẩm: không bao giờ như thế, chỉ là tùy duyên — Thiền Học dữ Nho Học. tiêu nghiệp cũ, cứ mặc tình mặc áo quần, — Thiền tông dữ Trung Quốc Văn Hóa. muốn đi thì đi, muốn ngồi thì ngồi, tâm — Thiền tông Triết Học Tư Tưởng Lược không một niệm mong cầu Phật quả«. Luận. Ông còn chủ biên: NHÂN — Trung Quốc Phật Giáo Sử. — Tôn Giáo Từ Điển. Vị, cái. Lượng từ dùng biểu thị số người. Mật Am ngữ lục ghi: » NHẬM MA – Cả đời 1. Như thế, Như vậy, tức » « (nhẫm tôi tham kiến vài vị Thiện tri thức, cuối ma). Tiết Huệ Trung Quốc Sư trong TĐT cùng gặp được ngài Ứng Am.«

NHÂN CẢNH CÂU BẤT ĐOẠT NHÂN CẢNH CÂU BẤT ĐOẠT nghiệp, tràn ngập xóm làng, trở thành phong tục.« Nhân cảnh đều không đoạt, là một trong »Tứ liệu giản« của Thiền sư Lâm Tế. Đối NHÂN CÔNG với người học nào căn khí thượng đẳng, Kẻ đầy tớ, người làm thuê trong tự viện. không còn »Ngã chấp« và »Pháp chấp«, Tiết Phù Dung Đạo Giai Thiền sư trong thiền sư sẽ chọn lấy biện pháp tiếp dẫn NĐHN q. 14 ghi: » này. Lâm Tế ngữ lục ghi: » – Kẻ đầy tớ vo gạo nhóm lửa, hành giả (cư sĩ tập tu) nấu cháo thổi – Tăng hỏi: Thế nào cơm.« là nhân cảnh đều không đoạt? Sư đáp: Vua bước lên ngai, lão quê ca hát. NHÂN DŨNG Thiền tăng đời Tống, họ Trúc, người xứ Tứ NHÂN CẢNH LƯỠNG CÂU ĐOẠT Minh Trung Quốc. Xuất gia từ bé, dung mạo siêu tuyệt, thông minh hơn người. Ban Một trong »Tứ liệu giản« của Thiền sư đầu sư học giáo điển Thiên Thai, thông Lâm Tế Nghĩa Huyền. Đối với người học được ý chỉ của tiền nhân. Sư đến yết kiến nào còn nặng »Ngã chấp« và »Pháp chấp«, Tuyết Đậu Trọng Hiển, Ngài trách sư là thiền sư sẽ chọn lấy biện pháp này để tiếp »Giảng sư dở dở ương ương«, sư giận nói dẫn. Lâm Tế ngữ lục ghi: » không nên lời và bỏ đi. Sư đến núi Vân Cái Đàm Châu, nối pháp Thiền sư Dương Kỳ – Tăng hỏi: Thế nào là Phương Hội. Sau khi Dương Kỳ tịch, sư nhân cảnh đều đoạt? Sư

đáp: Tịnh Phần cùng với bạn đồng tham là Bạch Vân Thủ (Tịnh Châu và Phần châu: địa danh) bặt Đoan vân du bốn phương tìm hiểu huyền tin tức, một mình ở một nơi.« Các thiền sư áo. Về sau, sư trụ chùa Bảo Ninh ở Kim tông Lâm Tế về sau thường sử dụng cách Lăng (nay là Nam Kinh) tích cực xiển dẫn dắt này. dương thiền học. Tác phẩm: Bảo Ninh Nhân Dũng Thiền sư ngữ lục 1 quyển. NHÂN CĂN Căn khí, căn tính của con người. Vân Sơn NHÂN DUYÊN Pháp Hội Lục ghi: » 1. Thiền gia cho cơ ngữ hoặc hành vi động tác thị cơ, ứng cơ là nhân duyên, ý nghĩa giống như công án. Tiết Thạch Đầu Tự Hồi Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » – Bây giờ đang là thời mạt pháp, căn khí con người kém cỏi, –Hòa thượng người học đã không có tâm vì sinh tử, lại Đại Tùy bảo hãy thôi tụng kinh mà khán thiếu bậc Thầy chân chính truyền pháp cho công án Triệu Châu khám bà lão. Sư niệm đệ tử. Chỉ lấy việc trụ trì theo danh lợi làm niệm không rời bỏ tâm.« hoài bảo, khoe khoang đấu tranh làm sự 2. Nhà Phật cho rằng những tư tưởng ngôn

NHÂN PHONG XUY HỎA hạnh có thể dẫn đến quả báo là nhân Hành giả và các người làm thuê trong tự duyên, tức là nhân trong nhân quả báo ứng. viện, chống lại chống, đỡ lại đỡ, chống Chương Tổ thứ 1 Ma-ha Ca-diếp trong chống đỡ đỡ cho tới khi trời hừng sáng CĐTĐL q. 1 ghi: » mới trở lại y như cũ. Thật đáng thương.« – Do nhân duyên này mà được thân kim sắc trong 91 kiếp.« NHÂN NGÃ 1. Tức »Ngã chấp«, nghĩa là người thế tục NHÂN KHÁCH chấp trước có cái »Tôi«. Tiết Ngũ Chi Dư Khách khứa. Tông Môn Võ Khố ghi: » đời thứ 3 dưới Đại Giám trong CTTNL q. 2 ghi: » – – Khách
Chẳng sinh lòng chấp trước có cái ›Tôi‹ khứa đến cửa, vì sao chẳng ra tiếp rước? thì các việc ác chẳng nổi lên.« Căn cứ theo phương ngôn hiện đại ở đất 2. (Do »Ngã chấp« mà dẫn lên) lòng hiếu Ngô (chỉ vùng miền nam tỉnh Giang Tô và thắng, khoe khoang, tranh đấu. Chương miền bắc tỉnh Chiết Giang) vẫn còn gọi Hàn Sơn Thi trong Toàn Đường Thi q. 806 khách khứa là nhân khách«. ghi: » – Tâm cao như núi non, lòng hiếu thắng NHÂN KIỆM khoe khoang chẳng phục người.« Thiền tăng đời Đường, nối pháp Quốc sư Huệ An. Sau đó, sư phóng khoáng nơi NHÂN PHÁP ruộng đồng ngoại thành, người đời gọi Tôi (nhân) và ngoại vật (pháp) trong khái »Đẳng Đẳng Hòa thượng«. Sư vào kinh niệm của người thế tục, tức là chỗ nhà Phật thuyết pháp cho Võ Tắc Thiên nghe và gọi »Nhân chấp« và »Pháp chấp«. Tiết dâng lên 19 bài ca ngắn. Võ Hậu xem qua Nghệ Ngôn trong NHQL q. 29 ghi: » rất vui, xuống chiếu mời sư trụ chùa Phúc Tiên ở Lạc Dương, và còn ra lệnh các quan chép các bài ca của sư truyền bá trong – Đến được chỗ đường tâm bặt dứt, nước. Những bài ca này phô diễn chân lý, thênh thang không nương gá, thì nhân để cảnh giới những thói xấu đương thời. pháp đều mất, tâm cảnh không còn thì bảo Trong số ấy có bài »Liễu Nguyên Ca« rất còn bận lòng được chăng?« được phổ biến trong dân gian. NHÂN PHONG XUY HỎA NHÂN LỰC Kẻ đầy tớ, người làm thuê trong tự viện. Mượn thế gió thổi bừng ngọn lửa, dụ cho Tiết Ngọc Tuyền Thừa Hạo Thiền sư trong Thiền sư tiếp dẫn người học, tùy theo căn NĐHN q. 15 ghi: » khí hoặc tâm hướng thiện của họ mà khai thị. Phần Dương

ngữ lục q. thượng ghi: » –
Một đêm mưa dầm làm đổ giàn nho. Tri sự, Đầu thủ,
– Từ tiếng chuông

NHÂN THIÊN hay tiếng chim đều có thể khế ngộ chân NHÂN THIÊN NHÃN MỤC
nguyên. Tìm cầu nơi khác thì vọng sinh tiết mục. Nếu tin thì như mượn thế gió thổi
Sách, 6 quyển, do Hối Nham Trí Chiêu đời bừng ngọn lửa, còn không tin thì như đất
Nam Tống soạn vào niên hiệu Thuần Hy bằng đào xới thành hầm hố.« thứ 15 (1188),
được xếp vào Tục Tạng kinh tập 113, trang 827. NHÂN THIÊN Thông qua sách này,
soạn giả làm sáng tỏ 1. Cõi người và cõi trời. Nhà Phật cho rằng tông chỉ của năm nhà
(ngũ gia) và môn chúng sinh hữu tình đều ở trong quá trình phong đặc sắc của họ.
Toàn sách được sắp sinh tử luân hồi. Cõi người và cõi trời là xếp như sau: hai chỗ
chúng sinh luân hồi. — Quyển 1: Tông Lâm Tế — Quyển 2: Tông Lâm Tế, Tông Vân 2.
Người và thiên thần. Vô Môn Quan ghi: Môn » – Đưa
cành hoa ra, — Quyển 3: Tông Tào Động cái đuôi đã ló. Ca-diếp mỉm cười, người và —
Quyển 4: Tông Quy Ngưỡng, Tông thiên thần không ai thi thố.« Pháp Nhãn. 3. Nhà thiền
thường gọi đại chúng đang — Quyển 5, 6: Tông phong tạp lục. nghe pháp nơi pháp
đường là Nhân thiên. Nội dung chọn lọc cơ duyên ngữ yếu, chỉ Minh Giác Ngữ Lục q. 1
ghi: » quyết kệ tụng của các nhà mang tính đại biểu,
phân loại sắp theo thứ tự rồi thêm lời – Hỏi: Đại chúng tụ hội đứng đợi phê bình.
nghe pháp, tăng nhân tham thiền đến nảy giờ, xin Sư buông lời chỉ dạy.« NHÂN TIỆN
Nhân tiện, thừa cơ. Tiết Nham Đầu Hòa NHÂN THIÊN BẢO GIÁM thượng trong
TĐT q. 7 ghi: » Bút ký, 2 quyển,
do Đàm Tú soạn vào đời Tống, được liệt vào 7 quyển sách quý
của thiền môn và xếp vào Tục Tạng kinh tập
– 148, trang 97. Soạn giả muốn cung cấp cho Về sau tham kiến Đức Sơn, ban đầu đến
người học những tấm gương quý báu thuở tham vấn sư định trải tọa cụ làm lễ, Đức
xưa nhằm kích phát chí khí tham thiền nên Sơn dùng gậy khều tọa cụ văng xa xuống
chẳng luận là tăng hay tục, là Nho, Thích, thềm. Sư thừa cơ bước xuống thềm lượm
Đạo; hễ ai muốn trình bày và phát huy tông tọa cụ mà hỏi thăm chủ sự, tham đường.
chỉ, lựa chọn truyện xưa tích cũ cốt khai Đức Sơn nhìn chăm chú, giây lâu tự nói: mở
pháp nhãn, lời hay việc tốt đều có thể Ông sư này sao giống một kẻ hành cước! tìm xuất
xứ từ sách này. Rồi tự dự đoán Nham Đầu sẽ ngộ đạo.«

NHẬN QUY TÁC MIẾT NHÂN TRÍ (1812-1902) – Lộn Thiền
tăng đời Thanh, họ Thái, tên Long nhào trong hư không thẳng đến nước Tân Sinh,
người xứ Nam Áo, Quảng Đông, La. Các ông phải tránh những tư tưởng Trung Quốc.
Đắc pháp nơi Thiền sư Khai hành vi tầm thường ngu si vô ích.« Huệ, đời thứ 43 hệ Nam
Nhạc. Trụ trì chùa Hiển Thân, Nghi Hưng, Giang Tô. NHẬN NÔ TÁC LANG Nhận
lầm kẻ đầy tớ là ông chủ. Tỷ dụ đảo NHÂN ÚC (900-736) ngược gốc ngọn. Vân Môn
quảng lục q. Thiền tăng đời cuối Đường đầu Ngũ Đại, trung ghi: » họ
Giang, người quận Thạnh Đường (nay là Tiềm Sơn, An Huy),
Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư văn Yển, thuộc tông Vân
– Nếu Môn đời thứ 2, trụ chùa Hải Hội ở Thư nói tức tâm tức Phật tạm

thời nhận lầm kẻ Châu (trong núi giáp ranh giữa Thư Thành đầy tớ làm ông chủ; sinh tử Niết-bàn giống với Tiềm Sơn An Huy) hoằng pháp. như chặt đầu tìm sự sống; nếu nói Phật nói Tổ, Phật ý Tổ ý rất giống như việc cho hạt NHẬN DANH NHẬN CÚ chuổi là con mắt của ngươi«. Chỉ cho sự nhận thức tìm cầu thiền pháp NHẬN QUẤT BÌ VI MÃNH HỎA trong danh từ ngôn cú. Đây là phương pháp tham học sai lầm. Lâm Tế ngữ lục Lầm cho vỏ quít là lửa đỏ, tức nhận giả ghi: » làm chân. Tiết Lang Sơn Huệ Ôn Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » –

Thế nào là pháp? Pháp là tâm pháp, tâm pháp vô hình thông suốt mười phương, hiện dụng – Nhận lầm Phật ý Tổ ý trước mắt. Vì người ta tin không nổi bèn như cho mắt cá là minh châu, hiểu sai Tiểu tìm cầu nó trong danh từ ngôn cú, nhằm thừa Đại thừa như cho vỏ quít là lửa đỏ. trong văn tự có ý muốn suy lường Phật Các ngươi phải mở toang kho báu trong pháp, xa cách như trời với đất!« lòng, lấy đồ trân quý của mình ra để bố thí cho kẻ nghèo đói ở ngã tư đường«. NHẬN DIỆP CHỈ ĐỀ (107) NHẬN QUY TÁC MIẾT Trẻ con ngộ nhận lá vàng cây dương là tiền Cho rùa là con ba ba. Tỷ dụ pháp nhãn đồng, nhờ đó mà nín khóc, tỷ dụ nhận giả chưa sáng, nhận thức lầm lẫn. Tiết Tây làm thật, tư tưởng hành vi tầm thường ngu Thiền Hi Tú Thiền sư trong NĐHN q. 20 độn. Tiết Tịnh Nhân Kế Thành Thiền sư ghi: » trong NĐHN q. 12 ghi: »

NHẬP – Gần nửa mùa kẻ hậu sinh thời nay, mới vừa nhập chúng, thu thời tiết nóng dần dần tiêu tan. Chim liền tự ngồi yên khoanh tay, nhận sự cúng hồng bay ngang hư không làm hiển lộ bầu dường của người khác.« trời xanh biêng biếc. Khỉ vượn đu cây lay động hạt sương lóng lánh như ngọc. Giả NHẬP ĐẠO sử ở nơi đây mà rõ thiền cơ cũng chưa 1. Bỏ tục xuất gia, bước vào cửa Phật. Tổ tránh khỏi nhận thức lầm lẫn.« thứ 5 Đề-đa-ca trong CĐTĐL q. 1 ghi: » NHẬP – Tỉnh ngộ, ngộ nhập. Pháp Diễn ngữ lục q. Núi báu là thân ta. Suối tuôn là pháp vô thượng ghi: » tận. Mặt trời từ trong nhà đi ra là tướng nhập đạo của ngươi hôm nay. Soi sáng – Lúc khắp đất trời là trí huệ siêu việt của Bảo Thọ còn làm Nhai phường, thấy hai ngươi.« người đang tranh cãi. Một người dùng tay 2. Ngộ đạo, lãnh ngộ chân lý. Bồ-đề-đạt- tát người kia một cái, nói: Ông như vầy mà ma lược biện Đại thừa nhập đạo tứ hạnh không có lòng tự trọng. Bảo Thọ nhân đây trong CĐTĐL q. 1 ghi: » tỉnh ngộ.« – Luận về việc nhập đạo có NHẬP CHÚNG nhiều đường. Nói tóm không ngoài hai thứ: 1. Bước vào trong hàng của chư tăng đang Một là lý nhập, hai là hạnh nhập.« đứng. Tiết Dược Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 4 ghi: » NHẬP ĐẠO AN TÂM YẾU PHƯƠNG TIỆN PHÁP MÔN Sách, do Tứ Tổ Đạo Tín soạn. Nguyên – Một sách này đã lạc mất, căn cứ vào mục »Đạo đêm sư chẳng đốt đèn, thấy có vị tăng Tín« được ghi chép trong Lăng-già Sư Tư đang đứng, liền nói: Ta có một câu, đợi khi ký mà viết lại. Chủ trương của Đạo Tín nào trâu đực sinh con sẽ nói cho ngươi trong sách này là: Năm thứ thiền yếu lấy nghe. Vị

tăng thưa: Trâu đực sinh con rồi, Tọa thiền quán tâm làm chính, đó là: 1. Tri hiềm vì Hòa thượng chẳng nói. Sư liền sai tâm thể, 2. Tri tâm dụng, 3. Thường giác mang đèn ra. Đèn đến. Vị tăng liền thối chẳng dừng, 4. Thường quán thân vắng lui, bước vào trong hàng của chư tăng lặng, 5. Giữ mãi chẳng dời đổi. đang đứng.« 2. Vào tùng lâm, cùng tăng chúng tham NHẬP ĐẦU thiền học đạo. Tiết Vân Phong Văn Duyệt Tỉnh ngộ, ngộ nhập. Tiết »Nghệ Ngôn« Hòa thượng trong NĐHN q. 12 ghi: » trong NHQL q. 29 ghi: » –
Trong đấy, – Khi ấy,

NHẬP NÊ NHẬP THỦY các vị Thiện tri thức vừa được ngộ nhập vào biển đếm cát, mài gạch làm gương«. liền nói là triệt để chứng ngộ. Kịp đến khi không trừ được tập khí mới quay về tiệm NHẬP HỘI tu, bởi đi chưa đến.« Gia nhập pháp hội. Chương Tổ thứ 10, Hiếp Tôn Giả trong CĐTĐL ghi: » NHẬP ĐỊA NGỤC NHƯ TIỄN XẠ Vào địa ngục như tên bắn. Lời nói quen – Đầu tiên Tổ thuộc trong nhà Thiền, phần lớn dùng quở đến nước Hoa Thị, nghỉ dưới một cột cây, trách người chẳng khế ngộ thiền cơ, có lấy tay phải chỉ xuống đất, nói với chúng nghĩa là sau khi chết nhanh chóng rơi vào rằng: Khi nào đất này đổi thành màu vàng địa ngục. Vô Môn Quan ghi: » sẽ có thánh nhân gia nhập hội. Tổ vừa dứt lời, đất liền biến thành màu vàng.«
– Chống qua sông suối khi cầu gãy, cùng trở về thôn xóm lúc tối NHẬP LỘ trời, nếu gọi là cây gậy thì vào địa ngục Bí quyết ngộ nhập, cách ngộ nhập. Tiết như tên bắn.« Vân Môn Văn Yển Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: » NHẬP ĐỊNH 1. Tiến vào thiền định, khiến tâm chuyên – Cổ đức một thời vì thấy các chú một cảnh mà không tán loạn. Chương ông không biết làm sao (để ngộ nhập) cho Trí Sách Hòa thượng trong TĐT q. 3 ghi: nên phương tiện buông ra một lời nửa câu » giúp cho các ông có cách ngộ nhập.« – Lúc tôi đang tiến vào thiền định, không thấy có tâm hữu vô.« NHẬP MÔN 2. Tăng nhân tử vong mất. Chương Tổ thứ Chỉ bước vào cửa tỉnh ngộ, lãnh ngộ thiền hai, A-nan trong CĐTĐL q. 1 ghi: » chỉ. Mật Am ngữ lục ghi: » – Nhưng một câu nhập môn làm –
Ngày trước Như Lai đem đại pháp sao nói? Sau khi mặt trời mọc lại, khí lành nhãn trao cho ngài Đại Ca-diếp, Ca-diếp bốc hừng hực.« lúc mất giao lại cho ta. Nay ta sắp mất, truyền nó lại cho ngươi.« NHẬP NÊ NHẬP THỦY Vào bùn vào nước dụ chỉ thiền sư tận tình NHẬP HẢI TOÁN SA khuyên bảo, khơi gợi, dìu dắt người học. Đếm số lượng cát trong biển cả, dụ cho Đối với pháp thiền chẳng lập ngôn ngữ văn việc làm uổng công vô ích. Huệ Nam ngữ tự mà nói thì việc làm này phạm vào lục ghi: » những điều kiêng kỵ, là phương pháp – Nhớ lời quyền biến bất đắc dĩ mà làm. Tiết Thanh nhớ câu, nhận hình nhận bóng, giống như Bình Lệnh Tuân Thiền sư trong NĐHN q.

NHẬP NÊ THỦY 5 ghi: » trong Vân Cư Sơn Chí ghi: » – Sư thượng đường cử –
Lúc gặp nhau, thầy trò nêu lên cơ duyên ban đầu gặp Thúy Vi, rồi nói chuyện chưa nhiều, song thiền sư Phổ bảo chúng rằng: Tiên sư tận tình khuyên Nguyện rất hài lòng

và xem trọng sư, chấp bảo, khơi gợi, dìu dắt ta, tất nhiên là ta nhận cho sư vào thất để tham vấn«. chẳng biết tốt xấu.« NHẬP THẤT ĐỆ TỬ NHẬP NÊ THỦY Vào bùn nước, dụ chỉ sa vào lời lẽ nghĩa lý Đệ tử ruột, đệ tử thân cận của thiền sư. rắc rối, vướng mắc. Tiết Bắc Viện Thông Tiểu truyện Thiền sư Khuông Việt trong Thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: » TUTA ghi: »

– Một hôm đệ tử thân cận là Đa Bảo hỏi: Thế nào là học đạo từ đầu chí cuối?«

NHẬP VIỆN Thiền sư đến nhận chức trụ trì một tự viện

– Chư Thượng tọa nếu có việc nào đó. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: gì hãy bước ra bàn bạc. Nếu là bậc căn cơ » thượng thượng thì chẳng cần như thế này. Nếu là hàng trung lưu, chỉ cần dọn sạch

– Ngày sư nhận nhà cửa, khiến cho trống trơn đi, đừng để chức trụ trì, tăng hỏi: Rời xa Song Tuyền sa vào lời lẽ nghĩa lý rắc rối, vướng mắc. (thiền viện) đi đến nơi tăng chúng tham Nhanh chóng nhất là phải giản tiện, chỉ thiền, ngưỡng mong Sư nói cho một câu cần vô tâm đi! Học được ngàn thứ muôn nhập môn. Sư nói: Hãy chờ ta xem qua thứ, chỉ thành tri giải, cùng với đệ tử của từng người đã.« thiền sư có gì dính dáng!«

NHẬP THẤT NHẬP XỨ 1. Còn gọi: Khai thất. Vào trong thất của Lối ngộ nhập, cách ngộ nhập. Vô Môn Sư phụ, đích thân nhận lãnh lời dặn và nối Quan ghi: » pháp sau khi sư phụ truyền tâm ấn. Phẩm Tự Tự, Kinh Pháp Bảo Đàn ghi: » – Dù tôi ở Hoàng Mai – Tổ lấy gậy gõ vào theo chúng thưa hỏi, nhưng thực ra chưa cối ba cái rồi bỏ đi. Huệ Năng hiểu ý Tổ, ngộ bản lai diện mục. Nay nhờ hành giả nên canh ba vào thất«. chỉ cho cách ngộ nhập, như người uống 2. Thiền tăng vào thất Sư phụ để tham vấn, nước nóng lạnh tự biết. Nay hành giả hỏi đạo. Truyện Thiền sư Tùng Thẩm chính là Thầy của tôi vậy.«

NHẤT BỔNG NHẤT AI NHẤT TẠT NHẤT BẢO Còn gọi: Ai tạt. Bên xô bên đẩy. Trong Một hòn ngọc báu, dụ cho bản tính của Thiền viện, vị Thầy và người học dùng chúng sinh hay bản thể của vũ trụ. Tắc 62, ngôn ngữ hay động tác hoặc nhẹ hoặc Bích Nham lục (Đại 48, 193 hạ) ghi: » mạnh thực hiện tới tấp để khám nghiệm mức độ ngộ đạo sâu cạn của đối phương. Tắc 23, Bích Nham lục (Đại 48, 164 – Trong trời đất, giữa thượng) ghi: » vũ trụ có một hòn ngọc báu ẩn tại thân này. Cầm lồng đèn vào điện Phật, để sơn – Một cơ một cảnh, bên ra bên môn trên lồng đèn«. vào, bên xô bên đẩy, cần thấy được chỗ sâu cạn muốn thấy mặt trái mặt phải của NHẤT BÃO VONG BÁCH CƠ y«. Một lần ăn no quên bẵng 100 lần đói khát NHẤT BAN trước kia. Thiền tông dùng cụm từ này để 1. Một loại, một thứ. Tông Môn Võ Khố chỉ cho một khi triệt ngộ thì hành giả tự ghi: » đầy đủ tất cả. Triệu Châu lục q. hạ (Vạn – Thời nay có một Tục 118, 167 hạ) ghi: » loại người chấp cái tâm bình thường là đạo làm cứu cánh.« – Mặt trời chưa 2. Giống như, như nhau. Phần Dương ngữ xế, người về chẳng dính đến thời gian. lục q. trung ghi: » Từng nghe: Một lần ăn no quên bẵng 100

– Giống như đánh lần đói khát trước kia, chính là thân lão trống và múa may, cùng với việc của các tăng hôm nay vậy«. ông chẳng đồng.« NHẤT BÁT TIỆN CHUYỂN NHẤT BAN ĐẢM BẢN ĐẮC NHÂN TẮNG Ý nói một khi được khải phát (khơi gợi) Bọn ích kỷ bị mọi người ghét. Đam bản lập tức lãnh hội. Mật Am ngữ lục ghi: » hán là người ích kỷ, không tùy thuận theo nhân tình thế gian; vì họ không biết tùy – Vừa mới sinh ra, một khi duyên nên không được sự cảm thông và được khơi gợi lập tức lãnh hội, trong nháy tha thứ của mọi người. Hư Đường Hòa mắt hiện tiền Bản lai diện mục.« thượng ngữ lục q. 3 (Đại 47, 1004 thượng) ghi: » NHẤT BIỆN – Lúc ấy có X. Hy Biện. vị tăng hỏi: Bọn ích kỷ sẽ bị mọi người ghét, mười năm quanh quẩn một mình một NHẤT BỔNG xó!«. Đánh một gậy. Cơ pháp của Thiền sư sử dụng để dạy đệ tử. Đánh bằng gậy có tác

NHẤT BỔNG ĐẢ SÁT dụng răn nhắc người học, gây tỉnh thức cho NHẤT CÁ BÁN CÁ họ, đồng với ý nghĩa này có từ »Nhất hát« Chỉ cho người hiếm có, người thật ưu tú. (Hét một tiếng). Triệu Châu lục, q. hạ (Vạn Như: » tục 118, 166 thượng) ghi: » – Nam Tuyền nói: Còn không có được một người ưu tú để biết được lúc Phật chưa ra đời«. – Sư đi ngang qua chính điện, gặp một vị tăng đang lễ bái, sư đánh cho NHẤT CÁ HỒN THÂN VÔ XỨ một gậy. Vị tăng nói: Lễ bái cũng là việc TRƯỚC tốt. Sư nói: Việc tốt chẳng bằng không«. Toàn thân không chỗ dính. Một người khi khai ngộ thì toàn thân người ấy bao trùm NHẤT BỔNG ĐẢ SÁT vũ trụ, dù đầy khắp hư không, nhưng không dính mắc một nơi nào. Vô Môn Đánh một gậy cho chết. Chỉ cho cơ phong Quan (Đại 48, 295 hạ) ghi: » nghiêm khắc của Thiền sư dùng để khai thị cho đệ tử, nhằm quét sạch mọi vọng tưởng, – Giơ ác kiến của họ. Vân Môn lục, q. trung (Đại chân đá bật biển Hương Thủy, cúi đầu xem 47, 560 trung) ghi: » thấy trời Tứ Thiền. Ngộ được toàn thân không chỗ dính, mời ông tiếp tục chuyên tâm ý«. – Cử: NHẤT CÁ QUAN TÀI LƯỠNG CÁ Khi mới hạ sinh, Đức Thế Tôn một tay chỉ TỬ HÁN trời, một tay chỉ đất, bước đi bảy bước, Hai thây cùng liệm bằng quan tài như mắt nhìn bốn hướng và nói: Trên trời dưới nhau. Chỉ cho kiến giải tầm thường dùng đất, chỉ có ta là tôn quý. Sư nói: Nếu lúc để dạy người, hóa ra làm hại cả người dạy đó có tôi, tôi sẽ đánh ông ta một gậy cho lẫn người học. Tắc 20, Bích Nham lục (Đại chết rồi liệng cho chó ăn để thiên hạ được 48, 161 thượng) ghi: » thái bình«. NHẤT BÚT CÂU – Chẳng thấy Tăng hỏi Một nét xóa hết. Thiền tông dùng để chỉ Đại Mai: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ việc phá trừ trần duyên. Đại sư Liên Trì sang? Mai đáp: Tổ sư không có ý! Diêm từng sáng tác »Thất bút câu« để khuyên Quan nghe được, nói: Hai thây mà liệm răn người đời. Nội dung gồm 7 bài thơ bằng quan tài như nhau! Huyền Sa nghe như: Ngũ sắc kim chương nhất bút câu được lời này liền nói: Diêm Quan là bậc (Xóa bỏ công danh hiển đạt), Ngư thủy tông sư đại cơ đại dụng«. phu thê nhất bút câu (Xóa bỏ tình vợ chồng ân ái)… NHẤT CẦM NHẤT TÚNG

NHẤT CHÙY TIỆN THÀNH khóc theo tình cảm thế gian… Hãy xem Một bên nắm lại, một bên buông thả. Đây giống như ta còn sống, tạm thời ngồi ngồi là cơ pháp linh động, thay đổi tùy vào hoàn ngắn, chỉ là không động không tịnh.« cảnh khác nhau mà thiền sư sử dụng để dẫn dắt người học. Tắc 49, Bích Nham lục NHẤT CHÙY (Đại 48, 185 thượng) ghi: » Một dùi. Cái dùi làm bằng gỗ có hình bát – Một bên giác, là một công cụ dùng thông báo sự nắm một bên buông, gặp người mạnh thì việc cho đại chúng biết trong các tự viện mình yếu, gặp người hạ tiện thì mình sang Thiền tông. Thông thường sử dụng vào quý«. những lúc thông báo triển bát, chấp tác… Ngoài ra, khi vị Trụ trì thăng tòa thuyết NHẤT CHÍCH NHÃN pháp, vị Bạch chùy sư (Vị trông coi việc Còn gọi: Chính nhãn, Hoạt nhãn, Minh đánh bảng, chuông) cũng dùng dùi đánh nhãn, Đảnh môn nhãn. Một con mắt, chỉ một hồi. Tắc 92, Bích Nham lục (Đại 48, cho con mắt trí tuệ chân thật, tức chỉ cho 216 hạ) ghi: người có đủ chính kiến. Tắc 8, Bích Nham lục (Đại 48, 148 thượng) ghi: » – Nếu dùng thế để dạy cho người thì phải có đủ một con mắt mới có thể quét sạch mười phương, đứng trện »Liệt thánh tùng trung tác giả tri núi cao ngàn nhẫn không chút xao động«. Pháp vương pháp lệnh bất như ty (tư) Hội trung nhược hữu Tiên-đà khách NHẤT CHÚNG Hà tất Văn-thù hạ nhất chùy«. Mọi người, tất cả người. Duy Tắc ngữ lục »Trong hàng liệt thánh tác giả hay q. 1 ghi: »Kim ngã hiện tiền nhất chúng, Pháp lệnh Như Lai chẳng bằng đây hữu tỵ giai trực, hữu nhãn giai hoành, diện diện tương đối, na cá bất tri? – Hiện nay Trong hội nếu có người lanh lợi mọi người ở trước mặt ta, đều là mắt Đâu nhọc Văn-thù đánh một dùi«. ngang mũi dọc như nhau, mặt đối mặt, có cái nào chẳng biết.« NHẤT CHÙY TIỆN THÀNH NHẤT CHỦNG Chùy là công cụ được sử dụng để thông Như nhau, giống nhau. Đàn Kinh bản Đôn báo sự việc cho đại chúng. Nhất Chùy Tiện Hoàng ghi: Nhữ đẳng hảo trụ, kim cọng Thành nghĩa là sau một hồi bảng của thiền nhữ biệt… Ngô khứ dĩ hậu, mạc tác thế sư, người học đại ngộ đến chỗ tột cùng. tình bi khấp… Như ngô tại nhật nhất Cũng có nghĩa là ngộ ngay lập tức. Tắc 48, chủng, nhất thời đoan tọa, đãn vô động vô Bích Nham lục (Đại 48, 182 trung) ghi: tịnh. – Các người ở lại mạnh giỏi, nay ta » – Một dùi giã biệt. Sau khi ta đi rồi, chớ có buồn liền ngộ, siêu việt phàm thánh«.

NHẤT CHUYỂN NGỮ NHẤT CHUYỂN NGỮ – Một thiền giả Một chuyển ngữ tức một câu nói làm cho đang ở trong một cơ một cảnh, một lời một người học chuyển mê khai ngộ. Trong khi câu, vẫn mong có chỗ vào. Chẳng qua y Thiền giả tham vấn, đợi lúc ông ta ngơ còn có chỗ công phu giống như trên da thịt ngác cùng đường tiến thoái, Thiền sư lập lành khoét thành thương tích, thành hang tức chuyển đổi cơ pháp nói ra một câu thành lỗ. Nếu như được đại dụng hiện tiền khiến cho ông ta tỉnh ngộ. Nếu nói 3 câu thì chẳng còn theo phép tắc«. thì gọi là Tam chuyển ngữ. Tắc 8, Thung Dung lục (Đại 48, 232 thượng) ghi: » NHẤT CÚ 1. Một câu. Kỳ Viên Chính Nghi (Vạn Tục 111, 85 hạ) ghi: » – Đạt-ma chưa từng nói một lời, Nhị tổ chưa từng hỏi một câu«. – Thuở quá khứ thời Phật Ca- 2. Ý chỉ huyền diệu của Thiền (Đệ nhất diếp tôi từng trụ núi này.

Có người học hỏi cú). Triệu Châu ngữ lục q. thượng (Vạn tôi: Bậc đại tu hành còn rơi vào nhân quả Tục 118, 154 thượng): » chăng? Tôi đáp: Chẳng rơi vào nhân quả. Do lời nói này mà tôi bị đọa làm thân chồn – Hỏi: Thế nào là Nhất cú? Sư đáp: 500 đời. Nay thỉnh Hòa thượng đáp thay Nếu chấp lấy Nhất cú thì lão từ chối đáp cho một chuyển ngữ. Trượng nói: Chẳng cho ngươi«. lầm nhân quả. Ông già ngay nơi lời này Thiền tông thường dùng từ »Nhất cú đạo liền đại ngộ«. đắc«, »Mạc hậu đích nhất cú«, »Thấu quan đích nhất cú« biểu thị nghĩa Bát-nhã NHẤT CƠ (1630-1708) không, hoặc chân lý... Thiền tăng đời Minh, họ Lý, hiệu Viên Tiệp, người Quảng Châu, Trung Quốc. Nối NHẤT CÚ ĐẠO ĐOẠN pháp Thiền sư Hoằng Tán, đời thứ 35 hệ Chỉ dùng một câu nói để quét sạch ngôn Thanh Nguyên. Lần lượt trụ trì các chùa ngữ. Tắc 63, Bích Nham lục (Đại 48, 195 Quang Hiếu, chùa Khánh Vân. Tác phẩm: thượng) ghi: » ( Đồ Nha tập. ) – Các vị ở nhà Đông, nhà Tây đều là NHẤT CƠ NHẤT CẢNH những Thiền sinh xoàng xĩnh (Chính cửa Cơ: Tác dụng của tâm, thuộc bên trong. miệng nói ra lời thân thiết, chỉ dùng một Cảnh: Vật chất có hình thể, thuộc về bên câu nói để quét sạch ngôn ngữ, căn cứ ngoài. Ví dụ: Đức Thích Tôn giơ cành sen theo các dữ kiện mà kết thúc công án)«. là cảnh, ngài Ca-diếp mỉm cười là cơ. Tắc 3, Bích Nham lục (Đại 48, 142 hạ) ghi: » NHẤT CÚ ĐẠO TẬN Chỉ cần nghe một câu mà thông suốt được cốt tủy của Phật pháp. Tắc 76, Bích Nham

NHẤT CÚ TỬ lục (Đại 48, 203 trung) ghi: » Nham lục (Đại 48, 190 trung) ghi: » – Bảo –
Bẩm tính của Đại trượng phu Phúc nói: Người cho và người nhận cả hai là tâm tổ (Một câu có tác dụng chặt đứt đều mù (Theo mệnh lệnh mà thi hành, chỉ muôn ngàn tính toán)«. cần nghe một câu mà thông suốt cốt tủy của Phật pháp, rất ít gặp được người như NHẤT CÚ TRI GIÁO thế)«. Thiền tăng thời Trịnh Nguyễn phân tranh, thuộc tông Tào Động, đời thứ 35. Sư trụ trì NHẤT CÚ HỢP ĐẦU NGỮ tại núi Phụng Hoàng, Hồ Châu, Trung Quốc. Trong lúc đi tham vấn, sư đến tham Đối lại: Vạn kiếp hệ lô quyết (muôn kiếp yết Hòa thượng Tịnh Chu ở An Kiết. Cơ vướng cọc lừa). Người học đối với một câu ngữ qua lại, Tịnh Chu thấy sư lợi căn bèn của thiền sư mà lãnh hội và thấu rõ được cho nhập chúng. Sau Tịnh Chu truyền tâm tâm tính của chính mình. Nhưng nếu chấp ấn cho sư và cho hiệu là Nhất Cú. Sư bái từ trước vào chỗ lãnh hội ấy thì sẽ mất tự do, trở về núi Phụng Hoàng. Về đây, sư khai giống như cây cọc buộc con lừa đến muôn đường dạy chúng, đạo pháp rất tinh kiếp. Chương Thuyền Tử Đức Thành trong nghiêm. Học giả bốn phương nghe danh CĐTĐL q. 14 ghi: » quy tụ về rất đông. Kệ phó pháp:
– Đức Thành hỏi:
Học được điều này ở đâu? Thiện Hội đáp: Chẳng phải chỗ lãnh hội của tai và mắt. Xuân sắc sắc, thảo nhung nhung Sư cười rồi nói: Một câu lãnh hội được, Vạn vũ chi điều khai thiết thiết nhưng nếu chấp vào đó thì giống như cây Nhất hành dương phát sản trùng trùng cọc buộc con lừa đến muôn kiếp. Thả sợi Thủy tẩm nguyệt viên trừng hải để nhợ ngàn thước, ý ở đầm sâu, lìa lưỡi câu Sơn đầu nhật xuất lộ nham phong. ba tấc, nói mau! Nói mau! Thiện Hội định »Xuân sặc sở, cỏ mượt mà mở miệng,

sư liền lấy cây sào đập cho một Khắp chốn ngàn cây bông trổ gấp cái. Thiện Hội ngay nơi đây đại ngộ«. Một cành dương liễu nẩy trùng trùng Trăng dầm đáy biển nước lóng lặng NHẤT CÚ TIỆT LƯU VẠN CƠ Trời ra đỉnh núi lộ màu non«. TẨM TƯỚC
Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Chỉ dùng 1 câu, 1 lời có tác dụng chặt đứt Từ. tất cả tâm phân biệt vọng tưởng, chấm dứt muôn ngàn tính toán, ngay đó phơi bày NHẤT CÚ TỬ chân tướng của bản thể. Tắc 56, Bích Còn gọi: Hướng thượng để na nhất cú. Tử

NHẤT DAO THIÊU TỰU là trợ từ, không có nghĩa. Nhất cú trong NHẤT ĐẠI TẠNG GIÁO trường hợp này là Nhất ngôn, tức một câu Toàn bộ lời dạy trong Kinh Phật. Pháp nói. Nhất Cú Tử là một câu vô ngôn mà Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » nói được chỗ cứu cánh của Phật pháp. Phần Thị Chúng trong Lâm Tế lục (Đại 47, – Một hôm, 500 thượng) ghi: » trong chùa chư tăng đang bổ củi (lao động tập thể), Vân Môn ném xuống một thanh – Này chư củi, bảo: Toàn bộ lời dạy trong Kinh Phật huynh đệ! Như có người học ở các nơi đến, chỉ nói cái này.« sau khi chủ khách gặp nhau, liền có một câu vô ngôn mà nói được chỗ cứu cánh NHẤT ĐẠI THỜI GIÁO của Phật pháp, phân biệt được vị thiện tri Giáo pháp một đời, Toàn bộ lời dạy của thức thuở trước«. Phật Thích-ca-mâu-ni. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » NHẤT DAO THIÊU TỰU – Chư Phật ba đời không thể tuyên nói, giáo pháp một đời chú Một lò nung thành. Thiền tông mượn từ giải chẳng nổi.« này để chỉ cho các đệ tử được đào tạo từ một vị Thầy. Tắc 6, Thung Dung lục (Đại NHẤT ĐẢM THIỀN 48, 231 thượng) ghi: » Nhất đảm: Một gánh hành lý. Chân ý của Thiền là vô cùng vô tận, còn sự hiểu biết – Đầu bạc đầu xanh nửa vời thì giống như việc gánh vác hành chừ, đều là con một nhà (một lò nung lý. Do đó, Thiền tông dùng từ Nhất Đảm thành). Câu Hữu câu Vô chừ, đều là cơ cắt Thiền để chỉ cho Thiền nửa vời, in tuồng đứt dòng ý thức«. như thông mà chẳng thông. Tắc 98, Bích Nham lục (Đại 48, 221 hạ) ghi: » NHẤT DẪN Một tổ gồm 3 vị tăng đứng đầu để hướng dẫn chư tăng cử hành các nghi thức trong – Phật pháp tự viện. Tạ Quải Đáp trong Sắc Tu Bách chẳng phải đạo lý này, luận về việc tham Trượng Thanh Quy q. 5 (Đại 48, 1141 hạ) thiền biện đạo há có chuyện dài dòng, nếu ghi: » ông nói tôi hội, người khác chẳng hội là gánh một gánh thiền nửa vời dạo khắp các nơi, bị người sáng mắt khám phá, một – Ba vị làm một tổ. Một tổ gồm có: điểm cũng sử dụng không được«. Một vị Tham đầu (Người nhiều tuổi hạ nhất), một vị Phó tham và một vị Tiểu tham NHẤT ĐAO LƯỠNG ĐOẠN HÁN đầu. Tham đầu phải có một quyển sổ tay hướng dẫn nghi thức«. Người có tính dứt khoát, nhanh nhẹn, khéo

NHẤT ĐỊNH (1783-1874) léo tiếp cơ, mau chóng ngộ nhập. Phần NHẤT ĐỊNH (1783-1874) Dương ngữ lục, q. thượng ghi: » Thiền tăng đời Nguyễn, pháp danh Tính Thiên, người Quảng Trị, sinh năm 1783. – Muốn thấu rõ Sư xuất gia từ thuở bé, lớn lên được Thiền việc này, phải là người có tính dứt khoát sư Phổ Tịnh chùa Thiên Thọ làm lễ thế độ mới được.

Nếu như lo sợ cuống cuồng thế cho làm Sa-di. Sau sư thụ giới cụ túc với ấy, khác gì trái bí đao thối, có làm được Thiền sư Mật Hoằng ở chùa Quốc Ân. việc chi!«. Vâng mệnh vua Gia Long sư giữ chức vụ trụ trì chùa Thiên Thọ. Năm 1833, vua NHẤT ĐẠO THẦN QUANG Minh Mạng thỉnh sư trụ trì chùa Linh Hựu. Năm 1839, vua lại thỉnh sư làm Tăng cang Một luồng ánh sáng thần diệu, tức ánh chùa Giác Hoàng. Tính sư ưa vân du nên sáng sẵn có của chính mình, là tâm sáng không thích quản đốc các ngôi quốc tự. suốt linh diệu không mờ mịt. Tắc 31, Năm 1843, sư xin từ chức Tăng cang chùa Thung Dung lục (Đại 48, 248 thượng) ghi: Giác Hoàng, được vua Thiệu Trị chấp »

– Một luồng nhận. Sư rất hài lòng, nói: ánh sáng thần diệu, từ trước đến nay chẳng hề che giấu«. »Già rồi, may được vua thương

Một thân, một bát, rộng đường vân du«. NHẤT ĐẮC NHẤT THẤT (Hạnh phùng tấu đắc nhưng hồi lão Còn gọi: Niêm đắc tỵ khổng thất khước khẩu. Một được một mất, nghĩa là có được Nhất bát cô thân vạn lý du). (lợi ích) tất có mất (tổn thất). Lúc khẳng Mấy năm sau đó, sư lên núi Dương Xuân định một phương thì phủ định các phương Thượng quận Hương Thủy, tỉnh Thừa khác. CĐTĐL q. 24 (Đại 51, 399 hạ) ghi: Thiên, dựng một thảo am để ở, gọi là An » Dưỡng Am. Cảnh trí ở đây u nhàn đẹp đẽ. Sư tu ở đây cho đến năm 1874 thì tịch, thọ – Nhân tăng lên tham vấn trước trai đúng 64 tuổi. Ba người đệ tử xuất sắc của đường, sư (Pháp Nhãn) lấy tay chỉ bức sư là Lương Duyên, Cương Kỷ và Linh rèm. Khi ấy có hai vị tăng bước đến cuốn Cơ. tấm rèm. Sư bảo: Một được, một mất«. Thái giám viện nương vào đức độ của sư, NHẤT ĐẲNG dựng chùa lớn tại địa điểm An Dưỡng Am, Như nhau, giống nhau. Tiết Đầu Tử Đại đặt tên là chùa Từ Hiếu, kiến trúc tương tợ Đồng Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: » kiến trúc Lăng Vua Tự Đức. Chùa sở dĩ

– mang tên Từ Hiếu là để kỷ niệm lúc sinh Cùng là nước như nhau, vì sao nước biển tiền sư rất có hiếu với cha mẹ. Theo: thì mặn còn nước sông lại lạt?« LSPGĐT của Nguyễn Hiền Đức.

NHẤT ĐIỀU TRỤ TRƯỢNG LƯỠNG NHÂN PHÙ NHẤT ĐIỀU TRỤ TRƯỢNG chùa của mình để thết đãi họ. Ngài liền LƯỠNG NHÂN PHÙ chắp tay nói: Cứ lải nhải mời thỉnh, tiếp đãi, tiễn đưa, có điều chi sơ sót, cúi mong quý vị bỏ qua, kính chào«. Cây gậy của Thiền sư cầm có thể giúp cho 2 người học nương theo. Nghĩa bóng là: NHẤT HÀNH THẢO Hễ là đệ tử của Phật cùng hành theo chính Một cọng cỏ, để hình dung cho một vật rất pháp thì đều được chứng ngộ như nhau. nhỏ, rất tầm thường. Tuy nhiên, ở đây Tắc 24, Bích Nham lục (Đại 48, 165 trung) dùng một cọng cỏ sánh với chùa chiền ghi: » hoặc thân Phật để nói lên ý nghĩa »Tâm

– Đây là tin tức gì? Một Phật bất nhị, vật ngã nhất như«. Tắc 4, chiếc gậy mà hai kẻ cầm, vẫy nhau cùng Thung Dung lục (Đại 48, 230 thượng) ghi: qua cùng lại«. »

NHẤT ĐOẠN SỰ

Một việc trọng yếu, chỉ cho tướng của bản – Đang cùng đi với đại chúng, bỗng thể. Trong Thiền học lại chỉ cho: Đức Phật chỉ tay xuống đất mà nói rằng: — Việc nhãn tiền. Nên lập ngôi chùa ở đây! Đế Thích đem — Việc ngộ đạo. một cọng cỏ cắm trên đất và nói: Con cất NHẤT ĐỘI chùa xong rồi! Đức Phật mỉm cười«. Một bọn, một lũ. Tiết Tiến Phúc Thể Thiền NHẤT HOA KHAI NGŨ DIỆP sư trong NĐHN q. 20 ghi: »

– Cõi nầy (Trung Quốc) Theo Ngũ Đăng Hội
Nguyên q. 1, khi Sơ cùng Tây Thiên, có một bọn vô minh tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền giao y pháp cho (giống như thùng sơn đen) lừa dối người Nhị tổ Huệ Khả, từng làm một bài kệ như thế gian, coi chừng họ cắt đứt pháp mạch sau: của Phật giáo. NHẤT GIA YẾN Còn gọi: Nhất gia duyên. Bữa tiệc trong gia đình không mời người ngoài. Thiền Ngô bản lai tư độ tông dùng từ Nhất Gia Yến để chỉ cho Truyền pháp cứu mê tình những lễ lộc mà không có các chùa khác Nhất hoa khai ngũ diệp dự. Pháp Diễn Thiền sư ngữ lục (Đại 47, Kết quả tự nhiên thành. 640 hạ) ghi: »
Ta vốn đến cõi này, Truyền pháp cứu mê lầm.
Một hoa nở năm cành, – Kiết hạ không thể cúng Kết quả ắt sẽ thành. dường đại chúng, làm một bữa tiệc trong Một số người cho rằng »Nhất hoa« chỉ cho

NHẤT HƯỚNG thiền pháp do Đạt-ma truyền, »Ngũ diệp« mỗi lần có tác dụng thể ngộ mới)«. chỉ cho thời kỳ đang thịnh của Thiền Tông lần lượt sinh ra ngũ gia tông phái là: Quy NHẤT HỘI Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Có 3 nghĩa: Pháp Nhãn. 1. Thông thường chỉ cho một lần tụ hội có đủ hình thái tôn giáo. NHẤT HỎA LỘNG NÊ ĐOÀN 2. Lúc Phật còn tại thế thuyết pháp, thường HÁN thường Phật giảng một bộ kinh, chia làm Đồ chậm lụt. Thông thường việc làm của nhiều lần để giảng, mỗi lần gọi là một hội. hạng phàm tục được xem như việc các trẻ Như Kinh Đại Bát Niết-bàn gồm 16 hội. nít vọc bùn. Thiền tông gọi họ bằng lời 3. Tại các Thiền viện, y theo nội quy đã ấn châm biếm vậy. Tắc 36, Bích Nham lục định để đánh chuông hoặc trống, hễ đánh 1 (Đại 48, 174 trung) ghi: » lần gọi là 1 hội, đánh 2 lần gọi là 2 hội. ( ) – Tuyết Đậu bình rằng: Cảm ơn lời NHẤT HỘI NHẤT THIẾT HỘI đáp tạ! (Đồ chậm lụt! Ba người cùng lãnh một án)«. Một hội thì tất cả đều hội, nghĩa là hiểu biết thấu suốt một vấn đề lớn là sinh tử thì NHẤT HỒI ẨM THỦY, NHẤT HỒI tất cả sự lý trong Tam tạng Kinh điển đều TRƯỚC Ế tự nhiên thông hiểu một cách rõ ràng. Tắc Mỗi một lần uống nước là mỗi một lần bị 60, Bích Nham lục (Đại 48, 192 trung) ghi: mắc nghẹn. Thiền tông mượn cụm từ này »
để chỉ cho cơ pháp biến ảo của Thiền sư,
chẳng phải là cái mà người ta có thể sắp – đặt trước để đối phó mà được. Tắc 2, Trong lòng nếu không một vật thì bên Thung Dung lục (Đại 48, 228 hạ) ghi: » ngoài hoàn toàn không có gì cả, còn nói gì – đến lý cùng trí hiệp, cảnh với thần hội. Vì Rỗng rang không Thánh, cơ pháp biến ảo sao? Vì một hội thì tất cả đều hội, một việc của thiền sư không thể dự liệu được«. sáng thì tất cả đều sáng«.

NHẤT HỒI CỬ TRƯỚC NHẤT NHẤT HƯỚNG HỒI TÂN 1. (Kiên trì làm một việc gì) không thay Còn gọi: Nhất hồi niêm xuất nhất hồi tân. đổi. Tiết Đại Dung Nhân Thiền sư trong Mỗi lần đưa ra một cổ tắc công án là mỗi NĐHN q. 15 ghi: »
lần có tác dụng thể ngộ mới. Tắc 30, Bích Nham lục (Đại 48, 169 hạ) ghi: » – Sư hẹn gặp một vị thiền sư già, chợt bận việc nên ) – Trấn Châu sản chẳng đi được. Vị thiền sư già bảo: Phật xuất củ cải to (Mọi người đều biết, rất kỵ không hai lời. Sư nói: Pháp

hay thay đổi. nói đến! Mỗi lần đưa ra một công án là 2. Từ đầu đến cuối, một mực. Đáp Trung

NHẤT HƯỞNG thừa Trịnh Côn Nham trong HSLNMDT q. một. Kể từ đó dứt sạch mọi thị phi, không 2 ghi: » để chúng làm hoặc loạn. Tắc 33, Bích – Phàm dụng công, Nham lục (Đại 48, 172 hạ) ghi: » một mực xả bỏ thân tâm, tuyệt dứt kiến văn giác tri. – Thiền sư Tuyết Đậu lại nói: NHẤT HƯỞNG Thiền tăng khắp nơi, không ai nhảy ra Khoảnh khắc, giây phút. Duy Tắc ngữ lục được (Toàn thân ở trong đó, một hố chôn q. 2 ghi: » hết. Còn Xà-lê có nhảy ra được chăng?)«. – Bọn tôi ở trên con đường làm NHẤT KHOẢN TIỆN CHIÊU TỰ quan, việc nước bận rộn, chăn giữ muôn LÃNH XUẤT ĐẦU dân, suốt ngày không có giây phút nào được yên tịnh (tâm trí).« Nhất khoản: Một tờ cáo trạng. Tự lãnh xuất đầu: Chính mình ra giữa pháp đình NHẤT HỮU ĐA CHỦNG nhận lấy tội trạng. Thiền tông dùng thuật ngữ này để chỉ cho việc tự mình nhận lấy Đối lại: Nhị vô lưỡng ban. Nhất là nguyên khuyết điểm của mình. Tắc 18, Thung lý tuyệt đối, nhất vị bình đẳng. Đa là các Dung lục (Đại 48, 238 trung) ghi: » tướng sai biệt, nhiều chủng loại. Nhất Hữu Đa Chủng có nghĩa là »Bình đẳng tức sai – biệt«. Vị tăng hỏi: Đã có, vì sao lại chui vào cái đãy da này? (Tự mình nhận lấy khuyết NHẤT KHÁCH PHIỀN LƯỠNG điểm của mình)«. CHỦ Một người khách trong cùng một lúc muốn NHẤT KHÔNG (1603-1664) được hai người chủ tiếp đãi. Thiền tông Thiền tăng đời Minh, họ Quách, tự Lãng mượn cụm từ này để chỉ cho người khéo Nhiên, người xứ Phủ Điền, Phúc Kiến, ứng dụng Thiền cơ một cách linh hoạt. Tắc Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Duy Tịnh 87, Thung Dung lục (Đại 48, 283 trung) Đạo An, đời thứ 35 hệ Thanh Nguyên. Trụ ghi: » trì các chùa Thiên Khổn, Quy Dương, Tiên – Sau đó đến Minh Chiêu, sư nêu Khê. ra lời nói khi trước (Một vị khách làm phiền đến hai chủ)«. NHẤT KÍNH Dứt khoát, lập tức. Tiết Ngọc Tuyền Thừa NHẤT KHANH MAI KHƯỚC Hạo Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Chôn vùi xuống một hố. Thiền tông mượn – Người thời nay cụm từ này làm thuật ngữ để chỉ cho việc chẳng thể lập tức triệt chứng được nguồn chôn vùi mọi suy lý, luận đoán một lần gốc, chỉ vì cho văn tự ngữ ngôn là chí

NHẤT NẠP đạo.« một cuộn tơ, nhuộm một chéo thì cả cuộn tơ đều bị nhuộm«. NHẤT KỲ Tạm thời, trong chốc lát. Tiết Văn Yển NHẤT LỘ PHÚC TINH Thiền sư trong LĐHY q. 24 ghi: » Đối lại: Vạn gia sinh Phật. Người có vì sao tốt chiếu mạng, đường đời không vấp, – Vân Môn hưởng phúc trọn đời. Người có phúc lớn; tạm thời từ bi trở lại thành lắm việc. Nếu được người đời ca tụng. Trong Sãi Vãi của khi ấy liền trở về thì khỏi phải thấy người Nguyễn Cư Trinh có câu: Dầu chẳng »Vạn sau dùng ngôn ngữ để giải bày.« gia sinh Phật« cũng là »Nhất lộ phúc tinh«. Ý nói: Nếu chẳng làm được một vị quan NHẤT LẠC TÁC nhân đức thì cũng làm một người thường Có 2 nghĩa: dân có phúc lớn, có danh tiếng ở đời. X. 1. Dây quấn thành một cục, ý nói cách Vạn gia sinh Phật. hành văn rối rắm, không mạch lạc rõ ràng. NHẤT MANH DẪN CHÚNG 2. Một đoạn, một tiết văn chương thường

gặp trong sách vở Thiền tông. Tắc 44, Bích MANH Nham lục (Đại 48, 181 trung) ghi: » Người Thầy tà kiến truyền đạt kinh nghiệm sai lạc của mình cho người học. Bài tụng – Tuyết Đậu ở phía sau dẫn Can Đầu Tiến Bộ của Vô Môn Quan (Đại một đoạn văn, dựa vào lời dạy chúng của 48, 298 hạ) ghi: Vân Môn, tụng ra công án này«. NHẤT LỆ TY »Hạt khước đảnh môn nhân Một cuộn tơ. Lệ là cỏ lệ, lấy cỏ lệ làm Thố nhận định bàn tinh thuốc nhuộm, nhuộm tơ thành màu đen Chuyển thân năng xả mạng hoặc xanh lá mạ, nên gọi là Lệ ty. Thiền Nhất manh dẫn chúng manh«. tông mượn từ này để dụ cho cội nguồn mê »Mù mất mắt trên trán vọng của chúng sinh tức là vô thủy vô Nhận lầm theo chủ kiến minh. Tắc 19, Bích Nham lục (Đại 48, 159 Lộn thân thì bỏ mạng thượng) ghi: » Thầy mù dẫn trò mù«. NHẤT NA CÁ : Một cái ấy. Danh từ Nhất Na Cá được Thiền tông dùng để chỉ cho nghi tình. – Một hạt bụi dấy có thể chứa cả quả đất. Một đóa hoa nở hiện ra NHẤT NẠP một thế giới. Nếu khi hạt bụi chưa dấy, đóa Một chiếc áo vá nhiều miếng, tức là áo của hoa chưa nở thì làm sao quan sát? Thế nên tu sĩ. Do đó, Nhất nạp còn chỉ cho một vị khai ngộ giống như chặt một cuộn tơ, chặt Tăng. một nhát thì tất cả đều đứt; như nhuộm

NHẤT NGÔN TỨ MÃ NHẤT NGÔN TỨ MÃ Gọi đủ: Nhất ngôn ký phát, tứ mã nan truy – Mỗi khi làm công tác sư là »Một lời nói ra, ngựa hay (ngựa tứ) đuổi người đi đầu trong chúng. Viện chủ thấy theo không kịp«. thế không nỡ, liền ngầm giấu dụng cụ và Thiền tông mượn cụm từ này để chỉ cho: thỉnh sư nghỉ. Sư bảo: Tôi không có đức, Một khi đã dùng ngôn ngữ văn tự để diễn sao lại đùn việc nặng nhọc cho người? Rồi đạt thì đã cách »Mặt mũi xưa nay« rất xa. đi tìm dụng cụ khắp nơi nhưng không Tắc 89, Thung Dung lục (Đại 48, 285 được, hôm đó sư nhịn ăn. Vì thế có câu nói thượng) ghi: » ›Ngày nào không làm, ngày đó không ăn‹ lưu truyền khắp mọi nơi.« – Nếu như muôn dặm không có một tấc cỏ, thì thế nào? (Một lời nói ra đã NHẤT NHƯ (1352-1425) cách chân lý rất xa)«. Thiền tăng đời Minh, họ Tôn, tự Nhất Am, hiệu Thối Ông, người xứ Thượng Ngô (nay NHẤT NHẤT thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Năm Mỗi mỗi (đều là). Thần Hội Di Tập, q. 3 13 tuổi vào chùa Trường Khánh làm tăng ghi: » rồi đến núi Ngô nương pháp sư Cụ Am Tỵ. – Các bậc đại sư Năm 1385, sư trụ trì chùa Sùng Khánh ở sáu đời của ta, mỗi mỗi đều nói về vấn đề Tùng Giang (nay thuộc Thượng Hải) sau tâm tính để khai mở trực tiếp tâm nhãn cho dời đến các chùa: Bắc Thiền ở Tô Châu, họ.« Đại Báo Ân, Thiên Trúc Linh Sơn, Thiên Trúc lấy việc xiển dương Thiền tông, tiếp NHẤT NHẬT BẤT TÁC, NHẤT dẫn kẻ hậu học làm nhiệm vụ, số người NHẬT BẤT THỰC theo hoc với sư ngày càng đông. Khoảng năm 1403-1424, sư phụng chiếu biên tập Khoảng giữa đời Đường, thiền sư Hoài Hải Thiền tông ngữ lục. Năm 1414, sư chủ trì ở núi Bách Trượng, Giang Tây bắt đầu kết việc biên tập Đại Tạng Kinh, được trao cho hợp việc tu thiền với việc lao động thực chức Hữu giác nghĩa, rồi thăng chức Hữu tiễn, thực hành quy chế »Ngày nào không xiển giáo. Năm 1425 sư nhận chức Tả xiển làm, ngày đó không ăn«. Mọi người và giáo ở Tăng lục ty. Tác phẩm: Pháp Hoa chính bản thân ngài đều tham gia lao động, Khoa Chú 4 quyển,

Đại Minh Tam Tạng đem quy chế nầy viết vào trong sách Bách Pháp Số 50 quyển. Trượng Thanh Quy (hoặc gọi là Thiền Môn Quy Thức), ảnh hưởng rất lớn đến việc xây NHẤT NIỆM BẤT SINH TOÀN dựng thiền viện, thiền tự đời sau. Tiết Bách THỂ HIỆN

Trượng Hoài Hải Thiền sư trong NĐHN q. Một niệm không sinh tức là cảnh giới vượt 3 ghi: » lên trên mọi niệm lự suy tính, chính là cảnh giới Phật, lúc ấy thì toàn thể (đại đạo) tự nhiên hiển hiện. Tắc 76, Thung Dung lục (Đại 48, 275 trung) ghi: »

NHẤT SẮC VÔ BIỆN XỨ thiền pháp, môn đồ rất đông, được suy tôn – làm Tông sư của phái »Nhất Ninh Nhất Gặp hèn thì sang, gặp sang thì hèn. Được Sơn«. Tác phẩm: Nhất Ninh Nhất Sơn châu như ý chừ, chí đạo sáng ngời (một Quốc sư ngữ lục. niệm chẳng sinh toàn thể hiện)«. NHẤT PHIẾN BẠCH VÂN BẤT LỘ NHẤT NIỆM VẠN NIÊN XÚ Một niệm tức muôn năm, muôn năm tức Mượn hình ảnh mây trắng che khắp không một niệm. Đây là câu nói về tuyệt đối, gian, lấp kín những gì xấu xí phía sau nó vượt ra ngoài những khái niệm như ngắn để chỉ cho chân lý bao dung tất cả, vượt dài, mau chậm của thời gian. Tín Tâm thoát tất cả cặp đối đãi: Thị phi, thiện ác, Minh (Đại 48, 377 thượng) ghi: hữu vô… NHẤT PHÓNG NHẤT THU »Tông phi xúc diên, nhất niệm vạn niên Vô tại bất tại, thập phương mục tiền«. Bên buông ra, bên nắm lại. Chỉ cho cơ »Tông chỉ chẳng có ngắn dài, phong được Thiền sư vận dụng một cách Một niệm tức muôn năm tự tại để tiếp hóa người học. Tính chất của Chẳng phải có chỗ, chẳng phải không chỗ nó là thích hợp với từng người (đương cơ). Mười phương hư không chính là trước Tắc 99, Bích Nham lục (Đại 48, 222 trung) mắt«. ghi: »

– (Pháp thân thanh NHẤT NINH (1274-1317) tịnh) người người đều đầy đủ, mỗi mỗi Thiền tăng đời Nguyên, họ Hồ, hiệu Nhất thảy sẵn sàng, xem sư vận dụng cơ phong Sơn, cũng gọi Nhất Ninh Nhất Sơn, Ninh để đối địch«. Nhất Sơn, người xứ Lâm Hải, Đài Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. NHẤT SẮC BIÊN SỰ Thuở bé xuất gia ở chùa Hồng Phúc, sư thờ Hình dung cảnh giới thanh tịnh và bình ngài Vô Đẳng Dung Công tập theo pháp đẳng, siêu việt lên mọi quan niệm tương của tông Lâm Tế. Sau đó vào chùa Phổ đối và sai biệt. Tắc 42, Bích Nham lục (Đại Quang trong núi Tứ Minh học kinh Pháp 48, 179 hạ) ghi: » Hoa, lại hấp thụ giáo nghĩa Luật tông, – Người xưa dùng tuyết để minh họa Thiên Thai tông. Sư giỏi thơ văn, khéo về cho cảnh giới thanh tịnh và bình đẳng«. thư pháp kiêm thông Nho đạo. Năm 1299 vua Thành Tông giao cho Sư trông coi tất NHẤT SẮC VÔ BIỆN XỨ cả giáo đồ đạo Phật ở vùng Lưỡng Chiết và ban cho hiệu »Diệu Từ Hoằng Tế Đại Sư«, Chỉ cảnh giới tuyệt đối, không thể dùng trí phụng mạng đi sứ Nhật Bản và ở lại bên suy nghĩ tương đối để hiểu được. Tào Sơn đó. Sư lần lượt trụ trì các chùa: Kiến lục (Đại 47, 533 hạ) ghi: » Tường, Viên Giác, Nam Thiền, truyền trao

NHẤT SIÊU TRỰC NHẬP Khéo hay sử dụng châu như ý Tự lợi, lợi tha đến vô cùng«. – Pháp thân pháp tính là việc gần bên tôn quý, NHẤT SINH THAM HỌC SỰ cũng cần chuyển lại là Tôn quý đọa. Nếu như trâu trắng lộ thiên là pháp thân cứu Việc tham học trong một

đời. Trong một cánh, cũng cần chuyển lại để nó khỏi ngồi đời này, nếu tham cứu cho đến tột cùng về ở cảnh giới tuyệt đối, đều là gọi đoạn việc »Việc lớn sinh tử« thì liền chứng ngộ. Phật gần bên cúng dường«. Quả Viên Ngộ Chân Giác Thiền sư Tâm Yếu, q. thượng (Vạn Tục 120, 360 hạ): » NHẤT SIÊU TRỰC NHẬP

– Trường Khánh nói: Gặp tay Hành giả tham Tổ sư thiền vượt qua những lỗi lạc sánh vai vượt qua, việc tham học giai vị Bồ Tát của giáo môn, trực tiếp ngộ trong một đời đã xong!«. nhập Phật tính. NHẤT SƠ NHẤT SIÊU TRỰC NHẬP NHƯ Hiệu của thiền tăng Ngộ Nguyên đời LAI ĐỊA Thanh. X. Ngộ Nguyên. Còn gọi: Lập địa thành Phật. Không cần trải qua thứ lớp tu hành mà trực tiếp chứng NHẤT SƠN nhập quả vị Phật. Chỉ cho pháp môn Đốn Hiệu của thiền tăng Liễu Vạn đời Nguyên. ngộ của Thiền tông. Vĩnh Gia Chứng Đạo X. Liễu Vạn. Ca (Đại 48, 396 hạ) ghi: NHẤT SƠN QUỐC SƯ DIỆU TỪ HOẰNG TẾ ĐẠI SƯ NGỮ LỤC

Còn gọi: Nhất Sơn Nhất Ninh Quốc Sư ngữ lục, Nhất Sơn Ninh Hòa thượng ngữ lục, Nhất Sơn Quốc Sư ngữ lục, Ninh Nhất Sơn »Tranh tợ vô vi Thật tướng môn, lục. Nhất siêu trực nhập Như Lai địa Ngữ lục, 2 quyển, do Nhất Sơn Nhất Ninh Đản đắc bản, mạc sầu mạt Hoằng Tế soạn, nhóm thị giả Liễu Chân… Như tịnh lưu ly hàm bảo nguyệt biên tập. Do vì sư khai bảng ở am Đại Vân Ký năng giải thử như ý châu nên sách này còn gọi là »Đại Vân lục«, Tự lợi lợi tha chung bất kiệt«. được xếp vào Đại Chính Tạng tập 80, trang »Đâu giống như pháp môn thật tướng vô 311. Quyển thượng gồm 7 thứ ngữ lục của vi, sư như: ngữ lục tại Tổ Ấn Thiền Tự núi Trực tiếp chứng nhập quả vị Phật Ngao Phong ở Tứ Minh do Liễu Chân biên Chỉ được gốc, lo chi cành, tập, ngữ lục tại Bảo Đà Quán Âm Thiền Tự Như ngọc lưu ly ngậm ánh trăng ở phủ Khánh Nguyên do Duy Phong biên

NHẤT THANH LÔI CHẤN CUỒNG TIÊU KHỞI tập và các thứ Tiểu tham, Pháp ngữ, Niêm 2. Đặc biệt chỉ thiền pháp »Giáo ngoại biệt cổ, Tụng cổ. Quyển hạ bao gồm: Kệ tụng, truyền«. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » Tán Phật Tụng, Tự Tán, Tiểu Phật sự và Hành ký do Ngạn Tài soạn, lời bạt do – Nên gọi Thích- Trung Phong Minh Bản soạn. ca đến ngồi chung trên pháp tòa để riêng truyền trao thiền pháp Giáo ngoại biệt NHẤT TẠT PHIÊN THÂN truyền, lìa khỏi lời nói mà thuyết pháp. Đây là một phái dùng cách thức riêng để Thiền sư tạo ra hoàn cảnh đặc thù khiến truyền trao đạo pháp.« học nhân nhanh chóng ngộ nhập, nếu học nhân có thể tỉnh ngộ ngay thì gọi là »Nhất NHẤT TÂM PHÁP tạt phiên thân«. Duy Tắc ngữ lục q. 3 ghi: Chỉ thiền pháp giáo ngoại biệt truyền. »
Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: »

– Nên nói: Chỉ có một con đường – Há chẳng thấy, Đại nhất thừa, từ hai trở lên thì chẳng phải sư Lâm Tế ba lần hỏi Hoàng Bá về đại ý chân. Nhưng cuối cùng chưa hiển bày Phật pháp thì bị ăn gậy ba lần, sau được Nhất tâm pháp nên gọi ngài Ca-diếp đến Đại Ngu chỉ điểm bất giác phá vỡ thùng ngồi chung tòa, riêng trao nhất tâm.« sơn, bèn nói hóa ra Phật pháp của Hoàng Bá không có gì nhiều. Cái này chính là NHẤT THÁI LƯỠNG TRẠI kiểu nhất tạt phiên thân«. Thái: Thắng lợi. Trại: Thi đấu, tranh đua. NHẤT TẠT TẠT ĐẢO LIỄU Cả câu có nghĩa là trong hai lần tranh tài thì

được một lần thắng lợi. Đánh cho một tát, đánh ngã cho rồi. Thiền sư sử dụng cách này để khám phá chỗ ngộ NHẤT THANH LÔI CHẤN của vị đệ tử. Tắc 35, Bích Nham lục (Đại CUỒNG TIÊU KHỞI 48, 173 hạ) ghi: » – Lúc ấy liền hét một Một tiếng sấm nổ vang khiến bão tố nổi tiếng, đánh cho một tát, đánh ngã cho lên. Thiền tông dùng cụm từ này để chỉ rồi!«. cho khi chứng ngộ thì tất cả phiền não liền tiêu trừ. Tắc 49, Bích Nham lục (Đại 48, NHẤT TÂM 185 thượng) ghi: 1. Tức Nhất thừa. Đoạn Tế Tâm Yếu: »

– Từ Phật đến Tổ đều »Thiên xích kình phún hồng lãng phi không luận việc gì khác, chỉ luận về Nhất Nhất thanh lôi chấn cuồng tiêu khởi«. tâm, cũng gọi là Nhất thừa.« »Cá kình ngàn thước phun sóng to,

NHẤT THANH THIÊN Một tiếng sấm vang bão tố nổi«. ban đầu không phải khó đạt đến. Nói chung 1. 700 tắc công án, muốn cho người NHẤT THANH THIÊN ta lãnh hội thông suốt trong khoảnh khắc Thiền tăng đời Minh, họ Âu Dương, hiệu cũng chẳng phải khó.« Khiết Tổ, người xứ Lô Lăng (nay là huyện Kiết An, tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. Từ NHẤT THÔNG nhỏ sư đã thông minh hơn người. Năm Một hồi. Khi muốn đánh: trống, bảng, 1426, sư theo pháp sư Vân Hải xuất gia khánh; trước tiên đánh chậm, nhịp độ từ cạo tóc làm tăng. Sư còn yết kiến Thiền sư thưa đến nhặt dần, sau đó đánh một hồi Phổ Ứng ở chùa Đại Thiên Giới, vâng lệnh nhanh. Điều Thượng Đường trong Thiền quản lý Tạng Kinh, sau đó được sung chức Uyển Thanh Quy q. 2 (Vạn Tục 111, 443 Thủ tọa. Sư ra hoằng pháp trụ chùa Thủy thượng) ghi: »

Nguyệt, Pháp Chí. Khoảng năm 1436-1450 – Nghe một hồi trống, sư đến chân núi Tây Sơn, Bắc Kinh cất Thủ tọa và đại chúng đều lên pháp chùa, vua Anh Tông ban cho bảng hiệu đường«. »Hoằng Khánh Thiền Tự«. Từ đó, đạo phong nổi lên cuồn cuộn, nổi tiếng khắp cả NHẤT THỜI trong triều ngoài nội. Năm 1446, sư trụ trì Toàn bộ, nhất loạt. Tiết Động Sơn Phạm chùa Kính Sơn ở Dư Hàng (nay thuộc tỉnh Ngôn Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: » Chiết Giang).

NHẤT THỈ – Cho dù Văn-thù, Một phen đi ỉa. Thiền tông dùng từ này để Phổ Hiền có xuất thế lại, nếu đến pháp hội chỉ cho việc khai ngộ. Khai thị thiền nhân Động Sơn nhất loạt được giao cho chức Anh trong Trung Phong Pháp Ngữ (Vạn trực tuế, bảo nhuốm lửa thì phải nhuốm Tục 122, 386 hạ) ghi: »Chúng sinh thức lửa, bảo quét đất thì phải quét đất.« tính sai khác rất nhiều, chẳng thể một phen khai ngộ liền thôi«. NHẤT THỦ ĐÀI, NHẤT THỦ NẠI NHẤT THIÊN THẤT BÁCH TẮC Còn gọi: Nhất thủ thôi, nhất thủ duệ. Một CÔNG ÁN tay nâng lên, một tay đè xuống. Hình dung Một ngàn bảy trăm tắc công án. Chỉ cho phương pháp đối cơ tự tại của Thiền sư khi công án thiền môn (cơ phong ngữ cú) do khai thị cho các thiền tăng. Tắc 35, Thung »Cảnh Đức Truyền Đăng Lục« gom chép Dung lục (Đại 48, 250 trung) ghi: » có khoảng 1. 700 tắc. Khai thị ba vị giảng chủ ở Vân Nam là Phúc, Nguyên, Thông . – Giáp Sơn nói: Gà đậu trong TPNL q. 4 phần thượng ghi: » lầm ổ phượng, chẳng phải cùng loại. Đi ra! (Một tay nâng lên, một tay đè xuống)«. Tắc 22, Thung Dung lục (Đại 48, 241 – Phải biết sự ngộ được ý chỉ Thiền, trung) ghi: »

NHẤT TINH MINH – Sư nói: Hội Di Tập q. 4 ghi: » Lão Động Sơn này chẳng biết tốt xấu gì – Vào pháp môn Bất nhị, đạt được cả, lúc ấy ta một tay nâng lên, một tay đè lý nhất thừa.« Đàn Kinh bản Đôn Hoàng xuống«. ghi: » – Đây là pháp Nhất thừa trong Kinh Pháp Hoa.« NHẤT THỪA Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » 1. Phương pháp căn bản duy nhất của đức – Chỉ có một con đường Phật nhằm giáo hóa tất cả chúng sinh thành nhất thừa từ hai trở lên thì chẳng phải Phật. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » chân.«

NHẤT THƯỢNG – Từ Phật đến Tổ đều không luận Một cuộc, một phen, một trận. Tiết Linh việc gì khác, chỉ luận về nhất tâm, cũng gọi Mặc Thiền sư trong LĐHY q. 4 ghi: »Tợ nhất thừa. Thế nên tìm kỹ trong mười giá ban đảm bản hán phóng khứ tiện hưu, phương cũng không có thừa nào khác.« hựu hoán hồi, bị y đồ hồ nhất thượng. – 2. Chỉ cho một thừa nào đó trong ba thừa Giống như gã cố chấp này bỏ đi thì thôi, (Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát hoặc còn gọi trở lại, bị y trêu chọc cho một Phật). Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: » phen.« – Cho nên nói: NHẤT TIỄN QUÁ TÂY THIÊN Thiên ma ngoại đạo là kẻ cô phụ ân đức, còn một thừa Thanh văn là người tự lừa Một mũi tên bay qua khỏi Tây Thiên (Ấn dối.« Độ). Cụm từ hình dung cảnh giới cao xa, tuyệt hết các dấu vết. Thiên Hành lục trong NHẤT THỪA CHÂN PHÁP Lâm Tế lục (Đại 47, 506 trung) ghi: »

Phương pháp căn bản duy nhất của đức – Sư nói: Phật nhằm giáo hóa tất cả chúng sinh thành Giả sử có, cũng không có chỗ để nêu ra. Phật. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » Phong nói: Hãy nêu ra xem!. Sư nói: Một mũi tên bay qua khỏi Tây Thiên«. – Như Lai xuất hiện ở thế gian muốn nói pháp chân thật Nhất thừa, NHẤT TINH nhưng chúng sinh chẳng tin, khởi lòng phỉ Một chút, một tí. Bích Nham lục q. 1 ghi: báng.« » – Vốn là không có một chút NHẤT THỪA LÝ việc gì, chỉ cần gặp trà uống trà, gặp cơm Còn gọi: Nhất thừa pháp. Nhất thừa đạo. ăn cơm.« Phương pháp căn bản duy nhất của đức Phật giáo hóa tất cả chúng sinh thành Phật. NHẤT TINH MINH Đốn ngộ vô sinh Bát-nhã tụng trong Thần Cái trong sáng tuyệt diệu, tức chỉ cho Tự

NHẤT TRÁT tính thanh tịnh sẵn có nơi mỗi người. NHẤT TRIỆT Truyền Tâm Pháp Yếu (Đại 48, 382 Hiệu của Thiền tăng Chu Lý đời cuối Minh thượng) ghi: » đầu Thanh. X. Chu Lý. – Nói rằng: Cùng là NHẤT TRƯỚC cái trong sáng tuyệt diệu mà chia ra làm 6 Còn gọi: Nhất trước tử. Vốn là dụng ngữ cái hòa hợp. Cái trong sáng tuyệt diệu là của cờ vây. Nhất tâm, còn 6 cái hòa hợp là 6 căn vậy«. 1. Nghĩa rộng là một sự kiện, một việc. Dụ cho Thiền tăng tu hành một giáo lý nào đó NHẤT TRÁT trong Phật pháp. Tắc 6, Bích Nham lục ghi: Một lá đơn. Thiền tông mượn từ này để chỉ » – Một việc cho một câu hỏi thống thiết. Tắc 18, Bích hướng thượng, ngàn thánh chẳng truyền«. Nham lục (Đại 48, 157 hạ) ghi: » 2. Thủ đoạn, nước cờ. Tiết Trí Hải Bản Dật ( ) – Vua nói: Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » Thỉnh sư ra kiểu tháp (Khéo hỏi một câu thống thiết)«. – Ta có thủ đoạn này, mỗi người nhai NHẤT TRẦN PHÁP GIỚI trong miệng. Nếu nhai bể thì mau ói ra. Nếu nhai không bể thì trở thành thuốc Một hạt bụi (Nhất trần) tuy là rất nhỏ, độc«. nhưng

khi dùng trí nhãn để quán sát thì 3. Một lần. Tiết Tư Thọ Ni Diệu Tổng biết trong một hạt bụi dung chứa cả vũ trụ Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: »  (Pháp giới).

– Hôm nay Sơn tăng bận rộn nhiều việc, hãy tha NHẤT TRI BÁN GIẢI một lần«. Vốn chỉ cho sự hiểu biết chẳng được hoàn toàn. Thiền tông mượn cụm từ này để chỉ NHẤT TRƯỜNG MA LA cho kiến giải nông cạn. Đại Huệ Phổ Giác Ma la, biểu thị ý hổ thẹn, sỉ nhục. Trọn câu Thiền sư ngữ lục q. 18 (Đại 47, 887 trung) có nghĩa là một phen hổ thẹn. Tắc 7, Thung ghi: » Dung lục (Đại 48, 231 hạ) ghi:

– Tài nghệ văn chương của thế gian, trước còn cần phải hiểu rõ rồi sau mới đạt đến chỗ hay khéo; huống là »Si nhi khắc ý chỉ đề tiền pháp xuất thế gian các ông làm sao thấu Lương tứ truy phong cố ảnh tiên rõ? Một ngàn hai trăm Thiền tăng ở đây có Vân tảo trường không sào nguyệt hạc kiến giải nông cạn, mỗi người vào trong (Thọ hạ để nhất trường ma-la) thất mà nói được thì hay vô cùng«. Hàn thanh nhập cốt bất thành miên«.

NHẤT VỊ THIỀN »Vòi vĩnh được tiền, bé nín khe NHẤT TỨC BÁN BỘ Ngựa hay rong ruổi bóng roi đe Nửa bước một hơi thở. Khi thiền hành, các Trời quang dưới trăng hạc làm tổ Thiền sinh trong khoảng một hơi thở nhấc (Một phen hổ thẹn dưới cội cây) chân phải lên, rồi hơi thở kế nhấc chân trái Sương lạnh thấu xương chẳng ngủ nghê«. lên, các bước chân đắp đổi nhau từng bước một, bước tới trước một cách chậm rãi. NHẤT TÚC GIÁC Tăng nhân đời Đường tên Huyền Giác đến NHẤT TỨC NHẤT THIẾT, NHẤT Tào Khê tham vấn Lục Tổ Huệ Năng. Buổi THIẾT TỨC NHẤT đầu gặp gỡ, ứng đối khế hợp thiền chỉ. Lục Tổ khen rằng: Lành thay! Lành thay! Hãy Một tức tất cả, tất cả tức một. Phật giáo nán lại một đêm. Huyền Giác lưu lại một cho rằng muôn vàn sự vật trên thế gian vốn đêm rồi sáng ngày từ biệt, người thời ấy không thật tồn tại, cũng không có sai biệt gọi sư là Nhất túc giác (Ông Giác trọ một và đối lập, đây tức là kia, kia tức là đây, đêm). toàn thể với từng phần, chung với riêng tự NHẤT TỰ CƠ PHONG bản chất vốn không có phân biệt. Uyển Cơ phong dùng một chữ duy nhất để biểu Lăng lục ghi: » hiện tông chỉ, ngay lúc đó chặt đứt các lời nói lằng nhằng, khiến người hỏi dứt hết

khả năng xoay sở, không thể suy nghĩ được – nữa. Từ trong tình trạng bức ngặt khốn đốn Mỗi loài trong muôn loài đều là Phật. Ví mới có khả năng nhảy vào cảnh giới ngộ. như một viên thùy ngân bị phân tán thì mỗi X. Nhất tự thiền hạt đều tròn. Nếu lúc không phân thì là một viên. Đây là ý nghĩa Một tức tất cả, tất NHẤT TỰ THIỀN cả tức một.« Còn gọi: Nhất tự quan, Nhất tự cơ phong. Thiền pháp dùng một chữ duy nhất để biểu NHẤT VẬT TRƯỜNG NIÊN hiện tông chỉ. Đây là tông phong đặc biệt của Thiền sư Vân Môn Văn Yển. Thí dụ Nhất vật: Tâm tính linh diệu. Trường niên: như: Tăng hỏi: Thế nào là Chính pháp Năm tháng dài. Trọn câu nghĩa là tâm tính nhãn tạng? Sư đáp: Phổ (khắp). Thế nào là linh diệu do Phật Tổ tiếp nối truyền trao từ xuy mao kiếm? Sư đáp: Tổ. Tắc 8, Bích xưa cho đến hôm nay và mai sau. Nham lục ghi: » NHẤT VỊ THIỀN

Còn gọi: Đốn ngộ Thiền. Thiền pháp tối – Vân Môn nói: Quan. Quả là kỳ đặc thượng thừa, thuần nhất không tạp. Thiền rất khó tham thấu. Đại sư Vân Môn

phần tông chính mạch q. 2 (Vạn Tục 146, 27 hạ) nhiều dùng Thiền một chữ để dạy người, ghi: » tuy là trong một chữ mà gồm đủ ba câu«.

NHẤT VÕNG ĐẢ TỰU

– Ngay lúc ấy nó hiển hiện trước mặt các ông. Nếu nhanh tay lẹ mắt lập tức nhận lấy (kiến tính) thì các ông mới có khả năng che chở – ba cõi, nâng đỡ bốn loài«. Tăng từ giã đi. Sư hỏi: Ông đi đâu? Đáp: Con đi học Ngũ vị thiền ở các nơi. Sư nói: NHẬT CẤP Các nơi có Ngũ vị thiền, ta trong ấy chỉ có Cung cấp hằng ngày, nhu cầu hằng ngày. Nhất vị thiền. Hỏi: Thế nào là Nhất vị Văn Ích ngữ lục ghi: » thiền? Sư liền đánh. Tăng nói: Hiểu rồi! Hiểu rồi! Sư bảo: Nói đi! Tăng định nói, – sư lại đánh. Về sau Tăng đến Hoàng Bá Hỏi: Khi kẻ lêu lổng trở về thì thế nào? Sư thuật lại việc trước. Hoàng Bá thượng bảo: Đem cái gì dâng tặng? Tăng thưa: đường nói: Mã Đại sư sản xuất 84 bậc Không có vật gì hết. Sư bảo: Nhu cầu hằng thiện tri thức, hỏi đến các vị đều đối đáp ngày là gì?« chậm lụt, chỉ có Quy Tông là khá hơn một chút«. NHẬT DỤNG Vận dụng thực tiễn thiền pháp hằng ngày. NHẤT VÕNG ĐẢ TỰU Bài »Minh chơn tụng« trong PKNL ghi: Khi cất một mẻ lưới lên là xong, không » còn sót hoặc sẩy một con cá nào. Thiền tông dùng cụm từ này để chỉ cho một lời nói của Thiền sư có thể nói hết cốt tủy của – Ta có một viên ngọc như ý, chôn ở trong Phật pháp. Tắc 52, Bích Nham lục (Đại 48, ruộng năm uẩn. Đêm qua lấy nó ra từ 187 thượng) ghi: » trong bùn đất, ánh sáng chiếu rực rỡ vô biên. Những gì nó làm mọi người đều hài

– Độ lừa độ ngựa (một lòng, vận dụng thực tiễn hằng ngày bình mẻ lưới là xong, giả sử mọi người trên mặt thường trước mắt.« đất cũng không có chỗ mở miệng, một NHẬT NAM TRƯỜNG CHÍ phen chết rồi chẳng thể sống lại)«. NHẤT XƯỚC XƯỚC ĐẮC Ngày đông chí (theo nông lịch). Mật Am ngữ lục ghi: »

Còn gọi: Trực hạ thừa đương. Xước nghĩa – Đông chí, sư thượng đường: là vượt xa. Thiền tông dùng cụm từ này để Ngày đông chí, mừng rằng không có điều chỉ cho một phen nhảy vọt liền xa rời vọng bất lợi. Măng đá ngầm nhú lên, đá lạnh tưởng phiền não, lập tức nhận lấy (kiến thêm hơi ấm«. tính). Tăng Bảo Chính Tục truyện q. 6 ghi: »

NHẬT TỊCH NHẬT NGỌ ĐẢ TAM CANH

Giữa trưa gõ canh ba, ý chỉ một việc nghịch lý không thể làm được, không thể xảy ra được, không đưa đến kết quả nào. Phật Quả ngữ lục q. 1 ghi: »

– Ngày rằm về trước chẳng hỏi ông, ngày rằm về sau ông nói cho một câu xem . Sư tự đáp thay: ›Mỗi ngày đều là ngày tốt.‹ Lại (Vân Môn) dạy chúng xong, rồi tự đáp – Dù cho gậy bổ thay: Mỗi ngày đều là ngày tốt. Câu này như mưa tuôn, tiếng hét như sấm rền, thông suốt cổ kim, từ trước đến sau đồng nhưng cũng chưa đả động tới chỗ vi diệu thời quét sạch. Sơn tăng giảng như thế tột cùng của thiền cơ. Thế nào là chỗ vi

cũng là theo lời sinh hiểu, người khác giết diệu tột cùng của thiền cơ? Đó chẳng qua không bằng tự mình giết, vừa nói đạo lý làm đui mắt chư thánh, làm câm họng sơn liền rơi vào hầm hố của Vân Môn.« tăng ta đây. Thật là chuyện giữa trưa gõ »Mỗi ngày đều là ngày tốt« là lời nói đặc canh ba, xoay mặt về Nam để nhìn xem sao biệt của thiền gia siêu việt nghĩa lý phân Bắc đẩu.« biệt, là cảnh giới thiền ngộ nhồi thành một Tiết Huệ Giác Thiền sư trong NĐHN q. 12 khối, soi thấy toàn thể trình tự thời gian và ghi: » thế sự, cũng phản ánh, tinh thần lạc quan dáng dấp khoan thai của người ngộ thiền. Tiết Tư Thọ ni Diệu Tổng Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » – Sư thượng đường nói: Vỗ nước ngại cá nhức đầu. Qua rừng e chim – Sư kinh sợ. Hoàng hôn không đánh trống. nói: Mỗi ngày đều là ngày tốt, Phật pháp Giữa trưa gõ canh ba. Này các vị thiền và thế gian pháp đều làm chu đáo. Chẳng đức, nếu đã là giữa ngọ sao lại đi gõ canh cầu phải riêng tìm lẽ u huyền nào khác mà ba? Sư im lặng giây lâu, nói tiếp: Hôm qua chỉ biết mỗi ngày hai bữa cơm cháo.« thấy dương liễu xanh, hôm nay thấy lá rụng vàng.« NHẬT TỊCH Sớm hôm, từ sớm đến chiều. Tiết Thạch NHẬT NHẬT THỊ HẢO NHẬT Đầu Hòa thượng trong TĐT q. 4 ghi: » Mỗi ngày đều là ngày tốt. Công án, là pháp ngữ của thiền sư Vân Môn Văn Yển. Bích – Tư (chỉ Hành Tư) Hòa thượng thấy Nham lục q. 1 ghi: Nêu lên công án: Vân Sư khác với người thường, liền sắp xếp cho Môn dạy chúng: » ở chái Tây, sớm hôm chỉ ở bên cạnh Hòa thượng.«

NHẬT TIÊU VẠN LƯỢNG HOÀNG KIM NHẬT TIÊU VẠN LƯỢNG NHĨ HOÀNG KIM Lời nói ngữ khí ở cuối câu. 1. Hả. Biểu thị Ngày tiêu muôn lượng vàng ròng. Ý nói nghi vấn, tương đương với ni (). Minh nhà sư mỗi ngày hưởng dụng rất nhiều của Giác ngữ lục q. 2 ghi: » cải của thí chủ, thường dùng xác nhận quả quyết rằng thiền tăng có ngôn hạnh khế hợp với chỗ lãnh ngộ thì không cô phụ thí – Huyền Sa chủ cúng dường. Pháp Diễn ngữ lục q. nói: Ta có chính pháp nhãn tạng phó chúc trung ghi: » cho Ma-ha Ca-diếp, giống như nói về – trăng; Tào Khê giơ phất tử giống như chỉ Có người nhảy ra được, ngày tiêu muôn mặt trăng. Cổ Sơn nói: Mặt trăng hả?«. lượng vàng ròng. Nếu không nhảy ra được 2. Nào, này, nhé. Biểu thị liệt cử, tương thì có chỗ vướng mắc ngươi rồi.« đương với A (). Mật Am ngữ lục ghi: » NHẬT TRUNG ĐÀO ẢNH Đứng ngoài nắng giữa trưa mà muốn trốn tránh bóng của mình, dụ cho tư tưởng và – Thử gọi cái gì là linh giác? Có hành vi hư vọng ngu si. NĐHN q. 12 ghi: một bọn đông tây chẳng biện, nam bắc » chẳng phân, liền nói đi đứng ngồi nằm này, ăn cơm ăn cháo này, chính là nhận – Nếu hiểu lầm tớ là chủ, nhận giặc làm con!«. rõ thì như rồng gặp nước, như cọp dựa núi, tuỳ ý tự tại, ứng dụng vô ngại. Bằng NHỊ ẨN như chưa rõ thì giống như đứng giữa trưa Hiệu của Thiền tăng Bản Mật sống đời mà trốn bóng của mình«. Thanh. X. Bảo Mật.

NHẬT TRUNG MÊ LỘ NHỊ BỈ Giữa ban ngày ban mặt mà đi lạc đường, tỷ Hai người kia, hai vị ấy. Chương Bảo Phúc dụ ngu đần si mê. Tiết Pháp Luân Tế Hòa thượng trong TĐT q. 11 ghi: » Thiêm Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi:
»
– (Sư) bèn nói: Bốn thứ hét này, có một
thứ hét có thể – Tăng nêu lên công án: Bàn làm thầy cùng với Tổ Phật, xin mời nạp Sơn nói: Ánh sáng và gương đều mất, lại tăng tinh mắt thử chọn xem. Nếu chọn là vật gì? Động Sơn nói: Ánh sáng và không ra thì giống như giữa ban ngày ban gương chưa mất, lại là vật gì? (Tăng nói): mặt mà đi lạc đường.« Theo hai vị ấy thương lượng, thật chưa sạch hết vọng tâm phân biệt. Sư hỏi lại vị

NHỊ ĐẦU TAM THỦ HÁN tăng ấy: Nói thế nào là sạch hết vọng tâm
– phân biệt (sào tuyệt)?« Thà nói nước sông chẳng chảy vào biển, chứ không nói Như Lai có nhị chủng ngữ. NHỊ CƠ Thà nói La-hán có ba độc, chứ không nói Cơ thứ hai, ý nói không phải thiền cơ chân Như Lai có nhị chủng ngữ. Chẳng nói Như chính, mà là nghĩa lý từ Đệ nhất nghĩa trở Lai không có lời, chỉ nói Như Lai không có xuống. Tông thừa yếu nghĩa trong DTNL nhị chủng ngữ.« q. 9 ghi: »
– NHỊ ĐẦU TAM THỦ Trước thanh sắc mà am hiểu cũng đã
rơi Có 2 nghĩa: vào cơ thứ hai sau lời nói mà nương theo suy lường đã trễ rồi tám khắc.« 1. Đối với »Đệ nhất nghĩa« mà nói, chỉ cho nghĩa lý tầm thường từ đệ nhất nghĩa trở NHỊ CHỦ NHỊ TÂN xuống. CĐTĐL q. 12 ghi: » Hai chủ hai khách. Chỉ
cho bốn thứ tình – Không hình trong »Tứ tân chủ« mà tông Lâm Tế
hỏi nghĩa lý tầm thường, thỉnh sư chỉ thẳng lập bày: Chủ xem khách, chủ xem chủ, bản lai diện mục«. khách xem chủ, khách xem khách. X. Tứ 2. Dư thừa, rắc rối. NĐHN q. 15 ghi: » tân chủ. Chương Tông Thừa Yếu Nghĩa trong DTNL q. 9
ghi: » – Các ngươi ngay đây
nhận lãnh được cũng là dư thừa, ví như mạt vàng tuy
quý nhưng chẳng nên để rơi vào mắt«.
– Tông NHỊ ĐẦU TAM THỦ HÁN Lâm Tế đánh hét xen nhau như sấm nổ điện chớp, đoạt nhân đoạt cảnh, chiếu dụng cùng thi hành, hoặc ở trong một tiếng Người nói năng lôi thôi, lời nói rắc rối, hét tự có ba huyền ba yếu, hai chủ hai không thể dứt khoát lãnh hội. Đây là lời khách. Nhiệm mầu ở chỗ phá thủng lưới chê trách. Minh Giác Ngũ Lục q. 1 ghi: lồng, quét sạch hang ổ, bị người gọi là kẻ »
trộm giỏi, kẻ giết người không nháy mắt là đây vậy.«
NHỊ CHỦNG NGỮ – Hỏi: Thế nào là một
người hướng Hai kiểu nói trước sau mâu thuẫn nhau. về quá khứ? Sư đáp: Y ta sẽ ngồi dưới cội Chương Bảo Phúc Hòa thượng trong TĐT cây. Tiến hỏi: Lúc tới lui thì thế nào? Sư q. 11 ghi: » nói: Ban ngày đi vòng núi Tu-di. Tiến nói:
Trên trời dưới trời mình ta tôn quý. Sư bảo: Đồ nói
năng lôi thôi!«

NHỊ LỤC THỜI TRUNG NHỊ LỤC THỜI TRUNG NHỊ PHẬT THỪA
Trọn ngày đêm, mỗi giờ mỗi khắc. Theo Chỉ giáo pháp khác ngoài »Nhất Phật lối tính thời gian cũ ở Trung Quốc, một thừa«. Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » ngày đêm chia

làm 12 giờ, nên nói: Nhị lục (2 x 6). Bích Nham lục q. 1 ghi: »
– Pháp Đạt! Ngươi hãy nghe Nhất
Phật thừa, chớ có tìm Nhị Phật thừa. Giáo – Trọn
ngày pháp ngoài Nhất Phật thừa đều chẳng phải đêm, chính mình cần phải phấn chấn tinh pháp căn bản để thành Phật.« thần cùng nó (câu thoại đầu) thừa đương. Mai kia mốt nọ ở ngã tư đường duỗi tay NHỊ TẾ dìu dắt mọi người, cũng không phải là việc khó.« Hai bờ, hai mé. Phật giáo gọi sinh tử luân hồi và Niết-bàn (siêu thoát sinh tử) là Nhị NHỊ NHÂN ĐỒNG TÂM, KỲ tế. Chương Nhất bát ca trong CĐTĐL q. NGHĨA ĐOẠN KIM 30 ghi: » – – Cũng không xấu, cũng Ý nói
hai người làm việc chung, nếu như không tốt. Giữ lòng bình thản giữa hai mé, hợp sức chung lòng thì rất có ý nghĩa, cũng đấy chính là đạo lý bình đẳng.« Ý nói sinh rất có hiệu quả. Câu này rút từ cổ ngữ »Nhị tử và Niết-bàn bình đẳng như nhau, không nhân đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim« trong hệ có đối lập. từ thượng của sách Chu Dịch, sửa lại một chữ »lợi« mà thành. Pháp Diễn ngữ lục q. NHỊ THẬP BÁT TỔ hạ ghi: »
1. Chỉ cho 28 vị Tổ ở Tây Thiên, là 28 vị – Hai vị nếu như họp Tổ
sư truyền thừa pháp thiền ở Ấn Độ thời sức chung lòng thì việc làm rất có hiệu cổ. Về danh sách 28 vị Tổ này xin xem quả, xưa nay có như thế mới có thể gánh Biểu đồ 1 ở phần Phụ lục của sách này. vác đạo của ta.« 2. Chỉ cho vị Tổ thứ 28 ở Tây Thiên là Bồ- NHỊ NHẬP đề-Đạt-ma. Vị này đồng thời là Sơ tổ ở Đông độ. Hai con đường tắt để lãnh hội thiền pháp: Lý nhập và hạnh nhập, do Tổ Bồ-đề-đạt- ma luận. Chương »Lược biện Đại thừa NHỊ THẬP BÁT TRUYỀN nhập đạo tứ hạnh« trong CĐTĐL q. 30 ghi:
» Chỉ cho hai mươi tám đời truyền thừa thiền
pháp ở Ấn Độ thời cổ. X. Nhị thập bát Tổ. – Luận về nhập đạo có nhiều đường, Khai thị thiền nhân Đổng Văn Thừa trong nhưng nói tóm thì không ngoài hai thứ: HSLNMDT q. 1 ghi: »Đầu đà thân sắc Một là lý nhập, hai là hạnh nhập.« vàng (chỉ ngài Ca-diếp) mỉm cười, cho đến 28 đời truyền thừa lần lượt trao tay.«

NHIÊN NHỊ THỜI CHÚC PHẠN Huệ Khả cầu pháp. X. Lập tuyết đoạn tý. Còn gọi: Nhị thời trai chúc. Trong các tự Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » viện thời xưa, một ngày hai buổi cơm – Khi Nhị Tổ đứng ngoài cháo. Buổi sớm ăn cháo, đúng ngọ ăn cơm, tuyết thì thế nào?« nên gọi »Nhị thời chúc phạn«. Tiết Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong NĐHN q. NHIỄM CHỈ 4 ghi: » Đối với
Phật pháp có chút thể hội, nếm qua pháp vị. Tiết Viên Thông
Đạo Mân Thiền – Khi lão sư trong NĐHN q. 18 ghi: » tăng
hành cước, trừ hai thời cơm cháo là chỗ dụng tâm tạp. Ngoài ra
không có chỗ – Nương Đức Tường chùa dụng tâm nào khác nữa, nếu chẳng như thế Cảnh Đức xuất gia, thi kinh được độ. Đi thì cách đạo rất xa vậy.« khắp nơi tham vấn đều có chút thể hội.«

NHỊ TỔ AM NHIỄM TẬP Trên ngọn Bát Vu, phía tây nam chùa Phật giáo cho
rằng vạn sự vạn vật ở thế Thiếu Lâm, núi Thiếu Thất, huyện Đăng gian này đều hư vọng không thật, nếu chấp Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Nhị Tổ trước vào những ngoại vật hư vọng này, rồi Huệ Khả học pháp nơi Sơ Tổ Bồ Đề Đ t- từ đó sinh ra ý niệm hư vọng, quen rồi nên ma, đứng dưới tuyết chặt cánh tay, sau khikhông phát hiện ra,

gọi đó là nhiễm tập. nhận được y bát ngài dưỡng thương nơi Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: » này. Đồ chúng lập am nơi đây để kỷ niệm. Trong am có đại điện ba cột, vài tấm bia đá. Ngoài am có ba tháp do Võ Chu xây cất vào niên hiệu Vạn Tuế Đăng Phong thứ 1 (696). Phía nam còn có Mích tâm đài, – Nghe tiếng chạy còn gọi »Luyện ma đài« là chỗ Nhị Tổ đi theo tiếng, thấy sắc chạy theo sắc, đã vọng kinh hành. chạy theo sắc tiếng thì bị vọng cảnh trói buộc, từ đây nhiễm niệm tới tấp, vọng NHỊ TỔ ĐOẠN TÝ tưởng điên đảo. Những nghiệp thức trần Nhị Tổ chặt tay. Truyện Nhị Tổ Huệ Khả lao như thế gọi là nhiễm tập. Như vậy cầu pháp. X. Lập tuyết đoạn tý. Pháp Diễn nhiễm tập là cội nguồn của sinh tử luân ngữ lục q. thượng ghi: » – hồi vậy.« – Đạt-ma thật là kỳ cục lên chùa Thiếu Lâm NHIÊN ngồi xoay mặt vào vách, Nhị Tổ chặt tay Dù cho. Tiết Nguyên Phong Thanh Mãn một đời chịu phục.« Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » NHỊ TỔ LẬP TUYẾT – Thiền sư giơ cây gậy Nhị Tổ đứng ngoài tuyết. Truyện Nhị Tổ lên, bảo: Đến đây, đến đây! Dù cho là

NHIÊN TẮC thánh tăng cũng phải ăn gậy. Sư đập vào NHIẾP THỌ đài hương rồi bước xuống tòa«. Cửa Phật lấy từ bi làm lòng để tiếp nạp chúng sinh. Tiết Nghệ Ngôn trong NHQL NHIÊN TẮC q. 29 ghi: » Mặc dù. Tiết Khai Tiên Hạnh Anh Thiền – sư trong NĐHN q. 17 ghi: » Bởi vì chưa khai mở chính kiến nên chẳng phá được cảnh tối tăm. Không phá được – Hoa Nghiêm nói thế ấy ví như cảnh tối tăm thì khó thoát được nghiệp thuốc hay, mặc dù đắng miệng nhưng cốt chướng. Dù cho đức Di-đà có bi nguyện để trị bệnh«. nhiếp thọ mà người ấy giống như kẻ mù chẳng thấy được mặt trời thì làm sao NHIÊN THẢ đây!«. Nhưng mà, chỉ là, biểu thị ý chuyển chiết. Tiết Hoài Hải, đời thứ 3 dưới Đại Giám NHIỆT trong CTTNL q. 1 ghi: » Lo lắng, nóng nảy. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: »

– Sư nói: Vậy chớ sau – Công này ngươi có nối pháp Mã Tổ không? nói: Bắt được trộm rồi. Duyệt nói: Bắt Hoàng Bá đáp: Không. Hôm nay nhờ Hòa được trộm, vậy tang vật ở đâu? Công thượng kể nên được thấy cái dụng đại cơ không đáp được. Duyệt nói: Chưa được, của Mã Tổ, nhưng mà không biết Mã Tổ. hãy lui ra! Khối nghi của Công càng nóng Nếu nối pháp Mã Tổ thì sau này tôi sẽ mất lên, nơi hiên nhà đứng ngồi bất an.« hết con cháu«. NHIỆT HỐNG Ồn ào, ầm ỉ. Tiết Vân Đỉnh Tông Ấn Thiền NHIÊN TUY sư trong NĐHN q. 18 ghi: » Mặc dù. Pháp Diễn ngữ lục q. trung: » – Bốn mươi chín năm một phen ồn ào, tám mươi bảy xuân lão hán đùa một mình. Vậy thì ai nhiều ai – Nếu muốn hoành hoành trong thiên ít? Giống như giấc mơ. Trở về đi chừ, tuyết hạ, thấy Hòa thượng già đánh trống thăng trĩu nặng ngọn mai.« đường hãy lấy gậy đánh ngay miệng, dù ông ta 73 hay 83 tuổi. Tuy nhiên như thế, NHIỆT LOẠN phải nhặt bỏ trước cửa, lên Mã Đài, cắt Lo lắng hoảng loạn. Uyển Lăng lục ghi: đứt giây ngũ sắc mới được an lạc«. »

NHƯ BÌNH CHÚ THỦY – Đoán trước nếu NHU NHƯ NHIỄU CHỈ không triệt ngộ, khi đêm 30 tháng chạp đến Nhu nhược, không chủ kiến. Tiết Tục bảo đảm các ông sẽ hoảng loạn.« Nghệ Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » NHIỆT MAN Lừa dối. Tiết Hoằng Minh Thiền sư trong – Người học TLTBT q. 2 ghi: » ngày nay chuyên tôn sùng thói quen này, – Lanh lợi thì thấy, gọi là cứng dai, gọi là cao vút, đến khi gặp không lanh lợi thì bị ta lừa dối.« phải một chút lợi hại thì nhu nhược, hoàn toàn không làm chủ.« NHIỆT MUỘN Lo lắng phiền muộn. Mật Am ngữ lục ghi: NHƯ BÁI (1615-1664) » Thiền tăng đời Thanh, họ Khang, hiệu Huệ Môn. Thuở bé sư khẳng khái có chí xuất – Nhà chị Vương ở thôn Đông, trần. Năm 17 tuổi sư tham học nơi ngài đêm qua mất một con trâu đực, cả nhà lớn Hằng Tín Hành Di, còn đến núi Hoàng Bá nhỏ tìm kiếm không thấy, trong lòng phiền ở Phúc Kiến để yết kiến ngài Ẩn Nguyên muộn.« Long Kỳ và nối pháp ngài, thuộc tông Lâm NHIỆT PHÁT Tế. Ẩn Nguyên dời đến chùa Long Tuyền Nổi nóng. Duy Tắc ngữ lục q. 1 ghi: » ở Quảng Đông, sư cũng xin theo làm Tây đường. Sư ra hoằng pháp ở động Chí Công tại Ôn Lăng. Hai năm sau, sư vâng lệnh – Sau đó bị lão sư Trung thầy đến trụ Sư Tử Nham 8 năm. Đến khi Phong chèn ép một phen, lại bị Đăng Lung Ẩn Nguyên sang Nhật Bản, sư mới vào núi cười nhạt một phen nữa, chợt cảm thấy Hoàng Bá. Tác phẩm: Huệ Môn Hòa đầu óc nổi nóng, mặt mày xấu hổ.« thượng ngữ lục 4 quyển, Huệ Môn Thiền sư Hưu lục 4 quyển. NHIÊU Giả sử, dù cho. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » NHƯ BẢO (890-960) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Cổ, người – Cho dù ngươi học Quang Lăng, Hồ Bắc nối pháp Thiền sư được tam hiền tứ quả thập địa mãn tâm Quang Mục, tông Quy Ngưỡng. Sư trụ cũng chỉ là ngồi trong phàm thánh.« chùa Tư Phúc ở Kiết Châu (nay là Kiết An, tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. NHU Uốn nắn, cố ý gây chuyện, kiếm chuyện. NHƯ BÌNH CHÚ THỦY Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: » Như rót nước từ bình, tủ dụ giải thích – Hôm nay tôi bị Trưởng nghĩa kinh rất lưu loát thông thạo. CĐTĐL lão uốn nắn một phen«. q. 12 ghi: » – Giải thích giáo lý nhà Phật trong

NHƯ CHÂU TẨU BÀN, BẤT BẠT TỰ CHUYỂN ba đời rất lưu loát, thông thạo.« NHƯ DIỄM (1151-1225) Thiền tăng đời Tống, họ Chu, tự Chiết NHƯ CHÂU TẨU BÀN, BẤT BẠT Ông, người xứ Ninh Hải, Thai Châu (nay TỰ CHUYỂN thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Thuở bé, sư thông minh xuất chúng. Năm 18 tuổi xuất gia ở viện Tịnh Độ tại xã nhà, rồi thụ Như viên ngọc lăn trên mâm, chẳng đụng giới cụ túc, nối pháp Thiền sư Chuyết Am đến mà tự di chuyển, tỷ dụ cảnh giới sau Đức Quang, tông Lâm Tế. khi ngộ: tự mình làm chủ, vận dụng vô Sư từng trụ các chùa: Hàm Thanh ở nam ngại. Tiết Thị Trung thị giả trong Mật Am Kiếm Châu, Quang Hiếu ở Việt Châu, ngữ lục ghi: » Tưởng Sơn ở Kiến Khang, Thiên Đồng ở Minh Châu. Năm 1218, vua xuống chiếu vời sư trụ chùa Kính Sơn và ban cho hiệu »Phật Tâm Thiền sư«. Đệ tử của sư là Phổ – Được ở nơi tâm, ứng dụng Tế nhờ biên tập bộ »Ngũ Đăng Hội ở nơi tay như viên ngọc lăn trên mâm, Nguyên« mà nổi tiếng. không đụng đến mà tự di

chuyển. Trong 24 giờ tới lui cúi ngước, vào cung ma, dò NHƯ GIẢO (1374-1443) hang hùm, lên núi đao, vào rừng gươm; Thiền tăng đời Minh, họ Chu, tự Tính nhưng mà mỗi một hành vi của đương Thiên, người huyện Ngân (nay là huyện nhân đều là chỗ đắc lực«. Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Thuở bé xuất gia ở viện Quán Âm nơi ấp nhà, nối pháp Thiền sư Cổ Chuyết Tuấn, NHƯ CỦNG (1222-1289) thuộc tông Lâm Tế. Sư ẩn cư ở hố phía tây Còn gọi: Hạnh Hồng. Thiền tăng sống vào am Tầm Trúc hơn 20 năm. Năm 1432, sư cuối đời Tống-đầu đời Nguyên, họ Lâm, tự trụ trì chùa Hổ Bào. Sư vóc dáng vạm vỡ, Tử Phác, hiệu Hoành Xuyên, người xứ phong cách thanh cao. Trong chúng nếu có Vĩnh Gia (nay là Ôn Châu, tỉnh Chiết ai phạm giới, sư chỉ dùng dáng mặt lạnh Giang) Trung Quốc. Năm 15 tuổi xuất gia lùng để chỉ dạy, đợi người ấy tự sửa lỗi. nơi ông chú là Thiền sư Chính Tắc rồi thụ giới cụ túc ở viện Quảng Từ, nối pháp NHƯ HIỆN (?-1765) Thiền sư Diệt Ông Văn Lễ. Năm 1268, Thiền tăng đời Lê trung hưng, hiệu Nguyệt quan Thừa tướng khâm ngưỡng đạo đức Quang, quê ở làng Đường Hào, huyện của sư nên thỉnh sư trụ Linh Nham Thiền Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, miền Bắc Việt Tự ở núi Nhạn Đãng. Năm 1272, sư dời Nam, nối pháp Thiền sư Chân Nguyên, đến Năng Nhân Thiền Tự, rồi lui về ở ẩn thuộc tông Lâm Tế đời thứ 37. trong núi Nhạn Đãng. Năm 1279, phụng Năm 1730, các chùa Quỳnh Lâm và Sùng sắc trụ chùa Dục Vương. Tác phẩm: Tam Nghiêm dưới sự chăm sóc của sư được Hội ngữ lục 3 quyển. chúa Trịnh Giang trùng tu. Chư tăng trong

NHƯ LÂM (1274-1339) chùa cùng dân ba huyện Đông Triều, Thủy tỉnh Quảng Đông) Trung Quốc. Thuở bé Đường và Chí Linh góp sức vào việc xây xuất gia, đến năm 773 làm đệ tử của Thiền dựng lại các chùa này. Gần mười ngàn sư Quốc Nhất, sau nối pháp Mã Tổ Đạo người làm việc suốt một năm mới xây Nhất. Chư tăng ngưỡng mộ sư, đến tham dựng xong hai ngôi chùa lớn này của phái khấu thỉnh ích đến nổi không đủ chỗ, Trúc Lâm. Dân chúng ở ba huyện trên giường thiền trong tăng đường bị hư gãy được miễn sưu dịch một năm. Bảy năm nên sư còn có tên »Hội giường gãy«. Về sau, Chúa Trịnh Giang lại cho đúc một pho già, sư ở chùa Trường Sa Đông, Hồ Nam, tượng Phật rất lớn để thờ tại chùa Quỳnh pháp môn rất thịnh, người đời bảo chùa Lâm. Năm 1748, sư được vua Lê Hiến Đông là »hang Thiền«. Tướng quốc Thôi Tông ban chức Tăng cang và năm 1757 Công Quần là bạn của sư. Thụy hiệu được sắc phong là Tăng thống Thuần Giác »Truyền Minh Đại Sư«. Hòa thượng. Các bậc cao tăng và đại thần thường đến tham vấn nơi sư. Đồ đệ của sưNHƯ LAI THIỀN Thiền giáo môn, chứng nhập từng bậc như: có hơn 60 vị anh tài, trụ trì các nơi làm rường cột cho Phật pháp. Thiền sư Tính Thập tín, Thập trụ, cho đến Thập địa, Đẳng giác, còn có thể giải thích. Thiền Uyển Tĩnh là vị đệ tử được sư truyền y bát Trúc Lâm và kế thế chăm sóc các chùa Quỳnh Mông Cầu Thập Di (Vạn Tục 148, 149 Lâm, Long Động và Nguyệt Quang. Đến thượng) ghi: ngày mồng 6 tháng 9 năm Ất Dậu (1765), sư nhóm chúng từ biệt thị tịch. Môn đồ xây tháp nơi chùa Nguyệt Quang để phụng thờ. Hiện nay chùa Nguyệt Quang ở phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố – Sư liền hét một tiếng và nói: Hải Phòng. Theo: Thiền sư Việt Nam của Năm ngoài nghèo chưa thật nghèo, năm HT. Thanh Từ. nay nghèo mới thật nghèo. Năm ngoái tuy nghèo nhưng còn có dùi để cắm.

Năm nay NHƯ HỌC (1585-1633) nghèo đến nỗi dùi cũng không. Ngưỡng Thiền tăng đời Minh, họ Nhâm, hiệu Ngũ Sơn nói: Chấp nhận sư đệ đã ngộ Như Lai Phong, người Lâm Đồng (nay thuộc Thiểm Thiền, còn Tổ sư Thiền thì nằm mơ cũng Tây) Trung Quốc. Sư nối pháp ngài Mật chưa thấy«. Vân Viên Ngộ, làm tryền nhân tông Lâm Tế, từng trụ các chùa: Hoằng Tế, Đồng NHƯ LÂM (1274-1339) Khánh ở Đại Quy sơn. Tác phẩm: Ngũ Thiền tăng đời Nguyên, họ Vương, tự Trúc Tông Phái, Ngũ Phong Thiền sư ngữ lục 1 Điền, người xứ Xương Quốc (nay là huyện quyển. Định Hải, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Sư tham học nơi Thiền sư Chỉ Hoằng NHƯ HỘI (744-823) Giám, chùa Thiên Đồng có tỉnh, còn yết Thiền tăng đời Đường, họ Hoàng, người kiến ngài Duyệt Đường chùa Linh Ẩn, xứ Thủy Hưng, Thiều Châu (nay thuộc được bổ làm thư ký. Sư ở chùa Thượng

NHƯ MÃN Lam được cử làm thị giả. Sư đến núi Bách Minh Đạt. Sau khi tu học ở đây một thời Trượng yết kiến Thiền sư Hối Cơ, được gian, sư xuống chùa Giác Viên (làng Bình Ngài phân tòa thuyết pháp. Về sau, sư tiếp Thới, Gia Định) xin thọ giáo với Thiền sư nối trụ trì Thượng Lam rồi dời đến Tuyết Minh Khiêm Hoằng Ân, được ban pháp Đậu, Điện sơn. Về già, sư trụ trì chùa Vạn danh là Từ Phong, húy Như Nhãn, lúc đó Thọ ở Tô Châu. sư cũng đã thông hiểu kinh pháp nên được Thiền sư Hoằng Ân cử làm thư ký ở chùa NHƯ MÃN Giác Viên. Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư Năm 1887, sư trụ trì chùa Giác Hải (Phú Mã Tổ Đạo Nhất. Ban đầu sư ở chùa Kim Lâm). Năm 1909, sư làm pháp sư trường Cang, núi Ngũ Đài. Sau đến Lạc Dương, Hương ở chùa Long Quang tại Châu Thành sư nói pháp yếu Thiền tông cho Đường Vĩnh Long. Năm 1919, sư làm pháp sư Thuận Tông nghe, Vua nghe xong rất vui, trường Hương ở chùa Vĩnh Tràng (Mỹ càng quý trọng Thiền tông. Tho) và năm 1920 ở chùa Bửu Long (Vĩnh Long). Khoảng thời gian 1920-1925, Sư NHƯ MẪN (850-920) xây dựng chùa Thiền Lâm ở Gò Kén, thôn Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ Thái Hiệp Thạnh, gần tỉnh lỵ Tây Ninh. Mân Xuyên. Ban đầu sư yết kiến Hoàng Trong thời gian 1911-1930, phong trào Bá Hy Vận, sau đến Phúc Châu yết kiến chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ phát triển Trường Khánh Đại An và nối pháp Ngài. nhờ hoạt động tích cực của chư thiền đức Sư ra hoằng pháp trụ Thiền viện Linh Thọ, nổi danh, trong đó có sư. Tuy học vấn của Thiều Châu (nay là Thiều Quan, tỉnh sư không nổi tiếng uyên bác, nhưng tác Quảng Đông). Tính tình sư khoan hậu, phong đạo đức cao, có óc canh tân và nhiệt trung thực, rất giỏi bói quẻ. Các Vương đời tâm xiển dương chính pháp, cố hết sức lo Nam Hán thường rước sư vào cung để chỉnh lý lại tăng đồ và cải cách sinh hoạt quyết nghị việc khó, ban hiệu là »Tri Phật giáo để trừ các tệ đoan trong Phật Thánh Đại Sư«. Sư giáo hóa ở Lãnh Nam giáo Nam Kỳ. Tiêu biểu là năm 1920, sư hơn 40 năm có rất nhiều dị tích. Thụy hiệu: hợp tác với Hòa thượng Khánh Hòa vận Linh Thọ Thiền sư. động thành lập Hội Lục Hòa để đoàn kết chư tăng trong những ngày giỗ Tổ ở các NHƯ NHÃN TỪ PHONG chùa. Năm 1934, Hội Lưỡng Xuyên Phật (1864-1938) Học được thành lập. Hội này mở Phật Học Thiền tăng đời Nguyễn, húy Như Nhãn, Đường Lưỡng Xuyên ở Trà Vinh để đào tên là Nguyễn văn Tường, người thôn Đức tạo tăng ni. Trong ban lãnh đạo, Hòa Hòa thượng (sông Tra), tổng Dương Hòa thượng Huệ Quang (chùa Long Hòa-Trà thượng, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định Vinh) làm Chính Tổng Lý, Hòa

thượng An (quận Đức Hòa, tỉnh Long An sau này). Lạc (chùa Vĩnh Tràng-Mỹ Tho) làm Chính Năm 1880, sư bỏ nhà lên chùa Thiền Lâm hội trưởng, Hòa thượng Khánh Anh làm tại làng Hiệp Ninh quận Châu Thành, tỉnh Pháp sư, và Hòa thượng Từ Phong giữ Tây Ninh quy y thọ giáo với Thiền sư chức Đại đạo sư. Năm 1938, sư thị tịch tại

NHƯ PHÁP chùa Thiền Lâm (Tây Ninh) thọ 74 tuổi. đẳng không hai, gọi là như như. Đoạn Tế Đồ chúng lập tháp thờ tại chùa Thiền Lâm Tâm Yếu ghi: » và Giác Hải. Theo: L s PG Đ T của Nguyễn Hiền Đức.

– Vô NHƯ NHƯ (TỔ QUẠ) tâm là không có tất cả tâm.

Thể như như Thiền tăng đời Nguyễn, thuộc tông Tào bên trong như gỗ đá không lay không Động đời thứ 9. Sư pháp húy là Quang Lư, động; bên ngoài như hư không không bít Thích Đường Đường, hiệu Như Như, thuộc không ngại. Không năng sở, không phương hệ phái chùa Hồng Phúc (Hoè Nhai) . sở, không tướng mạo, không được mất.« Sư lập chùa Thiên Trúc (Mễ Trì, Hà Nội) và trụ trì tại đây. Công hạnh của sư chúng

NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG ta không thấy ghi trong sử, chỉ thấy trong Bản thể của tự tính cùng khắp không gian bài ca dân gian kể lại công đức của sư. Đại thời gian, chẳng động chẳng tịnh, chẳng ý như sau: »Vào đời Minh Mạng, sư trụ trì biến chẳng dời, chẳng sinh chẳng diệt. chùa Thiên Trúc, dân chúng trong làng khi bận việc cày cấy thường đem con cái còn NHƯ NỘT nhỏ đến chùa để gởi cho sư trông nom. Sư Thiền tăng đời Ngũ Đại, mắt có 2 con dùng than vẽ cho mỗi đứa bé một vòng ngươi, tay dài quá gối, nối pháp Thiền sư khiến chúng chỉ nô đùa trong vòng ấy mà Thúy Vi Vô Học. Sau khi thọ pháp, sư trụ không khóc la, không xô đẩy nhau, đến giờ núi Đạo Tràng, An Kiết (nay là phía bắc sư gọi đệ tử cho các đứa bé ăn. Khi cho ăn An Kiết, tỉnh Chiết Giang), người học bốn có lũ quạ cũng bay lại xin phần, sư cũng phương tìm đến, sư rộng xiển dương thiền chia đều cho. Vì lũ quạ quá đông nên sư pháp. chia ra từng tổ và lên danh sách cho có thứ tự lớp lang. Một hôm, bỗng có mật thám NHƯ PHÁP đến chùa, thấy bảng danh sách này nghi 1. Khế hợp thiền pháp, tương ưng với thiền ngờ sư làm phản nên báo cáo với Vua, vì pháp. Lâm Tế Lục ghi: » thế sư bị bắt. Lúc ấy quạ lớn quạ bé rất nhiều bay đến chỗ phân xử kêu la ầm ĩ

– Đạo khiến nhà Vua lấy làm lạ, cho điều tra lại lưu! Nếu ông muốn được như pháp thì cần và cuối cùng tha sư. Do việc này sư càng phải là bậc đại trượng phu mới được, còn nổi tiếng từ bi và được gọi tên là »Tổ nếu thấp hèn uể oải thì không thể được.« Quạ«. 2. Tuân theo quy cách, như thật, hết lòng. Sư tịch ngày 20 tháng 7, tháp hiệu Quỳnh Tiết Thạch Môn Thiệu Viễn Thiền sư trong Trân. Theo: Thiền sư Việt Nam, của HT. NĐHN q. 14 ghi: » Thanh Từ.

NHƯ NHƯ – (Thạch Môn) hỏi: Việc ruộng Chân thật tướng của vạn sự vạn vật bình nương thế nào? Sư đáp: Cày sâu gieo cạn.

NHƯ TÂN Thạch Môn bảo: Hết lòng đi! Sư thưa: Tôi Khi sư lên đàn diễn giảng, biện tài lưu loát chưa từng cẩu thả.« khiến cho mọi tầng lớp già trẻ gái trai đều khen ngợi. Năm 1595, sư thị tịch ở chùa NHƯ TÂN Thiên Thai Quốc Thanh. Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Bảo Phúc Tùng Triển. Sư ra hoằng pháp ở NHƯ TỈ (1602-?) Thư Châu (nay là tỉnh An Huy). Có vị tăng Thiền tăng đời Thanh, họ Nhậm, hiệu hỏi: »Thế nào là ý Tổ Sư?« Sư đáp: »Coi Phương Dung, người xứ Kinh Dương (nay bộ linh lợi

vậy mà chẳng hội«. thuộc tỉnh Thiểm Tây) Trung Quốc. Năm 16 tuổi thụ giới Sa-di nơi Thiền sư Đại Tài. NHƯ THIÊN (1538-1598) Từng tham học các nơi: Bác Sơn Nguyên Thiền tăng đời Minh, họ Lý, hiệu Đại Lai, Mật Vân Viên Ngộ, Vân Thê Châu Phương, tự Tùng Cốc, người xứ Phong Hoằng, Tuyết Kiệu Viên Tín. Sau tham yết Tường (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) Trung Chuyên Ngu Quán Hành. Năm 1651, Sư ẩn Quốc. Sư tham Hòa thượng Hỷ ở Duyệt ở Lô Sơn. Năm 1660 sư xây tháp cho ngài Am có chỗ khai ngộ. Năm 1561, nghe tông Giác Lãng Đạo Thạnh, rồi ở chùa Thiên sư Đại Chương khai pháp ở chùa Thiếu Giới tại Kim Lăng. Năm kế, xây dựng đạo Lâm liền đến để cầu ấn chứng. Đại tràng Phổ Phúc. Năm 1662 trụ chùa Hoằng Chương vừa gặp sư liền biết là pháp khí Tế ở Kim Lăng, lúc ấy sư đã 61 tuổi. Tác nên giữ sư lại. Sớm chiều sư được vào thất phẩm: Phương Dung Tỉ Thiền sư ngữ lục 3 nên biết được tông phong Tào Động, được quyển, Họa Trung Phong Thiền sư Hoài ấn khả rồi sư đi khắp các danh sơn trong Tịnh Độ Thi 1 quyển. nước. Sư đến chùa Từ Vân ở Kinh Sư, dạo khắp các pháp hội, hiểu tột tông chỉ tánh NHƯ TỊNH (1163-1228) tướng. Sau đó, sư nhận lời mời của Thế tử Thiền tăng đời Tống, họ Du, người xứ Trịnh Phiên Vương, trụ trì chùa Long Minh Châu (nay là huyện Ninh Ba, tỉnh Cương ở Hoài Khánh, người học khắp nơi, Chiết Giang) Trung Quốc. Năm sư 19 tuổi nghe đạo phong của sư kéo đến tham học. xuất gia, nối pháp Thiền sư Túc Môn Trí Giám, thuộc tông Tào Động. Do vì thân sư NHƯ THÔNG (1523-1595) cao lớn, tính tình độ lượng nên người đời Thiền tăng đời Minh, họ Hàng, hiệu Dị còn gọi là »Tịnh Trưởng« hoặc »Trưởng Am, Lô Giang Lão Tẩu, người xứ Cối Kê Ông«. Sư từng trụ các chùa: Thanh Lương, (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Tịnh Độ, Tịnh Từ, Thụy Nham. Tác phẩm: Giang) Trung Quốc. Năm 15 tuổi xuất gia Như Tịnh Hòa thượng ngữ lục 2 quyển. nơi Thiền sư Đại Hải, chùa Tam Đức, Chư Kỵ, nối pháp Thiền sư Kính Sơn Vạn NHƯ TỊNH HÒA THƯỢNG NGỮ Tùng, thuộc tông Lâm Tế. Năm 1563, sư LỤC trụ trì chùa Huệ Nhân, Hàng Châu. Năm Ngữ lục, 2 quyển, do Như Tịnh soạn vào 1582, dời sang ở chùa Linh Ẩn. Sư dạy đời Tống, các vị Văn Sách, Diệu Tông, người một cách bình dị, lời nói chất phác. Duy Kính biên tập«, được xếp vào Đại

NHƯ TRỪNG LÂN GIÁC (1696-1733) Chính Tạng tập 48, trang 121. Nội dung Ở sau vườn có gò đất cao chừng bảy tám bao gồm: Pháp ngữ thượng đường của Như thước. Một hôm, sư sai quân gia đào gò đất Tịnh ở các nơi sau đây: chùa Thanh Lương ấy xuống tận dưới sâu để làm ao thả cá tại Phủ Kiến Khang, chùa Thụy Nham tại vàng. Quân gia chợt thấy một cọng sen Đài Châu, chùa Tịnh Từ tại phủ Lâm An, lớn, đến trình với sư. Sư cho đó là điềm đi chùa Thụy Nham và chùa Thiên Đồng tại xuất gia. Nhân điềm cọng sen này, sư liền Minh Châu. Cùng với các phần: Tiểu tham, cải gia vi tự (đổi nhà làm chùa), đặt tên là Phổ thuyết, Tụng cổ, Tán Phật Tổ, Tự tán, Liên Tông, viện tên Ly Cấu. Từ đây, sư Tiểu Phật sự, Kệ tụng. Như Tịnh là vị thiền quyết chí tham thiền. Một hôm, sư dâng sớ sư quan trọng của tông Tào Động, đã phát xin xả tục xuất gia, được nhà vua chấp triển Thiền mặc chiếu của ngài Chính thuận. Ngày ấy, sư đi thẳng đến huyện Giác. Đệ tử nối pháp của sư là Tổ Nguyên, Đông Triều lên chùa Long Động trên núi cũng chính là Tổ tông Tào Động Nhật Bản. Yên Tử đảnh lễ Thiền sư Chân Nguyên Từ bộ ngữ lục này của sư, chúng ta thấy Chính Giác xuất gia. Thiền sư Chính

Giác được chỗ NGỘ của Như Tịnh và địa vị hiện giờ đã 80 tuổi. quan trọng của sư đối với lịch sử truyền Chính Giác bảo: Duyên xưa gặp gỡ, vì sao thừa của tông Tào Động Nhật bản. Sách đến chậm vậy? Sư thưa: Thầy trò hội hiệp này được ấn hành vào niên hiệu Thiệu thời tiết đến thì gặp. Chính Giác bảo: Định thứ 2 (1229) Nam Tống, sau đó được Trùng hưng Phật Tổ sau này là trông cậy ở xếp vào Đại Chính Tạng tập 48. Nghĩa ngươi. Từ đây, sư ngày đêm nghiên cứu Viễn (đệ tử của Như Tịnh) đem 20 bài tam tạng đều được thấu suốt. Một hôm, sư pháp ngữ thượng đường ở Thiên Đồng đầy đủ oai nghi lên xin ngài Chính Giáo chưa được đem vào sách này, biên tập thụ giới cụ túc. Được chấp thuận, thụ giới thành 1 quyển, gọi là Thiên Đồng Sơn xong và được truyền tâm pháp rồi, sư trở Cảnh Đức Tự Như Tịnh Thiền sư tục ngữ về trụ trì tại chùa Liên Tông. Nơi đây, sư lục, còn gọi Thiên Đồng Di Lạc lục. hoằng hóa rất thạnh, đồ chúng đến tham học rất đông. Do đó lập thành một phái NHƯ TRỪNG LÂN GIÁC hiệu là Liên Tông. (1696-1733) Năm 37 tuổi, bỗng một hôm, sư bảo đại Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông chúng rằng: Giờ quy tịch ta sắp đến. Ta Lâm Tế đời thứ 37. Sư tên Trịnh Thập, là được pháp nơi Hoà thượng Chân Nguyên, con của Phổ Quang Vương, sinh ngày sẽ trao lại cho các ngươi, hãy nghe kệ đây: mồng 5 tháng 5 năm Bính Tý nhằm niên hiệu Chính Hòa thứ 17 (1696). Trên trán sư có góc như hình chữ nhật () . Lớn lên, vua Lê Hy Tông gả Công chúa thứ tư cho »Bản tùng vô bản sư. Tuy thân sống trong lầu son gác tía mà Tùng vô vi lai tâm sư hằng gởi gắm trong của thiền. Sư Hoàn tùng vô vi khứ có tư dinh tại huyện Thọ Xương ở phường Ngã bản vô lai khứ Bạch Mai, Hà Nội khu đất vườn ao 6 mẫu. Tử sinh hà tằng lụy«.

NHƯ TỰ (1320-1385) »Vốn từ không gốc NHƯNG Từ vô vi mà đến Và, đồng thời. Tiết Tiến Phúc Hoằng Biện Lại từ không mà đi Thiền sư trong NĐHN q. 4 ghi: » Ta vốn không đến đi Tử sinh làm gì lụy«. Sư lại bảo: Thân khổ tứ đại này đâu thể giữ – Mỗi ngày sư biện lâu. Nói xong, sư ngồi an nhiên thị tịch, đối bảy khắc (một khắc là 15 phút) vua ban thọ 37 tuổi. Năm ấy nhằm niên hiệu Long cho tử phương bào, tặng hiệu Thiền sư Đức thứ 2 (1733). Đồ chúng xây tháp thờ Viên Trí, đồng thời ra lệnh tu sửa Thiên sư ở ba nơi. Theo: Thiền sư Việt Nam của Hạ Tổ tháp bảo mọi người giữ gìn.« HT. Thanh Từ. NHƯNG TIỀN NHƯ TỰ (1320-1385) Y như cũ. Vô Môn Quan ghi: » Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên-đầu đời Minh, họ Trương, tự Thái Phúc, hiệu – Chiều tối, Cụ Am, người xứ Xa Diêu (nay thuộc tỉnh An muốn đến trên cái lò đun nóng to lớn, Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 16 tuổi bỏ thêm một cái nữa cho đủ số năm mươi, theo ngài Giác Hải ở chùa Phổ An tại lại y như cũ bỏ vào.« Hoành Khê xuất gia, được ngài Ngã Am Vô Công độ làm tăng, ít lâu sau thụ giới cụ NHƯỢC AM túc và đắc pháp nơi Thiền sư Kế Tông Hiệu của Thiền tăng Thông Vấn đời Minh Tuyệt. Năm 1361, sư ra hoằng pháp trụ mạt Thanh sơ. X. Thông Vấn. chùa Ủng Hy ở Vân Môn, sau dời đến chùa Vĩnh Thọ, chùa Viễn Phúc, nổi tiếng ở NHƯỢC PHÀM NHƯỢC THÁNH miền Đông nam. Năm 1368 được Vua triệu vào kinh để hỏi về tông chỉ, sư được thăng Không luận phàm nhân hay là thánh nhân. chức Tăng lục ty Tả giảng kinh, trụ trì Tiết Chân Tịnh Khắc Văn Thiền sư trong chùa Thiên Giới. Năm 1372, Minh Thái Tổ

GTPĐL q. 25 ghi: » triệu tập các bậc cao tăng ở Chung Sơn, mở hội Quảng Tiến, Như Tỵ giảng diệu chỉ Pháp Hoa, số người nghe giảng rất vui và – Tận mười phương khâm phục. Sư xem nhiều sách vở, giỏi thế giới không luận là phàm nhân hay văn chương khéo ăn nói, thuyết kinh kệ thánh nhân, là tăng hay tục, là cỏ hay cây, làm cảm động lòng người. Khi sư viên tất cả đều ngay dưới cây phất tử thành tịch, vua Thái Tổ đích thân làm văn tế. Phật thành Tổ, không trước không sau, đồng thời giải thoát«. NHƯ Ý THIỀN SƯ Thiền tăng Tường Mại đời Nguyên tự là NHƯỢC VI Như Ý, người đời gọi là Như Ý Thiền sư. Vì sao, thế nào? Đại từ nghi vấn. Tiết Huệ X. Tường Mại. Trung Quốc sư trong TĐT q. 3 ghi: »

NIÊM CHÙY THỤ PHẤT NỊ CHI MẠO TỬ, CỐT XÚ BỐ SAM – Phật tính Hoà thượng vì sao hoàn toàn chẳng Cái khăn dính dầu mỡ, cái áo hôi hám, dụ sinh chẳng diệt? Phật tính phương Nam vì cho tri kiến trần tục, vô minh phiền não. sao nửa sinh diệt nửa chẳng sinh diệt?«. Tiết Thiên Đồng Đàm Hoa Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » NI 1. Là trợ vĩ ngữ, có nghĩa là »hả«, thường gặp trong ngôn từ của thiền sư. Triệu Châu – Giả Thiền sư ngữ lục (Vạn Tục 118, 166 sử ông lột được cái mũ dính dầu mỡ, cởi thượng) ghi: » được cái áo hôi hám, đúng là lúc nên ăn gậy của Báo Ân tôi. Vì cớ sao? Nửa đêm thức dậy ngồi co gối, đầu lông sao hiện – Hai người hỏi sư: Từ đâu đến? trước nạp tăng«. Sư nói: Lễ bái 500 Tôn giả đến. Hai người nói: Năm trăm con trâu hả, Tôn giả!«. NIÊM BÁT PHƯƠNG CHÂU Ni, còn là cảm thán từ khinh thinh, đồng NGỌC TẬP nghĩa với: Tựu thị giá dạng, Chính thị như Niêm cổ vựng tập, 3 quyển, do Tổ Khánh thử (Đúng như thế). Tông Môn Võ Khố biên tập vào đời Tống, được xếp vào Tục (Đại 47, 946 thượng) ghi: » Tạng kinh tập 119, trang 203. Nội dung thu – Viên Ngộ trình thập niêm cổ, ngữ cú của 4 vị thiền sư: bày với Ngũ Tổ, Tổ nói: Đúng như thế!« Phật Giám Huệ Cần, Viên Ngộ Khắc Cần, 2. Tương truyền người chết thành quỷ, quỷ Chính Giác Tông Hiển và Thạch Khê Tâm chết thành ni, quỷ rất sợ ni cũng như người Nguyệt. Trước tiên nêu lên công án, sau kể sợ quỷ. Tục rằng trên cửa ra vào vẽ đầu ra lời niêm của 4 vị. cọp hoặc viết chữ »ni« bằng chữ triện thì có thể xua đuổi tà ma dịch bệnh, gọi là NIÊM CHÙY CỬ PHẤT Quần tà phù. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Còn gọi: Niêm chùy thụ phất. Tiết Hành Di Nhạc Đạo Biện Thiền sư trong NĐHN q. NI 17 ghi: » Hả. Là ngữ khí từ nghi vấn đặt cuối câu, – Tăng hỏi: Giơ cây dùi, đưa phất tử tức nay là »ni «. Tiết Dược Sơn Hòa lên thì tạm gác lại, Hòa thượng làm sao độ thượng trong TĐT q. 4 ghi: » người? Sư đáp: Khách đến cần phải tiếp«. – Sư hỏi Vân NIÊM CHÙY THỤ PHẤT Nham: Làm gì thế? Nham đáp: Gánh Giơ cây dùi, đưa phất tử lên, là động tác nước. Sư hỏi: Cái ấy hả? Nham đáp: Ở mà thiền gia thường dùng để thị cơ, ứng đây.« cơ, chỉ chung cho tác lược thiền cơ. Tiết Lang Da Huệ Giác Thiền sư trong NĐHN

NIÊM CỔ q. 12 ghi: » NIÊM LỘNG – Giơ cây dùi, đưa phất Đưa ra nhận xét về những điều tóm tắt tử lên thì chẳng hỏi, việc nhướng mày

chớp quan trọng của Tông môn. mắt là gì?«. NIÊM TỤNG Thông thường chỉ cho niêm cổ và tụng cổ, NIÊM CỔ là 2 cách thuyết pháp của thiền sư. Đối Nêu ra những tắc công án xưa để bình trước các đệ tử, thiền sư đưa ra công án, nghị, là một hình thức thuyết pháp của sau đó thêm lời bình nhằm trình bày và thiền sư, cũng là một loại hình của ngữ lục giải thích, gọi là Niêm cổ. Sau khi thiền sư Thiền tông. Tông Môn Võ Khố ghi: » đưa ra công án, còn dùng các câu thơ để bình luận, gọi là Tụng cổ. Trong các tác phẩm ngữ lục, đôi khi đem niêm cổ và tụng cổ tập trung biên chép sắp xếp, chẳng

– hạn quyển 1 của Minh Giác ngữ lục là dấu Thượng tọa Cảo! Đối với thiền pháp của hiệu của 1 loại »Niêm cổ«, quyển 10 của ta, ngươi đều hiểu được, dạy ngươi nói Đại Huệ ngữ lục ghi rõ là »Tụng cổ«. cũng nói được, dạy ngươi làm niêm cổ, Bắt đầu từ đời Tống, theo việc phổ biến tụng cổ, tiểu tham, phổ thuyết ngươi cũng phong trào khán thoại đầu, tham công án, làm được. Nhưng có một việc còn chưa lần lượt xuất hiện một số tác phẩm niêm được, ngươi có biết chăng?«. tụng chuyên môn. Đại khái, chúng có thể được chia làm 3 loại: 1. Niêm tụng biệt tập: tức là do cùng một NIÊM ĐỀ vị thiền sư tuyển lấy một số công án rồi Còn gọi: Niêm cổ, Niêm tắc. Nghĩa là niêm dùng văn xuôi hoặc các câu thơ để giải nói, bình cổ tắc. Thiền sư thuyết pháp, đưa ra như Vô Môn Quan của Thiền sư Huệ Khai cổ tắc công án để mở mang tâm địa người đời Tống, Chính Pháp Nhãn Tạng do Tông học đạo. Tông chỉ của Thiền tông vốn Cảo viết. truyền ngoài giáo điển, chẳng lập văn tự, 2. Niêm tụng vựng tập: tức là đem phần không y theo kinh luận… , nhưng vì muốn niêm tụng của nhiều vị thiền sư biên tập lại cho kẻ học đạo thể ngộ việc lớn sinh tử và thành sách, như »Tụng Cổ Liên Châu chỗ ngôn ngữ không đến được bèn đưa ra Thông tập«, do Pháp Ứng biên vào đời cổ tắc công án để trình bày yếu chỉ tông Tống, Phổ Hội biên tiếp vào đời Thanh, môn. Phần bình xướng của tắc 1, Bích ghi lại tụng cổ của nhiều vị thiền sư. Nham lục (Đại 48, 141 thượng) ghi: » 3. Niêm tụng bình xướng hợp tập: Về từ »Bình xướng« nghĩa là trên cơ sở niêm – Tụng cổ chỉ tụng của người trước, thêm vào lời bình giảng về Thiền một cách vòng vo, nêu lên ý xen kẽ trong công án và trong niêm tụng, chính của vấn đề xưa rồi theo các dữ kiện như Bích Nham lục, Thung Dung lục, mà kết thúc công án mà thôi«. Thỉnh Ích lục«…

NIẾT-BÀN ĐƯỜNG NIÊM VẤN thông hiểu cả Phật lẫn Nho, còn riêng thích Đưa ra công án và nêu lên vấn đề, là một thiền định. Năm 1308, tham vấn Thiền sư hình thức hỏi về công án trong nhà thiền. Hối Cơ Tịnh Từ và đắc pháp. Năm 1316, Tiết Động Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 sư trụ trì chùa Tường Phù, Gia Hưng (nay ghi: » thuộc tỉnh Chiết Giang). Năm 1333, sư soạn xong »Phật Tổ Thông Tải« 22 quyển. (Có thuyết nói 36 quyển).

– Đương thời có người hỏi: Khi người học muốn thấy vị NIỆP PHÁ Thầy sẵn có của Hòa thượng thì ra sao? Tham cứu minh bạch. Tiết Thụy Lộc Bản Sư đáp: Giống như tuổi xế chiều thu không Tiên Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » có trở ngại. Về sau dạy Thượng tọa Giáo nêu ra hỏi Trường Khánh: ›Thế nào là giống như tuổi xế chiều?‹«.

NIÊM XUYẾT Gọi tên câu nói thiền cơ.

Phần phụ lục – Nói chung tham học, chưa chắc học quyển cuối Dương Ức ký Lý Duy Thư vấn thoại là tham học, chưa chắc học giản trong CĐTĐL q. 30 ghi: » thoại là tham học, chưa chắc học đại ngữ là tham học, chưa chắc học biệt ngữ là tham học, chưa chắc học tham cứu ngôn ngữ kì đặc trong kinh luận là tham học, – Hiện nay chưa chắc tham cứu ngôn ngữ kì đặc của giả lập khách chủ mà động đôi môi, giơ Tổ sư là tham học.« ngón tay, đưa phất tử lên, thảy đều trở thành tri kiến điên đảo, thuận theo ý cuồngNIẾT-BÀN DIỆU TÂM của ông dạy ông có chỗ thưa hỏi. Nếu ở Tâm giác ngộ siêu việt luân hồi sinh tử, trước người mắt sáng làm sao ông gọi tên vĩnh hằng bất biến. Tiết Thích-ca Mâu-ni câu nói thiền cơ ra được?«. Phật trong NĐHN q. 1 ghi: » NIỆM PHÁP HOA Thiền tăng Tỉnh Niệm đời Tống lấy việc trì – Thế Tôn nói: Ta có tụng kinh Pháp Hoa làm nhật khóa, người Chính pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, đời gọi là Niệm Pháp Hoa. X. Tỉnh Niệm. thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, chẳng lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo, NIỆM THƯỜNG (1282-?) nay trao cho Ma-ha Ca-diếp«. Thiền tăng đời Nguyên, họ Hoàng, hiệu Mai Ốc, người xứ Hoa Đình (nay là huyện NIẾT-BÀN ĐƯỜNG Tùng Giang, tỉnh Thượng Hải) Trung Tên một căn nhà trong khuôn viên chùa, để Quốc. Sư xuất gia từ nhỏ, thích đọc sách, cho các vị tăng già, bệnh sắp chết ở. Vô

NIẾT-BÀN ĐƯỜNG LÝ HÁN Môn Quan ghi: » NIẾT QUÁI Quái dị hoang đường. Tiết Khai thị Dục tạng chủ trong DTNL q. 3 ghi: » – Hòa thượng Bách Trượng sai Duy-na bạch chùy bảo chúng: Sau khi ăn – cơm, đưa đám một vị tăng mới mất. Mọi Đạo mầu vô thượng của Phật Tổ, ban đầu người đều bàn: Toàn chúng đều an lành. chẳng phải miễn cưỡng sinh tiết mục, cũng Niết-bàn đường không có ai đau ốm, sao chẳng phải dị đoan hoang đường, lại lại có chuyện như vậy?«. chẳng phải việc cao siêu khó làm.«

NIẾT-BÀN ĐƯỜNG LÝ HÁN NIỆU SÀNG QUỶ TỬ Vốn chỉ cho con nít đái dầm, hoặc tiểu tăng đái dầm. Thiền tông dùng từ này để Lời quở trách các vị tăng: Cái gã sắp chết quở mắng những ông tăng nhỏ tuổi hoặc đến nơi! Tiết Trường Khánh Hòa thượng tiểu Sa-di, hoặc những kẻ có lời nói, hành trong TĐT q. 10 ghi: » vi bừa bãi, buồn cười, cũng như ngày nay dùng từ »Tiểu quỷ« (Đồ quỷ), »Xú tiểu tử«, chứ thật ra không có chuyện quỷ đái – dầm. Lâm Tế Nghĩa Huyền Thiền sư ngữ Tăng nói: Chẳng nhờ lời nói, có cho học lục: » nhân thông tin hay không? Sư bảo: Cho, nhưng ngươi làm sao thông tin? Tăng nói: – Đại Ngu nắm Lâm Tế lại Hôm nay gió xuân nổi. Sư nói: Cái gã sắp và nói: Đồ quỷ! Vừa rồi nói có lỗi không chết đến nơi!« lỗi, bây giờ lại nói Phật pháp của Hoàng Bá không có gì nhiều!«. NIẾT MỤC SINH HOA NINH NHẤT SƠN Ấn lên con mắt sinh ra cái thấy ảo, tợ hồ Thiền tăng Nhất Ninh đời Nguyên hiệu như có hoa đốm xuất hiện, dụ cho chế tạo Nhất Sơn, nên gọi là Ninh Nhất Sơn. X. hình tượng hư huyễn để lừa mình lừa Nhất Ninh. người. Chương Huyền Sa Tông Nhất Đại sư trong CĐTĐL q. 18 ghi: » NINH PHÚC TỰ Còn gọi: Chùa Bút Tháp. Chùa ở xã Bút

Tháp, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh (nay – thuộc tỉnh Hà Bắc), Việt Nam. Chùa do Nay ta hỏi các ông rốt cuộc nhận được cái Thiền sư Huyền Quang kiến lập vào đời gì? Yên thân gởi phận ở thế giới nào? Có Trần, với hệ thống không gian phát triển, biện được chăng? Nếu không biện được thì với nhiều tháp và bia đá đã tự nó nói lên giống như ấn lên con mắt thấy hoa đốm, tầm quan trọng của kiến trúc chùa tháp thấy sự việc liền sai.« trước xã hội đương thời. Quần thể kiến

NỮU NIẾT trúc chùa Bút Tháp như một ốc đảo dài như Bản lai diện mục. Thuật ngữ này điểm xuyết cây xanh, nổi bật trên một cánh mượn của Lão giáo dùng để chỉ cho Tự đồng sóng lúa mênh mông, đã được bố cục tính. Bài An Định Thời Tiết trong Tuệ theo một trật tự nghiêm khắc: khách hành Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: hương sẽ phải lần lượt qua Tam quan, gác chuông, Tiền đường, Thiêu hương, Thượng điện, tòa Cửu Phẩm, nhà Trung, Phủ thờ, nhà Tổ. Kiến trúc chùa vẫn dùng khung gỗ chịu lực nhưng nền bệ lan can »Tuế tuế hoa tùy tam nguyệt tiếu dùng đá rất phổ biến, trên có những hình Triêu triêu kê hướng ngũ canh minh động vật được khắc trông thật sinh động. A thùy hội đắc nương sinh diện Chùa có tháp Báo Nghiêm thờ Hòa thượng Thủy tín nhân thiên tổng giả danh«. Chuyết Công, cao 13,05m, năm tầng với »Vào tháng ba hàng năm hoa nở, một phần đỉnh xây bằng đá xanh; ngoài Khoảng canh năm gà gáy sớm mai tầng đáy rộng hơn, bốn tầng trên gần giống Ai là người biết mặt mẹ đây nhau, rộng 2m. Ngoài kỹ thuật xây dựng Mới tin tất cả trời người giả danh«. đá, phần bệ tượng được bao quanh bằng Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: » hai vòng tường cấu tạo bằng cột và lan can. Riêng ở tầng trệt của tòa tháp này có mười ba bức chạm lấy đề tài động vật làm chính. Trong chùa có pho tượng gỗ Quán Âm – Dụ Lăng se mình, Thượng sĩ nghìn mắt nghìn tay của nhà điêu khắc họ viết thư hỏi thăm bệnh. Dụ Lăng đọc thư, Trương hoàn thành vào năm 1656. Hai kiệt trả lời bằng bài kệ: tác điêu khắc khác nữa làm thành một bộ Hơi nóng hừng hực toát mồ hôi, ba tác phẩm danh bất hư truyền là tượng Chiếc khố mẹ sinh chưa thấm ướt. Tây Thiên Đông Độ Việt Nam lịch đại Tổ Thượng sĩ đọc kệ than thở giây lâu«. sư và tượng Thị Kính. Theo VNVHT H 89-95. NỮU NIẾT E dè, đảo qua đảo lại, giày vò. Tiết Thủ NỘI

ĐẠO TRÀNG Khuếch Thị Giả trong NĐHN q. 11 ghi: Đạo tràng được thiết lập ở hoàng cung. » Tào Khê Đại sư Biệt truyện ghi: » – Triệu tập các bậc thiền sư nổi tiếng ở các châu về Nội đạo tràng để cúng dường.«

NƯƠNG SINH DIỆN

Còn gọi: Nương sinh khóa (cái khố của – Sư hành cước người mẹ). Khuôn mặt mẹ. Nương sinh có đến pháp hội của Hòa thượng Hoa Nghiêm nghĩa là người mẹ. Nương sinh diện cũng ở Tương Châu. Một hôm, Nghiêm thượng

OAI ÂM NA BẠN đường nói: Đại chúng, hôm nay nếu là con lục q. thượng ghi: » cháu của Lâm Tế, Đức Sơn, Cao Đình, Đại – Sấm sét nổ ầm ầm.« Ngu, Điểu Khòa, Thuyền Tử, chẳng cần 2. Khí phách rộng lớn. Phần Dương ngữ phải như thế nào hay làm gì, xin mời đơn lục q. hạ ghi: » đao trực nhập. Hoa Nghiêm sẽ chứng minh – Quang minh chính cho ông... Nghiêm nói: Duy-na, hãy đến

đại chân anh kiệt, khí phách rộng lớn trừ đây, ngặt gì Thủ Khuếch vừa đến đây giày yêu nghiệt.« vò lão tăng một phen, đợi họp chúng xong, ta đánh cho y một hèo rồi đuổi ra«. OANH OANH TÙY TỤC Đuổi theo trần tục một cách rộn ràng, sôi nổi; chỉ cho người xuất gia tâm địa không thanh tịnh. Tối Thượng Thừa luận ghi: » O OAI ÂM NA BẠN – Chẳng chịu phát tâm chí thành, cầu 1. Trước Phật Oai Âm Vương, chỉ thời đại nguyện thành Phật được vô lượng tự tại an cách đây rất lâu xa. Như Tịnh ngữ lục q. vui, nên mới đuổi theo trần tục một cách thượng ghi: » rộn ràng sôi nổi, tham cầu danh lợi, mai sau sẽ rơi vào trong đại địa ngục, chịu các thứ khổ não«. – Trời sinh (tự nhiên) há chịu cho người sắp đặt? Ai lại chịu cho người Ô ĐẦU TỬ khống chế? Huống lại là trước Phật Oai Có 2 nghĩa: Âm Vương, từ không kiếp về trước sớm bị 1. Chỉ cho thiền giả có cơ phong bén nhạy, mất sắc thái. Hôm nay đã đến đây thì nên 2. Tên khác của Thiền sư Vô Chuẩn Sư làm gì?« Phạm. Có 2 lý do: 2. Chỉ cảnh giới thiền ngộ siêu việt thời — Thuở xưa, khi Vô Chuẩn tham yết ngài gian, không gian. Tiết Lương Sơn Sư Viễn Mông Am, Sư khéo hiển bày cơ cảnh nên Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » được Mông Am khen tặng là »Ô đầu tử«. — Lúc Vô Chuẩn hành cước tham học, sư chưa cạo tóc nên người thời bấy giờ gọi sư – Nếu muốn lãnh hội cần phải nhè là Ô đầu tử (gã đầu đen). Sau đó, Vô nhẹ quán sát cảnh giới thiền ngộ từ không Chuẩn cũng dùng từ này để tự xưng. kiếp về trước, nêu lên liền ngộ, đụng đến Ô KÊ TUYẾT THƯỢNG HÀNH liền chuyển.« OANH OANH KHẢI KHẢI Gà đen đi trên tuyết trắng. Thiền tông dùng: — Gà đen để dụ cho lý thể bình đẳng. 1. Âm thanh vang rền. Phần Dương ngữ Ố PHÁT — Tuyết trắng để dụ cho hiện tượng sai Ô QUY THƯỚNG THỌ biệt. Trọn câu có nghĩa là diệu dụng nhậm vận Con rùa leo lên cây. Con rùa là động vật giữa bình đẳng (của lý thể) và sai biệt (của sống ở dưới nước, không có khả năng leo hiện tượng). lên cây, nên Thiền tông dùng từ này để làm Ô LUẬT LUẬT thí dụ chỉ cho cảnh giới tác dụng siêu việt phân biệt, hoặc chỉ cho cơ dụng tự tại vô Còn gọi: Ô luật suất, Ô luật tốt, Ô luật tất, ngại của thiền giả. Theo: PQĐTĐ của Hắc luật tất. Đen sì lì. Tây Nham lục (Vạn nhóm Từ Di. tục 122, 177 thượng) ghi: » – Cây gậy cơ chẳng bí mật toàn thân đen sì lì«. Ô YÊN THÀNH MÃ Ô QUY HƯỚNG HỎA Con rùa là động vật sống ở dưới nước, vốn Gọi đủ: Thư kinh tam tả, ô yên thành mã. rất sợ lửa. Nếu như nó bò về phía đống lửa Chử Ô (), chữ Yên () mà viết lầm thì có thể do nó sơ ý mà ra. Thiền tông thành chữ Mã (). Vốn có nghĩa là sai lạc, mượn từ này để tỷ dụ với cử động vô tâm mất mát, không giữ đúng nguyên bản. không còn so đo phân biệt của thiền giả, Thiền tông thường dùng từ này để chế giễu hoặc chỉ cho động tác nhậm vận tại tự những lời nói chữ nghĩa sai lầm mà lại chẳng phải chỗ mà thức tình của hạng được mọi người truyền dạy cho nhau. Mật phàm phu nắm bắt được. Tắc 3, Thung Am ngữ lục ghi: » Dung lục (Đại 48, 229 thượng) ghi: » – Cơ chưa hiển – Hai vị tôn túc lúc trước chẳng đến hiện dấu vết của khoảng thời gian trước xóm làng về sau chẳng ra khỏi cửa, thẳng không kiếp thì nhậm vận tự tại. Một

câu đến hôm nay trở thành đầu đề câu chuyện. Truyền riêng ngoài giáo chắc chắn là lời Vì sao? Một chữ mav viết ba lần thì sẽ sai nói tốt đẹp«. lạc, không đúng nguyên bản.«

Ô QUY TỬ Vốn chỉ cho con rùa được điêu khắc bằng Ố PHÁT gỗ hoặc đá, đặt ở dưới pháp tòa. Thiền tông mượn từ này để chỉ cho người tham thiền ngu muội ở trong các pháp hội. Tắc Nổi giận, phát cáu. Tiết Thừa tướng 44, Thung Dung lục (Đại 48, 255 trung) Trương Thương Anh cư sĩ trong NĐHN q. ghi: » 18 ghi: »
– Hưng Dương nói: – Sĩ đại Rùa đen nằm
dưới tòa Tu-di, chớ đợi gõ phu ngày nay quen được người mê muội đầu mới thoái lui«. hầu hạ, e rằng khi họ nổi giận thì đặc biệt sinh sự.«

PHÁ PHÁ SƠN TỔ SƯ P Thiền tăng Hải Minh đời Thanh ở núi Phá Đầu nên người đời gọi là Phá Sơn Hải Minh, Phá Sơn Tổ sư. X. Hải Minh. PHÁ Tăng gia biện luận, một bên nói trước gọi PHÁC là »lập nghĩa«, một bên bác bỏ lập luận gọi là »phá«. Tiết Huệ Trung Quốc sư trong Đập vỡ, ngã xuống. Tiết Ngạc Châu Thù TĐT q. 3 ghi: » Du Hòa thượng trong NĐHN q. 4 ghi: »
– – Sư đang cùng với Cưỡi ngựa ba mươi năm, hôm nay
bị ngã Pháp sư Tử Lân luận nghĩa, mỗi người lừa.« ngồi yên rồi, Pháp sư nói: Mời thầy lập nghĩa, tôi sẽ phá.« PHÁC ẨN Hiệu của Thiền tăng Nguyên Tịnh đời cuối PHÁ AM TỔ TIÊN THIỀN SƯ NGỮ Nguyên đầu Minh. X. Nguyên Tịnh. LỤC Còn gọi:
Phá Am Hòa thượng ngữ lục. PHÁCH TÍCH Ngữ lục, 1 quyển, do Phá Am Tổ Tiên Đánh thẳng vào sống lưng. Chương soạn vào đời Tống, nhóm các ông Viên Trường Khánh Huệ Lăng Thiền sư trong Chiếu... biên tập, này được xếp vào Tục CĐTĐL q. 18 ghi: » Tạng kinh tập 121. Nội dung gồm những ngữ
lục của Thiền sư Tổ Tiên khi trụ các – Sư nói: Lúc tôi thiền viện: dùng gậy
đánh thẳng vào sống lưng thì — Hàm Bình ở núi Ngọa Long. ông làm sao? Tăng nói: Nếu Hòa thượng — Tú Phong ở phủ Bình Giang. sử dụng gậy này thì chẳng uổng công trời — Huệ Vân ở Quảng Thọ. người cúng dường«. — Phúc Trăn ở núi Khung Lung và các phần: Bỉnh phất, Phổ thuyết, Pháp ngữ, Kệ PHẠM KỲ (1296-1370) tán, Hành trạng, Bạt... Thiền tăng đời Nguyên, họ Chu, tự Sở Thạch, về già hiệu là Tây Trai lão nhân, PHÁ HẠ người xứ Tượng Sơn, Chiết Giang, Trung Trong kỳ an cư mà thay đổi chỗ an cư gọi Quốc. Nối pháp Thiền sư Hạnh Đoan, đời là »phá hạ«. Mật Am ngữ lục ghi: » thứ 24 hệ Nam Nhạc. Trụ trì các chùa Phúc Trăng ở
Hải Diêm, Thiên Ninh ở Dương – Thượng tọa Kiệt kim hạ, Châu, Báo Quốc ở Bắc Kinh, Bản Giác ở Tưởng Sơn kiết hạ, Bao Thiền phá hạ, Hoa Kiết An. Tác phẩm: Sở Thạch Phạm Kỳ Tạng chung hạ.« Thiền sư ngữ lục, Tây Trai Tịnh Độ thi.

PHẠM TÔNG PHẠM NHÂN MIÊU GIÁ PHẠM TIÊN (1292-1348) Thiền tăng
đời Nguyên, họ Từ, tự Trúc Người chăn trâu nếu buông lơi dây vàm, Tiên, hiệu Lai Lai Đàn Tử, Tịch Thắng liền biết ấy là xâm phạm hoa màu của Tràng, Tư Quy Tẩu, người Tượng Sơn người khác; ý nói người tu hành nếu lười (Chiết Giang), Trung Quốc. Năm 8 tuổi biếng và dao động liền biết ấy là mình phát vào viện Tư Phúc làm thị giả cho Biệt sinh vọng niệm tục tình. Tiết Trung Phong Nguyên Lưu. 18 tuổi thụ giới cụ túc với Hòa

thượng hành lục trong TPQL q. 30 Thụy Vân Ẩn ở Linh Sơn. Lại còn đi các ghi: »
nơi nổi tiếng lần lượt tham kiến các thiền sư: Hối
Cơ Nguyên Hi, Vân Ngoại Vân Tụ, Nguyên Tẩu Hạnh Đoan,
Trung Phong – Nếu ông không có Minh Bản. Về sau tham kiến Cổ Lâm năng
lực lãnh đạo, chỉ nên toàn thân Thanh Mậu nối pháp làm truyền nhân tông buông hết,
ở trong nửa gian nhà cỏ lạnh Lâm Tế. Niên hiệu Thiên Lịch thứ 2 lùng với mọi sự, ăn cỏ
mặc cây để cầu tự (1329) theo Minh-Cực-Sở-Tuấn sang Nhật độ, cũng chớ phát sinh
vọng niệm tục tình, Bản, được các ngài Bắc-Điền-Thời-Cao, làm người không biết hổ
thẹn«. Túc-Lợi-Tôn-Thức sùng tín. Năm sau đến Liêm Thương nhận chức Đệ nhất tọa
chùa PHẠM SÁT Kiến Trường. Sau đó trụ trì chùa Tịnh Còn gọi: Phạm cung. Chùa
Phật. Lục Tổ Diệu, Tịnh Trí. Nhật Bản niên hiệu Kiến đại sư Pháp Bảo Đàn Kinh lược tự
trong Vũ thứ 2 (1335) làm Tổ khai sơn chùa Vô Toàn Đường Văn q. 915 ghi: »
Lượng. Niên hiệu Lịch Ứng thứ 4 (1341) trụ trì chùa Nam Thiền
ở Kinh Đô, triều đình cách thăng chùa này làm thiên hạ đệ
– Ở nơi núi này có thể nhất. Lại dời qua trụ viện Lăng Già, chùa xây một ngôi
chùa Phật, 170 năm sau sẽ có Chân Như, chùa Kiến Trường. Tác phẩm pháp bảo vô
thượng diễn hóa nơi đây, gồm có: Trúc Tiên Hòa thượng ngữ lục, người đắc đạo nhiều
như rừng, nên có hiệu Thiên Trụ tập, Lai Lai Đàn Tử Ca, Lai Lai là Bảo Lâm.« Đàn Tử
Đông Độ tập, Cổ Lâm Hòa thượng Hành Thật. Đệ tử nối pháp có Đại Niên PHẠM THIÊN
TỰ Pháp Diên, Thung Đình Mai Thọ v.v... Dưới ngọn Chủ Phong, núi Đại Luân,
phía Pháp hệ này gọi là phái Trúc Tiên, là một đông bắc huyện Đồng An, tỉnh Phúc
Kiến, trong 24 phái Thiền tông Nhật Bản. Trung Quốc. Xây vào đời Tùy, ban đầu gọi
»Hưng Quốc Tự«, là thập phương tùng lâm PHẠM TÔNG có 72 am sở. Nhiều đời có
cao tăng thay Thiền tăng cuối đời Nam Tống, hiệu Suất nhau trụ trì như Thiền sư Chân
Như Triết Am, nối pháp Thiền sư Phật Chiếu Quang v.v... Hoàng Bá Hy Vận cũng từng
ngộ ở núi Linh Ẩn. Sư làm thơ hay, viết văn đạo nơi này. giỏi nên rất nổi tiếng. Vào
niên hiệu Hàm Thuần thứ 10 (1274), sư nhậm chức trụ trì

PHẠM VĂN LAN (1893-1969) Thiền viện Chân Như trên núi Vân Cư. Phật hoặc
tượng Tổ sư trong lò lửa. Thiền tông dùng từ này để chỉ cho cơ pháp được PHẠM VĂN
LAN (1893- vận dụng một cách linh hoạt của bậc thầy 1969) đã kiến tính. Đôi khi
cũng có nghĩa là Học giả Phật giáo hiện đại, nhà sử học chẳng bị kẹt nơi hình tượng của
Phật và Tổ Trung Quốc. Tuổi trẻ khi học ở Đại học sư mà thể đắc ý nghĩa chân thật. Bài
tựa Bắc Kinh, ông đã nghiên cứu Phật học. Phổ Chiếu trong Bích Nham lục (Đại 48, Sau
khi tốt nghiệp, lần lượt dạy học ở Đại 139 thượng) ghi: » học Nam Khai,
Đại học Bắc Kinh, Đại học – Cầm kìm búa Sư phạm Bắc Kinh, Đại học
Trung Quốc, để nấu Phật nướng Tổ. Tụng ra cơ phong Đại học Hà Nam. Và nhậm chức
Khoa hướng thượng của nạp tăng«. trưởng phân khoa(Nữ) Lý Luận Văn Học thuộc Đại
học Bắc Bình. Tháng 2 năm PHÁP 1940 đến Diên An, ông lần lượt giữ chức 1. Sự vật,
hiện tượng. Lâm Tế ngữ lục ghi: Phó Viện trưởng Trung Anh Nghiên cứu »
Viện kiêm Chủ nhiệm Phòng nghiên cứu lịch sử,
Hiệu trưởng trường Đại học Bắc – Chỗ một Phương, Hiệu phó trường
Đại học Hoa niệm tâm nghi là ma; nếu ngươi đạt được Bắc. Sau giải phóng (1-10-1949),

ông giữ muôn pháp vô sinh, tâm như huyễn hóa chức Giám đốc Sở nghiên cứu lịch sử cận liền không có một trần một pháp, chốn đại thuộc Viện Khoa học Trung Quốc. Tác chốn thanh tịnh là Phật«. phẩm: Trung Quốc Thông Sử Giản Biên, 2. Đạo lý, kiến giải. Ngụy Phủ Hoa Thiền tông-Quát Hiệp Trung Quốc Sĩ Đại Nghiêm Trưởng Lão thị chúng của phần Phu Khẩu Vị đích Phật Giáo, được xếp phụ lục ở cuối quyển trong CĐTĐL q. 30 vào Đường Đại Phật Giáo. ghi: » – Nếu không y theo Phật pháp PHẠN ĐẠI TỬ thì tất cả pháp đều là tà pháp, kiến giải Còn gọi: Phạn dũng (thùng cơm). Cái túi của ngoại đạo«. cơm. Chỉ cho hạng tầm thường chỉ biết ăn hại. Thiền tông mượn từ này để chỉ các vị PHÁP AN tăng chẳng linh lợi, chẳng lãnh ngộ. Vân Thiền tăng đời Ngũ Đại, người Thái Hòa Môn quảng lục, q. hạ ghi: » (Thái Hòa, Giang Tây), Trung Quốc. Tham – học với Thiền sư Thanh Lương Văn Ích Cái túi cơm! Thân lớn bằng cây dừa mà ăn đắc pháp, làm truyền nhân tông Pháp to nói lớn như thế«. Nhãn. Ban đầu ở viện Sùng Thọ, Tào Sơn, thiền lữ các nơi tụ hội chấn động một PHANH PHẬT ĐOẠN TỔ phương. Sư thượng đường nói: »Nếu hội được chư Phật thường hiện tiền; nếu chưa Còn gọi: Sát Phật sát Tổ, Siêu Phật việt hội chớ tìm tòi trong Kinh Viên Giác«. Tổ. Nấu Phật nướng Tổ. Nấu chảy tượng Nam Đường Chủ mời sư ở viện Báo Ân,

PHÁP CHÂN (878-963) Kim Lăng (Nam Kinh) đặt hiệu »Nhiếp nghĩa kinh điển của Phật giáo. Chương Chúng«. Còn đặt hiệu »Huệ Tế Thiền sư«. Bát-nhã-đa-la, Tổ thứ 27 trong CĐTĐL q. Giữa niên hiệu Khai Bảo (968-975) sư tịch 2 ghi: » tại viện ấy. – Đây là vật báu của thế gian chưa đủ gọi là tột; trong các thứ PHÁP ÂM bảo vật, Pháp bảo mới là tột«. 1. Âm thanh thuyết pháp. Chương Tôn giả Long Thọ, tổ thứ 14 trong CĐTĐL q. 2 PHÁP BẢO THIỀN SƯ ghi: » 1. Hiệu của Thiền tăng Đạo Nhàn, sống vào đời Ngũ Đại. X. Đạo Nhàn. – Tôn giả còn ở trên tòa hiện thân tự 2. Hiệu của Thiền tăng Khế Ổn, sống vào tại như vầng trăng tròn, khiến đại chúng đời Ngũ Đại. X. Khế Ổn chỉ nghe âm thanh thuyết pháp mà chẳng thấy được tướng của sư«. PHÁP BẢN 2. Phật pháp. Thơ »Ngũ Canh Chuyển« Thiền tăng đời Minh, tự Triệt Không, của Thần Hội có ghi: người Đại Hưng (Bắc Kinh), Trung Quốc. Xuất gia từ thuở nhỏ học thiền với Tùng Công chùa Định Quốc. Dần dà ông được ấn chứng. Năm 25 tuổi đăng tòa giảng pháp tại chùa Thiếu Lâm, hiểu rộng biết »Mạc tác ý, vật nghi tâm nhiều, cơ phong sắc bén, mọi người đều Trụ tự tại, ly tư tầm thán phục. Về sau lên chức Đô Cương ở Bát-nhã bản lai vô xứ sở Đô Cương Ty. tịch tại chùa Thiếu Lâm. Tác ý hà thời ngộ pháp âm«. »Chớ tác ý, đừng nghi ngờ PHÁP CHÂN (878-963) Trụ tự tại, lìa nghĩ suy Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người Bát-nhã xưa nay không xứ sở Tử Châu (Tam Thai, Tứ Xuyên), Trung Tác ý khi nào ngộ Phật Pháp«. Quốc. Lúc trẻ xuất gia tại chùa Huệ Nghĩa (Viện PHÁP BÁO HÓA TAM THÂN Trúc Lâm, chùa Hộ Thánh), sau khi thụ giới cụ túc sư đi du phương phía nam, Chỉ pháp thân, báo thân, hóa thân của Phật. tham học với các ngài: Đạo Ngô Viên Trí, Duy Tắc ngữ lục q. 1 ghi: » Vân Nham Đàm Thạnh, Động Sơn Lương – Tham sân Giới, sau cùng nơi thiền hội Quy Sơn Linh si là thân thích của ta, dùng để trang Hựu Sư khắc khổ tu luyện cho đến ngộ đạo nghiêm ba thân pháp, báo, hóa«. trở thành truyền nhân tông

Quy Ngưỡng. Trở về chùa Long Hoài núi San Khẩu, PHÁP BẢO Thiên Bành (Bành huyện, Tứ Xuyên), rồi Phật giáo gọi Phật, Pháp, Tăng là Tam bảo; dời sang am Mộc Thiền, núi Đại Tùy trụ trì Pháp là một trong Tam bảo, chỉ cho giáo hơn 10 năm, bóng hình không ra khỏi núi

PHÁP CHÂN THIỀN SƯ mà tiếng tăm vang ngoài xa, kẻ học đạo khắp nơi tụ hội. Vua ban hiệu »Thần Chiếu Đại Sư«. Tác phẩm: »Đại Tùy Khai Sơn – Nay e tinh nghĩa nhập Thần Chiếu Đại Sư ngữ lục« 1 quyển được thần chẳng nghe được những điều chưa xếp vào »Cổ Tôn Túc ngữ lục«. nghe, nên trao nó cho đệ tử là vị tăng tên Đại Chu Pháp Kiến trở về chùa Quảng PHÁP CHÂN THIỀN SƯ Đường ở núi cũ, hỏi các bậc Trưởng lão, Hiệu của Thiền tăng Thủ Nhất, sống vào pháp chúng về những điều đích thân họ đời Tống. X. Thủ Nhất. nghe được trước kia rồi so với nó xem giống nhau, khác nhau ở chỗ nào?«. PHÁP CHIẾN Đọ sức bằng thiền ngữ, dùng thiền cơ đấu PHÁP CỔ với nhau. Huệ Nam ngữ lục ghi: » Trống pháp. Khí cụ của chùa Phật, dùng để tấu nhạc hoặc làm tín hiệu tập trung tăng – Duy-na Khắc Tân đọ sức bằng chúng. Minh Giác ngữ lục, q. 1 ghi: » thiền ngữ bị thua, phạt 5 quan tiền, đày vào phận dọn cơm«, hoặc » – Thổi đại pháp loa, đánh đại pháp cổ, các quan chức đến pháp hội như thế – Duy-na Khắc Tân, dùng thiền cơ nào mới phải? «. đấu nhau bị thua, chẳng được ăn cơm, mang đồ đạc đi khỏi viện«. PHÁP CÔNG Từ để gọi các vị tăng (bao gồm các vị tăng PHÁP CHU còn nhỏ). Tiết Dược Sơn Hòa thượng trong Hiệu của Thiền tăng Đạo Tế, đời Minh. X. TĐT q. 4 ghi: » Đạo Tế. – Sa-di hỏi Lão nhân có được mạnh khỏe không, Lão nhân PHÁP CHÚC đáp: Pháp công mạnh khỏe!«. Đuốc nến dùng thắp cúng trong tự viện. Đuốc pháp. Vô Môn Quan ghi: » PHÁP DANH Còn gọi: Đạo hiệu. Tên do vị Thầy đặt cho – đệ tử khi người này vừa quy y Tam Bảo Thử hỏi làm sao nghiền ngẫm chữ Không? xong. X. Pháp hiệu. Hãy dốc hết sức bình sinh vào công án PHÁP DIÊN LONG TƯỢNG đừng để gián đoạn, khác nào ngọn đuốc pháp mới châm nhẹ đã cháy bừng«. CHÚNG, ĐƯƠNG QUÁN ĐỆ NHẤT NGHĨA PHÁP CHÚNG Tăng chúng. Bài tựa »Đoạn Tế Tâm Yếu« Những vị kiệt xuất trong pháp hội nên do Bùi Hưu soạn, ghi: » quán nghĩa thứ nhất. Đây là lời nghi thức do Duy-na hoặc vị tăng có địa vị xướng lên

PHÁP DUNG sau khi bạch chùy, trước khi vị »Trụ trì hàng long tượng tụ hội, cực thịnh một thời. mới« nhậm chức thuyết pháp. Pháp Diễn Trước tác Pháp Diễn Thiền sư ngữ lục 3 ngữ lục, q. thượng ghi: » quyển. Pháp tự có 22 người, nổi tiếng nhất là ba vị đệ tử: Phật Nhãn Thanh Viễn, Phật – Một hôm sư khai Quả Khắc Cần, Phật Giám Huệ Cần, được đường,... Hòa thượng Long Môn bạch gọi là »Pháp Diễn Hạ Tam Phật«. chùy rằng: Những vị kiệt xuất trong pháp hội, nên quán nghĩa thứ nhất«. PHÁP DIỄN THIỀN SƯ NGỮ LỤC PHÁP DIỄN (?-1104) Còn gọi: Ngũ Tổ Pháp Diễn Thiền sư ngữ Thiền tăng đời Tống, họ Đặng, hiệu Ngũ lục, Ngũ Tổ lục. Ngữ lục, 3 quyển, do Ngũ Tổ, người Ba Tây, Miên Châu (Miên Tổ Pháp Diễn soạn vào đời Tống, nhóm Dương, Tứ Xuyên), Trung Quốc. Năm 35 các ông

Tài Lương... biên tập, được ấn tuổi xuất gia thụ giới cụ túc, du học Thành hành vào khoảng niên hiệu Thiệu Thánh Đô, học tập các bộ luận Bách pháp, Duy (1094-1097) đời Tống, sau đó được xếp thức, nghiên cứu nghĩa lý sâu xa của nó. vào Đại Chính Tạng tập 47, trang 649. Căn Ngày kia sư phát sinh nghi hoặc đối với cứ vào lời tựa, chúng ta biết được sách này giáo môn, muốn thân chứng thể giải, bèn được biên tập khoảng 10 năm trước khi sư dẹp kinh sách đi xuống Giang Tô, Chiết Pháp Diễn thị tịch. Nội dung bao gồm ngữ Giang tham kiến các vị tôn túc, song nỗi lục của Pháp Diễn khi trụ các nơi: nghi vẫn chưa dứt được. Sư lại yết kiến — Tứ Diện Sơn do Tài Lương biên tập. Viên Chiếu Tông Bản thưa hỏi trăm tắc — Thái Bình do Thanh Viễn biên tập. công án xưa nay. Lại tham kiến Phù Sơn — Hải Hội do Cảnh Thuần biên tập. Pháp Viễn được chỉ điểm liền đến núi — Hoàng Mai ở Đông Sơn do Duy Khánh Bạch Vân tham kiến Thiền sư Thủ Đoan. biên tập. Ngoài ra còn có kệ tụng, tán Sư tham cứu tinh cần nên hoát nhiên triệt v.v... ngộ, làm bài kệ trình bày chỗ thấy của mình. PHÁP DUNG »Một mảnh đất hoang trước núi xanh, 1. Tăng nhân đời Đường (594-657), Thiền Chắp tay cẩn thận hỏi cha ông, Tổ tông Ngưu Đầu, họ Vi, người Diên Bao lượt bán đi rồi mua lại, Lăng, Nhuận Châu (Tây nam Đơn Dương, Vì thương tùng trúc gió trong lành«. Giang Tô), Trung Quốc. Năm 19 tuổi Sư được Thủ Đoan ấn khả, nối pháp làm thông suốt kinh sử. Về sau đọc kinh Bát- truyền nhân phái Dương Kỳ tông Lâm Tế. nhã có ngộ, vào Mao Sơn xuất gia với Vâng lời thầy, sư lên pháp tòa khai thị đại Pháp sư Quỳnh Tam Luận Tông. Niên hiệu chúng. Ban đầu, sư trụ núi Tứ Diện, rồi dời Trinh Quán thứ 17 (643) sư cất riêng một qua núi Bạch Vân, sau trụ trì chùa Đông thiền thất bằng tranh dưới hang động phía Thiền núi Ngũ Tổ, Kỳ Châu (Kỳ Xuân, Hồ bắc chùa U Thê, núi Ngưu Đầu, Kim Lăng Bắc) tùy cơ đáp vấn, nhân sự cử dương, (Nam Kinh) suốt ngày tọa thiền chuyên không cần dụng công tự nhiên kỳ đặc, tâm tu hành. Niên hiệu Vĩnh Huy thứ 3

PHÁP DƯỢC (652) được mời đến chùa Kiến Sơ thuyết Nghiêm rồi trụ trì. Niên hiệu Thiên Cảm pháp, thính giả đông đảo. Người đời gọi Chí Bảo thứ 1 (1174) nhằm năm Giáp Ngọ, thiền pháp ấy là »Ngưu Đầu Thiền«. Về ngày mùng 5 tháng 2, sư không bệnh mà sau gọi pháp hệ là »Ngưu Đầu Tông«. tịch. Môn nhân là Đạo Lâm... làm lễ hỏa Tương truyền Đạo Tín từng vào núi Ngưu táng, xây tháp thờ sư tại Bản Sơn. Theo: Đầu truyền trao pháp môn đốn giáo cho sư Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. rồi trở ra, Ngưu Đầu Thiền chịu ảnh hưởng của Tam Luận tông và Thiền tông, chú ý PHÁP DƯỢC vào không tịch. Thiền phong chú trọng ở Thuốc pháp, dụ chỉ Phật pháp. Đoạn Tế chỗ vô tâm tuyệt quán, hoặc tuyệt quán Tâm Yếu ghi: » vong thủ, rất giống với thiền pháp của Đạo – Chẳng gặp bậc minh sư Tín. Người đời sau cũng gọi sư là »Ngưu ra đời uổng uống thuốc pháp Đại thừa.« Đầu Sơn Tăng«, »Dung Đại Sư«, »Huệ Dung«. Tác phẩm: Tâm Minh. PHÁP ĐẠT (668-740) 2. Thiền tăng Bắc Tông đời Đường (747- Thiền tăng đời Đường, họ Lý, người 835), họ Nghiêm, người Lãng Trung (Tứ Phong Thành, Hồng Châu (Giang Tây), Xuyên), Trung Quốc. Năm 13 tuổi xuất Trung Quốc. Năm 7 tuổi xuất gia, tụng gia, là đệ tử của Huệ Hưu chùa Trường kinh Pháp Hoa. Sau khi thụ giới cụ túc yết Lạc. Sư thông hiểu kinh luận, nghiêm minh kiến Huệ Năng cầu pháp. Huệ Năng vì sư giới luật, từng giảng thuyết »Nam Sơn giảng yếu chỉ »Pháp Hoa« giúp cho sư Luật Sao«. Về sau đi du phương thấy đệ tử khải phát, Pháp

Đạt đốn ngộ lý mầu liền của Tung Tịch cử dương Thiền đạo liền nói kệ tán thán: »Tụng Kinh ba ngàn bộ, theo hầu hạ được truyền tâm pháp. Sư ở một lời Tào Khê tiêu«. Huệ Năng nói: »Từ chùa Phúc Ninh, Dặc Dương (Giang Tây), nay về sau mới đúng là »ông tăng niệm người tham học rất đông. kinh«. 3. Thiền tăng đời Lý (?-1174), thuộc dòng

PHÁP ĐĂNG THIỀN SƯ Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 15, nối pháp Hiệu của Thiền tăng Thái Khâm, sống vào Thiền sư Khánh Hỷ. Sư họ Lê quê ở Bối đời Ngũ Đại. X. Thái Khâm. Lý, là dòng dõi Ái Châu Mục Lê Lương, dưới thời Đường. Trải 15 đời làm Châu

PHÁP ĐỆ Mục, gia tộc vinh hiển. Cha là Huyền Sư đệ. Tiết Giác A Thượng Nhân trong Ngập hiệu Tăng Phán. Thuở bé sư theo NĐHN q. 20 ghi: » Tăng thống Khánh Hỷ xuất gia. Khánh Hỷ thấy sư khen là kỳ đặc, bèn đem pháp ấn trao cho. Từ đó, sư mặc ý ngao du sơn – Những thương gia từ Trung Đô trở thủy, tùy duyên hóa đạo. Khi thời thế đến, về, kể lại sự hưng thạnh của Thiền tông, sư dừng ở chùa Khai Giác trên ngọn Thứu Giác A hăm hở dắt pháp đệ Kim Khánh Phong. Hằng ngày môn đồ tìm đến tham vượt biển mà đến thắp hương lễ bái Thiền vấn đầy thất. Sau, sư về núi Ma Ni ở phủ sư Linh Ẩn Phật Hải«. Thanh Hóa, dựng ngôi chùa Hương

PHÁP HIỀN (?-626) PHÁP ĐOAN giới không bị hương mê hoặc, vào vị giới 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại, tham yết Quốc không bị vị mê hoặc, vào xúc giới không bị sư Thiên Thai Đức Thiều được tỏ ngộ, nối xúc mê hoặc, vào pháp giới không bị pháp pháp làm truyền nhân tông Pháp Nhãn. Sư mê hoặc«. ở chùa Báo Ân Quang Giáo tại Hàng Châu, 2. Toàn bộ thế giới, tất cả sự vật. Đàn Kinh được ban hiệu »Huệ Nguyệt Thiền sư«. (bản Đôn Hoàng) ghi: » 2. Thiền tăng đời Đường, tham học với Quy Sơn Linh Hựu được nối pháp làm – Lành thay! Lành thay! Nguyện cho pháp truyền nhân tông Quy Ngưỡng. Sư ở chùa giới chúng sinh nghe đến tức thời giải Diên Khánh, Tương Châu (Tương Phàn, ngộ«. Hồ Bắc). 3. Bản nguyên và bản tính của vạn vật. Có vị tăng hỏi: Con giun bị chặt làm hai Lâm Tế ngữ lục ghi: » khúc, hai khúc đều cử động, vậy Phật tính ở khúc nào? Pháp Đoan dang hai tay ra. Sau khi tịch được ban thụy Thiệu Chân – Người này nơi nơi không kẹt, thông Thiền sư. suốt mười phương, tự tại ba cõi, vào mọi cảnh sai biệt không thể thay đổi, trong một PHÁP ĐƯỜNG sát na thấu triệt pháp giới«. Ngôi nhà lớn trong tự viện để chư tăng tụ tập nghe Thiền sư nói pháp, thông thường PHÁP HẢI (650-730) ở mé sau điện Phật. Đời Đường, Thiền sư Thiền tăng đời Đường, họ Trương, tự Văn Hoài Hải sáng chế »Bách Trượng Thanh Doãn, người xứ Khúc Giang, Quảng Đông, Quy«, chẳng lập Phật điện, chỉ xây Pháp Trung Quốc. Tuổi trẻ vốn là Nho sinh, có đường nên Pháp đường có địa vị trọng yếu tài năng và học vấn, sở trường về Kinh trong các Thiền tự. Thung Dung lục q. 1 Phật, xuất gia tại chùa Hạc Lâm. Sau đó, ghi: » sư đến Tào Khê lễ Lục tổ Huệ Năng làm thầy, theo hầu hạ bên cạnh cho đến khi Tổ – Các ông chưa đến pháp đường, thị tịch. Tổ đặt tên cho sư là Pháp Hải. Sau Vạn Tùng chưa ra khỏi phương trượng. khi đắp tượng Tổ để thờ phượng tại chùa Vào lúc ấy các ông lãnh hội được thì cũngBảo Lâm, sư ra hoằng pháp trụ chùa Bảo còn cách xa thiền pháp vậy«. Trang Nghiêm ở Quảng Châu (nay là chùa Lục Dung). Sư là người biên tập Lục Tổ PHÁP GIỚI

Đại Sư Pháp Bảo Đàn Kinh và viết bài tựa. 1. Ý thức (một trong sáu thức). Lâm Tế Đây là nguyên bản Tào Khê, đời đời noi ngữ lục ghi: » theo để khắc bản lưu truyền. PHÁP HIỀN (?-626)

– Vào Thiền tăng đời Tiền Lý, thuộc dòng Tỳ-ni- sắc giới không bị sắc mê hoặc, vào thinh đa-lưu-chi, đời thứ 1. Sư họ Đỗ, quê ở Chu giới không bị thinh mê hoặc, vào hương Diên, Sơn Tây, miền Bắc Việt Nam. Sư

PHÁP HIỂN thân hình to lớn cao đến 2,3m. Khi mới PHÁP HIỂN xuất gia, sư theo Đại sư Quán Duyên ở Thiền tăng đời Ngũ Đại, tham Thiền sư chùa Pháp Vân thụ giới. Đến lúc Tổ Tỳ-ni- Cốc Ẩn Trí Tĩnh, được nối pháp làm đa-lưu-chi sang Việt Nam vào chùa Pháp truyền nhân tông Tào Động. Sư ở viện Phổ Vân gặp sư, Tổ nhìn kỹ vào mặt hỏi: Ninh, Tương Châu (Tương Phàn, Hồ Bắc). — Ngươi họ gì? Có vị tăng hỏi: »Làm sao lội qua trăm sông Sư đáp: ngàn núi?« Sư đáp: »Trời trong đường — Hòa thượng họ gì? không cách, kẻ đến không lầm cơ«. — Ngươi không có họ sao? — Họ thì chẳng không, Hòa thượng làm PHÁP HIỆU sao biết được? Còn gọi: Tự hiệu, Pháp húy, Giới danh. — Biết để làm gì? Tên mà vị Thầy đặt cho người học trò của Sư bỗng nhiên tự tỉnh liền sụp xuống lạy. mình lúc người này xuất gia thụ giới. Thí Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi ấn chứng, từ đây về dụ: Ngài Lê Quang Hòa có pháp danh là sau sư luôn luôn theo hầu Tổ. Sau khi Tổ Thiện Thức, Thanh Kế, pháp hiệu là Huệ tịch, sư vào núi Thiên Phúc tu thiền định, Đăng (Tổ Thiên Thai, chi phái Liễu Quán, thân như cây gỗ, vật ngã đều quên. Các thuộc phái Thiền Lâm Tế). loài cầm thú thường quấn quít quanh sư. Người đời thấy thế càng thêm kính mộ, đệ PHÁP HOA ĐỀ CƯƠNG tử tìm đến học đạo càng ngày càng đông. Biên khảo, 1 quyển, do Thanh Đàm Minh Nhân đó, sư mới lập chùa nhận đồ đệ ở tu, Chính (Thiền sư Việt Nam) viết tại viện số học chúng hằng ngày trên 300 vị. Thiền Liêm Khê vào năm 1819. Đây là một tác tông phương Nam từ đây được thạnh hành. phẩm biên khảo giá trị, trong văn xuôi có Thứ sử nhà Tùy là Lưu Phương dâng sớ chen lẫn thơ kệ, có thể nói là cẩm nang cho tâu lên vua. Vua Cao Tổ nhà Tùy từ lâu người đọc kinh Pháp Hoa. Thiền sư Thanh nghe phương Nam này khâm sùng Phật Đàm đã đọc Pháp Hoa với con mắt của nhà giáo, lại có cả các bậc danh tăng đạo cao Thiền học rồi đề cương lại, giúp cho người đức trọng, bèn sai sứ mang năm hộp xá-lợi đọc nắm được ý chỉ của kinh, giống như có Phật, kèm theo tờ sắc điệp, ban sắc chỉ cho địa bàn trong tay người thủy thủ không còn sư xây tháp cúng dường. Sư bèn xây tháp ở sợ mất bến mất bờ. Nhận thức của sư về chùa Pháp Vân và các chùa danh tiếng ở giải thoát được trình bày gọn ghẽ trong lời các châu Phong, Hoan, Trưởng, Ái... cũng Bạt nói về năm chữ »Diệu Pháp Liên Hoa đều dựng tháp cúng dường. Kinh, nhất là 2 chữ Diệu Pháp. Theo sư, Về sau, sư trụ trì tại chùa Chúng Thiện, núi Diệu tức là Tâm, là chân tâm sáng suốt Thiên Phúc huyện Tiên Du. Niên hiệu Võ tròn đầy. Bài tụng về Diệu của Diệu như Đức thứ 9 (626) đời Đường, sư an tường sau: thị tịch. Thiền sư Thanh Biện là người kế »Không hình không trạng cũng không tên thừa tâm ấn nơi sư. Theo: Thiền sư Việt Mầu nhiệm trong lòng một điểm linh Nam của HT. Thanh Từ. Thường tịch viên thông soi pháp giới Bản lai thanh tịnh Tạng chân tinh

PHÁP HƯNG THIỀN TỰ Từ đây phát hiện nên chư Phật PHÁP HÙNG Do đấy thành ra có chúng sinh Cao tăng rất kiệt xuất. »Đại Giám Thiền sư Đứa con nghèo khổ

lưu linh mãi bi tinh tự« của Lưu Vũ Tích trong Toàn Quên mất người cha của tự mình«. Đường Văn q. 610 ghi: » Pháp là tất cả mọi vật, là sự ứng dụng của – Lệnh Vua mời mà không đến, Diệu Tâm. Pháp là Tâm, Tâm là Pháp. Bài nên khen rằng sư là bậc cao tăng rất kiệt kệ về Pháp của Pháp như sau: xuất«. »Vạn pháp tuy nhiều không đếm xiết PHÁP HUYNH Chung quy cũng chỉ Thức Căn Trần Sư huynh. Tiết Tham Chính Tiền Đoan Lễ Huyễn duyên dư ảnh dù không thực Cư Sĩ trong NĐHN q. 20 ghi: » Chân tri chính kiến vẫn bao dung Gặp thầy chỉ dạy đường mê ngộ – Công cười, nói rằng: Pháp huynh Thấy Phật tìm ra lẽ sắc không đang vì đạo của Tổ mà tự ái! Nói xong liền nhắm mắt mà qua đời«. Nếu muốn lên mau bờ bến giác Con đường trước mặt chớ lần khân«. PHÁP HƯNG (?-1388) Thiền tăng đời Minh, họ Trần, hiệu Tùng PHÁP HÓA Thạch, người Hoàng Nham (Chiết Giang), Dùng Phật pháp để giáo hóa. Chương Trung Quốc. Năm 15 tuổi xuất gia với Phục-đà-nan-đề, tổ thứ 8 trong CĐTĐL . 1 Minh Công chùa Thụy Nham ở Đồng Ấp, ghi: » còn làm thị giả cho Bình Thạch ở chùa Thiên Đồng. Lại theo Cổ Đỉnh chùa Kính – Phục- Sơn được mời làm Tạng ty. Khi ra hoằng đà-mật-đa vâng lời thầy căn dặn, dùng kệ pháp, sư trụ trì chùa Thái Bình ở Vĩnh Gia khen rằng: Trong các vị Tổ Thiền tông, (Ôn Châu, Chiết Giang), dời về chùa Thọ thầy ta hàng thứ tám. Pháp hóa đông vô Xương ở Lạc Thanh (Chiết Giang). Niên lượng, thảy đều chứng quả Thánh«. hiệu Hồng Vũ thứ 20 (1378) sư trụ trì chùa Kính Sơn đạo hạnh lẫy lừng, thiền lữ khắp PHÁP HỘI (1500-1579) nơi nghe danh đến tụ hội rất đông. Thiền tăng đời Minh, họ Hoài, tự Vân Cốc, người xứ Gia Thiện, Chiết Giang, Trung PHÁP HƯNG THIỀN TỰ Quốc. Nối pháp Thiền sư Đạo Tế chùa 1. Nằm ở thị trấn Triều Châu, huyện Bình Thiên Ninh, đời thứ 31 hệ Nam Nhạc. Sư Đông, tỉnh Đài Loan, Trung Quốc. Năm kết am dưới núi Thiên Phật. Có ngữ lục 1957 do Pháp sư Hoằng Định sáng lập. truyền lại đời. Chùa có Thiên kiều, Trai đường, Quán Âm điện, Tam bảo điện, Niệm Phật đường, PHÁP HUỆ THIỀN SƯ Phật học đồ thư quán. Hiệu của Thiền tăng Minh Bản do vua 2. Nằm trong công viên Thọ Sơn, thành Nguyên Nhân Tông ban cho. X. Minh Bản. phố Cao Hùng, tỉnh Đài Loan, Trung

PHÁP HỶ Quốc. Năm 1966 do Pháp sư Thánh Hùng PHÁP HỶ THIỀN SƯ sáng lập. Chùa dựa thế núi mà cất, Đại Thụy hiệu của Thiền tăng Linh Tuân, sống hùng bảo điện hình tròn. Ngoài ra còn có vào đời Ngũ Đại. X. Linh Tuân. Giảng đường, Khách đường, Thiền phòng, Trai đường, Xá-lợi tháp, Tổ sư đường. PHÁP KỆ Thơ kệ nói về đạo pháp hoặc truyền trao PHÁP HỶ đạo pháp. Chương Tăng-già-nan-đề Tổ thứ Niềm vui do tham cứu, tu tập đạo pháp mà 17 trong CĐTĐL q. 2 ghi: » được. Tông Môn Võ Khố ghi: » – Nghe là nghe tâm, thấy là thấy tính, cho đến ngửi, nếm, hay, biết, đều được niềm vui pháp hỷ – Tôn giả nói: Lành thay! Lành thay! thiền duyệt«. Kẻ nối pháp ta chẳng phải ngươi (chỉ Tổ Già-da-xá-đa) thì là ai? Tổ liền trao cho PHÁP HỶ CHÍ pháp kệ: ›Tâm địa vốn không sinh, nhờ đất Gọi đủ: Danh Công Pháp Hỷ Chí. Chí, 4 theo duyên khởi. Duyên giống không ngại quyển, do Hạ Thọ Phương soạn vào đời nhau, hoa quả cũng như thế.‹ Tôn giả phó Minh, Phùng Định hiệu duyệt, được xếp pháp xong, tay

phải vịn vào thân cây rồi vào Tục Tạng kinh tập 150, trang 59. Nội thị tịch«. dung gồm truyện ký của 208 danh sĩ trải qua các thời đại từ Đông Phương Sóc đời PHÁP KHẢI (1561-1621) Tây Hán đến Dương Duy Trinh đời Thiền tăng đời Minh, họ Triệu, tự Nhẫn Nguyên sơ, thu thập hành trạng của kẻ sĩ Chi, hiệu Đạm Cư, người Giang Âm tham thiền học đạo, nhưng chẳng giới hạn (Giang Tô), Trung Quốc. Niên hiệu Vạn ở các nhân vật từ đời Đường trở về trước. Lịch thứ 21 (1593) được Thiền sư Chân Quyển thủ có lời tựa và lời tự tự của Trúc Khả truyền giới cụ túc. Sư vào đài Phân Quán Hành, Trâu Địch Quang, Cố Hiến Kinh núi Thiên Mục ẩn cư ba năm chuyên Thành, Ngô Lượng. Từ nơi bài tự tự chúng tâm tham cứu. Sư thường để lộ cánh tay, ta có thể biết Hạ Thọ Phương khi được tập mỗi khi có vọng tâm thì lấy nhang đốt vào truyện ký »Vật Ngoại Anh Hào lục« do cánh tay. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 29 Ngọc Phàm Chân Nhân trước tác dành cho (1601) nghe tin Chân Khả có nạn, liền đến người tham thiền, cho rằng sách này lầm xin được ấn chứng. Niên hiệu Vạn Lịch lẫn rất nhiều, đọc xong không thể chịu thứ 36 (1608) sư nhận lời mời của Ngô được nên có ý viết ra một quyển sách. Họ Quán Ngã trụ trì chùa Hoa Nghiêm núi Hạ sưu tập ngôn hạnh của các danh sĩ từ Phù Sơn. Về sau sư trở về Song Kính mà sách sử, văn tập, tăng sử, truyền đăng lục, tịch. ngữ lục. Mỗi truyện hơi ngắn, khoảng 200 chữ, đều ghi sơ lược về thân thế và phụ l, 2 PHÁP KHÂM (714-792) điều ngôn hạnh về Phật giáo. Còn gọi: Đạo Khâm. Thiền tăng tông

PHÁP LỆNH BIỆT HÀNH Ngưu Đầu đời Đường, họ Chu, người Côn Châu, Trung Quốc. Sư đến Viện Long Sơn, Tô Châu (Giang Tô), Trung Quốc. Thọ, Chương Châu (Chương Phố, Phúc Năm 28 tuổi mới phát tâm vào đạo, bái Kiến) học đạo với Thiền sư Vô Dật được Thiền sư Huyền Tố làm thầy, tu tập pháp nối pháp và kế thừa pháp tịch. Có vị tăng thiền Ngưu Đầu nơi chùa Hạc Lâm. Về sau hỏi: »Thế nào là cảnh Long Thọ?«. Sư đáp: đến Kính Sơn kết am ở một mình, đạo »Không chỗ cho ông để chân«. Lại hỏi: hạnh vang xa nên người học đạo tụ hội rất »Thế nào là người trong cảnh?« Sư đáp: đông. Niên hiệu Đại Lịch thứ 3 (768) Đại »Ông còn chưa biết cảnh!« Tông triệu sư vào kinh để hỏi pháp yếu, ban hiệu »Quốc Nhất«. Thôi Hoán, Bùi Độ PHÁP LẠP v.v.. đều thờ sư làm thầy. Sau đó sư trở về Còn gọi: Hạ lạp. Tuổi đạo, số năm sau khi Kính Sơn thuyết pháp rồi tịch. Sau khi tịch tăng nhân thọ đại giới và mỗi năm phải có được ban thụy »Đại Giác Thiền sư«. Đệ tử nhập hạ an cư. Tiết Thần Hội truyện trong là Đạo Lâm, Sùng Huệ, Quảng Phu v.v... Tống Cao Tăng truyện q. 9 ghi: »

PHÁP KHÍ Còn gọi: Đại khí. Những nhân tài trong –

Thần Hội bị bệnh ngày 12 đạo sẽ được rèn luyện để trở thành người tháng 11 năm Trinh Nguyên thứ 10 (795) đủ đại cơ đại dụng nhằm tiếp nối huệ mạng nghiễm nhiên ngồi kiết già thị tịch, thọ 75 của Phật, hoằng dương chính pháp. Quy tuổi, pháp lạp 36«. Sơn Cảnh Sách của Thiền sư Linh Hựu ghi: » – PHÁP LÂM (1284-1355) Đến như oai nghi chung sống với đại Thiền tăng đời Nguyên, họ Hoàng, tự Trúc chúng cũng là pháp khí trong hàng ngũ Tuyền, hiệu Liễu Huyễn, người Ninh Hải, chư tăng«. Đài Châu (Chiết Giang), Trung Quốc. Sư Tắc 199, Phần Dương Lục Nhân trong tham kiến Nguyên Tẩu Hạnh Đoan ở chùa Thiền Uyển Mông Cầu (Vạn Tục 148, 113 Trung Thiên Trúc ngay dưới lời được tỏ thượng) ghi: » ngộ. Sư ở Mông Đường chùa Tịnh Từ 9 năm không bước chân ra khỏi cửa. Hành tỉnh Tả

Thừa tướng Thoát Hoan thỉnh sư trụ trì chùa Vạn Thọ, dời sang chùa Trung Thiên Trúc. Niên hiệu Chí Nguyên thứ 4 Sư thầm ghi lại việc ấy bằng kệ như sau: (1338) sư trụ trì chùa Linh Ẩn, tông phong Hồ tăng chống tích trượng hưng thịnh. Vua Thuận Đế ban cho Kim Thỉnh pháp đến Phần Dương lan pháp y. Về sau sư lui về ở am Liễu Sáu người (sẽ) thành đại khí Huyễn. Hãy vì họ (mà) tuyên dương«. PHÁP LỆNH BIỆT HÀNH PHÁP KHIÊN Thiền tăng đời Tống, họ Thi, người Tuyền Dùng cách thức riêng để truyền trao đạo

PHÁP LOA pháp, chỉ cho thiền pháp »Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền«. Đoạn Tế Tâm Yếu »Vạn duyên tài đoạn nhất thân nhàn ghi: » Tứ thập dư niên mộng huyễn gian Trân trọng chư nhân hưu tá vấn Na biên phong nguyệt cánh man khoan« »Muôn duyên cắt đứt, một thân nhàn Hơn bốn mươi năm mộng đã tàn Tạm biệt mọi người thôi chớ hỏi Bên kia trăng gió rộng thênh thang«. – Như Lai xuất hiện ở Đệ tử theo lời phó chúc của Sư, đem nhục thế gian muốn nói pháp Nhất thừa mà thể lên nhập tháp tại Thanh Mai Sơn. Tác chúng sinh không tin, phỉ báng rồi chìm phẩm: trong biển khổ, còn nếu như không nói thì — Đoạn sách lục rơi vào lỗi bủn xỉn, không phổ biến diệu — Tham thiền chỉ yếu (Thiền đạo yếu đạo cho chúng sinh. Nên lập bày phương học?) tiện nói có 3 thừa... nhưng rốt cuộc cũng — Kim Cang đạo tràng đà-la-ni kinh chẳng hiển bày được pháp Nhất tâm. Vì — Tán Pháp Hoa kinh khoa số thế, Ngài gọi Ca-diếp đến, cho ngồi chung — Bát-nhã tâm kinh khoa pháp tòa, trao riêng pháp nhất tâm lìa và một bài kệ thị tịch... Theo: Thiền sư ngôn thuyết. Đây là dùng một cách thức Việt Nam của HT. Thanh Từ. riêng để trao truyền đạo pháp. Nếu ai khế ngộ được, liền đến Phật địa«. PHÁP LUÂN Bánh xe pháp dụ chỉ Phật pháp. Tiết Kỉnh PHÁP LOA Sơn Bảo Ấn Thiền sư trong NĐHN q. 20 1. Khí cụ của chùa Phật, dùng ốc biển chế ghi: » thành để tấu nhạc. Minh Giác ngữ lục, q. 1 ghi: » – Đức Thế Tôn vừa thành Chính – Thổi đại pháp loa, Giác nơi vườn Lộc Dã chuyển pháp luân đánh đại pháp cổ, các quan chức đến pháp tứ đế, tỳ-kheo Kiều Trần Như ngộ đạo hội như thế nào mới phải?«. trước tiên«. 2. Thiền tăng đời Trần (1284-1330), thuộc dòng Trúc Lâm Yên Tử, tổ thứ 2, nối pháp PHÁP LƯU Điều Ngự Giác Hoàng. Sư tên thực là Chỉ chung cho hàng ngũ chư tăng, tăng Đồng Kiên Cương, sinh ngày mùng 7 chúng. Truyện Hoằng Nhẫn trong Tống tháng 5 năm Thiệu Bảo thứ 6 (1284), quê Cao Tăng truyện q. 8 ghi: » làng Cửu La, phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương, miền Bắc Việt Nam. Kệ thị tịch:

– Tứ Tổ Đạo tín nhìn kỹ Hoằng

PHÁP NHÃN TẠNG Nhẫn, khen rằng: Đây chẳng phải là đứa 3. Tu tập Phật pháp, phương pháp tu thiền. bé tầm thường, xem khắp thân thể của nó Tông Môn Võ Khố ghi: » chỉ thiếu có 7 tướng đại nhân, chẳng bằng – Tối nay Đức Phật mà thôi! Nếu cho gia nhập hàng hãy ở lại, ta sẽ cùng ông lý giải chút ít ngũ chư tăng thì 20 năm sau nó sẽ hoằng phám môn Thiền«. dương Phật pháp đại quy mô, còn hơn những gì ta gửi gắm«. PHÁP MÔN SỪ QUỸ Sách, 1 quyển, do Bạch Nham

Tịnh Phù PHÁP LY VĂN TỰ (Thiền tăng tông Tào Động) soạn vào đời Thiền pháp siêu việt văn tự tri giải. Lâm Tế Thanh, được xếp vào Tục Tạng kinh tập ngữ lục ghi: » 147, trang 683. Tác giả trình bày về lịch sử tông Vân Môn và tông Pháp Nhãn cùng – Không nghe vấn đề pháp hệ của Thiền sư Thiên Hoàng Thích Tôn nói: Pháp ly văn tự, vì không lệ Đạo Ngộ. thuộc nhân duyên. Do vì ngươi không tin Bởi theo quan điểm của các sách: Tuyết cho nên ngày nay ta mới nói dài dòng«. Phong quảng lục, Tụng Cổ Liên Châu Thông tập, Phật Tổ Thống Kỷ, Huyền Yếu PHÁP MÃN Quảng tập cho rằng Thiên Hoàng Đạo Ngộ Thiền tăng đời Ngũ Đại, đến núi Ba Tiêu chẳng thuộc pháp hệ Thanh Nguyên Hành học đạo với Thiền sư Huệ Thanh, nối pháp Tư. Tác giả khảo chứng sự thật lịch sử, suy làm truyền nhân tông Quy Ngưỡng. Sư ở cứu tình lý, theo lý lẽ mà trình bày, chỉ ra núi U Cốc, Hồng Châu (Nam Xương, rằng Thiên Hoàng Đạo Ngộ chẳng những Giang Tây). Có vị tăng hỏi: »Thế nào là thuộc pháp hệ Thanh Nguyên mà còn đạo?« Sư đáp: » chính là Thiên Vương Đạo Ngộ, và từ nơi vị Thiền sư này mới sinh ra 2 tông Vân –Hãy nghe Môn và Pháp Nhãn. kệ: Nói đạo dưới lời vô thinh, nêu lên áo Quyển cuối phụ lục »Ngũ Gia Biện Chính« chỉ đinh ninh. Thiền yếu hôm nay lãnh hội, do Đức Nghiêm Dưỡng Tồn (vị tăng Nhật đâu cần lui bước nghỉ dừng«. Bản) soạn ra, tán đồng thuyết của Tịnh PHÁP MÔN Phù. Hơn nữa còn phụ lục quan điểm đối 1. Phật giáo, Phật giáo giới, cũng đồng nghịch nằm trong sách »Ngũ Phái Nhất nghĩa với Phật môn. Tục Nghệ Ngôn trong Trích Đồ« do Nhật Am Nhất Đông soạn, NHQL q. 30 ghi: » tán đồng thuyết Ngũ gia đều là pháp hệ đời – Phá diệt Phật giáo, tự làm mất huệ sau của Mã Tổ Đạo Nhất do Hổ Quan Sư mạng«. Luyện đề xướng. 2. Tông phái Phật giáo, môn loại. Đàn PHÁP NHÃN TẠNG Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » – Tông phái của ta đây, Gọi đủ: Chính pháp nhãn tạng. Chỉ cho lấy định huệ làm gốc«. đạo pháp giáo ngoại biệt truyền của Thiền gia. Chương Hạc-lặc-na Tổ thứ 23 trong

PHÁP NHÃN TÔNG CĐTĐL, q. 2 ghi: » PHÁP NHÃN VĂN ÍCH THIỀN SƯ NGỮ LỤC – Sư 22 tuổi xuất gia, 30 Gọi đủ: Kim Lăng Thanh Lương Viện Văn tuổi được Tôn giả Ma-noa-la giao phó Ích Thiền sư ngữ lục. Còn gọi: Đại Trí pháp nhãn tạng, hành hóa đến Trung Ấn Tạng Đại Đạo Sư ngữ lục. Ngữ lục, 1 Độ«. quyển, do Thanh Lương Văn Ích soạn vào đời Đường, được xếp vào Đại Chính Tạng tập 47, trang 588. PHÁP NHÃN TÔNG Tổ Thanh Lương Văn Ích của tông Pháp Nhãn lần lượt trụ trì 3 đại đạo tràng là Một trong năm phái Thiền tông Trung Sùng Thọ Viện, Báo Ân Thiền Viện, Quốc, thuộc hệ Thanh Nguyên. Người Thanh Lương Thiền Viện. Nội dung sách sáng lập là Văn Ích đời Ngũ Đại (885- này bao gồm những việc: Khai đường, 958), sau khi Văn Ích lìa đời, Nam Đường Thượng đường, Thị chúng, Vấn đáp, Cơ chủ Lý Cảnh ban thụy hiệu »Đại Pháp duyên, Cử cổ, Đại cổ, Tụng cổ của Sư Văn Nhãn Thiền sư«, cho nên gọi là Pháp Nhãn Ích tại 3 đạo tràng nói trên. Từ ngữ lục này Tông. Môn phong tỉ mỉ rõ ràng, coi trọng chúng ta thấy được Thanh Lương Văn Ích lý sự viên dung, chú trọng học tập giáo lýtiếp dẫn người học khẩn thiết, đưa ra rõ người xưa, mục đích là sửa chữa bệnh chấp ràng tông phong của sư một cách viên không của thiền lâm đương thời. Trong dung, mà

chẳng dùng cơ pháp đánh hét năm phái thiền, tông này sáng lập rất muộnnhư tông Lâm Tế. Khoảng niên hiệu Sùng song lại sớm suy vi, giữa đời Tống pháp Trinh (1628-1643) đời Minh, khi Ngộ mạch đã dứt tuyệt, lập tông được chừng Phong Viên Tín và Quách Ngưng Chí biên 100 năm. Pháp Diễn ngữ lục, q. thượng tập Ngũ Gia ngữ lục, có đem ngữ lục này ghi: » vào. – Sư bảo: Sao không hỏi việc trong tông Pháp Nhãn? Học tăng PHÁP NHÂN ĐẠI SƯ thưa: Để dành cho Hòa thượng«. Hiệu của Thiền tăng Đạo Khuông, đời Ngũ Đại. X. Đạo Khuông. Tiết Tông Thừa Yếu Nghĩa trong Duy Tắc ngữ lục, q. 9 ghi: » PHÁP NHẪN Phẩm chất nhẫn chịu các thứ khổ nạn, khó khăn và đối với Phật pháp tin chắc không nghi. Mật Am ngữ lục ghi: » – Tông Pháp Nhãn nghe tiếng ngộ đạo, thấy sắc minh tâm, trong câu chứa cơ phong, trong lời có tiếng vang, luôn luôn tùy thuận căn khí, giàn xếp hóa pháp, giống như xem thân thể cắt áo, chẩn bệnh – Khi bốc thuốc«. Thế Tôn ở trên hội Linh Sơn, có 500 vị Tỳ

PHÁP NINH (1081-1156) kheo đắc tứ thiền có 5 thứ thần thông, Pháp nhĩ như nhiên cắng cổ câm (kim)«. nhưng chưa được pháp nhẫn. Mỗi người »Lặng lặng lặng, chìm chìm chìm trong bọn họ tự thấy kiếp quá khứ giết hại Cái tâm muôn pháp là tâm Phật cha mẹ và gây các tội nặng nên trong tự Tâm Phật lại cùng tâm ta hợp tâm của mỗi vị hoài nghi đối với pháp sâu Lẽ ấy như nhiên suốt cổ kim«. xa, chẳng chứng nhập được«. PHÁP NHŨ PHÁP NHẤT (1858-1931) 1. Trao truyền đạo pháp. Mật Am ngữ lục Tăng nhân cận đại, họ Ôn, tên Cực Như, ghi: » người Tùy Châu, Hồ Bắc, Trung Quốc. – Niên hiệu Quang Tự thứ 13 đời Thanh Cúng dường đại Hòa thượng Ứng Am đời (1887), sư xuất gia ở chùa Bảo An nơi quê thứ 18 trụ núi Thiên Đồng sau cùng, ngỏ nhà. Năm sau sư thụ giới cụ túc nơi chùa hầu đền đáp công ơn trao truyền đạo Bồ-đề, gặp Thiền sư Hà Sơn mới biết tham pháp«. thiền. Lại đến chùa Kim Sơn ở Trấn Giang 2. Người kế thừa đạo pháp. Pháp Diễn tham kiến Hoà thượng Đại Định. Sau đó Thiền sư ngữ lục q. trung ghi: » nơi chùa Hải Huệ ở Hồ Bắc, sư tọa thiền nhiều năm, sớm tối tụng kinh Lăng – Sáng nay các người kế thừa đạo pháp vì Nghiêm hơn ngàn bộ, nhờ vậy mà thấu Trăn Công thiết trai, thỉnh Bạch Vân thăng suốt nguồn pháp, không còn nghi trệ. Năm tòa«. 1914 nhậm chức Thủ tọa chùa Cao Mân. Năm 1919, sư đến núi Sư Tử ở Giang Phố PHÁP NHƯ (638-689) giảng kinh, tọa hương tham thiền, cũng Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người như thế tại chùa Cao Mân, chùa Kim Sơn. Thượng Đảng, Sơn Tây, Trung Quốc. Sư Tác phẩm: Tham Thiền Giản lục, Tham là đệ tử của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, hầu ngài Thiền Đề Yếu, Kim Cang Kinh Giảng lục, trải qua 16 năm. Sau khi Tổ mất, sư trụ Pháp Ngữ. chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn. Sư thuộc Thiền tông Nam tông đời thứ 2, vì sư xem PHÁP NHĨ Lục Tổ như Thầy của mình. Còn gọi: Tự nhĩ, pháp nhiên. Pháp này. Lẽ ấy. Ý nói vốn tự nhiên như thế, không do PHÁP NINH (1081-1156) dựng lập, đặt ra. Bài Phật Tâm Ca trong Thiền tăng đời Tống, họ Lý, người Cử Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: huyện, Mật Châu (Sơn Đông), Trung Quốc. Do ở núi Ô Kỳ, Nghi Châu nên pháp hiệu của sư là »Ô Kỳ«. Ban đầu sư theo Hòa thượng

Diệu Không Minh chùa Thiên Ninh đắc độ, tham học khá lâu trọn được »Mặc mặc mặc, trầm trầm trầm tông chỉ Vân Môn. Về sau trụ chùa Tịnh Vạn pháp chi tâm tức Phật tâm Cư, hoằng dương đạo của Tuyết Đậu. Niên Phật tâm khước dữ ngã tâm hợp hiệu Nguyên Phú (1098-1100) sư trụ tinh

PHÁP PHỤC xá Linh Phong núi Xà Sơn ở Hoa Đình Ngã sư tông cổ lai húy (Tùng Giang, Thượng Hải). Sau đó tinh xá Duy thử nhân thiện an trí đổi thành thiền viện Chiêu Khánh, Hữu Túc pháp tài cụ tàm quý«. thừa tướng Chu Ngạc thỉnh sư làm Tổ khai »Bậc đạt đạo xướng Tổ ý sơn, đồ chúng đông đảo, thạnh nhất đông Tông môn ta vốn cấm kỵ nam. Chỉ người này khéo lập bày Đủ pháp tài cả tàm quý«. PHÁP PHỤC Pháp y, cà-sa. Hoằng Nhẫn truyện trong PHÁP TẠNG Tống Cao Tăng truyện q. 8 ghi: » 1. Giáo nghĩa Phật pháp. Chương A-nan Tổ thứ 2 trong CĐTĐL q. 1 ghi: » – Hoằng Nhẫn liền đem pháp phục giao cho Huệ Năng. Huệ Năng nhận lãnh y giáo hóa ở Thiều Dương«. – Tôn giả học rộng hiểu nhiều, PHÁP QUANG (809-869) trí huệ vô ngại, đức Thế Tôn cho là đệ nhất Thiền tăng đời Đường, họ Lương, người tổng trì, từng được khen ngợi. Hơn nữa, do Trường Ninh (nay là Tân Phong, Quảng đời trước Tôn giả có công đức lớn, thọ trì Đông) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư pháp tạng như vật chứa nước, nên đức Thiện Đạo, thuộc hệ Thanh Nguyên đời Phật bèn sai làm thị giả«. thứ 4, trụ viện Đan Thạch. 2. Thiền tăng đời Minh (1573-1636), họ PHÁP QUẢNG (1300-1364) Tô, tự Vu Mật, Hán Nguyệt, hiệu Tam Phong, Thiên Sơn, người Vô Tích (Giang (156 TKTNVC) Tô), Trung Quốc. Năm 15 tuổi xuất gia, 29 Thiền tăng đời Nguyên, họ Ngũ, tự Dật Sơ, tuổi xem Cao Phong ngữ lục quyết chí người xứ Trinh Dương, Lĩnh Nam (Anh tham thiền, chuyên tâm tham cứu hơn 10 Đức, Quảng Đông) Trung Quốc. Nối pháp năm nhưng không thể giải ngộ. Niên hiệu Thiền sư Giáp Sơn, Liễu Mai, đời thứ 23 Vạn Lịch thứ 38, (1610) hành cước đến hệ Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Kim Sơn Ngu Sơn, Thường Thục (Giang Tô) sửa (Trấn Giang, Giang Tô). Tác phẩm: Hội sang lại viện hư phế, lập ra tùng lâm. Thiết yếu tập. lập bách nhật tử quan ngày đêm tham cứu. PHÁP TÀI Một hôm bị hôn mê, ói đàm hơn một đấu, Dụ chỉ cho Phật pháp, bởi vì Phật pháp nằm liệt ngủ vùi 5 ngày, chợt nghe tiếng như của cải quý báu có năng lực khiến tinh trúc sư liền triệt ngộ nguồn tâm. Niên hiệu thần người ta được phong phú. Chương Trí Thiên Khải thứ 4 (1624) yết kiến Viên Ngộ Nhàn Tụng trong CĐTĐL q. 29 ghi: nơi chùa Kim Túc được ấn chứng làm truyền nhân tông Lâm Tế. Sư khai đạo ở chùa Thanh Lương, Tam Phong, Ngu Sơn. »Đạt đạo nhân xướng Tổ ý Người đời gọi là »Tam Phong Tạng Công«. Sư lần lượt trụ trì chùa Bắc Thiền

PHÁP THÂN ở Tô Châu, chùa An Ẩn núi Lâm Bình, kiến Thiền sư Pháp Chân Thủ Nhất tông chùa Trịnh Từ núi Nam Bình, chùa Cẩm Vân Môn và thụ giới cụ túc. Hỏi pháp an Thọ ở Long Sơn, Lương Khê. Thông mẫn tâm, sư tham cứu trong nhiều năm. Từng tuyệt luân, thông suốt Nho Phật chuyên tham học với các Thiền sư Tử Anh, tâm tu thiền, chỗ thấy kỳ đặc xướng lên Thường Thông, Khắc Văn, Ngộ Tân, Trí thuyết mới. Sư soạn quyển »Ngũ Tông Bản... Năm 33 tuổi sư đến núi Đại Hồng ở Nguyên« bài bác thuyết của Viên Ngộ. Về Tùy Châu (Hồ Bắc) tham kiến Phù Dung già ở nơi Đặng Úy. Tác

phẩm: Tam Phong Đạo Giai, dưới một lời liền ngộ nhập sáng ngữ lục, Quảng lục Hoằng Giới Pháp tỏ nguồn tâm bèn ở lại hầu hạ vài năm, Nghi, Sơn Cư tập. Đời Thanh, niên hiệu được nối pháp làm truyền nhân tông Tào Khang Hy thứ 40 (1701) truy thụy »Cảnh Động. Vì sư thích »Khô mộc thiền« nên Thông Thiền sư«. Vua Thế Tông đời người đời gọi sư là »Khô Mộc«. Niên hiệu Thanh cho là phản thầy nghịch đạo nên Đại Quán thứ 1 (1107) sư khai đường tại thiêu hủy kinh sách của sư, trục xuất môn Hương Sơn, Nhữ Châu (Lâm Nhữ, Hà đồ khiến cho pháp mạch Tam Phong dứt Nam). Niên hiệu Chính Hoà thứ 2 (1112) tuyệt. phụng chiếu trụ trì thiền viện Tịnh Nhân ở Tả Nhai, rồi dời sang ở chùa Bảo Lâm, PHÁP TỀ (912-1000) Quảng Huệ, Phổ Tế. Sau khi mất, sư được Thiền tăng đời Tống, họ Đinh, người Vụ ban thụy »Phổ Chứng Đại Sư«. Châu (Kim Hoa, Chiết Giang), Trung Quốc. PHÁP THAO Ban đầu sư giảng hai luận Minh môn, Thiền tăng đời Ngũ Đại, học đạo với Thiền Nhân minh, sau đó du phương đến viện sư Trường Khánh Huệ Lăng đắc pháp. Sư Trường Thọ ở Tô Châu tham kiến Thiền sư ở chùa Khuynh Tâm, Hàng Châu, về sau Bằng Ngạn, nhận được tâm ấn, nối pháp dời sang chùa Long Sách rồi tịch. Ngô Việt làm truyền nhân tông Pháp Nhãn. Bằng Vương ban hiệu »Tông Nhất Thiền sư«. Ngạn tịch, sư kế tục pháp tịch. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 3 (978) sư lui về PHÁP THÂN ẩn tu. Bản thể của tự tính cùng khắp không gian và thời gian, nó vô hình vô thanh mà hay PHÁP TẾ ĐẠI SƯ hiện hình hiện thanh, như như bất động mà Hiệu của Thiền tăng Hồng Nhân, sống vào biến hóa vô cùng. Phần Pháp Thân trong đời Đường. X. Hồng Nhân. Thiền Lâm Loại Tụ (Vạn Tục 117, 13 thượng) ghi: » PHÁP THÀNH (1071-1128) –
Tăng hỏi Thiền tăng đời Tống, họ Phan, hiệu Khô Thiền sư Vân Môn Yển: Thế nào là câu nói Mộc, người Tú Châu (Gia Hưng, Chiết thấu pháp thân? Sư đáp: Giấu thân trong Giang), Trung Quốc. Xuất gia năm 17 tuổi, sao Bắc đẩu«. Tắc 92, Thiền Uyển Mông sư dốc lòng tu thiền, chuyên tâm tham Cầu (Vạn tục 148, 104 thượng) ghi: » phỏng chẳng ngại đi xa học hỏi. Sư yết

PHÁP THI THIỀN SƯ – sấm ngữ. Lúc nhà Tiền Lê mới
dựng Về sau, Đạo Ngô đến Kinh Khẩu gặp lúc nghiệp, thường mời sư vào triều luận bàn Giáp Sơn đang thượng đường, có vị tăng việc chính trị và ngoại giao. Khi quốc thái hỏi: Thế nào là pháp thân? Sơn đáp: Pháp dân an, sư không nhận sự phong thưởng. thân không có tướng«. Vì thế, Vua Lê Đại Hành rất kính trọng, không dám gọi tên, chỉ gọi là Đỗ Pháp sư. PHÁP THI THIỀN SƯ Nhà vua nhờ sư trông coi việc soạn thảo Hiệu của Thiền tăng Sách Chân, sống vào văn kiện, thư từ ngoại giao. Năm Thiên đời Ngũ Đại. X. Sách Chân. Phúc thứ 7 (986) nhà Tống sai sứ là Lý Giác sang phong tước hiệu cho vua Đại PHÁP THÔNG THIỆN HỶ Hành. Vua nhờ sư cải trang làm lái đò để đón Sứ. Trên sông, bất chợt Lý Giác thấy Thiền tăng đời Nguyễn, thuộc phái thiền hai con ngỗng bơi, cảm hứng liền ngâm: Tào Động thế hệ thứ 36, là tổ khai sơn
chùa Long Ẩn. Chùa này được xây dựng »Nga nga lưỡng nga nga trên núi Long Ẩn thuộc thôn Tân Lại, Ngưỡng diện hướng thiên nha«. huyện Phúc Long, dinh Trấn Biên, miền »Song song ngỗng một đôi Nam Việt Nam (nay là xã Tân Bửu, thành Ngửa mặt ngó ven trời«. phố Biên Hòa), nằm bên mặt đường liên Sư đang chèo, ứng khẩu ngâm tiếp: tỉnh từ Biên Hòa lên thác Trị An (cách Biên Hòa 4km). Sau khi

Tổ Pháp Thông »Bạch mao phô lục thủy Thiện Hỷ thị tịch, đồ chúng lập tháp ở phía Hồng trạo bãi thanh ba«. trước sân chùa, nằm về phía bên phải. »Lông trắng phơi dòng biếc Tháp xây theo hình khối lục giác, tầng cuối Sóng xanh chân hồng bơi«. cùng mỗi cạnh 2m. Tháp cao 4 tầng với Lý Giác rất thán phục. đỉnh là một hồ lô, tính chung cao khoảng Vua Đại Hành hỏi vận nước dài ngắn thế 6m. Phía trong tháp có một bia đá lớn (có nào, Sư đáp bằng bài kệ: thể kể về sự tích của Tổ Pháp Thông), phía ngoài có cửa vào (Nhưng năm 1972, Giáo thọ Thiện Hỷ đã xây kín cửa vào bên trong »Quốc tộ như đằng lạc tháp nên hiện chưa rõ được nội dung của Nam thiên lý thái bình tấm bia này). Theo: LSPGĐT của Nguyễn Vô vi cư điện các Hiền Đức. Xứ xứ tức đao binh«. »Vận nước như dây quấn PHÁP THUẬN (914-990) Trời Nam sống thái bình Thiền tăng đời Đinh-Lê, thuộc dòng Tỳ-ni- Phật tử trên trên điện các đa-lưu-chi đời thứ 10. Sư họ Đỗ, không rõ Chốn chốn dứt đao binh«. quê quán ở đâu, xuất gia từ thuở bé, thụ Về sau, sư trụ trì chùa Cổ Sơn làng Thừ, giới với Thiền sư Long Thọ Phù Trì. Sau kinh đô Thanh Ải. Niên hiệu Hưng Thống khi đắc pháp, sư nói lời nào cũng phù hợp thứ 2 (990), sư không bệnh mà tịch, thọ 76

PHÁP TÍNH tuổi. »Tức tâm tức Phật«. Sư liền đại ngộ, kế Tác phẩm: thừa pháp Mã Tổ. Về sau sư ẩn cư tĩnh tu — Bồ Tát hiệu sám hối văn nơi núi Đại Mai, huyện Ngân (Chiết — Thơ tiếp Lý Giác Giang). Có vị tăng theo lệnh Mã Tổ đến — Một bài kệ. núi Đại Mai nói với sư: »Gần đây Mã Tổ Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh lại nói phi tâm phi Phật«. Pháp Thường Từ. nói: »Ta chỉ biết tức tâm tức Phật«. Mã Tổ nghe được bèn nói: »Trái mai đã chín!« Từ PHÁP THUỘC đó tiếng tăm của sư lẫy lừng, học giả khắp Còn gọi: Pháp quyến. Tăng nhân có quan nơi tụ hội. hệ thân thuộc trong sự truyền thừa Phật pháp. Tiết Long Tường Sĩ Khuê Thiền sư PHÁP TỊCH trong NĐHN q. 20 ghi: »

1. Chỗ ngồi thuyết pháp của vị tăng trụ trì tự viện, dụ chỉ cho chức vị Trụ trì. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: »

– Ngày 18 tháng 7 năm Bính Dần, Sĩ Khuê triệu tập pháp

– Chỉ e sau khi sơn tăng ra đi thuộc, trưởng lão, tông phạm giao phó hậu thì pháp tịch trống vắng, nên nay khiến Tố sự. Ngày hôm sau sư tắm gội, đánh chuông công là người tỏ ngộ, tiếp tục trụ trì«. tụ hội đại chúng rồi lên tòa ngồi an nhiên 2. Tự viện, đạo tràng, nơi mà đoàn thể chư thị tịch«. tăng nghe thiền sư tuyên nói Phật giáo. Truyện Huệ Minh trong TCTT q. 8 ghi: PHÁP THỰC THƯỜNG BÃO »

– Cuộc đời của Dụ cho lãnh ngộ Phật pháp nên tinh thần Cao Tông nương nơi tự viện của Thiền sư no đủ. Bài thơ Đại Thừa Tán trong Hoằng Nhẫn, hết lòng nghiên cứu tìm tòi«. CĐTĐL, q. 29 ghi: » PHÁP TÍN – Chỉ cần không khởi Bằng cớ của sự truyền pháp. Tiết Huệ Khả ngã chấp, Niết-bàn pháp thực thường Thiền sư trong TĐT q. 2 ghi: » bão«. PHÁP THƯỜNG (752-839) – Nay ta đem Chính pháp nhãn tạng này giao phó cho ngươi và trao ca sa để Thiền tăng đời Đường, họ Trịnh, hiệu Đại làm bằng cớ của sự truyền pháp«. Mai, người Tương Dương (Tương Phàn, Hồ Bắc), Trung Quốc. Sư xuất gia từ thuở PHÁP TÍNH nhỏ ở chùa Ngọc Tuyền, Kinh Châu Bản tính của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. (Giang Lăng, Hồ Bắc). Năm 20 tuổi thụ Chương Bát Nhã Đa La Tổ thứ 27 trong giới cụ túc tại chùa Long Hưng. Sư để tâm CĐTĐL q. 3 ghi: » vào thiền

nên đến tham kiến Mã Tổ Đạo – Trong các vật pháp tính rất lớn«. Nhất, hỏi: »Thế nào là Phật?« Tổ đáp:

PHÁP TÍNH THIỀN SƯ PHÁP TÍNH THIỀN SƯ PHÁP TRÌ (635-702) Thụy hiệu của Thiền tăng Vô Ân, sống vào Tăng nhân đời Đường, Tứ Tổ tông Ngưu đời Ngũ Đại. X. Vô Ân. Đầu, họ Trương, người Giang Ninh, Nhuận PHÁP TÒA Châu (Nam Kinh), Trung Quốc. Sư xuất Chỗ ngồi trong pháp đường để thiền sư nói gia từ nhỏ, 30 tuổi mới đi du phương, nghe pháp. Minh Giác ngữ lục ghi: » danh Đại sư Hoằng Nhẫn liền đến yết kiến mong được pháp yếu. Về sau tham kiến – Một Thiền sư Huệ Phương tông Ngưu Đầu hôm sư khai đường, ở trước pháp tòa sư được tâm ấn, được trao ấn ký, kế thừa pháp nhìn đại chúng nói: Nếu bàn về việc bản tịch. Sư hoằng dương tông phong trong vài phận thì chẳng cần phải lên bảo tòa«. năm tứ chúng đều ngưỡng mộ y chỉ. Lúc Hoằng Nhẫn thị tịch, ngài nói với đệ tử PHÁP TÔNG (1001-1069) Huyền Trách: »Sau này Kim Lăng Pháp Thiền tăng đời Tống, họ Trần, người Khúc Trì là một trong mười người truyền pháp Giang, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư nối của ta«. Pháp Trì trụ chùa Diên Tộ ở Kim pháp thiền sư Thường Bảo, thuộc tông Vân Lăng (Nam Kinh) cử dương Ngưu Đầu Môn đời thứ 4. Trụ viện La Hán. Thiền, truyền pháp cho Trí Oai rồi tịch.

PHÁP TRÀNG PHÁP TRÍ 1. Cờ pháp, dụ chỉ cho diệu pháp. Pháp Diễn ngữ lục, q. trung ghi: » Thiền tông đời Tống, họ Bách, người Thiểm Châu (Tam Môn Giáp, Hà Nam). – Rộng mở cửa Tráng niên xuất gia nơi chùa Thánh Quả, thiền, giao du bạn đạo, phò lập tông chỉ, Tây Kinh (Lạc Dương, Hà Nam), Trung dựng cao pháp tràng, trên đáp đền ân vua, Quốc. dưới giúp đỡ chúng sinh«. Ban đầu tập Hoa Nghiêm, sau mộ Thiền 2. Thiền tăng đời Thanh, còn có tên Hành tịch; trước sau tham kiến các thiền sư: Sí, tục danh Lâm Tăng Chí. Niên hiệu Nam Dương Cẩn, Đại Hồng Trí hơn 10 Sùng Trinh thứ 3 (1630) đỗ Tiến sĩ làm năm mà không khế ngộ. Niên hiệu Tuyên quan đến Chiêm sự. Nhà Minh mất, sư cạo Hòa thứ 3 (1121) khi Hoằng Trí Chính tóc làm tăng. Sư lần lượt trụ trì chùa Bảo Giác nhậm chức Thủ tọa chùa Đại Hồng, Phúc, núi Đại Mai, Minh Châu (Ninh Ba, Pháp Trí đến tham yết ngay dưới lời nói Chiết Giang); chùa Mật Ấn, núi Đầu Đà, liền triệt ngộ, được nối pháp làm truyền Ôn Châu (Chiết Giang); chùa Tịnh Giác, nhân tông Tào Động. Về sau trụ trì chùa núi Đông Bảo, Xử Châu (Lệ Thủy, Chiết Thiện Quyền, Thường Châu (Giang Tô), Giang). Môn nhân Siêu Ngụ, Siêu Vô biên chùa Kim Túc Tú Châu (Gia Hưng, Chiết tập ngôn hạnh của sư thành quyển Pháp Giang). Trước tác »Thiện Quyền Tri Thiền Tràng Đại sư ngữ lục. sư Ngữ Yếu« 1 quyển được xếp vào »Tục Cổ Tôn Túc Ngữ Yếu«.

PHÁP TỰ PHÁP TRUNG PHÁP TỤ (1492-1563) 1. Thiền tăng đời Tống (1084-1149), họ Thiền tăng đời Minh, họ Phú, tự Ngọc Chi, Diêu, hiệu Mục Am, người Tứ Minh, Chiết hiệu Nguyệt Tuyền, người Gia Hưng Giang, Trung Quốc. Năm 19 tuổi xuất gia, (Chiết Giang), Trung Quốc. Năm 14 tuổi siêng năng tu tập Thiên Thai giáo chỉ, ngộ xuất gia tại chùa Tư Thánh, sau khi thụ được lý Nhất tâm tam quán. Tự biết mình giới cụ túc yết kiến các ngài Kiết Am, chưa tỏ ngộ triệt để nên đi tham học các Pháp Chu v.v... nhưng không khế hợp. Sư bậc danh đức tìm kiếm pháp thiền. Đến đến Cối Kê

(Thiệu Hưng, Chiết Giang) Long Môn thấy nước xoáy liền đại ngộ làm khấu bái Vương Dương Minh, Vương bài kệ trình lên Thiền sư Phật Nhãn Thanh Dương Minh dùng kệ đáp sư khiến nghi Viễn, được ấn khả làm truyền nhân tông tình phát khởi. Lại đến Nam Kinh tham Lâm Tế. Sau sư đến Lô Sơn ở tại Đồng An kiến Thiền sư Mộng Cư, Mộng Cư đánh trong cây khô nhịn ăn tĩnh tọa, mọi người cho một tát, nói: »Rơi hay không rơi?« Sư đều kinh ngạc. Niên hiệu Tuyên Hòa hoát nhiên đại ngộ. Vào núi Thiên Trì, Vũ (1119-1125) dời sang ở Nam Nhạc, theo Khang (phía Tây Đức Thanh, Chiết Giang) truyền thuyết sư thường cưỡi cọp đi chơi, sư cất tịnh xá Ngọc Chi và am Đường mọi người hướng theo lễ bái, bốn chúng Nhất. Các bậc tôn túc suối Ngọc Long qua gọi sư là »Phục Hổ«. Về già, sư trụ núi lại trong núi phát minh tâm địa, chứng hội Hoàng Long, Long Hưng (Nam Xương, lý mầu Nho Phật đại đồng. Thiền lữ Giang Tây). ngưỡng mộ thanh danh tìm đến dần dần 2. Thiền tăng đời Minh (1541-1620), họ thành tùng lâm. Tác phẩm: Ngọc Chi Nội Tào, hiệu Kính Đương, người Thiệp huyện Ngoại tập. (An Huy), Trung Quốc. Năm 19 tuổi đi đến chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu xuất gia PHÁP TỰ với Hòa thượng Vân Thủy Đại Cơ. Đến 21 1. Đệ tử kế thừa đạo pháp, người nối pháp. tuổi đăng đàn thụ giới cụ túc, hành cước Chương Di-giá-ca Tổ thứ 6 trong CĐTĐL đến Thiếu Lâm tham kiến Thiền sư Đại q. 1 ghi: » Thiên Nhuận. Lại đến Trường An yết kiến hai đại lão Biến Dung và Nguyệt Tâm chỉ bày tâm yếu có chút khai ngộ. Chẳng bao – Đã truyền pháp xong, lâu, sư trở về lễ Thiền sư Diệu Phong tại Tổ du hóa đến Bắc Thiên Trúc, thấy trên Ngũ Đài, vừa gặp là tâm ấn tương khế. Sau mặt thành có mây lành kim sắc bèn khen đến Thiên Bình ở Lô Sơn, do thích thắng rằng: Đây là sắc khí của đạo nhân, ắt có cảnh này nên ẩn cư tại đây. Vài năm sau kẻ nối pháp ta. Tổ bèn vào thành«. thiền lữ tụ hội dần dần thành tùng lâm. 2. Kế thừa, tiếp tục. Tiết Nham Đầu Hòa Pháp Trung là người thẳng thắn, không bày thượng trong TĐT, q. 7 ghi: » vẽ, quản lý chúng không cần quy củ, cam khổ đồng chịu, ngoài một chiếc áo nạp – La Sơn hỏi: Hòa không có gì nữa. thượng há không phải kế thừa Đức Sơn mà chẳng chấp nhận Đức Sơn? Sư đáp: Đúng

PHÁP TỰ THƯ vậy«. Nguyên. Trụ trì chùa Cổ Sơn. Tác phẩm: Đạm Nhiên tập, Pháp Văn ngữ lục. PHÁP TỰ THƯ Bức thư do thiền sư viết gởi cho Thầy của PHÁP VỊ mình, khi sư đã nhận chức Trụ trì. Pháp Vị ngon của thiền pháp, nghĩa là chỗ tinh Diễn ngữ lục q. hạ ghi: » diệu của pháp như là món ăn ngon làm hài – Vị lòng người. Tiết Thiên Đồng Đàm Hoa chuyên sứ của chùa Tư Phúc cầm Pháp tự Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » thư đến, sư ở trên pháp đường nhận thư«. – Buổi đầu sư nương Thiền sư Thủy Nam Toại, được PHÁP TƯỚNG nếm qua vị ngon của thiền pháp«. Hiệu của Thiền tăng Sư Hội, do vua Cao Tổ đời Hậu Tấn ban cho. X. Sư Hội PHÁP VIỄN (991-1067) Thiền tăng đời Tống, họ Vương, hiệu Sài PHÁP UYỂN CAN THÀNH Thạch Dã Nhân, người Trịnh Châu (Hà Nam), Trung Quốc. Ban đầu tập làm Sứ Người không mang hình thức xuất gia sự, dần dà giữ chức Sai sứ. Sư bỗng chán nhưng dùng quyền thế địa vị để bảo hộ ghét rồi theo Tam Giao Trí Trung xuất gia, Phật pháp, nhà chùa khen họ là »Pháp uyển nỗ lực tham cứu tỏ ngộ nguồn tâm được can thành«. Thiền sư Quy Tỉnh viện Quảng Giáo ấn Can

thành: Lá chắn và tường thành, đây có chứng và nối pháp làm truyền nhân tông nghĩa là hộ vệ. Truyện Bác Sơn Hòa Lâm Tế. Âu Dương Tu từng tham học với thượng trong Nguyên Lai quảng lục q. 35 môn hạ của sư. Lúc tuổi già sư ở Phù Sơn, ghi: » đồ chúng rất đông xiển dương Tông phong; cơ pháp của sư thật đặc biệt nên người đời gọi là »Phù Sơn Cửu Đới«. Sau – khi mất được ban thụy »Viên Giám Thiền Thái tử Lưu Nhược Tể lúc còn là học trò sư«. cùng các huynh đệ lễ Hoà thượng làm thầy, cầu xuất gia. Hoà thượng bảo: Ông PHÁP VŨ LÃO NHÂN thần khí ngưng lặng, sẽ được thi đỗ, làm Hiệu của Thiền tăng Phật Thạch, sống vào người bảo hộ Phật pháp. Còn việc xuất gia đời Minh. X. Phật Thạch. hãy để khi khác«. PHÁP VŨ TỰ PHÁP VĂN (1730-1810) (229 1. Còn gọi: Chùa Đậu, chùa Thành Đạo. TKTNVC) Chùa ở làng Đậu, nay thuộc thôn Gia Thiền tăng đời Thanh, họ Tiêu, tự Đạm Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Nhiên, người xứ Sa Ấp (Đại Danh, Hà tỉnh Hà Sơn Bình, Việt Nam. Tòa chính Bắc) Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Viên điện kiểu chữ công (I), ngói trên mái rất to Ngọc Hưng Ngũ, đời thứ 38 hệ Thanh và dầy. Vách điện cũng làm theo kỹ thuật

PHÁP VƯƠNG CHI ẤN ván nong, đổ dầy dặn và trang hoàng rất Phật điện, Cửu long Quán Âm điện, Ngự hoa mỹ. Chính giữa vách trổ những ô cửa bi điện, Đại hùng bảo điện, Phương trượng chạm rồng, phụng, tứ linh, rất giống ở điện, Ấn Quang Pháp sư kỷ niệm đường. thượng điện chùa Thầy cùng những hình Cửu long Quán Âm điện còn gọi »Viên đồng tử hai tay dâng từng chữ »Thánh thọ Thông Bảo Điện«, nguyên là Cửu long vô cương«. Ngoài ra cột có chạm những ổ điện của cố cung Nam Kinh đời Minh. Vị rồng theo chiều cao và trên những trương trụ trì chùa là Tính Thống tấu thỉnh vua cửa có chạm hình tiên. Hình chạm rất linh Khang Hy dời về xây dựng nơi đây. Trong hoạt, tinh xảo, vì vậy trước đây chùa Đậu điện có 8 cây cột trụ khắc rồng tinh xảo. được xem là nơi có những tác phẩm điêu Khung trang trí trên trần nhà điêu khắc 9 khắc trên mặt gỗ đẹp và khéo vào bậc nhất con rồng ôm lấy trái châu theo phong cách Việt Nam. thuần phác cổ xưa điển nhã, chính giữa Trong hậu Tổ của chùa này hiện nay có thờ điện treo một chiếc đèn lưu ly giốâng như nhục thân của 2 vị thiền sư: một hạt minh châu. Xung quanh bệ đá — Đạo Chân, tục danh Vũ Khắc Minh. trước điện có 24 khối đá xanh, trên có khắc — Đạo Tâm, tục danh Vũ Khắc Trường. câu chuyện lịch sử của 24 người con hiếu Theo: VNVHTH 1989-1995. thảo. Chùa ở trong hang núi bóng cây rậm 2. Còn gọi: Hậu Tự. Nằm dưới ngọn rạp, trước chùa có khe thanh ngọc nước Quang Hy, phía trái đỉnh Bạch Hoa, núi chảy vòng quanh. Cổ sát rợp bóng cây Phổ-đà, huyện Phổ-đà, tỉnh Chiết Giang, trang nghiêm kính cẩn. Trung Quốc, là một trong ba đại tự ở Phổ- đà Sơn. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 8 (1580) PHÁP VƯƠNG đời Minh tăng nhân Chân Dung từ Tây Từ dùng để gọi đức Phật một cách tôn Thục đến lễ Ngũ Đài Sơn, thích phong kính. Minh Châu Tụng trong Phạm Kỳ ngữ cảnh đẹp núi Quang Hy bèn kết am ở, để lục q 18 ghi: giữ lấy ý nghĩa »pháp hải triều âm tùy cơ phổ ứng« mà đặt tên là »Hải Triều Am«. »Pháp Vương xuất hiện thế gian Năm thứ 22 (1594) Quận thủ đổi tên là Phương tiện đàm không phá hữu«. »Hải Triều Tự«. Năm thứ 34 (1606) ban »Đấng Pháp vương xuất hiện ở đời tấm biển »Hộ Quốc Trấn Hải Thiền Tự«. Phương tiện nói KHÔNG, phá chấp CÓ«. Niên hiệu Khang Hy

thứ 38 (1699) đời PHÁP VƯƠNG CHI ẤN Thanh sắc tứ tấm biển »Thiên Hoa Pháp Chiếc ấn của Pháp vương. Chỉ cho chân đế Vũ«, »Pháp Vũ Thiền Tự«. Niên hiệu Ung Phật pháp, thiền nghĩa vi diệu. Lục Tổ Chính thứ 9 (1731) lại ban tiền bạc trùng Năng Thiền sư bi minh của Vương Duy tu. Vào niên hiệu Đồng Trị, Quang Tự trong Toàn Đường Văn q. 327 ghi: » (1862-1908) lại lần lượt kiến tạo điện vũ,
– Gọi hiện còn phòng ốc gần 300 gian. Điện vũ là được hạt châu của Hoàng đế, kham dựa theo thế núi mà cất, theo hướng nam nhận chiếc ấn của pháp vương«. bắc dần dần lên cao. Trên tuyến trục giữa theo thứ lớp là Thiên vương điện, Ngọc

PHÁP VƯƠNG VÔ THƯỢNG TRÂN BẢO PHÁP VƯƠNG VÔ THƯỢNG – Nước, TRÂN BẢO chim, rừng cây đâu từng thuyết pháp, Chỉ cho Phật pháp chân đế, thiền nghĩa luống tự than là việc lạ; tường vách ngói nhiệm mầu. Tiết Đạo Nhất đời thứ 2 dưới gạch vì ông mà mở bày thiền cơ rõ ràng Đại Giám trong CTTNL, q. 1 ghi: » mà tại ông chẳng biết«. PHÁT CHÂN QUY NGUYÊN – Chỉ cần không một niệm liền dẹp trừ cội gốc sinh tử, liền được pháp vương vô thượng trân bảo« Phát hiện, nhận thức chân tính sẵn có của chính mình; trở về cội nguồn thanh tịnh PHÁP XUNG (?-665) tâm. Nói khác đi, đây là đạt đến cảnh giới Tăng nhân đời Đường, họ Lý, tự Hiếu Niết-bàn, sạch hết phiền não, siêu thoát Đôn, người Thành Kỷ, Thiểm Tây (Thiêm sinh tử. Pháp Diễn ngữ lục, q. thượng ghi: Thủy, Cam Túc), Trung Quốc. Năm 24 » tuổi làm quan Bái Ưng Dương Tướng – Người xưa nói: Quân. Mẹ mất, đọc kinh Niết-bàn mà phát Nếu có người nào đạt đến cảnh giới Niết- tâm xuất gia. Sư theo Huệ Cảo học tập Đại bàn thì mười phương hư không thảy đều Phẩm, Tam Luận, Lăng-già. Sau vào núi tiêu mất«. Vũ Đô tu nghiệp. Đầu năm Trinh Quán (627-649) triều đình hạ lệnh nghiêm cấm PHÁT DƯƠNG độ riêng tăng ni, sư liền quyết tử cắt tócNêu ra để giải thích. Mật Am ngữ lục ghi: xuất gia, rồi trốn vào núi Dịch Dương tu » thiền, giảng kinh Lăng-già. Linh Nhuận chùa Hoằng Phúc gọi sư là »Đại Tâm Khai – Sư Sĩ«. thăng tòa niêm hương chúc thánh xong, vén áo lên tòa ngồi. Có một vị tăng hỏi: PHÁP YẾU Kinh sách đến cửa vua, khí lành viếng cửa Nghĩa tinh yếu của thiền pháp, Phật pháp. Thiền. Câu vô tư của Thiếu Thất, đương cơ Tiết Hoài Nhượng, đời thứ 1 dưới Đại nguyện phát dương«. Giám trong CTTNL q. 1 ghi: » PHÁT KHỞI – Ngươi học pháp môn tâm địa Nổi nóng, phát cáu. Mật Am ngữ lục ghi: như gieo hạt giống; Ta nói nghĩa tinh yếu » của thiền pháp ví như trời mưa thấm ướt
– Bà già nói: hạt giống ấy«. Hai mươi năm ta chỉ cúng dường một kẻ phàm tục! Bèn phát cáu đốt quách cái PHÁT CƠ am.« Mở bày thiền cơ. Tiết Động Sơn Ngộ Bản Thiền sư trong NGCTT q. 3 ghi: » PHÁT KHỨ Bỏ đi. Tiết Dược Sơn Hòa thượng trong

PHÁT TÚC TĐT q. 4 ghi: » PHÁT NHÂN NGHIỆP – Vị tăng kia không hiểu, hờn giận Khiến người phiền não. Tiết Trường Sinh mà bỏ đi.« Giảo Nhiên Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » PHÁT LỘ
Mở ra, bộc lộ. Như Tịnh ngữ lục q. thượng – Có vị tăng hỏi: Thế nào là phiền ghi: » não chẳng cần trừ? Sư lấy tay ôm đầu rồi – Quét sạch phương

trượng Duy Ma, nói: Ông tăng này làm gì mà khiến người mở ra địa ngục Diêm La, không ai thấy ta phiền não như thế?«. gì?« PHÁT Ố PHÁT MINH Còn gọi: Ố phát. Nổi nóng, phát cáu. Mật 1. Nêu lên, giải thích. Vân Sơn Pháp Hội Am ngữ lục ghi: » lục ghi: » – Đêm qua gió xuân khiến pho tượng phát cáu, tung – Dù năm tông ngược bay lên núi cao vút.« phái có cơ dụng khác nhau trong khi tiếp dẫn người học, chẳng qua là nêu lên một PHÁT QUANG sự kiện Thế Tôn giơ cành hoa để chỉ thẳng Thiền tăng đời Đường, họ Dương, người tâm người, giúp họ kiến tính thành Phật Nhữ Dương (Nhũ Nam, Hà Nam), Trung mà thôi«. Quốc. Tổ tiên đều là hoạn quan, sư mỗi khi 2. Tỉnh ngộ, phát hiện. Tiết Vong Danh thấy tội nhân liền than thở: »Người vốn Đạo Bà trong NĐHN q. 6 ghi: » không có tội mà chịu bởi vô minh che lấp; địa ngục vốn không song do túc nghiệp – Trần đạo cảm ứng«. Liền phát nguyện đến chùa bà ở Ôn Châu, từng gõ cửa các bậc Thiền Thiếu Lâm xuất gia, chuyên nghiên cứu sư nổi tiếng. Về sau, bà ngay nơi lời nói giới luật và giáo thừa. Về sau sư du của Trưởng lão Hòa thượng Sơn Tịnh mà phương đến núi Kê Túc xây cất chùa có tỉnh ngộ«. Thạch Chung, hoằng dương đạo pháp, CĐTĐL q. 30 ghi: » người đời gọi là »Thạch Chung Phát – Nên ta biết Quang Thiền sư«. sự truyền bá của sách này giúp cho nhiều người phát hiện tự tính«. PHÁT TÚC PHÁT NGHIỆP Bắt đầu khởi hành, cất bước ra đi. Tiết Thị Phiền não, nổi nóng. Tiết Vong Danh Cổ Chân Ngộ Thiền nhân trong HSLNMDT Túc trong NĐHN q. 6 ghi: » ghi: » – Hòa thượng gọi ông ta bao năm cũng được, còn – Do đâu mà chết chìm tôi mới gọi là nổi nóng.« trong lưới ái? Do đâu mong muốn ra khỏi trầm luân? Do đâu mà cất bước du

PHÂN ĐƯƠNG phương? Do đâu mà tham phỏng bậc tri PHÂN PHÓ thức?«. Giao phó, truyền cho. Tiết Lạc Phố Nguyên An Thiền sư trong NĐHN q. 6 PHÂN ĐƯƠNG ghi: » Nên, cần, phải. Tiết Tục Nghệ Ngôn trong – Hãy nói NHQL q. 30 ghi: » câu nào là khách, câu nào là chủ? Nếu phân biệt được thì ta sẽ truyền y bát cho«.

PHÂN SƠ Phân biện, biện giải. Mật Am ngữ lục ghi: – Thế gian có một loại nghị luận: Mỗi một » miếng ăn, miếng uống hẳn là đã được định – Làm liên lụy ông già Thích- trước, hoàn toàn không do sức người giải ca, toàn thân là miệng cũng không thể biện quyết. Nếu như thế, thì người thiện phải giải.« nên thiện hoài, người ác phải ác hoài; thành ra thánh hiền không có công giáo PHÂN TRƯƠNG hóa, dân đen không có cách giải quyết«. Phân biệt. Tông Môn Võ Khố ghi: » – Xoi mói thị phi, PHÂN NÃ phân biệt tốt xấu.« Còn gọi: Phân sơ. Phân biệt, giải bày. Phần Dương ngữ lục, q. trung ghi: PHẤN TẢO Rác rưởi. Tiết Vân Nham Hòa thượng trong TĐT q. 5 ghi: »

– Sư »Lưỡng đường Thượng tọa tổng tác gia, hỏi: Ngươi có vui mừng không? (Động Kỳ trung đạo lý hữu phân nã Sơn) đáp rằng: Con chẳng dám vui mừng, Tân chủ lịch nhiên minh tợ cảnh nhưng tâm trạng giống như khi lượm được Tông sư vị điểm nhãn trung hoa«. một viên ngọc sáng trên đống rác rưởi«. »Các Thượng tọa ở nhà Đông, nhà

Tây đều là những bậc tu hành tài giỏi có cơ PHẤN TẢO ĐÔI ĐẦU, TRÙNG dụng vượt hơn mọi người, THIÊM KHẠP THIỆM Đạo lý của họ có phân biệt chủ khách rõ ràng, sáng tỏ như gương Trên đống rác còn bỏ thêm rác rưởi, tỷ dụ Các pháp sư Thiền tông vì họ mà điểm hoa vốn có lời nói tri giải còn thêm lời nói tri trong mắt«. giải nữa. Mật Am ngữ lục: » Mật Am ngữ lục ghi: » – Làm liên lụy đến ông già Thích-ca, dù cho toàn thân – là miệng cũng giải bày chẳng được«. Tột các lời bàn huyền diệu, tận hết cơ xảo.

PHẬT ĐỈNH QUANG MINH CHI THÁP Trên đống rác còn bỏ thêm rác rưởi, tối chữ Phất () là chẳng. Thế nên gọi chữ sáng hợp nhau, nước chảy thành ngòi, có Phật là Phất tri nhân sự (chẳng biết việc tật thì giật mình, tay ôm tang vật mà miệng người). Đây là quan niệm của nhà Nho kêu oan«. Việt Nam (Nguyễn Cư Trinh) trong tác phẩm Sãi Vãi, câu 135: Suy chữ nọ cho PHẦN DƯƠNG VÔ ĐỨC THIỀN chân, chữ Phật là »Phất tri nhân sự«. SƯ NGỮ LỤC Còn gọi: Phần Dương Thiện Chiêu Thiền PHẬT ẤN sư ngữ lục, Vô Đức Hòa thượng ngữ lục, Hiệu của Thiền tăng Liễu Nguyên, sống Phần Dương lục vào đời Tống. X. Liễu Nguyên. Ngữ lục, 3 quyển, do Phần Dương Thiện Chiêu soạn vào đời Tống, Sở Viên biên PHẬT CHIẾU QUANG HÒA tập, được xếp vào Đại Chính Tạng tập 47. THƯỢNG NGỮ YẾU Đây là những lời thượng đường tiểu tham, Niêm cổ đại biệt, Ca tụng của Thiền sư Ngữ lục, 1 quyển, do Chuyết Am Đức Phần Dương Thiện Chiêu sống vào đời Quang soạn vào đời Tống, được xếp vào Tống, do đệ tử của sư là Sở Viên biên tập. Cổ Tôn Túc ngữ lục quyển 5, Tục Tạng Quyển trung cử 100 tắc cơ ngữ của tiên kinh tập 119. hiền, trước kể đến 100 tắc tụng cổ của Đức Quang là thiền tăng tông Lâm Tế. Tuyết Đậu Trọng Hiển cùng với những lời Sách này trích lục những lời thượng vấn đáp và biệt tụng của »Động Thượng đường, Tiểu tham, Niêm cổ, Tán, Kệ tụng, Ngũ Vị Tụng« nơi quyển thượng đều là Tự tán của Đức Quang, nhưng chưa giải những tụng cổ có niên đại rất xa xưa trong thích là trích ra từ loại ngữ lục nào. tùng lâm. PHẬT CHIẾU THIỀN SƯ PHẤT BÍNH TẠI THỦ Hiệu của Thiền tăng Đức Quang, do vua Ý nói trụ trì tự viện, vì chúng thuyết pháp. Tống Hiếu Tông ban cho. X. Đức Quang. Tiết Tùng Nguyên Sùng Nhạc Thiền sư trong TTĐL q. 35 ghi: » PHẬT ĐỈNH QUANG MINH CHI THÁP – Nếu như chưa khế hợp thiền pháp, Ở trong chùa A-dục Vương, thị trấn Bảo mai sau làm trụ trì vì người chẳng được, Tràng, huyện Ngân, thành phố Ninh Ba, khám nghiệm người khác chẳng được«. tỉnh Chiết giang, Trung Quốc. Chùa có một tòa Xá-lợi điện cao hơn 15m, mái chồng PHẤT NGỘ đỉnh ngói lưu ly để che chở tháp này. X. Phúc Ngộ. Trong Xá-lợi điện có một tòa xá-lợi tháp bằng đá, trong tháp đá lại có một tòa tháp PHẤT TRI NHÂN SỰ gỗ khảm bảy báu, trong tháp gỗ mới là Chỉ cho chữ Phật. Theo thuật chiết tự, chữ tháp Phật Đỉnh Quang Minh. Đây là một Phật () gồm có chữ Nhân () là người, tòa tháp gỗ nhỏ cao vài chục cm, hình dáng

PHẬT GIÁM và cấu tạo hơi khác với các loại tháp Phật, ta làm. Sư Tử (tức Tổ thứ 24) nghe nói liền thể tích nhỏ hơn, chủ yếu dùng để đựng xá- phát sinh trí huệ Phật«. lợi. Thân tháp điêu khắc theo phong cách 2. Thiền tăng đời Minh (1538-1628), họ Ấn Độ rất giống tháp ấn kinh của Ngô Việt Sử, tự Huyễn Dã, người Cối Kê (Thiệu Vương tạo dựng.

Hưng, Chiết Giang), Trung Quốc. Năm 14 tuổi lễ Thiên Thai Tùng Cốc xuất gia rồi PHẬT GIÁM theo học với ngài. Một hôm trong thời Hiệu của Thiền tăng Sư Trách, sống vào khóa tu sáng sớm chợt cảm thấy thân tâm đời Minh. X. Sư Trách. thoát lạc, vạn vật rỗng không, liền đến Yến Đô (Bắc Kinh) yết kiến Thiền sư Đức Bảo. PHẬT GIÁM THIỀN SƯ Nhờ thân cận lâu ngày nên sư được ấn khả, 1. Hiệu của Thiền tăng Huệ Cần, sống vào về sau trụ trì chùa Thiên Ninh, ở Yến Sơn. đời Tống. X. Huệ Cần. Về già sư trở về Nam, trụ trị chùa Thiên 2. Hiệu của Thiền tăng Sư Phạm do vua Ninh, Gia Hưng (Chiết Giang). Tính tình Tống Lý Tông ban cho. X. Sư Phạm. sư tiết kiệm chưa hề xin xỏ ai, nhiệt tình với việc hoằng dương Phật pháp. Tác PHẬT GIÁM THIỀN SƯ NGỮ LỤC phẩm: Lãn Thạch ngữ lục. 3. Thiền tăng đời Minh, họ Thẩm, người X. Vô Chuẩn Sư Phạm Thiền sư ngữ lục. Nhân Hòa (Hàng Châu), Trung Quốc. Ban đầu là đệ tử của nhà Nho, nhân xem Huệ PHẬT HẠNH THIỀN SƯ Đăng tập lỡ tay làm bể bình trà, sư có tỉnh Hiệu của Thiền tăng Đạo Xương, sống vào bèn bỏ Nho theo Phật, theo Thục Sư xuất đời Tống. X. Đạo Xương. gia thụ giới cụ túc. Sư trở về núi Ngũ Đài tại nền cũ chùa Cổ Vân Thê kết am tranh PHẬT HUỆ tĩnh tọa. Ngày chỉ ăn một bữa, ngực đeo 1. Trí huệ Phật hay liễu ngộ được chân đế. miếng sắt ghi rằng: »Sắt nếu ra hoa thì mới Chương Hạc-lặc-na Tổ thứ 23 trong nói chuyện với người«. Đệ tử ngày càng CĐTĐL q. 2 ghi: » đông dần dần thành tùng lâm. Thái hậu Hiếu Định ban cho cà-sa thêu hình con rồng, sư không dám mặc, bỏ vào túi mang bên mình. Tuổi già trước tác Thiền Quan Sách Tiến. – Tôn giả (chỉ Hạc-lặc-na) nói: Ngươi muốn được tâm PHẬT HUỆ VIÊN GIÁM THIỀN SƯ đạo thì phải dửng dưng với tất cả. Hỏi: Nếu dửng dưng với tất cả thì ai làm Phật Thụy hiệu của Thiền tăng Nguyên Trường, sự? Tôn giả nói: Ngươi nếu có dụng thì sống vào đời Nguyên. X. Nguyên Trường. chẳng phải công đức. Nếu ngươi vô tác (không làm) mới là Phật sự. Cho nên kinh PHẬT HUYỄN nói: Ta ra làm công đức mà không có cái Hiệu của Thiền tăng Tâm Thái, sống vào

PHẬT PHÁP ĐẠI LONG đời Minh. X. Tâm Thái. PHẬT NHẬT ĐẠI SƯ Hiệu của Thiền tăng Tông Cảo, sống vào PHẬT LÃNG THIỀN SƯ đời Tống. X. Tông Cảo. Hiệu của Thiền tăng Tự Tính, sống vào đời Minh. X. Tự Tính. PHẬT NHẬT VIÊN MINH ĐẠI SƯ PHẬT NGUYÊN THIỀN SƯ Thụy hiệu của Thiền tăng Ấn Giản, sống vào khoảng đời Kim, đời Nguyên. X. Ấn Giản. Thụy hiệu của Thiền tăng Chính Niệm, sống vào đời Nguyên. X. Chính Niệm. PHẬT OAN THIỀN SƯ NGỮ LỤC PHẬT NHÃN THANH VIỄN Ngữ lục, 12 quyển, do Phật Oan Triệt THIỀN SƯ NGỮ LỤC Cương soạn vào đời Thanh, các vị Tính Thuần... biên tập, được ấn hành vào niên Còn gọi: Thư Châu Phật Nhãn Hòa thượng hiệu Khang Hy thứ 36 (1697). Nội dung ngữ lục. Ngữ lục, 8 quyển, do Thanh Viễn bao gồm ngữ lục của thiền sư Phật Oan khi soạn vào đời Tống, Cao Am Thiện Ngộ trụ trì các thiền viện: biên tập, được xếp vào Cổ Tôn Túc ngữ lục — Chư Cổ, núi Cổ Tự, Nội Giang. từ quyển 27 đến quyển 34, Tục Tạng kinh — Chiêu Giác, núi Oai Phong, phủ Thành tập 118, trang 499. Nội dung bao gồm các Đô. lời khai đường ở chùa Thiên Ninh, Thư — Triều Âm, núi Lạc-già, Song Lưu. Châu cho đến những ngữ yếu khi sư trụ — Bát-nhã, núi Thiên Trì,

Nội Giang và chùa Bao Thiền núi Long Sơn. Bên cạnh những pháp ngữ lúc ở liêu Thủ tọa chùa đó là: Kệ tụng, Chân tán, Tiểu tham, Phổ Chiêu Giác như: Bỉnh phất, Cơ duyên, thuyết, Tụng cổ, Dạy bảo trong thất, Thùy Niêm cổ. đại, chỉ dạy tâm yếu cho thiền nhân, Tam Ngoài ra còn có: Đông độ lịch truyền Tổ tự tỉnh sát, Giới vấn thoại. sư tượng tán, Nguyên lưu niêm tụng, Tụng Quyển cuối phụ lục 1 thiên »Tống cố Hòa cổ, Phân đăng, Hành do, Tạp trước, Phật Châu Bao Sơn Phật Nhãn Thiền sư Tháp sự, Thư tín vấn đáp, Thi kệ, Ca… minh« của Lý Di Tốn. PHẬT PHÁP ĐẠI LONG PHẬT NHÃN THIỀN SƯ Rồng lớn Phật pháp dụ chỉ bậc có oai đức lớn và nhiều thần lực trong cửa Phật. Hiệu của Thiền tăng Huệ Khai do vua Hoằng Nhẫn truyện trong TCTT q. 8 ghi: Tống Lý Tông ban cho. X. Huệ Khai. »

PHẬT NHÃN THIỀN SƯ NGỮ LỤC

X. Vô Môn Huệ Khai Thiền sư ngữ lục.

PHẬT PHÁP ĐẠI MINH LỤC điều thật bình thường giản dị hợp tự nhiên, – Tứ Tổ Đạo Tín bèn sai người đi hoặc đối đáp bằng cử chỉ hay lời nói vô lý theo sư (Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn lúc còn bé) ngược đời, hoặc dùng cách mạnh bạo là hét về đến nhà, thưa lại với thân mẫu để cho hay đánh. Chương Hành Tư Thiền sư trong sư xuất gia. Mẹ sư rất vui, nói rằng: Thiền TĐT q. 3 ghi: » sư là bậc có oai đức lớn và nhiều thần lực – Vị trong cửa Phật, tỏa sáng khắp gần xa; là tăng hỏi: Thế nào là đại ý của Phật pháp? bậc tài giỏi trong nhà thiền, số người Sư đáp: Giá gạo ở Lô Lăng bao nhiêu hướng về rất đông. Con tôi tuổi nhỏ ngờ nhỉ?« nghệch đâu kham nổi lời giáo huấn. Nếu Tiết Đại Thiện Thiền sư trong NĐHN q. 3 Ngài thương tình nhận chú, cố nhiên tôi ghi: » không hối tiếc«.

– Vị tăng hỏi: Thế nào là đại ý của Phật pháp? Sư đáp: Ngày PHẬT PHÁP ĐẠI MINH LỤC Xuân gà gáy.« Chương Thần Đỉnh Thiền sư trong Lục, 20 quyển, do cư sĩ Khuê Đường soạn CĐTĐL q. 17 ghi: » vào đời Tống. Nội dung bao gồm hơn 10 mục: Minh tâm, Tịnh hạnh, Phá mê, Nhập – Có người hỏi: Thế nào là đại ý lý, Công phu, Nhập cơ, Kiến sư, Đại ngộ, Phật pháp? Sư đáp: Đáp thuyền sắt trên Đích ý, Đại dụng, Chân không, Độ nhân, chốn hư không, trên đầu non sóng dậy ngất Nhập tịch, Hóa thân, Thiên ngoại tạp ký… trời.« đều là những điều tâm đắc của tác giả khi tu hành thiền pháp. Sách này dẫn ra hơn 80 PHẬT QUẢ THIỀN SƯ loại sách thiền để làm căn cứ và giải thích Hiệu của Thiền tăng Khắc Cần, sống vào »Tam giáo hợp nhất« từ góc độ của Thiền đời Tống. X. Khắc Cần. tông. PHẬT QUANG QUỐC SƯ NGỮ PHẬT PHÁP ĐẠI Ý LỤC Đại ý của phật pháp, Ý chính của Phật Gọi đủ: Sắc Thụy Phật Quang Viên Mãn pháp. Đây là vấn đề vô thượng thậm thâm, Thường Chiếu Quốc Sư Tam Hội ngữ lục. bất khả tư nghì, không thể dùng ngôn ngữ, Còn gọi: Phật Quang Viên Mãn Thường văn tự mà biểu đạt, cũng không thể cố Chiếu Quốc Sư ngữ lục, Viên Mãn Thường gắng dùng phàm tình mà mong nắm bắt Chiếu Quốc Sư ngữ lục, Phật Quang Hòa được. Vì vậy đối với các thiền sư đắc đạo thượng ngữ lục, Phật Quang Thiền sư ngữ thì kẻ nào chưa ngộ mà hỏi bàn đến Phật lục. pháp đại ý là đã làm một hành động vô lý Ngữ lục, 10 quyển, do Vô Học Tổ Nguyên ngược đời. Các ngài trả lời bằng cách: soạn vào đời Tống, các vị Nhất Chân, Nhất Hoặc nín thinh một chập rồi hỏi lại »hiểu Nguyên biên tập, được ấn hành vào niên không«,

hoặc trả lời bâng quơ dường như hiệu Hưởng Bảo thứ 11 (1726) tại Nhật vô nghĩa, hoặc chỉ những vật, nói những Bản, sau đó được xếp vào Đại Chính Tạng

PHẬT THẠCH tập 80. Vào niên hiệu Chí Nguyên thứ 17 của cải ra viết phỏng theo Phật kinh, cất (1280) đời Nguyên Thế Tổ, Thiền sư Tổ giữ nơi chùa, kẻ tu thiền bốn phương tụ Nguyên sang Nhật Bản hoằng pháp nên hội. Đầu đời Đường Đại sư Pháp Dung trụ ngữ lục của sư bao gồm những lời dạy ở chùa này là nơi để ngài duyệt tạng và khai chùa Chân Như Đài Châu nước Đại Tống giáo. Niên hiệu Trinh Quán thứ 19 (645) bị và ở chùa Kiến Trường, chùa Hưng Thánh thiêu hủy bởi lửa rừng, sau đó được xây tại Nhật Bản. Bên cạnh đó là các phần: Phổ dựng lại. Về sau nhiều lần thay đổi tên gọi, thuyết, Tiểu Phật sự, Thỉnh ích vấn đáp đời Đường gọi là »Trường Lạc Tự«, »Tư tâm yếu, Kệ tụng, Thập di tạp lục, Niên Thiện Viện«, »Phúc Xương Viện«. Đời biểu tạp lục. Nam Đường Hậu Chúa đổi tên là »Hoằng Giác Tự«. Khoảng niên hiệu Thái Bình PHẬT QUANG THIỀN SƯ Hưng Quốc (976-984) đời Tống đổi tên là »Sùng Kính Tự«. Đầu niên hiệu Hồng Vũ Thụy hiệu của Thiền tăng Tổ Nguyên, (1368-1398) đời Minh, gọi trở lại là »Phật sống vào đời Tống. X. Tổ Nguyên. Quật Tự«. Khoảng niên hiệu Chính Thống (1436-1449) lại đổi tên »Hoằng Giác Tự«. PHẬT QUANG TỰ Đời Thanh lại gọi »Phổ Giác Tự«, niên Chùa ở phía tây bắc núi Thiên Trụ, huyện hiệu Hàm Phong (1851-1861) chùa bị Tiềm Sơn, tỉnh An Huy, Trung Quốc. Còn chiến tranh phá hủy. Hiện chỉ còn một được gọi là Mã Tổ Am vì đây là chỗ tu tháp. X. »Hoằng Giác Tự Tháp«. hành của Mã Tổ Đạo Nhất, vị thiền sư nổi tiếng đời Đường. Khoảng niên hiệu Vạn PHẬT TÂM BẢN TÀI Lịch (1573-1620), vua Minh Thần Tông Thiền tăng Bản Tài có hiệu là Phật Tâm, ban cho hiệu »Phật Quang Thiền Tự«, đến người đời gọi là Phật Tâm Bản Tài, sống niên hiệu Hàm Phong (1851-1861) đời vào đời Tống. X. Bản Tài. Thanh chùa bị hủy hoại, đến niên hiệu Đồng Trị (1862-1874) chùa được trùng tu. PHẬT TÂM TÔNG Chung quanh chùa có núi bao bọc, trúc Thiền tông. Tông Cảnh lục q. 3 ghi: » biếc lấp lánh, dưới cầu đá nước chảy róc rách. Gần đó có động Mã Tổ, là chỗ tĩnh tu – Thấu rõ Phật Tâm Tông trọn của Mã Tổ. không lầm lẫn, hiểu và hành hợp nhau, gọi đó là Tổ«. PHẬT QUẬT TỰ Ở núi Ngưu Thủ, thành phố Nam Kinh, PHẬT THẠCH tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, trong núi có Thiền tăng đời Minh, họ Đái, hiệu Pháp hang đá, người đời gọi là »Bích Chi Phật Vũ Lão Nhân, người xứ Tiền Đường (nay Quật«. Khoảng niên hiệu Thiên Giám là Hàng Châu) Trung Quốc. Năm 14 tuổi, (502-519) đời Lương thuộc Nam Triều, Tư sư nương Thiền sư Tịnh Minh xuất gia; Không Từ Độ dựa theo hang đá mà lập đến 18 tuổi sư theo ngài Châu Hoằng thụ chùa, tên là »Phật Quật Tự«. Lại còn đem giới cụ túc. Trải qua các pháp hội, sư tu tập

PHẬT THỦ NHAM HÒA THƯỢNG giáo quán Thiên Thai. Niên hiệu Vạn Lịch Đến niên hiệu Vạn Lịch thứ 17 (1589), nhờ thứ 22 (1594), đến Nam Kinh yết kiến Tử Bá Lão Nhân viết tựa để ấn hành. Vào Thiền sư Tử Bách, được ngài thọ ký, sư trở niên hiệu Sùng Trinh thứ 11 (1638), về Hàng Châu, ở ẩn nơi vắng vẻ thế mà Nguyên Hiền ở Viện Chân Tịch vẽ thêm hàng danh sĩ tăng lữ tới lui không ngớt. 130 bức rồi ấn hành. Niên hiệu Khang Hy Một hôm sư đào đất gặp một tấm bia còn thứ 15 (1676) đời Thanh, Tĩnh Hy Khải sót lại, mới biết đây là nền cũ của chùa cổ Công thu thập 166 bức, biên thành

»Tông Lý An, nên quyên góp của cải để xây dựng Môn Chính Mạch Đạo Ảnh«. Thủ Nhất lại. Tính sư thích sống cô tịch, về già Không Thành còn biên tập thêm, gồm 240 không tiếp khách, lánh mặt ở trên đỉnh núi. bức, chia làm 4 quyển. — Quyển 1 là Phật Tổ Chính Tông gồm PHẬT THỦ NHAM HÒA 39 vị, và phụ lục các chi phái phụ, chi THƯỢNG Ngưu Đầu. Thiền tăng đời Ngũ Đại, tên Hành Nhân ở — Quyển 2 là Nam Nhạc Chính Tông gồm trong hang đá Phật Thủ Nham, nên có hiệu 68 vị, nêu ra pháp mạch Lâm Tế và Quy »Phật Thủ Nham Hòa thượng«. X. Hành Ngưỡng. Nhân. — Quyển 3 là Thanh Nguyên Chính Tông gồm 85 vị, nêu ra pháp mạch Tào Động, PHẬT TỔ CHÍNH PHÁP TRỰC Vân Môn và Pháp Nhãn. TRUYỀN — Quyển 4 là Giáo Luật Liên Tông gồm Đăng lục, 1 quyển, do Phong Ông Tổ Nhất 48 vị. biên, được ấn hành vào niên hiệu Khang Lịch thứ 3 (1381) Nhật Bản. Quốc tịch PHẬT TỔ CHÍNH TRUYỀN CỔ cùng thời đại của tác giả không được rõ. KIM TIỆP LỤC Nội dung gom chép lược truyện của Bảy Đức Phật, Tổ sư Ấn Độ, Tổ sư Trung Hoa. Còn gọi: Cổ Kim Tiệp lục. Lục, 1 quyển, Tổ sư Trung Hoa từ Bồ-đề Đạt-ma đến do Tuyết Triệu Quả Tính soạn vào đời Mật Am Hàm Kiệt gồm 53 vị và tính Thanh, được xếp vào Tục Tạng kinh tập chung với các Tổ sư Ấn Độ thì được 87 vị. 146, trang 871. Tác giả đọc nhiều kinh Liệt truyện lấy cơ duyên ngữ cú làm chính sách Phật giáo, biên tập về cơ duyên ngữ và có sự tích sử truyện truyền đăng lục. yếu của các thiền tăng đời Tống như Mật Am Hàm Kiệt trở về sau mà các quyển PHẬT TỔ CHÍNH TÔNG ĐẠO Truyền đăng lục của 2 đời Nguyên Minh ẢNH chưa thu thập. Nội dung sách này gồm có: Sách, 4 quyển, do Thủ Nhất Không Thành Sự tích, triều đại, Pháp lạp, Thụy hiệu, biên tập lại, được ấn hành vào niên hiệu Pháp tự của các Tổ sư được truyền thừa Quang Tự thứ 6 (1880) đời Thanh. Vào đời thứ 17, 18 thuộc tông Lâm tế và lược khoảng niên hiệu Hồng Võ (1368-1398) thuật cơ duyên ngữ yếu của chư sư từ Bồ- đời Minh có vẽ khoảng hơn 100 bức tranh đề Đạt-ma đến Mật Am Hàm Kiệt để làm của chư Tổ, được cất giữ ở núi Ngưu Đầu. rõ pháp hệ của họ. Sau mỗi truyện đều có

PHẬT TỔ TAM KINH CHỈ NAM phụ 1 bài niêm tụng. được soạn thuật; về mối quan hệ giữa các Quyển cuối phụ lục: Giản yếu về sự truyền giáo: Nho, Phật, Đạo; những hoạt động của thừa của Tứ gia (4 tông phái) là: Tào giới tăng lữ Phật giáo như: hoằng pháp, Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn dịch kinh, trước thuật. Nội dung 28 vị Tổ cho đến »Nhữ Châu Phong Huyệt Diên của vài quyển trước lấy tài liệu từ Cảnh Chiểu Thiền sư Tháp minh«. Đức Truyền Đăng lục. Hơn 10 quyển ghi chép từ Hán Minh Đế đến đời Ngũ Đại lấy PHẬT TỔ CƯƠNG MỤC tài liệu từ Long Hưng Phật Giáo Biên Niên Sách, 41 quyển, do Chu Thời Ân soạn vào Thông luận của Tổ Tú soạn vào đời Tống. đời Minh. Tác giả bắt đầu biên soạn vào Tác giả chủ yếu ghi chép hai đời Tống và niên hiệu Vạn Lịch thứ 38 (1610), đến 21 Nguyên. Sách này nội dung đôi chỗ hơi bề năm sau mới hoàn thành, được ấn hành vào bộn, về niên đại lịch sử cũng có lầm lẫn. niên hiệu Sùng Trinh thứ 7 (1634) đời Minh, sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh PHẬT TỔ MÔN tập 146, trang 365. Nội dung lấy các sự Chỉ cho Phật giáo cùng Thiền tông. Hám tích về hóa đạo, hành nghi của Chư Phật và Sơn Lão Nhân Mộng Du tập q. 1 ghi: » các Tổ sư Thiền tông trải qua các thời đại làm cương mục. Căn cứ vào thời đại trước – Thế nên trong Phật Tổ Môn, giáo sau ghi chép lịch

sử phát triển của nó, mỗi có tính tướng, tông có chiếu dụng«. thứ sự kiện Phật giáo cùng niên đại đều có PHẬT TỔ TAM KINH CHỈ NAM thể nhìn qua liền thấy ngay.

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI Kinh sớ, 3 quyển, do Vi Lâm Đạo Bái soạn vào đời Minh, được xếp vào Tục Tạng kinh Gọi tắt: Phật Tổ Thông Tải. Sách, 22 tập 59, trang 339. quyển (có thuyết nói 36 quyển), do Niệm Từ trước đến nay, Thiền tông xem trọng Thường biên soạn vào đời Nguyên, được Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Phật Di Giáo xếp vào Đại Chính Tạng tập 49, trang 477. Kinh, Quy Sơn Cảnh Sách, gọi chung là Tác giả lấy »Phật Tổ Thống Kỷ Pháp Vận Phật Tổ Tam Kinh. Trong ấy 2 quyển kinh Thông Tắc Chí« làm lam bản, lấy Thiền đầu là sách nhập môn vở lòng cho người tông làm Phật giáo chính thống, bắt đầu từ học Phật, là kinh sách cơ bản mà thiền tăng Bảy Đức Phật đến niên hiệu Nguyên cần phải học tập. Quy Sơn Cảnh Sách là Thống thứ 1 (1333) đời Nguyên Thuận Đế. những lời dạy quý báu mà thiền tăng cần Tác giả sưu tập rộng rãi lịch sử Phật giáo, phải ghi nhớ và tuân giữ. trình bày tình hình hoạt động Phật giáo Xưa nay những bản chú sớ về kinh này rất theo niên kỷ, đem can chi, kỷ niên để phụ nhiều, nhưng đều không đủ để thỏa mãn chú niên hiệu đế kỷ. Sách ghi ghép về sự nhu cầu của thiền tăng, nên Vi Lâm Đạo tích các vị Hoàng đế, quan lại trải qua Bái mới viết ra sách này để làm chỉ nam nhiều triều đại chấn hưng hoặc tiêu diệt cho thiền tăng tu Phật tập thiền. Phật giáo và những văn thư về Phật giáo

PHẬT TỔ TÔNG PHÁI THẾ PHỔ PHẬT TỔ TÔNG PHÁI THẾ PHỔ tịch tại chùa Từ Ân, thọ 97 tuổi. Đồ chúng và quan chức Gia Định làm lễ an táng sư Sách, 8 quyển, do Giới Am Ngộ Tiến biên hết sức long trọng, lập tháp trong khuôn soạn vào đời Thanh, được ấn hành vào viên chùa Từ Ân (trong khuôn viên vườn niên hiệu Thuận Trị thứ 11 (1654) và được Tao Đàn ở Tp. HCM hiện nay). Đến năm xếp vào Tục Tạng kinh tập 147, trang 667. 1923, Thiền sư Hồng Hưng tổ chức lễ Tác giả là con cháu đời thứ 15 của Thiền thỉnh hài cốt của sư về chùa Giác Lâm và sư Vô Chuẩn Sư Phạm. Sách này là bản đồ lập tháp mới bên cạnh tháp của Hòa pháp hệ Thiền tông do Giới Am biên soạn, thượng Tổ Tông Viên Quang trong khuôn nêu ra thế phổ truyền đăng của Ấn Độ, 5 viên chùa Giác Lâm. Theo: LSPGĐT của tông dưới pháp hệ chư Tổ Trung Hoa là: Nguyễn Hiền Đức. Lâm Tế, Vân Môn, Quy Ngưỡng, Pháp Nhãn, Tào Động và các chi phái để giải PHẪU LỘ thích sơ lược về sự phát triển Thiền tông. Biểu lộ tâm đắc của mình khi tham thiền với hy vọng được thiền sư ấn chứng cho. PHẬT TỪ THIỀN SƯ Tiết Thế Kỳ Thủ tọa trong NĐHN q. 20 Hiệu của Thiền tăng Kế Thành do Vua ghi: »

Tống Huy Tông ban cho. X. Kế Thành.

PHẬT Ý LINH NHẠC (1725-1821)

– Thiền tăng đời cuối Lê đầu Nguyễn, quê ở Thủ tọa Thế Kỳ là người Thành Đô, luôn dinh Trấn Biên (tỉnh Biên Hòa hiện nay), nương theo Thầy, tuổi già mới tạo lập miền Nam Việt Nam. Sư quy y thọ giáo Long môn. Một hôm sư đang ngồi yên, với Hòa thượng Thành Đẳng Minh Lượng trong lúc mơ màng, chợt nghe bầy ếch kêu chùa Đại Giác tại Đại Phố, Đồng Nai, dinh ran sư tưởng lầm là tiếng bảng đánh báo Trấn Biên (cù lao Phố, xã Hiệp Hòa, Tp cạo tóc nên toan bước xuống đi. Có người Biên Hòa ngày nay). Sư vâng lời Thầy biết được nói: Tiếng ếch kêu chứ không theo lớp dân từ Đồng Nai di cư xuống phải tiếng bảng đánh. Sư bừng tỉnh, đi đến huyện Tân Bình,

dinh Phiên Trấn của phủ phương trượng để biểu lộ tâm đắc của Gia Định-tức vùng đất Sài Gòn-Gia Định mình«. sau này-để cất am tranh ở. Đến năm 1752 với sự hộ giúp của bản đạo, sư xây dựng PHẨU QUYẾT chùa Từ Ân (ở vị trí chợ Đũi, quận 3, Tp. Phán định rõ ràng. Tiết Tuyết Đậu Tự Hồ chí Minh hiện nay). Sau khi lên ngôi, Tông Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » vua Gia Long sắc tứ và trùng tu chùa Từ Ân đồng thời ban y bát, sắc phong cho Thượng tọa Phật Ý Linh Nhạc làm Hòa thượng. Ngày 20 tháng 11 năm Tân Tỵ (1821), Minh Mạng nguyên niên, sư thị – Sư thượng đường nói: Thúy Nham

PHI LUẬN (pháp hiệu của Thiền sư Tự Tông) chẳng núi trước mặt là sông, sơn môn đối diện phải là chẳng nói, chỉ vì chưa phải lúc. Hiệp Giang. Vào cửa chùa đi qua thiên Sáng nay gặp cơ hội ít có, phán định rõ giới nhìn lên là Đại hùng bảo điện uy nghi ràng cho ông một lời. Cột cái vốn là khúc sừng sững. Bên trái là Đế tử trì, Trai cây, trái cân vốn là cục sắt. Các ông nếu đường, Tinh xá; bên phải là Phương trượng đến các thiền viện khác, chớ nói sơn tăng thất, Bảo cảnh phòng, Thiền đường; hậu lắm lời«. diện là Lục Tổ đường. Tương truyền vào thời Nam Bắc triều có Thiền sư Lý Phi đến PHÊ BÀI đây cất chùa. Khi chùa cất xong Lý Phi Còn gọi: Bài phê. Sắp xếp, chuẩn bị. Tiết làm kệ rằng: »Ta tên Phi, đến Nam Lai, Đạo Ngô Hòa thượng trong TĐT q. 5 ghi: chùa lạc thành, hiệu Phi Lai.« Bèn gọi là » »Phi Lai Tự«. »Viên thị truyện« trong truyền kỳ đời Đường chính là lấy chùa này làm bối cảnh. Sau chùa có các thắng tích – Sư bảo: Hãy theo quy củ chuẩn bị như Phi tuyền đình, Quán Âm các. Từng cơm nước, ngày mai ta sẽ khám cho ngươi. được »Pháp Uyển Châu Lâm« liệt vào Đến ngày mai, chuẩn bị cơm nước để ăn, phúc địa thứ 19. sư bảo đồng tử đến đứng bên cạnh ông tăng.« PHI LUẬN 1. Vô luận, bất luận. Tiết Đan Hà Hòa PHI BẠCH TỰ thượng: »Li Long Châu Ngâm« trong TĐT X. Vân Cư tự q. 4 ghi: » PHI BÁT THIỀN SƯ Thiền tăng Tri Huyễn đời Minh, đời gọi là – Ngọc Phi Bát Thiền sư. X. Tri Huyễn rồng đen, ngọc rồng đen, ánh sáng chói lọi khác người, mười phương thế giới không PHI LAI TỰ chỗ tìm, cho dù tìm được cũng không phải Còn gọi: Hiệp Sơn Cổ Tự. Ở sau khe Phi nó… Biết rõ chẳng phải thế gian có được, Lai, cách huyện Thanh Viễn, tỉnh Quảng bất luận sáu loài và sinh linh.« Đông, Trung Quốc 23km về phía bắc. Thời 2. Không những. Thần Hội ngữ lục ghi: Nam Triều Lương Võ Đế (502-549) do » tăng nhân Trinh Tuấn, Thụy Ai xây cất. Ban đầu tên »Chính Đức Tự«, đời Đường – Pháp sư gọi »Thiền Cư Tự«, »Quảng Lăng Tự«. Viễn đã nghe lời này, líu lưỡi không nói Tống Lý Tông ban tên »Quảng Khánh được, không những một mình ông khuất Thiền Tự«, »Hiệp Sơn Phi Lai Quảng phục mà còn khiến cho những đồ đệ của Khánh Thiền Tự«. Qua nhiều đời đều có tu ông thất chí. Thắng thua đã rõ, đạo tục sửa, nền chùa nhiều lần bị di dời. Chùa than thở rồi giải tán.« hùng cứ bên bờ bắc Hiệp Sơn, tựa lưng vào

PHI MAO ĐỚI GIÁC, KHIÊN LÊ PHỤ TRỌNG PHI MAO ĐỚI GIÁC, KHIÊN LÊ PHI TRỰC PHỤ TRỌNG Không những là. Thần Hội di tập q. 3 ghi:

Mang lông đội sừng, kéo cày chở nặng, tức » là làm trâu làm ngựa, chỉ cho việc bị đọa vào loài súc sinh. Tiết Ngữ Chi Dư, đời thứ 3 dưới Đại Giám trong CTTNL q. 2 ghi: » – Có kẻ vào trong phòng đưa tay lấy cà sa… Không những là hôm nay cà sa này ở chỗ đại sư Hoằng Nhẫn bị trộm ba – Hiện nay chiếu theo lần. Đại sư Hoằng Nhẫn nói: Chiếc cà sa tất cả pháp có không v.v… , nếu ở nơi cửa này ở chỗ đại sư Đạo Tín bị trộm một lần. sáu căn mà một mảy tham ái không trừ Kẻ trộm đều lấy không được.« sạch, cho đến ăn một hạt cơm, mặc một sợi vải của thí chủ, đều phải mang lông đội PHI TƯỚC sừng kéo cày chở nặng để đền trả ân thí Mặc áo nhuộm, cạo tóc, ý chỉ cho việc xuất chủ mới được«. gia. Tiết Từ Thị Thụy Tiên Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » PHI NHÂN – Năm 20 tuổi, sư Người không thích hợp, người không thể xa rời gia đình, dự khoa thi kinh điển để đảm nhiệm. Tục Nghệ Ngôn trong NHQL xuất gia học tập giới luật«. q. 30 ghi: » PHI VIÊN LÃNH Vách núi cheo leo, hiểm trở. Thiền tông dùng từ nay để chỉ cho cửa ải Thiền. Tiết – Lời nói của Ngu Án, Bắc Viện Thông Thiền sư trong NĐHN q. Bác Sơn như thế này, có thể gọi là người 13 ghi: » chân thật vì đại pháp. Ngày nay dù kẻ kế thừa ít nhưng người đời vẫn ngưỡng mộ ông như lân như phụng, xem thấy gần đây lầm trao cho kẻ không thích hợp, trở lại – Sau đó, sư từ giã Động Sơn để tính làm nhục tổ tông, há chỉ cách nhau như vào núi. Sơn nói: Hãy bảo trọng! Nên cẩn trời với đất ư!« thận vì vách núi cheo leo! Sư im lặng hồi lâu. Sơn gọi: Xà-lê Thông! Sư: dạ! Sơn PHI THẾ nói: Sao chẳng vào núi đi! Sư nhân đó có Mặc áo nhuộm, cạo tóc, ý chỉ cho việc xuất tỉnh, nên chẳng vào núi«. gia. Chương Di-dá-ca Tổ thứ 6 trong CĐTĐL q. 1 ghi: » PHÍ ẨN THIỀN SƯ NGỮ LỤC – Sư cùng các bạn tiên xuất gia, lại thọ đủ các giới tướng«. Ngữ lục, 14 quyển, do Phí Ẩn Thông Dung

PHÓ PHẤT soạn vào đời Minh, Ẩn Nguyên Long Kỳ PHIÊN TƯ biên tập, được ấn hành vào niên hiệu Sùng Hồi tưởng, nhớ lại. Pháp Diễn ngữ lục q. Trinh thứ 16 (1643) đời Minh. Nội dung thượng ghi: » bao gồm: Thượng đường, Tiểu tham, Nhập thất, Pháp ngữ, Kệ, Thư vấn, Cơ duyên vấn đáp, Niêm cổ, Tụng cổ, Phán cổ, Tán, Tạp trước, Tiểu Phật sự. Quyển cuối phụ Kỷ – Hôm qua trên gấm thêm hoa, niên lục. bữa nay chân đạp thật địa. Hãy xem sáng nay nói cái gì là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang. Nhớ lại ông già mặt vàng, dối nói Linh Sơn PHIẾM CHU THIỀN SƯ THÁP thọ ký, dù cho đất đai sông núi đều mượn lỗ mũi của ta để thở«.

Nằm trên di chỉ chùa Báo Quốc, cách PHÓ PHÁP thành phố Vận Thành, tỉnh Sơn Tây, Trung Truyền trao thiền pháp. Tiết Tục Nghệ Quốc 5km về phía tây bắc. Chùa đã bị phế Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » hủy từ lâu, chỉ còn cổ tháp. Tháp này do – Xây chùa độ tăng, Tiết độ sứ Khúc Hoàn xây cất vào niên mở cửa pháp đường tuyên nói đại pháp để hiệu Trường Khánh thứ 2 (822) đời truyền trao thiền pháp«.

Đường, sau khi Thiền sư Phiếm Chu viên Căn cứ vào thời kỳ sớm nhất của Thiền tịch. Tháp hình hộp tròn theo kiểu đình tông (trước Lục tổ Huệ Năng), y và pháp các, thu nhỏ dần theo chiều cao, phần thắt đều truyền trao song song, mỗi đời chỉ lưng của tòa Tu-di chính là thân tháp, đây truyền cho một người, do đó từ »phó là chỗ đặc biệt của hình trạng tháp này. pháp« này cũng chính là chỉ cho việc Trên tòa Tu-di có đài môn khắc gạch và truyền trao y và pháp, cùng với ý nghĩa cách nhau bởi hàng cột. Thân tháp rỗng, dựng lập vững chắc người thừa kế trong mặt nam mở cửa, ngưỡng cửa, má cửa, một đời. ngạch cửa đều làm bằng đá. Trong tháp là hình lục giác, trên có khung trang trí trần PHÓ PHẤT nhà. Thân tháp có khảm tháp minh, ghi Giao cho cây phất tử, ý nói thiền sư truyền chép sự tích của Thiền sư Phiếm Chu cùng pháp cho đệ tử, đệ tử từ đây có thể vì quá trình dựng tháp. Mái tháp từng tầng chúng thuyết pháp. Tiết Tục Nghệ Ngôn chồng khít làm thành, đỉnh tháp hình lọng, trong NHQL q. 30 ghi: »

đỉnh có tháp sát. Phần dưới tháp sát là hai tầng hoa lá núi rừng to lớn, trên đỡ chiếc bát úp hình bán nguyệt, trên cùng là bảo châu. Tạo dáng cổ phác điển nhã, điêu khắc thô tế xen nhau, trong sáng mà có lực, nó vượt hơn cả trong các tháp cổ hình tròn đời Đường, loại tháp này hiện rất ít thấy.

PHÓ TỰ nói rằng: Khi tôi chỉ muốn chết đi thì thế – Gần đây có nào? Phật Đăng nói: Cái thân thể này hãy người tu thiền lại cho rằng lời nói của các để lại sử dụng, nhưng nay không liễu ngộ bậc tiền bối là chẳng đúng, nên cùng nhau không gánh vác, về sau bị người thay mất học tụng cổ, học cơ phong qua ngày. Ai thân thể, rốt cuộc không có chỗ thu xếp.« học được chữ nghĩa khá thông, lời nói khá trơn tru thì được đem phất tử giao cho, PHONG CAN thầy trò dối gạt nhau thế ấy mà tông chỉ Thiền tăng đời Đường, ở chùa Quốc Thanh Đạt-ma tồn tại được sao! Chẳng những núi Thiên Thai. Nếu ai có hỏi, sư chỉ đáp 2 như thế, tôi cũng từng thấy trong bọn được chữ »tùy thời«, chứ không chữ nào khác. giao cho cây phất tử: có người điên cuồng Ngày giã gạo, đêm ca ngâm, ngôn ngữ mà chết, có người bỏ tu hoàn tục, có người không chừng. Niên hiệu Tiên Thiên (712- tụ tập ở chốn núi rừng để cướp bóc. Những 713), sư hành hóa Kinh Triệu (Tây An) việc buông lung hiểm ác của bọn họ bị từng trị bệnh cho Thái Thú Lư Khâu Dận. người thế tục khinh khi, khắp nơi đều có«. Sư có vài bài thơ được ghi trong Hàn Sơn Tử Thi tập. PHÓ TỰ Chức vụ coi việc chi thu, xuất nhập trong PHONG CUỒNG TỬ thiền viện. Như ngài Hoa Điệt làm Phó tự Gã điên. Chương Thiên Thai Phong Can dưới hội của Thiền sư Cao Am ở chùa Vân Thiền sư trong CĐTĐL q. 27 ghi: » Cư. Chương Lưỡng Tự trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, q. hạ ghi: »

– Trong nhà bếp của chùa này có hai vị khổ hạnh là Hàn Sơn và Thập Đắc. – Từ đời Đường về sau, trong các Hai vị làm bếp, gặp nhau trò chuyện cả tự viện Thiền tông lớn có 6 chức vụ quan ngày, mọi người rình nghe đều không hiểu trọng để trông coi mọi việc của tăng nổi, nên gọi họ là 2 gã điên. Họ rất thân chúng. Đó là: Đô tự, Giám tự, Phó tự, với sư (Phong Can)«. Duy-na, Điển tọa, Trực tuế«. PHONG HUYỆT TỰ

PHONG BÌ Còn gọi: Thiên Phong Tự, Bạch Vân Tự, Dụ chỉ thân thể. Tiết Đãi chế Phan Lương Hương Tích Tự. Chùa nằm trong núi Quý cư sĩ trong NĐHN q. 20 ghi: » Phong Huyệt, phía nam chân núi Thiếu Thất, cách huyện Lâm Nhữ, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc 9km về hướng đông bắc. Đầu tiên được xây vào thời Bắc Ngụy (385- 475), đến các đời Tùy, Đường đều có sửa – Về sau nương nơi Phật sang. Vào niên hiệu Trường Hưng thứ 2 Đăng, ở lâu nhưng không khế ngộ. Nhân (931), triều Hậu Đường thời Ngũ Đại,

PHONG QUÁ THỤ Thiền sư Diên Chiểu trụ trì chùa này. Lúc càng thấy được vẻ đẹp hoàn bích của tháp bấy giờ chùa đã hư mục sẵn, ngài Diên này. Chiểu ở đó 7 năm, hết lòng gầy dựng khiến trở thành 1 ngôi tòng lâm. Kiến trúc chủ PHONG PHAN ĐƯỜNG yếu hiện còn: Thiên vương điện, Trung Nằm trong chùa Quang Hiếu, thành phố Phật điện, Tỳ lô điện, Huyền chung các, Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Tàng kinh các. Quốc. Niên hiệu Nghi Phụng thứ 1 (676) Trung Phật điện là kiến trúc đời Kim, vào đời Đường, Huệ Năng đến chùa Pháp Tính sâu có ba gian đình. Huyền chung các theo nghe Pháp sư Ấn Tông giảng kinh Niết kiểu Yết Sơn, ba mái cao vút nguy nga, Bàn, đúng lúc gặp gió thổi lá phướn động, bên trong gác treo 1 chuông sắt lớn được thấy hai ông tăng tranh luận, một ông nói đúc vào niên hiệu Tuyên Hòa thứ 7 (1125) gió động, một ông nói phướn động, Huệ đời Tống, hình dạng đơn sơ chất phác, âm Năng bèn nói là tại tâm các ông động. Lời thanh hùng hậu. Chung quanh chùa phong nói làm kinh ngạc tăng chúng, qua những cảnh hữu tình, vốn là thắng cảnh du lịch. lời hỏi han của Pháp sư Ấn Tông mới biết Các vị: Sầm Tham, Lưu Vũ Tích, Nguyên ngài là pháp tự của Tổ Hoằng Nhẫn. Do Kết đều từng đến chùa này làm thơ lưu đây Huệ Năng công khai truyền bá Thiền niệm. Nam tông. Người đời sau xây cất Phong Phan Đường để kỷ niệm việc này. Niên PHONG HUYỆT TỰ THẤT TỔ hiệu Vạn Lịch thứ 21 (1593) đời Minh bị THÁP chiếm làm quán xá, lâu năm bị sụp lở, Tháp nằm trong khuôn viên chùa Phong những vị tăng trụ trì như Thông Húc, Siêu Huyệt cách thành phố huyện Lâm Nhữ, Kỳ, Siêu Trân bỏ của cải ra chuộc lại rồi tỉnh Hà Nam Trung Quốc 10km về phía trùng tu, đem Phong Phan Đường cùng đông bắc. Xây vào niên hiệu Khai Nguyên Thùy Phật Lâu họp làm một. thứ 26 (738) đời Đường, là bia ghi công PHONG QUÁ THỤ đức Thiền sư Trinh, một cao tăng nổi tiếng, Gió thổi qua cây, tỷ dụ cho sau khi nghe vua Đường Huyền Tông sắc tứ »Thất Tổ người khác nói gì về mình, mình hoàn toàn Tháp«. Đây là tháp gạch hình vuông chín chẳng để nơi lòng, chẳng câu nệ ngôn từ tầng có vành mái cao khoảng 27 mét. Các văn cú, khái niệm ý nghĩa. Mật Am ngữ lục bộ phận tỉ lệ cân xứng, tạo dáng ưu mỹ, ghi: » mái kiểu chồng diêm, dưới mái có đường cong ngược hình cung do bát úp, tướng luân, bảo cái và ngọn lửa làm thành, đây là – Bậc cao sĩ hành cước, phong cách tháp có mái kín đời Đường. nhảy ra khỏi rừng gai góc, đá bật hang sư Tháp này là một ngôi tháp được giữ gìn tử, đi khắp nơi mà không để lại dấu vết, hoàn hảo nhất trong các tháp thời kỳ đầu nhìn bốn bên đều thông suốt, thấy Phật Tổ đời Đường. Như tòa tháp nhỏ của Tiểu như gặp kẻ thù, nghe thiền đạo như gió Nhạn Tháp ở Tây An, Pháp Vương Tự qua cây«. Tháp ở Đăng Phong đều hư

hủy, cho nên

PHÓNG PHÓNG PHÓNG NGOAN 1. Tha thứ, miễn cho. Vân Môn quảng lục Vờ ngớ ngẩn, giả bộ đần độn. Mật Am ngữ q. hạ ghi: » – lục ghi: »
Hòa thượng tha lỗi cho con, con mới nói«. 2. Bài tiết (đại tiểu tiện). Tiết Đông Pha Như Hội Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: » – Chim sẻ ỉa trên đầu tượng Phật«. – Huyền Sa hỏi Cảnh Thanh: Chẳng thấy một pháp PHÓNG CHƯ THƯ là lỗi lầm lớn. Ngươi nói chẳng thấy là Thô lỗ và chẳng giữ quy củ. Bài thơ »Tự pháp gì? Thanh chỉ cây cột, nói: Không tán« Xiển Đề Chiếu Thiền sư trong phải chẳng thấy pháp này ư? Sa nói: Cơm GTPĐL q. 29 ghi: trắng nước trong của Chiết Giang mặc tình ông ăn uống, còn Phật pháp thì nằm
mơ cũng chưa thấy. Ngài Tiên Ứng Am »Tự tiểu lai đả ngạnh bình rằng: Cảnh Thanh vờ ngớ ngẩn, Phật Phật Tổ bất nại hà cũng chẳng làm gì nổi y«. Phóng chư thư trụ viện Ương hại sát thiền hòa«. PHÓNG NHẤT TUYẾN ĐẠO »Từ nhỏ vốn bướng bỉnh Phật Tổ cũng đầu hàng Mở ra một con đường, chỉ cho pháp môn Thô lỗ chẳng quy củ phương tiện của thiền sư lập bày khi tiếp Gây họa cho thiền tăng«. dẫn người học. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » PHÓNG ĐẢO
Lười biếng. Như Tịnh ngữ lục q. hạ: » – Các Thượng tọa, nếu Thúy
– Phong (pháp hiệu của thiền sư Minh Giác) Ngày đêm phấn chấn tinh thần, dũng mãnh nêu ra triệt để thì mọi người trên quả đất chứ đừng lười biếng«. đều phải ngậm miệng; nếu như mở ra một con đường thì càng kham không nổi«. PHÓNG HÁM Làm bộ ngu dốt. Tiết Cổ Sơn An Vĩnh PHÓNG QUÁ NHẤT TRƯỚC Thiền sư trong NĐHN q. 27 ghi: » Ý nói nhường người một bước, cởi mở một phen, chỉ cho thiền sư lúc tiếp dẫn người – Sư thượng đường giơ cây gậy học căn khí trung hạ chọn dùng pháp môn lên nói: Lâm Tế đứa tớ nhỏ, chưa từng nói phương tiện. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng công khai. Hôm nay làm bộ ngu dốt hết ghi: » mình, cũng cần các ông biết cho«.

PHỔ AM (1115-1160) – Đệ nhất nghĩa xưa nay thanh tịnh, Chính là Từ Lục vác bảng rồi«. chẳng dính các trần, làm sao nói được? Kẻ đồng đạo mới biết. Hôm nay cởi mở một PHÓNG Ý phen. Ở trong cửa dựng lập tiếp hóa thông Tự tại tùy thích. Tông Môn Võ Khố ghi: qua lời giải thích để lãnh hội«. »
PHÓNG QUANG TỰ – (Thiền sư Thái Ở núi Kê Túc thuộc Đại Lý, tỉnh Vân Nam, Lựu) về sau đến kinh đô, tự tại tùy thích ở Trung Quốc. Cuối niên hiệu Vạn Lịch chốn chợ búa, có một vị quan mời sư về (1573-1619) đời Minh, Mộc Công vì Thiền nhà cúng dường. Thái nhiều lần cáo từ mà sư Bản Vô mà cất chùa. Điện vũ nguy nga, vị quan nọ nhất định mời sư cho bằng kết cấu đặc biệt, là chùa mà hàng tín đồ được«. Phật tử phải viếng. Trong thời kỳ kháng chiến Đại sư Thái Hư từng trụ tích nơi này. PHÒNG TRƯỢNG Phòng của vị Trụ trì tự viện ở, tức phương PHÓNG SI HÁM trượng. Tiết Đạo Ngô Hòa thượng trong Làm ra vẻ vừa ngu si vừa ngớ ngẩn. Mật TĐT q. 5 ghi: » Am ngữ lục ghi: – Sư thấy người mới đến tham vấn, liền đánh trống trở về phòng trượng«. »Đại Long lão đão

phóng si hám PHỔ AM (1115-1160) Giản thủy sơn hoa thố chỉ nam«. Thiền tăng đời Tống, họ Trần, tự Ấn Túc, »Lão Đại Long giả vờ ngớ ngẩn người Viên Châu (Nghi Xuân, Giang Tây), Hoa núi nước khe lầm mất hướng«. Trung Quốc. Năm 20 tuổi lễ Hiền Công ở PHÓNG VÔ ĐOAN viện Thọ Long làm thầy, 28 tuổi thụ giới Giả bộ ngu dốt cốt không cho người khác cụ túc. Sư bẩm tính thông minh, Hiền cậy dựa. Bài thơ khen Hòa thượng Đại Huệ Công rất nể trọng khuyến khích sư tụng trong MANL ghi: kinh Pháp Hoa. Sư cho rằng việc nghiên cứu kinh văn vô ích, liễu ngộ Phật chỉ ở tại nhất tâm, bèn ra đi hành cước, yết kiến Mục Am Pháp Trung có chỗ tỉnh ngộ rồi trở về viện Thọ Long. Niên hiệu Thiệu »Tróc hạt đỉnh môn tam chích nhãn Hưng thứ 23 (1153) Sư trụ trì chùa Từ Thị phi Phật pháp nhất tề sản Hóa. Ngoài tu thiền định, sư còn đọc kinh Trúc bề đầu thượng phóng vô đoan Hoa Nghiêm; một hôm đại ngộ thân chứng Chính thị Từ Lục đảm phiến bản«. cảnh giới Hoa Nghiêm. Từ đấy kẻ mộ danh »Chọc mù ba mắt nằm trên trán đến tham học rất đông. Sư tùy nghi nói Thị phi Phật pháp đồng loạt trừ pháp, hoặc viết kệ, hoặc hái cỏ trị bệnh, Trên đầu trúc bề giả ngu ngơ hoặc chặt bỏ cây cối quái lạ v.v... Có tác phẩm: Phổ Am Ấn Túc Thiền sư ngữ lục, 3

PHỔ ÂN quyển còn lưu hành. Phúc.

PHỔ ÂN PHỔ CHỨNG ĐẠI SƯ Thiền tăng đời Minh, họ Kim, người xứ Thụy hiệu của Thiền tăng Pháp Thành, Sơn Âm (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh sống vào đời Tống. X. Pháp Thành. Chiết Giang) Trung Quốc. Thuở lên mười, sư xuất gia và theo học với ngài Diên Phúc PHỔ DUNG Giám Hồ. Năm 19 tuổi, sư chợt nhớ đến Hiệu của Thiền tăng Đạo Bình, đời Tống. việc lớn sinh tử, nhen nhúm ý định tham X. Đạo Bình. thiền. Ban đầu, sư đến tham vấn ngài Vô Tế ở chùa Đại Từ, có sở đắc và trình kệ PHỔ ĐÀ LẠC CA TÂN CHÍ như sau: Chí, 20 quyển, do Vương Ngạn Hanh soạn vào thời cận đại, được xếp vào Trung Quốc Phật Tự Sử Chí Vựng San tập 1. Từ đời Minh, Chu Ứng Tân sửa lại »Phổ-đà Sơn »Trở về nguồn cội liền đến nhà Chí« đến nay đã có 4 thứ »Phổ-đà Sơn Cũng không huyền diệu để phô khoe, Chí« được soạn xong vào đời Thanh, Một khối chân như thật trong suốt 1. Bản 15 quyển, do Cầu Liên soạn vào Quên mất cũng vì một niệm sai«. niên hiệu Khang Hy thứ 37 (1698). Sư còn tham vấn ngài Pháp Chu ở chùa 2. Bản 15 quyển, do Chu Cẩn, Trần Toàn Thiên Ninh, ngài Vạn Tùng ở núi Điểu tăng tu vào niên hiệu Khang Hy thứ 44 Thạch. Sau đó, sư tham ngài Pháp Tụ, (1705). ngay nơi lời nói, bỗng nhiên đại ngộ, 3. Bản 20 quyển, do Hứa Diễm trùng tu những mê lầm từ trước đồng thời tiêu tan. vào niên hiệu Càn Long thứ 4 (1739). Sư được ấn khả, nối pháp ngài, thuộc tông 4. Bản 20 quyển do Tần Diệu tăng tu vào Lâm Tế. niên hiệu Đạo Quang thứ 12 (1832). Bản của họ Hứa được chùa Pháp Vũ yêu PHỔ CHIẾU QUỐC SƯ NGỮ LỤC cầu sửa giúp. Bản của họ Tần được chùa Phổ Tế nhờ sửa. Hai quyển chí này đều Còn gọi: Ẩn Nguyên Hòa thượng ngữ lục. thuộc loại viết theo lời yêu cầu, mỗi quyển Ngữ lục, 3 quyển, do Ẩn Nguyên Long Kỳ đều có thiên lệch, luôn luôn viết về chùa soạn vào đời Thanh, Tính Đạo biên tập, mình tỉ mỉ hơn các chùa khác. Vào năm được xếp vào Đại Chính Tạng tập 82, trang 1923, Vương Ngạn Hanh trùng tu một 739. Vào niên hiệu Thuận Trị thứ 11 quyển Sơn chí mới, bỏ hết những cái dở (1654) đời Thanh, Ẩn Nguyên đến Nhật trong

các quyển chí cũ, hễ có việc gì về núi Bản hoằng pháp, sáng lập ra tông Hoàng Phổ-đà đều sưu tập thêm, không có thành Bá. Thế nên những ngữ lục của sư được kiến riêng tư. thu thập lúc ở Nhật Bản là tại các chùa: Quyển chí này đặt nặng về lịch sử Phật Hưng Phúc, Sùng Phúc, Phổ Môn, Vạn giáo, biểu hiện sự lý pháp thân và ứng hóa

PHỔ MINH thân của Bồ tát Quán Âm, cho đến nhân Quang Hy, Tượng Vương, Mai Sầm, Đạt duyên cảm ứng của Ngài với phương này. Ma, Chính Thú. Ngọn cao nhất là Phật Nội dung sách này chia làm 12 loại: Bản Đảnh Sơn, cách mặt biển 291,3m. Khoảng tích, Hình thắng, Linh dị, Đàn thí, Phạm niên hiệu Đại Trung (847-860) đời Đường, sát, Thiền đức, Doanh kiến, Quy chế, Lưu có một vị tăng Ấn Độ đến núi này tự đốt ngụ, Nghệ văn, Chí dư, Tự lục, có thể bổ 10 ngón tay, »Đích thân thấy Bồ Tát Quán sung cho chỗ thiếu sót của những quyển Thế Âm hiện thân thuyết pháp, được Bồ chí trước. Tát trao cho đá quý 7 màu« rồi loan truyền đất này là nơi Quán Âm hiển thánh. PHỔ ĐÀ LIỆT TỔ LỤC Theo thống kê năm 1936, Phổ-đà Sơn gồm có: 3 ngôi chùa lớn, 88 am, 148 ngôi nhà Lục, 1 quyển, do vị tăng tên Triều Âm tranh, trên 2.000 tăng ni, trở thành thắng Thông Húc soạn vào đời Thanh, được ấn cảnh Phật giáo rất nổi tiếng phía đông nam. hành vào niên hiệu Khang Hy thứ 35 Đầu năm 1979, lần lượt tiến hành khôi (1696) đời Thanh, sau đó được xếp vào phục sửa sang các chùa am quan trọng. Sau Tục Tạng kinh tập 147, trang 1110. Nội đó, hàng năm nhiều lượt khách hành dung gồm cơ duyên lược truyện của các vị hương lên đến hàng triệu người. trụ trì hoằng pháp ở núi Phổ-đà trải qua các thời đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh, từ PHỔ GIÁC THIỀN SƯ Chân Hiết Thanh Liễu, Tự Đắc Huệ Huy 1. Hiệu của Thiền tăng Chí Phùng, sống đến Triều Âm Thông Húc. Cổ Tâm Minh vào đời Ngũ Đại. X. Chí Phùng. Cô tính chung được 43 vị, có 1 số ít thiền 2. Thụy hiệu của Thiền tăng Tông Cảo, sư chỉ được nêu danh hiệu mà không có sống vào đời Tống. X. Tông Cảo. truyện. Cuối quyển phụ lục lược truyện của 5 vị như: Thiên Nhạc Trú từ các núi khác PHỔ HIỆP (1346-1426) đến núi Phổ-đà hoằng pháp. v.v... Thiền tăng đời Minh, họ Lục, tự Nam Châu, hiệu Tẩu, Nhất Vũ Ông, người xứ PHỔ ĐÀ SƠN Sơn Âm (nay là huyện Thiệu Hưng, Chiết Núi ở huyện Phổ-đà, tỉnh Chiết Giang, là Giang) Trung Quốc. Tác phẩm: Vũ Hiên một đảo nhỏ trong quần đảo Chu sơn, là 1 ngữ lục, Vũ Hiên tập. trong 4 ngọn núi nổi tiếng của Phật giáo Trung Quốc. Vốn được gọi là »Phổ-đà Lạc PHỔ HỘI ĐẠI SƯ Già Sơn«, do 2 đảo nhỏ Phổ-đà Sơn và Lạc Thụy hiệu của Thiền tăng Khánh Chư, Già Sơn hợp lại thành. Thuở xưa gọi là sống vào đời Đường. X. Khánh Chư. »Bổ-đà-lặc-già«, »Bổ-hằng-lạc-già« đều do dịch âm tiếng Phạn, có nghĩa »Đóa hoa PHỔ MINH trắng nhỏ đẹp đẽ«, nên núi này còn có tên Thiền tăng đời Nguyên, họ Tào, hiệu Tuyết Bạch Hoa Sơn. Diện tích toàn đảo là Song, người Tùng Giang (Thượng Hải) 12,76, gồm có các núi: Bạch Hoa, Phật Trung Quốc. Sư tham kiến Hối Cơ Nguyên Đảnh, Cẩm Bình, Đại Tiểu Tuyết Lãng, Chiếu đắc pháp, đồng môn với Tiếu Ẩn

PHỔ MINH THÁP Đại Hy. Niên hiệu Chí Trị thứ 2 (1322) PHỔ MINH TỰ những vị Tăng lẫn Nho sĩ giỏi thư pháp Còn gọi: Chùa Tức Mặc, Chùa Tháp. Chùa đều tụ hội về Bắc Kinh, vua Anh Tông sai ở thôn Tức Mặc xã Lộc Vượng, huyện Mỹ Phổ Minh viết kinh bằng chữ vàng. Niên Lộc, thị xã Nam Định, tỉnh Hà Nam Ninh, hiệu Chí Nguyên thứ 4 (1338) sư trụ trì Việt Nam, cách Nam Định 5km về phía chùa Vân Nham ở

Tô Châu. Niên hiệu Chí bắc. Chính thứ 4 (1344) xây dựng lại chùa Thừa Chùa được xây dựng vào năm 1262. Kiến Thiên sau khi bị hỏa tai và nhận chức trụ trúc chùa được bố cục theo kiểu »Nội công trì. Sau trụ chùa Bồ-đề Gia Định (Thượng ngoại quốc«. Các công trình xây dựng theo Hải). Sư giỏi châm cứu lại khéo vẽ hoa lan, một trục cân xướng từ tam quan, nhà Bia, cùng đạo sĩ Bách Tử Đình đều nổi tiếng. tháp đến tòa Tam Bảo. Chùa nổi danh nhờ Niên hiệu Nguyên Thống thứ 1 (1333) sư các vạc bằng đồng do Thiền sư Minh sáng tác »Sơn Thủy Đồ«. Niên hiệu Chí Không đúc, thờ tại đây. Trong chùa có Thánh thứ 8 (1348) sáng tác »Lan Thạch nhiều pho tượng đẹp, tạo dáng sinh động Đồ«. như pho Phật nhập Niết-bàn, Bồ Tát Văn- thù, Bồ Tát Phổ Hiền. Hơn 700 năm chống PHỔ MINH THÁP chọi với khí hậu khắc nghiệt, hầu hết các Tháp ở trong khuôn viên chùa Phổ Minh cấu trúc gỗ đã bị hư hại. Ngày nay chỉ còn (chùa Tháp), nay thuộc xã Lộc Vượng, thị lại bốn cánh cửa gỗ lim chạm rồng là di xã Nam Định, tỉnh Hà Nam Ninh, Việt sản từ đời Trần, qua đó có thể nhận biết Nam, cách Nam Định 5km phía bắc. Tháp được hình ảnh ngôi chùa thuở ban đầu có gồm 14 tầng, cao 19m, mặt bằng hình quy mô rộng lớn, chạm trổ tinh xảo, lộng vuông, mọc từ một khoảng sân vuông, mỗi lẫy hơn ngôi chùa được thời sau dựng lại chiều 8,6m, sâu chừng 0,5m, xung quanh cho đến ngày nay. Trong chùa có thờ có lan can, mở cửa bốn phía, thềm bậc tượng Trúc Lâm Tam Tổ: Điều ngự Giác trang trí rồng đá, sóc đá. Tầng đế tháp xây hoàng ở giữa, bên trái là Tổ Pháp Loa, bên bằng đá xanh, mang hình bông sen nở xòe phải là Tổ Huyền Quang. Theo: VN trên mặt nước cao 2,2m, rộng 5,2m, bốn VHTH 1989-1995. góc có trụ giả đỡ đầu rồng, cửa giữa cuốn cao 1,1m, rộng 0,8m. Các tầng trên xây PHỔ MÔN (1215-1265) gạch trần, bốn góc nẹp đá, bốn mặt có cửa 1. Hiệu của Thiền tăng Duy An đời Minh. cuốn tò vò thu nhỏ dần theo chiều cao, kết X. Duy An. thúc bằng chỏm nhọn hình bầu rượu. Gạch 2. Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Vô Quan đá xây tháp được gia công kỹ trước khi Phổ Môn, đệ tử của Viên Nhĩ Biện Viên. xây, tùy theo vị trí mà có những hình dạng Vâng lời thầy sư sang nhà Nam Tống thích hợp như của vòm đá, chốt đá góc (Trung Quốc) vào niên hiệu Thuần Hựu tháp, gạch chèn cửa vòm, gạch chèn góc, thứ 11 (1251) đắc pháp nơi Thiền sư Diệu gạch xây... Năm 1987, Nhà nước trùng tu Luân chùa Tịnh Từ, đời thứ 22 hệ Nam lại ngôi tháp này để giữ gìn vẻ đẹp lâu dài. Nhạc, đời thứ 4 tông Lâm Tế Nhật Bản. Theo: VNVHTH 1989-1995. Niên hiệu Cảnh Định thứ 3 (1262) sư trở

PHỔ TẾ (1179-1253) về nước khai sáng chùa Nam Thiền, là đạo đi đến các nơi nghe giảng Lăng-già, Hoa tràng thứ 3 của tông Lâm Tế Nhật Bản. Nghiêm v.v... Còn thông đạt huyền nghĩa các luận: Trung luận, Bách luận, Thập Nhị PHỔ NGẠN (770-843) Môn luận. Sau đến Giang Tây yết kiến Mã Thiền tăng đời Đường, họ Thái, người xứ Tổ Đạo Nhất có chỗ tỉnh ngộ, được Du hí Hồng Châu (nay là huyện Nam Xương, Tam muội. Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 11 tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. Sư xuất gia (795) sư ẩn cư núi Nam Tuyền, Trì Dương, từ thuở bé, tham vấn ngài Bách Trượng tự cất thiền thất, hơn 30 năm không xuống Hoài Hải. Ban ngày theo chúng làm công núi, tự trồng trọt để sống. Niên hiệu Thái tác, tối đến một mình cầm đuốc tụng kinh, Hòa thứ 1 (827) theo lời chúng thỉnh sư chẳng từ lao khổ. Về sau, sư đến Thiên xuống núi, từ đây đồ chúng tụ hội đạo Thai ở nơi rừng núi tu khổ hạnh. Mọi pháp hưng thạnh. Một hôm, nhà đông

nhà người ngưỡng mộ đạo đức của sư xây tây giành nhau con mèo, Phổ Nguyện cầm dựng viện Bình Điền để sư an trụ con mèo nói với đại chúng: »Nói được thì cứu được con mèo, nói không được thì ta PHỔ NGU (1301-1382) chặt con mèo«. Trong chúng không ai nói Sa môn Cao Ly (tên nước Triều Tiên thời được. Phổ Nguyện liền chặt con mèo để xưa), họ Phác. Vào niên hiệu Chí Chính quét sạch vọng tưởng kẻ học đạo. Vì vậy thứ 6 (1346) sư vào nhà Nguyên (Trung có câu mọi người đều ưa thích là »Nam Quốc) ở chùa Đại Quán nơi Yên Kinh hỏi Tuyền chặt mèo«. Người đời gọi là »Nam han tìm kiếm bậc tri thức. Năm sau đến núi Tuyền Thiền sư«. Có ngữ lục 1 quyển. Đệ Hà Vụ thuộc Hồ Châu (Chiết Gaing) tham tử nối pháp có 17 vị như Tùng Thẩm, Đàm yết Thiền sư Thanh Củng được truyền tâm Chiếu, Sư Tổ v.v... ấn, nối pháp đời thứ 24 hệ Nam Nhạc, là một trong những người sáng lập tông Tào PHỔ NINH (1214-1276) Khê ở Triều Tiên. Sư được thỉnh khai Thiền tăng đời Nam Tống, họ tên là Phổ đường thuyết pháp tại chùa Vĩnh Ninh ở Ninh, tự Ngột Am, người xứ Bồi Lăng, Tứ Lạc Dương. Niên hiệu Chí Chính thứ 8 sư Xuyên, Trung Quốc. Đắc pháp nơi Thiền trở về Triều Tiên hoằng pháp. sư Vô Chuẩn Sư Phạm chùa Dục Vương, đời thứ 21 hệ Nam Nhạc, đời thứ 3 tông PHỔ NGUYỆN (748-834) Lâm Tế. Trụ trì Kiến Trường Hưng Quốc Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người Thiền Tự. Tân Trịnh (Hà Nam) Trung Quốc. Niên hiệu Chí Đức thứ 2 (757) sư đến núi PHỔ QUẢNG ĐẠI SƯ Đại Ôi, huyện Mật (Hà Nam) thọ nghiệp Hiệu của Thiền tăng Huệ Thâm, sống vào với Thiền sư Đại Huệ, siêng năng khổ đời Ngũ Đại. X. Huệ Thâm. hạnh. Niên hiệu Đại Lịch thứ 7 (772) sư đến chùa Hội Thiện ở Tung Sơn thụ giới PHỔ TẾ (1179-1253) cụ túc với Luật sư Hạo. Theo Luật sư Pháp Thiền tăng đời Tống, họ Trương, tự Đại Lệ nghiên cứu Tướng bộ luật tông. Sư còn Xuyên, người Phụng Hóa (Chiết Giang)

PHỔ TẾ THIỀN TỰ Trung Quốc. Năm 19 tuổi sư cạo tóc thụ giới với Văn Hiến ở viện Hương Lâm, học giáo lý Thiên Thai, cảm thấy đây không phải con đường tắt siêu thoát sinh tử nên để tâm đến Thiền. Đến tham kiến Dục Vương Như Diễm, ngay dưới lời khế hợp bèn xin y chỉ, nối pháp làm truyền nhân »Dị chủng linh miêu hỏa lý tài. phái Dương Kỳ tông Lâm Tế. Về sau theo Thiết hoa vô ảnh thọ đầu khai Như Diễm dời sang núi Thiên Đồng chủ Mạch nhiên kết cá đoàn loan quả quản kinh tạng. Khi ra hoằng pháp sư trụ Cử tợ thời nhân thu đắc lai. trì chùa Báo Quốc ở Đại Từ, chùa Quang U thị chuyển tác long nhãn, lệ chi, cam giá, Hiếu ở Tịnh Từ, chùa Linh Ẩn ở Cảnh bồ đào, nguyên thuộc tự kỷ gia viên, phổ Đức. Về già biên soạn Ngũ Đăng Hội thỉnh tự gia giảo tước«. Nguyên 20 quyển. Đặc biệt có »Đại Xuyên »Gieo hạt giống linh trong lửa đỏ Phổ Tế Thiền sư ngữ lục 1 quyển lưu Cây sắt không bóng lại nở hoa truyền đời sau. Đệ tử hơn 70 người. Bỗng nhiên kết quả sao tròn trặn, Chỉ dạy người đời thu hoạch ngay. PHỔ TẾ THIỀN TỰ Khi ấy biến thành long nhãn, trái vải, mía, Ở làng Tây, thành phố Đài Trung, tỉnh Đài nho, vốn là thuộc cây nhà lá vườn. Mời đại Loan, Trung Quốc. Năm 1941 do Hòa chúng, mỗi người hãy thưởng thức«. thượng Đạt Thiện khai sơn sáng lập. Về sau bởi nhiều năm không tu sửa tường nền PHỔ THÔNG THIỀN TỰ sụp lở cơ hồ thành phế tự. Đạt Thiện sai đệ Chùa Dương Kỳ vào đời Tống được gọi là tử là Pháp sư Chân Đắc tiếp quản chùa »Phổ Thông Thiền Tự«. X. Dương Kỳ Tự. này. Trải qua bao

khổ nhọc xây cất chùa chiền mới khôi phục như cũ. Năm 1980 PHỔ THUYẾT được sự trợ giúp của tín đồ khắp nơi khởi Thiền sư vào pháp đường, lên pháp tòa công xây dựng lại lần nữa chùa y như mới. thuyết pháp cho đại chúng nghe. Tông Môn Võ Khố ghi: » PHỔ THỈNH 1. Tập trung chư tăng trong thiền viện để tham gia lao động. Chương Môn Quy Thức trong CĐTĐL q. 6 ghi: »

– Thực hiện cách thức tập – Hòa thượng Trạm Đường một hôm trung chư tăng để tham gia lao động, mọi hỏi rằng: Thượng tọa Cảo! Thiền của ta ở người từ trên xuống dưới đều phải gắng đây tất cả ngươi đều hiểu được. Bảo ngươi sức«. nói cũng nói được, bảo ngươi niêm cổ tụng 2. Mời đại chúng. Như Tịnh ngữ lục, q. hạ cổ, tiểu tham, phổ thuyết ngươi cũng làm ghi: được, chỉ có một việc còn chưa được, ngươi biết chăng?«.

PHỔ TỪ (1355-1450) PHỔ TỊNH không khế hội. Từ tạ trở lại Tiên Cư, sư Thiền tăng đời Nguyễn, quê ở Võ Lăng, tham kiến Hòa thượng Thiên Ninh Liễu Thượng Phúc, miền Bắc Việt Nam. Thuở Đường ngôn ngữ hợp nhau hoát nhiên có nhỏ đã theo Hòa thượng Phúc Điền xuất tỉnh. Niên hiệu Hồng Vũ thứ 10 (1377) đến gia tu học. Một hôm, sư đến chùa Vân Trai chùa Kim Sơn ở Trấn Giang (Giang Tô) đảnh lễ Đại sư Tường Quang xin thụ giới giảng dạy Tâm kinh, kinh Lăng-già, kinh cụ túc. Sau khi thụ giới, sư thành tâm trì Kim Cang; giải thích nghĩa kinh rất khế giới hành đạo. Từ bé chí trưởng, sư chuyên hợp đạo lý được thính chúng khâm phục. tâm nghiên cứu kinh luật, không dám một Năm thứ 12 (1379) sư trụ trì chùa Bắc phút lơi lỏng. Quá ngọ tuyệt đối không ăn Thiền ở Phủ Châu (Giang Tây), dời sang gì cả. Sư về trụ trì chùa Tường Quang trên chùa Vân Cư. Mùa xuân năm thứ 26 núi Đại Hùng ở Hà Nội, do Hòa thượng (1393) vâng lệnh vua vào cung đối đáp vừa Phúc Điền khuyến hóa xây cất. Nơi đây, sư ý vua, sư vâng lệnh đến Lô Sơn trụ trì tế độ tăng tục khá đông, vì thế ngôi chùa tự, đến nơi sư vun trồng giáo cơ, mở mang càng trang nghiêm đẹp đẽ. gốc đạo. Về sau dời sang trụ trì Kính Sơn. Một hôm, sư gọi chúng lại bảo: »Nay ta Tác phẩm: Ngốc Am Thiền sư ngữ lục 8 cáo biệt, phó chúc các ngươi kệ truyền quyển. pháp đây: PHỔ TRÌ (1310-1387) Thiền tăng đời Minh, họ Vạn tự Bảo Tạng người xứ Đại Y Sơn. Sư tham vấn Thiền sư Thời Úy và đắc pháp, thuộc tông Lâm »Kinh niên tịnh tọa Đại Hùng phong Tế. Niên hiệu Hồng Võ thứ 14 (1381), sư Thật thị thân cùng đạo bất cùng kế vị trụ trì chùa Thánh Ân, núi Thời Úy Lục tự chuyên trì thân thọ ký tại Tô Châu, người đời gọi sư là »Thánh Lưu truyền hậu thế hiển tông phong«. Trì Tổ«. »Nhiều năm ngồi tịnh núi Đại Hùng Quả thật thân cùng đạo chẳng cùng PHỔ TỪ (1355-1450) Sáu chữ chuyên trì thân thọ ký Thiền tăng đời Minh, họ Tiễn, hiệu Hải Truyền mãi đời sau sáng Tổ tông«. Chu, người Thường Thục (Giang Tô) Nói kệ xong, Sư ngồi yên mà tịch. Đồ đệ Trung Quốc. Sư xuất gia từ thuở nhỏ tại xây tháp tôn thờ. Theo: Thiền sư Việt Nam chùa Phá Sơn núi Ngu Sơn, sớm tối xem của HT. Thanh Từ. kinh tìm tòi thật nghĩa. Đến chùa Thánh Ân, Đặng Úy, Tô Châu tham kiến Thiền sư PHỔ TRANG (1347-1403) Thời Úy được ấn khả. Rồi đến núi Động Thiền tăng đời Minh, họ Viên, tự Kính Đình, Thái Hồ ẩn cư 29 năm. Nghe Huệ Trung, hiệu Ngốc Am, người Tiên Cư Nhật nói pháp nơi chùa Đông Minh sư liền (Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 12 tuổi sư

đến yết kiến, chợt gặp lúc đèn lưu ly rớt xuất gia với Thiền sư Cổ Am Lương chùa xuống hoát nhiên đại ngộ, được ấn chứng Thiên Đồng, phục dịch hầu hạ rất lâu mà làm truyền nhân tông Lâm Tế. Huệ Nhật

PHỔ TỰU (1238-1314) tịch, sư kế tục trụ trì chùa Đông Minh. Tác PHÙ ÂU phẩm: Tụng Cổ Thi. Bong bóng nước, bọt nước. Nhà Phật thường dùng để chỉ cho đời người vô PHỔ TỰU (1238-1314) thường huyễn hóa. Pháp Diễn ngữ lục q. Thiền tăng đời Nguyên, họ Lưu, hiệu Cổ trung ghi: » Nham, người Chân Định (nay thuộc Hà – Từ khi giác ngộ cuộc Bắc) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư đời như huyễn mộng, mới biết trăm năm Túc Am, trụ trì chùa Linh Nham ở Thái An như bọt nước«. (nay thuộc Sơn Đông). Năm 1312 dời về ở Tổ đình Thiếu Lâm, được triều đình ban PHÙ KHỞI MÔN hiệu »Diệu Nghiêm Hoằng Pháp Đại Thiền Còn gọi: Kiến lập môn. Phương pháp kiến Sư«. lập nâng đỡ, khẳng định tất cả pháp nghĩa phân biệt như: mê-ngộ, chúng sinh-Phật, PHỔ ỨNG QUỐC SƯ thiện-ác, dài-ngắn... Đây thuộc về cơ pháp Thụy hiệu của Thiền tăng Minh Bản, sống »phóng hành« (buông thả) của bậc thầy đã vào đời Nguyên. X. Minh Bản. kiến tính dùng để tiếp hóa người học. PHÚ BẬT (1004-1083) PHÙ THẠCH Cư sĩ đời Tống, tự là Nham Quốc, người Hiệu của Thiền tăng Thông Hiền đời Lạc Dương (nay thuộc Hà Nam) Trung Thanh. X. Thông Hiền. Quốc. Niên hiệu Thiên Thánh thứ 8 (1030) đỗ khoa Mậu tài loại đặc biệt được cất PHỦ CHÂU TÀO SƠN BẢN TỊCH nhắc làm Tri giám viện. Niên hiệu Khánh THIỀN SƯ NGỮ LỤC Lịch thứ 3 (1043) giữ chức Khu mật Phó sứ, cùng Phạm Trọng Yêm phát triển Ngữ lục, 2 quyển, do Tào Sơn Bản Tịch »Khánh Lịch Tâm Chính«. Niên hiệu Chí soạn vào đời Đường, được xếp vào Tục Hòa thứ 2 (1055) nhậm chức Đồng trung Tạng kinh tập 119, trang 922. thư hạ Bình chương sự chủ trương không Quyển thượng do Quách Ngưng Chi biên gây chiến chỉ lo giữ thành, thời ấy gọi là tập vào đời Minh, nội dung là Tào Sơn Bản Hiền tướng. Khi vua Anh Tông tức vị, ông Tịch Thiền sư ngữ lục rút ra từ Ngũ Gia giữ chức Khu mật sứ, phong Trịnh Quốc ngữ lục. Công. Sau vì bất đồng chính kiến với Quyển hạ do Nghi Mặc Huyền Khế (Tăng Vương An Thạch xin lui về làm Phán quan nhân Nhật Bản) biên tập, thu thập ngữ lục ở Hào Châu. Nghe Thiền sư Tụ Ngung của Tào Sơn còn sót lại. giáo hóa ở núi Đầu Tử liền đến tham kiến, dưới lời nói ông liền tỉnh ngộ. Ông còn PHỦ CHÂU TÀO SƠN NGUYÊN thỉnh Thiền sư Tụ Ngung đến phủ để ngày CHỨNG THIỀN SƯ NGỮ LỤC đêm tham vấn. Lúc tuổi già, ông ăn chay lễ Phật tụng kinh Lăng Nghiêm mỗi ngày. Tác phẩm: Phú Trịnh Công Thi tập. Còn gọi: Tào Sơn Đại Sư ngữ lục, Tào Sơn Bản Tịch Thiền sư ngữ lục, Tào Sơn

PHÚC BÁO Nguyên Chứng Thiền sư ngữ lục, Tào Sơn bè đưa người qua biển khổ. lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Tào Sơn Bản Tịch soạn vào đời Đường, Chỉ Nguyệt Huệ PHỤ THẠCH THUNG KHANG Ấn (Tăng nhân Nhật Bản) hiệu đính, được xếp vào Đại Chính Tạng tập 47, trang 526. Còn gọi: Yêu thạch thung mễ. Mang đá giã Nội dung bao gồm: Hạnh nghiệp, Vấn đáp, gạo. Câu chuyện hết lòng phục vụ chư tăng Thị chúng ngữ yếu, và phần giải thích của của ngài Huệ Năng trong pháp hội của Ngũ Hạt Đạo Bản Nguyên (Đệ tử của Huệ Ấn) Tổ Hoằng Nhẫn tại Huỳnh Mai. Phần về: Dương ngữ lục, q. thượng ghi: » — Động Sơn Ngũ vị hiển quyết, tụng từng vị

một và phân biệt lựa chọn rồi chú thích. – Cho nên có người đứng — Ngũ vị chỉ quyết. trên tuyết chặt tay, mang đá giã gạo. Gặp — Tứ chủng dị loại hạng người có chí khí như thế mới kham — Tam nhiên đăng v.v.. nhận yếu chỉ«.

PHỤ LƯƠNG (1317-1371) PHỤ TỬ THI HÀNH Thiền tăng đời Nguyên, họ Phạm, tự Dụng Vai mang tử thi mà tới lui. Đây là lời chê Chân, Dụng Trinh, hiệu Giới Am, người trách các vị tăng hành cước chẳng rõ tự huyện Ngô (nay là Tô Châu) Trung Quốc. tâm là Phật, uổng công tìm kiếm bên Năm 15 tuổi, sư theo ngài Thọ Di ở viện ngoài. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Đồng Lý Ngưỡng Phúc xuất gia, thụ giới Cụ túc. Sau đó theo Trạch Pháp sư ở chùa – Tuổi Bắc Thiền tu tập Thiên Thai Giáo Quán, gần năm mươi, chỉ lo vác tử thi của kẻ nghiên cứu tinh hoa của pháp môn này sư láng giềng mà đi tới đi lui. Hết vác cái này được chỗ giống như khế ngộ. Sư đến chùa rồi tới cái khác, chạy đi khắp nơi, có ngày Long Tường ở Nam Kinh tham vấn Thiền bị đòi tiền giày cỏ đấy!«. sư Đại Tố. Ngài vừa gặp sư liền biết là pháp khí nên sai làm Thị giả. Một thời gian PHÚC BÁO lâu, sư khế ngộ tâm pháp, nối pháp ngài Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên-đầu thuộc tông Lâm Tế. Niên hiệu Chí Thánh đời Minh, họ Phương, tự Hạ Nguyên, thứ 2 (1342), khi ra hoằng pháp sư trụ chùa người xứ Lâm Hải (nay thuộc Chiết Giang) Tư Thánh ở Gia Hưng (nay thuộc Chiết Trung Quốc. Sư vâng lời cha mẹ đến chùa Giang). Sư từng trụ trì chùa Thiên Đồng và Lương Trữ Sùng Phúc ở Hàng Châu xuất Linh Ẩn. Gặp lúc loạn lạc cuối đời gia. Khi ấy Thạch Hồ Mỹ Công trụ trì chùa Nguyên, chùa Linh Ẩn cũng bị họa lây, sư Tịnh Từ ở Hàng Châu vừa gặp sư liền biết bèn chặt phá gai góc, lùm bụi, kết cỏ làm là pháp khí và cạo tóc cho sư. Sau đó, sư nhà để người học khắp nơi có chỗ nương tham Nguyên Tẩu Thụy Công, được sắp ở tựa. Mặc dù gặp buổi điêu linh nhưng sư liêu Thị giả rồi coi sóc Tạng Kinh. Trải vẫn khai thị đồ chúng, cử dương Phật một thời gian lâu sư mới được ấn chứng. pháp, dùng pháp môn Tịnh Độ làm thuyền Sư từng trụ các chùa: Lô Sơn ở Từ Khê

PHÚC CHÂU ĐÔNG THIỀN TỰ (nay thuộc Chiết Giang), Đông Sơn ở Việt (1083) đời Bắc Tống. Con người chỉ đứng Châu (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết tới vai, tay không thể sờ tới đỉnh. Ngồi Giang), Trí Môn ở Tứ Minh. Đầu niên hiệu chắp tay xếp bằng trên tòa sen, bên ngoài HồngVõ (1368), nhiều lần sư được triệu phủ bùn thếp vàng, pháp tướng đoan trang vào cung, đối trước vua tuyên dương thiền nghiêm túc. Phía trước Phật có cặp đối liễn chỉ, được vua lưu lại kinh đô 3 năm mới do Tăng Dị soạn: »Cổ Phật do lai giai thiết cho trở về chùa Trí Môn. Sau đó sư dời hán, phàm phu đản thuyết thị kim thân« đến trụ Kính Sơn. Sư mất vào năm 84 tuổi. (Cổ Phật xưa nay đều người thép, phàm phu chỉ nói là thân vàng). Ngoài ra còn có PHÚC CHÂU ĐÔNG THIỀN TỰ một tảng đá lớn trên khắc bài minh 62 chữ được tạo dựng vào niên hiệu Đại Quan thứ Ở núi Bạch Mã, thành phố Phúc Châu, tỉnh 2 (1108) đời Bắc Tống. Chùa ở tại ngõ Phúc Kiến, Trung Quốc. Niên hiệu Đại Kinh Viện chính là nền cũ của tự viện khắc Đồng thứ 5 (539) đời Lương sáng lập. Từ in kinh, từng khắc in Phạm bản »Tỳ Lô niên hiệu Nguyên Phong thứ 3 đến niên Đại Tạng« hơn 6000 quyển. hiệu Chính Hòa thứ 2 (1080-1112) vua Thần Tông ra lệnh khắc in Đại tạng kinh PHÚC DỤ (1203-1275) tại chùa này, đây là mở đầu cho sự in lậu Thiền tăng đời Nguyên, họ

Trương, tự Đại tạng kinh. Trong thời gian đó, năm vị Hiếu Vấn, hiệu Tuyết Đình, người xứ Văn Xung Chân, Liễu Vô, Trí Hiền, Phổ Minh, Thủy (nay thuộc tỉnh Sơn Tây) Trung Đạt Cảo lần lượt trụ trì chùa này. Quốc. Lúc lên năm sư đã giải ngộ, mỗi ngày đọc thuộc ngàn chữ. Khi được 9 tuổi, PHÚC CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ sư nhập học đọc sách rất nhanh, người  trong làng gọi sư là »Thánh Tiểu Nhi« Ở ngõ Kinh Viện, cửa Tỉnh Lâu, thành phố (Thần đồng). Năm 12 tuổi, gặp lúc hoàn Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. cảnh gia đình tan tác, sư đến tham vấn ngài Được xây dựng vào niên hiệu Thái Thanh Tiên Nham Hưu Lâm, chính thức cạo tóc thứ 2 (548) đời Lương Nam Triều, nguyên thụ giới cụ túc, hầu hạ ngài 7 năm. Sư còn tên »Linh Sơn Tự«, từng đổi tên »Đại Vân đến chùa Báo Ân ở Yên Kinh tham vấn Tự«, »Long Hưng Tự«, niên hiệu Khai ngài Vạn Tùng Hành Tú, được ấn khả, nối Nguyên thứ 23 (735) đời Đường đổi tên là pháp ngài, thuộc tông Tào Động. Trong 10 »Khai Nguyên Thiền Tự«. Vào khoảng năm tu tập theo nơi ngài Hành Tú, nhờ học niên hiệu Chính Hòa (1111-1117) đời đức sâu dầy nên sư rất nổi tiếng, số người Tống từng đổi làm Đạo quán, sau đó trở lại đến học với sư càng lúc càng tăng, sư sách thành chùa Phật. Hiện chỉ còn Thiết Phật tấn kẻ hậu học, hiển dương tông phong. tháp, Linh Sơn đường, Phật hóa xã. Trong Sau đó sư nhận lời mời hoằng pháp ở chùa chùa có một tượng Phật A-di-đà đúc bằng Thiếu Lâm tại Tây Kinh, và vâng theo lời sắt, nên tục gọi »Thiết Phật Tự«. Thiết của Hoàng thái tử (tức Nguyên Thế Tổ sau Phật cao 5,3m, nặng chừng 15 tấn được này) quản lý hội Đại Tư Giới. Vào niên đúc vào niên hiệu Nguyên Phong thứ 6 hiệu Định Tông thứ 3 (1248), sư vâng

PHÚC HUỆ  (1869-1945) chiếu trụ trì thêm chùa Hòa Lâm Hưng PHÚC HUỆ (1869-1945) Quốc, rất được nhà Vua tín nhiệm. Khi ấy, Đạo giáo phát triển rất nhanh ở phương Danh tăng cận đại, tên Nguyễn Tấn Giao, Bắc, Phật giáo bị đè bẹp. Vào năm Hiến người làng Phú Thành, phủ An Nhân (nay Tông nguyên niên (1251), Lý Chí Thường là ấp Phú Thành, xã Nhân Thành, huyện cho in các sách như: »Lão Tử Hóa Hồ An Nhân, tỉnh Bình Định), miền Trung Kinh«. Từ năm 1255 đến 1257, nhiều lần Việt Nam. Năm 12 tuổi, sư được cha mẹ sư đã biện luận với Lý Chí Thường, Chí cho phép xuất gia tại chùa Thập Tháp, thụ Thường bị thua và các ngụy kinh trong giới với Hòa thượng Chí Tịnh (Minh Lý), Đạo Tạng bị thiêu hủy, 237 ngôi Đạo quán được ban pháp hiệu là Phúc Huệ. Ít lâu được trao trả cho Phật giáo. Sư được vua sau, sư theo học với Hòa thượng Từ Mẫn. ban cho hiệu »Quang Tông Chính Biện«. Năm 19 tuổi trở về giữ chức Thủ khố của Sư trở về quê cũ, vâng lệnh xây dựng chùa chùa Thập Tháp. Năm 20 tuổi sư theo học Báo Ân, rồi liên tiếp xây cất các ngôi chùa: với Hòa thượng Luật Truyền ở Phú Yên. Hòa Lâm, Yên Kinh, Trường An, Thái Sư thọ đại giới năm 1889 và đắc pháp năm Nguyên, Lạc Dương để truyền bá chính 1892 với Hòa thượng Luật Truyền. Khi pháp. Về già, sư trở về ẩn nơi chùa Tung bản sư viên tịch, sư trở về Tổ đình Thập Sơn. Tháp thọ tang rồi ở lại học với sư huynh là Tăng cang Vạn Thành vừa mới được suy PHÚC ĐỊA  cử làm tân trụ trì Tổ đình này. Sau 10 năm chuyên tâm tu học, phát huy đạo tâm và trí Nơi phát sinh phúc đức, phần lớn chỉ các huệ sẵn có, sư đã bác thông kinh điển, tự viện. Tiết Thị Chân Ngộ Thiền nhân Bách gia chư tử và có khả năng giáo hóa trong HSLNMDT q. 2 ghi: »  nhuần nhuyễn, đạo vị vào bậc nhất thời

bấy giờ, nên người đời trân tặng mỹ hiệu »Phật pháp thiên lý câu« (Con ngựa tinh – Nhân đâu mà cất bước du thông Phật pháp chạy được ngàn dặm). phương? Nhân đâu mà tham phỏng bậc Năm 1894, sư trụ trì chùa Phổ Quang ở thiện tri thức? Nhân đâu mà bước đến huyện Tuy Phúc (nay ở xã Phướng Thuận). danh sơn, lên phúc địa, vào tùng lâm, nhập Năm 1901, sư được triều đình ban cho giới bảo xã?«. đao và độ điệp làm Tăng cang chùa Thập Tháp. Năm 1908, sư được mời ra Hoàng PHÚC ĐIỀN (thế kỷ XIX) cung thuyết pháp, đồng thời cũng để khai X. An Thiền. giảng một khóa giảng kinh tại chùa Trúc Lâm. Các vua Thành Thái, Duy Tân và Khải Định đều mời sư vào cung thuyết PHÚC HỘ pháp nên được triều đình, sơn môn đồ Che chở. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: chúng tôn xưng Quốc sư. Năm 1920, Quốc » – Đại quyền sư mở các lớp nội điển tại chùa Thập Tháp Bồ Tát che chở chúng sinh«. và Long Khánh. Năm 1929 làm chủ giảng

PHÚC NGHỊ (1710-1795) tại chùa Trúc Lâm ở Huế. Năm 1932, Quốc sư cùng các bậc Tôn túc ở đất Thần kinh thành lập hội An Nam Phật Học và xuất bản tờ báo Viên Âm, cổ xúy phong trào chấn hưng Phật giáo. Nhiều Phật học đường từ Tiểu học đến Đại học được mở ở các chùa Trúc Lâm, Tây Thiên, Kim Sơn, Báo Quốc, Diệu Đức v.v... Năm 1937, – Về sau sư đến nam Ấn Độ, người Quốc sư kế tục trụ trì chùa Thập Tháp. Từ dân nước đó phần đông tin phúc nghiệp, đó, Quốc sư ở hẳn tại Bình Định làm Đốc nghe tôn giả nói về diệu pháp, họ thưa với giáo cho lớp Trung đẳng mở tại chùa Long ngài rằng: Người tạo phúc nghiệp là đứng Khánh. Quốc sư là cây đại thụ của nền nhất thế gian, Thầy nhọc công nói Phật Phật giáo không chỉ ở Trung kỳ, mà còn tính, ai có thể thấy được? Tôn giả nói: tỏa bóng xuống phần đất Nam kỳ nữa. Sau Ngươi muốn thấy Phật tính, trước cần trừ khi Quốc sư thị tịch, Hòa thượng Trí Hải ngã mạn. Họ liền hỏi: Phật tính lớn hay trụ trì chùa Bích Liên Bình Định đề 4 câu nhỏ? Tôn giả đáp: Không lớn không nhỏ, thơ tại tháp của Quốc sư như sau: không rộng không hẹp, không phúc không »Nguy nhiên nhất cao tháp báo, chẳng tử chẳng sinh. Họ được nghe lý Độc tọa Đồ Bàn đông thù thắng, thảy đều hồi tâm«. Ngoại thị hữu vi tướng Trung tàng Vô tướng Ông«. PHÚC NGHIÊM TỰ »Cao thay một ngọn tháp Nằm dưới đỉnh Trịch Bát, núi Hành Sơn, Độc chiếm đông Đồ Bàn tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Vào niên hiệu Ngoài bày hữu vi tướng Quang Đại thứ 1 (567) đời Trần Nam Trong ẩn vô tướng Ông«. Triều, Huệ Tư sáng lập chùa này, ban đầu gọi là »Bát Nhã Tự«, còn gọi »Bát Nhã PHÚC NGHỊ (1710-1795) Đài«. Niên hiệu Khai Nguyên thứ 1 (713) Thiền tăng đời Thanh, họ Lý,tự Mẫn Tu, đời Đường, Nam Nhạc Hoài Nhượng mở người xứ Vũ Xương, Hồ Bắc, Trung Quốc. rộng chùa thành đạo tràng, tuyên dương Nối pháp Thiền sư Thạc Am Hạnh Tải, đời học thuyết đốn ngộ của Lục Tổ Huệ Năng, thứ 39 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Tiêu nên còn gọi là »Thiên Hạ Pháp Viện«. Sơn. Có ngữ lục truyền lại đời. Khoảng niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-983) đời Tống đổi tên là »Phúc PHÚC NGHIỆP Nghiêm Tự«, sau đó bị phá hủy. Niên hiệu Hành vi, lời nói và ý niệm tốt lành khả dĩ Đồng Trị thứ 9 (1870) đời Thanh xây cất mang đến phúc báo. Nhà thiền chẳng tán lại, đứng đầu trong sáu Đại tùng lâm ở thành lý luận nhân quả báo ứng này, mà Nam

Nhạc. Tấm biển ở sơn môn là »Thiên cho rằng cần phải minh ngộ bản tính mới Hạ Pháp Viện«, hai bên có cặp đối liễn: có thể siêu thoát sinh tử. Chương Long »Lục triều cổ sát, thất Tổ đạo tràng« (chùa Thọ Tôn Giả trong CĐTĐL q. 1 ghi: » cổ của sáu Triều, đạo tràng của bảy Tổ).

PHỤC NHÂN (1889-1973) Trên trụ đá trước nhà Tri khách có cặp đối Cảm Tháp«. Niên hiệu Khánh Lịch thứ 4 liễn: »Phúc Nghiêm vi Nam Sơn đệ nhất (1044) tháp bị hủy bởi sấm sét. Niên hiệu cổ sát, Bát Nhã thị Lão Tổ bất nhị pháp Hoàng Hựu thứ 1 (1049) xây dựng lại tức môn« (Phúc Nghiêm là chùa cổ hạng nhất là tháp sắt ngày nay. ở Nam Sơn, Bát Nhã là pháp môn bất nhị của Lão Tổ). Trong chùa có Nhạc thần PHỤC điện, Phương trượng thất, Tổ đường, Liên Là phó từ nghi vấn, tương đương với »cứu trì đường, Hữu thiền đường, Tả trai đường, cánh, rốt cuộc«. Tiết Cửu Phong Đạo Kiền Vân thủy đường, Tàng kinh các, Pháp Thiền sư trong NĐHN q. 6 ghi: » đường, kiến trúc mộc mạc thanh nhã mang đậm màu sắc hương vị cổ xưa.

– Hỏi: Tổ Tổ truyền nhau, rốt cuộc truyền cái gì? Sư đáp: PHÚC NGỘ (1245-1313) Thích-ca keo kiệt, Ca Diếp giàu có.« Còn gọi: Phất Ngộ. Thiền tăng đời Nguyên, họ Vương, tự Hoàn Nguyên, PHỤC NHÂN (1889-1973) người đời gọi là Hoàn Nguyên Phúc Ngộ Tăng nhân hiện đại, họ Vương, người Đại Thiền sư, người xứ Linh Thạch, Hoắc Bộ tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tuổi trẻ Châu (nay thuộc Sơn Tây) Trung Quốc. Sư đi kinh doanh ở Thái Lan. Đến năm 33 cạo tóc ở chùa Đâu Suất tại ấp nhà, rồi dạo tuổi, sư theo Hòa thượng Lô Quảng ở chùa khắp các pháp hội, hùng biện như thác đổ. Cam Lộ tại Bangkok xuất gia. Sau khi về Sau đó sư đến Thiếu Thất tham vấn Thiền nước, sư thụ giới Cụ túc tại chùa Thiên sư Văn Thái, được ấn khả, nối pháp ngài Đồng ở Ninh Ba, rồi đi hành hương các thuộc tông Tào Động. Đầu tiên sư hoằng núi: Phổ-đà, Ngũ Đài. Sư từng tham học pháp ở chùa Thiên Khánh. Niên hiệu Chí tại các đại tùng lâm như: Ngũ Đài Sơn, Nguyên thứ 26 (1289) sư dời đến chùa Bảo Cao Mân tự, Trường Sinh Tự, Kim Sơn Ứng ở Tây Kinh. Niên hiệu Nguyên Trinh Tự, Tiêu Sơn, Dũng Tuyền Tự và thọ giáo thứ 1 (1295), sư kế vị trụ trì Thiếu Thất. các vị như: Giới Thừa, Huệ Minh, Lai Quả, Niên hiệu Chí Đại thứ 4 (1311) sư lui về ở Ấn Quang. Năm 1931, sư đến chùa Dũng ẩn tại chùa Bạch Mã, Lạc Dương. Tuyền ở Phúc Châu nương Hư Vân Lão hòa thượng. Năm kế, vâng lời ngài đến PHÚC THẮNG THÁP Quảng Đông quyên góp lương thực, rồi Nằm trong khuôn viên Phúc Thắng thiền sang Bangkok quyên góp, được tín chúng viện thuộc Nguyên Khai Bảo Tự, thành nơi đây ủng hộ, mời sư trụ trì chùa Long phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Hoa. Ở đấy vài năm sư làm hưng thịnh Quốc. Là tháp gỗ hình bát giác 13 tầng cao Thiền tông. Năm 1938, sư về nước nối 360 thước Tàu, quy mô cao lớn, được gọi pháp Hòa thượng Hư Vân, thuộc tông Tào là »Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Động đời thứ 48. Năm 1948, sư sang Quốc chưa hề có«. Tương truyền đỉnh tháp HongKong, xây dựng thiền viện Pháp Lâm phóng quang, nên niên hiệu Đại Trung ở núi Đại Dư, mỗi năm đều mở thiền thất Tường Phù thứ 6 (1013) đổi tên là »Linh đạo tràng. Năm 1965, sư trụ trì nhiệm kỳ

PHÙNG DỊCH đầu của »Hư Vân Hòa thượng Kỷ Niệm Đường« tại núi Phù Dung. Năm 1973, sư thị tịch tại HongKong.

– Chẳng thấy Tuyết Đậu nói: Trong chúng nếu có PHÙNG DỊCH

Tiên-đà-khách, đâu nhọc Văn-thù đánh Còn gọi: Phùng y. Nho sĩ. Tức chiếc áo một dùi! Xét kỹ lại, Tuyết Đậu chẳng nên rộng nách mà các nho sĩ thời xưa hay mặc, tìm muối, Vạn Tùng (pháp hiệu của tác giả sau biến thành thuật ngữ chỉ cho nho sĩ. Thung Dung Am lục) đâu kham dâng Tiểu truyện Thiền sư Thuần Chân trong ngựa?«. TUTA ghi: »

– Sư thuở nhỏ thông PHƯỚC thạo kinh sử, đi đến đâu bọn nho sĩ cũng Tất cả những mục từ bắt đầu bằng chữ tranh nhau theo về.« xin xem dưới vần Phúc.

PHÙNG PHẬT SÁT PHẬT PHƯƠNG BIỆN Thiền tăng đời Đường, họ Phương tên Gặp Phật giết Phật. Thiền sư dùng từ này Biện, pháp hiệu Thất Tra, người Tây Thục để phá trừ kiến giải chấp thật của đương (Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư là đệ tử của cơ, chẳng cho họ trụ vào khái niệm, hình Lục Tổ Huệ Năng khi Tổ về già, thuộc tướng của Phật. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Thiền tông Nam tông đời thứ 2. Sau khi Lục Tổ thị tịch, sư trở về Tứ Xuyên hoằng pháp.

– Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp La-hán giết La-hán, PHƯƠNG DUNG gặp cha mẹ giết cha mẹ, gặp bà con họ Hiệu của Thiền tăng Như Tỉ, đời Thanh. X. hàng giết bà con họ hàng thì mới được giải Như Tỉ. thoát«. PHƯƠNG HỘI (992-1049) PHÙNG TRƯỜNG TÁC HÍ Thiền tăng đời Tống, là Tổ phái Dương Kỳ tông Lâm Tế, họ Lãnh, người Nghi Xuân, Gặp sân khấu liền đóng trò. CĐTĐL q. 6 Viên Châu (Giang Tây), Trung Quốc. ghi: » – Cây gậy Thuở niên thiếu sư thông minh lanh lợi, đem theo bên mình, gặp sân khấu liền đóng lớn lên không thích theo nghề viết lách. trò«. Sau vì người khác nắm chức thu thuế, bị mất chức còn mang tội, lén trốn qua núi PHỤNG MÃ Cửu Phong, Quân Châu (Cao An, Giang Dâng ngựa. Thiền tông mượn từ này để chỉ Tây) cạo tóc làm tăng. Sư đến Đàm Châu việc âm thầm khế hợp, tương ưng. X. Tiên- (Trường Sa, Hồ Nam) tham kiến Thạch đà-khách. Thung Dung Am lục q. 1 ghi: Sương Sở Viên giữ chức Giám viện, sau » khi đắc pháp sư giả từ trở về núi Cửu

PHƯƠNG NIỆM (1510-1594) Phong, lại đến núi Dương Kỳ trụ trì Thiền Thượng Sĩ ngữ lục ghi: viện Phổ Thông mở mang thiền phong, người đời gọi là Dương Kỳ Phương Hội. Niên hiệu Khánh Lịch thứ 6 (1046) sư ở Trời đất thoáng trông chừ sao mênh mang chùa Hải Hội, núi Vân Cái, Đàm Châu. Chống gậy rong chơi chừ ngoài cõi thế. Chủ trương đạo xuất phát từ thường tình, 2. Ngoài thế giới. Pháp Diễn ngữ lục q. xem tất cả hoạt động thế tục là diệu đạo trung ghi: » cầu giải thoát, xiển dương lý mầu »Chư – Nhét núi Tu-di vào trong hạt Phật ba đời ở nơi ông, chuyển đại pháp cải, ném cõi đại thiên ra ngoài thế giới.« luân dưới gót chân mỗi người«. Ngôn hạnh của sư được biên tập làm Dương Kỳ PHƯƠNG NGOẠI HỮU Phương Hội Hòa thượng ngữ lục 1 quyển, Người bạn đạo đã thoát vòng trần lao, »Hậu Lục« 1 quyển. Pháp hệ này gọi là không phân biệt tại gia hay xuất gia. Tiết »Phái Dương Kỳ«. Đệ tử nối pháp có 13 Sở Thạch Hòa thượng trong Phạm Kỳ ngữ người: Thủ Đoan, Nhân Dũng v.v... lục q. 20 ghi: »

PHƯƠNG MỘC ĐẬU VIÊN – Hàn lâm học sĩ Tống công KHỔNG Cảnh Liêm, Nguy công Đại Phác cùng sư Dùng cây vuông tra vào lỗ tròn, dụ cho (chỉ Thiền sư Pham Kỳ) làm Phương ngoại phương pháp sai lầm, không cách nào đạt hữu«.

đến mục đích. Phật Quả ngữ lục q. 2 ghi: » PHƯƠNG NHAM – Nhờ Hiệu của Thiền tăng Vân Tụ, đời Nguyên. lời nói mà hiểu biết thì như rửa đất trong X. Vân Tụ. bùn, không nhờ lời nói mà hiểu biết thì như cây vuông tra vào lỗ tròn«. PHƯƠNG NIỆM (1510-1594) Thiền tăng đời Minh, họ Dương, tự Từ PHƯƠNG NGOẠI Chu, hiệu Thanh Lương, người Đường 1. Chỉ nơi ngoài cõi thế tục, tức nơi non huyện (Hà Bắc), Trung Quốc. Năm 10 tuổi cao rừng thẳm xa hẳn chốn thị tứ phồn hoa. xuất gia, sư ban đầu nghiên cứu tông chỉ Tiết Phổ An Thiền sư trong NĐHN q. 4 tính tướng, thường bị bệnh bức bách nên ghi: » hâm mộ thiền pháp, liền đến Thiếu Thất tham kiến Thiền sư Thường Nhuận. – Sư đắc pháp tại đạo Thường Nhuận thấy sư nói năng hòa nhã tràng của Bách Trượng Hoài Hải. Về sau nên cho làm Duy-na. Ngày nọ đi đến chỗ nghe cảnh tượng núi Thiên Thai đẹp đẽ, Sơ Tổ ngồi nhìn vào vách, bỗng nhiên khế thánh hiền thường hiện ra nơi đó bèn có ý ngộ, bèn được Thường Nhuận ấn chứng, muốn dẫm chân cõi xa ngoài thế tục, để làm truyền nhân tông Tào Động. Lúc 28 tìm dấu vết thánh hiền thuở trước.« tuổi sư vào Ngũ Đài bế quan khổ tâm tham Bài Phóng Cuồng Ngâm trong Tuệ Trung cứu. Ngày ăn một bữa, đêm chỉ tọa thiền.

PHƯƠNG QUẢNG TỰ Theo lời thỉnh, sư trụ trì chùa Đại Thiện, PHƯƠNG THỐN Thiệu Hưng (Chiết Giang) thượng đường Tâm tính. Lạc Đạo Ca của Hòa thượng nói pháp làm kinh ngạc mọi người, tiếng Đằng Đằng trong TĐT q. 3 ghi: » tăm lẫy lừng. Lần lượt trụ trì các chùa Đông Tháp, Vân Cư, Viên Thông v.v... dời sang chùa Đại Giác ở Kinh Sư. Niên – Chí lý hiệu Vạn Lịch thứ 22 (1594) sư tịch tại núicủa 84.000 pháp môn không rời tâm tính. Ngũ Đài. Chẳng cần học rộng nghe nhiều, chẳng chuộng biện tài sâu sắc. Chỉ cần biết dùng PHƯƠNG QUẢNG TỰ kho báu nhà mình, chớ dối rong chơi khắp Dưới ngọn Liên Hoa, Hành Sơn, tỉnh Hồ chốn«. Nam, Trung Quốc. Xây dựng vào niên hiệu Thiên Giám thứ 2 (503) đời Lương Nam PHƯƠNG THỐN THIỀN Triều, đời Đường gọi là »Phương Quảng Thiền pháp chỉ thẳng tâm người. Tông Thánh Thọ Tự«, đầu đời Tống gọi là Môn Võ Khố ghi: » »Phương Quảng Sùng Thiền Tự«. Huệ Hải là một trong 18 cao tăng Nam Nhạc từng lấy nơi đây làm đạo tràng. Từ đây về sau – Hòa thượng Pháp Hội nhiều lần hư phế nhiều lần tu sửa. Vào đời Cảo sau khi trụ tùng lâm giáo hóa, lúc Minh, Hòa thượng Khiết Không trùng tu, thượng đường, tiểu tham, thường bảo mọi cất nhà ván lợp ngói sắt. Hơn 100 năm sau người rằng: Vào ngày 21 tháng 11 niên đến niên hiệu Sùng Trinh thứ 1 (1628) đời hiệu Thiệu Thánh thứ 3 (1096) Hòa thượng Minh, Vương Phù Chi lại bỏ tiền ra tu sửa. ngộ được Phương thốn thiền«. Kiến trúc chủ yếu hiện còn trong chùa là Chính điện, Tổ sư đường. Sự thâm u của PHƯƠNG TRẠCH Phương Quảng Tự là một trong »Nam Thiền tăng đời Minh, họ Nhậm, tự Vân Nhạc tứ tuyệt«. Vọng, hiệu Đông Khê, Vô Tham, người Gia Thiện (Chiết Giang), Trung Quốc. Vào PHƯƠNG SÁCH NHÂN DUYÊN chùa Tinh Nghiêm ở Tú Thủy (Gia Hưng, Chiết Giang) sư cạo tóc làm tăng, thông Cơ duyên ngữ cú trên sách vở. Tiết Đạo nội điển, có giới hạnh. Yết kiến Đạo Tế Trường Minh Biện Thiền sư trong NĐHN chùa Thiên Ninh. Một hôm nhân xem công q. 20 ghi: » án Thiên Vương, đọc đến câu »chỗ nào

chẳng chỉ bày tâm yếu« sư liền hoát nhiên – Phật Nhãn nói: tỉnh ngộ, được Đạo Tế ấn khả. Khi ra Những cơ duyên ngữ cú trên sách vở của hoằng pháp pháp sư trụ trì chùa Tích Tổ sư xưa kia, tôi nhận là ông hiểu được. Nghiêm, về già lui về ở tinh xá Tú Thủy. Sư chợt giơ nắm tay lên, hỏi: Cái này do Bẩm tính thông minh, ngày có thể tụng đâu mà gọi là nắm tay?«. hơn vạn lời kệ, hạ bút là văn tự tuôn chảy. Tác phẩm: Hoa Nghiêm Yếu Lược 2 quyển,

QUÁCH BẰNG (1920-1990) Đông Khê Nội Ngoại tập 8 quyển. cánh, đáo để (Rốt cuộc). Tử Bá Lão Nhân tập q. 1 ghi: » PHƯƠNG TRƯỢNG 1. Còn gọi: Phương trượng thất, Trượng thất, Hàm trượng, Chính đường. Căn – Ngộ được tâm này thì phòng của vị Trụ trì tự viện. Như Tịnh ngữ không có chỗ trệ ngại nào mà chẳng lục, q. hạ ghi: » thông; còn mê tâm này thì mọi chỗ gần đều – thành xa. Than ôi! Rốt cuộc tâm là vật gì? Phương trượng, chiều dài chiều ngang một Lại có năng lực khiến người làm Thánh trượng. Văn-thù, Duy-ma cách vách gãi nhân, cũng có năng lực khiến người làm ngứa«. phàm phu«. 2. Lời chư tăng gọi vị Trụ trì. Tông Môn Võ Khố ghi: » QUÁ Giao, đưa. Vân Môn quảng lục q. trung ghi: » – Thiền sư Minh Thủy Tốn tại Phủ – Châu, lúc còn ở liêu thị giả của chùa Pháp Tăng hỏi Quốc sư: Thế nào là bản thân Tỳ Vân, có thiền sư Đạo Lâm Lâm đến chùa lô xá na? Quốc sư bảo: Hãy đưa tịnh bình xin tạm trú. Vị Trụ trì muốn Đạo Lâm Lâm cho ta.« đến uống trà nên sai Tốn đến liêu của khách để mời«. QUÁ THỦ Chìa tay ra. Tào Sơn ngữ lục ghi: » – Sư nói: Hãy chìa tay Q ra. Tăng chìa tay ra. Sư bèn đếm ngón tay nói: Một, hai, ba, bốn, năm. Đủ!«

QUẢ QUÁ TRIÊU TỊCH 1. Kết quả, đối lại với »nhân«, chỉ cho sự Sống. Tiết Linh Tuyền Quy Nhân Thiền sư báo ứng lành dữ của hành vi thiện hay ác. trong NĐHN q. 13 ghi: » 2. Giai vị giác ngộ của người tu theo đạo Phật. Chương Ma-ha Ca-diếp, Tổ thứ 1 trong CĐTĐL q. 1 ghi: » – Hỏi: Thế nào là gia sản của Linh Tuyền? Sư nói: Trong nhà – Khi ấy A-nan vì chưa dứt hết không có một vật. Hỏi: Dựa vào cái gì để phiền não nên không được vào hội, sau đó sống? Sư nói: Bẻ gãy chân cái chõ không Ngài chứng được quả A-la-hán, nhờ đó còn khói lửa.« được vào«. 3. Phó từ, nghi vấn, để nhấn mạnh ngữ khí QUÁCH BẰNG (1920-1990) cho câu văn, tương đương với từ: cứu Học giả Phật giáo hiện đại, người Đường

QUÁCH LẠC Hà, Hà Nam, Trung Quốc. Thuở bé vì QUÁCH NHIÊN nghèo khó mà làm tăng, về sau lớn lên đi Rỗng rang. Bích Nham lục q. 1 ghi: » theo cách mạng. Sau giải phóng (1-10- 1949) ông nhậm chức Phó bí thư Hiệp hội – Lương Võ Phật Giáo Trung Quốc, Phó giáo sư viện Đế hỏi Đại sư Đạt-ma: Thế nào là Thánh Nghiên cứu sinh thuộc viện Khoa học Xã đế đệ nhất nghĩa? Đại sư đáp: Rỗng rang hội Trung Quốc, Nghiên cứu viên Sở không thánh«. Nghiên cứu Tôn giáo Thế giới thuộc viện Khoa học Xã hội Trung Quốc. Nhiều năm QUÁCH THỊ theo đuổi nghiên cứu lịch sử tư tưởng Phật Thành thị. Quách: vùng ngoại thành. Tiết giáo

Trung Quốc, ông siêng năng nghiên Tăng Xán trong TĐT q. 2 ghi: » cứu học thuật thành tựu nổi bật; trong giới – Hoặc ở núi rừng, hoặc học thuật gọi ông là »Chàng Ba liều ở thành thị«. mạng«. Tác phẩm: QUÁCH TRIỆT — Đàn Kinh Hiệu Thích Rỗng lặng thấu suốt. Tiết Nghệ ngôn trong — Đàn Kinh Đối Khám NHQL q. 29 ghi: » — Đàn Kinh Đạo Độc — Hán Ngụy Lưỡng Tấn Nam Bắc Triều – Đến được chỗ đường tâm bặt, rỗng Phật Giáo lặng thấu suốt không nương gá thì nhân — Tùy Đường Phật Giáo pháp đều mất, tâm cảnh đều quên«. — Tống Nguyên Phật Giáo — Minh Thanh Phật Giáo QUÁI SAI — Trung Quốc Phật Giáo Tư Tưởng Sử Quái gở, lạ lùng. Mật Am ngữ lục ghi: — Trung Quốc Phật Giáo Sử Lược. QUÁCH LẠC »Sinh thiết chú ngưu đầu Rỗng lặng. Như Tịnh ngữ lục ghi: Khiên lê hoàn duệ bả Trí giả tiếu hân hân Ngu nhân kinh quái sai«. »Sắt sống đúc thành trâu Kéo cày còn kéo bừa »Diệu tịnh tịnh thời giải hoạt kế Người trí hớn hở cười Lộ đường đường xứ hữu gia phong Kẻ ngu ngại quái gở«. Tu tri thoát thể trác nhiên đạo Quách lạc viên thông thị cá tông«. QUẢI BÁT »Lúc diệu lặng lặng biết kế sống Còn gọi: Quải đáp, Quải đơn. Treo bát, tức Chỗ bày lồ lộ có gia phong là thiền tăng ăn cơm cháo xong, treo bát Cần hay toàn thể đạo tuyệt vời của mỗi người vào cái móc phía sau Rỗng lặng viên thông là Thiền tông«. giường ngủ (đơn). Nghĩa bóng là nương ở

QUẢI THẦN VẪN nhờ nơi thiền viện. Phần Phó Chúc Phạn Môn Quan (Đại 48, 293 hạ) ghi: » trong Thiền Uyển Thanh Quy (Vạn Tục 111, 441 hạ) ghi: » – Ông già mặt vàng không coi ai ra chi, ép tốt – Niệm bài kệ ăn cơm thành xấu, treo đầu dê bán thịt chó, tưởng xong (...), Trụ trì bước ra ngoài nhón đâu là hay lắm!«. người lên treo bát, khiến đại chúng đều treo bát ngay ngắn«. QUẢI ĐƠN Quải là ở đậu, đơn là đơn vị. Tất cả vật QUẢI BÁT NANG dụng của tòng lâm thuộc về một vị tăng là Treo túi bát. Lúc vị tăng hành cước qua các 1 đơn vị. Ở đậu một ngày thì làm chủ tòng thiền hội, có mang theo túi và bát. Khi đến lâm một ngày. Ở đậu 10 năm thì làm chủ ngụ tại một thiền viện nào đó thì treo túi và tòng lâm 10 năm. bát lên móc trong Tăng đường. Thiền tông dùng từ này để chỉ cho việc tham học đã QUẢI NHÂN THẦN XỈ xong. Tắc 20, Thung Dung lục (Đại 48, Bị người nghị luận. Mật Am ngữ lục ghi: 240 thượng) ghi: » » – Dẫm lên đất – Kiền Phong lắc đầu, chân thật, liền có thể treo cao túi bát, bẻ Vân Môn vẫy đuôi, từ xưa đến nay bị gãy cây gậy«. người nghị luận.«

QUẢI BÌNH BÔI QUẢI THẦN XỈ Chỉ cho tăng nhân hành cước dừng lại nghỉ Chỗ tiếp giáp giữa môi và răng, tức là ngơi một nơi nào đó. Bình bôi là đồ đựng nước răng. Chỗ này thì chẳng thể nuốt vật thức ăn nước uống của tăng nhân hành gì. Thiền tông dùng từ này để tỷ dụ nếu cước. Tiết Đầu Tử Nghĩa Thanh Thiền sư câu nệ vào lời nói của người khác thì trong NĐHN q. 14 ghi: » chẳng thể hiểu được ý nghĩa chân thật của – Thôn xóm vắng vẻ, quán trọ lời nói ấy. Bích Nham lục (Đại 48, 283 rách nát chớ nên dừng lại nghỉ ngơi.« trung) ghi: »

QUẢI DƯƠNG ĐẦU, MẠI CẨU – Sơ Sơn đến Quy Sơn liền NHỤC hỏi: Nghe Sư có dạy lời rằng: Câu Hữu Treo đầu dê bán thịt chó. Theo Nội Thiên câu

Vô như bìm leo cây (Câu nệ vào lời Tạp Hạ trong Án Tử Xuân Thu: Treo đầu nói của người thì sẽ không hiểu được ý trâu ở cửa mà bán thịt ngựa ở bên trong. nghĩa chân thật của lời nói ấy)«. Đời sau đổi »Ngưu đầu« thành »Dương đầu«, đổi »Mã nhục« thành »Cẩu nhục« rồi QUẢI THẦN VẪN viết thành »Quải dương đầu, mại cẩu Liên quan tới ngôn từ giảng thuyết. »Nghệ nhục« để ví với hành vi lừa đảo lấy giả làm Ngôn« trong NHQL q. 29 ghi: » thật, trong ngoài không thống nhất. Vô

QUẢI TÍCH QUẢI TỬ Áo mặc
ngoài. Tiết Quốc Hoan Văn Củ – Tâm ấn Thiếu Thất há câu Thiền sư trong NĐHN q. 4 ghi: » nệ vào việc trau chuốt lời nói câu văn?
Người xưa tạm vì kế tiếp dẫn mà mượn lời – nói, nhưng đều hồn hậu chất phác, ngắn Về sau yết kiến Thiền sư Đàm Không nơi gọn chuẩn xác và trong sáng để dạy người, tháp Vạn Tuế xuống tóc nhưng không mặc chẳng phải khoe hiểu khoe tài, bên ngoài cà sa, không thọ giới cụ túc, chỉ mặc áo trang sức coi đẹp mà thôi.« ngoài nhiều màu.«

QUẢI TÍCH QUAN BẤT DUNG CHÂM, TƯ Còn gọi: Lưu tích, Quải đáp. Treo tích THÔNG XA MÃ trượng. Thuở xưa, các vị tăng hành cước tham học khắp nơi đều mang theo tích Pháp luật nghiêm minh, tra xét kỹ càng cho trượng. Khi vào thiền viện, nếu được hứa đến cây kim cũng không lọt, nhưng vì tình cho tạm ngụ thì treo tích trượng vào cái cảm thiên vị mà ngựa xe vẫn lọt qua cửa móc ở trên vách. Bài thơ của Thượng thư khẩu, qua chốt kiểm tra như thường. Thiền Đoàn Văn Khâm tặng Thiền sư Quảng Trí tông mượn từ này để chỉ cho thiền sư khi (Việt Nam) ghi: tiếp dẫn người học có thể tùy cơ ứng vật mà dùng nhiều phương thức khác nhau. NĐHN q. 20 ghi: » – Dù như thế, vẫn phải dùng nhiều phương thức tiếp dẫn người học,mở »Quải tích nguy phong bãi lục trần một con đường có chỗ cho ngôn ngữ văn Mặc cư huyễn mộng vấn phù vân tự«. Ân cần vô kế tham Trừng Thập NĐHN q. 19 ghi: » Sách bạn trâm anh tại lộ quần«. – Khi tiếp dẫn người học cần dùng »Tạm ngụ non cao bỏ sáu trần nhiều phương thức, lại còn mượn một câu Ở yên huyễn mộng hỏi phù vân hỏi«. Ân cần không cách tham Trừng Thập QUAN LIỆT TỬ Quan tước triều đình trót vướng chân«. Gọi tắt: Quan liệt (chữ Liệt cũng viết -Quải tích còn chỉ cho vị Trụ trì đảm ). Chỗ chí cực vi diệu của nhiệm một ngôi chùa nào đó. Tiết Không thiền cơ, điểm then chốt của sự lý. Bích Thất Trí Thông Đạo Nhân trong NĐHN q. Nham lục q. 1 ghi: » 18 ghi: » – Về sau, cô xuất gia làm ni tên Duy Cửu, trụ trì chùa Tây Trúc thuộc – Gọi là vô sự, Cô Tô«. chẳng phải ù ù cạc cạc mới gọi là vô sự

QUÁN HƯU (852-913) mà cần phải thấu suốt chỗ vi diệu tột cùng như tơ.« của thiền cơ, ra được rừng tư kiến chấp trước mê vọng, buông bỏ mọi việc không QUÁN HÀNH (1578-1645) còn mảy may tình trần, giống như người Tăng nhân đời Minh, họ Triệu, tự Chuyên bình thường thuở trước.« Ngu, người Phách Châu (Hà Bắc), Trung CĐTĐL q. 9 ghi: » Quốc. Tính người đoan trang, thường niệm

danh hiệu Quán Thế Âm. Lần lượt tham kiến các ngài Không Ấn Trấn Trừng, Tuyết Lãng Hồng Ân, Vân Thê Châu Hoằng. Kết am trên ngọn Hoa Đảnh núi – Ngay như đệ tử Thiên Thai, sư đọc kinh Lăng Nghiêm hoát của Tứ Tổ là đại sư Ngưu Đầu Dung nói nhiên tỏ ngộ. Về sau sư sang trụ Lô Sơn, ngang nói dọc vẫn còn chưa biết chỗ vi Hoành Sơn, núi A-Dục Vương. Đời Thanh, diệu tột cùng của thiền cơ (...) Vả lại, niên hiệu Thuận Trị thứ 1 (1644) sư trụ trì người thời ấy sự thật là không đủ khả năng chùa Thanh Lương núi Thạch Thành, gặp để thể hội, chỉ biết học ngôn ngữ, nghĩ Minh Tư Tông Băng, vì để cúng tế các vua rằng thân thể an ổn là đủ, đi đến nơi đâu quan, bèn xây cất đạo tràng ở nơi Tử Trúc cũng xưng là ta đã hội thiền.« Lâm, phía bắc thành Kim Lăng (Nam Kinh) cất thiền đường, tỉnh thất. Niên hiệu QUÁN CHÍ (910-970) Thuận Trị thứ 2 (1645) nơi chùa Thiên Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Tống, tự An Giới, sư hoằng dương giới luật. Tháng 5 Nhiên, người Hồng Châu (nay là Nam năm ấy nhập tịch. Sư trước tác rất nhiều, Xương, Giang Tây) Trung Quốc. Sư nối như Tâm Kinh Tiểu Đàm, Tập Luật pháp thiền sư Đồng An Đạo Phi, làm Thường Quỷ, Kim Cang Bát Nhã Lược truyền nhân tông Tào Động đời thứ 4, trụ Đàm v.v... Khi đệ tử biên tập, sư tự đề tên viện Đồng An ở kiến Xương (nay là Nam là »Bế Môn Ngữ«. Đặc biệt có: Tử Trúc Thành, Giang Tây) Lâm Chuyên Ngu Hòa thượng ngữ lục, 30 quyển. QUÁN GIÁC Còn gọi: A Giác . Đứa bé con, đầu để QUÁN HƯU (852-913) chỏm như hai cái sừng. Chương Đại Đồng Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Khương, tự Đầu Tử Thiền sư trong CĐTĐL q. 15 ghi: Đức Ẩn, người Lan Khê (Hy Thủy, Hồ » Bắc), Trung Quốc. Xuất gia từ thuở nhỏ, sư thấm nhuần Phật điển, cư ngụ Hàng Châu và Tô Châu. Sư đi du phương để xin – Tăng hỏi: Thế nào là chỉ ý Tổ sư? yết kiến học đạo. Niên hiệu Thiên Thục Sư đáp: Di-lặc tìm một nơi thọ ký không (901-904) vào đất Thục, Thục Chúa là được. Tăng hỏi: Hòa thượng trụ nơi đây có Vương Kiến ban hiệu »Thiền Nguyệt Đại cảnh giới gì? Sư đáp: Bé gái tóc còn để Sư«. Bởi sư giỏi viết chữ thảo nên thời chỏm (như hai cái sừng) mà đầu đã bạc nhân sánh sư như Hoài Tố. Tác phẩm:

QUÁN MỘC Thiền Nguyệt tập 30 quyển, Toàn Đường Giáo Bắc Kỳ lấy chùa này làm hội quán. Thi 12 quyển. Năm 1942 chùa được xây lại theo quy mô kiến trúc và trang trí nội thất như ngày nay. QUÁN MỘC Theo: VHVNTH 1989-1995. Rót nước thơm để tắm Phật. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: QUÁN TÂM HUYỀN XU Sách, 1 quyển, do Vĩnh Minh Diên Thọ soạn vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 114. Thiền sư Diên Thọ đứng trên lập trường Thiền tông để trình bày huyền »Yên mông mông, vũ mông mông chỉ Quán tâm của Phật giáo như sau: Nếu Thược dược hoa khai thấp nộn hồng như chúng ta muốn thoát khỏi cảnh trói Ngã kim quán mộc chư Như Lai buộc, dứt phân biệt, hộ chính pháp, minh Nhân gian thiên thượng khởi thanh pháp tướng, liễu tứ đế, rõ tam tạng, hàng phong«. phục 4 thứ ma, biện được nhiễm tịnh đều »Mưa lất phất, khói lờ mờ phải từ phương pháp quán tâm mà được Thược dược hoa khai đỏ thắm tươi, thành tựu. Nếu chẳng quán tâm thì tất cả Nay ta rót nước tắm Như Lai đều lầm loạn, điên đảo, như 96 thứ ngoại Gió mát nổi lên khắp đất trời«. đạo. Cuối quyển phụ kệ, bày tỏ ý nghĩa nguyện sinh Tịnh độ

duy tâm. Sách này kế QUÁN SỨ TỰ thừa hệ tư tưởng Quán tâm của tông Thiên Chùa nằm giữa phố Quán Sứ, Hà Nội, Việt Thai, rút từ văn Quán tâm trong các kinh Nam, mang biển số nhà 73. Cả khu vực điển, giải thích các yếu nghĩa quán tâm này là đất thôn An Tập xưa. Tại đây, thời như: »Tâm tức Đại thừa«, »Tâm tức Phật đầu đời Lê (thế kỷ XV) có lập một khu nhà tính«, »Tâm nhiếp các giáo«. gọi là Quán Sứ để tiếp đón sứ thần các nước Lão Qua, Chiêm Thành… khi họ tới QUÁN TUẾ Thăng Long. Vì họ đều theo đạo Phật nên Thuở bé, tuổi nhỏ. Tiết Vĩnh Phong Huệ một ngôi chùa được dựng ở cạnh Quán Sứ Nhật Am Chủ trong NĐHN q. 18 ghi: » để tiện cho các sứ thần đó tụng niệm cúng bái. Về sau, nhà Quán Sứ bỏ đi nhưng ngôi

– Am chùa được giữ lại. Hiện nay trong chùa còn chủ Huệ Nhật ở Vĩnh Phong Tín Châu, con nhiều bia đá, đáng chú ý là bia do Lê Duy nhà họ Khâu ở bản quận, thuở bé xuất gia, Trung soạn năm 1842 có đoạn ghi: »… được độ làm tăng ở chùa Minh Tâm«. Chùa Quán Sứ ở phía nam thành. Vị sư đến xin ta (tức Lê Duy Trung) bài văn bia QUÁN VIÊN (cuối thế kỷ XIII nói rằng: Chùa ở thôn An Tập, huyện Thọ đầu thế kỷ XIV) Xương, tiền đường thờ Phật, hậu đường Thiền tăng đời Trần, hiệu Quán Viên ở thờ Lý Quốc Sư…« chùa Đông Sơn, giới hạnh thanh tịnh, tuệ Trải bao thay đổi, tới năm 1934, hội Phật giải tròn đầy, mấy mươi năm mà không

QUANG ẢNH LÝ HOẠT KẾ xuống núi. Gặp lúc vua Trần Anh Tông

(1293-1314) đau mắt đã hơn tháng, chữa trị không hiệu quả, ngày đêm đau nhức. – Từng ở trong hang sâu Phụng Lâm Bỗng vua nằm mộng thấy một vị sư lấy tay bỗng phát hiện ra trân bảo. Bạn đồng tu xoa vào mắt. Vua hỏi sư từ đâu đến và tên nhìn nhau, ý muốn lấy nó. Sư nói: Cổ nhân gì? Sư đáp: »Tôi là Quán Viên, đến cứu cuốc đất gặp phải vàng ròng xem như gạch mắt vua«. Tỉnh mộng, mắt liền hết đau, ngói. Hãy chờ tôi trụ trì tự viện, đến khi ấy qua vài ngày mắt vua khỏi hẳn. Vua cho sẽ cúng dường bốn phương tăng. Nói xong người tìm hỏi trong giới tăng sỉ, quả có bỏ đi.« người tên Quán Viên ở chùa Đông Sơn. Nhà vua sai người mời đến, rõ ràng là vị sư đã thấy trong mộng. Vua rất lấy làm lạ, QUANG ẢNH phong chức Quốc sư, ban thưởng rất hậu. Bóng sáng, dụ chỉ vật hư huyễn chẳng thật. Sư đều đem phân phát hết không để lại một Lâm Tế ngữ lục ghi: » đồng nào, vẫn mặc y vá trở về núi, dường như chẳng quan tâm. Từ đó về sau, sư đi

– Người xưa nói: Thân vân du khắp núi sông châu huyện làng nương nơi nghĩa mà lập, độ căn cứ vào thể mạc, nếu ở đâu có miếu thờ thần không mà bàn. Pháp tính thân, pháp tính độ đều chính đáng, làm hại dân, đều bị sư quở biết rõ là vật hư huyễn chẳng thật«. trách đuổi đi, dẹp phá miếu đền. Còn những vị thần lớn phần nhiều xin quy y thụ giới với sư, được sư dạy phải bảo vệ dân QUANG ẢNH LÝ HOẠT KẾ chúng và giảm bớt việc đòi cúng kiến sinh vật. Không rõ sư tịch lúc nào, ở đâu và thuộc Chỉ cho hành vi, ngôn ngữ, tình thức hư hệ phái nào. Theo: Thiền sư Việt Nam của vọng. Tiết Dục vương Đoan Dụ Thiền sư HT. Thanh Từ. trong NĐHN q. 19 ghi: »

QUẢN CỐ Chiêu đãi. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: »

– Kết hạ không thể cúng – Thượng đường: Cả dường đại chúng, làm một tiệc nhà chiêu mặt đất đều là con mắt của sa môn, khắp đãi mọi người.« mười

phương đều là ánh sáng tự kỷ, tại sao Đông thắng thần châu đánh trống, Tây QUẢN MAO PHÚ ĐỈNH ngưu hóa châu không nghe, Nam thiệm bộ Chỉ cho tăng nhân trụ trì tự viện. Chương châu thắp đèn, Bắc cu lô châu ở trong tối? Nham Tuấn Thiền sư trong CĐTĐL q. 15 Đến chỗ này cho dù ông nói được toàn vẹn ghi: » vẫn là hành vi, ngôn ngữ, tình thức hư vọng.«

QUANG ẢNH MÔN ĐẦU QUANG ẢNH MÔN ĐẦU xây cất Vương Uyển Triều Đình Tự, còn gọi »Vương Quốc Tự«. Theo truyền thuyết Sự lý hư huyễn chẳng thật. Thư đáp Trịnh Đ t-ma từng ở chùa này giảng kinh Côn Nham Trung thừa trong HSLNMDT truyền pháp. Niên hiệu Trinh Quán thứ 19 q. 1 ghi: » (645) đời Đường đổi tên là »Càn Minh – Rất sợ được ít cho là đủ, Pháp Tính Thiền Viện«, cũng gọi là »Pháp tối kỵ là rơi vào trong sự lý hư huyễn Tính Tự«. Niên hiệu Nghi Phụng thứ 1 chẳng thật«. (676) Lục Tổ Huệ Năng cùng tăng tranh luận gió phướn tại chùa này, cạo tóc dưới QUANG DŨNG (850-938) cây Bồ đề. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 7 Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Chương, người (1137) đời Tống đổi tên là »Báo Ân Quảng xứ Phong Thành (nay thuộc Giang Tây). Hiếu Thiền Tự«. Niên hiệu Thiệu Hưng Thuở nhỏ học sách Nho, năm 13 tuổi có thứ 21 (1151) sắc tứ »Quang Hiếu Thiền thể giảng giải nghĩa kinh. Đến khi trưởng Tự«. Niên hiệu Thành Hóa thứ 2 (1466) thành, đi dạo chùa Khai Nguyên gặp dị đời Minh bắt đầu gọi »Quang Hiếu Tự«. tăng giao cho chỉ quyết kinh Duy Ma, liền Về sau bị quân Thanh phá hủy. Đầu đến chùa Thạch Đình ở Hồng châu nương khoảng niên hiệu Khang Hy (1662-1722) Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch xuất gia, đời Thanh, Thiền sư Nguyên Chí xây cất 19 tuổi thọ giới cụ túc. Sư từng tham vấn lại, quy mô hùng vĩ tráng lệ, trở thành tùng Lâm Tế Nghĩa Huyền, y theo lời dạy mà lâm hạng nhất ở Lĩnh Nam. Trong chùa trở về hầu hạ Huệ Tịch. Sau được tâm ấn, xưa có 12 điện, 6 đường, còn có Chung nối pháp làm truyền nhân tông Quy lâu, Cổ lâu, Diên thọ am, Đâu suất các, Bút Ngưỡng. Khi Huệ Tịch mất, Quang Dũng thọ hiên, Ngu Phiên từ. Hiện còn Đại hùng đốt ngón tay cúng dường, và ở lại Nam bảo điện, Lục Tổ điện, Già lam điện, Thiên Tháp Ngưỡng Sơn phát dương tông phong. vương điện, Môn lâu, ngoài ra còn có Thùy Niên hiệu Thiên Hựu thứ 1 (904) đến Hồng Phật các, Ế phát tháp, Đông Tây thiết tháp, Châu trụ trì chùa Thạch Đình, 14 năm sau Pháp trang, Đại Bi tràng, Đ t-ma tỉnh. từ biệt trở lại Ngưỡng Sơn. Đây là thắng cảnh nổi tiếng của Phật giáo. 2. Còn gọi: Báo Ân Quang Hiếu Thiền Tự. QUANG HIẾU TỰ Nằm trên sườn núi Thiết Sư, phía nam 1. Chùa ở đường Quang Hiếu, thành phố huyện Kiến Âu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Xây dựng vào niên hiệu Cảnh Vân Quốc. Nền chùa nguyên là chỗ ở của Triệu thứ 1(710) đời Đường, niên hiệu Thiệu Kiến Đức, cháu của Nam Việt Vương Hưng thứ 7 (1137) đời Tống bị chiến tranh Triệu Đà đời Tây Hán. Vào thời Tam Quốc phá hủy. Niên hiệu Hồng Vũ thứ 10 (1377) Ngu Phiên dạy học nơi đây, còn cải tạo và đời Minh xây dựng lại. Khoảng niên hiệu xây dựng lại làm »Ngu Uyển«, sau đó đổi Gia Tĩnh (1522-1566) lại bị lửa thiêu hủy. nhà thành chùa gọi là »Chế Chỉ Tự«. Thời Niên hiệu Vạn Lịch thứ 48 (1620) tái thiết, Đông Tấn tăng nhân Ấn Độ là Đàm Ma Da đời Thanh lại trùng tu. Tự viện kiến trúc Xá đến Quảng Châu truyền giáo, tại đây hùng vĩ, đứng hàng đầu các chùa ở Mân

QUANG TỘ (928-998) Bắc. Cổng chùa treo tấm biển chữ vàng, Cung Trừng Khu và người vợ thứ 33 họ điện đầu tiên là Thiên vương điện thờ Phật Đặng liên danh quyên tiền đúc tháp. Hình Di Lặc và bốn Đại Kim Cang, hình dáng thức cùng quy mô giống như Đông thiết uy nghi. Phía sau là Đại hùng bảo điện có tháp (trên thực tế thì Đông thiết tháp phỏng rường vẽ hoa lầu chạm trổ, mái tỏa góc chế theo Tây thiết tháp), xung quanh thân vểnh. Điện đường cao lớn rộng thoáng, bên tháp là tượng Phật và điêu khắc bảo liên trong thờ Tam Bảo Như Lai, hai bên là 18 hoa. Trong thời kháng chiến, tháp điện bị vị La hán, trước điện có Đàn tăng chúng sụp đổ 4 tầng trên, hiện chỉ còn 3 tầng. bái Phật, có thể chứa vài trăm người. Sau đại điện là Quán Âm điện, bên trái bên QUANG MỤC phải đại điện là lầu chuông lầu trống, cùng với Phương trượng thất, Tàng kinh các. Thiền tăng đời Đường, họ Chương, tự Dật Thế, hiệu Tây Tháp, người Cao An, Giang QUANG HIẾU TỰ THIẾT THÁP Tây, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Huệ Tịch, thuộc tông Quy Ngưỡng đời thứ 3. Sau khi thầy tịch, sư kế tiếp trụ trì Trong khuôn viên chùa Quang Hiếu, thành Ngưỡng Sơn. Sư dùng 36 phép đối của Lục phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Tổ để tiếp dẫn thiền cơ, hết sức tuyệt vời. Quốc. Đông thiết tháp nằm ở phía đông ao Bạch Liên, chùa Quang Hiếu, niên hiệu Đại Bảo thứ 10 (967) Nam Hán chúa Lưu QUANG PHỎNG Sưởng quyên tạo. Tháp hình vuông 7 tầng (Từ tôn kính để gọi) những người khách cao 6,35m, có tòa Tu-di bằng đá khắc, cao đến thưa hỏi. Tiết Chính Pháp Hy Minh 1,34m. Toàn tháp có hơn 900 cái khám thờ Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » Phật, trong mỗi khám đều có một tượng – Người lành các nơi Phật nhỏ, công nghệ tinh xảo, lúc mới đặc biệt đến thưa hỏi«. thành toàn thân thếp vàng, được gọi là »Đồ kim thiên Phật tháp«. Xung quanh có điêu QUANG TỘ (928-998) khắc »Hành long hỏa châu«, »Thăng long giáng long hỏa diệm tam bảo châu«, tạo Thiền tăng đời Tống, họ An người Chiết dáng sinh động. Tháp nguyên đặt tại chùa Giang, Trung Quốc. Đến núi Thanh Thành, Khai Nguyên, Quảng Châu (đã bị phá Ích Châu (Thành Đô, Tứ Xuyên) sư tham hủy), khoảng niên hiệu Đoan Bình (1234- kiến Thiền sư Trừng Viễn được tâm ấn, nối 1236) đời Tống do tăng trụ trì di dời đến pháp làm truyền nhân tông Vân Môn. Ban chùa Quang Hiếu, xây điện che phủ. Tháp đầu trụ Song Tuyền, Tùy Châu (Hồ Bắc) này dùng kỷ nghệ đúc luyện và điêu khắc rồi dời sang chùa Trí Môn truyền bá tông cao siêu, là một trong những tháp sắt hoàn phong, người đời gọi là »Trí Môn Quang chỉnh nhất, cổ xưa nhất hiện còn ở Trung Tộ Thiền sư«. Đệ tử nối pháp hơn 30 Quốc. Tây thiết tháp nằm ở phía tây Đại người như Tuyết Đậu Trọng Hiển v.v... điện chùa Quang Hiếu. Niên hiệu Đại Bảo Tác phẩm: Trí Môn Tộ Thiền sư ngữ lục 1 thứ 6 (963) Thái giám của Lưu Sưởng là quyển.

QUANG TRÁNG QUANG TRÁNG Tây Lạc, Trung Quốc. Lúc sư còn tuổi trẻ, cha sư làm Thái thú Hành Dương, bị bệnh Hoằng dương, làm cho vinh quang rạng rỡ. Mật Am ngữ lục ghi: mất tại đây. Sư phò linh cữu từ Hành Dương về Tây Lạc, qua Lễ châu (huyện Lễ, Hồ Nam) nghỉ đêm tại Dược Sơn Cổ »Nhất ngôn trát trụ vạn cơ thông Tự, bèn xuất gia tại đây. Sư du phương Tự nhiên quang tráng Thiếu Lâm phong«.tham học đắc pháp nơi Thiền sư Phần »Một câu thống thiết, muôn cơ thông Dương Thiện Chiêu. Về sau trụ núi Lang Nha, Trừ Châu (huyện Trừ, An Huy),

chấn Tự nhiên rạng rỡ mạch Thiền tông«. hưng tông phong Lâm Tế, người đời gọi là QUANG TRẠNG NGUYÊN »Lang Nha Huệ Giác«, cùng với Tuyết Biệt hiệu của Thiền tăng Di Quang đời Đậu Trọng Hiển được gọi là »Nhị Cam Lộ Tống. X. Di Quang. Môn«.

QUANG TỰ QUẢNG CHIẾU THIỀN SƯ Thiền tăng đời Ngũ Đại, tham vấn Huyền Sa Sư Bị và đắc pháp. Khi ra hoằng pháp ở Hiệu của Thiền tăng Ứng Phu, sống vào viện Vân Phong, núi Thiên Thai. Ngô Việt đời Tống. X. Ứng Phu. Vương rất hậu đãi sư, ban cho hiệu »Chí Đức Đại Sư«. QUẢNG ĐƠN Giường rộng mà dài của thiền đường, mỗi QUẢNG ẤN (1566-1636) giường có thể nằm mấy chục người. Diện Thiền tăng đời Minh, tự Văn Cốc, biệt hiệu tích mỗi chỗ nằm của 1 người là: 2m x Chưởng Thạch, người Gia Thiện (Chiết 0,8m = 1,6 Giang), Trung Quốc. Năm 13 tuổi sư xuất gia tại chùa Khai Nguyên, Hàng Châu, lần QUẢNG HÓA TỰ lượt tham kiến Nghi Phong, Vô Huyễn, sau Nằm trên sườn núi Phụng Hoàng (còn gọi thụ giới Bồ Tát với Châu Hoằng, sớm tối Nam Sơn) cách thành phố Phủ Điền, tỉnh thỉnh ích vấn đạo. Về sau đi dạo núi Ngũ Phúc Kiến, Trung Quốc 3km về phía nam. Đài đến Kính Sơn thấy thiền giới của Ngô Cùng với Phúc Châu Cổ Sơn Dũng Tự, Việt suy đồi, sư liền trụ chùa Chân Tịch để Tuyền Châu Khai Nguyên Tự, Hạ Môn phục hưng, lại dời sang chùa Tịnh Từ giáo Nam Phổ-đà Tự gọi chung là »Bốn đại hóa đệ tử rất đông, chấn hưng tông phong thiền lâm ở Phúc Kiến«. Nguyên là nơi dạy Lâm Tế. Tác phẩm: Tông Môn Cảnh Ngữ 2 học của anh em nhà Trịnh Lộ. Niên hiệu quyển, Ngữ lục 4 quyển. Vĩnh Giác Vĩnh Định thứ 2 (558) đời Trần Nam Nguyên Hiền, Tiễn Khiêm Ích Vi soạn Triều, đổi làm Kim Tiên Thiền viện. Niên tháp minh. hiệu Cảnh Vân thứ 2 (711) đời Đường, tăng chùa tên Chí Ngạn theo lệnh vua tiến QUẢNG CHIẾU cung giảng Tứ phần luật, vua ban tên Thiền tăng đời Tống, tên Huệ Giác, người »Linh Nham Tự«, Liễu Công Quyền viết

QUẢNG NGHIÊM (1121-1190) biển. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ QUẢNG LỤC 1 (976) đời Tống, do tăng Linh Thưởng và Trong ngữ lục, đem các pháp ngữ của Tổ Thiền sư Quy Dương Vô Liễu xây dựng sư ghi chép lại tỉ mỉ thì gọi là Quảng Lục. lại, đổi tên là »Quảng Hóa Tự«. Chùa vào Chẳng hạn như: Mã Tổ Đạo Nhất Thiền sư hai đời Tống Minh rất là hưng thịnh, toàn quảng lục, Vân Môn Khuông Chân Thiền chùa gồm có 10 đại viện, tiểu am trực sư quảng lục. thuộc viện 120 tòa. Cổ tự sau khi trải qua ngàn năm sương gió phần lớn đã sụp đổ. QUẢNG NGHIÊM (1121-1190) Những kiến trúc hiện còn được xây cất lại Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn y theo cũ vào khoảng niên hiệu Quang Tự Thông đời thứ 11. Sư họ Nguyễn, quê (1875-1908) đời Thanh, lại đem chùa Tiểu huyện Đan Phượng, mồ côi từ thuở bé, Nam Sơn với chùa Pháp Hải nhập lại. Trên theo học Phật pháp với người cậu là thầy tuyến trục giữa theo thứ tự có Sơn môn, Bảo Nhạc. Sau khi thầy Nhạc qua đời, sư Đại hùng bảo điện, Pháp đường, Tàng kinh đi hành cước bốn phương, viếng khắp các lâu; hai bên có Chung cổ lâu, Thiền phòng, thiền hội. Nghe thiền sư Trí Thiền giáo hóa Phương trượng thất, Khách phòng. Trước ở chùa Phúc Thánh hạt Điển Lãnh, sư liền Đại hùng bảo điện có 2 tòa thạch kinh kiến đến đây tham vấn. Một hôm nhân nghe Trí tạo vào niên hiệu Trị Bình thứ 2 (1065) đời Thiền giảng ngữ lục của ngài Tuyết Đậu, Tống, cao khoảng 3m điêu khắc »Phật đến chỗ Đạo Ngô và Tiệm Nguyên đến nhà Đỉnh Tôn Thắng đà la ni

kinh chú«. người điếu tang đối đáp về vấn đề sinh tử, sư có sở đắc liền hỏi và được Trí Thiền ấn QUẢNG HUỆ THIỀN SƯ chứng, nối pháp ngài. Đến ngày 15 tháng 2 Hiệu của Thiền tăng Đức Huy, sống vào năm Canh Tuất, nhằm niên hiệu Thiên Tư đời Nguyên. X. Đức Huy. Gia Thụy thứ 5 (1190), sư sắp tịch liền nói kệ: QUẢNG KHÁNH THIỀN TỰ Vua Tống Lý Tông ban cho chùa Phi Lai bảng hiệu Quảng Khánh thiền tự. X. Phi Lai tự »Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ Sinh vô sinh hậu thuyết vô sinh QUẢNG LỢI THIỀN TỰ Nam nhi tự hữu xung thiên chí Vua Tống Chân Tông ban cho chùa A-dục Hưu hướng Như Lai hành xứ hành«. Vương bảng hiệu »Quảng Lợi thiền tự«. X. »Lìa tịch mới bàn câu tịch diệt A-dục Vương tự Được vô sinh sau nói vô sinh Trượng phu có chí xông trời thẳm QUẢNG LỢI TỰ Chớ dẫm Như Lai chỗ đã hành«. Chùa Dương Kỳ vào đời Đường gọi là Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Quảng Lợi tự. X. Dương Kỳ tự. Từ.

QUẢNG NGHIÊM TỰ QUẢNG NGHIÊM TỰ QUẢNG TẾ THIỀN SƯ THÁP Còn gọi: Chùa Tiên Lữ, chùa Trăm Gian. ĐÌNH Chùa nằm trên ngọn đồi thuộc núi Tiên Lữ Tháp nằm trong điện tháp chùa Tam Bình, (Lã Sơn), nay thuộc xã Tiên Phương, huyện Bình Hòa, tỉnh Phúc Kiến, Trung huyện Hoài Đức, ngoại thành Hà Nội, Việt Quốc. Trong khám đá thờ tượng ngồi xếp Nam. bằng của thiền sư Quảng Tế (hiệu của Chùa được xây dựng vào thế kỷ XII, đã Thiền tăng Nghĩa Trung đời Đường), hai qua nhiều lần tu sửa. Nay chùa gồm 3 cụm bên là tượng Thị giả Phục Hổ đứng hầu. kiến trúc. Cụm thứ nhất gồm 4 cột trụ, hai Tương truyền hài cốt của Nghĩa Trung quán là nơi đánh cờ người vào những ngày được chôn dưới khám này. hội và nhà giá ngự là nơi đặt kiệu thánh. QUẢNG TẾ TỰ Trèo qua trăm bậc gạch xây là tới cụm thứ hai gồm có tòa gác chuông hai tầng tám Ở cửa đông Đại Nhai trong PhụThành mái. Tại đây có treo quả chuông đúc năm Môn, khu Tây Thành, thành phố Bắc Kinh, 1794. Qua gác chuông leo 25 bậc đá xanh Trung Quốc. Đời Kim là Tây Lưu Thôn Tự của Trung bộ Bắc Giao, đời Nguyên cải đến sân trên có kê một sập đá, lại leo 9 bậc đá nữa thì đến cụm thứ ba. Đó là chùa tạo và xây dựng lại gọi là »Báo Ân Hồng chính gồm Bái đường, tòa thiêu hương và Tế Tự«. Niên hiệu Thái Tổ thứ 16 (1221) đời Nguyên, Thiền sư nổi tiếng Vạn Tùng thượng điện. Hai bên là hai dãy hành lang. Trong cùng là nhà Tổ. Giữa lại có lầu Hành Tú vào ở chùa này. Năm thứ 19 (1224) Hành Tú thể theo lời thỉnh của Gia trống, bên trong treo một trống lớn và một khánh đồng đúc năm 1749. Chùa có cả Luật Sở Tài trước tác »Thung Dung Lục«. thảy 153 pho tượng hầu hết bằng gỗ sơn Đệ tử nối pháp của Hành Tú là Lâm Tuyền Tùng Luân kế tục ở chùa này. Sau bị binh thếp. Đặc biệt có một pho mây đan bọc vải lửa chùa chiền hủy sạch. Niên hiệu Thiên sơn, tương truyền là tượng bó cốt của một cao tăng đã tu ở đây: nhà sư Nguyễn Lữ, Thuận (1457-1464) đời Minh, Hòa thượng sống vào đầu thế kỷ XV. Phổ Huệ cùng đệ tử Viên Hồng quyên tiền xây dựng lại. Niên hiệu Thành Hóa thứ 2 QUẢNG PHÁP THIỀN SƯ (1466) ban tên »Hoằng Từ Quảng Tế Tự«, năm thứ 20 (1484) xây xong. Niên hiệu Hiệu của Thiền tăng Bằng Ngạn, sống vào Vạn Lịch thứ 11 (1583) đời Minh, Khang đời Ngũ Đại. X. Bằng Ngạn. Hy thứ 38 (1699) đời Thanh, năm 1924 đều có tu sửa thêm. Năm 1952, 1972 từng QUẢNG PHÚC TỰ có hai lần tu sửa lớn. Chùa quay lưng về X. Thường Châu Thiên Ninh Tự. hướng bắc mặt nhìn về hướng nam, diện tích 35 ha. Kiến

trúc chủ yếu trên tuyến QUẢNG TẾ ĐẠI SƯ trục giữa có Sơn môn, Thiên vương điện, Thụy hiệu của Thiền tăng Tồn Tương, Đại hùng bảo điện, Viên thông điện, Đa sống vào đời Đường. X. Tồn Tương. Bảo điện, Tàng kinh các. Trong Tây lộ viện có giới đàn 3 tầng xây bằng đá cẩm

QUẬT ĐA TAM TẠNG (680 -?) thạch. Tàng kinh các chứa kinh thư Phật Khoảng niên hiệu Quảng Hựu (1085-1091) giáo hơn 10 vạn quyển và hơn 3 vạn tấm đời Lý Nhân Tông, sư quy tịch. Theo: thác bản thạch kinh chùa Vân Cư, Phòng Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. Sơn. Trong chùa còn cất giấu kỹ pho tượng đồng Di Lặc đúc vào đời Minh, đỉnh đồng QUẢNG VĂN (1189-1263) bát bảo đúc vào đời Thanh. Hiện là trụ sở Thiền tăng đời Tống, họ Lâm, hiệu Yển của »Trung Quốc Phật Giáo Hiệp Hội«, Khê, người Hầu Quan (Phúc Châu), Trung »Trung Quốc Phật Học nghiên Cứu Sở«. Quốc. Năm 18 tuổi xuất gia với Hòa thượng Trí Long chùa Quang Hiếu; sau đó QUẢNG TRÍ (thế kỷ XI) tu học với Chiết Ông Như Diễm ở Kính Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Sơn, nhờ thoại đầu »Triệu Châu rửa bát Thông, đời thứ 7, nối pháp Thiền Lão đi!« được tỏ ngộ. Niên hiệu Thiệu Định Thiền sư. Sư họ Nhan, người ở kinh đô, là thứ 1 (1228) sư hoằng pháp ở chùa Tịnh anh của bà Chương Phụng Hoàng phi, vốn Từ, rồi sang chùa Vạn Thọ, chùa Trí Độ ở thích giữ khí tiết thanh cao. Niên hiệu Hương Sơn. Niên hiệu Thuần Hựu thứ 5 Chương Thánh Gia Khánh thứ 1 (1059), sư (1245) sư trụ trì chùa Tư Thánh núi Tuyết từ bỏ thế tục, đến tham vấn với Thiền Lão Đậu. Về sau lần lượt trụ trì chùa Quảng thiền sư ở Tiên Du. Từ đó, năm tháng miệt Lợi núi A-dục Vương, chùa Tịnh Từ ở mài, sư dốc hết ý chí vào thiền học, chưa Lâm An. Niên hiệu Bảo Hựu thứ 2 (1254) bao lâu tiếng tăm vang xa khắp nơi. Về trụ chùa Linh Ẩn, sắc tứ hiệu »Phật Trí sau, sư trụ chùa Quán Đỉnh, núi Không Lộ Thiền sư«. Tác phẩm: Yển Khê Hòa (tức búi Phụng Hoàng tại xã Sơn Lộ, thượng ngữ lục 2 quyển. huyện Thạch Thất tỉnh Hà Tây hiện nay) thường mặc áo vá, ăn hạt tòng, kết bạn QUẦN CƠ thoát tục với sơn tăng Minh Huệ. Người Chỉ cho rất nhiều hạng người tham vấn đời cho là »Hàn Sơn, Thập Đắc tái thế«. thiền pháp. Như Tịnh ngữ lục q. thượng Công Bộ Thượng thư Đoàn Văn Khâm rất ghi: » – Ứng kính trọng, có làm thơ tặng: khắp quần cơ, tạm theo thời tùy lúc«. QUẦN SINH Chúng sinh. Tiết Tĩnh Cư Hòa thượng trong TĐT q. 3 ghi: » »Quải tích nguy phong bãi lục trần – Từ khi Mặc cư huyễn mộng vấn phù vân được truyền mật chỉ của Tào Khê, sư bèn Ân cần vô kế tham Trừng, Thập trở lại Lô Lăng, hóa độ quần sinh«. Sách bạn trâm anh tại lộ quần«. »Tạm ngụ non cao bỏ sáu trần QUẬT ĐA TAM TẠNG Ở yên huyễn mộng hỏi phù vân (680 -?) Ân cần không cách tham Trừng, Thập Thiền tăng đời Đường, người Thiên Trúc Quan tước triều đình trót vướng chân«. (nay là Ấn Độ). Sư xuất gia từ thuở bé. Do

QUẾ SÂM (867-928) nằm mộng thấy Sư tổ Trí Dược Tam Tạng QUỐC THANH TỰ (330) dạy phải đem cây Bồ-đề đến chùa Bảo Lâm ở Thiều Châu trồng nơi pháp hội của Ở sườn nam núi Thiên Thai, tỉnh Chiết Nhục thân Bồ Tát. Sư bèn vượt biển Nam Giang, Trung Quốc, cách trung tâm huyện Hải vào Thiều Dương tìm chùa Bảo Lâm Thiên Thai chừng 3km. Niên hiệu Khai vào niên hiệu Đại Túc thứ 1 (701). Sau khi Hoàng thứ 18 (598) đời Tùy, Tấn vương hỏi thăm thấy quả đúng như lời Sư tổ nói, Dương Quảng xây

cất theo ý nguyện của nên sư trồng cây Bồ-đề trong khuôn viên Trí Nghỉ, ban đầu tên »Thiên Thai Sơn chùa Bảo Lâm. Sư thờ Lục Tổ Huệ Năng Tự«. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ 1 (605) đời làm Thầy, dưới lời dạy của Tổ liền khế Tùy ban tên là »Quốc Thanh Tự«. Niên ngộ, thuộc Thiền tông Nam tông đời thứ 2. hiệu Cảnh Đức thứ 2 (1005) đời Tống đổi tên là »Cảnh Đức Quốc Thanh Tự«. Niên QUẾ SÂM (867-928) hiệu Kiến Viêm thứ 4 (1130) vua ra lệnh Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lý, người đổi giáo làm thiền. Đời Đường có các Thường Sơn (Chiết Giang), Trung Quốc. Thiền tăng nổi tiếng như Phong Can, Hàn Sớm có chí xuất trần, sư theo Đại sư Vô Sơn, Thập Đắc trụ chùa này. Niên hiệu Tướng chùa Vạn Thế cạo tóc thụ giới, Càn Đạo thứ 4 (1168) đời Tống, Sơ Tổ chuyên học tỳ-ni, biết trì giới không phải tông Lâm Tế Phật giáo Nhật Bản Vinh Tây đạo giải thoát bèn chuyển sang du phương, cũng từng đến chùa Quốc Thanh cầu pháp. tham phỏng các sư Nam tông. Ban đầu, yết Chùa Quốc Thanh còn là cái nôi của tông kiến Tuyết Phong Nghĩa Tồn thưa hỏi Thiên Thai, Tổ sư nhiều đời của tông thiền yếu, song chưa được gì. Lại đến Phúc Thiên Thai đều truyền pháp nơi chùa này. Châu sư tham kiến Huyền Sa Sư Bị, một Chùa hiện có 14 tòa điện vũ, 600 gian lời thốt ra tiêu sạch nghi hoặc. Quan Mục ở phòng ốc, diện tích kiến trúc chiếm gần 2 Chương Châu xây cất viện Địa Tạng tại ha. Kiến trúc chủ yếu phân bố trên ba núi Phương Thạch phía Tây thành Mân tuyến trục dọc. Trên tuyến trục giữa theo (Phúc Kiến) thỉnh Quế Sâm diễn pháp. Sư thứ tự có Di lặc điện, Vũ hoa điện, Đại trụ nơi đây 18 năm, học đồ hơn 200 người. hùng bảo điện. Trước Vũ hoa điện hai bên Về sau dời qua viện La Hán ở Chương có lầu chuông, lầu trống. Trên tuyến trục Châu (Chương Phổ, Phúc Kiến) xiển tây theo thứ tự có An dưỡng đường, Quán dương Thiền tông, tăng lữ nam bắc tụ hội, Âm điện, Văn vật thất, Diệu pháp đường. người khế cơ khai ngộ nhiều vô kể, người Trên tuyến trục đông theo thứ tự có Trai đời gọi sư là »La hán Quế Sâm«. Thụy là đường, Phương trượng lâu, Nghinh tháp »Chân Ứng Thiền sư«. Đệ tử nối pháp có lâu. Ngoài ra còn có những kiến trúc Tu Văn Ích, Hồng Tiến, Hưu Phục, Thiệu Tu, hành hiên, Thiền đường, Tịnh quán đường. Thủ An v.v... Trước cửa chùa có Hàn Thập đình, Phong Can kiều, Tùy tháp, Nhất Hạnh Thiền sư QUỐC NHẤT (330) tháp. Hàn Thập đình xây dựng để kỷ niệm Hiệu của Thiền tăng Pháp Khâm tông Hàn Sơn, Thập Đắc, mặt bằng bày ra hình Ngưu Đầu đời Đường. X. Pháp Khâm. chữ nhật, nam bắc có cửa thông nhau, trên

QUY KÍNH cửa có tấm biển đề »Ngũ Phong Thắng QUY GIA BÃI VẤN TRÌNH Cảnh«, »Vạn Tùng Thâm Xứ«. Phong Can kiều xây dựng để kỷ niệm Phong Can, là Người đã về đến nhà thì không còn việc một chiếc cầu đá hình cung tạo dáng thuần hỏi thăm đường sá nữa. Thiền tông mượn phác cổ xưa. Xung quanh chùa cây cối từ này để chỉ một khi ngộ được tự tâm thì xanh tươi, đồi núi bao phủ, nước suối chảy mọi việc dừng ngay lập tức, không còn câu quanh, cảnh sắc đẹp đẽ tĩnh mịch. nệ vào ngôn ngữ tri giải, các giai vị tu hành. Ngoạn Châu Ngâm của Đan Hà Hòa QUỐC THANH TỰ THÁP thượng trong TĐT q. 4 ghi: (331) Ở phía đông chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Được xây dựng vào đời Tùy, niên hiệu Kiến »Diễn giáo phi vi giáo Viêm thứ 3 (1129) đời Tống được xây lại Văn danh bất nhận danh trên nền tháp đời Tùy. Tháp gạch 6 mặt, 9 Nhị biên câu bất lập tầng, cao 59,3m theo kiểu lâu các. Trong Trung đạo

bất tu hành tháp rỗng ruột, kết cấu bằng gạch gỗ, phần Kiến nguyệt hưu khán chỉ mái gỗ đã bị lửa thiêu hủy, hiện chỉ còn Quy gia bãi vấn trình!« phần vách bằng gạch bày ra màu vàng nâu, »Nói giáo chẳng chấp (là) giáo trên vách có nhiều tượng Phật khắc nổi Nghe danh chẳng nhận (là) danh sinh động như sống, vô cùng tinh xảo đẹp Nhị biên đều chẳng lập đẽ. Cả tháp tạo dáng thanh tú mạnh mẽ. Trung đạo chẳng nên hành QUY BẢN Thấy trăng thôi xem ngón (tay) Thiền tăng đời Ngũ Đại, người Lạc Đến nhà hỏi chi đường!«. Dương, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sưQUY HIỂU Tuyết Phong Nghĩa Tồn, thuộc hệ Thanh Thiền tăng đời Tống, sư đến núi Hàm Nguyên đời thứ 7, trụ viện Song Tuyền ở Châu thờ Thiền sư Thẩm Triết làm thầy rồi núi Vân Cái, Tương Châu (nay là huyện nối pháp ngài, làm truyền nhân của tông Tương Phàn, tỉnh Hồ Bắc). Hiệu: Thủ Tào Động. Sư ở viện Diên Khánh tại Tướng Đại Sư. Tương Châu (nay là huyện Tương Phàn, QUY DƯƠNG HÒA THƯỢNG tỉnh Hồ Bắc). Có vị tăng hỏi: Thế nào là cảnh Phong Sơn? Sư đáp: Hãy xem cho cẩn thận. Tăng hỏi tiếp: Thế nào là người Thiền tăng Vô Liễu đời Đường sau khi trong cảnh? Sư đáp: Biết chăng? Thụy tham vấn Mã Tổ Đạo Nhất được pháp, kết hiệu: Huệ Quảng Đại Sư. am tranh ẩn tu ở núi Quy Dương, người đời gọi là Quy Dương Hòa thượng. X. Vô QUY KÍNH Liễu. Quy y tôn kính. Tiết Long Tường Sĩ Khuê Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: »

QUY LỘ trong NHQL q. 29 ghi: »

– Vào niên – Mặt trăng, hiệu Thiệu Hưng sư phụng chiếu khai sơn cửa sổ cùng người, mỗi thứ đều không có. chùa Năng Nhân ở Nhạn Đãng. Khi ấy Các thứ đó hợp lại mà cho rằng có sao? Chân Yết đang ở Giang Tâm, nghe tin sư Thế thì cảnh giới này giống như lông rùa đến, sợ pháp duyên chưa chín mùi bèn sừng thỏ, nhưng vì vọng niệm phân biệt riêng qua sông nghinh rước về phương nên thấy có sinh hư vọng«. trượng, sùng kính bái 9 lạy để dạy dỗ người họ Ôn, vì thế đều cùng nhau quy y QUY MÔ tôn kính.« Cái khuôn, cái mẫu có sẳn. Tiết Bảo Phong Duy Chiếu Thiền sư trong NĐHN q. 14 QUY LỘ ghi: » Dụ cho pháp môn thấy rõ tự tâm được giác ngộ. Chương Tâm Ấn Thủy Nguyệt đại sư – Vốn tự trong CĐTĐL q. 21 ghi: » chẳng sinh, nay cũng chẳng diệt, cái chết này chẳng có kiểu mẫu nào. Ngay chỗ sinh ra, tùy chỗ diệt hết, cái sống này được sinh – Sư thượng đường dạy chúng: từ cái khuôn nào!«. Phiền mọi người đứng lâu! Còn chờ cái gì? Ta chẳng từ chối mở bày nhưng chỉ sợ QUY NGUYÊN TỰ lầm nơi thiền đức, chuyểân mê trở về giác Đầu phía tây phố Thúy Vi, khu Hán ngộ. Thời tiết lạnh lẽo, xin tạm biệt!« Dương, thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Là một trong bốn đại tùng QUY MẠC lâm ở Vũ Hán. Niên hiệu Thuận Trị thứ 15 Noi theo, học tập. Tiết Hoàng Long Nam (1658) đời Thanh Thiền sư Đức Minh đời Thiền sư trong TLTBT q. 22 ghi: » thứ 31 tông Tào Động lần lượt khởi công xây dựng Đại hùng bảo điện, Thiền đường, – Sư đến Khách đường, Trai đường đặt tên »Quy chùa Thê Hiền nương nơi Thiền sư Thị. Nguyên Thiền Tự«, tên chùa lấy từ kinh Ngài dạy chúng rất có quy củ, sư học tập Lăng Nghiêm: »Quy nguyên vô nhị lộ, theo đây. Sư ở Thê Hiền được 9 tháng rồi phương tiện hữu đa môn«, tức là ý nghĩa từ giả ra đi«. phản bản hoàn

nguyên, vạn pháp quy nhất. Niên hiệu Khang Hy thứ 3 (1664) cất thêm QUY MAO THỐ GIÁC Tổ đường, Vi Đà điện, Phương trượng thất. Gọi tắt: Quy mao. Lông rùa sừng thỏ là Niên hiệu Khang Hy thứ 8 (1669) cất Lão những vật chỉ có trên tên gọi. Thiền tông trượng các, Chung cổ lâu. Niên hiệu thường dùng từ này để chỉ muôn vật đều Khang Hy thứ 13 (1674) xây thêm Quán hư huyễn không thật. Tiết Nghệ Ngôn Âm đường,Vân thủy đường, Nội ngoại liêu

QUY SƠN xá, Liêu viện, Tam Tổ tháp viện và Sơn Trung Quốc, thuộc hệ Nam Nhạc. Người môn. Niên hiệu Quang Tự thứ 9 (1883) sáng lập là hai thầy trò Thiền sư Linh Hựu khởi công, trải qua 9 năm mới xây xong La (779-853) và Huệ Tịch (814-890) cả hai hán đường. Do chiến tranh nên chùa nhiều đều sống vào đời Đường. Do vì ngài Linh lần hủy nhiều lần xây. Kiến trúc hiện còn Hựu trụ Quy Sơn (Hồ Nam) và Huệ Tịch là nhờ được lần lượt xây dựng lại vào niên trụ Ngưỡng Sơn (Giang Tây) nên mới hiệu Đồng Trị thứ 3 (1864) đời Thanh, được gọi là Quy Ngưỡng Tông. Tông này Quang Tự thứ 21 (1895) và đầu năm Dân môn phong nghiêm cẩn, chỗ tiếp dẫn người Quốc. Trong chùa có những kiến trúc như học xem như mênh mông vô bờ bến, mà kỳ Vi Đà điện, Đại hùng bảo điện, Thiên thực thì sâu xa tế mật, sự lý cùng hành. vương điện, Địa Tạng Vương điện, La hán Trong năm nhà của Thiền tông thì tông đường, Tàng kinh các, Đại sĩ các. Đặc biệt Quy Ngưỡng hưng khởi sớm nhất và suy có Thúy vi phong, Tiểu đình, Hoa đàn, bố vong cũng sớm nhất. Sự truyền thừa từ đời cục nghiêm cẩn, thiết kế khéo léo; tuy là thứ 6 trở đi không thấy chép lại trong sử chùa Phật nhưng có đủ những gì đặc sắc sách, im bặt tăm hơi, pháp mạch kéo dài của viên lâm. Trong chùa do vân tường khoảng 150 năm (Từ cuối nửa đời Đường phân cách làm ba viện Bắc viện, Trung đến những năm đầu đời Bắc Tống). Pháp viện, Nam viện. Mỗi viện đều có đình viện Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » đặc sắc. Đại hùng bảo điện ở Trung viện thờ tượng Phật Thích-ca, hai bên là A Nan – Học thưa: Thế nào là tông Quy và Ca Diếp, phía sau là Quán Âm hải đảo. Ngưỡng? Sư đáp: Gãy bia chắn giữa Trước tượng Phật là tấm mành phủ lên bàn đường xưa«. thờ khắc họa những nhân vật trong Tây Du Tiết Tông thừa yếu nghĩa trong Duy Tắc Ký như Đường Tăng, Tôn Ngộ Không, Trư ngữ lục q. 9 ghi: » Bát Giới, Sa Hòa thượng. Tàng kinh các ở Bắc viện cao khoảng 25m, 2 tầng, 5 gian, – phía trước có hành lang, cột tròn to lớn cao Tông Quy Ngưỡng cha từ con hiếu, trên tới đấu củng, mái cong bốn lớp, bốn con bảo dưới nghe, thầm hợp cơ luân, hòa tan phụng hướng về phía mặt trời sơn son thếp cảnh trí, đại khái quên cơ được thể, nêu vàng rực rỡ. Ngoại trừ cất giữ Đại tạng duyên rõ dụng«. kinh, còn cất giấu rất nhiều văn vật trân quý khác. La hán đường ở Nam viện bày ra QUY SƠN hình chữ »Điền«, nội thất trưng bày 500 1. Còn gọi: Đại Quy Sơn. Núi nằm cách tượng La hán hiện đủ mọi dáng vẻ khởi Tây thành 70km thuộc huyện Ninh Hương, phục tọa ngọa, hỉ nộ ai lạc, phong cách tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Là một nhánh sống động, kỹ thuật điêu khắc cực kỳ tinhtrong dãy Hành Sơn, là đầu nguồn của xảo. sông Qui. Trên núi phần lớn là đất bằng. Nguồn sông rất nhiều nước, từ xưa đến QUY NGƯỠNG TÔNG nay, người xuất gia canh tác ở đây, nên có Một trong ngũ gia (5 nhà) của Thiền tông tên là La-hán điền (Ruộng La-hán). Tổ

QUY SƠN CẢNH SÁCH tông Quy Ngưỡng là Thiền sư Linh Hựu của Đạo Bái đời Minh. hoằng dương thiền phong tại núi này nên — Quy Sơn Cảnh Sách Cú Thích Ký, 2 người đời gọi Ngài là Quy Sơn Linh Hựu. quyển của Hoằng Tán. Trên núi có chùa Mật Ấn, chùa Đồng — Quy Sơn Cảnh Sách Cú Thích Ký Chú, Khánh, am Liên Hoa. 1 quyển của Đại Hương 2. Còn gọi: Tiểu Quy Sơn. Núi nằm ở phía đông huyện Lễ Lăng tỉnh Hồ Nam, Trung QUY SƠN LINH HỰU THIỀN SƯ Quốc. Trên núi có chùa Tiểu Quy Sơn, do NGỮ LỤC Thiền sư Đại Duyên lập nên vào đời Gọi đủ: Đàm Châu Quy Sơn Linh Hựu Đường. Thiền sư ngữ lục. Còn gọi: Đại Viên Thiền sư ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Quy Sơn QUY SƠN CẢNH SÁCH Linh Hựu soạn vào đời Đường, các vị Ngộ Gọi đủ: Quy Sơn Đại Viên Thiền sư Cảnh Phong Viên Tín, Quách Ngưng Chi biên Sách. Ngữ lục, 1 quyển, do Quy Sơn Linh tập vào đời Minh, được xếp vào Đại Chính Hựu soạn vào đời Đường, được xếp vào Tạng tập 47. Nội dung gồm: Hành trạng, Đại Chính Tạng tập 47. Thị chúng, Pháp môn luận cứu của Quy Linh Hựu xét thấy người tu hành thời ấy Sơn Linh Hựu cho đến hơn 60 điều đối phần lớn sinh lòng lười biếng, chẳng giữ thoại về Thiền tông của sư với các vị: Bách oai nghi nên viết sách này để răn nhắc Trượng Hoài Hải, Tư Mã Đầu-đà, Đặng thiền tăng quay trở về chính đạo. Sách này Ẩn Phong, Vân Nham, Đạo Ngô, Đức Sơn, do phối hợp 2 thể văn xuôi và văn vần mà Thạch Sương, Ngưỡng Sơn, Hương thành. Ban đầu dùng văn xuôi thuật rõ ý Nghiêm và lược ghi về lúc thị tịch của sư định răn nhắc, chia làm 5 tiết: Linh Hựu. 1. Chỉ dạy về cái họa lớn của sắc thân. 2. Cảnh cáo về những đều hư hỏng, xấu xa QUY TẮC (1010-1070) của người xuất gia. Thiền tăng đời Tống, họ Đàm, tự Phúc 3. Giải thích về mục đích chính của người Am, người Thọ Xuân (nay thuộc huyện xuất gia. Thọ, An Huy) Trung Quốc. Sư nối pháp 4. Chỉ ra con đường tắt vào đạo. thiền sư Văn Thắng, thuộc tông Pháp Nhãn 5. Khuyên răn dặn dò để kết thúc. đời thứ 5, trụ trì Tiến Phúc Thiền viện ở Tiếp theo là phần văn vần gồm 36 câu, mỗi Thường Châu (nay là huyện Vũ Tiến, tỉnh câu 4 chữ, văn giản dị nhưng ý lại thiết tha. Giang Tô). Thiền tông đem sách này cùng Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Phật Di Giáo Kinh họp QUY TÂM thành »Phật Tổ Tam Kinh«, là bộ sách mà Thành tâm quy phụ. Tiết Tây Thiền Đảnh người sơ học cần phải đọc. Nho Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Sách chú thích gồm có:

— Quy Sơn Cảnh Sách Chú, 1 quyển của Thủ Toại đời Tống. — Quy Sơn Cảnh Sách Chỉ Nam, 1 quyển

QUY TRÌNH TƯỜNG THAM – QUY TÍN Sư hạ ngữ, Diệu Hỉ mắng rằng: Kiến giải Thiền tăng đời Tống, ban đầu học Nho, như vầy mà dám làm thầy người ư! giỏi thơ văn. Sư nối pháp thiền sư Thanh .....Nước mắt trên má sư ràng rụa, Phong Truyền Sở, trụ chùa Tịnh chúng ở chẳng dám nhìn lên. Thầm nghĩ rằng: Sở Ích Châu (nay là Thành Đô, Tứ Xuyên). đắc của ta là do sắp xếp, ý chỉ bất truyền từ Ấn Độ sang đâu chỉ như vậy ư? Bèn QUY TÔNG TỰ thành tâm quy phụ làm đệ tử.« Chùa ở phía nam chân núi Lô Sơn, huyện Tinh Tử, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. QUY THẰNG Niên hiệu Hàm Khang thứ 6 (340) đời Phép tắc, quy củ. Tiết Dương Kỳ Phương Đông Tấn Hữu tướng quân Vương Nghĩa Hội Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » sửa nhà cũ của mình thành chùa để ngài Tam tạng Phật-đà

da-xá ở. Khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-820) đời Đường, ngài Trí Thường xây dựng lại lần nữa. Các văn nhân như: Bạch Cư Dị, Lý Bột cũng – Sau giờ thọ trai, Từ Minh thường từng đến đây hỏi đạo; từ đó về sau nó trở lên núi đi kinh hành, có các thiền giả đến thành thiền viện. Niên hiệu Thái Bình tham vấn không biết đâu mà tìm. Sư biết Hưng Quốc thứ 9 (984), ngài Đạo Thuyên Từ Minh đi chưa bao xa, liền đánh trống trụ trì chùa này, là đời thứ 12. Đạo tục tụ họp chúng. Từ Minh giận rầy: Từ đâu mà hội về, môn phong hưng thạnh. Về sau có có quy củ buổi chiều thăng tòa nơi tiểu các sư: Khắc Văn, Chính Hiền, Đàm Hoa, tùng lâm? Sư thưa: Phần Dương chiều vẫn Huệ Nam trụ trì khiến cho chùa này trở tham vấn sao lại bảo chẳng phải quy củ?« thành đại đạo tràng của Thiền tông.

QUY TỊCH QUY TRÌNH TƯỜNG THAM Còn gọi: Quy chân. (Tăng nhân) Chết. Chương Tổ thứ 17 Tăng Già Nan Đề trong Hồi quang phản chiếu để tham cứu bản lai CĐTĐL q. 2 ghi: » diện mục của chính mình. Đây là quá trình tu hành tinh tấn sau khi đại ngộ để gánh vác yếu cơ của Phật giáo. Phổ Khuyến Tọa – Tôn giả phó pháp xong, tay Thiền Nghi (Đại 82, 2 thượng) ghi: » phải vịn cây mà tịch. Mọi người bàn bạc rằng: Tôn giả quy tịch dưới cây có lẽ rủ lòng che chở cho hậu duệ chăng?« – Tuy bảo rằng có muôn ngàn sai khác, nhưng mừng là biết tinh tấn tu hành QUY TỊCH THIỀN SƯ sau khi đại ngộ. Sao quên mất chỗ ngồi Thụy hiệu của Thiền tăng Trí Chân, sống của mình mà luống công lưu lạc tha vào đời Đường. X. Trí Chân. phương?«

QUY TRỌNG QUY TRỌNG tông sư mắt sáng cho ta nhắn tin tức (sắp Tôn sùng, kính trọng. Tiết Thiên Đồng kiến tính), khiến cho Thiền tông không suy Đàm Hoa Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: vi.« » 3. Sắp, sẽ. Tiết Dục Vương Tịnh Đàm Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » – Mùa hạ năm Bính Dần, niên hiệu Thiệu Hưng sư từ giã đất – Về sau, sư Triêu (Hà Nam) sắp trở về, định giao việc dời về các chùa lớn. Trong lúc sư ở chùa chùa cho tứ chúng coi sóc, nên mở cửa chờ Quy Tông thì Đại Huệ đang ở Mai Dương; họ.« có vị tăng truyền tụng những lời dạy bảo của sư, Đại Huệ nghe được hết sức khen QUÝ ĐỒ ngợi, sau đó dùng kệ ủy thác rằng: ›Quét Còn gọi: Quý yêu. Hi vọng, mưu cầu. Mật sạch núi (đứng) đầu là Kim Luân, ngàn Am ngữ lục ghi: » yêu trăm quái bặt hành tung. Sang năm lại được chân tin tức, xin thưa Dương Kỳ chính mạch thông.‹ Sư được kính trọng – Đạo nhãn không như thế«. biết rõ tông sư nên ăn nói bậy bạ, đem ngôn cú cổ kim vọng ý xuyên tạc cho là QUY TRƯỢNG cực tắc, hi vọng khen ông ta hiểu thiền, Quy y. »Minh Chân Tụng« trong Phạm Kỳ đây là bệnh lớn hạng nhất.« ngữ lục q. 18 ghi: » QUỶ HÀO THẦN KHẤP – Lành thay đầu tròn áo Thần khóc quỷ gào. Hình dung dáng vẻ vuông chính là hình dáng Phật trong tương mừng giận, buồn vui đến cực điểm giống lai. Trong tâm thản nhiên phẳng lặng, thế như sự gào khóc của quỷ thần. Tắc 59, gian không ai chẳng quy y.« Bích Nham

lục (Đại 48, 192 thượng) ghi: » QUÝ 1.
Hy vọng, mưu cầu. Linh Hựu ngữ lục ghi: » –
– Nước rưới chẳng dính, gió thổi Chỉ hy vọng rằng nhận thức của ngươi chẳng vào.
Hùm sải rồng lượn, thần khóc đúng, chớ không nói đến hành vi của quỷ gào (…) chẳng
những một vị tăng này ngươi.« cho đến cả thần cũng khóc quỷ cũng gào, 2. Khiến cho.
Tiết Lang Nha Huệ Giác giống như gió lướt làm cỏ rạp«. thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi:
» QUỶ KHUẤT LÝ TỬ THIỀN HÒA –
Các TỬ ngươi nếu có đến những thiền viện gặp bậc Thiền sinh bị quỷ ám.
Quỷ khuất lý tử:

QUYẾT ĐỊNH Trong lòng bị quỷ ám. Thiền hòa tử: Thiền thiên ma, lùi thì kẹt trong
tình thức ý sinh, người tu học theo đạo Thiền. Đây là tưởng, không tiến không lùi thì
đang ở thuật ngữ để chỉ cho những người có tâm trong nước tù đọng.« hắc ám, nhiều
thiên kiến. Tông Lâm Tế ở Nhật Bản thường sử dụng thuật ngữ này để QUYẾT trách
mắng các vị Thiền tăng nhiều ngã mạn cống cao. Sư Bạch Ẩn Huệ Hạc đến 1. Xác định,
rõ ràng. Tiết Ngưu Đầu sơn tham vấn Thiền sư Lão Ông ở chùa Chính Pháp Dung thiền
sư trong NĐHN q. 2 ghi: Thọ Am. Thiền sư vừa thấy Bạch Ẩn vào » –
Bần cửa liền nói: -Thiền sinh bị quỷ ám. đạo không xác định được chỗ dừng hoặc đông
hoặc tây.« QUỶ NHÃN TÌNH 2. Thiền gia gọi dứt trừ tình niệm nghi Con mắt quỷ
quái. Tỷ dụ cho cái thấy hoặc, liền đó minh tâm ngộ tính là quyết. chẳng chân chính,
hoặc kiến giải nông cạn, Chương Chứng Đạo ca của Vĩnh Gia Chân không có chút giá
trị. Phần giáp chú trong Giác đại sư trong CĐTĐL q. 30 ghi: » tắc 5, Bích Nham lục (Đại
48, 144 hạ) ghi: » – Xưa nay
Sơn tăng không có đùa giỡn với những – Giáo viên đốn không nhân tình, có
kiến giải vô giá trị«. nghi không quyết cần phải tranh, chẳng phải sơn tăng khoe nhân
ngã, tu hành sợ QUỶ QUẬT LÝ rơi vào hầm hố thường đoạn.« Còn gọi: Giả giải
thoát khanh. Trong hang quỷ, là chỗ rất âm u, tỷ dụ cho cảnh giới QUYẾT ĐỊNH
vướng mắc trong tình thức nên mê mờ chẳng thấy được chân lý. Chỉ cho trạng 1. Chắc
chắn, nhất định. Uyển Lăng Lục thái ngoan không mà thiền giả chấp trước ghi: »
cho là cảnh giới ngộ. Từ đó bị vướng mắc chẳng
thông trở thành tà kiến. Tắc 1, Bích – Ngày thường chỉ lo dối người, Nham lục (Đại
48, 141 thượng) ghi: » đâu biết rằng hôm nay tự dối mình, địa
ngục A-tỳ nhất định không tha ngươi đâu.« – Thôi nhớ nhau (Nói cái gì? Đây 2. Rốt
cuộc. Tiết Tịnh Từ Sở Minh Thiền là tìm kế sống trong hang quỷ!)«. sư trong NĐHN q.
16 ghi: » QUỶ THÚ Còn gọi:
Quỉ quật. Chỉ cho tình thức ý – Tâm ấn Tổ sư chẳng phải tưởng. Tiết Đầu Tử
Nghĩa Thanh trong dài chẳng phải ngắn, chẳng phải vuông NĐHN q. 14 ghi: »
chẳng phải tròn, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng
chẳng phải ở giữa. Thử – Các vị hỏi mọi người rốt cuộc hình tướng nó
là thiền đức đến chỗ này, tiến thì rơi vào thế nào?«

QUYẾT LIỄU QUYẾT LIỄU Dứt trừ nghi hoặc, hiểu rõ thiền pháp. Tiết Không có
một chút ý niệm trần tục nào, »Bản Tịnh truyện« trong TCTT q. 8 ghi: riêng tự siêu
thoát. Thản nhiên giải thoát. » – Lâm Tế ngữ lục ghi: »

Du phương yết kiến Lục Tổ ở Tào Khê, quyết liễu những nghi vấn.« – Nếu là người QUYẾT LIỆT chân học đạo thì chẳng chấp lấy Phật, Bồ Phá hoại. »Nghệ Ngôn« trong NHQL q. 30 Tát, La-hán, chẳng chấp lấy sự thù thắng ghi: » của tam giới, thản nhiên giải thoát, chẳng bị cảnh vật trói buộc, dù trời đất đảo lộn ta – Ngày nay có những kẻ giả cũng không nghi«. dối, mặc tình phóng túng, phá hoại lễ giáo, chê cười những người gìn giữ luật nghi là QUÝNH XUẤT cố chấp, quả là cái tâm gì đây?« Triệt để siêu thoát. Tiết Tĩnh Cư Hòa thượng trong TĐT q. 3 ghi: » QUYẾT NGHI Dứt trừ nghi hoặc. Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » – Tịnh Tu Thiền sư có bài tán về sư rằng: Môn đệ Tào Khê ra hoằng pháp ở Lô – Lại có vị tăng tên Pháp Lăng, chỉ nêu ra một mạch, triệt để siêu Đạt thường tụng kinh Pháp Hoa trong bảy thoát tam thừa. Giống như ngọn đuốc năm, tâm mê không biết chỗ chính pháp: trong đầm, mảnh băng trong lửa, dù cho Trong kinh có nghi, đại sư trí huệ rộng lớn rằng anh đã ngộ đi, nói cái gì tương ưng?« xin quyết nghi cho.« QUỲNH LÂM TỰ QUYẾT TRẠCH Chùa ở chân núi Quỳnh Lâm, nay thuộc xã Phán xét lý sự, dứt trừ nghi hoặc. Tiết Đông Triều, huyện Đông Triều, tỉnh Phần Dương Thiện Chiêu Thiền sư trong Quảng Ninh, Việt Nam. Đây là một trong NĐHN q. 11 ghi: » những ngôi chùa lớn nổi tiếng bậc nhất ở thời Trần. Chùa có viện (tức Quỳnh Lâm Viện) là nhà giảng kinh, và am gọi là am – Trước kia bậc cổ đức đi Bích Động, nơi Pháp Loa đọc sách và đón hành cước nghe qua một công án mà chưa tiếp tăng hữu. Tăng đồ các nơi trong nước rõ thì lập tức ăn uống không ngon, nằm đến chùa Quỳnh Lâm theo học. Chùa cũng ngủ không yên, vội vã quyết trạch, chớ cho nhận được sự cúng dường rất lớn của nhiều là việc nhỏ.« người trong hoàng tộc... Ruộng chùa Quỳnh Lâm có đến 1. 000 mẫu, tá điền QUÝNH VÔ ĐỘC THOÁT đông đến 1.000 người. Những năm cuối

SÁCH TỬ thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV, cùng với chùa Tào Châu (Đào Tây, Đông Định), Trung Vân Yên ở Yên Tử, chùa Báo Ân ở Siêu Quốc. Lúc đầu tên Huệ Siêu, yết kiến Loại, chùa này vào thời điểm Thiền sư Thiền sư Thanh Lương Văn Ích, hỏi: »Thế Pháp Loa trụ trì, là một trong ba trung tâm nào là Phật?« Văn Ích đáp: »Ông là Huệ lớn nhất của giáo hội Trúc Lâm thời Trần. Siêu!« Sách Chân do đây ngộ nhập, nối Trần Nhân Tông sau khi đã xuất gia từng pháp làm truyền nhân tông Pháp Nhãn. Sư đến thuyết pháp ở đây. Sau khi Pháp Loa trụ trì chùa Quy Tông núi Lô Sơn, có vị mất (1336) chùa này vẫn được ngưỡng mộ tăng hỏi: »Thế nào cảnh Quy Tông?« Sư vì là nơi lưu dấu các vị Tổ của thiền phái đáp: »Ông thấy gì?« Tăng hỏi lại: »Thế Trúc Lâm. Chùa đã qua vài lần bị phá hủy nào là người trong cảnh?« Sư đáp: »Hãy và kiến thiết lại. Vào thời Thiệu Trị (1840- bước ra!« Về sau sư dời sang các chùa 1847) chùa bị một bọn thổ hào đốt trụi Phụng Tiên, Báo Ân v.v... Được ban hiệu chính điện và tiền đường, tương truyền chỉ »Pháp Thí Thiền sư«. có pho tượng Trần Nhân Tông là không cháy. Theo: DTLSVHVN do Ngô Đức Thọ SÁCH PHẠN TIỀN chủ biên. Sau khi chết bị Diêm Vương đòi tiền cơm, chỉ cho một phen hành cước tham học, không thu được kết quả gì, chỉ toi cơm của thí chủ. Lâm

Tế ngữ lục ghi: » S – ...Đạo nhãn chẳng sáng, cuối cùng phải SA TRUNG THỦ DU trả nợ, có ngày bị Diêm Vương đòi tiền cơm.« Lấy dầu trong cát, tỷ dụ hành vi không căn cứ vào sự thực, luống công vô ích. Minh SÁCH SÁCH Chân Tụng trong Phạm Kỳ ngữ lục q. 18 ghi: » Dáng vẻ nhanh nhẹn dứt khoát. Tiết Nham Đầu Hòa thượng trong TĐT q. 7 ghi: » – Phật đạo, không gì bằng tự ngộ. Tham thiền, chớ nên cầu người khác Nếu tìm Phật ở ngoài tâm thì giống như tìm lấy dầu trong cát«. – Nếu là người lãnh ngộ thiền ý thì tự biết vận dụng thiền pháp. Mỗi hành SÁCH động đều nhanh nhẹn dứt khoát, lúc nào (Đóa hoa) nở. Tiết Bát-nhã Kính Tuân cũng điềm tĩnh. Chạm vật liền chuyển, ý tại Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » chỗ chuyển. Muốn đứng thì đứng, muốn đi – Hoa Ưu-đàm nở, mọi thì đi.« người đều thấy«. SÁCH TỬ SÁCH CHÂN (?-979) Quyển sách. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Ngụy, người

SAI – Chỉ lo hỏi: Người xưa thế nào? Chân Như làm sao hạ ngữ? – Thời nay người học chẳng Dương Kỳ làm sao hạ ngữ? Ngươi chỉ lo được ngộ, bởi vì nhận danh tự làm kiến việc không đâu! Trị bệnh không nhờ đến giải, trên quyển sách to sao chép lời nói thuốc Lô Đà, nếu là đối với bệnh và thuốc, của người đã mất, lấy khăn quấn lại đến dưới chân bờ giậu lượm được một cọng cỏ năm ba lớp, không cho người khác thấy, cũng có thể trị bệnh, nói gì đến Chu sa, nói là huyền chỉ, ngỡ là đáng quý trọng«. Phụ tử, Nhân sâm, Bạch truật!«.

SAI SÁI SÁI LẠC LẠC 1. Khỏi bệnh. »Đại Giám Thiền sư bi« Sái sái: Từ hình dung tâm chẳng có mê trong Toàn Đường Văn q. 610 ghi: »Ẩm hoặc. chi diệu dược sai ký ám lung. – Uống Lạc Lạc: Tâm không chấp trước, xa lìa mọi thuốc nhiệm mầu khỏi bệnh câm điếc.« trói buộc và nhiễm ô. Thiền tông dùng từ 2. Kì lạ. Pháp Diễn ngữ lục q. hạ ghi: » này để chỉ cho cảnh giới của người đại triệt – Trân bảo kì lạ đại ngộ. Tắc 8, Thung Dung lục (Đại 48, đều ở trong đó.« 232 trung) ghi: » – Nếu ngươi đạt SAI BÀI đến cảnh giới của người đại triệt đại ngộ, Sai khiến, điều khiển. Như Tịnh ngữ lục q. thì chẳng ngại ta bô lô ba la«. hạ ghi: » SÀI THẠCH DÃ NHÂN – Trời sinh há bị sai khiến, kẻ nào bằng lòng thì từ đây bị khuất phục.« Hiệu của thiền tăng Pháp Viễn đời Tống. X. Pháp Viễn. SAI DỊ SÀM Kì quái, kì lạ. Tiết Tây Dư Tịnh Đoan Tranh đoạt, cướp giật. Như Tịnh ngữ lục q. Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » thượng ghi: – Sơn tăng chưa từng thấy súc sinh kì lạ như thế.« SÁI BỊNH BẤT GIẢ LÔ ĐÀ DƯỢC »Thụy Nham nhất chích phá mộc ngoa Trị bệnh không nhờ đến thuốc Lô Đà, ý Kỷ cá sàm lai tận yếu đà nói thuốc trị bệnh chỉ cần dùng một lượng Duy hữu lão tăng năng thích thoát nhỏ liền có hiệu quả. Tông Môn Võ Khố Xuất môn xích cước tiếu ha ha«. ghi: » »Thụy Nham chỉ còn chiếc guốc mẻ Mấy người tranh nhau đều muốn xỏ Chỉ có Lão tăng dám hất ra Chân trần khỏi cửa, cười ha hả«

SANH THIÊN TRỤ ĐỊA SÀM ĐOẠT SANH GIÁ MÔN ĐÌNH Tranh đoạt, cướp giật. Bích Nham lục q. 1 Chỉ cho việc chống đỡ môn đình Thiền ghi: » – tông. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: Lệnh vua rất nghiêm, chẳng cho cướp giật lộng hành ở chợ«. SÀM HÀNG ĐOẠT THỊ Cướp giật thị trường. Như Tịnh ngữ lục q. thượng: » – »Đập bể thùng sơn đen Thổi sáo đánh trống, cướp giật thị Mười phương trống hoang hoác trường«. Một hét sấm nổ biến thông Ngàn cơ điện chớp chóng phát SÀM TIÊN mới có thể: bên Đông chống đỡ môn đình Vượt lên trước. Mật Am ngữ lục ghi: » bên Tây giận mắng Phật Tổ Lấy bỏ tuyệt cả nguồn cơn Tung hoành thấu suốt kim cổ«.

SANH MÔN TRỤ HỘ – Nếu ông chỉ lo phân Chống cửa đỡ nhà, ý nói chống đỡ môn biệt lời nói, tìm trong sách vở để mong khế đình Thiền tông. Vô Môn Quan ghi: » hợp tâm điền, thì dầu tham đến Phật Di- lặc hạ sinh cũng không thể ngộ được, cũng không an lạc được. Vì sao? Bởi vì khởi tâm – Vân Môn có thể nói là nghèo đến động niệm, liền bị tình thức vượt lên trước không dọn nỗi bữa cơm chay, bận việc đến để làm lụy ông rồi«. không có thì giờ thảo thư. Động một tí là đem que chìu đít để chống đỡ môn đình«. SẢN TỬ THIỀN SANH THIÊN TRỤ ĐỊA Thiền pháp trừ bỏ tất cả sự hiểu biết; có thể Chọc trời chống đất, hình dung việc chống hình dung như cây cuốc, cuốc sạch tất cả đỡ môn đình của Thiền tông. Vô Môn bùn cát đất đá. Sản tử: cây cuốc. Quan ghi: SÁNG Vừa mới. Chương Tư Phúc Như Bảo Thiền »Chư phương thâm dữ thiển, sư trong CĐTĐL q. 12 ghi: » Đô tại chưởng ác trung Sanh thiên tinh trụ địa – Hỏi: Học nhân mới vào Tùy xứ chấn tông phong«. tùng lâm, một hạ sắp hết mà chưa được »Khắp nơi dù sâu cạn Hòa thượng chỉ dạy, cúi xin cứu giúp.« Cũng tùy tay nắm thôi

SANH XÚC Chọc trời cùng chống đất Có tiếng chăng? Tăng đáp: Có tiếng. Sư Nếp nhà rạng nơi nơi«. nói: Gã phàm tục này!«.

SANH XÚC SAO MÔN NGÕA TỬ Dính mắc. Tiết Hương Nghiêm Hòa Miếng ngói dùng để gõ cửa, cửa mở rồi thì thượng trong TĐT q. 5 ghi: » ném bỏ nó đi; dụ chỉ cho lời nói chữ nghĩa dùng để khải phát việc ngộ đạo, sau khi – Nghĩ đến điều thanh lãnh ngộ thì không nên câu nệ vào lời nói tịnh người ta sẽ ít lo lắng, quy củ tự nhiên chữ nghĩa nữa. Bài tựa của Thiền sư Huệ đầy đủ. Còn bóng dáng 6 trần thường là Khai trong Vô Môn Quan: » âm thanh và sắc tướng, mà tự tính thì không dính mắc những thứ ấy«.

– Huệ Khai SAO GIÀ ĐẢ TỎA tôi, vào năm Thiệu Định (1228) Mậu Tý, Phá bỏ gông cùm. Thiền tông dùng từ này mùa hạ, thủ chúng tại chùa Long Tường, để chỉ cho việc phá bỏ gông cùm »ngoan huyện Đông Gia, nhân tăng chúng thưa không đoạn diệt«. Chương Mật Am Hàm hỏi, bèn lấy công án của người xưa, mượn Kiệt trong Tục Truyền Đăng lục q. 34 (Đại làm miếng ngói để gõ cửa, tùy căn cơ 51, 704 trung) ghi: » người học mà dẫn dắt«. – Sắp đến sẽ có việc phá bỏ gông cùm xảy ra«. SAO SÀNG THỤ PHẤT Gõ vào pháp tòa, dựng đứng phất tử, đều là SAO KHÔNG TÁC HƯỞNG, KÍCH động tác thị cơ hoặc ứng cơ của thiền

sư MỘC VÔ THINH thường dùng, chỉ chung cho thiền cơ tác lược. Mật Am ngữ lục ghi: » Gõ vào hư không phát ra âm thanh, đánh lên bảng gỗ không có tiếng động. Đây là – Sớm nói cách nói kỳ đặc của thiền sư: Trong cái tối nói, diễn thuyết quá nhiều nghĩa lý, nhìn của người ngộ đạo không có sự đối chẳng phải là việc hướng thượng của nạp đãi giữa có tiếng và không tiếng, có tiếng tăng. Sử dụng đánh hét, gõ vào pháp tòa cũng tức là không tiếng, không tiếng cũng dựng đứng phất tử, dương mày chớp mắt, tức là có tiếng. Vân Môn quảng lục q. chẳng phải là việc hướng thượng của nạp trung, ghi: » tăng«. SAO XƯỚNG

– Gia phong của tông Tào Động. Sao: Người Pháp sư Cử Sinh nói: Gõ vào hư không học gõ cửa thất của thiền sư để thưa hỏi về phát ra tiếng, đánh vào bảng gỗ không âm đạo lý. Xướng: Thiền sư trả lời để tiếp dẫn thanh. Sư lấy gậy gõ vào hư không, nói: họ. Cộc! Cộc! Rồi lại gõ vào tấm bảng gỗ hỏi:

SÁT HOẠT LỆNH Chỗ hỏi đáp của Thầy và trò liên tục không một vị Tỳ-kheo. Sáp: sát nhập. Sáp đơn là thưa hở, gọi là Sao xướng cụ hành. Đây là đem chỗ ngồi của mình sát nhập vào chỗ 1 trong 3 loại cương yếu của Động Sơn ngồi của chư tăng trong thiền đường. Sau Lương Giới. Tông Môn Thập Cử luận khi sáp đơn, mới được nhận làm một thành (Vạn Tục 110, 440 thượng) ghi: » viên trong tăng đường, được sinh hoạt chung với chư tăng. Điều Tân Giới Tham Đường trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh – Tào Quy q. 5 (Đại 48, 1138 hạ) ghi: » Động lấy Sao xướng làm dụng, Lâm Tế lấy – Rồi sau mới Hỗ hoán làm cơ, Thiều Dương thì Hàm cái trở về thiền đường xin một chỗ ngồi để tuyệt lưu. Quy Ngưỡng lấy Phương viên theo đại chúng tọa thiền và tụng kinh«. (tướng vuông tròn) làm chỗ thầm khế hợp, giống như hang động vang tiếng vọng, SÁT trạm kiểm soát tra hỏi giấy tờ«. Tắt lửa. Mật Am ngữ lục ghi: »

SÀO TUYỆT Chỉ cho việc trừ sạch tình niệm trần tục, trừ hết vọng tâm phân biệt đối lập. Tiết – Đêm nọ sư đứng hầu, trời đã Bảo Phúc Hòa thượng trong TĐT q. 11 khuya. Hòa thượng Long Đàm nói: Thị giả ghi: » sao không lui ra? Đức sơn vén rèm bước ra, bèn nói: Bên ngoài tối như mực. Long Đàm liền thắp nến cho sư, sư vừa định tiếp lấy, Long Đàm liền thổi tắt.«

SÁT HOẠT LÂM THỜI

Tùy thời cứu sống hoặc giết chết. Căn cứ – Tăng nêu lên việc vào thời cơ cụ thể mà vận dụng cơ phong: Bàn Sơn nói: Ánh sáng và gương đều mất, Hoặc chặt đứt vọng tưởng phân biệt (sát), lại là vật gì? Động Sơn nói: Ánh sáng và hoặc làm sống lại chân tính linh giác gương chưa mất, lại là vật gì? Theo chỗ (hoạt). Mật Am ngữ lục ghi: » thương lượng của 2 người kia, thật chưa – Treo kiếm trong hư được sào tuyệt. Sư nêu ra để hỏi vị tăng không, tùy thời cứu sống hoặc giết chết«. ấy: Nói thế nào mới được sào tuyệt? Tăng nói: Có biết sợ người cười không? Sư nói: SÁT HOẠT LỆNH Rất sợ bị cười. Người học liền hỏi: Nói thế Lệnh tha giết. Chỉ cho cơ phong chặt đứt nào để được sào tuyệt? Sư nói: Hai tay kéovọng niệm phân biệt và làm sống lại chân cày, nước quá gối«. tính. Vô Môn Quan ghi: »

SÁP ĐƠN Nhập chúng. Đơn: đơn vị, tức chỗ ngồi của

SÁT NHÂN BẤT TRÁC NHÃN
– Hòa thượng Thủ Sơn giơ cây trúc bề lên dạy chúng rằng:
Này các ông, – Thiền giống như đao giết người nếu gọi là cây trúc bề thì xúc phạm,
nếu cũng giống như kiếm cứu người, là quy củ chẳng gọi là cây trúc bề thì trái nghịch.
đã có từ xưa và cũng là then chốt của thời Thử hỏi các ông gọi nó là cái gì?... Tụng nay.
Nếu luận về chỗ giết người thì chẳng rằng: thương tổn mảy lông, còn luận về chỗ cứu
Gậy trúc giơ ra người thì vùi thân mất mạng«. Hành lệnh tha giết Xúc nghịch cùng hòa
SẮC TỨ Phật Tổ xin tha«. Mệnh lệnh của Vua ban. Trong tác phẩm chữ Nôm »Sãi
Vãi« của Nguyễn Cư Trinh SÁT NHÂN BẤT TRÁC NHÃN có câu: »Linh Sơn am quê
ngụ, Sãi sắc tứ trụ trì – Quê của Sãi vốn là Linh Sơn, Sãi Giết người không chớp
mắt, giết người mà được vua cho phép Trụ trì«. không run sợ, chỉ cho người có tư cách
SẮC TỨ TỪ ÂN cứng cỏi. Thiền tông mượn cụm từ này để Chùa ở số 23 đường
Tân Hóa, phường 14 chỉ cho bậc Thầy đã kiến tính tiếp hóa Phú Lâm, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt người học bằng thủ đoạn rất khốc liệt, Nam. Chùa được dựng vào năm
Gia Long chẳng hề nương tay hay vị nể. Tắc 4, Bích thứ 1 (1802) tại thôn Hòa Hưng,
huyện Nham lục (Đại 48, 144 trung) ghi: » Bình Dương, tỉnh Gia Định (cũ) nay thuộc
địa chỉ trên. Sau khi chùa xây xong, Hiếu
Khang Hoàng hậu (họ Trương, mẹ Gia – Bậc Long) cúng biển sơn.
Năm 1821 vua Minh tu hành phải có tư cách giết người không Mệnh ban biển tên chùa:
Sắc tứ Từ Ân Tự. chớp mắt mới có thể lập tức thành Phật. Người lập tức thành Phật tự
nhiên có tư SÂN TẨU HỐNG ĐỊA cách giết người không chớp mắt mới có Phùng
mang trợn mắt. Tục ngữ đời Tống, phần tự do tự tại«. nghĩa là sự giận dữ như lửa cháy
mạnh. Sân: nóng giận, Tẩu: trợn mắt, Hống: kêu SÁT NHÂN ĐAO, HOẠT NHÂN rống,
Địa: trợ từ ngữ vĩ. Chính Pháp Nhãn KIẾM Tạng q. 1 của Đại Huệ Tông Cảo
(Vạn Tục Đao giết người, kiếm cứu người. Cơ xảo 118, 2 hạ) ghi: » của chư
Tổ tiếp dẫn hậu học có cao thấp. Thấp là tiểu cơ tiểu dụng,
nghĩa là chỉ biết – Lúc chưa dùng Đao giết người. Cao là đại cơ đại có
ai đụng đến thì tự khoe lông cánh, thật dụng, vừa khéo dùng Đao giết người vừa đáng
thương! Bỗng có người khác khiêu khéo dùng Kiếm cứu người. Phần Thùy khích, chạm
nọc thì liền phùng mang trợn Thị, tắc 12, Bích Nham lục (Đại 48, 152 mắt, có chỗ nào là
đạo lý đâu!«. hạ) ghi: »

SĨ ĐÀM (1249-1306) SẤN KHẨU SI CUỒNG LƯỠNG ĐẦU TẨU Còn gọi: Sấn khẩu
đầu, Sấn khẩu khoái. Đi theo sau người khác, lời nói có vẻ vội Kẻ si mê chấp trước
hai bên. Thiền tông vàng, khinh suất. Tiết Phật Nhãn Viễn cho rằng vạn pháp nhất như,
sự vật không Thiền sư trong GTPĐL q. 25 ghi: » có hai đầu phân biệt và đối lập. Văn
Ích ngữ lục ghi: »
– Trước kia các
vị Nam Tuyền, Quy Tông mới gọi là kiến giải
không mê không ngộ. Hôm nay người học cũng bắt chước
vội vàng nói không mê – Nãy không ngộ, nhưng đâu từng đến

được trình giờ nói với Thượng tọa là chỉ hợp theo thời độ ấy? Chẳng được nói lời khinh suất, bởi tiết liền được. Nếu đánh mất thời tiết tức là vì các ngươi còn có nghi«. luống uổng thời gian, ở nơi phi sắc mà Chương Vân Môn Văn Yển Thiền sư trong hiểu là sắc. Thượng tọa, ở trong phi sắc CĐTĐL q. 19 ghi: » mà hiểu là sắc, tức là đánh mất thời tiết; – Cũng thử hỏi: Sắc mà hiểu là phi sắc là đúng chớ nên vội vã hỏi bậy, vì trong tâm của hay chẳng đúng? Thượng tọa, nếu hiểu thế chính mình còn tối mênh mang«. ấy tức là không dính dáng, chính là kẻ si Tiết Hoằng Minh Thiền sư trong TLTBT mê chấp trước hai bên, có dùng được chỗ q. 2 ghi: » nào?«. – Mặc dù vậy, căn cứ SI NHÂN DIỆN TIỀN, BẤT ĐẮC vào đạo lý gì mà nói như thế? Chớ có THUYẾT MỘNG khinh suất nói bậy ở chỗ này, phải là bậc kiến tính mới được«. Trước kẻ còn mơ, không nên nói mộng. SẤN TRỤC NGÔN CHƯƠNG Tiết Đông Thiền Tư Nhạc Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Chấp trước vào chữ nghĩa thiên chương, tìm nghĩa giải trong ấy. Chương 14 liệu giản của Chí Công Hòa thượng trong – Lúc gió xuân thổi đến mới biết CĐTĐL q. 29 ghi: » được cái giá rét của Hoàng Hà này, khiến cá hóa thành rồng, xuyên qua sóng hoa – Thanh Văn chẳng tỏ đào. Biết thì liền biết, trước kẻ còn mơ, ngộ tự tâm, chỉ chấp trước vào chữ nghĩa không nên nói mộng«. thiên chương. Chữ nghĩa vốn chẳng phải là chân đạo, càng thêm đấu tranh mạnh SĨ ĐÀM (1249-1306) mẽ«. Thiền tăng đời Nam Tống, họ Hoàng, tên

SĨ KHUÊ (1083-1146) Tử Đàm, hiệu Tây Giản, người xứ Tiên » Cư, Chiết Giang, Trung Quốc. Nối pháp – Phổ Hóa đạp đổ bàn ăn cơm, sư nói: Thô Thiền sư Thạch Phàm Duy Diễn, đời thứ lắm thay!«. 22 hệ Nam Nhạc, đời thứ 5 tông Lâm Tế 2. Đặt sau nghi vấn đại từ như: (chẩm Nhật Bản. Trụ trì chùa Kiến Trường ở sinh), (Tác ma sinh) có nghĩa là: sao? thế Nhật Bản. nào? cái gì? Tiết Nam Tuyền Phổ Nguyện Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: » SĨ KHUÊ (1083-1146) Thiền tăng đời Tống, họ Sử, tự Trúc Am, – Sư hiệu Lão Thiền, người Thành Đô (Tứ đang thượng đường, Lục Cắng Đại phu Xuyên), Trung Quốc. Thiếu niên xuất gia, thưa: Thỉnh Hòa thượng thuyết pháp cho sư siêng học kinh giáo, chuyên về »Lăng đại chúng nghe. Sư nói: Ngươi bảo lão Nghiêm«. Sau khi thụ giới cụ túc, sư đến tăng nói cái gì?«. tham kiến Phật Nhãn Thanh Viễn, ngay 3. Đặt sau phó từ như: (Hảo sinh), (Thậm dưới lới nói đại ngộ, nối pháp làm truyền sinh) có nghĩa là: rất, biết bao, lắm. Tiết nhân phái Dương Kỳ tông Lâm Tế. Sau trụ Long Thọ Thiệu Khanh Thiền sư trong các chùa Long Tường, Thiên Ninh, Bao NĐHN q. 7 ghi: » Thiền, Đông Lâm. Niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1162) sư cùng với Tông Cảo ở Vân – Tuyết Phong đi dạo Môn soạn hơn trăm tắc tụng cổ được người núi, sư theo hầu; thấy lá khoai lay động, trân trọng. Sư lại vào đất Mân, trụ trì Cổ Phong lấy tay chỉ để khai thị cho sư. Sư Sơn ở Phúc Châu, phụng chiếu dời sang nói: Thiệu Khanh sợ lắm«. chùa Năng Nhân núi Nhạn Đãng làm Tổ khai sơn. Khi ấy, Chân Hiết ở chùa Giang SINH DUYÊN Tâm, vì ngại duyên pháp chưa đầy đủ bèn Quê quán. Chương Ngũ Tổ Diễn Thiền sư qua sông đón sư về làm Phương trượng, trong Ngũ Gia Chính Tông Tán q. 2 ghi: nhân dân Ôn Châu họp nhau quy kính. Sư » thông hiểu

ngoại học, khéo thư pháp, giỏi – Quê quán ở tả ngạn thôn Bồ về thư từ. Tác phẩm: Trúc Am Khuê Hòa Hứa, nghe giảng tại chùa Đại Từ ở Thành thượng Ngữ Yếu 1 quyển, Đông Lâm Hòa Đô.« thượng Vân Môn Am Chủ Tụng Cổ 1 quyển lưu hành nơi đời. SINH NHAI Lối thoát, con đường sống. Mật Am ngữ SINH (k. ng) lục ghi: »

1. Thay! (kng, thường dùng sau hình dung từ). Từ biểu thị sự tác động mạnh mẽ đến tình cảm người nói về một điều đạt đến – Ô Cự tôi mức độ rất cao, và ở trước hình dung từ (pháp hiệu của Hòa thượng Mật Am là Ô thường có phó từ tương ứng thích hợp (đại Cự, ở đây ngài tự xưng) nói như thế không , thái = rất, lắm). Lâm Tế ngữ lục ghi: phải là chê Tuyết Phong đâu, mà cốt để

SIÊU BẢO (1635-1709) thiền tăng trong thiên hạ sau này mỗi SINH THỌ người tự có con đường sống, chứ đừng đi Bị giày vò. Tiết Bảo Phong Duy Chiếu theo con đường không chính đáng này.« Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » Tiết Tịnh Từ Sư Nhất Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: »

– Vốn tự không sinh, nay cũng không diệt, đây là kiểu chết không được. Đương xứ sinh ra, tùy xứ diệt hết, – Sư thượng đường nói: Lặng yên đây là kiểu sống bị giày vò.« chẳng động, nhờ cảm mà thành thông. Người xưa nói thế ấy giống như chưa ngứa SÍNH NHÂN NGÃ đã gãi. Giá mà bảo y đạp nhằm chỗ then Còn gọi: Tranh nhân ngã. Tỏ rõ sức mạnh. chốt sự lý của nạp tăng, trông coi riêng Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca ghi: » con đường sống. Nói xong hét một tiếng, dộng gậy rồi xuống tòa.« – Giáo viên đốn không nhân tình, có nghi SINH NHƯ TRƯỚC SAM, TỬ không quyết cần phải tranh. Chẳng phải ĐỒNG THOÁT KHỐ sơn tăng khoe nhân ngã, tu hành sợ rơi vào thường đoạn.« Sinh ra như mặc áo, chết đi tợ cởi quần; ý bảo xem việc sống chết rất là bình thường. SÍNH TUẤN Đây là một cách biểu hiện của người lãnh Trổ tài. Huệ Nam ngữ lục ghi: » ngộ thiền pháp, siêu thoát sinh tử. Mật Am ngữ lục ghi: »

– Dẫu Thạch Đầu khéo thành đạt không làm nhục tông phong, nhưng chả lẽ không biết rằng trổ tài quá vội sẽ bất lợi.«

SIÊU BẢO (1635-1709) – Chui vào thai mẹ Thiền tăng đời Thanh, họ Lưu, người Lư có đủ chính nhân chính kiến, mài giũa Lăng (Kiết An, Giang Tây), Trung Quốc. thuần thục mới chịu sinh ra, một khi được Lúc 9 tuổi sư đột nhiên phát bệnh nặng, Thiền sư khơi gợi liền lập tức lãnh hội. Tự cha sư đưa sư vào chùa Kỳ-Đà lễ ngài Từ tính bỗng nhiên hiện tiền, chẳng phải tìm Thừa để cạo tóc. Khi 19 tuổi thụ giới cụ đâu nơi khác. Cho đến việc ra sống vào túc với Thanh Nguyên My Am, hầu hạ hơn chết thật vượt mức thường, nói cười thuyết mười năm. Sau sư đến Hàng Châu tham kệ giống như thường ngày. Rốt cuộc không kiến Thiền sư Viên Chiếu Mao Khê, tham có đạo lý nào khác, chính là chỗ nói sinh cứu tâm chỉ được ấn ký, nối pháp làm ra như mặc áo, chết đi tợ cởi quần«. truyền nhân tông Lâm Tế, hầu hạ Viên Chiếu 3 năm. Niên hiệu Khang Hy thứ 36

SIÊU CÁCH (1697) đáp ứng lời thỉnh của núi Thiên SIÊU CHỨNG ĐẠI SƯ Mục, sư đến thuyết pháp hoằng hóa. Sau 3 Hiệu của Thiền tăng Tùng Yểm đời Ngũ năm sư trở về bản sơn ở am Hoạt Mai sống Đại. X. Tùng Yểm. vào những năm cuối đời. Lưu lại đời sau Ngữ lục 4 quyển. SIÊU GIÁC ĐẠI SƯ Thụy hiệu của Thiền tăng Huệ Lăng đời SIÊU CÁCH Ngũ Đại. X. Huệ Lăng. Vượt khỏi khuôn khổ cách thức thông thường, phần lớn để hình dung tầm nhìn SIÊU NGHỆ hoặc hành động phi thường của bậc triệt Trình độ rất cao. Tông Môn Võ Khố ghi: ngộ. Mật Am ngữ lục ghi: » »

– Trước kia do các việc làm như: tham thiền, tu tập, khế cơ đều rõ ràng, nên trình độ kiến đạo rất cao«. SIÊU NGỘ – Làm cho đến chỗ thôi nghỉ, thân Vượt khỏi giai vị thứ lớp thông thường, tâm như cây khô tro lạnh, dù có bị đánh trực tiếp lãnh ngộ. Minh Giác ngữ lục q. 1 rất đau cũng chẳng quày đầu, ngàn người ghi: » muôn người khống chế chẳng nổi. Ban ngày chỉ thanh thản, nói ra một lời nửa câu bén như thanh ỷ thiên trường kiếm, có – Có biện minh được hay không? khả năng giết người, cũng hay cứu người, Nếu chưa biện hãy biện đi, nếu chưa sáng muôn ngàn biến hóa, hết sức cao siêu vượt hãy làm cho sáng đi. Còn như biện minh khỏi khuôn khổ cách thức thông thường«. được rồi, hay cắt đứt dòng sinh tử, cùng ngồi ở địa vị Phật Tổ, diệu viên siêu ngộ, SIÊU CHỨNG chính là ở lúc này«. Vượt khỏi giai vị thứ tự thông thường, trực tiếp lãnh ngộ. Tiết Nghệ Ngôn trong SIÊU NHẠC (1642-1702) NHQL q. 29 ghi: » Thiền tăng đời Thanh, họ Trần, người Hải Diêm (nay thuộc Chiết Giang) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Thiết Chu Hành Hải, làm truyền nhân tông Lâm Tế, – Người chưa ngộ trụ trì chùa Giang Thiên. muốn vãng sinh, cần phải khẩn thiết niệm Phật. Nếu người tham thiền cũng khẩn SIÊU NHIÊN thiết như người ấy, dù sinh vào cõi trời, Vẻ siêu thoát sau khi khai ngộ. Cổ Tôn Túc người mà cùng chỗ ngộ chẳng xa, vừa mới ngữ lục q. 1 ghi: » sinh ra huệ căn chóng phát, siêu chứng Bồ-đề, chưa thể hạn lượng«. – Hoài Nhượng nói: Mã Tổ

SIÊU TÔNG VIỆT CÁCH một khi được khai ngộ, thần thái siêu vượt khỏi tình thức, thoát ly tri kiến«. thoát, nhưng vẫn hầu hạ ta đến mười năm nên chỗ ngộ ngày càng sâu mầu«. SIÊU TÔNG Hiệu của Thiền tăng Huệ Phương đời SIÊU PHƯƠNG Tống. X. Huệ Phương. 1. Vượt ngoài phép tắc thông thường, phần lớn chỉ cho tầm nhìn, lòng can đảm và trí SIÊU TÔNG DỊ MỤC hiểu biết của bậc triệt ngộ. Như Tịnh ngữ Pháp nhãn phi thường, vượt khỏi khuôn lục ghi: » phép của tông môn. Mật Am ngữ lục ghi: »

– Sư thượng đường nói: – Giây leo nương vào thế cây tùng cao, cá Nếu là người thân chứng thân ngộ, sáng đuôi đỏ thi đua qua sóng Vũ Môn, còn có được đại pháp thì nói làm gì đến việc quét người ra mặt chăng? Sư giơ cây phất tử sạch ngôn ngữ, y tự có pháp nhãn phi lên nói: Gươm báu vung lên thử độ bén, thường để sinh nhai. Lúc y mở mắt, cũng đâu cần trong hộp rước bụi nhơ? Hét một chỉ là trong

trẻo thế ấy; khi y nhắm mắt tiếng, nói: Siêu phương thì biết«. cũng chỉ là trong trẻo thế ấy«. 2. Du phương. Thị Chân Ngộ Thiền sư trong HSLNMDT q. 2 ghi: » SIÊU TÔNG NHÃN Pháp nhãn vượt khỏi cách thức thông thường của Tông môn. Tiết Tông Thừa – Do đâu mà vào thai Yếu Nghĩa trong Duy Tắc ngữ lục q. 9 ghi: mẹ, do đâu mà sa vào lưới ái, do đâu mà » mong muốn ra khỏi luân hồi? Do đâu mà – Nên cất bước du phương. Do đâu mà tham biết có Trạch pháp nhãn chẳng bằng có phỏng tri thức«. Thấu quan nhãn; có Thấu quan nhãn chẳng bằng có Siêu tông nhãn«. SIÊU QUỸ Pháp danh của Thiền tăng Văn Quả đời SIÊU TÔNG VIỆT CÁCH Thanh. X. Văn Quả. Vượt thoát khuôn phép thông thường trong thiền môn, chỉ cho người triệt ngộ có nhãn SIÊU TÌNH LY KIẾN lực và nhận thức không giống người tầm Vượt khỏi tình thức, thoát ly tri kiến. Mật thường. Tiết Thị Dục Tạng Chủ trong Duy Am ngữ lục ghi: » Tắc ngữ lục q. 3 ghi: » – Trong lò rèn lớn, khổ công rèn luyện đến sạch sẽ hoàn toàn mới đem ra, không còn mảy may ý thức, – Nếu

SIÊU TRÍ (1610-1674) ông chưa có cái nhìn vượt thoát khuôn sao nói?«. phép thông thường trong thiền môn, lại không có thủ đoạn trói cọp bắt rồng thì ở SIÊU VĨNH mọi lúc mọi nơi sẽ chưa tránh khỏi việc bị Thiền tăng đời Thanh, họ Diêu, hiệu Tể sắc làm ngại khi thấy sắc, bị âm thanh làm Luân, người Túy Lý (Chiết Giang), Trung ngại khi nghe tiếng, cho đến việc ông nói Quốc. Thuở nhỏ theo Nho học, lớn lên năng cũng đều là giữa ban ngày mà mở công danh đạm bạc. Niên hiệu Thuận Trị mắt nói mớ«. thứ 7 (1650) sư lễ Thâm Vân Quả ở Gia Hưng (Chiết Giang) xin cạo tóc. Mùa thu SIÊU TRÍ (1610-1674) năm ấy yết kiến Bách Ngu Tịnh Tư. Sau Thiền tăng đời Thanh, họ Hồ, hiệu Kỳ đó lần lượt du phương núi Thiên Đồng, Nhiên, người Thành Đô, Trung Quốc. Xuất Kính Sơn, chùa Báo Ân, chùa Kim Túc. gia lúc 9 tuổi tại chùa Trung Phong, sư Niên hiệu Thuận Trị thứ 9 (1652) tham từng tham kiến các bậc tôn túc: Chúc Gia kiến Thiền sư An Điền Tĩnh, vào ngày Am Ấn Tâm, Thiên Đồng Mật Vân Viên Phật thành đạo (mùng 8 tháng 12) được ấn Ngộ, Phá Sơn Hải Minh, Tượng Nhai Tính khả. Sau sư trụ trì chùa Thánh Cảm, Tây Diên v.v... Sau yết kiến Lộc Môn núi Sơn Sơn, Bắc Kinh. Niên hiệu Khang Hy thứ Đãng đắc pháp làm truyền nhân tông Lâm 32 (1679) biên tập Ngũ Đăng Toàn Thư Tế. Lần lượt trụ trì các chùa Linh Huệ, 120 quyển; đặc biệt trước tác Thâm Tuyết Song Trì, Bạch Thủy, Hoàng Long. Tác Thảo Đường tập, Pháp Uyển Anh Hoa, phẩm có: Kỳ Nhiên Trí Thiền sư ngữ lục 2 Độc Thư Tùy Ký, Cổ Kim Tăng Thi v.v... quyển. SONG PHONG TỰ SIÊU VIỆT SINH TỬ Ở dưới núi Song Phong, phía tây huyện Nhũ Nguyên (khu tự trị dân tộc Dao), tỉnh Đạo Phật cho rằng chúng sinh hữu tình đều Quảng Đông, Trung Quốc. Còn gọi »Hưng ở trong biển khổ luân hồi sinh tử. Nhà Phúc Viện«. Khoảng niên hiệu Thái Bình thiền đem việc thoát khỏi sinh tử một cách Hưng Quốc (976-983) đời Tống, Thiền sư triệt để làm mục đích tu tập và gọi đó là Cánh Khâm (Huệ Chân Quảng Ngộ) sáng »siêu việt sinh tử«. Tiết Hòa Sơn Huệ lập. Sau được ban cho tấm biển »Song Phương Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: Phong Sơn Hưng Phúc Thiền Tự«. Niên » hiệu Nguyên Hựu thứ

2 (1087) Lương Thành trung tu. Đầu những năm Hồng Vũ (1368-1398) đời Minh, Liễu Yết xây cất lại.
Niên hiệu Thành Hóa thứ 5 (1469) Tổ – Nhưng ngũ gia tông phái, mỗi tông đều Quan Thủ Giới trùng tu. Niên hiệu Chính có cách giáo hóa riêng, dù ông phân biệt Đức thứ 1 (1506) Thái Tiến trùng tu. Niên được rõ ràng thoải mái cũng còn là việc hiệu Gia Tỉnh thứ 22 (1543) Trinh Khải hư huyễn chẳng thật. Nếu muốn đối địch trùng tu. Niên hiệu Khang Hy thứ 22 với sinh tử, thì còn cách xa như trời với (1683) đời Thanh trùng tu một lần nữa. đất. Thế thì một câu siêu việt sinh tử làm

SỞ NAM (813-888) SONG THÁP TỰ nhị thập bát Tổ; quá Đông Độ sơ khai Ở ngõ chùa Định Huệ, thành phố Tô Châu, Thiếu Lâm« (Ở Tây Thiên hai mươi tám tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Được xây Tổ; qua Đông Độ mới mở Thiếu Lâm). dựng vào khoảng niên hiệu Hàm Thông Bên trong thờ tượng của Sơ Tổ, Nhị Tổ, (860-873) đời Đường, ban đầu tên »Bát Tam Tổ, Tứ Tổ, Ngũ Tổ. Trong điện trên Nhã Tự«, sau đổi tên là »Thọ Ninh Vạn trụ đá có khắc võ sĩ khí độ uy nghiêm, rồng Tuế Thiền Viện«. Khoảng niên hiệu Ung bay sống động,, phụng múa tự nhiên, phi Hy (984-987) đời Tống, anh em Vương thiên bồng bềnh, rồng cuộn tròn trịa. Tòa Văn Hãn xây hai tháp gạch đứng đối nhau, Tu-di thần đài và đá giữ chân tường điện bèn gọi là »Song Tháp Tự«. có khắc nổi cỏ cuốn, mãnh sư, kỳ lân, thủy thú đều sinh động truyền thần. Phía đông SƠ nam đại điện có một cây cổ bách, tương Đặt trước từ phủ định, biểu thị phủ định truyền là Lục Tổ Huệ Năng đem từ Quảng một cách hoàn toàn, tương đương với Đông về trồng nơi đây. Xung quanh điện »hào« (mảy mảy), »tuyệt« (tuyệt đối). Mật phòng còn giữ gìn hơn 40 tấm đá khắc Am ngữ lục ghi: » »Đ t-ma tụng bi«của Hoàng Đình Kiên, – Cùng với người bình thường tuyết »Đ t-ma diện bích chi am« của Thái đối không sai khác.« Biện.

SƠ SƠN SỞ HUÂN Núi thuộc huyện Kim Khê, tỉnh Giang Tây, Thiền tăng đời Tống. Sư đến Đại Long sơn Trung Quốc, nằm cách trung tâm huyện thuộc Đảnh Châu (nay thuộc huyện 29km về hướng tây bắc. Trong núi có chùa Thường Đức, tỉnh Hồ Nam) thờ Thiền sư Sơ Sơn. Núi này vốn là chỗ đọc sách của Trí Hồng làm thầy và nối pháp ngài, kế ẩn sĩ Hà Tiên Đan đời Đường, nên có khi tiếp trụ trì làm hưng thịnh tông phong. gọi là Thư Sơn. Khoảng niên hiệu Trung Có vị tăng hỏi: Thế nào là cảnh Đại Long? Hòa (881-884) đời Đường, Thiền sư Sư đáp: Thiền sư các nơi chỉ dạy cho Khuông Nhân tông Tào Động đến núi này người. cất chùa, Vua ban bảng hiệu là Bạch Vân. Vào thời Nam Đường, đổi tên là Sơ Sơn. SỞ MINH (1085-1145) Đời Minh có Thiền tăng Tự Tính trụ chùa Thiền tăng đời Tống, họ Trương, người Sơ Sơn. Quảng Châu, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Thiện Bổn, thuộc SƠ TỔ AM tông Vân Môn đời thứ 8, trụ trì chùa Tịnh Ở tây bắc chùa Thiếu Lâm, huyên Đăng Từ ở Lâm An (tại Hàng Châu, Chiết Phong, tỉnh Hà nam, Trung Quốc. Hiện Giang). còn 1 điện, 2 đình, 1 các. Đại điện xây dựng vào niên hiệu Tuyên Hòa thứ 7 SỞ NAM (813-888) (1125) đời Tống, trong điện hai bên có cặp Thiền tăng đời Đường, họ Trương, người đối liễn khắc bằng gạch; »Tại Tây Thiên Phúc Châu, Trung Quốc. Thuở nhỏ sư theo

SỞ THẠCH PHẠM KỲ THIỀN SƯ NGỮ LỤC

Đàm Ái chùa Khai Nguyên làm sa-di, sau thích đùa giỡn. Năm 12 tuổi sư xuất gia khi cạo tóc sư đến núi Ngũ Đài thụ giới cụ với Trúc Song Hỉ chùa Linh Nghiêm; sau túc, học giới luật, kinh Tịnh Danh, gần như đó tham kiến Hoành Xuyên Như Hồng, sư thông được tông chỉ. Theo lời dạy của Phù siêng năng tham cứu ngày đêm không rảnh Dung Linh Huấn, sư tham kiến Hoàng Bá ăn ngủ. Sau nghe Hổ Nham Tịnh Phục giáo Hy Vận được nối pháp. Vào niên hiệu Hội hóa hưng thạnh, sư bèn đến Lãnh Tuyền Xương Vua hủy diệt Phật pháp, sư liền ẩn hầu hạ, có chỗ tỉnh ngộ. Sau đó ở pháp hội trong rừng hoang. Sau nhân Bùi Hưu thỉnh của Chỉ Hoằng Giám chùa Thiên Đồng, sư nên sư trụ trì chùa Báo Ân ở Giang Tô hơn giữ chức Tạng chủ. Khi ra hoằng pháp, sư 20 năm, về sau lần lượt trụ chùa Bảo Lâm, trụ trì chùa Phụng Thánh ở Kim Lăng núi Chi Hình. Niên hiệu Càn Phù thứ 5 (Nam Kinh), sau đó dời sang trụ chùa (878) sư trụ viện Từ Vân núi Thiên Đốn, Thụy Nham, Phổ Từ, lại sang chùa Song đồ chúng các nơi tụ hội, pháp hóa hưng Lâm. Chẳng bao lâu lần lượt đi du phương thịnh; tuy ứng cơ rất nhiều mà vẫn lặng lẽ các chùa Kính Sơn, Linh Ẩn, Thiên Đồng, an nhiên. Niên hiệu Quang Khải thứ 3 Tịnh Từ, đều giữ chức Đệ nhất tòa. Niên (887) Ngô Việt Vương triệu vào cung hiệu Chí Thuận thứ 1 (1330) qua Nhật thuyết pháp, ban cho tử y. Tác phẩm: Bát- Bản, Đề-Hồ Thiên Hoàng cho mời vào nhã Tâm Kinh Tụng 1 quyển, Phá Tà Luận cung. Tấu đối đẹp lòng vua nên được ban 1 quyển. hiệu »Phật Nhật Diễm Huệ Thiền sư«. Xây dựng chùa Quảng Nghiêm để sư làm Tổ SỞ THẠCH PHẠM KỲ THIỀN SƯ khai sơn. Sau đó phụng chiếu lần lượt trụ NGỮ LỤC trì chùa Nam Thiền, Kiến Nhân, các nhân Gọi đủ: Phật Nhật Phổ Chiếu Huệ Biện Sở sĩ Nho học lẫn Phật học nghe danh tìm Thạch Thiền sư ngữ lục. Còn gọi: Sở đến. Sau khi sư tịch, hài cốt được chia ra Thạch Thiền sư ngữ lục, Sở Thạch lục. thờ phụng tại hai tháp Vân Trạch và Thiếu Ngữ lục, 20 quyển, do Phạm Kỳ soạn vào Lâm. đời Nguyên, các vị Tổ Quang, Đàm Thiệu, Lương Ngạn biên tập, được xếp vào Tục SỞ VIÊN (986-1039) Tạng kinh tập 124, trang 71. Nội dung baoThiền tăng đời Tống, họ Lý, người Thanh gồm ngữ lục của sư Phạm Kỳ ở các chùa: Sương, Toàn Châu (Quảng Tây), Trung Phúc Trăn, Thiên Ninh Vĩnh Tộ, Đại Báo Quốc. Lúc trẻ sư làm Nho sinh chuyên tâm Quốc, Bản Giác và các phần Bỉnh phất tiểuhọc hành. Năm 22 tuổi sư xuất gia nơi tham, Tụng cổ, Pháp ngữ, Tạp trước và chùa Ẩn Tĩnh ở Tương Sơn. Đi đến cửa Tương Miến, sư kết bạn với Thủ Chi Cốc phụ Hành trạng cùng với lời tựa, tháp minh do Tống Liêm soạn. Tuyền rồi vào thành Lạc Dương. Nghe đồn Thiện Chiêu là đệ nhất trong thiên hạ, sư SỞ TUẤN (1262-1336) bèn đến Phần Châu (Phần Dương, Sơn Thiền tăng đời Nguyên, họ Hoàng, tự Tây) y chỉ 2 năm mà vẫn chưa được vào Minh Cực, người huyện Ngân (Chiết thất. Mỗi lần yết kiến đều bị mắng chửi Giang), Trung Quốc. Tính nhàn nhã, không hoặc nghe ngài chê bai những nơi khác,

SƠN MÔN những lời dạy bảo đều thô bỉ thế tục. Một truyện có chỗ sai lầm, tác giả thêm phần hôm, Sở Viên đang than trách thì bị Thiện khảo chứng lại. Chiêu nhìn kỹ mà mắng rằng: »Đồ ác tri Quyển thượng thu thập hơn 70 điều từ Hoà thức! Ngươi dám trách ta à!« Còn quơ gậy Thượng Định Thủy Bảo Nguyệt đến Hòa đánh đuổi. Sư muốn giải bày, Thiện Chiêu thượng Vô Tượng Dị. Quyển hạ thu thập liền bụm miệng sư, Sở Viên chợt đại ngộ, hơn 60 điều từ Hồ Châu Tăng Tịnh đến nói: »Đúng là đạo của Lâm Tế

vượt ra Đàn chủ Đức Ngung, đều là đưa ra lời hay ngoài thường tình«. Sư ở lại hầu hạ 12 năm ý đẹp của các bậc danh tăng. lãnh ngộ hết ý chỉ. Sư còn tham phỏng Trí Tung ở Đường Minh, và cùng các danh sĩ SƠN CHỦ đương thời như Dương Đại Niên, Lý Tuân Chỉ cho vị Trụ trì của một tự viện. Về sau Úc luận đạo. Muốn trở về quê hương cảnh cũng dùng từ này để tôn xưng các vị thiền tỉnh mẹ già, sư đi qua Quân Châu (Cao An, sư. Tông Môn Võ Khố ghi: » Giang Tây) nơi Động Sơn yết kiến Hiểu Thông xin y chỉ 3 năm. Lại đi đến Ngưỡng Sơn trụ chùa Quảng Lợi, Nam Nguyên, Viên Châu (Nghi Xuân, Giang Tây), Lại – Chùa Vân Nham ở Phần tham kiến Thần Đảnh Hồng Nhân, Hồng Ninh chưa có Trụ trì. Quan Quận này nhờ Nhân rất khen ngợi sư, nhờ vậy mà tiếng thiền sư Hoàng Long Tử Tâm tiến cử cho tăm vang dội. Sư làm chủ pháp tịch Đạo một người để trông coi chùa ấy. Tử Tâm Ngô, Đàm Châu (Trường Sa, Hồ Nam), nói: Sơn chủ Chuẩn trụ trì nơi đó được. Có dời sang trụ chùa Sùng Thắng núi Thạch điều là tôi chẳng biết mặt ông ta, chỉ đọc Sương, chùa Phúc Nghiêm Hành Sơn, sau được bài tụng Tẩy bát rất hay của ông ta đó thị tịch nơi chùa Hưng Hóa ở Đàm mà thôi!«. Châu. Thụy là »Từ Minh Thiền sư«. Tác phẩm: Thạch Sương Sở Viên Thiền sư ngữ SƠN CỐC TỰ lục 1 quyển. Đệ tử nối pháp có 50 người, X. Tam Tổ tự song nổi tiếng nhất là Hoàng Long Huệ Nam, Dương Kỳ Phương Hội. SƠN MÔN 1. Còn gọi: Tam môn. Cửa chính của tự SƠN AM TẠP LỤC viện. Như Tịnh ngữ lục, q. thượng ghi: » Bút ký, 2 quyển, do Vô Uấn biên vào khoảng niên hiệu Hồng Võ (1368-1398) đời Minh và được xếp vào Tục Tạng kinh »Sư chỉ cánh cửa chính, nói: tập 148, trang 323. Nội dung sách này Không từng cất bước lên Thiên Thai, được tuyển chọn từ: La Hồ Dã Lục, Vân Khóa vàng của Tổ mở toang ra«. Ngọa Kỷ Đàm, Tùng Lâm Công Luận, 2. Còn gọi: Sơn tự. Chỉ cho các tự viện, Thiền Lâm Bảo Huấn, các thứ Truyền đăng chùa. Tông Môn Võ Khố ghi: » lục, cho đến các điều thấy nghe trong lúc tham học vào thời ấy. Đối với ngần ấy

SƠN ÔNG MỘNG ẨN – Tạng chủ Khánh ở chùa Trí Hải chợt mắc bệnh. Pháp Tú muốn đến viếng thăm, nhưng chùa không cho phép. Tú liền lẻn đến Trí Hải để gặp Khánh«.

SƠN ÔNG MỘNG ẨN

Hiệu của thiền tăng Đạo Mân đời Thanh. X. Đạo Mân

SƠN TĂNG

Lời của tăng sĩ tự xưng, phần lớn là lời của thiền sư trụ trì một tự viện tự xưng, hàm ý – Một hôm sư đang khiêm tốn. Lâm Tế ngữ lục ghi: » theo hầu Mã Tổ đi dạo, nghe tiếng vịt trời kêu. Mã Tổ hỏi: Tiếng gì thế? Sư đáp: Tiếng vịt trời. Hồi lâu, Mã Tổ hỏi: Tiếng – Tri phủ Vương Thường kêu vừa rồi đi đâu rồi? Sư đáp: Bay qua Thị cùng các quan trong phủ thỉnh Sư rồi. Mã Tổ xoay đầu lại vặn mũi sư, Sư thăng tòa. Sư thượng đường bảo: Hôm đau quá kêu lên. Mã Tổ bảo: Lại nói bay nay, do sự bất dắc dĩ, Sơn tăng thuận theo qua đi? Sư nghe lời này có tỉnh. Khi trở về nhân tình mới lên tòa này«. liêu thị giả, sư khóc to thảm thiết. Người đồng sự hỏi: Huynh nhớ cha mẹ phải SUÂN TÍCH không? Sư đáp: Không. Hỏi: Tại sao Da dẻ thô ráp, sần sùi. Phần Dương ngữ

khóc? Sư đáp: Lỗ mũi tôi bị Hòa thượng lục q. thượng ghi: » vặn, đến giờ vẫn còn đau. Người đồng sự Cây tùng lâu năm nói: Có nhân duyên gì chẳng khế hợp? Sư dù da dẻ sần sùi, nhưng trong ruột tự có bảo: Huynh hãy hỏi Hòa thượng! Người một đường trong sạch«. đồng sự đến hỏi Mã Tổ: Thị giả Hải có nhân duyên gì không khế hợp, đang khóc SÚC TỴ NHÂN DUYÊN trong liêu. Xin hòa thượng nói cho con biết Công án vặn mũi. Công án này được thấy với. Mã Tổ bảo: Y ta đã hội, ngươi hãy hỏi nơi chương Hoài Hải, đời thứ 3 dưới Đại y. Người đồng sự trở về liêu, bảo: Hòa Giám trong CTTNL q. 1 như sau: » thượng nói huynh hội rồi, bảo tôi về hỏi huynh. Sư liền cười to ha hả. Người đồng sự nói: Hồi nãy khóc, bây giờ lại cười. Sư bảo: Hồi nãy khóc, bây giờ lại cười. Người đồng sự mờ mịt.« Đây là câu chuyện Bách Trượng Hoài Hải ngay nơi cơ dụng gợi ý của Mã Tổ mà lãnh ngộ đạo pháp và đạt được sự ấn chứng của Tổ.

SÙNG HUỆ SÙNG CHIẾU (?-1342) Ninh, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Sùng Thiền tăng đời Nguyên, họ Đoạn, người Giác tự còn gọi »Thích-ca Thiền Tự«, xây Phổ Ninh (nay thuộc Vân Nam), Trung dựng vào niên hiệu Hoàng Kiến thứ 1 Quốc. Sư nối pháp thiền sư Trung Phong (560) đời Bắc Tề. Tháp xây vào niên hiệu Minh Bản, làm truyền nhân tông Lâm Tế, Sùng Ninh thứ 4 (1105) đời Tống, ban đầu trụ trì chùa Bàn Long trên núi Bàn Long tại 7 tầng. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 9 (1581) Vân Nam. đời Minh xây thêm 9 tầng. Hình bát giác cao 23,8m. Tòa nền xây gạch xanh, bốn SÙNG DỤ (1304-1378) mặt mở ra cửa cuốn hình vuông, trong tâm Thiền tăng đầu đời Minh cuối đời Nguyên, thất tháp hiện còn »Thiên thủ Phật tạo họ Trần, tự Ước Chi, người Tỳ Lăng tượng« đời Tống, bia »ký tháp sự« niên (Thường Châu, Giang Tô), Trung Quốc. hiệu Quang Tự thứ 7 (1881) đời Thanh. Năm 16 tuổi, sư vào viện Thọ Xương theo Mỗi tầng do ba phần lan can tòa bằng, thân Đông Lâm Hiểu Công xuất gia, cầu thụ tháp, mái cong hợp lại mà thành. Tòa bằng, giới cụ túc. Sau lên núi Song Kính yết kiến mái cong đều dùng đấu củng ngẩng cao Tịch Chiếu Đoan Công xin làm thị giả. nâng đỡ. Bốn mặt của mỗi tầng mở ra cửa Đến núi Thiên Mục tham vấn Phật Huệ hình chữ nhật, đặc biệt bên ngoài bốn mặt Nghĩa Công. Đến chùa Trung Thiên Trúc, thiết kế khám thờ 2 tượng Phật. Vách tháp Quảng Trí Hân Công vừa gặp đã kính tầng 1, tầng 2 có đúc minh ký: »Đại Tống trọng sư, ngôn ngữ khế hợp bèn được ấn Sùng Ninh Ất Dậu Thường Thị Hoàn Phu chứng. Nhậm chức Duy-na, chẳng bao lâu Từ Vĩnh An Nguyện Cẩn Chú«. Tầng đỉnh lên chức Chủ Tạng thất, y chỉ hơn mười bát giác có treo phong linh, lắp đặt sát tòa năm được trọn đạo pháp của Hân Công. hoa sen bằng đồng, tháp sát bình báu bằng Đời Nguyên, niên hiệu Chí Thuận thứ 2 vàng ròng. Tháp này mô phỏng kiến trúc (1331), sư ra trụ trì Quang Hiếu Thiền Tự gỗ đặc điểm nặng nề, tạo dáng mỹ quan. ở Thái Bình (An Huy) rồi sang Sùng Thắng Thiền Tự ở Cửu Giang (Giang Tây). SÙNG HUỆ Đời Minh, niên hiệu Hồng Vũ thứ 1 (1368) sư sang trụ Sùng Thắng Thiền tự ở Cửu 1. Thiền tăng đời Đường (?-779), họ Trần, Giang (Giang Tây). Đời Minh, niên hiệu nối pháp Thiền sư Trí Oai, thuộc tông Hồng Vũ thứ 1 (1368) sư sang trụ chùa A- Ngưu Đầu đời thứ 6. Khoảng niên hiệu dục Vương ở Tứ Minh; Hồng Vũ thứ 5 Càn Nguyên

(758-759) sư khai sơn núi (1372) sư đến Kinh Sư hiến kệ đẹp lòng Thiên Trụ. vua, vua ngợi khen ban thưởng trọng hậu. Tác phẩm: Tam Hội ngữ lục. 2 Thiền tăng đời Đường, họ Chương, người Hàng Châu, Trung Quốc. Sư nối SÙNG GIÁC TỰ THIẾT THÁP pháp Thiền sư Kính Sơn Pháp Khâm, thuộc tông Ngưu Đầu đời thứ 8, trụ chùa Tục gọi: Tế Ninh Thiết Tháp. Nằm trong Chương Tín, sư là »Cân Tử Sơn Hàng Ma khuôn viên chùa Thiết Tháp, thành phố Tế Thiền Sư«.

SÙNG NHẠC (1132-1202) SÙNG NHẠC (1132-1202) Vân làng Cổ Châu, Long Biên. Học trò các Thiền tăng đời Tống, họ Ngô, hiệu Tùng nơi tụ về rất đông. Hoàng đế Lê Đại Hành Nguyên, người Long Tuyền, Xử châu nhiều phen thỉnh sư vào cung để thưa hỏi (Chiết Giang), Trung Quốc. Thuở nhỏ sư huyền chỉ. Vua lấy lễ đãi sư rất trọng hậu. có chí xuất gia, 23 tuổi mới thọ ngũ giới Đến năm Quảng Hựu thứ 3 triều Lý (1087) làm sa-di, lần lượt tham kiến các bậc tôn nhằm năm Đinh Mão, sư viên tịch, thọ 84 túc trong thiền lâm như: Yết Linh Thạch tuổi. Vua Lý Nhân Tông có làm bài kệ truy Diệu. Đại Huệ Tông Cảo, Ứng Am Đàm tặng sư: Hoa v.v... Niên hiệu Long Hưng thứ 2 (1164) sư được độ nơi Tinh xá Bạch Liên ở Tây Hồ, đi du phương tham học với các »Sùng Phạm cư Nam Quốc thiền sư ở Giang Nam, Chiết Giang. Sau sư Tâm không cập đệ qui tham kiến Thiền sư Mật Am Hàm Kiệt, Nhĩ trường hồi thụy chất nghe tăng hỏi câu »Chẳng phải tâm, chẳng Pháp pháp tận ly vi«. phải Phật, chẳng phải vật«, sư hoát nhiên »Nước Nam ngài Sùng Phạm đại ngộ, nối pháp làm truyền nhân phái Tâm không thi đậu về Dương Kỳ tông Lâm Tế. Sư lần lượt trụ Tai dài hiện tướng lạ chùa Báo Ân Quang Hiếu, các thiền viện Pháp pháp thảy nhiệm mầu«. Thật Tế, Tiến Phúc, Trí Độ, Vân Nham Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh hoằng hóa cực thịnh. Niên hiệu Khánh Từ. Nguyên thứ 3 (1197) sư trụ trì chùa Linh Ẩn và khai sáng chùa Hiển Thân Báo Từ. SÙNG PHÚC TỰ Đệ tử Thiện Khai, Quang Mục vì sư biên 1. Phía bắc phố Đông, trong thành huyện tập Tùng Nguyên Hòa thượng ngữ lục 2 Sóc, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Chùa xây quyển. Lục Du soạn tháp minh. vào niên hiệu Lân Đức thứ 2 (665) đời Đường. Đời Liêu từng làm dinh thự cho SÙNG NHÂN ĐẠI SƯ Lâm Thái sư, cho nên còn gọi »Lâm Nha Hiệu của Thiền tăng Thanh Hộ đời Ngũ Viện«. Khoảng niên hiệu Thống Hòa (983- Đại. X. Thanh Hộ. 1011) đời Liêu đổi tên »Lâm Nha Tự«. Niên hiệu Thiên Đức thứ 2 (1150) đời Kim SÙNG PHẠM (1004-1087) đề biển »Sùng Phúc Thiền Tự«. Khoảng Thiền tăng đời cuối Lê đầu Lý, thuộc dòng niên hiệu Càn Long (1736-1795) đời Tỳ-ni-đa-lưu-chi, đời thứ 11. Sư họ Mâu, Thanh đổi tên »Sùng Phúc Tự«. Kiến trúc dáng vẻ mạnh mẽ to lớn, hai trái tai thòng quy mô hùng vĩ tráng lệ, bố cục nghiêm đến vai. Xuất gia xong, sư đến tham vấn cẩn, chủ thứ phân minh. Hiện còn Sơn với ngài Vô Ngại ở Hương Thành. Sau khi môn, Quán Âm điện, Di Đà điện, Địa Tạng được tâm ấn, sư dạo khắp nước Thiên Trúc điện, Văn-thù điện, Tàng kinh các, Chung để cầu học hỏi sâu rộng. Mãn chín năm sư cổ lâu. Tàng kinh điện nằm phía trước các trở về nước, gồm thông giới định. Về sau, điện, là một loại tự miếu bố cục hiếm thấy. sư thuyết giảng Phật pháp tại chùa Pháp Di Đà điện xây vào niên hiệu Hoàng

SÙNG PHÚC TỰ Thống thứ 3 (1143) đời Kim, hùng vĩ tráng Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, cách lệ, là kiến trúc đời Kim quy mô khá lớn thành phố chừng 8km. Chùa

xây vào niên hiện còn, trong điện tố tượng bích họa hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 2 (977) đời được giữ gìn hoàn hảo. Tống, nguyên tên là »Sùng Phúc Viện«, 2. Còn gọi: Cửu Phong tự. Nằm trong núi quy mô khá nhỏ sau bị hủy phế. Cuối đời Cửu Phong, cách trung tâm huyện Thượng Minh đầu đời Thanh xây dựng lại, đến đời Cao, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc 35km về Khang Hy thứ 38 (1699) mới đủ quy mô, phía tây. Khoảng niên hiệu Càn Ninh (894- về sau dần dần phát triển thành đại tự viện, 898) đời Đường, Nam Bình Vương Chung phạm cung mọc lên như rừng, điện vũ Truyền quyên nhà làm chùa, Đường Chiêu nguy nga, đến cuối đời Thanh trở thành Tông ban biển »Hoằng Tế«. Khoảng niên một trong năm đại thiền sát ở Phúc Châu. hiệu Thiên Phục (901-904) đổi tên là Những kiến trúc hiện còn phần nhiều được »Sùng Phúc Thiền Lâm«, là đạo tràng lớn xây lại vào khoảng niên hiệu Quang Tự của tông Tào Động. Chùa đến nay vẫn (1875-1908) đời Thanh. Chùa Sùng Phúc được giữ gìn hoàn hảo, chiếm diện tích nằm trên sườn núi Tượng Phong, đồi núi chừng 1000, trước sau điện vũ là hai dãy bao quanh, tùng bách cao vút, nước khe nhà, hai bên là phòng ốc. Trên cửa chính trong vắt chảy quanh chùa, khung cảnh vô treo tấm biển viết bốn chữ lớn »Sùng Phúc cùng u nhã tĩnh mịch. Thiền Lâm«. Phong cảnh quanh chùa thanh 5. Còn gọi: Chùa Tây Phương, Hoành Sơn tú đẹp đẽ, Cửu Phong chập chùng xanh Thiếu Lâm Tự. Chùa xây dựng trên núi thẳm. Ngọn Hương Lô đứng trước chùa, Câu Lậu, thuộc xã thạch Xá, huyện Thạch suối Quán Âm mùa đông ấm, mùa hè mát. Thất, Hà Tây, Việt Nam, cách thủ đô 37km 3. Ở huyện Lâm An, tỉnh Chiết Giang, về hướng tây. Khoảng năm 865-873, Cao Trung Quốc. Niên hiệu Khai Vận thứ 3 Biền cho xây ngôi chùa Tây Phương (946) đời Hậu Tấn, Thiền sư Minh Nghĩa nguyên thủy trên đỉnh Câu Lậu và Trịnh Trí Hậu sáng lập Bảo Thọ Viện. Niên hiệu Tạc sửa sang vào khoảng 1657-1682. Đến Đại Trung Tường Phù thứ 1 (1008) đời năm 1794, chùa được xây dựng lại hoàn Tống đổi tên »Sùng Phúc Thiền Tự«. toàn mới, đặt trên đỉnh núi cao 50m, muốn Khoảng niên hiệu Đại Quán (1107-1110) lên đến cổng chùa phải vượt qua 239 bậc bị phá hủy, khoảng niên hiệu Thiệu Hưng xây đá ong. Chùa có ba tòa nhà chính, đặt (1131-1162) xây dựng lại. Cuối đời cách nhau 1,6m. Tòa Bái đường phía trước Nguyên bị chiến tranh phá hủy. Niên hiệu và tòa Hậu cung phía sau có chiều dài lớn Hồng Vũ thứ 16 (1383) đời Minh xây dựng hơn với năm bước nhà, nhưng lại có chiều lại, sau lập thành tùng lâm. Niên hiệu Ung ngang với nhịp nhà bé hơn tòa Chính điện Chính thứ 12 (1734) đời Thanh tu sửa rất ở giữa. Nhà xây kiểu chồng diềm, hai tầng quy mô, là tổ đình tông Lâm Tế. Niên hiệu tám mái, khung gỗ chịu lực, tường ngoài Gia Khánh thứ 6 (1801) Chu Văn Tảo, xây gạch Bát Tràng để trần. Cột nhà cao Thích Chân Nguyên biên tập »Sùng Phúc hơn thì đường kính lớn hơn, hợp lý về chịu Tự Chí«. lực, hài hòa về kiến trúc, tất cả đều đặt trên 4. Dưới núi Bắc Lĩnh, thành phố Phúc các tảng đá xanh. Những chi tiết kiến trúc,

SÙNG PHÚC TỰ CHÍ trang trí trước hết là những đầu đao, giàu SÙNG TÍN (780-850) sức khái quát, khả năng truyền cảm. Các Thiền tăng đời Đường, họ Hồ người Kinh vì, xà, diềm mái chạm khắc chim muông, Châu (Giang Lăng, Hồ Bắc), Trung Quốc. hoa lá, triện cuốn đặc biệt công phu. Hệ Gia đình sư bán bánh, lúc ấy Đạo Ngô ở thống cửa gỗ lấy ánh sáng ở đây cũng đã chùa Thiên Hoàng, Sùng Tín mỗi ngày tạo được một khung cảnh thoát tục, mơ biếu Đạo Ngô 10 cái bánh; sau theo Đạo màng. Chùa có trên

70 pho tượng, nay còn Ngô xuất gia tỏ ngộ ý chỉ. Sư trụ Thiền 64 pho, trong đó có nhiều tác phẩm quan viện Long Đàm, Lễ Châu (huyện Lễ, Hồ trọng của điêu khắc Việt Nam cuối thế kỷ Nam) tông phong đại thịnh, người đời gọi XVIII như tượng Tuyết Sơn, tượng La- là »Long Đàm Hòa thượng«. Sau sư truyền hầu-la, các vị La hán v.v... pháp cho Đức Sơn Tuyên Giám rồi tịch. Theo: VHVNTH 898-95 SỬY TẬN GIA TƯ Dốc hết vốn liếng, tỷ dụ có bao nhiêu lời SÙNG PHÚC TỰ CHÍ hay đem ra nói hết, rơi vào hình thức. Vô Chí, 4 quyển, do Chu Văn Tảo soạn vào Môn Quan ghi: » đời Thanh, Thích Chân Nguyên hiệu đính, được xếp vào Trung Quốc Phật Tự Sử Chí Vựng San tập 1. Chùa Sùng Phúc là 1 trong những Tổ đình của tông Lâm Tế. Niên hiệu Gia Khánh thứ 6 (1801) đời – Thanh, Chu Văn Tảo bắt đầu soạn »Sùng Có vị tăng hỏi Hòa thượng Nam Tuyền: Có Phúc Tự Chí«, chia ra lịch trình thay đổi và pháp nào chưa dạy nữa không? Sư đáp: phát triển của tự vũ, trụ trì tam môn, và Có. Vị tăng lại hỏi: Pháp chưa dạy là pháp còn được sự hiệu đính của Thích Chân gì vậy? Sư nói: Không phải tâm, không Nguyên. Niên hiệu Quang Tự thứ 7 (188l), phải Phật, không phải vật. Vô Môn nói: Tiền Đường Đinh Bính cho in lại, phía sau Nam Tuyền bị hỏi một câu như thế, phải phụ »Trùng Kiến Sùng Phúc Tự Bi ký«. dốc hết vốn liếng, lải nhải chẳng ít«. Quyển chí này từ niên hiệu Gia Khánh trở về trước, phần văn hiến của chùa Sùng SƯ ÂM Phúc đều được sưu tập đầy đủ. Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Trung Vân Cái Sơn. Khi ra hoằng pháp, sư trụ viện Đại Trí tại Hòa Sơn. Sư học rộng, SÙNG THAO tính tình giản dị trầm lặng; suốt ngày ngồi Thiền tăng đời Minh, tên đời là Triệu Dữu, lặng lẽ, có ai thưa hỏi mới đáp và chỉ đáp tự Hoán Chi, hiệu Đại Dữu, người Ngô vắn tắt vài lời mà thôi. Giang (nay thuộc Giang Tô) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Linh Nham Kế, trụ trì SƯ ẤN chùa Thiên Thai Quốc Thanh, mọi người Sự ấn khả, chứng minh của thiền sư. Thiên gọi sư là Đại Dữu Hòa Thượng. Nhất Túc Giác Hòa thượng trong TĐT q. 3

SƯ HỘI (880-946) ghi: » – Tuy Nam). Hiệu: Truyền Tâm Đại Sư. hiểu được Phật lý nhưng chưa được sự ấn Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của khả của thiền sư«. Diệu Tế?. Sư đáp: Kẻ tả hữu rất nhiều.

SƯ BỊ (835-908) SƯ HỘ Thiền tăng đời Đường, họ Tạ, người Phúc Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Mân, Châu, Trung Quốc. Thuở bé sư thích câu nối pháp Quốc sư Đức Thiều ở Thiên Thai, cá, thường thả thuyền trôi bồng bềnh trên thuộc tông Pháp Nhãn. Khi sư xuống núi mặt nước. Năm 30 tuổi mới có chí thoát hành hóa, chúa Nam Hán lễ sư làm thầy, trần, sư xuất gia với Thiền sư Linh Huấn sáng lập viện Quang Thánh ở Quảng Châu núi Phù Dung, lại đến chùa Khai Nguyên ở rồi thỉnh sư trụ trì, ban cho sư hiệu »Đại Dự Chương (Nam Xương, Giang Tây) thụ Nghĩa Thiền sư«. Sư tịch vào khoảng niên giới cụ túc. Thực hành pháp đầu-đà, sư hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-997) đời mặc áo gai đi giày cỏ, ăn một bữa, tọa Tống. thiền suốt ngày, người đời gọi là »Bị Đầu-đà«. Cùng Tuyết Phong Nghĩa Tồn là SƯ HỘI (880-946) huynh đệ trong đạo mà lại thân cận như Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Cự, người xứ thầy trò, đồng ra sức hoằng hóa, người học Kế Môn (nay là huyện Kế, tỉnh Thiên Tân) đạo tụ hội rất đông. Nhờ xem kinh Lăng Trung Quốc. Sư xuất gia từ thuở bé, lễ Nghiêm phát minh tâm địa, các nơi thỉnh

Thiền sư Đạo Phi ở viện Ôn Tuyền làm ích như trăm sông về biển cả. Ban đầu sư thầy. Năm 20 tuổi sư thụ giới Cụ túc ở giới trụ viện Phổ Ứng, dời sang núi Huyền Sa ở đàn Bảo sát tại Kim Đài. Khoảng niên hiệu Phúc Châu ứng cơ tiếp vật hơn 30 năm, kẻ Khai Bình (907-910) thời Hậu Lương, sư học đạo hơn 800 người. Mân Chúa Vương đi đến các nơi như: Hà Sóc, Giang Hoài; ở Thẩm ban tử y và hiệu »Tông Nhất Đại Hán Nam sư gặp Nghiêm Tuấn ở viện Sư«. Có Ngữ lục 3 quyển truyền lại đời. Quán Âm, bàn luận đạo lý quên cả thời gian. Sư vâng theo lời chỉ bảo của Nghiêm SƯ GIỚI (920-990) Tuấn đến núi Đầu Tử tham vấn Thiền sư Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Chu, người Đại Đồng, ngộ được bản nguyên và nối Nhạc Châu (Nhạc Dương, Hồ Bắc), Trung pháp ngài. Mùa thu niên hiệu Càn Hóa thứ Quốc. Sư nối pháp thiền sư Sư Khoan, 4 (914), sư nhận lời mời của Chí Tu thuộc tông Vân Môn đời thứ 3, trụ trì chùa phường Bảo Tích viện La Hán, thay thế Ngũ Tổ ở Kỳ Châu (tại Hoàng Mai, Hồ ngài nhậm chức Trụ trì. Sau đó có Thượng Bắc). Có ngữ lục lưu hành ở đời. thư Tả thừa Ngô Ái, Binh bộ thị lang Trương Ai quy y với sư. Hai vị Ngô, SƯ HẠO Trương cùng tâu về triều ban cho chùa sư Thiền tăng đời Tống, tham vấn Thiền sư bảng hiệu »Thiên Thọ Thiền Viện«. Từ đó, Hoài Nhạc ở Báo Ân và đắc pháp. Sư trụ chư tăng lũ lượt kéo về. Sư trụ trì chùa này trì viện Diệu Tế, Hương Sơn thuộc Đàm 35 năm, đồ chúng rất đông. Niên hiệu Châu (nay là huyện Trường Sa tỉnh Hồ Thiên Phúc thứ 7 (942) vua Cao Tổ đời

SƯ KHOAN (890-955) Hậu Tấn khen ngợi sư đức hạnh và ban cho hoằng pháp sư trụ viện Thụy Nham ở Đan y hồng. Niên hiệu Khai Vận thứ 1 (944), Khâu thuộc Thai Châu (nay là huyện Lâm sư được vua ban hiệu »Pháp Tướng«. Hải, tỉnh Chiết Giang). Sư oai đức nghiêm nghị, uốn nắn tăng ni, chẳng chịu để họ SƯ KHOAN (890-955) lầm lạc, nên Giang Biểu nói người hay Thiền tăng đời cuối Đường đầu Ngũ Đại, điều phục đại chúng chỉ có Thụy Nham là họ Hà, người huyện Tùy, Hồ Bắc, Trung bậc nhất. Thuỵ hiệu: Không Chiếu Thiền Quốc. Sư nối pháp thiền sư Văn Yển, sư. thuộc tông Vân Môn đời thứ 2, trụ chùa Song Tuyền ở Hồ Bắc hoằng pháp. Có ngữ SƯ PHẠM (1175-1249) lục lưu hành ở đời. Thiền tăng đời Tống, họ Ung, hiệu Vô Chuẩn, người Tử Đồng (Tứ Xuyên), Trung SƯ NÃI Quốc. Năm 9 tuổi sư theo Âm Bình Đạo Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư thờ Tuyết Khâm xuất gia. Niên hiệu Thiệu Hi thứ 5 Phong Nghĩa Tồn làm thầy nương ở để (1194) thụ giới cụ túc, niên hiệu Khánh tham thiền và có tỉnh ngộ. Sau đó nhận lời Nguyên thứ 1 (1195) nhập hạ tại chùa mời của Mân Vương, sư đến phó trai ở lầu Chính Pháp ở Thành Đô. Năm 20 tuổi sư Thanh Phong, ngồi đợi lâu sư ngước mắt theo học với Tú Nham Sư Thụy núi Dục nhìn, chợt thấy ánh nắng hoát nhiên đốn Vương, khi ấy núi Dục Vương có Phật ngộ, có bài kệ như sau: Chiếu Đức Quang ở am phía đông, Không »Thanh Phong lâu thượng phó quan trai Tẩu Tông Ấn giữ chức Phân tọa. Sư Phạm Thử nhật bình sinh nhãn hoát khai nghèo, không có đồ cạo tóc nên thời nhân Phương tín Phổ Thông niên viễn sự thường gọi sư là »Ô Đầu Tử« (Ông đầu Bất tùng Thông Lãnh đới tương lai«. đen). Về sau đến chùa Linh Ẩn, Hàng »Lầu Thanh Phong đến thọ trai Châu yết kiến Tùng Nguyên Sùng Nhạc, Bỗng dưng mắt huệ tuyệt vời mở ra qua lại Nam Sơn ở lại sáu năm. Lại nghe Mới hay việc Tổ lâu xa Phá Am Tổ Tiên trụ núi Hoa Tú phía tây Chẳng từ Thông Lãnh mang qua chốn Tô Châu, sư liền đến y chỉ. Chẳng bao lâu, này«. sư đến chùa Hoa Tạng ở Thường Châu Lúc trở về, sư

trình lên Tuyết Phong, được (Giang Tô) hầu hạ Tông Diễn 3 năm, rồi ngài trao cho y bát. Khi ra hoằng pháp, sư lại trở về chùa Linh Ẩn. Thị lang Trương trụ Việt Sơn tại Việt Châu (nay là huyện Tư Tân sáng lập chùa Quảng Huệ thỉnh Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang). Thự hiệu: Phá Am Tổ Tiên trụ trì, sư cũng đến hầu 3 Giám Chân Thiền sư. năm, còn theo Phá Am lên Kính Sơn. Trước khi viên tịch, Phá Am Tổ Tiên đem SƯ NGẠN pháp y đảnh tướng truyền cho sư. Niên Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Hứa, người xứ hiệu Thiệu Định thứ 5 (1232) phụng sắc Mân Trung, Trung Quốc. Sư xuất gia từ trụ Kính Sơn, năm sau vào điện Từ Minh bé, trì giới nghiêm cẩn, tham vấn Thiền sư thuyết pháp, vua Tống Lý Tông rất cảm Nham Đầu Toàn Khoát và đắc pháp. Khi ra động, ban hiệu »Phật Giám Thiền sư« cùng

SƯ TƯ vàng bạc lụa là để tu sửa chùa Kính Sơn. thưa hỏi nhưng cơ duyên phần lớn không Niên hiệu Thuần Hựu thứ 9 (1249) ngày hợp, nên sư đến tham vấn ngài Thời Am rằm tháng 3, sư viết hơn 20 trang di biểu, 3 Phu Công ở chùa Linh Ẩn tại Hàng Châu ngày sau thị tịch. Tác phẩm: Vô Chuẩn Sư song khối nghi vẫn chưa vỡ. Ít lâu sau, sư Phạm Thiền sư ngữ lục 5 quyển, Vô Chuẩn đến Nam Kinh, lễ ngài Tuyết Hiên Thành; Hòa thượng Tấu Đối ngữ lục 1 quyển. ngài vừa gặp sư liền biết là pháp khí nên bảo sư làm Tri tạng. Niên hiệu Kiến Văn SƯ THUẬT thứ 2 (1400), sư ra hoằng pháp trụ chùa Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Quốc sư Sùng Phúc ở Hàng Châu. Niên hiệu Vĩnh Đức Thiều ở Thiên Thai, thuộc tông Pháp Lạc thứ 4 (1406) sư mời các bậc cao tăng Nhãn. Sư trụ Nghiêm Phong tại Phúc chứng minh cho việc sửa chữa Đại tạng. Châu. Có vị tăng hỏi: Thế nào là Văn-thù? Năm 1417, sư vâng chiếu trụ trì chùa Sư đáp: Chỗ đến rất rõ ràng. Trung Thiên Trúc. Công việc hoàn thành, sư được Vua ban cho y, tiền bạc, Phật SƯ THỪA tượng, vòng ngọc để trang trí cho kinh. Sau Thầy truyền pháp cho đệ tử. Thiền Lâm đó, sư dời đến chùa Tịnh Từ ở Hàng châu; Bảo Huấn q. 1 (Đại 48, 1018 hạ) ghi: » đến nơi sư quyên góp để xây dựng điện La-hán, điện Viên Thông. – Tùng lâm tuy là chỗ tụ tập của nhiều hạng người, nhưng nhờ có đầu tàu SƯ TRÍ gương mẫu nên vẫn được đàng hoàng, Thiền tăng đời Tống, tham vấn Thiền sư đúng phép. Vì thế, mỗi tùng lâm cần có sự Thanh Tủng ở Linh Ẩn được ngộ, nối pháp truyền trao từ vị Thầy xuống trò«. Ngài, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư trụ viện Báo Ân ở Xử Châu (nay là huyện Lệ Thủy, SƯ TIẾN tỉnh Chiết Giang). Thiền tăng đời Tống. Sư tham yết Thiền sư Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Long Hoa Linh Chiếu và đắc pháp. Ban Hòa thượng? Sư đáp: Ai mà chẳng thấy? đầu, sư ở viện Lục Thông tại Thai Châu Tăng lại hỏi: Thế nào là Nhất tướng tam (nay là huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), muội? Sư đáp: Xanh, vàng, đỏ, hồng, sau đó dời đến viện Thụy Nham, thiền tăng trắng. theo học rất đông. Môn đình nghiêm túc, là thiền viện đứng đầu các nơi vào thời ấy. SƯ TƯ Thầy và trò trong thiền lâm. Tiết Tục Nghệ SƯ TRÁCH (1376-1432) Ngôn trong NHQL, q. 30 ghi: » Thiền tăng đời Minh, họ Chu, tự Hy Cổ, hiệu Giản Am, Phật Giám, người xứ Gia Hưng (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 17 tuổi, sư theo ngài Thiên Vũ Tịnh Công ở chùa Vạn Thọ để xuất gia, – Gần đây người học thiền hầu hạ ngài một thời gian, thường vào thất lại cho lời của bậc tiền bối là chẳng đúng.

SƯ TỬ HỐNG Họ cùng nhau học tụng cổ, học cơ phong Tự«. X. »Chính Tông Tự«. qua ngày. Mới hơi thông chút ít chữ nghĩa, mới hơi trơn được miệng mồm thì đã vội SƯ TƯỢNG truyền trao. Thầy trò dối gạt lẫn nhau thì ý Bậc thầy kiến tính khéo dẫn dắt kẻ hậu chỉ Đạt-ma còn đâu nữa!«. học. Tào Khê Đại Sư Biệt truyện ghi: »

SƯ TỬ HỐNG – Đêm qua bàn luận Nhà Phật tỷ dụ Đức Phật Thích-ca thuyết nghĩa lý trong phòng của tôi, người đứng pháp như sư tử hống. Cụm từ này trong phía sau là ai vậy? Người này chắc chắn thiền ngữ chỉ cơ ngữ đặc biệt lạ lùng của đã được bậc thầy kiến tính truyền dạy«. thiền sư kiệt xuất. Chứng Đạo Ca của Thiền sư Huyền Giác (Đại 48) ghi: SƯ UẨN (?-973) Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Kim Hoa (nay thuộc tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc). Sư tính tình thành thực, gặp việc phần nhiều nói thẳng không kiêng nể. »Sư tử hống, vô úy thuyết Khoảng niên hiệu Long Đức (921-923) Thâm ta mông đổng ngoan bì đát thời Hậu Lương, sư kết bạn với Thiền sư Chỉ tri phạm trọng chướng Bồ-đề Đức Thiều lần lượt đi đến các danh sơn Bất kiến Như Lai khai bí quyết«. thắng cảnh như: Thanh Lương, Thương »Sư tử hống, thuyết vô úy Ngộ, Chúc Thánh v.v.. Sau đó, sư trụ chùa Thương thay ai vẫn mê mờ tối Bát-nhã ở núi Thiên Thai. Hễ gặp người Mãi e tội chướng lấp Bồ-đề thích hài hước thì sư gắn bó như keo sơn, Chẳng thấy Như Lai bày bí quyết«. nên số người gìn giữ oai nghi tế hạnh CĐTĐL q. 13 ghi: » không chịu kết bạn với sư, trừ Đức Thiều – là hiểu được sư. Niên hiệu Khai Bảo thứ 6 Có vị tăng hỏi: Thế nào là sư tử rống? Sư (973) đời Tống, sư không bệnh ngồi thị đáp: Ai cần ngươi làm chồn hoang kêu«. tịch, như vào thiền định.

SƯ TỬ VIỆN SƯ ÚC Ở ngọn Sư Tử núi Thiên Mục, phía tây Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Tuyền tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Niên hiệu Châu, tham vấn Thiền sư Tuyết Phong Chí nguyên thứ 16 (1279) đời Nguyên Nghĩa Tồn và đắc pháp nơi Ngài. Sư ở Thiền sư Cao Phong Nguyên Diệu sáng viện Tây Hưng Trấn Hóa Độ tại Hàng lập, ban đầu gọi »Sư Tử Viện«. Niên hiệu Châu. Sư học rộng, giỏi thi ca, nổi tiếng Diên Hựu thứ 5 (1318) đổi tên là »Sư Tử khắp xa gần. Ngô Việt Vương tặng thự Chính Tông Tự«. Cuối đời Nguyên bị hiệu »Ngộ Chân Đại Sư«. chiến tranh phá hủy. Sau khi xây cất lại chùa có rất nhiều tên »Khai Sơn Lão SỰ VÔ NHẤT HƯỚNG Điện«, »Thiền Nguyên Tự«, »Chính Tông Không có vật nào giữ mãi trạng thái ban

TA TỬ đầu của nó, ý nói phép tắc, sự lý tương đối lầm.« v.v.. đều có thể biến đổi, nên có thái độ linh hoạt khi vận dụng nó. Đây là tập quán TA TA ngữ của thiền sư khi mở pháp môn phương Chút ít. Bài thơ »Nhân có người cho con tiện. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » trâu không sừng« trong PDNL q. hạ ghi:

–

Ngày sư vào viện khai đường, đọc sớ xong bèn nói: Sớ thiếp đọc »Hữu đầu vô giác thật kham ta qua một lượt, nếu là người có con mắt kim Bách kiếp nan đầu giá tác gia cang, đâu cần phải lặp lại lời kệ? Mặc dù Phàm thánh bất năng minh đắc tận như thế, sự vô nhất hướng. Sư liền thăng Hiện tiền tướng mạo hữu ta ta«. tòa«. »Có đầu không sừng thật đáng khen Trăm kiếp khó trốn bậc sư Thiền SỨC NHƯỢNG Phàm thánh đâu hay rõ hết được Cố tình khiêm nhường để tự làm nổi bật. Chút ít tướng mạo bày hiện tiền«. Tiết Thanh Hóa Toàn Phô Thiền sư trong NĐHN q. 9 ghi: »

TA TIỂU Một chút, chút ít. Tiết Ngạc Châu Vô Đẳng Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: » – Trung Hiến Vương ban cho sư Tử phương bào (áo dài bằng lụa đỏ tím), sư chẳng nhận. Vương sửa thành nạp y (áo của tăng sĩ) còn ban – Vị tăng ấy chờ cho sư hiệu Thuần Nhất Thiền sư. Sư nói: đến sáng hôm sau lên phương trượng tham Tôi chẳng phải cố tình khiêm nhường làm vấn. Sư liền xoay mặt vào vách mà nằm, gì, chỉ lo rằng người sau bắt chước tôi rồi miệng làm bộ rên rỉ, bảo rằng: Hai ba sinh lòng ham hố mà thôi«. ngày nay, lão tăng không được khỏe. Đại đức có thuốc gì mang theo bên mình, cho lão tăng xin chút ít«.

T TA TỬ Còn gọi: Ta tử cá. Một ít, chút xíu. Vô Môn Quan ghi: » TA ĐÀ Hỏng, làm lầm. Chương Thập Huyền Đàm trong CĐTĐL q. 29: » – Đã – Trước núi là không cửa, nhân đâu mà có cổng? Tâm cây khô nhiều lối tẻ, người đi đến đó đều bị lão bà thiết tha, tiếng xấu rao truyền. Vô

TẠ TAM LANG Am muốn nói rườm rà thành 49 tắc, trong TÁC CỤ đó có chút xíu sai lầm, hãy phấn chấn tinh Dụng cụ lao động. Tiết Bách Trượng Hòa thần mà lãnh hội«. thượng trong TĐT q. 14 ghi: » TẠ TAM LANG Còn gọi: Tạ Tam. Chàng Ba họ Tạ. Chỉ cho Thiền sư Huyền Sa Sư Bị thuộc pháp – Mỗi khi làm công hệ Thanh Nguyên. Sư Bị họ Tạ, khi còn ở tác sư là người đi đầu trong chúng. Vị Tri nhà ông là người con thứ ba nên mọi người sự thấy thế không nỡ, liền ngầm giấu dụng thường gọi ông là Tạ tam lang. Tắc 22, cụ và r\thỉng sư nghỉ. Sư bảo: Tôi không Bích Nham lục (Đại 48, 162 hạ) ghi: » có đức, sao lại đùn việc nặng nhọc cho người? Rồi đi tìm dụng cụ khắp nơi, nhưng không được, và hôm đó sư nhịn ăn.« – Huyền Sa nói: Dùng Nam Sơn để làm gì? (Trên TÁC DỤNG thuyền chàng Ba họ Tạ đang câu cá, chỉ có Vận dụng cơ duyên, cử chỉ hành vi ứng cơ đồ chồn tinh ranh này là còn khá hơn một tiếp vật của nhà thiền. Bích Nham lục q. 1 chút! Chết đến nơi mà cũng chẳng biết)«. ghi: » Bài Giang Hồ Tự Thích trong Tuệ Trung – Thượng Sĩ ngữ lục có ghi: Nói chung nếu người nào muốn đỡ nâng Thiền và Giác thì cần phải có pháp nhãn và cử chỉ, hành vi ứng cơ tiếp vật của bậc thiền sư lão luyện.« »Hiểu quải cô phàm lăng hãn mạn TÁC ĐẠI Vãn hoành đoản địch lộng yên ba Ngạo mạn tự đại. Tiết Động Sơn Hòa Tạ Tam kim dĩ vô tiêu tức thượng trong TĐT q. 6 ghi: » Lưu đắc không thuyền các thiển sa«. – Ai hay ngạo mạn? »Chiều nghiêng sáo thổi sương lồng khói. Ai hay khiêm tốn?« Sáng quấn buồm phăng sóng bạc đầu Tiết Đầu Tử Đại Đồng trong NĐHN q. 5 Tăm bóng Tạ Tam nay vẫn bặt ghi: » – – Không Thuyền không bỏ đó gối cồn nâu«. ngạo mạn. Không có nhân ngã.« Phần Tính Danh trong Thiền Lâm Loại Tụ q. 9 (Vạn Tục 117, 512 hạ) ghi: » TÁC ĐẠO LÝ Sử dụng khái niệm nghĩa lý thông thường – Nhân theo cách suy luận chặt chẽ liên quan đến có vị tăng hỏi Thiền sư Sư Bị ở Huyền Sa: việc suy nghĩ hoặc biểu đạt thông thường. Thế nào là việc thân sơ của Hòa thượng? Nhà thiền cho rằng cần phải thoát khỏi triệt Sư đáp: Tôi là Tạ Tam Lang«. để khái niệm

nghĩa lý nầy và sự trói buộc của cách suy luận chặt chẽ mới có thể đạt

TÁC KHÁCH BẤT NHƯ QUY GIA được sự tỉnh ngộ. Tiết Đạo Trường Minh – Nếu Biện Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » – nhằm trên lời sinh lời, trên câu sinh câu, trên ý sinh ý, tạo nên sự hiểu biết thì không chỉ làm lụy lão tăng mà còn cô phụ Tuyết Đậu.« – Phật Nhãn hỏi: Cơ duyên ngữ cú trên sách vở TÁC HOẠT KẾ của Tổ sư từ trước chấp nhận là ngươi Ý chính là vì mưu sinh mà sống luống hiểu được, chợt giơ nắm tay lên hỏi ›Cái uổng. Trong các tác phẩm Thiền Tông nầy vì sao gọi là nắm tay?‹ Sư đỉnh đáp; phần lớn dùng từ này để tỷ dụ. Nhãn đánh vào miệng sư, bảo: Chẳng 1. Tỷ dụ thực tế vận dụng thiền pháp. Tiết được sử dụng khái niệm nghĩa lý thông Nham Đầu Hòa thượng trong TĐT q. 7 thường. Khi ấy, sư chóng bỏ được tri ghi: » kiến.« – Nếu là người lãnh ngộ thiền ý, tự TÁC GIA biết thực tế vận dụng thiền pháp, mỗi hành Còn gọi: Tác giả. Bậc tu hành tài giỏi có động thảy đều dứt khoát, trong mỗi thời cơ dụng vượt hơn mọi người. Tiết Ngọc đều điềm tĩnh.« Tuyền Tông Liễn Thiền sư trong NĐHN q. 2. Tỷ dụ nương theo tục tình mà hiểu sai 20 ghi: » – làm bậy. Bích Nham lục q. 1 ghi: » Thiền khách tài giỏi, tự nhiên có mặt«. Bài tán của Thị giả Pháp Cổ trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: – Cho nên có phương tiện của bậc thiền sư kiệt xuất. Hễ nói ra một lời nửa câu đều không phải do tâm cơ ý thức, suy nghĩ, không sa vào hành vi hư dối của tục tình vọng niệm; »Xưa Quốc sư, nay Thượng sĩ quả tình tài giỏi vượt lên trên mọi người Cùng một trượng phu chia đây kia thường, quét sạch xưa nay.« Duy-ma tài giỏi còn kém xa, TÁC KHÁCH BẤT NHƯ QUY GIA Đạt-ma, Bàng Uẩn như rơm rác«. TÁC GIẢI HỘI Làm khách chẳng bằng trở về nhà, tỷ dụ Còn gọi: Tác giải tác hội. Theo cách suy tìm Phật ở bên ngoài chẳng bằng quay về nghĩ, ý nghĩa thông thường để hiểu rõ hoặc tự tính, nhận ra tự tính liền có thể thành để giải thích. Bích Nham lục q. 1 ghi: » Phật. Huệ Nam ngữ lục ghi: » – Người – Làm khách sau cứ trên lời nói để hiểu hoặc để giải chẳng bằng trở về nhà, nhiều giả không thích.« và: » bằng ít thật.«

TÁC LƯỢC TÁC LƯỢC đây cố tình lễ bái Hòa thượng, chỉ cầu làm Hành động, hành vi của thiền sư nhằm khải Phật chứ không cầu vật khác.« phát tiếp dẫn người học. Tắc 54, Bích Nham lục ghi: »Một thiền giả đã thấu thoát TÁC TẶC NHÂN TÂM HƯ việc lớn sinh tử, lúc xử sự hay nắm điểm cơ yếu của sự việc, những việc này đều là Có tật thì giật mình. Nguyên có nghĩa là kẻ chuyện rất bình thường, tác lược của y tùy trộm cướp trong bụng luôn luôn lo sợ bị chỗ mà giáo hóa mọi người«. người ta phát hiện. Về sau rút gọn làm thành ngữ »Tác tặc tâm hư« với nghĩa có TÁC MA SINH tật thì giật mình. Liên Đăng Hội Yếu (Vạn Còn gọi: Chẩm ma sinh, tự ma sinh, Tác Tục 136) ghi: » » ma, Tác sinh. Thế nào? Là gì? Vốn là tục ngữ đời Tống được Thiền tông dùng làm từ – nghi vấn hoặc cảm thán trong các công án. Thiền sư Trọng Hiển trở về hỏi thị giả: Phần Khám Biện trong Lâm Tế Huệ Chiếu Vừa rồi có ai đến tìm ta (Hòa thượng) Thiền sư ngữ lục (Đại 55, 503

thượng) ghi: chăng? Thị giả đáp: Có. Sư nói: Có tật thì » giật mình«. – Về sau Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: Ý của hai vị tôn túc này là thế nào?« TÁC TIỂU Khiêm tốn, tự nhún nhường. Tiết Động TÁC MÔ DẠNG Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 ghi: » Làm bộ làm tịch, làm ra vẻ. Lâm Tế lục – Ai hay tự đại? ghi: » Ai hay khiêm tốn?«

– Này TÁC TÌNH GIẢI Đại đức! Cần phải bình thường chớ có làm Theo tình lý thông thường để giải thích. bộ làm tịch. Có một bọn trọc đầu chẳng Bích Nham lục q. 1 ghi: » biết tốt xấu, làm điều giả dối xằng bậy, chỉ đông vẻ tây, cầu mưa cầu tạnh.« – Thử hỏi Tuyết TÁC PHẬT Đậu ý ở chỗ nào? Phần đông theo tình lý Làm Phật. Thiền tông cho rằng mọi người thông thường giải thích rằng: Tâm là chủ đều có đủ Phật tính, nhận ra tự tính liền có của muôn pháp, cả quả đất một lúc ở trong thể thành Phật. Làm Phật là mục tiêu của tay ta. May thay không dính dáng!« người tu hành theo đạo Phật. Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » TÁC TRI GIẢI Theo cách suy nghĩ thông thường để nhận – thức và giải thích thiền pháp. Thiền pháp là Huệ Năng đáp rằng: Đệ tử là người Lãnh cái siêu việt nghĩa lý, tư duy, còn »Tác tri Nam, quê ở Tân Châu. Hôm nay từ xa đến giải« lại là cách tham học sai lầm. Đoạn Tế

TAM BÌNH TỰ Tâm Yếu ghi: » mươi năm sau, có người kể lại.« Mật Am ngữ lục ghi: » – Mỗi người đều thiếu một lần ăn – Nếu còn tri thức đạo lý gậy.« thông thường của thế gian sẽ trở thành mê đạo. Đạo không có chỗ nơi, gọi là Đại TAM BÁCH DƯ HỘI thừa tâm. Tâm này chẳng ở trong, ngoài Hơn 300 pháp hội do Đức Thích-ca-mâu-ni hay chặng giữa, thật không có chỗ nơi. thuyết pháp trong một đời của Ngài. Mật Cần nhất là không được theo cách suy nghĩ Am ngữ lục ghi: » thông thường để nhận thức và giải thích thiền pháp.« – Đại sư Đạt-ma 9 năm ngó vách mà nhìn chẳng ra. Ông già Thích-ca TÁC VỤ hơn 300 hội nói mà chẳng nhằm«. Lao động, kiếm sống. Thư của Dương Ức gởi Lý Duy trong phần phụ của quyển cuối TAM BÌNH TỰ trong CĐTĐL q. 30 ghi: » Chùa ở khu núi Văn Phong, huyện Bình Hòa, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Nguyên

– – Lúc tên »Tam Bình Chân Viện«, niên hiệu Bảo không thể nói thiền đạo liền có cái biết dạy Lịch thứ 3 (827) đời Đường Thiền sư đạo lý. Khi lặt rau không thể không có cái Nghĩa Trung sáng lập, địa chỉ ban đầu ở biết này.« phia đông nam sườn núi Tử Chi, thành phố Chương Châu. Lúc pháp nạn Hội Xương TÁC Ý chùa chiền bị phá hủy. Niên hiệu Hàm Chú ý, dụng tâm. Đàn Kinh bản Đôn Thông thứ 7 (866) Nghĩa Trung xây dựng Hoàng ghi: » lại chùa Tam Bình trong khe sâu núi Đại Bách, gần núi Cửu Thành, huyện Bình – Đại chúng chú ý nghe, sắc thân của Hòa. Sau đó nhiều lần xây, nhiều lần hủy. người đời là thành, mắt tai mũi lưỡi thân Chùa Tam Bình hiện tại được xây vào cuối tức là cửa thành.« đời Thanh. Kiến trúc hiện còn tựa vào núi theo thứ tự đi lên, chủ thứ phân minh, liên TÁI THỈNH tiếp ba dãy nhà, trước thấp sau cao, tổng Còn gọi: Tái tiến. Nghĩa là mời ăn lần nữa. diện tích 3000. Đại hùng bảo điện rộng Về sau chuyển thành nghĩa »Ăn thêm

chén rãi hiên ngang, mặt rộng 5 gian, trước có nữa«. Nhưng theo môn Ăn Uống, loại thứ nguyệt đài, hai bên là lầu chuông, lầu 25, trong Thiền Lâm Tượng Khí Tiên ghi: trống. Trong điện đường có tượng đắp thếp »Tái Tiến« là nói sai của »Tái thỉnh«. vàng Tam Bảo Như Lai, thần thái hòa nhã hiền lành. Dãy thứ hai là Tổ sư điện địa thế TẠI cao hơn đại hùng bảo điện, mái đơn, mặt Trợ từ cuối câu. Minh Giác ngữ lục q. 2 rộng 2 gian thờ tượng Nghĩa Trung và 4 ghi: » – Ba pho tượng thị giả bộ mặt dữ dằn đứng hầu

TAM CÚ hai bên. Dãy cuối cùng là tháp điện, nền 2. Chỉ cho Phật tính, hay Bản lai diện mục. tòa cao 2m, chính giữa điện đường trong Liên Đăng Hội Yếu (Vạn Tục 136) ghi: khám đá có tượng Nghĩa Trung ngồi kiết » già. Hai bên vách điện có khảm bia đá – Có vị »Trùng khắc Đường Vương phúng Chương tăng hỏi Thiền sư Dương Kỳ: Thế nào là Châu Bình đại sư bi« do Lý Mật đời Minh Phật? Dương Kỳ đáp: Con lừa ba cẳng viết và 7 tấm bia khắc của Lưu Bột, Vương nhảy tung tăng«. Tài đầu đời Thanh. TAM GIA THÔN LÝ HÁN TAM CÚ Chỉ tóm tắt ba câu nói lên đặc điểm thiền Gã ở trong xóm hẻo lánh. Thiền tông dùng pháp của tông Vân Môn: Hàm cái càn cụm từ này để chỉ cho kẻ dốt nát; không có khôn (Bao trùm vũ trụ) Tiệt đoạn chúng kiến thức. Đây là lời mà thiền sư thường lưu (Cắt đứt các dòng), Tùy ba trục lãng dùng để chê trách. Vân Môn ngữ lục, q. (Theo mòi đuổi sóng). X. Vân Môn tam cú. trung ghi: » Bích Nham lục q. 1 ghi: » – Kẻ dốt nát đến năm lừa mới mơ thấy«. – Đại sư Vân Môn phần lớn dùng TAM GIA THÔN LÝ NAM NỮ Thiền một chữ để tiếp dạy người. Mặc dù trong một chữ, phải đủ ba câu.« Con cái kẻ quê mùa, hàm ngữ khí khinh rẻ. Tiết Huệ Trung Quốc sư trong TĐT q. 3 TAM CƯỚC LƯ NHI ghi: » 1. Chỉ cho cái phi lý, cái không thể suy lường được. Bởi vì con lừa 3 chân làm sao – Ngươi là con cái kẻ quê mùa, là thằng bé leo núi được, nhưng chỗ cứu cánh tuyệt đối sống trên lưng trâu thì làm sao vào Tông là phi lý nên phải nhờ đến con lừa 3 chân môn này được?« này mới vào được. Tứ Sơn Kệ trong Khóa Hư lục của Trần Thái Tông: TAM GIÁC SƠN Còn gọi: Thê Hiền Sơn. Núi cách Bắc thành 3km thuộc huyện Kim Đường, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. Thế núi uốn khúc như rồng, đỉnh cao thanh tú. Những ngôi »Tứ sơn tiểu bích vạn thanh tùng chùa được xây cất vào đời Tùy Đường có: Ngộ liễu đô vô vạn vật không Pháp Hải, Phổ Tế, Quảng Lạc gọi chung là Hỷ đắc lư nhi tam cước tại Tam Giác Tự. Đời Đường, Vương Bột có Mịch kỵ đả sấn thướng cao phong«. bài thơ »Du Phạm Vũ Tam Giác Tự« như »Chon von bốn núi vạn cây tùng sau: Liễu ngộ đều không vạn vật KHÔNG Hương các phi thanh đăng May thay đã có lừa ba cẳng Chu đài khống tử sầm Cỡi lên thẳng tới đỉnh non bồng«. Diệp tề sơn lộ hiệp

TAM MÔN Hoa tích dã đàn thâm 2. Cú trung huyền: Lời nói không mắc kẹt Mộng hoảng thê thiền ảnh tình thức phân biệt. Tùng môn thính Phạm âm. 3. Huyền trung huyền: Câu nói lìa đối đãi Cự hân bồi diệu trục hai bên. Tiết Lâm Tế Nghĩa Huyền Thiền Diên tưởng địch phiền khâm. sư trong NĐHN q. 11 ghi: » »Gác hương rẽ đường lên Đài ngọc át núi xanh Cành che đường núi hẹp – Hoa chất đàn hoang thâm Sư lại bảo: Nói

chung khi diễn nói tông Trướng mộng ghé thiền viện thừa, trong một câu phải đủ ba huyền môn, Từ cửa nghe tiếng kinh mỗi huyền môn phải đủ tam yếu. Có quyền Vui sao đời ẩn dật có thật, có chiếu có dụng. Các ông hiểu Nhớ đến sạch não phiền«. như thế nào?«. Đời Minh, vua sắc tứ »Thê Hiền Thiền Viện«. Về sau chùa bị thiêu hủy do binh

TAM HUYỀN QUA GIÁP lửa. Niên hiệu Khang Hy (1662-1722) đời Thanh, chùa được xây cất lại. Giáo giáp ba huyền. Tam huyền (ba huyền) của tông Lâm Tế giống như là giáo là giáp, TAM GIỚI DUY TÂM, VẠN PHÁP người tu thiền phải mang nó để phá vượt DUY THỨC qua ba cổng cứng chắc là Tổ Sư quan, Ý nói toàn ba cõi thế tục (Dục giới, Sắc Trùng quan, Lao quan. Bài tán của Pháp giới, Vô sắc giới) và tất cả sự vật ở thế Cổ (phần Chư nhân tán tụng) trong Tuệ gian vốn không thật có, đều do tâm thức Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: biến hiện mà thành. Lâm Tế ngữ lục ghi: »

– Ta thấy tướng của các pháp trống rỗng, biến đổi thì có, »Tam huyền qua giáp phá lao quan chẳng biến đổi thì không. Ba cõi thế tục và Biếm thượng my mao hưu nghĩ nghĩ tất cả sự vật ở thế gian vốn không thật có, Nhãn bì cái khước Tu-di lô đều do tâm thức biến hiện mà thành. Thế Khẩu lý hoành thôn đại hải thủy«. nên như mộng huyễn, như hoa đốm giữa »Giáo giáp ba huyền phá lao quan hư không, đâu nhọc nắm bắt?« Trên chớp lông mày thôi do dự Mí mắt che mất núi Tu-di TAM HUYỀN Trong miệng nuốt ngang nước biển cả«. Cơ xảo của tông Lâm Tế, nhằm kích thích hành giả tham thiền phát khởi nghi tình. Ba TAM MÔN huyền: Còn gọi: Sơn môn. Cổng tam quan, cổng 1. Thể trung huyền: Câu nói phải chất chùa. Tông Môn Võ Khố ghi: » phác, ngay thật không trau chuốt.

TAM PHONG THANH LƯƠNG THIỀN TỰ Hơn 30 năm khai thị ba câu hỏi này, người – Chùa ấy học không có ai khế hội yếu chỉ ấy. vốn là doanh trại Thiết Mã. Hai vua Thái Bài tụng chung: tổ và Thái tông ra đời ở đây. Đời vua Thái tổ đã cho cất chùa ... Vua Thái Tông riêng cho tiền để dựng lại cổng chùa.« TAM PHONG THANH LƯƠNG Sinh duyên đoạn cứ thân lô cước THIỀN TỰ Lô cước thân thời Phật thủ khai Nằm trong núi Ngu Sơn, thành phố Vị báo ngũ hồ tham học giả Thường Thục, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Tam quan nhất nhất thấu tương lai«. Khoảng niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619) Thấu rõ quê quán, chân lừa duỗi đời Minh sáng lập, Hán Nguyệt Pháp Tạng Tay Phật đồng thời cũng mở ra khai sơn, xưa gọi là »Tam Phong Thiền Báo cùng người học nơi nơi biết Viện«. Niên hiệu Khang Hy thứ 38 (1699) Tam quan mỗi cửa, hãy thấu qua!« đời Thanh ban tặng tấm biển »Tam Phong Thanh Lương Thiền Tự«. TAM SINH LỤC THẬP KIẾP TAM PHONG XUYÊN Ba đời sáu mươi kiếp. Ý nói đối với sự (1710-1799) lãnh ngộ thiền pháp vẫn còn cách rất xa, Thiền tăng đời Thanh, họ Lương, tên Di, tự Lời nói hàm ý cường điệu. Đây là lời chê Lễ Bỉnh, pháp danh Xuyên, hiệu Tam bai mà thiền sư thường sử dụng. Bích Phong, người xứ Thuận Đức, Quảng Đông, Nham lục q. 1 ghi: » Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Triện Ngọc, đời thứ 38 hệ Thanh Nguyên. Sư là – Ở nơi đây lãnh hội được, một họa tăng nổi tiếng niên hiệu Càn Gia. khả dĩ trời cao riêng bước. Nếu như ngươi khởi tục tình vọng giải thì ba đời sáu mươi TAM QUAN NGỮ kiếp!« Ba

lời then chốt, ví như ba cửa ải. Thiền Uyển Mông Cầu, q. trung (Vạn Tục 148, TAM THẬP NIÊN HẬU 125 thượng) ghi: »Ở trong thất, Hoàng Ba mươi năm sau. Ý nói lãnh ngộ thiền Long thường hỏi tăng: Mọi người đều có pháp còn phải đợi ba mươi năm nữa. Đây chỗ sinh ra, vậy Thượng tọa quê quán ở là lời chê trách mà các Thiền sư thường đâu? Chính đang lúc hỏi qua đáp lại, Sư dùng. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » liền duỗi tay, nói: Tay tôi sao giống tay Phật.

Các nơi đâu chẳng phải tham thỉnh sở đắc – Tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ từ Ấn Độ của Tông sư sao? sang? Sư đáp: Điểm. Tăng lại nói: Còn có Sư lại thòng chân nói: Chân tôi sao giống cái ấy. Sư bảo: Ba mươi năm sau.« chân lừa?

TAM TỔ TỰ TAM THIÊN LÝ NGOẠI TAM THỪA NHẤT THIẾT CHƯ VỊ Ngoài ba ngàn dặm. Ý nói lìa xa thiền pháp đâu chỉ có ba ngàn dặm. Đây là lời Giai vị có được do quá trình tu hành theo chê trách mà các thiền sư thường dùng. giáo pháp Tam thừa. Học thuyết đôán ngộ Tiết Dược Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 4 của Thiền tông cho rằng Tâm này vốn là ghi: » Phật, không cần phải theo giai vị tuần tự tiến dần. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: »

– Vân Nham

– Tổ sư nghe lời sư (chỉ thiền sư Hoài Hải) dặn dò, từ Ấn Độ sang chỉ truyền tâm Phật, chỉ mang thư đến Dược Sơn. Đạo Ngô (làm tri thẳng tâm các ông xưa nay là Phật. Tâm khách) ra đón tiếp dẫn vào nơi Hòa tâm chẳng khác nên gọi là Tổ. Nếu lập tức thượng ở. Dược Sơn hỏi: Sư huynh Hải thấy được ý nầy, tức chóng vượt tất cả giai bình thường nói pháp gì? Vân Nham thưa: vị do quá trình tu hành theo giáo pháp Ngoài ba câu hãy tỉnh đi, cũng nói trong Tam thừa. Xưa nay là Phật (vốn sẵn là sáu câu hãy hội lấy. Sư bảo: Ngoài ba Phật), chẳng nhờ tu mới thành.« ngàn dặm, may thay là không dính dáng.« TAM TỔ TỰ TAM THỪA HỌC ĐẠO NHÂN Còn gọi: Sơn Cốc tự. Nằm ở khu Dã Trại, núi Thiên Trụ, huyện Tiềm Sơn, tỉnh An Người học đạo Tam thừa, tức là người căn Huy, Trung Quốc. Xây dựng vào thời cứ theo giáo pháp Tam thừa để tu hành. Lương Nam Triều (502-557), Thiền sư Nhà thiền cho rằng dạng học đạo này Bảo Chí đến đây khai sơn cất chùa. Về sau không thể đạt được sự triệt ngộ. Đoạn Tế Tam Tổ Tăng Xán vân du đến đây, mở Tâm Yếu ghi: » rộng xây cất tự viện, lựa nơi xây đàn, tiếng tăm hai bờ Đại Giang. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ 2 (606) đời Tùy, Tam Tổ Tăng Xán đứng tịch dưới cây đại thọ trước chùa, người đời sau xây dựng »Lập Hóa Đình« – Người thời nay chỉ muốn nhiều thứ hiểu ngay chỗ này và gọi chùa này là »Tam Tổ biết, cầu nhiều chữ nghĩa, gọi là tu hành. Tự«. Đời Đường đổi tên là »Càn Nguyên Chẳng biết rằng nhiều hiểu biết trở thành Thiền Tự«. Hiện còn Tàng kinh lâu, Giác bít lấp. Chỉ biết cho con nít uống nhiều bơ tịch tháp và Thiên phòng vài gian. Quanh sữa mà không biết là nó có tiêu hóa hết nổi chùa cây cối cao vút, bóng mát rậm rạp. không. Người học đạo tam thừa đều là Phía đông có Bảo Công Động là động mà dạng này, đều gọi là người ăn không tiêu Thiền sư Bảo Chí ở lúc mới khai sơn. Phía vậy.« tây có Thạch Ngưu Cổ Động là nơi đọc sách của Hoàng Đình Kiên.

TAM TỔ TỰ THÁP TAM TỔ TỰ THÁP Thiền Trúc Lâm Yên Tử nói riêng.
Còn gọi: Giác Tịch Tháp. Ở trong chùa Tam Tổ, khu Dã Trại, núi Thiên Trụ, TAM YẾU huyện Tiềm Sơn, tỉnh An Huy, Trung Ba điều quan trọng trong mỗi huyền môn, Quốc. Xây vào niên hiệu Thiên Bảo thứ 5 do Thiền sư Nghĩa Huyền ở viện Lâm Tế (746) đời Đường. Vào thời Đường Võ đặt ra. Đó là: Tông thiêu Phật chùa bị phá hủy. Đầu 1. Trong lời nói không có phân biệt tạo tác. những năm Đại Trung (847-859) xây dựng 2. Ngàn thánh vào thẳng chỗ huyền áo. lại. Tháp hiện nay được xây lại vào niên 3. Đường ngôn ngữ dứt. hiệu Gia Tĩnh thứ 43 (1564) đời Minh. Mật Am ngữ lục ghi: »
Tháp 7 tầng hình bát giác cao 10 trượng – Mở toang tam yếu theo kiểu lâu các, đấu củng bố cục nghiêm tam huyền, bóp nát phong cách của Phật cẩn. Tháp thể ngoài xoáy trong rỗng xung Tổ«. quanh có khắc tượng Phật. Đỉnh tháp có Thiền sư Thiện Chiêu có bài kệ như sau: tướng luân đúc sắt cao khoảng 5m được đúc vào niên hiệu Càn Đạo thứ 8 (1172) đời Tống. TAM TỔ THỰC LỰC »Tam huyền tam yếu sự nan phân Lục. 1 quyển, do một vị khuyết danh (mà Đắc ý vong ngôn đạo dị thân người ta đoán là một thiền sư Việt Nam) Nhất cú minh minh siêu vạn tượng sống vào đời Trần soạn, Diệu Trạm đời Trùng dương cửu nhật cúc hoa tân«. Nguyễn hiệu chính. Nội dung gồm có 4 »Tam huyền tam yếu sự khó phân phần: Được ý quên lời đạo dễ gần 1. Bài tựa của Tỳ-kheo Diệu Trạm nói về Một câu thấu suốt vượt muôn tượng việc in lại Tam Tổ Thực lục vào năm Tiết trùng dương đến cúc tươi nhuần«. Thành Thái thứ 9 (1897), cho số trang riêng từ 1 đến 5. TÁN NGUYÊN (?-1086) 2. Tiểu sử của Sơ Tổ Trúc Lâm, bắt đầu Thiền tăng đời Tống, là con cháu của Phó trang 1 đến trang 15. Đại sĩ, tự Vạn Tông, người xứ Nghĩa Điểu 3. Tiểu sử của đệ Nhị tổ Pháp Loa, từ trang (nay thuộc tỉnh Chiết Giang), Trung Quốc. 16 đến trang 48. Xuất gia lúc 3 tuổi, 7 tuổi thụ giới Bồ Tát, 4. Tiểu sử của đệ Tam tổ Huyền Quang từ rồi sư đi tham học các nơi; tham yết ngài trang 49 đến trang 64. Thạch Sương Sở Viên, nối pháp ngài thuộc Tư liệu này nằm trong tập 6 của bộ Việt tông Lâm Tế. Sau đó, sư trụ trì các chùa: Nam Phật Điển Tùng San, do Tổng hội Tô Đài, Thiên Phong, Long Hoa, Bạch Phật giáo Bắc kỳ ấn hành năm 1943. Đây Vân. Sư còn nhận lời mời thỉnh của Phủ là một trong những tư liệu tham khảo hữu Soái, trụ trì đạo tràng Bảo Chí tại Tưởng ích cho những ai quan tâm đến lịch sử Phật Sơn (tức chùa Thái Bình Hưng Quốc). giáo Việt Nam nói chung, và lịch sử phái Vương An Thạch tâu về đạo đức sư, ban

TÀO ĐỘNG NGŨ VỊ cho chương phục và hiệu »Giác Hải Thiền sư«.
»Khâu dẫn trảm vi lưỡng đoạn thì Lưỡng đầu câu động hữu thùy tri TÁN Y Vấn lai Phật tính toàn nan đắc Hiệu của thiền tăng Minh Lãng đời Minh. Cô phụ khô trường tàng lục qui«. X. Minh Lãng »Con trùng chặt đứt làm hai khúc TẢN THỦ ĐÁO GIA Mỗi khúc lăn quăn, có ai hay Buông tay đến nhà, dụ chỉ đã thoát khỏi Hỏi ra Phật tính toàn khó đáp chướng ngại của trần tục, thấy rõ tự tâm Cô phụ phanh rùa giấu sáu chi«. bản tính. Huệ Nam ngữ lục ghi: » TẠNG CHỦ
Còn gọi: Tri tạng, Tạng ty. Vị tăng đứng đầu quản lý lầu kinh, gác kinh. Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: »
– Tại chùa Phúc Nghiêm núi Nam

– Leo Nhạc, sư làm Tạng chủ«. núi cần phải tới đỉnh, xuống biển cần phải TẠNG DỤNG đến đáy. Leo núi chẳng tới đỉnh sẽ không Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư biết chỗ bao la của vũ trụ, xuống biển An Quốc Hoằng Đạo. Khi ra hoằng pháp chẳng đến đáy sẽ không biết chỗ sâu cạn sư ở viện Trường Khánh, Thai Sơn, Phúc của đại dương. Đã biết bao la, còn biết Châu. thêm sâu cạn thì: Một đá đá bật bốn biển lớn Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Một tát tát ngã núi Tu-di Hòa thượng? Sư đáp: Trước giờ thọ trai Buông tay đến nhà người chẳng biết nhà bếp nấu cơm Nam Quốc, sau giờ ngọ Sẻ quạ kêu vang giữa chòm cây«. vào lò đun trà Bắc Uyển.

TÀNG LỤC QUY TẠNG VIỆN Rùa giấu 6 bộ phận trên thân nó (Đầu, Nơi tàng trữ kinh điển sổ sách trong chùa đuôi, 4 chân), ý nói người tu đừng để sáu Phật. Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: » căn chạy theo trần cảnh bên ngoài. Từ ngữ này lấy từ điển tích con chồn hoang khi bắt – Sư ở chùa gặp con rùa, nếu nó cắn cái đầu thì con rùa Phúc Nghiêm Nam Nhạc làm Tạng chủ; có thụt đầu vào mai, nếu nó cắn cái chân thì Lý điện viện cùng với Nhã trưởng lão vào rùa rút chân vào mai... Phần tụng cổ trong Tạng viện, sư bước ra tiếp đón«. Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: TÀO ĐỘNG NGŨ VỊ Trình bày hệ thống thiền pháp của tông Tào Động cũng là phương pháp đặc thù của tông này dùng để tiếp dẫn người học.

TÀO ĐỘNG THỔ DÂN X. Mục từ »Ngũ vị quân thần«. thượng ghi: » Pháp Diễn ngữ lục ghi: » – Người học hỏi: Thế nào là việc của tông Tào Động? Sư đáp: Đuổi theo sách vở thì chẳng đến nhà«. – Sư thượng đường nói: Vào cửa TÀO KHÊ Lâm Tế liền bị hét là bày vẽ lắm việc, Vân 1. Địa danh nằm dưới chân núi Song Môn tam cú, Tào Động ngũ vị cũng là mở Phong, huyện Khúc Giang tỉnh Quảng to mắt mà nằm mộng! Vì sao như thế? Đất Đông, Trung Quốc. Tại đây có chùa Bảo nước thanh bình thì hạng tài tử được quý Lâm do Lục Tổ Huệ Năng trụ trì; về sau trọng, nhà giàu có thì con nít được nuông được xem là Tổ đình của Thiền tông. Lục chìu.« Tổ Đại Sư Pháp Bảo Đàn Kinh Lược Tựa trong Toàn Đường Văn q. 915 ghi: » TÀO ĐỘNG THỔ DÂN Tông phong của Tào Động kín đáo mà cẩn – Mùa thận khi tiếp hóa người học, giống như bác xuân năm sau sư giã từ đại chúng để trở về nông phu cặm cụi cày cấy trên ruộng đất Bảo Lâm. Ấn Tông cùng với trên ngàn của mình. người vừa tại gia vừa xuất gia đưa tiễn sư đến tận Tào Khê«. TÀO ĐỘNG TÔNG Một trong »Ngũ gia« (Năm nhà) của Thiền TÀO KHÊ CHÍNH TÔNG NGUYÊN tông Trung Quốc, thuộc hệ Thanh Nguyên. LƯU TỤNG Người sáng lập là 2 thầy trò: Lương Giới Sách, 1 quyển, do Thạch Nguyên Kỷ Vân (807-869) và Bản Tịch (840-901) sống vào (Thiền tăng tông Lâm Tế) soạn vào đời đời Đường, do vì Lương Giới trụ Động Thanh, Hành Sách hiệu đính. Nội dung ghi Sơn thuộc Cao An, Giang Tây và Bản Tịch chép pháp tự truyền thừa của thiền sư trải trụ Tào Sơn nên gọi là tông Tào Động. Có qua các triều đại kể từ Lục Tổ Huệ Năng thuyết khác cho rằng chữ Tào trong Tào đến Thạch Nguyên Kỷ Vân và lấy lược Động là ám chỉ Động Sơn nối tiếp dòng truyện các thiền sư làm trung tâm rồi thu Thiền Tào Khê (chỗ ở của Lục Tổ Huệ thập thêm những ngữ yếu của họ. Sách

này Năng, cũng là pháp hiệu của Lục Tổ). Môn được khắc bản vào đời Thanh. phong của tông này tế mật, ngôn hạnh tương ưng, tùy cơ mà lợi vật, dựa vào lời TÀO KHÊ ĐẠI SƯ BIỆT TRUYỆN để độ người. Trong Thiền tông Ngũ gia tuy tông này chẳng phồn thạnh bằng tông Lâm Truyện ký, 1 quyển, không rõ tác giả, Hán Tế, nhưng pháp mạch liên tục không dứt Hưng Tổ Phương (Thiền tăng tông Lâm cho đến ngày nay, so với 3 tông: Quy Tế) hiệu đính, được xếp vào Tục Tạng kinh Ngưỡng, Vân Môn và Pháp Nhãn thì tông tập 146, trang 965. Nội dung bao gồm này kéo dài hơn. Pháp Nhãn ngữ lục q. truyện ký, tông chỉ truyền pháp của Lục Tổ

TÀO KHÊ PHẬT SẮC Huệ Năng, các sắc thư của vua Cao Tông, sâu đạo này. Một hôm ông ta đi qua sơn nguồn gốc chùa Bảo Lâm ở núi Tào Khê, 6 phòng, thấy những điều tôi biên chép, bảo thứ điềm linh ứng của Lục Tổ Huệ Năng. rằng bộ Đàn Kinh được hoàn thành, nên Sách này được soạn trong khoảng niên khảng khái gọi thợ khắc gỗ in ra để phổ hiệu Kiến Trung (780-783) đời Đường. biến, khiến cho một phái Tào Khê không Một vị tăng Nhật Bản tên Tối Trừng được đến nỗi dứt mất«. bản chép tay sách này vào niên hiệu Trinh Nguyên thứ 19 (803), cất nó tại Tỷ Duệ TÀO KHÊ NHẤT TRÍCH sơn (Nhật Bản). Sau một phen lưu lạc chốn 1. Một giọt nước Tào Khê, dụ chỉ cho thiền dân gian, sau đó sách này lại trở về Tỷ Duệ pháp. Tào Khê: chỗ ở của Lục Tổ Huệ sơn, từng được xem là quốc bảo của Nhật Năng. Phần Tháp minh của Cát Tất phụ Bản. Quyển Đàn Kinh Khảo do Hồ Thích vào cuối quyển Mật Am ngữ lục ghi: » viết đã chỉ ra 8 chỗ sai lầm của sách này. – Một giọt nước Tào Khê nguồn sâu dòng dài«. TÀO KHÊ LỘ 2. Sách, 9 quyển, do vị tăng tên Nhất Triệt Con đường tham thiền, con đường ngộ Chu Lý soạn vào đời Minh, được ấn hành thiền. Mật Am ngữ lục ghi: » vào niên hiệu Sùng Trinh thứ 9 (1636) đời – Từ Minh.
Đầu quyển 1 có lời tựa của Vô Học khi giẫm nát nẻo Tào Khê, nhắm đỉnh Tỳ Cư Sĩ là Đào Hồng, lời dẫn của Qua Duẫn Lô thẳng bước lên«. Lễ. Bên trong chia làm 2 mục: Thiền tông và Ứng hóa, thu thập cơ duyên ngữ yếu TÀO KHÊ MẬT CHỈ của hơn 40 vị thiền sư, kỳ túc. Quyển 2-5: Chỉ cho thiền pháp của Huệ Năng. Tiết »Sơn Vân Thủy Thạch tập« do Cổ Đình Tĩnh Cư Hòa thượng trong TĐT q. 3 ghi: Thiện Thánh soạn. Quyển 6: »Trúc Thất » tập« do Đại Ngụy Tịnh Luân soạn. Quyển 7: »Phù Sơn Pháp Cú« do Minh Mục Bản – Sư húy là Hành Tư, họ Lưu, Trí soạn. Quyển 8: »Cốc Hưởng tập« do người xứ Lô Lăng; từ khi được truyền thiền Hưởng Cốc Triệt Dung soạn. Quyển 9: pháp của Huệ Năng, liền trở về Lô Lăng, »Vân Sơn Mộng Ngữ Trích Yếu«. Bên hóa độ chúng sinh«. trong chia làm 4 chương như: Nguyên khởi chương, Duy thức chương v.v... Quyển TÀO KHÊ NHẤT PHÁI cuối phụ lục »Kỷ Nghiệp« do Chu Lý Một phái Tào Khê, chỉ cho thiền pháp và soạn. Thứ tự nội dung toàn sách không sự truyền thừa nối pháp của Huệ Năng. Lời giống với thứ tự của mục lục. bạt của Tông Bảo trong Đàn Kinh ghi: »
TÀO KHÊ PHẬT SẮC Ý chỉ Thiền tông Huệ Năng.
Như Tịnh ngữ lục q. thượng: »
– Án sát sứ nói Công Thành Long nghiên cứu – Cờ pháp đã dựng, tông

TÀO KHÊ SƠN chỉ đã lập. Thử hỏi, thế nào là ý chỉ Thiền Chung cổ lâu, Hành lang tả hữu. Trong Đại tông Huệ Năng? Có biết chăng?«. hùng bảo điện chính giữa thờ tượng Hoa Nghiêm Tam Thánh khắc gỗ vào đời Tống. TÀO KHÊ SƠN Dưới mái hiên trước điện có một cửa sổ Núi nằm ở hướng đông nam huyện Khúc hình tròn, theo truyền thuyết vào năm Giáp Giang tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Vốn Tý đêm trung thu khi trăng lên, ánh trăng là Song Phong sơn, vì dưới chân núi có chiếu vào trán tượng Phật qua cửa sổ nhỏ, con suối nên được gọi là Tào Khê sơn. Tiết ánh trăng càng lên cao, ánh sáng mặt trăng Nhất Túc Giác Hòa thượng trong TĐT q. 3 giống như cái gương tròn chạy dọc theo ghi: » sống mũi từ từ đi xuống tới rốn tượng Phật, đây là cảnh tượng đặc biệt thích thú nhất –
Em của sư là vị tăng tên của chùa Tào Khê: »Thiên mãn bảo Di Lệ, nắm ấy tuổi vừa 31, đi đến núi Tào nguyệt«, »Nguyệt ấn Phật tề«. Trong chùa Khê huyện Thủy Hưng, vừa đúng lúc Đại có cây hoa Ưu Đàm, bia đại tự »Tùng sư Huệ Năng thượng đường«. Phong Thủy Nguyệt« do đích thân vua Sùng Trinh đời Minh viết thảo. Phía bắc TÀO KHÊ THỦY chùa có Kim thiền thánh tuyền, người đời Nước Tào Khê, dụ chỉ thiền pháp. Tiết Tục gọi là »Tam triều thánh thủy«. Nghệ Ngôn trong NHQL, q. 30 ghi: »
TÀO NGUYÊN – Biện Hiệu của thiền tăng Đạo Sinh đời Tống. X. Công mượn bút viết kệ, lời lẽ kiêu ngạo Đạo Sinh. khoa trương, toàn là thói quen ngã mạn, thiền pháp đương nhiên không như thế«. TÀO NGUYÊN ĐẠO SINH THIỀN SƯ NGỮ LỤC TÀO KHÊ TỰ Gọi đủ: Tào Nguyên Hòa thượng Trụ Châu Chùa ở thung Bọ Ngựa cách trung tâm Diệu Quả Thiền Tự ngữ lục. Ngữ lục, 1 huyện An Ninh, tỉnh Vân Nam, Trung quyển, do Tào Nguyên Đạo Sinh soạn vào Quốc 5km về phía Tây bắc. Lục Tổ Huệ đời Tống, đệ tử là Si Tuyệt Đạo Xung biên Năng từng ở chùa Bảo Lâm, Tào Khê, tập, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 121, Quảng Đông hoằng dương thiền phong, về trang 483. Nội dung thu thập pháp ngữ sau thiền tăng chùa này kéo vào Vân Nam thượng đường của Đạo Sinh ở chùa Diệu cất chùa hoằng pháp, cũng gọi là »Tòa Khê Quả, lời thượng đường và tiểu tham ở chùa Tự«. Theo »Vân Nam Thông Chí« ghi, Quy Phong Tín Châu và 10 bài tán tụng. chùa cất vào đời Tống, đấu củng trong đại điện vẫn là nguyên vật đời Nguyên Tống. TÀO SƠN Vách bên trái của hậu điện khảm nạm bia Nằm cách huyện Nghi Hoàng, tỉnh Giang đá »Trùng tu Tào Khê tự chí« do Dương Tây, Trung Quốc chừng 20km về phía bắc. Thăng Am viết. Kiến trúc chủ yếu hiện còn Xưa gọi »Hà Ngọc Sơn«, »Mai Sơn«. Vào có Sơn môn, Đại hùng bảo điện, Hậu điện, cuối đời Đường, Bản Tịch trụ tích núi này;

TẠT bởi Lục Tổ Huệ Năng ở Tào Khê nên đổi » tên núi là »Tào Sơn«, là đạo tràng nổi tiếng của tông Tào Động.
TẢO ĐÃNG MÔN – Người Còn gọi: Thôi đảo môn. Phương pháp quét thứ hai hỏi rằng: Đạo nếu do tu mà thành sạch mọi khái niệm chấp trước, phủ định tức là đặc biệt làm ra, đồng với pháp thế tất cả tướng sai biệt. Đây thuộc về cơ pháp gian, giả dối chẳng thật, thành rồi lại hoại. bả trụ (nắm chặt) của bậc Thầy đã kiến tính Sao gọi là xuất thế? Sư đáp rằng: Đặc biệt dùng để tiếp hóa người học. làm ra chỉ là kết nghiệp gọi là thế gian hư dối. Vô tác là tu hành, tức xuất thế chân TẢO MỘ thật.« Hồi nào, lúc nào. Tiết Thạch Đầu Hoài Chí Am Chủ

trong NĐHN q. 17 ghi: » TÁP TÁP Dáng sóng nổi lên cuồn cuộn. Tiết Hoàng Long Bái Thiền sư trong TBCTT q. 6 ghi: » – Vào buổi chiều tháng sáu năm – Đến nay giếng này giống như sau, sư hỏi thị giả rằng: Lúc nào? Đáp: gương sáng, có lúc không gió mà sóng nổi Đã chiều rồi. Sư liền cười nói: Cảnh mộng lên cuồn cuộn.« gặp nhau, ta đã tỉnh rồi. Ngươi chỉ đừng cô phụ tùng lâm, tức là báo đáp ân đức TẠT của Phật rồi vậy«. 1. Nghiến, chèn, gạt, đẩy. Bích Nham lục q. 1 ghi: » TẢO SƠN NHÂN Thiền tăng Quang Nhân đời Đường ở Tảo – Môn Sơn, được người đời gọi là Tảo Sơn Nhân. (chỉ thiền sư Vân Môn) do dự, liền bị Châu X. Quang Nhân đẩy ra. Một chân của Vân Môn còn ở trong cánh cửa, bị Châu (tức chỉ thiền sư TẢO VÃN Mục Châu) đóng sầm cửa, chèn gãy chân Hồi nào, lúc nào. Tiết Thanh Nguyên Hành Vân Môn.« Tư Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: » 2. Thiền sư khéo dùng phương tiện quét sạch lời nói tri giải khiến người học không – Sư nói: Ta muốn suy nghĩ gì được nữa, trong tình thế khốn biết ngươi rời Tào Khê hồi nào? Hy Thiên đốn bức bách người học nhảy vào cảnh nói: Hy Thiên chẳng từ Tào Khê đến«. giới ngộ, loại biện pháp này được gọi là »tạt«. Tiết »Khai thị Dục Tạng Chủ trong TẠO TÁC DTNL q. 3 ghi: » Đặc biệt làm ra. Hàm nghĩa chê bai. Tiết Đầu Tử Hòa thượng trong TĐT q. 6 ghi:

TẠT THẤU THIỀN QUAN –

Ngươi nếu là bậc căn cơ linh lợi, một khi »Thoái thực công đường tự bằng kỷ được thiền sư khải phát liền lãnh hội, Bất động bất diêu tâm tợ thủy giống như sư tử ở bờ vực thẳm muôn Tích lịch nhất thinh thấu đảnh môn thước, một khi bị bức bách liền biết vươn Kinh khởi tùng tiền tự gia để mình, rống lên một tiếng, trăm thú đều bị Thủ nãi Triệu Thanh Hiến Công tạt thấu nhức óc, mới có chút phần khí khái của thiền quan chi ngữ dã«. nạp tăng.« »Ăn xong ngồi tựa ghế công đường 3. Người học trong khi khốn đốn quẫn Tâm như nước đứng chẳng động lay bách, phấn chấn tinh thần, vượt khỏi nghi Đỉnh đầu sét nổ vang một tiếng, hoặc, đạt được sự tỉnh ngộ, cũng gọi là tạt. Giật mình biết được của báu nhà. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: » Đây là lời của Triệu Thanh Hiến Công mô tả về việc xông thẳng qua cửa ải thiền, liền được ngộ«. – Ví như cầm một TẮC THẢ TRÍ thanh đao chạy thẳng vào trong trăm vạn Còn gọi: Tức thả trí, Thả trí. Tạm gác lại. quân địch, không màng nguy vong đắc Tiết Đại Mai Pháp Anh Thiền sư trong thất, nhân ngã thị phi, chẳng kể tính mạng, NĐHN q. 16 ghi: » vượt qua cửa ải Phật Tổ, không có đẳng – Câu cấp thứ lớp, leo lên ngôi nhà Phật Tổ ấy là sau rốt hãy gác lại, còn một câu hiện giờ Thiền tông.« làm sao nói?« 4. Lúc thiền nhân đọ cơ phong với nhau, Tiết Đại Quy Pháp Thái Thiền sư trong hành vi bức bách đối phương khiến họ NĐHN q. 19 ghi: » không còn đường chạy thoát gọi là »tạt«. – Riêng đứng ngoài Tiết Hoàng Long Đức Phùng trong NĐHN cuộc thì tam gác lại, lúc muôn cơ mất hết q. 18 ghi: » thì thế nào?« – Thật không ngờ ông già Giáp Sơn bị ông tăng TẶC QUÁ HẬU TRƯƠNG CUNG này bức bách nhè nhẹ, đến nỗi phải lúng túng.«

Giặc qua rồi mới giương cung, chỉ cho việc nối tiếp thiền cơ một cách lề mề chậm TẠT THẤU THIỀN QUAN chạp. Tiết Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong NĐHN q. 4 ghi: » Xông thẳng qua cửa ải thiền, liền được ngộ. Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi:

– Sư đi đến chỗ Hoàng Bá. Bá thấy sư đến liền đóng cửa phương trượng. Sư bèn đem lửa vào Pháp đường,

TĂNG NGỮ la to: Chữa cháy! Chữa cháy! Bá mở cửa giáo, ca-sa. Tiết Thích -ca-mâu-ni Phật nắm chặt Sư lại bảo: Nói! Nói! Sư nói: trong NĐHN q. 1 ghi: » Giặc qua rồi mới giương cung!« – Thế tôn đến trước tháp Đa TĂNG BẢO CHÍNH TỤC TRUYỆN Tử, bảo Ma-ha Ca-diếp phân tòa để ngồi, rồi dùng Tăng-già-lê phủ lên mình Ca- Truyện ký, 7 quyển, do Thạch Thất Tổ Tú diếp.« viết vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 137, trang 569. Sách này là truyện TĂNG KHẢ các danh tăng trong thiền lâm vào đời X. Huệ Khả. Tống. Tác giả sưu tập truyện và ngữ yếu tông thừa của 30 vị như: La Hán Tố Nam, TĂNG MẬT Viên Thông Đạo Yển, Đâu Suất Huệ Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư Chiếu, Hoàng Long Đạo Chấn, Đức Sơn Vân Nham Đàm Thạnh. Khi ra hoằng Mộc Thượng Tọa, Lâm Tế Kim Cương pháp, sư trụ Thần Sơn thuộc Đàm Châu Vương, và dưới truyện của mỗi người phụ (nay là Trường Sa tỉnh Hồ Nam), giảng 1 thiên tán ngữ. Quyển cuối phụ lục Đại dạy cho học trò dù lạnh nóng thế nào cũng Cổ Tháo Chủ Dữ Hồng Giác Phạm Thư, chẳng nghỉ. chỉ ra bộ Tăng Bảo truyện do Giác Phạm viết bị mất 3 quyển, và có thêm lời chất TĂNG NA vấn. Thiền tăng sống vào thời Bắc Ngụy, họ Mã, người xứ Đông Hải (nay là cảng Liên TĂNG BẢO TRUYỆN Vân, tỉnh Giang Tô) Trung Quốc. Ban đầu X. Thiền Lâm Tăng Bảo truyện. sư theo nghiệp Nho, thông Tam lễ, Chu dịch, có vài trăm đệ tử. Về sau đến Tương TĂNG ĐƯỜNG Châu (nay là huyện An Dương tỉnh Hà Còn gọi: Thiền đường, Vân đường. Căn Nam), nghe Huệ Khả thuyết pháp, chóng phòng lớn trong ngôi thiền tự để cho chư sinh chính tín, liền dẫn 10 vị đệ tử theo tăng tọa thiền. Trong tăng đường có chia Huệ Khả xuất gia, tu hạnh Đầu-đà, khất làm: Tiền đường và hậu đường. Tiết Long thực nơi xóm làng chứ không vào thành Tường Sĩ Khuê Thiền sư trong NĐHN q. thị. Sư cùng với đệ tử là Huệ Mãn được 20 ghi: » truyền chung 4 quyển kinh Lăng-già. Sư từng đến Lạc Dương, gặp ngài Đàm – Một hôm sư đang đứng hầu Khoáng ở chùa Thiện Hội. Chẳng rõ về ngài Phật Nhãn, hỏi rằng: Khi bặt hết đối cuối đời sư ra sao. đãi thì sao? Phật Nhãn đáp: Giống như ngươi bạch chùy trong tăng đường«. TĂNG NGỮ Lời nói thừa, lời nói uổng phí vô dụng. TĂNG-GIÀ-LÊ Vân Môn quảng lục q. trung ghi: » Gọi tắt: Già-lê. Áo ngoài của tăng sĩ Phật

TĂNG NHẤT – Trong Phật pháp, Bồ-đề, Niết-bàn, Chân phần bổ di còn kể thêm 7 vị không rõ nối như, Giải thoát đều là lời nói thừa« pháp ai. Sách này được chùa Lăng Nghiêm, phủ Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang TĂNG NHẤT xuất bản vào niên hiệu Khang Hy thứ 10 Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư (1671) đời Thanh. Thạch Sương Khánh Chư. Sư ở núi Nam Tế thuộc Hà Trung (nay là huyện Vĩnh Tế TĂNG XÁN (?-606) tỉnh Sơn Tây), về sau vào đất Mân, cuối Thiền tăng đời Tùy, Trung Quốc, Tam Tổ cùng ở viện Trường Khánh. Thự hiệu: Bản Thiền tông. Đời Đông Ngụy niên

hiệu Tịnh Đại Sư. Thiên Bình thứ 2 (535) tham kiến Huệ Khả được khai ngộ. Lúc Bắc Chu Võ Đế diệt TĂNG PHI (898-955) Phật pháp, sư qua lại núi Tư Không, núi Còn gọi: Đạo An. Thiền tăng đời cuối Hoàn Công thuộc Thơ Châu (Tiềm Sơn, Đường đầu Ngũ Đại, họ Lý, tên Phi, người An Huy). Đời Tùy, niên hiệu Khai Hoàng Trường An (Tây An, Thiểm Tây) Trung thứ 12 (592) Đạo Tín đến cầu pháp, theo Quốc. Sư nối pháp thiền sư Đạo Ưng, học với sư 9 năm. Tác phẩm: Tín Tâm thuộc tông Tào Động đời thứ 3, trụ thiền Minh. Đường Huyền Tông ban thụy »Giám viện Đồng An, núi Phụng Thê, Hồng Châu Trí Pháp Sư«. (gần sát huyện Nam Xương tỉnh Giang Tây). Người đời gọi sư là Tổ Đồng An. TẰNG Vua ban hiệu Quảng Trí Đại Sư. Có ngữ Phó từ, đặt ở trước từ phủ định, nhấn mạnh lục truyền bá ở đời. ngữ khí phủ định, tương đương với tuyệt (), hào (), tùng (). »Lục Tổ Năng TĂNG TẬP TỤC TRUYỀN ĐĂNG Thiền sư bi minh« trong Toàn Đường Văn LỤC q. 327 ghi: » Đăng lục, 6 quyển, có riêng 1 quyển mục – Chuyện trò cười nói, không bao giờ hí lục, do Nam Thạch Văn Tú viết vào đời luận«. Minh, được xếp vào Tục Tạng kinh tập TÂM ẤN 142, trang 725. Tác giả kế thừa Cư Đảnh Chỉ cho thiền pháp. Thần Hội truyện trong viết tiếp »Tục Truyền Đăng Lục«, sưu tập Tống Cao Tăng truyện q. 9 ghi: » các tài liệu có liên quan đến sách vở Thiền tông, tháp minh, hành trạng từ đời Tống,

– Năm 30 tuổi, sư Nguyên để biên tập bắt đầu từ đời thứ 18 mới vào đất Thục, yết kiến Đại sư Vô đến đời thứ 25 sau Lục Tổ Huệ Năng, tính Tướng. Nhờ căn tính lanh lợi nên sư đốn chung có trên 500 vị thiền sư. Nội dung ngộ, thầm khế hợp với thiền pháp«. nói về sự nghiệp và cơ duyên ngữ yếu của các ngài. TÂM ẤN THIỀN SƯ Phụ lục 1 quyển »Ngũ Đăng Hội Nguyên Hiệu của Thiền tăng Giác Kha, sống vào Bổ Di«, kể thêm vắn tắt truyện của 20 vị đời Tống. X. Giác Kha. thuộc đời thứ 17 sau ngài Đại Giám. Sau

TÂM THÁI (1327-1415) TÂM ẤN THỦY NGUYỆT THIỀN được Huệ Cần ấn khả, và nối pháp ngài. SƯ Năm 1112, sư khai pháp ở chùa Thiên Hiệu của Thiền tăng Tử Nghi, sống vào Ninh Vạn Thọ tại Tương Dương. Năm đời Ngũ Đại. X. Tử Nghi. 1119, sư trụ trì viện Văn-thù tại Đảnh Châu (nay là huyện Thường Đức, Hồ TÂM CẢNH LỤC Nam). Sư rất tinh tường kệ tụng, được các X. Tông Cảnh Lục. thiền tăng rất mến mộ. Năm 1129, nhằm lúc có giặc đến, chư tăng thỉnh sư về Nam. TÂM CẢNH THIỀN SƯ THÁP Sư cho rằng người học đạo là vì việc liễu thoát sinh tử nên không chịu lánh nạn, Nằm trong khuôn viên chùa Thất Tháp, nhân đây sư bị giặc giết chết. thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Xây dựng vào niên hiệu Hàm TÂM KHÔNG CẬP ĐỆ QUY Thông thứ 14 (873) đời Đường, niên hiệu Quang Tự thứ 32 (1906) đời Thanh, trụ trì Ý nói lãnh ngộ lý muôn pháp đều không, Từ Vận trùng tu, trên khắc 12 chữ »Đường trừ sạch tục tình vọng niệm, trúng tuyển sắc tứ Tâm Cảnh Thiền sư chân thân xá-lợi thành Phật. Đây là cách nói dùng khoa cử tháp«. Chia làm ba phần bệ tháp, thân tháp, khảo thí để thí dụ. Cập đệ: Thi đậu, trúng đỉnh tháp, hình tròn, tạo dáng trang trọng, tuyển ký thi. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: đường nét đẹp đẽ. Trên tháp có bài minh » văn giới thiệu sự tích của Thiền sư Tâm

Cảnh và quá trình xây dựng tháp. Đây là – Hỏi: Trường tuyển minh văn sinh ra từ bút tích của người đời Phật đã mở, có tuyển chọn học nhân hay

Đường, hiện chỉ còn 117 chữ. không? Sư đáp: Rất kỵ điểm trán. Học nhân thưa: Thế ấy thì tâm không được thi TÂM ĐẠO (1058-1129) đậu vậy.« Thiền tăng đời Tống, họ Từ, người xứ Đan Lăng My Châu (nay thuộc Tứ Xuyên) TÂM THÁI (1327-1415) Trung Quốc. Năm 30 tuổi được độ làm Thiền tăng đời Minh, họ Tôn, tự Đại Tông, tăng, đến Thành Đô học Duy Thức, nghiên hiệu Phật Huyễn, người Thượng Ngu cứu sâu rộng trong 10 năm; bỗng một hôm (Chiết Giang), Trung Quốc. Năm 15 tuổi có người hỏi đến, sư mờ mịt chẳng biết sư theo Ốc Công xuất gia, lại đến chùa Tây đáp ra sao, nên bỏ môn này. Sư đến Tương Thiên Trúc ở Hàng Châu tham kiến Cổ Dương (nay là huyện Tương Phàn tỉnh Hồ Đảnh Minh Công, ở lại làm Thị giả. Sau Bắc) nương ngài Cốc Ẩn Hiển để tham nghe Đàm Ngạc thuyết pháp ở chùa Quốc thiền. Độ 10 năm sau, một hôm nghe ngài Thanh, Thiên Thai liền đến tham yết, được Phật Giám Huệ Cần thuyết pháp ở Thư ấn chứng. Đời Minh niên hiệu Hồng Vũ Châu (nay là huyện Tiềm Sơn tỉnh An (1368-1398) sư trụ trì Quốc Khánh, Đông Huy), sư đại nghi, liền ở lại đây. Một chiều Sơn, Thượng Ngu, năm thứ 13 (1380) dời nọ, sư bỗng nhiên như người tỉnh mộng, sang chùa Trung Thiên Trúc, Hàng Châu.

TÂM TÔNG Niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 4 (1406) sư phụng TẦM THƯỜNG TRÀ PHẠN sắc vào kinh tham gia việc biên tập »Vĩnh Lạc Đại Điển«. Tuổi già ẩn cư nơi am Tịch Còn gọi: Gia thường trà phạn. Chỉ cho Chiếu, Thượng Ngu. Tác phẩm: Phật Pháp việc lặt vặt giống như việc ăn cơm, uống Kim Thang Biên 16 quyển. trà hàng ngày. Phần thùy thị của tắc 1 trong Bích Nham lục (Đại 48, 140 thượng) TÂM TÔNG ghi: »

Thiền tông. CĐTĐL q. 13 ghi: »

– – Bản Cách núi thấy khói liền biết có lửa,

cách khắc Truyền Đăng Lục cũ bị nạn binh lửa tường thấy sừng liền biết có trâu. Người cháy thành tro, khiến người hâm mộ Tâm thông minh học một biết mười, mắt vừa Tông lo rằng không còn sách ấy«. nhìn thấy liền có thể đánh giá được sự Truyện Thiền sư Thanh Đàm Minh Chính việc. Đây là việc lặt vặt như cơm nước trong Thiền sư Việt Nam ghi: trong nhà thiền«. »Cổ thanh hợp vận tùng thanh họa Tịch chiếu tâm tông tức tập tầm TẨM TẬT Minh nguyệt thanh phong trường tự tại Bị nhuốm bệnh càng ngày càng nặng, sắp Tầm tâm bất đắc, tức tầm tâm«. chết đến nơi. Tiểu truyện Thiền sư Trường »Âm thanh hợp vận âm trùng họa Nguyên trong TUTA ghi: » Tịch chiếu tâm tông tức tập tầm – Đến Trăng sáng gió thanh thường tự tại ngày 7 tháng 6 niên hiệu Chính Long Bảo Tìm tâm chẳng được, nghỉ tìm tâm«. Ứng năm thứ 3 (1165), sư lâm bệnh nặng, TÂM YẾU nói kệ...« Yếu chỉ thiền pháp. Tiết Long Đàm Hòa TÂN ĐÁO thượng trong TĐT, q. 5 ghi: » Chỉ cho vị tăng mới đến một ngôi chùa nào đó để xin tá túc. Tông Môn Võ Khố ghi:

»

– Thiền – Thụ giới cụ túc sư

Minh Thủy Tốn tại Phủ Châu lúc còn ở rồi, sư làm bếp được vài năm. Một hôm sư liêu thị giả của chùa Pháp Vân, có Thiền chợt hỏi Thiên Hoàng rằng: Tuy thân con sư Đạo Lâm Lâm đến chùa xin tạm trú. đã được dự vào hàng ngũ của chư tăng, đã Hòa thượng Trụ trì muốn đãi trà cho vị thỏa mãn chí nguyện nhưng chưa được tăng mới đến, nên sai Tốn đến liêu khách Hòa thượng chỉ dạy tâm yếu, cúi xin Thầy để mới Đạo Lâm

Lâm«. chỉ dạy! Thiên Hoàng nói: Từ ngày ngươi đến ở bên cạnh ta, ta chưa từng chẳng chỉ TÂN LA, TÂY THIÊN dạy tâm yếu cho ngươi«. Chữ Tân La tuy có nghĩa là tên nước Triều

TẦN THÂN Tiên cũ và chữ Tây Thiên có nghĩa tên – Đại khái việc thỉnh Tân nước Ấn Độ thời xưa, nhưng trong trứ tác Trụ trì gồm: Đầu tiên vị Cựu Trụ trì phải thiền lâm, hai chữ này hàm ý chỉ một nơi báo trước cho đại chúng rõ. Kế đó là trình xa xôi mơ hồ, vì trong tư tưởng người với Công phủ, chờ Công phủ đồng ý mới Trung Hoa hay người Việt ta thuở xưa thì viết sớ trân trọng kính mời. Tân Trụ trì Tân La và Tây Thiên là hai nơi xa xôi diệu nhậm chức xong, vị Cựu Trụ trì phải thiết vợi – Tiết Trường Lô Ứng Phu Thiền sư trai ở nơi phương trượng«. trong NĐHN q. 16 ghi: Tăng hỏi: » Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di TÂN TỐNG Đưa ma, chôn cất người chết. Tiết Bách – Người xưa nói: Chấp Trượng Hoài Hải Thiền sư trong NĐHN q. nhận cho lão huynh ngộ Như Lai thiền đi, 3 ghi: » nhưng Tổ sư thiền thì nằm mơ cũng chưa thấy. Chẳng hay Như Lai thiền và Tổ sư – Lão nhân ư ngôn hạ thiền là giống nhau hay khác nhau? Sư đại ngộ, tác lễ viết: Mỗ dĩ thoát dã hồ thân, đáp: Một mũi tên bay qua Tân La.« trụ tại sơn hậu, cảm khất biểu vong tăng Lâm Tế ngữ lục ghi: » tân tống. – Ông già ngay nơi lời nói đại ngộ, làm lễ thưa: Con đã thoát kiếp chồn hoang, bỏ xác ở sau núi, dám xin Hòa thượng chôn cất con như một vị tăng đã chết.« – Sư đến TẦN THÂN Thúy Phong. Phong hỏi: Từ đâu đến? Sư (Sư tử, voi chúa) rống lên. Tiết Quy Tông đáp: Từ Hoàng Bá đến. Phong hỏi: Hoàng Chí Chân Thiền sư trong CĐTĐL q. 29 Bá có lời gì để dạy người? Sư đáp: Hoàng ghi: Bá không có lời cũng không có chỗ nêu lên công án. Phong nói: Hãy nêu lên công án xem. Sư nói: Một mũi tên bay qua Tây Thiên.« TÂN MẠNG »Quy Tông sự lý tuyệt Nhật luân chính đương ngọ Còn gọi: Tân mạng Trụ trì, Tân mạng Hòa Tự tại như sư tử thượng, Tân Trụ trì. Là người mới nhậm Bất dữ vật y cổ chức Trụ trì một chùa. Điều Trụ trì tiến Độc bộ tứ sơn đảnh thoái, chương Trụ trì, trong Hoàng Bá Ưu du tam đại lộ Thanh Quy (Đại 82, 768 hạ) ghi: » Khiếm khứ phi cầm đọa Tần thân chúng tà bố!« »Quy Tông sự lý bặt

TẨN NHIÊN Mặt trời đứng bóng tròn Tự tại như sư tử Không cùng vật tựa nương. Bốn đỉnh núi riêng bước – Trung Ấp giống như một ông thợ Ba đường lớn thung dung kim hoàn, Ngưỡng Sơn đem một thỏi vàng Ngáp dài chim chóc rớt đến nhờ Ngài cho biết giá tiền, Ngài cũng Rống lên bọn tà run«. cho giá thích hợp. Đến lúc trở thành việc buôn bán, vàng bán ra lại vừa đúng với TẨN NHIÊN cân lượng. Thợ kim hoàn mặc dù mừng Buồn bã. Chương Duy Khoan Thiền sư thầm nhưng trong lòng chưa khỏi hồ nghi. trong CĐTĐL q. 7 ghi: » Vì sao? Vì nếu không xem xét kỹ lưỡng, chắc chắn vàng kia là của ăn trộm.« – Thiền sư Duy Khoan… Năm mười ba tuổi thấy người khác sát sinh, sư TẬN KHƯỚC KIM THỜI buồn bã không nỡ ăn.«

Hiện nay thấu suốt, hiện nay triệt ngộ, tức TẬN ĐẠI ĐỊA NHÂN NHẤT hiện nay ngộ suốt thiền pháp. Nhà thiền KHẨU THÔN TẬN nhấn mạnh, thiền pháp chính ở trước mắt, chẳng cần tìm cầu ở nơi nào lúc nào khác. Còn gọi: Tận đại địa nhân vong phong kết Thuật ngữ này thể hiện được tinh thần hiện thiệt. Há miệng nuốt hết mọi người. Chỉ thực của Thiền tông. Tiết Phù Dung Đạo cho thiền sư hoặc thiền sinh có kiến thức, Giai Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » năng lực, cảnh địa triệt ngộ hơn người. Những thiền giả ưu tú này, mọi hành vi của – Cho nên Phật họ hạng tầm thường đều không thể so sánh Tổ dạy người, chỉ cần hiện nay ngộ suốt được, giống như mọi người trong trời đất thiền pháp. Ngộ được thiền pháp thì đâu đều bị nuốt mất trong sự cười nói, nín lặng còn việc gì?« của người ấy. Tắc 49, Bích Nham lục (Đại 48, 185 thượng) ghi: » TẬN LỘ Trao tặng lễ vật cho người lên đường. Tiết – Cá kình ngàn Vĩnh Phong Huệ Nhật Am Chủ trong thước phun sóng to (Khi ngộ rồi thì thật là NĐHN q. 18 ghi: » kỳ đặc, như há miệng nuốt hết mọi người)«.

– Sư chợt bảo người trong ấp rằng: Sáng mai tôi hành cước, các vị có thể đến đưa TẬN GIÁ tiễn. Khi mai tôi hành cước, các vị có thể Giá thích hợp, đúng giá. Tiết Tín Tương đến đưa tiễn. Khi ấy người trao tặng lễ vật Tông Hiển Thiền sư trong NĐHN q. 18 đều tập họp đủ cả.« ghi: » TẬN LỰC ĐẠO BẤT ĐẮC ĐỂ CÚ

TẤT DŨNG SINH QUANG – Mé bên vai Câu cố hết sức nói mà chẳng được, nghĩa của ngọn Tây Phong có hang Sư Tử sâu là lời nói không sao diễn tả được, chỉ cho đến ngàn trượng, có đá dựng như rừng. Sư thiền pháp siêu việt ngôn cú nghĩa lý. Tiết thích cảnh này, có ý muốn ở đấy suốt đời, Phù Bôi Hòa thượng trong NĐHN q. 3 ghi: các vị đệ tử như Pháp Thăng v.v... lục tục » tìm đến, rồi cùng nhau xây cất chùa chiền«. – Lăng Hành Bà đến lễ bái, sư mời cùng ngồi TẤT CÁNH uống trà. Bà liền hỏi: Câu cố hết sức nói 1. Xét cho cùng, dĩ nhiên. Phẩm thứ hai: mà chẳng được, giao phó cho ai? Sư đáp: Tịnh độ của Tông Giáo đáp hưởng trong Phù Bôi không có lời gì chưa nói ra«. NHQL q. 21 ghi: » – TẬN THỜI Tin ta niệm Phật tương lai dĩ nhiên thấy Bấy giờ, hồi đó. Tiết Bảo Ninh Nhân Dũng Phật. Xét cho cùng khi thành Phật không Thiền sư trong KTTQTĐL q. 28 ghi: còn việc gì nghi hoặc.« »Nhuyễn triền tạng phong nhập trận lai, 2. Cứu cánh, cuối cùng. Biểu thị nghi vấn. tận thời cầm hạ nhãn xanh khai. Tử sinh Duy Tắc ngữ lục q. 2 ghi: » nhất quyết anh hùng sĩ, Văn võ song đả – Cứu cánh kết tướng tương tài. – Quấn chứa cơ phong quả ra sao? Cuối cùng có thời gian nào vào trận ngay, bấy giờ bắt được kinh ngạc tỉnh ngộ?« thay! Anh hùng nhất quyết phen sinh tử, văn võ song toàn tướng ngang tài.« TẤT CÁNH SỰ Việc cứu cánh. Chỉ việc lãnh ngộ thiền TẬP ĐĂNG THIỀN SƯ pháp, siêu thoát sinh tử. Nhà thiền cho Thụy hiệu của thiền tông Trí Nhàn đời cánh nhìn này là hết sức quan trọng. Tiết Đường. X. Trí Nhàn. Nam Tuyền Hòa thượng trong TĐT q. 16 ghi: » TẬP MA Như thế. Vân Môn quảng lục q. hạ ghi: »

– Sư và Quy Tông du phương hai – Sư nói: Cái túi mươi năm.

Trên đường hành cước, đang cơm! Giang Tây, Hồ Nam mà như thế hả? nấu trà, sư hỏi: Việc ghi nhớ, thương Tăng nghe lời này liền đại ngộ«. lượng ngữ cú trước kia đã biết, Xa lìa những thứ đó sau này có ai hỏi về việc cứu TẬP MAO CÁI ĐẦU cánh thì sao?« Chỉ cho việc xây cất chùa chiền. Nguyên Diệu ngữ lục q. hạ ghi: » TẤT DŨNG SINH QUANG Thùng sơn phát sáng. Trong thúng sơn tối

TẬT DIỆM QUÁ PHONG tăm phát sinh ra một vầng sáng, dụ chỉ – Sư liền ôm gói đi tham chuyển mê thành ngộ. Mật Am ngữ lục ghi: tầm, ban đầu gặp Cổ Sơn, Trường Khánh, » An Quốc nhưng cơ duyên chưa khế hợp«.

TẤU BẠC : 1.

Gần gũi, khế hợp, khế ngộ. Đại Quang – Sư vào chùa thượng đường, Tăng Minh Tạng ghi: » hỏi: Trong biển Hoa Tạng giăng lưới to, – Ý Tổ sư quen bắt cá côn cá kình; trên đỉnh Lăng cao vút bí hiểm, như có đem cả cuộc đời Tiêu cầm kiềm búa để rèn đúc Phật Tổ. của mình để tham cứu cũng khó mà khế Nhưng nay lò rèn đã mở cửa, khi một búa ngộ« liền thành thì sao? Sư đáp: Thùng sơn phát 2. Ngưng tụ, kết hợp. Tiết Tham Chính sáng«. Tiền Đoan Lễ Cư Sĩ ghi: »

TẬT DIỆM QUÁ PHONG – Vì là đất nước gió lửa, nhân duyên hòa hợp, tạm thời ngưng tụ Gió thổi lửa bùng. Thiền tông mượn từ này nên chẳng thể lầm nhận là thân mình«. để chỉ thiền cơ rất nhanh chóng. Tiết Nhất Thượng tọa hạ tỏa trong Như Tịnh ngữ lục TẤU CƠ q. hạ ghi: Khế hợp cơ duyên, khế cơ. Huệ Nam ngữ lục tục bổ ghi: »

– (Thiền sư Huệ Nam) hơn 30 năm khai thị bằng 3 câu này, thường thường người học phần nhiều chẳng khế hợp cơ duyên, trong tùng lâm »Sinh tử thoát trước bất tương can đều cho là tam quan (3 cửa ải)«. Nhất đạo thần quang thường độc lộ Di! TẨU DƯƠNG DƯƠNG Tật diệm quá phong phát đại cơ Tất tả chạy ngược chạy xuôi. Tiết Phúc Trần trần sát sát đầu hồi hỗ«. Châu Tây Viện Hòa thượng trong TĐT q. »Sinh tử thoát rồi chẳng liên quan, 17 ghi: » Một luồng ánh sáng thường riêng bày. Chao!

– Thiền cơ phát ra rất nhanh chóng, Nếu muốn được làm Phật thì chính ông là Cõi nước vi trần đắp đổi nhau«. Phật. Đã mang một ông Phật trên mình mà còn tất tả chạy ngược chạy xuôi giống như TẨU con nai khát nước chạy theo sóng nắng, Khế hợp. Tiết Phúc Tiên Chiêu Khánh Hòa đến khi nào mới được tương ưng?«. thượng trong TĐT q. 13 ghi: »

TÂY THIÊN NHỊ THẬP BÁT TỔ TẨU TÁC trong thành huyện Tùng Giang, tỉnh Thượng Hải, Trung Quốc. Nguyên tên là Nghĩa là tâm thần bất định, chạy lăng »Sùng Ân Bảo Tháp«, bởi ở trong Tây xăng. Tiết Dũng Tuyền Hân Thiền sư trong NĐHN ghi: » Lâm Thiền tự, nên gọi »Tây Lâm Tháp«.

Tháp được xây vào khoảng niên hiệu Hàm Thuần (1265-1274) đời Tống, niên hiệu Hồng Vũ thứ 20 (1387) đời Minh trùng tu, – Sư thượng đường nói: Ta 49 năm đổi tên »Viên Ứng Tháp«. Tháp là kết cấu tại chỗ này còn có tẩu tác, bọn các ông hỗn hợp gạch gỗ, mặt bằng hình bát giác, 7 chớ mở miệng to. Kẻ kiến giải thì nhiều, tầng cao hơn 40m. Thang lên tháp là còn người hạnh giải thì trong muôn người

không có một«. những bậc đá xây trong thân tháp vòng vèo đi lên, đến nay vẫn còn hoàn chỉnh. Tháp TÂY AM này cùng với tháp chùa Hưng Thánh đông Hiệu của thiền tăng Đàm Ngạc đời tây đối mặt nhau, điểm xuyết cho phong Nguyên. X. Đàm Ngạc. cảnh thanh tú đẹp đẽ cổ thành Tùng Giang.

TÂY CHIẾU TÂY LỘC Hiệu của thiền tăng Huệ Tài đời Minh. X. Hiệu của thiền tăng Trí Cập đời Nguyên. Huệ Tài. X. Trí Cập.

TÂY LAI Ý TÂY NHAM Hiệu của thiền tăng Liễu Huệ đời Tống. X. Còn gọi: Tây Tổ ý. Ý chỉ thiền pháp của Liễu Huệ. Sơ tổ Thiền tông là Bồ-đề Đạt-ma từ Ấn Độ truyền sang Trung Quốc. Đây là cách TÂY THIÊN NHỊ THẬP BÁT TỔ nói tắt của Tổ sư Tây lai ý. Chương Chiêu Khánh viện Đạo Khuông Thiền sư trong Còn gọi: Tây Thiên tứ thất. Chỉ 28 vị Tổ CĐTĐL q. 21 ghi: » Thiền tông của Ấn Độ thời xưa. Tương – Hỏi: Ý truyền trên hội Linh Sơn, đức Phật Thíchchỉ của Tổ sư từ phương Tây đến là gì? Sư ca Mâu-ni truyền trao chính pháp nhãn đáp: Con muỗi đáp trên mình con trâu tạng (thiền pháp) cho đệ tử là Ma-ha-casắt.« diếp. Ca-diếp trở thành vị Tổ Thiền tông Tiết Chính Pháp Hy Minh Thiền sư trong thứ nhất, lần lượt trao truyền đến vị Tổ thứ NĐHN q. 18 ghi: » 28 là Bồ-đề Đạt-ma vượt biển sang Trung Quốc. Vị này là Tổ khai sáng Thiền tông – Lá rừng rơi lả tả, trời đất báo thu Đông độ. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng sang. Đâu cần kiếm gì nữa, ý Tổ sư rõ ghi: » ràng.« – Nếu bàn về nghĩa thứ nhất thì 28 vị Tổ Ấn Độ TÂY LÂM THÁP và 6 vị Tổ Trung Quốc đều ở thế kém.« Nằm trong nhóm Tây tháp, đường Sơn Tây

TÂY THIỀN TỰ TÂY THIỀN TỰ yêu nước Thiền sư Tây Trúc đã dẫn đầu Viện Trường Khánh ở phía tây thành phố hơn 3000 tăng binh chống lại giặc Oa vào Phúc Châu nên người đời gọi là Tây Thiền khoảng niên hiệu Gia Tĩnh (1522-1566) tự. X. Trường Khánh viện. đời Minh.

TÂY TỐC TÂY VÂN THIỀN TỰ Kêu ca, âm thanh cảm thán gấp rút. Tiết Ở làng Ngũ Cổ, thành phố Đài Bắc, tỉnh Vong Danh Cổ Túc trong NĐHN q. 6 ghi: Đài Loan, Trung Quốc. Nguyên tên là » »Tây Vân Nham«. Niên hiệu Càn Long thứ 17 (1752) đời Thanh sáng lập, những năm Gia Khánh, Quang Tự đều trùng tu thêm, là một Phật tự lâu nhất trong lịch sử Đài Loan. – Thuở xưa có một vị TÂY VỰC TỰ lão túc, trong suốt mùa an cư không chịu Nằm trên sườn núi Thạch Kính, phía tây thuyết pháp cho chư tăng nghe. Có một vị nam huyện Phòng Sơn, thành phố Bắc tăng than: Cứ như thế thì một hạ trôi qua Kinh, Trung Quốc. Xưa có hai chùa Đông vô ích, tôi chẳng dám mong Hòa thượng Dụ và Tây Dụ, đều là kiến trúc đời Tùy nói Phật pháp, chỉ cần nghe hai chữ chính Đường. Sau đó Đông Tự bị phá hủy, chỉ nhân cũng được. Lão túc nghe được lời còn Tây Tự. Cấu trúc hùng vĩ, Phật tháp này, liền nói: Xà lê chớ có kêu ca, nếu luận trang nghiêm, theo truyền thuyết bên dưới về chính nhân, một chữ cũng không có«. tháp có con đường nhỏ lát đá phiến. Đời TÂY TRAI Minh đổi tên là »Tây Vực Tự«. Đầu đời Thanh hai vị Đại sư Siêu Cổ, Tăng Quảng Hiệu của thiền tăng Phạm Kỳ đời Nguyên. nối nhau trụ trì, ngày thêm hưng

thịnh và X. Phạm Kỳ. đổi tên là »Tây Vực Vân Cư Thiền Lâm«. TÂY TRÚC Từ đời Dân Quốc trở đi bao lần bị chiến tranh đã suy vi từ lâu. Hiệu của thiền tăng Bản Lai đời Minh. X: Bản Lai. TẾ BẠT Cứu vớt, siêu thăng. Tiết »Sở Thạch Hòa TÂY TRÚC THIỀN SƯ MỘ THÁP thượng hành trạng« trong PKNL q. 20 ghi: »
Dưới cửa Hắc Phong, phía nam sườn núi Tuyết Sơn, huyện Lương Sơn,tỉnh Sơn – Vua Đông, Trung Quốc. Tháp của Thiền sư Tây biết rõ bắt đầu chở đi, xáo trộn thế giới. Trúc đứng trước mộ, tháp cao 3,12m, Vua nhớ đến tướng sĩ chết trận, dân đen bỏ đường kính 0,4 đến 0,85m. Bia đá trước mạng bởi đao binh nên dùng Phật pháp tháp là »Đông Lỗ Tây Trúc Thiền sư minh lập ra cõi u minh để cứu vớt họ.« ký«, mặt trên ghi lại sự tích của tăng nhân

TẾ TÔNG THẤT SỰ TÙY THÂN TẾ BẮC TẾ THÁNH (1696-1756) Danh hiệu của Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Thiền tăng đời Thanh, họ Tiết, tự Liễu Huyền. Vào năm 854, Thiền sư Nghĩa Phàm, người xứ Hải Ninh, Chiết Giang, Huyền đến trụ ở viện Lâm Tế, góc phía Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Thiên đông bờ sông Hô Đà, tại Trấn Châu (Hà Đồng Triệt ở Hàng Châu, đời thứ 40 hệ Nam Chính Định). Hư Đường Hòa thượng Nam Nhạc. Trụ trì chùa Thiên Mân ở ngữ lục q. 4 (Đại 47, 1011 hạ) ghi: » Dương Châu. TẾ TÔNG BÁT ĐẠI THẾ – Lâm Tế là con lừa mù, ban đầu đến bến sông Cao An (chỉ cho ngài Đại Ngu) đã không thể vượt qua, Tám thứ cơ pháp mà bậc Thầy của tông còn quay trở lại núi Hoàng Bá«. Lâm Tế thường vận dụng một cách tự tại: 1. Thiên chân đại thế: Cơ pháp tự nhiên TẾ BIỆN nhậm vận không do tạo tác, không nhờ phương tiện. Thành công, hoàn thành. Pháp Diễn ngữ 2. Bí mật đại thế: Cơ pháp thầm kín không lục q. thượng ghi: »
dùng lời nói. 3. Bình thường đại thế: Dùng động tác bình thường để chỉ ra Bản tính. – Một không làm hai không nghỉ, chỗ 4. Trực thị đại thế: Chỉ thẳng Tức tâm là chẳng phong lưu cũng phong lưu. Nếu Phật. muốn mọi việc hoàn thành, coi chừng con 5. Trình tự đại thế: Lấy vật bên mình như trâu trắng sờ sờ.« (Con trâu trắng sờ sờ: dụ phất tử, nắm tay... để chỉ bày đại đạo. chỉ diệu nghĩa pháp) 6. Thâu phóng đại thế: Khi nắm chặt, khi buông thả, vận dụng tự như. TẾ CÔNG 7. Quyền thiết đại thế: Dùng phương tiện X. Đạo Tế. khéo léo. 8. Tỉnh ngộ đại thế: Tức là cơ pháp dùng: TẾ ĐIÊN Phất, quyền, bổng, hét... giúp người học Thiền tăng Đạo Tế đời Tống, tính tình ngay đó khai ngộ. ngông cuồng, ham thích rượu thịt, chẳng Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. giữ giới luật, người đời gọi sư là Tế Điên. TẾ TÔNG THẤT SỰ TÙY THÂN TẾ LÔN Là 7 loại tự tại mà vị thiền tăng ưu tú của Hiệu của thiền tăng Siêu Vĩnh đời Thanh. tông Lâm Tế phải có đủ: X. Siêu Minh. 1. Sát nhân đao: Chặt đứt tất cả sở hữu của người học. TẾ NINH THIẾT THÁP 2. Hoạt nhân kiếm: Trí giúp người học hết X. Sùng Giác tự thiết tháp. sức linh hoạt.

TẾ TÔNG TỤNG NGỮ 3. Cước đạp thật địa: Tất cả hành vi đều đã lâu. Lúc bấy giờ Pháp Hân ở Diêm khế hợp với Phật đạo. Quan (Tây Nam Hải Ninh, Chiết Giang) 4. Hướng thượng quan hệ tử: Tột cùng kiến thiết viện Hải Xương thỉnh Tề An về tông chỉ hướng thượng. ở, người đời gọi là »Diêm Quan Tề An«. 5. Cách ngoại thuyết thoại: Xa rời sự nghĩ Một thời kẻ tham học khắp nơi tụ hội, sư suy thông thường mà nói Phật đạo. đại dương thiền phong Mã Tổ. Niên hiệu 6. Nạp tăng ba tỵ: Đủ sức dẫn dắt người

Hội Xương thứ 2 (842) sư ngồi yên mà thị học. tịch, thọ hơn 90 tuổi. Vua Tuyên Tông ban 7. Thám can ảnh thảo: Có thể phân biệt rõ thụy »Ngộ Không Đại Sư« và làm thơ truy ràng điều chân, giả của người học. điệu. Sau khi Võ Tông hủy Phật, Tuyên Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Tông được sư cảm hóa mà chấn hưng lại Phật pháp. TẾ TÔNG TỤNG NGỮ 2. Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền Sách, 1 quyển, do Hán Nguyệt Pháp Tạng sư Hoa Nghiêm Trí Tạng. Về sau hoằng soạn vào đời Minh, được ấn hành vào niên dương thiền pháp ở Hoàng Châu (nay là hiệu Sùng Trinh thứ 1 (1628) đời Minh, Hoàng Cương tỉnh Hồ Bắc), người đời gọi sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh tập sư là »Hoàng Châu An« để phân biệt với 114, trang 213. Pháp Tạng vì muốn chứng Thiền sư Tề An ở Diêm Quan. Sư dời đến minh pháp mạch truyền thừa của tông Lâm Phụng Tường (nay thuộc Thiểm Tây) rồi Tế mà soạn sách này. Nội dung nêu ra các thị tịch. vị như: Mã Tổ, Đại Giác, Hưng Hóa, Ngũ Tổ, Viên Ngộ, Đại Huệ là do Mã Tổ truyền TỀ KIÊN thẳng xuống một mạch. Mỗi một truyện Còn gọi: Kết kiên. Tương đương. Tiết Bảo thiền sư đều có phụ thêm lời bình ngắn và Phúc Tùng Triển Thiền sư trong NĐHN q. tụng ngữ, dùng để cử dương tông phong 19 ghi: » Lâm Tế.
Phần sau sách phụ lục »Ngũ Tông – Này chư vị! Có biết Nguyên«. chưa?
Nếu biết được thì ngang bằng với chư cổ Phật rồi đấy.« TỀ AN (?-842) TỀ TỦNG 1. Thiền tăng đời Đường, người Hải Môn Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư Trung Quốc. Thuở nhỏ sư lập chí xuất gia, Nghĩa Huyền thuộc tông Lâm Tế. theo học với Thiền sư Vân Tông nơi quận Một hôm có vị tăng hỏi: Phật là gì? Sư nhà rồi xuất gia, sau thụ giới cụ túc với đáp: Lão tăng trọn chẳng biết. Tăng nói: Luật sư Trí Nghiêm ở Nam Nhạc, tập học Hòa thượng là bậc đại thiện tri thức vì sao luật nghi. Về sau tham kiến Mã Tổ Đạo chẳng biết? Sư đáp: Lão tăng chẳng từng Nhất ở núi Cung Công rất được trọng tiếp căn cơ bậc hạ. Tăng lại hỏi: Đạo là gì? vọng, thầm truyền chính pháp được ngộ Sư đáp: Qua lại không chướng ngại. Sư nói đạo nối pháp. Cuối niên hiệu Nguyên Hòa thêm: Chợt gặp biển lớn làm sao qua? (806-820) tuổi đã 70 sư trùng tu chùa Pháp Tăng do dự, sư liền đánh. Lạc ở Tiên Sơn (Chiết Giang) hoang phế

THẢ (K.NG.) THA THA THỜI HẬU NHẬT Người khác. Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia Mai kia mốt nọ, ngày sau. Tiết Nham Đầu Chân Giác Đại sư trong CĐTĐL q. 30 ghi: Hòa thượng trong TĐT q. 7 ghi: » » –
Trái lại bị Như lai quở trách mãi – về việc đếm của báu cho người khác nào Ta tưởng đâu ngươi ngày sau lên đỉnh núi có ích gì.« vắng cất am cỏ ở xiển dương thiền giáo, dè đâu còn nói lời này!« THA ĐÀ THẢ (k.ng.) Lầm lỗi, sai sót. Chương Thập huyền đàm 1. Mà, mà lại, còn. Biểu thị ngữ khí chuyển trong CĐTĐL q. 29 ghi: chiết. Long Nha Tài Thiền sư trong Nam Tống Nguyên Minh Thiền Lâm Tăng Bảo truyện q. 1 ghi: » »Khô mộc nham tiền sai lộ đa – Lời nói tuy có khác, chí lý lại Hành nhân đáo thử tận tha đà« giống nhau«. 2. Hãy … đi! Biểu thị ngữ khí mệnh lệnh. »Trước núi cây khô nhiều lối tẻ Động Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 ghi: Hành nhân đến đó lắm người sai«. »
THA HẬU Về sau, mai sau. Vô Môn Quan ghi: » – Có vị tăng cầm bình bát đi khất thực, bị người thế tục hỏi:

– Thượng tọa cần cái gì? Tăng nói: Gì cũng Nham Đầu đến trước tăng đường vỗ tay được. Người thế tục liền đem cỏ bỏ đầy cười to rằng: May thay ông già này (chỉ bát, nói: Nếu Thượng tọa nói được thì tôi Hòa thượng Đức Sơn) hội được câu rốt cúng dường, nếu không nói được thì hãy đi sau. Về sau người thiên hạ không làm gì đi! Vị tăng không nói được«. nổi ông ta.« 3. Nên… đi! Biểu thị ngữ khí khuyên răn. Lâm Tế ngữ lục ghi: » THA THIẾT Trau dồi gọt giũa, bàn luận nghiên cứu. Ngâm trong CĐTĐL q. 30 ghi: » – Ông nên tùy chỗ mà làm chủ đi! Mọi chỗ đều chân, cảnh không lôi cuốn – được. Giả sử có tập khí, năm nghiệp vô Mau ra sức, gắng chịu đựng, vô thường gián từ xưa đều biến thành biển lớn giải đến rồi cứu không kịp. Lời nói trong ngày thoát«. thầm nghiên cứu, dùi thép bén nhọn sạch 4. Cần phải. Biểu thị ngữ khí dặn dò. Lâm chọn lựa.« Tế ngữ lục ghi: »

THẢ CHUYẾT – Đại đức! Cần phải bình giao thiệp: Không dính dáng. Tắc 5, Bích thường chớ có kiểu cách«. Nham lục (Vạn Tục 148, 134 thượng) ghi: 5. Thử hỏi. Biểu thị ngữ khí nghi vấn. Vô » Môn Quan ghi: » – Câu – Thử hỏi thế nào là Tổ sư quan?«. »Trong vắt Tào Khê gương chẳng nhơ, 6. Chớ nên. Biểu thị ngữ khí khuyên răn, nhiều người nói tâm lặng tức là gương. cấm chỉ. Chương Thiệu Tu Thiền sư trong Thật tức cười không dính dáng!« CĐTĐL q. 24 ghi: » Còn gọi: Thả đắc một giao thiệp. May thay không dính dáng, ý nói trên căn bản không – Hỏi: Thấy phù hợp với thiền pháp. Là lời phê bình mà sắc liền thấy tâm, cột cái là sắc, cái gì là nhà thiền quen dùng. tâm? Sư nói: May mà ngươi chưa biết, chớ nên lừa người mắt sáng«. THẢ… THỦ 7. Cứu cánh, rốt cuộc. TĐT q. 7 ghi: » Hãy… đi! Biểu thị ngữ khí mệnh lệnh. Vân Môn quảng lục, q. trung ghi: » – Sư liền giơ cây gậy lên, bảo: Hãy lãnh hội chỗ này đi! – Hòa thượng Tuyết THẢ TRÍ Phong nói: Ngộ nhập là việc bản phận của Còn gọi: Thả chỉ, Thả tùng. Hãy gác lại. người nào cũng cần lưu ý đó! Bồ-đề-đạt- Đặt ở cuối phân câu trước trong câu phức, ma đến nói: Ta đem truyền tâm, chẳng lập biểu thị trừ bỏ nội dung của một khoản nào văn tự. Rốt cuộc cái gì là tâm của các đó không trở thành chủ đề của câu chính, ông?« phân câu sau (câu chủ) giống như câu nghi Trong các quyển ngữ lục, Tông môn vấn. Tiết Đại Từ Hoàn Trung Thiền sư Truyền đăng lục của Thiền tông thường có trong NĐHN q. 4 ghi: » thuật ngữ »Thả« mà cách dùng và ý nghĩa của nó đều không nhất định: — Thả trụ: Tạm thời đình chỉ. – (Hòa thượng Nam — Thả hỷ: May thay. Tuyền) hỏi: Thế nào là chủ trong am? Sư — Thả như: Lệ như, chẳng hạn như đáp: Trời ơi! Trời ơi! Tuyền bảo; Trời ơi — Thả thuyết: Nói về hãy gác lại, thế nào là chủ trong am?« — Thả trí: Tạm thời đặt để, tạm gác lại. Tiết Pháp Xương Ỷ Ngộ Thiền sư trong THẢ CHUYẾT NĐHN q. 16 ghi: » – Việc trong Thiền tông hãy Hiệu của thiền tăng Tịnh Nột đời Thanh. gác lại, việc này là gì?« X. Tịnh Nột. Tiết Pháp Hoa Toàn Cử Thiền sư rong THẢ HỶ MỘT GIAO THIỆP NĐHN q. 12 ghi: » – Cái kia hãy gác lại, cái này là gì?« Thả hỷ hoặc Hạnh hỷ: Thật tức cười. Một

THẠCH HỎA THÁC CHI Tên một điệu múa. Điệu múa này được trang trí bằng hai hoa sen lớn bằng giấy, – Đại Điên đánh Thủ tọa, hai cô gái đứng trong hoa sen; tời giờ múa gom tuyết để chôn vàng; Hưng Hóa phạt hai hoa sen nở ra và 2 cô đứng múa trong Duy-na, la lớn để lấp tiếng vang. Duy có ấy. Phần Tụng cổ trong Tuệ Trung Thượng Thạch cảm đang quanh năm suốt tháng ló Sĩ ngữ lục ghi: đầu ra trước trăm ngàn chúng, xưa nay chẳng ai biết tán thưởng«. THẠCH CỦNG HÒA THƯỢNG »Trí giả vô thật hư Mê nhân sinh đắc thất Mộc nhân vũ Thác chi Thiền tăng Huệ Tạng, sống vào đời Thạch nữ xuy Tất lật«. Đường, ở núi Thạch Củng, người đời gọi »Người trí không thật hư là »Thạch Củng Hòa thượng«. X. Huệ Kẻ mê sinh được mất Tạng. Người gỗ múa Thác chi THẠCH ĐẦU HY THIÊN Gái đá thổi Tất lật«. Thiền tăng Hy Thiên sống vào đời Đường, cất am trên gộp đá phía đông chùa Nam THÁC TỬ trên rặng Hành Sơn, nên người đời gọi là Cái khay, cái mâm. Tiết Tùng Sơn Hòa »Thạch Đầu Hòa thượng«, »Thạch Đầu Hy thượng trong NĐHN q. 3 ghi: » Thiên«. X. Hy Thiên.

THẠCH HỎA

Chỉ ánh lửa do cọ đá phát ra. Dụ cho sự – Hòa sinh diệt mau chóng. Vạn Thiện Đồng Quy thượng Tùng Sơn cùng Bàng Cư sĩ ngồi tập, q. hạ (Đại 48, 986 trung) ghi: » uống trà, Cư sĩ giơ cái khay lên hỏi: Người người đều có phần, vì sao nói chẳng – được?... (Bàng cư sĩ) sai người đem câu Cơn vô thường mau chóng, mỗi niệm đổi hỏi này hỏi Hà (chỉ Hòa thượng Đan Hà). dời, giống như lửa đá nháng, đèn trước Hà đáp: Sao chẳng lãnh hội khi chưa giơ gió, như nước chảy qua cầu, như ánh mặt cái khay lên?« trời lặn, hạt sương, ánh chớp. Tất cả những dụ đó hãy còn chưa đủ«. THẠCH CẢM ĐANG NĐHN q. 7 (Vạn Tục 138, 127 hạ) ghi: Phiến đá được dựng ở cửa ngỏ, trên có » – khắc 3 chữ »Thạch cảm đang«, dùng để ếm Việc này như lửa đá nháng, ánh điện trừ điều xui xẻo, theo tục lệ ngày xưa. chớp«. Thiền tông mượn từ này để chỉ cho tự tính. Tắc 26, Bích Nham lục (Đại 48, 167 Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải ghi: » thượng) ghi:

THẠCH LIÊM (1620-1698) truyền vào Việt Nam, về phái xuất gia không thấy nói đến người thừa kế, về phái tại gia thì thấy ghi chúa Nguyễn Phúc Chu tự nhận là đồ đệ nối dòng Tào Động thứ 30 »Tổ vực giao trì thiên mã câu, (lời khắc trên chuông tại chùa Thiên Mụ). Hóa môn thơ quyển bất đồng đồ Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Điện quang thạch hỏa tồn cơ biến Từ. Kham tiếu nhân lai loát hổ tu«. »Ngựa hay biểu diễn chốn thiền môn THẠCH MÔN VĂN TỰ THIỀN Tùy duyên tiếp hóa có muôn đường Nhanh như chớp nháng còn cơ biến, Gọi tắt: Văn Tự Thiền. Còn gọi: Quân Khê Nực cười cho kẻ vuốt râu hùm«. tập. Sách, 30 quyển, do Huệ Hồng soạn vào đời Tống, Giác Từ biên, được xếp vào THẠCH LIÊM (1620-1698) »Tứ Bộ Tùng San« quyển 108. Sách này Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông do thu thập các loại: Thơ, Văn, Từ, Sớ, Ký, Tào Động, đời thứ 29, nối pháp Thiền sư Minh của Huệ Hồng Giác Phạm khi ở chùa Giác Lãng. Sư họ Từ hiệu Đại Xán, Hán Thạch Môn Quân Khê Giang Tây mà Ông, quê ở tỉnh Giang Tây Trung Quốc, là thành. Đạt Quan viết tựa như sau: »Thiền người truyền tông Tào Động vào miền như

xuân, văn tự như hoa, xuân ở nơi hoa, Trung Việt Nam. Sư có tài, học vấn uyên toàn hoa là xuân; hoa ở nơi xuân, toàn bác, các thứ thiên văn địa dư, toán số, cho xuân là hoa. Thế mà bảo Thiền và văn tự là đến viết, vẽ đều rất tinh xảo, lại sở trường hai sao? Nên Đức Sơn, Lâm Tế đánh hét về thơ phú. Cuối đời Minh, nhà Mãn xen nhau chưa từng phi văn tự; Thanh Thanh làm chủ Trung Quốc, sư không chịu Lương, Thiên Thai sớ kinh tạo luận chưa ra làm quan, từ biệt mẹ già, cắt tóc đi tu, từng chẳng phải Thiền«. Sách này là đem rồi vân du khắp nơi. Hòa thượng Nguyên cái học của chẳng học, văn tự của chẳng Thiều được lệnh chúa Nguyễn về Quảng lập văn tự mà phát huy thiền chỉ. Nội dung Đông thỉnh các bậc cao tăng, nghe tiếng sư tràn trề thiền vị, rất đáng xem qua. nên đến am Trường Thọ mời thỉnh. Sư khởi hành sang Việt Nam ngày 15 tháng THẠCH PHẬT TỰ giêng năm Ất Hợi, đến ngày 28 tháng Còn gọi: Linh Thứu Thiền Viện. Ở Dương giêng sư đến Thuận Hóa và ngày mùng Sơn, thị trấn Hạ Phương Kiều, cách thành một tháng hai ra mắt chúa Nguyễn. Chúa phố Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, Trung Nguyễn mời sư ở chùa Thiên Mụ để dạy đệ Quốc 20km về phía tây bắc. Khoảng niên tử và thường vời vào cung thưa hỏi đạo lý. hiệu Khai Hoàng (581-600) đời Tùy, thợ Ngoài ra những thân hào nhân sĩ trong đá tại núi này lựa chọn đá để xây cất thành nước, hoặc trực tiếp hỏi đạo lý, hoặc gián Thiệu Hưng, đã để lại khối đá đặc biệt trên tiếp đưa thơ hỏi đạo và văn chương khá vách dốc đứng. Trên khối đá cao vài chục nhiều. Sư ở lại Việt Nam hai năm rồi trở trượng, chu vi hơn mười trượng tạc thành lại Trung Quốc. Tông Tào Động do sư một tượng Phật Di Lặc cao hơn 4 trượng.

THẠCH SƯƠNG TỰ Tương truyền khi khắc xong, trên không Hơn nữa, trong »Cổ Tôn Túc ngữ lục« trung chim đại bàng bay đến, tăng nhân quyển 11 có trích lục »Sở Viên Ngữ Yếu« cho là điềm lành bèn tựa vào núi mà xây với tựa đề là »Từ Minh Thiền sư ngữ lục«. cất »Linh Thứu Thiền Viện« dùng điện vũ che chở Phật đá. Hiện vẫn còn vài gian THẠCH SƯƠNG SƠN phòng ốc. Trên vách núi nhiều danh nhân Còn gọi: Sương Hoa Sơn. Núi thuộc huyện đề vịnh thơ, danh tướng đời Nam Tống Lưu Dương, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, Hàn Thế Trung viết hai chữ »Phi Dược« nằm cách trung tâm huyện 46km về phía (bay vọt) rất là cứng cáp. Trong chùa tây nam. Phía bắc của núi là động Dương đường nhỏ quanh co uốn lượn, cảnh tiên u Sơn. Trên núi có chùa Sùng Thắng, đời nhã. Ngoài chùa hồ nước bao quanh, tiểu Đường có thiền sư Khánh Chư Phổ Hội ở sơn la liệt. Xung quanh chùa ánh sáng mặt trên núi đến 20 năm. Đời Tống có thiền sư hồ và sắc núi soi chiếu nhau rực rỡ. Nhìn Sở Viên cũng ở núi này hoằng dương tông từ ngoài xa trông giống như một bồn cảnh Lâm Tế; về sau được an táng tại đây. Các thiên nhiên của cảnh quan lạ thường cho vị như: Huệ Viên, Huệ Nam, Phương Hội nên có lời ca ngợi »Thạch sát cánh kiêm cũng xiển dương tông phong nơi đây. Đầu thạch sơn ủng, Phật điện xảo trúc tự thần niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1162) chùa bị công«(Chùa đá lại được núi đá giúp, điện nạn binh lửa, về sau được trùng tu, đổi tên Phật xây khéo tợ thợ thần). là Thạch Sương Tự.

THẠCH SƯƠNG SỞ VIÊN THIỀN THẠCH SƯƠNG TỰ SƯ NGỮ LỤC
Nằm dưới núi Sương Hoa, làng Kim Cang, Còn gọi: Từ Minh Thiền sư Ngũ Hội Trụ huyện Lưu Dương, tỉnh Hồ Nam, Trung Trì ngữ lục, Từ Minh Hòa thượng ngữ lục. Quốc. Khoảng niên hiệu Đại Trung (847- Ngữ lục, 1 quyển, do Thạch Sương Sở 860) đời

Đường Thiền sư Đại Thiện sáng Viên soạn vào đời Tống, Hoàng Long Huệ lập Sùng Thắng Viện ở nơi đây, khoảng Nam trùng biên, được xếp vào Tục Tạng niên hiệu Hàm Thông (860-874) Khánh kinh tập 120, trang 161. Nội dung biên tập Chư kế nhiệm trụ trì. Đời Tống, Huệ Viên, những lời thị chúng, Thượng đường và Cơ Huệ Nam, Phương Hội ở nơi này đại duyên, Khám biện, Kệ tụng v.v.. của thiền dương tông phong. Đầu niên hiệu Thiệu sư Sở Viên lúc ở những nơi như: Hưng (1131-1162) chùa bị chiến tranh phá — Chùa Quảng Lợi tại Viên Châu hủy, sau đó trùng tu, đổi tên Thiền tự. Bên — Chùa Sùng Thắng núi Thạch Sương chùa sông núi tạo nên cảm giác hứng thú, Đàm Châu. kiến trúc dù qua bao cuộc bể dâu, nhưng — Núi Đạo Ngô tại Đàm Châu. vẫn cao lớn nguy nga, Đại Phật điện cao 90 — Chùa Phúc Nghiêm núi Nam Nhạc. thước Tàu, tượng Phật cao 70 thước Tàu. Trong phần kệ tụng, ngoài phần tam quyết Trong chùa nguyên có Quan Thánh điện, tam cú, tam huyền tam yếu của tông Lâm Tổ đường, Trai đường, Thiền đường, Giới Tế ra, cũng có các bài tụng ngũ vị của tông đường, Phương trượng, Chu trì, Ngọc trì Tào Động. lâu, Hoa các lâu, Tàng kinh điện, Văn-thù

THẠCH THẤT HÀNH GIẢ đường, Di hốt đường. Hiện chỉ còn Đại THẠCH VŨ THIỀN SƯ PHÁP ĐÀN Phật điện đường, Trai đường, Giới đường, Phương trượng và không ít bia đá còn gìn Còn gọi: Thạch Vũ Pháp Đàn. Sách, 20 giữ hoàn hảo. quyển, do Thạch Vũ Minh Phương soạn vào đời Minh, Viễn Môn Tịnh Trụ biên, THẠCH THẤT HÀNH GIẢ được ấn hành vào niên hiệu Thuận Trị thứ 6 (1649) đời Thanh. Nội dung bao gồm Thiền tăng Thiện Đạo, sống vào đời ngữ lục của Minh Phương từ lúc ban đầu ở Đường, sau khi tham yết Thạch Đầu Hy chùa Phật Nhật phủ Hàng Châu trải qua 13 Thiên và đắc pháp, gặp nạn Võ Tông hủy ngôi đạo tràng ở 6 phủ, tính chung có 15 diệt Phật pháp, sư làm Hành giả (cư sĩ) ở hội, và các phần: Phổ thuyết, Thị chúng, trong chỗ xay lúa giã gạo. Tuy sư giã gạo Cơ duyên, Tụng cổ, Tán, Pháp ngữ, Thi kệ, nơi liêu công quả song không quên cử Tự, Ký, Minh, Bạt, Sớ, Thư vấn, Phật sự, dương Phật Pháp, nên trong thiền lâm gọi Tế văn, Tạp trước, Hành trạng v.v... sư là »Thạch Thất Hành Giả« hoặc »Thạch Thất Đạo«. X. Thiện Đạo. THÁI A KIẾM Một loại gươm quý, dụ cho cơ phong nhà THẠCH THƯỢNG TÀI HOA Thiền. Lai lịch của thanh gươm này như sau: Lôi Hoán làm chức Huyện Lệnh ở Trồng hoa trên đá. Tỷ dụ thiền cơ kiên cố Phong thành, huyện Dự Chương, thường miên mật, không chút lơi lỏng, hoặc dụ thấy luồng khí màu tía ở khoảng giữa sao cho ngộ tâm thanh tịnh không thể nhiễm ô. Ngưu và sao Đẩu. Ông cho đó là khí của Tiết Dược Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 4 thanh kiếm quý bốc lên. Sau đó, ông đào ghi: » nền nhà ngục quả nhiên gặp một chiếc hòm đá đựng 2 thanh kiếm: một có khắc tên Long Tuyền, một có khắc tên Thái A. Phần – Sư nhân lời bình của tắc 1 trong Bích Nham lục Thạch Đầu dạy rằng: Nói năng hành động (Vạn Tục 117, 129 thượng) ghi: » cũng không can hệ. Sư nói: Không nói năng hành động cũng không can hệ. Thạch Đầu nói: Chỗ này kim đâm không thủng. – Cứ theo lời tụng công án này của Sư nói: Chỗ này như trồng hoa trên đá«. Tuyết Đậu giống như người giỏi múa kiếm Thái A, huơ trong hư không thênh thang THẠCH VŨ MINH PHƯƠNG mà không chạm đến lưỡi bén«. THIỀN SƯ Thiền tăng Minh Phương, sống vào cuối

THÁI BÌNH HƯNG QUỐC TỰ đời Minh-đầu đời Thanh, người đời gọi là »Thạch Vũ Minh Phương Thiền sư«. X. Nằm ở phía nam huyện Nghi Xuân, tỉnh Minh Phương. Giang Tây, Trung Quốc. Nguyên tên là »Thê Ẩn Tự«. Chùa ở dưới ngọn Tập Vân,

THÁI KHÂM (910-974) Đại Ngưỡng Sơn, do Thiền sư nổi tiếng Giang Nam là nơi có nhiều người ngộ Huệ Tịch đời mạt Đường sáng lập, lúc đó thiền lý. Thụy hiệu: Đại Bảo Thiền sư. gọi là »Ngưỡng Sơn Thiền Viện«. Đời Ngũ Đại môn đình càng thịnh, bèn chia ra làm 5 THÁI ĐẦU viện. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ Vị tăng phụ trách việc cung cấp rau cải 2 (977) đời Tống xuống chiếu đổi thành trong thiền viện. »Thiền môn quy thức« Thái Bình Hưng Quốc Tự, đương nhiên kẻ trong CĐTĐL q. 6 ghi: » sĩ vẫn gọi là »Ngưỡng Sơn Tự«. – Vị trông coi việc cơm nước được THÁI CÔ NGUY SINH xem là Phạn đầu. Vị trông coi về rau cải Cao chót vót. Thái: rất, cô nguy: ngọn núi được xem là Thái đầu. Chức vụ của họ hơi hiểm trở, sinh: tiếp vĩ ngữ. Thiền tông giống nhau.« dùng từ này để chỉ cho cơ phong lanh lợi THÁI SÁT luôn luôn hướng thượng, không phải chỗ nói năng suy nghĩ đến được. Phần Thùy thị Rất ghê gớm. Tiết Vân Môn Văn Yển của tắc 3 trong Bích Nham lục (Đại 48, 142 Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: » hạ) ghi: » – Một hôm, sư đưa tay vào – trong miệng sư tử bằng cây và kêu to: Cứu Nó bao trùm trời đất song dò tìm không ta với, nó cắn chết ta rồi! Ngài Quy Tông được. Làm thế ấy cũng đúng, chẳng làm Nhu đáp thay rằng: Bản lĩnh của Hòa thế ấy cũng đúng, thế thì qua rườm rà! thượng rất ghê gớm!« Làm thế ấy cũng không đúng, chẳng làm THÁI KHÂM (910-974) thế ấy cũng không đúng, thế thì quá đơn Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Quý người xứ độc! Không theo hai con đường này thì Ngụy Phủ (nay là huyện Đại Danh, tỉnh Hà làm sao mới phải?«. Bắc) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Thanh Lương Văn Ích, thuộc tông Pháp THÁI DỤC (747-826) Nhãn. Sư ở viện Song Lâm, Hồng Châu Thiền tăng đời Đường, họ Phạm, người xứ (nay là huyện Nam Xương, tỉnh Giang Kim Lăng (nay là Nam Kinh) Trung Quốc. Tây) rồi dời đến viện Hộ Quốc ở Thượng Xuất gia từ thuở bé, sư thờ Thiền sư Huệ Lam. Sư nhận lời mời của Nam Đường Trung ở núi Ngưu Đầu làm thầy, dũng Hậu Chủ, trụ trì Đại đạo tràng Thanh mãnh tinh tấn, cầu huyền chỉ của Ngài. Sư Lương ở Kim Lăng, nối tiếp pháp hệ tông đến chùa An Quốc ở Ung Kinh, thụ giới cụ Pháp Nhãn. Sư biện tài vô ngại, thiền tăng túc. Tham yết Mã Tổ Đạo Nhất và đắc trong nước hướng về đều cho rằng sư là pháp. Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 13 (818), bậc Thầy thông sáng. Hiệu: Pháp Đăng sư dừng chân ở núi Phù Dung, Nghĩa Hưng Thiền sư. (nay là huyện Nghi Hưng tỉnh Giang Tô), người học bốn phương hướng về. Từ đấy ở

THÁI LIÊU THÁI LIÊU cứu thấu suốt, đã thấy rõ ràng thì tự nhiên Từ chỉ chung các vị quan chức, quan lại. giống như uống vị đề hồ ngon nhất«. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » Trong nhà thiền chia ra nhiều loại: — Tảo tham = Triêu tham: Hỏi đạo vào lúc sáng sớm. – Một là muốn cho Đức Kim — Tọa tham: Hỏi đạo trước giờ tọa thiền thượng Hoàng đế, Thái hoàng, Thái hậu buổi chiều. sống lâu muôn tuổi, hai là muốn cho khanh — Tiểu tham: Nhóm chúng để hỏi đáp qua tướng bá quan văn võ toàn triều và các lại mà không có định kỳ.

quan lại châu huyện thường được tại — Ngũ tham: Cách 5 ngày thượng đường chức«. 1 lần. — Quảng tham: Đại chúng đồng tham vấn. THÁI THÔ SINH Thô lỗ quá! Thái là rất, thô là bạo, sinh là THAM BẢNG tiếp vĩ ngữ. Trong Thiền tông thường Còn gọi: Tham trạng, Môn trạng. Tấm mượn từ này để quở trách người tu hành danh thiếp sẽ được đưa ra khi đến yết kiến chưa viên mãn mà có cử chỉ không thận một vị thiền sư. Kích thước của tham bảng trọng. Lâm Tế ngữ lục (Đại 47, 503) trung) là: 1,8 x 2,1dm, tên họ đề phía trên, khoảng ghi: » giữa chừa trống, lấy chỉ cột nơi chính giữa của mép trên, cuốn vào từ bên trái.

– Một THAM BÃO hôm, sư với Phổ Hóa đang thọ trai nhà thí Còn gọi: Bão tham. Ngộ được toàn phần. chủ, sư hỏi: Sợi lông nuốt biển lớn, hạt cảiTham bão nhân: Người tham học Phật chứa Tu-di, đây là thần thông diệu dụng pháp đạt đến chỗ triệt ngộ như người đói hay bản thể như nhiên? Phổ Hóa đạp đổ được ăn no. Thung Dung lục q. 1 (Đại 48, bàn cơm. Sư nói: Thô lỗ quá!« 235 thượng) ghi: »

– Chẳng phải THAM người tham thiền triệt ngộ không biết gì. 1. Người học ra mắt vị Thầy để hỏi đạo. Khi đã ngộ được toàn phần thì họ biết rõ Tông Môn Võ Khố ghi: » không có chỗ nào đáng mong cầu«.

– Tạng chủ Tự THAM CỨU Khánh là người nước Thục, các chùa đều Suy xét, tìm tòi tra cứu thiền pháp. Tiết biết tiếng, sư đã đến ra mắt hỏi đạo các vị Thế Kỳ Thủ Tọa trong NĐHN q. 20 ghi: thiền sư lớn như: Chân Như, Hối Đường, » Phổ Giác«. 2. Tìm tòi, tra cứu, nghi tình. Bích Nham lục q. 1 ghi: »

– Nếu đã tra – Thủ

THAM HẬU tọa Thế Kỳ là người xứ Thành Đô, đi tham THAM ĐỒNG KHẾ học khắp các thiền hội, cuối cùng đến Tụng, 1 thiên gồm hơn 200 chữ, do Thạch Long Môn… Chưa bao lâu sư tỉnh ngộ, Đầu Hy Thiên trứ tác. Trong thiên thi ca liền khẩu chiếm một bài kệ: này, Thạch Đầu ca ngợi trạng thái ngộ Trong mơ: nghe tiếng bảng vượt lên tất cả các tính nhị nguyên. Tham Tỉnh ra: ểnh ương kêu Đồng Khế thường được đọc tụng trong các Ểnh ương cùng tiếng bảng thiền viện của tông Tào Động. Non núi vốn như nhau. Từ đó, sư càng thêm tham cứu, thấu đến THAM ĐƯỜNG chỗ huyền áo«. Vào tăng đường ra mắt Thủ tọa, đại chúng để nhập chúng. Vị tăng hành cước chính THAM ĐẦU thức được thiền viện tiếp nạp gọi là Ứng Người đứng đầu các vị tăng hành cước tham đường. Tông Môn Võ Khố ghi: » tham thiền. Phần lớn chức vụ này do các vị tăng hơi lớn tuổi đảm nhiệm. Tông Môn Võ – Khố ghi: » Viên Ngộ nhanh chóng trở về núi Ngũ Tổ, – Một Hòa thượng Diễn thấy thế rất vui lòng, vài người như: Từ Minh, Lang Da, Đại nói: Ngươi trở lại đấy ư? Ngay hôm ấy, Tổ Ngu từ chối lời mời của Phần Dương, cho sư vào Tăng đường yết kiến Thủ tọa và nhường nhau chức vụ Tham đầu«. đại chúng, rồi sư vào ở trong liêu của thị — Phó tham: Người phụ tá Tham đầu để giả«. hướng dẫn các vị tăng mới đến. — Vọng tham: Người dự bị để làm Phó THAM HẠ tham. Còn gọi: Tham giả. Thiền tăng xin phép ra khỏi thiền viện trong khoảng thời gian 15 THAM ĐỒ ngày. Oánh Sơn Thanh Qui, q. hạ (Đại 82, Các thiền tăng. Trung Phong Hòa thượng 447 hạ) ghi: » Hành lục trong

Trung Phong quảng lục – Người nào không xin ghi: »
phép mà cứ đi bừa thì chẳng được giải quyết tham hạ nữa«.
– Bài chân THAM HẬU tán trong bức thư của
Cao Phong gởi cho Còn gọi: Tham thối. Đối lại: Tham tiền. sư có nói: ›Không thể tưởng
tượng về Thời gian sau lúc tham vấn, niệm tụng tướng của ta, Phật và Tổ cũng không
nhìn buổi chiều. Điều Tọa Thiền trong Sắc Tu thấy được. Chỉ cho phép một đứa chẳng
ra Bách Trượng Thanh Quy q. 5 (Đại 48, gì, thấy được một nửa bên mũi.‹ Rồi bảo 1142
hạ) ghi: » – Sau các thiền tăng đến ra mắt sư để thỉnh ích. thời tham vấn
buổi chiều, vẫn tọa thiền Đại chúng nhờ thế được kiến tính«. như bình thường«. Chân
Tịch ngữ lục trong Cổ Tôn Túc ngữ

THAM HỌC lục q. 43 (Vạn Tục 118, 365 thượng) ghi: Thích-ca Di-lặc thị tha nô«. »
»Nơi nhà Niết-bàn dụng công phu – Hôm nay
Trên nước gió đẩy trái bầu trôi Trang chủ thiết đãi cơm, bố thí tiền. Sau Điểm khai thế
ấy mở mắt huệ thời tham vấn buổi chiều trong tăng Thích-ca Di-lặc: kẻ tôi đòi«. đường,
xin mời mọi người uống trà«. THAM HUYỀN THAM HỌC Còn gọi: Tham thiền.
Tìm tòi tra cứu 1. Gọi đủ: Tham thiền học đạo. Sau khi huyền nghĩa. Phần Khai thị
Duy-na Như thiền giả đi thưa hỏi về phong cách, quy củ trong Duy Tắc ngữ lục q. 3 ghi:
» của các Tông phái trong thiền viện, vị này liền nương
theo một vị Minh sư để học tập. Trong bài thơ Hoàn Trấn
Thành tiễn – Gần đây, các kẻ sĩ tham Thượng nhân Giản Tuyền đi du phương
có thiền dù có được con mắt trí huệ đối với câu: » việc thuận
nghịch nhưng vẫn bị tiếng tăm – Đến được chỗ vô sinh thì việc rỗng, học giải
suông làm lầm«. tham học mới xong, gặp người ngăn trở chớ nói chuyện luân hồi«.
THAM KHẤU 2. Chân thật tham cứu chính pháp do chính Còn gọi: Tham vấn. Ra
mắt Thiền sư và Phật, Tổ truyền lại. Trong bài thơ của tăng thưa hỏi thiền pháp. Tông
Môn Võ Khố Phạm Kỳ tiễn Mật Tạng chủ ở Thiên Ninh ghi: » có
câu: – Hòa thượng Diệp Huyện
Tỉnh nghiêm nghị, lãnh đạm, nên »Tào Khê chỉ thị cá tiều phu thiền tăng rất kính sợ sư.
Phù Sơn Viễn và Phật pháp hà tằng giải tham học«. Thiên Y Hoài lúc còn ở chúng
thường đến »Tào Khê (Huệ Năng) chỉ là gã tiều phu tham vấn sư«. Đâu từng biết tham
học Phật pháp«. THAM THỈNH THAM HỌC NHÃN Còn gọi: Thỉnh ích, Tham
thiền biện đạo. Con mắt trí huệ thấu rõ mọi vật, chỉ người Người học đạo thiền đi đến
chỗ của vị tham thiền mới có. Như Tịnh ngữ lục q. Thiền sư kiến tính để thưa hỏi và
thọ giáo thượng ghi: về đại ý Phật pháp. Phần Khám Biện trong Lâm Tế lục
(Đại 47, 504 trung) ghi: » – Kính Sơn có 500
chúng, ít có người tham thỉnh«. »Niết-bàn đường lý tử công phu THAM THIỀN
Phong cổn hồ lô thủy thượng phù 1. Chỉ cho việc tọa thiền tu hành dưới sự Nhẫm
ma điểm khai tham học nhãn hướng dẫn của Thiền sư. Tắc 1, Vô Môn

THÁM CAN, ẢNH THẢO Quan (Đại 48, 292 hạ) ghi: » phải đầy đủ oai nghi,
buổi giỗ phải tụng – kinh, khoảng thời gian trước giờ tham Tham
thiền phải thấu qua cửa ải Tổ sư. thiền tụng niệm buổi chiều phải đánh Diệu ngộ cần
bặt dứt đường tâm ý«. chuông ở Tăng đường«. 2. Tham cứu chân lý nương vào sức

Thiền định. Tam-muội Vương tam-muội trong THAM TỪ TẠ HẠ Chính Pháp Nhãn Tạng (Đại 82, 243 hạ) Lời cảm ơn hoặc chúc mừng của vị Giám ghi: » viện đối với tăng quan vừa mãn nhiệm hoặc các tăng quan mới nhậm chức. Thiền – Tham thiền cốt để Uyển Thanh Quy q. 3 (Vạn Tục 111, 445 thân tâm rỗng rang, chuyên tâm nhất ý hạ): » ngồi thiền chẳng quản đến việc gì khác – Một mới được. Cũng không cần thắp nhang, lễ chức Giám viện nhận lãnh chung mọi việc bái, niệm Phật, sám hối, xem kinh«. trong viện như: Ứng phó việc quan và đáp lời cảm ơn hoặc chúc mừng«. THAM THIỀN ĐÁO GIA Tham thiền đến nhà, chỉ cho đã lãnh ngộ THAM VẤN thiền pháp, đã nhận rõ tự tâm tự tính. Tiết Ra mắt Thiền sư và thưa hỏi thiền pháp. Nghệ Ngôn trong NHQL q. 29 ghi: » Tông Môn Võ Khố ghi: » – Học trò của Thiền sư Viên Chiếu Bản là Hoa Nghiêm Ngung do bị té mà có tỉnh. Phú Trịnh Công thường tham – Tham thiền cần ngộ tự vấn Ngung«. tâm, niệm Phật cũng cần ngộ tự tâm, vào cửa tuy khác mà đến nhà thì đồng. Nhưng THÁM CAN, ẢNH THẢO người tham thiền đến nhà không cầu sinh về cõi Tịnh Độ, tựa như có khác một ít. Mồi câu, dề cỏ. Còn gọi: Thám thảo. Cây Song tâm quang phát sáng đã cùng với cõi trúc dò dẫm, bóng cỏ. Bậc Thầy kiến tính nước chư Phật giao tiếp thì cần gì phải dò xét người học bằng cách sử dụng tiếng sinh về Tịnh Độ?« hét loại này để thử nghiệm trình độ của người học. Đây là 1 trong 4 loại hét. Thám THAM TIỀN can ảnh thảo, nghĩa đen có 2: Chỉ khoảng thời gian trước giờ tham thiền 1. Thám can: Cây sào một đầu có cột chùm tụng niệm buổi chiều, hoặc khoảng thời lông chim rồi nhúng vào nước để dụ bầy cá gian trước lúc phỏng tham. Điều Đạt-ma tụ lại rồi dùng vợt bắt chúng. Kị trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy Ảnh thảo: Lấy cỏ ngãi bỏ vào ao nước, đợi q. 2 (Đại 48, 117 hạ) ghi: » bầy cá chui vào đó rồi dùng lưới bắt chúng. 2. Thám can: Chỉ cho cây trúc mà kẻ trộm – Ngày mai có thiết trai, mỗi người dùng để huơ qua huơ lại ở cửa sổ hoặc trên

THÁM ĐẦU đầu tường... để dò xét động tĩnh trong nhà. Phạn văn, Pali văn tại Đại học Harvard. Ảnh thảo: Chiếc áo tơi của kẻ trộm mặc để Năm 1922 sau khi về nước, ông lần lượt ẩn mình. Lâm Tế lục (Đại 47, 504 thượng) nhận chức Giáo sư Đại học Đông Nam ở ghi: » Nam Kinh, Đại học Nam Khai, Đại học Bắc Kinh, Tây Nam Liên Đại. Sau giải phóng (1949), ông làm Hiệu phó trường Đại học Bắc Kinh. Từ tuổi 20, ông đã – Sư hỏi tăng: Có khi một tiếng hét như nghiên cứu Phật giáo sử Trung Quốc, đồng kiếm báu Kim Cang Vương; có khi một thời nghiên cứu Triết học sử Ấn Độ để đối tiếng hét như sư tử lông vàng sắp chụp chiếu vối sự nghiên cứu Phật giáo sử người, có khi một tiếng hét như cây trúc dò Trung Quốc. Nhờ nắm được tài liệu đặc dẫm, bóng cỏ; có khi một tiếng hét chẳng sắc và phong phú nên ông đã kết hợp được cho là tác dụng của một tiếng hét; các phương pháp nghiên cứu theo truyền thống ngươi làm sao lãnh hội?« Theo: PQĐTĐ Trung Quốc với phương pháp nghiên cứu của nhóm Từ Di. tiên tiến cận đại Tây phương. Tác phẩm chủ yếu: Hán Ngụy Lưỡng Tấn Nam Bắc THÁM ĐẦU

Triều Phật Giáo Sử, Tùy Đường Phật Giáo Sự khám biện, dò xét của thiền sư. Lâm Tế Sử Cảo. lục (Đại 47, 496 hạ) ghi: » THANH ÂM CÁC – Sư thượng đường, có vị Nằm dưới ngọn Ngưu Tâm, núi Nga My, tăng bước ra lễ bái, sư liền hét. Tăng nói: tỉnh Tứ xuyên, cách chùa Báo Quốc chừng Lão Hòa thượng chớ có dò xét nhé!« 15km. Đời Đường gòi là »Ngưu Tâm Tự«. Niên hiệu Hồng Vũ thứ 1 (1368) đời Minh THÁN ĐẦU Thiền sư Quảng Tế sau khi tu sửa lại, đổi Vị tăng trông coi than củi trong ba tháng tên là »Thanh Âm Các«. Hai dòng Bạch lạnh tại thiền viện. Sắc Tu Bách Trượng Long Giang và Hắc Long Giang tập họp Thanh Quy q. 4 (Đại 48, 1233 thượng) ghi: dưới Thanh Âm Các, chỗ hiệp lưu có một » hòn đá hình dáng giống như trái tim bò, – Thán gọi là »Ngưu Tâm Thạch«. Cách Ngưu đầu chuẩn bị than củi để chống lạnh, hoặc Tâm Thạch không xa có hai chiếc cầu đá bảo thí chủ cúng, hoặc xuất của thường có vòm tròn bắc qua hai dòng Hắc, Bạch trụ, cần sắm cho đủ dùng«. gọi là »Song Phi Kiều«. Sau khi nước chảy qua cầu va vào Ngưu Tâm Thạch làm nước THANG DỤNG ĐỒNG bắn tung tóe óng ánh như ngọc rất là đẹp (1893-1946) mắt. »Song Kiều Thanh Âm« là một trong Học giả Phật giáo hiện đại, tự Tích Dư, mười cảnh đẹp của núi Nga My. người Hoàng Mai, Hồ Bắc, Trung Quốc. Năm 1917, ông tốt nghiệp tại Thanh Hoa THANH BẨM (895-976) học đường. Năm sau sang Hoa Kỳ học tập Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lý, người

THANH CHUYẾT Tuyền Châu, Phúc Kiến, Trung Quốc. Sư thượng Nhất Biện ở chùa Phổ Chiếu Thanh nối pháp thiền sư Văn Yển, thuộc tông Vân Châu lúc trụ chùa Đại Vạn Phật, tập họp Môn đời thứ 2, trụ thiền viện Quang Mục chư tăng mười phương nêu ra cương tông theo chiếu chỉ của Nam Đường Trung Chủ. đặt 100 câu để hỏi đại chúng. Trong chúng Sau khi vào nội cung ở Trừng Tâm Đường có sư Từ Vân Giác Toại của chùa Thập soạn sách »Chư Phương Ngữ Yếu« sư Thân trả lời được tất cả. Sau đó, Lâm được Hậu Chủ sắc trụ trì thiền viện Phổ Tuyền Tùng Luân ở dưới mỗi câu hỏi đáp Lợi ở Động Sơn (ở Nghi Phong, Giang có phụ 1 bài tụng và tập thành sách này, Tây). được xếp vào Tục Tạng kinh tập 119, trang 345. Sách này cùng một thể loại với Thung THANH BIỆN (?-686) Dung lục, đều là tập sách bình xướng công Thiền tăng thời Bắc thuộc, thuộc dòng Tỳ- án, tuyên bày tông phong Tào Động. Đời ni-đa-lưu-chi đời thứ 4. Sư họ Đỗ quê ở Cổ sau thường đem sách này cùng với »Thông Giao (Giao Chỉ) (nay là miền Bắc Việt Huyền Bách Vấn« của Thông Huyền Viên Nam). Năm 12 tuổi sư theo ngài Pháp Thông (Đệ tử của Nhất Biện) hợp thành Đăng ở chùa Phổ Quang tu học. Khi ngài »Thông Huyền Thanh Châu Nhị Bách Pháp Đăng sắp thị tịch, sư hỏi: Vấn« và ấn hành để phổ biến. — Sau khi Hòa thượng đi, con nương tựa vào đâu? THANH CHÚNG Pháp Đăng bảo: Tăng chúng. Chương »Thiền Môn Quy — Con chỉ Sùng Nghiệp mà thôi. Thức« trong CĐTĐL q. 6 ghi: » Sư mờ mịt không hiểu. Pháp Đăng tịch rồi, sư chuyên trì kinh Kim Cang lấy đó làm sự nghiệp. Một hôm nhờ thiền khách chỉ điểm – sư chợt hiểu được lới của ngài Pháp Đăng Hoặc có kẻ trộm hình giả hiệu trà trộn vào là khuyên sư tham học nơi Thiền sư Huệ thanh chúng, còn gây ra ồn ào náo loạn, Nghiêm ở chùa Sùng Nghiệp. Sư liền khăn liền bị Duy-na tố giác, không cho tạm trú, gói đến đấy và trong cơ ngữ khai thị của đuổi ra khỏi thiền viện quiý ở chỗ thanh Huệ Nghiêm, sư bỗng tỉnh

ngộ. Sư ở lại chúng được an ổn«. đây một thời gian. Sau, sư đến trụ trì chùa THANH CHUYÊN THÁP Kiến Dương ở làng Hoa Lâm phủ Thiên Là tháp Trừng Linh, chùa Lâm Tế, huyện Đức. Hóa duyên đã mãn, sư thị tịch vào Chính Định, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc, do năm Bính Tuất nhằm niên hiệu Thùy Cung tháp có màu gạch xanh lam nên còn gọi thứ 2 đời Đường (686). Theo: Thiền sư »Thanh Chuyên Tháp«. X. »Lâm Tế Tự Việt Nam của HT. Thanh Từ. Trừng Linh Tháp«. THANH CHÂU BÁCH VẤN THANH CHUYẾT Hiệu của Thiền tăng Chính Trừng sống vào Sách, 1 quyển. Vào khoảng niên hiệu đời Nguyên. X. Chính Trừng. Tuyên Hòa (1119-1125) đời Tống, Hòa

THANH CHUYẾT HÒA THƯỢNG THIỀN CƯ TẬP THANH CHUYẾT HÒA THƯỢNG Trung Quốc. Lúc 9 tuổi, sư thọ tang cha. THIỀN CƯ TẬP Đến 16 tuổi sư theo Hổ Nham Tịnh Phục Gọi tắt: Thiền Cư tập. Sách, 2 quyển, do xuất gia, dự thi kinh điển được độ làm Thanh Chuyết Chính Trừng soạn vào cuối tăng. Sư nghe lời khuyên của Tri tạng đời Tống-đầu đời Nguyên, Vĩnh Ki biên. Tùng Hi Bạch Minh, đến chùa Khai Thiền Cư là tên cái am tại chùa Kiến Nhân Nguyên ở Tô Châu yết kiến Cổ Lâm Thanh Nhật Bản mà sư Chính Trừng ẩn tu ở đấy. Mậu, nhiều lầm tham vấn, nghi tình tan vỡ, Sách này lấy phần soạn trước khi sang sư liền khế ngộ và nối pháp ngài. Niên Nhật làm thiên trước, phần sưu tập sau khi hiệu Hoàng Khánh thứ 1 (1312), Thanh sang Nhật làm thiên sau. Nội dung gồm Mậu lại ra trụ trì chùa Khai Nguyên, Thanh các thể lẫn lộn: Phật Tổ Tán, Tự Tán, Tiểu Dục theo làm thị giả cho Ngài. Sau đó sư Phật sự, Đề bạt, Minh, Ký, Tự, Tự thuyết, trở về Kính Sơn, nhậm chức Thủ tọa trong Sớ, Tế văn v.v... pháp hội của ngài Hư Cốc Hy Lăng. Khi Thanh Mậu trụ trì chùa Bảo Ninh, sư làm THANH CỦNG (1272-1352) Đệ nhất tọa. Sau khi thầy tịch, sư lui về ẩn Thiền tăng đời Nam Tống, họ Ôn, hiệu ở chùa Khai Phúc. Năm 1333, sư dời đến Thạch Ốc, người xứ Ngu Sơn (Thường chùa Bản Giác tại Gia Hưng (nay thuộc Thục, Giang Tô) Trung Quốc. Nối pháp Chiết Giang) ở được 10 năm. Người thời Thiền sư Cập Am Tín, đời thứ 23 hệ Nam ấy tôn sư làm Đông am Đại pháp tràng Nhạc. Sư kết am tranh ở núi Hà Vụ thuộc (ngọn cờ pháp lớn ở miền đông nam), giới Hồ Châu, Chiết Giang. Có kệ sơn cư lưu trí thức quan lại hỏi đạo nơi sư rất nhiều. truyền lại đời, về thơ thì có »Nguyên Thi Vua ban hiệu »Từ Vân Phổ Tế Thiền sư« Tuyển«. và y Kim lan. Năm 1345, sư ở chùa Linh Nham tại Ngô Trung. Về già, sư lui về ở ẩn THANH DỤC (?-975) nơi viện Từ Vân. Tác phẩm: Liễu Am Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Vĩnh Thanh Dục Thiền sư 9 quyển. Gia (nay là Ôn Châu tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Quốc sư Đức Thiều THANH ĐÀM ở núi Thiên Thai, thuộc tông Pháp Nhãn.Thiền tăng đời Nguyễn, thuộc tông Tào Ngô Việt Trung Hiến Vương triệu sư vào Động, đời thứ 42, nối pháp Thiền sư Đạo Nguyên hiệu Minh Chính, là Trụ trì chùa cung hỏi đạo, cho dựng chùa Phụng Tiên ở Bích Động ở làng Đam Khê, phủ An Hàng Châu rồi thỉnh sư ở đó. Vua ban hiệu »Viên Thông Diệu Giác Thiền sư«. Có vị Khánh, tỉnh Ninh Bình, miền Bắc Việt tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ Nam. Sư xuất gia năm 1807, thụ giới cụ túc năm 1810. Sư là đệ tử Thiền sư Đạo sang? Sư đáp: Lên tiếng chỉ dạy đại chúng. Nguyên, lúc bấy giờ ngài đang trụ trì thiền THANH DỤC (1288-1363) viện Nguyệt Quang, một Tổ đình của phái Thiền tăng đời Nguyên, họ Chu, tự Liễu Chân Nguyên. Một hôm sư hỏi Thiền sư Am, hiệu Nam Đường, người xứ Lâm Hải, Đạo Nguyên: Thai Châu (nay thuộc tỉnh

Chiết Giang) — Tâm không phải ở trong thân, cũng

THANH KIỂU (906-993) không phải ở ngoài thân, cũng không phải Giang, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư ở chặng giữa, vậy rốt cuộc tâm ở chỗ nào? Trừng Đào, đời thứ 42 hệ Thanh Nguyên. Đạo Nguyên cười và xoa đầu sư rồi nói kệ: Trụ trì chùa Vân Lâm. Tác phẩm: Tá Am »Tùy thời ứng dụng tập, Thanh Hằng ngữ lục. Ngộ vật kiến cơ Tính bản như như THANH HỘ (916-970) Hà quan nội ngoại«. Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người »Theo thời ứng dụng Trường Lạc, Phúc Châu (Phúc Kiến) Gặp vật thấy cơ Trung Quốc. Năm 6 tuổi xuất gia nơi Quốc Tính vốn như như sư Thần Yến ở Cổ Sơn, ngay dưới lời liền Nào ngại trong ngoài«. tỏ ngộ. Phong độ thanh thoát cao vút, Nam Đến năm 1819, sư sáng tác sách Pháp Hoa Đường Hậu Chủ khâm phục đức hạnh sư Đề Cương tại viện Liêm Khê. Năm 1843, thỉnh về Kim Lăng (Nam Kinh) trụ trì 2 sư sáng tác sách Tâm Kinh Trực Giải. Sư chùa Báo Ân và Tịnh Đức. Ban hiệu »Sùng cũng thuộc về phái Trúc Lâm. Không biết Nhân Đại Sư«, còn có hiệu »Diệu Hạnh sư tịch ở đâu và vào lúc nào. Theo: Thiền Thiền sư«. sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. THANH KHOÁT THANH GIẢN Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Phúc Thiền tăng đời Tống, họ Trương, người xứ Châu, Trung Quốc. Thuở bé sư thông Tiền Đường (nay là Hàng Châu) Trung minh, lễ Cổ Sơn Thần Yến Quốc sư, cạo Quốc, nối pháp Thiền sư Quy Tông Nghĩa tóc thụ giới cụ túc. Sư còn tham yết Như Nhu, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư trụ chùa Am chủ ở núi Đại Chương. Sau đó sư tham Thiên Đồng ở Minh Châu (nay là huyện vấn Thiền sư Thùy Long Đạo Phổ và đắc Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang). Do tính tình sư pháp. Sư ở viện Bảo Phúc, Chương Châu giản dị, trong sạch, nên người đời gọi sư là(nay là huyện Chương Phố, tỉnh Phúc »Giản Chiết Khách«. Có vị tăng hỏi: Thế Kiến). Lúc tuổi già sắp tịch, sư dặn đệ tử nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? Sư đáp: đừng xây tháp, rồi vào núi ngồi thị tịch. Đạt-ma chẳng thể sang Trung Hoa lần nữa. Về già, sư ở chùa Tuyết Đậu. THANH KIỂU (906-993) Thiền tăng đời Tống, họ Vương, người xứ THANH HẢI Phúc Châu, Trung Quốc. Sư thờ Thiền sư Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư thờ Thiền sư Bạch Triệu Chí Viên làm thầy, theo học và Chiêu Khánh Đạo Khuông làm thầy, học đắc pháp nơi Ngài. Ban đầu sư ở núi Đại đạo và đắc pháp nơi Ngài. Sư ở viện Thái Dương (nay ở phía Bắc Kinh sơn, tỉnh Hồ Bình tại Sâm Châu (nay thuộc Hồ Nam). Bắc) rồi dời đến chùa Huệ Nhật ở An Châu (nay là An Lục, tỉnh Hồ Bắc). Sau đó, sư THANH HẰNG (1785-1855) trụ trì Ngũ Tổ Sơn ở Kỳ Châu (nay là Thiền tăng đời Thanh, họ Trần, tự Cự Siêu, huyện Kỳ Xuân, tỉnh Hồ Bắc). hiệu Tá Am, người xứ Hải Ninh, Chiết Có vị tăng hỏi: Sư xướng gia khúc ai, nối

THANH KÍNH (1790-1870) pháp người nào? Sư đáp: THANH LƯƠNG Mé vách Khải Sư mây lành nổi, Hiệu của Thiền tăng Phương Niệm, sống Trước núi Bảo Thọ chấn pháp lôi. vào đời Minh. X. Phương Niệm. THANH KÍNH (1790-1870) THANH LƯƠNG SƠN Thiền tăng đời Thanh, họ An, tự Siêu Núi Ngũ Đài. Mặc dù vào mùa hè oi bức, Nhiên, người xứ Đan Dương, Giang Tô, nhưng khí hậu ở Ngũ Đài sơn vẫn mát mẻ, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Trừng nên núi này còn được gọi là Thanh Lương Lãng ở Thượng Hải, đời thứ 42 hệ Thanh Sơn. X. Ngũ Đài Sơn. Nguyên. Trụ trì chùa Đảm Vân. THANH LƯƠNG TỰ THANH LIỄU (1090-1151) 1. Chùa trên núi Trạm Lô huyện Tùng Khê Thiền tăng đời Tống, họ Ung, tự Chân tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc;

được xây Hiết, người An Xương, Miên Châu, Trung dựng vào niên hiệu Thần Long thứ 3 (707) Quốc. Sư nối pháp thiền sư Tổ Chiếu đời Đường, để kỷ niệm Âu Trị Tử, gọi là (Pháp Nhất), thuộc tông Tào Động đời thứ »Thượng Từ«. Niên hiệu Nguyên Phù thứ 10, trụ Trường Lô, Chân Châu (Nghi 2 (1099) đời Tống chùa được mở rộng Trưng, Giang Tô). Thụy hiệu: Ngộ Không thêm, gọi là Trạm Lô Thiền Am. Từ đó về Thiền Sư. Có ngữ lục lưu hành ở đời. sau trải qua nhiều đời đều có sửa sang. THANH LONG THÁP
Niên hiệu Tuyên Thống thứ 2 (1910) đời Thanh, chùa được xây dựng đại quy mô, Còn gọi: Kiết Vân Thiền Tự Tháp. Ở thị đến năm 1930 thì công trình hoàn tất, đổi trấn Cổ Thanh Long, huyện Thanh Phố, tên là »Thanh Lương Tự«. Điện trước thờ thành phố Thượng Hải, Trung Quốc. Thời Phật Di-lặc, điện giữa thờ thiền sư Tịnh kỳ Đường Tống thị trấn này là bến cảng Không, sau lưng thiền sư có thờ Bồ Tát Vi mua bán với bên ngoài, thương nhân tụ Đà. tập, có tên gọi »Tiểu Hàng Châu«. Niên hiệu Thiên Bảo thứ 2 (743) đời Đường xây 2. Chùa nằm trên núi Thanh Lương, thành dựng chùa Báo Đức. Niên hiệu Trường phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, Khánh thứ 2 (822) đổi tên là »Long Phúc được xây dựng bởi ngài Từ Ôn, đời Ngũ Tự«, và xây tháp tại trong chùa. Khoảng Đại, đầu tiên gọi là Hưng Giáo Tự. Đầu niên hiệu Khánh Lịch (1041-1048) đời niên hiệu Thăng Nguyên (937-942) triều Tống tháp hư hủy được xây dựng lại. Tháp Nam Đường chùa được đổi tên là »Thạch hình bát giác 7 tầng, thân gạch mái gỗ. Từ Thành Thanh Lương Đại Đạo Tràng«, còn Nam Tống trở đi, sông Thanh Long dần gọi »Thanh Lương Báo Ân Thiền Viện«, dần bị lấp, thị trấn cũng suy vi, chỉ lưu lại gọi riêng là »Quảng Huệ Tự«. Ban đầu do đây một ngôi tháp điêu tàn. Khi vua Khang ngài Hưu Phục (Ngộ Không) ở, về sau Hy đời Thanh đi Nam tuần, sắc phong Nam Đường Chủ mời ngài Văn Ích, tổ chùa Long Phúc là »Kiết Vân Thiền Tự«, tông Pháp Nhãn ở chùa này truyền pháp, một lần nữa thắp lại hương khói. nên người đời gọi ngài là Thanh Lương Văn Ích. Sau đó các Thiền sư Thái Khâm,

THANH MỘ  Văn Thúy cũng trụ chùa này. Niên hiệu Thạch Lâm Củng ở Nam Bình,
Giác Am Thái Bình Hưng Quốc thứ 5 (980) đời Chân ở Thừa Thiên, lại theo học với Tống, đem Thanh Lương Quảng Huệ Tự ở Hoành Xuyên Như Củng chùa Năng Nhân, núi Mạc Phủ dời về chùa này. Niên hiệu tinh tấn tu tập nên lúc 19 tuổi nối pháp làm Thuần Hựu thứ 12 (1252), dựng đình Thúy truyền nhân phái Dương Kỳ tông Lâm Tế. Vi trên núi. Đầu đời Minh, Vua xuống Niên hiệu Đại Đức thứ 2 (1298) sư khai chiếu đổi Thanh Lương Quảng Huệ Tự đường thuyết pháp tại Bạch Vân Thiền Tự thành Thanh Lương Tự. Về sau chùa bị núi Thiên Bình, Tô Châu. Sau 9 năm dời thiêu hủy bởi nạn binh lửa, chỉ còn 1 giếng sang chùa Khai Nguyên. Chẳng bao lâu sư nước được đào từ niên hiệu Bảo Đại thứ 3 lui về ở ẩn nơi Tháp viện Thiệu Long núi (945) triều Nam Đường. Tương truyền chư Hổ Khâu trùng niêm »Bách Tắc Tụng cổ« tăng trong chùa thường uống nước giếng của Tuyết Đậu Trọng Hiển. Niên hiệu này, dù tuổi già nhưng đầu không bạc nên Hoàng Khánh thứ 1 (1312) một lần nữa trụ gọi là »Hoàn dương tỉnh«. Cuối đời Thanh, chùa Khai Nguyên, khi ấy do theo lời mời chùa được xây cất lại cùng dạng kiến trúc của Dương Quốc Công, được ban hiệu nhưng thu nhỏ hơn. Trong thời gian kháng »Phù Tông Phổ Giác Phật Tính Thiền sư«. chiến chùa bị hủy hoại, rừng cây chung Niên hiệu Diên Hựu thứ 2 (1315) sư dời quanh chùa bị đốn sạch. Sau khi

dựng sang chùa Vĩnh Phúc ở Nhiêu Châu (Ba nước, chùa Thanh Lương từng được sửa Dương, Giang Tây). Lại trụ 6 năm chùa sang, núi Thanh Lương sau nhiều năm cấm Bảo Ninh núi Phụng Đài ở Kiến Khang khai thác gỗ, trồng lại rừng đến nay cây cối (Nam Kinh). Tuổi già phụng mạng triều xanh tươi rợp mát. đình, sư mở ra Đại hội Kim Sơn, được vua quan đại phu tôn sùng, kẻ sĩ thứ đến cầu THANH LƯƠNG VĂN ÍCH pháp không dưới vài ngàn người. Tính sư cương trực, cơ phong bén nhạy, thủ đoạn Thiền tăng Văn Ích sống vào đời Ngũ Đại, cao vút, người học rất kính sợ. Đệ tử nối về già truyền pháp ở viện Thanh Lương tại pháp có Thanh Dục, Lương Du, Phạm Tiên Kim Lăng, nhân đó có tên gọi »Thanh v.v... Tác phẩm: Tục Tông Môn Thống Lương Văn Ích«. X. Văn Ích. Yếu, Cổ Lâm Thanh Mậu Thiền sư ngữ lục 5 quyển, Cổ Lâm Thanh Mậu Thiền sư THANH MẬU (1262-1329) Thập Di Kệ Tụng 2 quyển. Thiền tăng đời Nguyên, họ Lâm, tự Cổ Lâm, hiệu Kim Cang Tràng, Lân Cư Tẩu; THANH MỘ thường gọi sư là Mậu Cổ Lâm. Nhờ thư Thiền tăng đời Tống, tham vấn Thiền sư pháp mà nổi tiếng khắp nơi. Năm 12 tuổi Đạo Hy được ngộ và nối pháp ngài. Sư ở sư theo Cô Nham Khải chùa Quốc Thanh viện Bạch Long tại Thăng Sơn, Phúc Châu. núi Thiên Thai xuất gia, qua thi kinh luật Có một vị tăng hỏi: Thế nào là một cơ mật mà được thụ giới. Sư rất thích thiền tịch và dụng của Bạch Long? Sư đáp: Mỗi ngày đi du phương khắp nơi, trước sau tham ngươi dùng cái gì? phỏng Giản Ông Kính núi Tuyết Đậu,

THANH NGẠC THANH NGẠC THANH NGUYÊN HÀNH TƯ Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Mân, Trung Quốc. Sư thờ Quốc sư Cổ Sơn Thần Thiền tăng Hành Tư sống vào đời Đường, Yến và đắc pháp, kế vị pháp hội của Ngài. trụ chùa Tĩnh Cư núi Thanh Nguyên hoằng Trong khi làm chủ tùng lâm nhờ sư chỉnh dương thiền pháp mở ra một hệ phái Thiền, đốn nghiêm túc nên tiếng tăm vang dậy. được gọi là Thanh Nguyên Hành Tư. X. Hiệu: Tông Hiểu Thiền sư. Hành Tư.

THANH NGHIÊM ĐẠI SƯ THANH NGUYÊN SƠN Núi ở thành phố Cát An, tỉnh Giang Tây, Thụy hiệu của Thiền tăng Toàn Khoát, Trung Quốc, nằm cách trung tâm thành sống vào đời Ngũ Đại. X. Toàn Khoát. phố 15km về hướng đông nam. Từ xưa đến nay núi vẫn tốt đẹp mãi, được làm thắng THANH NGUYÊN cảnh du lịch. Các danh nhân như: Nhan Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông Chân Khanh, Tô Đông Pha, Văn Thiên Tào Động, đời thứ 41. Sư hiệu Minh Nam, Tường đã từng đến núi này ngoạn cảnh. là người viết bài tựa cho sách Pháp Hoa Thiền sư Hành Tư, Tổ hệ phái Thanh Đề Cương của Thanh Đàm Minh Chính. Nguyên (nối pháp Lục Tổ Huệ Năng) đến Hai vị có lẽ có cùng một bản sư. Sau đây là đây xây dựng chùa Tĩnh Cư, hoằng dương bài kệ của sư tán dương sách Pháp Hoa Đề đạo pháp thiền đốn ngộ phương Nam. Các Cương: cổ tích trong núi còn có Tổ quan núi Thanh »Bích Thanh đàm xuất diệu liên hương Nguyên, tháp Thất Tổ, tháp Phi Lai, cầu Hoa mục chi tiêu tổng pháp cương Đãi Nhật, Điếu đài thạch, đình Ngũ Tiếu. Minh Chính nhất thừa khai tố quảng Đạo trung tâm yếu thị hoằng dương THANH NGUYÊN SƠN CHÍ LƯỢC Quần phương hội ngộ viên tâm tịnh Chúng đẳng đế quan nhập lý trường Chí, 13 quyển, do Tiếu Phong Đại Nhiên Thanh tịnh liên hoa quang pháp giới biên vào đời Thanh. Thi Nhuận Chương Tỳ-lô tính hải diễn chân thường«. biên tập bổ sung, và được ấn hành vào niên »Hồ xanh trong biếc nảy sen thơm hiệu Khang Hy thứ 8 (1669) đời Thanh. Kinh mục nêu

bày nghĩa đại cương Quyển 1 ghi chép về sơn thủy, đạo tràng. Minh Chính nhất thừa đà quảng bá Quyển 2 là tăng truyện, quyển 3 về thư Đạo trung tâm yếu lại hoằng dương. viện, quyển 4-11: gồm các bài minh, Quần phương tổ ngộ tâm viên tịnh thuyết, thư, ký v.v... quyển 12, 13 là tạp Đại chúng đồng tham lý vĩnh trường ghi. Quyển thủ có phàm lệ gồm 7 tiết do Thanh tịnh sen kia ngời pháp giới Thi Nhuận Chương soạn, giải thích về đại Tự tính Tỳ-lô khéo xiển dương«. ý của mỗi quyển, trình bày và phát huy ý Bài tựa sách Pháp Hoa Đề Cương được nghĩa của việc biên tập thật đặc sắc, giống viết vào tháng 8 âm lịch năm 1820. Theo: như 7 tiểu phẩm về triết lý. Các thơ văn, bi Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. minh, du ký của các vị thiền sư nhiều đời

THANH THANH THÚY TRÚC TẬN THỊ CHÂN NHƯ, UẤT UẤT HOÀNG HOA VÔ PHI BÁT NHÃ trụ núi Thanh Nguyên và các cư sĩ văn nhân mặc
khách đều được thu thập vào. Hiệu của Thiền tăng Khế Phù sống vào đời Ngũ Đại. X. Khế Phù. THANH NHẤT TẨU (1300- 1360) THANH PHÚC (1850-1915) Thiền tăng đời Nguyên, họ Lưu, người xứ Thiền tăng đời Thanh, họ Nghiêm, người Tân An (Tuy Ninh, Giang Tô) Trung xứ Bồng An, Tứ Xuyên, Trung Quốc. Nối Quốc. Nối pháp Thiền sư Kính Sơn Hạnh pháp Thiền sư Thể Hải, đời thứ 46 hệ Nam Đoan, đời thứ 24 hệ Nam Nhạc. Trụ trì Nhạc. Trụ trì chùa Bảo Quang ở Tân Đô. Nam Hoa thiền tự. Có ngữ lục truyền lại đời.

THANH NHƯỢNG THANH SỞ Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Thiền tăng cuối đời Nguyên đầu đời Minh, Ba Tiêu Huệ Thanh thuộc tông Quy tự Lan Giang, người Thiên Thai (Chiết Ngưỡng. Sư ở núi Hưng Dương tại Dĩnh Giang) Trung Quốc. Cuối đời Nguyên sư Châu (nay là Kinh Sơn, tỉnh Hồ Bắc). thuyết pháp ở Ngô Trung, đạo tục ngưỡng mộ pháp hội thường rất đông. Vào đầu THANH NỮ LY HỒN niên hiệu Hồng Vũ (1368-1398) sư vâng Cô Thanh lìa hồn. Công án này được thấy lệnh trụ chùa Thiên Giới ở Nam Kinh, trong Vô Môn Quan như sau: » vâng sắc chỉ vào cung tấu đối hợp ý vua. – Tuổi già trụ trì chùa Đông Thiền ở Vô
Tích Ngũ Tổ (Pháp Diễn) hỏi tăng: Cô Thanh (Giang Tô). Tác phẩm: Vọng Vân tập, Tỳ lìa hồn, cái gì là con người thật?« Lô Chính Ấn và có ngữ lục lưu hành trên Cô Thanh lìa hồn vốn là một truyền thuyết đời. đời Đường, kể rằng khoảng niên hiệu Thiên Thọ có một thiếu nữ là nàng Thanh THANH SƠN THIỀN VIỆN thương nhớ một chàng tên Vương Trụ. Vì bị cha nàng ngản cản cuộc tình duyên này Ở Thanh Sơn, Hồng Kông, Trung Quốc. nên nàng sầu não mang bệnh, hồn lìa khỏi Vào thời Đường Tống đã có chùa này, khi xác, cùng với Vương Trụ âm thầm kết đó gọi là »Bôi Độ Tự« nguyên để kỷ niệm nghĩa vợ chồng. (Theo truyện »Nhân Trụ« Thiền sư Bôi Độ mà sáng lập. Phía sau trong Thái Bình Quảng Ký q. 358) chính điện bên phải có Thạch Phật Nham Công án này gợi ý người học đạo cần biết gọi là »Bôi Độ Động«, trước động có rõ cái »ngã« trong sắc thân này là không tượng Bôi Độ điêu khắc bằng đá. thật, phải nhận ra cái »ngã« xưa nay, cũng chính là chân ngã. THANH THANH THÚY TRÚC TẬN THỊ CHÂN NHƯ, UẤT UẤT THANH PHÁP THIỀN SƯ HOÀNG HOA VÔ PHI BÁT NHÃ

THANH THANH THÚY TRÚC TẬN THỊ CHÂN NHƯ, UẤT UẤT HOÀNG HOA VÔ PHI BÁT NHÃ rằng dùng lời nói để diễn tả

Chính pháp nhãn là việc vô lý đến buồn cười). Trúc biếc xanh xanh, thảy đều là thật tướng chân như hoa vàng rực rỡ không gì THANH TÍCH chẳng phải là trí huệ Bát nhã. Ý nói chân Thiền tăng đời Tống, người xứ Tuyền như Phật tính tồn tại ở khắp nơi, là trừ sạch châu, nối pháp Thiền sư Thanh Lương Văn mọi vọng tâm phân biệt, đạt đến cảnh giới Ích, thuộc tông Pháp Nhãn. Ban đầu sư trụ vạn vật nhất như, sau khi vật ngã nhất như. viện Quảng Bình núi Long Tu rồi dời sang Tiết Huệ Trung Quốc sư trong TĐT q. 3 núi Vân Cư ở quận Nam Khang (nay là ghi: » huyện Tinh Tử, tỉnh Giang Tây), sau đó sư trụ trì viện Tây Minh ở Tuyền Châu. Có vị tăng hỏi: Phật là gì? Sư đáp: Dung nhan rất kỳ diệu. THANH TIẾN

– Lại hỏi: Cổ đức nói: Trúc Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư biếc xanh xanh thảy đều là thật tướng chân La Hán Đạo Nhàn. Sư ở viện Bảo Ứng tại như, hoa vàng rực rỡ không gì chẳng phải Đàm Châu (nay là huyện Trường Sa, tỉnh là trí huệ Bát-nhã, có người chẳng chịu Hồ Nam). cho là tà thuyết; cũng có người tin, nói không thể nghĩ bàn, chưa rõ là thế nào? Sư THANH TỊNH PHÁP NHÃN đáp: Đây đều là cảnh giới của các bậc Phổ Hiền Văn-thù, hàng phàm phu tiểu thừa Huyền chỉ của giáo ngoại biệt truyền (tức không thể tin nhận, nhưng lại hợp với ý Thiền tông). Chương »Thích-ca-mâu-ni kinh Đại thừa liễu nghĩa.« Phật« trong CĐTĐL q. 1 ghi: » THANH THIÊN BẠCH NHẬT NIỆU SÀNG – Sau đó, đức Thích-ca bảo Ban ngày ban mặt lại đái dầm, dụ cho hành với đệ tử là Ma-ha Ca-diếp rằng: Ta đem vi vô lý đến buồn cười. Tiết Thanh Hóa thanh tịnh pháp nhãn, Niết-bàn diệu tâm, Toàn Phó Thiền sư trong NĐHN q. 9 ghi: thật tướng vô tướng, chính pháp vi diệu để » giao lại cho ngươi, ngươi nên gìn giữ«. – Hỏi: THANH TỊNH TRI KIẾN Thế nào là Chính pháp nhãn? Sư bảo: Ta Chỉ cho việc dùng trí huệ pháp nhãn để cũng chẳng biết. Hỏi: Vì sao Hòa thượng quán chiếu chân tướng của sự vật và thu chẳng biết? Sư bảo: Không thể giữa ban được sự cảm ngộ, thể nghiệm; do sự thấy ngày ban mặt lại đái dầm.« (Thiền sư cho biết đạt được này không còn một mảy chấp

THANH VIÊN TỰ trước, của vọng tình tục niệm nên được gọinói: »Giọt mưa rơi trong mắt Thượng tọa«. là »Thanh tịnh tri kiến«. Chương Ngụy Thanh Tủng không lãnh hội ý chỉ. Sau nhờ Phủ Hoa Nghiêm Trưởng Lão thị chúng xem kinh Hoa Nghiêm cảm ngộ, được Văn phụ lục ở cuối quyển trong CĐTĐL q. 30 Ích ấn khả, nối pháp làm truyền nhân tông ghi: » Pháp Nhãn. Trở về ở thảo am núi Tứ Minh, Minh Châu (Ninh Ba, Chiết Giang), Tiết – Nếu ngươi làm tất cả công đức hữu độ sứ Tiền Ức lễ sư làm thầy. Ngô Việt vi chỉ là tạo nghiệp, thêm lớn si phúc, Trung Ý Vương ra lệnh sư khai đường chẳng phát sinh thanh tịnh tri kiến«. thuyết pháp hai nơi trong Hàng Châu. Có vị tăng hỏi: Khi Ngưu Đầu chưa gặp THANH TUẤN (1328-1392) Tứ Tổ thì thế nào? Sư đáp: Non xanh nước Thiền tăng đời Minh, họ Lý, tự Thiên biếc. Lại hỏi: Sau khi gặp thì thế nào? Sư Uyên, người Hoàng Nham (Chiết Giang) đáp: Nước biếc non xanh. Về sau ở chùa Trung Quốc. Thuở nhỏ sư học Nho giáo, Linh Ẩn, hiệu là Liễu Ngộ Thiền sư. 13 tuổi theo Diệu Minh chùa Bảo Đà xuất gia, qua tuổi 20

mới cạo tóc thụ giới cụ THANH VẬN túc. Diệu Minh sang chùa Trung Thiên Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Trúc, sư được mời đến Thị Ty, dời sang Bảo Phúc Tùng Triển. Khi ra hoằng pháp, Song Kính lại giữ chức Ký thất. Một hôm sư trụ viện Vạn An ở Tuyền Châu. Hiệu: đọc Đại Huệ ngữ lục chợt tỏ ngộ. Trở về ở Tư Hóa Thiền sư. chùa Thiên Đồng Ninh Ba (Chiết Giang). Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Niên hiệu Hồng Vũ thứ 1 (1368) ra hoằng Vạn An? Sư đáp: Việc cơm nước trong pháp trụ trì chùa Vạn Thọ ở Tứ Minh, năm nhà. Lại hỏi: Thế nào là cảnh của Vạn An? thứ 5 (1372) đến dự đại hội Phổ Độ ở Sư đáp: Cây tháp Tùng La ngóng biển Chung Sơn, xong việc sư trở về núi, vua xanh. Thái Tổ ban thưởng rất nhiều. Năm thứ 15 (1382) thăng chức Tả giác nghĩa Tăng lục THANH VIÊN TỰ ty. Năm thứ 19 (1386) phụng chỉ thuyết Nằm trên sườn núi Hà Chu, ngoại ô thành pháp ở chùa Linh Cốc, Nam Kinh. Năm phố Nam Kinh, tỉnh Giang Tô, Trung thứ 3 (1390) vâng lệnh trụ trì chùa Linh Quốc. Hoàng hậu Cung Tư đời Đông Tấn Cốc, Minh Thái Tổ đích thân làm 13 bài là Chữ Thị sáng lập. Trúc Đạo Sinh từng ở thơ đề tặng sư. Sư chuyên nghiên cứu giáo chùa này giảng nghĩa lý đốn ngộ thành nghĩa, thông suốt sách Nho, lại giỏi thi Phật. Niên hiệu Cảnh Bình thứ 1 (423) đời văn. Lưu Tống điện Phật chấn động, tương truyền có rồng thăng thiên bèn đổi tên là THANH TỦNG »Long Quang Tự«. Bảo Lâm, Pháp Bảo, Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Thái, người Huệ Sinh nối nhau đến trụ trì. Khoảng niên Phúc Thanh, Phúc Châu (Phúc Kiến) hiệu Hội Xương (841-846) đời Đường Trung Quốc. Ban đầu tham kiến Thiền sư chùa bị phá hủy. Đến niên hiệu Hàm Thanh Lương Văn Ích, Văn Ích chỉ mưa, Thông thứ 2 (861) xây dựng lại, ban cho

THÁNH ĐĂNG LỤC tấm biển »Long Quang Viện«. Niên hiệu xuân năm 1969 sư sang Nhật Bản lầy bằng Thăng Nguyên thứ 2 (938) đời Nam Tiến sĩ tại Đại học Đại Chính (Taishò) ở Đường trùng tu, Trừng Di. Thái Khâm trụ Đông Kinh. Mùa đông năm 1975 đến Hoa chùa này hoằng dương thiền pháp. Kỳ nhận chức Phó Hội trưởng Hội Phật Giáo Mỹ Quốc và trụ trì chùa Đại Giác, THÁNH ĐĂNG LỤC xuất bản quý san »Tạp Chí Thiền«. Năm Đăng lục, 1 quyển, được biên soạn vào thế 1978, sư trở về Đài Bắc tiếp quản Trung kỷ XIII (đời Trần, Việt Nam). Nội dung Hoa Phật Giáo Văn hóa quán, nhậm chức ghi chép về hành trạng của 5 vị vua đầu giáo sư Sở nghiên cứu triết học của Đại đời Trần: Thái Tông, Thánh Tông, Nhân học Trung Quốc Văn Hóa, Sở trưởng sở Tông, Anh Tông và Minh Tông. nghiên cứu Phật Học của Viện Trung Hoa Học thuật, đồng thời tại Newyork xây THÁNH ĐẾ ĐỆ NHẤT NGHĨA dựng Trung tâm Thiền. Tác phẩm: Thiền Môn Ly Châu tập, Thiền Môn Nghệ Ngữ. Chỉ chân lý tối cao, chân lý chí cực huyền diệu của Phật giáo, Thiền giáo. Bích Nham THÁNH PHÀM KHOÀ CỮU lục q. 1 ghi: » M Khuôn mẫu
thánh phàm, chỉ cho cái thấy – Lương Võ Đế hỏi Đại sư của người thế tục thường hay phân biệt Đạt-ma: Thế nào là Thánh đế đệ nhất người thánh với kẻ phàm. Nhà thiền cho nghĩa? Đạt-ma đáp: Rỗng rang không có rằng đây là biểu hiện của vọng tâm phân gì là Thánh.« biệt. Mật Am ngữ lục ghi: » THÁNH
KHẢ Hiệu của Thiền tăng Đức Ngọc đời Thanh.
X. Đức Ngọc. THÁNH
NGHIÊM (1930-?) Thiền tăng đời hiện đại, họ Trương, hiệu

Huệ Không, người Nam Thông, Giang Tô,
Trung Quốc. Năm 13 tuổi theo Hòa thượng Lãng Huệ chùa
Quảng Giáo cạo tóc xuất – Sư thượng đường, nêu công án Hòa gia, 16 tuổi vào Phật học viện chùa Tĩnh thượng Kim Phong dạy chúng rằng: Lão An, Thượng Hải. Năm 1949 gia nhập Ngũ tăng 20 năm trước có tâm lão bà, 20 năm tùy quân đến Đài Loan. Mười năm sau sau không có tâm lão bà. Khi ấy có vị tăng khôi phục tăng tịch, theo Trưởng Lão bước ra, hỏi: Thế nào là Hòa thượng 20 Đông Sơ xuất gia. Năm sau sư thụ giới Tỳ- năm trước có tâm lão bà? Phong đáp: Hỏi kheo nơi chùa Hải Hội ở Cơ Long, ngay phàm đáp phàm, hỏi thánh đáp thánh. lập tức đến Mỹ Nông, Cao Hùng cấm túc Tăng hỏi: Thế nào là 20 năm sau không có và bế quan trong thời gian 6 năm. Mùa tâm lão bà? Phong đáp: Hỏi phàm chẳng

THÁNH THỌ TỰ đáp phàm, hỏi thánh chẳng đáp thánh. Sư bỏ rồi xây dựng lại, đổi tên là »Thánh nói: Ô Cự (pháp hiệu của Hòa thượng Mật Quan Tự«. Thiền sư Thịnh Vân là khai sơn Am) nếu có mặt ngay lúc đó chỉ cười nhạt trụ trì. hai tiếng, ông già ấy bất chợt đốn ngộ, tự nhiên chẳng rơi vào khuôn mẫu thánh THÁNH SƯ TỬ phàm«. Tên hiệu của Phật. Chân minh tụng trong PKNL q. 18 ghi: » THÁNH PHÀM
TẬN SÁT – Bậc Pháp vương xuất Giết sạch
Thánh phàm, ý nói hoàn toàn trừ hiện ở thế gian, phương tiện nói không để sạch mọi chấp trước trên nghĩa lý đối với phá trừ chấp có (hữu). Người chấp có ắt sẽ bậc. Thánh người phàm, cùng với những trở về Không, ấy là Thánh sư tử rống.« vọng tình đối lập giữa Thánh phàm. Tông Môn Võ Khố ghi: » THÁNH THAI
Thuật ngữ của Đạo giáo. Thiền tông mượn dùng để
chỉ cho Tự tính. Tiết Bát-nhã Hòa – (Hòa thượng Duyệt) thượng thị chúng
trong Thiền Quan Sách trụ trì chùa Đâu-suất năm năm, một hôm Tiến ghi: »
nói kệ rằng: ›Bốn mươi tám năm giết sạch thánh phàm,
không phải anh hùng, đường Long An trơn‹. Bỗng nhiên thị
tịch. – Phải đi tham vấn các bậc Thiện tri thức để được biết chỗ THÁNH QUẢ
TỰ 1 cạn sâu, rồi sau đến bên bờ suối, dưới Ở núi Phụng Hoàng, thành phố Hàng
rừng cây bảo dưỡng Thánh thai, đợi khi Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Niên nào
Long thiên mời ra, mới nên đi xiển hiệu Khai Hoàng thứ 2 (582) đời Tùy sáng dương
chính pháp, độ khắp quần sinh«. lập. Đời Đường Thiền sư Vô Trước Văn Hỉ phục hưng
khai pháp, ban đầu gọi »Thánh THÁNH THỌ TỰ Quả Tự«. Vua Tống Cao Tông đi về
1. Ở khe núi Linh Không cách trung tâm phương nam từng đổi thành ngự uyển. huyện
Tẩm Nguyên, tỉnh Sơn Tây, Trung Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 35 (1556) đời Quốc 18km về
phía tây bắc. Niên hiệu Càn Minh bị lửa thiêu rụi. Năm thứ 37 (1558) Phù thứ 6 (879)
đời Đường, Lý Khản con tăng Chính Nhân xây dựng lại. thứ 4 của vua Ý Tông vì tránh
nạn Hoàng Sào khởi nghĩa mà đến nơi này. Niên hiệu THÁNH QUAN TỰ Cảnh
Phúc thứ 2 (893) cất chùa ẩn cư và Ở thành phố Đài Bắc, tỉnh Đài Loan, cạo tóc làm
tăng. Thụy hiệu »Tiên Sư Bồ Trung Quốc, là Thiền tự tông Lâm Tế. tát«, nhân đây đặt
tên chùa là »Tiên Sư Năm 1948 Tương Nhật Thức cải tạo và Thiền viện«. Niên hiệu
Đoan Củng thứ 2 xây dựng lại phòng ốc mà thành gọi là (989) đời Tống trùng tu, đổi tên
là »Thánh »Thánh Quan Phật Đường«. Năm 1968 dỡ Thọ Tự«. Chùa ở dưới mỏm núi,

nhân địa

THÁNH THỦY TỰ thế mà cất, năm tòa sân sướng có thể thông suốt nhau, lại đều có sơn môn tự thành kết cấu và cách thức, trung tâm là Đại Phật – Hỏi: Người điện viện, hai bên là Tiên Sư Bồ tát viện, học chưa đạt đến cội nguồn, thỉnh Thầy Tàng kinh viện, Phương trượng viện, phương tiện dẫn dắt. Sư bảo: Là cội nguồn Thiền đường viện. Trước Đại Phật điện nào? Tăng thưa: Cội nguồn của con. Sư viện là Thiên vương điện, hai bên đình bảo: Nếu là cội nguồn của con thì đâu cần viện có Phối điện tả hữu và Chung cổ lâu. phương tiện? Tăng lễ lạy rồi lui. Thị giả Trong chùa có vài tấm bia cổ ghi chép sự hỏi: Phải chăng vừa rồi Hòa thượng đã phát triển biến đổi lịch sử chùa và phong dẫn dắt y? Sư bảo: Không. Thị giả hỏi cảnh núi sông. tiếp:Phải chăng Hòa thượng không dẫn 2. Ở núi Phục Long, huyện Tuy Đức, tỉnh dắt y? Sư đáp: Không.« Thiểm Tây, Trung Quốc. Niên hiệu Thái Định thứ 4 (1327) đời Nguyên, Thiên THÀNH BIỆN Nham Nguyên Trường vào núi Phục Long Thành công. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng thấy chùa hoang phế đã lâu bèn muốn xây ghi: » cất lại, dân làng ra sức trợ giúp chẳng bao – Nêu công án này lâu xây dựng thành chùa lớn. ra, bất cứ việc gì cũng thành công còn chạy tìm bên ngoài là kẻ độn, kẻ ngu!« THÁNH THỦY TỰ Ở trong núi Vân Cư, tỉnh Chiết Giang, THÀNH ĐẲNG MINH LƯỢNG Trung Quốc. Khoảng niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1093) đời Tống, Phật Ấn Liễu Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông Nguyên xây cất Vân Cư Am trong núi. Sau Lâm Tế, đời thứ 34, nối pháp Thiền sư đó Trung Phong Minh Bản xây cất Thánh Nguyên Thiều Siêu Bạch, chưa rõ quê Thủy Tự ở gần đó. Niên hiệu Hồng Vũ thứ quán và hành trạng của sư... Có thể sư thọ 24 (1391) đời Minh, hai chùa cùng được giáo quy y với Hòa thượng Minh Vật Nhất xây cất lại, Minh Thái Tổ ban cho tấm biển Tri ở chùa Kim Cang (Bình Thảo-Đồng »Vân Cư Thánh Thủy Tự«. Nai), và sau đó thiền sư đến trụ trì chùa Đại Giác ở Đại Phố Đồng Nai (cù lao Phố, THÁNH TRÌ TỔ xã Hiệp Hòa, tỉnh Biên Hòa) sau này. Đời Minh, thiền tăng Phổ Trì trụ trì chùa Theo: LSPGĐTcủa Nguyễn Hiền Đức. Thánh Ân núi Đặng Úy ở Tô Châu, được người đời gọi là Thánh Trì tổ. X. Phổ Trì. THÀNH HIỆN Đầy đủ sẵn sàng, hàm ý vốn tồn tại, luôn THÀNH luôn tồn tại, hiện tại cũng xem đến được, Dẫn dắt, trợ giúp. Chương Long Sách Tự phần lớn chỉ cho Phật tính, thiền pháp. Tiết Thuận Hóa Đại sư trong CĐTĐL q. 18 ghi: Luy Phong Sung Áo Thiền sư trong » NĐHN q. 8 ghi: » – Sư

THẢO ĐƯỜNG (?-?) thượng đường nói: Ai nấy đều đầy đủ, mọi THÁO LƯỢC người đều sẵn sàng, đâu trách được sơn Hành động ứng cơ tiếp vật, vận dụng cơ tăng? Trân trọng!« duyên. Tiết Thị Dục Tạng Chủ trong DTNL q. 3 ghi: » THÀNH TRÌ – Nếu Giúp đỡ, thành lập, thành công. Tiết Giang ngươi có hành động ứng cơ tiếp vật, bảo Tây Mã Tổ trong TĐT q. 14 ghi: » đảm chư Phật chư Tổ nộp tiền cho ngươi và xin ngươi tha mạng không lý do«. THÁO LÝ Hành vi, phẩm hạnh. Tiết Tục Nghệ Ngôn trong NHQL q. 3 ghi: » – Có Hoàng tam lang ở Tây

Xuyên bảo 2 đứa trẻ theo Mã Tổ xuất gia. Một năm nọ, 2 vị tăng ấy trở về nhà, họ – Có một bọn tu thiền, lời nói ở trên Hoàng vừa trông thấy liền lễ bái như Phật mây xanh còn việc làm thì ở dưới đất, lại sống, bảo rằng: Người xưa nói: Sinh ta ra bảo rằng trong tông môn của ta chỉ trọng là cha mẹ, làm thành ta là bạn bè. Hai vị kiến giải chứ chẳng trọng hành vi«. tăng này chính là bạn bè của ta, giúp đỡ cho ta«. THÁO VI Cử chỉ, hành vi. Tiết Huệ Khả Thiền sư THAO QUANG DƯỠNG HỐI trong TĐT q. 2 ghi: » – Nhị Tổ là bậc học rộng, hành vi cương quyết«. Còn gọi: Hối tích thao danh, Ẩn tích mai danh. Ẩn mình, giấu tên. Có tài trí, đạo THẢO ĐƯỜNG (?-?) đức mà giữ kín đáo không cho người ta Thiền tăng đời Lý, Tổ khai sáng dòng biết đến mình. Truyện Thiền sư Cảnh Thiền Thảo Đường ở Việt Nam. Sư vốn là Nguyên trong Vân Cư Sơn Chí (134, hạ) người Trung Hoa, là đệ tử của Thiền sư ghi: » Trọng Hiển ở Tuyết Đậu, nhằm đời pháp , – Theo đại chúng thứ 3 phái Vân Môn. Không rõ lý do gì, sư sinh hoạt, đóng cửa nghiên cứu kinh điển, sang ở Chiêm Thành. Năm Kỷ Dậu (1069), mặc dù có tài trí đạo đức song Sư giữ kín, vua Lý Thánh Tông đem binh sang đánh không muốn mọi người biết đến mình«. Chiêm Thành, bắt được Chế Củ là vua Quy Sơn Cảnh Sách của Thiền sư Linh nước ấy cùng một số tù binh. Về triều, vua Hựu ghi: » ban cho bá quan những tù binh để làm nô Lại nên bộc. Sư cũng nằm trong số tù binh ấy, và rửa lòng nuôi đức, ẩn mình giấu tên, tịnh chính sư lại rơi vào thân phận nô bộc cho dưỡng tinh thần, nhiễu phiền sẽ dứt«. một vị Tăng lục. Một hôm vị Tăng lục đi

THẢO ĐƯỜNG TỰ khỏi, sư thấy bản ngữ lục để trên bàn có từ này để chỉ cho đồ cố chấp. Phần Giáp mấy chỗ sai, bèn tự ý sửa chữa lại. Vị tăng chú của tắc 36, Bích Nham lục q. 4 (Đại lục đi về xem thấy thế ngạc nhiên hỏi ra 48, 174 trung) ghi: » mới biết sư sửa. Ông đem việc ấy tâu lên – Không được quanh vua Lý Thánh Tông. Vua đòi sư vào triều, co, thất bại không ít, đồ cố chấp!« đem kinh luận và thiền hỏi sư. Sư ứng đối rất lanh lẹ và xác đáng. Vua rất kính phục, THẢO Y MỘC THỰC truy nguyên ra mới biết tông tích của sư. Kết cỏ lá làm áo, hái trái rừng làm thức ăn, Từ đó, vua Thánh Tông thường thưa hỏi chỉ cho sinh hoạt thô sơ của tăng nhân ở ẩn Phật pháp nơi sư và phong chức Quốc sư, trong rừng núi sâu kín. Đoạn Tế Tâm Yếu mời ở chùa Khai Quốc trong thành Thăng ghi: » – Cần Long. Đồ chúng nghe tiếng tìm đến tham cù tu hành, kết cỏ lá làm áo, hái trái rừng vấn rất đông. Do đây biến thành phái thiền làm thức ăn.« thứ 3 ở Việt Nam. Đến 50 tuổi, sư có chút bệnh ngồi kiết già thị tịch. Phái thiền của THẢO YỂN PHONG HÀNH sư truyền xuống được 5 đời, song ít thấy ghi chép lịch sử đầy đủ. Theo: Thiền sư Gió thổi cỏ rạp, chỉ cho hành vi hoặc sự Việt Nam của HT. Thanh Từ. kiện tiến hành thuận lợi, phát triển tự nhiên. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: THẢO ĐƯỜNG TỰ » Chùa ở làng Thảo Đường, thị trấn Tần, – Lúc giơ lên thì trời xoay đất huyện Hộ, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, chuyển; khi buông xuống thì mọi việc phát nằm cách trung tâm thị trấn 15km về phía triển tự nhiên«. nam. Vốn là nền cũ »Tiêu Dao Viên« của nhà Hậu Tần vào thời Nam Bắc Triều, là THÁP BÀ chỗ dịch kinh của cao tăng Cưu-ma-la- Phạn: Stūpa. Cây tháp. Ngôi tháp. Tiết thập, nước Quy Tư, Tây Vức. Đời Đường Phật Nhật Phổ Chiếu Huệ Biện Thiền sư xây dựng thành chùa Thê Thiền, về

sau đổi Tháp Minh (Hữu Tự) trong PKNL q. 20 tên là chùa Thảo Đường, Thiền sư Tông ghi: » Mật từng ở chùa này. Các điện đường phần – Còn tạo dựng một ngôi tháp bảy lớn bị hư hỏng, chỉ còn đại điện và lang vũ từng, cao hơn 72 mét«. (nhà nhỏ ở hai bên) được xây dựng trong đời Dân Quốc là tồn tại đến nay. Góc tây THÁP CHỦ bắc chùa có 1 cái giếng xưa tương truyền Vị tăng phụ trách việc quản lý, giữ gìn thuở xưa trong giếng có cái nón bằng ngôi tháp. Lâm Tế ngữ lục ghi: » sương mù (Yên vụ) hiện ra. »Thảo Đường Yên Vụ« là 1 trong 8 cảnh ở Quan Trung. – THẢO LÝ HÁN Sư đến ngôi tháp của Tổ Đạt-ma, Tháp chủ Người lạc lối vì cỏ rậm. Thiền tông dùng hỏi: Trưởng lão lễ Phật trước hay lễ Tổ

THẮC SÁT trước? Sư đáp: Phật Tổ đều chẳng lễ Tháp Hoài, huyện Ngũ Đài, tỉnh Sơn Tây, Trung chủ nói: Phật Tổ cùng với Trưởng Lão có Quốc, nguyên là tháp viện của chùa Hiển thù oán gì?« Thông, niên hiệu Vạn Lịch thứ 10 (1582) đời Minh sau khi xây tháp xá-lợi này, mới THÁP ĐẦU lập riêng thành chùa gọi là »Tháp Viện Ngôi tháp, cây tháp. Chữ »đầu« () đứng Tự«, là một trong năm đại thiền tự của Ngũ sau có ý biểu thị phương hướng nơi chốn. Đài Sơn. Bố cục của chùa lấy tháp làm Tiết Động Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 chủ, tháp xá-lợi nằm ở trung tâm chùa, ghi: » xung quanh có lang vũ bao quanh, phía – Động Sơn hỏi đông có Thiền viện. Tháp theo kiểu Lạt-ma tăng rằng: Ngươi từ đâu đến? Tăng đáp: hình chiếc bát úp, nền tòa mặt bằng hình Từ ngôi tháp của Tam Tổ đến«. vuông, phía dưới là tòa Tu-di cao lớn, ở Lâm Tế ngữ lục ghi: » giữa là thân tháp hình chiếc bát úp xây – gạch sơn màu trắng, nên còn gọi »Ngũ Đài Sư đến ngôi tháp của Tổ Đạt-ma, Tháp chủ Sơn Đại Bạch Tháp«. Hoa cái, ngưỡng hỏi: Trưởng lão lễ Phật trước hay lễ Tổ nguyệt, bảo châu của sát đỉnh đều làm trước«. bằng đồng pha vàng, ánh vàng rực rỡ. Chung quanh eo tháp và tướng luân có treo THÁP VIỆN TỰ 252 chiếc chuông nhỏ, khi gió núi thổi qua Ở phía nam chùa Hiển Thông, thị trấn Đài tiếng chuông kêu đinh đang, rất có phong Hoài, Ngũ Đài Sơn, tỉnh Sơn Tây, Trung vị một chùa cổ. Tháp cao lớn tráng lệ, Quốc, là một trong năm đại thiền tự của hùng vĩ nghiêm túc, thân tháp trắng tinh Ngũ Đài Sơn. Nguyên là tháp viện của nổi bật giữa điện vũ tường đỏ, cây xanh chùa Hiển Thông, thời Minh Tống trùng tu núi biếc, càng cảm thấy vô cùng trong tháp xá-lợi, mới lập riêng thành chùa, gọi sáng, được mọi người xem như là tiêu chí là »Tháp Viện Tự«. Phía trước là Đại hùng của Ngũ Đài Sơn. Tháp này đã có đặc bảo điện, phía sau là Tàng kinh các, Xá-lợi trưng to lớn của tháp Lạt-ma thời kỳ đầu, tháp ở giữa, xung quanh là hành lang, phía lại có phong cách tú lệ của tháp Lạt-ma đông là Thiền viện, bố cục hoàn chỉnh. Các thời kỳ cuối, hiển bày đầy đủ tính chất quá tượng đắp trong mỗi điện được giữ gìn độ, nó chiếm một địa vị trọng yếu trong hoàn hảo, trong Tàng kinh các có Chuyển lịch sử kiến trúc. Nền tòa tháp này xung Luân Tạng 12 tầng làm bằng gỗ, mỗi tầng quanh có hành lang gấp khúc rộng lớn, trên chứa đầy tạng kinh cung cấp cho tăng có nhiều ống sắt tròn viết sáu chữ chân chúng đọc tụng, tín đồ lễ bái. Trong chùa ngôn kinh chú, để cho tín đồ khi đi hành có Bạch tháp cao lớn khiến người chú ý hương nhiễu tháp sờ mó, thay vì tụng niệm được xem là tiêu chí của Ngũ Đài Sơn. kinh văn. Đây là điểm khác biệt với tháp Lạt-ma cỡ lớn

ở khu vực Trung Nguyên. THÁP VIỆN TỰ XÁ LỢI THÁP THẮC SÁT Ở phía nam chùa Hiển Thông, thị trấn Thai Còn gọi: Thái sát. Phó từ, tương đương với

THĂNG TÒA rất, thực tại, quá phần. Tông Môn Võ Khố ngài Vô Cực ở chùa Bảo Lâm xin làm ghi: » điệu, sau đó đến Kinh Châu (nay là huyện

Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc) tham học với – Người xưa rất dứt khoát, còn ngươi Hòa thượng Vô Văn, chợt phát đại nghi, chẳng chịu thực hành một cách dứt khoát. ngày đêm đề khởi tham cứu. Năm 22 tuổi Chỉ vì quá rõ ràng nên người ta hay trì sư đến Tuyên Châu (nay là Tuyên Thành hoãn«. tỉnh An Huy) đăng đàn thụ giới. Sư còn lên Tung Sơn tham vấn một hôm bỗng nhiên THĂNG TÒA có tỉnh, viết kệ như sau: Còn gọi: Thăng đường, Thượng đường. »Động Sơn sương mù lất phất bay Thiền sư vào pháp đường, lên ngồi pháp Tựa lan, trông tạnh suốt cả ngày tòa thuyết pháp cho đại chúng nghe. Minh Đêm về chợt thấy vầng trăng tỏ Giác ngữ lục q. 1 ghi: » Mặt gương muôn tượng thảy hiện bày«. Sư đến Tô Châu tham vấn Thiền sư Thời Úy, cơ ngữ khế hợp nhau. Ngài đích thân

– Sư đến Linh Ẩn, viết pháp ngữ, trao Tăng-già-lê, dùng kệ ấn đại chúng thỉnh sư thăng tòa. Tăng hỏi: chứng cho sư. Sư trở về chùa Bảo Lâm, Rời xa trượng thất Thúy Phong, đi đến đạo đạo phong rực sáng, tăng tục đều kính mộ. tràng Tuyết Đậu, thế nào là Đấng Bất Khoảng niên hiệu Hồng Võ (1368-1398) Động? Sư nói: Xem gió mà điều khiển sư được triệu vào kinh, ứng phó tuyên buồm«. dương tông chỉ, Vua đích thân làm thơ văn Thiên Đâu Suất Huệ Chiếu Thiền sư trong ban tặng sư. Thụy hiệu: Thanh Phúc NĐHN q. 18 ghi: Quảng Huệ Thiền sư. THẮNG NGHIỆP TỰ X. Chúc Thánh tự »Đâu suất đô vô kỹ lưỡng, THẮNG SÀNG Dã hiệu chư phương bảng dạng Giường dây. Một loại giường bề mặt được Ngũ nhật nhất độ thăng đường đan bằng dây, thiền sư thường dùng để Khởi động hứa đa long tượng«. ngồi. Tiết Ngũ Thế Hòa thượng trong TĐT »Đâu Suất không có thủ đoạn q. 15 ghi: »

Noi theo cách thức các phương Năm hôm một bận thăng đường Long tượng nổi lên cũng bộn«.

– Đến niên hiệu Nguyên THẮNG HỌC (1326-1406) Hòa thứ 13 (818) sư hóa duyên đã xong, Thiền tăng đời Minh, họ Trần, tự Vô tắm gội đốt hương, ngồi ngay ngắn trên Niệm, người xứ Tùy Châu (nay thuộc tỉnh giường dây, cho triệu tập chư tăng để ân Hồ Bắc) Trung Quốc. Năm 9 tuổi sư lễ cần dặn dò nhắn nhủ, giảng giải khuyên

THÂN SƠ bảo môn đồ…. Sư ngồi kiết già chắp tay, nối pháp thiền sư Văn Yển, thuộc tông Vân phóng hào quang, trong khoảng sát-na liền Môn đời thứ 2, trụ trì Từ Vân Sơn Tự ở viên tịch«. Liên Châu (tại huyện Liên, Quảng Đông). Tiết Huyền Sa Sư Bị trong NĐHN q. 7 ghi: » THẬM ĐỂ Cái gì? Cái chi? Bài thơ Ngôn Pháp Hoa – Có một bọn Hòa thượng ngồi trong Như Tịnh ngữ lục, q. hạ ghi: giường dây xưng là Thiện tri thức, khi bị người khác hỏi liền động thân múa tay, le lưỡi trừng mắt«. THẶNG NGỮ »Cước hạ trường tha phá mộc lý Lời nói đã có trong tâm nhưng chưa nói ra. Khẩu nội bất tri đạo thậm để? Đối với Thiền tông, có thặng ngữ cũng là Não loạn phong quang một nại hà đã chấp trước vào lời nói, nghĩa lý rồi. Tiết Nam bắc đông tây vô định nghĩa«. Pháp Hoa Toàn Cử Thiền sư trong NĐHN »Dưới chân lê mãi đôi guốc mẻ, q. 12 ghi: »

Trong miệng không biết nói cái chi? – Mở miệng thì thành tăng Làm mưa làm gió ai cũng ngán, ngữ, còn chẳng mở miệng thì thành thặng Nam, Bắc, Đông, Tây loạn xạ bì!«. ngữ«. THÂN ĐÍCH THẶNG NHÂN Khế hợp, ăn khớp với thiền pháp. Tiết Dục Hiệu của Thiền tăng Hàm Khả sống vào Vương Hoài liễn Thiền sư trong NĐHN q. đời Thanh. X. Hàm Khả. 15 ghi: »

THẶNG PHÁP – Nếu là nạp tăng Sự vật hoặc đạo pháp dư thừa, rối rắm. biết việc bên trong của mình, vừa nghe nêu Tiết Thị Đổng Văn Thừa Thiền Nhân trong ra lập tức lãnh hội, chẳng nhận một mảy HSLNMDT q. 1 ghi: » trần, siêu thoát tự tại, thật là khế hợp với thiền pháp.«

– Phật Tổ thương xót bọn THÂN SƠ người này nên chỉ xuất thế một lần, không Khế hợp với thiền pháp là thân. Tách rời, có một pháp dư thừa nào để cho người, không khế hợp với thiền pháp là Sơ. Tiết chẳng qua là chỉ thẳng tâm này, khiến cho Vong tăng cổ túc trong NĐHN q. 6 ghi: tất cả chúng sinh, ngay nơi đó biết trở về«. » THÂM SƯ (905-965)

Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Khổng, người Hoài Tập, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư – Thuở xưa có một

THÂN TÂM NHẤT NHƯ vị thiền sư già bảo: Một mảnh đất này giao Hoặc có người nói: Thân tâm thoát lạc là lại cũng mất ít nhiều thời gian. Ngay đây môn hướng thượng, Thoát lạc thân tâm là ta đợi ông ngươi nhận lãnh! Pháp Nhãn môn hướng hạ. nói: Hôm nay sơn tăng ngồi chờ ngươi nhận lãnh, còn có đạo lý hay không? Cái THÂN THIẾT nào thân, cái nào sơ? Hãy dứt khoát xem!« Khế hợp với thiền pháp. Phần »Tục Nghệ Ngôn« trong NHQL q. 30 ghi: » THÂN TÂM NHẤT NHƯ

Còn gọi: Sắc tâm bất nhị, Tính tướng bất nhị. Thân chỉ cho sắc thân, thân thể. Tâm – Sau ngài Đầu Tử và Phù Dung, người có chỉ cho tâm linh, tinh thần. Tức là nhục thể khả năng làm hưng thạnh tông Tào Động cùng tinh thần là một thể không hai, là 2 là hai vị Thiên Đồng Giác và Chân Hiết mặt của một thể, thân tức là thân của tâm, Liễu. Nhận thức của hai vị rất phù hợp, tâm tức là tâm của thân. Ngoại đạo Tiên-ni tương ứng với thiền pháp, và có đức hạnh (Pàli: Senika) ở Ấn Độ cổ đại, cho rằng cao thượng không hổ với người xưa.« thân là vô thường sinh diệt, duy có tâm là thường trụ bất biến, đây là đối với thân THẦN CHIẾU (776-838) khởi đoạn kiến, đối với tâm khởi thường Thiền tăng đời Đường, họ Trương, người kiến. Bởi thân tâm cùng với thiện ác, khổ Thanh Thành Thục Châu (huyện Quán, Tứ vui đều có tương quan mật thiết, không có Xuyên) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư pháp nào riêng tự tồn tại, nếu thân vô Trí Như ở chùa Thánh Thiện tại Đông Đô, thường sinh diệt thì tâm cũng vậy; nếu tâm thuộc tông Hà Trạch đời thứ 4, trụ trì chùa là thường trụ bất diệt thì thân cũng vậy; Phụng Quốc ở Đông Đô. Hiệu: Văn Từ cho nên cho Thân tâm nhất như; là thật Thiền Sư. Tác phẩm: Thần Chiếu Đại Sư tướng của pháp giới. quảng lục.

THÂN TÂM THOÁT LẠC THẦN CHIẾU ĐẠI SƯ Hiệu của Thiền tăng Pháp Chân sống vào Còn gọi: Thoát lạc thân tâm. Thân tâm đời Đường. X. Pháp Chân. rỗng rang, thoát khỏi mọi phiền não vọng tưởng mà bước vào cảnh giới tự tại chân THẦN ĐẦU QUỶ DIỆN không vô ngã. Thiên Đồng Như Tịnh Thiền Hành vi ngông

cuồng, ngôn hạnh kỳ lạ ít sư Tục ngữ lục q. 8 (Vạn Tục 124, 495 thấy. Vô Môn Quan ghi: » thượng) ghi: »

– Sư gặp dịp vào tăng đường, quở trách các thiền tăng ngủ gục rằng: Tham thiền cốt để thân tâm rỗng – Mỗi ngày, Hòa thượng rang, tại sao chỉ lo ngủ gục?« Thụy Nham Ngạn tự gọi: Ông chủ! Rồi tự

THẦN NGHI (?-1216) đáp: Dạ! Và nói tiếp: Tỉnh tỉnh nghen! Dạ! TẬP Mai kia mốt nọ chớ bị người gạt! Dạ dạ! Gọi đủ: Hồ Thích Hiệu Đôn Hoàng Đường Vô Môn nói: Ông già Thụy Nham tự mua Tả Bản Thần Hội Hòa thượng Di tập. tự bán, có nhiều ngôn hạnh kỳ lạ ít thấy«. Sách, 4 quyển, do học giả cận đại là Hồ Thích biên, được Thư viện Á Đông tại THẦN HỘI (686-795) Thượng Hải ấn hành vào năm 1930. Hồ Thiền tăng đời Đường, người khai sáng Thích sưu tập trong văn hiến Đôn Hoàng tông Hà Trạch, họ Cao, người Tương các tư liệu về Thần Hội và thêm phần đối Dương (Tương Phàn, Hồ Bắc) Trung chiếu hiệu đính với các sách khác như: Quốc. Thuở nhỏ sư học đạo Nho, về sau để Cảnh Đức Truyền Đăng lục, Tống Cao tâm đến Phật giáo, trước tiên theo pháp sư Tăng truyện. Riêng có 4 bài bạt, 1 thiên Hạo Nguyên chùa Quốc Xương xuất gia, Thần Hội truyện, phụ lục 1 quyển (tức là 3 chẳng bao lâu lại theo Thần Tú học tập. bài Thần Hội ngữ lục trong Cảnh Đức Sau đến Tào Khê, Thiều Châu (Thiều Truyền Đăng lục quyển 28). Còn phụ phần Quan, Quảng Đông) tham kiến Huệ Năng, trình bày và phân tích về tư tưởng, dấu vết thông qua hỏi đáp, thử nghiệm mới hay hoạt động, tác phẩm của Thần Hội. thầy trò khế hợp. Sau khi Huệ Năng viên tịch, sư đến khắp nơi trong Lạc Dương THẦN LỘC xiển dương học thuyết của Huệ Năng. Tại 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền chùa Đại Vân sư biện luận với các thiền sư sư Huyền Sa Sư Bị. Khi ra hoằng pháp sư Bắc tông, chỉ trích Bắc tông »truyền thừa trụ viện Vĩnh Hưng tại núi Liên Hoa, Phúc là bàng, pháp môn là tiệm«. Do Bắc tông Châu, thiền tăng bốn phương tụ về. Mân thù ghét nên sư bị đuổi ra khỏi kinh thành. Vương từng mời sư khai đường thuyết Trong khi dẹp loạn sứ quân, sư vì triều pháp. đình mở giới đàn độ tăng, dùng »Hương 2. Thiền tăng đời Tống (872-976), người thủy tiền« giúp cho quân phí. Sau khi hòa xứ Phúc Châu. Sư thờ Thiền sư Thụy bình, vua Đường Túc Tông triệu sư vào Nham Sư Ngạn làm thầy, lâu ngày sư xin cung, cất thiền viện trong chùa Hà Trạch, làm thị giả để báo đáp ân đức của Ngài. Lạc Dương, ban hiệu »Hà Trạch Đại sư«. Sau khi thầy tịch, sư khai sơn lập viện Thụy là »Chân Tông Đại Sư«. Đường Đức Thụy Phong ở Ôn Châu (nay thuộc Chiết Tông truy lập sư làm Tổ thứ bảy Thiền Giang), người học đến nương tựa, đạo đức tông. Thần Hội chủ trương »Vô niệm« làm vang xa. tông, »định huệ nhất thể, bình đẳng song THẦN NGHI (?-1216) tu«, tuyên truyền thuyết đốn ngộ »đơn đao Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn trực nhập, trực liễu kiến tính«. Đệ tử có Vô Thông đời thứ 13, nối pháp Thiền sư Danh, Pháp Như v.v... Tác phẩm: Hiển Thường Chiếu. Sư họ Quách, quê ở Ngoại Tông Ký. Học giả Hồ Thích sưu tập Thần Hội ngữ lục 3 quyển. Trại (nay thuộc tỉnh Hà Tây), miền Bắc Việt Nam. Sau khi Thường Chiếu tịch, sư THẦN HỘI HÒA THƯỢNG DI về trụ trì chùa Thắng Quang làng Thị

THẦN QUANG TỰ Trung, Kim Bài. Nơi đây, sư diễn hóa tông trúc, những thành phần, chi tiết và hình thừa, đồ chúng theo học rất đông. Đến thức của chúng, cách dùng

gỗ lim, nghệ ngày 18 tháng 2 năm Bính Tý, nhằm niên thuật điêu khắc, màu sắc... rất độc đáo. hiệu Kiến Gia thứ 6 (1216) đời Lý Huệ Đặc biệt gác chuông chùa Keo là một kiệt Tông, sư gọi đệ tử là Ẩn Không đến, lấy phẩm kiến trúc mỹ thuật vô giá, một công Chiếu Đối Bản và Nam Tông Tự Pháp Đồ trình kết cấu gỗ 3 tầng, cao 12m, vừa gây của Thường Chiếu trao cho rồi dặn: »Hiện được ấn tượng đồ sộ, vừa có nhịp điệu và nay loạn lạc, người khéo giữ bản đồ này, chi tiết hài hòa: trong cái nguy nga vẫn có cẩn thận đừng để cho binh lửa làm hoại, ắt phần đầm ấm, trong cái cốt cách vươn lên là Tổ phong của ta không mất vậy«. Nói vẫn có cái phong thái khoan thai trầm lắng xong, sư tịch. Theo: Thiền sư Việt Nam của rất Việt Nam. Theo: VHVNTH 1989-1995. HT. Thanh Từ. THẦN SINH PHỐC, THIỆT SINH THẦN QUANG TỰ MAO Còn gọi:
Chùa Keo. Chùa ở làng Dũng Môi miệng lên meo, cái lưỡi sinh mốc. Từ Nghĩa, huyện Giao Thủy, tỉnh Thái Bình, hình dung tình trạng tịnh khẩu rất lâu. Tiết Việt Nam. Chùa khởi dựng vào đầu thế kỷ Khai thị Duy-na trong Duy Tắc ngữ lục q. XVII, đã qua nhiều lần xây dựng lại, đợt 3 ghi: » trùng tu lớn nhất quyết định hình thức của chùa Keo lại ở vào thời kỳ gần một thế kỷ sau (năm 1707). Sử chép rằng, đã có một ngôi chùa Keo cổ sơ, ra đời từ thời Lý – Hơn nữa, cần Thánh Tông ở ven sông Hồng.
Khuôn viên phải tịnh khẩu rất lâu, một chữ chẳng biết chùa rất rộng, diện tích tới 5,7ha, chỗ đặt đến, muôn việc chẳng màng đến. Chỉ thế các công trình chính dọc 300m, ngang ấy mà đun đẩy tiến tới đi! Một hôm nào đó l25m. chợt tan đống rác rưởi, đưa ra một câu Có đến 15 thành phần công năng tạo thành nửa câu làm kinh động đất trời. Lúc ấy, quần thể kiến trúc: cột cờ, sân lát đá, tam tiếng tăm của ông vang dậy, dù không quan ngoài, ao trước chùa, tam quan trong, muốn cũng không được«. sân đất, chùa Hộ, chùa Phật, sân gạch, tòa Giá Roi, tòa Thiêu Hương, tòa Phục Quốc, THẦN TÁN tòa Thượng Điện, gác chuông, nhà Tổ, Thiền tăng đời Đường, người Phúc Châu ngoài ra là hai dãy hành lang chạy dài hai Trung Quốc. Ban đầu sư xuất gia học đạo bên từ chùa Hộ trở vào. Chùa hiện nay còn tại chùa Đại Trung Phúc Châu, về sau hành 107 gian (gác chuông tính một gian), trước cước gặp Bách Trượng Hoài Hải khai ngộ. đây có 154 gian. Trình độ tổ chức không Trở về chùa Đại Trung vì Bản sư thuyết gian ở đây »phức tạp một cách trật tự« theo pháp, Bản sư ngay dưới lời nói của sư liền kiểu »Tiền Phật hậu Tổ: khu chùa phía cảm ngộ. Tuổi già trụ Cổ Linh giáo hóa đồ trước và khu đền thờ Thiền sư Không Lộ chúng. Một hôm, trong tiếng chuông báo phía sau tách khỏi nhau. Các đơn thể kiến cạo tóc tắm gội sư an nhiên thị tịch.

THẬN AM THẦN THAM MỘ THỈNH Võ Tắc Thiên, Trung Tông, Dục Tông tôn trọng sùng bái, ban hiệu »Tam Đế Quốc Sớm thưa chiều hỏi. Vào lúc sáng sớm Sư«. Do ở phương bắc hoằng dương pháp hoặc khi chạng vạng, chư tăng vào phương thiền nên pháp hệ của sư gọi là Bắc Tông. trượng của Hòa thượng để tham bái, thỉnh Sau khi mất, thụy là »Đại Thông Thiền ích. Là luật lệ hằng ngày trong tự viện. sư«. Đệ tử chủ yếu có Nghĩa Phúc, Kính Bích Nham lục q. 1 ghi: » Hiền, Phổ Tịch, Huệ Minh.v.v...
– Người xưa đã sớm thưa chiều hỏi«. THẦN VẪN Lời nói đầu miệng. Tiết Kim Sơn Đàm THẦN TỊCH THAM KHẤU Dĩnh Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: »
Sớm chiều gõ cửa phương trượng để cầu – Vừa dính vào lời nói

liền xin chỉ dạy. Tắc 96, Bích Nham lục (Đại rơi vào ý nghĩ, thảy là cửa chết đều không 48, 219 thượng) ghi: » phải con đường sống.«

– Gần đây THẦN YẾN (?-943) nghe nói Đại sư Đạt-ma ở tại chùa Thiếu Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lý, người Đại Lâm, Huệ Khả mới đến đó sớm chiều gõ Lương (Khai Phong, Hà Nam) Trung cửa cầu xin chỉ dạy. Đạt-ma ngồi ngay Quốc. Thuở nhỏ sư học Nho giáo, thông thẳng, quay mặt vào vách không ngó minh mẫn tiệp. Năm 16 tuổi sư xuất gia, ngàng đến Sư«. hâm mộ pháp thiền. Sau yết kiến Tuyết Phong Nghĩa Tồn, hỏi đáp vừa ý, cơ duyên THẦN TÚ (606-706) khế hợp, rõ ràng liễu ngộ và được truyền Thiền tăng đời Đường, người khai sáng tâm ấn. Mân chúa Vương Thẩm Tri thường Thiền Bắc tông, họ Lý, người Úy Thị, Biện hỏi pháp yếu, xây cất chùa Dũng Tuyền ở Châu (Hà Nam) Trung Quốc. Tuổi trẻ theo Cổ Sơn, thỉnh sư đến ở cử dương tông chỉ. Nho giáo, sư học rộng hiểu nhiều, về sau Thần Yến ở đây hơn 30 năm đồ chúng tụ chuẩn bị xuất gia nghiên cứu Phật điển. hội thường hơn ngàn người. Đời Hậu Tấn, Tầm sư học đạo, đến chùa Đông Sơn núi niên hiệu Thiên Phúc thứ 8 (943) sư thị Song Phong, Kỳ Châu (Kỳ Xuân, Hồ Bắc) tịch, thọ hơn 70 tuổi. Vua ban hiệu »Hưng yết kiến Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, làm tạp dịch Thánh Quốc Sư«. Tác phẩm: Cổ Sơn Tiên 6 năm như bửa củi, gánh nước v.v... Sư rất Hưng Thánh Quốc Sư Hòa thượng Pháp được Hoằng Nhẫn coi trọng, thường nói Đường Huyền Yếu Quảng tập 1 quyển. »pháp Đông Sơn đều thuộc về Tú«. Được tôn làm Thượng tọa. Giữ chức »Giáo thọ THẬN AM sư«. Sau khi Hoằng Nhẫn viên tịch, sư đến Thiền tăng đời Minh, họ Lý, người xứ Hải chùa Ngọc Tuyền núi Đương Dương Xương (nay là huyện Hải Ninh, tỉnh Chiết truyền thọ pháp thiền, đệ tử rất đông. Lúc Giang) Trung Quốc. Thuở bé sư theo Ngọc tuổi hơn 90, sư phụng chiếu vào đô, được Hành Cơ Công ở chùa Linh Ẩn học đạo,

THẬP ĐẮC kinh sách hễ qua mắt là sư đều đọc thuộc. Huyền cơ, Trần dị, Phật giáo, Hoàn hương Lớn lên sư theo vị Trụ trì chùa Linh Ẩn là khúc, Phá hoàn hương khúc, Tứ cơ, Toàn Am Lý Công cạo tóc thụ giới cụ túc, Chuyển vị, Chính vị tiền. Mỗi huyền được và đắc pháp nơi Bích Am Lân Công. làm bằng bài tụng thất ngôn. Năm bài đầu Khoảng niên hiệu Cảnh Thái (1450-1456), tự thuật yếu chỉ tông môn, năm bài sau chỉ sư ra hoằng pháp trụ chùa Hiển Ninh ở ra con đường đi thực tiễn cho người học. Hàng Châu. Khoảng niên hiệu Thiên Do nơi khắc bản sai khác nên tên gọi 10 Thuận, sư trụ trì chùa Linh Ẩn, chấn chỉnh huyền có chỗ bất đồng. quy củ thiền môn, loại bỏ những điều hư tệ lập ra quy chế mới, bồi dưỡng kẻ hậu học THẬP MỤC NGƯU ĐỒ LUẬN nên người học đạo đều tôn trọng sư. Sư GIẢI mất vào năm 73 tuổi. Luận, 1 quyển do Quảng Trí, Thiền sư Việt Nam soạn vào đời Lê Dụ Tông (1719). THẬP ĐẮC Trong Tục Tạng hiện có hai loại tranh chăn Thiền tăng đời Đường, tên họ quê quán trâu. Một là tranh Đại thừa, hai là tranh không rõ. Thiền sư Phong Can đang đi trên Thiền tông. Phổ Minh Thiền sư và Cự đường nơi Xích Thành chợt nghe tiếng trẻ Triệt Thiền sư, mỗi vị lại làm mười bài thi con khóc; bởi là con hoang không nhà cửa, tụng cho mười bức tranh này. Ngài Pháp Phong Can bồng về chùa Quốc Thanh nhờ Thông Quảng Trí đã luận giải mười bài thi chư tăng nuôi dưỡng nên có tên là »Thập tụng của Phổ Minh Thiền sư, lời văn rất Đắc«. Khi lớn lên sư được giao việc lo sáng sủa, ý nghĩa rất uyên bác, chú trọng nhang đèn nơi Thực đường. Một hôm sư thức tỉnh lòng người học tu đúng chính leo lên

bàn ngồi ăn cùng các tượng Phật, pháp. Trước khi vào chính luận, ngài có kêu Kiều Trần Như là Tiểu quả Thanh văn, viết một đoạn luận về chưa chăn, toàn đề cười đùa không xem ai ra gì; chư tăng đánh cập đến những hạng trong giới xuất gia mà đuổi sư; bãi chức rồi sai làm việc dưới nhà không nói gì đến hạng tại gia, quả đây là trù. Bình sinh bộ dạng điên khùng làm bạn lời nhắc nhở sâu xa của ngài đối với kẻ tu với Hàn Sơn, hay ngâm vịnh xướng họa hành. Dưới đây là nội dung 10 bức tranh với nhau, thi phong rất tự nhiên thanh chăn trâu kèm theo 10 bức tranh khổ lạc thoát. Sau đó sư cùng Hàn Sơn đi ra khỏi nhân duyên: chùa không ai biết dấu tích. Người đời sau 1. Vị mục (chưa chăn) + Khoan hoài du sưu tập thơ của sư và gởi vào cuốn »Hàn ngoạn ẩm tửu. Sơn Tử Thi tập«. 2. Sơ điều (mới dắt) + Sơ tĩnh lự. 3. Thọ chế (chịu phép) + Tĩnh lự. THẬP HUYỀN ĐÀM 4. Hồi đầu (quay đầu) + Tĩnh lự. Thi ca, 1 quyển, do Thiền sư Đồng An 5. Thuần phục (ngoan ngoãn)+ Khinh an. Thường Sát soạn vào đời Đường, được xếp 6. Vô ngại (Không ngại) + Hòa quang vào »Cảnh Đức Truyền Đăng lục« quyển đồng trần. 29, »Liên Đăng Hội Yếu« quyển 30. Nội 7. Nhậm vận (Theo cuộc) + Tuyền thạch tự dung chia ra 10 huyền: Tâm ấn, Tổ ý, ngu.

THẬP PHƯƠNG PHẬT THÁP 8. Tương vong (Quên nhau) + Đại thể đại là cách tính giờ của người Trung Quốc thời yết. xưa, đem trọn một ngày đêm chia làm 12 9. Độc chiếu (Riêng chiếu) + Giác thiên giờ như: Tý, Sửu, Dần, Mão v. v... Mỗi hoảng lộ. giờ bằng 120 phút của giờ hiện nay. Tiết 10. Song dẫn (Cả 2 đều vắng bặt) + Nan Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong danh nan trạng (Khó gọi tên, khó miêu tả). NĐHN q. 4 ghi: » Đây là quyển sách được viết ra do 1 thiền sư thạch trụ và theo lời yêu cầu của vua Lê – Có người hỏi: Dụ Tông nên là 1 tư liệu Thiền tông quý Trọn ngày đêm dụng công ra sao? Sư đáp: giá của dân tộc Việt Nam. Ngươi bị trọn ngày đêm sai khiến, còn Lão tăng đây sai khiến được trọn ngày đêm.« THẬP NGƯU ĐỒ TỤNG 2. Tên gọi một loại ca khúc của thế gian. Gọi đủ: Trụ Đảnh Châu Lương Sơn Quách Cứ mỗi ca khúc được chia làm 12 bài ca Am Hòa thượng Thập Ngưu Đồ Tụng Tinh nhỏ (đoạn), mỗi đoạn được phân biệt bằng Tựa tập tranh, 1 quyển, do Quách Am Sư cách lấy tên của 12 giờ đặt cho, như: Dạ Viễn vẽ vào đời Tống, có thuyết nói do bán tý (Tý. Nửa đêm), Kê minh sửu (Sửu. Thiền sư Thanh Cư vẽ, được xếp vào Tục Gà gáy), Bình đán dần (Dần. Tờ mờ sáng) Tạng kinh tập 113, trang 917. Thập ngưu Nhật xuất mão (Mão. Mặt trời lên) v. v... đồ (10 bức tranh chăn trâu) theo thứ tự là: Loại thể tài ca khúc này thường được giới 1. Tìm trâu. tăng sĩ sử dụng như: Thập nhị thời ca của 2. Thấy dấu. Hòa thượng Bảo Chí trong Cảnh Đức 3. Thấy trâu. Truyền Đăng Lục quyển 29. 4. Được trâu. 5. Chăn trâu. THẬP PHƯƠNG PHẬT THÁP 6. Cưỡi trâu về nhà. 7. Quên trâu còn người. Còn gọi: Chư Phật Tháp, Thất Phật Tháp. 8. Người trâu đều quên. Nằm trong khuôn viên chùa Ngũ Tổ, cách 9. Trở về nguồn cội. trung tâm huyện Hoàng Mai, tỉnh Hồ Bắc, 10. Vào chợ duỗi tay. Trung Quốc 12km về phía đông, được xây Mười bức tranh này lấy việc chăn trâu làmvào niên hiệu Tuyên Hòa thứ 3 (1121) đời đề tài chính và dưới mỗi bức đều có phụ Tống. Tháp xây bằng sa thạch màu xanh, 7 phần tự tự cùng kệ tụng để giải thích tầng, hình bát giác, cao 6,36m. Chính diện phương pháp và thứ lớp của việc tu thiền.tầng thứ nhất xây một Phật khám, trên đỉnh Thập Ngưu Đồ được in chung với Tín Tâm Phật khám khắc hai

chữ »Thập phương«, Minh, Chứng Đạo Ca, Tọa Thiền Nghi nên gọi là »Thập Phương Phật Tháp«. thành 1 quyển sách mang tên »Tứ Bộ Dưới đáy Phật khám khắc một chữ »Phật« Lục«. lớn. Ngoài ra bảy mặt có khắc danh hiệu bảy vị Phật, đó là Nam Mô Đa Bảo Như THẬP NHỊ THỜI Lai, Bảo Thánh Như Lai, Diệu Thanh Sắc 1. Mười hai giờ trong trọn ngày đêm. Đây Như Lai, Quảng Bác Thanh Như Lai, Ly

THẬP PHƯƠNG PHỔ GIÁC TỰ Bố Úy Như Lai, Cam Lộ Vương Như Lai, điện.
Trong Ngọa Phật điện có tượng Phật A-di-đà Như Lai, nên còn gọi là »Thất nằm bằng đồng được tạo vào niên hiệu Chí Phật Tháp«, »Chư Phật Tháp«. Tầng 2, 3, Trị thứ 1 (1321) đời Nguyên, dùng 50 vạn 4 mặt nam có mở ra Phật khám, trong cân đồng, dài hơn 5m, tay phải áp má, tay khám tượng Phật tạo dáng nghiêm cẩn, trái duỗi thẳng, mặt sau là 12 tượng Phật hình tướng khôi ngô, sinh động rất giống, nặn bằng đất đứng xung quanh, biểu thị phong cách thanh tú, là tác phẩm thượng cảnh tượng Thích-ca Mâu Ni niết bàn dưới thừa trong các tượng Phật Bồ Tát điêu cây sa-la dặn dò hậu sự đối với đệ tử, tạo khắc đá vào đời Tống. dáng hồn hậu chất phác và trong sáng, thể hiện sự thành tựu cao độ của nghệ thuật THẬP PHƯƠNG PHỔ GIÁC TỰ điêu khắc và kỷ thuật đúc tượng đời Nguyên. Sau Ngọa Phật điện có Tàng kinh Ở sườn nam núi Thọ An, thuộc Bắc bộ Tây lâu 5 gian. Đông viện có Trai đường, Đại Sơn, khu Hải Điện, thành phố Bắc Kinh, thiền đường, Tế nguyệt hiên, Thanh lương Trung Quốc. Chùa được xây dựng vào quán, Tổ đường. Tây viện là Hành cung. khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-649) Trong chùa có đầm ao lang đình, tùng xanh đời Đường, ban đầu gọi là »Đâu Suất Tự«. trúc biếc, cây xưa đá lạ, ngoằn ngoèo thú Niên hiệu Diên Hựu thứ 7 (1320) đời vị, có đầy đủ phong vị đình viên. Nguyên mở rộng xây dựng, sử dụng lao động hơn vạn người, hao mất 500 vạn THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI THỊ lượng bạc, niên hiệu Chí Thuận thứ 2 TOÀN THÂN (1331) hoàn thành, đổi tên là »Chiêu Hiếu Pháp thân của người triệt để giác ngộ đầy Tự‹, »Hồng Khánh Tự«. Khoảng niên hiệu khắp cả mười phương thế giới, cùng với Tuyên Đức, Chính Thống (1426-1449) đời mười phương thế giới kết thành một khối, Minh xây cất lại nữa, đổi tên là »Thọ An nên nói: »Thập phương thế giới thị toàn Sơn Thiền Lâm«, cùng ban tặng một bộ thân«. Đây là cảnh giới thiền ngộ. Minh »Đại tạng kinh« đặt ở điện Chư Phật. Niên Giác ngữ lục q. 1 ghi: hiệu Thành Hóa thứ 18 (1482) nơi cao ráo » phía trước chùa xây một tòa Như Lai Bảo Sở dĩ Tháp, khoảng niên hiệu Sùng Trinh (1628-Trường Sa Hòa thượng đạo: Bách xích can 1643) đổi tên là »Vĩnh An Tự«. Niên hiệu đầu tu tiến bộ… thập phương thế giới thị Ung Chính thứ 12 (1734) đời Thanh trùng toàn thân. – Thế nên Hòa thượng Trường tu, ban tên »Thập Phương Phổ Giác Tự«. Sa nói: Đầu sào trăm trượng cần phải tiến Bởi trong chùa có tượng Phật nằm bằng bước…. mười phương thế giới là toàn đồng rất lớn đời Nguyên cho nên tục gọi là thân.« »Ngọa Phật Tự«. Chùa quay lưng về hướng bắc mặt nhìn về hướng nam, do ba THẬP VẠN BÁT THIÊN cụm sân sướng ngang hàng họp thành. Mười muôn tám ngàn (108.000).
Ý chỉ xa Trong chùa kiến trúc chủ yếu có Thiên lìa thiền pháp mười muôn tám ngàn dặm, vương điện, Tam thế Phật điện, Ngọa Phật cũng chính là căn bản không hợp với thiền

THẤT THÁP TỰ pháp. Vô Môn Quan ghi: » THẤT THÁP TỰ
1 , – Thử Ở phố Bách Trượng, thành phố Ninh Ba, hỏi là
có thuyết pháp hay không có thuyết tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, bởi trước pháp? Mở miệng liền mất, ngậm miệng chùa có xây 7 tòa bảo tháp mà có tên, là cũng chẳng còn, chẳng mở chẳng ngậm, một trong bốn đại tùng lâm ở Chiết Đông. mười muôn tám ngàn!« Chùa được xây vào niên hiệu Đại Trung thứ 12 (858) đời Đường, đương thời do
THẤT CẤP PHÙ ĐỒ THÁP Quan tể Phần Ninh là Nhậm Cảnh Cầu bỏ nhà làm
chùa, gọi là »Đông Tân Thiền Là tháp 7 tầng chùa Cực Lạc, thành phố Viện«, thỉnh Thiền sư Tâm Cảnh chùa Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Hắc Long Giang, Trung Thiên Đồng trụ trì. Niên hiệu Đại Trung Quốc, nên còn gọi »Thất cấp phù đồ tháp«. Tường Phù thứ 1 (1008) đời Tống lại đổi X. »Cực Lạc Tự Tháp«. tên là »Sùng Thọ Tự«. Vào đời Tống vùng Ninh Ba trên biển buôn bán phát đạt, Phật THẤT HOA BÁT LIỆT giáo thịnh hành,
chùa nhờ gần thành nên Còn gọi: Thất điên bát đảo, thất chi bát hương khói ngày càng thịnh. Niên hiệu tiết, thất linh bát lạc, thất ao bát đột. Hồng Vũ thứ 20 (1387) đời Minh, bởi trên 1. Lúng ta lúng túng. Phần Bình xướng, tắc biển không yên ổn, Dương Hòa mới đem 9, Triệu Châu Tứ Môn trong Bích Nham tăng chúng chùa Phổ-đà và tượng Phật lục q. 1 (Đại 48, 149 hạ) ghi: » Quán Âm đến chùa này, thờ tượng Quán
Âm nơi Đại hùng bảo điện, và đổi tên chùa – Vừa hỏi đến, tợ như rất cao
minh; là »Bổ Đà Tự« cũng gọi »Tiểu Phổ-đà«, một khi bị bức bách thì lúng ta lúng túng«. »Nam Hải Phổ-đà«. Niên hiệu Khang Hy 2. Tan nát. Tắc 14, Bích Nham lục (Đại 48, thứ 21 (1682) đời Thanh, ở trước chùa xây 154 hạ) ghi: » 7 tòa bảo tháp bèn
đặt tên là »Thất Tháp – Chùy sắt không lỗ đập Tự«. Niên hiệu Quang Tự thứ
16 (1890) do cho tan nát con chuột gặm gừng sống«. Từ Viễn Trường Chí trụ trì, sửa sang chùa 3. Đại triệt đại ngộ. Niệm Phật Tông Thừa chiền, thiền tăng tụ hội. Năm thứ 20 (1894) của Thiền sư Triệt Ngộ ghi: ban tấm biển »Thất Tháp Báo Ân Tự«.
Năm Dân Quốc trở đi, truyền giới giảng kinh, kiến thiết Tàng kinh
lâu, lập Phật học »Nhất cú Di-đà, Ngũ tông công án viện, đại chấn tông phong Lâm Tế. Tự viện Bát liệt thất hoa. bất lao phán đoán«. hiện giữ gìn hoàn hảo, có Thiên vương »Một câu Di-đà, công án năm tông điện, Đại hùng bảo điện, Đại thánh điện, Đại triệt đại ngộ, chẳng nhọc phán đoán«. Ngọc Phật điện, Phương trượng viện. Trong chùa còn có tháp Thiền sư Tâm THẤT SƯ Cảnh xây vào niên hiệu Hàm Thông thứ 14 Đời Đường, thiền tăng Mễ Hòa thượng còn (873) đời Đường, hai chiếc chuông đồng được gọi là Thất sư. X. Mễ Hòa thượng. đời Tống, 500 họa tượng La hán đời

THẤT THÔNG BÁT ĐẠT Thanh. THẬT Đối lại: Quyền. Nhà Phật thường gọi
chân THẤT THÔNG BÁT ĐẠT lý vĩnh hằng bất biến là »Thật«. Bích Nham lục q. 1
ghi: » Mô tả cách ngộ triệt để rõ ràng, Vận dụng –
thông suốt không chướng ngại. Tiết Lặc Một tiếng hét này cũng có quyền, cũng có Đàm Thiện Thanh Thiền sư trong NĐHN thật, cũng có chiếu, cũng có dụng«. q. 7 ghi: »
Tiết Nghệ Ngôn trong NHQL q. 29 ghi: – »
Con vào chỗ chân thật, được ngồi mặc áo. Từ đây
về sau hãy tự giữ gìn, tự nhiên ngộ – Tuy cùng là giáo triệt để rõ ràng vận
dụng thông suốt không pháp của Phật mà Đại, Tiểu chẳng đồng; chướng ngại.« dù cùng

là Đại thừa mà quyền thật chẳng đồng. Bởi vì căn cơ đã có muôn loại sai THẤT TRUNG BÁCH VẤN khác cho nên giáo pháp không phải một thứ«. X. Thùy ngữ bách tắc.

THẬT ÂM (1718-1791) Thiền tăng đời Thanh, họ Chung, tự Phật THẤT XUẤT BÁT MỘT Duệ, người xứ Hán Dương, Hồ Bắc, Trung Mô tả cách ngộ triệt để, vận dụng không bị Quốc. Nối pháp Thiền sư Minh Trung, đời chướng ngại. Pháp Diễn Ngữ Lục q. thứ 40 hệ Nam Nhạc. Trụ trì các chùa Càn thượng ghi: » Phong, Nam Bình, Thánh Nhân. Tác phẩm: Phật Duệ tập. – Sư đến chùa Long THẬT TẾ LÝ ĐỊA Môn thượng đường nói: Bộ có lưỡi mới hoạt bát sao? Không lưỡi đâu phải câm. Chỉ cảnh giới thiền ngộ chân thật không Khi triệt ngộ vận dụng không chướng ngại hai, thanh tịnh vô nhiễm. Bài tựa của Như thật là phong lưu nho nhã. Rồi xuống toà.« Tịnh ngữ lục ghi: »

THẤT XUYÊN BÁT HUYỆT – Luận về đạo của Phật Tổ thì thật tế lý địa vốn lìa tướng ngôn ngữ, nhưng trong Còn gọi: Thất huyệt bát xuyên, Thất tung cửa Phật sự thì rủ lòng từ đến mọi vật, bát hoành, Thất xuất bát một, Thất thông mặc dù chẳng phải là hữu vi mà không bát đạt. Đại triệt đại ngộ. Tắc 6, Bích phải là không nói«. Nham lục (Tục 117,135 thượng) ghi: » THẬT TÍNH – Đại triệt đại ngộ còn muốn gì đây? Bản tính, chân tính cùng với các từ »Pháp Hãy tha cho một phen.« tính«, »Chân Như« đồng nghĩa, chỉ cho

THÂU TÂM tính chất chân thật của sự vật. Tào Khê Đại – sư Biệt truyện ghi: » Thí chủ thỉnh sư thượng đường. Sư dựa tòa nhìn quanh quất, chợt giơ gậy lên, nói: Hiện giờ Phật phóng ánh sáng giúp phát huy nghĩa thật tướng«.

– Uẩn cùng với giới, phàm phu THẬT TƯỚNG VÔ TƯỚNG thấy là hai, người trí thấu rõ tính nó không hai, tính không hai ấy tức là thật tính. Minh cùng với vô minh, phàm phu thấy là Ý nói tướng trạng chân thật và tướng trạng hai, người trí thấu rõ tính nó không hai, không cụ thể của sự vật. Đây là ý chỉ Thiền tính không hai ấy tức là thật tính. Thật tính tông trừ sạch mọi chấp trước trần tục, vọng thì không hai«. tâm phân biệt. Chương Thích-ca mâu-ni Phật trong CĐTĐL q. 1 ghi: » THẬT TRÍ (900-972) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lý, tự Thanh Duệ, người Khúc Giang, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Văn – Yển, thuộc tông Vân Môn đời thứ 2, trụ Phật thuyết pháp 49 năm, sau đó bảo Tổ Nam Hán La Hán tự. Ma-ha ca-diếp rằng: Ta đem thanh tịnh pháp nhãn, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng THẬT TƯỚNG vô tướng, vi diệu chính pháp để giao phó Tướng trạng chân thật xưa nay của sự vật, cho ông. Ông nên giữ gìn, và bảo A-nan cũng là chân lý tuyệt đối chân thật không làm người phụ tá thứ hai để truyền hóa, hai, vĩnh hằng bất biến. Từ này cùng với không cho dứt mất«. các từ Pháp tính, Chân Như có cùng một ý nghĩa: THÂU TÂM Nếu nói về nghĩa thể tính vạn pháp thì gọi là Pháp tính. Tâm trộm cắp; trong Thiền lâm chỉ tâm hướng ngoại phân biệt. Hư Đường lục q. 3 Nếu nói về nghĩa chân thật thường trụ (Đại 47, 1011 thượng) ghi: » thì gọi là Chân như. Ngoài ra, thật tướng còn có những tên gọi – khác: Nhất thật, Nhất như, Nhất tướng, Vô Tăng nói: Học nhân đêm nay nhờ oai lực tướng, Pháp thân, Pháp

chứng, Pháp vị, của đại chúng xin hỏi một câu được Niết-bàn, Vô vi, Chân đế, Chân tính, Chân chăng? Đáp: Thằng quỷ có tâm trộm bị không, Thật tính, Thật đế. Đạo Phật cho người ghét«. rằng khi nào không còn những chấp trước của nhận thức thế tục thì thật tướng mới Ngoài ra đối với tâm hướng ngoại tìm cầu hiển lộ. Mật Am ngữ lục ghi: » không dừng thì gọi là Thâu tâm vị chỉ, Thâu tâm du vị chỉ.

THẤU LY VI THẤU LY VI chỉ là ở chỗ niệm lự nổi lên, dùng ngay cơ Thoát khỏi hai phần đối lập ly (thể) và vi dụng chặt đứt, ngay nơi đó quét sạch nó (dụng), cũng chính là kết hợp thể và dụng đi; nhằm khi sự vật che lấp liền có tầm làm một. Như Tịnh Ngữ lục q. hạ ghi: » nhìn xuyên thấu cửa ải thiền cơ chiếu phá triệt để, chợt thấy suốt nguồn tâm, giống như sờ thấy lỗ mũi bên cạnh môi miệng tự nhiên ổn đáng trăm bề, chẳng đợi hỏi người nào khác.« – Gọi là cây gậy thì phạm, chẳng gọi THẤU TAM QUAN là cây gậy thì trái, không được nói, không Vượt qua ba cảnh giới tham thiền từ thấp được nín… chưa từng gần gũi sớm cách lên cao. đại thiên; việc hướng thượng được lập bày 1. Quá sơ quan = Thấu Tổ sư quan. Hành nhằm hiển thị giáo pháp một cách triệt để giả dứt sạch phàm tình, thấy rõ các pháp càng không dính dáng. Ở đây đừng nói đến hư vọng không thật và tỏ ngộ tâm tính bản khuôn mẫu, thoát khỏi hai phần đối lập thể nguyên của mình. Pháp Diễn ngữ lục q. và dụng chưa? Hãy bước ra cùng cây gậy thượng ghi: chứng cứ.« THẤU QUAN Vượt qua cửa ải thiền ngộ. Như Tịnh Ngữ »Sư thượng đường nói: lục q. hạ ghi: » May mà không một vật Hành cước cốt tham thiền – Như nay trong chúng, không có ai Lại bị thiền trêu tức ngoài lời nói vượt qua cửa ải thiền ngộ Chẳng lọt Tổ sư quan sao? Hãy bước ra làm cho mọi người thấu Thế nào là Tổ sư quan? rõ được thiền pháp giáo ngoại biệt truyền Đem lửa vào chuồng bò«. để thư thái cả đời.« 2. Phá trùng quan: Sau khi kiến tính lại dụng công tu trì thì chẳng những không bị THẤU QUAN NHÃN »Có« làm chướng ngại, mà cũng không Tầm nhìn xuyên thấu cửa ải thiền cơ, chỉ chấp trước nơi »Không«. Tham Thiền Phổ pháp nhã. Thị Tâm Nguyên Tụ Duy-na Thuyết ghi: » trong DTNL q. 3 ghi: » – Đại tham tức là trùng nghi (ngộ rồi nghi lại). Có công phu trùng nghi chắc chắn sẽ phá trùng quan«. 3. Thấu lao quan: Sau cùng lại dụng công tu luyện, liền có thể đạt đến cảnh giới »Tịch chiếu không hai« »Có không vô – Luận đến việc muốn thấu rõ ngại«, dù ngũ dục hiện tiền cũng vận dụng nguồn tâm, đặc biệt không có thuật gì lạ, tự như mà không mất bản tính. Kệ khai

THÊ HÀ TỰ ngộ của Thiền sư Hà Sơn Thủ Tuần ghi: Sư thượng đường nói: May mắn không một vật, hành cước cốt tham thiền. Lại bị thiền tướng gạt, không vượt cửa Tổ sư. Thế nào là cửa Tổ sư? Đem lửa vào chuồng bò.« »Chung nhật khán thiên bất cử đầu THÊ HÀ TỰ Đào hoa lạn mạn thỉ đài mâu Nằm trên sườn phía tây Trung Phong, núi Nhiêu quân cánh hữu già thiên võng, Thê Hà, đông bắc thành phố Nam Kinh, Thấu đắc lao quan tức tiện

hưu«. tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Niên hiệu »Suốt ngày trông trời chẳng ngẩng đầu, Vĩnh Minh thứ 1 (483) đời Nam Tề, ẩn sĩ Minh Tăng Thiệu sửa nhà làm Thê Hà tinh Nhìn đào rực rỡ mới ngước cao xá. Đường Cao Tổ Lý Uyên đổi tên chùa là Dù anh có lưới che trời lại »Công Đức Tự«, còn xây cất thêm lâm Thấu được lao quan mới nghỉ ngơi«. cung phạm vũ 49 sở, diện mạo chùa thay THẤU THOÁT đổi lớn, nổi tiếng nam bắc, cùng với Thiên 1. Siêu thoát. Uyển Lăng lục ghi: » Thai Quốc Thanh Tự, Trường Thanh Linh Nham Tự, Đương Dương Ngọc Tuyền Tự được gọi là »Thiên hạ tứ đại tùng lâm«, – Chính vì chẳng khởi các »Thiên hạ tứ tuyệt«. Đời Nam Đường Cao kiến chấp, không một pháp khả đắc chẳng Việt cất Xá-lợi thạch tháp, đổi tên là »Diệu bị pháp làm chướng ngại, siêu thoát cảnh Nhân Tự«. Niên hiệu Thái Bình Hưng giới phàm thánh trong ba cõi nên mới Quốc thứ 5 (980) đời Tống đổi tên là »Phổ được gọi là xuất thế Phật«. Vân Tự«. Niên hiệu Cảnh Đức thứ 4 2. Thông suốt. Tiết Kính Sơn Liễu Nhất (1007) đổi tên là »Thê Hà Thiền Tự«. Niên Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » hiệu Nguyên Hựu thứ 8 (1093) đổi tên là »Nham Nhân Sùng Báo Thiền Viện«, sau còn gọi »Hổ Huyệt Tự«. Niên hiệu Hồng – Kẻ sĩ tham Vũ thứ 25 (1392) đời Minh sắc thư »Thê cứu tâm, khi chạm cảnh gặp duyên, chẳng Hà Tự«. Niên hiệu Hàm Phong thứ 5 thể thông suốt ngay được, bởi vì nghiệp (1855) đời Thanh chùa bị chiến tranh phá thức sâu nặng, tình vọng kết chặt, sáu căn hủy. Niên hiệu Quang Tự thứ 34 (1908) về chưa chịu dừng đụng đâu kẹt đấy«. sau, những vị tăng trụ trì Tông Ngưỡng, Nhã Thuấn nối nhau tu sửa dần dần khôi THẤU TỔ SƯ QUAN phục như cũ. Trong chùa hiện còn Sơn Vượt qua cửa ải thiền cơ của Tổ sư, chỉ môn, Thiên vương điện, Tỳ Lô điện, Tàng cho việc khế hợp, lãnh ngộ thiền pháp của kinh lâu, Nhiếp thúy lâu, ngoài ra còn có Tổ sư. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: Đại Phật các, Thiên Phật nham, Xá-lợi » tháp, thạch tháp đời Ngũ Đại và bia đá đời Đường, có giá trị lịch sử và nghệ thuật rất – cao.

THÊ HÀ TỰ XÁ LỢI THÁP THÊ HÀ TỰ XÁ LỢI THÁP chứa kinh Pháp Hoa, trước tháp có ba gian nhà đá, chung quanh có tường đá bao bọc. Nằm trong khuôn viên Thê Hà Thiền Tự, Công trình to lớn, tinh xảo tuyệt luân, trải núi Thê Hà, thành phố Nam Kinh, tỉnh qua 5 năm mới hoàn thành. Đến cuối đời Giang Tô, Trung Quốc, được xây vào niên Minh tháp này được trùng tu lại, hiện nay hiệu Nhân Thọ thứ 1 (601) đời Tùy, sau đó vẫn còn bệ tháp, nhà đá và số ít tượng bị hủy. Thời Nam Đường, Cao Việt, Lâm Phật, bia đá. Nhân xây dựng lại, xây bằng đá, 5 tầng, hình bát giác, cao 15m. Phần dưới tháp là THÊ THIỀN TỰ một tòa Tu-di điêu khắc tinh mỹ, trên khắc X. Thảo Đường Tự. hoa sen nở xòe ba lớp nâng đỡ thân tháp. Tầng thứ nhất của tháp khá cao, từ đây trở THẾ BẢO lên bày 5 tầng mái kín, là tháp xây trau Vật báu của thế gian. Tổ 27, Bát-nhã Đa-la chuốt bằng đá theo kiểu mái kín, mái vươn trong CĐTĐL q. 2 ghi: » ra rất xa, vẫn còn gìn giữ đặc điểm kiểu lâu các. Khắp thân tháp bố trí dày đặc điêu sức tinh mỹ, có thể gọi là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc to lớn. Nền tòa khắc các – Tôn giả loại cá cua ếch, phần thắt lưng trên tòa Tu- muốn thử sở

đắc của họ liền đem viên ngọc di là tranh truyện Phật »Thích-ca Bát vừa được vua tặng ra, hỏi ba vị vương tử Tướng«, trên thân tháp là Kim Cang lực sĩ, rằng: Viên ngọc này sáng lắm, có vật gì tiểu Phật, những điêu sức này đều sinh sánh bằng nó không?... Vị vương tử thứ ba động tinh tế đẹp đẽ. là Bồ-đề Đa-la thưa: Đây là vật báu của thế gian, chưa đủ làm tột. Trong các thứ THÊ HIỀN SƠN quý báu, chỉ có pháp bảo là tột.« X. Tam Giác Sơn. THẾ ĐẾ THÊ HIỀN THIỀN VIỆN THẠCH Nhà Phật gọi chân lý của thế gian là Thế THÁP đế. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » Tháp nằm trên núi Tam Giác cách trung tâm huyện Kim Đường tỉnh Tứ Xuyên Trung Quốc 3km về phía bắc. Theo tấm – Nếu dùng chân lý thế gian để xem xét nó, bia đời Minh »Thê Hiền Sơn Đạo Tràng Tào Sơn nên ăn hai mươi gậy. Nếu dùng Thiền Viện Thạch Tháp Ký«, niên hiệu thiền pháp của Tổ sư để xem xét nó, Bạch Hồng Vũ thứ 31 (1398) đời Minh, vua Vân tôi nên ăn hai mươi gậy.« Thục Vương cho xây 168 ngôi tháp nhỏ ở phía sau Thiền viện Thê Hiền, họp thành THẾ ĐẾ PHÁP một đại thạch tháp, gọi là »Vô Lượng Bảo Phương pháp, nguyên tắc, lý lẽ của thế tục. Tháp«. Mỗi tháp có khắc 500 tượng Phật, Phạm Kỳ ngữ lục q. 2 ghi: » tổng cộng 84.000 tượng Phật. Trong tháp

THẾ THÀNH (1260-1332) – Dùng tụ hội hơn 3 ngàn người. Đời Minh, niên thế đế pháp để tiếp dẫn người sẽ rơi vào hiệu Hồng Vũ thứ 3 (1370) sư phụng chiếu trong thế đế pháp; dùng cơ Tổ Phật để tiếp đến dự pháp hội Tưởng Sơn, không bao lâu dẫn người sẽ rơi vào trong cơ Tổ Phật.« viên tịch. Tác phẩm: Nhị Hội ngữ lục.

THẾ NGHIỆP THẾ PHÁP 1. Nghề nghiệp sinh sống trong cuộc đời. Bao gồm các lý lẽ, nguyên tắc, phương Tiết Long Đàm Hòa thượng trong TĐT q. pháp của muôn sự muôn vật ở thế gian. 5 ghi: » Tiết Tư Thọ Ni Diệu Tổng Thiền sư trong – Sư húy là NĐHN q. 20 ghi: » Sùng Tín, chưa rõ họ là gì. Lúc còn ở thế tục là thợ làm bánh.« – Mỗi ngày đều là 2. Nhà cửa ruộng vườn của ông cha để lại. ngày tốt, Phật pháp thế pháp thảy vẹn Tiết Thạch Đầu Hòa thượng trong TĐT q. toàn. Chẳng cần riêng kiếm lý u huyền, Cứ 4 ghi: »Thời Lục Tổ chính dương chân ướt bát cho ngày hai cữ.« giáo, sư thế nghiệp lân tiếp Tân Châu, toại vãng lễ cẩn. – Lúc Lục Tổ xiển dương giáo THẾ THÀNH (1260-1332) nghĩa Thiền, thế nghiệp của sư kề cận Tân Thiền tăng đời Nguyên, họ Lưu, hiệu Châu, liền đi đến lễ bái.« Tuyệt Học, người đời gọi là »Tuyệt Học Thế Thành Thiền sư«, người xứ Cát Thủy THẾ NGU (1301-1370) (nay thuộc tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. Thiền tăng đời Nguyên, họ Dư, tự Kiệt Năm 17 sư tuổi đi buôn đến núi Tam Phong, người Tây An (Cù Châu, Chiết Tuyền, Đại Trị tại Hưng quốc (nay thuộc Giang) Trung Quốc. Xuất gia thuở nhỏ, sư Giang Tây), chợt gặp dị tăng là Vô Tướng. lớn lên theo Cổ Nhai, Thạch Môn Học học Vô Tướng khuyên sư nên học Phật, Thế đạo. Lại tham kiến nhiều bậc tôn túc Bố Thành liền bỏ việc buôn bán để tu thiền Nạp, Đoạn Nhai, Trung Phong nhưng định, cạo tóc xuất gia. Sư tham học với các không khế hợp, bèn ẩn cư trong núi Nam vị thiền sư trong đất Ngô như: Mông Sơn Bình khổ tham công án »không phải tâm, Đức Dị, Cập Am Tông Tín, Tỉ Nhai Giới không phải Phật, không phải vật«, ba năm Công rồi đến Tương Nam yết kiến Thiết không ra khỏi cửa, một đêm

nghe vị tăng Ngưu Trì Định, khối nghi tan vỡ và khai bên cạnh tụng »Chứng Đạo Ca«, sư có ngộ, được nối pháp Ngài, thuộc tông Lâm tỉnh, yết kiến Thiền sư Chỉ Nham Thành Tế. Lăng Cảnh Nhân ở Hồng Châu (nay là được ấn chứng rồi nối pháp. Niên hiệu Chí huyện Nam Xương tỉnh Giang Tây) thỉnh Thuận thứ 2 (1331) sư trở về trụ núi Ô sư trụ trì am Linh Thứu Phong Cung để Thạch, Tây An suốt 16 năm không ra khỏi hoằng hóa thiền pháp; người học vân tập núi. Xây dựng chùa Phúc Huệ, tụ họp đồ gồm các sư từ Tây Vực, Cao Ly, Việt chúng khai pháp, danh tiếng ngày càng lẫy Nam, Nhật Bản. Công Khanh sĩ thứ đều lừng. Sau sư dời sang chùa Hưng Long, ngưỡng mộ, nhà nhà đều họa tượng sư để Thạch Khê, Quảng Đức (An Huy) thiền lữ thờ. Mỗi khi sư cắt móng tay hoặc rụng

THẾ VINH một chiếc răng nào, mọi người tranh nhau – Linh quang
lượm để phụng thờ. sáng tỏ, thoát hẳn căn trần, thể lộ chơn thường, chẳng mắc văn tự. Tâm tính không THẾ VINH nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng Vinh hoa của thế tục. Tiết Hoài Nhượng, duyên, tức như như Phật.« đời thứ 1 dưới Đại Giám trong CTTNL q. 1 ghi: » – THỂ LỘ KIM PHONG Pháp khí của quốc gia,
không nhiễm vinh Thân bày gió thu, dụ cho sự tự tại của hoa của thế tục.« người tu sau khi kiến tính. Tắc 27, Bích Nham lục (Đại 48, 167 trung) ghi: » THẾ XUẤT THẾ
Thế tục và siêu thoát thế tục, thân dù ở – Tăng hỏi Vân
Môn: trong thế tục mà siêu thoát thế tục. Thị Khi lá rụng cây trơ trụi thì thế nào? Vân Chân Ẩn Chu cư sĩ trong MANL ghi: » Môn đáp: Thân bày gió thu«.
THỂ NHU – Suốt ngày qua lại ở Thiền tăng
đời Tống, nối pháp Thiền sư trong thanh sắc mà thanh sắc chẳng thể Thê Hiền Trừng Thực, thuộc tông Pháp nhiễm ô. Thân dù ở trong thế tục mà siêu Nhãn. Sư trụ núi Tây Dư ở An Cát (nay thoát thế tục, như hoa sen chẳng dính thuộc Chiết Giang). Một hôm, sư thượng nước, đâu chẳng thư thái cả đời sao!« đường, lặng lẽ một hồi rồi nói: Hãy đợi tuyết tan rồi, tự nhiên Xuân sẽ đến. THỂ HẢI (1834-1889) Thiền tăng đời Thanh, họ Lý, tự Duy THI CA (THIỀN TÔNG) Thanh, người xứ Hiếu Cảm, Hồ Bắc, Hình thức sáng tác văn học, nghệ thuật cao Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Như Giám quý thể hiện được tâm trạng khai ngộ của Đạt Trừng, đời thứ 45 hệ Nam Nhạc. Niên thiền tăng qua ngôn ngữ hàm súc, giàu hiệu Quang Tự thứ 7 (1881) sư sáng lập hình ảnh và nhất là có nhịp điệu. Nói đến chùa Viên Chiếu ở Hán Dương để hoằng thi ca Thiền tông, trước tiên phải bàn đến pháp. KỆ. Đây là một thể thơ trong kinh Phật (Ấn Độ), thông thường do 4 câu hợp thành, THỂ LỘ CHÂN THƯỜNG có cách luật nhất định. Thiền sư làm thơ, hình thức đa dạng, rất khó phân loại, có khi Vật thể hoàn toàn hiển bày tướng trạng là kệ, có khi là thi ca. Thí dụ như: chân thật, vĩnh hằng, là điều mà nhà Phật Tín Tâm Minh của Tam tổ Tăng Xán. gọi là Chơn Như. Đây là cảnh giới của Bài kệ: »Bồ đề bản vô thọ« của Tổ Huệ người ngộ thiền. Tiết Bách Trượng Hoài Năng. Hải Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: » Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia Huyền
Giác. Bài thơ »Qua suối« của Động Sơn

THỈ ĐẢM TỬ Lương Giới. cơ nhân duyên khó có thể lãnh ngộ, không Căn cứ vào cách biên tập của các tác phẩm dễ ứng phó, có bao nhiêu người nhận định thi ca, có thể chia chúng ra làm 2 loại: sai lầm?«. 1. Biệt tập, như: »Hàn Sơn Tử Thi tập«, »Thuyền Tử

Hòa thượng Bạt Trạo Ca«, THI THIẾT »Thiền Nguyệt tập«, »Nghĩ Hàn Sơn Thi«, 1. Biện pháp của thiền sư chọn lấy để tiếp »Thiền Nhạc Phủ«. dẫn người học. Lâm Tế ngữ lục ghi: » 2. Hợp tập như: »Thiền Môn Chư Tổ Sư Kệ Tụng«, »Giang Hồ Phong Nguyệt tập«, »Thiền tông Tạp Độc Hải«...

– Ngày nay Phần tụng cổ chuyên tập cũng có thể được nhận thức người đang nghe pháp đây, vốn xem là thi ca chuyên tập. Trong khá nhiều là vô hình vô tướng, vô căn vô bản, không ngữ lục biệt tập của thiền sư có một vài trụ xứ, mà hoạt bát rõ ràng. Cần có muôn quyển chuyên thu thập về thi ca. Như thứ biện pháp, chỗ dùng chỉ là không chỗ.« quyển 5 của »Hư Đường Hòa thượng ngữ 2. Chọn lấy biện pháp tiếp dẫn người học. lục« chuyên gom góp các bài Tụng cổ thi, Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » quyển 7 chuyên thu thập về kệ tụng. Trong tác phẩm Đăng lục cũng có một số trang – ghi chép về thi ca của các thiền sư, như Tăng hỏi: Đức Sơn không trả lời, ngàn đời quyển 29, 30 của »Cảnh Đức Truyền Đăng vững chỗ quan trọng. Tối nay Bạch Vân lục« lấy thi ca làm chính. Ngoài ra còn một tiểu tham, chưa biết lực chọn biện pháp số thơ thiền trong các Thi văn tập của tiếp dẫn người học ra sao?« những văn nhân học sĩ ưa thích thiền học. THÍ LỢI THI KHIÊU BẤT THƯỢNG, TẮNG Của cải do người đời quyên tặng cho tự CHƯNG BẤT THỤC viện, cho tăng sĩ. Tông Môn Võ Khố ghi: »
Muỗng múc chẳng được, nồi hấp chẳng – Trưởng lão Phúc ở Trường chín. Thiền cơ nhân duyên khó có thể lãnh Lô, đạo nhãn chẳng sáng. Thường mang ngộ, không dễ ứng phó. Thi khiêu bất của cải quyên tặng.« thượng: ý nói mềm nhũn. Tắng chưng bất thục: ý nói còn sống, còn cứng. Vô Môn THÍ TAM THỐN Quan ghi: »
Ý nói phát biểu ý kiến, giảng giải. Tham thốn: Lưỡi. Tiết Phúc Tiên Chiêu Khánh Hòa thượng trong TĐT q. 13 ghi: »
– – Vừa mới giảng Cái lão này (chỉ Thích-ca Mâu-ni) tác yêu giải đã rơi vào đường.« tác quái khiến cho con cháu trăm ngàn đời bị lời nói rối rắm trói buộc, chưa ra khỏi THỈ ĐẢM TỬ được. Hình như công án loại này là thiền Kẻ gánh phẩn, chỉ thân thể con người. Lâm

THỊ (K. NG) Tế ngữ lục ghi: » hán. Ý nói là một kẻ trượng phu chân chính, là một người tham thiền chân chính. – Đại
Là lời nói quen thuộc của nhà thiền. Vô đức, ngươi gánh túi bát là kẻ gánh phẩn Môn Quan ghi: » chạy sang nhà hàng xóm cầu Phật cầu Pháp, ngày nay tìm cầu như thế, ngươi có biết y chăng? –
Cả thảy thành bốn mươi tám tắc, gọi chung là »Vô Môn Quan«. Nếu là THỊ (k. ng) người tham thiền chân chính, chẳng màng 1. Đặt trước đại từ nhân xưng, không có ý đến nguy vong, một dao vào thẳng, dù cho nghĩa thực cũng không có tác dụng phán Na-tra tám tay cản cũng không nổi.« đoán. Tiết Đức Sơn Duyên Mật Thiền sư Tiết Dương Kỳ Phương Hội Thiền sư trong trong NĐHN q. 15 ghi: » NĐHN q. 19 ghi: » – Gương xưa rộng một trượng, đòn dông dài ba thước, cái bát của ông rộng bao nhiêu?« 2. Đặt trước đại từ nhân xưng làm tăng thêm ngữ khí hỏi vặn. Tiết Đông Tự Như

Niệm Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: » – Một hôm, Minh (chỉ Hòa thượng Từ Minh) thượng đường. Sư bước ra nói: Khi chim rừng kêu rì rầm, mây từ vào núi loạn thì sao? Từ Minh đáp: ta đi trong cỏ hoang, – Công (chỉ cho Tướng quốc Thôi còn ngươi vào xóm vắng. Sư thưa: Việc Quần) thấy con chim sẻ ỉa trúng ngay đầu công phải hết sức chặt chẽ, lại mượn một tượng Phật, liền hỏi: Chim sẻ có Phật tính câu hỏi. Từ Minh liền hét. Sư thưa: Hét hay là không? Sư đáp: Có. Công nói: Vì hay quá! Minh lại hét. Sư cũng hét. Minh sao nó lại ỉa trên đầu tượng Phật? Sư bảo: hét luôn hai tiếng. Sư lễ bái. Từ Minh nói: Vì sao nó lại không ỉa trên đầu con chim Việc này phải là người tham thiền chân Diêu?« chính mới có khả năng ứng cơ ngộ nhập.« 3. Đặt trước đại từ nhân xưng, làm tăng ngữ khí khuyên răn. Tiết Tuyết Phong HòaTHỊ CHÚNG thượng trong TĐT q. 7 ghi: » Còn gọi: Thùy ngữ. Thiền sư chỉ dạy yếu chỉ Thiền cho môn đệ và đại chúng trong – Sư dạy chúng rằng: Nam Sơn có thiền viện. Phẩm Định Huệ trong Đàn con rắn lớn, các ông cần phải chú ý!« Kinh (Đại 48, 352 hạ) ghi: » THỊ CÁ HÁN – Sư dạy chúng: Thiện tri thức, pháp môn Còn gọi: Thị cá nhân, Thị cá trượng phu của ta lấy định huệ làm gốc«.

THỊ TỊCH Trong các kinh lục, từ ngữ Thị chúng được Kinh Pháp Bảo Đàn sử dụng sớm nhất. – Lời dẫn: Chỗ thị phi rối rắm, phức tạp đến nỗi Thánh cũng không thể biết; có khi THỊ DIỆT dùng phương pháp nghịch thuận dọc (Tăng nhân) mất, chết. Tông Môn Võ Khố ngang để xử lý thì Phật cũng không thể ghi: » biện. Đây là bậc tu hành vượt hẳn thế gian – Bậc tôn túc các nơi thị hiện bày khả năng siêu quần của Bồ Tát«. diệt, hỏa thiêu toàn thân được xá-lợi rất nhiều.« THỊ TẮC

THỊ ĐỒ Tuy vậy, cho dù như thế. Quan hệ từ. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » Chỉ dạy (đạo pháp) cho các học tăng. Chương Lâm Tế Nghĩa Huyền Thiền sư – Cho dù cả hai đều là bậc tác gia, rong CĐTĐL q. 12 ghi: » cũng cần phải biết nắm đuôi cọp, chẳng – Trong lúc ấy đem cái gì chỉ dạy cho thể cưỡi đầu cọp.« các học tăng.«

THỊ HIỆN THỊ TẬT Phật, Bồ Tát tùy theo cơ duyên cứu giúp Bị nhuốm bệnh nặng sắp chết, lâm bệnh. chúng sinh mà hóa hiện các thứ thân hình Chương La Hán Quế Sâm trong CĐTĐL q. vào trong cuộc đời. Như Tịnh ngữ lục q. 21 ghi: » thượng: » – (Thiền sư Quế Sâm) lâm bệnh ít hôm, ngồi yên mà qua đời.« – Bậc chí nhân giáo Chương Nam Tuyền Phổ Nguyện trong hóa không còn sinh tử, thị hiện có đến có CĐTĐL q. 8 ghi: » đi ở cõi Diêm-phù, thành Chính giác trong rất nhiều thế giới có lầu vàng, điện ngọc.« – Sư lâm THỊ MỘT bệnh..., trối lại với môn đồ rằng: Ta như huyễn ảnh của đèn, sao, kể cũng đã khá Cái gì. Đại từ nghi vấn. Thần Hội ngữ lục lâu rồi, các ngươi đừng cho là ta có sinh ghi: » ra và mất đi nhé. Nói xong rồi qua đời.« – Hỏi rằng: Cái này giống cái gì? Đáp: Không giống vật gì cả. THỊ TỊCH THỊ PHI GIAO KẾT XỨ Còn gọi:

Thị tịch diệt. (Tăng nhân) chết, mất. Tông Môn Võ Khố ghi: » Chỗ thị phi rối rắm phức tạp. Tắc 41, Bích – Nham lục (Đại 48, 178 hạ) ghi: » Sư nhân Hòa thượng Trạm Đường thị tịch, mời ngài Giác Phạm kể về sự nghiệp của Trạm Đường.«

THỊ TU THỊ TU điển nhã lung linh. Cần phải. Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » THÍCH CHÚNG – Nếu muốn Tăng chúng. Chương Sư Tử Tỷ-kheo, Tổ giáo hóa người, cần phải có phương tiện, thứ 24 trong CĐTĐL q. 2 ghi: » chớ khiến người nghi ngờ, tức là tính giác hiện.« – Quả nhiên Vua tức giận, nói: Lâu THỊ VẬT nay ta sùng kính Tam bảo, mà sao mưu hại Cái gì? Đại từ nghi vấn. Thần Hội ngữ lục ta đến thế này? Vua liền ra lệnh phá huỷ ghi: » chùa chiền, loại trừ tăng chúng«. – Hỏi: Cái gì là pháp sinh diệt? Đáp: Ba đời là pháp sinh diệt.« THÍCH CƯỚC Bước chân đi. Tiết Thạch Sương Khánh THÍCH-CA ĐA BẢO NHƯ LAI Chư Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: » PHẬT THÁP Ở phía trước chùa Ngũ Tổ, cách trung tâm huyện Hoàng Mai, tỉnh Hồ Bắc, Trung – Sư hỏi tăng: Ngươi Quốc 12km về phía đông. Căn cứ vào bài vừa rời chỗ nào? Đáp: Biết rõ đường đi. minh ghi trên thân tháp, tháp xây vào niên Sư vẽ ngay trước mặt ông tăng một đường, hiệu Tuyên Hòa thứ 3 (1121) đời Tống. hỏi: Ngươi bước chân đi như thế, có biết Tháp xây bằng nham thạch sa lạp, 5 tầng, được cái này chăng?« hình bát giác. Phía dưới là tòa Tu-di thắt lưng cánh sen, thắt lưng hình bát giác đều THÍCH ĐẦU có một tượng khắc Lực sĩ nâng đỡ tháp, Chui đầu vào. Tiết Chư Phương Quảng tạo dáng phong cách vững vàng khỏe Ngữ trong GTPĐL q. 25 ghi: » mạnh, vô cùng sinh động. Trên tòa Tu-di là thân tháp kiểu cái trống đứng, mặt nam thân tháp có tạc Phật khám, trong khám thờ tượng Phật ngồi. Bên phải khám khắc 8 – Nếu chưa chữ »Thích-ca Đa Bảo Như Lai Phật được chỉ rõ chỗ ngộ nhập, chỉ là chạy theo Tháp«, bên trái khắc tên họ những người lời nói của người khác, chui đầu vào trong quyên góp xây tháp. Trên Phật khám là kinh luận để tìm huyền diệu, giống như vào mái tháp kiểu hoa núi lá chuối, mái tháp biển đếm cát, gõ vào hư không tìm tiếng mỗi tầng đều là hình thức phỏng theo kiến vang, chỉ càng nhọc nhằn, rốt cuộc không trúc gỗ, nhưng đồng thời kèm theo cảm có ngày xong«. giác phong phú của kiến trúc nặng nề của đá. Tầng trên cùng là bảo cái cánh sen, trên THÍCH ĐẦU NHẬP GIAO BỒN bảo cái có chiếc bát úp và bảo châu đỉnh sát, tháp thể tuấn tú vững vàng, điêu khắc Còn gọi: Thích não nhập giao bồn. Đâm

THIÊN đầu vào bồn keo. Thiền tông mượn cụm từ này để chỉ cho việc chấp ngôn ngữ văn tự – Quan Quán sát họ là cứu cánh Phật pháp mà không thoát ra Nhậm là bậc hiền sĩ trong hàng quý phái được. Tiết Pháp Xương Ỷ Ngộ Thiền sư rất được vua sủng ái. Họ Nhậm dốc lòng trong NĐHN q. 16 ghi: » nghiên cứu đạo Phật, tham vấn các bậc – Còn ngươi đâm đầu vào thiện tri thức ở các nơi«. bồn keo để làm gì?« Tiết Viên Thông Đạo Mân Thiền sư trong THÍCH THỊ GIÁO NĐHN q. 12 ghi: » Chỉ cho Phật giáo. Bài tựa Lục Tổ Đàn – Cần nhất là chớ có đưa đầu vào bồn Kinh của Lang Giản ghi: » keo«.

– Địa vị của Lục Tổ đối với Phật giáo có thể nói hết sức THÍCH LAI quan trọng«. Vừa rồi, ban nãy. Minh Giác ngữ lục q. 2 THÍCH THÍCH BẤT HƯU ghi: »

– Lại hỏi người thứ ba: Hai Hình dung miệng nói rất nhiều, huyên người vừa rồi bị thua rồi, còn ngươi kham thiên không dừng. Bác Sơn Hòa thượng làm gì nữa? Tăng do dự, sư liền hét.« truyện trong NLQL q. 35 ghi: »

THÍCH THẢNG PHÂN MINH – Đang trên đường, hai người luận về ý chỉ của Ngũ vị quân thần, Thật là rõ ràng. Tiết Tư Thọ Ni Diệu Tổng Hòa thượng nói huyên thiên không dừng, Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: »

Thọ Xương đều cho là đúng«. THIÊN Rất, đặc biệt. Tiết Minh Châu Bố Đại Hòa thượng trong NĐHN q. 2 ghi: – Không cất bước mà vẫn đến lầu gác của ngài Di-lặc, không phản văn mà vẫn vào phổ môn của ngài Quán Âm. Tình cùng với vô tình, tính tướng bình đẳng. »Thị phi tắng ái thế thiên đa Không phải là thần thông diệu dụng, cũng Tử tế tư lương nại ngã hà? không phải là pháp nhĩ như nhiên. Nếu Khoan khước đổ trường tu nhẫn nhục thấy được chỗ này thật là rõ ràng thì ân Khoát khai tâm địa nhậm tùng tha« Phật ân vua đồng thời báo đáp«. »Phải trái ghét yêu đời rất nhiều THÍCH THỊ Xét suy kỹ lưỡng phải làm sao? Mở rộng lòng ra cần nhẫn nhục Chỉ cho đạo Phật, Phật pháp, Phật môn. Tâm hồn cởi mở mặc người ta«. Tông Môn Võ Khố ghi: »

THIÊN CHÂN PHẬT THIÊN CHÂN PHẬT Chỉ cho bản tính tự nhiên vốn sẵn có, không phải do sức người tạo nên. Lục Tổ Lạc Đạo Ca ghi: – Ngày trước, pháp do Lục Tổ đại sư nói, đều là ý viên đốn của Đại Thừa nên được khen đó là kinh. Kinh ấy nói gần mà ý xa, lời chân thật nghĩa rõ ràng khiến người tụng tiếp »Thố giác trượng, quy mao phất thu được. Ngài Minh Giáo Tung thường Nhược dục mích thời hựu vô vật khen rằng: Người thiên cơ linh lợi đạt Bất phất thế gian địa trần ai được chỗ sâu xa của nó, kẻ thiên cơ chậm Tận phất bản lai thiên chân Phật«. lụt cũng hiểu được theo cách nông cạn. »Gậy sừng thỏ, chổi lông rùa Đúng thay lời nói nầy!« Bằng lúc muốn tìm không một vật THIÊN CUNG TỰ Chẳng phủi thế gian cát bụi mù Ở thành phố Lạc Dương, tỉnh Hồ Nam, Phủi sạch bản lai thiên chân Phật«. Trung Quốc. Nguyên là nhà cũ của vua THIÊN CHÍNH NGŨ VỊ Đường Thái Tông. Niên hiệu Trinh Quán thứ 6 (632) xuống chiếu đổi làm chùa. Trình bày hệ thống htiền pháp của tông Năm thứ 12 (638) cho Pháp Hộ làm chủ Tào Động (được khai sáng bởi Lương Giới chùa, cao tăng đến chùa này rất đông, trở và Bản Tịch), cũng là phương pháp đặc thành chùa nổi tiếng ở Lạc Dương. Huệ Tú biệt của tông này dùng để tiếp dẫn người từng trụ chùa này, giữ giới nghiêm cẩn, học. X. Ngũ vị quân thần. Tiết Tông Thừa thông đạt thiền định. Lúc Võ Hậu đến Lạc Yếu Nghĩa trong DTNL q. 9 ghi: »

Dương thường mời ngài đến hỏi pháp yếu. Còn có Thần Tú hoằng dương Thiền Bắc tông tại chùa này. Hiện chùa đã không còn nữa. – Tông Tào Động tùy theo lời nói mà THIÊN ĐẢNG tiếp người, tùy căn cơ mà ứng vật, chỉ dạy Chấp nghiêng về một phía, lệch một bên. bằng Thiên chính ngũ vị, công huân ngũ vị, Chương Tín Tâm

Minh của Tam Tổ Tăng ngũ thần ngũ vị, vương tử ngũ vị, phân biệt Xán Đại Sư trong CĐTĐL q. 30 ghi: rõ thể dụng, quét sạch tình trần khiến cho vật ngã đều quên, nhân pháp đều bặt mà thôi.« »Nhất không đồng lưỡng THIÊN CƠ Tề hàm vạn tượng Bất kiến tinh thô Căn khí, căn cơ trời sinh. Lời bạt của Tông Ninh hữu thiên đảng«. Bảo trong Đàn Kinh ghi: » »Một KHÔNG đồng với hai,

THIÊN ĐỒNG TỰ Cùng bao hàm vạn tượng THIÊN ĐỒNG TỰ Chẳng thấy tinh tế thô sơ Đâu có thiên lệch một bên«. Chùa nằm ở chân núi Thái Bạch, phía đông huyện Ngân, thành phố Ninh Ba, tỉnh THIÊN ĐỒNG CHÍNH GIÁC Chiết Giang, Trung Quốc, là 1 tự viện lớn THIỀN SƯ QUẢNG LỤC của Thiền tông. Vào niên hiệu Vĩnh Khang thứ 1 (300), đời Tây Tấn, ngài Nghĩa Hưng Còn gọi: Hoằng Trí Thiền sư quảng lục, đến đây cất am ở. Niên hiệu Khai Nguyên Hoằng Trí quảng lục, Hoằng Trí lục, Phổ thứ 20 (732) đời Đường, ngài Pháp Tuyền Chiếu Giác Hòa thượng ngữ lục. Ngữ lục, bắt đầu chính thức xây chùa. Đến niên hiệu 9 quyển, do Thiên Đồng Chính Giác soạn Chí Đức thứ 2 (757), ngài Tông Bật chọn vào đời Tống, Tông Pháp và Tập Thành đất để xây chùa mới (tức nền hiện nay). cùng biên tập, và được xếp vào Tục Tạng Niên hiệu Càn Nguyên thứ 2 (759), vua kinh tập 124, trang 657. Thiên Đồng Chính ban tên là »Thiên Đồng Linh Lung Tự«. Giác là đệ tử của Đan Hà Tử Thuần thuộc Niên hiệu Hàm Thông thứ 10 (869), đổi tông Tào Động, cùng với Đại Huệ Tông tên là Thiên Thọ Tự. Niên hiệu Cảnh Đức Cảo của tông Lâm Tế, cả hai được xem là thứ 4 (1007), đời Tống, đổi tên là Cảnh hai cửa cam-lộ lớn vào lúc đương thời. Đức Thiền Tự. Niên hiệu Hồng Võ thứ 25 Thiền mặc chiếu của Thiên Đồng Chính (1392), đời Minh đổi tên là Thiên Đồng Giác thực hành lấy việc tĩnh tọa khán tâm Thiền Tự, Tỉnh Sách phong là ngôi chùa làm căn bản. Từ các chỗ trong quyển 8 của thứ 2 trong 5 ngôi chùa Thiền tông ở sách này chúng ta có thể thấy ý chỉ của Trung Hoa. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 15 Thiền mặc chiếu. (1587), do nạn cháy rừng toàn chùa bị Chính Giác cho rằng Thiền mặc chiếu thiêu hủy. Niên hiệu Sùng Trinh thứ 4 »không có nhiều lời nói, lặng lẽ là phải«. (1631), đời Minh chùa được Thiền sư Mật »Ngươi nhằm trong ấy lo lường, hư mà Vân xây dựng lại; trong vòng vài năm linh, không mà diệu« cũng chính là thông hoàn thành: Thiên vương điện, Đại hùng qua phương thức tĩnh tọa mặc chiếu mà thể bảo điện, Tàng kinh lâu, Chung lâu, La- ngộ tâm hư linh không diệu. Sách này là tư hán đường, Vân thủy đường. Đời Thanh, liệu quan trọng để nghiên cứu về sự phát Vua ban cho hiệu Hoằng Pháp Tự, sau đó triển tông Tào Động. gọi là Thiên Đồng Hoằng Pháp Tự, cùng với Kim Sơn Tự ở Trấn Giang, Thiên Ninh THIÊN ĐỒNG TRIỆT (1621- Tự ở Thường Châu, Cao Mân Tự ở Dương 1705) Châu được xếp là 4 ngôi chùa lớn của Thiền tăng đời Thanh, họ Tiêu, tên Triệt, Thiền tông. Năm 1979, chùa được sửa tự Thiên Nhạc, hiệu Bản Thư, người xứ Kỳ sang toàn diện. Từ đời Nam Tống đến nay, Xuân, Hồ Bắc, Trung Quốc. Nối pháp chùa Thiên Đồng là nơi tăng chúng vân Thiền sư Linh Thứu Thành, đời thứ 39 hệ tập, các bậc cao tăng xuất hiện. Nhiều đời Nam Nhạc. Trụ trì Thiên Đồng sơn tự. Có cao tăng trụ trì như: Hoằng Trí Chính Giác, ngữ lục truyền lại đời. Trường Ông Như Tịnh, Mật Vân Viên

THIÊN ĐỒNG TỰ THẤT PHẬT THÁP Ngộ. Các vị tăng Nhật Bản như: Vinh Tây, Vân (là pháp hiệu của thiền sư Pháp Diễn) Đạo Nguyên lần lượt đến chùa này cầu làm chứng giùm cho, sẽ được sung sướng pháp vào niên hiệu Càn Đạo thứ 4 (1168), cả đời. Có chăng? có chăng?« đời Tống, sau khi trở về nước, các vị sáng lập »Nhật Bản Phật Giáo Tào Động Tông«, THIÊN HOA LẠC, THẠCH ĐIỂM toàn thể Phật giáo đồ suy tôn chùa Thiên ĐẦU Đồng là Tổ đình. Hoa trên trời rơi xuống, đá gật đầu. Hình dung việc giảng kinh thuyết pháp rất hay THIÊN ĐỒNG TỰ THẤT PHẬT làm người nghe cảm động, đến nỗi trên trời THÁP có hoa thơm rơi xuống, đá cứng cũng cảm Ở trước điện Thiên vương, chùa Thiên động mà gật đầu. Tiết Vân Cư Đạo Ưng Đồng, huyện Ngân, thành phố Ninh Ba, Thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: » tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Là bảy ngôi tháp nhỏ bày hình chữ nhất () là kiến trúc thời đại Tống Nguyên. Phần nền tòa

– Này các vị, dù của tháp hình bát giác, bệ nền mỗi ngôi cho học được việc bên cạnh các đức Phật tháp là một tầng, phần dưới là chân đàn, sớm đã lầm dụng tâm. Chẳng thấy người Như Ý khám. Trên đặt nền tòa 2 tầng, tầng xưa giảng được hoa trên trời rơi xuống, đá dưới cao, tầng trên thấp, thân tháp là hình gật đầu còn chẳng dính dáng đến việc của bầu dục, chọn dùng theo kiểu »Suất đổ chính mình«. ba«. Phần trên là mái tháp khắc bằng đá, đỉnh tháp hình lục giác nhọn đầu, góc mái THIÊN HOA LOẠN TRỤY vểnh lên, đỉnh tháp độ nghiêng dốc đứng. Thất Phật Tháp mang một tác dụng như sợi Hoa trời rơi tới tấp. Truyền thuyết khi dây gắn bó cho cảnh quan trong ngoài Lương Võ Đế, pháp sư Vân Quang giảng Thiên vương điện. kinh, cảm động đến trời, hương hoa từ không trung rơi tới tấp. Về sau, nhà thiền THIÊN HẠ HOÀNH HÀNH dùng từ ngữ này hình dung việc thuyết pháp hay, làm cảm động mọi người. Hình dung khí thế vận dụng vô ngại, chẳng Chương Thanh Bình sơn Linh Tuân Thiền chịu người lừa, tùy chỗ làm chủ của người sư trong CĐTĐL q. 15 ghi: » ngộ đạo. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: »

– Thử hỏi là cái gì? – Nếu chưa hiểu ý Phật, giả sử Trong chúng hoặc có tiên đức nào tham trên đầu phun ra nước, dưới chân xẹt ra thiền đã lâu, hoặc có người ngộ đạo vận lửa, thiêu thân đốt tay, thông minh, biện dụng vô ngại, hoặc có nạp tăng đủ con mắt tài, tập họp được một hai ngàn môn đồ, trên trán hay chăng? Hãy bước ra để Bạch thuyết pháp như mây như mưa, giảng kinh

THIÊN LẠI được hoa trời rơi tới tấp, chỉ thành tà Thiền sư Vạn Phong Thời Uùy mà đắc thuyết, tranh luận thị phi, cách Phật pháp pháp, đời thứ 26 hệ Nam Nhạc. Sư là một rất xa.« trong những Tổ sư tông Tào Khê Triều Tiên. THIÊN HÓA Còn gọi: Niết-bàn, Viên tịch, Diệt độ, THIÊN KHOAN ĐỊA TRÁCH Thuận thế, Quy chân. Chỉ cho việc thị tịch của hàng tăng lữ. Những bậc Cao tăng có Còn gọi: Thiên địa huyền thù, Thiên địa đức độ, khi duyên giáo hóa chúng sinh ở huyền cách. Cách đạo rất xa. NĐHN q. 9 cõi này đã hết liền dời sang cõi khác để ghi: » hóa độ chúng sinh ở đó. Truyện Đàm Giới – Nếu nói được thì trong Lương Cao Tăng truyện q. 5 (Đại 50, ông có con mắt tham học, nếu nói không 356 hạ) ghi: » được thì cách đạo rất xa«. – Thân có ánh sáng Lâm Tế ngữ lục ghi: »

chiếu ra, gương mặt vui vẻ, bỗng nhiên thị tịch«.

THIÊN HOÀNG TỰ (68) – Thế nào là pháp?

Pháp tức là Ở huyện Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc, Trung tâm pháp, tâm pháp không hình, thông Quốc. Chùa được xây dựng vào đời Lương suốt mười phương, hiện dụng trước mắt. Vì Nam Triều, khi ấy Pháp Luận từng ở chùa con người chẳng thể tin nổi bèn nhận này dạy dỗ đệ tử. Đời Bắc Chu Võ Đế, đây danh, nhận cú, hướng trong danh tự, so đo là nơi hủy Phật pháp của Nan Ba và Kinh tìm nghĩa; thế là còn cách thiền pháp rất Sở, bởi trong chùa có tượng Khổng Tử do xa!«. vị tăng vẽ nên được đổi làm trường học, Tham thiền kệ trong Thiền Tịnh Hợp Yếu tránh khỏi bị hủy diệt. Thời Đường Đức của Thiền sư Phương Tụ Thành ghi: Tông, Linh Giám nghinh đón đệ tử nối pháp của Thạch Đầu Hy Thiên là Thiền sư Đạo Ngộ đến bản tự, tu sửa đường vũ, »Tham thiền đệ nhất hoằng dương Phật pháp. Đời Tống ban đầu Hoảng hốt bất đắc gọi là »Thái Bình Hưng Quốc Tự«, sau đổi Hào ly hữu sai tên là »Càn Minh Tự«. Khoảng niên hiệu Thiên địa huyền cách«. Hồng Vũ (1368-1398) đời Minh xây dựng »Pháp tham thiền đệ nhất lại. Lờ mờ thì chẳng đắc Phân biệt dù mảy may THIÊN HY (1335-1415) Cách đạo còn xa lắc«. Thiền tăng Cao Ly, họ Phác. Niên hiệu Chí Chính thứ 24 (1364) vượt biển sang nhà THIÊN LẠI Nguyên (Trung Quốc) tầm phỏng thiện tri Sáo trời, tức là những âm hưởng của tự thức, đến chùa Thánh Ân tham học với nhiên như gió thổi vào hang, tiếng reo của

THIÊN LIỄU BÁCH ĐÁNG cây... Thiên Bán Dạ Thì trong Khóa Hư ưa dùng. Tào Sơn ngữ lục ghi: » lục ghi: » – Nếu chẳng diệu

– Cúi nghĩ, giọt lậu canh ba ngộ thì cùng với thiền nghĩa cách nhau rất vừa chuyển, sáo trời muôn tiếng đều im«. xa«.

THIÊN LIỄU BÁCH ĐÁNG THIÊN MỤC MINH BẢN THIỀN SƯ TẠP LỤC

Còn gọi: Thiên ẩn bách đáng. Mục đích X. Trung Phong Hòa thượng Tạp lục. của đời tu (việc lớn) xong xuôi. Việc lớn đã xong. Tiết Tông Thừa Yếu Nghĩa trong THIÊN NHIÊN (739-824) DTNL q. 9 ghi: » Thiền tăng đời Đường, người Đặng Châu (Hà Nam) Trung Quốc. Ban đầu sư theo

Nho nghiệp, sắp vào Trường An ứng thí, – gặp thiền tăng mà tỉnh ngộ bèn bỏ thi cử và Người đại triệt đại ngộ tức là ngươi, ngươi đến yết kiến Thạch Đầu Hi Thiên cầu học đến được trình độ này mới là lúc xong xuôi thiền pháp, chấp dịch 3 năm mới được cạo việc lớn, mới tự thấy Thích-ca cùng Đạt- tóc thụ giới. Lại tham kiến Mã Tổ Đạo ma không có đất dung thân, còn nói gì đến Nhất được pháp hiệu »Thiên Nhiên«. Ở núi Vân Môn, Lâm Tế!« Thiên Thai, ngọn Hoa Đỉnh 3 năm, lại đến Tiết Thị Tâm Nguyên Tụ Duy-na trong Kính Sơn tham bái Thiền sư Quốc Nhất. DTNL q. 3 ghi: » Sau vào chùa Huệ Lâm ở Lạc Dương gặp phải trời rét liền đốt tượng Phật gỗ để sưởi ấm nên danh tiếng đồn khắp nơi, »Đơn Hà thiêu Phật« trở thành công án Thiền tông nổi tiếng. Sư trở về quê ở núi Đơn Hà hoằng hóa thiền phong, đời gọi là »Đơn Hà – Luận đến việc muốn thấu rõ nguồn Thiên Nhiên«. Thụy là »Trí Thông Thiền tâm, không có thuật lạ nào khác, chỉ ở sư«, tháp hiệu »Diệu Giác«. khoảng suy nghĩ lo lắng đang cuộn trào THIÊN NINH TỰ

mãnh liệt, cần chặt đứt cơ dụng của dòng ý 1. Nằm bên ngoài cửa ải phía tây huyện thức, quét sạch nó ngay lập tức. Lúc tiếp Hải Khang, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, xúc với sự vật, phải đủ pháp nhãn, chiếu được xây vào đời Đường. Tên cũ là »Báo phá triệt để thì cái điều ước muốn của Ân Tự«. Sơn môn của chùa có 4 chữ »Vạn ngươi-thấu rõ nguồn tâm-như là bên môi Sơn Đệ Nhất« do Tô Đông Pha viết. Là nơi miệng mò được lỗ mũi, tự nhiên việc lớn ưa thích của tao nhân mặc khách nhiều thời đã xong, chẳng đợi hỏi người nào khác«. đại. Lý Cương, Triệu Đỉnh, Hồ Thuyên lúc THIÊN LÝ VẠN LÝ bị giáng chức đày về Nam đều từng ở lại chùa này. Ngàn dặm muôn dặm, ý nói cùng với thiền 2. X. »Bắc Kinh Thiên Ninh Tự«. nghĩa cách nhau rất xa. Đây là lời thiền sư

THIÊN QUANG THIỀN TỰ 3. X. »Dương Châu Thiên Ninh Tự«. Hà Nội 25km về phía tây. Thượng điện của 4. X. »Thường Châu Thiên Ninh Tự«. chùa này là một kiến trúc đơn giản mà 5. X. »Kim Hoa Thiên Ninh Tự«. hùng mạnh. Trông bên ngoài là một tòa mái rộng, ngói to và dầy chụp lên bốn mặt THIÊN NINH TỰ THÁP hiên thấp đứng trên một nền bệ đất cao. Tháp nằm trong khuôn viên Thiên Ninh Bên trong là một bộ sườn nhà cao lớn với Thiền Tự, ngoài Quảng An Môn, khu những cột to kèo lớn đội một mái nhà một Tuyên Vũ, thủ đô Bắc Kinh Trung Quốc. gian hai chái nhưng to rộng khác thường. Theo sách Hữu Quan Văn Hiến, tháp được Cột kèo chạm trổ đơn giản nhưng những xây sớm nhất vào đời Tùy, nhưng xem vách gỗ bọc chung quanh được cấu tạo cách tạo hình, kết cấu thì phải là tháp đời theo kiểu nong đố dầy chắc. Trong chùa có Liêu được xây vào đầu thế kỷ thứ 12. Tháp thờ tượng của Thiền sư Từ Đạo Hạnh. được xây trên một cái đài hình vuông, cao 57,8 mét. Mặt bằng là hình bát giác, đáy là THIÊN PHÚC TỰ tòa Tu-di, trên khắc ba tầng cánh sen to lớn Ở phường An Định, Trường An xưa, thành nâng đỡ thân tháp tầng thứ nhất. Góc phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. quàng thân tháp làm trụ, trên trụ có giao Niên hiệu Hàm Hanh thứ 4 (673) đời long quấn tròn. Bốn mặt chính là cửa, hai Đường, Thái tử Chương Hoài bỏ nhà làm bên cửa có tượng Thiên vương, hình tượng chùa. Học trò của Thiện Đạo là Hoài Cảm sinh động truyền thần. Toàn bộ tháp tạo trụ trì, kẻ đồng đạo bốn phương đến xin ở dáng vững vàng trang trọng, hùng vĩ tráng ngày càng đông. Cuối những năm Khai lệ. Tòa Tu-di, thân tháp tầng thứ nhất, 13 Nguyên (713-741) Sở Kim thiền tọa 6 năm tầng mái kín, ngọc báu to lớn kết trên tại chùa này. Niên hiệu Thiên Bảo thứ 3 đảnh, tạo thành toàn thể nghệ thuật nặng (744) xây cất tháp, tập họp các vị Đại đức nhẹ, dài ngắn, kín hở, xen kẻ nhau, liền lạc ở dưới tháp tu »Pháp Hoa tam muội«. Niên nhau. hiệu Thượng Nguyên thứ 2 (761) vua Túc Tông vời Huệ Trung đến cung đình làm lễ THIÊN PHẬT THÁP thầy trò, sai trụ Tây Thiền Viện của chùa X. Hoa tháp. này. Thời kỳ Võ Tông hủy Phật, chùa này cũng bị phá hoại. Niên hiệu Đại Trung thứ THIÊN PHẬT TỰ 6 (852) phục hưng, đổi tên là »Hưng X. Hưng Quốc Thiền tự. Nguyên Tự«, về sau dần dần suy vi, hiện chùa không còn nữa. THIÊN PHONG TỰ X. Phong Huyệt tự. THIÊN QUANG THIỀN TỰ THIÊN PHÚC TỰ Ở làng Thủy Thượng, huyện Gia Nghĩa, Còn gọi: Chùa Thầy, chùa Cả. Chùa ở phía tỉnh Đài Loan, Trung Quốc. Khoảng niên nam núi Sài Sơn, huyện Thạch Thất, tỉnh hiệu Đạo Quang (1821-1850) đời Thanh Sơn Tây (Hà Sơn Bình), Việt Nam, cách sáng lập, ban đầu gọi »Thiện Đức Phật

THIÊN SAI Đường«. Niên hiệu Đồng Trị thứ 3 (1864), núi nào không lạ, không vách đá nào Quang Tự thứ 7 (1881) từng hai lần thi không dốc, không chùa chiền nào không công. NaÊm 1932 tín đồ cũng tập họp tiền cổ«. Trong danh thắng cổ tích, năm đại bạc xây cất lại. Về sau gặp phải trình độ tùng lâm là nổi tiếng hơn cả. Đó là Hương bất đồng mà hủy hoại. Tín đồ vì hoằng Nham, Tổ Việt, Long Tuyền, Trung Hội, dương Phật pháp mà quyết định dời chỗ Đại An, đều được xây dựng vào khoảng xây dựng. Năm 1966 đặt mua khu đất hiện niên hiệu Cảnh Đức (1004-1007) đời nay, năm sau khởi công xây dựng. Năm Tống, nổi tiếng vào đời Minh. Chùa Long 1968 đổi tên là »Thiên Quang Thiền Tự«. Tuyền là cự phách, kiến trúc hai chùa Đại An, Trung Hội rất là tao nhã cổ kính, ở THIÊN SAI giữa hai chùa lại có Huyền Nhai La Hán Nhiều sự khác biệt, đủ mọi sự khác biệt. Động. Trên vách đá phía sau chùa Tổ Việt Mật Am ngữ lục ghi: » có khắc bốn chữ »Độc Trấn Quần Hiệp«.

THIÊN SƠN VẠN THỦY Ngàn núi muôn sông, ý nói

cách thiền pháp – Ở nơi nào rất xa, căn bản chẳng hợp thiền pháp.

Đây cũng làm tốt làm lành, làm gương làm là lời thiền sư hay dùng. Phần Dương ngữ mẫu, làm người hộ trì cho pháp môn, trợ lục q. thượng: » thủ đắc lực cho Hoàng gia, nhưng đều – Vừa mới suy nghĩ đã cách thiền chẳng phải là thần thông diệu dụng, cũng pháp rất xa«. chẳng phải là lẽ ấy như thế. Vì sao nói như vậy? Từ khi đi trên nhiều đường sai khác, THIÊN THAI SƠN bây giờ mới nhằm trên đỉnh Tỳ Lô bước Còn gọi: Thiên Thê Sơn, Thai Nhạc. Núi lên.« thuộc huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc cách thành phố 2km về phía THIÊN SƠN bắc. Vì hình dáng núi giống như 8 cánh Còn gọi: Thiên Hoa Sơn, Tích Thúy Sơn, sen búp, có 8 nhánh 8 khe và thượng đài, Thiên Đóa Liên Hoa Sơn. Núi ở cách thành trung đài, hạ đài giống như cái đài của phố Liêu Dương về phía đông nam 30km, Tam tinh, nên gọi là Thiên Đài (Thiên cách thành phố Yên Sơn, tỉnh Liêu Ninh, Thai). Tương truyền vào niên hiệu Xích Ô Trung Quốc 20km về phía đông, là một (238-251) của nhà Ngô, thời Tam Quốc, trong ba đại danh sơn vùng Đông Bắc. Núi núi này đã có chùa Phật, từ đời Đông Tấn cách mặt biển hơn 700m, diện tích khoảng trở đi, có các ngài: Chi Tuần, Đàm Quang, 300. Trong núi có nhiều ngọn núi kỳ lạ, Trúc Đàm Thái, đã từng ở đây. Niên hiệu chùa chiền bố trí như bàn cờ. Đồi núi tổng Thái Kiến thứ 7 (575) nhà Trần thời Nam cộng 999 tòa, vì gần 1000 nên gọi là Bắc Triều, ngài Trí Khải chọn chỗ tu thiền »Thiên Sơn«. Tiên Nhân Đài là ngọn cao và lập Tu Thiền Tự trên ngọn Phật Lũng thứ nhất, Ngũ Phật Đỉnh là ngọn cao thứ (sau đổi tên Thiền Lâm Tự). Niên hiệu nhì. Từ xưa đã có lời khen »không ngọn Khai Hoàng thứ 18 (598) đời Tùy, Tấn

THIÊN THÁNH QUẢNG ĐĂNG LỤC Vương là Dương Quảng dựng Thiên Thai tăng Trần Trần Tử kết am bên cạnh chùa, Sơn Tự, đến năm 605, Vua ban hiệu chùa gọi »Hoạt Mai Am«. Thi nhân đời Thanh là Quốc Thanh. Năm 804, 2 vị tăng Nhật Viên Mai có bài thơ viết về Hoạt Mai Am Bản là Tối Trừng và Nghĩa Chân đến Tu trong quyển »Tùy Viên thi Thoại«: »Thùy Thiền Tự để học Ngưu Đầu Thiền với ngài bả am danh hiệu Hoạt Mai, linh nhân thiên Tu Nhiên. Cuối đời Đường đầu đời Ngũ cổ phí nghi xai. Ngã kim khởi thị khinh Đại, Thiền tông hưng thạnh, chùa thiền sinh giả, chỉ vị tùng tiền tử quá lai.« (Ai trên núi Thiên Thai rất nhiều, các vị như đặt tên am là Hoạt Mai,

khiến người thiên Đức Thiều, Sư Uẩn đã từng trụ Vân Cư, cổ phải nghi hoài. Nay tôi đâu phải người quy y cho Ngô Việt Vương, phục hưng di tự tử, chỉ bởi trước đây đã chết rồi). Về sau tích của ngài Trí Khải. Đức Thiều xây cất có Hòa thượng Lãn Ngộ thường ở nơi này »Bảo Quốc Hoa Nghiêm Viện«. họa vẽ vật thực và cùng với trụ trì Pháp sư Rặng Thiên Thai có nhiều núi đẹp, cao lớn Nghĩa Phương đàm đạo suốt ngày. Chùa nhiều vẻ, suối chảy thác tuôn trắng tinh dựa vào thế núi mà cất, trước sau ba dãy như dãi lụa. Có nhiều cảnh đẹp nổi tiếng điện vũ là Địa Tạng điện, Đại hùng bảo như: Thác treo kèo đá, Ráng đậu Xích điện, Vạn Phật lâu, dãy sau còn có Thiền Thành, Đêm trăng Quỳnh Đài, Buổi sáng phòng, Nhà khách. Tượng Phật ở mỗi điện mùa xuân ở Đào Nguyên... trang nghiêm, chuông to, trống lớn, pháp khí có đủ cả. Trên Vạn Phật lâu nhiều THIÊN THAI TỰ tượng khắc gỗ treo đầy trên xà nhà, bị khói Còn gọi: Địa Tạng thiền lâm. Ở phía bắc hương xông mãi nên rất giống tượng Phật đình Bổng Nhật, ngọn Thiên Thai, núi Cửu đúc bằng sắt. Trên núi sau điện có một hòn Hoa, tỉnh An Huy, Trung Quốc. Vào đời đá lớn, trên có in dấu chân lớn hình lõm, Đường, Kim Địa Tạng kết tranh làm am ở tương truyền đó là dấu chân của Kim Địa nơi đây, có tăng Khiết Bình thường từ gò Tạng để lại. La hán đến đây gặp gỡ trò chuyện với Địa Tạng. Đời Tống cao tăng Tông Cảo có làm THIÊN THÁNH QUẢNG ĐĂNG thơ vịnh chùa này: »Đạp biến Thiên Thai LỤC bất tác thinh, thanh chung nhất chử vạn Đăng lục, 30 quyển, do Lý Tuân Húc biên sơn minh« (Giẫm khắp Thiên Thai chẳng soạn vào đời Tống. Vào niên hiệu Thiên tiếng tăm, chuông vang một tiếng động núi Thánh thứ 7 (1029), Tuân Húc dâng Quảng non). Đời Minh chùa này y nguyên vô Đăng lục lên vua Tống Nhân Tông. Vua cùng sơ sài, chỉ là vài gian nhà tranh với cỏ ban cho 2 chữ Thiên Thánh làm tựa sách, xanh. Khoảng niên hiệu Gia Tĩnh (1522- được xuất bản vào niên hiệu Thiệu Hưng 1566) đời Minh, tăng trong chùa là Trân thứ 18 (1148), về sau đực xếp vào Tục Ngọc tuần tra núi, bảo vệ núi vài mươi Tạng kinh tập 135, trang 595. Sách này thu năm như một ngày. Vào cuối đời Minh đầu thập lược truyện và cơ duyên của khoảng đời Thanh Thiền sư Mặc An giỏi cả thi thư trên 370 vị từ Phật Thích-Ca, 27 vị Tổ Ấn họa trường kỳ ở chùa này. Khoảng niên Độ, 6 vị Tổ Trung Quốc đến 9 đời dưới Tổ hiệu Khang Hy (1662-1722) đời Thanh, Nam Nhạc, 12 đời dưới Tổ Thanh Nguyên.

THIÊN THẦN Đặc biệt kể tỉ mỉ về hệ phái Nam Nhạc, Quốc. Chùa Thiên Thọ nguyên gọi là gom chép hầu như toàn bộ ngữ lục các »Thông Thiên Tự«, do Thiền sư Pháp thiền sư từ Mã Tổ Đạo Nhất trở về sau. Uyển sáng lập vào khoảng niên hiệu Thiên Hựu (904-907) đời Đường. Niên hiệu Kiến THIÊN THẦN Trung Tĩnh Quốc thứ 1 (1101) đời Tống (Tăng nhân) chết, mất. Chương Kính Sơn đổi tên là »Khai Hóa Tự«. Niên hiệu Vạn Hồng Nhân Thiền sư trong CĐTĐL q. 11 Lịch thứ 30 (1602) đời Minh mới đổi tên là ghi: » »Thiên Thọ Tự«, bị phá hủy vào năm
1938, chỉ còn tháp này. Đại Thánh Bảo – Niên hiệu Hàm Thông thứ 6 (379) sư lên Tháp được xây vào niên hiệu Thái Bình Kính Sơn. Năm sau, bản sư mất, chúng Hưng Quốc thứ 4 (979) đời Tống, khi đó thỉnh sư tiếp trụ trì Kính Sơn, đời thứ ba.« chỉ có 5 tầng. Niên hiệu Nguyên Phù thứ 2 (1099) bị lửa thiêu hủy. Niên hiệu Sùng THIÊN THẤT BÁCH TẮC TRẦN Ninh thứ 4 (1105) trùng tu thành 7 tầng. LẠN CÁT ĐẲNG
Niên hiệu Vạn Lịch thứ 30 (1602) đời Minh, Khang Hy thứ 7 (1668) lần lượt Một ngàn

bảy trăm (1.700) công án là lời trùng tu. Tháp thể hiện còn là kết cấu hỗn cũ mèm vô dụng. 1.700 tắc: chỉ cho tất cả hợp gạch gỗ theo kiểu lâu các, hình lục công án trong Cảnh Đức Truyền Đăng lục giác, 7 tầng, 6 cửa, cao khoảng 42m. Đỉnh đời Bắc Tống. tháp là kiểu nồi sắt úp, mái cong phô bày Cát đằng: dây leo, dụ chỉ lời nói trong ngói ống màu xanh lam, có treo phong công án. Hàm ý chê bai. Tiết Trung Phong linh, tạo dáng đặc biệt hoa lệ. Hòa thượng Hành lục trong TPQL q. 30 ghi: »

THIÊN THỌ THÁNH ÂN TỰ

Nằm ở sườn nam núi Đặng Úy, thị trấn Quang Phúc, huyện Ngô, tỉnh Giang Tô, – Mặc cho ông đem Trung Quốc. Thiên Thọ và Thánh Ân vốn tất cả trí thông minh hiểu hết được kinh là hai chùa. Thiên Thọ Thiền Tự sáng lập điển tam thừa, 1.700 công án cũng đều là vào khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-755) lời cũ mèm vô dụng. Đối với Bách gia chư đời Đường, Thanh Ân Thiền Viện sáng lập tử, dù cho ông có chú giải khéo léo từ đầu vào khoảng niên hiệu Bảo Hựu (1253- đến cuối đều là đi loanh quanh ngoài cửa, 1258) đời Tống. Thiên Thọ Thiền Tự bị lúc nói thì giống như ngộ, nhưng khi đối hủy vào đời Nguyên. Niên hiệu Hồng Vũ cảnh vẫn còn mê«. thứ 9 (1376) đời Minh đem hai chùa hiệp làm một, phát triển mạnh công trình thổ

THIÊN THỌ TỰ ĐẠI THÁNH BẢO mộc, xây đại điện, đúc chuông, cất lầu THÁP chuông. Niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 7 (1409) Nằm trong khuôn viên chùa Thiên Thọ, trùng tu đại điện, xây Tàng kinh các, Thiên huyện Quảng Đức, tỉnh An Huy, Trung vương điện. Niên hiệu Chính Thống thứ 8

THIÊN TÙNG BÚT KÝ (1443) ban cho tấm biển »Thiên Thọ phải lo.« Thánh Ân Tự«. Niên hiệu Chính Thống thứ 10 (1445) lại xây Phạm thiên các. THIÊN TỊCH Hoàng đế Càn Long sáu lần Nam tuần, đều (Tăng nhân) mất, chết. Tông Môn Võ Khố đến chùa này ban tấm biển, tặng thơ, đề ghi: » chữ, từ đây danh tiếng chùa càng lẫy lừng. Hiện chỉ còn Đại hùng bảo điện, Thiên – Đến khi Minh An mất, di chúc rằng: vương điện, Tăng xá. Ngoài ra còn có nửa Toàn thân được chôn kín trong mười năm ngôi miếu thờ đời Minh và phần điêu khắc không bị nạn gì, nhưng sau đó sẽ bị Đại đá rất tinh xảo. Dương Bình đánh.«

THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ, DUY THIÊN TÌNH BẤT KHẲNG KHỨ NGÃ ĐỘC TÔN

Trời tạnh chẳng chịu đi. Nói đủ gồm có 2 Trên trời dưới trời, chỉ có Ngã là tôn quý. câu: Truyền thuyết khi Phật ra đời đã nói ngay câu này. Tiết Thích-ca Mâu-ni phật trong Thiên tình bất khẳng khứ NĐHN q. 1 ghi: » Trực đãi vũ lâm đầu »Trời tạnh chẳng chịu đi – Thế Tôn vừa được Chờ mãi mưa ngập đầu« sinh ra, liền một tay chỉ trời, một tay chỉ Thiền tông mượn nhóm từ này để chê đất, bước đi bảy bước, mắt nhìn bốn người học thiền chẳng biết nắm lấy thời cơ hướng, nói: Trên trời dưới trời, chỉ có Ngã để lập tức ngộ nhập. Tiết Linh Ẩn Huyền là tôn quý.« Nhà Thiền sử dụng lời nói Bản Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: này, ngụ ý rằng: Tự tâm là Phật, tự ngã là » chủ. Bích Nham lục q. 1 ghi: » – Hỏi: Vào cửa Lâm Tế liền bị hét, vào cửa Đức Sơn liền bị đánh, ý này thế nào? Sư đáp: Trời tạnh chẳng chịu đi!«

THIÊN TÙNG BÚT KÝ – Cho nên Bút ký, 1 quyển,

do Đại Thiều viết vào đời nói: Ở trong muôn tượng riêng bày thân, Minh, được ấn hành vào cuối đời Minh và chỉ người tự nhận mới là gần, năm xưa được xếp vào Tục Tạng kinh tập 114, trang lầm hướng ngoài đường kiếm, xem lại 773. Sách này thu thập 4 thiên do Đại trong lò lửa kết băng. Trên trời dưới trời, Thiều viết lúc ở Thiền viện Thiên Tùng, chỉ có ngã là tôn quý. Phần lớn mọi người Biện Sơn. Đó là: »Thiên Tùng Bút Ký«, chạy theo ngọn, chẳng tìm ngay gốc của Thiền tông Hợp Luận«, »Lăng Nghiêm nó. Trước tiên phải được nơi gốc, tự nhiên Kích Tiết«, »Tạp trước« và lấy thiên đầu mọi việc tiến hành thuận lợi, không có gì »Thiên Tùng Bút Ký« để làm tên sách. Nội

THIÊN TƯ PHÚC TỰ dung nêu lên việc tham thiền ngộ đạo có định và chỉ suy nghĩ kỹ về cảnh đó. thể ở trong pháp thế gian kiểm chứng được 2. Chỉ thiền pháp của Thiền tông Trung pháp xuất thế gian và ngược lại. Một loại Quốc, tương truyền chính là do đức Phật bản gốc còn được xếp vào 1 thiên »Kim Thích-ca mâu-ni trao truyền lại. Kỳ thực là Cang Chính Nhãn«. do thiền tăng Trung Quốc sáng lập thứ thiền pháp gọi là »Chính pháp nhãn tạng«. THIÊN TƯ PHÚC TỰ Nhà thiền cho rằng thứ thiền này không thể Còn gọi: Chùa Côn Sơn, chùa Hun. Chùa nói ra, không thể định được phạm vi, nằm trong núi Côn, thuộc huyện Chí Linh, không thể giải thích, vượt khỏi mức suy tỉnh Hải Hưng, miền Bắc Việt Nam, là một nghĩ bình thường. Pháp Diễn ngữ lục q. hạ trong ba trung tâm Phật giáo lớn nhất vào ghi: » đời Trần. Chùa nguyên được lập ra từ triều Lý nhưng mãi đến đời Trần, được Tam Tổ – Sư Trúc Lâm là Huyền Quang sửa sang thành thượng đường nói: Thiền là gì? Cội Diêm- một ngôi đại tùng lâm. Tam Tổ trụ trì và phù ở bên Hải Nam. Gần thì chẳng rời tấc viên tịch tại đây, xá-lợi được bảo tàng vuông, xa thì mười muôn tám ngàn. Rốt trong ngọn tháp ở phía sau chùa trên lưng cuộc là gì? Thiền! Thiền!« chừng núi Côn Sơn. Tháp xây bằng đá Tiết Tịnh Pháp Chương Thiền sư trong xanh, xung quanh có tường hoa, mặt tường NĐHN q. 15 ghi: » có những viên gạch cổ chạm triệu gấm, rất – Quảng chủ hỏi: lớn và nặng. Tương truyền xưa kia, chùa Thiền là gì? Sư lặng lẽ chẳng nói«. này tòa ngang dãy dọc có đến 83 gian. Sau 3. Chỉ Thiền tông Trung Quốc. Tiết Tục bao năm tháng đổi thay, bao cuộc chiến Nghệ Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » tranh tàn phá, chùa chỉ còn lại mấy gian thờ Phật và gian nhà Tổ. Đến đầu triều – Nguyễn, vị thiền sư Trụ trì trùng tu lại Ba tông Thiền, Giáo, Luật vốn là một chùa: Tòa thượng điện khá to, ngói lợp to nguồn, đời sau chia nó ra làm ba vì trí lực bằng cái khay hình chữ nhật kiểu mũi hài của họ chẳng thể bao gồm hết«. và rất dầy, đến nay vẫn còn Nhà Tổ thờ Trúc Lâm Tam Tổ, hai bên thờ tượng các THIỀN AM vương hầu đời hậu Lê. Tất cả tượng đều Nhà cỏ đơn sơ để tu tập pháp thiền. Huyền được tạc rất khéo. Giác truyện trong TCTT q. 8 ghi: » THIỀN – Sư thấy cạnh chùa có một cảnh đẹp 1. Một phương pháp tu luyện từ thời cổ Ấn nên tự xây một thiền am dưới vách núi«. Độ truyền sang Trung Quốc, tiếng Phạn là Dhyàna, dịch âm là Thiền-na, gọi tắt là THIỀN BÁ Thiền, cách dịch cũ là Tư duy tu, cách dịch Lời tôn xưng các vị thiền sư có đạo đức mới là Tĩnh lự. Giống với từ thiền định, cao, danh vọng lớn. Thư Dương Ức gởi Lý nghĩa là tâm chuyên chú vào một cảnh nhất Duy trong CĐTĐL q. 30 ghi: »

THIỀN CHÚNG – Năm ngoái THIỀN BỊ CHÚNG CÁCH tạm trấn giữ quận này, may mắn gặp được thiền bá Quảng Huệ«. Pháp môn của nhà thiền bao gồm và súc THIỀN BẢN tích nhiều phương thức. Tiết Tục Nghệ Còn gọi: Ỷ bản. Tấm ván được dùng để tựa Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: » lưng hoặc để gác tay cho đỡ mỏi trong khi ngồi thiền. Kích thước: 1 x 6 x 54cm. Trên đầu có khoét một lỗ tròn để xỏ dây. Khi ngồi thiền sẽ cột tấm ván này nằm ngang – Lâm Tế ưa trên giường thiền, bề mặt hơi nghiêng để nói quả quyết, Tào Động chuộng nói uyển dễ tựa lưng. Nếu muốn đỡ mỏi tay thì đặt chuyển, đây là những nét lớn về tông phái nó nằm ngang trên hai đầu gối. Tắc 20, của họ. Nhưng các bậc đại lão, cũng có Bích Nham lục q. 2 (Đại 48, 181 thượng) người chẳng phải hoàn toàn như thế... ghi: Đây chính là chỗ Đại Huệ gọi là Thiền bị chúng cách, không hạn cuộc trong một đường hướng«.

THIỀN CẦU »Long Nha sơn lý long vô nhãn Quả banh lông, nhà chùa dùng để ném Tử thủy hà tằng chấn cổ phong đánh thức người tu thiền ngủ gật. Tư Trì Thiền bản bồ đoàn bất năng dụng Ký q. hạ ghi: »Quả banh của nhà chùa Chỉ ưng phân phó dữ Lô Công«. dùng gọi là thiền cầu, được ném từ đằng »Trong núi Long Nha rồng không mắt, xa để đánh thức người ngủ gật trong lúc Nước chết đâu làm thịnh Thiền tông, tọa thiền«. Thiền bản bồ đoàn không dùng được, Chỉ nên giao phó lão Lô Công«. THIỀN CHỦ ĐẠI SƯ THIỀN BỆNH Hiệu của Thiền tăng Kiểu Nhiên, đời Ngũ Đứng về lập trường Tổ sư thiền, nói chung Đại, do Mân Vương ban cho. X. Kiểu những gì có thể chướng ngại sự kiến tính Nhiên. đều gọi là Thiền bệnh. Nói khác đi, hễ có sở trụ đều là bệnh, lọt vào tương đối đều là THIỀN CHÚNG bệnh. Viên Giác kinh (Đại 17, 920 thượng) Tăng chúng tham thiền. Pháp Diễn ngữ lục ghi: » q. thượng: » – Đại bi Thế Tôn! Đã thuyết rõ – Ngày sư vào viện, có vị tăng hỏi: những thiền bệnh khiến đại chúng trong Từ giả Song Tuyền, đi đến nơi tăng chúng hội được pháp chưa từng có, tâm ý sạch tham thiền, ngưỡng mong Sư nói cho một trơn, được hoàn toàn an ổn«. câu mới vào cửa«.

THIỀN DUYỆT THIỀN DUYỆT Trạng thái vui vẻ thoải mái phát sinh nơi – Hiệu lệnh tọa thiền tâm khi người tu nhập vào thiền định. ở Tăng đường quyền ở vị Thủ tọa, chứ Thượng Sĩ Hành Trạng trong Tuệ Trung không ở vị Trụ trì, Thủ tọa được gọi là Thượng Sĩ ngữ lục ghi: » Thiền đầu«.

– Ngày ngày 2. Còn gọi: Thiền đậu, Thiền đâu, Thiện Thượng sĩ chỉ lấy Thiền duyệt làm vui, đô. Dịch âm của chữ Phạn Jantu, có nghĩa không lấy công danh làm sở thích«. là chúng sinh. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. THIỀN ĐẠO Đạo pháp Thiền tông. Pháp Diễn ngữ lục THIỀN ĐỊNH q. trung: » Tĩnh tâm suy nghĩ, chuyên chú vào một cảnh. Tiết Tống Huy Tông Hoàng Đế trong NĐHN q. 6 ghi: » – Thử hỏi đại chúng đêm qua mộng cái gì, vừa rồi nói cái gì? Trong chúng đều là các bậc tiên đức tham thiền – Niên hiệu Chính Hòa lâu ngày, tinh thông đạo pháp Thiền tông. thứ 3 (1113) quan Tuần bổ ở Gia Châu tâu Nếu có người nào biện được, thử bước ra rằng: Có cội cổ thụ bên đường của bản bộ thố lộ

tin tức xem!« bị gió thổi ngã, bên trong cội cây có một vị tăng đang thiền định râu tóc xoả che thân THIỀN ĐĂNG THẾ PHỔ thể, móng tay mọc dài quấn quanh thân«. Đăng lục, 9 quyển, do Ngô Đồng biên tập Lục Tổ Huệ Năng giải thích »Thiền Định« vào đời Minh, Đạo Mân trùng biên, được như sau: Ngoài lìa tướng là Thiền, trong xếp vào Tục Tạng kinh tập 147, trang 513. không loạn là Định. Lối giải thích này ảnh Đạo Mân sưu tập tư liệu từ trong các hưởng rất lớn trong giới tu thiền đời sau. Truyền đăng lục, các bi minh còn sót lại để THIỀN ĐỒ biên tập thế phổ của chư sư Thiền tông. Thiền sinh. Lục Tổ Lạc Đạo Ca ghi: Đạo Mân tình cờ được biết Ngô Đồng cũng có trước thuật giống như mình, nên hai người cùng hợp tác, thêm phần tu đính thành sách. Đem vào những vị được truyền thừa có căn cứ, theo biểu đồ các tông soạn »Nhất thảo am thắng già lam thành thế phổ, còn những vị không rõ nối Bát vạn thiền đồ nhật dạ tham pháp ai thì phụ vào ở cuối tông. Toàn sách Pháp cổ tài minh xan nhất đốn được trình bày sáng sủa, có thứ tự lớp lang. Cá trung nhân ngã bất do đam«. THIỀN ĐẦU »Một am tranh hơn già lam Mỗi ngày tám vạn thiền sinh tham 1. Thủ tọa trong thiền viện. Đại Giám Trống pháp vừa vang ăn một bữa Thanh Quy (Đại 81, 621 hạ) ghi: »

THIỀN HÒA Ngã nhân trong đó chẳng còn mang«. Thoại đầu công phu, Vô sinh không, Giới định huệ, Bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn, THIỀN ĐỨC Trì chú lễ bái niệm Phật, Thính kinh khán Lời tôn xưng các vị thiền tăng. Minh Giác kinh, Xuất gia tu đạo, Vô thường, Sám hối, ngữ lục q. 1 ghi: » Lâm chung, Tông sư, Ngũ gia gia phong, – Thiền Lâm Tế tông chỉ v.v... phụ lời bình hoặc đức các ông, tôi hy vọng quý vị tham cứu kệ tụng và trưng dẫn lời kinh, lời của các rõ ràng, như người leo núi, mỗi vị hãy tự thiền sư. Đầu quyển có lời tự tự vào niên nỗ lực«. hiệu Gia Tĩnh thứ 43 (1564) đời Minh. Cuối quyển có lời bạt của Tùng Vân Duy THIỀN ĐƯỜNG chính (đệ tử của sư) vào niên hiệu Vạn 1. Gọi đủ: Tọa thiền đường. Cũng tức là Lịch thứ 7 (1579). Tăng đường. 2. Đạo tràng dùng để chuyên ngồi thiền. THIỀN HẢI THẬP TRÂN 3. Pháp đường được dùng để ngồi thiền, nếu tự viện không có Tăng đường. Đây Gọi đủ: Vi Lâm Thiền sư Thiền Hải Thập cũng là chỗ ở của chư Tăng, từ Duy-na trở Trân. Sách, 1 quyển, do Vi Lâm Đạo Bái xuống. Bài thơ Gia Lâm Tự của Trần biên vào đời Thanh, được ấn hành vào niên Quang Triều (1286-1325, Việt Nam) ghi: hiệu Khang Hy thứ 26 (1687), sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh tập 126, trang 80. Đạo Bái trích lục chỉ yếu cương tông của »Tâm khôi oa giác mộng 10 thứ pháp bảo trong thiền lâm như sau: Bộ lý đáo Thiền đường Kệ của bảy Đức Phật, Nhập đạo tứ hạnh Xuân vãn hoa dung bạc của Sơ Tổ, Tín Tâm Minh của Tam Tổ, Nhị Lâm u thiền vận trường«. Chủng Tam-muội của Lục Tổ, Chứng Đạo »Tro lòng tàn mộng nhỏ Ca của Vĩnh Gia, Tham Đồng Khế của Chân dạo tới Thiền đường Thạch Đầu Hy Thiên, Pháp Ngữ của Lâm Cuối xuân sắc hoa nhạt Tế Nghĩa Huyền, Bảo Cảnh Tam-muội của Rừng vắng tiếng ve suông«. Động Sơn Lương Giới, Thập Huyền Đàm Theo: Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của của Đồng An, Cửu Đới của Phù Sơn, mỗi Nguyễn Lang. thứ đều có phụ lời bàn để giúp cho người học tham thiền học đạo. THIỀN GIA QUY GIÁM Sách, 1 quyển, do Thanh Hư Thể Tịnh (vị THIỀN HÒA tăng Triều Tiên) soạn, được xếp vào Tục Còn gọi: Thiền lữ, Thiền nạp, Thiền

nhân. Tạng kinh tập 112, trang 911. Trong sách Chỉ cho Thiền tăng. Như Tịnh ngữ lục q. này, tác giả giải thích về yếu chỉ của công thượng ghi: phu tham thiền, gồm hơn 80 điều như: Nhất vật bất sinh bất diệt, Tâm Phật Chúng sinh, Giáo Thiền nhị đồ, Tổ Sư công án, »Giải khước thiền hòa bố đại đầu

THIỀN HỌA NHẤT VỊ Hư không khoát đạt sính phong lưu«. bộ, Tổ lục bộ, Thanh quy bộ, Truyện ký »Cởi được túi vải Thiền tăng, bộ, Phê phán bộ, Tạp bộ. Hư không bát ngát mặc tình rong chơi«. Pháp Diễn ngữ lục q. hạ ghi: » THIỀN KHÁCH – 1. Người tham thiền, bao quát cả những vị Thiền tăng đều đến tận bên tòa, chẳng hay tu thiền tại gia, chứ không chỉ riêng cho thầy có nói được hay không?«. thiền tăng. Lâm Tế lục (Đại 47, 506 Tục Nghệ Ngôn trong NHQL q. 30 ghi: thượng) ghi: » » – – Các ông đã xưng là Sư nói: Lão Hòa thượng ngủ gật làm gì? Thiền tăng, mà còn bắt chước thói tục, há Nghiêm nói: Thiền khách tài giỏi rõ ràng tưởng đâu học được như người xưa rồi chẳng giống ngươi«. sao?« 2. Người có biện tài xuất chúng đối đáp Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » với vị Trụ trì trong những buổi thượng đường thuyết pháp của vị Trụ trì. Điều – Hạ này ở Bạch Thượng đường trong Sắc Tu Bách Trượng Vân, Thiền tăng ngẫu nhiên tụ hội trong 3 Thanh Quy q. 2 (Đại 48, 1119 trung) ghi: tháng, trên dưới nương dựa nhau«. »

THIỀN HỌA NHẤT VỊ

Thiền học và hội họa có cùng một tính chất – Người học thuở xưa vì cầu sáng tốt đẹp. Hội họa là một ngành nghệ thuật tỏ các điều nghi ngờ nên có hỏi đáp mới chú trọng đến phần thẩm mỹ bên ngoài. chẳng mắc kẹt nơi ngôn ngữ. Thời gần đây Thiền học là một ngành nghệ thuật hướng tuy mang danh Thiền khách nhưng phần đến phần thẩm mỹ bên trong. Cả trong và đông chẳng rõ nhân quả, tăng trưởng tập ngoài, cả tình và lý, cả họa và thiền dung khí xấu ác, cho là trò đùa«. hợp bổ túc cho nhau để đào tạo những con Từ đời Tống về sau, mỗi Thiền tự đều có người thiện mỹ sống trong một thế giới chức Thiền khách, chùa lớn thì 2 vị, chùa đẹp đẽ an lành. Đó là chủ trương, cũng là nhỏ thì 1 vị. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ thuyết của ngài Tuyết Đơn, thiền sư kiêm Di. họa sĩ của Nhật Bản. Theo: Triết học Zen của Hòa thượng Thiên Ân. THIỀN LÃO (?-?) Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn THIỀN HỌC ĐẠI HỆ Thông, đời thứ 6, nối pháp Thiền sư Đa Sách, 8 quyển, do »Thiền Học Đại Hệ Biện Bảo. Không rõ tên họ và sinh quán. Sau sư Toản Cục« biên, được ấn hành vào khoảng đến trụ trì chùa Trùng Minh trên núi Thiên niên hiệu Minh Trị thứ 43 đến niên hiệu Phúc huyện Tiên Du (nay thuộc tỉnh Hà Đại Chính thứ 4 (1910-1915). Nội dung Bắc). Thiền phong của sư lan khắp, số bao gồm các kinh lục mang tính đại biểu người theo học có trên số ngàn, khiến cảnh về thiền, chia làm: Kinh luận bộ, Giới pháp chùa này trở thành một tùng lâm sung

THIỀN LÂM LOẠI TỤ thạnh. Khoảng niên hiệu Thông Thụy quyển của Hạnh Thạnh. (1034-1038), vua Lý Thái Tông thường Thiền Lâm Bảo Huấn Bút Thuyết, 3 đến viếng chùa sư. Sau khi về cung, Vua quyển của Trí Tường. sai sứ đến chùa rước sư vào triều làm cố Sách này rất thạnh hành trong thiền môn, vấn. Khi sứ đến nơi, sư đã viên tịch. Vua cũng được xem là sách nhập môn cho rất đỗi mến tiếc, ngự chế thi và ai vãn,

sai người sơ học. Trung sứ đến cúng và tặng lễ, thu linh cốt xây tháp cúng dường. Theo: Thiền sư Việt THIỀN LÂM BỊ DỤNG THANH Nam của HT. Thanh Từ. QUY
Còn gọi: Bị Dụng Thanh Quy, Trạch Sơn THIỀN LÂM Thanh Quy, Chí Đại Thanh Quy, Bị Quy. Từ gọi chung tất cả tầng lớp Thiền tông. Sách, 10 quyển, do Trạch Sơn Nhất Hàm Thung Dung Am lục q. 1 ghi: » biên vào đời Nguyên, được biên tập xong – Ở chốn vào niên hiệu Chí Đại thứ 4 (1311) đời giảng tứ (Giáo môn) gọi việc ấy là thăng Nguyên, sau đó được xếp vào Tục Tạng tòa, còn trong thiền lâm cho việc ấy là kinh tập 112, trang 56. Tác giả biên tập lại thượng đường«. các quy củ, lễ pháp của thiền lâm từ đời Đường trở về sau. Tất cả gồm l69 mục về THIỀN LÂM BẢO HUẤN quy củ nghi thức thiền môn như: Thánh tiết thăng tòa phúng kinh, Tọa thiền, Lăng Còn gọi: Thiền Môn Bảo Huấn, Thiền Môn Nghiêm hội, Chuyên sứ thỉnh trụ trì, Bách Bảo Huấn tập. Sách, 4 quyển, do Tịnh Trượng quy cảnh văn, Trì phạm nghi quỹ, Thiện biên vào đời Tống, được xếp vào Đương đại trụ trì Niết-bàn, Nhật dụng Đại Chính Tạng tập 48, trang 1016. Ban thanh quy v.v... đầu là bản thảo của hai Thiền sư Diệu Hỷ Phổ Giác và Trúc Am Sĩ Khuê thu thập THIỀN LÂM LOẠI TỤ những lời dạy bảo của các thiền sư khi 2 vị Sách, 20 quyển, do Đạo Thái soạn vào đời ở chùa Vân Môn Giang Tây. Khoảng niên Nguyên, Trí Cảnh biên tập, được xếp vào hiệu Thuần Hy (1174-1189) Tịnh Thiện Tục Tạng kinh tập 117, trang 1. Tác giả tìm được bản thảo này. Do lâu ngày nên sưu tập cơ duyên ngữ yếu của các thiền sư sách bị hư hỏng, đầu đuôi không trọn vẹn từ Truyền đăng lục, ngữ lục rồi biên chép nên Tịnh Thiện thu thập tư liệu thêm trong lại mà thành. Nội dung bao gồm 102 loại các đăng lục, ngữ lục để biên tập lại. Nội như sau: Đế vương, Tể thần, Nho sĩ, Phật dung bao gồm 300 thiên, là những lời dạy tổ, Pháp thân, Phật tượng, Già lam, Điện bảo, phó chúc, sau mỗi thiên đều có ghi đường, Tháp miếu, Trượng thất, Môn hộ, xuất xứ. Các quyển chú thích về sách này Thiền định, Kinh giáo, Ni nữ, Giới luật, Lễ có: bái, Duyên hóa, Thần dị, Vấn tật, Phục Thiền Lâm Bảo Huấn Hiệp Chú, 4 sức, Pháp khí, Trai chúc, Hương đăng, Sư quyển do Trương Văn Gia hiệu định. tử tượng, Quy ngư v.v... Trong ấy có rất Thiền Lâm Bảo Huấn Niêm Tụng, 1 nhiều lời thị chúng của thiền gia, vấn đáp

THIỀN LÂM TĂNG BẢO TRUYỆN thương lượng giữa bậc thầy với người học, còn, nhưng tư tưởng và văn phong còn sót các câu hỏi về việc tham cứu, sự nghiệp lại trong những đoạn trích cho thấy đây là của nhà thiền ... một tác phẩm giá trị. Ngoài những giá trị được chuyển tải trong nội dung tác phẩm, THIỀN LÂM TĂNG BẢO TRUYỆN sách này còn đóng góp rất lớn vào kho tàng văn học Thiền của Việt Nam thời Lý Gọi tắt: Tăng Bảo truyện. Truyện ký, 30 Trần. Hiện nay, tác phẩm chỉ còn vài đoạn quyển, do Huệ Hồng soạn vào đời Tống, trích in lại trong Tam Tổ Thục Lục và được xếp vào Tục Tạng kinh tập 137, trang Thánh Đăng Lục. Theo: VNPGSL q. 1 của 439. Nội dung bao gồm lược truyện của 81 Nguyễn Lang. vị thiền tăng từ đời Ngũ Đại đến niên hiệu Chính Hòa thứ 7 (1117) đời Bắc Tống. Trong ấy có: 11 vị thuộc pháp hệ Thanh THIỀN LÂM TƯỢNG KHÍ TIÊN Nguyên 10 vị thuộc tông Tào Động, 17 vị thuộc tông Lâm Tế, 15 vị thuộc Vân Môn, 5 vị thuộc tông Pháp Nhãn, 1 vị thuộc tông Quy Ngưỡng, 15 vị thuộc phái Hoàng Sách, 20 quyển, có riêng 1 quyển mục lục, Long, 4 vị thuộc phái Dương Kỳ, riêng có do Vô Trước Đạo Trung (vị tăng Nhật 3 vị không rõ

thuộc pháp hệ nào. Sách này Bản) biên, được ấn hành vào niên hiệu đặt nặng phần sự tích còn các bộ Đăng lục Khoan Bảo thứ 3 (1741) Nhật Bản. Tác giả nghiêng về việc ghi chép cơ ngữ. Tuy sưu tập nguồn gốc, lịch trình thay đổi và nhiên sách này cũng có thu thập một vài cơ phát triển cùng với ý nghĩa hiện hành của duyên ngữ cú, sau đó phụ thêm tán ngữ để các danh mục như: Thiền lâm quy củ, bình nghị. Huệ Hồng góp nhặt những tin Hành sự, Cơ cấu, Khí vật... trong các bản tức, sự tích của thiền lâm còn sót lại, dung thanh quy kể từ »Cổ Thanh Quy« của Bách hội các thuyết, lời văn trang nhã, nhất Trượng Hoài Hải về sau. Mỗi thứ đều có quán; sau khi hoàn tất được thiền gia xem thêm phần chú giải, nội dung chia làm 29 trọng. Sách này về mặt sử liệu tuy có vài loại: Khu giới, Điện đường, Tọa vị, Tiết chỗ chẳng đáng tin, nhưng trong sử truyện thời, Linh tượng, Xưng hô, Chức vị, Thân Thiền tông nó vẫn là một tác phẩm có ảnh chi, Nghiệp quỹ, Lễ tắc, Thùy thuyết, hưởng quan trọng. Tham thỉnh, Chấp vụ, Tạp hạnh, Tội Trách, Báo đảo, Phúng xướng, Tế cúng, THIỀN LÂM THIẾT CHỬY NGỮ Tang tiến, Ngôn ngữ, Kinh lục, Văn sớ, Bộ LỤC khoán, Đồ bi, Ẩm đạm, Phục chương, Bái

Tác phẩm, 1 quyển, do vua Trần Nhân khí, Khí vật, Tiền tài, tổng cộng là 1724 Tông, Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử điều. Sách này trưng dẫn tư liệu phong soạn vào đời Trần, Việt Nam. Nội dung phú, cùng viện dẫn 484 thứ nội điển như: gồm các bài kệ tụng, những lời Thiền ngữ Tăng sử, Thiền đăng sử, Thanh quy, Ngữ và những đoạn vấn đáp giữa Trúc Lâm và lục, 286 thứ ngoại điển như: Kinh sử tử tập các môn đệ. Tuy tác phẩm hiện nay không v.v...

THIỀN MÔN NIÊM TỤNG TẬP THIỀN MÔN BẢO TẠNG LỤC phải giống như

Tôn Võ dụng binh, nên ở trong sách này nêu ra cách rèn luyện thiền Lục, 3 quyển, do Thiên Sách (vị tăng Cao tăng gồm 13 bước theo thứ tự 13 thiên như Ly) soạn, được xếp vào Tục Tạng kinh tập sau: Kiên thệ nhẫn khổ, Biện khí thọ thoại, 113, trang 985. Sách này là do tác giả trích Nhập thất sưu quát, Lạc đường khai đạo, lục các lời hỏi đáp chất vấn quan trọng về Thùy thủ đoạn luyện, Cơ quyền sách phát, tông thừa từ trong các bộ Truyền đăng lục Ký xảo hồi hoán, Trảm quan khai nhãn, như »Cảnh Đức Truyền Đăng lục«, »Gia Nghiên cứu cương tông, Tinh nghiêm tháo Thái Phổ Đăng lục«. Nội dung gồm có: lý, Ma trị học nghiệp, Giản luyện tài năng, Cẩn nghiêm phó thọ. 25 bài về Thiền Giáo đối biện môn. 25 bài về Chư giảng quy phục môn. THIỀN MÔN KHOA GIÁO 39 bài về Quân thần sùng tín môn. Sách này cùng với »Thiền Môn Cương

Tác phẩm, 1 quyển, do Trạng nguyên Yếu tập« được ấn hành vào niên hiệu Gia Lương Thế Vinh soạn vào đời Hậu Lê, Tĩnh thứ 11 (1532) đời Minh. Việt Nam. Đây là một cuốn giáo khoa Phật học. Có thuyết đây là một cuốn sách nói về THIỀN MÔN CHƯ TỔ SƯ KỆ những nghi thức cúng tế trong Phật giáo, TỤNG điều này không đúng. Vì

chữ khoa trong Thi ca hợp tập, 4 quyển, do Tử Thăng và Phật học có nghĩa là phân tích văn mạch và Như Hựu biên vào đời Tống, được xếp vào làm cho rõ ý từng đoạn. Văn đây là nguyên Tục Tạng kinh tập 116, trang 908. Nội văn của kinh điển. Trong lúc Phật giáo suy dung bao gồm trên 80 mục răn dạy của các đồi, có lẽ vì nhận thấy sách giáo khoa Phật bậc cao tăng Thiền tông dưới hình thức kệ giáo soạn thảo dưới đời Trần mất hết, nên tụng như: Phật Tổ truyền pháp tụng, Trí Lương Thế Vinh mới biên tập một cuốn tâm minh, Huyền trung minh, Tuyết Tử sách giáo khoa Phật học để giúp người

ngâm, Tọa thiền minh, Ngũ vị tụng, Thiền chưa biết Phật học đi vào Phật giáo một nguyệt quy giám, Chí Công dược phương, cách dễ dàng. Tác phẩm này hiện đã bị thất Nhân Tông Hoàng đế tán tăng, miễn Phật lạc. Quả hành cước, Chân tính tụng v.v... Theo: VN PGSL q. 2 của Nguyễn Lang.

THIỀN MÔN ĐOẠN LUYỆN THIỀN MÔN NIÊM TỤNG TẬP THUYẾT Còn gọi: Thiền Lâm Đoạn Luyện Thuyết, Sách, 30 quyển, do Huệ Trạm và Chân Đoạn Luyện Thuyết Thập Tam Thiên. Huấn (2 vị tăng Cao Ly) biên. Tác giả sưu Sách, 1 quyển, do Hối Sơn Thành Hiển tập cơ duyên ngữ cú của các thiền sư trong soạn vào đời Minh, được ấn hành vào niên các Truyền đăng lục, ngữ lục kể từ Sơ tổ hiệu Đồng Trị thứ 11 (1872), sau đó được Đạt-ma đến Thiền sư Giới Kham ở chùa xếp vào Tục Tạng kinh tập 112, trang 985. Dục Vương đời Tống. Tổng cộng gồm Tác giả cho rằng rèn luyện thiền tăng cần 1125 tắc, phụ thêm các phần: Chư gia niêm

THIỀN MÔN QUY THỨC cổ, Tụng cổ, Phổ thuyết, Tiểu tham. THIỀN MÔN TOÁT YẾU Sách, 2 quyển, do Thể Tịnh (vị tăng Triều THIỀN MÔN QUY THỨC Tiên) biên, được ấn hành vào niên hiệu Long Hy thứ 1 (1907) ở chùa Vân Môn, X. Bách Trượng Thanh Quy. núi Hổ Cứ, Triều Tiên. Nội dung bao gồm 15 loại trứ thuật về Thiền tông Trung Quốc THIỀN MÔN SƯ TƯ THỪA TẬP và Triều Tiên. ĐỒ — Quyển thượng là các tác phẩm Thiền Còn gọi: Tập Thể Thập Di Vấn. Sách, 1 tông Trung Quốc, theo thứ tự là: Huyết quyển, do Khuê Phong Tông Mật soạn vào Mạch Luận, Quán Tâm Luận, Tứ Hạnh đời Đường. Tựa đề bên trong là »Trung Luận của Bồ-đề Đạt-ma; Tối Thượng Thừa Hoa Truyền Tâm Địa Thiền Môn Sư Tư luận của Hoằng Nhẫn, Uyển Lăng lục, Thừa Tập Đồ, Nội Cung Phụng Sa Môn Truyền Tâm Pháp Yếu của Hy Vận; Thị Tông Mật Đáp Bùi Tướng Quốc Vấn«, Mông Sơn Pháp Ngữ của Chính Ngưng; được xếp vào Tục Tạng kinh tập 110, trang Tham Thiền Cảnh Ngữ của Vô Dị. 866. Sách này là Tông Mật đáp những câu — Quyển hạ là các tác phẩm Thiền tông hỏi của Tể tướng Bùi Hưu về lịch trình Triều Tiên, theo thứ tự là: Tu Tâm Quyết, thay đổi và phát triển các tông phái Thiền Chân Tâm Trực Thuyết, Khuyến Tu Định tông vào thời kỳ đầu, và tính cạn sâu được Huệ Kiết Xã Văn, Khán Thoại Quyết Nghi mất của ngôn giáo. Nội dung chủ yếu có 3 Luận của Phổ Chiếu; Thiền Môn Bảo Tạng phần: lục của Chân Tịnh đại sư biên tập; Thiền 1. Thuật về nguồn gốc các tông, trình bày Môn Cương Yếu tập của Thanh Phong, sơ lược về sự truyền thừa của Ngưu Đầu Thiền Giáo Thích của Tây Sơn Thanh Hư. tông, Bắc tông, Nam tông, Hà Trạch tông, Các sách trong quyển thượng cũng được Hồng Châu tông, chủ trương lấy Hà Trạch xếp vào »Pháp Hải Bảo Phiệt«. Các quyển tông làm Thiền tông chính thống. Khuyến Tu Định Huệ Kết Xã Văn, Khán 2. Nói về giáo chỉ các tông, trình bày sơ Thoại Quyết Nghi Luận, Thiền Môn lược giáo chỉ của Bắc tông (phụ Tịnh Cương Yếu tập trong quyển hạ là những Chúng tông của Vô Tướng, Bảo Đường tác phẩm chưa từng được ấn hành trước tông của Vô Trụ), Hồng Châu tông, Ngưu đó. Đầu tông, Hà Trạch tông. Đối với 3 tông trước có thêm lời bình ngắn.THIỀN-NA 3. Phê bình giáo chỉ các tông, ban đầu đem Tức là »Thiền«, dịch âm của từ tiếng Phạn. Bất biến tùy duyên để luận về các tông, kế Chương Đề-đa-ca, Tổ thứ 5 trong CĐTĐL đến luận về đốn ngộ và tiệm tu. q. 1 ghi: »

THIỀN MÔN THẬP DI LỤC –

Xưa kia tôi với sư cùng sinh ở X. Tuyết Đường Thập Di lục. cõi Phạm Thiên, tôi gặp vị tiên A-tư-đà truyền dạy phép tiên, còn sư gặp đệ tử

THIỀN NHAM (1093-1163) Phật cùng tu tập thiền-na, từ đó phân chia THIỀN NGUYỆT ĐẠI SƯ đôi ngã, đến nay đã trải qua 6 kiếp«. Hiệu của Thiền tăng Quán Hưu đời Ngũ THIỀN NGUYÊN CHƯ THUYÊN Đại do Thục chủ Vương Kiến ban cho. X. TẬP ĐỒ TỰ Quán Hưu. Luận nghị, 2 quyển, do Tông Mật viết vào THIỀN NGUYỆT TẬP đời Đường, được xếp vào Đại Chính Tạng Thi ca biệt tập, 30 quyển, có riêng một tập 48, trang 397. Sách này là lời tựa của quyển bổ di, do Quán Hưu soạn vào đời »Thiền Nguyên Chư Thiên tập,« còn gọi Đường, đệ tử của sư là Đàm Vực biên chép »Thiền Na Lý Hạnh Chư Thiên tập«, thơ văn của sư mà thành, được xếp vào »Thiền Nguyên Thuyên«, »Khuê Phong »Tứ Khố Toàn Thư«. Lan-nhã Thiền Tạng«. Cả tập sách đã bị Trong 30 quyển nguyên bản, 5 quyển văn thất lạc vào đời Tống, khoảng niên hiệu tập đã mất, chỉ còn 25 quyển thi tập. Đến Cảnh Đức (1004-1007). Đại ý bài tựa này đời Minh, Mao Tấn làm một quyển bổ di. trình bày về nghĩa lý Thiền Giáo nhất Trong ấy có: Nhạc phủ cổ tụng tạp ngôn, trí,căn cứ vào tính thực tiễn của Thiền mà Cổ phong tạp ngôn, Luật thi, Tuyệt cú... chia ra: Ngoại đạo thiền, Phàm phu thiền, được gom chung vào trăm bài thơ của Tiểu thừa thiền, Đại thừa thiền, Tối thượng Quán Hưu. Tuy ca ngâm trăng gió, nhưng thừa thiền. Tác giả cho rằng Phật nói 2 lời lẽ trong sáng đẹp đẽ, xuất phát từ chỗ giáo Đốn Tiệm, Thiền mở 2 môn Đốn thật ngộ nên rất có thiền vị. Tiệm nên có sự phù hợp giữa 2 môn và 2 giáo. Tất nhiên phải dùng giáo để phân biệt THIỀN NHẠC PHỦ thiền và dùng tâm để hiểu giáo, khiến cả Thi ca biệt tập, 1 quyển, do Vô Khả soạn hai đều dung thông. Khuê Phong còn đem vào đời Thanh, được ấn hành vào năm giáo chia làm 3 thứ: 1935. Nội dung gồm có 22 bài từ của tác Mật ý nương nơi tính mà nói tướng. giả đều ngầm chứa thiền cơ, khiến người Mật ý phá tướng mà hiển tính. tìm thấy được ý vị. Hiển bày chân tâm tức tính. THIỀN NHAM (1093-1163) Và đem thiền chia làm 3 thứ: Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Tỳ-ni-đa- Tức vọng tu tâm tông. lưu-chi, đời thứ 13, nối pháp Thiền sư Đạo Pháp. Sư họ Khương tên Thông, gia thế Dẫn tuyệt vô ký tông. đời đời làm Tăng quan, tinh thần quắc Trực hiển tâm tính tông, có sáng kiến thước, tiếng nói trong thanh. Triều đình mở dung 3 thứ giáo với 3 thứ thiền, chỉ ra sự khoa thi về các kinh điển Đại Thừa: Pháp nhất trí của nó. Tông Mật nối liền học Hoa, Bát-nhã, sư đỗ Giáp khoa (thủ khoa). thuyết của 2 nhà thiền và giáo, có ảnh Về sau sư được một lời ấn chứng của hưởng rất lớn đối với sự hội thông truyền Thiền sư Pháp Y chùa Thành Đạo, nên giáo ở đời sau. nhân đó xuất gia luôn và nối pháp Ngài.

THIỀN NHÂN Ban đầu sư trụ trì chùa Thiên Phúc trong Thanh Từ. núi Tiên Du, giới hạnh tinh nghiêm, tâm đạo rộng lớn. Đói thì ăn lá cây, khát thì THIỀN PHONG uống nước suối, suốt 6 năm trường như Ngọn gió thiền, phong độ thiền. Bài thơ vậy. Sau, sư trở về quê trùng tu ngôi chùa họa Hưng Trí Thượng Vị Hầu của Tuệ Trí Quả làng Cổ Châu, Long Biên và trụ trì Trung Thượng Sĩ có câu: nơi đây. Khoảng niên hiệu Thiên Thuận (1128-1132), triều đình gởi chiếu vời sư về kinh đô cầu mưa.
Bởi có linh nghiệm nên »Thiền phong vô hậu diệc vô tiền vua Lý Thần Tông trọng sư vào hàng danh Bản thể như như chỉ tự nhiên«. tăng và ban cho thượng phục. Năm

Chính »Không trước không sau phong độ thiền Long Bảo Ứng thứ 1 (1163), khoảng giữa Muôn đời bản thể cứ như nhiên«. mùa xuân, lúc ban ngày, sư đốt hương từ biệt mọi người, ngồi an nhiên mà tịch, thọ THIỀN PHÒNG TỰ THÁP 71 tuổi. Thời gian sau, thể xác của sư vẫn còn, thời nhân gọi sư là »Phật sống«. Theo: Tháp nằm trên đỉnh ngọn Trượng Nhân, Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. núi Thất Phong, cách thành phố Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc 35km về phía THIỀN NHÂN tây nam, bởi phía bắc dưới núi có một ngôi Lời gọi người tham thiền, tăng nhân Thiền Thiền Phòng Tự nên gọi là »Thiền Phòng tông. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng: » Tự Tháp«. Được xây vào thời kỳ Liêu, Kim, cao 15m, 7 tầng, mặt bằng là hình bát – Hạ này ở Bạch giác. Tháp càng lên cao càng thu nhỏ là Vân, thiền nhân chợt tụ hội, trong ba tháng một tháp gạch đặc ruột hình dáng và cấu hay chín tuần (90 ngày), trên dưới cần tạo vững vàng. Mặt tháp có đồ án hoa văn nương tựa nhau.« cửa sổ, Phật khám, Đại lực sĩ, điêu khắc tinh xảo. THIỀN ÔNG ĐẠO GIẢ (902-979) THIỀN PHƯỜNG Thiền tăng đời cuối Ngô đầu Đinh, thuộc Thiền viện, thiền tự (chùa thiền). Mật Am dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 11, nối pháp ngữ lục ghi: » Đinh Trưởng Lão. Sư họ Lữ, quê làng Cổ Pháp (tức làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Hà Bắc hiện nay), tuổi nhỏ sư theo đời – Sư lên tòa đốt hương chúc tụng học nghiệp Nho, về sau mới theo Đinh vua xong, vén y lên toà ngồi. Tăng hỏi: Trưởng lão xuất gia. Sư trụ trì chùa Song Kinh điển đến cung vua, khí lành đầy thiền Lâm làng Phù Ninh, phủ Thiên Đức. Niên viện. Câu vô tư của Thiếu Thất, đương cơ hiệu Thái Bình thứ 10 (977) triều Đinh, nguyện phát huy«. nhằm năm Kỷ Mão, sư viên tịch, thọ 78 tuổi. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. THIỀN QUAN SÁCH TIẾN

THIỀN THÁP Giác A Thượng Nhân trong NĐHN q. 20 Sách, 1 quyển, do Vân Thê Châu Hoằng ghi: » soạn vào đời Minh, được xếp vào »Vân Thê Pháp Vựng« và Đại Chính Tạng tập – Nếu như Tâm, Phật và 48, trang 1097. Phần đầu trích yếu 39 pháp chúng sinh không có sai khác, lìa tướng lìa ngữ của chư Tổ như Hoàng Bá Hy Vận, ngôn, mượn lời nói để hiển bày. Còn Thiền Huyền Sa Sư Bị, Nga Hồ Đại Nghĩa,... sư khai thị ra sao?«. Phần kế tóm lược 24 gương tu tập, gồm THIỀN TÂM quá trình tu khổ hạnh và khai ngộ của các Thiền sư như: Ngồi trên cây dựa mé hố, Đạo pháp nhà thiền. Đạo Lượng truyện trong TCTT q. 8 ghi: » lấy dùi chích vào mình, thề không xổ mền, không lúc nào duyên ảnh khác, thân miệng đều quên, đụng đầu vào cột... Phần cuối là phần tóm lược các kinh dẫn chứng.

THIỀN QUÁN – Được 2 năm, Tĩnh tâm tư duy, quán chiếu chân lý. có chiếu của Vua vời sư vào Tây viên hỏi Chương Chí công Hòa thượng Thập tứ liệu đạo, triều đình rất quý kính, Đại đô đốc Lý tụng trong CĐTĐL q. 29 ghi: Hiếu Dật, Công bộ Thượng thư Trương Tích, Quốc tử giám Châu Nghiệp Thôi Dung, Bí thư giám Hạ Tri Chương, Thứ sử Mục Châu là Khang Sằn đồng tâm ngưỡng mộ, thưa thỉnh đạo pháp nhà thiền, phần đông kết tình thầy trò hoặc ủng hộ nhang đèn«. »Nhược dục đoạn trừ phiền não THIỀN THÁP Thử thị vô minh si hán Còn gọi: Thiền sàng. Chiếc bục để tọa Phiền não tức thị Bồ-đề thiền,

thấp và ngắn hơn chiếc giường. Bài Hà dụng biệt cầu thiền quán thơ Thứ Vận Tăng Tiềm Kiến Tặng của Tô Thực tế vô Phật vô ma Đông Pha có câu: Tâm thể vô hình vô đoạn«. »Nếu muốn đoạn trừ phiền não Là kẻ si mê không sáng »Bế môn tọa huyệt nhất thiền tháp Phiền não tức là Bồ-đề Đầu thượng tuế nguyệt không tranh vanh«. Đâu cần riêng cầu thiền quán »Giường thiền khép cửa hang sâu Tự tính không Phật không ma Tháng năm chồng chất mái đầu tuyết pha«. Tâm thể không hình không tướng«. Bài thơ Thạch Thất của Thiền sư Huyền THIỀN SƯ Quang (Việt Nam) ghi: Vị thầy có tu chứng trong Thiền tông. Tiết

THIỀN THẤT tĩnh tâm tư duy được không?« 2. Thiền tăng qua đời. Chương Tôn giả Long Thọ Tổ thứ 14 trong CĐTĐL q. 2 »Bán gian thạch thất hòa vân trụ ghi: » Nhất lãnh thuế y kinh tuế hàn Tăng tại thiền sàng kinh tại án Lô tàn cốt đốt nhật tam can«. – Truyền pháp xong, Ngài nhập Nguyệt »Nửa gian nhà đá lẫn vào mây luân tam-muội, hiện các thần biến, rồi trở Một mảnh áo lông khỏi lạnh này về chỗ ngồi, ngưng thần thị tịch. Ca-na-đề- Tăng ở giường thiền, kinh tại án bà cùng tứ chúng xây bảo tháp để an táng Trong lò củi tắt, sáng rạng ngày«. Ngài«.

THIỀN THẤT THIỀN TỊCH CHÍ 1. Chỗ tu hành tọa thiền. Bài »Đề Đạm Chí, 2 quyển, do Diệu Đế (vị tăng Nhật Thủy Tự« của thiền Sư Huyền Quang (Việt Bản soạn), được xếp vào »Đại Nhật Bản Nam) ghi: Phật Giáo Toàn Thư« ấn hành vào niên hiệu Đại Chính thứ 2 (1913). Sách này nêu ra 244 thứ sách vở Thiền tông Trung Quốc và Nhật Bản, có giải thích sơ lược về tựa đề mỗi thứ. Nội dung chia ra: Đơn lục »Đạm Thủy đình biên dã thảo đa thiền yếu, Bả đoạn công án, Tông môn Không sơn vũ tễ dịch dương tà toàn sử, Tông môn lược sử, Tùng lâm lễ Dục nhân liễn lộ đầu thiền thất phạm, Thiền giáo tổng sử, Tông môn tùy Thôi Phạm sao chung giản lạc hoa«. bút, Thiền giáo tạp thuyết, Tông sư chú »Bên chùa Đạm Thủy cỏ xanh tươi kinh v.v... Phần sau có phụ Thập di. Mưa tạnh, non yên, nắng xế rồi Tiện lối xe vua vào thiền thất THIỀN TÔNG Khua chuông, đọc kệ, nhặt hoa rơi«. Còn gọi: Phật Tâm tông, Đạt-ma tông, Vô 2. Nhà ở của vị Trụ trì, tức phương trượng. Môn tông. Là một trong những tông phái Đôi khi ám chỉ vị Trụ trì. Theo: PQĐTĐ chính của Phật giáo Trung Quốc. Khởi đầu của nhóm Từ Di. do vị tăng Ấn Độ là Bồ-đề-đạt-ma đến Trung Hoa truyền giáo vào thời Nam Bắc THIỀN TỊCH Triều, chính thức hình thành vào đời tiền 1. Tĩnh tâm tư duy. Chương Ca-tỳ-ma-la Đường bởi những hoạt động truyền giáo Tổ thứ 13 trong CĐTĐL q. 2 ghi: » của Huệ Năng và lấy tác phẩm Đàn Kinh của Ngài làm mốc cắm chủ yếu. Từ cuối nửa đời Đường đến đời Ngũ Đại và đời – Thái tử nói: Nay về phía bắc của thành Bắc Tống là thời kỳ phát triển cực thịnh trì nước con, có một ngọn núi lớn, trong của Thiền tông, trong đó lần lượt xuất hiện núi có một hang đá, Thầy có thể ở nơi đó hai hệ (Thanh Nguyên và Nam Nhạc), năm

THIỀN TÔNG QUYẾT NGHI TẬP nhà-ngũ gia-(Quy Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Lê (Việt Nam) viết. Nội dung kể sơ lược Động, Vân Môn, Pháp Nhãn), hai phái về lịch sử Thiền tông từ Phật Thích-ca đến (Hoàng Long và Dương Kỳ) trở thành thời nhà Trần.

dòng chính của Thiền tông. Riêng hai nhà Lâm Tế và Tào Động truyền một mạch đến THIỀN TÔNG CHÍNH MẠCH sau đời Minh Thanh. Từ đời Tống, đời Nguyên đến nay, Thiền tông dần dần bị Đăng lục, 10 quyển, do Như Cần biên tập pha trộn vào các tông phái khác của Phật vào đời Minh, được xếp vào Tục Tạng kinh giáo, nên cũng dần mất đi tính độc lập. tập 146, trang 1. Vì »Ngũ Đăng Hội Trong thời kỳ Thiền tông cực thạnh đã Nguyên« quá bề bộn khó đọc nổi, cơ nhấn mạnh việc chẳng lập văn tự, có cách duyên cao vút như vách đứng muôn truyền thừa khác ngoài kinh điển, tâm trượng, khiến cho bậc thượng căn phải líu chính là Phật, kiến tính thành Phật; đề lưỡi còn hàng hạ căn thì không có chỗ xướng việc chẳng đọc kinh, chẳng lạy xoay xở, nên sư chọn lấy những chỗ đơn Phật, chẳng cần khổ tu, chẳng cầu bên giản bình dị mà biên thành sách này, khiến ngoài. Thiền bao hàm tinh thần tự chủ, cho mọi người đều có thể đọc hiểu. chuộng sự thật và sáng tạo; nó không những là nhân tố thành công của tôn giáo THIỀN TÔNG QUYẾT NGHI TẬP mà còn giàu ý nghĩa gợi mở về kiếp sống thông thường của con người. Thiền tông Sách, 1 quyển, do Đoạn Vân Trí Triệt soạn từng được sự ủng hộ của các bậc Vua vào đời Nguyên, được ấn hành vào niên chúa, quan văn quan võ cho đến hạng bình hiệu Khang Hy thứ 6 (1667) đời Thanh, dân, trong mỗi tầng lớp có số lượng tín đồ sau đó được xếp vào Đại Chính Tạng tập rất lớn và ảnh hưởng rất sâu sắc đến sự 48, trang 1009. Tác giả đem sự thể nghiệm phát sinh văn hóa tư tưởng của Trung của chính mình để nói về công phu dụng Quốc từ đời Đường, Tống về sau, cho đến tâm học đạo cùng với việc trình bày và giải các nước láng giềng như Nhật Bản, Triều thích phương pháp tu đạo thực tiễn, lấy Tiên. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » việc tham cứu sâu huyền chỉ Phật đạo để hiển bày bản lai diện mục nơi mỗi người. Nội dung chia làm 21 môn: Nguyên trạm – Thiền tông của tôi đây, từ trước nối lưu thanh môn, Ly trần tinh tấn môn, tiếp nhau đến nay, chẳng từng dạy người Khước bộ phục thăng môn, Thối đọa sách cầu tri cầu giải, chỉ nói học đạo cũng đã là lệ môn, Giải đải miễn cần môn, Chấp đại lời lẽ tiếp dẫn rồi«. quyết nghi môn, Thất chính cứu cánh môn, Triệt để cùng uyên môn, Chỉ bản hoàn THIỀN TÔNG BẢN HẠNH chân môn, Thuận tức miễn hoạn môn, Thượng căn lợi khí môn, Thiền lâm tĩnh lự Gọi đủ: An Tử Sơn Trúc Lâm Trần Triều môn, U cư chính phái môn, Kỳ Viên Thiền tông Bản Hạnh. Tập thơ nôm của Thánh chúng môn, Giác ngộ huyền tông Thiền sư Chân Nguyên sống vào đời Hậu môn, Quy nguyên thật tế môn, Thể dụng

THIỀN TÔNG TẠP ĐỘC HẢI song tu âm dực Vương hóa, Song lâm di THIỀN TÔNG TỤNG CỔ LIÊN giới chúng đẳng tuân y, Sám hối pháp môn CHÂU THÔNG TẬP Bồ-đề hạnh nguyện, Ức tích xuất trần thừa huynh cảnh giới, Phục trưng giải đọa chỉ Sách, 40 quyển, do Pháp Ứng biên vào đời cảnh tức mê. Phần lớn trong văn bàn về Tống, Phổ Ứng tục biên vào đời Nguyên, việc của Triệu Châu Tùng Thẩm. Sau này được xếp vào Tục Tạng kinh tập 115, trang các tác phẩm Thiền Quan Sách Tiến của 1. Sách này sưu tập các tác phẩm về tụng Châu Hoằng, Giác Hổ tập quyển hạ của Tế cổ của Tổ sư Thiền tông . Nội dung bao Năng, phần nhiều lấy sách này để làm căn gồm 24 tắc cơ duyên của Thế Tôn, 30 tắc cứ. cơ duyên của Bồ Tát, 62 bài kệ kinh Đại THIỀN TÔNG TẠP ĐỘC HẢI Thừa, 702 bài tắc cơ duyên của Tổ sư. Mỗi khi có thêm vào

đều có để 2 chữ »Tục Còn gọi: Đại Huệ Thiền sư Thiền tông Tạp Thu«, nhằm phân biệt với nguyên tập . Độc Hải, Phổ Giác Tông Cảo Thiền sư ngữ lục, Đại Huệ Phổ Giác Thiền sư ngữ THIỀN TÔNG TRỰC CHỈ lục. Thi ca hợp tập, 2 quyển, do Pháp Hoằng và Đạo Khiêm biên, được ấn hành Sách, 1 quyển, do Thạch Thành Kim soạn vào niên hiệu Thiệu Hưng thứ 1 (1131) đời vào đời Thanh, được xếp vào Tục Tạng Tống, sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh kinh tập 112, trang 972. Sách này là một tập 121, trang 47. Tựa sách được lấy từ lời phần trong 4 tập »Truyền Gia Bảo« do nói của Thiền sư Đại Huệ »Tham thiền Thạch Thành Kim viết. Tựa bên trong là chẳng được, đều do tạp độc nhập tâm«. »Truyền Gia Bảo Thiền tông Trực Chỉ«, Nội dung bao gồm cơ duyên pháp ngữ của dưới tựa có viết 12 chữ »Minh tâm kiến tiên đức, cư sĩ tham thiền quét sạch ký ức, tính tu tri, thành Phật thành Tổ yếu pháp« các bài tán bạn phương ngoại, các bài tán (Pháp môn quan trọng để thành Phật thành Phật Tổ. Vào đời Minh, Trọng Hiến Tổ Tổ, người muốn minh tâm kiến tính cần Xiển đem sách này biên thêm làm 10 phải biết). Đầu tiên đem 46 mục mật quyển, sưu tập nhiều kệ tụng của thiền sư, truyền yếu pháp tham thiền, trình bày và bao gồm trên 30 mục, 732 bài về: Phật đản, phân tích tỉ mỉ cách thức hạ thủ công phu Thành đạo, Sơ tổ, Chúng tán được ấn hành ngộ đạo. Tiếp theo đem 10 mục chỉ chung vào niên hiệu Hồng Võ thứ 17 (1384) đời về mật truyền Phật pháp, giải thích một số Minh. Đến niên hiệu Thuận Trị thứ câu của người đời chất vấn về Phật pháp. 11(1654) đời Thanh, Mai Cốc Hạnh Duyệt kế tiếp Tổ Hiển lại thêm 870 bài. Khoảng THIỀN TRƯỢNG niên hiệu Khang Hy (1662-1722) đời Cây gậy bằng trúc một đầu bọc vải v.v... Thanh, Ca Lăng Tính Âm đem bản 10 dùng để đánh thức người hôn trầm khi ngồi quyển ra bỏ bớt, biên tập lại thành 8 quyển, thiền. Thích Thị Yếu Lãm q. hạ ghi: » nội dung gồm: Phật tán, Tạp tán, Đầu cơ,
Sao hóa, Tạp kệ, Đạo hiệu, Sơn cư...

THIỀN UYỂN TẬP ANH – Thiền trượng làm bằng Uyển Dao Lâm, Thiền Uyển Mông Cầu, trúc hay sậy, một đầu bọc vải khiến hàng Thiền Lâm Mông Cầu, Thiền Mông Cầu. hạ toạ phải chấp hành. Người tọa thiền mà Sách, 3 quyển, cho Chí Minh soạn vào đời hôn trầm thì lấy đầu gậy mềm gõ đánh Kim, Đức Giản chú thích vào đời Nguyên, thức«. Ngày nay chỉ chung cây gậy của được xếp vào Tục Tạng kinh tập 148, trang nhà sư. 189. Sư Chí Minh sưu tập hạnh nghiệp của các thiền sư làm thành sách tham khảo cho THIỀN TỦY người sơ học biện đạo tu nghiệp. Sách này 1. Phần tinh túy của Thiền. Chương Trần được làm theo thể văn vần, mỗi câu (mỗi Nhân Tông trong Tam Tổ Thực lục ghi: tắc) 4 chữ, gồm 562 tắc, thu thập từ Phật »
Thích-ca mâu-ni đến Thiền sư Thủ Sơn Tỉnh Niệm đời Tống.
Phần chú thích của sư Đức Giản chính là trưng dẫn ở các sách:

– Con Cảnh Đức Truyền Đăng lục, Ngũ Đăng người Ngài rất thông minh hiếu học, đọc Hội Nguyên, Nhân Thiên Nhãn Mục rất là hết các sách vở, suốt thông nội điển và tường tận. ngoại điển. Những khi nhàn rỗi, Ngài mời các thiền khách bàn giải về tâm tông, tham THIỀN UYỂN MÔNG CẦU THẬP học thiền với Thượng sĩ Tuệ Trung, thâm DI đắc đến chỗ thiền tủy. Đối với Thượng sĩ, Sách, 1 quyển, không rõ tác giả, được xếp Ngài kính lễ làm thầy«. vào Tục Tạng kinh tập 148, trang 288. 2. Tên gọi khác của kinh Lăng Nghiêm. Sách này được làm ra để bổ cứu cho quyển

»Thiền Uyển Mông Cầu Dao Lâm«, dùng THIỀN TỨ thể văn vần, mỗi câu 4 chữ, gồm 144 câu Còn gọi: Thiền tự, Thiền lâm. Tự viện (tức 144 tắc), dưới mỗi tắc đều có chú Thiền tông, Thiền viện. Chương Giáp Sơn thích, từ tắc »Thiếu Lâm xích tướng« đến Thiện Hội Thiền sư trong CĐTĐL q. 15 tắc »Đại Quy niệm tụng«, trưng dẫn các ghi: » sách Bích Nham lục, Nhân Thiên Bảo Giám, Lâm Gian lục. – Sư có chú tiểu theo hầu hạ lâu ngày. Sau khi trụ trì, sư bảo chú tiểu hành cước đến THIỀN UYỂN TẬP ANH các thiền viện dửng dưng với tất cả«. Đăng lục, 1 quyển, do Thiền sư Kim Sơn Thung Dung lục q. 1 ghi: » đời Trần (Việt Nam) soạn vào năm 1337. – Giáo môn gọi Nội dung ghi lại tông phái Thiền học và sự việc đó là thăng tòa, còn thiền lâm gọi việc tích các nhà sư nổi tiếng ở nước ta từ đời đó là thượng đường«. Đường, Tống, trải đến các đời Đinh, Lê, Lý, Trần (từ cuối thế kỷ VI đến đầu thế kỷ THIỀN UYỂN MÔNG CẦU DAO XIII. Tuy văn bản hiện có không phải là LÂM bản in đời Trần mà là một bản khắc in lại Còn gọi: Thiền Uyển Dao Lâm Chú, Thiền vào năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715), đó

THIỀN UYỂN THANH QUY cũng là một trong số thư tịch đầu thế kỷ ghi: » XVIII trở về trước còn giữ được văn bản- hiện vật đến nay. Sách này gồm có: – Sư đang ngồi. Lưu Bài tựa không mang tên tác giả. Sau bài Nghi Ông chỉ nạp y của sư, nói: Gọi nó là tựa có danh sách 14 người đệ tử của Thiền gì? Sư (Chân Tịnh Khắc Văn) nói: Thiền sư Thích Như Trí. y«. Thiền phái Vô Ngôn Thông: gồm 38 vị. Thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi: gồm 28 THIỀN YẾU vị. Yếu chỉ Thiền tông. Tiết Đông Sơn Hòa Thiền phái Thảo Đường: chỉ có biểu thượng trong TĐT q. 6 ghi: » pháp hệ gồm 19 vị. – Đây là một tác phẩm Đăng Lục có giá trị Đến khoảng cuối niên hiệu Đại Trung, Sư không chỉ riêng về văn học mà cả về sử đến núi Tân Phong, hoằng dương yếu chỉ học, triết học, văn hóa dân gian v.v... Cả Thiền tông«. về mặt văn bản, tác phẩm này cũng có một giá trị đặc biệt, bởi vì nó là một trong số rất THIỆN BẢN hiếm tác phẩm khởi thảo từ cuối đời Lý, 1. Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư đến Hào hoàn chỉnh và ổn định đầu đời Trần cách Châu (nay là huyện Phụng Dương, tỉnh An đây đã trên 7 thế kỷ mà vẫn còn truyền bản Huy) Trung Quốc, tham vấn thiền sư Tư trọn vẹn lưu lại đến ngày nay. Minh và đắc pháp. Khi ra hoằng pháp, sư ở Thứu Lãnh, Tương Châu. Một hôm, sư THIỀN UYỂN THANH QUY đang tắm, có vị tăng hỏi: Hòa thượng là người ly cấu (xa lìa nhiễm bẩn của trần lao Sách, 10 quyển, do Trường Lô Tông Trách phiền não) sao lại phải tắm? Sư đáp: Nước biên tập vào đời Tống, được xếp vào Tục định trong veo đầy ắp, tắm gội người vô Tạng kinh tập 111, trang 875. Vì sách này cấu này. được hoàn thành vào niên hiệu Sùng Ninh 2. Thiền tăng đời Tống (1035-1109), họ thứ 2 (1103) nên còn được gọi là »Sùng Đổng, người Dĩnh Châu (Phụ Dương, An Ninh Thanh Quy«. Huy) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Cổ thanh quy thời Bắc Tống có phần lỏng Tông Bản ở chùa Huệ Lâm, thuộc tông lẻo, quy củ thiền lâm tạp loạn, Tông Trách Vân Môn đời thứ 7, trụ chùa Pháp Vân ở vì xem trọng tinh thần của »Bách Trượng Đông Kinh. Hiệu: Đại Thông Thiền Sư. Thanh Quy« nên sưu tập các hành pháp kệ THIỆN CHIÊU (947-1024) tụng của các chùa còn sót lại để biên thành Thiền Uyển Thanh Quy. Các thanh quy đờiThiền tăng đời Tống, họ Du, người Thái sau được chế định phần lớn tham khảo Nguyên (Sơn Tây) Trung Quốc.

Thuở nhỏ phỏng theo sách này. sư thông minh trí huệ hơn người. Lúc 14 tuổi cha mẹ lần lượt qua đời, sư bèn cắt tóc THIỀN Y thụ giới cụ túc. Du phương khắp nơi, từng Y (áo) của thiền tăng. Tông Môn Võ Khố tham phỏng 71 vị tôn túc thạc đức. Sư đến

THIỆN HỘI Thủ Sơn, Nhữ Châu (Lâm Nhĩ, Hà Nam) tham kiến Thiền sư Tỉnh Niệm được đại Ở làng Xã Đầu, huyện Chương Hóa, tỉnh ngộ, nối pháp làm truyền nhân tông Lâm Đài Loan, Trung Quốc. Năm 1935 do Pháp Tế. Đến khi Tỉnh Niệm tịch, sư mới đáp sư Diệu Tu sáng lập, từ đó qua nhiều năm ứng lời thỉnh của đạo tục Tây Hà, trụ trì lần lượt xây cất thêm. Sau khi Diệu Tu thị Thái Tử Thiền Tự, Thái Bình Tự ở Phần tịch, do đệ tử Pháp sư Đạt Cẩm kế nhiệm Châu (Phần Dương, Sơn Tây) diễn nói trụ trì. Năm 1957 mời Pháp sư Thánh Ấn tông yếu đem cơ dụng ba câu, bốn câu, ba làm đạo sư thường xuyên giảng kinh hoằng quyết, 18 xướng v.v... tiếp dẫn kẻ học đạo, pháp, tín đồ ngày càng tăng. Năm 1970 danh tiếng một thời. Ba mươi năm thuyết xây cất lại hậu điện. pháp không biết mỏi mệt, phong cách cao nhã, giới hạnh tinh nghiêm. Mọi người THIỆN GIÁC cung kính ngưỡng mộ không dám kêu tên Thiền tăng đời Đường. Sư thờ Mã Tổ Đạo mà chỉ gọi sư là »Thiền sư Phần Châu«. Nhất và đắc pháp. Khi ra hoằng pháp ở Thụy là »Vô Đức Thiền sư«. Tác phẩm: chùa Hoa Lâm tại Đàm Châu (nay là huyện Phần Dương Vô Đức Thiền sư ngữ lục. Trường Sa tỉnh Hồ Nam). Sư thường cầm tích trượng, ban đêm đi ra khỏi rừng dưới THIỆN ĐẠO chân núi, cứ bảy bước dộng tích trượng 1. Thiền tăng đời Đường. Ban đầu sư một cái. Bùi Hưu hỏi sư rằng: »Sư làm sự nương Thiền sư Trường Thử Khoáng, làm nghiệp gì«. Đáp rằng: »Sơn tăng thường sa-di. Sau khi thọ đại giới, sư yết kiến niệm Quán Âm«. Thạch Đầu Hy Thiên và đắc pháp nơi ngài. Gặp lúc triều đình sa thải tăng ni, sư bèn THIỆN HỘI làm cư sĩ, ở trong thất đá tại Đàm Châu 1. Thiền tăng đời Đường, (805-881) họ (nay là huyện Trường Sa, Hồ Nam), người Liệu, người Hiện Đình, Quảng Châu Trung bốn phương đến tham yết rất đông mà sư Quốc. Năm 9 tuổi sư xuất gia nơi núi Long dẫn dắt chẳng biết mệt mỏi, người đời gọi Nha, 20 tuổi thụ giới cụ túc. Chẳng bao lâu sư là »Thạch Thất Đạo«, »Thạch Thất sư đến Giang Lăng (Hồ Bắc) chuyên Hành Giả«. nghiên cứu kinh luận. Về sau quay sang 2. Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư đến núi Bàn mộ thiền pháp, ban đầu trụ chùa Hạc Lâm Long thờ Thiền sư Khả Văn làm thầy, học ở Kinh Khẩu, Nhuận Châu (Trấn Giang, đạo và đắc pháp nơi ngài. Sư ở núi Mộc Giang Tô) cùng hỏi đáp với Đạo Ngô sư Bình, Viên Châu (nay là huyện Nghi Xuân, được sở đắc. Nghe lời khuyên của Đạo tỉnh Giang Tây). Trên đầu sư có nhục kế Ngô, sư đến tham kiến Thiền sư Đức hình xoắn ốc. Nam Đường Trung Chủ Thành, thầy trò khế hợp, ngay dưới lời ngộ nghe đạo đức của sư nên rước về cúng nhập bèn nối pháp. Niên hiệu Hàm Thông dường, dùng lể đãi ngộ như bậc thầy. Thụy thứ 11 (870) nơi Giáp Sơn, Lễ Châu (Đông hiệu: Chân Tịch Thiền sư. Nam huyện Lễ, Hồ Nam) sư xây dựng viện Đại Đồng truyền bá thiền phong, thiền tăng THIỆN ĐỨC THIỀN VIỆN khắp nơi tụ hội. Thụy là »Truyền Minh Đại

THIỆN KIÊN (1409-1493) Sư«. Linh? Sư đáp: Hiện Sơn đối Bích Ngọc, 2. Thiền tăng thời Bắc thuộc (?-900), thuộc nước sông chảy đến dòng Nam. dòng Vô Ngôn Thông, đời thứ 2, nối pháp Thiền sư Cảm Thành. Sư quê ở Điển Lãnh THIỆN PHÁP (?-1409) Giao Chỉ. Thuở nhỏ sư theo thầy Tiệm Thiền tăng đời Minh, họ Cố, tự Tính Hải, Nguyên ở chùa Đông Lâm bản hương xuất hiệu Vô Thuyết, người xứ Ngô huyện (nay gia, hiệu

là Tổ Phong. Lớn lên sư tham học là tỉnh Giang Tô) Trung Quốc. Sư đến khắp nơi và gặp Thiền sư Cảm Thành, chùa Trung Thiên Trúc ở Hàng Châu yết phục vụ ngài trong 10 năm. Một hôm sư kiến Thiền sư Không Tẩu Ngộ, được lưu vào thất ngài thưa hỏi, bỗng nhiên tỉnh lại nhậm chức Tri tạng. Một hôm nhân đi ngộ. Sau, sư trụ trì chùa Định Thiền làng thăm bạn cũ, đi một mình trên đường, chợt Siêu Loại để truyền bá Tâm Tông. Niên nghe tiếng mục đồng gọi thợ cày ăn cơm, hiệu Quang Hóa thứ 3 (900) đời Đường, sư sư bỗng nhiên tỉnh ngộ. Niên hiệu Hồng tịch tại bản tự. Theo: Thiền sư Việt Nam Võ thứ 13, sư ra hoằng pháp trụ chùa Tú của HT. Thanh Từ. Phong, 25 năm sau (1392) sư dời sang chùa Hổ Khê. THIỆN KIÊN (1409-1493) Thiền tăng đời Minh, họ Đinh, tự Cổ Đình, THIỆN QUẢ (1079-1152) người Côn Minh (Vân Nam) Trung Quốc. Thiền tăng đời Tống, họ Dư, hiệu Nguyệt Năm 10 tuổi xuất gia nơi chùa Ngũ Hoa, Am, người Tín Châu (Thượng Nhiêu, pháp danh Thiện Hiền, 19 tuổi y chỉ Thiền Giang Tây) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Bách Nham đổi pháp danh là Thiện sư Đạo Ninh, thuộc tông Lâm Tế thư 12, Kiên. Vào niên hiệu Chính Thống (1436- phái Dương Kỳ đời thứ 5, trụ chùa Thượng 1449) yết kiến Thiền sư Kim Lăng Vô Tế, Phong ở Hành Sơn. đọc kinh Viên Giác đến chỗ »thân tâm như huyễn« hoát nhiên đại ngộ liền được ấn THIỆN TẠNG chứng làm truyền nhân tông Lâm Tế. Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư đến núi Đại Khoảng niên hiệu Thiên Thuận (1457- Quang, Đàm Châu (nay là huyện Trường 1464) trụ trì Phù Sơn, rồi trở về Vân Nam Sa, tỉnh Hồ Nam) thờ Thiền sư Cư Hối làm kiến thiết chùa Quy Hóa. Tác phẩm: Cổ thầy, học đạo với ngài và đắc pháp, rồi trụ Đình Tổ Sư ngữ lục Tập Lược 4 quyển, chùa Bạch Vân ở Lạc Dương. Vân Thủy Thạch tập 4 quyển, Hoa Nghiêm Đại Ý 1 quyển. THIỆN THANH (1057-1142) Thiền tăng đời Tống, họ hà, hiệu Thảo THIỆN MỸ Đường, người Nam Hùng, Quảng Đông, Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Tổ Tâm, Nam An Thủ An. Sư ở Thứu Linh tại thuộc tông Lâm Tế đời thứ 10, phái Hoàng Tương Châu (nay là huyện Tương Phàn Long đời thứ 3, sư phụ giúp ngài Tổ Tâm tỉnh Hồ Bắc). trên 20 năm. Khi Thầy tịch, sư kế tiếp trụ Có vị tăng hỏi: Thế nào là cảnh Thứu trì Hoàng Long sơn. Niên hiệu Sùng Ninh

THIỆP LY VI thứ 4 (1105) sư từ Vân Nham đón sư huynh là Ngộ
Tân về trụ trì Hoàng Long, »Ngã tự quy lâm dĩ còn sư trở về chùa Lặc Đàm ở bản quận. Dĩ dữ thế tương sơ Nhờ học thức uyên bác, tiếp dẫn người học Lại hữu thiện tri thức bằng cơ phong bén nhạy nên người đến Thời năng quá ngã lư«. học tấp nập như chợ, được suy tôn đứng »Từ khi về núi rừng đầu chư sơn. Tác phẩm: Thảo Đường tập, Tôi cùng đời cách xa Thiện Thanh ngữ lục. Nhờ có Thiện tri thức Thường hay đến thăm nhà«. THIỆN THÔI 2. Lời gọi chung một nhóm tăng nhân và Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư tín đồ. Lâm Tế Nghĩa Huyền. Sư trụ Định Châu Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » (nay là huyện Định, tỉnh Hà Bắc) Trung Quốc,
có thuyết nói sư trụ Trấn Châu (nay – Này Thiện tri thức! Cần tịnh tâm niệm là huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc). pháp Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật«. Có vị tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? Sư đáp: Đồ sứ ở Định Châu kêu THIỆN VI tợ chuông. Sư thích dùng đánh và hét để Hãy bảo trọng. Lưu tâm, chú ý trên đường tiếp dẫn người học, do nghiêm khắc mà nổi đi. Lời dặn dò người đi đường. Tiết Động tiếng vào thời ấy. Sơn

Hòa thượng trong TĐT q. 6 ghi: » THIỆN TĨNH (858-946)
Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Vương, người – Sau khi ở được mười lăm xứ Toàn
Thành (nay là huyện Hưng Bình năm, sư từ giả Hòa thượng để ra đi. Hòa tỉnh Thiểm
Tây) Trung Quốc. Thuở bé sư thượng nói: Hãy bảo trọng!« theo Nho học, thông suốt
nhiều sách vở. THIỆP ĐẠO LÝ Năm 27 tuổi, sư đến chùa Phong Đức trong Những
gì có liên quan đến tri thức nghĩa núi Chung Nam lễ Thiền sư Quảng Độ. lý. Đối với nhà
thiền thì những thứ này Khoảng niên hiệu Thiên Phục (901-903), không dính dáng đến
thiền ngộ, hơn nữa sư về Nam yết kiến Thiền sư Lạc Phố còn chướng ngại cho thiền
ngộ. Bích Nham Nguyên Tĩnh, được cử làm Tri viên. Sau lục q. 1 ghi: »
đó sư trụ trì Vĩnh An Thiền Uyển ở Kinh Triệu, có đến 500
người theo học với sư. – Thế nên người Thụy hiệu: Tịnh Ngộ Thiền sư.
xưa nói một lời nửa câu tự nhiên làm líu THIỆN TRI THỨC lưỡi mọi người, không
có con đường cho 1. Thiền sư đạo pháp tinh thông. Thiên 283 ông khởi ý niệm, tình
giải, và những gì có trong Thiền Lâm Bảo Huấn q. 4 (Đại 48, liên quan đến tri thức
nghĩa lý«. 1039 trung) ghi: THIỆP LY VI Liên quan đến thế đối
lập giữa Ly (thể) và

THIỆP NÊ THỦY Vi (dụng), tức là chưa trừ hết vọng tâm Kim Sơn Đàm Dĩnh Thiền
sư trong NĐHN phân biệt đối đãi. Tiết Tông Thừa Yếu q. 12 ghi: » Nghĩa
trong Duy Tắc ngữ lục q. 9 ghi: » – Vừa có liên
quan tới lời lẽ giảng thuyết liền rơi vào khái niệm, đều là cửa
chết, chẳng phải là – Sống như gởi tạm, chết như con đường sống«. trở về, cũng
chưa khế hợp với cơ hướng thượng của tông ta. Ly tứ cú tuyệt bách THIẾT BÍCH CƠ
THIỀN SƯ NGỮ phi, vẫn còn ngại nói nín chưa trừ hết vọng LỤC tâm phân
biệt đối đãi«. Gọi đủ: Khánh Trung Thiết Bích Cơ Thiền sư ngữ lục. Ngữ lục, 20 quyển,
do Thiết THIỆP NÊ THỦY Bích Huệ Cơ soạn vào đời Minh, Huyễn Dính bùn dính
nước, dụ chỉ những vướng Mẫn trùng biên. Nội dung bao gồm: mắc liên quan đến ngôn
từ nghĩa lý, làm Thượng đường, Bỉnh phất, Phổ thuyết, chướng ngại việc đốn ngộ. Tiết
Cổ Sơn An Tiểu tham, Thị chúng, Trà thoại, Pháp ngữ, Vĩnh Thiền sư trong NĐHN q. 20
ghi: » Cơ duyên, Vấn đáp, Tiên sách ngữ, Phật sự, Tượng tán,
Tự tán, Thi, Tụng, Kệ, Liên phương, Ca minh, Tụng cổ (Niêm.
biệt, bình, trưng, đại), Tạp trước, Thư vấn,
Thỉnh khải, Hành trạng, Tháp minh, Tế văn và phụ lục 1
thiên niên phổ. Quyển thủ có lời tựa do Hùng Nhữ Học soạn
vào niên – Muốn hiệu Sùng Trinh thứ 15 (1642) và lời dẫn sáng được
việc này cần phải có thủ đoạn do Hành Hoằng Ngộ soạn. Bộ ngữ lục này như lửa đá
nháng như ánh điện chớp, mới mang tính chất quảng lục, cũng có đem vào có thể trên
đỉnh núi cao vót phóng mình »Thiết Bích Cơ Thiền sư ngữ lục« 3 quyển xuống, ở trong
chỗ mây trắng xa xôi sống do Tam Sơn Đăng Lai biên vào niên hiệu an ổn. Như người
chăm chú tìm kiếm cây Sùng Trinh thứ 15. Sách này có bản in lại kim vàng, lập tức
đỉnh đầu phải vỡ toang. của chùa Lăng Nghiêm phủ Gia Hưng, đời Đến chỗ này giả sử
thấy cơ hội mà ứng Thanh. biến, chẳng phạm nhằm mũi nhọn, toàn thân ngộ được
cũng còn dính bùn dính THIẾT CƯỚC nước. Còn như một câu toàn đề lão luyện

Thiền tăng Ngộ Duyên sống vào đời Tống, làm sao nói đây?«. hành cước tham phỏng, chẳng nệ xa gần, người thời ấy gọi sư là »Thiết Cước«. X. THIỆP THẦN VẪN Ngộ Duyên. Còn gọi: Lạc thần vẫn, Quải thần vẫn. Liên quan tới lời lẽ giảng thuyết. Việc này THIẾT ĐỊCH ĐẢO XUY chẳng phải phù hợp với tông chỉ: »Chẳng Tác phẩm, 2 quyển, do sư Huyền Lâu Áo lập văn tự ngữ ngôn« của nhà Thiền. Tiết Long thuộc tông Tào Động, Nhật Bản

THIẾT PHẬT TỰ soạn. Nội dung sách này mô phỏng theo Bích Nham lục gồm 100 tắc công án, có phần bình xướng và tụng cổ. Quyển »Thiết ngưu canh, thạch nữ tiếu thượng gồm 50 tắc từ »Văn-thù nhập môn« Kỷ nhân thức đắc huyền trung diệu«. đến »Nghĩa Trung thăng tòa«. Quyển hạ »Trâu sắt cày, gái đá cười gồm 50 tắc từ »Bảo Phúc Phật điện« đến Mấy ai biết được diệu trong huyền«. »Quy Sơn phương trượng«. Theo: PQĐTĐ của Nhóm Từ Di. THIẾT PHẬT TỰ Ở phía tây thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết THIẾT LỢI Giang, Trung Quốc. Được xây vào khoảng Xá-lợi, chỉ cho những mảnh răng xương niên hiệu Thiên Giám (502-519) đời giống như ngọc của Phật và các bậc cao Lương Nam Triều, Thượng thư hữu bộc tăng. Thiết lợi thu được sau khi hỏa táng Xạ Từ Miễn sửa nhà làm chùa, ban đầu gọi thi thể của các vị này. Tiết Long Tường Sĩ »Bát Chính Tự«, đời Đường đổi tên »Khai Khuê Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Nguyên Tự«. Thời Bắc Tống, trong chùa Khai Nguyên có hai viện Quảng Phúc, Trí – Giả, chia ra thờ Quán Âm và Phổ Hiền. Một hôm sư tắm rửa, đánh chuông họp Tượng Quán Âm đúc bằng sắt vào niên chúng, ngồi vào tòa, lặng lẽ mà hóa. Hôm hiệu Thiên Thánh thứ 3 (1025) đời Tống. thiêu xác, những người đưa đám đều nhặt Niên hiệu Hồng Vũ thứ 2 (1369) đời Minh được xá-lợi.« ban tên »Thiết Phật Thiền Tự«, tục gọi »Thiết Phật Tự«, hiện chỉ còn tiền điện, THIẾT NGƯU hậu điện và sương phòng. Tiền điện là Trâu sắt. Vốn là một pho tượng được thần Quán Âm điện, chính giữa thờ tượng sắt cách hóa để giữ gìn, phù hộ cho vùng Quán Âm, cao 2, 15m nặng 1500 kg. Thiểm Phủ Hà Nam khỏi bị nạn lũ lụt bởi Tượng hơi hướng về bên phải, thần thái nước sông Hoàng Hà. Thiền tông mượn từ đoan trang, phong tư phóng khoáng tự này để đổi thành thuật ngữ »Thiết ngưu chi nhiên, pháp tướng trang nghiêm, tạo dáng cơ« có nghĩa là Tâm ấn vô tướng của Phật ưu mỹ. Dù trải qua ngàn năm mà không bị Tổ; về thể thì bất động, về dụng thì tự tại gỉ sét, là kiệt tác của kỷ thuật đúc luyện mà không dấu vết. Tắc 38, Bích Nham lục kim đời Tống. Hậu điện là nhà trưng bày (Đại 48, 175 hạ) ghi: » văn vật. Có 4 chiếc cột đá khắc kinh Phật của chùa Thiên Ninh, Hồ Châu được xây vào niên hiệu Hội Xương thứ 3 (843) đời – Tâm ấn của Tổ sư giống như Đường, trên có khắc »Tôn Thắng đà la ni cơ quan trâu sắt, lấy đi thì gọi là ấn trụ, kinh« và phù điêu. Còn có dựng một tấm nếu để lại thì gọi là ấn phá. Còn như lúc bia lớn, trên có ghi »Thiên Ninh Vạn Thọ không lấy đi, không để lại thì ấn là phải, Thiền Tự«, là bút tích đích thực của Triệu hay không ấn là phải?«. Mạnh Phủ. Trong chùa còn có một chiếc Lục Tổ Lạc Đạo Ca ghi: giếng cổ do trụ trì Đàm Bích xây dựng vào

THIẾT PHƯƠNG TIỆN niên hiệu Tuyên Đức thứ 8 (1434) đời Nguyên Hiền và Nguyên Hoảng biên tập. Minh, trên miệng giếng xây vòng rào hình Đại ý sách này nêu

lên nghĩa gốc của 100 quả bí đỏ bằng đá cẩm thạch. tắc công án trong Bích Nham lục và có phụ các bài tụng. THIẾT PHƯƠNG TIỆN Ý nói lập ra pháp môn phương tiện, vì THIẾT THỌ KHAI HOA người chỉ dạy. Khai thị Dục Tạng chủ trong DTNL q. 3 ghi: » Cây sắt trổ hoa. Thiền tông lấy câu »Thiết thọ hoa khai thế giới hương« tỷ dụ cho mọi – Làm phiền vật trong pháp giới đều do diệu dụng vô đến Cổ Phật Thế Tôn khác, chẳng nỡ ngồi tâm vô tác hiển hiện. Câu »Thiết thọ hoa nhìn, chỉ dạy dài dòng, lập ra nhiều khai« biểu thị lý bị xem là cố định bất biến phương tiện để gỡ niêm cởi trói cho nhưng thật ra có biến hóa. Nếu phối hợp ngươi.« vào thể dụng, thì thiết thọ là thể, hoa khai là dụng, biểu thị công dụng vô vi vô tác do THIẾT QUYẾT TỬ chết mà hiển sống, do tĩnh mà phát động. Cây cọc sắt. Thiền tông mượn từ này để Phần lời dẫn, tắc 40, Bích Nham lục ghi: chỉ cho trạng thái không gì dính mắc được. » Tắc 44, Bích Nham lục (Đại 48, 180 hạ) ghi: » – Một thiền giả đạt đến cảnh giới thôi hết đi, giống như cây sắt trổ hoa, theo – Hòa ông có hiện tượng này chăng? Kẻ tinh Sơn dạy rằng: Hữu học gọi là nghe, Vô ranh cũng bị thua, cho dù ông tung hoành học gọi là gần (Thiền tăng trong thiên hạ ngang dọc cũng không khỏi bị y xỏ mũi«. nhảy không ra khỏi; chùy sắt không lỗ, một cây cọc sắt)«. THIẾT TÍCH LƯƠNG THIẾT TẬT LÊ Sống lưng bằng sắt, ví dụ dùng để chỉ hành 1. Trái chùy gai bằng sắt, là vũ khí dùng để vi làm phấn chấn tinh thần, tự xây dựng chí đánh nhau vào thời xưa. Thiền tông mượn lớn và quyết tâm theo đuổi. Tiết Phúc từ này để chỉ cho sự dạy đạo nghiêm khắc. Nghiêm Diễn Thiền sư trong Tăng Bảo Tắc 12, Bích Nham lục (Đại 48, 152 hạ) Chính Tục truyện q. 6 ghi: » ghi: » – Tăng hỏi Động Sơn: Thế nào là Phật? (Trái – Thiền tăng chùy gai bằng sắt, thiền sinh các nơi nhảy cần phải lập chí lớn, phấn chấn tinh thần, không khỏi)«. làm được chỗ người đời không thể làm, 2. Gọi đủ: Lô Sơn Biệt Truyền Thiền sư học được chỗ người xưa không thể học; Thiết Tật Lê. Sách, 1 quyển, do Biệt làm đến chỗ tột cùng, học đến mức tuyệt Truyền Đạo Kinh soạn vào đời Minh, đỉnh«.

THIẾU LÂM THIẾT TUẤN THAO Từ chỗ khác mà được thì chỉ là tạm thời. Còn gọi: Thiết tuấn liêm. Bánh bao có Kỵ nhất là chớ nên thông qua ngôn ngữ mà nhưn bằng sắt, không thể nhai, nuốt và tiêu tham cứu thiền pháp. Nếu như nhớ được hóa được tỷ dụ cho cơ ngữ của nhà thiền nhiều ngôn ngữ của kẻ khác thì dùng nó siêu việt ngôn cú, nghĩa lý, rất khó tham vào đâu? Công phu này từ bên không có cứu. Pháp Diễn ngữ lục, q. thượng ghi: người nào biện nổi mà được, chứ chẳng » phải là do thông minh nhớ dai mà được«.

THIÊU TỐNG Hỏa táng. Tiết Hoài Hải, đời thứ 3 dưới – Pháp Diễn tôi du Đại Giám trong CTTNL q. 1: » phương hơn mười năm tìm kiếm trên biển giáo nghĩa, gặp được vài vị tôn túc rồi tự cho là việc lớn đã xong. Khi đến hội Phù Sơn của ngài Viên Giám thì tôi chẳng mở – Ông già ngay nơi lời nói miệng được. Sau đến dưới cửa Bạch Vân liền đại ngộ, cáo từ sư, nói rằng: Tôi đã cắn vỡ được một cái bánh bao có nhưn thoát kiếp chồn hoang, bỏ xác ở sau núi bằng sắt, đúng là

đầy đủ trăm vị«. xin được hỏa táng như một vị tăng vừa qua Mật Am ngữ lục ghi: »
đời. Sư bảo Duy-na bạch chùy thông báo cho đại chúng
hay là sau giờ ngọ trai phổ – thỉnh đưa đám một vị tăng«. Treo
gươm trên hư không, giết tha tùy lúc, đánh thức con lừa của Lâm Tế, ném ra THIẾU ĐÀM bánh bao có nhưn bằng sắt của Ngũ Tổ, X. Bảo Đàm người khắp mặt đất mất cơ phong, đớ lưỡi«. THIẾU LÂM Chỉ Tổ Đạt-ma, bởi vì Sơ Tổ từng ngồi THIỆT ĐẦU THƯỢNG THỦ BIỆN thiền ngó vách chùa Thiếu Lâm trên Tung Sơn ở Hà Nam trải qua nhiều năm, nên Trên cái lưỡi mà phân biệt được, nghĩa là trong các sách vở Thiền tông thường dùng thông qua ngôn ngữ mà tham cứu thiền từ Thiếu Lâm để chỉ Tổ Đạt-ma. Pháp pháp. Tiết Vân Nham Hòa thượng trong Diễn ngữ lục q. thượng ghi: »
TĐT, q. 5 ghi: »

– Chư Phật chẳng ra đời, bốn mươi chín
năm nói, – Nếu như vào vạc sôi lò chưa biết là nói cái gì? Thiếu Lâm có diệu
lửa mà chẳng bị cháy tiêu thì mới được Từ quyết gây họa đến con cháu, đến nay phân
chỗ này mà được thì không bao giờ mất. biệt không được, còn nói diệu quyết gì!

THIẾU LÂM DIỆN BÍCH Nếu người nào biết rõ Tổ Phật, ngay đây Đạt-ma truyền
bá thiền pháp chỉ thẳng tâm liền siêu việt. người, tiếp nối nhau mãi như gương chiếu
soi các vật không khác mảy may, đều là THIẾU LÂM DIỆN BÍCH nương vào
nguyện lực đời trước để nêu ra Chỉ câu chuyện Bồ-đề Đạt-ma ngồi thiền một sự kiện
này.« ngó vách chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: »
THIẾU LÂM TỰ 1. Chùa nằm dưới chân ngọn Ngũ Nhũ
– Đạt-ma thật kỳ cục, ngó vách Phong, núi Thiếu Thất cách Bắc thành chùa Thiếu
Lâm. Nhị Tổ chặt cánh tay, cả 15km, thuộc huyện Đăng Phong, tỉnh Hà đời chịu khuất
phục.« Nam, Trung Quốc. Chùa được xây dựng vào niên hiệu Thái THIẾU LÂM LÃNH
TỌA Hòa thứ 19 (495) đời Bắc Ngụy. Niên hiệu Đạt-ma ngồi lặng lẽ (ở chùa Thiếu
Lâm). Hiếu Xương thứ 3 (527), Bồ-đề-đạt-ma tại Chỉ câu chuyện Bồ-đề Đạt-ma suốt ngày
chùa này ngồi 9 năm xoay mặt vào vách tu ngồi lặng lẽ ngó vách chùa Thiếu Lâm ở
định, rồi truyền pháp cho Huệ Khả, khai Tung Sơn. Tiết Hoàng Long Đạo Trăn sáng
Thiền tông Trung Quốc, nên gọi Đạt- Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » ma là Tổ sư
và chùa Thiếu Lâm là Tổ đình. Đầu đời Đường, tăng chúng
chùa Thiếu – Đạt-ma ngồi lặng lẽ ở chùa Thiếu Lâm giúp vua Đường Thái Tông mở
nước Lâm, đệ tử mỗi mỗi nói ra những điều dị có công; từ đó chư tăng thường tập
quyền thường giống như bọn mù sờ voi.« thuật nên Thiền tông và võ nghệ Thiếu Lâm
rất nổi tiếng và được truyền bá rộng THIẾU LÂM PHONG rãi. Vua Cao Tông và Võ
Hậu đều sùng Còn gọi: Thiền phong. Chỉ cho Thiền tông, kính, sửa sang chùa miếu. Sau
đó, trải qua Thiền pháp do Tổ Đạt-ma truyền. Mật Am các cuộc loạn lạc vào cuối đời
Đường-đời ngữ lục ghi: » Ngũ Đại, chùa dần dần suy vi. Niên hiệu
– Một câu thống thiết Thuần Hựu thứ 5 (1245) đời Tống, Thiền vạn cơ thông, tự
nhiên rạng rỡ mạch Thiền sư Tuyết Đình Phúc Hựu và các vị nối tông«. pháp ngài như:
Linh Ẩn Văn Thái, Cổ Nham Phổ Tựu, Tức Am Nghĩa Nhượng, THIẾU LÂM TRỰC CHỈ
Thuần Chuyết Văn Tài tiếp nối nhau trụ trì Đạt-ma chỉ thẳng. Chỉ thiền pháp chỉ

thẳng chùa này và đều làm hưng thịnh Thiền tâm người của Tổ Bồ-đề Đạt-ma truyền bá. tông, truyền thừa tông Tào Động dòng Tiết Khai thị Bạch Vân Nhiên Trưởng lão chính. Trong khoảng cuối đời Đường-đời trong MANL ghi: » Ngũ Đại, có thiền tăng tông Lâm Tế ở chùa Thiếu Lâm; từ đời Kim, Nguyên đến nay là đạo tràng của tông Tào Động. Cuối dời –
Trước khi Thế tôn Nguyên, chùa bị phá hoại nghiêm trọng, giơ cành hoa ở hội Linh Sơn, sau khi Tổ đến đời Minh thì hưng thịnh trở lại. Đầu

THIẾU LÂM TỰ THÁP LÂM đời Thanh, do vì chùa Thiếu Lâm trở thành sử văn hóa như: Sơ tổ am, Nhị tổ am, Đạt- khu vực »Phản Thanh phục Minh« nên bị ma động, Tháp lâm. thiêu hủy. Niên hiệu Ung Chính thứ 13 2. Chùa ở thôn Ngọc Lâm, huyện Phúc (1735) đời Thanh, chùa đươc trùng tu với Thanh, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Đây quy mô lớn. Năm 1928 một phần chùa bị là Thiếu Lâm Tự ở Mân Trung (tức Nam phá hủy bởi nạn binh lửa. Năm 1932 lại Thiếu Lâm Tự). Ngày 15-11-96, người ta được trùng tu. Diện tích hiện còn trên đã công bố tìm thấy được di chỉ của »Mân 30.000, phần lớn là các kiến trúc còn sót Trung Thiếu Lâm Tự« ở dưới núi Di-lặc, lại của đời Minh, Thanh như sau: Sơn phía sau là Tung Sơn, dãy núi ở phía bắc môn, Khách đường, Đạt-ma đình, Bạch y gọi là Cửu Liên Sơn. Chùa này là một điện, Địa tạng điện, Thiên Phật điện. Tấm nhánh của Thiếu Lâm Tự ở Tung Sơn, tỉnh bảng gắn trên Sơn môn có 3 chữ »Thiếu Hà Nam, là một địa chỉ Phật giáo quan Lâm Tự« do vua Khang Hy viết. Thiên trọng của Trung Quốc. Theo: Tạp Chí Phật điện được xây dựng vào niên hiệu Trung Quốc Ngày Nay số 6-1997. Vạn Lịch thứ 16 (1588) đời Minh, vào khoảng niên hiệu Càn Long (1736-1975) THIẾU LÂM TỰ THÁP LÂM được trùng tu với quy mô lớn, bảo tồn điện rất hoàn chỉnh. Sau đàn có bích họa »500 Rừng tháp nằm dưới chân núi Thiếu Thất, vị La-hán chầu Phật Tỳ-lô« rất to của đời cách chùa Thiếu Lâm chừng 0,5km về phía Minh, diện tích trên 300. Bạch y điện là tây, thuộc huyện Đăng Phong, tỉnh Hà kiến trúc đời Thanh. Trong điện, trên đàn Nam Trung Quốc, gồm 250 ngôi mộ tháp có vẽ các bài luyện tập võ thuật của Thiếu lớn nhỏ, là một rừng tháp lớn nhất Trung Lâm Tự và bức bích họa »13 vị Hòa Quốc. Mộ tháp nơi đây có đủ tháp của các thượng cứu vua Đường« rất được trân quý. triều đại, sớm nhất là niên hiệu Trinh Trong chùa còn có trên 300 bia đá được Nguyên thứ 7 (791) đời Đường, trể nhất là khắc vào đời Đường, trong đó có các tấm: niên hiệu Gia Khánh thứ 8 (1803) đời — »Hoàng Đường Tung Nhạc Thiếu Lâm Thanh, trong đó tháp gạch nhiều, tháp đá Tự bi« do Đường Huyền Tông viết. ít, từ 1 tầng đến 7 tầng, cao từ 15m trở — »Đại Đường Thiên hậu Ngự chế thư bi« xuống. Mỗi tháp đều có niên đại chuẩn xác do Vương Tri Kính viết. và đều có ghi chép điêu khắc phong phú. — »Đệ Nhất Sơn« do Tống Mễ Phế viết. Tạo hình cũng phong phú đa dạng. Xét về — »Tức Am Thiền sư bi« do vị tăng Nhật bình diện, có tháp hình vuông, hình lục Bản tên Thiệu Nguyên viết vào đời giác, hình bát giác, hình tròn; xét về lập Nguyên. thể, có tháp theo kiểu đình các một mái — »Dụ Công bi« do Triệu Mạnh Phủ viết một tầng, có tháp nhiều mái nhiều tầng, có vào đời Nguyên. tháp hình chuông, hình cột, hình bình, — »Đạo Công bi« do Đổng Kỳ Xương trong đó đa số tháp theo kiểu đình các và viết vào đời Minh đều là những di vật văn mái kín. Có thể nói đây là một nơi tham hóa trân quý. quan thưởng thức về nghệ thuật thư pháp, Bên ngoài chùa còn

có những di tích lịch điêu khắc và cổ tháp qua các thời đại.

THIẾU THẤT Trong rừng tháp còn có một số mộ tháp Mật Am ngữ lục ghi: »
của cao tăng nước ngoài như mộ tháp Trưởng lão Cúc Am
(Nhật Bản) xây vào – niên hiệu Chí Nguyên thứ 5 (1339) đời Giỏi
thay, Đại chúng! Không phải văn Nguyên, mộ tháp Hòa thượng Thiên Trúc chương tứ
lục (văn chương biền ngẫu) (Ấn Độ) xây vào niên hiệu Gia Tỉnh thứ 43 cũng không phải
thiền pháp do Tổ Bồ-đề (1564) đời Minh... Đạt-ma truyền bá. Lời nói ngắc ngứ, vụng về
như lãnh hội được, lổ mũi Tổ sư đồng THIẾU THẤT thời xỏ tuốt.« 1. Ngọn núi ở phía
bắc huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Do vì trong núi THIẾU THẤT GIA
PHONG có thất đá nên mới có tên này và nó thuộc về Tung Sơn. Vào thời Bắc
Ngụy. Hiếu Môn phong nhà thiền, hoặc sự truyền thừa Văn Đế cho xây chùa Thiếu Lâm
trên núi Thiền pháp. Tiết Tuyết Phong Tư Huệ và Tổ Đạt-ma đã từng ngồi xoay mặt vào
Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » vách chùa này đến 9 năm. Đây là lý do
khiến chùa nổi danh ở đời. Tắc 1, Bích – Cứ như hôm nay
Nham lục (Vạn Tục 117, 128 thượng) ghi: huệ mạng Phật Tổ nguy như chỉ mành treo
chuông, môn phong nhà Thiền bấp bênh như trứng để đầu đẳng«.
»Trực quy Thiếu Thất phong tiền tọa, Lương chúa hưu ngôn cánh khứ chiêu«. THIẾU
THẤT LỤC MÔN TẬP »Về ngay Thiếu Thất ngồi trước núi, Vua Lương thôi bảo:
Hãy đi mời«. Còn gọi: Thiếu Thất Lục Môn. Sách, 1 2. Chỉ cho Bồ-đề-đạt-ma. Chương
Nhập quyển, do Bồ-đề-đạt-ma soạn, được xếp Đạo Thiển Thâm Tụng của Hòa thượng
vào Đại Chính Tạng tập 48, trang 365. Nội Lâm Khê Kính Thoát trong CĐTĐL q. 29 dung
ghi lại những lời nói quả quyết chân ghi: » thật và quan trọng của
thiền gia, chia ra – làm 6 cửa như sau: Tâm kinh tụng, Phá
Thích-ca cùng Đạt-ma thay nhau vênh tướng luận, Nhị chủng nhập, An tâm pháp vang.
Nay tôi hỏi các thiền tăng, ai làm môn, Ngộ tính luận. Huyết mạch luận. Có chủ tương
lai?« người nghi rằng trừ »Nhị chủng nhập« ra, còn 5 cửa kia là do người sau ngụy tác.
THIẾU THẤT ĐƠN TRUYỀN THIẾU THẤT TÂM ẤN Chỉ thiền pháp do Tổ
Bồ-đề Đạt-ma truyền Thiền pháp tâm tâm tương ấn (Tâm thầy in bá. Đơn truyền: Theo
cách nói của nhà sang tâm trò) của Tổ Đ t-ma truyền bá. thiền: Hai mươi tám vị Tổ Ấn
Độ và sáu vị X. Thiếu Thất. Tiết Nghệ Ngôn trong Tổ Trung Hoa, mỗi đời chỉ truyền một
NHQL q. 29 ghi: » người, gọi là đơn truyền. X. Thiếu Thất.

THIỆU LONG (1077-1136) – Thanh Lương Văn Ích, thuộc
tông Pháp Thiền pháp tâm tâm tương ấn của Tổ Đạt- Nhãn. Sư trụ viện Đồng An, núi
Phụng ma truyền bá há câu nệ vào việc trao chuốt Thê, Hồng Châu (nay là huyện Nam
lời nói câu văn? Người xưa tạm vì kế tiếp Xương tỉnh Giang Tây). dẫn mà mượn lời nói,
nhưng đều hồn hậu chất phác, ngắn gọn, chuẩn xác và trong THIỆU KHANH sáng
để dạy người.« Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ Tuyền Châu, Trung Quốc.
Thuở bé ở chùa THIỂU PHÙNG XUYÊN NHĨ Linh Nham tập Kinh Luận, lớn lên yết kiến
KHÁCH Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Sư đi Xuyên nhĩ khách: Vị khách xỏ
lỗ tai, chỉ trên núi, thấy lá khoai lay động, Tuyết cho Tổ Đạt-ma, là bậc đã kiến tính. Khó
Phong chỉ lá lay động để dạy sư, Thiệu gặp được bậc kiến tính. Tiết Đức Sơn Chí Khanh

nhờ đây có tỉnh ngộ. Ban đầu sư ở Tiên Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: Long Khê, sau dời sang viện Long Thọ ở » Chương Châu (nay là huyện Chương Phố, tỉnh Phúc Kiến). Hiệu: Hưng Pháp Đại Sư.

– Tăng hỏi: Con từ xa xôi đến tìm THIỆU LONG (1077-1136) thầy xin thầy tiếp con một lần. Sư nói: Thiền tăng đời Tống, họ Cổ người xứ Hàm Chẳng tiếp. Tăng nói: Thế ấy thì uổng cho Sơn, Hòa Châu (nay thuộc tỉnh An Huy) một câu hỏi của con. Sư nói: Khó gặp Trung Quốc. Năm lên 9, sư vào viện Phật được bậc kiến tính, mà thường gặp kẻ chạy Huệ, nghiên cứu tinh tường Luật tạng. theo kiến giải«. Tham vấn các vị: Tịnh Chiếu Sùng Tín, Trạm Đường Văn Chuẩn, Tử Tâm Ngộ THIỆU AN Tân. Sau đó, sư đến Giáp Sơn theo hầu Thiền tăng đời Tống, nối pháp Quốc sư Viên Ngộ Khắc Cần 20 năm và nối pháp Đức Thiều ở núi Thiên Thai, thuộc tông ngài, thuộc tông Lâm Tế. Kệ ngộ đạo: Pháp Nhãn. Sư trụ chùa Báo Ân ở Hàng »Thoát thân dĩ hiểu Nam Kha mộng Châu. Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong Thử giác nhân gian vạn sự không của Hòa thượng?. Sư đáp: Tất cả chỗ sẵn Xuy khứ hoàn hương vô khổng địch sàng. Hiệu: Thông Biện Minh Đức Thiền Tịch dương tà chiếu bích vân hồng«. sư. »Thân đã tỉnh rồi Nam Kha mộng Mới biết nhân gian muôn việc không THIỆU CHÂN THIỀN SƯ Trổi khúc về quê, sáo không lỗ Mây xanh ửng đỏ, xế vầng hồng«. Thụy hiệu của Thiền tăng Pháp Đoan, sống Niên hiệu Kiến Viêm thứ 4 (1130), sư trụ vào đời Đường. X. Pháp Đoan. Vân Nham Thiền Tự ở núi Hổ Khâu thuộc Bình Giang (nay là Tô châu) làm hưng THIỆU HIỂN thịnh thiền phong của Viên Ngộ, dần dà trở Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư thành một phái, tức là phái Hổ Khâu, rất

THIỆU LONG ĐẠI SƯ thịnh ở Nhật Bản. Tác phẩm: Hổ Khâu Nhật Bản. Niên hiệu Chí Chính thứ 7 Long Hòa thượng ngữ lục 1 quyển. (1347) sư trở về nước trụ các chùa Đại Thánh, Đẳng Trì, Đông Phúc. THIỆU LONG ĐẠI SƯ Thụy hiệu của Thiền tăng Hồng Tiến, sống THIỆU NHAM (899-971) vào đời Ngũ Đại. X. Hồng Tiến. Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lưu, người xứ Ung Châu (nay là huyện Phượng Tường, THIỆU LONG THÁNH CHỦNG tỉnh Thiểm Tây) Trung Quốc. Năm lên 7 tuổi, sư xuất gia nơi Thiền sư Cao An. Đến Tiếp nối và làm rạng rỡ dòng giống của 18 tuổi sư thụ giới cụ túc nơi Luật sư Hoài Thánh hiền. Quy Sơn Cảnh Sách của Thiền Huy, du phương tham vấn Thiền sư Thanh sư Linh Hựu ghi: » Lương Văn Ích, nối pháp ngài thuộc tông Pháp Nhãn. Sư trụ chùa Chân Thân Bảo

– Tháp ở Hàng Châu, Ngô Việt Vương thỉnh Nói đến người xuất gia: Cất bước du sư khai pháp và ban hiệu »Liễu Không Đại phương, thân tâm khác với kẻ thế tục, tiếp Trí Thường Chiếu Thiền sư«. Trước khi nối và làm rạng rỡ dòng giống của Thánh lâm chung, sư có bảo với đệ tử rằng: »Chư hiền, nhiếp phục ma quân để đền đáp bốn hành vô thường tức thường trụ tướng« (các ơn, cùng cứu giúp ba cõi«. hiện tượng vô thường tức tướng thường trụ). THIỆU MINH (1235-1308) Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Nam Phố THIỆU TÔNG Thiệu Minh, hiệu Viên Thông, người xứ Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Tô Tuấn Châu, xuất thân vọng tộc Đằng Thị. Châu, sư thờ Thiền sư Trường Khánh Huệ Tại Nhật Bản sư là đệ tử của Đạo Long. Lăng làm thầy, theo học và đắc pháp nơi Niên hiệu Khai Khánh thứ 1 (1259) sang Ngài. Ban đầu sư cất am ở Nha Sơn, Kiền nhà Tống (Trung Quốc) đến chùa Tịnh Từ Châu trong 20 năm, đạo đức vang

xa. Về nối pháp Thiền sư Trí Ngu, đời thứ 22 hệ sau sư ở chùa Khai Tiên, Lô sơn. Nam Nam Nhạc, đời thứ 4 tông Lâm Tế Nhật Đường Trung Chủ từng vào núi để yết kiến Bản. Niên hiệu Hàm Thuần thứ 3 (1267) sư. Hiệu: Viên Trí Thiền sư. sư trở về nước khai sơn hoằng pháp nơi chùa Gia Nguyên. THIỆU TRÂN  Thiền tăng đời Tống. Sư tham vấn Thiền THIỆU NGUYÊN  (1305-1385) sư La-hán Hạnh Lâm và đắc ngộ, nối pháp Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Cổ Nguyên Ngài thuộc tông Pháp Nhãn. Sư trụ viện Thiệu Nguyên. Niên hiệu Thái Định thứ 4 Huệ Lực thuộc quận Lâm Giang (nay là (1327) sang nhà Nguyên (Trung Quốc) trụ huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây). Một tại chùa Thiếu Lâm núi Tung Sơn, nối hôm, có vị tăng hỏi: Lúc gà vàng chưa gáy pháp Thiền sư Văn Tài, đời thứ 24 hệ thì sao? Sư đáp: Là thời tiết gì? Lại hỏi: Thanh Nguyên, đời thứ 8 tông Tào Động Sau khi gáy thì sao? Sư đáp: Lại chẳng biết

THỈNH ÍCH  thời. THINH TIỀN NHẤT CÚ THIÊN THÁNH BẤT TRUYỀN  THIỆU TU  Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Mân, nối pháp Thiền sư La Hán Quế Sâm. Sư ở Một câu (nói) trước khi chưa mở miệng, dù núi Long Tế, Phủ Châu. Sư chẳng kêu gọi là ngàn thánh ra đời cũng không thể tụ tập đồ chúng, mà người học vẫn tìm truyền. Nghĩa là một câu »Chính pháp đến. Sư học rộng giỏi văn chương. Tác nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm« đã không phẩm: Quần Kinh Lược Yếu và hơn 60 bài phải »Ngữ« cũng chẳng phải »Câu« và kệ tụng truyền bá ở đời. cũng không phải ngàn Phật muôn Tổ có thể truyền; biểu thị việc lớn hướng thượng THIỆU TƯ  Tông thừa không phải do người khác Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư truyền trao mà phải do chính mình thực tế La-hán Đạo Nhàn, kế vị Trụ trì. Khi Mân khai ngộ chứng đắc. Tắc 7, Bích Nham lục Việt được bình định, sư đến Kim Lăng (Đại 48, 147 thượng) ghi: »  (nay là Nam Kinh) ra mắt Nam Đường  Trung Chủ, tuyên dương thiền chỉ được  vua ban thưởng, đãi ngộ.

– Một câu trước khi chưa mở miệng, dù là ngàn thánh THIỆU TƯ  (990-1066) ra đời cũng chẳng thể truyền. Nếu chưa Thiền tăng đời Tống, họ lý, người Khúc từng chứng đắc, dù nói cho ông nghe như giang, Quảng Đông, Trung Quốc. Sư nối cách xa cả đại thiên thế giới. Giả sử ông pháp thiền sư Hiểu Thông ở Động Sơn, biện được một câu nói trước khi chưa mở thuộc tông Vân Môn đời thứ 5, trụ trì thiền miệng là gì, dù cho có làm mọi người líu viện Định Huệ núi Tịnh Nguyên (tại Ông lưỡi, song cũng chưa phải là người mau lẹ Nguyên, Quảng Đông). Người đời gọi là chi!«. Tịnh Nguyên Tư Trưởng lão. THỈNH ÍCH  THIỆU VIỄN  Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư đến chùa Lời người học cầu xin thiền sư chỉ dạy Thạch Môn ở Tương Châu (nay là huyện thêm. Vốn là dụng ngữ trong sách Lễ Ký Tương Phàn, tỉnh Hồ Bắc) tham vấn Thiền Luận Ngữ. Sách Lễ Ký ghi: »Thỉnh nghiệp sư Huệ Triệt, nối pháp Ngài thuộc tông tắc khởi, thỉnh ích tắc khởi« (Xin việc thì Tào Động. Lúc mới đến sư làm Điền đầu phải đứng dậy, xin chỉ dạy thì phải đứng (quản lý ruộng nương). Sau sư kế vị Trụ dậy). Trong Thiền tông, phần lớn chỉ cho trì. nghĩa người học đạo sau khi thụ giới, còn Có vị tăng hỏi: Thế nào là tâm cổ Phật? Sư có chỗ chưa thấu hiểu bèn thỉnh giáo một đáp: Trâu trắng lộ thiên nằm bờ khe biếc. lần nữa. Nói về pháp Thỉnh ích có những Lại hỏi: Đạo là gì? Sư đáp: Núi sâu nước quy định rõ ràng, theo điều Thỉnh Ích, lạnh. chương Đại Chúng trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy q. 5 (Đại 48, 1143 hạ)

THỈNH ÍCH LỤC ghi: »Hễ muốn thỉnh ích, trước phải bẩm tôn quý; sau mỗi quyển có phụ âm nghĩa. thị giả thông báo cho Trụ trì biết: »Thượng Vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 35 (1607) đời tọa … chiều nay muốn gặp Phương trượng Minh. Giác Hư Tính Nhất hiệu duyệt sách thỉnh ích«. Nếu được chấp thuận thì đúng này, Sinh Sinh đạo nhân đưa bản thảo đi giờ đến cùng thị giả, chờ Phương trượng in. thắp đèn đốt hương, thị giả dẫn Thượng tọa vào trước Trụ trì vái chào cắm hương, lạy THỌ AN THIỀN VIỆN 9 lạy rồi đứng lên thưa: »Tôi vì việc lớn X. Tịnh Từ tự sinh tử, vô thường mau chóng, cúi mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy«. Sau khi đứng THỌ DỤNG bên nghe lời chỉ dạy xong, bước đến thắp Trong Thiền lâm, chỉ cho cơ pháp vận hương lạy 9 lạy cảm tạ, sau đó đến cảm ơn dụng linh hoạt. Như đạt đến cảnh giới tự thị giả«. Do đây có thể thấy nghi thức do tự tại, có thể tùy ý mình nhiệm vận tự Thỉnh ích thật là nghiêm túc. Lại, trong như, gọi là Thọ dụng như ý. Người học ngữ lục Thiền tông cũng thấy có nhiều ghi được thiền sư điểm hóa liền khai ngộ, từ chép về Thỉnh ích. Tắc 51, Bích Nham lục đây về sau không còn bị sự trói buộc nào (Đại 48, 186 thượng) ghi: » cả, gọi là Thọ dụng bất tận. Tắc 3, Vô Môn Quan ghi: »

– Thiền sư Câu Chi trước khi thị tịch, – Đến bảo với đại chúng là từ khi được Thiền một cuối hạ, Tăng cử lại công án trước kia để ngón tay của Thiền sư Thiên Long cả đời cầu sư chỉ dạy lần nữa. Nham Đầu nói: thọ dụng chẳng hết«. Theo: PQĐTĐ của Sao chẳng hỏi sớm? Tăng thưa: Chưa dám nhóm Từ Di. hồ đồ. Nham Đầu nói: Tuy Tuyết Phong cùng ta đồng điều sinh nhưng chẳng đồng THỌ KÝ điều tử, nếu ông muốn biết câu sau rốt Vốn chỉ lời đoán trước của đức Phật cho chính là đây!«. các đệ tử ngộ đạo, thành Phật. về sau cũng chỉ lời tiên đoán của Tổ sư cho các đệ tử THỈNH ÍCH LỤC ngộ đạo, hoằng pháp. Tiết Đâu Suất Tùng Gọi đủ: Vạn Tùng Lão Nhân Bình Xướng Duyệt Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: Thiên Đồng Giác Hòa thượng Niêm Cổ »

Thỉnh Ích lục. Niêm tụng bình xướng, 2 – Do vì ta kém phúc nên tiên sư thọ quyển, do Chính Giác niêm cổ vào đời ký không cho tiếp dẫn người.« Tống, Hành Tú bình xướng vào đời Nguyên, được xếp vào Tục Tạng kinh tập THỌ NGHIỆP 117, trang 811. Toàn sách thu thập 99 cổ Xuất gia rồi theo học với một vị Thầy nào tắc công án như: Văn-thù quá hạ, Ngọa đó. Hạng mục Văn Thái (PQĐTĐ 2, 1428 Luân kỹ lưỡng, Bách Trượng thượng hạ) ghi: » đường, Nam Tuyền viên tướng, Động Sơn

THOẠI BẢ – Sư tự Tung Sơn, thuở bé đã thông viện, ở được liền ở; từ chức trụ trì, cần đi minh hơn người, rất thích Thiền tông, lễ liền đi. Có biết cho chăng? ›Cây gậy đen sì Thiền sư Trí là người cùng làng làm thầy này, đừng trách nó rất dữ tợn‹. Sư ném cây rồi xuất gia theo học với Ngài«. gậy, bước xuống tòa.«

THỌ THỦ THOÁI ÔNG Trao tay, truyền thừa. Mật Am ngữ lục: 1. Hiệu của Thiền tăng Nhất Như đời » Minh. X. Nhất Như.

2. Hiệu của Thiền tăng Hoằng Trữ đời – Phật Phật trao tay, Thanh. X. Hoằng Trữ. Tổ Tổ truyền nhau. Những cảm giác nhận thức rõ ràng, phá vỡ lổ mũi nạp tăng, gió THOẠI lướt cỏ rạp, nước chảy thành sông (mọi Lời dạy khuôn mẫu của Phật Tổ; công án việc diễn tiến tốt đẹp).« của Thiền tông. Tiết Bảo Phúc Hòa thượng trong TĐT q.

11 ghi: » THỌ TOÁN Tuổi thọ. Mật Am ngữ lục ghi: » – Nêu ra được 100 công án chẳng bằng phân biệt được 1 công án, phân biệt được 100 công – Ngày mừng thọ của Vua, sư án chẳng bằng nói được 1 công án, nói thượng đường: ›Pháp Đại thừa lìa tứ cú được 100 công án chẳng bằng hành được bặt bách phi, chư Phật nói thẳng đến, phất 1 công án«. tử khéo giơ lên.‹ Rồi đưa phất tử lên, nói: Có thấy chăng? Đem cái nầy chúc đức THOẠI BÁ Vua, tuổi thọ bằng Tu-di.« Đầu đề câu chuyện, phần lớn chỉ cho công án nhà thiền. Mật Am ngữ lục ghi: » THOÁI Còn gọi: Thoái viện. Từ bỏ chức vụ trụ trì tự viện. Tông Môn Võ Khố ghi: » – Hai vị tôn túc chưa đến nơi đến chốn thẳng đến hôm nay trở thành – Hòa thượng Chân Tịnh từ bỏ chức đầu đề câu chuyện. Vì sao? Một chữ mà vụ Trụ trì Động Sơn, đi đến chỗ Hòa viết ba lần thì sai lạc không còn đúng thượng Lang Da Khởi ở Trừ Châu thuộc nguyên bản«. Chiết Giang.« Như Tịnh ngữ lục q. hạ ghi: » THOẠI BẢ Đầu đề câu chuyện, phần lớn chỉ công án nhà thiền. Vô Môn Quan ghi: » – Sư thượng đường nói: Nhậm chức trụ trì tự

THOẠI ĐẦU thì sao? Tăng nói: Hắn cũng bất chấp. Úy nói: Sẩy lời rồi vậy!« – Đâu chỉ Phong Can nhiều lời, mà cả Thích-ca cũng lắm chuyện. Lão THOẠI HỘI này tác yêu tác quái khiến cho con cháu Thông qua lời nói mà giao lưu và lãnh hội. trăm ngàn đời bị vướng mắc trói buộc, Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: » chưa ra khỏi được. Hình như công án loại này là thiền cơ nhân duyên khó có thể lãnh ngộ, không dễ ứng phó, có bao nhiêu người nhận định sai lầm?« – Chín tuần không luống uổng công phu, trăm kiếp đang dùng bây giờ. Thông THOẠI ĐẦU qua lời nói mà giao lưu và lãnh hội như Thoại là một lời nói, khi chưa khởi niệm thế thì thiền tăng chau mày. Chẳng nghe muốn nói gọi là Thoại đầu, chính là chỗ vô nói: Không lập một trần mới trở về nhà, thủy vô minh. Tham thoại đầu, còn gọi là nếu có mảy may không phải là quyến Khán thoại đầu, tức là nhìn ngay chỗ vô thuộc«. thủy vô minh, không biết đó là cái gì, vừa nhìn vừa hỏi, càng hỏi càng cảm thấy THOẠI PHÁ không biết, ấy gọi là phát nghi tình. Thư Nói toạc ra, nói rõ. Tiết Lâm Tế Hòa đáp Nham Trung Thừa trong HSLNMDT thượng trong TĐT q. 19 ghi: » q. 1 ghi: » – – Sơn tăng vì các ông đại khái nói toạc ra Công án tuy nhiều, nhưng chỉ có thoại đầu cương yếu Thiền tông, cần nhất là phải tự Niệm Phật là ai? là dễ đắc lực trong sinh tham cứu«. hoạt của người thế tục«. THOẠI TÁC LƯỠNG QUYẾT THOẠI ĐỌA Sẩy lời; lời nói chẳng khế hợp thiền nghĩa. Lời nói trước sau tự mâu thuẫn với nhau. Vân Môn quảng lục q. trung ghi: » Tiết Tịnh Từ Ngạn Sung Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: »

– Sư thượng đường cử – Vương Thái úy vào điện công án Tuyết Phong thị chúng rằng: Phật, chỉ cái bát hỏi một vị tăng rằng: Cái Khắp thế giới

đều là cửa giải thoát, do cái này là bát gì? Tăng nói: Bát Dược Sư. Úy gì mà nắm tay lôi chẳng vào? Sư nói: nói: Chỉ nghe có bát hàng long (bát nhốt Đường đường như Tuyết Phong mà lời nói rồng). Tăng nói: Đợi có rồng liền bắt nhốt. trước sau tự mâu thuẫn với nhau, đã là Úy nói: Chợt gặp mây dồn sóng dập đến khắp thế giới đều là cửa giải thoát thì còn

THÔ THỰC DỊ BẢO, TẾ TƯỚC NAN CƠ lôi kéo làm gì?«.
– Đầu tiên sư tham Tử Tâm nhưng không khế THOÁN DANH ngộ, liền nương ngài Trạm Đường ở Lặc Dấu đi tên thật, dùng tên giả. Tiết Vân Đàm… Một hôm, Đàm phổ thuyết như sau: Nham Thiên Du Thiền sư trong NĐHN q. …Sư nghe, có vẻ siêu thoát thông đạt.« 18 ghi: » THOÁT THỂ
1. Toàn thể của sự vật, khối thống nhất – Thiền sư Điển
Ngưu trong đó có các bộ phận có quan hệ chặt Thiên Du ở núi Vân Nham phủ Long Hưng, chẽ không thể tách rời nhau. Bài thơ »Tự con nhà họ Trịnh ở Thành Đô. Ban đầu đi Tán« của Thiền sư Xiển Đề Chiếu trong thi ở trường quận rồi đến Tân Châu thi GTPĐL ghi: nữa. Cả hai nơi sư đều đỗ đạt, nhưng sư chẳng dám nhận, dấu đi tên thật dùng tên giả để ra khỏi cổng thành«. »Thông thân vô ảnh tượng Thoát thể lộ đường đường THOÁT KHÔNG VỌNG NGỮ Bất thoại phi thanh sắc Hà tằng hữu đoản trường«. Còn gọi: Thoát không mạn ngữ. Nói lung »Khắp thân không hình bóng tung và không chân thật. Vân Môn quảng Toàn thể hiện rõ ràng lục, q. thượng ghi: » Không lời phi thanh sắc – Ngồi trên giường thiền, Đâu từng có dài ngắn«. ăn no rồi nói dối lung tung«. 2. Khỏi bệnh. Tiết Mục Am Trung Thiền sư trong GTPĐL q. 26 ghi: » THOÁT LƯỢC
– Rất giống mồ hôi Siêu thoát, lãnh ngộ, thông đạt. Duy Tắc vã ra đầm đìa, mà chưa thể hết bệnh«. ngữ lục q. 2 ghi: » THOÁT TRÁM
Lừa dối, đánh lừa. Mật Am ngữ lục ghi: – Cư sĩ Trương Vô Tận, tham vấn khắp các » bậc Đông Lâm, lại tham Hòa thượng
– Lời nói Cố, giám, di của Chiếu Giác ở chùa Đông Lâm, tự cho mình Vân Môn là đánh lừa người học. Câu Chi thông đạt, và cơ duyên Thiền tông không gì giơ ngón tay hoàn toàn không có cơ không thấu suốt.« phong.«

THOÁT NHIÊN THÔ THỰC DỊ BẢO, TẾ TƯỚC Có vẻ siêu thoát, lãnh ngộ. Siêu thoát, NAN CƠ thông đạt. Tiết Vân Nham Thiên Du Thiền Tức là nhai ẩu, nuốt trộng tuy dễ no bụng sư trong NĐHN q. 18 ghi: » nhưng lại khó tiêu; nhai kỹ ăn chậm chẳng những khó đói mà còn thưởng thức hương

THỐ ĐẠI vị và lại bổ dưỡng. Trong Thiền tông THỐ MÃ mượn thành ngữ này để chỉ nếu có thể tu Thỏ ngựa, chỉ cho các ông tăng tầm hành miên mật thì có ngày thể ngộ, sau thường, tài đức thấp thỏi. Tiết Văn Định cùng quyết định đắc đạo. Tắc 48 trong Vô Hồ An Quốc Cư Sĩ trong NĐHN q. 18 ghi: Môn Quan (Đại 48, 298 hạ) ghi: »
–
Nếu có thể hạ được ba chuyển ngữ này, liền có thể tùy chỗ làm»Thủ ác càn khôn sát hoạt cơ chủ, gặp duyên chính là Thiền. Nếu chưa Tung hành thi thiết tại lâm thời được như thế thì cần phải tu hành miên Mãn đường thố mã phi long tượng mật

mới có thể chứng ngộ«. Đại dụng đường đường tổng bất tri«. »Nắm chặt càn khôn tung bẫy rập THỐ ĐẠI Ra tay ngang dọc chỉ tuỳ thời Đầy nhà toàn hạng tầm thường cả, Từ gọi học trò nghèo, hàn sĩ, hàm ý chế Đại dụng ràng ràng trọn chẳng hay«. ngạo. Tông Môn Võ Khố ghi: » THỐ Ý
Hiểu rõ, lãnh hội. Tiết Huệ Trung Quốc Sư trong TĐT q. 3 ghi:
» – Thừa tướng Trương Vô Tận
lúc 19 tuổi vào kinh ứng thí. Nói qua nhà họ Hướng. Họ Hướng
đêm nằm mộng thấy thần nhân báo rằng:
Ngày mai tiếp rước Tướng công. Sáng sớm – (Xanh xanh trúc biếc họ
Hướng quét dọn nhà cửa sạch sẽ để đều là chân như, rực rỡ hoa vàng không gì đợi. Đến chiều mới thấy một anh học trò không phải Bát- nhã). Đây đều là cảnh nghèo kiết, mặc đạo phục màu vàng, chính giới của Bồ Tát Văn-thù, Phổ Hiền, không là Trương Vô Tận đến. phải hạng phàm phu, Tiểu thừa có thể tin nhận, khế hợp với kinh Đại thừa liễu nghĩa… Đây là lời nói sâu xa, người chẳng THỐ GIÁC QUY MAO tỉnh ngộ khó mà lãnh hội.« Sừng thỏ, lông rùa; chỉ cho sự vật tạm có tên gọi mà không thực có. Bài tựa của Lưu THỔ THƯỢNG GIA NÊ Bạt trong phần phụ lục ở cuối quyển trong Trên đất thêm bùn, tỷ dụ tăng thêm một PDNL q. hạ ghi: » lớp si mê, vướng mắc. »Bài tụng Cư Độn« – Sừng của Hòa thượng Long Nha trong CĐTĐL thỏ lông rùa dám bảo rằng có thực? Áo q. 29 ghi: lông cáo, áo lông cừu không nên dùng, trọn nên hổ thẹn!«.

THỐN TY BẤT QUẢI »Mê nhân vị liễu khuyến manh lung, THÔN THỔ BẤT ĐẮC
Thổ thượng gia nê cánh nhất trùng«. Còn gọi: Thôn thổ bất hạ, Thôn bất nhập »Người mê lại khuyên kẻ mù điếc thổ bất xuất. Nuốt không vào, nhổ không Thật là trên đất còn thêm bùn«. ra. Câu này dùng để hình dung sự rắc rối, khó chịu của tình huống, giống như trong THÔN CÔNG miệng ngậm một vật mà không thể nuốt Ông già nhà quê. Tiết Nam Tuyền Hòa vào hoặc nhổ ra, muôn phần khó chịu. Còn thượng trong TĐT q. 16 ghi: » tỷ dụ cho không có cách nào để ứng đáp, khó
xử trí. Thiền tông mượn từ này để chỉ – Sư đang cho việc không thể
tiêu thụ diệu dược Phật hành cước, hỏi người đi đường: Đường pháp vì thiếu đạo tâm. Tắc 83, Thung này đi đến đâu? Ông gìa nhà quê đáp: Dung lục (Đại 48, 280 hạ) ghi: »
Dưới gót chân là cái gì?« – Thuốc hay đâu từng qua miệng (Nuốt
THÔN ĐẦU không vào, nhổ không ra)«. Người quê mùa, gã thô tục. Bài thơ »Tự tán« trong NTNL q. hạ: » THÔN VIỆN Chùa nhỏ ở thôn
quê. Tiết Động Sơn Hòa – Một anh thượng ở TĐT q. 6 ghi: »
chàng quê mùa nổi lên ở thế giới Ta-bà. Hành cước đều là chỗ
vô dụng, xô ngã một – Đầu tiên sư theo Viện chủ con trâu rất khỏe.« một chùa nhỏ ở thôn quê để xuất gia. Vị THÔN LÝ NAM NỮ viện chủ ấy không tín nhiệm, mà sư trọn Đứa bé quê. Lời nói hàm ý xem thường. không có lòng thù ghét ông ta.« Tiết Dược Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 4 THỐN TRƯỜNG XÍCH ĐOẢN ghi: »
Tấc dài, thước ngắn. Theo khái
niệm thông thường thì thước dài tấc ngắn (xích trường
thốn đoản), nhưng Thiền tông đề xuất khái –

niệm tương phản tấc dài thước ngắn (thốn Sa-di ấy đang đến nhà kho ra mắt Chủ sự. trường xích đoản) và dùng tinh thần siêu Đạo Ngô vấn an Hòa thượng. Hòa thượng việt tương đối này để nắm bắt tướng chân hỏi Đạo Ngô rằng: Vừa rồi ngươi có gặp thật. Sa-di thọt chân không? Đạo Ngô thưa: THỐN TY BẤT QUẢI Gặp. Sư bảo: Sa-di này có chút ít hơi hám. Ngô thưa: Đứa bé quê mà có hơi hám gì? Chẳng mang một tấc tơ, tỷ dụ tâm tính Sư bảo: Không được cẩu thả, lại cần kham không nhiễm một trần. CĐTĐL q. 8 (Đại qua mới được.« 51, 258 trung) ghi: »

–

THÔNG Hòa thượng Nam Tuyền hỏi Đại phu Lục THÔNG BIỆN MINH ĐỨC THIỀN Tuyên: Trong 24 giờ Đại phu làm cái gì? SƯ Tuyên đáp: Chẳng mang một tấc tơ«. Hiệu của Thiền tăng Thiệu An đời Tống. X. Thiệu An. THÔNG Cho biết, tỏ rõ, nói lên. Tiết Lặc Đàm Văn THÔNG CÔNG (860-945) Chuẩn Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: Thiền tăng đời Đường, họ Đàm, tên U, » hiệu Thông Công, người Tân Châu (Tân Văn Ngộ thị giả, kiến Hưng, Quảng Đông) Trung Quốc. Sư nối sở trịch thoán dư hữu tỉnh, nghệ phương pháp thiền sư Thiện Hội, thuộc hệ Thanh trượng thông sở ngộ.« Nguyên đời thứ 7, trụ chùa Thanh Viễn THÔNG BIỆN (?-1134) Đông Lâm. Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn THÔNG DUNG (1539-1661) Thông đời thứ 8, Sư họ Ngô, quê ở Đan Thiền tăng cuối đời Minh đầu đời Thanh, Phượng (nay là huyện Đan Phượng, tỉnh họ Hà, hiệu Phí Ẩn, người Phúc Châu Hà Tây), miền Bắc Việt Nam. Vốn con Trung Quốc. Thuở nhỏ thông minh lạ lùng, dòng Phật tử, tính rất thông minh lại hiểu 14 tuổi xuất gia bác thông kinh luận. Đã tột tam học. Ban đầu sư đến chùa Kiết từng tham kiến Vô Minh Huệ Kinh, Trạm Tường tham vấn với Thiền sư Viên Chiếu, Nhiên Viên Trừng. Đời Minh niên hiệu thầm nhận được ý chỉ. Sau, sư đến trụ tại Thiên Khải thứ 2 (1622) tham yết Mật Vân Quốc tự trong kinh đô Thăng Long, từ đó Viên Ngộ được tâm ấn nối pháp làm truyền sư lấy hiệu là Trí Không. Nhân việc Hoàng nhân tông Lâm Tế. Về sau lần lượt trụ Vạn thái hậu Phù Thánh Cảm Linh Nhân đến Phúc Thiền Tự, viện Liên Phong núi chùa trai tăng và thưa hỏi về đạo lý, sư giải Hoàng Bá, chùa Thiên Ninh ở Chiết Giang, đáp thật rành rẽ nên Thái hậu rất hoan hỷ, chùa Siêu Quả ở Giang Tô, Phúc Nghiêm lễ bái phong sư chức Tăng lục, ban cho y Thiền Tự, Vạn Thọ Thiền Tự, chùa Duy hồng và hiệu là Thông Biện Đại Sư cùng Ma, viện Hưng Phúc ở núi Nghiêu Phong. trọng thưởng rất hậu. Bởi kính trọng sư, Những nơi sư đến đều được phục hưng lại Thái hậu thường triệu thỉnh vào cung và lễ và truyền bá pháp đạo của Viên Ngộ. Tác bái phong làm Quốc sư. Lúc tuổi cao, sư phẩm: Ngũ Đăng Nghiêm Thống 25 quyển, về trụ chùa Phổ Minh ở Từ Liêm, mở đàn Ngũ Đăng Nghiêm Thống Giải Hoặc Biên thuyết pháp. Sư dạy người tu thường lấy 1 quyển, Tổ Đình Kiềm Chùy lục 2 quyển. kinh Pháp Hoa làm dụng, nên người thời ấy gọi sư là Ngô Pháp Hoa. Ngày rằm THÔNG DỰ (1588-1646) tháng 2 năm Giáp Dần, nhằm niên hiệu Thiền tăng cuối đời Minh đầu đời Thanh, Thiên Chương Bảo Tự thứ 2 (1134) đời Lý họ Trần, tự Lâm Cao, người Côn Sơn Thần Tông, sư cho hay có chút bệnh rồi thị (Giang Tô) Trung Quốc. Năm 20 tuổi sư tịch. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. theo Nghiêu Phong Trạm Xuyên xuất gia, Thanh Từ. sau khi thụ giới cụ túc sư đi tham học khắp

THÔNG KỲ (1595-1652) nơi, đến Khánh Sơn tham kiến Thiên Ẩn THÔNG HUYỀN BÁCH VẤN Viên Tu được tỏ ngộ, nối pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế. Khi ra hoằng pháp, sư Còn gọi: Thông Huyền Bách Vấn Tập trụ chùa Thạch Tiểu, Chung Sơn, Kim Sách, 1 quyển, do Thông Huyền Viên Lăng (Nam Kinh), dời sang trụ chùa Bảo Thông hỏi, Vạn Tùng Hành Tú đáp), sau Nham, Nghiêu Phong. Niên hiệu Sùng đó được xếp vào Tục Tạng kinh tập 119, Trinh thứ 11 (1638) dời sang chùa Trúc trang 335. Thiền sư Viên Thông ở am Lâm, Giáp Sơn, Trấn Giang (Giang Tô) Thông Huyền tại Tính Châu (Nay là trùng hưng điện vũ, hoằng dương chính Thượng Nhiêu, tỉnh Quảng Tây) đặt ra 100 pháp. Có ngữ lục lưu hành nơi đời. câu hỏi để khích lệ người học và tuyên dương Tổ đạo, Vạn Tùng Hành Tú đều đáp THÔNG HIỀN (1593-1667) được cả, đệ tử của sư là Lâm Tuyền Tùng Luân theo thứ tự phụ tụng. Sinh Sinh Đạo Thiền tăng đời Thanh, họ Triệu, hiệu Phù Nhân là Từ Lâm ấn hành vào niên hiệu Thạch, người Đương Hồ (Chiết Giang) Thuần Hựu thứ 4 (1244). Trung Quốc. Năm 18 tuổi đến núi Phổ-đà THÔNG KỲ (1595-1652) yết kiến Thiệu Tông cạo tóc, do Vân Thê Thiền tăng cuối đời Minh đầu đời Thanh, Châu Hoằng truyền cho giới Sa-di. Sau đó họ Thái, tự Lâm Dã, người đời gọi »Lâm lần lượt tham kiến các nơi, đến chùa Kim Dã Thông Kỳ Thiền sư«, người Hợp Châu Túc yết kiến Mật Vân Viên Ngộ tham học (Hợp Xuyên, Tứ Xuyên) Trung Quốc. Tính vài năm, lại theo Viên Ngộ đến Phúc Kiến. tình trầm tĩnh không thích ăn thịt. Thuở Về sau từ biệt Viên Ngộ, sư trụ am Phổ nhỏ theo hầu hạ Thúc phụ là Đạo Nhiên Tịnh, lại trụ chùa Đông Tháp ở Chiết chùa Kim Chung, 17 tuổi theo Liên Phong Giang ba năm. Trong lúc đó, Viên Ngộ xuất gia, 19 tuổi ra khỏi Tứ Xuyên đi nam sang trụ chùa Thiên Đồng, sư cùng theo du, ý muốn nghiên cứu giáo điển nên ở lại sau đến Thiên Đồng thăm viếng Viên Ngộ Đương Hồ (Chiết Giang) bế quan xem một năm, tức ở Vũ Nguyên bế quan. Năm kinh giáo, bỗng bị bệnh kiết lị gần chết sau sư hay tin Viên Ngộ mắc bệnh, xin mới biết học kinh luận không phải là pháp tham kiến lần nữa được nối pháp làm cứu cánh nhân nghe bài kệ tham thiền của truyền nhân tông Lâm Tế. Sau lần lượt trụ Thiên Đồng: »Một niệm chưa sinh tử, thử các chùa Thanh Liên, Báo Ân, Quảng Huệ, khán xem đó là gì?«, như có tỏ ngộ. Một Đông Tháp, Cảnh Đức, Thê Chân, Thiện hôm sư trợt chân xuống lầu hoát nhiên tỏ Quyền, Phúc Thành. Tác phẩm: Phù Thạch ngộ liền đến Ngô Môn yết kiến Thiên Thiền sư ngữ lục 10 quyển. Đồng Viên Ngộ, được tâm ấn nối pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế. Đời Minh, niên THÔNG HUỆ THIỀN SƯ hiệu Sùng Trinh thứ 16 (1643) khi ra hoằng pháp sư trụ trì chùa Thông Huyền ở Hiệu của Thiền tăng Kính Tuân đời Tống. Thiên Thai, lần lượt qua các chùa Gia Hòa, X. Kính Tuân. Đông Tháp, Thê Chân, Thiên Đồng. Tác

THÔNG MINH phẩm: Lâm Dã Hòa thượng ngữ lục 8 ít nhiều phong cách Ngụy Tấn xa xưa. Tác quyển. phẩm: Mục Vân Hòa thượng ngữ lục 20 quyển, Mục Vân Hòa thượng Thất hội dư THÔNG MINH lục 6 quyển. X. Hải Minh. THÔNG NHẪN (1604-1648) THÔNG MINH CẢNH GIỚI Thiền tăng cuối đời Minh đầu đời Thanh, họ Trần, hiệu Triều Tông, người đời gọi Cảnh giới thông minh. Người tham thiền »Triều Tông Thông Nhẫn Thiền sư«, chưa thể trừ mọi tri thức kiến giải, chưa thể người Thường Châu (Giang Tô) Trung triệt ngộ tự tính, mà đem trí thông minh thế Quốc. Năm 22 tuổi sư theo Thiền sư Độc gian làm nhận thức, kiến giải hư vọng, gọi Tri am Trường

Sinh ở Tĩnh Giang (Giang là »Cảnh giới thông minh«. Tiết Tục Nghệ Tô) cạo tóc xuất gia, được nghe thuyết Ngôn trong NHQL q. 29 ghi: » »Vô sinh«, liền đến chùa Kim Túc tham kiến Mật Vân Viên Ngộ, làm thị giả cho Viên Ngộ. Đời Minh, niên hiệu Sùng Trinh – Đối với kẻ sĩ, công phu thứ 4 (1631) theo Viên Ngộ đến chùa A- tham cứu bức bách đến ranh giới: chưa dục Vương, Viên Ngộ nêu lời dạy của ngộ với sẽ ngộ. Khi ấy, tâm ý thức chưa Thiền sư Đại Thiên được khắc lên bia chùa sạch, luôn luôn nảy sinh kiến giải. Đây gọi rồi bảo sư: »Hổ dữ trong núi vì sao không là cảnh giới thông minh.« ăn thịt con của nó?«. Sư xuất mồ hôi như tắm, ngồi nằm không yên. Hai ngày sau, THÔNG MÔN (1599-1671) đang từ ngoài đi vào liêu bất chợt tỏ ngộ, Thiền tăng đời Thanh, họ Trương, hiệu bèn thưa với Viên Ngộ: »Chỉ có người nào Mục Vân, đời gọi là »Mục Vân Thông tự nhận mới là gần gũi«. Còn trình kệ được Môn Thiền sư«, người Thường Thục thầy ấn khả, nối pháp làm truyền nhân tông (Giang Tô) Trung Quốc. Sư theo Động Lâm Tế. Về sau, lần lượt trụ các chùa Kỳ- Văn chùa Hưng Phúc, Ngu Sơn xuất gia, Đà Lâm, Linh Hựu, Thượng Sinh, Nam ban đầu yết kiến Vô Dị Nguyên Lai, sau đó Hoa, Bảo Hoa. Tác phẩm: Triều Tông đến chùa Kim Túc tham kiến Mật Vân Thiền sư ngữ lục 10 quyển. Viên Ngộ, được tâm ấn nối pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế. Giữ chức Ký THÔNG NHẤT TUYẾN thất nhiều năm, kẻ theo học có hơn ngàn Mở ra một lối tẻ trên đường. Mật Am ngữ người. Khi ra hoằng pháp sư trụ Cổ Nam lục q. thượng ghi: » Thiền Viện ở Gia Hưng (Chiết Giang), lần lượt trụ các chùa Thê Chân, Mai Khê, – Tổ sư Hưng Phúc, Cực Lạc, Hạc Lâm, tuổi già nói chẳng nhằm, Phật Nhãn xem chẳng lui về ở ẩn hơn 10 năm không ở một nơi thấy, Tứ Diện (pháp hiệu của Thiền sư nào nhất định. Bác thông ngoại học, giỏi Pháp Diễn) tâm lão bà vì anh mở ra một thi văn, sở trường thư pháp, hội họa mang lối tẻ trên đường«. Tiết Điểu Hồi Lương

THÔNG THIỀN (?-1228) Phạm Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » Toàn thân đều là tay, là mắt. Thiền tông – Chớ nói dùng từ này để biểu thị sự quên đi thế đối kẻ phàm phu chẳng biết, đến Phật nhìn lập chủ khách nhằm tiến đến cảnh giới nhất cũng không thấy... có lãnh ngộ hay không? như. Tắc 89, Bích Nham lục (Đại 48, 213 Lại vì các ông mở ra một lối tẻ trên hạ) ghi: » đường«. THÔNG NHẤT TUYẾN ĐẠO – Đạo Ngô nói: Ông hiểu thế nào? Nham Mở ra một lối tẻ trên đường, là phương nói: Khắp thân là tay mắt. Ngô nói: Ông tiện do thiền sư lập bày để tiếp dẫn người nói rất hay, nhưng mới nói được có 8 học. Bích Nham lục q. 1 ghi: » phần. Vân Nham hỏi: Còn sư huynh thì sao? Đạo Ngô nói: Toàn thân là tay mắt«. – Đến câu thứ ba, Tuyết Đậu mở ra một lối tẻ trên đường, tiết lộ THÔNG THIỀN (?-1228) chút ít manh mối, sớm đã quanh co«. Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Tiết Khai Thiện Đạo Xiêm Thiền sư trong Thông đời thứ 13, nối pháp Thiền sư NĐHN q. 20 ghi: » Thường Chiếu. Sư họ Đặng, quê làng Ốc, An La. Sư cùng với Thần Nghi ở chùa – Phải biết chỗ mở ra một con đường Thắng Quang đồng thờ Thiền sư Thường có vách đứng ngàn nhẫn, chỗ vách đứng Chiếu ở chùa Lục Tổ làm thầy. Một hôm, ngàn nhẫn có mở ra một

con đường«. sư vào thất thưa hỏi rằng: Làm sao hiểu rõ Phật pháp? Thường Chiếu đáp: Phật pháp THÔNG PHÁP THIỀN SƯ không thể hiểu được. Liễu ngộ được điều đó thì mới gọi là hiểu pháp. Chư Phật đều Hiệu của Thiền tăng Đạo Thành đời Tống. tu hành như thế, không đắc bất cứ một X. Đạo Thành. pháp nào. Sư ngay câu nói này lãnh ngộ yếu chỉ. Sư THÔNG PHƯƠNG trở về cố hương rưới mưa, người học tụ hội Thông đạt, khế hợp đạo pháp. Bích Nham rất đông. Phàm có ai thưa hỏi, sư thảy đều lục q. 1 ghi: » dùng tâm ấn tâm. Có vị tăng hỏi: Thế nào là người xuất thế? Sư đáp: Đâu chẳng nghe người xưa nói: – Như người thời nay chẳng biết ý người »Chỉ xem năm uẩn đều không, tứ đại vô xưa, chỉ lo nhai lời nuốt chữ, có ngày nào ngã, chân tâm không tướng, không đi xong? Nếu là bậc tài giỏi thông đạt thì mới không lại, khi sinh tính chẳng đến, khi tử biện được công án này«. tính chẳng đi, yên tĩnh tròn lặng, tâm cảnh nhất như«. Chỉ hay như thế, liền chóng THÔNG THÂN THỊ THỦ NHÃN liễu ngộ, không bị ba đời ràng buộc, bèn là

THÔNG THỜI HUYÊN người xuất thế. Cần thiết chẳng được có THÔNG TÚ (1614-1675) một mảy may thú hướng. Thiền tăng đời Thanh, họ Dương, tự Ngọc Đến niên hiệu Kiến Trung thứ 4 (1228) đời Lâm, người đời gọi là »Ngọc Lâm Quốc Trần Thái Tông, vào lúc tháng 7, sư tịch. Sư« người Giang Âm (Giang Tô) Trung Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Quốc. Năm 19 tuổi sư theo Khánh Sơn Từ. Viên Tu xuất gia, thụ giới cụ túc nối pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế. Từng trụ trì THÔNG THỜI HUYÊN chùa Báo Ân ở Vũ Khang (Chiết Giang), Lời thăm hỏi. Tiết Kim Phong Tùng Chỉ sau phụng chiếu của Thanh Thế Tổ vào Thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: » kinh, ở nơi cung Vạn Thiện cử dương đại pháp. Chẳng bao lâu sư trở về núi, để lại đệ – Vị tăng mới đến tham vấn. Sư tử là Hạnh Sâm hoằng pháp nơi Bắc Kinh. bảo: Chẳng cần lời thăm hỏi, hãy nói câu Niên hiệu Thuận Trị thứ 17 (1660) vua thứ nhất xem sao!« tuyển lựa tăng thụ giới Bồ Tát, đặc biệt cho sư làm Bản sư còn gia phong »Đại Giác THÔNG THỪA (1593-1638) Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư«. Thông Tú Thiền tăng đời Minh, họ Chu, tự Thạch khi thuyết pháp nơi cung đình có soạn một Xa, người xứ Kim Hoa (nay thuộc tỉnh thiên »Khách Vấn«, Đại học sĩ Kim Chi Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 26 tuổi, Tuấn phụng sắc viết lời bình chú và phụ tự nương Ngài Thiên Chân Hải Tạng xuất gia rồi cho ấn hành. Tuổi già, sư xây cất chùa rồi sư thụ giới cụ túc ở chùa Vân Môn, Thiền Nguyên ở núi Thiên Mục, Chiết tham khắp các vị Thiện tri thức. Sau đến Giang và thường trụ ở đó. Tác phẩm: Ngọc chùa Kim Túc yết kiến Mật Vân Viên Ngộ, Lâm Tú Quốc Sư ngữ lục 12 quyển. được tâm ấn của ngài, hầu hạ trong 7 năm và nối pháp ngài, thuộc tông Lâm Tế. Niên THÔNG TÚY (1610-1695) hiệu Sùng Trinh thứ 4 (1631), sư ra hoằng Thiền tăng đời Thanh, họ Lý, tự Trượng pháp trụ chùa Long Khánh, núi Đồng Tuyết, người Nội Giang (Tứ Xuyên) Trung Quang ở Hàng Châu, rồi dời sang trụ chùa Quốc. Sư lễ ngài Thanh Nhiên núi Cổ Tự Kim Túc, khai pháp hoằng hóa, quảng độ xuất gia, đọc kinh Pháp Hoa đến chỗ »cho quần mê. đến giơ một tay hoặc cúi đầu… đều có thể THÔNG TÍN thành Phật đạo« thì biết rằng hy vọng sẽ Chỉ cho sự giải bày, trao đổi tin tức thiền đắc đạo, sư liền đến núi Nga My tu đạo. cơ. Tiết Thạch Sương Sở Viên Thiền sư Sau nghe đạo phong của Mật Vân Viên trong NĐHN q. 16 ghi: » Ngộ mà chuyển sang tu thiền, ẩn cư núi Cổ

Tự đọc các ngữ lục, ở nơi Vạn Phong tham – Sư thượng đường nói: Trời yết Phá Sơn Hải Minh. Niên hiệu Sùng quang mây tạnh, mặt trời sáng rực trên Trinh thứ 9 (1636) mùa thu sư đến núi không. Chẳng rơi vào sáng tối, làm sao Thiên Đồng tham kiến Viên Ngộ và được trao đổi tin tức?« đại ngộ, rồi trở về Vạn Phong được ấn khả nối pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế.

THÔNG VI (1594-1657) Niên hiệu Thuận Trị thứ 4 (1647) đi đến THÔNG VẤN (1604-1655) Tuân Nghĩa (Quý Châu) tị nạn. Năm thứ 6 Thiền tăng cuối đời Minh đầu đời Thanh, (1649) đến Long Hưng Thiền Viện ở họ Du, hiệu Nhược Am, người Ngô Giang Giang Thượng, Lạc An (Giang Tây) tụ hội (Giang Tô) Trung Quốc. Cha già của sư sợ thiền sư khắp nơi thuyết pháp. Niên hiệu không con nên đến chùa Thứu Phong thiết Khang Hy (1662-1722) đến chùa Chiêu lập đại hội Vô già một trăm ngày, Thông Giác ở Thành Đô, sư ra sức phục hưng lại Vấn ứng theo sự cầu khẩn mà sinh ra. những điện thờ bị hư hỏng trở thành kiểu Thuở nhỏ đã mất cha mẹ, năm 16 tuổi hăng cũ. Tuổi già sư lui về ở Dật Lão Quan. Sư hái đọc sách, xem qua hầu hết các sách. học rộng nhớ dai, giỏi làm thơ. Đệ tử nối Một hôm nhân đi qua sơn tự xem kinh pháp có Bản Tương, Linh Thiền, Triệt Lăng Nghiêm dường như có tỏ ngộ, sư bèn Liễu. Tác phẩm: Ngữ lục 12 quyển. Thanh đến Khánh Sơn yết kiến Thiên Ẩn Viên Tu Tùng tập 1 quyển, Lý Trung Hành 1 quyển, song đã lâu mà không khế ngộ. Năm 24 Cẩm Giang Thiền Đăng 20 quyển. tuổi vì bị ép lấy vợ nên sư đêm tối theo Pháp Vũ Phật Thạch chùa Lý An, ở Nam Giản cạo tóc xuất gia, lại theo hầu Mật THÔNG VÂN (1594-1663) Vân Viên Ngộ chùa Kim Túc, nhưng không khế ngộ, sư trở lại Khánh Sơn một Thiền tăng đời Thanh, họ Từ, tự Thạch Kỳ, hôm nghe gió mạnh thổi vào vách núi mà người Giang Tô Trung Quốc. Thuở nhỏ sư có chỗ tỉnh ngộ, được Viên Tu ấn khả, làm hay bệnh, đến chùa Nam Quảng xuất gia, truyền nhân tông Lâm Tế. Về sau trụ chùa học cả nội ngoại điển. Nhân xem bài kệ Lý An, rồi dời sang Giáp Sơn, qua lại vùng của Trung Phong Minh Bản viết trên vách Giang Đông sư phục hưng các chùa hoang chùa Báo Quốc ở Gia Định (Thượng Hải) phế, an trí đạo lữ là nhiệm vụ chủ yếu. mà cảm ngộ, sư liền đến chùa Hiển Thánh Tuổi già trụ Khánh Sơn. Tác phẩm: Nhược tham kiến Trạm Nhiên Viên Trừng. Lại Am Vấn Thiền sư ngữ lục 12 quyển, Tục tham kiến Mật Vân Viên Ngộ, luôn trình Tăng Tồn Cảo 20 quyển, Khánh Thất Hậu kiến giải nhưng đều bị Viên Ngộ quát. Một lục 1 quyển. hôm, sư vào thất chưa kịp mở miệng, Viên Ngộ quơ gậy đánh, sư liền đại triệt đại ngộ, THÔNG VI (1594-1657) nối pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế. Thiền tăng cuối đời Minh đầu đời Thanh, Khi ra hoằng pháp sư trụ Linh Thứu Thiền họ Trương, tự Vạn Như, người Gia Hưng Tự hoằng dương thiền pháp. Lần lượt trụ (Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 19 tuổi sư Tịnh Cư Thiền Tự núi Cảnh Tinh, Thiên vào chùa Hưng Thiện xuất gia thụ giới cụ Thai; chùa Tư Thánh núi Tuyết Đậu; Phổ túc. Ban đầu yết kiến Văn Cốc, lần lượt Nhuận Thiền Viện, Hương Sơn Thiền Tự; tham kiến các bậc danh túc. Một hôm nhân Mật Ấn Thiền Tự núi Đầu Đà. Đời Thanh, xem kinh Lăng Nghiêm dường như có tỏ niên hiệu Thuận Trị thứ 17 (1660) sư trở ngộ, sư liền đến chùa Kim Túc tham kiến về chùa Nam Quảng. Tác phẩm: Tuyết Đậu Mật Vân Viên Ngộ song không khế ngộ. Thạch Kỳ Thiền sư ngữ lục 15 quyển. Một hôm vào thành, ở bên đường thấy

THÔNG VIÊN người chủ mắng đứa ở bất giác toàn thân – Lâm Tế ba phen bị đánh đau điếng, sư nhảy dựng lên mà được đại ngộ. Sau nối ngay nơi lời nói của Đại Ngu liền kiến pháp Viên Ngộ làm truyền nhân tông Lâm tính«. Tế. Niên hiệu Sùng Trinh thứ 13 (1640) sư khai pháp nơi viện Chân Như, rồi sang Tào THỐNG LÃNH Sơn, đến núi Long Trì, giáo hóa hơn mười Lãnh hội sâu sắc, lãnh ngộ rất sâu. Tiết Tri năm mà tịch. Tác phẩm: Vạn Như Vi Thiền Phủ Cát Đàm Cư Sĩ trong NĐHN q. 20 sư ngữ lục 10 quyển. ghi: » THÔNG VIÊN

Hiệu của Thiền tăng Vạn Kim, sống vào cuối đời Nguyên-đầu đời Minh. X. Vạn Kim.

THÔNG VINH – ›Ông bỗng nhiên Thiền tăng đời Nguyễn, thuộc tông Lâm sáng tỏ, tụng rằng: Phi tâm phi Phật cũng Tế, đời thứ 44. Sư quê ở Nhân Kiệt, tỉnh phi vật, trước lầu Ngũ Phụng núi cao vút. Hải Dương, miền Bắc Việt Nam. Thuở nhỏ Trong bóng nắng xuân bỗng lộn nhào, sư đến Hàm Long xin cầu xuất gia, thế độ. chồn hoang nhảy vào hang sư tử‹. Ông liền Lớn lên, sư đến Hòa thượng Phúc Điền thụ trở về Hổ Khâu. Thiền sư Phật Hải ra đón, giới cụ túc. Sư tu hành chín chắn, đạo đức nói: ›Kiến giải về thiền pháp của cư sĩ chỉ vang xa. Đệ tử rất đông, mỗi vị ở mỗi có thể vào cảnh giới Phật, mà chưa vào phương hoằng hóa. Kệ thị tịch: được cảnh giới ma‹. Ông càng lễ bái »Tâm không cảnh tịch việt thánh siêu chẳng thôi. Hải nghiêm sắc mặt, bảo: ›Sao phàm chẳng nói sư tử nhảy vào hang chồn Ý nhiễm tình sinh vạn đoan hệ phược. hoang?‹ Ông liền lãnh hội sâu sắc«. Thiên nhân chư pháp tận tại kỳ trung Bỉ ngã nhất thể nguyên bản duy tâm«. THỐT ĐỊA CHIẾT »Tâm không cảnh lặng vượt thánh siêu Bất ngờ bị bẻ gãy, ẩn chỉ lập tức ngộ nhập, phàm đốn ngộ thiền pháp. Tiết Ngộ Thập Tam Ý nhiễm tình sinh muôn mối trói buộc Đạo Nhân trong NĐHN q. 20 ghi: » Trời người các pháp trọn tại trong đây Ta người một thể gốc chỉ là tâm«. Không rõ sư tịch lúc nào và ở đâu. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ.

THỐNG BỔNG Dùng gậy đánh đau điếng. Tiết Dục Vương Đức Quan Thiền sư trong NĐHN q. 12 – Sư thường đem việc tự ghi: » kỷ hỏi các bậc thiền đức, đến lúc Khai

THỜI TRUNG Thiện trở về liền cất am bên trái am của Sư cùng nhau vấn đáp với Thiền sư kiệt ngài để hầu hạ. Đêm mùng 8 tháng 3 năm xuất. Sư liền thòng một chân xuống«. Canh Thân, niên hiệu Thiệu Hưng, bỗng nhiên sư khải ngộ, khẩu chiếm 1 bài kệ THỐT TRÁC ĐỒNG THỜI trình Thiện như sau: Té ra không kẻ hở Kêu mổ một lượt, tỷ dụ sự phối hợp thiền Chạm nhằm liền sáng rỡ cơ khít khao, nhanh chóng. Minh Giác ngữ Đã là báu ngàn vàng lục q. 2 ghi: » Đâu cần bắn chim sẻ? Thiện đáp rằng: Khi chợt ngộ nhập thật sung sướng – Hễ người nào bước Thánh phàm sinh tử chợt mất tiêu ra khỏi chúng để bàn bạc, cũng cần phải là Dưới ngọn Tiên Châu cười ha hả thiền khách lão luyện. Nếu chưa có con Chẳng phụ lòng mong mỏi trước kia«. mắt phối hợp thiền cơ khít khao nhanh chóng, cuối cùng mò bắt chẳng được.« THỐT TRÁC Kêu mổ. Khi gà mẹ ấp trứng, gà con ở THỜI LƯU trong vỏ trứng sắp nở kêu lên gọi là Thốt, Nhiều, hành loạt thói tục của một thời. gà mẹ

mổ vỏ trứng để gà con mau ra gọi là Khai thi thiền nhân Huy trong MANL ghi: Trác. Thiền tông dùng nó để dụ cho Thiền » cơ tương ứng, cơ phong qua lại. Bài tụng »Thốt trác đồng thời« trong Phần Dương – Vừa ra khỏi thai mẹ, lập chí ngữ lục ghi: vượt bậc, xa hẳn các thói tục, hành cước gặp bậc tri thức, kiên quyết muốn thông suốt việc lớn sinh tử.« THỜI THỜI NIỆM NIỆM »Tùng tiền thủy thủ tiếp sơ cơ, Từng phút từng giây. Đoạn Tế Tâm Yếu Chính thị phồn ngôn miễn vọng tư ghi: » Kim nhật phụng thi lai thỉnh ích – Trong từng phút từng Liêu thân thốt trác báo đương thời«. giây không thấy tất cả tướng, chớ nhận 3 »Ngày trước duỗi tay tiếp sơ cơ, mé trước sau«. Nhiều lời bày vẽ khỏi vọng suy. Ngày nay dâng thơ để thỉnh ích, THỜI TRUNG Tạm thời kêu mổ báo đương thời«. Luôn luôn, thường xuyên, hàng ngày. Tiết Huệ Nam ngữ lục ghi: » Hương Nghiêm Nghĩa Đoan Thiền sư trong NĐHN q. 4 ghi: » – Hỏi: Thiền sư kiệt xuất chẳng tương ứng, còn có cơ phong qua lại thì chẳng phải thiền sư kiệt xuất. Đại chúng lên pháp đường thỉnh – Này

THỜI TRƯỜNG huynh đệ, Phật là trần, Pháp là trần, suốt THU SÁT ngày chạy tìm, có khi nào lãnh ngộ? Chỉ Kết cục, kết thúc. Tông Môn Võ Khố ghi: cần luôn luôn không theo tình, tình không » không gá vật, không nắm lấy điều thiện, không vất bỏ điều ác, đừng để chúng bao phủ, mới là chỗ học vậy.« – Trưởng lão Mật Ấn bốn năm trước là như THỜI TRƯỜNG thế, cho đến khi tới Kim Sơn thăng tòa Thường xuyên, luôn luôn. Tiết Nham Đầu cũng chỉ như thế. Làm một hiệp xong, lại Hòa thượng trong TĐT q. 7 ghi: » làm thêm một hiệp nữa, cứ làm mà không kết thúc, làm sao giúp được người?« – Nếu là người lãnh ngộ thiền ý, tự biết thực tế vận THÙ GIÁ dụng thiền pháp, mỗi hành động thảy đều Cho biết giá tiền. Tiết Tín Tương Tông dứt khoát, luôn luôn điềm tĩnh.« Hiển Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » THỜI UẤT (1303-1381) – Ngưỡng Sơn đem Thiền tăng cuối đời Nguyên đầu đời Minh, một thỏi vàng ra, bảo người thợ kim hoàn họ Kim, tự Vạn Phong, người Lạc Thanh cho biết giá tiền, ông ta cũng cho giá«. (Chiết Giang) Trung Quốc. Sư xuất gia thuở nhỏ, 11 tuổi đọc kinh Pháp Hoa có THÙ TƯỢNG TỰ tỉnh, liền vào Hàng Châu thụ giới cụ túc. Ở phía tây nam phố Dương Lâm, thị trấn Sau đó yết kiến Hổ Bào Phổ Thành, Phổ Đài Hoài, Ngũ Đài Sơn, tỉnh Sơn Tây, Thành dạy tham thoại đầu »không phải Trung Quốc, là một trong năm đại thiền tự tâm, không phải Phật, không phải vật«, của Ngũ Đài Sơn. Do trong chùa thờ tượng chán nản vì không sở đắc nên sư đến chùa Văn-thù nên có tên »Thù Tượng Tự«. Phật Chỉ núi Đạt Bồng, Minh Châu (Ninh Được xây dựng vào đời Đường, khoảng Ba, Chiết Giang) ngày đêm tham cứu. Một niên hiệu Diên Hựu (1314-1320) đời hôm nghe Tông luật sư, chủ chùa cử công Nguyên xây dựng lại, sau đó bị lửa thiêu án »Quy Sơn đạp ngã tịnh bình« chợt đại hủy. Niên hiệu Thành Hóa thứ 23 (1487) ngộ. Sư đến núi Phục Long tham kiến đời Minh xây cất lại. Phía trước là Sơn Thiền sư Nguyên Trường được ấn chứng môn, Thiên vương điện, hai bên là Lang vũ làm Thủ tọa, trao cho pháp

y làm truyền phối điện, phía sau là Thiền đường, nhân tông Lâm Tế. Sau sư đến núi Đặng Phương trượng thất. Chính giữa là Văn-thù Úy, Tô Châu sáng lập chùa Thánh Ân, các thờ Bồ tát Văn-thù cưỡi sư tử xanh, thiền lữ bốn phương tụ hội đông đảo không cao 9m, sau lưng khám là »Tam Thế Phật« đủ chỗ ở, đạo phong hưng thạnh suốt 30 (Thích-ca, Dược Sư, Di Đà), hai bên treo năm. Sau khi tịch, đệ tử Phổ Thọ v.v... 500 La hán, toàn bộ tượng Phật đều được biên tập Vạn Phong ngữ lục. người đời Minh nặn đắp, công nghệ tinh xảo, hình tượng tú mỹ.

THỦ ĐOAN (1025-1072) THÙ XƯỚNG đến yết kiến, thưa rằng: Hòa thượng Tào Dùng cơ ngữ đối đáp qua lại. Bích Nham Sơn rất lạ lùng. Sư nói: Phủ Châu cách lục ghi: » Tào Sơn bao nhiêu dặm?« 3. Cần phải, Hãy (k. ng., trợ từ đặt ở sau – Lời nói này nếu không có gì kỳ đặc động từ) biểu thị ngữ khí khuyên răn, dặn thì 3 vị Vân Môn, Bảo Phúc, Trường dò. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » Khánh tỉ mỉ thù xướng với ông ta làm gì?« – Sư nói: Đại chúng! Cần phải xem vị thiền THỦ khách này«. 1. Cách. Tiết Đan Hà Thiên Nhiên Thiền Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong sư trong ĐQMT q. hạ ghi: » NĐHN q. 4 ghi: » – Hỏi: Cái gì là vật báu trong đãy? Sư đáp: Hãy ngậm – Bình thường sư kiềm chế miệng«. hành động của thị giả Nam Dương, và ắt phải bắt lấy Nam Dương Quốc sư. Cái gọi THỦ CƯỚC là giương cung cần giương cứng, dùng dáo 1. Bản lĩnh. Bích Nham lục q. 1 ghi: » phải dùng dáo dài, là cách này vậy.« 2. Thủ đoạn. Tiết »Nghệ ngôn« trong – Có thể nói: Tuyết Đậu rất có NHQL q. 29 ghi: » bản lĩnh sẽ cùng một lúc tụng ra cho ông«. 2. Thủ đoạn. Bích Nham lục q. 1 ghi: »

– Hai người này rối rắm quá

– Nếu là người tham lắm, giống nhau ở chỗ linh lợi. bà già có thiền lão luyện đến chỗ này, cần phải có nẻo lên trời, vị tăng có đường xuống đất. thủ đoạn đuổi trâu của người cày, đoạt Bà già có thủ đoạn đuổi voi, vị tăng có cơm của người đói, thì mới thấy được chỗ mưu kế bắt cọp. (Đây là bình về công án vì người của Mã đại sư«. ›Bà già đốt am‹).« 3. Vai, nhân vật. Tiết Thần Đảnh Hồng Nhân Thiền sư trong LĐHY q. 12 ghi: THỦ (k. ng) » 1. Tuân theo, nghe theo, theo. Lâm Tế ngữ lục ghi: » – Hỏi: Lúc – Chư đạo hữu! Theo chỗ thấy một dáo một ngựa thì sao? Sư nói: Thần của sơn tăng, các ông có thể cắt đứt những Đảnh đánh trống rút lui. Hỏi: Rốt cuộc ra đầu Báo thân Phật, Hóa thân Phật«. sao? Sư đáp: Tưởng ngươi chẳng phải là 2. Khoảng cách. Huyền Sa Sư Bị Thiền sư nhân vật này«. trong NĐHN q. 7 ghi: » THỦ ĐOAN (1025-1072) – Vi giám quân Thiền tăng đời Tống, họ Chu, có thuyết nói

THỦ KHÂM họ Cát, người Hành Dương (Hồ Nam) THỦ NHÂN XỬ PHÂN Trung Quốc. Thuở nhỏ sư giỏi văn Tùy theo sự sắp đặt của người khác. Phần chương, không thích trần lao. Năm 20 tuổi lớn chỉ cho các vị tăng chưa rõ được tự tâm theo Trà Lăng Nhân Úc xuất gia, sau khi là Phật, đi đến các nơi tìm cầu thưa hỏi thụ giới cụ túc tham kiến Thiền sư Dương một cách mù quáng. Tiết Bảo Phúc Hòa Kỳ Phương Hội

được tỏ ngộ, theo hầu hạ thượng trong TĐT q. 11 ghi: » nhiều năm kế thừa pháp hệ. Năm 28 tuổi sư trụ trì chùa Thừa Thiên, Giang Châu (Cửu Giang, Giang Tây), sau lần lượt trụ các chùa Pháp Hoa, Long Môn, Hưng Hóa, – Hải Hội v.v... Lòng can đảm và trí tuệ hơn Có vị tăng hỏi: Ngài Ma-đằng vào đất người, người học rất kính sợ. Đệ tử nối Hán, một tạng kinh rõ ràng; Tổ Đạt-ma từ pháp có Pháp Diễn v.v... 12 người. Tác Ấn Độ sang đem cái gì chỉ dạy? Sư đáp: phẩm: Bạch Vân Thủ Đoan Thiền sư ngữ Việc hành cước của Thượng tọa là gì? lục 2 quyển, Bạch Vân Thủ Đoan Thiền sư Tăng nói: Chẳng hội! Sư bảo: Hãy lãnh quảng lục 4 quyển. hội đi! Chớ cam tùy theo sự sắp đặt của người khác«. THỦ KHÂM Thiền tăng đời Ngũ Đại; nối pháp Thiền sư THỦ NHẤT Hộ Quốc Thủ Trừng, thuộc tông Tào Thiền tăng đời Tống, họ Thẩm, người xứ Động. Sư ở chùa Trí Môn tại Tùy Châu Giang Âm (nay thuộc Giang Tô), Trung (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc). Quốc. Thuở bé sư sùng mộ Phật pháp, quy Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của y với Thiền sư Huệ Lâm Tông Bản, nối Hòa thượng? Sư đáp: Trên ngạch không pháp Ngài thuộc tông Vân Môn. Sau đó sư gắn bảng. Lại hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ trụ trì chùa Bản Giác ở Tú Châu (nay là Ấn Độ sang? Sư đáp: Đem lửa đốt trời huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang). thêm nhọc sức. Hiệu: Viên Chiếu Đại Sư. THỦ NỘT THỦ NHÂN Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lâm, người xứ Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Tuyền Phúc Châu. Sư tham yết Thiền sư Tuyết Châu, Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Phong Nghĩa Tồn và đắc pháp. Khi ra Thanh Lương Văn Ích, thuộc tông Pháp hoằng pháp sư trụ viện Hòa Long Thọ Nhãn. Ban đầu sư ở viện Thượng Phương, Xương tại Trì Châu (nay là huyện Quý Trì, chùa Hưng Giáo, Đông An thuộc Tuyền tỉnh An Huy). Hiệu: Diệu Không Thiền sư. Châu, sau dời đến viện La-hán ở Chương Châu (nay là huyện Chương Phố tỉnh Phúc THỦ OAI Kiến), rồi dời đến chùa Báo Ân. Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Phúc Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Châu, Trung Quốc. Sư tham vấn Quốc sư Báo Ân? Sư đáp: Không có chỗ cho ngươi Đức Thiều ở núi Thiên Thai được ý chỉ và để mắt. nối pháp ngài, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư

THỦ TÍNH trụ viện Quảng Bình ở Phúc Châu. Có vị Phượng Tường, Thiểm Tây, Trung Quốc. tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Quảng Sư nối pháp thiền sư Văn Yển, thuộc tông Bình? Sư đáp: Ai chẳng thọ dụng? Hiệu: Vân Môn đời thứ 2, trụ thiền viện Đồng Tông Nhất Thiền sư. Sơn chùa Đường Đức ở Tương châu (nay là huyện Cốc Thành, tỉnh Hồ Bắc). Thụy: THỦ PHỤNG Tông Huệ Thiền Sư. Có ngữ lục lưu hành Đón ý cho vừa lòng người khác; bợ đỡ; ở đời. nịnh hót. Tông Môn Võ Khố ghi: » THỦ SƠN Hiệu của Thiền tăng Tỉnh Niệm, đời Tống. X. Tỉnh Niệm. – (Thiền sư Đâu Suất Tùng THỦ SƠN TỈNH NIỆM THIỀN SƯ Duyệt) nói với Thủ tọa rằng: ..... tôi nghe NGỮ LỤC Trương Vận Sứ chẳng bao lâu sẽ ghé qua Gọi đủ: Như Châu Thủ Sơn Tỉnh Niệm Hòa đây, tôi định nói với y một lời thống thiết; thượng ngữ lục. Còn gọi: Thủ Sơn Niệm nếu y chịu hồi đầu ấy là việc may cho môn Hòa thượng ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do phong của ta. Thủ tọa thưa: Hạng sĩ đại Thủ Sơn Tỉnh Niệm soạn vào đời Tống, phu ngày nay quen được người bợ đỡ, con được xếp vào »Cổ Tôn Túc ngữ lục« quyển e rằng y sẽ nổi giận mà sinh ra nhiều việc 8, Tục Tạng kinh tập

118, trang 242. Nội khác nữa«. dung bao gồm các ngữ yếu thượng đường thị chúng của Tỉnh Niệm lúc đầu ở Thủ THỦ QUÝ (1290-1361) Sơn, kế đến trụ viện Quảng Giáo, còn có Thiền tăng đời Nguyên, họ Chân, tự Vô lời thượng đường ở Bảo Ứng Nam Viện, Dụng, hiệu Thủy Am, người xứ Phố Giang Tiểu tham thị chúng, 12 câu hỏi đáp đại (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. ngữ ở Cảnh Thanh, Khám biện, Thị chúng Năm 18 tuổi vào núi Khang Hầu làm tăng. kệ tụng, Tứ tân chủ tụng... Ban đầu sư tham vấn Thiền sư Thiên Nham Vô Trường, bỗng nhiên khế ngộ. THỦ THỨ NGỮ Tiếp đến sư tham yết các vị danh tăng như Lời nói bộp chộp, cẩu thả. Phần Thị Chúng Trung Phong Minh Bản... và nói: »Ngàn trong Lâm Tế lục (Đại 47, 498 trung) ghi: sông tuy có khác nhưng mặt trăng sáng chỉ » có một, từ nay về sau tôi không còn nghi – Đạo lưu! Chớ nói nữa«. Niên hiệu Chí Thánh thứ 10 (1350) ẩu rằng ta hiểu thiền hiểu đạo mà bị Thiền sư trụ trì chùa Thiên Long ở Hàng Châu. sư vạch mặt«. Về sau, sư lui về ở ẩn nơi am Ứng Mộng tại Gia Hưng (nay thuộc Chiết Giang). THỦ TÍNH Vừa ý thoải mái, tùy thích. Tiết Tây Thục THỦ SƠ (910-990) Nhân Vương Khâm Thiền sư trong Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Phó, người GTPĐL q. 25 ghi: »

THỦ TỌA Dương, Hồ Nam). Có hiệu là Thiết Diện – Hòa thượng Thủ Tính hễ gặp Trác. Tác phẩm: Thi kệ và Trường Linh rắn đều đập chết vất đi và nói: Thủ Tính Thiền sư ngữ lục. tùy thích!« Tiết Văn Môn Văn Yển Thiền sư trong THỦ TRUNG (1275-1348) NĐHN q. 15 ghi: » Thiền tăng đời Nguyên, họ Hoàng, hiệu Đàm Phương, người xứ Nam Khang (nay thuộc Giang Tây) Trung Quốc. Sư xuất gia năm 12 tuổi. Ban đầu nghe kinh Pháp Hoa – Gần đây các sư tăng đi có tỉnh rồi tham vấn Thiền sư Thiết Sơn lên miền Bắc nói lễ Văn-thù, trở về miền Quỳnh, Mông Sơn Dị, Hổ Nham Phục, sau Nam bảo hành hương Hành Nhạc, hành cùng yết kiến Thiền sư Ngọc Sơn Ấn và cước thế ấy chỉ là danh tự Tỳ-kheo, uổng đắc pháp. Sư trụ chùa Long Tường ở Nam hưởng dụng của tín thì. Khổ thay! Khổ Kinh, rồi dời đến Tưởng Sơn. Chẳng bao thay. Khi bị hỏi đến thì tối tăm như dầu lâu, chùa bị hỏa tai, sư quyên góp để sửa hắc, chỉ lo tùy thích qua ngày«. chữa. Nguyên Văn Tông lúc còn làm Phiên Vương, từng giao du với sư. Sau khi lên THỦ TỌA ngôi, Văn Tông nhiều lần cúng dường và Tăng tham thiền, đứng đầu các vị tăng ban cho sư chức Đại Phu. trong tăng đường. Đây là người gương mẫu của tùng lâm, làm con mắt trí huệ soi THỦ TƯỚNG ĐẠI SƯ sáng cho trời người. Nếu tăng đường phân Thiền tăng Quy Bản đời Ngũ Đại, có mười làm 2 nhà thì có Tiền đường Thủ tọa và ngón tay thon nhỏ và dài, đặc biệt hơn Hậu đường Thủ tọa. Pháp Diễn ngữ lục, q. người nên có hiệu là Thủ Tướng Đại Sư. thượng ghi: » X. Quy Bản. – Sư chắp tay, nói: Tháng THỤ Á (412) giêng vẫn còn lạnh, ngưỡng mong Thủ tọa, Nằm dọc trám vào. Tiết Phù Sơn Viên đại chúng cho đến các vị Tri sự, tôn thể Giám Thiền sư trong NGCTT q. 2 ghi: » sinh hoạt hằng ngày vẫn khoẻ mạnh«.

THỦ TRÁC (1064-1123) – Một ván cờ tiên âm thầm bày Thiền tăng đời Tống, họ Trang, người ra trên bàn, trên nẻo cơ phong xung qua Tuyền Châu Phúc Kiến, Trung Quốc. Sư cửa ải; con mắt thứ ba của Tự Tại Thiên nối

pháp thiền sư Duy Thanh, thuộc tông nằm dọc trám vào vầng trán, ở trước đầu Lâm Tế đời thứ 11, phái Hoàng Long đời lâu mất khả năng chiếu soi.« thứ 4, trụ các ngôi chùa nổi tiếng như: Cam Lộ ở Trấn Giang, Sùng Phúc ở Nghi THỤ KHỞI TÍCH LƯƠNG Trưng, Thiên Ninh ở Dương Châu, viện Trường Linh chùa Thái Bình (tại Nhạc Phấn chấn tinh thần, lập định chí hướng.

THUẦN CHÂN (?-1101) Tiết Bảo Hoa Phổ Giám Thiền sư trong trâu đất ngựa gỗ kêu rống mãi. Tuy tội lỗi NĐHN q. 17 ghi: » ngất trời nhưng chớ bàn luận đến, ngày nào mới được trong sáng lại?«.

– THUẤN ĐÔ TÔNG (1340- Chẳng bằng trừ sạch trần duyên, lập định 1426) chí hướng phấn chấn tinh thần tham cứu Thiền tăng đời Nguyên, họ Thuấn, hiệu đến chỗ thấu triệt, đạt được trạng thái Nhược Ngu, người xứ Tứ Dương, Giang hoàn toàn tỉnh ngộ, rồi vào trong rừng núi, Tô, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Thiên bên dòng suối để nuôi lớn thánh thai, mới Khánh Nghĩa Nhượng, đời thứ 24 hệ chẳng uổng công trời người cúng dường«. Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Linh Cốc ở Nam Kinh (Nam Kinh, Giang Tô). THỤ PHẤT NIÊM CHÙY Giơ dùi dựng phất là động tác mà thiền sư THUẦN CHÂN (?-1101) thường dùng để ứng cơ, chỉ chung cho việc Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Tỳ-ni-đa- lập bày thiền cơ. Đáp Cư sĩ Phán Lưu Kinh lưu-chi đời thứ 12, nối pháp Thiền sư Pháp Thần trong NĐHN q. 16 ghi: » Bảo. Sư họ Đào quê làng Cửu Ông, huyện Tế Giang (tức huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên ngày nay). Sư thuở nhỏ thông

– thạo kinh sử, đi đến đâu bọn Nho sĩ tranh Sáu cánh đã xòe, ngàn hoa khoe đẹp. Phân nhau theo về. Chẳng bao lâu, sư mở tung chia tông phái, mỗi tông phái có môn đình được cánh cửa áo diệu, tia sáng giác ngộ riêng. Vì vậy họ lập bày thiền cơ: hoặc xuất hiện. Từ đó, sư trụ trì chùa Hoa nhướng mày chớp mắt, đánh quyền, giơ Quang, làng Tây Kết, Thượng Nghi. Tùy ngón tay; hoặc sử dụng cây gậy, tiếng hét, người đến thưa hỏi, sư phát huy tông chỉ, giơ dùi dựng phất«. dẫn dắt những kẻ mờ tối. Ngày 7 tháng 2 năm Ất Dậu nhằm niên hiệu Nguyên Phù THỤ TỨC thứ 1 đời Lý Nhân Tông (1101), sư báo tin Xôn xao, ồn ào. Tiết Hùng Nhĩ Từ Thiền sắp tịch. Có đệ tử là Bản Tịch vào thất thưa sư trong NĐHN q. 14 ghi: » hỏi thêm, sư nói kệ dạy:

»Chân tính thường vô tính Hà tằng hữu sinh diệt – Hôm Thân thị sinh diệt pháp nay sơn tăng tung cứt vãi đái, đái bên này Pháp tính vị tằng diệt«. ỉa bên kia, cười ha hả khắp núi Đông núi »Chân tính thường không tính Tây. May mắn gặp được một mảnh đất mát Đâu từng có sinh diệt mẻ vừa rồi bị núi Hùng Nhĩ làm nhiễm ô Thân là pháp sinh diệt đi. Làm nhiễm ô nó chớ đừng gây ồn ào, Pháp tính chưa từng diệt«.

THUẦN NHẤT THIỀN SƯ Nói xong sư thị tịch. Phụ Quốc Thái Bảo là Nhạc. Cao Công trông nom việc hỏa thiêu và dựng tháp. Theo: Thiền sư Việt Nam của THUẬN ĐỨC ĐẠI SƯ HT. Thanh Từ. Hiệu của Thiền tăng Đạo Phó, đời Ngũ Đại. X. Đạo Phó. THUẦN NHẤT THIỀN SƯ THUẬN THẾ Hiệu của Thiền tăng Toàn Phó đời Ngũ Còn gọi: Thuận hóa. (Tăng nhân) thị tịch, Đại. X. Toàn Phó. mất. Tiết Nam Tuyền Hòa thượng trong TĐT q. 16 ghi: » THUẦN TỲ TƯƠNG BÁN

Nửa ưu nửa khuyết. Tiết Tục Nghệ Ngôn
– Lúc sư muốn thị tịch gọi Đệ nhất trong NHQL q. 30 ghi: » tọa lại, bảo:
Sau khi ta qua đời, điều kiện thứ nhứt là không được làm bẩn
đầu của Vương lão sư (là tên gọi của Hòa thượng
Nam Tuyền).« Tiết Ngũ Thế Linh Mặc Thiền sư trong
NĐHN q. 3 ghi: » – Hồng Giác Phạm viết được 6
kiểu chữ, Đạt Quan lão nhân rất thích nên khắc
– bản lưu hành. Ngoài chỗ được ưa thích đó Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 13 (804), tháng ra, nó chỉ là Văn Tự Thiền mà thôi. Thứ 3, ngày 23, sư tắm gội, đốt hương, ngồi chữ điêu luyện này quả là của hàng danh ngay ngắn, bảo chúng rằng… Nói xong, sư gia, trong chư tăng ít có, nếu luận về Phật bỗng nhiên thị tịch.« pháp thì nửa ưu nửa khuyết. Người thế gian ưa thích văn tự này nên kính trọng THỤC Phật pháp của sư, ngoài chỗ đó ra đâu biết Đánh, đấm. Tiết Khung Long Trí Viên gì hơn«. Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » THUẬN CHI (825-910)
Thiền tăng đời Đường, họ Thôi, người Tân La (nay là
Triều Tiên). Vào niên hiệu Đại – Sư thượng đường nói: Phúc Trăn Trung thứ 12 (858) sư theo sứ giả Tân La (pháp hiệu của Trí Viên) không nói thiền, đi thuyền đến Trung Quốc, tham vấn vô sự dậy trễ tràng. Ai hỏi Tổ sư ý, bị đấm Ngưỡng Sơn Huệ Tịch và đắc pháp, thuộc ba thoi liền. Thử hỏi đại chúng vì sao như tông Quy Ngưỡng đời thứ 3, phái Ngũ thế? Vì chẳng nên quấy rầy giấc ngủ của Quán Sơn (Triều Tiên) đời thứ 1. Sư hầu sơn tăng!«. Thầy được 10 năm rồi về nước, ở Ngũ Quán Sơn hoằng truyền thiền pháp Nam THUNG DUNG AM LỤC

THÚY VI TỰ Bình xướng là Hành Tú giải thích và bình Gọi đủ: Vạn Tùng Lão Nhân Bình Xướng luận về công án cùng kệ tụng đã nêu . Thiên Đồng Hòa thượng Tụng Cổ Thung Dung Am lục. Niêm tụng bình xướng, 6 THUẾ Y quyển do Vạn Tùng Hành Tú soạn vào đời Áo lông. Bài thơ »Thạch Thất« của Huyền Nguyên, được xếp vào Đại Chính Tạng tập Quang (thiền sư Việt Nam) ghi: 48, trang 226. Đệ tử của Hành Tú là Da Luật Sở Tài lúc đi theo Thành Cát Tư Hãn để chinh phục các nước
phía tây, do tỏ lòng thương cảm khi phải rời xa thầy, nhiều lần ông
ta gởi thư thỉnh Hành Tú »Bán gian thạch thất hòa vân trụ bình xướng các bài tụng cổ của Thiên Nhất lĩnh thuế y kinh tuế hàn Đồng nên Hành Tú ở am Thung Dung chùa Tăng tại thiền sàng kinh tại án Báo Ân tại Yên Kinh soạn sách này. Vào Lô tàn cốt đốt nhật tam can«. đời Nguyên Thế Tổ thứ 8 (1213), sách »Nửa gian nhà đá lẫn trong mây được gởi sang Tây Vực cho Da Luật Sở Một mảnh áo lông khỏi lạnh này Tài. Năm kế, Sở Tài viết tựa. Sách này là Tăng ở trên giường, kinh tại án do Thiên Đồng Chính Giác dựa trên cơ sở Trong lò củi tắt, sáng rạng ngày«. 100 tắc công án để làm tụng cổ và do Hành Tú thêm phần bình xướng mà thành . Mỗi THÚY NHAM HÂN tắc gồm 6 phần: Thiền tăng Tùng Hân đời Ngũ Đại ở Thúy 1. Tiêu đề: như tắc thứ nhất: »Thế Tôn Nham, Xử Châu (nay là Lệ Thủy, Chiết thăng tòa«, tắc thứ 2 »Đạt-ma quách Giang), Trung Quốc, được người đời gọi là nhiên«… Thúy Nham Hân. X. Tùng Hân. 2. Thị chúng: do Hành Tú làm, đặt ở trước công án, có tác dụng đưa đường dẫn lối. THÚY PHONG 3. Nêu ra công án. Hiệu của Thiền tăng Đức Sơn, đời Minh. 4. Dẫn lời tụng của Chính Giác.

X. Thúy Phong. 5. Trước ngữ, do Hành Tú viết, đặt ở dưới mỗi câu của lời tụng của Chính Giác và THÚY VI TỰ công án, giống như là lời phê kế bên. Chùa ở núi Chung Nam tỉnh Thiểm Tây, 6. Bình xướng chính văn là do Hành Tú Trung Quốc, vốn là cung Thái Hòa do làm, chia ra để ở phần công án và sau lời Đường Cao Tổ xây dựng vào niên hiệu Vũ tụng của Chính Giác, dùng chữ »Sư nói« Đức thứ 8 (625), sau đó bỏ hoang phế. để dẫn ra, đa số lấy 2 câu thơ làm lời kết, Niên hiệu Trinh Quán thứ 21 (647) Đường như tắc thứ nhất kết như sau: Thái Tông ra lệnh phục hưng, gọi là cung »Ân cần vi giải đinh hương kết, Thúy Vi. Khoảng niên hiệu Nguyên Hòa Phóng xuất chi đầu tự tại xuân«. (806-820), cung được đổi thành chùa, gọi (Ân cần tháo mở bó đinh hương là chùa Thúy Vi. Thiền sư Vô Học, đệ tử Đầu cành chợt nở đóa tự tại). của ngài Đan Hà Thiên Nhiên từng trụ trì

THÙY ĐƯỜNG nơi đây. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 3 (978), chùa được đổi tên là »Vĩnh Khánh Tự«.

– Cư sĩ Thạch Hàm Trà hỏi: Lúc pháp không dao THÙY ĐƯỜNG động thì sao? Sư đáp: Ngươi từ Lộ Phủ Dưới mái hiên của căn nhà lớn. Tiết Thị đến phải không? Cư sĩ đáp: Một bước Linh Tri Hòa Am Chủ trong NĐHN q. 18 cũng chưa từng dở lên. Sư nói: Do đâu đến ghi: » được chỗ này? Cư sĩ đáp: Hòa thượng nói

– Thuở mới làm gì!« nhỏ sư có lần đang tọa thiền dưới mái hiên của căn nhà lớn, thình lình nhà sập, cha THÙY NGỮ BÁCH TẮC mẹ nghĩ rằng sư chắc chết, nhưng sư nhắm Còn gọi: Thất Trung Bách Vấn. Sách, 1 mắt ngồi như không có việc gì xảy ra«. quyển, do Trường Linh Thủ Trác soạn vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập THÙY HÓA 120, trang 318. Sách này bao gồm các Kệ Giáo hóa; dạy bảo. Như Tịnh ngữ lục q. tụng, Niêm cổ, Tán, Chân tán,... do thượng ghi: Trường Linh Thủ Trác đáp các câu hỏi của người học mà viết nên. Phần sau sách phụ Trường Linh Thủ Trác Thiền sư ngữ lục. THÙY THỊ »Chí nhân thùy hóa vô sinh tử Thiền sư thuyết pháp cho chư tăng trong Thị hiện Diêm-phù hữu khứ lai thiền hội của mình nghe. Lâm Tế lục ghi: » Sát sát trần trần thành chính giác – Trụ trì Hoàng kim bảo điện ngọc lâu đài«. đời thứ nhì ở Đức Sơn, thuyết pháp rằng: »(Bậc) chí nhân dạy người không (còn) Nói được cũng ăn 30 gậy, nói chẳng được sinh tử. cũng ăn 30 gậy«. Thị hiện (ở) Diêm-phù có đến đi Trong nhiều thế giới thành chính giác THÙY THỦ Điện vàng lầu ngọc có sá gì!« Duỗi tay. Ý nói thiền sư khải phát (khơi gợi), tiếp dẫn người học. Bài tụng »Thốt THÙY LONG PHỔ trác đồng thời« trong PDNL q. hạ ghi: Thiền tăng Đạo Phổ đời Ngũ Đại ở núi Thùy Long, Tuyền Châu, người đời gọi là Thùy Long Phổ. X. Đạo Phổ. »Tùng tiền thùy thủ tiếp sơ cơ Chính thị phiền ngôn miễn vọng tư«. THÙY NGỮ »Từ trước duỗi tay tiếp hạng sơ cơ Nói mớ, nói xằng. Tiết Thiên Bình Khế Chính là nhiều lời để trừ bỏ vọng tưởng«. Ngu Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: »

THỦY MỤC SƠN THÙY THỦ NHẬP TRIỀN –

Nước nóng không đủ, nên độ ấm Còn gọi: Thùy thủ sưu khiên. Vào chợ chưa thích hợp. Nếu chẳng phải do Dục duỗi tay. Sau khi triệt ngộ, thiền sư không chủ, Thủy đầu cho phép thì chúng chưa theo gương người xưa làm mẫu mực cho được tắm«. đời mà đi

vào trong chợ búa, làm con THỦY LỤC THIỀN TỰ người rất tầm thường để gần gũi, dẫn dắt Ở phía tây trong chùa Khai Nguyên, thành người khác đến với đạo. Thập mục ngưu phố Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung đồ (Vạn Tục 113) ghi: » Quốc. Nguyên là Cực Lạc Viện, chuyên thờ Phật A-di-đà cho nên gọi là »A-di-đà – Vào chợ duỗi tay: Vẽ cảnh viện«, xây vào niên hiệu Thuần Hy (1174thiền sư đi vào chợ, duỗi tay từ bi để cứu 1189) đời Tống, đầu đời Minh xây dựng giúp chúng sinh«. lại. Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 37 (1558) dời Phổ thuyết Hướng thượng nhất lộ của Trần Thủy Lục Thiền Tự ở phố Tây về nơi đây, Thái Tông ghi: » nhân đó đổi thành tên hiện nay. Niên hiệu – Hoặc duỗi tay dẫn dắt, hoặc Đồng Trị thứ 10 (1871) đời Thanh trùng quay đầu về đồng nội«. tu, xây theo kiểu mái đơn yết sơn, rộng 3 THỦY AM gian, sâu 3 gian, trong thờ tượng Phật Thích-ca Mâu Ni cao 3,4m. Hiệu của Thiền tăng Thủ Quý đời Nguyên. X. Thủ Quí. THỦY MỤC SƠN Còn gọi: Bảo Hoa Sơn. Ở phía nam trung THỦY BẤT TẨY THỦY tâm huyện Tường Vân, tỉnh Vân Nam. Nước chẳng rửa nước, ý nói không làm Khoảng niên hiệu Khai Minh đến Thiên việc vô nghĩa, uổng công. Phương Hội ngữ Định (1099-1253) nước Đại Lý, hai vị lục ghi: » Tịnh Diệu Trừng và Phổ Tế Khánh Quang là người họ Đoàn ở tại núi này xây dựng – Sư chùa Phật. Tương truyền trên núi vốn giơ cây gậy lên, nói: Xỏ mũi ông già không có suối, Khánh Quang lấy tích Thích-ca, làm sao nói được một câu thoát trượng dộng xuống đất nước suối phun lên, khỏi? Ở nơi nước chẳng rửa nước, hãy nói bèn gọi là »Trác Tích Tuyền«, núi nhân đó một câu xem!« mà gọi là »Thủy Mục Sơn«. Khánh Quang THỦY ĐẦU khai đường thuyết pháp nơi chùa này. Cuối đời Minh, Thiền tăng phái Dương Kỳ là Còn gọi: Thủy khán. Chức vụ trông coi về Vô Trụ Hồng Như xây dựng chùa Bảo Hoa việc cung cấp nước, nước nóng cho đại tại núi này, cùng đệ tử là Phổ Hạnh Phi chúng tắm, như ngài Nghĩa Hoài nhận Tướng nối nhau hoằng dương thiền phong chức Thủy đầu dưới hội Thiền sư Thúy tại chùa này, quan dân quy y rất đông. Phong. Thiền Uyển Thanh Quy q. 8 (Vạn Tục 111, 460 thượng) ghi: »

THỦY NGUYỆT THỦY NGUYỆT bái, trình kệ: Thiền tăng đời Minh, họ Chủ, người xứ »Viên minh thường tại thái hư trung Thường Đức (nay thuộc tỉnh Hồ Nam) Cương bị mê vân vọng khởi lung Trung Quốc. Tuổi nhỏ theo Nho học, một Nhất đắc phong xuy vân tứ tán hôm chợt xem đến câu »Phàm sở hữu Hằng sa thế giới chiếu quang thông«. tướng giai thị hư vọng« trong kinh »Kim »Sáng tròn thường ở giữa hư không Cang Bát-nhã«, dường như có tỉnh. Năm Bởi bị mây mê vọng khởi lồng 16 tuổi sư theo Ngài Cổ Lâm xuất gia, nhất Một phen gió thổi tan mây ám tâm chuyên ý nghiên cứu pháp sinh tử cứu Thế giới hà sa sáng chiếu thông«. cánh. Tham vấn khắp nơi, cuối cùng sư Hòa thượng đưa tay điểm trên đầu sư, cho đến núi Nga My, bỗng nhiên chứng được hiệu là Thông Giác Đạo Nam Thiền sư và Lưu Ly Tam muội và đại ngộ. Về già, sư bài kệ: yết kiến Tuyết Kiệu Viên Tín, trình sở ngộ, Tịnh trí thông tông được Ngài truyền tâm ấn, thuộc tông Lâm Từ tính hải khoan Tế. Sư cất am ở núi Kê Túc, bảng đề Giác đạo sinh quang »Thủy Nguyệt Am« và mọi người lấy tên Chính tâm mật hạnh đó gọi sư. Một hôm, sư tập họp đồ chúng Nhân đức vi lương khuyên răn nên trọng pháp đạo. Nói xong, Tuệ đăng phổ chiếu sư ngồi ngay ngắn thị tịch. Hoằng pháp vĩnh trường để về

Việt Nam truyền tông Tào Động. Sư THỦY NGUYỆT THÔNG GIÁC nối pháp Ngài, thuộc tông Tào Động đời (1637-1704) thứ 36. Về nước sư trụ chùa Hạ Long ở Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông Đông Sơn, huyện Đông Triều giáo hóa Tào Động đời thứ 36. Sư họ Đặng, quê ở tăng chúng lẫn thân hào nhân sĩ. Kệ thị Thanh Triều, huyện Ngự Thiên, phủ Tiên tịch: Hưng, đạo Sơn Nam, miền Bắc Việt Nam. Thủy xuất đoan do tẩy thế trần Tuổi trẻ sư học Nho, đến năm 18 tuổi thi Trần thanh thủy phục nhập nguyên chân đậu Cống cử tứ trường. Đến năm 20 tuổi, Dữ quân nhất bát cam lồ thủy sư bỏ nghiệp Nho, tìm đến chùa xã Hỗ Bái tác ân ba độ vạn dân Đội, huyện Thụy Anh xin xuất gia học đạo. »Nước cốt tuôn ra rửa bụi trần Ở đây 6 năm học các kinh sách, sư chưa Sạch rồi nước lại trở về chân thỏa mãn, xin phép thầy đi du phương Cho ngươi bát nước cam lồ quý. tham vấn các thiền hội trong nước, vẫn Ân tưới chan hòa độ vạn dân«. chưa thỏa mãn, sư liền xin du phương sang Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Trung Quốc. Sư đến chùa của Thiền sư Từ. Thượng Đức, núi Phụng Hoàng, được ngài cho nhập chúng và theo chúng tham vấn. THỦY PHẠN Thời gian trôi qua lần lữa đã 6 năm, một Còn gọi: Thủy chúc, Hàn chúc. Cháo, là hôm Hòa thượng gọi sư vào phương món ăn điểm tâm trong Thiền viện. Theo: trượng hỏi: Đã thấy tính chưa?. Sư ra lễ PQĐTĐ của nhóm Từ Di.

THỤY QUANG THÁP THỦY TỐT THỤY HIỆU Trước sau một lòng. Huệ Nam ngữ lục ghi: Tên hiệu của người đã mất, do vì cảm niệm » đức hạnh của họ mà người đời truy tặng. – Hôm nay lại nhờ Đối tượng được tặng thụy hiệu: Trên từ các quan chức triều đình đến dự pháp hội, Vua chúa, Công khanh; dưới đến những trước sau một lòng nâng đỡ, càng thêm người có đức hạnh. Thông thường, thụy vinh dự.« hiệu được ban tặng cho các vị Cao Tăng, Đại Sư, Bồ Tát, Quốc Sư, Thiền sư, Hòa thượng, Pháp Sư, Thượng Nhân... Tiết THỦY THẠNH (1276-1347) Bách Trượng Hoài Hải Thiền sư trong Thiền tăng đời Nguyên, họ Phạm, tự Trúc CĐTĐL q. 6 ghi: » Nguyên, hiệu Vô Trụ Ông, người xứ Lạc Bình Nhiêu Châu (nay thuộc Giang Tây), – Trung Quốc. Năm 17 tuổi xuất gia, sư ưa Vào ngày 17 tháng giêng, niên hiệu thích tĩnh tâm tư duy, phát nguyện rằng: Nguyên Hoà thứ 9 (814) sư thị tịch, thọ 95 »Đời này nếu tôi chẳng làm Phật được thì tuổi. Niên hiệu Trường Khánh thứ nhất nên vào địa ngục vô gián«. Sư tham yết Vô (821) được vua ban thuỵ hiệu là Đại TRí Năng Giáo Công được ngộ, vượt thoát mọi Thiền sư, tháp hiệu Đại Bảo Thắng Luân«. tri giải huyền diệu. Niên hiệu Thiên Lịch thứ 2 (1329), sư trụ trì chùa Diệu Quả ở THỤY QUANG THÁP Tây Hồ, hoằng dương tông chỉ, thiền tăng Nằm bên trong Bàn Môn, phía tây nam từ xa muôn dặm cũng tìm đến học đạo. Khi thành phố Tô Châu, tỉnh Giang Tô, Trung ấy có lịnh chư tăng phải đi lính, sư trở về Quốc. Chỗ này vốn là Phổ Tế Thiền Viện. miền Nam nơi ở cũ, người học hâm mộ Được xây vào niên hiệu Xích Ô thứ 4 càng đông. (241) đời Đông Ngô Tam Quốc, do Tôn Quyền xây cất cho tăng nhân Tính Khang. Niên hiệu Xích Ô thứ 10 (247) Tôn Quyền THỦY TRUNG TRÓC NGUYỆT lại kiến tạo tháp xá-lợi 13 tầng để báo ân mẹ. Niên hiệu Sùng Ninh thứ 4 (1105) đời Mò trăng đáy nước. Dụ chỉ hành vi hư Tống phụng chiếu tu sửa tháp, ban tên vọng, uổng công. Huệ Nam ngữ lục ghi: »Thiên Ninh Vạn Thọ Bảo Tháp«. Khoảng » niên hiệu

Tuyên Hòa (1119-1125) trùng tu tháp này, đổi thành 7 tầng.
Tương truyền – Nếu trên tháp thường phóng hào quang ngũ sắc như nghiên cứu nhiều về nghĩa lý văn kinh, cho nên đổi tên »Thụy Quang Tháp«, chùa giống như tìm hình thật trong gương. Còn cũng đổi tên là »Thụy Quang Thiền Tự«. như dừng ý nghĩ để quán không thì giống Về sau, chùa tháp nhiều lần bị biến cố, hệt mò trăng đáy nước. Tăng nhân tham theo Văn Hiến ghi chép thì trùng kiến thiền đến chỗ nầy, cần có con đường trùng tu đến 18 lần. Niên hiệu Hàm Phong chuyển thân.« thứ 10 (1860) đời Thanh điện vũ bị chiến

THUYỀN TÔN TỰ tranh phá hủy, chỉ còn một cái tháp. Tháp 2 quyển, do Đức Thành (tức Thuyền Tử mặt bằng hình bát giác, 7 tầng, kết cấu hỗn Hòa thượng) soạn vào đời Đường, và được hợp gạch gỗ. Thân tháp xây gạch do vách xếp vào »Thượng Hải Văn Hiến Tùng ngoài, hành lang gấp khúc lượn quanh, tâm Thư«. Sách này được xếp vào 39 bài tháp tạo thành; bên ngoài là mái cong và »Thuyền Tử Hòa thượng Ngư Phủ Ca Từ«, tòa bằng làm bằng gỗ, cao khoảng 43,2m, và »Lịch Đại Tăng Tục Họa Vịnh«... Nội tháp thu nhỏ dần theo chiều cao, giữ gìn dung đều là những bài ngâm vịnh về sinh phong cách tháp cổ Đường Tống. Dưới hoạt của ngư dân nhưng hàm chứa huyền tháp có một tòa Tu-di bằng đá điêu khắc lý nhà Phật. Đây là tư liệu quan trọng để trang sức hoa văn. Mỗi tầng tháp trụ tựa là nghiên cứu về »thiền thi«, »thiền từ« vào cột tròn, cửa sổ mỗi tầng mở xen lẫn nhau. thời kỳ sớm nhất. Sách này được ấn hành Trên trụ có mộc ngạch, cái đấu hình chữ vào năm 1987 do nhà xuất bản Đại Học Sư nhật. Trong lòng tháp có trụ tâm tháp xây Phạm Hoa Đông. bằng gạch cấu thành kiểu hành lang gấp khúc lượn quanh. Năm 1978 từ tầng thứ 3 THUYẾT QUY CỦ trong khám gạch bên trong lòng tháp phát Chỉ dạy quy tắc lễ độ Thiền môn cho các hiện nhiều văn vật quý hiếm như 2 tòa tháp ông tăng nhỏ tuổi, như trong Huấn Đồng bằng đồng mạ vàng, 9 tượng Địa Tạng, Hạnh được ghi ở Sắc Tu Bách Trượng Quán Âm, Như Lai Phật, Bồ tát, hơn 120 Thanh Quy, Thiền Lâm Bị Dụng Thanh quyển kinh thư, 1 cột đá báu chân châu xá- Quy. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. lợi. THUYẾT TỰ NHẤT VẬT TỨC BẤT THUYỀN TÔN TỰ TRÚNG Chùa ở ấp Ngũ Tây, làng An Cựu, Thủy Ý nói thiền pháp là một cái gì thì không An, Việt Nam, cách thành phố Huế 7km về đúng. Thiền pháp siêu việt tất cả hình phía nam. Chùa do Thiền sư Liễu Quán tướng, số lượng, thời gian, không gian. sáng lập. Nếu nói là một vật gì, là một cái gì thì cái đó sẽ không hợp với thiền pháp. Chương THUYỀN TỬ HÒA THƯỢNG Hoài Nhượng, đời thứ 1 dưới Đại Giám trong CTTNL q. 1 ghi: » Hòa thượng chèo đò. Thiền tăng Đức Thành đời Đường ở ẩn nơi bến Hoa Đình, bên bờ sông Ngô, đưa đò tiếp hóa người – Tổ hỏi: Là bốn phương qua lại, được người đời gọi là cái gì? Sư thưa: Nói giống một vật thì Thuyền tử Hòa thượng (Hòa thượng chèo chẳng đúng. Tổ hỏi: Có tu chứng không? đò). X. Đức Thành. Sư thưa: Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng được.« THUYỀN TỬ HÒA THƯỢNG BẠT TRẠO CA THƯ KÝ Thi ca biệt tập, Chính tập 2 quyển, Tục tập Còn gọi: Thư trạng, Ký thất, Ngoại sử,

THỪA HẠO (1011-1091) Ngoại ký. Chức vụ phụ trách việc giao Trường Khánh nối pháp Tuyết Phong ở nhận, ghi chép và quản lý công văn, giấy Phúc Châu. Sư húy là

Huệ Lăng, người tờ. Đây là 1 trong 6 vị Đầu thủ của một tự Hải Diêm, Hàng Châu, họ Tôn. Xuất gia viện Thiền tông. Cổ Thanh Quy gọi chức năm 13 tuổi. Ban đầu tham kiến Tuyết vụ này là Thư trạng. Về sau, trong thiền Phong, việc tu học trải nhiều cay đắng, môn mới mượn từ Thư ký của triều đình không được linh lợi cho lắm. Tuyết Phong Trung Quốc để dùng. Vốn là tên gọi người thấy tình hình như thế, nhận định rằng: Ta ghi chép sổ sách của quân đội thuộc phủ cho ngươi cách trị bệnh con ngựa chết, Nguyên nhung, chứ không phải do Thiền ngươi có chịu hay không?« sư Bách Trượng đặt ra. Như ngài Huệ Nam làm Thư ký dưới hội của thiền sư Hiền ở THỪA ĐƯƠNG chùa Phúc Nghiêm. Truyền Đăng q. 8 ghi: Còn gọi: Đảm đương. Nghĩa thông thường » là nhận lấy công việc khó khăn và làm với đầy đủ ý thức trách nhiệm. Thiền tông – Từ Minh cười mượn từ này làm thuật ngữ để chỉ cho việc nói rằng: Thư ký đã lãnh đồ chúng du thiền tăng nhận lấy ý chỉ của Phật Tổ. phương nổi tiếng khắp tùng lâm. Giả sử có Lăng Nghiêm Tông Thông (Vạn Tục 117, nghi thì hãy bỏ chỗ hẹp hòi của mình, ngồi 13 hạ) ghi: » lại mà thương lượng, ta đâu thể chẳng – Chỗ này chính là chỗ chiếu cố đến ông«. tốt nhất để nhận lấy mà còn tiết kiệm được nhiều tâm lực«. THỨ THỪA HẠO (1011-1091) Trạng từ chỉ thời gian, đặt sau động từ hay kết cấu động từ, nhằm biểu thị hành động Thiền tăng đời Tống, họ Vương, người xứ hay trạng thái đang xảy ra trong hiện tại Đơn Lăng, My Châu (nay thuộc tỉnh Tứ hoặc tiếp tục. Có nghĩa là Đang. Minh Xuyên) Trung Quốc. Vào khoảng niên hiệu Giác ngữ lục q. 2 ghi: » Thiên Thánh (1023-1031), sư vào viện Đại – Tăng Lực xin xuất gia. Sau đó sư đi tham học đang đứng hầu Thiền sư Bảo Phúc, Phúc các nơi, đến Phúc Châu tham Thiền sư Bắc bảo: Ngươi sao sơ ý như thế!« Tháp Tư Quảng, thể đạt huyền chỉ, được tam muội Đại tự tại. Sư từng làm một cái THỨ ĐỆ khố vải, trên viết tên của các vị Tổ sư, nên trong tùng lâm gọi sư là »Hạo Bố Côn« Tình hình, trạng huống, biểu hiện. Tiết (Hạo khố vải). Khoảng niên hiệu Nguyên Trường Khánh Hòa thượng trong TĐT q. Phong (1078-1085) sư trụ núi Cốc Ẩn ở 10 ghi: » Tương Dương (nay là huyện Tương Phàn, tỉnh Hồ Bắc), sau dời đến chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Môn (nay là Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc). – Hòa thượng

THỪA HƯ TIẾP HƯỞNG THỪA HƯ TIẾP HƯỞNG vườn phía nam của Tiết độ sứ Lưu Song Hiệu đời Ngũ Đại. Cuối niên hiệu Bảo Đại Còn gọi: Thừa hư ảnh hưởng. Nhận lãnh, đời Nam Đường đến đầu niên hiệu Trung tiếp lấy sự lý hư huyễn chẳng thật. Mật Am Hưng thì xây dựng chùa, đầu tiên lấy tên là ngữ lục ghi: » »Nam Thiền Tự«. Niên hiệu Cảnh Đức thứ 4 (1007) đời Tống, Chân Tông ban cho hiệu là »Thừa Thiên Tự« sau nhiều đời – Đạt-ma đáp trùng tu mở rộng, quy mô gần bằng chùa câu chẳng biết xong, liền đến Tung Sơn Khai Nguyên, là một trong những ngôi ngó vách chín năm. Con cháu đời sau tiếp chùa Phật nổi tiếng ở Mân Nam. Trên đầu lấy sự lý hư huyễn chẳng thật nên nhướng cổng chùa có tấm biển ngang đề 2 chữ mày chớp mắt, sử dụng cây gậy, tiếng hét; »Nguyệt Đài« nên còn gọi là Nguyệt Đài đều là đem lá vàng để dỗ con nít khóc«. Tự. Đại điện hiện còn là kiến trúc đời Thanh. Kiến trúc của chùa này gồm có:

THỪA LÃNH cổng chùa, »Nhất trần bất nhiễm« đường, Tiếp nhận cơ duyên lãnh hội thiền chỉ. Tiết Khai Mân Vương thị từ đường (Nhà thờ Phúc Tiên Chiêu Khánh Hòa thượng trong của họ Khai Mân Vương), ao phóng sinh. TĐT q. 13 ghi: »
Trong chùa vốn có: Mai hoa thạch, Hiếu tử tháp, Phi lai tháp,
trải qua nhiều đời được – Còn như gọi là 3 món báu của Thừa Thiên.
Đạt-ma đương thời giao phó cho Nhị Tổ, là ý chỉ gì? Nhị Tổ ở bên Đạt-ma thừa lãnh
THỪA THIÊN VIỆN được việc gì?«. Nằm phía đông thành phố Cửu Giang, tỉnh
Giang Tây, Trung Quốc. Được xây dựng THỪA QUẢNG THIỀN SƯ THÁP vào thời kỳ
Lương Võ Đế đời Nam Triều (502-549), sau bị phế. Khoảng niên hiệu Tháp ở
trước núi Dương Kỳ, thành phố Đại Lịch (766-779) đời Đường xây dựng Bình Hương,
tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. lại. Đời Tống Thiền sư Bạch Vân Thủ Đâ là mộ tháp của
Thiền sư Thừa Quảng, Đoan trụ trì chùa này. Niên hiệu Hồng Võ được xây vào đời
Đường. Thân tháp khắc thứ 12 (1379) đời Minh mở rộng xây dựng. nổi theo phong cách
thuần phác cổ xưa Niên hiệu Hoằng Trị thứ 2 (1489) đổi tên hùng hồn, trên thắt lưng
của những nhân là »Năng Nhân Tự«, sau đó lại nhiều lần vật được khắc có dây xích
kiểu xưa, là văn mở rộng xây dựng nữa. Kiến trúc hiện còn vật đời Đường hiếm thấy.
phần lớn là do trùng tu mở rộng vào niên hiệu Đồng Trị thứ 9 (1870) đời Thanh, là
THỪA THIÊN TỰ một trong ba đại tùng lâm ở Cửu Giang. Chùa nằm ở núi Anh Ca,
cảng Thừa Thiên, Trong chùa có Đại hùng bảo điện, Kim thành phố Tuyền Châu, tỉnh
Phúc Kiến, Cang điện, Thiết Phật điện, Tả hữu thiền Trung Quốc. Là 1 trong 3 ngôi chùa
lớn và phòng, Tàng kinh lâu. Đại hùng bảo điện xưa ở Tuyền Châu. Nền chùa vốn là
khu một tầng mái chồng, hành lang gấp khúc

THỨC TÂM KIẾN TÍNH lượn quanh, khí thế hùng vĩ. Phía đông ra khỏi chúng,
nói: Chẳng can hệ gì đến nam Đại hùng bảo điện có tháp Đại Thắng việc thị giả và sư
Đạo Lâm, lỗi tại tôi nhận 7 tầng, cao 42,26m, kết cấu bằng gạch đá, chuyển lời mời
nhưng lại quên nên tôi phải toàn bộ giống như chiếc dùi hình lục giác. xuất viện thay
hai vị đó. Ngài Viên Thông thấy phong cách cao thượng của họ nên THỪA THỌ tha
thứ cho cả ba người«. Đáp ứng; đồng ý (làm); Nhận lời (làm). Tông Môn Võ Khố ghi: »
THỪA THÔNG Thiền tăng đời Minh, họ Cận, vốn
tên Liễu Phàm, người Đương Dương (nay thuộc Hồ
Bắc) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư kinh Môn
Chính Hối ở chùa Ngọc Tuyền Độ Môn, kế thế trụ trì chùa này.
Tác phẩm: Lăng Nghiêm Kinh giảng lục.
THỪA TRƯỜNG Lâu dài. Đàn Kinh
(bản Đôn Hoàng) ghi: » – Xa
lìa cảnh không sinh diệt như sông chảy lâu dài«.
– Thiền sư Minh Thủy Tốn là THỨC TÂM người Phủ Châu lúc
còn ở liêu Thị giả tại Nhận rõ tự tâm, nhận thức tâm là cội chùa Pháp Vân có Thiền sư
Đạo Lâm Lâm nguồn của muôn vật. Tối Thượng Thừa đến xin tạm trú. Hòa thượng Trụ
trì đặc luận ghi: » biệt muốn đãi trà vị khách tăng mới đến
nên sai Tốn đến liêu mời, vừa gặp lúc Lâm đi
khỏi. Có vị tăng cùng đi với Lâm, nói: – Kinh nói: Chúng sinh nhận Chú an tâm,

khi nào ông ấy trở về, tôi sẽ thức tâm là cội nguồn của muôn vật liền tự nói lại giùm cho! Tốn quay về liêu thị giả, độ, chứ Phật không thể độ chúng sinh. Nếu nhưng vị tăng ấy quên mất lời hứa. Khi Phật hay độ chúng sinh thì trong quá khứ dùng cơm xong có trống báo uống trà, chư Phật xuất hiện rất nhiều, tại sao chúng song không thấy Lâm đến, ngài Viên ta không thành Phật đi?« Thông (Trụ trì Pháp Vân) hỏi: Vị khách tăng mới đến có mặt không? Rồi cho người THỨC TÂM KIẾN TÍNH đi mời. Khi Đạo Lâm đến, ngài bảo đứng Nhận rõ tự tâm, thấy rõ Phật tính. Là mục dậy ra trước đại chúng, trách rằng: Sơn đích của người tham thiền, cũng là thực môn riêng mời ông uống trà để biểu hiện chất của thiền ngộ. Đàn Kinh bản Đôn lòng tôn kính, sao ông lại thờ ơ chẳng đến Hoàng ghi: » đúng giờ?... Khi ấy người đồng hành bước – Không biết

THỨC THẦN bản tâm học pháp vô ích, nhận rõ tự tâm, THỰC PHÚC CHI ĐỊA thấy rõ Phật tính tức ngộ ý chính của Phật Đất trồng cội phúc. Chỉ cho những người pháp.« thế tục quyên góp dâng cúng đất đai, phòng nhà hoặc tiền của để lập thành chùa THỨC THẦN chiền. Tiết Thần Đảnh Hồng Nhân Thiền Thần hồn phân biệt cái biết dối vọng và hư sư trong NĐHN q. 11 ghi: » huyễn. Đáp Trung thừa Trịnh Côn Nham trong HSLNMDT q. 1 ghi: »

– Nếu bỏ tâm này mà chạy – đi cầu tìm bên ngoài, thì trong tâm khởi ra Có một người giàu sang quyền thế ở vô lượng cảnh giới mộng tưởng. Đấy chính Tương Dương đi đến Phúc Nghiêm, là thất là thần thức biến hiện, quyết không cho là của sư đang ở, trông thấy sư dáng vẻ ung kỳ đặc.« dung, chỉ có một cái bát treo trên vách ngoài ra không chứa vật gì. Người ấy hết THỨC TÌNH lòng ái mộ sư nên quỳ lạy, thưa rằng: Vọng thức tục tình. Đáp Trung thừa Trịnh Thần Đảnh là đất trồng cội phúc của gia Côn Nham trong HSLNMDT q. 1 ghi: » đình con, đã lâu thiếu bậc thầy giỏi, ngưỡng mong sư đến đấy, có được không? Sư mỉm cười ưng thuận«.

– Vì THỰC TẤT PHÁ BÁT tâm thể như tấm gương, vọng tưởng phan Ăn xong đập bát, ý nói thiền sư làm xong duyên như bóng hình; làm nhiễm ô chân việc không để lại dấu vết, nghĩa là hướng tâm, nên gọi tướng vọng tưởng là trần, dẫn cho người tu xong rồi thôi, không để thức tình là cấu. Nếu vọng tưởng tan mất, lại một cái gì khiến cho người ta dính mắc thì bản thể tự hiện. Ví như lau kiếng, sạch với pháp đã dạy. bụi bặm thì ánh sáng tự hiện ra.« Bài tựa của Tỳ-kheo Huệ Nguyên trong THỰC CHỈ Trúc Lâm Tổ Sư Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ Chỉ số người ăn cơm trong chùa. Khai thị lục: » Thù Thiền nhân trong MANL ghi: »

– Khi đến nước ta, Thiền sư Tiêu – Nhớ lại Dao hoàn toàn giác ngộ, thong dong tự tại chùa này, số người ăn cơm trong chùa thì đi vào kinh thành, triệt để không vướng đông mà thường trụ chẳng chu cấp thức mắc vào bất cứ cái gì«. ăn, tôi chẳng nỡ ngồi nhìn, phát tâm cấp THƯỚC SÀO HÒA THƯỢNG phần ăn cho chúng.« Đời Đường, thiền tăng Đạo Lâm của tông

THƯỜNG CHIẾU Ngưu Đầu ở trên cây tùng cao của núi Tần diện tích hơn 130 ha. Hiện còn điện vũ chủ Vọng, kế chỗ sư ở có tổ chim thước yếu có Đại hùng bảo điện,

Kim Cang điện, (khách), nên sư được gọi là Thước Sào Phổ Hiền điện, Văn-thù điện, Quán Âm Hòa thượng. X. Đạo Lâm. điện, La hán điện đều là kiến trúc đời Thanh. Trong Đại hùng bảo điện có chiếc THƯƠNG LƯỢNG cột gỗ to cao khoảng 30m. Trong La hán Bàn bạc giá cả với nhau khi mua bán đồ điện có 500 tượng La hán khắc bằng đá, vật. Thiền tông mượn từ này để chỉ cho hình thái rất giống, sinh động như sống. việc bàn luận hỏi đáp trong lúc tham thiền, Chùa này kiến trúc hùng vĩ, điện vũ nguy biện đạo. Theo Tổ Đình Sự Uyển q. 1: Xét nga, Phật tượng đầy đủ, pháp hội cực đoán chân ý của Phật tổ cũng giống như thịnh. Vốn có tên gọi »Đông Nam Đệ Nhất việc thẩm định, bàn bạc giá cả khi buôn Tùng Lâm«. Tự Chí viết rằng: »Sự hưng bán. Tắc 12, Thung Dung lục (Đại 48, 234 thịnh của pháp hội nổi tiếng khắp nơi, hạ) ghi: » trang nghiêm tuyệt diệu đứng hàng bậc nhất vùng Đông Nam«. – Địa Tạng hỏi Tu Sơn Chủ: Từ đâu đến? Tu THƯỜNG CHIẾU đáp: Từ phương Nam đến. Tạng hỏi: Gần 1. Thiền tăng đời Lý (?-1203), thuộc dòng đây Phật pháp ở phương Nam ra sao? Tu Vô Ngôn Thông, đời thứ 12, nối pháp đáp: Thương lượng sôi nổi!« Theo: Thiền sư Quảng Nghiêm. Sư họ Phạm, quê PQĐTĐ của nhóm Từ Di. làng Phù Ninh (thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Hà Bắc ngày nay). Triều Lý Cao Tông, sư THƯỜNG CHÂU THIÊN NINH TỰ làm quan Lệnh đô tào ở cung Quảng Từ. Sau sư từ quan theo pháp xuất thế với Ở trong thành phố Thường Châu, tỉnh Thiền sư Quảng Nghiêm ở chùa Tịnh Quả Giang Tô, Trung Quốc. Xây vào khoảng và được tâm ấn nơi ngài. Sau đó, sư tìm niên hiệu Thiên Phục (901-904) đời đến phường Ông Mạc, trụ trì một ngôi Đường, ban đầu tên »Quảng Phúc Tự«, sau chùa cổ, mở mang giáo hóa môn đồ. Cuối đổi tên là »Sùng Ninh Tự«. Niên hiệu cùng, sư dời về chùa Lục Tổ ở làng Dịch Chính Hòa thứ 1 (1111) đời Tống đổi tên Bảng, phủ Thiên Đức. Tăng chúng tìm đến »Thiên Ninh Tự«. Đời Thanh có Thiền sư tu học càng ngày càng đông. Kệ thị tịch: Đại Hiểu trụ chùa này, pháp duyên đại thịnh, người theo học có hơn vạn, tập hợp tham thiền, hòa nhã nghiêm túc, đứng hàng »Đạo bản vô nhan sắc đầu vào thời ấy. Từ đây về sau chùa này Tân tiên nhật nhật khoa truyền ngọn đèn pháp tông Lâm Tế, cùng Đại thiên sa giới ngoại với chùa Kim Sơn, chùa Cao Mân được Hà xứ bất vi gia«. gọi là ba đại thiền lâm ở Giang Tô. Nguyên »Đạo vốn không màu sắc có 8 ngôi điện, 25 ngôi đường lâu, quần Ngày ngày lại mới tươi thể kiến trúc lớn nhỏ có 500 cột nhà, chiếm Ngoài đại thiên sa giới

THƯỜNG GIÁC (896-971) Chỗ nào chẳng là nhà«. Tĩnh đường nhằm phục vụ nhân sinh, giúp Nói kệ xong, sư ngồi kiết già thị tịch. dân nghèo quanh vùng có điều kiện bảo Tác phẩm: đảm sức khoẻ và chữa lành bệnh tật. — Thích Đạo Khoa Giáo 1 quyển, Nam Tông Tự Pháp Đồ 1 quyển. THƯỜNG GIÁC (896-971) 2. Thiền viện tọa lạc tại cây số 71 thuộc ấp Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lý, người xứ 1, xã Phúc Thái, huyện Long Thành, tỉnh Trần Lưu (nay là huyện Khai Phong, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Thiền viện mang tên Hà Nam) Trung Quốc. Ban đầu sư đến yết một thiền sư Việt Nam đời Lý (thế kỷ XII) kiến Thiền sư Hoằng Chương, tông Tào và do Hòa thượng Thích Thanh Từ tạo lập Động ở chùa Quy Tông tại Lô Sơn, nghe vào năm 1974. Buổi đầu nơi đây chỉ là một pháp sư có tỉnh ngộ liền xin xuất gia. Niên ngôi thiền viện nhỏ. Trên một diện tích hiệu Càn Hóa thứ hai (912) sư được cạo tổng thể (bao gồm các thiền viện khác hiện tóc, và

năm kế thụ giới ở chùa Đông Lâm. nay) là 52 mẫu, do Phật tử hiến cúng, chỉ Sư ở ngoài cửa Lệ Cảnh thành Lạc Dương trồng khoai mì trên diện tích nhỏ, phần lớn 2 năm, lệnh quân là Trương Sinh dành còn hoang hóa. Hòa thượng Thích Thanh riêng một căn nhà cho sư yên tu, đến niên Từ đã giữ lại 10 mẫu xây dựng trung tâm hiệu Thiên Thành thứ 3 (928) nơi đây trở thiền học Việt Nam đầu tiên và lớn nhất. thành Viện lớn, được ban bảng hiệu »Phổ Số đất còn lại chia cho Tăng Ni sinh hoạt Tịnh«. Do thời cuộc hổn loạn, sư chẳng riêng. Hơn phân nửa Tăng sĩ đã từ tu viện chú trọng đến việc khai pháp. Triều đình Chân Không (tiền thân của thiền viện nhiều lần ban hiệu cho, nhưng sư đều Thường Chiếu) về đây sống tu, lúc ấy độ chẳng nhận. 20 vị. Trên một diện tích lớn 10 mẫu đất, THƯỜNG GIẢN (1015-1070) thiền viện bao gồm nhiều tòa nhà rải rác, Thiền tăng đời Tống, họ Từ, tự Thuần nhưng được thiết kế mỹ thuật: Chính điện, Đức, người Vĩnh Gia (Ôn Châu, Chiết tổ đường, đông đường, tây đường, hậu Giang) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư đường, thất các tăng, bệnh xá, thư viện, Thiên Thai Long Nhất, thuộc tông Pháp phòng may mặc, nhà trù, khu thiền thất. Nhãn đời thứ 5, trụ trì thiền viện Diên Thọ, Đặc biệt, trong khu thiền thất cũng dành núi Bạch Vân, Thiều Châu. riêng khu cho các thiền sinh lâu năm, muốn nhập thất hẳn hoặc từ 6 tháng đến 2 THƯỜNG HƯNG năm, và khu thiền thất dành cho thiền sinh Thiền tăng đời Đường, tham vấn Mã Tổ mới, mỗi lần nhập một tuần lễ. Nội dung tu Đạo Nhất đắc pháp. Sư trụ Lặc Đàm, Hồng học dành cho 150 thiền sinh tại đây gồm 2 Châu (nay là huyện Nam Xương, tỉnh phần chính: buổi sáng lao động và học tập Giang Tây). Một hôm, có vị tăng hỏi: Thế vào buổi chiều. Ban lãnh đạo gồm có: Trụ nào là khách dưới cửa Tào Khê? Sư đáp: trì, phó Trụ trì, Tri sự, Trưởng chúng, Tri Chim én từ phương nam đến. Tăng nói: điền, Tri viên … Vị Trụ trì thiền viện hiện Học nhân chẳng hiểu. Sư bảo: Nuôi lông nay là Thượng tọa Thích Nhật Quang. cánh chờ gió Thu. Ngoài ra Thiền viện còn thành lập Tuệ

THƯỜNG TỔNG (1025-1091) THƯỜNG LƯU quang: Dụ chỉ tự tính, Phật tính. Kiến () Hạng bình thường, người bình thường. tức là hiện (). Minh Giác ngữ lục q. 1 Bích Nham lục q. 1 ghi: » ghi: » – Phá vỡ kiến giải của hạng bình thường, quét sạch phải – Các vị muốn biết tướng chân thật quấy được mất.« thành hình, thì chỉ cần trên không xu nịnh, dưới không luồn cúi, tự nhiên ánh sáng THƯỜNG NHUẬN (1510- của Phật tính hiển lộ ở trước mắt, mỗi mỗi 1585) không nương tựa, siêu thoát trần tục.« Thiền tăng đời Minh, họ Vương, tự Đại Thiên, hiệu Huyễn Lâm (còn gọi Huyễn THƯỜNG SÁT (?-961) Hưu), người xứ Tiến Hiền, Giang Tây, Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư thờ Thiền sư Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Tiểu Sơn Cửu Phong Đạo Kiền và đắc pháp nơi Tông Thư, đời thứ 30 hệ Thanh Nguyên. ngài. Sư ở viện Đồng An, Phụng Thê tại Niên hiệu Vạn Lịch thứ 2 (1574) sư trụ trì Hồng Châu (nay là huyện Nam Xương tỉnh chùa Thiếu Lâm. Giang Tây). Có vị tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn THƯỜNG QUÁN Độ sang? Sư đáp: Tê giác ngắm trăng thì Thiền tăng đời Đường, thờ Thiền sư Bách sừng nó mọc vằn. Con voi nghe tiếng sấm Trượng Hoài Hải làm thầy, theo học và đắc thì ngà nó có vân. Cơ dụng của sư phần lớn pháp nơi Ngài. Về sau khi ra hoằng pháp mang tính văn chương như thế. Sư thị tịch sư ở núi Ngũ Phong, Thụy Châu (nay là vào khoảng trên 90

tuổi. huyện Cao An, tỉnh Giang Tây). THƯỜNG THÔNG THƯỜNG QUANG BẢN VIÊN X. Hằng Thông Phật tính xưa nay đầy đủ trọn vẹn mà mọi THƯỜNG TỔNG (1025-1091) người đều có. Thường quang: Ở đây chỉ Thiền tăng đời Tống, họ Thí, tự Chiếu cho Phật tính, linh trí. Tiết Nghệ ngôn Giác, người Kiếm Châu (Kiếm Các, Tứ trong NHQL q. 29 ghi: » Xuyên) Trung Quốc. Năm 11 tuổi sư theo Văn Triệu chùa Bảo Vân xuất gia, y chỉ – Ông hay nơi Khế Tư thụ giới cụ túc. Sau đó theo Hoàng đây khám phá, thì tâm cảnh đều mất, Phật Long Huệ Nam tham cứu 20 năm, nối pháp tính xưa nay đầy đủ trọn vẹn, ở chỗ không chấn hưng tông phong Lâm Tế, nổi tiếng có cảnh giới mà có cảnh giới chân thật.« khắp tùng lâm. Huệ Nam tịch, sư trụ trì chùa Lặc Đàm đồ chúng kính ngưỡng tán THƯỜNG QUANG HIỆN TIỀN dương gọi sư là »Mã Tổ tái lai«. Niên hiệu Nguyên Phong thứ 3 (1080) phụng sắc sửa Ánh sáng của Phật tính hiển lộ ở trước đổi Đông Lâm Luật Tự ở Lô Sơn trở thành mắt, ý nói nhận thức rõ tự tính. Thường Thiền lâm, Thường Tổng phụng mệnh trụ

THƯỜNG TRUNG (1514-1588) tích thuyết pháp, từng giao du với Tô Đổng Văn Thừa trong HSLNMDT q. 1 Thức. Năm thứ 5 (1082) vua Thần Tông ghi: » ban sắc cho sư trụ trì Thiền viện Trí Hải chùa Tướng Quốc, sư từ chối không nhận, – Nghe suốt được pháp Thiền tông, là vua bèn ban tử y và hiệu »Quảng Huệ có căn khí thượng đẳng từ đời trước. Mới Thiền sư«. Niên hiệu Nguyên Hựu thứ 3 thoát trần duyên gặp pháp sinh diệt, liền (1088) ban hiệu »Chiếu Giác Thiền sư«. biết nó không đúng bèn vứt bỏ.« Đệ tử nối pháp có hơn 10 người như Ấn Kiền, Hạnh Anh, Khả Tiên v.v... THƯỢNG CĂN LỢI TRÍ Người có căn khí thượng đẳng và trí huệ THƯỜNG TRUNG (1514-1588) kiệt xuất. Tiết »Tục Nghệ Ngôn« trong Thiền tăng đời Minh, họ Thường hiệu Uẩn NHQL q. 30 ghi: » Không, người Kiến Xương (Nam Thành, Giang Tây) Trung Quốc. Thuở nhỏ theo Lý – Phải học, từng giảng học thuyết Trí lương tri biết người có căn khí thượng đẳng và trí của Vương Dương Minh. Năm 20 tuổi trọ huệ kiệt xuất, quyết chẳng bị hạn cuộc ở Nam Kinh. Một hôm đi dạo Hạc Lâm trong ba thời (chính pháp tượng pháp và gặp Cổ Khê, đàm đạo rất khế hợp. Cổ Khê mạt pháp), huống là Phật pháp cao siêu, chỉ dạy Phật pháp, Thường Trung rất cảm không thời nào mà chẳng tròn sáng siêu động liền theo Ngài xuất gia. Vâng lời tuyệt, há có thể bị ô nhiễm ư!« thầy, sư đi khắp nơi tham các bậc Thiện tri thức. Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 43 (1564) THƯỢNG CHÍ (1668-1732) đến Tung Sơn tham kiến Tiểu Sơn Tông Thiền tăng đời Thanh, họ An, tự Văn Trúc, Thư, không khế ngộ liền từ giã Tông Thư hiệu Nhẫn Am, người xứ Gia Hòa, Chiết đi du phương khắp nơi, sau đó dường như Giang, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Đế đối với lời nói của Tông Thư có tỉnh ngộ Huy Lộ, đời thứ 38 hệ Nam Nhạc. Trước nên trở lại Tung Sơn, nối pháp làm truyền trụ chùa Thiên Ninh, Gia Hòa; sau trụ chùa nhân tông Tào Động. Lúc Tông Thư đến Vân Lâm, Hàng Châu. Tác phẩm: Nhẫn trụ am Tông Cảnh ở Bắc Kinh, sư theo hầu Am tập. 3 năm, lãnh trọn huyền chỉ. Từ giã trở về Kiến Xương, ẩn cư núi Tùng Cô. Một hôm THƯỢNG ĐẦU QUAN đi dạo đến Lẫm Sơn, Tân Thành, Hãn Cửa ải thiền huyền diệu hướng thượng, cửa Giang Sư thích phong cảnh nơi đây bèn kếtải thiền ngộ. Tiết Khai Thiện Đạo Khiêm am

ở lại 20 năm không tiếp người, chỉ Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » riêng kết bạn phương ngoại với La Nhữ Phương và Đặng Nguyên Tích, cùng nhau đàm luận về học thuyết tính mệnh.

THƯỢNG CĂN Căn khí thượng đẳng. Khai thị thiền nhân

THƯỢNG LÝ THIÊN (502-519) đời Lương Nam Triều, ban đầu – Vách đứng muôn trượng không dính tên »Thượng Lam Tự«, sau đổi tên là »Đại dáng; một con đường thông suốt cũng Phật Tự«. Khoảng niên hiệu Khai Nguyên không dính dáng; không hợp tình người, (713-741) đời Đường đổi tên là »Khai phương tiện dạy người đều không dính Nguyên Tự«. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 4 dáng. Chỉ cái không dính dáng này cũng (769) Thiền sư nổi tiếng Mã Tổ Đạo Nhất không dính dáng. Phải thì phải, lại không trụ chùa này tiếp hóa học nhân, các thiền có Phật pháp đạo lý. Nếu ông ra khỏi bốn khách tụ hội, chùa trở thành đạo tràng nổi con đường này thì trong khoảng đất trời tiếng hoằng dương thiền phong của Mã Tổ riêng bước. Nhưng một câu riêng bước Đạo Nhất. Khoảng niên hiệu Đại Trung làm sao nói?Đừng ngại trước kia nhiều khí (847-860) đổi tên là »Thượng Lam Viện«. phách, nhà người từng đạp thượng đầu Khoảng niên hiệu Hàm Bình (998-1003) quan«. đời Tống đổi tên là »Thừa Thiên Tự«. Khoảng niên hiệu Chính Hòa (1111-1118) THƯỢNG ĐƯỜNG đổi tên là »Năng Nhân Tự«. Khoảng niên Chỉ cho việc đi lên điện đường để ăn cơm, hiệu Cảnh Thái (1450-1456) đời Minh đổi nghe thuyết pháp, tham vấn v.v.. Tuy tên là »Hựu Thanh Tự«. Năm 1929 đổi tên nhiên, từ này thường dùng để chỉ cho vị là »Hựu Dân Tự«. Kiến trúc hiện cón là do Trụ trì mỗi ngày 2 lần (sáng chiều) lên đời Thanh trùng tu. Trong chùa thờ tượng Pháp đường giải đáp thắc mắc về việc Phật lớn bằng đồng, cao 18 thước Tàu, tham thiền của chư tăng. Tắc 38, Bích nặng 36000 cân. Còn có đại đồng chung Nham lục (Đại 48, 175 hạ) ghi: » đúc vào niên hiệu Càn Đức thứ 5 (967) đời Nam Đường, cao 7 thước Tàu, nặng 10064 – Phong Huyệt ở cân, treo trên lâu các hình vuông bằng đá trong Nha môn Dĩnh Châu thượng đường hoa cương xây vào năm 1929 phía bên nói: Tâm ấn của Tổ sư hình dáng giống phải chùa. như máy trâu sắt«. THƯỢNG LÝ THIÊN THƯỢNG KỶ (1630-1711) Sách, 1 quyển, do Cảnh Long soạn vào đời Thiền tăng đời Minh, họ Dư, tự Vô Ngã, Minh. Vào niên hiệu Chính Thống thứ 5 người xứ Đoan Châu (Triệu Khánh, Quảng (1440), đạo sĩ Liêu Thượng Thành ở miếu Đông) Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Ngũ Thánh phủ Ứng Thiên có vẽ 1 bức Kim Nhiễm ở Quảng Châu, đời thứ 36 hệ tranh thiền sư Hoàng Long đang lễ bái thưa Thanh Nguyên. Trụ am Đàn Độ. Tác hỏi Lữ Động Tân với tựa đề là »Thần hóa phẩm: Vô Ngã tập (Thi tập). đồ« và phụ phần giải thích rằng thiền sư Hoàng Long rất hâm mộ đạo pháp của Lữ THƯỢNG LAM VIỆN Động Tân. Cảnh Long soạn »Thượng Lý Ở đường Dân Đức, thành phố Nam Xương, Thiên« nhằm bác bỏ ngụy thuyết ấy, mục tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Được xây đích để nó không làm lầm mọi người. dựng vào khoảng niên hiệu Thiên Giám

THƯỢNG MÔN THƯỢNG HỘ THƯỢNG MÔN THƯỢNG HỘ Kính Sơn Trí Sách Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » Chỉ cho tăng hành cước tham phỏng thiền – Bậc thượng nhân chẳng trau chuốt sư các nơi. Tiết Chiêu Khánh Đạo

Khuông mà đẹp, (hay) chẳng đợi mài giũa mới giỏi, Thiền sư trong NĐHN q. 8 ghi: »
chẳng đợi uốn nắn mới thẳng.«
THƯỢNG SĨ – Ở đây không một vật, các Người căn khí thượng đẳng. »Chứng
Đạo ông vất vả bức bách nhau thế ấy để làm Ca« của Vĩnh Gia Huyền Giác Đại Sư gì?
Vừa khỏi tâm sớm đã không dính dáng; trong CĐTĐL q. 30 ghi: » lại còn hành
cước tham phỏng thiền sư các – Người nơi thật là cách xa ngàn dặm
muôn dặm!«. căn khí bậc thượng nhờ có quyết tâm nên tất cả đều xong. Còn hàng
trung hạ càng THƯỢNG NHÂN học nhiều càng chẳng tin nơi tự tâm.« 1. Bậc Cao
tăng có đầy đủ trí huệ và đạo đức, đủ sức làm thầy mọi người. Bài thơ THƯỢNG THIỀN
ĐƯỜNG Sơn Tự của Trạng Nguyên Nguyễn Trực Ở phía dưới điện Nhục Thân,
ngọn Thiền (Việt Nam) ghi: Quang, núi Cửu Hoa, tỉnh An Huy, Trung
Quốc. Nguyên tên là »Cảnh Đức Đường«, niên hiệu Khanh Hy thứ 6
(1667) đời Thanh, đệ tử của Quốc sư Ngọc Lâm là
Tông Diễn sau khi mở rộng kiến thiết đổi »Đột ngột vân gian tự tên là »Thượng Thiền
Đường«. Khoảng Nhân sinh kỷ độ qua! niên hiêu Hàm Phong (1851-1861) chùa bị U
nham tàng Phật tích chiến tranh phá hủy. Đầu những năm Đồng Tiêu bích ỷ tăng gia
Trị (1862-1874) xây dựng lại. Kết cấu tinh Địa viễn phi trần thiểu diệu, ngoằn ngoèo
lung linh, mây rừng tôn Sơn cao đắc nguyệt đa vẻ đẹp cho nhau, suối đá vây quanh, bố
cục Thượng nhân lưu khách túc tinh xảo. Người xưa khi đi du ngoạn Ổi dụ hựu phanh
trà«. Thượng Thiền Đường, khen nó có ba cái »Mây biếc hiện bóng chùa nhất: »Hương
khói Cửu Hoa đứng đầu Người đời mấy kẻ qua! thiên hạ chỉ có Thượng Thiền Đường là
Hẻm đá còn dấu Phật thịnh nhất; phong cảnh chỉ có Thượng Sườn non ẩn mái nhà
Thiền Đường là đẹp nhất; điện vũ chỉ có Xa đất càng ít bụi Thượng Thiền Đường là xinh
nhất«. Non cao trăng thêm đầy Những năm 60 của thế kỷ 20 bởi tăng nhân Cao tăng giữ
khách lại không cẩn thận để lửa thiêu cháy phần lớn Lùi khoai với nấu trà«. lầu gác.
Điện vũ hiện còn không nhiều, 2. Người có căn khí thượng đẳng, đạo pháp trong Đại
hùng bảo điện thờ tượng đắp tinh thâm và đạo đức cao thượng. Tiết Thích-ca, Quán
Âm, Địa Tạng. Vi Đà điện

THƯỢNG THƯỢNG LỢI CĂN có rường hoa xà chạm, phía sau là khách trống
trơn đi, chứ đừng sa vào lời nói chữ đường, thiền phòng, tịnh thất. Xung quanh nghĩa.«
chùa đẹp đẽ tĩnh mịch, ben cạnh có suối Kim Sa. Bên suối có cây Kim Tiền, tương
THƯỢNG THƯỢNG CHI CHỈ truyền là do tiền mua rượu của Lý Bạch hóa thành,
là một trong ba báu của Cửu Yếu chỉ thượng thượng, tức yếu chỉ của Hoa Sơn. Thiền
tông. Bài tựa của Tỳ-kheo Huệ Nguyên trong Trúc Lâm Tổ Sư Tuệ Trung THƯỢNG THỦ
Thượng Sĩ ngữ lục ghi: » Bậc Thủ tọa trong tăng chúng tham thiền
– Siêu tam thừa, vượt hoặc người có địa vị khá cao trong chùa. Phật thừa là yếu chỉ
thượng thượng«. Tiết »Sở Thạch Hòa thượng Hành trạng« trong PKKNL q. 20 ghi: »
THƯỢNG THƯỢNG CƠ 1. Bậc căn cơ thượng đẳng.
Thung Dung – Năm Mậu Thân, cử bậc Thượng thủ Am lục q. 1 ghi: » đắc
pháp là Cảnh Hiến thay thế, nên mùa – Đóng Hạ lão mới đến Tây
Trai ở được.« cửa ngủ khò là tiếp bậc căn cơ thượng đẳng; sử dụng ngữ cú để chỉ bày là
THƯỢNG THỦ ĐỆ TỬ phương tiện tiếp dẫn hàng trung hạ.« Thủ tọa, đệ tử lớn.

Tổ thứ 14, Long Thọ 2. Thiền cơ vi diệu tột cùng, siêu việt lời tôn giả trong CĐTĐL q. 2 ghi: » nói tri thức. Pháp Diễn ngữ lục q. thượng ghi: »
– …Sau đó, Tổ bảo vị đệ tử
lớn là Ca-na-đề- bà rằng: Đại pháp nhãn tạng của Như Lai,
nay sẽ trao cho ngươi, lắng nghe ta nói
kệ…« – Ngàn non bày xanh ngát, THƯỢNG THƯỢNG
CĂN CƠ liễu bờ rủ tóc vàng, tiều phu hát ca, ngư ông gõ nhịp mái chèo, khèn sáo
ồn náo, Người có căn khí thượng đẳng. Tiết Bắc chim kêu ríu rít, giai nhân má hồng,
công Viện Thông Thiền sư trong NĐHN q. 13 tử thanh lịch, mỗi mỗi đều vì các ngươi
mà ghi: » phát thượng thượng cơ, mở Chính pháp
nhãn. Nếu nơi đây lãnh hội được thì Đầu- đà Ca-diếp
không có chỗ dung thân, còn – như không lãnh hội thì ăn cơm ăn
cháo đi, Chư Thượng tọa có việc gì? Hãy bước ra mong rằng các ngươi sẽ ngộ đạo thấu
triệt bàn luận. Nếu là người có căn khí thượng rõ ràng.« đẳng, thì không cần như vậy.
Nếu là hạng trung hạ thì cần phải dọn dẹp nhà cửa cho THƯỢNG THƯỢNG LỢI CĂN

THƯỢNG THƯỢNG LỢI CĂN hoằng pháp, hết sức chấn chỉnh quy củ Người
có căn khí thượng đẳng, kiệt xuất. tùng lâm. Thư đáp Trung thừa Trịnh Côn Nham
trong HSLNMDT q. 1 ghi: » THỨU LÃNH Còn gọi:
Linh Thứu sơn, Linh sơn. Tên núi, ở Trung Ấn Độ, vì ở trong núi
có – nhiều kên kên. Hơn nữa đỉnh núi có hình Nếu từ trên căn
bản thực hiện công phu, dáng giống con kên kên nên lấy đó làm tên phá vở hang ổ tám
thức lật đổ sào huyệt vô gọi. Là nơi đức Phật Thích-ca Mâu-ni minh, vượt qua những
giai vị Bồ Tát, trực thuyết pháp. Tông Môn Võ Khố ghi: » tiếp ngộ nhập Phật tính, lại
không cần pháp nào khác. Đây là người có căn tính
– Ba câu hỏi thượng đẳng, kiệt xuất, chỗ chứng ngộ của khó phá, vượt cơ nhiệm
mầu ở Thứu Lãnh. họ thì sâu.« Một lời dạy nhỏ nhoi, bày thể chân thật nơi Long
Phong.« THƯỢNG TÚC Đệ tử kiệt xuất, học trò giỏi. Tông Môn Võ THỨU PHONG
SƠN Khố ghi: » X. Hoàng Bá sơn. – Thiền sư
Bảo Ninh Dũng có 2 vị đệ tử kiệt TÍCH xuất là Xử Thanh và Xử Ngưng cùng tham Cây
tích trượng mà thiền tăng cầm nơi tay, học với Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan«. gọi tắt là
»Tích«. Pháp Diễn ngữ lục q. Chương Trần Nhân Tông trong Tam Tổ trung: »
– Một Thực lục ghi: » hôm, sư cầm tích đi nhiễu quanh phòng
Trụ trì«. – Ngài lên ở am Tử Tiêu, vì Pháp Loa
giảng TÍCH MỘC THÀNH KIM THÁP Truyền Đăng lục. Thị giả xuống núi gần hết,
duy có đệ tử kiệt xuất là Bảo Sát còn ở Trong khuôn viên chùa Tây Sơn Nguyên thôi«.
Đại Thiền Bảo Lâm, khe núi Dương Giác, phía tây bắc thành Tích Mộc, thành phố
THƯỢNG UYÊN (1627-1679) Hải Thành, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc. Còn gọi: Hải
Uyên. Thiền tăng đời Thanh, Tháp xây vào đời Liêu, hình bát giác xây họ Tào, hiệu Ba
Đình, người xứ Tân Hà, gạch mái kín, 13 tầng, cao 31,5m. Nền tòa Ký Châu (nay thuộc
tỉnh Hà Bắc) Trung chia làm hai tầng trên dưới, nền tòa tầng Quốc. Năm 16 tuổi sư đến
Tam Phong, Hải dưới nơi góc quàng dùng sư tử nâng đỡ, Ngu (nay là huyện Thường
Thục, tỉnh phân nửa đã bị chôn vùi trong đất. Nền tòa Giang Tô), vào làm đệ tử của

ngài Tung tầng trên tám mặt đều có làm cửa khổn, Ẩn, dường như tham học đến năm 19 tuổi trong cửa khổn chìa ra sư tử khắc nổi. Trên thì được ngộ. Ít lâu sau, sư đến Linh Phong tòa còn làm 3 tầng tòa sen. Thân tháp tầng

TỊCH HẠ thứ nhất đặc biệt cao, tám mặt đều có làm đăng sử, Tế tông bổ tục đăng sử, Tế đăng cửa cuốn tò vò, phía trong cửa và hai bên sử tục lược, Danh túc phân hóa đăng sử, cửa đều có đắp tượng Phật, trên cổng đắp Pháp uyển hiến trưng lục. tán cái, phi thiên. Tầng thứ hai trở lên là mái kín; mái kín của tầng thứ năm trở lên TỊCH CHIẾU THIỀN SƯ hiện đã bị tổn hoại. Đây là một tòa tháp Hiệu của Thiền tăng Huệ Cầu đời Ngũ Đại. đặc ruột mái kín tiêu chuẩn đời Liêu. X. Huệ Cầu.

TÍCH THỦ MY MAO TỊCH DIỆT Từ ngữ thường dùng trong nhà thiền. Có 2 (Tăng sĩ) qua đời. Từ đồng nghĩa là Niết- nghĩa: bàn. Nguyên tiếng Phạn là Nirvāna, dịch 1. Phấn chấn tinh thần. Tiết Hà Ngọc Hòa âm là Niết-bàn, dịch ý là Tịch diệt. thượng trong TĐT q. 2 ghi: » Chương Cưu-ma-la-đa, tổ thứ 19 trong CĐTĐL q. 2 ghi: » – Hỏi: … Chẳng hay ý của người xưa – Nay đã đến lúc ta tịch thế nào? Sư đáp: Hãy phấn chấn tinh thần diệt, ngươi nên tiếp tục giáo hóa chúng lên!«. sinh«. 2. Lời nói chớ nhiều quá, chớ có trái ngược với thiền chỉ chẳng lập văn tự ngữ ngôn. TỊCH HẠ Tiết Tào Sơn Quang Huệ Thiền sư trong Còn gọi: Thiền tịch ( ). Nơi mà người NĐHN q. 13 ghi: » tu học tụ tập lại để tham thiền học đạo, hoặc nơi mà thiền sư thu nhận học trò để – Hỏi: Người xưa giảng đạo. Tương đương với từ Đạo tràng. nói như giọt tuyết trên lò lửa, ý chỉ thế Tiết Pháp Thường Thiền sư trong NĐHN nào? Sư đáp: Lời nói chớ nhiều quá«. q. 5 ghi: » TỊCH ÂM TÔN GIẢ – Từ đó về sau, kẻ học thiền Hiệu của Thiền tăng Đức Hồng đời Tống. dần dần tụ tập tại đạo tràng của Thiền sư X. Đức Hồng. Pháp Thường, đạo pháp của Pháp Thường càng thêm hưng thịnh.« TỊCH CHẤN (1630- Tiết Đức Sơn Tuyên Giám Thiền sư trong 1705) NĐHN q. 7 ghi: » Thiền tăng đời Minh, họ Đơn, tự Nhân Sơn, hiệu Nhân Tẩu, Hoa Tẩu, người xứ Vô Tích, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Sư nối pháp Thiền sư Phẫu Thạch Hoằng – Sau nghe đạo tràng Bích, đời thứ 37 hệ Nam Nhạc. Trụ trì phương Nam khá hưng thịnh, sư nổi cơn chùa Thiên Đài Hoa Đảnh. Tác phẩm: Hoa bất bình nói: Kẻ xuất gia ngàn kiếp học uy Tẩu quảng lục, Đăng sử kỷ niên, Tam nghi của Phật, muôn kiếp học tế hạnh của Phong đăng sử, Thiền tông chánh tông Phật còn chưa thành được Phật. Bọn ma

TỊCH THẤT mị phương Nam dám buông lời trực chỉ thứ 1 (1299) sư thị tịch. nhân tâm, kiến tính thành Phật à!« TIỆM KHẾ TỊCH THẤT Tu hành dần dần, chứng ngộ dần dần. Đàn Hiệu của thiền tăng Huệ Quang đời Tống. Kinh bản Đôn Hoàng: » X: Huệ Quang. – Pháp không có đốn tiệm, người có mau TỊCH THẤU (1674-1710) chậm, kẻ mê thì tiệm khế, người ngộ thì Thiền tăng đời Thanh, họ Trần, mới đầu đốn tu«. xưng là Huệ Triệt, tự Biệt Quang, người TIỆM THỨ Vưu Khê (Phúc Kiến) Trung Quốc. Sư theo Hằng Đào chùa Cổ Sơn xuất gia. Niên Theo thứ tự tiến dần. Mật Am ngữ lục ghi: hiệu Khang Hy thứ 48 (1709) sư sang Nhật »

– Lìa huyễn Bản tham học với Đại Hành Hải Quyền liền giác, cũng không theo thứ tự tiến chùa Sùng Phúc ở Trường Kỳ, nối pháp trở dần.« thành đời thứ 8 chùa Sùng Phúc. Năm sau TIỆM TU thị tịch. Tu hành từ từ, chứng ngộ dần dần. Đây là con đường đưa đến NGỘ theo thứ tự từ TỊCH TRUYỀN (1664-1731) cạn đến sâu, cũng là một môn phái lớn của Thiền tăng đời Thanh, họ Trần, tự Đạo Thiền tông Trung Quốc. Vào thời kỳ đầu Bản, hiệu Chỉ Đình, người Phúc Thanh của Thiền tông, phái này rất được triều (Phúc Kiến) Trung Quốc. Lúc 56 tuổi sư đình đương thời xem trọng, cực thạnh một vâng lời Thầy mình là Linh Nguyên Hải thời ở phương Bắc nên gọi là »Bắc Tông«. Mạch sang Nhật Bản trụ trì chùa Sùng Về sau, với sự lớn mạnh của học thuyết Phúc núi Thánh Thọ ở Trường Kỳ. Sư giỏi »Đốn ngộ« khiến phái »tiệm« suy vi. thơ họa, thường giao du với văn nhân mặc Thư đáp Trịnh Côn Nham Trung thừa khách. Tác phẩm: Tiêu Minh Thảo 1 trong HSLNMDT q. 1 ghi: » quyển.

TỊCH VIÊN (1207-1299) Thiền tăng đời Nguyên Trung Quốc. Đời Tống niên hiệu Thiệu Định thứ 1 (1228) do – Việc chứng ngộ này ngưỡng mộ Thiền sư Đạo Nguyên tông cũng có sâu cạn chẳng đồng. Nếu từ trên Tào Động mà sư sang Nhật Bản. Sau khi căn bản thực hiện công phu, đập tan hang Đạo Nguyên tịch, sư tham kiến Cô Vân ổ tám thức, lật đổ sào huyệt vô minh, trực Hoài Trang được tâm ấn. Nơi huyện Phúc tiếp ngộ nhập nên không cần pháp nào Tỉnh (Nhật Bản) Đại Dã, sư xây cất chùa khác. Đây là bậc lợi căn thượng thượng, Bảo Khánh và trở thành Tổ phái Tịch chỗ chứng ngộ sâu. Ngoài ra đều là tiệm Viên, đây là một phái Đạo Nguyên tông tu, chỗ chứng ngộ cạn«. Tào Động Nhật Bản. Niên hiệu Chính An

TIÊN GIÁC HẢI TỊNH (1788-1875) TIÊN ẢNH Kiến, người xứ Tiên Cư Thai Châu (nay Bóng roi, dụ chỉ thủ đoạn cao siêu của thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Sư thiền sư tiếp dẫn người học mà không để ham thích đọc sách, chỉ cần nhìn qua là lại dấu vết. Bài tựa của Dương Ức trong nhớ và đọc lại được. Sư theo ngài Cổ Điền CĐTĐL ghi: » Hậu xuất gia rồi tham học nơi Phương Sơn Bảo. Một hôm sư đang làm công tác, chợt – Cơ duyên kích băng tan sạch không (đốn ngộ). Phương phát lẫn nhau như hai mũi tên chỏi nhau; Sơn dùng kệ ấn chứng rằng: kho trí huệ phát sáng là nhờ bóng roi giúp đỡ. Dẫn dắt kẻ hậu học, truyền bá mở mang đạo nhiệm mầu«. »Tâm này rất rộng lớn Hư không chẳng sánh nổi TIÊN ĐÀ KHÁCH Đạo này chỉ như thế Nghĩa đen là người đầy tớ khéo hiểu được Gìn giữ thôi tìm ngoài«. ý của chủ. Thiền tông muợn từ này để chỉ Sư vâng lời thầy xây dựng Thất Hoa Đảnh, cho người lanh lợi, lãnh hội nhanh chóng ở chùa 40 năm chân không bước ra khỏi cơ pháp của thiền sư. Tiên-đà là gọi tắt của cổng. Người học nương ở, cất am che lều Tiên-đà-bà khiến nơi đây trở thành tùng lâm. Tác (Phạn ngữ: Saindhava, Pāli: Sindhava). phẩm: Ngữ lục 2 quyển. Tây Ấn Độ thời cổ đại có 4 thứ sản phẩm nổi tiếng: Muối, khí giới, ngựa, nước;TIÊN GIÁC HẢI TỊNH nguyên ý của Tiên-đà-bà là hình dung từ (1788-1875) Thiền tăng đời cuối Lê đầu Nguyễn, thuộc của »Tín Độ sở sản«, về sau chuyển chỉ 4 thứ sản phẩm nổi tiếng. tông Lâm Tế, đời thứ 37, nối pháp Thiền Theo Kinh Niết-bàn bản Bắc và bản Nam sư Phật Ý Linh Nhạc. Sư tên Nguyễn Tâm q. 9 ghi: Xưa có quốc vương nọ, trong

Đoan, quê ở Gia Định, miền Nam Việt Nam. Năm sư 15 tuổi được cha dẫn vào triều có vị đại thần lanh lợi, khi vua cần 1 chùa Từ Ân ở Gia Định làm lễ xin Hòa món gì trong 4 thứ danh sản thì đều gọi thượng Phật Ý Linh Nhạc cho sư xuất gia »Tiên-đà-bà! Tiên-đà-bà!« Vị đại thần liền biết Vua muốn tìm vật gì. Thiền tông tu hành. Hòa thượng giao sư cho Thiền sư Tổ Tông Viên Quang trụ trì chùa Giác mượn từ này chỉ cho người học thông minh Lâm dạy dỗ. Thiền sư Tổ Tông đặt pháp lanh lợi, khéo hiểu ý người, hay nhậm vận danh cho sư là Tiên Giác, hiệu Hải Tịnh. tự tại khế nhập cơ pháp Thiền sư. Tắc 92, Sư chí tâm tu học ở 2 chùa Giác Lâm và Bích Nham lục (Đại 48, 216 hạ) ghi:

– Từ Ân nên sau một thời gian, sư sớm trở thành một danh tăng uyên bác. Năm 1825, Hội đây nếu có người lanh lợi, đâu nhọc Văn-thù đánh một dùi!«. vua Minh Mạng cho dời sư ra trụ trì chùa Thiên Mụ ở kinh đô Huế. Năm 1841, sư TIÊN ĐỔ (1265-1334) được bổ trụ trì chùa Long Quang. Năm Thiền tăng đời Nguyên, họ Diệp, tự Vô Tân Mùi (1871), sư hợp cùng chư Hòa

TIÊN GIÁC TÔNG THỪA thượng ở các tỉnh Nam Kỳ tổ chức Đại giới đàn ở chùa Tây An, tại núi Sam, Châu – Đốc (An Giang). Năm Ất Hợi (1875), sư Tâm địa bình thường, thói nhà điềm đạm lại tổ chức Giới đàn ở chùa Thiên Ân (Gia kín đáo, tuỳ thời ứng dụng vượt thoát Định). Đến ngày 8 tháng 11 năm Ất Hợi, khuôn phép thông thường. Ở đây lãnh hội năm Tự Đức thứ 29 (1875), sư thị tịch, thọ được thì trong ngoài có mặt. Còn nếu 88 tuổi, tháp của sư được xây trong khuôn chẳng hội thì trong gạo có sâu.« viên chùa Giác Lâm. Theo: LSPGĐT của 2. Biết, nhận thức. Tiết Hưng Hoá Tương Nguyễn Hiền Đức. Thiền sư trong NĐHG q. 2 ghi: » – Kẻ TIÊN GIÁC TÔNG THỪA không có khí phách gặp ngài Đại Giác cho ăn gậy đau điếng mới biết được tiên sư«. Sách, 5 quyển, do Ngộ Phong Viên Tín hiệu đính, Quách Ngưng Chi biên tập lại, TIẾN ĐƯỜNG được xếp vào Tục Tạng kinh tập 148, trang Hạ thủ công phu. 455. Sách này là từ »Tiên Giác tập« 2 TIẾN KỲ quyển do Đào Minh Tiềm soạn vào đời Bắt đầu lên đường, chỉ cho việc đề khởi Minh, được Quách Ngưng Chi cải biên mà thoại đầu. Sở Sơn Kỳ Thiền sư giải chế thành. Nội dung thu thập cơ duyên ngữ yếu trong Thiền Quan Sách Tiến ghi: » của 111 vị cư sĩ được chính thức truyền – Đề khởi thoại đầu là tiến thừa và 73 vị cư sĩ vô danh. Trình bày một kỳ«. cơ một cảnh, một lời một câu của các bậc tiên giác để làm gương sáng cho người học TIẾN TỪ THÁP đời sau. Sách này là tư liệu quan trọng để X. Từ Thọ tháp. tham cứu về đạo nghiệp của giới cư sĩ. TIẾN VÂN TIÊN SƯ THIỀN VIỆN Hỏi tiếp. Biểu thị người học tiếp tục đặt X. Thánh Thọ tự. câu hỏi để thiền sư thuyết pháp, là dụng ngữ ghi chép việc hỏi đáp trong nhà thiền. TIÊN TRÀ Mật Am ngữ lục ghi: » Nấu trà. Người xưa muốn uống trà thì phải dùng lửa để nấu. Uống trà là một tập tục của thiền lâm. Tông Môn Võ Khố ghi: » – Quét đất nấu trà – Ngày giải hạ, sư thượng đường, đều đích thân làm lấy.« tăng hỏi: Cái gì là Chính pháp nhãn? Sư đáp: Giày cỏ không nhẹ. Tăng hỏi tiếp: Cứ TIẾN như việc Hòa thượng nói lủng cái chậu 1. Lãnh ngộ, lãnh ngộ. Tiết Đại Quy Phật bằng gỗ thì sao? Sư đáp: Lão tăng chưa Tính Thái Thiền sư trong GTPĐL q. 26 từng động lưỡi.« ghi: »

TIỀN TAM TAM, HẬU TAM TAM TIẾN VIỆN chắp tay để họ được hoan hỷ«. Thiền sư đến nhậm chức trụ trì tự viện. Như Tịnh ngữ lục q. hạ ghi: » TIỀN ĐƯỜNG THỦ TỌA Tăng đường trong các thiền viện khá lớn – Sư thượng được chia làm hai: Tiền và hậu đường. Mỗi đường nói: Nhậm chức trụ trì tự viện ở nhà (đường) đặt một vị Thủ tọa, địa vị của Tiền đường Thủ tọa cao hơn Hậu đường được liền ở, từ chức trụ trì cần đi liền đi. Có biết cho chăng? Cây gậy đen sì nầy, thủ tọa, quyền hạn đứng sau vị Trụ trì. Mật đừng trách nó rất dữ tợn. Sư ném gậy, Am ngữ lục ghi: » bước xuống tòa.« – Thỉnh Tiền đường thủ tọa Hạc Lâm Ấn Hòa thượng thủ tọa, thay thế TIỀN BẤT CẤU THÔN, HẬU BẤT vị Trụ trì thuyết pháp cho đại chúng ĐIỆT ĐIẾM nghe.« Chưa đến nơi đến chốn. Trước chẳng đến xóm làng, sau chẳng ra khỏi cửa. Tắc 65, TIỀN KHÊ Bích Nham lục (Tục 117,190, thượng) ghi: Hiệu của thiền tăng Đức Minh đời Minh. » X. Đức Minh.

– Chưa đến nơi đến TIỀN NHÂN chốn mà bẻ gãy chiếc gậy là nhằm đi đâu? Người trước mặt, đối phương. Lâm Tế ngữ Lời nói của Tuyết Đậu như sấm nổ mà lục ghi: » chẳng có một giọt mưa«.

– Thiện tri thức TIỀN ĐẦU đưa ra một cảnh, đùa trước mặt người Trước mặt, phía bên kia. Lâm Tế ngữ lục học..., người trước mặt biện được, đã ghi: » chẳng làm chủ, chẳng bị cảnh lừa.« – Này Đạo lưu, như các TIỀN TAM TAM, HẬU TAM TAM thiền viện có người học tìm đến, chủ khách gặp nhau xong, liền đưa ra một câu để Trước ba ba, sau ba ba. Công án này thấy phân biệt bậc thiện tri thức trước mặt.« ghi trong tiết Vô Trước Văn hỷ Thiền của sách NĐHN q. 9 như sau: » TIỀN ĐẦU NHÂN Gọi tắt: Tiền nhân. Người ở trước mặt, đối phương. Đàn Kinh (bản Đôn Hoàng) ghi: »

– Nếu đối phương tương ứng thì cùng luận về Phật nghĩa. Nếu thật chẳng tương ứng thì ta

TIỀN TẾ Là bao nhiêu? Sư hỏi lại: Đây là chốn nào? Đồng tử đáp: Đây là chùa Bát-nhã trong hang Kim Cang. Sư xót xa vì biết ông già kia là đức Văn-thù.«

Công án này tình tiết khá phong phú, nghĩa lý bao hàm nhiều mặt, ý chính là phá trừ tâm chấp trước, phân biệt. »Tiền tam tam, hậu tam tam« là câu nói đặc biệt của nhà thiền, siêu việt khái niệm số lượng.

TIỀN TẾ Quá khứ, đời trước. Là một trong ba mé (tam tế) mà Phật giáo thường gọi. Uyển Lăng lục ghi: » – Quá khứ không đi, hiện tại không trụ, vị lai chưa đến.«

TIỀN TƯ Tên gọi người từ trước đã từng trợ giúp công việc, tức chỉ cho người đã 3 lần nhậm chức Phó tự trở xuống mà nay đã thôi nghỉ. Theo:

PQĐTĐ của nhóm Từ Di. – Sư đi thẳng đến chùa Hoa Nghiêm trên núi TIỄN PHONG TƯƠNG TRỤ Ngũ Đài, đến hang Kim Cang lễ bái, gặp một ông già đang dắt trâu, mời sư vào Mũi tên chỏi nhau, ý nói thiền cơ như 2 chùa …. Ông già hỏi: Ngươi từ đâu đến? mũi tên bay rất nhanh và đụng vào nhau Sư đáp: Từ phương Nam đến. Ông già hỏi: hết sức chính xác. Bích Nham lục q. 1 ghi: Phật pháp phương Nam trụ trì ra sao? Sư » thưa: Tỳ kheo đời mạt pháp, ít tuân theo giới luật. Ông già hỏi: Có bao nhiêu đồ chúng? Sư thưa: Hoặc ba trăm hoặc năm trăm. Sư hỏi lại: Phật pháp ở đây trụ trì ra – Loại công án này, sao? Ông già đáp: Rồng rắn chung lẫn, đối với người tham cứu lâu một khi nêu lên phàm thánh ở chung. Sư thưa: Được bao liền biết ý nghĩa của nó. Tông Pháp Nhãn nhiêu chúng? Ông già đáp: Trước ba ba, cho rằng: Mũi tên chỏi nhau không cần sau ba ba… Sư từ giã ra về, ông già sai đến công phu quân thần ngũ vị, Tứ liệu đồng tử đưa tiễn. Sư hỏi đồng tử: Trước ba giản. Nói đến Mũi tên chỏi nhau đây là gia ba, sau ba ba là bao nhiêu? Đồng tử gọi: phong xưa nay của Pháp Nhãn, chỉ cần Đại đức! Sư ứng thinh: Dạ. Đồng tử hỏi: ngay nơi một câu nói có thể thấy được ý

TIẾP TRÚC ĐIỂM NGUYỆT chỉ của Pháp Nhãn chỉ dạy, liền có thể ngộ thừa từ trước đến nay, chẳng từng dạy nhập«. người tìm cầu tri giải, chỉ nói »học đạo« sớm là lời nói tiếp độ, dẫn dắt người học. TIỆN Nhưng đạo cũng chẳng thể học, nơi thức 1. Giả sử, dù cho. Pháp Diễn ngữ lục q. tình mà còn học giải, trở lại thành mê trung ghi: » đạo.« – Nếu chẳng được người khác đánh thức, dù cho trải qua TIẾP NHÂN trăm năm cũng chỉ thế ấy.« Tiếp độ, dẫn dắt người học. Bích Nham lục 2. Mà, nhưng, lại, biểu thị điều sắp nêu ra q. 1 ghi: » là không phù hợp với điều vừa nói đến. Lâm Tế ngữ lục ghi: » – Đây là thiền sư có thủ đoạn cao – Mặc dù là thần siêu, không bàn huyền diệu, không luận cơ năm uẩn thô lậu, nhưng là thần thông đi cảnh, một bề dùng việc siêu thoát sinh tử trên đất.« để tiếp độ người.« Bích Nham lục q. 1 ghi: » TIẾP THỊ Tiếp dẫn, chỉ dạy. Tiết bảo Phúc Hòa – thượng trong TĐT q. 11 ghi: » Ngàn kiếp học oai nghi Phật, muôn kiếp học tế hạnh Phật, rồi sau mới thành Phật. Ma quỷ phương Nam lại nói chính tâm nầy – Lễ chào hỏi là Phật.« của đệ tử vừa xong, lời chỉ dạy liền tiếp TIỆN NHIÊU theo đó. Tuyết Phong nói: Có lãnh hội chăng? Sư định đến gần. Tuyết Phong lấy Giả sử, dù cho. Trung Phong Hòa thượng gậy chận lại. Sư tập tức khế ngộ yếu chỉ Hành lục trong TPQL ghi: » Thiền tông.« – Dù cho biết được cũng là cái biết do sinh tử, cũng TIẾP TRÚC ĐIỂM NGUYỆT là sinh tử.« TIẾP DẪN CHI TỪ Còn gọi: Duyên mộc cầu ngư (leo cây để bắt cá). Dùng cành tre để khều mặt trăng. Lời nói tiếp độ, dẫn dắt người học. Dưới Thiền tông mượn thành ngữ này để chỉ cho cái nhìn của Thiền tông, đây chỉ là giáo việc làm phí công vô ích. Hư Đường Hòa thuyết quyền nghi, pháp môn phương tiện thượng ngữ lục q. 1 (Đại 47, 984 trung) mà thôi. Kỳ thực nói như thế cũng là thừa ghi: » thãi rồi. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » – Nếu muốn gầy dựng Lâm Tế Chính Tông thì giống như dùng cành tre để

khều mặt trăng«. – Thiền tông của ta đây, sự truyền

TIẾP VẬT LỢI SINH TIẾP VẬT LỢI SINH vật. Như Tịnh ngữ lục q. thượng: » Tiếp dẫn người học, tạo phúc cho chúng sinh. Bài tựa của Dương Ức viết trong – Trừ hết các thứ sai CĐTĐL ghi: » biệt, chỉ đưa ra một nước cờ. Bên kia buông lông rùa xuống, ở đây đưa sừng thỏ – Tùy theo căn cơ mà ngộ được lý, do lên«. đó có sự sai biệt của tam thừa, tiếp dẫn người học, tạo phúc cho chúng sinh là độ TIỆT LƯU CƠ chúng sinh vô biên.« Cơ dụng chặt đứt dòng ý thức. Tiết Thị Tâm Nguyên Tụ Duy-na trong Duy Tắc TIỆT ĐOẠN CÁT ĐẰNG ngữ lục q. 3 ghi: » Chặt đứt tất cả những lời giải thích dài dòng. Đây là cách lập bày của nhà thiền – Luận đến việc nhằm tiếp dẫn người học. Bích Nham lục q. muốn rõ nguồn tâm, không có thuật lạ nào 1 ghi: » khác, mà chỉ ở nơi vọng niệm đang dâng – Lập tức chặt đứt tất cả lời trào, biết dùng cơ dụng chặt đứt dòng ý giải thích dài dòng, phiền phức khiến cho thức, lập tức quét sạch nó đi!«. kẻ hậu học sơ cơ khó có thể khế hội«. TIỆT LƯU CHI TÁC TIỆT ĐOẠN CHÚNG LƯU Hành vi cơ dụng chặt đứt dòng chảy của ý thức. Tiết Trường Khánh Hòa thượng Chặt đứt các dòng. Đây là 1 trong 3 câu trong TĐT q. 10 ghi: » nói nổi tiếng của Vân Môn trong khi tiếp – Nếu Thái Phó dẫn người học. Ngài thường dùng một chữ không phải là kẻ keo kiệt, thì hãy biểu lộ hoặc một câu nói, ngay lúc đó chặt đứt tất hành vi cơ dụng chặt đứt dòng chảy của ý cả trói buộc của ngôn ngữ khiến cho người thức«. học dứt hết các chuyển cơ, không khởi ý TIỆT SINH TỬ LƯU tưởng phân biệt, từ đó chiếu soi lại tự thân, trở về nguồn tâm. Tiết Cửu Đảnh Huệ Chặt đứt dòng chảy luân hồi sinh tử, tức là Tuyền Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: siêu việt sinh tử luân hồi. Nhà thiền cho » rằng đây là việc bản phận của người tu – thiền, là mục đích của việc tham thiền, Thuở xưa ngài Vân Môn có 3 câu nói, đó cảnh giới của diệu ngộ. Minh Giác ngữ lục là: Hàm cái càn khôn (bao trùm trời đất);q. 1 ghi: » tiệt đoạn chúng lưu (chặt đứt các dòng); tùy ba trục lãng (theo mòi đuổi sóng)«.

TIỆT ĐOẠN THIÊN SAI

Trừ hết các thứ sai biệt, tức chẳng dùng – Chỉ cần trên không dựa vào bậc tôn kính, vọng tâm phân biệt để nhìn muôn sự muôn dưới không tự khi mình thì tự nhiên Phật

TIẾU ẨN ĐẠI HÂN THIỀN SƯ NGỮ LỤC tính hiện tiền, mỗi mỗi như vách đứng TIÊU HOÀNG ngàn trượng, có biện minh được hay Còn gọi: Tiêu Diễn. Vị hoàng đế họ Tiêu. không? Chưa biện thì hãy biện, chưa minh Chỉ cho vua Lương Võ Đế, vì ông họ Tiêu thì hãy minh đi! Đã biện được là có khả tên Diễn. Hội thứ 9 Cư Trần Lạc Đạo Phú năng chặt đứt dòng chảy luân hồi sinh tử, của Trần Nhân Tông ghi: cùng ngồi vào địa vị của Phật Tổ, diệu viên siêu ngộ chính là ở lúc này«.

»Chỉn xá nói từ sau Mã Tổ, TIÊU Ắt đã quên thuở trước Tiêu Hoàng«. Hưởng dụng. Pháp Diễn ngữ lục q. trung: » TIÊU SƠN TỰ – Người nào Còn gọi: Chùa Thiền Tâm, chùa Trường nhảy qua được, mỗi ngày hưởng dụng Liêu. Chùa ở xã Tương Giang, huyện Tiêu muôn lượng vàng ròng.

Nếu nhảy chẳng Sơn, tỉnh Hà Bắc, Việt Nam, cách Hà Nội qua thì có chỗ cho ngươi ở ư!«. gần 20km về hướng đông bắc. Tương truyền trong công cuộc lấy ngôi nhà Lê, Lý Lâm Tế ngữ lục ghi: » Công Uẩn bảo sư Vạn Hạnh ẩn náu tại chùa này. Hiện nay nơi đây còn thờ Thiền – Đồ mù, luống hưởng dụng tín thí sư Vạn Hạnh. mười phương, nói rằng ta là kẻ xuất gia, khởi lên kiến giải như thế.« TIÊU TỨC Tin tức sắp kiến tính. Tiết Triệu Biện TIÊU DAO THANG Thanh Hiến trong NĐHN ghi Nước tiêu dao. Tiêu dao là một thuật ngữ trong thiên »Tiêu dao du« trong Nam Hoa Kinh của Trang Tử, ám chỉ con người vươn mình ra vũ trụ, rong chơi nhàn hạ, mọi quan niệm về không gian và thời gian Yêu bội hoàng kim dĩ thối tàng đều trở nên tương đối. Thiền tông mượn Cá trung tiêu tức dã tầm thường dùng để chỉ một thứ nước giúp con người Thế nhân dục thức Cao Tề lão giải cơn khát trần tục. Bài Phóng Cuồng Chỉ thị Kha thôn Triệu tứ lang«. Ca trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục có »Lưng mang vàng nén về ẩn thân ghi: Trong đây tin tức cũng bình thường Ai kia muốn biết Cao Tề lão, Ở thôn Kha ấy Triệu tứ lang«. »Quyện tiểu khệ hề hoan hỷ địa TIẾU ẨN ĐẠI HÂN THIỀN SƯ Khát bão xuyết hề tiêu dao thang«. NGỮ LỤC »Mệt thì nghỉ tạm chừ đất hoan hỷ Còn gọi: Quảng Trí Toàn Ngộ Thiền sư Khát thì uống no chừ nước tiêu dao«. ngữ lục. Ngữ lục, 4 quyển, do Tiếu Ẩn Đại

TIẾU CỤ Hân soạn vào đời Nguyên, các vị Diên là Tiểu Nam, để phân biệt với Hoàng Long Tuấn, Huệ Đàm biên tập, được xếp vào Huệ Nam. Tục Tạng kinh tập 121, trang 201. Nội dung thu thập ngữ lục của sư Đại Hân ở TIỂU NGHI các nơi: Điểu Hồi Thiền Tự, Thiền tông Tiểu tiện. Tiết Triệu Châu Tùng Thẩm Đại Báo Ân Quốc Tự, Trung Thiên Trúc Thiền sư trong NĐHN q. 4 ghi: » Thiền Tự và Chân tán, Kệ tụng, lời tựa của – Đại tiện thì Nguyệt Giang Hòa thượng ngữ lục, lời tựa đến góc đông bắc, tiểu tiện thì ra mé sau Chứng Đạo Ca, bình luận Trung Phong tăng đường.« Hòa thượng ngữ lục. TIỂU TẬN TIẾU CỤ Tháng thiếu âm lịch. Tông Môn Võ Khố Chuyện cười, chuyện khôi hài. Bài thơ ghi: » »Tam cú« của Sở Viên Từ Minh Thiền sư trong KTTQTĐL q. 29 ghi: » – Trời là trời, đất là đất, núi là núi, sông là sông, tăng là tăng, tục – Câu thứ là tục, tháng đủ là ba mươi ngày, tháng ba, Duy-na bệnh nặng, Văn-thù đến thăm. thiếu thì hai mươi chíng ngày.« Hai bên bàn luận, một phen im lặng chấn động đất trời, cho đến hôm nay trở thành TIỂU THAM chuyện cười.« Thời thuyết pháp, tham vấn ngoài thời gian đã được quy định trong các tự viện Thiền TIẾU HIÊN tông. Về quy mô thì tiểu tham nhỏ hơn Hiệu của thiền tăng Cảnh Hiến sống vào nghi thức Thượng đường. Tông Môn Võ đời cuối Nguyên đầu Minh. X. Cảnh Hiến. Khố ghi: » TIẾU NHAM Hiệu của thiền tăng Đức Bảo sống vào đời . – Hòa thượng Chân Tịnh rời Minh. X. Đức Bảo. khỏi Động Sơn, đi từ Chiết Giang đến chỗ TIẾU ÔNG của Hòa thượng Lang Da Khởi ở Trừ Hiệu của thiền tăng Diệu Kham sống vào Châu. Nhân đại chúng thỉnh tiểu tham, đời Tống. X. Diệu Kham. Chân Tịnh không biết kiêng sợ chê bai thiền sư các nơi khác là dị kiến tà giải«. TIỂU LÃNG THIỀN SƯ Thiền tăng Chấn Lãng đời Đường được TÍN HỌC (?-1190) người đời gọi là Tiểu lãng thiền sư. X. Thiền tăng

đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Chấn lãng Thông đời thứ 10, nối pháp Thiền sư Đạo Huệ. Sư họ Tô, quê ở làng Chu Minh, phủ TIỂU NAM Thiên Đức, miền Bắc Việt Nam. Gia đình Thiền tăng Hệ Nam đời Tống còn được gọi chuyên nghề khắc bản kinh. Thuở nhỏ sư

TINH TIẾU theo học bởi thầy Thành Giới, không thích giống nhau. Thiên sách này có ảnh hưởng giao du. Năm 32 tuổi, sư thọ giáo nơi thiền rất lớn đối với sự hình thành tư tưởng sư Đạo Huệ ở núi Tiên Du. Sư hầu thầy Thiền tông vào thời kỳ đầu. Sách chú thích được 3 năm, nhận sâu ý chỉ Thiền và nối về thiên này có: pháp ngài. Sư chống gậy du phương, đến -Tín Tâm Minh Niêm Cổ của Thanh Liễu. chùa Quán Đảnh núi Không Lộ huyện -Tín Tâm Minh Nghĩa Giải của Minh Bản. Thạch Thất, Sơn Tây dừng lại trụ trì. Sư chuyên tu tam quán theo trong kinh Viên TÍN THỨC THÂM MINH Giác, ngày chỉ ăn một bữa, đến nỗi hình dung tiều tụy, trải nhiều năm như thế mà Tin sâu hiểu rõ. Thượng sĩ hành trạng chẳng thối chí. Do đây thâm đắc chính trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: định tam quán. Công khanh sĩ thứ ngưỡng »
mộ đến học rất đông. Kệ thị tịch:
– Ngài bàn huyền nói diệu như gió mát trăng thanh, »Sơn lâm hổ
báo những hàng thạc đức đương thời đều bảo Hoành văn ban bác Thượng sĩ tin sâu hiểu rõ, thuận hạnh Nhược dục chân biệt nghịch hạnh thật khó lường được«. Tử thốt mẫu trác«. »Núi rừng cọp beo TINH LAM Vằn vện lẫn lộn Chùa Phật. Huệ Nam ngữ lục ghi: » Nếu muốn phân rành Con kêu, mẹ mổ«.
– Hôm nay là ngày Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh mồng 8 tháng 4, là ngày đức Phật giáng Từ. sinh, các chùa Phật khắp nơi đều tổ chức lễ tắm Phật«. TÍN TÂM MINH Thi ca, 1 thiên, do Tam Tổ Thiền tông là TINH THÁI Tăng Xán soạn, được xếp vào Đại Chính 1. Tinh thần, phong thái. Tiết Hoa Đình Tạng tập 48, trang 376. Toàn văn gồm 146 Hòa thượng trong TĐT q. 5 ghi: » câu, 584 chữ, làm theo thể thơ tứ ngôn. – Nội dung ca tụng cảnh giới Tín tâm bất Xem phong
thái của sư thật là người có nhị, Bất nhị tín tâm, nhấn mạnh chỗ xa lìa đức độ tài năng, duyên do nào mà không tất cả vọng niệm đối lập sai biệt, phải trái gặp được người đó!« được mất, chính là chỗ bình đẳng tự tại. 2. Xuất sắc. TĐT q. 10 ghi: » Tác giả đề xướng tư tưởng Hoa Nghiêm – Sao chẳng »Nhất tức nhất thiết, tương
hỗ dung phấn chấn lên để xuất sắc hơn một chút?«. thông«. Thiên này cùng với »Tâm Vương Minh« của Phó Đại sĩ, »Tâm Minh« của TINH TIẾU Pháp Dung, Tổ tông Ngưu Đầu, đại ý gần Xuất sắc, lạ lùng. Tiết Bảo Phong Chuẩn

TÍNH ÂM (?-1726) Thiền sư trong TBCTT q. 2 ghi: » bệnh tật tự biết không còn sống bao lâu, – Bốn trăm người đều bèn xây dựng Viện Long Hưng để
dưỡng là những vị thiền tăng xuất sắc«. già và mở hội truyền giới, người đến thụ giới hơn 500 người. Tác phẩm: Nhị Hội TÍNH ÂM (?-1726) ngữ lục, Thương Lãng tập, Da Sơn tập. Thiền tăng đời Thanh, tự Ca-Lăng, hiệu Xuy Dư, người Trầm Dương Trung Quốc. TÍNH DỊ (1596-1672) Thuở nhỏ sư học Nho giáo chuyên về Thiền tăng đời Thanh, họ Đái, tự Độc Lập, thuyết tính lý. Năm 24 tuổi theo Tỳ Lô người Nhân Hòa (Hàng Châu) Trung Chân Nhất ở Cao Dương xuất gia, lại đến Quốc. Lúc 25 tuổi nhân tị nạn chiến tranh chùa Lý An tham kiến Mộng Am Siêu mà sư đi du phương các nơi. Khi

50 tuổi sư Cách đắc pháp. Ban đầu sư hoằng pháp nơi đi sang Nhật Bản. Đời Thanh, niên hiệu chùa Đại Thiên Phật ở Kinh Tây, chẳng Thuận Trị thứ 11 (1654) Ẩn Nguyên Long bao lâu dời sang chùa Lý An, Quy Tông, Kỳ đến Nhật Bản đạo pháp vang dội, sư Đại Giác. Niên hiệu Ung Chính thứ 1 đến tham kiến Ẩn Nguyên được thế độ, đặt (1723) sư từ chối các việc để nam du. Năm pháp danh Tính Dị, hiệu »Thiên hạ nhất thứ 4 (1726) sư thị tịch nơi chùa Quy nhàn nhân«. Nhật Bản, niên hiệu Minh Tông. Thụy »Viên Thông Diệu Trí Thiền Lịch thứ 1 (1655) theo Ẩn Nguyên đến sư«. chùa Phổ Môn ở Nhiếp Tân giữ chức Thư Tác Phẩm: Tông Giám Pháp Lâm, Tông ký. Nhật Bản, niên hiệu Khoan Văn thứ 5 Thống Nhất Ty. Tạp Độc Hải và Ngữ lục, (1665), Tức Phi Như Nhất khai sáng chùa Ngữ Yếu hơn 100 quyển. Phúc Tụ ở Phong Tiền, sư đến trợ giúp hoằng hóa. Về sau muốn tái tham Ẩn TÍNH CƠ (1609-1681) Nguyên, bởi trên đường đi bị bệnh nên trở Thiền tăng đời Thanh, họ Trịnh, tự Huệ về chùa Phúc Tụ. Sư giỏi thơ văn, khéo thư Lâm, người Phúc Thanh (Phúc Kiến) pháp, thông y thuật. Tác phẩm: Lưu Khấu Trung Quốc. Sư là người thông minh tài Biên Niên lục, Hữu Tiều Biệt Tự Ký, Tựu giỏi, xem công danh như mây bay, tâm mộ Am Độc Ngữ, Đông Hĩ Ngâm. Phật pháp. Lúc 40 sư tuổi theo Hủy Công chùa Kỳ Viên xuất gia. Đời Thanh, niên TÍNH ĐIỆP hiệu Thuận Trị thứ 6 (1649) sư lên núi Sửa sang, thu thập. Tông Môn Võ Khố ghi: Hoàng Bá tham kiến Ẩn Nguyên Long Kỳ, » sư được đề bạt giữ chức Ký sư.
Năm thứ 11 (1654) sư theo Ẩn Nguyên sang Nhật Bản, lần lượt giữ chức Ký thất, Duy-na các chùa Đông Minh, Thánh Thọ, Phổ Môn. Nhật Bản niên hiệu Khoan Văn (1661- 1673) sư trụ trì chùa Phất Nhật. Niên hiệu – Hòa thượng Diệp Huyện Tỉnh tính Diên Bảo thứ 8 (1680) sư trụ trì chùa Vạn tình nghiêm khắc khô khan, thiền tăng đều Phúc làm Tổ đời thứ ba. Về sau già yếu kính sợ. Hai vị Phù Sơn Viễn và Thiên Y

TÍNH KHƯỚC Hoài lúc còn ở chúng có đến thưa hỏi Ngài Vân ở Áo Châu và quản lý chùa Phật Nhật về đạo Thiền. Gặp lúc tuyết rơi trời lạnh, ở Nhiếp Tân, trùng hưng chùa Hiến Châu ở Tỉnh quở trách xua đuổi đến nỗi lấy nước Gia Hạ, được Phiên Chủ Tiền Điền quy y. dội vào phòng trọ, khiến cho y phục của họ Về sau trở về Vũ Trị nhiều lần vào cung đều ướt sũng. Các vị tăng khác thảy đều thuyết pháp. Nhật Bản, niên hiệu Diên Bảo nổi giận bỏ đi, chỉ có Viễn và Hoài thu thứ 3 (1675) sư soạn »Phù Tang Thiền thập tọa cụ, sửa sang áo xống ở lại phòng Lâm Tăng Bảo truyện« 10 quyển. Năm sau trọ«. lại biên tập »Đông Quốc Cao Tăng truyện« 10 quyển. Niên hiệu Nguyên Lộc thứ 5 TÍNH ĐĨNH (1598-1651) (1692) kế thừa làm pháp tịch đời thứ 5 núi Thiền tăng đời cuối Minh đầu Thanh, họ Hoàng Bá. Thụy là »Đại Viên Quảng Huệ Trần, tự Tượng Nhai, người Phúc Thanh Quốc Sư«, »Phật Trí Thường Chiếu Quốc (Phúc Kiến) Trung Quốc. Sư từng đi chơi Sư«. Hậu thế tôn xưng là Tổ trung hưng chùa Ngô Sơn nghe tụng »Thiền tông phái Hoàng Bá. Tác phẩm: Tẩy Vân tập 10 Chính Mạch« mà ôm ấp chí xuất gia. Đến quyển, Phật Quốc Cao Tuyền Thiền sư ngữ Trường Lạc (Phúc Kiến) theo Thiền sư lục 8 quyển, Sơn Đường Thanh Thoại 3 Thường Hi Phúc xuất gia. Năm 19 tuổi thọ quyển, Đông Độ Chư Tổ truyện 1 quyển, nghiệp với Pháp sư Khắc Dung núi Bách Pháp Hoa Lược tập 1 quyển, Hàn Mặc Trượng. Lần lượt tham vấn các sư Vô Dị Thiền 1

quyển, Cao Tuyền Thiền sư ngữ Nguyên Lai, Mật Vân Viên Ngộ. Lại đến lục 1 quyển, Thích Môn Hiếu truyện 1 Đông Tháp tham kiến Phá Sơn Hải Minh quyển. nối pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế. Lần lượt trụ trì Long Phan Thiền tự, Ngọc TÍNH ĐƯƠNG Phong Thiền Tự, Hoa Nghiêm Thiền tự ở Trừ bỏ, quét sạch. Tiết Ngũ Chi dư, đời huyện Ba (Tứ Xuyên). thứ 3 dưới Đại Giám trong CTTNL q. 2 Tác phẩm: Tượng Nhai Đĩnh Thiền sư ngữ ghi: » lục 4 quyển. Sau khi sư tịch, Đạo Trí soạn – Ở nơi cửa sáu căn nạo gọt, quét sạch hành trạng, Trần Bảo Thược soạn tháp tham ái«. minh. TÍNH KHÔNG ĐẠI SƯ TÍNH ĐÔN (1633-1695) 1. Thụy hiệu của Thiền tăng Hoàn Trung, Thiền tăng đời Thanh, họ Lâm, tự Cao đời Đường. X. Hoàn Trung. Tuyền, hiệu Vân Ngoại, còn gọi là Đàm 2. Thụy hiệu của Thiền tăng Chính Hoa Đạo Nhân, người Phúc Thanh (Phúc Nguyên, đời Đường. X. Chính Nguyên Kiến) Trung Quốc. Năm 13 tuổi xuất gia, lên núi Hoàng Bá theo Thiền sư Huệ Môn TÍNH KHƯỚC Như Bái nối pháp. Niên hiệu Thuận Trị thứ Trừ bỏ, trừ sạch. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: 18 (1661) sư vâng lời Ẩn Nguyên Long Kỳ » sang Nhật Bản, vào chùa Vạn Phúc ở Vũ Trị; chưa bao lâu, sư lại trụ trì chùa Pháp – Tất cả chỗ hiểu biết có sẵn từ

TÍNH OÁNH (1628-1706) trước, thảy đều trừ sạch, ngay cái không Đại, mở hội Thiên Tăng rồi giữ chức Pháp cũng không còn phân biệt, tức là Không hội Đại sư. Năm thứ 5 (1692) trở về núi Như Lai Tạng«. Hoàng Bá ẩn cư tại hiên Cao Thọ. Tác phẩm: Giám Cổ lục 30 quyển, Chi Lâm tập TÍNH OÁNH (1628-1706) 24 quyển. Thiền tăng đời Thanh, họ Trần, tự Độc Trạm, người Bồ Điền (Phúc Kiến) Trung TÍNH SƯ (1624-1688) Quốc. Gia thế theo Nho học, sư một mình Thiền tăng đời Thanh, họ Chu, tự Độc tụng Bát-nhã Tâm kinh mỗi ngày, mọi Hống, người Phúc Châu, Trung Quốc. người trong nhà gọi là »Hòa thượng tử«. Thuở nhỏ sư theo hầu Vân Gian Hoằng Mẹ mất, sư vào chùa Tích Vân xuất gia, Công chùa Gia Phúc. Năm 20 tuổi cùng đọc các ngữ lục chư Tổ mới biết yếu chỉ Vân Giản đến núi Hoàng Bá tham kiến Ẩn tọa thiền. Niên hiệu Thuận Trị thứ 11 Nguyên Long Kỳ. Đời Thanh, niên hiệu (1654) sư theo Ẩn Nguyên Long Kỳ sang Thuận Trị thứ 11 (1654) sư theo Ẩn Nhật Bản. Nhật Bản, niên hiệu Khoan Văn Nguyên sang Nhật Bản, lại theo Ẩn thứ 4 (1664) sáng lập chùa Bảo Lâm trụ trì Nguyên dời sang trụ chùa Vạn Phúc ở Vũ 18 năm, người hỏi đạo rất đông. Niên hiệu Trị, sư được tuyển đảm nhiệm chức Đường Thiên Hòa thứ 2 (1682) sư vâng mệnh ty. Chẳng bao lâu được cử làm Giám viện, thống lãnh phái Hoàng Bá. Niên hiệu ngày đêm nhiếp chúng chăm chăm phò Nguyên Lộc thứ 5 (1692) lui về ở ẩn. Tác giúp giáo hóa. Nhật Bản, niên hiệu Khoan phẩm: Ngữ lục, 30 quyển. Văn thứ 11 (1671) ở núi Ngũ Vân xây cất viện Hán Tùng. Trước khi thị tịch sư để lại TÍNH PHÁI (1631-16992) bài kệ: »Ta là Hống Tỳ-kheo, phò Thầy Thiền tăng đời Thanh, họ Lâm, tự Nam chấn tông phong, hóa duyên nay đã mãn, Nguyên, người Phúc Thanh (Phúc Kiến) an nhiên siêu hư không«. Tác phẩm: Ngũ Trung Quốc. Thuở nhỏ sư vào cửa Vô Vân Biệt tập 4 quyển. Tịnh Chương Công núi Hoàng Bá làm sa- di, lại tham kiến Thiền sư Ẩn Nguyên TÍNH THAO (1611-1684) Long Kỳ theo hầu nhiều năm. Đời Thanh, Thiền tăng đời Thanh, họ Ngô, tự Mộc niên hiệu Thuận Trị thứ 11 (1654) theo Ẩn Am, người Tấn Giang (Phúc Kiến) Trung Nguyên sang Nhật Bản. Nhật Bản, niên Quốc. Sư bẩm tính thông minh hơn người, hiệu

Khoan Văn thứ 8 (1668) sau khai 10 tuổi đã có chí xuất gia, 19 tuổi đến chùa sáng Viện Hoa Tạng sát bên núi Hoàng Bá, Khai Nguyên được Thiền sư Ấn Minh Hòa xây cất Từ Quang Đường. Năm thứ 11 cạo tóc, Đời Minh, niên hiệu Sùng Trinh (1671) Ẩn Nguyên âm thầm phó chúc kệ thứ 8 (1635) sư theo Cổ Sơn Nguyên Hiền tụng, phất tử cho sư. Niên hiệu Diên Bảo thụ giới cụ túc. Sau đó du phương chùa thứ 1 (1673) Ẩn Nguyên tịch, sư biên tập Tiếp Đãi ở Hàng Châu yết kiến Tuyết Quảng Lục và niên phổ cho Thầy mình. Quan tham vấn thiền yếu, sư còn lên núi Niên hiệu Nguyên Lộc thứ 1 (1688) sư Thiên Đồng tham yết Mật Vân. Đời Thanh, trùng hưng Đại Phật điện trong chùa Đông niên hiệu Thuận Trị thứ 4 (1647) sư ẩn cư

TÍNH THỐNG  tại Tử Vân. Năm sau sư đến núi Hoàng Bá Hàng Châu; chùa Hải Hội, chùa Diên Thọ tham kiến Ẩn Nguyên Long Kỳ. Mùa đông ở Thuận Thiên (Bắc Kinh); chùa An Quốc năm thứ 11 (1654) sư hoằng pháp nơi chùa ở Thiệu Vũ (Phúc Kiến), Mẫn Trung Thiền Huệ Minh ở Tượng Sơn, Vĩnh Xuân (Phúc Tự ở Thuận Thiên. Đệ tử nối pháp hơn 20 Kiến). Năm thứ 12 (1655) sư sang Nhật người. Tác phẩm: Minh Giác Thông Thiền Bản ngụ tại chùa Tung Phúc ở Trường Kỳ, sư ngữ lục 16 quyển. rồi vào núi Hoàng Bá ở Sơn Thành, kế thừa Ẩn Nguyên làm pháp tịch đời thứ hai TÍNH THÔNG GIÁC NGỘ  núi Hoàng Bá. Nhật Bản, niên hiệu Diên  (1755-1842) Bảo thứ 2 (1674) một lần nữa trụ trì chùa Thiền tăng đời cuối Lê đầu Nguyễn, thuộc Thụy Thánh ở Giang Hộ, mở Tam Đàn Đại tông Lâm Tế đời thứ 39, nối pháp Hòa Giới, người đến thọ rất đông. Năm thứ 8 thượng Đạo Dụng Đức Quảng. Sư họ (1680) vào mùa Xuân sư lui về ở ẩn Viện Nguyễn tên Giác Ngộ, hiệu Sơn Nhân, quê Tử Vân. Từng làm Thủy tổ khai sơn chùa ở phủ Gia Định, miền Nam Việt Nam. Sư Tượng Sơn ở Tín Châu, chùa Thiên Niên ở trụ trì chùa Bát Nhã ở Long Sơn, là người Tác Châu, chùa Cao Thắng ở Đậu Châu, tịnh tâm tu luyện, tịch cốc hơn 40 năm, chùa Vĩnh Phúc ở Sâm Châu, Nhật Bản. được vua Minh Mạng phong chức Tăng Tháng giêng niên hiệu Trinh Hưởng thứ 1 cang. Sư là người cống hiến nhiều công (1684) sư triệu thỉnh Nam Nhạc Tông sức trong việc khắc in kinh sách vào thời Công phó chúc hậu sự rồi thản nhiên thị đó: tịch. Tác phẩm: Quảng lục 30 quyển, Kinh Vô Lượng Nghĩa do thiền sư Hoàng Bá Mộc Am Thiền sư ngữ lục 10 Toàn Nhựt Quang Đài in lại năm Kỷ Sửu quyển, Mộc Am Thiền sư Đông Lai ngữ lục (1829). 7 quyển, Tử Vân Sơn Thảo 1 quyển, Tượng Hứa Sử Văn truyện là tập thơ chữ nôm Sơn ngữ lục 1 quyển, Tử Vân Khai Sĩ gồm hơn 4.000 câu thơ, Thiền sư Toàn truyện 1 quyển. Nhựt san bổ và khắc in. Đệ tử của sư có nhiều vị nổi danh, trong đó có 3 vị thiền TÍNH THÔNG  (1610-1666) sư: Bảo Thanh, Bảo Tạng, Bảo Chân có Thiền tăng đời Thanh, Trung Quốc, họ nhiều đóng góp trong việc hoằng dương Liên, tự Hám Phác, vua Thế Tổ ban hiệu Phật pháp ở các tỉnh Nam Trung Bộ và »Minh Giác«. Năm 15 tuổi sư xuất gia nơi Đông Nam Bộ. Theo: Thiền sư Việt Nam chùa Thiên Vương, trước sau tham phỏng của HT. Thanh Từ. Bản Huy núi Chi Đề, Đại Vân núi Phổ-đà, Mặc Uyên núi Vũ Lâm, Nguyên Hiền ở TÍNH THỐNG  Vĩnh Giác, Nhĩ Mật ở Đông Sơn, Ngư Thiền tăng đời Thanh, họ Long, hiệu Biệt Đàm ở Ôn Châu, sau đó đến chùa Thái Am, người An Nhạc (Tứ Xuyên) Trung Bình ở Hàng Châu tham kiến Bách Si Quốc. Năm 11 tuổi mất cha, sư theo Tam Hạnh Nguyên, nối pháp làm truyền nhân Sơn Đăng Lai xuất gia; sau khi thụ giới cụ tông Lâm Tế. Lần lượt trụ trì chùa Quán túc, sư yết kiến Hành Sơn Đăng

Bỉnh. Sau Âm, chùa Pháp Hỉ, viện Quảng Phúc ở đó trở về Đăng Lai nối pháp làm truyền

TÍNH TĨNH (1692-1773) nhân tông Lâm Tế. Niên hiệu Khang Hy Hoa, thọ giáo với Hòa thượng Kim Quang thứ 24 (1685) Tam Sơn thị tịch, sư kế thừa Đoan ở chùa Khánh Vân Đại Thiền. Sư ở pháp tịch. Năm sau du Giang Nam, trụ đây 3 năm, vừa công tác vừa tu niệm và chùa Thiên Đồng, Phổ-đà. Năm thứ 28 gắng sức học tập. Năm 25 tuổi sư thụ giới (1689) sư kiêm trụ trì chùa Vĩnh Thọ ở Tỳ-kheo, Bồ Tát. Đông Viên, Vũ Lâm. Năm thứ 30 (1691) Ở Trung Hoa 6 năm, sư xin phép trở về cố biên tập Tục Đăng Chính Thống 42 quyển, quốc. Khi về, sư thỉnh được 300 bộ kinh lại biên tập Phổ-đà Biệt Am Thiền sư luật luận, cả thảy hơn 1.000 quyển. Sư chở Đồng Môn Lục 3 quyển. ba tạng kinh để ở chùa Càn An. Tăng ni trong nước đua nhau đến thỉnh sư truyền TÍNH TĨNH (1692-1773) giới lại. Sư là người mở đầu hoằng dương Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông luật Tứ Phần. Từ đây Phật giáo nước nhà Lâm Tế đời thứ 38, nối pháp Thiền sư Như được trùng hưng rạng rỡ. Kệ thị tịch: Hiện. Sư họ Trần, quê ở Đông Khê, miền Bắc Việt Nam. Sau, sư kế thừa trụ trì ở chùa Nguyệt Quang, giáo hóa thịnh hành »Chí đạo vô ngôn làm rỡ ràng cho tông môn Lâm Tế. Sư chỉ Nhập bất nhị môn chuyên tịnh nhất tâm, mà đã xây dựng lại Pháp môn vô lượng được các ngôi cổ tự, nào Long Động, Phúc Thùy thị hậu côn«. Quang, Quỳnh Lâm. Sư đã từng làm Hòa »Đạo cả không lời thượng Đàn đầu cho 8, 9 giới đàn. Đệ tử Vào cửa chẳng hai lớn của sư có đến 20 vị Đại đức trụ trì. Sư Pháp môn vô lượng hằng giữ luật để bỏ trần về giác, chuyên trì Ai là kẻ sau«. kinh Lăng Nghiêm để thấy tính sáng tâm. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. Từ. TÌNH GIẢI

TÍNH TUYỀN (1674-1744) Tục tình vọng giải. Bích Nham lục q. 1 ghi: Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông » Lâm Tế, đời thứ 39, nối pháp Thiền sư Kim Quang Đoan. Sư họ Huỳnh, quê ở Đa Nhất, Võ Tiên, tỉnh Nam Định, miền Bắc – Nếu tham thấu, thấy triệt, tự nhiên giống Việt Nam. Năm 12 tuổi, sư đến chùa Liên như ăn vị ngon đề-hồ, còn nếu như tình Tông đảnh lễ Thượng sĩ xin thế phát xuất giải chưa dứt liền thấy tinh thần rối loạn, gia, thọ thập giới. Ở đây 6 năm, sư chuyên quyết định chẳng thể biết nói như thế«. cần học tập, siêng năng hầu hạ không lúc nào bê trễ. Khoảng niên hiệu Vĩnh Hựu TÌNH KIẾN (1735-1740), theo lời khuyên của Thượng Tục tình vọng kiến. Bích Nham lục q. 1 sĩ, sư trèo non vượt biển chừng sáu tháng ghi: » đến núi Đảnh Hồ ở Quảng Châu Trung

TỈNH ĐĂNG – Tuyết Đậu – Sư hỏi Trường Sinh: Ngài Duy- sợ người ta chạy theo tình kiến vì thế rút ma quán tưởng Phật, mé trước không đến, hẳn chốt cửa, bày kiến giải của mình, nói: mé sau không đi, hiện tại không dừng trụ. Thôi nhớ nhau, gió mát khắp nơi bao giờ Còn ngươi quán tưởng ra sao? Sinh nói: ngưng«. Xin tha cho Kiểu Nhiên (tên của Trường Sinh Hòa thượng), còn có chỗ nói. Sư bảo: TÌNH NIỆM Tha cho ngươi rồi, ngươi nói ra sao? Sinh Tục tình vọng niệm. Tiết Bạch Dương lặng lẽ hồi lâu. Sư nói: Bảo người nào Pháp Thuận Thiền sư trong NĐHN q. 20 biết? Sinh thưa: Luống công lắng nghe. Sư ghi: » nói: Sớm biết ngươi tìm kế sống trong – Nếu hang quỷ«. đạo niệm giống như tình

niệm thì thành Phật không khó; vì mọi người cũng như vì TÌNH TƯ mình thì đâu còn kia đây«. Dùng tục tình để suy xét. Bích Nham lục q. TÌNH THỨC 1 ghi: »
Tục tình vọng thức. Bích Nham lục q. 1 ghi: »
– Ở đây phải là người – Các nơi thăng chân tham
thật chứng, vừa nghe nêu lên đường, nhập thất nói cái gì? Đều là đem liền thấu xương thấu tủy, thấy thấu suốt tình thức để đoán mò«. mà không rơi vào tình tư ý tưởng«.

TÌNH TRẦN TÌNH TƯỞNG Bụi nhơ của tục tình. Bích Nham lục q. 1 Đem tục tình để suy xét. Bích Nham lục q. ghi: » 1 ghi: »
– Không có những suy tính về tình
– Như lửa đá trần, tất cả đều chặt đứt, sạch trọi trơn. nháng, như ánh điện chớp, chỗ này không Đâu cần phải phân thị phân phi, biện được rơi vào tâm cơ, ý thức, tình tưởng chờ biện mất«. người mở miệng được sao?«. TÌNH TRI TỈNH ĐĂNG Đoán trước, sớm biết. Tiết Huyền Sa Sư Bị Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Mân, Trung Quốc. Sư tham vấn Thiền sư Bảo Phúc Tùng Triển và đắc pháp. Khi ra
hoằng pháp sư ở viện Chiêu Khánh tại Tuyền Châu.
Sư giỏi làm thơ, kệ tụng được truyền bá chốn tùng lâm. Thụy hiệu: Tịnh Tu Thiền sư.

TỈNH HÀNH TỈNH HÀNH (Lâm Nhữ, Hà Nam), lại trụ trì viện Quảng Tên của một cơ sở trong tự viện, nơi an trí Giáo núi Bảo An và viện Bảo Ứng ở các vị tăng nhân bệnh nặng sắp chết. Tiết Thành Hạ (Hà Nam). Khi lâm chung, sư Long Môn Thanh Viễn Thiền sư trong nói kệ: NĐHN q. 19 ghi: » »Thế giới bạch ngân Kim sắc thân
Tình với vô tình đều nhất chân Sáng tối
hết rồi không soi chiếu Vầng dương sau ngọ thấy toàn thân«.
TỈNH TRIỆT
Triệt để tỉnh ngộ. Tiết Thạch Đầu Tự Hồi thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » – Sư từng viết lên vách
Diên Thọ Đường chùa Long Môn như sau: Phật cho phép –
Sư mỗi niệm chẳng rời tâm. Trải người có bệnh phải trị liệu hoặc có chỗ qua thời gian lâu, một hôm nhân chẻ đá, nghỉ ngơi. Những chỗ nghỉ này trong chùa đá khá cứng, sư dùng hết sức giáng xuống có vài tên gọi như: Niết-bàn, thấy pháp một búa, chợt thấy toé lửa, bỗng nhiên triệt thân thường trụ, thấu rõ pháp bất sinh; để tỉnh ngộ.« hoặc gọi là Tỉnh hành nghĩa là biết thân này khi các duyên chống trái đều tuân theoTĨNH CHIẾU (1210-1270) hành khổ, hoặc gọi là Diên Thọ, nghĩa là Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Vô Tượng muốn được thân trí huệ nên gìn giữ sắc Tĩnh Chiếu. Niên hiệu Thuần Hựu thứ 12 thân, kỳ thực khiến người thấu rõ chỗ sinh(1252) sang nhà Tống (Trung Quốc) lên núi Kính Sơn thuộc Dư Hàng, Chiết Giang, tử, mà kiến giải thì nhiều, giác ngộ lại ít. Người bệnh nhẹ vào nhà này, chẳng ép tham học chùa Hưng Thánh Vạn Thọ, nối buộc phải gắng sức, liền có bổ ích.« pháp Thiền sư Thạch Khê Tâm Nguyệt, đời thứ 22 hệ Nam Nhạc, đời thứ 4 tông TỈNH NIỆM (926-993) Lâm Tế Nhật Bản. Niên hiệu Cảnh Định Thiền tăng đời Tống, họ Địch, hiệu Thủ thứ 3 (1262) sau khi trở về nước sư khai Sơn, người Lai Châu (huyện Dịch, Sơn sáng chùa Phật Tâm. Tác phẩm có Hưng Đông)

Trung Quốc. Thuở bé sư xuất gia Thiền ký. nơi chùa Nam Thiền, sau khi thụ giới cụ túc sư đi du phương các tùng lâm, thường TĨNH CƯ TỰ tu hạnh đầu đà, vì tụng kinh Pháp Hoa mỗi Ở núi Thanh Nguyên, cách thành phố Kiết ngày nên người đời gọi là »Niệm Pháp An, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc 15km về Hoa«. Sau tham kiến Thiền sư Phong phía đông nam. Pháp tự của Huệ Năng là Huyệt Diên Chiểu được tâm truyền nối Hành Tư nơi núi Thanh Nguyên cất chùa pháp, làm truyền nhân tông Lâm Tế. Về Tĩnh Cư cùng sáng lập một hệ Thiền sau sư khai pháp tại Thủ Sơn Nhữ Châu Thanh Nguyên. Niên hiệu Trị Bình thứ 3

TỊNH CẦM (1066) đời Tống ban tấm biển »An Ổn »Trước tuy nói kiết, sau gọi hung Tự«. Cuối đời Nguyên chùa bị thiêu hủy, Từ đời Thái Tổ kiêng chẳng tùng cuối đời Minh xây dựng lại thành tùng Vì thế rồng lên làm Phật tử lâm, đặt lại tên »Tĩnh Cư Tự«, tục gọi »Đại Chợt trông chuột hiện lặng vô cùng«. Miếu«. Trên cửa chính có khắc ba chữ Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh »Thanh Nguyên Sơn« do Văn Thiên Từ. Tường viết. Trong miếu Thiên vương điện, Đại hùng điện, Tỳ Lô các đứng đối xứng TỊNH nhau. Trong điện các nhiều văn vật như 4 Và, cùng, liên từ. Vô Môn Quan ghi: » Đại Kim cang, 18 La hán, Bồ tát Quán Aâm, còn có nồi đồng ngàn người ăn, chuông lớn ngàn cân, lư hương trăm cân. ,

– Chỗ ngộ Trên các kiến trúc gỗ của đại miếu điêu của Câu Chi và đồng tử chẳng phải trên khắc chim bay thú chạy sinh động như ngón tay. Nếu ở nơi đây nhận ra được thì sống. Các vị cao tăng trụ trì qua nhiều đời Thiên Long, Câu Chi và đồng tử với chính có Thanh Nguyên Duy Tín, Bản Tịch Chân mình sẽ xỏ cùng một xâu.« Nguyên, Chuyên Ngu Quán Hành, My Am Hành Tú, Tiếu Phong Đại Nhiên. TỊNH BẢO (1609-1675) Thiền tăng đời Thanh, họ Âu Dương, TĨNH LỰC (1112-1175) người đời gọi là »Thiên Ngu Tịnh Trụ Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Thiền sư«, người xứ Kiến Xương (nay là Thông đời thứ 10, nối pháp Thiền sư Đạo huyện Vĩnh Tu tỉnh Giang Tây) Trung Huệ. Sư họ Ngô, tên Trạm, quê ở Cát Quốc. Xuất gia năm 12 tuổi, sư nghe tiếng Lăng, Vũ Bình, miền Bắc Việt Nam. Sư bảng kêu có chỗ tỉnh ngộ, sư đến Biện Sơn vâng lời thầy lên núi cất một am cỏ tên tham yết Cửu Mặc Đại Âm. Sau khi Đại Vương Trì, làng Cương Việt, Vũ Ninh, rồi Âm thị tịch, sư đến núi Bảo Thọ yết kiến trụ trì nơi đây. Trong 12 giờ, sư lễ Phật Thạch Vũ Minh Phương được ấn khả và sám hối, được niệm Phật tam muội Sư nối pháp ngài, thuộc tông Tào Động. Năm thường giảng kinh Viên Giác, nghĩa lý chỗ 1656, sư ở Nam Sơn tại Vũ Hàng khai nào chẳng ổn, đích thân sư cải chính. Bấy pháp. Sư từng trụ các nơi: Hiển Thánh tại giờ sư là người giỏi biện luận, có khả năng Việt Châu (nay là huyện Thiệu Hưng tỉnh sửa chỗ sai lầm của người. Kệ thị tịch: Chiết Giang), Hưng Thiện tại Gia Lạc (nay là Gia Hưng tỉnh Chiết Giang), Tử Vân ở Hàng Châu để hoằng dương thiền pháp làm hưng thịnh Thiền tông. »Tiên tuy ngôn kiết, hậu ngôn hung TỊNH CẦM Tự thị Thái Tổ húy bất tùng Thiền tăng đời Minh, họ Thái, tự Cổ Cầm, Vi ngộ kiến long vi Phật tử, người Kiến Ninh(nay thuộc Phúc Kiến) Hốt tao thử xuất tịch vô cùng«. Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Thọ

TỊNH CHIẾU Đường Tùng, làm truyền nhân Tâm Tế, trụ trung) ghi: » chùa Thụy Nham. TỊNH CHIẾU

– Muôn dặm Hiệu của thiền tăng Huệ Đồng, sống vào không một tấc cỏ, cõi tịnh làm mê hoặc đời Ngũ Đại, do Nam Đường Hậu chủ ban người, tám hướng không một áng mây, trời cho. X: Huệ Đồng quang lừa gạt ông. Tuy là lấy nêm để khử nêm, cũng không ngại nắm lấy hư không TỊNH CHIẾU THIỀN SƯ treo lên hư không, đánh một dùi sau ót, 1. X: Sùng Tín. chớ xem là phương tiện«. 2. Hiệu của thiền tăng Đạo Trăn, đời Tống.

TỊNH ĐẦU TỊNH GIÁC THIỆN TRÌ Hết thảy, đồng loạt. Tiết Dược Sơn Hòa (?-1785) thượng trong TĐT q. 4 ghi: » Thiền tăng đời Lê trung hưng, húy Tính – Sư bảo: Ngươi Ban, hiệu là Mộc Y Sơn Ông, thường được tới lui là vì ai? Đáp rằng: Thay y tới lui. gọi là »Ông Núi« hay »Ông Núi mặc áo vỏ Sư bảo: Sao chẳng dạy y cùng đi.« cây« (Mộc Y Sơn Ông), tên là Lê Ban, người Trung Hoa. Năm Nhâm Ngọ (1702) TỊNH ĐẦU thời chúa Nguyễn Phúc Chu, sư đến núi Còn gọi: Thanh đầu, Trì đầu. Trong thiền Linh Phong ở vùng biển Phương Phi, lâm, đây là chức vụ quét dọn nhà vệ sinh. Phương Thái, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Người làm nhiệm vụ này là do tự nguyện. Định, lập am tranh tu hành, đặt tên chùa là Nếu không có người phát tâm, thì mỗi Dũng Tuyền. Năm Quý Sửu (1733), chúa người trong chúng theo giới lạp mà tuần tự Nguyễn Phúc Trú (1726-1738) nghe danh, làm việc này. Điều Lệ Chức Tạp Vụ, quý trọng sư là một thiền sư chân chính chương Lưỡng Tự trong Sắc Tu Bách nên ra lệnh xây cất chùa Dũng Tuyền lại Trượng Thanh Quy (Đại 48, 1133 thượng) thành một ngôi chùa lớn, đặt tên chùa là ghi: » »Linh Phong Thiền Tự«, lại ban cho tấm – Tịnh hoành có viết bốn chữ như trên và ban cho đầu quét dọn, khử uế, chùi rửa nhà vệ sinh, câu đối, ban cho sư hiệu »Tịnh Giác Thiện thêm nước nóng hoặc pha nước lạnh; cần Trì Đại Lão Thiền sư«. Năm Tân Dậu phải làm cho đúng lúc«. (1741), chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát sắc triệu sư về đô thành Phú Xuân TỊNH ĐỊA MÊ NHÂN tham vấn Phật Pháp rồi ban cho sư ca-sa có Cõi tịnh làm mê hoặc người. Nghĩa là dù móc vàng, vòng ngọc. Sư thị tịch vào thời đạt đến cảnh giới thanh thanh tịnh tịnh, Tây Sơn, đồ chúng lập tháp thờ ở bên phải song nếu mãi ở trong đó thì bị nó làm mê chùa Linh Phong. Theo: LSPGĐT của hoặc. Tắc 46, Thung Dung lục (Đại 48, 256 Nguyễn Hiền Đức.

TỊNH KHẢI (?-1674) TỊNH GIỚI Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh 1. Thiền tăng cuối đời Lý (?-1207) tên Chu Từ. Hải Ngung, quê Mão Hương, Ngung 2. Thiền tăng đời Minh, họ Vương, tự Định Giang, Lô Hải (nay thuộc tỉnh Thanh Hoá), Nham, hiệu Huyễn Cư, người xứ Nam miền Bắc Việt Nam. Tính tình thuần hậu, Tầm (nay là huyện Hồ Châu, tỉnh Chiết thuở bé theo học Nho. Năm 26 tuổi sư xuất Giang) Trung Quốc. Sư xuất gia ở viện gia, được thụ giới cụ túc và chuyên nghiên Chủng Phúc rồi đi các chùa: Thiên Trúc, cứu về Lục tạng. Trải qua 7 năm tham học Hổ Bào, Linh Cốc để tham lễ các bậc danh sư gặp được Thiền sư Bảo Giác ở chùa sư. Sau đó, sư nhận chức Tả giác nghĩa ở Viên Minh, qua một câu nói, sư liền khế Tăng lục ty rồi chuyển sang chức Tả giảng hội, nối pháp Ngài, thuộc đời thứ 10, dòng kinh. Vua ban cho sư hiệu »Huệ Tế Thiền Vô Ngôn Thông. Kệ thị tịch: sư«. Sư có Ngữ lục lưu hành ở đời. TỊNH GIỚI ĐẠI SƯ Hiệu của thiền tăng Nham Tuấn, sống vào đời Ngũ Đại. X: Nham Tuấn.

TỊNH HUỆ ĐẠI SƯ Hiệu của thiền tăng Văn Ích sống vào đời Ngũ Đại. X: Văn Ích. TỊNH HUỆ THIỀN TỰ »Thử thời thuyết đạo hãn tri âm X: Lục Dung tự. Chỉ vị như tư tán đạo tâm Hề tợ Tử Kỳ đa sảng sấm TỊNH KHẢI (?-1674) Thính lai nhất đạt Bá Nha cầm Thiền tăng đời Minh, họ Trần, người đời gọi là »Diệp Hiệp Tịnh Khải Thiền sư«, Thu lai lương khí sảng hung khâm người xứ Tiền Đường (nay là Hàng Châu) Bát đấu tài cao đối nguyệt ngâm Trung Quốc. Gia đình sư 5 đời theo nghiệp Kham tiếu thiền gia si độn khách, Nho, thuở bé sư làm chư sinh. Khi nhà Vi hà tương ngữ dĩ truyền tâm?«. Thanh lên ngôi, sư nương Hòa thượng »Thời nay giảng đạo hiếm tri âm, Thạch Vũ xuất gia, sau đó tham yết Tam Chỉ bởi vì người mất đạo tâm Nghi Minh Vu ở Vân Môn, có chỗ tỉnh Nào khác Tử Kỳ, giỏi nghe nhạc ngộ, được nối pháp ngài, thuộc tông Tào Nghe qua đã suốt Bá Nha đàn Động. Sư trụ trì chùa Đa Phúc tại Phụng Sơn Thiều Khê hơn 20 năm, hoằng dương Thu về mát mẻ thích trong lòng thiền phong. Sư trứ thuật rất phong phú, Tài ngang Tào Thực dưới trăng ngâm hay thơ giỏi văn viết chữ khắc dấu cũng Cửa thiền những thẹn người si độn khéo. Sao đem lời lẽ để truyền tâm«.

TỊNH KHÔNG (1091-1170) TỊNH KHÔNG (1091-1170) Tợ rồng vẫy đớp mồi«. Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Thông đời thứ 10, nối pháp Thiền sư Đạo Từ. Huệ. Sư họ Ngô, quê ở Phúc Xuyên (tức huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc ngày TỊNH LÕA LÕA nay). Ban đầu đến viện Sùng Phúc trong Còn gọi: Xích lõa lõa, Xích sái sái. Sạch bản châu xuất gia và thụ giới cụ túc. Năm trọi trơn. Chỉ cho buông bỏ mọi việc, thân 30 tuổi, sư đi hành cước phương Nam đến tâm tự tại, thiên chân sáng chói, không còn chùa Khai quốc, phủ Thiên Đức dừng lại mảy may tình trần. Cũng chính là nghĩa: trụ trì. Khoảng 5, 6 năm sư chuyên tu hạnh Toàn chân lộ hiện, thoát thể hiện thành, đầu đà. Ngoài bữa mè, bữa mạch hàng hiện thành công án. Tắc 31, Thung Dung ngày, sư ngồi hoài không ngủ. Mỗi khi sư lục (Đại 48, 248 thượng) ghi: » nhập định đến nhiều ngày mới xuất. Sau đó, sư đến tham vấn Thiền sư Đạo Huệ ở núi Tiên Du, sư hỏi ngài rằng: – Một luồng ánh sáng linh — Nơi này có tông chỉ Thiền tông chăng? diệu (Trên chống trời, dưới chỏi đất) Đầu — Đạo Huệ đáp: tiên không che đậy (sạch trọi trơn, trần — Nơi đây tông chỉ chẳng phải không, trùng trục), vượt khỏi cái thấy tầm thường, nhưng Xà-lê làm sao đảm nhận? phải mà chẳng phải«. Sư suy nghĩ trả lời. Đạo Huệ nạt: — Ngay trước mặt đã lầm qua rồi! TỊNH LUÂN (1427-?) Sư liền lãnh hội yếu chỉ và ở lại đây hầu hạ Thiền tăng đời Minh, họ Khang, tự Đại thầy 3 năm, nối pháp Đạo Huệ, thuộc đời Nguy, hiệu Trúc Thất, người Côn Minh thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông. Kệ dạy (Vân Nam) Trung Quốc. Niên hiệu Chính chúng: Thống thứ 5 (1440) sư xuất gia với Hòa thượng Vô Cực chùa Phật Nghiêm núi Thái Hoa. Niên hiệu Thiên Thuận thứ 7 (1463) tham kiến Thiền sư Cô Đình Thiện »Thượng vô phiến ngõa giá Kiên ở Phù Sơn được ấn chứng làm truyền Hạ vô trác chùy địa nhân tông Lâm Tế. Niên hiệu Thành Hóa Hoặc dịch phục trực nghệ thứ 1 (1465) sư xây cất Vạn Phúc Thiền Hoặc sách trượng nhi chí Tự nơi Kinh Đô, tiếng tăm vang dội, đạo Chuyển động xúc xứ gian phong lẫy lừng. Về già lui về ở Trúc Thất, Tợ long dước thôn nhĩ«. Tây Hiên, đóng cửa đọc sách. Tác phẩm:

»Trên không miếng ngói che Trúc Thất tập và Ngữ lục truyền lại đời Dưới không đất cắm dùi sau. Hoặc đổi áo thẳng đến Hoặc xách trượng mà đi TỊNH LỮ (1607-1669) Khoảng chuyển động xúc chạm Thiền tăng đời Thanh, họ Trương, người đời gọi Sư là »Bạn Ngã Tịnh Lữ Thiền

TỊNH NỘT (1610-1673) sư«, người xứ Đức Thanh Hồ Châu (nay Nguyện hết sức mang đá giã gạo, phục vụ thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. đại chúng mà thôi. Ngài làm việc nặng Trước khi xuất gia, sư đã từng đến Biện nhọc như thế bên cái cối, dẫn đầu bọn tịnh Sơn ra mắt ngài Thụy Bạch Minh Tuyết, nhân«. có ngộ, Minh Tuyết đặt pháp danh cho sư Theo câu chuyện này, Huệ Năng khi còn ở và tặng kệ rằng: trong pháp hội của Tổ Hoằng Nhẫn chưa chính thức xuất gia thụ giới, chẳng hạn như trong câu ý nói Huệ Năng cùng bọn »Bạn ngã (bạn ta) không ai khác tịnh nhân giã gạo. Tịnh lữ (bạn tu) cũng không người Hội được ý trong ấy TỊNH NHÂN TỰ Cá vàng lội trên vách«. Ở thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam, Sau đó Minh Tuyết trụ núi Bách Trượng Trung Quốc. Niên hiệu Hoàng Hựu thứ 1 cho đến khi thị tịch, sư theo lời phó chúc (1049) đời Tống, Nội thị Lý Doãn Ninh lặng lẽ rước khám ngài đến Biện Sơn, rồi phá bỏ nhà mà xây chùa. Vua Nhân Tông sư ở trước khám ngài cạo tóc, thụ giới cụ ban cho tấm biển »Thập Phương Tịnh túc, nối pháp ngài, thuộc tông Tào Động. Nhân Tự«. Khi ấy Khai Phong là thủ đô, Sau đó, sư kế tục chủ trì pháp hội Biện Sơn chỉ tu theo Nam Sơn Luật tông, vì Thiên Thai tông, Thiền tông chưa hưng thịnh, TỊNH NGỘ vua nghe tiếng tăm Cư Nột (Thiền sư Tổ Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư từng đến núi Ấn) bèn mời Cư Nột trụ tích bản tự. Cư Bàn Long thuộc Viên Châu (nay là huyện Nột cáo bệnh không ra, tiến cử Hoài Liên Nghi Xuân tỉnh Giang Tây) theo học với trụ trì, thiền phong ở Kinh sư hưng thịnh Thiền sư Khả Văn và nối pháp ngài. Khi ra ngay. hoằng pháp sư trụ chùa Vĩnh An ở Lô Sơn, thông kinh điển giỏi văn chương, khéo TỊNH NỘT (1610-1673) ngâm thơ, có thi tập lưu hành ở đời. Thiền tăng đời Thanh, họ Vương, hiệu Thả Chuyết, người đời gọi là »Vân Tông Tịnh TỊNH NGỘ THIỀN SƯ Nột Thiền sư«, người An Nhân, Hành Thụy hiệu của thiền tăng Thiện Tĩnh. X: Châu (Hồ Nam) Trung Quốc. Thuở nhỏ Thiện Tĩnh. cha mẹ đều mất, vào chùa thấy tượng Phật mà cảm ngộ xuất gia. Năm 26 sư tuổi thụ TỊNH NHÂN giới cụ túc tại núi Kinh Tử thuộc Hành Người chưa xuất gia làm việc lặt vặt ở Sơn. Lại đến Tịnh Sơn Hồ Châu (Chiết trong chùa. Huệ Năng truyện trong TCTT Giang) tham kiến Thụy Bạch Minh Tuyết, q. 8 ghi: » ngay dưới lời sư được tỏ ngộ, nối pháp làm truyền nhân tông Tào Động. Ban đầu khai pháp ở núi Đại Nghĩa, sau đáp ứng lời – (Hoằng Nhẫn) hỏi: thỉnh của tăng chúng, sư trụ trì Tịnh Sơn. Ngươi làm công đức gì? (Huệ Năng) đáp: Tác phẩm: Bảo Cảnh Tam Muội Nguyên

TỊNH OÁNH (1612-1672) Tông Biện Mậu Thuyết 1 quyển. tiếng của sư truyền khắp thiên hạ, thiền tăng bốn phương tìm đến. Sư ở chùa Bạch TỊNH OÁNH (1612-1672) Nham khai đường thuyết pháp 30 năm, Thiền tăng đời Thanh, họ Trang, tự hoằng dương thiền phong, giáo hóa được Nguyên Khiết, hiệu Mục Đường, người đời rất nhiều kẻ mê lầm. Sư truyền pháp cho gọi là »Nguyên Khiết Tịnh Oánh Thiền Hương Mộc Trí Đàn rồi tịch. Tác phẩm: sư«, người xứ Giang Đô (nay thuộc Giang Nhân Thiền Nhãn

Mục Khảo 1 quyển, Tô) Trung Quốc. Xuất gia năm 20 tuổi, Tụng Cổ Trích Châu 1 quyển, Tông Môn qua năm sau sư đến viện Báo Ân ở Hàng Niêm Cổ Vựng tập 45 quyển. Châu ra mắt Thụy Bạch Minh Tuyết. Năm 24 tuổi, sư theo ngài Minh Tuyết dời sang TỊNH PHỦ (? – 1660) chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai, thụ giới cụ Thiền tăng đời Thanh, họ Lữ, người đời túc, rồi được ấn khả nối pháp ngài, thuộc gọi sư là »Tam Tật Tịnh Phủ Thiền Sư; tông Tào Động. Năm 1653, sư trụ chùa A- người Thiệu Hưng (nay thuộc Chiết Giang) nậu rồi kế tiếp trụ các chùa: Thượng Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Tam Phương, Long Hoa, Thê Linh, Vô Trụ, Từ Tuyên Minh Vu, làm truyền nhân tông Tào Vân, Vân Môn Hiển Khánh. Thiên Thai Động, trụ chùa Thanh Lương ở Ngô Hưng Hộ Quốc. Tác phẩm: Nguyên Khiết Oánh (nay là Hồ Châu, Chiết Giang). Thiền sư ngữ lục 10 quyển. TỊNH QUÁN THIỀN TỊNH PHÙ Thiền của Giáo môn, gồm 3 loại: Chỉ, Thiền tăng đời Thanh, họ Lưu, hiệu Vị Quán và Thiền. Trung, người xứ Lô Lăng (nay là huyện 1. Sa-ma-tha (Chỉ): Bồ Tát tu pháp cực Cát An tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. Ban tịnh, do sức tịnh được dứt hẳn phiền não, đầu, sư đến Biện Sơn tham vấn Thụy Bạch thành tựu rốt ráo nên chẳng rời chỗ liền Minh Tuyết, chẳng khế hợp. Sư trở về vào Niết-bàn. làng, chợt thấy chim bay mỏ ngậm quả lê 2. Tam-ma-bát đề (Quán): Bồ Tát tu pháp làm rơi xuống đất, hoát nhiên có ngộ. Sư quán như huyễn, dùng sức Phật tính biến còn đến núi Bảo Thọ tham vấn Thạch Vũ hóa thế giới và đủ thứ tác dụng để thực Minh Phương, trình bày chỗ ngộ của mình hành diệu hạnh trong sạch của Bồ Tát, nơi với ngài, được ấn khả, nối pháp ngài, thuộc pháp tổng trì chẳng lạc mất tịch niệm và tông Tào Động. Năm 1641, do ưa thích vẻ tịnh huệ. đẹp u nhã của non nước Chiết Giang nên 3. Thiền-na (Thiền): Bồ Tát chuyên diệt khi ra hoằng pháp sư trụ chùa Bạch Nham các huyễn, chẳng cần tác dụng mà tự dứt ở Tiền Đường; trong khoảng vài năm nơi phiền não. Khi phiền não dứt sạch, liền đây trở thành một đại tòng lâm. Năm 1667, chứng thật tướng. sư soạn »Pháp Môn Sừ Quỹ«. Năm 1672, Theo: Kinh Viên Giác. sư soạn »Tổ Đăng Đại Thống« để tu chính các sai lầm về hệ thống truyền thừa của TỊNH TÀI chư Tổ. Khi 2 quyển sách này ra đời, danh Của cải vật chất của thí chủ cúng vào chùa.

TỊNH THÔNG (1591-1647) Động Sơn ngữ lục ghi: » TỊNH THIỀN (1121-1193) – Có một Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Tỳ-ni-đa- vị quan thiết trai, bố thí tịnh tài, thỉnh sư lưu-chi, đời thứ17, nối pháp Thiền sư Đạo đọc tụng kinh«. Lâm. Sư họ Phí tên Hoàn, quê ở làng Cổ Giao, quận Long Biên, miền Bắc Việt TỊNH TẠNG THIỀN SƯ THÁP Nam. Lúc đầu, sư cùng bạn đồng học là Tịnh Không thờ Thiền sư Đạo Lâm chùa Nằm phía tây sơn môn, chùa Hội Thiện, Long Vân làm thầy. Hàng ngày hai người cách trung tâm huyện Đăng Phong, tỉnh Hà cùng dùi mài nghiên cứu đạt đến huyền chỉ Nam, Trung Quốc 6km về phía tây bắc. Thiền tông. Đạo Lâm biết sư là pháp khí, Thiền sư Tịnh Tạng tịch tại chùa Hội ban cho pháp hiệu là Tịnh Thiền và ấn Thiện vào niên hiệu thiên Bảo thứ 5 (746) chứng rằng: Tịnh là trí tịnh tròn mầu, đời Đường, xây tháp bên phải chùa. Tháp Thiền là tâm thiền lặng lẽ. Và sư nối pháp gạch hình bát giác, một tầng mái chồng, ngài cao 9m. Nền tháp, thân tháp, đỉnh tháp đại Đạo Lâm qua đời, sư mới dạo khắp các thể đều chiếm 1/3. Cửa tháp hình cuốn tò thiền hội, tìm bạn đạo và học hỏi thêm. vò, trong cửa xây thất ở giữa hình bát

giác. Đạo duyên thuần thục, sư về quê nhà trùng Các mặt thân tháp đều có xây những cửa tu ngôi chùa Long Hoa rồi trụ trì tại đây. giả, phần điêu khắc cơ hồ phỏng theo kiểu Văn bia nơi tháp sư: kết cấu gỗ, đều là thủ pháp đời Đường, là »Sư sinh đồng thời họ Lý trị đời hiện vật tư liệu cung cấp cho việc nghiên Sáu độ đâu quên, tứ hoằng nào bỏ cứu nghệ thuật kiến trúc kết cấu gỗ đời Chỗ uống trà là chỗ thập phương thí chủ Đường. Tháp đời Đường phần lớn hình dồn về vuông, hình bát giác rất ít. Tháp này là Khi chống tích bốn bộ học đồ quy tụ tháp hình bát giác có sớm nhất hiện còn ở Thần thông khó lường, huyền dụng khôn Trung Quốc. xét Tự chẳng đến trường Phật giác thì đâu thể TỊNH TẨY NÙNG TRANG nêu cao thắng nghiệp Thực là vầng trăng báu trong bầu trời, là Rửa sạch phấn son. Thiền tông mượn từ hoa pháp của linh hồn xóm làng…« này để chỉ cho phụng vị trong năm vị công Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh huân của Động Sơn. Động Thượng Cổ Từ. Triệt, q. thượng (Vạn Tục 125, 358 hạ) ghi: TỊNH THÔNG (1591-1647) Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu đời Thanh, họ Lý, người đời gọi là »Cô »Tịnh tẩy nùng trang vi a thùy? Nhai Tịnh Thông Thiền sư«, người xứ Đức Tử quy thinh lý khuyến nhân quy«. An (nay thuộc tỉnh Giang Tây) Trung »Phấn son rửa sạch là ai? Quốc. Sư tham vấn ngài Thụy Bạch Minh Đỗ quyên khắc khoải gọi người về quê«. Tuyết đắc ngộ, nối pháp ngài, thuộc tông

TỊNH TRỤ (1601-1654) Tào Động. Sư có phong thái trang nghiêm, »Huệ Nhật Vĩnh Minh Viện«. Đầu niên từ tâm tiếp vật. Ban đầu sư trụ Lô Sơn, hiệu Kiến Long (960-963) đời Tống Thiền suốt 18 năm chân không bước ra khỏi cổng sư Diên Thọ từ chùa Linh Ẩn đến đây xây chùa, hoằng dương thiền phong bằng hết cất Tông Cảnh đường, vua Tống Thái sức mình. Về sau, sư trụ chùa Tân Xương Tông ban tên »Thọ An Thiền Viện«, Tô Động Sơn ở Thụy Châu (nay là huyện Cao Đông Pha có làm thơ vịnh chùa này: An, tỉnh Giang Tây). »Ngọa văn Thiền lão nhập Nam Sơn, tịnh tảo thanh phong ngũ bách gian« (Nằm TỊNH TRỤ (1601-1654) nghe Thiền lão vào Nam Sơn, gió mát quét Thiền tăng cuối đời Minh, đầu đời Thanh, sạch năm trăm gian). Sau đó chùa bị chiến họ Trần, hiệu Viễn Môn, người đời gọi là tranh phá hủy. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 9 »Viễn Môn Tịnh Trụ Thiền sư«, người (1139) đời Tống xây dựng lại, đổi tên là Long Khê (Phúc Kiến) Trung Quốc. Từ »Tịnh Từ Báo Aân Quang Hiếu Thiền Tự«, nhỏ sư đã thích Phật điển, không ưa thế năm thứ 19 (1149) lại đổi tên là »Tịnh Từ tục. Sau khi xuất gia thụ giới cụ túc, nhân Thiền Tự«. Vào đời Tống Thiền sư Đạo Tế đọc Đăng sử có sự cảm ngộ bèn đến chùa từng ở chùa này. Vào khoảng niên hiệu Viên Thông yết kiến Giác Lãng Đạo Hồng Vũ (1368-1398) đời Minh bị hủy, Thạnh, lại đến Thúy Nham tham kiến Ngọ Đại sư Pháp Tịnh xây dựng lại. Niên hiệu Tinh Tịnh Quýnh có chỗ tỉnh ngộ. Sau đó Chính Thống (1436-1449) lại bị hủy, Đại đến núi Bảo Thọ, Dư Hàng (Chiết Giang) sư Tông Diệu lại xây dựng lại. Niên hiệu tham kiến Thạch Vũ Minh Phương nhận Khang Hy thứ 38 (1699) đời Thanh chùa được yếu chỉ, liền nối pháp làm truyền được tu sửa lớn, ban tên »Sắc Kiến Tịnh nhân tông Tào Động. Ban đầu sư khai Từ Thiền Tự«, đến nay vẫn còn. Trong đường tại chùa Long Đường, Hàng Châu, chùa còn có một đại đồng chung nặng 20 về sau kế thừa pháp tịch núi Bảo Thọ. Sư tấn được đúc bằng đồng vào niên hiệu có biên tập Ngũ Đăng Hội Nguyên Tục Hồng Vũ thứ 10 (1377) đời Minh, mỗi khi Lược 8 quyển. chiều xuống tiếng chuông vang vọng trong khói lam sương mù. Chùa

Tịnh Từ nổi TỊNH TU THIỀN SƯ tiếng cũng là nhờ có Phật sống Tế Công ở Thụy hiệu của thiền tăng Tỉnh Đăng sống trong chùa này, trong chùa có tượng khắc vào đời Ngũ Đại. X: Tỉnh Đăng Phật sống Tế Công, phía đông chùa có »Thần Vận Tỉnh«, liên quan đến truyền TỊNH TỪ TỰ thuyết Tế Công vận chuyển gỗ cất chùa. Nằm dưới ngọn Huệ Nhật, núi Nam Bình, phía nam Tây Hồ, thành phố Hàng Châu, TỊNH TỪ TỰ CHÍ tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, là một trong Chí, 28 quyển, do Tế Tường soạn vào đời bốn đại cổ sát ở Hồ Tây. Niên hiệu Hiển Thanh, được xếp vào Trung Quốc Phật Tự Đức thứ 1 (954) đời Hậu Chu, Ngũ Đại, Sử Chí Vựng San tập 1. Chùa Tịnh Từ Ngô Việt Vương Tiền Thúc vì Thiền sư từng được gọi là ngôi chùa đứng nhất Tây Vĩnh Minh mà xây dựng, nguyên tên là Hồ. Vào khoảng niên hiệu Thiên Khải

TỌA ĐOẠN (1621-1627) đời Minh, có vị tăng ở chùa – Không có nhà nào đáng ở, này tên Đại Hách biên tập »Tịnh Từ Tự không có đời nào đáng hưng.« Chí« 10 quyển. Đầu niên hiệu Càn Long 2. Ở vào, nằm ở. Lục Tổ Đại sư Pháp Bảo (1736), Triện Ngọc biên tập lại Chí này, Đàn Kinh lược tự trong Toàn Đường Văn chỉ có vài mươi hạng mục. Trong niên hiệu q. 915 ghi: » Gia Khánh (1796-1820), Tế Tường khảo – Phần mộ của cao tổ ta đều nằm ở đất cứu nhiều sách vở, sưu tập nhiều tư liệu, này.« soạn riêng tân chí, nội dung gồm 12 loại: Hưng kiến, Chi viện, Tự sản, Trụ trì, Pháp TỌA CHỦ tự, Tháp viện, Sơn thủy, Viên đình, Cổ Có 2 nghĩa: tích, Nghệ văn, Tạp ký, Ngoại kỷ. 1. Người chỉ đạo, Trụ trì một tự viện. 2. Trong thiền viện, thường gọi Tọa chủ là TỊNH XÁN (1600-1658) vị tăng giảng kinh từ phương xa đến tham Thiền tăng sống vào cuối đời Minh-đầu vấn. Chương Giang Tây Đạo Nhất Thiền đời Thanh, họ Chu, hiệu Phiên Quang, sư trong CĐTĐL q. 6 ghi: » người đời gọi sư là »Phiên Quang Tịnh Xán Thiền sư«, người xứ Kim Lăng (nay là – Có một vị Nam Kinh) Trung Quốc. Lúc trẻ làm đạo tăng giảng kinh đến hỏi sư: Chẳng biết sĩ, sau chuyển hướng theo Phật, xuất gia, Thiền tông truyền dạy pháp gì? Sư hỏi đến tham học nơi ngài Thụy Bạch Minh ngược lại: Tọa chủ truyền dạy pháp gì?«. Tuyết. Một hôm chợt nghe tiếng trái cây 3. Ở Nhật Bản, chỉ cho người chủ quản rơi xuống mái ngói, sư liền ngộ, được ngài một chùa lớn, thông thường do chính phủ ấn khả cho nối pháp, thuộc tông Tào Động. bổ nhiệm. Năm 1646, sư kế tục trụ Biện Sơn. Về già, trụ trì chùa Kim Sơn, Tô Châu, sau đó làm TỌA ĐỊA vị Trụ trì đời thứ 5 của chùa Hoa Lâm. Đệ Ngồi. Vân Môn quảng lục q. thượng ghi: tử nối pháp sư hơn 20 người. » TỊNH VỨC – Lão trọc ở Chỗ thanh tịnh, ý nói cửa Phật, chùa chiền. các nơi ngồi pháp tòa, cầu danh cầu lợi, Huyền Tế truyện trong TCTT q. 9 ghi: » hỏi Phật đáp Phật, hỏi Tổ đáp Tổ chính là đi ỉa đi đái«. – Thuở bé sư đã mong mỏi những điều cao thượng, tìm về cửa Phật, TỌA ĐOẠN cha mẹ thuận cho sư xuất gia nương chốn Còn gọi: Tọa phá, Tiệt đoạn, Tiệt trừ. Là chùa chiền«. quét sạch, cắt đứt. Lâm Tế Nghĩa Huyền Thiền sư ngữ lục (Đại 47, 479 hạ) ghi: » TỌA – Quét sạch báo thân 1. Ở, cư trú. Tiết Cửu Phong Kiền thị giả Phật và hóa thân Phật«. trong NĐHN q. 6 ghi: » Tắc 32, Bích Nham lục (Đại 48, 171 trung)

TỌA ĐOẠN THIÊN HẠ NHÂN THIỆT ĐẦU ghi: » – Việc thông minh linh lợi tạm – Mười phương quét gác lại, câu làm líu

lưỡi người đời thì làm sạch ngàn mắt liền mở, một câu có tác sao nói đây.« dụng chặt đứt tất cả tâm phân biệt vọng tưởng, chấm dứt muôn ngàn tính toán«. TỌA KHƯỚC Ngoài ra, chữ »Tọa« còn có nghĩa »Tỏa«. Chặt đứt, quét sạch, ngăn chận. Tiết La Hình dung ngăn chặn lời nói vô dụng của Hán Quế Sâm Thiền sư trong NĐHN q. 8 người khác, chẳng cho nói bất cứ lời nào, ghi: » gọi là »Tọa đoạn thiệt đầu«. Miêu tả không cho bất cứ ai phát biểu một lời, gọi là »Tọa – Bịt mắt ngươi đoạn thiên hạ nhân thiệt đầu«. Tắc 13, Bích lại, khiến ngươi nhìn mà chẳng thấy; bịt Nham lục (Đại 48, 153) ghi: » tai ngươi lại, khiến ngươi lắng mà chẳng nghe; ngăn chận ý của ngươi khiến ngươi – Việc thông minh lanh lợi tạm không còn phân biệt.« gác lại, câu làm líu lưỡi mọi người trong thiên hạ, thì làm sao nói đây?«. TỌA THAM Lại, hình dung ngăn chặn cửa sông trọng Có 2 nghĩa: yếu từ bờ này (phàm) sang bờ kia (Thánh), 1. Tức ngồi thiền trước khi tham, cũng là cũng tức là biểu thị đoạn tuyệt quan hệ đối ngồi thiền lúc xế trưa (từ 2-4 giờ sau giờ đãi: Phàm Thánh, chúng sinh Phật, mê Ngọ). Trong lúc chờ đợi tiểu tham và Vãn ngộ, tu chứng, gọi là »Tọa đoạn yếu tân bất tham, mỗi ngày ở nơi Tăng đường ngồi thông phàm thánh«. Phần Giáp chú, tắc 52, thiền lắng tâm gọi là Tọa tham. Điều Tọa Bích Nham lục (Đại 48, 187 trung) ghi: Tham trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh » Quy q. 6 (Đại 48, 1143 trung) ghi: » – Quét sạch địa vị không còn phàm thánh, hạng thiền sinh tầm thường không đáng hỏi đến«. Theo: PQĐTĐ của – Bởi ngày xưa mỗi chiều nhóm Từ Di. phải tham kiến Trụ trì cầu khai thị, nên đại chúng tụ hội lại ngồi chờ đến giờ tham TỌA ĐOẠN THIÊN HẠ NHÂN vấn, gọi đó là tọa tham«. THIỆT ĐẦU 2. Tọa tham: Chỉ cho việc đi các nơi tham thiền. Làm líu lưỡi người đời. Ý nói chặt đứt con — Tọa tham bài: Tấm thẻ treo trước Tăng đường suy nghĩ, ngăn chận lời nói của đường, trước liêu của đại chúng trong lúc người đời, khiến họ không còn cách nào tọa tham. phát sinh vọng tưởng phân biệt, Không thể dùng lời nói để hiểu rõ và giải thích. Đây TỌA THANG là lời khen đối với cơ phong kiệt xuất, lạ Tắm nước nóng. Có lớn nhỏ khác biệt: lùng. Bích Nham lục tắc 13 ghi: — Khố ty mời cả đại chúng trong chùa tắm nước nóng vào 4 tiết trong năm, gọi là Đại

TOÀN KHÁNH tọa thang.-Vào cuối Hạ, bày ra cho mọi người chấp dịch trong hạ tắm nước nóng, gọi là Tiểu tọa thang. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. – Giáo chia ra ba tạng, chỉ thẳng nhất tâm. Hoặc TỌA THIỀN nêu ra triệt để mà bày ra đánh và hét, hoặc Phương thức tu hành của tăng nhân, ngôi túng đoạt mà đặt ra chủ khách. Hoặc vỗ kiết già tĩnh tâm tư duy. Tiết Nam Nhạc kiếm Kim Cang, hoặc sư tử chuyển mình. Hoài Nhượng trong NĐHN q. 3 ghi: Hoặc chiếu dụng như sấm rền, hoặc cơ phong như chớp giật. Tất cả đều nhằm trừ – Trong niên sạch tà vọng, mở rộng huyền vi, liền đó hiệu Khai Nguyên có sa môn Đạo Nhất, thấu rõ tông, đến được chỗ chân thật«. tức là Mã Tổ, ở núi Hành Nhạc thường tập tọa thiền.« TOÀN ĐỀ CHÍNH LỆNH Sự gợi ý hoàn toàn triệt để, giáo pháp TOÀN CƠ chính tông bản sắc, chỉ cách truyền trao Toàn bộ việc quán chiếu và cơ phong nắm

tâm ấn đặc biệt của nhà thiền. Vô Môn lấy thật tướng của sự vật, là thiền cơ thật Quan ghi: » sự có bản sắc. Bích Nham lục q. 1 ghi: » – Công án ›Con chó có Phật tính‹ là sự gợi ý hoàn toàn triệt để, giáo pháp chính tông bản – Nếu sắc, vừa dính vào hữu vô liền vùi thây mất muốn thấy toàn cơ của người khác, thì chỉ mạng.« có kẻ cương quyết răng như kiếm bén, miệng tợ chậu máu, ở ngoài lời nói mà TOÀN ĐỀ NHẤT CÚ kiến tính, mới có ít phần tương ưng.« Lời nói gợi ý thiền pháp hoàn toàn triệt để. Đây là lời nói siêu việt ngôn ngữ nghĩa lý. TOÀN ĐỀ Tiết Cổ Sơn An Vĩnh Thiền sư trong Nêu ra hoàn toàn triệt để, đây là thiền cơ NĐHN q. 20 ghi: » được lập bày có tính chất siêu việt ngôn cú nghĩa lý, chỉ thẳng tâm người. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » – Đến nơi đây dù cho tùy cơ – ứng biến, chẳng chạm mũi nhọn, toàn thân Này các Thượng tọa! Nếu Thúy Phong ngộ nhập cũng còn vướng mắc ngôn từ (pháp hiệu của thiền sư Minh Giác) toàn nghĩa lý. Ngay như lời nói gợi ý thiền pháp đề, mọi người trên mặt đất phải câm hoàn toàn triệt để siêu thoát sinh tử, lại họng«. làm sao nói?« Tiết Nam Phong Vĩnh Trình Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » TOÀN KHÁNH Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư

TOÀN KHẲNG Đạo Dung, tổ khai sơn Chân Như Thiền TOÀN NHẤT Tự trên núi Vân Cư. Khoảng niên hiệu Hiệu của Thiền tăng Chí Ôn đời Nguyên. Nguyên Hòa (806-820) đời Đường, sư X. Chí Ôn. từng phụ giúp ngài Đạo Dung khai sáng thiền viện Vân Cư, có công hơn hết. Sau TOÀN PHÓ (882-947) khi Đạo Dung tịch, sư kế vị và chủ trì mọi Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Hà, tự Lai Thế việc trong thiền viện. Khoảng giữa 2 niên người xứ Côn Sơn (nay thuộc Giang Tô) hiệu Thái Hòa và Khai Thành (827-840) Trung Quốc. Thuở bé sư nghe các thiền đời Đường, sư có cống hiến rất lớn vào hội thạnh hành liền xin xuất gia nơi Đại sư việc củng cố và phát triển thiền viện Vân Thanh Bình ở Giang Hạ (nay là huyện Vũ Cư. Xương tỉnh Hồ Bắc). Sau sư đến Ngưỡng Sơn Nam Tháp ở Viên Châu (nay là huyện TOÀN KHẲNG Nghi Xuân tỉnh Giang Tây) yết kiến Thiền Thiền tăng đời Tống. Sư đến tham vấn sư Quang Dũng, đối đáp qua lại, sư khế Quốc sư Đức Thiều; Đức Thiều biết được ngộ sâu cơ của Ngưỡng Sơn, nối pháp pháp danh của sư là Toàn Khẳng, nên hỏi: ngài, thuộc tông Quy Ngưỡng. Sư trụ Chấp nhận (khẳng) cái gì? Sư lập tức lãnh Thiền viện Ứng Quốc ở An Phúc Lô Lăng ngộ, nối pháp Ngài, thuộc tông Pháp Nhãn. (nay thuộc Giang Tây), sau đó dời về viện Khi ra hoằng pháp sư trụ chùa Trí Giả ở Thanh Hóa núi Vân Phong ở Việt Châu. Vụ Châu (nay là huyện Kim Hoa tỉnh Ngô Việt Trung Hiến Vương ban cho sư tử Chiết Giang). Khoảng niên hiệu Thái Bình y phương bào nhưng sư từ chối chẳng Hưng Quốc (976-983), sư chợt đem chức nhận, vua liền đổi ban cho nạp y và ban Trụ trì giao lại cho đệ tử là Kế Trung rồi cho hiệu »Thuần Nhất Thiền sư«. thị tịch. TOÀN TÂN THỊ CHỦ, TOÀN CHỦ TOÀN KHOÁT (828-887) THỊ TÂN Thiền tăng đời Đường, họ Kha, người xứ Toàn khách là chủ, toàn chủ là khách. Tuyền Châu, Trung Quốc. Thuở nhỏ sư lễ Khách và chủ vốn là những gì đối đãi, Thanh Nguyên Huyên Công, sau khi thụ nhưng theo sự xem xét toàn bộ, theo nhãn giới cụ túc, sư trụ Bảo Thọ

Tự ở Trường quang soi thấu toàn bộ của nhà thiền thì An học tập các bộ kinh luật, dạo khắp các không có gì phân biệt và đối lập, vì thế thiền uyển, kết bạn cùng Tuyết Phong khách tức là chủ, chủ tức là khách. Mật Am Nghĩa Tồn, Khâm Sơn Văn Thúy. Sư yết ngữ lục ghi: » kiến Đức Sơn Tuyên Giám và nối pháp –
Toàn ngài. Khi ra hoằng pháp sư trụ viện Nham khách là chủ, toàn chủ là khách, khách chủ Đầu ở Ngạc Châu (nay là huyện Vũ Xương xen nhau, có không khí hòa thuận.« tỉnh Hồ Bắc) hoằng truyền Thiền tông, thiền tăng khắp nơi kéo đến. Lúc mất sư TOÀN THẤT được ban hiệu: Thanh Nghiêm Đại Sư. Hiệu của Thiền tăng Tông Lặc đời Minh. X. Tông Lặc.

TÔ CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ TOÀN THỂ TÔ CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ
Xem xét và nắm lấy toàn bộ thực tướng sự vật. Là việc làm siêu việt chỗ nơi, số Ở phố Đông Đại trong Bàn Môn, thành lượng, không có phân biệt đối lập, là cảnh phố Tô Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. giới của người tu thiền. Duy Tắc ngữ lục q. Xây dựng vào khoảng niên hiệu Xích Ô 2 ghi: » (238-251) đời Đông Ngô thời Tam Quốc, ban đầu gọi »Thông Huyền Tự«. Niên hiệu –
Mười phương trống hoang Khai Nguyên thứ 26 (738) đời Đường đổi hoác, toàn thể hiện rành rành, tham sân si tên là »Khai Nguyên Tự«, sau đó bị phá từ đâu đến được? Giới định huệ nhằm chỗ hủy. Niên hiệu Bảo Đại thứ 2 (925) đời nào sắp đặt?« Ngô Việt, Ngô Việt Vương Tiền Lưu xây dựng lại trên nền hiện nay. Qua ba đời TOÀN VỌNG TỨC CHÂN, TOÀN Tống Nguyên Minh lần lượt xây cất thêm PHÀM TỨC THÁNH
Thiên vương điện, Đại điện,Thạch Phật điện, Giới đàn, Địa Tạng điện, Tây phương điện, Tàng kinh các (Vô lương điện),Vạn Ý nói từ trên tổng thể mà xem xét và nắm Phật các. Những vị cao tăng Thiền tông trụ lấy thực tướng sự vật, tức không phân biệt, chùa này qua nhiều đời có Ấn Tông, Kinh không đối lập, vọng tức là chân, phàm tức Khê Trạm Nhiên, Trường Khánh Huệ là thánh. Phạm Kỳ ngữ lục q. 7 ghi: » Lăng, Hoàng Long Sở Nam, Thanh Lương Trừng Quán, Từ Vân Tuân Thức.
Niên – Chư Phật xuất hiện ở đời, Tổ hiệu Hàm Phong thứ 10 (1860) đời Thanh sư từ Ấn Độ sang, từ trên tổng thể mà xem chùa lại bị chiến tranh phá hủy, chỉ còn xét và nắm lấy thực tướng sự vật thì vọng Tàng kinh các. Gác kinh này chọn dùng kết tức là chân, phàm tức là thánh.« cấu gạch theo kiểu vòm cuốn, không dùng tấc gỗ cho nên tục gọi »Vô Lương Điện« TOẢN CỐ CHỈ (Điện không có xà). Gác được xây vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 46 (1618) đời Dùi giấy cũ. Chế giễu những vị tăng chỉ Minh, theo kiểu lâu các hai tầng, rộng 7 biết một bề dùi mài kinh điển mà không gian, mái chồng đỉnh yết sơn. Chính giữa biết cầu ngộ. Đại Huệ Phổ Giác Thiền sư lâu các có khung trang trí trên trần nhà ngữ lục q. 27 (Đại 47, 928 trung) ghi: » hình bát giác bằng gạch tinh xảo đẹp đẽ, bốn vách đều có khảm thạch khắc »Phạm Võng Kinh«, »Hoa Nghiêm Kinh« đời – Đóng cửa ngó vách, đây là
Minh. Mặt tường ngoài điện trên dưới đều thuốc hay để dứt vọng tâm… Nếu chỉ dùi có mở ra 5 cửa vòm, cột sát tường hình bán mài kinh sách thì ắt dẫn khởi mầm mống nguyệt và tòa Ti di khắc đá. Dưới mái điện sinh tử từ vô thỉ đến nay trong tàng thức«. thông xuống liên trụ, tước thế, hoa bản, Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. ngạch phương, đấu củng làm bằng gạch,

TÔ THỨC (1037-1101) tất cả hình dáng và cấu tạo đều mô phỏng 6 (1091) giữ chức Thượng thư hữu thừa, theo kết cấu gỗ. Tầng hai lan can tòa bằng năm sau lên chức Môn hạ thị lang. Khi vua khắc bằng gạch tinh tế, đồ án trang nhã. Triết Tông thân chính, ông xuống chức Đỉnh nhà độ nghiêng không lớn, mái sát làm Tri phủ Nhữ Châu. Thời vua Huy biên và bốn góc hơi vểnh ngược lên trời Tông được đề cử chức Cung quan. Tại cho người cảm giác vừa vững vàng vừa Quân Châu (nay là Cao An, Giang Tây) lung linh. Năm 1977 trong khi dỡ bỏ bình khi giám sát thuế muối, rượu, ông giao du phòng ở gần đó phát hiện một hòm đá, với Thiền sư Hoàng Bá Đạo Toàn, Đạo trong chứa một bộ »Khai Nguyên Tự Toàn khuyên ông tham thiền. Sau đó yết Chí«ghi chép tường tận lịch sử chùa Khai kiến Thiền sư Thượng Lam Thuận được Nguyên. tỉnh ngộ. Từ đây ông thường giao du với tăng nhân, hay lưu lại chùa vài tháng TÔ THỨC (1037-1101) không về. Ông là nhân vật trọng yếu phái Cư sĩ đời Tống, tự Tử Chiêm, hiệu Đông Thục học, chủ trương Tam giáo hợp nhất. Pha Cư Sĩ, người My Sơn (nay thuộc Tứ Tác phẩm: Loan Thành tập, Lão Tử Giải. Xuyên) Trung Quốc. Niên hiệu Gia Hựu nguyên niên (1056) ông đỗ Tiến sĩ. Nhiều TÔ UYÊN LÔI (1908-?) lần giữ chức quan địa phương, có khiếu về Học giả Phật giáo hiện đại. Còn có tên chính trị. Về sau ông làm quan đến Lễ bộ Trọng Tường, người Bình Dương, Chiết Thượng thư kiêm Đoan minh điện Hàn lâm Giang Trung Quốc. Năm 1926 ông tốt thị độc Lưỡng học sĩ. Lúc tuổi già bị giáng nghiệp Trường Sư phạm thứ 10 xây dựng ở chức làm quan ở Đam Châu. Tô Thức lúc Chiết Giang. Từng giữ chức giáo sư kiêm trẻ không tin Phật, sau do chính trị không Tổng Vụ trưởng Trường Trung Hoa Công được như ý, mới tìm đến Phật giáo để an ủi Thương Chuyên Khoa. Sau giải phóng, lần tinh thần. Ông nghiên cứu sâu xa các kinh lượt giữ chức Chuyên viên Bộ Kế hoạch Lăng Già, Hoa Nghiêm, A-di-đà. Làm bạn thuộc Hoa Đông Tài ủy hội, Phó Hội với các vị tăng như Khế Tung, Huệ Biện… trưởng Hiệp hội Phật giáo thành phố thích bàn về Tam giáo hợp nhất. Ông là Thượng Hải, hiện đang là giáo sư Sở nhân vật đại biểu phái Thục học chủ Nghiên cứu sử học Trung Quốc thuộc Đại trương dung hợp Tam giáo đương thời. học Sư phạm Hoa Đông. Ông hiệu điểm Người đời sau biên tập thành sách là »Ngũ Đăng Hội Nguyên«, trước tác các »Đông Pha Thiền Hỉ tập«. luận văn »Thiền tông Sử Lược«. »Đăng Lục dữ Ngũ Đăng Hội Nguyên«… TÔ TRIỆT (1039-1112) Cư sĩ đời Tống, tự Tử Do, hiệu Dĩnh Tân TỐ QUỶ QUÁI Di Lão, người My Sơn (nay thuộc Tứ Làm những việc quỷ quái để mê hoặc Xuyên) Trung Quốc. Lần lượt làm quan người khác khiến cho họ mất sáng suốt, Hữu tư giám, Trung thư xá nhân, Hộ bộ lầm lẫn. Mật Am ngữ lục ghi: » Thị lang, Hàn lâm học sĩ Tri chế cáo, Ngự sử trung thừa. Niên hiệu Nguyên Hựu thứ – Có một gã chẳng biết tốt

TỔ ĐĂNG xấu… trở về trước núi Hùng Nhĩ làm nhiều sắc trụ trì chùa Quốc Ân và trùng tu lại việc quỷ quái để mê hoặc người khác«. chùa. Năm 1820, sư trùng tu lại chùa Thập Tháp-Di Đà ở Bình định, tổ đình của phái TỔ ẤN thiền Lâm Tế Đàng Trong do Tổ Nguyên Gọi đủ: Tổ sư tâm ấn. Thiền pháp của Tổ Thiều thành lập. Năm 1835, sư thị tịch tại sư Thiền tông được truyền thừa thông qua chùa Quốc Ân (Huế) thọ 101 tuổi, đồ phương thức tâm thầy in sang tâm trò. Mật chùng lập tháp thờ ở bên hông chùa. Theo: Am ngữ lục ghi: » LSPGĐT của Nguyễn Hiền Đức.

TỔ ẤN THIỀN SƯ – Tâm ấn Tổ sư không dính líu 1. Hiệu của Thiền tăng Hành Lâm, đời Ngũ đến ngôn thuyên. Vái chào, thắp hương đã Đại X. Hạnh Lâm. thành phiền phức. Sử dụng phương pháp 2. Hiệu của Thiền tăng Cư Nột đời Tống, đánh hét cũng là mở mắt mà đái dầm. Nêu do Tống Nhân Tông ban cho. X. Cư Nột. xưa bày nay giống như rửa đất trong bùn«. TỔ ẤN TRÙNG QUANG TỔ ẤN MẬT HOẰNG Thiền pháp của Tổ sư rạng ngời và được (1735-1835) nối tiếp nhau mãi mãi như ánh sáng trùng Thiền tăng đời cuối Lê đầu Nguyễn, thuộc điệp của mặt trời, mặt trăng. Trong bài tông Lâm Tế, đời thứ 36, nối pháp Thiền phục nguyện có ghi: » sư Phật Ý Linh Nhạc. Sư họ Nguyễn, quê – ở huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, Trung Thiền tông được hưng thịnh dài lâu, Thiền Việt. Lúc 15 tuổi, sư từ Bình Định vào Gia pháp của Tổ sư rạng ngời và được tiếp nối Định, tu hành ở chùa Đại Giác, tại Đại phố nhau không dứt. Mặt trời trí huệ càng thêm Đồng Nai, huyện Phúc Long, dinh Trấn rực rỡ, bánh xe chính pháp lăn mãi không Biên (nay là cù lao Phố, xã Hiệp Hòa, ngừng«. thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai). Năm 1773, sư được cử làm Trụ trì chùa này. TỔ ĐẠO Khoảng thời gian 1778-1801, Nguyễn Đạo pháp Thiền tông. Pháp Diễn ngữ lục Vương có người con gái tên Ngọc Anh xin q. trung ghi: » xuất gia thụ giới với thiền sư Mật Hoằng, nên khi thống nhất đất nước Nguyễn – Nếu đem thế đế xem Vương ra lệnh quan địa phương trùng tu xét việc này, thì Tào Sơn đáng ăn hai mươi lại chùa Đại Giác, cho Tượng binh đem voi gậy; nếu dùng đạo pháp Thiền tông xem đến dậm nền chùa. Do đó, chùa này còn có xét việc này thì Bạch Vân đáng ăn hai tên là chùa Tượng. Năm Gia Long thứ 14 mươi gậy.« (1815) vua xuống chiếu triệu sư về kinh đô Huế, phong chức Tăng cang chùa Thiên TỔ ĐĂNG Mụ, đồng thời thỉnh vào nội cung thuyết Đèn tổ, dụ cho thiền pháp mà Tổ sư truyền pháp cho Hoàng gia. Năm 1817, sư được nhau. Bài thơ »Nhân việc đề ở chùa Cứu

TỔ ĐĂNG ĐẠI THỐNG Lan của Huyền Quang (Thiền sư Việt Nam) ghi: Lục, 2 quyển, do Phí Ẩn Thông Dung viết vào đời Minh, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 114, trang 745. Tác giả sưu tập các ngữ yếu rèn luyện người học đạo của các thiền sư: Linh Nguyên Duy Thanh, Hối Am Di »Đức bạc thường tàm nối Tổ đăng Quang, Đại Huệ Tông Cảo... gồm trên 50 Không giao Hàn Thập khởi oan tăng điều, cùng kể thêm kiến giải của mình. Tranh như trục bạn quy sơn khứ Điệp chướng trùng loan vạn vạn tầng«. TỔ ĐÌNH SỰ UYỂN »Đức mỏng thẹn mình nối Tổ đăng Sách, 8 quyển, do Mục Am Thiện Khanh Luống cho Hàn Thập dấy hờn căm soạn vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng Chi bằng theo bạn về non quách kinh tập 113, trang 1. Nội dung gồm có: Muôn lớp non xanh chất chập chùng«. ngữ lục của các vị thiền sư như: Vân Môn Văn Yển, Tuyết Đậu Trọng Hiển cùng TỔ ĐĂNG ĐẠI THỐNG phần giải thích ngữ nghĩa khó hiểu, nêu lên Đăng lục, 98 quyển, quyển thủ phụ »Tổ những điển cố mà các ngữ lục này dùng và Đăng Biện Ngoa« 2 quyển, do Tịnh Phù đính chính những chữ bị sót mất, tổng soạn vào đời Thanh. Tác giả chủ trương hễ cộng có hơn 2.400 điều. Đây là quyển từ là thiền tăng thì đều thuộc pháp hệ Bồ-đề điển trong thiền lâm thời xưa giúp cho Đạt-ma, nên phế bỏ những tên gọi »dưới người sơ học tra cứu. Quyển thủ có lời tựa Thanh Nguyên«, »dưới Nam Nhạc« mà tất của Pháp Anh, kể

lại lý do làm sách này. cả đều quy về hệ thống Thiếu Lâm. Sách Quyển cuối có lời bạt của Tiết độ sứ Kiến này do tham khảo các sách Truyền đăng Võ Quân vào niên hiệu Đại Quan thứ 2 lục, sử truyện mà biên tập thành. Ghi lại sự(1108) đời Tống, lời bạt khi in lại của Tỳ- truyền thừa từ Đạt-ma đến Thiếu Lâm đời kheo Sư Giám vào niên hiệu Thiệu Hưng thứ 40, không luận là ẩn hay hiển, nhất loạtthứ 24 (1154), còn có lời hậu tựa của Tỳ- đều không dùng bàng (phụ) hay chính để kheo Tử Vân ở chùa Ngọc Luật viết cùng phân chia, Trong ấy sự trao truyền giữa năm. thầy trò được gạn lọc từ gốc ngọn, chính xác không cho đồ giả lẫn lộn; thế hệ biên TỔ ĐƯỜNG niên nối tiếp nhau san sát và có thứ tự lớp Ngôi điện đường trong thiền viện có an trí, lang. thờ phượng đức Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » TỔ ĐÌNH Hiệu của Thiền tăng Cổ Chuyết sống vào cuối đời Nguyên-đầu đời Minh. X. Cổ – Sư liền tụng rằng: Lúc Chuyết. cầm ngang cây kiếm Thái A thì cả Tổ đường lạnh lẽo. Nơi ngàn dặm cần phải TỔ ĐÌNH KIỀM CHÙY LỤC chặt đứt muôn mối. Đừng đợi ánh sáng

TỔ KHÂM (1204-1287) lạnh toát ra nơi cây kiếm mà xem thường Cao Tông (1245). Về sau, nó được truyền tia chớp từ lò rèn. Lại bảo: Xem! Xem! Rồi vào Nhật Bản, bản ảnh ấn do nhà xuất bản bước xuống tòa.« Trung Văn ở Kyoto, xuất bản vào năm 1972. TỔ ĐƯỜNG SƠN Ở núi Ngưu Đầu Nam Sơn, thành phố Nam TỔ ĐƯỜNG TỰ Kinh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Chu vi X. U Thê Tự. 20km, cao khoảng 300m. Niên hiệu Đại Minh thứ 3 (459) đời Nam Tống, nơi núi TỔ GIÁM (?-1206) Nam Sơn xây chùa U Thê cho nên còn gọi Thiền tăng đời Tống, họ Từ, tự Hội »U Thê Sơn«. Đầu năm Trinh Quán (627- Đường, người xứ Mân Trung, Trung Quốc. 649) đời Đường Thiền sư Pháp Dung đắc Sư vào núi Chung Sơn dưới Chân Môn cạo đạo tại núi này, làm Tổ sư tông Ngưu Đầu, tóc rồi đến tham học nơi ngài Hạt Đường nên đổi tên »Tổ Đường Sơn«. Có những Viễn. Sau đó sư trở về Mân, tham lễ Thiền thắng cảnh như Phục hổ động, Tượng tị sư Càn Nguyên Dĩnh được khai ngộ, nối động, Thần xà động,Tức tuyền, Trường pháp Ngài, thuộc tông Lâm Tế. Sư từng trụ canh tuyền, Thái Bạch tuyền, Phi Lai các chùa: Tư Phúc, Thừa Thiên, Quang thạch. Hang đá phía nam tương truyền là Hiếu, trụ chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sơn 7 nơi Thiền sư Pháp Dung nhập định, có năm rồi tịch. truyền thuyết trăm chim hiến hoa cho nên được gọi là »Hiến Hoa Nham«. TỔ HÙNG (1285-1365) Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Viễn Khê TỔ ĐƯỜNG TẬP Tổ Hùng. Niên hiệu Đại Đức thứ 6 (1302) Đăng lục, 20 quyển, do 2 ngài: Thích Tịnh sang nhà Nguyên (Trung Quốc) lên núi và Thích Quân viết. Vào niên hiệu Bảo Đại Thiên Mục, sư theo học với Thiền sư thứ 10 (952) thời Nam Đường thì biên Trung Phong Diệu 7 năm, được truyền tâm thành. Sách này vốn có 1 quyển, người sau ấn, đời thứ 24 hệ Nam Nhạc, đời thứ 7 chia ra 20 quyển. Nội dung ghi lại sự tích tông Lâm Tế Nhật Bản. Niên hiệu Diên chủ yếu trong cuộc đời và ngữ lục ứng đối Hựu thứ 3 (1316) sư trở về nước khai sáng của Phật Tổ và thiền sư kể từ ngài Ca-diếp chùa Cao Thanh. đến cuối đời Đường đầu đời Ngũ Đại, gồm 256 vị. Đây là 1 quyển sách nói về lịch sử TỔ KHÂM (1204-1287) Thiền tông được hoàn thành sớm hơn bộ Thiền tăng cuối đời Tống đầu đời Nguyên, »Cảnh Đức Truyền Đăng lục« độ nửa thế họ Tổ, hiệu Tuyết Nham người đời gọi là kỷ, có giá trị sử liệu rất cao. Thể lệ biên tập »Tuyết Nham Tổ Khâm Thiền sư«.

Người của nó có ảnh hưởng rất lớn đối với các Vụ Châu (Kim Hoa, Chiết Giang), một quyển Đăng lục đời sau. Tổ Đường tập ở thuyết nói là người Chương Châu (Chương Trung Quốc đã thất truyền, nhưng vào đời Phố, Phúc Kiến) Trung Quốc. Năm 5 tuổi Tống nó được truyền sang Cao Ly nên bản làm sa-di, 16 tuổi được độ, 18 tuổi vân du hiện còn là do Cao Ly khắc bản vào đời khắp nơi, trước sau tham yết Đoản Bồng

TỔ LỆNH Viễn chùa Song Lâm, Diệu Phong Chi sai làm ký thất. Sư để tâm nơi Phật thừa, Thiện, Diệt Ông Văn Lễ chùa Tịnh Từ, nghiên cứu huyền chỉ và được ấn chứng, song đều không khế ngộ. Lại đến Kính Sơn thuộc tông Lâm Tế. Khi ra hoằng pháp sư tham kiến Vô Chuẩn Sư Phạm, thấy cây trụ Xương Quốc Long Giáo Tự, tìm người bách cổ ở núi Thiên Mục mà đại ngộ, được để trụ trì chùa Kính Sơn ở Hàng Châu. Khi Sư Phạm ấn khả nối pháp làm truyền nhân lâm chung, sư có viết bài kệ: phái Dương Kỳ tông Lâm Tế. Đời Tống, niên hiệu Bảo Hựu thứ 1 (1253) khi ra »Sinh tử thuần chân hoằng pháp trụ trì chùa Long Hưng, Đàm Thái hư thuần mãn«. Châu (Trường Sa, Hồ Nam), lần lượt trụ Lúc mất, Sư được 79 tuổi. chùa Đạo Lâm ở Sơn Tây, Phật Nhật Thiền tự ở Nam Minh (Chiết Giang), Hộ Thánh TỔ NĂNG (1326-1396) Thiền Tự, Quang Hiếu Thiền Tự ở Tiên Cư Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Đại Chuyết (Chiết Giang). Đời Tống niên hiệu Hàm Tổ Năng. Niên hiệu Chí Chính thứ 2 Thuần thứ 5 (1269) trụ trì Ngưỡng Sơn (1342) sang nhà Nguyên (Trung Quốc) sư Thiền Tự ở Viên Châu (Nghi Xuân, Giang đến Phúc Châu tham kiến Vô Ngôn Tuyên, Tây) danh tiếng càng vang dội. Đến đời Đông Dương Huy. Sau đến núi Thiên Mục Nguyên, bởi niên lạp đều cao nên vua tham kiến Thiền sư Đức Nhiên mà đắc Nguyên Thế Tổ càng kính trọng sư hơn, pháp, đời thứ 26 hệ Nam Nhạc, đời thứ 9 ban tử y. Niên hiệu Chí Nguyên thứ 24 tông Lâm Tế Nhật Bản. Niên hiệu Chí (1287) sư thị tịch, hưởng thọ hơn 70 tuổi. Chính thứ 11 (1351) trở về nước, người Đệ tử nối pháp có Nguyên Diệu v.v... Tác theo học rất đông. phẩm: Tuyết Nham Hòa thượng ngữ lục 4 quyển. TỔ NGUYÊN (1226-1286) Thiền tăng đời Tống, họ Hứa, tự Liễu TỔ LỆNH Nguyên, biệt hiệu Vô Học, người huyện Thiền cơ, nhân duyên cơ ngữ của Tổ sư Ngân (Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 13 Thiền tông. Tiết Tư Thọ Ni Diệu Tổng tuổi sư theo Bắc Giản Cư Giản chùa Tịnh trong NĐHN q. 20 ghi: » Từ ở Hàng Châu cạo tóc xuất gia, theo hầu – 5 năm rồi đến Kính Sơn yết kiến Vô Chuẩn Thiền tông một phen cất tiếng thì hàng Sư Phạm nỗ lực tham cứu 5 năm. Sau khi Giáo tông phải bặt lời. Một khi Tổ lệnh Vô Chuẩn tịch, sư lần lượt tham kiến đang được thi hành thì mười phương Thạch Khê Tâm Nguyệt chùa Linh Ẩn, khoáng đãng.« Yển Khê Quảng Văn núi Dục Vương, Hư Đường Trí Ngu, sau đó trở về quê trụ 2 TỔ MINH năm. Một hôm sư lên thềm giếng kéo Thiền tăng đời Minh, họ Ứng, tự Cổ Đảnh, nước, xoay con lăn liền khai ngộ. Tháng 10 hiệu Huệ Tính, người xứ Phụng Hóa (nay niên hiệu Hàm Thuần thứ 5 (1269) sư trụ thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Sư trì chùa Chân Như ở Thai Châu (Lâm Hải, yết kiến Thiền sư Hạnh Đoan, được ngài Chiết Giang). Niên hiệu Đức Hựu thứ 1

TỔ SƯ (1275) quân Nguyên đến, sư phải lánh nạn ở chùa Năng Nhân ở Ôn Châu (Chiết Giang). Niên hiệu Cảnh Viêm thứ 2 (1277) trở lại Tứ Minh đến núi Thiên Đồng tham »Tổ phụ điền viên nhậm tự sừ kiến Hoàn Khê Duy Nhất, giữ chức Đệ Thiên thanh bàn khuất nhậm ngô lư nhất tọa. Niên hiệu Tường

Hưng thứ 2 Mộc tê song ngoại thiên cưu tịch (1279) Bắc Điều Thời Tông Nhật Bản sai Nhất chẩm thanh phong trú mộng dư«. hai vị sư Đức Thuyên và Tông Anh thỉnh »Tự tay cày cấy ruộng cha ông Tổ Nguyên sang Nhật Bản. Mùa thu niên Ruộng vườn, non biếc khắp bao quanh hiệu Hoằng An thứ 2 (1279) sư đến Liêm Ngoài song cửa gỗ chim im tiếng Thương trụ chùa Kiến Trường. Về sau Bắc Gió mát, ban trưa đánh giấc nồng«. Điều Thời Tông xây cất chùa Viên Giác ở Liêm Thương thỉnh sư làm Tổ khai sơn thứ TỔ SƯ nhất. Sắc thụy »Phật Quang Thiền sư«, 1. Các bậc Thầy của các Tông phái, có đủ »Viên Mãn Thường Chiếu Quốc Sư«. Pháp năng lực truyền pháp cho đệ tử, dựng lập hệ của Sư được gọi là »Phật Quang Phái«, đường lối tu hành rõ ràng, hóa độ được là 1 trong 24 phái Thiền tông Nhật Bản. nhiều người. Chẳng hạn như: — Bồ-đề Đạt-ma là Tông tổ của Thiền TỔ PHÁP tông Trung Quốc. Thiền pháp, đạo pháp của Tổ sư. Thần Hội 2. Người được truyền tâm ấn từ một thiền truyện trong TCTT q. 8 ghi: » sư đắc đạo rồi lập ra một phái có cách tiếp hóa người học rất đặc biệt. Người này – Hội (chỉ Thần Hội) có thừa được gọi là Phái tổ. Chẳng hạn: năng khiếu về đạo pháp của Tổ sư, chỉ là — Thiền sư Nghĩa Huyền là Phái tổ của chẳng đủ.« tông Lâm Tế, thường tiếp hóa người bằng tiếng hét. TỔ PHONG — Thiền sư Lương Giới là Phái tổ của Dụ chỉ Thiền tông, Thiền pháp truyền bá tông Tào Động, thường tiếp hóa người học khắp nơi giống như gió nơi nào cũng thổi bằng Ngũ vị Quân Thần. đến được. Như Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: Tắc »Hiểu Thông Tài Tùng« trong Thiền » – Uyển Mông Cầu ghi: Tiến thoái đủ cơ phong biến hóa, cầm cân nẩy mực làm hưng thạnh Thiền tông.« »Ngữ ngôn hồn bất trệ TỔ PHỤ ĐIỀN VIÊN Cao niếp tổ sư tung Còn gọi: Tự gia điền viên. Ruộng vườn của Dạ tọa liên vân thạch ông cha ta. Thiền tông dùng từ này để chỉ Trú tài đái vũ tùng«. Phật tính, tự tâm. Bài thơ »Trú miên« của »Chẳng kẹt vào lời nói Huyền Quang (Thiền sư Việt Nam) ghi: Noi theo dấu Tổ sư Đêm ngồi (tòa) đá mây kết

TỔ SƯ BA TỴ Ngày trồng tùng đẫm mưa«. Yếu của thiền sư Phương Tụ Thành ghi: TỔ SƯ BA TỴ Chỉ đạo pháp, cơ phong của Tổ sư Thiền »Tham thiền đệ nhất tông. Tiết Ngọc Tuyền Tông Liễn Thiền sư Tổ ý lịch lịch trong NĐHN q. 20 ghi: » Thuấn mục dương my Nghĩ nghị bất cập«. »Pháp tham thiền bậc nhất Ý tổ rất rõ ràng – Hôm nay mọi Chớp mắt cùng nhướng mày người không thể triệt để chứng nhập cội Do dự thì chẳng kịp«. nguồn, chỉ cho ngôn ngữ văn tự là chí đạo. Chương Đạo Khuông Thiền sư trong Nói tới nói lui cho đó là thiền đạo, Gọi CĐTĐL q. 21 ghi: » việc hướng thượng hướng hạ là Bồ-đề – Tăng Niết-bàn, là cơ phong của Tổ sư Thiền hỏi: Thế nào là ý chỉ của Thiền tông? Sư tông.« đáp: con muỗi đáp tren mình con trâu sắt«. TỔ SƯ QUAN Còn gọi: Tổ sư quan liệt. Cửa ải lãnh ngộ TỔ SƯ THIỀN thiền cơ Tổ sư, cửa ải lãnh ngộ thiền pháp. Thiền pháp không có thứ bậc, xông thẳng Quan (cửa ải) dụ cho thiền cơ kín đáo, vào bản thể Phật tính, không có giải thích. huyền diệu, chẳng dễ ngộ nhận. Pháp Diễn Thiền Uyển Mông Cầu Thập Di (Vạn Tục ngữ lục q. thượng: » 148, 149 thượng) ghi: » – Chẳng biết cây khúc lục, đâu biết nếm trái của nó. Chẳng qua cửa ải lãnh ngộ thiền

cơ Tổ sư, đâu biết đối địch sinh tử? Thế nào là cửa – Sư lại nói bài kệ khác: ải lãnh ngộ thiền cơ Tổ sư?« Ta có một cơ Nháy mắt nhìn y TỔ SƯ TÂY LAI Ý Nếu còn chẳng ngộ Còn gọi: Tây lai Tổ sư ý, Tây lai ý, Tổ ý. Chớ gọi Sa-di«. Cùng với cụm từ »Đại ý Phật pháp« đều Ngưỡng Sơn bảo với Quy Sơn rằng: biểu thị áo nghĩa của Phật pháp, chỉ ý của »Mừng cho sư huynh Hương Nghiêm đã Thiền lý. Ngài Bồ-đề Đạt-ma, Sơ Tổ Thiền ngộ Tổ Sư thiền«. tông, từ Ấn Độ đến Trung Quốc hoằng truyền thiền pháp. Các thiền tăng đời sau TỔ TÂM (1205-1100) dùng sự kiện này đặt thành câu hỏi »Tổ sư Thiền tăng đời Tống, họ Ô, hiệu Hối Tây lai ý?« để thưa hỏi các bậc thiền sư, Đường, người xứ Thủy Hưng (nay thuộc mong các Ngài chỉ dạy, giúp mình khai Quảng Đông) Trung Quốc. Năm 19 tuổi, ngộ. Tham Thiền Kệ trong Thiền Tịnh Hợp sư nương ngài Huệ Toàn ở chùa Long Sơn

TỔ TÔNG VIÊN QUANG (1758-1827) xuất gia, năm sau sư dự khoa thi kinh được TỔ TÔNG độ làm tăng, ở viện Thọ Nghiệp phụng trì Thiền tông, thiền pháp. Pháp Diễn ngữ lục giới luật. Sư tham vấn nơi ngài Vân Phong q. trung ghi: » Văn Duyệt, theo hầu ngài 3 năm. Sư còn đến núi Hoàng Bá ra mắt ngài Huệ Nam, được giữ lại làm thị giả 4 năm. Sau đó, sư – Công của tạo hóa là làm phát sinh y chỉ ngài Thạch Sương Sở Viên. Một hôm khí hậu của trời đất: Xuân, Hạ, Thu, Đông. sư xem Truyền Đăng lục, đọc đến ngữ lục Đệ tử của Thiền tông là quyết trạch tâm của thiền sư Đa Phúc và đại ngộ, nhờ ngài điên đảo của chúng sinh: Thường, Lạc, Huệ Nam ấn chứng, nối pháp ngài, thuộc Ngã, Tịnh.« phái Hoàng Long tông Lâm Tế. Tính sư điềm tĩnh đôn hậu, học rộng biết nhiều, TỔ TÔNG VIÊN QUANG hành trì cẩn nghiêm, Sau khi ngài Huệ (1758-1827) Nam tịch, sư tiếp nối trụ trì được 12 năm, Thiền tăng đời cuối Lê đầu Nguyễn, thuộc khiến pháp môn hưng thạnh. Vua xuống tông Lâm Tế, đời thứ 36, nối pháp Thiền chiếu triệu sư vào kinh sư, phò mã Đô úy sư Phật Ý Linh Nhạc. Sư chưa rõ tên họ là Vương Tiển kính lễ đón rước sư, nhưng thật, có thể sư là người Minh Hương Tổ Tâm chỉ ở am ngoài cửa thành. Về già, (người Việt lai Hoa), quê ở Biên Hòa, sư dời am vào chốn rừng sâu. Thụy hiệu: Đồng Nai Nam Việt. Lúc nhỏ, sư thường Bảo Giác Thiền sư. cùng Trịnh Hoài Đức đến chùa Đại Giác ở Đại phố Đồng Nai để lễ sám. Lúc lớn lên, TỔ TỊCH sư tiếp tục tu hành còn Trịnh Hoài Đức Chỗ tuyên giảng, truyền bá thiền pháp. theo Nho học và ra làm quan dưới thời vua Pháp hội của nhà thiền, thiền viện. Minh Gia Long và Minh Mạng, được thăng đến Giác ngữ lục q. thượng ghi: » chức Hiệp biện Đại học sĩ, tước An toàn hầu. Khi lớn lên, sư Tổ Tông quy y thọ giáo với Thiền sư Phật Ý Linh Nhạc. Sư – Sư thượng đường, tăng hỏi: Nhân chăm chỉ tu học, nghiên cứu nhiều kinh học sĩ có nói: Dừng chân ở thiền viện Thúy sách nên uyên thâm cả Phật học lẫn Nho Phong, lên đạo tràng Tuyết Đậu. vậy thì học. Năm 1772, sư được cử làm Trụ trì thế nào là bậc bất động?« chùa Giác Lâm xã Phú Thọ, huyện Tân Bình, dinh Phiên Trấn (thành phố Hồ Chí TỔ TIÊN (1136-1211) Minh ngày nay). Sư vừa giảng kinh thuyết Thiền tăng đời Nam Tống, họ Vương, hiệu pháp vừa lo tài chính cho chùa. Phật học Phá Am, người xứ Quảng An, Tứ Xuyên, xá do sư phụ trách, hoạt động suốt hai Trung Quốc. Sư đắc pháp nơi Thiền sư mươi mấy năm mà vẫn chu đáo, đầy đủ. Hàm Kiệt, là truyền nhân trọng yếu của Năm 1798, sư tạm cho

học tăng nghỉ học phái Mật Am, đời thứ 19 hệ Nam Nhạc. một thời gian để lo đại trùng tu chùa Giác Trước trụ trì chùa Ngọa Long, sau trụ trì Lâm. Sau khi chùa hoàn tất (1804), sư tiếp chùa Long Ẩn. Có ngữ lục truyền lại đời. tục khai giảng kinh luận trở lại, chư tăng ở

TỔ UYÊN (1389-1449) các tỉnh tựu về học rất đông. Khoảng năm Lạc thứ 20 (1422) đến chùa Thiên Giới 1816-1820, Trịnh Hoài Đức được vua Gia chích máu viết kinh Pháp Hoa. Niên hiệu Long cử làm Hiệp Tổng trấn »Gia Định Tuyên Đức thứ 1 (1426) Thiền sư Nguyệt Thành«, tình cờ quan Tổng trấn gặp lại sư Sơn khen ngợi đức hạnh sư cho làm Thủ trong một dịp lễ ở chùa Tập Phúc (xã Bình tọa quản lý đại chúng. Khi ra hoằng pháp Hòa, Gia Định) và cảm hứng làm 1 bài thơ sư trụ trì chùa Linh Phong, Thiên Đồng. tặng sư như sau: Năm thứ 9 (1434) giữ chức Tả giác nghĩa »Tây giao thích nhàn hành trong Tăng lục ty kiêm trụ trì chùa Đại Sơn môn ngẫu tương tri Công Đức. Sư cho rằng chư tăng lộn xộn Ngã Hiệp biện Trấn công nên khó chỉ dạy, bèn tâu vua phân biệt ba Sư Đại Hòa thượng vị chùa Đại Công Đức, Đại Từ Ân, Đại Long Chấp thủ nghĩ mộng hồn Thiện làm ba chỗ giảng dạy ba tông Thiền Đàm tâm tạp khinh quí học, cho chư tăng tự chọn rồi sắp xếp lại Văn sự hà tức luận để dạy. Phụng mệnh làm tông sư truyền Đại đạo hợp như thị«. giới trong thiên hạ, ở trên giới đàn Vạn »Nay bỗng nhiên nhàn hành Thiện khai đàn thụ giới, đệ tử được độ trên Nơi thiền môn gặp gỡ vạn người. Ta Hiệp biện Trấn công Sư Cao tăng Thượng sĩ TỔ VIỆT TỰ Nhìn xưa như giấc mộng Chùa ở phía dưới gác tây Vô Lượng Quán, Tâm cùng tâm tương nghị. phía bắc Thiên Sơn, cách thành phố Yên Chuyện xưa nói sao cùng, Sơn, tỉnh Liêu Ninh,Trung Quốc 20km về Đại đạo vốn như thị«. phía đông. Là một trong năm đại thiền lâm Năm 1819, sư mở giới đàn ở chùa Giác ở Thiên Sơn. Nổi tiếng vào đời Minh, đến Lâm, tăng chúng và thiện nam tín nữ đến đời Thanh thì dần dần bị Vô Lượng Quán thay thế. Hiện còn đại điện ba gian, lưng quy y thụ giới rất đông. Năm 1827, sư thị tịch tại chùa Giác Lâm, thọ 70 tuổi, đồ tựa vào vách núi, trên vách núi có khắc chúng lập tháp tại sân chùa. Theo: »Độc trấn quần nhạc« được khắc vào niên LSPGĐT của Nguyễn Hiền Đức. hiệu Long Khánh thứ 2 (1568) đời Minh. Xung quanh chùa có 24 cảnh đẹp như TỔ UYÊN (1389-1449) Ngọc Hoàng các, La hán động, Bát bộ Thiền tăng đời Minh, họ Dương, tự Thiên khẩn v. v… Tuyền, hiệu Vũ Am, người Lô Lăng (Kiết An, Giang Tây) Trung Quốc. Niên hiệu TỐI HẬU CÚ Vĩnh Lạc thứ 1 (1403) sư đến núi Thanh Còn gọi: Mạt hậu cú. Câu nói cuối cùng, Nguyên cạo tóc thụ giới cụ túc. Lại đến thúc đẩy người học thiền tỉnh ngộ triệt để, Nam Kinh yết kiến Huyễn Cư Giới Công cũng là câu nói rất quan trọng của người có chỗ tỏ ngộ. Sư không lấy làm tự mãn, tham thiền ngộ đạo. Tiết Quốc Thái Viện hết lòng cầu đạo chuyên tâm khổ cứu 5 Đạo Thiền sư trong NĐHN q. 8 ghi: » năm mới được triệt ngộ. Niên hiệu Vĩnh

TỒN THỌ trong lò lửa trùm khắp muôn tượng. Đến –
Chẳng rời tại chỗ đều là diệu được trình độ như thế, thiên ma ngoại đạo minh chân tâm. Thế nên Hòa thượng đều bó tay quy hàng, ba đời chư Phật đồng Huyền Sa nói: Lãnh hội được câu nói cuối loạt cúi đầu«. cùng của ta, quả là ít có người (ra hoằng pháp) biết được«. TÔN CHỈ Còn gọi: Huyền chỉ, Chỉ quy, Yếu chỉ. Mục TỐI SƠ CÚ đích cùng ý nghĩa chủ yếu của kinh điển và Câu nói đầu tiên. Ngay nơi câu nói này

các bộ luận. Tứ Biện Kinh Tôn Chỉ trong người học lập tức khế nhập, triệt để tỉnh Pháp Hoa Huyền Đàm của ngài Gia Tường ngộ. Phần lớn nhà thiền ưa dùng »Mạt hậu ghi: » cú«, giữa »Tối sơ cú« và »Mạt hậu cú« tuy – Có 13 nhà nói về tôn chỉ của kinh cách nói chẳng đồng nhưng kỳ thực vẫn là Pháp Hoa«. một, đều là một câu nói quan trọng giúp TÔN TÚC người đạt đến chỗ tỉnh ngộ. Do vì câu nói này chẳng phải là câu nói thông thường, Lời tôn xưng các vị thiền sư lớn tuổi, có mà là câu nói vượt lên trên ngôn ngữ. Vô đạo đức. Tông Môn Võ Khố ghi: » Môn Quan ghi: » – Các bậc tôn túc trong các thiền – Biết được câu nói đầu tiên liền biết viện sau khi thị tịch, toàn thân được hỏa câu nói cuối cùng. Câu cuối cùng và câu táng, thu xá-lợi rất nhiều«. đầu tiên, chẳng phải là một câu này. TÔN ĐỨC Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư TỐI SƠ NHẤT BỘ Thạch Sương Khánh Chư. Khi ra hoằng Một bước đầu tiên. Nghĩa là không một pháp sư ở viện Đức Sơn Cổ Đức tại Đảnh chút chần chờ, chẳng trải qua quá trình tu Châu (nay là huyện Thường Đức tỉnh Hồ tập, lập tức lãnh ngộ. Tiết Năng Nhân Nam), để lại tiếng »trong sạch giản dị« cho Thiệu Ngộ Thiền sư trong NĐHN q. 20 đời. Thự hiệu: Huệ Không Đại Sư. ghi: » TÔN THỌ Thiền tăng đời Ngũ Đại. Đầu tiên sư giảng kinh luận, sau sư hâm mộ các thiền hội, tham Thiền sư Thạch Sương Khánh Chư và đắc pháp. Sư ở viện Đại Thông trên núi – Một bước đầu tiên Thê Nham tại Hà Trung (nay là Vĩnh Tế mười phương thế giới hiện toàn thân, một tỉnh Sơn Tây). Bình thường sư ít nói, có ai lời cuối cùng chặt đứt xiềng xích trong hạt hỏi mới đáp. Khoảng thời Hậu Lương bụi nhỏ. Có khi đưa lên giống như thanh Ỷ (907-922) sư thị tịch, thọ 93 tuổi. Thự thiên trường kiếm sáng rực khắp đất trời; hiệu: Chân Tịch Đại Sư. có khi buông xuống in tuồng tuyết trắng

TÔN TƯƠNG (840-925) TÔN TƯƠNG (840-925) 2. Hiệu của Thiền tăng Đạo Độc, sống vào Thiền tăng đời Đường, hậu duệ Khổng Tử, đời Thanh. X. Đạo Độc. Tổ tịch ở Khúc Phụ (Sơn Đông) lưu ngụ nơi Cam Tuyền (Thiểm Tây) Trung Quốc. TÔNG BẢN (1020-1099) Ban đầu sư theo Nho nghiệp, học rộng hiểu Thiền tăng đời Tống, họ Quản, tự Vô Triết, nhiều. Đến Bàn Sơn theo Hữu Viện Hiểu người Vô Tích (Giang Tô) Trung Quốc. Phương xuất gia. Sau khi thụ giới cụ túc, Năm 19 tuổi nhập môn Thiền sư Đạo đến tham kiến Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Thăng chùa Vĩnh An ở Thừa Thiên, Tô Huyền, theo hầu hạ bên cạnh được nối Châu, khổ tu 10 năm mới cạo tóc thụ giới pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế. Sau cụ túc, lại siêng năng hầu hạ thêm ba năm. trụ viện Hưng Hóa, Ngụy Phủ (Đại Danh, Sau bái biệt Đạo Thăng, sư đến chùa Cảnh Hà Bắc) đồ chúng khắp nơi tụ hội, tông Đức ở Trì Châu (Quý Trì, An Huy) tham phong Lâm Tế từ đây đại thạnh, người đời kiến Thiên Y Nghĩa Hoài có chỗ khế ngộ. gọi sư là »Hưng Hóa Tồn Tương«. Hậu Được Nghĩa Hoài sai đến chùa Thụy Đường, niên hiệu Đồng Quang thứ 2 (924) Quang ở Tô Châu khai pháp, pháp tịch hạ chiếu thỉnh sư vào cung thuyết pháp, ngày một thạnh, đồ chúng lên đến năm ban tử y và hiệu, song sư từ chối không trăm người. Sư dời sang chùa Tịnh Từ ở nhận. Năm sau lại thỉnh vào cung thuyết Hàng Châu, đạo tục ở Tô Châu lại thỉnh sư pháp, vua ban cho ngựa, sư cưỡi bị ngã té đến hai chùa Vạn Thọ, Long Hoa hoằng mà viên tịch. Thụy là »Quảng Tế Đại Sư«, pháp, kẻ

ngưỡng mộ hơn ngàn người. Niên tháp hiệu »Thông Tịch«. Đệ tử nối pháp có hiệu Nguyên Phong thứ 5 (1082) phụng chỉ Tạng Huy, Hạnh Giản v.v... Tác phẩm: làm Tổ thứ nhất Huệ Lâm Thiền sát chùa Hưng Hóa Thiền sư ngữ lục được xếp vào Tướng Quốc. Khai pháp ngày hôm sau vua Cổ Tôn Túc ngữ lục q. 5. Thần Tông triệu thỉnh đến cung Diên Hòa hỏi đạo. Vua Triết Tông ban hiệu »Viên TÔNG BẠCH ĐẦU Chiếu Thiền sư«. Niên hiệu Nguyên Hựu Thiền tăng Tự Tông sống vào đời Tống, thứ 1 (1086) sư lấy cớ già cả xin về quê, người đời gọi sư là »Tông Bạch Đầu« khi ra khỏi đô thành, người đưa tiễn đông (Tông đầu bạc). X. Tự Tông. vô kể. Lúc chia tay sư có lời dạy bảo người nghe cảm động rơi lệ. Tuổi về chiều sư trụ TÔNG BẢO chùa Linh Quang ở Bình Giang (Tô Châu) 1. Tăng nhân đời Nguyên, từng trụ chùa đóng cửa tu thiền. Sư giữ giới thanh tịnh, Phong Phan Báo Ân Quang Hiếu Tự (nay học thức rộng giỏi văn chương. Đệ tử có là Thiều Quan tỉnh Quảng Đông) Trung Đại Thông, Thiện Ninh, Pháp Chân, Chân Quốc. Niên hiệu Chí Nguyên thứ 28 Ngộ v.v... Tác phẩm: Quy Nguyên Trực (1291), sư hiệu đính ba thứ của Đàn Kinh Chỉ tập 2 quyển, Huệ Biện lục 1 quyển. là: Văn bản, đính chính những chỗ lầm lẫn, bổ sung những chỗ giản lược. Sư còn biên TÔNG CẢNH LỤC thêm cơ duyên thỉnh ích của đệ tử, biên Còn gọi: Tông Giám lục, Tâm Cảnh lục. thành Lục Tổ Đại Sư Pháp Bảo Đàn Kinh. Luận nghị, 100 quyển do Diên Thọ sống

TÔNG CẢO (1089-1163) vào đời Ngũ Đại soạn, được xếp vào Đại nào với cách nhìn giữa thiền và giáo. chính Tạng tập 48, trang 415. Tác giả triệu 3. Dẫn chứng chương (từ quyển 94 đến tập các học giả của 3 tông: Pháp Tướng, 100): Dẫn hơn 300 điều pháp ngữ của Phật Thiên Thai, Hoa Nghiêm để gạn hỏi những Tổ Thánh Hiền để làm căn cứ ấn chứng và điều nghi. Sau cùng Diên Thọ lấy thiền lý nhấn mạnh đến những điều đã kể ở phần làm chuẩn thêm vào lời phẩm bình, biên hai. Sách này chứa đựng một số tư liệu văn thành sách này. Mục đích sửa lại (cho hiến quý báu, có giá trị sử liệu khá cao. đúng) khuynh hướng xem thường Kinh Diên Thọ đề xướng người tham thiền sách Phật Tổ của giới tu thiền. Trong nghiên cứu giáo điển, một mặt khiến thiền quyển 43, tác giả chỉ ra »Sự truyền thừa tăng nhờ vào sách này mà khỏi rơi vào chỗ cho nhau vào thời gần đây chẳng noi theo ngu dốt, mặt khác cũng khó tránh khỏi là lời dạy xưa, chỉ tự ý mình, chẳng hợp với ý khiến thiền tăng rơi vào nghĩa lý tri kiến, chỉ viên dung«. Lập luận của toàn sách đặt khó có được tinh thần sáng tạo, khó phát nặng nơi vấn đề đốn ngộ viên tu, đem minh tâm tính. thuyết »Đốn ngộ« của Thiền tông Nam Sau khi hoàn thành, sách này chưa được Tông đề xướng kết hợp với thuyết »Viên phổ biến ngay, mãi đến khoảng niên hiệu tu« của kinh Hoa Nghiêm đề xướng, nghĩa Nguyên Phong (1078-1085) mới có khắc là về thiền thì suy tôn Tổ Đạt-ma, về giáo bản lưu truyền. Sau đó lại xuất hiện bản cải thì suy tôn Tổ Hiền Thủ, lấy đây làm tư đính. tưởng trung tâm của toàn sách. Việc làm Cuối đời Minh, khi khắc bản in »Gia Hưng này hoàn toàn phù hợp với việc xem trọng Tạng«, ngài Trí Húc san định lại bản cải lý luận trong kinh Hoa Nghiêm của Tổ đính. Vua Ung Chính đời Thanh từng rút tông Pháp Nhãn là thiền sư Văn Ích. Tông gọn sách này thành »Tông Cảnh Đại Cảnh lục dẫn lý luận kinh Hoa Nghiêm để Cương« để truyền bá rộng rãi. làm căn cứ, mục đích chứng thật nghĩa lý Sau khi »Tông Cảnh lục« thành sách, đã của Thiền tông là sâu xa viên diệu, chính là được

truyền đến Cao Ly và có ảnh hưởng mượn giáo để làm sáng tỏ thiền mà chẳng nhất định đối với Phật giáo nước ngoài. lẫn lộn giữa thiền và giáo. Nội dung chia làm 3 chương: TÔNG CẢO (1089-1163) 1. Tiêu tông chương (Nửa phần đầu của Thiền tăng đời Tống, họ Hề, tự Đàm Hối, quyển 1) Ghi rõ tôn chỉ của toàn sách, chỉ hiệu Diệu Hỉ, Vân Môn, người Ninh Quốc ra ý nghĩa của tên bộ sách, đấy chính là (An Huy) Trung Quốc. Năm 17 tuổi sư »Nêu nhất tâm làm TÔNG, nhất tâm này theo Thiền sư Huệ Tề chùa Huệ Vân ở chiếu soi vạn pháp như CẢNH (gương)«, Đông Sơn cạo tóc xuất gia, năm sau thụ gom chép lời dạy của Phật tổ, trình bày và giới cụ túc. Tham kiến Viên Ngộ Khắc giải thích chính tông của Thiền môn. Cần đại ngộ, nối pháp làm truyền nhân 2. Vấn đáp chương (nửa phần sau của tông Lâm Tế. Khắc Cần sai Tông Cảo phân quyển 1 đến quyển 93) là phần chính của tòa thuyết pháp, nhờ vậy danh tiếng khắp toàn sách, dùng hình thức vấn đáp để thảo Kinh sư. Niên hiệu Tĩnh Khang thứ 1 luận về TÂM có những điểm đồng dị thế (1126) Thừa tướng Lữ Thuấn Đồ tâu vua

TÔNG CHI ban cho sư tử y và hiệu »Phật Nhật Đại Sư«. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 7 (1137) – Thuở trước, sư cùng Vân theo lời mời của Thừa tướng Trương Tuấn, Nham, Đạo Ngô lãnh hội được mật chỉ của sư trụ trì chùa Năng Nhân ở Kính Sơn, đạo Dược Sơn. Sau khi Dược Sơn thị tịch, ba tục khắp nơi tụ hội, tông phong cực thạnh. người cùng bàn bạc: mang chút ít lương Tính tình Tông Cảo trung kiên quả cảm. thực, đồ gia dụng rồi định ẩn nơi hoang Lúc ấy Tần Cối đang lộng quyền vì ganh liêu vắng vẻ tại Lễ Nguyên, lánh đời dưỡng ghét sư được sĩ đại phu ngưỡng mộ nên tâu đạo cho qua một đời… Đến nửa đêm, Đạo vua lưu đày sư đến Hành Châu (Hành Ngô mang đủ 3 y, bạch cùng hai sư huynh Dương, Hồ Nam), Tông Cảo vẫn kiên rằng: Theo chỗ bàn bạc ba người chúng ta cường thuyết pháp độ chúng sinh nơi mới là làm sao cho thỏa chí của mình, nhưng đến. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 25 (1155) đừng để mai một pháp hệ truyền thừa của sư được xá tội. Khi tuổi về già, sư trụ Kính tông Thạch Đầu, có phải?« Sơn, đạo tục bốn phương nghe danh tụ hội thường là vài ngàn người. Vua Hiếu Tông TÔNG CHỈ lên ngôi, xuống chiếu mời vào đại nội, sư Còn gọi: Tông thú. Ý chỉ Thiền tông. tấu đối vừa lòng vua được ban hiệu »Đại Thiền pháp. Tiết »Tứ Châu Dụng Nguyên Huệ Thiền sư«. Tông Cảo biện tài vô ngại, Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » ngày thường hết sức cổ súy công án thiền, nên được gọi là »Khán thoại thiền«. Thụy là »Phổ Giác Thiền sư«. Đệ tử nối pháp hơn 90 người, nổi tiếng hơn hết là Tư –
Một hôm sư hỏi ngài Kiến Long Nhạc, Đức Quang, Ngộ Bản, Đạo Nhan rằng: Lâm Tế ở pháp hội Hoàng Bá, ba v.v… Kệ thị tịch: phen thưa hỏi đại ý Phật pháp là ba phen »Sinh cũng như thế bị đánh, ý chỉ ra sao?. Sư chưa dứt lời liền Chết cũng như thế bị Ngài đánh cho một phất tử, sư liền lãnh Có kệ không kệ ngộ tông chỉ«. Có gì quan hệ«. TÔNG CHIẾU Tác phẩm: Đại Huệ ngữ lục, Chính Pháp Thiền tăng đời Nguyên, họ Đoạn, hiệu Nhãn Tạng, Đại Huệ Võ Khố v.v… Liên Phong, người xứ Tấn Ninh (nay là TÔNG CHI phía đông bắc Tấn Ninh tỉnh Vân Nam) Trung Quốc. Xuất gia năm 18 tuổi, sư Pháp hệ truyền thừa của tông phái. Tiết tham vấn Thiền sư Trung Phong Minh Hoa Đình Hòa thượng trong TĐT q. 5 ghi: Bản, nối pháp ngài thuộc tông Lâm Tế. »

Khoảng niên hiệu Chí Chính (1341-1368) sư trở về

Tấn Ninh, ở Đông Sơn cất chùa Bàn Long để ở. Cuối đời Minh, sư được truy thụy »Đại Huệ Thiền sư«.

TÔNG DU TÔNG DĨ (1290-1370) Đầu cành sương lóng lánh Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Phục Am Cánh hoa tuyết rạng ngời Tông Dĩ. Niên hiệu Chí Chính thứ 3 (1310) Buổi sáng trời trong rồng bày vảy sang nhà Nguyên (Trung Quốc). Nối pháp Ngày trưa mây sáng voi hiện hình Thiền sư Trung Phong Minh Bản, đời thứ Vẫn cọp tuy thấy một 24 hệ Nam Nhạc, đời thứ 7 tông Lâm Tế Bầy phụng thể toàn đồng Nhật Bản. Niên hiệu Chí Trị thứ 3 (1323) Đạt-ma tây sang truyền pháp gì? Cành lau sư trở về nước hoằng pháp tại những chùa qua biển nổi phau phau«. lớn nổi tiếng, tăng chúng đệ tử thường đến hai ngàn người. TÔNG DIỆU (1369-1443) Thiền tăng đời Minh, họ Triệu, tự Giác TÔNG DIỄN (1640-1711) Am, hiệu Đôi Vân Tẩu, người xứ Tiền Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông Đường (nay là Hàng Châu) Trung Quốc. Tào Động, đời thứ 37, nối pháp Thiền sư Năm lên mười, sư theo ngài Huệ Vân Thông Giác, không biết tên tục, hiệu Chân Ngân Công xuất gia, thụ giới cụ túc. Sư Dung, quê quán có thể ở thôn Phú Quân, đến chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu yết kiến huyện Cẩm Giang, miền Bắc Việt Nam. Thiền sư Không Tẩu, được ấn chứng. Khi Sau, sư trụ trì ở chùa Hồng Phúc, thường ra hoằng pháp, sư trụ Quảng Pháp Thiền lui tới hoàng cung giảng đạo cho vua nghe. Tự ở Gia Hưng rồi dời đến ở Vạn Thọ Khi sắp tịch, sư gọi đệ tử là Tĩnh Giác hiệu Thiền Tự tại Hàng Châu, nhọc lòng sửa Hạnh Nhất lại dặn dò và nói kệ: sang khiến cho điện gác đều được mới mẻ rực rỡ. Sư trụ trì chùa Đại Báo Quốc ở Hàng Châu, xây dựng Vạn Tùng môn và Ngọ Phong lâu. Về già, sư trụ trì chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, xây dựng lại chính điện và làm 3 pho tượng Phật lớn, các tượng Thiên, Thần. Tính sư ôn hậu, đạo mạo, giới luật nghiêm mật, mỗi khi thăng tòa thuyết »Hoa khai xuân phương đáo pháp, âm thanh như tiếng chuông lớn. Diệp lạc tiện tri thu Chi đầu sương oánh ngọc TÔNG DU Ngạc thượng tuyết liên châu Thiền pháp. Tiết Báo Từ Ngôn Hạnh Đạo Thanh thần vân tán sản long giáp Sư trong NĐHN q. 10 ghi: » Bạch nhật hà quang lỏa tượng khu – Quốc Báo văn tuy kiến nhất chủ Giang Nam xây dựng viện Báo Từ, bảo Phụng chúng thể toàn câu sư xiển dương thiền pháp với quy mô lớn«. Đạt-ma tây lai truyền hà pháp? Tiết Song Khê Ấn Thủ Tọa trong NĐHN Lô hoa thiệp hải thủy phù phù«. q. 10 ghi: » »Xuân đến hoa chớm nở – Từ khi sư gặp ngài Chân Thu về lá vàng rơi Tịnh, triệt chứng thiền pháp, trở về ẩn ở

TÔNG GIÁC (1091-1162) Song Khê«. DIỄN PHÁI Còn gọi: Tông Giáo Luật Chư Tông Diễn TÔNG GIÁC (1091-1162) Phái. Sách, 1 quyển, do Thủ Nhất Không Thiền tăng đời Tống, Trung Quốc, họ Tôn, Thành biên vào đời Thanh, được xếp vào hiệu Đại Hưu, người đời gọi là »Đại Hưu Tục Tạng kinh tập 150, trang 524. Nội Thiền sư«. Năm 16 tuổi sư xuất gia, 18 thụ dung giới thiệu tóm tắt về tôn chỉ quan giới cụ túc, tham Trường Lô Tổ Khâm Đạo trọng và sự truyền thừa của các tông phái Hòa. Sau khi Đạo Hòa lui về ẩn cư, sư Phật giáo Trung Quốc. Sách này phân loại tham kiến Chân Hiết Thanh Liễu, được không được rõ ràng, đại khái có thể chia tâm ấn nối pháp làm

truyền nhân tông Tào làm 9 tông như sau: Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Động. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ 2 (1132) Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Thánh sư khai đường nơi chùa Nhạc Lâm. Năm Thọ, Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Nam Sơn thứ 25 (1155) sang trụ núi Tuyết Đậu. Năm Luật. Ngoài ra, còn có phụ lục 10 điều. thứ 29 (1159) dời sang núi Thiên Đồng hoằng hóa cực thịnh, học chúng hơn ba TÔNG HIỂN ngàn người, kẻ anh tài tụ hội, đa số có chỗ Thiền tăng đờiTống, họ Vương, hiệu thành tựu, nổi bật nhất là Túc Am Trí Chính Giác, người xứ Đồng Châu (nay là Giám. huyện Tam Thai tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc. Ban đầu theo nghiệp Nho, đỗ tiến sĩ TÔNG GIÁM PHÁP LÂM rất có tiếng tăm. Nhân vốc nước suối để đùa giỡn mà ngộ lẽ vô thường và bỏ hết Sách, 72 quyển, do Ca Lăng Tính Âm soạn vinh hoa thế gian, nương Thiền sư Thuần vào đời Thanh, được xếp vào Tục Tạng Bạch ở chùa Chiếu Giác xuất gia. Sau khi kinh tập 116, trang 1. Toàn sách thu thập thụ giới cụ túc, sư theo đại chúng tham 2.720 điều cổ tắc công án, niêm tụng của thiền. Một hôm Thuần Bạch hỏi Tông các thiền sư trải qua nhiều đời. Nội dung Hiển: »Đứng trên đỉnh núi cao ngất, đi được sắp xếp theo thứ tự như sau: Thế tôn, dưới đáy biển sâu thẳm, ngươi làm sao Chư kinh, Thánh hiền ứng hóa, Tổ sư Ấn hội?«. Tông Hiển ngay lời này có lãnh ngộ, Độ, Tổ sư Trung Hoa, các Tổ dòng phụ, nối pháp ngài, thuộc tông Lâm Tế. Sau đó, những vị chưa rõ nối pháp ai, từ đời thứ 1 sư đi học các nơi, trải qua các thiền lâm. dưới ngài Đại Giám đến đời thứ 37 dưới Về già, sư theo Ngũ Tổ Pháp Diễn học Thanh Nguyên và Nam Nhạc, các bậc Tôn đạo, siêng năng khổ hạnh, ngộ được bản túc chưa rõ nối pháp vị nào. Sách được nguyên, tiếng lành đồn xa. Khi ra hoằng biên tập xong vào niên hiệu Khang Hy thứ pháp, sư trụ các chùa: Trường Tùng, Bảo 51 (1712), và được khắc bản xong tại Tông Phúc. Giám Đường chùa Bách Lâm ở Kinh sư TÔNG HUỆ ĐẠI SƯ vào năm 1714, nên tựa sách có tên là »Tông Giám Pháp Lâm«. Hiệu của thiền tăng Hành Tu, cũng gọi Trường Nhĩ Hòa thượng, sống vào đời Ngũ TÔNG GIÁO LUẬT CHƯ GIA Đại. X. Trường Nhĩ Hòa thượng.

TÔNG MẬT (780-841) TÔNG LẶC (1318-1391) Thiền tăng đời Minh, họ Chu, tự Quý »Đất đai sông núi thể tính không Đàm, hiệu Toàn Thất, người Đài Châu Đâu phân xuôi ngược với tây đông (Lâm Hải, Chiết Giang) Trung Quốc. Do Ngẫu nhiên đụng phải câu bình đẳng chán ghét vinh hoa nên 8 tuổi sư theo Tiếu Ngàn núi muôn sông một thể đồng«. Ẩn Đại Hân ở chùa Tịnh Từ, Hàng Châu Sư đến chùa Càn Minh yết kiến Vô Tận, học đạo, 14 tuổi cạo tóc, 20 tuổi thụ giới trình sở đắc của mình nhờ ngài ấn chứng, cụ túc. Khi Đại Hân khai sơn chùa Tập nối pháp ngài, thuộc tông Lâm Tế. Khi ra Khánh ở Long Tường, Kim Lăng (Nam hoằng pháp sư trụ Thất Tiêm Phong ở Tùy Kinh), sư theo hầu. Tham kiến Kính Sơn Châu (nay thuộc Hồ Bắc), đem Tam quan Nguyên Tẩu, giữ chức Ký thất. Ban đầu sư ngữ để dạy người học. trụ trì chùa Thủy Tây, dời sang trụ Trung Thiên Trúc, Song Kính v.v... Đầu đời TÔNG MẠCH Minh được triệu thỉnh trụ trì chùa Thiên Thế hệ truyền thừa Thiền tông. Huệ Năng Giới, phụng sắc cùng Như Kỷ soạn »Lăng truyện trong TCTT q. 8 ghi: » Nghiêm Kinh chú giải« 4 quyển, »Bát Nhã Tâm kinh chú giải« 1 quyển, »Kim Cang Bát nhã kinh chú giải« 1 quyển và hiệu – Hòa thượng đính »Đại Tạng Kinh«, sáng tác chương Thần Hội sắp xếp thứ tự thế hệ truyền

thừa nhạc tán thán đức Phật. Đời Minh, niên Thiền tông, ngoại trừ từ Như Lai trở xuống hiệu Hồng Vũ thứ 10 (1377) sang Tây Vực chư Tổ Tây Vực ra, 6 vị tổ Trung Hoa đều cầu pháp, được »Trang Nghiêm Bảo có vẽ hình của các ngài. Thái úy Phòng Vương Kinh«, »Văn-thù Kinh«. Niên hiệu Quan có làm Lục diệp đồ tự«. Hồng Vũ thứ 15 (1382) trở về nước nhậm chức Hữu thiện thế ở Tăng lục ty. Do bị TÔNG MẬT (780-841) triều triều thần ghen ghét hãm hại nên sư Thiền tăng đời Đường, họ Hà, người Tây lui về ở ẩn nơi am Viên Thông. Sung, Quả Châu (Tứ Xuyên) Trung Quốc. Thiếu niên sư thông kinh sử, có khí tiết, TÔNG LONG (?-1542) khảng khái có chí lớn. Năm 28 tuổi xuất Thiền tăng đời Minh, họ Cổ, tự Mộc Hưu, gia, đến chùa Hoa Nghiêm ở Trường An người xứ Ích Đô (nay thuộc Sơn Đông) theo Trừng Quán thọ giáo, học kinh nghĩa Trung Quốc. Sư nương chùa Thạch Phật ở Hoa Nghiêm. Về sau trụ thảo đường Khuê bản quận xuất gia, sau ngụ ở Thành Đô Phong núi Chung Nam tụng kinh tu thiền, Bắc Tự làm Điển tọa. Một hôm sư ra người đời gọi là »Khuê Phong Đại Sư«. đường gánh nước mà quên mất bản phận Ngoài việc tuyên giảng giáo nghĩa Hoa ấy, chợt đụng đầu vào vách liền có tỉnh, Nghiêm sư còn giảng về Thiền tông cùng thốt ra bài kệ như sau: các tông phái khác, nỗ lực dung hợp các phái. Niên hiệu Đại Hòa thứ 9 (835) vua Đường Văn Tông ban chiếu thỉnh sư vào cung giảng đại ý Phật pháp, được ban tử y.

TÔNG MÔN Thụy là »Định Huệ Thiền sư«. Tác phẩm: Hơn nữa, do Đại Tạng Cao Ly được giám Thiền Nguyên Chư Thuyên tập. sát kỹ để cho in lại, sau đó chẳng thấy truyền bản của sách này. Đến tháng 7 năm TÔNG MÔN 1981, học giả Nam Triều Tiên là Triệu Nhà Thiền tự gọi là Thiền tông, là Tông Minh Cơ từ Hán Thành trở về đến hiệu môn, và gọi các Tông phái khác của Phật sách, tình cờ phát hiện được mộc bản gốc giáo là Giáo môn. Tiết Tứ Tổ Trọng Tuyên Trung Hoa của sách này. Quyển thượng Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » gồm 53 tấm mộc bản (bảng gỗ), đã mất hết 2 tấm. Hiện còn phần thu thập truyện của 180 người, phụ lục »Quy Sơn Cảnh Sách«. – Chỉ cần có Quyển trung gồm 52 tấm mộc bản, thu khả năng liễu ngộ ngay nơi một lời nói, thập truyện của 137 người. Quyển hạ gồm chẳng đợi toạ thiền chứng Vô sinh. Một 48 tấm mộc bản, thu thập truyện của 107 niệm quán chiếu lại tự tâm, chẳng cất người. Tác giả đã từng đi thưa hỏi các bậc bước mà đi khắp các thế giới. Đường lối thiền sư tài giỏi các nơi, đọc rộng các sách, thẳng tắt như thế đáng gọi là Tông môn«. sưu tập nhiều tư liệu để biên thành sách này, vì thế đây là văn hiến quan trọng để TÔNG MÔN BẢO TÍCH LỤC nghiên cứu lịch sử Thiền tông Trung Quốc. Những truyện ký do sách này thu thập như: Lục, 93 quyển, do Sơn Hiểu Bản Chiết Hành giả Cam Chí ở Trì Xuyên, Thượng soạn vào đời Thanh. Trong Tục Tạng kinh tọa Tế, Kê Sơn Chương ở Trì Châu, tập 127 chỉ có ghi lời tựa, phàm lệ và mục Khuông Hóa ở chùa Báo Tự Đàm Châu lục của sách này. Tác giả thu thập ngữ lục Ứng Ngộ ở núi Vân Môn Thiều Châu, của 88 vị thiền sư trong 3 đời Tống Phúc Hóa Nghiêu ở My Châu, Huệ Giám ở Nguyên Minh chưa được ghi chép trong thành Thượng Hóa Lô Sơn, 8 vị thiền tăng các sách: »Ngũ Đăng Hội Nguyên«, »Cổ thường ở núi Bách Trượng Hồng Châu Tôn Túc ngữ lục«, mô phỏng theo thể lệ chẳng thấy nơi bất cứ quyển Truyền đăng của »Cổ Tôn Túc ngữ lục« mà sưu tập và lục, hay

Tăng truyện nào. Đây là chỗ có trình bày các phần: Thượng đường, Thị giá trị nhất của sách nầy. chúng, Tiểu tham, Cơ duyên, Niêm tụng, Pháp ngữ... TÔNG MÔN CHÍNH ĐĂNG LỤC TÔNG MÔN CHÍCH ANH TẬP Đăng lục, 12 quyển, do Đông Dương Anh Triều (Tăng nhân Nhật Bản) soạn. Sách Truyện, 3 quyển, do Duy Giản (Trụ trì này là truyện ký về chư Tổ Thiền tông, thu thiền viện Triệu Châu Siêu Hóa) tập lục thập 24 vị kể từ các Tổ sư dưới pháp hệ vào niên hiệu Cảnh Hựu thứ 5 (1038) đời Nam Nhạc như: Mã Tổ Đạo Nhất, Bách Tống. Khoảng niên hiệu Hoàng Hựu Trượng Hoài Hải, Hoàng Bá Hy Vận cho (1049-1053), sách này được khắc bản in ở đến các thiền sư Nhật Bản như: Đại Ứng Hàng Châu, sau đó truyền vào Cao Ly. Thiệu Minh, Đại Đăng Diệu Siêu... Trừ

TÔNG MÔN NIÊM CỔ HỐI TẬP truyện ký ra, còn có các phần: Ngữ yếu, »Huyền Giám Đồ«, dẫn chứng huyền cơ vi Niêm hương, Kệ tán, Hành trạng v.v.. Tác diệu của Tiên thánh và nắm lấy những giả là thiền tăng thuộc tông Lâm Tế, theo điểm cốt yếu rồi chia làm vài mươi mục lời tự tự viết vào niên hiệu Văn Quy thứ 1 như: Môn, Luận, Tụng, Đồ v.v.. để luận (1501) Nhật Bản, như sau: »Từ 5 ngọn đèn giải rõ ràng về nguồn gốc, sự phát triển (Ngũ Đăng) truyền cho trăm ngàn ngọn cùng với tông chỉ của các tông: Tào Động, đèn, trăm ngàn ngọn đèn họp làm một Quy Ngưỡng, Lâm Tế, Vân Môn, Pháp ngọn đèn, ánh sáng của chúng cháy sáng Nhãn. Nội dung bao gồm 12 môn: Phổ không tắt, nên dùng ý nghĩa này để đặt tên Hiền, Văn-thù, Quán Âm, Dĩ lý nhân hà, cho bộ sách«. Thuận thật y ngũ, Pháp thể tự nhiên, Mật ứng tàng phong, Sự lý lý đối, Ký sự tiêu TÔNG MÔN HOẶC VẤN cơ, Lý tuyệt thuyên sự, Thuận chính quy thật, Toàn cơ tận pháp và 5 luận: Tam Gọi đủ: Tông Môn Hiển Thánh Tự Tán huyền, Tứ đại thức, Bát bổng, Ngũ cú, Bát Mộc Thiền sư Tông Môn Hoặc Vấn. Còn đại thế cho đến các loại Ngũ vị đồ tụng gọi: Trạm Nhiên Thiền sư Tông Môn Hoặc v.v... Vấn Sách, 1 quyển, do Trạm Nhiên Viên Trừng soạn vào đời Minh, Liễu Trinh và TÔNG MÔN NIÊM CỔ Chu Gia Mưu biên tập, được xếp vào Tục Sách, 4 quyển, do biên giả trích lục từ Huệ Tạng kinh tập 126, trang 317. Nội dung Cung Huýnh Thiền sư ngữ lục từ quyển 2 gồm 52 mục về pháp môn tham thiền và đến quyển 5 để biên thành sách này. Sách yếu chỉ tu đạo do Thiền sư Viên Trừng đáp này được ấn hành vào niên hiệu Khang Hy lại lời hỏi của người học vào tháng 4 niên thứ 20 (1681). hiệu Vạn Lịch thứ 23 (1595). Cuối quyển phụ lục: »Tham Thiền Thích Nạn Hoặc TÔNG MÔN NIÊM CỔ HỐI TẬP Vấn Bổ Di«, »Đáp Minh Đảnh Tử Vấn«, »Đạt Quan Hòa thượng Chiêu Ương Lục, 45 quyển, do Bạch Nham Tịnh Phù truyện«. Sách này phụ vào sau bộ Trạm biên vào đời Thanh, được ấn hành vào niên Nhiên Viên Trừng Thiền sư ngữ lục. hiệu Khang Hy thứ 3 (1664) đời Thanh, sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh tập TÔNG MÔN HUYỀN GIÁM ĐỒ 115, trang 514. Nội dung bao gồm niêm đề, cơ duyên của Phật Tổ đến các thiền sư Sách, 1 quyển, do Hư Nhất Phương Giác đời thứ 33 dưới Nam Nhạc và đời thứ 36 biên vào đời Minh, được ấn hành vào niên dưới Thanh Nguyên. Sách này thu thập hiệu Vạn Lịch thứ 35 (1607) đời Minh và những lời niêm đề của các thiền sư từ đời được xếp vào Tục Tạng kinh tập 112, trang Tống, Nguyên trở về trước đã được »Tông 929. Tác giả xét thấy các tông phái trong Môn Thống Yếu« đem vào rồi bổ sung thiền lâm, mỗi mỗi đều lập môn phái riêng, những lời cơ duyên của họ. Đối với những đua

nhau đề xướng, khiến cho người học thiền sư từ đời Tống, Nguyên về sau mà đời sau không biết theo ai, nên làm ra »Tông Môn Thống Yếu« chưa đem vào thì

TÔNG MÔN THẬP QUY LUẬN căn cứ theo thời gian mà sắp xếp thứ tự »Tăng Tiên Bàng Chú Tông Môn Thập trước sau. Biên giả sưu tập nhiều ngữ lục, Quy Luận«. hành trạng, bi minh của các nơi, cứ một niêm thì một biệt, một đại thì một trưng, TÔNG MÔN THẬP THẮNG LUẬN đều nương theo thể lệ của »Tông Môn Thống Yếu« mà biên chép sửa thêm, gồm Luận nghị, 1 quyển, do Hổ Quan Sư Luyện 1.700 bài. (Tăng nhân Nhật Bản) soạn, được xếp vào phần phê phán của Thiền Học Đại Hệ. Tác TÔNG MÔN THẬP QUY LUẬN giả nêu ra 10 việc để phân tích và trình bày lý do tại sao Thiền tông hơn hẳn các Tông Còn gọi: Pháp Nhãn Thiền sư Tông Môn phái khác. Bàn về 10 điểm ưu việt (Thập Thập Quy luận, Tịnh Huệ Pháp Nhãn thắng Luận) như sau: Thiền sư Tông Môn Thập Quy luận. Luận, 1. Thiền tông chính thức kế thừa từ Thiên 1 quyển, do Thanh Lương Văn Ích soạn Trúc. vào đời Ngũ Đại, được xếp vào Tục Tạng 2. Địa vị cao quý của Bồ-đề Đạt-ma kinh tập 110, trang 877. Đại ý của sách này 3. Chư Tổ nổi tiếng ai ai cũng biết. là nêu ra những thông bệnh của thiền tăng 4. Lưu phái được truyền bá rộng rãi và lâu đời Ngũ Đại, rồi ban cho những lời khuyên dài. bảo, tất cả gồm có 10 điều: 5. Dự đoán được sự phát triển của tương 1. Tự mình chưa sáng được tâm tính mà lai Thiền tông. dối làm thầy mọi người. 6. Các tác phẩm Thiền tông đều được nhập 2. Muốn cử dương môn phong mà chẳng tạng. thông nghị luận. 7. Quy củ nghiêm chỉnh 3. Muốn nêu chỗ mấu chốt mà chẳng biết 8. Sự quy hướng đông đảo của Vua quan. huyết mạch. 9. Sự ứng cơ giáo hóa người học rất khéo. 4. Đối đáp không quán sát thời cơ lại 10. Các tông phái khác đều suy tôn Thiền không có tông nhãn. tông 5. Lý sự trái nhau, chẳng phân biệt đục Trong quyển hạ của »Thiền Bạ chí« có trong. phần phê bình như sau: 6. Chẳng trải qua sự sàng lọc, ức đoán — Điều 1, 3, 7, 9, 10 luận rất xác đáng. ngôn cú cổ kim. — Điều 2, 5 là chỗ thán phục của người 7. Chỉ biết ghi nhớ cơ phong của cổ đức, theo Giáo môn. gặp việc chẳng hiểu diệu dụng. — Điều 6 chưa phải là ưu việt. 8. Chẳng thông giáo điển, dẫn chứng loạn — Điều 4, 8 còn hẹp hòi. xạ. 9. Chẳng kể đến thanh luật, chẳng đạt đạo TÔNG MÔN THIẾT NẠN lý mà thích làm kệ tụng. 10. Cố giữ sở đoản của mình, thích tranh Gọi đủ: Vân Môn Mạch Lãng Hoài Thiền hơn thua. sư Tông Môn Thiết Nạn. Lục, 1 quyển, do Đời sau chú thích về sách này có quyển Mạch Lãng Minh Hoài (Thiền tăng tông

TÔNG NGUYÊN (1100-1176) Tào Động) soạn vào đời Minh, Hứa tông. Cách hành văn gần giống như thi Nguyên Chiêu lục, được xếp vào Tục Tạng thoại, từ thoại, có thể gọi là Thiền thoại, kinh tập 127, trang 1002. Vào niên hiệu gồm 121 điều. Các thiền ngữ được thu thập Vạn Lịch thứ 48 (1620) đời Minh, có vị hoặc là cơ phong cao vút, hoặc là lời bình tăng cho rằng: »Tâm pháp của Thiền tông thường chân chất, đôi khi là những câu là quét sạch quán hạnh, chẳng lập văn tự, chuyện sinh động lý thú, cũng có khi là thế sao lại có thuyết của các thiền sư đời những câu chuyện thần thánh quỷ dị. Sách sau như: Tam huyền tam yếu, Ngũ vị tam này là một tác phẩm Thiền tông rất đặc quan«, rồi đem 25 điều nghi ngờ quan sắc, được thiền tăng tông Lâm Tế truyền trọng trong Tông môn để hỏi Minh Hoài. tụng. Minh Hoài trình bày và giải thích mỗi điều thật rõ ràng bằnh hình thức vấn đáp để TÔNG MÔN VÔ TẬN ĐĂNG hoằng dương yếu

nghĩa Thiền tông. LUẬN Luận, 2 quyển, do Đông Lãnh Viên Từ TÔNG MÔN THỐNG YẾU TỤC (Thiền tăng tông Lâm Tế Nhật Bản) viết, TẬP được xếp vào Đại Chính Tạng tập 81, trang Còn gọi: Tục Tập Tông Môn Thống Yếu. 581. Tác giả đem 10 điều dưới đây theo Lục, 22 quyển, do Tông Vĩnh nguyên biên thứ tự giải thích về pháp môn tín tâm tu vào đời Tống, Nguyên Thanh Mậu tục hành: biên. Theo lời tựa của Phùng Tử Chấn, 1. Tông do chúng ta biết được »Tông Môn Thống 2. Tín tu Yếu« của Tông Vĩnh khắc bản lại vào niên 3. Hiện cảnh hiệu Thiệu Hưng thứ 3 (1133) đời Tống, 4. Thực chứng Nguyên Vĩnh Mậu đã thêm vào 2 quyển, 5. Thấu quan nghĩa là bổ sung tất cả 406 vị kể từ đời thứ 6. Hướng thượng 12 đến đời thứ 18 dưới Nam Nhạc, đời thứ 7. Lực dụng 11 đến đời thứ 14 dưới Thanh Nguyên, 8. Sư thừa nhưng chỉ thu thập 259 bài ngữ yếu cơ 9. Trưởng dưỡng duyên của 131 vị mà thôi. 10. Lưu thông. Quyển cuối có phụ lục 1 thiên »Hành Trì TÔNG MÔN VÕ KHỐ Luận«. Gọi đủ: Đại Huệ Phổ Giác Thiền sư Tông Tên sách »Vô Tận Đăng« là do lấy ý nghĩa Môn Võ Khố. Còn gọi: Đại Huệ Tông Môn từ »Một ngọn đèn phân phát ra ngàn ngọn Võ Khố, Đại Huệ Võ Khố. Bút ký, 1 quyển, đèn ánh sáng không dứt«. do Đại Huệ Tông Cảo soạn vào đời Tống, đệ tử của sư là Đạo Khiêm biên tập, được TÔNG NGUYÊN (1100-1176) xếp vào Đại Chính Tạng tập 47, trang 943. Thiền tăng đời Tống, họ Liên, hiệu Trúc Đại Huệ Tông Cảo thu thập các câu Nguyên, người Kiến Dương (Phúc Kiến) chuyện trong chùa vào các đời trước hoặc Trung Quốc. Thuở nhỏ theo Nho học, được đương thời và cơ ngữ của cao tăng Thiền mọi người khen là tú kiệt trong Nho giới,

TÔNG NHÃN 28 tuổi sư vào cửa Tây Phong Đạo Tủng về Diệu tâm của Thiền tông. Nội dung viện xuất gia; sau tham kiến Đại Huệ Tông Cảo dẫn cơ duyên tham ngộ của tiên thánh, y ở Kính Sơn được ấn khả mà nối pháp làm vào thứ tự trước sau để tham cứu, từng truyền nhân tông Lâm Tế. Nơi chùa Tây bước trình bày ý nghĩa giáo thiền hợp nhất, Thiền sư giữ chức Phân tọa, theo lời mời thiền tịnh song tu. của Thừa tướng Trương Tuấn sư đi du phương các chùa hoằng dương Thiền TÔNG PHONG phong. Cuối đời sư trở về quê ẩn cư, am Còn gọi: Phong nghi, Thiền phong. Phong tranh gọi là »Chúng Diệu Viên«. Tăng tục cách riêng biệt của một tông. Chẳng hạn: xen thỉnh khai pháp, sư mở hội giảng Lâm Tế Tông phong, Tào Động Tông thuyết. Tác phẩm: Trúc Nguyên Nguyên phong (phong cách riêng biệt của tông Am Chủ Ngữ 1 quyển. Lâm Tế, phong cách riêng biệt của tông Tào Động). Lâm Tế ngữ lục ghi: » TÔNG NHÃN Giáo nghĩa Thiền tông, giáo nghĩa tông phái. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » – Hỏi: Sư xướng gia khúc của ai, tiếp nối tông phong của vị nào? Sư đáp: Ta – ở chỗ Hoàng Bá, 3 phen thưa hỏi là 3 phen Nếu có thể nói được mới là một đời lanh lẹ bị đánh«. làm rực rỡ giáo nghĩa Thiền tông; còn như mù mờ sẽ lãnh đủ một dùi trên đảnh, chớ TÔNG SƯ bảo ta chẳng nói«. Pháp sư Thiền tông. Bích Nham lục q. 1 ghi: » TÔNG NHẤT ĐẠI SƯ – Hiệu của Thiền tăng Sư Bị đời Ngũ Đại. Nói chung, nếu người nào muốn đỡ nâng X. Sư Bị. Thiền và Giáo thì cần phải có con mắt và tác dụng của bậc Pháp sư Thiền tông chân TÔNG NHẤT THIỀN SƯ chính«. 1. Hiệu của Thiền tăng Thủ Oai, đời Ngũ TÔNG THỌ Đại. X. Thủ Oai. Thiền tăng đời Tống, hiệu Vô Lượng, 2. Hiệu của Thiền tăng Pháp Đạo, đời Ngũ người đời gọi

là »Vô Lượng Thọ Thiền Đại. X. Pháp Đạo. sư«, nối pháp Thiền sư Tú Nham Sư Đoan, thuộc tông Lâm Tế. Sư trụ trì chùa Thụy TÔNG PHẠM Nham ở Minh Châu (nay thuộc huyện Sách, 2 quyển, do Tiền Y Am soạn vào đời Ninh Ba, Chiết Giang). Tác phẩm: Nhập Minh, được xếp vào Tục Tạng kinh tập Chúng Nhật Dụng Thanh Quy, được ấn 114, trang 567. Toàn sách chia làm 10 hành vào niên hiệu Ninh Tông Gia Định chương: Thiền nguyên, Triệt tham, Điều thứ 2 (1209). tập, Nhập thánh, Lợi nhân, Hiển dụ, Cơ dụng, Cương tông, Thị biện, Quán giáo nói

TÔNG TÍN TÔNG THỐNG BIÊN NIÊN (thành phố Hình Đài, tỉnh Hà Bắc) Trung Quốc. Đắc pháp nơi Thiền sư Văn Tải ở Sách, 32 quyển, do Kỷ Ấm biên tập vào Tổ đình Thiếu Thất, đời thứ 29 hệ Thanh đời Thanh, được xếp vào Tục Tạng kinh Nguyên. Trụ trì Tổ đình Thiếu Thất vào tập 147, trang 1. Kỷ Ấm dùng hình thức niên hiệu Gia Tĩnh thứ 36 (1557), vào niên biên niên thể để ghi chép về sự phát triển hiệu Gia Tĩnh thứ 45 sư trụ trì am Tông và diễn biến của Thiền tông từ Đức Thích- Cảnh ở Bắc Kinh. Tác phẩm: Tiểu Sơn biệt ca-mâu-ni đến niên hiệu Khang Hy thứ 28 tập, Tông Thư ngữ lục (1689) đời Thanh. — Quyển l, 2: Truyện Phật Thích-ca-mâu- TÔNG THỪA ni 1. Tức là Thiền tông, cũng gọi là Tổ sư — Quyển 3-7: Truyện chư Tổ Ấn Độ. Thiền, là pháp thiền trực tiếp do Phật — Quyển 8: Truyện Sơ Tổ Trung Hoa là Thích-ca truyền cho Tổ Ca-diếp. Tắc 22 Bồ đề-đạt-ma Bích Nham lục (Đại 48, 162 hạ) ghi: » — Quyển 9-30: Truyện Nhị Tổ Trung Hoa là Huệ Khả cho đến các thiền sư của 5 tông phái, xuống tới truyện Vũ Môn đời thứ 29 – Về của tông Lâm Tế, sách Tông Cảnh đời thứ sau tôi đến Đức Sơn hỏi: Việc trong Tông 29 của tông Tào Động, gồm cả việc ghi về thừa xưa kia, người học có phần chăng? sự kiện lịch sử Phật giáo quan trọng, hễ có Sơn liền đánh cho một gậy, bảo: Nói cái nghi vấn thì có phụ chú thêm để giải thích. gì? Lúc ấy tôi như thùng lủng đáy«. — Quyển 31, 32: Có tựa là »Chư Phương Lược Kỷ«. Nội dung thu thập những điều 2. Thiền pháp. Tiết Thượng Phong Bản Tài thấy nghe về pháp hệ Thiền tông của các Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » nơi từ niên hiệu Vạn Lịch thứ 43 (1615) đời Minh đến niên hiệu Khang Hy thứ 28 – Thiền pháp đưa ra khéo dứt tên (1689) đời Thanh. Tác giả sưu tập tư liệu gọi và lời nói, một câu thông suốt thì muôn với phạm vi rất rộng, tài liệu được rút ra từ vàn sự vật đều là diệu thể chân như«. các loại Truyền đăng lục, Cao tăng truyện, gồm cả những sách vở ngoài Phật giáo. TÔNG TÍN TÔNG THÚ Thiền tăng đời Nguyên, họ Phương, hiệu Ý chỉ của thiền. Bài tựa trong kinh Lăng-Cập Am, người xứ Vụ Châu (nay thuộc già Tâm Ấn do thiền sư Hàm Thị sớ giải huyện Kim Hoa, Chiết Giang) Trung ghi: »Táo Bá rất thâm hiểu tông thú kinh Quốc. Sư tham vấn nơi ngài Tuyết Nham Lăng-già vậy«. Tổ Khâm và đắc pháp rồi nối pháp ngài, thuộc tông Lâm Tế. Ban đầu sư ở Tây TÔNG THƯ (1500-1567) Phong tại Kiến Dương để hoằng pháp, về Thiền tăng đời Minh, họ Lý, tự Tiểu Sơn, sau sư trụ Đạo Tràng Sơn, Vạn Thọ Sơn tại hiệu Đại Chương, người phủ Thuận Đức Hồ Châu (nay thuộc Phúc Kiến).

TÔNG TĨNH (871-954) TÔNG TĨNH (871-954) TÔNG TỊNH (1337-1442) Thiền tăng đời Minh, họ Nghê, tự Nguyệt Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Thai Giang, hiệu Nguyệt Thanh, người xứ Lan Châu (nay là huyện Lâm Hải tỉnh Chiết Khê (nay thuộc

Chiết Giang) Trung Quốc. Giang) Trung Quốc. Ban đầu sư tham thiền Năm 17 tuổi theo ngài Văn Trạch xuất gia sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn, sung chức học đạo tại viện Chính Giác, tụng kinh Phạn đầu hơn 10 năm, sau trở về Chiết Lăng Nghiêm có tỉnh. Sư đến Song Lâm Giang ở viện Lục Thông. Ngô Việt Vương tham Chính Am Ngân Thiền sư. Chính Am thỉnh sư ở chùa Long Hưng tại Hàng Châu, vừa gặp sư liền sai làm Duy-na. Khi ra tuy số chúng có đến ngàn người, nhưng hoằng pháp sư trụ Kính Sơn, Hàng Châu, đều là hạng tam học giảng tụng. Ngô Việt trong lúc giáo hóa mọi người, không ai Vương nhiều lần mời sư vào phủ để thưa chẳng khâm phục. Tác phẩm: Kính Sơn hỏi yếu chỉ của Thiền và ban cho sư hiệu tập, Nguyệt Thanh ngữ lục, Thạch Môn Đại Sư. ngữ lục.

TÔNG TĨNH (1373-1448) TÔNG TRÁCH Thiền tăng đời Tống, họ Tôn, người Tương Thiền tăng đời Minh, họ Cao, tự Chiếu Dương (Hồ Bắc) Trung Quốc. Tuổi nhỏ sư Am, hiệu Điềm Hiên Tẩu, người xứ Vũ mất cha, được mẹ nuôi dưỡng nên người. Lâm (nay là Hàng Châu) Trung Quốc. Sư Chí khí hơn người học tập Nho nghiệp, bác nương ngài Nhạc Công ở chùa Tịnh Từ tại thông kinh sử. Lúc 29 tuổi đến chùa Hàng Châu để xuất gia và thụ giới cụ túc, Trường Lô, Chân Châu (Nghi Chân, Giang nghiên cứu kinh điển, hiểu sâu áo nghĩa Tô) sư theo Viên Thông Pháp Tú cạo tóc Chỉ Quán của tông Thiên Thai. Thiền sư xuất gia và thụ giới cụ túc. Sau sư theo Tổ Phương Liên kế vị trụ trì chùa Tịnh Từ Quảng Chiếu Ứng Phu tham vấn thiền chỉ. vừa gặp sư liền biết sư là pháp khí nên cho Một hôm, sư vừa bước lên bực thềm chợt sư hầu hạ bên cạnh để trao cho pháp yếu. có tỉnh ngộ, liền làm bài kệ: Một thời gian lâu sư có tỉnh, liền được ngài ấn chứng. Đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403) sư theo Tổ Phương đến kinh đô, tham gia vào việc sửa chữa »Vĩnh Lạc Đại Điển«. »Nhấc chân bước lên thềm, Khi Tổ Phương bị đày đi Ngũ Đài, sư Thấu rõ pháp này xong, trước sau vẫn không rời Ngài, dù ở lều cỏ Bên cây hoàng dương cười ha hả, uống nước khe, lặn lội chốn hiểm nguy sư Trời xanh muôn dặm một vầng trăng«. càng cung kính hầu hạ ngài. Năm 1411, sư Được Ứng Phu ấn khả, nối pháp làm ra hoằng pháp trụ chùa Hộ Quốc. Đầu niên truyền nhân tông Vân Môn. Niên hiệu hiệu Tuyên Đức (1426) sư dời đến chùa Nguyên Hựu (1086-1093) sư trụ trì chùa Tuyết Đậu ở Phụng Hóa (nay thuộc Chiết Trường Lô đón mẹ về ở thất phía đông Giang), ít lâu sau lại dời sang chùa Tịnh phương trượng, khuyên mẹ cạo tóc xuất Từ. gia và trì niệm Phật A-di-đà. Bảy năm sau

TỐNG mẹ mất, sư làm »Khuyến hiếu văn« 120 (nay thuộc Chiết Giang) Trung Quốc. Sư thiên nói về hiếu đạo thế gian và xuất thế thờ Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận, về sau ra gian. Niên hiệu Nguyên Hựu thứ 4 (1089) hoằng pháp ở viện La Hán Hàng Châu, lúc mô phỏng Bạch Liên xã ở Lô Sơn, sư lập tiếp cơ thích dùng từ ngữ »Cốt tỏa dã«, nên Liên Hoa Thắng Hội khuyến khích đạo tục lúc ấy sư có hiệu là »Cốt Tỏa Hòa niệm Phật hiệu hồi hướng phát nguyện cầu thượng«. sinh Tịnh độ. Niên hiệu Sùng Ninh (1102- 1105) đáp ứng lời thỉnh của Đải Chế TÔNG TƯỢNG Dương Úy, sư hoằng pháp tại phủ Chân Còn gọi: Tông sư, Tông sư gia, Thiện tri Định (Chân Định, Hà Bắc). Tác phẩm: thức. Bậc thầy giỏi chuyên truyền dạy Thiền Xã Thanh Quy 10 quyển, Vi Giang Thiền tông. Đây là bậc Cao tăng đã thể đắc tập, Tọa Thiền Châm, Niệm Phật Tham tông chỉ Thiền tông, hay khéo dùng Thiền Cầu Tông Chỉ Thuyết, Liên Hoa phương tiện để tiếp

hóa đệ tử giúp họ tiến Thắng Hội Lục Văn, Niệm Phật Hồi vào cảnh giới ngộ một cách đúng đắn. Hướng Phát Nguyện Văn. Thụy là »Từ Thích Thị Yếu Lãm, q. thượng (Đại 54, 260 Giác Đại Sư«. trung) ghi: »

TÔNG TRẠCH (1640-1707) – Tông tượng, là vị Thiền tăng đời Thanh, họ Trương, tự Đông thầy truyền dạy Thiền tông. Hơn nữa, chữ Lan, người xứ Tấn Giang (nay thuộc Phúc Tông còn có âm là Tôn, hàm ý tôn kính, Kiến) Trung Quốc. Xuất gia từ thuở bé, sư nghĩa là người chuyên dạy về pháp tu học ở chùa Khai Nguyên. Năm 1673, Sư KHÔNG, được mọi người tôn kính«. Theo: vượt biển đến Trường Kỳ (Nagasaki) Nhật PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Bản tới chùa Phúc Tế ra mắt Từ Nhạc Định Sâm. Niên hiệu Nhật Bản Thiên Hòa TÔNG YẾU thứ 1 (1681), nước Nhật bị thiên tai, Tông Yếu nghĩa Thiền tông. Tiết Long Đàm Hòa Trạch thống lãnh đồ chúng bưng bát cứu thượng trong TĐT q. 5 ghi: » giúp hơn 10.000 người. Về sau, sư nối pháp ngài Định Sâm, trở thành vị trụ trì đời thứ 3 của chùa Phúc Tế. Niên hiệu Nguyên – Sư đã lãnh hội được Lộc thứ 6 (1693), sư xây dựng Linh Thứu tông yếu, chạm mắt đều rõ ràng, giống như Am. Đến năm 1696, sư lại ra trụ trì chùa khách ở xa trở về quê nhà, bỏ ngay ý định Phúc Tế. Niên hiệu Bảo Vĩnh thứ 4 (1707), đi lang thang và như kẻ nghèo được kho sư thị tịch. báu, không món gì cần dùng lại không có«.

TÔNG TRÍ TỐNG X. Viên Trí. 1. Đẩy. Tiết Đức Sơn Tuyên Giám Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » TÔNG TRIỆT (?-919) Thiền tăng đời Đường, người xứ Hồ Châu

TỐNG CAO TĂNG TRUYỆN ra, những nhân vật quan trọng của các phái Thiền tông đều có truyện riêng, Đối với – Lâm Tế nghe được bảo những sự tích tranh luận trong nội bộ Lạc Phố rằng: Ngươi đi hỏi hắn, nói được Thiền tông cũng chẳng che giấu. Đây là vì sao cũng ăn ba mươi gậy? Đợi hắn một tư liệu quan trọng để nghiên cứu lịch đánh, ngươi nắm gậy đẩy cho một cái, để sử Thiền tông. Tư liệu sưu tập của tác giả coi hắn làm sao? Phố hỏi như Tế đã dạy, rất phong phú, bi minh, tháp minh, loại dã sư (Đức Sơn) liền đánh. Phố nắm lấy gậy sử đáng khảo chứng đều được đem vào đẩy cho một cái. Sư trở về phương sách này (là loại tỉ mỉ xác thực đáng tin trượng.« cậy) có giá trị sử liệu rất cao, thế nên đây 2. Đưa ma, đưa đám. Vô Môn Quan ghi: là một tác phẩm sử truyện Phật giáo nổi » tiếng. Năm 1987, Trung Hoa Thư Cục có ấn hành sách này, bản có dấu câu rõ ràng. – Sư sai Duy-na đánh kẻng báo cho chư tăng TỐT KHÁCH VÔ TỐT CHỦ biết: ›Sau khi ăn đi đưa đám một vị tăng mới mất‹. Đại chúng bàn tán: Toàn chúng đều an ổn, Niết-bàn đường cũng không có Vị khách có thủ đoạn tài tình và chủ là người bệnh, vì sao như thế?« người không có bản lĩnh. Thời Nam Triều, 3. Động tác đại tiện, tiểu tiện. Đi ỉa, đi đái. Sơ tổ Thiền tông Đạt-ma từ Thiên Trúc Lâm Tế ngữ lục ghi: » sang Trung Quốc, lúc ấy dù Lương Võ Đế là bậc thượng trí lanh lợi song vẫn chưa thể – Đạo lưu, khế hợp với vị khách có thủ đoạn đặc biệt Phật pháp không có chỗ dụng công, chỉ là này. Tắc 2, Thung Dung lục (Đại 48, 228 bình thường vô sự, đi ỉa đi đái mặc áo ăn trung) ghi: » cơm, buồn ngủ liền đi nằm.«

TỐNG CAO TĂNG TRUYỆN – Rót chén ngọc mời người, ít có ai không để tay trên đóc gươm, vị khách có thủ đoạn Còn gọi: Đại Tống Cao Tăng truyện. tài tình mà người chủ lại không có bản Truyện, 30 quyển, do Toản Ninh biên soạn lĩnh, ưng đồ giả mà chẳng chịu đồ thật; vào đời Tống, được xếp vào Đại Chính không dùng được đồ quý báu lại đưa đầu Tạng tập 50, trang 709. Nội dung bao gồm con mèo chết ra!«. truyện ký của các bậc cao tăng trong vòng 300 năm, kể từ niên hiệu Trinh Quán (627- 649) đời Đường đến niên hiệu Đoan Củng TRA SA thứ 1 (988) đời Tống. Thu thập tổng cộng 531 truyện chính và 125 truyện phụ. »Tập Còn gọi: Trác sóc. Dựng đứng, giương lên. Thiền Thiên« thu thập 103 truyện chính, Mật Am ngữ lục ghi: » 29 truyện phụ. Ngoài Vân Môn Văn Yển – Sư tử lông vàng đuôi dựng đứng«.

TRAI ĐƯỜNG TRA TRA NHA NHA TRÁC TÍCH TỰ (532) Chùa nằm trên núi phía đông huyện Hồ Có vẻ so le không đều. Như Tịnh ngữ lục Dương, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. q. hạ ghi: »Tra tra nha nha, lão mai thọ, hốt Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 6 (790) đời khai hoa. – Cội mai già cao thấp không Đường, Thiền sư Đại Điên mở núi xây đều, chợt nở hoa.« dựng. Trong khuôn viên chùa có suối Trác Tích do Đại Điên dùng tích trượng cắm xuống lấy nước vào thời ấy và có động TRÁC »Bạch Ngưu Nham«, là nơi ngài Đại Điên 1. Xây dựng; kiến trúc, xây cất. Tiết Quy ngồi xoay mặt vào vách tu thiền. Ba chữ Tông Trí Thường Thiền sư trong NĐHN q. »Trác Tích Tự« trên bảng chùa, do Thứ cát 3 ghi: » – Miếng sĩ Tiêu Thụy Mông của viện Hàn Lâm, đời đất này có vị trí rất tốt để dựng am«. Tiết Minh viết. Sa-di Cao ở Lễ Châu trong NĐHN q. 5 ghi: » TRẠCH SƠN THANH QUY – Hãy đến ven đường, cất một am tranh để tiếp đãi trà nước cho X. Thiền Lâm Bị Dụng Thanh Quy. khách vãng lai đi!« 2. Đập, gõ. Tiết Từ Tế Thông Thiền sư TRAI CHỦ trong NĐHN q. 16 ghi: » Thí chủ cúng dường bữa ăn trưa cho chư tăng. Kinh Lăng Nghiêm q. 1 (Đại 19, 106 – Sư giơ cây gậy lên nói: Người kia hạ) ghi: » vốn lành lặn, đừng làm cho y bị thương. Sư dộng xuống đất một gậy rồi bước xuống – Ngay khi ấy, A-nan tòa«. tay ôm bình bát đi từng nhà dọc theo đường phố để khất thực, trong tâm mong Tiết Tam Giác Huệ Trạch Thiền sư trong cầu được người đàn việt sau cùng vì mình NĐHN q. 17 ghi: » mà làm trai chủ«. – Sư dộng xuống đất một gậy, Tăng nói: Đáp thì TRAI ĐƯỜNG đáp ngay cho, còn dộng một cái để làm Nhà ăn của các tự viện Thiền tông. Môn gì?«. Điện Đường trong Thiền Lâm Tượng Khí Tiên ghi: » TRÁC SÓC Căng ra, vểnh lên. Tiết Khai Nguyên Tử Kỳ Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: » – Trai đường là nhà ăn, nhà ăn cũng là nhà ở của chư tăng. Ngày nay, tại – Đầu rối bù, núi Hoàng Bá này, ngoài nhà ở của chư tai vểnh lên, mỗi vị đều là bậc đại trượng tăng còn cất riêng nhà ăn; bởi theo thanh phu, sao lại không dây mà tự buộc?« quy của Thiền lâm là như thế, chẳng phải

TRAI THOÁI như xưa«. TRẠM NHIÊN THIỀN SƯ KHÁI
CỔ LỤC
TRAI THOÁI

X. Khái Cổ lục.

Còn gọi: Trai bãi. Chỉ cho sau khi ăn trưa, khoảng thời gian sau ngọ 3 giờ. Chương TRẠM NHIÊN THIỀN SƯ TÔNG

Trụ Trì trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh

MÔN HOẶC VẤN

Quy, q. thượng (Đại 48, 1126 trung) ghi:

» – Ăn trưa xong

X. Tông Môn Hoặc Vấn.

đánh trống tập hợp chúng«.

TRẢM ĐẦU CẦU HOẠT TRẠM NHIÊN VIÊN TRỪNG Còn gọi: Trảm đầu mịch hoạt. Chặt đầu để tìm sự sống, dụ chỉ ngôn hạnh si mê ngu Thiền tăng Viên Trừng đời Minh, tự là xuẩn. Vân Môn quảng lục q. trung: » Trạm Nhiên, nên người đời gọi là »Trạm Nhiên Viên Trừng«. X. Viên Trừng.

TRANG CHỦ Còn gọi: Đô trang. Chức vụ quản lý về các – Nếu nói tức tâm tức việc đất đai của thiền viện, xử lý tất cả việc Phật có khác chi nhận tớ làm chủ; sinh tử nhỏ trong trang ấp, như: xem xét ranh Niết-bàn giống như chặt đầu để tìm sự vườn ruộng, sửa sang nhà cửa, vỗ về tá sống. Nếu nói Phật nói Tổ, Phật ý Tổ ý rất điền. Thiền Lâm Loại Tụ q. 9 ghi: » giống cho hạt chuỗi là con mắt«. TRẠM LÔ THIỀN AM

Niên hiệu Nguyên Phù thứ 2 (1099) đời Tống, đem »Thượng Ty« mở rộng xây dựng làm »Trạm Lô Thiền Am«. X. Thanh – Một hôm, Hòa Lương Tự. thượng Nam Tuyền Nguyện chẳng đi xuống trai đường để dùng cơm. Thị giả hỏi lý do. TRẠM HỰU (1645-1710) Sư đáp: Hôm nay ta ghé trang trại ăn bánh Thiền tăng Cao Ly, họ Kim, tự Thiên Phu. tiêu no nê rồi! Thị giả nói: Hòa thượng Sau khi thọ giới sang nhà Thanh (Trung không từng bước ra khỏi cửa mà! Sư nói: Quốc) tham học với Thiền sư Thiên Thọ Ông đi hỏi Trang chủ xem. Thị giả vừa Bản Thực mà đắc pháp, đời thứ 37 hệ Nam bước ra cửa chợt thấy Trang chủ, liền trở Nhạc. Trụ trì chùa Quảng Tế, Bắc Kinh. vào làm lễ tạ lỗi với Hòa thượng«. Tác phẩm: Quảng Tế Tự chí. TRANG NGHIÊM MÔN TRẠM NHIÊN Các Phật sự được tổ chức long trọng như: Hiệu của Thiền tăng Tự Tính, sống vào đời Thuyết pháp, tụng kinh, cầu đảo, được Minh. X. Tự Tính. Thiền gia gọi là »Trang nghiêm môn«, nghĩa là pháp môn phương tiện, không

TRANH NHÂN NGÃ phải là pháp căn bản chỉ thẳng tâm tính cho người triệt ngộ. Lâm Tế ngữ lục ghi: »

– – Đã lâu Dược Sơn không

Ngay như các nơi thuyết lục độ vạn hạnh,thăng đường, Chủ sự thưa rằng: Đại gọi là Phật pháp, nhưng tôi nói là Trangchúng từ lâu muốn Hòa thượng chỉ dạy. nghiêm môn, Phật sự môn, chẳng phải là Sơn bảo: Hãy đánh trống lên! Đại chúng Phật pháp«. vừa tụ tập, Sơn liền trở về phương trượng. Chủ sự nói: Hòa thượng hứa thuyết pháp TRÀNG cho đại chúng nghe, vì sao chẳng nói lời Ăn bừa bãi, hàm ý chê bai. Như Tịnh ngữ nào?

Sơn đáp: Kinh đã có Kinh sư, Luận lục, q. thượng ghi: đã có Luận sư, sao còn trách lão tăng?« TRANH ĐẦU Sôi nổi. Huệ Nam ngữ lục ghi: »

»Thạch thượng bính xuất trường trường duẫn. Kim nhật tương lai bác liễu tiên – Tam huyền tam yếu, Ngũ vị quân Hải để nê ngưu tràng nhất đốn thần, Tứ chủng tạng phong, Bát phương Toản thiên diêu tử đỗ bì xuyên«. châu ngọc, 30 năm trước sôi nổi giành »Trên đá mọc lên mụt măng dài mua, đều trổ cơ phong mà nay nói thái bình, tức là mỗi người khôi phục lại bản Ngày nay lột vỏ nấu đi thôi tính vậy«. Trâu đất biển sâu ăn một bữa, Dùi trời chim Cắt phủng bụng rồi«. TRANH NA… HÀ? Không thể làm gì được… sao? Tiết Động TRÀNG TỬU TAO HÁN Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 ghi: » Gã say sưa, gã ăn hèm. Lời quở mắng của – Không thể để danh Thiền sư. Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: » suông ở đời được sao?«.

– Nếu lúc ấy TRANH NHÂN NGÃ tôi vào được cửa của Hòa thượng Quán thì Tranh giành nhân ngã. Khoe khoang háo bọn ăn hèm các ông nhằm chỗ nào mò thắng, tranh cao thấp. Theo nhà Phật mà bắt?«. nhìn, đây là biểu hiện của tâm chấp trước, phân biệt trầm trọng. Chương thứ 10, Thư TRANH khuyên bạn hữu trong TTVGT ghi: » Sao? Đâu? Nghi vấn từ, tương đương với – Người đời lao chẩm (). Pháp Diễn ngữ lục ghi: » xao, tranh giành nhân ngã.«

TRANH THẦN VẪN TRANH THẦN VẪN huyền diệu mà không thấy Phật tính, luôn Tranh luận, tranh cãi. Phần Dương ngữ lục luôn bị hôn trầm trạo cử che phủ.« q. trung ghi: » – Chốn tùng lâm TRÁP THƯỢNG MY MAO tranh luận sôi nổi giống như bắt lấy hoa đốm giữa hư không.« Còn gọi: Tích thủ my mao, tích khởi my mao. Lời nói mà nhà thiền quen dùng để TRÁNH LUẬN TĂNG khuyên người phấn khởi tinh thần. , nhanh Chỉ cho vị tăng thích biện luận giành phần chóng lãnh hội thiền cơ. Tiết Pháp Xương hơn, chấp trước ngôn ngữ tri giải. Tiết Ngữ Ỷ Ngộ Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: Chi Dư, đời thứ 3 dưới Đại Giám trong »

CTTNL q. 2 ghi: » – Kẻ linh lợi vừa nghe nêu lên công án liền phấn khởi tinh thần, nhanh – Huống hồ tranh luận tìm hơn chóng lãnh hội thiền cơ, biết được cứu thua, nói ta biết ta, chỉ được gọi là Tránh cánh.« luận tăng, chứ không được gọi là Vô vi TRÂN TRỌNG tăng«. 1. Bảo trọng, giữ gìn sức khỏe. Tiết Thiên TRẠO BỔNG ĐẢ NGUYỆT Y Nghĩa Hoài Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » Tức quơ gậy để đập mặt trăng, cũng như – Bước vào nói Xin chào tiêu cách giày gãi ngứa, bất luận thế nào cũng được muôn lượng vàng ròng; lùi ra nói không đạt được mục đích. Trong Thiền Bảo trọng cũng tiêu được bốn món cúng tông mượn từ này để chỉ cho việc dùng dường của mọi người«. ngữ ngôn văn tự để nắm bắt chân nghĩa 2. Cáo từ, xin từ giã. Bích Nham lục q. 1 Phật pháp, chỉ là luống công vô ích mà ghi: »

thôi. Bài tựa Vô Môn Quan (Đại 48, 292 trung) ghi: »

– Một đêm, Đức Sơn vào thất đứng hầu. Trời về khuya, Đàm nói: Sao – Huống là kẹt vào lời nói mà tìm sự ngươi chẳng lui ra? Sơn liền cáo từ, vén lãnh ngộ thì giống như quơ gậy đập trăng, rèm bước ra«. cách giày gãi

ngứa, nào có ăn thua gì!« TRẤN TRẠO CỬ Thường. Tiết Song Lâm Thiện Huệ Đại Sĩ Trong lòng bực bội chẳng yên. Cao Phong trong NĐHN q. 2 ghi: Thiền yếu: »

– Này chư huynh đệ, hoặc mười năm hoặc hai mươi năm đoạn trừ vọng tưởng tham cứu chỗ

TRẤN QUỐC THIỀN VIỆN »Dạ dạ bảo Phật miên khúm núm nên ít có thí chủ, chùa viện Triêu triêu hoàn cộng khởi thanh vắng. Khởi tọa trấn tương tùy Ngữ mặc đồng cư chỉ«. TRẤN MÃNG THÁP »Đêm đêm ôm Phật ngủ Nằm trên ngọn Tiểu Bạch, huyện Ngân, Ngày ngày cùng Phật dậy thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, Đứng ngồi thường theo nhau Trung Quốc. Tương truyền vào đời Đường Nói nín đồng chung ở«. ngọn núi này thường có mãng xà hại người, Thiền sư Tâm Cảnh ở chùa Thiên TRẤN CÂU TẮC HÁC Đồng thí thực dời chúng đi nơi khác và xây Đè ngòi lấp hang, ẩn chỉ thiền pháp có mặttháp để trấn áp khiến chúng không trở lại khắp nơi. Mật Am ngữ lục ghi: » làm hại người. Tháp hiện còn là tháp xi măng cốt thép được xây cất lại vào thời – Lại: sau cận đại, hình lục giác, 7 tầng, cao 35,4m. một hồi bảng người học đại ngộ đến tột Trong tháp có cầu thang có tay vịn bằng gỗ cùng là phương pháp sai lầm không sao có thể đi lên tầng đỉnh. đạt đến mục đích. Không cần đến một hồi bảng, thiền pháp có mặt khắp nơi mà ít có TRẤN QUỐC ĐÔNG THIỀN TỰ người biết.« Còn gọi: Trấn Quốc Đông Thiền Thiếu TRẤN CHÂU LÂM TẾ HUỆ CHIẾU Lâm Tự. Ở thành phố Tuyền Châu, tỉnh THIỀN SƯ NGỮ LỤC Phúc Kiến, Trung Quốc, xây vào khoảng niên hiệu Càn Phù (874-879) đời Đường, X. Lâm Tế lục. tục gọi »Thiếu Lâm Tự«. Đương thời quy mô rộng lớn, tăng chùa rất đông, tương TRẤN ĐOAN (1520-1592) truyền là cái nôi của Thiếu Lâm quyền Thiền tăng đời Minh, họ Trần, tự Thủ Nam phái Trung Quốc. Người đời Minh Tâm, người xứ Trường Trị (nay thuộc Sơn ghi chép sự việc chùa Thiếu Lâm ở Tuyền Tây) Trung Quốc. Năm 12 tuổi sư xuất gia Châu, đời Nguyên trong quyển »Lệ Sử«. làm tăng, lớn lên đi tham học các nơi nổi Đầu đời Thanh chùa bị phá hủy. Trước tiếng, vào núi Ngũ Đài ra mắt thiền sư Nhị năm 1966 trước chùa có tấm biển »Thiếu Hổ. Vừa gặp Ngài, sư liền khế cơ, hoát Lâm Tự«, »Thiếu Lâm Cổ Tích«, trong nhiên khai ngộ và nối pháp Ngài. Lúc sư chùa có bàn thờ ghi những chữ »Sắc Tứ trở về, Liêu Phiên Vương mời thỉnh sư trụ Trấn Quốc Đông Thiền Thiếu Lâm Tự«, bị trì thiền viện Tư Phúc, ân cần cúng dường. phá hủy trong cuộc cách mạng văn hóa, di Chẳng bao lâu, sư cáo từ, đi đến phía đông chỉ hiện còn một ngôi miếu nhỏ. Có rất cầu Lô Câu, Bắc Kinh lập vài am tranh để nhiều truyền thuyết liên quan đến chùa khách thập phương có chỗ nghỉ ngơi. Trấn này, nổi tiếng trong giới võ thuật. Đoan tính lạnh lùng, chẳng thích xu thời, dù bậc quyền quý đến chùa, sư cũng chẳng TRẤN QUỐC THIỀN VIỆN

TRẤN QUỐC THIỀN VIỆN – Trăm xác đều tan rã, Khoảng niên hiệu Trường Hưng (930-933) một vật mãi còn linh«. đời Hậu Đường, Ngô Việt Vương đem viện Kính Sơn đổi thành »Trấn Quốc TRẦN Thiền Viện« rồi cung thỉnh Thiền sư Toàn 1. Sự vật và vọng niệm hư huyễn chẳng Tể trụ trì. thật, hay làm nhiễm ô chân tính. Tiết Huệ Lâm Tông Bản Thiền sư trong NĐHN q. TRẤN QUỐC TỰ 16 ghi: »

Chùa nằm trên hòn đảo Cá Vàng ở giữa Hồ – Sư Tây, Hà Nội, Việt Nam. Đây là nền cũ của giơ cây gậy lên nói: Cái này là trần, còn cung Thúy Hoa đời

Lý và điện Hàm cái gì thuyết đạo lý chuyển pháp luân?« Nguyên đời Trần. Đến đời Lê Hy Tông 2. Đối tượng của giác quan hay đối tượng (1580-1705) đổi gọi là chùa Trấn Quốc. của tâm. Chẳng hạn như: sắc trần, hương Năm 1842 vua Thiệu Trị tới thăm chùa đổi trần… Còn gọi là trần cảnh. tên là Trấn Bắc nhưng nhân dân vẫn quen gọi là Trấn Quốc. Khoảng thế kỷ XV, do TRẦN DẦN KHẠC (1890- đắp đê Cổ Ngư nên mới có đường nối đê 1969) với đảo Cá Vàng. Chùa có kiến trúc độc Học giả Phật giáo hiện đại, người xứ Tu đáo: Phía trước là nhà bái đường rồi đến Thủy, Giang Tây, Trung Quốc. Năm 1902, nhà Tam Bảo, phía sau mới là 2 dãy hành ông đến Nhật Bản lưu học. Năm 1910 đến lang thập điện và gác chuông. Trong chùa 1924 ông học hỏi và nghiên cứu tại các Đại có một số tượng đẹp, nhất là pho tượng học: Berlin (Đức), Zurich (Thụy Sĩ), Paris Thích-ca nhập Niết-bàn bằng gỗ thếp vàng. (Pháp), Harvard (Hoa Kỳ), tinh thông các Chùa cũng có nhiều bia, cổ nhất là tấm bia thứ tiếng: Phạn, Đột Quyết, Tây Hạ. Sau dựng năm 1639 do Trạng Nguyên Nguyễn khi về nước, ông lần lượt nhậm chức Giáo Xuân Chinh soạn, nội dung ghi lại lịch sử sư tại các trường Đại học: Thanh Hoa, Tây xây dựng chùa. Nam Liên Đại, Hong Kong, Quảng Tây, Yên Kinh, Trung Sơn và viện Nghiên cứu TRẤN THƯỜNG Quốc học Thanh Hoa. Đối với văn thư Đôn Lâu dài, còn mãi. Tiết Thọ Ninh Đạo Hoàn Hoàng, ông tiến hành so sánh nghiên cứu Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » các kinh điển Phật giáo bằng nhiều loại văn tự. Ông luôn có sự lý giải mới mẻ về – Người xưa thấy phương diện Phật giáo ảnh hưởng đến thể trăng này, người nay thấy trăng này. tài trước tác văn sử Trung Quốc, Phật giáo Trăng này thường còn mãi, mà người xưa Phạn Bối ảnh hưởng đến Thanh Vận học người nay lại khác biệt«. Trung Quốc. Tác phẩm: Phân tích kệ truyền pháp của Lục Tổ Thiền tông. TRẤN TRƯỜNG Lâu dài, vĩnh hằng, còn mãi. Vân Môn TRẦN HUỆ KIẾM (1925 -?) quảng lục, q. trung ghi: » Học giả Phật giáo hiện đại, vốn có tên Trần

TRẦN NHÂN TÔNG (1258-1308) Nhuệ, tự Kiếm Huệ, sau đổi thành Huệ TRẦN KIẾP Kiếm. Ông dạy học ở các trường trung học Vô số kiếp, cường điệu thời gian rất lâu. chuyên khoa. Năm 1949 quy y Phật giáo, Kiếp: Đơn vị thời gian rất lớn. Phạm Kỳ siêng năng trứ thuật, hết lòng hoằng pháp. ngữ lục q. 7 ghi: » Tác phẩm: Hoằng Nhất Đại sư truyện, Hàn – Sơn Tử nghiên cứu, Nhập thanh tự thiển Giống như nấu cát, muốn thành thức ăn luận, Đương đại Phật môn nhân vật. Ông ngon, dù trải qua vô số kiếp, rốt cuộc còn xuất bản: Tĩnh tọa Tam-muội tập, Hư không thể được.« Vân Hòa thượng niên phổ. TRẦN LAO TRẦN KIỆN DÂN (1906- Sự vật, hành vi và vọng niệm hư huyễn 1987) làm nhiễm ô chân tính, nhiễu loạn thân Học giả Phật giáo hiện đại, người huyện tâm. Tiết Tham Chính Tiền Đoan Lễ Cư Sĩ Du, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Năm 1929 trong NĐHN q20 ghi: » ông quy y với đại sư Thái Hư, nghiên cứu – Trần lao ngoại duyên đồng tu tập các kinh Tịnh độ và Tạng Mật của thời quét sạch«. các phái Mật Tông như Hồng giáo, Bạch giáo, Hoàng giáo… Ông lại được Nặc-na- TRẦN LỤY hô-đồ-khắc-đồ truyền cho mật pháp vô Còn gọi: Trần lao. Tiết Ngữ Chi Dư, đời thượng và được hầu Phật gia bế quan ở thứ 3 dưới Đại Giám ghi: » chùa Hoàng Long. Từ năm 1935 ông dạy – học ở viện Giáo Lý Hán Tạng, Thế Giới Chỉ dạy cho Văn Đô gồm có 21 loại Phật

Học Uyển tại Trùng Khánh. Sau khi KHÔNG, để quét sạch trần lụy chúng kháng chiến thắng lợi, ông ẩn cư tại Ngũ sinh«. Hòe Mao Bồng, nước Cát Lâm (Kirin) thuộc Ấn Độ, bế quan hơn 10 năm. Bởi TRẦN MÔNG ông thường ở núi non, rừng rậm hơn 30 Chỉ cho sự ngu tối do trần tục. Tào Sơn năm nên có hiệu là »Hoa Nham Xử Sĩ«. ngữ lục ghi: » Ông song tu Thiền Mật, còn đối với nghi – quỷ
Du-già vô thượng của Mật Tông thì tu Có người hỏi Sư: Người xưa nói: Mọi trì không biếng trễ. Năm 1974 ông đi Hoa người đều có, riêng đệ tử còn ngu tối do Kỳ hoằng pháp, định cư tại Cali, còn đến trần tục, thì có hay không?« Canada, Philippine, Hong Kong hoằng pháp. Năm 1987, ông mất tại San TRẦN NHÂN TÔNG (1258- Francisco (Hoa Kỳ). Tác phẩm: Ông có 1308) hơn 20 đầu sách bằng Anh văn và Trung Sơ tổ phái thiền Trúc Lâm, vị vua anh văn như: Thiền Hải Đăng Tháp, Tịnh Độ hùng vào đời Trần của Việt Nam, tên Tông Ngũ Kinh Hội Thông, Mật Tông Khâm, con trưởng của vua Trần Thánh Quán Đảnh Luận ... Tông và Nguyên Thánh Hoàng thái hậu. Ngài tuy ở địa vị sang cả mà tâm hâm mộ

TRẦN PHÂN Thiền tông từ thuở nhỏ. Năm 16 tuổi được không chính đáng và dạy họ tu hành thập lập làm Hoàng thái tử, ngài cố từ để thiện. Vào mùa đông năm ấy, vua Anh nhường lại cho em, mà vua cha không Tông dâng biểu thỉnh ngài về đại nội để chịu. Vua cưới trưởng nữ của Nguyên Từ truyền giới Bồ Tát tại gia. Sau đó, ngài Quốc mẫu cho ngài tức là Khâm Từ Thái chống gậy đến chùa Sùng Nghiêm ở núi Hậu sau này. Sống trong cảnh vui hòa hạnh Linh Sơn để truyền bá Thiền tông. Với phúc ấy mà tâm ngài vẫn thích đi tu. Một phái thiền Trúc Lâm mà ngài đứng đầu, hôm vào lúc nửa đêm, ngài trèo thành trốn thiền học Phật giáo Việt Nam đời Trần đã đi, nhưng đến chùa tháp ở núi Đông Cứu phát triển rực rỡ và thể hiện được đầy đủ thì vua cha sai các quan tìm thấy, ngài bất trí tuệ Việt Nam. Về phương diện thi ca, đắc dĩ phải trở về. Năm 21 tuổi, ngài lên cây sáo thơ Trần Nhân Tông để lại một ngôi Hoàng đế (1279). Tuy ở địa cửu tiếng ngân trong đến thẳm sâu. trùng, mà ngài vẫn cố thu xếp thời gian để Tác phẩm: tu tập, ngài hay đến chùa Tư Phúc trong Thiền Lâm Thiết Chủy ngữ lục. đại nội mỗi ngày. Con người ngài rất thông Đại Hương Hải Ấn Thi tập. minh hiếu học, đọc hết các sách vở, suốt Tăng-già Toái Sự. thông nội điển (kinh) và ngoại điển (sách Thạch Thất Mị Ngữ. đời). Những khi nhàn rỗi, ngài mời các Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh thiền khách bàn giải về tâm tông, học thiền Từ. với Thượng sĩ Tuệ Trung, thâm đắc đến chổ thiền tủy. Đối với Thượng sĩ, ngài kính TRẦN PHÂN lễ làm thầy. Khi giặc Nguyên-Mông sang Thói rối ren ồn ào của trần tục. Tiết »Tục quấy rối, ngài phải xếp việc kinh kệ để lo Nghệ Ngôn« trong NHQL q. 30 ghi: » giữ gìn xã tắc. Nhờ tình đoàn kết quân dân, ngài đã hai lần đuổi được quân Nguyên,
giữ gìn trọn vẹn đất nước. Năm Quý Tỵ – Thiền tăng gởi dấu vết
trong thế giới, (1293), ngài nhường ngôi lại cho con là thân ở ngoài vật. Đối với tất cả thói rối ren Trần Anh Tông, lên làm Thái thượng ồn náo của trần tục còn nên khước từ, hoàng. Trên cương vị này, ngài cố vấn chỉ huống là có thể tham bổng lộc địa vị.« dạy cho con được 6 năm, rồi chuẩn bị xuất gia. Đến tháng 10 năm Kỷ Hợi (1299), TRẦN THÁI TÔNG (1218- ngài xuất gia vào tu ở núi Yên Tử. Ở đây, 1277) ngài chuyên cần tu hạnh Đầu-đà lấy hiệu là Vị vua thứ nhất của nhà Trần và là một vị Hương Vân

Đại-đầu-đà. Sau đó, ngài lập thiền tăng Việt Nam, tên là Cảnh, quê ở chùa, cất tịnh xá, khai giảng để tiếp độ hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là chúng tăng, lập giảng đường ở chùa Phổ xã Tức Mặc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Minh, phủ Thiên Trường để giảng dạy, lập Ninh), miền Bắc Việt Nam. Trần Cảnh là am Tri Kiến ở trại Bố Chính… Đến năm con thứ của Trần Thừa, một người nhiều Giáp Thìn (1304), ngài dạo khắp nơi mưu lược, dưới triều Lý từng giữ chức Nội khuyên dân dẹp bỏ những miếu thờ thần thị khán thủ (đứng đầu các quan hầu cận

TRỆ XÁC MÊ PHONG vua Lý trong cung). Nhờ có Trần Thủ Độ lại ngôi vua, và câu chuyện này gắn liền là chú họ khi ấy làm Điện tiền chỉ huy sứ, với tiểu sử đời ngài, với đặc điểm của Phật Trần Cảnh thường xuyên được ra vào Giáo Việt Nam đời Trần. Ngài quả là bó cung, sau lấy Lý Chiêu Hoàng. Năm 1226, đuốc của Thiền học Việt Nam, gương mặt Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần văn hóa đẹp và lạ đến khác thường trong Cảnh và vương triều Trần được thành lập lịch sử Việt Nam. từ đấy. Lên làm vua, Trần Cảnh đổi niên Tác phẩm: hiệu là Kiến Trung; năm 1232, đổi là Thiên Khóa Hư lục Ứng Chính Bình; năm 1251 lại đổi là Thiền tông Chỉ Nam Nguyên Phong và niên hiệu Nguyên Phong Kim Cang Tam Muội Kinh Chú giải. đã đi vào lịch sử như cái mốc lớn ghi chiến Thi tập. công đầu tiên trong cuộc kháng chiến Theo: VHVNTH1989-1995, Thiền sư Việt chống Nguyên Mông hồi thế kỷ XIII mà Nam của HT. Thanh Từ. trong thơ của Trần Nhân Tông ca ngợi: »Bạch đầu quân sĩ tại TRẦN TÔN TÚC NGỮ LỤC Vãng vãng thuyết Nguyên Phong«. »Lính bạc đầu còn đó X. Mục Châu Đạo Minh Thiền sư ngữ lục. Vẫn kể chuyện Nguyên Phong«. Ngày 17-1-1258 (niên hiệu Nguyên Phong TRẦN TRẦN thứ 7) quân Nguyên tràn tới cánh đồng Khắp nơi, đâu đâu cũng… Tiết Bạch Bình Lệ (phía nam Bạch Hạc), Trần Thái Dương Pháp Thuận Thiền sư trong NĐHN Tông chỉ huy cuộc chiến đấu chống giặc. q. 20 ghi: » Ngày 29-1-1258, Trần Thái Tông cùng thái – Phật pháp luôn luôn hiện tử Hoảng (sau là vua Trần Thánh Tông) đã tiền, phiền não đâu đâu cũng giải thoát.« phá tan quân Nguyên ở Đông Bộ Đầu, giải Minh Chân Tụng trong PKNL q. 18 ghi: phóng Thăng Long, kết thúc thắng lợi cuộc » kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ – Chốn chốn gặp duyên đều lợi ích, đâu nhất. Trần Thái Tông đã trở thành vị vua đâu cũng cứu độ chúng sinh mê.« anh hùng cứu nước. Nhưng tên tuổi Trần Thái Tông được sử sách lưu truyền còn vì TRẦN TRẦN SÁT SÁT ngài là một nhà thiền học, một triết gia có Tất cả đất đai, vô số cõi nước. Huệ Nam những tư tưởng sâu sắc, độc đáo và một ngữ lục ghi: » tính cách khá lạ lùng, tác giả sách Khóa Hư lục, một tác phẩm cổ nhất, quan trọng – Nếu thấy được nhất về phương diện thiền học của đời chỗ này thì chẳng những được trụ trì mà Trần. Trong Khóa Hư lục có bài Tựa Thiền đối với mười phương thế giới, vô số cõi tông Chỉ Nam của ngài viết, kể lại sự việc nước, cung ma hang cọp đều là chỗ ở.« năm 1236 đang đêm ngài bỏ cung điện vào núi Yên Tử, định ở đó tu hành, nhưng Trần TRỆ XÁC MÊ PHONG Thủ Độ đến nơi, cương quyết mời ngài trở Si mê ngu độn. NĐHN q. 11 ghi: »

TRI DỤC – Dù gọi là »Phi Bát Thiền sư«. Năm 30 tuổi, sư cho trước lời nói mà lãnh hội được cũng là xuất gia ở chùa Linh Cốc, Nam Kinh. Sau si mê ngu độn«. khi thụ giới cụ túc, sư đi thamvấn khắp nơi, thề rằng: »Đi chuyến này nếu

chẳng TRI DỤC đạp được nẻo Tào Khê (Ngộ), chẳng dám Còn gọi: Dục ty, Dục chủ. Người trông coi xoay đầu thấy quê cũ«. Sau khi ngộ, sư nhà tắm, dụng cụ để tắm rửa, củi than dùng được Vua ban cho y hồng và khai pháp cho nấu nước, là 1 trong 6 vị Đầu thủ của ban giới đàn. Trên đỉnh trán của sư gồ cao lên, Tây. Điều Tri Dục trong Sắc Tu Bách Vua nhìn thấy cho là điều lạ, gọi đùa là Trượng Thanh Quy q. 4 (Đại 48, 1131 »Phụng Đầu Tổ Sư«, còn Tri Huyễn thì trung) ghi: » nói: »Giống như tai con ngỗng, đâu dám cho mình là phụng?« Đế càng cảm mến đức khiêm tốn của Sư, lại ban cho sư hiệu »Vạn Thọ«, tên tuổi được trọng vọng một – Lúc thời. khai dục, trước trai đường cần treo bảng báo trước (…) Tri dục sửa soạn nhà tắm, TRI HỮU treo khăn tay, chậu rửa mặt, giày dép, vải Biết, biết rõ. Phương Hội ngữ lục ghi: » bó chân (…) Đánh 3 tiếng trống, đổ một ít nước nóng vào thùng tắm thánh, đốt nhang lễ lạy tưởng niệm mời các bậc thánh tắm«.

– Sư thượng đường: Ba tháng mùa xuân sắp hết, bốn TRI ĐIỆN biển lớn trong, gió yên sóng lặng, người ấy Còn gọi: Điện chủ, Điện ty, Hương đăng. biết rõ. Thử hỏi một câu lấy dài làm ngắn Người trông coi hương hoa, đèn đuốc và làm sao nói?« quét tước ở điện Phật, là 1 trong 6 vị Đầu TRI KHÁCH thủ của ban Tây. Điều Tri Điện trong Sắc Còn gọi: Điển khách, Điển tân. Vị tăng Tu Bách Trượng Thanh Quy q. 4 (Đại 48, phụ trách việc đối ngoại, giao tế, nghênh 1131 hạ) ghi: » tiếp và tiễn đưa khách đến thiền viện. Đây là 1 trong 6 vị Đầu thủ của ban Tây. Lâm – Tế ngữ lục ghi: » Tri điện trông nom nhang đèn, lau chùi bụi bặm trong các điện đường mỗi ngày bàn ghế sạch sẽ trang nghiêm (…). Bốn ngày – Sư mang thư của trai (mồng 1, 14, 15, 30) mở cửa các điện Hoàng Bá đến Quy Sơn. Lúc ấy, Ngưỡng đường để khách thập phương đến chiêm Sơn đang làm Tri khách tiếp nhận thư, liền lễ«. hỏi: Cái này là của Hoàng Bá, còn cái nào TRI HUYỄN là của người đưa thư đây? Sư liền bạt tai«. Thiền tăng đời Minh, họ Tưởng, người đời

TRI SỰ TRI KHỐ mê làm ác, tự khai mở chúng sinh tri kiến.« Còn gọi: Khố đầu. Vị tăng trông coi kho lẫm trong thiền viện. Giữ chức vụ này phải TRI MẶC là người thanh liêm, cẩn trọng và có năng Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư lực kế toán. Đây là 1 trong 6 vị Đầu thủ Thúy Nham Linh Tham. Khi ra hoằng của ban Tây. Điều Phó Tự trong Sắc Tu pháp, sư ở viện Phật Áo tại Vân Sơn thuộc Bách Trượng Thanh Quy q. 4 (Đại 48, Ôn Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang). 1132 trung) ghi: » Có một vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Phật Áo? Sư đáp:

Tiễn khách không rời xa ba bước. – Khố Mời người chỉ ở trước thảo đường. đầu (…) trông coi việc xuất nhập tiền bạc, TRI NGHIỄM lúa thóc, vải vóc. Tùy thời lên lịch quản lý việc chi thu, khiến người giúp việc cho Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Đăng mình mỗi ngày xuất nhập bao nhiêu rồi ghi Châu (nay là huyện Bồng Thái, tỉnh Sơn sổ trình lên vị Trụ trì«. Đông) Trung Quốc. Sư từng đến viện Cốc Ẩn ở Tương Châu (nay là huyện Tương TRI KHÔNG Phàn, tỉnh Hồ Bắc) tham vấn thiền sư Trí Hiệu của Thiền tăng Học Uẩn, sống vào Tĩnh, nối pháp ngài, kế vị Trụ trì, thuộc đời Thanh. X. Học Uẩn. tông Tào Động. Có một vị tăng hỏi: Thầy xướng

gia khúc TRI KIẾN người nào, nối tông phong ai? Sư đáp: 1. Chỉ sự cảm ngộ thể nghiệm có được, do Mây trắng phía Nam, lọng che phía Bắc. dùng trí huệ pháp nhãn để quan sát chân tướng của sự vật, nên còn gọi là Phật tri TRI QUY kiến, Giác tri kiến. Đàn Kinh bản Đôn Trở về nguồn tâm, kiến tính. Tiết Dục Hoàng ghi: »
Vương Đức Quang Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: »
– Lâm Tế ba phen bị đánh – Tâm khai mở vật
gì? Khai mở bằng gậy đau điếng, ngay nơi lời nói của Phật tri kiến. Phật cũng như là giác, chia Đại Ngu liền kiến tính«. làm bốn loại: Khai giác tri kiến, Thị giác tri kiến, Ngộ giác tri kiến, Nhập giác tri TRI SỰ kiến.« Còn gọi: Doanh sự, Thụ sự, Nhậm sự, Tri 2. Những tri thức, kiến giải trở thành viện sự. Chức vụ trông coi tạp sự cùng điều chướng ngại của sự ngộ thiền. Đây là động nhân sự làm việc trong thiền viện. chúng sinh tri kiến, cũng gọi là Điên đảo Ban lãnh đạo thiền viện gồm có 2 ban: tri kiến. Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: Ban Tây: gồm có 6 vị Đầu thủ. » Ban Đông: gồm
có 6 vị Tri sự. Đó là – Người đời tâm thiên lệch, ngu Đô tự, Giám tự, Phó tự, Duy-na, Điển tọa,

TRI TẠNG Trực tuế. Tông Môn Võ Khố ghi: »
– Quy Sơn làm Thái đầu (rửa cải), – Tuyết Phong
làm Phạn đầu (nấu cơm), Thiền sư Vô Đức uống rượu, ăn thịt, đốt Lâm Tế làm Viên đầu«. tiền giấy xong, ra lệnh nhóm các vị Tri sự, Đầu thủ lại để dọn dẹp đồ ăn còn thừa trên TRI VIỄN bàn. Các vị Tri sự đều từ chối lời của sư Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư đến chùa Hộ sai bảo«. Quốc ở Tùy Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc) để tham vấn Thiền sư Thủ Trừng, nối pháp TRI TẠNG ngài, và kế vị Trụ trì thuộc tông Tào Động. Còn gọi: Tạng chủ, Tạng ty. Vị tăng trông Có vị tăng hỏi: Khi Càn Khôn thôi dừng ý, coi hết thảy kinh luận sách vở cất trong thư vũ trụ chẳng lưu tâm thì thế nào? Sư đáp: viện của chùa. Đây là 1 trong 6 vị Đầu thủ Đều là nhờ chiến tranh mà thu thập được, của ban Tây trong các tự viện Thiền tông. nhưng do ca vũ mà dẹp trừ điều tốt lành. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 3 (Đại 48, 1036) Thự hiệu: Diễn Hóa Đại Sư. thượng) ghi: »
TRÍ AN – Tuyết Đường Thiền tăng đời Minh, họ
Thẩm, hiệu Lại nói: Khi ngài Cao Am trụ trì chùa Vân Cư Vân, người xứ Gia Hưng (nay thuộc tỉnh thì có: Phổ Vân Viên làm Thủ tọa, Nhất Chiết Giang) Trung Quốc. Sư nương Thiền Tài Tăng làm Thư ký, Bạch Dương Thuận sư Thiên Chân ở chùa Tịnh Diệu tại Hải làm Tạng chủ«. Ninh (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) phát minh yếu chỉ giáo ngoại biệt truyền. Từ TRI THÁNH ĐẠI SƯ đấy, sư ẩn mình giấu tên để bảo nhậm. Sau Hiệu
của Thiền tăng Như Mẫn sống vào đó, sư vâng lời dạy của thiền sư Trúc đời Ngũ Đại, do chúa Nam Hán ban cho. Trượng ra hoằng pháp, trụ chùa Bạch Liên. Về già, sư trở về chùa Tịnh Diệu rồi tịch. TRI THỨC Tác phẩm: Nam Cực Ngữ Yếu. Từ để gọi các bậc thiền sư. Lâm Tế ngữ lục ghi: » TRÍ BẢO (?-1190)
– Nếu Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn muốn tìm cầu thưa hỏi bậc Tri thức, chớ Thông đời thứ 10, nối pháp Thiền sư Đạo nên lần lựa ham vui qua ngày, thì giờ đáng Huệ. Sư họ Nguyễn, quê ở Ô Diên, Vĩnh tiếc, niệm niệm vô thường«. Khương (thuộc huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây ngày nay), miền Bắc Việt Nam, là cậu TRI VIÊN ruột của Tô Hiến Thành (một đại công thần Còn gọi: Viên đầu. Vị tăng trông coi việc ở

đời Lý Anh Tông). Sư xuất gia vào tu ở canh tác, vun bồi vườn rau của thiền viện. chùa Thanh Tước trên núi Du Hý, làng Cát Điều Tình Nguyện Nhậm Chức Hành Đơn Lợi, đất Thường Lạc. Thường ngày mặc áo trong Tham Thiền Phổ Thuyết ghi: » vá, ăn cơm hẩm, cả mười năm không đổi

TRÍ CẬP (1311-1378) chiếc áo, đến ba ngày chẳng thổi lửa nấu Từ. cơm, tay chân chai cóp, thân thể khô khan. Thấy có người nghèo hèn đến thì khoanh TRÍ BỈNH (1078-1158) tay đứng nép một bên, gặp bậc sa-môn thì Thiền tăng đời Tống, họ Lý, người Vĩnh quỳ gối lễ bái. Sư chuyên tu như vậy 6 Khang (Sùng Khánh, Tứ Xuyên) Trung năm mới xuống núi. Xuống núi, sư chuyên Quốc. Sư nối pháp thiền sư Huệ Cần, tu phúc như: sửa đường, bắc cầu, cất chùa, thuộc tông Lâm Tế đời thứ 12, phái Dương xây tháp... Một hôm, chợt gặp một vị tăng Kỳ đời thứ 5. Người đời gọi sư là Thiết hỏi sư về thiền lý. Sư mờ mịt nên quyết đi diện Bỉnh vì sư nghiêm trang, không cười tìm Thầy học đạo. Nghe Thiền sư Đạo Huệ nói tùy tiện. giáo hóa ở Tiên Du, sư liền đến đó tham vấn. Cơ ngữ qua lại, sư liền lãnh ngộ, được TRÍ CẦN (915-990) ngài ấn chứng. Từ đây, sư nói ngang nói Thiền tăng đời Tống, họ Cần, người xứ dọc như chọi đá nháng lửa. Sư có bài kệ Bắc Địa, nối pháp Quốc sư Đức Thiều ở dạy người: núi Thiên Thai, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư trụ Tử Ngưng Phổ Văn Tự Tại Thai Châu
(nay là huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang). Sư có bài kệ dạy chúng rằng:

»Năm nay năm
mươi lăm (55) Chân chưa đạp tấc đất Núi sông là con mắt »Bồ Tát tư
tài tri chỉ túc, Biển lớn là bụng ta«. Ư tha từ bi bất dâm dục. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 4 Thảo diệp bất dữ ngã bất thủ, (979), có chiếu chỉ bắt buộc chư tăng phải Bất tưởng tha vật đức như ngọc. thi Kinh nghiệp. Các bậc Lão túc trong các Bồ Tát tự thê phương tri túc, chùa đều viết pháp danh, trừ một mình sư. Như hà tha thê khởi tham dục? Viên Thông phán là Lý Hiến hỏi: Thế Tôn Ư tha thê, thiếp, tha sở hộ, có biết viết hay không? Sư đáp: Thiên hạ An nhẫn tự tâm khởi tâm khúc«. đều biết. Niên hiệu Thuần Hóa thứ 1 (990) »Của dùng Bồ Tát biết vừa đủ, sư ngồi an nhiên thị tịch. Đối người thương xót chẳng lấn tham. Vật mọn không cho ta chẳng lấy, TRÍ CẬP (1311-1378) Chẳng quản của người đức ngọc lành. Thiền tăng cuối đời Nguyên đầu đời Minh, Bồ Tát vợ nhà còn biết đủ, họ Cố, tự Dĩ Trung, hiệu Tây Lộc, Ngu Tại sao vợ người lại khởi tham Am, người huyện Ngô (Tô Châu) Trung Thê thiếp của người người bảo hộ, Quốc. Thuở nhỏ vào chùa Hải Vân núi Đâu nỡ lòng mình khởi vạy tà«. Khung Lung nơi bản ấp làm đồng tử, thông Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh tuệ dĩnh ngộ, sách Phật lẫn sách Nho đều

TRÍ CÔNG thông hiểu. Lớn lên, sư đến chùa Đại Long chúng để giảng dạy, vừa gặp buổi Võ Tông Tường ở Nam Kinh tham kiến Thiền sư phế Phật, sư liền ẩn trong dân gian. Đến Tiếu Ẩn, Tiếu Ẩn vừa thấy liền coi trọng khi vua Đường Tuyên Tông khôi phục sư. Lại trở về chùa Hải Vân khổ công tham Phật giáo, sư lại giảng thuyết như trước. thiền, một hôm thấy lá vàng rơi trước đình, Tốt hiệu: Quy Tịch Thiền sư. sư hoát nhiên có tỉnh. Đời Nguyên niên hiệu Chí Thánh thứ 2 (1342) trụ trì chùa TRÍ ĐOAN Long Giáo, ở Xương Quốc (Định Hải, Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư Chiết Giang). Năm thứ 5 (1345) sư sang Thạch Môn Huệ Triệt, thuộc tông Tào trụ chùa Phổ

Từ. Năm thứ 18 (1358) trụ trì Động. Sư ở núi Quảng Đức, Tương Châu chùa Tịnh Từ. Hàng Châu. Năm thứ 21, (nay là huyện Tương Phàn, tỉnh Hồ Bắc). (1361) trụ trì Kính Sơn. Vua Nguyên Có vị tăng hỏi: Thế nào là núi Quảng Đức? Thuận Đế ban hiệu »Minh Biện Chính Sư đáp: Trước mặt hoa dễ nở, sau lưng Tông Quảng Huệ Thiền sư«. Đời Minh, tuyết khó tan. Tăng còn hỏi: Thế nào là niên hiệu Hồng Vũ thứ 6 (1373) Vua ra người trong núi? Sư đáp: Ráng sớm chẳng chiếu chỉ tập họp mười vị cao tăng nơi ra khỏi cửa, ráng chiều bay ngàn dặm. chùa Đại Thiên Giới ở Nam Kinh, sư giữ chức thủ lãnh. Năm thứ 8 (1375) trở về TRÍ GIÁC THIỀN SƯ chùa Hải Vân. Tác phẩm: Tứ Hội ngữ lục. 1. Hiệu của Thiền tăng Diên Thọ, sống vào đời Ngũ Đại, do Ngô Việt Vương ban tặng. TRÍ CÔNG X. Diên Thọ. Dụng công, hạ thủ công phu. Tiết Vân 2. Thụy hiệu của Thiền tăng Minh Bản, Nham Hòa thượng trong TĐT q. 5 ghi: » sống vào đời Nguyên. X. Minh Bản. TRÍ GIÁM
(1105-1192) Thiền tăng đời Tống, họ Ngô tự Túc Am –
Điều dặn dò thứ nhất là chớ người xứ Trừ Châu (nay thuộc tỉnh An giải quyết sự việc trên đầu lưỡi, ghi nhớ sự Huy) Trung Quốc. Xuất gia vào thuở nhỏ. việc và ngôn ngữ của người khác có ích Đầu tiên sư học Kinh giáo kiêm sách vở gì? Công khóa này từ chỗ không người mà đạo Nho. Lớn lên sư chuyển hướng học được, không do thông minh học rộng, đừng Thiền, tham yết Thiền sư Chân Hiết Thanh dụng công vào chỗ không dính dáng«. Liễu ở núi Trường Lô được ngài xem trọng. Thủ tọa Tông Ngọc dạy phải dùng TRÍ CHÂN (782-865) phương tiện, sư liền ở ẩn nơi Tượng Sơn Thiền tăng đời Đường, họ Liễu, người xứ (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) để chịu khó Giang Đô (nay thuộc Giang Tô) Trung tham cứu. Trải một thời gian lâu, sư được Quốc. Sư đến chùa Chương Kỉnh tham vấn ngộ, nhờ Tông Ngọc ấn khả, nối pháp ngài, ngài Hoài Huy và đắc pháp. Niên hiệu thuộc tông Tào Động. Niên hiệu Thiệu Khai Thành thứ 1 (836), sư sáng lập thiền Hưng thứ 24 (1154), sư trụ chùa Thê Chân viện ở Quy Sơn, Phúc Châu, tụ tập đồ rồi dời sang viện Định Thủy, chùa Hương

TRÍ NGÂN (1585-1637) Sơn, chùa Báo Ân. Niên hiệu Thuần Hy sự đại hiếu, bèn quyết tâm theo Phật, đốt thứ 11 (1184), sư trụ núi Tuyết Đậu, đem quách tác phẩm »Tịch Phật Luận« do sư bản sắc để tiếp người, thiền tăng bốn sáng tác. Năm 24 tuổi theo Tuyết Lãnh phương hướng về, môn phong hưng thịnh. môn nhân của Đại sư Hám Sơn cạo tóc Sau đó sư ẩn tu ở am phía đông chùa. Đệ xuất gia. Từ đây sư vân du đông nam, rộng tử nối pháp có Thiên Đồng Như Tịnh. học giáo nghĩa các tông Pháp Tướng, Thiền, Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Tịnh Độ, TRÍ HÃN Luật. Chủ trương dung hợp các tông, niệm X. Chí Hãn. Phật tức Thiền. Lại cho rằng người tham thiền cần phải học tập kinh điển, lấy giáo TRÍ HOÀNG lý làm kẻ chỉ đạo. Sư từng trụ núi Cửu Thiền tăng đời Đường, họ Từ người xứ Hoa, tuổi già về ở chùa Linh Phong ở Hiếu Chân Định. Ban đầu tham vấn Ngũ Tổ, ở Phong (An Kiết, Chiết Giang), người đời Hà Bắc sư cất am ngồi thiền trên 20 năm, gọi là »Linh Phong Ngẫu Ích«. Trước thuật luôn luôn tỏ vẻ siêng năng tu hành. Sư gặp có hơn 40 thứ như »Duyệt Tạng tri Huyền Sách khuyến khích nên đến ra mắt tân«.v.v... Đệ tử là Thành Thời biên tập lại Tổ Huệ Năng. Được Lục Tổ chỉ dạy, sư đề tựa là «Linh Phong Ngẫu Ích Đại Sư bỗng nhiên khế ngộ, nhận ra tâm sở đắc Tông Luận«. Sư là một trong 4 vị cao tăng của 20 năm trước hoàn toàn không có ảnh

đời Minh. hưởng. Sau đó, sư trở về Hà Bắc, khai hóa tứ chúng. TRÍ HUY (873-956) Thiền tăng đời Đường, họ Cao, người Hàn TRÍ HỒNG Dương, Thiểm Tây, Trung Quốc. Sư nối Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư pháp thiền sư Khuê Phong Ôn, thuộc tông Bạch Triệu Chí viên. Khi ra hoằng pháp, Hà Trạch đời thứ 7, trụ Trung Than Thiết sư trụ núi Đại Long, Lãng Châu (nay là Cốc viện ở Lạc Dương, viện Trường Hưng huyện Thường Đức, tỉnh Hồ Nam). ở Nam Sơn. Có vị tăng hỏi: Thế nào là Phật? Sư đáp: Ngay nơi ngươi là phải. Thự hiệu: Hoằng TRÍ NGÂN (1585-1637) Tế Đại Sư. Thiền tăng đời Minh, họ Phó, tự Lục Tuyết, hiệu Tuyết Quan, người Thượng TRÍ HÚC (1599-1655) Nhiêu (Giang Tây) Trung Quốc. Thuở nhỏ Thiền tăng cuối đời Minh đầu đời Thanh, sư mất cha, 8 tuổi theo pháp sư Cảnh Đức họ Chung, tự Chấn Chi, hiệu Ngẫu Ích, Bát Thuyền xuất gia. Năm 26 tuổi tham kiến Bất Đạo Nhân, người huyện Ngô (Giang Thiền sư Lai Tường ở Bác Sơn được ấn Tô) Trung Quốc. Lúc nhỏ sư theo Nho chứng làm truyền nhân tông Tào Động. học, thề sẽ diệt Phật Lão. Nhân xem »Tự Niên hiệu Thiên Khải thứ 7 (1627) sư ra Tri lục«, »Trúc Song Tùy Bút« của Châu hoằng pháp trụ trì Doanh Sơn, niên hiệu Hoằng, sư biết rằng hiếu đạo thế tục chẳng Sùng Trinh thứ 4 (1631) nối pháp tịch Bác phải chân thật, xuất gia thờ Phật mới thật Sơn. Sư bẩm tính khoan hậu, thuyết pháp

TRÍ NGU (1185-1269) không cần nghĩ ngợi, văn bút sáng sủa cho vấn ngài Hoàng Long ở Ngạc Châu chẳng nên sĩ đại phu rất thích giao du với sư. Tác khế hợp, liền trở về đất Mân yết kiến Quốc phẩm: Trích Đăng lục, Xuy Hương Đường sư Cổ Sơn Thần Yến và đắc pháp rồi Thi Văn tập và Ngữ lục để lại cho đời. nương ở lại đây. Sau khi Thần Yến tịch, sư kế vị trụ trì, môn phong nghiêm cẩn. Thự TRÍ NGU (1185-1269) hiệu: Liễu Tông Đại Sư. Thiền tăng đời Tống, họ Trần, hiệu Hư Đường, tức Canh Tẩu, người Tượng Sơn TRÍ NHAM (600-677) (Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 16 tuổi sư Thiền tăng tông Ngưu Đầu, sống vào đời theo Sư Uẩn chùa Phổ Minh xuất gia, du Đường, họ Hoa, người xứ Khúc A (nay là học khắp nơi, đến Kim Sơn yết kiến Vận huyện Sơn Dương, tỉnh Giang Tô) Trung Yểm Phổ Nham được tỏ ngộ, nối pháp làm Quốc. Sư trí dũng hơn người, thân tướng truyền nhân phái Dương Kỳ tông Lâm Tế. khôi ngô. Trong niên hiệu Đại Nghiệp Sau đó lần lượt tham kiến các bậc thiện tri (605-618) đời Tùy, sư làm Lang tướng, thức. Niên hiệu Thiệu Định thứ 2 (1229), thường lập chiến công. Năm 40 tuổi, sư ban đầu sư trụ trì chùa Hưng Thánh, sau đó vào núi Hoàn Công, Thư Châu (nay là lần lượt trụ các chùa Báo Ân, Hiển Hiếu, Tiềm Sơn, tỉnh An Huy), lễ Thiền sư Bảo Thụy Nham, Diên Phúc, Bảo Lâm, Dục Nguyệt làm thầy, sau đó yết kiến Thiền sư Vương, Tịnh Từ, Kính Sơn. Sư được Tống Pháp Dung ở núi Ngưu Đầu và khai ngộ, Lý Tông, Độ Tông theo quy y, giáo hóa nối pháp ngài, kế tục trụ trì, làm tổ thứ hai hưng thạnh. Tác phẩm: Hư Đường Hòa của tông này. Sư cũng ở qua các chùa Bạch thượng ngữ lục 10 quyển lưu hành nơi đời. Mã, Thê Huyền. Niên hiệu Nghi Phong thứ 2 (677) sư thị tịch ở thành Thạch Đầu. TRÍ NGUNG TRÍ NHÀN ()
Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Hoàng Long Hối Cơ làm trụ trì đời thứ 3 1. Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Tỳ-ni-đa- của Hoàng Long Sơn tại Ngạc Châu (nay lưu-chi, đời thứ 16. Sư họ Lê tên Thước, là huyện Võ Xương, tỉnh Hồ Bắc). Sư tính dòng dõi Ngữ Man Vương triều Lê Đại tình hòa ái, giữ giới tinh nghiêm, giỏi thơ Hành, quê ở

Phong Châu (thuộc huyện văn, có Ngữ lục lưu hành ở đời. Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay), miền Bắc Việt Nam. Thuở nhỏ sư vẫn theo TRÍ NGHIÊM nghiệp trường ốc, thi đỗ tiến sĩ, sung chức Cung Hậu thư gia. Năm 27 tuổi, sư theo Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư thờ Quốc sư ông anh đến pháp hội của Thiền sư Giới Cổ Sơn Thần Yến làm thầy và kế vị trụ trì. Không, nghe giảng kinh Kim Cang, đến Nam Đường Trung Chủ ban cho sư hiệu bài kệ: »Liễu Giác Thiền sư«. »Tất cả pháp hữu vi, TRÍ NHẠC Như mộng huyễn bóng bọt. Như sương cũng như điện, Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Phúc Phải quán sát như thế«. Châu, Trung Quốc. Sư du phương tham

TRÍ NHƯ (749-834) Bỗng nhiên sư cảm ngộ và xin cạo tóc xuất Vất ngoài ngàn dặm niềm tham muốn, gia. Sau khi được tâm ấn, sư vào núi Cao Lý nhiệm càng ngày càng bao dong, Dã tạm trú dưới gốc cây, ngày đêm thiền Đạm bạc tự giữ định chuyên tu khổ hạnh trọn 6 năm. Mãn Chỉ đức là vụ. 6 năm, sư xuống núi cất am tên Phù Môn, Lời lành tha thiết một câu: thu nhận đồ chúng và bắt đầu giáo hóa. Lòng không bỉ ngã, Quanh núi có bọn man rợ tu tập nhau trộm Đã dứt bụi mù, cướp, được sư dạy dỗ trở về con đường Ngày đêm lên xuống, lương thiện rất nhiều. Triều Lý, hai vua Không hình khá trụ. Anh Tông và Cao Tông nhiều lần vời sư về Như bóng như vang, kinh mà sư đều từ chối. Quan Phụ quốc Không vết khá đến«. Thái úy Tô Hiến Thành và Thái bảo Ngô Nói xong, sư chắp tay ngồi ngay thẳng, vui Hòa Nghĩa đều xin làm đệ tử sư, mà suốt vẻ thị tịch. Các hàng công khanh và đệ tử 10 năm chưa từng biết mặt thầy. Một hôm gào khóc thảm thiết, tiếng vang cả núi. thầy trò bỗng gặp nhau, rất hoan hỷ. Vừa Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh hỏi thăm xong, sư bèn nói kệ dặn dò. Từ.

2. Thiền tăng đời Đường ( , 810-898), họ Cao, tự Ngộ Chi người Thanh Châu (Ích Đô, Sơn Đông) Trung Quốc. Sư tính tình thông minh lanh lẹ, song ở chỗ Bách Trượng Hoài Hải tham thiền không thành. Lại tham yết Quy Sơn Linh Hựu cũng không khế hợp, buồn khóc giả từ Quy Sơn. Một hôm nhân ném hòn đá văng vào khóm trúc kêu lên một tiếng cốc bổng nhiên sư »Ký hoài xuất tố dưỡng hung trung tỉnh ngộ huyền chỉ Quy Qơn. Liền trở về Văn thuyết vi ngôn ý duyệt tùng tắm gội thắp hương trông về Quy Sơn lễ Tham dục truất trừ thiên lý ngoại bái, nói: »Khi ấy nếu thầy nói toạc ra cho Hy di chi lý nhựt bao dung con thì làm gì có việc hôm nay?« Sư liền Đạm nhiên tự thủ làm truyền nhân tông Quy Ngưỡng. Sư ở Duy đức thị vụ núi Hương Nghiêm, Đặng Châu (Hà Nam), Thiện ngôn quyền quyền nhất cú thiền lữ khắp nơi tụ hội, pháp hóa thịnh Tâm vô bỉ ngã hành. Thụy là »Tập Đăng Thiền sư«. Ký tuyệt hôn mai Nhật dạ trắc giáng, TRÍ NHƯ (749-834) Vô hình khả trụ Thiền tăng đời Đường, họ Cát, người Như ảnh như hưởng Chính Bình, Giáng Quận, Trung Quốc. Sư Vô tích khả thú«. nối pháp thiền sư Hoài Không, thuộc tông »Đã mang giống Phật dưỡng trong lòng, Hà Trạch đời thứ 3, trụ chùa Định An Sơn, Nghe nói lời mầu ý thích mong. chùa Thánh Thiện ở Đông Đô. Thụy Chân

TRÍ OAI (646-722) Ngộ. Bạch Cư Dị làm bài minh cho sư. hoằng dương thiền pháp làm cho tông phong hưng thạnh. TRÍ OAI (646-722) Thiền tăng tông Ngưu Đầu, sống vào đời TRÍ QUANG (1345-1435) Đường, họ Trần, người xứ Giang Ninh Thiền tăng đời Nguyên, họ Vương, tự Vô (nay là Nam Kinh), Trung Quốc. Thuở bé, Ẩn, người xứ Vũ

Định, Sơn Đông, Trung sư vào chùa Thiên Bảo, nương Pháp sư Quốc. Nối pháp Thiền sư Thuấn Đô Tông, Thống xuất gia. Năm 20 tuổi, sư thụ giới đời thứ 25 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì chùa cụ túc. Sau đó yết kiến Thiền sư Pháp Trì Sùng Quốc ở Yên Kinh. và đắc pháp nơi ngài. Sư ở núi Ngưu Đầu tuyên dương tông phong, từ đây người học TRÍ QUÂN (906-969) chốn Giang Tả đều tụ đến dưới cửa sư. Về Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Vương, người sau, sư trao chức Trụ trì lại cho đệ tử giỏi xứ Hà Trung (nay thuộc huyện Vĩnh Tế, là Huệ Trung, rồi tùy duyên hóa đạo và thị tỉnh Sơn Tây) Trung Quốc, nối pháp Thiền tịch tại chùa Diên Tộ. sư Thanh Lương Văn Ích, thuộc tông Pháp Nhãn. Ban đầu, sư trụ trì chùa Thê Hiền ở TRÍ PHONG Lô Sơn. Nam Đường chủ xây dựng viện Thiền tăng Bắc tông, sống vào đời Đường, Tịnh Đức ở Kim Lăng (nay là Nam Kinh) họ Ngô, người xứ Hoài An (nay thuộc tỉnh và thỉnh sư trụ trì. Sau đó sư tạ từ, trở về Hà Bắc), Trung Quốc. Sư trung niên xuất núi cũ rồi thị tịch. Thự hiệu: Đạt Quán gia, tu tập theo luận Duy Thức, mắc kẹt Thiền sư. nơi danh tướng, bị một vị tăng có kiến thức vấn nạn, liền phát phẩn ngừng việc diễn TRÍ TÁC giảng, du phương tham vấn ngài Thần Tú ở Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Chu, người xứ Võ Đang, thấu được tâm pháp của ngài, Vĩnh Trinh (nay là phía Nam huyện La các điều nghi đều tan vỡ. Khi ra hoằng Nguyên, tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc. Sư pháp, sư ở An Phong núi Trung Điều Bồ tham yết Quốc sư Cổ Sơn Thần Yến. Cổ Tân (nay là huyện Vĩnh Tế, tỉnh Sơn Tây);Sơn thượng đường vạch áo để khai thị, đại Châu mục Tiết Văn Thăng xây dựng viện chúng đều mờ mịt, chỉ có sư là ngộ được ý An Quốc rồi thỉnh sư ở đó. Hơn 20 năm, chỉ của ngài, và được ngài cho vào thất ấn sư dạy người có đến số ngàn, người đắc chứng. Khi ra hoằng pháp, sư trụ viện đạo rất nhiều. Bạch Vân ở Kiến Châu (nay là huyện Kiến Âu, tỉnh Phúc Kiến). Sau đó, Nam Đường TRÍ PHU Trung Chủ rước sư đến viện Phụng Tiên ở Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Phúc Kim Lăng (nay là Nam Kinh), ban cho y Châu Trung Quốc. Sư thờ Thiền sư Tuyết hồng và hiệu »Chân Tịch Thiền sư«. Phong Nghĩa Tồn làm thầy, ở được vài năm được Ngài truyền tâm ấn. Khi ra TRÍ TẠNG (735-814) hoằng pháp sư ở Nga Hồ, Tín Châu (nay là Thiền tăng đời Đường, họ Liệu, người huyện Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây), Kiền Châu (huyện Cám, Giang Tây) Trung

TRÍ TĨNH Quốc. Năm 8 tuổi xuất gia, 25 tuổi thụ giới Về sau, sư ở chùa Pháp Hoa, núi Ngũ Đài, cụ túc. Tại núi Phật Tích, Kiến Dương tự xưng là »Đại Thiền Phật«. Kệ thị tịch: (Phúc Kiến) tham kiến Mã Tổ Đạo Nhất, »Cử thủ phan Nam Đẩu cùng với Bách Trượng Hoài Hải được Hồi thân ỷ Bắc Thần nhập thất và truyền tâm ấn. Thường vâng Xuất đầu thiên ngoại khán mệnh Thầy đi sứ khắp nơi, Sư đều hoàn Thùy thị ngã ban nhân?«. thành nhiệm vụ tốt đẹp. Mã Tổ viên tịch, »Giơ tay vin Nam Đẩu? đồ chúng thỉnh sư kế thừa pháp tịch. Sau ra Xoay mình dựa Bắc Thần ngoài trụ Tây Sơn Đường, Kiền Châu, Đứng ra xem trời rộng hoằng dương thiền phong Mã Tổ. Sau khi Ai là người như ta?« tịch Đường Hiến Tông ban thụy »Đại Tuyên Giáo Thiền sư«, Đường Mục Tông TRÍ THÔNG THIỀN SƯ ban thêm thụy »Đại Giác Thiền sư«. Đệ tử 1. Thụy hiệu của Thiền tăng Thiên Nhiên nối pháp có Kiền Vi, còn có các vị tăng sống vào đời Đường. X. Thiên Nhiên. Tân La như Đạo Nghĩa, Bản Như, Hồng 2. Thụy hiệu của Thiền tăng Huệ Tịch sống Thiệp, Huệ Triệt v.v... Đạo Nghĩa về nước vào đời Đường. X. Huệ Tịch. lập ra phái thiền ở núi Ca Trí, Hồng Thiệp cũng về nước lập ra phái thiền nơi chùa TRÍ

THÔNG THIỀN SƯ NGỮ LỤC Thật Tướng, đều là một trong chín tông phái Tào Khê ở Triều Tiên. X. Viên Châu Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền sư ngữ lục. TRÍ THÔNG (662-738) 1. Thiền tăng đời Đường, họ Đường, người TRÍ THƯỜNG xứ An Phong, Thọ Châu (nay là phía nam Thiền tăng đời Đường, họ Trần, người huyện Thọ, tỉnh An Huy) Trung Quốc. Ban Giang Lăng (Hồ Bắc) Trung Quốc. Yết đầu, sư xem kinh Lăng-già hơn một ngàn kiến Mã Tổ Đạo Nhất được pháp. Vào niên lần, chẳng hiểu ý chỉ »Tam thân, Tứ trí«. hiệu Nguyên Hòa (806-820) sư ở chùa Quy Sư đến tham lễ tổ Huệ Năng, cầu xin giải Tông, Lô Sơn giỏi bàn luận về thiền yếu. thích nghĩa ấy. Huệ Năng giải đáp rành rõ, Lúc Bạch Cư Dị bị giáng chức Tư Mã sư ngay nơi lời nói đốn ngộ, dùng kệ ngợi Giang Châu vốn trọng sư. Bởi sư hai mắt khen: đều đỏ nên người đời gọi sư là »Xích Nhãn »Tam thân nguyên ngã thể, Quy Tông«. Sau khi thị tịch, thụy là »Chí Tứ trí bản tâm minh«. Chân Thiền sư«. (Thể ta sẵn tam thân TRÍ TĨNH Bản tâm đủ tứ trí) Thiền tăng đời Ngũ Đại, sư thờ Thiền sư Sau đó, sư trở về Thọ Châu. Lộc Môn Xử Chân làm thầy và nối pháp 2. Thiền tăng đời Đường, tham vấn Quy ngài, ở chùa Cốc Ẩn, Tương Châu (nay là Tông Trí Thường. Một đêm kia, sư chợt la huyện Tương Phàn, tỉnh Hồ Bắc). Tốt lên: Tôi đại ngộ rồi. Trí Thường nghe nói hiệu: Ngộ Không Đại Sư. liền hỏi sư. Sư đáp: Sư cô vốn là người nữ.

TRÍ TỐ TRÍ TỐ sư chợt đại ngộ, trình kệ như sau: Thiền tăng đời Minh, họ Triệu, hiệu Tĩnh Am, người xứ Đông Thái (nay là huyện Dịch tỉnh Sơn Đông) Trung Quốc. Khi sư còn bé cha mẹ đều mất. Năm 15 tuổi sư lễ Thiền sư Đại Dụng ở chùa Thiên Thành »Phụ tân Hòa thượng hoán vi cức núi Thiên Thai để cạo tóc làm tăng và đắc Hỏa diệm thiêu my diện bì cấp pháp nơi Thiền sư Vân Khê Anh, thuộc Tổ sư diệu chỉ kính trung minh tông Lâm Tế. Khi ra hoằng pháp, sư trụ Nhất giám linh nhân nguyên yếu đắc«. chùa Thiên Trì, lại nhận lời mời của Kinh »Vác củi Hòa thượng gọi là gai Phiên Vương, trụ trì chùa Đông Sơn. Lò lửa cháy xém cả mặt mày Ý chỉ Tổ sư ở trong kính TRÍ TRUNG Một phen soi mặt nhận ra ngay«. Thiền tăng đời Minh, tự Nhất Thiên, người Sư được ngài ấn khả. Từ đó, sư nổi tiếng huyện Bành (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên), khắp gần xa. Khi ra hoằng pháp, sư trụ Trung Quốc. Năm 20 tuổi, sư lễ ngài chùa Cao Phong, Nam Kinh, sau dời sang Nguyệt Tiên xuất gia, sau đó sư ở Tùng chùa Dực Thiện. Phan (nay thuộc Tứ Xuyên). Lúc ấy, dân tộc thiểu số ở Tứ Xuyên hay gieo họa cướp TRÍ VIỄN (895-977) bóc giết hại, sư đến nơi đó để vỗ về giáo 1. Thiền tăng đời Đường, họ Vương, người hóa, không ai chẳng đầu phục. Khoảng Thường Sơn (Chính Định, Hà Bắc) Trung niên hiệu Thiên Thuận (1457-1464) sư Quốc. Sư nối pháp thiền sư Thần Chiếu, được phong làm Quốc sư và được ban cho thuộc tông Hà Trạch đời thứ 5, trụ trì chùa y Kim lan. Khi Thiền sư Thiệu Kỳ trở về Minh Phúc tại Hoạt Châu (tại huyện Hoạt, đất Thục có đến am sư, sư trình sở ngộ, Hà Nam), hoằng truyền thiền pháp Hà ngài khám biện hồi lâu rồi ấn khả cho sư, trạch cùng một đường lối với Khuê Phong làm truyền nhân của tông Lâm Tế. Mật. 2. Thiền tăng đời Tống, người xứ Liên TRÍ TUYÊN (?-1472) Giang, Phúc Châu (nay thuộc Phúc Kiến) Thiền tăng đời Minh, họ Phạm, tự Bảo Trung Quốc. Thuở bé sư theo ngài Pháp Phong, người xứ Ngô Giang (nay thuộc Tuyên xuất gia, chuyên tâm trì tụng kinh tỉnh Giang Tô) Trung Quốc, lưu ngụ ở Tô điển. Lớn lên, sư lại thích tu thiền, tham Châu.

Tuổi trẻ thất học, theo nghề thợ mộc vấn Thiền sư Cảnh Thanh Đạo Phó, phát làm thuê cho ngài Hải Chu Vĩnh Từ tại ngộ huyền chỉ. Sư ở viện Tư Phúc, Phúc chùa Dực Thiện. Trong lúc dựng tháp viện, Châu, thuyết pháp trên 20 năm rồi mất. sư làm rơi búa trúng chân bị thương, có tỉnh, liền lễ thiền sư Vĩnh Từ xin xuất gia TRÍ XƯƠNG (?-1378) làm tăng. Ngài sai sư làm Hỏa đầu. Một Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên đầu hôm trong lúc nấu cháo, sư sơ ý để lửa đời Minh, họ Trần, tự Thọ Nham, hiệu cháy xém mặt mày; khi lấy gương soi mặt, Hữu Huyễn, người xứ Hoàng Nham (nay

TRÌ BỨC thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Xuất Sùng Phạm tịch, sư dạo khắp các thiền gia từ thuở nhỏ, sư thụ giới cụ túc ở chùa tịch, tham yết các vị Tôn túc và đến trụ trì Ngũ Đài, Ninh Ba (nay thuộc tỉnh Chiết chùa Tổ Phong ở núi Thạch Thất, làng Đại Giang). Vì việc lớn chưa sáng nên sư từ bỏ Cầu, Tân Trại. Tướng quốc Lý Thường duyên đời, ngồi ngay ngắn trên bồ đoàn, Kiệt là một thí chủ của sư. Những tài vật chân không bước ra khỏi nơi quy định. Sư tín thí cung cấp, sư đều để hết vào Phật sự đến chùa Đại Long Tường ở Nam Kinh trùng tu các ngôi chùa: Pháp vân, Thiền tham vấn Tiếu Ẩn Hân Công một thời gian Cư, Thê Tâm, Quảng An... để báo đáp khá lâu. Sư còn đến chùa Hoa Đảnh tham phần nào công ơn Phật Tổ. yết Vô Kiến Đổ Công. Khi ra hoằng pháp, Kệ thị tịch: sư trụ chùa Bảo Phúc ở Đại Mai. Khi ấy chùa này ở trong tình trạng bị hoang phế lâu ngày, sư chẳng nề gian lao, nhọc lòng sửa sang. Chẳng bao lâu chùa điện được khang trang mới mẻ. Sư còn sửa chữa đê điều, mở rộng thêm ruộng đất. Niên hiệu »Hữu tử tất hữu sinh Hồng Võ thứ 2 (1369) đời Minh, sư lui về Hữu sinh tất hữu tử ở ẩn nơi am Đông Giản. Ba năm sau Tử vi thế sở bi (1372), sư trụ trì Xương Quốc Cát Tường. Sinh vi thế sở hỷ Năm 1374 sư dời về chùa Thiên Đồng. Bi hỷ lưỡng vô cùng Năm 1377, sư nhận lời mời đến Kinh sư, Hốt nhiên thành bỉ thử tham dự việc quy định chế độ »Ngày Ư chư sinh tử bất quan hoài giảng, đêm tu thiền« của tăng sĩ. Án tố rô tố rô tất rị«. »Có tử ắt có sinh TRÍ Y Có sinh ắt có tử Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Tử bị người đời buồn Thanh Lương Văn Ích, tông Pháp Nhãn. Sinh được thế gian vui Sư ở viện La-hán, Chương Châu (nay là Buồn vui thật không cùng huyện Chương Phố, tỉnh Phúc Kiến. Thự Chợt thành có kia đây hiệu: Tuyên Pháp Đại Sư. Đối với sinh tử chẳng để lòng Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Án tố rô tố rô tất rị«. Bảo Thọ? Sư đáp: Mặc tình cho ngươi xem Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh xét. Từ.

TRÌ BÁT (1049-1117) TRÌ BỨC Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Tỳ-ni-đa- Đe dọa, uy hiếp. Mật Am ngữ lục q. 2 ghi: lưu-chi, đời thứ 12, nối pháp Thiền sư » Sùng Phạm. Sư họ Vạn, quê ở Luy Lâu – Bồ Tát Đại (thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc trí Văn-thù, thâm đạt cội nguồn Phật pháp, ngày nay), miền Bắc Việt Nam. Sau khi tự tay cầm kiếm bén, uy hiếp thân Như

TRÌ HỒI Lai.« TRIỂN NHIÊN

TRÌ HỒI Vẻ mặt tươi cười. Tiết Long Nha Trí Tài Trì độn; Chậm chạp. Tiết Phụng Hoàng Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » Tùng Thâm Thiền sư trong NĐHN q. 8 ghi: » – Sư hét – Học nhân căn tính chậm một tiếng, nói: Khổ! Khổ! Lại nói: Mây chạp, trong môn phương

tiện thỉnh sư chỉ trắng đùn lên, trăng sáng ở giữa trời. Nói dạy thêm«. xong sư tươi cười mà qua đời.«

TRÌ THƯ TRIỆN NGỌC (1704-1767) Đưa thư, gửi thư. Huệ Nam ngữ lục ghi: Thiền tăng đời Thanh, họ Vạn, tự Nhượng » Sơn, hiệu Lĩnh Vân, người xứ Cù Châu, – Hòa thượng Hành Tư sai Thạch Chiết Giang, Trung Quốc. Nối pháp Thiền Đầu đưa thư cho Hòa thượng Hoài sư Lôi Nham Đạo An, đời thứ 37 hệ Thanh Nhượng ở Nam Nhạc«. Nguyên. Lần lượt trụ chùa Phương Thiện ở Thê Thủy, chùa Long Tường ở Tú Khê. TRÍCH THỦY NAN TIÊU Tác phẩm: Nam Bình tục chí, Lĩnh Vân thi thảo. Giọt nước cũng khó tiêu. Đồ vật thí chủ bố thí, dù một giọt nước cũng không thể TRIẾP BẤT ĐẮC hưởng thọ, là lời phê bình đối với vị tăng không đủ tư cách. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: Quyết chẳng được. Triếp: Dùng để tăng » thêm ngữ khí. Mật Am ngữ lục ghi: » – Nếu là vào – A Nan ba mươi năm làm thị giả, được, mặc cho ngươi đi khắp nơi. Nếu chỉ là thông minh trí huệ nên bị đức Phật chưa vào, quyết chẳng được rời khỏi nơi quở: Ông ngàn ngày học huệ không bằng đây.« một ngày học đạo; nếu không học đạo thì giọt nước cũng khó tiêu!« TRIỆT Thấu rõ, tỉnh ngộ. Tiết Trường Khánh Hòa TRIỂN ĐƠN thượng trong TĐT q. 10 ghi: »Bất đắc vô Trải giường tọa thiền. Nếu không có vãn sinh chung bất chỉ, thủ triệt vi kỳ. – Chẳng tham thì đánh 3 tiếng »Phỏng tham được vô sinh sẽ không dừng, lấy chỗ thấu chung«, khi ấy chúng tăng cả chùa phải trải rõ làm kỳ hạn.« giường ngủ tọa thiền. Lần lần về sau dùng từ »Triển đơn« để thay cho từ »Phỏng TRIỆT AM tham chung«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Hiệu của Thiền tăng Đạo Nguyên đời Tống. X. Đạo Nguyên.

TRIỆT ĐIÊN TRIỆT CUỒNG TRIỆT CHỨNG TRIỆT DUNG Hiệu của thiền tăng Chu Lý sống vào đời Thấu suốt hoàn toàn, lãnh ngộ hoàn toàn. cuối Minh đầu Thanh. X. Chu Lý. Tiết Ngọc Tuyền Tông Liễn Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » TRIỆT ĐẦU Thấu rõ, thấu suốt. Tiết Vân Môn Văn Yển – Ngày nay người ta chẳng thể trực Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: » tiếp thấu suốt hoàn toàn, chỉ vì cho lời nói chữ nghĩa là chí đạo.« TRIỆT CỐT TRIỆT TỦY Triệt để, hoàn toàn. Bích Nham lục q. 1 – Nếu chưa có chỗ vào, gặp ghi: » được thiền sư kiệt xuất chẳng tiếc tính mạng, tận tình khuyên bảo, khơi gợi, dìu – Đến chỗ nầy, phải là kẻ chân dắt, có gì nhai nuốt được liền phấn chấn thật, vừa nghe nêu công án lên, hoàn toàn tinh thần, treo cao túi bát, bẻ gãy cây gậy, thấy thấu được, mà không rơi vào tình tư ý không quản là mười năm hay hai mươi tưởng.« năm, làm cho thấu suốt đi.«

TRIỆT ĐỂ TRIỆT CƯƠNG (1626-?) Còn gọi: Triệt địa, Triệt để đại ngộ. Thấu Thiền tăng đời Thanh, họ Lý, hiệu Phật đáy. Thiền tông dùng từ này để chỉ việc đại Oan, người Nội Giang (Tứ Xuyên) Trung ngộ. Chương Thiên Thai Đức Thiều trong Quốc. Năm 23 tuổi sư theo Trượng Tuyết CĐTĐL q. 25 (Đại 51, 410 thượng) ghi: Thông Túy ở Ngưu Sơn xuất gia. Niên » hiệu Thuận Trị thứ 11 (1654) sư theo

Thông Túy tham kiến Phá Sơn Hải Minh. – Chư Thượng tọa trải
qua số kiếp như cát Năm thứ 13 (1656) vâng lệnh yết kiến Phí bụi chẳng nói, nhưng
cũng chưa từng thiếu Ẩn Thông Dung ở Nghiêu Phong, lại y chỉ mất nửa câu, cần phải
đại ngộ mới được«. Thiền sư Đạo Phong Mộc ở Thiều Khê rồi trở về Thông Túy, chưa
bao lâu lại vâng TRIỆT ĐIÊN TRIỆT CUỒNG lệnh lễ Thông Dung lần nữa, thụ giới cụ
túc và tham kiến Nhị Ẩn Hạnh Mật chùa Như điên như dại, mô tả cử chỉ chẳng hợp
Long Uyên, làm truyền nhân tông Lâm Tế. trạng thái bình thường. Như Tịnh ngữ lục
Niên hiệu Khang Hi thứ 9 (1670) trụ trì q. thượng: » viện Chư Cổ núi
Cổ Tự ở Nội Giang, rồi dời sang viện Chiêu Giác ở Thành Đô,
viện Triều Âm núi Lạc-già, viện Bát-nhã núi
Thiên Trì. Tác phẩm: Phật Oan Cương – Kim Túc đại sĩ Thiền sư ngữ lục 12
quyển. (Bồ Tát Duy-ma-cật) khai mở Ngọc Lân

TRIỆT LIỄU đường, từ trên cây phất tử đích thân thổi TRIÊU ĐẢ TAM THIÊN, MỘ ĐẢ
một trận gió nghiệp làm cho nó biến thành BÁT BÁCH con trâu đực, như
điên như dại, húc đông Sáng đánh ba ngàn, chiều đánh tám trăm. báng tây, lùi nam
xông bắc, chưa khỏi Lời quở trách của thiền sư đối với tăng đồ nước cỏ thái bình, khai
phá ruộng đất mát tham học sai lầm. Minh Giác ngữ lục, q. 1 mẻ.« ghi: »
TRIỆT LIỄU – Hỏi: Thế nào là câu Thấu rõ
hoàn toàn, nhận thức triệt để. Đáp thứ nhất? Sư đáp: Dùi vàng trong tay áo. Trung thừa
Trịnh Côn Nham trong Tăng liền hét. Sư nói: Sáng đánh ba ngàn, HSLNMDT q. 1 ghi: »
chiều đánh tám trăm«.
TRIÊU NGUYÊN THIỀN TỰ – Bỗng nhiên một
niệm chóng Ở thị trấn Mỹ Nông, thành phố Cao Hùng, dừng, thấu rõ hoàn toàn tự tâm,
như giữa tỉnh Đài Loan, Trung Quốc. Năm 1916, ngã tư đường gặp lại cha mình. Lại
nữa, Pháp sư Năng Tịnh gom góp của cải sáng không thể nghi ngờ như người uống
nước lập. Năm 1927 xây dựng lại, năm 1928 nóng lạnh tự biết, cũng chẳng thể thố lộ
hoàn thành chính điện. Năm 1952, Năng với người; đó mới là tham cứu chân thật Nhân
thoái ẩn, Pháp sư Huệ Định kế nhiệm và liễu ngộ chân thật.« trụ trì. Năm 1959 xây cất
thêm tháp Hoa TRIỆT TÂM Tạng, đình Tịnh Tư. Năm 1961 khởi công Thấu rõ, thấu
suốt. Phần Dương ngữ lục q. xây dựng Tịnh Từ Hạ Viện tại khu chợ thị trung ghi: »
trấn Mỹ Nông. Năm 1982 khởi công xây – Đem cây gậy đến đây
dựng Triêu Sơn Hội Quán. Sau đó lại cải liền thấu rõ, kịp đến dòng bất giác ngập tạo và
xây dựng Đại Hùng bảo điện, cảnh ngừng.« tương mới hoàn toàn.

TRIÊU DƯƠNG TỰ TRIỀU CÁI Ở trên Thiên Sơn, thành phố Liêu Dương, Xe cộ
của quan viên triều đình, mượn dùng tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc. Xây dựng vào chỉ
cho quan viên triều đình. Pháp Diễn thời Tùy Đường, đời Liêu lại tu sửa thêm, ngữ lục,
q. trung ghi: » chùa chiền rộng lớn đẹp đẽ, một thời đứng – Quan viên
triều đình đến dự đầu vùng Đông Bắc. Khoảng niên hiệu pháp hội, gió mát thổi khắp
chỗ ngồi«. Vĩnh Lạc (1403-1424) đời Minh trùng tu. TRIỀU CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ Đầu
niên hiệu Thuận Trị (1644-1661) đời Thanh, Thiền sư Thặng Nhân Hàm Khả ở
Quảng Đông trụ tích nơi đây. Ở phường Cam Lộ, thành phố Triều Châu, tỉnh Quảng
Đông, Trung Quốc. Xây dựng vào niên hiệu Khai Nguyên thứ 26 (738)

TRIỆU CHÂU CHÂN TẾ THIỀN SƯ NGỮ LỤC đời Đường. Đời Nguyên gọi là »Khai TRIỀU TÔNG THÔNG NHẪN Nguyên Vạn Thọ Thiền Tự«, đời Minh gọi THIỀN SƯ là »Khai Nguyên Trấn Quốc Thiền Tự«. Thiền tăng Thông Nhẫn sống vào cuối đời Chùa quy mô rộng lớn. Là một quần thể Minh đầu đời Thanh hiệu là Triều Tông, kiến trúc tứ hợp viện kiểu cung điện khá người đời gọi sư là Triều Tông Thông hoàn chỉnh, có Đại sơn môn, Nhị sơn môn, Nhẫn Thiền sư. X. Thông Nhẫn. Thiên vương điện, Đại hùng bảo điện, Tàng kinh lâu. Đông lang có Tri khách TRIỆU AN (1872-1932) đường, Thần nông đường, Địa Tạng các; Tăng nhân cận đại, họ Dương, tên Truyền tây lang có Quán Âm các, Sơ Tổ đường, Húc, người huyện Kiên Vi, tỉnh Tứ Xuyên, Lục Tổ đường, Phương trượng thất. Hình Trung Quốc. Năm 17 tuổi, sư đến động dáng và cấu tạo của Đại hùng bảo điện, Cửu Lão, núi Nga My xuống tóc làm tăng, Quán Âm các, Địa Tạng các đều là mái 4 rồi đến chùa Thánh Thủy ở Nội Giang để lớp, 2 lớp ngói trích thủy. Xung quanh có thụ giới cụ túc. Sau khi ra khỏi Tứ Xuyên, 78 khối đá khắc vào đời Đường làm lan sư thưa hỏi khắp các bậc danh sư đại đức. can, trên có đồ án hoa văn tượng Phật, khỉ, Mùa Xuân năm 1932, sư giảng kinh Kim nai v. v... Trong chùa còn giữ nhiều văn Cang ở Phật học xã Trùng Khánh. Đến vật, trước bàn Thần có chiếc lư hương lớn tháng 11 năm ấy sư thọ bệnh rồi mất. Cả điêu khắc bằng vẫn thạch vào niên hiệu đời sư xem trọng việc tu thiền tập định. Thái Định thứ 2 (1325) đời Nguyên, cao 1,5m do 6 khớp lớn nhỏ chồng thành, TRIỆU CHÂU CẨU TỬ chung quanh có khắc đồ án »thiên nhân Công án nổi tiếng này được thấy nơi tiết hiến hoa«, thú chạy, rồng cuộn, hoa sen, Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong còn có chuông đồng đúc vào niên hiệu NĐHN q. 4 như sau: » Chính Hòa thứ 4 (1114) đời Tông, tấm bảng gỗ bằng đồng của đời Nguyên, tháp Thiên Phật khắc bằng gỗ của đời Minh, một bộ Đại tạng kinh khắc bản vào niên – Có vị tăng hỏi: Con chó có Phật hiệu Ung Chính đời Thanh. Năm 1980 tiến tánh không? Triệu Châu đáp: Không. Tăng hành trùng tu đại quy mô. thưa: Trên từ chư Phật dưới đến loài kiến dế đều có Phật tánh, con chó vì sao lại TRIỀU TÔNG không? Sư bảo: Vì nó còn nghiệp thức.« Khế hợp ý chỉ Thiền tông. Tiết »Chính Vào đời Tống, Thiền sư Huệ Khai biên tập Pháp Hi Minh Thiền sư trong NĐHN q. 18 Vô Môn Quan, xếp công án này vào tắc ghi: » thứ nhất và yêu cầu người tham thiền, tham chữ »VÔ« này. Ngày đêm đều đề khởi, – Nếu thấu tỏ ý chỉ, chớ có hiểu như hư vô, chớ có hiểu như đạt đến uyên nguyên thì biết mọi động tĩnh, hữu vô. đi đứng ngồi nằm đều hiển bày thiền cơ, niệm niệm khế hợp ý chỉ Thiền tông«. TRIỆU CHÂU CHÂN TẾ THIỀN SƯ

TRIỆU CHÂU CHÂN TẾ THIỀN SƯ NGỮ LỤC NGỮ LỤC cái ông thầy này lại đi thế ấy. Sau đó có vị Còn gọi: Triệu Châu Hoà Thượng ngữ lục, tăng thuật lại cho sư nghe chuyện này, sư Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư ngữ lục, bảo: Đợi ta đi khám qua cái đã. Hôm sau, Chân Tế Đại Sư ngữ lục, Triệu Châu lục. sư liền đi hỏi: Lên Đài Sơn đi ngả nào? Bà Ngữ lục, 1 quyển, do Triệu Châu Tùng già đáp: Cứ đi thẳng. Sư liền đi. Bà già Thẩm soạn vào đời Đường, Văn Viễn biên, bảo: Ô hay, cái ông thầy này lại đi như được xếp vào Cổ Tôn Túc ngữ lục quyển thế. Sư liền trở về viện bảo với tăng rằng: 14 và Tục Tạng kinh tập 118, trang 304. Bà già Đài Sơn đã bị ta khám phá.«

Nội dung bao gồm: Hành trạng, Thượng Công án này trong cái tầm thường có ngụ ý đường, Thị chúng, Vấn đáp, Đối cơ, Khám đặc biệt, thể hiện ý nếu muốn ngộ thiền ắt biện, Kệ tụng v.v... của thiền sư Tùng cần phải siêu việt ngôn ngữ tri giải, dẹp bỏ Thẩm. Sách này được xếp vào Cổ Tôn Túc sự phân biệt đối lập. ngữ lục quyển 30, còn có 1 quyển Triệu Châu Chân Tế Thiền sư ngữ lục chi dư, TRIỆU CHÂU TẨY BÁT VU trong ấy thu thập các Ngữ yếu thượng đường thị chúng, Thập nhị thời ca, Kệ Triệu Châu bảo rửa bát. Công án nổi tiếng tụng, Chân tán v.v... này được thấy nơi tiết Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong NĐHN q. 4 như sau: TRIỆU CHÂU CỔ PHẬT »

Vào đời Đường, huyền ngôn pháp ngữ của thiền tăng Tùng Thẩm được truyền bá khắp thiên hạ, đôi khi được gọi là Triệu Châu – Có vị tăng hỏi: Con mới vào pháp đạo. Thiên hạ đều sợ hãi tin phục, gọi chùa xin thầy chỉ dạy. Sư bảo: Ăn cháo sư là Triệu Châu Cổ Phật. X. Tùng Thẩm. chưa? Vị tăng đáp: Ăn cháo rồi. Sư bảo: Rửa bát đi. Vị tăng chợt tỉnh ngộ.« TRIỆU CHÂU KHÁM BÀ Mũi nhọn của công án này ở chỗ hiển bày Công án này được thấy nơi tiết Triệu Châu trong việc ăn cháo rửa bát hàng ngày, mỗi Tùng Thẩm Thiền sư trong NĐHN q. 4 chỗ đều có thể lãnh hội đạo pháp, thể hiện như sau: »

được câu nói: »Tâm bình thường là đạo« của nhà thiền đề xướng. TRIỆU CHÂU TRÀ

Công án này được thấy ghi ở Tiết Triệu Châu Tùng Thẩm Thiền sư trong NĐHN q. 4 như sau: »

– Có vị tăng muốn đi đến Ngũ Đài, hỏi một bà già rằng: Lên Đài Sơn đi ngả nào? Bà già đáp: Cứ đi thẳng. Tăng liền đi. Bà già nói: Ô hay,

TRỌNG HIỂN (980-1052) – Sư hỏi vị tăng mới đến: Từng tình làm ra vẻ như thế, mà hễ ai thấu triệt đến đây chưa ? Đáp: Từng đến. Sư bảo: thì tự nhiên phù hợp, dường như có sự sắp Uống trà đi. Sư lại hỏi một vị tăng khác, đặt sẵn rồi«. Tăng đáp: Chưa từng đến. Sư bảo: Uống trà đi. Sau đó, Viện chủ hỏi sư rằng: Vì TRỊNH NƯƠNG sao đã từng đến dạy uống trà, chưa từng Thiền giả đời Đường. Là con gái nhà họ đến cũng dạy uống trà ? Sư gọi: Viện chủ. Trịnh. Còn gọi là Trịnh Thập Tam Nương. Viện chủ đáp: Dạ. Sư bảo: Uống trà đi!« Lúc 12 tuổi cô tham học với Thiền sư Uống trà là việc bình thường của thiền Trường Khánh Đại An, quyết học tâm yếu tăng, ở đây có thể cho là tham ngộ đạo kế thừa đại pháp của ngài. Cơ pháp của cô pháp, tức chỗ nói bình thường là đạo. Công bén nhọn dường gươm, nổi tiếng khắp án này cũng khơi gợi người học không nên thiền lâm. vọng sanh phân biệt sự vật. TRÓC BẠI TRIỆU TỪ (1850-1920) Thất bại, đánh bại. Tiết Long Khánh Thiền tăng đời Thanh, họ Dương, tự Phổ Khánh Nhàn Thiền sư trong NĐHN q. 17 Tịnh, người xứ Cao Yếu, Quảng Đông, ghi: » Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Xương – Sư vỗ tay nói: Ba mươi năm Đạo, đời thứ 49 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì dùng đến mức, hôm nay lại thất bại«. chùa Định Huệ ở Tiêu Sơn. Có ngữ lục Tiết Tịnh Từ Ngạn Sung Thiền sư trong truyền lại đời. NĐHN q. 20 ghi: » – Hôm nay đánh bại tên giặc này!« TRINH THÚY Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư đến chùa Tư TRỌNG BIỆN (1030-1108)

Phúc ở Cát Châu (nay là huyện Cát An, Thiền tăng đời Tống, người Thủy Hưng, tỉnh Giang Tây) ra mắt thiền sư Như Bảo. Quảng Đông, Trung Quốc. Sư nối pháp Sau này nối pháp ngài và kế vị trụ trì, thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài, thuộc tông thuộc tông Quy Ngưỡng. Vân Môn đời thứ 6, trụ trì chùa Nam Hoa Có vị tăng hỏi: Thế nào là tâm cổ Phật? Sư ở Kinh Nam, Huệ Châu. đáp: Núi sông đất đai. TRỌNG HIỂN (980-1052) TRÌNH CƠ Thiền tăng đời Tống, tự Ẩn Chi, người Trình bày cơ phong. Bích Nham lục tắc 9, Toại Ninh (Đồng Nam, Tứ Xuyên), Trung q. 1 ghi: » Quốc.

Gia thế giàu có, sư theo Nho giáo. Thuở nhỏ sư kế thừa gia học song chí lại xuất thế, nên lúc tuổi thanh xuân đã bỏ tục

– Ông ta đã vào đạo theo Nhân Sắn viện Phổ An xuất trình bày cơ phong ra, Triệu Châu cũng gia. Ban đầu học kinh luật và xen cả thế chẳng làm ông ta thất vọng liền dùng cơ pháp. Sau khi thụ giới cụ túc sư chuyên tu phong để đáp lại. Chẳng phải ông ta cố định nghiệp. Sư đến Bắc Tháp, Phục Châu

TRỌNG HƯNG (Thiên Môn, Hồ Bắc) tham kiến Thiền sư ThiênY Nghĩa Hoài, thuộc tông Vân Môn Trí Môn Quang Tộ, y chỉ 5 năm được nối đời thứ 6, trụ trì chùa Thiên Bát (tại Đại pháp làm truyền nhân tông Vân Môn. Sau Danh Hà Bắc). Hiệu: Văn Huệ Thiền Sư, sư ẩn cư chùa Linh Ẩn, Hàng Châu 3 năm, có ngữ lục truyền bá ở đời. khi ra hoằng pháp trụ trì chùa Thúy Phong, Tô Châu. Năm sau sư chuyển sang chùa TRÙ SÁCH Tư Thánh núi Tuyết Đậu, học chúng vân Bàn bạc tính toán, chỉ cho rơi vào vọng tập rất đông, tông phong cực thịnh nên niệm. Theo Thiền gia, đây là điều đại kỵ được tôn xưng »Tổ trung hưng tông Vân của việc tham thiền ngộ đạo. Tiết Bác Sơn Môn«. Bởi sư ở lâu nơi núi Tuyết Đậu nên Hòa thượng truyện trong Nguyên Lai người đời sau gọi sư là »Tuyết Đậu Thiền quảng lục q. 35 ghi: » sư«. Sau khi mất, thụy là »Minh Giác Đại Sư«. Đệ tử có 84 người, đứng đầu là Thiên

Y Nghĩa Hoài. Tác phẩm: Minh Giác Thiền sư ngữ lục 6 quyển. – Hòa thượng hỏi: Có việc sau này chăng? Thọ TRỌNG HƯNG Xương đáp: Lão tăng chỉ biết hai thời cơm Thiền tăng đời Đường, là thị giả của Đạo cháo, không còn nghĩ đến việc sau này. Lại Ngô Tông Trí. Một hôm đang hỏi pháp, sư hỏi, Thọ Xương đáp: Về sau ông được ngồi chợt đánh Tông Trí. Sau đó, Tông Trí bảo mặc áo, mong ông không rơi vào vọng sư đi nơi khác. Sư ẩn trong nhân gian 3 niệm. Nghe nói rồi Hòa thượng vâng lệnh năm. Sau khi Tông Trí tịch, sư chợt ngộ lên tòa thuyết pháp«. duyên trước nên đến Thạch Sương cầu chính giải, Thạch Sương thiết trai để sư TRỤ sám hối. Về sau sư ở Tiệm Nguyên, Đàm Trụ trì tự viện. Tiết Ngọc Tuyền Đàm Ý Châu (nay là huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Nam). – Đầu niên hiệu Thiệu Hưng, sư ra hoằng TRỌNG KHIÊM (1174-1244) pháp, trụ chùa Hưng Hóa Tường Vân, Thiền tăng đời Tống, họ Ứng, người xứ pháp hội rất thạnh«. Nghĩa Điểu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Tùng TRỤ NGẠN KHƯỚC MÊ NHÂN Nguyên Sùng Nhạc, thuộc tông Lâm Tế. Sư trụ trì chùa Tư Thánh, núi Tuyết Đậu Cảnh đẹp làm mê hoặc người. Trong Thiền trên 10 năm. tông dùng từ này chỉ cho dù đã bước vào cảnh giới tỏ ngộ, nhưng nếu bám lấy cảnh TRỌNG NGUYÊN (1010-1081) ấy liền bị nó trói buộc. Tắc 11, Thung Thiền tăng đời Tống, họ Tôn, người Thiên Dung lục (Đại 48, 234

trung) ghi: » Thừa Thanh Châu (Quảng Nhiêu, Sơn Đông) Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư –

TRÚC AM Thuyền qua bến nước ngậm trời thu (ngâm sáng, kham nhận Trụ trì«. trong nước chết). Bơi đến hoa lau ngời tuyết trắng (cảnh đẹp làm mê hoặc TRỤ VIỆN người)«. Đảm nhận phương trượng, chủ trì tự viện. Tông Môn Võ Khố ghi: » TRỤ SƠN Điều hành tự viện. Thuở xưa, các tự viện đều tọa lạc ở trong núi nên có từ ngữ này. – Nói Tiết Dược Sơn Hòa thượng trong NĐHN chung về việc trụ viện có 4 điều răn: q. 5 ghi: » 1. Có quyền thế chẳng nên sử dụng hết. 2. Có phúc chẳng nên hưởng hết 3. Quy củ chẳng nên thi hành hết. – Tổ (chỉ cho Hòa thượng Đạo Nhất) 4. Lời lẽ hay chẳng nên nói ra hết«. nói: Sở đắc của ngươi có thể nói là hợp nơi tâm thể bày ra ở tứ chi. Ngươi đã được TRUÂN như thế, hãy đem ba lạt tre cột nơi bụng Còn gọi: Độn trí. Gian nan, lao khổ. Tông tùy chỗ trụ sơn đi!« Môn Võ Khố ghi: TRỤ THẾ Phật hoặc các bậc cao tăng ở thế gian giáo hóa chúng sinh. Tiết Đan Hà Hòa thượng trong TĐT q. 4 ghi: » – »Vô đoan bị tiếm uổng tao truân Giang Tây Mã Tổ hiện đang trụ thế thuyết Bán niên hữu dư tác tục nhân pháp, người ngộ đạo nhiều đến mức chẳng Kim nhật tái quy Tam Giáp tự thể ghi chép hết«. Kỷ đa hoan hỷ kỷ đa sân«. TRỤ TRÌ »Bị gièm vô cớ, gặp gian nan 1. Đảm nhận phương trượng, điều khiển tự Làm người thế tục hơn nửa năm viện. Minh Giác ngữ lục q. 2 ghi: » Chùa Tam Giáp cũ nay về lại. Bao nổi buồn vui lẫn lộn thầm«. – Sau khi Học sĩ cởi TRÚC ngọc đái để lại, sư đưa tiễn đến cửa Triệu Đánh. Lâm Tế ngữ lục ghi: » Châu, ở vài hôm rồi từ biệt. Học sĩ cố giữ – Sư đánh ba thoi vào sư lại, sư nói: Tôi trở về núi trụ trì, chẳng hông Đại Ngu«. quên Học sĩ ngày hôm nay«. 2. Hòa thượng chủ trì tự viện. Tông Môn TRÚC AM Võ Khố ghi: » Hiệu của Thiền tăng Khả Quán, sống vào – Thủ tọa Thản đạo nhãn đã đời Tống. X. Khả Quán.

TRÚC BỀ TRÚC BỀ Túc thanh, Bất quả thanh Còn gọi: Tỉnh thức côn. Cây bê làm bằng Lưu động thanh, Dư thanh tre hoặc gỗ, cán tròn, đầu dẹt, giống như Ẩn thanh, Phát tưởng thanh mái dầm dài 80-100cm. Đây là công cụ của Thuyết thanh, Ngụ thanh thiền sư dùng để đánh thức người tọa thiền Trác thanh, Biểu lý thanh ngủ gật hoặc điều chỉnh sống lưng của họ Minh thanh, Phán thanh cho ngay ngắn. Thủ Sơn Tỉnh Niệm Thiền Tàng thanh, Hưởng thanh sư trong NĐHN q. 2 ghi: » Nhất thanh, Tiểu khấu hoán thanh Mỗi chương có 3 phần: – Một 1. Nêu lên đặc tính của một thanh, tương hôm, Thủ Sơn giơ cây trúc bề lên hỏi tăng: đương với Niêm Gọi là cây trúc bề phạm, chẳng gọi là cây 2. Đưa ra những lời nhận xét của Hải trúc bề thì sai trái. Vậy thì gọi là cái gì?« Lượng, tương đương với Tụng. 3. Lời bàn của Hải Âu và Hải Hòa, tương TRÚC GIẢN HÒA THƯỢNG đương với Kệ. Tư tưởng trong »Đại Chân Viên Giác Thanh« có thể được tóm tắt như Thiền tăng Đức Bằng sống vào đời Tống, sau: nhân nghe tiếng chày gỗ nện vào ống tre Đề cao tinh thần thiết thực của Nho mà triệt ngộ, nên được gọi là »Trúc Giản giáo trong các chương: Không thanh, Định Hòa thượng«. X. Đức Bằng. thanh, Nhất thanh. Phát huy

phạm trù KHÔNG (Śūnyata) TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN của Phật giáo trong các chương: Không THANH thanh, Trác thanh, Tiểu Khấu Hoán thanh. Lục, 1 quyển do Ngô Thì Nhậm (Hải Nói về vấn đề tốt xấu trong Ngụ thanh, Lượng Thiền sư) soạn vào cuối đời Hậu vấn đề ân oán trong Phán thanh, vấn đề vô Lê, Việt Nam. Đây là những bài thuyết hữu trong Trác thanh… pháp tại thiền viện ở phường Bích Câu, Trong tác phẩm này, Ngô thì Nhậm đứng Thăng Long, là một tổng hợp Nho Thích trên lập trường Nho giáo để nghiên cứu và khá độc đáo, với khuynh hướng quy thú về tiếp thu Thiền tông, xúc tiến việc hòa đồng Phật giáo Trúc Lâm. Sách gồm có 2 phần: tam giáo. Hai kinh điển cơ bản của Phật Phần đầu nói về hành trạng của 3 vị Tổ giáo Thiền tông là kinh Lăng-già và kinh Trúc Lâm, nhan đề là Tam Tổ Hành Trạng. Kim Cương cũng được thể hiện rõ nét Phần hai là Đại Chân Viên Giác Thanh, nội trong »Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên dung gồm có 24 chương trình bày về 24 đề Thanh«. tài thiền quán, mỗi đề tài là một thứ âm thanh. 24 âm thanh là: TRÚC LÂM THIỀN VIỆN Không thanh, Ngộ thanh Kiến thanh, Hoán thanh 1. Thiền viện ở núi Phù Dung, vịnh Tân Định thanh, Tịch nhiên vô thanh Giới Thuyên, Hong Kong, do Hòa thượng Hành thanh, Đổng thanh Dung Thu xây dựng vào năm 1929. Hai

TRÚC TIÊN HÒA THƯỢNG NGỮ LỤC thời công phu sớm chiều điều mô phỏng TRÚC LÂM TỰ nghi thức của chùa Đảnh Hồ, Quảng Châu. Ở đông bắc đầm Hắc Long, phía tây sườn Chùa này có chỗ nghỉ lại đêm cho hàng đệ núi Thái Sơn, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, tử xuất gia lẫn tại gia. sáng lập vào năm nào không rõ. Chùa này 2. Thiền viện nằm trên sườn ngọn núi từ đời Đường đến nay nhiều lần hưng Phụng Hoàng, cách chợ Đà Lạt khoảng nhiều lần phế. Đời Nguyên cao tăng Pháp 5km, thuộc tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Hải từng trùng tu thêm. Niên hiệu Tuyên Được khởi công từ tháng 4 âl năm 1993, Đức thứ 3 (1428) đời Minh, tăng người không đầy một năm sau, thiền viện Trúc Triều Tiên là Thiền sư Mãn Không lại xây Lâm đã làm lễ lạc thành vào ngày mùng 8 dựng thêm, trở thành một ngôi chùa lớn tháng 2 âl 1994. Thiền viện do Hòa thượng hùng vĩ tráng lệ ở Thái Sơn. Sau bị lửa Thích Thanh Từ sáng lập, mang tên một thiêu hủy. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 30 dòng thiền xuất hiện dưới thời vua Trần (1602) đời Minh trùng tu. Hiện còn miếu Nhân Tông, do chính nhà vua khai sáng: Vô Cực là do Trấn thủ Duyễn Châu thuộc Thiền phái Trúc Lâm. Qua 3 cổng tam Quốc Dân Đảng sai Trương Bồi Vinh quan, từ phía dưới hồ Tuyền Lâm, du phong cho vợ làm »Vô Cực Chân Nhân« khách bước vào chính điện. Đây là khu mà xây cất. ngoại viện, bao gồm một quần thể kiến trúc trang nhã: Nhà khách, Chính điện, Tham TRÚC NGUYÊN vấn đường, lầu chuông. Chính điện là tòa Hiệu của Thiền tăng Tông Nguyên, sống nhà nhỏ, vuông vắn. Hai lớp mái chồng lên vào đời Tống. X. Tông Nguyên. nhau với các đầu mái đao hơi cong và hàng mái ngói đỏ che chở cho những hàng cột TRÚC NGUYÊN nâu tròn chống đỡ phía dưới, tạo cảm giác Hiệu của Thiền tăng Diệu Đạo, sống vào nhẹ nhàng thanh thoát. Bên trong an trí pho đời Nguyên. X. Diệu Đạo. tượng Thích-ca ngồi trên tòa sen, tay phải cầm đóa sen giơ lên. Lầu chuông nhỏ nhắn, TRÚC NHAM được trang trí bằng phù điêu chạm hình Hiệu của Thiền tăng Diệu Ấn, sống vào ảnh của Bồ-đề-đạt-ma đạp cành lau; Tổ đời Tống. X. Diệu Ấn. Huệ Khả chặt tay, Tổ Huệ Năng giã gạo; Sơ tổ Trúc Lâm giảng kinh. Nơi đây đặt TRÚC THẤT một đại hồng

chung từ Huế mang vào. Hiệu của Thiền tăng Tịnh Luân, sống vào Ngăn cách hoàn toàn với khu ngoại viện là đời Minh. X. Tịnh Luân. khu nội viện bao gồm nội viện Tăng và nội viện Ni. Mỗi bên đều có Tăng đường, thiền TRÚC TIÊN HÒA THƯỢNG NGỮ đường, nhà bếp riêng biệt. Bên Ni còn có LỤC thêm nhà khách nữ dành cho các cư sĩ nữ Còn gọi: Trúc Tiên Thiền sư ngữ lục, Trúc tu tập. Thất của HT. Thanh Từ nằm giữa Tiên lục. Ngữ lục, 4 quyển, do Trúc Tiên giao lộ hai nội viện. soạn vào đời Nguyên, Duệ Nghiêu v.v.. biên, được xếp vào Đại Chính Tạng tập 80,

TRÚC TRƯỚC KHẢI TRƯỚC trang 334. Sách này thu thập ngữ lục của Diễn dương thiền pháp vi diệu«. Trúc Tiên lúc hoằng pháp ở Nhật Bản, tại các chùa: Tịnh Diệu, Nam Thiền, Chân TRUNG ẤP ÂN Như, Kiến Trường, Tịnh Trí, Vô Lượng Thiền tăng Hồng Ân, đời Đường, ở Trung Thọ và các phần: Pháp ngữ, Kệ tụng, Tán Ấp tại Lãng Châu, người đời gọi là Trung ngữ, Hành đạo ký, Tháp minh v.v... Phần Ấp Ân. X. Hồng Ân. sau của quyển cuối có phụ lục 1 quyển »Thiên Trụ tập«. TRUNG ĐỘ Thiền tăng đời Ngũ Đại, sư thờ thiền sư TRÚC TRƯỚC KHẢI TRƯỚC Lạc Phố Nguyên An làm thầy và đắc pháp nơi ngài. Khi ra hoằng pháp sư trụ chùa Đụng nhằm chạm phải một cách bất ngờ, Đại An Quốc tại Đặng Châu (nay thuộc ngầm chỉ nhanh chóng lãnh ngộ thiền tỉnh Hà Nam). pháp. Mật Am ngữ lục ghi: »
TRUNG ĐỘNG SƠN Thiền tăng Đạo Toàn, đời Đường, ở Động Sơn làm Trụ trì đời thứ 2 nên mọi người – Sư từ phủ trở về, thượng đường: gọi là »Trung Động Sơn«. X. Đạo Toàn. Mỗi một động tác ra vào, mỗi một hành vi động tịnh, hoặc ở quán rượu phòng trà TRUNG HẠ hoặc ở chợ búa náo nhiệt hoặc ở nơi thớt Trong thời kỳ an cư. Như Tịnh ngữ lục q. thịt, chợt lãnh ngộ thiền pháp. Khi ấy thượng ghi: » giống như cọp mọc thêm sừng, oai phong lẫm liệt«. – Trong thời kỳ an cư, sư thượng đường: Kiết hạ đã qua rồi, giải hạ TRỤC LOẠI TÙY HÌNH còn chưa đến, một câu ở khoảng giữa, hoa Tùy theo hình sắc và chủng loại. Bậc tu sen nở soi mặt nước.« hành sau khi đắc đạo, sẽ tùy theo hình sắc và chủng loại của chúng sinh mà ứng hiện TRUNG HÒA THIỀN TỰ sắc thân để cứu giúp họ. Bài sám Quy Ở núi Phúc Thọ, khu Bắc Đầu, thành phố Mạng của thiền sư Di Nhiên ghi: Đài Bắc, tỉnh Đài Loan, Trung Quốc. Năm 1924 Thiện Phúc ở tại đường Diên Bình Bắc, thành phố Đài Bắc hai chặng kiến »Tha phương thử giới thiết Bố Giáo Sở tông Tào Động, pháp Trục loại tùy hình duyên thù thắng, tín chúng ngày càng tăng. Ứng hiện sắc thân Vì mưu cầu sự phát triển sự nghiệp bèn Diễn dương diệu pháp«. mua núi Phúc Thọ, khu Bắc Đầu khai sơn »Ở cõi này hay phương khác cất chùa. Năm 1931 chùa cất xong, ban Tùy theo hình sắc, chủng loại đầu gọi là »Thanh Tuyền Tự«, sau đổi tên Ta sẽ ứng hiện sắc thân là »Trung Hòa Thiền Tự«. Chùa nằm ở

TRUNG PHONG HÒA THƯỢNG QUẢNG LỤC lưng chừng núi Phúc Thọ, quang cảnh ưu dịch Tam tạng, nghiên cứu đến chỗ tột mỹ. cùng, song đối với Thiền tông thì sư chưa tin. Khi ấy, Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần TRUNG HỘI TỰ ở chùa Thiên Ninh, tiếng tăm vang dội, sư Ở phía đông Thiên Sơn, cách thành phố liền đến tham yết. Trong lúc thưa hỏi, Yên Sơn, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc Khắc Cần vả miệng sư một cái, làm rụng 20km về phía đông, là một trong năm đại một cái răng. Sư chợt đại ngộ, xin ở

lại hầu thiền lâm của Thiên Sơn. Được xây dựng ngài, tiếp tục thưa hỏi thêm. Về sau, sư vào đời Đường, trước chùa có tấm bia khắc khai pháp ở chùa Đại Giác, rồi dời sang vào niên hiệu Gia Tĩnh thứ 4 (1525) đời chùa Trung Trúc, lại dời đến chùa Linh Minh ghi: »Trên núi Thiên Sơn phía nam Phong. Niên hiệu Thuần Hy thứ 1 (1174), Tương Bình, từ đời Đường sắc chỉ xây sư được vua triệu vào nội điện hỏi pháp, sư dựng năm ngôi cổ sát, trong đó có chùa liền xiển dương tông chỉ. Sư tịch vào niên Trung Hội«. Đây chính là nguồn gốc tên hiệu Thuần Hy thứ 6 (1179), có thuyết »Trung Hội Tự«. Trong chùa có Tiền điện, khác nói sư mất vào niên hiệu Gia Thái thứ Chính điện, Thiền đường, Hậu các, Thủy 3 (1203). đình. Trong chùa nguyên còn giữ 11 tấm bia khắc đời Minh Thanh, như tấm bia TRUNG PHONG HÒA THƯỢNG trùng tu vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 8

QUẢNG LỤC (1580) đời Minh, hiện còn 2 tấm. Gọi đủ: Thiên Mục Trung Phong Hòa thượng quảng lục. Ngữ lục, 30 quyển, do TRUNG NGẠN Trung Phong Minh Bản soạn, Từ Tịch Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư biên, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 122. Vân Cư Hoài Nhạc, thuộc tông Tào Động. Quyển thủ có bài »Tiến Thiên Mục Trung Sư ở Dược Sơn, Lễ Châu (nay là huyện Lễ, Phong Hòa thượng Quảng Lục Biểu«. Nội tỉnh Hồ Nam). dung toàn sách gồm có: Thị chúng, Tiểu Có vị tăng hỏi: Thầy xướng gia khúc của tham, Sơn phòng dạ thoại, Tín Tâm Minh ai, nối pháp người nào? Sư đáp: Vân Lãnh tịch nghĩa giải, Lăng Nghiêm trưng tâm long xướng nguyệt. Thần Phong động biện kiến hoặc kiến, Biệt truyền giác tâm, thượng tuyền (trăng soi sáng rồng Vân Kim Cương Bát-nhã lược nghĩa, Huyễn Lãnh, suối chảy qua động Thần Phong). Trụ gia huấn, Nghĩ Hàn Sơn Thi, Đông ngữ tây thoại, Tạp trước, Kệ tụng v.v...

TRUNG NHÂN (?-1179) Trung Phong Minh Bản trưng dẫn nhiều Thiền tăng đời Tống, tự Mông Đường, yếu chỉ kinh điển như: Hoa Nghiêm, Pháp người xứ Lạc Dương (nay thuộc Hà Nam), Hoa, Viên Giác, Duy-ma-cật, Lăng Trung Quốc. Thuở bé sư vào viện Phụng Nghiêm, còn dẫn thoại đầu của các thiền Tiên ở Đông Kinh xuất gia. Niên hiệu sư: Bồ-đề Đạt-ma, Huệ Năng, Lâm Tế Tuyên Hòa thứ 1 (1119) sư được cấp độ Nghĩa Huyền, Hoàng Bá Hy Vận, Bách điệp, xuống tóc ở viện Khánh Cơ. Sau khi Trượng Hoài Hải, Quy Sơn Linh Hựu, thụ giới cụ túc, sư thường lui tới nơi phiên Động Sơn Lương Giới để làm căn cứ dung

TRUNG PHONG HÒA THƯỢNG TẠP LỤC hòa các thuyết và chủ trương: Thiền Tịnh Thổ Tả Châu. Niên hiệu Chí Chính thứ 28 dung nhiếp lẫn nhau, Giáo Thiền nhất trí, (1368) sư vượt biển sang Nam Kinh nên có bài tán khen Phật pháp hưng thạnh (Trung Quốc). Nối pháp Thiền sư Tông là nhờ Trung Phong Minh Bản. Sư còn chủ Lặc đời thứ 26 hệ Nam Nhạc, đời thứ 9 trương Nho Phật nhất trí: Đạo đức, nhân tông Lâm Tế Nhật Bản. nghĩa, lễ nhạc, san chính của Nho gia tức Niên hiệu Hồng Vũ thứ 9 (1376) trở về là hiển hiện diệu dụng nhất tâm của Phật nước làm Tổ khai sơn chùa Bảo Quan, sau giáo. Dương Nhân Sơn phê bình sách này được mời trụ trì các chùa Đẳng Trì, Tướng như sau: »Bỏ văn hoa lấy chân thật, nhân Quốc. sự rõ lý, trong ấy chỉ dạy sự rèn luyện vững vàng và miên mật, khám biện minh TRUNG THIÊN TRÚC TỰ xác, không vay mượn, không bao che, oai phong lẫm liệt như mặt trời giữa sương Ở trong núi Thiên Trúc, thành phố Hàng mù, đúng là tác phẩm nổi bật trong tông Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Chùa môn«. xây vào niên hiệu Khai Hoàng thứ 17 (597) đời Tùy,

cao tăng Ấn Độ đến nơi này TRUNG PHONG HÒA THƯỢNG thấy núi sông xinh đẹp, khen rằng: »Đi hết TẠP LỤC Trung Quốc 400 châu, chỉ có nơi này xứng Còn gọi: Thiên Mục Minh Bản Thiền sư đáng để đạo nhân vân du«. Ngài bèn xây tạp lục. Ngữ lục, 3 quyển, thu thập những dựng đạo tràng nơi đây. Niên hiệu Thái phần chưa đem vào Trung Phong Hòa Bình Hưng Quốc thứ 1 (976) đời Tống, thượng quảng lục như: Thị chúng, Pháp Ngô Việt Vương đổi tên là »Sùng Thọ ngữ, Kệ tụng, Đầu đà khổ hạnh ca, Thác Viện«. Niên hiệu Chính Hòa thứ 4 (1114) bát ca v.v... và được xếp vào Tục Tạng đời Tống ban tên »Thiên Ninh Vạn Thọ kinh tập 122, trang 724. Quyển cuối có phụ Vĩnh Tộ Thiền Tự«. Đầu những năm đời lục phần đề bạt của Thử Sơn Huyền Uyên Nam Tống, tương truyền trong chùa Bồ tát (vị tăng Nhật Bản). Sách được biên tập hiển linh, Tống Cao Tông sắc chỉ mở rộng xong vào khoảng niên hiệu Minh Hòa thứ điện vũ, còn ban cho Phật tượng trong 6 (1769). cung đặt tại Hoa Nham Bảo Các, chùa dần dần hưng thịnh. Khoảng niên hiệu Thuần TRUNG SƠN HÒA THƯỢNG Hy (1174-1189) theo truyền thuyết chùa này cầu mưa linh nghiệm, một thời hương Thiền tăng Đạo Toàn, sống vào đời khói tấp nập, vua quan đến cầu cúng không Đường, ở Tuyến Thủy thuộc Trung Sơn dứt. Niên hiệu Thiên Lịch thứ 1 (1328) đời nên người đời gọi là Trung Sơn Hòa Nguyên đổi tên là »Thiên Lịch Vĩnh Tộ thượng. X. Đạo Toàn. Thiền Tự«. Đầu niên hiệu Hồng Vũ (1368- 1398) đời Minh ban hiệu »Trung Thiên TRUNG TÂN (1336-1401) Trúc Thiền Tự«, ba chữ »Trung Thiên Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Tuyệt Hải Trúc« trên sơn môn là do Trung Sơn Trung Tân, họ Đằng Nguyên Thị, người xứ Vương Từ Đạt viết. Chùa này bị phá hủy

TRUY MÔN THẾ PHỔ vào khoảng niên hiệu Chính Đức (1506- TRÙNG TU PHỔ ĐÀ SƠN CHÍ 1521) đời Minh, sau đó xây cất lại. Niên hiệu Khang Hy thứ 42 (1703) đời Thanh Chí, 6 quyển, do Chu Ứng Tân soạn vào ban tấm biển »Linh Trúc Từ Duyên«, niên đời Minh, được xếp vào Trung Quốc Phật hiệu Càn Long thứ 30 (1765) đổi tên là Tự Sử Chí Vựng San tập 1. Núi Phổ-đà »Pháp Tịnh Tự«, niên hiệu Quang Tự thứ vốn có »Bổ-đà-lạc-ca Sơn truyện« do 18 (1892) trùng tu. Thạnh Hy Minh, người xứ Quy Tư soạn vào đời Nguyên, hiện còn 1 quyển. Đến TRÙNG BIÊN TÀO ĐỘNG NGŨ VỊ đời Minh, Hầu Kế Cao tiếp tục soạn Sơn chí. Khoảng niên hiệu Vạn Lịch (1573- HIỂN QUYẾT 1619) Chu Ứng Tân đem quyển Sơn Chí Còn gọi: Tào Động Ngũ Vị Hiển Quyết. (của Hầu Kế Cao soạn) lược bớt phần chùa Trùng Biên Tào Động Ngũ Vị. Sách, 3 mà thêm phần núi, làm thành 6 quyển, chia quyển, do Huệ Hà biên vào đời Tống, được ra 14 môn: Thần hàn (văn chương của xếp vào Tục Tạng kinh tập 111, trang 228. Vua), Đồ khảo, Sơn thủy, Điện vũ, Quy Nội dung thu thập: Lời tựa của Hòa thượng chế, Kiến chế, Linh dị, Ban tứ, Mạng sứ, Hối Nhiên, tựa của Huệ Hà, và bài tựa Thích tứ, Vật sản, Nghệ văn, Sự lược, Thi. »Trùng Tập Động Sơn Thiên Chính Ngũ Sách này nội dung phong phú, thể lệ Vị Tào Sơn Giản Ngữ« của Quảng Huy, nghiêm cẩn, dù đời sau có biên quyển sơn Động Sơn Ngũ Vị Hiển Quyết, Thiên chí khác cũng không hơn nổi, và được ấn Đồng Tứ Tá Tụng, Toại Vị Tụng, Bảo hành vào khoảng niên hiệu Vạn Lịch, lưu Cảnh Tam-muội, Phần Dương Quảng Trí truyền không rộng. Ca, Tào Sơn Tam Chủng Đọa Tứ Chủng TRUY BẠCH Dị Loại v.v... Còn gọi: Truy tố. Truy = Hắc: Chỉ cho người xuất gia. Bạch = Tố: Chỉ cho người TRÙNG MÔN KÍCH THÁC thế tục. Chúng xuất

gia thường mặc áo đen hoặc áo hoại sắc nên được gọi là Truy y. Kẻ tại gia thường mặc áo trắng nên được Làm cửa ải, điểm mõ canh. Nghĩa là có gọi là Bạch y. Từ ngữ Truy bạch chỉ chung phòng bị thì được an ổn, vui vẻ. Thiền Lâm cho hàng tăng tục, đạo tục. Bảo Huấn (Đại 48, 1017 trung) ghi: » TRUY MÔN THẾ PHỔ

Gọi đủ: Chung Nam Sơn Thiên Long Hội –
Thiền sư Viên Tập Truy Môn Thế Phổ. Còn gọi: Thích Thông bảo ngài Đại Giác rằng: Bậc thánh Thị Nguyên Lưu Ngũ Tông Thế Phổ Định xưa trị tâm ở lúc chưa manh nha, ngừa Tổ Đồ. Sách, 1 quyển, do Tấn Lôi và Minh tình ở lúc chưa rối loạn. Vì lẽ nếu có dự bị Hỷ cùng biên tập vào đời Thanh, được ấn thì được an vui, thế nên làm cửa ải, điểm hành vào niên hiệu Khang Hy thứ 42 mõ canh để phòng ngừa trộm cướp«. (1703), sau đó được xếp vào Tục Tạng

TRUY TỐ kinh tập 147, trang 677. Nội dung thuật lại TRUYỀN DỤC (1638-1685) hệ phổ chính và phụ của các tông: Quy Thiền tăng đời Thanh, họ Trương, người Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, xứ Kim Lăng (nay là Nam Kinh) Trung Pháp Nhãn; nguồn gốc và sự phát triển Quốc. Năm 23 tuổi xuất gia. Một hôm, sư cùng với tông phong đặc biệt của các tông xem sách »Trượng Nhân lục« của thiền sư ấy. Giác Lãng Đạo Thạnh, đến câu nói »Buông dao xuống liền thôi, đâu cần bảo ta TRUY TỐ là một trong ngàn đức Phật« trong truyện Phân biệt rõ. Tiết Thanh Nguyên Duy Tín Đồ tể Quảng Ngạch, sư liền đốn ngộ, thân Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: » tâm sảng khoái. Sau đó, sư tham yết Hòa thượng Thê Hà Y được đại ngộ, nối pháp ngài, thuộc tông Tào Động. Ban đầu sư đến Mộng Bút Sơn tại Phúc Kiến khai pháp, rồi dời đến chùa Hồ Tâm. Niên hiệu Khang Hy thứ 14 (1685), sư trụ chùa Báo Ân ở Kiến Châu (nay là huyện Kiến Âu, tỉnh Phúc Kiến). – Sư thượng đường, nói: Ba mươi năm trước, lúc lão tăng chưa tham thiền, thấy TRUYỀN ĐĂNG núi sông là núi sông. Sau khi gặp Thiện tri Còn gọi: Truyền pháp. Trong Thiền tông, thức chỉ cho chỗ vào, thấy núi sông không chư Tổ tiếp nối truyền thừa, giống như cây phải là núi sông. Hôm nay đến được chỗ đèn này mồi qua cây đèn kia, một ngọn hoàn toàn thôi nghỉ, thấy núi sông là núi đèn có thể mồi được rất nhiều ngọn đèn, sông. Đại chúng, ba thứ kiến giải này là các ngọn đèn ấy đều sáng tỏ. Ngọn đèn đầu đồng hay khác? Có người nào phân biệt rõ tiên không vì thế mà giảm bớt một tí ánh được thì ta thừa nhận rằng chính mắt thấy sáng nào. Truyện Thiền sư Thủy Nguyệt được lão tăng«. Thông Giác trong Thiền sư Việt Nam ghi:
TRUYỀN BỐ Truyền bá. Lâm Tế ngữ lục ghi: »

»Quế nham suy phức tục truyền đăng
Thu nhập trường không quế bích tằng – (Thiền sư Phổ Hóa) đi ra ngoài Trì nhĩ viên lai khai bảo kính thành một mình, tự chui vào trong áo Từ dư quy khứ thị kim thằng«. quan, nhờ người đi đường đậy nắp lại. Tức »Rừng quế phun hương tiếp mồi đèn, thì tin ấy được truyền bá, người trong chợ Thu về đâu đấy ngát hương thêm đua nhau đến mở nắp quan tài lên thì thấy Vì người xa đến bày tự tính toàn thân sư biến mất, chỉ nghe tiếng linh Giã biệt ta về chỉ đạo Thiền«. văng vẳng trên không, xa dần rồi mất«.

TRUYỀN TÂM TRUYỀN HÓA Truyền pháp Chính Tông Luận, 2 Truyền bá đạo pháp, giáo hóa chúng sinh. quyển. Chương »Phú-na-da-xa, tổ thứ 11« trong CĐTĐL q. 1 ghi: » TRUYỀN PHÁP CHÍNH TÔNG LUẬN

Luận, 2 quyển, do Khế Tung soạn vào đời – Như Lai thọ ký rằng: Sau khi ta Tống, được xếp vào Đại Chính Tạng tập diệt độ 600 năm, sẽ có hiền giả Mã Minh ở 51, trang 773. Tác giả tra cứu để sửa lại nước Ba-la-nại (Bārānasi) hàng phục cho đúng pháp thống chính mạch của Tổ ngoại đạo, độ người vô lượng, tiếp nối ta sư Thiền môn, trình bày và phân tích vấn truyền hóa«. đề truyền trao trực tiếp giữa thầy trò, kế thừa thiền pháp. Sách này là chị em với TRUYỀN MINH ĐẠI SƯ thiên »Truyền Pháp Chính Tông Ký«. Đại 1. Thụy hiệu của Thiền tăng Như Hội, đời ý này nhằm làm sáng tỏ pháp thống của 33 Đường. X. Như Hội. vị Tổ đích truyền pháp hệ kể từ Đức 2. Thụy hiệu của Thiền tăng Thiện Hội, đời Thích-ca Mâu-ni đến Tổ Huệ Năng và trả Đường. X. Thiện Hội. lời những câu chất vấn về Thiền tông như: »Dĩ tâm truyền tâm«, »Giáo chứng nhất TRUYỀN PHÁP CHÍNH TÔNG KÝ như«. v.v... Gọi tắt: Chính Tông Ký. Đăng lục, 9 quyển, do ngài Khế Tung viết vào đời TRUYỀN SỞ Tống, được xếp vào Đại Chính Tạng tập Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Kinh 51, trang 715. Sách này là kế tiếp sau Cảnh Châu (nay là huyện Kinh Xuyên, tỉnh Cam Đức Truyền Đăng lục, kể về truyện ký các Túc) Trung Quốc. Sư thờ Thiền sư Lạc Tổ sư từ Ấn Độ đến thứ tự trao pháp kế Phố Nguyên An làm thầy và đắc pháp nơi thừa nhau của các Thiền sư Trung Quốc. ngài. Khi ra hoằng pháp, sư trụ viện Thanh Quyển 1: Kể truyện Phật Thích ca Phong tại Phong Tường, người học bốn Mâu-ni phương tụ hội, tiếng tăm lan xa. Về sau sư Quyển 2-6: Kể truyện từ Tổ Ca-diếp truyền pháp cho Thanh Miễn rồi thị tịch. đến Tổ Huệ Năng Quyển 7-8: Kể vắn tắt truyện của 1304 TRUYỀN TÂM vị đệ tử của Tổ Huệ Năng. Truyền bá thiền pháp. Thiền tông còn gọi Quyển 9: Sự tích của 205 vị thuộc hệ là Tâm Tông nên truyền bá thiền pháp phái phụ thuộc, từ ngài Huệ Năng trở về được gọi là truyền tâm. Tiết Lâm Tế Hòa trước. thượng trong TĐT q. 19 ghi: » Ngoài ra, còn có phần phụ lục sau sách này gồm:

Truyền pháp Chính Tông Định Tổ Đồ, 1 quyển.

– Sư nhân đây hầu hạ Đại

TRUYỀN TÂM ĐẠI SƯ Ngu, trải qua thời gian hơn 10 năm. Đại – Ngu lúc sắp thị tịch, dặn dò Sư rằng: Con Khảo tổ (chỉ Lục Tổ Huệ Năng) 24 tuổi tự chẳng cô phụ chí bình sinh. Rồi thì sẽ được truyền y, 39 tuổi được cạo tóc, thuyết hết một đời ta. Sau này khi ra hoằng pháp pháp lợi sinh 37 năm«. truyền tâm, điều thứ nhất là con chớ quên ngài Hoàng Bá«. TRUYỆN KÝ (THIỀN TÔNG) ( ) TRUYỀN TÂM ĐẠI SƯ Loại hình văn học, tập trung vào việc trần Hiệu của Thiền tăng Sư Hạo, đời Tống. X. thuật một số nhân vật trong nhà Thiền. Sư Hạo. Trong truyện ký tổng hợp của Phật Giáo Trung Quốc luôn luôn bao gồm truyện ký TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU của thiền tăng. Như Cao Tăng truyện do Thiền tăng Huệ Kiểu (sống vào đời Lương, 1. Yếu chỉ tham thiền do Tổ sư của Thiền Nam Triều) soạn, gom chép 10 khoa tông truyền cho thiền giả. truyện ký của Phật tăng, trong đó có một 2. Lục, 1 quyển, do Thiền sư Hy Vận ở núi khoa »Tập Thiền« ghi lại truyện của 12 vị Hoàng Bá thuộc Hồng Châu tùy cơ thuyết thiền tăng nổi tiếng. Tùy theo sự phát triển pháp, được đệ tử của

ngài là Bùi Hưu gom của Thiền tông, trong truyện ký tổng hợp góp ghi chép lại vào năm 857. Quyển lục vào những thời kỳ sau, số thiền tăng chiếm này được xếp vào Đại Chánh Tạng tập 48. tỷ lệ tăng dần. Như trong Tục Cao Tăng truyện do Đạo Tuyên (vị tăng sống vào TRUYỀN TRÌ thời sơ đường) soạn, khoa »Tập Thiền« Truyền trao và nhận giữ. Tiết Đạo Nhất, gồm có truyện ký của 98 vị thiền tăng. Về đời thứ 3 dưới Đại Giám trong CTTNL q. sau, Thiền tông phát triển mạnh, liên tục 1 ghi: » xuất hiện các tác phẩm chuyên viết về truyện ký của Thiền tăng, như Thiền Lâm – Có vị giảng sư đến hỏi rằng: Tăng Bảo truyện do Huệ Hồng (vị tăng Chưa biết Thiền tông truyền trì pháp gì? sống vào đời Tống) soạn, ghi được 81 vị, Sư vặn lại: Giảng sư truyền trì pháp gì?« Tăng Bảo Chính Tục truyện do Tổ Tú soạn, ghi được 28 vị. Ngoài ra còn có một TRUYỀN Y loại tác phẩm chuyên viết về truyện ký của Thiền tông Trung Quốc từ Sơ tổ Bồ-đề- một người, như Tào Khê Đại Sư Biệt đạt-ma đến Lục tổ Huệ Năng đều được gọi truyện do Vô Danh soạn, Minh Châu Định là »Đơn truyền« (chỉ truyền cho một Ứng Đại Sư Bố Đại Hòa thượng truyện do người). Đồng thời với việc truyền trao Vô danh soạn. Cho đến nay, nếu nhận xét thiền pháp, còn giao cho y (casa) để làm bằng nhãn quang của nhà nghiên cứu lịch pháp tín, sự kiện này gọi là »Truyền y«. sử Thiền tông thì các tác phẩm Truyện ký Trùng Tẩm Tào Khê Nguyên Bản Pháp trong văn hiến Thiền tông dường như chỉ Bảo Đàn Kinh Duyên Khởi: » là một số ít, đại đa số thiền tăng bao gồm một số thiền tăng quan trọng đều không có

TRỰC HẠ truyện ký chuyên biệt. TRỰC ĐẮC 1. Đến nỗi. Từ biểu thị hành vi, động tác TRỰC và tình huống tạo thành kết quả nào đó ở tương lai. Tiết Hoài Hải đời thứ 3 dưới Đại 1. Ắt phải. Nhất thiết phải. Tiết Từ Vân Giám (Hoài Hải) trong CTTNL q. 1 ghi: Ngạn Long Thiền sư trong NĐHN q. 18 » ghi: » – – Tổ (tức Mã Tổ) liền hét đến nỗi Nhất thiết phải là thật sự muốn mua, chứ sư bị điếc tai ba ngày«. không được giả vờ trả giá«. 2. Giả sử; cho dù. Từ biểu thị giả thiết. Tiết 2. Giả sử. Dù cho. Tiết Động Sơn Hòa Tân La Thanh Viện Thiền sư trong NĐHN thượng trong TĐT q. 6 ghi: » q. 6 ghi: » – Giả sử ngươi không tranh đấu cũng là có lỗi!« – Có người hỏi Động Sơn: Luôn luôn chăm lau TRỰC ĐIỆN chùi là rất tốt, do đâu mà chẳng được y Người quản lý điện, đường trong tự viện. bát? Động Sơn đáp rằng: Dù cho nói xưa Tông Môn Võ Khố ghi: » nay không một vật, cũng chưa được y bát nữa là!« – Sư xoay người lại, tìm cách vào, thấy cửa điện đã đóng, liền gọi vị hành giả 3. Vậy mà, mà. Phó từ, biểu thị sự bất ngờ. trực điện là Thủ Thuấn ra mở của«. Phần tựa của Phật Nhật Phổ Chiếu Huệ Biện Thiền sư Tháp Minh trong PKNL q. TRỰC HẠ 20 ghi: » 1. Xuống phía dưới; hướng phía dưới. Tiết – Chẳng ngờ là chỗ nhà Nho đạt đến, Giang Tây Mã Tổ Đạo Nhất Thiền sư vậy mà đến được nơi ấy«. trong NĐHN q. 3 ghi: » TRỰC CHỈ NHÂN TÂM – Bàng cư sĩ hỏi: Chẳng lầm người Trực tiếp chỉ rõ bản tâm của mọi người. xưa nay, thỉnh sư để mắt nhìn lên. Sư nhìn Chẳng thông qua lời nói chữ nghĩa, chẳng xuống dưới«. thông qua trình tự tiến hành, chỉ rõ bản tâm Tiết Thuyền Tử Đức Thành Thiền sư trong của người là Phật, ai nhận ra được bản tâm

NĐHN q. 3 ghi: liền thành Phật. Đây là ý chỉ trọng yếu của Thiền tông, cũng là nguyên tắc quan trọng trong sự truyền pháp, dạy dỗ của thiền gia.

Bích Nham lục q. 1 ghi: » »Thiên xích ty luân trực hạ thùy. – Tổ sư từ Ấn Độ sang, chỉ truyền Nhất ba tài động vạn ba tùy tâm ấn, trực chỉ nhân tâm kiến tính thành Dạ tĩnh thủy hàn ngư bất thực Phật«. Mãn thuyền không tải nguyệt minh quy«.

TRỰC HẠ SỰ »Nhợ câu ngàn thước vừa buông xuống trọng của thiền giả? Sư đáp: Chẳng nhờ Một sóng vừa gợn, muôn sóng sinh ngươi hỏi thì ta cũng chẳng nói«. Nước lạnh đêm thanh câu chẳng dính Đầy thuyền chỉ chở ánh trăng suông«. TRỰC HÁN 2. Lập tức. Tiết Cốc Sơn Sùng Thiền sư Người thực hành trực tâm, không có chấp trong TLTBT q. 14 ghi: » trước, đốn ngộ thiền pháp. Tiết Thị lang Trương Cửu Thành Cư Sĩ trong NĐHN q. 20 ghi: – Đến chỗ này mới có thể lật đổ, vứt bỏ tự do, đóng mở mà chẳng để lại dấu vết, như nước đổ vào nước, như lửa bỏ vào lửa, như gió hòa vào gió, như hư không »Quyển tịch nhân duyên dã đại kỳ nhập vào hư không. Nếu có khả năng như Chư phương văn cử tận toản my thế, lập tức giơ thanh kiếm bén chặt đứt Đài bàn địch đảo nhân tinh tán lưới nghi cho thiên hạ, mà hoàn toàn giống Trực hán tùng lai bất thọ khi«. như chẳng làm gì cả«. »Nhân duyên cuốn chiếu thật lạ kỳ 3. Quả là; thật là. Phó từ, biểu thị hoàn Các nơi nghe cử thảy chau mày toàn như vậy. Tiết Trường Sa Cảnh Sầm Lật đổ mâm bàn, người tứ tán Thiền sư trong NĐHN q. 4 ghi: » Trực hán từ nay chẳng bị lừa«. TRỰC LIỄU Lập tức thấu rõ. Đốn ngộ. Phẩm thứ nhất, – Sư cùng với Ngưỡng Sơn đang Hành do, trong Đàn Kinh của Tông Bảo ngắm trăng. Sơn nói: Mọi người đều có cái ghi: » ấy, có điều dùng chẳng được. Sư nói: – Tự tính Bồ-đề Đúng lúc mời huynh dùng. Sơn nói: Huynh xưa nay thanh tịnh, chỉ cần đốn ngộ tâm làm sao dùng? Sư liền thộp ngực, cho Sơn này liền thành Phật«. một đạp. Sơn nói: Ồ! Thật là giống như cọp«. TRỰC MỘC MANH Rùa mù gặp phải bọng cây nổi, dụ cho cơ TRỰC HẠ SỰ hội khó gặp vô cùng. Tiết Trác Châu Chỉ Y Chỉ cho việc đốn ngộ, việc bản phận quan Hòa thượng trong NĐHN q. 11 ghi: » trọng của thiền giả. Tiết Tiên Tông Hành Đạo Thiền sư trong NĐHN q. 7 ghi: » – Muốn chạm vào kiếm thổi lông cũng như rùa mù gặp phải – Hỏi: Xin Thầy bọng cây nổi, bắt chước người xưa cầu phương tiện chỉ cho việc bản phận quan diệu hội khác nào chém loài tinh linh«.

TRỰC TUẾ TRỰC NHIÊU Giả sử, dù cho. Tiết »Thị Như Duy-na« – Dù cho đời này chẳng được triệt ngộ, trong DTNL q. 3 ghi: » song đời sau cũng chẳng mất thân người«. – Nếu ở bên TRỰC THƯỢNG trong ngươi không có đạo, thì dù cho Về phía trên. Tiết Giang Tây Mã Tổ Đạo ngươi có học hiểu hơn người, danh tiếng Nhất Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: » trùm đời, cũng chưa khỏi bị tiên thánh quở trách«. – TRỰC TÂM Bàng cư sĩ hỏi: Chẳng lầm người xưa nay, Tâm chính trực, không cong vạy, không thỉnh sư để mắt nhìn lên. Sư

nhìn xuống chấp trước. Đàn Kinh, bản Đôn Hoàng ghi: dưới. Cư sĩ nói: Loại đàn không dây chỉ có » sư đàn mới tuyệt. Sư nhìn lên trên«. –
Chỉ thực hành trực tâm, đối với tất cả pháp không có TRỰC TU chấp trước, gọi là Nhất hạnh tam muội«. Ắt phải; nhất thiết phải. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: »
TRỰC THẢO BẤT ĐẠP, HOÀNH – Nếu ý căn còn trệ ngại, nhất thiết THẢO BẤT NIÊM phải hướng về phía trước quyết trạch«. Chẳng đạp cỏ đứng, chẳng nhổ cỏ nằm, chỉ TRỰC TUẾ cho chẳng theo việc của người làm ruộng. Vị tăng chuyên môn trông nom công việc Tiết Tục Nghệ Ngôn trong NHQL 30 ghi: lặt vặt, trực theo phiên làm việc để bảo » đảm công tác liên tục, mỗi phiên là 1 năm. Đây là 1 trong 6 vị Tri sự của ban Đông. – Ngày nay bọn ta chẳng có làm Điều Đông Tự Tri Sự trong Sắc Tu Bách ruộng mà ngồi yên ổn hưởng dụng. Mỗi Trượng Thanh Quy q. 4 ghi: » khi nghĩ đến việc này, liền biết không có đất để ẩn thân (liền biết mình có tội)«.
TRỰC THỊ 1. Đích thực; quả tình. Bích Nham lục q. 1 ghi: » –
Phạm vi trông coi – Ban đầu Vân của chức Trực tuế gồm: Tu bổ điện đường Môn tham vấn Ngài Mục Châu. Cơ phong liêu xá bị hư dột, quản lý các món lặt vặt, của Mục Châu nhanh như điện chớp, quả điều phối nhân lực, khảo sát các công trình tình khó khế hợp«. cho đến sai khiến và thưởng phạt các việc 2. Giả sử; dù cho. Tiết Vân Môn Văn Yển trong vườn ruộng trang trại, chỗ giã gạo, Thiền sư trong NĐHN q. 6 ghi: » thuyền xe, đèn đóm, đi tuần canh gác trộm

TRƯNG THẢO HÀI TIỀN cướp…« thay thế những chiếc cột ở góc thông thường. Tám ngôi tháp nhỏ này tượng TRƯNG THẢO HÀI TIỀN trưng 8 địa phương hoặc sự kiện rất quan trọng đã trải qua trong đời Phật Thích-ca. Đòi tiền giày cỏ. Một đời hành cước tham Những hoa văn trang sức trên cửa sổ tháp học mà không được kết quả gì, sau khi chết cũng được điêu khắc tinh tế, hình tượng rất bị đòi tiền giày cỏ. Đây là lời chê bai, trong giống. nhà thiền thường dùng. Trí Môn Tộ Thiền sư trong Ngũ Gia Chính Tông Tán q. 4 ghi: TRỪNG THỰC » Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư – Nếu Bách Trượng Đạo Hằng, thuộc tông Pháp không có chỗ an thân lập mạng, uổng đi Nhãn. Sư trụ chùa Thê Hiền ở Lô Sơn. rách giày cỏ, Vua Diêm La có ngày đòi Có vị tăng hỏi: Phật là gì? Sư đáp: Trương tiền giày cỏ của ngươi«. Tam, Lý Tứ.

TRỪNG CHIẾU (1780-1850) TRỪNG TĨNH Thiền tăng đời Thanh, họ Bồ, tên Trừng Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp thiền sư Lãng, tự Thu Phố, người xứ Thanh Phố, Trường Khánh Huệ Lăng. Thượng Hải, Trung Quốc. Nối pháp Thiền Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của sư Chuyết Tiều Tường Kiên, đời thứ 41 hệ Hòa thượng? Sư đáp: Đệ tử làm Bình Thanh Nguyên. Trụ am Thanh Liên ở chương sự vào cung điện đọ sức nặng bao Thượng Hải. Tác phẩm: Thu Phố tập. nhiêu?

TRỪNG VIỄN (908-987) TRỪNG HUỆ THIỀN SƯ THÁP Thiền tăng đời Tống, họ Thượng Quan, người xứ Miên Trúc (nay thuộc tỉnh Tứ Ở dưới núi Bát Bảo, thành phố Bắc Kinh, Xuyên) Trung Quốc. Thuở bé vào viện Trung Quốc. Niên hiệu Chí Chính

thứ 26 Chân Tướng ở Thành Đô xuất gia, 16 tuổi (1366) đời Nguyên, Tổ sư đời thứ 1 chùa thụ giới cụ túc. Sau đó, sư rời Thục vào Sùng Quốc Thiền sư Trừng Huệ thị tịch Tần, du phương khắp nơi, rồi nương ngài được an táng nơi này. Đây là một ngôi tháp Vân Môn Văn Yển, được hết sạch mọi hình bát giác 7 tầng mái kín theo kiểu lâu điều nghi và nối pháp ngài, hầu hạ bên các, có chỗ khác biệt với những tháp thời cạnh ngài đến 18 năm, là truyền nhân tông kỳ Kim Nguyên, đó là hoa văn trang sức Vân Môn. Sư trở về Thành Đô, trụ viện những phần nhỏ nhặt đều được xử lý to Thiên Vương tại chùa Nghênh Tường, khỏe, toàn thể tạo dáng vô cùng uyển người thời ấy gọi là »Thủy Tinh Cung«. chuyển. Trên dưới thân tháp bày ra hình Niên hiệu Càn Đức thứ 2 (964) đời Tống, thức mặt lõm cong, mái tháp cũng lõm sư dời đến viện Hương Lâm, núi Thanh cong, cả tháp thể hiển bày sự vững vàng Thành, hoằng dương tông phong Vân Môn, thư thái. Trên tám góc của thân tháp đều có thuyết pháp trên 20 năm. một ngôi tháp nhỏ 5 tầng mái kín, dùng

TRƯỚC CÂN CỐT TRỪNG TỊ – Chẳng hướng Phật cầu, Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ chẳng hướng pháp cầu«. Quảng Châu, Trung Quốc. Xuất gia từ 7. Trợ từ cuối câu, biểu thị sự sai khiến. thuở bé, sư tham vấn Thiền sư Chiêu Minh Giác ngữ lục, q. 2 ghi: » Khánh Đạo Khuông, ngộ triệt tâm địa. Sư ở chùa Sơn Cốc, Thư Châu (nay là huyện – Một Tiềm Sơn, tỉnh An Huy). Về già, sư dời hôm thị giả báo: Có ba người từ Đoan đến viện Long Quang tại Kim Lăng (nay là Nham mới đến. Sư bảo: Biểu họ trải tọa cụ Nam Kinh). Sư thị tịch vào năm cuối đời lễ bái đi!« Tống Thái Tổ. 8. Trợ từ cuối câu, tương đương với »xong«. Bích Nham lục q. 1 ghi: » TRƯỚC 1. Cố chấp, câu nệ, mắc kẹt. Đàn Kinh, bản – Thử hỏi làm sao Đôn Hoàng ghi: » xem? Mở mắt cũng xong, nhắm mắt cũng – Thấy xong, có ai được miễn không?« tất cả pháp mà không chấp tất cả pháp, khắp mọi chỗ mà không kẹt mọi chỗ«. TRƯỚC BẤT ĐẮC 2. Đặt để. Tiết Triệu Châu Tùng Thẩm 1. Không thể chứa, không chịu được. Tiết Thiền sư trong NĐHN q. 4 ghi: » Nam Tuyền Hòa thượng trong TĐT q. 16 – Ở đây không đặt khách ghi: » – làm chủ«. Mạt vàng dù quý song con mắt không chịu 3. Dùng, đem. Thập Nhị Thời Ca của Hòa được«. thượng Triệu Châu trong Liên Đăng Hội 2. Không đồng ý. Tiết Quang Hiếu Huệ Yếu q. 30 ghi: » Giác Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » – Giờ Hợi, kẻ nào thích – Sư hỏi trăng sáng trước cửa, ở đây chỉ buồn khi Tướng quốc Tống Tề Chỉ: Có hiểu đạo đi ngủ, không có áo quần thì dùng cái gì chăng? Tống nói: Nếu là đạo cũng không che?« đồng ý«. 4. Cần phải. Tiết Vân Cái Thủ Chi Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: » TRƯỚC CÂN CỐT – Nếu lãnh hội Còn gọi: Trước tinh thần, trước tinh thái. được chỗ này thì không cần trả lại tiền Chú ý, nỗ lực. Tiết Vân Môn Văn Yển giày cỏ«. Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: » 5. Bị. Tiết Dụng Nguyên Tứ Châu Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » – Lỗ mũi ông vì sao bị chiếc gậy xỏ?« – Cổ đức vì 6. Hướng về. Tiết Bạch Mã Quy Hỉ Thiền thấy các ông không biết làm gì trong một sư trong NĐHN q. 14 ghi: » đời, cho nên phương tiện buông ra một lời

TRƯỚC CÔNG nửa câu mở đường cho các ông. Biết là TRƯỚC KHÍ LỰC việc này nên để qua một bên, tự mình nỗ Hăng hái, nỗ lực. Tiết Bảo Hoa Phổ Giám lực một chút há không phải có chỗ gần Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: » sao?« TRƯỚC CÔNG – Dưới cửa Ngọa Vân có ngưỡng Còn gọi: Trước công phu. Dụng công, hạ cửa bằng sắt cần phải nỗ lực nhảy qua mới thủ công phu. Lâm Tế ngữ lục ghi: » được. Nếu còn chần chừ thì rơi hầm lọt hố«. – Này đạo lưu! Có một lũ trọc nhằm vào đây TRƯỚC LỰC dụng công mà muốn cầu pháp xuất thế, Dùng khí lực, đủ công lực. Tiết Vân Nham thật là sai lầm!« Hòa thượng trong TĐT q. 5 ghi: » TRƯỚC CƯỚC Đặt chân, hạ chân. Bài thơ »Dạy chúng« của thiền sư Tiêu Sơn Am Thể trong GTPĐL q. 29 ghi: – Sư cùng Đạo Ngô, Thuyền Tử nhận lời mời thọ trai dưới »Trước cước cô nguy thảo bất sinh, núi. Một người nói: Đi đi muộn rồi! Một Một thê bạc xứ đẳng nhàn hành«. người nói: Gần à! Vài bước là đến. Sư nói: »Đặt chân đỉnh núi không ngọn cỏ. Có một người không bước mà đến thì thế Tùy tiện đi về chốn thênh thang«. nào? Về sau Động Sơn nghe kể lại, nói: TRƯỚC ĐÁO Lời nói này rất đủ công lực, như người Còn gọi: Trước đảo. Cố chấp, dính vào nhảy vào vạc sôi lò lửa mà không bị phỏng những việc không có thật, không thể thoát mới được«. ly và siêu việt. Vô Môn Quan ghi: » TRƯỚC NGỮ – Một đêm nọ, Thêm lời bình ngắn ngọn vào trong lời nói Động Sơn dính vào chuyện thị phi, đợi đến cơ duyên của người khác. Tiết Tri Phủ Cát trời sáng Vân Môn mới phá trừ dùm sư«. Đàm Cư Sĩ trong NĐHN q. 20 ghi: » TRƯỚC HỎA Nhóm lửa, đốt lửa. Tiết Phù Dung Đạo Giai Thiền sư trong NĐHN q. 14 ghi: » – Ông từng hỏi các vị tham thiền – rằng: Hai vợ chồng nhà nọ đánh nhau có Người vo gạo nhóm lửa, người nấu cháo đứa con làm chứng. Hãy nói là nó làm thổi cơm«. chứng cho người cha phải hay người mẹ phải? Thiền sư Hoặc Am Thể bình rằng:

TRƯỚC TIÊN Việc bé xé ra to«. ghi: » Bài tựa của Thung Dung Am lục ghi: » – Ghi chép những sáng tác đơn giản như thấy người xưa; – Trong khi trước ngữ đến chỗ định đem khắc bản để làm quy cách cho kẻ then chốt hoặc trong khi nhuận sắc cũng hậu học«. tùy thời cơ không nhân nhượng«. TRƯỚC TA TỬ NHÃN TÌNH TRƯỚC NHÃN Mở to mắt nhìn, trong Thiền tông phần lớn Lưu ý một chút. chỉ cho mở pháp nhãn. Tiết Ngưỡng Sơn Hạnh Phật Thiền sư trong NĐHN q. 17 TRƯỚC TÀO XƯỞNG ghi: » Sắp đặt chỗ cho chư tăng hành cước mới xin vào thiền viện. Trước: sắp đặt. Tào xưởng vốn là chỗ xay thóc giã gạo, dụ cho – liêu dành cho người công quả trong Thiền Cho dù họa sĩ xuất sắc vẽ ra non xanh viện. NĐHN q. 5 ghi: » nước biếc cũng chỉ là kiểu dáng tương tự; giả sử thợ đá tài ba đục đẻo thành bầy dê chạy cũng chỉ là kiểu dáng tương tự. Nếu – Như vào đời là kiểu dáng chân thật thì dù là họa sĩ, thợ Đường, Thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên

ban đá tài ba không có chỗ để hạ thủ. Các ông đầu đến pháp hội của Thiền sư Thạch Đầu muốn thấy cần phải mở to mắt mới được«. Hy Thiên. Hy Thiên thấy sư thần khí sung mãn nên chỉ qua một lần gặp mặt mà đã TRƯỚC PHƯƠNG TIỆN bảo rằng: Hãy sắp đặt chỗ ở cho y!« Tùy theo người mà chỉ dạy, bày phương TRƯỚC THỦ CƯỚC tiện. Bích Nham lục, q. 1 ghi: » Lén lút sắp đặt, làm việc phi pháp. Tiết Bạch Vân Thủ Đoan Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » – Rất giống đến lúc đi – Sư lấy chông mới lo trị bệnh bướu cổ, vội lại sợ người mắc kẹt nơi đây nên bày vàng cũng không kịp làm việc lén lút ấy«. phương tiện, lớn tiếng hỏi: Ở đây có Tổ sư không? Tự đáp: Có. Tuyết Đậu đến chỗ TRƯỚC TIÊN này chẳng ngại vì người chân thành bày Giơ roi thúc ngựa, dụ cho sự nỗ lực liên tỏ. Sư lại tự nói: Bảo ông ta đến rửa chân tục. Tiết Nam Phong Vân Biện Thiền sư cho lão tăng!« trong NĐHN q. 19 ghi: » – Ông tuy được TRƯỚC QUY vào, song chưa đến đích cần phải nỗ lực Khắc bản ấn hành. Bài sớ phụ lục ở cuối liên tục«. quyển của Hoằng Trí trong CĐTĐL q. 30

TRƯỚC TIỆN TRƯỚC TIỆN tăng vốn phải cõi âm thanh, đạp màu sắc, Gặp may mắn. Vân Môn quảng lục, q. hạ: mỗi chỗ nơi đều rõ, mỗi hành vi đều hay«. » – Hôm nay thượng đường, đại chúng gặp may«. TRƯỚC Ý LỘ Mắc kẹt vào tư duy, ý niệm thông thường. TRƯỚC TINH THÁI Bích Nham lục, q. 1 ghi: » Phấn chấn tinh thần, lưu ý, xuất sắc. Tiết Thiên Trúc Chứng Ngộ Pháp sư trong – Do đó cổ nhân NĐHN q. 6 ghi: » buông ra một lời nửa câu tự nhiên quét sạch ngôn ngữ thiên hạ, không cho ông kẹt – Lại chỉ từ nơi ý niệm, khởi tình giải, sinh đạo lý«. đây lưu ý rình bắt xem! Nếu rình bắt trúng TRƯƠNG CHUYẾT được nó rồi thì cũng biết chỗ cứu cánh của bản mạng nguyên thần.« Cư sĩ sống vào đời đầu nhà Tống, Ngũ Đại Trung Quốc. Từng đỗ Tú Tài, nhờ Quán TRƯỚC TINH THẦN Hưu chỉ điểm ông đến tham kiến Thiền sư Còn gọi: Trước tinh thái. Phấn chấn tinh Thạch Sương Khánh Chư. Khánh Chư hỏi: thần, lưu ý. Chương Tuyết Phong Hòa Tú Tài tên họ gì? Trương Chuyết đáp: Họ Thượng trong TĐT q. 7 ghi: » Trương tên Chuyết«. Khánh Chư nói: Tìm xảo (khéo) còn không được, chuyết (vụng) tự đâu có? Trương Chuyết chợt tỉnh ngộ, liền trình kệ: – Này các Hòa »Quang minh tịch chiếu biến hà sa, thượng, nếu thật chưa ngộ nhập thì cần Phàm thánh hàm linh cộng ngã gia. phải ngộ nhập mới được, chẳng để thời Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện gian luống qua. Chỉ là đừng cầu người bên Lục căn tài động bị vân già cạnh, tìm kiếm lời giả dối. Thế thì ngộ Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh nhập việc hướng thượng là ai? Cũng cần Thú hướng chân như diệc thị tà phải phấn chấn tinh thần lên!« Tùy thuận thế duyên vô quái ngại Niết-bàn sinh tử đẳng không hoa«. TRƯỚC TRƯỚC Nhờ Khánh Chư ấn khả, và ông nối pháp Mỗi một hành vi hoặc động tác. Vô Môn của ngài. Quan ghi: » TRƯƠNG CÔNG KHIẾT TỬU, LÝ – Chưa dở chân CÔNG TÚY đã đến, chưa động lưỡi đã nói: Cho dù mỗi Còn gọi: Trương Tam khiết thiết bổng, Lý một hành vi ở trạng thái chưa khởi niệm Tứ nhẫn đông thống (Trương

Tam ăn gậy lại cần biết có bí quyết hướng thượng«. sắt, Lý Tứ chịu đớn đau). Ông Trương Vô Môn Quan ghi: » uống rượu, ông Lý say. Họ Trương, họ Lý

– Nạp là hai họ thường thấy ở Trung Quốc, nên

TRƯƠNG THƯƠNG ANH (1043-1121) được dùng để đại diện cho những người địa, Duệ khước mạn thiên võng. Bủa giăng dân bình thường. Ông Trương, ông Lý tuy tấm lưới trên trời. Thiền tông dùng tỷ dụ hình dáng khác nhau nhưng bản chất lại này để chỉ cho bậc Thầy tiếp dẫn dạy dỗ giống nhau. Thiền tông mượn cụm từ này người học đến nơi đến chốn. Gia Thái Phổ để chỉ cho cảnh giới vạn pháp nhất như. Đăng lục q. 26 (Vạn Tục 137, 187 thượng) Vân Môn Khuông Chân Thiền sư quảng ghi: »

lục, q. trung (Đại 47, 558 hạ) ghi: » – Đại sư Vân Môn bủa giăng tấm

lưới trên trời để đón rồng bắt phụng«. – Tăng hỏi: Ở trường

hợp đó thì ý Sư như thế nào? Sư nói: Ông TRƯƠNG THƯƠNG ANH Trương uống rượu, ông Lý say«. (1043-1121) Cư sĩ đời Tống, tự Thiên Giác, hiệu Vô TRƯƠNG CỬU THÀNH Tận cư sĩ, người Tân Tân (nay thuộc Tứ (1092-1159) Xuyên) Trung Quốc. Lúc trẻ nhậm chức Cư sĩ đời Tống, tự Tử Thiều, hiệu Hoành quan nhỏ ở địa phương. Thời vua Tống Phố Cư sĩ, cũng có hiệu Vô Cấu Cư sĩ, Thần Tông (1068-1085) nhờ Vương An người Tiền Đường (nay là Hàng Châu Thạch tiến cử ông làm chức Giám sát Ngự Chiết Giang) Trung Quốc. Niên hiệu Thiệu sử, tham dự biến pháp. Khoảng niên hiệu Hưng thứ 2 (1132) đỗ Tiến sĩ. Làm quan Nguyên Hựu (1086-1094) nhậm chức Đề đến Lễ Bộ, Hình bộ thị lang. Bởi phản đối Điểm hành ngục ở Hà Đông, từng đến Ngũ nghị hòa nên bị Tần Cối ghét bỏ. Bị vu Đài Sơn lễ bái Bồ Tát Văn-thù, ở trước cùng Thiền sư Tông Cảo chê trách triều tượng Văn-thù sáng tác »Phát Nguyện chính, bị đày đến Nam An nhà lao 14 năm. Văn«, đối trước Phật »ngũ thể quy y«. Về Tần Cối chết, ông được làm Tri phủ Ôn sau giữ chức Chuyển vận sứ ở Giang Tây, Châu. Ông rất hợp với Thiền sư Tông Cảo, đến Lô Sơn yết kiến Thiền sư Đông Lâm chịu ảnh hưởng của sư, tư tưởng học thuật Tổng, lại gặp Thiền sư Đâu Suất Duyệt của ông chủ yếu là lý học của Trình Y nhiều phen thỉnh giáo, tặng kệ tụng cho Xuyên, nhưng phần nhiều có ý dẫn Phật nhau. Đầu niên hiệu Thiệu Thánh (1094- vào Nho, như »Nhân (lòng nhân từ) tức là 1098) làm quan Tả tư giám. Khoảng niên giác, giác tức là nhân, do tâm sinh giác, do hiệu Sùng Trử (1102-1106) lên đến chức giác có nhân«. (Theo »Hoành Phố Tâm Thượng thư tả thừa. Bởi không hợp với Tể Truyền« quyển thượng). Bị Chu Hi công tướng Thái Kinh nên xuống làm Tri phủ kích là »Dương Nho âm Thích«, »Hồng Hào Châu. Còn bị an trí ở Giáp Châu, yết thủy mãnh thú«. Tác phẩm: Hoành Phố kiến Thiền sư Giác Phạm Huệ Hồng nhận Văn tập, Hoành Phố Tâm Truyền, Hoành lãnh giáo huấn, tin Phật càng sâu. Niên Phố Nhật Tân. hiệu Đại Quan thứ 4 (1110) nhậm chức Thượng thư hữu bộc xạ. Bị Tương Du TRƯƠNG MẠN THIÊN VÕNG Niên gạt bỏ ra khỏi kinh, làm Tri phủ Hà Nam. Từng trước tác »Hộ Pháp Luận« luận Còn gọi: Bố mạn thiên võng, Cái thiên cái chiến với quan điểm bài Phật đương thời.

TRƯỜNG CA TRƯỜNG CA TRƯỜNG KIẾP Lâu dài, vĩnh viễn. Kiếp: Đơn vị thời gian Thơ cổ phong có khuôn khổ khá dài. Bài rất lớn, gồm vô số năm. Đàn Kinh bản Đôn Nhất bát ca trong CĐTĐL q. 30 ghi: » Hoàng ghi: »

– Ngộ thì vốn không có sai – Nói thẳng với anh mà anh chẳng

khác, không ngộ thì vĩnh viễn luân hồi.« rõ, mới làm một bài trường ca tên Nhất bát.«

TRƯỜNG LIÊN SÀNG Còn gọi: Y bát hạ. Sập dài nằm nghỉ tập TRƯỜNG KHÁNH VIỆN thể trong tăng đường, được chư tăng cùng sử dụng những khi ngồi thiền hay nghỉ Còn gọi: Di Sơn Thiền Viện. Thiền viện ở ngơi. Tiết Dương Kỳ Phương Hội Thiền sư núi Di Sơn gần Tây Thành, huyện Phúc trong NĐHN q. 19 ghi: » Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; do – Thiền sư Đại An xây dựng vào đầu niên Một câu của Dương Kỳ, mau để mắt nhìn, hiệu Hàm Thông (860-873) đời Đường, ngồi trên giường thiền, cầm muỗng cầm ban đầu có tên là Di Sơn Thiền Viện. Cuối đủa«. đời Đường-đầu đời Ngũ Đại, Thiền sư Huệ Lăng nhậm chức trụ trì chùa này, đổi tên là TRƯỜNG LINH THỦ TRÁC »Trường Khánh Viện«. Đến đời Tống là THIỀN SƯ NGỮ LỤC thời kỳ cực thạnh. Đời Minh đổi viện thành tự (chùa). Khoảng niên hiệu Sùng Trinh Còn gọi: Trường Linh Hoà Thượng ngữ (1628-1643), Thiền sư Đạo Độc quê ở lục. Quảng Đông,nhậm chức trụ trì. Từ đó về Ngữ lục, 1 quyển, do Trường Linh Thủ sau phần lớn là do các thiền tăng người Trác soạn vào đời Tống, Vô Thị Giới Quảng Đông trụ trì, lập thành một trường Thâm biên, được xếp vào Tục Tạng kinh phái riêng tại xứ Mân. Niên hiệu Quang Tự tập 120, trang 307. Nội dung bao gồm thứ 2 đến thứ 17 (1876-1891) đời Thanh, những lời niêm hương chúc, thượng đường vị trụ trì là Vi Diệu đích thân đến Đài của thiền sư Thủ Trác khi trụ các nơi. Loan, Đông Nam Á để quyên góp, rồi đối — Cam Lộ Thiền Viện ở Thư Châu. chiếu với bố cục đương thời xây dựng lại — Từ Phúc Thiền Viện ở Lô Châu. và xây thêm Tàng kinh các ở sau Pháp Phụ lục 1 thiên hành trạng của sư. đường. Năm 1928, vị Trụ trì là Trí Thủy và Giám viện Chứng Lượng trùng tu, cho xây TRƯỜNG NGUYÊN (1110- thêm Minh viễn các. Sau năm 1979, Hoa 1165) kiều yêu nước chung vốn trùng tu mới hẳn. Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Vô Ngôn Còn cho đắp thêm tượng Phật, toàn bộ đều Thông, đời thứ 10, nối pháp Thiền sư Đạo thếp vàng. Xây cất lầu Ngọc Phật, rồi đem Huệ. Sư họ Phan, quê ở Trường Nguyên, 2 pho tượng Phật lớn bằng ngọc từ Miến Tiên Du (nay là huyện Tiên Du, tỉnh Hà Điện về, an trí trong lầu. Bắc), miền Bắc Việt Nam. Trong núi, hàng

TRƯỜNG THỌ TỰ ngày sư mặc áo cỏ, ăn trái giẻ, làm bạn danh Hạnh Tu, người Tuyền Châu, Trung cùng suối, đá, khỉ, vượn. Trong suốt 12 Quốc. Tướng mạo kỳ lạ, hai tai dài chấm giờ, sư thu xếp, an định thân tâm nhất như, vai, người đời gọi sư là »Trường Nhĩ Hòa không còn phân biệt đối đãi để trì kinh. thượng«. Thuở nhỏ xuất gia nơi viện Bắc Vua Lý Anh Tông nghe tiếng ái mộ, muốn Nham, 13 tuổi cạo tóc lên giới đàn Trường gặp sư mà không thể được. Vua thầm sai Lạc (Phúc Kiến) thọ luật nghi thượng Phiên thần họ Lê là bạn cũ của sư khéo dẫn phẩm. Năm 18 tuổi yết kiến Tuyết Phong dụ về triều. Họ Lê dụ sư về đến nhà trọ Nghĩa Tồn được tâm ấn nối pháp Nghĩa chùa Hương Sát. Sư tự hối hận, liền trốn về Tồn. Niên hiệu Thiên Thành thứ 2 (927) núi xưa. Kệ thị tịch: vào Triết Giang khắp nơi đều đến quy y, sư liền kết am nơi núi Cao Phong, Tây Quan kẻ thọ giáo càng đông. Lại mở rộng xây cất am đường, gọi là »Hàng Châu Nhĩ Tướng Viện«. Ngô Việt Vương từng hỏi Vĩnh Minh lúc này có chân tăng không? Vĩnh Minh đề cử sư, nói rằng đây là thân của »Tại quang tại trần, thường ly quang

trần, đức Phật Định Quang. Ban hiệu »Tông Tâm phủ trừng triệt, dữ vật vô thân. Huệ Đại Sư«. Thể ư tự nhiên, ứng vật vô ngân, Tôn tượng nhị nghi, đào thải nhân luân. TRƯỜNG ÔNG Đình độc vạn vật, dữ vật vi xuân, Thiền tăng Như Tịnh, đời Tống, thân Tác vũ thiết nữ, đả cổ mộc nhân«. tướng to lớn mà tánh tình ngay thẳng »Ở chỗ sáng (và) bụi phóng khoáng. Người thời ấy gọi sư là Thường lìa sáng (và) bụi Tịnh Trường. Đời sau gọi sư là Trường Tâm phủ lóng tột, Ông. X. Như Tịnh. Cùng vật không thân, Thể vốn tự nhiên, TRƯỜNG THỌ TỰ Hiện vật không tỳ (vết) Ở hang Đảng Tử, núi Bạch Nhai, thành Hun đúc lưỡng nghi (âm dương), phố Đặng Châu, tỉnh Hà Nam, Trung Gạn lọc đạo làm người. Quốc. Ban đầu do hai Thiền sư Nhất Hạnh Dưỡng nuôi muôn vật, và Hổ Nhân sáng lập, tên là »Hương Cùng vật làm xuân, Nghiêm Tự«. Khoảng niên hiệu Thượng Người gỗ đánh trống Nguyên (760-762) đời Đường, lúc Thiền Gái sắt múa may«. sư Huệ Trung trụ chùa này, gọi là »Hương Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Nghiêm Trường Thọ Tự«. Cuối đời Đường Từ. Ngũ Đại chùa trở thành một đại thiền sát. Đời Tống thường gọi »Hương Nghiêm TRƯỜNG NHĨ HÒA THƯỢNG Tự«. Đời Nguyên là đạo tràng tông Tào (?-951) Động, cao tăng lớp lớp xuất hiện giáo hóa Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, pháp khắp nơi. Cuối đời Nguyên chùa bị chiến

TRƯỜNG VÃNG tranh phá hủy. Đời Minh xây dựng lại, quy mô đã không bằng như xưa. X. »Hương Thiền tăng Thông Túy đời Thanh, tự Nghiêm Tự«. Trượng Tuyết, người đời gọi sư là Trượng Tuyết Thông Túy. X. Thông Túy. TRƯỜNG VÃNG Tạ thế. Tiết Động Sơn Hòa thượng trong TRỪU ĐINH BẠT QUYẾT TĐT q. 6 ghi: » Nổ đinh tháo chốt, tỷ dụ trừ bỏ vọng tưởng nghi hoặc, thoát khỏi tục tình mê chướng. Bích Nham lục, q. 1 ghi: » – Vào ngày mồng một tháng ba năm – Đạt-ma vốn đến đất này vì Kỷ Sửu, niên hiệu Hàm Thông thứ 10 người gỡ niêm cởi trói, nổ đinh tháo (869), Sư cạo tóc mặc áo, sai người đánh chốt«. chuông, rồi ngồi thị tịch rất nghiêm trang, Bích Nham lục q. 8 ghi: » đại chúng thương khóc quá độ nên sư tỉnh dậy... Đến ngày mồng tám, sư bảo sửa soạn tắm. Tắm xong, sư ngồi ngay ngắn – Một cây gậy này, tam thế chư mà tạ thế. Sư thọ 62 tuổi, 41 tuổi hạ«. Phật cũng sử dụng, lịch đại Tổ sư cũng sử dụng, các thiền sư cũng sử dụng để nổ TRƯỜNG VẬT đinh tháo chốt, gỡ niêm cởi trói cho Vật dư thừa. Tiết Nhị Linh Tri Hòa Am người«. chủ trong NĐHN q. 18 ghi: » – TRỪU ĐƠN Trong ba mươi năm, sư sống không có vật Thiền tăng chính thức ra khỏi một thiền gì dư thừa, chỉ có hai con cọp hầu bên viện nào đó. Chương Tục Nghệ Ngôn cạnh.« trong NHQL q. 30 ghi: » TRƯỞNG LÃO Vị tỳ kheo có tuổi đời lớn và tuổi hạ cao, – trí huệ và đức hạnh vượt lên các vị tăng Vương Sơn Thể làm thị giả cho ngài Đại khác trong tùng lâm. Thiền Lâm Bảo Huấn Minh Bảo đã lâu. Một hôm, sư chính thức q. 3 (Đại 48, 1031 hạ) ghi: » xin ra khỏi thiền viện của Ngài. Đại chúng sinh nghi, hỏi Ngài: Bạch thầy, thị giả Thể – Diệu Hỷ nói: Các thiền viện nếu muốn xin đi đâu thế? Bảo nói: Đi tới đi lui các suy cử các bậc Trưởng lão, thì cần phải thiền hội, hỏi đến hắn ta nữa

làm gì!« suy cử người biết giữ đạo, tính khí điềm đạm, không ham danh lợi«. TRỪU GIẢI Nghỉ ngơi (từ ngữ của chư tăng thường sử TRƯỢNG TUYẾT THÔNG TÚY dụng). Tiết Bảo Ninh Viên Cơ Pháp Sư

TỤ MẠT trong NĐHN q17 ghi: » – Chốn chùa chiền lại có lá bùa hộ thân«. – Tăng hỏi: Lúc sinh tử đến làm sao trốn tránh? Sư đáp: Ngủ TU NHẤT ĐẠI SƯ gục trong thiền đường, nghỉ ngơi trong Thụy hiệu của thiền tăng Viên Trí, sống liêu«. vào đời Đường. X. Viên Trí.

TRỪU THÂN TÚ DÃ Thoái lui, rứt ra. Tiết Dược Sơn Hòa Hiệu của thiền tăng Minh Lâm, sống vào thượng trong TĐT q. 4 ghi: » đời Thanh. X. Minh Lâm TÚ PHONG TỰ X. Khai Tiên tự TÚ TÔNG – Ban đêm sư không đốt đèn, Thiền tông bắc tông lấy ngài Thần Tú làm thấy một vị tăng đang đứng, sư liền nói: Ta vị đại biểu chủ yếu. Thần Tú truyện trong có một câu, đợi khi nào bò đực sinh con sẽ TCCTT q. 8 ghi: » nói cho ngươi nghe! Tăng thưa: Bò đực – Người đời sinh con rồi, có điều là Hòa thượng chẳng rao truyền đạo này bảo Tú Tông ở phương nói. Sư liền tìm lửa đốt đèn. Đèn sáng. Vị Bắc, Năng tông ở phương Nam.« tăng thoái lui vào trong chúng«. TỤ ĐẦU TRỪU THOÁT Tụ tập. Họp lại một nhóm. Bích Nham lục Đi tiêu, đi tiểu (từ ngữ của chư tăng q. 1 ghi: » thường sử dụng). Tông Môn Võ Khố ghi: » – Hôm nay, năm ba vị thiền sinh họp lại một – Trạm Đường đi nhóm, trong miệng lẩm bẩm: ›Cái này là Chiết Giang vừa trở về, được cử làm Thủ ngữ cú của bậc căn khí thượng đẳng nói, tọa; nghe việc ấy (chỉ việc quỷ quái làm cái kia là ngữ cú do thể nghiệm mà có loạn nhà xí) nên đợi đến nửa đêm, sư vào được‹«. nhà xí của Diên thọ đường để đi tiêu, tiểu«. TỤ MẠT Bóng bọt tụ tập lại, hàm nghĩa tạm thời tụ TRỬU HẬU PHÙ tập rồi phút chốc rã rời. Chương A-nan, Tổ Còn gọi: Trửu hậu ấn, Trửu hậu huyền thứ 2 trong CĐTĐL q. 1 ghi: » phù. Lá bùa hộ thân, Thiền tông mượn từ này để chỉ cho tâm ấn Phật Tổ, Phật tính – Thân của ta không bền chắc giống như sẵn có của mọi người. Tắc 52, Thung Dung bóng bọt tụ tập lại, huống là còn già yếu, lục (Đại 48, 260 thượng) ghi: » đâu thể lâu dài?«

TỤ VÂN THIỀN TỰ TỤ VÂN THIỀN TỰ TUẤN NHẬN (1166-1227) X. Đàm Chá tự. Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Bất Khả Khí Tuấn Nhận, người xứ Cửu Châu Phì TUẤN KHOÁI Hậu. Niên hiệu Khánh Nguyên thứ 5 Thông minh nhanh nhẹn. Tiết Tuyết Phong (1199) sang nhà Tống (Trung Quốc) trước Huệ Không Thiền sư trong NĐHN q. 18 lên núi Thiên Đài học giáo nghĩa Thiên ghi: » Đài, sau lại đến Kính Sơn, Hàng Châu đắc pháp nơi Thiền sư Nguyên Thông, đời thứ 18 hệ Nam Nhạc. Niên hiệu Gia Định thứ – Sư thượng đường nói: 4 (1211) sư trở về nước mang theo rất Hạng thông minh nhanh nhẹn một phen nhiều kinh luận chương sớ, sáng lập chùa chạm phải liền hành động, hạng si độn dù Tuyền Dũng nơi Kinh Đô. Sư là Sơ Tổ có đẩy kéo cũng không nhúc nhích. Hành tông Dương Kỳ Nhật Bản. động thì mọi người đều vui mừng, không

nhúc nhích thì ai nấy cũng không thích ý. TUẦN NHÂN PHẠM DẠ Hôm nay sơn tăng tôi sẽ chuyển cái si độn nầy làm thành thông minh nhanh nhẹn.« Kẻ đi tuần trở thành tội phạm. Nguyên ý là người đi tuần ban đêm coi chừng hỏa hoạn, TUẤN LƯU trộm cướp, nhưng chính mình lại trở thành Từ gọi chung các bậc tài trí kiệt xuất. Tiết trộm cướp. Trong Thiền lâm dùng để phê Tư Thọ Ni Diệu Tổng Thiền sư trong bình tông phong của tông Pháp Nhãn. Tiết NĐHN q. 20 ghi: » Bạch Vân Đoan Thiền sư Pháp Tự trong NĐHN q. 19 ghi: »

– Thiền Tông một – Sư nói:

Sao chẳng hỏi việc phen cất tiếng thì hàng Giáo tông phải bặt của tông Pháp Nhãn? Đáp: Xin để dành lời. Một khi Tổ lệnh đang được thi hành thì cho Hòa thượng. Sư nói: Kẻ đi tuần trở mười phương khoáng đãng. Hàng Nhị thừa thành tội phạm«. nghe qua liền sợ hãi bỏ chạy. Bồ Tát Thập Bởi tông Pháp Nhãn là một trong Ngũ gia địa đến chỗ này còn nghi. Nếu là kẻ anh thất tông của Thiền tông Trung Quốc, là kiệt thì chưa nói đã tỏ bày.« pháp hệ từ Pháp Nhãn Văn Ích, Thiên Thai Đức Thiều... lần lượt truyền nhau. Sau khi TUẤN MINH (1317-1407) Pháp Nhãn đắc pháp, Ngài trụ viện Thanh Thiền tăng đời Nguyên, họ Chương, tự Cổ Lương, Tăng Châu (Giang Ninh, Giang Chuyết, người xứ Tùng Lăng, Cô Tô (Ngô Tô) mở mang Thiền phong, có rất nhiều đệ Giang, Giang Tô) Trung Quốc. Nối pháp tử và lấy Chiết Giang, Phúc Kiến làm trung Thiền sư Phúc Lâm Trí Độ, đời thứ 25 hệ tâm, triển khai giáo pháp tông Pháp Nhãn. Nam Nhạc. Niên hiệu Hồng Vũ thứ 11 Theo tông phong này, thường đặc biệt lấy (1378) trụ trì chùa Thiên Giới ở Nam việc niêm lộng công án để tiếp hóa người Kinh. Có ngữ lục truyền lại đời. học Thiền. Về mặt giáo học thì dung hợp

TỤC CHỈ NGUYỆT LỤC với tư tưởng Tịnh Độ. Luận rõ về tông phong ấy, Nhân Thiên Nhãn Mục q. 4 (Đại »Quang phóng mi gian vô đạo Phật 48, 325 thượng) ghi: »

Vân sinh túc hạ vị ngôn tiên Nhiêu quân bảo dưỡng ngưu nhi tráng Triêu tịch thục canh bỉ thốn điền«.

»Quang phóng giữa mày không phải Phật Dưới chân mây trắng chửa là tiên Bảo anh nuôi dưỡng trâu cường tráng –

Tông Pháp Nhãn ấy, mũi tên Hôm sớm cày sâu mảnh ruộng thiền«. chạm nhau, câu ý hợp cơ, ban đầu thì hành cái hạnh như như, sau cùng thì khơi gợi, TÚC MẠCH TIỀN lần điều phục lòng người, diệt trừ tình giải, Đối lại: Tỉnh số tiền. Túc mạch: đủ số điều cơ thuận vật, bài trừ hôn trệ (...). Gia trăm. Tỉnh số: không đủ số trăm như: 70, phong của Pháp Nhãn đối bệnh cho thuốc, 80, 90. Thiền tông dùng từ Túc Mạch Tiền coi thân may áo, tùy theo trình độ của họ để dụ cho pháp Thiền của ngài Đại Huệ mà dẹp trừ tình giải«. Tông Cảo, và dùng từ Tỉnh Số Tiền để dụ cho pháp Thiền của ngài Hổ Khâu Thiệu TUẦN VĂN TRỤC CÚ Long. Hư Đường lục q. 10 (Đại 47, 1061 Y theo câu văn, lời nói mà tìm cầu ý nghĩa, trung) ghi: » đạo lý. Là một lối tham học mà nhà Thiền phản đối. Truyện Bác Sơn Hòa thượng – trong NLQL q. 35 ghi: » Các bậc tôn túc theo ngài Đại Huệ phần nhiều chuộng túc mạch, còn con cháu của Hổ Khâu đa số chuộng tỉnh số. Túc mạch – Năm 16 tuổi, sư dùng thì hữu hạn, tỉnh số dùng thì vô thề quyết chí xuất gia, đi đến chùa Ngõa cùng«. Quan ở Kim

Lăng nghe giảng kinh Pháp Hoa, sư khảng khái nói: Tìm việc ấy ở nơi TÚC THÀNH mình, đâu thể y theo câu văn, lời nói mà Họp đủ, họp thành. Vô Môn Quan ghi: » tìm cầu ý nghĩa, đạo lý. Nói xong, sư liền ra đi«.

– Bởi thế buổi chiều muốn đặt nó vào lò để TÚC HẠ VÂN SINH nấu lại một cái, cho đủ số năm mươi, rồi Mây trắng dưới chân, chỉ cho cảnh giới tự cứ như trước mà đem tặng.« do tự tại. Bài kệ của thiền sư Đạo Nguyên (đời 41, dòng thiền Tào Động ở Việt Nam) TỤC CHỈ NGUYỆT LỤC ghi: Đăng lục, 20 quyển, do Niếp Tiên biên soạn vào đời Thanh, kế tiếp sau bộ »Chỉ Nguyệt Lục« của Cù Như Tắc, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 143, trang 744. Nội

TỤC DIỆM LIÊN PHƯƠNG dung thu thập tiểu sử và cơ duyên ngữ cú duyên vấn đáp của các bậc kỳ túc trong của các vị thiền sư từ đời thứ 17 dưới Lục thiền lâm vào cuối đời Tống đến đời Minh. Tổ thuộc niên hiệu Long Hưng thứ 2 Thu thập truyện ký của hơn 2. 300 vị dưới (1164) đời Tống đến đời thứ 38 thuộc niên Tổ Huệ Năng như sau: hiệu Khang Hy thứ 18 (1679) đời Thanh. — Tông Lâm Tế từ đời thứ 16 đến đời thứ Quyển thủ có lời tựa của Giang Tương và 35. Phủ Dương Dư Hoài, lời tùy hỷ của cư sĩ — Tông Tào Động từ đời thứ 16 đến đời Như Thị. Biên giả còn ra sức bổ sung phần thứ 37 cùng với những vị không rõ nối cơ duyên ngữ cú bị bỏ sót trong quyển pháp ai. trung của bộ »Chỉ Nguyệt lục«, biên thành »Cù Lục Bổ Di« 1 quyển, xếp ở quyển thủ. TỤC ĐĂNG TỒN CẢO Hơn nữa, ông còn đem những vị tăng chưa Đăng lục, 12 quyển, có riêng 1 quyển mục rõ kế thừa ai thuộc sau đời Nam Tống, biên lục, do cư sĩ Thi Bái sưu tập tư liệu, Nhược riêng thành 1 quyển »Tôn Túc tập«, đặt ở Am Thông Vấn biên vào đời Minh, được quyển cuối. ấn hành vào niên hiệu Khang Hy thứ 4 (1665) đời Thanh, sau đó được xếp vào TỤC DIỆM LIÊN PHƯƠNG Tục Tạng kinh tập 145, trang 21. Sách này do Thi Bái sưu tập các ngữ lục, truyện ký, Tiếp ánh sáng, nối mùi hương. Nghĩa là tháp minh v.v.. của các thiền sư từ cuối đời mồi sáng ngọn đèn Tổ, làm cho đạo đức Tống đến đời Minh rồi được Thông Vấn được lưu truyền khắp nơi. Bài tựa của Tỳ biên tập thành. Nội dung thu thập truyện kheo Huệ Nguyên trong Trúc Lâm Tổ Sư ký của khoảng 500 vị dưới Lục Tổ Huệ Tuệ Trung Thượng Sĩ ghi: Năng như sau: — Tông Lâm Tế từ đời thứ 18 đến đời thứ 34. »Lý không một vật — Tông Tào Động từ đời thứ 16 đến đời Sự có muôn thứ thứ 36 và các vị không rõ nối pháp ai. Tiếp ánh sáng Nối mùi hương TỤC KIM SƠN CHÍ Làm rạng rỡ đời trước Chí, 2 quyển, do Thu Ngạn biên tập vào Làm hay đẹp đời sau«. đời Thanh, và được xếp vào Trung Quốc Phật Tự Chí Toàn tập. TỤC ĐĂNG CHÍNH THỐNG Chùa Kim Sơn là một tự viện nổi tiếng của Thiền tông. Vào niên hiệu Quang Tự thứ Đăng lục, 42 quyển, có riêng 1 quyển mục 26 (1900) đời Thanh, Trụ trì chùa Kim Sơn lục, do Biệt Am Tính Thống biên vào đời là Thu Ngạn sưu tập nhiều sách vở, bia cũ Thanh, được ấn hành vào niên hiệu Khang còn sót lại, tiếp tục bổ sung cho quyển Hy thứ 30 (1691) đời Thanh, sau đó được »Kim Sơn Chí« của Lô Kiến Tằng. xếp vào Tục Tạng kinh tập 144, trang 500. — Quyển thượng kể về hình thắng, kế đến Nội dung bao gồm lược truyện và cơ ghi chép về Kiến trí, Bi khắc, Liễn, Ngạch,

TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ (1230-1291) Tạng bảo. vào giữa núi sâu ngồi kiết già, không ăn — Quyển hạ ghi chép hành trạng các vị uống 21 ngày, hổ lang ngày ngày tới

ngồi cao tăng Thiền tông trụ trì chùa này. chung quanh mà không dám đến gần. Đồ Sách này tư liệu phong phú, có thể bổ sung đệ nài nỉ Ni sư trở về am. Về am, Ni sư chỗ thiếu sót trong quyển chí của họ Lô, đóng cửa nhập định qua một mùa hè, rồi cùng được ấn hành vào niên hiệu Quang tập hợp đệ tử lại giảng đạo, bỗng nhiên Tự thứ 26 (1900) đời Thanh. ngồi tịch, tuổi ngoài 80. Lúc hỏa táng có rất nhiều xá-lợi. Quan địa phương xây tháp TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC cho Ni sư ngay trên núi ấy. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. Đăng lục, 36 quyển, có thêm 3 quyển mục lục do Viên Cực Cư Đảnh biên soạn vào TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ đời Minh, được xếp vào Đại Chính Tạng (1230-1291) tập 51, trang 469. Cư Đảnh tiếp tục bổ Thiền sư cư sĩ đời Trần, tên thật là Trần sung vào Cảnh Đức Truyền Đăng lục từ Tung, con đầu của Khâm Minh Từ Thiện các sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, Phật Tổ Thái Vương (Trần Liễu), là anh cả của Huệ Mạng, Tăng Bảo truyện, Thiền Môn Hoàng thái hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm. Tông Phái Đồ, ngữ lục của chư Tổ, góp Khi Đại vương mất, hoàng đế Trần Thái nhặt các tài liệu có liên quan, gom chép Tông cảm nghĩa phong cho Thượng sĩ tước các thế hệ truyền pháp từ Lục Tổ Huệ Hưng Ninh Vương. Lúc nhỏ, Thượng sĩ Năng trở xuống, đời thứ 10 đến đời thứ 20. nổi tiếng bẩm chất cao sáng thuần hậu, khí Chủ yếu là ghi về cơ ngữ, cũng có chép sự lượng uyên thâm, phong thái nhàn nhã. tích của 1203 vị; nếu thêm vào những Tuổi còn để chỏm, ngài đã mến mộ cửa người được truyền trao không chính thức không. Sau ngài đến tham vấn Thiền sư thì được 3110 vị. Tiêu Dao ở Tinh xá Phúc Đường và lãnh hội được yếu chỉ. Hằng ngày, ngài lấy TUỆ THÔNG (giữa thế kỷ 14) thiền duyệt làm vui, không lấy công danh Ni sư đời cuối Trần đầu Lê, họ Phạm, con làm sở thích. Ngài lui về ở phong ấp Tịnh gái nhà quan. Ni sư xuất gia tu trên núi Bang, đổi tên là làng Vạn Niên. Hòa ánh Thanh Lương, tu khổ hạnh, trì giới chuyên sáng lẫn với thế tục, dạy dỗ hàng sơ cơ, cần, tuệ giải thông suốt, thường ngồi thiền người học đến thưa hỏi, ngài đều chỉ dạy định, diện mạo giống hệt La-hán. Kẻ đạo cương yếu, khiến họ trụ tâm tính. Vua người tục đều kính mộ, danh tiếng Ni sư Thánh Tông nghe danh ngài đã lâu, bèn sai lừng lẫy, là bậc tông sư của ni chúng cả sứ mời vào cửa khuyết. Ngài đối đáp với nước, tên tuổi ngang hàng với các bậc cao Vua đều là những lời siêu thoát thế tục. tăng. Vua Trần Nghệ Tông (1370-1372) Nhân đó, vua tôn ngài làm sư huynh, tặng ban hiệu là »Tuệ Thông Đại Sư«. Về già, hiệu là Tuệ Trung Thượng Sĩ. Về sau, ngài Ni sư dời về ở Đông Sơn. Một hôm, Ni sư thị tịch ở Dưỡng Chân trang, thọ 62 tuổi. bảo đệ tử rằng: »Ta muốn đem thân hư ảo Tác phẩm: Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục 1 này thí cho hổ lang một bữa no«. Ni sư bèn quyển. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT.

TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ NGỮ LỤC Thanh Từ. Ngọc trụ, Vạn tuế, Phụng hoàng, Huyền luyện, Ngọa long, Ngọc cảnh, Thanh đồng, TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ NGỮ Hoàng cái, Sư tử, Kê minh, Tùng đào, LỤC Thạch mạn, Thái bạch, La hán, Bạch lộc v. Ngữ lục, 1 quyển do Trần Tung (Thiền sư v...Ngoài ra còn có ngọn Tuấn Cực và Việt Nam) nói. Điều Ngự Giác Hoàng ngọn Ngũ Nhũ. Ngọn Tuấn Cực còn gọi là Trần Nhân Tông khảo đính, Pháp Loa biên Tung đỉnh, là ngọn núi cao nhất ở Tung tập. Nội dung bao gồm: Sơn. Niên hiệu Phổ Thông thứ 1 (520) đời 1. Bài tựa »Trần Triều Tuệ Trung Thượng Lương Nam Triều, Bồ Đề Đ t-ma đến núi Sĩ ngữ lục« của Trần Nhân

Tông. Ngũ Nhũ ở trong hang đá ngồi nhìn vào 2. Đối cơ vách im lặng 9 năm, người đời gọi là 3. Cử công án »Bích Quán Bà La Môn«. Động này được 4. Thơ tụng gọi là »Đ t-ma diện bích động«, sâu 5. Thượng sĩ hành trạng khoảng 7m, rộng 3m. Trước động có một 6. Chư nhân tán tụng. tòa thạch phường song trụ đơn khổng được 7. Lời bạt của tướng Trần Khắc Chung. khắc vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 32 (1604) Bản khắc xưa nhất của sách này vào niên đời Minh, trên ngạch động mặt nam khắc 3 hiệu Cảnh Hưng thứ 24 (1763), với lời tựa chữ »Mặc huyền xứ«, mặt bắc khắc 4 chữ của Tỳ kheo Tuệ Nguyên (phái Trúc Lâm) »Đông lai triệu tích«. Cổ tích văn vật tu tại chùa Long Động trên núi Yên Tử. Thiền tông còn có chùa Thiếu Lâm, rừng Đây là một quyển ngữ lục mang một bản tháp, am Sơ Tổ, am Nhị Tổ, tháp Thiền sư sắc độc lập của Phật giáo Việt Nam, nhưng Tịnh Tạng. độc lập không có nghĩa là cô lập mà phải nằm trong tiến trình văn hóa giao lưu giữa TUNG THIẾU TỔ  Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa. Nó tổng Thiền tăng Văn tải đời Minh, trụ trì chùa hợp một số tư tưởng Phật giáo Đại Thừa Thiếu lâm 16 năm, đệ tử có đến vài ngàn của Ấn Hoa Việt và góp phần vào kho tàng người. Người đời gọi sư là Tung Thiếu Tổ. văn hóa của Phật giáo và dân tộc Việt X. Văn Tải Nam. TÚNG NHIÊU  TUNG SƠN  Mặc dù, giả sử. Pháp Diễn ngữ lục q. Thuộc mạch núi Phục Ngưu, phía tây bắc thượng ghi: »  huyện Đăng Phong, tỉnh Hà Nam, Trung  Quốc, do núi Thái Thất và Thiếu Thất họp  – Dù cho trước lời nói lãnh thành, nằm theo hướng đông tây dài dằng ngộ được, cũng là si mê đần độn; Già sử dặc chừng 60km, đồi núi nhấp nhô, núi cao ngay lời nói thông suốt, chưa khỏi nơi nơi dốc đứng lạ thường. Căn cứ trên lịch sử, sinh ra kiến giải cuồng loạn.« hình trạng phương vị mà ngọn núi tọa lạc và di tích danh nhân, chia làm 72 ngọn như TÚNG NHIÊN  Thái dương, Thiếu dương, Minh nguyệt, Còn gọi: Túng túng , Túng nhiên

TÙNG CẨN  (1117-1200) . Dẫy đầy, tưng bừng, xôn xao. Tháp«. X. »Hoa Nghiêm Tháp«. Đầy dẫy, sự vật nhiều đến mức gây cảm giác chỗ nào cũng thấy có. Tiết Khai thị TÙNG BA  Ưu-bà-tắc kết Niệm Phật Xã trong Thiền tăng đời Thanh, họ Đoàn, người xứ HSLNMDT q. 2 ghi: »  Hạc Dương, Trung Quốc. Xuất gia từ thuở bé, sư theo Đức Chu Thượng nhân tham  – Thế nên một cứu Thiền tông, sau đó được Dã Trúc Lão niệm ác nổi lên thì núi đao rừng kiếm đầy nhân ấn khả. Sư đến chùa Thạch Chung dẫy; một niệm phát sinh thì đất báu ao hoằng pháp, nhẫn nhục gánh vác trách sen.« nhiệm nặng, trăm công ngàn việc khiến Tiết La-hán Quế Sâm Thiền sư trong cho chùa này trở thành chùa đứng đầu núi NĐHN q. 8 ghi: » Kê Túc. Người đời quen gọi sư là »Thạch  – Bây giờ thanh Chung Tùng Ba Thiền sư«. sắc đầy dẫy thế nên ghé hợp hay không ghé hợp.« TÙNG BÃO THÁP  Tiết Văn-thù Tâm Đạo Thiền sư trong Nằm trong tháp viện chùa Giới Đài, trên NĐHN q. 19 ghi: »  sườn núi Mã Yên, khu Môn Đầu Câu, thành phố Bắc Kinh, Trung Quốc. Là mộ  – Tam giới duy tâm, vạn pháp duy tháp của Hòa thượng Pháp Quân, cao tăng thức. Nay trước mắt muôn tượng dẫy đầy, đời Liêu. Bởi trên gò đất cao bên cạnh tháp tâm thức ở đâu?« một cây tùng đổ rạp xuống nằm ngang duỗi ra cong vòng giống như ôm lấy tháp, TÙNG  nhân đó mà đặt tên. Pháp Quân (1021- Mặc cho, mặc kệ. Pháp Diễn ngữ lục q. 1075) thuở nhỏ theo Luật sư

Phi Nhục trung ghi: » chùa Tử Kim ở Kinh Tây làm thư đồng,
– Đầu mặt dính tro đất giữ luật nghiêm cẩn bác thông nội ngoại. mặc cho người khác cười, thì chỉ có được Khi lớn chí thích thiền duyệt, tham phỏng nỗi khốn khổ trong đồi Bạch Vân.« hơn 10 năm, hình như có phát minh. Tông Môn Võ Khố ghi: »
Khoảng niên hiệu Hàm Ung (1065-1074) – Về sau mặc được tôn làm Đại Hòa thượng, lên đàn kệ người khác miễn là mắt mình sáng, ăn truyền giới, vua lễ sư làm thầy và ban hiệu gậy xong, bị phạt tiền và bị đuổi khỏi »Truyền Giới Đại Sư«. Về sau sư chỉ lấy viện.« việc truyền giới làm nhiệm vụ, đắc giới tử 500 vạn người. Sư tịch vào niên hiệu Đại TÙNG ẨN THÁP Khang thứ 1 (1075), cho nên tháp Tùng Do ở thị trấn Tùng Ẩn, huyện Kim Sơn, Bảo phải là tháp đời Liêu. tỉnh Thượng Hải, Trung Quốc nên có tên. Trong tháp chứa Kinh Hoa Nghiêm do TÙNG CẨN (1117-1200) tăng nhân ở Thiền viện Tùng Ẩn đời Thiền tăng đời Tống, họ Trịnh, hiệu Tuyết Nguyên viết, nên còn gọi »Hoa Nghiêm Am, người xứ Vĩnh Gia (nay là Ôn Châu

TÙNG CỐC tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Sư yết kiến TÙNG ĐÌNH Thiền sư Tâm Văn Đàm Bôn có tỉnh ngộ Hiệu của Thiền tăng Tử Nghiêm, sống vào và nối pháp Ngài thuộc tông Lâm Tế. Sư cuối đời Nguyên-đầu đời Minh. X. Tử trụ trì các chùa: Linh Nham ở Giang Tô, Nghiêm. Thiên Đồng ở Chiết Giang. Sau khi thị tịch, toàn thân sư được an táng mé bên trái TÙNG HÂN tháp của ngài Tâm Văn. Tác phẩm: Tuyết Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Nham Tùng Cẩn Thiền sư Tụng Cổ tập 1 Trường Khánh Huệ Lăng. Khi ra hoằng quyển. pháp sư trụ Thúy Nham ở Xử Châu (nay là Lệ Thủy tỉnh Chiết Giang), người đời gọi TÙNG CỐC sư là »Thúy Nham Hân«. Hiệu của Thiền tăng Như Thiên, sống vào đời Minh. X. Như Thiên. TÙNG GIAO Để mặc, tùy ý, mặc cho. Tông Môn Võ Khố TÙNG DUYỆT (1044-1091) ghi: Thiền tăng đời Tống, họ Hùng, người Kiền Châu (Cám Châu, Giang Tây), Trung Quốc. Năm 15 tuổi sư xuất gia, 16 tuổi thụ »Niên lão hạo ca quy khứ lạc giới cụ túc, tham kiến thiền sư Bảo Phong Tùng giao nhân hoán trụ sơn ông«. Khắc Văn đắc pháp làm truyền nhân phái »Lớn tuổi ưa ca bài vui trở về Hoàng Long tông Lâm Tế. Sư trụ viện Đâu Mặc cho người gọi lão ở non«. Suất, Long Hưng (Nam Xương, Giang Tây) học thông nội ngoại, giỏi văn hay thơ, TÙNG HIỂN (906-983) đạo tục gần xa đều ngưỡng mộ. Niên hiệu Thiền tăng đời Tống, người xứ Bồ Điền Tuyên Hòa thứ 3 (1121) Thừa tướng Tuyền Châu (nay thuộc Phúc Kiến), nối Trương Thương Anh tấu thỉnh ban thụy pháp Thiền sư Thanh Lương Văn Ích, »Chân Tịch Thiền sư«. Tác phẩm: Đâu thuộc tông Pháp Nhãn. Sư trụ viện Quán Suất Duyệt Thiền sư ngữ lục 1 quyển lưu Âm ở Hồng Châu (nay là huyện Nam hành cho đời. Xương tỉnh Giang Tây). TÙNG ĐẦU Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Mỗi mỗi, toàn bộ. Tông Môn Võ Khố ghi: Quán Âm?. Sư đáp: Hãy xem trước mắt. » TÙNG KHÔI (?-973)
– Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ Người tham thiền đời này, giống như bầy Phúc Châu, Trung Quốc. Xuất gia từ thuở ruồi, hễ có chút mùi tanh hôi liền bu lại. nhỏ. Sư tham vấn nhiều vị nhưng không Phải quét sạch toàn bộ cho các ông ấy, khế hợp, sau yết kiến Thiền sư Trường quét đến chỗ không còn mùi vị để các ông Khánh Huệ Lăng, ngay lời nói liền đốn ấy chỉ bu đậu trên đất bình thường.« ngộ và nối pháp Ngài. Khi ra hoằng pháp sư ở chùa Xưng Tâm tại Việt Châu

(nay là

TÙNG LÂM CÔNG LUẬN huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang) khai trong NĐHN q. 17 ghi: pháp giảng thuyết khiến cho thiền phong hưng thạnh. Về già dời về viện Báo Ân tại Hàng Châu. »Kiệt xuất tùng lâm thị Triệu Châu Lão bà khám phá hữu lai do«. TÙNG LÃNG »Thiền sư trổi nhất là Triệu Châu Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư Bà già bị khám (phá) có cội nguồn«. Triệu Châu Tùng Thẩm. Khi ra hoằng pháp, sư trụ Mộc Trần ở Vụ Châu (nay là TÙNG LÂM CHI ĐỐI huyện Kim Hoa, tỉnh Chiết Giang). Kệ thị Sự ứng đối của nhà Thiền, hàm ý mặc dù tịch: có vẻ siêu thoát lạ lùng, nhưng vẫn chưa lìa khỏi lời nói. Tiết Từ Thị Thụy Tiên Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: »

»Tam thập niên lai trụ Mộc Trần

Thời trung vô nhất giả công thành Hữu nhân vấn ngã Tây Lai ý Triển tợ my mao tác ma sinh«.

»Ba chục năm qua ở Mộc Trần – Sư Giờ giờ không bận chút thân sơ không yết kiến thiền sư các nơi, về sau đến Ai kia có hỏi Tây lai ý Đầu Tử. Quảng Giám hỏi: Quê ông ở đâu? Mở hoát my mao là cái gì«. Sư đáp: Đông Việt, Lưỡng Chiết. Giám hỏi: Việc của Đông Việt là gì? Sư đáp: Núi TÙNG LÂM Tần Vọng cao, sông Giám Hồ rộng. Giám 1. Giới Phật giáo. Tiết Thượng Phong Bản hỏi: Núi Tần Vọng cao cùng với bản thân Tài Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » ông là đồng hay khác?. Sư đáp: Tây Thiên – Dẹp bỏ dùng tiếng Phạn, xứ này nói tiếng Đường. tri kiến Phật Tổ gây tai họa cho giới Phật Giám nói: Đây còn là sự ứng đối của nhà giáo«. thiền, rốt cuộc là đồng hay khác? Sư liền 2. Tự viện, thiền tự. Tông Môn Võ Khố hét«. ghi: » TÙNG LÂM CÔNG LUẬN

– Suốt 30 năm như thế, dù mưa gió vẫn không đổi Luận, 1 quyển, do Giả Am Huệ Bân soạn chí, sư thay cũ đổi mới các kiến trúc: Phật vào đời Tống, được ấn hành vào niên hiệu điện, Luân tạng, La-hán đường; hễ tự viện Khang Hy thứ 16 (1189) đời Thanh, sau đó cần có vật gì, sư đều sắm sửa đầy đủ«. được xếp vào Tục Tạng kinh tập 113, trang 3. Từ mà chư tăng dùng để gọi các Thiền 899. Tác giả bình luận về những việc xưa sư. Tiết Hoàng Long Huệ Nam Thiền sư nay trong thiền lâm, gồm hơn 70 điều, trên

TÙNG LÂM HIỆU ĐỊNH THANH QUY TỔNG YẾU một vạn lời. Nội dung xác đáng, luận nghị 141 điều trình bày về: Đại Khanh tham vấn công bằng. Lời tựa của Tông Huệ có kiến Hoàng Long, Phật Ấn cởi ngọc đái của Tô giải rất sáng suốt, nhưng có đôi chỗ trong Đông Pha, Bảo Phong Tường khoanh tay, sách bàn về chỗ đắc thất của văn chương Phổ Từ Văn, Tối Am Ấn, Vinh Dương tiên Nho không được đúng lắm. Quận v.v...

TÙNG LÂM HIỆU ĐỊNH THANH TÙNG LUÂN QUY TỔNG YẾU Thiền tăng đời Nguyên, Trung Quốc, hiệu Lâm Tuyền. Đến chùa Báo Ân ở Yên Kinh Còn gọi: Hàm Thuần Thanh Quy, Vụ Châu tham kiến Vạn Tùng Hành Tú khai ngộ, Thanh Quy, Hiệu Định Thanh Quy. nối pháp làm truyền nhân tông Tào Động. Sách, 2 quyển, do Hậu Triều Duy Miễn Ban đầu trụ chùa Vạn thọ sau đó kế thừa biên vào đời Tống, đến

niên hiệu Hàm pháp tịch của thầy, trụ trì chùa Báo Ân. Thuần thứ 10 (1274) thì hoàn thành, được Niên hiệu Chí Nguyên thứ 9 (1272) ấn hành vào niên hiệu Chí Nguyên thứ 30 Nguyên Thế Tổ hạ chỉ mời sư vào nội (1293) đời Nguyên, và sau đó được xếp điện, từng luận đạo với Đế sư, phát huy đại vào Tục Tạng kinh tập 112, trang 1. Biên yếu thiền học, dâng lên vua cuốn »Thiền giả đem các loại thanh quy của thiền môn Nguyên Chư Thuyên tập« của Tông Mật. từ »Bách Trượng Thanh Quy« về sau, Đế sư còn hỏi về công án Tổ sư, phân tích tham khảo hiệu định những chỗ dị đồng, bàn bạc đến tối mới tan. Năm thứ 18 chắt lọc tinh hoa của chúng rồi biên tập lại. (1281) Tùng Luân thiêu đốt ngụy kinh Quyển thượng bao gồm 39 mục: »Biểu đồ: »Đạo Tạng« nơi chùa Mẫn Trung ở Đại Đô cáo hương, Y giới, Xuất ban thiêu hương (Bắc Kinh), ngoại trừ »Đạo Đức Kinh« ra, «, »Biểu đồ: cáo hương, Phổ thuyết, Lập sư thiêu hủy tất cả. Sư lại trước ngữ và bang «… Quyển hạ bao gồm 20 mục: bình xướng một trăm tắc tụng cổ của Đầu »Thượng đường, Phổ thuyết, Tiểu tham«, Tử Nghĩa Thanh và một trăm tắc tụng cổ »Cáo hương, Nhập thất, Thỉnh ích«… của Đơn Hà Tử Thuần, biên tập thành »Không Cốc tập«, »Hư Đường tập«. TÙNG LÂM THẠNH SỰ Truyền pháp cho Đồng Tân rồi tịch. Bút ký, 2 quyển, do Cổ Minh Đạo Dung soạn vào đời Tống, được ấn hành vào niên TÙNG MÔN NHẬP GIẢ, BẤT THỊ hiệu Khánh Nguyên thứ 5 (1199) đời GIA TRÂN Tống, sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh Vật gì đem từ ngoài cửa vào chẳng phải là tập 148, trang 52. của báu ở trong nhà mình. Thiền tông Soạn giả tuyên bố sách này làm ra vì chí mượn từ này để chỉ cho Phật tính sẵn có hướng bảo vệ Thiền tông và hoằng pháp. của mình, mình cần phải tu tập để hiển lộ Nội dung bao gồm những điều thấy nghe và thọ dụng, nếu đi tìm cái gì khác nữa thì hàng ngày chốn tùng lâm, cùng với lời hay chẳng phải. Tắc 5, Bích Nham lục (Đại 48, ý đẹp của các thiền sư xưa nay. Tất cả là 145 thượng) ghi: »

TÙNG TẬP pháp, sư trụ Hương Khê ở Phúc Châu. Sư từng nói kệ rằng: – Nham Đầu hét một tiếng rồi nói: Ông chẳng nghe nói vật gì đem từ ngoài cửa vào chẳng phải là của báu trong »Áo đi đường của Ca-diếp nhà, phải là từ trong ngực của chính mình Mặc vào liền hợp cơ (ky) tuôn ra để giáo hóa mọi loài mới có chút Phân biệt thì thọ tiễn phần tương ưng«. Khuôn xưa chẳng giấu chi«. TÙNG NGUYÊN SÙNG NHẠC TÙNG QUÝ THIỀN SƯ NGỮ LỤC Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư Hoằng Đạo, kế tục trụ trì viện An Quốc ở Còn gọi: Tùng Nguyên Hòa thượng ngữ Phúc Châu. lục, Tùng Nguyên ngữ lục, Tùng Nguyên Có vị tăng hỏi: Thỉnh sư tuyên bày Thiền Thiền sư ngữ lục. Ngữ lục, 2 quyển, do tông. Sư đáp: Hôm nay đập lúa, ngày mai Tùng Nguyên Sùng Nhạc soạn vào đời bửa củi. Tống, nhóm ông Thiện Khai… biên tập, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 121, trang TÙNG SÂM 570. Nội dung bao gồm ngữ lục của Sư Thiền tăng đời Ngũ Đại, theo học với Tùng Nguyên trong 8 hội ở các thiền viện: Thiền sư Bảo Phúc Tùng Triển và đắc Trừng Chiếu, Thật Tế, Tiến Phúc và Báo pháp. Khi ra hoằng pháp sư trụ núi Phụng Ân Quang Hiếu Thiền Tự, v.v… cùng với Hoàng tại Tuyền Châu. các phần: Bỉnh phất phổ thuyết, Pháp ngữ, Có vị tăng hỏi: Thế nào là cảnh của Phụng Tụng cổ, Tán Phật Tổ, Kệ tụng v.v… Sau Hoàng?. Sư đáp: Đêm tuyết xem trăng sách có phụ lục 1 thiên Tháp minh của Lục sáng. Du. Sách này được ấn

hành vào niên hiệu Thự hiệu: Hồng Nhẫn Thiền sư. Gia Thái thứ 3 (1203) đời Tống. TÙNG SƠN TỬ TÙNG NGUYÊN Hiệu của Thiền tăng Diệu Luân, sống vào Hiệu của Thiền tăng Sùng Nhạc, sống vào đời Tống. X. Diệu Luân. đời Tống. X. Sùng Nhạc. TÙNG TẬP TÙNG NGUYỆT ÔNG Thiền tăng đời Ngũ Đại, người xứ Mân, Thiền tăng Chính Ấn, sống vào đời Trung Quốc. Là học trò giỏi của Thiền sư Nguyên, tự xưng là »Tùng Nguyệt Ông«. Tuyết Phong Nghĩa Tồn, nhờ bản sư ấn X. Chính Ấn. giải nên thông suốt được tông yếu. Sư thường nói: Đánh trống Quan Nam, hát bài TÙNG PHẠM ca Tuyết Phong. Về sau, sư ra giáo hóa ở Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư vùng Chiết Giang, Ngô Việt Vương khâm Nham Đầu Toàn Khoát. Khi ra hoằng phục đạo đức của sư, thỉnh sư ở núi Đại

TÙNG THẠCH Tiễn tại Hàng Châu để xiển dương chính khắp thiên hạ như các câu »Phật tính con pháp, nên người đời gọi sư là »Đại Tiễn chó«. »Cây bách trước sân« v.v... Người Thiền sư«. đời gọi sư là »Triệu Châu Cổ Phật«. Thụy là »Chân Tế Đại Sư«. Tác phẩm: Chân Tế TÙNG THẠCH Đại Sư ngữ lục 3 quyển. Hiệu của Thiền tăng Pháp Hưng sống vào đời Minh. X. Pháp Hưng. TÙNG THƯỢNG LAI Từ xưa đến nay. Tông Môn Võ khố ghi: TÙNG THẠNH » Thiền tăng đời Ngũ Đại, người huyện Mân (nay là Phúc Châu) Trung Quốc. Sư xuất – Từ xưa đến nay, các gia ở núi Trường Sinh, sau khi thụ giới liền bậc pháp sư Thiền tông cao tay hay vì du phương, tham vấn Thiền sư La Sơn Đạo người, chỉ có ngài Mục Châu hễ thấy Nhàn, đốn khế huyền cơ và nối pháp Ngài. người có chỗ để ngồi liền xúc bỏ, mỗi mỗi Ban đầu sư ở chùa Long Hồi tại Cao An chỉ là xúc bỏ đi.« (nay thuộc Giang Tây) cử dương tông phong. TÙNG TỊCH Có vị tăng hỏi: Thế nào là gia phong của Nơi giảng nói thiền pháp. Thiền viện. Tiết Long Hồi? Sư đáp: Dọc ngang bắn thủng. Hồng Đảnh Nhân Thiền sư trong NĐHN q. Về sau, sư dời đến núi Đạo Ngô tại Đàm 11 ghi: » Châu (nay là huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Nam) để tiếp hóa chúng sinh.

TÙNG THẨM (778-897) Thiền tăng đời Đường, họ Hác, người Tào Châu (Hà Trạch, Sơn Đông) Trung Quốc. – Có người giàu Thuở nhỏ sư xuất gia nơi viện Hỗ Thông, có ở Tương Dương dạo chơi ở Phúc Tào Châu (một thuyết nói viện Long Nghiêm, đến ngay nơi thất của sư, Thấy Hưng, Thanh Châu). Đến tham kiến Nam sắc mặt của sư thanh thản, chỉ có một bát Tuyền Phổ Nguyện, Phổ Nguyện rất trọng treo trên vách không có một vật nào khác sư. Lại đến Tung Sơn thụ giới cụ túc. Rồi nên rất bội phục sư, liền quỳ xuống làm lệ trở về chỗ Nam Tuyền y chỉ 20 năm, thỉnh rằng: Thần Đảnh là chỗ mà gia đình chuyên tâm tham cứu huyền ngộ, được ấn con thường trồng cội phúc, từ lâu không có chứng tâm pháp. Sau đó lần lượt tham yết thiền sư, mong sư đến đó, không rõ ý sư các bậc đại đức như Hoàng Bá, Bảo Thọ, thế nào? Sư mỉm cười ưng thuận. Người ấy Diêm Quan, Giáp Sơn, Ngũ Đài v.v... Lúc liền đem ngựa đến rước sư. Mười năm sau 80 tuổi đại chúng thỉnh sư trụ viện Quán mới trở thành thiền viện.« Âm phía đông thành Triệu Châu (huyện Triệu, Hà Bắc) đại dương thiền phong, TÙNG TRIỂN (?-928) pháp ngữ huyền ngôn của Sư phổ biến Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ

TÙY CƠ ỨNG BIẾN Phúc Châu. Năm 15 tuổi lễ Thiền sư Tuyết q. 10 (Đại 48, 219 thượng) ghi: » Phong Nghĩa Tồn làm thầy rồi xuất gia theo Ngài tu học. Niên hiệu Trinh Minh – Một trăm bài thứ 4 (918) thời Hậu Lương, Thứ sử Đàm tụng cổ của Tuyết Đậu quả là tính toán Châu sáng lập Bảo Phúc Thiền Uyển, rước nhiều lời, chỉ được ba bài tụng này là có sư về ở. Niên hiệu Thiên Thành thứ 3 hơi hám của Thiền tăng«. (928) thời Hậu Lương, sư thuyết pháp xong, ngồi ngay thẳng thị tịch. TÙY BA TRỤC LÃNG Theo mòi đuổi sóng tức là tùy duyên tiếp TÙNG XÃ vật, ứng bệnh cho thuốc, là nguyên tắc tiếp Đoàn thể thiền tăng, thiền viện, chùa chiền. dẫn người học của tông Vân Môn. Một Tiết Vô Vi Tông Thái Thiền sư trong trong ba câu nói của Vân Môn. Tiết Cửu NĐHN q. 19 ghi: » Đảnh Huệ Tuyền Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » – Thiền sư Tông Thái ở viện Vô Vi hán Châu, người Phù Thành. Từ khi sư ra – Ngày trước Vân Môn có ba câu là: khỏi thất (mãn hạn nhập thất), bèn đi khắp Hàm cái càn khôn (Cho trùm trời đất), Tiệt các thiền viện.« đoạn chúng lưu (Chặt đứt các dòng). Tùy ba trục lãng (Theo mòi đuổi sóng)« TÙNG Y Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư TÙY CƠ ỨNG BIẾN Thanh Khê Hồng Tiến. Sư trụ núi Thiên Tùy theo căn cơ của người học đạo mà Bình ở Tương Châu (nay là huyện An thay đổi biện pháp tiếp dẫn. Duy Tắc ngữ Dương tỉnh Hà Nam. Có vị tăng hỏi: Phật lục q. 1 ghi: » là gì?. Sư đáp: Chẳng phải chỉ trời chỉ đất, duy NGÃ là tôn quý. TÙNG YỂM Thiền tăng đời Ngũ Đại. Sư ở viện Báo Ân, Đàm Châu (nay là huyện Chương Phố tỉnh Phúc Kiến), nối pháp Thiền sư Tuyết – Một câu ›Kiến tính Phong Nghĩa Tồn. Mân Vương ngưỡng mộ thành Phật‹ lường gạt biết bao hiêu người! đạo đức của sư nên rước sư vào viện Vĩnh Tất cả nói thành Phật là quan trọng và cấp Phúc, núi Liên Hoa, Phúc Châu. Thự hiệu: bách còn kiến tính thì không sao. Nghĩ Siêu Chứng Đại Sư. rằng phải mau mau thành Phật còn thủng thẳng hãy kiến tính. Việc ấy khổ nỗi càng TỤNG CỔ hưỡn thì càng xa, càng gấp thì càng muộn. Dùng các câu thơ có âm vận đế bình luận Chỉ ham ăn thích uống mà chẳng biết nấu về công án Thiền tông đã được nêu ra. cơm. Hôm nay Sơn tăng sẽ tùy cơ ứng biến Phần Giải thích của tắc 96, Bích Nham lục vì mọi người đổi lại thoại đầu, sửa thành

TÙY CHÂU ĐẠI HỒNG SƠN THUẦN THIỀN SƯ NGỮ LỤC ›Kiến Phật thành tính‹, còn chẳng đúng thì ghi: » sửa thành ›Thành phật kiến tính‹, đâu chẳng thích thay!« – Sư thượng đường, nói: Dương Kỳ có một lời, tùy chỗ mà TÙY CHÂU ĐẠI HỒNG SƠN thích ứng. Nếu như còn do dự, cách mười THUẦN THIỀN SƯ NGỮ LỤC muôn tám ngàn«. TÙY SƠN X. Đan Hà Tử Thuần Thiền sư ngữ lục. Hiệu của thiền tăng Chính Nham sống vào TÙY CHÚNG đời Thanh. X. Chính Nham Đi theo tăng chúng cùng nhau tham học. TÙY THỜI Vô Môn Quan ghi: » Tùy theo chương trình làm việc hàng ngày mà sắp đặt. Minh chơn tụng trong PKNL q. 18 ghi: » – Đạo Minh nói: Tôi tuy ở Hoàng Mai tùy chúng, – Thiền sư đâu cần biết nhiều, thật

chưa tỉnh được diện mục chính mình. đói ăn khát uống tùy thời, đem tâm dụng Nay nhờ hành giả chỉ dạy chỗ vào như tâm (là) lầm to, nơi đạo tu đạo là việc người uống nước, nóng lạnh tự biết, nên đang buồn.« hành giả (Huệ Năng) chính là Thầy của tôi vậy«. TÙY THỜI CẬP TIẾT Hợp theo thời tiết, sống bình thường qua TÙY DUYÊN ngày. Đây là thể hiện »Bình thường tâm« Thuận theo cơ duyên, thích ứng với hoàn của nhà thiền. Văn Ích ngữ lục ghi: » cảnh không phải cố sức. Lâm Tế ngữ lục ghi: »

– Người xuất gia chỉ cần hợp theo thời tiết liền được, lạnh thì biết lạnh, nóng – Nếu là bậc đạo nhân chân thì biết nóng. Muốn biết nghĩa Phật tính, chính tất cả đều chẳng phải như vậy, chỉ phải xem xét thời tiết nhân duyên«. hay thuận theo cơ duyên mà tiêu nghiệp cũ, cứ mặc tình mặc áo quần, muốn đi thì TÙY XỨ GIẢI THOÁT đi muốn ngồi thì ngồi, tâm không một niệm Ý nói chỗ chỗ đều hiển bày cơ duyên giải mong cầu Phật quả.« thoát, nơi nơi thảy có thể đạt được tỉnh ngộ siêu thoát. Tiết Định Sơn Duy Tố Thiền sư TÙY PHƯƠNG TỰU VIÊN trong NĐHN q. 10 ghi: » Gặp vuông liền vuông, gặp tròn liền tròn. Tùy chỗ thích ứng. Phương Hội ngữ lục

TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ trừ học thuyết kia.

Liền mang theo bộ – Pháp không có cách gì lạ, chỉ »Kim Cang Kinh Sớ Sao« của Đạo Nhân là khác nẻo mà cùng về một chỗ. Nếu rời khỏi Tứ Xuyên. Trước tiên đến chỗ muốn dễ lãnh hội mà ít phí sức thì chỉ cần Thiền sư Long Đàm Sùng Tín, trong khi biết giữ lấy bản tính, liền có thể tiếp nối hỏi đáp, sư hoát nhiên đốn ngộ được nối gia nghiệp, tùy chỗ giải thoát, ứng dụng pháp và đốt bộ »Kim Cang Kinh Sớ Sao«. hiện tiền, đất trời cùng một gốc, vạn vật Sư trụ Đức Sơn, Lễ Dương (huyện Lễ, Hồ đồng một thể, gọi là con mắt của thiền Nam) 30 năm. Khi vua Đường Võ Tông tăng không bao giờ sót lọt một mảy tơ.« phế Phật, sư tị nạn nơi thạch thất núi Độc Phù. Vào khoảng đầu năm Đại Trung (847- TÙY XỨ NHẬM DUYÊN 859) Thái thú Vũ Lăng là Tiết Đình Vọng Chẳng câu nệ chỗ ở, ứng duyên mà làm. thỉnh sư trở lại Đức Sơn, xây cất Thiền Tiết Huệ Khả Thiền sư trong TĐT q. 2 ghi: viện Cổ Đức, mở rộng tông phong trở » thành đại tùng lâm. Sau khi mất, thụy là – Hoặc ở phố chợ ứng »Kiến Tính Đại Sư«. Đệ tử có Nham Đầu duyên mà làm; hoặc bị người sai khiến làm Toàn Khoát, Tuyết Phong Nghĩa Tồn, xong công việc rồi trở về«. Thụy Long Huệ Cung, Tuyền Châu Ngỏa Quan v.v... TÙY XỨ TÁC CHỦ Ở đâu cũng làm chủ được, là cảnh giới của TUYÊN PHÁP ĐẠI SƯ người ngộ thiền. Vô Môn Quan ghi: » Hiệu của Thiền tăng Trí Y, đời Ngũ Đại. X. Trí Y.

– Nếu nơi đây mà TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ hạ được ba câu chuyển ngữ thì ở đâu cũng làm chủ được, nơi nào cũng là nhà được. Phố Tây, thành phố Tuyền Châu, tỉnh Phúc Còn nếu chưa được thì ăn vội dễ no, nhai Kiến,Trung Quốc, là một trong bốn đại kỹ khó đói«. thiền lâm Phúc Kiến. Xây dựng vào niên hiệu Thùy Củng thứ 2 (686) đời Đường, TUYÊN GIÁM (782-865) ban đầu tên »Liên Hoa Tự«. Niên hiệu Thiền tăng đời Đường, họ Chu, người Giản Trường Thọ thứ 1 (692) đổi tên »Hưng Châu (Giản Dương, Tứ Xuyên) Trung Giáo Tự«. Niên hiệu Thần Long thứ 1

Quốc. Xuất gia từ nhỏ, 20 tuổi thụ giới cụ (705) lại đổi tên »Long Hưng Tự«. Niên túc, sư thông suốt chỉ thú các kinh điển hiệu Khai Nguyên thứ 26 (738) ban tên Đại, Tiểu thừa; bởi thường giảng kinh Kim »Khai Nguyên Tự«. Thời Ngũ Đại, Lưỡng Cang Bát Nhã nên thời nhân gọi là »Chu Tống là thời kỳ cực thịnh, xung quanh có Kim Cang«. Từng nghe pháp thiền phương chi viện 120 sở, tăng chúng hơn ngàn nam thạnh hành, đề xướng »trực chỉ nhân người. Tống Chu Hi có cặp đối liễn: »Thử tâm, kiến tính thành Phật«, khác biệt với sở địa cổ xưng Phật quốc, mãn nhai giai thị học của mình nên sư muốn tranh biện dẹp thánh nhân.« (Đất này xưa xưng nước

TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ BẢO KHIẾP ẤN KINH THÁP Phật, đầy
đường đều là thánh nhân). Niên Phật Thích-ca, Phật A-di-đà khắc bằng gỗ hiệu Chí Nguyên thứ 22 (1285) đời vào đời Minh. Bốn bên Phật tượng có Bồ Nguyên, hợp lại thành một chùa ban tên là tát đứng hầu, Kim Cang hộ vệ. Hai viện »Đại Khai Nguyên Vạn Thọ Thiền Tự«, đông tây còn có các chùa nhỏ trực thuộc nhưng vẫn gọi là »Khai Nguyên Tự«. Cuối như Chuẩn Đề Thiền Lâm, Thủy Lục đời Nguyên bị chiến tranh phá hủy. Niên Thiền Tự. Trong chùa còn có Công Đức hiệu Hồng Vũ thứ 22 (1389) đời Minh xây Đường thờ phụng tượng đắp Thiền sư dựng lại. Cuối đời Minh, Trịnh Chi Long Khuông Hộ người sáng lập chùa Khai có xây cất thêm. Toàn chùa hiện chiếm Nguyên và Thiền sư Đàn Bác từng trụ tích diện tích hơn 50 ha. Mặt chính, mặt tây chùa này vào đời Đường. bên ngoài chùa có lan can đá cẩm thạch bao bọc. Trong chùa trên tuyến trục giữa TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ điện vũ liền nhau. Sơn môn Thiên vương BẢO KHIẾP ẤN KINH THÁP điện hai bên đều có tượng Thiên vương
ngồi. Phía sau có Đại thạch đình, gọi là Ở giữa hai hàng cây đại dung, đông tây »Bái đình«. Trong đình có các loại hình đình viện trước Đại hùng bảo điện chùa như tấm đá khắc kinh, tháp đá nhỏ, lò đốt Khai Nguyên, thành phố Tuyền Châu, tỉnh hương. Còn có vài cây cổ dung cành nhánh Phúc Kiến, Trung Quốc. Xây cất vào đan xen rậm rạp che kín mặt trời. Đại hùng khoảng niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1162) bảo điện ở phía sau thạch đình, toàn điện đời Tống. Tháp xây bằng đá cao khoảng dùng cả trăm cây cột trụ, còn gọi »Bách trụ 5m. Mặt dưới là một bệ vuông làm bằng điện«. Điện làm theo kiểu mái chồng đỉnh khối đá, trên bệ có úp một tòa thắt lưng yết sơn, cao 20m, mặt rộng 9 gian, sâu 6 hình vuông, trên tòa đặt thân tháp. Bốn mặt gian, diện tích hơn 1000, cao lớn hùng thân tháp điêu khắc tượng Phật và sự tích vĩ. Trong điện hình thức trụ đá đa dạng, kết Phật. Đỉnh tháp làm hình hoa núi lá chuối, cấu xà kép tinh xảo lạ thường. Trong đấu giữa lắp đặt tướng luân. Ngoại trừ nền tòa, củng có khắc 24 tượng »kỷ nhạc phi cả tháp cùng với tháp A-dục Vương đào thiên«. Năm pho tượng Đại Phật ở tiền được ở huyện Thanh Dương, tỉnh An Huy điện cùng với 18 tượng La hán ở hậu điện, na ná nhau. Tháp này tạo dáng kì đặc mỹ thần thái sinh động, nghệ thuật siêu phàm. quan, điêu khắc tinh tế, là kiệt tác của kiểu Trước Đại hùng bảo điện là một nguyệt tháp A-dục Vương. đài, ba mặt đông nam bắc của đài trên thắt lưng có 72 khối đá xanh khắc nổi mặt TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ người thân sư tử. Đây là do Tùng Khuynh CẦU HÌNH THÁP Di vận chuyển từ chùa bên Ấn Độ về Tuyền
Châu bằng đường biển, là một vật Nằm trong chùa Khai Nguyên, thành phố quý hiếm của chùa Khai Nguyên. Sau đại Tuyền Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. điện có »Cam

lộ giới đàn«, đàn chia làm 5 Tháp xây bằng đá, nền tháp là một bệ đá bậc, bên trong thờ tượng Phật Lô Xá Na, hình vuông, trên bệ đá là tòa Tu-di hình bát

TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ TRẤN QUỐC THÁP giác. Trên tòa còn xây một tầng tòa Tu-di ở Tuyền Châu đời Tống đã đạt đến trình độ hoa sen nở xòe hình tròn, trên đó đặt thân rất cao. Song tháp tạo dáng ưu mỹ, kết cấu tháp hình cầu. Đỉnh tháp được che bằng tinh xảo, quy mô hùng vĩ, có thể phải kể mái tháp hình bát giác, trên cùng là tháp đến đầu tiên trong các tháp đá ở Trung sát của năm lớp tướng luân cao khoảng Quốc, là một cặp tháp tối cao trong tháp đá 4m. Loại tháp hình cầu này chủ yếu phát toàn quốc, trở thành tiêu chí của thành phố triển theo kiểu đình các, thân tháp hình cái Tuyền Châu. đình đổi thành hình dáng quả cầu, những bộ phận khác cũng tương ứng đổi thành TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ hình tròn hoặc hình đa giác, song ngay cả TRẤN QUỐC THÁP thân tháp không theo nó mà tròn. Loại tháp hình cầu này phần nhiều là mộ tháp, khu Phía đông đại điện Tử Vân, chùa Khai vực Mân Nam, Việt Đông tương đối thấy Nguyên, thành phố Tuyền Châu, tỉnh Phúc nhiều. Kiến, Trung Quốc. Xây dựng vào niên hiệu Hàm Thông thứ 6 (865) đời Đường, TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ nguyên là một tòa tháp gỗ 5 tầng. Khoảng NHÂN THỌ THÁP niên hiệu Bảo Khánh (1225-1227) đời Tống xây lại thành tháp gạch. Niên hiệu Phía tây đại điện Tử Vân, chùa Khai Gia Hy thứ 2 đến niên hiệu Thuần Hưu thứ Nguyên, thành phố Tuyền Châu, tỉnh Phúc 10 (1238-1250) đổi thành tháp đá hoa Kiến, Trung Quốc, đứng đối diện với tháp cương hình bát giác 5 tầng, mô phỏng theo Trấn Quốc, cách nhau khoảng 200m. Niên kiểu lâu các kết cấu gỗ, cao 48,24m nguy hiệu Trinh Minh thứ 2 (916) đời Hậu nga tráng lệ. Thân tháp mỗi tầng đều có Lương Ngũ Đại, Mân vương là Vương mái che, bốn mặt có cửa, có khám. Hai bên Thẩm Tri xây dựng tháp gỗ, hiệu »Vô cửa, khám có khắc tượng Bồ tát, A la hán, Lượng Thọ Tháp«, sau đó ban tên »Nhân hình thái sinh động, vị trí các tượng này Thọ Tháp«. Khoảng niên hiệu Chính Hòa thay nhau xen kẻ cách tầng. Nơi góc quàng (1111-1118) đời Tống đổi thành tháp gạch. mỗi tầng thân tháp điêu khắc thành cột tựa Niên hiệu Thiệu Định thứ 6 đến niên hiệu hình tròn, chế tác đặc biệt, là một loại kiến Gia Hy thứ 1 (1228-1237) đổi thành tháp trúc xưa hiếm thấy. Ngoài mỗi tầng thân đá hiện còn cao 44m, hình bát giác năm tháp đều có lắp đặt lan can tòa bằng tạo tầng, phỏng theo kiểu lâu các kết cấu gỗ. thành hành lang bao bên ngoài, người ta có Ngoại trừ tòa Tu-di bằng đá khắc nổi hoa thể bước ra ngoài tháp tựa lan can nhìn ra chim, quy mô và cấu tạo đại khái giống xa. Phần thắt lưng của tòa Tu-di nền tháp như tháp Trấn Quốc. Thể hình song tháp xây bằng đá xanh có khắc nổi 39 bức nói của chùa Khai Nguyên rộng lớn, mái vươn về sự tích Phật Thích-ca vô cùng tinh xảo xa, lan can bao quanh, cửa ngõ mở ra, đẹp đẽ. Trong tháp hiện còn nhiều tấm bia trông giống như do gỗ tạo thành, tỏ rõ kiến khắc đời Nguyên Minh, là tư liệu quý giá trúc do đá làm thành và nghệ thuật khắc đá để nghiên cứu tháp này.

TUYỀN ĐẠI ĐẠO TUYỀN ĐẠI ĐẠO Thủ thiếp, Bạt v.v... có thể bổ sung cho bộ Thiền tăng Cốc Tuyền hiệu Đại Đạo, sống ngữ lục trên. vào đời Tống, người đời gọi là Tuyền Đại Đạo. X. Cốc Tuyền. TUYẾT AM TÙNG CẨN THIỀN SƯ TỤNG CỔ TUYỂN PHẬT TRƯỜNG Còn gọi: Tuyết Am Tùng Cẩn Thiền sư Chỉ tự viện, pháp

hội của nhà thiền. Thời Tụng Cổ tập. Tụng cổ, 1 quyển, do Tuyết đại Đường Tống dùng khoa cử khảo thí để Am Tùng Cẩn soạn vào đời Tống, được tuyển người làm quan mượn cách nói này, xếp vào Tục Tạng kinh tập 120, trang 336. Thiền tông gọi ái việc mà mọi người học Nội dung bao gồm 38 cổ tắc công án cử Phật tham thiền là tuyển Phật. Minh Giác dương tông thừa như: Nữ tử xuất định, Ca- ngữ lục q. 1 ghi: »
diếp môn tiền sát can, Đạt-ma kiến Lương Võ Đế, Nhị Tổ an
tâm, Nam Tuyền bình – thường tâm thị đạo, Hoàng Long tam
quan Hỏi: Trường tuyển Phật mở cửa, có cho v.v.. người học dự tuyển hay không? Sư đáp: Tôi kỵ điểm trán. Học nói: Thế ấy thì tâm TUYẾT CHU (1420-1506) không thi đậu về.« Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Tuyết Chu Đẳng Dương. Niên hiệu Thành Hóa thứ 4 TUYẾT AM (1468) sang Nhà Minh (Trung Quốc) bái Hiệu của Thiền tăng Tùng Cẩn đời Tống. Hòa thượng Tuyết Khê làm thầy, đời thứ X. Tùng Cẩn. 30 hệ Nam Nhạc, đời thứ 13 tông Lâm Tế Nhật Bản. Năm sau trở về nước vẫn trụ trì TUYẾT AM KHẮC VĂN THIỀN SƯ chùa Tướng Quốc, sư thường dùng nét họa NGỮ LỤC để
biểu thuật thiền ý, những bức họa của Còn gọi: Vân Am Tịnh Thiền sư ngữ lục, ngài được khen là quốc bảo. Chân Tịnh Đại Sư ngữ lục. Ngữ lục, 6 TUYẾT DUY THAO
(1602- quyển, do Chân Tịnh Khắc Văn soạn vào đời Tống, các vị Pháp Thâm, Phúc Thâm 1682) biên tập, được xếp vào Tục Tạng kinh tập Thiền tăng đời Minh, họ Dư, tên Thao, tự 120, trang 210. Nội dung thu thập ngữ lục, Tuyết Duy, người xứ Triều Châu, Quảng kệ tụng của Khắc Văn ở các nơi: Quân Đông, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Châu, Động Sơn, Kim Lăng Bảo Ninh, Lô Hám Sơn Đức Thanh, đời thứ 33 hệ Nam Sơn Quy Tông, Bảo Phong Thiền Viện, và Nhạc. Trụ trì chùa Phúc Phổ ở Triều Châu. phụ lục sớ mời của Vương An Thạch, lời Tác phẩm: Tuyết Duy Thao ngoại tập. tựa của Tô Triệt. Sách này được xếp vào TUYẾT ĐẬU MINH GIÁC THIỀN »Cổ Tôn Túc ngữ lục« quyển 42 đến 45. Riêng có một thứ Tuyết Am Khắc Văn SƯ NGỮ LỤC Thiền sư ngữ
lục, trong đó gom chép các X. Minh Giác Thiền sư ngữ lục. Thỉnh sớ, Hành trạng, Tế văn, Chân tán,

TUYẾT ĐƯỜNG THẬP DI LỤC TUYẾT ĐẬU TRỌNG HIỂN mở rộng cơ sở,
hoằng dương tông phong Vân Môn. Tống Nhân Tông từng nằm Thiền tăng Trọng Hiển đời Tống trụ trì núi mộng đi đến núi này, nên sắc tứ bảng hiệu Tuyết Đậu, người đời gọi là Tuyết Đậu »Ứng Mộng Danh Sơn«. Lại được Như Trọng Hiển. X. Trọng Hiển. Trạm xây dựng lại rất quy mô, được Tống Ninh Tông chọn làm 1 trong 10 ngôi chùa TUYẾT ĐẬU TỤNG CỔ TRỰC lớn trong nước. Niên hiệu Trung Hiệp đời CHÚ
Nam Tống, Thiền sư Thạch Thất Tổ Anh Gọi đủ: Quỳnh Tuyệt Lão Nhân Thiên Kỳ cử dương tông phong Lâm Tế ở đây. Niên Trực Chú Tuyết Đậu Hiển Hòa thượng hiệu Chí Nguyên thứ 27 (1290) đời Tụng Cổ. Sách, 1 quyển, do Thiên Kỳ Bản Nguyên, ngài Thiện Lai trụ trì chùa này, Thụy chú vào đời Minh, Đạo Lâm Tính Hốt-tất-liệt ban khen chùa là một trong 10 Phúc biên, được xếp vào Tục Tạng kinh tập ngôi chùa Thiền tông trong nước. Khoảng 117, trang 506. Nội dung là do Bản Thụy năm Dân Quốc, Đại sư Thái Hư từng trụ trì chú thích 100 tắc tụng cổ của Tuyết Đậu, chùa này, đặt tên là Di-lặc Đạo tràng, cùng từ tắc thứ 1 »Thế nào là Thánh đế đệ nhất với Phổ-đà, Cửu Hoa, Nga My, Ngũ Đài nghĩa« do Lương Võ Đế hỏi Tổ Đạt-ma được gọi là 5 ngôi đạo tràng nổi tiếng

cho đến tắc »Thế nào là Xuy mao kiếm« trong nước. Trong chùa có thờ 3 pho tượng do vị tăng hỏi Thiền sư Ba Lăng, mỗi tắc Tổ bằng gỗ: Bách Trượng, Hoàng Bá, Lâm đều có thêm lời giải thích để hướng dẫn Tế. Trong cuộc cách mạng văn hóa chùa bị người học trực ngộ linh cơ, thông đạt bản phá hủy, đến năm 1988 mới được trùng tu. diệu. TUYẾT ĐÌNH TUYẾT ĐẬU TỰ Hiệu của Thiền tăng Phúc Dụ, đời Nguyên. Chùa nằm trên núi Tuyết Đậu, cách trấn X. Phúc Dụ. Khê Khẩu 5km về phía tây bắc,thuộc thành phố Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang, Trung TUYẾT ĐƯỜNG Quốc. Tương truyền vào đời Tấn có tỳ- Thiền Tăng Đạo Hạnh đời Tống, được kheo-ni cất am ở đây. Niên hiệu Cảnh người đời gọi là Tuyết Đường. X. Đạo Phúc thứ 1 (892) đời Đường, Tuyên Thành Hạnh. Thường Thông phục hưng chùa này, đổi tên là Thập Phương Thiền Viện. Niên hiệu TUYẾT ĐƯỜNG THẬP DI LỤC Quảng Thuận thứ 2 (952) đời Hậu Chu, ngài Vĩnh Minh Diên Thọ trụ trì chùa này. Gọi đủ: Tuyết Đường Hạnh Hòa thượng Đầu đời Bắc Tống, hai sư Thanh Giản, Thập Di lục. Còn gọi: Thiền Môn Thập Di Hạnh Duyên ở đây. Khoảng niên hiệu lục, Tuyết Đường Hạnh Thập Di lục, Tuyết Thuần Hóa đến Hàm Bình (990-1003), Đường Đạo Hạnh Thiền sư Thập Di lục. chùa được ban bảng hiệu Tư Thánh Tự. Ngữ lục, 1 quyển, do Tuyết Đường Đạo Niên hiệu Càn Hưng thứ 1 (1022), Tuyết Hạnh biên vào đời Tống, và được xếp vào Đậu Trọng Hiển ở chùa này đến 30 năm, Tục Tạng kinh tập 142, trang 950. Sách

TUYẾT HIÊN này thu thập cơ duyên ngữ yếu của hơn 30 THIỀN SƯ NGỮ LỤC vị tăng và cư sĩ Thiền tông như: Hoàng Long Ngộ Tân, Thúy Nham Viên Cơ, Còn gọi: Phúc Châu Tuyết Phong Đông Hoàng Long Cung, Văn-thù Tuyên Năng, Sơn Hòa thượng ngữ lục, Đông Sơn Huệ Bạch Dương Pháp Thuận, Trương Vô Tận, Không Thiền sư ngữ lục, Đông Sơn Hòa Hoàng Sơn Cốc v.v.. Nội dung sách này thượng ngữ lục, Tuyết Phong Không Hòa cùng một loại hình với »Tông Môn Võ thượng ngữ lục, Đông Sơn Tuyết Phong Khố«. Không Hòa thượng ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Tuyết Phong Huệ Không soạn TUYẾT HIÊN vào đời Tống, đệ tử là Huệ Bật biên tập, Hiệu của Thiền tăng Đạo Thành, đời Minh. được ấn hành vào niên hiệu Thuần Hy thứ X. Đạo Thành. 5 (1178) đời Tống, và được xếp vào Tục Tạng kinh tập 120, trang 274. Nội dung TUYẾT KIỆU bao gồm lời thượng đường từ giã chúng, Hiệu của Thiền tăng Viên Tín, đời Minh. Nhập viện thăng tòa, Thượng đường, Tiểu X. Viên Tín. tham, Bỉnh cự, Pháp ngữ, Niêm cổ, Tụng cổ, Chân tán, Kệ ngữ. Quyển cuối phụ lục TUYẾT NHAM HUỆ MÃN bài tán Đảnh tướng, một đoạn ngữ lục trong thư gởi cho Cổ sơn, và phần ghi chép Thiền tăng Huệ Mãn đời Tống hiệu Tuyết có quan hệ đến Huệ Không trong »La Hồ Nham, người đời gọi sư là Tuyết Nham Dã lục«. Huệ Mãn, Tuyết Nham Mãn. X. Huệ Mãn. TUYẾT PHONG NGHĨA TỒN TUYẾT NHAM TỔ KHÂM Thiền tăng Nghĩa Tồn sống vào đời Đường Thiền tăng Tổ Khâm sống vào cuối đời ở ngọn Tuyết Phong, núi Tượng Cốt sáng Tống-đầu đời Nguyên hiệu Tuyết Nham, lập ra viện Quảng Phúc, người đời gọi là người đời gọi sư là Tuyết Nham Tổ Khâm. Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Tuyết Phong Hòa X. Tổ Khâm. thượng. X. Nghĩa Tồn. TUYẾT PHONG CÔN CẦU TUYẾT PHONG NGHĨA TỒN THIỀN SƯ NGỮ LỤC Công án »Tuyết Phong ném banh gỗ«. Bài Hậu tự trong quyển cuối của sách CĐTĐL q. 30 ghi: » Còn gọi: Tuyết Phong Thiền sư ngữ lục, – Bách Chân Giác Thiền

sư ngữ lục, Tuyết Phong Chân Giác Thiền sư ngữ lục. Trượng cuốn chiếu, Tuyết Phong ném banh Ngữ lục, 2 quyển, do Tuyết Phong Nghĩa gỗ, Lỗ Tổ ngó vách, Thạch Củng lắp tên.« Tồn soạn vào đời Đường, Lâm Hoằng TUYẾT PHONG HUỆ KHÔNG Viễn biên tập vào đời Minh, được ấn hành

TUYẾT PHONG TỰ vào niên hiệu Sùng Trinh thứ 12 (1639) La-hán, Thê vân, Tượng cốt điên đời Minh, sau đó được xếp vào Tục Tạng Hương thạch, Phóng sinh trì, Triêm nguyệt kinh tập 119, trang 942. Nội dung bao Vọng châu, Trác tích, ứng Triều tuyền«. gồm: Những lời thị chúng, Cơ phong vấn 24 cảnh này được phân bố trong một chu đáp, Kệ tụng, Quy tắc, Di giới. Quyển cuối vi rất rộng. Vào núi liền gặp cảnh thứ nhất phụ lục: »Tuyết Phong Chân Giác Đại Sư là »Trân sơn hóa thành« đứng sừng sững, Niên Phổ«, »Tuyết Phong Sùng Thánh kế đến »La-hán nham«, »Cổ cảnh đài«, Thiền Tự Bi Ký,« »Tuyết Phong Thiền Tự »Tượng cốt điên«, »Trác tích tuyền«; đình, Nhị Thập Tứ Chương Thi«, còn có lời tựa đài, hang, núi, chốn chốn đều có cảnh đẹp, bạt của các vị: Tôn Giác, Phương Sơn Huệ ngọn ngọn đều là núi xanh. Chân. TUYẾT PHONG TỰ

TUYẾT PHONG SƠN Nằm trên sườn núi Tuyết Phong Phụng Còn gọi: Tượng Cốt Sơn. Núi ở huyện Mân Hoàng, phía tây bắc huyện Mân Hầu, tỉnh Hầu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Cách Phúc Kiến, Trung Quốc, cách thành phố mặt biển hơn 800m. Nhóm núi nhỏ quanh Phúc Châu 77km. Tuyết Phong cách mặt co liền nhau hàng hàng lớp lớp, rừng cây biện hơn 800 m, nguyên tên là »Tượng Cốt um tùm xanh ngắt, khe động âm u, nước Phong«, bởi bốn mùa nhiều tuyết nên Mân suối róc rách. Phong cảnh kỳ diệu của núi vương là Vương Thẩm Tri đổi tên là này cùng với Kỳ Sơn, Cổ Sơn của Phúc »Tuyết Phong«. Niên hiệu Hàm Thông thứ Châu được gọi chung là Tam Tuyệt. Riêng 11(870) đời Đường, Tuyết Phong Nghĩa núi này được khen là »Mân Việt thần tú« Tồn vào núi đặt kế hoạch xây dựng, 6 năm (cảnh đẹp thần tiên của vùng Mân Việt), sau mới đầy đủ quy mô, ban tên »Ứng »Quỳnh dao đệ nhất phong« (Núi hạng Thiên Tuyết Phong Thiền Viện«. Niên hiệu nhất, như viên ngọc quý). Núi này vốn có Càn Ninh thứ 1 (894) dời chùa đến địa chỉ tên là Tượng Cốt. Thiền sư Nghĩa Tồn hiện nay. Mân vương là Vương Thẩm Tri từng vào núi này gặp tuyết rơi nhiều nên góp của cải trợ giúp, chùa chiền mọc lên tạm ngụ lại trên đỉnh. Mân Vương là khắp núi. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc Vương Thẩm Tri hỏi ngài: Ở trên núi thứ 3 (978) đời Tống, đổi tên »Tuyết Tượng Cốt có gì lạ? Nghĩa Tồn đáp: Đỉnh Phong Sùng Thánh Thiền Tự«, tục gọi núi đến tháng nóng vẫn còn tuyết. Thế nên »Tuyết Phong Tự«. Kiến trúc hiện còn Vương Thẩm Tri đổi tên núi là »Tuyết phần lớn là được xây dựng lại vào niên Phong Sơn«. Núi Tuyết Phong có 24 cảnh hiệu Quang Tự (1875-1908) đời Thanh, đẹp, có người đem 24 cảnh này họp lại làm quy mô rộng lớn, là một trong năm đại thành 1 bài thơ thất ngôn như sau: thiền tự ở Phúc Kiến. Thời kỳ cực thịnh có »Tuyết phong, Bảo sát, cận Lam điền hơn 1500 tăng chúng. Năm 1980 Hoa kiều Khô mộc, Tam cầu, Nhất đổng thiên ở Singapore bỏ tiền ra trùng tu, điện vũ rực Bán lĩnh, Hóa thành, Vô tự thạch rỡ hẳn lên. Một khi tiến vào sơn môn là Vạn tùng, Tuyết kiệu, Hữu long miên đến Thiên vương điện mái cong vểnh lên Văn-thù, Cổ cảnh, Kim ngao bạn trời, hai bên là lầu chuông, lầu trống.

TUYẾT QUAN Trong đại hùng bảo điện thờ Tam Bảo Như Côn Nham trong HSLNMDT q. 1 ghi: » Lai Ngọc Phật mang từ Mianma về. Xung quanh pháp đường hoa và cây cảnh xanh tươi, quang cảnh đẹp đẽ tĩnh mịch. Bên – phải có mộ tháp của Tổ sư Nghĩa Tồn, là Chẳng được đem tâm đợi ngộ. Chân tâm vi tháp đá hình chuông. Trong chùa chứa họa diệu tròn đầy, xưa nay vốn không có đối tượng Phật Tổ, »Tâm kinh«, »Bối diệp đãi, nhân vì vọng tưởng kết tụ, khiến tâm kinh« viết bằng máu. cảnh căn trần đối đãi, nên khởi mê hoặc tạo nghiệp.« TUYẾT QUAN Hiệu của Thiền tăng Trí Ngân, đời Minh. TUYỆT ĐỒ X. Trí Ngân. Tăng đồ; Tăng chúng. Văn Ích ngữ lục ghi: » TUYẾT SONG – Về sau, con sẽ có 500 tăng Hiệu của Thiền tăng Phổ Minh đời chúng và còn được hàng Vương hầu kính Nguyên. X. Phổ Minh. trọng«. Chương Hoằng Đạo Thiền sư trong TUYỆT BIÊN CĐTĐL q. 18 ghi: » Hoàn toàn không có giáp giới, giới hạn, – Sư nhận lời mời trụ Khuân cũng chính là không có trong, ngoài, chặng Sơn, tăng chúng đến tụ hội quanh sư«. giữa, siêu việt tất cả khái niệm về không gian như lớn nhỏ, trong ngoài v.v... Bài TUYỆT HÀO LY »Ngoạn châu ngân« của Hòa thượng Đan Hoàn toàn không còn một mảy may vọng Hà trong TĐT q. 4 ghi: » niệm, lo nghĩ trần tục. Tiết Pháp Luân Ngạn Tư Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » – Biết được viên ngọc trong – Nếu là bậc chéo áo, liền tỉnh ngay cơn say vô minh. tài giỏi, toàn thân tự tại, hành động hoàn Một khi thân thể đều tan rã, một vật mãi toàn không còn một mảy may vọng niệm, còn linh... Hoàn toàn không có giới hạn dắt tay bước ra khỏi cõi bụi hồng.« nên càng thêm rộng lớn, ba mé đều rỗng không như nhau.« TUYỆT HẬU TÁI TÔ Chết đi sống lại. Người tham thiền đến chỗ TUYỆT ĐÃI sạch hết mọi phiền não chấp trước, tịch Hoàn toàn không có đối đãi, đối với muôn diệt không còn, luôn cả cái không còn cũng sự muôn vật đều không sinh tâm phân biệt, chẳng còn, ấy là chết đi (tuyệt hậu), rồi sử chủ thể và đối tượng quán chiếu hòa làm dụng một cách hoạt bát cái tâm chân thật một. Đây là cách nhận thức thế giới của sẵn có của mình (tái tô). Thiền Quan Sách người giác ngộ, là dấu hiệu của việc tham Tiến (Đại 48, 1101 hạ) ghi: » thiền tỉnh ngộ. Tư đáp Trung thừa Trịnh

TUYỆT LỰ VONG DUYÊN không còn mảy may chấp trước, hết sức – Nếu muốn siêu thoát. Như Tịnh ngữ lục q. thượng: siêu phàm nhập thánh, thoát khỏi trần lao, » cần phải thay xương đổi thịt, chết đi sống lại, như trong tro lạnh phát lửa, cây khô nẩy chồi, đâu nên tưởng là việc dễ dàng!«.
– Đập vỡ thùng sơn đen, mười phương sạch TUYỆT HÒA sành sinh, tiếng hét như sấm nổ trở thành Thiền tăng. Nghĩ Hàn Sơn Thi trong Phần thông suốt, ngàn cơ chóng phát như là Dương ngữ lục q. hạ ghi: điện chớp, mới có thể sang bên Đông chóng đỡ môn đình, sang bên Tây giận »Độc tọa tư tri kỷ mắng Phật Tổ, buông bắt hết sức siêu Thanh chung tụ tuyệt hòa«. thoát, vẫy vùng suốt qua xưa nay.« »Riêng ngồi nhớ tri kỷ Chuông vang nhóm thiền tăng«. TUYỆT LỮ Tăng nhân; vị tăng; tăng sĩ. Tiết Vân Cư TUYỆT HỌC Hòa thượng trong TĐT q. 8 ghi: » 1. Hoàn toàn thôi

hết việc học, bao hàm ý nghĩa tự tâm sẵn đủ, không cần cái học bên – Cuối cùng có vị tăng từ Hồng ngoài, tìm cầu bên ngoài. Đoạn Tế Tâm Hồ đến nhắc lại rằng Đại sư Động Sơn là Yếu: » bậc thầy giỏi đương thời«. Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi:

. – Quả

»Tùng gian lâm thủy tọa vị sa môn là do dừng vọng tưởng mà thành Giải đái đồng hoan đả chứ không từ nơi học mà được. Hôm nay Tuyệt lữ lộng hà hoa ngươi đem tâm tìm tâm, chỉ định học lấy Tân bằng khuynh ngọc giác«. bên nhà hàng xóm, có bao giờ được? »Bên rừng thông khe suối Người xưa tâm tính bén nhạy, vừa nghe Cùng vui quên chức tước một lời, liền hoàn toàn thôi hết việc học Tăng sĩ ngắm hoa sen cho nên nói: Tuyệt học vô vi nhàn đạo Khách quan nghiêng bầu rót«. nhân.« 2. Hiệu của thiền tăng Thế Thành đời TUYỆT LỰ VONG DUYÊN Nguyên. X. Thế Thành. 3. Hiệu của thiền tăng Minh Thông đời Trừ sạch vọng lự tục tình, siêu việt nhân Minh. X. Minh Thông. duyên sự vật. Đây là cảnh giới thiền ngộ. Tiết Lại Toản Hòa thượng trong TĐT q. 3 TUYỆT LAI DO ghi: » Hoàn toàn không còn mọi dấu vết, chỉ cho – Ta có một lời trừ

TUYỆT LƯU sạch vọng lự tục tình siêu việt nhân duyên khoáng đãng.« sự vật, nói khéo chẳng được, chỉ dùng tâm truyền.« TUYỆT TIÊM TRẦN Hoàn toàn không còn mảy may vọng niệm TUYỆT LƯU trần lự, siêu việt tục trần. Bài »Ly Long Từ gọi chung tăng nhân, tăng lữ. Phần châu ngâm« của Đan Hà Hòa thượng trong Dương ngữ lục, q. trung ghi: TĐT q. 4 ghi: »

– Dối dụng ý, tổn tinh thần; không bằng ở chốn rảnh rang sạch hết vọng niệm trần lự. Dừng tâm »Tam Thánh lệnh tăng vấn đồng nhân, dứt ý thì hạt châu thường có mặt, chớ nên Trường Sa khinh khinh vị chỉ trần chạy đi hỏi kẻ khác.« Đa thiểu tuyệt lưu ngôn hạ mịch TUYỆT TƯ LƯỢNG Tùng lai nghi trước tẩu như trần«. Hoàn toàn không còn nghĩ ngợi, không »Tam Thánh bảo tăng hỏi người kia, theo suy nghĩ. Ý nói thiền chỉ huyền áo, Trường Sa mềm mỏng chỉ bày cho, siêu việt ý niệm đắn đo. Bài thơ »Đạt đạo Bao nhiêu tăng lữ theo lời nói. trường dữ Thành Âm hành giả« của Hương Nghi vấn từ đây nổi bụi mù«. Nghiêm Tập Đăng Đại sư trong CĐTĐL q. 29 ghi: » TUYỆT NÃO – Lý đạo sâu kín siêu việt ý niệm đắn Hoàn toàn không còn phiền não, triệt để đo, căn cơ luôn tìm con đường thẳng tắt.« thoát khỏi phiền não trần tục. Tín Tâm minh ghi: » TUYỆT TRẦN – Buông (vô Hoàn toàn không còn những suy nghĩ về trụ) thì bảm thể tự nhiên, vốn chẳng có đi thế gian, siêu việt tục trần. Bác Sơn Hòa và ở.« thượng truyện trong NLQL q. 35 ghi: » TUYỆT NGẠN

Hiệu của thiền tăng Khả Tương sống vào – Người ấy mới phục từ đáy lòng, đời cuối Tống đầu Nguyên. X. Khả Tương. nguyện dự vào hàng đệ tử, thọ giới Bồ Tát ở đấy, luôn luôn cần đến thủ đoạn cao siêu TUYỆT THUYÊN của thiền sư tiếp dẫn, hoàn toàn không còn Hoàn toàn không giải thích, hết cách giải những suy nghĩ gì về thế gian để tìm thích. Tiết Tư Phúc Ni Diệu Tổng Thiền sư kiếm.« trong NĐHN q. 20 ghi: » – TƯ HÓA THIỀN SƯ Thiền tông một phen cất tiếng thì hàng Hiệu của thiền tăng Thanh Vận sống vào Giáo tông hết cách giải

thích, Tổ lệnh đời Ngũ Đại. X. Thanh Vận. đang được thi hành thì mười phương

TƯ TINH CỔ NHÂN TƯ HỌC tốt để cất chùa, khiến cho tông phong hưng Thiền tăng đời Minh, tự Duyệt Chi, hiệu thạnh. Quả nhiên, sau khi Thiền sư Linh Dữu Sơn, người xứ Hải Diêm (nay thuộc Hựu ở đấy, Ngài cùng với đệ tử là Huệ tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Sư xuất gia Tịch khai sáng tông phái Quy Ngưỡng nổi ở chùa Từ Hội thuộc ấp nhà. Tính sáng tiếng một thời. Tương truyền sau khi lựa suốt bác thông kinh giáo lại giỏi Nho học. chọn chỗ đất để làm sinh phần cho Thiền Sư còn giỏi làm thơ, lời hay đẹp tự nhiên sư Hoài Hải, sư thị tịch và được chôn ở núi phát ra, chứa đựng nhiều thiền cơ. Các Bách Trượng. Thiền sư Hoài Hải sai người người bạn phương ngoại của sư là: Thẩm lập đền thờ và cúng tế cho sư. Tấm bảng Gia Tắc, Diêu Thúc Tường. Về sau, sư ẩn treo ngang trên đền thờ sư đề »Thần Nhãn cư nơi am Đạo Lâm. Đầu-đà«. Hai hàng câu đối, mỗi bên đề: »Sinh ký Hoàng Long«, »Tử quy Bách TƯ KHÔNG SƠN THIỀN SƯ Trượng«. Theo Vân Cư Sơn Chí. Thiền tăng Bản Tịnh đời Đường ở chùa Vô TƯ MINH tướng tại núi Tư Không, người đời gọi là Thiền tăng đời Ngũ Đại, nối pháp Thiền sư »Tư Không Sơn Thiền sư«. X. Bản Tịnh. Bảo Thọ Chiểu, thuộc tông Lâm Tế. Sư trụ Tây Viện tại Nhữ Châu (nay là Lâm An TƯ MÃ ĐẦU ĐÀ tỉnh Hà Nam). Thiền tăng sống vào đời Đường, họ Mã, là Một hôm tăng hỏi: Thế nào là một tiếng con cháu của danh thần Tư Mã Ý, không hét của Lâm Tế? Sư đáp: Cây nỏ ngàn cân rõ nối pháp ai và thuộc tông phái nào. không phải dùng để bắn chuột nhắt. Thuở bé, sư xuất gia ở Hành Sơn, rặng Nam Nhạc thuộc Tương Nam. Về sau, sư TƯ NHI vào chùa Vĩnh An, núi Hoàng Long, phủ Trẻ con. Tiết Huệ Trung Quốc Sư trong Long Hưng (nay ở phía tây bắc huyện TĐT q. 3 ghi: » Vĩnh Tu, tỉnh Giang Tây), tu theo hạnh – Tọa chủ hiểu kinh Đầu-đà. Sư giữ chức Điển tọa trông coi luận đâu có khác gì với cái thấy biết của nhà bếp, lo việc ăn uống cho đại chúng. đứa trẻ con?«. Nhân bố thí cơm thừa cho con linh quy, nên được con vật này đền ơn khiến cho đôi TƯ THÁNH TỰ mắt của sư rất tinh tường, trên xem xét X. Tuyết Đậu tự. thiên văn, dưới biết rõ địa lý. Vì giỏi xem địa thế đất đai nên được người thời ấy gọi TƯ THIỆN VIỆN sư là »Thần Nhãn Đầu-đà Tiên«. Sư xem X. Phật Quật tự. xét các núi ở Hồng Đô, rồi đến núi Bách Trượng ở Phụng Tân ra mắt Thiền sư Đại TƯ TINH CỔ NHÂN Trí Hoài Hải, chỉ bảo cho Điển tọa Linh Tưởng rằng học được như người xưa. Tục Hựu đi đến trụ Quy Sơn tại Đàm Châu, Hồ Nghệ Ngôn trong NHQL q. 3 ghi: » Nam. Theo lời sư thì đó là một vùng đất rất

TỨ CÚ – Các vị đã xưng là thiền Nội dung do biên tập lại ngữ lục của 4 vị tăng, mà còn bắt chước thói tục, há tưởng Tổ sư: Mã Tổ Đạo Nhất, Bách Trượng đâu học được như người xưa rồi sao?« Hoài Hải, Hoàng Bá Hy Vận, Lâm Tế Nghĩa Huyền mà thành. TỨ CÚ Quyển 1 là: Giang Tây Mã Tổ Đạo Bốn câu: Có, không, chẳng có chẳng Nhất Thiền sư ngữ lục của Mã Tổ Đạo không, cũng có cũng không. Những gì Nhất. tương đối đều ở trong tứ cú. Tất cả tri kiến, Quyển 2 là: Hồng Châu Bách Trượng tư tưởng đều chẳng ra ngoài tứ cú này. Sơn Đại Trí Thiền sư ngữ lục của Bách Trượng Hoài Hải. TỨ CHÂU VIỆN Quyển 3 là: Bách Trượng quảng lục Chùa Nam Phổ-đà ban đầu tên là Phổ của Bách Trượng Hoài Hải. Chiếu tự, vào đời Ngũ Đại thiền sư Thanh Quyển 4 là: Quân Châu Hoàng Bá Sơn Khoát xây dựng lại lấy tên là Tứ Châu

Đoạn Tế Thiền sư Truyền Tâm Pháp Yếu. viện. X. Nam Phổ-đà Tự. Quyển 5 là: Hoàng Bá Đoạn Tế Thiền sư Uyển Lăng lục của Hoàng Bá Hy Vận, TỨ CHIẾU DỤNG phụ Bùi Tướng Quốc Truyền Tâm Kệ. Bốn phương pháp tiếp dẫn người học của Quyển 6 là: Trấn Châu Lâm Tế Huệ Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền. Đó là: Chiếu Thiền sư ngữ lục của Lâm Tế Nghĩa 1. Trước chiếu sau dụng: Còn có người. Huyền. 2. Trước dụng sau chiếu: Còn có pháp. 3. Chiếu dụng đồng thời: Đuổi trâu của TỨ LĂNG ĐẠP ĐỊA người cày, cướp cơm của kẻ đói; Gõ Bốn góc đạp đất, chỉ tự tính, không thiếu xương lấy tủy, kim dùi đâm đau. không lệch. Bài Phật Tâm Ca trong Tuệ 4. Chiếu dụng chẳng đồng thời: Có hỏi có Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: đáp, lập chủ lập khách, hòa bùn lẫn nước, ứng cơ tiếp vật. Tiết Bạch Vân Thủ Đoan Thiền sư trong

NĐHN q. 18 ghi: »

– »Tỉnh tỉnh trước, trước tỉnh tỉnh Lâm Tế dùng: Tam huyền tam yếu, tứ liệu Tứ lăng đạp địa vật khi khuynh giản, một tiếng hét phân làm chủ và khách, A thùy ư thử tín đắc cập chiếu dụng hành cùng một lúc. Muốn hội Cao bộ Tỳ-lô đảnh thượng hành, được ý này, giữa trưa là canh ba«. Hát«. »Tỉnh tỉnh đi, hãy tỉnh tỉnh TỨ GIA NGỮ LỤC Bốn góc đạp đất chớ chinh nghiêng Còn gọi: Mã Tổ Bách Trượng Hoàng Bá Người nào nơi đây tin được đến Lâm Tế Tứ Gia lục, Mã Tổ Tứ Gia lục. Trên đỉnh Tỳ-lô cất bước đi. Ngữ lục, 6 quyển, không rõ người biên tập. Hét!«

TỨ TÂN CHỦ TỨ LIỆU GIẢN Tông (Tổ Trúc Lâm) ghi: » Bốn cách phán định hay Bốn biện pháp do Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền lựa chọn để – Lại hỏi: Truyền phó là thế nào? tiếp dẫn người học khi đã nắm được trình Đáp: Thầy trò bốn mắt dõi nhìn nhau«. độ lãnh ngộ thiền pháp của họ. Đó là: Truyện Thiền sư Chân Nguyên Tuệ Đăng 1. Đoạt nhân không đoạt cảnh: (Dẹp người trong Thiền sư Việt Nam ghi: mà không dẹp cảnh).

Mặt trời phát sinh lụa trải khắp. Hài nhi tóc rủ trắng như tơ. »Nhất điểm tâm đăng Phật nhãn sinh 2. Đoạt cảnh không đoạt nhân: (Dẹp cảnh Tương truyền tứ mục cố phân minh mà không dẹp người) Liên phương tục diệm quang vô tận Phổ phó thiền lâm thọ hữu tình«. »Một ngọn đèn tâm mắt Phật sinh Lệnh vua đã ban khắp thiên hạ. Truyền nhau bốn mắt ngó phân minh Tướng quân biên thùy chẳng thấy nghe. Ngọn đèn mồi mãi sáng không dứt 3. Nhân cảnh đều đoạt: (Tâm cảnh đều Trao gửi thiền lâm dạy hữu tình«. dẹp).

TỨ TÂN CHỦ Biện Phần (địa danh) bặt tin tức. Cách lập bày để đo lường cơ phong, tiếp Một mình ở một nơi. dẫn người học của Thiền sư Nghĩa Huyền, 4. Nhân cảnh đều không đoạt: (Tâm cảnh người khai sáng tông Lâm Tế. Trong đó, đều không dẹp). tân là vị khách đến tham vấn, chủ là vị Thầy. Tứ tân chủ gồm có: Vua lên ngôi bảo điện. 1. Tân khán chủ: là người khách xem xét Lão ẩn dật ca ngợi. thấy rõ ông chủ, như tiếng hét của người Bích Nham lục q. 1 ghi: » học chân chính là đưa ra cái chậu đựng keo, thiện tri thức chẳng biết là cảnh bèn

dính mắc cảnh đó mà làm dáng làm điệu, – Lại chẳng dùng Ngũ vị quân liền bị người học hét thêm tiếng nữa, thiện thần, Tứ liệu giản, mà chỉ luận thẳng về tri thức chẳng chịu buông xuống, ấy là mũi tên chỏi nhau, gia phong của tông bệnh tuyệt vọng chẳng thể trị. Pháp Nhãn là như thế. Ngay nơi câu nói 2. Chủ khán tân: là

người chủ nhìn tường liền thấy, trước mặt liền thấu suốt«. tận được kẻ khách, như thiện tri thức chẳng đưa ra vật gì, tùy chỗ hỏi của người học TỨ MỤC TƯƠNG CỐ liền đoạt, người học bị đoạt thà chết chẳng Bốn mắt nhìn nhau. Chỉ cho sự truyền tâm chịu buông. ấn giữa thầy và trò. Phần Sư Đệ Vấn Đáp 3. Chủ khán chủ: là người chủ nhìn lại thấu trong Thạch Thất Mỵ Ngữ của Trần Nhân suốt nơi mình, như có người học một cảnh

TỨ THẬP CỬU NIÊN thanh tịnh ra trước mắt thiện tri thức, thiện TỨ THỐN PHẬT PHÁP tri thức biết là cảnh, liền quăng vào hầm Phật pháp chỉ có 4 tấc. Thiền lâm thường sâu, người học nói: »Tốt lắm, thiện tri dùng cụm từ này để chế giễu kẻ tu Thiền thức«. Thiện tri thức liền nói »Ngốc thay! chưa thấu hiểu Phật pháp đầy đủ. Chẳng biết tốt xấu«. Người học bèn lễ bái. TỨ TỔ SƠN 4. Tân khán tân là người khách nhìn rõ ràng về họ, như có người học bị còng tay Còn gọi: Phá Đầu Sơn, Phá Ngạch Sơn. còng cổ ra trước mặt thiện tri thức. Thiện Nằm cách trung tâm huyện Hoàng Mai, tri thức lại còng thêm cho một lớp, người tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc 15km về phía học hoan hỷ, hai bên đều chẳng biết. Tông tây. Lúc Tứ Tổ Đạo Tín trụ núi này, đổi Môn Võ Khố ghi: » tên là »Song Phong Sơn«. Thế núi ôm lấy nhau, hai ngọn đứng sừng sững, phía trước – Hòa có núi Dao Phụng, núi Sư Tử, núi Đại thượng Viên Ngộ thỉnh ích Ngũ Tổ: Tứ tân Diệp, núi cao sừng sững, khí thế hào hùng. chủ của tông Lâm Tế ra sao? Tổ nói: Cũng Có nhiều cổ tích danh thắng như chùa Tứ định theo thể thức và giới hạn là cái việc Tổ, hang Thọ Pháp, suối Trác Tích, ao Tẩy vớ vẩn gì thế?« Bút, mỏm đá Thạch Ngư, đài Điếu Ngư, thác nước tung tóe. Đã là thắng địa Phật giáo mà còn là khu phong cảnh ưu mỹ. Có TỨ THẬP CỬU NIÊN nhiều vịnh thi đề từ của danh nhân các thời Bốn mươi chín năm. Chỉ cho thời gian đức đại được khắc vào đá như bài thơ »Phá Phật Thích-ca Mâu-ni lúc tại thế truyền bá Ngạch Sơn« của Liễu Tông Nguyên đời đạo pháp. Tiết Hoa Tạng Trí Thâm Thiền Đường: »Phá Ngạch sơn tiền bích ngọc sư trong NĐHN q. 20 ghi: » lưu, tao nhân dao trụ mộc lan chu, xuân phong vô hạn Tiêu Tương ý, dục thái bình hoa bất tự do.« (Trước non Phá Ngạch – (Đức Phật) giáng dòng Bích Ngọc, tao nhân dừng lại thuyền sinh từ cung trời Đâu-suất, thị tịch ở giữa mộc lan, gió xuân vô hạn Tiêu Tương ý, hai cây Sa-la là việc đào đất để tìm trời, muốn hái hoa bèo chẳng được đâu). đóng đinh trong hư không. Trong bốn mươi chín năm vãi đất tung bụi, hơn ba TỨ TỔ TỰ trăm hội bị thua mất rồi.« Trên núi Tứ Tổ cách trung tâm huyện Hoàng Mai, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc 15km về phia tây. Niên hiệu Vũ Đức thứ 7 TỨ THIỀN BỆNH (624) đời Đường, Tứ Tổ Đạo Tín đến núi Tác (làm), Chỉ (ngưng), Nhậm (mặc kệ), này xây cất am thất, gọi là »Chính Giác Diệt. Sự kiến tính chẳng do tác, chỉ, nhậm, Tự«. Đạo Tín trụ chùa này 30 năm hết lòng diệt. Nếu chấp vào thì thành bệnh, nhưng hoằng dương tông phong. Nguyên chùa người chưa kiến tính thì có thể dùng làm quy mô rất lớn nhưng nhiều lần bị chiến thuốc. tranh phá hủy, hiện còn tháp Tỳ lô, đình Lỗ

TỪ LỤC ĐẢM PHIẾN BẢN ban đời Đường, cầu Linh Nhuận đời đổi tên chùa là Từ Đàm. Theo: Nguyên, điện Tứ Tổ và gác Từ Vân được DTLSVHVN do Ngô Đức Thọ chủ biên. trùng tu vào đời Thanh. Cầu Linh Nhuận nằm trên khe Nham Tuyền chùa Tứ

Tổ, TỪ GIÁC ĐẠI SƯ xây dựng vào niên hiệu Chí Chính thứ 10 Thụy hiệu của Thiền tăng Tông Trách, đời (1350) đời Nguyên, làm bằng đá một lỗ. Tống. X. Tông Trách. Trên hòn đá dưới cầu có khắc ba chữ »Bích Ngọc Lưu« do Liễu Tông Nguyên TỪ HIẾU TỰ đề. Đặc biệt có Hoàng My sơn nhân đời Chùa ở núi Dương Xuân, xã Thủy Xuân, Nguyên đề thơ: »Bích Ngọc kham tẩy thể, quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, Việt Bạch Thạch khả tham thiền, tọa đáo Thạch Nam, cách thành phố Huế 5km về phía tây Cơ xứ, Vương Hầu mạc tịnh kiên.« (Bích nam. Ngọc có thể tắm rửa, Bạch Thạch đáng để Chùa do Hòa thượng Nhất Định dựng năm tham thiền, đến ngồi nơi mỏm Thạch Ngư, Thiệu Trị thứ 3 (1843) ở xã Dương Xuân, Vương Hầu khó thể sánh vai). huyện Hương Thủy, nay thuộc địa chỉ trên. Lúc đầu chùa chỉ là một thảo am. Sau vua TỪ CHIẾU THIỀN SƯ Tự Đức cho trùng tu tôn tạo, ban tên là Từ Thụy hiệu của Thiền tăng Uẩn Thông, đời Hiếu Tự. Năm Thành Thái thứ 5 (1893) lại ống. X. Uẩn Thông. một lần tu sửa lớn, thiết trí trang nghiêm lộng lẫy. Mé phải chùa có tháp Bồ Đề, trên TỪ ĐẠC (925-995) khắc sắc văn của Thành Thái (1889-1907) Thiền tăng đời cuối Ngũ Đại đầu Tống, họ lệnh cho các chùa và tư nhân mang kinh Phạm, tự Thiên Lý, người Chính Định, Hà Phật tới tháp trong chùa. Bắc, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Theo: DTLSVHVN do Ngô Đức Thọ chủ Đức Thiều ở viện Báo Từ Hàng Châu, biên. thuộc tông Quy Ngưỡng đời thứ 6, trụ núi Hưng Dương Hồ Bắc, do sư không giữ TỪ HUỆ vững tông phong Quy Ngưỡng, chỉ giỏi Thiền tăng đời Đường. Ban đầu sư tham dung hội các tông nên tông Quy Ngưỡng vấn Quy Sơn Linh Hựu. Linh Hựu thượng đến đời sư thì dừng. đường nói: »Các vị được đại cơ mà chẳng được đại dụng«. Từ Huệ liền bỏ đi ra. Linh TỪ ĐÀM TỰ Hựu gọi sư nhưng sư chẳng ngó lại. Linh Tên cổ là chùa Ấn Tông ở ấp Bình An, Hựu nói: »Gã này có thể làm pháp khí«. huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên nay Về sau, sư trụ Cửu Phong ở Phúc Châu. là thuộc thành phố Huế, Việt Nam. Chùa do Hòa thượng Minh Hoằng Tử TỪ LỤC ĐẢM PHIẾN BẢN Dung tạo dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVII, từng được chúa Nguyễn Phúc Chu Từ Lục vác tấm bảng, dụ cho người có tầm ban tấm biển đề »Sắc tứ Ấn Tông Tự«. nhìn phiến diện. Từ Lục: Khẩu ngữ đời Năm Thiệu Trị thứ 1 (1841) vua Thiệu Trị Đường Tống, chỉ chung cho họ tên người

TỪ MINH TỨ GIA LỤC như nay gọi Trương Tam, Lý Tứ. Bài thơ TỪ ÔNG »Tán Đại Huệ Hòa thượng« trong Mật Am Hiệu của Thiền tăng Hạnh Sâm sống vào ngữ lục ghi: » đời Thanh, do vua Thuận Trị ban cho. X. Hạnh Sâm. – Chọc mù con mắt thư ba trên vầng trán, Phật pháp TỪ TẾ thị phi đồng loạt trừ. Trên đầu trúc bề giả Thụy hiệu của Thiền tăng Nghĩa Thanh đời ngu ngơ, chính là Từ Lục vác bảng rồi«. Tống. X. Nghĩa Thanh.

TỪ MINH TỨ GIA LỤC TỪ TẾ ĐẠI SƯ Thụy hiệu của Thiền tăng Đại Đồng, đời Ngữ lục, 4 quyển do Chính Đường biên tập Đường. X. Đại Đồng. vào đời Tống. Nội dung bao gồm: TỪ TẾ THIỀN SƯ Từ Minh Viên Thiền sư ngữ lục của Từ Minh Sở Viên. Hiệu của Thiền tăng Văn Thắng, đời Tống. X. Văn Thắng. Dương Kỳ Phương Hội Thiền sư ngữ lục của Dương Kỳ Phương Hội. TỪ TẾ THIỀN SƯ NGỮ LỤC Bạch Vân Đoan Thiền sư ngữ lục của Bạch Vân Thủ Đoan X. Đầu Tử Đại Đồng Thiền sư ngữ lục. Ngũ Tổ Diễn Thiền sư ngữ lục của Ngũ Tổ Pháp Diễn. TỪ THỌ TỰ

Ngoại trừ Bạch Vân Đoan Thiền sư ngữ Nằm trên núi Cổ Tương, thị trấn Giang lục, ba ngữ lục còn lại được xếp vào Cổ Khẩu, thành phố Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến, Tôn Túc ngữ lục. Sách này nay đã bị thất Trung Quốc. Niên hiệu Càn Phù thứ 3 lạc. (876) đời Đường do Thiền sư Diệu Ứng khai sơn cất chùa, ban đầu gọi »Phục Hổ TỪ MINH THIỀN SƯ Am«, sau đổi tên là »Diên Phúc Viện«. Thụy hiệu của Thiền tăng Sở Viên, đời Niên hiệu Quang Khải thứ 2 (886) Mân Tống. X. Sở Viên. vương là Vương Thẩm Tri mở rộng miếu vũ, cùng dâng biểu tâu lên triều đình, ban TỪ MINH THIỀN SƯ NGỮ HỘI cho tấm biển »Từ Thọ Thiền Tự«. Niên hiệu Càn Đức thứ 2 (964) đời Tống, Thái TRỤ TRÌ NGỮ LỤC phó Trần Trung Thuận tâu với vua ban cho chùa Từ Thọ 20 khoảnh ruộng, làm tài sản X. Thạch Sương Sở Viên Thiền sư ngữ lục. cho chùa. Niên hiệu Cảnh Hựu thứ 1 (1034) toàn bộ tự viện xây dựng xong, tăng TỪ NGỘ THIỀN SƯ chúng hơn ngàn người. Khói hương lượn Hiệu của Thiền tăng Hữu Thiềm, đời Ngũ lờ, phạm âm không dứt. Niên hiệu Chí Đại. X. Hữu Thiềm. Nguyên thứ 24 (1287) đời Nguyên chùa bị

TỪ VI lửa thiêu hủy. Sau đó xây dựng lại điện vũ. mặt mỗi tầng mở ra cửa, trong có cầu Niên hiệu Chí Chính thứ 21 (1361) lại bị thang vòng vèo đi lên. Đứng trên tháp nhìn chiến tranh phá hủy. Niên hiệu Chí Chính về phía bắc có thể thấy sông dài ngàn dặm, thứ 25 (1365) do tăng nhân quyên góp xây nhìn về phía nam có thể thấy núi trải dài cất tăng xá, an trụ tăng chúng sau khi tản trăm dặm. Cổ nhân có cảm khái: »Một khi lạc bởi chiến tranh. Niên hiệu Hồng Vũ thứ lên tháp này, thiên hạ đều thỏa thích«. 30 (1397) đời Minh xây lại Pháp đường, Vương An Thạch lên Kim Sơn cũng có Trai đường, Đại hùng bảo điện khôi phục làm thơ: »Sổ tằng lâu chẩm tằng tằng như cũ. Về sau lại bị giặc Oa thiêu hủy. thạch, tứ bích song khai diện diện phong. Niên hiệu Quang Tự thứ 11 (1885) đời Hốt kiến điểu phi bình địa khởi, thủy tri Thanh do tăng nhân đi hóa duyên xây cất thân tại bán không trung.« (Mấy tầng lầu lại Đại điện, trước chùa có cặp đối liễn: gác chồng lớp đá, cửa sổ bốn bên mở gió »Phục Hổ sơ hưng Từ Thọ tự, Sao Ngư vào. Chợt thấy chim bay từ mặt đất, mới trùng chấn Cổ Tương sơn.« (Phục Hổ khởi hay thân này giữa hư không). đầu xây dựng chùa Từ Thọ, Sao Ngư chấn hưng thêm nữa núi Cổ Tương). Niên hiệu TỪ THỌ THIỀN SƯ Quang Tự thứ 34 (1908) tiếp tục xây Thiền Thiền tăng Hoài Thâm, tự Từ Thọ, sống đường, Trai đường, Nhà kho, Nhà khách, vào đời Tống, được người đời gọi là Từ Lầu chuông trống, Già lam điện, Tổ sư Thọ Thiền sư. X. Hoài Thâm. điện, Công đức lâm thất và hành lang trái phải. Thời Dân Quốc lại cất thêm Phương TỪ TRIÊM THIỀN SƯ THÁP trượng thất, cổng chùa, mới trở thành một tự viện hoàn chỉnh. Ở ngoài cổng chùa Hoa Nghiêm, Lao Sơn, thành phố Thanh Đảo, tỉnh Sơn Đông, TỪ THỌ THÁP Trung Quốc, là mộ tháp của Thiền sư Từ Còn gọi: Tiến Từ Tháp. Nằm trên đỉnh Triêm, cao tăng trụ trì chùa này đời thứ Kim Sơn, thành phố Trấn Giang, tỉnh nhất. Tháp 9 tầng bằng gạch. Bên cạnh Giang Tô, Trung Quốc. Nguyên là song tháp có hai cây tùng xanh uốn lượn ôm lấy tháp, bắc nam đứng đối diện nhau, xây vào thân tháp cho nên còn có tên »Tùng Bảo đời Đường. Khoảng niên hiệu Nguyên Phù Tháp«. (1098-1100) đời Tống trùng tu. Đầu đời Minh song tháp sụp đổ, niên hiệu Long TỪ VÂN THÁP Khánh thứ 3 (1569) xây cất lại trên di chỉ X. Tỳ-lô tháp. của Tiến Từ Bắc Tháp, sau bị hủy. Tháp hiện còn là được xây

lại vào niên hiệu TỪ VI Quang Tự thứ 26 (1900) đời Thanh. Hình Từ biệt, chia tay. Đàn Kinh (bản Đôn dáng và cấu tạo tháp là kết cấu hổn hợp Hoàng): » gạch gỗ, thân tháp xây gạch, mái tháp và lan can tòa bằng thì dùng gỗ. Bình diện – hình bát giác, 7 tầng, cao khoảng 40m. Bốn Năng (chỉ Huệ Năng) được y pháp, canh

TỪ XÁC ba bắt đầu ra đi, đích thân Ngũ Tổ tiển nay) rồi trụ trì ở đây, thuộc đời thứ 34 tông đưa Năng đến trạm Cửu Giang... Sau khi Lâm Tế. Cũng không rõ sư tịch lúc nào, từ biệt, Năng cất bước về hướng Nam«. chỉ biết sư truyền tâm ấn cho thiền sư Liễu Quán là người làm nổi bật tông Lâm Tế ở TỪ XÁC xứ này. Thiền tăng đời Ngũ Đại, sư thờ Thiền sư Huệ Thanh núi Ba Tiêu làm thầy và nối TỬ ĐÀM (1249-1306) pháp ngài, thuộc tông Quy Ngưỡng. Sư ở Thiền tăng đời Nguyên, họ Hoàng, người viện Thừa Thiên tại Bành Châu (nay là xứ Tiên Cư (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) huyện Bành tỉnh Tứ Xuyên). Trung Quốc. Thuở bé đến chùa Quảng Đệ Có vị tăng hỏi: Thế nào là đệ nhất nghĩa? núi Tử Thác xuất gia, trí nhớ mẫn tiệp, giỏi Sư đáp: Nhóm núi đi xuyên qua biển, giọt văn chương. Niên hiệu Hàm Thuần thứ 1 nước dưới mái hiên đến. (1265) đời Tống, sư đến chùa Thừa Thiên ở Tô Châu hầu ngài Thạch Lâu Minh, giữ TỬ BÁCH ĐẠI SƯ việc ghi chép. Sư còn đến Hàng Châu tham Hiệu của thiền tăng Chân Khả sống vào vấn Thiền sư Thạch Phàm Duy Diễn. Khi đời Minh. X. Chân Khả. Duy Diễn dời sang núi Thiên Đồng, sư cũng theo ngài đến đó; sau nối pháp ngài TỬ CÚ thuộc tông Lâm Tế. Năm 1271, sư vượt Lời nói, hành vi của người tiếp dẫn mà biển đến Nhật Bản trụ chùa Kiến Trường người nghe có thể hiểu được bằng ý thức (Kenchū-ji), chùa Đông Phúc (Tōfuku-ji). gọi là Tử cú. Còn lời nói, hành vi lạ lùng Đến năm 1278, sư trở về nước. Năm 1299, của người tiếp dẫn mà người nghe mặc dù sư cùng Thiền sư Nhất Sơn Nhất Đinh trở dùng ý thức nhưng không sao hiểu nổi, lại Nhật Bản, trụ chùa Viên Giác (Engaku- vượt thoát sự suy nghĩ phân biệt của thế ji); Mạc Phủ và triều đình đều dùng lễ tiếp gian thì gọi là hoạt cú. Tiết Đức Sơn rước hai vị. Khi mất, sư được ban hiệu Duyên Mật Thiền sư trong NĐHN q. 15 »Đại Thông Thiền sư«. Pháp hệ của sư ghi: » được gọi là »Tây Gian Phái«, là 1 trong 24 – Chỉ nên tham phái Thiền tông Nhật Bản. hoạt cú, đừng nên tham tử cú, trong hoạt cú lãnh hội được sẽ thông suốt mãi mãi.« TỬ ĐỊNH (1302-1376) Thiền tăng đời Nguyên, họ Mã, tự Tung TỬ DUNG MINH HOẰNG Khê, người xứ Yển Sư, Hà Nam, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Tức Am (Am Thiền tăng đời Lê trung hưng, thuộc tông chủ Bạch Mao Xuân), đời thứ 24 hệ Thanh Lâm Tế đời thứ 34. Chẳng rõ họ tên thật, Nguyên. Trụ trì chùa Không Tướng núi chỉ biết sư là người tỉnh Quảng Đông, Hùng Nhĩ. Trung Quốc, theo Thiền sư Nguyên Thiều sang An Nam, ở Thuận Hóa. Sau lập chùa TỬ HÁN Ấn Tông (tức là chùa Từ Đàm ở Huế hiện Còn gọi: Tử lang đang, Tử hà mô, Tử xà.

TỬ LA TRƯỚNG Gã chết. Chỉ cho người trơ trơ, lạnh lùng. chóng, rất dễ vượt qua mất, chẳng cho trù Tắc 75, Bích Nham lục (Đại 48, 202 trung) trừ suy tính, sa vào trong tình niệm dùng ý ghi: » thức để hiểu. Người sau thường niêm đề công án này. – Tăng nói: Chẳng khác (Trong gã chết có cái linh hoạt, một con TỬ HỒ CẨU TỬ người ưu tú giống như cây cọc sắt, dẫm lên chỗ chân thật)«. Theo: PQĐTĐ của nhóm Con chó của Tử Hồ, tức »Tử Hồ Cẩu«. Từ Di.

Tiết Trí Giả Thiệu Tiên Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » TỬ HIỀN Thiền tăng đời Nguyên, tự Nhất Ngu, người xứ Thiên Thai (nay thuộc tỉnh Chiết – Sư Giang) Trung Quốc. Sư tạm ẩn trong núi thượng đường: Căn trần cùng nguồn, trói Thiên Thai, tự giữ lấy chỗ tĩnh lặng. Ngoài mở không hai, chẳng động mảy may, thì việc thiền định ra sư còn phóng chí làm dạo chơi khắp mười phương, con chó của thơ, được Dương Duy Trinh rất tán Tử Hồ mặc dù dữ tợn, đâu bằng con rắn thưởng. Tác phẩm: Nhất Ngu tập. lớn ở Nam Sơn? Sư liền lớn tiếng, bảo: Đại chúng! Coi chừng dưới chân!« TỬ HỒ CẨU Con chó của Tử Hồ. Công án, thấy chép TỬ HƯNG trong tiết Tử Hồ Lợi Tung Thiền sư trong Thiền tăng đời Tống, Sư thờ Thiền sư Ngũ Đăng Hội Nguyên q. 4 như sau: » Thúy Nham Linh Tham làm thầy và đắc pháp nơi ngài. Khi ra hoằng pháp sư trụ chùa Long Sách tại Hàng Châu. Thự hiệu: Minh Ngộ Thiền sư.

– Người trong TỬ LA TRƯỚNG ấp là Ông Thiên Quý cho đất dưới chân Trướng gấm. Nguyên chỉ cho tấm màn làm núi để sư lập nên viện Tử Hồ. Ở dưới cổng bằng gấm mỏng màu tía, căng treo ở nơi sư dựng một tấm bia ghi: Tử Hồ có nuôi cửa quan lớn, cửa nhà kẻ giàu sang. Trong một con chó, trên cắn đầu người giữa cắn Thiền lâm mượn cụm từ này để chỉ cho lòng người, dưới cắn chân người, hễ do dự một cửa ải hướng thượng. Tắc 10, Bích thì bỏ mạng. Trong pháp hội Lâm Tế có Nham lục (Đại 48, 150 hạ) ghi: » hai vị tăng tham thiền, mới vừa vạch rèm, sư liền hét, bảo: Coi chừng chó! Tăng – Từ quay đầu lại nhìn, sư liền trở về phương trong trướng gấm, Hưng Hóa chưa từng trượng.« ném chân châu cho các ông, các ông cứ Công án này nhấn mạnh thiền cơ nhanh hét loạn xạ làm cái gì?«

TỬ NGHI (?-986) TỬ NGHI (?-986) 120, trang 244. Nội dung thu thập ngữ lục Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ khai đường lúc sư trụ Vân Nham, pháp ngữ Lạc Thanh, Ôn Châu (nay thuộc tỉnh Chiết quảng hóa lúc trụ Thúy Nham, ngữ lục lúc Giang) Trung Quốc. Sư du phương, đến trụ Vân Nham lần thứ hai, ngữ lục lúc trụ tham vấn Quốc sư Cổ Sơn Thần Yến, ngay Hoàng Long cùng với Tiểu tham thị chúng, lời nói sư đại ngộ và nối pháp ngài. Sau đó, Kệ tụng v.v.. sư trở về địa phận Chiết Giang, Ngô Việt Trung Ý Vương Tiền Thích mời sư khai TỬ THIỀN HÒA TỬ pháp ở viện La-hán và Quang Phúc. Thự Thiền hòa tử, còn gọi thiền hòa, tức chỉ hiệu: Tâm Ấn Thủy Nguyệt Thiền sư. Sư cho thiền tăng. Tử thiền hòa tử là quở trách giỏi về thi thư, các sĩ tử đều thích thân cận. thiền tăng thiếu mất chính kiến mà chấp trước tà tư, tà kiến. Theo: PQĐTĐ của TỬ NGHIÊM (1309-1382) nhóm Từ Di. Thiền tăng sống vào cuối đời Nguyên-đầu đời Minh, họ Phàn, hiệu Tùng Đình, người TỬ THUẦN (1064-1117) đời gọi là »Tùng Đình Tử Nghiêm Thiền Thiền tăng đời Tống, họ Giả, người Tử sư«, người xứ Câu Thị (nay là Yển Sư tỉnh Đồng, Kiếm Châu (Tứ Xuyên) Trung Hồ Nam) Trung Quốc. Tuổi trẻ nhiều Quốc. Thuở nhỏ sư đã hướng theo chính bệnh, nên cha mẹ mong muốn cho xuất đạo chuyên cần tham phỏng, yết kiến Phù gia; khi lên 9 sư theo ngài Tề Vân ở chùa Dung Đạo Giai được tỏ ngộ, nối pháp làm Thiếu Lâm, 18 tuổi thụ giới cụ túc. Sư truyền nhân tông Tào Động. Ban đầu trụ thông suốt sách vở »Bách gia«

và thi văn núi Đơn Hà, Đặng Châu (Hà Nam), sau thư họa, các bậc cự Nho đều nể phục. Ban sang trụ núi Đại Thừa, núi Đại Hồng, đầu sư tham vấn nơi ngài Giang Nguyệt Đường Châu (Đường Hà, Hà Nam) cử Chiếu, Tức Am Nghĩa Nhượng, đều có chỗ dương thiền phong, học chúng cả ngàn tỉnh ngộ. Sau đó sư yết kiến Thiền sư người, nổi tiếng khắp nơi. Đệ tử nối pháp Thuần Chuyết Văn Tài được đại ngộ và nối là Chân Hiết Thanh Liễu, Thiên Đồng pháp Ngài, thuộc tông Tào Động. Sư trụ trì Chính Giác, Đại Thừa Lợi Thăng, Đại các chùa: Vạn An, Phổ Chiếu, Thiên Ninh, Hồng Khánh Dự. Tác phẩm: Hư Đường Thiên Khánh. Năm 1369, sư kế vị trụ trì tập 3 quyển, Đơn Hà Thuần Thiền sư ngữ chùa Thiếu Lâm. Mùa đông năm 1380, sư lục 2 quyển. thăng tòa thuyết pháp cho Quốc mẫu Từ Hiếu Hoàng Hậu (mẹ của Chu Vương). TỬ TRUNG PHÁT HOẠT

Sau đó, sư lui về ở ẩn và mất năm 70 tuổi. Trong cái chết phát ra cái sống, ý nói trừ TỬ TÂM NGỘ TÂN THIỀN SƯ sạch tình niệm trần tục, hiển bày bản tính NGỮ LỤC chân như. Tử Bá lão nhân tập q. 1 ghi: » Ngữ lục, 1 quyển, do Tử Tâm Ngộ Tân soạn vào đời Tống, được xếp vào Hoàng Long Tứ Gia ngữ lục và Tục Tạng kinh tập

TỰ DUYÊN (1310-1368) TỰ BẢO (978-1054) – Người xưa có nói: Chẳng phải một Thiền tăng đời Tống, họ Ngô, người Lô phen chết rồi sống lại, tất cả chỉ là thủy Châu (Hợp Phì, An Huy) Trung Quốc. Sư ngân, gặp lửa sẽ bốc hơi. Lại nói: Chẳng nối pháp thiền sư Sư Giới chùa Ngũ Tổ, phải một phen xương lạnh buốt, hoa mai thuộc tông Vân Môn đời thứ 4, trụ Động đâu dễ ngửi mùi hương? Đây là loại thân Sơn. Hiệu Diệu Viên Đại Sư. Tác phẩm: chứng thật ngộ vậy.« Đạt-ma Tụng.

TỬ TƯỜNG (885-960) TỰ DUNG (1615-1691) Thiền tăng đời Đường, họ Trần, ban đầu Thiền tăng đời Thanh, họ Trình, tự Huyễn tên Chí Tường, pháp danh Tử Tường, tự Luật, hiệu Cự Linh, người xứ Tân An (nay Tính Thật (còn gọi Thật Tính), người là huyện Bảo An tỉnh Quảng Đông), Trung Phong Châu (Phong Khai, Quảng Đông) Quốc. Năm 18 tuổi xuất gia, sau khi thọ Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Văn đại giới, sư đi tham học khắp nơi, thưa hỏi Yển, thuộc tông Vân Môn đời thứ 2, trụ thiền pháp nhưng đều không khế hợp. Về viện Từ Quang ở Quảng Châu. Về sau sau yết kiến Sơn Ông Đạo Mân, được ấn vâng lệnh vua khai sơn núi Bạch Vân tại ký, nối pháp ngài, thuộc tông Lâm Tế. Sư Thiều Châu, người đời gọi là Bạch Vân ẩn cư nơi chùa Quảng Nhuận, cùng với đệ Thiền Sư. tử là Tính Lỗi biên soạn »Nam Tống Nguyên Minh Thiền Lâm Tăng Bảo TỰ truyện«, gồm 15 quyển. Kế thừa. Tiết Nham Đầu Hòa thượng trong TĐT q. 7 ghi: » TỰ DUYÊN (1310-1368) – Hòa thượng Nham Thiền tăng đời Nguyên, họ Trần, hiệu Hội Đầu kế thừa Đức Sơn, trụ chùa Đường Đường, người xứ Lâm Hải (nay thuộc Ninh ở Ngạc Châu.« Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 17 tuổi, sư thụ giới cụ túc; hàng ngày lấy việc tham TỰ (k. ng) thiền làm chính. Sư yết kiến ngài Nhật Khê Được đặt sau động từ hoặc kết cấu động Vịnh Công ở Thiên Ninh. Vịnh Công bảo tân, biểu thị phương hướng của động tác sư làm thị giả, kế quản lý Tạng kinh. Lý hoặc đối tượng của động tác liên tiếp. Tư Dân, người huyện Lâm Hải sửa sang Phần Dương ngữ lục, q. trung ghi: » Viên Thông Các, thỉnh sư làm trụ trì. Tự – Về sau ông nói lại Duyên còn quyên góp thêm để xây dựng cho người kiến tính nghe«. Hoa Nghiêm Các, mỗi ngày hướng dẫn cư Tông Môn Võ Khố ghi: » sĩ

xem kinh Hoa Nghiêm. Sư còn xây dựng – Sao chẳng trình qua lão tăng«. Di-đà các, kiến tạo Tịnh Độ thập lục quán Đại Huệ ngữ lục, q. 19 ghi: » tướng. Tiếng tăm của sư vang đến triều – Cho nên tôi viết giùm đình, Nguyên Thuận Đế ban cho y Kim ông ta 26 đoạn này«. Lan và hiệu »Phật Tâm Bản Tế Thiền sư«.

TỰ ĐẮC THIỀN SƯ TỰ ĐẮC THIỀN SƯ Hiệu của Thiền tăng Huệ Huy đời Tống. X. Huệ Huy. – Pháp không có cách lạ, chỉ là khác nẻo mà cùng TỰ GIA ĐỂ về một chỗ. Nếu muốn dễ lãnh hội mà ít Của cải trong nhà mình. Của cải ông cha phí sức thì chỉ cần biết giữ lấy bản tính, để lại, chỉ tự tính. Bài tụng »Nhất khẩu hấp liền có thể tiếp nối gia nghiệp, tùy chỗ giải tận Tây Giang thủy« của Ngũ Tổ Pháp thoát, ứng dụng hiện tiền, đất trời cùng Diễn ghi: một gốc, vạn vật đồng một thể, gọi là con mắt của thiền tăng không bao giờ lọt sót một mảy tơ«. TỰ HẢI CHI THÂM, NHƯ SƠN Một hơi hút hết nước Tây Giang, CHI CỐ Mẫu đơn Lạc Dương trổ búp mới. Sâu tợ biển, vững như núi. Chỉ cho Phật Bụi bay mịt mù không chỗ tìm, tính và Pháp tính; nghĩa là chân lý của Phật Ngước mắt chạm phải kho báu nhà. tính, Pháp tính như như bất động tựa như biển sâu, núi vững. Tắc 57, Bích Nham lục TỰ GIA HOẠT KẾ (Đại 48, 191 thượng) ghi: » Việc làm bên trong của chính mình, việc quan trọng của bản thân, chỉ cho việc ngộ – Sâu tợ biển, vững như thiền làm Phật, siêu thoát sinh tử. Phần núi, muỗi mòng đùa gió mạnh, mối kiến lay Dương ngữ lục q. thượng ghi: » cọc sắt«. TỰ HỔ BÔN SƠN Còn gọi: Tự hổ kháo sơn, Như long đắc thủy. Nghĩa là uy phong vốn có của cọp, – Cần phải hội lấy ý chỉ người nếu không nương ở núi rừng thì khó phát xưa rồi sau tự tâm sẽ sáng tỏ, mới được huy được. Trong Thiền tông mượn từ này thông biến tự tại, thọ dụng vô cùng gọi là để chỉ cho người tu học nếu có thể chứng tự thọ dụng thân. Phật chẳng từ người ngộ việc lớn sinh tử thì giống như cọp vào khác dạy mà phải biết được việc làm bên núi, rồng gặp nước, phối hợp duyên lành trong của chính mình.« liền có thể phát huy bản tính tự nhiên, hiển TỰ GIA TANG TỬ hiện những hành vi hoạt bát. Nghi thức Cây dâu, cây tử của nhà mình, dụ chỉ cho Tọa Thiền trong Thiền Uyển Thanh Quy q. bản tính của tự thân, cũng tức là Phật tính 8 (Vạn Tục 111, 460 hạ) ghi: » mà mọi người đều sẵn có. Tiết Định Sơn Duy Tố Sơn Chủ trong NĐHN q. 10 ghi: – Nếu người đã phát minh thì có thể » gọi là như rồng gặp nước, như cọp vào núi«.

TỰ MINH (1361-1370) TỰ HỒI công.« Thiền tăng đời Tống, người xứ Thai Châu (nay là huyện Lâm Hải tỉnh Chiết Giang) TỰ LIỄU HÁN Trung Quốc. Sư vốn là thợ chẻ đá, không Gã tự độ, đồ ích kỷ. Lời chê trách người tu biết chữ nhưng rất mộ đạo, nên nhờ người hành có căn khí Tiểu thừa. Tắc 11, Bích tụng kinh Pháp Hoa, rồi tụng theo. Về sau, Nham lục (Đại 48, 151 trung) ghi: » sư theo Thiền sư Đại Tùy Nguyên Tĩnh thuộc tông Lâm Tế xuất gia. Một hôm, sư đang chẻ một tảng đá, ánh lửa tóe ra, sư – Sư nói: Mời thầy chợt đại ngộ, trình kệ như sau: qua. Vị tăng kia liền vén y dẫm lên sóng »Dùng hết sức mình như đi trên đất bằng, xong xoay lại nói: Trọn không chỗ bám Qua đây, qua đây! Sư quở

rằng: Cái gã tự Ánh lửa tóe ra độ này!« Vốn ở chỗ này«. TỰ MÃN Người thời ấy gọi sư là »Thạch Đầu Hoà Thiền tăng đời Đường, tham học nơi Mã thượng«, »Hồi Thạch Đầu«. Sư ở Điếu ngư Tổ Đạo Nhất và đắc pháp nơi đây. Sư trụ đài (Đài câu cá) ở Thai Châu, thượng Hân Châu (nay thuộc Sơn Tây). đường thuyết pháp huyền diệu vượt thiên Một hôm, Sư thượng đường nói: Trừ ngày hạ, bốn chúng đều ngưỡng mộ, xem sư như sáng đêm tối ra, hãy nói cái gì liền được, hiền thánh. trân trọng! Nói xong, sư trở về thất. Phần TỰ KỶ CHỦ NHÂN CÔNG lớn cơ dụng của sư đều như thế. TỰ MINH (1361-1370) Ông chủ của chính mình. Nhà thiền cho Thiền tăng đời Nguyên, họ Quách, tự Độc rằng tự tính của chúng sinh là Phật, chẳng Am, người xứ Lâm Hải (nay thuộc Chiết nên tìm bên ngoài, gọi là Tự kỷ chủ nhân Giang) Trung Quốc. Năm 15 tuổi, sư lễ công (Ông chủ của chính mình). Tiết Thị ngài Duy Đại ở chùa Tây Thọ Xương tại Dục Tạng chủ trong DTNL q. 3 ghi: » Tứ Minh làm thầy. Năm 1334, sư thụ giới cụ túc và tham học với các vị Ngã Am Vô Công, Đông Minh Nhật Công. Đầu niên hiệu Chí Chính (1341), sư đến chùa Bảo Công mượn tòa để giảng kinh, người theo – Diệu học càng lúc càng đông. Niên hiệu Hồng đạo vô thượng của Phật Tổ, ban đầu chẳng Võ thứ 3 (1370) đời Minh, trước khi lâm phải vô sự sinh sự cũng chẳng phải trò dị chung sư viết kệ: đoan lạ lùng, cũng chẳng phải việc cao tột khó làm, chỉ là trong việc thường làm hàng ngày của người sẵn sàng thọ dụng. Gượng gạo mà đặt tên, tạm gọi là Tự tính thiên chân Phật, cũng gọi là Tự kỷ chủ nhân

TỰ NGHIÊM (910-992) »Cả đời xuất xử chỉ tùy duyên ở Hương Sơn thuộc Lạc Dương, có Thiền Mộng huyễn không hoa mặc đổi dời sư Thiên Nhiên là bạn tâm đầu ý hợp với Tỏ rõ dung thông lý tam quán sư. Niên hiệu Trường Khánh thứ 1 (821), Bóng chiều như cũ ở trời Tây«. sư tịch ở chùa Khai Nguyên thuộc Tùy châu (nay thuộc Hồ Bắc). TỰ NGHIÊM (910-992) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trịnh, người TỰ TẮC TỰ, THỊ TẮC VỊ THỊ Đồng An, Phúc Kiến, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Sư Khoan, thuộc tông Vân Nghĩa là thoạt nhìn tuy rất giống, nhưng Môn đời thứ 3, trụ núi Bàn Cổ. thật ra chẳng phải vật nguyên bản. Dùng để chỉ người học Thiền chưa thể chân chính TỰ NGUYÊN triệt ngộ Thiền cảnh của bậc Tôn túc mà Thiền tăng đời Tống, tham học nơi Thiền chỉ một bề bắt chước cơ pháp của các ngài sư Thụy Nham Nghĩa Hải, đắc pháp và nối như nói, nín, đánh, hét... Tắc 10, Bích pháp Ngài, thuộc tông Pháp Nhãn. Sư trụ Nham lục (Đại 48, 150 thượng) ghi: » Thúy Nham ở Minh Châu (nay là huyện Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang). Một hôm có vị tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ – Mục Châu nói: Lão sư từ Ấn Độ sang? Đáp rằng: Thấy tiền tăng bị ông hét môt tiếng. Vị tăng lại hét mua bán chẳng từng xa xỉ. (Xem qua sừng đầu, giống thì giống lắm nhưng phải thì chưa phải, chỉ e đầu rồng TỰ SIÊU (1325-1405) đuôi rắn)«. Thiền tăng Cao Ly (Triều Tiên) họ Kim. Niên hiệu Chí Chính thứ 13 (1353) vào TỰ THƯ nhà Nguyên (Trung Quốc) nối pháp Thiền Bức thư của thiền sư viết gởi cho Thầy sư Huệ Cần chùa Quảng Tế ở Yên Kinh mình sau khi nhậm chức trụ trì. Tiết Linh (Bắc Kinh), đời thứ 26 hệ Nam Nhạc. Niên Nham Trung An Thiền sư trong NĐHN q. hiệu Chí Chính thứ 16 sư trở về nước 20 ghi: »

hoằng pháp, là một trong những Tổ sư tông Tào Khê Triều
Tiên. – (Thiền sư Trung An) sau yết TỰ TẠI (741-821)
kiến ngài Viên Ngộ ở Tưởng Sơn, khi ấy Thiền tăng đời Đường, họ Lý, người xứ Phật
Tính làm Tọa nguyên, sư thưa hỏi Ngô Hưng (nay là Hồ Châu tỉnh Chiết ngài, liền lãnh
ngộ ý chí. Đến khi Phật Giang) Trung Quốc. Ban đầu sư nương Tính trụ Đức Sơn có sai
sư đem tự thư đến Thiền sư Quốc Nhất thụ giới Cụ túc, sau Chung Phụ.« đó tham vấn
Mã Tổ Đạo Nhất, phát minh tâm địa. Về sau, sư ở núi Phục Ngưu, thiền TỰ TÍNH
tăng ở bốn phương nghe danh sư tụ hội về. 1. Bản thể của tâm vô hình vô thanh cùng
Trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-820), sư khắp thời gian không gian, cái dụng cũng

TỰ TÔNG (1085-1153) cùng khắp như thế, chẳng cần qua tác ý mà Phật, gọi là Tự
tính Di-đà. Di-đà tức A-di- ứng dụng tự động. Tự tính này ở nơi chúng đà Phật. Khai thị
Ưu-bà tắc niệm Phật xã sinh và chư Phật bình đẳng bất nhị. Đàn trong HSLNMDT q. 2
ghi: » Kinh ghi:
– Nhưng Phật có »Dục nghĩ hóa tha nhân nghĩa là
Giác, tức Phật tính (tính giác) của Tự tu hữu phương tiện chúng sinh. Vì mê tính giác
nên làm chúng Vật linh bỉ hữu nghi, sinh, ngộ tính giác được gọi là Phật. Hôm Tức thị
tự tính hiện«. nay danh từ Phật mà quý vị niệm đó, tức »Muốn hóa độ chúng sinh, Tự
tính Di-đà.« Tự phải có phương tiện Khiến họ hết nghi ngờ, TỰ TÍNH THIÊN CHÂN
PHẬT Tức là tự tính hiện«. 2. Thiền tăng đời Minh, họ Hàn, hiệu Trạm Chúng
sinh tự có Phật tính, xưa nay là Nhiên, người xứ Vân Dương (nay thuộc Phật. Thị Dục
Tạng Chủ trong DTNL q. 3 tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư theo ngài ghi: »
Huệ Hải ở Hoằng Huệ Chiếu Am tại Lật Châu xuất gia,
vốn thích pháp thiền phát minh nhiều điều. Sư kết bạn với
Thảo Am Huyễn Sinh, cùng nhau khích lệ mài giũa.
– Diệu Một hôm, sư cử công án »Hữu cú vô cú« đạo vô thượng của Phật Tổ, ban
đầu chẳng để hỏi Huệ Hải, ngài sai Huyễn Sinh đánh phải khi không bày ra lắm việc,
cũng vào sống lưng sư, sư phát phẩn đến tột độ, chẳng phải trò dị đoan lạ lùng, cũng
chẳng suốt đêm không ngủ, đến sáng hôm sau phải việc cao tột khó làm, chỉ là trong
việc nghe tiếng bảng ăn cơm, Sư chợt đại ngộ. thường làm hàng ngày của người sẵn
sàng Sư yết kiến Toàn Thất Tông Lặc, nhờ ngài thọ dụng. Gượng gạo mà đặt tên, tạm
gọi ấn khả, làm người tiếp nối tông Lâm Tế. là Tự tính Thiên chân Phật, cũng gọi là Tự
Khi ra hoằng pháp, sư trụ chùa Phổ Quang kỷ chủ nhân công.« ở Vân Dương. Năm 1377
sư dời đến chùa Vĩnh Khánh ở Thường Châu (nay thuộc TỰ TÔNG (1085-1153)
Thiền tăng đời Tống, họ Trần, tự Văn Am, Giang Tô), rồi lại dời đến chùa Sơ Sơn ở Phủ
Châu (nay thuộc Giang Tây). Ít lâu người xứ Huy Châu (nay là huyện Hấp tỉnh An Huy)
Trung Quốc. Sư xuất gia từ thuở sau, có chiếu trụ chùa Thiên Đồng ở Ninh bé, đầu tiên
học kinh luận. Lớn lên, sư dự Ba (nay thuộc Chiết Giang). Vua ban hiệu khoa thi kinh
điển được độ làm tăng. Sau »Phật Lãng Thiền sư«. Về già, sư lui về ở chùa Phổ Quang.
khi thụ giới cụ túc, sư nỗ lực nghiên cứu giới luật, trì giới nghiêm cẩn. Sư bỗng hâm TỰ
TÍNH DI-ĐÀ mộ thiền pháp biệt truyền, nương theo Chúng sinh tự có Phật tính,
xưa nay là thiền sư Diệu Trạm Huệ tham cứu, có sở

TỨC đắc. Sư thuật lại việc này cho ngài Hoằng – Tính của thượng nhân bây giờ ở Trí Chính Giác, được ngài ấn khả và nối đâu?« pháp ngài, thuộc tông Tào Động. Khi ra hoằng pháp sư trụ chùa Phổ Chiếu, sau đó TỨC LỰ dời đến các chùa: Thiện Quyền, Thúy Thiền tăng đời cuối Lý đầu Trần thuộc Nham, Tuyết Đậu. Do sư đầu bạc nên được dòng Vô Ngôn Thông, đời thứ 14. Sư quê gọi là »Tông Bạch Đầu«. ở Chu Minh (tức làng Phù Cầm, huyện Từ Sơn, tỉnh Hà Bắc hiện nay), lúc nhỏ đọc TỨC hết các sách thế tục. Một hôm sư bỏ hết sở Lãnh ngộ ý chỉ của thiền, tỉnh ngộ triệt để. học, theo làm đồ đệ Thông Thiền đại sĩ để Tắc Lạc Bình Tiêu Tức trong TUMC q. 5 thưa hỏi chỗ huyền yếu. Ngay nơi lời nói ghi: » của Thông Thiền, sư liền lãnh ngộ và nối pháp ngài thuộc đời thứ 14, dòng Vô Ngôn Thông. Sau sư trở về chùa Thông Thánh – làng Chu Minh, phủ Thiên Đức trụ trì. Ở Lạc Bình đến Thiên Tiên. Tiên hỏi: Từ đâu đây sư giảng dạy tông chỉ Thiền cho môn đến? Bình nói: Từ Nam Khê đến. Tiên hỏi: đồ. Có vị đệ tử cư sĩ là Ứng Thuận kế thừa Có đem được tin tức Nam Khê đến chăng? tông phái của sư. Theo: Thiền sư Việt Nam Bình nói: Hưởng dụng thì có hưởng dụng, của HT. Thanh Từ. nhưng lãnh ngộ thì chưa lãnh ngộ. Tiên nói: Khổ nhất là chưa lãnh ngộ«. TỨC NGÔN ĐỊNH CHỈ

Theo lời nói mà biện rõ, xác định ý chỉ. TỨC Đây là phương pháp tham thiền chấp trước Đặt ở đầu câu phán đoán, làm tăng ngữ khí ở lời nói. Minh Giác ngữ lục q. 1 ghi: » phán đoán. Đàn Kinh bản Đôn Hoàng ghi: » – Chính phiền não là Bồ đề.« Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » – Bậc thượng sĩ gặp nhau, một lời – Từ xưa đến nửa câu giống như đập đá nháng lửa, chớp nay đều nói: Chính tâm là Phật.« mắt liền vù qua, nên chẳng phải là theo lời nói mà biện rõ, xác định ý chỉ, mắc kẹt vào TỨC KIM câu nói mà mê mất cội nguồn«. Hiện nay, bây giờ. Tiết Thiên Trụ Sùng Huệ Thiền sư trong NĐHN q. 2 ghi: »

TỨC TÂM TỨC PHẬT Còn gọi: Tức tâm thị Phật. Tâm chính là Phật. Tiết Huệ Trung Quốc Sư trong TĐT – Hỏi: Lúc Đạt-ma chưa đến q. 3 ghi: » Trung Quốc, có Phật pháp hay không? Sư đáp: Chưa đến hãy gác lại, việc hiện nay – Hòa thượng là gì?« Phục Ngưu mang thư của Mã Đại sư đến Vô Môn Quan ghi: »

TƯỚC PHẠN ỦY TIỂU NHI

chỗ Quốc sư. Quốc sư hỏi: Mã Đại sư nói pháp gì để dạy người? Phục Ngưu nói: » Tức tâm tức Phật«. – Như trâu kéo xe, nếu Tiết Đạo Nhất, đời thứ 2 dưới Đại Giám xe không chạy thì đánh xe là phải hay đánh trong CTTNL q. 1 ghi: » trâu là phải?« – Hỏi: Phật là 2. Dù cho, giả như, biểu thị giả thiết gì? Sư đáp: Tức tâm thị Phật«. nhượng bộ. Duy Tắc ngữ lục q. 1 ghi: »

TỨC THẢ TRÍ Còn gọi: Tức thả chỉ , tức thả tùng . Hãy gác lại, tạm gác lại. Đặt ở cuối phân câu trước trong câu phức, biểu – Cái này là Tổ sư đưa ra nhận xét về thị gạt bỏ nội dung của điều nào đó không những điều tóm tắt quan trọng của tông phải là chủ đề của câu chính. Phân câu sau môn mà các vị đã biết. Biết thì cho quý vị thông thường là câu nghi vấn. Tiết Bách biết, song có từng lãnh ngộ hat chưa? Giá Trượng Hoài Hải Thiền sư trong NĐHN q. như chưa lãnh ngộ, chớ nên dễ dãi bỏ qua, 3 ghi: »

cần phải ở chỗ vắng vẻ phấn chấn tinh – Tăng hỏi thần
tự mình mò tìm xem!« ngài Tây Đường: Có hỏi có đáp hãy gác lại, lúc không hỏi không đáp thì sao?« TƯỚC PHẠN ỦY TIỂU NHI Tiết Pháp Xương Ỷ Ngộ Thiền sư trong NĐHN q. 16 ghi: » Nhai cơm mớm cho trẻ nít, dụ chỉ lòng mẹ
thương con; trong Thiền tông còn gọi là – Sư lấy cây gậy vạch một đường,
Lão bà tâm, ngầm chứa ý nghĩa vì lòng từ nói: Cái này hãy gác lại, việc của tông bi nên thiền sư lập bày ra lời nói rườm rà môn là gì?« để tiếp dẫn người học. Tiết Từ Vân Ngạn Tiết Hàm Châu Thẩm Thiền sư trong Long Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: » NĐHN q. 13 ghi: »
– Hỏi
tăng: Trương Vương, Lý, Triệu chẳng phải tính xưa
nay của ông, tính xưa nay của ông là gì? Đáp: Đồng tính với Hòa
thượng. Sư bảo: Đồng tính hãy gác lại, tính xưa nay
của ông là gì?« – Sư thượng đường nêu ra công án Ngài Huyền Sa dạy
chúng rằng: Khắp mặt TỨC THỊ đất đều là một hạt minh châu. Khi ấy có 1. Là phải? Đặt ở cuối câu nghi vấn, biểu một vị tăng hỏi: Đã là một hạt minh châu, thị ngữ khí lực chọn. Tiết Nam Nhạc Hoài vì sao học nhân chẳng biết? Sa nói: Toàn Nhượng Thiền sư trong NĐHN q. 3 ghi: thể là châu, còn bảo ai biết? Tăng nói:

TƯƠNG Mặc dù toàn thể là châu, hiềm vì học nhân chẳng biết? Sa nói: Hãy hỏi con mắt của Uống nước muối để giải khát, dụ cho hành ngươi. Sư bảo: Này chư thiền đức, công án vi cực kỳ sai lầm, chẳng những không đạt này được gọi là Nhai cơm mớm cho trẻ nít, đến mục đích mà còn chuốc lấy hậu quả đã lấy tay dìu dắt còn đưa thêm gậy«. ngược lại. Tiết Tây Thiền Thủ Tịnh Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » TƯƠNG
Trợ từ được đặt sau động từ, không dịch, – Bàn huyền nói
diệu giống như tụng đằng sau nó là cụm từ mang xu hướng cứt vãi đái. Sử dụng đánh hét khác nào động từ. Vân Môn quảng lục q. thượng ghi: uống nước muối để giải khát.« » – Đối trước đại chúng hỏi đi!« TƯƠNG ĐẦU MỊCH ĐẦU Mật Am ngữ lục ghi: » Mang đầu đi tìm đầu. Đầu ở trên vai của
thân mình mà lại đi tìm kiếm nó khắp nơi.
Dụ cho không biết chân tính nhà mình lầm – Đến đây đối với người cho vật hư giả của thế giới bên ngoài là khác thế nào mới phải? Đánh được chăng? thật. Ngầm dùng điển cố »Nhận bóng quên Hét được chăng? Không ai nhảy xuống đầu« của Diễn-nhã-đạt- đa. X. Nhận ảnh giường thiền, trở về phương trượng mê đầu. chăng? Không, riêng đem hai lời đáp này Lâm Tế ngữ lục ghi: » đổi mới được chăng?« TƯƠNG CÔNG DỤNG CÔNG
– Đem công phu tu hành cầu thành
công. Tự Vì ngươi tìm tâm ở khắp nơi chẳng thôi tâm là Phật, mọi người sẵn đủ, xưa nay cho nên Tổ sư nói: Dốt thay trượng phu, thành công trọn vẹn. Người ngu chẳng biết mang đầu đi tìm đầu. Ngay lời nói ngươi lý này, hướng ra ngoài dụng công phu, câu tự hồi quang phản chiếu, lại không tìm gì nệ vào văn tự ngữ ngôn, chấp trước nghĩa khác, biết thân tâm cùng Tổ Phật không lý tri giải, khắp nơi tìm cầu. Cách làm như khác, lập tức vô sự, mới gọi là đắc pháp.« thế, nhà thiền gọi là tương công dụng

công. Lại Toản Hòa thượng trong TĐT q. 3 ghi: TƯƠNG ĐƯƠNG »
Còn gọi: Tương ưng . Khế hợp (thiền – Đem công phu tu pháp). Vân
Môn quảng lục q. thượng: » hành để cầu thành công là việc làm quanh
co mờ mịt, chấp trước thì chẳng được, – Đừng để lão tăng không
chấp thì tự thông suốt.« gặp, bắt lại để khám nghiệm, nếu chẳng khế hợp thiền pháp sẽ nện cho gãy lưng. TƯƠNG DIÊM CHỈ KHÁT Chớ bảo ta chẳng nói.«

TƯƠNG PHẬT CẦU PHẬT Tín Tâm Minh ghi: » không, vì thế còn
hướng ra bên ngoài tìm – kiếm chính là »Mang không tìm
không«. Nói nhiều lo nhiều, càng chẳng khế hợp Mê ngộ bất nhị, thập tứ khoa tụng trong thiền pháp. Bặt nói bặt lo, chỗ nào cũng CĐTĐL q. 29 ghi: » thông
suốt.« TƯƠNG ĐƯƠNG
– Sóng nắng vốn Coi là, coi như. Tiết Động Sơn Hòa thượng chẳng phải nước, nai khát hớt hải chạy trong TĐT q. 6 ghi: » cuồng. Thân mình giả dối chẳng thật,
mang không lại muốn tìm không. Người đời
ngu mê quá mức, như chó sủa vang – Khổ thay! Khổ thay! mặt trời.« Người
học thời nay tất cả đều như thế. Chỉ biết nô lệ người khác mà coi như được TƯƠNG PHÁP CẦU PHÁP pháp nhãn thiền tăng. Phật pháp chìm mất chính là đây vậy.«
Còn gọi: Tương đạo mịch đạo. Đem pháp tìm pháp. Tự tâm là Phật, Phật pháp không TƯƠNG HOÁN ĐẢ THU THIÊN hai vì thế tâm chính là Pháp. Người ngu mê
không biết lý này lại tìm pháp ở bên Thu thiên là cây đu, một trò chơi của trẻ ngoài, nhà thiền gọi hành động đó là Đem con. Tương hoán đả thu thiên nghĩa là kêu pháp tìm pháp. Đại Châu ngữ lục q. hạ: gọi nhau chơi đánh đu; trong Thiền tông »
– Tâm là dụ cho cảnh giới vô tâm như trẻ con, hoặc pháp, chẳng cần đem pháp
tìm pháp.« dạo chơi cảnh tự tại tiêu diêu. Tắc 73, Đại Thừa Tán của Bảo Chí Hòa thượng Thung Dung lục (Đại 48, 273 trung) ghi: trong CĐTĐL q. 29 ghi: »
– Thế gian có vài người ngu,
đem đạo tìm đạo, tìm nhiều »Tân mãn hiếu, tiện phùng xuân, nghĩa lý thêm rối ren, tự cứu thân mình (Tương hoán đả thu thiên) chẳng xong.« Túy bộ cuồng ca nhậm đọa cân«. »Mới mãn tang, gặp mùa xuân đến, TƯƠNG PHẬT CẦU PHẬT (Gọi nhau chơi đánh đu) Ngất ngưỡng ca ngông để rớt khăn«. Đem Phật tìm Phật. Ý nói người ngu chẳng biết tâm mình là Phật mà hướng bên ngoài TƯƠNG KHÔNG MỊCH KHÔNG tìm cách làm Phật. Đại Châu ngữ lục q. hạ ghi: » – Mang Không tìm
không. Phật giáo cho Tâm là Phật, chẳng cần đem Phật tìm rằng muôn vàn sự vật trên thế gian bao Phật.« gồm thân người đều là hư huyễn đều là

TƯƠNG SƠN TỰ TƯƠNG SƠN TỰ TƯƠNG TÂM ĐÃI NGỘ Ở núi Tương
Sơn, thành phố Tuân Nghĩa, Đem tâm mong đợi ngộ. Cho bản tâm đối tỉnh Quý Châu, Trung Quốc. Khoảng niên đãi với thiền ngộ, là biểu hiện của vọng hiệu Đại Đức (1297-1307) đời Nguyên tâm phân biệt, đối lập. Đáp trung thừa sáng lập, gọi là »Hộ Quốc Tự«, sau bị hủy. Trịnh Côn Nham trong HSLNMDT q. 1 Đời Thanh xây lại trên nền cũ đổi tên là ghi: » »Tương Sơn Tự«. Có tiền điện, trung điện,
hậu điện và sương phòng trái phải,hành lang
gấp khúc bao quanh. Hai bên sơn môn – Lại: Nếu đem tâm có 5 tòa tháp 7

tầng đều đặc sắc. Quận thủ mong đợi ngộ, tức nó là gốc rễ của sinh tử. Triệu Tôn Luật đổi tên chùa là »Song Đợi đến cùng kiếp cũng không thể ngộ, vì Tuyền Thiền Viện«. chẳng rõ chơn tâm hoàn toàn sạch hết mọi đối đãi, tưởng đâu riêng có việc này.« TƯƠNG TÂM CẦU TÂM TƯƠNG TÂM TRÓC TÂM Đem tâm tìm tâm. Ý nói mọi người tự có bảo tâm thanh tịnh, người si mê lại hướng Đem tâm tìm bắt tâm. Đoạn Tế Tâm Yếu ra ngoài tìm lấy tâm nầy. Đoạn Tế Tâm ghi: » Yếu: »

– Chỉ – Biết tâm

nhất tâm này tức là Phật, Phật cùng chúng đạt cội nguồn nên gọi là Sa môn. Quả vị sa sinh không có gì khác. Ngặt vì chúng sinh môn do dừng vọng tưởng mà thành, chẳng chấp tướng tìm bên ngoài, càng tìm càng từ nơi học được. Hiện nay ngươi đem tâm mất. Khiến Phật đi tìm Phật, đem tâm tìm tìm tâm bên nhà hàng xóm, chỉ định học bắt tâm, cùng kiếp hết đời đều chẳng thể lấy, có bao giờ được!« được.«

TƯƠNG TÂM DỤNG TÂM TƯƠNG THÂN Gần gũi, tiếp cận, phù hợp (thiền pháp). Đem tâm dụng tâm. Ý nói bản tâm thanh Tiết Dược Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 4 tịnh, tự có Phật tính, người mê lại vọng ghi: Sư viết: » sinh ý nghĩ rơi vào tri giải. Thế là mê mất bản tâm. Tín tâm Minh ghi: »

– – Người trí tự tại vô tác, kẻ ngu dụng tâm tự Sư bảo: Hải (chỉ Bách Trượng Hoài Hải trói. Pháp chẳng là pháp, vọng tự chấp Thiền sư) sư huynh trong suốt một ngày trước cho là pháp. Đem tâm dụng tâm, há dạy pháp gì cho đại chúng? Tăng đáp: Có chẳng phải lầm lớn.« khi dạy ngoài ba câu hãy tỉnh ngộ, có khi

TƯƠNG TỰ BÁT NHÃ dạy ngoài sáu câu hãy lãnh hội, có khi nói Định thấy cái gì mà lễ bái?« nếu chưa được tông chỉ thiền hãy nương vào Liễu nghĩa giáo sẽ có phần gần gũi TƯƠNG THỨ thiền pháp.« Nghĩa là sơ suất, vội vàng. Tắc 54, Bích Nham lục (Đại 48, 186 hạ) ghi: » TƯƠNG THÂN XỨ Nghĩa là cảnh giới thể đắc diệu đạo. – Chương Vân Môn Văn Yển trong CĐTĐL Lại hỏi chẳng biết sao quá hiểm? (Không q. 19 (Đại 51, 357 thượng) ghi: » thể cùm mù gậy đui, Tuyết Đậu té ra còn chưa biết, mà Xà-lê đã vội vàng bám lấy)«. – Sở dĩ lập TƯƠNG TỬ TƯỚC TỰU ĐỊA ĐẠN phương tiện buông ra một lời nửa câu là mở lối cho các ông vào. Việc này hãy gác Bắn cin chim sẻ đã chết, dụ cho hành vi hết qua một bên. Nếu ông đem hết sức ra để sức dễ dàng không có mảy may giá trị. tham cứu thì đâu chẳng phải có ít cảnh Khiến người tức cười. Tiết Hưng Hóa Tồn giới thể đắc diệu đạo?« Tương Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: » TƯƠNG THÓA NHIÊU NHĨ BÁT THỦY – Hôm Còn gọi: Tương mạ nhiêu nhĩ tiếp chủy. nay ta hỏi vị khách mới đến như sau: Bắn Tiếp nước cho ông phun nhau. Khi hai con chim sẻ đã chết là bắn ngay trong ổ, người tranh luận kịch liệt thì nước bọt đến khi ngươi nói ra được. Lại kêu to lên văng tung tóe. Nếu nước bọt không đủ thì là bắn nó trong mây xanh.« có thể phun nước để trợ giúp uy thế. Thiền tông thường dùng cụm từ này để chỉ dụ TƯƠNG TỰ BÁT NHÃ cho cảnh giới tự do tự tại không bị hạn Trí huệ chân thật gọi là Bát-nhã. Tương tự cuộc câu nệ.

Tắc 58, Bích Nham lục (Đại Bát-nhã là chỉ cho trí giống như phải mà 48, 191 hạ) ghi: »
chẳng phải, như: Tương tự thiền, tương tự – Lấp Thiền
đồ, tương tự ngôn ngữ... , những bít miệng người (Tiếp nước cho ông phun dụng từ thường thấy nơi ngữ lục Thiền nhau, ôi! Xà-lê nói cái gì?)«. tông. Tắc 78, Bích Nham lục (Đại 48, 205 thượng) ghi: » TƯƠNG THỐ TỰU THỐ
Phóng lao phải theo lao. Tắc 32, Bích Nham lục (Tục 117,
162, hạ) ghi: » – Nếu ông ngộ rồi thì có
thể an nhiên được – Như vô sở hữu, ngàn muôn chẳng dính vào
ông tối gặp đèn, như nghèo được của, phóng được. Vì thế nói rằng không có sở đắc là lao phải theo lao. Thử hỏi Thượng tọa chân Bát-nhã, nếu có sở đắc là Tương tự

TƯƠNG VỊ Bát-nhã«. sư Phúc Nghị, đời thứ 40 hệ Thanh Nguyên. Trụ trì chùa Diễn Giáo ở Quy An. TƯƠNG VỊ Tưởng đâu, ngỡ rằng. Huệ Tịch ngữ lục TƯỜNG MẠI ghi: » Thiền tăng đời Nguyên, họ Hô Diên, tự – Cái ông
Thầy này, Như Ý, người đời thường gọi sư là »Như Ý ta tưởng đâu đã bị giấy cũ chôn vùi, té ra Thiền sư«, người xứ Thái Nguyên (nay vẫn còn đây.« thuộc Sơn Tây) Trung Quốc. Xuất gia năm lên 9, từng ở chùa Cam Tuyền Phổ Tế Bắc TƯƠNG VỊ CHÚNG SINH KHỔ, Bàn Sơn tại Kế Châu (nay là huyện Tế tỉnh CÁNH HỮU KHỔ CHÚNG SINH Thiên Tân). Sư chuyên nghiên cứu sách trong đạo ngoài đời, yếu chỉ của 5
nhà Tưởng đâu cái khổ của chúng sinh, ai dè trong Thiền tông, cái học của đạo Nho, lại có chúng sinh khổ. Ý nói trong khổ có giỏi văn chương. Sau đó sư trụ chùa Vân khổ. Tiết Cảnh Thanh Đạo Phó Thiền sư Phong núi Đạo Giả tại Đại Đô (nay là Bắc trong NĐHN q. 7 ghi: » Kinh), vừa gặp lúc tranh luận kịch liệt giữa
3 giáo: Nho, Phật, Đạo vào buổi giao thời – cuối đời
Tống-đầu đời Nguyên. Năm 1291, Sư hỏi tăng: Phía ngoài là tiếng gì? Tăng sư vâng lệnh Vua soạn »Biện Ngụy lục« 5 thưa: Tiến con rắn bắt ễnh ương. Sư bảo: quyển, đứng trên lập trường của Thiền Tưởng đâu chúng sinh khổ, lại có kẻ khổ tông chỉ bày và quở trách Đạo giáo lập hơn chúng sinh.« Thiên Tôn, lập kiếp vận niên hiệu, du hóa cửu thiền, hợp khí làm đạo v.v... đều là giả TƯƠNG VỊ HỒ TU XÍCH, CÁNH dối. Sách này được phổ biến ở đời. HỮU XÍCH TU HỒ TƯỜNG QUANG (1741-1830)
Thiền tăng đời cuối Lê đầu Nguyễn, thuộc Tưởng đâu râu tên Hồ thì đỏ lại gặp tên Hồ tông Lâm Tế đời thứ 42. Sư họ Nguyễn, đỏ râu, ý nói tưởng đâu mình mạnh thế mà quê ở bến đò Trình Viên, Hà Nội, miền còn có kẻ mạnh hơn. NĐHN q. 3 ghi: » Bắc Việt Nam. Thuở bé, sư đến chùa Vân Trai đảnh lễ Hòa thượng Kim Liên
xin – xuất gia. Sau khi được thu nhận là môn đồ Hoàng Bá bước
đến gần tát sư (Thiền sư ở chùa Vân Trai, sư rất cần mẫn tu tập. Hoài Hải) một tát. Sư vỗ tay cười nói: Đến lớn lên được thụ giới cụ túc xong, sư Tưởng đâu râu tên Hồ thì đỏ, lại gặp tên thường tu tập theo hạnh đầu-đà, tịch cốc 3 Hồ đỏ râu«. năm, mỗi ngày ăn một bữa trong 6 năm. Cả TƯỜNG KHIẾT (1750-1825) ngày sư chỉ tụng kinh, lễ Phật nhiễu tháp và luôn thúc liễm thân tâm. Sư rất khiêm Thiền tăng đời Thanh, họ Lưu, tự Chủ hạ, nếu gặp vị tăng nào đến là sư ra đảnh Vân, hiệu Bích Nham, người xứ Dư Hàng, lễ, chẳng phân cao thấp. Kệ thị tịch: Chiết Giang, Trung Quốc. Nối pháp Thiền

TỲ LÔ THÁP không nổi. Sư liền thuận tay giựt lấy cây cuốc, đưa lên nói: Tại sao bây giờ ở trong tay con?«. Nhất đẳng nhân tu vô vi pháp TỰU THƯỢNG Nhị đẳng nhân phúc huệ song tu Ngay tại chỗ. Tiết Thiên Đồng Liễu Phác Tam đẳng nhân hành thiện trở ác Thiền sư trong NĐHN q. 18 ghi: Tứ đẳng nhân tam tạng tinh thông »Người bậc nhất tu pháp vô vi Người bậc nhì phúc huệ cùng tu Người bậc ba làm thiện chừa ác Người bậc bốn tam tạng tinh thông«. »Điện tích lão xi vật Văn đắc ha ha tiếu Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. Tam môn trắc nhĩ thính Tựu thượng đả chi nhiễu«. TƯỞNG SƠN »Cây đòn dông ngu dốt X. Chung sơn. Nghe được cười hô hố Cổng tam quan lắng nghe TỰU NGỮ TIẾP NHÂN Đi loanh quanh tại chỗ«. Căn cứ vào câu hỏi hoặc cơ ngữ của người học, thấy có lợi cho việc dẫn dắt, thiền sư TỲ-DA LÃO CỔ CHÙY mới chỉ dạy khiến cho họ khai ngộ. Đây là một thứ lập bày của nhà thiền. Duy Tắc Chỉ cho cư sĩ Duy-ma ở nơi thành Tỳ-da- ngữ lục q. 9 ghi: » ly. Lão cổ chùy là chỉ cho Thiền sư lão – Tông Tào Động tựu ngữ luyện. Tắc 6, Thung Dung lục (Đại 48, 231 tiếp nhân, tùy cơ ứng vật«. thượng) ghi: »
TỰU THÂN ĐẢ KIẾP Trả đũa. Tắc 7, Bích Nham lục (Tục 117, 135, hạ) ghi: » – Do thuốc – Thoát khỏi khuôn mẫu, mà làm thành bệnh, hãy xem các bậc đem nhân bánh bằng sắt để trả đũa«. Thánh trước kia. Lấy bệnh để trị bệnh, hẳn là người nào? Đầu bạc đầu xanh đều là TỰU THỦ những đứa con làm nên nhà cửa. Câu Hữu Thuận tay. Lâm Tế ngữ lục ghi: » câu Vô thảy là cơ pháp cắt đứt vọng tưởng.

Rành rành cắt đứt chót lưỡi mọi người, đáng cười thay lão Duy-ma lão luyện«. – Hoàng Bá dựng đứng cây cuốc, bảo: Chỉ một cái này, tất TỲ LÔ THÁP cả mọi người trong thiên hạ đều nhấc lên Còn gọi: Từ Vân Tháp, Chân Thân Tháp.

TỲ LÔ THIỀN TỰ Nằm trên sườn núi phía tây chùa Tứ Tổ núi trụ trì. Phá Ngạch, cách trung tâm huyện Hoàng Mai, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc 15km về TỲ-NI-ĐA-LƯU-CHI phía tây. Là mộ tháp của Tứ Tổ Đạo Tín (?-594) được xây vào niên hiệu Vĩnh Huy thứ 2 Thiền tổ thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi, người (651) đời Đường. Sườn núi bằng phẳng Nam Thiên Trúc (Nam Ấn Độ) dòng Bà- như sân phơi, tháp được xây trên đó bằng la-môn tên Vinītaruci. Thuở nhỏ đi khắp gạch đá mô phỏng kết cấu gỗ, theo kiểu miền Tây Trúc (Tây Ấn Độ) để tham khảo đình mái chồng, cao khoảng 15m. Phía Thiền tông, nhưng cơ duyên chưa gặp, nên dưới là nền đài rộng 10m, sâu 9,5m gần sư lại sang Đông Nam. Sư đến Trường An, thành hình vuông. Trên nền đài xây một Trung Quốc vào niên hiệu Đại Kiến thứ 6 tòa Tu-di cao lớn điêu khắc những hoa văn (574) đời Trần Tuyên Đế, gặp thời Chu Võ cánh sen đường nét thô thiển. Ba mặt đông Đế phá diệt Phật pháp, sư lại phải sang đất tây nam của thân tháp xây cửa vòng cung Nghiệp (Hồ Nam). Lúc ấy, tổ Tăng Xán hoa sen mở ra rộng thoáng, dưới mái tô đang mang y bát ở ẩn trong núi Tư Không, điểm bằng đấu củng, xà nhà, rường nhà bỗng nhiên sư tìm gặp được Tổ; sau khi khắc gạch mô phỏng theo cấu kiện gỗ. Còn được tâm ấn, sư từ biệt Tổ sang Quảng có khảm gạch có khắc chữ, phía trên có Châu trụ trì tại chùa Chế Chỉ. Thời gian khắc danh hiệu chư Phật. Đỉnh tháp là một sáu năm

ở đây, sư dịch xong bộ kinh vòm cầu hình trứng, đây là hình thức hiếm »Tượng Đầu Tinh Xá« chữ Phạn ra chữ thấy trong tháp cổ. Tháp này trong tròn Hán. Đến niên hiệu Đại Tường thứ 2 (580) ngoài vuông, hình dáng vững vàng, khí thế đời Chu, sư sang Việt Nam trụ trì tại chùa hiên ngang. Pháp Vân (Hà Đông). Nơi đây, sư dịch xong bộ kinh Đại Thừa Phương Quảng TỲ LÔ THIỀN TỰ Tổng Trì. Niên hiệu Khai Hoàng thứ 14 Ở Hậu Lý, tỉnh Đài Loan, Trung Quốc. (594) đời Tùy, sau khi truyền pháp cho Vọng tộc Phong Nguyên là Lữ Hậu Am Pháp Hiền xong, sư chắp tay thị tịch. Pháp lúc sinh tiền thích làm việc thiện hay bố Hiền làm lễ hỏa táng, lượm xá-lợi năm sắc, thí, sùng tín Phật pháp. Sau khi ông tạ thế, xây tháp cúng dường. Về sau, vua Lý Thái vợ của ông là Lâm Thị ngộ trần thế vô Tông có làm bài kệ truy tán: thường, bèn cho bốn người con gái: Diệu Trần, Diệu Quán, Diệu Thức, Diệu Trạm,
và hai người cháu gái là Diệu Bổn, Diệu Thiên lễ Hòa thượng Giác Lực chùa Pháp Vân ở Đại Hồ làm thầy, cùng lúc xuất tiền Sáng tự Nam lai quốc. bạc khởi công xây dựng đạo tràng. Chùa Văn quân cửu tập thiền cất xong đặt tên là »Tỳ Lô Thiền Tự«, Hòa Ứng khai chư Phật tính thượng Giác Lực làm trụ trì khai sơn. Sau Viễn hợp nhất tâm nguyên khi ngài tịch, do Diệu Trần, Diệu Thức kế Hạo hạo Lăng-già nguyệt nhiệm. Năm 1955 do Diệu Bản kế nhiệm Phân phân Bát-nhã liên

TỴ KHỔNG LIÊU THIÊN Hà thời hạnh tương kiến nhưng vẫn còn thua hơn Tần Vương trăm Tương dữ thoại trùng huyền bước«. »Mở lối nước Nam đến Cũng gọi Tỷ tinh . Pháp Diễn ngữ Nghe sư giỏi tập thiền lục q. trung ghi: » Mở bày chư Phật tính Xa hợp một nguồn tâm – Bé gái ở đợ Rực rỡ Lăng-già nguyệt vẽ lông mày trước đài gương cong, nói lời Ngào ngạt Bát-nhã sen như ngu ngốc, tự cho rằng gương mặt Bao giờ được gặp mặt người đẹp khó sánh (với bé), trên giá lại Cùng nhau luận đạo huyền«. còn treo chiếc áo lụa.«. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh TỴ KHỔNG Từ. Lỗ mũi, dụ chỉ chỗ then chốt của việc tham thiền, con đường đốn ngộ. Như Tịnh Tục TỶ ngữ lục ghi: » Vốn, xưa nay. Phần Dương ngữ lục q. thượng ghi: »
– Lão tăng xem thấy các bậc thầy – Ta vốn muốn ở nơi suối rừng, ngày nay đều không có lỗ mũi mà hay khoe nương chúng qua ngày«. danh khoe lợi, chưa từng thôi nghỉ«. TỶ LAI TỴ KHỔNG ĐOAN CHÍNH Vốn là, sẵn có. Tiết Triệu Châu Hòa thượng trong TĐT q. 18 ghi: » Lỗ mũi ngay ngắn. Thiền tông mượn hình tượng này để chỉ cho người tỏ ngộ được
– pháp thân một cách triệt để. Thiền Lâm Viện chủ thỉnh thượng đường, sư thăng tòa Bảo Huấn q. 3 ghi: » xướng bài ca tụng đức tướng của Phật.
Viện chủ nói: Vốn là thỉnh thượng đường, cái này là bài ca tụng Như Lai«. – Dụng Điệt là người TỶ KIM luôn luôn thanh liêm kiệm ước, không thắp đèn dầu của thường trụ. Hoa Điệt thấy thế Bây giờ. Tông Môn Võ Khố ghi: » nói bỡn rằng: Một ngày kia ông làm Trưởng lão, cần phải là người có lỗ mũi – Ta với ông chia tay vừa hơn một tháng, ngay ngắn mới được, đâu thể lấy việc nhỏ bây giờ gặp nhau thì thế nào?« này làm chỗ sở đắc vậy ư?« TỶ TOẠI TỴ KHỔNG LIÊU THIÊN So sánh. Tiết Sơ Sơn Khuông Nhân

Thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: » Lỗ mũi chọc trời, chỉ cho người triệt ngộ.
– Dù Gia Thái Phổ Đăng lục q. 28 ghi: ngươi như Hùng Tín đỡ được ngọn giáo,

TỴ NỊCH ĐẦU HỎA Thọ Tự. Sau đó lại dùng tên cũ »U Thê Tự«. Các vị: Trí Oai, Huệ Trung, Huyền »Nhãn không tứ hải tứ tung hoành Tố đều ở chùa này. Niên hiệu Khang Hy Tỵ khổng liêu thiên tín cước hành«. thứ 6 (1667) đời Thanh, chùa được trùng »Mắt trùm bốn biển dọc ngang, tu. Bên trái chùa có Tổ động, tương truyền Mũi xuyên trời thẳm bước chân vững là chỗ ngài Pháp Dung hàng phục rắn thần. vàng«. Mé sau chùa có: Hiến hoa nham, tương truyền là chỗ trăm con chim dâng hoa khi TỴ NỊCH ĐẦU HỎA ngài Pháp Dung giảng kinh Pháp Hoa. Tránh chết chìm lại bị chết cháy, tỷ dụ cho tâm thủ xả chưa trừ, từ cực đoan này sang UNG CHÍNH NGỰ TUYỂN NGỮ cực đoan khác. Chương Chứng Đạo Ca LỤC trong CĐTĐL q. 30 ghi: X. Ngự Tuyển ngữ lục. UNG HY TỰ »Khí hữu trước không bệnh diệc nhiên Chùa Chi Đề vào đời Tống gọi là Ung Hy Hoàn như tỵ nịch nhi đầu hỏa«. Tự. X. Chi Đề Tự. »Bỏ có, níu không, bệnh vẫn nguyên, Khác nào trốn nước sa vào lửa«. ÚNG TRUNG TẨU MIẾT Còn gọi: Úng trung tróc miết. Con ba ba

U chạy trong lu, chỉ cho việc làm dễ dàng, nắm chắc trong tay. Tắc 13, Thiền sư Cương Nhuyến đáp thư của thiền nhân U CHÂU KHÔNG trong Thiền Quan Sách Tiến ghi: » Thiền sư Đàm Không là người xứ U Châu (nay là Bắc Kinh), người đời gọi là »U – Trọn ngày như kẻ ngây Châu Không«. X. Đàm Không. khờ. Khi thời tiết đến, không còn sợ con ba ba chạy trong lu«. U THÊ TỰ Chùa nằm cách Phật Quật Tự trong núi UẨN KHÔNG Nam Tổ Đường, huyện Giang Ninh, tỉnh Hiệu của Thiền tăng Thường Trung đời Giang Tô, Trung Quốc 8km, được xây Minh. X. Thường Trung. dựng khoảng niên hiệu Đại Minh (457- 464) đời Lưu Tống. Vào niên hiệu Trinh UẨN NĂNG Quán thứ 18 (644) đời Đường, ngài Pháp Thiền tăng đời Tống, họ Xương, hiệu Huệ Dung dựng thiền thất ở dưới gộp núi phía Mục, người xứ My Châu (nay là huyện My bắc của chùa và ẩn tu nơi đó. Sau khi ngài Sơn tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc. Thuở thị tịch, môn nhân xây tháp tại đây. Về sau nhỏ sư theo Nho học, nghiên cứu nhiều chùa được đổi tên là: Tổ Đường Tự, Diên kinh điển. Năm 22 tuổi, trong lúc đối chiếu

UYỂN LĂNG LỤC sách, sư chợt xem được sách thiền, giống ỦY TÂM như có sở đắc, liền xuất gia. Ban đầu sư Dốc lòng. Thượng sĩ Hành trạng trong Tuệ tham vấn Thiền sư Bảo Thắng Trừng Phủ, Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: » chẳng khế hợp; sư liền đến Kinh Hồ tham – Ngài khắp các bậc đại đức. Cuối cùng sư tham đến tham vấn thiền sư Tiêu Dao ở tinh xá Thiền sư Đại Quy Xuân và đắc pháp. Sư Phúc Đường, lãnh hội được yếu chỉ, dốc từng đối cơ với ngài, khi ngài hỏi về nhân lòng thờ Tiêu Dao làm thầy«. duyên thâu kiếm, sư trả lời rất hợp với ý chỉ, Thiền sư Xuân cười nói: »Ba mươi ỦY TẤT năm qua ta cưỡi ngựa, hôm nay bị lừa đá«. Biết. Như Tịnh ngữ lục, q. thượng ghi: » Từ đó, sư nổi tiếng. Sau khi trở về Tứ Xuyên, đầu tiên sư trụ trì chùa Báo Ân, rồi – Nạp tăng tôi ở chốn núi rừng làm

dời về chùa Trung Nham trụ trì trên 30 sao tuyên bày với đức vua? Có biết cho năm, thuyết pháp chẳng chịu cho người ghi chăng?« chép; lúc lâm chung sư viết kệ xong, ngồi thị tịch. ỦY THUẬN Tạ thế. Tiết Nhị Tổ Huệ Khả Đại Tổ Thiền sư trong NĐHN q. 1 ghi: » UẨN THÔNG (965-1032) – Tổ, vui vẻ tạ thế, bậc thức giả Thiền tăng đời Tống, họ Trương, người xứ cho rằng Tổ trả nợ kiếp trước, năm ấy Tổ Nam Hải (nay là Quảng Châu) Trung được 107 tuổi«. Quốc. Sau khi xuất gia, sư tham vấn ngài Bách Trượng Đạo Thường rồi tham Thủ ỦY ỦY TÙY TÙY Sơn Tỉnh Niệm được đại ngộ và nối pháp Dáng vẻ uể oải, thấp hèn. Lâm Tế ngữ lục ngài, thuộc tông Lâm Tế. Sau đó sư du ghi: » phương tham vấn các ngài: Động Sơn Thủ Sơ, Đại Dương Cảnh Huyền, Trí Môn Sư – Nếu ông muốn được như pháp Giới. Niên hiệu Cảnh Đức thứ 3 (1006), sư thì cần phải là bậc đại trượng phu mới trụ Thạch Môn Sơn, Tương Châu (nay là được; còn nếu thấp hèn uể oải thì không huyện Tương Phàn, tỉnh Hồ Bắc). Niên thể được«. hiệu Thiên Hy thứ 4 (1020), sư dời đến trụ trì Thái Bình Hưng Quốc Thiền Tự ở núi UYÊN HỒ Cốc Ẩn. Đồ chúng của 2 chùa đông hơn Hiệu của Thiền tăng Diệu Dụng đời Minh. ngàn người và sư còn giao du với các vị X. Diệu Dụng. như: Hàn lâm Dương văn Ức. Thụy hiệu: Từ Chiếu Thiền sư. Phò mã Lý Tuân Úc UYỂN LĂNG LỤC soạn văn bia cho sư. Tác phẩm: Thạch Gọi đủ: Hoàng Bá Đoạn Tế Thiền sư Uyển Môn Sơn Từ Chiếu Thiền sư Phụng Nham Lăng lục. Còn gọi: Đoạn Tế Thiền sư Uyển tập 1 quyển. Lăng lục. Sách, 1 quyển, do Bùi Hưu biên

ỨNG AM ĐÀM HOA THIỀN SƯ NGỮ LỤC vào đời Đường, được xếp vào Đại Chính trì Bảo Phong Thiền Viện ở Lặc Đàm. Tạng tập 48, trang 384. Nội dung bao gồm những mẩu đối thoại giữa Hoàng Bá Hy ỨNG CƠ Vận và các vị như Bùi Hưu lúc ở Uyển Còn gọi: Phát dụng. Ra tiếp hóa cứu giúp Lăng về cơ duyên Tông thừa. Hy Vận kế mọi người, chẳng hạn như làm Trụ trì... thừa tư tưởng »Tức tâm tức Phật« của Mã sau khi kiến tính triệt để. Chứng Đạo Ca Tổ Đạo Nhất, ra sức đề xướng thuyết của Thiền sư Huyền Giác ghi: »Tâm tức là Phật« chẳng hạn như: »Tâm ông là Phật. Phật tức là tâm. Tâm Phật chẳng khác«. Tư tưởng »Tâm Phật nhất như« này, có thể thấy nhiều chỗ trong Uyển Lăng lục. »Vô giá trân dụng vô tận Lợi vật ứng cơ chung bất lận ỨNG AM ĐÀM HOA THIỀN SƯ Tam thân tứ trí thể trung viên NGỮ LỤC Bát giải lục thông tâm địa ấn«. Còn gọi: Ứng Am Hòa thượng ngữ lục. »Châu báu vô giá dùng chẳng hết Ngữ lục, 10 quyển, do Ứng Am Đàm Hoa Cứu giúp mọi người không sẻn tiếc soạn vào đời Tống, các vị Thủ Thuyên... Ba thân bốn trí thể tròn nguyên biên, được ấn hành vào niên hiệu Càn Đạo Tám giải sáu thông tấm ấn hiệp«. thứ 2 (1166) đời Tống, sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh tập 120, trang 804. ỨNG CHÂN Quyển 1-6: ngữ lục của 14 hội thuyết pháp Thiền tăng đời Đường. Sư thờ Nam Dương khi Đàm Hoa ở thiền viện Diệu Nghiêm, Quốc sư Huệ Trung làm thầy. Sau khi Huệ Thiên Đồng Cảnh Đức Thiền Tự v.v... Trung tịch, sư ra hoằng pháp trụ Đam Quyển 7-9: Pháp ngữ, Thư. Nguyên Sơn ở Cát Châu (nay là huyện Cát Quyển 10: Tụng cổ, Chân tán, Kệ tụng, An, tỉnh Giang Tây) ngày giỗ của Huệ Phật sự. Trung, sư thiết trai cúng dường, có một vị Cuối quyển 10 có phụ lục Tháp minh, Tế tăng hỏi: Quốc sư có đến không? Ứng văn, Tùng Nguyên Hòa thượng Phổ thuyết. Chân

đáp: Chưa đủ tha tâm thông. Tăng còn hỏi: Còn bày việc thiết trai để làm gì? ỨNG CÀN (1034-1096) Sư đáp: Không bỏ thế đế. Thiền tăng đời Tống, họ Bành, người xứ Bình Hương (nay thuộc tỉnh Giang Tây) ỨNG ĐOAN (1069-1129) Trung Quốc. Sau khi xuất gia và thụ giới Thiền tăng đời Tống, họ Từ, người xứ cụ túc, sư đi tham vấn khắp nơi, đến ngài Hồng Châu (nay là huyện Nam Xương, Đông Lâm Thường Tổng thì sư đại ngộ và tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. Thuở nhỏ, sư nối pháp ngài, thuộc phái Hoàng Long nương ngài Thiện Tự ở chùa Hóa Độ xuất tông Lâm Tế. Niên hiệu Nguyên Phong thứ gia, tinh thông yếu chỉ Hoa Nghiêm. Sư 3 (1080), trong thời gian Thường Tổng trụ từng tham vấn ngài Chân Tịnh Khắc Văn, trì chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, sư kế vị trụ nhưng cơ duyên chẳng khế hợp. Sau đó sư

ỨNG KHÁCH THỊ GIẢ tham vấn ngài Linh Nguyên Duy Thanh ở Phật Thích-ca cao khoảng 10m, phần đỉnh Hoàng Long, được ấn khả và nối pháp có phần trang trí tinh mỹ hoa lệ. Trên vách ngài, thuộc phái Hoàng Long, tông Lâm tường có vẽ một bức Như Lai Phật tượng, Tế. Khoảng niên hiệu Kiến Viêm (1127- tỷ lệ thích hợp, sắc thái tươi đẹp. Phi thiên 1130) sư trụ chùa Pháp Luân. hai bên Như Lai lại càng sinh động hoạt bát. Tầng thứ 3 thân tháp có 4 tượng Phật ỨNG HUYỆN MỘC THÁP khắc gỗ nhìn ra 4 phía. Ở giữa tầng thứ 5 là (283) tượng gỗ Phật Thích-ca ngồi kiết già, 8 Đại Còn gọi: Phật Cung Tự Thích-ca Tháp. Ở Bồ tát chia ngồi 8 phương, bố cục vừa tài trong chùa Phật Cung, phía tây bắc trong tình vừa khéo léo. Lợi dụng lòng tháp thành huyện Ứng, tỉnh Sơn Tây, Trung không có không gian rộng lớn của tầng Quốc. Chùa Phật Cung vào đời Kim ngầm mà bố trí tượng đắp để tăng cường Nguyên gọi là »Bảo Cung Thiền Tự«, quy trang nghiêm Phật tượng, là mẫu mực của mô rất lớn. Bảo Cung Thiền Tự vào đời sự kết hợp giữa kết cấu kiến trúc với nghệ Kim có đất đai hơn 40 khoảnh. Đời Minh thuật kiến trúc. Niên hiệu Chí Trị thứ 3 Thanh về sau quy mô của tự viện bị thu (1323) đời Nguyên, vua Nguyên Anh Tông hẹp, chỉ còn 9 gian Đại điện, Sơn môn, đến Ngũ Đài Sơn khi đi qua Ứng Châu Chung cổ lâu và vài Tăng phòng. Niên từng lên tháp này. Niên hiệu Vĩnh Lạc thứ hiệu Đồng Trị thứ 5 (1866) về sau, 9 gian 4 (1406) đời Minh khi Minh Thành Tổ bắc Đại điện cũng bị hủy, chỉ còn tháp gỗ. chinh cũng từng lên tháp này, và viết tấm Tháp gỗ huyện Ứng xây vào niên hiệu biển »Tuấn Cực Thần Công«. Niên hiệu Thanh Ninh thứ 2 (1056) đời Liêu, Hòa Chính Đức thứ 3 (1508) Minh Vũ Tông lúc thượng Vi Điền phụng sắc quyên góp xây đãi yến tiệc trên tháp có đề tấm biển cất tại trung tâm phía trước chùa, Đại điện »Thiên Hạ Kỳ Quan«, hiện tại còn treo ở phía sau, giữ gìn hình thức bố cục tự tháp dưới mái tháp tầng thứ 3,4. Gần ngàn năm của thời kỳ đầu lấy tháp làm chủ. Tháp qua tháp gỗ này bị nhiều lần địa chấn dữ hình bát giác, tường bên ngoài thân tháp 5 dội, nhưng vẫn đứng sừng sững bất động, tầng, chen lẫn có tầng ngầm 4 bậc, trên nói lên được năng lực kháng chấn rất thực tế là 9 tầng. Tháp cao 67m, tầng đáy mạnh. Năm 1974 lúc duy tu tháp này phát đường kính 30m, là kiến trúc bằng gỗ cổ hiện kinh quyển và bức họa Phật tượng xưa nhất, cao lớn nhất ở Trung Quốc. Tháp lồng màu bằng bảng gỗ. xây trên cái bệ đá 2 tầng cao 4m. Trong ngoài thân tháp hai chiếc trụ đứng tạo ỨNG KHÁCH THỊ GIẢ thành kết cấu mô phỏng theo kiểu ống hai Thị giả hầu chuyện tiếp khách, là 1 trong 6 tầng, đầu trụ và chân trụ đều có cấu kiện vị thị giả của Hòa thượng Trụ trì. Điều Lục thủy bình. Trong tầng ngầm số

lượng lớn Thị Giả, môn Chức Vị trong Thiền Lâm chọn dùng chống nghiêng tương đương với Tượng Khí tiên ghi: »Sư Trụ trì có 6 vị thị khuyên lương ngày nay để tăng cường tính giả: chỉnh thể của tháp gỗ. Mặt nam tầng thứ 1 1. Cân bình thị giả: Thị giả chuyên lo về của tháp có cửa mở, nghinh môn có tượng khăn lau và ống nhổ.

ỨNG PHU 2. Ứng khách thị giả: Thị giả tiếp khách. với Quốc sư Nhất Tông và các Thiền sư: 3. Thư lục thị giả: Thị giả ghi chép. Tiêu Dao, Giới Minh, Giới Viên… Theo: 4. Y bát thị giả: Thị giả chuyên lo về y và Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. bát. 5. Trà phạn thị giả: Thị giả chuyên lo về ƯỚC cơm nước. 1. Động tác ra hiệu bảo người lui ra phía 6. Cán biên thị giả: Thị giả giỏi về việc lo sau hoặc bảo người dừng lại. Minh Giác toan sắp đặt công việc«. ngữ lục q. 2 ghi: » ỨNG PHU Thiền tăng đời Tống, họ Tưởng, người xứ Trừ Châu (nay thuộc tỉnh An Huy) Trung – Lại hỏi người thứ hai rằng: Quốc. Ban đầu, sư vào Thiền viện Bảo Tìm bạn phải giỏi hơn mình, nếu giống Ninh ở Giang Ninh (nay là Nam Kinh) như mình thì cũng bằng không. Sư lấy cây xuất gia, và thụ giới Cụ túc. Sau đó yết gậy chỉ vị Tham đầu, nói: Vì sao ngươi kiến Thiên Y Nghĩa Hoài, được tông yếu theo cái thùng sơn này? Tăng nói: Con của Vân Môn, nối pháp ngài, thuộc tông mới thụ giới. Sư làm động tác bảo ông Vân Môn. Sư từng trụ các nơi: Cam Lộ tăng dừng lại rồi nói: Qua bên này đứng!« Thiền Viện ở Nhuận Châu (nay là huyện Tiết Kính Sơn Tông Cảo Thiền sư trong Trấn Giang, tỉnh Giang Tô), Trường Lô NĐHN q. 19 ghi: » Sùng Phúc Thiền Viện ở Chân Châu (nay là huyện Nghi Trưng tỉnh Giang Tô). Hiệu: Quảng Chiếu Thiền sư. Đệ tử nối pháp có 25 vị như: Trường Lô Tông Trách, Tuyết – Ngày đông chí, sư Đậu Đạo Vinh, Huệ Nhật Trí Giác v.v… được cử làm Thủ tọa, thiền sư Chiêu Giác Nguyên bước ra khỏi chúng, thưa rằng: ỨNG THUẬN VƯƠNG Lúc treo kiếm giữa chặng mày thì thế nào? Thiền nhân cư sĩ, đời cuối Lý đầu Trần, Sư (tức Tông Cảo) đáp: Máu bắn tung toé thuộc dòng Vô Ngôn Thông, đời thứ 15, trời Phạm thiên. Viên Ngộ đang ngồi dưới nối pháp Thiền sư Tức Lự. Ông tên Đỗ tòa giơ tay ra hiệu dừng lại bảo: Hãy dừng Văn, quê phường Hoa Thị, kinh đô Thăng lại! Người hỏi rất hay, người đáp càng hay Long, miền Bắc Việt Nam. Tính tình hơn nữa!« khoáng đạt không chịu theo đuổi việc đời. 2. Theo, chiếu theo. Uyển Lăng lục ghi: Ban đầu làm chức Chiêu Mục trong triều, » sau lên hàng Trung phẩm Phụng ngự. Khi rảnh việc, ông học thiền, sưu tầm cùng tận ý Tổ, thấu suốt Tâm tông. Ông làm đệ tử Thiền sư Tức Lự ở chùa Thông Thánh. Sau – Nếu theo giáo lý khi được ngài Tức Lự truyền tâm ấn, ông Tam thừa thì nói có Phật tính, có chúng là người tai mắt trong tùng lâm, đồng loạt sinh tính liền có nhân quả Tam thừa, tức

VẠN GIA SINH PHẬT có đồng dị. Nếu theo Phật thừa và Tổ sư VẠN AM truyền nhau thì chẳng nói việc như thế, chỉ Hiệu của thiền tăng Đạo Nhan đời Tống. có Nhất tâm, phi đồng phi dị, phi nhân phi X. Đạo Nhan quả«. VẠN CỔ TRƯỜNG KHÔNG, ƯƠNG ƯƠNG TƯỜNG TƯỜNG NHẤT TRIÊU PHONG NGUYỆT Ỉu xìu. Duy Tắc ngữ lục q. 1 ghi: » Trăng gió thay đổi mỗi ngày, còn hư không thì còn mãi đến muôn đời, ẩn chỉ Phật – pháp lâu dài,

còn thiền ngộ là việc tự kỷ Sơn tăng tự thuở nhỏ đã biết tham thiền của mỗi người, cần phải mở to pháp nhãn, học đạo, song đáng tiếc chẳng gặp người thì ngộ tại trước mắt. Tiết Thiên Trụ Sùng chỉ dạy làm cho ỉu xìu trong một hai mươi Huệ Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » năm«.

V – Hỏi: Lúc Đạt-ma chưa đến đất này, đã có Phật pháp hay chưa?
Sư nói: Việc chưa VÃN THAM đến hãy gác lại. Việc bây giờ thế nào? Đối lại: Triêu tham. Việc khai thị pháp Đáp: Con chẳng biết, xin thầy chỉ dạy. Sư yếu, tham thiền hoặc niệm tụng vào buổi nói: Trăng gió thay đổi mỗi ngày, còn hư chiêu. Điều Văn Tham trong Sắc Tu Bách không còn mãi đến muôn đời«. Trượng Thanh Quy (Đại 48, 119 trung) ghi: » VẠN CƠ CHI DƯ Còn
gọi: Vạn cơ chi hạ. Khi rãnh rỗi việc triều chính. CĐTĐL q. 5
ghi: » – Việc nhóm chúng lại để khai thị gọi là tham.
Người xưa giúp đỡ đệ tử bằng – Niên cách khiến họ sớm chiều phải
thưa hỏi, hiệu Thần Long thứ nhất (705), Vua không lúc nào chẳng đề cao đạo này, thế Đường Trung Tông xuống chiếu: Trẫm vời nên mỗi buỗi phải tham, tức là vào khoảng An và Tú hai vị thiền sư vào cung cúng 3-5 giờ chiều«. dường để khi rãnh rỗi việc triều chính, Chỗ để vãn tham: Nhà ngủ, phương thường nghiên cứu pháp nhất thừa.« trượng, pháp đường. Đến giờ báo hiệu bằng cách đánh trống hoặc đánh chuông VẠN GIA SINH PHẬT như Thiền sư Phương Hội đánh trống thỉnh Phật sống của muôn nhà. Chỉ cho vị quan ngài Từ Minh cử hành vãn tham. có đức độ, có lòng nhân ái. Theo điển tích: Đời Tống Triết Tông, lúc Thái hậu Cao Thị Tuyên Nhân nhiếp chính, dùng Tư Mã

VẠN HẠNH (?-1018) Quang làm Tể tướng. Trong tám tháng cầm VẠN KIM (1327-1373) quyền, ông bãi bỏ tân pháp của Vương An Còn gọi: Lực Kim. Thiền tăng sống vào Thạch, cải đổi triều chính, trong nước được cuối đời Nguyên-đầu đời Minh, họ Diêu, thái bình, nên người đời gọi ông là »Vạn tự Tây Bạch, hiệu Thông Viên, Bạch Am gia sinh Phật«. Đoạn thứ 210 trong truyện Thiền sư, người ở huyện Ngô (nay là Tô Sãi Vãi, tác phẩm chữ Nôm của Nguyễn Châu) Trung Quốc. Sư xuất gia từ thuở Cư Trinh, có câu: Dầu chẳng vạn gia sinh nhỏ, chuyên nghiên cứu về ý chỉ Tam quán Phật cũng là Nhất lộ phúc tinh. X. Nhất Lộ Thập thừa của tông Thiên Thai, nắm được Phúc Tinh. chỗ then chốt. Sau đó, sư hâm mộ thiền pháp, đến Kính Sơn tham yết Hổ Lâm Cổ VẠN HẠNH (?-1018) Đỉnh Danh Công, ngay dưới lời nói khế Thiền tăng đời Lý, thuộc dòng Tỳ-ni-đa- ngộ, nối pháp ngài và được ngài phân tòa lưu-chi, đời thứ 12, nối pháp Thiền Ông thuyết pháp. Niên hiệu Chí Chính thứ 17 đạo giả. Sư họ Nguyễn, quê ở làng Cổ (1357), sư trụ trì chùa Thụy Quang ở Tô Pháp, miền Bắc Việt Nam. Thuở nhỏ sư Châu, lại dời về chùa Thiên Ninh ở Gia thông minh khác thường, học khắp Tam Hưng (nay thuộc Chiết Giang), đạo đức học và nghiên cứu Bách luận, mà vẫn xem vang xa. Nguyên Thuận Đế ban cho sư thường công danh phú quý. Năm 21 tuổi, hiệu »Viên Thông Phổ Tế Thiền sư«. Niên sư cùng Định Huệ, thờ Thiền Ông ở chùa hiệu Hồng Võ thứ 1 (1368) sư vâng lời vua Lục Tổ làm thầy. Lúc rảnh rỗi công việc trụ trì chùa Thiên Giới ở Nam Kinh, hầu hạ thầy, sư học hỏi không biết mỏi thường được triệu vào cung

thuyết pháp, mệt. Sư chuyên tập pháp »Tổng trì tam- ân sủng thêm nhiều. Mùa xuân năm 1371, ma-địa« lấy đó làm sự nghiệp. Bấy giờ sư vua xuống chiếu triệu tập 10 vị danh tăng có nói ra lời gì dân chúng đều cho là lời của 3 tông, lập pháp hội ở Chung Sơn và sấm ký. Vua Lê Đại hành rất tôn kính sư. thỉnh sư chủ trì trai sự. Năm 1373, lập Kệ thị tịch: pháp hội ở Tưởng Sơn, có Minh Thái Tổ đến dự, xuống chiếu mời sư làm Chủ tịch, xiển dương nghĩa đệ nhất. VẠN LÝ NHAI CHÂU »Thân như điện ảnh hữu hoàn vô Muôn dặm Nhai Châu, ý nói cùng với Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô thiền nghĩa cách nhau rất xa. Nhai Châu: Nhậm vận thịnh suy vô bố úy Địa danh, nay thuộc khi vực huyện Hải Thạnh suy như lộ thảo đầu phô«. Ngạn Nhai, miền Nam tỉnh Hải Nam, »Thân như bóng chớp có rồi không Trung Quốc. Tiết Quảng Huệ Nguyên Liễn Cây cỏ xuân tươi, thu đượm hồng Thiền sư trong NĐHN q. 11 ghi: » Mặc cuộc thịnh suy không sợ hãi Thạnh suy như cỏ hạt sương đông«. Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Từ. – Trong viện

VẠN NIÊN TỰ Lâm Tế, hai vị Thủ tọa của nhà Đông và dựng lại. Niên hiệu Đạo Quang thứ 6 nhà Tây gặp nhau, đồng thời hét lên. Thử (1826) trùng tu, năm thứ 19 (1839) mở hỏi các vị là có chủ khách hay không ? rộng xây dựng, đổi tên là »Vạn Niên Thiền Nếu nói có, chỉ là kẻ mù. Nếu nói không Tự«, trở thành thập phương tùng lâm, nhục cũng là kẻ mù nốt. Nếu nói chẳng có chẳng thân của Thiền sư Vô Hà cũng được di dời không thì muôn dặm Nhai Châu.« đến thờ trong điện. Tự viện vào cuối đời Thanh đầu thời Dân Quốc lại nhiều lần tu VẠN LÝ VỌNG HƯƠNG QUAN sửa, mở rộng xây dựng đến quy mô ngày nay. Chùa trên dưới liền nhau, trái phải Ở ngoài muôn dặm xa xôi trông về cố thông suốt, là một chỉnh thể kiến trúc. hương, dụ cho cách ý chỉ Thiền rất xa. Trong Đại hùng bảo điện thờ tượng Thích- CĐTĐL q. 14 ghi: » ca, Văn-thù, Phổ Hiền; phía đông điện là – Nếu tượng Đạt Ma ngồi, phía tây điện là khám chạy tìm tri giải nghĩa cú thì cách ý chỉ thờ nhục thân Thiền sư Vô Hà, trước khám Thiền rất xa«. có treo trướng long phụng. Nhục thân Vô Hà đầu đội mũ Ngũ Phật, thân mặc áo ca VẠN NIÊN THIỀN TỰ sa hồng, ngồi kiết già trên tòa Tu-di. Từ Nằm giữa vách cao dốc đứng ngọn Nhai phía đông bắc điện có thể bước lên lầu. Đỉnh, núi Cửu Hoa, tỉnh An huy, Trung Lầu điện tựa theo thế núi mà cất, có ba dãy Quốc. Khoảng niên hiệu Vạn Lịch (1573- thiên tỉnh (giếng trời) trên dưới có 3 tầng, 1615) đời Minh, tăng ở Hà Bắc là Thiền sư 4 tầng cho đến 5 tầng, xen kẻ không đều, Vô Hà vân du đến đây kết am tranh ở dưới trước sau trên dưới tầng tầng đều thông, có đình Trích Tinh gọi là »Trích Tinh Am«. Thiền đường, Giới đường, Pháp đường, Thiền sư Vô Hà khổ nhọc tu hành nơi đây, Trai đường, Phật đường tổng cộng 99 gian dùng máu lưỡi và phấn vàng sao chép »Đại rưỡi. Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh« 81 quyển trải qua 28 năm mới xong. Vô VẠN NIÊN TỰ Hà sống đến 126 tuổi mới tịch, người thời 1. Nằm ở dưới sườn Quán Tâm, phía đông ấy gọi ngài là »Bách Tuế Công«, đổi tên ngọn Chủ Phong, núi Nga My, tỉnh Tứ am là »Bách Tuế Cung«. Tăng đồ đem di Xuyên, Trung Quốc. Xây dựng vào đời thể ngài ngồi kiết già trong cái chậu, ba Đông Tấn, ban đầu tên »Phổ Hiền Tự«. năm sau mở chậu ra thấy sắc mặt không Niên hiệu Càn Phù thứ 3 (876) đời Đường khác lúc sống, khi ấy trang sức nhục thân đổi tên là

»Bạch Thủy Tự«. Niên hiệu Thái thành kim tượng, xây tháp thờ phụng. Niên Bình Hưng Quốc thứ 5 (980) đời Tống tu hiệu Sùng Trinh thứ 3 (1630) sắc phong là sửa, đổi tên là »Bạch Thủy Phổ Hiền Tự«. »Ứng Thân Bồ tát«, và ban tên tháp »Liên Tống Thái Tông ban cho vị Trụ trì làThiền Hoa Bảo Tạng«, từ đây hương khói càng sư Mậu Chân ca sa, mũ bảy báu, vòng báu, thịnh. Niên hiệu Khanh Hy thứ 56 (1717) kinh thư, còn hạ chiếu đúc tượng đồng Bồ đời Thanh bị lửa thiêu hủy. Niên hiệu tát Phổ Hiền để tăng chúng lễ bái. Tượng Khang Hy thứ 60 (1721) khởi công xây cao 7,4m nặng khoảng 62 tấn. Hình tượng

VẠN PHÁP NHẤT NHƯ ngồi trang nghiêm, đầu đội mũ vàng Ngũ
Phật, tay cầm cây Như Ý, dáng vẻ đẫy đà khoan thai. Tượng đồng
nguyên đặt trong »Nhãn nhược bất miên điện đường cao lớn bằng gỗ, sau điện bị Chư mộng tự trừ; lửa thiêu hủy. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 28 Tâm nhược bất dị, (1600) đời Minh xây dựng lại, điện trên Vạn pháp nhất như«. tròn dưới vuông, hoàn toàn dùng gạch đá »Mắt nếu chẳng ngủ, xây thành không dùng đến gỗ, đỉnh tròn có Các mộng tự trừ; hình vòm, gọi là »Vô Lương Điện«. Đỉnh Tâm nếu chẳng khác tháp sừng sững 5 tòa bạch tháp và 4 con Muôn pháp bình đẳng bất nhị«. thú kiết tường, trong điện đỉnh hình tròn xung quanh vách tường đặt ngầm khám VẠN PHÁP TỀ QUÁN nhỏ,
thờ rất nhiều tượng Phật nhỏ bằng sắt, Dùng nhãn quang bất nhị để xem xét muôn gọi là »Thiên Phật triều Phổ Hiền«. Về sau sự muôn vật ở thế gian. Nhà Phật cho rằng vua Vạn Lịch hạ chiếu mở rộng xây dựng, muôn sự vật vốn không phải chân thật tồn đem Tỳ lô điện, Tiếp dẫn diện, Quán Âm tại, do đó không thể bảo rằng chúng sai điện hợp thành một khối, gọi chung là biệt và đối lập. Tín Tâm Minh ghi: »Vạn Niên Tự«. Năm 1946 ngoại trừ Vô Lương điện, các điện đường khác đều
thành ngói vụn. Hiện có hai dãy điện vũ là »Nhất như thể huyền do xây dựng lại vào năm 1953. Trong chùa Ngột nhĩ vong duyên cổ thụ cao vút, trúc xanh mọc thành bụi Vạn pháp tề quán càng tăng thêm không khí tĩnh mịch của Quy phục tự nhiên«. ngôi cổ sát. »Một chữ NHƯ thể tính huyền diệu, 2. Nằm cách huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Cùng tột bình đẳng, bặt nhân duyên đối Giang, Trung Quốc 35km về phía tây bắc. đãi Thiền sư Phổ Ngạn sáng lập vào khoảng Muôn pháp được xem xét với nhãn quang niên hiệu Thái Hòa (827-835) đời Đường, bất nhị nguyên gọi là »Bình Điền Thiền Viện«. Thì tất cả trở về tự nhiên«. Tám ngọn núi bao quanh chùa, đây là cổ sát nổi tiếng ở núi Thiên Thai. Đời Thanh VẠN PHÁP VÔ SAI từng tiến hành tu sửa lớn, sau bị lửa thiêu
Còn gọi: »Vạn pháp nhất như«. Muôn hủy. pháp bình đẳng bất nhị. Mật Am ngữ lục ghi: » VẠN PHÁP NHẤT NHƯ – Ngồi thấy Muôn
pháp bình đẳng bất nhị. Phật giáo tiếng hòa vang thuận, muôn pháp bình cho rằng muôn sự vật trên thế gian chẳng đẳng bất nhị, bậc lanh lợi vừa thấy qua là phải chân thật tồn tại, đều không có sai biệt đánh giá đúng sự việc«. và đối lập, chân tướng bình đẳng vô nhị. Tín Tâm Minh ghi: VẠN PHẬT THẠCH THÁP

VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP Trinh Nguyên thứ 5 (789) đời Đường Còn gọi:
Thiền Sư Tháp. Ở thôn Tây Kinh, Thiền sư Chính Can ở nơi đây khai sơn cất làng Trấn Hồ, phía tây thị trấn Quang chùa, ban đầu tên »Bát Nhã Đường«, sau Phúc, huyện Ngô, tỉnh Giang Tô, Trung đổi tên là »Kiến Phúc Thiền Tự«. Do vì ở Quốc. Tháp xây vào niên

hiệu Đại Đức thứ giữa chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sơn, Phúc 10 (1306) đời Nguyên, hình vuông toàn Châu và chùa Khai Nguyên ở Tuyền Châu, dùng đá xanh xây cất, cao 11,4m. Cửa vân du rất tiện lợi, cao tăng vân tập, từng khổn có hình dáng ngọn lửa, trên ngạch nhờ vào đạo tràng Thiền tông mà nổi tiếng cửa khắc đá 4 chữ lớn »Cổ tháp trùng tân«, khắp nơi. Tương truyền Thiền sư Hy Vận hai bên đông tây đều khắc 4 chữ »A-di-đà từng trụ trì chùa này. Đời Tống là thời kỳ Phật«. Phần trên thân tháp là tòa Tu-di xây hưng thịnh nhất, đến đời Nguyên suy vi. bằng đá, hình trụ vuông, bốn mặt điêu khắc Niên hiệu Vạn Lịch thứ 42 (1614) đời tượng Phật, phần đỉnh là mái tháp và tháp Minh, vua Thần Tông ban tạng kinh cùng sát bằng đá. Trong tháp vách hình tròn, tặng cho tấm biển »Vạn Phúc Thiền Tự«, trên vách mặt phía bắc có khắc một tượng xây cất lại điện đường, liền được phục Phật ngồi rất lớn cao khoảng một thước hưng. Niên hiệu Sùng Trinh thứ 10 (1637) Tàu, những mặt còn lại khắc những tượng Thiền sư Ẩn Nguyên trụ trì chùa này thi Phật nhỏ cao không quá một tấc Tàu, nếp công một lần nữa, quy mô rộng lớn. Những áo rõ ràng, mặt mũi phân rõ, ngồi kiết già văn nhân nổi tiếng đương thời như Hoàng ngay ngắn trên tòa sen úp. Mỗi tầng có 180 Đạo Chu, Trương Thụy Đồ, Phạm Tước tượng, cộng 60 tầng thành ra 10. 800 cùng với tăng trong chùa qua lại mật thiết, tượng, nên gọi là »Vạn Phật Thạch Tháp«. đàm luận thi văn và văn hóa Phật giáo. Tháp này tự thành một thể có phong cách Niên hiệu Thuận Trị thứ 11 (1654) đời riêng, đối với việc nghiên cứu tạo hình Thanh, Ẩn Nguyên thể theo lời mời của nghệ thuật kiến trúc thời cổ đại Trung Trụ trì chùa Sùng Phúc ở Trường Kỳ, Nhật Quốc có giá trị rất lớn. Bản, sai tăng chúng đi sang Nhật Bản. Bảy năm sau, ở ngoại ô đông nam Tokyo xây VẠN PHẬT THIỀN TỰ dựng một ngôi chùa lớn, tên là »Hoàng Bá Ở làng Đông Sơn, thành phố Tân Trúc, Sơn Vạn Phúc Tự«, trở thành cái nôi của tỉnh Đài Loan, Trung Quốc, Năm 1936 tông Hoàng Bá Phật giáo Nhật Bản. Năm Diệu Nghĩa sai hai đệ tử là Đạt Quả và Đạt 1973 để kỷ niệm 300 năm ngày giỗ Ẩn Thiện đến nơi này khai sơn, ban đầu quy Nguyên, tại Nhật Bản xuất bản bộ »Hoàng mô rất thô sơ. Sau năm 1956 lần lượt xây Bá Văn Hóa«. Hiện Vạn Phúc Tự đã được dựng thêm Đại hùng bảo điện, Trai đường, sửa chữa mới hoàn toàn. Xung quanh chùa Khách phòng và hai chái nhà trái phải. núi non trùng điệp có 15 ngọn núi cao, 36 Năm 1973 do Đạt Quả kế nhiệm trụ trì. cảnh đẹp như ngọn Sư tử, ngọn Hương lô, ngọn Thiên trụ v. v...đều nổi tiếng bởi VẠN PHÚC TỰ phong cảnh thanh tú đẹp đẽ. Ở núi Hoàng Bá, huyện Phúc Thanh, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Vào niên hiệu VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP

VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP VẠN TUẾ TỰ Sách, 3 quyển, do Diên Thọ soạn vào đời Ở núi Cửu Tiên, thành phố Phúc Châu, Tống, được xếp vào Đại Chính Tạng tập tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Nguyên là 48, trang 957. Tác phẩm này nêu lên nhiều tháp 7 tầng do Lang Nha Vương là Vương sách tâm yếu của Thiền gia như Kinh luận, Thẩm Tri xây cất vào niên hiệu Thiên Hựu Tổ thích. Mỗi quyển đều có phần khởi đầu, thứ 1 (904) đời Đường Mạt, ban đầu gọi là đầu tiên thuật khái quát về ý nghĩa, sau đó »Báo Ân Định Quang Tháp«, đầu niên mới dùng hình thức vấn đáp để làm sáng tỏ hiệu Khai Bình (907-910) đời Hậu Lương ý chỉ, tổng cộng gồm 114 điều. Trong ấy, đổi tên là »Vạn Thọ Tháp Tự«. Niên hiệu điều 112 ghi: Hy Ninh thứ 8 (1075) đời Tống kiến

lập Hỏi: Những điều mà tập sách này trình »Thiên Thu Đường«. Vương Thẩm Tri bày, có danh mục gì? từng đưa ra nhiều của cải để xây cất chùa Đáp: Nếu hỏi về giả danh thì có đến hằng chiền, vừa cất giữ Đại Tạng kinh hơn 5000 sa. Nay nói tóm lược, tên chung là Vạn quyển. Mỗi ngày ông đều tổ chức buổi trai Thiện Đồng Quy, chia ra làm 10 nghĩa: 1. hội lớn long trọng, những vị cao tăng trong Lý sự vô cai, 2. Quyền thật song hành, 3. thiền lâm đương thời như Tuyết Phong Nhị đế tinh trần, 4. Tính tướng dung tức, 5. Nghĩa Tồn, Huyền Sa Sư Bị, An Quốc Thể dụng tự tại, 6. Không hữu tương Hoằng Thao, An Quốc Huệ Cầu đều tham thành, 7. Chính trợ kiêm tu, 8. Đồng dị dự hội này. nhất tế, 9. Tu tính bất nhị, 10. Nhân quả vô sai. Chúng ta có thể biết khái quát về sách VẠN TÙNG LÃO NHÂN này nhờ vào các điều đã tự nói lên được ý Thiền tăng Hành Tú sống vào khoảng đời nghĩa của nó, nhưng trong thực tế ghi chép Kim-Nguyên. Sư xây dựng Vạn Tùng Hiên không nhất định phải theo thứ tự kể trên. ở Hình Châu (nay là huyện Hình Đài, tỉnh Phần đầu của quyển thượng nói về nghĩa Hà Bắc), nghiên cứu thiền học, giảng dạy Lý sự tương tức, muôn hạnh do tâm v.v... và thu nhận học trò, nhân đó có hiệu là Kế đến là 33 câu hỏi đáp, giải thích về ý »Vạn Tùng Lão Nhân«. X. Hành Tú. này. Phần đầu của quyển trung là chỉ bày tóm tắt cách tu thực tiễn các Ba-la-mật, sau VẠN TÙNG LÃO NHÂN THÁP đó là 27 câu hỏi đáp để giải thích về ý này. Phần đầu của quyển hạ nêu lên đường lối Tháp gạch nằm ở phía Tây khu Tây thành, của diệu hạnh viên mãn rồi dùng 54 câu thủ đô Bắc Kinh. Vào thời Kim, Nguyên, hỏi đáp để trình bày và phân tích ý nghĩa Cao tăng Thiền tông là Vạn Tùng Hành Tú của nó. Toàn sách tuy lấy việc tuyên được an táng tại nơi này nên người thời ấy dương thiền chỉ làm chính, song đã dung xây tháp kỹ niệm. Niên hiệu Vạn Lịch thứ hợp tư tưởng các tông Hoa Nghiêm, Thiên 33 (1605) đời Minh, niên hiệu Càn Long Thai, Tịnh Độ; tùy nơi trong sách ta thấy thứ 18 (1753) đời Thanh đều phụng sắc được chỗ trích dẫn rất nhiều kinh sách của trùng tu. Năm 1926, ông Diệp Cung Xước các tông kể trên để làm căn cứ. chủ trì trùng tu tháp gạch, và trước tháp ông xây thêm một tòa cửa gạch nhỏ và tiền

VĂN HỈ (821-900) điện. Tháp cao khoảng 5m6, hình bát giác VÃNG bảy cấp mái liền kề. Dưới vành tháp không Tạ thế. Tiết Động Sơn Hòa thượng trong bày ra thanh đỡ mái che, vành tháp làm TĐT q. 6 ghi: » theo lối chồng khít. Đỉnh tháp là đỉnh ngói rỗng hình bát giác nhọn, phần trên đỉnh – Ngày mồng ngói là tòa tháp hai tầng hình bát giác bằng một tháng ba năm Kỷ sửu, niên hiệu Hàm ngọc quý làm thành. Ngói tháp này xinh Thông thứ 10 (869), sư cạo tóc đắp y, sai xắn tinh vi, giản dị không hoa hòe, đặc biệt người đánh chuông rồi nghiêm trang tạ đoan trang. Đường viền của vành tháp đơn thế; đại chúng kêu khóc xót thương«. giản khiến toàn tháp thêm phần thanh tú phẳng đứng. Đời Minh, ông Lưu Mộng VĂN CỦ (?-897) Khiêm làm bài thơ Vạn Tùng Lão Nhân Thiền tăng đời Đường, họ Hoàng, người Tháp. xứ Phúc Châu, Trung Quốc. Ban đầu sư »Rõ ràng di tháp còn làm lính canh ngục. Sau yết kiến Thiền sư Trải qua buổi nhiễu hương Đàm Không, được ngài cạo tóc cho nhưng Dây leo quấn quanh tháp không mặc áo ca sa, không thụ giới cụ túc, Vi vút tiếng thông đàn, thường mặc áo choàng nhiều màu sặc sỡ, Truyền đăng qua Phật Tổ giả điên ngoài đường phố, có lắm điều linh Lưu lại cho cháu con dị,

người đời không thể lường được sư. Sư Không đọc Thung Dung lục ở Quốc Hoan Sùng Phúc viện tại Tuyền Đâu biết lão Túc tôn«. Châu. VẠN TÙNG TỰ THÁP VĂN DUYỆT (997-1062) Ở phía bắc chùa Thiên Thành, núi Bàn Thiền tăng đời Tống, họ Từ, người Hồng Sơn, huyện Kế, thành phố Thiên Tân, Châu (Nam Xương, Giang Tây) Trung Trung Quốc. Nguyên gọi là »Lý Tịnh Quốc. Năm 7 tuổi sư cạo tóc nơi chùa Am«, tương truyền là do danh tướng đời Long Hưng, 19 tuổi du phương các nơi, Đường Lý Tịnh sáng lập, sau đổi tên là đến Quân Châu (Cao An, Giang Tây) tham »Vạn Tùng Tự«. Chùa bị phá hủy vào thời kiến Thiền sư Đại Ngu Thủ Chi, hầu hạ kỳ chiến tranh kháng Nhật, hiện còn hai tám năm được nối pháp. Thủ Chi tịch, lại tòa cổ tháp. Một tòa là tháp Thiền sư Thái du phương tham yết Huệ Nam viện Đồng Bình xây vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 43 An, lãnh chức Thủ tọa. Lần lượt trụ chùa (1615) đời Minh; một tòa là tháp Thiền sư Thúy Nham, chùa Pháp Luân ở Hành sơn, Phổ Chiếu xây vào khoảng niên hiệu dời sang Vân Phong, đời gọi là »Vân Khang Hi (1662-1722) đời Thanh. Hai tòa Phong Văn Duyệt«. Sư thuyết pháp 40 tháp này ruột đặc, xây bằng gạch, chấn năm, đệ tử ở khắp nơi. Có Ngữ lục 2 quyển song cửa sổ điêu khắc tinh tế. Tương lưu hành nơi đời. truyền ở phía tây chùa có ngọn núi Vũ Kiếm là đài múa gươm của Lý Tịnh, có đề VĂN HỈ (821-900) bảng »Lý tùng giản lai du«. Thiền tăng đời Đường, họ Chu, người Ngữ

VĂN ÍCH (885-958) Khê, Gia Hòa (đông nam Sùng Đức, Chiết nhân rất đông, kẻ học đạo cả ngàn người. Giang) Trung Quốc. Năm 7 tuổi sư theo Nam Đường Chủ lễ sư làm thầy, ban hiệu Quốc Thanh chùa Thường Lạc nơi bản ấp »Tịnh Huệ Đại Sư«. Sư sáng lập tông Pháp cạo tóc xuất gia, đến chùa Khai Nguyên ở Nhãn chịu ảnh hưởng sâu xa tông Hoa Việt Châu (Thiệu Hưng, Chiết Giang) học Nghiêm. Sau khi mất, Nam Đường Trung kinh Pháp Hoa. Khi vua Võ Tông hủy Chủ ban thụy »Đại Pháp Nhãn Thiền sư«. Phật, sư trở lại thế gian mà vẫn giấu kín Đệ tử nối pháp có Đức Thiều, Văn Toại chí xuất trần. Đầu năm Đại Trung (847- v.v... 63 người. Tác phẩm: Tông Môn 859) sám hối xin xuất gia lại. Niên hiệu Thập Quy Luận. Ngôn Hạnh thu góp lại Hàm Thông thứ 3 (862) đến Viện Quán làm thành quyển Kim Lăng Thanh Lương Âm ở Hồng Châu (Nam Xương, Giang Văn Ích Thiền sư ngữ lục. Tây) tham kiến Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, đốn liễu tâm khế liền nối pháp làm truyền VĂN KHÂM nhân tông Quy Ngưỡng, nhận chức Điển Thiền tăng đời Ngũ Đại, tham học nơi tọa. Niên hiệu Quang Khải thứ 3 (887) Thiền sư Bảo Phúc Tùng Triển, đắc ngộ và Quan mục Hàng Châu là Tiền Lưu thỉnh sư nối pháp Ngài. Khi ra hoằng pháp sư trụ về ở dinh thự Long Tuyền (viện Từ viện Báo Từ ở Phúc Châu. Sư giỏi thơ văn, Quang). Sau khi Tiền Lưu xưng vương, nổi tiếng một phương. ban tặng cho tử y, ban hiệu »Vô Trước Thiền sư«. VĂN NGHĨA Thiền tăng đời Ngũ Đại, sư thờ Quốc sư VĂN ÍCH (885-958) Cổ Sơn Thần Yến làm thầy và đắc pháp Thiền tăng đời Ngũ Đại, Tổ của tông Pháp với Ngài. Khi ra hoằng pháp, sư trụ Long Nhãn, họ Lỗ, người Dư Hàng (Chiết Sơn, Phúc Châu. Giang) Trung Quốc. Thuở nhỏ sư xuất gia, Có một vị tăng hỏi: Thế nào là Nhân 20 tuổi thụ giới tại chùa Khai Nguyên, Việt vương? Sư đáp: Oai phong mọi người đều Châu (Thiệu Hưng, Chiết Giang). Lại đến sợ. Tăng hỏi tiếp: Thế nào là Pháp vương? chùa Dục Vương ở Mậu Sơn (phía đông Sư đáp: Một câu ban ra được mọi người huyện Ngân, Chiết Giang) học luật với thực hành.

Luật sư Hi Giác, cùng tìm hiểu Nho điển, được khen ngợi là Tử Du, Tử Hạ của nhà VĂN QUẢ Phật. Lại theo Trường Khánh Huệ Lăng Thiền tăng đời Thanh, pháp danh Siêu học thiền pháp, song không khế ngộ. Sau Quỹ, hiệu Luân Am, là cháu của Văn theo hầu Thiền sư Quế Sâm viện La Hán ở Trưng Minh ở Trường Châu (nay là Tô Chương Châu (Chương Phố, Phúc Kiến) Châu) Trung Quốc. Năm 17 tuổi Sư còn là nối pháp ngài. Khi ra hoằng pháp sư trụ trì cư sĩ ở chùa Linh Nham tham vấn ngài viện Sùng Thọ ở Lâm Xuyên (Giang Tây). Thối Ông Hoằng Trữ, có tỉnh. Sau đó sư Tuổi già, sư truyền pháp tại viện Thanh tòng quân, ở núi Hạ Lan săn bắn, chợt gặp Lương, Kim Lăng (Nam Kinh), nhân đó ngài Tuyết Nham Như Ngân, bỗng nhiên xưng là »Thanh Lương Văn Ích«. Môn tỉnh ngộ. Hoằng Trữ sắp tịch, gởi kệ truyền

VĂN THÚY (915-990) pháp cho sư làm truyền nhân tông Lâm Tế. VĂN THẮNG (?-1026) Sư từng trụ các nơi: Thiền tăng đời Tống, họ Lưu, người xứ Vụ Chùa Đại Năng Nhân ở Việt Châu (nay Châu (nay là huyện Kim Hoa, tỉnh Chiết là huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang). Giang) Trung Quốc. Thuở bé xuất gia, sau Chùa Chiêu Giác ở Thành Đô. khi thụ giới sư đến núi Vân Cư ở Hồng Viện Văn-thù ở Vân Nam. Châu (nay là huyện Nam Xương, tỉnh Chùa Linh Nham ở Ngô Giang (nay Giang Tây) tham vấn Thiền sư Đạo Tế, thuộc Giang Tô). tông Pháp Nhãn. Một hôm, Đạo Tế hỏi: Kẻ Trong niên hiệu Khang Hy, sư vâng chiếu chẳng cùng muôn pháp làm bạn, thử hỏi là trụ chùa Phổ-đà, núi Ngọc Tuyền, rồi dời người nào? Sư do đây khế ngộ, nối pháp đến vườn Trừng Tâm của chùa Cổ Hoa ngài. Sau đó sư trụ Nam viện, chùa Linh Nghiêm. Về già, sư trở về Nam Trung, Ẩn tại Hàng Châu hoằng dương thiền từng hiệu duyệt Ngũ Đăng Toàn Thư. Sư pháp. Về già sư lui về ở ẩn nơi am Hưng thị tịch lúc trên 70 tuổi. Khánh tại Hàng Châu. Niên hiệu Thiên Thánh thứ 4 (1206) vua xuống chiếu gọi sư VĂN TÁI (1452-1524) trụ trì chùa Từ Hiếu, nhưng sư vùa đi đến Thiền tăng đời Minh, tự Nguyệt Chu, hiệu Sở Châu (nay là huyện Hoài An, tỉnh Hư Bạch, người Úy Châu (huyện Úy, Sơn Giang Tô) thì thọ bệnh và qua đời. Thự Tây) Trung Quốc. Năm 12 tuổi sư xuất gia. hiệu: Từ Tế Thiền sư. Sau khi thụ giới cụ túc, bế quan tham thiền, đọc Vạn Tùng ngữ lục chợt tỏ ngộ VĂN THUẬT (1296-1373) tông chỉ Tào Động, bèn xuất quan tham Thiền tăng đời Nguyên, họ Tôn, tự Vô kiến Thiền sư Khả Trừng trình bày kiến Tác, người xứ từ Khê (nay thuộc tỉnh Chiết giải được ấn chứng. Niên hiệu Hoằng Trị Giang) Trung Quốc. Thuở bé theo nghiệp thứ 15 (1502) sư khai pháp nơi chùa Hoa Nho. Năm 18 tuổi sư xuất gia, du phương Nghiêm, Đăng Phong (Hà Nam). Niên hiệu đến các chùa nổi tiếng, đều được các bậc Chính Đức thứ 1 (1506) phụng sắc kế tục Tôn túc khen ngợi. Sư tham học nơi Thiền trụ trì tổ đình Thiếu Lâm 16 năm, môn sư Quái Thạch Kỳ và đắc pháp, được ngài nhân cả ngàn người. Hậu nhân gọi sư là cho giữ chức Ký thất. Hành Tuyên Chính »Tung Thiếu Tổ«. Tác phẩm: Động Sơn Tự Viện xuống chiếu bảo sư trụ chùa Hộ Dư. Thánh ở núi Đại Mai, chấn hưng lại sự suy đồi, chỉnh lại thanh quy khiến sư càng nổi VĂN TÀI (1273-1352) tiếng. Vua ban cho sư hiệu »Giác Trí Viên Thiền tăng đời Nguyên, họ Diêu, tự Thuần Minh«. Chuyết, người xứ Bình Dương, Sơn Tây, Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Phúc Ngộ VĂN THÚY (915-990) ở Thiếu Thất, đời thứ 23 hệ Thanh Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Lục, người Nguyên. Trụ trì chùa Thiếu Lâm, Có ngữ Hàng Châu, Trung Quốc. Xuất gia từ thuở lục truyền lại đời. nhỏ, tu học cả thiền giáo.

Từng chú kinh Lăng Nghiêm, trình lên Thiền sư Thanh

VĂN TÚ (1345-1418) Lương Văn Ích cầu xin sửa chữa. Văn Ích Sư đáp: Con muỗi đáp trên mình trâu sắt đem »nghĩa bát hoàn« hỏi: Ban ngày hoàn để đốt«. cái gì? Sư bối rối không đáp được, bèn đốt trụi bản chú giải kia, từ đây hết lòng tin VĂN YỂN (864-949) phục thỉnh ích, mới quên hết tri giải mà nối Thiền tăng đời Ngũ Đại, Tổ của tông Vân pháp làm truyền nhân tông Pháp Nhãn. Môn, họ Trương, người Gia Hưng (Chiết Ban đầu ở viện Chỉ Quán, Kiết Châu (Kiết Giang) Trung Quốc. Thuở nhỏ đã có chí An, Giang Tây) niên hiệu Càn Đức thứ 2 xuất trần, sư theo Chí Trừng chùa Không (964) dời qua chùa Trường Khánh, sau đó Chủ ở bản ấp xuất gia, lại đến Tỳ Lăng thụ dời sang chùa Báo Từ ở Kim Lăng (Nam giới cụ túc. Đọc khắp các kinh, nghiên cứu Kinh). Nam Đường Chủ ban hiệu »Lôi Âm Tứ phần luật. Đến Mục Châu (Kiến Đức, Giác Hải Đại Đạo Sư«. Chiết Giang) tham kiến Đạo Minh (đời gọi là Trần Tôn Túc) sau vài năm nhận hết VĂN TÚ (1345-1418) pháp đạo. Lại yết kiến Tuyết Phong Nghĩa Thiền tăng đời Minh, họ Lý, tự Nam Tồn y chỉ ba năm được lãnh tông ấn. Sau Thạch, người Côn Sơn (Giang Tô) Trung đó đi du phương hành cước các nơi, tham Quốc. Nho Phật gồm tu, tông thuyết đều cứu huyền yếu, thanh danh nổi dần. Đến diệu. Niên hiệu Hồng Vũ thứ 4 (1371) tại chỗ Linh Thọ Như Mẫn ở Phúc Châu làm chùa Linh Nham ở Tô Châu yết kiến Thiền Thượng thủ. Niên hiệu Trinh Minh thứ 4 sư Hạnh Trung được ấn chứng. Khi ra (918) Như Mẫn tịch, kế thừa pháp tịch chủ hoằng pháp trụ chùa Phổ Môn ở huyện trì chùa Linh Thọ. Niên hiệu Đồng Quang Ngô (Giang Tô), dời sang chùa Linh thứ 1 (923) nơi núi Vân Môn, Thiều Châu Nham, chùa Vạn Thọ ở Tô Châu. Niên (Thiều Quan, Quảng Đông) sáng lập hiệu Vĩnh Lạc thứ 4 (1406) sư vâng chiếu Quang Thái Thiền Viện, thiền lữ trong biên soạn »Vĩnh Lạc Đại Điển«, ở lại kinh nước tụ tập, đạo phong càng sáng tỏ. Sư ba năm. Sau đó ra trụ chùa Kính Sơn ở sáng lập tông Vân Môn, người đời gọi là Hàng Châu, dời sang chùa Hưng Thánh cử »Vân Môn Văn Yển«. Dùng ba câu »bao dương tông phong. Tác phẩm: Tăng Tập trùm trời đất, cắt đứt các dòng, theo mòi Tục Truyền Đăng lục, Ngũ Đăng Hội đuổi sóng« khái quát tông chỉ, đời gọi là Nguyên Bổ Di. »Vân Môn Tam Cú«. Còn thường dùng 1 chữ để quét sạch vọng thức của kẻ học đạo VĂN TỬ THƯỢNG THIẾT NGƯU nên thiền lâm gọi là »Vân Môn nhất tự quan«. Nam Hán Chủ sắc tứ »Khuông Còn gọi: Văn toản thiết ngưu. Con muỗi Chân Thiền sư«, Tống Thái Tổ truy thụy đậu trên con trâu sắt. Dụ cho chỗ chẳng thể »Đại Từ Vân Khuông Chân Hoằng Minh mở miệng, chỗ chẳng thể nói đến được. Thiền sư«. Đệ tử nối pháp có Trừng Viễn, Chương Thiền sư Đạo Khuông trong Duyên Mật, Tử Dạng v.v... 61 người. Tác CĐTĐL q. 21 ghi: » phẩm: Vân Môn Khuông Chân Thiền sư – Tăng quảng lục 3 quyển, Ngữ lục 1 quyển lưu hỏi: Thế nào là ý chỉ Tổ sư từ Ấn Độ sang? hành nơi đời.

VÂN CƯ TỰ VÂN AM VÂN CƯ ĐẠO ƯNG Hiệu của Thiền tăng Khắc Văn đời Tống. Thiền tăng Đạo Ưng sống vào đời Đường, X. Khắc Văn. ở núi Vân Cư giảng thiền trên 30 năm, người đời gọi sư là »Vân Cư Đạo Ưng VÂN AM CHÂN TỊNH THIỀN SƯ Thiền sư«. X. Đạo Ưng. NGỮ LỤC X. Tuyết Am Khắc Văn Thiền sư ngữ lục. VÂN CƯ SƠN 1. Núi nằm ở phía tây nam thành phố Hàng VÂN CÁI SƠN Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Trên Núi nằm về phía nam hồ Động

Đình, phía núi có chùa Vân Cư Thánh Thủy. Khoảng tây thành phố Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1093) đời Trung Quốc. Thiền sư Phương Hội, tổ khai Tống, Phật Ấn Liễu Nguyên mới lập am sáng thiền phái Dương Kỳ, về già ở núi Vân Cư; đến đời Nguyên, Trung Phong này. Các thiền tăng như Chí Nguyên, Chí Minh Bản lập riêng ra chùa Thánh Thủy. Hãn cũng từng ở đây. Niên hiệu Hồng Võ thứ 24 (1391) đời Minh, hai chùa nhập lại làm một, Vua ban VÂN CỐC bảng hiệu là »Vân Cư Thánh Thủy Tự«. Thiền tăng đời Tống, nối pháp Thiền sư 2. Núi thuộc tỉnh Giang Tây, nằm cách Thạch Khê Tâm Nguyệt, thuộc tông Lâm huyện Vĩnh Tu 17km về phía tây nam. Núi Tế. Niên hiệu Bảo Hựu thứ 4 (1256), sư trụ này cao chớn chở, trên đỉnh thường có mây chùa Thánh Thọ tại phủ Bình Giang (nay chắn ngang nên gọi là Vân Cư. Tương là Tô Châu). Sau đó, sư lần lượt trụ các truyền Âu Ngập đắc đạo tại núi này nên nơi: còn gọi là Âu Sơn. Trên núi có chùa Vân Bản Giác Thiền Tự tại Gia Hưng (nay Cư, bia đá cổng Triệu Châu, hang núi khắc thuộc Chiết Giang) chữ hồ Minh Nguyệt, bia đá Đàm Tâm. Khai Nguyên Thiền Tự tại Kiến Ninh (nay là huyện Kiến Âu, tỉnh Phúc Kiến). VÂN CƯ THÁNH THỦY TỰ CHÍ Vân Nham Thiền tự tại núi Hổ Khâu, phủ Bình Giang. Chí, 6 quyển và 1 quyển bổ di, do Minh Tác phẩm: Vân Cốc Hòa thượng ngữ lục 2 Luân soạn vào đời Thanh, có bản in vào quyển. đời Thanh. Toàn chí chia ra làm 11 bộ loại: VÂN CƯ Hình thắng, Kiến trí, Tổ sư, Kỳ túc, Kiều ngụ, Linh dị, Cổ tích, Đề vịnh, Pháp phổ, Thiền tăng đời Đường, nối pháp Thiền sư Tán kệ, Thanh quy, cuối cùng phụ phần bổ Phật Quật Duy Tắc. Sư từng trụ chùa Vân di. Cư trên núi Thiên Thai, tuyên dương thiền pháp của thầy mình. Tác phẩm: Tâm Cảnh VÂN CƯ TỰ Bất Nhị Thiên, Vân Cư tập (còn gọi: Phổ Còn gọi: Phi Bạch Tự, Chân Như Tự, Long Trí tập). Xương Tự. Ở trên núi Vân Cư, huyện Vĩnh Tu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Do Đạo

VÂN MÔN Dung xây dựng vào niên hiệu Nguyên Hòa sư do Tập hiền điện Lôi Nhạc soạn. Cuối thứ 8 (813) đời Đường, khoảng niên hiệu quyển có phụ lục »Tụng Vân Môn Tam Cú Trung Hòa (881-884) Chung Vương ban Ngữ« 8 bài tụng còn sót lại của Duyên Mật cho tấm biển »Long Xương Thiền Viện«. (đệ tử Vân Môn). Khoảng niên hiệu Đại Trung Tường Phù (1008-1016) đời Tống được ban tên »Chân VÂN MÔN MẠCH LÃNG HOÀI Như Thiền Viện«. Sau bị phế hủy. Khoảng THIỀN SƯ TÔNG MÔN THIẾT niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619) đời Minh NẠN xây dựng lại, từng được sắc tứ tượng Phật, X. Tông Môn Thiết Nạn. hòm kinh, bức hoành. Thiền sư Đạo Ưng trụ nơi đây cử dương tông phong Tào VÂN MÔN TAM CÚ Động, Đạo Giản, Hoài Nhạc, Phật Ấn Liễu Ba câu nói của Vân Môn khái quát được tư Nguyên cũng từng trụ chùa này. tưởng thiền pháp và phương pháp tiếp hóa người học của tông Vân Môn. Đó là: VÂN MÔN 1. Hàm cái càn khôn: Muôn vàn sự vật đều 1. Thiền sư Văn Yển sống vào cuối đời là diệu thể chân như. Đường-đầu đời Ngũ Đại, trụ Vân Môn 2. Tiệt đoạn chúng lưu: Chặt đứt con Sơn, Thiều Châu, nhân đó có hiệu là Vân đường ngôn ngữ, trừ dẹp cơ dụng của vọng Môn. X. Văn Yển. niệm phân biệt. 2. Hiệu của Thiền tăng Tông Cảo sống vào 3. Tùy ba trục lãng: Khi ứng cơ tiếp vật, đời Tống. X. Tông Cảo. căn cứ vào trình độ của họ mà sử dụng thủ đoạn tiếp dẫn khác nhau. VÂN MÔN KHUÔNG CHÂN Kỳ thực, ba câu này là do sư Duyên Mật THIỀN SƯ QUẢNG LỤC (đệ tử của Vân Môn) tổng hợp giáo thuyết của ngài rồi khát quát thêm mà thành. Tiết Còn gọi: Đại Từ Vân

Khuông Chân Hoằng Ô Cự Đạo Hành Thiền sư trong NĐHN q. Minh Thiền sư ngữ lục, Vân Môn Văn Yển 15 ghi: » Thiền sư quảng lục, Vân Môn quảng lục.

– Ngữ lục, 3 quyển, do Vân Môn Văn Yển Tam huyền của Lâm Tế,
Tam cú của Vân soạn vào đời Đường, Thủ Kiên biên, được Môn, Ngũ vị của Động Sơn, trước mặt xếp vào Đại Chính Tạng tập 47, trang 544. người mê chẳng nên nói mộng«. Sách này thu thập Pháp ngữ, Kệ tụng v.v... của Thiền sư Vân Môn Văn Yển. Cơ VÂN MÔN THIÊN TỬ phong của Vân Môn Văn Yển cao vút, hay Phong thức tiếp hóa người học của tông lạ, dụng ngữ giản dị trong sáng mà bất Vân Môn giống như chiếu sắc của Thiên tử ngờ, hiển bày tông phong siêu việt. Các tắc (nhà vua), một phen đưa ra liền quyết định »Vân Môn lộ trụ«, »Vân Môn càn thỉ được muôn cơ, chẳng được hỏi đi hỏi lại, quyết« trong sách này khiến cho mọi người chẳng cho phép người học do dự chút nào cảm thấy thích đọc. Phần hành lục của hết. Đây là thí dụ để chỉ gia phong của quyển hạ là truyện ký chân thật của thiền tông Vân Môn.

VÂN NGỌA KỶ ĐÀM VÂN MÔN TÔNG Văn Yển là Tổ tông Vân Môn xây dựng Một trong năm tông phái của Thiền tông Quang Thái Thiền Tự ở nơi đây, thiền tăng Trung Quốc, thuộc hệ Thanh Nguyên. đông đảo, môn phong cực thạnh. Chính Người sáng lập là thiền sư Văn Yển, sống ngài lấy tên núi để đặt tên cho tông phái. vào cuối đời Đường – đầu đời Ngũ Đại Về sau chùa được đổi tên là Chứng Chân (864-949), vì ngài trụ núi Vân Môn tỉnh Tự, Đại Giác Tự, Vân Môn Tự. Hiện tại Quảng Đông nên gọi là Vân Môn tông. chùa vẫn còn là nhờ ngài Hư Vân quyên Tông này lấy »Vân Môn tam cú« (Ba câu góp trùng tu từ năm 1943 đến năm 1950. của Vân môn) là: Bao trùm trời đất, chặt Vách trong cổng chùa hiện còn 2 tấm bia đứt các dòng, Theo mòi đuổi sóng và cổ: »Nhất tự thiền« (Thiền một chữ) làm 1. Đại Hán Thiều Châu Vân Môn Sơn phương tiện tiếp dẫn người học, cao chót Quang Thái thiền viện cố Khuông Chân vót, hiểm trở, không dễ lãnh hội. Vào đời đại sư Thật Tính bi (Bia Thật Tính của cố Ngũ Đại, Bắc Tống, Tông Vân Môn rất đại sư Khuông Chân ở thiền viện Quang hưng htịnh, đến đời Nam Tống dần dần Thái, núi Vân Môn, Thiều Châu, nước Đại suy vi, vào sau đời Nguyên thì chìm mất, Hán) được dựng vào niên hiệu Đại Bảo thứ không nghe nói đến. Pháp mạch của tông 1 (958) đời Nam Hán. này kéo dài khoảng 200 năm. 2. Đại Hán Thiều Châu Vân Môn sơn Đại Tiết Tông Thừa Yếu Nghĩa trong DTNL Giác thiền tự Đại Từ Vân Khuông Thánh ghi: » Hoằng Minh đại sư bi ký. (Bia ghi về tiểu sử đại sư Đại Từ Vân Khuông Thánh Hoằng Minh ở Đại Giác thiền tự, núi Vân Môn, Thiều Châu, nước Đại Hán), vào niên – Tông hiệu Đại Bảo thứ 7 (964). Trước chùa có Vân Môn đặc biệt tha bắt, định đoạt trước núi Quán Âm, sau chùa có đầm Hoa Quế, khi mở miệng, nêu lên then chốt »ba câu«, hang Cửu Tiên, đá Chung Cổ là những đưa ra cơ phong ›một chữ‹, chặt đứt các cảnh đẹp thiên nhiên. dòng, không còn lối thoát nẻo phàm. Mọi người đều nói tông ấy cao vút, hiểm trở, VÂN NGỌA KỶ ĐÀM rất khó khế hợp.
Nếu chẳng phải là bậc Còn gọi: Cảm Sơn Vân Ngọa Kỷ Đàm. Bút thượng căn lợi khí, hình như không thể ghé ký, 2 quyển, do Trọng Ôn Hiểu Oánh viết mắt đến.« vào đời Tống, được xếp vào Tục Tạng kinh tập 148, trang 1. Khoảng niên hiệu Thiệu VÂN MÔN TỰ Hưng (1131-1162), Hiểu Oánh ở ẩn trong Chùa ở chân núi Vân Môn, nằm cách

ngoại am Vân Ngọa, Cảm Sơn Khúc Giang thành huyện Nhũ Nguyên (khu tự trị của Phong Thành (nay thuộc tỉnh Giang Tây) dân tộc Dao), tỉnh Quảng Đông, Trung theo thể tùy bút ghi chép lại những lời di Quốc 6km. Là cái nôi của tông Vân Môn. huấn và hành vi siêu thoát của các bậc Tôn Vào niên hiệu Đồng Quang thứ 1 (923) túc khắp nơi, lời hay hạnh tốt của giới triều vua Hậu Đường thời Ngũ Đại, ngài quan lại trí thức, hễ gặp sự việc gì có thể

VÂN NGOẠI giúp cho việc tu hành cảnh sách, làm VÂN PHONG VĂN DUYỆT gương mẫu cho người học thì sư đều thu thập. Nội dung gồm 90 điều như: Từ Phú Thiền tăng Văn Duyệt đời Tống, trụ Vân Bật tụng thư, Tú Tử Chi văn, Đông sơn cát Phong tại Hành Sơn, thuyết pháp 40 năm, đến Tô Thức nạp y, Vô Trước Đạo Nhàn, đệ tử rất nhiều, người đời gọi sư là Vân Chính Thư ký thi v.v... Cuối quyển có phụ Phong Văn Duyệt. X. Văn Duyệt. »Vân Ngọa Am Chủ Thư« ghi lại cơ duyên vấn đáp giữa Đại Huệ Tông Cảo (Thầy của VÂN THÊ CHÂU HOẰNG Sư) với người học. Thiền tăng Liên Trì (tên Châu Hoằng) sống VÂN NGOẠI vào đời Minh, ở chùa Vân Thê tại Hàng Hiệu của Thiền tăng Tính Đôn đời Thanh. Châu thuyết pháp, người đời gọi sư là X. Tính Đôn. »Vân Thê Châu Hoằng«. X. Liên Trì. VÂN NHAM TỰ VÂN THÊ SƠN Ở phía đông nam huyện Du, tỉnh Hồ Nam, Núi ở phía tây Ngũ Vân Sơn, thành phố Trung Quốc. Thiền sư Đàm Thạnh đời Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Đường là người khai sơn. Người khai sáng Trên núi vốn có 3 chùa: Chân Tế, Vân Thê, tông Tào Động là Lương Giới từng tu tập Thiên Trì. Về sau chỉ còn 1 chùa Vân Thê, nơi đây và được tâm ấn của Đàm Thạnh. nhờ Đại sư Liên Trì Châu Hoằng ở đây vào VÂN PHONG (?-956) đời Minh nên chùa nổi tiếng. Ban đầu do Thiền tăng đời Ngô-Đinh, thuộc dòng Vô trên đỉnh Ngũ Vân Sơn có đám mây ngũ Ngôn Thông, đời thứ 3, nối pháp Thiền sư sắc bao phủ, nên gọi là Vân Thê Sơn. Niên Thiện Hội. Sư họ Nguyễn, quê ở Từ Liêm hiệu Càn Đức thứ 5 (976) đời Tống, có vị quận Vĩnh Khương (nay thuộc huyện Hoài tăng Đại Thiên Chí Phùng kết am ở; trong Đức, tỉnh Hà Tây), miền Bắc Việt Nam. núi có lắm cọp, nhưng khi Chí Phùng đến, Khi mẹ mang thai sư, thường trai giới tụng cọp đều chịu phục, nên người đời gọi sư là kinh, lúc sinh ra có hào quang chiếu sáng »Phục Hổ Thiền sư«. Ngô Việt Vương cất cả nhà. Bởi cha mẹ nhận thấy sự kinh dị ấy chùa Vân Thê cho sư ở. Niên hiệu Trị Bình nên cho sư đi xuất gia. Đến lớn, sư theo thứ 2 (1065) đời Tống, chùa được đổi tên hầu Thiền sư Thiện Hội ở Siêu Loại. Sư là Thê Chân Viện. Về sau, dùng lại tên thuộc hàng cao đệ, được thầy truyền dạy Vân Thê Tự. thiền yếu, nối pháp Thiện Hội, thuộc dòng VÂN TIÊU AM Vô Ngôn Thông đời thứ 3. Sau, sư trụ trì chùa Khai Quốc trong kinh đô Thăng Tên chùa trên núi Yên Tử, tỉnh Quảng Long. Đến niên hiệu Hiển Đức thứ 3 (956) Ninh, miền Bắc Việt nam. Vì chùa này nhỏ đời Châu, sư thị tịch. Theo: Thiền sư Việt nên gọi là am. Chùa nằm trên đường từ Nam của HT. Thanh Từ. chùa Hoa Yên lên đỉnh núi Yên Tử. Vua Trần Nhân Tông sau khi xuất gia, lấy pháp hiệu Điều Ngự Giác Hoàng và trụ trì ở

VẤN TẤN chùa Hoa Yên. Điều Ngự thường đến chùa Vân Tiêu để ngồi thiền và tiếp các học trò – Các ngươi của mình. Sau khi Ngài mất, hàng tháng giống như người ngồi ngập đầu trong biển các vị tăng thường đến am Vân Tiêu dâng lớn, nước lút đầu, mà còn giơ tay hướng về hương lễ Phật rồi

xuống nghỉ ở chùa Hoa người khác xin nước, có hiểu chăng?« Yên. VẤN ĐẦU VÂN TỤ (1242-1324) Còn gọi: Vấn đoan. Vấn đề. Bích Nham lục Thiền tăng đời Nguyên, họ Lý, tự Vân q. 1 ghi: » Ngoại, biệt hiệu Phương Phẩm, người xứ – Xương Quốc (nay là huyện Định Hải tỉnh Ông tăng này đưa ra vấn đề cũng có thể Chiết Giang) Trung Quốc. Sư nối pháp nói là lạ. Nếu chẳng phải là Triệu Châu thì ngài Trực Ông Đức Cử, thuộc tông Tào khó mà đáp với hắn«. Động, từng trụ các chùa: Thạch Môn, Như Tịnh ngữ lục ghi: » Tượng Sơn, Trí Môn, Thiên Ninh, Thiên – Nhíu đôi Đồng. Sư rất có biện tài, nhiều người từ mày lại đáp vấn đề, đích thân thấy Phật Nhật Bản, Triều Tiên hâm mộ danh tiếng chẳng dối nhau«. sư, tìm đến thưa hỏi. Tác phẩm: Ngữ lục, Thi kệ v.v... VẤN QUÁ Lời chất vấn của bậc Thầy kiến tính đưa ra VÂN YÊN TỰ nhằm thử nghiệm đối phương. Tắc 41, Còn gọi: Hoa Yên tự. Tên chùa Hoa Yên Bích Nham lục (Đại 48, 179 thượng) ghi: ngày xưa. Là chùa Tổ của phái Thiền Trúc » Lâm Yên tử. Đời Hậu lê, vua Lê Thánh Tông đến thăm chùa, thấy sân chùa đầy – Thuốc kị đâu cần hoa, bèn đổi tên là Hoa Yên. thử bậc tác gia. (Nếu chẳng nghiệm qua, đâu phân biệt được manh mối? Nếu gặp VẤN được thì cũng để cho ông xem xét, có ngại Hướng về (giới từ), nhằm vào. Vân Môn gì đâu? Cũng cần phải chất vấn để thử quảng lục, q. trung ghi: » nghiệm)«.

VẤN TẤN – Nam Làm lễ hỏi thăm sức khỏe. Tiết Đan Hà Tuyền con trâu đực, tùy phần nạp chút ít. Hòa thượng trong TĐT q. 4 ghi: » Ngươi hãy nói ở bên trong trâu nạp hay ở ngoài trâu nạp? Dù cho ngươi hướng về chỗ này nói được chỗ nạp phân minh đi, – Đôi khi Sư đến sơn Ta liền nhằm vào ngươi mà đòi trâu«. viện xin ngủ nhờ, gặp vị tăng già cùng Chương Huyền Sa Sư Bị Đại Sư trong hành giả đang ngồi chung một giường. Sư CĐTĐL q. 18 ghi: » liền đặt y bát xuống để làm lễ hỏi thăm sức

VẤN THIỀN khỏe mà hai vị chẳng để ý đến«.

VẤN THIỀN Còn gọi: Vấn thoại. Hỏi đáp về việc tham – Sư mới hỏi đứa bé thiền. Từ đời Tống về sau, mỗi khi đàn việt (chỉ cho Hoằng Nhẫn lúc còn nhỏ) họ gì. hoặc quan chức đến thiền viện thỉnh Trụ trì Đứa bé đáp: Họ thì có mà không phải họ thăng tòa thuyết pháp; trong chúng đặc biệt thường. Sư nói: Là họ gì? Đáp: Là họ Phật cử ra 1 vị tăng để chất vấn vị Trụ trì về (Phật tính). Sư bảo: Vậy là ngươi không có việc tham thiền (vị tăng chất vấn này được họ. Đứa bé đáp: Vì họ ấy là không«. gọi là Thiền khách). Môn Chức Vị trong Thiền Lâm Tượng Khí Tiên ghi: » VẬT GIAO THIỆP Còn gọi: Vô giao thiệp. Không dính dáng. – Bởi có Chỉ cho không quan hệ đến thiền pháp, căn quan chức vào chùa thường thỉnh vị Trụ trì bản không hợp thiền pháp. Lâm Tế ngữ lục thăng tòa thuyết pháp, đến lúc ấy vị thiền ghi: » khách bước ra thưa hỏi vị Trụ trì. Sự việc này gọi là vấn thiền«.

– Ngươi vừa Thông thường, Thiền khách dùng văn vần mở miệng, sớm đã không dính dáng. Vì sao để hỏi, đôi khi dùng tụng để hỏi. Về sau, như thế? Chẳng thấy đức Thích Tôn nói: loại »vấn thiền« này dần dần nghiêng về Pháp lìa văn tự, vì chẳng thuộc nhân hình thức nói suông, cách xa lãnh vực hỏi chẳng tại duyên«. đáp

thiền đã có từ trước. Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. VẬT SƠ Hiệu của Thiền tăng Đại Quan đời Tống. VẤN VƯƠNG LÃO SƯ TÁC THẬP X. Đại Quan. MA? Hỏi Thầy Vương làm gì? Nơi chính mình VI ĐỐI VI ĐÃI vốn sẵn có Bản lai diện mục, đâu cần phải Dùng nhãn quang phân biệt đối lập, tức là hỏi các bậc Thầy ở bên ngoài. Tắc 21, Bích đem cái nhìn thông thường của tục đế để Nham lục (Đại 48, 162 trung) ghi: » xem vạn vật, thế giới. Tiết Báo Ân Khuông Dật Thiền sư trong NĐHN q. 10 ghi: » – Giang Bắc, Giang Nam đều thưa – Khi hỏi Thầy Vương (Ông chủ chỗ nào, hỏi mê thì có trở ngại, dùng nhãn quang phân Thầy Vương làm gì? Chính ngươi đã đi biệt đối lập, các thứ chẳng đồng. Bỗng rách đôi giày cỏ đó mà!)« nhiên tỉnh ngộ thì cũng vô sở đắc«.

VẬT VI LÂM ĐẠO BÁI Không có. Tiết Đạo Tín Hòa thượng trong Thiền tăng Đạo Bái tự Vi Lâm, sống vào TĐT q. 2 ghi: » đời Thanh, người đời gọi sư là »Vi Lâm

VỊ TẠI Đạo Bái«. X. Đạo Bái. giải này, thật là cô phụ đôi mắt này«.

VI NHÂN VỊ CHÚNG TRÌ BÁT Tính cách, tính tình, vóc dáng của con Vì chúng trì bát. Chư tăng vì muốn duy trì người. sinh hoạt vật chất trong tự viện nên ra Tiết Bạch Vân Thủ Đoan Thiền sư trong ngoài chùa hóa duyên. Tiết Khai thị Thiền NĐHN q. 19 ghi: » nhân Thù trong MANL ghi: » – Xem lại – Do đó sơn tăng từng có trong chùa này, số miệng ăn đã nhiều mà tụng rằng: Chỗ người khác ở ta chẳng ở. Thường trụ lại chẳng cấp đủ, ngồi nhìn sự Chỗ người khác đi ta chẳng đi. Chẳng phải việc như thế thật không chịu được, nên tôi tính tình khó hòa hợp. Vì muốn tăng tục phát tâm vì chúng trì bát«. phải phân minh«. VỊ NHÂN VI PHỤC Thiền sư tiếp dẫn người học. Tiết U Châu Từ biểu thị quan hệ lựa chọn trong câu Đàm Không Hòa thượng trong NĐHN q. nghi vấn. Tiết Huệ Trung Quốc Sư trong 11 ghi: » TĐT q. 3 ghi: » – Vị quan cai quản – Có phải là tâm, có phải không là Trấn Châu có người cô làm ni. Sau khi tâm?« hành cước trở về, Sư cô này muốn thuyết pháp tiếp dẫn người học«. VỊ 1. Thiền sư tiếp dẫn, dẫn dắt người học. VỊ TẠI Tông Môn Võ Khố ghi: » Chẳng đúng, chẳng khế ngộ (thiền pháp). Tại (): Trợ từ cuối câu. Tiết Vĩnh Khánh – Tuyết Đậu vắt óc nói thiền để tiếp dẫn Quang Phổ Thiền sư trong NĐHN q. 12 ngươi, sao ngươi lại cô phụ ân đức như ghi: » thế?« 2. Cho là, nhận rằng. Lâm Tế ngữ lục ghi: » – Sư đi vào thất, Ẩn (tức chỉ thiền sư Cốc Ẩn) hỏi: Nhân duyên vừa rồi ngươi làm sao hội? Sư đáp: Hội thì giữa đường thọ dụng, chẳng hội thì thế đế lưu bố. Ẩn – Chớ có bảo: Chẳng đúng, hãy nói lại!« lầm lẫn! Đạo lưu! Ngươi lấy lời nói của Tiết Ngũ Tổ Pháp Diễn Thiền sư trong loại Thầy này cho là chân đạo, là Thiện tri NĐHN q. 19 ghi: » thức chẳng thể nghĩ bàn, còn mình là phàm phu chẳng dám đo lường các bậc lão túc. Đồ ngu si! Cả đời ngươi

chỉ có một kiến

VIÊM THIÊN PHÁ NHỨ – Có vài thiền khách từ Lô Sơn đến. Thiên Đồng Tự, Pháp Hải Tự, Lâm Dương Họ đều có chỗ ngộ nhập. Bảo họ nói, họ Tự. Năm 1917, sư lại ra nhận chức Hội cũng nói được nguyên do; Cử nhân duyên trưởng Hội Phật giáo Ninh Ba. Năm 1929, hỏi họ, họ cũng làm sáng tỏ được; bảo họ sư cùng với những người trong hội như hạ ngữ, họ cũng hạ được. Có điều là chẳng Pháp sư Thái Hư đề xướng thành lập Hội khế ngộ (thiền pháp)«. Phật giáo Trung Quốc và sư được bầu làm Hội trưởng liên tiếp 7 kỳ. Mùa thu năm VIÊM THIÊN PHÁ NHỨ 1935, sư sáng lập Viên Minh Giảng Đường Chỉ cho vật vô dụng, không cần thiết. Tiết tại Thượng Hải, là đạo tràng Tịnh Độ. Năm Nghệ Ngôn trong NHQL q. 29 ghi: » 1945 sư sáng lập Viên Minh Lăng Nghiêm Chuyên Tông Học Viện. Năm 1953, sư được bầu làm Hội trưởng nhiệm kỳ thứ 1 – Căn trần đã dứt thì linh của Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc. Cả đời quang tự bày; linh quang đã bày thì nhìn sư chủ trương Thiền Tịnh Song Tu, đặc lại câu có nghĩa, câu không nghĩa đều như biệt chuyên nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm. vật vô dụng«. Tác phẩm: Thủ Lăng-nghiêm Kinh giảng nghĩa, Viên Giác Kinh giảng nghĩa, Kim VIÊN AM Cang Kinh giảng nghĩa. Hiệu của Thiền tăng Cư Đảnh đời Minh. X. Cư Đảnh. VIÊN ÂM Tiếng nói của Phật, về nội dung, vừa hợp VIÊN ANH (1878-1953) với chân lý, vừa hợp với trình độ người Tăng nhân hiện đại, họ Ngô, pháp danh nghe; về hình thức thì vừa hùng hồn, vừa Hoằng Ngộ, biệt hiệu Thao Quang, Nhất êm dịu dễ nghe. Hống Đường Chủ Nhân, người xứ Cổ Điền, Phúc Châu, Trung Quốc. Niên hiệu VIÊN CHÂU NGƯỠNG SƠN HUỆ Quang Tự thứ 22 (1896) đời Thanh, sư TỊCH THIỀN SƯ NGỮ LỤC xuất gia ở chùa Dũng Tuyền, Cổ Sơn, Phúc Châu, Năm kế, sư thọ cụ túc giới nơi Hòa Còn gọi: Ngưỡng Sơn Tịch Thiền sư ngữ thượng Diệu Liên tại chùa Dũng Tuyền. lục, Trí Thông Thiền sư ngữ lục. Ngữ lục, Năm 1898 sư mới vân du bốn phương, 1 quyển, do Huệ Tịch soạn vào đời Đường, tham phỏng các bậc cao tăng trong những Ngộ Phong Viên Tín và Quách Ngưng Chi ngôi chùa nổi tiếng. Trước nhất đến tập biên tập vào đời Minh, được xếp vào Ngự thiền với ngài Dã Khai tại chùa Thiên Tuyển ngữ lục quyển 4 và Tục Tạng kinh Ninh, Thường Châu trong 5 năm. Kế đến tập 119, trang 860. Bản thảo Ngưỡng Sơn tham thiền với ngài Kính An tại chùa ngữ lục đã có rất sớm, nhưng từ lâu không Thiên Đồng, Ninh Ba trong 6 năm. Năm có người chỉnh lý, mãi đến lúc các vị như 1914, sư nhận chức Tham nghị trưởng của Viên Tín v.v... biên tập Ngũ Gia ngữ lục Tổng hội Phật giáo Trung Hoa. Sau đó sư mới đem bản thảo này làm thành sách. Nội từng trụ trì các nơi: Ninh Ba Thất Tháp Tự, dung bao gồm trên 70 mục về: Hành thật,

VIÊN CHIẾU Pháp môn cơ duyên vấn đáp, Thị chúng, Triết Tông nhà Tống. Vua Triết Tông trao Du phương ngữ yếu v.v.. Trong ấy tinh cho các vị Cao tọa pháp sư ở chùa Tướng thần đề khởi của pháp môn đều là cử Quốc xem. Xem xong, các ngài tâu với vua dương tông phong của Quy Sơn, nên người Tống rằng: đời thường đem ngữ lục này hợp chung với — Đây là nhục thân Bồ Tát ra đời ở Quy Sơn ngữ lục và gọi là Phụ Tử ngữ lục. phương Nam, giảng giải kinh nghĩa rất tinh Ngữ lục này được biên tập xong vào niên vi, chúng tôi đâu dám thêm bớt chữ nào. hiệu Sùng Trinh thứ 3 (1630), được ấn Vua Tống liền sắc sao lại một bản, bản hành vào niên hiệu Khang Hy thứ 4

chính trả lại cho vua ta. Sứ thần về kinh tâu (1665). lại, triều đình càng kính nể và khen thưởng sư. Kệ thị tịch: VIÊN CHIẾU 1. Thiền tăng đời Đường, họ Trương, người Lam Điền, Thiểm Tây, Trung Quốc. Sư nối pháp thiền sư Trí Viễn, thuộc tông Hà Trạch đời thứ 6, trụ chùa Tứ Minh ở »Thân như tường bích dĩ đổi thì Kinh Sư. Sư tham dự soạn bộ »Tứ Phần Cử thế thông thông thục bất bi Luật sao« theo lệnh vua, được vua ban tử Nhược đạt tâm không vô sắc tướng y, bái làm »Lưỡng nhai Thập vọng Đại Sắc không ẩn hiện nhậm suy di«. đức«. Tác phẩm: Trinh Nguyên Tục Thích »Thân như tường vách đã lung lay, Giáo Lục«. Đau đáu người đời luống xót thay. 2. Thiền tăng Việt Nam (999-1090), họ Nếu đạt tâm không, không tướng sắc, Mai tên Trực, quê ở Phúc Đường huyện Sắc không ẩn hiện mặc vần xoay«. Long Đàm (nay là huyện Thanh Trì, ngoại Tác phẩm: thành Hà Nội), là con người anh bà Linh Tán Viên Giác Kinh Cảm Thái hậu (vợ vua Lý Thái Tông). Thập Nhị Bồ Tát Hạnh Tu Chứng Đạo Thuở nhỏ sư rất thông minh hiếu học, đến Tràng. ấp Tiêu Sơn thọ giáo với Định Hương Tham Đồ Hiển Quyết 1 quyển. Trưởng Lão. Sư ở đây phục dịch nhiều 3. Thiền viện tọa lạc tại ấp 2 xã Phước năm để nghiên cứu sâu thiền học và nối Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, pháp ngài thuộc dòng Vô Ngôn Thông đời Việt Nam. Thiền viện mang tên một thiền thứ 7. Sư thường trì kinh Viên Giác, tinh sư Việt Nam đời Lý và do Hòa thượng thông pháp tam quán, được ngôn ngữ tam Thích Thanh Từ tạo lập vào năm 1975. muội, biện tài vô ngại. Về sau, sư tìm đến Buổi đầu nơi đây chỉ là một căn trại để cho phía tả kinh đô Thăng Long dựng một ngôi 34 ni cô tạm trú làm ruộng, rẫy; trải qua 3 chùa để hiệu là Cát Tường và trụ trì ở đó. lần trùng tu: 1976, 1983, 1994 chùa mới Người học bốn phương tìm đến tham vấn được khang trang như ngày nay. Từ cây số rất đông. Sư có soạn »Dược Sư Thập Nhị 73 trên quốc lộ 15 về bên trái, du khách sẽ Nguyện Văn« vua Lý Nhân Tông đưa bản theo một con đường đất dẫn đến thiền viện thảo cho sứ thần sang Trung Hoa dâng vua khoảng 2km. Qua cổng tam quan, du khách

VIÊN CHIẾU ĐẠI SƯ sẽ lần lượt tham quan: Nhà khách, Chính VIÊN GIÁM THIỀN SƯ điện, Tổ đường, Thiền đường, nhà kho, Thụy hiệu của Thiền tăng Pháp Viễn đời nhà trù và khu thiền thất. Tất cả các kiến Tống. X. Pháp Viễn. trúc trên được phân bố hài hòa trong một khuôn viên xanh mát bóng cây của vườn VIÊN HIỂN (1449-?) tược và đồng ruộng. Thiền tăng đời Minh, họ Trần, hiệu Ngọa Vân, Tri Vi Tử; người xứ Phú An (nay là VIÊN CHIẾU ĐẠI SƯ huyện Vân, tỉnh Hồ Bắc) Trung Quốc. Hiệu của Thiền tăng Thủ Khâm đời Ngũ Thuở nhỏ sư vào chùa Huệ Sơn xuất gia. Đại. X. Thủ Khâm. Niên hiệu Thành Hóa thứ 2 (1466) sư được cạo tóc làm tăng. Sư đọc nhiều kinh sách VIÊN CHIẾU THIỀN SƯ nhà Phật, giới hạnh tinh cần, nối pháp Hiệu của Thiền tăng Tông Bản đời Tống Thiền sư Sở Thạch. Chẳng bao lâu sư ở am do vua Tống Triết Tông ban cho. X. Tông Cao Mai học đại ý các sách Luận Ngữ, Bản. Mạnh Tử do Tần Hạnh Nghĩa truyền dạy và ngâm vịnh. Niên hiệu Hoằng Trị thứ 10 VIÊN CHỨNG (1497) sư trụ trì chùa Huệ Sơn, sưu khảo Thiền tăng đời Trần, Việt Nam. Sư trụ trì sự tích để soạn sách »Huệ Sơn Ký« gồm tại chùa Hoa Yên núi Yên Tử, đã đón vua 20 quyển. Trần Thái Tông, khi vua trốn lên núi để tu. Sư đã dạy vua bằng những lời bất tử như VIÊN HỌC (1053-1116) sau: Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ Thiền

tăng đời Lý, họ Hoàng, quê làng ở trong tâm. Tâm lặng mà biết thì đó là Như Nguyệt, tu ở chùa Đại An Quốc, Phật thật... huyện Tế Giang (tức huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên ngày nay), miền Bắc Việt VIÊN CƠ THIỀN SƯ Nam. Thuở nhỏ sư đọc hết các loại sách Hiệu của Thiền tăng Đạo Mân đời Tống. ngoài đời, đến năm 20 tuổi mới nghiên tầm X. Đạo Mân. nội điển. Nhân nghe một câu nói của Thiền VIÊN DUNG sư Chân Không mà tâm sư được mở sáng. Dung hợp hài hòa, không còn mâu thuẫn Sư nối pháp Thiền sư Chân Không, thuộc đối lập nữa: Sinh tử tức Niết-bàn, Chúng dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 17. Suốt sinh tức Phật, phiền não tức Bồ-đề. Cảnh năm, sư chỉ khoác một áo nạp, dù mưa gió giới của người giác ngộ, cũng chính là lạnh nóng. Bình bát, tích trượng chẳng rời thuyết Trung đạo. thân, sư tùy phương giáo hóa. Cho đến việc sửa cầu, đắp đường... chẳng việc nào VIÊN GIÁC THIỀN SƯ sư không đứng ra làm trước, rồi mới Thụy hiệu của Tổ Bồ-đề-đạt-ma do vua khuyến bảo người. Sư có làm bài kệ hóa Đường Đại Tông truy tặng. X. Bồ-đề-đạt- duyên: ma.

VIÊN NGỘ (1566-1642) VIÊN MINH (855-990) Thiền tăng đời Tống, họ Trần, người Phúc »Lục thức thường hôn chung dạ khổ Châu, Trung Quốc. Sư tham Quy Sơn Linh Vô minh bị phú cửu mê dung Hựu được ý chỉ, còn thỉnh ích nơi ngài Trú dạ văn chung khai giác ngộ Tuyết Phong. Sư từng đến núi Ngũ Đài Lãn thần tịnh sát đắc thần thông«. thấy Văn-thù hóa hiện. Các chùa do sư lập »Sáu thức tối tăm khổ đêm dài, ra đều lấy Văn-thù làm tên. Vô minh che đậy mãi mê say. Sớm tối nghe chuông lòng tỉnh giác VIÊN NGÂN (?-1580) An nhiên cõi tịnh đắc thần thông«. Thiền tăng đời Minh, họ Lý, người xứ Vũ Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh Thanh (nay thuộc hà Bắc) Trung Quốc. Từ. Thuở nhỏ sư hầu hạ trong cung, những khi rảnh rỗi sư lưu tâm vào Phật điển. Sư tham VIÊN HÚC vấn nhiều chùa nổi tiếng ở Nam Hải, đến Thiền tăng đời Minh, tự Vạn Tùng, người chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn, theo ngài Vô xứ Thông Hải (nay thuộc Vân Nam) Trung Ngôn Đạo Công cạo tóc làm tăng. Sau đó Quốc. Sư xuất gia từ bé, chuyên tinh nơi ở ẩn nơi am Triêu Dương tại núi Thượng thiền lý. Khoảng niên hiệu Sùng Trinh Phương, nghĩ rằng đường sá đến núi (1628-1644) sư ở chùa Cung Trúc tại Côn Thượng Phương xa xôi, khó khăn nên sư Minh (nay thuộc Vân Nam). Sư cố ý bắt quyên góp và xây dựng Phổ Tế Thiền Tự chước Hòa thượng Tế Điên đời Nam Tống, tại Cô Sơn khẩu để tiện lợi cho khách hành thường vào quán rượu ca hát, say sưa, nói hương. việc vị lai phần nhiều rất trúng. Sư thường nhập định ở ven đường, ngày đêm đều ngồi VIÊN NGỘ (1566-1642) xếp bằng, dù trời có mưa gió nhưng sư vẫn Thiền tăng đời Minh, họ Tưởng, tự Giác bất động. Một hôm tắm gội, lễ Phật xong, Sơ, hiệu Mật Vân, người Nghi Hưng sư nói kệ rồi thị tịch. (Giang Tô) Trung Quốc. Năm 29 tuổi sư theo Chính Truyền chùa Vũ Môn ở Long VIÊN KHOAN Trì xuất gia, sau đó theo thầy đến kinh đô Thiền tăng đời Trịnh Nguyễn phân tranh. truyền pháp, qua đỉnh núi Đồng Quan vô ý Sư là người Trung Quốc đến đàng trong trợt té hoát nhiên đại ngộ. Chính Truyền vào thế kỷ 17. Khi thiền sư Việt Nam là trao cho pháp y làm truyền nhân tông Lâm Hương Hải còn làm Tri phủ ở Triệu Phong Tế. Sư đi du phương Cửu Hoa, Phổ-đà, (Quảng Trị) năm 1652, ông đã theo học Thiên Thai, khắp cả Ngô Việt. Niên hiệu Phật pháp với vị sư Trung Quốc này. Vạn Lịch thứ 45 (1617) sư trụ trì chùa VIÊN MÃN THƯỜNG CHIẾU Long Trì, lần lượt trụ các chùa Thông Huyền, Kim

Túc, Hoàng Bá, Thiên Đồng. QUỐC SƯ NGỮ LỤC Từng ở 6 đạo tràng, sư thuyết pháp hơn 30 năm. Phục hưng Thiên Đồng Thiền Tự làm X. Phật Quang Quốc sư ngữ lục. cho tông Lâm Tế được trung hưng. Người

VIÊN NGỘ KHẮC CẦN quy y hơn ba vạn, đệ tử đắc pháp 12 người truyền lại đời. đều là những vị trụ trì các chùa nổi tiếng. Niên hiệu Sùng Trinh thứ 15 (1642) sư trở VIÊN QUẢ (1484-1573) về ở chùa Thông Huyền, Thiên Thai mà Thiền tăng đời Minh, họ Đinh, tự Chỉ tịch. Đời Thanh, vua Khang Hi truy tặng Viên, hiệu Huyễn Không, Hương Lâm, hiệu »Huệ Định Thiền sư«. Tác phẩm: Mật người xứ Trấn Giang (nay thuộc Giang Tô) Vân ngữ lục. Tịch Vọng Cứu Lược Thuyết. Trung Quốc. Ban đầu sư giữ chức Chỉ huy sứ Vệ thủ lăng ở Phụng Dương. Sau đó bỏ VIÊN NGỘ KHẮC CẦN quan chức cạo tóc làm tăng. Sư ở núi Ngũ Vua Tống Cao Tông ban cho Thiền tăng Đài tụng kinh Viên Giác có tỉnh. Năm 34 Khắc Cần đời Tống hiệu Viên Ngộ, nên tuổi, sư đến Hàng Châu, lên tuyệt đỉnh người đời gọi sư là Viên Ngộ Khắc Cần. phía bắc Cao Phong, chuyên tọa thiền đến X. Khắc Cần. 6 năm, thông suốt trong ngoài, thấu rõ thiền pháp. Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 34 VIÊN NGỘ PHẬT QUẢ THIỀN SƯ (1555), sư dâng kế đánh Nhật cho Tổng NGỮ LỤC đốc Hồ Tôn Hiến và đẩy lui được giặc. Về Ngữ lục, 20 quyển, do Viên Ngộ Khắc Cần già sư đến Ngô Việt, ra hoằng pháp trụ soạn vào đời Tống, nhóm Hổ Khâu Thiệu chùa Phật Huệ ở Hàng Châu. sư rất trọng Long... biên tập, được xếp vào Đại Chính thiền luật, ngưng thần nơi vắng lặng, mỗi Tạng tập 47, trang 713. Sách này được buổi sớm đều tụng kinh Kim Cang. Tác biên tập trước khi Thiền sư Viên Ngộ Khắc phẩm: Kim Cang Kinh Âm Thích Trực Cần thị tịch 2 năm, tức vào niên hiệu Thiệu Giải. Hưng thứ 3 (1133). Nội dung bao gồm các VIÊN THÔNG DIỆU GIÁC THIỀN loại ngữ lục trong một đời của Thiền sư Khắc Cần như: Thượng đường, Tiểu tham, SƯ Phổ thuyết, Pháp ngữ, Niêm cổ, Tụng cổ, Thự hiệu của Thiền tăng Thanh Dục đời Kệ tụng, Chân tán, Tạp trước, Phật sự v.v.. Ngũ Đại do Ngô Việt Vương ban cho. X. Từ sách này chúng ta biết được tông phong Thanh Dục. Lâm Tế vào đời Tống cùng với trình độ và VIÊN THÔNG MINH QUẢNG sự tích của thiền tăng. THIỀN SƯ VIÊN NGUYỆT (1300-1378) Thiền tăng Minh Quảng đời Thanh, người Thiền tăng Nhật Bản, gọi đủ là Trung đời gọi là »Viên Thông Minh Quảng Thiền Nham Viên Nguyệt, niên hiệu Thái Định sư«. X. Minh Quảng. thứ 2 (1325) sang nhà Nguyên đắc pháp VIÊN THÔNG NỘT nơi Thiền sư Cổ Lâm Thanh Mậu, Thiên Thiền tăng Cư Nột sống vào đời Tống, ở Ninh Cảnh Đàm, đời thứ 23 hệ Nam Nhạc, chùa Viên Thông, Lô Sơn, người đời gọi đời thứ 6 tông Lâm Tế. Niên hiệu Chí sư là »Viên Thông Nột«. X. Cư Nột. Thuận thứ 3 (1332) sư trở về nước, trụ trì chùa Kiết Tường. Có Thi tập, ngữ lục

VIÊN THÔNG TỰ VIÊN THÔNG QUỐC SƯ chưa từng bê trễ thiếu sót. Niên hiệu Thiên (1080-1151) Chương Bảo Tự thứ 5 (1137) vua sắp băng, sư có dự vào hàng Cổ mệnh thảo tờ Thiền tăng đời Lý, tục danh Nguyễn di chiếu. Vua phó thác mọi việc cho sư. Nguyên Ức, quê làng Cổ Hiền (nay thuộc Sau, sư về làng Cổ Hiền tỉnh Nam Định huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông), miền lập ngôi chùa hiệu Quốc Ân trụ trì đến già. Bắc Việt Nam. Sư nối pháp ngài Viên Học Niên hiệu Đại Định thứ 4 (1143) nhà vua thuộc dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 18. vinh thăng sư chức Tả hữu nhai Tăng Sau, sư dời về

phường Thái Bạch, kinh đô thống, Nội cung phụng Tri giáo môn công Thăng Long, lập nghiệp luôn tại đây. Thế sự, Truyền giảng Văn chương, Ứng chế hộ tộc làm tăng quan, cha tên Huệ Dục làm quốc Quốc sư và ban cho y hồng. quan dưới triều Lý đến chức Tả hữu nhai Tác phẩm: Tăng lục. Sư tư chất thông minh, học hiểu Chư Phật Tích Duyên Sự, 30 quyển. đến chỗ tinh diệu, có chí xuất gia lúc còn Hồng Chung Văn Bi Ký. nhỏ. Sư từng gặp Thiền sư Viên Học chùa Tăng Già Tạp lục, hơn 50 quyển. An Quốc và nhân đó được khế chỉ. Niên Viên Thông tập, hơn 1000 bài thơ. hiệu Hội Phong thứ 6 (1097), sư đậu thủ Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh khoa kỳ thi Tam Giáo, được sung vào chức Từ. Đại văn. Đến niên hiệu Long Phù Nguyên Hóa, triều đình mở khoa thi để cất nhắc kẻ VIÊN THÔNG TỰ có tài lớn trong thiên hạ, để bổ sung cho Còn gọi: Đông Lâm tự. Chùa ở chân núi các chức quan vừa tăng vừa đạo còn thiếu phía tây Lô Sơn, tỉnh Giang Tây, Trung sót, sư lại đỗ đầu. Nhà vua quá quý kính Quốc, do Nam Đường Hậu Chủ xây dựng. muốn đem chính sự giao phó cho sư, sư cố Lúc ấy do ngài Duyên Đức đứng ra chăm từ chối chẳng dám nhận. Vua bèn tiến chức sóc việc cất chùa. Khoảng niên hiệu Khánh Nội Cung phụng Truyền giảng pháp sư. Lịch (1041-1048) đời Tống, Thiền sư Cư Bấy giờ, sư tùy cơ giảng giải giáo lý, khiến Nột từ chùa Quy Tông dời sang chùa này, người giác ngộ, Sư giải hoặc, phá ngu cho cùng với Âu Dương Tu lập ra »Thanh học nhân một cách chớp nhoáng, sắc bén. Tùng Xã«, làm cho thiền pháp hưng thạnh, Những người thụ giáo nơi sư đều nổi tiếng đệ tử được 3. 000 vị. Khoảng niên hiệu sau này. Niên hiệu Đại Khánh thứ 3 (1112) Nguyên Phong (1078-1085), Vua Thần sau khi trùng hưng ngôi chùa Diên Thọ, Tông ban cho bảng hiệu »Đông Lâm Tự«; vua sắc sư làm bài văn bia. Vua mến phục ít lâu sau đổi thành »Đông Lâm Thái Bình tài, phong sư lên chức Tả nhai Tăng lục. Hưng Quốc Thiền Viện«, phái ngài Hoàng Sư có trình bày việc trị loạn, hưng vong Long Huệ Nam trụ trì, giáo hóa rất thạnh. của đất nước; Vua nghe qua rất hài lòng, Dưới 2 đời Nguyên, Minh chùa trở thành lại thăng sư chức Hữu nhai Tăng thống, Tri đạo tràng Tịnh Độ, đến đời Thanh thì chùa giáo môn công sự. Sư giữ thái độ thung dần dần suy đồi. Trong một bài thơ từ giã dung, tuy nghiêm trang nhưng thân gần để bạn bè, nhà sư Thương Hạo có làm bài thơ dâng hiến lời khuyên nhủ bảo ban vua, có đề cập đến chùa Đông Lâm như sau:

VIÊN TÍN (1571-1647) »Nhất tọa Đông Lâm tự Thiền sư Bảo Nguyệt ở chùa Thụy Quang Tùng lai vi hạ san xuất gia, đến 18 tuổi được cạo tóc làm Bất nhân tầm trưởng giả tăng. Sư phát phẩn tham cứu, tham vấn Vô sự đáo nhân gian khắp nơi. Chùa Thụy Quang bị hủy hoại Túc vũ sầu vi khách hơn trăm năm, chỉ là 1 ngôi chùa hoang Hàn cầm tán vị hoàn phế. Sư thệ nguyện sửa sang, ban ngày cổ Không hoài cựu sơn nguyệt động quyên góp, đến đêm quỳ gối mặc Đồng tử tụng kinh nhàn«. nguyện. Vào năm Thiên Khải thứ 4 (1624) »Một bận lên chùa học sư xây Thất Phật các, rồi thỉnh ngài Hoằng Hôm nay mới hạ san Triệt trụ trì. Niên hiệu Sùng Trinh thứ 2 Chẳng mong tìm trưởng giả (1629) sư sửa Thiên Ninh Phù đồ cảm Bởi rảnh tới nhân gian tháp. Sư có thân tướng lùn thấp nhưng giới Mưa tối cho buồn khách pháp tinh nghiêm, càng tinh chuyên về lập Chim côi chửa họp đàn đạo tràng. Nhớ hoài trăng núi cũ VIÊN TỊNH ĐẠI SƯ Lúc nhỏ tụng kinh nhàn«. Hiệu của Thiền tăng Chí Nguyên đời Ngũ (Cao Tự Thanh dịch). Đại. X. Chí Nguyên. VIÊN TÍN (1571-1647) VIÊN TRÍ (769-835) Thiền

tăng đời Minh, họ Chu, ban đầu lấy Còn gọi: Tông Trí. Thiền tăng đời Đường, hiệu Tuyết Đình, sau đổi lại Tuyết Kiệu. họ Trương, người Dự Chương (Nam Về già tự xưng Ngữ Phong Lão Nhân. Xương, Giang Tây) Trung Quốc. Thuở nhỏ Năm 29 tuổi xuất gia, hành cước bốn sư theo Hòa thượng Niết-bàn xuất gia, sau phương, sư tham kiến Diệu Trinh chùa Phổ đó theo Dược Sơn Duy Nghiễm được tâm Tế núi Tần Vọng có tỏ ngộ, trở về Thiên ấn và nối pháp. Đi tham phỏng các nơi, Thai tìm người ấn chứng, chợt ngẩng đầu đến núi Đạo Ngô, Đàm Châu (Trường Sa, thấy ba chữ »Cổ Vân Môn« hoát nhiên đại Hồ Nam) tụ hội đồ chúng đại chấn thiền ngộ đến tham kiến Huyễn Hữu Chính phong. Thụy là »Tu Nhất Đại Sư«. Tuyền được ấn khả nối pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế. Niên hiệu Vạn Lịch thứ VIÊN TRÍ ĐẠI SƯ 43 (1615) ra hoằng pháp trụ am Thiên Chỉ Thụy hiệu của Thiền tăng Đại An đời ở Kính Sơn, sau trụ chùa Khai tiên ở Lô Đường. X. Đại An. Sơn, chùa Đông Tháp ở Chiết Giang. Tác phẩm: Tuyết Kiệu Viên Tín Thiền sư ngữVIÊN TRÍ THIỀN SƯ lục 4 quyển. 1. Hiệu của Thiền tăng Hoằng Biện đời Đường. X. Hoằng Biện. VIÊN TỊNH (1588-1639) 2. Hiệu của Thiền tăng Thiệu Tông đời Thiền tăng đời Minh, họ Lục, tự Trúc Ngũ Đại. X. Thiệu Tông. Phan, người xứ Trường Châu (nay là Tô Châu) Trung Quốc. Năm lên 9, sư theo

VIỄN MÔN TỊNH TRỤ THIỀN SƯ VIÊN TRỪNG (1561-1626) rồi trở về giữ chức Ký thất ở chùa Long Thiền tăng đời Minh, họ Hạ, tự Trạm Trì, thông suốt được tâm tủy của Chính Nhiên, hiệu Tán Thủy Đạo Nhân, người xứ Truyền. Niên hiệu Thái Xương thứ 1 Cối Kê (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh (1620), sư ẩn cư trong Khánh Sơn tại Chiết Giang) Trung Quốc. Ban đầu sư làm Thường Châu, sáng lập chùa Khánh Sơn. lính đưa thư, do vì đưa lầm công văn nên Sư có phong nghi lỗi lạc, bẩm tính điềm bị phạt trượng. Sau sự việc đó, sư theo Hòa đạm, lấy việc phục hưng môn phong của thượng Diệu Phong cạo tóc làm tăng. Tuy thầy làm nhiệm vụ của mình. Kẻ sĩ mộ đạo chẳng biết chữ nhưng sư thông sáng hơn bốn phương nghe danh tìm đến, rộn rịp cả người; nghe các sư tăng biện luận, sư thầm chùa. nhớ văn kinh tìm hiểu chân lý. Sư đến lễ ngài Vân Thê Châu Hoằng xin thụ giới cụ VIÊN TU THIỀN SƯ túc; Châu Hoằng xem trọng sư như bậc tái Thụy hiệu của Thiền tăng Đạo Lâm, thuộc lai. Sư còn tham vấn Thiền sư Phương tông Ngưu Đầu, sống vào đời Đường. X. Niệm, được ngài ấn khả làm truyền nhân Đạo Lâm. tông Tào Động. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 42 (1614) sư trụ trì chùa Quảng Hiếu, năm kế VIÊN XUẤT (1605-1645) trụ trì chùa Kính Sơn; năm sau nữa (1616) Thiền tăng đời Minh, họ Thùy, hiệu Ngọa trụ trì chùa Đông Tháp. Sư có thái độ rất Long, được sinh ra bên chằm Hán Nhạc, bình thản đối với người sang hay kẻ hèn. chân núi Dương Sơn, Trung Quốc. Xuất Lúc thăng tòa chỉ nói những lời bình dị, gia năm 13 tuổi, thông giáo học, thường giảng kinh thuyết pháp đều có diệu lý. Tác tham học nơi các pháp hội Ngưu Sơn, phẩm: Niết-bàn Hội Sớ, Khái Cổ lục, Vân Hoàng Long ở Tứ Xuyên. Một hôm, sư Môn Trạm Thiền sư ngữ lục, Ngũ Đăng đọc Cảnh Đức Truyền Đăng lục có cảm Pháp Ngữ, Pháp Hoa Ý Ngữ, Lăng Nghiêm ngộ liền đến tham vấn Phá Sơn Hải Minh, Kinh Ức Thuyết, Tư Ích Phạm Thiên Sở nối pháp Ngài, thuộc tông Lâm Tế. Niên Vấn Kinh Giản Chú, Kim Cang Tam Muội hiệu Sùng Trinh thứ 1 (1638), sư trụ trì Kinh Chú Giải, Tông Môn Hoặc Vấn. viện Chỉ Nguyệt ở Tứ Xuyên. Về sau từng trụ các chùa: Thê Linh ở Tứ Xuyên, Thiên VIÊN TU (1575-1635) Hoàng ở

Hà Nam, Hoa Nghiêm ở Hà Bắc, Thiền tăng đời Minh, họ Mẫn, tự Vô Ẩn, Ngọa Long ở Tứ Xuyên. Sư vốn có 20 người xứ Kinh Khê (nay là huyện Nghi quyển ngữ lục nhưng nay chỉ còn Nao Hưng, tỉnh Giang Tô) Trung Quốc. Năm Châu Ngọa Long Thiền sư ngữ lục 3 20 tuổi sư vào chùa Long Trì cạo tóc làm quyển. tăng, năm 24 tuổi được độ. Sư đóng cửa tĩnh tu, một hôm nghe tiếng lừa kêu sư liền VIỄN MÔN TỊNH TRỤ THIỀN SƯ đại ngộ. Sư đến chùa Phổ Chiếu ở Bắc Kinh, tham vấn Thiền sư Chính Truyền, Thiền tăng Tịnh Trụ sống vào đời cuối được ngài ấn chứng làm truyền nhân tông Minh đầu Thanh, có hiệu là Viễn Môn, Lâm Tế. Sư còn yết kiến nhiều vị Tôn túc, người đời gọi là »Viễn Môn Tịnh Trụ

VIỆN CHỦ Thiền sư«. X. Tịnh Trụ. thể, bèn trở lại núi Thiên Thai kết am cỏ tu hành, được Quốc sư Đức Thiều khai thị, sư VIỆN CHỦ đốn ngộ bản tâm, nối pháp làm truyền nhân Vị tăng chủ nhiệm một ngôi điện đường tông Pháp Nhãn. Sau đó xuất sơn, Ngô của một tự viện. Chức vụ này ở dưới quyền Việt vương bảo sư trụ trì viện Thanh Thái vị Trụ trì trong tùng lâm Trung Quốc thuở ở Việt Châu (Thiệu Hưng, Chiết Giang), xưa. Ngày nay thường gọi vị Trụ trì là lại triệu thỉnh ở chùa Báo Ân, Hàng Châu, Viện chủ, còn vị chủ nhiệm một ngôi điện ban hiệu »Chính Giác Không Huệ Thiền đường là Giám sự. Tiết Đan Hà Thiêu Phật sư«. trong TĐL q. 14 ghi: »

VĨNH AN VIỆN – Về sau sư đến chùa Huệ Lâm, gặp Viện Vĩnh An. X. Bách Lâm tự. lúc trời thật giá rét, sư đem tượng Phật gỗ xuống đốt để sưởi ấm. Viện chủ quở trách VĨNH DƯ (?-1365) sư«. Thiền tăng đời Nguyên, hiệu Đông Lăng, người Tứ Minh, Trung Quốc. Tuổi thanh VIỆT SƠN CÁT TƯỜNG THIỀN niên sư du phương tham yết các bậc lão VIỆN túc. Sau lên núi Thiên Đồng tham học với X. Hoa Lâm tự. Vân Ngoại Vân Tụ nhận được tông yếu Tào Động. Sau đó khai pháp tại chùa Thiên VINH TÂY (1141-1215) Ninh. Niên hiệu Chí Thánh thứ 11 (1351) Thiền tăng Nhật Bản tông Lâm Tế, dòng sang Nhật Bản tham yết Mộng Song Sơ Hoàng Long, được xem là vị Tổ khai sáng Thạch. Lần lượt trụ các chùa Thiên Long, Thiền tông tại Nhật Bản. Sư đến Trung Nam Thiền, Kiến Trường, Viên Giác, pháp Quốc hai lần và lần thứ hai, sư được Thiền hóa rất thịnh. Nhật Bản niên hiệu Trinh Trị sư Hư Am Hoài Thưởng ở chùa Vạn Niên thứ 4 (1365) sư thị tịch. Đệ tử xây tháp sư trên núi Thiên Thai ấn chứng. Sư cũng là tại am Tây Vân, Nam Thiền. Được ban người thầy đầu tiên của Đạo Nguyên Hy thụy »Diệu Ứng Quang Quốc Huệ Hải Từ Huyền, người khai sáng dòng Thiền Tào Tế Thiền sư«. Pháp hệ đời sau gọi là »Phái Động tại Nhật. Trong những năm cuối đời, Đông Lăng«, là 1 trong 24 phái Thiền Nhật sư hoằng hóa tại hai trung tâm Kinh Đô và Bản. Liêm Thương (Nhật Bản). Tác Phẩm: Hưng Thiền Hộ Quốc Luận. VĨNH GIA CHỨNG ĐẠO CA VĨNH AN (911-974) Còn gọi: Vĩnh Gia Chân Giác Thiền sư Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Ông, người Ôn Chứng Đạo Ca, Chứng Đạo Ca. Thi ca, 1 Châu (Chiết Giang) Trung Quốc. Thuở nhỏ quyển, do Vĩnh Gia Huyền Giác soạn vào sư theo Đại sư Hối Trưng ở bản quận xuất đời Đường, được xếp vào Đại Chính Tạng gia, định đến Mân, Xuyên tham phỏng các tập 48, trang 395. Toàn văn gồm 247 câu, thiền sư. do đường sá hiểm trở nên chưa phần lớn là mỗi câu 7 chữ, tổng cộng là

VĨNH GIA THIỀN TÔNG TẬP CHÚ 1814 chữ, hình thức thơ cổ thể. Một đoạn tập, Huyền Giác Vĩnh Gia tập. Luận nghị, gồm 4 câu hoặc 6 câu, tất cả gồm 51 đoạn 1

quyển, do Vĩnh Gia Huyền Giác soạn (khổ). Sách này được viết vào khoảng niên vào đời Đường, Thứ sử Khánh Châu là hiệu Thần Long thứ 1 (705). Tác giả cho Ngụy Tĩnh biên tập, được xếp vào Đại rằng mỗi người đều có Phật tính Như Lai Chính Tạng tập 48, trang 378. Thời trẻ tạng, nếu như triệt ngộ thì sẽ giải thoát; ý Huyền Giác học Thiên Thai, sau khi tham chính của tác giả nhằm tuyên dương pháp lễ Huệ Năng sư chuyển sang Thiền tông. môn đốn ngộ của Huệ Năng như: Sách này đem ý nghĩa chỉ quán của Tông Thiên Thai để giải thích thiền của Thiền tông, nêu ra dụng ý và lịch trình tu hành thiền định. Toàn sách gồm có 10 thiên: 1. Nghi thức lập chí mộ đạo, 2. Răn ý kiêu sa, »Đốn giác liễu, Như Lai Thiền 3. Tịnh tu ba nghiệp, 4. Bài tụng về Xa- Lục độ vạn hạnh thể trung viên ma-tha, 5. Bài tụng về Tỳ-bà-xá-na, 6. Bài Mộng lý minh minh hữu lục thú tụng về Ưu-tất-xoa, 7. Thứ lớp của tam Giác hậu không không vô đại thiên«. thừa, 8. Lý sự bất nhị, 9. Thư khuyên bạn Và: hữu, 10. Văn phát nguyện. Ba thiên trước là phần tựa, năm thiên kế là phần chính tông, hai thiên sau là phần lưu thông. Đầu »Tự tòng nhận đắc Tào Khê lộ quyển có lời tựa của Ngụy Tĩnh. Sách này Liễu tri sinh tử bất tương can«. là tác phẩm dung hợp Thiên Thai Tông và Chứng Đạo Ca là tác phẩm đại biểu cho Thiền tông xuất hiện sớm nhất, rất được văn học thiền, dùng ngôn từ tao nhã để đời sau xem trọng. Các sách chú thích về trình bày và phân tích chân thể của Thiền tác phẩm này có: tông, không những được truyền tụng trong Vĩnh Gia Tập Chú, 2 quyển của Hành thiền môn mà còn được giới trí thức quan Tĩnh đời Tống. lại yêu thích. Chu Hy trực tiếp dẫn dụng Vĩnh Gia Thiền tông Tập Chú, 2 quyển ngôn ngữ thi ca của tác phẩm này để luận của Truyền Đăng đời Minh. chứng cho quan điểm của mình. Các sách Vĩnh Gia Tập Thuyết Nghị, 2 quyển của chú thích cho tác phẩm này có: Kỷ Hòa, vị tăng Cao Ly. Chứng Đạo Ca Chú, 1 quyển của Ngạn Kỳ. VĨNH GIA THIỀN TÔNG TẬP Chứng Đạo Ca Chú, 1 quyển của Tri CHÚ Nột, 2 quyển này được viết vào đời Tống. Sách, 2 quyển, do Vĩnh Gia Huyền Giác Chứng Đạo Ca Chú Tụng của Vĩnh soạn vào đời Đường, Vô Tận Truyền Đăng Thạnh đời Nguyên. trùng biên và chú thích vào đời Minh, được ấn hành vào niên hiệu Thiên Khải thứ 2 VĨNH GIA TẬP (1622), sau đó được xếp vào Tục Tạng Gọi đủ: Thiền tông Vĩnh Gia tập. Còn gọi: kinh tập 111, trang 399. Vào đời Đường, Vĩnh Gia Thiền tập, Vĩnh Gia Thiền tông Thứ sử Khánh Châu là Ngụy Tĩnh từng

VĨNH GIÁC HÒA THƯỢNG ĐỘNG THƯỢNG CỔ TRIỆT biên »Vĩnh Gia tập« nêu lên yếu nghĩa tu Thư, Sớ Minh, Chư Tổ đạo ảnh tán, Kệ thiền và quá trình ngộ đạo của Vĩnh Gia tụng v.v... Huyền Giác. Vô Tận Truyền Đăng cho rằng »Vĩnh Gia tập« do Ngụy Tĩnh biên VĨNH HỮU TỰ XÁ LỢI THÁP nội dung lộn xộn, có chỗ sai lầm, khác xa với bản ý của ngài Vĩnh Gia Huyền Giác. Nằm bên cạnh vườn Vạn Thọ, sơn trang Tị Do đó ông đem thứ tự và nội dung của 10 Thử (tránh nắng), thành phố Thừa Đức, thiên vốn có, sửa lại làm: Quy kính tam tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc. Tục gọi »Lục bảo, Phát hoằng thệ nguyện, Thân cận sư Hòa Tháp«. Chùa xây vào niên hiệu Càn hữu, Y thực giới cảnh, Tịnh tu tam nghiệp, Long thứ 16 (1751) đời Thanh, hiện không Tam thừa tiệm thứ, Sự lý bất nhị, Giản thị còn nữa, chỉ còn 4 tấm bia khắc và tháp. thiên viên, Chính tu chỉ quán, Quán tâm Tháp vốn nằm giữa tiền điện, hậu điện của thập môn. Hơn nữa, ông còn chú thích tỉ chùa, khi vua Càn Long đi Nam tuần, thấy mỉ và

phụ lục phần chú thích »Vĩnh Gia tháp chùa Báo Ân ở Nam Kinh và tháp Lục Tập Chú« của Hành Tĩnh đời Tống để làm Hòa ở Hàng Châu vững vàng thanh tú đẹp sáng tỏ tông chỉ Chỉ Quán quán tâm của đẽ, bèn vào niên hiệu Càn Long thứ 19 Vĩnh Gia Huyền Giác. (1754) sai bề tôi cùng một lúc mô phỏng theo xây tháp ở Bắc Kinh và sơn trang Tị VĨNH GIÁC HÒA THƯỢNG Thử ở Thừa Đức. Do vì tháp xây tại Bắc ĐỘNG THƯỢNG CỔ TRIỆT Kinh bị lửa thiêu hủy, vua Càn Long sợ rằng tháp chùa Vĩnh Hựu cũng sẽ bị như X. Động Thượng Cổ Triệt. thế nên hạ lệnh dùng gạch đá kết cấu, đấu củng dùng đồ trang sức bằng lưu ly, trong VĨNH GIÁC NGUYÊN HIỀN lúc thi công cũng từng làm lại hai lần, đến THIỀN SƯ QUẢNG LỤC niên hiệu Càn Long thứ 29 (1764) mới hoàn thành. Tháp hình bát giác, 9 tầng, cao Còn gọi: Vĩnh Giác Hòa thượng quảng lục. 67m. Tầng thứ 1 vốn có hành lang bao Ngữ lục, 30 quyển, do Nguyên Hiền soạn quanh tám mặt, hiện đã sụp đổ. Tầng thứ 2 vào đời Minh, Vi Lâm Đạo Bái trùng biên, trở lên mỗi tầng mỗi mặt đều có mở một được ấn hành vào niên hiệu Thuận Trị thứ cửa cuốn, mái tháp mỗi tầng làm bằng đấu 14 (1657) đời Thanh, sau đó được xếp vào củng giản đơn, mái vươn ra rất ngắn. Đỉnh Tục Tạng kinh tập 125, trang 401. Nội tháp tám mặt nghiêng, cao mà dốc, được dung thu thập ngữ lục của Nguyên Hiền che phủ bằng ngói lưu ly màu vàng, trên khi ở các nơi: chùa Dũng Tuyền Cổ Sơn đỉnh tháp là tháp sát bằng vàng ròng. Toàn Phúc Châu, chùa Khai Nguyên Tuyền bộ tháp cao lớn hùng vĩ, tạo dáng đơn giản Châu, Chân Tịch Thiền Viện ở Hàng Châu, mà khéo léo đẹp đẽ, màu sắc sáng sủa, thấp am Bảo Thiện Kiếm Châu, và các phần: thoáng trong đám cây xanh, trở thành tiêu Tiểu tham, Phổ thuyết, Trà thoại, Niêm cổ, chí nổi bật của sơn trang Tị Thử. Đây là Tụng cổ, Phật sự, Thư vấn, Tự, Ký, Văn, một ngôi tháp mỹ quan hơn hết trong các

VĨNH NINH TỰ tháp gạch đời Thanh. Sau tháp có một tấm Tư Ích, Hoa Nghiêm, Viên Giác, Lăng bia, mặt trước khắc »Cao Tông Ngự Chế Nghiêm, Đại Tập cũng là ngàn tên gọi của Vĩnh Hựu Tự Xá-lợi Tháp«, mặt sau khắc nhất pháp mà thôi, quan trọng ở chỗ quán »Tị Thử Sơn Trang Bách Vận Thi«. Lầu tâm để đạt nhất tâm. Thế nên trong sách Ngự Dung ở phía sau tháp là một tòa lầu 2 nêu ra 120 thứ tà tông kiến giải, dùng pháp tầng, di tượng của vua Khang Hy được thờ quán tâm để cởi mở mọi mê lầm, chiếu phá phụng nơi đây. Vua Càn Long mỗi lần đến tối tăm và cho rằng khi quán triệt một chân sơn trang Tị Thử, trước tiên phải đến đây tâm này thì tất cả thị phi thủ xả liền tiêu, bái tế. Về sau di tượng các vua Ung Chính rỗng rang thanh tịnh và đạt đến cảnh giới và Càn Long cũng được thờ tại lầu này. giải thoát viên dung. Cuối quyển có phụ lục »Định Huệ Tương Tư Ca«. VĨNH LẠC THIỀN TỰ Ở mỏm núi Thiên Tâm, núi Vũ Di, tỉnh VĨNH NINH (1292-1369) Phúc Kiến, Trung Quốc. Nguyên tên là Thiền tăng đời Nguyên, họ Chu, tự Nhất »Sơn Tâm Vĩnh Lạc Am«. Niên hiệu Gia Nguyên, hiệu Hư Huyễn Tử, Hư Đường, Tĩnh thứ 7 (1528) đời Minh sau khi xây cất người Thông Châu (Nam Thông, Giang lại đổi tên là »Thiên Tâm Am«. Vốn là tự Tô) Trung Quốc. Năm 9 tuổi sư xuất gia quán của Đạo giáo, sau làm chỗ ở cho Phật theo Thượng nhân Nhân Mô chùa Quảng giáo đồ, đổi tên là »Vĩnh Lạc Thiền Tự«. Huệ ở Lợi Hòa. Sau đó du phương tham Tự viện rộng thoáng hùng vĩ, lâu các hiên kiến các bậc thiền lão, năm năm sau đến ngang, quang cảnh đẹp đẽ tĩnh mịch. Trong Thái Hồ yết kiến Thiền sư Vô Dụng,

liễu cuộc cách mạng văn hóa cũng từng bị phá ngộ huyền chỉ nối pháp. Khoảng niên hiệu hoại, về sau tu sửa lại. Diên Hựu (1314-1320) sư ẩn cư trong núi Quảng Đức. Niên hiệu Chí Trị thứ 3 VĨNH MINH THIỀN SƯ (1323) trụ trì chùa Long Trì, Nghi Hưng Hiệu của thiền tăng Linh Tham đời Ngũ (Giang Tô), xây cất vài chục gian điện vũ Đại, X. Linh Tham. mệnh danh là Am Vũ Môn Hưng Hóa. Lại lần lượt chủ trì các chùa Lý Sơn, Thiên VĨNH MINH TRÍ GIÁC THIỀN SƯ Ninh, tiếng tăm đồn xa. Niên hiệu Chí DUY TÂM QUYẾT Chính thứ 8 (1348) phụng chỉ vào nội cung thuyết pháp, vua Nguyên Thuận Đế ban Gọi tắt: Duy Tâm Quyết. Luận nghị, 1 Kim lan pháp y, vòng ngọc, ban hiệu »Phật quyển, do Vĩnh Minh Diên Thọ soạn vào Tâm Liễu Ngộ Bản Giác Diệu Minh Chân đời Tống, được xếp vào Đại Chính Tạng Tịnh Đại Thiền sư«. Đời Minh, niên hiệu tập 48, trang 993. Sách này là tác phẩm mà Hồng Vũ thứ 1 (1368) lui về ở chùa Long qua đó Vĩnh Minh Diên Thọ làm sáng tỏ tư Trì. Tác phẩm: Tứ Hội ngữ lục. tưởng duy tâm của sư. Diên Thọ chủ VĨNH NINH TỰ trương dù có nhiều học thuyết song đều Chùa Vĩnh Ninh. X. Thượng Lam viện. quy về nhất pháp, và muôn pháp đều quy về nhất tâm. Các kinh: Pháp Hoa, Bát-nhã,

VĨNH QUANG (660-730) VĨNH QUANG (660-730) tử xong rời khỏi tòa, hướng lên không Thiền tăng đời Đường, họ Phòng, người trung đảnh lễ rồi trở về phương trượng. Nam An Quân (Đại Dữu, Giang Tây), Đêm ấy, sư thị tịch«. Trung Quốc. Sư vốn là thợ săn. Khi Lục 2. Không căn cứ; không có cơ sở. Phần Tổ Huệ Năng từ Hoàng Mai trở về Nam, Dương ngữ lục q. thượng ghi: » đến núi Đại Dữu gặp cọp, Quang hàng phục được cọp, muốn theo Tổ cùng đi về – Cái gì là chỉ phương Nam, nhưng Tổ bảo chờ 20 năm thú của Tam huyền? Giả sử ông có quyết sau. Đúng hẹn, Quang dắt cọp về đến Tào trạch được rõ ràng cũng đều là kiến giải Khê, được tổ truyền giới cho. Cọp chết không có cơ sở«. trước, sư lập »Hổ tăng chi cơ« để biểu dương công lao giúp đỡ Thiền tông của VỌNG SINH TIẾT MỤC cọp. Quang đến chùa Viên Minh ở Thiều Giả dối, luống cuống bày ra sự việc. Phần quận để hoằng pháp và viên tịch tại đây. Dương ngữ lục ghi: » – VĨNH TỪ (1393-1461) Tiếng chuông vang, chim sẻ kêu còn có thể Thiền tăng đời Minh, họ Dư, tự Hải Chu, khế ngộ nguồn chân; tìm cầu nơi khác người Thành Đô (Tứ Xuyên) Trung Quốc. chính là vọng sinh tiết mục«. Thuở nhỏ sư đến chùa Cảnh Đức ở huyện Bành (Tứ Xuyên) theo Chiếu Nguyệt xuất VÔ ÂN (884-960) gia. Sau khi Chiếu Nguyệt tịch, sư vào Tây Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Ngô, người xứ Sơn ẩn cư 8 năm. Niên hiệu Tuyên Đức Phúc Châu, Trung Quốc. Năm lên bảy, sư thứ 2 (1427) đến Kinh đô tìm cầu tâm theo ngài Tuyết Phong Nghĩa Tồn xuất gia, pháp, song ít khi khế ngộ. Trở lại Kim đến 20 tuổi thụ giới cụ túc. Sau đó, tham Lăng (Nam Kinh) yết kiến Thiền sư Đông yết Cửu Phong Đạo Kiền và đắc pháp. Khi Minh. Niên hiệu Chính Thống thứ 2 (1437) ra hoằng pháp sư trụ viện Hòa Sơn Đại Trí đáp ứng lời thỉnh của Thái Giám Viên ở Cát Châu (nay là huyện Cát An, tỉnh Thành, sư khai pháp tại chùa Dực Thiên ở Giang Tây). Nam Đường Trung Chủ triệu Kim Lăng. sư vào cung lễ kính. Tốt hiệu: Pháp Tính Thiền sư. VĨNH XƯƠNG THIỀN TỰ VÔ BA TỴ X. Nghênh Giang tự. 1. Không có chỗ để nắm bắt bởi vì thiền pháp của Tổ sư (Tự tính) vượt thoát mọi VỌNG KHÔNG phân biệt tình tưởng. Mật Am ngữ lục ghi: 1. Hướng lên không trung. Thần Hội »

truyện trong TCTT q. 8 ghi: »
– Đêm nay đưa ra như thế, – Vào niên hiệu hoàn
toàn không có chỗ nắm lấy, hoàn Thượng Nguyên thứ 1 (674), sư dặn dò đệ toàn không
có mùi vị, như con muỗi đậu

VÔ CÔNG CHI CÔNG trên con trâu sắt, thì đâu có chỗ nào để VÔ CHUẨN SƯ
PHẠM THIỀN SƯ cắm mỏ«. NGỮ LỤC Còn gọi: Phật Giám Thiền sư ngữ
lục, 2. Chỉ cho thiền pháp của Tổ sư. Lục Tổ Phật Giám lục, Vô Chuẩn Thiền sư ngữ Đại
Sư Pháp Bảo Đàn Kinh tự của Đức Dị lục. Ngữ lục, 6 quyển, do Vô Chuẩn Sư ghi: »
Phạm soạn vào đời Tống, 2 vị Tông Hội và Trí
Chiết cùng biên tập, được ấn hành vào niên hiệu Thuần Hựu
thứ 11 (1251), và sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh tập 121, –
Đại sư gốc gác ở Phạm Dương, trang 853. cuối đời mất ở Tào Khê, nói pháp 37 Quyển 1,
2: Thu thập ngữ lục trong 5 năm… Chỉ có Nam Nhạc và Thanh Nguyên hội của Sư Phạm
tại các chùa: Thanh là hầu hạ Ngài lâu nhất, nhận được rốt ráo Lương, Phổ Tế, Tư
Thánh. thiền pháp của Tổ sư nên mới sản xuất ra Quyển 3-6: Tiểu tham, Pháp ngữ, Phổ
Mã Tổ, Thạch Đầu, cơ trí đầy đủ khiến cho thuyết, Niêm cổ, Kệ tụng, Tự tán, Tiểu Thiền
tông hưng thạnh«. Phật sự, Tế Phật Giám Thiền sư văn, Nhập nội dẫn đối thăng tòa ngữ
lục (Tấu đối VÔ BIÊN (?-1588) lục), Hành trạng v.v…

Thiền tăng đời Minh, họ Tào, người xứ VÔ CỐ VÔ TẤT Đại Châu (nay là huyện
Đại, tỉnh Sơn Tây) Không có một khuôn phép nhất định. Minh Trung Quốc. Sư xuất gia
từ thuở nhỏ, đến Giác ngữ lục q. 1 ghi: » yết kiến Thiền sư Không An ở Phần
Châu (nay là Phần Dương tỉnh Sơn Tây). Ngài –
Huống là nhà thiền bảo sư tham câu »Vạn pháp quy về một«. không có một khuôn
phép nhất định: ở thì Sư chịu khó tham cứu lâu ngày. Một hôm giống con hạc lẻ loi
sống trên ngọn tùng. lội ngang sông, sư chợt có sở ngộ. Sau đó, Đi thì như phiến mây
trôi qua thế gian«. sư tụng kinh A-di-đà bỗng triệt ngộ, được Không An ấn chứng. Sau
khi Không An VÔ CÔNG CHI CÔNG tịch, sư tham Long Thọ Sở Phong, được Công
đức siêu việt nhân quả báo ứng. Đây ngài thọ ký. Khi ra hoằng pháp sư trụ am là sự
vận dụng thực tiễn của người ngộ Bác Sơn ở núi Ngũ Đài, sư giữ cuộc sống thiền. Tiết
Động Sơn Hòa thượng trong thanh đạm: ăn uống và lao tác giống như TĐT q. 6 ghi: »
đại chúng, có phong cách như cổ nhân khiến xa
gần đều khen ngợi. – Hỏi: Khi tất cả chỗ chẳng chống trái thì thế nào?
Sư đáp: Đây cũng còn là việc tích lũy công VÔ CHUẨN đức dẫn đến việc hưởng phúc
báu về sau. Hiệu của Thiền tăng Sư Phạm đời Tống. X. Có công đức siêu việt nhân quả
sao ngươi Sư Phạm. chẳng hỏi?«

VÔ DANH (722-793) VÔ DANH (722-793) tựa sách Tông Giáo Đáp Hưởng. Thiền
tăng đời Đường, họ Cao, người Bột Ngữ lục trong 5 hội tại chùa Bác Sơn Hải (Phía Tây
Lợi Tân, Sơn Đông), di cư Năng Nhân, Trà thoại, Phổ thuyết, Niêm sang Lạc Dương
Trung Quốc. Năm 28 tuổi cổ, Tụng cổ, Phật sự hương ngữ, Tham sư xuất gia nơi chùa
Đồng Đức, ban đầu thiền cảnh ngữ, Khai thị kệ, Tịnh độ kệ, học Luật tạng sang theo học
với Hà Trạch Tông Giáo Đáp Hưởng, Tông Giáo Đẳng Thần Hội nối pháp, đổi tên là Vô

Danh, du Tích, Thư, Khải, Tự, Thọ ngôn, Văn từ (lời phương các nơi. Đường Đức Tông muốn phúng viếng), Bác Sơn Hòa thượng truyện, sa thải tăng ni, chỉ giữ lại những bậc cao Tháp minh và tự... Trong ấy, từ quyển 21 tăng, Sư dâng tấu can gián, vua liền bãi bỏ. đến 25 là »Tông Giáo Đáp Hưởng« bao Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 6 (790) đi du gồm các lời đáp của Vô Dị Nguyên Lai về ngoạn núi Ngũ Đài, năm thứ 9 sư thị tịch những câu chất vấn của người học. Phần 1, nơi chùa Phật Quang. Tác phẩm: Di Đà phần 2 của sách Đáp Hưởng lại chia ra 10 Kinh Sớ. phẩm là: Tham ngữ, Tịnh độ, Chỉ quán, Giới luật, Bố thí, Nguyện lực, Sám hối, VÔ DẬT Phúc báo, Thích nghi, Hồi hướng. Phần Thiền tăng đời Tống. Sư tham học nơi »Thích lục« mà sách này đem vào, chính là Thiền sư Bảo Phúc Khả Thọ và đắc pháp. 6 quyển »Bác Sơn Lão Nhân Thích lục« do Sư ở viện Long Thọ tại Chương Châu (nay Đạo Tung Bích Như Biên, tương đương là huyện Chương Phố, tỉnh Phúc Kiến). với phần Bổ di của Nguyên Lai ngữ lục, nội dung gồm có: Thượng đường, Trà VÔ DỊ thoại, Tụng cổ, Thi, Tán v.v... Tham Thiền Hiệu của Thiền tăng Nguyên Lai, sống vào Cảnh Ngữ do Thành Chính biên tập, cũng đời Minh. X. Nguyên Lai. được xếp vào trong »Thiền Môn Toát Yếu« do Thể Tịnh (vị tăng Triều Tiên) VÔ DỊ NGUYÊN LAI THIỀN SƯ biên, thu thập 10 bài cảnh ngữ về: Dạy QUẢNG LỤC người sơ tâm thực hiện công phu, Bình Còn gọi: Bác Sơn Đại Nghĩ Hòa thượng luận lời dạy của Cổ đức, Chỉ dạy khi nghi quảng lục. Ngữ lục, 35 quyển, do Vô Dị tình đề chẳng khởi, Chỉ dạy khi đã đề khởi Nguyên Lai soạn vào đời Minh, 2 vị pháp được nghi tình, chỉ dạy thiền nhân tham tôn là Hoằng Hãn và Hoằng Dụ cùng biên công án, kệ chỉ dạy tham thiền v.v... tập, được ấn hành vào niên hiệu Khang Hy thứ 10 (1671) và được xếp vào Tục Tạng VÔ DỤNG HIỀN KHOAN THIỀN kinh tập 125, trang 109. Sách này là 1 bộ SƯ sưu tập hoàn mỹ về ngữ lục trong một đời Thiền tăng Hiền Khoan đời Nguyên, người của thiền sư Vô Dị Nguyên Lai. Nội dung đời gọi sư là »Vô Dụng Hiền Khoan Thiền bao gồm: sư«. X. Hiền Khoan. Bài tựa ngữ lục của thiền sư Vô Dị, bài tựa của Tích Loại Pháp Đàn, Thích Lục tự, VÔ ĐẲNG (749-830) bài tựa sách Tham Thiền Cảnh Ngữ, bài Thiền tăng đời Đường, họ Lý, người xứ Úy

VÔ HƯU Thị (nay thuộc Hà Nam) Trung Quốc. Sư Không dính dáng. Chỉ cho không mảy may xuất gia ở Cung Công Sơn, tham học nơi quan hệ đến thiền pháp, căn bản không hợp ngài Mã Tổ Đạo Nhất và đắc pháp, thầm với thiền pháp. Uyển Lăng lục ghi: » nhận tâm yếu. Khi ra hoằng pháp sư trụ Thổ Môn, Tùy Châu (nay thuộc tỉnh Hồ – Nếu nói Phật đạo là do tu học Bắc). Sau đó, đến núi Hoàng Hạc tại Vũ mới đắc, kiến giải như thế hoàn toàn Xương cất am ở. Những người ưa chuộng không dính dáng«. huyền lý ở Kinh Tương, Ba Thục tụ hội về. Ngưu Tăng Nhụ tâu sự việc của sư lên vua, VÔ HÀ MINH TRÍ vua sai lập viện Đại Tịch nơi sư ở để sư an Hiệu của Thiền tăng Định Thâm đời trụ hoằng hóa. Thanh. X. Định Thâm.

VÔ ĐOAN VÔ HỌC 1. Tệ quá, kỳ cục quá. CĐTĐL q. 22 ghi: 1. Thiền tăng đời Đường. Sư thờ Thiền sư » Đan Hà Thiên Nhiên làm thầy, đốn ngộ huyền chỉ, thông triệt tâm nguyên. Về sau, sư ở chùa Thúy Vi, núi Chung Nam. – Hòa thượng Tường ở viện An Quốc 2. Biệt hiệu của Thiền tăng Tổ Nguyên, thượng đường giây lát bèn lớn tiếng nói: sống vào đời

Tống. X. Tổ Nguyên. Thật là kỳ cục quá! Tuy nhiên dù là như VÔ HUYỀN CẦM vậy, cũng chỉ là chuyện bất đắc dĩ thôi. Đàn không dây, dụ cho tự tính. Phổ Thuyết Trong pháp đường đây nếu có các vị chưa Hướng Thượng Nhất Lộ trong Khóa Hư từng gặp gỡ thì lão tăng cũng xin mở bày lục của Trần Thái Tông ghi: » phương tiện.«

– 2. Hết ý, không có ý kiến. Như Tịnh ngữ Một khổng địch, tấu vô sinh khúc, vô lục q. thượng ghi: » huyền cầm, phủ khoái hoạt ca – Sáo không lỗ tấu khúc vô sinh; đàn không dây dạo bài vui sướng«. – Sư chỉ điện Phật, nói: Tướng đẹp sắc vàng, mặc áo ăn cơm. VÔ HƯU Bởi vì tôi lễ lạy ông cho nên ngủ sớm dậyThiền tăng đời Ngũ Đại. Sư thờ Thiền sư trễ. Ối! Nói diệu bàn huyền thật hết ý, rất Hoài Trung, Tiêu Dao sơn ở Phủ Châu kỵ đưa cành hoa lên để tự dối gạt.« (nay thuộc Chiết Giang) làm thầy. Do sư ở chùa Bạch Vân tại Kinh Triệu (nay là VÔ ĐỨC THIỀN SƯ huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam) nên ngươi Thụy hiệu của Thiền tăng Thiện Chiêu đời đời gọi sư là »Bạch Vân Hưu«. Tống. X. Thiện Chiêu. Có vị tăng hỏi: Thế nào là cảnh Bạch Vân? Sư đáp: Bên lầu trăng lên, người khách VÔ GIAO THIỆP miền biển sầu lo. Còn gọi: Một giao thiệp, Vật giao thiệp.

VÔ KHẨU VÔ KHẨU khí bằng sắt có một đầu tròn và to, nhưng Không thể diễn đạt bằng lời nói. Có miệng lại không có cán. Thiền tông dùng từ này mà không nói được, không khai thị bằng để chỉ cho người tham học đần độn, khiến ngôn ngữ được, đó mới là chân thuyết. cho bậc Thầy phải khó khăn khi khải phát, dẫn dắt họ. Đôi khi còn dùng từ này để chỉ VÔ KHÔNG cho sự câu nệ vào ngôn ngữ mà bỏ mất cơ Hiệu của Thiền tăng Biển Độn, sống vào duyên khai ngộ. Tắc 14, Bích Nham lục đời Minh. X. Biển Độn. (Đại 48, 154 hạ) ghi: VÔ KHỔNG ĐỊCH 1. Sáo không lỗ. Thiền tông mượn từ này »Đối nhất thuyết, thái cô tuyệt để chỉ cho cảnh giới chứng ngộ, không thể Vô khổng thiết chùy trùng hạ tiết«. nào dùng tâm suy nghĩ ra hoặc dùng lời nói »Lời nói đúng, rất tuyệt vời để biểu đạt cảnh giới này được; giống như Chùy sắt không lỗ còn tra cán«. không có cách nào thổi ống sáo không lỗ Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. cho nó kêu được. Tham Huyền Ca trong Gia Thái Phổ Đăng lục (Vạn Tục 137, 216 VÔ KÝ KHÔNG hạ) ghi: Trạng thái của tâm khi tham thiền chẳng có nghi tình, cũng chẳng có vọng tưởng. Đây là thiền bệnh. Tham Thiền Kệ trong Thiền Tịnh Hợp Yếu của thiền sư Phương Tụ Thành ghi: »Nhất hát duy ngôn tam nhật lung. Thùy lân đại biện phiên thành nột? Vô khổng địch, tối nan xuy »Tham thiền đệ nhất Giốc, chủy cung thương hòa bất tề«. Na thủ khô tịch »Một tiếng hét thôi, điếc ba ngày Nhận vô ký không Thương ai lưu loát trở thành ngây, Mê vân già nhật«. Sáo không lỗ, quá khó thổi »Pháp tham thiền bậc nhất Giốc, chủy, cung, thương hòa chẳng nổi«. Đâu nên giữ khô tịch Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Nếu nhận vô ký không 2. Gọi đủ: Thiếu Lâm Vô Khổng Địch. Tác Mặt trời-mây che khuất«. phẩm, 6 quyển, do Động Dương Anh Triều Theo: Danh Từ Thiền Học Chú Giải của (1428-1504), là vị tăng thuộc Tông Lâm HT Duy Lực. Tế Nhật Bản soạn, được xếp vào Đại Chính Tạng tập 81, trang 347. VÔ LIỄU (787-867) Thiền tăng đời Đường, họ Thẩm, người xứ VÔ KHỔNG THIẾT CHÙY Bồ Điền, Tuyền Châu (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến) Trung Quốc. Năm 18 tuổi xuất gia, Chùy

sắt không lỗ. Vốn là một thứ binh sư thụ giới cụ túc ở chùa Linh Ẩn. Sau đó,

VÔ MÔN QUAN sư tham vấn Mã Tổ Đạo Nhất, liễu đạt Tổ Hòa thượng ngữ lục. Ngữ lục, 2 quyển, do thừa, đắc ngộ tâm nguyên. Sư trở về quê Vô Môn Huệ Khai soạn vào đời Tống, 2 vị hương, đến núi Quy Dương cất am tu Phổ Kính và Phổ Thông cùng biên tập, hành, người đời gọi Sư là »Quy Dương được ấn hành vào niên hiệu Thuần Hựu Hòa thượng«. Thự hiệu: Chân Tịch Đại Sư.thứ 9 (1249), sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh tập 12, trang 500. Quyển VÔ LƯỢNG thượng: Lời thượng đường của Huệ Khai Hiệu của Thiền tăng Tông Thọ đời Tống. trong 10 hội: Vào niên hiệu Gia Định thứ X. Tông Thọ. 11 (1218) từ buổi khai pháp tại Báo Ân Thiền Tự trở về sau trải qua các chùa: VÔ MINH Thiên Ninh, Hoàng Long Sùng Ân, Hiển Mờ tối, mê lầm. Vô minh được chia làm 3 Thân Sùng Báo, Quảng Hóa v.v... Quyển bậc: hạ: Cáo hương phổ thuyết, Tiểu tham, Tán a. Vô minh thượng: Ngu si chấp ngã. Phật Tổ, Kệ tụng, Chân tán v.v... b. Vô minh trung: Niệm khởi. c. Vô minh hạ: Mê tính giác. VÔ MÔN QUAN Tham thiền kệ trong Thiền Tịnh Hợp yếu Gọi đủ: Thiền tông Vô Môn Quan. Niêm của Thiền sư Phương Tụ Thành ghi: tụng biệt tập, 1 quyển, do Vô Môn Huệ Khai soạn vào đời Tống, Di Diễn Tông Thiệu biên, được ấn hành vào niên hiệu »Tham thiền đệ nhất Thiệu Định thứ 1 (1228), đến niên hiệu Phá vô minh quật Thuần Hựu thứ 5 (1245) được in lại. Năm Sinh tử Niết-bàn kế, cư sĩ An Vãng thêm vào sau sách tắc Nhị câu thặng pháp«. thứ 49, sau đó sách được xếp vào Đại »Pháp tham thiền bậc nhất Chính Tạng tập 48, trang 292. Sách này thể Phá hang ổ vô minh lệ gần giống với »Bích Nham lục«, thu Sinh tử cùng Niết-bàn thập 48 tắc công án nổi tiếng xưa nay, như Đều là pháp thừa thải«. »Triệu Châu cẩu tử«, »Bách Trượng dã Theo: Yếu chỉ Thiền tông của HT. Thanh hồ«, »Câu Chi thụ chỉ«, »Thế Tôn niêm Từ. hoa« v.v... Đầu mỗi tắc nêu lên Phật Tổ cơ duyên (tức công án), rồi mới đến phần Vô VÔ MÔN HUỆ KHAI Môn nói (dùng thể văn xuôi để bình luận), Thiền tăng Huệ Khai đời Tống, tự Vô cuối cùng là Tụng ghi (dùng thi kệ 4 câu, Môn, nên người đời gọi sư là »Vô Môn mỗi câu 4, 5, 6 hoặc 7 chữ) để kết luận. Huệ Khai«. X. Huệ Khai. Sau tắc thứ 1 »Triệu Châu cẩu tử« Huệ Khai nói: »Hãy nói thế nào là Tổ sư quan VÔ MÔN HUỆ KHAI THIỀN SƯ (cửa ải của Tổ sư)? Chỉ một chữ Vô này NGỮ LỤC chính là một cửa ải ấy, nên gọi là Vô Môn Còn gọi: Phật Nhãn Thiền sư ngữ lục, Vô Quan của Thiền tông vậy«. Huệ Khai viết Môn Khai Hòa thượng ngữ lục, Vô Môn trong bài tựa như sau: »Phật dạy tâm là

VÔ NGHĨA CÚ chủ, không cửa là cửa pháp«. Từ xưa đến tiếng tăm muốn đề cử sư làm Lưỡng nhai nay, sách này và Bích Nham lục, Thung Đại đức, Vô Nghiệp nói: »Thân cận Quốc Dung lục cùng được lưu hành rộng rãi Vương đại thần không phải là chí của tôi«. chốn thiền lâm, rất được thiền tăng tông Sư đến Phần Châu (Phần Dương, Sơn Tây) Lâm Tế xem trọng. Hiện có bản dịch tiếng trụ trì chùa Khai Nguyên. Đường Hiến Anh lưu hành ở Âu Mỹ. Tông nhiều lần triệu thỉnh, sư đều từ chối, lấy cớ bệnh tật không đi. Thụy là »Đại Đạt VÔ NGHĨA CÚ Quốc Sư«. Câu vô nghĩa, chỉ cho lời nói đặc biệt không có cách giải thích theo tình lý thông VÔ NGÔN THÔNG (?-826) thường. Phần »Nghệ ngôn« trong NHQL q. Thiền tăng Trung Quốc, tổ khai sáng dòng 29 ghi: » Thiền Vô Ngôn Thông ở Việt Nam, họ

Trinh, quê ở Quảng Châu, xuất gia tại chùa Song Lâm xứ Vũ Châu. Tính sư điềm đạm 1 ít nói mà thông minh, nên người thời ấy gọi sư là Vô Ngôn Thông. Ban đầu, sư nghe lời một thiền khách đến tham vấn Mã – Nói chung, từ Lục Tổ về Tổ. Đi đến Giang Tây nghe tin Mã Tổ đã trước phần lớn là câu có nghĩa, từ Lục Tổn tịch, bèn đến yết kiến Bách Trượng Hoài về sau, phần lớn là câu vô nghĩa. Mỗi vị Hải. Một hôm trong giờ tham vấn có vị đều có phương tiện khác nhau thực ra tăng hỏi Bách Trượng: không có hơn kém. Người học tham cứu Thế nào là pháp môn đốn ngộ của Đại cần phải tìm cho ra cái thật của nó... Nếu thừa? không tìm ra cái thật của nó, chỉ ở trên Bách Trượng đáp: chữ nghĩa lãnh hội thì dù là câu vô nghĩa Tâm địa nếu không, mặt trời trí huệ tự như: Ba cân mè, que chùi phân v.v... thì hiện. cũng trở thành có nghĩa để hiểu.« Nghe câu này, sư hoát nhiên đại ngộ. Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 15 (820) đời VÔ NGHIỆP (760-821) Đường, sư sang An Nam ở chùa Kiến Sơ Thiền tăng đời Đường, họ Đỗ, người làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh. Thượng Lạc, Thương Châu (huyện Ở đây trọn ngày, sư ngồi xây mặt vào vách Thương, Thiểm Tây) Trung Quốc. Năm 9 suốt mấy năm mà không ai biết, chỉ có tuổi sư theo Thiền sư Chí Bản chùa Khai Thiền sư Cảm Thành (Trụ trì chùa này) Nguyên ở bản quận học kinh Đại thừa, 12 biết sư là vị cao tăng đắc đạo trong nhà tuổi cạo tóc, 20 tuổi thụ giới cụ túc nơi thiền. Cảm Thành hết lòng kính trọng tôn Luật sư U ở Tương Châu (Tương Phàn, Hồ thờ sư làm thầy. Một hôm, sư gọi Cảm Bắc) học »Tứ Phần Luật Sớ« cùng giảng Thành đến bảo: Kinh Niết-bàn cho tăng chúng. Sau yết — Ngày xưa Tổ sư là Nam Nhạc (Hoài kiến Mã Tổ Đạo Nhất được truyền tâm ấn, Nhượng) khi sắp tịch có dặn mấy lời: du phương Kinh sư mọi người ngưỡng mộ

VÔ QUAN TẮC Thiền Học Chú Giải của HT. Duy Lực.

VÔ PHÙNG THÁP »Nhất thiết chư pháp giai tùng tâm sinh Tháp không có mối nối. Vốn chỉ tháp được Tâm vô sở sinh pháp vô sở trụ làm bằng nguyên khối đá lớn. Nhà thiền Nhược đạt tâm địa sở trụ vô ngại dùng để chỉ thiền pháp kín đáo vi diệu, khó Phi ngộ thượng căn thận vật khinh hứa«. dùng lời nói biểu đạt, cũng chỉ cơ ngữ »Tất cả các pháp đều từ tâm sinh miên mật, không có kẽ hở. Tiết Huệ Trung Quốc sư trong TĐT q. 3 ghi: » Tâm không chỗ sinh, pháp không chỗ trụ Nếu đạt tâm địa chỗ trụ không ngại Chẳng gặp thượng căn dè dặt chớ dạy«. Nói xong, sư chắp tay thị tịch, nhằm niên – Vua Đại Tông hỏi: Sau khi Thầy hiệu Bảo Lịch thứ 2 (826) đời Đường. Cảm trăm tuổi, Thầy cần cái gì? Sư bảo: Làm Thành rước sư lên hỏa đàn, thu hài cốt xây cho lão tăng cái tháp không có mối nối. tháp thờ ở núi Tiên Du. Theo: Thiền sư Vua liền quỳ xuống thưa: Thỉnh thầy ra Việt Nam của HT. Thanh Từ. kiểu tháp. Sư lặng lẽ không nói. Vua mờ VÔ NHIỄM (800-888) mịt không hiểu.« Thiền tăng đời Đường, họ Kim, người Tân VÔ PHƯƠNG La (Triều Tiên). Vào niên hiệu Trường Hiệu của Thiền tăng Khả Tùng, sống vào Khánh thứ 1 (821), sư theo sứ giả Tân La đời Minh. X. Khả Tùng. vào Trung Quốc, tham vấn các bậc danh túc. Sư nối pháp thiền sư Ma Cốc Bảo VÔ QUAN TẮC Triệt, thuộc hệ nam Nhạc đời thứ 4, Thánh Không kẹt mắc. Bài tán của cư sĩ Vương Trụ Sơn đời thứ 1 (Triều Tiên). Niên hiệu Như Pháp, hiệu Thiên Nhiên trong Tuệ Hội Xương

thứ 5 (845) sư trở về nước, trụ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: trì Thánh Trụ Sơn Đại Lãng Tự, hoằng truyền thiền pháp Tào Khê. VÔ NIỆM

Bản niệm sẵn có, chẳng khởi một niệm nào »Dã kỳ đặc, dã kỳ đặc! khác. Nghĩa là nơi thế lưu bố tưởng chẳng Nê ngưu hống nguyệt vô quan tắc sinh ra trước tưởng. Phẩm Định Huệ trong Tả khai lục thất trí huệ môn Kinh Pháp Bảo Đàn (Đại 48, 353 thượng) Mạc đạo bút sơn kiêm hải mặc«. ghi: » »Thật kỳ đặc! Thật kỳ đặc! Trâu đất rống trăng không kẹt mắc – Thiện tri thức, đối với Viết ra sáu bảy trí huệ môn mọi cảnh tâm chẳng nhiễm, trong niệm Chớ nói núi bút cùng rừng mực«. thường tự lìa mọi cảnh, chẳng ở trên cảnh sinh tâm gọi là Vô Niệm«. Theo: Danh Từ

VÔ SINH VÔ SINH Tụ Thành ghi: Vô sinh tức vô thủy, vô thủy tức vô sinh, như con gà với trứng gà đều chẳng có sự bắt đầu, tức là hiển bày nghĩa vô sinh. »Tham thiền đệ nhất, Phẩm Cơ Duyên trong Kinh Pháp Bảo Đàn Thấu vô sự giáp (Đại 48, 357 hạ) ghi: » Trệ tịch trầm không Lãnh thủy tẩm thạch«. – Sư nói: Sao chẳng »Pháp tham thiền đệ nhất tham cứu cái pháp vô sinh, liễu ngộ cái Vỏ vô sự phải thấu chẳng nhanh chóng ấy đi! Đáp: Thể tức vô Nếu trệ tịch trầm không sinh, liễu vốn chẳng chóng«. Theo: Danh Ngâm đá vào nước lạnh«. Từ Thiền Học Chú Giải của HT. Duy Lực. VÔ SỰ NẠP TĂNG

VÔ SƯ TRÍ Đồng »Vô sự nhân«. Tiết Động Sơn Thủ Chỉ Phật trí, tức trí huệ tự phát do tu hành Sơ Thiền sư trong NĐHN q. 15 ghi: » chứ không do học hiểu. Đàn Kinh, bản Tông Bảo ghi: » – Thần Tú nói: Lục Tổ đắc Vô sư trí, triệt – Tiếp đãi kẻ qua lại ở mười ngộ pháp tối thượng thừa, ta chẳng bằng phương, hết lòng nhổ đinh tháo chốt cho được«. họ, giở cái khăn dính dầu mỡ, cởi cái áo hôi hám, dạy họ trần trùn trục làm Vô sự VÔ SỰ ĐẠO NHÂN nạp tăng. Há chẳng thích sao!« Đồng nghĩa »Vô sự nhân«. Mật Am ngữ lục ghi: »

VÔ SỰ NHÂN Người vô sự. Chỉ cho người triệt ngộ vô vi siêu thoát, nhậm vận tùy duyên, trừ sạch – Tất cả chỗ đều tục tình vọng niệm. Lâm Tế ngữ lục ghi: thích hợp và thỏa đáng, trời tự cao, đất tự » dày, đói ăn khát uống, hết thảy bình thường. Đến cảnh giới này liền là Vô sự đạo nhân, mới dám xưng là bậc cao sĩ hành cước.«

– Các ngươi VÔ SỰ GIÁP nghe các nơi nói rằng có tu có chứng. Chớ Vỏ vô sự. Thiền tông mượn từ này để chỉ sai lầm! Nếu do tu mà đắc được, đều là cho trạng thái thanh thanh tịnh tịnh, không nghiệp sinh tử. Ngươi nói Lục độ vạn hạnh có nghi tình, cũng không có vọng tưởng, là cùng tu, ta thấy đều là tạo nghiệp. Cầu một thứ thiền bệnh. Tham Thiền Kệ trong Phật, cầu Pháp, cầu Bồ Tát cũng là tạo Thiền Tịnh Hợp Yếu của Thiền sư Phương nghiệp, xem kinh xem giáo cũng là tạo

VÔ THỦY VÔ MINH nghiệp. Phật với Tổ là người vô sự«. VÔ TẾ THIỀN SƯ THẠCH THÁP VÔ SỰ THIỀN Ở trong đình Thạch Tháp, chùa Mộc Môn, Thiền pháp dạy người không làm gì cả. làng Thạch Cổ, huyện An Nhạc, tỉnh Tứ Người pháp nhãn chưa sáng thường dùng Xuyên, Trung Quốc. Đình Thạch Tháp là từ này để

trách người triệt ngộ trừ được kiến trúc đời Minh, trong đình xây thạch vọng tình tùy duyên nhậm vận. Bích Nham tháp thiền sư Vô Tế hình bát giác, 5 tầng, lục q. 1 ghi: » cao 4,49m điêu khắc hoa văn mây với hoa sen. Tháp đình xây trên một tòa Tu-di cao không quá 1m, chính diện có cửa mở ra. Đỉnh tháp đình là một tứ giác nhọn đầu hình vuông một mái, độ nghiêng rất lớn, – Vị tăng này hỏi: Thế nào là Triệu trên đỉnh có hoa sen, lộ bồn để đặt tháp sát. Châu? Triệu Châu là bậc thầy lão luyện, Trên nóc trang sức nhân vật, thú chạy. Bốn liền đáp lại: Cửa đông, cửa tây, cửa nam, mặt dưới mái là đấu củng vẽ hoa hùng vĩ cửa bắc. Tăng nói: Con không hỏi Triệu hoa lệ. Tháp đình hoàn toàn xây bằng đá, Châu này! Triệu Châu nói: Ngươi hỏi là kiến trúc không dùng gỗ hình vòm Triệu Châu nào? Người sau gọi là Vô sự không cuốn, là di vật hiếm thấy của đời thiền, thật là lừa người chẳng ít«. Minh. VÔ TÂM ĐẠO NHÂN VÔ THAM Chỉ cho người đắc đạo trừ sạch mọi niệm Hiệu của Thiền tăng Phương Trạch, sống tưởng hư vọng. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » vào đời Minh. X. Phương Trạch. – Cúng dường chư Phật khắp VÔ THỦY mười phương, không bằng cúng dường một Vũ trụ vạn vật đều chẳng thể tìm tòi sự bắt vị Vô tâm đạo nhân«. đầu, vì thời gian vốn chẳng trước sau, nói Tiết Kỳ Châu Quảng Tế Thiền sư trong trước chẳng có thủy, nói sau chẳng có NĐHN q. 13 ghi: » chung, đây cũng là cái nghĩa các pháp vô – Hỏi: Thế sinh. Theo: Danh Từ Thiền Học Chú Giải nào là Vô tâm đạo nhân? Sư đáp: Đan Hà của HT Duy Lực. châm lửa đốt«. VÔ THỦY VÔ MINH VÔ TẾ Hiệu của Thiền tăng Minh Ngộ, sống vào Trước khi một niệm chưa sinh khởi gọi là đời Minh. X. Minh Ngộ. vô thủy vô minh. Đây là nguồn gốc của ý thức, Thiền tông gọi là thoại đầu, cũng gọi VÔ TẾ ĐẠI SƯ là đầu sào trăm thước. Khi ấy trong tâm Thụy hiệu của Thiền tăng Hy Thiên đời thanh thanh tịnh tịnh chưa có ý thức phân Đường. X. Hy Thiên. biệt, khi bị ngoại cảnh kích thích nổi lên một niệm thì trở thành nhất niệm vô minh.

VÔ THUYẾT Theo: Danh Từ Thiền Học Chú Giải của Tường vách gạch ngói, vật vô tình đều là HT Duy Lực. tâm cổ Phật... Thiền khách hỏi: Vô tình đã có tâm. Vậy có biết thuyết pháp hay VÔ THUYẾT không? Sư bảo: Chúng thuyết pháp sôi nổi, Hiệu của Thiền tăng Thiện Pháp đời Minh. hằng thuyết thường thuyết không ngừng. X. Thiện Pháp. Thiền khách nói: Vì sao tôi chẳng nghe? Sư bảo: Tự ngươi chẳng nghe, chứ nó VÔ THƯỢNG THIỀN SƯ không cấm người khác nghe .... Thiền khách nói: Tất cả chúng sinh, rốt cuộc có Thụy hiệu của Thiền tăng Giám Tông đời nghe được vô tình thuyết pháp không? Sư Đường. X. Giám Tông. nói: Chúng sinh nếu nghe, tức chẳng phải chúng sinh. Thiền khách hỏi: Vô tình VÔ TÍCH thuyết pháp, có căn cứ vào kinh điển hay Hiệu của Thiền tăng Chính Hối đời Minh. không? Sư nói: Lời nói chẳng liên hệ gì X. Chính Hối. đến kinh điển, không phải là điều mà quân tử bàn bạc. Ngươi há chẳng nghe Kinh Di- VÔ TÌNH THUYẾT PHÁP đà nói: Nước, chim, rừng cây đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Chim là loài Công án. Việc này thấy ghi trong Tiết Huệ hữu tình, nước và cây há là loài hữu tình? Trung Quốc sư trong Tổ Đường tập q. 3 Lại, kinh Lăng Nghiêm nói: Cõi nước như sau: » thuyết, chúng sinh thuyết, ba đời tất cả thuyết. Chúng sinh là hữu tình, cõi nước há

là hữu tình? (Nguyên văn nhiều, ở đây không dẫn hết). « Công án này, ý ở chỗ phá trừ vọng tâm phân biệt, chỉ ra Phật tính ở khắp mọi nơi. Chốn thiền lâm thường niêm đề công án này. Tiết Động Sơn Lương Giới Thiền sư trong NĐHN q. 13 ghi: »

– Kế đó sư tham yết Quy Sơn, hỏi rằng: Vừa nghe Trung Quốc sư ở Nam Dương có nói Vô tình thuyết pháp, con chưa đạt đến chỗ vi diệu của nó.«

VÔ TRỤ – Có vị thiền khách từ phương nam 1. Chẳng chấp thật thì chẳng trụ một cú đến hỏi: Thế nào là tâm cổ Phật? Sư đáp: nào trong tứ cú, ngay khi đó tự tính hiện

VÔ UẤN (1309-1386) trần mà cảm biết được nhưng không chấp tiền, lìa tương đối mà nhập vào cảnh giới đó là thật. Phẩm Định Huệ trong kinh Pháp tuyệt đối. Phẩm Định Huệ trong kinh Pháp Bảo Đàn (Đại 48, 353 thượng) ghi: » Bảo Đàn (Đại 48, 353 thượng) ghi: » – Đối với tất cả pháp, – Thiện tri thức, ngoài lìa tất cả niệm niệm chẳng trụ tức là chẳng trói buộc vậy, đây là lấy vô trụ làm gốc«. Theo: tướng gọi là vô tướng, lìa tướng thì pháp Danh Từ Thiền Học Chú Giải của HT Duy thể thanh tịnh, đây là lấy vô tướng làm Lực. thể«. Theo: Danh Từ Thiền Học Chú Giải của HT Duy Lực. 2. Thiền tăng phái Bắc tông sống vào đời Đường, họ Lý, người ở huyện My, Kỳ 2. Thiền tăng người nước Tân La (Triều Châu (nay là huyện My, tỉnh Thiểm Tây) Tiên, 680-756) vào Trung Quốc đời Trung Quốc. Ban đầu sư theo nghiệp Nho,Đường, họ Kim, là hoàng tử thứ 3 của vua thông Kinh sử, gặp cư sĩ Trần Sở Chươngnước Tân La. Thuở nhỏ sư xuất gia ở chùa thầm truyền tâm pháp liền quy y Phật. Quần Nam, Tân La. Đến niên hiệu Khai Niên hiệu Thiên Bảo thứ 8 (749), thụ giới Nguyên thứ 16 (728), sư theo sứ giả của cụ túc xong, sư du phương đến chùa Tịnhtriều Đường đến Trường An. Chẳng bao Chúng ở Thành Đô tham vấn Thiền sư Vô lâu vào đất Thục thờ Thiền sư Xử Tịch ở Tướng và đắc pháp. Khi ra hoằng pháp, sư chùa Đức Thuần tại Tư Châu (nay là huyện trụ núi Bạch Nhai ở Nam Dương chuyên tuTư Trung, tỉnh Tứ Xuyên) làm thầy, được thiền pháp của ngài rồi vào sâu trong núi thiền định. Sau đó vài năm, người học dần dần đua nhau tìm đến. Tuy sư diễn nói Khê Sơn thuộc đất Tư Trung để tu hạnh rộng về ngôn giáo song lấy Vô niệm làm đầu đà. Tín đồ cất chùa Tịnh Chúng để sư trụ trì. Sư hoằng dương thiền pháp trên 20 gốc. Về sau, sư trụ chùa Bảo Đường, khai pháp giáo hóa rất hưng thịnh. năm ở đất Thục, người đời gọi sư là »Đông Hải Đại Sư«. Sư chủ trương truyền pháp VÔ TRỤ ĐẠI SƯ lấy »Vô ức (không nhớ), Vô niệm, Mạc Thụy hiệu của Thiền tăng Đàm Thạnh đời vong« làm tông. Đệ tử của sư có các vị: Vô Đường. X. Đàm Thạnh. Trụ, Thần Hội, Thần Thanh…

VÔ TRỤ ÔNG VÔ TƯỚNG ĐẠI SƯ Hiệu của Thiền tăng Thủy Thạnh đời Thụy hiệu của Thiền tăng Huyền Giác đời Nguyên. X. Thủy Thạnh. Đường. X. Huyền Giác.

VÔ TRƯỚC THIỀN SƯ VÔ UẤN (1309-1386) Hiệu của Thiền tăng Văn Hỷ đời Đường. Thiền tăng đời Nguyên, họ Trần, tự Thứ X. Văn Hỷ. Trung, hiệu Không Thất, người Lâm Hải (Chiết Giang) Trung Quốc. Tuổi tráng VÔ TƯỚNG niên, sư lên Kính Sơn theo Nguyên Tẩu 1. Cảnh giới do sáu căn tiếp xúc với sáu Hạnh Đoan cạo tóc, và thụ giới cụ túc tại

VÔ ÚY THIỀN SƯ Chiêu Khánh Luật Tự. Lần lượt tham kiến Hoa Tạng và lúc trở về trụ Tiến Phúc lần Linh Thạch Như Chi tại chùa Tịnh Từ, thứ hai; Tiểu Phật sự, Tán, Kệ tụng, Đề bạt Nhất Nguyên Linh tại chùa Tư Phúc. Lại v.v... Đạo Xán còn soạn tập thơ văn »Vô đến núi Thiên Đồng hầu hạ Bình Thạch Văn Ấn« 20 quyển. Như Chỉ, tham cứu mười năm. Sau đó, cùng với bạn đồng học là Mộc Am Thông, VÔ VI Đại Tông Hưng v.v... đến núi Tử Thác 1. Hành động không có mọi ham muốn và tham kiến Trúc Nguyên Diệu Đạo. Một mọi chủ định. hôm muốn hỏi »Con chó không Phật tính«, 2. Đạo thiền. Bàng Cư Sĩ ngữ lục ghi: định mở miệng, Diệu Đạo hét một tiếng, sư liền đại ngộ, trình bài kệ được ấn khả làm truyền nhân tông Lâm Tế. Sư hoằng pháp »Thập phương đồng nhất hội nơi chùa Quảng Phúc ở Linh Nham, chùa Cá cá học vô vi Tịnh Độ ở Thụy Nham, kẻ tài đức khắp nơi Thử thị tuyển Phật trường đến tham học rất đông. Sư đặt ra ba câu hỏi Tâm không cập đệ quy«. để tiếp dẫn thiền khách, không khế ngộ thì »Mười phương cùng tụ hội, đuổi đi, người đời gọi là »Thụy Nham Tam Người người học vô vi Quan«. Tuổi già ẩn cư trên đỉnh Tùng Đây là trường tuyển Phật Nham. Vô Uấn học rộng, thông tuệ giỏi thi Tâm không đỗ đạt về«. văn. Tác phẩm: Thứ Trung Hòa thượng ngữ lục 6 quyển, Sơn Am Tạp lục 2 quyển,

VÔ VỊ CHÂN NHÂN Tịnh Độ Thi 1 quyển, Tùng Niêm Tuyết Con người thật không có địa vị, nói cách Đậu Niêm Cổ Bách Tắc. khác là Bản lai diện mục. Tức là người chẳng còn rơi vào các phẩm vị như: 42 giai VÔ ÚY THIỀN SƯ vị hoặc 52 giai vị của Bồ Tát; siêu việt mọi Thụy hiệu của Thiền tăng Hoàn Phổ đời thứ phân biệt về: phàm-thánh, mê-ngộ, Ngũ Đại. X. Hoàn Phổ. trên-dưới, sang-hèn; đối với tất cả chỗ đều tự do tự tại. Lâm Tế lục (Đại 47, 496 hạ) VÔ VĂN ghi: » Hiệu của Thiền tăng Đạo Trăn, sống vào đời Tống. X. Đạo Trăn.

– Trên khối thịt đỏ có một con người thật không địa vị, thường từ VÔ VĂN ĐẠO XÁN THIỀN SƯ cửa mặt quý vị ra vào. Người nào chưa NGỮ LỤC chứng ngộ hãy xem đi!« Còn gọi: Vô Văn Hòa Thượng ngữ lục. Ngữ lục, 1 quyển, do Vô Văn Đạo Xán VÔ XUẤT KHOÁT soạn vào đời Tống, Duy Khang biên tập, Không bận đến tương lai. Duy Tắc ngữ lục được xếp vào Tục Tạng kinh tập 150, trang q. 1 ghi: » 1013. Nội dung bao gồm ngữ lục của Đạo – Làm Xán lúc ở chùa: Tiến Phước, Khai Tiên một con người không nghĩ ngợi, không bận

VŨ TIẾN THIÊN NINH TỰ CHÍ đến tương lai, ăn cơm cháo qua ngày, đêm chữa vào khoảng niên hiệu Vạn Lịch nằm nghe mưa nghe gió«. (1573-1619) đời Minh. Đến niên hiệu Khang Hy thứ 9 (1670) đời Thanh, Tôn Trị VÔ Ý ĐẠO NHÂN trùng tu thành 12 quyển. Năm kế, Từ Tăng Biệt hiệu của Thiền tăng Hiếu Khiêm sống biên tập lại bản của Tôn Trị còn 8 quyển, vào cuối đời Minh-đầu đời Thanh. X. Hiếu chia làm 14 mục: Khai sơn, Trùng hưng, Khiêm. Sơn thủy, Phạm vũ, Cổ tháp, Cổ tích, Thiền tổ, Pháp ngữ, Đàn việt, Nhân vật, VÔ Ý TRÍ Nghệ văn, Thi, Di sự, Tạp ký. Những văn

Cảnh giới của người ngộ thiền: Sạch hết ý hiến có liên quan đến chùa Linh Ẩn từ niên niệm, siêu việt tri giải. Tiết Thiên Đồng hiệu Khang Hy đời Thanh trở về trước đều Đàm Hoa Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: được ghi chép tường tận trong bộ tự chí » này. VŨ LÂM PHẠM CHÍ

– Đến ngày giỗ của Chí, 12 quyển, do Ngô Chi Kình soạn vào Hổ Khâu, sư niêm hương rằng: Cuộc đời đời Minh; được khắc bản vào đời Minh và con tưởng như đã bỏ, bỗng gặp vị Hòa được xếp vào Trung Quốc Phật Tự Sử Chí thượng hết mọi tình niệm, vượt thoát tri Vựng San tập 1. Tác giả xem thấy các tự giải như thầy. Con đã trổ hết ngón nghề viện ở Hàng Châu vào đời Minh bị hư mà không lãnh hội được. Từ khi nắm được hỏng rất nhiều, e rằng các di tích dần dần tâm yếu của Thầy rồi con được tự do tự tiến đến chỗ bị chôn vùi nên tham khảo tại«. nhiều sách vở, biên thành sách này. Chia ra: Các chùa ở ngoài thành, trong thành, ở VU TẨU núi Nam, núi Bắc và các chùa thuộc huyện, Hiệu của thiền tăng Phổ Hiệp, đời Minh. tổng cộng gồm 426 ngôi tự viện; ghi chép X. Phổ Hiệp. tỉ mỉ quá trình xây dựng và cảnh trí sông núi. Còn phân ra 4 mục: Thiên triều sủng VŨ AM tích (Phẩm vật do triều đình ban cho), Tể Hiệu của Thiền tăng Tổ Uyên đời Minh. X. quan hộ trì. Cổ đức cơ duyên, Lịch đại Tổ Uyên. huân tích (công lao các vị Trụ trì trải qua các đời). VŨ LÂM LINH ẨN TỰ CHÍ Sách này ghi chép rõ ràng về các di tích đẹp nổi tiếng và chi phái của các bậc cao Chí, 8 quyển, do Tôn Trị soạn vào đời tăng có lớp lang thứ tự. Thanh, Từ Tăng trùng biên, có bản khắc vào niên hiệu Khang Hy thứ 11 (1672) đời VŨ TIẾN THIÊN NINH TỰ CHÍ Thanh và được xếp vào Trung Quốc Phật Tự Sử Chí Vựng San tập 1. Linh Ẩn Tự Chí, 11 quyển và một quyển thủ, do Bộc Chí vốn có bản thảo được Bạch Hoành sửa Nhất Thừa soạn vào thời cận đại, được xếp

VỤ CHÂU THANH QUY vào Trung Quốc Phật Tự Sử Chí Vựng San tập 1. Chùa Thiên Ninh ở Vũ Tiến (tức Thường Châu) bắt đầu sáng lập vào niên X hiệu Vĩnh Huy thứ 1 (650) đời Đường, do Thiền sư Pháp Dung, tổ tông Ngưu Đầu cất XA am ở đây. Khoảng niên hiệu Thiên Phúc Kéo, dắt, vận chuyển. Tiết Hoàng Long (936-943) đời Ngũ Đại, Thiền sư Duy Huệ Nam Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: Cang xây dựng lại tự vũ, các đời sau đó » – Một cao tăng lớp lớp xuất hiện. Cuối đời Thanh chữ vào trong cửa quan, chín năm kéo mở ra chỗ khắc kinh Tỳ Lăng để khắc bản chẳng ra.« in kinh tạng sách vuông. Năm 1927, Mậu Càn Sơ bắt đầu biên soạn tự chí, do vì làm XẢ ĐẦU MỊCH ĐẦU vội vàng nên có nhiều sai sót. Năm 1941, Bỏ đầu tìm đầu. Chẳng đoái đến cái đầu Bộc Nhất Thừa biên soạn lại tự chí mới, sẵn có, lại đi tìm cái đầu khác bên ngoài; trải qua 5 năm mới xong. Tất cả gồm 8 dụ chỉ cho người tham thiền si mê, chẳng mục: Kiến trí, Tăng già, Pháp ngữ, Trước biết ông Phật tự tâm, lại tìm cầu Phật bên tác, Trinh thạch, Nghệ văn, Quy ước, Chí ngoài. Lâm Tế ngữ lục ghi: » dư. Mục »Trước tác« là mục lục kinh tạng sách vuông được khắc bản in ở chùa Thiên Ninh vào khoảng năm Dân Quốc. Mục »Pháp ngữ« phần lớn thu thập các điều mà

– Các ngươi! Kẻ chuyên tập không có, hoặc lưu thông trong đại trượng phu, hôm nay mới biết bản lai phạm vi hạn hẹp hoặc mất mát do lâu vô sự. Chỉ vì các ngươi chẳng tin tự tâm, ngày, rất có giá trị cho việc tham khảo. niệm niệm tìm cầu, bỏ đầu

tìm đầu, tự không thể thôi… bọn người như thế chưa VỤ CHÂU THANH QUY quên việc lấy bỏ, tâm nhiễm tịnh vẫn còn«. X. Tùng Lâm Hiệu Định Thanh Quy Tổng Yếu. XẢ KỶ NGOẠI CẦU Chỉ cho người tham thiền si mê, chẳng VƯƠNG MAN TỬ thấy rõ được tự tâm là Phật, mà hướng ra Gã đầy tớ. Thiền Lâm Bảo Huấn q. 2 (Đại bên ngoài tìm cầu cách làm Phật. Duy Tắc 48, 1028 thượng) ghi: » ngữ lục q. 2 ghi: » –
Ngươi nếu một niệm hồi – Khuôn phép sẵn có của tùng lâm quang thì chẳng cách xa ông chủ của gần đến lúc hoàn toàn sụp đổ. Dù có người chính ngươi; còn nếu xả kỷ ngoại cầu thì đứng ra phù trì nhưng lại bị cho là kẻ làm càng chẳng tương ưng«. đầy tớ«. XẢ TỐ TÙNG TRUY Bỏ áo trắng theo áo đen. Ý nói bỏ tục để

XÍCH CỐT LỰC xuất gia làm tăng. Vì người thế tục thườngXẢO TIỆN mặc áo trắng (tố), còn người xuất gia Pháp môn phương tiện thiện xảo. Tiết Khai thường mặc áo nhuộm hoặc áo đen (truy). thị Đạo nhân Bản Sắc trong Minh Bản Tạp Bài tựa của Đàm Lâm cho sách Lược Biện Lục q. trung ghi: » Đại Thừa Nhập Đạo Tứ Hạnh của Bồ-đề Đạt-ma trong CĐTĐL q. 30 ghi: »
– Đạt-ma chí đặt ở đạo
Đại thừa nên bỏ – Muốn làm bậc đạo nhân chân tục để xuất gia làm tăng, nối tiếp và làm chính đặc biệt đừng dùngphương tiện thiện rạng rỡ dòng thánh«. xảo nào khác, chỉ cần chẳng tiếc thân mạng tiến lên phía trước, một phen dũng XÁC LẬU TỬ mãnh tham cứu đến chỗ ra sức chẳng Thân thể con người. Tiết Đạo Ngô Hòa được, dụng tâm chẳng xong, đây chính là thượng trong TĐT q. 4 ghi: » chỗ dụng tâm tốt nhất«. XỈ LỤC – Khi
Vân Nham bệnh, Kể ra và ghi chép. Đại Châu ngữ lục q. hạ Đạo Ngô hỏi: Bỏ thân này, sẽ gặp lại nhau ghi: » ở đâu? Vân Nham đáp: Gặp nhau nơi chẳng sinh chẳng diệt«.
XANH NHÃN Giương to mắt, thường dùng để hình dung vẻ chấp mê không tỏ ngộ. Bích Nham lục – Người mê chẳng biết q. 1 ghi: » pháp thân vô tướng, ứng vật hiện hình nên –
Hiện nay có người chỉ mãi giương bảo: Trúc biếc xanh xanh đều là pháp to mắt cho là hiểu biết«. thân; hoa vàng rậm rạp chỉ là Bát-nhã. XẢO KIẾN Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức Kiến giải phát sinh do trí thông minh của đồng với vô tình, trúc biếc nếu là pháp thế tục. Tiết Nghệ Ngôn trong NHQL q. 29 thân, pháp thân tức đồng với cây cỏ, như ghi: » người ăn măng lý đáng ăn cả pháp thân.
Kiểu nói như thế, đâu thể kể ra và ghi chép –
Đối với hết«. kẻ sĩ, công phu tham cứu bức bách đến XÍCH CỐT LỰC ranh giới: chưa ngộ với sắp ngộ. Khi ấy, tâm ý thức chưa sạch, luôn luôn nảy sinh Trần trụi, không có gì cả. Ám chỉ quét sạch kiến giải. Ở đây gọi là cảnh giới thông vọng niệm trần tục, nhận thức muôn pháp minh«. đều không. Tiết Linh Ẩn Huệ Viễn Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: »

XÍCH CƯỚC NHÂN SẤN THỐ, TRƯỚC NGOA NHÂN KHIẾT NHỤC
XÍCH NHÃN QUY TÔNG
– Sư chợt đốn ngộ, ngã vào chúng, chúng đỡ Đời Đường, thiền tăng Trí Thường ở

chùa dậy. Sư liền nói: Tôi đã tỉnh cơn mơ rồi! Quy Tông tại Lô Sơn, vì đôi mắt của sư có Đến tối có tiểu tham, sư bước ra hỏi: Sạch màu đỏ nên người đời gọi sư là Xích nhãn trơn không một vật, trần trụi không một Quy Tông. đồng. Nhà tan cửa nát xin thầy cứu giúp«. XÍCH NHỤC ĐOÀN XÍCH CƯỚC NHÂN SẤN THỐ, Khối thịt đỏ, chỉ thân người, thể xác. Lâm TRƯỚC NGOA NHÂN KHIẾT Tế ngữ lục ghi: » NHỤC

Người chân trần đuổi bắt thỏ, kẻ mang

– Sư giày được ăn thịt thỏ. (Kẻ nhọc thì chẳng thượng đường, nói: Trên thể xác có một được, kẻ chẳng nhọc thì được). Thiền tông con người thật không địa vị, thường từ cửa dùng cụm từ này để chỉ nếu truy tìm thì mặt của các ông ra vào. Người chưa được khó ngộ đạo, còn bình thường vô sự thì dễ ấn chứng hãy bước ra xem.« khế hợp với thiền pháp hơn. Chương Phong Huyệt Diên Chiểu Thiền sư trong XÍCH SÁI SÁI CĐTĐL q. 13 ghi: » Thênh thang rỗng lặng,

thanh tịnh vô – Hỏi: Đại chúng đã tề tựu, nhiễm, là cảnh giới thiền ngộ. Tiết Tiến thỉnh sư thuyết pháp. Sư nói: Kẻ nhọc thì Phúc Đạo Anh Thiền sư trong NĐHN q. 18 chẳng được, kẻ chẳng nhọc thì được«. ghi: »

XÍCH KHẨU BẠCH THIỆT TẬN TIÊU TRỪ –

Yếu nghĩa Thiền tông ở đây Còn gọi: Xích khẩu tịnh tiêu vong. Miệng ngàn thánh chẳng truyền. Lập tức biết rõ, lưỡi thị phi, lời dèm pha vu cáo đều tiêu ngay nơi đó siêu việt. Cái biết ấy thênh trừ. Đây là từ giải hạn mà dân gian thường thang rỗng lặng, như thế thì dễ; chỗ sáng dùng để tiêu trừ tai họa từ miệng lưỡi. Như suốt rõ ràng, thế ấy càng khó.« Tịnh ngữ lục q. thượng ghi: » XIỂN HÓA

Hoằng dương đạo pháp, tiến hành giáo – Hãy xem, vẽ một

lá hóa. Tiết Hoài Nhượng, đời thứ 1 dưới Đại bùa dán trên cửa quỷ, thử hỏi như thế nào? Giám trong CTTNL q. 1 ghi: » Miệng lưỡi thị phi đều tiêu trừ, con lừa

– Sau đó Mã Tổ Dương Kỳ ba chân nhảy cẳng«. xiển hóa nơi chùa Khai Nguyên, Giang Tây«.

XUẤT CHÚNG XIỂN NHIÊN Đầu Tử như ngọc Biện Hòa như vàng nước Dáng vẻ tươi cười. Tiết Long Nha Trí Tài Yên.« Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: »

XUẤT CÁCH – Sư hét, Vượt lên trên thứ bậc thông

thường. Linh nói: Khổ! Khổ! Lại nói: Mây trắng mịt mù Hựu ngữ lục ghi: »

đất, trăng sáng tỏ trên trời. Nói xong tươi – Nếu người nào cười mà lìa

đời«. trước đại chúng nói được một lời vượt thứ bậc, ta sẽ cho làm Trụ trì«. XIẾT PHONG XIẾT ĐIÊN XUẤT CÁCH SIÊU LƯỢNG Điên điên khùng khùng. Từ để hình dung trạng thái không bình thường về hành vi và Vượt lên trên thứ bậc và số lượng thông ngôn ngữ của một người nào đó. Tiết Trấn thường. Thư Đáp Bốc Vận Thuộc trong Châu Phổ Hóa Hòa thượng trong NĐHN q. Mật Am ngữ lục ghi: »

4 ghi: »

– Xưa kia Bàng cư sĩ, Lý đô úy đều là những –

Một hôm, Lâm Tế cùng với người thực bụng vững tin nơi chính mình, Hà Dương, Trưởng lão Mộc Tháp ngồi có việc làm vượt lên trên thứ bậc và số trong tăng đường bàn chuyện về sư: Mỗi lượng thông thường, che trời che đất.« ngày ở ngoài đường phố điên điên khùng khùng mà không biết y là phàm hay là XUẤT CHÚNG thánh? Bỗng

nhiên, sư bước vào«. Còn gọi: Xuất ban. Từ trong hàng ngũ tăng chúng bước ra, là động tác đối trước thiền XOA sư đưa ra vấn đề hoặc trả lời câu hỏi của Giẩm, đạp. Tử Lăng Tự Du Thiền sư trong thiền sư. Minh Giác ngữ lục ghi: » NĐHN q. 18 ghi: »

– Nói – Chân trần giẩm đất lạnh như băng.« chung, người nào trong hàng ngũ tăng chúng bước ra cũng cần là thiền khách lão XUÂN LAN THU CÚC luyện.« Hoa lan mùa xuân và hoa cúc mùa thu đều Tông Môn Võ Khố ghi: » tỏa hương thơm ngát, khó định được hơn kém; dụ cho việc khó co 1thể phân biệt thắng thua, hơn kém. Tắc 63, Thung Dung Lục (Đại 48, 266 trung) ghi: »

– Sư dạy chúng rằng:

Tam Thánh, Tuyết Phong như hoa lan mùa – Vài vị như Từ Minh, Lang Da, Đại Ngu xuân như hoa cúc mùa thu. Triệu Châu, từ giã Phần Dương, nhường nhau không ai

XUẤT ĐỘI chịu nhận chức Tham đầu. Phần Dương XUẤT MỘT QUYỂN THƠ bảo: Việc này không thể dùng giới lạp để suy cử. Hãy nghe ta tụng: Thiên vô đầu (là Trạng thái tùy ý tự tại, vận dụng vô ngại chữ Đại), Cát Châu thành bạn triển qua sau khi ngộ. Tiết Đại Quy Mộ Triết Thiền mâu (là chữ Khai), Tướng quân thất mã sư trong NĐHN q. 12 ghi: » lâm hạ quá (là chữ Sở), Viên Châu thành lý náo thu thu (là chữ Viên). [Ý bài kệ nói Sở Viên sẽ mở rộng tông phong của ta] Từ – Minh (tức thiền sư Sở Viên) từ trong chúng Các ông có ngộ được chăng? Nếu ngộ bước ra, thưa: Sở Viên là người nào lại được thì các ông như rồng gặp nước, tợ dám nhận lời tiên đoán này? Từ Minh liền cọp dựa núi, tùy ý tự tại, ứng dụng vô ngại. dẫn đầu chư tăng lễ tạ. Nếu chưa ngộ được thì giống kẻ giữa trưa chạy trốn bóng«. XUẤT ĐỘI Vị Trụ trì lãnh đạo chư tăng đi ra phố XUẤT NGƯU THAI NHẬP MÃ phường quyên góp. Pháp Diễn ngữ lục, q. PHÚC trung ghi: » Ra thai trâu, vào bụng ngựa. Ý nói đọa vào đường súc sinh trong luân hồi sinh tử. – Sau khi đi quyên Minh Bản tạp lục q. trung ghi: » góp về, Sư thượng đường nói: Nửa tháng trời đi quyên góp, mắt chẳng thấy lỗ mũi, quên mất thiền pháp của Tổ sư mà chỉ lượm được món đồ cổ«.

XUẤT HƯNG Xuất hiện, trở lại trần gian. Phần Dương – Hôm nay ngữ lục q. thượng ghi: » phần nhiều là căn cơ cạn mỏng, không có các yếu tố như: chủ tể, chính kiến, lực – Đời quá lượng, hành vi tiếp hóa người học; chợt khứ, Phật Tỳ-bà-thi xuất hiện ở đời. Khi ấy gặp một vài cảnh duyên thuận nghịch liền có một vị tin theo Phật pháp, đúc một quả bị chúng cướp đoạt, mới hay dụng công chuông nặng đến muôn cân.« chẳng được, dụng tâm chẳng được. Há XUẤT KỲ chẳng biết dụng công chẳng được chính là Đến chỗ hoàn toàn thôi nghỉ, chỉ cho chỗ khi chết dụng công chẳng được. Khi ấy đã cứu cánh chân thật. Sở Sơn Kỳ Thiền sư không có chỗ dụng công, chính là con giải chế trong Thiền Quan Sách Tiến ghi: đường ra thai trâu vào bụng ngựa vậy«. » – Chỗ cứu cánh XUẤT NHÃN chân thật là xuất kỳ«. Tỏ rõ pháp nhãn, khơi sáng ý chỉ thiền. Bài tựa trong Thung Dung Am

lục ghi: »

XUẤT THỦ XUẤT THÂN – Còn như việc bình luận nhằm tỏ rõ Siêu thoát, triệt ngộ. Chương Hựu Phục pháp nhãn, khơi sáng ý chỉ thiền, gặp phải Ngộ Không Thiền sư trong CĐTĐL q. 24 cơ duyên chẳng cần phải khách khí khiêm ghi: » nhường.« – Hỏi: Thế nào là chỗ học nhân siêu thoát? XUẤT NHÂN Sư nói: Ngàn thứ so chẳng được, muôn thứ Vượt trội hơn mọi người. Tông Môn Võ sánh chẳng bằng«. Khố ghi: » XUẤT THÂN HOẠT LỘ – Bạch Còn gọi: Xuất thân chi lộ, xuất lộ xuất Trưởng lão ở núi Nga My từng bảo rằng: thân. Xuất thân: Chỉ cho cái thân thoát Người đồng hương Tuyết Đậu có hơn trăm khỏi sinh tử, không còn dính mắc hai khái bài tụng, ý và lời không có gì vượt trội hơn niệm mê-ngộ, đạt được cái dụng vô ngại, người, vì sao lại nổi tiếng ở đời?« khoáng đạt. Hoạt lộ: Con đường sống. Xuất Thân Hoạt Lộ chỉ cho cảnh giới siêu XUẤT SINH thoát. Trước giờ thọ trai, tăng nhân lấy một ít cơm để cúng thí cho chúng sinh. Tiết Tính XUẤT THẾ Không Diệu Phổ Am chủ trong NĐHN q. Có 2 nghĩa: 18 ghi: » 1. Sau khi tự mình tu hành chứng ngộ, – Thiền sư trở vào đời để giáo hóa chúng Lũ cướp dâng lên sư cá thịt. Sư vẫn thọ sinh. Điều Tôn Túc Trụ Trì trong Thiền trai như thường. Xuất sinh xong, sư nói: Ai Uyển Thanh Quy q. 7 (Vạn Tục 111, 458 sẽ vì ta làm văn để cúng tế?« thượng) ghi: » XUẤT THẢO Đối lại: Nhập thảo, Lạc thảo. Thảo là dụ – Mỗi người truyền pháp mỗi cho thế gian, người thế tục. Siêu xuất thế nơi, nối huệ mạng Phật, đó là Trụ trì; bắt gian là Xuất thảo. Xuất thảo đàm: Bàn luận đầu thuyết pháp độ sinh, gọi là xuất thế«. về tôn chỉ thâm áo siêu xuất thế tục, tức 2. Chư Phật xuất hiện ở thế gian, tu hành nói đến chỗ đệ nhất nghĩa của Phật pháp. thành Phật để giáo hóa chúng sinh. Thí dụ: Vân Môn Thiền sư ngữ lục q. trung ghi: » – Chư Phật lấy » việc xuất thế làm bản hoài«. XUẤT THỦ – Một hôm sư bảo: Xưa nay các bậc lão túc đều 1. Ra tay. Tiết Hoa Tạng Tông Diễn Thiền vì lòng từ bi nên có ›Lạc thảo chi đàm‹, tuỳ sư trong NĐHN q. 20 ghi: » cơ mà thức tỉnh người học. Nếu là ›Xuất thảo chi đàm‹ thì không như thế«. – Sư liền đưa tay ra nói: Hoa Tạng chẳng tiếc tính mạng, đã vì các ông mà ra

XUẤT TRẬN tay đây!« Rất cần phải nỗ lực cả cuộc đời này đi! 2. Chỉ cho các việc làm: Tham thiền, ngộ Thở ra không bảo đảm hít vào«. đạo, thị cơ, ứng cơ. Tiết Phúc Tiên Chiêu Khánh Thiền sư trong TĐT q. 13 ghi: » XUẤT VẤN Bước ra khỏi hàng ngũ chư tăng để thưa – Sư thượng đường, nói: Vốn hỏi với thiền sư. Tông Môn Võ Khố ghi: tự có sẵn, chẳng nhọc đến khung cửi, các » – Thượng tọa xuất thủ hay chẳng xuất thủ?« Sao chẳng bước ra khỏi hàng ngũ chư tăng để thưa hỏi với vị Đường đầu một hai tắc XUẤT TRẬN công án?« Hành vi bước ra khỏi chúng của một vị tăng để hỏi đáp với Thiền sư khi ngài XUẤT VÔ MÔN NHẬP VÔ HỘ thượng đường hoặc trong các buổi tham vấn. Dương Kỳ Phương Hội Hoà thượng Theo thường thức thế gian khi muốn ra vào ngữ lục ghi: » trong nhà thì phải đi qua cánh cửa đã mở. Ở đây câu này có

nghĩa ngược lại là không – Một hôm, có bảy vị nhờ cửa mà vẫn ra vào căn nhà được. tăng đến chùa. Sư hỏi: Thế trận đã bày Thiền tông dùng câu này làm thuật ngữ để xong, bậc tác gia chiến trường sao không chỉ cho sự tự do tự tại đối với các pháp của xuất trận để ra mắt Dương Kỳ?« Thiền sư.

XUẤT TRIỀN XUẤT XÁC NHẬP XÁC, NHƯ TÚC Thoát khỏi mọi trói buộc, gò bó. Tiết Ngữ LỮ XÁ Chi Dư, đời thứ 3 dưới Đại Giám trong Ý nói thần thức rời khỏi thân thể (chết) CTTNL q. 2 ghi: » hoặc nhập vào thân thể (sống) giống như lữ khách ra vào nhà trọ. Đây là phản ánh tư tưởng nhân sinh vô thường, luân hồi sinh – Không bị Phật trói, không bị tử. Vô Môn Quan ghi: » chúng sinh trói, số lượng cũng như thế. Cho đến đều không bị tất cả số lượng trói, nên nói Phật thoát khỏi mọi trói buộc.« – Ngũ Tổ hỏi vị tăng rằng: Cô Thanh lìa hồn, cái gì là XUẤT TỨC BẤT BẢO NHẬP TỨC nguồn chân? Vô Môn bình: Nếu ở chỗ này ngộ được nguồn chân, liền biết thần thức Thở ra không bảo đảm hít vào. Ý nói nhân rời khỏi thân thể hoặc nhập vào thân thể sinh vô thường, cái chết không hẹn trước giống như lữ khách ra vào nhà trọ«. với ai. Đây là lời cảnh tỉnh của nhà Phật, khuyên mọi người sớm lo tu hành, ngộ XÚC đạo. Đoạn Tế Tâm Yếu ghi: » 1. Dơ bẩn. Phần Dương ngữ lục, q. thượng – ghi: » – Tà

XÚC SỰ chính không phân, sạch dơ khó rõ«. XÚC MỤC BỒ ĐỀ 2. Vi phạm. Tiết Dục Vương Đức Quang Những gì mắt thấy đều là trí huệ bồ-đề. Thiền sư trong NĐHN q. 20 ghi: » Đây là cảnh giới của bậc giác ngộ đạt đến. – Gọi Minh Giác ngữ lục, q. 2 ghi: » là trúc bề thì vi phạm; không gọi là trúc bề thì sai trái«. – Tăng hỏi: Thế nào là xúc mục bồ-đề? Sư đáp: Gió nổi bụi dấy, chim XÚC ĐỒ CUỒNG KIẾN bay rụng lông«. Nơi nơi sinh ra kiến giải cuồng loạn. Pháp Diễn ngữ lục, q. thượng ghi: » XÚC MỤC THỊ ĐẠO Những gì mắt thấy đều là thiền pháp. Đây – Giả sử là cảnh giới của bậc giác ngộ đạt đến. Vân trước lời nói lãnh hội được thì cũng là kẻ Môn quảng lục q. trung ghi: » si mê ngu độn; cho dù dưới câu nói tinh thông cũng chưa khỏi nơi nơi sinh ra kiến – Hoặc giả sư nói: giải cuồng loạn«. Người xưa bảo: Xúc mục thị đạo. Sư giơ hũ tương lên hỏi: Cái gì là đạo?«. XÚC ĐỒ THÀNH TRỆ Còn gọi: Xúc đồ câu trệ. Mọi chỗ đều XÚC MỤC VÔ TRỆ chướng ngại, không trót lọt. Chỉ cho sự Mắt nhìn không chút chướng ngại, chỉ cho lãnh ngộ nhiều trắc trở, khó khăn; sự lý sự lãnh ngộ trót lọt. Vân Môn quảng lục q. không thông. Phương Hội ngữ lục ghi: » trung ghi: » – Chư Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào – Cho cũng thấy được chân lý, vậy vì sao kẻ học dù lãnh ngộ trót lọt, đạt được danh thân, đạo lãnh ngộ khó khăn?«. cú thân, tất cả pháp không, núi sông đại Quy Sơn Cảnh Sách ghi: » địa đều là tên gọi, tên gọi cũng không, gọi là Tam-muội tính hải câu bị, cũng giống như sóng không gió«. – Đó là luống tiêu của mười phương tín thí, cũng chính là cô phụ bốn ơn; tội lỗi XÚC PHÁCH chất chứa

càng nhiều, tâm trần dễ bít lấp, Gõ nhịp, gõ ra tiết tấu. Như Tịnh ngữ lục q. sự lý không thông bị người khinh rẻ«. hạ ghi: » – XÚC LỄ Thổi sáo đánh trống, ca hát gõ nhịp.« Dập đầu hành lễ. Tiết Kỉnh Sơn Tông Cảo XÚC SỰ Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » – Sau khi sư Mỗi một việc gì. Phần Dương ngữ lục q. ngồi xuống, mọi người dập đầu lễ ba lạy«. thượng ghi: »

XÚC THẬP XÚC VẬT VÔ NGẠI – Cho nên có những người đứng ngoài tuyết chặt cánh tay, đeo đá giã gạo, Lãnh ngộ trót lọt. Tiết Thị Nghiệp Hải gặp những kẻ có chí như thế mới có thể Tịnh Thiền nhân trong Minh Bản Tạp lục, lãnh thọ ý chỉ. Huống hồ sơn tăng việc gì q. trung ghi: » cũng bừa bãi thì làm sao được địa vị ấy? Thật đáng hổ thẹn!« – Cứ như mùa hạ hiện nay, trong chớp mắt là qua nửa hạ rồi mà vẫn XÚC THẬP chưa lãnh ngộ trót lọt, vẫn chưa nhồi Ngồi xích lại gần, là động tác khi nói thành một khối!«. chuyện hợp ý nhau. Tiết Chiêu Giác Khắc Cần Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » XÚC Y Quần đùi. Tiết Quang Hiếu Huệ Lan Thiền sư trong NĐHN q. 12 ghi: » – Lúc Trương Vô Tận còn ở – Thiền sư Huệ Lan Kinh Nam, tự cho rằng đạo học của mình chùa Quang Hiếu ở Hòa Châu không biết là hiếm có. Sư ghé thuyền vào yết kiến ông người ở đâu, hiệu là Bích Lạc Đạo Nhân. ta, luận bàn về yếu chỉ Hoa Nghiêm. Sư Từng viết tên bảy vị Phật lên quần đùi, nói: Hoa Nghiêm là cảnh giới hiện lượng, tùng lâm gọi sư là Lan Bố Côn«. lý sự toàn chơn, ban đầu không có mượn pháp… Khi ấy, Vô Tận bất giác ngồi xích lại gần.« XUNG HÚ (916-974) Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Hòa, người xứ XÚC TỴ DƯƠNG Phúc Châu, Trung Quốc. Từ bé sư đã Vốn là để chỉ cho con dê. Bởi vì mắt con không ăn đồ tanh nồng, chí thệ xuất gia. Sư dê không phân biệt được đồ vật, hễ vật thờ Quốc sư Thần Yến ở Cổ Sơn làm thầy, chạm vào lỗ mũi của nó thì nó mới ăn. được ngài thọ ký và đắc pháp. Năm 24 Thiền tông mượn từ này để chỉ cho người tuổi, sư khai pháp ở Phong Thành, Hồng học đạo mà mê muội, chẳng biết pháp. Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tây), người Lâm Tế lục (Đại 47, 498 thượng) ghi: » thời ấy gọi sư là »Tiểu Trưởng lão«. Sau đó vào niên hiệu Hiển Đức (954-959) đời Chu, sư nhận lời mời của Chu Thế Tông – Thời nay, người học đều chẳng biết trụ trì chùa Quang Mục, rồi dời đến chùa pháp giống như con dê dù thấy vật thực Khai Tiên ở Lô Lăng. Nam Đường Trung cũng không biết, phải để tới miệng mới ăn Chủ đón sư đến chùa Tịnh Đức ở Kim được. Những hạng người này chẳng phân Lăng (nay là Nam Kinh), tập họp đồ chúng biệt được tớ hay thầy, khách hay chủ«. để nghe sư thuyết pháp, nổi tiếng khắp xa gần. Thuỵ hiệu: Huệ Ngộ Thiền sư.

XUYÊN QUÁ ĐỘC LÂU XUY BỐ MAO — Quyển 4: Thị chúng, Trà thoại. Thổi sợi tơ trên áo, tức công án »Bố mao — Quyển 5: Pháp ngữ, Nhập đường, Nhập thị pháp« của thiền sư Điểu Khòa. Tiết thất. Tuyết Phong Nghĩa Tồn Thiền sư trong — Quyển 6, 7: Tụng cổ. NĐHN q. 7 ghi: » — Quyển 8, 9: Kệ. – Người xưa thổi — Quyển 10: Phật sự, Tượng tán, Thư sợi tơ trên áo để làm gì? Nói cho ta nghe vấn. xem!« — Quyển 11, 13: Thi ca. — Quyển 14: Phú, Ký, Dẫn. XUY MAO KIẾM —

Quyển 15: Tự, Văn. Gươm rất bén, để sợi lông nơi lưỡi kiếm — Quyển 16: Truyện, Thiên. rồi dùng miệng thổi, sợi lông liền đứt. — Quyển 17, 18: Thuyết. 1. Thiền tông dùng từ này để chỉ cơ phong — Quyển 19: Duyên khởi. bén nhạy. Tông Thừa Yếu Nghĩa trong — Quyển 20: Tạp trước. DTNL q. 9 ghi: » Cuối quyển có phụ lục »Xuy Vạn Thiền sư Tháp Minh« do Điền Hoa Quốc soạn, và –
Như gươm rất bén, ánh thép rợn phần hành trạng của sư do Chí Thiện soạn. người, ai dám chạm đến dù mảy may? Chạm đến là bỏ mạng«. XUYÊN KHƯỚC TỶ KHỔNG 2. Chỉ cho câu thoại đầu. Thiền Quan Sách Tiến (Đại 48, 1098 trung) ghi: Xỏ qua lỗ mũi. Bị lệ thuộc vào ngoại vật, chẳng được siêu thoát tự tại, giống như dùng sợi dây dàm xỏ vào mũi con trâu. »Trực tu đề khởi xuy mao kiếm Tiết Ngọc Tuyền Đàm Ý Thiền sư trong Yếu phẩu Tây lai đệ nhất nghĩa«. NĐHN q. 20 ghi: »
»Rất cần đề khởi câu thoại đầu Cốt mổ cho ra ý Tổ sư«.
– Tiến một bước thì bị XUY VẠN THIỀN SƯ NGỮ LỤC cây gậy làm cho lầm mất đường đi. Lùi một bước thì bị cây gậy xỏ qua lỗ mũi«. Ngữ lục, 20 quyển, do Xuy Vạn Quảng XUYÊN NHĨ HỒ TĂNG Chân soạn vào đời Minh, Tam Sơn Đăng Chỉ cho các vị tăng Ấn Độ vào thời xưa, vì Lai trùng biên. Đây là bộ sách thu thập phần lớn họ thường xỏ lỗ tai để đeo khoen nhiều bài thuyết pháp của Thiền sư Xuy đồng. Tiết Cảnh Thanh Hòa thượng trong Vạn, có bản in sách này vào niên hiệu TĐT q. 10 ghi: » – Sùng Trinh thứ 16 (1643) đời Minh. Tăng Ấn Độ vừa cười vừa gật đầu«. — Quyển 1, 2: Năm hội ngữ lục ở các nơi: Đông Thiền Viện tại Hành Châu, chùa Tập XUYÊN QUÁ ĐỘC LÂU Vân ở Trung Châu. Xuyên qua đầu lâu, chỉ cho cảnh giới đoạn — Quyển 3: Phổ thuyết, Tiểu tham. diệt tất cả tình thức. Tắc 24, Thung Dung

XỨ SỞ LY PHÂN BIỆT Lục (Đại 48, 243 trung) ghi: » Nhan, Nhan hỏi: Vừa rời chỗ nào? Sư thưa: Vừa rời Hồ Nam. Nhan hỏi: Quan
Sát sứ họ gì? Sư đáp: Không biết họ ông ta.
Nhan hỏi: Thế ông ta tên gì? Sư đáp; – Tuyết Đậu cũng nói: Như nay Không biết tên ông ta. Nhan hỏi: Có từng cất giữ tại Nhũ Phong, người sau thảy xem ra ngoài chăng? Sư đáp: Chẳng từng ra là phương tiện. Sư lớn tiếng hét: Hãy xem ngoài. Nhan hỏi: Có giải quyết công việc ngay dưới chân mình đi! Vạn Tùng nói: chăng? Sư đáp: Tự có phó quan rồi. Nhan Tuyết Đậu quá quan tâm nơi gót chân mà nói: Tuy chẳng ra ngoài nhưng xử lý mọi không biết xuyên qua đầu lâu.« việc«. 2. Sai bảo, dặn dò. Đàn Kinh bản Đôn XỨ SỞ LY PHÂN BIỆT Hoàng ghi: » Lìa xa phân biệt »có không« của thế giới ý niệm nhị nguyên. Tiểu truyện Thiền sư Tĩnh Lực trong TUTA ghi: »Soi thấy pháp
– là vô thường, vô ngã, vô tác, vô vi, xa lìa Ngũ Tổ nói: … Các ngươi hãy về phòng tự phân biệt đối đãi »có không«, thì mới là khán. Người nào có trí huệ tự biết dùng người học đạo vậy.« Bát-nhã của bản tính làm một bài kệ trình cho ta xem… Môn nhân nghe lời sai bảo XỬ PHẦN xong, mỗi người đều trở về phòng của 1. Sắp đặt, xử lý. Tiết Trường Thử Hòa mình«. thượng trong TĐT q. 5 ghi: » Lại cùng sách trên ghi: »
– Tổ (chỉ Ngũ tổ Hoằng Nhẫn) dặn dò: Ngươi hãy đi, nỗ lực Sau, Tiểu sư lại đến đem pháp về Nam, trong 3 năm ngươi

tham vấn Thạch Đầu. Thạch Đầu hỏi: Từ đừng nên hoằng truyền pháp này«. đâu đến? Tiểu sư đáp: Từ Trường Thử đến. Thạch Đầu bảo: Tối nay có nghỉ lại đây XỬ TỊCH (648-734) được không? Tiểu sư thưa: Tất cả đều tùy Thiền tăng đời Đường, họ Chu, người xứ Hòa thượng sắp đặt«. Phù Thành, Miên Châu (nay là huyện Miên Tiết Động Sơn Hòa thượng trong TĐT q. 6 Dương, tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư ghi: »
thờ Thiền sư Bảo Tu làm thầy, siêng năng phục vụ,
sống hòa đồng với mọi người. Sư thông suốt chỗ huyền áo, tiếng
tăm vang đến triều đình, được Võ Hậu triệu đến
Trường An và ban cho sư ca-sa. Sư trở về chùa Đức
Thuần ở Tư Châu (nay là huyện Tư Trung, tỉnh Tứ Xuyên) để tu
thiền, hơn – Sư đến ngài Bách 40 năm chẳng bước chân đến xóm làng

XƯƠNG ĐÀO (1815-1893) chợ búa. Đệ tử nối pháp có các vị như: Vô hàng hậu học, dựng lập tông phong.« Tướng... XỨNG XỬ VI (890-955) Khiến cho người nào đó vừa lòng hợp ý. Thiền tăng đời Đường, họ Tằng, người xứ Pháp Diễn ngữ lục q. trung ghi: » Bảo Xương tham yết ngài Tây Đường Tạng Công và
đắc pháp. Sư ở Kiền Châu – Biến đất đai thành vàng (nay là huyện Cán, tỉnh Giang Tây). ròng, khuấy sông dài làm sữa ngọt, còn chưa vừa lòng hợp ý Bạch Vân tôi.« XƯNG DƯƠNG Khen ngợi, truyền bá khắp nơi. Lâm Tế XƯƠNG CUỒNG ngữ lục ghi: » Si mê không biết, tùy tiện làm càn. Tiết
Chí Công Hòa thượng thập tứ khoa tụng trong CĐTĐL q. 29 ghi:
– Hôm nay do sự bất đắc dĩ, Sơn tăng thuận theo nhân tình mới
lên tòa này. Nếu chiếu theo đệ tử Thiền tông hoằng dương đại sự,
thực là mở miệng chẳng được, chẳng có chỗ để đặt chân.« »Năm dục tham sân là Phật. Địa ngục nào khác thiên đàng, XƯNG DƯƠNG XƯNG TRỊNH Kẻ ngu vọng sinh phân biệt, Lang thang sinh tử làm càn«. Làm ra vẻ trịnh trọng. Lời nói hàm nghĩa chê bai. Tiết Đức Sơn Tuyên Giám Thiền XƯƠNG DUNG sư trong LĐHY q. 20 ghi: » Thiền tăng đời Minh, họ Triệu, hiệu là Quyền Thật,
Định Phong, người Côn Minh (nay thuộc Vân Nam) Trung Quốc.
Bảy – Chớ tuổi xuất gia, 17 tuổi thọ giới cụ túc, để lầm! Nhân giả, bôn
ba chạy sang nhà hàng lòng nơi nội điển, nổi bậc nhất là làm thơ, xóm nói ta hiểu thiền hiểu đạo, vỗ ngực bài nào làm trong lúc xuất thần thì thành khoe khoang, làm ra vẻ trịnh trọng. Đến ngâm vịnh. Nhập thất sáu năm, tham vấn đây cần phải mửa ra hết mới được vô sự.« Hòa thượng Dư Sơn đắc pháp. Khoảng niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619) sư làm XƯNG ĐỀ chủ am Thúy Phong ở Tung Minh (nay Khen ngợi, nêu lên. Pháp Diễn ngữ lục q. thuộc Vân Nam). thượng ghi: » Tác phẩm: Khiếu Sư
Sơn ngữ lục. – Thế nên tiếp nối dấu vết của bậc XƯƠNG ĐÀO
(1815-1893) Thánh trước (Phật) để lại, nêu lên thiền cơ Thiền tăng đời Thanh,họ Lưu, tự Tịnh của Tổ sư Thiền tông, làm mô phạm cho Hàm, hiệu Cừ Đăng Đạo Nhân, là em của

XƯƠNG ĐẠO (1813-1903) Xương Đạo, người xứ Đồng Sơn (Từ
Châu, Giang Tô) Trung Quốc. Nối pháp – Long (chỉ Thiền sư Đại Tu ở
Tiêu Sơn, đời thứ 48 hệ Hòa thượng Hoàng Long) bảo: Giày dưới Thanh Nguyên. Trụ trì

chùa Quảng Tế. Tác chân từ đâu mà có? Sư thưa: Ở Lô Sơn rao phẩm: Cừ Đăng Đạo Nhân tạp lục. bán bảy trăm năm mươi đồng.«

XƯƠNG ĐẠO (1813-1903) XƯỚNG ĐẠO Thiền tăng đời Thanh, họ Lưu, tự Vân Giảng nói Phật pháp, hướng dẫn người Phàm, người xứ Đồng Sơn (Từ Châu, học. Huệ Nam ngữ lục ghi: » Giang Tô) Trung Quốc. Nối pháp Thiền sư Đại Tu, đời thứ 48 hệ Thanh Nguyên. Trụ – Hưng Hóa bảo Duy-na Khắc Tân trì Tiêu Sơn. Tác phẩm: Tiêu Phàm tập rằng: Chẳng bao lâu ngươi sẽ làm Thầy giảng nói Phật pháp, hướng dẫn người XƯƠNG LONG học.« Hưng thịnh. Xây đắp cho bền vững. Bài sám Quy Mạng của Thiền sư Di Nhiên ghi: XƯỚNG PHÁCH TƯƠNG TÙY » – Kiếp này nguyện xây đắp tòa phúc đức, Ca hát và vỗ tay ăn rập nhau; dụ cho sự nền đạo tâm cho bền vững«. khế hợp chặt chẽ giữa thầy và trò. Tắc 64, Bích Nham lục (Đại 48, 195 thượng) ghi: XƯỚNG » 1. Hô to lên. Chương Đệ tứ tổ Ưu-ba Cúc- đa trong CĐTĐL q. 1 ghi: ( ) – Nêu lên công án: Nam Tuyền lại hỏi – Ba-tuần nói: Tôi thề Triệu Châu về câu hỏi trước đó. Châu liền hướng về Phật đạo, hằng dứt điều ác! Cúc- cởi giày để lên đầu và đi ra. Nam Tuyền đa bảo: Nếu quả như thế, ngươi tự xướng nói: Nếu có ông ở đây thì cứu được con ba lần quy y Tam bảo đi. Ma vương (tức mèo (Sự khế hợp chặt chẽ giữa thầy và trò, Ba-tuần) chắp tay hô to lên ba lần.« ít có kẻ tri âm, phóng lao phải theo lao)« 2. Giảng nói. Chương »Trí Nhàn tụng« XƯỚNG Y (516) trong CĐTĐL q. 29 ghi: » Phân chia y vật của vị tăng đã mất. Vân Môn quảng lục q. hạ ghi:» – Bậc đạt đạo giảng nói ý Tổ sư, Tông của thầy ta xưa – Nhân lúc đang phân chia y vật của nay kiêng kỵ, chỉ có người này khéo đặt để, vị tăng đã mất, sư hỏi một vị tăng khác: đủ pháp tài đủ cả tàm quý (hổ thẹn).« Hôm nay xướng y, vậy chớ ông tăng mất, 3. Cất tiếng to để rao bán y vật của vị tăng còn có ở đây không?« đã mất. Tiết Bảo Phong Khắc Văn Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: »

Y SƠN (?-1213) còn mãi.«

Y Y CHỈ SƯ Bậc thầy hướng dẫn của những vị tăng Y AM HỮU QUYỀN tham thiền học đạo. Hiệu của Thiền tăng Hữu Quyền đời Tống. X. Hữu Quyền. Y PHÁP Pháp y. Thiền tông Trung Quốc vào thời Y BÁT HẠ kỳ đầu (từ Sơ Tổ Đ t-ma đến Lục Tổ Huệ Còn gọi: Trường liên sàng. Sập dài nằm Năng) và thời gian truyền trao đạo pháp nghỉ tập thể chư tăng dùng để ngủ nghĩ tọa của 28 của đời Tổ sư Thiền tông Tây Thiên thiền. Sở dĩ có tên »Y bát hạ« là vì ngay (Ấn Độ), đã đem chiếc cà sa của chính trên giường có những cái móc để treo y mình để trao lại cho đệ tử dòng chính, tức bát. Tiết Nam Tuyền Phổ Nguyện Thiền sư dùng pháp y để biểu hiện pháp tín. Đàn trong NĐHN q. 3 ghi: » Kinh bản Đôn Hoàng ghi: »Ngũ Tổ viết: … Nhược ngộ đại ý giả, phó nhữ y pháp, bẩm vi Lục Tổ, hỏa cấp cấp! – Ngũ Tổ nói: …Nếu ai ngộ được đại ý ta trao cho pháp – Một hôm, sư thấy tăng y, vâng làm Tổ đời thứ sáu, hãy nhanh đẽo gỗ, sư liền lấy gậy gõ vào khúc gỗ 3 lên!« cái. Tăng buông búa trở về tăng đường. Sư về pháp đường.

Hồi lâu, sư đi vào tăng Y SƠN (?-1213) đường, thấy tăng ngồi trên sập, sư nói: Thiền tăng đời Lý, họ Nguyễn, quê ở lang Lừa gạt chết người«. Cẩm, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Sư nối pháp Thiền sư Viên Thông, thuộc dòng Y CHÂU Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 19. Sư dáng Còn gọi: Y trung bảo. Viên ngọc quý trong người thanh nhã, nói năng hoạt bát. Thuở áo, tỷ dụ Phật tính sẵn có nơi mỗi người. nhỏ, sư học thông sách sử, về văn chương »Lục Tổ Năng thiền sư bi minh« trong khoa cử của Nho gia tất hỏi han đến chỗ vi Toàn Đường Văn q. 327 ghi: » diệu, nhưng đối với kinh điển Phật giáo cũng hết sức lưu tâm. Sư xuất gia năm 30 – Trong đời có một đóa hoa sáu cánh tuổi với một vị trưởng lão trong làng. Sau là Thiền tông. Thiền tông mở rộng kho báu đến kinh đô tham học với Quốc sư Viên chỉ rõ viên ngọc quý trong áo.« Thông và nối pháp ngài. Về sau, sư tùy »Ngoạn Châu Ngâm« của Đan Hà Hòa phương hành hóa chí tại lợi người. Nếu thượng trong TĐT q. 4 ghi: » được tín thí cúng dường, sư đều để vào Phật sự. Sư có làm cây đối khuyến hóa:

– Biết được viên ngọc »Điếu danh thị lợi, giai như thủy thượng quý ở trong áo, tự tỉnh cơn say vô minh. phù âu Thân thể đều tan rả hết, chỉ có một vật linh Thực phúc chủng duyên, tận thị hung trung

Y THẢO PHỤ MỘC hoài bảo«. nương cây gá cỏ, cùng với Phật pháp cách »Mến danh thích lợi đều như bọt nước mặt nhau trời vực«. ghềnh, Cấy phúc gieo duyên, trọn là trong lòng YỶ hoài bão« Nương tựa. Bài Trừu thần ngâm trong Tuệ Sư trụ trì tại chùa Đại Bi, tràng Đại Thông, Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi: hạt Long Phúc. Về già lại dời đến chùa Nam Mô, làng Yên Lãng trụ trì. Kệ dạy chúng:

»Như Lai thành chính giác Nhất thiết lượng đẳng thân »Tùng lai nhất vật hề dã phi, Hồi hỗ bất hồi hỗ Thân sinh đới nghiệp hề dã thị Nhãn tình đồng tử thần Như hà ngũ uẩn hề phân vân *** Vi cứ tứ đại hề y ỷ«. Chân thân thành vạn tượng »Xưa nay một vật chừ cũng sai Vạn tượng thành chân thân Thân sinh mang nghiệp chừ cũng phải Nguyệt điện vinh đan quế Vì sao ngũ uẩn chừ lăng xăng Đan quế tại nhất luân«. Bám chặt tứ đại chừ nương tựa«. »Như Lai thành chính giác Tất cả lượng bằng thân Ý CHỈ Xoay lại chẳng xoay lại Gọi tắt: Chỉ. Ý định, mục đích, tôn chỉ của Mắt sáng đồng tử thần một điều tâm niệm. Bùi Hưu ngữ lục ghi: *** »

Chân thân thành vạn tượng Vạn tượng thành chân thân
Cung trăng cành quế đỏ Quế đỏ tại một vầng«.

– Hưu lặp lại Theo: Thiền sư Việt Nam của HT. Thanh câu hỏi trước. Sư (Hoàng Bá) liền to tiếng Từ. gọi: Bùi Hưu! Tướng công ứng thinh: Dạ. Sư hỏi: Ở đâu? Ngay đó Tướng công nhận Y THẢO PHỤ MỘC ra ý chỉ của thiền, như được hạt châu trên Còn gọi: Y thảo phụ diệp (nương cây gá búi tóc, liền thưa: Thầy tôi đúng là bậc cỏ). Quỉ thần nương gá vào cỏ cây để hiển thiện tri tức, chỉ dạy người chín chắn linh tác quái, Thiền gia dùng từ này dụ chỉ dường ấy. Cớ sao lại mai một ở đây? Đại việc không thể lãnh ngộ thiền nghĩa, chỉ chúng trong chùa rất ngạc nhiên«. một mực bắc chước lời nói của người cho là kiến giải của mình. Tiết Thiên Thai Đức Ý HỌC Thiều Quốc Sư trong NĐHN q. 10 ghi: » Chỉ cho Thiền tông học, vì tu tập thiền yếu cần phải nghiêng nặng về ý nghiệp. Thiền – Kiến giải như thế gọi là Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự thượng,

YÊN TỬ SƠN phần 1 (Đại 48, 400 trung): » ý niệm tư duy thông thường, chẳng rơi vào cảm giác nhận thức.« – Kinh là lời Phật, Thiền là ý Phật, Tâm và khẩu của chư Phật không Ỷ THIÊN TRƯỜNG KIẾM trái nhau.« Thanh gươm rất bén, nổi tiếng trong lịch Ý THỨC sử Trung Quốc, Thiền tông dùng nó để dụ Nhận thức của »ý căn« đối với »pháp« cho cơ phong sắc bén của thiền sư. Tắc 10, (muôn sự muôn vật ở thế gian), chỉ cho Bích Nham lục q. 1 (Đại 48, 140 hạ) ghi: hoạt động tư duy, bao gồm các tâm lý: » tưởng tượng, suy lý, phán đoán. Là 1 trong 6 thức. Trong các tác phẩm Thiền tông, từ – Tuyết Đậu giống như thanh Ỷ thiên »ý thức« phần lớn chỉ cho nhận thức của trường kiếm, oai phong lẫm liệt. Nếu lãnh hoạt động tư duy do các nghĩa lý khái niệm ngộ được ý Tuyết Đậu, thì tự nhiên ngàn tạo nên. Thứ nhận thức này không phù hợp chỗ muôn chỗ đồng thời lãnh ngộ«. với chủ trương chẳng lập tri giải, chẳng rơi vào tình niệm của nhà thiền đề xướng. YỂM HÓA Bích Nham lục q. 1 ghi: » Lìa đời (tạ thế). Chương Ma-noa-la, Tổ thứ 22 trong CĐTĐL q. 2 ghi: » – Phần lớn mọi người đều rơi vào – Tôn giả ngồi kiết già an trong ý thức, cần phải lãnh hội trước khi nhiên lìa đời«. lời nói chưa phát ra mới được.« YỂM TỨC Ý THƯỢNG SINH Ý Chết, qua đời. Tông Môn Võ Khố ghi: Trên ý sinh ý. Đối với cơ duyên ngữ cú, » dùng ý nghĩa thông thường để lý giải, nhận – Tạng chủ thức và phát huy. Bích Nham lục q. 1 ghi: Khánh nghe lời nói này liền qua đời. » Trong tùng lâm mọi người đều bảo Khánh bị một lời nhục mạ của Viên Thông mà – Nếu nhằm chết.« trên lời sinh lời, trên câu sinh câu, trên ý sinh ý, tạo nên sự hiểu biết thì không chỉ YỂM TỴ THÂU HƯƠNG làm lụy lão tăng mà còn cô phụ Tuyết Bịt mũi trộm mùi, tỷ dụ hành vi ngu xuẩn Đậu«. tự dối. Tiết Bản Sinh Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: » Ý TƯỞNG – Bịt mũi mà muốn ngửi trộm mùi Chỉ hoạt động của ý niệm tư duy thông hương, nhận ngang xương là tội phạm.« thường. Mật Am ngữ lục ghi: » – Quét sạch YÊN TỬ SƠN bụi nhơ của tục tình, cắt đứt hoạt động của Còn gọi: Tượng Sơn, Bạch Vân Sơn. Núi

YÊN TỬ THIỀN PHÁI nằm trong tỉnh Quảng Ninh, miền Bắc Việt ngài Hiện Quang đến ngài Vô Phiền là 23 Nam, cách thị xã Uông Bí 14km về hướng đời (xem Biểu đồ ở phần Phụ lục). tây bắc. Núi cao 1.068m, là nơi giáp giới Tinh thần Hòa quang đồng trần, đập vỡ Hải Dương, Bắc Giang và Quảng Yên (cũ), thái độ bám víu vào khái niệm, đập phá được coi là danh sơn của miền Hải Đông quan niệm lưỡng nguyên và những vấn đề xưa. Núi này chẳng những là cảnh đẹp thần giả tạo... là tư tưởng thiền học của thiền tiên hùng vĩ mà còn là di tích của thiền phái này và trở thành nét son trong tư phái Trúc Lâm. Theo truyền thuyết, sở dĩ tưởng Phật giáo Việt Nam. núi có tên Yên Tử vì vào đời Tần ở Trung Quốc (thế kỷ III tr. TL) có một đạo sĩ tên YẾN HƯU là An Kỳ Sinh đến tu luyện và đắc đạo ở Nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Thiền Lâm Bảo núi này. Nhưng mãi đến đời Trần, núi mới Huấn q. 2 (Đại 48, 1026 hạ) ghi: » bắt đầu nổi tiếng, nhờ vua Trần Nhân Tông xuất gia tu hành ở chùa Vân Yên (Hoa – Cao Am khi thôi ở chùa Vân Yên) khiến cho núi này trở thành trung tâm cư. Viên Ngộ muốn sửa lại am Ngọa Long Phật giáo Việt Nam và Tổ đình của thiền của ngài Phật

Ấn làm nơi nghỉ ngơi tĩnh phái Trúc Lâm. Núi có nhiều chùa nổi dưỡng«. tiếng như: Long Động, Giải Oan, Hoa Yên, chùa Đồng, Thiên Trúc, Thiền Định, Thần YẾN TỌA Khê và các am: Vân Tiêu, Ngọa Vân, Còn gọi: Tọa thiền, yến tọa. Điều chỉnh Thạch Thất, Bảo Sát. cho thân ngồi ngay ngắn, tâm được tịch Những vị Tổ sư nổi tiếng từng hoằng hóa tĩnh. Phẩm Đệ Tử trong kinh Duy-ma, q trên núi Yên Tử như Hiện Quang, Quốc sư thượng (Đại 14, 521 hạ) ghi: » Phù Vân, Trúc Lâm Đại đầu-đà, Huyền

Quang, Chân Nguyên trùng tu Long Động – Ngồi phải đúng như pháp, chẳng vào đời Lê. Trên núi hiện còn mấy chục khởi thân ý trong tam giới, ấy là yến tọa«. ngôi tháp cổ, trong đó quan trọng nhất là: Theo: PQĐTĐ của nhóm Từ Di. Tháp Huệ Quang thờ Điều Ngự Giác Hoàng, tháp Tôn Đức thờ Thiền sư Minh YÊU THẠCH THUNG MỄ Hành Tự Tại… Còn gọi: Phụ thạch thung khang. Trên YÊN TỬ THIỀN PHÁI lưng đeo đá để giã gạo. Câu truyện Lục Tổ Tên của một phái thiền ở Việt Nam vào Huệ Năng ở trong pháp hội của Ngũ Tổ thời Lý, Trần. Tổ khai sơn là thiền sư Hiện Hoằng Nhẫn tại núi Hoàng Mai làm công Quang, vốn là đệ tử của thiền sư Thường việc khó nhọc. Khi đạp chày giã gạo, ngặt Chiếu, một thiền sư thuộc thiền phái Vô vì thân thể ngài quá nhẹ, chày không cất Ngôn Thông. Thiền phái này truyền đến lên được, nên ngài phải đeo thêm một hòn đời thứ 6 là Trần Nhân Tông. Vị này về đá lớn sau lưng. Phẩm Hành do, thứ nhất sau trở thành Sơ tổ của Thiền phái Trúc của Đàn Kinh, bản Đôn Hoàng ghi: » lâm. Như vậy truyền thống Yên Tử kể từ

YẾU THẢ

– Thiền khách Cự Vinh đang – Hôm sau, Tổ (chỉ Ngũ Tổ) lén đến tham vấn, sư bảo: Lão tăng chưa từng có nhà giã gạo, thấy Năng (chỉ Huệ Năng) một lời nửa câu để cho các ông chấp lưng đeo đá giã gạo, nói rằng: Người cầu trước, đâu cần phải gặp lão tăng? Vinh đạo, vì pháp quên thân, cần phải như thế!« nói: Đến chỗ này chẳng lạy cho 3 lạy, quả là không đành lòng«. YẾU CHỈ Tiết Trường Thử Khoáng Thiền sư trong Còn gọi: Diệu chỉ. Ý nghĩa quan trọng. Bài NĐHN q. 5 ghi: » Phật Tâm Ca trong Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục ghi:

– Sư nói: Cư sĩ chỉ thấy cái dùi nhọn mà không thấy cái đục vuông. Sĩ (chỉ Bàng cư sĩ) thưa: Nói lời như thế với tôi thì được; còn như người ngoài nghe lọt lời »Tâm tức Phật, Phật tức tâm này, quả thực chẳng tốt«. Diệu chỉ linh minh đạt cổ câm 2. Nhưng mà, song. Biểu thị ngữ khí Xuân lai tự thị xuân hoa tiếu chuyển chiết. Pháp Diễn ngữ lục q. trung Thu đáo vô phi thu thủy thâm«. ghi: » »Tâm tức Phật, Phật tức tâm – Vân Môn hay Diệu chỉ sáng ngời kim cổ thông thì rất hay đặc biệt thì rất đặc biệt, nhưng Xuân đến, tự hoa Xuân mỉm miệng mà chỉ nói được Thiền lão bà«. Thu về, đâu chẳng nước Thu trong«. Tiết Chiêu Giác Khắc Cần Thiền sư trong NĐHN q. 19 ghi: » YẾU DIỆU

Vi diệu. Tiết Long Tuyền Nao Thiền sư trong NĐHN q. 17 ghi: »

– Bàng cư sĩ, lưỡi thì chống đến trời Phạm Thiên, miệng thì – Sư thượng đường, chúng trùm cả bốn biển, có khi đem một cọng cỏ tụ họp xong, sư liền nói: Chỉ thế ấy liền làm thân vàng một trượng sáu, có khi đem giải tán đi,

mới có thể là vi diệu. Mặc dù thân vàng một trượng sáu làm một cọng như thế, sớm là không gió mà nổi sóng, cỏ, rất là kỳ đặc. Mặc dù như thế, song ông đóng đinh trong hư không rồi«. ta chẳng từng động đến cửa ải thiền chí cực vi diệu«. YẾU THẢ 1. Quả là, quả thực. Tiết Đầu Tử Đại Đồng Thiền sư trong NĐHN q. 5 ghi: »

YẾU THẢ

PHẦN PHỤ LỤC
Dương Kỳ Tự (Giang Tây).
ĐỊA DANH Đ
Đại Bảo Quang Tháp (Giang Tây).
B Đại Dữu Lãnh (Quảng Đông).
Bách Lâm Tự Tháp (Hà Bắc). Đại Điên Thiền sư Tháp (Quảng Đông).
Bách Trượng Sơn (Giang Tây). Đại Mai Sơn (Chiết Giang).
Bạch Vân Tự (Quảng Đông). Đại Mãn Thiền sư Thạch Tháp (Hồ Bắc).
Báo Ân Tự (Giang Tô, An Huy). Đại Ngu Thiền sư Tháp (Sơn Tây [Trung
Bảo Lâm Tự (Quảng Đông). Quốc]).
Bích Động Tự (VN). Đạo Ngô Sơn (Hồ Nam).
Bình Sơn Tháp (VN). Đầu Tử Sơn (An Huy).
C Động Sơn (Giang Tây).
Cao Mân Tự (Giang Tô). G
Cốc Ẩn Sơn (Hồ Bắc). Giác Hải Tự (VN).
Cửu Hoa Sơn (An Huy). Giác Lâm Tự (VN).
Chiêu Thiền Tự (VN). Giải Thoát Thiền sư Tháp (Sơn Tây
Chơn Không Thiền Viện (VN). [Trung Quốc]).
Chúc Thánh Tự (Hồ Nam) Giáp Sơn (Giang Tô, Hồ Nam).
Chung Nam Sơn (Thiểm Tây).
Chứng Chân Tự (Quảng Đông). H
Chương Kỉnh Tự (Thiểm Tây). Hành Sơn (Hồ Nam).
Hoa Đình Tự (Vân Nam).
D Hòa Sơn (Giang Tây).
Diên Hựu Tự (VN). Hoàng Bá Sơn (Phúc Kiến, Giang Tây).
Diên Phúc Tự (VN). Hoàng Long Sơn (Giang Tây).
Diên Thọ Tự (Giang Tô) Hổ Khâu Tự (Giang Tô).
Diên Ứng Tự (VN). Hổ Khâu Tháp (Giang Tô).
Diệu Hỷ Am (Chiết Giang). Hồng Phúc Tự (VN).
Dũng Tuyền Tự (Phúc Kiến). Hùng Nhĩ Sơn (Hà Nam).
ĐỊA DANH
Hương Hải Tự (VN). Phật Quang Tự (An Huy).
Hương Nghiêm Tự (Hà Nam). Phong Huyệt Tự (Hà Nam).

Hương Tích Tự (Giang Tô). Phong Huyệt Tự Thất Tổ Tháp (Hà Nam).
Phổ-đà Sơn (Chiết Giang).
K
Phổ Minh Tự (VN).
Khai Tiên Tự (Giang Tây).
Phổ Minh Tháp (VN).
Kim Liên Tự (VN).
Phổ Thông Thiền tự (Giang Tây).
Kim Sơn Tự (Giang Tô).
Kính Sơn (Chiết Giang). Q
Kiến Sơ Tự (VN). Quán Sự Tứ (VN).
Quảng Nghiêm Tự (VN).
L
Quảng Tế Thiền sư Tháp Đình (Phúc
Lâm Tế Tự (Hà Bắc).
Kiến).
Lâm Tế Tự Trừng Linh Tháp (Hà Bắc).
Quy Sơn (Hồ Nam).
Liên Phái Tự (VN).
Quy Tông Tự (Giang Tây).
Linh Ẩn Tự (Chiết Giang).
Quỳnh Lâm Tự (VN).
Linh Nham Tự Tháp Lâm (Sơn Đông).
Linh Quang Tự (VN). S
Long Hưng Tự (VN). Sắc Tứ Từ Ân (VN).
Lô Sơn (Giang Tây). Sơ Sơn (Giang Tây).
Sùng Phúc Tự (VN).
M
Mai Am (Quảng Đông). T
Mật Ấn Tự (Hồ Nam). Tam Giác Sơn (Tứ Xuyên).
Tào Khê Sơn (Quảng Đông).
N
Thạch Sương Sơn (Hồ Nam).
Nam Đài Tự (Hồ Nam).
Thanh Lương Sơn (Sơn Tây).
Nam Hoa Tự (Quảng Đông).
Thanh Lương Tự (Giang Tô, Phúc Kiến).
Nam Tuyền Sơn (An Huy).
Thanh Nguyên Sơn (Giang Tây).

Nam Thiền Tự (Sơn Tây).
Thảo Đường Tự (Thiểm Tây).
Năng Nhân Tự (Chiết Giang).
Thần Quang Tự (VN).
Nga My sơn (Tứ Xuyên).
Thê Hiền Sơn (Tứ Xuyên).
Ngọc Tuyền Tự (Hồ Bắc).
Thê Hiền Thiền Viện Thạch ThưyếnT
Ngũ Đài Sơn (Sơn Tây [Trung Quốc]).
Xuyên).
Ngũ Tổ Sơn (Hồ Bắc).
Thê Thiền Tự (Thiểm Tây).
Nguyệt Quang Tự (VN).
Thiên Đồng Tự (Chiết Giang).
Ngưu Đầu Sơn (Giang Tô).
Thiên Ninh Tự Tháp (Bắc Kinh).
Nhạc Lâm Tự (Chiết Giang).
Thiên Phúc Tự (VN).
Ninh Phúc Tự (VN).
Thiên Tư Phúc Tự (VN).
P Thiên Thai Sơn (Chiết Giang).
Pháp Vũ Tự (VN). Thiếu Lâm Tự (Hà Nam).
TÁC PHẨM
Thiếu Lâm Tự Tháp Lâm (Hà Nam). U
Thiếu Thất (Hà Nam). U Thê Tự (Giang Tô).
Thúy Vi Tự (Thiểm Tây).
Thuyền Tôn Tự (VN). V
Thừa Thiên Tự (Phúc Kiến). Vạn Tùng Lão Nhân Tháp (Bắc Kinh).
Thường Chiếu Thiền Viện (VN) Vân Cái Sơn (Hồ Nam).
Tiêu Sơn Tự (VN). Vân Cư Sơn (Chiết Giang, Giang Tây).
Tổ Đường Tự (Giang Tô). Vân Môn Tự (Quảng Đông).
Trác Tích Tự (Quảng Đông). Vân Thê Sơn (Chiết Giang).
Trạm Lô Thiền Am (Phúc Kiến). Viên Chiếu Thiền Viện (VN).
Trấn Quốc Tự (VN). Viên Thông Tự (Giang Tây).
Trấn Quốc Thiền Viện (Chiết Giang). Y
Trúc Lâm Thiền Viện (Hương Cảng, Yên Tử Sơn (VN).
VN).
Trường Khánh Viện (Phúc Kiến).
Tuyết Đậu Tự (Chiết Giang).

Tuyết Phong Sơn (Phúc Kiến).
Từ Đàm Tự (VN).
Từ Hiếu Tự (VN).
Bỉnh Phất ngữ lục.
TÁC PHẨM Biện Ngụy lục.
Bồ-đề-đạt-ma Nam Tông Đinh Thị Phi
A Luận.
An Ban Thủ Ý Kinh. Bổ Thiền Lâm Tăng Bảo truyện.
B C Bách Trượng Hoài Hải Thiền sư ngữ lục. Cảnh Đức Truyền Đăng lục. Bạch Vân Thủ Đoan Thiền sư quảng lục. Cao Phong Nguyên Diệu Thiền sư ngữ Bàng Cư Sĩ ngữ lục. lục. Bảo Cảnh Tam Muội Bổn Nghĩa. Cao Phong Nguyên Diệu Thiền sư Thiền Bảo Cảnh Tam Muội Ca. Yếu. Bảo Cảnh Tam Muội Huyền Nghĩa. Cẩm Giang Thiền Đăng. Bảo Cảnh Tam Muội Nguyên Tông Biện Cổ Đình Thiền sư ngữ lục tập lược. Mậu. Cổ Kim Tiệp lục. Bảo Giác Tổ Tâm Thiền sư ngữ lục. Cổ Sơn Thần Yến Thiền sư ngữ lục. Bảo Hoa Sơn Chí. Cổ Tôn Túc ngữ lục. Bảo Lâm truyện. Cổ Thanh Quy. Bát-nhã Trực Giải(VN). Cư Sĩ Phần Đăng lục. Bắc Giản Cư Giản Thiền sư ngữ lục. Chính Pháp Nhãn Tạng. Bích Nham lục. Chân Hiết Thanh Liễu Thiền sư ngữ lục.

TÁC PHẨM
Chỉ Nguyệt lục. Hoàng Bá Đoạn Tế ngữ lục.
Chính Nguyên Lược tập. Hoàng Bá Sơn Chí.
Chu Dịch Thiền Giải. Hoàng Bá Sơn Đoạn Tế Thiền sư Truyền
Chứng Đạo Ca Chú. Tâm Pháp Yếu.
Hoàng Bá Thanh Quy.
D
Hoàng Long Huệ Nam Thiền sư ngữ lục.
Dương Kỳ Phương Hội Hòa thượng ngữ
Hoàng Long Huệ Nam Thiền sư ngữ lục lục.
Tục Bổ.
Đ Hoàng Long Tứ Gia ngữ lục.
Đại Giám Thiền sư Tiểu Thanh Quy. Hoằng Từ Quảng Tế Tự Tân Chí.
Đại Huệ Phổ Giác Thiền sư ngữ lục. Hổ Bào Định Huệ Tự Chí.
Đại Huệ Phổ Giác Thiền sư Phổ Thuyết. Hổ Khâu Thiệu Long Thiền sư ngữ lục.
Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng tập Huệ Nhân Cao Ly Tự Chí.
lục (VN) Huyền Sa Sư Bị Thiền sư ngữ lục.
Đại Quang Minh Tạng. Huyền Sa Sư Bi Thiền sư quảng lục.
Đại Thừa Bắc Tông Luận. Huyễn Trụ Am Thanh Quy.
Đàm Văn Tân tập. Hư Đường Hòa thượng ngữ lục.
Đan Hà Tử Thuần Thiền sư ngữ lục. Hư Đường tập.
Đàn Kinh. Hưng Hóa Tồn Tương Thiền sư ngữ lục.

Đạo Dư lục. Hy Tẩu Thiệu Đàm Thiền sư quảng lục.
Đặng Úy Sơn Thánh Ân Tự Chí.
K
Đầu Tử Đại Đồng Thiền sư ngữ lục.
Kế Đăng lục.1.TQ. 2.VN.
Đầu Tử Nghĩa Thanh Thiền sư ngữ lục.
Kích Tiết lục.
Đông Pha Thiền Hỷ tập.
Kim Cang Kinh.
Động Sơn Ngộ Bổn Đại Sư ngữ lục.
Kim Lăng Phạm Sát Chí.
Động Sơn Ngũ Vị Hiển Quyết.
Kim Sơn Chí Lược.
Động Sơn Thủ Sơ Thiền sư Ngữ Yếu.
Kính Sơn Chí.
Động Thượng Cổ Triệt.
Kính Thạch Trích Nhũ tập.
G Kính Trung Hòa thượng ngữ lục.
Gia Thái Phổ Đăng lục. Kiềm Nam Hội Đăng lục.
Giác Hổ tập. Kiến Trung Tĩnh Quốc Tục Đăng lục.
Giang Hồ Phong Nguyệt tập. Khai Phúc Đạo Ninh Thiền sư ngữ lục.
Khái Cổ lục.
H Khóa Hư lục (VN).
Hạc Lâm Tự Chí.
Khô Nhai Mạn lục.
Hàn Sơn Tử Thi tập.
Không Cốc tập.
Hàn Sơn Tự Chí.
Hiển Tông Ký. L
Hoa Phong Sơn Chí. La Hồ Dã lục.
Hoàn Sơn lục. Lang Da Sơn Giác Hòa thượng ngữ lục.
TÁC PHẨM
Lãnh Trai Dạ Thoại. Ngũ Tông Nguyên.
Lăng-già Kinh. Nguyệt Giang Chính Ấn Thiền sư ngữ
Lăng-già Sư Tư Ký. lục.
Lâm Gian lục. Ngự Chế Giản Ma Biện Dị lục.
Lâm Tế lục. Ngự Tuyển ngữ lục.
Lâm Tế Tông Chỉ. Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền sư ngữ lục.
Liên Đăng Hội Yếu. Nhân Thiên Bảo Giám.

Liệt Tổ Đề Cương lục. Nhân Thiên Nhãn Mục.
Nhập Đạo An Tâm Yếu Phương Tiện
M
Pháp Môn.
Mật Am Hòa thượng ngữ lục.
Nhất Sơn Quốc Sư Diệu Từ Hoằng Tế
Mật Ấn Thiền sư ngữ lục.
Đại Sư ngữ lục.
Mật Hạnh Nhẫn Thiền sư ngữ lục.
Như Tịnh Hòa thượng ngữ lục.
Mật Tạng Khai Thiền sư Di Cảo.
Mật Vân Thiền sư ngữ lục. P
Minh Châu A-dục Vương Sơn Chí. Phá Am Tổ Tiên Thiền sư ngữ lục.
Minh Châu Nhạc Lâm Tự Chí. Pháp Diễn Thiền sư ngữ lục.
Minh Giác Thiền sư ngữ lục. Pháp Hoa Đề Cương (VN).
Mục Châu Đạo Minh Thiền sư ngữ lục. Pháp Hỷ Chí.
Pháp Môn Sừ Quỹ.
N
Pháp Nhãn Văn Ích Thiền sư ngữ lục.
Nam Nhạc Đơn Truyền Ký.
Phần Dương Vô Đức Thiền sư ngữ lục.
Nam Tống Nguyên Minh Thiền Lâm
Phật Chiếu Quang Hòa thượng ngữ yếu.
Tăng Bảo truyện.
Phật Giám Thiền sư ngữ lục.
Nghĩ Hàn Sơn Thi.
Phật Nhãn Thiền sư ngữ lục.
Niêm Bát Phương Châu Ngọc tập
Phật Nhãn Thanh Viễn Thiền sư ngữ lục.
Ngốc Am Trang Thiền sư ngữ lục.
Phật Oan Thiền sư ngữ lục.
Ngột Am Phổ Ninh Thiền sư ngữ lục.
Phật Pháp Đại Minh lục.
Ngũ Đăng Hội Nguyên.
Phật Quang Quốc Sư ngữ lục.
Ngũ Đăng Hội Nguyên Tục Lược.
Phật Tổ Cương Mục.
Ngũ Đăng Nghiêm Thống.
Phật Tổ Chính Pháp Trực Truyền

Ngũ Đăng Nghiêm Thống Giải Hoặc
Phật Tổ Chính Tông Đạo Ảnh.
Thiên.
Phật Tổ Chính Truyền Cổ Kim Tiệp lục.
Ngũ Đăng Toàn Thư.
Phật Tổ Lịch Đại Thông Tải.
Ngũ Gia Biện.
Phật Tổ Tam Kinh Chỉ Nam.
Ngũ Gia Biện Chính.
Phật Tổ Tông Phái Thế Phổ.
Ngũ Gia Chính Tông Tán.
Phí Ẩn Thiền sư ngữ lục.
Ngũ Gia ngữ lục.
Phổ Chiếu Quốc Sư ngữ lục.
Ngũ Gia Tông Chỉ Toản Yếu.
Phổ-đà Lạc Ca Tân Chí.
Ngũ Gia Tham Tường Yếu Lộ Môn.
Phổ-đà Liệt Tổ lục.
Ngũ Phái Nhất Trích Đồ.
TÁC PHẨM
Phủ Châu Tào Sơn Bổn Tịch Thiền sư Thiên Thánh Quảng Đăng lục.
ngữ lục. Thiền Bạ Chí.
Phủ Châu Tào Sơn Nguyên Chứng Thiền Thiền Đăng Thế Phổ.
sư ngữ lục. Thiền Gia Quy Giám.
Thiền Hải Thập Trân.
Q
Thiền Học Đại Hệ.
Quán Tâm Huyền Xu.
Thiền Lâm Bảo Huấn.
Quy Sơn Cảnh Sách.
Thiền Lâm Bị Dụng Thanh Quy.
Quy Sơn Linh Hựu Thiền sư ngữ lục.
Thiền Lâm Tăng Bảo truyện.
S Thiền Lâm Loại Tụ.
Sở Thạch Phạm Kỳ Thiền sư ngữ lục. Thiền Lâm Tượng Khí Tiên.
Sơn Am Tạp lục. Thiền Môn Bảo Tạng lục.
Sùng Phúc Tự Chí. Thiền Môn Chư Tổ Sư Kệ Tụng.
Thiền Môn Đoạn Luyện Thuyết.
T Thiền Môn Niêm Tụng tập

Tam Tổ Thực lục (VN).
Thiền Môn Sư Tư Thừa Tập Đồ.
Tào Khê Chính Tông Nguyên Lưu Tụng.
Thiền Môn Toát Yếu.
Tào Khê Đại Sư Biệt truyện.
Thiền Môn Thập Di lục.
Tào Nguyên Đạo Sanh Thiền sư ngữ lục.
Thiền Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự.
Tăng Bảo Chính Tục truyện.
Thiền Nguyệt tập.
Tăng Bảo truyện.
Thiền Nhạc Phủ.
Tăng Tập Tục Truyền Đăng lục.
Thiền Quan Sách Tấn.
Tâm Cảnh lục.
Thiền tông Bản Hạnh (VN).
Thạch Môn Văn Tự Thiền.
Thiền tông Chính Mạch.
Thạch Sương Sở Viên Thiền sư ngữ lục.
Thiền tông Quyết Nghi tập.
Thạch Vũ Thiền sư Pháp Đàn.
Thiền tông Tạp Độc Hải.
Tham Đồng Khế.
Thiền tông Tụng Cổ Liên Châu Thông
Thanh Châu Bách Vấn.
tập.
Thanh Chuyết Hòa thượng Thiền Cư tập.
Thiền tông Trực Chỉ.
Thanh Nguyên Sơn Chí Lược.
Thiền Uyển Mông Cầu Dao Lâm.
Thánh Đăng lục (VN).
Thiền Uyển Mông Cầu Thập Di.
Thần Hội Hòa thượng Di tập.
Thiền Uyển Tập Anh (VN).
Thập Huyền Đàm.
Thiền Uyển Thanh Quy.
Thập Mục Ngưu Đồ Luận Giải (VN).
Thiết Bích Cơ Thiền sư ngữ lục.
Thập Ngưu Đồ Tụng.

Thiết Tật Lê.
Thỉnh Ích lục.
Thiếu Thất Lục Môn tập.
Thiên Đồng Chính Giác Thiền sư quảng
Thông Huyền Bách Vấn.
lục.
Thủ Sơn Tỉnh Niệm Thiền sư ngữ lục.
Thiên Mục Minh Bản Thiền sư Tạp lục.
Thung Dung Am lục.
Thiên Tùng Bút Ký.
Thùy Ngữ Bách Tắc.
TÁC PHẨM Thuyền Tử Hòa thượng Bạt Trạo Ca. Quyết. Thượng Lý Thiên. Trùng Tu Phổ-đà Sơn Chí. Tín Tâm Minh. Truy Môn Thế Phổ. Tịnh Từ Tự Chí. Truyền Pháp Chính Tông Ký. Tiên Giác Tông Thừa. Truyền Pháp Chính Tông Luận. Tiếu Ẩn Đại Hân Thiền sư ngữ lục. Truyền Tâm Pháp Yếu. Tổ Đăng Đại Thống. Trường Linh Thủ Trác Thiền sư ngữ lục. Tổ Đình Kiềm Chùy lục. Tục Chỉ Nguyệt lục. Tổ Đình Sự Uyển. Tục Đăng Chính Thống. Tổ Đường tập. Tục Đăng Tồn Cảo. Tông Cảnh lục. Tục Kim Sơn Chí. Tông Giám Pháp Lâm. Tục Truyền Đăng lục. Tông Giáo Luật Chư Gia Diễn Phái. Tùng Lâm Công Luận. Tông Môn Bảo Tích lục. Tùng Lâm Hiệu Định Thanh Quy Tổng Tông Môn Chính Đăng lục. Yếu. Tông Môn Chích Anh tập. Tùng Lâm Thạnh Sự. Tông Môn Hoặc Vấn. Tùng Nguyên Sùng Nhạc Thiền sư ngữ Tông Môn Huyền Giám Đồ. lục. Tông Môn Niêm Cổ. Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục (VN). Tông Môn Niêm Cổ Hối tập. Tuyết Am Khắc Văn Thiền sư ngữ lục. Tông Môn Thập Quy Luận. Tuyết Am Tùng Cẩn Thiền sư Tụng Cổ. Tông Môn Thập Thắng Luận. Tuyết Đậu Minh Giác Thiền sư ngữ lục. Tông Môn Thiết Nạn. Tuyết Đậu Tụng Cổ Trực Chú. Tông Môn Thống Yếu Tục tập. Tuyết Đường Thập Di lục. Tông Môn Võ Khố. Tuyết Phong Huệ Không Thiền sư ngữ Tông Môn Vô Tận Đăng Luận. lục. Tông Phạm. Tuyết Phong Nghĩa Tồn Thiền sư ngữ lục. Tông Thống Biên Niên. Từ Minh Tứ Gia lục. Tống Cao Tăng truyện. Từ Minh Thiền sư Ngũ Hội Trụ Trì ngữ Trạch Sơn Thanh Quy. lục. Trạm Nhiên Thiền sư Phái Cổ lục. Từ Tế Thiền sư ngữ lục. Trạm Nhiêm Thiền sư Tông Môn Hoặc Tử Tâm Ngộ Tân Thiền sư ngữ lục. Vấn. Tứ Gia ngữ lục Trí Thông Thiền sư ngữ lục. U Triệu Châu Chân Tế Thiền sư ngữ lục. Ung Chính Ngự Tuyển ngữ lục. Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh (VN). Uyển Lăng lục. Trúc Tiên Hòa thượng ngữ lục. Ứng Am Đàm Hoa Thiền sư ngữ lục. Trung Phong Hòa thượng quảng lục. Trung Phong Hòa thượng tạp lục. V Trùng Biên Tào Đông Ngũ Vị Hiển Vạn Thiện Đồng Quy tập.

TÁC PHẨM
Vân Am Chân Tịnh Thiền sư ngữ lục.
Vân Cư Thánh Thủy Tự Chí.
Vân Môn Mạch Lãng Hoài Thiền sư Tông
Môn Thiết Nạn.
Vân Môn Khuông Chân Thiền sư quảng lục.

Vân Ngọa Kỷ Đàm.
Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca.
Vĩnh Gia tập.
Vĩnh Gia Thiền tông Tập Chú.
Vĩnh Giác Hòa thượng Động Thượng Cổ
Triệt.
Vĩnh Giác Nguyên Hiền Thiền sư quảng lục.
Vĩnh Minh Trí Giác Thiền sư Duy Tâm
Quyết.
Viên Châu Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền sư ngữ lục.
Viên Mãn Thường Chiếu Quốc Sư ngữ lục.
Viên Ngộ Phật Quả Thiền sư ngữ lục.
Vô Chuẩn Sư Phạm Thiền sư ngữ lục.
Vô Dị Nguyên Lai Thiền sư quảng lục.
Vô Môn Huệ Khai Thiền sư ngữ lục.
Vô Môn Quan.
Vô Văn Đạo Xán Thiền sư ngữ lục.
Vũ Lâm Linh Ẩn Tự Chí.
Vũ Lâm Phạm Chí.
Vũ Tiến Thiên Ninh Tự Chí.
Vụ Châu Thanh Quy.
X
Xuy Vạn Thiền sư ngữ lục.
SÁCH THAM KHẢO

SÁCH THAM KHẢO I. HÁN NGỮ : 1. Cổ Minh Đạo Dung, Tùng Lâm Thạnh Sự, Vạn Tục 148. 2. Chí Minh, Thiền Uyển Mông Cầu Dao Lâm, Vạn tục 148. 3. Diệu Hỷ và Trúc Am, Thiền Lâm Bảo Huấn, Đại Chính Tạng 48. 4. Đạo Thái và Trí Cảnh, Thiền Lâm Loại Tụ, Vạn Tục 117. 5. Đỗ Tùng Bách, Thiền tông Khai Ngộ Thi Nhị Bách Thủ, KHXH Trung Quốc, 1993. 6. Đới Nguyên, Tiên Học Từ Điển, Chân Thiện Dạng. 7. Hứa Văn Cung, Bích Nham lục (bản Bạch Thoại), Thư viện Quốc Lập TW, 1980. 8. Lục Sư Thành Từ Vựng, Văn Hóa Đồ Thư Công Ty 1979. 9. Mục Am Thiện Khanh, Tổ Đình Sự Uyển, Tục Tạng 113. 10. Quy Sơn Linh Hựu Quy Sơn Cảnh Sách, Đại Chính Tạng 47. 11. Từ Di chủ biên, Phật Quang Đại Từ Điển, Phật Quang Sơn, Đài Loan 1988. 12. Thích Nhất Thành, Vân Cư Sơn Tân Chí, Trung Quốc Văn Sử 1992. 13. Thiền sư đời Trần, Thiền Uyển Tập Anh. 14. Viên Tân chủ biên Thiền tông từ điển, Hồ Bắc 1994. 15. Viên Tân, Trung Quốc Thiền tông ngữ lục đại quan, Văn Nghệ. Bách Hoa Châu, 1992. 16. Phương Tụ Thành, Tham Thiền Kệ, Thiền Tịnh Hợp Yếu 17. Vu Cốc, Thiền tông Ngữ Ngôn và Văn Hiến, Nhân Dân Giang Tây 1995. II. VIỆT NGỮ : 1. Lê Bá Hán chủ biên, Từ Điển Thuật Ngữ Văn Học, Giáo dục 1993. 2. Lê Huy Tiêu biên dịch, Thành Ngữ Điển Cố Trung Quốc, KHXH 1993. 3. Ngô văn Tao, Hán Tự Hài Cú, Văn Nghệ Tp.HCM, 1994. 4. Ngô Đức Thọ chủ biên, Di Tích Lịch

Sử Văn Hóa Việt Nam, KHXH 1990. 5. Nguyên Chánh dịch, Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải, 1985. 6. Nguyên Chánh dịch, Tham Thiền Phổ Thuyết, 1986. 7. Nguyên Chánh dịch, Thiền Quan Sách Tấn, 1986. 8. Nguyễn Hiền Đức, Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong, Tp.HCM, 1995. 9. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Văn Học, 1992. 10. Nhiều tác giả, Thơ Văn Lý Trần, KHXH, 1989. 11. Thích Duy Lực, Danh Từ Thiền Học Chú Giải, Thành hội Tp.HCM, 1995. 12. Thích Thanh Từ, Tam Tổ Trúc Lâm Giảng Giải, 1997. 13. Thích Thanh Từ, Khóa Hư lục, Thường Chiếu 1996. 14. Thích Thanh Từ, Thiền sư Việt Nam, Thành Hội Phật Giáo, Tp.HCM 1995.

SÁCH THAM KHẢO 15. Thích Thanh Từ, Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục giảng giải, 1996. 16. Thích Thanh Từ, Thiền sư Trung Hoa, Thành Hội Phật Giáo Tp.HCM, 1990. 17. Thích Thiên Ân, Triết Học Zen, Đông Phương, 1963. 18. Văn Hóa Việt Nam Tổng hợp, 1989-1995.

MỤC LỤC TRA CỨU ẤN TÔNG (627-713).....23 ẨN KHÔNG (thế kỷ XIII).....23 MỤC LỤC TRA CỨU ẨN NGUYÊN .....23 ẨN NGUYÊN HÒA THƯỢNG NGỮ LỤC .....23 CHÍNH VĂN ẨN PHONG (?-?).....23 A .....15 ẨN VI (886-961).....23 A A A! .....15 ÂU ĐẠO HUỆ (?-1172) .....23 A DA HẠ HÀM .....15 B .....23 A-DỤC VƯƠNG TỰ .....15 BA LĂNG HẠO GIÁM .....23 A-DỤC VƯƠNG TỰ THÁP .....16 BA TIÊU AM CHỦ .....23 A GIÁC NỮ .....16 BA TRA .....23 A LỘC LỘC ĐỊA .....16 BA TRUNG THỦ NGUYỆT .....23 A SƯ .....16 BA TỴ .....24 A THỈ TỐNG NIỆU .....16 BÀ BÀ HÒA HÒA .....24 Á .....17 BẢ BẢN TU HÀNH .....24 Á (HỌA) .....17 BẢ BỔNG HOÁN CẨU .....24 Á TỬ ĐẮC MỘNG .....17 BẢ CHÂM .....24 AI TẠT .....17 BẢ ĐỊNH PHONG CƯƠNG .....25 ẢI TỬ KHÁN HÝ, TÙY NHÂN THƯỢNG HẠ BẢ KẾ ĐẦU NHA .....25 .....18 BẢ LÃM PHÓNG THUYỀN .....25 AM .....18 BẢ MAO CÁI ĐẦU .....25 ÁM CHỨNG THIỀN SƯ .....19 BẢ PHÓNG TRƯỚNG .....25 ÁM ĐẦU .....19 BẢ THỦ .....25 AN BAN THỦ Ý KINH .....19 BẢ THỦ CÁNH DỮ TRƯỢNG .....25 AN LẠC ĐƯỜNG .....19 BẢ THỦ DUỆ BẤT NHẬP .....26 AN LĂNG NGHIÊM .....19 BẢ TRÓC .....26 AN ỔN TỰ .....19 BẢ TRỤ PHÓNG HÀNH .....26 AN TÂM .....19 BÁC ĐỊA PHÀM PHU .....26 AN

THIỀN (?-?) .....19 BÁC HÍ .....26 AN TRƯỚC .....20 BÁC SƠN ĐẠI NGHĨ HÒA THƯỢNG QUẢNG LỤC AN Ý .....20 .....26 ÁC THỦ ĐOẠN .....20 BÁC SƠN THIỀN SƯ .....26 ÁI TRƯỚC .....20 BÁCH LÂM TỰ .....27 ÁN HẮC ĐẬU .....20 BÁCH LÂM TỰ THÁP .....27 ÁP LƯƠNG VI TIỆN .....20 BÁCH LIỄU THIÊN ĐÁNG .....27 ÁT NẠI .....20 BÁCH NẠP Y .....27 ẢI SƯ THÚC .....21 BÁCH TẠP TOÁI .....28 ẢI TỬ KHÁN HÝ, TÙY NHÂN THƯỢNG HẠ BÁCH THIÊN NIÊN HẬU .....28 .....21 BÁCH TRƯỢNG HOÀI HẢI THIỀN SƯ NGỮ LỤC ẢO KHÚC TÁC TRỰC .....21 .....28 ÂM KHẢ .....21 BÁCH TRƯỢNG SƠN .....28 ÂN TÙY (thế kỷ XVII).....21 BẠCH AM THIỀN SƯ .....29 ẤN CHÍNH (1617-1694) .....21 BẠCH ẨN HUỆ HẠC (1686-1769).....29 ẤN CHỨNG = TRUYỀN TÂM ẤN .21 BẠCH CHÙY .....29 ẤN GIẢN (1202-1257).....22 BẠCH CƯ DỊ (772-846) .....29 ẤN HẢI (1927-).....22 BẠCH HOA SƠN .....30 ẤN KHẢ .....22 BẠCH LONG TỔ SƯ .....30 ẤN LĂNG .....22 BẠCH MÃ HÒA THƯỢNG .....30 ẤN NGUYÊN (1295-1374).....22 BẠCH MÃ NHẬP LÔ HOA .....30 ẤN THUẬN (1906-?) .....22 BẠCH MÃ THIỀN SƯ .....30 ẤN TIỀN KHÔI KHUẾCH .....22 BẠCH NIÊM TẶC .....30

MỤC LỤC TRA CỨU BẠCH QUANG .....30 BẢN TỊNH .....39 BẠCH THÁNH (1904-1989) .....31 BẠN CHÂN THANG .....40 BẠCH VÂN .....31 BẠN DẠ .....40 BẠCH VÂN AN CỐC (1885-1973) .....31 BẠN HẠC TÙY PHONG ĐẮC TỰ DO BẠCH VÂN HƯU .....31 .....40 BẠCH VÂN THỦ ĐOAN THIỀN SƯ QUẢNG LỤC BẠN NGÃ TỊNH LỮ THIỀN SƯ 40 .....31 BẠN TĂNG .....40 BẠCH VÂN THƯỢNG NHÂN .....31 BẠN THIỀN .....40 BẠCH VÂN TỰ .....32 BÀNG CƯ SĨ NGỮ LỤC .....41 BẠCH VÂN VẠN LÝ .....32 BÀNG GIA HÀNH CƯỚC .....41 BẠCH Y BÁI TƯỚNG .....32 BÀNG MIẾT NGỮ .....41 BÀI .....32 BÀNG UẨN .....41 BÀI ĐIỆP .....33 BẢNG TRẠNG BÀI THỊ .....41 BÀI KHIỂN .....33

BẠNG CÁP THIỀN .....42 BẠI KHUYẾT .....33 BÁO ÂN .....42 BÃI ĐỘNG .....33 BÁO ÂN HỒNG TẾ TỰ .....42 BÃI GIẢNG TRAI .....33 BÁO ÂN QUANG HIẾU THIỀN TỰ BÃI THAM .....33 .....42 BÁN CÁ THÁNH NHÂN .....34 BÁO ÂN TỰ .....42 BÁN ĐỀ .....34 BÁO QUỐC TỰ .....43 BÁN KHAI BÁN HỢP .....34 BẢO CẢNH TAM MUỘI BẢN NGHĨA BÀN BẠC .....34 .....43 BÀN BẠC .....34 BẢO CẢNH TAM MUỘI CA .....43 BÀN ĐẠI TỬ .....35 BẢO CẢNH TAM MUỘI HUYỀN NGHĨA BÀN HOÀN .....35 .....44 BÀN LONG TỰ .....35 BẢO CẢNH TAM MUỘI NGUYÊN TÔNG BIỆN BẢN DỰ (?-1646) .....35 MẬU .....44 BẢN LAI (1355-1422).....35 BẢO CÔNG VIỆN .....44 BẢN LAI DIỆN MỤC .....35 BẢO ĐÀM (1129-1197).....44 BẢN LAI VÔ NHẤT VẬT .....36 BẢO GIÁC THIỀN SƯ .....44 BẢN LAI VÔ SỰ .....36 BẢO GIÁC THIỀN TỰ .....44 BẢN MẠNG NGUYÊN THẦN .....36 BẢO GIÁC TỔ TÂM THIỀN SƯ NGỮ LỤC BẢN MẬT (1606-1665) .....36 .....45 BẢN NGUYÊN CHÂN TÍNH PHẬT 36 BẢO GIÁC TỰ THÁP .....45 BẢN NGUYỆT (1602-1676).....36 BẢO GIÁM (?-1173).....45 BẢN NHƯ (695-750) .....37 BẢO HẠNH .....45 BẢN PHẬN .....37 BẢO HOA NGỌC THẠCH THÁP ...45 BẢN PHẬN KIỀM CHÙY .....37 BẢO HOA SƠN CHÍ .....45 BẢN PHẬN NHÂN .....37 BẢO KIM (1308-1372) .....46 BẢN PHẬN SỰ .....37 BẢO LÂM TRUYỆN .....46 BẢN PHẬN THẢO LIỆU .....38 BẢO LÂM TỰ .....46 BẢN PHẬT .....38 BẢO LIÊN TỰ .....46 BẢN SẮC ĐẠO NHÂN .....38 BẢO NHẬM .....46 BẢN SẮC KIỀM CHÙY .....38 BẢO NINH TỰ .....47 BẢN TÀI .....38 BẢO PHÁC (Thế Kỷ XIV) .....47 BẢN TÂM .....38 BẢO PHÚC TỰ .....47 BẢN THIỆN (?-1482) .....38 BẢO PHÚC VIỆN .....47 BẢN THIẾP (1517-1570).....39 BẢO PHƯƠNG .....47 BẢN THỤY .....39 BẢO QUANG TỰ .....47 BẢN TỊCH .....39 BẢO SÁT (thế kỷ

XIV).....48 BẢN TIÊN (942-1008) .....39 BẢO SỞ .....48 BẢN TÍNH .....39 BẢO THANH (1752-1859) .....48

MỤC LỤC TRA CỨU BẢO THÔNG .....48 BẤT LẬP NGHĨA GIẢI .....56 BẢO THÔNG TỰ .....48 BẤT LẬP VĂN TỰ .....56 BẢO TÍCH .....49 BẤT LIỄU BẤT ĐƯƠNG .....56 BẢO TÍCH TỰ .....49 BẤT LIỄU NGHĨA GIÁO .....57 BẢO TÍNH (?-1034).....49 BẤT LIỄU NGHĨA GIÁO NGỮ .....57 BẢO TRIỆT .....49 BẤT LY ĐƯƠNG XỨ .....57 BẢO ỨNG THIỀN SƯ .....49 BẤT LY VỤ THỊ GIẢ .....57 BẢO VĂN ĐẠI SƯ .....50 BẤT MẬU .....57 BÃO KIỀU TRỤ THÁO TẨY (1) ....50 BẤT NHỊ .....58 BÃO PHÁC (?-1629).....50 BẤT NHỊ HUYỀN CHỈ .....58 BÃO TANG KHIẾU KHUẤT .....50 BẤT NHỊ PHÁP MÔN .....58 BÃO TÙNG LÂM .....50 BẤT PHẪN .....58 BÁT .....50 BẤT PHƯƠNG .....58 BÁT BẢO NGỌC THẠCH THÁP ...50 BẤT QUY .....58 BÁT BỔNG .....51 BẤT TÀI TỊNH .....58 BÁT CHỈ ĐẦU ĐÀ (1851-1912) .....51 BẤT THẨM .....59 BÁT DIỆN LINH LUNG .....51 BẤT THỊ TÂM, BẤT THỊ PHẬT, BẤT THỊ VẬT BÁT HỎA MÍCH PHÙ ÂU .....51 .....59 BÁT MY .....51 BẤT THIỆP GIAI THÊ .....59 BÁT-NHÃ QUÁN CHIẾU .....51 BẤT THIỆP TRÌNH ĐỒ .....59 BÁT-NHÃ TRỰC GIẢI .....52 BẤT THỈNH .....59 BÁT QUÁI THIỀN TỰ .....52 BẤT THUỘC TIỆM THỨ .....59 BÁT THẢO CHIÊM PHONG .....52 BẤT THUYẾT THUYẾT, BẤT VĂN VĂN .....52 BÁT THIÊN .....60 BÁT THIÊN CHÍ KHÍ .....52 BẤT THỨC LÔ SƠN CHÂN DIỆN MỤC BÁT TRƯỚC TIỆN CHUYỂN .....52 .....60 BÁT TỰ ĐẢ KHAI .....53 BẤT TÍCH MY MAO .....60 BÁT VÔ NHÂN QUẢ .....53 BẤT TIỄN GIAI THÊ .....60 BÁT VU TRƯỚC BÍNH .....53 BẤT TÍN ĐẠO .....60 BẠT BẢN .....53 BẤT TRANH ĐA .....60 BẠT KHẾ TRỪU ĐINH .....53 BẤT TRIỆT .....60 BẮC GIẢN CƯ GIẢN THIỀN SƯ NGỮ LỤC .....61 BẤT TRÚNG .....53 BẤT TRƯỚC THÁNH PHÀM .....61 BẮC KINH THIÊN NINH TỰ .....54 BẤT TRƯỚC THỊ PHI .....61 BĂNG BÍCH LÃO NHÂN .....54

BẤT TRƯỚC TIỆN .....61 BẰNG NGẠN (913-961).....54 BẤT TỪ .....61 BẦN TỬ Y CHÂU .....54 BẤT TỨC LƯU .....61 BẤT CẬP .....54 BẤT TƯƠNG VI SỰ .....62 BẤT DĨ NHI DĨ .....54 BẤT VONG THIỀN .....62 BẤT DỊ .....55 BẤT VÔ .....62 BẤT ĐA AN LẠC .....55 BẤT Ý .....62 BẤT ĐẢO ĐƠN .....55 BẾ NHÃN TÁC DẠ .....62 BẤT ĐIỆT .....55 BẾ QUAN .....62 BẤT GIẢ .....55 BỆNH TĂNG KHẨU TỪ .....63 BẤT GIẢO ĐA .....55 BỆNH TĂNG NIỆM TỤNG .....63 BẤT HỨA DẠ HÀNH, ĐẦU MINH TU ĐÁO .....63 BÍ MA KÌNH XOA .....55 BÍ MẬT .....63 BẤT KHẢ TƯ NGHỊ .....55 BÌ ĐẠI .....63 BẤT LẠC DANH NGÔN .....56 BÌ HẠ HỮU HUYẾT .....64 BẤT LẠC GIAI CẤP .....56 BÌ HẠ VÔ HUYẾT .....64 BẤT LẠC HỮU VÔ .....56 BÌ XÁC LẬU TỬ THIỀN .....64 BẤT LẠC THẦN VẪN .....56 BỊ ĐẦU ĐÀ .....64

MỤC LỤC TRA CỨU BỊ VỊ .....64 BÌNH TÍNH .....73 BÍCH CHI THÁP .....64 BÌNH TRẦM .....73 BÍCH ĐỊNH .....65 BÌNH TRỊ .....74 BÍCH ĐỘNG TỰ .....65 BÌNH XUẤT .....74 BÍCH GIÁC LẠC ĐẦU .....65 BÌNH XƯỚNG .....74 BÍCH LẠC .....65 BỈNH CỰ .....74 BÍCH LẬP VẠN NHẪN .....65 BỈNH PHẤT .....74 BÍCH NHAM LỤC .....66 BỈNH PHẤT NGỮ LỤC .....74 BÍCH QUÁN .....66 BỐ ĐẠI HÒA THƯỢNG (?-916) .....74 BIẾM BÁC .....66 BỐ MAO THỊ PHÁP .....75 BIẾN THAM .....67 BỐ NẠP .....75 BIỂN CỤC .....67 BỐ PHÁT YỂM NÊ .....75 BIỂN ĐỘN (?-1563).....67 BỒ ĐỀ ĐẠT MA (?-528 hoặc 536) .....75 BIỂN KHÁNH .....67 BỒ ĐỀ ĐẠT MA NAM TÔNG ĐỊNH THỊ PHI LUẬN BIỆN .....67 .....75 BIỆN .....67 BỒ ĐOÀN .....76 BIỆN ĐẠO .....67 BỒ TÁT ĐỈNH .....76 BIỆN ĐÍCH .....67 BỔ ĐẮC LÃO THỬ, ĐẢ PHÁ DU ỦNG BIỆN HUỆ .....67 .....76

BIỆN LONG .....68 BỔ THIỀN LÂM TĂNG BẢO TRUYỆN
BIỆN NGỤY LỤC .....68
.....77 BIỆN SỰ
.....68 BỔ XỨ .....77 BIỆN
TÀI (thế kỷ XVI) .....68 BỐC ĐẠC
.....77 BIỆN VIÊN (1202-1272).....68 BỒI
THỰC .....77 BIỆT AM
.....69 BÔN LƯU ĐỘ NHẪN .....77 BIỆT
NGỮ .....69 BÔN SẤN .....77
BIỆT PHONG .....69 BỔN
.....77 BIỆT THỊ NHẤT CÀN KHÔN .....69
BỔNG HÁT .....77 BIỆT TRUYỀN TỰ
.....69 BÙI HƯU .....78 BIỆT VIỆN
.....70 BÙI HƯU THẬP DI VẤN .....78 BIỂU HIỂN
.....70 BÚT .....78
BIỂU TẮC .....70 BÚT KÝ
.....78 BÍNH ĐINH ĐỒNG TỬ .....70 BỨC
TẠT .....78 BÍNH NGỮ
.....70 BỨC TẮC .....79 BÌNH
BÌNH THIẾP THIẾP .....70 C .....79
BÌNH CHÙY NGẠNH TỢ THIẾT ...70 CA ĐẠO
.....79 BÌNH ĐỊA .....71 CA
VĂN .....79 BÌNH ĐỊA HÃM NHÂN .....71
CÁ .....79 BÌNH ĐỊA KHỞI CỐT ĐỐNG .....71
CÁ BAN .....79 BÌNH ĐỊA NGẬT GIAO
.....71 CÁ ĐẢO ĐOẠN .....79 BÌNH ĐỊA QUẬT KHANH
.....71 CÁ LÝ .....80 BÌNH ĐỊA THƯỢNG
CAN QUA ....71 CÁC CHỦ .....80 BÌNH ĐIỀN
THIỀN VIỆN .....71 CÁCH LƯỢNG .....80 BÌNH
GIAO .....72 CÁCH NGOA TRẢO DẠNG .....80
BÌNH HOÀI .....72 CÁCH NGOẠI
.....80 BÌNH NHÂN .....72 CÁCH
NGOẠI ĐÀM .....80 BÌNH SƠN THÁP .....72
CÁCH SONG KHÁN MÃ KỴ .....80 BÌNH TĂNG
.....72 CÁCH THÂN CÚ .....81 BÌNH
THẬT NGỮ .....72 CÁCH THIÊN SƠN .....81
BÌNH THIẾP .....73 CÁCH TỬ MÔN
.....81 BÌNH THƯỜNG ẨM TRÁC .....73 CÁCH XÍCH
.....81 BÌNH THƯỜNG TÂM THỊ ĐẠO ....73 CÁI
THIÊN CÁI ĐỊA .....81

MỤC LỤC TRA CỨU CÁI THỰC THUẦN Y .....81 CAO TÚC
.....90 CẢI ĐÁN .....82 CÁO

BÁO .....90 CẢI PHỤC .....82
CÁO HƯƠNG .....91 CAM GIÁ SINH
.....82 CÁO VÃNG TRI LAI .....91 CAM LỘ TỰ
.....82 CẢO CÔNG THIỀN SƯ THÁP .....91 CẢM HÀ
.....83 CÁT ĐẰNG .....91 CẢM
THÀNH (?-860).....83 CÁT ĐẰNG QUẬT .....91
CAN BÁC BÁC .....83 CÁT ĐẰNG SÀNG TỬ
.....91 CAN BÁN .....83 CÁT ĐẰNG THIỀN
.....92 CAN BỘC BỘC .....83 CÁT TIỆT HƯ
KHÔNG .....92 CAN ĐẢ HỐNG .....83 CĂN CƠ
.....92 CAN ĐẦU TIẾN BỘ .....83 CĂN
KHÍ .....92 CAN HOÀI
.....84 CĂN THỨC .....92 CAN
MỘC .....84 CĂN TÍNH .....92
CAN SÁCH SÁCH .....84 CĂN TƯ
.....92 CAN TRÚC GIẢO CHẤP .....84 CĂNG
THỨC .....92 CÀN HUỆ .....84
CẤM ĐÔNG BẤT CẤM HẠ .....93 CÀN KHÔN ĐỘC BỘ .....85
CẤM HẠ BẤT CẤM ĐÔNG .....93 CÀN PHONG
.....85 CẤM TÚC .....93 CÀN
PHONG NHỊ QUANG TAM BỆNH CẨM BAO ĐẶC THẠCH .....93
.....85 CẨM GIANG THIỀN ĐĂNG .....93
CÀN THỈ QUYẾT .....85 CÂN ĐẨU
.....93 CANH HẬU NIÊN .....85 CÂN
THỊ .....94 CANH NHÂN ĐIỀN BẤT CHỦNG, HÒA THỤC
BẤT CẦN BA TỬ .....94 LÂM TRƯỜNG
...86 CẦN CỰU .....94 CANH Y
.....86 CẤP THỊ .....94
CÁNH KHÂM (910-977) .....86 CẬT LUẬN
.....94 CÁNH NHẬT .....86 CÂU
ĐƯƠNG .....94 CẢNH KHỐI TỬ .....86
CẤU .....95 CẢNH DIÊN
(943-1017).....86 CẨU TỬ PHẬT TÍNH (346).....95 CẢNH ĐỨC
TRUYỀN ĐĂNG LỤC 86 CHÂM CHÙY .....95 CẢNH
GIỚI .....88 CHÂM GIỚI TƯƠNG ĐẦU .....95
CẢNH HÂN .....88 CHÂN
.....95 CẢNH HIẾN (?-1381).....88 CHÂN
BA TỴ .....95 CẢNH HUYỀN (943-1017) .....88
CHÂN DIỄN (1621-1677).....95 CẢNH LONG (1391-?)
.....88 CHÂN ĐẠO VÔ THỂ .....95 CẢNH LÝ CẦU HÌNH
.....88 CHÂN GIÁC THIỀN TỰ .....95 CẢNH NGUYÊN
(1094-1146) .....88 CHÂN HÀNH .....96 CẢNH NHƯ

.....88 CHÂN HIẾT THANH LIỄU THIỀN SƯ NGỮ LỤC CẢNH PHONG .....89 .....96 CẢNH SẦM .....89 CHÂN HÌNH .....96 CẢNH THÔNG .....89 CHÂN HUỆ (1522-1567) .....96 CẢNH TƯỜNG (1061-1131) .....89 CHÂN KHẢ (1543-1603).....96 CẠNH ĐẦU .....89 CHÂN KHẢI .....97 CAO ĐỆ .....89 CHÂN KHÔNG (1045-1100).....97 CAO LƯU .....89 CHÂN KIM PHỐ .....97 CAO MÂN TỰ .....89 CHÂN KIM THẤT SẮC .....98 CAO PHONG NGUYÊN DIỆU THIỀN SƯ NGỮ LỤC CHÂN NGUYÊN (1647-1726) .....98 .....90 CHÂN NHẠC .....98 CAO PHONG NGUYÊN DIỆU THIỀN SƯ THIỀN CHÂN PHONG ĐỘ THƯỢC .....98 YẾU .....90 CHÂN QUÁ .....98 CAO TÂM .....90 CHÂN THANH (1537-1593) .....98

MỤC LỤC TRA CỨU CHÂN THẬT NHÂN THỂ .....99 CHỈ NGUYỆT LỤC .....105 CHÂN THÂU BẤT BÁC KIM .....99 CHỈ NHƯ (k. ng) .....106 CHÂN THIỀN (1916-) .....99 CHỈ QUẢN ĐẢ TỌA .....106 CHÂN TỊCH (?-820) .....99 CHIẾT HỢP (252) .....106 CHÂN TRUNG (?-1627).....99 CHIẾT SÀNG HỘI .....106 CHÂN TRUYỀN (1625-1678).....99 CHIÊU GIÁC TỰ .....107 CHẤN LÃNG .....99 CHIÊU MINH THIỀN TỰ .....107 CHẤN PHONG THÁP .....99 CHIÊU NHƯ (1246-1312) .....107 CHẤN XÚC .....100 CHIÊU PHÚC TỰ THIỀN HÒA THƯỢNG THÁP CHẤP PHẤT BÍNH .....100 .....107 CHI CHUẨN .....100 CHIÊU SƠN .....108 CHI ĐỀ TỰ .....100 CHIÊU THIỀN TỰ .....108 CHI ĐƯƠNG .....101 CHIẾU CỐ .....108 CHI HÀ .....101 CHIẾU ĐƯỜNG .....108 CHI KHIỂN .....101 CHIẾU Y (1605-1673) .....108 CHI NGÔ .....101 CHÍNH ÁN BÀNG ĐỀ .....109 CHÍ .....101 CHÍNH ẤN .....109 CHÍ ÂN .....102 CHÍNH CHÂN (1780-1861) .....109 CHÍ CẦN .....102 CHÍNH ĐỊNH KHAI NGUYÊN TỰ THÁP CHÍ CHÂN THIỀN SƯ .....102 .....109 CHÍ ĐẠO .....102 CHÍNH ĐƯỜNG .....109 CHÍ ĐOAN (892-969) .....102 CHÍNH GIÁC (1091-1157) .....109 CHÍ ĐỨC ĐẠI SƯ .....102 CHÍNH

HỐI (1545-1628).....110 CHÍ HÃN .....102 CHÍNH HỮU (1285-1352).....110 CHÍ MINH .....102 CHÍNH LỆNH .....110 CHÍ NGUYÊN .....102 CHÍNH LỆNH TOÀN ĐỀ .....110 CHÍ NHÂN .....102 CHÍNH NGUYÊN (792-869).....110 CHÍ NHÀN (?-895) .....102 CHÍNH NGUYÊN (1290-1361).....110 CHÍ ÔN (1217-1267) .....103 CHÍNH NGUYÊN LƯỢC TẬP .....110 CHÍ PHÙNG (909-985).....103 CHÍNH NGƯNG (1191-1274) .....110 CHÍ SIÊU .....103 CHÍNH NHAM .....110 CHÍ THẦN .....103 CHÍNH NHÃN .....111 CHÍ THÀNH .....103 CHÍNH NHÂN (1213-1297) .....111 CHÍ TRIỆT .....103 CHÍNH NIỆM (1215-1289).....111 CHÍ TRUNG .....103 CHÍNH PHÁP LUÂN .....111 CHÍ VĂN (935-995) .....103 CHÍNH PHÁP NHÃN TẠNG .....111 CHÍ VIÊN .....103 CHÍNH QUỲ .....112 CHÍ VIỄN (768-844) .....103 CHÍNH TÂM (1836-1906).....112 CHÍ VIỄN HÒA THƯỢNG MỘ THÁP CHÍNH THÀNH (1872-1947).....112 .....103 CHÍNH TÔNG TỰ .....112 CHỈ CAN CHÂM CHÙY .....104 CHÍNH TRI KIẾN .....112 CHỈ CHÚ .....104 CHÍNH TRUYỀN (1549-1614).....113 CHỈ DOANH ĐẮC NHÃN TÌNH DÃ LẠC ĐỊA CHÍNH TRỪNG (1274-1339).....113 .....104 CHU CẬP (1320-1390) .....113 CHỈ ĐẮC NHẤT QUYẾT .....104 CHU DỊCH THIỀN GIẢI .....113 CHỈ ĐẦU HỮU NHÃN .....104 CHU LƯƠNG (1480-1564).....113 CHỈ ĐÔNG CHỈ TÂY .....105 CHU LÝ (1591-1647).....113 CHỈ ĐÔNG TÁC TÂY .....105 CHU TƯỜNG QUANG (1919-1963) .....113 CHỈ HUNG ĐIỂM LẶC .....105 CHỦ BÍNH TẠI THỦ .....114 CHỈ HỨA LÃO HỒ TRI, BẤT HỨA LÃO HỒ HỘI CHỦ KHÁN CHỦ .....114 .....105 CHỦ KHÁN KHÁCH (169).....114 CHỈ NAM .....105 CHỦ NHÂN ÔNG .....114

MỤC LỤC TRA CỨU CHỦ PHÁP .....114 .....123 CHỦ SƠN KỴ ÁN SƠN, CHỦ SƠN CAO ÁN SƠN ĐÊ CỔ KIM TIỆP LỤC .....123 .....114 CỔ KÍNH .....123 CHỦ SỰ .....114 CỔ LÂM .....123 CHỦ TÂN .....115 CỔ MAI .....123 CHỦ TRUNG CHỦ .....115 CỔ

NGUYỆT (1843-1919) .....124 CHUẨN ĐỀ THIỀN LÂM .....115 CỔ NHAM .....124 CHÚC .....115 CỔ NIỆM (1841-1916).....124 CHÚC PHẠN CHỦ NHÂN .....115 CỔ QUÂN TỲ KHEO .....124 CHÚC PHÓ .....115 CỔ SƠN THẦN YẾN THIỀN SƯ NGỮ LỤC CHÚC THÁNH TỰ .....116 .....124 CHUNG ĐẦU .....116 CỔ SƠN VI BÁI THIỀN SƯ HOÀN SƠN LỤC CHUNG HẠ .....116 .....124 CHUNG NAM SƠN .....116 CỔ TẮC .....124 CHUNG SƠN .....117 CỔ THANH QUY .....124 CHÚNG LIÊU .....117 CỔ THOẠI .....124 CHÚNG TỪ .....117 CỔ TÔN TÚC NGỮ LỤC .....125 CHƯ PHƯƠNG .....117 CỐC ẨN SƠN .....125 CHƯ SẮC .....118 CỐC ĐẦU .....125 CHỨNG CHÂN TỰ .....118 CỐC TUYỀN .....125 CHỨNG ĐẠO CA CHÚ .....118 CÔN CẦU .....125 CHỨNG KHÔNG ĐẠI SƯ .....118 CÔN LUÂN TƯỚC SINH THIẾT ..125 CHỨNG NGỘ .....118 CÔNG ÁN .....125 CHƯỚC NHIÊN .....118 CÔNG BẤT LÃNG THÍ .....126 CHƯƠNG KỈNH TỰ .....119 CÔNG BIỆN TƯ BIỆN .....126 CHÙY .....119 CÔNG CAN .....126 CHÙY CHÂM .....119 CÔNG DỤNG .....126 CHÙY TẨN .....119 CÔNG ĐỨC .....126 CHỦY ĐÔ LÔ .....119 CÔNG ĐỨC TÙNG LÂM .....127 CHỦY THƯỢNG GIA CHỦY .....119 CÔNG GIỚI .....127 CHUYÊN TÍN .....120 CÔNG HUÂN BIÊN SỰ .....127 CHUYỂN .....120 CÔNG KHÓA .....127 CHUYỂN MÊ KHAI NGỘ .....120 CÔNG KHUY NHẤT QUỸ .....127 CHUYỂN NGỮ .....120 CÔNG NGHIỆM .....128 CHUYỂN THÂN .....120 CÔNG PHU .....128 CÔ MINH .....120 CÔNG PHU THÀNH PHIẾN .....128 CÔ NGẠNH .....121 CÔNG TÀO .....128 CÔ TỨC .....121 CÔNG VỊ TIỂU TUYỆT .....128 CÔ XƯỚNG .....121 CỐT ĐỂ CỐT ĐỒNG .....128 CỐ .....121 CỐT ĐỒNG .....128 CỐ TẤT .....121 CƠ .....129 CỔ

CHÙY .....121 CƠ BIẾN .....129 CỔ CHUYẾT .....121 CƠ CƠ .....129 CỔ DẪN .....121 CƠ DỤNG .....129 CỔ ĐÌNH THIỀN SƯ NGỮ LỤC TẬP LƯỢC CƠ DUYÊN .....129 .....122 CƠ GIÁO .....130 CỔ ĐỨC .....122 CƠ HOẠCH .....130 CỔ ĐỨC THIỀN TỰ .....122 CƠ HỢP .....130 CỔ ĐƯỜNG TỰ .....122 CƠ KHẾ .....130 CỔ HOÀNG .....123 CƠ KHÍ .....130 CỔ HỢP .....123 CƠ NGỮ .....130 CỔ KIM ĐỘC LỘ ẨN HIỂN VÔ PHƯƠNG CƠ NHƯ (1632-?) .....131

MỤC LỤC TRA CỨU CƠ PHÁP .....131 CỰ TÁN (1908-1984).....138 CƠ PHONG .....131 CỰC LẠC TỰ .....139 CƠ QUAN .....131 CỰC LẠC TỰ THÁP .....139 CƠ TẮC NGẬT PHẠN, KHỐN TẮC ĐẢ MIÊN, HÀN CỰC TẮC .....139 TẮC HƯỚNG HỎA, NHIỆT TẮC THỪA LƯƠNG CỰC TRÍ .....139 CƯỚC BANH .....139 .....132 CƯỚC CAO CƯỚC ĐÊ .....139 CƠ TIÊN .....132 CƯỚC CÂN .....140 CƠ TƯ .....132 CƯỚC CÂN ĐIỂM ĐỊA .....140 CƠ YẾU .....132 CƯỚC CÂN HẠ .....140 CÚ LÝ TRÌNH CƠ .....132 CƯỚC CÂN HẠ BẤT MINH () .140 CÚ TRUNG HỮU CƠ .....132 CƯỚC CÂN HẠ SỰ () .....140 CÙ NHỮ TẮC (?-?).....133 CƯỚC CÂN VỊ ĐIỂM ĐỊA .....140 CỤ NHÃN GIẢ .....133 CƯỚC HẠ YÊN SINH .....141 CÚC KHÁM .....133 CƯƠNG .....141 CỤC CỤC .....133 CƯƠNG ĐỊA .....141 CỤC KHÚC .....133 CƯƠNG DUY .....141 CUNG CA (1140-1210).....134 CƯƠNG TÔNG .....141 CUNG CHÚNG .....134 CƯỠNG SINH TIẾT MỤC .....141 CUNG ĐẦU HÀNH GIẢ .....134 CỨU BAN THƯỢNG TRÙNG THIÊM NGÃI TRỤ CUNG PHỤNG .....134 .....141 CUNG THÔNG .....134 CỨU CHỈ .....142 CUNG TRIÊU TỊCH .....134 CỨU BÁCH .....142 CÚNG DƯỜNG CHỦ .....134 CỨU BÁI .....142 CÙNG TRÚC TỰ

.....134 CỬU ĐỚI .....142 CUỒNG KHUYỂN TRỤC LÔI THINH CỬU HẬU THIỀN TỰ .....142 .....135 CỬU HOA SƠN .....143 CƯ CHÚNG .....135 CỬU KHÚC THIỀN SƯ .....144 CƯ ĐẢNH (?-1404).....135 CỬU LẬP .....144 CƯ ĐỘN (835-913) .....135 CỬU NGŨ .....144 CƯ GIẢN (1164-1146).....135 CỬU NIÊN DIỆN BÍCH .....144 CƯ HỐI (837-903).....135 CỬU NIÊN DIỆN BÍCH NHÂN ....144 CƯ HÚ .....136 CỬU PHONG KIỀN .....144 CƯ NỘT (1010-1071).....136 CỬU PHONG TỰ .....144 CƯ SĨ ĐỖ TỪ .....136 CỬU THAM SỰ .....144 CƯ SĨ PHẦN ĐĂNG LỤC .....136 CỬU THAM THƯỢNG ĐƯỜNG .....144 CƯ TRUNG (1289-1359) .....136 CỬU TRÙNG NHAM SƠN .....145 CỨ HỢP .....136 D .....145 CỨ KHOẢN KẾT ÁN .....136 DÃ CAN MINH .....145 CỪ .....136 DÃ HỒ DIÊN THÓA .....145 CỬ .....137 DÃ HỒ TINH .....145 CỬ AI .....137 DÃ HỒ TINH KIẾN GIẢI .....145 CỬ HÁT .....137 DÃ HỒ TINH MỊ .....145 CỬ HƯỚNG .....137 DÃ KHAI (1852-1922).....146 CỬ MỤC DƯƠNG MY .....137 DẠ BÁN CHÍNH MINH, THIÊN HIỂU BẤT LỘ CỬ NHẤT MINH TAM .....137 .....146 CỬ TẮC .....138 DẠ ĐƯỜNG THỦY .....146 CỬ THỂ LỘ ĐƯỜNG ĐƯỜNG .....138 DẠ TỌA .....146 CỬ TỰ (TỢ) .....138 DANH .....146 CỬ XƯỚNG .....138 DANH CÚ .....146 CỰ LINH .....138 DANH ĐỨC TÂY ĐƯỜNG .....147 CỰ PHƯƠNG (647-717).....138 DANH ĐỨC THỦ TỌA .....147

MỤC LỤC TRA CỨU DANH MẠC .....147 DIỆU KHAM (1177-1248).....154 DANH MÔ .....147 DIỆU KHẾ .....155 DANH NGÔN .....147 DIỆU KHÔNG THIỀN SƯ .....155 DANH VĂN .....147 DIỆU LUÂN (1201-1261).....155 DẪN DẪN .....148 DIỆU NGỘ .....155 DI .....148 DIỆU NHÂN (1041-1113) .....155 DI BÀN NGẬT PHẠN .....148 DIỆU QUANG (985-1050) .....155 DI QUANG (?-1155) .....148 DIỆU TẾ

ĐẠI SƯ .....155 DI TẮC .....148 DIỆU THINH .....155 DĨ CUNG HẠ SỰ .....148 DIỆU THỦ VÔ ĐA TỬ .....156 DĨ GIẢ (1268-1336) .....149 DIỆU TÍNH .....156 DĨ KÊ VI PHƯỢNG .....149 DIỆU TỔNG (1120-1185).....156 DĨ TÂM TRUYỀN TÂM .....149 DIỆU TỔNG THIỀN SƯ .....156 DĨ TỰ BẤT THÀNH BÁT TỰ PHI DIỆU TỪ HOẰNG TẾ ĐẠI SƯ 156 .....149 DIỆU VIÊN .....156 DỊ AM .....149 DU CHÂU LIỆP HUYỆN .....157 DỊCH KHỞI MY MAO .....149 DỤC CHỦ .....157 DIÊM MAI .....149 DỤC CỔ .....157 DIÊN CHIỂU (896-973).....149 DỤC ĐẦU .....157 DIÊN HỰU TỰ .....150 DỤC TỰ .....157 DIÊN KHÁNH TỰ THÁP .....150 DUNG DỊ .....157 DIÊN KHÁNH TỰ XÁ LỢI THÁP DUNG THÔNG (1866-1928).....158 .....150 DŨNG ĐẦU .....158 DIÊN PHÚC TỰ .....150 DŨNG ĐỂ THOÁT .....158 DIÊN QUY .....151 DŨNG TUYỀN TỰ .....158 DIÊN SAN (1005-1065) .....151 DŨNG TUYỀN TỰ THIÊN PHẬT THÁP DIÊN THỌ (904-975).....151 .....159 DIÊN THỌ ĐƯỜNG .....151 DỤNG ĐẠI OẢN .....159 DIÊN THỌ TỰ .....151 DỤNG THANH (?-996) .....159 DIÊN TỘ TỰ .....151 DUY AN (?-1625) .....159 DIÊN ỨNG TỰ .....151 DUY BẠCH .....159 DIỄN HOÁ ĐẠI SƯ .....152 DUY CHÍNH (986-1049) .....159 DIỆN CHỬY .....152 DUY HÀN (1410-1495) .....159 DIỆN MÔN .....152 DUY KHOAN (755-817) .....160 DIỆN MỤC LIỆT KHAI .....152 DUY KIẾN .....160 DIỆN NAM KHÁN BẮC ĐẨU .....152 DUY KÍNH .....160 DIỆN TIỀN NHẤT TY .....152 DUY NA .....160 DIỆN TƯỜNG ĐẢM BẢN .....152 DUY NGHIỄM (751-834).....160 DIỆT DIỆT KHIẾT KHIẾT .....152 DUY NHÂN (1914-1990) .....160 DIỆT HỒ CHỦNG TỘC .....153 DUY NHẤT .....161 DIÊU TỬ QUÁ TÂN LA .....153 DUY TẮC .....161 DIỆU ẤN (1187-1255) .....153 DUY THANH (?-1117) .....161 DIỆU CAO (1219-1293).....153 DUY TỐ .....162 DIỆU CHỨNG .....153 DUY

TÚC .....162 DIỆU DẬN .....153 DUY TRUNG (735-782) .....162 DIỆU DỤNG .....154 DUYÊN ĐỨC (898-977).....162 DIỆU ĐẠO .....154 DUYÊN MẬT (905-980).....162 DIỆU HẠNH THIỀN SƯ .....154 DUYÊN MỘC CẦU NGƯ .....162 DIỆU HIỆP .....154 DUYÊN QUÁN (920-990) .....163 DIỆU HIỆP TỊNH KHẢI THIỀN SƯ DUYỆT CHÚNG .....163 .....154 DƯ NHỊ .....163 DIỆU HỶ AM .....154 DỮ MA .....163

MỤC LỤC TRA CỨU DỮ PHÀM DỮ THÁNH .....163 ĐẠI .....173 DỰ TAO ĐÃI DẠNG .....163 ĐẠI AN (793-883).....173 DƯỢC BỆNH ĐỐI TRỊ .....163 ĐẠI AN CƯ .....173 DƯỢC HỐNG NGÂN THIỀN .....163 ĐẠI AN LẠC .....173 DƯƠNG CHÂU THIÊN NINH TỰ 163 ĐẠI AN TỰ .....173 DƯƠNG DIỆM BA TRỪNG .....164 ĐẠI ÂM .....174 DƯƠNG DIỆM KHÔNG HOA .....164 ĐẠI BÁO ÂN TỰ (29) .....174 DƯƠNG HÓA .....164 ĐẠI BẢO QUANG THÁP .....174 DƯƠNG HỒNG PHI (1918-).....165 ĐẠI CHÚNG .....174 DƯƠNG KỲ PHƯƠNG HỘI HÒA THƯỢNG NGỮ ĐẠI CHÚNG (1297-1361).....175 LỤC .....165 ĐẠI CỐ .....175 DƯƠNG KỲ TỰ .....165 ĐẠI CƠ .....175 DƯƠNG MY THUẦN MỤC .....166 ĐẠI CƠ ĐẠI DỤNG .....175 DỮU SƠN (532) .....166 ĐẠI DỤNG .....176 Đ .....166 ĐẠI DỤNG ĐƯỜNG ĐƯỜNG .....176 ĐA BẢO .....166 ĐẠI DỤNG HIỆN TIỀN .....176 ĐA ĐA .....166 ĐẠI DỤNG HIỆN TIỀN, BẤT TỒN QUỸ TẮC ĐA ĐA HÒA HÒA .....167 .....176 ĐA KHẨU A SƯ .....167 ĐẠI DỮU LÃNH .....176 ĐA TIỂU .....167 ĐẠI DỮU LÃNH ĐẦU ĐỀ BẤT KHỞI ĐÀ NÊ ĐỚI THỦY .....167 .....176 ĐẢ (k. ng) .....167 ĐẠI DỮU LÃNH ĐẦU NHẤT PHỐ CÔNG ĐỨC ĐẢ BẢN .....167 .....177 ĐẢ BIỆN .....168 ĐẠI ĐỊA MỘT NHÂN PHÙNG .....177 ĐẢ CÁT ĐẰNG .....168 ĐẠI ĐIÊN (732-824).....177 ĐẢ CẤP .....168 ĐẠI ĐIÊN THIỀN SƯ THÁP .....177 ĐẢ CHI NHIỄU .....168 ĐẠI ĐỊNH (1824-1906) .....177 ĐẢ CUNG .....168 ĐẠI ĐOẠN

.....177 ĐẢ DÃ TRAI .....168 ĐẠI ĐÔ .....178 ĐẢ ĐỊA .....168 ĐẠI ĐỒNG .....178 ĐẢ ĐIỆP .....169 ĐẠI GIÁC .....178 ĐẢ GIAO CỔN .....169 ĐẠI GIÁC KIM TIÊN .....178 ĐẢ HÓA .....169 ĐẠI GIÁC THIỀN SƯ NGỮ LỤC ĐẢ HỐNG .....169 .....178 ĐẢ MÔ HOẠCH DẠNG .....169 ĐẠI GIÁC TỰ .....179 ĐẢ NGẠNH .....169 ĐẠI GIÁM THIỀN SƯ TIỂU THANH QUY ĐẢ NGÕA TOẢN QUY .....170 .....179 ĐẢ NHAI .....170 ĐẠI GIÁO .....179 ĐẢ NIÊM Y .....170 ĐẠI HÁC (1576-1627) .....179 ĐẢ PHÁ TẤT DŨNG .....170 ĐẠI HÀM (1736-1820) .....179 ĐẢ PHẠN .....170 ĐẠI HẠN .....179 ĐẢ THÀNH NHẤT PHIẾN .....170 ĐẠI HẢO .....180 ĐẢ THẢO KINH XÀ .....171 ĐẠI HÂN (1284-1344).....180 ĐẢ THẤT .....171 ĐẠI HỘI NIÊM HOA .....180 ĐẢ TĨNH .....171 ĐẠI HUỆ PHỔ GIÁC THIỀN SƯ NGỮ LỤC ĐẢ TỊNH .....171 .....180 ĐẢ TỌA .....171 ĐẠI HUỆ PHỔ GIÁC THIỀN SƯ PHỔ THUYẾT ĐẢ VIÊN CẦU .....172 .....180 ĐẠC LẠC TOẢN .....172 ĐẠI HƯU .....181 ĐÀI NAM KHAI NGUYÊN TỰ ....172 ĐẠI HƯU ĐẠI HIẾT .....181 ĐÃI .....172 ĐẠI HƯU YẾT ĐỂ .....181 ĐÃI NGỘ THIỀN .....172 ĐẠI KHÍ .....181

MỤC LỤC TRA CỨU ĐẠI KHINH AN .....181 ĐẠI TRÍ THƯỢNG CĂN .....190 ĐẠI KINH .....181 ĐẠI TRIỆT ĐẦU.....190 ĐẠI KỲ .....182 ĐẠI TRƯỢNG PHU TẤT HẠ HỮU HOÀNG KIM ĐẠI LÃNG .....182 .....190 ĐẠI LÃO .....182 ĐẠI VÂN VIỆN .....190 ĐẠI LÝ .....182 ĐẠI VIÊN GIÁC .....191 ĐẠI MAI SƠN .....182 ĐẠI VIÊN THIỀN SƯ NGỮ LỤC ĐẠI MÃN THIỀN SƯ THẠCH THÁP .....191 .....182 ĐẠI XẢ (1120-1180).....191 ĐẠI NAM THIỀN UYỂN TRUYỀN ĐĂNG TẬP LỤC

ĐẠI XUẤT THOÁT .....191 .....182
ĐẠI Y (1617-1683).....191 ĐẠI NIÊN TAM THẬP NHẬT LÂM HÀNH
CHI TẾ ĐẠI Ý .....191
.....183 ĐÀM CHÁ TỰ .....191 ĐẠI NGU
THIỀN SƯ THÁP .....183 ĐÀM CHIẾU .....192 ĐẠI
NGỮ .....183 ĐÀM DĨNH (989-1060)
.....192 ĐẠI NGHI .....183 ĐÀM HOA
(1103-1163).....192 ĐẠI NGHĨA (746-818).....183 ĐÀM
HOA ĐẠO NHÂN .....192 ĐẠI NHÂN .....183
ĐÀM HÚC (1371-1437).....192 ĐẠI PHÁC BẤT DIỆU
.....184 ĐÀM KHÔNG .....192 ĐẠI PHẠM TỰ
.....184 ĐÀM MẬT (1116-1184) .....192 ĐẠI PHÁP
.....184 ĐÀM NGẠC (1285-1373).....192 ĐẠI
PHÁP NHÃN .....184 ĐÀM PHƯƠNG
.....192 ĐẠI PHÁP NHÃN TẠNG .....184 ĐÀM TẠNG
(758-827) .....192 ĐẠI PHONG (1039-1125).....185 ĐÀM
TẮC (1311-1393) .....193 ĐẠI PHƯƠNG
.....185 ĐÀM TÂN VĂN TẬP .....193 ĐẠI
PHƯƠNG GIA .....185 ĐÀM THẠNH (782-841)
.....193 ĐẠI QUAN (1201-1268).....185 ĐÀM THỌ
(1785-1865) .....193 ĐẠI QUANG MINH TẠNG .....185 ĐẢM
BẢN HÁN .....193 ĐẠI SÁT .....186
ĐẢM CHIẾT .....193 ĐẠI SỰ
.....186 ĐẢM ĐƯƠNG (1593-1673) .....194 ĐẠI
SỰ LIỄU TẤT .....186 ĐẢM PHẬT BÀNG GIA TẨU .....194
ĐẠI TÁC PHẬT SỰ .....186 ĐẢM TUYẾT ĐIỀN TỈNH
.....194 ĐẠI TÂM (1652-1728).....186 ĐẠM CƯ
.....194 ĐẠI TẬN .....187 ĐẠM
CƯ TỬ .....194 ĐẠI THÀNH (1609-1666) .....187
ĐẠM ĐƯỜNG .....194 ĐẠI THIÊN
.....187 ĐAN HÀ TỬ THUẦN THIỀN SƯ NGỮ LỤC ĐẠI
THIỆN .....187 .....194
ĐẠI THIỆN TRI THỨC .....187 ĐAN TIÊU ĐỘC BỘ
.....195 ĐẠI THỌ .....187 ĐÀN KINH
.....195 ĐẠI THỌ DỤNG .....187 ĐÀN
VIỆT .....196 ĐẠI THỦ TÔNG SƯ .....187
ĐÀN XẢ THÍ .....196 ĐẠI THỪA BẮC TÔNG LUẬN
....188 ĐÁN QUÁ LIÊU .....196 ĐẠI THỪA KHÍ
.....188 ĐÁN QUÁ TĂNG .....196 ĐẠI THỪA TÂM
.....188 ĐÃN (k. ng) .....196 ĐẠI TIỂU
.....188 ĐÃN HÁCH .....197 ĐẠI
TU (1826-1899) .....189 ĐÃN MẠC (k. ng)

.....197 ĐẠI TỬ ĐẠI HOẠT .....189 ĐÃN THỊ (k. ng).....197 ĐẠI TỬ ĐỂ NHÂN .....189 ĐÃN ... THỦ (k. ng).....197 ĐẠI TỬ NHẤT PHIÊN .....189 ĐẢNG LÝ BẤT ĐẢNG TÌNH .....197 ĐẠI TỰ TẠI .....189 ĐẢNH ĐỚI .....197 ĐẠI TRÍ HUỆ NHÂN DIỆC HỮU TAM XÍCH ÁM ĐẢNH MÔN CHÍNH NHÃN .....197 .....189 ĐẢNH MÔN NHÃN .....198

MỤC LỤC TRA CỨU ĐẢNH NINH .....198 ĐẠO MÂN (1596-1674).....205 ĐẢNH PHONG .....198 ĐẠO MINH (630-718) .....205 ĐẢNH TƯỚNG .....198 ĐẠO NGÔ SƠN .....205 ĐAO ĐAO .....198 ĐẠO NGỘ .....205 ĐAO ĐAO ĐÁT ĐÁT .....198 ĐẠO NGUYÊN .....206 ĐÀO HOA NGỘ ĐẠO .....198 ĐẠO NGUYÊN .....206 ĐÀO PHONG PHÓ HÁC .....199 ĐẠO NGHĨA (760-835) .....206 ĐÁO GIA .....199 ĐẠO NGHIỄN (?-999).....206 ĐẢO DỤNG HOÀNH NIÊM .....199 ĐẠO NGHIỆP .....206 ĐẢO LÝ MÔN NGHÊNH .....199 ĐẠO NHAN (1094-1164) .....206 ĐẢO NHẤT THUYẾT .....200 ĐẠO NHÀN .....207 ĐẢO THOÁI TAM THIÊN .....200 ĐẠO NHÃN .....207 ĐẠO AN .....200 ĐẠO NINH .....207 ĐẠO ẨN .....200 ĐẠO PHẠM .....207 ĐẠO BÀ .....200 ĐẠO PHI .....207 ĐẠO BÁI (1615-1702) .....200 ĐẠO PHÓ (868-937).....207 ĐẠO BÌNH (?-1127) .....201 ĐẠO PHỔ .....207 ĐẠO CHÂN (thế kỷ XVII).....201 ĐẠO QUẢ .....207 ĐẠO CHU (1585-1655) .....201 ĐẠO QUẢNG (675-743) .....207 ĐẠO CHƯƠNG (1635-1734) .....201 ĐẠO SINH .....207 ĐẠO CỤ .....201 ĐẠO TÂM (thế kỷ XVII) .....208 ĐẠO CỰU .....201 ĐẠO TẾ .....208 ĐẠO DIÊN (?-922).....201 ĐẠO TỀ .....208 ĐẠO DUNG .....201 ĐẠO THÀNH .....208 ĐẠO DƯ LỤC .....201 ĐẠO THÀNH (1352-1432).....208 ĐẠO ĐOAN .....202 ĐẠO THẠNH (1592-1659).....208 ĐẠO ĐỘC (1600-1661) .....202 ĐẠO THÂM .....209 ĐẠO GIẢ .....202 ĐẠO THẬT (1620-1692) .....209 ĐẠO GIÁC (1490-1568) .....202 ĐẠO THIỀN (thế kỷ V) .....209 ĐẠO GIAI

(1043-1118) .....202 ĐẠO THỌ (734-825).....209 ĐẠO GIẢN (868-950).....202 ĐẠO THÔNG (731-813).....209 ĐẠO GIAO .....202 ĐẠO THU (1634-1666).....209 ĐẠO GIỚI .....202 ĐẠO THUẬT .....209 ĐẠO HẠNH .....202 ĐẠO THUYÊN (930-985) .....209 ĐẠO HẰNG (?-991).....203 ĐẠO THƯỜNG .....209 ĐẠO HÒA .....203 ĐẠO TIỀM .....209 ĐẠO HÓA .....203 ĐẠO TÍN (580-651) .....209 ĐẠO HƯNG .....203 ĐẠO TOÀN (?-894) .....210 ĐẠO HY .....203 ĐẠO TÔNG (1629-1709).....210 ĐẠO HY .....203 ĐẠO TỒN (1660-1735).....210 ĐẠO KHÂM .....203 ĐẠO TRÀNG .....210 ĐẠO KHUÔNG (900-966).....204 ĐẠO TRÀNG TỰ .....210 ĐẠO KIÊN .....204 ĐẠO TRĂN (1014-1093) .....210 ĐẠO KIỀN .....204 ĐẠO TRỪNG (1616-?) .....210 ĐẠO KIỂU (1298-1378) .....204 ĐẠO TUÂN (895-976).....210 ĐẠO LÂM .....204 ĐẠO UYÊN (1400-1470).....210 ĐẠO LIÊN (1346-1409).....204 ĐẠO ƯNG (848-902) .....211 ĐẠO LONG (1213-1278).....204 ĐẠO VỊ .....211 ĐẠO LUÂN (898-958).....204 ĐẠO VIÊN .....211 ĐẠO LƯỢNG (1608-1691).....204 ĐẠO VỌNG .....211 ĐẠO LƯU .....205 ĐẠO XÁN (?-1271) .....211 ĐẠO MÂN (1047-1114).....205 ĐẠO XƯƠNG (1089-1171) .....211

MỤC LỤC TRA CỨU ĐẠO XUYÊN .....211 ĐẦU ĐẦU THỊ ĐẠO .....220 ĐẠO YẾU .....211 ĐẦU GIÁC SINH .....220 ĐÁP HƯƠNG .....211 ĐẦU THỦ .....220 ĐẠP PHÁ THẢO HÀI .....211 ĐẦU THƯỢNG AN ĐẦU .....221 ĐẠT .....212 ĐẦU TỬ ĐẠI ĐỒNG THIỀN SƯ NGỮ LỤC ĐẠT BẢN HƯƠNG .....212 .....221 ĐẠT CHÂN (960-1020) .....212 ĐẦU TỬ NGHĨA THANH THIỀN SƯ NGỮ LỤC ĐẠT CƯƠNG (1609-1669).....212 .....221 ĐẠT-MA MÔN HẠ TỨ THẦN TÚC ĐẦU TỬ SƠN .....221 .....212 ĐẦU TỴ .....222 ĐẠT NGẠN (918-978).....212 ĐẨU CẤU .....222 ĐẠT NHƯ (1761-1840)

.....212 ĐẦU ĐIỆP .....222 ĐẠT QUÁN .....213 ĐẦU HỢP THIỀN .....222 ĐẠT QUÁN THIỀN SƯ .....213 ĐẦU NGẠCH .....222 ĐẠT SĨ .....213 ĐẦU TẤU .....223 ĐẠT TÔN (1609-1664) .....213 ĐẦU TẨU .....223 ĐẠT VỊ (1618-1684) .....213 ĐẦU TẨU MY MAO .....223 ĐẮC .....213 ĐẦU TẨU THỈ TRÀNG .....223 ĐẮC BÂN (1002-1072).....214 ĐẬU .....223 ĐẮC CHỈ .....214 ĐẬU TẤU .....224 ĐẮC ĐẮC .....214 ĐẬU TIẾP .....224 ĐẮC ĐƯƠNG .....214 ĐỀ TÊ .....224 ĐẮC LỰC CÚ .....214 ĐỀ XƯỚNG .....224 ĐẮC NHẪM NHUYỄN NGOAN .....214 ĐẾ CẦU .....224 ĐẮC NHÂN TẮNG XỨ .....214 ĐẾ ĐÁNG .....224 ĐẮC NHẤT VỌNG NHỊ .....214 ĐẾ ĐÁNG HÁN .....224 ĐẮC TÂM (518).....215 ĐẾ QUÁN .....225 ĐẮC THĂNG (1096-1169) .....215 ĐẾ TÍN .....225 ĐẮC TỌA PHI Y .....215 ĐỂ .....225 ĐẮC Ý .....215 ĐỂ CÁ .....225 ĐẶC ĐỊA .....215 ĐỂ ĐỊCH NGỮ .....225 ĐẶC NGƯU SINH NHI .....216 ĐỂ ĐỊCH SINH TỬ .....225 ĐĂNG ĐẦU .....216 ĐỂ NGHĨ .....225 ĐĂNG HỖN .....216 ĐỂ TỬ .....225 ĐĂNG LAI (1614-1685) .....216 ĐỆ CÔN (287) .....225 ĐĂNG LỤC .....216 ĐỆ ĐẠI .....226 ĐĂNG LUNG .....217 ĐỆ NHẤT CÚ.....226 ĐĂNG TÂM TẠO GIÁC PHỐ .....217 ĐỆ NHẤT ĐẠO .....226 ĐĂNG THỜI .....218 ĐỆ NHẤT NGHĨA .....226 ĐẲNG ĐẲNG .....218 ĐỆ NHỊ CÚ .....226 ĐẲNG ĐẲNG HÒA THƯỢNG .....218 ĐỆ NHỊ ĐẦU .....226 ĐẲNG ĐẲNG NGỘT NGỘT .....218 ĐỆ NHỊ NGHĨA .....226 ĐẲNG ĐẲNG NHẬM VẬN .....218 ĐỆ NHỊ NGUYỆT .....227 ĐẲNG NHÀN .....218 ĐỆ TƯƠNG .....227 ĐẶNG ÚY SƠN .....218 ĐỊA ĐẦU .....227 ĐẶNG ÚY SƠN THÁNH ÂN TỰ CHÍ ĐÍCH

.....227 .....219 ĐÍCH CỐT TÔN .....227 ĐÂU .....219 ĐÍCH ĐÁNG .....227 ĐẦU (k. ng) .....219 ĐÍCH ĐÍCH .....227 ĐẦU .....220 ĐÍCH TỰ .....228 ĐẦU CƠ .....220 ĐỊCH DIỆN PHÂN PHÓ .....228 ĐẦU ĐẦU .....220 ĐỊCH DIỆN THỪA ĐƯƠNG .....228

MỤC LỤC TRA CỨU ĐỊCH DIỆN TƯƠNG TRÌNH .....228 ĐIỂU TÍCH .....238 ĐỊCH LUẬN .....228 ĐÓA CĂN .....238 ĐỊCH SINH TỬ .....228 ĐỌA CĂN .....238 ĐINH CHỬY THIẾT THIỆT .....229 ĐỌA KHANH LẠC TIỆM .....238 ĐINH NINH .....229 ĐOAN DỤ (1085-1150) .....238 ĐINH PHÚC BẢO (1874-1952) .....229 ĐOAN ĐÍCH .....239 ĐINH QUYẾT KHÔNG TRUNG .....229 ĐOẠN ĐẦU THỦ HOẠT .....239 ĐINH SÁT CƯỚC CÂN .....229 ĐOẠN NHAI .....239 ĐÌNH TIỀN BÁCH THỤ TỬ .....230 ĐOẠN PHẤT .....239 ĐÌNH TÙ TRƯỜNG TRÍ .....230 ĐOẠT CẢNH BẤT ĐOẠN NHÂN 239 ĐÌNH TUẤN (1299-1368) .....230 ĐOẠT NHÂN BẤT ĐOẠT CẢNH 240 ĐỊNH .....230 ĐOẠT NHÂN ĐOẠT CẢNH .....240 ĐỊNH BÀN TINH .....230 ĐÔ LAI .....240 ĐỊNH CHẤP .....231 ĐỒ HỒ .....240 ĐỊNH CHIẾU THIỀN SƯ .....231 ĐỒ Ô .....240 ĐỊNH ĐÁNG .....231 ĐỖ BÌ THIỀN .....240 ĐỊNH ĐỊNH .....231 ĐỖ KHẨU .....240 ĐỊNH ĐỘNG .....231 ĐỖ SOẠN THIỀN HÒA .....241 ĐỊNH ĐƯỜNG .....231 ĐỘ .....241 ĐỊNH HIỀN (1860-1941) .....231 ĐỘ MÔN TỰ .....241 ĐỊNH HUỆ .....232 ĐỘC LÂU LÝ NHÃN TÌNH .....241 ĐỊNH HUỆ THIỀN SƯ .....232 ĐỘC NHÃN LONG .....242 ĐỊNH HUỆ TỰ .....232 ĐỘC THAM .....242 ĐỊNH HUYỆN KHAI NGUYÊN TỰ THÁP ĐỘC THOÁT .....242 .....232 ĐỘC TÚC QUỲ .....242 ĐỊNH KHÔNG (730-808) .....233 ĐÔI ĐÔI (504).....242 ĐỊNH LÂM TỰ .....233 ĐÔI TỬ .....242 ĐỊNH PHẬN .....233 ĐÔI VÂN TẨU .....242 ĐỊNH QUANG .....233 ĐỐI CƠ .....242

ĐỊNH SÂM (1632-1689).....233 ĐỐI DIỆN THIÊN LÝ .....242 ĐỊNH TRƯỚC .....233 ĐỐI NHÃN ĐẦU CƠ .....243 ĐIỂM .....234 ĐỐI NHẤT THUYẾT .....243 ĐIỂM ĐỐI .....234 ĐỐI THÙ CHÙY TẠC .....243 ĐIỂM HIÊN TẨU .....234 ĐỐN CƠ .....243 ĐIỂM HUNG .....234 ĐỐN GIÁO .....243 ĐIỂM KIỂM .....234 ĐỐN NGỘ TIỆM NGỘ .....243 ĐIỂM NGẠCH .....235 ĐỘN TRÍ .....244 ĐIỂM NHÃN .....235 ĐÔNG AM .....244 ĐIỂM TỨC BẤT ĐÁO .....235 ĐÔNG BÍCH ĐẢ TÂY BÍCH .....244 ĐIỂM TRÀ, ĐIỂM THANG .....235 ĐÔNG BỐC TÂY BỐC .....244 ĐIỂM TRƯỚC TIỆN HÀNH .....235 ĐÔNG CÁT TÂY CÁT .....244 ĐIỀN KHỐ NÔ .....236 ĐÔNG DŨNG TÂY MỘT .....244 ĐIỂN KHÁCH .....236 ĐÔNG DƯƠNG .....244 ĐIỂN TỌA .....236 ĐÔNG HÒA THIỀN TỰ .....244 ĐIỆN CHỦ .....236 ĐÔNG KHÊ .....245 ĐIỆN QUANG THẠCH HỎA .....236 ĐÔNG LĂNG .....245 ĐIỀU CHẾ .....237 ĐÔNG MINH .....245 ĐIỂU ĐẠO .....237 ĐÔNG PHA THIỀN HỶ TẬP .....245 ĐIỂU ĐẠO HUYỀN LỘ .....237 ĐÔNG QUA ẤN TỬ .....245 ĐIỂU KHÒA XUY BỐ MAO .....237 ĐÔNG QUÂN .....245 ĐIỂU SÀO THƯƠNG HẢI ĐỂ, NGƯ DƯỢC THẠCH ĐÔNG SƠ (1908-1977).....245 SƠN ĐẦU .....237 ĐÔNG SƠN PHÁP MÔN .....246

MỤC LỤC TRA CỨU ĐÔNG TÂY .....246 ĐỨC THÀNH .....254 ĐÔNG TY .....246 ĐỨC THIỀU (891-972).....254 ĐỒNG ĐẦU THIẾT NGẠCH HÁN 246 ĐỨC TƯỜNG .....255 ĐỒNG KHÁNH TỰ .....246 ĐƯƠNG .....255 ĐỒNG THAM .....246 ĐƯƠNG CƠ .....255 ĐỘNG ĐỊA VŨ HOA .....247 ĐƯƠNG DƯƠNG .....256 ĐỘNG HẠ .....247 ĐƯƠNG ĐẦU .....256 ĐỘNG HUYỀN BIỆT KHÚC .....247 ĐƯƠNG ĐẦU BỔNG HÁT .....256 ĐỘNG SƠN .....247 ĐƯƠNG GIA CHỦNG THẢO .....256 ĐỘNG SƠN NGỘ BẢN ĐẠI SƯ NGỮ LỤC ĐƯƠNG NHÂN .....256 .....247 ĐƯƠNG THỂ TỨC KHÔNG .....256 ĐỘNG SƠN NGŨ VỊ .....248 ĐƯƠNG Ý .....257 ĐỘNG SƠN NGŨ VỊ HIỂN QUYẾT ĐƯỜNG BAN .....257

.....248 ĐƯỜNG CHỦ .....257 ĐỘNG SƠN THỦ SƠ THIỀN SƯ NGỮ YẾU ĐƯỜNG ĐẦU .....257 .....248 ĐƯỜNG ĐỘ NHỊ TAM .....257 ĐỘNG THƯỢNG .....248 ĐƯỜNG ĐƯỜNG MẬT MẬT .....257 ĐỘNG THƯỢNG CỔ TRIỆT .....248 ĐƯỜNG NHẤT HUYỀN (1892-1988) ....258 ĐỘNG THƯỢNG HUYỀN PHONG ...249 ĐƯỜNG ỐC LÝ PHẢN DƯƠNG CHÂU ĐỘNG THƯỢNG TÔNG CHỈ .....249 .....258 ĐỘNG TIỆN .....249 ĐƯỜNG TY .....258 ĐỘNG TĨNH .....249 E.....258 ĐỘNG TRƯỚC .....249 Ế PHÁT THÁP .....258 ĐỐT .....249 G .....259 ĐỚI ĐAO NGỮ .....250 GIA .....259 ĐƠN .....250 GIA GIA MÔN LÝ THẤU TRƯỜNG AN ĐƠN ĐỀ .....251 .....259 ĐƠN ĐAO TRỰC NHẬP .....251 GIA HOẠT .....259 ĐƠN ĐƠN ĐÍCH ĐÍCH .....251 GIA NƯƠNG .....259 ĐƠN TRUYỀN .....251 GIA PHONG .....259 ĐƠN VỊ .....251 GIA SỰ .....260 ĐỨC .....252 GIA THÁI PHỔ ĐĂNG LỤC .....260 ĐỨC BẢO .....252 GIA THƯỜNG .....260 ĐỨC BẰNG (?-1167).....252 GIA TRÂN .....260 ĐỨC DỊ (1231-?) .....252 GIA TRUNG XẢ PHỤ .....260 ĐỨC DŨNG (?-1368).....252 GIA VỆ .....260 ĐỨC DỤNG .....252 GIÁ BIÊN CÚ .....260 ĐỨC HINH (1302-1372).....252 GIÁ CÁ .....261 ĐỨC HỘI .....252 GIÁ CÁ, NA CÁ .....261 ĐỨC HỒNG (1071-1128) .....253 GIÁ KIÊN TIẾP TÍCH .....261 ĐỨC HUY .....253 GIÁ LÝ .....261 ĐỨC HƯNG .....253 GIÀ .....261 ĐỨC KHIÊM .....253 GIẢ .....261 ĐỨC KIẾN (1280-1360) .....253 GIẢ KÊ THANH VẬN .....262 ĐỨC MINH (thế kỷ XV).....253 GIÁC CHIẾU THIỀN SƯ .....262 ĐỨC NGỌC (1628-1701).....253 GIÁC HẢI .....262 ĐỨC NGUYÊN THIỀN TỰ .....254 GIÁC

HẢI THIỀN SƯ .....262 ĐỨC PHỔ (1025-1091).....254 GIÁC HẢI TỰ .....262 ĐỨC PHÚ (1627-1690).....254 GIÁC HOA .....262 ĐỨC QUANG (1121-1203) .....254 GIÁC HỔ TẬP .....262 ĐỨC SƠN .....254 GIÁC KHA .....263 ĐỨC THANH (1546-1623).....254 GIÁC LÃNG .....263

MỤC LỤC TRA CỨU GIÁC LÂM TỰ .....263 GIÁP SƠN .....272 GIÁC NGẠN (1286-?) .....263 GIÁP SƠN TỰ .....272 GIÁC THANH (1780-1853).....263 GIỚI ĐÀI TỰ .....272 GIÁC THUYÊN (1810-1880) .....263 GIỚI ĐÀN THẠCH .....272 GIÁC TỊNH (1401-1479) .....263 GIỚI ĐIỆP .....273 GIÁC TRÍ VIÊN MINH .....264 GIỚI ĐỊNH .....273 GIÁC TRỪNG (1395-1473).....264 GIỚI KHÔNG .....273 GIẢI CHỨNG .....264 GIỚI LINH .....274 GIẢI ĐẠT .....264 GIỚI THANH (1239-1301) .....274 GIẢI HỘI .....264 GIỚI THẨM (1080-1148) .....274 GIẢI LỘ .....264 GIỚI TỬ NẠP TU DI, TU DI NẠP GIỚI TỬ GIẢI MIỄN .....264 .....274 GIẢI NGỘ .....265 H .....274 GIẢI NIÊM KHỬ PHƯỢC .....265 HA PHẬT MẠ TỔ .....274 GIẢI TÂM .....265 HÀ DIỆP ĐOÀN ĐOÀN .....274 GIẢI THOẠI HỘI .....265 HÀ ĐƯƠNG .....274 GIẢI THOÁT THIỀN SƯ THÁP ....265 HÀ HIỆP .....274 GIẢI TRÍCH .....265 HÀ HỮU .....275 GIẢI VIỆN CHỦ .....266 HÀ MÔ KHẨU .....275 GIAM MẶC .....266 HÀ MÔ THIỀN .....275 GIÁM CHÂN THIỀN SƯ .....266 HÀ TRẠCH ĐẠI SƯ .....275 GIÁM ĐA KHẨU .....266 HẠ BÁT .....275 GIÁM THU .....266 HẠ BỔNG .....275 GIÁM TÔNG (793-866).....266 HẠ NGỮ .....275 GIÁM TỰ .....266 HẠC LÂM TỰ .....275 GIÁN KHÍ .....267 HẠC LÂM TỰ CHÍ .....276 GIẢN CHIẾT KHÁCH .....267 HÁCH XÍCH .....276 GIẢN THOẠI .....267 HÁCH XÍCH CÙNG .....276 GIẢN TRẠCH .....267 HÀI CÚ (HAIKU) .....276 GIẢN TRỰC

.....267 HÀI PHỦ .....276 GIANG HỒ PHONG NGUYỆT TẬP HẢI ÂM (1820-1885) .....276 .....267 HẢI ẤN .....277 GIANG KHIÊM (1875-1942) .....267 HẢI CHU .....277 GIANG TÂM TỰ .....267 HẢI CHÚNG .....277 GIẢNG TĂNG .....268 HẢI ĐÔNG .....277 GIẢNG TỊCH .....268 HẢI HUỆ (?-1145).....277 GIẢNG TỨ .....268 HẢI HỘI .....277 GIAO GIA .....268 HẢI HỘI TỰ .....277 GIAO KHẨU .....268 HẢI LÂM (995-1065).....278 GIAO NHIỄU .....269 HẢI MINH (1597-1666).....278 GIAO QUAN .....269 HẢI QUÝNH-TỪ PHONG (1728-1811) GIÁO .....269 .....278 GIÁO CHIẾU .....269 HẢI THAM .....278 GIÁO ĐỐN CƠ TIỆM .....269 HẢI THỌ (1338-1390) .....278 GIÁO HANH (1150-1219) .....270 HẢI TRIỀU TỰ .....279 GIÁO MÔN .....270 HẢI UYÊN .....279 GIÁO NGOẠI BIỆT TRUYỀN .....270 HẢI YẾN HÀ THANH .....279 GIÁO NHẤT TIẾT .....270 HÀM KHẢ (1611-1659).....279 GIÁO TÍCH .....271 HÀM KIỆT (1110-1186) .....279 GIÁO TÔNG .....271 HÀM THỊ (1608-1685).....279 GIẢO TA TỬ .....271 HÀM TÌNH .....279 GIẢO TRƯ CẨU THỦ CƯỚC .....271 HÀM TOAN .....280

MỤC LỤC TRA CỨU HÀM TRẠCH .....280 HẠT LŨ SINH .....289 HÀN DŨ (768-824) .....280 HẠT LƯ .....289 HÀN KHÔI .....280 HẠT NGỐC TỬ .....289 HÀN LÔ TRỤC KHỐI, SƯ TỬ GIẢO NHÂN HẮC DIỆN BÀ LA MÔN .....289 .....280 HẮC ĐẬU PHÁP .....289 HÀN SƠN .....280 HẮC ĐẬU VỊ SINH NHA THỜI 289 HÀN SƠN TỬ THI TẬP .....281 HẮC LUÂN THUÂN .....290 HÀN SƠN TỰ .....281 HẮC MẠN MẠN .....290 HÀN SƠN TỰ CHÍ .....282 HẮC SƠN .....290 HÀNH ÁI .....282 HẮC TẤT CÔN LÔN DẠ LÝ BÔN HÀNH BỔNG HÀNH HÁT .....282 .....290 HÀNH CƯỚC .....282 HẮC TẤT DŨNG .....290 HÀNH

CƯỚC NHÃN .....282 HẰNG THÔNG (834-905) .....291 HÀNH CHỈ .....283 HÂN NGỘ (1337-1391) .....291 HÀNH GIẢ .....283 HẬU CƠ .....291 HÀNH LÂM (910-985) .....283 HẬU GIÁ .....291 HÀNH LÝ .....283 HẬU TẾ .....291 HÀNH MÃN .....283 HẬU TỬ .....291 HÀNH MẬT .....283 HỆ LƯ QUYẾT .....291 HÀNH MINH (?-840).....283 HỆ NAM (1050-1094).....292 HÀNH NGÔN .....283 HI DI TẨU .....292 HÀNH NHẠC (1614-1666).....283 HÍ HẢI NINH LONG, MA THIÊN TUẤN CỐT HÀNH NHÂN .....283 .....292 HÀNH NHÂN SỰ .....284 HIỀN KHOAN (?-1326).....292 HÀNH SƠN .....284 HIỂN GIÁO ĐẠI SƯ .....292 HÀNH THAO (?-1652) .....284 HIỂN TÔNG KÝ .....292 HÀNH THAO .....284 HIỂN TỪ (1888-1955) .....292 HÀNH TRIỂN .....284 HIỂN THÁNH TỰ .....293 HÀNH TU .....285 HIỂN THÔNG TỰ .....293 HÀNH TÚ (1166-1246).....285 HIỂN THÔNG TỰ ĐỒNG THÁP ..293 HÀNH TƯ (?-740).....285 HIỂN THÔNG TỰ VÔ LƯƠNG ĐIỆN NỘI THÁP HẠNH ĐẠO .....285 .....293 HẠNH CỦNG .....285 HIỂN VĂN (1856-1909) .....294 HẠNH ĐOAN (1253-1341) .....285 HIỆN LƯỢNG .....294 HẠNH HẢI .....285 HIỆN QUANG (?-1221).....294 HẠNH SÂM (1614-1677) .....285 HIỆN THÀNH .....294 HẠNH SÙNG .....286 HIẾT .....294 HÀO LY MỸ THẮC .....286 HIỂU LIỄU (685-745).....294 HÀO NGOA .....286 HIỂU THÔNG (?-1030) .....295 HẢO (k. ng) .....286 HIỂU VÂN (1913-?).....295 HẢO KHÁN .....286 HIỂU VINH (920-990) .....295 HẢO NHỤC UYỂN SANG .....286 HÌNH SƠN .....295 HẢO THÁI .....287 HỌC GIẢI .....295 HẢO TRỤ .....287 HỌC TƯỢNG .....295 HẠO GIÁM .....287 HỌC UẨN (1613-1689) .....296 HẠO XIÊM .....287 HOA ĐÌNH TỰ .....296 HÁT .....287 HOA LÂM TỰ .....296 HÁT

.....287 HOA NGHIÊM TẠNG (740-835).....297 HÁT HỎA .....288 HOA NGHIÊM TỰ .....297 HÁT PHẬT MẠ TỔ .....288 HOA NGHIÊM THÁP .....297 HÁT THAM .....288 HOA NGHIÊM VIỆN .....298 HÁT THỰC .....288 HOA PHÁCH .....298

MỤC LỤC TRA CỨU HOA PHONG SƠN CHÍ .....298 HOÀN THA .....306 HOA TẠNG HẢI THẠCH THÁP ..299 HOÀN TRUNG (780-862) .....306 HOA THÁP .....299 HOÀN TRUNG HƯ BẠCH .....306 HÓA .....299 HOÀN TRUNG THIÊN TỬ, TÁI NGOẠI TƯỚNG HÓA CHỦ .....299 QUÂN .....306 HÓA MẪU .....300 HOÁN CHUNG TÁC ỦNG .....306 HÓA TƯỜNG (1866-1922).....300 HOÁN NÔ TÁC LANG .....306 HÒA HÒA .....300 HOÀNG BÁ ĐOẠN TẾ NGỮ LỤC HÒA HỢP .....300 .....306 HÒA LA PHẠN .....301 HOÀNG BÁ HỔ THOẠI .....306 HÒA NAM .....301 HOÀNG BÁ SƠN .....307 HÒA NÊ HỢP THỬY .....301 HOÀNG BÁ SƠN CHÍ .....307 HÒA PHU THIẾU MIẾN .....301 HOÀNG BÁ SƠN ĐOẠN TẾ THIỀN SƯ TRUYỀN HÒA QUANG HỖN TỤC .....301 TÂM PHÁP YẾU 308 HÒA SƠN .....301 HOÀNG BÁ THANH QUY .....308 HÒA SƠN ĐỨC PHỔ .....301 HOÀNG BẠCH KHÍ VẬT .....308 HÒA TANG TRÓC BẠI .....302 HOÀNG BẢNG THỨC .....308 HÒA THANH TIỆN ĐẢ .....302 HOÀNG DIỆN LÃO TỬ .....308 HÒA THƯỢNG TỬ .....302 HOÀNG DƯƠNG MỘC THIỀN .....309 HỎA BẢNG .....302 HOÀNG ĐẦU .....309 HỎA DỤC .....302 HOÀNG ĐÌNH KIÊN (1045-1105) .....309 HỎA ĐẦU .....302 HOÀNG ĐOAN BÁ (?-1645) .....309 HỎA LÝ TỨC LIÊU THÔN KHƯỚC HỔ HOÀNG KIM ĐẢM TỬ THIÊN QUÂN TRỌNG .....302 .....310 HỎA TRƯỚC .....302 HOÀNG KIM TRẠCH .....310 HỌA BỈNH SUNG CƠ .....302 HOÀNG LONG ĐẠT .....310 HỌA DẠNG KHỞI MÔ .....303 HOÀNG LONG HUỆ NAM THIỀN SƯ NGỮ LỤC HỌA HỔ THÀNH LY .....303 .....310 HỌA LONG ĐIỂM TINH .....303 HOÀNG LONG HUỆ NAM THIỀN SƯ NGỮ LỤC HỌA XÀ THIÊM TÚC .....303 TỤC BỔ .....310 HOẠCH THANG LÔ THÁN .....303 HOÀNG LONG SƠN .....311 HOÀI CẢM .....303 HOÀNG LONG TỨ

GIA NGỮ LỤC HOÀI HẢI (720-814) .....304 .....311 HOÀI HẢI .....304 HOÀNG MẬU LÂM (?-1933).....311 HOÀI HUY (756-815).....304 HOÀNH BỆNH .....311 HOÀI HỰU .....304 HOÀNH CAI THỤ QUÁT .....311 HOÀI KHÔNG (704-787) .....304 HOÀNH ĐẢM TRỤ TRƯỢNG .....312 HOÀI NHẠC .....304 HOÀNH MIÊN THỤ TOẠ .....312 HOÀI NHƯỢNG (677-744) .....304 HOÀNH NIÊM .....312 HOÀI SỞ .....304 HOÀNH XUYÊN .....312 HOÀI SƯỞNG (1120-1195) .....304 HOÁT HOÁT .....312 HOÀI THÂM (1077-1132).....304 HOÁT NHIÊN .....312 HOÀI TÍN (1280-1357).....305 HOẠT CÚ, TỬ CÚ .....312 HOÀI TRÚ .....305 HOẠT KẾ .....312 HOÀI TRUNG .....305 HOẠT NHÂN KIẾM .....313 HOÀI UẨN .....305 HOẰNG BIỆN .....313 HOÀI VỊ (1317-1375) .....305 HOẰNG CHIẾU ĐẠI SƯ .....313 HOÀN (k. ng).....305 HOẰNG CHÚC (610-1683).....313 HOÀN CỔ VỊ LIỄU HOÀN KIM ĐÁO LAI HOẰNG CHỨNG (1588-1646).....313 .....305 HOẰNG CHƯƠNG .....313 HOÀN PHỔ .....305 HOẰNG ĐÀM (1602-1671).....313 HOÀN SƠN LỤC .....305 HOẰNG ĐẠO .....313

MỤC LỤC TRA CỨU HOẰNG ĐẠO ĐẠI SƯ .....313 HỒNG ÂN .....322 HOẰNG GIÁC ĐẠI SƯ .....313 HỒNG CỨU .....322 HOẰNG GIÁC TỰ THÁP .....314 HỒNG CHÂU TÔNG .....322 HOẰNG GIÁO ĐẠI SƯ .....314 HỒNG HỒNG .....322 HOẰNG GIÁO ĐẠI TRIỆT THIỀN SƯ HỒNG HỒNG .....322 .....314 HỒNG LÔ THƯỢNG NHẤT ĐIỂM TUYẾT HOẰNG KẾ (1605-1686).....314 .....322 HOẰNG LỄ (1600-1667) .....314 HỒNG NGHIỄM .....323 HOẰNG NĂNG .....314 HỒNG NHÂN .....323 HOẰNG NHẪN .....314 HỒNG NHẪN THIỀN SƯ .....323 HOẰNG TÁN (1611-1685).....314 HỒNG NHƯ (1592-1664) .....323 HOẰNG TẾ ĐẠI SƯ .....315 HỒNG PHÚC TỰ .....323 HOẰNG THÁNH (1581-1658) .....315 HỒNG QUẢ ĐẠI SƯ .....323 HOẰNG THÀNH (?-1641) .....315 HỒNG QUY .....323 HOẰNG THỪA (1585-1645).....315 HỒNG SƠN BẢO THÁP .....323 HOẰNG TRÍ THIỀN SƯ

.....315 HỒNG TẾ ĐẠI SƯ .....324 HOẰNG TRIỆT (1588-1648).....315 HỒNG THỌ .....324 HOẰNG TRỮ (1605-1672).....315 HỒNG TIẾN .....324 HOẰNG TỪ QUẢNG TẾ TỰ TÂN CHÍ HỒNG TIẾN .....324 .....315 HỒNG TRIỆU (1586-1632) .....324 HOẰNG VIÊN (1581-1643) .....316 HỒNG XUÂN BÌNH .....324 HÔ PHONG KHIẾU CHỈ .....316 HỐT HỐT ĐỒNG ĐỒNG HỒ BỈNH .....316 .....324 HỒ LOẠN .....316 HỐT LUÂN THÔN TẢO .....324 HỒ NGÔN HÁN NGỮ .....316 HỢP .....324 HỒ THÍCH (1891-1962).....316 HỢP ĐỒNG THUYỀN .....325 HỒ QUỲ .....317 HỢP CAN .....325 HỒ THÊ .....317 HỢP ĐẮC .....325 HỒ TÔN .....317 HỢP ĐẦU .....325 HỔ BÀO ĐỊNH HUỆ TỰ .....317 HỢP HẠ .....325 HỔ BÀO ĐỊNH HUỆ TỰ CHÍ ..317 HỢP SÁT .....325 HỔ KHÂU THÁP .....318 HỢP THỦ KHẨU .....325 HỔ KHÂU THIỆU LONG THIỀN SƯ NGỮ LỤC HỢP THỦY HÒA NÊ .....325 .....318 HUỆ AN (582-709).....325 HỔ KHÂU TỰ .....318 HUỆ CĂN .....326 HỔ THỊ .....319 HUỆ CẦN (1059-1117).....326 HỘ LÝ NHẬT MÃN .....319 HUỆ CẦU (?-913) .....326 HỐI AM .....319 HUỆ CHIẾU (1289-1373) .....326 HỐI CƠ .....319 HUỆ CHIẾU THIỀN SƯ .....326 HỐI ĐƯỜNG .....319 HUỆ CƠ (1603-1668).....326 HỐI PHU .....319 HUỆ CUNG (820-903) .....326 HỐI SƠN (1610-1672) .....319 HUỆ CƯ .....326 HỒI HOÁN .....319 HUỆ DUNG .....326 HỒI HỖ .....320 HUỆ ĐÀM (1304-1371) .....326 HỒI QUANG PHẢN CHIẾU .....320 HUỆ ĐẠT .....327 HỘI .....320 HUỆ ĐỊNH (1310-1378) .....327 HỘI THIỆN TỰ .....320 HUỆ ĐỒNG .....327 HỘI THÔNG (780-860) .....321 HUỆ GIÁC .....327 HỘI THƯỢNG .....321 HUỆ GIÁC BẢO THÁP .....327 HỒN .....321 HUỆ GIÁC ĐẠI SƯ .....327 HỒN LUÂN .....321 HUỆ HẢI

.....327 HỒNG ANH (1012-1070) .....322 HUỆ HUY (1097-1183).....327

MỤC LỤC TRA CỨU HUỆ HỶ (1564-1639).....327 HUỆ TRÍ

.....334 HUỆ KHẢ (487-593).....328 HUỆ TRIẾT (765-846) .....334 HUỆ KHAI (1183-1260) .....328 HUỆ TRIỆT .....335 HUỆ KHÔNG ĐẠI SƯ .....328 HUỆ TRUNG .....335 HUỆ KIẾM .....328 HUỆ TỪ (800-872).....335 HUỆ KIÊN .....328 HUỆ VIÊN .....335 HUỆ KINH (1548-1618) .....328 HUỆ VIỄN (1103-0076).....335 HUỆ LÃNG .....328 HÙNG BIỆN PHÁP SƯ ĐẠI TỊCH THÁP HUỆ LĂNG (854-932) .....328 .....335 HUỆ LIÊM .....329 HÙNG NHĨ SƠN .....336 HUỆ LONG (1005-1055) .....329 HUYỀN BẢN .....336 HUỆ LUÂN .....329 HUYỀN CƠ (645-720) .....336 HUỆ MÃN .....329 HUYỀN CHỈ .....336 HUỆ MẠNG .....329 HUYỀN ĐỒ .....336 HUỆ MINH .....329 HUYỀN GIÁC (665-713).....336 HUỆ MINH ĐẠI SƯ .....329 HUYỀN GIÁC ĐẠO SƯ .....337 HUỆ MINH THIỀN SƯ .....330 HUYỀN GIÁM .....337 HUỆ MỤC .....330 HUYỀN LỮ .....337 HUỆ NAM (1002-1069) .....330 HUYỀN NGỘ THIỀN SƯ .....337 HUỆ NĂNG (638-713).....330 HUYỀN NHAI TÁN THỦ .....337 HUỆ NGỘ THIỀN SƯ .....330 HUYỀN NHÂN .....337 HUỆ NGUNG (860-930).....330 HUYỀN NỘT (878-960) .....337 HUỆ NGUYÊN (1037-1091) .....330 HUYỀN PHONG (1266-1349).....337 HUỆ NGUYỆT THIỀN SƯ .....330 HUYỀN QUANG (1254-1334) .....337 HUỆ NHÂN CAO LY TỰ CHÍ HUYỀN SA SƯ BỊ THIỀN SƯ NGỮ LỤC .....330 .....338 HUỆ NHÂN TỰ .....331 HUYỀN SA SƯ BỊ THIỀN SƯ QUẢNG LỤC HUỆ NHẬT (1272-1340) .....331 .....338 HUỆ PHONG .....331 HUYỀN SÁCH .....338 HUỆ PHƯƠNG .....331 HUYỀN TẮC .....338 HUỆ QUÁN .....332 HUYỀN THÁI .....338 HUỆ QUANG .....332 HUYỀN TỊCH ĐẠI SƯ .....338 HUỆ QUANG (1888-1967).....332 HUYỀN TỐ (663-752) .....338 HUỆ

QUẢNG (1576-1620).....332 HUYỀN TÔNG .....339 HUỆ QUẢNG ĐẠI SƯ .....332 HUYỀN TRÁCH .....339 HUỆ SẢM (1372-1441).....332 HUYỀN ỨNG (910-975).....339 HUỆ SINH (?-1063) .....332 HUYỄN ẨN .....339 HUỆ SÙNG THIỀN SƯ THÁP .....333 HUYỄN CƯ .....339 HUỆ TÀI (?-1570) .....333 HUYỄN KHÔNG .....339 HUỆ TẠNG .....333 HUYỄN TRỤ AM THANH QUY ..339 HUỆ TẾ THIỀN SƯ .....333 HUYỄN TRỤ ĐẠO NHÂN .....339 HUỆ TẾ TỰ .....333 HUYẾT MẠCH .....339 HUỆ THANH (885-960) .....333 HƯ CỐC .....339 HUỆ THÀNH (941-1007) .....334 HƯ CHU (1196-1277) .....340 HUỆ THẮNG (thế kỷ V).....334 HƯ DUNG ĐẠM BẠC .....340 HUỆ THÂM .....334 HƯ ĐƯỜNG .....340 HUỆ THIỆP (741-822) .....334 HƯ ĐƯỜNG HÒA THƯỢNG NGỮ LỤC HUỆ THÔNG (1431-1501) .....334 .....340 HUỆ TỊCH (814-890) .....334 HƯ ĐƯỜNG TẬP .....340 HUỆ TÍNH .....334 HƯ HUYỄN TỬ .....340 HUỆ TỈNH .....334 HƯ NIẾT QUÁI .....340 HUỆ TÔNG .....334 HƯ SINH LÃNG TỬ .....340

MỤC LỤC TRA CỨU HƯ VÂN (1840-1959).....340 K .....348 HỨA KHẢ .....341 KÊ PHONG TỤC DIỆM .....348 HƯNG CỔ .....341 KÊ TÚC SƠN .....348 HƯNG HÓA TỒN TƯƠNG THIỀN SƯ NGỮ LỤC KẾ BIỆN .....349 .....341 KẾ CHÂU .....349 HƯNG HOÀN (1634-?) .....341 KẾ ĐẠT .....349 HƯNG LONG (1790-1865).....341 KẾ ĐĂNG LỤC .....349 HƯNG PHÁP ĐẠI SƯ .....341 KẾ THÀNH .....350 HƯNG QUỐC THIỀN TỰ .....341 KẾ TRIỆT .....350 HƯNG THÁNH QUỐC SƯ .....342 KẾ VÃNG KHAI LAI .....350 HƯNG THÁNH VẠN THỌ TỰ .....342 KỆ .....350 HƯNG TRIỆT (1635-?).....342 KẾT .....350 HƯNG TRÙ (1639-1695).....342 KẾT GIAO ĐẦU .....350 HƯƠNG HẢI (1628-1715).....342 KẾT THIỆT .....351 HƯƠNG HẢI TỰ .....343 KẾT TÒA .....351 HƯƠNG NGHIÊM TỰ .....343

KHẢ CHÂN (?-1064).....351 HƯƠNG NGHIÊM THƯỢNG THỌ .....343 KHẢ HOẰNG .....351 HƯƠNG NHAM TỰ .....344 KHẢ HƯU .....351 HƯƠNG NHAM TỰ THÁP .....344 KHẢ HUÂN .....351 HƯƠNG SƠN TỰ .....344 KHẢ LẬU TỬ .....351 HƯƠNG TÍCH TỰ .....344 KHẢ QUÁN .....352 HƯƠNG TUYỀN TỰ .....344 KHẢ SÁT .....352 HƯỚNG .....345 KHẢ THẬP (1298-1368) .....352 HƯỚNG CA SA HẠ .....345 KHẢ THỌ (1307-1375).....352 HƯỚNG HỎA .....345 KHẢ TÍCH HỨA .....353 HƯỚNG KHỨ .....345 KHẢ TRUNG .....353 HƯỚNG LAI .....345 KHẢ TÙNG (1420-1483).....353 HƯỚNG THƯỢNG NHẤT LỘ .....345 KHẢ TƯƠNG (1206-1290).....353 HƯỚNG THƯỢNG QUAN LIỆT .....345 KHẢ ÚY .....353 HƯỚNG THƯỢNG TOÀN ĐỀ .....345 KHÁCH ĐẦU HÀNH GIẢ .....353 HƯỚNG THƯỢNG TÔNG THỪA .....346 KHÁCH TÁC .....353 HƯỞNG ĐƯỜNG .....346 KHÁCH TRẦN .....354 HƯU .....346 KHÁCH TY .....354 HƯU AM .....346 KHAI .....354 HƯU PHỤC (?-943) .....346 KHAI CHẨM .....354 HỮU CHƯƠNG (880-950) .....346 KHAI DIỄN .....354 HỮU DUYÊN .....346 KHAI DỤC .....354 HỮU HUYỄN .....346 KHAI ĐƯỜNG .....355 HỮU MAI (1286-1366).....346 KHAI HÓA TỰ .....355 HỮU QUYỀN (?-1180).....346 KHAI HUỆ (1824-1906) .....355 HỮU THẬM GIAO THIỆP .....346 KHAI KHẨU KIẾN ĐẢM .....355 HỮU THIỀM .....347 KHAI KHOÁCH .....355 HỰU .....347 KHAI LÔ .....355 HỰU DÂN TỰ .....347 KHAI MINH THIỀN SƯ .....356 HY BIỆN .....347 KHAI NHÃN KHẠP THỤY .....356 HY LĂNG (1247-1322).....347 KHAI NHÃN MỤ NGỮ .....356 HY PHỤNG .....347 KHAI NHÃN NIỆU SÀNG .....356 HY TẨU THIỆU ĐÀM THIỀN SƯ QUẢNG LỤC KHAI NHÃN TÁC MỘNG .....356 .....348 KHAI PHÁP .....356 HY THIÊN (700-790).....348 KHAI PHÚC ĐẠO NINH THIỀN SƯ NGỮ LỤC HY TỨ (1110-1189) .....348 .....356 HY VẬN (765-850) .....348 KHAI PHÚC TỰ

(80).....357

MỤC LỤC TRA CỨU KHAI QUAN .....357 KHẨU BIỆN THIỆT ĐOAN .....367 KHAI QUỲNH (1634-1676) .....357 KHẨU ĐẦU THIỀN .....368 KHAI SĨ .....357 KHẨU NHƯỢC HUYỀN HÀ .....368 KHAI SƠN .....357 KHẨU TỰ BIỂN ĐẢM .....368 KHAI SƠN LÃO ĐIỆN .....357 KHẨU TỰ PHƯỞNG XA .....368 KHAI TÂM NHÃN .....357 KHẨU TỰ TẢNG BÀN .....368 KHAI THỊ .....357 KHẾ BẢN (930-1001).....368 KHAI THỊ NGỘ NHẬP .....358 KHẾ BÂN (1380-1450).....368 KHAI THIỆN TỰ .....358 KHẾ CƠ .....369 KHAI TIÊN TỰ .....358 KHẾ KHÔI .....369 KHÁI CỔ LỤC .....358 KHẾ NHƯ .....369 KHẢI THỈNH .....359 KHẾ NIỆM .....369 KHÁM .....359 KHẾ NỘT .....369 KHÁM BIỆN .....359 KHẾ ỔN .....369 KHÁM PHÁ .....359 KHẾ PHAN .....369 KHÁM QUÁ .....359 KHẾ PHÙ .....369 KHÁN .....360 KHẾ SÙNG .....370 KHÁN ĐÃI .....360 KHẾ THUYÊN .....370 KHÁN HẢO TINH THÁI .....361 KHẾ TRÙ (?-992).....370 KHÁN KHÁN .....361 KHẾ TÙNG .....370 KHÁN THOẠI THIỀN .....361 KHẾ VĂN (1302-1380).....370 KHÁNG HÀNH .....361 KHÍ HỮU TRƯỚC KHÔNG .....370 KHÁNH CHƯ (807-888) .....362 KHÍ PHÁC .....370 KHÁNH HỶ (1066-1142) .....362 KHIẾP .....370 KHÁNH KHOÁI .....362 KHIẾT LIÊU .....371 KHÁNH KHOÁI BÌNH SINH .....362 KHÒA ĐẠO .....371 KHÁNH LONG .....363 KHÓA HƯ LỤC .....371 KHÁNH THÔNG .....363 KHỎA TÚC .....372 KHÁNH TÚC .....363 KHOÁI DIÊU CẢN BẤT CẬP .....372 KHÁNH TƯỜNG .....363 KHOÁI MÃ .....372 KHÁNH VÂN TỰ .....364 KHOÁI TIỆN NAN PHÙNG .....372 KHÁO .....364 KHÔ MỘC LONG NGÂM .....372 KHẠP THÙY HÁN .....364 KHÔ NHAI MẠN LỤC .....372 KHÁT LỘC CHI TƯỞNG .....364 KHÔ QUY TÁNG MẠNG .....373 KHÁT LỘC SẤN DƯƠNG DIỆM .364 KHÔ QUỶ TỬ ĐỂ .....373 KHẮC

CẦN (1063-1135).....364 KHÔ THIỀN .....373
KHẮC DO PHẢ NẠI .....365 KHỐ CHỦ
.....373 KHẮC ĐÍCH .....365 KHỐ
ĐẦU .....373 KHẮC KỲ THỦ CHỨNG .....365
KHỔ HỒ LIÊN CĂN KHỔ .....373 KHẮC PHÙ
.....365 KHÔI ĐẦU .....374 KHẮC
VĂN (1025-1102).....365 KHÔI ĐẦU THỔ DIỆN .....374
KHẲNG .....366 KHÔI TỈNH (906-972)
.....374 KHẲNG TRỌNG .....366 KHÔNG ẨN
.....374 KHẨN TIẾU THẢO HÀI .....366 KHÔNG
CHIẾU THIỀN SƯ .....374 KHẤU .....366
KHÔNG CỐC .....374 KHẤU ĐỊCH
.....366 KHÔNG CỐC TẬP .....374 KHẤU
KÍCH .....367 KHÔNG DANH .....375
KHẤU KỶ .....367 KHÔNG DƯỢC
.....375 KHẤU PHÁT .....367 KHÔNG
HOA .....375 KHẤU QUAN KÍCH TIẾT .....367
KHÔNG HOA ẢNH LẠC .....375 KHẤU THAM
.....367 KHÔNG HOA DƯƠNG DIỆM .....375 KHẨU BA
BA .....367 KHÔNG KHẠP .....376

MỤC LỤC TRA CỨU KHÔNG KHOÁT KHOÁT .....376 KHƯỚC HOẠT
.....384 KHÔNG KIẾN NGOẠI ĐẠO .....376 KHƯỚC QUY
.....384 KHÔNG KIẾP DĨ TIỀN .....376 KHƯỚC
VẤN .....384 KHÔNG KIẾP DĨ TIỀN PHỤ MẪU
KHƯƠNG TĂNG HỘI (thế kỷ III) .....384
.....376 KÍCH DƯƠNG
.....385 KHÔNG KIẾP DĨ TIỀN SỰ .....376 KÍCH DƯƠNG
THÙ XƯỚNG .....385 KHÔNG LỘ (?-1119) .....377 KÍCH
HUẤN .....385 KHÔNG LÝ THỂ HOA .....377
KÍCH NGANG .....385 KHÔNG MINH
.....377 KÍCH THẠCH HỎA .....385 KHÔNG
NHƯ LAI TẠNG .....377 KÍCH TIẾT LỤC .....386
KHÔNG QUYỀN CUỐNG TIỂU NHI KIM ÂM (1614-1661)
.....386 .....378 KIM BẤT BÁC
KIM .....386 KHÔNG QUYỀN HOÀNG DIỆP .....378 KIM BÍCH
(1612-1671) .....386 KHÔNG SÁCH SÁCH .....378 KIM
BIỆN (?-1697).....386 KHÔNG SINH
.....378 KIM CANG .....386 KHÔNG
TẨU .....378 KIM CANG ĐỊNH .....386
KHÔNG THANH .....378 KIM CANG HUỆ
.....387 KHÔNG THẤT .....379 KIM CANG
KIẾM .....387 KHÔNG TỊCH .....379 KIM

CANG KINH .....387 KHÔNG TÔNG .....379
KIM CANG NHÃN TÌNH .....387 KHÔNG TƯỚNG
.....379 KIM CANG QUYỂN .....387 KHÔNG
VƯƠNG .....379 KIM CHIỂU (1620-1696).....388
KHÔNG VƯƠNG PHẬT .....379 KIM CHỬ (1620-1690)
.....388 KHỞI ĐỘNG .....379 KIM DIỆU
(1615-1678) .....388 KHỞI ĐƠN .....379 KIM
ĐỊA .....388 KHU CANH PHU CHI NGƯU, ĐOẠT CƠ NHÂN
CHI KIM HOA THIÊN NINH TỰ .....388 THỰC
.....380 KIM KINH BÍ TẠNG .....388 KHU KHU
.....380 KIM LAN .....388 KHU
KHU DỊCH DỊCH .....380 KIM LĂNG PHẠM SÁT CHÍ .....388
KHU Y .....380 KIM LIÊN TỊCH TRUYỀN
(1745-1816) KHUẤT .....380
.....389 KHUẤT TUẦN ???
.....380 KIM LIÊN TỰ .....389 KHÚC LỤC
MỘC SÀNG .....381 KIM LŨ = KIM THẰNG .....389 KHÚC
MỘC CỬ VỊ .....381 KIM MA (1629-1702) .....390
KHÚC THUẬN LAI CƠ .....381 KIM MAO
.....390 KHÚC VI TRUNG HẠ .....381 KIM
NHIỄM (1618-1688).....390 KHUÊ PHONG ÔN
(818-928).....381 KIM NHIẾP (1619-1686) .....390 KHUÔNG DẬT
.....382 KIM OẢN (1612-1690) .....390 KHUÔNG
ĐỒ LÃNH CHÚNG .....382 KIM SA ĐỌA NHÃN TRUNG .....390
KHUÔNG HÓA .....382 KIM SÍ
.....390 KHUÔNG NHÂN .....382 KIM
SÍ ĐIỂU CHÚA .....390 KHUÔNG VIỆT (833-1011) .....382
KIM SƠN CHÍ LƯỢC .....391 KHUYÊN HỘI
.....382 KIM SƠN TỰ .....391 KHUYÊN
LUYẾN .....382 KIM SƯ .....392
KHUYẾT XỈ LÃO HỒ .....383 KIM THÍCH
(1614-1680).....392 KHỨ (k. ng) .....383 KIM
TIẾT NHÃN TRUNG Ế .....392 KHỨ DÃ (k. ng) .....383
KIM TIẾT TUY QUÝ, NHÃN LÝ TRƯỚC BẤT ĐẮC KHỨ LAI THA QUỐC TRẦN CẢNH
.....392
.....383 KIM TÚC NHƯ LAI
.....392 KHỨ TẠI (k. ng) .....383 KIM TỬ HÀNG
.....392 KHỨ TỰU .....383 KIM TRẠM
(1613-1677) .....393 KHỬ NIỆM GIẢI PHƯỢC .....384 KIM
VÔ (1633-1681) .....393

MỤC LỤC TRA CỨU KINH CỨC .....393 KIỆT ĐẨU
.....401 KINH ĐƯỜNG .....393 KIỀU

LƯU THỦY BẤT LƯU .....401 KINH LUẬN .....393
KỊP .....401 KINH LUẬN GIA
.....393 KÝ .....401 KINH NGHIỆP
.....393 KÝ .....401 KINH SƯ
.....393 KÝ NHƯỢC .....401
KINH TẠNG ĐƯỜNG CHỦ .....394 KỶ KỶ
.....402 KINH THẾ PHÁP .....394 KỴ
LƯ MỊCH LƯ .....402 KÍNH ĐƯỜNG
.....394 L.....402 KÍNH
MÔN .....394 LA HẦU TỰ .....402
KÍNH SƠN .....394 LA HỒ DÃ LỤC
.....402 KÍNH SƠN CHÍ .....394 LA LA LÝ
.....403 KÍNH TẨU .....395 LA
LONG ĐẢ PHỤNG .....403 KÍNH THẠCH TRÍCH NHŨ TẬP .395
LA LUNG .....403 KÍNH TIẾN
.....395 LA PHÙ .....403 KÍNH
TIẾT .....395 LA PHÙ SƠN .....403
KÍNH TRUNG HÒA THƯỢNG NGỮ LỤC LA QUÝ
(852-936).....403 .....395 LA
TRAI .....403 KÍNH TUÂN
.....395 LẠC BÁN ĐỒ .....404 KÍNH
YẾU .....395 LẠC CĂN TRẦN .....404
KÌNH QUYỀN CỬ CHỈ .....396 LẠC HƯ
.....404 KIỀM CHÙY .....396 LẠC
NHỊ LẠC TAM .....404 KIỀM KIỆN .....396
LẠC TAM LẠC TỨ .....404 KIỀM NAM HỘI ĐĂNG LỤC
.....396 LẠC TẬN MY MAO .....404 KIỂM CỬ
.....396 LẠC THẢO ĐÀM .....405 KIỂM
ĐIỂM .....396 LẠC THẢO HÁN .....405
KIỂM TRÁCH .....397 LẠC THẦN VẪN
.....405 KIÊN CUNG TIỄU LÝ .....397 LẠC TIỆN NGHI
.....405 KIÊN HỮU .....397 LẠC TIẾT
.....405 KIẾN CÁI .....397 LẠC
TRƯỚC .....405 KIẾN ĐÃI
.....397 LẠC VĂN THÁI .....405 KIẾN
ĐỊA .....397 LẠC XỨ .....406
KIẾN HÓA MÔN .....397 LẠC Ý
.....406 KIẾN HỶ .....398 LAI
.....406 KIẾN NGHIỆT
.....398 LAI CƠ .....406 KIẾN PHẬT
TỔ NHƯ SINH OAN GIA LAI DO .....406
.....398 LAI PHỤC (1319-1391)

.....406 KIẾN SƠ TỰ .....398 LAI QUẢ (1881-1953) .....407 KIẾN THẦN KIẾN QUỶ .....398 LẠI .....407 KIẾN THỐ PHÓNG ƯNG .....398 LẠI AM .....407 KIẾN TÍNH .....398 LẠI AN .....407 KIẾN TÍNH THÀNH PHẬT .....399 LẠI TOẢN .....407 KIẾN TRI .....399 LẠI VÂN .....407 KIẾN TRIỀN .....399 LAM SÀM .....407 KIẾN TRUNG TĨNH QUỐC TỤC ĐĂNG LỤC LAN .....407 .....399 LẠN KHA .....407 KIẾN VĂN GIÁC TRI .....399 LANG .....408 KIỀN CHÙY .....400 LANG DA SƠN GIÁC HÒA THƯỢNG NGỮ LỤC KIỆN MỤC .....400 .....408 KIẾT LẬT SẮT NÕA MỤC NHĨ ĐỂ LANG ĐANG .....408 (1895-1986).....400 LANG MẠC .....408 KIẾT VÂN THIỀN TỰ THÁP .....401 LANG MANG .....408

MỤC LỤC TRA CỨU LANG TIÊU .....408 LÂM HẠ .....417 LANG TIÊU HOÀNH ĐẢM .....408 LÂM TẾ LỤC .....417 LANG TIÊU VỊ ĐẢM .....408 LÂM TẾ TÔNG .....417 LÃNG .....409 LÂM TẾ TÔNG CHỈ .....417 LÃNG ĐÃNG THẬP HOA CHÂM LÂM TẾ TỰ .....417 .....409 LÂM TẾ TỰ TRỪNG LINH THÁP LÃNG HUY SỰ (1845-1910) .....409 .....418 LÃNH .....409 LÂM TẾ TƯỚNG QUÂN .....418 LÃNH CẤM CẤM .....409 LÂM THỜI .....418 LÃNH CHỈ .....409 LẬP ĐỊA .....418 LÃNH CHÚNG .....409 LẬP ĐỊA KHẠP THỤY .....419 LÃNH ĐỊA LÝ HỌC KHÁCH THUNG LẬP ĐỊA THÀNH PHẬT .....419 .....410 LẬP ĐỊA TỬ HÁN .....419 LÃNH TRAI DẠ THOẠI .....410 LẬP NGHĨA .....419 LAO CƯỜNG .....410 LẬP TĂNG .....419 LAO LẠC .....410 LẬT CỨC BỒNG .....419 LAO LAO .....410 LẬU ĐẬU .....420 LAO LỮ .....410 LÊ NÔ BẠCH CỔ .....420 LAO SINH .....410 LỆ GIAI

.....420 LAO TỪ .....411 LỊCH KIẾP .....420 LÃO AN QUỐC SƯ .....411 LỊCH LẠC .....421 LÃO BÀ TÂM .....411 LỊCH LỊCH CÔ MINH .....421 LÃO BÀ TÂM THIẾT .....411 LỊCH NHIÊN .....421 LÃO BÀ THIỀN .....411 LIÊM KHIÊN .....421 LÃO BÀ THUYẾT THOẠI .....411 LIÊM KHIÊN ĐÁP TRỆ .....421 LÃO CỔ CHÙY .....411 LIÊN ĐĂNG HỘI YẾU .....421 LÃO CƠ DUYÊN .....412 LIÊN NGUYỆT .....422 LÃO DÃ HỒ .....412 LIÊN PHÁI TỰ .....422 LÃO ĐẠI TRÙNG .....412 LIÊN PHONG .....422 LÃO ĐẢO .....412 LIÊN TRÌ (1535-1615) .....422 LÃO ĐỐNG NÙNG .....412 LIỆT TỔ ĐỀ CƯƠNG LỤC .....422 LÃO LƯU .....412 LIÊU CHỦ .....423 LÃO MA VƯƠNG .....413 LIÊU KHỞI TIỆN HÀNH .....423 LÃO NGỐC NÔ .....413 LIÊU NGUYÊN .....423 LÃO QUÁN HÒA THƯỢNG .....413 LIÊU THIÊN .....423 LÃO SƯ .....413 LIÊU THIÊN TUẤN CỐT .....423 LÃO TAO HỒ .....413 LIÊU XÁ .....423 LÃO THIỀN.....413 LIỄU .....423 LÃO THIỀN MA .....413 LIỄU AM (1425-1514) .....424 LÃO TÚC .....414 LIỄU BẢN .....424 LẠP .....414 LIỄU BIỆN .....424 LẠP NGUYỆT PHIẾN TỬ .....414 LIỄU BIỆN .....424 LẠP NGUYỆT TAM THẬP DẠ ....414 LIỄU CẢI (1335-1421).....424 LĂNG ĐOẠT .....414 LIỄU DUỆ (1540-1624) .....424 LĂNG-GIÀ KINH .....414 LIỄU ĐẠT .....425 LĂNG-GIÀ SƯ TƯ KÝ .....415 LIỄU ĐẠT THẬT (THIỆT) THÀNH (?- LĂNG NGHIÊM TỰ .....416 1823).....425 LĂNG TẰNG .....416 LIỄU ĐƯƠNG .....425 LĂNG TẰNG .....416 LIỄU GIÁC THIỀN SƯ .....426 LÂM CƠ .....416 LIỄU HUỆ (1198-1262) .....426 LÂM DƯƠNG TỰ.....416 LIỄU HUYỄN .....426 LÂM GIAN LỤC .....416 LIỄU LÃNG .....426

MỤC LỤC TRA CỨU LIỄU LIỄU .....426 LINH SƠN .....436 LIỄU MINH (?-1165) .....426 LINH

SƠN HUỆ MẠNG .....437 LIỄU NGHĨA (1263-1334).....427 LINH SƠN TỰ .....437 LIỄU NGHĨA GIÁO .....427 LINH SÙNG .....437 LIỄU NGỘ .....427 LINH TẾ THÁP .....437 LIỄU NGỘ THIỀN SƯ .....427 LINH THAM .....438 LIỄU NGUYÊN (1032-1098) .....427 LINH THAO (671-759).....438 LIỄU NGUYỆT (1731-1812) .....428 LINH THỌ THIỀN SƯ .....438 LIỄU NHẤT (1081-1155) .....428 LINH THỤY (910-970).....438 LIỄU NHIÊN .....428 LINH THỨU THÀNH (1620-1687) .....438 LIỄU QUÁN (1673-1753).....428 LINH TRI .....438 LIỄU QUYỀN (813-861) .....429 LINH TUÂN .....438 LIỄU SỰ .....429 LINH TUYỀN THIỀN TỰ .....439 LIỄU SỰ HÁN .....429 LINH VÂN .....439 LIỄU THIỀN (1830-1894) .....429 LOA CÂN .....439 LIỄU THOÁT .....429 LOẠN DỮ .....439 LIỄU THỦ .....429 LONG BÌNH NGÕA XƯỞNG TỰ .439 LIỄU TÍNH (1271-1321).....430 LONG ĐÀM HÒA THƯỢNG .....439 LIỄU TÔNG ĐẠI SƯ .....430 LONG HƯNG TỰ .....440 LIỄU TRI .....430 LONG KỲ (1592-1673).....440 LIỄU TRINH (1728-1785) .....430 LONG NGUYÊN .....440 LIỄU VẠN (1241-1312).....430 LONG TUYỀN KIẾM .....440 LIỆU GIẢN .....430 LONG TUYỀN THIỀN TỰ .....440 LINH ẨN TỰ .....430 LONG TUYỀN TỰ .....440 LINH ẨN TỰ THẠCH THÁP .....431 LONG TƯỢNG .....441 LINH CHIẾU (870-947).....431 LÔ CẤU .....441 LINH CỐC TỰ .....431 LÔ SƠN .....442 LINH CỐT .....432 LỘ .....442 LINH DƯƠNG QUẢI GIÁC .....432 LỘ BỐ .....442 LINH ĐÀI .....432 LỘ ĐẦU .....442 LINH GIÁC .....433 LỘ ĐỊA BẠCH NGƯU .....442 LINH HUẤN .....433 LỘ ĐƯỜNG ĐƯỜNG .....443 LINH HỰU (771-853) .....433 LỘ KHỎA KHỎA, XÍCH SÁI SÁI, VÔ KHẢ BẢ LINH KHÔNG .....433 .....443 LINH KHUÊ .....433 LỘ PHÙNG KIẾM KHÁCH TU TRÌNH KIẾM BẤT LINH KIỆU .....433 THỊ THI NHÂN MẠC HIẾN THI LINH LINH NHIÊN .....433 .....443 LINH LỢI .....434 LỘ TRỤ

.....443 LINH MẶC (747-818).....434 LỘC MÔN TỰ .....443 LINH MỘC ĐẠI CHUYẾT TRINH THÁI LANG LÔI ÂM .....444 (1870-1966).....434 LÔI ÂM TỰ .....444 LINH NGUYÊN .....434 LÔI MÔN KHOA BỐ CỔ .....444 LINH NHAM TỰ .....435 LỘNG ẢNH .....444 LINH NHAM TỰ THÁP .....435 LỘNG ẢNH HÝ .....445 LINH NHAM TỰ THÁP LÂM .....435 LỘNG NIẾT QUÁI .....445 LINH PHONG NGẪU ÍCH .....435 LỘNG QUANG ẢNH HÁN .....445 LINH PHỦ .....436 LỘNG QUỶ NHÃN TÌNH .....445 LINH QUÁN .....436 LỘNG TINH HỒN .....445 LINH QUANG .....436 LỘNG VẬT BẤT TRI DANH .....446 LINH QUANG TỰ .....436 LỢI DỤC .....446 LINH SẦM .....436 LỢI TUNG (800-880).....446 LINH SIÊU .....436 LUÂN ĐẲNG .....446 MỤC LỤC TRA CỨU LUẬN LƯỢNG .....446 LÝ SỰ .....456 LUẬN NGHỊ (Thiền tông) .....446 LÝ SỰ BẤT NHỊ .....456 LUẬN NGHĨA .....447 LÝ THỤY SẢNG (1931-) .....456 LUẬT ĐỒNG HÔI .....447 LÝ TIỄN .....456 LỤC DUNG TỰ (102).....447 LÝ TRƯỞNG TẮC TỰU .....457 LỤC ĐẦU THỦ .....447 LÝ TUÂN HÚC (988-1038).....457 LỤC HÒA THÁP .....448 M .....457 LỤC MÔN .....448 MA .....457 LỤC NHĨ BẤT ĐỒNG MƯU .....448 MA CHỦ .....457 LỤC THỜI .....448 MA CỐC TRIỆT .....457 LỤC THÙ .....448 MA CUNG .....457 LỤC TỔ ĐIỆN .....448 MA ĐẠO .....458 LỤC TRI SỰ .....449 MA HA .....458 LUNG .....449 MA HỀ NHÃN .....458 LUNG LA .....449 MA KHÔNG TUẤN CỐT .....458 LUNG LAO .....449 MA-KIỆT-ĐÀ LỆNH .....458 LỤY THÙY .....449 MA LA .....459 LUYẾN LUYẾN QUYỀN QUYỀN ....449 MA LUNG .....459 LƯ NGƯU NHỊ NHŨ .....449 MA MÊ .....459 LƯ NIÊN .....449 MA MỊ .....459 LƯ THẦN MÃ CHỦY .....450 MA NI

.....459 LƯ TIỀN MÃ HẬU .....450 MA NGOẠI .....459 LƯ YÊN KIỀU .....450 MA NGƯU .....459 LỮ BẠC .....450 MA QUÂN .....460 LỰC KIM .....450 MA QUYÊN .....460 LƯỢC HƯ .....450 MA SỰ .....460 LƯỢC HƯ ĐẦU HÁN .....450 MA TÁC .....460 LƯƠNG CỬU .....451 MA TIÊU TUẤN CỐT .....460 LƯƠNG GIỚI (807-869).....451 MA TỬ .....460 LƯƠNG KHUÔNG .....451 MÃ KỲ .....461 LƯƠNG TOẠI .....451 MÃ TỔ (709-788).....461 LƯỠNG BAN .....451 MÃ TỔ AM .....461 LƯỠNG CHÍCH NHÃN .....452 MÃ TỔ ĐẠO NHẤT THIỀN SƯ QUẢNG LỤC LƯỠNG CƯỚC SAO KHÔNG .....452 .....461 LƯỠNG ĐƯỜNG .....452 MÃ TỔ TỨ GIA LỤC .....461 LƯỠNG LƯỠNG TAM TAM .....452 MẠC DA KIẾM .....461 LƯỠNG NHẬN TƯƠNG THƯƠNG ..452 MẠC VỌNG TƯỞNG .....462 LƯỠNG PHIẾN BÌ .....452 MẠCH .....462 LƯỠNG THÁI NHẤT TRẠI .....453 MẠCH ĐAO .....462 LƯỠNG TRÙNG CÔNG ÁN .....453 MẠCH TRỰC .....462 LƯU BỐ .....453 MẠCH TRỰC NGỘ GIẢI .....462 LƯU NGẠI .....453 MAI AM .....462 LƯU THIẾT MA .....453 MAI ỐC .....463 LƯU THÔNG .....453 MÃI MẠO TƯỚNG ĐẦU .....463 LY NGÔN THUYẾT PHÁP .....453 MÃI THIẾP TỌA THIỀN SÀNG ...463 LY TÂM CẦU PHẬT .....454 MẠI PHIẾN LÃO BÀ THỦ GIÀ NHẬT LY TỨ CÚ, TUYỆT BÁCH PHI 454 .....463 LY VI .....454 MẠI SINH KHƯƠNG HÁN .....463 LÝ AN TỰ .....454 MẠI TỈNH TỈNH .....464 LÝ CAO (772-841).....454 MẠI TỬ MIÊU ĐẦU .....464 LÝ CƯƠNG (1083-1140).....455 MAN .....464 LÝ HỘI .....455 MÃN GIÁC (1052-1096) .....464

MỤC LỤC TRA CỨU MÃN KHỞI (?-1562).....465 MINH BẢN (1263-1323) .....472 MANG MANG .....465 MINH CHÂN THIỀN SƯ .....473 MANH GIÀ HẠT BỔNG .....465 MINH CHÂU A-DỤC VƯƠNG SƠN CHÍ MANH MANH TƯƠNG DẪN .....465 .....473 MANH QUY TRỊ MỘC

.....465 MINH CHÂU NHẠC LÂM TỰ CHÍ MÃNH HỎA THIẾT SÀNG .....466 .....473 MÃNH LIỆT .....466 MINH ĐẦU .....473 MÃNH LỢI .....466 MINH ĐỨC (1290-1372) .....474 MẠNH BÁT LANG .....466 MINH GIÁC .....474 MẠT .....466 MINH GIÁC ĐẠI SƯ .....474 MẠT ĐẠI .....467 MINH GIÁC THIỀN SƯ NGỮ LỤC MẠT HẬU CÚ .....467 .....474 MẠT HẬU NHẤT CÚ, THỈ ĐÁO LAO QUAN MINH HÀNH (1596-1659) .....474 .....467 MINH HIỂN (?-1415).....475 MẠT THƯỢNG .....467 MINH HOÀI (1586-1630).....475 MẠT THƯỢNG TRƯỚC CƯỚC THỦ XỨ MINH HUỆ (1664-1735).....475 .....467 MINH HỮU .....475 MẶC CHIẾU THIỀN .....467 MINH KHẾ .....475 MÂN ĐỨC .....468 MINH KHIÊM HOẰNG ÂN (1850-1914) MẬT .....468 .....476 MẬT AM HÒA THƯỢNG NGỮ LỤC MINH KHÔNG (1076-1141) .....476 .....468 MINH LÂM (1614-?) .....477 MẬT ẤN .....469 MINH LƯƠNG (?-?) .....477 MẬT ẤN THIỀN SƯ NGỮ LỤC 469 MINH MÔNG .....478 MẬT ẤN TỰ .....469 MINH NGỘ .....478 MẬT HẠNH NHẪN THIỀN SƯ NGỮ LỤC MINH NGỘ THIỀN SƯ .....478 .....469 MINH NHÃN NHÂN .....478 MẬT NGỮ .....469 MINH PHÚC (1591-1642) .....478 MẬT NHAM .....469 MINH PHƯƠNG (1593-1648).....478 MẬT PHÓ .....469 MINH QUẢNG .....478 MẬT TẠI NHỮ BIÊN .....470 MINH SƯU .....479 MẬT TẠNG KHAI THIỀN SƯ DI CẢO MINH THỌ (1682-1744).....479 .....470 MINH THÔNG (1480-1543).....479 MẬT VÂN .....470 MINH TÍN (1512-1574) .....479 MẬT VÂN THIỀN SƯ NGỮ LỤC MINH TOẢN .....479 .....470 MINH TRÍ (?-1196).....479 MẬT Ý .....470 MINH TRIẾT .....480 MẬU CỔ LÂM .....470 MINH TRIỆT .....480 MÊ BA THẢO NGUYÊN .....470 MINH TRUNG (1696-1776) .....480 MÊ ĐẦU NHẬN ẢNH

.....471 MINH TUYÊN (?-1472).....481 MÊ LÊ MA LA
.....471 MINH TUYẾT (1584-1641).....481 MÊ PHÙNG
ĐẠT MA .....471 MINH VẬT NHẤT TRI (?-1786) .....481 MỄ
HÒA THƯỢNG .....471 MINH VI ĐẠI SƯ .....482
MỊ NGỮ .....471 MINH VI MẬT HẠNH
(1828-1898)...482 MIỂN MIỂN HIỂN HIỂN MINH VIỄN
.....482 .....471 MINH
VU (1599-1665) .....482 MIẾT ĐỊA
.....471 MỖ GIÁP .....483 MIẾT
TỲ .....472 MỘC HOẠN TỬ .....483
MIỆT KHIẾT .....472 MỘC NHÂN, THẠCH NỮ
.....483 MIỆT MIỆT TIẾT TIẾT .....472 MỘC THỰC THẢO Y
.....483 MIÊU MẠO (506) .....472 MÔN ĐỊA
.....483 MINH AN ĐẠI SƯ .....472 MÔN
ĐÌNH .....483

MỤC LỤC TRA CỨU MÔN ĐÌNH THI THIẾT .....483 NAM NỮ
.....492 MÔN KHÔNG TRUY HƯỞNG .....484 NAM
PHỔ ĐÀ TỰ .....492 MÔN PHONG .....484
NAM SƠN ĐẢ CỔ, BẮC SƠN VŨ MÔN SĨ
.....484 .....492
MÔNG ĐỔNG TAM BÁCH ĐẢM 484 NAM SƠN KHỞI VÂN, BẮC SƠN HẠ VŨ
MÔNG SƠN .....484
.....492 MỘNG ĐƯỜNG .....484
NAM SƠN MIẾT TỲ .....493 MỘNG SONG SƠ THẠCH
(1275-1351) NAM SƠN TỰ .....493
.....484 NAM THIÊN THIỀN TỰ
.....493 MỘNG THẾ TẨU .....485 NAM THIỀN TỰ
.....494 MỘT BA TỲ .....485 NAM TỐNG
NGUYÊN MINH THIỀN LÂM TĂNG MỘT ĐỂ THUYỀN .....485 BẢO
TRUYỆN .....494 MỘT GIAO THIỆP .....485 NAM
TUYỀN SƠN .....494 MỘT HUYỀN CẦM .....485
NAM TUYỀN THIỀN SƯ .....495 MỘT HỨNG
.....486 NAM TUYỀN TRẢM MIÊU .....495 MỘT
LƯỢNG .....486 NAM VIỆN .....495
MỘT LƯỢNG ĐẠI NHÂN .....486 NAN DỊ
.....495 MỘT TUNG TÍCH .....486 NAN
PHÙNG KHOÁI TIỆN .....495 MỘT Ý TRÍ .....486
NAO .....495 MỤC AM
.....487 NẠP .....496 MỤC
CHÂU BẢN .....487 NẠP BẠI KHUYẾT .....496
MỤC CHÂU ĐẠO MINH THIỀN SƯ NGỮ LỤC NẠP KHOẢN
.....496 .....487 NẠP KHUYẾT

.....496 MỤC CƠ THÙ LƯỢNG .....487 NẠP PHẠN A SƯ .....496 MỤC TRỪNG KHẨU KHỨ .....487 NẠP TĂNG (NẠP TỬ) ( ) .....496 MUỘN MUỘN .....487 NẠP TĂNG BA TỴ .....496 MY MAO DỊCH KHỞI .....487 NẠP TĂNG HÀNH CƯỚC SỰ .....496 MY MAO TƯƠNG KẾT .....488 NẠP TĂNG MÔN HẠ .....497 MY PHÂN BÁT TỰ .....488 NẠP TĂNG NHẪN TÌNH .....497 MY TU ĐỌA LẠC .....488 NẠP TĂNG TỴ KHỔNG .....497 MỸ THỰC BẤT TRÚNG BÃO NHÂN KHIẾT NẠP Y HẠ SỰ .....497 .....488 NĂNG .....497 N .....489 NĂNG GIẢI .....497 NA (k. ng) .....489 NĂNG HẢI (1886-1967).....498 NA BIÊN .....489 NĂNG NHÂN TỰ .....498 NA BIÊN CÚ .....489 NĂNG SỞ .....498 NA NHÂN .....489 NĂNG SỞ SONG TUYỆT .....499 NA NHẤT BẢO .....490 NĂNG TÔNG .....499 NA NHẤT QUYẾT .....490 NÊ ĐA PHẬT ĐẠI .....499 NA NHẤT THỦ .....490 NÊ ĐOÀN .....499 NA SỰ .....490 NÊ NGƯU NHẬP HẢI .....499 NÃ VÂN .....490 NÊ THẦN THIỆT .....500 NAM AM .....490 NÊ TRUNG TẨY THỔ .....500 NAM BÌNH ẨN TẨU .....490 NỄ .....500 NAM CỐC DĨNH (1616-1673).....490 NỄ KHÁN GIẢ HẠT HÁN .....500 NAM DƯƠNG QUỐC SƯ .....490 NGA MY SƠN .....500 NAM ĐÀI TỰ .....491 NGA VƯƠNG TRẠCH NHŨ .....501 NAM ĐƯỜNG .....491 NGÃ TRÁNG .....501 NAM ĐƯỜNG NGUYÊN TĨNH .....491 NGÃ TÙNG LAI NGHI TRƯỚC GIÁ HÁN NAM HOA TỰ .....491 .....501 NAM MINH (1576-1620).....491 NGẠN TÂN .....501 NAM NHẠC ĐƠN TRUYỀN KÝ ..492 NGAO NGAO HƯỚNG NHÂN .....501

MỤC LỤC TRA CỨU NGAO NGOA .....501 NGỘ TIẾN (1612-1673).....511 NGÂN SƠN THIẾT BÍCH .....501 NGỘ TRĂN .....511 NGẬT KHẨN .....502 NGỘ TU THIỀN SƯ .....511 NGẬT LẠO THIỆT ĐẦU .....502 NGỘ XUÂN (1835-1895) .....511 NGẪU ÍCH .....502 NGỐC AM .....511 NGHI SÁT .....502 NGỐC AM TRANG THIỀN SƯ NGỮ LỤC NGHI TÌNH .....502

.....511 NGHI YẾN (876-990) .....502 NGỐC LŨ SINH .....511 NGHĨ BẤT NGHĨ .....503 NGÔN ĐOAN NGỮ ĐOAN .....511 NGHĨ HÀN SƠN THI .....503 NGÔN THƯỢNG SINH NGÔN, CÚ THƯỢNG SINH NGHĨ TÂM TỨC SAI, ĐỘNG NIỆM TỨC QUAI CÚ .....512 .....503 NGỘT AM (1197-1276) .....512 NGHĨA DOÃN (1220-1275) .....503 NGỘT AM PHỔ NINH THIỀN SƯ NGỮ LỤC NGHĨA GIỚI (1225-1280) .....503 .....512 NGHĨA HẢI .....503 NGU AM .....513 NGHĨA HOÀI (993-1064).....504 NGỮ DIỆP .....513 NGHĨA HUYỀN .....504 NGỮ DIỆP HOA .....513 NGHĨA KHÔNG .....504 NGỮ DIỆP THIÊN ĐĂNG .....513 NGHĨA NĂNG .....504 NGỮ ĐÀI SƠN .....513 NGHĨA NHU (?-993) .....505 NGỮ ĐĂNG HỘI NGUYÊN .....514 NGHĨA PHÚC (658-736) .....505 NGỮ ĐĂNG HỘI NGUYÊN TỤC LƯỢC NGHĨA SƠ (895-951).....505 .....514 NGHĨA THANH (1032-1083).....505 NGỮ ĐĂNG NGHIÊM THỐNG .....515 NGHĨA THÀNH .....505 NGỮ ĐĂNG NGHIÊM THỐNG GIẢI HOẶC THIÊN NGHĨA TỒN (882-908) .....505 .....515 NGHĨA TRUNG .....506 NGỮ ĐĂNG TOÀN THƯ .....515 NGHĨA VÂN (1253-1333) .....506 NGỮ GIA BIỆN .....515 NGHĨA VIÊN .....506 NGỮ GIA BIỆN CHÍNH .....516 NGHIẾT THỐC .....506 NGỮ GIA CHÍNH TÔNG TÁN .....516 NGHINH GIANG TỰ .....506 NGỮ GIA NGỮ LỤC .....516 NGỌA LONG .....506 NGỮ GIA THAM TƯỜNG YẾU LỘ MÔN NGỌA LONG TỰ .....506 .....516 NGỌA VÂN .....507 NGỮ GIA TÔNG CHỈ TOẢN YẾU NGỌC LÂM QUỐC SƯ .....507 .....517 NGỌC PHẬT TỰ .....507 NGỮ PHÁI NHẤT TRÍCH ĐỒ .....517 NGỌC PHONG THÁP .....507 NGỮ PHÚC TỰ THÁP .....518 NGỌC TUYỀN TỰ .....508 NGỮ SƠN THẬP SÁT .....518 NGÔ DI (1939-).....508 NGỮ TỔ SƠN .....518 NGÔ KINH HÙNG (1899-1966) .....508 NGỮ TÔNG .....519 NGỘ AN .....509 NGỮ TÔNG NGUYÊN .....519 NGỘ ẤN (1019-1088) .....509 NGỮ VỊ QUÂN THẦN .....520 NGỘ BẢN THIỀN SƯ .....509 NGỮ VỊ THIỀN .....520 NGỘ CHÂN .....509 NGUYÊN AN (834-898).....520 NGỘ

CHÂN ĐẠI SƯ .....510 NGUYÊN CẢNH (1577-1630) .....521 NGỘ DUYÊN .....510 NGUYÊN CHÂN THIỀN SƯ .....521 NGỘ HIỀN (922-1009) .....510 NGUYÊN DIỆU (1238-1295) .....521 NGỘ KHÔNG ĐẠI SƯ .....510 NGUYÊN HIỀN (1578-1657) .....521 NGỘ KHÔNG THIỀN SƯ .....510 NGUYÊN HỐI (1292-1372) .....521 NGỘ MÔN .....510 NGUYÊN KHUÊ (644-716) .....521 NGỘ NGUYÊN (1615-1678) .....510 NGUYÊN LAI (1575-1630).....521 NGỘ NINH .....510 NGUYÊN MẬT (1579-1649).....522 NGỘ TÂN (1043-1115).....510 NGUYÊN QUANG (1290-1367) .....522

MỤC LỤC TRA CỨU NGUYÊN QUY .....522 NHÂN CẢNH CÂU BẤT ĐOẠT ...532 NGUYÊN SÙNG (713-777).....522 NHÂN CẢNH LƯỠNG CÂU ĐOẠT NGUYÊN TẾ (1620-1707).....522 .....532 NGUYÊN THIỀU (1631-1721).....522 NHÂN CĂN .....532 NGUYÊN THÔNG (1136-1209).....523 NHÂN CÔNG .....532 NGUYÊN TĨNH (1065-1135) .....523 NHÂN DŨNG .....532 NGUYÊN TĨNH (1312-1378) .....523 NHÂN DUYÊN .....532 NGUYÊN TRIỆU .....523 NHÂN KHÁCH .....533 NGUYÊN TRƯỜNG (1284-1357).....523 NHÂN KIỆM .....533 NGUYỆN CHIÊU .....524 NHÂN LỰC .....533 NGUYỆN HỌC (?-1174) .....524 NHÂN NGÃ .....533 NGUYỆN TỀ .....524 NHÂN PHÁP .....533 NGUYỆT GIANG CHÍNH ẤN THIỀN SƯ NGỮ LỤC NHÂN PHONG XUY HỎA .....533 .....524 NHÂN THIÊN .....534 NGUYỆT HÀ (1858-1917) .....524 NHÂN THIÊN BẢO GIÁM .....534 NGUYỆT LÃNG TOÀN (1855-1915).....524 NHÂN THIÊN NHÃN MỤC .....534 NGUYỆT LUÂN .....525 NHÂN TIỆN .....534 NGUYỆT NHẬT .....525 NHÂN TRÍ (1812-1902).....535 NGUYỆT QUANG TỰ .....525 NHÂN ÚC (900-736) .....535 NGƯ MỤC HỖN CHÂU .....525 NHẬN DANH NHẬN CÚ .....535 NGỮ LỤC .....525 NHẬN DIỆP CHỈ ĐỀ (107) .....535 NGỰ CHẾ GIẢN MA BIỆN DỊ LỤC NHẬN NÔ TÁC LANG .....535 .....526 NHẬN QUẤT BÌ VI MÃNH HỎA NGỰ TUYỂN NGỮ LỤC .....526 .....535 NGƯNG MẬT THIỀN SƯ .....526 NHẬN QUY TÁC MIẾT .....535 NGƯNG MÂU .....526 NHẬP .....536 NGƯNG

TỊCH ĐẠI SƯ .....527 NHẬP CHÚNG .....536 NGƯỠNG SƠN HUỆ TỊCH THIỀN SƯ NGỮ LỤC NHẬP ĐẠO .....536 .....527 NHẬP ĐẠO AN TÂM YẾU PHƯƠNG TIỆN PHÁP NGƯU ĐẦU SƠN .....527 MÔN .....536 NHẠ NÊ THỦY .....527 NHẬP ĐẦU .....536 NHẠC LÂM TỰ .....527 NHẬP ĐỊA NGỤC NHƯ TIỄN XẠ NHAI PHƯỜNG HÓA CHỦ .....528 .....537 NHAI NGHIỆP .....528 NHẬP ĐỊNH .....537 NHAM TUẤN (882-966) .....528 NHẬP HẢI TOÁN SA .....537 NHÀN NGÔN NGỮ .....528 NHẬP HỘI .....537 NHÀN TRẦN CẢNH .....529 NHẬP LỘ .....537 NHÃN .....529 NHẬP MÔN .....537 NHÃN CÂN .....529 NHẬP NÊ NHẬP THỦY .....537 NHÃN HOÀNH TỴ TRỰC .....529 NHẬP NÊ THỦY .....538 NHÃN LÝ TRỪU ĐINH, NÃO HẬU BẠT TIỄN NHẬP THẤT .....538 .....529 NHẬP THẤT ĐỆ TỬ .....538 NHÃN MỤC .....529 NHẬP VIỆN .....538 NHÃN QUANG LẠC ĐỊA .....530 NHẬP XỨ .....538 NHÃN THÁP SI .....530 NHẤT AI NHẤT TẠT .....539 NHÃN THÂN THỦ BIỆN .....530 NHẤT BAN .....539 NHÃN TÌNH ĐỊNH ĐỘNG .....530 NHẤT BAN ĐẢM BẢN ĐẮC NHÂN TẮNG NHẬM CHÂN .....530 .....539 NHẬM KẾ DŨ (1916-?) .....531 NHẤT BẢO .....539 NHẬM MA .....531 NHẤT BÃO VONG BÁCH CƠ .....539 NHẬM VẬN .....531 NHẤT BÁT TIỆN CHUYỂN .....539 NHÂN .....531 NHẤT BIỆN .....539

MỤC LỤC TRA CỨU NHẤT BỔNG .....539 NHẤT HỮU ĐA CHỦNG .....548 NHẤT BỔNG ĐẢ SÁT .....540 NHẤT KHÁCH PHIỀN LƯỠNG CHỦ NHẤT BÚT CÂU .....540 .....548 NHẤT CÁ BÁN CÁ .....540 NHẤT KHANH MAI KHƯỚC .....548 NHẤT CÁ HỒN THÂN VÔ XỨ TRƯỚC NHẤT KHOẢN TIỆN CHIÊU TỰ LÃNH XUẤT ĐẦU .....540 .....548 NHẤT CÁ QUAN TÀI LƯỠNG CÁ TỬ HÁN NHẤT KHÔNG (1603-1664).....548 .....540 NHẤT KÍNH .....548 NHẤT CẦM NHẤT TÚNG .....540 NHẤT KỲ .....549 NHẤT CHÍCH NHÃN .....541

NHẤT LẠC TÁC .....549 NHẤT CHÚNG .....541 NHẤT LỆ TY .....549 NHẤT CHỦNG .....541 NHẤT LỘ PHÚC TINH .....549 NHẤT CHÙY .....541 NHẤT MANH DẪN CHÚNG MANH NHẤT CHÙY TIỆN THÀNH .....541 .....549 NHẤT CHUYỂN NGỮ .....542 NHẤT NA CÁ .....549 NHẤT CƠ (1630-1708).....542 NHẤT NẠP .....549 NHẤT CƠ NHẤT CẢNH .....542 NHẤT NGÔN TỨ MÃ .....550 NHẤT CÚ .....542 NHẤT NHẤT .....550 NHẤT CÚ ĐẠO ĐOẠN .....542 NHẤT NHẬT BẤT TÁC, NHẤT NHẬT BẤT THỰC NHẤT CÚ ĐẠO TẬN .....542 .....550 NHẤT CÚ HỢP ĐẦU NGỮ .....543 NHẤT NHƯ (1352-1425).....550 NHẤT CÚ TIỆT LƯU VẠN CƠ TẨM TƯỚC NHẤT NIỆM BẤT SINH TOÀN THỂ HIỆN .....543 .....550 NHẤT CÚ TRI GIÁO .....543 NHẤT NIỆM VẠN NIÊN .....551 NHẤT CÚ TỬ .....543 NHẤT NINH (1274-1317) .....551 NHẤT DAO THIÊU TỰU .....544 NHẤT PHIẾN BẠCH VÂN BẤT LỘ XÚ NHẤT DẪN .....544 .....551 NHẤT ĐẠI TẠNG GIÁO .....544 NHẤT PHÓNG NHẤT THU .....551 NHẤT ĐẠI THỜI GIÁO .....544 NHẤT SẮC BIÊN SỰ .....551 NHẤT ĐẢM THIỀN .....544 NHẤT SẮC VÔ BIỆN XỨ .....551 NHẤT ĐAO LƯỠNG ĐOẠN HÁN 544 NHẤT SIÊU TRỰC NHẬP .....552 NHẤT ĐẠO THẦN QUANG .....545 NHẤT SIÊU TRỰC NHẬP NHƯ LAI ĐỊA NHẤT ĐẮC NHẤT THẤT .....545 .....552 NHẤT ĐẲNG .....545 NHẤT SINH THAM HỌC SỰ .....552 NHẤT ĐỊNH (1783-1874) .....545 NHẤT SƠ .....552 NHẤT ĐIỀU TRỤ TRƯỢNG LƯỠNG NHÂN PHÙ NHẤT SƠN .....552 .....546 NHẤT SƠN QUỐC SƯ DIỆU TỪ HOẰNG TẾ ĐẠI NHẤT ĐOẠN SỰ .....546 SƯ NGỮ LỤC 552 NHẤT ĐỘI .....546 NHẤT TẠT PHIÊN THÂN .....553 NHẤT GIA YẾN .....546 NHẤT TẠT TẠT ĐẢO LIỄU .....553 NHẤT HÀNH THẢO .....546 NHẤT TÂM .....553 NHẤT HOA KHAI NGŨ DIỆP .....546 NHẤT TÂM PHÁP .....553 NHẤT HỎA LỘNG NÊ ĐOÀN HÁN NHẤT THÁI LƯỠNG TRẠI .....553 .....547 NHẤT THANH LÔI CHẤN CUỒNG TIÊU KHỞI NHẤT HỒI ẨM THỦY, NHẤT HỒI TRƯỚC Ế .....553 .....547 NHẤT

THANH THIÊN .....554 NHẤT HỒI CỬ TRƯỚC NHẤT HỒI TÂN NHẤT THỈ .....554 .....547 NHẤT THIÊN THẤT BÁCH TẮC CÔNG ÁN NHẤT HỘI .....547 .....554 NHẤT HỘI NHẤT THIẾT HỘI .....547 NHẤT THÔNG .....554 NHẤT HƯỚNG .....547 NHẤT THỜI .....554 NHẤT HƯỞNG .....548 NHẤT THỦ ĐÀI, NHẤT THỦ NẠI

MỤC LỤC TRA CỨU .....554 NHỊ TỔ ĐOẠN TÝ .....563 NHẤT THỪA .....555 NHỊ TỔ LẬP TUYẾT .....563 NHẤT THỪA CHÂN PHÁP .....555 NHIỄM CHỈ .....563 NHẤT THỪA LÝ .....555 NHIỄM TẬP .....563 NHẤT THƯỢNG .....555 NHIÊN .....563 NHẤT TIỄN QUÁ TÂY THIÊN ....555 NHIÊN TẮC .....564 NHẤT TINH .....555 NHIÊN THẢ .....564 NHẤT TINH MINH .....555 NHIÊN TUY .....564 NHẤT TRÁT .....556 NHIẾP THỌ .....564 NHẤT TRẦN PHÁP GIỚI .....556 NHIỆT .....564 NHẤT TRI BÁN GIẢI .....556 NHIỆT HỐNG .....564 NHẤT TRIỆT .....556 NHIỆT LOẠN .....564 NHẤT TRƯỚC .....556 NHIỆT MAN .....565 NHẤT TRƯỜNG MA LA .....556 NHIỆT MUỘN .....565 NHẤT TÚC GIÁC .....557 NHIỆT PHÁT .....565 NHẤT TỰ CƠ PHONG .....557 NHIÊU .....565 NHẤT TỰ THIỀN .....557 NHU .....565 NHẤT TỨC BÁN BỘ .....557 NHU NHƯ NHIỄU CHỈ .....565 NHẤT TỨC NHẤT THIẾT, NHẤT THIẾT TỨC NHƯ BÁI (1615-1664).....565 NHẤT .....557 NHƯ BẢO (890-960) .....565 NHẤT VẬT TRƯỜNG NIÊN .....557 NHƯ BÌNH CHÚ THỦY .....565 NHẤT VỊ THIỀN .....557 NHƯ CHÂU TẨU BÀN, BẤT BẠT TỰ CHUYỂN NHẤT VÕNG ĐẢ TỰU .....558 .....566 NHẤT XƯỚC XƯỚC ĐẮC .....558 NHƯ CỦNG (1222-1289) .....566 NHẬT CẤP .....558 NHƯ DIỄM (1151-1225) .....566 NHẬT DỤNG .....558 NHƯ GIÁO (1374-1443).....566 NHẬT NAM TRƯỜNG CHÍ .....558 NHƯ HIỆN (?-1765) .....566 NHẬT NGỌ ĐẢ TAM CANH .....559 NHƯ HỌC (1585-1633) .....567 NHẬT NHẬT THỊ HẢO NHẬT .....559 NHƯ HỘI (744-823).....567 NHẬT TỊCH .....559 NHƯ LAI THIỀN .....567 NHẬT

TIÊU VẠN LƯỢNG HOÀNG KIM NHƯ LÂM (1274-1339).....567 .....560 NHƯ MÃN .....568 NHẬT TRUNG ĐÀO ẢNH .....560 NHƯ MẪN (850-920) .....568 NHẬT TRUNG MÊ LỘ .....560 NHƯ NHÃN TỪ PHONG (1864-1938)568 NHĨ .....560 NHƯ NHƯ (TỔ QUẠ) .....569 NHỊ ẨN .....560 NHƯ NHƯ .....569 NHỊ BỈ .....560 NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG .....569 NHỊ CƠ .....561 NHƯ NỘT .....569 NHỊ CHỦ NHỊ TÂN .....561 NHƯ PHÁP .....569 NHỊ CHỦNG NGỮ .....561 NHƯ TÂN .....570 NHỊ ĐẦU TAM THỦ .....561 NHƯ THIÊN (1538-1598).....570 NHỊ ĐẦU TAM THỦ HÁN .....561 NHƯ THÔNG (1523-1595).....570 NHỊ LỤC THỜI TRUNG .....562 NHƯ TỈ (1602-?) .....570 NHỊ NHÂN ĐỒNG TÂM, KỲ NGHĨA ĐOẠN KIM NHƯ TỊNH (1163-1228) .....570 .....562 NHƯ TỊNH HÒA THƯỢNG NGỮ LỤC NHỊ NHẬP .....562 .....570 NHỊ PHẬT THỪA .....562 NHƯ TRỪNG LÂN GIÁC (1696-1733)571 NHỊ TẾ .....562 NHƯ TỰ (1320-1385) .....572 NHỊ THẬP BÁT TỔ .....562 NHƯ Ý THIỀN SƯ .....572 NHỊ THẬP BÁT TRUYỀN .....562 NHƯNG .....572 NHỊ THỜI CHÚC PHẠN .....563 NHƯNG TIỀN .....572 NHỊ TỔ AM .....563 NHƯỢC AM .....572

MỤC LỤC TRA CỨU NHƯỢC PHÀM NHƯỢC THÁNH .....572 PHẠM NHÂN MIÊU GIÁ .....581 NHƯỢC VI .....572 PHẠM SÁT .....581 NI .....573 PHẠM THIÊN TỰ .....581 NI .....573 PHẠM TIÊN (1292-1348).....581 NỊ CHI MẠO TỬ, CỐT XÚ BỐ SAM PHẠM TÔNG .....581 .....573 PHẠM VĂN LAN (1893-1969).....582 NIÊM BÁT PHƯƠNG CHÂU NGỌC TẬP PHẠN ĐẠI TỬ .....582 .....573 PHANH PHẬT ĐOẠN TỔ .....582 NIÊM CHÙY CỬ PHẤT .....573 PHÁP .....582 NIÊM CHÙY THỤ PHẤT .....573 PHÁP AN .....582 NIÊM CỔ .....574 PHÁP ÂM .....583 NIÊM ĐỀ .....574 PHÁP BÁO HÓA TAM THÂN .....583 NIÊM LỘNG .....574 PHÁP BẢO .....583 NIÊM TỤNG .....574 PHÁP

BẢO THIỀN SƯ .....583 NIÊM VẤN .....575 PHÁP BẢN .....583 NIÊM XUYẾT .....575 PHÁP CHÂN (878-963) .....583 NIỆM PHÁP HOA .....575 PHÁP CHÂN THIỀN SƯ .....584 NIỆM THƯỜNG (1282-?) .....575 PHÁP CHIẾN .....584 NIỆP PHÁ .....575 PHÁP CHU .....584 NIẾT-BÀN DIỆU TÂM .....575 PHÁP CHÚC .....584 NIẾT-BÀN ĐƯỜNG .....575 PHÁP CHÚNG .....584 NIẾT-BÀN ĐƯỜNG LÝ HÁN .....576 PHÁP CỔ .....584 NIẾT MỤC SINH HOA .....576 PHÁP CÔNG .....584 NIẾT QUÁI .....576 PHÁP DANH .....584 NIỆU SÀNG QUỶ TỬ .....576 PHÁP DIÊN LONG TƯỢNG CHÚNG, ĐƯƠNG NINH NHẤT SƠN .....576 QUÁN ĐỆ NHẤT NGHĨA NINH PHÚC TỰ .....576 .....584 NỘI ĐẠO TRÀNG .....577 PHÁP DIỄN (?-1104) .....585 NƯƠNG SINH DIỆN .....577 PHÁP DIỄN THIỀN SƯ NGỮ LỤC NỮU NIẾT .....577 .....585 O .....578 PHÁP DUNG .....585 OAI ÂM NA BẠN .....578 PHÁP DƯỢC .....586 OANH OANH KHẢI KHẢI .....578 PHÁP ĐẠT (668-740) .....586 OANH OANH TÙY TỤC .....578 PHÁP ĐĂNG THIỀN SƯ .....586 Ô ĐẦU TỬ .....578 PHÁP ĐỆ .....586 Ô KÊ TUYẾT THƯỢNG HÀNH ...578 PHÁP ĐOAN .....587 Ô LUẬT LUẬT .....579 PHÁP ĐƯỜNG .....587 Ô QUY HƯỚNG HỎA .....579 PHÁP GIỚI .....587 Ô QUY TỬ .....579 PHÁP HẢI (650-730) .....587 Ô QUY THƯỚNG THỌ .....579 PHÁP HIỀN (?-626) .....587 Ô YÊN THÀNH MÃ .....579 PHÁP HIỂN .....588 Ố PHÁT .....579 PHÁP HIỆU .....588 P.....580 PHÁP HOA ĐỀ CƯƠNG .....588 PHÁ .....580 PHÁP HÓA .....589 PHÁ AM TỔ TIÊN THIỀN SƯ NGỮ LỤC PHÁP HỘI (1500-1579) .....589 .....580 PHÁP HUỆ THIỀN SƯ .....589 PHÁ HẠ .....580 PHÁP HÙNG .....589 PHÁ SƠN TỔ SƯ .....580 PHÁP HUYNH .....589 PHÁC .....580 PHÁP HƯNG (?-1388).....589 PHÁC ẨN .....580 PHÁP

HƯNG THIỀN TỰ .....589 PHÁCH TÍCH .....580
PHÁP HỶ .....590 PHẠM KỲ (1296-1370)
.....580 PHÁP HỶ CHÍ .....590

MỤC LỤC TRA CỨU PHÁP HỶ THIỀN SƯ .....590 PHÁP TRUNG
.....601 PHÁP KỆ .....590 PHÁP TỤ
(1492-1563) .....601 PHÁP KHẢI (1561-1621) .....590
PHÁP TỰ .....601 PHÁP KHÂM (714-792)
.....590 PHÁP TỰ THƯ .....602 PHÁP KHÍ
.....591 PHÁP TƯỚNG .....602 PHÁP
KHIÊN .....591 PHÁP UYỂN CAN THÀNH .....602
PHÁP LẠP .....591 PHÁP VĂN (1730-1810) (229
TKTNVC) ....602 PHÁP LÂM (1284-1355) .....591 PHÁP VỊ
.....602 PHÁP LỆNH BIỆT HÀNH .....591 PHÁP
VIỄN (991-1067).....602 PHÁP LOA .....592
PHÁP VŨ LÃO NHÂN .....602 PHÁP LUÂN
.....592 PHÁP VŨ TỰ .....602 PHÁP LƯU
.....592 PHÁP VƯƠNG .....603
PHÁP LY VĂN TỰ .....593 PHÁP VƯƠNG CHI ẤN
.....603 PHÁP MÃN .....593 PHÁP VƯƠNG VÔ
THƯỢNG TRÂN BẢO PHÁP MÔN .....593
.....604 PHÁP MÔN SỪ QUỸ .....593
PHÁP XUNG (?-665) .....604 PHÁP NHÃN TẠNG
.....593 PHÁP YẾU .....604 PHÁP NHÃN
TÔNG .....594 PHÁT CƠ .....604 PHÁP
NHÃN VĂN ÍCH THIỀN SƯ NGỮ LỤC PHÁT CHÂN QUY NGUYÊN .....604
.....594 PHÁT DƯƠNG .....604
PHÁP NHÂN ĐẠI SƯ .....594 PHÁT KHỞI
.....604 PHÁP NHẪN .....594 PHÁT
KHỨ .....604 PHÁP NHẤT (1858-1931)
.....595 PHÁT LỘ .....605 PHÁP NHĨ
.....595 PHÁT MINH .....605 PHÁP
NHŨ .....595 PHÁT NGHIỆP .....605
PHÁP NHƯ (638-689) .....595 PHÁT NHÂN NGHIỆP
.....605 PHÁP NINH (1081-1156) .....595 PHÁT Ố
.....605 PHÁP PHỤC .....596 PHÁT
QUANG .....605 PHÁP QUANG (809-869).....596
PHÁT TÚC .....605 PHÁP QUẢNG (1300-1364) (156
TKTNVC)596 PHÂN ĐƯƠNG .....606 PHÁP TÀI
.....596 PHÂN NÃ .....606 PHÁP
TẠNG .....596 PHÂN PHÓ .....606
PHÁP TỀ (912-1000) .....597 PHÂN SƠ
.....606 PHÁP TẾ ĐẠI SƯ .....597 PHÂN

TRƯƠNG .....606 PHÁP THÀNH (1071-1128) .....597 PHẤN TẢO .....606 PHÁP THAO .....597 PHẤN TẢO ĐÔI ĐẦU, TRÙNG THIÊM KHẠP PHÁP THÂN .....597 THIỆM .....606 PHÁP THI THIỀN SƯ .....598 PHẦN DƯƠNG VÔ ĐỨC THIỀN SƯ NGỮ LỤC PHÁP THÔNG THIỆN HỶ .....598 .....607 PHÁP THUẬN (914-990) .....598 PHẤT BÍNH TẠI THỦ .....607 PHÁP THUỘC .....599 PHẤT NGỘ .....607 PHÁP THỰC THƯỜNG BÃO .....599 PHẤT TRI NHÂN SỰ .....607 PHÁP THƯỜNG (752-839) .....599 PHẬT ẤN .....607 PHÁP TỊCH .....599 PHẬT CHIẾU QUANG HÒA THƯỢNG NGỮ YẾU PHÁP TÍN .....599 .....607 PHÁP TÍNH .....599 PHẬT CHIẾU THIỀN SƯ .....607 PHÁP TÍNH THIỀN SƯ .....600 PHẬT ĐỈNH QUANG MINH CHI THÁP PHÁP TÒA .....600 .....607 PHÁP TÔNG (1001-1069) .....600 PHẬT GIÁM .....608 PHÁP TRÀNG .....600 PHẬT GIÁM THIỀN SƯ .....608 PHÁP TRÌ (635-702) .....600 PHẬT GIÁM THIỀN SƯ NGỮ LỤC PHÁP TRÍ .....600 .....608

MỤC LỤC TRA CỨU PHẬT HẠNH THIỀN SƯ .....608 PHI LAI TỰ .....615 PHẬT HUỆ .....608 PHI LUẬN .....615 PHẬT HUỆ VIÊN GIÁM THIỀN SƯ PHI MAO ĐỚI GIÁC, KHIÊN LÊ PHỤ TRỌNG .....608 .....616 PHẬT HUYỄN .....608 PHI NHÂN .....616 PHẬT LÃNG THIỀN SƯ .....609 PHI THẾ .....616 PHẬT NGUYÊN THIỀN SƯ .....609 PHI TRỰC .....616 PHẬT NHÃN THANH VIỄN THIỀN SƯ NGỮ LỤC PHI TƯỚC .....616 .....609 PHI VIÊN LÃNH .....616 PHẬT NHÃN THIỀN SƯ .....609 PHÍ ẨN THIỀN SƯ NGỮ LỤC .616 PHẬT NHÃN THIỀN SƯ NGỮ LỤC PHIẾM CHU THIỀN SƯ THÁP .....617 .....609 PHIÊN TƯ .....617 PHẬT NHẬT ĐẠI SƯ .....609 PHÓ PHÁP .....617 PHẬT NHẬT VIÊN MINH ĐẠI SƯ PHÓ PHẤT .....617 .....609 PHÓ TỰ .....618 PHẬT OAN THIỀN SƯ NGỮ LỤC PHONG BÌ .....618 .....609

PHONG CAN .....618 PHẬT PHÁP ĐẠI LONG .....609 PHONG CUỒNG TỬ .....618 PHẬT PHÁP ĐẠI MINH LỤC .....610 PHONG HUYỆT TỰ .....618 PHẬT PHÁP ĐẠI Ý .....610 PHONG HUYỆT TỰ THẤT TỔ THÁP PHẬT QUẢ THIỀN SƯ .....610 .....619 PHẬT QUANG QUỐC SƯ NGỮ LỤC PHONG PHAN ĐƯỜNG .....619 .....610 PHONG QUÁ THỤ .....619 PHẬT QUANG THIỀN SƯ .....611 PHÓNG .....620 PHẬT QUANG TỰ .....611 PHÓNG CHƯ THƯ .....620 PHẬT QUẬT TỰ .....611 PHÓNG ĐẢO .....620 PHẬT TÂM BẢN TÀI .....611 PHÓNG HÁM .....620 PHẬT TÂM TÔNG .....611 PHÓNG NGOAN .....620 PHẬT THẠCH .....611 PHÓNG NHẤT TUYẾN ĐẠO .....620 PHẬT THỦ NHAM HÒA THƯỢNG PHÓNG QUÁ NHẤT TRƯỚC .....620 .....612 PHÓNG QUANG TỰ .....621 PHẬT TỔ CHÍNH PHÁP TRỰC TRUYỀN PHÓNG SI HÁM .....621 .....612 PHÓNG VÔ ĐOAN .....621 PHẬT TỔ CHÍNH TÔNG ĐẠO ẢNH PHÓNG Ý .....621 .....612 PHÒNG TRƯỢNG .....621 PHẬT TỔ CHÍNH TRUYỀN CỔ KIM TIỆP LỤC PHỔ AM (1115-1160) .....621 .....612 PHỔ ÂN .....622 PHẬT TỔ CƯƠNG MỤC .....613 PHỔ CHIẾU QUỐC SƯ NGỮ LỤC PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI .....622 .....613 PHỔ CHỨNG ĐẠI SƯ .....622 PHẬT TỔ MÔN .....613 PHỔ DUNG .....622 PHẬT TỔ TAM KINH CHỈ NAM PHỔ ĐÀ LẠC CA TÂN CHÍ .....622 .....613 PHỔ ĐÀ LIỆT TỔ LỤC .....623 PHẬT TỔ TÔNG PHÁI THẾ PHỔ PHỔ ĐÀ SƠN .....623 .....614 PHỔ GIÁC THIỀN SƯ .....623 PHẬT TỪ THIỀN SƯ .....614 PHỔ HIỆP (1346-1426).....623 PHẬT Ý LINH NHẠC (1725-1821) ....614 PHỔ HỘI ĐẠI SƯ .....623 PHẪU LỘ .....614 PHỔ MINH .....623 PHẪU QUYẾT .....614 PHỔ MINH THÁP .....624 PHÊ BÀI .....615 PHỔ MINH TỰ .....624 PHI BẠCH TỰ .....615 PHỔ MÔN (1215-1265) .....624 PHI BÁT THIỀN SƯ .....615 PHỔ NGẠN (770-843) .....625

MỤC LỤC TRA CỨU PHỔ NGU (1301-1382).....625 PHƯƠNG NGOẠI HỮU .....635 PHỔ NGUYỆN (748-834).....625 PHƯƠNG

NHAM .....635 PHỔ NINH (1214-1276).....625 PHƯƠNG NIỆM (1510-1594) .....635 PHỔ QUẢNG ĐẠI SƯ .....625 PHƯƠNG QUẢNG TỰ .....636 PHỔ TẾ (1179-1253).....625 PHƯƠNG SÁCH NHÂN DUYÊN .....636 PHỔ TẾ THIỀN TỰ .....626 PHƯƠNG THỐN .....636 PHỔ THỈNH .....626 PHƯƠNG THỐN THIỀN .....636 PHỔ THÔNG THIỀN TỰ .....626 PHƯƠNG TRẠCH .....636 PHỔ THUYẾT .....626 PHƯƠNG TRƯỢNG .....637 PHỔ TỊNH .....627 Q .....637 PHỔ TRANG (1347-1403).....627 QUẢ .....637 PHỔ TRÌ (1310-1387) .....627 QUÁ .....637 PHỔ TỪ (1355-1450) .....627 QUÁ THỦ .....637 PHỔ TỰU (1238-1314) .....628 QUÁ TRIÊU TỊCH .....637 PHỔ ỨNG QUỐC SƯ .....628 QUÁCH BẰNG (1920-1990).....637 PHÚ BẬT (1004-1083).....628 QUÁCH LẠC .....638 PHÙ ÂU .....628 QUÁCH NHIÊN .....638 PHÙ KHỞI MÔN .....628 QUÁCH THỊ .....638 PHÙ THẠCH .....628 QUÁCH TRIỆT .....638 PHỦ CHÂU TÀO SƠN BẢN TỊCH THIỀN SƯ NGỮ QUÁI SAI .....638 LỤC .....628 QUẢI BÁT .....638 PHỦ CHÂU TÀO SƠN NGUYÊN CHỨNG THIỀN QUẢI BÁT NANG .....639 SƯ NGỮ LỤC .....628 QUẢI BÌNH BÔI .....639 PHỤ LƯƠNG (1317-1371) .....629 QUẢI DƯƠNG ĐẦU, MẠI CẨU NHỤC PHỤ THẠCH THUNG KHANG .....629 .....639 PHỤ TỬ THI HÀNH .....629 QUẢI ĐƠN .....639 PHÚC BÁO .....629 QUẢI NHÂN THẦN XỈ .....639 PHÚC CHÂU ĐÔNG THIỀN TỰ ..630 QUẢI THẦN XỈ .....639 PHÚC CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ 630 QUẢI THẦN VẪN .....639 PHÚC DỤ (1203-1275) .....630 QUẢI TÍCH .....640 PHÚC ĐỊA .....631 QUẢI TỬ .....640 PHÚC ĐIỀN (thế kỷ XIX).....631 QUAN BẤT DUNG CHÂM, TƯ THÔNG XA MÃ PHÚC HỘ .....631 .....640 PHÚC HUỆ (1869-1945).....631 QUAN LIỆT TỬ .....640 PHÚC NGHỊ (1710-1795).....632 QUÁN CHÍ (910-970) .....641 PHÚC NGHIỆP .....632 QUÁN GIÁC .....641 PHÚC NGHIÊM TỰ .....632 QUÁN HÀNH (1578-1645) .....641 PHÚC NGỘ (1245-1313) .....633 QUÁN HƯU (852-913) .....641 PHÚC THẮNG

THÁP .....633 QUÁN MỘC .....642 PHỤC .....633 QUÁN SỨ TỰ .....642 PHỤC NHÂN (1889-1973) .....633 QUÁN TÂM HUYỀN XU .....642 PHÙNG DỊCH .....634 QUÁN TUẾ .....642 PHÙNG PHẬT SÁT PHẬT .....634 QUÁN VIÊN (cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV) PHÙNG TRƯỜNG TÁC HÍ .....634 .....642 PHỤNG MÃ .....634 QUẢN CỐ .....643 PHƯỚC .....634 QUẢN MAO PHÚ ĐỈNH .....643 PHƯƠNG BIỆN .....634 QUANG ẢNH .....643 PHƯƠNG DUNG .....634 QUANG ẢNH LÝ HOẠT KẾ .....643 PHƯƠNG HỘI (992-1049).....634 QUANG ẢNH MÔN ĐẦU .....644 PHƯƠNG MỘC ĐẬU VIÊN KHỔNG QUANG DŨNG (850-938) .....644 .....635 QUANG HIẾU TỰ .....644 PHƯƠNG NGOẠI .....635 QUANG HIẾU TỰ THIẾT THÁP ..645

MỤC LỤC TRA CỨU QUANG MỤC .....645 QUY TỊCH THIỀN SƯ .....655 QUANG PHỎNG .....645 QUY TÍN .....655 QUANG TỘ (928-998).....645 QUY TÔNG TỰ .....655 QUANG TRÁNG .....646 QUY TRÌNH TƯỜNG THAM .....655 QUANG TRẠNG NGUYÊN .....646 QUY TRỌNG .....656 QUANG TỰ .....646 QUY TRƯỢNG .....656 QUẢNG ẤN (1566-1636) .....646 QUÝ .....656 QUẢNG CHIẾU .....646 QUÝ ĐỒ .....656 QUẢNG CHIẾU THIỀN SƯ .....646 QUỶ HÀO THẦN KHẤP .....656 QUẢNG ĐƠN .....646 QUỶ KHUẤT LÝ TỬ THIỀN HÒA TỬ QUẢNG HÓA TỰ .....646 .....656 QUẢNG HUỆ THIỀN SƯ .....647 QUỶ NHÃN TÌNH .....657 QUẢNG KHÁNH THIỀN TỰ .....647 QUỶ QUẬT LÝ .....657 QUẢNG LỢI THIỀN TỰ .....647 QUỶ THÚ .....657 QUẢNG LỢI TỰ .....647 QUYẾT .....657 QUẢNG LỤC .....647 QUYẾT ĐỊNH .....657 QUẢNG NGHIÊM (1121-1190) .....647 QUYẾT LIỄU .....658 QUẢNG NGHIÊM TỰ .....648 QUYẾT LIỆT .....658 QUẢNG PHÁP THIỀN SƯ .....648 QUYẾT NGHI .....658 QUẢNG PHÚC TỰ .....648 QUYẾT TRẠCH .....658 QUẢNG TẾ ĐẠI SƯ .....648 QUÝNH VÔ ĐỘC THOÁT .....658 QUẢNG TẾ THIỀN SƯ THÁP ĐÌNH QUÝNH XUẤT

.....658 .....648 QUỲNH LÂM TỰ .....658 QUẢNG TẾ TỰ .....648 S.....659 QUẢNG TRÍ (thế kỷ XI).....649 SA TRUNG THỦ DU .....659 QUẢNG VĂN (1189-1263) .....649 SÁCH .....659 QUẦN CƠ .....649 SÁCH CHÂN (?-979).....659 QUẦN SINH .....649 SÁCH PHẠN TIỀN .....659 QUẬT ĐA TAM TẠNG (680 -?).....649 SÁCH SÁCH .....659 QUẾ SÂM (867-928).....650 SÁCH TỬ .....659 QUỐC NHẤT (330).....650 SAI .....660 QUỐC THANH TỰ (330) .....650 SAI BÀI .....660 QUỐC THANH TỰ THÁP (331) .....651 SAI DỊ .....660 QUY BẢN .....651 SÁI BỊNH BẤT GIẢ LÔ ĐÀ DƯỢC QUY DƯƠNG HÒA THƯỢNG .....651 .....660 QUY GIA BÃI VẤN TRÌNH .....651 SÁI SÁI LẠC LẠC .....660 QUY HIỂU .....651 SÀI THẠCH DÃ NHÂN .....660 QUY KÍNH .....651 SÀM .....660 QUY LỘ .....652 SÀM ĐOẠT .....661 QUY MẠC .....652 SÀM HÀNG ĐOẠT THỊ .....661 QUY MAO THỐ GIÁC .....652 SÀM TIÊN .....661 QUY MÔ .....652 SẢN TỬ THIỀN .....661 QUY NGUYÊN TỰ .....652 SÁNG .....661 QUY NGƯỠNG TÔNG .....653 SANH GIÁ MÔN ĐÌNH .....661 QUY SƠN .....653 SANH MÔN TRỤ HỘ .....661 QUY SƠN CẢNH SÁCH .....654 SANH THIÊN TRỤ ĐỊA .....661 QUY SƠN LINH HỰU THIỀN SƯ NGỮ LỤC SANH XÚC .....662 .....654 SAO GIÀ ĐẢ TỎA .....662 QUY TẮC (1010-1070).....654 SAO KHÔNG TÁC HƯỞNG, KÍCH MỘC VÔ THINH QUY TÂM .....654 .....662 QUY THẰNG .....655 SAO MÔN NGÕA TỬ .....662 QUY TỊCH .....655 SAO SÀNG THỤ PHẤT .....662

MỤC LỤC TRA CỨU SAO XƯỚNG .....662 SỞ MINH (1085-1145).....671 SÀO TUYỆT .....663 SỞ NAM (813-888) .....671 SÁP ĐƠN .....663 SỞ THẠCH PHẠM KỲ THIỀN SƯ NGỮ LỤC SÁT .....663 .....672 SÁT HOẠT LÂM THỜI .....663 SỞ TUẤN (1262-1336) .....672 SÁT HOẠT LỆNH .....663 SỞ VIÊN

(986-1039).....672 SÁT NHÂN BẤT TRÁC NHÃN ....664 SƠN AM TẠP LỤC .....673 SÁT NHÂN ĐAO, HOẠT NHÂN KIẾM SƠN CHỦ .....673 .....664 SƠN CỐC TỰ .....673 SẮC TỨ .....664 SƠN MÔN .....673 SẮC TỨ TỪ ÂN .....664 SƠN ÔNG MỘNG ẨN .....674 SÂN TẨU HỐNG ĐỊA .....664 SƠN TĂNG .....674 SẤN KHẨU .....665 SUÂN TÍCH .....674 SẤN TRỤC NGÔN CHƯƠNG .....665 SÚC TỴ NHÂN DUYÊN .....674 SI CUỒNG LƯỠNG ĐẦU TẨU ....665 SÙNG CHIẾU (?-1342).....675 SI NHÂN DIỆN TIỀN, BẤT ĐẮC THUYẾT MỘNG SÙNG DỤ (1304-1378).....675 .....665 SÙNG GIÁC TỰ THIẾT THÁP .....675 SĨ ĐÀM (1249-1306).....665 SÙNG HUỆ .....675 SĨ KHUÊ (1083-1146).....666 SÙNG NHẠC (1132-1202) .....676 SINH (k. ng).....666 SÙNG NHÂN ĐẠI SƯ .....676 SINH DUYÊN .....666 SÙNG PHẠM (1004-1087) .....676 SINH NHAI .....666 SÙNG PHÚC TỰ .....676 SINH NHƯ TRƯỚC SAM, TỬ ĐỒNG THOÁT KHỐ SÙNG PHÚC TỰ CHÍ .....678 .....667 SÙNG THAO .....678 SINH THỌ .....667 SÙNG TÍN (780-850) .....678 SÍNH NHÂN NGÃ .....667 SỦY TẬN GIA TƯ .....678 SÍNH TUẤN .....667 SƯ ÂM .....678 SIÊU BẢO (1635-1709) .....667 SƯ ẤN .....678 SIÊU CÁCH .....668 SƯ BỊ (835-908) .....679 SIÊU CHỨNG .....668 SƯ GIỚI (920-990).....679 SIÊU CHỨNG ĐẠI SƯ .....668 SƯ HẠO .....679 SIÊU GIÁC ĐẠI SƯ .....668 SƯ HỘ .....679 SIÊU NGHỆ .....668 SƯ HỘI (880-946) .....679 SIÊU NGỘ .....668 SƯ KHOAN (890-955).....680 SIÊU NHẠC (1642-1702) .....668 SƯ NÃI .....680 SIÊU NHIÊN .....668 SƯ NGẠN .....680 SIÊU PHƯƠNG .....669 SƯ PHẠM (1175-1249).....680 SIÊU QUỸ .....669 SƯ THUẬT .....681 SIÊU TÌNH LY KIẾN .....669 SƯ THỪA .....681 SIÊU TÔNG .....669 SƯ TIẾN .....681 SIÊU TÔNG DỊ MỤC .....669 SƯ TRÁCH (1376-1432).....681 SIÊU TÔNG NHÃN

.....669 SƯ TRÍ .....681 SIÊU TÔNG VIỆT CÁCH .....669 SƯ TƯ .....681 SIÊU TRÍ (1610-1674) .....670 SƯ TỬ HỐNG .....682 SIÊU VIỆT SINH TỬ .....670 SƯ TỬ VIỆN .....682 SIÊU VĨNH .....670 SƯ TƯỢNG .....682 SONG PHONG TỰ .....670 SƯ UẨN (?-973).....682 SONG THÁP TỰ .....671 SƯ ÚC .....682 SƠ .....671 SỰ VÔ NHẤT HƯỚNG .....682 SƠ SƠN .....671 SỨC NHƯỢNG .....683 SƠ TỔ AM .....671 T.....683 SỞ HUÂN .....671 TA ĐÀ .....683 MỤC LỤC TRA CỨU TA TA .....683 TÁN Y .....693 TA TIỂU .....683 TẢN THỦ ĐÁO GIA .....693 TA TỬ .....683 TÀNG LỤC QUY .....693 TẠ TAM LANG .....684 TẠNG CHỦ .....693 TÁC CỤ .....684 TẠNG DỤNG .....693 TÁC DỤNG .....684 TẠNG VIỆN .....693 TÁC ĐẠI .....684 TÀO ĐỘNG NGŨ VỊ .....693 TÁC ĐẠO LÝ .....684 TÀO ĐỘNG THỔ DÂN .....694 TÁC GIA .....685 TÀO ĐỘNG TÔNG .....694 TÁC GIẢI HỘI .....685 TÀO KHÊ .....694 TÁC HOẠT KẾ .....685 TÀO KHÊ CHÍNH TÔNG NGUYÊN LƯU TỤNG TÁC KHÁCH BẤT NHƯ QUY GIA .....694 .....685 TÀO KHÊ ĐẠI SƯ BIỆT TRUYỆN TÁC LƯỢC .....686 .....694 TÁC MA SINH .....686 TÀO KHÊ LỘ .....695 TÁC MÔ DẠNG .....686 TÀO KHÊ MẬT CHỈ .....695 TÁC PHẬT .....686 TÀO KHÊ NHẤT PHÁI .....695 TÁC TẶC NHÂN TÂM HƯ .....686 TÀO KHÊ NHẤT TRÍCH .....695 TÁC TIỂU .....686 TÀO KHÊ PHẬT SẮC .....695 TÁC TÌNH GIẢI .....686 TÀO KHÊ SƠN .....696 TÁC TRI GIẢI .....686 TÀO KHÊ THỦY .....696 TÁC VỤ .....687 TÀO KHÊ TỰ .....696 TÁC Ý .....687 TÀO NGUYÊN .....696 TÁI THỈNH .....687 TÀO NGUYÊN ĐẠO SINH THIỀN SƯ NGỮ LỤC TẠI

.....687 .....696
TAM BÁCH DƯ HỘI .....687 TÀO SƠN
.....696 TAM BÌNH TỰ .....687 TẢO
ĐÃNG MÔN .....697 TAM CÚ .....688
TẢO MỘ .....697 TAM CƯỚC LƯ NHI
.....688 TẢO SƠN NHÂN .....697 TAM GIA THÔN LÝ
HÁN .....688 TẢO VÃN .....697 TAM GIA THÔN
LÝ NAM NỮ 688 TẠO TÁC .....697 TAM GIÁC
SƠN .....688 TÁP TÁP .....697 TAM
GIỚI DUY TÂM, VẠN PHÁP DUY THỨC TẠT .....697
.....689 TẠT THẤU THIỀN QUAN .....698
TAM HUYỀN .....689 TẮC THẢ TRÍ
.....698 TAM HUYỀN QUA GIÁP .....689 TẶC QUÁ HẬU
TRƯƠNG CUNG 698 TAM MÔN .....689 TĂNG BẢO
CHÍNH TỤC TRUYỆN TAM PHONG THANH LƯƠNG THIỀN TỰ
.....699
.....690 TĂNG BẢO TRUYỆN .....699
TAM PHONG XUYÊN (1710-1799).....690 TĂNG ĐƯỜNG
.....699 TAM QUAN NGỮ .....690
TĂNG-GIÀ-LÊ .....699 TAM SINH LỤC THẬP KIẾP
.....690 TĂNG KHẢ .....699 TAM THẬP NIÊN HẬU
.....690 TĂNG MẬT .....699 TAM THIÊN LÝ NGOẠI
.....691 TĂNG NA .....699 TAM THỪA HỌC
ĐẠO NHÂN ....691 TĂNG NGỮ .....699 TAM THỪA
NHẤT THIẾT CHƯ VỊ TĂNG NHẤT .....700
.....691 TĂNG PHI (898-955)
.....700 TAM TỔ TỰ .....691 TĂNG TẬP TỤC
TRUYỀN ĐĂNG LỤC TAM TỔ TỰ THÁP .....692
.....700 TAM TỔ THỰC LỰC
.....692 TĂNG XÁN (?-606) .....700 TAM YẾU
.....692 TẰNG .....700 TÁN
NGUYÊN (?-1086).....692 TÂM ẤN
.....700

MỤC LỤC TRA CỨU TÂM ẤN THIỀN SƯ .....700 TÂY VÂN THIỀN TỰ
.....708 TÂM ẤN THỦY NGUYỆT THIỀN SƯ TÂY VỰC TỰ
.....708 .....701 TẾ BẠT
.....708 TÂM CẢNH LỤC .....701 TẾ
BẮC .....709 TÂM CẢNH THIỀN SƯ THÁP .....701
TẾ BIỆN .....709 TÂM ĐẠO (1058-1129)
.....701 TẾ CÔNG .....709 TÂM KHÔNG CẬP
ĐỆ QUY .....701 TẾ ĐIÊN .....709 TÂM THÁI
(1327-1415) .....701 TẾ LÔN .....709 TÂM

TÔNG .....702 TẾ NINH THIẾT THÁP .....709
TÂM YẾU .....702 TẾ THÁNH
(1696-1756).....709 TẦM THƯỜNG TRÀ PHẠN .....702 TẾ TÔNG
BÁT ĐẠI THẾ .....709 TẨM TẬT .....702 TẾ
TÔNG THẤT SỰ TÙY THÂN TÂN ĐÁO .....702
.....709 TÂN LA, TÂY THIÊN
.....702 TẾ TÔNG TỤNG NGỮ .....710 TÂN MẠNG
.....703 TỀ AN (?-842) .....710 TÂN
TỐNG .....703 TỀ KIÊN
.....710 TẦN THÂN .....703 TỀ
TỦNG .....710 TẨN NHIÊN
.....704 THA .....711 TẬN ĐẠI
ĐỊA NHÂN NHẤT KHẨU THÔN TẬN THA ĐÀ .....711
.....704 THA HẬU .....711
TẬN GIÁ .....704 THA THIẾT
.....711 TẬN KHƯỚC KIM THỜI .....704 THA THỜI
HẬU NHẬT .....711 TẬN LỘ .....704 THẢ
(k.ng.) .....711 TẬN LỰC ĐẠO BẤT ĐẮC ĐỂ CÚ
THẢ CHUYẾT .....712
.....704 THẢ HỶ MỘT GIAO THIỆP
.....712 TẬN THỜI .....705 THẢ... THỦ
.....712 TẬP ĐĂNG THIỀN SƯ .....705 THẢ TRÍ
.....712 TẬP MA .....705
THÁC CHI .....713 TẬP MAO CÁI ĐẦU
.....705 THÁC TỬ .....713 TẤT CÁNH
.....705 THẠCH CẢM ĐANG .....713 TẤT
CÁNH SỰ .....705 THẠCH CỦNG HÒA THƯỢNG .....713
TẤT DŨNG SINH QUANG .....705 THẠCH ĐẦU HY THIÊN
.....713 TẬT DIỆM QUÁ PHONG .....706 THẠCH HỎA
.....713 TẤU .....706 THẠCH
LIÊM (1620-1698).....714 TẤU BẠC .....706
THẠCH MÔN VĂN TỰ THIỀN ....714 TẤU CƠ
.....706 THẠCH PHẬT TỰ .....714 TẨU
DƯƠNG DƯƠNG .....706 THẠCH SƯƠNG SỞ VIÊN THIỀN SƯ NGỮ LỤC
TẨU TÁC .....707
.....715 TÂY AM .....707 THẠCH
SƯƠNG SƠN .....715 TÂY CHIẾU .....707
THẠCH SƯƠNG TỰ .....715 TÂY LAI Ý
.....707 THẠCH THẤT HÀNH GIẢ .....716 TÂY LÂM
THÁP .....707 THẠCH THƯỢNG TÀI HOA .....716 TÂY
LỘC .....707 THẠCH VŨ MINH PHƯƠNG THIỀN SƯ
TÂY NHAM .....707

.....716 TÂY THIÊN NHỊ THẬP BÁT TỔ
THẠCH VŨ THIỀN SƯ PHÁP ĐÀN
.....707
.....716 TÂY THIỀN TỰ
.....708 THÁI A KIẾM .....716 TÂY
TỐC .....708 THÁI BÌNH HƯNG QUỐC TỰ .....716 TÂY
TRAI .....708 THÁI CÔ NGUY SINH .....717
TÂY TRÚC .....708 THÁI DỤC
(747-826).....717 TÂY TRÚC THIỀN SƯ MỘ THÁP THÁI ĐẦU
.....717 .....708 THÁI
SÁT .....717

MỤC LỤC TRA CỨU THÁI KHÂM (910-974).....717 THANH LƯƠNG
VĂN ÍCH .....727 THÁI LIÊU .....718 THANH
MẬU (1262-1329) .....727 THÁI THÔ SINH .....718
THANH MỘ .....727 THAM
.....718 THANH NGẠC .....728
THAM BẢNG .....718 THANH NGHIÊM ĐẠI SƯ
.....728 THAM BÃO .....718 THANH NGUYÊN
.....728 THAM CỨU .....718 THANH
NGUYÊN HÀNH TƯ .....728 THAM ĐẦU .....719
THANH NGUYÊN SƠN .....728 THAM ĐỒ
.....719 THANH NGUYÊN SƠN CHÍ LƯỢC THAM
ĐỒNG KHẾ .....719 .....728
THAM ĐƯỜNG .....719 THANH NHẤT TẨU (1300-1360)
.....729 THAM HẠ .....719 THANH NHƯỢNG
.....729 THAM HẬU .....719 THANH NỮ LY
HỒN .....729 THAM HỌC .....720 THANH
PHÁP THIỀN SƯ .....729 THAM HỌC NHÃN .....720
THANH PHÚC (1850-1915).....729 THAM HUYỀN
.....720 THANH SỞ .....729 THAM
KHẤU .....720 THANH SƠN THIỀN VIỆN .....729
THAM THỈNH .....720 THANH THANH THÚY TRÚC TẬN THỊ
CHÂN THAM THIỀN .....720 NHƯ, UẤT UẤT HOÀNG HOA VÔ
PHI BÁT NHÃ THAM THIỀN ĐÁO GIA .....721
729 THAM TIỀN .....721 THANH THIÊN BẠCH NHẬT NIỆU
SÀNG THAM TỪ TẠ HẠ .....721
.....730 THAM VẤN
.....721 THANH TÍCH .....730 THÁM
CAN, ẢNH THẢO .....721 THANH TIẾN .....730
THÁM ĐẦU .....722 THANH TỊNH PHÁP NHÃN
.....730 THÁN ĐẦU .....722 THANH TỊNH TRI KIẾN
.....730 THANG DỤNG ĐỒNG (1893-1946) .....722 THANH TUẤN

(1328-1392) .....731 THANH ÂM CÁC .....722 THANH TỦNG .....731 THANH BẨM (895-976) .....722 THANH VẬN .....731 THANH BIỆN (?-686) .....723 THANH VIÊN TỰ .....731 THANH CHÂU BÁCH VẤN .....723 THÁNH ĐĂNG LỤC .....732 THANH CHÚNG .....723 THÁNH ĐỆ ĐỆ NHẤT NGHĨA .....732 THANH CHUYÊN THÁP .....723 THÁNH KHẢ .....732 THANH CHUYẾT .....723 THÁNH NGHIÊM (1930-?).....732 THANH CHUYẾT HÒA THƯỢNG THIỀN CƯ TẬP THÁNH PHÀM KHOÀ CỮU .....732 .....724 THÁNH PHÀM TẬN SÁT .....733 THANH CỦNG (1272-1352) .....724 THÁNH QUẢ TỰ 1 .....733 THANH DỤC (?-975) .....724 THÁNH QUAN TỰ .....733 THANH DỤC (1288-1363) .....724 THÁNH SƯ TỬ .....733 THANH ĐÀM .....724 THÁNH THAI .....733 THANH GIẢN .....725 THÁNH THỌ TỰ .....733 THANH HẢI .....725 THÁNH THỦY TỰ .....734 THANH HẰNG (1785-1855) .....725 THÁNH TRÌ TỔ .....734 THANH HỘ (916-970).....725 THÀNH .....734 THANH KHOÁT .....725 THÀNH BIỆN .....734 THANH KIỂU (906-993) .....725 THÀNH ĐẲNG MINH LƯỢNG .....734 THANH KÍNH (1790-1870) .....726 THÀNH HIỆN .....734 THANH LIỄU (1090-1151) .....726 THÀNH TRÌ .....735 THANH LONG THÁP .....726 THAO QUANG DƯỠNG HỐI .....735 THANH LƯƠNG .....726 THÁO LƯỢC .....735 THANH LƯƠNG SƠN .....726 THÁO LÝ .....735 THANH LƯƠNG TỰ .....726 THÁO VI .....735

MỤC LỤC TRA CỨU THẢO ĐƯỜNG (?-?) .....735 .....746 THẢO ĐƯỜNG TỰ .....736 THẬP VẠN BÁT THIÊN .....746 THẢO LÝ HÁN .....736 THẤT CẤP PHÙ ĐỒ THÁP .....747 THẢO Y MỘC THỰC .....736 THẤT HOA BÁT LIỆT .....747 THẢO YỂN PHONG HÀNH .....736 THẤT SƯ .....747 THÁP BÀ .....736 THẤT THÁP TỰ .....747 THÁP CHỦ .....736 THẤT THÔNG BÁT ĐẠT .....748 THÁP ĐẦU .....737 THẤT TRUNG BÁCH VẤN .....748 THÁP VIỆN TỰ .....737 THẤT XUẤT BÁT MỘT .....748 THÁP VIỆN TỰ XÁ LỢI THÁP 737 THẤT XUYÊN BÁT HUYỆT .....748 THẮC SÁT .....737 THẬT

.....748 THĂNG TÒA .....738 THẬT ÂM (1718-1791) .....748 THẮNG HỌC (1326-1406) .....738 THẬT TẾ LÝ ĐỊA .....748 THẮNG NGHIỆP TỰ .....738 THẬT TÍNH .....748 THẰNG SÀNG .....738 THẬT TRÍ (900-972) .....749 THẶNG NGỮ .....739 THẬT TƯỚNG .....749 THẶNG NHÂN .....739 THẬT TƯỚNG VÔ TƯỚNG .....749 THẶNG PHÁP .....739 THÂU TÂM .....749 THÂM SƯ (905-965) .....739 THẤU LY VI .....750 THẬM ĐỂ .....739 THẤU QUAN .....750 THÂN ĐÍCH .....739 THẤU QUAN NHÃN .....750 THÂN SƠ .....739 THẤU TAM QUAN .....750 THÂN TÂM NHẤT NHƯ .....740 THẤU THOÁT .....751 THÂN TÂM THOÁT LẠC .....740 THẤU TỔ SƯ QUAN .....751 THÂN THIẾT .....740 THÊ HÀ TỰ .....751 THẦN CHIẾU (776-838) .....740 THÊ HÀ TỰ XÁ LỢI THÁP .....752 THẦN CHIẾU ĐẠI SƯ .....740 THÊ HIỀN SƠN .....752 THẦN ĐẦU QUỶ DIỆN .....740 THÊ HIỀN THIỀN VIỆN THẠCH THÁP THẦN HỘI (686-795) .....741 .....752 THẦN HỘI HÒA THƯỢNG DI TẬP THÊ THIỀN TỰ .....752 .....741 THẾ BẢO .....752 THẦN LỘC .....741 THẾ ĐẾ .....752 THẦN NGHI (?-1216).....741 THẾ ĐẾ PHÁP .....752 THẦN QUANG TỰ .....742 THẾ NGHIỆP .....753 THẦN SINH PHỐC, THIỆT SINH MAO THẾ NGU (1301-1370) .....753 .....742 THẾ PHÁP .....753 THẦN TÁN .....742 THẾ THÀNH (1260-1332).....753 THẦN THAM MỘ THỈNH .....743 THẾ VINH .....754 THẦN TỊCH THAM KHẤU .....743 THẾ XUẤT THẾ .....754 THẦN TÚ (606-706) .....743 THỂ HẢI (1834-1889).....754 THẦN VẪN .....743 THỂ LỘ CHÂN THƯỜNG .....754 THẦN YẾN (?-943).....743 THỂ LỘ KIM PHONG .....754 THẬN AM .....743 THỂ NHU .....754 THẬP ĐẮC .....744 THI CA (THIỀN TÔNG) .....754 THẬP HUYỀN ĐÀM .....744 THI KHIÊU BẤT THƯỢNG, TẮNG CHƯNG BẤT THẬP MỤC NGƯU ĐỒ LUẬN GIẢI THỤC .....755 .....744 THI THIẾT

.....755 THẬP NGƯU ĐỒ TỤNG .....745 THÍ LỢI
.....755 THẬP NHỊ THỜI .....745
THÍ TAM THỐN .....755 THẬP PHƯƠNG PHẬT THÁP
.....745 THỈ ĐẢM TỬ .....755 THẬP PHƯƠNG PHỔ GIÁC TỰ
...746 THỊ (k. ng) .....756 THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI
THỊ TOÀN THÂN THỊ CÁ HÁN .....756

MỤC LỤC TRA CỨU THỊ CHÚNG .....756 THIÊN PHONG TỰ
.....765 THỊ DIỆT .....757 THIÊN PHÚC
TỰ .....765 THỊ ĐỒ .....757 THIÊN
PHÚC TỰ .....765 THỊ HIỆN .....757
THIÊN QUANG THIỀN TỰ .....765 THỊ MỘT
.....757 THIÊN SAI .....766 THỊ
PHI GIAO KẾT XỨ .....757 THIÊN SƠN .....766
THỊ TẮC .....757 THIÊN SƠN VẠN THỦY
.....766 THỊ TẬT .....757 THIÊN THAI SƠN
.....766 THỊ TỊCH .....757 THIÊN THAI TỰ
.....767 THỊ TU .....758 THIÊN
THÁNH QUẢNG ĐĂNG LỤC THỊ VẬT .....758
.....767 THÍCH-CA ĐA BẢO NHƯ LAI PHẬT
THÁP THIÊN THẦN .....768
.....758 THIÊN THẤT BÁCH TẮC TRẦN LẠN CÁT ĐẰNG
THÍCH CHÚNG .....758 .....768
THÍCH CƯỚC .....758 THIÊN THỌ TỰ ĐẠI THÁNH BẢO THÁP
THÍCH ĐẦU .....758
.....768 THÍCH ĐẦU NHẬP GIAO BỒN ...758
THIÊN THỌ THÁNH ÂN TỰ .....768 THÍCH LAI
.....759 THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ, DUY NGÃ ĐỘC TÔN
THÍCH THẢNG PHÂN MINH .....759 .....769
THÍCH THỊ .....759 THIÊN TỊCH
.....769 THÍCH THỊ GIÁO .....759 THIÊN
TÌNH BẤT KHẢNG KHỨ 769 THÍCH THÍCH BẤT HƯU .....759
THIÊN TÙNG BÚT KÝ .....769 THIÊN
.....759 THIÊN TƯ PHÚC TỰ .....770
THIÊN CHÂN PHẬT .....760 THIỀN
.....770 THIÊN CHÍNH NGŨ VỊ .....760
THIỀN AM .....770 THIÊN CƠ
.....760 THIỀN BÁ .....770 THIÊN
CUNG TỰ .....760 THIỀN BẢN .....771
THIÊN ĐẢNG .....760 THIỀN BỆNH
.....771 THIÊN ĐỒNG CHÍNH GIÁC THIỀN SƯ QUẢNG THIỀN BỊ
CHÚNG CÁCH .....771 LỤC .....761 THIỀN
CẦU .....771 THIÊN ĐỒNG TRIỆT (1621-1705) .....761

THIỀN CHỦ ĐẠI SƯ .....771 THIÊN ĐỒNG TỰ .....761 THIỀN CHÚNG .....771 THIÊN ĐỒNG TỰ THẤT PHẬT THÁP THIỀN DUYỆT .....772 .....762 THIỀN ĐẠO .....772 THIÊN HẠ HOÀNH HÀNH .....762 THIỀN ĐĂNG THẾ PHỔ .....772 THIÊN HOA LẠC, THẠCH ĐIỂM ĐẦU THIỀN ĐẦU .....772 .....762 THIỀN ĐỊNH .....772 THIÊN HOA LOẠN TRỤY .....762 THIỀN ĐỒ .....772 THIÊN HÓA .....763 THIỀN ĐỨC .....773 THIÊN HOÀNG TỰ (68).....763 THIỀN ĐƯỜNG .....773 THIÊN HY (1335-1415).....763 THIỀN GIA QUY GIÁM .....773 THIÊN KHOAN ĐỊA TRÁCH .....763 THIỀN HẢI THẬP TRÂN .....773 THIÊN LẠI .....763 THIỀN HÒA .....773 THIÊN LIỄU BÁCH ĐÁNG .....764 THIỀN HỌA NHẤT VỊ .....774 THIÊN LÝ VẠN LÝ .....764 THIỀN HỌC ĐẠI HỆ .....774 THIÊN MỤC MINH BẢN THIỀN SƯ TẠP LỤC THIỀN KHÁCH .....774 .....764 THIỀN LÃO (?-?).....774 THIÊN NHIÊN (739-824) .....764 THIỀN LÂM .....775 THIÊN NINH TỰ .....764 THIỀN LÂM BẢO HUẤN .....775 THIÊN NINH TỰ THÁP .....765 THIỀN LÂM BỊ DỤNG THANH QUY THIÊN PHẬT THÁP .....765 .....775 THIÊN PHẬT TỰ .....765 THIỀN LÂM LOẠI TỤ .....775

MỤC LỤC TRA CỨU THIỀN LÂM TĂNG BẢO TRUYỆN THIỀN UYỂN TẬP ANH .....785 .....776 THIỀN UYỂN THANH QUY .....786 THIỀN LÂM THIẾT CHỦY NGỮ LỤC THIỀN Y .....786 .....776 THIỀN YẾU .....786 THIỀN LÂM TƯỢNG KHÍ TIÊN ..776 THIỆN BẢN .....786 THIỀN MÔN BẢO TẠNG LỤC ....777 THIỆN CHIÊU (947-1024) .....786 THIỀN MÔN CHƯ TỔ SƯ KỆ TỤNG THIỆN ĐẠO .....787 .....777 THIỆN ĐỨC THIỀN VIỆN .....787 THIỀN MÔN ĐOẠN LUYỆN THUYẾT THIỆN GIÁC .....787 .....777 THIỆN HỘI .....787 THIỀN MÔN KHOA GIÁO .....777 THIỆN KIÊN (1409-1493).....788 THIỀN MÔN NIÊM TỤNG TẬP ...777 THIỆN MỸ .....788 THIỀN MÔN QUY THỨC .....778 THIỆN PHÁP (?-1409).....788 THIỀN MÔN SƯ TƯ THỪA TẬP ĐỒ THIỆN QUẢ (1079-1152).....788

.....778 THIỆN TẠNG .....788 THIỀN MÔN THẬP DI LỤC .....778 THIỆN THANH (1057-1142) .....788 THIỀN MÔN TOÁT YẾU .....778 THIỆN THÔI .....789 THIỀN-NA .....778 THIỆN TĨNH (858-946) .....789 THIỀN NGUYÊN CHƯ THUYÊN TẬP ĐỒ TỰ THIỆN TRI THỨC .....789 .....779 THIỆN VI .....789 THIỀN NGUYỆT ĐẠI SƯ .....779 THIỆP ĐẠO LÝ .....789 THIỀN NGUYỆT TẬP .....779 THIỆP LY VI .....789 THIỀN NHẠC PHỦ .....779 THIỆP NÊ THỦY .....790 THIỀN NHAM (1093-1163) .....779 THIỆP THẦN VẪN .....790 THIỀN NHÂN .....780 THIẾT BÍCH CƠ THIỀN SƯ NGỮ LỤC THIỀN ÔNG ĐẠO GIẢ (902-979).....780 .....790 THIỀN PHONG .....780 THIẾT CƯỚC .....790 THIỀN PHÒNG TỰ THÁP .....780 THIẾT ĐỊCH ĐẢO XUY .....790 THIỀN PHƯỜNG .....780 THIẾT LỢI .....791 THIỀN QUAN SÁCH TIẾN .....780 THIẾT NGƯU .....791 THIỀN QUÁN .....781 THIẾT PHẬT TỰ .....791 THIỀN SƯ .....781 THIẾT PHƯƠNG TIỆN .....792 THIỀN TÂM .....781 THIẾT QUYẾT TỬ .....792 THIỀN THÁP .....781 THIẾT TẬT LÊ .....792 THIỀN THẤT .....782 THIẾT THỌ KHAI HOA .....792 THIỀN TỊCH .....782 THIẾT TÍCH LƯƠNG .....792 THIỀN TỊCH CHÍ .....782 THIẾT TUẤN THAO .....793 THIỀN TÔNG .....782 THIỆT ĐẦU THƯỢNG THỦ BIỆN 793 THIỀN TÔNG BẢN HẠNH .....783 THIÊU TỐNG .....793 THIỀN TÔNG CHÍNH MẠCH .....783 THIẾU ĐÀM .....793 THIỀN TÔNG QUYẾT NGHI TẬP 783 THIẾU LÂM .....793 THIỀN TÔNG TẠP ĐỘC HẢI .....784 THIẾU LÂM DIỆN BÍCH .....794 THIỀN TÔNG TỤNG CỔ LIÊN CHÂU THÔNG TẬP THIẾU LÂM LÃNH TỌA .....794 .....784 THIẾU LÂM PHONG .....794 THIỀN TÔNG TRỰC CHỈ .....784 THIẾU LÂM TRỰC CHỈ .....794 THIỀN TRƯỢNG .....784 THIẾU LÂM TỰ .....794 THIỀN TỦY .....785 THIẾU LÂM TỰ THÁP LÂM .....795 THIỀN TỨ .....785 THIẾU THẤT .....796 THIỀN UYỂN MÔNG CẦU DAO LÂM THIẾU THẤT ĐƠN TRUYỀN .....796 .....785 THIẾU THẤT GIA PHONG

.....796 THIỀN UYỂN MÔNG CẦU THẬP DI THIẾU THẤT LỤC MÔN TẬP .....796 .....785 THIẾU THẤT TÂM ẤN .....796

MỤC LỤC TRA CỨU THIỂU PHÙNG XUYÊN NHĨ KHÁCH THÔN ĐẦU .....805 .....797 THÔN LÝ NAM NỮ .....805 THIỆU AN .....797 THÔN THỔ BẤT ĐẮC .....805 THIỆU CHÂN THIỀN SƯ .....797 THÔN VIỆN .....805 THIỆU HIỂN .....797 THỐN TRƯỜNG XÍCH ĐOẢN .....805 THIỆU KHANH .....797 THỐN TY BẤT QUẢI .....805 THIỆU LONG (1077-1136) .....797 THÔNG .....806 THIỆU LONG ĐẠI SƯ .....798 THÔNG BIỆN (?-1134) .....806 THIỆU LONG THÁNH CHỦNG .....798 THÔNG BIỆN MINH ĐỨC THIỀN SƯ THIỆU MINH (1235-1308).....798 .....806 THIỆU NGUYÊN (1305-1385).....798 THÔNG CÔNG (860-945) .....806 THIỆU NHAM (899-971) .....798 THÔNG DUNG (1539-1661).....806 THIỆU TÔNG .....798 THÔNG DỰ (1588-1646).....806 THIỆU TRÂN .....798 THÔNG HIỀN (1593-1667).....807 THIỆU TU .....799 THÔNG HUỆ THIỀN SƯ .....807 THIỆU TƯ .....799 THÔNG HUYỀN BÁCH VẤN .....807 THIỆU TƯ (990-1066) .....799 THÔNG KỲ (1595-1652).....807 THIỆU VIỄN .....799 THÔNG MINH .....808 THINH TIỀN NHẤT CÚ THIÊN THÁNH BẤT THÔNG MINH CẢNH GIỚI .....808 TRUYỀN .....799 THÔNG MÔN (1599-1671) .....808 THỈNH ÍCH .....799 THÔNG NHẪN (1604-1648).....808 THỈNH ÍCH LỤC .....800 THÔNG NHẤT TUYẾN .....808 THỌ AN THIỀN VIỆN .....800 THÔNG NHẤT TUYẾN ĐẠO .....809 THỌ DỤNG .....800 THÔNG PHÁP THIỀN SƯ .....809 THỌ KÝ .....800 THÔNG PHƯƠNG .....809 THỌ NGHIỆP .....800 THÔNG THÂN THỊ THỦ NHÃN ..809 THỌ THỦ .....801 THÔNG THIỀN (?-1228).....809 THỌ TOÁN .....801 THÔNG THỜI HUYÊN .....810 THOÁI .....801 THÔNG THỪA (1593-1638) .....810 THOÁI ÔNG .....801 THÔNG TÍN .....810 THOẠI .....801 THÔNG TÚ (1614-1675) .....810 THOẠI BÁ .....801 THÔNG TÚY (1610-1695) .....810 THOẠI BẢ .....801 THÔNG VÂN (1594-1663).....811

THOẠI ĐẦU .....802 THÔNG VẤN (1604-1655).....811 THOẠI ĐỌA .....802 THÔNG VI (1594-1657) .....811 THOẠI HỘI .....802 THÔNG VIÊN .....812 THOẠI PHÁ .....802 THÔNG VINH .....812 THOẠI TÁC LƯỠNG QUYẾT .....802 THỐNG BỔNG .....812 THOÁN DANH .....803 THỐNG LÃNH .....812 THOÁT KHÔNG VỌNG NGỮ .....803 THỐT ĐỊA CHIẾT .....812 THOÁT LƯỢC .....803 THỐT TRÁC .....813 THOÁT NHIÊN .....803 THỐT TRÁC ĐỒNG THỜI .....813 THOÁT THỂ .....803 THỜI LƯU .....813 THOÁT TRÁM .....803 THỜI THỜI NIỆM NIỆM .....813 THÔ THỰC DỊ BẢO, TẾ TƯỚC NAN CƠ THỜI TRUNG .....813 .....803 THỜI TRƯỜNG .....814 THỐ ĐẠI .....804 THỜI UẤT (1303-1381).....814 THỐ GIÁC QUY MAO .....804 THU SÁT .....814 THỐ MÃ .....804 THÙ GIÁ .....814 THỐ Ý .....804 THÙ TƯỢNG TỰ .....814 THỔ THƯỢNG GIA NÊ .....804 THÙ XƯỚNG .....815 THÔN CÔNG .....805 THỦ .....815

MỤC LỤC TRA CỨU THỦ (k. ng) .....815 THỦY NGUYỆT THÔNG GIÁC (1637- THỦ CƯỚC .....815 1704).....824 THỦ ĐOAN (1025-1072).....815 THỦY PHẠN .....824 THỦ KHÂM .....816 THỦY TỐT .....825 THỦ NHÂN .....816 THỦY THẠNH (1276-1347) .....825 THỦ NHÂN XỬ PHÂN .....816 THỦY TRUNG TRÓC NGUYỆT .....825 THỦ NHẤT .....816 THỤY HIỆU .....825 THỦ NỘT .....816 THỤY QUANG THÁP .....825 THỦ OAI .....816 THUYỀN TÔN TỰ .....826 THỦ PHỤNG .....817 THUYỀN TỬ HÒA THƯỢNG .....826 THỦ QUÝ (1290-1361).....817 THUYỀN TỬ HÒA THƯỢNG BẠT TRẠO CA THỦ SƠ (910-990) .....817 .....826 THỦ SƠN .....817 THUYẾT QUY CỦ .....826 THỦ SƠN TỈNH NIỆM THIỀN SƯ NGỮ LỤC THUYẾT TỰ NHẤT VẬT TỨC BẤT TRÚNG .....817 .....826 THỦ THỨ NGỮ .....817 THƯ KÝ .....826 THỦ TÍNH

.....817 THỨ .....827 THỦ TỌA .....818 THỨ ĐỆ .....827 THỦ TRÁC (1064-1123).....818 THỪA ĐƯƠNG .....827 THỦ TRUNG (1275-1348).....818 THỪA HẠO (1011-1091).....827 THỦ TƯỚNG ĐẠI SƯ .....818 THỪA HƯ TIẾP HƯỞNG .....828 THỤ Á (412) .....818 THỪA LÃNH .....828 THỤ KHỞI TÍCH LƯƠNG .....818 THỪA QUẢNG THIỀN SƯ THÁP 828 THỤ PHẤT NIÊM CHÙY .....819 THỪA THIÊN TỰ .....828 THỤ TỨC .....819 THỪA THIÊN VIỆN .....828 THUẦN ĐÔ TÔNG (1340-1426) .....819 THỪA THỌ .....829 THUẦN CHÂN (?-1101) .....819 THỪA THÔNG .....829 THUẦN NHẤT THIỀN SƯ .....820 THỪA TRƯỜNG .....829 THUẦN TỲ TƯƠNG BÁN .....820 THỨC TÂM .....829 THUẬN CHI (825-910).....820 THỨC TÂM KIẾN TÍNH .....829 THUẬN ĐỨC ĐẠI SƯ .....820 THỨC THẦN .....830 THUẬN THẾ .....820 THỨC TÌNH .....830 THỤC .....820 THỰC CHỈ .....830 THUNG DUNG AM LỤC .....820 THỰC PHÚC CHI ĐỊA .....830 THUẾ Y .....821 THỰC TẤT PHÁ BÁT .....830 THÚY NHAM HÂN .....821 THƯỚC SÀO HÒA THƯỢNG .....830 THÚY PHONG .....821 THƯƠNG LƯỢNG .....831 THÚY VI TỰ .....821 THƯỜNG CHÂU THIÊN NINH TỰ 831 THÙY ĐƯỜNG .....822 THƯỜNG CHIẾU .....831 THÙY HÓA .....822 THƯỜNG GIÁC (896-971).....832 THÙY LONG PHỔ .....822 THƯỜNG GIẢN (1015-1070) .....832 THÙY NGỮ .....822 THƯỜNG HƯNG .....832 THÙY NGỮ BÁCH TẮC .....822 THƯỜNG LƯU .....833 THÙY THỊ .....822 THƯỜNG NHUẬN (1510-1585).....833 THÙY THỦ .....822 THƯỜNG QUÁN .....833 THÙY THỦ NHẬP TRIỀN .....823 THƯỜNG QUANG BẢN VIÊN .....833 THỦY AM .....823 THƯỜNG QUANG HIỆN TIỀN .....833 THỦY BẤT TẨY THỦY .....823 THƯỜNG SÁT (?-961) .....833 THỦY ĐẦU .....823 THƯỜNG THÔNG .....833 THỦY LỤC THIỀN TỰ .....823 THƯỜNG TỔNG (1025-1091) .....833 THỦY MỤC SƠN .....823 THƯỜNG TRUNG (1514-1588).....834 THỦY NGUYỆT .....824

THƯỢNG CĂN .....834

MỤC LỤC TRA CỨU THƯỢNG CĂN LỢI TRÍ .....834 TIỀN ĐẦU NHÂN .....843 THƯỢNG CHÍ (1668-1732) .....834 TIỀN ĐƯỜNG THỦ TỌA .....843 THƯỢNG ĐẦU QUAN .....834 TIỀN KHÊ .....843 THƯỢNG ĐƯỜNG .....835 TIỀN NHÂN .....843 THƯỢNG KỶ (1630-1711).....835 TIỀN TAM TAM, HẬU TAM TAM THƯỢNG LAM VIỆN .....835 .....843 THƯỢNG LÝ THIÊN .....835 TIỀN TẾ .....844 THƯỢNG MÔN THƯỢNG HỘ .....836 TIỀN TƯ .....844 THƯỢNG NHÂN .....836 TIỄN PHONG TƯƠNG TRỤ .....844 THƯỢNG SĨ .....836 TIỆN .....845 THƯỢNG THIỀN ĐƯỜNG .....836 TIỆN NHIÊU .....845 THƯỢNG THỦ .....837 TIẾP DẪN CHI TỪ .....845 THƯỢNG THỦ ĐỆ TỬ .....837 TIẾP NHÂN .....845 THƯỢNG THƯỢNG CĂN CƠ .....837 TIẾP THỊ .....845 THƯỢNG THƯỢNG CHI CHỈ .....837 TIẾP TRÚC ĐIỂM NGUYỆT .....845 THƯỢNG THƯỢNG CƠ .....837 TIẾP VẬT LỢI SINH .....846 THƯỢNG THƯỢNG LỢI CĂN .....837 TIỆT ĐOẠN CÁT ĐẰNG .....846 THƯỢNG TÚC .....838 TIỆT ĐOẠN CHÚNG LƯU .....846 THƯỢNG UYÊN (1627-1679) .....838 TIỆT ĐOẠN THIÊN SAI .....846 THỨU LÃNH .....838 TIỆT LƯU CƠ .....846 THỨU PHONG SƠN .....838 TIỆT LƯU CHI TÁC .....846 TÍCH .....838 TIỆT SINH TỬ LƯU .....846 TÍCH MỘC THÀNH KIM THÁP ...838 TIÊU .....847 TÍCH THỦ MY MAO .....839 TIÊU DAO THANG .....847 TỊCH ÂM TÔN GIẢ .....839 TIÊU HOÀNG .....847 TỊCH CHẤN (1630-1705).....839 TIÊU SƠN TỰ .....847 TỊCH CHIẾU THIỀN SƯ .....839 TIÊU TỨC .....847 TỊCH DIỆT .....839 TIẾU ẨN ĐẠI HÂN THIỀN SƯ NGỮ LỤC TỊCH HẠ .....839 .....847 TỊCH THẤT .....840 TIẾU CỤ .....848 TỊCH THẤU (1674-1710) .....840 TIẾU HIÊN .....848 TỊCH TRUYỀN (1664-1731) .....840 TIẾU NHAM .....848 TỊCH VIÊN (1207-1299).....840 TIẾU ÔNG .....848 TIỆM KHÊ .....840 TIỂU LÃNG THIỀN SƯ .....848 TIỆM THỨ .....840 TIỂU NAM .....848 TIỆM TU .....840 TIỂU

NGHI .....848 TIÊN ẢNH .....841 TIỂU TẬN .....848 TIÊN ĐÀ KHÁCH .....841 TIỂU THAM .....848 TIÊN ĐỔ (1265-1334).....841 TÍN HỌC (?-1190).....848 TIÊN GIÁC HẢI TỊNH (1788-1875)...841 TÍN TÂM MINH .....849 TIÊN GIÁC TÔNG THỪA .....842 TÍN THỨC THÂM MINH .....849 TIÊN SƯ THIỀN VIỆN .....842 TINH LAM .....849 TIÊN TRÀ .....842 TINH THÁI .....849 TIẾN .....842 TINH TIẾU .....849 TIẾN ĐƯỜNG .....842 TÍNH ÂM (?-1726).....850 TIẾN KỲ .....842 TÍNH CƠ (1609-1681) .....850 TIẾN TỪ THÁP .....842 TÍNH DỊ (1596-1672).....850 TIẾN VÂN .....842 TÍNH ĐIỆP .....850 TIẾN VIỆN .....843 TÍNH ĐĨNH (1598-1651) .....851 TIỀN BẤT CẤU THÔN, HẬU BẤT ĐIỆT ĐIẾM TÍNH ĐÔN (1633-1695) .....851 .....843 TÍNH ĐƯƠNG .....851 TIỀN ĐẦU .....843 TÍNH KHÔNG ĐẠI SƯ .....851

MỤC LỤC TRA CỨU TÍNH KHƯỚC .....851 TỊNH QUÁN THIỀN .....862 TÍNH OÁNH (1628-1706) .....852 TỊNH TÀI .....862 TÍNH PHÁI (1631-16992).....852 TỊNH TẠNG THIỀN SƯ THÁP .....863 TÍNH SƯ (1624-1688).....852 TỊNH TẨY NÙNG TRANG .....863 TÍNH THAO (1611-1684).....852 TỊNH THIỀN (1121-1193).....863 TÍNH THÔNG (1610-1666) .....853 TỊNH THÔNG (1591-1647).....863 TÍNH THÔNG GIÁC NGỘ (1755-1842) TỊNH TRỤ (1601-1654) .....864 .....853 TỊNH TU THIỀN SƯ .....864 TÍNH THỐNG .....853 TỊNH TỪ TỰ .....864 TÍNH TĨNH (1692-1773) .....854 TỊNH TỪ TỰ CHÍ .....864 TÍNH TUYỀN (1674-1744) .....854 TỊNH XÁN (1600-1658) .....865 TÌNH GIẢI .....854 TỊNH VỨC .....865 TÌNH KIẾN .....854 TỌA .....865 TÌNH NIỆM .....855 TỌA CHỦ .....865 TÌNH THỨC .....855 TỌA ĐỊA .....865 TÌNH TRẦN .....855 TỌA ĐOẠN .....865 TÌNH TRI .....855 TỌA ĐOẠN THIÊN HẠ NHÂN THIỆT ĐẦU TÌNH TƯ

.....855 .....866 TÌNH TƯỞNG .....855 TỌA KHƯỚC .....866 TỈNH ĐĂNG .....855 TỌA THAM .....866 TỈNH HÀNH .....856 TỌA THANG .....866 TỈNH NIỆM (926-993).....856 TỌA THIỀN .....867 TỈNH TRIỆT .....856 TOÀN CƠ .....867 TĨNH CHIẾU (1210-1270).....856 TOÀN ĐỀ .....867 TĨNH CƯ TỰ .....856 TOÀN ĐỀ CHÍNH LỆNH .....867 TĨNH LỰC (1112-1175).....857 TOÀN ĐỀ NHẤT CÚ .....867 TỊNH .....857 TOÀN KHÁNH .....867 TỊNH BẢO (1609-1675).....857 TOÀN KHẲNG .....868 TỊNH CẨM .....857 TOÀN KHOÁT (828-887) .....868 TỊNH CHIẾU .....858 TOÀN NHẤT .....868 TỊNH CHIẾU THIỀN SƯ .....858 TOÀN PHÓ (882-947) .....868 TỊNH ĐẦU .....858 TOÀN TÂN THỊ CHỦ, TOÀN CHỦ THỊ TÂN TỊNH ĐẦU .....858 .....868 TỊNH ĐỊA MÊ NHÂN .....858 TOÀN THẤT .....868 TỊNH GIÁC THIỆN TRÌ (?-1785).....858 TOÀN THỂ .....869 TỊNH GIỚI .....859 TOÀN VỌNG TỨC CHÂN, TOÀN PHÀM TỨC TỊNH GIỚI ĐẠI SƯ .....859 THÁNH .....869 TỊNH HUỆ ĐẠI SƯ .....859 TOẢN CỐ CHỈ .....869 TỊNH HUỆ THIỀN TỰ .....859 TÔ CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ ....869 TỊNH KHẢI (?-1674) .....859 TÔ THỨC (1037-1101) .....870 TỊNH KHÔNG (1091-1170) .....860 TÔ TRIỆT (1039-1112).....870 TỊNH LÕA LÕA .....860 TÔ UYÊN LÔI (1908-?).....870 TỊNH LUÂN (1427-?) .....860 TỐ QUỶ QUÁI .....870 TỊNH LỮ (1607-1669).....860 TỔ ẤN .....871 TỊNH NGỘ .....861 TỔ ẤN MẬT HOẰNG (1735-1835)....871 TỊNH NGỘ THIỀN SƯ .....861 TỔ ẤN THIỀN SƯ .....871 TỊNH NHÂN .....861 TỔ ẤN TRÙNG QUANG .....871 TỊNH NHÂN TỰ .....861 TỔ ĐẠO .....871 TỊNH NỘT (1610-1673).....861 TỔ ĐĂNG .....871 TỊNH OÁNH (1612-1672) .....862 TỔ ĐĂNG ĐẠI THỐNG.....872 TỊNH PHÙ .....862 TỔ ĐÌNH .....872 TỊNH PHỦ (? – 1660).....862 TỔ ĐÌNH KIỂM CHÙY LỤC .....872

MỤC LỤC TRA CỨU TỔ ĐÌNH SỰ UYỂN .....872 TÔNG HUỆ ĐẠI SƯ .....884 TỔ ĐƯỜNG .....872 TÔNG LẶC (1318-1391) .....885 TỔ ĐƯỜNG SƠN .....873 TÔNG LONG (?-1542).....885 TỔ ĐƯỜNG TẬP .....873 TÔNG MẠCH .....885 TỔ ĐƯỜNG TỰ .....873 TÔNG MẬT (780-841).....885 TỔ GIÁM (?-1206).....873 TÔNG MÔN .....886 TỔ HÙNG (1285-1365).....873 TÔNG MÔN BẢO TÍCH LỤC .....886 TỔ KHÂM (1204-1287) .....873 TÔNG MÔN CHÍCH ANH TẬP ....886 TỔ LỆNH .....874 TÔNG MÔN CHÍNH ĐĂNG LỤC .886 TỔ MINH .....874 TÔNG MÔN HOẶC VẤN .....887 TỔ NĂNG (1326-1396).....874 TÔNG MÔN HUYỀN GIÁM ĐỒ ..887 TỔ NGUYÊN (1226-1286) .....874 TÔNG MÔN NIÊM CỔ .....887 TỔ PHÁP .....875 TÔNG MÔN NIÊM CỔ HỐI TẬP TỔ PHONG.....875 .....887 TỔ PHỤ ĐIỀN VIÊN .....875 TÔNG MÔN THẬP QUY LUẬN ...888 TỔ SƯ .....875 TÔNG MÔN THẬP THẮNG LUẬN 888 TỔ SƯ BA TỴ .....876 TÔNG MÔN THIẾT NẠN .....888 TỔ SƯ QUAN .....876 TÔNG MÔN THỐNG YẾU TỤC TẬP TỔ SƯ TÂY LAI Ý .....876 .....889 TỔ SƯ THIỀN .....876 TÔNG MÔN VÕ KHỐ .....889 TỔ TÂM (1205-1100) .....876 TÔNG MÔN VÔ TẬN ĐĂNG LUẬN TỔ TỊCH .....877 .....889 TỔ TIÊN (1136-1211) .....877 TÔNG NGUYÊN (1100-1176) .....889 TỔ TÔNG .....877 TÔNG NHÃN .....890 TỔ TÔNG VIÊN QUANG (1758-1827)877 TÔNG NHẤT ĐẠI SƯ .....890 TỔ UYÊN (1389-1449) .....878 TÔNG NHẤT THIỀN SƯ .....890 TỔ VIỆT TỰ .....878 TÔNG PHẠM .....890 TỐI HẬU CÚ .....878 TÔNG PHONG .....890 TỐI SƠ CÚ .....879 TÔNG SƯ .....890 TỐI SƠ NHẤT BỘ .....879 TÔNG THỌ .....890 TÔN CHỈ .....879 TÔNG THỐNG BIÊN NIÊN .....891 TÔN TÚC .....879 TÔNG THÚ .....891 TỒN ĐỨC .....879 TÔNG THƯ (1500-1567) .....891 TỒN THỌ .....879 TÔNG THỪA .....891 TỒN TƯƠNG (840-925) .....880 TÔNG TÍN .....891 TÔNG BẠCH ĐẦU .....880

TÔNG TĨNH (871-954).....892 TÔNG BẢO .....880 TÔNG TĨNH (1373-1448).....892 TÔNG BẢN (1020-1099) .....880 TÔNG TỊNH (1337-1442).....892 TÔNG CẢNH LỤC .....880 TÔNG TRÁCH .....892 TÔNG CẢO (1089-1163) .....881 TÔNG TRẠCH (1640-1707).....893 TÔNG CHI .....882 TÔNG TRÍ .....893 TÔNG CHỈ .....882 TÔNG TRIỆT (?-919) .....893 TÔNG CHIẾU .....882 TÔNG TƯỢNG .....893 TÔNG DĨ (1290-1370) .....883 TÔNG YẾU .....893 TÔNG DIỄN (1640-1711).....883 TỐNG .....893 TÔNG DIỆU (1369-1443).....883 TỐNG CAO TĂNG TRUYỆN .....894 TÔNG DU .....883 TỐT KHÁCH VÔ TỐT CHỦ .....894 TÔNG GIÁC (1091-1162).....884 TRA SA .....894 TÔNG GIÁM PHÁP LÂM .....884 TRA TRA NHA NHA (532) .....895 TÔNG GIÁO LUẬT CHƯ GIA DIỄN PHÁI TRÁC .....895 .....884 TRÁC SÓC .....895 TÔNG HIỂN .....884 TRÁC TÍCH TỰ .....895

MỤC LỤC TRA CỨU TRẠCH SƠN THANH QUY .....895 TRỆ XÁC MÊ PHONG .....903 TRAI CHỦ .....895 TRI DỤC .....904 TRAI ĐƯỜNG .....895 TRI ĐIỆN .....904 TRAI THOÁI .....896 TRI HUYỄN .....904 TRẢM ĐẦU CẦU HOẠT .....896 TRI HỮU .....904 TRẠM LÔ THIỀN AM .....896 TRI KHÁCH .....904 TRẠM HỰU (1645-1710) .....896 TRI KHỐ .....905 TRẠM NHIÊN .....896 TRI KHÔNG .....905 TRẠM NHIÊN THIỀN SƯ KHÁI CỔ LỤC TRI KIẾN .....905 .....896 TRI MẶC .....905 TRẠM NHIÊN THIỀN SƯ TÔNG MÔN HOẶC VẤN TRI NGHIỄM .....905 .....896 TRI QUY .....905 TRẠM NHIÊN VIÊN TRỪNG .....896 TRI SỰ .....905 TRANG CHỦ .....896 TRI TẠNG .....906 TRANG NGHIÊM MÔN .....896 TRI THÁNH ĐẠI SƯ .....906 TRÀNG .....897 TRI THỨC .....906 TRÀNG TỬU TAO HÁN .....897 TRI VIÊN .....906 TRANH .....897 TRI VIỄN .....906 TRANH ĐẦU

.....897 TRÍ AN .....906 TRANH NA... HÀ? .....897 TRÍ BẢO (?-1190) .....906 TRANH NHÂN NGÃ .....897 TRÍ BỈNH (1078-1158) .....907 TRANH THẦN VẪN .....898 TRÍ CẦN (915-990).....907 TRÁNH LUẬN TĂNG .....898 TRÍ CẬP (1311-1378) .....907 TRẠO BỔNG ĐẢ NGUYỆT .....898 TRÍ CÔNG .....908 TRẠO CỬ .....898 TRÍ CHÂN (782-865).....908 TRÁP THƯỢNG MY MAO .....898 TRÍ ĐOAN .....908 TRÂN TRỌNG .....898 TRÍ GIÁC THIỀN SƯ .....908 TRẤN .....898 TRÍ GIÁM (1105-1192) .....908 TRẤN CÂU TẮC HÁC .....899 TRÍ HÃN .....909 TRẤN CHÂU LÂM TẾ HUỆ CHIẾU THIỀN SƯ NGỮ TRÍ HOÀNG .....909 LỤC .....899 TRÍ HỒNG .....909 TRẤN ĐOAN (1520-1592) .....899 TRÍ HÚC (1599-1655).....909 TRẤN MÃNG THÁP .....899 TRÍ HUY (873-956) .....909 TRẤN QUỐC ĐÔNG THIỀN TỰ ..899 TRÍ NGÂN (1585-1637).....909 TRẤN QUỐC THIỀN VIỆN .....899 TRÍ NGU (1185-1269) .....910 TRẤN QUỐC TỰ .....900 TRÍ NGUNG .....910 TRẤN THƯỜNG .....900 TRÍ NGHIÊM .....910 TRẤN TRƯỜNG .....900 TRÍ NHẠC .....910 TRẦN .....900 TRÍ NHAM (600-677).....910 TRẦN DẦN KHẠC (1890-1969) .....900 TRÍ NHÀN () .....910 TRẦN HUỆ KIẾM (1925 -?) .....900 TRÍ NHƯ (749-834) .....911 TRẦN KIỆN DÂN (1906-1987) .....901 TRÍ OAI (646-722) .....912 TRẦN KIẾP .....901 TRÍ PHONG .....912 TRẦN LAO .....901 TRÍ PHU .....912 TRẦN LỤY .....901 TRÍ QUANG (1345-1435).....912 TRẦN MÔNG .....901 TRÍ QUÂN (906-969).....912 TRẦN NHÂN TÔNG (1258-1308).....901 TRÍ TÁC .....912 TRẦN PHÂN .....902 TRÍ TẠNG (735-814) .....912 TRẦN THÁI TÔNG (1218-1277).....902 TRÍ THÔNG (662-738) .....913 TRẦN TÔN TÚC NGỮ LỤC .....903 TRÍ THÔNG THIỀN SƯ .....913 TRẦN TRẦN .....903 TRÍ THÔNG THIỀN SƯ NGỮ LỤC TRẦN TRẦN SÁT SÁT .....903 .....913

MỤC LỤC TRA CỨU TRÍ THƯỜNG .....913 TRỌNG HƯNG .....922 TRÍ TĨNH .....913 TRỌNG

KHIÊM (1174-1244).....922 TRÍ TỐ .....914
TRỌNG NGUYÊN (1010-1081).....922 TRÍ TRUNG
.....914 TRÙ SÁCH .....922 TRÍ
TUYÊN (?-1472).....914 TRỤ
.....922 TRÍ VIỄN
(895-977).....914 TRỤ NGẠN KHƯỚC MÊ NHÂN ..922 TRÍ
XƯƠNG (?-1378).....914 TRỤ SƠN
.....923 TRÍ Y .....915 TRỤ
THẾ .....923 TRÌ BÁT (1049-1117)
.....915 TRỤ TRÌ .....923 TRÌ BỨC
.....915 TRỤ VIỆN .....923 TRÌ
HỒI .....916 TRUÂN
.....923 TRÌ THƯ .....916
TRÚC .....923 TRÍCH THỦY NAN TIÊU
.....916 TRÚC AM .....923 TRIỂN ĐƠN
.....916 TRÚC BỀ .....924 TRIỂN
NHIÊN .....916 TRÚC GIẢN HÒA THƯỢNG .....924
TRIỆN NGỌC (1704-1767) .....916 TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH
TRIẾP BẤT ĐẮC .....916
.....924 TRIỆT
.....916 TRÚC LÂM THIỀN VIỆN .....924
TRIỆT AM .....916 TRÚC LÂM TỰ
.....925 TRIỆT CHỨNG .....917 TRÚC NGUYÊN
.....925 TRIỆT CỐT TRIỆT TỦY .....917 TRÚC
NGUYÊN .....925 TRIỆT CƯƠNG (1626-?) .....917
TRÚC NHAM .....925 TRIỆT DUNG
.....917 TRÚC THẤT .....925 TRIỆT
ĐẦU .....917 TRÚC TIÊN HÒA THƯỢNG NGỮ LỤC
TRIỆT ĐỂ .....917
.....925 TRIỆT ĐIÊN TRIỆT CUỒNG
.....917 TRÚC TRƯỚC KHẢI TRƯỚC .....926 TRIỆT LIỄU
.....918 TRỤC LOẠI TÙY HÌNH .....926 TRIỆT TÂM
.....918 TRUNG ẤP ÂN .....926 TRIÊU
DƯƠNG TỰ .....918 TRUNG ĐỘ .....926
TRIÊU ĐẢ TAM THIÊN, MỘ ĐẢ BÁT BÁCH TRUNG ĐỘNG SƠN
.....926 .....918 TRUNG HẠ
.....926 TRIÊU NGUYÊN THIỀN TỰ .....918 TRUNG
HÒA THIỀN TỰ .....926 TRIỀU CÁI .....918
TRUNG HỘI TỰ .....927 TRIỀU CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ
918 TRUNG NGẠN .....927 TRIỀU TÔNG
.....919 TRUNG NHÂN (?-1179) .....927 TRIỀU
TÔNG THÔNG NHẪN THIỀN SƯ TRUNG PHONG HÒA THƯỢNG QUẢNG LỤC

.....919
.....927 TRIỆU AN (1872-1932) .....919
TRUNG PHONG HÒA THƯỢNG TẠP LỤC TRIỆU CHÂU CẨU TỬ
.....919 .....928 TRIỆU CHÂU CHÂN TẾ
THIỀN SƯ NGỮ LỤC TRUNG SƠN HÒA THƯỢNG .....928
.....919 TRUNG TÂN (1336-1401) .....928
TRIỆU CHÂU CỔ PHẬT .....920 TRUNG THIÊN TRÚC TỰ
.....928 TRIỆU CHÂU KHÁM BÀ .....920 TRÙNG BIÊN TÀO ĐỘNG NGŨ
VỊ HIỂN QUYẾT TRIỆU CHÂU TẨY BÁT VU .....920
.....929 TRIỆU CHÂU TRÀ .....920 TRÙNG
MÔN KÍCH THÁC .....929 TRIỆU TỪ (1850-1920) .....921
TRÙNG TU PHỔ ĐÀ SƠN CHÍ 929 TRINH THÚY
.....921 TRUY BẠCH .....929 TRÌNH CƠ
.....921 TRUY MÔN THẾ PHỔ .....929 TRỊNH
NƯƠNG .....921 TRUY TỐ .....930
TRÓC BẠI .....921 TRUYỀN BỐ
.....930 TRỌNG BIỆN (1030-1108) .....921 TRUYỀN
DỤC (1638-1685).....930 TRỌNG HIỂN (980-1052) .....921
TRUYỀN ĐĂNG .....930

MỤC LỤC TRA CỨU TRUYỀN HÓA .....931 TRƯỚC TIÊN
.....939 TRUYỀN MINH ĐẠI SƯ .....931 TRƯỚC
TIỆN .....940 TRUYỀN PHÁP CHÍNH TÔNG KÝ 931
TRƯỚC TINH THÁI .....940 TRUYỀN PHÁP CHÍNH TÔNG LUẬN
TRƯỚC TINH THẦN .....940
.....931 TRƯỚC TRƯỚC
.....940 TRUYỀN SỞ .....931 TRƯỚC Ý LỘ
.....940 TRUYỀN TÂM .....931
TRƯƠNG CHUYẾT .....940 TRUYỀN TÂM ĐẠI SƯ
.....932 TRƯƠNG CÔNG KHIẾT TỬU, LÝ CÔNG TÚY TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU
.....932 .....940 TRUYỀN TRÌ
.....932 TRƯƠNG CỬU THÀNH (1092-1159).....941 TRUYỀN Y
.....932 TRƯƠNG MẠN THIÊN VÕNG .....941
TRUYỆN KÝ (THIỀN TÔNG) ( ) .....932 TRƯƠNG THƯƠNG ANH
(1043-1121)..941 TRỰC .....933 TRƯỜNG CA
.....942 TRỰC CHỈ NHÂN TÂM .....933 TRƯỜNG
KHÁNH VIỆN .....942 TRỰC ĐẮC .....933
TRƯỜNG KIẾP .....942 TRỰC ĐIỆN
.....933 TRƯỜNG LIÊN SÀNG .....942 TRỰC HẠ
.....933 TRƯỜNG LINH THỦ TRÁC THIỀN SƯ NGỮ LỤC
TRỰC HẠ SỰ .....934 .....942
TRỰC HÁN .....934 TRƯỜNG NGUYÊN
(1110-1165).....942 TRỰC LIỄU .....934 TRƯỜNG NHĨ

HÒA THƯỢNG (?-951) TRỰC MỘC MANH .....934 .....943 TRỰC NHIÊU .....935 TRƯỜNG ÔNG .....943 TRỰC TÂM .....935 TRƯỜNG THỌ TỰ .....943 TRỰC THẢO BẤT ĐẠP, HOÀNH THẢO BẤT NIÊM TRƯỜNG VÃNG .....944 .....935 TRƯỜNG VẬT .....944 TRỰC THỊ .....935 TRƯỞNG LÃO .....944 TRỰC THƯỢNG .....935 TRƯỢNG TUYẾT THÔNG TÚY .....944 TRỰC TU .....935 TRỪU ĐINH BẠT QUYẾT .....944 TRỰC TUẾ .....935 TRỪU ĐƠN .....944 TRƯNG THẢO HÀI TIỀN .....936 TRỪU GIẢI .....944 TRỪNG CHIẾU (1780-1850) .....936 TRỪU THÂN .....945 TRỪNG HUỆ THIỀN SƯ THÁP ...936 TRỪU THOÁT .....945 TRỪNG THỰC .....936 TRỬU HẬU PHÙ .....945 TRỪNG TĨNH .....936 TU NHẤT ĐẠI SƯ .....945 TRỪNG VIỄN (908-987) .....936 TÚ DÃ .....945 TRỪNG TỴ .....937 TÚ PHONG TỰ .....945 TRƯỚC .....937 TÚ TÔNG .....945 TRƯỚC BẤT ĐẮC .....937 TỤ ĐẦU .....945 TRƯỚC CÂN CỐT .....937 TỤ MẠT .....945 TRƯỚC CÔNG .....938 TỤ VÂN THIỀN TỰ .....946 TRƯỚC CƯỚC .....938 TUẤN KHOÁI .....946 TRƯỚC ĐÁO .....938 TUẤN LƯU .....946 TRƯỚC HỎA .....938 TUẤN MINH (1317-1407).....946 TRƯỚC KHÍ LỰC .....938 TUẤN NHẬN (1166-1227).....946 TRƯỚC LỰC .....938 TUẦN NHÂN PHẠM DẠ .....946 TRƯỚC NGỮ .....938 TUẦN VĂN TRỤC CÚ .....947 TRƯỚC NHÃN .....939 TÚC HẠ VÂN SINH .....947 TRƯỚC PHƯƠNG TIỆN .....939 TÚC MẠCH TIỀN .....947 TRƯỚC QUY .....939 TÚC THÀNH .....947 TRƯỚC TA TỬ NHÃN TÌNH .....939 TỤC CHỈ NGUYỆT LỤC .....947 TRƯỚC TÀO XƯỞNG .....939 TỤC DIỆM LIÊN PHƯƠNG .....948 TRƯỚC THỦ CƯỚC .....939 TỤC ĐĂNG CHÍNH THỐNG .....948

MỤC LỤC TRA CỨU TỤC ĐĂNG TỒN CẢO .....948 TÙNG YỂM .....957 TỤC KIM SƠN CHÍ .....948 TỤNG CỔ .....957 TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC .....949 TÙY

BA TRỤC LÃNG .....957 TUỆ THÔNG (giữa thế kỷ 14) .....949 TÙY CƠ ỨNG BIẾN .....957 TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ (1230-1291) TÙY CHÂU ĐẠI HỒNG SƠN THUẦN THIỀN SƯ .....949 NGỮ LỤC .....958 TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ NGỮ LỤC TÙY CHÚNG .....958 .....950 TÙY DUYÊN .....958 TUNG SƠN .....950 TÙY PHƯƠNG TỰU VIÊN .....958 TUNG THIẾU TỔ .....950 TÙY SƠN .....958 TÚNG NHIÊU .....950 TÙY THỜI .....958 TÚNG NHIÊN .....950 TÙY THỜI CẬP TIẾT .....958 TÙNG .....951 TÙY XỨ GIẢI THOÁT .....958 TÙNG ẨN THÁP .....951 TÙY XỨ NHẬM DUYÊN .....959 TÙNG BA .....951 TÙY XỨ TÁC CHỦ .....959 TÙNG BÃO THÁP .....951 TUYÊN GIÁM (782-865) .....959 TÙNG CẨN (1117-1200) .....951 TUYÊN PHÁP ĐẠI SƯ .....959 TÙNG CỐC .....952 TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ TÙNG DUYỆT (1044-1091).....952 .....959 TÙNG ĐẦU .....952 TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ BẢO KHIẾP ẤN TÙNG ĐÌNH .....952 KINH THÁP .....960 TÙNG HÂN .....952 TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ CẦU HÌNH TÙNG GIAO .....952 THÁP .....960 TÙNG HIỂN (906-983).....952 TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ NHÂN THỌ TÙNG KHÔI (?-973).....952 THÁP .....961 TÙNG LÃNG .....953 TUYỀN CHÂU KHAI NGUYÊN TỰ TRẤN QUỐC TÙNG LÂM .....953 THÁP .....961 TÙNG LÂM CHI ĐỐI .....953 TUYỀN ĐẠI ĐẠO .....962 TÙNG LÂM CÔNG LUẬN .....953 TUYỂN PHẬT TRƯỜNG .....962 TÙNG LÂM HIỆU ĐỊNH THANH QUY TỔNG YẾU TUYẾT AM .....962 .....954 TUYẾT AM KHẮC VĂN THIỀN SƯ NGỮ LỤC TÙNG LÂM THẠNH SỰ .....954 .....962 TÙNG LUÂN .....954 TUYẾT AM TÙNG CẨN THIỀN SƯ TỤNG CỔ TÙNG MÔN NHẬP GIẢ, BẤT THỊ GIA TRÂN .....962 .....954 TUYẾT CHU (1420-1506).....962 TÙNG NGUYÊN SÙNG NHẠC THIỀN SƯ NGỮ TUYẾT DUY THAO (1602-1682) .....962 LỤC .....955 TUYẾT ĐẬU MINH GIÁC THIỀN SƯ NGỮ LỤC TÙNG NGUYÊN .....955 .....962 TÙNG NGUYỆT ÔNG .....955 TUYẾT ĐẬU TRỌNG HIỂN .....963 TÙNG PHẠM .....955 TUYẾT ĐẬU TỤNG CỔ TRỰC CHÚ

TÙNG QUÝ .....955 .....963 TÙNG SÂM .....955 TUYẾT ĐẬU TỰ .....963 TÙNG SƠN TỬ .....955 TUYẾT ĐÌNH .....963 TÙNG TẬP .....955 TUYẾT ĐƯỜNG .....963 TÙNG THẠCH .....956 TUYẾT ĐƯỜNG THẬP DI LỤC ...963 TÙNG THẠNH .....956 TUYẾT HIÊN .....964 TÙNG THẨM (778-897).....956 TUYẾT KIỆU .....964 TÙNG THƯỢNG LAI .....956 TUYẾT NHAM HUỆ MÃN .....964 TÙNG TỊCH .....956 TUYẾT NHAM TỔ KHÂM .....964 TÙNG TRIỂN (?-928).....956 TUYẾT PHONG CÔN CẦU .....964 TÙNG XÃ .....957 TUYẾT PHONG HUỆ KHÔNG THIỀN SƯ NGỮ LỤC TÙNG Y .....957 .....964

MỤC LỤC TRA CỨU TUYẾT PHONG NGHĨA TỒN .....964 TỪ LỤC ĐẢM PHIẾN BẢN .....973 TUYẾT PHONG NGHĨA TỒN THIỀN SƯ NGỮ LỤC TỪ MINH TỨ GIA LỤC .....974 .....964 TỪ MINH THIỀN SƯ .....974 TUYẾT PHONG SƠN .....965 TỪ MINH THIỀN SƯ NGỮ HỘI TRỤ TRÌ NGỮ LỤC TUYẾT PHONG TỰ .....965 .....974 TUYẾT QUAN .....966 TỪ NGỘ THIỀN SƯ .....974 TUYẾT SONG .....966 TỪ ÔNG .....974 TUYỆT BIÊN .....966 TỪ TẾ .....974 TUYỆT ĐÃI .....966 TỪ TẾ ĐẠI SƯ .....974 TUYỆT ĐỒ .....966 TỪ TẾ THIỀN SƯ .....974 TUYỆT HÀO LY .....966 TỪ TẾ THIỀN SƯ NGỮ LỤC ...974 TUYỆT HẬU TÁI TÔ .....966 TỪ THỌ TỰ .....974 TUYỆT HÒA .....967 TỪ THỌ THÁP .....975 TUYỆT HỌC .....967 TỪ THỌ THIỀN SƯ .....975 TUYỆT LAI DO .....967 TỪ TRIÊM THIỀN SƯ THÁP .....975 TUYỆT LỮ .....967 TỪ VÂN THÁP .....975 TUYỆT LỰ VONG DUYÊN .....967 TỪ VI .....975 TUYỆT LƯU .....968 TỪ XÁC .....976 TUYỆT NÃO .....968 TỬ BÁCH ĐẠI SƯ .....976 TUYỆT NGẠN .....968 TỬ CÚ .....976 TUYỆT THUYÊN .....968 TỬ DUNG MINH HOẰNG .....976 TUYỆT TIÊM TRẦN .....968 TỬ ĐÀM (1249-1306).....976 TUYỆT TƯ LƯỢNG .....968 TỬ ĐỊNH (1302-1376) .....976 TUYỆT TRẦN

.....968 TỬ HÁN .....976 TƯ HÓA THIỀN SƯ .....968 TỬ HIỀN .....977 TƯ HỌC .....969 TỬ HỒ CẨU .....977 TƯ KHÔNG SƠN THIỀN SƯ .....969 TỬ HỒ CẨU TỬ .....977 TƯ MÃ ĐẦU ĐÀ .....969 TỬ HƯNG .....977 TƯ MINH .....969 TỬ LA TRƯỚNG .....977 TƯ NHI .....969 TỬ NGHI (?-986) .....978 TƯ THÁNH TỰ .....969 TỬ NGHIÊM (1309-1382) .....978 TƯ THIỆN VIỆN .....969 TỬ TÂM NGỘ TÂN THIỀN SƯ NGỮ LỤC TƯ TINH CỔ NHÂN .....969 .....978 TỨ CÚ .....970 TỬ THIỀN HÒA TỬ .....978 TỨ CHÂU VIỆN .....970 TỬ THUẦN (1064-1117) .....978 TỨ CHIẾU DỤNG .....970 TỬ TRUNG PHÁT HOẠT .....978 TỨ GIA NGỮ LỤC .....970 TỬ TƯỜNG (885-960).....979 TỨ LĂNG ĐẠP ĐỊA .....970 TỰ .....979 TỨ LIỆU GIẢN .....971 TỰ (k. ng).....979 TỨ MỤC TƯƠNG CỐ .....971 TỰ BẢO (978-1054).....979 TỨ TÂN CHỦ .....971 TỰ DUNG (1615-1691) .....979 TỨ THẬP CỬU NIÊN .....972 TỰ DUYÊN (1310-1368) .....979 TỨ THIỀN BỆNH .....972 TỰ ĐẮC THIỀN SƯ .....980 TỨ THỐN PHẬT PHÁP .....972 TỰ GIA ĐỂ .....980 TỨ TỔ SƠN .....972 TỰ GIA HOẠT KẾ .....980 TỨ TỔ TỰ .....972 TỰ GIA TANG TỬ .....980 TỪ CHIẾU THIỀN SƯ .....973 TỰ HẢI CHI THÂM, NHƯ SƠN CHI CỐ TỪ ĐẠC (925-995).....973 .....980 TỪ ĐÀM TỰ .....973 TỰ HỔ BÔN SƠN .....980 TỪ GIÁC ĐẠI SƯ .....973 TỰ HỒI .....981 TỪ HIẾU TỰ .....973 TỰ KỶ CHỦ NHÂN CÔNG .....981 TỪ HUỆ .....973 TỰ LIỄU HÁN .....981

MỤC LỤC TRA CỨU TỰ MÃN .....981 TƯỜNG MẠI .....990 TỰ MINH (1361-1370) .....981 TƯỜNG QUANG (1741-1830).....990 TỰ NGHIÊM (910-992) .....982 TƯỞNG SƠN .....991 TỰ NGUYÊN .....982 TỰU NGỮ TIẾP NHÂN .....991 TỰ SIÊU (1325-1405) .....982 TỰU THÂN ĐẢ KIẾP .....991 TỰ TẠI (741-821) .....982 TỰU THỦ .....991 TỰ TẮC TỰ, THỊ TẮC VỊ THỊ TỰU THƯỢNG .....991 .....982 TỲ-DA LÃO CỔ CHÙY

.....991 TỰ THƯ .....982 TỲ LÔ THÁP
.....991 TỰ TÍNH .....982 TỲ LÔ
THIỀN TỰ .....992 TỰ TÍNH DI-ĐÀ .....983
TỲ-NI-ĐA-LƯU-CHI (?-594).....992 TỰ TÍNH THIÊN CHÂN PHẬT
....983 TỶ .....993 TỰ TÔNG
(1085-1153).....983 TỶ LAI .....993 TỨC
.....984 TỶ KIM
.....993 TỨC .....984 TỶ
TOẠI .....993 TỨC KIM
.....984 TỴ KHỔNG .....993 TỨC
LỰ .....984 TỴ KHỔNG ĐOAN CHÍNH .....993
TỨC NGÔN ĐỊNH CHỈ .....984 TỴ KHỔNG LIÊU THIÊN
.....993 TỨC TÂM TỨC PHẬT .....984 TỴ NỊCH ĐẦU HỎA
.....994 TỨC THẢ TRÍ .....985 U
.....994 TỨC THỊ
.....985 U CHÂU KHÔNG .....994 TƯỚC
PHẠN ỦY TIỂU NHI .....985 U THÊ TỰ .....994
TƯƠNG .....986 UNG CHÍNH NGỰ TUYỂN NGỮ LỤC
TƯƠNG CÔNG DỤNG CÔNG .....986
.....994 TƯƠNG DIÊM CHỈ KHÁT
.....986 UNG HY TỰ .....994 TƯƠNG ĐẦU MỊCH ĐẦU
.....986 ÚNG TRUNG TẨU MIẾT .....994 TƯƠNG ĐƯƠNG
.....986 UẨN KHÔNG .....994 TƯƠNG
ĐƯƠNG .....987 UẨN NĂNG .....994
TƯƠNG HOÁN ĐẢ THU THIÊN .987 UẨN THÔNG
(965-1032).....995 TƯƠNG KHÔNG MỊCH KHÔNG .....987 ỦY TÂM
.....995 TƯƠNG PHÁP CẦU PHÁP .....987 ỦY TẤT
.....995 TƯƠNG PHẬT CẦU PHẬT .....987 ỦY
THUẬN .....995 TƯƠNG SƠN TỰ
.....988 ỦY ỦY TÙY TÙY .....995 TƯƠNG TÂM CẦU
TÂM .....988 UYÊN HỒ .....995 TƯƠNG TÂM
DỤNG TÂM .....988 UYỂN LĂNG LỤC .....995 TƯƠNG
TÂM ĐÃI NGỘ .....988 ỨNG AM ĐÀM HOA THIỀN SƯ NGỮ LỤC
TƯƠNG TÂM TRÓC TÂM .....988
.....996 TƯƠNG THÂN .....988
ỨNG CÀN (1034-1096) .....996 TƯƠNG THÂN XỨ
.....989 ỨNG CƠ .....996 TƯƠNG THÓA
NHIÊU NHĨ BÁT THỦY ỨNG CHÂN .....996
.....989 ỨNG ĐOAN (1069-1129)
.....996 TƯƠNG THỐ TỰU THỐ .....989 ỨNG HUYỆN MỘC
THÁP (283) .....997 TƯƠNG THỨ .....989 ỨNG KHÁCH
THỊ GIẢ .....997 TƯƠNG TỬ TƯỚC TỰU ĐỊA ĐẠN ỨNG PHU

.....998 .....989 ỨNG THUẬN VƯƠNG .....998 TƯƠNG TỰ BÁT NHÃ .....989 ƯỚC .....998 TƯƠNG VỊ .....990 ƯƠNG ƯƠNG TƯỜNG TƯỜNG .....999 TƯƠNG VỊ CHÚNG SINH KHỔ, CÁNH HỮU KHỔ V .....999 CHÚNG SINH ....990 VÃN THAM .....999 TƯƠNG VỊ HỒ TU XÍCH, CÁNH HỮU XÍCH TU HỒ VẠN AM .....999 .....990 VẠN CỔ TRƯỜNG KHÔNG, NHẤT TRIÊU PHONG TƯỜNG KHIẾT (1750-1825) .....990 NGUYỆT .....999

MỤC LỤC TRA CỨU VẠN CƠ CHI DƯ .....999 .....1010 VẠN GIA SINH PHẬT .....999 VÂN MÔN TAM CÚ .....1010 VẠN HẠNH (?-1018).....1000 VÂN MÔN THIÊN TỬ .....1010 VẠN KIM (1327-1373) .....1000 VÂN MÔN TÔNG .....1011 VẠN LÝ NHAI CHÂU .....1000 VÂN MÔN TỰ .....1011 VẠN LÝ VỌNG HƯƠNG QUAN 1001 VÂN NGỌA KỶ ĐÀM .....1011 VẠN NIÊN THIỀN TỰ .....1001 VÂN NGOẠI .....1012 VẠN NIÊN TỰ .....1001 VÂN NHAM TỰ .....1012 VẠN PHÁP NHẤT NHƯ .....1002 VÂN PHONG (?-956) .....1012 VẠN PHÁP TỀ QUÁN .....1002 VÂN PHONG VĂN DUYỆT .....1012 VẠN PHÁP VÔ SAI .....1002 VÂN THÊ CHÂU HOẰNG .....1012 VẠN PHẬT THẠCH THÁP .....1002 VÂN THÊ SƠN .....1012 VẠN PHẬT THIỀN TỰ .....1003 VÂN TIÊU AM .....1012 VẠN PHÚC TỰ .....1003 VÂN TỤ (1242-1324).....1013 VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP ...1003 VÂN YÊN TỰ .....1013 VẠN TUẾ TỰ .....1004 VẤN .....1013 VẠN TÙNG LÃO NHÂN .....1004 VẤN ĐẦU .....1013 VẠN TÙNG LÃO NHÂN THÁP .1004 VẤN QUÁ .....1013 VẠN TÙNG TỰ THÁP .....1005 VẤN TẤN .....1013 VÃNG .....1005 VẤN THIỀN .....1014 VĂN CỦ (?-897).....1005 VẤN VƯƠNG LÃO SƯ TÁC THẬP MA? VĂN DUYỆT (997-1062) .....1005 .....1014 VĂN HỈ (821-900).....1005 VẬT .....1014 VĂN ÍCH (885-958) .....1006 VẬT GIAO THIỆP .....1014 VĂN KHÂM .....1006 VẬT SƠ .....1014 VĂN NGHĨA .....1006 VI ĐỐI VI ĐÃI .....1014 VĂN QUẢ .....1006 VI LÂM ĐẠO BÁI .....1014 VĂN TÁI

(1452-1524) .....1007 VI NHÂN .....1015 VĂN TÀI (1273-1352) .....1007 VI PHỤC .....1015 VĂN THẮNG (?-1026) .....1007 VỊ .....1015 VĂN THUẬT (1296-1373) .....1007 VỊ CHÚNG TRÌ BÁT .....1015 VĂN THÚY (915-990).....1007 VỊ NHÂN .....1015 VĂN TÚ (1345-1418).....1008 VỊ TẠI .....1015 VĂN TỬ THƯỢNG THIẾT NGƯU VIÊM THIÊN PHÁ NHỨ .....1016 .....1008 VIÊN AM .....1016 VĂN YỂN (864-949).....1008 VIÊN ANH (1878-1953) .....1016 VÂN AM .....1009 VIÊN ÂM .....1016 VÂN AM CHÂN TỊNH THIỀN SƯ NGỮ LỤC VIÊN CHÂU NGƯỠNG SƠN HUỆ TỊCH THIỀN SƯ .....1009 NGỮ LỤC .....1016 VÂN CÁI SƠN .....1009 VIÊN CHIẾU .....1017 VÂN CỐC .....1009 VIÊN CHIẾU ĐẠI SƯ .....1018 VÂN CƯ .....1009 VIÊN CHIẾU THIỀN SƯ .....1018 VÂN CƯ ĐẠO ƯNG .....1009 VIÊN CHỨNG .....1018 VÂN CƯ SƠN .....1009 VIÊN CƠ THIỀN SƯ .....1018 VÂN CƯ THÁNH THỦY TỰ CHÍ VIÊN DUNG .....1018 .....1009 VIÊN GIÁC THIỀN SƯ .....1018 VÂN CƯ TỰ .....1009 VIÊN GIÁM THIỀN SƯ .....1018 VÂN MÔN .....1010 VIÊN HIỂN (1449-?).....1018 VÂN MÔN KHUÔNG CHÂN THIỀN SƯ QUẢNG VIÊN HỌC (1053-1116).....1018 LỤC .....1010 VIÊN HÚC .....1019 VÂN MÔN MẠCH LÃNG HOÀI THIỀN SƯ TÔNG VIÊN KHOAN .....1019 MÔN THIẾT NẠN VIÊN MÃN THƯỜNG CHIẾU QUỐC SƯ NGỮ LỤC

MỤC LỤC TRA CỨU .....1019 VĨNH TỪ (1393-1461) .....1028 VIÊN MINH (855-990) .....1019 VĨNH XƯƠNG THIỀN TỰ .....1028 VIÊN NGÂN (?-1580).....1019 VỌNG KHÔNG .....1028 VIÊN NGỘ (1566-1642) .....1019 VỌNG SINH TIẾT MỤC .....1028 VIÊN NGỘ KHẮC CẦN .....1020 VÔ ÂN (884-960) .....1028 VIÊN NGỘ PHẬT QUẢ THIỀN SƯ NGỮ LỤC VÔ BA TỴ .....1028 .....1020 VÔ BIÊN (?-1588).....1029 VIÊN NGUYỆT (1300-1378) .....1020 VÔ CHUẨN .....1029 VIÊN QUẢ (1484-1573) .....1020 VÔ CHUẨN SƯ PHẠM THIỀN SƯ NGỮ LỤC VIÊN THÔNG DIỆU GIÁC THIỀN SƯ .....1029 .....1020 VÔ CỐ VÔ TẤT

.....1029 VIÊN THÔNG MINH QUẢNG THIỀN SƯ VÔ CÔNG CHI CÔNG .....1029 .....1020 VÔ DANH (722-793) .....1030 VIÊN THÔNG NỘT .....1020 VÔ DẬT .....1030 VIÊN THÔNG QUỐC SƯ (1080-1151) VÔ DỊ .....1030 .....1021 VÔ DỊ NGUYÊN LAI THIỀN SƯ QUẢNG LỤC VIÊN THÔNG TỰ .....1021 .....1030 VIÊN TÍN (1571-1647) .....1022 VÔ DỤNG HIỀN KHOAN THIỀN SƯ VIÊN TỊNH (1588-1639) .....1022 .....1030 VIÊN TỊNH ĐẠI SƯ .....1022 VÔ ĐẲNG (749-830) .....1030 VIÊN TRÍ (769-835).....1022 VÔ ĐOAN .....1031 VIÊN TRÍ ĐẠI SƯ .....1022 VÔ ĐỨC THIỀN SƯ .....1031 VIÊN TRÍ THIỀN SƯ .....1022 VÔ GIAO THIỆP .....1031 VIÊN TRỪNG (1561-1626) .....1023 VÔ HÀ MINH TRÍ .....1031 VIÊN TU (1575-1635).....1023 VÔ HỌC .....1031 VIÊN TU THIỀN SƯ .....1023 VÔ HUYỀN CẨM .....1031 VIÊN XUẤT (1605-1645).....1023 VÔ HƯU .....1031 VIỄN MÔN TỊNH TRỤ THIỀN SƯ VÔ KHẨU .....1032 .....1023 VÔ KHÔNG .....1032 VIỆN CHỦ .....1024 VÔ KHỔNG ĐỊCH .....1032 VIỆT SƠN CÁT TƯỜNG THIỀN VIỆN VÔ KHỔNG THIẾT CHÙY .....1032 .....1024 VÔ KÝ KHÔNG .....1032 VINH TÂY (1141-1215) .....1024 VÔ LIỄU (787-867).....1032 VĨNH AN (911-974).....1024 VÔ LƯỢNG .....1033 VĨNH AN VIỆN .....1024 VÔ MINH .....1033 VĨNH DƯ (?-1365).....1024 VÔ MÔN HUỆ KHAI .....1033 VĨNH GIA CHỨNG ĐẠO CA .....1024 VÔ MÔN HUỆ KHAI THIỀN SƯ NGỮ LỤC VĨNH GIA TẬP .....1025 .....1033 VĨNH GIA THIỀN TÔNG TẬP CHÚ VÔ MÔN QUAN .....1033 .....1025 VÔ NGHĨA CÚ .....1034 VĨNH GIÁC HÒA THƯỢNG ĐỘNG THƯỢNG CỔ VÔ NGHIỆP (760-821) .....1034 TRIỆT .....1026 VÔ NGÔN THÔNG (?-826) .....1034 VĨNH GIÁC NGUYÊN HIỀN THIỀN SƯ QUẢNG VÔ NHIỄM (800-888).....1035 LỤC .....1026 VÔ NIỆM .....1035 VĨNH HỮU TỰ XÁ LỢI THÁP 1026 VÔ PHÙNG THÁP .....1035 VĨNH LẠC THIỀN TỰ .....1027 VÔ PHƯƠNG .....1035 VĨNH MINH THIỀN SƯ

.....1027 VÔ QUAN TẮC .....1035 VĨNH MINH TRÍ GIÁC THIỀN SƯ DUY TÂM VÔ SINH .....1036 QUYẾT .....1027 VÔ SƯ TRÍ .....1036 VĨNH NINH (1292-1369).....1027 VÔ SỰ ĐẠO NHÂN .....1036 VĨNH NINH TỰ .....1027 VÔ SỰ GIÁP .....1036 VĨNH QUANG (660-730) .....1028 VÔ SỰ NẠP TĂNG .....1036

MỤC LỤC TRA CỨU VÔ SỰ NHÂN .....1036 XÍCH KHẨU BẠCH THIỆT TẬN TIÊU TRỪ VÔ SỰ THIỀN .....1037 .....1044 VÔ TÂM ĐẠO NHÂN .....1037 XÍCH NHÃN QUY TÔNG .....1044 VÔ TẾ .....1037 XÍCH NHỤC ĐOÀN .....1044 VÔ TẾ ĐẠI SƯ .....1037 XÍCH SÁI SÁI .....1044 VÔ TẾ THIỀN SƯ THẠCH THÁP XIỂN HÓA .....1044 .....1037 XIỂN NHIÊN .....1045 VÔ THAM .....1037 XIẾT PHONG XIẾT ĐIÊN .....1045 VÔ THỦY .....1037 XOA .....1045 VÔ THỦY VÔ MINH .....1037 XUÂN LAN THU CÚC .....1045 VÔ THUYẾT .....1038 XUẤT CÁCH .....1045 VÔ THƯỢNG THIỀN SƯ .....1038 XUẤT CÁCH SIÊU LƯỢNG .....1045 VÔ TÍCH .....1038 XUẤT CHÚNG .....1045 VÔ TÌNH THUYẾT PHÁP .....1038 XUẤT ĐỘI .....1046 VÔ TRỤ .....1038 XUẤT HƯNG .....1046 VÔ TRỤ ĐẠI SƯ .....1039 XUẤT KỲ .....1046 VÔ TRỤ ÔNG .....1039 XUẤT MỘT QUYỂN THƠ .....1046 VÔ TRƯỚC THIỀN SƯ .....1039 XUẤT NGƯU THAI NHẬP MÃ PHÚC VÔ TƯỚNG .....1039 .....1046 VÔ TƯỚNG ĐẠI SƯ .....1039 XUẤT NHÃN .....1046 VÔ UẤN (1309-1386) .....1039 XUẤT NHÂN .....1047 VÔ ÚY THIỀN SƯ .....1040 XUẤT SINH .....1047 VÔ VĂN .....1040 XUẤT THẢO .....1047 VÔ VĂN ĐẠO XÁN THIỀN SƯ NGỮ LỤC XUẤT THÂN .....1047 .....1040 XUẤT THÂN HOẠT LỘ .....1047 VÔ VI .....1040 XUẤT THẾ .....1047 VÔ VỊ CHÂN NHÂN .....1040 XUẤT THỦ .....1047 VÔ XUẤT KHOÁT .....1040 XUẤT TRẬN .....1048 VÔ Ý ĐẠO NHÂN .....1041 XUẤT TRIỀN .....1048 VÔ Ý TRÍ .....1041 XUẤT TỨC BẤT BẢO NHẬP TỨC VU TẨU

.....1041 .....1048 VŨ AM .....1041 XUẤT VẤN .....1048 VŨ LÂM LINH ẨN TỰ CHÍ ...1041 XUẤT VÔ MÔN NHẬP VÔ HỘ VŨ LÂM PHẠM CHÍ .....1041 .....1048 VŨ TIẾN THIÊN NINH TỰ CHÍ XUẤT XÁC NHẬP XÁC, NHƯ TÚC LỮ XÁ .....1041 .....1048 VỤ CHÂU THANH QUY .....1042 XÚC .....1048 VƯƠNG MAN TỬ .....1042 XÚC ĐỒ CUỒNG KIẾN .....1049 X .....1042 XÚC ĐỒ THÀNH TRỆ .....1049 XA .....1042 XÚC LỄ .....1049 XẢ ĐẦU MỊCH ĐẦU .....1042 XÚC MỤC BỒ ĐỀ .....1049 XẢ KỶ NGOẠI CẦU .....1042 XÚC MỤC THỊ ĐẠO .....1049 XẢ TỐ TÙNG TRUY .....1042 XÚC MỤC VÔ TRỆ .....1049 XÁC LẬU TỬ .....1043 XÚC PHÁCH .....1049 XANH NHÃN .....1043 XÚC SỰ .....1049 XẢO KIẾN .....1043 XÚC THẬP .....1050 XẢO TIỆN .....1043 XÚC TỴ DƯƠNG .....1050 XỈ LỤC .....1043 XÚC VẬT VÔ NGẠI .....1050 XÍCH CỐT LỰC .....1043 XÚC Y .....1050 XÍCH CƯỚC NHÂN SẤN THỐ, TRƯỚC NGOA XUNG HÚ (916-974) .....1050 NHÂN KHIẾT NHỤC XUY BỐ MAO .....1051 .....1044 XUY MAO KIẾM .....1051

MỤC LỤC TRA CỨU XUY VẠN THIỀN SƯ NGỮ LỤC .....1051 XUYÊN KHƯỚC TỶ KHỔNG .....1051 XUYÊN NHĨ HỒ TĂNG .....1051 XUYÊN QUÁ ĐỘC LÂU .....1051 XỨ SỞ LY PHÂN BIỆT .....1052 XỬ PHẦN .....1052 XỬ TỊCH (648-734) .....1052 XỬ VI (890-955) .....1053 XƯNG DƯƠNG .....1053 XƯNG DƯƠNG XƯNG TRỊNH .....1053 XƯNG ĐỀ .....1053 XỨNG .....1053 XƯƠNG CUỒNG .....1053 XƯƠNG DUNG .....1053 XƯƠNG ĐÀO (1815-1893) .....1053 XƯƠNG ĐẠO (1813-1903) .....1054 XƯƠNG LONG .....1054 XƯỚNG .....1054 XƯỚNG ĐẠO .....1054 XƯỚNG PHÁCH TƯƠNG TÙY .....1054 XƯỚNG Y (516) .....1054 Y .....1055 Y AM HỮU QUYỀN .....1055 Y BÁT HẠ .....1055 Y CHÂU .....1055 Y CHỈ SƯ

.....1055 Y PHÁP .....1055 Y SƠN (?-1213) .....1055 Y THẢO PHỤ MỘC .....1056 Y Ỷ .....1056 Ý CHỈ .....1056 Ý HỌC .....1056 Ý THỨC .....1057 Ý THƯỢNG SINH Ý .....1057 Ý TƯỞNG .....1057 Ỷ THIÊN TRƯỜNG KIẾM .....1057 YỂM HÓA .....1057 YỂM TỨC .....1057 YỂM TỴ THÂU HƯƠNG .....1057 YÊN TỬ SƠN .....1057 YÊN TỬ THIỀN PHÁI .....1058 YẾN HƯU .....1058 YẾN TỌA .....1058 YÊU THẠCH THUNG MỄ .....1058 YẾU CHỈ .....1059 YẾU DIỆU .....1059 YẾU THẢ .....1059

MỤC LỤC TRA CỨU

MỤC LỤC TRA CỨU

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*